

**TRUNG PHONG TAM THỜI
HỆ NIỆM PHÁP SỰ
TOÀN TẬP GIẢNG KÝ
Quyển Thượng**

**中峰三時繫念法事
全集講記
卷上
(越語譯本)**

**Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
淨空老法師講述
寶光寺弟子如和越譯**

DẪN NHẬP

Lần đầu tiên mặt nhân được biết đến Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm là vào năm 2001 trong kỳ Phật Thất mùa Đông tại Tịnh Tông Học Hội Dallas. Do không biết tiếng Quan Thoại nên chúng tôi không nghe ra các âm thanh tụng niệm để theo kịp khóa niệm; nhờ đó, chúng tôi có dịp thông thả đọc từng trang Tam Thời Hệ Niệm và nhận thấy đây là một tác phẩm vô cùng quý giá cho Tịnh nghiệp hành nhân.

Thoạt nhìn, dễ hiểu lầm đây chỉ là một thứ khóa tụng nhằm hồi hướng cho các vong linh sau khi Phật thất viên mãn. Thế nhưng, càng đọc kỹ, càng thấy mỗi một lời khai thị trong bản pháp sư khoa nghi này đúng là kim chỉ nam cho người tu Tịnh Độ. Càng đọc, chúng tôi càng nhận thấy tư tưởng của Trung Phong quốc sư qua những lời khai thị hoàn toàn nhất quán với tư tưởng của lịch đại tổ sư Tịnh tông. Đường như, trong các trước tác, ngài Ngẫu Ích chịu ảnh hưởng của ngài Trung Phong rất nhiều, nhưng do kiến văn thô lậu, hữu hạn, chúng tôi không dám đoan chắc điều này. So với tác phẩm Tịnh Độ Sám Nguyên của ngài Tuân Thúc, ý nghĩa, văn chương, khai thị, thứ tự tác pháp của Tam Thời Hệ Niệm đều vượt trội. Nhất là trong pháp sư này, đối tượng quy kính hoàn toàn chuyên nhất nơi Tây Phương Tam Thánh, không lẽ bãi quá nhiều danh hiệu thập phương chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn Tăng như trong Tịnh Độ Sám Nguyên, khiến tư tưởng “*nhất tâm chuyên niệm, hồi hướng phát nguyện vãng sanh*” của Tịnh tông càng được củng cố mạnh mẽ, người hành trì cũng dễ chú tâm hơn.

Đã từ lâu mặt nhân mang tâm nguyện phiên âm, chuyển ngữ pháp sư khoa nghi này, nhưng đành bó tay vì văn chương của ngài Trung Phong quá cô đọng, hầu như không cách nào gượng dịch được. May mắn sao! Mùa Thu năm nay (2004), chúng tôi tìm được bản Giảng Ký về khoa nghi pháp sư này của lão pháp sư Tịnh Không trên trang nhà Hoa Tạng Phật Giáo Đồ Thư Quán. Xin trân trọng diễn nôm, với tâm nguyện giúp cho những hành nhân Tịnh tông có thêm tài liệu làm kim chỉ nam hòng củng cố chí thú nhất tâm chuyên niệm, hồi hướng vãng sanh. Chúng tôi hoàn toàn tâm đắc lời Hòa Thượng Tịnh Không khai thị: Ngoài năm kinh một luận Tịnh Độ, mỗi hành nhân Tịnh Độ nên thường đọc đi đọc lại pháp sư này, tùy văn nhập quán để phần nào thể hội ý chỉ “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”; để từ đó, sự lý viên dung, sự sự vô ngại, niệm niệm chẳng rời A Di Đà Phật.

Dưới mỗi câu trong chánh văn trong pháp sư khoa nghi, chúng tôi

tạm dịch thành đôi dòng tiếng Việt để phô bày phần nào huyền nghĩa của chánh văn. Vì sức học quá hạn hẹp, thiếu hần văn tài, lời văn vụng về, thô kệch, què quặt, không thông suốt, chúng tôi không dám gọi đây là bản dịch, mà chỉ gọi là “bản chuyển ngữ”. Để người đọc tiện theo dõi, chúng tôi tự tiện đánh số chia khoa mục và đặt tiêu đề. Do nguyên cảo là một bản ghi chép trung thực lời Hòa Thượng giảng trong nhiều ngày, nên có những đoạn được Hòa Thượng nhắc đi nhắc lại đôi ba lần. Khi chuyển ngữ, chúng tôi vẫn giữ nguyên như thế, không tinh lược, ngõ hầu người đọc có thể tưởng tượng như đang trực tiếp tham dự pháp hội giảng kinh của Hòa Thượng.

Trong khi đang dịch nháp bài giảng này, chúng tôi thấy có những vị thiện tri thức khác cũng đang dịch băng giảng, nên chúng tôi đã bỏ dở, không làm nữa, nhưng rồi nuôi tiếc, nên đành chuyển ngữ tiếp cho đến khi hoàn thành cảo bản vào cuối năm 2005. Do nghĩ bản chuyển ngữ này là việc làm dư thừa, coi như một tài liệu chỉ dành riêng cho chính mình học hiểu Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư, chúng tôi giữ nguyên hình thức mộc mạc, trúc trắc của nó để đăng tải trên trang nhà Di Đà Nguyễn Hải (niemphat.net), vì nghĩ sẽ chẳng ai bận tâm đọc nó sau khi đã có băng giảng được lưu hành. Cho tới cuối năm 2010, trong một cuộc điện đàm, sư huynh Đức Phong đã có nhã ý muốn ấn hành bài giảng này để giúp cho những đồng tu cao tuổi, khó thể đọc lâu trên Internet, có thể thuận tiện tra cứu khi cần thiết, dễ dàng đánh dấu chương nào, phần nào cần thiết để đọc đi đọc lại từng phần lời giảng, suy ngẫm hòng thấu hiểu để thực hành hạnh “tùy văn nhập quán” như lão pháp sư Tịnh Không đã ân cần chỉ dạy. Vâng lời từ huấn của sư huynh Đức Phong, chúng tôi tu chỉnh, điều chỉnh cách chấm câu chưa hợp lý, ghi thêm chánh văn tiếng Hán, diễn nôm một số từ ngữ Hán Việt không phổ biến, cũng như nhuận sắc cho lời văn đỡ thô vụng, quê kệch hơn, cũng như sửa lỗi chánh tả. Dầu đã cố gắng hết sức, nhưng tài cùn, trí cạn, thiếu hần sự tu trì, kiến thức chấp vá, lơ mơ, chắc chắn sẽ có những sai sót không thể nào tha thứ được trong bản chuyển ngữ ngô nghê này, ngưỡng mong các liên hữu xa gần sẽ rộng lòng từ bi lân mẫn chỉ giáo, phủ chính.

Nếu việc làm liễu lĩnh này của chúng tôi có công đức nào thì xin hồi hướng công đức ấy lên bốn sư thượng Giải hạ Thắng, trụ trì chùa Bửu Quang quận 7, Sài Gòn, chư tổ sư hoàng truyền Tịnh tông Việt Nam và Trung Hoa, lịch đại tổ tiên, phụ mẫu, tông thân quyến thuộc, cũng như các liên hữu Vạn Từ, Minh Tiến, Huệ Trang, Đức Phong luôn

nâng đỡ, khuyến khích chúng tôi mỗi khi “chân chùn, gối mỏi, ngã lòng, lười nhác”. Nguyên do công đức này, tất cả Tịnh nghiệp hành nhân trong cõi Sa Bà này và mười phương thế giới đều cùng được viên thành chí nguyện, cùng hội ngộ nơi Tây Phương Cực Lạc; tất cả chúng sanh trong mười phương nghiệp đạo đều thoát chốn u đồ, đồng sanh Tịnh Độ.

Trọng Đông năm 2010, Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa kính bạch

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư Toàn Tập Giảng Ký, Quyển Thượng

中峰三時繫念法事全集講記卷上

淨空老法師主講

地點：澳門淨宗學會

寶光字弟子如和譯

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không

Giảng tại: Tịnh Tông Học Viện Úc Châu

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Tập 01

A. GIỚI THIỆU GIẢN LƯỢC VỀ TÁC GIẢ

Chư vị đồng học!

Trong giai đoạn này, hằng tháng những Tịnh tông liên hữu vào mỗi Chủ Nhật lại cử hành pháp sư **Tam Thời Hệ Niệm** một lần tại Tịnh Tông Học Viện của chúng ta, thực hiện rất hoan hỷ, nhưng có rất nhiều chỗ trong những lời khai thị của thiền sư Trung Phong họ chẳng hiểu rõ cho lắm. Lẽ đương nhiên, họ chẳng thể “*tùy văn nhập quán*”. Bởi thế, các đồng học đến tìm tôi, hy vọng tôi sẽ giảng nghi thức này một lượt. Tôi nhớ trong quá khứ đã từng giảng nghi thức này tại Tân Gia Ba, nhưng giảng rất đơn giản. Tôi cũng đọc tụng tập sách này mỗi ngày. Lời Thiền Sư khai thị giản dị, nhưng ý nghĩa sâu sắc, đúng như Phật pháp nói: “*Bất cứ một pháp nào cũng đều có thể giúp chúng ta thành Vô Thượng Đạo*”, bởi pháp nào cũng đều viên mãn; nhưng vấn đề là phải thông hiểu, mà thông hiểu chẳng phải là chuyện dễ. Quý vị đã yêu cầu, tôi cũng hoan hỷ. Chúng tôi lợi dụng thời gian này để chúng ta cùng học kỹ tập sách này.

Tựa đề [của tập sách này] là **Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư Toàn Tập**; trước hết, chúng tôi giới thiệu cùng quý vị hai chữ Trung Phong. Trung Phong là tên người. Thiền Sư pháp danh là thượng Minh hạ Bồn, Minh (明) là quang minh, Bồn là chữ bồn trong “*bồn mật*” (本末: gốc ngọn). Trung Phong là biệt hiệu của Ngài. Ngài là người

huyện Tiên Đường, Hàng Châu; đại khái là người ở Tiêu Sơn thuộc Hàng Châu. Tiêu Sơn nằm bên bờ sông Tiên Đường. Ngài sanh vào cuối thời nhà Tống, lớn lên dưới thời Nguyên, là người thuộc giai đoạn Tống mạt Nguyên sơ. Ở đây, chúng tôi cũng phải giới thiệu nhà Nguyên đơn giản như sau:

Ở Trung Quốc, từ cổ đến nay, người thống trị quốc gia là người Hán, Hán tộc. Trước kia, các dân tộc khác đều sống tại ngoại quốc, nay hòa nhập thành dân tộc Trung Hoa. Dân tộc Trung Hoa có năm mươi hay sáu mươi sắc dân bất đồng, nhưng Hán tộc lớn nhất, dân số đông nhất. Triều đại nhà Nguyên do người Mông Cổ kiến lập, Thanh triều do người Mãn Châu kiến lập, đều thuộc ngoại tộc. Khi chưa thống nhất thì gọi họ là “ngoại tộc”, thống nhất rồi, họ bèn hòa lẫn vào Trung Quốc thành một thể. Bởi thế, bản thân Trung Quốc là dân tộc đa nguyên văn hóa, giống như một cái lò luyện lớn, vừa có thể bao dung, vừa có thể đối xử hòa thuận với nhau, đối đãi bình đẳng. Đây chính là điều cổ thánh tiên hiền Trung Quốc răn dạy, là thành tựu của văn hóa Trung Hoa.

Lãnh tụ Mông Cổ thời ấy là Hốt Tất Liệt (Khubilai), là hậu duệ của Thành Cát Tư Hãn (Gengis Khan). Cuối đời vua Lý Tông triều Tống, vào năm Cảnh Định thứ nhất đời Tống Lý Tông - Cảnh Định là niên hiệu, tức là năm 1260 dương lịch, nói như vậy mọi người đều hiểu rõ; năm nay là năm 2003. Nhà Nguyên của Mông Cổ lập quốc vào năm 1260, nhằm vào năm Cảnh Định thứ nhất thời Tống Lý Tông; Hốt Tất Liệt trở thành Đại Hãn, tức vị (lên ngôi) tại Khai Bình. Khai Bình nằm tại cực Bắc Nhiệt Hà (Jehol), nay thuộc địa khu Mông Cổ, nằm ở phía chánh Bắc thành Bắc Kinh. Hốt Tất Liệt lấy niên hiệu là Trung Thống, sau đổi sang niên hiệu khác; ông ta tức là Thế Tổ Hoàng Đế nhà Nguyên, trong sử gọi là Nguyên Thế Tổ.

Tính từ năm đầu Dân Quốc, triều Nguyên có trước Dân Quốc 652 năm. Năm nay là năm Dân Quốc 92 (2003), quý vị phải biết thời đại này, đích xác là sáu trăm năm mươi hai năm cộng thêm chín mươi hai năm nữa, hơn bảy trăm năm! Thời đại nhà Nguyên cách nay đã hơn bảy trăm năm rồi. Chẳng bao lâu sau (thời gian các hoàng đế cuối đời Tống tại vị rất ngắn), vào niên hiệu Hàm Thuần thứ bảy đời Tống Độ Tông, tức là năm 1271, Mông Cổ lập quốc, đổi quốc hiệu là Nguyên, năm thứ nhất nhà Nguyên bắt đầu từ đó. Năm 1276, nhà Tống mất nước, cũng là năm Mông Cổ thống nhất toàn bộ Trung Quốc. Trung Quốc được thống nhất hoàn toàn vào năm 1277, đây chính là năm nhà Nguyên góp mặt vào lịch sử Trung Quốc. Niên hiệu của Nguyên Thế Tổ khi đó là năm Chí

Nguyên thứ mười bốn (1277). Nếu tính từ thời kỳ Dân Quốc, năm ấy cách thời Dân Quốc sáu trăm ba mươi lăm năm. Giới thiệu đơn giản lịch sử nhà Nguyên Mông Cổ cùng quý vị như thế đó.

Tiếp đến, chúng tôi xin giới thiệu người biên soạn Tam Thời Hệ Niệm: Thiền sư Trung Phong. Thiền sư Trung Phong sanh năm Quý Hợi, tức năm Cảnh Định thứ tư đời Tống Lý Tông. Năm Cảnh Định thứ tư chính là năm 1263 Tây lịch. Ngài sanh nhằm ngày mồng Hai tháng Mười Một năm 1263. Theo truyện ký, Ngài họ Tôn, mẫu thân họ Lý. Bà mẹ Ngài nằm mộng, mộng thấy “*Vô Môn Khai đạo giả, trì đặng lung chí kỳ gia, dục nhật toại sanh*”: Vị lão nhân Vô Môn Khai¹ tay cầm lồng đèn đi vào nhà bà, ngày hôm sau bèn sanh. Do đây biết rằng: Mẫu thân Ngài nằm mộng ngày mồng Một tháng Mười Một; ngày mồng Hai tháng Mười Một bà bèn sanh một bé trai, đứa bé trai ấy là thiền sư Trung Phong. Truyện ký ghi lại chuyện này, nay chúng ta có thể tin tưởng được. Vì sao vậy? Chúng ta nghe nói những chuyện như vậy rất nhiều, đúng là có chuyện như vậy.

Đứa bé ấy trở lại làm người, quyết định chẳng phải là người tầm thường; nó oai nghi đẹp đẽ chẳng giống mọi đứa bé khác. Vừa mới biết đi, đứa bé ấy bèn biết nói. Vừa mới biết đi, tức là [như truyện ký chép] “*tài ly cương bảo*” (vừa mới khỏi phải địu)², nó liền biết nói, vừa mới biết đi đã biết ngồi xếp bằng tịnh tọa. Vừa mới biết nói đã biết xưng phạm bái³. Chơi với mấy bạn nhỏ khác, nếu quan sát kỹ, trò chơi của chúng đều là Phật sự, giống như những việc thuộc pháp hội nhà Phật. Nó thích chơi những trò như vậy. Do đây, ta biết đời trước nó là người xuất gia, mang theo tập khí đời quá khứ. Căn bản là chẳng có ai dạy, dấu thời ấy Phật pháp rất thịnh hành, nhưng một đứa bé nhỏ xíu như thế không ai dạy, lại tự biết. Chẳng những đời trước nó là người xuất gia, mà còn chẳng phải là người xuất gia tầm thường; nếu là hạng tầm thường sẽ chẳng thể có thành tựu như thế.

Bốn tích nhân duyên của Ngài, chúng ta là phàm phu chẳng thể biết Ngài có phải là Phật, Bồ Tát ứng hóa hay không, rất khó nói được.

¹ Vô Môn Khai tức là ngài Vô Môn Huệ Khai (1183-1246), tác giả bộ sách Thiền nổi tiếng Vô Môn Quan.

² “*Cương bảo*” (襁褓), ta gọi là cái địu. Người Trung Hoa thường dùng vải dày may thành cái địu, có bốn sợi dây, buộc con còng sau lưng để người mẹ rảnh tay để làm lụng. “Vừa mới khỏi phải địu” tức là đứa bé đã tự đi lẫm chẫm được, không còn phải địu sau lưng nữa.

³ Phạm bái (梵唄): Các hình thức tán tụng kinh điển trong Phật giáo Trung Hoa.

Phần lớn cuộc đời Ngài trụ tại núi Thiên Mục. Có mấy vị đồng học đã đến núi Thiên Mục rồi. Đương nhiên Phật sự Hệ Niệm cử hành tại núi Thiên Mục, chúng tôi tin tưởng nhất định được thiền sư Trung Phong gia trì. Bất quá ở mọi nơi trên thế giới, nếu chúng ta quán tưởng núi Thiên Mục, quán tưởng thiền sư Trung Phong, thì thời gian lẫn không gian chẳng bị chướng ngại, đều có thể cảm ứng Tam Bảo, được oai thần của Phật, Bồ Tát gia trì.

Năm Ngài lên chín tuổi, mẹ mất; bởi thế, cũng có thể coi Ngài là một cô nhi. Năm mười lăm tuổi, Ngài có ý niệm xuất gia, nhưng cha vẫn còn sống. Thiền sư Trung Phong rất hiếu thuận, dầu có ý niệm xuất gia, nhưng cha không đồng ý, bèn chẳng thể tùy tiện xuất gia. Dù tại gia, nhưng trong nhà có Phật đường, Ngài ở nhà lễ Phật nhưng lại đốt tay, “*lễ Phật nhiên tý*” – “*nhiên tý*” (然臂) là đốt hương trên cánh tay, tại gia cư sĩ thọ Bồ Tát giới đều đốt hương trên cánh tay, người xuất gia đốt trên đầu – “*thệ trì ngũ giới*” (thề giữ ngũ giới). Mỗi ngày niệm kinh Pháp Hoa, kinh Viên Giác, kinh Kim Cang. Suốt mười mấy năm ngày đêm tinh tấn, tôi cũng chẳng nghỉ ngơi, “*dạ tắc thường hành*” (đêm thường đi kinh hành). Hễ mệt bèn động đầu vào cột để tự răn nhắc mình.

Chúng ta nghĩ thử xem, từ cổ đến nay, những người thực sự biết dừng mãnh tinh tấn chẳng nhiều. Chúng ta thấy thiền sư Trung Phong trước khi xuất gia, hành trì suốt mười mấy năm như thế, chẳng phải là thị hiện cho chúng ta thấy hay sao? Làm gương cho hàng hậu học lần đại chúng đương thời. Chúng tôi hay nói “*học vi nhân sư, hạnh vi thế phạm*” (học làm thầy người, hạnh làm khuôn mẫu cho đời), Ngài làm gương, nêu khuôn mẫu cho đại chúng. Người học Phật chân chánh phải giống như vậy. Nhà Ngài ở gần núi Linh Động, Ngài thường lên đánh núi tọa thiền. “*Phủ quan*” (đến tuổi đội mũ) – tức là năm hai mươi tuổi – “*duyet Truyền Đăng Lục*” (là một bộ ngữ lục của Thiền tông, một ngàn bảy trăm đoạn công án Thiền tông được chép trong sách này). Sách này rất dày, toàn là những câu chuyện về những sự tu hành, khai ngộ, chứng quả trong nhà Thiền.

Trong quá khứ đã từng có người viết thư, người này tham Thiền, [chuyện này có ghi trong] Ấn Quang Văn Sao thiên nào tôi không nhớ. Khi tôi mới học Phật, lúc còn chưa xuất gia, xem sách tại thảo am của pháp sư Sám Vân ở Phổ Lý, đọc Ấn Quang Văn Sao. Đây là công khóa đầu tiên pháp sư Sám Vân buộc tôi phải đọc. Tôi sống ở trên núi ấy năm tháng rưỡi, những sách tôi đọc là A Di Đà Kinh Sớ Sao, A Di Đà Kinh Viên Trung Sao, A Di Đà Kinh Yếu Giải. Pháp sư Sám Vân dạy tôi phải

nỗ lực đọc thật kỹ ba bộ sách ấy, đã thế lại còn phải lập đồ biểu phân khoa những cuốn sách ấy⁴. Ngoài ra là xem Ấn Quang Văn Sao.

Tôi nhớ có một người gởi thư cho Ấn Quang đại sư, nói một ngàn bảy trăm đoạn công án ấy, ông ta đều tham ngộ thấu triệt phần lớn, nhưng vẫn còn có mấy điều ông ta chưa hiểu. Ấn Quang đại sư viết thư trả lời rất khéo. Sư nói: *“Với một ngàn bảy trăm đoạn công án ấy, nếu hiểu rõ được một điều, ông sẽ hiểu toàn bộ; nếu còn một điều chưa hiểu rõ tức là ông chẳng hiểu toàn bộ”*. Vị nhân giả ấy sau khi nhận được thư của Ấn Quang đại sư, giống như bị nước lạnh xối vào đầu, tỉnh ngay, bèn buông bỏ chẳng tham Thiền nữa, thật thà niệm Phật. Quý vị phải biết, từ xưa, các tổ sư đại đức thường dạy chúng ta: *“Một ngộ, hết thấy ngộ”*. Vẫn còn một sự chưa ngộ thì cái gì quý vị cũng chẳng ngộ cả! Ngàn vạn phần chớ tự nghĩ mình khai ngộ, như thế đúng là làm đầy!

Tổ Ấn Quang gõ gậy ngay vào đầu, chẳng đánh thức riêng mình ông ta mà chúng ta đều phải đề cao cảnh giác. Chúng ta khai ngộ rồi chưa? Chớ hê! Khai ngộ thực sự, cổ đức đã nói rất rõ: *“Thông một kinh, hết thấy kinh đều thông”*. Chúng ta đã thông một kinh hay chưa? Nếu thông rồi, hết thấy kinh bày trước mặt chúng ta sẽ đều chẳng có chướng ngại chi, như vậy mới là thông! Hết thấy pháp thế gian bày trước mặt quý vị chẳng chướng ngại gì. Pháp thế gian, xuất thế gian hoàn toàn thông rồi, thế mới gọi là “đại triệt, đại ngộ”, mới là đại khai viên giải, chẳng dễ dàng đâu! Trước kia, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ rất cảm khái bảo tôi: *“Từ thời Mạt Pháp trở đi, tức là từ nay trở đi, chúng sanh không có khả năng”*; cho nên chúng tôi kết luận rằng: Chỉ có thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chỉ có con đường này là ổn thỏa, thích đáng nhất, đáng tin cậy nhất. Ngài Trung Phong là thiền sư, đích thật là bậc đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh trong Tông Môn. Quý vị xem đó, Ngài dạy chúng ta niệm Phật, tam thời hệ niệm.

Vào lúc ấy, có một vị xuất gia thấy Sư rất có thiên tư, vị xuất gia ấy hiệu là Minh Sơn. Nhìn vào danh hiệu ấy, chúng tôi cho rằng rất có thể Sư [Minh Sơn] là đồ đệ của hòa thượng Cao Phong, vì thuộc hàng chữ Minh. Minh Sơn đem ngài Trung Phong đến núi Thiên Mục ra mắt thầy, vị thầy ấy là thiền sư Cao Phong Diệu. Trong lịch sử Thiền tông, hòa thượng Cao Phong cũng rất nổi tiếng, Ngài là quốc sư đời Nguyên.

Môn giám của thiền sư Cao Phong rất cao, thực sự là một cao tăng

⁴ Tức là chia sách ra thành từng đoạn nhỏ, đặt tựa đề để nêu tóm gọn ý nghĩa cho mỗi phân đoạn, hệ thống những tác phẩm ấy.

hữu đạo (chúng tôi không nói “đắc đạo”, mà nói “hữu đạo” là điều hết thầy mọi người đều khẳng định), nhìn người rất giỏi. Vừa trông thấy chàng trai trẻ, Hòa Thượng đặc biệt hoan hỷ, đặc biệt hữu duyên, bèn ngay lập tức cho xuất gia. Trung Phong thiền sư thưa: “Cha con chẳng cho phép, con chẳng thể xuất gia”. Trong tâm Sư rất muốn xuất gia, nhưng cha vẫn còn, cha chẳng thuận cho xuất gia. Thiền sư Cao Phong bảo: “Người quay về khéo bàn bạc cùng cha, hy vọng cha người đồng ý cho người xuất gia”. Đó là chuyện lúc ngài hai mươi tuổi.

Sau khi gặp được thiền sư Cao Phong, Ngài bèn tiếp nhận sự chỉ dạy của ngài Cao Phong. Bởi vậy, thành tựu của một cá nhân dù là pháp thể gian hay xuất gia gian đều chẳng có ngoại lệ, thầy dạy rất quan trọng! Gặp được một vị thầy thực sự cao minh chỉ dạy, quý vị tiến bộ rất nhanh! Có một ngày, Ngài niệm kinh Kim Cang, niệm đến câu “*hà đẫm Như Lai*” (gánh vác Như Lai), niệm đến đó “*hoảng nhiên khai giải*”, thực sự là bỗng nhiên đại ngộ, đại ngộ chứ chưa triệt ngộ, nhưng có lợi cho Ngài rất nhiều. “*Do thị nội ngoại điển tịch, giai đạt kỳ nghĩa thú*” (Do vậy nội ngoại điển tịch⁵ đều nắm được ý nghĩa), đó là ngộ vậy. Nội điển là kinh Phật, ngoại điển là sách vở Nho Gia, Đạo Gia, bách gia chư tử; những kinh sách như vậy đều có thể thông đạt hết. Dầu ngài Trung Phong đã ngộ nhập cảnh giới, nhưng rất khiêm hư, chẳng nghĩ mình khai ngộ. “*Thời niên nhị thập hữu tứ*”, năm ấy Ngài hai mươi bốn tuổi, “*thật Chí Nguyên Bính Tuất tuế dã*” (đúng vào năm Bính Tuất niên hiệu Chí Nguyên), năm Bính Tuất trong niên hiệu Chí Nguyên là năm 1286 Tây lịch. “*Minh niên, tùng Cao Phong thế nhiệm ư Sư Tử Viện*” (Năm sau, bắt đầu xuất gia với Cao Phong tại Sư Tử Viện). Sư Tử Viện là tên đạo tràng, chúng ta biết Ngài xuất gia năm hai mươi bốn tuổi. Tụng kinh Kim Cang giác ngộ vào năm hai mươi bốn tuổi, nội ngoại điển tịch không còn gì chướng ngại nữa.

Trước kia, lão cư sĩ Lý Bình Nam dạy chúng tôi rằng “*nội ngoại điển tịch là pháp thế gian, xuất thế gian*”. Pháp xuất thế gian là kinh Phật, pháp thế gian là danh từ đương thời để chỉ các tác phẩm Nho, Đạo, bách gia chư tử của Trung Quốc. Ngài không gặp chướng ngại gì [khi đọc các điển tịch] năm hai mươi bốn tuổi, không phải là mê tín! Thực sự có học vấn. Năm sau xuất gia, lạy Cao Phong Diệu Thiền Sư làm thầy. Năm hai mươi sáu tuổi thọ giới. Năm hai mươi bảy tuổi, truyện ký có

⁵ Nội ngoại điển tịch: Sách vở trong nhà Phật gọi là “nội điển”, sách vở thế gian gọi là “ngoại tịch”.

đoạn ghi “*quán lưu tuyến hữu tỉnh*” (thấy suối chảy có tỉnh), “*tỉnh*” đây là giác ngộ. Phía Đông núi Thiên Mục rất nhiều suối, lại còn có thác. Ngài nhìn thác nước, nước chảy xiết bên giác ngộ, cầu thầy ấn chứng. Thiền sư Cao Phong Diệu là bậc thực sự khai ngộ, minh tâm kiến tánh, Ngài đến dẫn dụ, chỉ dạy, giúp đỡ học trò mình. Nói thật ra, ngài Trung Phong còn trong giai đoạn sắp ngộ, chưa ngộ, chúng ta biết khi ấy Sư hai mươi bảy tuổi.

Chính vào lúc ấy, “*dân gian ngoa truyền*” (ngoa truyền tức là chẳng phải thật, là đồn thổi, nay ta gọi “*ngoa truyền*” là đồn đại), đồn đại điều gì? “*Quan tuyển đồng nam nữ*” (Quan lại phải tuyển đồng nam, đồng nữ), tức là quan phủ phải tuyển bé trai, bé gái. Việc ấy chẳng thật, chỉ là lời đồn. Trung Phong bèn đến hỏi thầy, Ngài nói: “*Hốt hữu nhân lai vấn hòa thượng, thảo đồng nam nữ thời, như hà*” (Nếu như chợt có người đến hỏi Hòa Thượng đòi đồng nam, đồng nữ, thì sao?): Thừa thầy, bên ngoài họ đồn có người đến hỏi thầy bắt đồng nam đồng nữ, thì thầy làm sao? Cao Phong Diệu Thiền Sư bèn nói: “*Ta đưa cho người ấy một cái trúc ty*”. Tôi từng thấy cái trúc ty (竹篴), hiện thời rất hiếm thấy. Nó là cái lược chải đầu bằng trúc, nhưng răng dày hơn lược thường, răng rất khít, trước kia dùng để gỡ đầu (người Việt gọi là “lược bí”). Vào thời Dân Quốc kháng chiến, nó rất phổ biến tại nông thôn và những thành phố nhỏ, bây giờ không thấy nữa. Hiện thời, phần lớn lược làm bằng chất nhựa hóa học đúc, không thấy loại trúc ty ấy nữa. Nó là vật dụng dùng để chải gỡ nam nữ đều dùng, đàn bà dùng nhiều nhất.

Sư nói: Nếu có ai đến hỏi tôi đòi đồng nam, đồng nữ, tôi bèn cho nó [cái trúc ty] như vậy đó! “*Sư ngôn hạ đồng nhiên*” (Sư nghe nói xong, bèn rỗng rang): Trung Phong thiền sư nghe câu nói ấy, bèn bồng nhiên đại ngộ, “*triệt pháp nguyên đễ*” (thấu triệt nguồn đáy pháp). Đó là đại triệt, đại ngộ. Bây giờ chúng ta đọc đến đoạn này có ngộ chút nào không? Đừng nói là đại ngộ, ngay đến tiểu ngộ cũng không có, giống như câu hỏi không được đáp, đây chính là phương tiện thiện xảo dạy dỗ của thầy, người khác nghe chẳng hiểu; có thể nói là “*chạm đúng Thiền cơ, đã thông huyết đạo*”. Câu “*thấu triệt nguồn đáy pháp*” này rất phi thường. Từ đây, ta biết Sư khai ngộ năm hai mươi bảy tuổi, khai ngộ rồi không ai biết, chỉ có thầy Ngài biết, người khác không biết. Bởi thế, “*lục trăm chúng trung, nhân vô sở tri*” (chìm khuất trong chúng, không ai biết). Mọi người cùng chấp tác trong đạo tràng ấy không ai biết Ngài đã khai ngộ.

Tiếp đây, khi đó “*Cao Phong thư chân tán phó Sư*” (Cao Phong

viết bài tán trao cho Sư): Thiền sư Cao Phong là thầy Ngài, viết cho Trung Phong mấy câu. Bốn câu ấy cũng thuộc Thiền cơ, nay chúng ta đọc cũng chẳng hiểu. Ngài nói: “*Ngã tướng bất tư nghị, Phật tổ mạc năng thị, độc hứa bất tiêu nhi, kiến đắc bán biên ty*” (tạm dịch: “*Ngã tướng chẳng nghĩ bàn, Phật, tổ chó coi thường, riêng cho đũa con tẻ, được thấy nửa bên mũi*”). Đây là lời thầy Ngài viết, khen ngợi chỗ ngộ của Ngài, Ngài ngộ gì chúng ta không biết. Chúng tôi đọc bốn câu kệ này của sư Cao Phong, chúng tôi cũng không cách gì hiểu được. Đúng là rốt cuộc quý vị ngộ nhưng vẫn chẳng ngộ. Nếu lúc ngộ thì sẽ hiểu từng câu, từng chữ rành rẽ, nói với người chưa ngộ cũng vô dụng. Bài kệ trên hoàn toàn giống với một ngàn bảy trăm đoạn công án. Sau này có những người tham học đến thỉnh giáo ngài Cao Phong, Cao Phong thiền sư bảo bọn họ: “Các ông có câu hỏi gì cứ đi hỏi ông. Ông ta pháp hiệu là Minh Bồn. Các ông qua mà hỏi ông”. Cứ như thế, dần dần mọi người biết Trung Phong thiền sư thực sự có năng lực chỉ dạy đại chúng.

Chúng ta biết chắc chắn Sư mới hai mươi bảy tuổi, tuổi tác chẳng lớn lắm. Đương thời có vị xuất gia, “*Hoài tăng Tử Chứng*”, Hoài (淮) là tên đất, Tăng là người xuất gia, Tử Chứng là pháp hiệu, “*thường vấn Cao Phong chư đệ tử ưu liệt*” (thường hỏi Cao Phong về các đệ tử giỏi hay dở). Đại khái, chúng tôi cho rằng vị này là người ngang vai vế với ngài thiền sư Cao Phong Diệu. Có một lần, vị này hỏi Hòa Thượng: “Trong đám đệ tử ông có ai ưu tú, thực sự khế nhập cảnh giới, có kiến địa chăng?” Ngài Cao Phong nói: “*Nhược sơ viện chủ đẳng*” (trước hết kể từ hàng viện chủ), ý nói toàn bộ đại chúng trong chùa, “*nhất bán tri giải, bất đạo toàn vô*” (kể biết một phần, hiểu một nửa, chẳng thể nói là hoàn toàn không có ai), số người biết một phần hiểu một nửa khá nhiều, Sư nêu tên mấy vị, rồi mới nhắc đến Minh Bồn, “*duy Bồn Duy Na*” (chỉ có thầy Duy Na Minh Bồn), đại khái khi ấy, ngài Trung Phong giữ chức Duy Na trong chùa, [nên gọi là] thầy Duy Na Minh Bồn.

Sư giữ chức Duy Na rất hợp lý, vì chúng ta thấy trong phần trước của truyện ký có kể Sư vừa biết đi bèn biết nói, biết xưng phạm bá. Chúng tôi cho rằng đời trước Sư rất thông thạo phạm bá, nhất định xưng rất hay; bởi thế, nhà chùa thỉnh Sư giữ chức Duy Na. Thầy Duy Na Bồn, Bồn tức là Minh Bồn, “*can thượng lâm tân hoàng*” (là bụi trúc mới nổi giữa rừng tre), dùng cách ví von này rất hay! Vì núi Thiên Mục khắp nơi đều là trúc. Tôi từng đến chỗ ấy, e rằng hơn một trăm dặm, hai trăm dặm toàn là trúc. “*Tha nhật thành tài vị dị lượng dã*” (Ngày sau thành tài chẳng dễ lường nổi): Người ấy tiền đồ tương lai vô lượng! Đặc

biệt tán thán Sư; trong tất cả đệ tử, Sư được thầy đặc biệt coi trọng.

Đến đời Nguyên Thành Tông, tức là hoàng đế thứ hai của nhà Nguyên, là con của Hốt Tất Liệt, tên là Thiết Mộc Nhĩ (Temur). Ông ta làm hoàng đế, đặt niên hiệu là Nguyên Trinh, tức vị vào năm Nguyên Trinh nguyên niên, tức năm 1295. Tháng Mười Một năm ấy, thầy của Ngài viên tịch. [Truyện ký chép] “*tương thiên hóa*” nghĩa là viên tịch; “*dĩ Đại Giác chúc Sư*” (đem Đại Giác phó chúc cho Sư). Đại Giác là tên chùa, đem đạo tràng ủy thác cho Trung Phong thiền sư, “*Sư từ, thôi đệ nhất tọa Tổ Ung chủ chi*” (Sư thoái thác, cử vị thượng tọa đứng đầu là Tổ Ung làm chủ [chùa ấy]); Ngài thoái nhượng, chẳng làm trụ trì. Đến niên hiệu Đại Đức (1297), Sư đi tham học khắp cả một vùng từ Kim Lăng (Nam Kinh) tới An Huy. Năm Mậu Tuất (1298), Sư trụ tại thảo am ở Lô Châu. Trong thời gian đó, nếu nói như bây giờ là tiếng tăm của Sư ngày càng cao. Do trí huệ, đạo đức, biện tài, tài giáo hóa chúng sanh của Sư, người đến tìm Sư cầu đạo ngày càng đông.

Thiền Sư thích thanh tịnh, thích tấn tu. Xem trong hành trạng một đời Ngài, thời gian Ngài trụ tại một địa phương nào chẳng lâu, đều là tham học các nơi, ở trong thảo am, cuộc sống rất đơn giản, rất thô phác, quý vị có thể đọc trong sách ghi về hành trạng của Ngài. Năm Quý Sửu (1313), trong năm ấy có nhân duyên. Chúng ta biết lúc lão nhân gia trụ thế, nhằm lúc người Mông Cổ làm chủ Trung Quốc; những nhân vật làm quan to, giữ chức vị trọng yếu, hiển hách đều là người Mông Cổ. Từ hoàng đế đến các quan đứng đầu địa phương hết sức tôn kính Sư. Nếu chẳng phải là bậc đạo đức chân chánh dễ gì được.

A! Bây giờ đã hết thời gian rồi.

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta tiếp tục xem hành trạng một đời của ngài Trung Phong Thiền Sư. Ngài sanh vào cuối đời Tống, Sư sống qua năm đời hoàng đế triều Nguyên. Đầu tiên là Hốt Tất Liệt, tức Nguyên Thế Tổ. Thứ hai là Thành Tông Thiết Mộc Nhĩ, thứ ba là Vũ Tông, thứ tư là Nhân Tông, thứ năm là Anh Tông, sống suốt năm đời hoàng đế.

Năm 1313, nhằm thời đại Nguyên Nhân Tông, là đời hoàng đế thứ tư của nhà Nguyên. Năm ấy, Thừa Tướng lễ thỉnh pháp sư đến tư dinh, ta thường gọi là Tướng Phủ, khẩn khoản thỉnh thiền sư Trung Phong trụ trì Linh Ân Thiền Tự. Ngôi chùa này rất nổi tiếng tại Hàng Châu. Quý vị

đều biết đời Tống có một vị hòa thượng rất lừng danh là trưởng lão Tế Công, Tế Công trưởng lão trụ tại chùa Linh Ẩn. Nơi đây còn giữ rất nhiều di tích về Ngài, có thể nói là đạo tràng bậc nhất của Hàng Châu. Thừa Tướng khẩn khoản thỉnh Sư về làm trụ trì. Thiền sư Trung Phong từ tạ. Trong Tướng Phủ có một sổ quan lớn hiện diện, lại lễ thỉnh, mọi người đều thỉnh, tợ hồ đương thời không có ai có đạo đức, được mọi người ngưỡng vọng hơn Ngài cả!

Họ lại thỉnh cầu Ngài thuận theo nguyện vọng của đại chúng, mong Ngài sẽ làm trụ trì, nhằm khôi phục lại đạo tràng này, xin Ngài đừng thoái thác. Lão nhân gia bèn nói một câu hết sức quan trọng. Ngài nói: *“Phù trụ trì giả, tu cụ tam chủng lực, thứ bất bại sự”* (phàm trụ trì thì cần phải có đủ ba lực, mới khỏi hỏng việc). Nói như bây giờ, làm trụ trì phải có ba điều kiện thì quý vị mới trở thành vị trụ trì giỏi, hộ trì chánh pháp, giáo hóa chúng sanh. Ba điều kiện gì vậy? Thứ nhất là đạo lực, thứ hai là duyên lực, thứ ba là trí lực. Ba điều kiện ấy rất trọng yếu. *“Đạo là Thể, Duyên và Trí là Dụng”*. Phải thực sự có Đạo! Thế nào là Đạo? Minh tâm kiến tánh là Đạo. Nói thật ra, lão nhân gia thực sự có đạo, ba điều kiện đều hội đủ, vì sao Ngài lại phải làm như vậy? Nhằm giáo hóa đệ tử đời sau. Ở đây, Ngài diễn tuồng, biểu diễn, khiêm hư nói mình thiếu đạo, chẳng có trí, chẳng thể nói là không duyên. Pháp duyên của Ngài rất thanh.

Đạo là Thể, đạo là gì? Trong các chú sớ khác đã giảng rất nhiều. Đạo là thực sự thông đạt, hiểu rõ Thật Tướng của các pháp. Trong thế gian này, bất cứ hoàn cảnh nào, thuận cảnh, nghịch cảnh, thuận duyên, ác duyên, thực sự chẳng nhiễm mảy trần. Kinh Kim Cang nói: *“Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng... Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh”* (Phàm những gì có tướng đều là hư vọng... Hết thảy pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt, bóng), toàn là nói về sự thật. Chẳng những pháp thế gian chẳng nhiễm trước, mà Phật pháp cũng chẳng nhiễm trước, đây là chân chánh hữu đạo! Như trong kinh luận thường hay nói *“tùy duyên nhưng chẳng phan duyên”*, tùy duyên nhưng chẳng chấp vào tướng tùy duyên. Đây là điều kiện đầu tiên. Nếu vẫn còn có một mảy vọng tưởng, chấp trước chưa thể buông xuống thì sẽ không được! Làm sao anh có thể lãnh chúng? Tự mình vẫn chưa có thành tựu thì dẫn mọi người đi về đâu đây? Chẳng cang đáng nổi địa vị ấy, trách nhiệm rất nặng!

Duyên, quan trọng nhất là pháp duyên và nhân duyên. Pháp duyên và nhân duyên tốt, làm việc dễ dàng, có người giúp đỡ, ít nhọc lòng. Nói

như bây giờ là nhân lực, tài lực, vật lực thấy đều là duyên. Quý vị trụ trì một đạo tràng lớn nào, trong đạo tràng có nhiều người cùng tu một chỗ, nếu nhân lực, vật lực, tài lực khó khăn, tu hành ắt gặp chướng ngại. Nhà Phật thường nói: “*Pháp luân vị chuyển, thực luân tiên*” (bánh xe pháp chưa chuyển, bánh xe ăn đã lăn trước). Nếu quý vị ăn chẳng no, tu đạo rất nhọc nhằn. Cuộc sống khổ sở một chút không quan trọng lắm, nói chung, cốt sao ăn no, mặc ấm. Áo cũ rách một chút cũng không sao, miễn sao chống được lạnh. Trà thô, cơm nhạt, miễn sao no dạ, tâm yên, đạo thanh. Thân tâm bất an chắc chắn tu hành có trở ngại, nhất là khi tiếp dẫn kẻ sơ cơ, duyên rất trọng yếu. Xử sự, tiếp người, đãi vật phải có trí huệ; không có trí huệ sẽ chẳng thể viên dung.

Quý vị thấy lão nhân gia nói làm trụ trì phải có đủ ba điều kiện như thế, trọng yếu nhất là đạo. Đạo là Thể, duyên và trí là Dụng. “*Hữu kỳ Thể, nhi khuyết kỳ Dụng, thượng khả vi chi*” (Có Thể mà thiếu Dụng thì vẫn có thể làm được): Có đạo, nhưng duyên và trí chẳng đủ thì vẫn ổn. Khuyết điểm là “*hóa quyền bất châu, sự nghi bất bị*” (quyền giáo hóa chẳng trọn, sự nghi chẳng đủ), giáo hóa chúng sanh chẳng viên mãn lắm, chẳng thành công lắm, trật tự lo liệu mọi việc chẳng hoàn bị. Vì sao vậy? Do chẳng đủ trí, thường hay bị sơ sót, vẫn cứ phải cho qua, làm miễn cưỡng! “*Sử đạo thể ký khuyết, tiện vô dị vô toán, tuy duyên dữ trí, diệc hê vi tai*” (Nếu đạo thể đã khuyết, thì chẳng khác gì không đáng kể đến nữa. Dù có duyên và trí cũng chẳng làm gì được!). Đây là lời cảm thán, nếu đạo thể chẳng có, chưa kiến đạo, chưa ngộ đạo thì cũng chẳng đáng tính đến. Chữ “*toán*” trong câu “*vô dị vô toán*” (chẳng khác gì không đáng tính đến) là tính toán. Dù có chút duyên và trí, vẫn là vô dụng, chẳng cách nào bổ cứu được!

Nói cách khác, hoằng pháp lợi sanh, nối tiếp huệ mạng Phật, việc ấy anh làm chẳng được. Nếu “*Thể, Dụng tịnh khuyết, nhi mao yên cư chi, viết nhân, viết quả*” (Thể, Dụng cùng khuyết, cứ mao muội nhận lãnh, nói nhân, nói quả): Đây là trách nhiệm phải gánh lấy nhân quả. Quý vị có sợ nhân quả hay không? Chẳng có Thể cũng chẳng có Dụng, duyên chẳng đủ, duyên chẳng đủ sẽ thành gì? Thành ra phan duyên! Ngày ngày ở trong nhà vắt óc, tà tri, tà kiến, nghĩ mọi phương pháp phan duyên, thật là làm lạc quá sức, khởi tâm động niệm không gì chẳng phải tội!

Pháp duyên do đời trước, đời này kết thành, tự nhiên xảy đến. Nếu khởi tâm động niệm toan đi ra ngoài hóa duyên (kêu gọi quyên góp) là làm mất rồi, chẳng có đạo gì cả! Chúng ta hãy lắng lòng quan sát tổ sư

đại đức Trung Quốc trong các đời, các Ngài kiến lập đạo tràng giáo hóa chúng sanh, duyên đều tự động đưa đến, đã vậy, còn sao nữa? [Các Ngài] có muốn cự tuyệt cũng cự chẳng được. Người ta thành tâm thành ý đến chỗ Ngài tu bố thí cúng dường, họ đến tu phước, tuyệt đối chẳng cần chèo kéo họ. Đối với danh vọng, hễ thật tu bèn được tiếng, chẳng phải như trong hiện tại, dùng đủ mọi phương pháp để được nổi danh, chẳng phải vậy! Người tu đạo phải làm như thế nào? Nhất định chẳng được phan duyên. Hoàng đế triệu kiến thiền sư Trung Phong mấy lượt, Ngài chẳng đến châu!

Rốt cuộc, Thiền Sư vẫn từ khước trụ trì chùa Linh Ẩn. Lời Ngài vừa nói đó đáng để cho chúng ta ngày nay phản tỉnh. Nếu chính chúng ta kiến lập một đạo tràng, quý vị phải dùng tiêu chuẩn của Ngài để cân nhắc: Rốt cuộc, đối với Phật pháp, đối với xã hội, đối với chúng sanh, chúng ta có công hay có tội vậy?

Đời Nguyên Nhân Tông, tức đời hoàng đế thứ tư, năm Mậu Ngọ, tức năm 1318, tháng Chín năm ấy, Nhân Tông hoàng đế phán cùng các đại thần thân cận: Ta từng nghe đến đạo hạnh của hòa thượng Trung Phong núi Thiên Mục, đã nghe tiếng từ lâu, “*lũy dục chiêu nhi lai*” (nhiều lượt muốn xuống chiếu vời đến), “*lũy*” (累) là nhiều lần, chẳng phải chỉ một lần. Nhiều lần nghĩ xuống chiếu buộc Sư tiến kinh. Các đại thần đều nói Sư không khỏe, “*liêu mỗi vị kỳ hữu tật*” (thường viện có bị bệnh), thân thể không khỏe, không cách nào phụng chiếu được.

Quý vị xem đây, nếu người khác gặp như vậy, há còn phải đợi hoàng đế hạ chi? Nghĩ đủ cách để gặp mặt hoàng đế! Sư chẳng cần làm vậy, hoàng đế càng thêm tôn trọng đức hạnh của Sư. “*Từ hiệu*” (ban hiệu), tức là phong hiệu, “*Phật Từ Viên Chiếu Quảng Huệ thiền sư*”. Bởi vậy nay chúng ta thấy trên tựa đề sách có ghi: “*Nguyên cố Thiên Mục Sơn Phật Từ Viên Chiếu Quảng Huệ thiền sư Trung Phong hòa thượng*”, đó là hiệu do hoàng đế phong. Lại ban tặng Sư ca-sa, lễ vật; đã phong hiệu, lại còn ban một phần lễ vật, đặc biệt ra lệnh cho Hàng Châu Lộ (theo chế độ nhà Nguyên, gọi là Lộ, đến đời Minh và Thanh, đổi thành Tỉnh. Theo chế độ nhà Nguyên, khu vực hành chính địa phương đều gọi là Lộ. Ở đây, Lộ người đứng đầu địa phương, tương đương với tỉnh trưởng bây giờ. Ở châu Úc chúng ta là châu trưởng - governor). Hoàng đế chỉ thị “*ưu lễ ngoại hộ*”, tức là sai quan viên địa phương hộ pháp, để thiền sư an tâm tu đạo trên núi.

Chuyện về Ngài rất nhiều, được khắp trong triều, ngoài nội tôn kính, ngưỡng mộ, đến thỉnh giáo, đến cầu học. Câu nào ghi trong truyện

ký cũng là lời chân thật, Sư được đề vương, đại thần thuở ấy biết đến, chẳng ai sánh bằng. [Truyện ký] chép đại sư thường dạy dỗ người đến học, dạy hàng hậu học “*chỉ thượng thông ngôn, bất cầu thật ngộ*” (chỉ cốt sao nói cho lưu loát, chẳng cầu thực sự chứng ngộ) là chuyện thật. Căn bệnh này hiện tại rất phổ biến. Sư sống cách chúng ta hơn bảy trăm năm; bảy trăm năm trước Phật pháp đã suy rồi, người thực sự tu hành chẳng nhiều. Bởi thế, lão nhân gia hết sức cảm khái, nói bất luận tại gia hay xuất gia, học để làm gì? Học một chút lời lẽ thông đạt Phật pháp, thông cái gì? Thông thạo ngôn từ. Quý vị nghe cho nhiều, học cho nhiều, quý vị giảng được, chẳng cần phải thực sự chứng ngộ.

“*Thường viết kim nhật chi tham thiền bất linh nghiệm giả*” (Sư thường nói: “Nay kẻ tham Thiền chẳng linh nghiệm”), trong thời đó, người tham Thiền khi ấy đã chẳng linh. Vì sao chẳng linh? Ngài nói có ba điều, thứ nhất là “*vô cổ nhân chân thật chí khí*” (không có chí khí chân thật như cổ nhân). Trong thời thiền sư Trung Phong, người học Phật rất nhiều, nhưng không thực sự giống như cổ nhân. Cổ nhân thực sự tu tập, nhưng bất luận người tại gia hay xuất gia trong thời của thiền sư Trung Phong, nếu đem so với chúng ta hiện thời, họ còn cao minh hơn chúng ta nhiều lắm. Ta làm sao so sánh với họ được? Từ đây thấy rõ: Đúng là cứ mỗi một đời lại kém hơn đời trước. Lão tổ tông của chúng ta là Thích Ca Mâu Ni Phật, chúng ta học Phật nhất định phải mong bằng được Thích Ca Mâu Ni Phật. “*Thủ pháp hồ thượng, cần đắc hồ trung*” (Cầu lấy pháp bậc thượng, chỉ đạt được bậc trung), quý vị mới có chút thành tựu. Nếu quý vị “*thủ pháp hồ hạ*” (giữ pháp thấp thỏi), làm sao thành tựu được? Nay lão nhân gia nói vấn đề thứ nhất là “*chí khí chân thật*”, quý vị đang tu thật hay tu giả? Đây là mấu chốt để được linh nghiệm hay không linh nghiệm, thành tựu hay không thành tựu!

Thứ hai, “*chẳng coi sanh tử vô thường là một đại sự*”. Thật vậy, ngày nay học Phật, có ai vì sanh tử vô thường mà tu hành cơ chứ? Cổ nhân thực sự vì điều đó. Xuất gia tu đạo vì lẽ gì? Vì đại sự sanh tử vô thường. Người hiện thời quên sạch sự kiện này, [điều này] thật đáng khiến cho chúng ta phản tỉnh sâu xa. Nếu mục đích học Phật của chúng ta là muốn danh văn, lợi dưỡng, nhắm vào ngũ dục, lục trần, thì đúng là như cổ nhân đã nói: “*Kim sanh bất liễu đạo, phi mao, đới giắc hoàn*” (Đời này chẳng liễu đạo, mang lông, đội sừng đèn). Sẽ mang lông đội sừng đèn vào đời sau ư? Không phải vậy! Đời sau là tam đồ địa ngục. Chịu tội địa ngục mãi rồi mới mang lông, đội sừng. Nếu quý vị hỏi có tội gì ư? Phá hoại hình ảnh Phật giáo, đó là đại tội! Nói như kiểu buồn

bán trong thế gian, quý vị giương chiêu bài để làm bậy, quý vị khiến cho xã hội mất lòng tin nơi Phật pháp!

Trong quá khứ, chúng tôi đã từng giảng một phần kinh Đại Bảo Tích, tức là kinh Phát Khởi Bồ Tát Thủ Thắng Chí Nhạo, còn gọi là kinh Di Lặc Sở Vấn. Tôi nhớ đã giảng cả ba lượt, từng giảng một lần tại Hoa Tạng Đồ Thư Quán ở Đài Bắc. Bại hoại hình ảnh Phật giáo, chương ngại chánh pháp, quý vị thấy quả báo nói trong kinh chẳng phải là giả đâu, chẳng phải là dọa dẫm người đời, mà là sự thật đấy! Nhưng hiện thời lắm kẻ lớn mật làm càn, chẳng biết nhân quả đáng sợ, cứ bịa chuyện, đặt chuyện, rớt cuộc còn lại cái tâm gì? Giáo dục của thánh hiền và Phật, Bồ Tát chỉ là từ bi. Nhà Phật thường nói: *“Từ bi vi bốn, phương tiện vi môn”* (Từ bi làm gốc, phương tiện là cửa).

Trưa hôm qua, tôi và hiệu trưởng và phó hiệu trưởng trường Đại Học khoa học Côn Sĩ Lan (Queensland) cùng dùng cơm, bàn luận: Môn giáo dục quan trọng nhất đối với hiện thời là giáo dục luân lý và đạo đức. Giáo dục luân lý đạo đức là gì? Dạy con người biết yêu con người, biết yêu hoàn cảnh, biết yêu hết thầy chúng sanh; nền giáo dục của thánh nhân là nền giáo dục yêu thương. Chính mình phải biết hy sinh, dâng hiến, vì hết thầy chúng sanh, vì xã hội phục vụ. Đây là điều thiếu sót nhất trong nền giáo dục hiện tại, chúng ta phải nỗ lực đi theo phương hướng ấy. Các ông hiệu trưởng và phó hiệu trưởng đều rất tán đồng, họ mời chúng tôi đến trường tham quan. Trường họ có hơn ba vạn sinh viên. Người học Phật và không học Phật chẳng biết liễu sanh tử, xuất tam giới. Người học Phật phải lấy việc này làm việc lớn nhất, cả một đời chúng ta chỉ vì việc này.

Điều thứ ba là: *“Vứt bỏ những thói quen, những điều mình quen thói coi trọng từ bao kiếp đến nay chưa được”*. Câu này chúng tôi diễn tả cách khác cho mọi người dễ hiểu: Từ vô thủy kiếp đến nay, những tập khí bất thiện quý vị chưa buông xuống được!

Đây chính là ba nguyên nhân khiến cho quý vị tham Thiền chẳng linh nghiệm, niệm Phật chẳng thể đạt Nhất Tâm, tu bất cứ pháp môn nào cũng chẳng thể thành tựu. Tiếp đó, Sư lại nói: *“Hựu bất cự cửu viễn bất thoái chuyển thân tâm”* (Lại chẳng đủ thân tâm bất thoái chuyển lâu dài). “Cự” (具) là trọn đủ. Quý vị chẳng đầy đủ, chẳng có! Chẳng có điều gì? Chẳng có tâm dài lâu, chẳng có tâm bất thoái chuyển. Tâm bất thoái chuyển dài lâu ấy là tâm dũng mãnh, tinh tấn, quý vị không có, bởi thế chẳng thể thành tựu. Căn bệnh là đây.

Tiếp đó, Sư lại nói, nói rất hay! *“Tất cánh bệnh tại ư hà, kỳ thật*

bất thức sanh tử căn bản cố” (Rốt cuộc là bệnh ở đâu, thật ra là do chẳng biết cội rễ sanh tử vậy). Đúng là thiền sư nói một lời vạch trần hết cả; quý vị chẳng hiểu rõ cội rễ sanh tử, nên từ trước đến nay quý vị chưa từng nỗ lực thực sự học tập. Cội rễ sanh tử là gì? Trong những lời khai thị nơi tác phẩm Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự của lão nhân gia có nói; trong phần khai thị của thiền thứ nhất, Sư giảng rất rõ ràng, trong truyện ký cũng có nói. Chúng tôi đem đoạn văn đó đối chiếu phần khai thị trong Hệ Niệm Pháp Sự, thấy đúng là khẩu khí của lão nhân gia, những khai thị ấy do chính Ngài soạn, chứ không phải do người khác viết.

Chúng ta cũng nên đọc qua một lượt đoạn văn ấy: *“Phù căn bản giả, tánh chân viên minh, bốn vô sanh diệt vắng lai chi tướng”* (Căn bản ấy chính là tánh thực sự viên minh, vốn chẳng có tướng sanh diệt, qua lại), nói thật ra, chẳng dễ hiểu cho lắm. Đây là cảnh giới của Pháp Thân Bồ Tát, minh tâm kiến tánh là Pháp Thân Bồ Tát, chẳng phải là cảnh giới của người tầm thường. Thế nào là căn bản? Căn bản là tâm tánh, minh tâm kiến tánh là căn bản, tánh thực sự viên minh, vốn không sanh diệt. Cái tướng sanh diệt đến đi ấy chẳng hề có! Bất sanh bất diệt, chẳng đến chẳng đi. Đến, đi (khứ, lai) là quá khứ, vị lai; chẳng những không có thời gian, mà cũng chẳng có không gian. Hiện thời, khoa học mới chậm chạp phát hiện điều này, cư sĩ Chung Mậu Lâm từng diễn giảng tại đây cho chúng ta nghe rồi, các vị đồng học đều đã nghe những gì khoa học phát hiện rồi đó.

“Lương do bất giác, miết khởi vọng tâm, mê thất bốn nguyên, hư thọ luân chuyển” (Do vì bất giác, thoát khởi vọng tâm, mê mất cội nguồn, luống chịu luân hồi), đây là lời giảng vì sao phạm phu cứ luân lạc mãi cho đến nay như thế. Nhất niệm bất giác sanh khởi vô minh. Vọng tâm là vô minh, mê mất cội nguồn (tức bốn tánh), mê mất bốn tánh, hóa thành luân hồi lục đạo, tự làm tự chịu. Bởi vậy, nói *“mê chi tắc sanh tử thi”* (mê thì sanh tử bắt đầu). Sanh tử bắt đầu tức là có sanh tử; ngộ thì luân hồi bèn dứt. Chân tướng của sanh tử luân hồi nói gọn trong một câu: *“Cái căn hồ mê, nhi bốn hồ vọng dã”* (Là do mê căn mà làm bản; hoặc: Do mê căn nên bản biến thành vọng). Về cơ bản, mê nơi căn, do mê nơi căn bản khiến tâm tánh biến thành vọng thức.

Kể đó là mấy câu cũng rất quan trọng: *“Đương tri sơn, hà, đại địa, minh, ám, Sắc, Không, Ngũ Âm, Tứ Đại, chí ư động, bất động pháp, giai thị sanh tử căn bản”* (Phải biết núi, sông, đại, địa, sáng, tối, Sắc, Không, Ngũ Âm, Tứ Đại, cho đến pháp động hay bất động, đều là cội gốc sanh tử). Ai biết được điều này? Chẳng phải người chân tu thật

chúng sẽ chẳng thể biết được. Chuyện này ở ngay trước mắt, suốt ngày từ sáng đến tối chẳng hề tách rời, nhưng phần lớn chúng ta cứ sống trong mê hoặc điên đảo. Tướng của mê là gì? Là khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước. Mấy lời đại sư nói chúng ta phải hiểu rõ: Núi, sông, đại địa, sáng, tối, Sắc, Không, Ngũ Âm, Tứ Đại, pháp động và bất động đã được đức Phật giảng rất thấu triệt trong kinh Lăng Nghiêm. Hễ ngộ thì [những cảnh giới ấy] sẽ biến thành cảnh giới Hoa Nghiêm, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại; mê thì chúng đều là căn bản sanh tử.

Thưa cùng quý vị, pháp chẳng có mê hay ngộ. Như nhà khoa học Giang Bồn Thắng (Masaru Emoto) của Nhật Bản đã làm những thí nghiệm với nước, nước không có mê hay ngộ. Các pháp núi, sông, đại địa, sáng, tối, sắc, không, ngũ âm v.v... chẳng có mê hay ngộ. Thiện ý, năng lượng tốt của chúng ta tác dụng vào chúng, khiến chúng bèn lập tức có phản ứng, có phản ứng tốt đẹp vô cùng. Nếu chúng ta dùng ác ý, ác niệm tác động lên chúng, chúng phản ứng xấu tệ vô cùng. Chúng chẳng hề phân biệt, chấp trước, do đâu mà như thế? Pháp tánh! Pháp tánh là chân tánh. Lầm lạc là do chính ta tự mê, mê rồi thì hết thấy vạn sự, vạn vật đều biến thành căn bản sanh tử.

Bởi thế, thiền sư nói: *“Nhược bất tăng hương chân thật pháp trung, thoát nhiên siêu ngộ”* (Nếu chẳng từng hương đến pháp chân thật để giải thoát, đốn ngộ). Câu này rất quan trọng: Phải từ pháp chân thật, Thoát (脱) là giải thoát, Siêu (超) là siêu việt, thì quý vị mới thực sự ngộ. *“Tiện ư ngộ ngoại, biệt lập sanh nhai, bất tồn khóa cữu”* (Lại tìm riêng cách sanh nhai ngoài Ngộ, chẳng phải là vẫn giữ nguyên nếp sai lầm cũ ư?) Đây là Pháp Thân Bồ Tát, là Nhất Chân Pháp Giới. Nhưng ở đây, quý vị phải lưu ý! Nếu quý vị chưa đoạn sạch phiền não tập khí thì trong cảnh giới nào quý vị cũng sẽ lại khởi tâm động niệm, giống như trong kinh Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn đã nói: *“Tri kiến lập tri, thị vô minh bốn”* (Từ trong tri kiến lại lập ra một tri kiến nữa, bèn là cái gốc của vô minh), quý vị vẫn chẳng thể siêu việt. Có như vậy quý vị mới thực sự thấu hiểu vì sao ngộ nhập cảnh giới chân thật khó khăn đến thế! Chúng tôi thường nói thuận tịnh, thuận thiện, trong ấy chẳng được lẫn mảy may bất tịnh bất thiện gì; hễ có mảy may bất thiện bất tịnh thì là trật rồi.

Vì thế, ở đây đại sư khuyên dạy chúng ta: *“Duy hữu thống dĩ sanh tử đại sự vì kỳ trọng nhiệm giả, tử tận thâm tâm, phương kham thấu đạt. Trục hạ thắng tồn hào phát hứa thiện, ác, thủ, xả, ái, tăng, đoạn, tục chi kiến, tắc chi diệt sanh hỷ, khả bất thận hồ!”* (Chỉ nên đau đáu lấy đại sự sanh tử làm trách nhiệm nặng nề của chính mình, chết sạch cái tâm qua

quít, cầu may, chụp giựt, thì mới hòng cập bến (ý nói: An tâm tu đạo). Nếu như còn chùng bằng mấy tóc thầy có thiện, ác, lấy, bỏ, yêu, ghét, đút, nổi, thì cành lá lại sanh, há chẳng nên cẩn thận ư?) Câu này hết sức trọng yếu. “*Hào phát hứa*” (còn chùng bằng mấy tóc) tức là còn một chút xiu, trong tâm quý vị vẫn còn tí tẹo vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chẳng hạn như: Làm lành chớ chấp vào lành; có làm lỗi, tự mình làm lỗi, hoặc thấy người khác làm lỗi, đều chớ vướng bận nơi lòng. Vì sao vậy? Trong chân tánh chẳng có thiện - ác, chẳng có thị - phi, chẳng có tà - chánh, chẳng có sanh - diệt, chẳng có đến - đi, chẳng có trước - sau. “*Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần*”. Bụi bặm là tỷ dụ, mây may bất tịnh bất thiện cũng không có!

Nói thiện hay nói ác đều là phương tiện thiện xảo nhằm giúp chúng sanh quay đầu; bởi lẽ, nếu nói sự thật với họ, họ không hiểu, họ mê càng sâu hơn. Vậy thì, với kẻ mê, nói theo chuyện mê, đó là tùy thuận Tục Đế. Lời khai thị của đại sư ở đây là tùy thuận Chân Đế. Chân Đế là thanh tịnh tịch diệt, trong Tục Đế mới có thị - phi, thiện - ác. Vì sao? Vì quý vị chẳng lìa phân biệt, chấp trước. Chẳng lìa phân biệt, chấp trước thì phải nói lời phân biệt, chấp trước với quý vị; nếu lìa phân biệt, chấp trước thì nói lời chân thật cùng quý vị.

Năm Quý Hợi (1323) đời vua Anh Tông, vừa tròn đúng một Giáp Tý, tức năm sáu mươi một tuổi, Sư vãng sanh nhằm ngày Mười Bốn tháng Tám. Ngài ngồi viên tịch, lúc Ngài muốn viết chữ, ngồi bên bàn bèn mất, hy hữu thay! Nếu quý vị muốn hiểu tường tận, xin đọc Thiên Mục Trung Phong Hòa Thượng Quảng Lục, quyển cuối cùng. Thiên cuối cùng là truyện ký về Ngài, pháp đệ đồng học của Ngài là thiền sư Tổ Thuận viết thiên ấy, quý vị có thể tự xem.

Trong hai tiếng đồng hồ vừa qua, chúng tôi đem lược truyện của Trung Phong Thiền Sư giới thiệu đơn giản với quý vị. Buổi học sau, chúng ta sẽ chánh thức bước vào Hệ Niệm Toàn Tập.

Tập 02

B. GIẢI THÍCH ĐỀ MỤC

Chư vị đồng học!

Xin hãy xem đề mục Hệ Niệm Pháp Sư. Đề mục tổng cộng mười chữ: “***Trung Phong Hệ Niệm Pháp Sư Tam Thời Toàn Tập***” (中峰繫念法事三時全集). Bản tôi dùng ở đây là bản in của Hoa Tạng Đồ

Thư Quán, tục ấn⁶ năm Dân Quốc 79 (1990). Tôi dựa theo cách đánh số trang trong bản in này, có những bản in khác có số trang hơi khác, bất quá đại khái cũng tương đồng.

Trung Phong là pháp hiệu của thiền sư Minh Bồn đời Nguyên, ở trên tôi đã giới thiệu cùng quý vị rồi. Ngài là một vị đại đức rất phi thường, hữu tu, hữu chứng, hữu đức, hữu học. Qua truyện ký, chúng ta đã thấy sự tích cả một đời của lão nhân gia, đúng là khiến người ta cảm thấy năm vóc gieo sát đất. Tác phẩm Hệ Niệm Pháp Sư do vị đại đức nhà Thiền này soạn ra, ý nghĩa rất sâu. Thưa cùng quý vị! Phật pháp đến tôi hậu vẫn phải là cầu sanh Tịnh Độ, điều này Ngài khai thị rất rõ rệt! Do đây, ta có thể thấy được sự thù thắng của pháp môn Tịnh Độ. Huống chi kinh Hoa Nghiêm, là một bộ kinh được lịch đại cao tăng đại đức Trung Quốc công nhận là bản kinh đệ nhất của nhà Phật, là pháp luân viên mãn, đến cuối kinh, mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Tông Môn đến cuối cùng cũng cầu vãng sanh, quý vị chỉ cần đọc Thiền Môn Nhật Tụng sẽ thấy rành rành. Phương pháp tu hành này hiển thị rõ trí huệ tối cao.

Bản Hệ Niệm Pháp Sư Tam Thời Toàn Tập này lợi ích kẻ âm lẫn người dương. Nếu coi [việc tụng niệm] bản [nghi thức] này như chuyện kinh sám Phật sự, miệng có, tâm không, thì trật mất rồi! Chúng ta phải coi nó như là khóa tụng cần phải tu tập.

“*Hệ niệm*”: Khi La Thập đại sư dịch Phật Thuyết A Di Đà Kinh, đã dịch ý chữ này; bởi thế, trong kinh vẫn có những câu như “*nhất tâm bất loạn, tâm chẳng điên đảo*”. Trong quá khứ, tôi cũng đã từng nghe có người nói: “Nhất tâm bất loạn, bọn phàm phu chúng ta chẳng thể làm được; bởi thế, đối với pháp môn này bèn nầy sanh ngờ vực, chẳng dám đảm đương”. Nhưng kinh A Di Đà còn có bản dịch của Huyền Trang đại sư. Huyền Trang đại sư dịch thẳng, chiếu theo bản tiếng Phạn mà dịch thẳng ra. Trong bản Phạn ngữ có mười phương Phật, bản của La Thập đại sư chỉ có sáu phương Phật, cho thấy La Thập đại sư đã dịch rút gọn. Trong bản Huyền Trang, “*nhất tâm bất loạn*” được dịch là “*nhất tâm hệ niệm*”. Nếu nói “*nhất tâm hệ niệm*” thì phàm phu có thể làm được, chứ mức độ nhất tâm bất loạn thì cao quá.

Nếu chúng ta hỏi: La Thập đại sư có dịch sai nghĩa chẳng? Thưa cùng quý vị, chẳng bao giờ sai! Phàm là người vãng sanh, nhất định phải niệm đến nhất tâm hệ niệm, lúc lâm chung, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn,

⁶ Tục ấn: lần in thứ hai, thứ ba v.v... sau lần in đầu tiên.

lúc tiếp dẫn quý vị, nhất định Phật phải phóng quang. A Di Đà Phật phóng quang, Phật quang chiếu gọi; Phật quang vừa chiếu, công phu của quý vị được nâng cao, từ Nhất Tâm Hệ Niệm đạt đến Nhất Tâm Bất Loạn. Vì thế, đại sư La Thập chẳng hề dịch lầm. Đích thực là đại sư thấy vấn đề này rất rõ ràng, rất minh bạch!

Chữ “*niệm*” (念) trong văn tự Trung Quốc thuộc loại hội ý. Quý vị thấy ở trên là chữ Kim (今), dưới là chữ Tâm (心); nghĩa là trong cái tâm hiện tại có Phật. Trong tâm phải có thì mới gọi là Niệm. Chẳng phải là quá khứ có, chẳng phải là vị lai có, mà là “kim” (nay), hiện tại có, đó gọi là Niệm. “*Hệ niệm*” là niệm niệm chẳng bỏ.

“*Tam thời*”: Trong pháp sự có đệ nhất thời, đệ nhị thời, đệ tam thời. Ở Ấn Độ vào thời cổ, một ngày đêm được chia thành ngày ba thời, đêm ba thời. Do đây biết rằng, phải hiểu nghĩa chữ “*tam thời*” theo nghĩa rộng, tức là ngày đêm chẳng biếng nhác.

“*Pháp*” là phương pháp, “*Sự*” là chuyên cầu vãng sanh Tịnh Độ. Hiện tại, mọi người tu pháp sự này, dùng chữ “*tam thời*” theo nghĩa hẹp. Ở Trung Quốc, chia ngày đêm thành mười hai thời thân: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Ty, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Một thời thân bằng hai giờ hiện thời. Nếu để giúp người khác, như các vong linh được nhắc đến trong bản này, thì cả hai nghĩa rộng và hẹp đều dùng được, hoàn toàn phụ thuộc vào thời tiết, nhân duyên.

“*Pháp*”: Trung Phong quốc sư vì chúng ta chế định pháp bản này, chiếu theo pháp bản này để tu pháp sự cầu vãng sanh, pháp sự ở đây là cầu vãng sanh. Bản này gồm ba thời hoàn chỉnh nên gọi là “*toàn tập*”. Quý vị hãy xem chữ “*tập*”; Tập nói như bây giờ là bản hội tập. Pháp sự này do Trung Phong quốc sư hội tập. Quý vị thấy đó, nội dung gồm tán tụng, có Hương Tán, có kệ Tán Phật, có tán Phật, có tụng kinh, có kinh A Di Đà, có niệm chú, có chú Vãng Sanh, có lễ bái, có sám hối, có hồi hướng. Tu pháp (cách thức tu tập) rất viên mãn, ý nghĩa tương đồng với Vãng Sanh Luận của Thiên Thân Bồ Tát. Trong Vãng Sanh Luận, Thiên Thân Bồ Tát nói đến Ngũ Niệm pháp môn, bản Hệ Niệm này cũng là ngũ niệm pháp môn. Tu hành Tịnh Độ là phương pháp tốt đẹp, trong ấy có khai thị. Chúng tôi đề xướng bản này đã mấy năm, mọi người đều rất thông thuộc. Trong nghi quỹ, có phần chúng tôi tỉnh lược⁷, và trong Tam Thời có phần nào trùng lặp, chúng tôi chỉ giảng một lần là đủ, làm như

⁷ Trong nghi quỹ trước khi vào Đệ Nhất Thời, có những phần tụng Tâm Kinh, tụng các chú Khai Yết Hầu, Thí Thực, Thí Thủy... Hòa Thượng lược đi không giảng.

vậy sẽ tiết kiệm thời gian.

C. CHÁNH THỨC GIẢNG VÀO KINH VĂN

1. Giới Định Hương Tán

*Giới định chân hương,
Phân khởi xung thiên thượng,
Đệ tử kiên thành,
Nhiệt tại kim lư phóng,
Khoảnh khắc nhân uân,
Tức biến mãn thập phương.
Tích nhật Da Thân,
Miễn nạn tiêu tai chướng.
Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát.*

戒定真香

梵起衝天上

弟子虔誠

熱在金爐放

頃刻氤氳

即遍滿十方

昔日耶輸，

免難消災障。

南無香雲蓋菩薩摩訶薩

*(Giới định chân hương,
Đốt xông tận trời thăm,
Đệ tử dốc lòng thành,
Thắp đặt trong lư vàng,
Khoảnh khắc khói bốc cuộn cuộn,
Tỏa khắp mười phương,
Xưa bà Da Du,
Thoát nạn tiêu tai chướng.
Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát).*

Đoạn thứ nhất là Hương Tán. Ở đây, đại sư vì chúng ta kết tập bài “Giới Định Chân Hương”, dùng bài Hương Tán này. Vì sao chẳng dùng

bài “Lư Hương Tán”? Bài Lư Hương Tán phổ biến nhất; vì sao dùng bài Giới Định Chân Hương? Cả đời đại sư dạy người chú trọng đức hạnh. Ngài sống cách chúng ta hơn bảy trăm năm, hơn bảy trăm năm, Sư cảm nhận sâu xa phong hóa thế gian ngày một suy đồi, hàng đệ tử Phật môn (chỉ người xuất gia tu hành) chân tu đã ít ỏi lắm rồi. Sáng hôm nay, tôi đã giới thiệu ngắn gọn, đơn giản về Ngài rồi, quý vị đã nghe qua. Vì đâu tham Thiền chẳng được lợi ích, Sư giảng vì đâu tham Thiền chẳng linh? Vì sao chẳng bằng cổ nhân? Có nguyên nhân cả, ta phải tìm cho ra nguyên nhân. Bởi thế, trong phần Hương Tán, chúng ta đừng nghĩ Ngài tùy tiện dùng bài Giới Định Chân Hương đấy nhé, có dụng ý rất sâu đây!

Pháp sám hối xuyên suốt toàn bộ sự tu hành trong Phật pháp, bất luận là Tông Môn, Giáo Hạ, Đại Thừa, Tiểu Thừa, Hiền Giáo, Mật Giáo, không một hạnh môn nào chẳng phải là pháp sám hối! Sám hối phải có thành ý, phải có hành động, chẳng phải là miệng nói xuông, miệng nói xoén xoét chẳng ích gì! Vậy, rốt cuộc phải sám hối theo cách nào? Phải y giáo phụng hành, quý vị tích cực nỗ lực làm theo mọi điều Phật, Bồ Tát dạy dỗ, đó là chân sám hối! Chúng tôi thường nhắc mọi đồng học phải cùng gắng sức dốc công gạt bỏ tập khí vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, triệt để buông xuống, chẳng để có mảy may xen tạp, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ. Đó là đại sự sanh tử! Từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta luân hồi trong lục đạo chẳng thể giải quyết được vấn đề, chúng ta phải giác ngộ, phải hiểu rõ.

Điều này thật chẳng dễ dàng gì! Nhà Phật thường nói: “*Trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ*”, một đời này gặp được Phật pháp; gặp được Phật pháp là gặp cơ hội để liễu sanh tử, xuất tam giới. Gặp được cơ hội chớ coi thường, bỏ lỡ, nhất định phải ghi chặt lấy, trong một đời này quyết định thành tựu, chẳng bị luân hồi nữa. Tùy thuận tập khí phiền não là tạo luân hồi, vẫn luân hồi trong sáu nẻo y như cũ. Đây là điều Quốc Sư trông thấy, rất mực cảm thán; đây là một nhân tố quan trọng khiến công phu tu hành chẳng đắc lực. Trong suốt cuộc đời dạy dỗ của lão nhân gia, Ngài thường cảnh tỉnh “*sanh tử sự đại*”. Phải biến sự việc này thành một sự lớn lao nhất mà chúng ta phải thực hiện trong một đời này thì chúng ta mới được cứu. Bởi thế, mở đầu [Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự], Ngài chọn bài Giới Định Chân Hương.

Quý vị hãy xem [ý nghĩa của] danh tự, thế nào là Chân Hương? Giới và Định là Chân Hương, nói thật đấy, chẳng phải giả đâu! Ngay trong thời đại chúng ta đây, những năm trước đây, không lâu mấy; chúng tôi không được thấy sự việc trong nửa thế kỷ trước, nhưng có rất nhiều

người thấy, chúng tôi nghe đích thân họ kể lại. Hư Vân lão hòa thượng tu Giới, tu Định, chân tu. Lão hòa thượng cả năm tắm một lần, cạo tóc một lần; bởi vậy, chúng ta thấy rất nhiều ảnh chụp tóc Ngài rất dài. Quý vị xem tóc Ngài dài như thế mà một năm mới cạo tóc một lần, tắm một lần, cổ áo Ngài ghét (hờm) đóng dày cộp, đen thui, nhưng thơm tho, không hề khó ngửi chút nào. Đây là Giới Định Chân Hương, thân tỏa mùi thơm.

Ngoài ra còn có vị Kim Sơn Hoạt Phật (Phật sống chùa Kim Sơn), Ngài sống suốt hai mươi mấy năm Dân Quốc, rất tiếc là khi ấy chúng tôi còn nhỏ tuổi quá, không biết Ngài. Suốt đời, Kim Sơn Hoạt Phật không rửa ráy, tắm gội. Trên thân khoác một bộ quần áo, bộ quần áo ấy chưa hề được giặt giũ. Suốt đời chưa từng giặt quần áo, Ngài cũng chưa từng tắm gội, trên thân tỏa mùi thơm. Đó là Giới Định Chân Hương.

Chúng ta thắp một cây nhang, phải tưởng đó là Giới, phải tưởng đó là Định. Hương tượng trưng cho Pháp. Đệ tử Phật, bất luận tại gia hay xuất gia, cúng Phật nhất định phải thắp nhang, phải đốt đèn, phải dâng nước. Đó là ba thứ vật cúng đơn giản nhất để cúng Phật, Bồ Tát; bớt đi những thứ khác không ăn nhằm gì, nhưng những thứ trên không thể bớt được! Hương tượng trưng cho gì? Hương tượng trưng cho Giới, Định; thấy hương, nghe mùi hương, phải tưởng Giới Định. Chư Phật, Bồ Tát tu Giới, tu Định thành tựu. Giờ đây, các Ngài cũng dạy chúng ta như thế.

Đăng (đèn) tượng trưng cho ánh sáng trí huệ, ngụ ý đốt mình soi sáng người khác. Trí huệ chẳng phải là Tự Thọ Dụng, mà là Tha Thọ Dụng. Trí huệ do đâu mà có? Trí huệ phát xuất từ Giới, Định. Nhân Giới sanh Định, nhân Định khai Huệ.

Nước tượng trưng cho tâm tánh. Tất cả hết thảy vật cúng khác đều chẳng cần thiết lắm, bởi lẽ hiện tại cuộc sống con người bước vào thời đại công nghiệp, nhà cửa (đặc biệt là tại đô thị) quá nửa sống trong chung cư (apartment). Một tòa cao ốc có cả mười gia đình sống, có tòa nhà cả trăm gia đình sống. Nhà càng dựng về sau càng thấp lè tè. Vì sao vậy? Để tiết kiệm năng lượng. Mùa Đông mở máy ấm, mùa Hè mở máy lạnh, bởi thế trần nhà càng thấp, phòng ốc cũng hẹp hơn để tiết kiệm năng lượng. Gian phòng thấp như thế, chúng ta vói tay là đụng trần nhà rồi. Bởi thế, nếu thờ Phật ở nhà, nói chung phải thờ tượng Phật nhỏ, đương nhiên đốt nhang chẳng thích hợp.

Hương đốt, đèn dầu, nến đều chẳng thích hợp, vì sao vậy? Chúng có chất muối (bồ hóng), muối dầu làm đen nhà. Nhà cửa hẹp quá, chẳng

như tự viện điện đường rất lớn, không khí lưu thông, nhà cao, nên chẳng có vấn đề gì. Bởi thế, hiện tại ở chung cư [cúng hương, đèn] chẳng thích hợp lắm, tốt nhất là cúng nước. Nước rất quan trọng, nó tượng trưng thanh tịnh bình đẳng. Tâm ta trong sạch như nước, bình đẳng hết như nước. Nước biểu thị những ý nghĩa đó. Trong hết thủy thời, hết thủy chỗ, phải luôn giữ được thanh tịnh - bình đẳng - giác, chỉ cần tâm thanh tịnh tự nhiên sẽ có trí huệ, Giác là trí huệ.

Vật cúng nhằm biểu thị pháp, nước chẳng phải để cho Phật, Bồ Tát uống; phải hiểu ý nghĩa này. Chén cúng tốt nhất là dùng thứ trong suốt, biểu thị ý nghĩa vô cùng sáng rõ. Ngoài chén có thể nhìn thấy nước trong sạch đựng bên trong. Chớ nên cúng trà, trà có màu, chẳng trong sạch, phải cúng bằng nước. Bởi thế, hiểu được ý nghĩa biểu thị pháp thì mỗi khi trông thấy chén nước cúng, liền nghĩ tâm ta phải thanh tịnh, phải bình đẳng. Từ việc cúng nước phải biểu lộ được ý nghĩa của pháp được biểu thị. Bất luận nơi đâu, hễ trông thấy nước, như lúc quý vị đang khát, uống một chén nước, thấy nước bèn nghĩ đến “thanh tịnh - bình đẳng - giác”. Giáo học Phật pháp dùng phương pháp này để thời thời khắc khắc cảnh tỉnh chúng ta, vừa trang nghiêm lại vừa đẹp mắt, lại bao hàm ý nghĩa thật phong phú.

“*Giới định chân hương*”: Đây là lúc thắp hương.

“*Phần khởi xung thiên thượng*”: Hương vừa thắp lên, khói hương bốc tận trời. “*Xung thiên thượng*” (xông lên trời) là mong cầu cảm ứng. Chư Phật, Bồ Tát, thiên thần đều ở phía trên chúng ta. Phía dưới có chẳng? Có! Phía dưới là hạ phương thế giới. Vì thế, đối với chữ “*thiên thượng*” ở đây, chúng ta phải hiểu nó hoàn toàn chẳng chỉ có nghĩa là phương trên, mà còn có nghĩa là pháp giới. Như trong kinh Hoa Nghiêm, [nói] Thiện Tài tham học năm mươi ba lần, thiện tri thức đều ở phương Nam là có đạo lý đấy! Chúng ta sống tại Bắc bán cầu, phương Nam của Bắc bán cầu thuộc Hỏa, phương Nam là gì? Là xích đạo, là nhiệt đới. Phương Bắc là hàn đới. Phương Bắc là nước, phương Nam là lửa. Lửa tượng trưng cho quang minh. Bởi thế “phương Nam” chẳng phải là phương vị, mà có nghĩa là quang minh. Phạm những nơi thiện tri thức cư ngụ đều gọi là phương Nam, ở bất cứ phương hướng nào cũng đều gọi là phương Nam cả. Phạm thành đô nào có thiện tri thức cư ngụ đều gọi là Phước Thành cả. Vì sao vậy? Vì có thiện tri thức. Có thiện tri thức thì địa phương ấy có phước, nên gọi là Phước Thành nhằm biểu thị ý nghĩa pháp.

Bởi thế, chốn “*thiên thượng*” ở đây không có nghĩa là phương

trên, chẳng biểu thị phương vị phía trên, chẳng ngụ ý như thế, mà có nghĩa là thượng phương tôn kính, phương trên tôn kính nhất của chúng ta. Ở “thượng phương” đó, chư Phật, Bồ Tát đang ở. Chúng ta đọc kinh A Di Đà, Đông, Nam, Tây, Bắc, trên, dưới, đâu đâu đều có Phật, Bồ Tát. Dùng chữ “*thiên thượng*” để biểu thị ý tôn kính của chúng ta. “*Phần khởi xung thiên thượng*” là mong cầu cảm ứng.

“*Đệ tử kiên thành*”: Người tu hành theo Hệ Niệm Pháp Sư, chúng ta đối với Phật, Bồ Tát xưng là “đệ tử”; Phật, Bồ Tát là thầy, là thiện tri thức của chúng ta. Đạo thầy trò cốt ở “kiên thành”. Ấn Quang đại sư giảng rất hay: “*Nhất phần thành kính tắc nhất phần cảm ứng, thập phần thành kính tắc thập phần cảm ứng*” (Một phần thành kính là một phần cảm ứng, mười phần thành kính bèn được mười phần cảm ứng). Khi xưa, thầy Lý dạy tôi như vậy. Chúng ta dùng tâm tư thái độ nào để học tập thì mới đạt được lợi ích chân chánh? Chúng ta kém cổ nhân rất xa, đừng nói đến thời cổ, chỉ sánh với Trung Phong quốc sư, chúng ta làm sao sánh bằng Ngài được? Ngài chỉ mười lăm tuổi, chẳng những dốc chí nơi việc học, lại còn dốc chí nơi đạo; so với học, đạo lại cao hơn một tầng. Quý vị xem trong truyện ký thì thấy đêm ngày Ngài siêng gắng nơi pháp thể gian lẫn xuất thế gian. Đúng là dũng mãnh tinh tấn như kinh điển đã nói, đêm ngày chẳng ngưng nghỉ. Kinh điển sách vở Nho - Thích - Đạo ba tông, Ngài đều xem cả, căn bản rất sâu dày.

Năm hai mươi bốn tuổi Ngài khai ngộ. Tuy chưa phải là triệt ngộ, chúng tôi nói đến tiểu ngộ, đại ngộ; thế nào là đại ngộ? Kinh điển, sách vở thế gian, xuất thế gian Ngài đều có thể dung hội, quán thông, chân chánh khai ngộ. Thiền sư Cao Phong Diệu ấn chứng cho Ngài vào năm hai mươi bảy tuổi, Ngài xuất gia năm hai mươi lăm tuổi. Chúng ta không cách chi sánh bằng Ngài được! Tự mình phải biết hổ thẹn, phải biết gắng sức. Trung Phong quốc sư chỉ cho chúng ta biết chứng bệnh tu hành chẳng đắc lực là vì đâu? Ngài nói rất hay, nhưng trong đó trọng yếu nhất là “*chẳng biết sanh tử là việc lớn*”. Trong các nhân tố, nó trọng yếu nhất, nhưng ta lại coi thường nó! Bởi thế, chẳng có tấm lòng chân thành học đạo như cổ nhân. Ấn Quang đại sư bảo người như vậy là không có thành ý, làm sao thành tựu được? Không có thành ý, không biết sanh tử là việc lớn, đã thế còn chẳng chịu buông bỏ tập khí phiền não từ vô thủy kiếp đến nay, đó là đại chướng ngại!

Tôi thường khuyên lon các đồng học, mỗi một người chúng ta, đặc biệt là người hiện thời, “*tự tư, tự lợi, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn*”, tôi nói mười sáu chữ này quý vị phải thực

sự buông xuống. Trung Phong quốc sư nói rất hay, chẳng những phải thực sự buông xuống, mà còn phải buông sạch sành sanh, mảy may nào cũng chẳng giữ lại, tiêu chuẩn của lão nhân gia là như vậy. Chỉ cần có chút mảy may nào, quý vị khó lòng thành tựu. Triệt để buông xuống thì chúng ta mới có chút tiến bộ nơi Bồ Đề đạo. Những thứ căn bản chương đạo ấy nếu quý vị chẳng dẹp trừ, sẽ vĩnh viễn bị loại ra ngoài cửa Phật, chẳng bước vào cửa được!

Chúng ta phải thường tự suy nghĩ, ngày ngày phản tỉnh vì sao chẳng buông xuống được? Phải chiếu theo lời Trung Phong quốc sư thuyết pháp! Nói cách khác là tham sống sợ chết. Tham sống, chẳng sống hoài được; sợ chết, chẳng thể tránh khỏi được. Thực sự chịu buông xuống thì cả sống lẫn chết đều xong, sau đây mới dần dần cầu thông đạt Phật pháp. Bởi thế, hai chữ “*kiền thành*” này hết sức trọng yếu: Quý vị phải có thành ý. Trong lúc quý vị cắm vào lư hương, hương cháy trong lư: “*Nhiệt tại kim lư phóng*”.

“*Khoảnh khắc*”: Rất nhanh chóng.

“*Nhân uân*”: Diễn tả khói hương bốc cuộn cuộn, sau khi đốt hương xong, đàn hương này – toàn là nói đàn hương – khói hương xông mù mịt.

“*Tức biến mãn thập phương*” (liền trọn khắp mười phương): Ở trên đã nói là “*phân khởi xung thiên thượng*”, “*thiên thượng*” là “*biến mãn thập phương*”. Chữ “*phương*” ở đây chỉ mười phương chư Phật, Bồ Tát. “*Thiên thượng*” có nghĩa như thế đấy. Tiếp đó, bài kệ nêu lên một công án:

“*Tích nhật Da Thâu, miễn nạn tiêu tai chướng*”: Bà Da Thâu Đà La (Yasodharā) là phi tử của Phật Thích Ca Mâu Ni. Vì sao lại nêu tên bà? Vì Giới Định. Thích Ca Mâu Ni Phật quyết định muốn xuất gia, phụ vương bảo: “Người muốn xuất gia thì phải có con để lại rồi mới được xuất gia. Người xuất gia rồi, gia tộc ta bị đứt dòng ư?” Ngay lúc đó, Thích Ca Mâu Ni Phật bèn chỉ vào phi tử Da Thâu Đà La, nói: “Nàng đã mang thai!” Da Thâu Đà La nghe lời ấy rung mình một cái, quả thật bà đã hoài thai; sáu năm sau mới sanh La Hâu La. Bởi thế, đương thời rất nhiều người hoài nghi La Hâu La (Rāhula) chẳng phải là con của Thích Ca Mâu Ni Phật. Chồng bà Da Thâu Đà La đã bỏ đi cả sáu năm rồi, sao [bây giờ] mới sanh đứa bé này? Bởi thế, họ hủy báng, phê bình, đơm đặt đủ chuyện hết sức khó chịu. Bà Da Thâu Đà La bèn bồng đứa bé, phát thệ: “Nếu quả thật đứa bé này là con Thích Ca Mâu Ni Phật, hai mẹ con chúng tôi nhảy vào hầm lửa sẽ chẳng bị lửa thiêu!” Bà làm như thế, quả

nhiên cả hai mẹ con an nhiên vô sự trong lửa hừng. Khi đó mọi người đều tin, mọi lời đồn nhảm cũng chấm dứt. Giới Định Chân Hương đấy! Bởi thế “*miễn nạn tiêu tai chướng!*” Phụ vương cha bà cũng tin tưởng, trong là gia tộc, tức vương tộc, ngoài là nhân dân, toàn quốc thấy sự kiện ấy, mọi người chẳng dị nghị nữa! Đây là một mẫu chuyện về cuộc đời của tôn giả La Hầu La. Đây là sự cảm ứng của Giới Định. Tiếp đó, xưng ba lần:

“Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát”.

Nam-mô là tiếng Phạn, nghĩa là quy y, quy mạng. Hương Vân Cái là tỷ dụ khói hương kết thành lọng báu trên không trung. Bồ Tát là Giác Hữu Tình, Ma Ha Tát là đại Bồ Tát. Hương Vân tượng trưng cho Giới Định, Giới Định giác ngộ hết thấy hữu tình chúng sanh, Hương Vân mang ý nghĩa như vậy.

Hương Vân Cái chẳng phải là Bồ Tát ư? Hương Vân Cái đúng là Bồ Tát. Chỉ cần chân chánh giác ngộ chúng sanh, chúng sanh do người ấy được khai ngộ thì người ấy là Bồ Tát. Bồ Tát chẳng có hình tướng nhất định, Như Lai cũng chẳng có hình tướng nhất định, hóa thân trong hữu tình chúng sanh, hóa thân trong vô tình chúng sanh, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Đó là đại ý bài Hương Tán.

Bây giờ đã hết giờ rồi.

2. Kệ Giác Hải

Chư vị đồng học!
Xin xem tiếp bốn câu kệ:

***Giác hải hư không khởi,
Sa Bà nghiệp lãng lưu,
Nhược nhân đăng bỉ ngạn,
Cực Lạc hữu quy châu.***

覺海虛空起。

娑婆業浪流。

若人登彼岸。

極樂有歸舟。

*(Biển giác khởi hư không,
Sa Bà sóng nghiệp trào,
Ai muốn lên bến giác,*

Cực Lạc sẵn thuyền về).

Nội dung bốn câu kệ này hết sức phong phú. Hai câu đầu thuyết minh khởi nguyên của vũ trụ và sanh mạng; đó là hiện tượng do đã mê mà có. Hai câu sau dạy chúng ta phương pháp “*quay đầu là bờ*” (hồi đầu thị ngạn).

Vì sao chúng ta mê mất tự tánh? Vì “*giác hải hư không khởi!*” Biển Giác vốn chẳng có hư không, biển Giác là tánh hải, trong kinh luận thường gọi “tâm tánh” là biển Giác. Vì vậy, quý vị phải nhớ kỹ chỗ này, tự tánh bản giác. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát dạy chúng ta: “*Bản giác vốn có, bất giác vốn không!*” Bản giác là tự tánh, tự tánh là bản giác; [nghĩa là] nó vốn là giác, cũng chưa hề bị mê hoặc. Nay chúng ta nói “*mê mất tự tánh*” chỉ là tùy thuận phàm phu mà nói, thật ra, tự tánh là chân tánh, chân tánh sao mê được? Nếu mê, làm sao có thể gọi là chân?

Trong Hệ Niệm Pháp Sự, Trung Phong đại sư khai thị điều này rất minh bạch. Tuy lời khai thị không nhiều, nhưng nói rất rõ, chỉ là mê và ngộ. Mê và ngộ cũng chẳng phải là thật, càng nói càng u huyền. “*Hư không*”: Trước hết phải có hư không rồi mới có thể giới. Có thể giới rồi mới có chúng sanh. Nói có trước - sau, nhưng trên thực tế là sanh khởi, chỉ do tâm hiện, hiện khởi hết sức nhanh!

Hiện tại, các nhà khoa học cũng nói như thế. “*Nhất thời đốn hiện*” (nhánh chóng hiện cùng lúc), chẳng có thứ tự trước - sau. Thật ra, quý vị không có cách nào để nói thứ tự trước - sau được cả, tốc độ của nó phải là một phần ức vạn phần của một giây, làm sao quý vị phát hiện thứ tự trước sau cho được? Bởi thế, kinh Đại Thừa thường nói là “*nhất thời đốn hiện*”. Trong hội Lăng Nghiêm, đức Phật cũng nói đến việc này: “*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*” (do ngay nơi đó mà hiện ra, cũng từ nơi đó mà diệt hết). “*Đương xứ*” là gì? Là hiện tiền, chẳng có xa - gần. Không có xa - gần là không có không gian, không có trước - sau là không có thời gian. Thời gian, không gian đều là tình chấp (chấp trước trong tình thức) của phàm phu, chẳng phải là sự thật! Rốt cuộc, thế nào là sự thật? Là mê - ngộ! Ở đây nói đến giác, là giác bị mê⁸. Mê là mê cái

⁸ Nói “giác bị mê” chỉ là một cách nói cho dễ hiểu, chứ thật ra giác không bao giờ mê. Chẳng qua, do chấp trước, phân biệt, vọng tưởng, vô minh của chúng ta che lấp khiến cho giác không khởi công dụng được, nên gọi là “giác bị mê”, chứ giác tánh không bao giờ mê!

gì? Mê chân vậy! Trong kinh Phật hình dung rất ý vị, nhất niệm bất giác là mê; thời gian một niệm rất ngắn.

Trong kinh Nhân Vương, đức Phật đã nói [về một niệm]; rất nhiều các đồng học đã từng niệm kinh Nhân Vương rồi! Trong quá khứ, chúng tôi ở Đài Loan, dường như năm nào Đài Loan cũng đều mở pháp hội Nhân Vương để cầu phước cho quốc gia. Trong kinh Nhân Vương, đức Phật giảng một cái khảy tay là sáu mươi sát-na, tức là một sát-na bằng một phần trên sáu mươi của khoảng thời gian khảy ngón tay. Mỗi một sát-na có chín trăm lần sanh diệt, mỗi một lần sanh diệt là một niệm. Nếu tính theo giây, thì một lần khảy ngón tay rất nhanh, một giây khảy được bốn lần, bốn nhân sáu mươi nhân chín trăm⁹ ước chừng hai mươi vạn tám ngàn, tức là trong một giây có hai mươi một vạn sáu ngàn lần sanh diệt. Trong một giây có hai mươi một vạn sáu ngàn lần sanh diệt, quý vị làm sao có thể nhận biết được? Nhất niệm bất giác thì một niệm ấy là hai mươi một vạn sáu ngàn lần sanh diệt trong một giây. Điều tôi vừa thưa cùng quý vị ấy chỉ là Như Lai nói phương tiện, chẳng phải là nói chân thật. Đó là nói phương tiện, chứ quý vị không có cách gì nhận biết tốc độ quá nhanh như thế; nói thật ra, còn nhanh hơn tốc độ vừa nói đó nữa!

Đừng nói chi khác, hiện tại chúng ta biết tốc độ ánh sáng nhanh nhất, tốc độ sóng điện từ (electromagnetic wave) chẳng kém tốc độ ánh sáng mấy, một giây đi được ba mươi vạn cây số. Ánh sáng đi một cây số chỉ mất một phần ba mươi vạn giây; trong một phần ba mươi vạn giây, ánh sáng đi được một cây số. Nếu chúng ta [lần lượt tính thời gian] ánh sáng đi được một mét, đi được một centimetre, một milimetre, thì trong một phần ức vạn của một giây, trong tình huống như thế, ánh sáng bất động. Do vậy, chúng ta mới thấu hiểu điều được nói trong kinh Phật “*thanh tịnh tịch diệt tướng*”, đó là cảnh giới sở chứng của bậc Bát Địa trở lên. Quý vị nghĩ xem: Công phu định lực ấy thật sâu! Trong đại định ấy, chẳng có ánh sáng nữa; ánh sáng bất động. Đây là biển Giác. Nếu động một cái, hề động là rắc rối liền: Không gian xa - gần, thời gian trước - sau liền từ đó sanh khởi. Đó gọi là thế giới; Thế là thời gian, Giới là không gian, thời gian và không gian cùng phát sanh. Thế nhưng quý vị phải hiểu đó là huyền tướng, kinh Kim Cang giảng rất hay: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào ảnh, như lộ, diệt như điện, ưng tác như thị quán*” (Hết thầy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng, như

⁹ Một giây khảy ngón tay bốn lần, một khảy ngón tay có 60 sát-na, một sát-na có chín trăm lần sanh diệt. Như vậy là trong một giây có 4x60x900 lần sanh diệt.

sương, cũng như chớp, hãy nên quán như thế). Quý vị phải thực sự thấy rõ ràng, thấy minh bạch, nhìn ra chân tướng sự thật.

Những gì ta thấy trong hiện tại là huyền tướng, là tướng tiếp nối liên tục hư huyền. Cho rằng tướng tiếp nối hư huyền là chân thật, khởi lên vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. A! Đó là “*Sa Bà nghiệp lãng lưu*”. “*Nghiệp lãng lưu*” (sóng nghiệp trào dâng) là gì? Là lục đạo luân hồi! Hãy xem hoàn cảnh chúng ta đang sống: Thế giới Sa Bà, tam đồ lục đạo là cảnh giới biến hiện từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Huyền tướng giống hệt như nằm mộng, nhưng giấc mộng ấy là ác mộng, đã ác mộng lại còn chẳng tỉnh, cứ tiếp diễn hoài, khổ quá! Ngày ngày gặp ác mộng, niệm niệm trong ác mộng, vô lượng kiếp đến nay vẫn chẳng tỉnh ra, càng mê sâu hơn, càng hãm trong cái khổ!

Phải nói thật, nếu nói theo ngôn ngữ bây giờ, người thời cổ thiện căn so với chúng ta sâu dày hơn nhiều. Vì sao vậy? Vọng tưởng chẳng nhiều bằng người hiện tại, dễ dạy hơn! Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian này giáo hóa dễ dàng, vừa thị hiện, thực sự có không ít người quay đầu. Hiện tại, Phật, Bồ Tát ứng hiện trong thế gian này có nhiều chăng? Hết sức nhiều. Chúng sanh dễ độ chăng? Chẳng dễ độ! Họ chẳng thể hồi đầu! Xác thực là họ chẳng thể hiểu rõ chân tướng sự thật. Họ cứ tưởng những gì họ nghĩ, họ thấy đều tuyệt đối chính xác, cho những gì Phật nói đều là mê tín, lẽ đâu có đạo lý ấy, lẽ đâu có những chuyện ấy! Họ nói Phật mê tín, bảo Phật giáo chẳng phù hợp hiện thực.

Kính thưa cùng quý vị dăm câu: Bọn họ theo chủ nghĩa lý tưởng, chẳng thiết thực. Họ nói những lời lẽ rất dễ nghe, chứ thật ra khó lắm, thực sự chẳng dễ dàng! Hãy quay đầu, kéo lằm, Phật giảng tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn. “*Chư pháp bình đẳng, vô hữu cao hạ*” (Các pháp bình đẳng, chẳng có cao thấp), Phật nói như thế đấy; nhưng đối với căn tánh của con người hiện tại, trừ Tịnh Độ ra, không có pháp nào thành tựu được cả! Đừng nói tu hành chứng quả phải hiểu rõ chân tướng sự thật, quý vị nghiên cứu kinh giáo mà không hiểu rõ chân tướng sự thật thì cũng vô ích, không chuyển cảnh giới được!

Đó là lời chân thật, cũng chính là lời Trung Phong quốc sư đã giảng. Vọng tưởng, tập khí, phiền não từ vô thủy kiếp đến nay quý vị chưa buông xuống được. Đây là lời thành thật: Nếu quý vị có thể buông xuống được thì chẳng thành vấn đề, pháp môn nào cũng tu thành tựu cả! Nếu không buông xuống được, sẽ chẳng thể thành tựu. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, không có pháp nào đối nghiệp thành tựu, chỉ có tiêu nghiệp mới thành tựu. Quý vị thấy kinh luận Đại,

Tiểu Thừa thường nói: Kiến, Tư phiền não tiêu rồi bèn chứng quả A La Hán; Trần Sa phiền não tiêu bèn chứng quả vị Bồ Tát. Vô minh phiền não cũng tiêu sẽ thành Phật, chẳng có đởi nghiệp. Bây giờ quý vị hãy xem kỹ nhé, tôi thường nói: Khoan nói tới Kiến Tư phiền não! Kiến phiền não trong Kiến Tư phiền não là thô nhất, đức Phật nói nó gồm tám mươi tám phẩm, nếu quý vị có năng lực tiêu trừ được nó thì mới chứng Tu Đà Hoàn, [Tu Đà Hoàn] là Sơ Quả của Tiểu Thừa. Quý vị cứ nghĩ thử xem! Do vậy, trong thời kỳ Mạt Pháp, rất khó vậy!

Một ngàn năm thứ nhất sau khi đức Phật diệt độ là thời kỳ Chánh Pháp, Phật tử nghiêm trì giới luật, dùng phương pháp Trì Giới chứng được Tứ Quả, Tứ Hướng của Tiểu Thừa. Hết một ngàn năm ấy, tiến vào thời kỳ Tượng Pháp, trì giới chẳng thể chứng quả, căn tánh con người chẳng được như trước. Phật giáo hóa chúng sanh phải thay đổi phương pháp, tu Định. Thiền Định thành tựu trong thời Tượng Pháp, Tượng Pháp dài một ngàn năm. Sau một ngàn năm ấy, căn tánh của chúng sanh tệ hơn thời Tượng Pháp rất nhiều. Nói cách khác, tu Định chẳng thể khai ngộ, gần đây nhất là như Đàm Hư đại sư thường nói. Sách Ảnh Trần Hồi Uất Lục là tự truyện của Ngài, tôi đã đọc qua. Tôi chẳng có duyên phận với cụ Đàm, chưa từng được gặp mặt. Năm 1977, tôi giảng kinh tại Hương Cảng, trụ nơi đạo tràng của Ngài, tức Trung Hoa Phật Giáo Đồ Thư Quán ở đường Giới Hạn thuộc khu Cửu Long do lão nhân gia sáng lập. Trong Đồ Thư Quán ấy, Ngài có một căn phòng nhỏ, lúc tôi giảng kinh ở đó, ngụ tại căn phòng của lão nhân gia. Tôi giảng kinh ở Đồ Thư Quán ấy không ít lần, coi như rất có duyên phận.

Lão nhân gia từng nói: *“Trong thời kỳ Mạt Pháp, người tham Thiền khai ngộ chưa từng thấy được một người”*. Chẳng những chưa từng thấy mà cũng chưa từng nghe nói đến nữa. Đó là lời lão hòa thượng nói. Ngài từng gặp người tham Thiền đắc định, nghe nói lại càng nhiều hơn, tham Thiền đắc Định nhưng chưa khai ngộ. Nghe lời này chúng ta phải hiểu rõ: Tham Thiền đắc Định chưa khai ngộ thì chưa thoát khỏi lục đạo luân hồi, tương lai sẽ đi về đâu? Người đắc Thiền Định sanh thiên. Tùy theo công phu Thiền Định sâu hay cạn! Định lực cạn chẳng thoát được Dục Giới. Chúng ta biết từ tầng trời thứ ba của Dục Giới trở lên, Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại, [muốn sanh lên] bốn tầng trời này đều phải tu Thiền Định. Công phu Thiền Định sâu - cạn bất đồng, quý vị sanh trong tầng trời nào? Nói thật ra, ngay cả những mức Thiền Định đó mà còn chưa có ai thành tựu cả! Chân chánh thành tựu Thiền Định chẳng sanh trong Dục Giới, mà sanh vào Sắc Giới. Tứ

Thiên, Bát Định sanh trong Sắc Giới hay Vô Sắc Giới, nhưng vẫn chưa thoát luân hồi lục đạo!

Thiên Định nhất định phải đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, mới siêu thoát luân hồi; cụ Đàm nói (Ngài vãng sanh khi đã hơn chín mươi tuổi) suốt một đời Ngài chưa từng gặp được một ai [tham Thiên được đại triệt đại ngộ]. Quý vị thấy đó, khó khăn quá! Bởi thế, thời Mạt Pháp chỉ có Tịnh Độ thành tựu. Trong kinh Đại Tập, đức Phật dạy: “*Thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh Độ thành tựu*”. Niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đối nghiệp vãng sanh, nhưng cổ đức giảng rất nhiều về đối nghiệp: Đối nghiệp là mang theo chủng tử của nghiệp, chẳng phải là mang theo tập khí. Câu nói này hết sức trọng yếu! Đối nghiệp là mang theo nghiệp cũ, chứ không phải vác theo nghiệp mới. Điều này rất phiền phức đây nhé! Chúng ta ngày ngày tạo nghiệp nên niệm Phật chẳng bảo đảm vãng sanh. Ai đảm bảo vãng sanh? Người chẳng tạo nghiệp mới! Người chẳng tạo nghiệp mới, chưa đoạn chủng tử của nghiệp và tập khí, nhưng làm thế nào chẳng tạo nghiệp?

Trong đề mục pháp sư này, Trung Phong quốc sư đã chỉ rõ “*hệ niệm*”, nhất tâm hệ niệm A Di Đà Phật. Trong ý niệm của chúng ta từ sáng đến tối, ngày đêm chẳng ngưng dứt, chỉ có một niệm A Di Đà Phật, ngoài ý niệm A Di Đà Phật ra, niệm gì cũng chẳng có. Đây nào phải là chuyện dễ! Thành Phật lẽ nào dễ dàng? [Tu tập] như vậy là dễ dàng nhất rồi! So với tám vạn bốn ngàn pháp môn, pháp môn này dễ dàng nhất. Phương pháp này có nghĩa là bất luận niệm nào cũng đều gọi là vọng niệm cả. Bất luận ý niệm gì, hễ ý niệm khởi lên bèn quy về A Di Đà Phật hết. Đó là điều cổ nhân thường nói: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*”. Niệm là mê, niệm gì cũng là mê, đều là vọng tưởng cả!

Quý vị phải chuyên cho nhanh, chẳng để cho vọng niệm tiếp nối; niệm vừa mới khởi lên thì niệm thứ nhất vừa khởi, niệm thứ hai bèn là A Di Đà Phật. Cốt sao quý vị vừa phát hiện thì ngay lập tức chuyển niệm đó thành A Di Đà Phật. Hệ niệm giống như dùng dây cột chặt, cột chặt vào A Di Đà Phật. Nếu quý vị thực sự làm được điều này, thì xin chúc mừng quý vị, quý vị sẽ sanh về thế giới Cực Lạc làm Phật ngay trong một đời này.

Quý vị hãy nghĩ đến câu chuyện pháp sư Đàm Hư thường kể: Thầy của Ngài là pháp sư Đế Nhàn, người đệ tử làm thợ vá nôi của pháp sư [Đế Nhàn] chẳng phải là nhất tâm hệ niệm đó ư? Lão hòa thượng dạy ông ta một phương pháp, ông ta thực sự làm theo! Lão hòa thượng dạy ông ta một phương pháp chẳng khó, chỗ khó khăn là trì cho bền, thực sự

làm! Chỉ đơn giản như thế này: “*Một câu Nam Mô A Di Đà Phật niệm một bèn nghỉ, nghỉ xong lại tiếp tục niệm*”. Thực sự làm như vậy chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn. Niệm thấy một chẳng hề gì, cứ nghỉ ngơi cho khỏe xong, tinh thần sung túc lại tiếp tục niệm. Thân, tâm, thể giới, hết thấy buông xuống hết, không nghĩ đến cái gì hết. Ông ta niệm hơn ba năm, bèn đứng mà tịch. Pháp sư Đế Nhân tán thán, bội phục ông ta thực sự thành công. Sư khen ngợi: “*Phương trượng trụ trì các đạo tràng từng lâm trong thiên hạ chẳng bằng được ông ta, những pháp sư thuyết giáo giảng kinh cũng chẳng bằng được ông ta!*” Vì sao thành công? Ông ta thực sự làm được hệ niệm pháp sư!

Hai câu tiếp đó là “*Nhược nhân đăng bỉ ngạn, Cực Lạc hữu quy châu*” (Ai muốn lên bến giác, Cực Lạc sẵn thuyền về). Trong thời đại Mật Pháp chỉ có một biện pháp, đức Phật dạy chúng ta, ngoài biện pháp ấy ra, chẳng có biện pháp thứ hai. Bởi thế, Ấn Quang đại sư xuất hiện trong thế gian dạy những người tu hành chúng ta liễu sanh tử, thoát tam giới. Lão nhân gia dạy chúng ta ở chùa nhỏ, những đồng học cùng tu không quá hai mươi người, có một cái Niệm Phật Đường nho nhỏ là đủ rồi. Trong Niệm Phật Đường chẳng cần phải trần thiết tráng lệ, không cần thiết làm như thế! Chỉ cần thờ một bức tượng A Di Đà Phật, hoặc thờ Tây Phương Tam Thánh là được rồi, sạch sẽ, thanh tịnh, vì sao? Nhất tâm hệ niệm. Thấy Phật, Bồ Tát quá nhiều sẽ bị phân tâm. Tất cả hết thấy chư Phật Như Lai đều được đại diện bằng A Di Đà Phật, dùng Quán Thế Âm, Đại Thế Chí đại diện cho hết thấy Bồ Tát Ma Ha Tát. Toàn bộ đều được niệm đến, mười phương ba đời chẳng sót vị nào. Tâm định, chẳng tán loạn, tập trung ý chí tinh thần, chẳng lãng phí chút thời gian nào.

“*Bỉ ngạn*” (bờ kia) là bờ Giác. Nay chúng ta đang ở bên mê, chư Phật, Bồ Tát ở bên Giác. Giờ đây chúng ta muốn phá mê khai ngộ, muốn bỏ mê về với giác thì thế giới Cực Lạc có biện pháp. “*Châu*” (舟: thuyền) là công cụ chuyên chở. “*Quy châu*”, Quy (歸) là quay đầu, thế giới Cực Lạc có chiếc thuyền đưa chúng ta quay đầu. “*Quy châu*” chính là pháp sư này; quý vị nương theo pháp sư này giống như có chiếc thuyền để nương về vậy. Quý vị ngồi vững vàng, chắc chắn trên chiếc thuyền ấy sẽ phản vọng quy chân, phản mê quy ngộ, trở vào trong Giác Hải. “*Cực Lạc hữu quy châu*” [nghĩa là như vậy đó!]

Bởi thế, bốn câu kệ này chỉ có hai mươi chữ, nhưng ý nghĩa rộng sâu vô tận. Chỉ có “*phản vọng quy chân, phá mê khai giác*” là chân. Đó gọi là Phật pháp, Phật pháp chân chánh. Bốn câu kệ này phơi bày toàn

bộ tông chỉ của Tam Thời Hệ Niệm. Vì sao chúng ta phải nương theo pháp sự này mà tu hành? Đã nói rồi, phương pháp này là phương pháp để một đời bất thoái thành Phật.

3. Kỳ Đảo Văn

Tiếp đó, chúng ta thấy có một đoạn văn. Đoạn văn này có thể gọi là văn kỳ đảo (câu nguyện), mở đầu là bốn câu kệ:

**Pháp vương lợi vật,
Bi trí hồng thâm,
Phổ biến thập phương.
Minh dương mị cách.**

法王利物。

悲智洪深。

普遍十方。

冥陽靡隔。

(Pháp vương lợi vật,
Bi trí rộng sâu,
Trọn khắp mười phương,
Âm, dương chẳng cách).

“Pháp vương” là Như Lai, ở đây chỉ A Di Đà Phật, Tỳ Lô Giá Na Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật. Sao nói là ba vị Phật? Tỳ Lô Giá Na là Pháp Thân Phật, A Di Đà Phật là Báo Thân Phật, Thích Ca Mâu Ni là Ứng Thân Phật. Pháp, Báo, Ứng, ba thân một mà ba, ba nhưng một, toàn là Tự Tánh Phật.

“Lợi vật”: Chữ “vật” (物) chỉ chín pháp giới chúng sanh. Đại sư chẳng nói “lợi nhân”, nếu “lợi người” thì chỉ nói đến loài người, chẳng bao gồm các đường khác; bởi thế nói là “lợi vật”. Chữ “vật” có ý nghĩa như “chúng sanh”, phạm vi hết sức rộng lớn. Chúng sanh là các hiện tượng do các duyên hòa hợp mà sanh khởi. Bởi thế, chữ “chúng sanh” bao quát; như nay ta nói bao gồm động vật, thực vật, khoáng vật, bao gồm tất cả hết thảy hiện tượng tự nhiên. Vì sao vậy? Chúng đều là do các duyên hòa hợp mà sanh khởi. Vì sao ở đây chẳng nói “*pháp vương lợi ích chúng sanh*”? Bởi mỗi câu chỉ có năm chữ, dùng chữ “vật” hợp cách hơn. Chư Phật Như Lai lợi ích hết thảy chúng sanh, Vật là hết thảy

chúng sanh, bao gồm cả hữu tình lẫn vô tình.

“*Bi trí hồng thâm*”: Chư Phật Như Lai dùng gì để lợi ích chúng sanh? Đại bi, đại trí. “*Hồng*” (洪) là lớn, chúng ta thường nói bi trí rộng sâu không ngần mé. “*Hồng*” là rộng, sâu, giống như biển cả. Phật dùng bi trí như thế ấy. Có trí mà không có bi, không có tâm từ bi thì chẳng thể lợi ích chúng sanh. Có tâm từ bi nhưng thiếu trí huệ cũng chẳng thể lợi ích chúng sanh. Bi trí là tánh đức, trong tự tánh vốn sẵn đủ đức năng. Chúng sanh mê mất tự tánh, tức là mê mất trí huệ rộng lớn, sâu thẳm, mê mất tâm từ bi. Do mê tâm từ bi bèn biến thành tự tư tự lợi, mê mất trí huệ nơi tự tánh, người thế gian chúng ta gọi [sự mê mất ấy] là “ngu si, hồ đồ”. Ngụ si hồ đồ là mê mất Bát Nhã trong tự tánh. Tự tư tự lợi là mê mất tâm từ bi trong tự tánh. Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian giúp chúng ta phá mê khai ngộ. Ngộ điều gì? Ngộ tự tánh vốn sẵn có trí huệ Bát Nhã, ngộ tự tánh vốn sẵn có đại từ đại bi, chúng ta và chư Phật Như Lai chẳng khác gì nhau.

“*Phổ biến thập phương, minh dương mị cách*”: “*Mị cách*” là không chướng ngại, “*thập phương*” là mười pháp giới. Mười pháp giới là nói toàn thể, “*minh dương*” (cõi âm và nhân gian) là nói đến cảnh giới hiện tiền. Nay chúng ta thuộc dương gian, chúng ta muốn giúp đỡ hết thảy chúng sanh trong ba đường ác. Đối với những người nhà, quyến thuộc, bằng hữu đã mất của chúng ta, chúng ta chịu cảnh âm dương cách biệt; nhưng âm gian hay dương cảnh chẳng thể chướng ngại chư Phật, Bồ Tát. “*Mị*” (靡) là không, “*mị cách*” là chẳng cách trở.

Pháp sự này được cử hành nhất định phải có người phát khởi, hoặc chính chúng ta chủ động phát khởi, như tại học viện chúng ta, mỗi Chủ Nhật đều cử hành một lần, tức là do học viện chủ động phát khởi. Nói chung đều là có người khai thỉnh, bởi thế, trong kinh văn có câu:

Kim môn trai chủ.

今蒙齋主。

(Nay nhờ trai chủ).

“*Trai chủ*” là người phát khởi. Phát khởi nhất định phải hữu sự, tức là nhất định vì việc gì đó mà toan đặc biệt hồi hướng. Nhưng đặc biệt hồi hướng thì quý vị phải hiểu như trong kinh Địa Tạng đã giảng rất rành rẽ. Người tu hành pháp này là tự lợi, trong bảy phần công đức, bản thân người tu pháp hưởng sáu phần, vong linh chỉ được hưởng một phần, một

phần bảy kia hồi hướng về đâu chúng ta phải hiểu. Nếu chẳng phải để siêu độ họ thì mọi người chúng ta đã chẳng tu pháp sự này! Chúng ta tu pháp sự này thực sự được lợi ích thì lợi ích ấy là do họ mà có, họ được hưởng một phần lợi ích. Nếu chúng ta tu pháp sự này mà người tu học hiểu thấu, thực sự hiểu rõ sanh tử là việc lớn và hiểu rõ tầm quan trọng của việc cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới; nếu thực sự thấu hiểu, chúng ta nhất định hạ quyết tâm, một đời này chẳng thể không sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thì những vong nhân được ta siêu độ sẽ được hưởng lợi ích rất lớn.

Chúng ta chiêu theo phương pháp này tu học, đạt được bao nhiêu lợi ích thì những vong linh chỉ được hưởng được một phần bảy. Chúng ta được lợi ích nhiều thì họ hưởng được nhiều, chúng ta được ít, họ hưởng được ít. Nếu chúng ta chỉ làm pháp sự xuông ngoài miệng, qua quýt tắc trách thì sẽ chẳng được lợi ích gì, vong linh cũng chẳng được hưởng gì. Phải hiểu đạo lý này! Thời cổ cũng có những pháp sự siêu độ, hiện thời [pháp sự] phổ biến nhất ai nấy đều biết là Lương Hoàng Sám. Lương Hoàng chính là Lương Võ Đế. Lương Võ Đế thỉnh ngài Bảo Chí Công siêu độ cho phi tử nhà vua. Vợ ông ta đọa trong ác đạo, ngài Bảo Chí Công là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát. Tu pháp sự ấy, vợ ông ta lìa khỏi ác đạo, sanh lên trời Đạo Lợi.

Sớm hơn nữa, chúng tôi đọc trong An Thế Cao Truyện Ký thấy vào thời xa xưa kia, nhằm đời Hậu Hán, khi Phật pháp truyền đến Trung Quốc chưa lâu, ngài An Thế Cao siêu độ bạn đồng học, tức long vương hồ Cung Đình. Siêu độ bằng cách nào? Long vương đem toàn bộ những thứ tín đồ cúng dường cho y ta quyên tặng hết, ngài An Thế Cao vì hấn ta dựng một ngôi chùa thờ Phật ở Nam Xương, dùng tiền của long vương để dựng chùa, dùng ngôi chùa ấy để thực hiện sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh. Nhờ công đức ấy, long vương lập tức thoát thân súc sanh, sanh lên trời Đạo Lợi thật nhanh, thật hữu hiệu. Bởi thế, long vương là trai chủ, Lương Võ Đế là trai chủ của Lương Hoàng Bảo Sám, nhằm siêu độ thân thuộc, bằng hữu của họ.

Đặc thỉnh sơn tăng đăng tọa.

特請山僧登座。

(Riêng thỉnh sơn tăng lên tòa).

Đặc biệt lễ thỉnh, “sơn tăng” (ông sư sống trong núi) là khiêm hư,

khiêm xưng.

Y bằng giáo pháp.

依憑教法。

(Nhờ vào giáo pháp).

Căn cứ, nương tựa, nhờ vào phương pháp của đại sư Trung Phong đã biên soạn.

Tác Tam Thời Hệ Niệm Phật sự.

作三時繫念佛事。

(Làm Phật sự Tam Thời Hệ Niệm).

Phật sự Tam Thời Hệ Niệm vốn do Trung Phong thiên sư biên tập.

Nãi nhĩ vong linh, tao thử thắng duyên.

迺爾亡靈。遭此勝緣。

(Vong linh các người, gặp duyên thù thắng này).

Những vong linh các người – dù chỉ nhằm siêu độ một người, thì những người đến nghe ké rất nhiều, không ai chẳng hưởng lợi ích. Bây giờ hết giờ rồi, buổi học sau chúng tôi sẽ tiếp tục giảng từ đoạn này, giảng từ đoạn “*nãi nhĩ vong linh*”.

Hôm nay giảng đến đây thôi.

Tập 03

Hôm qua giảng đến phần văn tác bạch sau bài kệ “*giác hải*”, đầu đoạn văn này trước hết thuyết minh đạo lý cảm ứng. Đạo lý ấy rất sâu, chẳng dễ hiểu cho lắm, nhưng chắc chắn có chuyện như thế ấy, nghĩa lý rất sâu. Tu pháp sự này là vì một nhân duyên đặc biệt, tức là siêu độ vong linh, đó là nhân duyên đặc biệt. Trên thực tế, pháp môn này đúng là vô cùng thù thắng; bởi thế, Tịnh Tông Học Hội mỗi Chủ Nhật cử hành một lần, tạo thành một khoa mục trong chương trình tu học của chúng ta. Trung Phong đại sư khai thị vô cùng tinh vi, chúng ta có dịp thường xuyên đọc tụng, theo văn nhập quán, giúp chúng ta tiêu trừ nghiệp chướng, nâng cao cảnh giới, rất hữu ích. Chúng tôi đọc đoạn văn ấy một

lượt:

**Pháp vương lợi vật,
Bi trí hồng thâm,
Phổ biến thập phương,
Minh dương mị cách.**

法王利物。

悲智洪深。

普遍十方。

冥陽靡隔。

(Pháp vương lợi vật,
Bi trí rộng sâu,
Trọn khắp mười phương,
Âm, dương chẳng cách).

Mười sáu chữ trong bài kệ bốn câu này, ngày hôm qua đã thuật cùng quý vị rồi. Trước hết chúng ta phải hiểu rõ chân tướng của sự thật: Trong chân tướng, không gian chẳng có xa - gần, thời gian chẳng có trước - sau. Bởi thế, đối với chư Phật, Bồ Tát, đối với tất cả hết thảy chúng sanh trong mười pháp giới, chúng ta thực sự chẳng chướng ngại gì, đúng như kinh Hoa Nghiêm dạy lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Hễ có cảm bèn lập tức có ứng. Giờ đây, nhờ vào trai chủ, tức là vì nhân duyên đặc biệt, vì một chuyện nào đó mà họ thực hiện pháp sự này.

Đặc thỉnh sơn tăng đăng tọa.

特請山僧登座。

(Riêng thỉnh sơn tăng lên tòa).

“Sơn tăng” là pháp sư chủ trì pháp hội nói tự khiêm, tự xưng một cách khiêm nhường.

“Y bằng giáo pháp, tác Tam Thời Hệ Niệm Phật Sự”.

依憑教法。作三時繫念佛事。

(Nhờ vào giáo pháp, làm Phật sự Tam Thời Hệ Niệm).

Hôm qua chúng tôi đã giảng đến đây.

Nãi nhĩ vong linh, tao thử thắng duyên.

迺爾亡靈。遭此勝緣。

(Vong linh các người, gặp duyên thù thắng này).

“Thần linh” là tiếng để gọi chung chúng sanh trong chín pháp giới. Chuyên gọi một người nào đó đã qua đời khuất núi thì nói là “vong linh”; còn như trong công khóa tu học thường ngày, thì gọi là “thần linh”, tức là nói trọn khắp hết thấy tôn thần trong pháp giới, tận hư không giới. Vì nguyên nhân nào? Vì cầu sanh Tịnh Độ. Thần linh trong chín pháp giới vẫn phải cầu sanh Tịnh Độ ư? Đúng vậy! Trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy bốn mươi địa vị Pháp Thân đại sĩ, bao gồm cả Văn Thù, Phổ Hiền đều cầu sanh Tịnh Độ. Có vậy, quý vị mới hiểu pháp môn Tịnh Độ thù thắng!

Chúng sanh trong chín pháp giới vẫn còn mê hoặc, chẳng biết đại sự nhân duyên thù thắng; chúng ta đem tin tức này báo cho họ. Chúng ta tin tưởng sâu xa họ nghe được tin tức này, trong đời quá khứ ai nấy đều có thiện căn, ta khơi dậy thiện căn của họ khiến họ giác ngộ. Giác ngộ đây chẳng phải là minh tâm kiến tánh, mà giác ngộ là gì? Do thiện căn trong đời quá khứ phát hiện, tất nhiên họ sẽ niệm A Di Đà Phật cầu sanh về thế giới Cực Lạc, cùng dự pháp hội này với chúng ta, cùng mọi người chúng ta thực hiện khóa lễ này.

“Nãi nhĩ vong linh, tao thử thắng duyên”: “Tao” (遭) là gặp gỡ, chúng ta gặp được pháp duyên thù thắng này, pháp duyên thù thắng này chẳng dễ gặp được, đúng là “trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ”, [mà nay may mắn] gặp được pháp duyên thù thắng này.

Tự nghi nghiêm túc oai nghi.

自宜嚴肅威儀。

(Hãy tự nghiêm túc oai nghi).

“Nghiêm túc oai nghi” ở đây như cổ nhân Trung Quốc thường nói: “Thành ư trung nhi hình ư ngoại” (lòng Thành bên trong thể hiện ra ngoài). Từ “nghiêm túc oai nghi” bên ngoài thấy được nội tâm kiên thành cung kính. Cứ hễ có tâm cung kính thì rất nhiều việc tự nhiên thành, chẳng cần phải tạo tác gì, cũng chẳng cần ai phải dạy, chẳng cần ai dẫn dắt, tự nhiên biểu hiện thái độ hết sức cung kính. Điều này tôi thấy rất nhiều.

Lai lâm tọa hạ, cung linh diệu pháp.

來臨座下。恭聆妙法。

(Đến dự dưới tòa, kính nghe diệu pháp).

Đến tham dự pháp hội cùng chúng ta, cung cung kính kính lắng nghe. Ở đây chúng ta sẽ đọc kinh A Di Đà, hãy nghe kinh, trong Tam Thời Hệ Niệm có những khai thị hết sức tinh vi, chúng ta hãy cùng nhau tu học.

Nhất tâm thọ độ.

一心受度。

(Một dạ lãnh nhận giáo huấn).

“Thọ độ” nghĩa là tiếp nhận lời răn dạy, trong Phật pháp thường gọi là “độ”, tức là “giáo đạo” (教導: Chỉ dạy). Vì sao chẳng dùng chữ “giáo đạo”, lại dùng chữ “độ”? Độ là nói từ mặt Quả, từ thành tựu mà nói. “Giáo đạo” là nhân, là dạy học. Dạy học có được thành tựu hay không? Nếu có thành tựu thì gọi là Độ. Ý nghĩa gốc của chữ Độ vốn là tỷ dụ, giống như vượt qua sông vậy, chúng ta từ bờ bên này vượt sang bờ bên kia. Nếu chúng ta vượt được sông qua đến bờ đối diện thì gọi là “độ quá” (vượt qua). Bởi thế, kinh Phật thường dùng tỷ dụ sau: Chúng ta đang ở bờ mê hoặc bên này, bờ đối diện là giác ngộ, chúng ta muốn từ mê vượt lên giác. Phật răn dạy nhằm giúp chúng ta phá mê khai ngộ, giúp chúng ta đoạn ác làm lành. Nay chúng ta đang ở bờ ác bên này, ta muốn vượt qua bờ thiện bên kia. Vì thế, Độ là từ quả mà nói, Giáo là từ nhân mà nói. Do vậy, chữ Độ rất sâu sắc, rất viên mãn, Giáo có lúc chẳng viên mãn, Độ là đã đưa ra thành tích hết sức tốt đẹp cho quý vị thấy.

Muốn “thọ độ” thì trọng yếu nhất là phải “nhất tâm”. Có nhất tâm thì quý vị mới tiếp nhận được sự giáo huấn, mới thực sự chuyển được cảnh giới. Nhất tâm là chân thành, nhị tâm chẳng chân thành. Trước kia, tiên sinh Tăng Quốc Phiên đời Thanh, nói thật ra, ông ta cũng là một học giả bất phàm, thích đọc sách; trong bút ký đọc sách của ông ta có định nghĩa chữ Thành. Thế nào là Thành? Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc rất coi trọng chữ Thành này, bất luận pháp thế gian hay xuất thế gian, mâu chốt để thành tựu hay không là do quý vị có lòng Thành hay không? Thế nào là Thành? Tăng Quốc Phiên nói: “Nhất niệm chẳng sanh là Thành”.

Ông ta giải thích cách này rất giống với thuyết nhà Phật. Nhất niệm chẳng sanh, niệm ở đây là vọng niệm; không có vọng niệm. Cũng có thể nói phân biệt, vọng tưởng, chấp trước đều là vọng niệm, đều phải đoạn sạch những vọng niệm ấy, gì cũng chẳng còn, đó gọi là Thành. Nếu vẫn còn có một niệm, một niệm vui thích hay một niệm sân hận, quý vị chưa buông xuống được thì chưa có được chữ Thành ấy!

Một con người tốt, hết sức từ bi, đối với người, đối với hết thảy chúng sanh đều có tâm yêu thương, nhưng trong tâm còn có điều gì đó, như là tham luyến, hoặc là nóng giận vĩnh viễn chẳng buông xuống được thì do một niệm ấy, tấm lòng Thành bị phá hoại mất. Vì sao đức Phật dạy chúng ta tu thành kính? Đức Phật biết quý vị nóng giận, tham ái là do đầu dây mối nhợ từ đời quá khứ, chứ chẳng phải là nhân duyên một hai đời. Bởi thế, hiện thời, các bác sĩ tâm lý ngoại quốc đều chữa tâm bệnh. Vì sao họ không buông xuống những chuyện ấy xuống được, có ấn tượng sâu đến thế? Thực sự là niệm niệm chẳng quên, chứa trong chỗ sâu kín của tâm hồn. Đây là chỗ thương tích trí mạng cho việc tu hành chứng quả, chẳng những không thể chứng quả, mà còn chẳng thể khai ngộ nổi.

Bác sĩ tâm lý ngoại quốc dùng thuật thôi miên khiến những người đó trở về đời quá khứ, một đời quá khứ, hai đời quá khứ, ba đời quá khứ. Tôi từng nghe nói: Có trường hợp thôi miên đến mức rất sâu, người được thôi miên có thể nhớ việc trong hơn tám mươi đời trước, kể ra hết. Hơn tám mươi đời trước tức là cách hiện tại gần như ba bốn ngàn năm. Những sự việc khiến cho kẻ ấy bị đả kích nghiêm trọng trong thuở đó, như bị người khác hãm hại, bị người khác lăng nhục đau đớn không thiết sống nữa. Những ý niệm ấy ghi khắc rất sâu; trong A Lại Da Thức hàm tàng những chủng tử đó, mấy ngàn năm sau, mấy chục đời sau, những chủng tử ấy vẫn hiện hành, vẫn khởi tác dụng. Quý vị nói có phiền phức hay chẳng? Thông qua phương thức [thôi miên] đó khiến cho [bệnh nhân] tự nói ra.

Hiện thời khoa học phát triển, dùng máy ghi âm thâu lại, chờ lúc họ tỉnh dậy, mở cho họ nghe. Họ nghe xong, vấn đề chi cũng được hóa giải hết, là vì sao? Biết rõ tiền nhân hậu quả, không sự gì là ngẫu nhiên cả. Người này tốt với mình là vì trong đời trước mình tốt với kẻ ấy; người này chơi xấu mình là do mình trong đời trước xử tệ với hắn, oan oan tương báo! Nghĩ vậy không bận lòng nữa, coi như xong, chuyện đó xong rồi, kết liễu rồi! Hy vọng đời sau kiếp sau gặp được bạn bè tốt, chẳng cần phải trở thành oan gia, chẳng cần đối đầu nữa, hóa giải hết.

Đức Phật có năng lực như thế, đức Phật biết được sự tình của hết thảy chúng sanh trong vô lượng kiếp trước. Bởi thế, đức Phật thuyết pháp cao minh, Ngài có thể lôi ra hết những chủng tử nghiệp chướng, tập khí ẩn sâu trong Tạng Thức của ta khiến cho ta giác ngộ, khiến ta tự dẹp yên (nói theo cách bây giờ) những mâu thuẫn, nghi ngờ, lo lắng trong nội tâm, hóa giải hết tất cả, [vì thế], nhất tâm và lòng thành kính của ta bèn hiện tiền. Có điều kiện ấy thì quý vị mới có thể tu đạo, nhất tâm thọ độ!

4. Lư Hương Tán

Tiếp theo là phần Lư Hương Tán là bài tán tụng phổ biến nhất trong Phật môn. Trước hết, mở đầu bằng bài Giới Định Chân Hương. Bài này tôi đã thưa cùng quý vị rồi, Trung Phong đại sư có dụng ý đặc biệt. Không có Giới, không có Định, tu pháp môn gì cũng chẳng được lợi ích, bởi thế phải nêu Giới Định trước hết.

Bài Lư Hương Tán thuộc thể loại tán tụng. Nếu dùng thuật ngữ tôn giáo thông thường để nói thì nó thuộc thể loại kỳ đảo, dùng hình thức thi ca để diễn đạt. Tôi nói như thế này chắc mọi người rất dễ hiểu, rất dễ lãnh hội. Đây là bài cầu nguyện, mong nhờ vào lời cầu nguyện này mà được cảm ứng đạo giao cùng chư Phật, Bồ Tát, đến gia trì pháp hội này. “*Gia trì*” là danh từ trong Phật giáo, nói theo cách bây giờ là “đền che chở, ban phước, giúp sức” khiến cho việc làm này của chúng ta được thành công viên mãn. Việc làm ở đây chính là pháp sự Hệ Niệm. Những đại chúng cùng dự hội, đại chúng gồm chúng sanh trong chín pháp giới đây, ai nấy đều được lợi ích, đặc Pháp Hỷ. Chúng ta hãy xem bài Hương Tán.

Lư hương sạ nhiệt.

爐香乍爇。

(Lò hương vừa đốt).

“*Sạ*” (乍) là mới vừa. Cái đỉnh báu, cái lò hương vừa mới đốt lên, khói hương tỏa khắp.

Pháp giới môn熏.

法界蒙熏。

(Pháp giới khắp xông).

Pháp giới rất lớn! “*Xông khắp pháp giới*” là sự thật, có phải là khoa trương hay không? Trong bài văn tác bạch ở trên có câu “*phổ biến thập phương, minh dương mị cách*” (trọn khắp mười phương, âm dương chẳng ngăn cách). Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói: “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (Hết thấy pháp sanh từ tâm tướng sanh). Tâm tướng ấy là sóng tâm chuyển động, tốc độ nhanh không có cách gì tưởng tượng được. Hiện tại, vật lý học nghĩ tốc độ ánh sáng nhanh nhất, nhưng các nhà vật lý cận đại biết chắc chắn trong vũ trụ quả thật còn có những thứ có tốc độ nhanh hơn ánh sáng; nhưng trong Thái Dương Hệ của chúng ta, tốc độ ánh sáng nhanh nhất, một giây đi được ba mươi vạn cây số. Thừa thật cùng quý vị, nhanh nhất là ý thức, ý niệm. Ý niệm vừa nảy sanh, tốc độ lan truyền của nó liền trọn khắp hư không pháp giới, ánh sáng chẳng thể sánh bằng được. Tổ sư đại đức dạy chúng ta: Tâm càng thanh tịnh, càng định, thì phạm vi lan truyền của sóng niệm càng lớn. Kinh Lăng Nghiêm nói “*tịnh cực quang thông*”, [nghĩa là] tịnh đến mức cùng cực thì quang (quang là tâm quang, quang minh của trí huệ Bát Nhã nơi tự tánh) bèn thông suốt. Thông suốt ở đây là khắp hư không pháp giới, thật đấy! Chẳng giả đâu!

Bây giờ, nếu hỏi: Lũ phàm phu tục tử chúng ta vọng niệm toi bờ thì có được năng lực lớn lao như thế chẳng? Nói như trên là thật đấy, chẳng sai đâu! Nhưng quý vị phải hiểu: Chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát mỗi vị đều là “*tịnh cực quang thông*”. Nói cách khác, năng lực tiếp thu của các Ngài rất lớn, tuy chúng ta phát sóng, tin tức của chúng ta không đến được các Ngài, nhưng các Ngài có năng lực tiếp thu đến tận chỗ chúng ta, chẳng thể nghĩ bàn! Bởi thế, chúng ta khởi tâm động niệm ở đây, dầu xen tạp vọng tưởng, xen tạp ác nghiệp, các Ngài vẫn có thể tiếp nhận được, năng lực tiếp nhận của các Ngài trọn khắp hư không pháp giới. Bởi thế “*pháp giới môn huân*” là thật, chẳng giả!

Chư Phật hải hội tất dao văn.

諸佛海會悉遙聞。

(Hải hội chư Phật thấy xa nghe).

Bao gồm Pháp Thân Bồ Tát. “*Dao văn*” là quan niệm của phàm phu chúng ta: Ở rất xa, các Ngài cũng nghe thấu; nhưng trong cảnh giới

các Ngài, chẳng có xa hay gần, người học Phật chúng ta chẳng thể không biết điều này! Minh tâm kiến tánh, sau khi kiến tánh, không gian lẫn thời gian đều chẳng còn nữa, đều quy nhất hết. Chúng ta cảm thấy có xa - gần, nhưng đối với các Ngài sẽ là hết như trước mắt, ở ngay trước mắt.

Tùy xứ kết tường vân.

隨處結祥雲。

(Khắp chốn kết mây lành).

Khắp chốn kết mây lành là chuyện dĩ nhiên. Tiếp theo đó:

Thành ý phương ân.

誠意方殷。

(Lòng thành mới ân cần)

“Thành ý phương ân” là chúng sanh năng cảm. Chúng sanh phải có thành ý, thành ý ân cần, thì quý vị mới nhờ vào lư hương [để cảm Phật, Bồ Tát] được. Lư hương nhằm biểu thị pháp, biểu thị một chút thành ý của chúng ta, vừa đốt bèn ân cần. Quý vị thấy hương [cúng dường ấy] được [chư Phật, Bồ Tát] ứng như thế này: “Tùy xứ” là chư Phật ứng, “kết tường vân” là khí thể gian ứng. Đạo vị này quá sức sâu đậm. Chư Phật, Pháp Thân Bồ Tát ở khắp mọi nơi khởi cảm ứng đạo giao cùng chúng ta, “kết tường vân” là khí thể gian ứng. Ý nghĩa này rất nồng đậm. Chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát ở khắp các nơi bèn cảm ứng đạo giao. “Kết tường vân” là nói khí thể gian, tức vô tình thể gian. Điều này đã được khoa học gia Giang Bồn Thắng của Nhật Bản chứng minh: Nước kết tinh tạo thành dạng thức (pattern) mỹ lệ, đấy chính là “kết tường vân”. Tâm yêu thương, tâm cảm tạ, mỹ ý, thiện hạnh có thể làm cho thiên địa vạn vật kết tinh thành dạng đẹp đẽ nhất, đấy chính là ý nghĩa của chữ “tường vân”.

Chư Phật hiện toàn thân.

諸佛現全身。

(Chư Phật hiện toàn thân).

Ở đây, “chư Phật” có hai nghĩa: Thứ nhất là rất nhiều các đức Phật Như Lai; thứ hai là gồm cả các Pháp Thân Bồ Tát. Trong Viên

Giáo, từ Sơ Trụ trở lên đều là “*phần chứng tức Phật*”¹⁰. Trong Viên Giáo, từ Sơ Trụ lên đến Đẳng Giác, Diệu Giác gồm bốn mươi hai địa vị, thấy đều là “*chư Phật*”. Cư sĩ Giang Vị Nông chú giải kinh Kim Cang giải thích chữ “*chư Phật*” như vậy, [bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ và Diệu Giác] chính là bốn mươi hai địa vị chư Phật. Ở đây, hai nghĩa này đều hợp lý cả. Nói theo chiều ngang là hết thấy chư Phật, Bồ Tát; nói theo chiều dọc là bốn mươi hai địa vị chư Phật. Đây là chư Phật đến cảm ứng, trí Chánh Giác thể gian. Trong chữ “*chư Phật*” còn có một ý nghĩa nữa là tam thân chư Phật, tức Pháp Thân, Báo Thân, và Ứng Hóa Thân. Nói như vậy rất hoàn thiện, tất cả đều hiện toàn thân, thực sự hiện thân, chứ chẳng phải giả. Quý vị phải hiểu thấu suốt, minh bạch, biết cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn. Nếu quý vị chẳng thể thấu suốt, minh bạch điều này thì quý vị chỉ xướng bài tán này, chỉ niệm theo văn mà thôi, chẳng nhập được cảnh giới, chẳng thể thụ dụng chân thật. Tiếp đó là Phật hiệu:

Nam mô Vân Lai Tập Bồ Tát Ma Ha Tát.

南無雲來集菩薩摩訶薩。

Ở đây không phải là Hương Vân Cái Bồ Tát. “*Vân Lai Tập*”: Chư Phật, Bồ Tát vô lượng vô biên như mây, đều nhóm đến đạo tràng này, từ mười phương nhóm đến. Danh hiệu này phải xưng ba lần, biểu thị chúng ta ân cần khẩn thiết khai thỉnh, thỉnh ba lần nhưng niệm một câu. Lần niệm Vân Lai Tập cuối cùng thường thêm hai chữ Hải Hội thành Nam Mô Vân Lai Tập Hải Hội Bồ Tát Ma Ha Tát. Hai lần đầu là Nam Mô Vân Lai Tập Bồ Tát Ma Ha Tát, lần thứ ba là Nam Mô Vân Lai Tập Hải Hội Bồ Tát Ma Ha Tát. Đây thường là cách tán tụng kỳ đảo dùng trong các pháp hội quy mô lớn. Bởi vậy, quý vị phải nhớ kỹ: Tất cả hết thấy tán tụng đều là những bài cầu nguyện như trong tôn giáo thường nói, giống như thơ ca ngợi, thi ca tán dương; trong nhà Phật gọi là Phạm Bái, là Tán Tụng.

Trong bài Hương Tán ở phần trước, chúng tôi từng nhắc đến công

¹⁰ Phần chứng tức Phật: một trong sáu loại Phật theo giáo nghĩa Thiên Thai. Phần chứng tức là giác ngộ một phần, người giác ngộ một phần hoặc vài phần, tức là bậc Sơ Trụ trở lên được coi như là Phật.

án Da Thâu Đà La, nay tôi giới thiệu rất đơn giản cùng quý vị. Da Thâu Đà La là phi tử của Thích Ca Mâu Ni Phật, bà ta mắc nạn; chuyện ấy chúng tôi chẳng cần thuật chi tiết. Nói kỹ rất mất thời gian; nếu quý vị muốn biết rõ hãy coi trong sách Kinh Luật Dị Tướng. Sách Pháp Uyển Châu Lâm càng chép rõ hơn, tự hồ có ba cách giải thích vì sao Da Thâu Đà La mắc nạn? Vì sao tôn giả La Hầu La ở trong thai mẹ sáu năm mới sanh? Điều có nhân quả! Trong kinh thuyết minh cặn kẽ, tra cứu kinh rất phiền, phải biết tra đúng bộ kinh nào; cổ nhân đã làm việc ấy rồi, làm rất kỹ. Họ đem các công án, nhân duyên trong các kinh gom lại một chỗ, soạn thành một loại sách, nay gọi là Phật Học Từ Điển. Sách cổ nhân soạn mang tên Kinh Luật Dị Tướng và Pháp Uyển Châu Lâm, quý vị có thể tham khảo những sách đó. Tiếp theo là một đoạn bạch văn, đoạn bạch văn này thuộc thể loại kỳ đảo.

5. Kỳ Đảo Văn

Thử nhất biện hương.

此一瓣香。

(Một nén hương này).

Hương này là hương hình thức. Chúng ta đốt Đàn Hương, cắt Đàn Hương thành từng mảnh, từng nén, nhằm tượng trưng cho điều gì? Tượng trưng cho tâm hương của chúng ta, biểu thị một tấm lòng kiên thành lễ kính. Do vậy, nó là một nén tâm hương. Những câu tiếp theo toàn nói về tâm hương, chứ chẳng phải là hương vật chất.

Căn bàn kiếp ngoại.

根蟠劫外。

(Gốc cuộn ngoài kiếp).

“Kiếp” (kalpa) là thời gian, đây là nói bằng thí dụ. Đàn Hương là gỗ Chiên Đàn, dùng để sánh ví Pháp Thân của chúng ta, Pháp Thân của chúng ta là cây Chiên Đàn. Một mảnh hương này là tâm hương của chúng ta, cội rễ của Pháp Thân vượt ngoài thời kiếp, Kiếp là thời gian, câu này có nghĩa là siêu việt thời gian.

Chi bá trần hoàn.

枝播塵寰。

(Nhánh trùm vũ trụ).

“Trần hoàn” là không gian, hư không pháp giới. Tám chữ này (tức “căn bản kiếp ngoại, chi bá trần hoàn”) có nghĩa là siêu việt thời gian lẫn không gian. Siêu việt cả thời gian lẫn không gian chỉ có chân tâm. Chẳng phải là chân tâm, chẳng phải là bốn tánh, sẽ chẳng có cách gì siêu việt được!

Bất kinh thiên địa dĩ sanh thành.

不經天地以生成。

(Chưa từng được trời đất sanh thành).

Nó chẳng phải do trời đất sanh ra. Chẳng phải do trời đất sanh ra thì từ đâu đến? Tự tánh vốn sẵn có đủ. Câu này nói rất rõ hương này là loại hương gì? Hương chân tánh, chân hương tâm tánh. Chúng ta dùng hương ấy để cúng dường Phật. Vậy thì chúng ta phải hỏi: Phật là gì? Tiếp đó, [lời bạch văn] lại nói ta dùng chân hương tâm tánh để cúng dường.

Khởi thuộc âm dương nhi tạo hóa?

豈屬陰陽而造化。

(Há lẽ thuộc âm dương tạo hóa?)

“Tạo” là tạo tác, “hóa” là biến hóa. “Khởi thuộc âm dương tạo hóa” ý nói hương ấy vĩnh hằng bất biến. Vĩnh hằng bất biến là chân, bị Âm - Dương tạo tác, biến hóa thì chẳng phải là chân, chẳng phải là chân tâm. Quý vị hãy nghĩ xem: Làm sao không cảm ứng cho được? Chúng ta đốt một mảnh Đàn Hương, mảnh Đàn Hương này là giả, là huyễn hóa, chẳng phải thật, nó có sanh diệt, nhờ vào nó để biểu thị chân hương tâm tánh, vĩnh hằng bất biến, bất sanh bất diệt. Hương là tánh đức, Quang là trí huệ sẵn có nơi tự tánh; vì thế, thường gộp chung thành “*hương quang trang nghiêm*”. Ở đây:

Nhiệt hướng lô trung.

熱向爐中。

(Đốt đặt trong lò).

Cái lò này cũng biểu thị pháp. Mảnh hương này đốt trong lò hương, hương là tánh đức của chúng ta. Lò là gì? Lò là pháp giới! Mật tông sử dụng Mạn Đát Lạp (Mandala), Mạn Đát Lạp biểu thị pháp giới; trong Hiền giáo thì dùng lư hương để biểu thị pháp giới. Cũng dường khắp pháp giới, tận hư không giới.

Chuyên thân cúng dường.

專伸供養。

(Chuyên dâng cúng dường).

Ở đây nói rất rõ đối tượng cúng dường...

Thường trụ Tam Bảo, sát hải vạn linh.

常住三寶。剎海萬靈。

(Thường trụ Tam Bảo, vạn linh trong các cõi nhiều như biển).

Bao gồm hết thảy, Thường Trụ Tam Bảo là Trí Chánh Giác thế gian, Sát Hải Vạn Linh là hữu tình thế gian và khí thế gian, thảy đều cúng dường trọn khắp pháp giới, hư không giới, không sót một thứ gì. Chúng ta xướng bài tán này, cầu nguyện như thế, quý vị có cái tâm ấy hay chẳng? Cổ đức thường dạy chúng ta “*tùy văn nhập quán*”, [tức là] dựa theo kinh văn mà biến hóa tâm lượng giống hết như trong kinh văn đã nói, công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn. Bởi thế, nếu quý vị chẳng hiểu ý nghĩa, quý vị chỉ xướng theo chữ không có ý nghĩ gì, chỉ là đeo miệng, chẳng thể tương ứng! Nhất định phải hiểu được ý nghĩa. Thường xuyên xướng tụng, thường niệm theo, sẽ tự nhiên biến thành tâm hạnh của chính mình. Ta dùng ngay trí huệ, Giới, Định, tánh đức của chính mình, niệm niệm chẳng quên cúng dường trọn khắp pháp giới, hư không giới hết thảy chúng sanh. Trên là chư Phật Như Lai, dưới là chúng sanh trong địa ngục, hữu tình, vô tình, đều cúng dường hết, cây cối hoa cỏ, sơn hà đại địa cũng đều gộp hết trong đó, “*sát hải vạn linh*” mà! Tiếp đó, đặc biệt chỉ ra:

Cực Lạc đạo sư A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Hải Chúng.

極樂導師。阿彌陀佛。觀音勢至。清淨海眾。

Đặc biệt nêu lên Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong câu trước là thấy đều cúng dường trọn khắp; ở đây, đặc biệt nêu rõ, bởi mục tiêu của chúng ta là cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật. Dùng cách nào để cầu? Dùng cúng dường trọn khắp để cầu. Vì sao? Di Đà cúng dường như thế, Quán Thế Âm, Thế Chí cúng dường như thế; nay ta cũng cúng dường như thế bèn đầy đủ điều kiện vãng sanh thế giới Cực Lạc. Quý vị không có điều kiện ấy mà muốn sanh về thế giới Cực Lạc thì chỉ là vọng tưởng vì chẳng đầy đủ điều kiện!

Bây giờ đã hết giờ rồi, chúng ta nghỉ vài phút.

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta hãy xem tiếp, trên đây là một đoạn văn kỳ đảo, chúng ta hãy đọc qua một lượt:

Thử nhất biện hương, căn bản kiếp ngoại, chi bá trần hoàn, bất kinh thiên địa dĩ sanh thành, khởi thuộc âm dương nhị tạo hóa, nhiệt hướng lô trung, chuyên thân cúng dường thường trụ Tam Bảo, sát hải vạn linh.

此一瓣香。根蟠劫外。枝播塵寰。不經天地以生成。豈屬陰陽而造化。爇向爐中。專伸供養。常住三寶。剎海萬靈。

(Một nén hương này, gốc cuộn ngoài kiếp, nhánh trùm vũ trụ, chẳng do trời đất sanh thành, há thuộc Âm Dương tạo hóa? Đốt đặt trong lò, chuyên dâng cúng dường, thường trụ Tam Bảo, vạn linh trong các cõi nhiều như biển).

Mấy câu này thật hết sức trọng yếu, nhất định chẳng được nói niệm xong đoạn văn này là đủ, tâm ta nhất định phải hoàn toàn ứng với văn, đây là cái nhân chân thật để cảm ứng. Vì sao được cảm ứng? Cái nhân chân thật là ở chỗ này (tức tâm hoàn toàn ứng với lời văn trong bài Kỳ Đảo này), chúng ta chẳng thể không biết điều này. Do vậy, ta biết: Người chân chánh giác ngộ, thực sự minh bạch, họ cũng thực sự có cùng một Thể với pháp giới và hư không giới, niệm niệm chẳng lìa, niệm niệm chẳng cách ngăn, chướng ngại. Họ cảm ứng cùng pháp giới, hư không giới; trên là chư Phật Như Lai, dưới là chúng sanh trong địa ngục,

tình và vô tình (vô tình là sơn hà đại địa, hoa cỏ, cây cối, bao gồm hết thấy tất cả hiện tượng tự nhiên, nói theo khoa học hiện thời là các hiện tượng vật chất trong vũ trụ), thấy đều được bao gồm trong ấy.

Thành ý! Chúng tôi nói tâm chân thành trọn khắp, tâm thanh tịnh trọn khắp, tâm bình đẳng trọn khắp, tâm chánh giác trọn khắp, tâm từ bi trọn khắp vừa cảm thì ba thứ thể gian trong pháp giới, tức trí Chánh Giác thể gian là chư Phật, Bồ Tát, hữu tình thể gian là hữu tình chúng sanh, khí thể gian là vô tình, ba thứ thể gian (là toàn thể vũ trụ) đều có ứng. Một niệm của chúng ta cảm thì mọi thứ trong toàn thể vũ trụ thấy đều ứng, chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta dùng điều này để hồi hướng như trong đoạn văn sau đây:

Cực Lạc đạo sư A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Hải Chúng.

極樂導師。阿彌陀佛。觀音勢至。清淨海眾。

Đây là chuyên chỉ (tức nói rõ đối tượng hồi hướng), bởi lẽ, công khóa chúng ta đang tu đây nhằm để cầu sanh Tịnh Độ, cầu được thân cận Di Đà, thân cận Quán Âm, Thế Chí, thân cận hết thấy đại chúng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu tâm hạnh chúng ta chẳng thuần tịnh, thuần thiện, sẽ chẳng thể cảm ứng. Bởi thế, trong tâm chẳng được xen tạp mảy may; nếu không, sai mất rồi! Trong tâm ắt chẳng có kẻ oán hận nào, chẳng có oán hận gì; hễ có một thứ nào thì sẽ là xen tạp, tâm thuần tịnh thuần thiện bị phá hoại. Nhất định phải biết buông xuống; chẳng thể buông xuống được là hại mình, hại tự tánh, hại chân tâm. Tự tánh mê thì chân tâm trở thành hư vọng, vì đã bị một vọng niệm xen tạp. Ngàn vạn phần chẳng được xem thường vọng niệm, vọng niệm đó gây hại; không có pháp thể gian, xuất thể gian nào gây hại bằng nó đâu! Có như thế thì mới thấy tánh chất nghiêm trọng của vọng niệm. Sau cùng là hai câu tổng kết:

Tất trượng chân hương, phổ đồng cúng dường.

悉仗真香。普同供養。

(Đều cậy vào chân hương, bình đẳng cúng dường khắp cả).

Chân hương này là hương quang tánh đức, “*phổ đồng cúng dường*” là tu đức, tương ứng với tánh đức. Đức Phật nói: Trong hết thấy

các thứ cúng dường, pháp cúng dường bậc nhất. Sự cúng dường ở đây thuộc về pháp cúng dường, nay chúng ta đang tu hành pháp cúng dường; như trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên đã dạy chúng ta “*nưh giáo tu hành cúng dường*” (cúng dường bằng cách tu hành theo đúng lời dạy). Phật dạy chúng ta như thế nào, chúng ta học làm theo như thế ấy, mọi sự Phật chỉ dạy chúng ta đều thực hành, đó là cúng dường. Chúng ta thấy những lời trần thuật trong đoạn văn kỳ đảo này đều là những lời đức Phật thường răn dạy trong kinh luận, chúng ta phải học tập, niệm niệm chẳng quên, niệm niệm thực hiện, khế nhập cảnh giới, đó là “*phổ đồng cúng dường*”. Tiếp đó, đọc ba lần:

Nam mô Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát.

南無香雲蓋菩薩摩訶薩。

Ý nghĩa giống như ở phần trên, niệm danh hiệu này phải hiểu được ý nghĩa của danh hiệu. “*Hương Vân Cái Bồ Tát Ma Ha Tát*” là tiếng gọi chung hết thầy Bồ Tát, chứ chẳng phải chuyên chỉ một vị nào, hoặc chuyên chỉ một “*quần thể*” nào! Nay chúng ta gọi “quần thể” là đoàn thể. Tất cả Bồ Tát Ma Ha Tát trong khắp giới, hư không giới đều được bao gồm trong ấy, đều là Hương Vân Cái. [Bài văn kỳ đảo trong phần này của] pháp sự giống như đoạn văn kỳ đảo vừa được nói trong phần trên, đều cùng là Tự Phần của pháp sự.

Dưới đây, chánh thức bước vào pháp sự Tam Thời Hệ Niệm. Tam Thời Hệ Niệm có ba thời: Thời thứ nhất, thời thứ hai và thời thứ ba. Quý vị phải biết ba thời này cùng lấy “trì danh niệm Phật” làm chủ, nhưng với mỗi thời pháp sự, mở đầu bằng niệm kinh, đại sư chọn Phật Thuyết A Di Đà Kinh. Trước hết là niệm kinh, rồi mới niệm chú, tức là niệm chú Vãng Sanh. Tiếp đó là nghe kinh, tức là nghe giảng khai thị. Mỗi chữ, mỗi câu trong phần khai thị đều là kinh văn, nay chúng ta gọi là “*tập hội*”, tức là tóm góp những khai thị trọng yếu nhất, tinh túy nhất trong kinh luận nhà Phật, hòng cảnh tỉnh chúng ta, khiến cho chúng ta thời thời khắc khắc chẳng quên, cùng học tập.

ĐỆ NHẤT THỜI

Trước khi niệm kinh, trước hết phải niệm ba câu:

Nam mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát.

南無蓮池海會佛菩薩。

Nam-mô nghĩa là quy mạng, quy y, lễ kính, chí thành cung kính. “*Liên Trì Hải Hội*” là Tây Phương Cực Lạc thế giới, hội này vĩnh hằng chẳng tan, nếu nói bằng thuật ngữ Phật pháp thì là pháp hội bất sanh bất diệt. “*Liên Trì*” có thật! Trong kinh đức Phật đã nhắc đến ao báu, nước tám công đức. Ao ấy do các báu hợp thành, đáy ao chẳng phải là cát bùn mà là cát bằng vàng. Phật nói như vậy. Trong ao ấy nở đầy hoa sen, hoa sen do đâu mà có? Hết thấy chúng sanh trong mười phương thế giới phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong ao sen trước giảng đường của Phật A Di Đà bèn mọc một đóa hoa sen. Trên hoa ghi tên họ kẻ ấy, chẳng nhầm lẫn! Hoa sen do đó mà có, tốt bậc tuyệt diệu vậy!

Nếu tâm quý vị lui sụt, không còn ý nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới nữa, hoa sen ấy bèn chết khô, chẳng còn hoa sen đó nữa. Có thể nói: Trong thế giới Cực Lạc, tất cả hết thấy hoa cỏ, cây cối, tình và vô tình đều là bất sanh bất diệt, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ thấy có một tướng sanh diệt là hoa sen trong ao sen, hoa sen thực sự có sanh có diệt. Cá nhân đó nhất niệm muốn cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì trong ao đó mọc lên một đóa sen; tâm thoái thất thì hoa sen chẳng còn nữa. Trong thế giới Cực Lạc, chỉ có mỗi chuyện này là thấy có tướng sanh diệt. Nếu quý vị phát tâm rất chân thành, thiết tha, tu hành thật dũng mãnh, hoa của quý vị tăng trưởng rất nhanh, ánh sáng, màu sắc xinh đẹp. Nếu quý vị tu hành xen tạp quá nhiều, hoa kém tươi đẹp, tựa hồ có quá nhiều màu sắc hỗn tạp, hoa sen cũng chẳng to.

Nói tóm lại, người chuyên tu Tịnh nghiệp, hết thấy chẳng xen tạp thì hoa sen của người ấy tăng trưởng vừa nhanh, vừa đẹp, vừa lớn. Trong tương lai, khi vãng sanh, A Di Đà Phật cầm hoa sen đó đến tiếp dẫn [hành giả] vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, hóa sanh trong hoa sen đó! Có phải là sanh về thế giới Cực Lạc là sẽ biến thành một đứa bé ở trong hoa sen ấy hay không? Thừa cùng quý vị, không phải vậy! Nếu biến thành giống như một đứa bé dần dần lớn lên thì Tây Phương Cực Lạc thế giới có tướng sanh - lão - bệnh - tử. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có những chuyện như thế, hề sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, hình dạng sẽ vĩnh viễn cố định như thế, hóa sanh mà! Tướng hảo quang minh chẳng khác Phật cho lắm!

Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật đã giới thiệu bốn mươi tám nguyên của A Di Đà Phật rất rõ ràng, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thể chất đều là thân kim cang tử ma chân kim sắc, thân kim cang bất hoại, tướng mạo chẳng chỉ có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp đầu nhé, chẳng phải chỉ vậy! Ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình chỉ là Ứng Liệt Thân trong thế gian chúng ta mà thôi. A Di Đà Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới “*có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng vẻ đẹp*”, đến chỗ nào bèn mang thân [tương xứng với] nơi đó. Trong kinh đức Phật dạy rất rõ ràng: A Di Đà Phật tiếp dẫn quý vị vắng sanh, liên hoa hóa sanh, quý vị ở trong hoa sen ấy, do vì quý vị mang nghiệp theo nên hoa sen chưa nở, đó là đời nghiệp.

Bài kệ Hồi Hướng chúng ta thường đọc cũng là lời cầu nguyện nơi tâm: “*Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh*”. Do đây ta biết: Câu ấy đâu phải là nói tùy tiện, lúc nào hoa nở? Lúc chúng được Vô Sanh Pháp Nhãn, hoa sẽ nở! Vô Sanh Pháp Nhãn là pháp chứng đắc của Bồ Tát Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa. Thất Địa Bồ Tát chúng được hạ phẩm Vô Sanh Pháp Nhãn, Bát Địa chúng trung phẩm, Cửu Địa chúng thượng phẩm. Do đây ta biết rằng: Trong hoa sen, quý vị chúng đắc quả vị rồi hoa sen mới nở. “*Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh*”. Do đây biết rằng: Nếu chưa thực sự chúng đắc Thất Địa thì hoa chưa nở. Khi hoa chưa nở, có phải là rất cô độc hay chẳng? Chẳng phải, trong hoa có thế giới, thế giới gì vậy? Thế giới Cực Lạc.

Trong hoa là thế giới Cực Lạc, ngoài hoa cũng là thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc trong hoa chẳng nhỏ, thế giới Cực Lạc ngoài hoa chẳng lớn, trong - ngoài là một, chẳng phải hai. A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí giáo hóa quý vị ở trong hoa, hải hội đại chúng cũng ở trong hoa. Quý vị cảm thấy kỳ quá ư? Không có chút gì kỳ quái hết. Vì sao vậy? Quý vị thấy trong kinh Hoa Nghiêm còn có những việc càng kỳ quái hơn nữa kia! Kinh Hoa Nghiêm nói sao? Trong vi trần có thế giới. Mỗi một vi trần – nơi thân chúng ta chẳng biết có bao nhiêu là vi trần – vi trần được nói trong nhà Phật chính là cơ bản của vật chất. Khoa học hiện tại nói cơ bản của vật chất là gì? Là nguyên tử, điện tử (electron), lạp tử (leptons). Hiện thời họ còn phát hiện những hạt nhỏ hơn lạp tử, hình như được đặt tên là khoa-khắc (quark), nhỏ hơn lạp tử nhiều, trong kinh Phật gọi chúng là “vi trần”. Trong vi trần có thế giới, thế giới lớn cỡ nào? Hoàn toàn giống với thế giới chúng ta hiện đang cảm nhận đây!

Vì thế, đức Phật thường nói: Trong một lỗ chân lông hay nơi đầu một sợi lông, Phật chuyển đại pháp luân. Chuyển đại pháp luân là khai

đại pháp hội, vạn ức Bồ Tát cùng ở một chỗ nghe đức Phật giảng kinh thuyết pháp. Ở đâu vậy? Trên đầu một sợi lông. Đầu lông chẳng phóng to, pháp hội chẳng rút nhỏ. Trong tự tánh chẳng có lớn - nhỏ, chẳng có dài - ngắn, chẳng có trước - sau, chẳng có xa - gần. Mấy năm gần đây, hằng ngày chúng ta đọc Hoa Nghiêm, đối với những điều đức Phật đã nói như thế, chúng ta nghe quen tai rồi, chẳng còn cảm thấy kỳ quái nữa. Có những người nghe như thế bèn có thể tiếp nhận được, chứng tỏ tâm lượng họ dần dần mở rộng. Sự việc này quả thật rất khó hiểu, thực sự khó hiểu; chúng tôi sẽ nêu thí dụ để quý vị hiểu được. Trong kinh Phật, tỷ dụ được dùng nhiều nhất là “*mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Trong bốn thứ mộng, huyễn, bọt, bóng ấy, lấy mộng làm chủ, huyễn, bọt, bóng là nói thêm.

Mỗi cá nhân chúng ta đều có kinh nghiệm nằm mộng, quý vị nói cảnh giới trong mộng là lớn hay nhỏ? Cảnh giới trong mộng là gì? Theo Phật pháp, mộng là do một chủng tử trong A Lại Da Thức hiện hành, nhớ kỹ: Một chủng tử! Chủng tử ấy lớn cỡ nào? Hiện nay, khoa học nêu ra một thuyết tôi nghe bèn gật đầu, cũng có lý đôi chút! Các nhà khoa học nói khởi nguyên của vũ trụ là từ một điểm bất thành hình “bùng vỡ” biến hiện ra vũ trụ. Tôi nghe vậy, không đồng ý “bùng vỡ” là chân tướng sự thật, nhưng từ trong một điểm đột nhiên biến hiện ra thì đúng. Một điểm lớn cỡ nào? Các nhà khoa học tính toán, cho rằng lấy một sợi tóc trên đầu chúng ta đem cắt ngang, nhìn vào thiết diện của sợi tóc thấy rất nhỏ. Họ nói một điểm lớn cỡ nào? Đem thiết diện (mặt cắt ngang) của một sợi tóc đó chia thành một trăm ức phần, những phần chia nhỏ như vậy có thể xếp bày thành một trăm ức phần, cảnh giới được hiện đó gọi là “*nhất thời đốn hiện*”. Điều này có thể giải thích mộng cảnh của chúng ta.

Mỗi ngày từ sáng đến tối chúng ta đều nằm mộng. Những tướng được hiện trong mộng cảnh sẽ hiện như thế nào? Hiện khởi những chủng tử trong A Lại Da Thức. Những chủng tử ấy tự hồ không có hình tướng, chẳng những mắt thịt không thấy được mà kính hiển vi cũng chẳng thể thấy. Các nhà khoa học do đâu mà biết? Họ suy diễn từ lý luận Số học. Về căn bản, khoa học kỹ thuật hiện đại vẫn chưa làm được, vẫn chưa có biện pháp để phát hiện điều này; nhưng cách giải thích ấy khiến chúng tôi nghĩ đến những điều được dạy trong kinh: Trong A Lại Da Thức tàng trữ chủng tử, những chủng tử ấy không có hình tướng. Nếu chúng có hình tướng, đức Phật nói “*trộn hư không cũng chẳng thể chứa hết được nổi*”, nhưng chúng thực sự tồn tại. Mỗi một chủng tử đều có thể nhất

thời đốn hiện, hiện ra cảnh giới, cảnh giới chẳng có lớn hay nhỏ.

Làm thế nào để nhập cảnh giới ấy? Theo kinh Hoa Nghiêm mà chúng ta đã đọc trước đây, Phổ Hiền Bồ Tát nhập được. Trên thực tế, Phổ Hiền Bồ Tát nói Đẳng Giác có thể nhập được, nhưng Phổ Hiền là Đẳng Giác, có vị Đẳng Giác Bồ Tát nào chẳng tu hạnh Phổ Hiền? Vì thế, Phổ Hiền chẳng phải là một người, Văn Thù cũng chẳng phải là một vị. Quán Âm, Thế Chí [cũng giống như thế], chỉ cần là một vị Đẳng Giác Bồ Tát [tu hạnh giống như Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí], chúng ta đều có thể coi [những vị Đẳng Giác Bồ Tát ấy] như là một người. Danh hiệu bất đồng biểu thị trí huệ, năng lực bất đồng, chứ trên thực tế, trí huệ năng lực của các Ngài đều viên mãn. Danh hiệu tượng trưng cho sự viên mãn của một bộ phận [trí huệ, năng lực] nào đó. Ý nghĩa là như vậy đó. Đẳng Giác Bồ Tát có thể nhập vô lượng vô biên thế giới, thế giới trùng trùng vô tận, chẳng thể nghĩ bàn.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni cho chúng ta biết: Hoa sen trong ao sen “*đại như xa luân*” (to như bánh xe), chẳng phải như hạt cải, chẳng phải là vi trần. Do đây, chúng ta hiểu rõ: Mỗi hoa sen là một thế giới, kẻ ấy (người được liên hoa hóa sanh trong thế giới Cực Lạc) tu hành trong đó, hoạt động trong đó. Ở trong hoa sen, hằng ngày cúng dường mười phương vạn ức chư Phật chẳng chướng ngại. Tây Phương Cực Lạc thế giới và Hoa Tạng giống nhau. Chẳng những giống nhau mà Cực Lạc còn là cốt lõi của Hoa Tạng, là phần tinh túy của Hoa Tạng, là bộ phận tinh hoa nhất, được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, tác dụng chẳng thể nghĩ bàn. Đến khi hoa nở sẽ thấy Phật, sau khi hoa nở là cảnh giới nào? Là cảnh giới Thật Báo Trang Nghiêm Độ của A Di Đà Phật! Quý vị phải hiểu Phàm Thánh Đồng Cư Độ, Phương Tiện Hữu Dư Độ đều là lúc hoa chưa nở, khi hoa nở là Thật Báo Trang Nghiêm Độ.

Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói rất rõ ràng, vãng sanh Phàm Thánh Đồng Cư Độ, ở trong hoa sen bao lâu mới nở? Mười hai kiếp. Chúng ta nghe thời gian mười hai kiếp [cảm thấy] lâu quá! Trên thực tế, hãy nghĩ xem, trong các kinh Đại Thừa, đức Phật nói, kể từ ngày quý vị chứng được quả Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác, phá một phần vô minh, chứng một phần Pháp Thân, tính từ ngày đó trở đi, tu hành trong thế giới Hoa Tạng, tu trọn bốn mươi một địa vị, cuối cùng chứng được địa vị Diệu Giác, phải mất bao nhiêu thời gian? Trong kinh thường nói là ba đại A-tăng-kỳ kiếp!

Ba đại A-tăng-kỳ kiếp! Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là mười hai kiếp, quý vị mới thấy trong Tây Phương Cực Lạc thế giới tu

hành nhanh hơn nhiều lắm. Trong các cõi Phật khác phải tu ba đại A-tăng-kỳ kiếp, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ tu mười hai kiếp, [đó là sự tu hành của những người thuộc] Hạ Hạ Phẩm vãng sanh trong Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Vì thế, mười phương Bồ Tát có ai mà chẳng muốn biết pháp môn này? Có ai chẳng muốn học pháp môn này? Quả thật do nhân duyên mỗi người bất đồng, thực sự có rất nhiều Bồ Tát chẳng biết [pháp môn Tịnh Độ]. Thiện Đạo đại sư bảo: “*Tổng tại duyên bất đồng*” (nói chung là do gặp duyên khác nhau). Chúng ta nay gặp được pháp duyên thù thắng này, chẳng phải là việc đơn giản. Tây Phương Cực Lạc là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, nhất quyết chớ nên hoài nghi. Quý vị hoài nghi là đã bỏ lỡ cơ hội trong một đời này vậy!

Trong ba kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu cho chúng ta biết cõi Tịnh Độ nào của Tây Phương Cực Lạc thế giới? Ngài toàn giới thiệu cho chúng ta Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Những điều nói trong kinh A Di Đà là [nói về] Phàm Thánh Đồng Cư Độ, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật cũng đều nhằm giới thiệu cõi ấy. Phàm Thánh Đồng Cư Độ đã thù thắng như thế, những cõi [Tịnh Độ] cao hơn [trong Tây Phương Cực Lạc thế giới] thì cần phải nói chi nữa? Người học Phật bỏ Tịnh Độ Di Đà, tu các pháp môn khác, chẳng những là khó, mà thật ra còn đúng như thầy Lý Bình Nam đã viết trong bản chú giải kinh Vô Lượng Thọ, đó là những kẻ ngu si, mê hoặc – “*phi ngu tức mê*” (không ngu thì cũng là mê). Vứt bỏ pháp chúng ta hết sức có khả năng thành tựu ngay trong một đời này, vứt bỏ pháp như vậy quả là đáng tiếc!

Ao sen, nước tám công đức do tự tánh biến hiện, duy tâm sở hiện, hải hội đại chúng chẳng ngoại lệ. Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ. A Di Đà Phật là tự tánh Di Đà, bởi thế trong khai thị ở phần sau, Trung Phong thiền sư nói: “*Ngã tâm tức thị A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức thị ngã tâm*” (Tâm ta chính là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta), “*thủ phương tức Cực Lạc, Cực Lạc tức thủ phương*” (phương này tức Cực Lạc, Cực Lạc tức phương này). Những lời ấy hết sức sâu xa, nhưng là chân tướng của sự thật, chẳng giả chút nào. Những người học Phật, đem mình và Phật chia thành hai, Phật chẳng phải là ta, ta chẳng phải là Phật; đem hoàn cảnh sống hiện tại của chúng ta và thế giới Cực Lạc chia thành hai, Cực Lạc chẳng phải là Sa Bà, Sa Bà chẳng phải là Cực Lạc. Quý vị thấy Trung Phong Thiền Sư đã hợp hai thứ ấy thành một.

Vì sao tướng khác nhau? Tướng khác nhau là do tâm tướng sanh. Do quý vị nghĩ “chẳng phải là một” nên tướng chẳng giống nhau. Nếu cách nghĩ, cách nhìn của quý vị là một, thì tướng bèn thành một. Hiện

tại, chúng ta khởi tâm, động niệm, nói năng, tạo tác, thực sự chẳng giống với người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tâm họ thuần tịnh, thuần thiện, tâm chúng ta bất tịnh, bất thiện. Dù có nói là tịnh thì trong tịnh vẫn xen tạp bất tịnh, nói là thiện thì vẫn xen tạp bất thiện, nên chẳng giống nhau được! Do vậy, đương nhiên cảnh giới chẳng thể giống nhau.

Trong sách, tiền sĩ Giang Bồn Thắng cho biết đã nhiều năm, ông ta hằng ngày quan sát nước kết tinh giống như hoa tuyết, chưa bao giờ thấy hai mẫu kết tinh giống nhau. Mùa Đông hoa tuyết kết tinh cũng giống như thế. Nhìn dưới kính hiển vi, chắc chắn [mỗi hoa tuyết hay hình dạng kết tinh của nước] chẳng giống nhau, chúng ta hiểu rõ đạo lý này. Ai thấy tất cả hết thấy kết tinh đều tương đồng? Kinh Đại Thừa nói “*Phật Phật đạo đồng*”. Chúng ta hãy nghĩ xem: Sau khi thành Phật, một phẩm sanh tướng vô minh tối hậu đã đoạn sạch rồi; nói cách khác, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chẳng còn mảy may gì xen tạp, chư Phật thấy hết thấy hiện tượng trong vũ trụ nhất định tương đồng. Thập Địa Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát thấy hết thấy cảnh giới hết sức giống nhau, hết sức gần gũi, nhưng xem kỹ vẫn chẳng tương đồng, huống chi lục đạo phàm phu! Đương nhiên [phàm phu thấy các cảnh giới] chẳng tương đồng! Mỗi một người chúng ta thấy nước kết tinh cũng chẳng tương đồng, vì sao? Tiền niệm khác với hậu niệm. Đức Phật này giống hết đức Phật kia vì các Ngài đều chẳng có ý niệm, cách thấy của các Ngài hoàn toàn tương đồng, trong mỗi niệm các Ngài thấy tương đồng.

Quý vị nhất định phải biết tất cả hết thấy vạn sự vạn vật trong vũ trụ đều sanh diệt trong từng sát-na. Đây là Thật Tướng! Bất sanh bất diệt chỉ là Tánh, tự tánh bất sanh bất diệt. Tánh là gì? Ở đây, Trung Phong đại sư nói tới “*linh tri*”, tức là Ngài nói đến tâm. Theo Ngài, tâm có ba thứ:

1) Một là “nhục đoàn tâm” (trái tim thịt), tất cả hết thấy chúng sanh đều có.

2) Hai là “duyên lự tâm”, tức là tâm vọng tưởng phân biệt, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, là vọng tâm. Ai này đều có, chẳng giống nhau.

3) “Linh tri tâm” giống nhau. Linh tri tâm là chân tâm, chân tâm bất sanh bất diệt.

“*Linh, tri*”: Kinh Lăng Nghiêm nói hơi tỉ mỉ hơn một chút, kinh dùng bốn chữ “*kiến, văn, giác, tri*” (thấy, nghe, hay, biết), Trung Phong thiền sư gộp “*kiến, văn, giác*” thành một chữ Linh. Linh Tri là chân tâm, hư không pháp giới do nó biến hiện; bởi thế, hư không pháp giới đương

nhiên đầy đủ “*kiến, văn, giác, tri*”. Tâm là năng biến (chủ thể thực hiện hành động biến hiện), vạn pháp là sở biến (cái được biến hiện bởi tâm). Cổ nhân nói: “*Dĩ kim tác khí, khí khí giai kim*” (Dùng vàng chế đồ vật, món nào cũng là vàng). Vàng là bản chất, có món vật nào lại chẳng mang đặc tánh của vàng? Đương nhiên là có, món nào cũng có đủ [đặc tánh ấy], chắc chắn chẳng khiếm khuyết mảy may. Từ tỷ dụ này, chúng ta suy ra: Tất cả hết thấy vạn sự vạn vật trong vũ trụ đều có linh tri.

Hiện tại, tôi có liên lạc với tiến sĩ Giang Bồn Thắng, ông ta cũng rất hoan nghênh tôi đến Nhật Bản tham quan phòng thí nghiệm của ông. Ông ta cũng muốn hiểu rõ cảnh giới Hoa Nghiêm. Tôi yêu cầu ông ta làm thật nhiều thí nghiệm để tìm hiểu sâu hơn “tất cả hết thấy vạn vật trong vũ trụ đều có linh tri”. Tất cả hết thấy vạn vật đều là sống, chẳng có thứ nào chết cả, thứ nào cũng có đủ “*kiến, văn, giác, tri*”. Chúng ta muốn cuộc sống của chính mình tốt đẹp, hoàn cảnh tốt đẹp, chẳng phải là không làm được, mà thực sự là chẳng dễ thực hiện. Thực hiện bằng cách nào? Thiện ý, thiện tâm thì tất cả cảnh giới đều biến thành tốt, núi sông đại địa đều sung mãn linh khí. Vì sao có tai nạn? Vì tâm chẳng lành. Trong tâm đầy ấp tự tư, tự lợi, đầy ấp tham-sân-si-mạn, khởi tâm động niệm tổn người lợi mình, khiến cho phản ứng của tất cả hết thấy vạn vật thấy đều biến thành xấu xa. Phản ứng tốt đẹp là mô thức kết cấu tươi đẹp, dưới kính hiển vi, quý vị sẽ thấy được [điều này]. Tâm tình bất hảo, ý niệm bất hảo, phản ứng sẽ rất khó coi!

Do vậy, thế giới Cực Lạc là tâm thanh tịnh của chính mình, do thiện ý, mỹ ý biến hiện ra. Thế giới Sa Bà của chúng ta là do tâm nhiễm ô, do ác ý, ác niệm biến hiện ra. Bản thân hết thấy vạn vật vốn chẳng có ý niệm, chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chỉ là có linh tri, chứ không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Hữu tình chúng sanh có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; vô tình chúng sanh bị chuyển theo ý nghĩ của quý vị. Do vậy, kinh thường nói “*cảnh tùy tâm chuyển*” (cảnh chuyển theo tâm). Đó là một nguyên lý, nguyên tắc căn bản, phải tin tưởng sâu xa, chớ nên nghi ngờ! Từ nơi đâu để thực hiện [chuyển cảnh theo tâm]? Từ thiện ý, từ nơi ý niệm của quý vị mà thực hiện, sửa đổi toàn bộ hết thấy ý niệm ác và tư tưởng ác, đổi thành thiện ý, đổi thành mỹ ý thì thế giới này trở thành tốt đẹp, thành thiện mỹ, thành “*liên trì hải hội*”.

Chữ “*Phật Bồ Tát*” chẳng cần phải giải thích nữa. Do vậy, quý vị hãy nghĩ xem: Câu này bao gồm những nghĩa lý rộng sâu vô tận, dù chúng tôi ngày ngày giảng nói, giảng suốt cả trăm năm cũng chẳng giảng

hết.

Hôm nay hết giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây thôi.

Tập 04

6. A Di Đà Kinh

6.1. Giải Thích Tựa Đề Kinh

Chư vị đồng học!

Xin xem Đề Nhất Thời Pháp Sự. Trước phần Đề Nhất Thời Pháp Sự, đọc ba lượt Nam Mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát, tôi đã giới thiệu cùng quý vị rồi. Đoạn văn lớn kế tiếp đó là tụng kinh, tụng Phật Thuyết A Di Đà Kinh. Cũng cần phải đem toàn văn bản kinh này giới thiệu giản lược cùng quý vị, bởi lẽ, trong phần pháp sự Hệ Niệm này, chúng tôi đã tinh lược [phân giải thích] huyền nghĩa kinh A Di Đà; nhưng phần đầu [của kinh này] là đề mục kinh, phải giảng qua đề mục kinh cái đã.

Trong kinh đã nêu rất rõ, kinh này vốn có tên là ***Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh*** (稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經). Đó là tên gốc của bản kinh này, danh xưng ấy do chính đức Thế Tôn nói ra. Từ tựa đề kinh, chúng ta có thể thấy được nghĩa thú¹¹ của bộ kinh này. “*Xưng Tán*” có năng xưng tán và sở xưng tán. Năng xưng tán (người xưng tán) là “*nhất thiết chư Phật*” (hết thảy chư Phật), chứ chẳng phải ai khác, thực sự chẳng thể nghĩ bàn, sở xưng tán (cái được xưng tán) là “*bất khả tư nghị công đức*”, tức là công đức chẳng thể nghĩ bàn. Công là “*chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn*”; Đức là “*đời nghiệp vãng sanh, đốn siêu viên chứng*”. Ở đây, chúng tôi lại phải giải thích sơ lược như sau: “*Nhất thiết chư Phật*” là nói mười phương ba đời, chẳng sót một đức Phật nào. Chẳng phải một đức Phật xưng tán hay một vài đức Phật xưng tán, chẳng phải vậy! Mười phương ba đời hết thảy chư Phật đều xưng tán. Ngoài ra còn có nghĩa là bốn mươi một địa vị Phần Chứng Phật cũng đều xưng tán. Đây là hiểu theo nghĩa rộng, ý nghĩa này là thật, chẳng phải giả vậy!

Pháp Thân Bồ Tát có năng lực quán sát căn cơ, trí huệ, đức năng, thần thông rất gần với Như Lai, các Ngài tiếp dẫn hết thảy chúng sanh, đều có năng lực quán sát những kẻ đó từ xưa đến nay, thấy được đời đời kiếp kiếp trong quá khứ của kẻ đó. Vì sao thấy được? Vì đối với người

¹¹ Nghĩa thú: Chỗ quy kết của toàn bộ nghĩa lý trong một bộ kinh.

đã minh tâm kiến tánh, thời gian và không gian không còn nữa. Không có không gian nên chẳng có xa - gần; không có thời gian nên chẳng có quá khứ, hiện tại, vị lai. Dẫu là đời quá khứ trong bao kiếp lâu xa cũng giống hệt như ở trước mắt, rõ ràng, rành rẽ, hết sức minh bạch. Biết kẻ ấy trong đời đời kiếp kiếp thuở quá khứ đã từng học những gì, hiện tại gặp gỡ bèn dạy kẻ ấy tu học pháp môn tương ứng với những điều kẻ đó đã học trong quá khứ, kẻ ấy sẽ học rất hào hứng, chẳng cảm thấy khó khăn chi, lại tiến bộ rất nhanh. Vì sao? Trong A Lại Da Thức đã có chủng tử rồi!

Lúc thiện tri thức dạy kẻ đó pháp môn ấy, chủng tử tập khí trong A Lại Da Thức bèn phát khởi. Người tu hành chứng quả có năng lực ấy, những vị đại đức chưa chứng quả không có năng lực đó; nhưng nếu như đã từng dạy dỗ trong một thời gian dài, tiếp xúc nhiều người, vị đó sẽ có kinh nghiệm phong phú, giống như những kẻ xem tướng đoán mạng, trong một đời người ấy đã gặp bao nhiêu người, gặp người nhiều quá, cũng có phần nào năng lực phân tích, nhưng phương pháp quán sát căn cơ của họ chẳng thể mười phần chuẩn xác. Những ai thực sự có học vấn, thực sự có công phu, gần như đương nhiên là phải có khả năng phỏng đoán đúng tới sáu bảy phần. Vị đó chỉ dạy, đề nghị quý vị tu học pháp môn nào; nếu quý vị thực sự nghiêm túc nỗ lực tu học thì cũng sẽ có thành tựu. Đó là từ kinh nghiệm của vị ấy; nếu chẳng có kinh nghiệm, sẽ khó lòng làm được!

Chúng ta gặp được một vị thiện tri thức chẳng phải là chuyện dễ. Cổ nhân thường nói đó là “duyên thầy trò”, thầy trò có duyên phận cũng là có thể gặp gỡ, chứ chẳng thể cầu được. Thật vậy, thế tục thường nói “quý vị do vận hên bèn gặp”. Có người suốt đời mong gặp thiện tri thức, cầu gặp được một vị thầy tốt, mà suốt đời chẳng gặp, vì chẳng có duyên phận. Nói đúng ra, cốt lõi của cái duyên phận ấy là quý vị có chân thành ham học hay không. Đây chính là nhân tố trọng yếu nhất! Tâm chân thành ham học, biết đạo, biết tôn sư trọng đạo, đầy đủ Tín - Giải - Hạnh; chưa cần nói đến Chứng, tối thiểu là có thể tin, có thể hiểu, có thể y giáo phụng hành. Có đủ những điều kiện đó, đương nhiên là có khả năng gặp được chân thiện tri thức. Nhà Phật thường nói: “*Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân*” (Trong cửa Phật, chẳng bỏ một ai), đó là Cẩn. Chính bản thân ta phải có đủ những điều kiện ấy là Cẩn; hễ có Cẩn thì Phật, Bồ Tát liền Ứng. Nói tóm lại, pháp thế gian hay xuất thế gian đều chẳng ngoài đạo lý cảm ứng.

Trong kinh này, người xưng tán là hết thầy chư Phật, cái được

xưng tán là “*bất khả tư nghị công đức*”. Công là gì? “*Chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn*”, công chẳng thể nghĩ bàn; thấy đơn giản quá! Càng đơn giản, đạo lý càng sâu! Nếu chẳng thấu triệt đạo lý, sẽ chẳng thể khen ngợi sự việc ấy. Mọi người cứ nghĩ chấp trì danh hiệu là chuyện của mấy bà già, dễ dàng quá, há có thể thành tựu được sao? Tôi học Phật từng gặp rất nhiều người như thế, phê bình Tịnh Độ, miệt thị Tịnh Độ, chẳng coi Tịnh Độ ra gì, coi đó là pháp thấp hèn nhất của Phật pháp: Người trình độ tệ nhất không còn cách nào dạy được thì dạy họ niệm A Di Đà Phật vậy!

Lúc tôi mới học Phật cũng nghĩ như thế. Tôi sanh khởi tín tâm đối với pháp môn này là nhờ đọc kinh Hoa Nghiêm. Mọi người đều ca tụng Hoa Nghiêm là pháp luân căn bản, là vô thượng bảo điển của Phật pháp, ai nấy đều công nhận như vậy, không ai chẳng tôn trọng nó. Kinh A Di Đà đem so với Hoa Nghiêm thì khác biệt nhiều lắm, như trời với đất vậy.

Trước kia, ba mươi mấy năm trước, tôi giảng kinh Hoa Nghiêm ở Đài Bắc. Lúc đó là năm Dân Quốc 60 (1971), năm nay là Dân Quốc 92 (2003), đúng ba mươi hai năm trước. Mỗi Chủ Nhật tôi giảng ba lần, hình như lúc ấy mỗi lần giảng một tiếng rưỡi. Hai lần giảng Bát Thập Hoa Nghiêm (kinh Hoa Nghiêm bản 80 cuốn), một lần giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm (kinh Hoa Nghiêm bản 40 cuốn). Tứ Thập và Bát Thập giảng đồng thời. Giảng một thời gian khá dài, có một bữa tâm huyết sôi nổi, nghĩ Văn Thù, Phổ Hiền học pháp môn gì? Đề từ đặc ý nhất của Văn Thù là Thiện Tài, Bồ Tát dạy Thiện Tài học pháp môn nào? Tôi khởi lên nghi vấn ấy, tra kinh, đương nhiên đọc đến cuối kinh vẫn không thấy nói.

Tra kỹ lần nữa, tôi bèn nghi hoặc: Văn Thù, Phổ Hiền đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, lại xem kỹ phần nói về Thiện Tài, Thiện Tài đắc Căn Bản Trí trong hội của ngài Văn Thù, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân trong hội của ngài Văn Thù. Thiền tông gọi đó là đại triệt đại ngộ, bên Giáo Hạ gọi là đại khai viên giải. Lúc ấy, Văn Thù Bồ Tát dạy đồng tử đi tham học. Tham học là thành tựu Hậu Đắc Trí. Trong kinh Đại Bát Nhã nói: “*Bát Nhã vô tri, nhưng không gì chẳng biết*”. “Vô tri” là Căn Bản Trí, “không gì chẳng biết” là Hậu Đắc Trí. Thiện Tài đã thành tựu Căn Bản Trí, thầy của Ngài dạy Ngài đi tham học, tức là năm mươi ba lần tham học trú danh.

Phương pháp tu học Căn Bản Trí và Hậu Đắc Trí hoàn toàn chẳng giống nhau. Căn Bản Trí là “*thâm nhập một môn, huân tu dài lâu*”,

chẳng thể tiếp xúc tùy tiện với bất cứ ai, chẳng thể tiếp xúc tùy tiện với bất cứ pháp nào, tâm phải định. Dùng Thiền Định rất sâu để buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, khôi phục chân tâm bản tánh. Đó là kiến tánh. Kiến tánh rồi, phương pháp dạy của thầy thay đổi một trăm tám mươi độ, dạy như thế nào? Bất cứ ai cũng tiếp xúc được, bất cứ việc gì cũng tham dự được, chẳng còn thâm nhập một môn nữa, mà là học rộng nghe nhiều! Bởi vậy, lúc đó tôi mới thực sự hiểu rõ Tứ Hoảng Thệ Nguyên nói gì. “*Phiền nào vô tận thệ nguyên đoạn*” là Căn Bản Trí, “*pháp môn vô lượng thệ nguyên học*” là Hậu Đắc Trí. Chúng tôi mới hiểu rõ thế nào là “*không gì chẳng biết*”: Không nhất định là một vị thầy nào, ai cũng đều là thầy cả, mọi sự, mọi vật đều là tài liệu để học tập, bởi thế mới thành tựu “*không gì chẳng biết*”.

Chúng ta thấy một vị thiện tri thức ban đầu hết sức quan trọng! Cổ nhân Trung Quốc thường nói: “*Tiên nhập vi chủ*” (Điều gì học đầu tiên sẽ là chánh yếu), vị thiện tri thức đầu tiên quan trọng hơn mọi thứ khác. Hãy xem kỹ phần tỳ-kheo Cát Tường Vân¹²; vì tôi giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm, Tứ Thập Hoa Nghiêm là bản hoàn chỉnh của Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm¹³, gồm bốn mươi quyển. Tỳ-kheo Cát Tường Vân tu pháp môn gì? Pháp môn Niệm Phật. Ngài dạy Thiện Tài hai mươi một pháp môn Niệm Phật, hai mươi một môn ấy bao gồm hết thầy Phật pháp, không môn nào chẳng phải là pháp môn Niệm Phật, diệu kỳ chẳng thể nói nổi.

Nếu chúng ta vẫn chưa nắm được yếu lĩnh, hãy quan sát kỹ Ngài tu pháp môn Niệm Phật nào? Nhìn kỹ hơn sẽ thấy: Ngài tu pháp môn niệm A Di Đà Phật, đã thế, lại còn tu Trì Danh Niệm Phật; trong Tịnh tông gọi là Phật Lập Tam Muội, chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Pháp này còn gọi là Ban Châu Tam Muội, dùng mãnh tinh tán đêm ngày chẳng nghỉ ngơi, suốt ngày suốt đêm. Thông thường hạn kỳ tu hành Ban Châu Tam Muội là ba tháng, lấy ba tháng làm một giai đoạn hay một kỳ. Trong ba tháng chẳng được ngủ nghỉ nên gọi là Phật Lập. Có thể đứng hoặc đi, nhưng quan trọng nhất là chẳng được ngồi xuống, chẳng được nằm, rất khổ sở! Đại khái tu pháp môn này, tuần lễ đầu rất

¹² Tỳ-kheo Cát Tường Vân (Meghasrī-bhikṣu), còn được dịch là tỳ-kheo Đức Vân (trong Bát Thập Hoa Nghiêm).

¹³ Bản Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm hiện đang lưu hành hiện thời là quyển cuối bị thiếu trong bản Tứ Thập Hoa Nghiêm, bản Bát Thập Hoa Nghiêm gọi phẩm tên phẩm này là Nhập Pháp Giới. Trong Tứ Thập Hoa Nghiêm, phẩm này có tên gọi là Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm, gồm 40 quyển.

khỏe, qua được một tuần rồi bèn thấy bình thường. Phá được cửa ải bèn thấy bình thường. Khế nhập cảnh giới nên pháp hỷ sung mãn!

Xưa kia có người tu pháp môn này, người hiện tại chẳng làm được! Căn tánh người hiện tại chẳng bằng tiền nhân, quyết tâm, nghị lực chẳng bằng tiền nhân, thân thể chẳng bằng tiền nhân; trước kia, người ta khỏe mạnh hơn. Nói thật ra, về chuyện tu hành, cổ nhân thường nói tu hành phải bắt đầu từ lúc tuổi trẻ, có tinh thần, có thể lực, tuổi cao chẳng làm được! Nói chung, từ bốn mươi tuổi trở lên là khó khăn rồi, thể lực đã suy, tinh thần chẳng đủ. Bốn mươi mấy tuổi mới tu là “mất dê mới lo làm chuông”, nhưng có tu vẫn hơn không tu. Chúng tôi thấy cổ nhân thành tựu đều là người trẻ tuổi. Lục Tổ Huệ Năng đại sư của nhà Thiền khai ngộ năm hai mươi bốn tuổi, Ngũ Tổ đem y bát truyền cho. Hôm qua tôi giới thiệu Trung Phong quốc sư cùng quý vị, năm hai mươi lăm tuổi xuất gia, năm hai mươi bảy khai ngộ, tuổi đều rất trẻ. Thật là đại triệt đại ngộ, thấu triệt nguồn đáy. Đương nhiên, từ truyền ký ta thấy các Ngài chẳng phải là hạng tầm thường, mà là bậc tái lai. Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thị hiện: Năm ba mươi tuổi khai ngộ, thành Đẳng Chánh Giác, chúng đắc Phật quả. Thành Phật rồi bèn khởi đầu công việc hoằng pháp lợi sanh, nói theo cách chúng ta bây giờ là giáo dục, dạy học trong xã hội đa nguyên văn hóa suốt bốn mươi chín năm, mãi cho đến khi viên tịch năm tám mươi tuổi.

Trong bốn mươi chín năm ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật chưa từng nghỉ phép, chưa từng nghỉ ngơi. Vì sao vậy? Đó là chuyện sanh tử đại sự, chẳng phải chuyện tầm thường. Liều sanh tử, xuất tam giới, làm sao nghỉ ngơi được? Nghỉ một chút, công phu gián đoạn giữa chừng, bèn thoái chuyển. Ngạn ngữ Trung Quốc có câu: “*Cầu học như nghịch thủy hành châu, bất tấn tắc thoái*” (Cầu học như chèo thuyền ngược nước, chẳng tiến ắt lùi). Tu đạo cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, chỉ cần quý vị chẳng tiến, ngay lập tức bị lùi, vĩnh viễn phải tiến lên mới hòng đảm bảo mình chẳng bị thoái chuyển. Phải khắc phục hết thảy phiền não tập khí của chính mình, dùng sức mạnh nào để khắc phục? Điều này trong những lần giảng pháp chúng tôi đã nói rất nhiều: Hiếu học! Nói cách khác là làm thế nào để vun bồi ý nguyện ham học của chúng ta! Ý nguyện ham học mạnh mẽ sẽ chẳng bị thoái chuyển. Ý nguyện ham học mạnh mẽ sẽ dễ khế nhập cảnh giới, thực sự khế nhập, pháp hỷ sung mãn!

Trong sách Luận Ngữ có một câu ý vị vô cùng! “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*” (tạm dịch: Học rồi thực hành theo, cũng chẳng sướng sao?): Sự sung sướng ấy khiến ta quên hết tất cả, gian nan khổ sở

nào cũng đều quên hết, cũng chẳng vui sướng sao? Vui sướng gì vậy? Vui sướng học. Các đồng học xuất gia chúng ta, các đồng học học Phật vui nơi Đạo, mùi vị của Đạo so với Học càng nồng đượm hơn. Quý vị học Phật, nghiên cứu giáo pháp mà vẫn chẳng khởi tâm hoan hỷ thì quý vị chưa vào được cửa. Đối với kinh giáo, quý vị là người học tập kinh giáo, phải sanh lòng hoan hỷ thì quý vị mới vào được cửa. Niềm lạc thú đó, nỗi hoan hỷ đó, tất cả hết thấy pháp trong thế gian không gì có thể sánh bằng, đây là cảnh giới tương ứng.

Tôi thấy đầu tiên là tỳ-kheo Cát Tường Vân hành Ban Châu Tam Muội, niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, tinh tấn như thế đó; Thiện Tài tham phỏng Ngài đầu tiên, chẳng phải là nhập pháp nào trước hết thì pháp đó là chủ yếu hay sao? Sau đó, lại tham phỏng các thiện tri thức khác, mỗi một vị thiện tri thức tu học pháp môn bất đồng, Thiện Tài đều tham học hết. Chúng tôi lại thấy cuối cùng, vị thiện tri thức thứ năm mươi ba là Phổ Hiền Bồ Tát. mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc, tôi mới hoảng nhiên đại ngộ. Quý vị thấy đó: Pháp môn đầu tiên là Niệm Phật, pháp môn cuối cùng là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, tôi liền hiểu rõ Thiện Tài đồng tử tu pháp môn nào? Suốt từ đầu đến cuối là niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, công đức chẳng thể nghĩ bàn!

Do đây, tôi hiểu rõ, không ai giảng cho tôi cả, nhờ kinh Hoa Nghiêm tôi dứt sạch mọi ngờ vực ấy, chết sạch lòng mong ngóng, so đo, khiên hư sát đất niệm Phật. Thật chẳng dễ dàng, kinh A Di Đà nói [trì danh niệm Phật] là pháp khó tin, quả thật là khó! Tôi học Phật mười mấy năm mới phát sanh tín tâm đối với Tịnh Độ, mới hiểu được ý nghĩa của tên kinh - **“Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức”**, mới lãnh hội được đôi chút. Thật cảm tạ Thiện Tài, Văn Thù, Phổ Hiền Bồ Tát.

“Chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn, đời nghiệp vãng sanh, đốn siêu viên chứng”, câu này thật trọng yếu. Đời nghiệp vãng sanh, phẩm vị vãng sanh cũng chẳng phải là thấp lắm. Dầu cho vãng sanh Hạ Phẩm trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ cũng là đốn siêu viên chứng. Trước đây tôi đã thưa cùng quý vị, chúng tôi đọc trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, chính đức Phật nói: Hạ Phẩm Vãng Sanh trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ tối đa là mười hai kiếp, hoa nở, thấy Phật, ngộ Vô Sanh. Đó là sanh về đâu? Sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Trụ trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm Độ là Địa Thượng Bồ Tát (bậc Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên).

Đối với các pháp môn thông thường, như trong giáo pháp Đại

Thừa, đức Phật nói rất nhiều pháp môn khác, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, đó là bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo. Tính từ ngày đó trở đi cho đến khi thành tựu [Phật quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác] phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Quý vị phải nghe cho thật rõ: Ba đại A-tăng-kỳ kiếp! A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất tu ba mươi địa vị: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, ba mươi địa vị [phải tu chứng] trong A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất. A-tăng-kỳ kiếp thứ hai tu bảy địa vị, từ Sơ Địa cho đến Thất Địa. A-tăng-kỳ kiếp thứ ba tu ba địa vị Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa. Bởi thế, tu xong ba đại A-tăng-kỳ kiếp sẽ thực sự chứng đắc quả vị gì? Pháp Vân Địa Bồ Tát, rất gần với quả vị rốt ráo, sở chứng của địa vị này là Tịch Diệt Nhẫn. Pháp Vân Địa là hạ phẩm Tịch Diệt Nhẫn, Đẳng Giác là trung phẩm Tịch Diệt Nhẫn, Diệu Giác là thượng phẩm Tịch Diệt Nhẫn.

Nói “ba đại A-tăng-kỳ kiếp” là từ Sơ Trụ của Viên Giáo cho đến Pháp Vân Địa Bồ Tát, bốn mươi địa vị phải tu mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Người vãng sanh Hạ Hạ Phẩm về Tây Phương Cực Lạc thế giới, mang theo nghiệp, đến khi hoa nở thấy Phật, hãy nhớ kỹ tiếp đó là “*ngô vô sanh*”, câu này rất trọng yếu! Ngô Vô Sanh là gì? Vô Sanh Pháp Nhẫn là sở chứng của Thất Địa Bồ Tát. Quý vị hãy nghĩ xem, trong thời gian mười hai kiếp ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, Bồ Tát ở các nơi khác phải tu hành hai đại A-tăng-kỳ kiếp, trong khi ở Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ mất thời gian mười hai đại kiếp, không gì sánh bằng được! Tu hành trong thế giới Tây Phương rất nhanh chóng!

Chúng ta nghĩ xem vì sao họ thành tựu nhanh chóng như thế? Nói theo thuật ngữ trong kinh Phật, họ được “*oai thần bốn nguyện của Phật A Di Đà gia trì*”, nâng cao [cảnh giới] thật nhanh. Nếu nói theo cách nói của người thế gian thông tục chúng ta, họ được quang minh của A Di Đà Phật tưới gội, vì sao vậy? Họ là học trò của A Di Đà Phật, chứ còn sao nữa! Quý vị thấy trong kinh Vô Lượng Thọ, Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán A Di Đà Phật, đó là Ngài đã thay mặt cho mười phương ba đời hết thấy chư Phật để tán thán, đức Thế Tôn tán thán A Di Đà Phật là “*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (ánh sáng tôn quý nhất, là vua của các vị Phật). Bởi thế, hết thấy chư Phật, dù các đức Phật đều bình đẳng, địa vị thực sự bình đẳng, trí huệ bình đẳng, đức tướng bình đẳng, nhưng trong sự bình đẳng ấy, có riêng một đức Phật được hết thấy chư Phật tôn kính. Không đức Phật nào chẳng tôn kính A Di Đà Phật, không vị Phật nào chẳng kính ngưỡng A Di Đà Phật. Học trò của A Di Đà Phật được quang minh chiếu đến, bất luận thân cận một vị Phật nào, vì là học trò

của A Di Đà Phật nên được đặc biệt chiếu cố, thật là hy hữu!

Phật Di Đà thực sự gia trì kẻ đó, dù phiền não tập khí chưa đoạn, kẻ ấy vẫn có năng lực tham phông mười phương hết thảy Như Lai. Trong kinh không nói nhiều, chỉ nói là tham phông mười phương mười vạn ức Phật; nói như vậy là có dụng ý, dụng ý gì vậy? Tây Phương Cực Lạc thế giới cách thế giới Sa Bà mười vạn ức cõi Phật. Ý nói: Quý vị đến thế giới Cực Lạc rồi, trở về thế giới này rất dễ dàng, mỗi ngày đều có thể trở về, muốn về là về, dụng ý là đây: Có năng lực như thế đó! Tham phông chư Phật, đương nhiên quý vị nghe chư Phật thuyết pháp, mở mang trí huệ, chẳng phải là pháp sư tầm thường, mà chính là chư Phật đích thân giảng kinh thuyết pháp cho ta. Quý vị ra đi, đương nhiên cúng Phật, cúng Phật là tu phước báo. Bởi thế, quý vị đến tham phông chư Phật là phước huệ song tu, hằng ngày tham phông, còn gì tuyệt hơn! Bởi thế, người ấy tu hành chứng quả chỉ cần mười hai kiếp là thành công. Quý vị tu hành trong mọi cõi Phật khác phải mất hai A-tăng-kỳ kiếp, tu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ mười hai kiếp là thành.

Văn Thù, Phổ Hiền là Đẳng Giác Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng, vì sao cũng muốn về Tây Phương Cực Lạc thế giới? Ở đây có hai ý nghĩa:

1) Nghĩa thứ nhất là đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thành tựu nhanh hơn so với thế giới Hoa Tạng. Trong thế giới Hoa Tạng phải mất một A-tăng-kỳ kiếp, đến thế giới Cực Lạc chỉ cần một hai ngàn là thành công, đương nhiên phải về đó.

2) Nghĩa thứ hai là làm gương cho chúng ta thấy. Trong các vị Bồ Tát, chúng ta ngưỡng mộ, sùng bái Văn Thù Bồ Tát. Nghe nói Văn Thù, Phổ Hiền cũng đều phải cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta còn nói gì nữa, đương nhiên theo gót các Ngài.

Từ đây ta mới thực sự thấu hiểu “*chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn, đời nghiệp vãng sanh, đốn siêu viên chứng*” là tán thán “*công đức chẳng thể nghĩ bàn*”.

Kinh này là “*nhất thiết chư Phật sở hộ niệm kinh*”, tức là kinh được hết thảy chư Phật hộ trì, được hết thảy chư Phật nghĩ tới. “*Hộ*” (護) là hộ pháp! Pháp môn Niệm Phật là đại pháp bậc nhất để hết thảy chư Phật độ chúng sanh, là đại pháp bậc nhất chẳng thể nghĩ bàn! Hết thảy chư Phật tán thán, hết thảy chư Phật tuyên dương, hết thảy chư Phật đều giới thiệu [pháp môn này] cho chúng sanh. Như Thích Ca Mâu Ni Phật vì hết thảy chúng sanh giảng bất luận kinh nào, chẳng cần biết là căn tánh của chúng sanh là giống nhau hay khác nhau, trong những thời

điểm khác nhau, có rất nhiều kinh chẳng giảng, nhưng ba kinh Tịnh Độ nhất định phải giảng. Vì sao? Vì ba kinh ấy thích hợp mọi căn tánh, là những kinh điển chư Phật ắt phải giảng, cũng là pháp môn chư Phật nhất định phải giới thiệu với chúng sanh. Nếu căn lành của chúng sanh chín muồi, tin được, nguyện được, hành được, một đời này thành tựu, thỏa mãn đại nguyện độ chúng sanh của Phật.

Đó là Hộ! Quý vị xem điều thứ hai là “*nhất thiết chư Phật sở hộ*”, đây là hóa tha, “*hoằng hộ Như Lai huệ mạng*” (hoằng dương, gìn giữ huệ mạng của Như Lai).

“*Sở niệm*” là tự hành, “*viên chứng Vô Thượng Bồ Đề*”. Văn Thù, Phổ Hiền không vị nào chẳng nêu gương cho chúng ta xem. Bốn vị đại Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí, đều đã thành Phật từ bao kiếp lâu xa, nay ở trong pháp hội của Thích Ca Mâu Ni Phật thả chiếc bè Từ, họ là cổ Phật tái lai, xuất hiện dưới thân phận Bồ Tát để làm khuôn mẫu, nêu gương, các Ngài đều niệm Phật, đều niệm A Di Đà Phật, trong hội Hoa Nghiêm đều phát nguyện vãng sanh. Bởi thế, hết thầy chư Phật sở hộ, sở niệm chẳng hai: Hộ là niệm, niệm là hộ. Nếu hộ nhưng không niệm, hoặc niệm nhưng không hộ thì đều chẳng đúng. Đây chẳng phải là hộ pháp, mà cũng chẳng phải là niệm Phật! Hộ pháp nhất định phải niệm Phật, niệm Phật nhất định phải hộ pháp. Đây là tên gốc của kinh này.

Khi đại sư La Thập dịch kinh này, Ngài đã thay đổi tên kinh, đổi thành “**Phật Thuyết A Di Đà Kinh**”. Dưới tựa đề này, tôi đã chú giải đơn giản là “*thâm khế bốn kinh tông chỉ*” (khế nhập sâu xa tông chỉ kinh này). Vì sao vậy? Kinh này khuyên chúng ta niệm A Di Đà Phật, đại sư La Thập thẳng gọn, dùng ngay A Di Đà Phật làm tên kinh, hay lắm, tên kinh tuyệt diệu! Từ việc ngài La Thập đặt tên kinh như vậy, ta biết tâm Ngài từ bi sâu nặng, tâm độ sanh tha thiết.

“*Phật thuyết*”: Thuyết là “*sưống duyệt sở hoài*” (vui thỏa điều mình mong mỏi). Chữ Thuyết (說: nói) thời cổ còn đọc là Duyệt (悅). Quý vị đọc Luận Ngũ có câu: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*” (學而時習之，不亦說乎). Chữ Duyệt trong câu này là chữ Thuyết (說), sau này mới thêm bộ Tâm đứng bên cạnh thành chữ Duyệt (悅: vui sưống). Thời cổ chữ ít, Thuyết và Duyệt chỉ cùng một chữ, nhưng lúc đọc trở thành hai âm, hai ý nghĩa riêng biệt. Duyệt là hoan hỷ từ bên trong tâm, chẳng phải vui vẻ bề ngoài. Bề ngoài là như lúc gặp rất nhiều bè bạn rất vui sưống thì gọi là Lạc. Còn Duyệt có thể là không có một người nào

khác, tự mình cảm thấy rất vui sướng, trong lòng cảm thấy rất sung sướng, vui vẻ thì gọi là Duyệt.

“*Sướng duyệt sở hoài*”: Hoài (懷) là nguyện vọng. Nguyện vọng của Ngài là gì? Nguyện vọng độ cho hết thấy chúng sanh mau chóng thành Phật, đây là điều chư Phật Như Lai ưa thích nhất. Nay cơ duyên chúng sanh thành Phật đã chín muồi. Đã chín muồi rồi thì Phật bèn nói cho chúng sanh pháp môn này, họ sẽ tin được, hiểu được, hành được. Đây là chúng sanh thành thực, cơ duyên thành thực, thiện căn thành thực, “*vị thuyết thử pháp, linh nhất thiết chúng sanh nhất sanh cứu cánh thành Phật cố*” (bèn nói pháp này, khiến cho hết thấy chúng sanh trong một đời rốt ráo thành Phật). Chẳng cần đợi đến đời sau, hễ đời này vãng sanh thì kể như thành Phật, thành Phật rất nhanh. Chúng ta chẳng vãng sanh thì thôi, hễ vãng sanh thì tuyệt đối chẳng thuộc ba phẩm dưới. Vì sao vậy? Ba phẩm dưới tội nghiệp rất nặng! Chúng ta chẳng tạo những tội nghiệp nặng dường ấy, lúc mọi người chúng ta vãng sanh đại khái thuộc ba phẩm Trung, chẳng thuộc ba phẩm Hạ. Ba phẩm Trung vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, “*hoa khai kiến Phật*”, đại khái là ba bốn kiếp, chẳng cần đến mười hai kiếp, ắt hẳn ba bốn kiếp, năm kiếp là thành Phật, có phải là càng nhanh hơn nữa hay không?

Chư vị đồng học! Xin xem tiếp tựa đề kinh “**A Di Đà Phật**”. Danh hiệu này toàn là dịch âm tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán thì A là Vô, Di Đà là Lượng. Bởi thế, nếu hiểu nghĩa theo tiếng Hán là Vô Lượng. A Di Đà là đức hiệu của bậc đạo sư thế giới Cực Lạc, “*bỉ độ đạo sư đức hiệu, biểu thử pháp bảo vô lượng giác dã*” (đức hiệu của đạo sư cõi ấy, biểu thị pháp bảo này là vô lượng giác). Phật dịch là Giác; bởi thế, A Di Đà Phật dịch nghĩa sang tiếng Hán là Vô Lượng Giác. Nghĩa lý và cảnh giới của danh hiệu này nói chẳng cùng, chẳng có ngăn mé. Vô Lượng là nói đến tự tánh: Tự tánh vốn sẵn đủ trí huệ vô lượng, vốn sẵn có đức năng vô lượng, vốn sẵn có tướng hảo vô lượng. Hết thấy những sự vô lượng của mọi thứ vô lượng trong vũ trụ chẳng ra ngoài ba loại lớn kể trên, ba loại trên đây bao gồm hết tất cả. Đây là tự tánh, [A Di Đà Phật là] đức hiệu của tự tánh. Bởi thế, trong phần khai thị, Trung Phong quốc sư nói: “*Ngã tâm tức thị A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức thị ngã tâm*” (Tâm ta là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta). Quý vị thấy lời nói đó có đúng hay không? Hoàn toàn chính xác!

Nói thật ra, người thế gian hằng ngày khởi vọng tưởng, mê mất tự tánh, đầu óc chật cứng mong cầu điều gì? Cầu tiền tài! Họ chẳng biết trong A Di Đà Phật có vô lượng của cải, của cải ấy được bao gồm trong

tướng hảo, tướng hảo thuộc về phước báo. Trong thế gian có một hạng người, cả đời nỗ lực liêu mạng học nghề, học lấy một kỹ năng, học lấy một môn kỹ hơn nữa, bất cứ kỹ thuật, tài khéo nào cũng đều viên mãn cả, rất ráo cả! Bữa nay chúng tôi chỉ nói đôi chút. Người thế gian chẳng thể sánh bằng, chín pháp giới cũng chẳng thể sánh bằng. Kẻ ấy chẳng cầu nơi tự tánh, lại cầu bên ngoài tâm! Cầu pháp ngoài tâm thì một đời học được bao nhiêu? Rất hữu hạn! Bởi thế, nếu quý vị hiểu được những ý nghĩa bao hàm trong danh hiệu A Di Đà Phật, quý vị sẽ bất tri bất giác bị nhiếp thọ, nói theo cách bây giờ là chúng ta bị Ngài hấp dẫn, nhà Phật gọi là “*nhiếp thọ hết thấy chúng sanh*”.

Chữ cuối cùng trong tựa đề là “**Kinh**”. Kinh (經) là tiếng Hán, cổ Ấn Độ gọi là Tu Đa La, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Khế Kinh. Khế (契) là trên phù hợp với lý chư Phật đã chứng, dưới phù hợp với căn cơ chúng sanh được độ. Đây là ý nghĩa được bao hàm trong kinh điển Phật giáo, vì thế gọi là Khế Kinh.

Điều thứ hai “*hựu cụ quán, nhiếp, thường, pháp*” (lại còn đủ các nghĩa: Quán, Nhiếp, Thường, Pháp). Đây là cách các pháp sư thường dùng nhất, dùng bốn chữ trên đây để giải thích chữ Kinh.

“**Quán**” (貫) là “*quán xuyên*” (貫穿: xuyên suốt). Một bản kinh văn bất luận dài ngắn, chương pháp, kết cấu, ý tưởng được hệ thống hết sức nghiêm chỉnh. Nhìn từ chỗ nào? Quý vị thấy trong Phật pháp có thể loại Khoa Phán (科判). Khoa Phán là nghiên cứu kết cấu chương pháp của kinh, kinh có thứ tự từng điều, chẳng lộn xộn. Văn chương đạt đến mức tuyệt diệu, chẳng thể thêm một chữ, thêm một chữ thì sao? Dư quá, không cần thiết. Chẳng thể bớt một chữ, bớt một chữ là đứt đoạn, chẳng liên tục. Văn chương đạt đến mức ấy, quả là văn chương bậc nhất, kinh Phật là như vậy đó.

Trong văn chương của cổ nhân Trung Quốc, [tác phẩm] văn chương nào hay thì cũng đúng là như thế. Phổ biến nhất, được mọi người thích đọc nhất là sách Cổ Văn Quán Chi, đây là bản hợp tuyển tinh tế của những bản văn chương hay trứ danh trong hơn hai ngàn năm của Trung Quốc, gồm hơn ba trăm thiên. Đây là những tác phẩm tiêu biểu của văn học Trung Quốc, thiên nào cũng đều là những áng văn chương hay, đều có thể dùng phương pháp Khoa Phán của kinh Phật để phân tích thật mạch lạc. [Những thiên văn chương ấy] thứ tự phân minh, dùng phương pháp Khoa Phán liên phán định được. Lại xem văn chương, sách vở của người hiện tại viết, văn chương trong tạp chí, báo chí, nếu dùng

Khoa Phán, sẽ phán định chẳng ra. Từ đây quý vị mới hiểu rõ văn chương rốt cục là hay hoặc dở thì tiêu chuẩn là gì? Tiêu chuẩn nằm ở chữ Quán, có phải là từ đầu đến cuối hoàn toàn xuyên suốt hay không, khoa phán xuyên suốt hay không!

Quý vị xem kinh Hoa Nghiêm. Khoa phán và biểu giải của kinh Hoa Nghiêm là cả một cuốn sách to! Quý vị thấy kinh Hoa Nghiêm to lớn dường ấy, nhưng nó có mạch lạc, có thứ lớp, chẳng loạn một điểm nào. Kinh lớn nhất trong những bộ kinh Phật là kinh Đại Bát Nhã, gồm sáu trăm cuốn, có khoa phán hay chẳng? Có! Khoa phán gồm mấy chục cuốn, tôi đã từng thấy qua, cũng là dùng biểu đồ vẽ ra, công sức của cố nhân thật phi thường. Bởi thế, quý vị đồng học muốn học giảng kinh thì quan trọng nhất là phải biết lập khoa phán. Quý vị nắm chắc được một bộ kinh, có thể nắm từ đầu đến cuối là nhờ biểu giải¹⁴; chương pháp, kết cấu, hệ thống của kinh đều bày ra được hết thì quý vị đã thông đạt bộ kinh ấy. Thông đạt kết cấu, chương pháp trên mặt văn tự, ắt hẳn cũng thông đạt nghĩa lý, chẳng bị giảng lâm. Trước kia tôi học kinh giáo ở Đài Trung, thầy Lý Bình Nam thường bảo chúng tôi: “*Khoa Phán là một môn học vấn chẳng thể không hiểu*”. Bắt đầu học bằng cách nào? Bắt đầu bằng việc học theo người khác. Tôi học Khoa Phán tại thảo am của pháp sư Sám Vân. Pháp sư Sám Vân (tôi ở thảo am của Ngài năm tháng rưỡi) giao cho tôi ba cuốn sách, A Di Đà Kinh Sớ Sao của Liên Trì đại sư, A Di Đà Kinh Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, và A Di Đà Kinh Viên Trung Sao của U Khê đại sư, đều là ba tác phẩm chú giải kinh A Di Đà đầy thâm quyền trong lịch sử.

Trong bản chú giải Sớ Sao có khoa phán, đại sư phân chia rất kỹ, nhưng dùng Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân¹⁵ để phân chia. Đương nhiên, nếu đọc cổ thư đã quen thì chẳng có vấn đề gì, đã hiểu rõ

¹⁴ Biểu giải là chia nội dung của một văn bản thành những đoạn (gọi là khoa mục), lập tựa đề cho từng đoạn (khoa đề) nhằm nói lên những ý nghĩa chính của đoạn đó, rồi vẽ thành biểu đồ. Nói cách khác, lập “biểu giải” trong khoa phán giống như lập một sườn bài ghi những chủ đề chính yếu cho một văn bản, nhằm thể hiện kết cấu của văn bản ấy. Nhìn vào biểu giải, người giảng kinh sẽ dễ dàng nắm được ý nghĩa của toàn bộ bản kinh cũng như tùy ý nói rộng hay hẹp mà không sợ lạc đề, quên mất ý chính. Để lập biểu giải, phải nghiền ngẫm ý kinh, tìm ra được những ý tưởng chính yếu trong từng đoạn cũng như ý chính tổng quát của bản kinh, nên lão pháp sư mới nói: “*Chương pháp, kết cấu, hệ thống của kinh đều bày ra được hết thì quý vị đã thông đạt bộ kinh ấy*”.

¹⁵ Đây là cách phân đoạn bản chú giải thuở xưa. Chẳng hạn phân đoạn thứ nhất là Giáp, trong phân đoạn đó có ba đoạn nhỏ, thì mỗi đoạn nhỏ được đánh số là Ất.

rồi, nhưng đối với người hiện thời thì rất khó khăn! Bởi thế, pháp sư Sám Vân dạy tôi vẽ thành biểu giải (biểu đồ). Cách vẽ biểu giải là như thế nào? Theo cách của Hoàng Nhất đại sư. Hoàng Nhất đại sư soạn rất nhiều chú sớ, đều có vẽ biểu đồ. Pháp sư Sám Vân dạy tôi dùng phương thức đó, dựa theo phương thức đó để vẽ biểu giải của ba bản chú giải. Vẽ xong biểu giải rồi, tôi vui sướng khôn cùng, vì sao? Ý nghĩa của kinh vừa nhìn liền thấy rõ rệt ngay, hết thấy đều rõ ràng. Sau này, đến Đài Trung Học với thầy Lý, cách này rất hữu ích. Học kinh giáo với thầy Lý mấy năm, chính tôi soạn được mấy bộ khoa phán, rất đáng tiếc là dọn nhà trong nhiều năm như thế, lúc dọn nhà đi các nơi, những bản ấy bị mất hết.

Bản khoa phán của bộ kinh dài nhất tôi viết bằng bút lông, hình như viết hơn bốn mươi trang giấy, mỗi trang mười hàng, đó là khoa phán của kinh Phật Thuyết Vị Tăng Hữu Nhân Duyên, kinh này gồm hai quyển. Bản khoa phán ấy soạn rất tỉ mỉ, gần như câu nào cũng chia nhỏ ra, chia thành từng tầng lớp gần như hơn hai mươi tầng. Phối hợp cả Thiên Can lẫn Địa Chi¹⁶ thành hai mươi hai chữ vẫn không đủ; tôi phải dùng số Ả Rập¹⁷, dùng mẫu tự Anh văn. Tôi nhớ hình như đến hơn hai mươi tầng. Khoa Phán là giải thích kinh; vì thế, nếu quý vị biết sử dụng Khoa Phán, biết viết Khoa Phán, tự mình soạn được Khoa Phán thì quý vị thông đạt được kinh ấy, hiểu rõ ý nghĩa chính. Sớ và Sớ Sao nhằm giải thích ý nghĩa một đoạn, một câu kinh nào đó, còn giải thích toàn bộ

Trong mỗi đoạn Át, lại chia thành nhiều ý nhỏ thì mỗi ý nhỏ được đánh số là Bính v.v...

¹⁶ Thiên Can là Giáp, Ất, Bính, Đinh v.v... Địa Chi là Tý, Sửu, Dần, Mão v.v... Can có nghĩa là thân chính, Chi là cành nhánh. Cách đánh số thứ tự này được đặt ra từ nhà Hạ. Có nhiều cách giải thích tên gọi của Thiên Can, phổ biến nhất là dựa theo ý nghĩa chu kỳ sinh trưởng của thực vật, chẳng hạn Can là vừa nứt mầm, Ất là mầm cây trồi lên khỏi mặt đất, Bính là tăng trưởng là mạnh mẽ, cho đến Tân là hạt đã chín rơi xuống, chuẩn bị cho chu kỳ sinh trưởng kế tiếp, Nhâm là cây bắt đầu suy kiệt, Quý là cây tàn lụi, vùi trở lại trong lòng đất. Địa Chi là cách chia quỹ đạo vận hành của Mộc Tinh (sao Jupiter) thành 12 cung, họ gọi Mộc Tinh là Tuế Tinh (ngôi sao chỉ sự vận hành của một năm), tương ứng với chu kỳ vận hành của Mộc Tinh trong 12 năm. Để dễ nhớ, họ gán mỗi cung cho một con vật. Dần dà Thiên Can, Địa Chi được phối hợp với Âm Dương Ngũ Hành, vận dụng trong bói toán, mang nhiều ý nghĩa rắc rối phức tạp hơn là những ký hiệu để ghi nhớ năm tháng như thuở đầu.

¹⁷ Số Ả Rập (Arabic numeric system): tức những số 1, 2, 3, 4... ta thường dùng hiện tại. Gọi là số Ả Rập vì hệ thống này do người Ả Rập truyền vào châu Âu. Trước kia, châu Âu chỉ biết dùng số La Mã.

bản kinh là khoa phán.

Sau khi nền học văn Phật pháp được truyền đến Trung Quốc, Nho Gia có lối học chương cú; thật ra, có người nói cách học chương cú là học theo cách lập Khoa Phán của Phật pháp. Chúng tôi biết rõ cách phanh âm (pinyin) của Trung Quốc đúng là học từ Hoa Nghiêm tự mẫu¹⁸ mà ra, bởi lẽ Phạm văn là phanh âm (có nghĩa là mỗi chữ Phạm được ghép bằng các mẫu tự). Đây là nói về sự ảnh hưởng của kinh Phật đối với văn học Trung Quốc, [Phật pháp đã] trao truyền rất nhiều chỉ dạy hữu ích cho các văn học gia Trung Quốc khiến cho họ có những phát minh. Chữ Quán là xuyên suốt, tức là văn chương đến mức hay khéo, ba chữ sau không có nghĩa như vậy.

“*Nhiếp*”(攝) là gì? Là nhiếp thọ, chữ này không dễ hiểu cho lắm. Chúng tôi nói theo cách thông tục là “có sức hấp dẫn”. Kinh có sức hấp dẫn hết sức mạnh mẽ, thu hút quý vị khiến quý vị chẳng bỏ được. Tôi cũng hiểu điều đó. Khi tôi học Tiểu Học, tôi nhớ lúc học lớp Bốn Tiểu Học, bắt đầu đọc tiểu thuyết chương hồi của Trung Quốc. Những tác phẩm trứ danh trong loại tiểu thuyết chương hồi như Tam Quốc Diễn Nghĩa, Tây Du Ký, Thủy Hử Truyện, tôi bắt đầu đọc năm lớp Bốn. Chúng rất hấp dẫn! Xem tới đêm chẳng muốn ngủ; coi hồi thứ nhất lại muốn xem tiếp hồi thứ hai. Đến năm đầu cấp Sơ Trung (Trung Học đệ nhất cấp), trong bốn năm ấy, những truyện tiểu thuyết chương hồi cổ của Trung Quốc tôi đã đọc hết, tôi có căn bản về quốc văn là nhờ các tiểu thuyết đó.

Trong đó, những tác phẩm hay, thực sự hay, đúng là cổ nhân đánh giá không sai, có bốn bộ lớn là Tam Quốc Diễn Nghĩa, Hồng Lâu Mộng, Tây Du Ký và Thủy Hử Truyện. Bốn bộ tiểu thuyết lớn này, tôi thiếu đọc bốn lần, đọc từ đầu đến cuối bốn lần, tôi đa là xem mười mấy lần, đọc từ đầu đến cuối mười mấy lần. Đọc như cháo rồi, từ đây về sau tốc độ đọc rất nhanh, chúng có sức hấp dẫn rất mãnh liệt như thế đó, nhưng chỉ như thế nào? Nhiều nhất là đọc chừng mười lăm lần, đọc hết mười lăm lần, sau đó không muốn đọc lại nữa! Sức hấp dẫn của chúng đến đó thôi, không còn muốn xem lại nữa!

¹⁸ Phanh âm (hay còn đọc là bính âm) là một cách phiên âm tiếng Quan Thoại bằng hệ thống ký hiệu (người Hoa còn gọi nó là “chú âm phù hiệu”) cũng như dùng mẫu tự Latin để ghi âm, chẳng hạn như chữ “phóng hạ” (buông xuống) trong tiếng Hán Việt, âm Quan Thoại được ghi là fàng xià. Hoa Nghiêm tự mẫu tức là 42 chữ cái của Phạm văn (Tất Đàm văn tự - Siddham Sankrit), mỗi một chữ được kinh Hoa Nghiêm giảng tương ứng với một pháp môn giải thoát.

Kinh điển của cổ nhân có sức nhiếp thọ. Như Tứ Thư đó, quý vị thấy mình từ nhỏ đã đọc Tứ Thư, đại khái là ở trường tư, trẻ nhỏ độ chừng mười tuổi phải học Tứ Thư, đọc đến già vẫn càng đọc thấy thú vị tràn trề. Sức nhiếp thọ của bốn tác phẩm văn học chẳng thể sánh bằng Tứ Thư. Sức nhiếp thọ của bốn tác phẩm [tiểu thuyết chương hồi] lớn tính hết mức không quá hai mươi lần. Nếu quý vị đọc một bộ sách từ đầu đến cuối hai mươi lần, đọc hai mươi lần xong, tôi tin rằng quý vị chẳng thể xem lại nữa, quá đủ rồi! Nhưng một bộ Tứ Thư này đọc cả trăm lần chẳng chán! Sức nhiếp thọ của Phật pháp thực sự lớn lao, trong kinh từng nói từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai, đời đời kiếp kiếp, thời gian ấy phải tính bằng A-tăng-kỳ kiếp, vĩnh viễn chẳng chán. Nhiếp là có sức thu hút như thế đó.

“*Thường*” (常) nghĩa là những đạo lý được nói trong kinh đều là chân lý vĩnh hằng, quyết định chẳng bị hạn chế bởi thời gian hay không gian. Sách vở thế gian chẳng thể đạt được như vậy. Sách vở thế gian, dầu là trước tác của thánh nhân, vẫn bị hạn cuộc trong một khu vực, trong một giai đoạn, chỉ hữu hiệu trong lúc đó thôi. Có rất nhiều tác phẩm cổ xưa của Trung Quốc thực sự chẳng còn hiệu quả trong thời hiện đại nữa, hiệu quả thời gian đã mất rồi! Những trước tác thực sự của thánh nhân, cổ thánh tiên hiền Trung Quốc, về mặt tinh thần đúng là siêu thời gian, siêu việt không gian, nhưng những nguyên tắc được nhắc đến trong những tác phẩm đó có những điều cần phải tu chỉnh trong thời đại hiện tại vì chẳng còn thích hợp với thời hiện tại nữa!

Phật pháp không như vậy, Phật pháp vĩnh hằng bất biến, thật chẳng thể nghĩ bàn, siêu việt thời gian, siêu việt không gian. Khi xưa, lúc tôi mới học Phật, đối với Phật pháp hết sức ngưỡng mộ, yêu thích, nhưng vẫn còn nghi hoặc. Vấn đề nghi hoặc lớn nhất là Giới Luật. Chương Gia đại sư thấy rõ điều này. Vì sao tôi nghi hoặc? Tôi nói những đạo lý được giảng trong kinh Phật hay lắm, thực sự đáng nên tán thán, yêu thích vô cùng; nhưng Giới Luật là khuôn mẫu để sống. Chúng ta biết nếp sống Trung Quốc khác với ngoại quốc; người đời nay chẳng giống người thời xưa. Tôi thấy, tôi hiểu có nhiều phương thức sinh hoạt, điển chương¹⁹, chế độ thời cổ đối với thời đó thì được, nhưng chẳng thể áp dụng cho hiện thời. Quan niệm như vậy biến thành thứ gì? Biến thành chấp trước rất cứng chắc.

¹⁹ Điển chương là danh xưng để gọi chung tất cả những quy định, pháp lệnh, sắc lệnh trong một triều đại.

Tôi học Phật, chẳng thể học làm cổ nhân! Lẽ nào người đời nay học làm người thời cổ, mà lại người ngoại quốc thời cổ? Phật là người Ấn Độ, nay chúng ta làm người Ấn Độ thời cổ còn ra thể thống gì? Nói cách nào cũng chẳng thông! Bởi thế, đối với Giới Luật tôi rất lãnh đạm, đối với kinh luận thì tỏ ra hứng thú rất nồng hậu. Khi đó, mỗi Chủ Nhật tôi được gặp Chương Gia đại sư một lần, gần như luôn nghe Ngài hữu ý hoặc vô ý dùng một câu cảnh tỉnh tôi: “*Giới Luật rất trọng yếu*”. Bởi thế, sau khi lão nhân gia vãng sanh, tôi ở bên lò thiêu Ngài; lò thiêu ấy chỉ dành riêng cho mình Ngài sử dụng, tôi dựng lều tranh ở đó suốt ba ngày. Trong ba ngày, ba đêm tôi suy nghĩ, tôi theo thầy học ba năm, Ngài dạy tôi những gì? Không nghĩ đến thì thôi, chứ nghĩ đến thì ấn tượng sâu đậm nhất là câu “*Giới Luật rất trọng yếu*”.

Tôi nghĩ không ra; thật ra, tôi rất coi nhẹ chuyện đó, rất xem thường, bị Ngài nhìn thấy được, Ngài dùng câu đó đánh thức tôi. Nếu Ngài không viên tịch, tôi chẳng phản tỉnh, chẳng nhận biết được điều ấy. Ngài khuất núi rồi, tôi mới phản tỉnh, nhận biết điều ấy, tôi cho rằng nhất định phải có đạo lý. Bởi thế mới giờ xem giới luật, nhờ đó, đột nhiên hiểu ra. Trung Quốc nói đến Lễ, Nho Gia nói đến Lễ, chính là pháp thế gian. Pháp thế gian lễ nhạc của Tam Đại (ba vương triều) khác nhau; Hạ, Thương, Châu không giống nhau. Qua khắp các đời sau đó, lễ nhạc đều phải đặt mới, phải cải cách, phải tu chỉnh, đều đổi mới quy chế; giống như luật pháp cận đại, ngay cả hiến pháp của quốc gia, cứ bao nhiêu năm đó lại phải tu chỉnh một lần; nếu không tu chỉnh thì sao? Không tu chỉnh sẽ không thích hợp với nhu cầu của mọi người trong hiện thời; bởi thế, pháp luật phải luôn tu chỉnh.

Chúng ta thành lập một tổ chức nhỏ, tôi lập Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội ở Đài Bắc, chúng tôi có chương trình và nguyên tắc làm việc chi tiết. Đối với chương trình và nguyên tắc làm việc chi tiết, nhất là nguyên tắc làm việc chi tiết, cứ mỗi nửa năm chúng tôi lại phải kiểm thảo, tu chỉnh một lần; còn chương trình thì mỗi năm phải kiểm thảo một lần, tu chỉnh thường xuyên. Bởi thế, chương trình, nguyên tắc làm việc chi tiết của Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội rất kiện toàn, vì sao? Tu chỉnh hơn mười mấy lần, rút kinh nghiệm khiến cho chúng rất hoàn chỉnh. Những thứ này là pháp thế gian, vì thế phải tu chỉnh theo thời gian, theo địa phương. Do nghĩ Phật pháp là pháp xuất thế gian, chẳng phải pháp thế gian, từ đây tôi bèn nghĩ thông suốt. Giới Luật là ranh giới phân chia giữa pháp thế gian và xuất thế gian, nó chẳng phải là pháp thế gian. Nếu quý vị muốn siêu việt thế gian, muốn siêu việt luân hồi lực

đạo, siêu việt mười pháp giới thì Giới Luật rất hữu dụng.

Giới Luật là khuôn phép tu hành bao nhiêu kiếp của chư Phật, Bồ Tát, là khuôn phép để thoát khỏi luân hồi lục đạo, là khuôn phép vượt khỏi mười pháp giới, chẳng phải là khuôn phép để sống bình thường; bởi thế, chẳng thể sửa đổi Giới Luật được! Đặc biệt là Ngũ Giới, quý vị nói Ngũ Giới có đổi được hay không? Chẳng sát sanh, quý vị có thể nói là sai hay không? Chẳng trộm cắp, tại gia chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng uống rượu, không thay đổi được! Có đổi cũng không được. Mấy đại giới mang tánh nguyên tắc ấy đúng thật là siêu việt không gian, siêu việt thời gian, làm sao thay đổi được? Pháp ấy là Thường, đó là Thường.

“*Pháp*” (法) là pháp tắc, nay ta gọi là nguyên lý, nguyên tắc. Bởi thế, trong pháp thể gian tìm chẳng ra Thường và Pháp, chỉ riêng Phật pháp mới có. Phật pháp vĩnh hằng, dù pháp thể gian biến đổi thế nào, Phật pháp vẫn bất biến. Đó là bốn chữ mọi vị giảng kinh thường dùng để giảng ý nghĩa chữ Kinh.

Tiếp đó là câu: “*Chư đa diệu nghĩa như Hoa Nghiêm Sớ thuyết*” (Các diệu nghĩa khác như Hoa Nghiêm Sớ nói). Trong Hoa Nghiêm Sớ Sao, Thanh Lương đại sư dùng mười phương thức để giải thích chữ Kinh này. Quán - Nhiếp - Thường - Pháp là bốn cách; Ngài dùng mười cách giải thích, giải thích chữ Kinh rất tỉ mỉ, thấu triệt nhất, không chi hơn được Hoa Nghiêm Sớ Sao. Khi trước, tôi giảng kinh Hoa Nghiêm đã từng nói qua, đó là việc đã lâu lắm rồi. Trong tương lai có thể tôi muốn giảng một lần nữa, giảng gì? Giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm. Khi tôi khai giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm vẫn phải giảng đề mục kinh và huyền nghĩa; bởi thế, sẽ còn có cơ hội giới thiệu tường tận.

Đã giới thiệu tựa đề Phật Thuyết A Di Đà Kinh cùng quý vị xong; dưới đây là kinh văn, nay chúng ta xem kinh văn, đoạn thứ nhất của kinh văn là từ đoạn:

6.2. Tự Phần

Như thị ngã văn:

Nhất thời Phật tại Xá Vệ Quốc, Kỳ Thụ Cấp Cô Độc viên, dữ đại tỳ-kheo tăng, thiên nhị bách ngũ thập nhân câu, giai thị đại A La Hán, chúng sở tri thức: Trưởng lão Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Hy La, Ly Bà Đa, Châu Ly Bàn Đà Già, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lô Phả La Đa, Ca Lưu Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân Na,

Bạc Câu La, A Nậu Lô Đà.

Như thị đẳng chư đại đệ tử, tinh chư Bồ Tát Ma Ha Tát: Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Dật Đa Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, dữ như thị đẳng chư đại Bồ Tát, cập Thích Đề Hoàn Nhân đẳng, vô lượng chư thiên đại chúng câu.

如是我聞。一時佛在舍衛國。祇樹給孤獨園。與大比丘僧。千二百五十人俱。皆是大阿羅漢。眾所知識。長老舍利弗。摩訶目犍連。摩訶迦葉。摩訶迦旃延。摩訶俱絺羅。離婆多。周利槃陀伽。難陀。阿難陀。羅睺羅。憍梵波提。賓頭盧頗羅墮。迦留陀夷。摩訶劫賓那。薄拘羅。阿[少/兔]樓駄。如是等諸大弟子。並諸菩薩摩訶薩。文殊師利法王子。阿逸多菩薩。乾陀訶提菩薩。常精進菩薩。與如是等諸大菩薩。及釋提桓因等。無量諸天大眾俱。

Cho đến đoạn sau đây:

Nhĩ thời, Phật cáo Trưởng Lão Xá Lợi Phất:

- Tùng thị Tây phương quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc. Kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp.

爾時佛告長老舍利弗。從是西方。過十萬億佛土。有世界名曰極樂。其土有佛。號阿彌陀。今現在說法。

Đối với đoạn kinh này, Ngẫu Ích đại sư phán định từ đầu cho đến đây là Tự Phần. Liên Trì, Ngẫu Ích, U Khê mỗi vị phân đoạn khác nhau, mỗi vị có cách hiểu riêng. Hôm nay tôi giới thiệu [kinh A Di Đà] cùng quý vị bèn dùng những điều tôi đã giảng trong Di Đà Yếu Giải Nghiên Tập Báo Cáo (Báo cáo những điều nghiên cứu, học tập từ tác phẩm Di Đà Yếu Giải) là tác phẩm giảng nghĩa tôi đã soạn, thừa dịp này ôn tập cùng các đồng học một lượt.

Trong đoạn này, tôi đặt một tiêu đề nhỏ “kinh tự đích khái thị” (khái thị về tựa đề kinh). Trong phần này, trước hết là giải thích danh nghĩa, tức là giải thích ý nghĩa của danh từ, thuật ngữ. Chữ “*như thị*” biểu thị ý nghĩa tín thuận, “*ngã văn*” biểu thị sự thừa (sự truyền thừa từ thầy sang trò); “*nhất thời*” biểu thị cơ cảm (căn cơ cảm ứng), “*Phật*” là

giáo chủ, “*Xá Vệ quốc, Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên*” là xứ sở. Cả một đoạn từ “*Xá Lợi Phất*” cho đến “*chư thiên đại chúng câu*” nói đến thánh chúng (những người đến nghe pháp). Đó là “*lục chủng thành tựu*” (sáu món thành tựu) mở đầu kinh Phật, giống như biên bản buổi họp trong hiện tại, ghi lại thời gian, địa điểm, những người tham dự, ai là chủ tịch, phần đầu biên bản hội nghị luôn có những khoản đó. Kinh Phật cũng vậy, để thủ tín cùng đời sau kinh này chẳng phải là ngụy tạo, mà thực sự là do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói.

6.2.1. Thông Tụ

6.2.1.1. Giới Thiệu Khái Lược Lục Chủng Thành Tựu

Câu đầu tiên của kinh là “*như thị ngã văn*”; do khi Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, lão nhân gia dạy dỗ toàn là ngôn thuyết, chẳng dùng văn tự, giống Khổng Tử của Trung Quốc. Sách của Khổng Tử đúng là sau khi Khổng lão phu tử đã qua đời, học trò đem những lời thầy thường răn dạy ghi lại, mọi người cùng nhau biên tập thành. Một đời Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh thuyết pháp, giảng rất nhiều; sau khi Phật diệt độ, đồ đệ đa văn bậc nhất, người học trò có ký ức tốt nhất là tôn giả A Nan. Trong tất cả đồng học, A Nan có trí nhớ tuyệt hảo, nghe một lần ghi nhớ vĩnh viễn, cũng là một thiên tài, không phải ai cũng có khả năng như thế.

Lúc tôi còn đi học, năng lực ra sao? Tôi cũng là một kẻ nghe nhiều nhớ dai. Tôi nghe một lần có thể nhớ được chín mươi lăm phần trăm, tôi có năng lực đó; bởi thế, kêu tôi nhắc lại là chuyện dễ dàng, chẳng khó khăn gì; nhưng tôi thua ngài A Nan rất xa! Ngài A Nan một đời chẳng quên, tôi nhớ nhiều lắm là được một tuần, chùng một tuần sau quên mất quá nửa, một tháng sau khỏi tính nữa. Hiệu quả nhất là trong vòng một tuần, đã gọi là “nhớ dai”. Là học trò cũng có điều hay, hay ở chỗ nào? Đối phó với chuyện thi cử khá dễ dàng; nhưng cũng có chỗ tệ, tệ là chẳng đọc sách. Đối phó với thi cử quá đơn giản, trước giờ thi cho tôi mười phút, tôi ôn lại bài vở một lượt, chắc chắn sẽ đạt, chắc chắn như thế. Vì thế, tôi dùng tất cả thời gian làm gì? Xem tiểu thuyết. Bởi thế, trong bốn năm, tiểu thuyết Trung Quốc khoảng chừng đâu một hai trăm bộ tôi đọc sạch, tốc độ xem cũng nhanh, thực sự cũng có thể nhớ lâu.

Tôn giả A Nan đảm trách nhiệm vụ trùng tuyên. Tôi đã thưa cùng quý vị rồi đó, nếu không lâu hơn một tuần, tôi có thể nhắc lại những gì thầy đã giảng không sai mấy. Tôi chẳng thêm thắt ý mình, thầy giảng thế

nào, tôi nói như thế đó, trong vòng một tuần chẳng có vấn đề gì, tôi thiếu nhắc lại được chín mươi lăm phần trăm, tôi có năng lực ấy. Ngoài ra, tôi cũng có khả năng hiểu rất tốt, có ngộ tánh, đó là điều kiện chẳng thể thiếu để học kinh giáo. A Nan rất lợi hại, quý vị thấy đức Phật thuyết pháp bốn mươi chín năm, những gì giảng trong bốn mươi chín năm trước Ngài nhớ kỹ, thật phi thường, chẳng thể không khiến người ta [bội phục] năm vóc sát đất. Ngài lên đài nhắc lại, đem những lời Phật đã giảng khi trước như thế nào thành thực nói ra, chẳng thêm vào một câu. Tôi nghĩ rất có khả năng bị thiếu mấy câu, sức ký ức của Ngài rất mạnh!

[Những lời A Nan nói] được các đồng học thẩm tra, chấp nhận, thính chúng là ai? Năm trăm vị đại A La Hán, đều là đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật. Họ đến nghe, nghe xem A Nan có nói sai hay không. Nói không sai! Chỉ cần một cá nhân nêu nghi vấn là đoạn đó bèn bị gạt bỏ. Năm trăm vị, vị nào cũng đồng ý, chép xuống, tạo thành kinh điển. Bởi thế, đầu kinh ghi “*nư thị ngã văn*”.

“*Nư thị*” là lúc Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế đã nói như thế. “*Ngã*” (我) là tôn giả A Nan tự xưng, đích thân tôi nghe đức Phật nói, chẳng phải nghe qua người khác. Ở đây, chúng ta phải hiểu, Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật hai mươi năm rồi A Nan mới xuất gia, A Nan sanh đúng ngày Thích Ca Mâu Ni Phật thành đạo. A Nan xuất gia năm hai mươi tuổi. Trong hai mươi năm ấy, Phật giảng không ít kinh. Quý vị coi những điều ghi chép về sự giảng kinh của Thích Ca Mâu Ni Phật thì sau khi thị hiện thành đạo, tại vườn Lộc dã độ năm tỳ-kheo, bắt đầu giảng kinh. Giảng Tiểu Thừa, giảng A Hàm mười hai năm. Giảng A Hàm mười hai năm xong bèn giảng Phương Đẳng tám năm, cộng thành hai mươi năm. Nói cách khác, A Nan chưa từng nghe A Hàm, Phương Đẳng. A Nan đích thân bắt đầu nghe Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh là nghe những gì? Nghe Bát Nhã. Bát Nhã giảng hai mươi hai năm, Pháp Hoa - Niết Bàn tám năm, cộng thành ba mươi năm. A Nan nghe được [những kinh Phật giảng trong] ba mươi năm sau, hai mươi năm trước không được nghe, làm sao kết tập?

Trong kinh điển có một câu chuyện, quý vị phải hiểu rõ. Thích Ca Mâu Ni Phật độ A Nan xuất gia, A Nan nêu điều kiện: Tôi thích kinh giáo, những kinh nào Phật đã thuyết trước kia, xin Ngài vì tôi nhắc lại một lượt. Thích Ca Mâu Ni Phật chấp thuận. Bởi thế, kinh A Hàm, Phương Đẳng trong hai mươi năm A Nan chưa từng nghe qua, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng lại một lượt. Nói cách khác, bốn mươi chín năm dạy dỗ của đức Thế Tôn, A Nan được nghe rất hoàn chỉnh, khác nào chẳng

thiếu một buổi học nào. Bởi thế, tôn giả A Nan là người truyền Phật pháp, chúng ta phải tin tưởng.

Ngoài ra, còn có thuyết nói A Nan là bậc đại quyền thị hiện đến giúp Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa chúng sanh, lẽ nào chẳng thông đạt đạo lý! Điều này cũng hợp lý, đây là nói theo mặt Lý, nói như trên là nói theo mặt Sự, Lý - Sự đều thông suốt. Bởi thế, đức Phật dạy A Nan mai sau kết tập kinh điển, câu đầu tiên là *“như thị ngã văn, nhất thời Phật tại thậm ma địa phương”* (Chính tôi nghe như thế này: Một thời đức Phật tại chỗ nào đó), đoạn kinh này là do đức Phật dạy A Nan nói như vậy.

Thăng tòa giảng kinh được Phật lực gia trì, A Nan lên tòa trùng tuyên, người nghe ở dưới thấy A Nan được Phật gia trì, giống như đức Phật, bởi vậy có kẻ hoài nghi: “Chẳng phải là Thích Ca Mâu Ni trở lại hay sao?” Có người nói: “Không phải đâu, A Nan thành Phật rồi!” A Nan vừa nói *“như thị ngã văn”*, mỗi nghi hoặc ấy của đại chúng không còn nữa, tôn giả A Nan chỉ nhắc lại mà thôi!

“Nhất thời”: Vì sao chẳng chép là năm, tháng, ngày, lại nói *“nhất thời”* (một thời). “Nhất thời” là nói thật, nếu ghi năm, tháng, ngày thì năm, tháng, ngày là giả, vì sao? Ấn Độ thời ấy chưa thống nhất, năm tháng mỗi quốc gia khác nhau. Việc ấy ở Trung Quốc cũng có. Đến hiện tại, mọi người trên thế giới đều dùng dương lịch, chúng ta gọi là Công Nguyên. Hiện thời chánh phủ Trung Quốc cũng dùng Công Nguyên, nhưng tại Đài Loan dùng Dân Quốc, năm nay là năm Dân Quốc 92, Công Nguyên là năm 2003, không giống nhau. Tại Nhật Bản dùng niên hiệu Bình Thành (Heisei)²⁰, lại khác nữa! Lịch pháp Hồi giáo²¹ của thế gian cũng khác. Như vậy, trên địa cầu này cho đến hiện tại, lịch pháp vẫn chưa thống nhất, quý vị muốn ghi lại năm, tháng, ngày, giờ rất phiền

²⁰ Bình Thành là niên hiệu của vua Nhật hiện tại (Minh Nhân thiên hoàng - Akihito), được sử dụng kể từ năm 1989 (Bình Thành nguyên niên). Theo hoàng gia Nhật, niên hiệu này xuất phát từ phần Ngũ Đế Bản Kỷ sách Sử Ký Tư Mã Thiên: *“Phụ nghĩa, mẫu từ, huynh hữu, đệ cung, tử hiếu, bình nội, ngoại thành”* (Cha có nghĩa, mẹ nhân từ, anh nhường nhịn, em cung kính, con hiếu thảo, trong bình yên, ngoài thành tựu).

²¹ Lịch Hồi Giáo (At-taqwīm al-hijrī) là âm lịch, cách tính toán rất phức tạp. Mỗi năm có 354 hoặc 355 ngày, chia thành 12 tháng. Năm thứ nhất trong lịch Hồi giáo là năm 622, tức năm giáo chủ sáng lập đạo là Muhammad (Mohamed) và bảy tôi là Abu Bakr phải bỏ trốn từ Mecca sang Medina nhằm tránh né một cuộc mưu sát (cuộc lưu vong này thường được gọi là Hijra trong sử Hồi Giáo). Cách tính của lịch Hồi Giáo rất phức tạp, tháng quan trọng nhất là tháng Chín (Ramadan), tức mùa chay, tín đồ Hồi Giáo phải nhịn ăn từ lúc mặt trời mọc cho đến khi mặt trời lặn trong suốt tháng ấy.

phức, chẳng dễ tra cứu!

Huống chi thời gian là khái niệm trừu tượng, “*nhất thời*” là đúng, thầy trò đạo hợp, cơ duyên chín muồi thì gọi là “*nhất thời*”. Ý nghĩa chữ “*nhất thời*” giống với ý nghĩa chữ Kinh trong Khế Kinh, cơ cảm tương ứng, thời tiết nhân duyên chín muồi, giảng đúng lúc đó mới phát sanh hiệu quả.

A! Bây giờ đã đến giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây thôi!

Tập 05

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp đoạn thứ nhất kinh A Di Đà, từ “*nư thị ngã văn*” đến “*kim hiện tại thuyết pháp*”. Trong phần tiểu chú, đoạn thứ nhất là giải thích danh nghĩa, tức là giải thích danh từ, thuật ngữ.

“*Nư thị ngã văn*”, “*nư thị*” là Tín Thành Tụ. “*Ngã văn*” là Văn Thành Tụ, cũng là sư thừa. “*Nhất thời*” là Thời Thành Tụ. Phật là Chủ Thành Tụ, đây là người chủ giảng. “*Xá Vệ Quốc, Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên*” là Xứ Sở Thành Tụ, giảng tại địa phương nào. “*Xá Lợi Phất*”, toàn bộ đại chúng là Thính Chúng Thành Tụ. Giống như cách thức ghi biên bản hội nghị, dưới đây tôi sẽ trình bày giản lược từng điều cùng quý vị.

6.2.1.2. Giảng về Tín Thành Tụ

Trước hết giải thích hai chữ Như Thị. “*Thật tướng diệu lý, cổ kim bất biến*” (Lý mẫu Thật Tướng, xưa nay chẳng đổi) đó là Như. Trước hết, chúng tôi nói hai câu này. Chúng ta thường gọi Thật Tướng là Chân Tướng, Thật (實) là chân thật, Tướng (相) là hiện tượng; hình dáng chân thật của hiện tượng vũ trụ là gì? Phạm phu chúng ta không thấy được chân tướng vũ trụ, chúng ta chỉ thấy được huyền tướng, giả tướng, tướng thiên biến vạn hóa; chẳng thấy được chân tướng. Giống như chúng ta trông thấy biển cả ba đào trào dâng, bên bờ biển thấy sóng trào bọt trắng xóa, chúng ta trông thấy những tướng trạng đó, trông thấy con sóng, trông thấy bọt sóng, chân tướng của chúng là gì? Chân tướng là nước; chỉ biết thưởng thức sóng vỗ tung bọt, chỉ thấy được tướng ấy, quên mất nước đi, tướng thực sự là nước.

Chúng ta trông thấy vũ trụ thiên biến vạn hóa, không một giây, một phút nào ngừng nghỉ, kinh Phật gọi là “*sanh diệt trong từng sát-*

na”. Như sóng trào trong biển, sóng nhô lên là sanh, sóng chìm xuống là diệt. Sóng vỗ tung bọt là sanh, sau khi sóng tan, bọt sóng tiêu mất là diệt. Trong vũ trụ, sự sanh diệt biến hóa vĩnh hằng không ngừng, chúng ta bình thường chỉ biết được tướng biến hóa ấy, bản thể của sự biến hóa là gì? Sóng và bọt sóng do nước biển ra, bản thể của chúng là nước. Vũ trụ to lớn như thế, thiên biến vạn hóa trong đó, bản thể của nó là gì? Trong kinh Phật gọi bản thể ấy là Thật Tướng.

“*Thật Tướng diệu lý, cổ kim bất biến*”: Tất cả hết thảy hiện tượng sanh diệt trong từng sát-na, thiên biến vạn hóa, nhưng bản thể của sự biến hiện ấy vĩnh viễn không biến đổi, bất sanh, bất diệt, chẳng đến, chẳng đi, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng một, chẳng khác (bất sanh, bất diệt, bất khứ, bất lai, bất thường, bất đoạn, bất nhất, bất dị); Trung Quán Luận gọi là tám cái “*Bất*” (bất bất) để hình dung [đặc tánh của bản thể]. Đó là bản thể của vũ trụ, là “bản lai diện mục của chúng ta trước khi được cha mẹ sanh ra”. Đức Phật cho nó một danh xưng là Như, Như Như, Chân Như, Tự Tánh, Chân Tâm, Lý Thể. Trong kinh điển, đức Phật nêu ra mấy chục danh từ, không quan trọng gì cả. Vì sao đức Phật nói nhiều danh từ như thế? Nhằm dụng ý dạy chúng ta đừng chấp trước danh từ, danh từ là pháp phương tiện, chẳng phải thật; nhưng trong giáo học, dùng những danh từ này khiến cho quý vị ngộ nhập chân thật. Chớ nên chấp trước danh từ; nếu chấp vào một danh từ, quý vị chẳng thể ngộ nhập chân thật. Vì vậy, chớ nên chấp trước tướng danh từ! Đức Phật nói nhiều danh từ như thế, với dụng ý làm cho quý vị biết “nói sao cũng đều đúng”, chỉ cần chẳng nói về điều này thì không sai! Ngàn vạn phần chớ nên chấp trước danh từ.

Bộ kinh này là kinh A Di Đà. Mục đích tu học của kinh A Di Đà là cầu sanh Tịnh Độ, thân cận A Di Đà Phật, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới tu hành, chúng tôi phải nói theo cách thông thường là “đến học tập”. Học tập trong thế gian này có chi không tốt? Hoàn cảnh học tập trong thế gian này không tốt, hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau) càng chẳng tốt! Trong thế gian này không có thầy tốt, không có đồng học tốt, thọ mạng lại ngắn, thời gian quá ngắn, chẳng đủ dùng! A Di Đà Phật sáng tạo cho chúng ta một hoàn cảnh tu học hoàn bị nhất, chỉ cần chúng ta muốn sang đó, chúng ta thực sự có thể đến đó được.

Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu cho chúng ta đến học tập trong hoàn cảnh ấy, chư Phật Như Lai là thầy, các vị thượng thiện nhân là đồng học, đồng học đều là bậc thượng thiện. Chữ “*thượng thiện*” chỉ cho ai? Chỉ Đẳng Giác Bồ Tát. Như Quán Thế Âm, Đại Thế Chí trong

Tây Phương Cực Lạc thế giới là đồng học, là trưởng tràng, là lớp trưởng của chúng ta. Nơi đó là hoàn cảnh tu học hoàn bị nhất, trong hoàn cảnh ấy quý vị chẳng khởi tham - sân - si. Vì sao? Tất cả hết thấy, bất luận vật chất hay tinh thần lẫn thọ dụng đều được biến hóa ra. Nghĩ đến thứ gì, thứ ấy hiện ra, chẳng có tâm tham. Trong xã hội ấy đều là thiện nhân, chẳng có người ác, không ai có ác niệm, không ai có ác ý, không ai nói năng thô lỗ, dù có tâm sân khuê, quý vị cũng chẳng thể do đâu phát khởi được. Nói cách khác, quý vị chẳng có điều kiện nổi nóng, thật chẳng thể nghĩ bàn! Không dấy lên tâm sân khuê được, sáu căn tiếp xúc hoàn toàn là Phật pháp, toàn là giáo huấn của thánh hiền, nhất định quý vị chẳng ngu si. Nói cách khác, chẳng cần phải đoạn sân si, cũng chẳng cần phải quan tâm đến nó! Đến ở lâu trong thế giới ấy, sẽ tự nhiên đoạn được sân si sạch sành sanh, mục đích là ở chỗ này.

“*Y Thật Tướng lý, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, quyết định vô phi*” (Nương theo lý Thật Tướng, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ quyết định chẳng sai), “*vô phi*” là chẳng sai lầm, quyết định chẳng lầm, tức là Thị (đúng). Lời giải thích ấy căn cứ vào tông thú²² của kinh này, nêu thành điều thứ nhất. Thuyết pháp như vậy, bất luận trong thời điểm nào, bất luận chỗ nào, nơi này, phương khác, thấy đều chính xác, đều chẳng sai lầm; nói trong thế giới Hoa Tạng cũng vẫn chính xác. Vì sao? Chúng ta thấy Văn Thù, Phổ Hiền trong hội Hoa Nghiêm nơi thế giới Hoa Tạng, dùng mười Ba La Mật, mười đại nguyện vương khuyên lớn, hướng dẫn bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ cầu sanh Tịnh Độ, thân cận A Di Đà Phật. Quý vị hãy nghĩ xem: Đó cũng là lý do tại sao hội Hoa Nghiêm nơi thế giới Hoa Tạng cũng là “*quyết định chẳng sai*”. Từ chỗ này quý vị tự nhiên nhận hiểu pháp môn này thù thắng chẳng thể nghĩ bàn!

Hiện tại chúng ta cùng học tập kinh Hoa Nghiêm, mục đích học tập kinh Hoa Nghiêm là gì? Nhằm triệt để hiểu rõ pháp môn Tịnh Độ. Kinh Hoa Nghiêm giảng thật tường tận, giảng cho thật nhiều, giảng thật rõ ràng, thì không có gì khác ngoài nhằm làm cho chúng ta tin sâu chẳng ngờ, hạ quyết tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu quý vị học kinh A Di Đà, học kinh Vô Lượng Thọ mà bán tín bán nghi, chẳng thể giải quyết vấn đề, hãy học kinh Hoa Nghiêm. Huân tu kinh Hoa Nghiêm

²² Tông: Điều chánh yếu hay pháp môn chánh yếu được đề cao bởi một bộ kinh. Hay nói theo ngôn ngữ hiện thời là chủ đề chính của một bộ kinh.

Thú: Kết quả, mục tiêu sẽ đạt được do tu tập pháp môn ấy.

trong một thời gian dài, sẽ trừ được gốc nghi, đều thấy rõ, đều minh bạch hết. Kinh A Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ là cương yếu của Tịnh tông, nắm được cương lĩnh thì công phu tu học đắc lực, nguyện vọng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới có thể trở thành sự thật.

Tiếp đó, có một cách giải thích khác, xin mọi người hãy đọc: “*Hữu vạn pháp câu tịch, nhất tâm bất loạn vi Như, thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật, vi Thị*” (Lại nữa, muôn pháp đều tịch, nhất tâm bất loạn là Như; tâm này là Phật, tâm này làm Phật, đó là Thị). Đây cũng là căn cứ vào chỉ thú của Tịnh tông mà nói, nhưng trên phạm vi lớn hơn. Đạo lý “*vạn pháp câu tịch*” rất sâu. Chúng ta thấy vạn pháp đều động, sanh diệt trong từng sát-na, đều là động. Vạn pháp đều động, chẳng Như; Như là nói về Thể. Cái chúng ta thấy là tướng, vướng mắc vào tướng. Tướng là động, tác dụng là động, Thể bất động. Giống như trong biển cả, chúng ta thấy có sóng mòi, bọt sóng sanh ra, tan mất là động, tùy thuộc hướng gió, tùy thuộc phương hướng của dòng chảy²³ mà di động không ngừng, đó là tác dụng của nó. Nổi lên, chìm xuống là tướng, lưu động là tác dụng của nó; nhưng quý vị phải hiểu Thể của nó không động, Thể là Như.

Nhất tâm bất loạn, nhất tâm, tâm bất động; nhị tâm, nhị tâm là động. Nhị tâm là trong tâm quý vị có vọng tưởng. Sở dĩ gọi “tưởng” là “vọng tưởng” là nhằm bảo cho quý vị biết nó chẳng thật. Chân tâm là gì? Trong chân tâm chẳng có ý niệm, chân tâm lìa niệm, chân tâm vô niệm, đây là điều kinh Đại Thừa thường giảng. Hữu niệm thì chẳng phải là chân tâm, vô niệm là chân tâm. Ở đây lại phải hiểu rõ, vô niệm không phải là không nghĩ gì, chẳng phải là cái gì ta cũng chẳng thêm nghĩ đến, nếu ngỡ như vậy là vô niệm thì đã sai mất rồi! Đây đúng là “*sai chỉ hào ly, làm lạc ngàn dặm*”. Vì sao? Quý vị tưởng “không nghĩ” gì là vô niệm thì quý vị thực sự tu thành công Vô Tướng Định, quả báo trong tương lai là [sanh lên] trời Vô Tướng thuộc Tứ Thiên Thiên, chẳng thể giải quyết vấn đề, làm lạc rồi!

Không nghĩ gì cũng chẳng dễ, cũng phải có mức Thiên Định khá! Quý vị thấy đó, phải là Tứ Thiên! Vì sao sanh trong trời Vô Tướng của Tứ Thiên Thiên chẳng thể giải quyết vấn đề? Kẻ ấy đọa trong vô

²³ Dòng chảy ở đây chính là “hải lưu” (ocean current). Những dòng hải lưu này thường chuyển động theo chiều kim đồng hồ ở Bắc Bán Cầu và ngược chiều kim đồng hồ ở Nam Bán Cầu. Chúng sanh ra do tỷ trọng và nhiệt độ của nước, hướng gió khác nhau trên từng vùng biển. Nổi tiếng nhất là hải lưu Gulf Stream chảy từ cực Nam bán đảo Florida, dọc theo bờ biển Đông Hoa Kỳ và vùng Newfoundland trước khi đổ ra Đại Tây Dương.

minh, vô minh vẫn là Tướng. Chẳng tướng động thì tướng tịnh, tướng cái bất động, kẻ ấy vẫn suy tướng [ý niệm] “vô tướng”. Chẳng nghĩ đến hữu tướng sẽ nghĩ đến vô tướng, biến thành Vô Tướng Định. Vô niệm khác hẳn, phải hiểu cho rõ! Vô niệm không phải là vô tướng (không nghĩ tướng gì), vô niệm là không có vọng niệm; trong pháp Đại Thừa gọi “không có vọng niệm” là “có chánh niệm”. Nếu trong tâm vẫn phân biệt là “có chánh niệm” thì là vẫn chấp trước vào “có chánh niệm”, chánh niệm ấy lại biến thành vọng niệm, điều này rất khó hiểu!

Rốt cuộc, thế nào mới là chánh niệm, thế nào mới là vô niệm? Trong kinh Phật có một nguyên tắc chung: *“Lìa hết thấy vọng tướng, phân biệt, chấp trước thì gọi là Vô Niệm”*. Thấu hiểu rõ ràng, hiểu mình bạch hết thấy sự - lý, nhân - quả, tánh - tướng trong vũ trụ thì gọi là “chánh niệm”. Bởi vậy, trong chánh niệm có trí huệ, có đức năng, có tướng hảo, sống động, hoạt bát! Trong ấy, nhất định chẳng có vọng tướng, phân biệt, chấp trước, khác hẳn với Vô Tướng Định, chẳng giống với Thiên Chân Niết Bàn²⁴ của Tiểu Thừa. Vô Tướng Định, Thiên Chân Niết Bàn vô ích, có Thể nhưng không có Dụng; nói thật ra, chính mình chẳng đạt được lợi ích viên mãn, mà cũng chẳng thể làm lợi cho chúng sanh được.

Trong hội Lăng Nghiêm, chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật quở trách người Tiểu Thừa, khen ngợi Bồ Tát. Bồ Tát có Thể và Dụng, Tiểu Thừa có Thể nhưng không khởi tác dụng. Vì thế phải hiểu *“vạn pháp đều tịch”*, tướng của vạn pháp là ở đâu? Tướng ấy ở ngay trước mắt, nhưng nó chẳng sanh, chẳng diệt, trọn khắp hư không pháp giới, sao chúng ta không thấy? Trong hội Hoa Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật đã rất cảm thán nói: *“Nhất thiết chúng sanh giai hữu Như Lai trí huệ đức tướng”* (Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai), ngay cả hiện tại, chưa bao giờ mất; điều hết sức đáng tiếc là *“đản dĩ vọng tướng, chấp trước, bất năng chứng đắc”* (chỉ vì vọng tướng, chấp trước, chẳng thể chứng đắc). *“Như thị”* vốn có sẵn nơi thân chúng ta, mỗi ngày từ sáng đến tối chúng ta luôn dùng nó mà không biết. Là thứ gì trên thân ta vậy? Chính là căn tánh của sáu căn; phải thừa rõ cùng quý vị, căn tánh của sáu căn! Căn tánh nơi sáu căn là *“diệu lý Thật Tướng”*, là tướng tịch diệt, tịch diệt thanh tịnh, là chân tâm, là bản tánh không

²⁴ Thiên chân Niết Bàn: Niết Bàn của Tiểu Thừa chưa viên mãn, thấy chân tướng sự thật còn thiên lệch, chưa viên mãn, chấp vào tịch diệt, nên còn gọi là “trầm không, trệ tịch”.

hai, không khác với chư Phật Như Lai.

Nếu lại cùng quý vị luận định sâu hơn thì ngay nơi nhục thể chúng ta, các khoa học gia hiện tại đã thấy và hiểu rất rõ: Thân thể chúng ta đây do gì tạo thành? Do tế bào tạo thành; tế bào do gì tạo thành? Do nguyên tử tạo thành; nguyên tử do gì tạo thành? Do lap tử tạo thành. Kinh Hoa Nghiêm nói mỗi một lap tử ấy đều đầy đủ rất trọn vẹn pháp tánh. Pháp tánh là Chân Như. Chân Như ở tại đâu? Chân Như không chỗ nào chẳng tồn tại. Trong mỗi một lap tử đều có, mỗi một nguyên tử đều có, trong mỗi tế bào trên thân thể chúng ta đều có, rất đáng tiếc là quý vị đang mê, chẳng giác ngộ.

Nếu quý vị thực sự giác ngộ thì mới hiểu “*vạn pháp đều tịch*”! Chúng ta chẳng thấy thanh tịnh tịch diệt, mà thấy những gì? Thấy vô lượng vô biên tướng sanh diệt, tướng biến hóa. Chuyện này là như thế nào? Chỉ thấy tướng, không thấy tánh! Các vị Phật, Bồ Tát, những người chân chánh tu hành giác ngộ thấy được tánh, thấu hiểu tướng, hiểu rất rõ hiện tượng, thấy được tánh, thấy trong tướng sanh diệt có tánh không sanh diệt. Đây mới là hiểu rõ ràng, minh bạch chân tướng sự thật. Như thị, nguyên lai như thị (như thế đó, vốn là như thế đó). Nhất tâm bất loạn cũng tức là nói “không có vọng tưởng”. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều đoạn hết thì gọi là Như.

Tịnh tông chẳng phải là tu hành mê tín, chẳng khác gì lắm với Hoa Nghiêm, Thiên Thai, Pháp Tướng, Tam Luận, Tông Môn, Giáo Hạ. Trong kinh Kim Cang, đức Phật nói: “*Pháp môn bình đẳng, vô hữu cao hạ*” (Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp). Tịnh tông chẳng nằm ngoài các pháp môn, so với hết thấy pháp môn khác, nó thực sự bình đẳng, chẳng có cao - thấp. Vì sao? Chỗ y cứ đều là Chân Như, đều là Thật Tướng. “*Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*” (tâm này là Phật, tâm này làm Phật), ấy là Thị! Một mảy chẳng sai! Tâm này là đức Phật vốn sẵn có, vốn sẵn là như vậy, tâm chính là Phật, Phật chính là tâm; tâm là Chân Như, Chân Như là tâm. Nay quý vị lại phát tâm muốn làm Phật, quý vị nghĩ coi mình có thể làm Phật được hay chẳng? Trong kinh Đại Thừa, Thích Ca Mâu Ni Phật thường nói: “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (Hết thấy pháp đều từ tâm tướng sanh), hằng ngày nghĩ làm Phật, đương nhiên sẽ làm Phật. Hiện tại vì sao bệnh truyền nhiễm SARS dữ dội đến thế? Vì sao nó lây lan rộng đường ấy? Chẳng có gì khác ngoài chuyện quý vị hằng ngày nghĩ đến SARS, SARS bèn xảy đến, chuyện là như vậy đó! Quý vị không nghĩ đến nó, dần dần nó không còn nữa. Hết thấy pháp từ tâm tướng sanh, sao quý vị không nghĩ đến điều

tốt, chẳng nghĩ đến điều lành?

Sáng sớm hôm nay, bên Mỹ gọi điện thoại cho tôi, không ít người thấy tôi trước đây trên TV có mấy lần giảng về bệnh SARS, nay họ biên tập lại, phát lên đài truyền hình vệ tinh. Tôi đặc biệt bảo mọi người: Chúng ta phải tin tưởng lời Phật, “*nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (hết thấy pháp từ tâm tướng mà sanh), chẳng cần phải quan tâm đến nó, chẳng cần phải nghĩ đến nó; mà nghĩ đến điều gì? Chân thành, thanh tịnh. Chân thành thanh tịnh nhất định sẽ chẳng bị nhiễm hết thấy virus, chẳng bị lây nhiễm. Trong tâm, trong tư tưởng quý vị chẳng có độc, làm sao bị nhiễm độc cho được? Chẳng tương ứng mà! Bình đẳng từ bi hóa giải virus, hóa giải được chất độc của vi khuẩn SARS, có thể hóa giải hết. Hai câu này hết sức trọng yếu; chỉ cần chúng ta thực sự tu hành “chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi”, ôn dịch bị hóa giải rất nhanh, không còn nữa. Thiên tai nhân họa do đâu mà có? Từ vọng tưởng khởi, từ tham - sân - si khởi, đó mới là cội gốc. Bởi thế, chúng ta hằng ngày tưởng Phật, hằng ngày niệm Phật, hằng ngày thấy Phật, nhìn tượng Phật, hằng ngày đọc kinh Phật, lẽ đâu chẳng thành Phật? Đó gọi là Thị. Đến đây là giảng xong chữ Như Thị. Tiếp theo đây, chúng ta lại xem tiếp chữ Nhất Thời.

6.2.1.3. Giảng về Thời Thành Tựu

“*Tế ngộ lương thời, sư tư đạo hợp*” (gặp đúng dịp tốt, thầy trò đạo hợp), đó là “*nhất thời*”. Bởi thế, chẳng ghi chép năm, tháng, ngày đức Phật giảng kinh, dụng ý rất hay! Chẳng ghi chép năm tháng ngày giờ lại có ý nghĩa rất sâu: Khiến cho chúng ta lìa khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, bởi lẽ thời gian và không gian phát sanh từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chẳng phải là sự thật. Trong Pháp Tướng Duy Thức Học, không gian và thời gian bị xếp vào “*bất tương ưng hành pháp*”. Vì sao gọi là bất tương ưng hành pháp? Nói theo cách bây giờ, chúng thuộc về khái niệm trừu tượng, chẳng phải là sự thật. Bởi thế, nhà Phật dùng danh từ “*bất tương ưng hành pháp*”, người hiện thời gọi là “khái niệm trừu tượng”, chẳng có sự thật. Chữ “*nhất thời*” hay lắm!

“*Tế ngộ lương thời*” (gặp nhằm dịp tốt), nay ta gọi “*tế ngộ*” là cơ hội, điều kiện đầy đủ, nhằm vào lúc ấy “*sư tư đạo hợp*” (thầy trò đạo hợp), thầy gặp được trò ngoan, trò ngoan gặp được thầy giỏi, trò vui thích học, thầy vui vẻ dạy, gặp nhằm lúc đó là “*nhất thời*”. Thầy dù có hay nhưng chẳng gặp được trò tốt thì cũng uổng công; dù trò có tốt

chẳng gặp được thầy giỏi, tình hình ấy rất nhiều. Bởi thế, Thiện Đạo đại sư nói mấy câu khiến chúng tôi càng nghĩ càng bội phục, lão nhân gia nói “*tổng tại ngộ duyên bất đồng*” (nói chung là gặp duyên khác nhau). Duyên quan trọng nhất là nhân sự (quan hệ giữa người với người); chúng ta có thể thành tựu hay không? Cá nhân tu hành có thể thành tựu hay không? Đối với xã hội, đối với đại chúng có thể cống hiến hay không? Điều là do gặp duyên khác nhau! Quan trọng nhất là chí đồng đạo hợp.

Trong Phật pháp nói đến Lục Hòa Kính, điều thứ nhất là Kiến Hòa Đồng Giải, tức là cách nghĩ và cách nhìn của mọi người nhất trí. Kiến lập sự nhất trí bằng cách nào? Nhất trí là buông bỏ cách nghĩ và cách nhìn của riêng mình. Ta là phàm phu, đầu tiên phải thừa nhận, phải khẳng định điều đó. Ta là phàm phu, ta chưa giác ngộ, ta vẫn đang mê. Đã chưa giác ngộ thì cách nghĩ, cách nhìn của ta không chính xác. Mọi người chúng ta đều là phàm phu, hãy buông bỏ thành kiến của chính mình, tạm thời bỏ cách nghĩ, cách nhìn của mình sang một bên, chúng ta nghe lời Phật, chúng ta tiếp nhận lời Phật dạy răn, học theo cách nghĩ và cách nhìn của Phật, làm theo cách Phật làm, đó gọi là “*học Phật*”. Có giữ được cách nghĩ, cách nhìn, cách làm của Phật hay không, điều này cần phải có tín tâm. Tín tâm do đâu mà có? Chấp nhận Phật là bậc giác ngộ, Phật là bậc minh tâm kiến tánh, tư tưởng, hành vi của Phật lưu lộ từ tánh đức trong tự tánh. Đến khi chúng ta chứng đắc Phật quả rồi (chúng đắc Phật quả là minh tâm kiến tánh, là thực sự đạt được Như Thị), thì cách nghĩ, cách nhìn, cách làm của chúng ta hoàn toàn giống với chư Phật Như Lai, Phật Phật đạo đồng.

Vì sao? Vì thấy tánh rồi, tư tưởng, kiến giải, ngôn hạnh của quý vị toàn bộ đều từ tự tánh lưu lộ ra. Chưa kiến tánh thì chúng lưu lộ từ phiền não tập khí; bởi thế, chúng dính mắc tự tư, tự lợi, dính mắc tham - sân - si - mạn. Chư Phật, Bồ Tát, Pháp Thân Bồ Tát chắc chắn không tự tư tự lợi, nhất định chẳng có tham - sân - si - mạn, như vậy là rất hợp lý. Do vậy, chúng ta phải tự phản tỉnh xem chúng ta còn có tự tư, tự lợi hay chẳng? Chúng ta còn có tham - sân - si - mạn hay chẳng? Vẫn còn một chút. Còn một chút là trật rồi, còn một mảy may là trật rồi, quý vị chưa giác ngộ, chưa kiến tánh; phải đoạn cho đến một mảy cũng chẳng còn, đó là Kiến Tánh. Chúng ta vẫn còn có tư tâm, [tức là] vẫn còn có yêu - ghét, yêu thích cái này, chán ghét cái kia, trật rồi! Ai ưa thích? Ta yêu thích. Ai chán ghét? Ta chán ghét. Quý vị vẫn còn có cái Ta (Ngã). Hề có Ngã là có tự tư, tự lợi.

Trong kinh luận Duy Thức Học thường nói “*bốn đại phiền não thường theo sát*”, điều này chẳng cần phải học, mà là tập khí trong đời đời kiếp kiếp từ vô lượng kiếp đến nay. Đầu tiên là Ngã Kiến, đây là gốc! Ngã Kiến là chấp trước nghiêm trọng, chấp trước thân này là Ngã, chấp trước cái có khả năng tư duy tưởng tượng này nọ là Ngã, đó là Ngã Kiến. Hễ có Ngã Kiến, chắc chắn sẽ chấp trước Ngã Ái, có Ngã Si, có Ngã Mạn, bốn đại phiền não, đó là phàm phu! Người thực sự giác ngộ sẽ chuyển Mạt Na Thức thành Bình Đăng Tánh Trí, bốn thứ phiền não trên đây không còn nữa. Bởi thế, phải thường tự nghĩ mình là hạng người gì? Là phàm phu, chẳng phải là Phật, chẳng phải là Bồ Tát!

Đã là phàm phu, thực sự biết mình là phàm phu, hãy buông bỏ thành kiến của chính mình, buông bỏ cách nghĩ, cách nhìn, cách làm, cách nói của chính mình, buông bỏ hết! Tùy thuận đức Phật dạy răn, đó là hạng người thông minh bậc nhất, người như vậy gọi là “chân chánh học Phật”. Người ấy thực sự tu hành, chẳng cần phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp mà có thể thành công trong một đời. Ba đại A-tăng-kỳ kiếp là nói với ai? Nói với hạng người bán tín bán nghi. Quý vị nói họ chẳng tu ư? Họ tu hằng ngày, quý vị nói họ thực sự tu ư? Chẳng thấy! Họ chưa quên được mình. Lúc cảnh giới hiện tiền vẫn là vọng tưởng, tập khí làm chủ, hạng người như vậy muốn thành tựu phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, phải mất vô lượng kiếp. Thực sự buông phiền não, tập khí xuống được, hoàn toàn nghe theo lời Như Lai giáo huấn; câu cuối cùng của kinh này là “*y giáo phụng hành*”, thực sự y giáo phụng hành sẽ nhanh lắm! Nhất là đối với pháp môn này là pháp môn thành Phật ngay trong một đời. “*Nhất thời*”: Có thể thành tựu được trong một thời.

6.2.1.4 Giảng về Chủ Thành Tựu

Câu thứ tư là Chủ Thành Tựu “*Phật*”. Phật là dịch âm tiếng Phạn “*Phật Đà Da*”, người Hoa thích đơn giản, lược bớt những âm cuối, chỉ gọi gọn là Phật. Phật có nghĩa là “*tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, đại sư của trời người, gọi là Phật*”. Chữ Phật này gồm rất nhiều ý nghĩa, bản thể của nó là trí huệ, có ba thứ trí: Nhất Thiết Trí, Đạo Chứng Trí, Nhất Thiết Chứng Trí. Trí khởi tác dụng là giác, tự mình giác; sau khi tự giác, phải giúp người khác giác ngộ. Vì sao? Tự và Tha là một, chẳng phải hai. Phải hiểu đạo lý này, phải hiểu rõ chân tướng sự thật, phải thấu suốt. Giác hạnh viên mãn là trí huệ, giác ngộ đến mức viên mãn, vạn sự vạn pháp trong vũ trụ nhân gian không gì chẳng hiểu rõ. Rất nhiều tôn

giáo ca ngời thần, ca ngời Thượng Đế là “toàn tri, toàn năng”; giác hạnh viên mãn là toàn tri toàn năng, không gì chẳng biết, không gì chẳng giác, không gì chẳng thể, đến lúc ấy, ta gọi người ấy là Phật. Phật là tiếng Phạn, “*nhân thiên đại sư*”: Thầy dạy tốt của nhân gian lẫn cõi trời. “*Đại sư*” là tiếng tôn xưng tối cực, tôn xưng đến cùng cực, “*đại sư*” là Phật.

Nay có không ít người tự xưng là Đại Sư, thời cổ không có việc này. Quý vị thấy những vị pháp sư dịch kinh thời xưa, đạo đức, học vấn, tu dưỡng đều đạt đến mức độ cao, nhưng họ khiêm hư. Chúng ta thường thấy trong phần ghi tên người phiên dịch đề là Tam Tạng Pháp Sư; khiêm tốn hơn một chút là Sa Môn, chẳng dám xưng là Pháp Sư. Thông đạt Kinh - Luật - Luận xưng là Tam Tạng Pháp Sư, chỉ thông đạt một loại trong Kinh - Luật - Luận, không dám xưng là Tam Tạng Pháp Sư. Thông đạt Giới Luật xưng là Luật Sư, thông đạt luận điển xưng là Luận Sư, thông đạt kinh giáo thường xưng là Pháp Sư, chẳng dám thêm chữ Tam Tạng. Tam Tạng Pháp Sư thông suốt hết thảy. Chẳng ai dám xưng là Đại Sư cả! Đại Sư là Phật. Các đồng học chúng ta phải nhớ kỹ điều này, ngàn vạn phần trong tương lai chẳng được tự xưng là Đại Sư! Quý vị xưng là Đại Sư là quá kiêu mạn, quá vượt phận. Người khác gọi quý vị là Đại Sư thì phải giảng rõ cho họ hiểu mình bạch chẳng được xưng hô như vậy. Xưng “*đại pháp sư*” vẫn là miễn cưỡng, chữ Đại ấy là tôn xưng, xưng là Đại Pháp Sư, chẳng thể xưng là Đại Sư, phải hiểu nhé!

Giống như trong thế gian, danh xưng chẳng được dùng loạn xạ. Đại Sư là Phật, kẻ kia chưa phải là Phật mà xưng Đại Sư là đã vượt phận rồi. Ví như quý vị chẳng phải là Tổng Thống, quý vị bảo mọi người “ta là Tổng Thống”, người ta đều gọi quý vị là Tổng Thống, thành ra thứ gì? Người thế gian làm như vậy là phạm pháp! Trong Phật pháp có phạm pháp hay chẳng? Phạm pháp chứ! Pháp thế gian chẳng xử phạt quý vị thì thần hộ pháp sẽ ra tay, quý vị vượt phận quá đáng rồi! Nhưng rất nhiều bậc tổ sư, đại đức sau khi đã viên tịch rồi, người đời sau gọi các Ngài là Đại Sư nhằm đặc biệt tỏ lòng lễ kính các Ngài, vậy là đúng. Các vị chẳng biết đến, người đời sau tôn kính, như vậy là đúng.

Thế nhưng có một ngoại lệ, tổ sư Tịnh Độ tông nhất loạt được gọi là Đại Sư, nhưng gọi là Đại Sư cũng chẳng phải lúc họ đang còn sống, mà đều là sau khi đã vãng sanh, người đời sau tôn xưng. Bởi lẽ, những vị Tổ Sư ấy cũng là do người đời sau tôn trọng [mà tôn làm tổ sư], chứ Tịnh Độ tông không có truyền thừa, chẳng phải do đời này truyền cho đời kia. Các tông các phái khác đều là từ đời này truyền sang đời kia, Tịnh Độ tông không như vậy, Tịnh Độ tông không có! Do đâu có Tổ Sư

Tịnh Độ tông? Do người đời sau tuyển chọn, giống như tuyển cử dân chủ vậy. Cá nhân ấy tu hành đạt thành tựu trong Tịnh tông, đối với Tịnh tông có công hiến rất lớn, người đời sau bèn xưng vị ấy là Tổ Sư, chẳng phải chính vị ấy xưng là Tổ Sư. Vì thế, tổ sư Tịnh Độ tông là tuyển chọn dân chủ, nhưng được xưng là Đại Sư chẳng nhằm lúc họ đang còn sống.

Quý vị biết lúc Ấn Quang đại sư còn tại thế, đều xưng là “pháp sư Ấn Quang”. Quý vị thấy bản Văn Sao đầu tiên, lúc lão nhân gia còn tại thế, mang tựa đề Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, không xưng là đại sư. Sau khi lão nhân gia đã vắng sanh, người đời sau gọi tác phẩm ấy là Ấn Quang Đại Sư Văn Sao thì được! Lúc Ngài còn tại thế, chẳng thể xưng như vậy. “*Nhân thiên đại sư*”, Phật xưng như vậy thì được, Bồ Tát đều chẳng được. Bồ Tát xưng là Đại Sĩ, xưng là Khai Sĩ, xưng là Chánh Sĩ, chẳng thể xưng Đại Sư. Đó là kiến thức thông thường, chúng ta phải hiểu.

A! Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

6.2.1.5. Giảng về Xứ Thành Tựu

Chư vị đồng học!

Xin hãy xem tiếp phần sau:

Tại Xá Vệ Quốc, Kỳ Thụ Cấp Cô Độc viên.

在舍衛國，祇樹給孤獨園。

(Trong nước Xá Vệ, vườn của ông Cấp Cô Độc, cây của thái tử Kỳ Đà).

Xá Vệ (Srāvastī) là dịch âm tiếng Phạn, dịch nghĩa là Văn Vật, “*thử vân Văn Vật*” (ở đây kêu là Văn Vật). Văn Vật có hai nghĩa:

1) “*Văn*” ngụ ý ở nơi ấy có rất nhiều người đa văn, nói theo cách bây giờ là có rất nhiều người thấy nhiều biết rộng, có học vấn, có đạo đức, có kiến thức. Nói cách khác, nói như cách chúng ta hiện thường nói, khu vực ấy trình độ văn hóa rất cao. Chữ “*Văn*” biểu thị ý nghĩa này.

2) “*Vật*” là sản vật phong phú.

Nói như bây giờ thì Vật là văn minh vật chất, Văn là văn minh

tin thần, đều thù thắng phi thường. Đó là địa phương tốt, rất khó có được.

Xá Vệ vốn là danh xưng của một thành thị, thành thị ấy rất nổi danh, nên dùng tên thành thị ấy để đặt tên cho quốc gia. Giống như trong xã hội hiện tại, chúng ta lấy Bắc Kinh đại diện cho Trung Quốc, lấy Washington DC đại diện cho Mỹ Quốc, ý nghĩa giống như vậy.

Kỳ Đà cũng là tiếng Phạn, Tu Đạt Đa cũng là tiếng Phạn; đó là tên của hai người. Kỳ Đà (Jeta) là tiếng Phạn, Tu Đạt Đa (Sudatta) cũng là tiếng Phạn, đây là tên của hai người. Kỳ Đà là thái tử, Tu Đạt Đa là đại thần, trưởng giả. Hai người này bố thí một khu đất, dâng cho Phật kiến lập đạo tràng tại đó để giáo hóa chúng sanh. Câu chuyện này không cần giảng, trong Kinh Luật Di Tướng có ghi, trong Pháp Uyển Châu Lâm cũng có, rất nhiều chú giải kinh A Di Đà của các vị pháp sư cũng giảng rất tường tận, ở đây chúng tôi lược đi không nói.

Tu Đạt Đa dùng vàng ròng trải đất để mua hoa viên của thái tử Kỳ Đà, thái tử Kỳ Đà thấy ông ta làm như vậy, bị cảm động. Chàng hỏi: “Thích Ca Mâu Ni Phật là hạng người nào mà ông tôn trọng đến thế? Hy sinh lớn lao như vậy?” Vườn hoa của Thái Tử đẹp vô cùng, Tu Đạt Đa đòi mua lại, Thái Tử cười giỡn: “Nhà ông giàu có, vàng ròng rất nhiều, ông đem vàng ròng trải kín chỗ này, tôi sẽ bán cho ông!” Tu Đạt Đa làm thật, Kỳ Đà cảm động nói: “Hai người mình chung sức, chúng ta cùng cúng Phật”. Tu Đạt Đa không chịu, nói: “Công đức là một mình tôi làm”.

- Tốt lắm! Vậy cũng tốt! Đất này ông trải vàng ròng, tôi bán đất cho ông; hoa cỏ trong vườn này là của tôi, ông không có cách nào dát vàng được. Tốt! Đất bán cho ông, tôi phá sạch toàn bộ hoa cỏ cây cối đi!

Tu Đạt Đa hết cách: “Tốt! Tốt! Hai người hợp tác”. Bởi thế gọi là Kỳ Thụ Cấp Cô Độc viên (Jetavane Anāthapindikassa Ārāma, vườn của ông Cấp Cô Độc, cây của thái tử Kỳ Đà).

“*Cấp Cô Độc*” (Anathapindika) là Tu Đạt Đa. Người đương thời trong thành thị đó tặng cho ông ta danh xưng ấy, bởi ông thường bố thí người cô độc, già cả; nói như bây giờ, trưởng giả Tu Đạt Đa rất thích làm công tác từ thiện xã hội, giúp đỡ người cô khổ và người già cả. Kể không nơi nương dựa ông đều chiếu cố, bởi thế được tặng danh hiệu Cấp Cô Độc. Đạo tràng ấy gọi là Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên vì Kỳ Đà là thái tử, đặt tên chàng ta lên trước. Câu chuyện “*hoàng kim bố địa*” (vàng ròng phủ đất) chỉ có vậy mà thôi!

Hai người bọn họ cúng dường nơi ấy để Phật giáo hóa chúng sanh,

Thích Ca Mâu Ni Phật có tiếp nhận hay chẳng? Đức Phật hoan hỷ tiếp nhận. Nhưng ở đây, chúng ta phải quan sát tỉ mỉ cho rõ, đức Phật tiếp nhận sự cúng dường của họ là tiếp nhận quyền sử dụng, chứ nhất định không tiếp nhận quyền sở hữu. Nếu nói vườn hoa này của tôi cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật, quyền sở hữu đều giao cho Thích Ca Mâu Ni Phật, thì Thích Ca Mâu Ni Phật xuất gia, bây giờ lại có một cái nhà, chẳng phải là “*hồi gia*” (trở về nhà) ư? Quý vị nghĩ có phải đúng như vậy hay chẳng? Cả một đời Thích Ca Mâu Ni Phật tiếp nhận quốc vương, đại thần, cư sĩ, trưởng giả cúng dường, thấy đều là quyền sử dụng, quyết định chẳng có quyền sở hữu, nhất định phải hiểu điều này! Tâm địa vĩnh viễn thanh tịnh, chắc chắn không khởi tâm tham, nhất định chẳng có phân biệt, chấp trước. Hành vi của lão nhân gia làm gương cho những người đời sau như chúng ta. Chúng ta phải nhớ rõ, nếu coi quyền sở hữu tài sản là của chúng ta thì trật rồi, quý vị *hồi gia* mất rồi!

Người chân chánh tu đạo chẳng hề tham luyến mảy may gì trong thế gian này. Bởi thế, nay chúng ta kiến lập đạo tràng, nhất định phải thành lập một nhóm đại biểu về mặt pháp lý. Tài sản ấy chẳng thuộc quyền tư hữu của một cá nhân nào cả, những người ấy hợp thành Đồng Sự Hội (hội đồng quản trị). Đồng Sự Hội có thể thỉnh người tại gia hay xuất gia đảm nhiệm, người ấy có quyền xử lý tài vật, nhân sự trong đạo tràng, ủy thác người chân chánh hữu tu hữu học, đức cao trọng vọng, dù là pháp sư hay là cư sĩ đều được cả. Ủy thác cho người ấy, tức là mời người đó, Đồng Sự Hội thỉnh người đó trụ trì, mời người ấy lãnh trách nhiệm làm người quản lý đạo tràng. Người ấy đến quản lý, đến phụ trách việc dạy dỗ, thực hiện sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh.

“*Kỳ Thụ Cấp Cô Độc viên*” là người giữ chủ quyền đạo tràng ấy, tức là thái tử Kỳ Đà và trưởng giả Cấp Cô Độc, họ giống như Đồng Sự Hội, mời mọc (trong nhà Phật gọi là “*lễ thỉnh*”) Thích Ca Mâu Ni Phật và các học trò của Ngài đến thường trụ nơi đó, đến đó tu hành, giảng kinh, thuyết pháp. Đương nhiên dân chúng nơi ấy đến nghe kinh, người đến học tập hết sức đông đảo. Trong kinh điển thường nói là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, nên lại phải nêu tên vài vị thượng thủ. Trên thực tế, nêu tên những vị thượng thủ nhằm biểu thị pháp nghĩa nên phần đầu của các một bộ kinh không hoàn toàn giống nhau. Lấy vài người đại biểu cho nội dung của pháp môn ấy, nhằm dụng ý này. Bởi thế, chẳng thể tùy tiện nêu tên, chúng ta phải chú ý học tập điều này.

Người tu đạo, người giác ngộ chắc chắn chẳng vướng mắc danh văn, lợi dưỡng, thiên sư Trung Phong đã làm gương cho chúng ta. Từ

truyện ký của Ngài, chúng ta đã thấy: Chùa Linh Ẩn ở Hàng Châu là một ngôi phạm sát²⁵ bậc nhất, nay chúng ta gọi là một ngôi chùa to, thỉnh Ngài làm phương trượng trụ trì, Ngài từ tạ không làm. Vì sao? Nhắm răn dạy hậu học tránh xa danh văn, lợi dưỡng, đa sự chẳng bằng thiểu sự, thiểu sự chẳng bằng vô sự! Cả một đời Thích Ca Mâu Ni Phật theo đuổi công tác giáo huấn, là gương mẫu cho chúng ta. Người xuất gia làm gì cho xã hội? Người sống trong cõi đời chẳng thể không làm gì, đều phải cống hiến đôi chút cho xã hội và đại chúng. Sự cống hiến là sự nghiệp cả đời mình theo đuổi, mọi người vì mình, mình vì mọi người. Người xuất gia tiếp nhận sự cúng dường của mọi người trong xã hội, chúng ta đền đáp bằng cách nào? Trước hết, phải hiểu rõ người xuất gia đảm nhiệm vai trò gì trong xã hội?

Chúng ta cứ nhìn kỹ đức Thích Ca Mâu Ni Phật là biết ngay, suốt đời dạy dỗ. Dạy dỗ là giáo dục. Bốn mươi chín năm giảng kinh thuyết pháp, giảng kinh hơn ba trăm hội. Hơn ba trăm hội đó nói theo ngôn ngữ bây giờ là thực hiện các hoạt động; thực hiện các hoạt động quy mô lớn nhỏ, trường kỳ, đoản kỳ hơn ba trăm lần. Giống như chúng ta hiện nay thực hiện các khóa giảng Phật học, mở lớp bồi dưỡng huấn luyện ngắn hạn, lập học viện trường kỳ; cũng có lúc nhận lời các nơi khác mời đến giảng kinh ngắn hạn, các hoạt động giảng diễn như vậy; hơn ba trăm hội của đức Thế Tôn giống như vậy đó. Hằng ngày theo đuổi công tác giảng dạy, giáo hóa chúng sanh, sự nghiệp ấy là sự nghiệp gì? Nói như hiện tại là giáo dục xã hội. Đối tượng được giáo hóa chẳng phân biệt quốc gia, chẳng phân biệt chủng tộc, không phân biệt tôn giáo tín ngưỡng, người đến chẳng cự tuyệt, người đi không níu kéo, đó là điều người hiện tại gọi là “*giáo dục xã hội văn hóa đa nguyên*”. Chúng ta phải hiểu rõ, phải thấy minh bạch. Thích Ca Mâu Ni Phật cả một đời không làm những pháp hội như hiện tại, không hề có! Siêu độ? Không có! Vì người chết tưng kinh? Không có!

Chúng ta phải chú ý quan sát, những pháp hội siêu độ giống như hiện tại là do người đời sau lưu truyền, chứ chẳng phải do đức Phật lưu truyền. Đối với lịch sử chúng ta phải hiểu, phải thấu suốt, đừng làm lẫn phương hướng, mục tiêu. Đức Phật dạy dỗ chúng ta nhằm mục đích gì? Mục đích là dạy chúng ta giác ngộ. Thành Phật là thành tựu giác ngộ rốt

²⁵ Phạm sát (Brahmākshetra): Phạm có nghĩa là thanh tịnh. Sát có nghĩa là khu vực, chẳng hạn Phật độ, Phật quốc, đều gọi là Phật sát. Phạm sát có nghĩa là ngôi chùa thanh tịnh.

ráo viên mãn, giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm, đó là Phật. Vườn rừng, đạo tràng, thế nào là đạo, phải hiểu cho rõ! Cái Đạo nói bởi Nho gia Trung Quốc là luân lý đạo đức; cái Đạo nói trong nhà Phật là luân lý giác ngộ, phương pháp giác ngộ, cảnh giới giác ngộ, đó là Đạo, là con đường Đạo. Con đường chuyển phàm thành thánh, con đường phá mê khai ngộ, con đường đoạn ác tu thiện, đó là con đường Đạo! Những nơi chốn chỉ dạy những điều ấy được gọi là “*đạo tràng*”. Giới thiệu cùng quý vị đoạn đầu tiên như thế.

6.2.1.6. Đại Chúng Cùng Nghe (Chúng Thành Tụ)

6.2.1.6.1. Thuyết Minh Thính Chúng

Đoạn thứ hai là “*đại chúng đồng văn*” (đại chúng cùng nghe). Từ “*dữ chư đại tỳ-kheo Tăng, thiên nhị bách ngũ thập nhân câu, giai thị đại A La Hán chúng sở tri thức*” (và các đại tỳ-kheo tăng, một ngàn hai trăm năm mươi người câu hội, đều là đại A La Hán, được mọi người hay biết) cho đến “*cập Thích Đề Hoàn Nhân đẳng, vô lượng chư thiên đại chúng câu*” (và Thích Đề Hoàn Nhân v.v... vô lượng chư thiên đại chúng cùng nhóm). Đó là đoạn thứ hai nói về “*đại chúng đồng văn*”. Đối với đoạn này, tôi viết: “*Vị hậu học thị phạm, thiện tự thủ sư*” (vì hậu học nêu khuôn phép, khéo giữ phép tắc làm thầy). “*Thủ*” là “*thủ pháp*” (tuân thủ phép tắc), Sư là pháp sư. Những vị ấy đều là gương mẫu, làm mô phạm cho đại chúng, chúng ta phải học theo các Ngài.

Kinh văn ghi rất rõ “*đại tỳ-kheo tăng*”. Tỳ-kheo là Tiểu Thừa, trước đó thêm chữ Đại, ý nói chẳng phải Tiểu Thừa, mà là Đại Thừa tỳ-kheo, học tập pháp Đại Thừa. Đây là các đệ tử thường theo học với Thích Ca Mâu Ni Phật, trường kỳ theo học với thầy. Thầy đi đến đâu họ theo đến đấy, theo suốt đời! Bởi thế, họ là một đoàn thể khá quy mô, một đoàn thể giáo học, một đoàn thể hoạt động giáo dục xã hội, tổng số là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, lược đi con số năm người lẻ, chỉ lấy số chẵn, thành một ngàn hai trăm năm mươi người, chứ trên thực tế là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người. Trong chú giải kinh A Di Đà đã nhắc đến rồi, đã giới thiệu rất tường tận rồi.

Lại xem tiếp, những người ấy “*giai thị đại A La Hán, chúng sở tri thức*”. Thật là bất phàm! Thế nào là A La Hán (Arhat)? A dịch là Vô, La Hán là học hỏi; bởi thế A La Hán dịch sang tiếng Trung Quốc là Vô Học. Vô Học nghĩa là gì? Giống như nay chúng ta đã tốt nghiệp rồi, họ đã viên mãn các học phần (credits) rồi, tốt nghiệp rồi. Tốt nghiệp là vô

học (không còn học nữa). Bậc Vô Học Tiểu Thừa tu viên mãn pháp Tứ Đế, gọi là A La Hán, đắc Chánh Giác. A La Hán là danh xưng học vị (degree); [các vị đại từ-kheo ấy] đã đạt học vị A La Hán, họ thực sự thành tựu Chánh Giác. Có nghĩa là tư tưởng, kiến giải, ngôn hạnh của họ đều không lầm lỗi, đoạn sạch Kiến Tư phiền não. Kinh luận thường nói tám mươi tám phẩm: Tu Đà Hoàn đoạn sạch tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc phiền não trong tam giới. Tám mươi một phẩm Tư Hoặc thuộc tam giới cửu địa cũng đoạn sạch, Kiến Tư phiền não đoạn sạch thì chúng quả A La Hán.

Nói cách khác, họ chẳng có cái nhân luân hồi trong lục đạo nữa; do nhân không còn nên siêu việt luân hồi lục đạo. Nếu họ muốn trở lại luân hồi trong lục đạo nhằm giáo hóa chúng sanh thì đó là “*thừa nguyện tái lai*” (nương theo bốn nguyện trở lại). Chúng sanh có cảm, họ bèn có ứng, nương theo nguyện mà đến, chẳng do nghiệp lực. Phạm phu trong sáu đường không ra khỏi luân hồi lục đạo là vì nghiệp lực. Nghiệp lực là gì? Là Kiến Tư phiền não. Kiến Tư phiền não chẳng đoạn, làm sao quý vị thoát khỏi luân hồi lục đạo được! Quý vị phải từ đó quán sát, suy nghĩ thì mới biết là khó, rất ư là khó! Bởi thế, chúng ta chẳng thể không cảm tạ A Di Đà Phật. Nếu A Di Đà Phật chẳng mở ra cho chúng ta pháp môn đối nghiệp vãng sanh này, nhất định chúng ta chẳng thể thành tựu trong một đời này được!

Mỗi một vị đồng học nghe rồi phải tự phản tỉnh, quý vị đã đoạn được vọng tưởng, tạp niệm hay chưa? Trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, cho đến lúc đêm ngủ, quý vị chưa hề đoạn vọng tưởng. Đêm ngủ bèn nằm mộng, mộng do đâu mà có? Do vọng tưởng biến hiện ra. Quý vị không đoạn sạch vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, không ra khỏi luân hồi lục đạo được! May sao có pháp môn đối nghiệp vãng sanh này. Trong kinh, đức Phật nói rất rõ rệt: Pháp môn này là pháp khó tin. Khó tin mà tin được, thế là quý vị phước đức khôn sánh, trí huệ khôn sánh. Quý vị có thể chọn lựa pháp môn này, chết sạch lòng mong ngóng, so đo, khiêm hư sát đất tu học, trong một đời sẽ siêu việt lục đạo, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, Tiểu Thừa A La Hán chẳng thể sánh bằng quý vị. Quý vị thù thắng hơn họ rất nhiều!

Đại Thừa A La Hán chỉ những ai? Tốt nghiệp Đại Thừa rồi, không học nữa. Thừa cùng quý vị, đó là Pháp Vân Địa Bồ Tát, tức là Thập Địa Bồ Tát, tốt nghiệp rồi. Đại A La Hán tức là Pháp Vân Địa Bồ Tát. Ở đây, đức Phật bảo những vị này “*đều là đại A La Hán*”, chẳng phải là Tiểu Thừa. Chẳng phải là Tiểu Thừa nghĩa là sao? Họ đến đóng tuồng, sắm

vai Tiểu Thừa. Ở đây, họ diễn vai Tiểu Thừa, chứ trên thực tế họ là đại A La Hán. Trong số ấy, có không ít vị sẽ sớm thành Phật, chẳng hạn như các ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, ai nấy đều biết, họ là Cổ Phật Tái Lai.

Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí đều là Cổ Phật Tái Lai, nhưng làm chúng Bồ Tát [trong kinh này]. Còn ở đây, [các vị Thập Địa Bồ Tát] thị hiện làm chúng Thanh Văn. Một đức Phật xuất thế, ngàn đức Phật ủng hộ, đều nhằm làm gương cho chúng ta. Còn chúng ta thì nếu kẻ nào thành tựu, rất nhiều kẻ khác muốn đả kích, ghen ghét, phá hoại, chướng ngại, tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, đây là mê! Người giác ngộ thấy kẻ khác thành tựu thì mọi người giúp đỡ, ủng hộ kẻ ấy. Giống như diễn tuồng, anh đóng vai chánh, tôi thay anh đóng vai phụ, không ai chẳng hoan hỷ, đề cao anh. Tuồng hát đó diễn hay, nhằm mục đích gì? Để giáo hóa hết thầy chúng sanh, giúp hết thầy chúng sanh phá mê khai ngộ.

Bởi thế, cô đại đức thường nói: “*Nhược yếu Phật pháp hưng, duy hữu Tăng tán Tăng*” (Nếu muốn Phật pháp hưng khởi thì chỉ có Tăng khen ngợi Tăng). Người xuất gia khen ngợi lẫn nhau thì Phật pháp hưng vượng. Nếu hủy báng lẫn nhau, khen mình, chê người, Phật pháp bèn diệt mất. Phật pháp hưng vượng sẽ có lợi cho chúng sanh, có lợi cho mình; Phật pháp diệt mất, mình chẳng được lợi gì, chúng sanh cũng chẳng lợi gì. Do vậy ta biết: Cát, hung, họa, phước đều chỉ trong một niệm của ta. Pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều là đạo lý này. Một nhà hưng vượng, quý vị thấy người trong nhà đó hòa thuận, khen ngợi lẫn nhau, vui sướng, gia đình ấy hưng vượng. Nếu gia đình ấy ngờ vực, dò xét lẫn nhau, không tin tưởng nhau, mỗi cá nhân đều thấy khuyết điểm của đối phương, trợn chẳng nói tới ưu điểm của đối phương, không lâu sau, gia đình ấy sẽ bại vong, đó là điều chắc chắn!

Đoàn thể, công ty, hãng tiệm, cho đến quốc gia, đều không ra ngoài lệ ấy. Quốc gia làm thế nào để hưng vượng? Thế giới phải làm sao mới được hòa bình? Thánh nhân thấy rất rõ ràng, giảng rất thấu triệt. Nếu ta thực sự giác ngộ, hiểu rõ, y giáo phụng hành, bắt đầu từ trong gia đình, “*gia hòa, vạn sự hưng*”. Trong đoàn thể nhỏ của chúng ta, tứ chúng đồng tu ở cùng một chỗ, khen ngợi lẫn nhau thì đạo tràng ấy sẽ hưng vượng. Chứ ngờ vực, ghen ghét, chướng ngại lẫn nhau thì đạo tràng ấy chẳng có tương lai. Đạo lý, chân tướng sự thật ấy đều là nhân quả báo ứng, chẳng thể không hiểu rõ, chẳng thể không kiên trì!

Người chết đi có đời sau, có kiếp sau, chẳng phải chết là hết. Nếu

chết đi, mọi việc đều xong thì sao? Chẳng cần phải học Phật nữa. Chính vì chết đi vẫn còn có đời sau, sau đời sau còn có đời sau khác nữa, một đời này mình không tu cho tốt, chết đi không làm gì được, phiền phức rất lớn. Người thông minh, cổ nhân gọi là “*tiền hậu nhãn nhân*” (“*Tiền hậu nhãn*” tức là biết nghĩ đến tương lai, biết nghĩ đến mai sau), suy nghĩ nhiều về chuyện quá khứ, tương lai, nghĩ đến đời đời kiếp kiếp, nghĩ đến xã hội đại chúng, con người ấy là người hiểu rõ, là người giác ngộ. Nếu chỉ vì mình, chẳng biết vì người khác thì là kẻ hồ đồ, là điên đảo, mê hoặc. Bởi vậy, những người kề cận Phật, kể cả tại gia cư sĩ, trong số ấy có những vị cổ Phật tái lai, đại Bồ Tát thị hiện, biểu hiện bề ngoài giống phạm phu, phạm nhân, thật ra là thánh nhân.

6.2.1.6.2. Biện Định Thính Chúng Duyên Do

6.2.1.6.2.1. Biện Định Duyên Do và Vai Trò của Thanh Văn Chúng

Chúng tôi thấy [sách Yếu Giải] nêu lên ba điều chánh yếu: “*Thanh Văn cư thủ, xuất thế gian tướng cố, thường tùy tùng cố, Phật pháp lại Tăng truyền cố*” (Thanh Văn đứng đầu [trong thính chúng] vì là tướng xuất thế gian, vì thường theo hầu Phật, vì Phật pháp phải nhờ vào Tăng để truyền). Đó là lý do đặt hàng Tiểu Thừa vào vị trí đầu tiên, bởi hình tướng của họ là hình tướng xuất gia, Bồ Tát không nhất thiết mang hình tướng xuất gia, phần đông mang hình tướng tại gia. Bồ Tát không nhất quyết thường theo Phật; Thanh Văn thường phải theo Phật. Vì sao? Còn chưa tốt nghiệp, tỳ-kheo là học trò chưa tốt nghiệp; chưa tốt nghiệp đương nhiên hằng ngày phải theo thầy. Bồ Tát tốt nghiệp rồi nên có thể tách khỏi thầy. Bởi thế, những học sinh ấy là học sinh còn đang theo học, vẫn chưa tốt nghiệp.

Thuở ấy, đức Phật dạy học không có trường sở cố định, trường học đặt tại đâu? Trong rừng, bên sông, bên khe nhỏ, chẳng có phòng ốc, chẳng có hết thảy trang bị, điều này chúng ta đều biết rất rõ. Các Ngài sanh sống và ngủ dưới gốc cây, ăn một bữa trưa, chẳng có phòng nhà, thiết bị gì cũng không có, sống ngoài thiên nhiên. Trong quá khứ, chúng tôi có đọc cuốn “*Âm thanh hoang dã*”, do người Mỹ viết về thổ dân Úc châu. Hiện thời, thổ dân châu Úc vẫn còn, bọn họ ở chính giữa nước Úc, thuộc khu vực sa mạc, thiết bị gì cũng chẳng có, giống như cuộc sống của Thích Ca Mâu Ni Phật thời Ngài tại thế, ngủ dưới gốc cây. Họ ăn toàn những thứ mọc hoang, giống như những người du mục đi đây đó kiếm ăn, chẳng ở chỗ nào nhất định. Họ cũng chẳng có y phục để mặc,

thân thể khỏe mạnh, không hề ưu lự, không có gì vướng mắc, không có phiền não, tâm linh cảm ứng. Phương thức sanh sống của đức Phật lúc tại thế cũng giống như thế đó.

Sau này, đạo đức, học vấn, sự giáo hóa của đức Thế Tôn được đề vương, đại thần biết đến. Họ nghe rồi đều sanh tâm hoan hỷ, rất mong mỗi đức Thế Tôn đến sống và dạy dỗ trong đất nước của họ. Đức Thế Tôn tùy duyên, chẳng cố chấp tí nào, địa phương nào mời, Ngài liền đến nơi đó. Nhờ vậy, tiếp xúc xã hội rộng lớn, khuếch đại hiệu quả giáo dục, đúng là lợi ích hết thảy chúng sanh. Bồ Tát phân tán đến các nơi giáo hóa chúng sanh. Cũng có lúc Phật phái Thanh Văn đi; rất nhiều địa phương thỉnh, đức Phật chẳng thể đến hết mọi nơi được, bèn phái học trò đi. Dạy một thời gian bèn quay về, thay phiên, luân lưu dạy học, rất nhiều phen như thế.

Có những vị Bồ Tát, Thanh Văn có duyên rất sâu đậm với người nơi đó, nói cách khác, là thời gian dạy học ở nơi ấy rất dài, họ là những học trò hết sức ưu tú. Mỗi năm, đức Phật an cư kết hạ ba tháng. Trong ba tháng ấy, tất cả học sinh đi dạy bên ngoài đều phải quay về, đều phải về bên đức Phật, tiếp nhận tái giáo dục. An cư mùa Hạ là tái giáo dục, nêu gương tốt nhất cho chúng ta. Vì sao? Xã hội vĩnh viễn tiến bộ; nếu chính mình không tiến bộ, ắt sẽ thụt lùi, sẽ bị đào thải. Do đây, quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật suy nghĩ rất châu đáo! Quý vị ở bên ngoài giáo hóa người khác, mỗi năm lại quay về học ba tháng để tự nâng cao trình độ của mình.

Như hiện nay chúng ta biết, trong nước, ngoài nước rất nhiều viên chức, nhân viên kỹ thuật thuộc các công ty lớn mỗi năm đều có thời gian cố định được tái huấn luyện. Nếu họ chẳng được tái giáo dục, sẽ chẳng theo kịp tiến bộ kỹ thuật. Lúc tôi ở Mỹ quốc, có những đồng tu làm việc trong các công ty, mỗi năm độ chừng từ hai đến ba lượt đi tái huấn luyện. Thời gian mỗi lần khoảng chừng từ một tuần đến hai tuần, để nâng cao năng lực, kỹ thuật, học thức của chính mình. Nếu chẳng đi dự huấn luyện, quý vị lập tức bị đào thải, khoa học kỹ thuật mới lạ mỗi tháng, mỗi ngày, chúng ta phải đón đầu trước. Ba ngàn năm trước Thích Ca Mâu Ni Phật đã thành lập chế độ ấy, mỗi năm có ba tháng tấn tu giáo dục, tái giáo dục, đó gọi là An Cư mùa Hạ.

Người xuất gia, “*Phật pháp lại Tăng truyền cố*” (Phật pháp phải dựa vào Tăng để truyền), câu này rất quan trọng. Trách nhiệm của người xuất gia là truyền thừa giáo học của Như Lai. Nền giáo học xã hội đa nguyên văn hóa chẳng thể gián đoạn nửa chừng, chẳng những phải

truyền từ đời này sang đời khác, mà còn phải khuếch trương rộng lớn; nhất là trong xã hội hiện thời, [giáo học Phật pháp] càng cần thiết cấp bách. Bởi thế người xuất gia phải biết thân phận của chính mình, biết sứ mạng, chức trách của chính mình. Tăng là một đoàn thể, chẳng phải là danh xưng cá nhân. Phần sau có một bản biểu giải. “*Tăng-già*” (Sangha), chúng ta gọi là Tăng, tinh lược âm cuối, có nghĩa là Hòa Hợp Chúng, nay ta gọi Chúng là “đoàn thể”. Đoàn thể ấy được tôn kính nhất trong tất cả hết thảy đoàn thể thế gian, vì sao? Người trong đoàn thể ấy hòa hợp.

Hòa hợp có Lý, có Sự. Lý là “*đồng chứng nhất tâm bất loạn vô thượng Bồ Đề*”, đây là Tịnh Độ tông của chúng ta. Mọi người chúng ta cùng ở một chỗ, mỗi cá nhân đều có cùng một mục tiêu, một phương hướng, tức là đều muốn chứng đắc Nhất Tâm Bất Loạn. Chứng đắc Nhất Tâm Bất Loạn thì mới thực sự nắm được điều kiện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề! Về Lý, chúng ta cùng vì mục tiêu ấy.

Về Sự, chúng ta cùng sinh hoạt chung, cùng sinh hoạt chung là Sự. Phật dạy chúng ta sáu điều kiện nhất định phải tuân thủ:

1) Thứ nhất là Kiến Hòa Đồng Giải, chúng ta phải nhất trí cách nghĩ, cách nhìn, nhất trí như thế nào? Hết thảy đều chiếu theo kinh điển.

2) Giới Hòa Đồng Tu: Giới là Giới Luật, chúng ta nhất định phải tuân thủ những quy định sinh hoạt.

3) Thân Hòa Đồng Trụ: Chúng ta sống trong tăng đoàn, đối xử hòa thuận với nhau.

4) Khẩu Hòa Vô Tránh: Chặng tranh luận với nhau, bất luận ý kiến gì thảy đều quy nạp vào A Di Đà Phật.

5) Ý Hòa Đồng Duyệt: Tâm địa chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi.

6) Lợi Hòa Đồng Quân: Chúng ta sống bình đẳng, không sai biệt, mười phương cùng dường đều bình đẳng thọ dụng.

Cuối cùng còn có một điều nữa là Đồng Yết-ma. Yết-ma (karma) là tiếng Phạn, nói theo cách bây giờ là Hội Nghị. Việc gì mọi người cũng phải cùng nhau hợp lại thương lượng, chẳng cá nhân nào độc đoán, độc tài cả, chẳng được như vậy. Bởi thế, Tăng đoàn thực sự phù hợp với những điều người hiện tại nói là “dân chủ, tự do, cởi mở”. Người hiện thời nói “dân chủ, tự do, cởi mở”, ba ngàn năm trước Tăng đoàn của Thích Ca Mâu Ni Phật đã tự do, dân chủ, cởi mở. Bởi thế, Phật pháp phải nhờ vào Tăng đoàn để duy trì, để truyền thừa, để phát dương quang

đại.

Hôm nay hết giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây thôi.

Tập 06

Chư vị đồng học!

Chúng ta tiếp tục xem Hệ Niệm Pháp Sự. Trước hết là trì tụng Phật Thuyết A Di Đà Kinh, tôi đã giới thiệu sơ lược sáu thứ Thành Tựu của tựa đề kinh cùng quý vị rồi. Nay chúng ta đang xem đoạn văn từ câu “*dữ đại tỳ-kheo Tăng, thiên nhị ngũ bách thập nhân câu*” cho đến “*cập Thích Đề Hoàn Nhân đẳng, vô lượng chư thiên đại chúng câu*”.

Đoạn kinh này được Ngẫu Ích đại sư phân khoa là “*đại chúng đồng văn*” (đại chúng cùng nghe). Đây là nêu gương cho hàng hậu học, nhằm mục đích mong cho chúng ta biết học theo loại nào [trong ba loại thính chúng] Những vị này đã làm gương cho chúng ta, hãy suy nghĩ căn tánh của chính mình, thực sự lấy những vị đại đức ấy làm gương để tự khích lệ chính mình tích cực nỗ lực học tập Phật pháp.

Ở đây đại chúng được chia thành ba loại, thứ nhất là Thanh Văn xuất gia chúng. “*Thanh Văn cư thủ, xuất thế tướng cố, thường tùy tùng cố, Phật pháp lại Tăng truyền cố*” (Thanh Văn đứng đầu, vì là tướng xuất thế, vì thường theo Phật, vì Phật pháp phải nhờ vào Tăng để truyền). Đó là lời chú giải trong sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư. Lần này chúng tôi giới thiệu tóm tắt sách Yếu Giải, văn tự không nhiều, nhưng hàm nghĩa rất sâu. Ai nấy đều biết rõ vấn đề hiện thời là Phật pháp trong thời đại hiện tại suy thoái đến tận cùng, không còn có thể suy hơn được nữa, suy hơn nữa thì Phật pháp bị diệt mất. Vì sao Phật pháp lại biến thành như thế? Câu “*Thanh Văn cư thủ*” (Thanh Văn được nêu đầu tiên) ở đây đã giải đáp vấn đề. Đối với ba câu này của Ngẫu Ích đại sư, chúng ta phải chăm chú phản tỉnh, ta có làm được như ba câu ấy hay không?

Thứ nhất là “*tướng xuất thế*”, tướng xuất thế chân chánh! Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu gương cho chúng ta thấy: Đối với pháp thế gian, Ngài thực sự chẳng nhiễm trước mảy may. Chúng ta niệm niệm dính mắc pháp thế gian, tham ái thế gian; điều này ta chưa làm được, làm sao có thể đứng hàng đầu? Bởi thế, đối với điều này nhất định chúng ta phải nghiêm túc phản tỉnh. Giáo nghĩa Đại Thừa trọng thực chất, chứ không trọng hình dáng, nhưng hề có thực chất, ắt có hình dáng. Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc nói: “*Thành ư trung, tất định hình chi ư ngoại*” (Lòng

Thành bên trong, nhất định hiện ra ngoài). Nếu tư tưởng, quan niệm của anh vượt ngoài thế gian, tất nhiên hành vi của anh là xuất thế.

Pháp xuất thế gian được hiển thị tại nơi đâu? Đối với danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần thế gian, chẳng hề có mảy may tâm tham luyến, niệm niệm giống như Phật, Bồ Tát. Đến thế gian này để làm gì? Đối với chính bản thân họ là để tu hành, tu hành là trải qua sự việc để luyện tâm; ta đến thế gian này để đào luyện, rèn giũa, hoặc là để khảo nghiệm, xem ta đối với thế gian này còn khởi tâm động niệm hay không, còn có vọng tưởng, chấp trước hay không? Đến khảo nghiệm là vì chính mình. Còn đối với đại chúng, ta đến thay thế Phật, Bồ Tát tiếp dẫn chúng sanh, dùng bản thân thực hiện lòng đại từ đại bi, phương tiện thiện xảo của Phật, Bồ Tát, hồng giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn.

Giúp đỡ nhằm ba mục đích:

1) Giúp hàng thượng căn trong một đời này liễu sanh tử, xuất tam giới, vắng sanh Tịnh Độ, bất thoái thành Phật. Đó là giúp hàng thượng căn.

2) Giúp hàng trung căn phá mê khai ngộ, giúp họ nâng cao cảnh giới.

3) Giúp kẻ hạ căn gieo thiện căn Bồ Đề.

Nói cách khác, bất luận thượng, trung, hay hạ căn, chúng ta đều phải như chư Phật, Bồ Tát, bình đẳng lợi ích. Nói về phía mình, Lý - Sự bình đẳng. Nói về phía chúng sanh, Lý bình đẳng, nhưng Sự chẳng bình đẳng. Vì sao Sự không bình đẳng? Thiện căn, phước đức, nhân duyên của mỗi người khác biệt, đạo lý là đây! Tướng xuất thế chính là thấy thấu suốt, buông xuống, tự tại tùy duyên, chất phác niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

“*Thường tùy tùng cố*” (Vì thường theo Phật): Lúc Phật tại thế, họ chẳng rời khỏi đức Phật; Phật đến đâu, học trò theo đến đó, làm “*thường tùy chúng*”, chẳng tách rời! Nay Phật không còn tại thế, chúng ta phải thường tùy học như thế nào? Thường nương theo kinh giáo, thường nương theo thánh tượng Phật, Bồ Tát. Thánh tượng khiến cho lòng chân thành cung kính của ta có chỗ quy hướng, cái tâm chân thành, cái lòng cung kính của ta từ đâu sanh khởi? Từ hình tượng của Phật, Bồ Tát. Chúng ta thấy tượng Phật, thấy tượng Bồ Tát, đương nhiên khởi lòng kính ngưỡng, cung kính lễ bái, mỗi một Phật tử đều làm được điều này; nhưng phải dùng một phần tâm tình chân thành cung kính ấy dành cho hết thảy chúng sanh hiện hữu. Nói cách khác, chúng ta cung kính chân thành đối với hết thảy chúng sanh như đối với Phật không hai, không

khác. Đây là ý nghĩa chân chánh của việc cúng dường tượng Phật, tượng Bồ Tát.

Trong sự “*thường tùy*” này, quan trọng nhất là “*thường tùy kinh luận giáo hối*” (thường tuân theo những răn dạy trong kinh luận), điều này quan trọng hơn bất cứ gì khác. Nếu chúng ta chẳng thể tuân theo những gì kinh luận dạy răn thì chúng ta đã tách khỏi Phật, Bồ Tát. Những đệ tử thường theo Phật khi ấy là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, gồm những ai? Thầy trò ba anh em họ Ca Diếp tổng cộng một ngàn vị, thầy trò Xá Lợi Phất là một trăm vị, thầy trò Mục Kiền Liên cũng gồm một trăm vị. Con ông trưởng giả Da Xá cũng có một đoàn thể nhỏ gồm năm mươi lăm vị. Bởi thế cộng lại là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người. Những vị này “*thường tùy Phật học*” (thường theo học với Phật), chứ chẳng phải là theo Phật đi chơi.

Các Ngài thị hiện điều gì? Tự thị hiện buông xuống hết thấy, thuận theo sự dạy răn của đức Phật. Quý vị có nhận ra ý nghĩa này chẳng? Nói như bây giờ, các Ngài buông bỏ thành kiến, cách nghĩ, cách thấy, cách nói, cách làm của chính mình, hết thấy đều tùy thuận sự dạy răn của đức Phật. Đức Phật dạy ta nghĩ thế nào, dạy ta thấy thế nào, dạy ta nói thế nào, dạy ta làm thế nào, đều làm theo như thế, đó gọi là “*học Phật*”. Chúng Thanh Văn nêu một tấm gương rất tốt cho chúng ta!

Câu thứ ba là “*Phật pháp lại Tăng truyền cổ*” (Phật pháp phải nhờ vào Tăng để truyền). Đúng là vì người xuất gia hiện tướng xuất thế, thị hiện thường theo học với Phật, nên Phật pháp mới có thể tồn tại lâu dài trong thế gian. Chúng ta thường nghe nói “*chánh pháp cứu trụ*”, nhưng phải làm được như vậy thì chánh pháp mới có thể trụ lâu dài. Nếu người xuất gia (ở đây gọi là Thanh Văn) tâm lòng, ý niệm, hành vi đều là tham - sân - si - mạn, háo danh, háo lợi, tham cầu hưởng thụ ngũ dục, lục trần, không có tướng xuất thế, khiến đại chúng trong xã hội thấy người xuất gia còn thua cả người tại gia, thì sao? Thì là diệt Phật pháp. Đây chẳng phải là hưng khởi Phật pháp, mà là diệt Phật pháp. Quý vị lại chăm chú xem xét trong cuộc sống thường ngày của kẻ ấy, xử sự, đối đãi người, tiếp vật, tùy thuận phiền não tập khí của chính mình, hoàn toàn chẳng tuân thủ sự dạy răn của Phật, Bồ Tát. Há Phật pháp nhờ vào những kẻ ấy để truyền thừa được ư? Họ đâu có Phật pháp!

Hôm trước tôi xuống núi, buổi chiều ở lại Tịnh Tông Học Hội ở Bồ Lý Tư Bản (Brisbane), cư sĩ Cát Lai Mẫu (Martha Graham) ở Tất Ni (Tuyết Lê: Sydney) cùng các đại biểu Phật giáo Úc Châu (Úc châu có sáu tiểu bang) mở cuộc họp hai ngày tại Tịnh Tông Học Hội. Đại biểu

Phật giáo các tiểu bang thảo luận thành lập Úc Châu Phật Giáo Hội. Tổ chức Phật Giáo toàn châu Úc vẫn chưa có, họ đề xướng, thảo luận chương trình, trong cuộc họp ấy bắt đầu công tác soạn thảo chương trình. Tôi xuống núi cùng với chín đại biểu gặp gỡ nhau. Trong số đó, tôi thấy có một vị xuất gia ăn mặc theo lối Nam Tông, nêu vấn đề sau: “Bản thân Phật giáo chúng ta tông phái bất đồng, thậm chí trong cùng một tông phái, các tự viện bất đồng, mọi người chẳng ai qua lại với nhau, mỗi người một cách”. Sư cảm thấy rất khó chịu, nên mới nêu lên vấn đề đó.

Tôi bảo ông ta năm ngoái tôi sang thăm Nhật Bản, họp mặt cùng rất nhiều vị phương trượng trụ trì lãnh đạo trọng yếu trong Tịnh Độ Tông Nhật Bản. Lần họp mặt thứ nhất là để hoan nghênh tôi đến thăm Nhật Bản, lần thứ hai là để tôi đáp tạ. Trong đáp từ, tôi có nói, như ai nấy đều biết Phật Giáo có Đại Thừa, Tiểu Thừa, Hiền Giáo, Mật Giáo. Tại Trung Quốc còn có Tông Môn, Giáo Hạ. Trung Quốc có mười tông phái Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa, trong Tông môn (Thiền) lại phân thành các phái, trong mỗi phái lại chia thành hệ, có tình trạng như vậy! Hệ phái bất đồng, thậm chí trong cùng một hệ phái, nếu không cùng một đạo tràng, quả thật có chuyện không qua lại với nhau; đã thế còn mắc phải chứng bệnh rất lớn, khen mình, chê người, tự mình khen ngợi mình, hủy báng người khác. Đó là nguyên nhân khiến Phật giáo đọa lạc.

Bất kể tông phái chẳng tương đồng, thấy đều y chiếu kinh luận của Thích Ca Mâu Ni Phật để làm căn cứ tu học cho chúng ta. Kinh luận đều do đức Phật nói, bởi vậy, thực sự là người một nhà, là anh em ruột. Chúng tôi nghĩ: Cha mẹ sanh ra rất nhiều con, những đứa con ấy chẳng thương yêu, hòa thuận với nhau, mà kinh chống nhau, không qua lại với nhau, chúng tôi nghĩ lòng cha mẹ rất buồn bực. Gia đình ấy trở thành như thế, cha mẹ buồn uất, thật là đại bất hiếu! Nhiều tông phái trong nhà Phật chẳng qua lại với nhau, đều cùng khen mình, chê người, chúng tôi nghĩ Thích Ca Mâu Ni Phật buồn lòng lắm! Phạm lỗi gì với Phật? Lỗi đại bất kính, đại bất hiếu!

Nói chẳng dễ nghe, đó chẳng phải hoằng dương Phật pháp, mà là phản Phật giáo, phản đối sự răn dạy của đức Phật trong kinh luận. Phật dạy chúng ta “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*” (tâm bao thái hư, lượng trọn khắp các cõi nhiều như cát), Phật chỉ dạy chúng ta “*từ bi vi bốn, phương tiện vi môn*” (từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa), Phật dạy chúng ta “*nhân từ bác ái, phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui*”. Chúng ta nghĩ, nói, làm, hoàn toàn trái ngược với những điều ấy thì có còn là học

Phật hay chẳng? Đây chẳng phải học Phật, mà là phản Phật! Đệ tử Phật phản đối sự răn dạy của đức Phật, há chẳng phải là dùng chiêu bài Phật giáo mà phản đối Phật ư? Họ tin tưởng vào điều gì? Họ tin tưởng vào phiền não tập khí của chính mình, tin tưởng danh văn lợi dưỡng của chính mình, tin vào những thứ đó, chứ chẳng tin vào sự răn dạy của đức Phật.

Đối với tình hình ấy, phải làm sao? Thưa cùng quý vị, phải bắt đầu từ chính bản thân mình. Trong thời đại hiện nay, tự do, dân chủ rộng mở, đề xướng nhân quyền, nhân quyền cao hơn bất cứ gì khác! Chúng ta không thể can thiệp vào chuyện người khác, mà cũng chẳng thể phê bình người khác, chỉ có tự kiểm điểm, sửa lỗi, đổi mới, [tự xét] chính mình có mắc căn bệnh tệ hại ấy hay không? Điều trọng yếu là phải bắt đầu từ chính mình. Người khác khen mình chê người, chúng ta phải khác họ, ta phải khiêm hư, khen ngợi người khác. Dù người khác có chín mươi chín điều bất thiện, họ vẫn còn có một chuyện lành, chín mươi chín điều chẳng lành không cần nhắc tới, cũng chẳng để bụng, tự mình tu cho thuần tịnh, thuần thiện, thì tiền đồ Phật pháp mới có chút ánh sáng.

Tôi khuyến khích các vị đại biểu Phật giáo các nơi đến dự hội, chúng ta phải tự giác ngộ, phải tự đoàn kết, phải chủ động đi thăm các tông phái khác biệt, người này với người kia phải thường qua lại, phải khích lệ lẫn nhau. Ai có thể tiếp nhận, chúng ta sẽ nắm tay cùng thực hiện nhiệm vụ hoằng pháp lợi sanh; ai không thể tiếp nhận, đừng miễn cưỡng! Chẳng những chúng ta phải làm như thế đối với những tông phái khác biệt trong nhà Phật, mà đối với hết thảy các tôn giáo khác biệt trong thế gian, chúng ta cũng phải chủ động đi thăm hỏi.

Chúng tôi muốn đem quan niệm trong ba câu “*vì tương xuất thế, vì thường theo Phật, vì Phật pháp phải nhờ vào Tăng để truyền*” để chân thành, cung kính cúng dường tất cả tôn giáo trong thế gian; hy vọng mỗi tôn giáo đều có thể tích cực học tập kinh điển của họ, thực hiện kinh điển, khiến cho những giáo huấn trong kinh điển được tỏa sáng rạng rỡ bởi chính những giáo đồ và hàng giáo phẩm, chức sắc, thì hạnh phúc, hòa bình, mỹ mãn vĩnh cửu trên thế gian này mới hòng thực sự thực hiện được.

Giáo học Phật pháp, giáo huấn của cổ thánh tiên hiền Trung Quốc dạy chúng ta những gì? Lúc giảng kinh chúng tôi thường nói: Dạy chúng ta hiểu rõ chân tướng của ba sự thật. Thứ nhất là hiểu rõ quan hệ giữa người và người; thứ hai là dạy chúng ta hiểu rõ quan hệ giữa con người và hoàn cảnh tự nhiên; thứ ba là dạy chúng ta hiểu rõ mối quan hệ giữa

con người và trời đất quỷ thần. Hiểu rõ ba điều này! Hiểu rõ rồi mới giác ngộ, không hiểu rõ là mê hoặc, hiểu rõ sẽ giác ngộ!

Giác ngộ rồi, trong đời này ta có phương hướng và mục tiêu chính xác, sống cuộc đời của Phật, Bồ Tát; tức là dùng thiện tâm, thiện ý, thiện hạnh, thiện ngôn, dùng tịnh tâm, tịnh ý, tịnh hạnh, tịnh ngữ để đối đãi hết thảy chúng sanh, đối đãi hết thảy vạn vật. Đức Phật thường nói: *“Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”*, chúng ta thực sự học tập được điều đó, giống như chư Phật, Như Lai, như Pháp Thân Bồ Tát, tâm tịnh khắp pháp giới, ý lành trọn Sa Bà. Để thực hiện trong cuộc sống, Ấn Quang đại sư dạy chúng ta *“đôn luân, tận phận, nhàn tà, tồn thành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ”* (giữ vẹn luân thường, tận hết trách nhiệm, ngăn lòng tà, giữ lòng thành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ). Phương hướng, mục tiêu nhất định là như vậy.

Thanh Văn là thành tựu vô lượng vô biên công đức lợi ích cho mình lẫn người. Bởi thế, cốt lõi của ba câu ấy, quan trọng nhất là *“thường tùy Phật học”*. Họ thường theo học với Phật, tuyệt! Câu này nói rất hay. Nay chúng ta nhất định phải tuân theo sự giáo huấn của đức Phật, lời giáo huấn của Phật nằm trong kinh luận. Kinh luận rất nhiều, *“thâm nhập một môn, huân tu lâu dài”*. Quý vị chọn tu theo bộ kinh luận nào cũng được, đều giống nhau cả. Cần nhất là phải biến những đạo lý được giảng trong kinh luận đó thành tư tưởng, kiến giải của chính mình, đó là điều quan trọng, chúng ta phải thực sự học theo, phải buông xuống thành kiến của chính mình, thuận theo lời Phật răn dạy. Trong kinh luận, đức Phật dạy chúng ta sống như thế nào, làm lụng như thế nào, xử sự, đối người, tiếp vật ra sao, chúng ta phải hoàn toàn học theo. Sống như Phật, Bồ Tát, sống cuộc đời giác ngộ, chẳng còn mê hoặc nữa!

6.2.1.6.2.2. Biện Định Duyên Do và Vai Trò của Bồ Tát Chúng

Thứ hai, *“Bồ Tát cư trung, tướng bất định cố, bất thường tùy cố, biểu Trung Đạo cố”* (Bồ Tát xếp vào giữa vì hình tướng không nhất định, vì chẳng thường theo Phật, vì biểu thị Trung Đạo). Bốn câu này cần phải giải thích, chớ nên hiểu lầm! *“Tướng bất định”*: Bồ Tát hiện tướng tại gia. Quý vị thấy Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, năm mươi ba vị [thiện tri thức] đều là Bồ Tát. Trong kinh Hoa Nghiêm, nếu nhìn từ bên ngoài, các vị ấy đều là Pháp Thân Bồ Tát, từ bậc Sơ Trụ trong Viên Giác trở lên. Mang những thân phận nào? Nam, nữ, già, trẻ, các ngành, các nghề! Tướng bất định mà! Chẳng hiện tướng xuất gia, mà

là tướng bất định.

“*Bất thường tùy*”: Chẳng thường tùy là nói theo phương diện hình tướng. Bọn họ chẳng giống với Thanh Văn hằng ngày kề cận Thích Ca Mâu Ni Phật, họ thường đơn độc giáo hóa một phương, nhưng hết sức coi trọng cơ hội giáo dục, ấy là Bồ Tát! Nhưng quý vị phải nhớ kỹ: Bồ Tát học tập kinh luận của Phật, Bồ Tát không một giây phút nào phóng túng; so ra, Thanh Văn không sao bằng được; Bồ Tát hoàn toàn dung hóa, hoàn toàn thực hiện được. Bởi thế, trong khi sắp xếp, Bồ Tát được xếp vào giữa “*để biểu thị Trung Đạo*”, chúng ta phải hiểu rõ điều này.

Thanh Văn giống như học trò Tiểu Học, phải theo thầy, tự mình chưa thuần thực, thầy đặt ra rất nhiều quy củ, nhất định phải tuân thủ. Bồ Tát như sinh viên Đại Học, như nghiên cứu sinh (post-graduate student), chẳng còn có nhiều quy củ như thế nữa. Vì sao? Họ đã có năng lực tự kiểm chế. Học trò Tiểu Học không có năng lực tự kiểm chế nên thầy phải đặt ra rất nhiều quy củ để uốn nắn chúng. Bồ Tát là sinh viên Đại Học, là nghiên cứu sinh, thầy chẳng cần phải bận tâm đến những điều nhỏ nhặt, họ đã có năng lực tự chăm sóc mình. Bồ Tát có năng lực phân biệt chân - vọng, có năng lực phân biệt tà - chánh, thị - phi, thiện - ác, lợi - hại. Bồ Tát có những năng lực ấy, họ tự biết cách tránh xấu, đón tốt, chẳng giống học trò Tiểu Học chẳng biết gì, thầy phải luôn trông chừng. Bồ Tát biểu thị Trung Đạo.

6.2.1.6.2.3. Biện Định Duyên Do và Vai Trò của Ngoại Hộ Chúng

“*Thiên nhân lệ hậu*” (trời người được nêu sau cùng), tức “*cập Thích Đề Hoàn Nhân đẳng vô lượng chư thiên đại chúng câu*”, họ được xếp sau cùng. “*Thế gian tướng cố*”: là người cõi tục, “*phàm thánh phẩm tạp*”: Dù là người thế gian, nhưng trong người thế gian lại có Phật, có Bồ Tát ứng hóa trong đó. Dù ứng hóa trong ấy, nhưng họ biểu diễn vai trò phàm phu trong thế gian. Bởi thế, họ vẫn được kể vào sau cùng. “*Ngoại hộ chức cố*”: Công việc chủ yếu của họ là ngoại hộ (bảo vệ bên ngoài), hộ trì Phật pháp, đến giúp sức, ủng hộ việc giáo dục của Phật. Bởi thế, họ thị hiện thành quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ, hết sức nhiệt tâm đến giúp Thanh Văn, đến giúp Bồ Tát giáo hóa đại chúng, đặc biệt là Thanh Văn; bởi lẽ, Thanh Văn mang hình tướng xuất gia. Giáo hóa chúng sanh phải có rất nhiều tầng thượng duyên, họ đều làm công tác ngoại hộ.

Hiện thời, ta thường nói là xúc tiến một hoạt động, nhất là trong

những hoạt động có quy mô lớn, chúng ta biết rõ cần phải có nhân lực, vật lực, tài lực tương đương. Một hoạt động hoằng pháp quy mô lớn trong Phật pháp, nếu có từ một vạn người, hai ba vạn người trở lên tham gia, chúng ta hãy nghĩ xem cần phải có địa điểm to lớn. Tất nhiên người từ bốn phương tám hướng dồn đến, phương tiện giao thông, chỗ ở, ăn uống cho ngàn ấy người chẳng phải là chuyện dễ. Bởi thế, phải có một tổ chức có khả năng mạnh mẽ mới có thể chu toàn hoạt động ấy. Trong hoạt động đó có những người đến diễn giảng, giảng kinh, đương nhiên cũng có khả năng là mọi người đến cùng nhau niệm Phật, ai sẽ lãnh chúng niệm Phật? Chắc chắn cũng có những người nhân cơ hội đó cầu được truyền thọ Tam Quy Ngũ Giới.

Trong công tác trừ bị, nhóm mời những nghĩa công (volunteer, người làm công quả) đảm nhiệm việc tiếp đãi, nghĩa công đảm nhiệm các bộ phận, số người chẳng thể ít được! Tổ chức một đại hoạt động như thế, rất có thể phải cần đến một hai ngàn nghĩa công, lại phải trừ bị tài nguyên, tài lực, vật lực thấy đều phải đầy đủ, thì hoạt động ấy mới thành công, mới tổ chức viên mãn được. Những việc ấy do quốc vương, đại thần, trưởng giả, cư sĩ hộ pháp thực hiện, trong xã hội họ ủng hộ sự giáo học của Phật pháp, thúc đẩy sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh. Nhà Phật chúng ta gọi là “pháp hội”, người thời nay gọi là “hoạt động”. Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, những hoạt động ấy lớn hay nhỏ, thời gian dài hay ngắn không nhất định, suốt đời Ngài thực hiện hơn ba trăm lượt, giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm. Trong bốn mươi chín năm, Ngài thực hiện hơn ba trăm lần hoạt động. Hoạt động nhỏ thì năm ba ngày, hoạt động lớn có khi hai ba năm. Xưa nay, trong nước, ngoài nước đều chẳng ra ngoài lệ này; vì thế, ngoại hộ hết sức quan trọng.

Có rất nhiều vị ngoại hộ nhiệt tâm dường ấy, ngoại hộ là những chuyên viên, chứ không phải tay mơ; chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong ấy. Trong nhà Phật thường nói: “*Một đức Phật xuất thế, ngàn đức Phật ủng hộ*”. Trong số ngàn đức Phật ấy, có khả năng là quá nửa hiện tướng thế gian, mang thân phận tại gia đến hộ trì Phật pháp, chứ chẳng phải là phạm nhân. Mọi người cùng diễn một vở tuồng hay trên sân khấu, nhằm mục đích gì? Nhằm mục đích giáo hóa chúng sanh, dạy dỗ, hướng dẫn xã hội. Chẳng riêng gì Phật giáo như thế, quý vị hãy chú tâm quan sát kỹ, tất cả hết thấy tôn giáo đều là giáo học của thần thánh.

Tôi cùng một số hiệu trưởng các trường Đại Học bên này cũng thường bàn luận về vấn đề này. Hiện thời, sự giáo dục trong nhà trường chỉ dạy khoa học kỹ thuật, công thương nghiệp, dạy người ta cách kiếm

tiền ra sao. Còn quan hệ giữa người với người, con người phải yêu thương, giúp đỡ, tôn trọng lẫn nhau thì không hề giảng đến. Bởi thế, tuy nền giáo dục của các trường hiện nay rất phát đạt, nhưng vấn đề xã hội ngày càng thêm nghiêm trọng. Rốt cuộc là do nguyên nhân nào, có ai thực sự nghiêm túc nghĩ đến hay chẳng? Trong giáo dục hiện tại, chẳng có sự giáo dục của thánh hiền, cho nên chẳng có giáo dục về hạnh phúc. Chỉ có giáo dục thánh hiền mới hòng đạt được hạnh phúc, an định, hòa bình chân chánh.

6.2.1.6.3. Giảng Tường Tận về Thanh Văn Chúng

6.1.1.6.3.1. Minh Định Quả Vị

Xin hãy xem tiếp:

Giai thị đại A La Hán, chúng sở tri thức.

皆是大阿羅漢。眾所知識。

(Đều là các vị đại A La Hán, được mọi người quen biết).

“*Giai thị*” nghĩa là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người ấy “*đều là*”. Chúng ta nghe nói như vậy, biết rõ họ đều chẳng phải là người tầm thường. A La Hán vốn là danh xưng của quả vị Tiểu Thừa, quả vị tối cao trong Tiểu Thừa gọi là A La Hán. A là Vô, La Hán là Học; bởi thế, A La Hán dịch sang tiếng Hán là Vô Học. Vô Học nghĩa là như nay chúng ta nói “đã tốt nghiệp”. Công khóa tu học của anh thầy đều viên mãn cả rồi, chẳng còn gì để học nữa, thì gọi là tốt nghiệp nơi pháp Tiểu Thừa. Nay ở đây, kinh chép là “*đại A La Hán*”, chỉ rõ họ chẳng phải là Tiểu Thừa, mà là Đại Thừa. Địa vị Vô Học trong Đại Thừa là Thập Địa, tức là địa vị Pháp Vân Địa thứ mười trong mười Địa. Nói cách khác, một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị đây, học vị thấp nhất là Pháp Vân Địa Bồ Tát, địa vị cao lắm!

Kinh Nhân Vương chia Bồ Tát thành năm bậc, đều dùng chữ Nhẫn để gọi, cao nhất là Tịch Diệt Nhẫn. Pháp Vân Địa Bồ Tát là Tịch Diệt Nhẫn. Thấp hơn một bậc là Vô Sanh Pháp Nhẫn, Vô Sanh Pháp Nhẫn ai nấy đều nghe quen, trong kinh nhắc đến rất nhiều. Trong kệ Hồi Hướng cũng thường nói đến, còn Tịch Diệt Nhẫn ít nghe đến hơn. Tịch Diệt Nhẫn cao hơn Vô Sanh Pháp Nhẫn. Trong bài kệ Hồi Hướng của Tịnh tông, chúng ta thường niệm: “*Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh*”,

thường niệm hoài! Ngộ Vô Sanh tức là Vô Sanh Pháp Nhẫn. Vô Sanh Pháp Nhẫn là Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa, ba địa vị này chúng được Vô Sanh Pháp Nhẫn. Địa thứ mười, Đẳng Giác, Diệu Giác (Diệu Giác là quả vị Như Lai), ba địa vị này là Tịch Diệt Nhẫn, thanh tịnh tịch diệt. Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Sanh diệt ký diệt, tịch diệt hiện tiền*” (Sanh diệt đã diệt rồi, tịch diệt hiện tiền), nói về cảnh giới này, đây là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Như vậy, quý vị mới hiểu thân phận rốt ráo của những vị đó. Trên sân khấu, họ đóng những vai khác nhau, chứ sự thật đều là Phật, Bồ Tát Tịch Diệt Nhẫn.

Đã nói đến A La Hán thì cũng phải giới thiệu đơn giản như thế này:

Trong danh từ A La Hán bao gồm ba ý nghĩa:

1) Thứ nhất là Ứng Cúng. Phước huệ viên mãn, trong Tiểu Thừa là tiểu viên mãn, trong Đại Thừa là đại viên mãn. Ngài xứng đáng tiếp nhận đại chúng cúng dường, cho nên gọi là Ứng Cúng. Vì sao? Ngài thực sự là ruộng phước cho hết thấy chúng sanh, cúng dường Ngài có phước báo, gieo phước điền! Phước báo rốt cuộc ở tại đâu? Ta gieo phước ấy, ta được những gì? Con người hiện thời khởi tâm động niệm chẳng lìa khỏi tánh thực dụng, đúng là rất thực dụng, không giả chút nào! Vị A La Hán đó có trí huệ, có đạo đức, có năng lực, chúng ta cúng dường Ngài, phục vụ Ngài, chúng ta không có trí huệ, chẳng có phước báo, Ngài trụ trong thế gian này, hoặc bất luận trụ trong thế giới nào, Ngài luôn mang thiện tâm thiện ý giáo hóa chúng sanh, dạy những gì? Dạy làm sao tu phước, dạy làm sao tu huệ. Quý vị nói xem hạng người như vậy ta có nên cung kính cúng dường hay chẳng? Chúng ta cung kính cúng dường có phải là được phước báo hay chẳng? Thực sự được phước báo.

Trong sự nghiệp của Ngài, ta có một phần duyên trong đó. Cúng dường bất luận là bao nhiêu, thành tâm, thành ý, đó là pháp bình đẳng. Cúng dường bao nhiêu không bàn đến, thành tâm thành ý cúng dường, tận tâm tận lực cúng dường, quý vị đạt được phước huệ trọn phần. Tận tâm tận lực cúng dường, thành tâm thành ý cúng dường, quý vị đạt được phước huệ chân thật. Quý vị ức niệm Ngài, quan sát Ngài, thường xuyên nghĩ đến Ngài, tự nhiên ta sẽ sanh trí huệ, sanh phước đức. Chúng ta học Phật, thử hỏi có phải là chúng ta thường nghĩ đến Thích Ca Mâu Ni Phật, hoặc thường nghĩ đến A Di Đà Phật, thường xuyên quán sát Thích Ca, Di Đà. Các Ngài chẳng ở đây, ta quan sát bằng cách nào? Trong kinh điển giới thiệu rất rõ ràng, đọc tụng kinh điển là quan sát những hành vi

của các Ngài.

Ngài đối với hết thầy mọi người, đối với hết thầy chúng sanh - hết thầy chúng sanh ở đây bao gồm cả hoàn cảnh tự nhiên, thực vật, khoáng vật. Hiện tượng tự nhiên đều do các duyên hòa hợp mà sanh; bởi thế, đều gọi là “chúng sanh”. Quán sát Ngài đối đãi thiên địa quỷ thần bằng cái tâm gì, thái độ như thế nào, hành vi ra sao? Chúng ta phải học tập theo đó. Bởi lẽ, tâm lòng, thái độ, cách làm của Ngài đều là thuần chánh, chánh chứ không tà, giác chứ không mê, tịnh chứ chẳng nhiễm, thuần tịnh, thuần chánh, thuần giác. Quý vị tụng kinh, hằng ngày niệm kinh, miệng có, tâm không, chẳng thể đạt được lợi ích. Quý vị xem chẳng phải là cổ đức thường dạy chúng ta: *“Tụng kinh phải tùy văn nhập quán”* đó sao? Dõi theo kinh văn, khiến cho kinh văn và tâm mình dung hợp thành một thể, thì gọi là *“tùy văn nhập quán”*, thực sự biến thành của mình thì mới thực sự được lợi ích.

Nếu kinh văn là kinh của Thích Ca Mâu Ni Phật, tư tưởng kiến giải của chính mình vẫn là phiền não tập khí thì có ích gì? Đọc kinh kiểu đó chỉ là tốt lành ngoài miệng mà thôi, tâm hạnh chẳng hề thay đổi, chẳng dung nhập, chẳng khế nhập. Bởi thế, quý vị chẳng thể khế nhập cảnh giới nói trong kinh luận. Quý vị chẳng hấp thụ được một tí xú xiu chất bồ nơi kinh luận! Kinh ấy chỉ niệm xuôi; thời gian, tinh lực đều lãng phí hết. Nói dễ nghe hơn một chút là *“một phen thoảng qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo”*, gieo hạt giống vào A Lại Da Thức mà thôi, hiện tại chẳng khởi tác dụng. Nói như vậy cũng là thật, chẳng giả đâu! Do vậy, có đọc vẫn hơn tốt hơn không đọc. Bất luận quý vị hữu tâm hay vô tâm, trong A Lại Da thức đều được gieo hạt giống. Hữu tâm, có ý thức đọc thì sức của chủng tử ấy mạnh hơn một chút. Vô tâm, vô ý, bất đắc dĩ miễn cưỡng tiếp nhận thì sức của chủng tử ấy rất yếu mỏng. Bồ thí, cúng dường là tu phước! A La Hán là Ứng Cúng.

Trước lúc chúng A La Hán thì ôm bát khát thực, bởi thế trong nhà Phật gọi Khất Sĩ; tỳ-kheo xưng là Khất Sĩ (chữ tỳ-kheo có ba ý nghĩa); chúng A La Hán rồi, chẳng gọi là Khất Sĩ nữa, mà gọi là Ứng Cúng. Khất là khát thực, người Trung Quốc gọi là “khất cái” (ăn mày), nhưng họ chẳng phải là Cái mà là Sĩ. Sĩ là gì? Là người đọc sách ở Trung Quốc. Tỳ-kheo có đạo đức, có học vấn, nên gọi là Sĩ.

2) Ý nghĩa thứ hai, A La Hán có nghĩa là Sát Tặc (giết giặc). Trong quá khứ, trước kia tôi ở Đài Loan, đã từng có một vị linh mục Thiên Chúa giáo cũng thường xem kinh Phật. Có lần, ông ta hỏi tôi: “Sao A La Hán vẫn còn bất thiện như thế? Ông ta còn sát tặc! Phật giáo

các ông nói chẳng sát sanh, sao ông ta lại giết giặc?” Đó là đọc theo văn tự, chẳng hiểu rõ ý nghĩa bên trong. “Tặc” ở đây không phải là người, mà là gì? Là phiền não, ví phiền não như kẻ giặc. Bởi lẽ, nếu chúng ta gặp phải giặc, tài vật sẽ bị chúng nó cướp hết, tổn thất tài vật.

Phật nói con người có phiền não (Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, Vô Minh phiền não) chướng ngại pháp tài công đức nơi tự tánh, khác nào bị kẻ trộm đoạt đi, chẳng dùng được, chẳng thọ dụng được. Bởi thế, ví phiền não như giặc, Sát Tặc là đoạn phiền não, là chuyển biến phiền não, có nghĩa như vậy, chứ chẳng phải là thực sự giết người! Phật, Bồ Tát đầu gặp kẻ trộm vật hay cường đạo đến uy hiếp, cướp đoạt, các Ngài vẫn gật gù, cười mỉm, hoan hỷ, sung sướng, chắc chắn chẳng so đo, lẽ đâu giết nó! Bởi thế, Tặc ở đây là phiền não. Tại nhân địa (khi còn tu nhân), tức là nơi tỳ-kheo thì xưng là Phá Ác, tức là đoạn ác tu thiện.

3) Thứ ba, A La Hán có nghĩa là Vô Sanh. Tiểu Thừa A La Hán chẳng còn thọ sanh trong luân hồi lục đạo, đã dứt sanh tử trong luân hồi lục đạo. Họ có vào luân hồi lục đạo là thừa nguyện tái lai, chứ chẳng vì nghiệp lực, bởi thế gọi là Vô Sanh. Nơi nhân địa, tỳ-kheo xuất gia gọi là Bồ Ma. Một người thực sự phát tâm xuất gia, Ma Vương đau đầu, cảm thấy hoảng sợ, vì sao? Ma Vương ái dục hết sức nặng, mà cũng hết sức chấp trước. Hẳn thống trị thế gian này, tất cả hết thầy người, hết thầy chúng sanh trong thế gian hẳn đều cho là quyền thuộc của mình. Nay quyền thuộc đó phát tâm xuất gia, muốn lìa khỏi hẳn, muốn vượt khỏi tam giới lục đạo, hẳn rất bức bối, cho nên hoảng hốt. Đó là ý nghĩa thứ ba.

Nay chúng ta hiểu Đại A La Hán, Đại A La Hán Vô Sanh, phải nhanh chóng đoạn hết vô minh, bốn mươi một phẩm vô minh chỉ còn hai phẩm chưa đoạn, thực sự vô sanh. Sát Tặc cũng là đoạn phiền não, đoạn sạch Trần Sa phiền não, đoạn sạch Kiến Tư phiền não, Vô Minh phiền não cũng sẽ phải đoạn sạch. Trí huệ, năng lực, tướng hảo giống như Phật quả, chẳng kém Như Lai cho mấy, hết sức gần, Bởi thế, Ngẫu Ích đại sư lại bảo chúng ta: Các vị ấy đều là Pháp Thân đại sĩ, thị hiện thân phận Thanh Văn để vì chúng ta chứng minh pháp môn Tịnh Độ trì danh niệm Phật này chẳng thể nghi bàn. Vì thế, gọi là Đại.

Những vị ấy gần bên đức Phật, mỗi cá nhân đều thị hiện có năng lực thù thắng, nay chúng ta gọi là “chuyên trường” (sở trường). Mỗi cá nhân đều có sở trường thù thắng, được đại chúng trong xã hội biết đến, cũng như nay ta nói “mức độ nổi danh rất cao”. Những vị ấy hằng ngày

theo Phật, học tập theo Phật, người thế gian trông thấy như vậy sẽ chịu ảnh hưởng của họ: Nhất định là Phật rất có đạo đức, rất có học vấn; nếu không, những vị kia sao lại học với Ngài? Bởi thế, các vị ấy là Ảnh Hưởng Chúng của hết thấy đại chúng. Giúp Phật giáo hóa chúng sanh, đó là “*chúng sở tri thức*”. “*Chúng*” là đại chúng trong xã hội. Đại chúng trong xã hội đều hay biết, mức độ nổi danh rất cao, ai nấy đều nhận biết (“*tri thức*”). Hoặc có thể nói: Tri là nghe tiếng, Thức là từng gặp mặt. Hiểu ở mức độ sâu hơn, Tri là biết người ấy, cũng như đã từng gặp gỡ người ấy; Thức là gì? Thức là khá hiểu rõ, biết rõ người ấy. Tiếp đó, kinh nêu danh hiệu các bậc Thượng Thủ.

6.2.1.6.3.2. Nêu Tên Chúng Thanh Văn Thượng Thủ

Trưởng lão Xá Lợi Phất.

長老舍利弗。

Tổng cộng gồm mười sáu vị. Ngẫu Ích đại sư chia thành sáu loại lớn:

1) Loại thứ nhất là đạo đức, trí huệ, tài năng, “*đức huệ tài năng*” là loại thứ nhất.

2) Loại thứ hai tương phản sát sao, “*ngu muội độn căn*”. Ngụ muội độn căn chỉ có một vị, trong mười sáu vị chỉ có một vị, khi nào giảng đến, tôi sẽ giới thiệu cùng quý vị.

3) Loại thứ ba là “*hiển thị nhân quả*”. Hiển (顯) là tỏ rõ, Thị (示) là trình bày. Quá khứ gieo nhân, hiện tại chịu quả báo.

4) Loại thứ tư hoàn toàn tương phản, “*thiện tàng dưỡng hối*” (khéo giấu công phu tu dưỡng). Các vị này thực sự có đạo đức, có học vấn, có năng lực, nhưng chẳng tỏ lộ. Quý vị thấy họ tựa hồ tầm thường, nhìn chẳng ra đâu. Người Trung Quốc thường nói những người như vậy là “*thâm tàng bất lộ*”; nhưng Ngẫu Ích đại sư dùng nhóm chữ ấy rất hay, thâm tàng bất lộ không bằng “*thiện tàng dưỡng hối*”.

5) Loại thứ năm là “*thế pháp phương tiện*”, tức là tùy thuận thế gian, hành pháp phương tiện.

6) Cuối cùng là “*tinh tấn phá chướng*”, dũng mãnh, tinh tấn phá nghiệp chướng.

Chia thành sáu loại, nay chúng tôi giới thiệu từng vị một.

Vị thứ nhất là Xá Lợi Phất (Śāriputra), “*trưởng lão Xá Lợi Phất*”.

Trong Phật pháp, Ngài đức cao trọng vọng, lại còn cao tuổi. Tuổi tác trẻ quá chẳng thể xưng là “*trưởng lão*”, nói chung phải có tuổi một chút. Trong quá khứ phải từ bốn mươi tuổi trở lên. Người bốn mươi tuổi trở lên, có đạo đức, có học vấn mới xưng là Trưởng Lão. Phật môn cũng chẳng ngoại lệ, nhà Phật tính theo thời gian xuất gia. Quý vị xuất gia đã lâu, có đạo đức, có học vấn, mọi người tôn xưng là Trưởng Lão. Trong các đồng học, ngài Xá Lợi Phất đại diện cho trí huệ bậc nhất. Nếu nói theo cách bây giờ, Ngài là một triết gia.

Trong xã hội đương thời, vị này đức cao trọng vọng, mọi người đều biết Xá Lợi Phất trí huệ trác tuyệt, biện tài vô ngại, suốt cả đời chưa từng gặp đối thủ. Thử nghĩ con người như thế theo học với Thích Ca Mâu Ni Phật, suốt đời chẳng lìa khỏi Thích Ca Mâu Ni Phật, ở sát bên Thích Ca Mâu Ni Phật thì Thích Ca Mâu Ni Phật là người như thế nào mà có thể khiến cho Xá Lợi Phất tâm phục, khẩu phục, biểu hiện ra hành động như thế? Tất nhiên Thích Ca Mâu Ni Phật đáng để chúng ta tôn kính, đáng để chúng ta học theo. Quý vị nhìn vào Xá Lợi Phất thì hiểu Ngài giúp Phật giáo hóa chúng sanh. Chúng tôi đọc trong kinh thấy Thích Ca Mâu Ni Phật nói Xá Lợi Phất là cổ Phật tái lai, đã thành Phật từ bao nhiêu kiếp trước. Nay Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật tại nơi đây, Ngài cũng đến, thị hiện thân phận Thanh Văn, giúp Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa. Vị thứ hai là:

Ma Ha Mục Kiền Liên.

摩訶目犍連。

Ma Ha (Mahā) là tiếng Phạn có nghĩa là Lớn. Đương thời, tôn giả Mục Liên (Maudgalyāyana) cũng rất nổi danh, được biết đến rất nhiều. Sở trường của Ngài là “*thần thông đệ nhất*”, cũng giống như nay ta nói Ngài là nhà khoa học. Thần thông của các nhà khoa học hiện nay thực sự chẳng thể so sánh với ngài Mục Kiền Liên. Thiên nhãn của ngài Mục Kiền Liên thấy được tam thiên đại thiên thế giới, thấy được thế giới nhỏ li ti. Khoa học gia hiện tại phát minh ra những khí cụ: Viễn vọng kính có thể thấy được rất xa, kính hiển vi thấy được thế giới vi sinh vật; nhưng các nhà khoa học sáng chế rất nhiều khí cụ, lợi dụng những khí cụ đó để quan sát, chứ ngài Mục Liên không cần đến chúng. Ngài thị hiện thần thông biến huyền khiến cho người ta tôn kính. Hai vị tôn giả này đều là đạo đức, trí huệ, tài nghệ vượt trội hơn người, trong tất cả các

đồng học, nói theo cách chúng ta hiện thời, hai ngài là bậc nhân tài kiệt xuất. Vị thứ ba là:

Ma Ha Ca Diếp.

摩訶迦葉。

Vị này cũng thị hiện rất nhiều tài nghệ. Ma Ha dịch là Đại, Đại Ca Diếp (Mahā-Kāśyapa). Ngài có năm trăm đồ chúng (đệ tử), sau đều quy y Thích Ca Mâu Ni Phật, toàn bộ biến thành Thường Tùy Chúng của Phật. Danh hiệu Ca Diếp có nghĩa là Âm Quang (uống ánh sáng); trên thân Ngài có ánh sáng vàng, ánh sáng vàng rờn từ đâu có? (Bởi thế Ngài cũng là thị hiện nhân quả). Trong quá khứ, Ngài dùng vàng rờn tu bổ tượng Phật. Tượng Phật cũ rồi, tượng Phật thếp vàng, nhưng vàng thếp bị rớt mất, chẳng còn trang nghiêm nữa. Ngài phát tâm thếp vàng, bởi thế, cảm được quả đời đời kiếp kiếp thân có ánh sáng vàng rờn. nhục nhãn phàm phu không thấy được sự việc này, chứ nói thật ra, hoàn toàn không khó thấy, người tu Định đều có thể thấy. Tâm địa thanh tịnh thì quý vị sẽ thấy thân của mỗi cá nhân đều có ánh sáng vàng rờn, màu sắc chẳng giống nhau, lớn nhỏ khác nhau. Từ màu sắc của ánh sáng có thể biết được tình trạng sức khỏe, đó là điều người hiện thời rất quan tâm. Rất nhiều người luyện Khí Công có chút thành tựu, thấy được khí của người khác, nhà Phật chúng ta gọi là Quang, họ gọi là Khí.

Khi trước tôi ở Mỹ Quốc, ở Gia Nã Đại, từng gặp những người có công năng đặc dị từ Trung Quốc đến. Họ là bậc thầy Khí Công, bọn họ dạy Khí Công ở đó. Họ đều có thể thấy được, thấy người nào trên thân có quang minh hoàng kim là tốt nhất. Ánh sáng vàng, ánh sáng trắng, ánh sáng đỏ, ánh sáng lam, ánh sáng màu tro, rất nhiều thứ. Thầy Khí Công cũng trị bệnh cho người ta, họ trị bệnh bằng cách nhìn màu của Khí, tìm ra bộ vị mắc bệnh, sau đó mới trị liệu, cũng có hiệu quả khá khá. Bởi thế, người theo học rất nhiều. Giống như họ thấy được, người tu Định cũng thấy được.

Tôn giả Ca Diếp là kim quang, quang minh màu vàng rờn, Ngài là vị Đầu Đà đệ nhất. Đầu Đà (Dhuta) là khổ hạnh, khổ hạnh Tăng. Ngài Ma Ha Ca Diếp nhà cửa giàu có, xuất thân là con cháu gia đình giàu có mà có thể tu khổ hạnh, thật hiếm có, đáng quý! Nếu xuất thân từ gia đình bần cùng mà tu khổ hạnh thì nói trắng ra chẳng khiến mấy ai chú ý. Ngài xuất thân từ gia đình phú quý, lại muốn tu khổ hạnh, đại chúng trong xã

hội rất chú ý. Vì sao Ngài sống cuộc đời như thế? Trong phương thức sinh hoạt ấy nhất định có đạo lý, nếu không, sao Ngài lại vứt bỏ phú quý, buông bỏ hết thầy hưởng thụ, đi tu khổ hạnh? Tu khổ hạnh, tham, sân, si, mạn, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần thấy đều thực sự buông xuống. Buông xuống liền được đại tự tại! Thích Ca Mâu Ni Phật “*niêm hoa vi tiếu*” (cầm cành hoa giong lên mỉm cười), đại chúng trong pháp hội khi ấy đều cảm thấy hoang mang, chẳng biết Thích Ca Mâu Ni Phật ngụ ý gì?

Thật ra, chư vị phải hiểu các Ngài đều diễn tuồng. Một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị ấy, đừng nói chi khác, chỉ đơn giản là Thường Tuy Chúng của đức Thế Tôn, đều là đại A La Hán, lẽ đâu chẳng biết! Đương nhiên là biết! Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên đều là cổ Phật tái lai, ngài Ca Diếp cũng là cổ Phật tái lai. Vai kịch cuối cùng giao cho Ngài diễn, dành cho ngài Ma Ha Ca Diếp biểu diễn. Bởi thế, ngài Ca Diếp thấy động tác ấy của đức Thích Ca Mâu Ni Phật bèn mỉm cười, Thích Ca Mâu Ni Phật giao cành hoa cho tôn giả, nói: “*Ta có Niết Bàn diệu tâm, Ca Diếp hiểu được ý ấy, bèn giao cho ông ta*”. Ngài trở thành Sơ Tổ Thiền tông. Câu chuyện này có chép trong kinh điển.

Bởi vậy, Ngài “*khổ hạnh thanh cao*”, Thiền tâm là chân tâm, mọi người chúng ta thấy Ngài rất khổ, cuộc sống rất khổ. Thật ra, Ngài sướng ta không hiểu nổi. Ngài ở trong cảnh giới Thiền, chúng ta sống trong ngũ dục lục trần, khổ lắm! Các Ngài thấy đó là khổ. Ta thấy các Ngài khổ, các Ngài thấy ta khổ. Ta cho mình rất vui, ta chẳng hiểu được niềm vui của các Ngài. Niềm vui Thiền Duyệt, đừng nói chúng ta không thể hiểu tí xít gì về niềm vui Thiền Duyệt, ngay cả niềm vui đọc sách chúng ta cũng chưa thể hiểu nổi. Khổng lão phu tử nói “*học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*” (học rồi làm theo, cũng chẳng vui ư), nay chúng ta “học rồi làm theo, chẳng khổ lắm ư?” Khổ quá chừng, vui ở chỗ nào? Bởi thế, đừng nói là cảnh giới của Phật, Bồ Tát; cảnh giới của Khổng lão phu tử đã có mấy ai hiểu nổi? Trong lịch sử Trung Quốc, người thực sự hiểu được niềm vui đọc sách chẳng có mấy ai! Hiểu được niềm vui đọc sách đều là thánh hiền. Hiểu được niềm vui Thiền Duyệt là cảnh giới của Bồ Tát, đâu phải cảnh giới phàm nhân!

Tối cao là “*sanh diệt đã diệt, tịch diệt là vui*”, là sở chứng thuộc quả vị Như Lai. Từ Cửu Địa Bồ Tát trở về trước đều không có cách chi hiểu được. Vì thế, trong pháp tánh có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, là chuyện thật, chứ không phải giả. Thường là bất sanh, bất diệt, vĩnh hằng bất biến. Lạc là niềm vui thực sự, quyết định chẳng khổ. Ngã là chủ thể, là tự

tại. Tịnh là thanh tịnh, mảy trần chẳng nhiễm. Trong tự tánh vốn sẵn có [những đức năng] như thế, đức Phật gọi là “*tứ tịnh đức*”, [tức là] bốn thứ đức lớn thanh tịnh, hết thảy chúng sanh ai nấy đều có đủ.

Vì sao bốn tịnh đức của quý vị chẳng hiện tiền? Vì vọng tưởng, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc. Là vọng tưởng, chấp trước là Thiên Định rất sâu. Bởi thế, Thiên Định chẳng phải là “*diện bích*” (nhìn vào vách), Thiên Định diện bích chẳng khởi tác dụng. Thiên Định là sống động, trong hết thảy thời, hết thảy chỗ, đi, đứng, nằm, ngồi thảy đều là Thiên, vì hết thảy chúng sanh thị hiện mọi thứ, giáo hóa đủ cách. Tâm kẻ ấy là tâm thanh tịnh, chẳng hề khởi tâm, động niệm; phân biệt, chấp trước, thảy đều chẳng có. Vì sao họ làm được như vậy? Tánh đức tự nhiên lưu lộ, pháp vốn là như vậy, người ấy vốn sẵn là như vậy.

Vì vậy, nếu quý vị hỏi vì sao những mẫu nước kết tinh của tiên sĩ Giang Bồn Thẳng lại có những biến hóa như thế? Nó vốn sẵn là như thế, chắc chắn chẳng hề có mảy may vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nào, nhất định chẳng có; nhưng nước có năng lực, năng lực ấy là bản năng (năng lực sẵn có) có thể phản ứng thuận theo hoàn cảnh bên ngoài. Do phản ứng nên tạo thành biến hóa. Tình hình, năng lượng bên ngoài thiên biến vạn hóa, nước cũng phản ứng biến hóa theo. Bởi vậy, chắc chắn chẳng có hai kết tinh giống nhau. Điều này cho thấy hết thảy chúng sanh chẳng có hai người có cùng ý niệm, vì ý niệm sanh diệt trong từng sát-na. Trong một đời này, đời đời kiếp kiếp, chắc chắn quý vị chẳng có hai ý niệm nào hoàn toàn tương đồng! Từ phản ứng kết tinh của vật chất, quý vị có thể chứng minh được điều đó. Lại xem tiếp vị thứ tư:

Ma Ha Ca Chiên Diên.

摩訶迦旃延。

Đây cũng là bậc đức huệ, tài năng, luận nghị bậc nhất. Ca Chiên Diên (Katyayana) là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán, thì cổ nhân có vị dịch là Văn Súc. Văn (文) là văn thái (phong cách văn chương), Súc (飾) là bóng bảy. Nói theo ngôn từ hiện thời, Ngài là nhà văn học, cũng là vị rất nổi danh trong xã hội đương thời, luận nghị bậc nhất. Luận nghị, có thể nói theo cách bây giờ là bình luận gia. Muốn trở thành một bình luận gia, nhất định phải biết nhiều thấy rộng, học rộng nghe nhiều thì mới làm được. Ngài có học vấn cao thâm, thực sự có trí huệ, học thức phong phú, mới có thể thành một bình luận gia hạng nhất được, luận

ngiht bậc nhất.

Nay đã hết giờ rồi.

Tập 07

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp Hệ Niệm Pháp Sự, phần A Di Đà Kinh. Lần trước đã giảng đến vị thứ tư trong mười sáu vị tôn giả, nay bắt đầu từ vị thứ năm:

Ma Ha Câu Hy La.

摩訶俱絺羅。

Vị này là cậu ngài Xá Lợi Phất. Trước kia, Ngài cũng là một nhân vật nổi tiếng trong xã hội, cũng khá tự phụ, thích cùng người khác biện luận. Trước kia, biện luận cùng chị, Ngài luôn chiếm thế thượng phong; từ khi bà chị mang thai, mỗi lần tranh luận Ngài đều thua. Ngài nghĩ: “Không đúng rồi! Thật ra chị mình chẳng có năng lực ấy, không cãi hơn được mình, chắc là đứa bé đang nằm trong bụng phải là một đứa trẻ có trí huệ. Đứa trẻ này sanh ra, nó là cháu ruột mình, mình là cậu nó. Nếu ta biện luận thua nó, còn mặt mũi gì làm cậu nữa!” Bởi thế, bèn đi học đạo, đến các nơi cầu thầy hỏi bạn, trong nhà Phật gọi là “*tham học*”. Dũng mãnh tinh tấn, ngay cả thời gian để cắt móng tay cũng không có; vì thế Ngài để móng tay rất dài. Người được mọi người kêu là Trường Trảo Phạm Chí (thầy tu Bà La Môn để móng tay dài) chính là Ngài vậy.

Sau này, Xá Lợi Phất sanh ra, quả nhiên trí huệ phi phạm. Sau đây, Xá Lợi Phất theo học với Thích Ca Mâu Ni Phật, ngài Câu Hy La chẳng phục, tìm Thích Ca Mâu Ni Phật toan tranh luận. Cuối cùng, Ngài chẳng thể không bội phục, cũng phát nguyện xuất gia, làm đệ tử thường tùy của Phật. Ngài là bậc “*vấn đáp đệ nhất*”, bác học, đa tài, học rộng, nghe nhiều. Từ điểm này, ta thấy Tăng đoàn của Thích Ca Mâu Ni Phật đúng là có đủ mặt những đại biểu thuộc tầng lớp văn hóa tối cao đương thời. Trong phần trên, Ngẫu Ích đại sư đã hé lộ sự thật: Các vị ấy đều là cổ Phật, hoặc Pháp Thân Bồ Tát tái lai, thị hiện đủ cách, hồng báo cho đại chúng trong xã hội biết Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn. Đây thực sự là một pháp môn khó tin. Nếu quý vị có thể tin được, học được, hiểu được thì lợi ích vô lượng vô biên, đúng là chẳng thể kể được hết. Vị thứ sáu là:

Ly Bà Đa.

離婆多。

Những vị này đều thuộc loại “*đức huệ tài năng*”. Ngài là bậc “*vô đảo loạn bậc nhất*”. Ly Bà Đa (Revata) dịch sang tiếng Hán là Tinh Tú. Trong kinh Di Đà, chúng ta niệm đến những câu “*nhất tâm bất loạn, tâm bất điên đảo*”, ngài Ly Bà Đa đúng là đại diện cho những cảnh giới ấy. Cảnh giới ấy ta cũng thường gọi là “*chánh giác chẳng mê*”. Ngài thực hiện viên mãn Tam Quy Y, thực sự thực hiện “giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm”.

Đồng học các nơi thường có người đến hỏi: “Đạo tâm chẳng dễ giữ gìn, thường bị thoái chuyển”. Với những vị đồng học ấy, tôi đều nói lời thành thực sau: “Đúng là rất dễ bị thoái chuyển, làm thế nào giữ cho không thoái chuyển? Quý vị phải tự nghĩ biện pháp!” Vì sao tôi phải nói như vậy? Mỗi cá nhân căn tánh bất đồng, nghiệp duyên bất đồng. Do vậy, không có cách nhất định nào để nói cả! Nếu có một phương pháp [duy nhất], Thích Ca Mâu Ni Phật cần gì phải giảng tám vạn bốn ngàn pháp môn, phải nói vô lượng pháp môn? Nói một môn là đủ rồi! Căn tánh chẳng tương đồng, cơ duyên chẳng giống nhau vậy!

Về phương pháp mỗi người sử dụng cũng phải thường biến hóa. Ví như chúng ta đi đường, thấy phía trước không thông, bị chướng ngại vật ngăn trở, làm cách nào đây? Chẳng thể tiến thẳng được, thì phải đi vòng, đi quanh, thông hiểu quyền biến! Bản thân mỗi cá nhân có rất nhiều chướng ngại, mình phải có trí huệ, phải có phương tiện. Phương tiện là phương pháp ôn hòa, tốt đẹp nhất để đột phá chướng ngại thì quý vị mới có thể thành tựu. Theo kinh nghiệm của chính tôi, làm thế nào để chẳng bị thoái chuyển ư? Lên đài giảng kinh! Cả một đời tôi dùng phương pháp này.

Bởi thế, có người nói tôi rất thích giảng, kẻ ấy không thấy rõ, kẻ ấy không hiểu vì sao tôi phải giảng kinh? Giảng kinh nhằm buộc chính mình chẳng thoái chuyển. Trong giai đoạn mới học, tôi đã thừa cùng quý vị rồi đó, vừa mới ra học giảng kinh, giảng một tiếng đồng hồ, phải mất bốn mươi tiếng chuẩn bị, toàn tâm toàn lực chuẩn bị cho công tác lên tòa giảng, không có thời gian, cũng chẳng có tinh thần khởi vọng tưởng. Đây là một phương pháp rất tốt, tự mình phải dùng phương pháp hữu hiệu để bức bách chính mình thì quý vị mới có thể thành tựu, quyết định chẳng được buông lung, lười nhác.

Tôi ở Mỹ quốc chẳng có cơ duyên giảng kinh hằng ngày: Không có thính chúng! Tôi làm cách nào? Tôi mua một cái máy thu hình nhỏ, loại máy thu hình nhỏ thời đó lớn hơn [máy thu hình] hiện nay, tôi để trong phòng tôi, mỗi ngày đối trước nó giảng hai tiếng đồng hồ. Giảng xong mở lại cho mình coi, lại lấy chính mình làm thính chúng. Nếu không học như thế, làm sao có thể học cho thông được. Phương pháp ấy tôi dùng ở Mỹ quốc từng bị các đồng học phát hiện, vì tôi cứ nhốt mình trong phòng làm chuyện đó. Nếu chẳng giảng kinh, nhất định bị thoái chuyển. Từ phương pháp ấy, tôi tạo thành một thói quen, mỗi ngày đều phải đọc kinh, mỗi ngày đều phải tìm cơ hội giảng pháp, giữ cho mình không bị thoái chuyển. Bởi thế, phải dựa vào đó, chẳng thể dựa vào người khác, chẳng thể dựa vào đạo tràng. Nói thật ra, trong kinh đức Phật dạy chúng ta: *“Thế gian vô thường, quốc độ nguy thúy”* (thế gian vô thường, cõi nước mỏng manh). Phật xưng là Vô Y Đạo Nhân (ông đạo không nương tựa ai), lời răn dạy ấy chúng ta phải thường ghi trong lòng, người nương dựa duy nhất là chính mình, nương tựa vào sự tỉnh giác cao độ của chính mình.

Trong phần trước, chúng tôi đã thưa cùng quý vị, chúng Thanh Văn này chẳng tách rời Phật, thường theo Phật, tôi nói chúng ta cũng phải là Thường Tùy Chúng của Phật. Phật ở tại đâu? Ở trong kinh điển, kinh điển là trụ xứ của chư Phật. Chúng ta phải nương nhờ kinh điển, kinh điển là Phật, đáng nương cậy nhất, vĩnh viễn chẳng bị biến đổi. Nhân tình thế sự thiên biến vạn hóa, tâm chẳng thể chạy theo bên ngoài, đuổi theo bên ngoài phiền não rất nhiều. Quý vị nói học theo các pháp sư giảng kinh ư? Trước kia, tôi ở Đài Trung Học kinh giáo, học giảng kinh, thầy Lý đã nhiều lần bảo tôi: “Tương lai ông giảng kinh không hay, mọi người chê cười ông, vẫn không sao! Nếu giảng rất hay, ông không còn đường nào để đi đâu!” Vì sao giảng kinh hay sẽ không còn đường nào để đi? Cổ nhân Trung Quốc có một câu rất có lý: *“Đồng hành tương kỵ”* (người đi cùng đường ghét nhau), ghen ghét ấy mà! Trong đạo tràng này, nếu quý vị giảng hay hơn người khác, tất cả mọi người đều ghen ghét mình, nhất định quý vị phải ra đi, bị dồn vào đường cùng!

Lời thầy nói, tôi có ấn tượng rất sâu đậm, dấu vậy, vẫn không lo lắng, chưa hề nghĩ sau này thực sự bị dồn vào đường cùng. Nếu chẳng phải là nhờ cả nhà Hàn Quán Trưởng phát tâm từ bi, đón tôi về ở trong nhà bà, ở suốt mười bảy năm, mãi cho đến khi chúng tôi có được một cái Đồ Thư Quán, tôi mới có thể rời khỏi nhà bà Hàn Quán Trưởng, sống trong Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội, sống trong Hoa Tạng Đồ Thư

Quán. Lời thầy Lý nói đã thành sự thật! Người có học vấn, học vấn chân chánh, nhất định phải hiểu được thế nào là thực sự thâm tàng bất lộ, mới hòng bảo toàn chính mình. Bởi thế, phải biết khiêm hư, nhường nhịn, chỗ nào cũng chẳng dám hơn người khác, thì chính mình mới tự bảo toàn được, cả một đời nhất định chẳng nghĩ chuyện vượt trội người khác, điểm này rất trọng yếu!

Ta học xong đề hoằng pháp lợi sanh trong tương lai ư? Không sai! Phải đợi cơ duyên, chớ nên lo lắng. Quý vị có thành tựu, Phật, Bồ Tát sẽ an bài thay cho quý vị. Tôi thực sự đặc lực nhờ một câu giáo huấn của Chương Gia đại sư. Thời tiết, nhân duyên đã chín muồi thì Phật, Bồ Tát sẽ an bài cho quý vị, tự mình chẳng phải nhọc lòng. Nếu ta vội vàng gấp gáp, sẽ thường có khó khăn chẳng ngờ xuất hiện! Đúng là muốn nhanh chẳng được! Hoằng pháp lợi sanh chắc chắn chẳng đơn thuần, phải hội đủ rất nhiều điều kiện; duyên chín muồi rồi thì chư Phật, Bồ Tát, thiên long thiện thần ủng hộ quý vị. Nếu thời tiết, nhân duyên chưa chín muồi, ngàn vạn phần chính mình chẳng nên khinh thường, vọng động.

Đương nhiên, đặc biệt đối với kẻ sơ học, có thầy ở bên cạnh chiếu cố thì tốt rồi. Gặp phải nghi hoặc gì, bèn thỉnh giáo thầy, thầy cho ý kiến để tham khảo. Thế nhưng giờ đây, địa cầu đã thu nhỏ lại, có người bảo nay nên gọi quả địa cầu này là “*địa cầu thôn*”, tôi cảm thấy địa cầu so với một thôn vẫn còn nhỏ hơn, phải nói đơn giản, thẳng thắn là một đại gia đình. Nhất là trong lúc kỹ thuật thông tin phát đạt, ở bất cứ xó xỉnh nào trên toàn thế giới vừa phát sanh một sự kiện nhỏ nhặt gì, toàn thế giới đều biết cả; từ mạng Internet, từ vệ tinh, truyền hình, lập tức truyền đi.

Bởi thế, nay ta ở trong thế gian này, có thể nói là chẳng bị khoảng cách nào ngăn trở. Thầy của chúng ta, bạn đạo đồng tham, thiện tri thức chẳng cần biết ở nơi nào, chúng ta cứ bấm điện thoại liền có thể tiếp cận. Quý vị thấy những máy điện thoại cầm tay (cell phone) hiện thời rất thuận tiện; có nghi hoặc gì bèn có thể lập tức thỉnh giáo. Loại điện thoại tôi tân có màn hình, năm ngoái tôi đã từng thấy [loại này] ở Nhật Bản. Gọi điện thoại cho đối phương, về mặt của đối phương bèn hiện hình trong cell phone; trên máy điện thoại có một màn huỳnh quang nhỏ, trông thấy mặt người đối diện rất rõ rệt; cho thấy khoảng cách không còn nữa, không gian chẳng còn nữa. Chúng ta có còn phải giống như thời Thích Ca Mâu Ni Phật, suốt ngày phải theo chân thầy nữa hay chẳng? Chẳng cần nữa! Quần bên chân thầy thì có rất nhiều việc chúng ta không thể làm được.

Tôi tin là khoảng sau ba năm nữa, có lẽ loại cell phone thấy được hình đối phương chắc chắn rất phổ biến. Hình như năm ngoái tôi đã từng nói, mạng Internet quốc tế (hiện thời gọi là broadband) phát triển không ngừng. Tôi tin là chẳng đầy mấy năm nữa, mạng Internet và cell phone rất có khả năng thay thế cho hệ thống TV vệ tinh hiện thời. Là vì sao? Chúng thực sự không thuận tiện cho lắm, nhất định sẽ phát triển theo phương hướng trên. Chúng ta học tập, mọi đồng học ở cùng một chỗ học tập Phật pháp, cần phải lợi dụng khoa học kỹ thuật cao để tạo rất nhiều sự thuận tiện cho chúng ta. Chúng ta có thể đối diện trò chuyện qua màn ảnh nhỏ “như đang ở ngay trước mặt”, khoa học kỹ thuật đã giúp cho chúng ta như vậy.

Trong đoạn này, tôn giả Ly Bà Đa là một vị đức huệ tài năng. Vị thứ bảy là:

Châu Lợi Bàn Đà Già.

周利槃陀伽。

Vị này hoàn toàn tương phản với những vị vừa kể trên. Ngài là kẻ ngu si độn căn, đây cũng là biểu thị nhân quả, nhưng giới tuyến giữa “hiển thị nhân quả” và “tinh tấn phá chướng” chưa được vạch ra. Rất nhiều vị đồng học biết ngài Châu Lợi Bàn Đà Già (Suddhipanthaka), trong các đệ tử của đức Thế Tôn, Ngài là người ngốc nhất, trí nhớ tệ nhất. Phật dạy bài kệ bốn câu, niệm bao nhiêu ngày vẫn niệm không xong, niệm câu trên, quên câu dưới, dạy cho câu dưới, quên tuốt câu trên. Anh Ngài cũng xuất gia, khuyên Ngài nên trở về nhà: “Không xong rồi! Người không có cách gì học được! Ngu đến thế thì thôi!” Ngài khóc lóc, gào khóc âm ỉ; đức Phật trông thấy, hỏi:

- Vì sao con khóc?
- Anh con muốn con quay về nhà.

Đức Phật bảo Ngài:

- Không sao cả, ông cứ ở đây mà chăm học.

Đức Phật đưa cho Ngài cây chổi, dặn Ngài hằng ngày quét đất, [vừa quét vừa] niệm “tảo chửu” (quét dọn). Đức Phật dạy Ngài đừng nghĩ đến gì khác, tay cầm chổi liền quét dọn, ngày ngày quét tước, tinh thần ý chí tập trung vào việc quét dọn. Đức Phật dạy Ngài phương pháp như vậy. Không ít lâu sau, Ngài khai ngộ, chứng quả A La Hán. Bạn đồng học đều lấy làm lạ: “Sao ông lại có thể khai ngộ, chứng quả được?”

Đức Thế Tôn bèn bảo đại chúng:

- Đồi trước, Châu Lợi Bàn Đà Già là một vị Tam Tạng pháp sư, chẳng phải tầm thường, giảng kinh thuyết pháp cho đại chúng, phải giữ lại một chút, tiếc pháp mà! Sợ người khác đều học cao hơn mình. Vì thế, dạy người khác luôn giấu bót, chẳng chịu dạy trọn vẹn cho người khác.

Đức Phật nói đời này [ngài Châu Lợi Bàn Đà Già] ngu si là do quả báo của tội tiếc pháp; đến lúc ấy, mọi người mới hiểu rõ sự việc. Trong kinh Phật thường nói tiếc của bị quả báo bần cùng, tiếc pháp bị quả báo ngu si, đều có nhân quả cả! Thích Ca Mâu Ni Phật có đủ trí huệ viên mãn, thần thông, đạo lực, Ngài biết cội gốc chứng bệnh ngu si của ngài Châu Lợi Bàn Đà Già nằm tại đâu; do vậy, có phương pháp đối trị giúp ngài Châu Lợi khôi phục. Mọi người chẳng có năng lực ấy, cho nên đành phải bỏ mặc Ngài, chẳng dạy Ngài nữa. Ngài là bậc “*nghĩa trì đệ nhất, khôn học thành công*” (giữ gìn nghĩa lý bậc nhất, học hành khó khăn mà thành công).

Bởi vậy, có kẻ tự biết căn tánh của chính mình rất tệ, chẳng có tư chất, trí nhớ cũng dở, ta làm sao có thể học Phật? Ở đây, ngài Châu Lợi Bàn Đà Già thị hiện cho quý vị thấy, căn tánh của quý vị, trí nhớ của quý vị so với ngài Châu Lợi Bàn Đà Già thì như thế nào? Nghĩ ra, ta còn đỡ hơn Ngài một chút, Ngài có thể thành công thì sao quý vị chẳng thể thành công? Ngài cổ vũ kẻ Hạ Hạ căn rất lớn. Pháp môn này thích hợp khắp ba căn, thâm tóm lợi căn lẫn độn căn, những người như vậy được nêu gương ở chỗ này. Quý vị nói mình có trí huệ ư? So với trí huệ của ngài Xá Lợi Phất thì sao? Chẳng bằng! Ngài Xá Lợi Phất cũng niệm A Di Đà Phật, quý vị có nên niệm hay chẳng? Vị thứ tám là:

Nan Đà.

難陀。

Nan Đà (Nanda) là em ruột Thích Ca Mâu Ni Phật. Anh em Thích Ca Mâu Ni Phật gồm hai người, hai anh em ruột cùng xuất gia. “*Nghi dung thanh diệu đệ nhất*” (đẹp đẽ, oai nghi, tiếng nói hay bậc nhất). Tướng mạo đẹp đẽ, rất oai nghi, tiếng nói cũng hay. Thích Ca Mâu Ni Phật cũng độ Ngài xuất gia; sau khi xuất gia theo đuổi công tác giảng dạy trong xã hội đa nguyên văn hóa. Thích Ca Mâu Ni Phật vứt bỏ ngôi vua, chỉ có hai anh em, cũng đem em theo luôn! Nếu nói theo thông tục, [chùng như] cả tình lẫn lý đều chẳng thông, mình xuất gia, lẽ ra phải lưu

lại đời sau cho gia đình; nhưng con trai Thích Ca Mâu Ni Phật cũng cho xuất gia luôn. Da Thâu Đà La là phi tử của Phật, về sau cũng xuất gia nốt. Nếu xuất gia chẳng phải là việc tốt, sao Thích Ca Mâu Ni Phật lại làm như thế? Thực sự đạt được lợi ích viên mãn rốt ráo, vĩnh viễn liễu thoát sanh tử. Vị thứ chín là:

A Nan Đà

阿難陀。

Tức là tôn giả A Nan (Ānanda), danh tiếng vị này rất lớn, ai nấy đều biết cả. Chúng ta nói đến tôn giả A Nan chính là vị này đây. Ngài là thị giả của Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng là em họ của Phật. Anh em họ của Thích Ca Mâu Ni Phật tổng cộng tám người; trong các anh em họ, Thích Ca Mâu Ni Phật lớn tuổi nhất, Ngài là “lão đại”, tôn giả A Nan trẻ nhất, là em họ út. Ngài nhỏ hơn Thích Ca Mâu Ni Phật chừng ba mươi tuổi. “*Đa văn đệ nhất, bác văn cường ký*” (Đa văn bậc nhất, nghe rộng, nhớ dai). Sở trường của ngài A Nan tương phản một trăm tám mươi độ với ngài Châu Lợi Bàn Đà Già! Tôn giả A Nan nghe Phật giảng kinh, nghe một lần vĩnh viễn chẳng quên mất.

Vì thế, sau khi Phật diệt độ, chuyện kết tập kinh tạng phải cậy tôn giả A Nan đem những kinh do đức Phật đã nói trong cả một đời nhắc lại một lượt; đại chúng căn cứ vào lời trùng tuyên của Ngài. Như vậy, Phật pháp được hoằng truyền cả mấy ngàn năm, học kinh giáo theo phương pháp nào? Thầy đều là chọn lời “phúc giảng” (nhắc lại); trong nhà Phật gọi là “phúc tiểu tòa”²⁶. Phương pháp này khởi đầu từ ngài A Nan, là nguyên do đó. Sau này, chư Tổ các đời truyền dạy cho nhau cũng đều dùng phương pháp này, nhất định chưa hề nói quý vị phải tự lấy kinh luận mà nghiên cứu, phải tham khảo tư liệu để soạn bài giảng, chẳng phải vậy! Chỉ có phương pháp này, nhất định chẳng thể biến đổi, phải phúc giảng (nhắc lại lời thầy đã giảng) thì quý vị mới hòng tránh khỏi

²⁶ Phúc tiểu tòa là lối tập giảng, trong đó, học trò sẽ lên tòa giảng, giảng lại dựa theo lời giảng của thầy trước đó. Tham dự những buổi giảng như vậy chỉ có thầy và các đồng học, không có người ngoài tham dự nên gọi là “tiểu tòa”. Mục đích của phúc tiểu tòa nhằm giúp cho người giảng luyện tập, cũng như tiếp nhận sự đóng góp ý kiến của thầy và đồng học.

lầm lỗi! Tự mình chưa có ngộ xứ, chắc chắn chẳng thể phát huy²⁷, nếu phát huy sẽ lầm lạc.

Đời Đường, thiền sư Bách Trượng độ một con chồn, công án ấy rất nhiều người biết: “*Thác hạ nhất cá tự chuyển ngữ, đọa ngữ bách thế dã hồ thân*” (Trót nói lầm một chữ chuyển ngữ, năm trăm đời đọa kiếp chồn hoang). Con chồn ấy đời trước là pháp sư giảng kinh, có người hỏi ông ta một câu, ông ta đáp sai, phải chịu trách nhiệm nhân quả, vì ông ta dạy sai người khác. Bởi thế, vị pháp sư ấy chết đi, bèn đọa làm thân súc sanh, biến thành con chồn. Đến đời Đường, con chồn ấy tu hành cũng khá, cũng có thần thông, biết nghiệp chướng đời trước, nhưng không có cách nào thoát thân chồn. Đúng ngay lúc đó, may sao gặp được thiền sư Bách Trượng là một vị Bồ Tát khai ngộ, là bậc minh tâm kiến tánh. Bách Trượng đại sư giảng kinh thuyết pháp, chồn thường đến nghe, hiện làm một vị lão cư sĩ râu tóc bạc phơ thường đến nghe kinh, người trong đạo tràng đều biết ông ta. Chỉ có Bách Trượng đại sư biết ông ta không phải là người, mà là hồ ly tinh, mọi người không biết!

Có một ngày, lão hồ ly đem đoạn công án trước kia của ông ta thưa hỏi pháp sư Bách Trượng, cầu pháp sư Bách Trượng cứu vớt. Bách Trượng đại sư nói: “Ngày mai ông đến, ngày mai ta thượng đường thuyết pháp, ông đem câu hỏi trước kia người ta hỏi ông, đem đúng câu ấy hỏi tôi” A! Hôm sau ông ta đến thật. Trong quá khứ có người hỏi ông ta, tức là khi ông ta làm pháp sư có người hỏi: “Bậc đại tu hành còn thuộc trong nhân quả hay không?” Ông ta đáp như thế nào? “*Bất lạc nhân quả!*” (chẳng thuộc trong nhân quả). Nói vậy là sai! Ngày hôm sau, ông ta đem chuyện đó hỏi Bách Trượng đại sư, Bách Trượng đại sư chỉ đổi một chữ. Do vậy, ông cũng hỏi: “Người tu hành còn rớt trong nhân quả hay không?” Bách Trượng đại sư nói: “*Đại tu hành nhân bất muội nhân quả*” (Bậc đại tu hành chẳng lầm nhân quả).

Quý vị thấy đó một đằng là “*bất lạc*”, một đằng là “*bất muội*”. Đổi một chữ thôi, ông ta bèn thoát thân chồn. Ngày hôm sau, con chồn già chết, Bách Trượng đại sư mới dẫn vài người, mang cuốc, mang ky ra sau núi, bảo mọi người: “Con chồn già sau núi đã chết rồi!” Đến nơi, quả nhiên thấy con chồn già đã chết rồi, Bách Trượng chỉ vào chồn nói: “Con chồn già này hôm qua đến hỏi ta”, kể cho mọi người nghe đoạn công án ấy. Đại chúng nghe xong lông tóc dựng ngược. Nếu anh giảng

²⁷ Phát huy ở đây có nghĩa là tự mình lập ra ý kiến riêng nhằm giải thích những điều người trước chưa nói tới, hay chưa giảng cặn kẽ.

kinh thuyết pháp sai lầm, dạy lầm chúng sanh, tội lỗi ghê gớm lắm! Bởi thế, đời này truyền cho đời kia là phúc giảng, nhất định chẳng dám xen tạp ý nghĩ riêng của mình vào đó, thì mới khỏi gánh trách nhiệm nhân quả. Nếu giảng lầm là thầy mình giảng lầm chứ ta không giảng lầm.

Bởi thế, chúng tôi học giảng kinh, thầy dạy chúng tôi cách giảng như thế nào? Chính mình chưa khai ngộ (đừng nói là đại ngộ, tiểu ngộ cũng chưa có) thì nhắc lại lời thầy, nhắc lại lời cổ nhân. Quý vị nghe tôi giảng kinh A Di Đà, tôi giảng theo bản chú giải Sớ Sao của Liên Trì đại sư, tôi giảng theo sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư. Đối với Yếu Giải, tôi cũng tham khảo hai bản, bản A Di Đà Kinh Yếu Giải Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh và bản A Di Đà Kinh Yếu Giải Thân Văn Ký của pháp sư Bảo Tịnh, tôi giảng theo bản chú giải của các Ngài. Các Ngài chú giải bằng thể loại Văn Ngôn, tôi đem Văn Ngôn biến thành văn nói, biến thành văn Bạch Thoại²⁸. Nếu có giảng sai là các vị đó chú giải sai, tôi chẳng giảng sai.

Lúc mới học giảng kinh, học theo thầy. Trước kia, chúng tôi học tập rất khổ sở, vì sao? Không có máy thâu âm, không có máy thâu hình, thầy giảng kinh, chúng tôi toàn phải chép tay, phải dựa vào bút ký, khá là khó nhọc. Thường bị ghi sót, làm sao ghi hoàn toàn được? Ghi sót thì làm sao? Hỏi bạn đồng học, xem vị đồng học nào chẳng ghi sót câu ấy. Vì thế, mấy bạn đồng học hợp lại, chỉnh lý bút ký. Các đồng học chúng tôi lúc mới đầu giảng kinh, thầy đều dựa theo lời giảng của thầy Lý, phúc giảng, phúc tiểu tòa, đều xuất thân từ phương pháp ấy.

Tôi nhớ năm 1977, đến Hương Cảng giảng kinh Lăng Nghiêm lần thứ nhất, bản chú giải tôi dùng làm cơ sở là bản Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh, tham khảo bản Lăng Nghiêm Kinh Trực Giải của Tôn Trọng Hà. Trong thời gian giảng kinh, có một hôm gặp pháp sư Diễm Bồi, Ngài có không ít tín đồ tại Hương Cảng, thuê bao cả một xe du lịch, đi ngắm phong cảnh Hương Cảng, cũng kéo cả tôi cùng đi. Chúng tôi trò chuyện trên xe, nói tới chuyện giảng kinh, Ngài

²⁸ Văn ngôn và Bạch Thoại là hai thể văn của Trung Quốc. Bạch Thoại còn gọi là Ngữ Thể, một thể viết theo tiếng nói. Nói cách khác, đó là hình thức văn viết của tiếng Phổ Thông (Mandarin) hay Hán Ngữ hiện đại. Văn Ngôn là loại bút ngữ dùng trong biên chép hoặc trước thuật, là loại Hán ngữ được dùng phổ biến từ phong trào Ngũ Tứ (1919) trở về trước. Đối với người Trung Quốc, một cách thực hành để phân biệt hai thể văn ấy là: “*Hễ dùng tai nghe và hiểu được là Bạch Thoại; hễ không dùng mắt để xem thì không hiểu được thì là Văn Ngôn*”. (Theo Trần Văn Chánh, *Từ Điển Hư Từ Hán ngữ cổ đại và hiện đại*, nxb Trẻ, TPHCM, 2002).

rất cảm khái nói: “Chúng ta đều xuất thân từ giảng tiểu tòa!” Ngài chỉ vào tôi bảo: “Tịnh Không! Ông cũng chẳng ra ngoài lệ đó. Ông cũng xuất thân từ giảng tiểu tòa!” Không sai chút nào! Những học sinh được huấn luyện từ Phật học viện chẳng thể lên giảng đài thuyết pháp, người thực sự có thể thăng tòa, giảng được, đều xuất thân từ giảng tiểu tòa.

Bởi thế, giảng tiểu tòa do tôn giả A Nan là người thứ nhất khởi đầu, kết tập kinh tạng là phúc giảng. Phương pháp này truyền mãi đến ngày nay. Nay tôi dạy học trò, dạy học viên thuộc Bồi Huấn Ban (lớp huấn luyện bồi dưỡng) ở Tân Gia Ba đều dùng biện pháp này. Hiện tại rất thuận tiện, ngày nay có băng thâu hình, có băng thâu âm, quý vị có thể nghe đi nghe lại không ngừng, chép thành bài giảng. Thời chúng tôi rất nhọc nhằn, hết sức khó khăn, chẳng có thứ gì hỗ trợ cả, phải dựa vào ký ức, phải dựa vào bút ký rất cực nhọc.

A! Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp vị thứ mười trong mười sáu vị tôn giả:

La Hâu La.

羅睺羅。

Tôn giả La Hâu La (Rāhula) “*mật hạnh bậc nhất*”, Ngài là nhà thực hành, là con của Thích Ca Mâu Ni Phật. Danh tự này là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Phú Chướng, tên nghe không hay, có chướng ngại! Ở phần trên, trong bài Hương Tán có niệm câu “*Tịch nhật Da Thâu miễn nạn tiêu tai chướng*” (Xưa bà Da Thâu thoát nạn tiêu tai chướng), Da Thâu Đà La là mẹ La Hâu La, Thích Ca Mâu Ni Phật là cha. Ngài mắc phải nạn gì? Mẹ Ngài mang thai sáu năm mới sanh ra Ngài. Người thông thường chỉ ở trong thai mười tháng, La Hâu La sáu năm. Do duyên có gì? Quả báo đấy! Đời trước gây nhân chẳng lành, đời này phải chịu nỗi khổ thai ngục. So với người thông thường Ngài phải chịu khổ nhiều gấp bội, người ta thông thường mười tháng, Ngài phải chịu sáu năm, hơn bảy mươi tháng, dài gấp bảy lần mọi người. Vì nguyên nhân gì? Trong kinh luận nêu nhiều lẽ, trong Kinh Luật Dị Tướng và Pháp Uyển Châu Lâm đều có ghi chép.

Theo một thuyết, cũng là theo kinh nói, trong đời quá khứ, ngài La Hầu La từng bít hang chuột, bít hang chuột sáu ngày, con chuột không chui ra khỏi hang được. Hành vi ác dữ cảm lấy quả báo như thế, ở trong bụng mẹ cũng chẳng ra được. [Ngài La Hầu La] lên chín tuổi, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên độ cho La Hầu La xuất gia, Phật môn bắt đầu có sa-di, La Hầu La là vị đầu tiên. Trẻ nít ham chơi, người khác thấy La Hầu La hằng ngày chơi đùa, Thích Ca Mâu Ni Phật biết trong chơi đùa có tu hành, “*mật hạnh bậc nhất*”. Ngài tu Giới - Định - Huệ chẳng để lộ ra bóng dáng, người khác không thấy. Trước kia, Chương Gia đại sư bảo tôi điều này: “*Phật pháp trọng thực chất, chẳng trọng hình thức*”. Tôi nghe Chương Gia đại sư nói như vậy là lần thứ nhất. Lần thứ hai, tại Tân Gia Ba gặp tổng thống Nạp Đan (Sellapan Rama Nathan), ông ta cũng nói như thế. Lúc ấy, tôi rất kinh ngạc, ông ta nói giống hệt như Chương Gia đại sư: Phật giáo trọng thực chất, chứ không trọng hình thức. Đúng là người tầm thường chẳng thể nói được như vậy. Vị thứ mười một là:

Kiều Phạm Ba Đề.

憍梵波提。

Là bậc “*được trời cúng dường bậc nhất*”, nay ta gọi Ngài là nhà tôn giáo. Ngài cũng là “*hiển thị nhân quả*”, làm gương cho chúng ta thấy. Kiều Phạm Ba Đề (Gavāmpati) là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Ngưu Ty (trâu nhoi). Miệng Ngài suốt ngày từ sáng đến tối nhóp nhép, giống như trâu đang nhoi, Ngài vương tập khí ấy. Rốt cuộc là vì nguyên nhân gì? Đức Phật đã giảng rất rõ: Trong đời quá khứ, tôn giả làm sa-di, trông thấy lão hòa thượng đang niệm kinh, tuổi đã già lùn, răng cỏ rụng mất nhiều, niệm chẳng rõ tiếng, chú sa-di ở bên cạnh chê cười: “Lão hòa thượng! Ông niệm kinh giống trâu nhoi quá!” Vị lão hòa thượng ấy lập tức kêu chú sa-di sám hối, bảo: “Ta đã chứng quả A La Hán, do khẩu nghiệp ấy, tương lai ngươi sẽ bị đọa địa ngục”. Chú sa-di nghe xong hết sức hoảng sợ, kinh hoàng, lập tức sám hối. Dù sám hối, do dư báo, vẫn bị đọa vào súc sanh đạo, năm trăm đời làm thân trâu. Vì vậy, tập khí rất sâu.

Trước kia châm chích người khác, ngỡ là chẳng có chuyện gì, đâu biết là quả báo nghiêm trọng. Phật, Bồ Tát thị hiện cho chúng ta thấy, đó là quả báo của ác khẩu, chẳng phải là vọng ngữ (nói dối), lường thiệt

(nói đôi chiều), ý ngữ (nói thù dệt). Quả báo của ác khẩu là như thế. Những nghiệp khác: vọng ngữ là lừa dối người, lường thiệt là khêu dậy thị phi, đáng tội rồi! Còn ở đây bắt quá là gì? Ôm lòng làm khổ người khác, châm chích người khác, chẳng gây thương hại lớn cho lắm mà phải đọa làm thân trâu ngựa năm trăm đời!

Đời này tuy xuất gia học Phật, chúng đắc quả A La Hán, nhưng tập khí vẫn còn. Thích Ca Mâu Ni Phật bảo Ngài hằng ngày phải khát thực trên cõi trời, vì sao? Để người khác khỏi trông thấy Ngài như thế, lại chê cười Ngài, lại mắc phải quả báo đó, chẳng phải là hại người ư? Làm thế nào đây? Lên trời, lên đó ứng cúng. Chư thiên có thần thông, biết Ngài là đại A La Hán, sẽ tôn kính Ngài, chẳng dám chê cười. Bởi thế, mỗi ngày Ngài lên trời khát thực, chẳng ở trong nhân gian, được trời cúng dường bậc nhất. Sau tên Ngài, tôi viết “*nhà tôn giáo*” vì Ngài chẳng phải là kẻ tầm thường. Vị thứ mười hai là:

Tân Đầu Lô Phả La Đọa.

賓頭盧頗羅墮。

Tôn giả Tân Đầu Lô Phả La Đọa (Pindola Bharadvaja), danh hiệu của Ngài dịch thành Bất Động. Ngài cũng có nhân duyên đặc biệt. Sau khi đức Phật nhập diệt, chúng ta biết rất nhiều vị đệ tử cũng trước sau nhập Niết Bàn; chỉ có vị tôn giả này tuân lời Thích Ca Mâu Ni Phật răn dạy, chẳng thể nhập Niết Bàn. Vì thế, vị tôn giả này vẫn còn hiện hữu trên thế gian. Phật giữ Ngài lại trong thế gian nhằm ý gì? Dạy Ngài làm phước điền cho chúng sanh thời Mạt Pháp, “*ứng mạt thế cúng, vì nhân thiên phước điền*” (nhận đời mạt cúng dường, làm ruộng phước cho trời người).

Vị tôn giả này sống lâu trong thế gian. Chúng ta muốn cúng dường Tam Bảo, cũng học đòi cổ nhân làm đại hội Vô Già một lần. Vô Già đại hội là thuật ngữ chuyên dụng trong Phật học, tức là bình đẳng cúng dường cho người xuất gia, hay “*trai tăng*”. Nhà Phật thường nói Thiên Tăng Trai (cúng trai tăng một ngàn vị), ngày nay chúng ta mời một ngàn vị xuất gia đến ăn cơm, cúng dường cơm chay, vật cúng dường hoàn toàn bình đẳng, đó là Vô Già đại hội. Nhất định có thánh hiền tăng đến thọ cúng (nhận cúng dường), người cúng cơm có phước, thực sự gieo phước điền. Tôn giả Tân Đầu Lô thường đến ứng cúng, ở đâu có người tu phước, Ngài bèn đến ứng cúng. Ngài dùng thân biến hóa mà

đến, quý vị nhìn không ra đâu, chẳng khác gì người xuất gia thông thường. Trai chủ cúng cơm trong tâm thành kính, thành kính là Cầm, tôn giả bèn Ứng, cảm ứng đạo giao. Nếu cúng Trai Tăng chẳng có thành ý, Ngài chẳng đến, phải có thành ý! Tu phước, ta cúng Trai Tăng là vì cầu phước báo, cầu trí huệ, mong cầu chư Phật, Bồ Tát âm thầm gia trì. Vị thứ mười ba là:

Ca Lưu Đà Di.

迦留陀夷。

“*Giáo hóa bậc nhất*”, nay ta gọi Ngài là nhà giáo dục. Ca Lưu Đà Di (Kaludayin) dịch là Hắc Quang. Ngài còn là sứ giả của Thích Ca Mâu Ni Phật, có trí huệ, có phương tiện thiện xảo, đầy đủ những điều kiện ấy mới có năng lực giáo hóa chúng sanh. Giáo hóa chúng sanh quan trọng nhất là lấy thân mình làm gương, ngôn hạnh, oai nghi thấy đều có thể cảm hóa chúng sanh. Công tác quan trọng nhất của đệ tử nhà Phật là gì? Cũng có rất nhiều người đã từng nghe nói qua! Chính là lấy hoằng pháp làm gia vụ, sự việc lớn nhất trong nhà Phật là giáo hóa chúng sanh. Thích Ca Mâu Ni Phật làm gương cho chúng ta, giảng kinh hơn ba trăm hội, hoằng pháp bốn mươi chín năm, làm cho chúng ta thấy. Lúc nào mới ra giảng kinh? Trước hết phải tu đức hạnh, lại phải thành tựu học vấn. Cổ nhân Trung Quốc thường nói là “*phẩm học kiêm ưu*” (đạo đức lẫn học vấn đều cao), Phẩm (品) là đức hạnh, vừa có đạo đức vừa có học vấn thì mới có thể tự hành dạy người. Tôn giả nêu tấm gương tốt cho chúng ta. Tiếp đó là vị thứ mười bốn:

Ma Ha Kiếp Tân Na.

摩訶劫賓那。

Danh hiệu vị này dịch nghĩa sang tiếng Hán là Phòng Tú (sao Phòng)²⁹ hay Tinh Tú. Tôn giả Ma Ha Kiếp Tân Na (Mahākapphina) là

²⁹ Sao Phòng (Phòng Tú, gọi đầy đủ là Phòng Nhật Thố) là một trong Nhị Thập Bát Tú. Nhị Thập Bát Tú không phải là 28 ngôi sao riêng lẻ mà là hai mươi tám chòm sao (tinh cung) theo Chiêm Tinh Học Trung Hoa. Người Hán chia bầu trời thành bốn khu vực, gọi là Thanh Long (phương Đông), Huyền Vũ (phương Bắc), Bạch Hổ (phương Tây), và Châu Tước (phương Nam). Trong mỗi khu, lại chia thành 7 tinh cung. Do vậy, có khái niệm Nhị Thập Bát Tú. Phòng Tú là tinh cung thứ tư trong bảy

bậc “*tri tinh tú đệ nhất*”, nói như bây giờ Ngài là nhà thiên văn học, cũng là một loại khoa học gia.

Bạc Câu La.

薄拘羅。

Tôn giả Bạc Câu La (Vakkula), Bạc Câu La dịch nghĩa sang tiếng Hán là Thiện Dung. Thiện Dung là tướng mạo đẹp đẽ, tướng mạo Ngài tốt đẹp phi thường, vẻ mặt khiến người thoát trông thấy liền sanh tâm vui thích, “*thọ mạng đệ nhất*”, nhân lành, quả lành. Trong kinh luận Đại Thừa, Tiểu Thừa Phật giáo thường dạy chúng ta: Sở cầu của hết thảy chúng sanh đều nhiều, nhưng quy nạp lại thì không ngoài ba loại lớn, thứ nhất là giàu có, thứ hai là thông minh trí huệ, thứ ba là mạnh khỏe sống lâu. Quý vị nghĩ xem có ai không mong cầu ba thứ này? Ba thứ này đều là quả báo. Quả ắt có nhân, nhân quả phải tương ứng. Ngạn ngữ thường nói: “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*” (Trong nhà Phật, có cầu ắt ứng). Chúng ta hãy nghĩ xem trong nhà Phật, vì sao có cầu ắt ứng? Cầu chỗ khác không được, cầu trong nhà Phật bèn được. Vì sao? Phật biết nhân quả, nhân như thế nào, được quả như thế đó, đức Phật hiểu rõ.

Nói chung, nhân là tu Bồ Thái. Đức Phật dạy con người phước huệ song tu. Trong phước huệ song tu, đặt phước lên đầu. Nhà Phật thường nói: “*Tu Huệ bất tu Phước, La Hán thác không bát*” (Tu Huệ chẳng tu Phước, La Hán ôm bát rỗng). Anh tu Huệ, chứng đắc quả A La Hán, nhưng chẳng tu Phước, đi khát thực chẳng được ai cúng dường, ngày ngày đói meo. Trái lại là “*tu Phước bất tu Huệ, đại tượng quải anh lạc*” (tu Phước chẳng tu Huệ, voi to đeo anh lạc). Phước báo rất lớn, nhưng chẳng có trí huệ, đời sau đọa trong đường súc sanh, đầu thai làm thân voi lớn. Con voi lớn ấy có phước báo, được vua nuôi. Quốc vương muốn ra ngoài, cưỡi con voi lớn đó, khắp thân voi phủ đầy anh lạc, châu báu, châu tủa ánh sáng chói lòa, có phước nhưng không trí huệ! Bởi thế, đức Phật dạy nếu ai phước huệ song tu thì quả báo của quý vị sẽ vừa có trí huệ vừa có phước báo. Nếu cả hai thứ đều chẳng tu, người ấy tất nhiên đời đời kiếp kiếp bần cùng, hạ tiện. Chúng ta phải tin tưởng lời Phật, lời

tinh cung thuộc phương Đông, được coi là “bụng rỗng” vì nằm chính giữa vị trí Thanh Long. Chòm sao này được gọi tên theo ngôi sao chánh là sao Phòng (Phòng tinh). Phòng Tú Tinh Cung gồm bảy ngôi sao là Phòng, Câu Linh, Kiện Bê, Phạt, Đông Hàm, Tây Hàm, Nhật Tinh và Tùng Cung.

Ngài trọng yếu hơn bất cứ gì khác.

Hiện nay rất nhiều trường Đại Học, viện nghiên cứu đang nghiên cứu, khám phá cách làm giàu. Chúng tôi trông thấy cảm khái vạn phần, quan sát cận kề coi họ dạy, họ học những gì? Toàn là đồ công sức nơi duyên, chẳng có nhân! Ví như quản lý công thương, mọi kỹ thuật cho đến các mối quan hệ, họ căn cứ theo số liệu thống kê. Trên thế giới có bao nhiêu đại tài chủ, họ khởi đầu từ đâu? Kinh doanh như thế nào? Làm sao kiếm được nhiều tiền như thế? Nghiên cứu những thứ đó, muốn học đòi, muốn bắt chước theo. Chuyên gia, giáo sư giảng rành rẽ từng điều, nhưng chúng ta đứng bên cạnh nghe ngóng, bản thân họ chẳng phát tài, thậm chí cuộc sống của họ còn khá khó khăn. Cả đời dạy trong trường Đại Học, lúc về hưu (dạy khá thì được phong danh hiệu Giáo Sư), được các công ty mời mọc làm cố vấn, chẳng làm tài chủ! Anh hiểu được con đường làm giàu như thế, sao anh không phát tài? Bởi thế, chúng ta đứng ngoài thấy rất rõ, những điều họ học, họ dạy toàn là duyên, chẳng có nhân gì cả!

Giống như thế nào? Giống như chúng ta canh tác, trồng trọt. Đối với kỹ thuật trồng trọt, có thể nói là họ nghiên cứu rất kỹ, phân tích đất đai, thành phần nước, phân bón, khí hậu, ánh nắng, không khí, với những điều ấy họ đều nghiên cứu rất kỹ lưỡng, khuyết điểm của họ là gì? Họ không có hạt giống. Là những chuyên gia, nhưng không có hạt giống thì không trồng được gì hết! Hạt giống là gì? Trong mạng của quý vị phải có của cải. Trong mạng của quý vị chẳng có của cải, dù kỹ thuật, phương pháp hay đến đâu đi nữa, cũng chẳng thể phát tài! Trong mạng thực sự có của, chẳng cần hiểu phương pháp gì, bất luận làm cách nào, tài nguyên vẫn cuộn cuộn đổ tới.

Sự thật ấy chỉ có đức Phật biết rõ, đức Phật nói rất minh bạch. Trong mạng của quý vị có tiền của, trong bói toán gọi trường hợp này là “tài khó” (kho của cải), của cải ấy từ đâu mà có? Do bố thí mà có! Trong quá khứ, quý vị tu Tài Bố Thí rất nhiều, nên “tài khó” trong mạng quý vị phong phú, rất lớn. Bất luận làm nghề gì cũng đều phát tài. Trong quá khứ tiếc của, chẳng chịu bố thí, trong đời này kho dự trữ trống rỗng, học nghề khéo gì vẫn chẳng thể phát tài. Tối đa là học xong khóa học, tốt nghiệp rồi bèn vào công ty giúp người ta kiếm tiền, làm nhân viên cho người ta, chính mình chẳng phải là ông chủ!

Thông minh trí huệ do bố thí pháp, khỏe mạnh sống lâu do bố thí vô úy. Tôn giả Bạc Câu La thọ mạng bậc nhất, chúng ta thấy như vậy, biết là trong quá khứ, tôn giả đời đời kiếp kiếp bố thí vô úy rất nhiều.

Ngài là thiện nhân, đại từ, đại bi, cứu khổ, cứu nạn, trông thấy hết thấy chúng sanh mắc phải tai nạn, Ngài vui vẻ ra tay giúp đỡ, do vậy, được quả báo trường thọ. Vị cuối cùng là:

A Nậu Lô Đà.

阿耨樓駄。

Danh hiệu này dịch thành Vô Bần, đây cũng là hiển thị nhân quả. A Nậu Lô Đà (Aniruddha) cũng là trong đời kiếp quá khứ lâu xa về trước, từng bố thí cúng dường một vị Bích Chi Phật. Bích Chi Phật đi khát thực, Ngài cung kính cúng dường. Ngài được phước báo dài nhiều kiếp (chẳng thể tính số năm, phải dùng số kiếp để tính). Bao kiếp chẳng chịu quả báo bần cùng. Duyên phận tốt đẹp, gặp Bích Chi Phật, tự mình có thể cung kính cúng dường, được phước báo ấy. Ngài cũng là em họ của Thích Ca Mâu Ni Phật, lúc nghe kinh pháp thường ngủ gật, tinh thần chẳng tỉnh táo, bị Thích Ca Mâu Ni Phật quở trách. Đức Phật mắng Ngài giống như loài ốc, loài nghêu, ngủ một giấc là ngủ cả ngàn năm, chẳng nghe được danh hiệu Phật.

Ngài A Nậu Lô Đà rất buồn bực, sau khi bị Phật quở, thật dừng mãnh, tinh tấn, suốt bảy ngày bảy đêm không ngủ, bị mù mắt vì dụng công quá độ. Thích Ca Mâu Ni Phật thương xót, dạy Ngài tu một pháp môn, Ngài tu thành công. Tu thành công rồi, mở được Thiên Nhãn, trong Tăng đoàn được xưng là “*bán đầu thiên nhãn*”. Ngài nhìn chẳng cần trông mắt, nửa đầu đều là mắt, đều thấy được, thấy phía trên, thấy khắp bốn phía, thấy cả đằng sau, “*bán đầu thiên nhãn*” đấy! Trong các vị A La Hán, Ngài là bậc “*thiên nhãn đệ nhất, phước đức khôn học*” (thiên nhãn bậc nhất, phước đức, nhọc nhằn học hành).

Trong kinh Phật dạy chúng ta, Thiên Nhãn của Tiểu Thừa A La Hán thấy được một tiểu thiên thể giới, thông thường, mọi A La Hán có thể thấy được một tiểu thiên thể giới. Tiểu thiên thể giới bao lớn? Nếu nói như cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, chúng ta biết một thể giới là một Ngân Hà Hệ (Milky Way, Galaxy). A La Hán thấy được một ngàn Ngân Hà Hệ chẳng cần dùng đến máy móc. Tất cả hết thấy tinh cầu trong một ngàn Ngân Hà Hệ đó, muôn hình muôn sắc, Ngài đều thấy rõ ràng, rành mạch; nhưng thiên nhãn do ngài A Nậu Lô Đà tu thành có năng lực thù thắng, thấy được một đại thiên thể giới, tức là một tam thiên đại thiên thể giới. Thế giới Sa Bà này của đức Thích Ca Mâu Ni Phật đối với Ngài

cũng chẳng có vấn đề, toàn thể thế giới Sa Bà, trên đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Thiên, dưới đến A Tỳ địa ngục, Ngài đều thấy rất rõ, đều hiểu rõ, “*thiên nhãn đệ nhất*” mà!

Sau đó, chúng ta tổng kết phần nói về những vị ấy, từ ngữ “*thử đẳng đại chúng*” (các đại chúng này) chỉ tất cả những vị thường tùy của đức Thế Tôn, gồm một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, “*bốn thị Pháp Thân đại sĩ*” (vốn là Pháp Thân đại sĩ). Trong phần trên chúng tôi đã nói, những vị ấy là “*đại A La Hán, chúng sở tri thức*” (đại A La Hán, được mọi người hay biết). Đại A La Hán là tôn hiệu của Pháp Vân Địa Bồ Tát, chẳng phải là danh hiệu của người tầm thường. Thất Địa Bồ Tát, Bát Địa Bồ Tát, Cửu Địa Bồ Tát đều chẳng thể xưng [là Đại A La Hán]. Pháp Vân Địa Bồ Tát là Pháp Thân đại sĩ! Huống hồ trong số đó, lại có không ít vị là cổ Phật tái lai, “*tác thị Thanh Văn*” (thị hiện làm Thanh Văn), họ đến nơi này để thị hiện, chẳng thực sự là Tiểu Thừa A La Hán, Thanh Văn là Tiểu Thừa!

Giống như diễn tuồng trên sân khấu, Ngài được phân công diễn vai Tiểu Thừa A La Hán, chứ trên thực tế đã sớm thành Phật. Nay trên sân khấu đóng vai Tiểu Thừa A La Hán, hoặc là quốc vương, đại thần, hoặc là trưởng giả, cư sĩ; thế gian này là một sân khấu lớn. Diễn xuất nhằm mục đích “*chứng thử bất tư nghị pháp*”, tức là chứng minh [pháp chẳng thể nghĩ bàn này] cho đại chúng! Trong câu “*thử bất tư nghị pháp*”, chữ “*thử*” chỉ kinh A Di Đà. Kinh A Di Đà thực sự là pháp môn chẳng thể nghĩ bàn, chỉ dạy hết thấy chúng sanh đời nghiệp vãng sanh, thân cận Phật Di Đà, viên thành Phật đạo trong một đời, chẳng cần đợi đến kiếp sau, một đời bèn viên mãn, mà cũng chẳng cần phải nói ba đại A-tăng-kỳ kiếp, vô lượng kiếp gì cả, không cần đến! Một đời thành tựu, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới vô lượng thọ.

Đến thế giới Cực Lạc thành Phật, thành một vị Phật viên mãn rốt ráo, chẳng cần phải mất một thời gian rất dài. Kinh Quán Vô Lượng Thọ cho biết: Vãng sanh Hạ Hạ Phẩm trong Phàm Thánh Đồng Cư Độ, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới chứng đắc quả Phật viên mãn cũng chỉ mất mười hai kiếp thôi! Quý vị hãy nghĩ nhé! So với ba A-tăng-kỳ kiếp, vô lượng A-tăng-kỳ kiếp thì mười hai kiếp chẳng phải là quá ngắn hay sao? Mà đó là gì vậy? Vãng sanh Hạ Hạ Phẩm đấy nhé! Nếu Thượng Thượng Phẩm vãng sanh trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ, vừa về đó bèn “*hoa khai kiến Phật, ngộ Vô Sanh*”, lập tức thành tựu, trở thành Vô Sanh Nhãn Bồ Tát. Vô Sanh Nhãn Bồ Tát là Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa, thực sự chứng đắc! Trước khi chứng đắc thì sao? Khi chưa chứng đắc thì

thọ dụng, thần thông, đạo lực của quý vị cũng chẳng kém Thất Địa, Bát Địa Bồ Tát cho mấy. Khi đức Phật giới thiệu cùng chúng ta bốn mươi tám nguyên của A Di Đà Phật đã nói: “*Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát*”. A Duy Việt Trí Bồ Tát là Thất Địa Bồ Tát, từ Thất Địa trở lên; bởi thế, pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn! Các vị ấy đến chứng minh cho Thích Ca Mâu Ni Phật, những gì Phật dạy họ đều thị hiện, đều biến thành sự thật.

“*Tùng Phật chuyển luân, quảng lợi nhân thiên*” (theo đức Phật chuyển pháp luân, lợi ích rộng khắp trời người). “*Chuyển luân*” là giáo hóa chúng sanh, giúp đức Phật thực hiện công tác giáo dục trong xã hội đa nguyên văn hóa. “*Quảng lợi*” là lợi ích rộng lớn, bố thí, cúng dường đại chúng trời người. Chúng ta tu bố thí, cúng dường thì chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát cũng tu bố thí cúng dường tại đây. Phước trí như biển trọn khắp pháp giới, hư không giới. Trong kinh nói “*quảng lợi nhân thiên*”, tức là đem pháp môn Trì Danh Niệm Phật này giới thiệu cùng đại chúng trời người. Người thiện căn chín muồi sẽ thành tựu trong một đời này. Họ hiểu rõ, họ giác ngộ, buông xuống vạn duyên, nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật.

“*Kim văn Tịnh Độ nhiếp thọ công đức*” (nay nghe công đức nhiếp thọ của Tịnh Độ), nghĩa là đối với bộ kinh này, “*tín thọ phụng hành, thật nãi dĩ thân tác tặc, khuyến ngô nhân thâm tín mạc nghi dã*” (tin nhận phụng hành, thực sự lấy bản thân làm gương, khuyên chúng ta tin tưởng sâu xa, đừng nghi ngờ). Ở đây, mười sáu vị tôn giả khuyên dạy chúng ta, vì đại chúng thực nghiệm. Chớ cậy mình rất thông minh, ta chẳng cần phải học pháp môn này, ta có thể học pháp môn khác cao sâu hơn pháp môn này. Quý vị có thông minh, trí huệ bằng ngài Xá Lợi Phất hay không? Thần thông, năng lực có sánh bằng ngài Mục Kiền Liên hay không? Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên đều chắc thật niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, quý vị hãy suy nghĩ kỹ đi!

Nếu quý vị nói tôi không có thiện căn, tôi tội nghiệp sâu nặng, tôi chẳng có năng lực, hãy xem ngài Châu Lợi Bàn Đà Già, so với Ngài thì sao? Ta thấy ngài Châu Lợi Bàn Đà Già đâu được như mình, thế mà ngài Châu Lợi Bàn Đà Già niệm A Di Đà Phật bèn thành công; sao quý vị chẳng thể tu được? Mười sáu vị tôn giả, ai nấy đều có sở trường, giáo hóa các căn tánh bất đồng trong thế gian này, nêu gương mẫu rất khéo cho mọi người. Chỉ cần quý vị tin được, tiếp nhận được, y giáo phụng hành, chẳng có ai không thành công! Pháp môn này gọi là “*vạn người tu, vạn người đến*”, chẳng sót một ai hết!

Hiện tại, vì sao niệm Phật chẳng dễ dàng như vậy? Giống như thầy Lý thường hay nói: “*Một vạn người niệm Phật, thực sự vãng sanh cũng chẳng qua hai ba người mà thôi!*” Do nguyên nhân nào? Hai ba người đó tin nhận phụng hành, còn những người niệm Phật kia, hơn chín ngàn chín trăm chín mươi bảy người kia, chẳng chịu tin nhận phụng hành! Họ chỉ niệm Phật “miệng có, tâm không”, không buông xuống phiền não tập khí thế gian, đối với danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần thế gian vẫn tham ái, vẫn lưu luyến, vậy thì không có cách chi hết! Trong Phật pháp thường nói “*Phật chẳng thể độ kẻ vô duyên*”, bọn họ là người vô duyên, vậy thì không có cách chi hết! Thực sự tin tưởng, thực sự tiếp nhận, thực sự phụng hành, buông xuống vạn duyên, buông thân tâm thế giới xuống, nhất tâm nhất ý chuyên cầu Tịnh Độ, chẳng một ai không được vãng sanh!

A! Nay đã hết giờ rồi!

Tập 08

6.2.1.6.4. Giảng Rõ về Bồ Tát Chúng

Chư vị đồng học!

Xin xem Hệ Niệm Pháp Sư, phần Bồ Tát chúng trong Tự Phần của A Di Đà Kinh:

Tịnh chư Bồ Tát Ma Ha Tát, Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Dật Đa Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, dữ như thị đẳng chư đại Bồ Tát.

并諸菩薩摩訶薩。文殊師利法王子。阿逸多菩薩。乾陀訶提菩薩。常精進菩薩。與如是等諸大菩薩。

(Và các vị Bồ Tát Ma Ha Tát: Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Dật Đa Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, và các vị đại Bồ Tát như thế).

6.2.1.6.4.1. Quảng Thích Bồ Tát Chúng

Đoạn này là Bồ Tát chúng. Trong phần trên đã giới thiệu chúng Thanh Văn gồm mười sáu vị đại A La Hán, chủ yếu là tượng trưng cho Tín. Bồ Tát chúng chỉ nêu bốn vị: Văn Thù và Di Lặc là khuyên nên

nguyện, Càn Đà Ha Đề và Thường Tinh Tấn là khuyên nên hành, cùng với mười sáu vị tôn giả ở phần trên là khuyên nên tin. “Tín, Hạnh, Nguyện” là ba điều kiện trọng yếu nhất của việc niệm Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ba điều kiện ấy thiếu một chẳng được, nhất định phải có đủ. Bởi thế, toàn bộ kinh, bất luận Tự Phần, Chánh Tông Phần hay Lưu Thông Phần, chúng ta đều thấy khuyên tin, khuyên nguyện, khuyên hành. Tuy kinh văn không dài, nhưng kết cấu chương pháp, hệ thống tư tưởng hết sức tinh vi, thâm mật, viên mãn, trọn đủ, chúng ta phải tích cực học tập kinh này.

Bồ Tát tiếng Phạn là Bồ Đề Tát Đỏa (Bodhisattva), người Trung Quốc thích nói gọn, chữ Bồ Đề tỉnh lược âm cuối, chữ Tát Đỏa cũng tỉnh lược âm cuối, nên ta gọi Bồ Đề Tát Đỏa là Bồ Tát. Ma Ha Tát (Mahasattva) là Đại Bồ Tát, Ma Ha là Đại, vị Bồ Tát lớn trong chúng Bồ Tát. Chữ Đại Bồ Tát thường chỉ bậc Bồ Tát địa thượng, tức mười một địa vị từ Sơ Địa cho đến Đẳng Giác được gọi là Đại Bồ Tát, hay gọi là Ma Ha Tát. Trước đó, có ba mươi địa vị, nếu thêm Tín Vị vào thành ra bốn mươi địa vị, tức Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng; bốn mươi địa vị này đều xưng là Bồ Tát. Bồ Tát Ma Ha Tát bao gồm các địa vị từ Sơ Tín cho đến Đẳng Giác Bồ Tát.

Tiếng Phạn Bồ Đề Tát Đỏa, lúc dịch sang tiếng Hán thì thời cổ dịch là Đại Đạo Tâm Chúng Sanh. Ngẫu Ích đại sư khi chú giải vẫn theo lối cổ dịch nên viết “*đại đạo tâm thành tựu hữu tình*”. Bồ Tát vẫn là hữu tình, chẳng giống như Phật, Phật hoàn toàn biến tình thành trí huệ. Trước kia, lúc tôi mới học Phật, tôi còn nhớ đã từng thỉnh giáo Chương Gia đại sư: “Bồ Tát khác với Phật như thế nào?” Chương Gia đại sư dạy tôi một tỷ dụ: Lúc đó, trong khách sảnh có treo một cái đồng hồ, vẫn phải lên dây thiêu, chưa dùng điện, vẫn phải vặn dây thiêu. Chúng ta đều biết – đây là kiến thức thông thường – dây thiêu là một sợi dây thép cuộn lại, có tính đàn hồi, cuộn chặt nó lại, nó sẽ dần dần bung ra, sức bung ấy sẽ thúc đẩy đồng hồ chạy. Lúc nó bung ra hết, nó vẫn cuộn lại, chẳng hoàn toàn thẳng đơ. Chương Gia đại sư dùng chuyện đó làm tỷ dụ, Bồ Tát như sợi dây thiêu, dù đã bung ra hết, nhưng vẫn còn một chút cuộn lại, chẳng phải là bằng phẳng hết. Dây thiêu của Phật đã tháo bung ra hết, thẳng đơ rồi, Ngài đem tỷ dụ ấy nói với tôi, ngụ ý: Bồ Tát chưa một trăm phần trăm biến tình thành trí huệ.

Ví như Đẳng Giác Bồ Tát, chín mươi chín phần là Trí, vẫn còn một phần là Tình. Nhìn đâu cũng dường như đã bình rồi, nhưng nhìn kỹ vẫn còn một chút Tình, chẳng như Như Lai đã một trăm phần trăm

chuyển Thức thành Trí. Bởi thế, Trí và Tình là cùng một chuyện, chẳng phải hai; lúc giác thì gọi là Trí, lúc mê thì gọi là Tình. Tình là mê tình, Trí là giác trí. Đẳng Giác Bồ Tát còn một phẩm sanh tướng vô minh tối hậu còn chưa phá, đó vẫn là Tình. Phải phá sạch một phẩm vô minh ấy thì trí huệ mới rốt ráo viên mãn.

Bởi thế, chữ Bồ Tát được dịch là “*đại đạo tâm thành tựu hữu tình*”. Sau này, ngài Huyền Trang chẳng dùng chữ “*đại đạo tâm*” để dịch, Ngài dịch là Giác Hữu Tình. Nếu gộp cả hai lối tân dịch và cựu dịch lại để hiểu, ý nghĩa càng sáng tỏ. Thế nào là đại đạo tâm? Giác ngộ là đại đạo tâm. Giác tâm là đại đạo tâm, giác chứ không mê. Huyền Trang đại sư dịch Bồ Đề Tát Đỏa thành “*chúng sanh hữu tình giác ngộ*”, thời cổ dịch là “*đại đạo tâm thành tựu hữu tình*”, hợp hai cách nói này lại, chúng ta càng hiểu rõ ý nghĩa.

Bồ Tát địa vị càng cao, trí huệ càng lớn, tình chấp càng ít. Phạm phu hoàn toàn bất giác. Phạm phu có giác ngộ, thông minh, có trí huệ, thì trong Phật pháp gọi cái giác ấy là “*Tương Tự Giác*”, tức chẳng phải Chân Giác, chẳng phải là Chánh Giác. Tiêu chuẩn của Chánh Giác là gì? Đoạn sạch Kiến Tư phiền não thì mới gọi là Chánh Giác, bởi thế, đối với lục đạo phạm phu chưa đoạn Kiến Tư phiền não, nếu dùng kinh Kim Cang để nói, dùng tiêu chuẩn đó để nói thì lục đạo chúng sanh có “*ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng*”. Chỉ cần có đủ bốn tướng ấy thì chưa giác. Dù rất thông minh, rất có trí huệ, trong nhà Phật chỉ gọi là Tương Tự Giác, chẳng phải là Chánh Giác, chỉ hơi giống thôi.

Chánh Giác nếu phá được bốn tướng, phá Tứ Kiến rồi, tâm địa người ấy chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, không có ngã tướng, không có nhân tướng, không có chúng sanh tướng, không có thọ giả tướng, thì mới gọi là Bồ Tát. Vì sao chẳng thể gọi lục đạo chúng sanh là Chánh Giác? Chỉ vì lục đạo chúng sanh có Ngã, có Ngã tức là có tư niệm, [tức là] có lòng mong lợi ích riêng tư. Nói cách khác, khởi tâm động niệm có vấn đề, nghĩ đến “*lợi ích của riêng mình*”, chỉ bận lòng đến lợi ích của chính mình, chẳng đoái hoài lợi ích của người khác; bởi thế, khởi tâm động niệm đều là “*tồn người, lợi mình*”.

Nói thật ra, người tốt hay kẻ xấu đều chỉ là mức độ khác biệt. Người tốt là ý niệm và hành vi “*tồn người, lợi mình*” nhẹ một chút, ít một chút; kẻ bất thiện thì ý niệm “*tồn người, lợi mình*” rất nặng, gây thành nhiều việc! Sai khác ở chỗ này! Chẳng giống như Bồ Tát, Bồ Tát hoàn toàn chẳng tự tư, tự lợi; Ngài vào trong thế gian này để làm gì?

Vào trong thế gian này để độ chúng sanh. Thế nào là độ chúng sanh? Giúp cho hết thấy chúng sanh giác ngộ. Giúp hết thấy chúng sanh giác ngộ mà nếu còn có chút tự tư, tự lợi, làm sao giúp chúng sanh giác ngộ cho được? Phải hiểu đạo lý ấy! Thế gian và xuất thế gian khác biệt ở chỗ này, một niệm khác biệt vậy.

Thế nào là xuất thế gian? [Những người] vô tư, vô ngã, vì hết thấy chúng sanh phục vụ, chẳng cần biết anh mang thân phận gì, già, trẻ, nam, nữ, nghề nghiệp ra sao, đều là Bồ Tát. Nếu vẫn còn có một ý niệm tự tư tự lợi, vẫn có một niệm vị kỷ, dù quý vị có ở trong chùa miếu, có sống trong núi thẳm, sống trong một ngôi chùa quý báu (bảo sát), quý vị vẫn là thế gian, chẳng phải xuất thế gian. Chúng ta phải hiểu đạo lý này! So với Thanh Văn ở trên, Bồ Tát cao hơn nhiều lắm! Thanh Văn là “tướng” xuất thế gian, “tâm” chẳng thấy xuất thế gian. Quý vị thấy rất nhiều người xuất gia (cổ nhân thường gọi là “*cổ tròn tay thụng*”). Nay dùng chữ “*cổ tròn tay thụng*” để chỉ người xuất gia), “*thân xuất, chứ tâm không xuất*”. Trong tâm vẫn là nhân ngã thị phi, vẫn là tham - sân - si - mạn, niệm niệm quan tâm lợi ích của chính mình, “tâm” chẳng hề xuất! Thân tợ hồ là người xuất gia, nhưng tâm chẳng xuất.

Quá nửa Bồ Tát thị hiện tại gia, đây là “*tâm xuất, thân chẳng xuất*”, cao hơn Thanh Văn nhiều! Thấy họ là hạng tại gia, có vợ con, họ có công ăn việc làm, cuộc sống chẳng khác gì người thế gian cả. Họ không có ngã tướng, không có nhân tướng, không có chúng sanh tướng, không có thọ giả tướng, họ chẳng tự tư, tự lợi. Họ buôn bán, họ là thương nhân, họ là thương nhân Bồ Tát. Họ là công nhân, họ là công nhân Bồ Tát. Nếu họ làm công chức, làm quan, làm quan lớn thì họ là tể quan Bồ Tát. Bất luận làm nghề gì, đều là Bồ Tát hết!

Bởi thế, quý vị thấy ở Trung Quốc tạo tượng Bồ Tát, nổi tiếng nhất là bốn vị Bồ Tát ở bốn đại danh sơn. Quý vị xem kỹ tượng bốn vị Bồ Tát, chỉ có Địa Tạng Vương Bồ Tát thị hiện tướng xuất gia, Quán Âm Bồ Tát là tướng tại gia, Văn Thù Bồ Tát cũng là tướng tại gia, Phổ Hiền Bồ Tát cũng là tướng tại gia luôn. Ấn Độ tạo tượng Bồ Tát Di Lặc cũng là tướng tại gia. Người Trung Quốc tạo tượng Di Lặc Bồ Tát theo hình dạng của hòa thượng Bồ Đại, là tướng xuất gia. Vì sao tạo tượng hòa thượng Bồ Đại? Hòa thượng Bồ Đại là người thời Nam Tống, cùng một thời đại với Nhạc Phi. Ngài xuất hiện trong vùng Phụng Hóa, tỉnh Chiết Giang, là một người xuất gia, chẳng ai biết tên Ngài là gì. Mỗi ngày, Ngài quảy một cái túi vải lớn, người khác cúng dường đều bỏ vào trong túi. Bởi thế, mọi người gọi Ngài là Bồ Đại hòa thượng, bèn thành

tên hòa thượng Bồ Đại. Nhắc đến hòa thượng Bồ Đại ai nấy đều biết.

Hằng ngày du hóa bên ngoài, có ai hỏi về Phật pháp, Ngài cười hi hi, buông cái túi xuống đất, bỏ thông hai tay. Quý vị hỏi Ngài thế nào là Phật pháp? Ngài làm như vậy cho quý vị thấy: "*Buông xuống!*" Phật pháp là buông xuống. Buông xuống rồi làm sao? Quảy túi vải lên, khoác trên vai bỏ đi. Ngài dạy quý vị điều gì? Trước hết, Phật pháp dạy quý vị buông xuống, buông xuống hết thấy, buông xuống xong rồi bèn giúp đỡ hết thấy chúng sanh, quý vị phải khởi lên ý niệm đó. Bởi thế mới nói buông xuống được, đưa lên được, đó là Bồ Tát. Một câu chẳng nói, ý nghĩa rất sâu, mọi vấn đề của quý vị đều được giải quyết hết!

Lúc Ngài vắng sanh, Ngài chẳng sanh bệnh, nói đi là đi; bảo với mọi người ta là Di Lặc Bồ Tát phát tâm tái lai, nói xong là đi. Ngài chẳng dối người. Lúc lâm chung, đem bản lai diện mục của chính mình nói ra; bởi thế, sau này, người Hoa hể tạo tượng Di Lặc Bồ Tát bèn tạo giống hình tượng hòa thượng Bồ Đại, duyên do là như vậy. Các địa phương, quốc gia khác trên toàn thế giới chẳng tạo tượng Di Lặc Bồ Tát giống như vậy. Tại Ung Hòa Cung³⁰ ở Bắc Kinh có thờ một tượng Di Lặc Bồ Tát rất cao. Lúc chúng tôi đến tham quan, [tăng sĩ ở Ung Hòa Cung kể] tượng Di Lặc Bồ Tát ấy đem từ Ấn Độ qua, tạc bằng cả một cây gỗ rất to lớn, đại khái cao chừng sáu bảy tầng lầu. Lúc chúng tôi ngắm tượng, vị phương trượng (họ gọi là Lạt-ma) bảo tôi tượng này chìm dưới đất tám thước nữa.

Bất luận Bồ Tát thị hiện tại gia hay xuất gia, nếu chú tâm quán sát, nhất định thấy rõ Ngài học Định lẫn Huệ đều bình đẳng, vận dụng cả Bi lẫn Trí, tự lợi, lợi tha. Tự lợi chính là lợi tha, chính mình thời thời khắc khắc, nơi nơi chốn chốn nêu gương tốt cho đại chúng trong xã hội, đó là "*đến trong thế gian này giáo hóa chúng sanh*". Bất luận dưới thân phận nào, đều theo đuổi công tác giáo dục, giáo dục xã hội, nay chúng ta gọi là giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa.

6.2.1.6.4.2. Nêu Tên Các Vị Thượng Thủ Trong Bồ Tát Chúng

³⁰ Ung Hòa Cung chính là một ngôi chùa theo truyền thống Phật giáo Tây Tạng rất lớn tại Bắc Kinh. Đây chính là vương phủ cũ của hoàng tử Dẫn Chân, tức hoàng thứ tư của vua Khang Hy. Dẫn Chân được phong tước Ung Hòa thân vương nên vương phủ được gọi là Ung Hòa vương phủ. Khi Dẫn Chân trở thành vua Ung Chánh đã biến nơi này thành hành cung, rồi ban cho Hoạt Phật Chương Gia Hồ Đồ Khắc Đồ cư ngụ. Ung Hòa Cung chính thức trở thành chùa Tây Tạng vào năm Càn Long thứ 9 (1744).

“*Văn Thù Sư Lợi*” (Mañjuśrī) gọi là Pháp Vương Tử, vì Phật là Pháp Vương, Bồ Tát kế thừa sự nghiệp của Như Lai, hoằng pháp lợi sanh, bởi thế gọi là Pháp Vương Tử. Văn Thù Sư Lợi là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán thì trong Bát Thập Hoa Nghiêm dịch là Diệu Đức, hoặc Diệu Cát Tường. Ở Trung Quốc, Ngũ Đài Sơn là đạo tràng của Văn Thù Bồ Tát; trong các vị Bồ Tát, Ngài biểu thị trí huệ đệ nhất, giống như Xá Lợi Phất đại diện cho trí huệ đệ nhất trong các vị Thanh Văn. Trong kinh, danh hiệu các vị Thượng Thủ nhằm biểu thị pháp, chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này! [Xá Lợi Phất và Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát] biểu thị bộ kinh này, pháp môn này và phương pháp lý luận tu học này là trí huệ đệ nhất. Trong chúng Thanh Văn lẫn chúng Bồ Tát đều kể tên bậc trí huệ đệ nhất ngay đầu tiên, dụng ý rất sâu sa.

Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư giảng: “*Phi dừng mãnh thật trí, bất năng chứng giải Tịnh Độ pháp môn*” (Chẳng phải là trí huệ dừng mãnh, chân thật, chẳng thể chứng hiểu pháp môn Tịnh Độ). Câu nói này rất hay, chẳng phải là trí huệ dừng mãnh, chân thật, sẽ chẳng thể thực sự chứng nhập, hiểu rõ pháp môn này; vì thế, phải lấy Văn Thù Bồ Tát để chứng minh. Trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy chính bản thân ngài Văn Thù Bồ Tát phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, nhằm hiển thị [pháp môn này] thực sự chẳng thể nghĩ bàn. Trong cuốn Nghiên Tập Báo Cáo, [chúng tôi đã nhận định] Văn Thù “*tượng trưng cho Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*”, pháp môn trong kinh A Di Đà này, tức là pháp môn Tịnh Độ chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Vị thứ hai là A Dật Đa Bồ Tát, “*A Dật Đa*” (Ajita) là Di Lặc Bồ Tát. Có người nói Di Lặc (Maitreya) là họ của Bồ Tát, A Dật Đa là tên. Cũng có người nói A Dật Đa là họ, Di Lặc là tên. Thật ra cái nào là tên, cái nào là họ không quan trọng, chúng ta chẳng cần phải phân biệt chấp trước. Ở Trung Quốc, chúng ta quen gọi Ngài là Di Lặc Bồ Tát; đương thời ở Ấn Độ thường gọi là A Dật Đa, gọi Ngài bằng danh hiệu ấy. A Dật Đa là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Vô Năng Thắng, ý nói Ngài từ bi không ai hơn được. Lòng từ bi của Ngài là từ bi chân thành, là từ bi thanh tịnh, là từ bi bình đẳng. Tâm từ bi quả thật trọn khắp pháp giới hư không giới; bởi thế, tại Trung Quốc Ngài còn được gọi là Từ Thị Bồ Tát, từ bi bậc nhất.

Đối với hình tượng Bồ Đại hòa thượng, cổ đức có mấy câu tán thán như sau: “*Sanh bình đẳng tâm, thành hỷ duyệt tướng*”. Hai câu này rất hay, hai câu này dạy chúng ta: Đối với hết thảy chúng sanh, chúng ta phải sanh tâm bình đẳng, đối với hết thảy chúng sanh phải hoan hỷ, “*hỷ*

duyệt tướng” nay gọi là tâm yêu thương, vui thích. Trong Đại Thừa Phật pháp thường nói từ bi, từ bi là hỷ ái; nhưng sự hỷ ái ấy chẳng phải là cảm tình. Vì thế, Phật pháp chẳng dùng chữ “*hỷ ái*” mà dùng chữ “*từ bi*”, sợ người đời thấy danh từ “*hỷ ái*” bèn hiểu lầm.

Lòng hỷ ái ấy chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, là trí huệ. Nhà Phật gọi lòng hỷ ái ấy là Từ Bi. Do đây biết rằng: Người thể gian hỷ ái chẳng chân thành toàn vẹn, chẳng đủ thanh tịnh, bình đẳng, trí huệ, chẳng có đủ những điều ấy. Bởi thế, lòng hỷ ái của họ chẳng vĩnh hằng, thường bị biến chuyển. Đối với hết thảy chúng sanh, Phật, Bồ Tát hỷ ái vĩnh hằng bất biến, nếu quý vị hỏi vì sao ư? Vì các Ngài không tự tư, không tự lợi, không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Lòng hỷ ái ấy xuất phát từ tự tánh, tương ứng với chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, trí huệ. Nói cách khác, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác được biến thành hiện thực. Nếu không có từ bi, làm sao gọi là “chân thành, thanh tịnh, bình đẳng giác” cho được? Điều trở thành danh từ trừu tượng hết! Từ “*sanh bình đẳng tâm, thành hỷ duyệt tướng*” trở thành hiện thực, phải hiểu điều này, phải nhận rõ điều này!

Ở đây, Bồ Tát thể hiện ý nghĩa rất sâu, ngài Di Lặc “*tượng trưng cho Nhất Sanh Bồ Xứ*”, điều này rất trọng yếu. Di Lặc Bồ Tát là vị Phật thứ năm trong thế giới Sa Bà của chúng ta, hiện tại Ngài là vị Phật hậu bổ của Thích Ca Mâu Ni Phật, trụ trong Đâu Suất nội viện. Trong những buổi giảng, chúng tôi cũng thường nhắc tới chuyện thành Phật; đầy đủ những điều kiện nào thì mới thành Phật? Tri túc! Người tri túc bèn thành Phật. Bởi thế, Bồ Xứ Bồ Tát cũng chẳng ở nơi nào khác, Ngài nhất định phải trụ tại Đâu Suất. Đâu Suất (Tushita) là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là “*Tri Túc*”. Đâu Suất thiên là Tri Túc thiên. Có tri túc mới có thể thành Phật; không tri túc, chẳng thể thành Phật! Người tri túc chẳng mong cầu, người không tri túc bèn tham cầu. Quý vị thấy Di Lặc Bồ Tát tượng trưng cho ý nghĩa này rất khéo! Ở đây, Di Lặc Bồ Tát tượng trưng cho pháp gì? Tượng trưng cho pháp môn này, người tu học pháp môn này giống như Bồ Xứ Bồ Tát, tuyệt quá! Thực sự là pháp khó tin, nhưng sự thật đúng như thế đó. Bởi lẽ, quý vị tu pháp môn này, một đời thành Phật, đó chẳng gọi là Bồ Xứ, thì gọi là gì đây?

Nay Di Lặc Bồ Tát đang ở trên trời Đâu Suất, tương lai sẽ hạ sanh trong thế gian này, thị hiện thành Phật. Chúng ta tu học pháp môn này vãng sanh thế giới Cực Lạc, theo học với A Di Đà Phật trong thế giới Cực Lạc, cũng là một đời viên mãn thành Phật, chẳng cần đợi đến đời thứ hai. Bởi thế, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy cho chúng ta biết Tây

Phương Cực Lạc thế giới, trong thế giới ấy, “*chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*” (các thượng thiện nhân cùng họp một chỗ), “*thượng thiện*” là Đẳng Giác Bồ Tát. Phàm những ai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ta đều có thể gọi họ là Đẳng Giác Bồ Tát. Trong tương lai, người ấy đến đâu để thành Phật? Chẳng phải ở thế giới Cực Lạc, mà là ở các nơi trong khắp pháp giới, hư không giới, chỗ nào có duyên bèn đến đó thành Phật. Vì thế, tổ sư đại đức thường chỉ dạy chúng ta hãy rộng kết pháp duyên, rất trọng yếu! Pháp duyên của quý vị thù thắng thì trong tương lai nơi để quý vị thành Phật sẽ rất nhiều! Vì sao? Kinh luận thường nói: “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”, quý vị muốn độ người hữu duyên thì quý vị phải rộng kết pháp duyên đối với hết thảy chúng sanh, không kết duyên chẳng được.

Dưới đây, lại mở ngoặc: “*Trung Quốc tạo tượng, biểu bình đẳng hỷ duyệt - Cực Lạc chi ý*” (Trung Quốc tạo tượng nhằm thể hiện sự bình đẳng, vui sướng, thể hiện ý nghĩa Cực Lạc). Tôi vừa mới thưa cùng quý vị, cô đức tán thán tượng ngài Di Lặc là “*sanh bình đẳng tâm, thành hỷ duyệt tướng*”, thành tựu tướng hỷ duyệt. Người tu Tịnh Độ chúng ta phải giống như Di Lặc Bồ Tát, bất luận ở đâu, bất luận gặp ai, đều chấp tay cười hì hì: “A Di Đà Phật”. Người tu Tịnh Độ ấy chẳng cần phải phân biệt người khác nói năng lành hay chẳng lành, đều chẳng ăn nhằm gì hết! Họ nói lời lành, ta A Di Đà Phật; họ nói lời chẳng lành, ta cũng A Di Đà Phật. Hết thảy thị phi, thiện ác đến chỗ ta thấy đều hóa thành A Di Đà Phật, đại từ đại bi!

Hết thảy pháp thế gian, xuất thế gian đều quy vào A Di Đà Phật, vạn pháp quy nhất, nhất quy Tịnh Độ. Nhà Thiền hỏi: “*Vạn pháp quy nhất, nhất quy hà xứ?*” (Vạn pháp quy nhất, cái nhất đó quy về đâu?) Chúng ta có câu trả lời: “*Vạn pháp quy nhất, nhất quy Tịnh Độ*”. Cái quy nhất ấy là quy vào một câu danh hiệu, danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn; chúng ta chấp trì danh hiệu, quy tâm Tịnh Độ.

Bởi thế, hai vị Bồ Tát này khuyên nên nguyện, khuyên chúng ta hãy phát nguyện, nhất định phải khẳng định, nhận biết pháp môn này là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Pháp môn này “*sanh bình đẳng tâm, thành hỷ duyệt tướng*”, là pháp môn Nhất Sanh Bồ Xứ, quý vị còn cầu ở đâu nữa? Bởi lẽ, [những ai] vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát! A Duy Việt Trí là chúng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái! Chúng ba thứ Bất Thoái là chúng đặc của Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giác, tuy họ chứng được, nhưng chưa viên mãn. Chúng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái là hạng Bồ Tát nào? Tổ sư đại đức bảo: Từ Thất

Địa trở lên, chẳng phải là hạng Bồ Tát bình thường, mà là Vô Sanh Nhân Bồ Tát, gọi là A Duy Việt Trí. Trong A Duy Việt Trí, cũng chia thành ba phẩm thượng, trung, hạ. Hạ phẩm là Thất Địa, trung phẩm là Bát Địa, thượng phẩm là Cửu Địa; trên nữa là Như Lai quả địa. Quý vị thấy pháp môn này thù thắng như vậy đó, chẳng cần phải trải qua nhiều A-tăng-kỳ kiếp, hay ba đại A-tăng-kỳ kiếp, chẳng cần! Một đời thành tựu, chẳng cần phải trải qua năm mươi một địa vị, không cần! Pháp môn này là pháp môn viên đốn, là pháp môn hy hữu khôn sánh!

Vị Bồ Tát thứ ba là Càn Đà Ha Đề. Càn Đà Ha Đề (Gandhahastin) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa Trung Quốc là Bất Hưu Túc (chẳng ngơi nghỉ), dũng mãnh tinh tấn.

Vị Bồ Tát thứ tư là Thường Tinh Tấn. Quý vị thấy “Bất Hưu Túc, Thường Tinh Tấn”, hai vị Bồ Tát này tượng trưng cho hạnh môn, khuyên hãy nên hành. “*Như Thiện Tài chi tham học, nhất sanh tu chứng Tịch Quang Tịnh Độ*” (như Thiện Tài đi tham học, trong một đời tu chứng Tịch Quang Tịnh Độ). Trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần, thị hiện cho chúng ta thấy [Ngài tu học] chẳng ngơi nghỉ, luôn tinh tấn. Thiện Tài nêu gương ấy cho ta thấy, một đời viên mãn thành tựu.

Bốn vị Bồ Tát này, Ngẫu Ích đại sư bảo ngài Văn Thù là cổ Phật tái lai, ai nấy đều biết điều này. Trong quá khứ, Ngài là thầy của bảy đức Phật. Nói cách khác, bảy người học trò của Ngài nay đã đều thành Phật, Ngài là thầy của bảy vị Phật. Nay Ngài đến đây vì chúng ta chứng minh: Pháp môn này trí huệ đệ nhất, thù thắng khôn sánh, Ngài có tư cách để chứng minh điều ấy cho chúng ta.

Di Lặc Bồ Tát là Đẳng Giác hậu bổ Phật; Bất Hưu Túc, Thường Tinh Tấn đều là các Bồ Tát thuộc địa vị cao, địa vị cao tức là Pháp Vân Địa hoặc Đẳng Giác, vì chúng ta thị hiện, khuyên lớn, chỉ bảo chúng ta: Pháp môn này chẳng dễ gì gặp được! Bài Khai Kinh Kệ có câu: “*Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ*” (Trăm ngàn vạn ức khó gặp gỡ). Đầu đời Thanh, cư sĩ Bành Tế Thanh viết: “*Vô lượng kiếp lai, hy hữu nan phùng chi nhất nhật*” (Ngày gặp được pháp môn Tịnh Độ là ngày hiếm có, khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay). Nay chúng ta gặp được, trong ngàn vạn kiếp hy hữu khó gặp, mà chúng ta gặp được; người ta thường nói quý vị rất hên! Gặp được rồi thì sao? Phải tin tưởng, phải phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, phải dũng mãnh, tinh tấn, chẳng thể phụ bạc một đời này, phải khéo niệm Phật! Phải biến việc này thành việc quan trọng bậc nhất trong cuộc đời này, làm sao thực hiện cho tốt? Phải nhớ lời Ấn Quang đại sư.

Ấn Quang đại sư xuất hiện trong thời cận đại, rất nhiều đồng học biết Ngài là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai. Trong thời đại hiện tại, đạo tràng như thế nào sẽ thích hợp nhất để tu hành, tu tập, bảo đảm quý vị vắng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới? Ngài dạy chúng ta nguyên tắc: Đạo tràng có quy mô nhỏ, người cùng tu chẳng quá hai mươi người. Đạo tràng nhỏ, ít người, dễ duy trì cuộc sống, chẳng cần hóa duyên, chẳng phải làm pháp hội, chẳng phải làm Phật sự siêu độ, cũng chẳng truyền giới, cũng chẳng giảng kinh, công khóa mỗi ngày đều giống như Phật thất, Phật thất suốt năm. Phật thất là bảy ngày, ở đây chúng tôi đề xướng mười Phật thất, tức là bảy mươi ngày, còn “thường niên Phật thất” tức là suốt cả năm đều giống như công khóa lúc đả Phật thất. Buông xuống vạn duyên, nhất tâm cầu Tịnh Độ.

Đồng tham đạo hữu như thế chẳng dễ cầu. Đạo tràng của chúng ta chẳng thể hoàn toàn tuân theo chỉ thị của Ấn Quang đại sư, vì ở đây chúng ta thêm một buổi giảng kinh. Vì sao phải giảng kinh? Nếu chẳng hiểu rõ đạo lý Tịnh tông, chẳng nhận rõ cảnh giới, thường bị ngã lòng. Nghe kinh nhiều, hiểu rõ đạo lý, giúp quý vị buông xuống, giúp quý vị đoạn nghi sanh tín, tín nguyện kiên định, đảm bảo quý vị một đời thành tựu, đạo lý là đây. Mọi chuyện khác chúng tôi đều không làm, đạo tràng này là giảng kinh, niệm Phật, tâm vĩnh viễn định.

Bây giờ hết giờ rồi!

*

6.2.1.6.5. Quảng Thích Ngoại Hộ Chúng

Chư vị đồng học!

Xin hãy xem đoạn thứ ba của phần Thông Tự.

Cập Thích Đề Hoàn Nhân đẳng, vô lượng chư thiên đại chúng câu.

及釋提桓因等。無量諸天大眾俱。

(Và Thích Đề Hoàn Nhân v.v... Vô lượng chư thiên đại chúng cùng nhóm hợp).

“Thích Đề Hoàn Nhân” (Śakro Devānāṃ Indrah) là tiếng Phạn, có nghĩa là Năng Vi Chủ. Trí huệ, đức hạnh của ông ta đều trọn đủ để

lãnh đạo chúng sanh, tên ông ta có nghĩa như vậy. Ông ta là chúa trời Đạo Lợi (Trayastrimśa), ta gọi là Đạo Lợi thiên vương. Vị được dân gian Trung Quốc gọi là Ngọc Hoàng Thượng Đế chính là ông ta.

“*Đẳng, vô lượng chư thiên đại chúng câu*”: “*Đẳng*” (等) là vân vân, phía dưới ông ta có Tứ Vương Thiên (Cātummahārājika), phía trên là các trời Dạ Ma (Yāma), Đâu Suất (Tushita), Hóa Lạc (Nirmānarati), Tha Hóa Tự Tại (Parinirmita-vaśavartin), lên trên nữa lại có Sắc Giới (Rūpadhātu), Vô Sắc Giới (Ārūpyadhātu) “*vô lượng chư thiên*”, lấy ông ta làm đại diện. Chư thiên nhiều như thế, vì sao lại chỉ lấy ông ta làm đại biểu. Điều này cũng có đạo lý. Thứ nhất là ông ta cách loài người chúng ta không xa lắm. Nếu nói những tầng trời cao hơn, như Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha Hóa Tự Tại, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, trong thế gian này rất nhiều người không biết, họ cách xa chúng ta quá, chẳng hiểu được! Mọi người đều biết Đạo Lợi thiên chúa, đều rất ngưỡng mộ Đạo Lợi thiên chúa. Mức độ nổi danh của Đạo Lợi thiên chúa rất cao, duyên rất thù thắng. Bởi thế, lấy ông ta làm đại biểu, đó là một ý nghĩa.

Thứ hai, ông ta là hộ pháp rất đặc lực của đức Thế Tôn. Đương nhiên, chư thiên đều là hộ pháp, Phật pháp cũng chẳng trái nghịch tình cảm của con người, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức; người thế gian đều tôn kính Đạo Lợi thiên chúa, đều phụng thờ Ngọc Hoàng thượng đế, cho nên Thích Ca Mâu Ni Phật hằng thuận chúng sanh, lấy Đế Thích làm đại biểu. “*Biểu nhất thiết tôn giáo chi sở ứng tu*” (Biểu thị hết thảy những người thuộc hết thảy tôn giáo đều nên tu). Ở đây, Đế Thích biểu thị pháp: Mục tiêu giáo học của tất cả hết thảy tôn giáo là Thiên Đường; nay Thích Đề Hoàn Nhân cũng tham dự pháp hội này, tiếp nhận lời Thích Ca Mâu Ni Phật răn dạy, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Quý vị muốn đến Thiên Đường, nhưng Thiên Chúa của quý vị nay đang niệm Phật, quý vị cũng phải cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Vì thế, năm xưa khi tôi mới học Phật, trong số bạn bè có không ít tín đồ Cơ Đốc, chúng tôi đều là bạn bè rất thân. Sau khi tôi học Phật, tôi khuyên họ nỗ lực chiếu theo kinh điển Cơ Đốc để tu học cho tốt; tôi chẳng khuyên họ học Phật. Do vậy, có rất nhiều người ngạc nhiên: “Sao ông lại dạy như vậy?” Tôi nói: “Đạo Lợi thiên chúa thường lễ thỉnh Phật, Bồ Tát giảng kinh thuyết pháp trên thiên cung. Hiện thời, người kia chẳng có duyên với Phật, tôi có khuyên ông ta cũng chẳng tin. Khi ông ta sanh lên trời rồi, ông ta thấy Thiên Chúa và rất nhiều thiên chúng nghe kinh nghe pháp!” Đi đường vòng như thế chẳng hề gì, vẫn là cùng

một chuyện mà! Do vậy, tôi chẳng khuyên những người đó học Phật, làm như vậy không hay, không hợp lý. Khi khuyên họ học Phật là [khuyên họ] phản giáo, điều ấy có ảnh hưởng không tốt đối với xã hội. Khuyên họ tích cực tu học, thực sự sanh lên Thiên Đường, Phật cũng đang giảng kinh thuyết pháp trên thiên đường!

Nếu chúng ta thực sự vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong thiên cung có rất nhiều bằng hữu, chúng ta có thể tùy thời đến tụ hội với họ. Họ chẳng tự tại, chúng ta tự tại. Giống như trong thế gian hiện tại này, có rất nhiều người ra ngoại quốc chẳng dễ dàng, có kẻ không có hộ chiếu (passport), có kẻ có hộ chiếu nhưng không được chấp thuận. Chúng tôi có rất nhiều hộ chiếu, xin phép rất thuận tiện, đến đâu cũng được; ai không đến đây gặp tôi được, tôi bèn đến đó gặp họ. Chúng ta về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chư thiên đến thế giới Cực Lạc chẳng dễ dàng, nhưng người của thế giới Cực Lạc đến bất cứ tầng trời nào đều rất thuận lợi. Chúng ta có thể thường chiếu cố kẻ ấy, thường xuyên gặp họ, hàn huyên chuyện cũ, thật là sung sướng.

Thứ ba là “*đại chúng, biểu nhất thiết chúng sanh dục ly khổ, đắc cứu cánh lạc giả, ưng đương tu*” (đại chúng: biểu thị hết thảy chúng sanh muốn lìa khổ để đạt được sự vui rốt ráo thì phải nên tu). Phạm vi của “đại chúng” rất rộng, chẳng những là hết thảy loài người, mà trong ấy còn gồm cả loài súc sanh, loài ngạ quỷ, loài địa ngục, thảy đều gộp cả trong ấy, hết thảy chúng sanh trong lục đạo. Nếu quý vị thực sự muốn lìa khổ, đạt được sự vui rốt ráo, trừ pháp môn này ra, các pháp môn khác chẳng thể thành công dễ dàng. Pháp môn này thực sự giúp quý vị một đời thành tựu. Bởi thế, đoạn kinh văn này là “*phàm chúng khuyến tu*” (khuyên các phàm phu nên tu), hoằng hộ (hoằng truyền, gìn giữ), “*hoằng hộ thử kinh, sứng Phật bốn hoài*” (hoằng truyền, gìn giữ kinh này, thỏa thích bản hoài của Phật).

Việc hoằng hộ này bất luận người tại gia hay xuất gia ai nấy đều nên làm. Sao gọi là Hoằng? Tự mình y giáo tu hành là Hoằng, tôi làm như vậy cho anh coi, bởi thế, Hoằng và Hộ không thể tách rời nhau. Thiên chức của bọn đệ tử Phật chúng ta là hoằng hộ chánh pháp, trong thời kỳ Mạt Pháp bèn hoằng hộ pháp môn Tịnh Độ. Đây là thiên chức của chúng ta. Nói đến “hoằng hộ” lại khiến tôi liên tưởng đến người Trung Quốc, thiên chức của quý vị phải là hoằng hộ truyền thống đạo đức, văn hóa của dân tộc; đó là thiên chức của quý vị.

Quý vị là người quốc gia nào, là người thuộc dân tộc nào, hoặc tín ngưỡng một tôn giáo nào đó, thiên chức của quý vị là phải thực hiện sứ

mạng hoằng hộ dân tộc, quốc gia, tôn giáo đó. Nếu quý vị chẳng thể làm trọn sứ mạng hoằng hộ, thì truyền thống đạo đức, văn hóa sẽ bị suy vong! Suy đến cùng cực bèn diệt vong! Sao quý vị chẳng có lỗi với tổ tông? Sao chẳng mắc lỗi với những người đời trước? Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm khẳng định pháp nào cũng bình đẳng, không có cao, thấp. Văn hóa của mỗi quốc gia đều hay, truyền thống của mỗi dân tộc đều hay, mỗi một tôn giáo đều hay, đều cần có người hoằng dương rực rỡ, rộng lớn.

Hiện tại, ở Trung Quốc rất bất hạnh, phát sanh cơn bệnh dịch SARS, rốt cuộc là Trung Y giỏi hay Tây Y giỏi? Lời ông Đặng Tiểu Bình nói rất có lý: “*Chẳng cần biết là mèo trắng hay mèo đen, mèo nào bắt được chuột là mèo giỏi*”. Dùng câu đó để nói, chẳng cần biết Trung Y hay Tây Y, thứ y học nào chữa lành bệnh nhân thì nên y học đó giỏi. Sao lại tranh cãi lôi thôi trong lúc này? Tranh cãi lôi thôi sẽ hỏng chuyện, bao nhiêu người chết oan uổng! Đối với những người chết oan uổng ấy, quý vị không phải gánh trách nhiệm nhân quả ư? Đối với thế gian, quý vị chẳng chịu trách nhiệm pháp luật, nhưng quý vị chịu trách nhiệm nhân quả. Quý vị có cảm thấy lương tâm cắn rứt hay không? Nếu quý vị không có lương tâm, đương nhiên chẳng cảm thấy lương tâm cắn rứt, không có lương tâm mà! Nhưng quý vị chẳng thoát khỏi nhân quả báo ứng đâu nhé!

Lúc này chớ nên tranh chấp, cứu người khẩn yếu hơn! Cứu một mạng người hơn tạo phù-đồ (tháp) bảy tầng, công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn. Nếu quý vị không cẩn thận, lơ đãng, hại một mạng người, tương lai phải đền mạng. Người Trung Quốc tin tưởng nhân quả, tin vào luân hồi báo ứng. Nay người Tây phương cũng dần dần giác ngộ, có không ít người rất tích cực nghiên cứu sự việc này.

Nếu như bây giờ nói hết thấy đều lấy khoa học làm căn cứ, chẳng hợp khoa học bèn chẳng tin, khoa học đến nay có được bao nhiêu năm lịch sử? Tính cho cùng thì không quá ba trăm năm, ba trăm năm trước đó người ta sống ra sao? Chưa có khoa học họ sống làm sao? Ba trăm năm trước kia có ôn dịch, chẳng phải là không có ôn dịch, trong lịch sử Trung Quốc có ghi chép. Y dược, phương pháp cứu người thời đó đều chẳng có căn cứ khoa học!

Chúng tôi hoàn toàn chẳng phản đối khoa học, chúng tôi tôn trọng khoa học; nhưng vẫn còn có rất nhiều điều mà khoa học hiện tại không thấu suốt, chưa phát hiện được. Y dược Trung Quốc được phát minh rất sớm, tối thiểu có lịch sử năm ngàn năm, chỉ riêng năm ngàn năm kinh

nghiệm đã chẳng thể coi thường. Khoa học có thể lật đổ nó hay chẳng? Nếu như khoa học tiêu diệt, hủy sạch mọi thứ vốn sẵn có như những thứ truyền thống ưu tú nhất của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc, khoa học vạn năng, thì kết quả tối hậu của khoa học là gì? Nhà khoa học sẽ tự nói “thế giới đến ngày tàn!”

Người Trung Quốc đáng thương! Vô cùng đáng thương! Trước kia, tôi cùng tiên sinh Hồ Thu Vân trò chuyện, hết sức cảm khái. Từ cuối đời nhà Thanh trở đi, người Trung Quốc chôn vùi lòng tự tin dân tộc, Trung Quốc có tai nạn vì đâu? Là vì lý do đó. Hiện tại, ôn dịch gây chết người, rất nhiều người bị chết. Nguyên nhân vì đâu? Chẳng tin vào y dược Trung Quốc; vì nguyên nhân nào? Chôn vùi lòng tự tin dân tộc, chẳng tin tưởng vào bất cứ thứ gì do tổ tông truyền lại. Nếu nói theo nhân quả, họ đáng phải nhận lãnh kết quả ấy. Đó là đại bất hiếu! Tổ tông nào chẳng yêu thương con cháu, truyền lại những thứ tốt nhất cho đời sau, quý vị không tin tưởng thì không còn cách nào hết! Quý vị cứ muốn vứt sạch, cứ muốn tiêu diệt đi, tội ấy nặng lắm!

Bởi vậy, nói đến rốt ráo là vấn đề giáo dục của Trung Quốc. Trong thiên Học Ký [của sách Lễ Ký] có hai câu rất hay: “*Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (xây dựng đất nước, cai trị dân chúng, đều lấy giáo dục làm đầu). Giáo dục triết học Trung Quốc, quan niệm giáo dục từ thời Hán Vũ Đế³¹ chế định chính sách giáo dục cho đến đời Mãn Thanh chẳng thay đổi. Trước kia, chúng tôi học lịch sử, đối với việc này chúng tôi cảm thấy rất lạ lùng. Mỗi một triều đại đều có những chuyện hưng khởi, thay đổi, cơ sao giáo dục vẫn chẳng biến động? Người Mông Cổ vào làm chủ Trung Quốc chẳng biến cải, người Mãn Thanh vào làm chủ Trung Quốc cũng không thay đổi. Chúng ta chú ý xem kỹ, cổ thánh tiên hiền Trung Quốc, đặc biệt là Nho gia, trong bách gia chư tử, Hán Vũ

³¹ Hán Vũ Đế (156-87 trước Công Nguyên) là hoàng đế thứ bảy của nhà Hán, tên là Lưu Triệt, tên tự là Thông, là con trai thứ 10 của Hán Cảnh Đế (Lưu Khải), được phong làm Thái Tử từ lúc mới lên bảy, làm vua lúc 16 tuổi, được coi là một minh quân có công đặt nền móng vững vàng cho kỷ cương, điển chế, pháp luật, hệ thống quan chức, thuế má và giáo dục hoàn chỉnh cho Trung Hoa. Ông ta theo chủ trương pháp trị, chú trọng phát triển nông thương, cũng như đổ nhiều công sức khai thác quặng sắt, nấu muối v.v... Nghe theo kiến nghị của Đồng Trọng Thư, ông đã độc tôn Nho Giáo, bãi bỏ bách gia chư tử. Tuy vậy, ông ta có nhược điểm thiếu khoan dung, quá khắc nghiệt, khiến cho nhiều người phải chịu hình phạt oan uổng như sử gia Tư Mã Thiên chẳng hạn. Tư Mã Thiên chỉ vì khuyên vua đừng phạt tội chém cả gia đình Lý Lăng khi ông này bại trận dưới tay quân Hung Nô, Hán Vũ Đế cho là Tư Mã Thiên cấu kết với Lý Lăng bèn phạt Tư Mã Thiên phải chịu tội “cung hình” (thiến).

Đề chọn giáo học Nho gia làm giáo dục truyền thống của quốc gia. Nho giáo dạy chúng ta điều gì? Châu phu tử, tức Châu Hy đời Tống lập ra trường học tư, bản yết thị ở thư viện hang Bạch Lộc là cương lĩnh, tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc giảng dạy của Nho gia, đơn giản dễ hiểu. Giáo dục Trung Quốc mấy ngàn năm chẳng lìa khỏi chuẩn mực sau đây:

a) *“Phụ tử hữu thân”* (cha con thương yêu nhau). Điều ấy có sai lầm chăng? Nay chẳng còn nữa, cha chẳng từ, con chẳng hiếu. Trước kia tiếp nhận giáo dục Nho gia, cha từ, con hiếu, gia đình hòa thuận, yên vui.

b) *“Quân thần hữu nghĩa”* (vua tôi có nghĩa), nay vua hoài nghi bầy tôi, bầy tôi chẳng trung với vua. “Vua” là người lãnh đạo một đoàn thể, “bầy tôi” là người được lãnh đạo, bằng mặt không bằng lòng, tốt gì đâu?

c) *“Phu thê hữu biệt, trưởng ấu hữu tự, bằng hữu hữu tín”* (Chồng vợ có nhiệm vụ sai khác trong gia đình và xã hội, lớn nhỏ có tôn ty trật tự, bạn bè giữ chữ Tín), nguyên tắc ấy có gì không tốt?

Đây là năm điều dạy người ở Trung Quốc từ cổ đến nay, có thể nói là bắt nguồn thời Nghiêu - Thuấn! Bắt nguồn từ thời Nghiêu - Thuấn thì trong lịch sử Trung Quốc, phỏng chừng hơn bốn ngàn năm trước, giáo dục Trung Quốc dạy như vậy đó. Dạy chúng ta phương pháp tư duy thông thường: *“Bác học, thẩm vấn, thận tư, minh biện, đốc hành”* (Học rộng, hỏi kỹ, suy nghĩ cẩn thận, làm sáng tỏ, đốc thúc thực hành). Phương pháp này có thích hợp cho hiện tại hay không? Xử sự, đãi người, tiếp vật, cương lĩnh đều rất đơn giản, *“ngôn trung tín, hành đốc kính”* (lời lẽ trung tín, việc làm đốc hết lòng thành kính), quý vị nghĩ có tốt hay không? Ngôn ngữ phải chân thành, người hiện tại hay bịp người. Toàn là nói dối, nói đâm thọc, ác khẩu, nói thêu dệt. Đại khái, [người hiện thời cho rằng] giáo học Trung Quốc từ cổ đến nay chẳng phù hợp khoa học, hiếu - đề - trung - tín chẳng phù hợp khoa học, người với người tôn trọng nhau, kính yêu nhau chẳng hợp khoa học! Khoa học hoàn toàn chống trái những điều đó thì thế giới này sẽ biến thành thế giới gì? *“Xử sự, chánh kỳ nghĩa, bất mưu kỳ lợi”* (Xử sự, phải đúng với đạo nghĩa, chẳng mưu cầu lợi lộc), điều này chắc chắn chẳng hợp khoa học; khoa học nói lợi - hại, Nho gia nói đạo nghĩa, cốt sao hợp đạo nghĩa, chẳng cần biết đến lợi - hại.

Bởi thế, cổ thánh tiên hiền có thể bỏ mình vì người, đối đãi người *“kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân”* (điều gì mình không muốn, chớ làm cho người khác). Giáo huấn như vậy có sai lầm hay chăng? Phải nên làm gì? Đúng là khoa học dạy chúng ta phải cạnh tranh, đấu tranh, chiến tranh,

vĩnh viễn tranh đấu, đấu tranh suốt đời, đến chết vẫn tranh giành chẳng thôi, sống trong đau khổ. Giáo dục của Nho, Phật, thánh hiền dạy ta sống trong hoan lạc, sống trong an ninh; nhưng bây giờ nói đến an ninh chẳng có ai hiểu được, vì sao? Từ trước đến giờ, họ chưa từng sống an ninh, từ trước đến giờ, họ chưa biết thế nào là niềm vui thiên luân³², chưa hề có, chưa hề thấy qua, chưa hề nghe đến. Họ toàn thấy, nghe tranh giành, đấu tranh, chiến tranh, vĩnh viễn phải chiến thắng hết thấy, không chiến thắng là thất bại, biết làm sao được!

Bởi thế, nay chúng ta nói đến hộ pháp, quả thật chẳng phải dễ! Trong thời đại này, giáo huấn của thánh hiền, truyền thống đạo đức văn hóa của mỗi quốc gia, mỗi dân tộc đều bị băng hoại toàn bộ. Do vậy, rất nhiều tiên đoán từ xưa của Tây phương, trong Thánh Kinh cũng có nói, ngay cả Cổ Lan Kinh (Koran³³) cũng nói đến ngày tận thế. Kinh Cổ Lan lại còn dạy tín đồ phải tin vào một vị Chúa thật (chân chúa), phải tin vào ngày tận thế.

Trong thời đại này, chúng ta phải hướng về đâu? Quý vị phải thực sự giác ngộ, phải nhớ kỹ những giáo huấn của Ấn Quang đại sư, Ngài chỉ cho chúng ta một sanh lộ: Đạo tràng quy mô nhỏ, ít người cùng tu, chẳng phan duyên, nhất tâm niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Nếu có cơ duyên bèn dạy mấy tên học trò, truyền lại đạo của thánh hiền. Không cần nhiều học trò, có được một người là được rồi, có thể truyền được rồi. Quý vị hãy nghĩ lúc Thiên tông vừa truyền đến Trung Quốc, Đạt Ma Tổ Sư đến Trung Quốc, truyền cho một mình Huệ Khả. Sau đó Đạo Tín, Tăng Xán đều là đời đời đơn truyền, đến Lục Tổ Huệ Năng đại sư, duyên chín muồi, phước báo của chúng sanh hiện tiền, bởi thế, Thiên tông mới hưng vượng mạnh mẽ. Chỉ cần ngọn lửa đèn ấy chẳng tắt, chỉ cần một tia ánh sáng, duy trì giềng mối đạo chẳng để nó suy đoạ, sau này nhất định có ngày phát dương quang đại. Đây là chuyện chúng ta phải làm trong hiện tại.

Nhưng trong công tác ấy, tự mình nhất định phải hiểu có chủ và

³² Thiên luân là những mối quan hệ luân thường chánh đáng chẳng hạn cha con, anh em, vua tôi v.v... Niềm vui thiên luân là niềm vui sống giữ đúng luân thường, mọi người thương yêu, kính trọng lẫn nhau.

³³ Koran (còn viết là Qur'an, Quran, Kuran, Koran, Qur'ân, Coran, al-Qur'ân) là thánh kinh của đạo Hồi bằng tiếng Ả Rập. Hồi Giáo tin đây là những lời mặc khải của Thượng Đế (Allah) truyền cho giáo tổ đạo Hồi là Đại Tiên Tri Muhammad trong vòng 22 năm (610-632) qua sự truyền rao của thiên sứ Jibril (Gabriel). Những lời giảng này được biên tập thành thánh kinh Koran ngay khi Muhammad còn sống.

khách. Chủ là gì? Chủ là tự cầu sanh Tịnh Độ. Truyền đạo, truyền pháp phải dựa theo duyên phận! Chẳng có duyên phận thì quý vị có muốn làm cũng chẳng thành công. Phải có duyên phận, chúng sanh có phước báo, được oai thần của chư Phật gia trì, tự mình thành tâm thành ý, chẳng có chút lòng riêng tư nào, đấy chẳng phải là chuyện dễ dàng! Nhưng bất luận như thế nào, trước hết phải thành tựu chính mình, đấy là điều kiện tiên quyết bậc nhất.

Trong thời kỳ Mạt Pháp, chương duyên rất nhiều, bởi thế, đạo tràng nhỏ ít người, chương ngại bèn ít. Đạo tràng của chúng ta, sau khi dựng xong giảng đường, tôi bảo mọi người: “Làm đến đây là thôi!” Chúng tôi hy vọng làm được điều Ấn Quang đại sư giáo huấn, chúng tôi y giáo phụng hành. Mười người, hai mươi người hằng ngày chắc thật niệm Phật, học kinh giáo, giải hạnh tương ứng. Chúng ta có Học Hội ở Bồ Lý Tư Bản (Brisbane), Học Hội chúng ta cũng phải làm gương, tuân thủ lời pháp sư Ấn Quang giáo huấn, mong rằng chúng thường trụ chẳng quá hai mươi người. Chúng ta có thể tổ chức Phật thất, giúp đỡ những người ngoài đạo tràng chân chánh phát tâm đến tu học. Vẫn chiếu theo phương pháp trước kia, một năm tổ chức bốn lần hoạt động là Phật thất. Hoạt động Phật thất của chúng ta kể cả người trong nhà không quá bốn mươi tám người, bốn mươi tám người ứng với bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, gồm cả người trong nhà. Nếu trong nhà có hai mươi người, chúng ta chỉ tiếp nhận hai mươi tám người bên ngoài. Nếu trong nhà có ba mươi người, chúng ta chỉ có thể tiếp nhận mười tám người ngoài, nỗ lực tu tập!

Trong studio, chúng ta không ngừng mời mọc những vị thầy giỏi dạy cho chúng ta một vài lớp. Những lớp ấy chúng ta không bắt buộc phải học, vì sao? Sau khi chúng ta thâm hình bèn phát lên mạng Internet, lưu thông trên đài truyền hình vệ tinh, thực hiện hoạt động giáo dục xã hội. Đó là chúng ta hoằng hộ chánh pháp, hoằng hộ mỗi đạo của Nho, Phật, thánh hiền giáo huấn, chúng ta làm công tác ấy, hy vọng cái tâm mình sẽ nhờ đó mà định, sẽ có thành tựu thực sự. Chúng tôi dùng cách đó để báo ân Phật, báo ân cha mẹ, báo ân tổ tông, báo ân hết thầy chúng sanh, phải thực hiện bằng hành động, phải đạt được thành tích mới được, chứ chẳng phải là miệng nói xuông. Miệng nói xuông là giả, nào phải là thật. Bởi thế, hôm nay trông thấy hai chữ Hoằng Hộ, tôi vô cùng cảm xúc sâu xa!

Trong đoạn cuối cùng này, có một điều “*vô văn tự thuyết*” (không ai hỏi tự nói). “*Từ mẫn thâm thiết, cấp độ chúng cố, nghĩa lý huyền bí*

nan tín, vô nhân khả thỉnh” (lòng từ mẫn sâu đậm, thiết tha, vì gặp độ chúng sanh, nghĩa lý u huyền, kín mật, không có người khả thỉnh). Bộ kinh này không ai hỏi, tự đức Thích Ca Mâu Ni Phật nói ra. Tình hình này không nhiều, đức Thế Tôn giảng kinh hơn quá nửa là vì có người nêu câu hỏi, ở đây đức Phật tự nói. Nói thật ra, pháp môn này không có ai có khả năng để hỏi cả. Đức Phật thấy trong đại chúng khi ấy có rất nhiều người căn cơ chín muồi, chín muồi là có thể tin được, có thể tiếp nhận được, họ sẽ được lợi ích. Trong pháp Đại Thừa thường nói: *“Phật chẳng độ kẻ vô duyên”*.

Như trong cơn dịch SARS lần này, có rất nhiều vị thầy lang rất giỏi, tâm rất từ bi, muốn giúp đỡ, nhưng người ta không tin, ấy là vô duyên. Trông thấy người bệnh chết, mà không có cách gì cứu được. Hữu duyên là gì? Tin tưởng, bằng lòng hợp tác với mình, để cho mình cứu. Tôi nghe nói ở Bắc Kinh có ông đạo diễn họ Tạ, tên là Tạ Phi, bị mắc bệnh SARS. Thầy lang họ Lưu ở Bắc Kinh bốc thuốc cho ông Tạ, hết mười tám đồng nhân dân tệ³⁴, ông Tạ lành bệnh, được xuất viện. Đưa vào bệnh viện cũng là lúc gặp hồi nguy ngập, chữa theo Tây y phải gần ông này nọ, rất phiền phức. Chuyện được tiến hành cũng là nhờ một bạn đồng hành của ông ta, cũng là một Phật giáo đồ, tức là cư sĩ Lăng Tư, van nài bệnh viện, xin bệnh viện cho ông Tạ thử dùng thuốc Bắc trong thời gian ba ngày. Hay quá! Vị thầy lang trong bệnh viện đó thật đại từ đại bi đáp ứng. Ông Tạ bèn uống thuốc Bắc, ba ngày sau kiểm tra lại, đã khỏe, đã bình thường, bèn cho về, chỉ tốn mười tám đồng nhân dân tệ mà thôi!

Chuyện đó nhà Phật gọi là hữu duyên, Phật độ người hữu duyên. Nếu quý vị chẳng tin tưởng, chẳng hợp tác, không có cách gì hết! Đối với hết thảy chúng sanh, đức Phật cũng giống như thế. Sở dĩ, Thích Ca Mâu Ni Phật trông thấy học trò Ngài trong thế gian này có người tin tưởng được, có người hiểu được, có người hành được, chẳng đợi người khác hỏi, bèn tự mình nói ra! *“Lòng từ mẫn sâu đậm, thiết tha, gặp độ chúng sanh”*. Pháp môn này dạy quý vị thành Phật trong một đời, khó tin nhất. Chẳng những người bình thường không tin, Tiểu Thừa Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát rất nhiều vị chẳng tin tưởng pháp môn này. Vậy thì cũng tốt thôi! Quý vị cứ từ từ đi theo con đường dài xa, quý vị mất vô lượng kiếp, ba đại A-tăng-kỳ kiếp, cứ đi thông thả! Pháp môn này một đời viên mãn, hữu hiệu phi thường, phương pháp đơn

³⁴ Nhân dân tệ (Renminbi): Đơn vị tiền tệ của Trung Hoa Đại Lục.

giản, dễ dàng, “*nghĩa lý u huyền, kín mật, khó tin*”, đạo lý, lý luận rất sâu, rất huyền! Nếu chờ Phật đem những sự việc này giảng thật rõ thì quý vị mới tin nổi, quý vị chẳng có thọ mạng dài như thế đâu!

Trong các kinh Phật, có một bộ kinh nhỏ tên là Tiễn Dự Kinh (kinh thí dụ mũi tên) để tỷ dụ việc này. Một người trúng phải tên độc, thời cổ đối với khoảng cách xa người ta dùng cung tên [tấn công]. Ông ta trúng phải tên độc, độc ngấm rất sâu. Nay có thầy thuốc cho uống thuốc giải, rịt thuốc vào [vết thương] sẽ ngay lập tức lành mạnh. Nếu ông ta chẳng tin tưởng, cứ muốn biết chất độc ấy là gì? Dùng thuốc gì để giải? Đến lúc hiểu rõ những lý luận ấy thì chất độc đã phát tác mất rồi, mạng còn đâu nữa? Bởi thế, lúc ấy điều gì cũng không buồn hỏi, cứ tin là dùng ngay, sẽ hữu hiệu, bèn được lành. Quý vị khỏe rồi mới lại nghiên cứu thì được, vì quý vị có thời gian. Còn trong lúc đó, lúc tánh mạng nguy cấp mà vẫn đòi nghiên cứu, chẳng phải là tự kiếm cái chết ư?

Ở đây, đức Phật dạy chúng ta tin vào thiện tri thức, đối với họ ta phải có tín tâm. Quý vị không tin tưởng họ, dù họ có đại trí huệ, có đại năng lực cũng giúp không nổi! Đức Phật có trí huệ rốt ráo viên mãn, đức năng viên mãn, chúng ta tin tưởng hay không? Chẳng tin tưởng thì không có cách gì hết! Ai có thể tin? Những người thiện căn sâu dày. Trong đời quá khứ đã gieo thiện căn sẽ tin được, hiểu được. Nói thật ra, tín tâm của chúng ta đối với Phật pháp cũng phụ thuộc vào thời gian vun bồi, trưởng dưỡng mà có. Lúc thoát đầu, bước vào cửa Phật bán tín bán nghi, nhưng vị thầy giỏi khéo kiên trì dẫn dụ, bởi thế, thái độ dạy học của thầy là mẫu chốt quan trọng trong sự tiếp dẫn học sinh.

Đối với học trò, tâm thầy thực sự yêu thương, từ ái, quan tâm, tôn trọng, khiến cho kẻ làm học trò chẳng nhẫn tâm xa lìa thầy. Dạy Phật pháp cho tôi, là hai vị thầy, người đầu tiên là Chương Gia đại sư, người sau là lão cư sĩ Lý Bình Nam. Lúc đó, tôi vẫn còn đang đi làm, chỉ có ngày Chủ Nhật mới đến gặp thầy, mỗi Chủ Nhật đến một lần. Nếu Chủ Nhật ấy có việc không đến được, qua mấy ngày sau, Chương Gia đại sư gọi điện thoại cho tôi: “Sao ông không đến? Không khỏe hay sao?” Ngài an ủi, thăm hỏi tôi. Quý vị nghĩ xem: Trong tình hình đó, chẳng thể không đến, chuyện gì cũng mặc kệ, đến gặp thầy cái đã. Ngài đối với tôi quan tâm, thực sự yêu thương, che chở, khiến chúng tôi nghĩ đến Tứ Nhiếp Pháp do đức Thế Tôn đã dạy.

Chúng tôi thân cận đại sư, đại sư dạy chúng tôi bồ thí pháp. Quan tâm, yêu thương che chở như thế đối với chúng tôi là bồ thí vô úy, khiến chúng tôi lúc tiếp xúc Ngài, cảm thấy hết sức an toàn, hết sức hoan hỷ,

[đó là] nhiếp thọ chúng sanh. Chúng tôi phát sanh lòng tin đối với lời Ngài răn dạy, Ngài đối với mình tốt như thế, quan tâm như thế, những gì Ngài dạy mình nhất định là tối hảo. Khởi lòng tin đối với thầy, nhất định làm theo lời thầy răn dạy, dù chẳng làm được một trăm phần trăm, ít ra cũng làm năm, sáu chục phần trăm. Năm sáu chục phần trăm cũng rất hữu ích rồi.

Do vậy, trong nhiều năm, bản thân chúng tôi sống, xử sự, đãi người, tiếp vật, đều tuân thủ lời thầy giáo huấn. Thầy dạy tôi một nguyên tắc chung “*đời người khổ đau, ngăn ngủi*”, đời người khổ, thọ mạng lại ngắn, nhất định phải “*đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức, không tranh chấp cùng người, không mong cầu chuyện gì*”. Thầy chỉ dạy chúng tôi tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc như thế. Bởi thế, gặp ai tranh chấp, tôi nhường; một đời học nhường nhịn, học chịu thiệt thòi, vì sao? Chịu thiệt thòi là phước, chúng ta có thể tiếp nhận, thực sự chịu lép là phước. Cứ mỗi lần nhường nhịn, mỗi một lần chịu lép, sau đây đều rất thù thắng, bất cứ phương diện nào đều tốt hơn, cảnh giới ngày càng tốt hơn; do vậy, đối với giáo huấn của thầy, của Phật, Bồ Tát càng thêm tin tưởng.

Lúc tôi mới học Phật, thừa cùng quý vị là bán tín bán nghi, lời thầy răn dạy tôi chỉ thực hành được năm sáu chục phần trăm là khá lắm rồi! Học sinh như vậy chẳng dễ kiếm lắm đâu! Nay tôi đối với giáo huấn của thầy, kinh giáo của Phật, Bồ Tát tin tưởng một trăm phần trăm, phụng hành một trăm phần trăm. Theo thời gian tu học, tín tâm kiên định, tri giải thâm nhập, đạt lợi ích chân thật, pháp hỷ sung mãn!

Tâm Kinh nói “*chiếu kiến Ngũ Uẩn, độ nhất thiết khổ ách*” (soi thấy Ngũ Uẩn đều không, độ hết thấy khổ ách); tuy tôi chưa nhập được cảnh giới này, mới mon men, gần kề mà thôi. Đây là ân đức của thầy, Phật, Bồ Tát giáo huấn, công lao của hộ pháp. Được khéo che chở như thế trong những lúc gian nan khốn khổ tột bậc, các vị ấy ra tay giúp đỡ, khiến cho tôi cảm thấy ấm áp, chẳng đến nỗi thoái đạo, đó là ân đức hộ pháp. Con đường Bồ Đề xa lắm, chẳng gần gũi gì! Quan trọng nhất là phải chịu đựng được thử thách, chịu đựng được gian nan, phải như cô nhân nói: “*Càng vấp ngã, càng hăng hái*”, càng tiếp tục gắng công thì đạo nghiệp mới có thể thành tựu. Người thế gian tranh giành danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, rất tốt! Ta chẳng cần những thứ đó. Bởi thế, chúng ta chẳng xung đột với họ, họ cần cái ta không cần, ta cần cái họ không cần. Ta cần đạo đức nhân nghĩa, họ không cần. Ta chẳng cần danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, họ cần. Bởi thế, chúng ta đối xử hòa thuận với nhau, chẳng xung đột quyền lợi. Đọc đến đoạn này, hết

sức cảm thán.

A! Nay đã hết giờ rồi!

Tập 09

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần Biệt Tự Tam Cương (ba cương lãnh trong phần Biệt Tự), chúng tôi đọc kinh văn một lượt, may là kinh A Di Đà mọi người rất thông thuộc rồi.

6.2.2. Biệt Tự

Nhĩ thời, Phật cáo trưởng lão Xá Lợi Phất:

- Tùng thị Tây Phương quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc. Kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà kim hiện tại thuyết pháp.

爾時佛告長老舍利弗。從是西方。過十萬億佛土。有世界名曰極樂。其土有佛。號阿彌陀。今現在說法。

(Lúc bấy giờ, đức Phật bảo trưởng lão Xá Lợi Phất:

- Từ đây qua khỏi mười vạn ức cõi Phật về phương Tây, có thế giới tên là Cực Lạc. Cõi ấy có Phật, hiệu là A Di Đà nay hiện đang thuyết pháp).

Mọi người hãy coi đoạn này, đoạn này rất chẳng thể nghĩ bàn, đức Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta điều trọng yếu nhất. Trong đoạn này có ba điều:

1) Thứ nhất là: “*Hữu thế giới danh viết Cực Lạc*” (Có thế giới tên là Cực Lạc), chú ý chữ “có”. Chữ Có này hết sức khẳng định, khiến cho chúng ta chẳng nẩy sanh mấy may hoài nghi; đúng thật là có, có một thế giới tên là Cực Lạc.

2) Điều thứ hai là trong thế giới ấy có một đức Phật tên là A Di Đà Phật. Quý vị thấy “*kỳ độ hữu Phật*” (cõi ấy có Phật), vậy là hai chữ Có. “*Hiệu A Di Đà*”, A Di Đà Phật làm gì ở đó? “*Kim hiện tại thuyết pháp*” (Nay hiện đang thuyết pháp). Như vậy là đã nêu ra vì sao thế giới ấy là Cực Lạc? “*Y báo trang nghiêm*”: Dem thế giới Cực Lạc so sánh với thế giới của chúng ta, thế giới chúng ta là thế giới cực khổ, còn của người ta là Cực Lạc, không có khổ; chỉ có lạc, không có khổ. Kinh văn

còn giới thiệu vì sao thế giới ấy là Cực Lạc? Vì y báo trang nghiêm!

Câu thứ hai là Chánh Báo Trang Nghiêm: “*Kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà*” (Cõi ấy có Phật, hiệu A Di Đà).

3) Thứ ba là sự nghiệp trang nghiêm: “*Thuyết pháp*”, thuyết pháp là sự nghiệp, “*nay hiện đang thuyết pháp*”. Đức Thế Tôn đem sự kiện hy hữu khó có này giới thiệu cùng chúng ta, chúng ta nghe xong bèn có cảm tưởng gì? Nói theo kiểu người hiện thời là có phản ứng gì? So với thế giới của chúng ta, khác rất xa. Thế giới này của chúng ta, nhất là trong hiện thời, có thể nói là thế giới cực khổ, khổ chẳng thể nói nổi; bởi thế, nghĩ đến thế giới kia là thế giới Cực Lạc.

Tiếp đó, kinh vẫn giới thiệu cùng chúng ta vì sao thế giới ấy cực lạc? Trong thế giới ấy không có khổ, nên gọi là thế giới Cực Lạc. Vì sao không có khổ? Có thầy giỏi chỉ dạy. Nhân dân trong thế giới Cực Lạc đều là người thiện căn chín muồi; chẳng như người trong thế giới này của chúng ta. Thầy trong thế giới chúng ta khá lắm. Nói thật ra, Thích Ca Mâu Ni Phật và A Di Đà Phật chẳng khác nhau, nhưng chánh báo của thế giới Sa Bà chẳng trang nghiêm, nguyên nhân là do đâu? Chúng sanh ở đây phiền não tập khí rất nặng, nghiệp chướng rất sâu, ương ngạnh khó hóa độ. A Di Đà Phật có đến đây cũng bó tay, mọi người chẳng chịu tiếp nhận, làm cách nào được nữa? Chẳng thể sánh với Tây Phương Cực Lạc thế giới được.

Vì sao Tây Phương Cực Lạc thế giới người người thiện căn đều thành thực? Chúng ta phải hiểu điều này. Thế giới Tây Phương là quốc độ mới thành lập, A Di Đà Phật thành Phật đến nay chỉ mới mười kiếp; giống như một quốc gia mới được thành lập trong thế giới này. Thế giới Sa Bà này của chúng ta giống như một nước cổ đã mấy ngàn năm; bởi thế, đời đời kiếp kiếp tích lũy rất nhiều tệ hại, chẳng thể dễ dàng sửa đổi được. Tây Phương Cực Lạc thế giới là chỗ tu học do A Di Đà Phật tạo thành, thoát đầu không có nhân dân, người trong thế giới Cực Lạc từ đâu đến? Từ mười phương thế giới di dân đến. Phàm những ai sanh về thế giới Cực Lạc đều phải thỏa điều kiện, không phù hợp điều kiện sẽ chẳng đến được. Điều kiện gì? Thầy đều là thiện căn, phước đức, nhân duyên chín muồi; trong kinh nói rất rõ: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi ấy). Do đây biết rằng: Di dân đến nơi đó đã được A Di Đà Phật chọn lọc kỹ càng. Bởi thế, nhân dân trong thế gian ấy dễ giáo hóa, chẳng ương ngạnh khó hóa độ như ở đây.

Nếu chúng ta muốn vãng sanh, nay thấy thế giới kia tốt đẹp như

thế đó, đúng là hiếm có, khó gặp, chúng ta muốn đến đó thì đến bằng cách nào đây? Nhất định phải đầy đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên. Nhân duyên dễ có, vì sao? Người khác có thể giúp mình được. Chứ riêng thiện căn, phước đức phải do chính mình tu, người khác chẳng thể giúp được. Thế nào là thiện căn? Thế nào là phước đức? Khi giảng kinh Vãng Sanh (quý vị phải nhớ kỹ, kinh Vãng Sanh chính là ba kinh một luận trong Tịnh Độ, chuyên môn giảng về chuyện vãng sanh thế giới Cực Lạc, gọi chung là kinh Vãng Sanh), đã nói đến rất nhiều lượt.

Thiện căn là tin được, hiểu được, đó là thiện căn. Quý vị tin tưởng, hiểu được kinh văn, quý vị nhìn hiểu được, nghe hiểu được, đó là thiện căn. Phước đức là gì? Hành được, chứng được, quý vị chịu y giáo phụng hành là có phước; quý vị không y giáo phụng hành thì không có cách gì hết! Nhân duyên là điều kiện bên ngoài; nhân duyên quan trọng nhất là gặp được thiện tri thức chân chánh đem pháp môn này giới thiệu cùng quý vị. Nhân duyên ấy chúng ta đã có.

Xưa kia, vị xuất gia giới thiệu pháp môn này cho tôi là pháp sư Sám Vân; vị tại gia giới thiệu pháp môn này là lão cư sĩ Lý Bình Nam. Pháp sư Sám Vân giới thiệu pháp môn này với tôi vì tôi vốn hoài nghi pháp môn này, chẳng thể tiếp nhận. Pháp sư Sám Vân dạy tôi đọc A Di Đà Kinh Sớ Sao, Yếu Giải, Viên Trung Sao, lại dạy tôi đọc Ấn Quang Đại Sư Văn Sao. Mấy bộ sách ấy tôi rất chuyên tâm học trong vòng nửa năm. Học xong khá tin tưởng pháp môn Tịnh Độ, chẳng hoài nghi nữa, cũng hết sức tán thán, nhưng vẫn chưa phát tâm học pháp môn này. Biết pháp môn này thù thắng, nhất là trong Văn Sao, pháp sư Ấn Quang đã đau lòng rất miêng giáo hóa đại chúng hiện tiền, khẩn thiết giới thiệu pháp môn này.

Về sau, tôi rời khỏi Phố Lý, đến Đài Trung theo học kinh giáo với thầy Lý. Hứng thú, chí nguyện đích thực của tôi là kinh giáo. Thầy Lý thường khuyên tôi tu pháp môn Tịnh Độ, thầy giảng kinh Di Đà. Tôi nghe xong, thực sự rất cảm động, điều này thầy Lý cũng nhìn ra. Đối với bọn đồng học chúng tôi, trong lúc trò chuyện cùng đại chúng, cụ từng nói tôi sẽ có dịp được thọ dụng kinh Di Đà. Tôi thực sự chết sạch lòng mong ngóng so đo, khiêm hư sát đất, chẳng hoài nghi nữa, chuyên tu, chuyên hoằng Tịnh Độ là lúc giảng kinh Hoa Nghiêm, tôi đã từng kể cùng quý vị rồi. Giảng kinh Hoa Nghiêm lần đầu giảng được một nửa, tức là giảng một nửa Bát Thập Hoa Nghiêm, Tứ Thập Hoa Nghiêm cũng giảng được một nửa. Có một ngày, tôi đột nhiên nghĩ Văn Thù, Phổ Hiền tu pháp môn nào? Thiện Tài đồng tử tu pháp môn gì? Quan sát kỹ càng,

thầy đều là pháp môn Niệm Phật, nên mới chết sạch lòng mong ngóng so đo, khiêm hư sát đất.

Văn Thù, Phổ Hiền là hạng người nào? Chúng ta còn chưa đủ tư cách làm thị giả cho các Ngài. Các Ngài đều niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, mới biết pháp môn này thù thắng khôn sánh. Bởi thế, sự giáo học là khẩn yếu nhất, trước kia tôi đã hiểu được đạo lý này. Lúc đọc Lễ Ký, có một câu gây ấn tượng hết sức sâu đậm: “*Kiến quốc, quân dân, giáo học vi tiên*” (Dựng nước, cai trị nhân dân, dạy dỗ làm đầu), trong thiên Học Ký có câu như thế. Có thể nói một thiên Học Ký là triết học giáo dục tối cổ của Trung Quốc.

Sau này học Phật, thấy sự nghiệp của chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát là gì? Giáo học! Giáo học là sự nghiệp của Bồ Tát, là gia nghiệp của Như Lai, nay gọi là “giáo dục đa nguyên văn hóa”. Đời đời kiếp kiếp (người Trung Quốc nói là “*thế thế đại đại*”) thực hiện sự nghiệp này, đời trước truyền cho đời sau, trong hết thầy hạnh nghiệp, nó là một hạnh nghiệp tối thù thắng.

Bởi thế, Khổng lão phu tử từng nói, tôi hiểu được ý Ngài: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi thực hành, cũng chẳng vui sao?) Tôi hiểu: Nếu quý vị học tập hay dạy học chẳng khế nhập cảnh giới, chẳng thể áp dụng những gì quý vị đã học, đã dạy vào cuộc sống, sẽ chẳng đạt được pháp hỷ. Pháp hỷ sung mãn, khoái lạc khôn sánh! Sự vui ấy chẳng phải là niềm vui ngũ dục lục trần bên ngoài, chẳng phải do bên ngoài kích thích, mà từ nội tâm lưu xuất, giống như suối chảy từ nguồn. Từ tự tánh phát xuất “*cũng chẳng vui sao?*”? Là sự vui lớn nhất trong hết thầy pháp thế gian, xuất thế gian. Tôi cũng thường hay nói “duyên của Khổng lão phu tử rất thù thắng”, Ngài không có ý nguyện giáo hóa xã hội. Ý nguyện cả một đời Ngài là gì? Làm quan! Ngài mong mỗi có một chức vị, đem cái học bình sinh của mình cống hiến cho xã hội, cống hiến cho quốc gia. Chúng tôi tin nếu Khổng lão phu tử làm được Tể Tướng trong thời Liệt Quốc, rất có thể Ngài trở thành một Châu Công thứ hai.

Nhưng thời tiết nhân duyên của phu tử chẳng giống với thời đại Châu Công. Phu tử sống nhằm thời Xuân Thu Chiến Quốc, xã hội loạn lạc bất an, nước lớn kiêm tính nước nhỏ; bởi thế, thời cuộc thật bất lợi đối với Khổng lão phu tử. Ngài có muốn làm sẽ rất khó khăn, bất quá chỉ được như Quản Trọng là cùng, khá khó khăn! Thuở ấy, vua chúa các nước chẳng ai chịu dùng Ngài, chu du các nước, cầu làm được một chức quan nhỏ cũng không ai chịu dùng. Tình thế bất đắc dĩ, phải quay về nhà

dạy học, hy vọng truyền cái học của mình cho thế hệ sau, mong mỗi đồ đệ sẽ phát huy hoài bão của mình, cho nên mới về nhà dạy học!

Lúc quay về nhà, lão nhân gia đã sáu mươi tám tuổi, Không lão phu tử mất năm bảy mươi ba tuổi. Vì thế, trên thực tế, Ngài mở trường dạy học tổng cộng chỉ có năm năm, không lâu! Nhưng duyên ấy thù thắng phi thường, thành tích dạy dỗ khả quan, trong lịch sử Trung Quốc không tìm được người thứ hai nào! Học trò ba ngàn người, vậy là một ngôi trường tư khá quy mô. Học trò có thành tựu (nay ta gọi là học trò xuất sắc) gồm bảy mươi hai người – Thất Thập Nhị Hiền. Trong lịch sử Trung Quốc mãi cho đến ngày nay, không có một nhà giáo dục nào có cách gì làm được như Không Tử! Đương nhiên là có học trò thành tựu, nhưng không nhiều như thế. Ngài được trong triều ngoài nội, các đời cùng tôn xưng là Chí Thánh Tiên Sư, đây là điều lúc còn sống Không lão phu tử chưa bao giờ nghĩ đến, Ngài chưa hề nghĩ đến việc theo đuổi công tác giáo dục.

Nhưng ngay từ lúc trẻ tuổi Thích Ca Mâu Ni Phật đã biết rõ; Không lão phu tử mong cầu một chức quan, Thích Ca Mâu Ni Phật là người kế thừa vương vị, nhưng chẳng cần. Đức Phật chân chánh giác ngộ, giúp cho hết thấy chúng sanh trong thế gian phá mê khai ngộ, giúp cho xã hội quốc gia yên bình dài lâu. Dùng phương pháp nào mới hòng đạt được mục đích ấy? Giáo dục. Thích Ca Mâu Ni Phật thực sự buông xuống vạn duyên, theo đuổi công tác giáo dục xã hội, thực sự là đa nguyên văn hóa, chẳng phân biệt giới hạn quốc gia, chẳng phân biệt sắc dân, cũng chẳng phân biệt văn hóa, chẳng phân biệt tôn giáo tín ngưỡng, đúng là giáo dục không phân biệt, người tìm đến chẳng cự tuyệt, người đi không níu kéo. Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thị hiện, chứng thực hai câu ghi trong thiên Học Ký là chính xác, “*giáo học vi tiên*” (giáo dục làm đầu). Bất cứ hạnh nghiệp thế gian, xuất thế gian nào, bất luận xây dựng cái gì, điều đầu tiên là gì? Giáo học là bậc nhất!

Không lão phu tử tự thuật cả một đời mình: Ngài nói về kinh nghiệm học vấn. Năm mười lăm tuổi dốc chí nơi sự học, học khá lắm. Ba mươi tuổi thành tài, bốn mươi chẳng sai lầm, năm mươi biết mạng trời, sáu mươi tai nghe đã thuận, bảy mươi tuổi việc làm thuận theo lòng mong muốn, nhưng chẳng vượt khỏi quy củ. Năm bảy mươi ba tuổi Ngài mất. Lời tự thuật ấy thuyết minh cảnh giới học vấn của cả một đời Ngài, không ngừng tự hoàn thiện. Luôn tự hướng thượng tức là tinh tấn chẳng lười, trong đạo Phật gọi là “*tinh tấn, dũng mãnh*”, ở phần trên chúng ta đã thấy Bồ Tát biểu thị pháp nhằm ngấm chỉ cho chúng ta, chỉ dạy chúng

ta “chẳng ngồi nghỉ, thường tinh tấn!” Học vấn của phu tử đúng là như thế đó.

Thích Ca Mâu Ni Phật hướng đến toàn thể giới, Ngài theo đuổi việc dạy dỗ suốt bốn mươi chín năm, theo cách tính của người Hoa là năm mươi năm, từ đầu đến cuối là năm mươi năm. Ngài bắt đầu dạy dỗ năm ba mươi tuổi, tám mươi tuổi tịch. Người Hoa nói tám mươi tuổi là “hư tuế”³⁵, trên thực tế là bảy mươi chín tuổi, Thích Ca Mâu Ni Phật tịch diệt năm bảy mươi chín tuổi. Học trò có thành tựu của Ngài so với Khổng lão phu tử nhiều hơn rất nhiều, đơn giản nhất là như ta thấy hàng Thường Tuy Chúng thường được nhắc đến trong kinh. Mỗi vị trong số Thường Tuy Chúng ấy đều có thành tựu, không thành tựu sẽ chẳng nhắc đến. Phải thực sự chứng quả mới được nêu tên, ở đây nói rõ là một ngàn hai trăm năm mươi lăm người, đều là bậc chứng quả. Ở đây, chúng ta thấy một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị “*giai thị đại A La Hán*” (đều là đại A La Hán). Trong phần trên chúng tôi đã thưa cùng quý vị: Đại A La Hán là Pháp Vân Địa Bồ Tát, là thánh nhân, không phải phàm phu.

Bởi thế, chúng ta lắng lòng quán sát: Hạng người thông minh bậc nhất trong thế gian và xuất thế gian, người thực sự có trí huệ sẽ tuyển chọn nghề nghiệp nào trong thế gian? Dạy học. Người ấy chẳng làm nghề gì khác. Vì sao? Dạy học là nghề nghiệp cống hiến rất lớn cho thế gian, xuất thế gian. Dạy người căn cơ chín muồi, dạy người ta chuyên phàm thành thánh; để dạy người căn tánh chưa thành thực thì dạy kẻ ấy phá mê khai ngộ; để dạy hết thầy kẻ trung hạ căn, phàm phu thì chỉ dạy họ chuyên ác làm lành. Phật, Bồ Tát giáo hóa hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức; bất luận quý vị muốn học điều gì, Phật, Bồ Tát đều rất hoan hỷ dạy cho quý vị. Nếu nay có kẻ hỏi: “Tôi muốn cầu phát tài, Phật có dạy hay không?” Phật dạy chứ, đúng là trong nhà Phật “*hữu cầu tất ứng*”. Phật có thể dạy cho quý vị đời đời kiếp kiếp được giàu sang lớn, chẳng giả đâu! Cầu trí huệ, đời đời được đại trí huệ. Hết thầy pháp thế gian và xuất thế gian phải vào trong Phật pháp mới hòng thực sự viên mãn rốt ráo.

Trong đời quá khứ chúng ta đã gieo thiện căn, trong đời quá khứ đã kết pháp duyên thì trong một đời này mới gặp được Phật pháp, đã gặp được Đại Thừa, lại còn có thể cùng nhau học tập. Nếu chúng ta chẳng thể gặp mặt nhau, quý vị có thể nói mạng Internet, có thể nhìn vào màn

³⁵ Hư tuế là cách tính tuổi, ta thường gọi là tuổi ta, tức là vừa sinh ra đã tính là được một tuổi, không chờ đến sinh nhật đầu tiên mới là một tuổi.

huỳnh quang của máy TV, thầy đều là người hữu duyên. Chỉ cần y giáo phụng hành, quan trọng nhất trong việc y giáo phụng hành là buông thành kiến của chính mình xuống, đây là điều tôi thường nói: Buông xuống cách nghĩ, cách nhìn, cách nói, cách làm của chính mình đối với hết thầy vũ trụ, nhân sinh, con người, sự vật, phải buông những điều này xuống. Vì sao? Những thứ ấy toàn là lầm lạc, thực sự là lầm lạc. Chẳng buông những thứ lầm lạc ấy xuống, dù chúng ta có học theo Phật, Bồ Tát thì vẫn chẳng giống, vẫn học không ra gì! Nếu thực sự buông xuống, triệt để buông xuống, trong một đời này, chắc chắn quý vị học rất giỏi, học rất giống, học rất thành công.

Trong thời đại hiện tại này, chúng ta bên trong có phiền não tập khí, đây là điều mọi đồng tu chúng ta chẳng thể chối cãi được, đều phải thừa nhận, đúng là nghiệp chướng rất nặng, bên ngoài sức dụ dỗ mê hoặc hết sức mạnh mẽ. Dụ dỗ mê hoặc bên ngoài là Ma, là Thiên Ma trong bốn thứ Ma. Thiên Ma là ngũ dục, lục trần, danh văn, lợi dưỡng từ bên ngoài mê hoặc. Bởi thế, rất khó thành tựu, không lưu tâm một chút là thoái chuyển liền, ngã lòng liền. Bởi thế, người học Phật thì nhiều, người thành công lại ít chính là vì nguyên nhân này. Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu cho chúng ta một hoàn cảnh tu học tốt nhất là thế giới Cực Lạc. Quý vị sang thế giới Cực Lạc ấy, dù phiền não tập khí nghiêm trọng đến mấy cũng không sao, vì chẳng có duyên. Chẳng có duyên bên ngoài, dù trong tâm quý vị có phiền não tập khí, nó cũng chẳng thể phát khởi được. Chẳng như thế giới Sa Bà này, duyên bất thiện trong thế giới Sa Bà rất nhiều, lôi kéo phiền não tập khí. Thế giới Cực Lạc không như vậy, thế giới là nơi “*chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*” (các thượng thiện nhân cùng ở một chỗ).

Ở nơi đây, cơ hội học tập, nghe pháp đều chẳng dễ dàng, đều hết sức khó khăn. Trong thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật, chư đại Bồ Tát giảng kinh, thuyết pháp, nghiên cứu, giảng dạy, tu hành chưa hề gián đoạn. Vô lượng vô biên pháp môn, quý vị muốn học pháp môn nào, quý vị bèn vào phòng học đó, ở đó có Bồ Tát chỉ dạy quý vị. Duyên tốt quá! Ở đây, chúng ta muốn học điều gì, tìm thầy chẳng ra, tìm hoàn cảnh tu học chẳng được; huống hồ lại còn rất nhiều chướng duyên chướng ngại chẳng thể tưởng tượng được, khiến quý vị chẳng học cho tốt được, khiến quý vị chẳng đạt được tiến bộ. Thích Ca Mâu Ni Phật khuyên chúng ta thay đổi hoàn cảnh tu học, lấy thế giới Cực Lạc để thay đổi hoàn cảnh. A! Chúng ta biết có Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta muốn qua Tây Phương Cực Lạc thế giới, khó hay dễ? Nói khó thì chẳng khó, nói

dễ cũng chẳng dễ, vẫn là phải có đủ ba điều kiện: thiện căn, phước đức, nhân duyên.

Thiện căn là:

1) Tín tâm kiên định, quyết định chẳng có mảy may nghi hoặc đối với pháp môn Tịnh Độ.

2) Nguyên tâm kiên định, trong một đời này, ta chỉ có nguyện vọng: Cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Ngoại trừ nguyện vọng ấy ra, tổ sư đại đức thường bảo là thân tâm thế giới thấy đều thực sự buông xuống hết, thực sự buông xuống!

Ắt phải có đủ hai điều kiện ấy thì mới là thiện căn.

Phước đức: Gặp thiện tri thức là phước đức, quý vị phải có phước mới được gặp. Gặp được thầy tốt, đồng học tốt, đều là những chuyện chỉ có thể gặp, chứ không thể cầu! Thầy dạy dỗ, đồng học thiết tha giúi mài, quý vị sẽ hiểu được, sẽ phát ngộ. Hiểu rõ rồi, chắc chắn trong cuộc sống thường nhật, quý vị sẽ thực hiện những điều quý vị tin và hiểu. Quý vị làm được “*nhất tâm xưng niệm*”, kinh Vô Lượng Thọ bảo là “*phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm*”. Đây là phước đức thực sự. Phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm có bị chướng ngại hay chẳng? Có đồng học đã từng hỏi tôi [chuyện ấy]. Người công phu đắc lực chẳng gặp chướng ngại, nếu công phu chẳng đắc lực bèn có chướng ngại.

Chúng tôi nêu lên hai ví dụ rõ ràng nhất. Trước kia, chúng tôi ở Cự Kim Sơn (San Francisco) biết một người thân thích của Cam lão cư sĩ niệm Phật vãng sanh. Sự việc ấy cách nay chừng hai mươi năm, trong thập niên 1980. Tôi nhớ bà ta kể chuyện này với tôi vào năm 1984, khoảng chừng hai năm trước đó, một bạn già của bà là một bà cụ niệm Phật vãng sanh. Người con bà đang theo học tại Mỹ, tốt nghiệp xong làm việc tại Mỹ, kết hôn, sanh được một đứa bé. Đứa con đón mẹ qua Mỹ để làm gì? Để trông cháu. Ở Mỹ, hai vợ chồng đều đi làm, để mẹ ở nhà trông nhà, chăm sóc cháu. Bởi thế, bà mẹ làm việc nhà, chăm sóc cháu.

Ở Mỹ chẳng bao lâu, đứa trẻ đã lớn, vào Tiểu Học. Bà cụ vẫn trông nom việc nhà, mỗi ngày dọn dẹp nhà cửa, nấu hai bữa cơm. Bởi lẽ, buổi sáng ăn điểm tâm, người đi làm bèn đi làm, đứa đi học bèn đi học, chiều về ăn cơm tối, nói chung đều ăn trưa ở ngoài. Bà cụ ở nhà rất thanh tịnh! Gia đình ấy trở thành đạo tràng của bà, công phu niệm Phật chẳng gián đoạn, cũng chẳng ai biết đến. Đến một ngày mới nhận ra, mới biết bà cụ ấy chẳng tầm thường. Bà mất vào một buổi tối, cũng chẳng biết mất lúc nào. Sáng dậy, con trai, con dâu, cháu nội đều dậy cả rồi, muốn ăn điểm tâm để đi học, đi làm, thế nhưng ngày hôm ấy không

có điểm tâm, bà cụ không thức dậy. Họ bèn mở cửa phòng tìm bà cụ: “Sao hôm nay lạ quá! Cụ chẳng thức dậy?” Mở cửa ra, thấy bà cụ ngồi trên giường, ngồi xếp bằng trên giường, đã mất từ lâu, ngồi mà qua đời. Mọi người cũng sững sờ.

Coi kỹ, bà cụ đã viết sẵn di chúc đặt trước mặt trên giường để dặn dò hậu sự. Kỳ diệu hơn nữa là đồ tang của con trai, con dâu và cháu, bà cụ đã may sẵn. Cụ biết trước lúc ra đi, chẳng biết đã chuẩn bị sẵn từ lúc nào, tự đã chuẩn bị sẵn hậu sự cả rồi, đồ tang cũng bày sẵn trên giường. Bà Cam kể cho tôi nghe chuyện này. Người tu hành thực sự không có chút gì để có thể nhận ra, cụ bà chẳng gặp trở ngại gì. Vẫn thường chăm sóc việc nhà, biết trước lúc mất, chẳng bệnh, nói đi là đi, đi rất đẹp đẽ, đi rất tự tại đường ấy. Đó là người có công phu tốt đẹp, chẳng có trở ngại gì.

Ngoài ra là một vị xuất gia, quý vị thường nghe pháp sư Đàm Hu kê: Một lần, chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân [tô chức lễ] truyền giới lần thứ nhất, thầy Tu Vô là một vị xuất gia không được ai coi trọng. Thầy không biết chữ, trước khi xuất gia làm thợ nề, làm việc nặng. Sau khi xuất gia, ở trong chùa đều làm những việc nhọc nhằn nhất; người khác chẳng muốn làm, thầy đều tình nguyện làm: dọn nhà cầu, trồng rau, chẻ củi, gánh nước, thầy chuyên làm những việc đó. Cái gì thầy cũng không biết, chỉ có một câu A Di Đà Phật chẳng buông lung, bất luận làm gì đều niệm A Di Đà Phật. Bởi thế, thầy làm rất vui vẻ. Với ai thầy cũng đều cung kính vì thầy chẳng biết làm gì, chẳng bằng ai cả.

Trong thời gian truyền giới, thầy phát tâm săn sóc bệnh nhân, chừng mấy bữa sau thừa với lão hòa thượng xin nghỉ. Lão hòa thượng nói:

- Ông đến chưa được mấy ngày đã muốn đi. Muốn đi thì đợi truyền giới xong hãy đi!

Thầy thưa:

- Con chẳng phải là đến nơi nào khác, mà là về thế giới Cực Lạc.

Lão hòa thượng thoát nghe, thật bất ngờ, hỏi:

- Chừng nào thầy đi?

- Chẳng quá mười ngày!

Ngày thứ hai, thầy lại đến gặp lão hòa thượng, lão hòa thượng hỏi:

- Chuyện gì?

- Ngày mai con đi!

Quý vị thấy tâm gương tốt, khuôn mẫu tốt cho chúng ta là như thế đó: Ở trong chùa làm việc nặng, suốt ngày chẳng nghỉ ngơi mà tu hành

thành công, chẳng có chương ngại chi hết. Thầy Tu Vô buông xuống được, chuyện gì cũng chẳng tranh giành, người ta đi trước, thầy luôn lùi ra sau.

Chẳng tranh cùng mọi người, “*ư nhân vô tranh, ư sự vô cầu*” (với người chẳng tranh, với sự chẳng cầu), bởi thế, đối với mỗi cá nhân đều cung kính, dẫu người khác coi thường thầy, nhưng đối với bất cứ ai thầy chẳng bị trở ngại. Thầy sống cuộc đời của thầy, thầy niệm Phật cũng chẳng ai biết. Lúc mất rất đẹp đẽ, tự tại đường ấy, thật là tấm gương tốt cho chúng ta! Nay chúng ta nghe người khác nói mấy câu, trong tâm chẳng mặc kệ được, còn đúng hay chẳng? Thầy Tu Vô là như thế, sao thầy chẳng được vãng sanh? Quý vị đánh thầy, chửi thầy, làm nhục thầy, thầy vẫn cười hì hì, đánh lễ quý vị, chấp tay với quý vị, cung kính quý vị, chẳng bận lòng! Vì sao? Thầy muốn về thế giới Cực Lạc, còn quý vị chẳng muốn đến đó. Thầy muốn đến bèn thực sự đến.

A! Bây giờ hết giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!

Xin hãy xem tiếp phần ba điều chánh yếu trong phần Biệt Tự, chúng ta đọc kinh văn một lượt:

Nhĩ thời, Phật cáo trưởng lão Xá Lợi Phất:

- Tùng thị Tây Phương quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc. Kỳ độ hữu Phật hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp.

爾時佛告長老舍利弗。從是西方。過十萬億佛土。有世界名曰極樂。其土有佛。號阿彌陀。今現在說法。

(Lúc bấy giờ, đức Phật bảo trưởng lão Xá Lợi Phất:

- Từ đây qua khỏi mười vạn ức cõi Phật ở phương Tây, có thế giới tên là Cực Lạc, trong cõi ấy có Phật hiệu là A Di Đà nay hiện đang thuyết pháp).

Trong đoạn kinh văn này, quan trọng nhất là hai chữ Hữu: “*Hữu thế giới*” và “*hữu Phật*”, nay hiện tại “*có*”, “*nay hiện tại*” là khuyến tín, “*thế giới, Cực Lạc*” là khuyến nguyện, “*A Di Đà Phật*” là khuyến hành diệu hạnh Trì Danh. Đây là ba điều chúng tôi đặc biệt nhấn mạnh,

ba sự việc hết sức quan trọng trong ba câu kinh. Trong sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, vừa mở đầu, Ngài đã giảng: “*Pháp môn Tịnh Độ độ khắp ba căn, dứt bật đối đãi một cách viên dung, chẳng thể nghĩ bàn*”. Mấy câu ấy hết sức quan trọng.

Kích thước tác phẩm Yếu Giải không lớn; cuối Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư có viết lời Bạt không dài lắm, trình bày duyên khởi Ngài viết Yếu Giải. Tác phẩm Yếu Giải ấy được hoàn tất trong chín ngày. Cận đại, Ấn Quang đại sư nói tác phẩm Yếu Giải ấy dù A Di Đà Phật tái lai chú giải kinh A Di Đà cũng chẳng thể hay hơn được. Quả thật đã khen ngợi đến mức cùng cực.

Chúng ta biết Ấn Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai, đối với bản Chú Giải ấy, Đại Thế Chí Bồ Tát tán thán như thế, vậy thì người viết chú giải là ai? Chúng tôi nghĩ nếu chẳng phải là A Di Đà Phật, thì chắc chắn là Quán Thế Âm Bồ Tát; nhưng Ngẫu Ích đại sư chẳng bộc lộ thân phận, chẳng biết Ngài là vị nào tái lai? Ấn Quang đại sư nói lời ấy là có ngụ ý. Nếu chúng ta chú tâm cảm nhận, sẽ hiểu tác phẩm Yếu Giải ấy giá trị càng cao, phân lượng càng nặng. Chúng ta gặp được bản chú giải hiếm có khó gặp này, đều là do chúng ta có phước. Chúng ta gặp được bản Yếu Giải này là do phước đức, do có duyên phận tốt.

Trước kia, tôi giảng kinh ở Tân Gia Ba, có một bữa tôi đến gặp pháp sư Diễn Bồi, Ngài đãi tôi cơm trưa; tại bàn ăn chúng tôi bàn đến vấn đề này. Pháp sư Diễn Bồi hỏi tôi: “Ấn Quang đại sư tán thán như thế có phải là quá mức hay chẳng?” Tôi đáp lời lão nhân gia: “Không quá lỗ chút nào! Lời Ngài tán thán rất hay”. Chúng ta biết Ngẫu Ích đại sư là đệ tử sau khi thầy đã mất của Liên Trì đại sư, trong nhà Phật rất khó được như thế, cũng giống như Mạnh Tử là học trò sau khi thầy đã mất của Khổng Tử. Đây là hai nhân vật tiêu biểu thế gian và xuất thế gian. Mạnh Tử mong tìm được một vị thầy giỏi, tìm không ra. Học theo Khổng Tử, Khổng Tử đã qua đời, nhưng trước tác của Khổng Tử còn đó, Mạnh Tử tìm được. Chiếu theo trước thuật của Khổng Tử, y giáo phụng hành! Có chỗ nào không hiểu rõ, có nghi ngờ bèn thỉnh giáo nơi học trò của Khổng lão phu tử, bèn học thành công.

Nhưng Ngài học ra sao? Vượt trội hơn bảy mươi hai hiền nhân sống cùng thời Khổng lão phu tử, Ngài giỏi hơn bọn họ. Bởi thế, Trung Quốc đời đời tôn sùng Mạnh Tử là Á Thánh. Khổng lão phu tử là Chí Thánh, Mạnh phu tử là Á Thánh, tức là bậc thánh nhân chỉ kém Khổng Phu Tử, học trò sau khi thầy đã mất mà thành công! Ngẫu Ích đại sư là đồ đệ sau khi thầy đã mất của ngài Liên Trì, Liên Trì đại sư đã mất rồi,

trước tác của Liên Trì đại sư còn đó. Bởi thế, với pháp môn Tịnh Độ, Ngài đọc bộ Sớ Sao của Liên Trì đại sư, đọc bản Viên Trung Sao của U Khê đại sư, hai vị ấy đều là trưởng bối, [ngài Ngẫu Ích đọc tác phẩm của hai vị trưởng bối] được lợi ích rất nhiều. Vì sao Ngài soạn Yếu Giải? Trong bộ Yếu Giải, Ngài có kiến giải riêng, khác với kiến giải của hai vị đại sư tiền bối. Trong tác phẩm này có rất nhiều câu thuyết pháp trọng yếu, người xưa chưa từng đề cập đến.

“*Tuyệt đãi viên dung*” là tuyệt đối viên dung, chẳng thể nghĩ bàn. “*Gồm thu trọn vẹn, siêu việt trọn vẹn hết thấy pháp môn*”. Câu nói này được nêu lên trong sách Yếu Giải, trong quá khứ chưa có ai nói như thế. Đây là điều được phát hiện bởi Ngẫu Ích đại sư, là kiến giải độc đáo của Ngẫu Ích đại sư, khiến hậu nhân sinh lòng tin kiên định đối với bản kinh này. Chúng tôi nhiều năm học tập kinh Hoa Nghiêm, giảng giải Hoa Nghiêm, đối với Sớ Sao và Yếu Giải càng khế nhập sâu hơn. Vì sao? Tuy kinh không dài, nhưng nghĩa thú đã bao trọn kinh Hoa Nghiêm, truyền cùng một mạch. Bởi thế, đến cuối đời Thanh, trong niên hiệu Hàm Phong, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm đem phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, tức là phẩm cuối cùng “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*” [của kinh Hoa Nghiêm] ghép vào Tịnh Độ Tam Kinh, gọi là Tịnh Độ Tứ Kinh. Nếu quý vị thấy có bản khắc gỗ đề Tịnh Độ Tứ Kinh, quý vị biết bản Tịnh Độ Tứ Kinh đó do cư sĩ Ngụy Mặc Thâm biên tập. [Lúc đó], Tịnh Độ gồm bốn kinh một luận.

Đến đầu thời Dân Quốc, Ấn Quang đại sư ghép Lăng Nghiêm Kinh Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông Chương vào sau Tịnh Độ Tứ Kinh, biến thành Tịnh Độ Ngũ Kinh. Các bạn đồng học Tịnh Độ chúng ta phải hiểu rõ ràng lai lịch kinh điển Tịnh tông. Thoạt đầu, vốn chỉ có ba kinh một luận, một luận đó chính là Vãng Sanh Luận của Thiên Thân Bồ Tát, tức là tác phẩm nói lên sự tu hành của chính Bồ Tát, có thể nói là bản báo cáo tâm đắc. Trong bản báo cáo ấy, Ngài cho chúng ta biết Ngài thực hiện ba kinh trong cuộc sống, trong công khóa như thế nào, rất đáng cho chúng ta tham khảo. Bởi thế, chúng ta phải coi trọng mấy câu của Ngẫu Ích đại sư.

“*Tuyệt đãi viên dung, bất khả tư nghị*”, đều là nói về A Di Đà Phật. Những ý nghĩa được nêu ở đây chúng tôi đều tóm tắt từ sách Yếu Giải. Một câu A Di Đà Phật đầy đủ Tam Học, Tam Học là Giới, Định, Huệ. Tam Huệ là Văn, Tư, Tu, “*đầy đủ Tam Học, Tam Huệ, hết thấy pháp môn*”. Cổ nhân nói: “*Trong tám vạn pháp môn, Niệm Phật bậc nhất*”. Sự đầy đủ ấy nay ta thấy rất rõ, rất minh bạch từ Vô Lượng Thọ

Kinh; nhất là từ bản hội tập của cư sĩ Hạ Liên Cư, cực diệu, thực sự chẳng thể nghĩ bàn! Bản hội tập của cụ do năm bản dịch gốc hội tập thành. Mấy năm nay, có người phản đối bản hội tập ấy, ai phản đối chúng tôi gởi cho bốn chữ: “*Mạc danh kỳ diệu*” (tuyệt diệu chẳng thể diễn tả được). Chưa nêu được chỗ diệu nên họ mới phản đối. Nếu họ hiểu rõ chỗ áo diệu của đạo lý, họ sẽ tán thành cả hai tay, kẻ ấy chưa hề nghiên cứu, chưa hề học tập, ai nói sao mình hòa theo như vậy, như thế là trật rồi!

Ở Đài Loan, có một vị cư sĩ hết sức hiếm có. Ông ta đem bản hội tập đối chiếu với năm bản nguyên dịch rất tường tận, soạn thành một cuốn sách. Có người gởi cho tôi xem, tôi xem xong rất hoan hỷ, nhờ ông ta in một ngàn cuốn, nay sách đã gởi tới rồi. Một ngàn cuốn sách ấy chẳng phải là tôi muốn xem, mà chuyên để gởi tặng những ai hoài nghi bản hội tập. Quý vị có hoài nghi gì, cứ viết thư gởi cho chúng tôi, tôi sẽ gởi một bản, quý vị đọc kỹ. Trong lời tựa cho bản ấy, cư sĩ Mai Quang Hy³⁶ có viết: “*Mạt Pháp chín ngàn năm, tu Tịnh Độ đắc độ nhất định là do bản kinh này*”. Trong kinh, đức Phật có dự ngôn: “*Tương lai Phật pháp diệt hết, bản kinh này lưu thông một trăm năm, kinh này diệt sau cùng*”. Mai đại sĩ khẳng định, trong tương lai hết thấy kinh điển diệt hết,

³⁶ Cư sĩ Mai Quang Hy (1880-1947) là cậu của cư sĩ Hoàng Niệm Tổ. Cụ có tên tự là Hiệt Vân, quê ở huyện Nam Xương, tỉnh Giang Tây. Gia đình cụ có truyền thống thư hương nhiều đời, rất được trọng vọng. Cụ đỗ khóa thi Hương năm 19 tuổi, được bổ làm Đạo Viên tỉnh Hồ Bắc năm 23 tuổi, rất được tổng đốc Hồ Quảng là Trương Chi Động coi trọng, cử làm giám đốc trường Võ Bị Hồ Bắc, sau đấy, ông Trương phái cụ Mai sang Nhật theo học trường Lục Quân Chấn Vũ Học Đường, để được huấn luyện thành sĩ quan chỉ huy. Sau khi tốt nghiệp, cụ còn theo học tại Nhật Bản Tào Đạo Điền Đại Học, ngành chính trị kinh tế. Khi ấy, nhà Thanh đứng trước tình thế đất nước nghiêng ngả, phải nghĩ đến chuyện duy tân, chiêu mộ hiền tài cải cách đất nước. Bạn bè khuyên cụ tham chánh, cụ khẳng khái bảo: “*Công thành bị đạo, danh thành bị thiếu đức, thầy ta là cụ Dương chẳng dạy ta như thế*”. Cụ Dương ở đây chính là nhà học giả Phật giáo Dương Nhân Sơn. Cụ Mai học Phật là do người cùng làng là Khuê Bá Hoa hướng dẫn, cụ Khuê là anh một người bạn học của cụ Mai. Cụ Mai theo học Đại Thừa Khởi Tín Luận, Hoa Nghiêm, Tam Luận và các kinh điển trọng yếu của Tịnh Độ với cụ Dương. Từ đấy, cụ Mai chuyên tâm học Phật, trở thành một hành giả Tịnh Độ nhiệt thành và là một nhà nghiên cứu Duy Thức Học có uy tín, cụ từng nói: “*Chẳng phải sách Phật sẽ không đọc, chẳng phải Phật hạnh sẽ chẳng hành*”. Cùng với cư sĩ Hạ Liên Cư là hai nhân vật nổi danh với tài diễn giảng thời ấy “*Bắc Hạ, Nam Mai*”. Cụ để lại những tác phẩm nổi tiếng như Tướng Tông Cương Yếu, Tướng Tông Cương Yếu Tục Biên, Tướng Tông Sử Truyện Lược Lục, Đại Thừa Tướng Tông Thập Thắng Luận.

chỉ còn mỗi bản Vô Lượng Thọ kinh này, khẳng định [bản được lưu lại] là bản hội tập này. Tôi tin như vậy, chẳng hoài nghi chút nào.

Duyên của bản hội tập ấy hết sức thù thắng, trong quá khứ lão cư sĩ Triệu Phác Sơ từng tán thán. Cụ Phác Sơ đã từng đọc bản Chú Giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ tại Trung Quốc đại lục. Cuốn Giảng Ký [ghi chép lời giảng] kinh này của tôi được chính cụ Phác Sơ đề tựa sách, hết sức hoan hỷ. Có một lần, tôi gặp cụ nhằm đúng khóa thứ hai lớp huấn luyện bồi dưỡng tại Tân Gia Ba, chúng tôi dạy khóa đó, dùng bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ [làm tài liệu giảng dạy], trọng điểm là soạn lại khoa phán. Chúng tôi chỉ viết cái sườn khoa phán, để các đồng học mỗi ngày nghiên cứu thảo luận, cuối cùng tạo thành bản cố định. Bản ấy chúng tôi in theo lối xếp đôi giấy³⁷, hoàn toàn vẽ bằng biểu đồ.

Tôi gởi cho cụ Phác Sơ một bộ, cụ cầm trên tay: “Vô Lượng Thọ kinh nay mới hoàn chỉnh, có khoa hội tường tận, có giảng giải tường tận như thế, có bản Đại Kinh Giải tuyệt luân tinh vi của Hoàng Niệm Tổ”. Cụ trông thấy hết sức cao hứng. Nhà Phật thường nói: “*Phật chẳng đo kẻ vô duyên*”. Duyên phận tốt đẹp dường ấy, quý vị gặp được không tin, chẳng thể tiếp nhận thì là kẻ vô duyên, thì đúng như thầy Lý nói kẻ ấy phải luân hồi nhiều kiếp. Khi nào anh tin tưởng, anh tiếp nhận, anh chiếu theo phương pháp lý luận trong kinh ấy tu hành, nhất định anh sẽ vãng sanh.

Tiếp đó, trong phần biểu giải tôi đã soạn, quý vị có thể đọc thấy: “*A Di Đà Phật, duy tâm vi tông, duy Phật vi tông, tuyệt đãi viên dung vi tông, siêu tình ly kiến vi tông*” (A Di Đà Phật, dùng duy tâm làm tông, chỉ lấy Phật làm tông, lấy viên dung tuyệt đối làm tông, lấy siêu tình ly kiến làm tông), như vậy mới là nêu rõ sự chẳng thể nghĩ bàn. Quý vị thường học tập (đây cũng là điều chúng tôi thường đề xướng gần cả năm nay) Tam Thời Hệ Niệm. Pháp sự Tam Thời Hệ Niệm (là phương pháp tu hành), do thiền sư Trung Phong lão nhân gia biên định vào đầu đời Nguyên. Quý vị thấy trong phần khai thị, lão nhân gia nói: “*Duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà*”, chẳng khác gì kinh Hoa Nghiêm đã nói. Quý vị phải thực sự hiểu rõ “*tâm ta là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta*”, “*phương này tức Tịnh Độ, Tịnh Độ tức phương này*”. Vấn đề ở chỗ mê - ngộ bất đồng. Ngài Trung Phong xác thực là bậc Bồ Tát đại

³⁷ “*Xếp đôi giấy*” (triệp điệp bản) là lối in theo sách cổ, sách được in từng trang trên một tờ giấy dài, khi in xong sẽ gấp sách thành từng trang không đóng gáy, chỉ gấn bìa ở hai đầu.

triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, chẳng phải người tầm thường. Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, địa vị thấp nhất là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, phải là từ Sơ Trụ trở lên. Thế giới Cực Lạc do đâu mà có? A Di Đà Phật do đâu mà có? Chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến. Đây là điều thứ nhất. Tông là căn nguyên, phải biết do đâu mà có.

“*Tâm*”: Tâm rất khó hiểu. Mọi người trông thấy chữ Tâm bèn nghĩ đến Nhục Đoàn Tâm (quả tim thịt), quả tim trong thân thể, là một cơ quan trong thân ta. Chẳng phải nói về cái tâm ấy, cái tâm ấy chẳng có tác dụng gì hết. Loại thứ hai là Duyên Lự Tâm, nay ta thường gọi là tư tưởng, có thể nghĩ tưởng. Triết học gia Tây phương cũng nói như thế này: “*Tôi suy tưởng nên tôi tồn tại*”. Chúng ta suy nghĩ, đại khái cái suy nghĩ ấy là do tâm ta. So ra, Duyên Lự Tâm cao hơn Nhục Đoàn Tâm một bậc, nhưng vẫn chưa trúng. Có thể suy tưởng, có thể phân biệt, có thể biết tà - chánh, đúng - sai, thiện - ác; đó là Thức. Chỉ do Thức hiện, đó là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, trong Phật pháp gọi là “vọng tâm”, chẳng phải là chân tâm. Vẫn còn có cái chân tâm, vậy chân tâm là gì?

Chân tâm là “*linh tri*”, chúng ta cũng có thể nói: Chân tâm là trí huệ Bát Nhã như trong nhà Phật thường nói. Trí huệ Bát Nhã vốn có sẵn trong tự tánh. Trí huệ Bát Nhã là Thể của tự tánh; đức năng, tướng hảo là tự tánh khởi tác dụng. Thể của tự tánh thuần túy là trí huệ, sau khi mê biến thành vô minh, biến thành phiền não. Kinh Hoa Nghiêm thường nói là biến thành vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Bởi thế, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là hiện tượng được đẩy lên sau khi chân tâm bị mê, chúng được gọi là vọng tâm, chẳng gọi là chân tâm. Chân tâm không vướng mắc phân biệt, vọng tưởng, chấp trước; chân tâm ở đâu? Chân tâm chẳng hề rời khỏi ta, chẳng lìa hết thủy pháp.

Tôi đã trình bày cùng quý vị, tiền sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản làm thí nghiệm kết tinh nước, có vị đồng học ghi tóm tắt lại từ mạng Internet đưa cho tôi xem. Đây là chuyện khoảng chừng hai tháng trước. Tôi xem xong, lập tức nghĩ trong kinh Lăng Nghiêm; đức Phật nói mấy câu : “*Chư pháp sở sanh, duy tâm sở hiện*” (Các pháp được sanh ra chỉ là do tâm hiện). Các pháp là hết thủy pháp, hư không, pháp giới, sát-độ, chúng sanh. Chúng sanh là hết thủy hiện tượng do các duyên hòa hợp sanh ra, nên gọi là chúng sanh. Nay chúng ta nói động vật, thực vật, khoáng vật, bao gồm tất cả hết thủy hiện tượng tự nhiên, đều là chúng sanh, đó đều là “các pháp”. Các pháp ấy từ đâu sanh ra? Chỉ do tâm hiện.

Tiếp đó, lại nói: “*Hết thủy nhân quả*”, hết thủy nhân quả là mười

pháp giới, “*thế giới, vi trần*”, lớn là thế giới, thế giới là tinh hệ (galaxy), cõi nước tam thiên đại thiên thế giới của Phật, đó là nói về cái to lớn. Hiện tại, khoa học hướng về hai cực đoan: Một là hướng về cái lớn vô cùng, tức vật lý không gian; hai là hướng về cái nhỏ vô hạn, tức lượng tử học (quantum mechanics). Những điều này trong kinh Phật đều có nói. “*Thế giới, vi trần*”, thế giới là lớn nhất, vi trần là nhỏ nhất, “*do tâm mà thành Thế*”, từ đâu mà có? Từ tâm biến hiện ra. Tâm ở đâu? Không có thứ gì chẳng phải là tâm, tâm biến ra hết!

Giống như cổ đại đức giảng Phật pháp, nói hết thấy Phật pháp do tâm biến, mọi người chẳng hiểu, bèn nêu tỷ dụ, thí như “*dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng*”, rất dễ hiểu. Đem tâm ví với vàng; đem thế giới, vi trần, hết thấy các pháp ví như các món vật, những món đồ ấy do đâu có? Do vàng biến hiện ra, tức do tâm biến hiện ra. Đặc tánh của tâm là gì? Đặc tánh của nó là linh tri, trong phần khai thị, Trung Phong đại sư gọi [chân tâm] là “*linh tri tâm*”. Linh tri cũng chẳng dễ hiểu, trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật giảng rõ hơn. Kinh Lăng Nghiêm dùng bốn chữ “*kiến, văn, giác, tri*” (thấy, nghe, hay, biết); Trung Phong đại sư gọi là Linh, trong chữ Linh bao gồm khả năng thấy, nghe, cảm nhận. Không gì chẳng linh, tất cả hết thấy vạn vật đều linh! Bởi vậy, hết thấy vạn vật là do tâm biến, đặc tánh của tâm là có thể thấy nghe, có thể hay biết; ông Giang Bồn Thắng từ việc kết tinh nước phát hiện ra điều đó. Quả thật nước có thể thấy, nghe, hiểu được ý nghĩ của con người, linh minh giác tri.

Bởi thế, chúng tôi biết tin đó, lập tức nghĩ đến những điều kinh Lăng Nghiêm đã nói. Chẳng riêng gì nước, nếu ông ta thí nghiệm trên tất cả hết thấy vạn vật, đúng là sẽ đều như thế. Thí nghiệm đơn giản nhất là trên hoa quả, cây cỏ chúng ta vun bón. Bất luận quý vị trồng thứ gì trong sân, hoặc với những cây Bồn Tài (bonsai), mỗi ngày đều nhìn nó, quan tâm đến nó, trò chuyện cùng nó, hoa cỏ mọc rất tươi tốt, mọc rất đẹp. Mỗi ngày quý vị chỉ đơn giản nói với nó mấy câu, ngày ngày nói với nó, quý vị thấy một tuần sau nó càng lớn càng đẹp. Quý vị lại làm thí nghiệm khác: Để riêng một chậu cây, mỗi ngày chán ghét nó, nó lớn nhưng rất xấu. Một tuần lễ sau, nó càng ngày càng xấu, có thể làm thí nghiệm như vậy!

Chúng tôi nghe nói: Hiện tại ở không ít trường học, bọn học trò nhỏ làm thí nghiệm đối với cây cỏ, hoa lá; quả nhiên phát hiện nếu chúng thường nghe lời khen ngợi, cây cối sẽ đặc biệt phát triển tốt. Nếu thường bị chửi mắng ác độc, bị miệt thị, cây ử rũ, thiếu sanh khí. Điều

đó chứng tỏ lời Phật dạy trong kinh là đúng, chẳng phải giả! Nếu quý vị lại thí nghiệm, bùn cát đều có cảm ứng, đều thấy được, nghe được, cảm nhận được, biết được, không có một vật nào chẳng như vậy. “*Do tâm mà thành thể*”: Triết Học thường gọi Thể là “bản thể”, [chữ Thể nói trong kinh Phật chính là] bản thể của vũ trụ vạn hữu. Bản thể của vũ trụ vạn hữu là “*kiến, văn, giác, tri*”, đây là Bát Nhã vốn sẵn có nơi tự tánh. Bởi vậy, hết thấy đức năng, hết thấy tướng hảo thấy đều trọn đủ, không có pháp nào chẳng đầy đủ kiến - văn - giác - tri.

Ông Giang thực hiện thí nghiệm kết tinh nước đã tám chín năm, tổng kết những sự kiện nào sẽ khiến nước kết tinh thành hình dạng đẹp nhất? Một là yêu thương, hai là cảm ơn, cảm tạ. Dùng những điều đó ngày ngày nói với nước, nước sẽ xuất hiện những kết tinh đẹp nhất. Bởi thế, tiền sĩ Giang nói thân thể con người chúng ta bảy mươi phần trăm là nước, nếu chúng ta có tâm yêu thương, có ý niệm cảm ơn, đối với hết thầy người, hết thầy sự, hết thầy vật, thường đem lòng yêu thương, có tâm cảm tạ thì tất cả hết thầy vạn sự, vạn vật và bảy mươi phần trăm nước trong nội tâm, thân thể đều xuất hiện những kết tinh đẹp đẽ nhất. Người ấy nhất định mạnh khỏe sống lâu, hoàn cảnh bên ngoài nhất định biến thành tốt đẹp vô cùng. Đây là như các nhà Phong Thủy thường nói: “*Phong Thủy chuyển biến theo ý niệm của con người*”, trong nhà Phật gọi là “*cảnh chuyển theo tâm*”.

Ý niệm của con người, ý niệm thiện có thể cải biến toàn thể thế giới. Trái lại, ý niệm ác có thể tạo thành mối nguy hại lớn nhất cho thế giới. Bởi vậy, thế giới an hay nguy, thế giới sướng hay khổ, căn nguyên là vì đâu? Căn nguyên là ý niệm của chúng sanh sống trong thế giới ấy. Ông ta rút ra kết luận ấy từ chứng minh khoa học, trong kinh Lăng Nghiêm đức Phật đã giảng rất rõ ràng, minh bạch.

“*Duy tâm làm tông*” là nói về Lý; “*chỉ lấy Phật làm tông*” là nói theo phương pháp tu học. Pháp môn này của chúng ta là “chấp trì danh hiệu A Di Đà Phật”. A Di Đà Phật nghĩa là gì? A dịch là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Trí hoặc Giác. Toàn bộ danh hiệu này dịch ra là “vô lượng trí huệ, vô lượng giác ngộ”, ý niệm ấy tốt đẹp. Vô lượng trí giác là Phật tánh, nơi hết thầy vạn vật thì gọi là Pháp Tánh, [còn nơi hết thầy hữu tình chúng sanh thì gọi là Phật tánh]. Chúng ta niệm A Di Đà Phật là niệm điều gì? Niệm pháp tánh. Vạn sự, vạn vật, không pháp nào chẳng giác, không pháp nào chẳng trí, trí giác trọn khắp hư không pháp giới. Bởi vậy, pháp môn này chủ trương Trì Danh Niệm Phật, tuyệt đối viên dung, hoàn toàn là cảnh giới Hoa Nghiêm. Lại còn nói thêm: “*Đầy đủ*

Tam Học, Tam Huệ, hết thấy pháp môn”, đó là viên dung tuyệt đối.

Bởi vậy, ngay từ tựa đề bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, chúng ta đã thấy ngay, tựa đề kinh rất dài: ***Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh***. Quá nửa tựa đề kinh này nói về quả đức, “*Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm*” là quả đức! Phần tiếp đó nói về tu đức, tu những gì? “*Thanh tịnh bình đẳng giác*”. Trong Tam Học, Thanh Tịnh là Giới học, Bình Đẳng là Định học, Giác là Huệ học. Quý vị thấy chẳng những là Tam Học mà còn là Tam Bảo, Thanh Tịnh là Tăng Bảo, Bình Đẳng là Pháp Bảo, Giác là Phật Bảo. Tam Học, Tam Bảo! Tam Học cũng là Tam Tạng, Giới là Luật Tạng, Định là Kinh Tạng, Huệ là Luận Tạng. Tam Huệ là một Thể, một mà ba, ba nhưng một. Kinh Hoa Nghiêm nói “*một tức là nhiều, nhiều tức là một*”, tuyệt đối viên dung.

Kinh Hoa Nghiêm là viên dung, đại pháp viên đốn, chỗ quy túc cuối cùng của đại pháp viên đốn là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc. Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng nhập vào đâu? Vào Vô Lượng Thọ Kinh, nhập vào kinh A Di Đà. Vô Lượng Thọ Kinh, A Di Đà Kinh là tổng kết của kinh Hoa Nghiêm, là quy túc của kinh Hoa Nghiêm. Theo kinh Lăng Nghiêm, “*siêu tình ly kiến*” (vượt khỏi kiến giải do chấp trước tình thức) là cảnh giới của quả Như Lai, không phải là cảnh giới của Bồ Tát, đó chính là một câu A Di Đà Phật!

Mọi người chẳng hiểu rõ ý nghĩa này, bởi thế, thường hay coi thường: Câu A Di Đà quá dễ dàng, ai chẳng niệm được? Đứa trẻ lên ba còn niệm được. Sự áo diệm trong một câu Phật hiệu không ai biết đến. Ai có thể hiểu rõ ràng thấu triệt? Chỉ có Phật và Phật mới có thể hiểu rất rõ, chỉ có đạt đến quả vị Phật mới biết một câu danh hiệu này chẳng thể nghĩ bàn. Nói cách khác, ngay cả Đẳng Giác Bồ Tát còn chưa hiểu trọn. Cổ nhân có tỷ dụ: Đẳng Giác Bồ Tát như ngấm trăng qua một bức màn, sợi màn bằng loại trù đoạn³⁸ rất mỏng, dẹt rất mịn. Thời cổ dùng loại the này làm cánh cửa sổ, ánh sáng lọt qua được. Đêm tối ngấm trăng sáng, dù màn hay cửa sổ bằng the che khuất, vẫn ngấm trăng rất rõ, nhưng là sao? Vẫn còn cách một tầng. Đối với sự việc này, Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn như cách bức màn ngấm trăng, chẳng dễ dàng! Bởi vậy, pháp môn này gọi là pháp khó tin, quý vị thực sự tin được là quý vị có phước khí, thực sự có thiện căn. Trong kinh dạy một câu hay lắm: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*”

³⁸ Trù đoạn: Các loại the lụa rất mịn.

(Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi đó). Xác thực là quý vị có thiện căn, có phước đức, có nhân duyên thì quý vị mới có thể tin được, rất ư là khó vậy!

Chúng tôi chẳng thể giảng tường tận sách Yếu Giải, vì trong tương lai tôi sẽ giảng tường tận kinh A Di Đà một lần nữa. Khi giảng lần nữa, tôi sẽ giảng Yếu Giải. Trước kia đã giảng Sớ Sao một lần, còn giữ được băng ghi âm, hình như không phải là băng ghi hình. Chúng tôi nhớ có hơn ba trăm cuốn, mỗi cuốn dài chín mươi phút, hơn ba trăm cuốn đó nghe! Trong tương lai giảng lần nữa, chúng tôi sẽ đem Yếu Giải cùng các đồng học học tập lần nữa, chúng ta sẽ tích cực học tập tốt đẹp một lần nữa.

Tuy mấy câu kinh văn này không dài, nhưng trong Yếu Giải đại sư chú giải chẳng ít, chứng tỏ mấy câu này nói lên cương lĩnh của toàn bản kinh, ba đại cương lĩnh “*khuyến tín, khuyến nguyện, khuyến tu*”. Chấp trì danh hiệu là tu. Sau phần chú giải của Ngài, còn có mấy câu: “*Di Đà tự Phật, thuyết pháp tự Pháp, hiện tại hải hội tự Tăng*” ([Kinh nói] Di Đà là giới thiệu Phật, nói thuyết pháp là giới thiệu Pháp, nói hải hội hiện diện là giới thiệu Tăng). Phật - Pháp - Tăng Tam Bảo, Tam Bảo cùng một Thật Tướng, đó là “giới thiệu Thể”. Từ đây khởi lòng tin, phát nguyện, tu hành, đó là “nêu Tông”. “*Tín nguyện hạnh thành, tất đắc vãng sanh kiến Phật, văn pháp, tự Dụng*” (Tín nguyện hạnh thành, ắt được vãng sanh thấy Phật, nghe pháp, là nêu lên Dụng). “*Duy nhất Phật giới vì sở duyên cảnh, bất tạp dư sự, tự giáo tướng*” (Chỉ một Phật giới là cảnh sở duyên, chẳng xen tạp những việc khác, là nêu ra giáo tướng). Lời lẽ, văn tự rất đơn giản, nhưng ý nghĩa châu toàn phi thường, rất khó lãnh hội.

Trong phần chú sớ, Ngài nói “*Phật - Pháp - Tăng cùng một Thật Tướng*”, Thật Tướng là chân tướng sự thật của vũ trụ và chúng sanh (chúng tôi chẳng nói “nhân sinh”, phạm vi của nhân sinh quá hẹp, chúng sanh có phạm vi lớn hơn). Vì thế mọi người phải hỏi vũ trụ do đâu mà có? Hư không xuất hiện như thế nào? Vũ trụ do đâu có? Sanh mạng từ đâu có? Hết thảy chúng sanh từ đâu đến? Câu hỏi lớn đấy! Trong Phật pháp có lời giải đáp rất minh xác, tuy nói rất tỉ mỉ, rất minh xác, nhưng ít người hiểu nổi.

Có lần cư sĩ Chung Mậu Sâm thấy trên mạng Internet các nhà khoa học trình bày những sự việc ấy gần giống với Phật pháp, ông ta đã báo cáo những điều đó với chúng ta ở nơi đây. Bản báo cáo ấy khá lắm, tiếc là vẫn chưa hiểu rõ, chưa giải thích rõ được những sự việc ấy. Thực

sự giảng rõ ràng, minh bạch vẫn là kinh Phật. Các nhà khoa học phát hiện “hữu” thực sự phát sanh từ “không”, tức là trong Vô sanh ra Hữu, “không vô” có thể sanh ra Hữu. Đó là phát hiện mới nhất của khoa học. Vũ trụ hình thành là “*nhất thời đốn hiện*” (xuất hiện ngay trong cùng một lúc), sự giải thích ấy không sai. Nhất thời đốn hiện, một thời nào? Không nói rõ được. Nay đã hết giờ rồi, đợi đến phần sau thấy có những câu nào liên quan đến vấn đề này, chúng tôi sẽ trình bày tiếp cùng quý vị. Hiểu rõ chân tướng sự thật đó, tâm chúng ta bèn định, vọng tưởng tự nhiên buông xuống được. Dù chẳng buông xuống hoàn toàn, cũng giảm thiểu được hơn một nửa, có ích rất lớn cho việc tu học.

A! Nay đã hết giờ rồi!

Tập 10

6.3. Chánh Tông Phần

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn lớn thứ hai của kinh A Di Đà trong Hệ Niệm Pháp Sư, tức phần Chánh Tông. Đoạn lớn này là một bộ phận trọng yếu nhất của kinh A Di Đà; được chia thành ba đoạn vừa (trung đoạn):

1) Đoạn thứ nhất là “*quảng trần bỉ độ y chánh diệu quả dĩ khởi tín*” (trình bày rộng rãi về diệu quả y báo và chánh báo của cõi kia để khơi gợi lòng tin).

2) Đoạn thứ hai là “*đặc khuyến chúng sanh ưng cầu vãng sanh dĩ phát nguyện*” (đặc biệt khuyến chúng sanh nên phát nguyện cầu vãng sanh).

3) Đoạn thứ ba là “*chánh thị hành giả chấp trì danh hiệu dĩ lập hạnh*” (dạy hành giả chấp trì danh hiệu để lập hạnh).

Phần Chánh Tông cũng là ba đoạn tương ứng với Tín, Nguyện, Hạnh. Cả ba đoạn này đều khá dài; nay chúng ta học tập một đoạn.

6.3.1. Rộng Bày Diệu Quả Y Báo, Chánh Báo Để Khởi Tín

Xin hãy xem kinh văn từ:

Xá Lợi Phất! Bỉ độ hà cố danh vi Cực Lạc?”

舍利弗。彼土何故名為極樂。

(Xá Lợi Phất! Cõi ấy vì sao có tên là Cực Lạc?)

Đây là đoạn bắt đầu cho đến:

Chư Bồ Tát chúng diệc phục như thị. Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

諸菩薩眾亦復如是。舍利弗。彼佛國土。成就如是功德莊嚴。

(Các vị Bồ Tát cũng giống như vậy. Nay Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như thế đó).

Chúng ta lại phải chia [đoạn lớn này] thành những tiểu đoạn để nghiên cứu, học tập.

6.3.1.1. Minh Định Tông Chỉ: Tín - Nguyện - Trì Danh

Tiểu đoạn thứ nhất là “*Tín nguyện trì danh, nhất kinh yếu chỉ, tín nguyện vi Huệ hạnh, trì danh vi Phước hạnh*” (Tín nguyện trì danh là tông chỉ trọng yếu của kinh, tín nguyện là hạnh thuộc về Huệ, trì danh là hạnh thuộc về Phước). Học tập kinh này, trước hết phải nhận biết chính xác mới hòng nhận thức chính xác, hiểu rõ ràng. Ở phần trên, tôi đã báo cáo cùng quý vị sự thù thắng của bản kinh này, mười phương chư Phật cùng tán thán! “*Tuyệt đối viên dung, siêu tình lý kiến, chẳng thể nghĩ bàn*”. Tông chỉ trọng yếu của bản kinh này là giềng mối để ta học tập, trong nhà Phật nói: Cương lãnh tu hành, tông nguyên tắc tu hành chính là “*tín nguyện trì danh*” hay Tín - Nguyện - Hạnh. Tín - Nguyện là Huệ, tức là thiện căn như đã nói ở phần trên. Trì Danh là phước! Người chịu niệm Phật là có phước. Không thể niệm Phật là vì sao? Vì bậc phước! Đúng là có không ít người, dạy họ niệm một câu Phật hiệu sáu chữ “*Nam-mô A Di Đà Phật*”, thậm chí đơn giản hơn một chút là bốn chữ A Di Đà Phật, họ cũng chẳng thể niệm được.

Nếu chẳng nghiên cứu, thảo luận kinh điển thì chúng tôi chẳng nói; nhưng nếu nghiên cứu, thảo luận kinh điển, tự bản thân chúng ta phải hiểu rõ, phải biết rõ tướng trạng ấy là tướng trạng bậc phước; ta thường nói là “*không có phước báo*”. Trong mười hai thời, chấp trì danh hiệu; đó là phước báo thù thắng khôn sánh, phước báo hiếm có trong thế gian. Chúng ta thấy có rất nhiều người nghèo khổ, suốt ngày miệng

chẳng lia A Di Đà Phật, tay chẳng lia xâu chuỗi, một ngày niệm mười vạn tiếng. Niệm rất siêng năng, nhanh lẹ! Tôi nghe nói trước khi vãng sanh độ hai, ba tháng, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ mỗi ngày niệm Phật mười sáu vạn câu. Ngài là một vị Kim Cang Thượng Sư bên Mật tông, lúc lâm chung nhất tâm niệm Phật, nêu khuôn phép, làm gương cho chúng ta, chúng ta phải biết như thế. Đây là Ngài đại từ đại bi thị hiện.

Các vị hãy chú tâm suy nghĩ, có phước báo thế gian, xuất thế gian nào lớn bằng phước báo niệm Phật hay chẳng? Quý vị tìm không ra. Ai là người có phước báo? Nếu chú tâm quan sát, đó là người “*tay chẳng lia xâu chuỗi, miệng chẳng lia Phật hiệu*”. Người như vậy phước báo lớn nhất. Vì sao biết? Người ấy trong một đời này sẽ sanh về thế giới Cực Lạc làm Phật, ai sánh bằng người ấy được? Đừng nói là trong nhân gian không ai sánh bằng, Đại Phạm Thiên Vương, Ma Hê Thủ La Thiên Vương trên trời cũng không có cách gì sánh bằng được! Đại Phạm Thiên Vương, Ma Hê Thủ La Thiên Vương còn là phàm phu trong sáu đường, chưa ra khỏi lục đạo, chẳng niệm Phật! Người ấy chịu niệm Phật, vãng sanh ngay trong một đời này; thực sự hiểu rõ, thực sự minh bạch, thực sự giác ngộ, quyết định tu tập pháp này. Trong thế gian này, dù có cho họ vinh hoa, cho họ hưởng thụ thế nào, người ấy đều chẳng thích thú. Hứng thú, chí hướng của người ấy là sống qua ngày tháng, thật thà niệm Phật! Đây phải là người chân chánh giác ngộ, triệt để giác ngộ thì mới có thể làm được như vậy!

Thế gian đã loạn quá, cụ Lý Bình Nam nói rất hay: “*Dù Phật, Bồ Tát, thần tiên đến cũng cứu không được!*” Dù chúng ta có tâm đại từ bi, nói trắng ra là tâm có thừa nhưng sức chẳng đủ, trong tình huống ấy, chúng ta phải làm như thế nào? Dốc lòng trì danh niệm Phật, quyết định vãng sanh bất thoái thành Phật! Bởi thế, trong thế gian này thọ mạng dài - ngắn không cần đếm xia tới, hết thầy đều tùy duyên. Buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật, tự độ, độ người. Chính mình đã thành tựu, người khác trông thấy, học tập theo, mình bèn hóa độ người khác. Nay đối với pháp môn này, chúng ta có tín nguyện kiên định như thế; há chẳng phải là từ xưa đến nay có rất nhiều người niệm Phật thành tựu, nêu gương cho ta thấy, đó gọi là “*chứng truyền*”; [tức là] họ chứng minh, chứng minh sự việc này là thật, chẳng giả. Chúng ta thấy rõ ràng, nghe minh bạch, mới bền kiên định tín nguyện, mới buông xuống vạn duyên, chuyên tu, chuyên hoằng. Chuyên tu và chuyên hoằng chỉ là một việc, chẳng phải hai; chuyên tu là chuyên hoằng, chuyên hoằng chính là chuyên tu. Phải nhớ kỹ, phải hiểu rõ cương lĩnh này. Tiếp theo đây, tôi

trích lục mấy câu hết sức trọng yếu, đều là những câu trích từ sách Yêu Giải.

“Đắc sanh dữ phủ, toàn do tín nguyện chi hữu vô. Phẩm vị cao hạ, toàn do trì danh chi thâm thiển” (Được vãng sanh hay không, hoàn toàn là do tín nguyện có hay không? Phẩm vị cao hay thấp, hoàn toàn là do trì danh sâu hay cạn). Có được vãng sanh hay không do tín nguyện quyết định, tín nguyện có nghĩa rất sâu. Quý vị thực sự tin tưởng, thực sự phát nguyện, tự nhiên quý vị rất lãnh đạm đối với thế gian này. Thấy thế gian này như thế nào? Coi như một cuộc lữ du, nơi này như lữ điểm (quán trọ), như lữ quán. Tốt cũng được, không tốt cũng xong, ở đôi ba ngày rồi đi. Chỗ này chẳng mấy may liên quan gì đến ta, nó có chủ nhân, ta là khách đi đến. Tự nhiên quý vị có ý tưởng ấy; bởi thế, đối với hết thảy mọi sự trong thế gian này, quý vị tuyệt đối chẳng để tâm.

Có rất nhiều người trong cõi đời niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, suốt đời niệm Phật rốt cuộc chẳng thể vãng sanh, là vì nguyên nhân nào? Quý vị nói họ chẳng tin ư? Họ rất tin tưởng, tin rất kiên thành. Quý vị nói họ chẳng có nguyện ư? Suốt ngày miệng cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới; vì sao chẳng đến được? Vì xen tạp! Xen tạp duyên cõi đời, chẳng buông xuống được! Trong tâm kẻ ấy vướng mắc, đến lúc lâm chung vướng mắc chẳng dứt, bị chúng lôi lại! Duyên do là như vậy. Khi xưa, thầy Lý rất cảm khái nói: *“Một vạn người niệm Phật, thực sự được vãng sanh chỉ có hai, ba người mà thôi!”* Trong một vạn người mà chỉ có hai, ba người, chín ngàn chín trăm chín mươi bảy người kia chẳng được vãng sanh.

Chúng ta phải hiểu nguyên nhân vì sao chẳng được vãng sanh, đó là vì tâm có vướng mắc. Vì sao tâm họ có vướng mắc? Chẳng thực sự tin, nguyện chẳng chân, hành chẳng hết sức, luống uổng một đời, chỉ tăng cường được chủng tử tịnh nghiệp trong A Lại Da Thức, đến khi nào lại gặp được duyên phận để tiếp nhận tu tập thật rất khó nói! Chắc chắn là có lần sau, nhưng thời gian lần sau ấy dài hay ngắn, khó nói lắm. Có kẻ lui sụt, bèn lui sụt mấy đời, thậm chí có kẻ lui sụt bèn lui sụt cả mấy kiếp, đáng sợ lắm! Nếu quý vị hỏi là do nguyên nhân gì ư? Thiệu Đạo đại sư nói rất rõ: *“Gặp duyên bất đồng”*. Phải biết: Được làm thân người, nghe Phật pháp, gặp được pháp môn Tịnh Độ, đúng là trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ, là một ngày khó gặp gỡ từ vô lượng kiếp đến nay.

Mọi người chúng ta cũng là đối với một ngày khó gặp trong vô lượng kiếp mà ngày hôm nay chúng ta được gặp. Gặp được mà chẳng biết quý tiếc, chẳng biết sốt sắng nỗ lực tu tập, đáng tiếc lắm! Đối với cơ

hội, người thế gian thường nói là “hễ bỏ lỡ là xong luôn”, chẳng biết năm nào, tháng nào, ngày nào mới gặp lại. Phàm những người có thành tựu xuất thế gian hay thành công trong thế gian, chẳng có bí quyết màu nhiệm chi khác, chỉ là nhận biết cơ hội, chụp lấy cơ hội bèn thành tựu. Người chẳng nhận biết cơ hội, hoặc nhận biết cơ hội nhưng không chịu chụp lấy, đều thất bại! Chẳng thể buông duyên trong cõi đời (thế duyên) xuống được! “Buông xuống” không có nghĩa là mặc kệ, chẳng quan tâm tới. Quý vị thấy điều gì phải quan tâm cứ quan tâm, nhưng đồng thời lại buông xuống, tuyệt diệu như thế đó! Đây là gì? Là trí huệ. Người thế gian nếu đã quan tâm bèn bận lòng, chẳng buông xuống được. Vì nguyên nhân nào? Vì tình chấp, do họ có tình chấp.

Sao Phật, Bồ Tát vừa quan tâm, vừa chiếu cố, lại buông xuống được? Các Ngài có trí huệ, trí huệ chân thật, hoàn toàn chuyển tình chấp thành trí huệ, ta thường nói là “*trí huệ viên mãn rốt ráo*”. Phương tiện thiện xảo thù thắng diệu tuyệt, nói theo kiểu bây giờ là “thủ đoạn khéo léo cao độ”. Trong nhà Phật gọi thủ đoạn khéo léo cao độ là “*phương tiện thiện xảo*”. Trong tâm chẳng vướng mắc mảy may dấu vết nào thì gọi là “*buông xuống*”. Lại đại từ đại bi phổ độ chúng sanh, dù phổ độ chúng sanh nhưng tâm chẳng có mảy may nhiễm trước, đây là diệu dụng của tánh đức.

Đức Phật thường dạy chúng ta: Loại diệu dụng trí huệ ấy chẳng phải chỉ riêng một cá nhân nào có, mà hết thấy chúng sanh ai nấy đều sẵn có. Trọn chẳng phải chỉ mình Phật, Bồ Tát mới có, không phải vậy! Vì sao nay các Ngài có, chúng ta không có? Các Ngài giác, chúng ta còn mê. Giác chẳng có chướng ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Mê thì nơi nào cũng thành chướng, chón chón đều là chướng ngại. Chúng ta cam bẻ chịu mê, mê mất tự tánh. Chân tướng sự thật ấy chúng ta chẳng thể không biết. Nay Phật, Bồ Tát giúp chúng ta, giúp điều gì? Phá mê khai ngộ! Chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát đều coi giúp hết thấy chúng sanh phá mê khai ngộ là công đức bậc nhất, không gì có thể thù thắng hơn được, không gì tốt hơn được nữa. Đó là lợi ích chân thật rốt ráo viên mãn, là sư đạo (đạo làm thầy).

Trong kinh Phật dạy “*sư ân siêu quá phụ mẫu*” (ơn thầy vượt trội ơn cha mẹ), vị thầy vừa nói đó chẳng phải là những thầy giáo thông thường trong thế gian. Trong tâm mục của người Trung Quốc, thường xem những vị thầy trong thế gian như cha mẹ. Ân đức của thầy lớn như ân đức của cha mẹ, tương đương, bằng với ân cha mẹ; nhưng trong Phật pháp, những vị thầy vừa nói trên đây chính là chư Phật Như Lai, Pháp

Thân Bồ Tát, ân đức các Ngài vượt trội ân đức cha mẹ; vì sao? Ân đức cha mẹ đối với chúng ta là ân đức một đời; nhưng chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát có ân đức vĩnh hằng đối với chúng ta, đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn chiếu cố, vĩnh viễn quan tâm. Chỉ cần ta có một chút giác ngộ, các Ngài chẳng lìa bỏ, liền nhanh chóng đến giúp đỡ, mong mỗi một điểm giác ngộ ấy được khuếch đại, trở thành sâu đậm hơn. Ân đức ấy cả thế gian lẫn xuất thế gian không có gì sánh bằng được!

Do đây biết rằng: Nói trên mặt hiện thực, công đức lợi ích thù thắng bậc nhất là gì? Là giúp cho chúng ta **TIN** pháp môn này, nguyện sanh Tịnh Độ. Đây là đức bậc nhất, là đại sự bậc nhất của hết thầy Như Lai độ chúng sanh. Chúng sanh căn tánh chưa chín muồi thì không có cách nào hết. Chưa chín muồi thì Phật, Bồ Tát giới thiệu các pháp môn khác. Quý vị phải biết: Giới thiệu các pháp môn khác cho quý vị là chuyện bất đắc dĩ! Bởi vậy, Thiện Đạo đại sư nói một câu mà chúng tôi cho khắc thành ấn chương. Ngài nói: “*Như Lai sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di Đà bốn nguyện hải*” (Sở dĩ Như Lai xuất hiện trong thế gian chỉ nhằm để nói biển bốn nguyện Di Đà). Câu nói này thật hay. Hết thầy chư Phật Như Lai, hết thầy Pháp Thân Bồ Tát thị hiện trong chín pháp giới của hết thầy cõi nước trọn khắp pháp giới hư không là vì lẽ nào? Vì thành thực nói cùng quý vị, vì giúp cho quý vị tin có Tây Phương Cực Lạc thế giới, tin có A Di Đà Phật tiếp dẫn chúng sanh, tin chính mình có duyên vãng sanh cõi Phật. Giúp cho quý vị tin tưởng sự việc ấy, giúp cho quý vị phát nguyện, giúp cho quý vị niệm Phật!

Do đây biết rằng: Chư Phật Như Lai hóa độ chúng sanh chỉ có một môn là pháp môn Tịnh Độ, một môn như vậy. Nếu đối với một môn này, quý vị có chương ngại, chẳng thể tiếp nhận, có nghi hoặc, có hứng thú khác thì Phật luôn hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, đức Phật tuyệt đối chẳng miễn cưỡng. Thiện căn, phước đức, nhân duyên của quý vị chưa chín muồi, miễn cưỡng cũng vô ích! Chẳng những miễn cưỡng vô tác dụng, mà phải nói thật là: Miễn cưỡng còn tạo thành chương ngại bất lợi. Chẳng miễn cưỡng, quý vị thích học điều gì, bèn dạy quý vị học điều đó. Thích Thiền dạy Thiền, thích Mật dạy Mật, thích Giáo dạy Giáo, thích Giới Luật bèn dạy Giới Luật, thích môn gì, dạy môn đó. Do đây biết rằng: Tất cả hết thầy pháp môn, tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn là phụ; pháp môn cốt lõi, pháp môn chủ chốt của hết thầy pháp môn là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Bởi thế, quý vị thấy trong kinh Vô Lượng Thọ, Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán A Di Đà Phật. Thích Ca Mâu Ni tán thán là thay mặt cho

mười phương ba đời hết thấy chư Phật Như Lai tán thán A Di Đà Phật “*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (tôn quý nhất trong các quang minh, là vua của các Phật), tán thán đến cùng cực. Chúng ta nghe hết thấy chư Phật tán thán A Di Đà Phật như thế mà vẫn còn nghi hoặc, chẳng thể hạ quyết tâm, vẫn chẳng thể buông xuống muôn duyên, đây chẳng phải là nghiệp chướng sâu nặng thì là gì vậy? Nghiệp chướng sâu nặng đây!

Kinh Bát Nhã giảng thể gian rất rõ ràng: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*” (phàm tất cả hình tướng đều là hư vọng), “*nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Người thông minh, người có trí huệ phải lắng tĩnh, phải chú tâm quán sát, nhìn thấu suốt thể giới. Vì sao nói là hư vọng, là mộng, huyễn, bọt, bóng? Lời Phật nói là chân thật, Phật giảng cho chúng ta biết chân tướng của vũ trụ. Từ kinh điển Đại Thừa, chúng ta thường đọc thấy cảnh giới của Như Lai, của Pháp Thân Bồ Tát, các Ngài thấy mười phương các cõi Phật như ở ngay trước mắt. Mười phương các cõi Phật ở tại đâu? Ở ngay trước mắt, chẳng xa cách gì!

Chẳng phải giống như chúng ta hiện nay đối trước màn ảnh máy truyền hình, chúng ta có thể nghe họ nói, nhưng họ chẳng nghe thấy chúng ta nói, chúng ta có câu hỏi gì cũng không hỏi họ được. Trong cảnh giới của các Ngài, quý vị thấy mười phương chư Phật. Mười phương chư Phật không đến đây, quý vị cũng không đi qua đó, nhưng ở ngay trước mắt, có thể nắm tay, có thể trò chuyện! Điều đó nói lên điều gì? Cho thấy trong Nhất Chân pháp giới không có không gian, ta muốn thấy Phật quá khứ, chư Phật cũng như đang ở ngay trước mắt; chúng ta muốn thấy Phật vị lai, vẫn là như ở ngay trước mắt. Trong cảnh giới ấy, chẳng có không gian, chẳng có thời gian, nên gọi là Nhất Chân. Nếu có quá khứ, hiện tại, vị lai thì là ba chẳng phải một; có xa - gần thì là hai, cũng chẳng phải một. Chẳng có hai, ba, nên gọi là Nhất Chân Pháp Giới.

Hiện tại, các nhà khoa học dùng Toán Học suy tính bèn nhận thấy “*chẳng có thời gian, chẳng có không gian*” là điều hoàn toàn có khả năng. Trong một điều kiện nào đó, thời gian và không gian hoàn toàn tiêu mất, đây chính là điều kinh Phật thường nói, thường gọi là “*chân tướng sự thật*”. Ngoài ra, họ còn phát hiện Hữu từ Vô biến hiện ra, trong Vô sanh Hữu. Thật ra, kinh Bát Nhã đã giảng đạo lý này quá nhiều lần rồi: “*Sắc tức là Không, Không tức là Sắc, Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc*”. Sắc là Hữu, Không là Vô, Hữu do đâu mà có? Từ Vô sanh Hữu. Bởi thế, cái Vô ấy chẳng thể nói là cái gì cũng đều

không có! Cái gì nó cũng có, lại còn hết sức viên mãn. Đó là gì vậy? Là tự tánh! Kinh Phật gọi là “*pháp nhĩ như thị*” (pháp vốn là như vậy), đó là đức năng của tự tánh, chúng ta thường nói “*tự tánh vạn đức vạn năng*”.

Thật ra, ai cũng biết nói “*vạn đức, vạn năng*”, nhưng không ai thực sự hiểu được ý nghĩa. Thế nào là vạn đức, vạn năng? Vốn chẳng có, cái gì cũng không có, lại có thể biến hiện hư không, biến hiện thế giới, biến hiện vạn vật, đó là vạn đức vạn năng. Kinh Hoa Nghiêm gọi cái có khả năng, có khả năng hiện ấy là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Thức vẫn là tự tánh. Do vậy, Chân Như bản tánh là vạn đức vạn năng, có khả năng hiện, có khả năng biến. Chân Như bản tánh cái gì cũng không có, nhưng có thể hiện ra vạn pháp, biến hiện toàn thể vũ trụ.

Hiện thời, các nhà khoa học cũng khẳng định, họ nói toàn thể vũ trụ lúc chưa biến hiện thì giống như thế nào? Toàn thể vũ trụ co rút, đậm đặc, cô đặc lại thành một lap tử rất bé. Bé đến mức độ nào? Các nhà khoa học nói bé đến mức nhỏ một sợi tóc, đem sợi tóc đó cắt ngang; nơi mặt cắt ngang đó, ta có thể xếp khít những lap tử bé tí. Mỗi lap tử bé tí ấy là vũ trụ co rút lại. Nơi mặt cắt ngang của một sợi tóc ấy, có thể xếp được bao nhiêu hạt nhỏ ấy? Họ nói sau con số một trăm vạn, phải thêm ba chữ Ưc, tức là một trăm vạn ức ức ức; hết sức nhỏ bé! Mỗi một lap tử bé tí ấy có thể biến thành đại thế giới. Phương pháp tính toán của họ là dùng số thập phân. Sau dấu phẩy có ba mươi ba con số zéro, lap tử nhỏ bé như vậy đó lại biến hiện thành thế giới lớn như thế đó.

Trong kinh đức Phật dạy tự tánh không lớn hay nhỏ; phát hiện khoa học nói trên đã chứng minh kinh Hoa Nghiêm. Ở phần trên tôi đã nói qua, trong vi trần có thế giới, Phổ Hiền Bồ Tát có thể vào được. Vi trần ấy nhỏ đến đâu chúng ta chẳng có cách gì tưởng tượng được, kính hiển vi hiện thời chưa thấy được. Mặt cắt ngang của sợi tóc chứa được một trăm vạn ức ức ức lap tử bé xíu như thế, xếp theo hàng ngang, xếp kín mặt cắt ngang của một sợi tóc. Các nhà khoa học nói những thứ ấy sau một cơn bùng nổ lớn (Big Bang) sẽ biến thành thế giới.

Thế giới này, tức thế giới chúng ta đang cảm nhận đây, biến hiện ra như thế nào? Hiện thời, các nhà khoa học cũng phát hiện thế giới này chẳng phải là tiến hóa (phát triển từ từ), họ gọi là “*nhất thời đốn hiện*”, [tức là] đột nhiên hiện ra. Cách giải thích ấy rất gần gũi kinh Hoa Nghiêm.

Rất giống! Hãy nhớ những gì đức Phật thường dạy chúng ta, bốn câu kệ trong kinh Kim Cang là:

*Nhất thiết hữu vi pháp,
Như mộng huyễn bào ảnh,
Như lộ, diệc như điển,
Ứng tác như thị quán.*
(Hết thầy pháp hữu vi,
Như mộng, huyễn, bọt, bóng,
Như sương, cũng như chớp,
Phải thường quán như vậy!)

Chúng ta thấy những điều các nhà khoa học nói giống như kinh Hoa Nghiêm đã nói, đúng là nhất thời đốn hiện! Cái “nhất thời” ấy là lúc nào? Nhất thời đó là “*đương hạ*” (ngay trong lúc ấy). Chẳng phải là quá khứ. Không có quá khứ mà cũng không có vị lai; ấy chính là “*đương hạ*”. Việc này rất khó hiểu. Trước hết, chúng tôi dùng huyễn đăng phiến³⁹ [để tỷ dụ]. Trong quá khứ, ở Hoa Tạng Đồ Thư Quán hình như có ba cái máy chiếu huyễn đăng phiến (slide projector). Lúc ấy, chúng tôi có khoảng chừng sáu, bảy ngàn tờ, rất có thể có đến cả vạn tờ huyễn đăng phiến; rất nhiều lúc chúng tôi dùng chúng trong giảng dạy.

Huyễn đăng phiến là một tấm phim trong suốt, chúng tôi bỏ vào máy, liền thấy hiện hình toàn bộ trên màn chiếu, nhất thời đốn hiện! Chẳng có trước - sau, chẳng có xa - gần, thời gian, không gian đều chẳng có, nhất thời đốn hiện một trang. Trang thứ hai đặt lên rồi, trang đầu tiên biến mất ngay, trang thứ hai lại nhất thời đốn hiện! Quý vị hãy nghĩ kỹ lời tôi vừa nói đó, hãy nghĩ đến cảnh giới ấy. Máy chiếu huyễn đăng phiến chạy bằng điện, quý vị ấn nút một cái bèn đổi được một trang, trang thứ ba đưa lên thì trang thứ hai bèn mất, trang thứ ba nhất thời đốn hiện. Mỗi trang đều nhất thời đốn hiện. Hiện tượng ấy, chúng ta nghĩ kỹ xem, có phải là như đức Phật đã nói trong kinh Lăng Nghiêm: “*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*” (Ngay nơi đây sanh ra, cũng từ nơi đây diệt mất) chẳng? Huyễn đăng phiến chiếu nhanh chậm tùy ý chúng ta.

³⁹ “Huyễn đăng phiến” (reversal film) tức là những tấm slide trong suốt, hoặc microfilm, có in những văn bản hay hình ảnh đen trắng hay có màu, ta thường dùng trong máy slide projector để chiếu lên một tấm màn cho thính chúng thấy để trình bày một vấn đề. Chúng tôi không biết tiếng Việt gọi chính xác là gì nên đành để nguyên tiếng Hán. Trong nước, thường dùng từ ngữ “phim đèn chiếu” để gọi những tấm phim này; nhưng loại máy chiếu được nói ở đây (slide projector) có thể tự động đổi qua trang khác khi ta bấm nút, không cần phải đặt từng trang lên như trong loại máy “phim đèn chiếu” thường dùng trong nước.

Nếu ta thấy ảnh đó nhìn rất đẹp, xem hai ba phút mới đổi qua trang khác; ảnh không đẹp thì chừng mấy giây liền đổi qua trang khác, đều là nhất thời đồn hiện.

Sau đó, chúng ta lại tăng tốc độ nhanh hơn, khi tăng tốc, quý vị sẽ thấy những tấm phim trở thành điện ảnh. Trong quá khứ ở Hoa Tạng, chúng tôi có một cái máy chiếu phim tám ly (8mm); hình như có một máy chiếu phim, hai máy quay phim, ra bên ngoài quay phim rồi đem về chiếu lại. Toàn bộ thiết bị chúng tôi đều có. Lúc đó, chúng tôi tự chiếu, tự mình cắt ghép phim rồi chiếu cho mọi người xem. Máy chiếu phim tám ly có hai tốc độ: Tốc độ chậm thì một giây chiếu được mười tám tấm ảnh; tốc độ nhanh một giây chiếu được hai mươi bốn tấm. Quý vị tưởng tượng xem: Những hình ảnh hiện trên màn bạc, mỗi một tấm (vì tốc độ chiếu nhanh) lọt vào ống kính lúc nó mở ra, bèn nhất thời đồn hiện, lập tức hiện hình, rồi ống kính đóng lại, biến mất. Chiếu qua tấm thứ hai có phải là tấm thứ nhất “*tùy xứ diệt tận*” hay không? Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận, chẳng phải là hiện tượng đó hay sao? Đây là chân tướng vũ trụ. Bởi thế, nhất thời đồn hiện là hiện tiền, chẳng phải là quá khứ, cũng chẳng phải là vị lai.

Thế giới được cảm nhận bởi sáu căn của chúng ta trong hiện tại cũng giống như các nhà khoa học nói, nhưng dùng phim gì? Tấm phim rất nhỏ, trong mặt cắt ngang của một sợi tóc có thể xếp kín một trăm vạn ức ức ức, tốc độ chiếu rất nhanh, đại khái là một ức vạn phần của một giây, chẳng phải là một phần hai mươi bốn giây, mà là một phần vạn ức giây, thế giới hiện tiền của chúng ta là như vậy đó! Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận! Bởi thế, kinh Kim Cang nói: “*Như lộ diệt như điện*” (như sương cũng như chớp), “*điện*” (電) là “*thiểm điện*” (閃電: ánh chớp), ví cho cái gì rất nhanh (thật ra, tốc độ của tia chớp còn chậm rất nhiều). Rất nhanh! Làm sao phàm phu chúng ta biết được? Đức Phật nói: Phải là Bát Địa Bồ Tát mới thấy được chân tướng của những hiện tượng ấy!

Các nhà khoa học hiện thời chẳng thể thấy được, chỉ từ Toán Học mà tính toán ra, chứ không thấy. Nếu thấy được, phải là Bát Địa Bồ Tát. Cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, nếu quý vị thực sự thấu hiểu chân tướng của sự thật, há còn tham luyến thế giới này chăng? Há còn khởi tâm động niệm nơi thế giới này chăng? Thật đây! Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều đoạn hết. Vì sao thế giới này biến hóa nhiều như thế? Những biến hóa ấy đều do năng lượng của vọng tưởng, chấp trước, phân biệt; những thứ đó khiến cho tất cả hết thấy hiện tượng phát sanh

phản ứng. Biến hóa là do đạo lý như vậy. Trong Nhất Chân pháp giới vì sao chẳng có những phản ứng đó? Trong Nhất Chân Pháp Giới, chư Phật, Bồ Tát đều đã giác ngộ, thấy đều không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vì thế, cảnh giới của họ vĩnh hằng bất biến, chân thật viên mãn, chẳng có một chút khuyết hãm nào; đạo lý là đây!

Chúng ta hy vọng khoa học không ngừng phát triển, sẽ chứng thực hết thấy mọi điều kinh Phật đã nói. Họ chứng thực được, nhưng họ chẳng nhập cảnh giới. Vì sao chẳng nhập cảnh giới? Do chẳng đoạn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Đoạn được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước rồi, quý vị liền khế nhập cảnh giới, mới thấy được chân tướng sự thật. Bởi vậy, kiến lập tín tâm không dễ! Tín tâm kiến lập, nguyện tâm kiến lập, hành tâm kiến lập, triệt đề liễu giải chân tướng sự thật, sẽ giải quyết được vấn đề. Nếu quý vị chẳng triệt đề liễu giải chân tướng sự thật ấy, chẳng đoạn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước được, sẽ có chướng ngại.

A! Nay đã đến giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta coi tiếp tiểu tiết thứ nhất trong đoạn lớn thứ nhất của phần Chánh Tông. Chúng ta đọc qua một lượt, tiểu đoạn thứ nhất là: *“Tín nguyện trì danh, nhất kinh yếu chỉ, tín nguyện vi Huệ hạnh, trì danh vi Phước hạnh; đắc sanh dữ phũ, toàn do tín nguyện chi hữu vô”* (Tín nguyện trì danh là tông chỉ trọng yếu chỉ của kinh này, tín nguyện là hạnh thuộc về Huệ, trì danh là hạnh thuộc về Phước. Được vãng sanh hay không, hoàn toàn do có tín nguyện hay không). Lần trước, chúng tôi đã giảng đến chỗ này, hãy xem tiếp đoạn dưới đây:

“Phẩm vị cao hạ, toàn do trì danh chi thâm thiển, tín nguyện vi tiền đạo, trì danh vi chánh tu” (Phẩm vị cao hay thấp, hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn. Tín nguyện để dẫn đường, trì danh là cách tu hành chánh yếu). Chúng tôi sẽ giảng đoạn này. Tín - Nguyện - Hạnh có thứ tự, đặc biệt là đối với hàng Sơ Học. Trước hết, chúng ta phải phát khởi được tín tâm, tín tâm thực sự chẳng dễ dàng. Trong phần trước, chúng tôi đã nói khá nhiều, không điều nào chẳng nhằm khiến cho chúng ta phát khởi tín tâm đối với Phật pháp, liễu giải chân tướng của nhân sinh và vũ trụ. Hiện nay, khoa học đã chứng thực, nhưng nói thật ra, chỉ chứng thực ở một mức độ hết sức hữu hạn. Đối với sự tướng, lý luận ở một mức độ

sâu hơn, khoa học chẳng có cách nào để giải thích được cả.

Ví như nói đến sự trang nghiêm nơi y báo, chánh báo của mười pháp giới, khoa học không có cách nào giải thích được. Các nhà khoa học biết trong vũ trụ này tồn tại những chiều không gian (spatial dimensions) khác biệt; sự trang nghiêm nơi y báo, chánh báo của mười pháp giới chính là tình trạng thuộc về những chiều không gian khác biệt, khoa học không có cách nào hiểu được. Thù thắng hơn cảnh giới của chúng ta là thiên đạo. Trong thiên đạo có Dục Giới thiên, có Sắc Giới thiên, có Vô Sắc Giới thiên. Ngoài lục đạo lại còn có Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật; dưới đó lại có ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục. Trong súc sanh lại phức tạp hơn nữa! Hiểu biết của chúng ta hết sức hữu hạn! Bởi thế, theo nhận định của Phật pháp, tri thức khoa học nói trắng ra, thật hết sức hữu hạn, thật nhỏ nhoi, chẳng đáng để nói tới!

Một nhà khoa học chân chánh sẽ có thái độ rất rõ ràng, điều gì ông ta chứng thực được bèn tin tưởng, điều gì chẳng thể chứng thực, chẳng dám nói là không có. Vì sao? Khoa học kỹ thuật vẫn còn đang tiến bộ không ngừng. Trong quá khứ, các nhà khoa học tưởng những gì họ đã phát hiện là chân lý; chẳng ngờ không lâu sau, các nhà khoa học lớp sau lại có những phát hiện mới, phải thay đổi những định luật. Tình trạng như thế rất nhiều! Bởi vậy, nhà khoa học thông minh trong hiện tại luôn nói những chân lý được phát hiện chỉ là tạm thời, nói như vậy rất thông minh. Sau này lại có những phát hiện mới, những phát hiện mới vượt trội hơn [những phát hiện cũ]. Những điều uyên áo, kỳ diệu trong vũ trụ không có giới hạn, sâu không đáy, rộng vô biên, còn đang đợi con người từ từ phát hiện ra. Dùng kỹ thuật khoa học và phương pháp cơ giới thì những gì quý vị nghiên cứu được vẫn là hữu hạn. Kinh Phật nói họ dùng “*nhất thời*” để nghiên cứu; hiện tại [khoa học] vẫn chưa tách rời “*nhất thời*”, nên [những sự phát hiện] có hạn chế.

Theo Phật pháp, “*nhất thời*” chỉ có thể duyên A Lại Da Thức, chứ không thể duyên Chân Như tự tánh. Bởi vậy, đối với Chân Như tự tánh, đức Phật chỉ nói gọn một câu “*chẳng thể nghĩ bàn*”. Chẳng thể nghĩ là chẳng thể dùng cái tâm ý thức để hiểu rõ nó; chẳng thể bàn là chẳng thể dùng ngôn ngữ để trình bày rõ rệt được. Đối với chân tướng của sự thật, ngôn ngữ chỉ có năng lực hữu hạn, không diễn tả được nổi. Năng lực tư duy cũng hữu hạn, quý vị tư duy, suy nghĩ cũng có mức giới hạn tột cùng. Cái giới hạn tột cùng nằm trong A Lại Da Thức. Chân Như bản tánh chẳng phải là A Lại Da thức nên [cái tâm ý thức của] quý vị duyên không được. Bởi vậy, trong lúc ấy, tất cả hết thảy phương pháp khoa học

đều vô tác dụng.

Điều này do tiên sinh Phương Đông Mỹ nói với tôi. Do vì trước kia, tôi ở Đài Loan, pháp sư Đạo An chủ trì Phật Giáo Hội. Khóa Đại Chuyên Phật Học Giảng Tòa do hội Phật giáo Trung Quốc tổ chức, mời tôi đảm nhiệm vai trò tổng chủ giảng. Tôi rất mong mở lớp Nhân Minh trong khóa giảng ấy. Nhân Minh⁴⁰ là la-tập (logic), thuộc biện chứng pháp, cũng thuộc vào phương pháp khoa học. Chúng tôi rất hy vọng mời được tiên sinh Phương Đông Mỹ đến giảng môn học này. Tôi đến tìm cụ, Phương tiên sinh nói: *“Phật pháp giảng đến một mức độ cao thì môn này vô dụng. Nhân Minh, biện chứng pháp lẫn la-tập thấy đều vô ích”*. Không sai! Cụ nói chẳng sai chút nào. Trong Phật pháp ở trình độ cao, đúng là chúng vô dụng. Giảng những môn đó cho ai? Cho hàng sơ học. Với sơ cấp, trung cấp còn có ích, chứ với cao cấp, chúng trở thành vô dụng. Họ vượt khỏi rồi, những môn ấy đều thuộc về phương pháp luận của khoa học. Vì thế, sau này chúng tôi không mở lớp đó.

Phật pháp cao cấp dùng gì? Dùng Thiền Định, dùng tâm thanh tịnh. Thiền có nghĩa là *“tịnh lực”*, Tịnh là Chỉ, Lực là Quán. Bởi vậy, Thiền còn gọi là Chỉ Quán. Chỉ là buông xuống, Quán là thấy thấu suốt. Buông bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị sẽ thấy được chân tướng sự thật. Tất cả phương pháp luận thế gian hay xuất thế gian đều chẳng lìa khỏi ý thức. Nguyên nhân thực sự vì sao bản chú giải Lăng Nghiêm Chánh Mạch của Giao Quang đại sư có mặt cũng là vì đạo lý này. Kinh Lăng Nghiêm do tôn giả Bát Lạt Mật Đế truyền sang Trung Quốc vào cuối đời Võ Tắc Thiên. Kinh Lăng Nghiêm phiên dịch xong nhằm thời vua Đường Trung Tông. Kinh được phiên dịch xong, tất cả chú sớ, giảng giải đều dùng nguyên lý, nguyên tắc Tam Chỉ Tam Quán của tông Thiên Thai để giải thích.

⁴⁰ Nhân Minh (Hetuvidyā) là một trong Ngũ Minh (Pañcavidyā, tức năm chủng loại kiến thức cần thiết mà Bồ Tát cần phải hiểu biết. Ngũ Minh là Thanh Minh, Công Xảo Minh, Y Phương Minh, Nhân Minh và Nội Minh). Nhân Minh là môn nghiên cứu lý luận trong Phật giáo nhằm biện luận khuất phục ngoại đạo, xiển dương chánh giáo và khơi gợi tín tâm cho người nghe bằng lý luận chặt chẽ. Lý luận căn bản của Nhân Minh là mỗi vấn đề, luận thuyết đều gồm ba phần Tông. Nhân, Dụ. Tông là chủ đề lập luận, Nhân là nguyên nhân, Dụ là thí dụ để giải thích vì sao có nguyên nhân. Đây là cách lý luận căn bản. Do chú trọng đến Nhân nên gọi là Nhân Minh. Vị luận sư nổi tiếng của Nhân Minh là Trần Na (Mahādināga) với tác phẩm Nhân Minh Chánh Lý Môn Luận được coi là người đã hệ thống và tập thành môn Nhân Minh. Pháp sư Huyền Trang rất ưa thích Nhân Minh và đã phiên dịch nhiều tác phẩm thuộc Nhân Minh.

Giao Quang đại sư là người đời Minh, đồng thời với Liên Trì đại sư. Ngài cho rằng cách suy nghĩ trên (tức là cách dùng Tam Chỉ Tam Quán để giải thích kinh Lăng Nghiêm) chẳng phải là chỉ thú của kinh Lăng Nghiêm ; bởi lẽ, Tam Chỉ Tam Quán là dùng Ý thức, chẳng lìa khỏi tâm ý thức. Bởi vậy, lão nhân gia chủ trương ứng dụng giáo nghĩa “*xả Thức dùng Căn*” của chính kinh Lăng Nghiêm, hoàn toàn chẳng dùng đến thức thứ sáu là Ý Thức. Dùng gì? Dùng căn tánh của lục căn. Cách giảng này chính xác, chứng minh được. Ngài Giao Quang cũng là người niệm Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đại khái, thọ mạng Ngài đã hết, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, Ngài thấy A Di Đà Phật, thưa cùng A Di Đà Phật: “*Kinh Lăng Nghiêm là một bộ kinh trọng yếu trong Đại Thừa Phật pháp, điều hết sức đáng tiếc là từ cổ đến nay, rất nhiều người chú giải bộ kinh này đều chẳng nắm được chỉ thú chân chánh*”. Ngài muốn viết một bộ chú giải mới, “*xin A Di Đà Phật cho phép con nay tạm thời chẳng vãng sanh, đợi khi con chú giải bộ kinh này xong xuôi, sẽ vãng sanh thế giới Cực Lạc*”. A Di Đà Phật chấp thuận, Phật liền rời đi. Câu chuyện này được ghi trong Lời Tựa của sách Lăng Nghiêm Chánh Mạch, chúng tôi tin tưởng Giao Quang đại sư chẳng dối người, chẳng bịa ra câu chuyện ấy.

Xả Thức dùng Căn, nói thật chẳng sai, nhưng khó quá, không ai có thể tu được! Dùng phương pháp Tam Chỉ Tam Quán, người căn tánh trung hay thượng làm được, vẫn còn có thể tu học được. Nếu bỏ Thức dùng Căn thì giống như Thiền tông, người thượng thượng căn mới hành được; chẳng phải thượng thượng căn sẽ chẳng có phần. Kinh Lăng Nghiêm giảng chân tướng của nhân sinh và vũ trụ; bởi vậy, nó là một bộ kinh rất nổi danh trong Phật môn. Từ cổ, tổ sư đại đức thường nói: “*Kinh Lăng Nghiêm khai trí huệ, thành Phật là kinh Pháp Hoa*”, hai câu nói ấy, những người học Phật đều biết. Kinh Lăng Nghiêm khai trí huệ, vì sao nói thành Phật là kinh Pháp Hoa?

Bởi lẽ, trong quá khứ, trong rất nhiều kinh, đức Phật đều nói Nhất Xiển Đề chẳng thể thành Phật. Nhất Xiển Đề (Icchantika) là gì? Nhất Xiển Đề dịch nghĩa sang tiếng Hán là “*người không có thiện căn*”, hoặc dịch là “*người đoạn thiện căn*”. Không có thiện căn làm sao thành Phật được? Đây là điều đức Phật thường nói! Nhưng trong hội Pháp Hoa, đức Phật lại nói Nhất Xiển Đề cũng có Phật tánh, Nhất Xiển Đề cũng có thể thành Phật, tức là “*không một ai chẳng thể thành Phật*”. Ý nghĩa này tương ứng với câu kinh Hoa Nghiêm: “*Tinh và vô tinh đều viên mãn Chứng Trí*”.

Kẻ ngu nghịch thập ác, tạo tội ác cùng cực trong thế gian đều có Phật tánh, chẳng thể nói kẻ ấy tội ác lớn cùng cực, chẳng thể thành Phật được! Chẳng có đạo lý ấy! Kẻ ấy có Phật tánh, nếu kẻ ấy gặp duyên cũng thành Phật. Thiện Đạo đại sư nói tuyệt diệu: “*Tổng tại ngộ duyên bất đồng*” (Đều do gặp duyên khác nhau). Kẻ ấy chưa gặp duyên bèn tạo tội nghiệp, phải chịu quả báo, quả báo cũng có ngày xong. Khi nào xong hết quả báo? Không nhất định, nghĩa là sao? Nếu kẻ ấy giác ngộ thì tội báo đó tiêu diệt; nếu kẻ ấy chẳng giác ngộ thì vẫn còn tội báo phải thọ. Giống hệt như nằm mộng, gặp ác mộng khổ ghê lắm, nhưng nếu tỉnh giấc, mộng ấy không còn nữa. Khi nào kẻ ấy tỉnh mộng? Tỉnh mộng rất nhanh thì thọ tội rất ngắn, lia khổ rất nhanh. Nếu tỉnh mộng chậm, thọ tội lâu dài.

Bởi vậy, người phạm tội đại cực ác, đọa A Tỳ địa ngục, lúc nào sẽ thoát ra? Không nhất định! Tùy thuộc lúc nào người ấy giác ngộ, lúc nào sám hối, hồi đầu, tự mình thực sự biết mình lầm. Do một niệm sám hối ấy, Phật tánh bật khởi. Vì thế, trong kinh giáo, Phật thường chỉ dạy chúng ta đừng coi thường kẻ ác, vì sao? Không chừng kẻ ấy thành Phật trước chúng ta, ta phải làm đệ tử kẻ ấy, rất có khả năng! Sức mạnh của sám hối chẳng thể nghĩ bàn! Thực sự biết sai, thực sự hồi đầu, ngàn ngữ Trung Quốc có câu: “*Lãng tử hồi đầu kim bất hoán*” (lãng tử quay đầu, vàng chẳng đổi). Bởi vậy, tín nguyện trọng yếu hơn bất cứ điều gì.

Chúng tôi hết sức kính ngưỡng Giao Quang đại sư, tán thán Ngài là một vị đại thiện tri thức. Pháp sư Viên Anh suốt đời nghiên cứu kinh Lăng Nghiêm. Qua truyện ký viết về Ngài, chúng ta thấy năm hai mươi lăm tuổi, Ngài hết sức thích thú kinh Lăng Nghiêm, lập chí chuyên dốc công nghiên cứu, đến năm bảy mươi lăm tuổi, hoàn thành Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa, nay rất phổ biến. Chúng tôi xem kỹ bản ấy, hơn sáu phần mười lý luận trong ấy dựa theo sách Lăng Nghiêm Chánh Mạch, cho thấy Ngài chịu ảnh hưởng sách Lăng Nghiêm Chánh Mạch rất sâu. Nay chúng ta học Lăng Nghiêm, học theo sách Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh. Tốt! Ngài là người cận đại, văn tự khá đơn giản, rõ ràng; Giao Quang đại sư là người đời Minh, văn tự đúng là sâu hơn.

Nhất là trong thời hiện tại, chúng ta coi thường văn học cổ Trung Quốc, không có căn bản Hán học, đọc những tác phẩm của cổ nhân khá khó khăn. Học kinh Lăng Nghiêm hãy nên bắt đầu bằng sách Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh, sau đây mới đọc chú giải của cổ nhân. Quý vị phải có cơ sở trước rồi quý vị đọc chú giải của ngài Giao Quang, ngài Trường Thủy. Kinh Lăng Nghiêm được chú giải rất nhiều, những

chú giải trừ danh có tới hai mươi, ba mươi loại. Kinh Lăng Nghiêm khai trí huệ! Nhưng những vị đại gia, thiện tri thức ấy cuối cùng đều cầu sanh Tịnh Độ. Giao Quang đại sư vãng sanh Tịnh Độ. Quý vị thấy Tam Cầu Đường của Viên Anh Pháp Sư: “*Cầu phước, cầu huệ, cầu sanh Tịnh Độ*”. Bậc thực sự có trí huệ, có kiến địa, chẳng một ai không cầu sanh Tịnh Độ.

Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta đọc được rất nhiều về Tây Phương Cực Lạc thế giới từ kinh Vô Lượng Thọ. Trong quá khứ, chúng tôi đã giảng mười lần bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Giảng lần này ở Tân Gia Ba là lần thứ mười một, vẫn chưa giảng xong. Cứ cách một, hai tháng, chúng tôi lại phải qua Tân Gia Ba giảng tiếp. Lần này, chúng tôi chẳng bị hạn chế thời gian, có thể nói tường tận, các đồng tu bên ấy thích nghe, người đến nghe giảng ước chừng một hai ngàn người. Kinh Vô Lượng Thọ cho chúng ta biết bốn cõi, ba bậc, chín phẩm, phẩm vị trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do đâu hình thành phẩm vị cao - thấp? Ngẫu Ích đại sư nói: “*Toàn do trì danh chi thâm thiển*” (Hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn). Ngài nói vậy có lý chẳng? Có đạo lý! Còn như bốn cõi, ba bậc, chín phẩm, Thiện Đạo đại sư bảo là “*tổng tại ngộ duyên bất đồng*” (đều do gặp duyên bất đồng), Ngẫu Ích đại sư bảo “*hoàn toàn do trì danh sâu hay cạn*”. Lời hai vị đại sư nói chẳng hề mâu thuẫn, mà có thể bổ túc lẫn nhau. Trì danh sâu hay cạn cũng chính là nói quý vị niệm Phật có biết niệm hay không? Đúng là gặp duyên bất đồng. Vì sao? Nếu quý vị gặp được thiện tri thức chân chánh, dạy cho quý vị phương pháp chẳng giống nhau. Duyên trọng yếu nhất là thầy! Quý vị học với ai? Công phu tu hành của người đó như thế nào? Kế đó là đồng học. Đồng học cũng là duyên hết sức trọng yếu. Bạn đạo đồng tham khích lệ, thiết tha giúi mài lẫn nhau. Kế đến là hoàn cảnh học tập. Những điều đó đều là gặp duyên bất đồng.

Trong hoàn cảnh thì đại hoàn cảnh là quả địa cầu chúng ta đang sống, hoàn cảnh kế đó là khu vực chúng ta đang sanh sống, hoàn cảnh nhỏ hơn nữa là đạo tràng. Thiện duyên giúp ích cho chúng ta tu học. Duyên bất thiện thường dẫn dụ, phát khởi những tập khí phiền não trong A Lại Da Thức của chúng ta, những duyên ấy là bất thiện! Thiện duyên là gì? Những gì có thể hóa giải phiền não tập khí, tăng trưởng đạo tâm, tăng trưởng Tín - Nguyện - Hạnh, đó là duyên thù thắng. Bởi vậy, hết thấy duyên đều thù thắng, hết thấy đều đạt được, đây chẳng phải là chuyện dễ dàng! Chúng tôi thấy rất nhiều người lúc mới học rất giỏi, học chừng đâu mười mấy năm sau, thậm chí hai mươi năm sau, ba mươi năm

sau, gặp phải chướng duyên, bèn buông bỏ, chẳng còn học pháp môn này nữa, xoay sang pháp môn khác. Những người như vậy rất nhiều, trong nước lẫn ngoài nước thấy rất nhiều, há chẳng phải là gặp duyên bất đồng ư?

Hoàn cảnh căn bản nhất là sư thừa, anh không có sư thừa, hoặc chẳng gặp được thầy giỏi, chẳng có lòng tin đối với thầy, trí huệ chẳng khai, làm việc theo cảm tình, chẳng chống đỡ nổi dụ dẫn, mê hoặc, nhà Phật gọi những điều đó là “ma chướng”, anh gặp phải ma chướng. Nhìn từ nhân quả, chúng ta hiểu rõ ma chướng có nghĩa là trong đời đời kiếp kiếp quá khứ có làm lỗi, toàn là mình chướng ngại người ta, đời này mình tu đạo, lại gặp phải người ta đến chướng ngại mình, oan oan tương báo mãi không xong!

Vì vậy, thiện căn chân chánh dù là pháp thể gian hay xuất thể gian đều kiến lập trên cơ sở hiếu đạo. Thiện căn chân chánh là hiếu đạo. Việc này khó lắm! Một đời chúng tôi gặp rất nhiều chướng ngại, thử thách rất nhiều, bị đả kích rất nhiều, vẫn có tín tâm, vẫn có nguyện tâm, vẫn chẳng lui sụt, vẫn có thể tinh tấn nỗ lực, là do nguyên nhân nào? Do thực sự có chút cơ sở lúc nhỏ. Cơ sở ấy chẳng phải là khi học Tiểu Học, mà là khi học ở trường tư, lúc nào? Lúc sáu, bảy tuổi, được “bén rễ” trong khoảng thời gian đó, thầy dạy học trò hiếu thuận cha mẹ, cha mẹ dạy con cái tôn sư trọng đạo, có căn cơ từ đó. Nếu bây giờ tôi chẳng tôn kính thầy, chẳng xem trọng đạo nghiệp, tôi cảm thấy mình có lỗi với cha mẹ, chẳng dám! Đây là như cổ nhân Trung Quốc thường nói: “*Thiếu thành nhược thiên tánh, tập quán thành tự nhiên*” (Lúc nhỏ tập thành bẩm tánh, theo thói quen trở thành tự nhiên): Giáo dục lúc nhỏ ảnh hưởng cả một đời! Một đời tôi có được một chút thành tựu đều là do lúc nhỏ, lúc đó học đâu chừng hai năm, còn sống ở quê nhà. Sau này học ở trường, sự giáo dục trong trường dạy những điều này rất ít!

Bởi thế Ấn Quang đại sư nói rất hay: “*Thành tựu dữ phủ, tại ư thành kính*” (Có thành tựu hay không là do thành kính [hay không]). Chân thành, cung kính, “*một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”. Nếu chẳng thành, chẳng kính, chẳng đáng bàn tới nữa! Nói cách khác, chẳng thành tựu gì! Bởi thế, chúng tôi có thể chịu đựng được đả kích, chịu đựng được thử thách; người khác tranh, chúng tôi nhường, người khác chửi chúng tôi, sỉ nhục chúng tôi, chúng tôi quyết chẳng đáp trả. Người khác đánh chúng tôi, chúng tôi nhất định không đánh trả. Kinh luận dạy chúng ta: “*Chẳng những không có tâm oán hận mà còn phải có tâm cảm ơn*”. Cảm cái ơn

gì? Ôn tiêu nghiệp chướng. Họ hủy báng tôi, nhục mạ tôi, vì sao họ chẳng hủy báng người khác, chẳng nhục mạ người khác, chỉ tìm tôi? Nếu tôi có thần thông, tôi sẽ biết chuyện trong đời quá khứ, rất có thể trong quá khứ tôi đã đối xử với kẻ ấy như vậy, ngày nay họ đối với tôi như vậy là đền trả. Lần lượt đền trả, người hiểu biết cứ tiếp nhận sẽ hóa giải được. Đời sau, đời kế, gặp nhau nữa bèn thành bạn tốt, báo đền xong rồi!

Chẳng nên tranh, chẳng nên có chút lòng oán hận. Có một chút tâm oán hận, oan kết ấy vĩnh viễn tồn tại, sẽ biến thành gì? Oan oan tương báo chẳng xong, vậy là không được rồi! Đời đời cả hai bên đều đau khổ, đó là sai lầm vô cùng. Người giác ngộ, người hiểu biết chẳng tạo chuyện tội tệ ấy. Vì vậy, giữ gìn cõi lòng mình thanh tịnh, quyết định chẳng mê, quyết định chẳng loạn, quyết định chẳng điên đảo, vĩnh viễn trong tình trạng trong lặng, tỉnh thức, chúng ta chịu đựng quả báo. Chịu đựng quả báo, nghiệp chướng bèn tiêu! Nghiệp chướng tiêu rồi, phước huệ liền hiện tiền. Pháp thế gian hay xuất thế gian chẳng ra ngoài lệ đó. Bởi vậy, công phu trì danh sâu hay cạn vẫn cần phải có trí huệ, vẫn cần có thiện tri thức chỉ dạy. Trong đây, để có thể tránh được hết thảm chướng nạn thì điều trọng yếu nhất là phải nhờ vào trí huệ, phải nhờ vào công phu định lực, phải nhờ vào nhẫn nhục. Thực sự học theo người tu đạo thời cổ, làm một người có học vấn, vĩnh viễn tuân giữ “*không tranh cùng người, không cầu nơi sự*”.

Vì thế, pháp sư Ấn Quang dạy con người hiện tại chúng ta: Nếu các đồng học chí đồng đạo hợp cùng tu một chỗ, số người chẳng được quá hai mươi người, đạo tràng theo quy mô nhỏ. Tại Trung Quốc, trước kia chúng tôi nói ở am tranh rất tốt. Cuộc sống rất đơn giản, ít người! Chẳng cần hóa duyên, chẳng phải lôi kéo tín đồ, chẳng cần phải làm pháp hội, không làm kinh sám Phật sự, Phật thất suốt năm, đả Phật thất theo cách thông thường⁴¹, Phật thất suốt năm! Nỗ lực tu! Nếu thực sự có thể tu học theo đúng phương pháp ấy của Ấn Quang đại sư, tôi tin tưởng sâu xa rằng trong vòng từ ba năm đến năm năm, hai mươi người ấy thấy đều vắng sanh.

Nếu quý vị nghe lời đó mà run sợ là không được rồi! Trong vòng từ ba năm đến năm năm phải chết ư? Thôi đi! Không tu nữa! Vậy là

⁴¹ Đây là “phổ thông Phật thất” nhằm phân biệt với “tinh tấn Phật thất”. Phổ thông Phật thất niệm Phật chỉ có sáu thời, còn tinh tấn Phật thất là niệm Phật suốt 24 tiếng đồng hồ.

không có cách gì hết! Vì sao? Mục đích của quý vị chẳng phải là cầu vãng sanh ư? Thế giới Cực Lạc tốt như vậy, ở đây khổ nạn quá chừng, bên kia không có khổ nạn. Do đây biết rằng: Quý vị chỉ nói cái miệng là vãng sanh; chứ thật ra, tâm quý vị tham sống sợ chết, chẳng thể thành tựu nổi! Cụ Lý nói một vạn người tu, thực sự chỉ có hai ba người vãng sanh rất có lý! Hai ba người đó thực sự muốn đi, còn đại đa số miệng nói muốn vãng sanh, nhưng mong sống ở đây đến một trăm tuổi, hai trăm tuổi, họ không muốn đi, không còn cách nào nữa cả!

Nói tóm lại, những chuyện như thế vẫn là gặp duyên bất đồng, chẳng gặp được thiện tri thức chân chánh, chẳng được nghe lời chỉ dạy chân chánh, tự mình vẫn mê chứ không giác, đối với duyên thế gian vẫn tham luyến rất sâu, nên công phu niệm Phật chẳng đắc lực! Bởi thế, người chân chánh tu hành trong hiện tại, chí đồng đạo hợp, đồng tham đạo hữu tìm được hai ba người, nói thật ra là rất khó! Tìm đâu được hai mươi người? Tìm không ra! Nói thật đó!

Thích Ca Mâu Ni Phật đầu tiên độ năm vị tỳ-kheo tại vườn Lộc dã, kể cả chính Ngài là sáu người. Sáu người đồng tâm đồng đức có thể lập giáo, chí đồng đạo hợp. Bởi thế, trong quá khứ tôi đã từng nói: Vào thập niên bảy mươi, pháp sư Tảo Trần ở Hương Cảng đến Đài Loan tìm tôi, cùng tôi thảo luận cách nào hưng vượng Phật giáo. Tôi bảo pháp sư: “Muốn hưng vượng Phật giáo thì phải có người chân chánh phát tâm, chân tâm cầu đạo”. Tôi nói: Bao nhiêu người? Năm người là được rồi! Thích Ca Mâu Ni Phật năm người lập giáo. Nay có được năm người thì có thể hưng giáo; nhưng năm người ấy hành trì nhất định phải học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, phải thực hành chế độ khát thực. Ngày nay ngủ dưới gốc cây, chúng ta chẳng cần phải cắt đạo tràng nào; tôi nói năm người đó du hóa nhân gian. Lúc ấy tôi đề nghị: “Chúng ta ở trong một cái lều tranh nhỏ, mỗi một người sống một lều, năm người thôi!”

Những cái lều hiện tại, quý vị thấy lều cắm trại của đồng tử quân (hướng đạo sinh hay thiếu sinh quân) hết sức gọn nhẹ, mỗi một cái lều (tôi đã hỏi rồi) dùng được ba năm. Năm người sống vây quanh dưới gốc cây, là một Tăng đoàn nhỏ. Ngày ăn một bữa, đi khát thực. Chúng tôi làm như vậy, nhất định có thể xin được một bát cơm. Mỗi ngày một bát cơm là được rồi, trở về năm người chúng ta cùng nghiên cứu kinh giáo, niệm Phật. Tăng đoàn như thế nhất định có thể hưng vượng Phật giáo. Lúc ấy, pháp sư rất có hứng thú, tôi nói: “Thầy về Hương Cảng trụ bị. Lúc nào trụ bị sẵn sàng, tìm được năm người, tôi nhất định đến tham gia”. Sư trở về bên đó, dần dần bật tin tức, tìm đâu ra năm người chịu

đựng khô sở, thực sự có thể buông xuống được? Chẳng dễ đâu!

Bởi thế, hiện thời chúng tôi có một đạo tràng nhỏ như thế này, đạo tràng nhỏ này cũng là gặp duyên bất đồng. Hàn Quán Trưởng sáng lập Hoa Tạng Đồ Thư Quán, bản thân tôi thì suốt đời chẳng có ý niệm tạo dựng đạo tràng. Hoa Tạng Đồ Thư Quán do bà ta lập, chúng xuất gia ở Đồ Thư Quán cũng do bà ta tuyển chọn. Thâu được nhiều vị xuất gia như thế xong, bà ta bèn tịch. Bà ta tịch rồi, tôi chẳng thể không coi sóc. Nếu tôi chẳng coi sóc là có lỗi với bà ta. Thành tựu của tôi chính là thành tựu của bà ta, tôi thất bại chính là bà ta thất bại; mọi người đều hiểu như vậy. Bà ta hộ trì tôi suốt ba mươi năm, tôi mới có thành tựu như ngày nay, mở được một chút trí huệ, có nhận biết đôi chút đối với Phật pháp. Chúng tôi cảm cái ơn của bà ta, nay ở đây kiến lập được đạo tràng thế này, đạo tràng được lập to lớn như thế này cũng là quá vượt phận; nhưng so với đạo tràng của bà ta, đạo tràng chúng tôi vẫn là đạo tràng nhỏ. Bởi thế, hết thấy kiến thiết làm đến đây là thôi, chúng tôi hạ quyết tâm nghiên cứu kinh, niệm Phật!

Kinh Vô Lượng Thọ và Di Đà Yếu Giải là nguyên tắc chỉ đạo trọng yếu nhất của chúng ta. Vì thế, hai câu tiếp đó: *“Tín nguyện vi tiền đạo, trì danh vi chánh yếu”* (Tín nguyện để dẫn đường, trì danh là phương cách tu hành chánh yếu). Chánh tu không phải là giảng kinh, chánh tu là niệm Phật. Giảng kinh giúp cho chúng ta tin sâu, nguyện thiết, khiến cho chúng ta có nhận thức chính xác đối với y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng như y báo và chánh báo của thế giới Sa Bà chúng ta đang sống và mười pháp giới khắp hư không pháp giới. Tuyển chọn ổn thỏa nhất là tuyển chọn Tây Phương Tịnh Độ. Nếu quý vị chẳng thể nhận biết, trong tâm có nghi hoặc: Còn có pháp môn nào tốt hơn pháp môn này, còn có thế giới nào lý tưởng hơn thế giới Cực Lạc, tâm sẽ chẳng thể buông xuống được! Quý vị phải hiểu rõ, phải minh bạch, chết sạch tấm lòng mong ngóng, khiêm hư sát đất tu hành pháp môn này.

Tiếp đó là: *“Trì danh thời, tâm như Phật, nguyện như Phật, giải như Phật, tất nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”* (Lúc trì danh, tâm như Phật, nguyện như Phật, giải như Phật, hành như Phật, thì một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật). Đó gọi là Niệm Phật, đó gọi là Trì Danh. Trì Danh tuyệt đối chẳng phải là “miệng có, tâm không”. Tâm quý vị có phải là tâm Phật hay chẳng? Phật có tâm gì? Mười năm trước, chúng tôi đã nêu rõ: *“Chân thành tâm, thanh tịnh tâm, bình đẳng tâm,*

chánh giác tâm, từ bi tâm”. Chúng ta có những tâm ấy hay không? Những tâm ấy là tâm Phật. Tuy những thứ đó là tâm Phật, nhưng tâm A Di Đà Phật còn thù thắng hơn nữa. Thù thắng ở chỗ nào? Thù thắng ở nơi bốn mươi tám nguyện. Bốn mươi tám nguyện tổng kết: Niệm niệm vì cứu độ hết thảy chúng sanh. Cứu độ bằng cách nào? Niệm niệm giúp cho hết thảy chúng sanh cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây là tâm A Di Đà Phật.

“*Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*” là tâm của hết thảy chư Phật, chúng ta có hay không? Nếu chẳng có cái tâm ấy, niệm Phật chẳng tương ứng! Bởi thế, quý vị công phu chẳng đắc lực, suốt ngày vẫn suy nghĩ bậy bạ, tâm chẳng thanh tịnh, ngu si, chẳng có trí huệ, tự tư, tự lợi, chẳng từ bi, cái ải đầu tiên không vượt qua được. Niệm Phật như thế chỉ là một loại thiện căn, chẳng thể dễ dàng vãng sanh trong một đời. Bởi vậy, đầu tiên là “*tâm phải như Phật*”.

Nay đã hết giờ rồi, buổi học hôm nay giảng đến đây thôi!

Tập 11

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn Tín Nguyện Trì Danh trong cuốn A Di Đà Kinh Nghiën Tập Báo Cáo, chúng tôi giảng đến: “*Trì danh thời, tâm như Phật, nguyện như Phật, giải như Phật, tắc nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*” (Lúc trì danh, tâm như Phật, nguyện như Phật, giải như Phật, hành như Phật, thì một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật).

Ở trên, tôi đã thưa cùng quý vị, tâm chúng ta vốn là tâm Phật, đáng buồn là bản thân chúng ta mê mất nên mới luân lạc làm phàm phu, luân lạc trong lục đạo bao kiếp chẳng thể xuất ly, càng mê càng lún sâu, càng hãm càng khổ trong ấy. Nếu trong một đời này, chúng ta chẳng nghe đến Phật pháp, làm sao hiểu được chuyện ấy? Chẳng biết chân tướng sự thật ấy, làm sao có thể quay đầu? Đây là một vận hên lớn nhất trong đời này, là duyên phận thù thắng khôn sánh, được nghe Phật pháp, được nghe Đại Thừa, được nghe pháp môn Tịnh Độ, đây chẳng phải là chuyện dễ dàng gì!

Bao nhiêu Bồ Tát, Thanh Văn trong thế gian này muốn được nghe pháp môn này, nhưng chẳng có cơ hội. Chính như đức Thế Tôn đã nói trong kinh Vô Lượng Thọ, mỗi một vị đồng học chúng ta trong vô lượng kiếp đến nay đã kết pháp duyên rất sâu dày với A Di Đà Phật, nên trong

một đời này mới có cơ hội gặp gỡ. Kết pháp duyên rất sâu, nhưng vì sao vẫn chẳng thể vãng sanh? Pháp duyên dù sâu vẫn chưa đủ, trong kinh, đức Thế Tôn đã dạy chúng ta: “*Bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể dùng chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên để sanh về cõi ấy). Chữ “*thiểu*” (ít) thông cả ba câu, tức là chẳng thể ít thiện căn, ít phước đức, ít nhân duyên. Nói cách khác, thiện căn phải nhiều, phước đức phải nhiều, nhân duyên phải nhiều thì một đời này nhất định được vãng sanh. Ba điều kiện ấy thiếu một điều không được, đều thành chướng ngại!

Chúng ta làm thế nào để đầy đủ cả ba điều kiện trên trong một đời này? Câu hỏi này rất hợp lý. Thật ra, có đủ ba điều kiện ấy hay không, tự mình biết, thiện tri thức biết, thậm chí quỷ thần cũng biết. Nói chung, quỷ thần có Ngũ Thông, họ có thể thấy được. Chuyện đó không quan trọng, quan trọng nhất là chính mình. Chính mình làm sao biết? Tổ sư đại đức thường nói: Quý vị có chân tín hay không? Chân tín đã có thì tự tướng, kiến giải, hành vi tự nhiên khác rất nhiều so với lúc chưa gặp Phật pháp! Lòng tin chân thành mà!

Quý vị có thực sự nguyện được sanh về thế giới Cực Lạc hay không? Nếu thực sự nguyện sanh thế giới Cực Lạc, hết thấy người, sự, vật trong thế gian này, quý vị tự nhiên buông xuống hết. Nếu quý vị không buông được, chỉ cần một sự chưa buông được, cái nguyện của quý vị chẳng chân thật. Có chân tín, chân nguyện, lại phải coi quý vị có chân hạnh hay không! Nếu quý vị thực sự niệm Phật, coi niệm Phật là chuyện quan trọng nhất trong một đời này, biến niệm Phật thành chuyện quan trọng nhất trong suốt một ngày từ sáng đến tối. Việc xảy đến phải làm, đành để Phật hiệu xuống, chuyên tâm làm việc. Lúc xong việc, buông công việc xuống, Phật hiệu lại dấy lên, thực sự niệm!

Tịnh Tông Học Viện chúng ta đề xướng kinh giáo; kinh giáo là chuyện chúng ta làm kèm thêm, chẳng phải là quy củ chánh yếu, chỉ là phụ thuộc! Phải phân định chủ - khách rõ ràng; bởi lẽ, kinh giáo không phải là chuyện ai cũng có thể học được, chính mình phải hiểu rõ điều này, muôn vàn chẳng được điên đảo! Vãng sanh là chuyện lớn! Chúng ta học kinh giáo ở đây là do chính mình có đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên kinh giáo nên quý vị học được. Chẳng hoài nghi kinh giáo, hiểu được kinh giáo thì có hai điều kiện trọng yếu: Một là ký ức, hai là giải ngộ. Quý vị thực sự nhớ được kinh giáo là trí nhớ tốt. Trước kia, thầy Lý bảo chúng tôi: “Nghe pháp sư giảng kinh, nghe xong, anh nhắc lại một lần, anh có khả năng giảng được tối thiểu sáu phần. Anh có năng lực ấy

thì có thể học kinh giáo được. Không có năng lực ấy thì tùy hỷ. Vì sao? Không có năng lực thì đừng miễn cưỡng quá phận, học chẳng thành công!”

Khi xưa, lúc tôi cầu học ở Đài Trung, tôi quen biết pháp sư Huệ Nhẫn là một người rất thông minh. Nếu vị này thực sự khéo học, trong tương lai sẽ trở thành một nhân tài giảng kinh hoằng pháp. Tôi giới thiệu ông ta đến Đài Trung, thầy Lý gặp mặt cũng rất hoan hỷ. Ông ta lớn hơn tôi chừng năm tuổi, cùng tuổi với Hàn Quán Trưởng, xuất gia từ nhỏ, chưa từng học kinh giáo, nghe tôi giảng kinh hết sức hoan hỷ. Tôi nói: “Chúng ta cùng đến học với nhau”. Đến Đài Trung, tôi học Lăng Nghiêm với thầy Lý, khi đó thầy Lý đang giảng kinh Lăng Nghiêm. Chúng tôi học từ đầu, còn ông ta thầy dạy được một nửa mới đến học, tôi khuyên ông học một bộ kinh nhỏ, đừng học Lăng Nghiêm. Lăng Nghiêm lớn quá! Tôi bảo ông ta: “Tôi đã nghe thầy Lý giảng hơn ba mươi bộ kinh nhỏ”. Nói cách khác, tôi đã có hơn ba mươi bộ kinh nhỏ làm cơ sở, hề nghe qua bộ nào một lần tôi đều có thể giảng được.

Tôi từng bảo các vị đồng học tôi có khả năng phúc giảng lại chín mươi lăm phần trăm, tôi có khả năng ấy. Có trí nhớ như vậy, cũng như có khả năng hiểu. Tôi khuyên ông ta nên học dần dần từ những kinh nhỏ, theo học từng bộ; ông ta chẳng vui lắm, nghĩ tôi coi thường ông ta: “Ông học Lăng Nghiêm, sao tôi không thể học được?” Vậy là hết cách, chịu thôi! Đương nhiên, căn tánh của mỗi người không giống nhau, cũng có thể ông ta có căn tánh cao hơn tôi, tôi chẳng bằng được ông. Tôi từ những bộ kinh nhỏ tiến lên dần dần, ông vừa bắt đầu đã học ngay kinh lớn, thật bất phàm!

Pháp sư Huệ Nhẫn hết sức dụng công, ngày đêm chẳng gián đoạn nghe thầy giảng kinh, đọc chú giải của cổ nhân, tìm kiếm tài liệu tham khảo, mỗi tối đều học đến hai, ba giờ sáng. Tôi thấy ông ta thật dũng mãnh, tinh tấn, được khoảng mười tháng, thân thể suy sụp. Có một buổi tối đang xem kinh, bỗng thấy tối đen, không thấy gì nữa cả. Đến hôm sau, Sư bảo tôi vì dụng công quá độ, không có cách nào nữa, đành phải rời Đài Trung lên Đài Bắc. Ông ta xuất gia từ nhỏ, xướng niệm hết sức hay. Khi đó, trong số những pháp sư trẻ tuổi giỏi xướng tụng, ông cũng là người có hạng. Do giới dùng pháp khí, ông đi làm pháp hội, làm kinh sám Phật sự. Làm độ hai năm, dành dụm được không ít tiền, mua một ký nhi viện (nhà giữ trẻ) ở vùng Mộc San thuộc Đài Bắc. Người ta muốn bán ký nhi viện ấy, ông ta liền mua ngay, lập một tiểu đạo tràng, gọi là Pháp Tạng Liên Xã. Đến Đài Trung bảo tôi: “Nay tôi có đạo tràng, thỉnh

thầy lên Đài Bắc giảng kinh”. Tôi nói: “Tốt lắm! Chúng ta là bạn bè cũ mà!”

Lúc ấy, ông ta bảo tôi: “Tôi hối hận không nghe lời ông. Nếu tôi bắt đầu từ những kinh nhỏ, học dần dần từng bộ, há cũng chẳng thành công ư?” Đúng vậy! Khi đó, tôi đã đề nghị, khuyên chỉ ông ta lời hay, tuyệt đối chẳng coi thường ông ta. Học tập pháp thế gian hay xuất thế gian đều có thứ tự, từ cạn đến sâu, từ bộ nhỏ sang bộ lớn mới không mất sức vì dụng công quá độ. Vị pháp sư ấy hình như mấy năm trước, độ chừng bốn năm năm trước đã vãng sanh tại Hương Cảng. Về sau, ông ta qua Hương Cảng, chúng tôi rất ít qua lại với nhau.

Bởi thế, học kinh giáo phải có điều kiện học kinh giáo. Mục đích trọng yếu nhất của việc học kinh giáo là tự mình đoạn nghi sanh tín. Tôi đề xuất “*tâm, nguyện, giải, hạnh*”, vì sao chúng ta chẳng được như Phật? Chúng ta chẳng thể lý giải thấu triệt. Nếu quả thật lý giải thấu triệt khá, tức là đối với chân tướng của nhân sinh vũ trụ, chân tướng của nghiệp nhân quả báo có trình độ lý giải khá khá sẽ đoạn nghi hoặc rồi, chẳng còn vấn đề gì nữa! Khi trước, tôi thường nói: “Các đồng học niệm Phật, quý vị gặp tôi nêu lên rất nhiều câu hỏi, tôi dùng một câu chung để đáp, câu gì vậy? Chẳng thật thà!” Nếu quả thật quý vị thật thà niệm, há còn vấn đề gì nữa ư? Vấn đề gì cũng chẳng có! Đó là lời thật. Vì sao chẳng thật thà? Vọng tưởng quá nhiều, phân biệt, chấp trước quá nhiều; bởi vậy, quý vị không chắc thật. Vì sao vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nhiều đến thế? Vì chưa hiểu rõ chân tướng sự thật.

Do vậy, chúng ta học kinh giáo nhằm mục đích gì? Mục đích chủ yếu nhất là giúp chính mình đoạn nghi sanh tín, chân chánh chắc thật niệm Phật, tự mình được thọ dụng, tự mình có thành tựu! Tôi chẳng giúp chúng sanh hay sao? Quý vị đã giúp, nhưng chính mình không hiểu. Tôi giúp như thế nào? Quý vị đã là tấm gương niệm Phật tốt nhất cho người khác nhìn vào. Người hữu duyên trông thấy hành vi, ngôn ngữ quý vị, kẻ ấy sẽ cảm động, giác ngộ. Người vô duyên nhìn chẳng ra, người hữu duyên nhìn ra: Đây là người chân chánh niệm Phật!

Bởi vậy, tự hành chính là hóa tha, chúng tôi thường nói bất luận tại gia hay xuất gia, đệ tử Phật môn niệm niệm, thời thời, chốn chốn đều phải là gương tốt cho hết thảy đại chúng trong xã hội. Làm người phải là một con người tốt, làm gương tốt cho hết thảy mọi người. Những đồng học tại gia, gia đình mình phải là gương tốt cho mọi gia đình khác trong xã hội, là gia đình mô phạm. Trong đạo tràng này, nhất định phải biến đạo tràng này thành gương tốt cho hết thảy các đạo tràng. Chớ cầu ai hết,

phải cầu chính mình; người khác làm gì chẳng ăn nhập gì đến mình! Nhất là trong thời đại hiện tại, dân chủ, tự do, cởi mở, mỗi cá nhân có tự do ngôn luận, được tự do xuất bản. Bởi thế, phải dốc lòng nhớ kỹ giáo huấn chân thật của các cổ đức, ta đối xử với người, quyết định chẳng thể nói lỗi lầm của người khác. Nói lỗi lầm của người khác, gây thị phi, kết oan cừ, tự mình đã sai mất rồi!

Cổ đức dạy chúng ta: “*Tịnh tọa thường tư kỷ quá*” (Tịnh tọa thường nghĩ đến lỗi mình). Tự mình phản tỉnh, kiểm điểm, sám hối, sửa đổi cho tốt hơn, “*nhàn đàm mạc luận nhân phi*” (chuyện gẫu đừng bàn luận khuyết điểm của người khác), chẳng những không nên nói mà hết thấy những điều bất thiện của người khác đừng ghim vào lòng. Quý vị đề tâm là sai rồi. Tôi thường hay nói như vậy: “Đề tâm đến hết thấy những chuyện bất thiện của người khác, tâm quý vị biến thành cái thùng rác!” Chuyên môn thâm thập những thứ phế thải của người ta, tâm ta biến thành thùng rác, tâm hỏng mất rồi, chẳng còn là tâm Phật nữa, tâm mình làm sao biến thành tâm Phật được? Quý vị chuyên môn thâm thập mọi ngôn luận, mọi đức hạnh của chư Phật Như Lai, tâm không còn chứa đựng những thứ gì khác, chỉ toàn trang hoàng bằng những thứ tốt đẹp của chư Phật Như Lai. Đọc tụng kinh điển, tư duy ý nghĩa kinh, nghiên cứu làm sao để thực hiện những giáo huấn trong kinh vào cuộc sống, áp dụng vào công việc, áp dụng vào xử sự, đối người, tiếp vật. Đây là tâm Phật.

Tâm giống Phật, nguyện như Phật, Phật nguyện gì? Nói chung, các nguyện của mười phương tam thế hết thấy chư Phật đều rất nhiều, nhưng quy nạp lại, không ngoài bốn nguyện lớn, đức Thế Tôn gọi là Tứ Hoàng Thệ Nguyện; quy nạp lại, chẳng ngoài bốn nguyện lớn! Bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, nếu quý vị quy nạp lại cũng chẳng ngoài bốn đại nguyện ấy. Chúng tôi thường nói bốn đại nguyện ấy thực sự chỉ gồm một nguyện, chỉ có một điều thôi: “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”. Những chúng sanh nào? Chúng sanh trong chín pháp giới, ai chưa chứng đắc Phật quả đều là chúng sanh. “Độ” (度) có nghĩa là gì? Nói theo ngôn ngữ hiện tại, độ là giúp đỡ, thành tựu cho người ấy. Chư Phật Như Lai chỉ có một nguyện ấy, giúp đỡ hết thấy chúng sanh, chẳng riêng gì loài người mà là chúng sanh trong chín pháp giới. Trong đó bao gồm ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục, bao gồm cả yêu ma quỷ quái, họ đều là chúng sanh. Quý vị phải giúp họ thành Phật. Vì sao họ lại biến thành ra như thế? Mê mất tự tánh, do vậy mới biến thành ra như thế.

Phật đã giác ngộ, đã hoàn toàn hiểu rành hết thấy chân tướng. Hết

thầy chúng sanh có quan hệ gì với mình? Quan hệ rất mật thiết! Trong kinh điển Đại Thừa chúng ta thường đọc thấy “*tự - tha bất nhị*”. Tôi và anh về hình dáng chẳng giống nhau, nhưng Phật tánh giống hệt như nhau, cùng một Phật tánh. Bởi thế, trong kinh điển Đại Thừa, đức Phật đã nói bao nhiêu lần: “*Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân*” (Mười phương tam thế Phật cùng chung một Pháp Thân). Mười phương tam thế Phật bao gồm cả anh lẫn tôi, loài người chúng ta, thậm chí tất cả chúng sanh trong lục đạo, ngạ quỷ, địa ngục, hết thầy chúng sanh đều là vị lai Phật. Nói tam thế là quá khứ Phật, hiện tại Phật, vị lai Phật; vị lai Phật là hết thầy chúng sanh hiện tiền, cùng chung một Pháp Thân, “*một tâm, một trí huệ*”. Chúng ta thường nói một tâm một đức, chẳng sai chút nào.

Chúng sanh mê mất tự tánh, chẳng biết chân tướng sự thật, khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước trong hết thầy cảnh giới. Từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, lại khởi tham - sân - si - mạn. Mê mất tự tánh, càng đi càng xa. Mê quá lâu, càng mê sâu hơn, chẳng biết mối quan hệ giữa mình và chúng sanh, chẳng những ta cùng hết thầy hữu tình chúng sanh là một thể, mà với vô tình chúng sanh (như cây cối, hoa cỏ, núi, sông, đại địa), toàn thể vũ trụ đều là Pháp Thân thanh tịnh của chính mình. Ai biết? Pháp Thân Bồ Tát biết, họ chứng đắc được. Chứng đắc là hiểu rõ, chẳng còn nghi hoặc. Bởi thế, họ chủ động giúp hết thầy chúng sanh vô điều kiện. Tự mình giúp chính mình, tự mình thành tựu chính mình! Sự nhận biết ấy trong Phật pháp gọi là “*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*”. Hiểu rõ ràng quan hệ giữa hết thầy người, sự, và vật trong vũ trụ, hiểu minh bạch; đến lúc đó, nguyện của người ấy tự nhiên giống hệt như nguyện của Phật.

Quý vị muốn độ chúng sanh thì độ bằng cách nào? Phải biết chúng sanh đang mê, chính mình khai ngộ rồi, giác ngộ rồi, làm thế nào khiến cho chúng sanh hồi đầu, giúp họ thành tựu bằng cách nào? Ba điều nguyện sau chính là phương pháp: “*Phiền não vô tận thế nguyện đoạn*”. Quý vị phải cho họ thấy đoạn phiền não như thế nào, họ thấy rồi sẽ giác ngộ, sẽ hiểu rõ: Phải làm như thế nào! Bồ Tát sơ học thì chư Phật Như Lai vì kẻ ấy thị hiện, có đức Phật nào chẳng thị hiện trì giới trong chín pháp giới? Trì giới để làm gì? Để đoạn phiền não! Trì giới là phương pháp, đoạn phiền não là mục đích. Nhân Giới đắc Định, Định khuất phục được phiền não. Nhân Định khai Huệ, Huệ chuyển được phiền não, chuyển phiền não thành Bồ Đề. Đây là công khóa tu hành thứ nhất, tức đức hạnh! Giáo học thế gian lẫn xuất thế gian đều lấy đức hạnh làm đầu.

Quý vị muốn giúp đỡ hết thảy chúng sanh, bọn họ là chúng sanh đang điên đảo, mê hoặc, là chúng sanh mê mất tự tánh. Quý vị muốn giúp đỡ họ, điều trước tiên là phải thành tựu đức hạnh của chính mình. Nay chúng ta chẳng phải là Phật, Bồ Tát tái lai; chúng ta xác thực là phàm phu. Phàm phu thì càng phải làm! Vì sao? Độ chính mình, đoạn phiền não là thành tựu đức hạnh của chính mình.

Điều này tôi phải học mất năm mươi năm, chẳng phải trong thời gian ngắn. Thoạt đầu, Chương Gia đại sư dạy tôi, quả thật lão nhân gia dùng trí huệ chân thật, thiện xảo phương tiện khiến tôi thay đổi quan niệm, tiếp nhận Giới học. Tôi vốn nảy sanh quan niệm sai lầm nghiêm trọng đối với Giới học, hết sức ưa thích kinh luận, nhưng đối với Giới Luật rất coi nhẹ, chẳng buồn để mắt đến. Chương Gia đại sư lao tâm khổ tứ khiến tôi giác ngộ. Giới Luật chẳng phải là những khuôn mẫu sinh hoạt thế gian như ta thường tưởng; nó chính là ranh giới phân chia phàm - thánh, là khuôn mẫu sinh sống của thánh nhân, chẳng phải của phàm nhân. Vì vậy, nó vĩnh hằng bất biến, siêu việt không gian lẫn thời gian. Chúng ta phải hiểu đạo lý này!

Thông thường, Đại Thừa Phật pháp thường nói hai mươi sáu món phiền não, tức hai mươi sáu loại. Phiền não vô lượng vô biên; vì để dạy dỗ cho thuận tiện, đức Thế Tôn quy nạp thành hai mươi sáu loại. Trong hai mươi sáu loại này, lại chia thành hai loại lớn: Thứ nhất là Căn Bản phiền não, thứ hai là Tùy phiền não. Căn Bản phiền não sáu điều, Tùy phiền não hai mươi điều. Trong Tùy phiền não lại chia thành Đại Tùy phiền não, Trung Tùy phiền não và Tiểu Tùy phiền não. Nếu đoạn được hai mươi sáu loại phiền não này thì mọi phiền não đều đoạn sạch, khởi công từ đó. Đặc biệt là căn bản phiền não; sáu điều căn bản phiền não cũng là sáu loại lớn: Tham - sân - si - mạn, nghi, ác kiến. Trong ác kiến lại chia thành năm loại lớn: Thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến. Bởi thế, trong sáu món phiền não, ác kiến lại chia ra thành năm thứ, trên thực tế thành ra mười điều. Mười điều đó chia thành Kiến phiền não và Tư phiền não, gọi chung là Kiến Tư phiền não.

Đức Phật bảo luân hồi lục đạo là do năm món tham, sân, si, mạn, nghi trong Kiến Tư phiền não biến hiện. Nếu quý vị thực sự đoạn được Kiến Tư phiền não, sẽ không còn luân hồi lục đạo nữa. Kiến Tư phiền não chưa đoạn, vĩnh viễn ở trong lục đạo luân hồi, lục đạo do đâu mà có? Do Kiến Tư phiền não biến hiện thành. Quý vị muốn vượt thoát lục đạo, đức Phật dạy rất đơn giản: Quý vị phải bỏ hết những thứ có khả năng biến hiện ra luân hồi lục đạo thì lục đạo luân hồi sẽ chẳng còn nữa!

Ai làm được? A La Hán làm được. A La Hán đoạn Kiến Tư phiền não, vượt thoát lục đạo luân hồi.

Trong Chứng Đạo Ca của Vĩnh Gia đại sư có mấy câu:

*Mộng lý minh minh hữu lục thú,
Giác hậu không không vô đại thiên.
(Trong mộng rành rành phân sáu nẻo,
Giác rồi ba cõi rộng toang hoang).*

A La Hán giác ngộ rồi, hễ giác ngộ thì sáu nẻo không còn nữa, sáu nẻo trống rỗng không còn tam thiên đại thiên thế giới. Chúng tôi nói thế giới Sa Bà là một đại thiên thế giới, tức là lục đạo luân hồi. Trong kinh giáo, Phật thường giảng về tam thiên đại thiên thế giới rất rõ ràng: Trong kinh Phật gọi tinh cầu mà chúng ta đang sống đây là Nam Thiệm Bộ Châu (Jambudvīpa). Tinh cầu này di chuyển trong hư không, xoay chuyển quanh núi Tu Di (Sumeru). Núi Tu Di là trung tâm. Thái dương, mặt trăng, rất nhiều tinh cầu đều xoay quanh eo (khoảng giữa) núi Tu Di. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ giảng rất có lý. Quý vị thấy đó: Chẳng phải là Thái Dương hệ (solar system) chuyển động trong Ngân Hà Hệ đó ư?

Hoàng lão cư sĩ gọi trung tâm của Ngân Hà Hệ là núi Tu Di. Núi Tu Di chẳng ở trên địa cầu, cũng chẳng thuộc Thái Dương hệ. Thiên văn học cổ truyền Trung Quốc gọi trung tâm của Ngân Hà Hệ là Hoàng Cực. Hoàng Cực là núi Tu Di. Chúng ta biết Hoàng Đạo là quỹ đạo của chín đại hành tinh⁴² xoay quanh mặt trời, chúng ta gọi quỹ đạo ấy là Hoàng Đạo. Trước kia, người ta không biết địa cầu xoay quanh mặt trời, ngỡ địa cầu là trung tâm, trông thấy các hành tinh (mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao) có quỹ đạo nên gọi là Hoàng Đạo. Lúc các hành tinh xoay quanh địa cầu, họ phát hiện ra Nam Cực và Bắc Cực, hoàn toàn lấy địa cầu làm bản vị. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ bảo trên thực tế, Phật đã dạy trong kinh, nếu quý vị chú tâm quan sát, tư duy, sẽ thấy núi Tu Di chính là trung tâm của Ngân Hà Hệ.

Hiện nay có người nói trung tâm của Ngân Hà Hệ là lỗ đen (black hole), có năng lượng rất lớn, ngay cả ánh sáng chiếu đến lỗ đen cũng bị nuốt mất. Đến bên nó, chịu ảnh hưởng bởi dẫn lực (sức hấp dẫn, sức

⁴² Chín đại hành tinh là Thủy Tinh (Mercury), Kim Tinh (Venus), Địa Cầu, Hỏa Tinh (Mars), Mộc Tinh (Jupiter), Thổ Tinh (Saturn), Thiên Vương Tinh (Uranus) và Hải Vương Tinh (Neptune).

hút), ánh sáng đều bị co rút lại. Năng lượng lớn như thế đó. Một Ngân Hà Hệ như vậy là một đơn vị thế giới, một ngàn đơn vị thế giới gọi là một tiểu thiên thể giới. Ở ngay thiên đỉnh của một đơn vị thế giới (Ngân Hà Hệ) là Sơ Thiên Thiên; một Ngân Hà Hệ chỉ có một Sơ Thiên Thiên. Như vậy, một ngàn đơn vị thế giới, tức là một ngàn Ngân Hà Hệ, là một tiểu thiên thể giới. Ở ngay thiên đỉnh của một tiểu thiên thể giới chính là Nhị Thiên Thiên. Một tiểu thiên thể giới chỉ có một Nhị Thiên Thiên. Tiếp đó, lấy tiểu thiên thể giới làm đơn vị, hợp một ngàn tiểu thiên thể giới thành một trung thiên thể giới, trên thiên đỉnh của trung thiên thể giới là Tam Thiên Thiên. Rồi lại dùng trung thiên thể giới làm đơn vị, gộp một ngàn trung thiên thể giới lại, gọi là một đại thiên thể giới, một đại thiên thể giới chỉ có một Tứ Thiên Thiên.

Vì vậy, lục đạo là thế giới Sa Bà, thế giới Sa Bà là một tứ thiên hạ, một ngàn Tam Thiên Thiên, một ngàn nhân một ngàn, thành một trăm vạn Nhị Thiên thiên, lại nhân cho một ngàn, thành mười ức Sơ Thiên Thiên. Vậy thì nếu coi một Ngân Hà Hệ là đơn vị thế giới, phạm vi sẽ rất lớn. Chúng ta độ chúng sanh, tối thiểu phải phát nguyện độ một cõi như vậy. Sa Bà thế giới là bốn quốc, quý vị phải có tâm lượng lớn như thế. Quý vị phải dùng tâm lượng ấy đối với hết thấy chúng sanh. Nếu ai đối với chúng sanh thấy chẳng thuận mắt, tức là có thành kiến đối với kẻ ấy, người ấy chẳng phải là học Phật, chẳng đoạn được phiền não. Làm sao đoạn được phiền não? Quý vị còn học pháp môn nào nữa? Nguyện chẳng phải là chuyện dễ!

Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng tôi lại giảng tiếp về “*nguyện đồng Phật*”, chẳng thể giảng quá nhiều, chỉ đơn giản giảng Tứ Hoảng Thệ Nguyện.

Phải hiểu chính xác Tứ Hoảng Thệ Nguyện, phải phát nguyện, phải thực hiện, phải làm được những nguyện đó. Bởi lẽ, đoạn được Kiến Tư phiền não bèn vượt khỏi lục đạo, thoát ly biển khổ Sa Bà. Niệm Phật là một pháp môn nhanh chóng, ôn hòa, thích đáng, dễ dàng, đơn giản, lại thành tựu thù thắng khôn sánh. Bởi vậy, trong kinh này, đức Thế Tôn bốn lần khuyên chúng ta cầu sanh Tịnh Độ, một rồi hai, hai rồi ba, ba rồi bốn lần khuyên, buốt lòng rát miệng như thế, tất cả chúng ta phải nhớ kỹ. Bởi vậy, chẳng thể không đoạn phiền não, chẳng thể không học pháp

môn. Pháp môn vô lượng thế nguyên học, nay chúng ta chỉ học một môn, học đến mức áp dụng được, chuyên tu Tịnh nghiệp. Pháp sư Ấn Quang thường dùng bốn chữ “*chuyên tu Tịnh nghiệp*” để khích lệ, khuyến tấn học nhân.

Đối với các kinh luận khác, tôi đã có nói rồi, quý vị tu Tịnh nghiệp thì phải nắm cho chắc, có nghĩa là nắm chắc vắng sanh. Nếu quý vị còn có nhiều thời gian thì nghiên cứu các kinh giáo khác chẳng trở ngại gì, có thể học được. Nếu chưa nắm chắc Tịnh nghiệp, quý vị hãy nghĩ xem có nên buông xuống, chuyên tu hay không? Rất nhiều kinh luận mình chưa học đến thì làm thế nào đây? Về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ học sau, còn trong thế gian này, ta không quan tâm đến chúng; vì sao vậy? Ta là hạng căn tánh trung hạ, ta không có năng lực ấy!

Nếu quý vị thực sự đủ sức, đủ điều kiện như vậy thì được! Quý vị học những điều đó để làm gì? Để giúp đỡ người khác. Trong thế gian này có những người không thuộc căn cơ Tịnh Độ, họ chẳng thể tiếp nhận kinh giáo Tịnh Độ. Giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, trong một đời Ngài, đức Phật giảng rất nhiều kinh luận, rất phong phú! Bất luận ai tìm đến, đức Phật đều có khả năng dạy hết, đúng như vậy. Chúng ta không có năng lực như Phật, tốt nhất là ngoan ngoãn nghe lời, thâm nhập một môn. Thực sự thông được một môn; thế nào là thông? Ngộ nhập môn ấy, khai ngộ, đại triệt, đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Trong Tông môn gọi là “minh tâm kiến tánh”, Giáo Hạ gọi là “đại khai viên giải”, pháp môn Niệm Phật gọi là “nhất tâm bất loạn”. Danh từ khác nhau, nhưng cảnh giới hoàn toàn tương đồng, đều là minh tâm kiến tánh, đều cùng một cảnh giới. Đến lúc ấy, cái gì cũng thông. Bởi thế, nói: “*Một kinh thông, hết thấy kinh thông*”. Quý vị thông suốt toàn bộ, chẳng có gì quý vị chẳng thể giảng được!

Đến lúc đó, tôi có cần phải giảng hết thấy các kinh nữa hay không? Rất có thể. Hết thấy các kinh là để tiếp dẫn các căn cơ bất đồng, nhưng tự mình thì chuyên tu Tịnh Độ. Quý vị chẳng tin tưởng ư? Quý vị hãy nhìn vào Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát! Văn Thù, Phổ Hiền giáo hóa hết thấy chúng sanh, pháp môn gì cũng nói, nhưng như quý vị thấy trong kinh Hoa Nghiêm đó, chính họ phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Tự mình nêu gương cho chúng ta thấy, hòng bảo với đại chúng: “Bất luận các người tu học pháp môn nào, rốt cuộc quay về Tịnh Độ là bậc nhất; bất luận tu học pháp môn nào, phải đem công đức tu học của mình hồi hướng cầu sanh Tây

Phương Cực Lạc thể giới thủy đều vãng sanh”.

Chúng ta thấy trong khoa phán của Vô Lượng Thọ Kinh, pháp sư Từ Châu phán định đoạn cuối của phẩm Tam Bối Vãng Sanh (Ba Bối Vãng Sanh) là “*nhất tâm tam bối*”, nghĩa là đoạn kinh ấy nói về những người tu các pháp môn Đại Thừa khác, chẳng phải là chuyên tu Tịnh tông. Bất luận tu theo tông phái Đại Thừa Phật pháp nào, Hiền giáo, Mật giáo, đến cuối cùng đem công đức đã tu học hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, thì đều được vãng sanh cả. Pháp môn rộng lớn thay! Trọn chẳng nhắc tới A Di Đà Phật, chẳng tu pháp môn Tịnh Độ, quý vị chẳng thể vãng sanh ư? Không phải vậy! Bất luận quý vị tu học pháp môn nào, chỉ cần quý vị tu có thành tựu; thành tựu điều gì? Đoạn được phiền não, mở mang trí huệ, có đại nguyện độ chúng sanh, [Phật] đều nhất loạt hoan nghênh. Pháp môn rộng lớn thay! Nói rõ hơn, bản kinh ấy giảng về bốn mươi tám đại nguyện của A Di Đà Phật.

Chúng tôi thành lập Tịnh Tông Học Hội, đặc biệt lấy chương thứ sáu “*phát đại thệ nguyện*” của kinh Vô Lượng Thọ làm kinh văn đề đọc tụng trong khóa sáng, nhằm dụng ý gì? Nguyện như Phật! Dụng ý là đây! Kinh văn đề tụng vào khóa chiều chọn từ phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy của kinh Vô Lượng Thọ nhằm dụng ý gì? Hành như Phật. Từ phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy là Như Lai hạnh, nội dung những phẩm ấy quý vị đều đã biết cả rồi: Ngũ Giới, Thập Thiện, chẳng giảng quá cao, quá huyền, quá diệu, rất chất phác, thành thật. Đây là ưu điểm của kinh Vô Lượng Thọ, đặc biệt là bản hội tập, càng đọc, càng thích thú.

Lão cư sĩ Hạ Liên Cư là bậc tái lai, chẳng phải người tầm thường! Không phải là tôi nói như vậy, một người có công năng đặc dị ở Miami (Miami), Mỹ quốc, nói như thế đó. Trong Phật pháp, ta thường nói là có thần thông, người Hoa gọi là “*công năng đặc dị*”. Vị ấy không phải là người Hoa, mà là người Mỹ, chưa hề gặp mặt cụ Hạ, trông thấy ảnh cụ Hạ, liền bảo với mọi người: “Vị này thân thể trong suốt”. Chúng ta chỉ cần nghe nói “thân thể trong suốt” thì hiểu có nghĩa là gì? Phiền não đoạn sạch rồi. Phiền não thuộc về vô minh, chẳng trong suốt. Thân thể trong suốt, tức phiền não đoạn sạch. Phiền não đoạn sạch, há phải người tầm thường ư? A La Hán đoạn sạch Kiến Tư phiền não, nhưng chưa đoạn Trần Sa và Vô Minh. Nói cách khác, thân A La Hán trong suốt một phần, chẳng trong suốt hoàn toàn. Mức độ trong suốt của Bồ Tát phải cao hơn A La Hán, đạt đến quả địa Như Lai sẽ hoàn toàn trong suốt, chúng ta thường nói là giống như thủy tinh, như lưu ly.

Hội tập chẳng phải là việc dễ dàng gì, cụ hội tập khéo như thế. Cư sĩ Vương Long Thư đời Tống là người thứ nhất soạn hội tập, cư sĩ Ngụy Mặc Thâm là người thứ hai, các bản hội tập ấy vẫn còn! Quý vị mở ba bản hội tập ra so sánh, quý vị mới thấy bản hội tập của cụ Hạ rất tuyệt, đúng là khiến cho người đời phải khen là quán chí⁴³. Lão cư sĩ Mai Quang Hy tán thán khẳng định: “*Trong kinh, Phật từng thọ ký, đến lúc Phật pháp diệt, tất cả hết thấy kinh giáo thấy đều diệt mất, kinh Vô Lượng Thọ còn lưu lại trong thế gian này hơn một trăm năm nữa. Bản diệt sau cùng chắc chắn là bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư*”.

Chúng tôi tin tưởng điều này! Nếu quý vị hỏi vì sao tôi tin tưởng? Tôi có số liệu thống kê để làm căn cứ. Trong mười mấy năm qua, bất luận quốc nội hay quốc ngoại, chưa có ai chẳng yêu thích bản kinh này, cho thấy bản này rất khế cơ! Khế lý, khế cơ, bản này đương nhiên trường tồn trong thế gian, đó là đạo lý! Bởi thế, chúng tôi hữu duyên được giảng kỹ càng bản này một lần nữa để lưu lại cho hậu học tham khảo. Vì vậy, chúng tôi dùng bốn mươi tám nguyện làm khóa sáng, dùng một đoạn kinh lớn đức Phật giảng rất tường tận về Ngũ Giới, Thập Thiện làm khóa tối. Khóa sáng là cảnh tỉnh chính mình: Ngày hôm nay tâm nguyện chúng ta phải giống như Phật. Khóa tối là để phản tỉnh, phải sám hối, những gì Phật dạy ta làm, ta có làm được không? Những gì Phật dạy chúng ta đừng làm, chúng ta có vi phạm hay không? Phải phản tỉnh, phải kiểm điểm, sửa lỗi, đổi mới.

Trước khi Hành, nhất định phải Giải, chữ Giải (解) ở đây hiểu theo nghĩa rộng, tức là liễu giải chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, liễu giải hết thấy người, sự, vật, giống như trí huệ của Phật, hiểu rõ mọi thứ, thấu hiểu mọi thứ, đối với mọi thứ chẳng mê hoặc; xử sự, đối người, tiếp vật chẳng sai lầm. Có như vậy thì mới có thể thực sự diễn nói cho người khác. Chúng ta thường nghe cổ đức nói: “*Nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật; niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Một niệm ấy tương ứng với gì? Tương ứng tâm, nguyện, giải, hạnh của Phật. Nếu quý vị

⁴³ Quán chỉ (觀止): Hiểu theo mặt văn tự, “quán chỉ” là đáng khen ngợi hết lời, tuyệt diệu tốt bậc. “Quán chỉ” thường được dùng như một mỹ từ để khen ngợi những tác phẩm văn chương hay. Thuật ngữ “quán chỉ” xuất phát từ một câu nói của Quý Trát trong Tả Truyện: Công tử Quý Trát của nước Ngô đi sứ sang nước Lỗ, nghe nhạc Thiệu xong, nức nở ca ngợi: “*Quán chỉ tai! Nhược hữu tha nhạc, ngô bất cảm thính dĩ*”. Câu này được chú giải là: “Nhạc Thiệu đã đạt đến mức cao tốt nhất trong các thứ âm nhạc, đã được thưởng thức xong ta không còn muốn nghe loại nhạc nào khác nữa!”

chẳng biết rõ, chẳng hiểu rõ tâm, nguyện, giải, hạnh của Phật thì làm sao tương ứng được? Muốn hiểu rõ, muốn thấu hiểu thì phải nương vào lời dạy. Bởi thế, khi Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, Ngài theo đuổi việc dạy học suốt bốn mươi chín năm. Dạy điều gì? Vẫn dạy chẳng ngoài những điều “*tâm như Phật tâm, nguyện như Phật nguyện, giải như Phật giải, hành như Phật hành*”, dạy những điều như thế.

Chớ lấy tri kiến của mình làm tiêu chuẩn, chớ lấy cách nghĩ, cách làm, cách nhìn của mình làm tiêu chuẩn. Vì sao? Chúng ta là phàm phu, thành kiến sai lầm; tư tưởng, kiến giải chẳng chính xác. Những điều Phật dạy trong kinh thật ra cũng là phương tiện nói, vẫn chưa phải là nói chân thật. Phật nói: Đợi đến khi nào quý vị chứng đắc quả A La Hán rồi, tức là khi đoạn được Kiến Tư phiền não rồi, quý vị mới có thể tin vào ý nghĩ, cách nghĩ, cách nhìn của chính mình, đức Phật nói phương tiện như thế. Bây giờ đừng nói chi quả A La Hán, ngay Sơ Quả Tu Đà Hoàn ta cũng chẳng có phần, vì sao? Tu Đà Hoàn đã đoạn hết Kiến phiền não, thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới thủ kiến, tà kiến, thực sự đoạn sạch. Kiến giải như Phật, nhưng suy tưởng vẫn chưa giống hệt như Phật. Kiến giải như Phật, chứng Tiểu Thừa Sơ Quả, trong kinh Hoa Nghiêm của Đại Thừa gọi [địa vị ấy] là Sơ Tín Vị Bồ Tát. Ngay địa vị ấy chúng ta còn chưa đạt được, làm sao có thể tin vào chính mình được?

Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán là bốn quả Tiểu Thừa, quý vị thấy đối với ba quả đầu, đức Phật chẳng nói: “Các người có thể tin vào suy nghĩ của chính mình!” Nói cách khác, đều chưa thể tin vào suy nghĩ của chính mình. Tôi thường hay nói: “Phải buông xuống thành kiến, vứt bỏ cách nghĩ, cách nhìn, cách nói, cách làm của chính mình, tùy thuận sự giáo huấn của đức Phật”. Trong cách nghĩ, cách nhìn đối với vũ trụ, đối với hết thảy con người, sự vật, chúng ta phải coi đức Phật nghĩ như thế nào thì học theo như thế đó. Phật thấy như thế nào, ta phải học theo thế ấy. Như vậy là đúng! Dù đã chứng quả A La Hán, Tiểu Thừa thoát khỏi lục đạo, nhưng chưa ra khỏi mười pháp giới; dầu mình là chánh giác, nhưng còn kém Bồ Tát rất xa, Bồ Tát là chánh đẳng chánh giác. Bởi vậy, tốt nhất vẫn là tiếp tục không ngừng tùy thuận lời Phật răn dạy, sẽ chẳng sai, chúng ta sẽ sớm có một ngày thành Vô Thượng Đạo.

Lời giáo huấn chân thật của chư Phật Như Lai là khuyên chúng ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ; như Thiện Đạo đại sư đã nói: “*Như Lai sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di Đà bốn nguyện hải*” (Sở dĩ Như Lai xuất hiện trong thế gian chỉ nhằm nói ra bốn nguyện của Phật Di Đà). Chúng ta phải nhớ kỹ, đây mới là giáo huấn chân thật bậc

nhất. Tùy thuận lời giáo huấn của đức Phật là tương ứng, đây mới là “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”.

“*Có kinh vân: Ưc Phật, niệm Phật, hiện tiền, đương lai, tất định kiến Phật*” (Bởi thế, kinh dạy: “Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật”). Mười hai chữ ấy nằm trong kinh văn của chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông trong kinh Lăng Nghiêm. Nhớ Phật, niệm Phật là nhớ gì, niệm gì? Phải biết điều này! Nhớ tâm - nguyện - giải - hạnh của Phật, niệm tâm - nguyện - giải - hạnh của Phật. Đó gọi là “*thực sự niệm Phật*”, chẳng phải là nghĩ đến tướng hảo hay danh hiệu Phật. Tướng hảo và danh hiệu là phương tiện. Chẳng thể buông bỏ phương tiện, do phương tiện mà nhập chân thật, chân thật là tâm - nguyện - giải - hạnh.

Chúng ta nghĩ đến tướng hảo của Phật, trông thấy tượng Phật có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, trông thấy tượng Phật bèn nghĩ đến tâm - nguyện - giải - hạnh của Phật. Niệm một câu danh hiệu A Di Đà Phật phải nghĩ đến thực chất của danh hiệu Phật. Thực chất của danh hiệu Phật là gì? Phật tâm, Phật nguyện, Phật giải, Phật hạnh! Ta tự mình niệm một câu Phật hiệu, hoặc nghe người khác niệm một câu Phật hiệu, lập tức nhắc nhở, đánh thức chính mình, phải giữ tâm mình sao cho tâm giống hệt như Phật, nguyện giống hệt như Phật, giải giống hệt như Phật (giải là trí huệ), hạnh giống hệt như Phật (hạnh là đức hạnh). Một câu Phật hiệu chứa đựng thật viên mãn tâm - nguyện - giải - hạnh của Phật, không thiếu sót chút nào.

Nếu chúng ta lại hỏi: “*Có tài liệu tham khảo nào để chúng ta học tập tâm - nguyện - giải - hạnh của Phật hay không?*” Có chứ! Đơn giản nhất là kinh A Di Đà. Đó là tâm - nguyện - giải - hạnh của Phật. Tỉ mỉ hơn chút nữa là kinh Vô Lượng Thọ, tỉ mỉ hơn chút nữa là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh. Cổ đức nói Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh là đại bản của kinh A Di Đà; nay chúng ta niệm kinh A Di Đà chính là niệm tiểu bản kinh Hoa Nghiêm. Vô Lượng Thọ kinh là trung bản. Ba kinh này giảng những điều rộng lược khác nhau. Kinh A Di Đà nói lược, nói rất đơn giản, rất thiết yếu, nói lược. Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh nói rộng, nói rất chi tiết. Toàn kinh giảng điều gì? Giảng Phật tâm, Phật nguyện, Phật giải, Phật hạnh. Quý vị nghĩ xem có phải như vậy hay không? Hiểu được đạo lý này, quý vị sẽ hiểu vì sao chúng tôi coi trọng nghiên cứu kinh giáo và nghiên cứu giáo lý đến thế! Chẳng có gì khác cả, chúng ta học Phật tâm, Phật nguyện, Phật giải,

Phật hạnh. Đó là niệm Phật, đó là nhớ Phật.

Sau câu “*ức Phật, niệm Phật*” là Quả: “*Hiện tiền, tương lai, tất định kiến Phật*”. Hiện tiền là hiện tại, tương lai là sau khi vãng sanh; hiện tiền là lúc ta chưa vãng sanh. “*Tất định*”: Chúng ta thấy ngũ khí câu này rất khẳng định, người ấy lúc lâm chung thấy Phật đến tiếp dẫn, nói với người bên cạnh: “Tôi thấy A Di Đà Phật rồi!” Đó là hiện tiền thấy Phật. Kẻ ấy được thấy, chúng ta cùng ở trong phòng bệnh, chẳng ai thấy cả mà kẻ ấy thấy được. Chuyện này chẳng phải giả, là thật đấy!

Vào lúc ấy, người bình thường sẽ trông thấy người nhà thân quyến, bảo mọi người chung quanh: “Tôi thấy ông X. đến, ông đứng ngoài cửa”. Những người được nhắc đến ấy đều là người nhà, thân quyến của kẻ ấy, đều đã chết rồi, lúc ấy kẻ sắp chết trông thấy. Đó có phải là người nhà, thân quyến của kẻ ấy hay chẳng? Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên giảng rõ sự tình này: Chẳng phải là người nhà, quyến thuộc của kẻ ấy, mà là ai vậy? Là oán thân trái chủ. Oán thân trái chủ biến hiện ra hình dạng người nhà, quyến thuộc đến để làm gì? Đến kéo kẻ ấy đi, kéo kẻ ấy đi tính sổ, trong kinh Địa Tạng, đức Phật dạy như vậy.

Người niệm Phật phải đặc biệt cẩn thận, người lâm chung nói những câu ấy, phải đặc biệt cảnh tỉnh kẻ ấy: “Đừng quan tâm đến! Bất luận thấy ai cũng đừng quan tâm đến, cứ nhất tâm niệm Phật. Ông (bà) thấy A Di Đà Phật đến tiếp dẫn thì ông (bà) có thể theo Ngài; ngoại trừ A Di Đà Phật ra, Phật, Bồ Tát nào khác đến cũng chẳng được theo. Trong số đó chỉ có Quán Âm, Thế Chí, A Di Đà Phật, đó là Tây Phương Tam Thánh; còn tất cả Phật, Bồ Tát khác, ông (bà) trông thấy đều chẳng được theo. Vì sao? Ma có thể giả mạo đấy!”

Ma giả mạo Phật, Bồ Tát, giả mạo người nhà, quyến thuộc đều chẳng phạm pháp, nhưng nó chẳng thể giả mạo Bản Tôn. Chúng ta tu Tịnh Độ, Tây Phương Tam Thánh là Bản Tôn của chúng ta. Yêu ma quỷ quái chẳng thể giả mạo Bản Tôn, giả mạo Bản Tôn, thần Hộ Pháp bèn trừng phạt nó, nó chẳng dám làm vậy. Nó giả mạo Phật, Bồ Tát khác, hộ pháp thần chẳng can thiệp, nhất định chẳng được giả mạo Bản Tôn. Bởi thế, mọi người đừng sợ hãi: Lúc lâm chung gặp A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, cứ an tâm đi theo, đó là thật, chẳng giả đâu! “*Hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật*”.

6.3.1.2. Y Báo diệu nghiêm

6.3.1.2.1. Tổng thuyết y báo diệu nghiêm

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới, giảng về sự mâu nhiệm của Y Báo. Đoạn kinh văn này tiếp theo đoạn Tự Phần ở trên, trước hết là:

Xá Lợi Phất! Bỉ độ hà cố danh vi Cực Lạc?

舍利弗。彼土何故名為極樂。

(Này Xá Lợi Phất! Cõi ấy vì sao tên là Cực Lạc?)

Còn đây là câu giải đáp:

Kỳ quốc chúng sanh vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc.

其國眾生。無有眾苦。但受諸樂。故名極樂。

(Chúng sanh cõi ấy không có các sự khổ, chỉ hưởng các sự vui, nên tên là Cực Lạc).

Vì sao thế giới ấy có tên là thế giới Cực Lạc? Câu này giải thích: Chúng sanh sống trong thế giới ấy gồm có trời, người, Thanh Văn, Bồ Tát, không có ba ác đạo, Tây Phương Cực Lạc thế giới không có ba ác đạo. Cư dân nơi đó không khổ, không khổ là lạc; vì vậy thế giới ấy tên là Cực Lạc.

Dưới đoạn này, chúng tôi thuyết minh đơn giản “*tổng thuyết, vô chúng khổ, thọ chư lạc*” (nói chung, không có các khổ, hưởng các sự vui). Các khổ rất ư là nhiều, trong kinh Đại Thừa, đức Phật nói có vô lượng khổ; lại nói đến tám vạn bốn ngàn nỗi khổ. Tám vạn bốn ngàn chẳng phải là nói tùy tiện, quý vị hãy tra trong Phật Học Từ Điển, hoặc tra Giáo Thừa Pháp Số, [những sách ấy] sẽ thực sự liệt kê từng điều cho quý vị thấy tám vạn bốn ngàn sự khổ! Trong nền giáo học nhà Phật, tất cả hết thảy sự khổ quy nạp thành ba loại lớn, thường được nói đến rất nhiều trong khi dạy dỗ. Đại Thừa Phật pháp cũng thường gọi ba loại lớn ấy là Tam Khổ, tức là ba loại khổ lớn: Thứ nhất là Khổ Khổ, thứ hai là Hoại Khổ, thứ ba là Hành Khổ. Trong các từ ngữ này, chữ thứ nhất là động từ, chữ thứ hai là danh từ. Như Khổ Khổ, chữ đầu là động từ, chữ sau là danh từ.

Gì gọi là Khổ? Nói chung là “*phiền não bức bách thân tâm*” (nay ta gọi là “áp lực”), thân chịu áp lực, tinh thần chịu áp lực. Thân thể có áp lực, chẳng tự tại, rất đau khổ, nỗi khổ ấy nói mãi chẳng tận. Phật lại chia [Khổ Khổ] thành tám loại lớn. Vì thế, Khổ Khổ cũng gọi là Bát Khổ, tức

là tám thứ Khổ Khổ. Khổ Khổ, Hoại Khổ, Hành Khổ gọi là Tam Khổ; đó là ba loại lớn. So Bát Khổ với Tam Khổ thì Tam là ba loại lớn, còn Bát [là những sự khổ nói chi tiết hơn], thuộc về một loại trong ba loại [khổ lớn]. Bát Khổ thuộc về Khổ Khổ, tám cái khổ nào vậy? “Sanh khổ, tử khổ, bệnh khổ, lão khổ” là bốn loại lớn; “Cầu bất đắc khổ, ái biệt ly khổ, oán tăng hội ngộ khổ, ngũ ấm xí thành khổ” (khổ vì cầu chẳng được, khổ vì yêu thương biệt ly, khổ vì chán ghét mà cứ phải gặp gỡ, khổ vì năm ấm lừng lẫy) là bốn loại lớn nữa, gộp thành tám loại, gọi là Bát Khổ. Khổ được định nghĩa như sau: “*Phiền não bức bách thân tâm*”.

Chúng ta thấy hết thấy chúng sanh đều chẳng thể tránh khỏi tám loại khổ lớn ấy như đức Thế Tôn đã nói. Đã ở trong lục đạo thì phải chịu đựng hết. Đúng là người người bình đẳng. Đừng nói là đế vương, ngay cả thiên vương – thiên ở đây là Dục Giới. Sắc Giới thiên không có Khổ Khổ, nhưng có Hoại Khổ, có Hành Khổ – trong Dục Giới thiên, Khổ Khổ, Hoại Khổ, Hành Khổ thấy đều đầy đủ. Đúng là khổ chẳng thể nói nổi!

Cái ải Sanh Khổ chúng ta đã trải qua, khổ đến mức nào nay đã quên hết rồi. Trong kinh đức Phật đã giảng, chúng ta phải chú tâm tư duy quán sát mới hiểu được đôi chút. Chúng tôi lấy con người làm thí dụ, tất cả hết thấy hữu tình chúng sanh chẳng ra ngoài lệ ấy. Quý vị sanh vào thế gian này là vì có duyên với cha mẹ; không có duyên chẳng thể biến thành người cùng một nhà. Đức Phật nói những duyên nào? Duyên rất phức tạp! Đức Phật giảng kinh quả thật có phương tiện thiện xảo, Ngài đem những thứ duyên phức tạp đó quy nạp thành bốn loại lớn, rất dễ nói. Thứ nhất là báo ân, thứ hai là báo oán, thứ ba là đòi nợ, thứ tư là trả nợ. Người cùng một nhà chẳng ra ngoài bốn mối quan hệ này. Nếu chẳng có bốn mối quan hệ ấy, chẳng thể trở thành người một nhà!

Trong một đời quý vị, quý vị quen biết bất cứ ai, bất luận nhân vật nào cũng đều là bốn mối duyên ấy. Bốn mối duyên ấy sâu, cạn, dày, mỏng khác nhau. Duyên sâu, duyên dày sẽ biến thành người một nhà. Người duyên cạn, duyên mỏng hơn một chút biến thành thân thích, bằng hữu. Cạn hơn nữa, mỏng hơn nữa, sẽ biến thành những người quen thân. Thậm chí, ngay cả những người ta gặp trên đường, cười với họ, gật đầu chào nhau là duyên rất cạn. Phải có duyên! Không có duyên, họ chẳng chào quý vị. Thậm chí, người ta bất ngờ gặp ngoài đường, vốn chẳng quen biết, người ta thấy mình ngứa mắt, trừng mắt một cái cũng là duyên, nhưng duyên ấy rất cạn, cũng có thể là những người ấy cả đời ta

chỉ gặp một lần. Cổ nhân thường nói: “*Hữu duyên thiên lý lai tương ngộ, vô duyên đối diện bất tương phùng*” (Hữu duyên ngàn dặm gặp nhau, vô duyên đối diện nhìn nhau chẳng màng).

Vì thế, Phật, Bồ Tát, thiện tri thức thường chỉ dạy chúng ta phải kết thiện duyên cùng người khác, phải kết pháp duyên, điều này rất có lý. Đã hiểu bốn mối quan hệ giữa người với người, nếu ai trong quá khứ chịu ơn mình, họ sẽ đối xử hết sức tốt với ta. Lúc ta gặp gian nan, khốn khổ gì, kẻ ấy chẳng tiếc nuôi mấy may, toàn tâm toàn lực giúp mình, báo ân mà! Còn báo oán thì kẻ ấy thấy mình hoàn toàn gai mắt, thường hay lăng nhục, hủy báng, dối trá, thậm chí làm thương tổn mình, báo oán đấy! Kẻ đến lừa đảo tài vật, trộm cắp của cải của mình đều là đòi nợ. Ai đến giúp quý vị kiếm tiền, giúp cuộc sống quý vị được giàu có, dư dật, là trả nợ vậy!

Chú tâm quan sát, tùy thuận lời đức Phật răn dạy, ai báo ân thì hy vọng đời bên chúng ta ân đức càng sâu, chẳng những càng sâu thêm mà còn phải giác ngộ, chúng ta đền đáp bằng cách nào? Phải giúp cho kẻ ấy giác ngộ. Với kẻ báo oán, muốn hóa giải oán thì phải có trí huệ, phải có phương tiện thiện xảo. Phương pháp không nhất định, cốt sao vận dụng hết sức thích đáng, oán ấy sẽ hóa giải; nhưng nguyên tắc, cương lĩnh quan trọng nhất để hóa giải oán kết là nhẫn nhục, nhường nhịn.

Cổ nhân thường dạy chúng ta nghịch cảnh xảy đến phải thuận chịu, ta vĩnh viễn gìn giữ tấm lòng nhân từ, lòng khoan dung, tha thứ, lòng báo ân. Người ta đến lừa dối hay đến báo oán là có ân gì với mình? Hóa giải oán kết là ân. Huống hồ chẳng cần biết những kẻ ấy có lý hay vô lý, họ đến lừa dối, hủy báng, khinh nhục mình, không phải là quý vị chẳng có khả năng báo thù, quý vị có năng lực ấy, nhưng không báo thù, đó chính là đức hạnh, chính là giác ngộ. Trong tâm không oán hận, hiểu rõ ràng, minh bạch, sổ nợ của mình với họ đến đây thanh toán xong. Vui mừng, cũng như tôi ghi sổ nợ trong quá khứ: Tôi lừa dối anh, trong đời này, anh cũng lừa dối tôi, có đi, có lại là huê, rất vui mừng, xóa nợ rồi!

Ân ở chỗ nào? Thành tựu Nhẫn Nhục Ba La Mật cho mình, Nhẫn Nhục Ba La Mật được hiển thị vào lúc nào? Trong những lúc ấy, quý vị thấy có Nhẫn Nhục Ba La Mật hay chẳng? Có Bát Nhã Ba La Mật hay chẳng? Có Thiên Định Ba La Mật hay chẳng? Có Trì Giới Ba La Mật hay chẳng? Có Bố Thí Ba La Mật hay chẳng? Nhẫn một điều là tu trọn sáu Ba La Mật. Người ta giúp mình, thành tựu “lục độ đều tu” cho mình, quả là việc tốt, chứ không phải việc xấu! Bởi vậy, quý vị phải hiểu đạo lý ấy, tự mình thực sự thọ dụng, sao chẳng cảm ơn?

Nếu quý vị chẳng tiếp nhận sự răn dạy của thánh hiền, do thói quen, nhất định chúng ta sẽ làm sao? Ôm lòng sân hận, nay ta chẳng có năng lực thì trong tương lai sẽ báo thù, nếu ta có năng lực sẽ phản kháng ngay trong hiện tại. Nhất định là như vậy! Thế thì oan oan tương báo đến bao giờ xong? Chẳng phải chỉ một đời này đâu! Một đời này làm lỗi nhỏ nhất, đời sau càng nghiêm trọng hơn, cứ mỗi một đời lại càng nghiêm trọng hơn; hai bên cùng đau khổ, lầm lạc quá! Bởi thế, phải có trí huệ cao độ, phải thực sự nhẫn nhục, hóa giải oán kết, đời bên cùng có lợi. Chỉ có bậc thánh hiền mới dạy chúng ta như thế, còn những kẻ tầm thường chẳng thể. Vậy thì bốn mối duyên ấy chúng ta phải hiểu biết rõ ràng. “Sanh” chính là đến thọ sanh. Sanh vẫn chưa giảng xong, bây giờ đã hết giờ rồi.

A! Ngày mai chúng tôi giảng tiếp.

Tập 12

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần “*Y báo diệu*” (y báo màu nhiệm), chúng ta đọc kinh văn tới câu này:

Kỳ quốc chúng sanh, vô hữu chúng khổ, dẫn thọ chư lạc. Cố danh Cực Lạc.

其國眾生。無有眾苦。但受諸樂。故名極樂。

(Chúng sanh cõi ấy không có các nỗi khổ, chỉ hưởng các niềm vui, nên cõi ấy có tên là Cực Lạc).

Tiết trước, chúng tôi đã giảng “*vô chúng khổ*”, đã nói đến Khổ Khổ, Hoại Khổ, Hành Khổ. Trong Khổ Khổ, giảng tám thứ khổ: sanh, lão, bệnh, tử, cầu chẳng được, thương yêu chia lìa, chán ghét phải gặp gỡ, năm Âm lấy lừng. Tám thứ phiền não ấy bức bách thân tâm, nói theo kiểu bây giờ là “thân thể chịu áp lực rất lớn, tâm tình chịu áp lực rất lớn”. Ở phần trên, chúng tôi đã giảng đến Sanh, tức Sanh Khổ. Thật ra, chúng tôi nói Sanh Khổ vẫn chưa xong. Trước hết, nói đến việc thọ sanh hay đầu thai, đầu thai (sanh vào thai mẹ) thì có bốn duyên: Báo Ân, Báo Oán, Trả Nợ, Đòi Nợ.

Con người, thật ra là hết thấy động vật, xả thân thọ sanh trong lục đạo, nói chung chẳng ngoài bốn duyên. Chúng ta liễu giải chân tướng

của sự thật ấy, nhất định phải nhớ cho thật kỹ: Nhất định đừng để thiếu nợ, nhất định chẳng nên kết oán. Hai việc ấy trọng yếu hơn bất cứ gì khác. Trong một đời này, chúng ta gặp được thánh nhân giáo huấn nên hiểu biết. Nếu trong một đời này, chúng ta chẳng gặp được thánh nhân giáo huấn sẽ chẳng hiểu, chẳng biết, chẳng thể liễu giải đạo lý ấy, chẳng liễu giải chân tướng sự thật; thử hỏi có kết oán cừu với chúng sanh hay chẳng? Chắc chắn là có! Có thiếu nợ hay chẳng? Chắc chắn là có! Thiếu nợ người những gì? Chiếm tiện nghi của người ta, đó là thiếu nợ. Thiếu nợ thì phải trả nợ, kết oán phải bị báo đền, oan oan tương báo mãi chẳng thôi. Sự tình ấy đáng sợ, đáng hoảng hốt hơn bất cứ chuyện gì khác.

Con người chẳng biết chịu lép! Chịu lép là có phước, nói như vậy chẳng sai chút nào! Vì sao chịu lép là phước? Chịu lép thì nghiệp chướng từ trước bèn tiêu, tu như thế nào? Tu hành: Hành (行) là hành vi, hành vi sai lầm; Tu (修) là sửa cho đúng, sửa đổi cho đúng những hành vi sai lầm thì gọi là “tu hành”. Từ trước đến nay, chúng ta chẳng chịu thiệt; ý niệm ấy, hành vi ấy là sai lầm. Nói chung, khi chúng ta bị thiệt thòi, bị lừa gạt, bèn oán hận, bèn mong báo thù. Hễ tâm niệm ấy khởi lên thì chủng tử bèn gieo vào A Lại Da Thức, tương lai gặp duyên, chủng tử ấy sẽ khởi hiện hành rất phiền phức, rất đáng sợ!

Phải làm sao chân chánh giác ngộ, thực sự hiểu thấu suốt giống như Phật! Trong một đời này, nhất định chẳng kết oán cừu với người khác. Mình bị thiệt thòi chuyện chi, bị người khác lừa gạt điều gì, bị người khác hãm hại như thế nào, trong tâm cảm thấy như không chuyện gì xảy ra, nhất định chẳng để tâm, đó gọi là “tu hành”. Chẳng có tâm oán hận, chẳng có tâm báo thù. Sửa đổi như thế; đời sau lúc gặp lại sẽ thành bạn bè tốt. Giải được oán kết rồi, hóa giải rồi thì đó chính là phước. Người bị thiệt thòi trong tương lai nhất định có phước báo. Chẳng chịu thiệt thòi, ôm hận trong lòng, niệm niệm chẳng quên, sau này gặp lại nhau, báo thù, oan oan tương báo. Báo thù như vậy chẳng phải là đôi bên đều đau khổ ư? Đó là họa, đâu phải phước! Đời đời kiếp kiếp, oan oan tương báo không xong, quý vị nói xem: Chẳng phải là rất khổ ư?

Oan gia đối đầu phải là hai bên, nếu một bên đã giác ngộ sẽ bèn hóa giải. Chúng ta chẳng cần đợi người khác giác ngộ, tự mình hãy giác ngộ; hễ tự mình giác ngộ sẽ hóa giải. Cam lòng chịu thiệt, cam lòng bị lừa gạt, nhất tâm nhất ý tích cực nỗ lực tu học, học tập, nỗ lực niệm Phật, quyết định trong một đời này sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi, trí huệ mở mang, đức năng, thần thông

hiện tiền, thả chiếc bè Từ, lại trở vào chín pháp giới giúp đỡ chúng sanh hữu duyên trong quá khứ. Duyên gì vậy? Chính là những kẻ ân, oán, đền nợ, đòi nợ, họ có những duyên ấy cùng ta, chúng ta giúp đỡ họ, độ họ.

Hãy nhớ kỹ “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”, chỉ cần có duyên là quý vị đều có thể dùng trí huệ, phương tiện thiện xảo giúp đỡ họ phá mê khai ngộ, chuyển phàm thành thánh. Phải hiểu đạo lý này, phải liễu giải chân tướng sự thật. Thành tựu người khác chính là thành tựu đức hạnh, trí huệ, thần thông, phước báo của chính mình. Chướng ngại, ngăn trở người khác, dù hữu ý hay vô ý gây thương tổn người khác, ngạn ngữ gọi là “*tổn người, lợi mình*”. Nhất định chớ nên tổn người lợi mình! Nếu quý vị vị kỷ⁴⁴, một đời này thọ mạng rất ngắn, có thể hưởng nhiều lợi ích, thụ hưởng lâu dài ư? Nhưng tội báo trong tam đồ, trong địa ngục, chẳng biết phải chịu khổ như thế gấp trăm, gấp ngàn, gấp vạn lần, cố gì cứ phải làm những chuyện như thế?

Trước kia, thầy Lý có kể cho chúng tôi một câu chuyện, thuộc loại chuyện ngụ ngôn, thầy kể đâu chừng mấy lần. Bởi vậy, chúng tôi có ấn tượng rất sâu. Thầy kể chuyện một gã thầy lang bắt tài giết người. Chẳng phải là cố ý, nhưng y thuật không cao minh nên chẩn đoán sai lầm, dùng trật thuốc! Phàm ai để cho thầy lang chữa bệnh, bệnh nhẹ không sao, còn bệnh nặng mời gã đến, trị một cái là chết, làm chết chẳng ít người! Đến lúc chính gã chết, tiểu quỷ bắt đi, giải đến chỗ vua Diêm La. Gã ta đến trước điện Diêm La, thấy trong điện Diêm La có không ít người, đều là những người bị gã làm chết. Vua Diêm La phán đày gã thầy lang xuống tầng địa ngục thứ mười tám, gã tâu cùng vua Diêm La:

- Oan uổng! Tôi đâu cố ý hại người! Vì tôi y thuật không cao minh, dùng sai thuốc, tôi chẳng cố ý giết hại họ!

- Chẳng phải cố ý, nhưng mạng người nhiều như thế, mi phải gánh chịu. Trước hết đọa địa ngục, từ địa ngục trở ra lại phải đền mạng. Hữu ý thì hữu ý đền mạng, vô ý thì vô ý đền mạng, vô ý là ngộ sát. Chẳng tránh khỏi nhân quả, cổ nhân nói đúng đây, chẳng giả đâu; nhân duyên quả báo tơ hào chẳng sai, tổng hán xuống địa ngục tầng thứ mười tám!

Xuống đến địa ngục vẫn kêu oan, chẳng cam lòng, chạy loạn lên trong địa ngục. Gây náo loạn như thế, chợt nghe phía dưới có người nói: “Lão huynh! Ông đừng chạy lung tung như thế. Ông vừa cất bước, tro bụi đều rớt đầy xuống người tôi!” Ông ta nghĩ: “Mình đã ở tầng địa ngục

⁴⁴ Vị kỷ (selfish), chỉ biết nghĩ đến mình, không hề biết quan tâm, nghĩ đến lợi ích của người khác.

thứ mười tám, sao còn có tăng địa ngục thứ mười chín?” Bèn hỏi: “Lão huynh làm gì vậy?”

- Tôi dạy học! Thầy thuốc dở làm chết người địa ngục thứ mười tám. Thầy dạy dở địa ngục thứ mười chín, tức là anh dạy học, dạy lầm con em người ta còn nặng tội hơn thầy thuốc dở làm chết người.

Nhưng quý vị phải biết: Một vị thầy giỏi có công đức cả pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian không gì sánh bằng được. Ở Trung Quốc, quý vị thấy có ai sánh bằng Không lão phu tử hay chăng? Ngài có công đức gì? Dạy học! Ông thầy tốt chẳng dạy lầm con em người ta. Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật là vị thầy tốt, tuyệt đối chẳng dạy người lầm lạc, dạy suốt bốn mươi chín năm. Bởi thế, công đức dạy học của đức Phật là bậc nhất trong mọi pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian. Dạy học phải gánh lấy trách nhiệm nhân quả, giống như thầy thuốc vậy. Dạy học vụng về phải địa ngục thứ mười chín! Đó là ngu ngôn, chưa chắc là sự thật, nhưng quý vị phải hiểu, như chúng ta mới vừa đọc trong kinh, tôn giả Châu Lợi Bàn Đà Già đời xưa kia là Tam Tạng pháp sư: Tuy không dạy sai lầm, nhưng vì tiếc pháp, dạy cho người ta, chỉ dạy một nửa, nửa sau không dạy. Vì sao? Sợ người trong tương lai hơn mình, đây là gì? Tâm ghen ghét, tiếc pháp! Địa ngục, tội báo địa ngục mãi rồi, được ra, tuy được làm thân người, nhưng ngu si! Tiếc pháp mắc quả báo ngu si như thế, chúng ta phải hiểu việc ấy.

Ở Trung Quốc, công án “dã hồ” (chồn hoang) trong Thiền tông rất nhiều người biết. Con chồn hoang ấy trong năm trăm năm trước là một pháp sư giảng kinh, thuyết pháp, nói sai một câu, tức là nói câu chuyển ngữ sai một chữ. Nói sai một chữ thôi, bị quả báo địa ngục làm thân chồn hoang năm trăm năm, được Bách Trượng đại sư cứu vớt. Nếu chẳng gặp ngài Bách Trượng, vẫn phải thọ tội trong đường súc sanh; nghĩa là gì? Dạy học chẳng thể không cẩn thận.

Biết thì nói biết, không biết nói không biết, chẳng được miễn cưỡng không biết nói biết, chẳng được thể diện hão. Người ta đến hỏi mình, mình không biết cảm thấy quê quá, phải dùng đại điều gì đó để đáp cho xuôi, làm vậy rất đáng sợ! Nếu quý vị dạy điều gì sai lầm, hãy nghĩ đến chuyện con chồn hoang trong nhà Thiền, hãy nghĩ đến Châu Lợi Bàn Đà Già, mình sẽ gặp phải quả báo. Nếu nói người ta đến hỏi mình, cái gì mình cũng không biết thì làm cách nào đây? Niệm A Di Đà Phật là xong. A Di Đà Phật là vô thượng pháp môn, quyết định chẳng hại người, quyết định chẳng dối người. Khuyến mọi người cầu sanh Tịnh

Độ, thù thắng hơn bất cứ gì khác. Sao chúng ta không làm như vậy? Các đại đức, thiện tri thức xưa kia làm như vậy không ít; bất luận quý vị hỏi các Ngài điều gì, các Ngài đều niệm một câu Nam Mô A Di Đà Phật. Ngoại trừ một câu A Di Đà Phật ra, chẳng có câu thứ hai nào hết. Các Ngài tự mình tu hành thành công, dạy hết thầy chúng sanh cũng thành công, đạo lý ấy hết sức sâu xa.

Chúng tôi giảng pháp nhiều năm, nói thật ra, cũng nêu lên vô lượng vô biên Phật pháp, nhưng đến cuối cùng đều quy vào một câu A Di Đà Phật. Quý vị nêu lên một câu A Di Đà Phật, đây chính là vô thượng pháp bảo. Vạn pháp quy nhất, nhất là gì? Nhất chính là một câu danh hiệu, vạn đức hồng danh. Nhất quy về đâu? Quy về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, được oai thần và bốn nguyện của A Di Đà Phật gia trì. Tu học trong hoàn cảnh ấy, một đời chúng đắc quả Phật rốt ráo viên mãn chẳng thể nghĩ bàn! Đúng là như trong kinh nói: *“Vô hữu chúng khổ, dẫn thọ chư lạc”* (không có các khổ, chỉ hưởng các vui) nên thế giới ấy tên là Cực Lạc, quyết định chẳng sai!

Bởi vậy, chúng ta phải hiểu rõ nhân duyên của việc đầu thai, giữa con người với nhau không tránh khỏi bốn duyên ấy. Sanh là khổ, phần trên đã giảng rồi, chúng tôi đã nói rồi, [quý vị] quên rồi! Trong kinh đức Phật giảng rất rõ ràng, quý vị đầu thai thì đầu thai là mê hoặc; nếu quý vị hiểu rất rõ ràng, rất tỉnh táo, sẽ chẳng đầu thai nữa. Hữu tình đến đầu thai, đến thọ sanh trong lục đạo do nguyên nhân nào? Trong kinh Phật nói là vì dâm dục. Hết thầy chúng sanh (chỉ lục đạo chúng sanh) đều lấy dâm dục làm tánh mạng chánh, đều đến đầu thai như thế. Nếu lúc đầu thai, quý vị mang thân nữ, tức là quý vị thích thân nữ bèn mang thân nữ; nếu thích thân nam, bèn mang thân nam. Bởi vậy, chẳng đoạn tình dục, chẳng thể không đầu thai.

Do đó, chẳng đoạn tình dục, chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Vì vậy, giới luật tại gia, đặt Sát làm đầu, chẳng sát sanh, chứ không phải tà dâm; còn trong giới luật xuất gia, chẳng dâm là điều đầu tiên. Vì sao? Xuất gia muốn liễu sanh tử, muốn thoát tam giới, chẳng đoạn dâm dục sẽ chẳng thể thoát tam giới được. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật nói rất tường tận: Dục là cội gốc của luân hồi lục đạo; chẳng nhỗ tận rễ, làm sao ly khai lục đạo được? Bởi vậy, quý vị đầu thai, sau khi đầu thai, nằm trong bụng mẹ, đức Phật gọi mười tháng hoài thai ấy là “thai ngục”, trong bụng mẹ chịu nỗi khổ giống như trong địa ngục. Khi mẹ uống một chén nước lạnh, quý vị cảm thấy như đang ở trong địa ngục Hàn Băng.

Mẹ ăn thứ gì nóng, cảm thấy như đang ở trong Đại Hỏa địa ngục, khổ chẳng thể nói nổi, “thai ngục” là như vậy! Bởi thế, mười tháng hoài thai, quên sạch sành sanh những ký ức thuộc đời trước, rất khổ! Chúng ta phải tin vào sự kiện này.

Trong quá khứ, tôi có một người bạn già, đứa con của ông ta độ chừng mười mấy tuổi, rất khờ khạo. Ông ta bảo tôi: “Đứa nhỏ này hồi bé hết sức thông minh, lên ba bốn tuổi mắc phải một trận bệnh nặng. Lành bệnh rồi, thông minh, ký ức đâu mất hết!” Một trận bệnh nặng trong thế gian còn có thể khiến ký ức bị mất, mất sạch thông minh, trí huệ. Thời gian mười tháng rất dài, ở trong thai, tất cả hết thấy ký ức đời trước đều quên sạch hết, để ra không biết gì hết. Trong kinh Phật nói: Thai nhi nằm trong bụng mẹ cứ mỗi bảy ngày lại biến hóa, đức Phật giảng sự biến hóa cách mỗi bảy ngày rất tường tận, đó là “*khô chẳng thể nói nổi*”. Bởi vậy, đứa nhỏ sanh ra, âm thanh thứ nhất là gì? Quý vị có chú ý chăng? Âm thanh thứ nhất là “khô a!” Sanh ra là khô, khổ suốt đời, đó là Sanh Khổ!

Có một số nhỏ trẻ sanh ra còn nhớ được chuyện đời trước là do nguyên nhân gì? Trong kinh, đức Phật gọi tình trạng đó là “đoạt thai”. Lúc mẹ nó hoài thai chẳng phải là hoài thai nó, mà là mang thần thức của người khác. Kẻ ấy đến đời nọ, nhưng không thiếu nợ nhiều lắm. Người mẹ mang thai phải thọ tội, phải chịu tội hoài thai mười tháng, thân thể chẳng được thông dong. Vừa sanh ra liền chết, tức là thần thức ly khai liền, vì sao? Hai bên chỉ có quan hệ đến đó mà thôi; nhưng kẻ khác có duyên đối với gia đình đó, khi thần thức kẻ kia vừa ly khai, thần thức kẻ này bèn dựa ngay vào thân thể đó. Nói cách khác là thay đổi thần thức, trong nhà Phật gọi chuyện ấy là “đoạt thai”. Lúc hoài thai chẳng phải kẻ này, lúc sanh ra kẻ này mới đến. Vì thế, cái gì nó cũng hiểu rõ, chẳng quên một mảy sự tình đời trước; nhưng hiện thời biến thành một đứa trẻ nhỏ. Cũng có lúc đứa trẻ [mới sanh ra đã] nói được, mọi người chẳng chấp thuận, cho nó là quái vật. Bị quở như vậy chẳng dám nói nữa, nhưng hiểu rành rẽ, minh bạch. Đoạt thai chỉ là một số ít, nhưng không phải chẳng có. Người đoạt thai như vậy không có Sanh Khổ, không phải ở trong thai mười tháng, chẳng chịu nổi khổ thai ngục; nhưng đó chỉ là thiểu số, hết sức là ít!

Hễ có sanh thì nhất định có lão, cho nên con người phải giác ngộ. Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thị hiện: Ngài có giác tánh rất cao, hết sức linh mãnh, linh hoạt mãnh liệt. Tuy mình chưa già, nhưng trông thấy người già, trông thấy nỗi khổ của người già cả, lập tức nghĩ trong tương

lai mình có bị già hay không? Già rồi có giống như người kia hay không? Cảm thấy rất hoảng sợ. Người sống trong thế gian sống nhờ vào ngũ cốc và các món lương thực, chẳng thể không sanh bệnh. Dầu tự mình chưa sanh bệnh, nhưng thấy người khác mắc bệnh khổ sở mọi bề như thể liền giác ngộ. Những tướng ấy (sanh, lão, bệnh, tử) không một cá nhân nào có thể tránh khỏi được.

Sanh - lão - bệnh - tử là tướng bày ra trước mắt ta mỗi ngày, vây bủa ta khắp bốn phía, thời thời khắc khắc cảnh cáo chúng ta, nhưng quý vị có nhận biết hay không? Trong Phật pháp nói người thiện căn sâu dày rất dễ nhận biết. Nhận biết rồi, liền nghĩ cách giải quyết vấn đề như thế nào? Tất cả hết thảy phương pháp thế gian đều chẳng thể giải quyết được chuyện này! Thích Ca Mâu Ni Phật vứt bỏ ngôi vua, vứt bỏ sự hưởng thụ vinh hoa, phú quý, đi tu, đi xuất gia, để giải quyết vấn đề “tử sanh đại sự” ấy.

Chư vị đồng tu phải nghe cho kỹ! Tôi chẳng nói “sanh tử” mà nói là “tử sanh”. Sanh tử là từ sanh đến tử đã xong, tử sanh không có ý nghĩa như vậy. Chết rồi, cách mấy ngày lại sanh ở chỗ nào đó. Tử sanh vĩnh viễn tuần hoàn, vĩnh viễn chẳng gián đoạn. Đây là luân hồi, chuyện này rất rắc rối. Nếu tử lần sanh đều chẳng có thì tốt quá, không còn có chuyện gì nữa. Tử rồi lại sanh, sanh rồi lại tử, tử rồi lại sanh, phiền phức quá! Trong kinh, đức Phật nói lục đạo chúng sanh nhọc nhằn sanh tử, đều là chân tướng sự thật. Chúng ta có bao giờ nghĩ đến sanh - lão - bệnh - tử hay chẳng? Sanh Khổ có nhân là dục ái, phải trừ dục ái, phải đoạn cái nhân sanh tử. Đó là điều đức Phật dạy.

Suy lão, ngạn ngữ cổ Trung Quốc nói rất hay: “*Ưu năng sử nhân lão*” (Lo buồn lo khiến con người già cỗi). Một con người trong đời ưu lự quá nhiều, vướng mắc quá nhiều, buông không được, rất dễ dàng suy lão. Ưu tư khiến con người già cỗi! Lại nói: “*Bệnh tùng khẩu nhập, họa tùng khẩu xuất*”, những câu như vậy đều rất có lý. Nhiều chứng bệnh, đa phần là vì tham ăn, tham uống, ăn bậy bạ. Gần đây nhất, có nhiều báo cáo cho thấy virus gây bệnh SARS do đâu mà có? Không ít người nói do từ động vật hoang dã. Ở phía Nam Trung Quốc, người ta thích ăn thịt động vật hoang dã (“*dã vị*”). Hiện tại, người ta truy tìm căn nguyên bệnh SARS, nghi ngờ bệnh này hình như truyền từ các món dã vị. Đây đều là truy tầm trên sự tướng biểu hiện, thực sự đã chứng minh “*họa tùng khẩu nhập*”, tham ăn! Phật dạy chúng ta: Nguyên nhân chân chánh chẳng ngoài nhân quả nghiệp báo; nói như vậy mới là thực sự thấu triệt, mới giải thích minh bạch được.

Như trong kinh nói, lục đạo phàm phu trong tâm chẳng buông Kiến Tư phiền não xuống được, liền phải thọ nghiệp báo. Thiện nghiệp thì được thiện quả nơi ba đường lành; ác nghiệp thì nhất định phải thọ báo nơi ba đường ác. Nhưng đối với hết thấy chúng sanh, ta chẳng tìm được người nào thuần thiện không ác, tìm không ra; cũng chẳng tìm được một ai thuần ác vô thiện. Hạnh nghiệp của hết thấy chúng sanh là thiện - ác lẫn lộn, mỗi một chúng sanh vừa có thiện vừa có ác, nhưng có nặng - nhẹ, nhiều - ít, lớn - nhỏ chẳng giống nhau. Vì thế, sau khi thọ sanh, quả báo chẳng giống nhau. Thiện nhiều, ác ít, trong đời này sẽ hưởng phước báo nhiều, tai nạn ít. Nếu ác nhiều, thiện ít, một đời này phải gặp lắm khổ; nhưng vì có chút điều thiện, nên cũng có những thời gian ngắn rất bình tĩnh. Nói chung, chẳng ngoài nhân quả báo ứng, quý vị phải thực sự hiểu được đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật này, mới hòng bỏ cứu trong một đời này, tức là có thể xoay chuyển quả báo và vận mạng.

Thiền sư Vân Cốc dạy Viên Liễu Phàm điều này. Tiên sinh Liễu Phàm là người đọc sách, có trí huệ, vừa nghe bèn hiểu rõ, lại chịu làm theo. Đổi lỗi, hướng lành hết sức tích cực, thực sự thay đổi quả báo, thay đổi rất nhanh, thay đổi rất hữu hiệu. Cuốn sách thứ nhất tôi đọc khi học Phật là Liễu Phàm Tứ Huấn do lão cư sĩ Châu Kính Trụ tặng. Khi tôi có được cuốn sách nhỏ đó, xem từ đầu đến cuối hơn ba mươi lần, hết sức cảm động; vì tôi lúc trẻ tuổi đã phạm những tội giống như tiên sinh Viên Liễu Phàm, nhưng bất luận trí huệ hay phước báo của tôi đều chẳng bằng tiên sinh Liễu Phàm, cuộc sống của tôi còn đáng thương hơn nữa, càng khổ hơn nữa! Có một phương pháp thay đổi vận mạng như thế thì tốt quá, như gặp được vật quý báu nhất, tiếp nhận lời thầy răn dạy, tiếp thọ thiện tri thức chỉ dạy.

Tôi quen biết lão cư sĩ Châu Kính Trụ, hình như cụ đã sáu mươi tám tuổi, tôi mới hai mươi sáu. Lão cư sĩ hết sức yêu thương, che chở bọn người trẻ tuổi chúng tôi, nhất là thấy ai đọc thiện thư liền nảy lòng ưa thích, có thể y giáo phụng hành thì cụ bèn đặc biệt yêu mến người ấy. Đúng là xem như con của chính mình vậy. Cụ dạy chúng tôi phải biết nhân quả báo ứng, dạy chúng tôi phải biết sửa lỗi làm lành, “*chớ làm các điều ác, vâng làm các điều lành*”. Chúng tôi tiếp thọ sự giáo huấn từ bi, thiện ý của cụ, được thật nhiều lợi ích, có dịp chuyển được sanh - lão - bệnh - tử của cả một đời mình. Đúng là giảm chậm sự lão hóa, chẳng phải là không già, nhưng là giảm chậm, giống như kéo dài thời gian vậy. Điều này về sau học Phật, mới dần dần hiểu ra đạo lý, đó chính là như cổ

nhân nói “*ưu lực khiến con người già cỗi*”. Đối với hết thầy sự trong thế gian tôi xem nhẹ hơn, chẳng còn bận lòng nữa.

Từ nhỏ hiếu học, thích đọc sách, lúc tuổi trẻ sống rất khổ, thâm nhập ít ỏi. Vì thế, những người tuổi trẻ thường tìm đến những nơi ăn chơi, chúng tôi tuyệt đối chẳng dám la cà, gần gũi. Nguyên nhân gì? Chẳng có tiền bạc. Bởi thế, tuổi trẻ sanh trong nhà giàu có chưa phải là chuyện tốt. Người gia cảnh bần cùng chẳng dám đến những nơi ăn chơi, suy nghĩ cuộc sống tương lai của mình sẽ ra sao? Nếu chẳng phát phần, chẳng nỗ lực, chẳng gắng học hành giỏi giang, sau này sẽ ra sao? Bởi thế chúng tôi có quan niệm khác với những người tuổi trẻ. Khi họ rảnh rỗi, thường đến những nơi ăn chơi vui thú, tôi gần gũi những vị thầy nổi tiếng. Tôi đi đến đâu? Đến thư viện, tiệm sách, đây là những nơi tôi la cà.

Không có tiền mua sách thì đến tiệm đọc sách. Ở tiệm sách có lúc giờ sách ra, đọc cả một hai tiếng. Xem xong, đặt trả sách lên giá, đi qua tiệm khác xem sách. Người thời đó rất tử tế, tôi thường ghé tiệm sách, chủ tiệm quen mặt, có lúc còn giới thiệu sách hay cho chúng tôi xem. Chúng tôi muốn mua, không có tiền, không sao cả! Cứ lấy trước, khi nào có tiền trả sau. Chủ tiệm tin tôi, hễ lúc nào tôi có tiền sẽ mau mắn đem đến trả, có tín nhiệm. Hầu như mấy tiệm sách ở Đài Bắc, tôi đến mua sách đều có thể ghi nợ, có tín nhiệm mà! Vì tâm địa thanh tịnh, chẳng bị ngũ dục lục trần ô nhiễm, con người chẳng dễ bị suy lão. Sống cuộc đời đơn giản, chẳng ăn quà vặt (không có tiền ăn!), sống quy củ, ít đổ bệnh.

Sau khi học Phật, phải hai ba chục năm mới hiểu ra, hết thầy chúng sanh vốn đều chẳng sanh chẳng diệt. Chẳng riêng gì chư Phật, Bồ Tát, mà tất cả hết thầy chúng sanh đều chẳng sanh chẳng diệt. Chết giống như thay một bộ y phục. Tôi thường nói là thân thể này đã già rồi, đã dùng không ít năm, dùng cũ mòn rồi, chẳng tái sử dụng được nữa, phải thay đổi, càng thay càng tốt, càng đổi càng thù thắng. Đó chẳng phải là chết, chỉ thay đổi thân thể mà thôi, giống như quần áo mặc cũ, mặc rách rồi, không cần đến nữa, bỏ đi, đổi lấy bộ mới.

Trong sanh - lão - bệnh - tử, phải hiểu rõ, thấu hiểu lý sự thì chính mình mới làm chủ được! Nếu chẳng hiểu rõ lý, chẳng minh bạch sự tướng thì đối với bốn sự việc này, ta rất sợ sệt, ta suy nghĩ không thích đáng, xử sự chẳng thích đáng, càng rắc rối to!

A! Bây giờ đã hết giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!
Chúng ta coi tiếp:

Kỳ quốc chúng sanh vô hữu chúng khổ, dẫn thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc.

其國眾生。無有眾苦。但受諸樂。故名極樂。

(Chúng sanh cõi ấy không có các sự khổ, chỉ hưởng các sự vui, nên tên là Cực Lạc).

Trong Khổ Khổ, chúng tôi giới thiệu đơn giản Sanh - Lão - Bệnh - Tử, thứ năm là Cầu Bất Đắc. Hết thấy chúng sanh có ai không có dục vọng? Cá nhân nào chẳng mong cầu? Dục vọng, mong cầu, hết thấy chúng sanh đều có; nhưng dục vọng, mong cầu chẳng có giới hạn, mong cầu phần nhiều đều thất vọng, chân tướng sự thật ấy rất khổ. Dục vọng nhiều, khổ càng nhiều; mong mỏi nhiều, thất vọng càng nhiều! Người chân chánh tu đạo đối với sinh hoạt vật chất lẫn sinh hoạt tinh thần đều tùy duyên, thế nào cũng xong, chẳng mong cầu nên ít khổ. Trong tâm ít vọng niệm, ít mong cầu, chỉ cần duy trì được cuộc sống đã hết sức thỏa mãn. Người như vậy luôn luôn mạnh khỏe, sống lâu, thế mà rất ít người hiểu được!

Xưa kia, lúc Trung Quốc mới mở cửa, rất nhiều người đến thăm viếng du lịch, nhận thấy nội địa Trung Quốc bần cùng lạc hậu, nói như bây giờ là điều kiện vệ sinh, điều kiện vệ sinh gì cũng không có, thế mà dân cư sống rất lâu khỏe mạnh. Tám chín mươi tuổi vẫn là trẻ, người một trăm hai mươi, một trăm ba mươi tuổi không ít, do nguyên nhân nào? Tôi nghe nói người ngoại quốc đến đó khảo sát, tìm chẳng ra nguyên nhân. Nguyên nhân thực sự rất đơn giản, trong kinh Phật thường nói là tâm thanh tịnh, ít ham muốn, ít mong cầu. Đây là nguyên nhân khỏe mạnh sống lâu. Biết đủ, thường vui, chẳng có những sự phiền muộn trong tâm, chẳng có điều gì phải lo lắng, mỗi ngày được no bụng đã rất đẹp dạ rồi! Bởi thế, ngạn ngữ thường nói: “*Ưu lự khiến cho con người già cỗi*”. Những quốc gia đã phát triển, cuộc sống người dân hết sức giàu có, nhưng thường ưu lự, chẳng tri túc, ngày đêm truy cầu hưởng thụ, theo đuổi việc nâng cao phẩm chất cuộc sống, sao không bị lão hóa? Rất dễ dàng suy lão, đạo lý là đây.

Thế gian cũng có hiền thánh, vấn đề là chưa thấy ai gặp được, chưa thấy ai gặp được thánh nhân mà có thể tiếp nhận giáo huấn, chuyện

này tùy thuộc phước báo của mọi người. Thánh hiền thế gian, xuất thế gian chỉ dạy chúng ta, ta có thể cầu được, chẳng phải là không cầu được. Trong Phật pháp càng nói hay hơn: “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*” (Trong cửa Phật, có cầu ắt ứng). Chẳng có gì không cầu được, nhưng quý vị phải hiểu đạo lý và phương pháp để cầu! Nếu mong cầu đúng lý, đúng pháp, không gì chẳng đạt được. Những gì thiền sư Vân Cốc truyền cho tiên sinh Liễu Phàm chính là đạo lý này. Tiên sinh Liễu Phàm nghiêm túc làm theo, quả nhiên có ứng nghiệm, cầu công danh được công danh, cầu con cái được con cái, chứ trong mạng ông ta không có.

Số mạng ông ta không có công danh, thời cổ gọi “công danh”, nay gọi là “học vị”, Trung Quốc vào thời cổ chẳng gọi là học vị, mà gọi là công danh. Công danh còn chia thành ba đẳng cấp: Thấp nhất là Tú Tài, nói thật ra, Tú Tài chẳng thể tính là công danh. Cao hơn Tú Tài một bậc là Cử Nhân, Cử Nhân có thể tính là công danh. Cao nhất là Tiến Sĩ. Trên thực tế, Tiến Sĩ có thể sánh với học vị Bác Sĩ⁴⁵ hiện tại. Học vị tối cao là Tiến Sĩ, thấp hơn là Cử Nhân, tương đương với Thạc Sĩ [hiện tại], Tú Tài tương đương Học Sĩ, hiện thời. Đó là ba đẳng cấp của người có học ở Trung Quốc vào thời cổ.

Liễu Phàm tiên sinh chỉ đậu Tú Tài, trong mạng không có Cử Nhân, Tiến Sĩ đương nhiên khỏi bàn tới. Quý vị thấy trong mạng ông ta không có công danh, ông ta cầu công danh, quả thật ông ta đậu Cử Nhân, đỗ Tiến Sĩ. Trong mạng không có con cái, kết quả ông ta cũng có con cái. Đúng là “*trong nhà Phật, hữu cầu tất ứng*”. Mạng ông ta chỉ thọ năm mươi ba tuổi, gần như kéo dài tuổi thọ hai mươi năm nữa, sống đến năm bảy mươi bốn tuổi, đúng là hữu cầu tất ứng!

Thánh nhân chẳng lừa dối người, phàm muốn cầu phải hiểu lý luận, hiểu phương pháp. Lý luận là nhân quả, gieo nhân thế nào, được quả báo thế ấy. Nay trong thế gian này, mong mỏi, dục vọng đã biến thành chuyện lớn nhất trong tư tưởng con người hiện tại, cả đời người theo đuổi phương hướng ấy, hướng theo mục tiêu ấy liệ mạng truy cầu. Chẳng hiểu lý luận, chẳng biết phương pháp, cứ cạy vào phiền não tập khí, tri kiến thế tục để phán đoán, cho nên cạnh tranh! Tranh có được

⁴⁵ Bác Sĩ ở đây chính là học vị Tiến Sĩ (PhD). Người Hoa không gọi bác sĩ y khoa là “bác sĩ” như người Việt mà gọi là y sinh. Người Hoa gọi ba bậc học vị hiện thời như sau: Học Sĩ (Cử Nhân, Bachelor), Thạc Sĩ (Cao Học, Master) và Bác Sĩ (Tiến Sĩ, PhD).

hay chẳng? Tranh không được! Tranh không được bèn dùng thủ đoạn phi pháp, tổn người, lợi mình, xâm phạm người khác, xâm đoạt người khác nhằm thỏa mãn dục vọng của chính mình. Có lúc tự hồ có hiệu quả, thực sự đoạt được của cải người ta, nào biết mình đoạt được rồi, hưởng thụ trong một thời gian ngắn, vẫn là vì trong mạng mình có. Nếu mạng mình không có, dầu tranh cũng chẳng được, có đoạt cũng chẳng được. Ví dù đoạt được, chính mình chẳng thể hưởng dụng được, trong mạng không có mà! Đây mới là cái nhân chân chánh, trong mạng đã có, có gì phải tranh?

Thoạt đầu, Liễu Phàm tiên sinh được Khổng tiên sinh đoán mạng, đoán mạng ông ta có của cải, mỗi năm có bao nhiêu thâm nhập nhất định. Mỗi năm ông ta thử thí nghiệm, chẳng sai chút nào, chẳng sai chạy chút may may nào so với lời đoán của Khổng tiên sinh. Bởi thế, ông ta tin tưởng con người có vận mạng chẳng thể miễn cưỡng. Vì thế, ý niệm cạnh tranh, tranh thủ đều buông xuống hết, cũng chẳng cầu, cũng chẳng tranh. Vì sao? Cầu không được, tranh chẳng được, trong mạng không có mà! Những vọng niệm ấy thấy đều không có, tâm định, nên mới cùng thiền sư Vân Cốc ngồi trong thiền đường ba ngày ba đêm không có một vọng niệm nào. Thiền sư Vân Cốc cảm thấy rất hy hữu, ba ngày ba đêm chẳng khởi vọng niệm, chẳng phải người tầm thường làm được như vậy, rất bội phục: “Công phu tu hành của ông khá quá!”

Tiên sinh Liễu Phàm nói:

- Chẳng phải là tôi không có vọng niệm, nhưng khởi vọng niệm cũng vô ích, chẳng làm được gì, nên tôi mặc kệ, không nghĩ tới nữa.

Thiền sư Vân Cốc hỏi:

- Tại sao?

- Mạng tôi đã được Khổng tiên sinh đoán định rồi. Những gì tôi gặp gỡ, thành tựu trong một đời này, tôi đều đã biết rõ cả rồi, đều hiểu hết rồi, khởi vọng tưởng ích gì cơ chứ?

Thiền sư Vân Cốc nghe xong bèn cười ha hả:

- Tôi vốn tưởng ông có công phu tu hành, nào ngờ là như vậy, phạm phu, phạm phu!

Bèn khai thị cho ông ta:

- Không sai! Phạm phu đúng là có vận mạng, ai cũng chẳng thoát khỏi vận mạng, vì sao? Chỉ cần ông có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, ông bèn có vận mạng. Ai không có vận mạng? Người đoạn sạch vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Thánh nhân đã vượt khỏi vận mạng.

Nói cách khác, nếu anh có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chắc

chấn anh là lục đạo chúng sanh, anh đương nhiên bị câu thúc bởi mạng số trong lục đạo, động đây chẳng được, “nhất ẩm, nhất trác, mạc phi tiền định” (một hợp uống, một miếng ăn không gì chẳng phải là tiền định). Nếu anh không hiểu đạo lý này, cứ muốn cùng người tranh đoạt, làm bậy làm bạ thì sao? Tồn hại phước báo nơi mạng. Chẳng hạn như (chúng tôi nêu thí dụ để giảng), trong mạng anh giàu có đến một triệu, trong mạng anh có như vậy, giàu có một ức, nhưng anh khởi tâm động niệm, toàn làm chuyện bất thiện, toàn làm chuyện ác, ác niệm, ác hạnh. Kết quả là một ức của cải trong mạng anh bị hao tổn, chỉ còn năm ngàn vạn. Anh kiếm được năm ngàn vạn tự cảm thấy rất phi thường, nhưng phải dùng phiền não làm như thế này như thế nọ, bị giảm bớt rồi. Nếu tạo thành ác nghiệp rất nặng, đoạt được tài sản bằng cách thương thiên hại lý, đại khái càng bị hao tổn lớn hơn nữa. Rất có khả năng một ức tiền tài của anh biến thành một ngàn vạn. Cổ nhân Trung Quốc bảo “tồn phước, tổn thọ”. Đây là chẳng hiểu đạo lý, chẳng biết phương pháp chính xác, làm sai!

Trong mạng chẳng có của cải, người ấy phải biết tích đức, tu thiện, dùng thiện tâm, thiện hạnh đãi người, tiếp vật, có thể bỏ mình vì người. Của cải là Tài Bố Thí, dầu tự mình chẳng có tiền của, ta vẫn có một bát cơm ăn, người ta không có gì ăn, mình xẻ nửa bát cho. Đó đều là cái nhân của giàu có. Trong mạng đã có của cải, càng chứa, càng nhiều, của cải hiện tiền, phước báo hiện tiền, trí huệ hiện tiền. Trong mạng của tiên sinh Liễu Phàm có một chút của cải, chẳng nhiều, rất ít! Thiền sư Vân Cốc dạy ông ta như vậy, ông ta hiểu rõ, hoảng nhiên đại ngộ. Mạng do đâu mà có? Do đời trước tạo, mạng do chính mình tạo, tự mình tạo thì tự mình thay đổi. Bởi thế, hiểu được đạo lý, hiểu phương pháp, vấn đề bèn được giải quyết.

Trong kinh luận, đức Phật thường dạy chúng ta rất nhiều, bố thí được giàu to. Những người giàu có trong thế gian này, của cải do đâu mà có? Do đời trước tu Tài Bố Thí; bởi vậy, trong mạng có kho tàng dư dật đến thế, bất luận làm việc gì, của cải cuộn cuộn kéo tới. Tài Bố Thí càng thí càng nhiều, nhất định chẳng được keo lẩn. Làm nhiều việc tốt, chẳng sợ bị gạt, chẳng sợ người khác dối mình. Hiện tại, rất nhiều người làm việc tốt, người xấu trong thế gian này rất nhiều, ta làm việc tốt đều bị họ lừa gạt. Chẳng sao, cứ lừa đi, trong tương lai họ sẽ phải trả nợ. Nhân quả thông ba đời, mình bị người ta gạt thì sao? Của cải mình lưu lại kiếp sau, trong đời sau, bọn chúng đền trả cho mình. Quý vị hoàn toàn chẳng bận tâm; quyết định chẳng để chuyện đó gây chướng ngại rồi chẳng dám làm

việc tốt.

Ví như cứu tai ách, cứu tai nạn, chúng ta biết quả thật phải qua tay rất nhiều người lo liệu, có rất nhiều người nói phát tài nhờ tai nạn, đó là chuyện của họ, ai có nhân quả nấy. Có người nói: “Như vậy khác gì tôi giúp kẻ ấy tạo tội nghiệp đâu?” Nếu quý vị có tâm giúp kẻ ấy tạo tội nghiệp thì quý vị mắc tội báo. Ta không có tâm đó, nhưng người ta ô mê lòng bất thiện, trộm tiền tài để cứu tế tai nạn, nhân quả kẻ đó phải gánh! Chúng ta phát thiện tâm, là cứu tế tai nạn. Thiện tâm, thiện hạnh ấy của quý vị không bị hao tổn một chút nào, đó là chánh lý. Nếu vì có vài kẻ thừa cơ nuốt mất tiền bạc ấy, người mắc tai nạn chẳng được hưởng, hoặc được hưởng rất ít, mà quý vị không làm thì chính mình chẳng có phước báo, đã đánh mất cơ duyên tu phước báo. Như vậy là không có trí huệ, là làm việc theo cảm tính. Người chân chánh tích đức tu phước không có tâm niệm ấy, đối với ai cũng tin tưởng, đúng như cổ nhân nói: “*Nghi nhân bất dụng, dụng nhân bất nghi*” (Ngờ người chẳng dùng, dùng người chẳng ngờ). Tôi tin tưởng anh, chính anh làm sai thì anh phải gánh lấy trách nhiệm nhân quả!

Toàn bộ vấn đề là giáo dục, nhưng hiện tại giáo dục bằng hoại, chúng ta chỉ có thể cảnh tỉnh, khuyên người tu phước. Quý vị phụ trách vấn đề cứu tế tai ương, tất cả tiền tài nằm trong tay quý vị, nếu đối với tiền tài ấy quý vị chẳng chút tư tâm, đem đi cứu tai nạn, quý vị sẽ có phước báo rất lớn, phước sau này vô cùng! Quý vị nuốt mất tiền tài cứu tế tai nạn, hậu quả chẳng thể tưởng tượng được! Kẻ ấy chẳng hiểu đạo lý đó, ngu si, chúng ta chỉ có thể cảnh tỉnh kẻ đó. Cảnh tỉnh nhưng hấn vẫn cứ làm, tương lai hấn đọa lạc ta chẳng lạ gì hết, hấn vẫn phải cảm tạ: “Đáng tiếc khi ấy, tôi không nghe lời ông, hiện thời phải chịu khổ nạn lớn lao như thế!”

Giáo dục phải bắt đầu từ lúc nhỏ, đã trưởng thành rồi thì tập khí đã dưỡng thành thói quen, quan niệm sai lầm đã ăn sâu, chẳng dễ gì cải biến. Nhưng phải nhớ kỹ: “*Trong cửa Phật, chẳng bỏ một ai*”, phải có lòng nhẫn nại, phải có trí huệ, phải có phương tiện thiện xảo, thành tựu chính mình, thành tựu chúng sanh. Đừng sợ! Phải tin tưởng Phật, Phật dạy chúng ta càng thí sẽ càng nhiều. Thí tài được của cải, quý vị liên tục đem của cải bố thí cho hết thấy chúng sanh khổ nạn, vĩnh viễn chẳng ngơi nghỉ. Cuộc sống của chính mình tạm tạm là được rồi, chớ mong cầu hưởng thụ quá phận, kéo tạo oan nghiệt! Người thế gian khổ rất nhiều.

Bồ thí Pháp tăng trưởng thông minh, trí huệ. Vô úy bồ thí, thường hay nói ăn chay là bồ thí vô úy, chẳng sát sanh! Tích cực hơn nữa thì

phóng sanh, bổ thí thuốc men, giúp kẻ quan quả cô độc⁴⁶, chúng sanh tàn tật đau khổ. Quý vị toàn tâm toàn lực giúp đỡ họ, sẽ được quả báo gì? Mạnh khỏe, sống lâu, vô úy bổ thí sẽ được sống lâu mạnh khỏe. Quý vị phải làm! Không làm là không đúng. Bởi thế, phước báo, trí huệ, khỏe mạnh sống lâu là do chính mình tu được, cầu được, chẳng phải là không cầu được. Thánh nhân hiểu đạo lý, hiểu nhân quả, muốn có quả tốt thì phải tu nhân tốt. Nếu quý vị tạo nhân sai trái, gieo đủ mọi nhân bất thiện, hậu quả sẽ rất khổ, khổ chẳng thể nói nổi! Bởi vậy, chúng tôi thấy chữ “Cầu Bất Đắc”, đúng là người thế gian cầu chẳng được, nhưng chúng ta có cầu ắt ứng.

Thứ sáu là Ái Biệt Ly (yêu thương phải chia lìa). Phạm vi sự khổ này rộng lớn phi thường. Quý vị chẳng thường được kề cận người mình yêu mến, đó là Ái Biệt Ly. Những thứ vật chất quý vị yêu thích đâu có thừa, nhưng không hưởng thụ được; điều mình ưa thích, thường hay có biến hóa. Phàm những gì quý vị yêu, ưa thích, nhưng chẳng dễ gì đạt được, chẳng dễ gì hưởng thụ được thì đều thuộc về loại này. Nhất là sanh ly tử biệt, lúc sống rất ít khi được đoàn tụ, thậm chí những người mình rất yêu thích, tuổi trẻ mất sớm để lại người già buồn tủi, khổ lắm!

Oán Tắng Hội là oan gia đối đầu, chẳng thích gặp, chẳng thích gặp thì sao? Ngày ngày chạm mặt nhau. Khi xưa, lúc tôi mới giảng kinh, giảng đến tám nổi khổ, tôi nêu lên thí dụ: Khi còn đi học, đa phần là nêu những thí dụ trong thời gian đi học, có rất nhiều bè bạn tốt, rất ưa thích ngày ngày ở cùng một chỗ, rồi sao? Đến khi chia lớp, học trong những lớp khác nhau. Oan gia đối đầu, người mình chán ghét nhất cứ ở gần mình suốt, thầy xếp hai đứa ghét nhau vào cùng một bàn, quý vị nói có bực hay không? Tôi nghĩ mỗi cá nhân chúng ta đều có kinh nghiệm đó, đúng là Oán Tắng Hội. Người mình chán ghét cứ gặp mặt hoài, người mình ưa thích mong gặp không gặp được. Trong nổi khổ này có người, có sự, có vật, cảnh giới rộng lớn không ngần mé.

Đức Phật dạy chúng ta tất cả đều là duyên, thiện duyên hay ác duyên, chẳng ngoài bốn mối duyên quan hệ như phân trên đã nói: Báo oán, báo ân, đòi nợ, trả nợ. Làm sao lìa được nổi khổ này? Phải giác ngộ, khổ đều do mê sanh khởi. Mê chấp, tình chấp, những thứ khổ ấy. Giác ngộ rồi trí huệ nắm quyền, trí huệ làm chủ. Bởi thế, đối với Ái nhất định chẳng tham luyến, đối với Oán tuyệt đối chẳng sân hận, hai thứ khổ đó được hóa giải. Trong Ái chẳng thể không có tình chấp. Cái Ái của lục

⁴⁶ Quan: góa vợ, quả: góa chồng, cô: không cha mẹ, độc: không con cái.

đạo phàm phu chẳng rời khỏi tình chấp, bởi thế mới khổ. Lòng thương yêu to lớn của chư Phật, Bồ Tát là đại từ đại bi, tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng giác. Tâm ấy chẳng có tình chấp, bởi thế không khổ, chẳng thuộc vào loại này.

Chúng ta phải hiểu đạo lý này, chúng ta phải chuyển biến, hóa tình chấp thành trí huệ. Bởi vậy lòng ái của Phật, Bồ Tát là chân thành, là thanh tịnh, là bình đẳng, là trí huệ. Phật pháp sợ mọi người hiểu lầm chữ Ái này, nên gọi bằng danh từ khác là Từ Bi, hoặc chỉ nói độc một chữ là Từ. Lòng Từ ấy là Ái. Trong lòng Từ Ái ấy chẳng có vọng tưởng, không có phân biệt, không có chấp trước, chỉ có chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, trí huệ. Ái tình của lũ phàm phu chúng ta chẳng bình đẳng, trong lòng ái đó chẳng chân thành, vì sao không chân thành? Lòng ái ấy biến thành luyến, thậm chí luyến như thế nào, luyến đến mức độ nào chính mình cũng chẳng biết, không tin tưởng được.

Vì thế, qua lại cùng lục đạo phàm phu, quý vị phải có trí huệ cao độ, giác ngộ cao độ. Vì sao? Lục đạo phàm phu như đứa trẻ lên ba, quý vị phải nhìn họ bằng tâm thái ấy, tánh tình họ chẳng ổn định. Vừa mới nói tôi rất thích anh, rất mến anh, chập sau lại chán ghét anh lắm. Chẳng nghiêm túc gì cả! Nếu quý vị nghiêm túc sẽ khổ đấy. Quý vị biết sao không? Họ hỷ nộ vô thường, biến hóa quá chừng, biến hóa không lường được. Họ sử dụng vọng tâm, bị chuyên theo cảnh giới, bị bên ngoài khích động, tâm tình sanh ra biến hóa. Vì vậy, chẳng ổn định! Không như chư Phật, Bồ Tát, tâm chư Phật, Bồ Tát định, chẳng bị cảnh giới bên ngoài khuấy nhiễu; do vậy, lòng ái của các Ngài vĩnh hằng, từ bi vĩnh hằng.

“*Từ bi là gốc, phương tiện là cửa*”, thế nào là phương tiện? Rất nhiều người không hiểu. Phương (方) là phương pháp, tức là ta dùng phương pháp nào để biểu lộ; người hiện thời gọi là “biến thành hiện thực”. Quý vị có phương pháp [làm như vậy]. Tiện (便) nghĩa là gì? Tiện là tiện nghi. Nói cách khác, đó là phương pháp thích đáng nhất. Phương pháp rất nhiều, phương pháp nào đối phương thích nhất, dễ dàng tiếp nhận nhất, đó là tiện nghi. Mình có phương pháp, nhưng người ta không tiếp nhận, chẳng hoan hỷ, thì phương pháp ấy không thuận tiện. Bởi vậy, phương tiện là cửa, lòng từ bi, trí huệ, đức năng của quý vị nếu không có phương tiện thì hoàn toàn chẳng thể bày tỏ được. Từ bi là như trong các buổi giảng tôi thường nói, trong Đại Thừa Phật pháp, từ bi nhất định phải bao gồm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác. Từ bi? Phương tiện! Quý vị khiến cho người ta thực sự sanh tâm vui thích,

khiến người ta vui vẻ tiếp nhận, y giáo phụng hành.

Do đây biết rằng, đức Thế Tôn vì chúng ta thị hiện, dạy dỗ chúng ta, nguyên tắc tối cao của phương tiện là vì người khác diễn thuyết; đặc biệt chú trọng đến diễn. Diễn là biểu diễn, quý vị phải thể hiện ra. Nói cách khác, trước hết phải thực hiện ngay trên thân mình, áp dụng ngay trong cuộc sống của chính mình, thực hiện ngay trong cách mình xử sự, đối người, tiếp vật. Quý vị chẳng thực hiện được, há phải là phương tiện ư? Độ người trước hết phải độ mình, cứu người trước hết phải cứu mình; nói chung, chính mình phải niệm niệm đều là gương tốt cho xã hội đại chúng, phải có ý niệm đó. Hễ có ý niệm ấy sẽ tự nhiên có hành vi ấy; không có ý niệm ấy, chẳng thể khởi lên hành vi. Đây là Phật tâm, đây là chân tâm. Trong vọng tâm chẳng có! Vọng tâm là tự lợi, khởi tâm động niệm chỉ nghĩ đến lợi ích của chính mình!

Phật tâm, chân tâm nghĩ lợi ích hết thảy chúng sanh trong pháp giới hư không giới. Nếu khởi tâm động niệm được như vậy, sẽ chẳng khác gì Phật, Bồ Tát. *“Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới”*. Thực hiện tám chữ này ra sao? Là khởi tâm động niệm đều nghĩ đến lợi ích hết thảy chúng sanh trong hư không pháp giới, mình phải giúp đỡ họ như thế nào. Quý vị có được ý niệm ấy, phước báo của quý vị sẽ chẳng thể nghĩ bàn. Lại còn có những hành vi như thế thì phước báo của quý vị sẽ hiện tiền rất nhanh chóng. Tâm yêu thương trọn khắp pháp giới, thiện xảo phương tiện đầy ấp Sa Bà. Nỗi khổ Ái Biệt Ly, Oán Tắng Hội tự nhiên hóa giải. Tâm lượng càng nhỏ càng khổ, người tự tư tự lợi đáng thương nhất. Người tự tư tự lợi khổ nhất, hiện tại đã khổ, tương lai càng khổ hơn. Vì sao nói tương lai càng khổ? Hiện tại tự tư tự lợi, việc làm đều là tổn người, lợi mình, tổn người thì chẳng tránh khỏi quả báo! Đừng nói tổn người lợi mình không sao! Sau này ắt có quả báo. Anh hại người càng sâu, tương lai người ta báo đền chẳng chỉ có thể thôi đâu mà còn gấp bội, có phiền phức hay không vậy?

Bởi thế, có nên ở thế gian này hay chẳng? Nói thật ra, chẳng thể ở được. Vì sao chẳng thể ở được? Vì chắc chắn chẳng thể bảo đảm tương lai gặp được Phật pháp, chẳng thể bảo đảm đời sau giác ngộ. Đời sau chẳng gặp được Phật pháp, lại hồ đồ tùy thuận phiền não, chẳng hiểu lại tạo nghiệp nhiều đến đâu nữa! Lại làm bao nhiêu chuyện lầm lỗi! Chúng ta phải hiểu rõ, phải minh bạch lẽ này: Tiền đồ càng ngày càng tệ! Một đời sau chẳng bằng được đời trước, đi lên rất khó khăn, đọa lạc đi xuống rất dễ dàng!

Trong thế gian hiện tại này, các đồng học học Phật chúng ta nếu

thực sự giác ngộ một chút sẽ bèn hiểu rõ: Trong thế giới này, làm quan lớn, đại phát tài, cuộc sống tợ hồ rất khiến cho người khác hâm mộ, chết đi quá nửa đọa trong tam đồ. Rất nhiều đồng học đều hiểu đọa tam đồ là khổ! Quý vị thấy người trong thế gian hưởng thụ phước báo nhân gian, hưởng được mấy năm? Nếu quý vị chú tâm quan sát, có thể nói là họ chẳng hưởng được ngày nào cả! Sống trong địa vị cao như thế, dầu có tài sản nhiều như thế, tâm chẳng được tự tại! Bận tâm, lo lắng quá nhiều, lo được, lo mất, một mặt phải nghĩ cách làm sao để giữ gìn, làm sao kiếm nhiều hơn một chút, thời thời khắc khắc nhọc lòng, chẳng có một ngày có thể buông xuống hết thảy để sống được một ngày thanh nhàn, chẳng bao giờ có! Vui ở chỗ nào?

Địa vị cao nhất là làm người lãnh đạo một quốc gia, bị kẻ dưới lừa dối, chẳng báo trình chân tướng sự thật, bị che giấu! Chuyện như vậy từ cổ đến nay thường có; có được bao nhiêu vị minh quân chẳng bị dối gạt đâu? Văn võ đại thần đều lừa dối vua: “Thiên hạ thái bình, rất tốt!” Nhân dân phải chịu khổ nạn to lớn đến mấy cũng không cách nào tâu lên được. Bản thân vua chẳng biết một điều gì, tự nghĩ cả đời mình là một vị thái bình thiên tử. Đâu đâu cũng tạo tội nghiệp như thế, chết đi đều có báo ứng.

Lúc tôi còn trẻ, Chương Gia đại sư dạy tôi trì giới, Ngài dạy tôi đừng dính đến chánh trị. Một quan niệm lầm, một chánh sách lầm, bao nhiêu người mắc hại! Anh phải gánh lấy trách nhiệm nhân quả, có dám chắc cả đời anh không làm sai điều gì hay không? Cả một đời chẳng hại ai hay không? Có rất nhiều trường hợp vô ý tổn hại người, hữu ý càng không được, tội càng nặng hơn, đây đâu phải là chuyện dễ dàng. Vì vậy, đại sư chỉ cho tôi một con đường ra: “Đã muốn phát tâm giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn, phục vụ hết thảy chúng sanh khổ nạn, ngài bảo tôi xuất gia tốt nhất! Hoằng pháp lợi sanh, theo đuổi việc giảng kinh thuyết pháp, làm công tác dạy dỗ, vậy là tốt! Tôi thích đọc sách, đây cũng là điều anh ham thích”. Ngài chỉ dạy tôi như vậy, tôi đi theo con đường đó. Con đường ấy do Chương Gia đại sư thay tôi chọn lựa, tôi tin tưởng Ngài. Vì sao? Ngài hết sức thương yêu tôi. Ngài thương yêu tôi, tôi cũng tôn kính Ngài, y giáo phụng hành. Ngài chỉ cho tôi con đường chẳng lầm.

Vậy thì hết thảy khổ nạn trong nhân gian chẳng dễ dàng lìa thoát. Nói cách khác, không có cách nào thoát được. Muốn thoát khỏi, phải ra khỏi lục đạo. Muốn thoát ly, trừ Phật pháp ra, không còn gì hết. Bao nhiêu tôn giáo trong thế gian, cảnh giới tối cao của họ là thiên đạo, Dục

Giới thiên, Sắc Giới thiên, Vô Sắc Giới thiên, chẳng có cách nào vượt thoát lục đạo, nên Thích Ca Mâu Ni Phật mới xuất thế. Thích Ca Mâu Ni Phật nói lời chân thật, lão nhân gia thân tâm thanh tịnh: “*Nhiều thêm một việc chẳng bằng ít đi một việc, ít đi một việc chẳng bằng vô sự*”. Nếu có kẻ có thể giúp cho chúng sanh trong thế giới Sa Bà thoát ly luân hồi lục đạo, chắc chắn Ngài chẳng giáng sanh. Ngài đến đây làm chi? Chẳng có gì để làm cả! Thực sự nghĩ [chúng sanh muốn] siêu việt lục đạo luân hồi mà chẳng có biện pháp nào cả, quý vị nói xem Phật có cần phải vào thế gian này chẳng? Ngài không vào không được; Ngài chẳng vào thế giới này là chẳng từ bi. Trong lục đạo, quả thật có không ít người giác ngộ, mong cầu vượt khỏi lục đạo luân hồi, đó là Cầm, Phật phải Ứng. Chúng sanh hữu Cầm, Phật bèn Ứng, bèn đến nơi đây. Phật giúp chúng ta siêu việt luân hồi, siêu việt mười pháp giới. Vì vậy, Phật đến trong thế gian này.

Đây là Ái Biệt Ly, Oán Tắng Hội, chúng ta phải nhận biết rõ ràng, Ái chẳng được tham luyến, Oán nhất định phải hiểu cách hóa giải.

Nay đã hết giờ rồi!

Tập 13

Chư vị đồng học!

Trong phần Y Báo giảng đến:

Kỳ quốc chúng sanh vô hữu chúng khổ, dẫn thọ chư lạc. Cố danh Cực Lạc.

其國眾生。無有眾苦。但受諸樂。故名極樂。

(Chúng sanh trong cõi ấy không có các nỗi khổ, chỉ hưởng các sự vui, nên có tên là Cực Lạc).

Loại thứ nhất trong “*chúng khổ*” (các khổ) là Khổ Khổ. Trong Khổ Khổ có tám thứ: Sanh, lão, bệnh, tử, cầu bất đắc, ái biệt ly, oán tắng hội – bảy thứ này là quả báo của Khổ; nỗi khổ cuối cùng là nói tổng quát, khổ rốt cuộc từ đâu có? Đức Phật dạy: Ngũ Ấm Xí Thanh (năm Ấm hừng hực). Ngũ Ấm là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc là vật chất, thân thể của chúng ta là một phần vật chất thuộc về Sắc, [thân thể thuộc] Sắc pháp. Nay ta gọi Tưởng, Thọ, Hành, Thức là “*tinh thần*”. Tất cả hết thảy động vật, chúng ta gọi là “*hữu tình chúng sanh*”, đều là thân

Ngũ Âm. Nói cách khác, sanh mạng là do tinh thần và vật chất tổ hợp thành. Vật chất là nhục thể (cái thân xác thịt); vì thế, phải gánh chịu sanh - lão - bệnh - tử; nơi tinh thần luôn phải hứng chịu những nỗi khổ cầu bất đắc (cầu chẳng được), ái biệt ly (thương yêu mà bị chia lìa), oán tắng hội (chán ghét mà cứ phải gặp gỡ).

Thọ - Tướng - Hành - Thức, Thức là thân nhân duyên của hết thảy khổ. Phật pháp nói trong A Lại Da Thức chứa đựng các chủng tử tập khí, những chủng tử ấy là thân nhân duyên của hết thảy khổ, vui. Tướng, Hành là Sở Duyên Duyên, là Vô Giáns Duyên⁴⁷. Thọ (受) là quả báo, Thọ là gì? Quý vị cảm nhận, chịu khổ, chịu vui. Quý vị gây tạo thiện duyên, thiện nhân, bèn có lạc thọ. Nếu tạo tác ác nhân, ác duyên, những gì quý vị cảm nhận là khổ thọ. Toàn bộ tam giới chẳng ra khỏi định luật này. Nói thật ra, bọn phàm phu chúng ta chẳng biết đến đạo lý này, đâu có hiểu trong thế gian có chuyện này. Đức Phật xuất hiện trong thế gian nói cho chúng ta biết chân tướng của nhân sinh.

Thực sự hiểu rõ chân tướng sự thật này, chúng ta mới hòng được cứu, mới biết mình phải nên làm gì. Hết thảy chúng sanh dù thọ sanh trong đường nào, cũng đều có nhân duyên. Phật pháp gọi cái dẫn ta đi đầu thai trong một đường nào là “dẫn nghiệp”. Nghiệp lực làm chủ tể, tự mình chẳng làm chủ được, nghiệp lực lôi ta đi. Nhất định phải hiểu sự việc này! Phật, Bồ Tát chẳng thể làm chủ cho chúng ta; Thượng Đế, vua Diêm La cũng chẳng thể làm chủ cho ta. Ai làm chủ tể? Nghiệp lực làm chủ tể, nghiệp chương lôi ta đi!

Quý vị sanh vào nhân đạo, rốt cuộc là do nghiệp lực gì? Đức Phật dạy chúng ta: Trong đời trước, ta đã từng tu Ngũ Giới, Thập Thiện. Nghiệp lực Ngũ Giới, Thập Thiện dẫn ta đầu thai vào nhân đạo. Sanh vào thiên đạo là thượng phẩm Thập Thiện, lại còn phải có Tứ Vô Lượng

⁴⁷ Thân nhân duyên: Nhân duyên trực tiếp, thân mật, có công năng sanh khởi các pháp hữu vi.

Sở duyên duyên: Sở duyên là đối tượng của nhận thức, chẳng hạn như sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là sở duyên của sáu thức. Nếu khi đối tượng được nhận thức bởi tâm và tâm sở trở thành nguyên nhân làm cho tâm và tâm sở sanh ra kết quả, thì nó sẽ được gọi là Sở Duyên Duyên. Ví dụ như Sắc là sở duyên duyên của Nhãn Thức và pháp. Câu Xá Luận, quyển 7 giải thích: “*Tánh của sở duyên duyên tức tất cả pháp, tâm và tâm sở ứng hiện tùy theo sở duyên duyên này. Như nhãn thức và Pháp tương ứng lấy tất cả Sắc làm sở duyên duyên*”.

Vô giáns duyên: Sự sanh khởi của tâm và tâm sở do niệm trước dẫn sanh niệm sau không xen hở (theo Huệ Quang tự điển).

Tâm: Từ - Bi - Hỷ - Xả; tu thượng phẩm Thập Thiện, do nghiệp lực ấy lôi kéo, sanh vào Dục Giới thiên. Dưới đó là ba ác đạo. Tâm tham không chán, nghiệp lực ấy dẫn sanh vào đường ngạ quỷ, quỷ tham lam! Tâm sân khuê dẫn vào đường địa ngục, ngu si dẫn vào đường súc sanh. Đó là dẫn nghiệp, dẫn quý vị sanh vào một đường nào đó.

Sanh vào một đường nào đó xong, hiện nay trên thế giới này có gần bảy mươi ức người, những người ấy sanh vào địa cầu này đều được mang thân người. Nói cách khác, trong đời quá khứ họ từng đã tu Ngũ Giới, Thập Thiện, đời này được thân người; nhưng được làm thân người rồi, ngay trong một đời này, có người hưởng thụ vinh hoa phú quý, có người cả đời chịu khổ thọ nạn, bần cùng, hèn hạ, là do nguyên nhân gì? Đức Phật gọi đó là “mãn nghiệp”. Nghiệp có hai thứ:

1) Một là dẫn nghiệp, dẫn quý vị sanh vào một con đường nào đó.

2) Mãn nghiệp là tình trạng cuộc sống của một đời trong đường đó, tức cuộc sống tinh thần và cuộc sống vật chất của quý vị. Đó là gì? Phật pháp nói là do quý vị tu phước hay tạo nghiệp trong quá khứ.

Điều trọng yếu nhất trong việc tu phước là Bố Thí; bởi thế, bố thí chẳng bị thiệt thòi. Trong đời quá khứ, quý vị thường thích tu Tài Bố Thí, trong một đời này sẽ được giàu có. Nói cách khác, nhất định được hưởng cuộc sống vật chất rất tốt, nhưng chưa chắc quý vị thông minh, trí huệ. Thật đấy! Chúng ta thấy trong thế gian này có rất nhiều chủ xí nghiệp rất giàu có, thậm chí còn chưa học đến Trung Học, chỉ học xong Tiểu Học, hoặc tốt nghiệp Sơ Trung (cấp 2, Trung Học Đệ Nhất Cấp), nắm giữ gia tài ức vạn. Trong kinh, đức Phật giảng đó là do trong quá khứ tu phước nhưng không tu huệ, tức là tu Tài Bố Thí, chẳng biết tu Pháp Bố Thí. Có của cải, nhưng không thông minh, trí huệ.

Loại người thứ hai thông minh, trí huệ tốt vời, nhưng chẳng có của cải gì, đời sống vật chất khá gian nan. Tôi thấy rất nhiều, các giáo sư đấy! Tiên sinh Phương Đông Mỹ, tiên sinh Hồ Thu Vân đúng là thông minh tuyệt đỉnh, có đại trí huệ, nhưng chẳng có của cải gì. Phần lớn, một bộ sách họ không có tiền mua, phải sống nhờ dạy học, suốt đời phải dạy học, lãnh một chút lương tháng hay lương giờ. Trong kinh Phật nói những vị ấy trong quá khứ chỉ chú trọng Pháp Bố Thí, coi thường Tài Bố Thí. Bởi thế, đức Phật dạy chúng ta phải nỗ lực tu tập cả hai thứ bố thí, tu phước và tu huệ thì quả báo mới viên mãn.

Phước huệ song tu, phước là Tài Bố Thí, huệ là Pháp Bố Thí; đương nhiên trong ấy cũng bao gồm Vô Úy bố thí. Thương xót chúng sanh khổ nạn, tùy thời giúp đỡ chúng sanh khổ nạn, sẽ được quả báo

mạnh khỏe sống lâu. Nếu từ kinh điển, quý vị tham cứu thấu suốt đạo lý này, sau đó lắng lòng quan sát những người chung quanh ta, quý vị sẽ thấy rất rành rẽ, sẽ tự biết một đời này mình phải nên làm gì.

Học Phật, quý vị noi theo Phật, lúc chúng ta niệm Tam Quy Y: “*Quy y Phật, nhị túc tôn*”. Nhị là hai sự việc, hai sự gì? Phước và Huệ. Túc (足) là trọn đủ, là viên mãn. Đức Phật viên mãn cả Phước lẫn Huệ. Tôn (尊) là tôn kính, tôn trọng, tôn quý. So với hết thảy người xuất thế gian và thế gian, Phật phước huệ bậc nhất, không có thể sánh bằng Phật. Vì thế, Phật là “*phước huệ nhị túc tôn*”. Từ vô lượng kiếp đến nay, đức Phật tu phước, tu huệ. Thích Ca Mâu Ni Phật một đời dạy học suốt bốn mươi chín năm. Dường như chúng ta chẳng thấy trong kinh nói đức Phật Thích Ca Mâu Ni Phật bố thí tài vật lớn lao chi cả! Thích Ca Mâu Ni Phật đã xuất gia, toàn bộ tài sản chỉ là ba y một bát, tay chẳng cầm đến tiền, mỗi ngày khát thực, người ta cúng dường chỉ một bát cơm, chẳng cúng dường tài vật. “Phật không tu Tài Bố Thí”, nếu quý vị thấy như vậy là đã thấy trật rồi!

Tài có nội tài, có ngoại tài. Ngoại tài là vật ngoài thân, tiền tài là vật ngoài thân! Nay chúng tôi nói đến Tài Bố Thí, mọi người đều nghĩ đến ngoại tài, chẳng nghĩ đến nội tài. Nội tài là gì? Thân thể! Thân thể là nội tài, nay chúng ta gọi là “nghĩa công” (làm công quả, làm việc thiện nguyện - volunteer). Chúng ta phục vụ người khác chẳng cần báo đáp, hoàn toàn là nghĩa vụ. Dùng gì? Dùng chính thân ta để bố thí, dùng sức lực và thời gian của mình, đó gọi là “nội tài”. So với ngoại tài, bố thí nội tài được phước còn lớn hơn nhiều. Ngoại tài: Quý vị có tiền bố thí một chút, đúng là không đáng kể gì, không phải nhọc lòng, chẳng phải mệt sức. Bởi thế, lao tâm lao lực thuộc về Nội Tài bố thí, Tài Bố Thí đây!

Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật hằng ngày dạy học, dạy dỗ, giảng kinh, thuyết pháp, nội dung là pháp, dùng thân thể biểu diễn cho đại chúng xem, miệng vì đại chúng giải thích, thuyết minh tường tận. Trong khi dạy học, có đủ cả ba thứ bố thí. Tài Bố Thí (nội tài bố thí), đức Phật biểu diễn nhất cử nhất động đều nhằm khai phát sự giác ngộ cho chúng sanh, mỗi câu mỗi chữ trong ngôn ngữ hoàn toàn là Pháp Bố Thí, khuyên mọi người đoạn ác tu thiện, khuyên mọi người phá mê khai ngộ; đây chính là Vô Úy Bố Thí.

Đức Phật suốt đời giáo hóa chúng sanh, chẳng lấy học phí của người đời, chẳng yêu cầu người khác cúng dường, Ngài là tấm gương tốt nhất cho chúng ta. Bởi vậy, tu phước, tu huệ, tu trường thọ như thế đều trọn vẹn. Phạm phu chẳng biết bỏ mình vì người khác, chẳng biết tu ba

thứ bồ thí. Vì vậy, mạng vận khuyết tài, khuyết trí huệ, lại còn bị quả báo đoản mạng. Quả báo đoản mạng là do đâu? Trong kinh, đức Phật thường nói là do sát sanh hại mạng. Vì thế, Ngũ Giới dạy rất rõ rệt: Chẳng sát sanh! Chẳng giết sẽ được khỏe mạnh, sống lâu; quả báo là trường thọ, khỏe mạnh; chẳng trộm cắp, được giàu có lớn; chẳng dâm, được đoan nghiêm, tướng mạo trang nghiêm; chẳng uống rượu, được trí huệ, không mê hoặc, không điên đảo; chẳng vọng ngữ, được tin cậy, lời nói được nhiều người tin tưởng, học theo.

Mỗi một khoa mục tu học đều có quả báo thù thắng. Phàm phu chẳng hiểu đạo lý này, chẳng hiểu chân tướng sự thật, cứ mê hoặc, điên đảo. Những chúng tử trong A Lại Da Thức, chúng tử thiện chẳng hiện hành, chúng tử ác khởi hiện. Vì sao? Do gặp duyên, nghĩ đến ý niệm chẳng thiện! Hành vi chẳng lành, làm sao được hưởng vui ư? Tư tưởng chẳng lành, hành vi chẳng lành, nhất định phải chịu khổ, chẳng được vui. “Ngũ Âm Xí Thanh Khổ”. Phiền não nơi thân tâm bức bách quý vị, hiện thời gọi là “bị áp lực”, đó là Khổ Khổ.

Loại lớn thứ hai là Hoại Khổ. Đức Phật dùng sự kiện này để cảnh cáo chúng ta: Dẫu cho mãn nghiệp của quý vị khá lắm, trong đời quá khứ tu được chút thiện nghiệp, trong một đời hiện tại này có địa vị, có quyền lực, có quyền thế, có của cải, mãn nghiệp tốt, sung sướng nhỉ! Nhưng quý vị có nghĩ tới lời cổ nhân nói: “*Lạc cực sanh bi*” hay chẳng? Niềm vui đạt đến cùng cực sẽ khó gìn giữ, “*bất cứu trụ cố*” (chẳng tồn tại lâu dài), “*lạc thị Hoại Khổ*” (lạc là Hoại Khổ). Vì sao vậy? Vui đến mức cùng cực, bèn có biến hóa, khổ bèn xảy ra. Chúng ta thường nói là “*lạc cực sanh bi*”. Cổ nhân nói rất hay, nói cũng nhiều, nhưng mọi người nghe qua rồi thôi, chẳng lưu tâm, thường hay không chú ý, coi thường, lúc hưởng lạc bèn tạo ác nghiệp.

Đừng nói gì khác, người đời coi những gì là vui? Nói chung, chẳng ngoài tài, sắc, danh, ăn uống, ngủ nghỉ; những điều này dễ khiến tâm tham phát khởi nhất. Nhất là sắc dục và thực dục, ham ăn ngon! Thích ăn ngon chẳng tránh khỏi sát sanh. Quý vị sát hại chúng sanh, ăn thịt chúng nó, lúc đó cảm thấy rất sướng, có nghĩ trong tương lai sẽ phải đền nợ hay không? Những lời đức Phật nói trong kinh điển đều là sự thật. Người chết thành dê, dê chết thành người, ăn nuốt lẫn nhau, oan oan tương báo. Mang thân dê là do nghiệp chẳng lành, gặp phải duyên không lành, đọa làm thân súc sanh. Hôm nay gặp phải quý vị, quý vị ăn nó, nó chẳng cam tâm tình nguyện cho quý vị ăn thịt. Hiện tại, chúng tôi thường nghe có kẻ nói: “*Nhược nhục cường thực, thích giả sanh tồn*”

(Mạnh ăn thịt yếu là hợp lẽ sanh tồn). Hai câu này khiến hết thấy chúng sanh lầm lạc. Ai thốt ra câu ấy phải chịu trách nhiệm nhân quả. Hai câu ấy là sai lầm. Nếu làm theo hai câu ấy, quý vị phải hiểu là còn hai câu tiếp theo nữa, nhưng quý vị không biết. Hai câu sau đó là gì? “*Oan oan tương báo, chẳng lúc nào xong*”. Nếu quý vị niệm cả bốn câu ấy, tâm tỉnh giác sẽ được nâng cao; chứ lúc quả báo hiện tiền mới hối thì chẳng kịp nữa.

Ấn Quang đại sư lão nhân gia suốt đời giáo hóa chúng sanh, Ngài hết sức coi trọng nhân quả báo ứng. Nói đến nhân quả báo ứng, Ngài luôn nhắc đến An Sĩ Toàn Thư, [khen sách đó] giảng nhân quả báo ứng rất thấu triệt, giảng rõ ràng nhất. Kế tiếp, Ngài còn giới thiệu, khuyên người ta nhất định phải đọc Cảm Ứng Thiên Vựng Biên. Đại sư khuyên người đời đọc hai cuốn sách ấy. Sự tình nhân quả báo ứng thiên chân vạn xác (ngàn phần đúng, vạn phần chính xác), quý vị phải lắng lòng quan sát sẽ thấy nhân quả báo ứng luôn hiển hiện sống động quanh chúng ta. Những kẻ mê hoặc, điên đảo không nhận thấy, hết sức đáng sợ, hết sức kinh hãi. Vì thế, người giác ngộ, người hiểu rõ ràng, có đại phước báo, có đại quyền thế thì có chịu hưởng chăng? Không hưởng gì!

Tiên sinh Phạm Trọng Yêm là người được Ấn Quang đại sư bội phục nhất. Ông ta là người đời Tống, làm Tể Tướng, từng làm Nguyên Soái, đúng là “xuất tướng, nhập tướng”⁴⁸, đại phú, đại quý. Cuộc sống thường ngày trong nhà ông hết sức đơn giản, chất phác. Ông đem tiền tài nuôi sống những gia đình bần cùng khốn khổ, hơn ba trăm gia đình! Nói như bây giờ là “sự nghiệp từ thiện”, ông ta làm việc đó. Chúng ta thấy trong sách Liễu Phàm Tứ Huấn, tiên sinh Liễu Phàm làm tri huyện Bảo Trì, thâm nhập khá dư giả, nhưng cuộc sống cũng rất đơn giản, tiết kiệm, dùng tiền của dư ra để giúp người nghèo cùng.

Qua sách ấy, chúng ta thấy một điều: Trời mùa Đông, vợ ông ta cho con mặc áo bông do chính tay bà ta may, chứ không thuê người ngoài làm để đỡ tốn tiền một chút. Thấy vợ dùng bông vải⁴⁹ để may áo bông, tiên sinh Liễu Phàm hỏi: “Nhà mình có bông sợi rất nhiều, sao không dùng bông sợi mà lại dùng bông vải?” Bà vợ đáp: “Bông sợi bán

⁴⁸ “Xuất tướng nhập tướng” (出將入相): Tướng (將) là tướng quân cầm quyền bên ngoài biên cương hay các tỉnh, nên gọi là “xuất tướng”, còn Tướng (相) là Thừa Tướng trong triều đình, thân cận vua nên gọi là “nhập tướng”. Câu này ca ngợi những người nắm quyền cao chức trọng trên cả phương diện văn lẫn võ.

⁴⁹ Bông vải, nguyên tác là “miên hoa” tức quả của cây bông vải (cotton) chưa đánh thành sợi.

hết rồi, bông sợi đắt tiền, bông vải rẻ hơn. Em bán bông sợi, mua thêm một tấm bông vải nữa, con có áo mặc, lại còn có thể may áo cho người nghèo mặc”. Quý vị thấy bà ta ôm tấm lòng gì? Niệm niệm nghĩ đến người khổ trong thế gian rất nhiều, niệm niệm nghĩ giúp đỡ những người đó. Tâm ấy chẳng tầm thường! Giúp người khác chẳng cầu báo đáp; quý vị giúp những người nghèo cùng, họ có báo đáp được chăng? Không thể được! Chẳng cầu báo đáp, tích phước đức lớn lao!

Thời thời khắc khắc, niệm niệm đều nghĩ đến người khổ sở trong thế gian, xưa nay những ai đọc sách hiểu lý giác ngộ không ai chẳng vậy. Bởi thế nhà họ Phạm, tiên sinh Phạm Trọng Yên một đời tích được phước đức lớn lao, mãi cho đến hiện tại, con cháu gia đình ở Tô Châu đều khá. Suốt đời Ân Quang đại sư tôn kính Không lão phu tử nhất, kể đó là Phạm Trọng Yên; khi giảng kinh, thuyết pháp, Sư thường nhắc đến. Họ đều là những tấm gương, là khuôn thước cho chúng ta.

Nay chúng ta hiểu rõ: Hưởng thụ lớn nhất trong đời người là gì? Đọc sách. Thiện sự lớn nhất là “giảng học”. Đọc sách thánh hiền, truyền cái đạo của thánh hiền, đây là sự nghiệp thế gian bậc nhất, không có gì thù thắng bằng! Nhưng không phải ai cũng có duyên ấy, chúng ta phải hiểu, phải nhận thức rõ ràng. Thực sự hiểu biết rõ ràng, quý vị sẽ nỗ lực tích cực giống như cỏ nhân, dũng mãnh tinh tấn, chẳng buông lung.

Nghiêm túc đọc sách thì phải ghi bút ký, đó là gì? Là thành tích mỗi ngày. Nội dung bút ký có thể chia thành hai bộ phận lớn: Một bộ phận là trích yếu những câu kinh điển trọng yếu. Kinh điển quá dài chẳng dễ gì nhớ, nhưng những câu trọng yếu nhất phải ghi vào bút ký để đọc cho nhuần. Phần thứ hai là tâm đắc, cảm tưởng. Mỗi ngày quý vị chỉ cần ghi hai loại này. Lâu ngày chầy tháng nghiêm túc nỗ lực làm như vậy, dăm ba năm sẽ đổi khác, không giống như cũ nữa. Giống như đi học trong trường, phải ghi bút ký, phải viết báo cáo; trên Đại Học phải viết luận văn, quý vị phải làm thực sự! Nếu chẳng làm theo cách này, cứ hăng ngày nghe, nghe bao nhiêu năm nhưng cái gì cũng không biết. Nghe tai này lọt qua tai khác; bởi thế, lâu ngày chầy tháng chẳng thấu được gì, chẳng bằng chất phác niệm Phật! Quý vị nghĩ xem có đúng vậy hay không? Chẳng thực sự đổ công học tập, nhưng quý vị thật tà niệm Phật, chuyên tu Tịnh nghiệp thì cũng thành tựu chẳng thể nghĩ bàn.

Thế Tôn nêu lên Hoại Khô, nhằm khiến cho chúng ta tỉnh giác cao độ; đây là chuyện kinh điển thường nói đến: “*Thế gian vô thường quốc độ nguy thúy*” (Thế gian vô thường, cõi nước mong manh), thường nghĩ đến Thành - Trụ - Hoại - Không, người hiện thời gọi là “định luật tự

nhiên”.

Loại thứ ba là Hành Khổ. Hành (行) là gì? Không khổ, không vui. Không khổ không vui là chuyện tốt, sao lại bảo là Khổ? Vì chẳng thể giữ được lâu dài, vì tánh nó đổi dời, chẳng thể giữ được vĩnh viễn; đó là khổ! Dục Giới khổ nào cũng có đủ. Nếu quý vị tu Thiền Định, tu Tứ Vô Lượng Tâm, sanh vào Tứ Thiên Thiên của Sắc Giới. Tứ Thiên Thiên không có Khổ Khổ, tức Sanh, Lão, Bệnh, Tử, Cầu Bất Đắc, Ái Biệt Ly, Oán Tắng Hội, Ngũ Ấm Xí Thanh đều không có; họ đã đoạn dục hay chưa? Thừa cùng quý vị: Họ chưa đoạn! Dục chưa đoạn, làm sao ly dục được? Công năng Thiền Định của họ đã khuất phục dục, khiến dục không còn khởi tác dụng nữa, công phu Thiền Định sâu xa! Chư thiên Sắc Giới có sắc tướng, có thân thể, nhưng không cần ăn uống. Vì thế, Sắc, Danh, Ăn Uống, Ngũ Nghỉ đều chẳng có. Họ chẳng cần ngủ nghỉ, chẳng cần ăn uống, phước báo rất lớn. Họ có cung điện, không có Khổ Khổ, nhưng như thế nào? Có Hoại Khổ!

Lúc nào chịu Hoại Khổ? Đến khi thọ mạng sắp chấm dứt, thân thể bị biến đổi, hoàn cảnh cư trú cũng nầy sanh biến hóa. Lúc ấy, họ cảm thấy rất khổ. Bình thường, họ chẳng biết đến khổ, thực sự vui. Người Sắc Giới hóa sanh, không bị Ái Biệt Ly, không bị Oán Tắng Hội (chán ghét mà phải gặp gỡ), vì sao vậy? Người trong cảnh giới ấy đều tu Định, đều có công phu Thiền Định, đều có thiện hạnh, tu Từ - Bi - Hỷ - Xả. Quý vị chẳng hội đủ những điều kiện ấy, chẳng thể sanh vào cảnh giới ấy được. Vì vậy, đức Phật đã từng nói đến ba thứ Thiên, đệ tam Thiên chính là “thế giới Cực Lạc”⁵⁰ trong thế giới Sa Bà này, sung sướng lắm! Sướng như thế nào? Không khổ, nhưng phải nhớ rõ, đến lúc hết thọ mạng, Hoại Khổ bèn hiện tiền. Bởi vậy, họ có Hoại Khổ, có Hành Khổ; trời Sắc Giới có hai mối Khổ sau, không có mối khổ đầu tiên (Khổ Khổ).

Lên cao hơn là trời Vô Sắc Giới, Vô Sắc Giới thiên không có thân thể. Không có thân thể, đương nhiên chẳng cần cung điện lầu gác, không cần thiết! Vì thế, Hoại Khổ cũng không có. Họ không có Khổ Khổ, Hoại Khổ cũng không, nhưng có khổ gì? Có Hành Khổ. Hành Khổ tức là cảnh giới của họ chẳng thể giữ vĩnh viễn, nó có thời gian tánh. Lên tầng trời cao nhất là Phi Tướng Phi Phi Tướng thiên, đức Phật nói thọ mạng của họ là tám vạn đại kiếp; nhưng đến khi thọ mạng hết, vẫn phải đọa lạc.

⁵⁰ Thật ra, Đệ Tam Thiên không phải là thế giới Cực Lạc. Đây chỉ là cách nói ví von vì cõi trời ấy có sự hưởng thụ tự nhiên, không có Khổ Khổ, cơm áo tự nhiên, không bị ái dục chi phối nên tạm gọi là Cực Lạc.

Hết lối đi lên chỉ còn cách đọa xuống. Bởi đã đạt đến cảnh giới ấy, họ (chư thiên Vô Sắc Giới) đều lầm tưởng mình đã thành Phật, tưởng mình đã chứng đắc Đại Bát Niết Bàn. Thọ mạng còn có lúc hết là không được rồi! Cổ thánh tiên hiền, chư Phật, Bồ Tát dạy “bát Niết Bàn là giả”, các Ngài nói bất sanh bất diệt, vì sao mình còn có sanh diệt? Nguyên do như sau: Vừa khởi lên ý niệm báng Phật, báng Pháp, báng Tăng, hủy báng Tam Bảo; do tội nghiệp ấy, đọa vào địa ngục A Tỳ, đó gọi là “trèo cao, ngã đau”. Bò lên tới đỉnh điểm, ngã lăn xuống, rớt tồm vào địa ngục A Tỳ. Vì thế, đức Phật nói “ba cõi đều khổ”. Kinh Pháp Hoa dùng tỷ dụ: “*Tam giới hỏa trạch*” (ba cõi như nhà bốc lửa).

Trái lại, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới những nỗi khổ ấy đều chẳng có. Chúng ta phải hiểu như vậy. Từ Vân đại sư từng nói (Ngài là người sống vào thời Càn Long nhà Thanh): “Cõi này (tức thế giới Sa Bà) so với thế giới Cực Lạc có mười thứ khó - dễ. Nơi thế giới của chúng ta có mười điều khó, thế giới Cực Lạc có mười điều dễ”. Bọn họ chẳng có khổ, tức là “*hưởng các sự vui*”.

Thứ nhất, không có nỗi khổ tội báo. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới không có ác báo, vì sao không có ác báo? Không có cơ hội hưởng thụ để tạo ác nghiệp; cũng là nói người ở Tây Phương Cực Lạc thế giới nhất định không có ác niệm, nhất định chẳng nói lời ác, nhất định chẳng tạo ác nghiệp. Ba nghiệp thân - ngữ - ý thuần tịnh, thuần thiện, làm sao có khổ báo? Dẫu là đời nghiệp vãng sanh, nhưng đó là mang theo chủng tử của ác nghiệp trong đời quá khứ. Chúng ta biết chủng tử nếu chẳng gặp duyên sẽ chẳng thể khởi hiện. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có ác duyên, cho nên những chủng tử mang theo ấy vĩnh viễn chẳng thể hiện hành được. Tức là trong hoàn cảnh Tây Phương Cực Lạc thế giới, hết thầy người, sự, vật đều thuần thiện, thuần tịnh. Chúng ta mong mỗi vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng thể không hiểu chuyện này. Phải tu thuần thiện thuần tịnh ngay từ bây giờ, há còn đợi đến lúc nào nữa đây?

Tâm thuần tịnh, tu tâm thanh tịnh, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, chẳng để mảy may bất tịnh xen tạp, quyết định chẳng vương ô nhiễm. Tu tâm thanh tịnh bằng cách nào? Phải buông xuống vạn duyên. Trong thế gian này, tùy duyên cho qua ngày tháng, không tranh với người, không cầu nơi sự, tâm quý vị mới thanh tịnh. Nếu quý vị phải tranh, phải cầu, sẽ chẳng thể thanh tịnh. Có đồng học hỏi: “Tôi tranh đấu với chính mình là đúng hay sai?” Tranh đấu với chính mình tâm đã chẳng thanh tịnh, huống hồ tranh với người khác? Tất nhiên phải buông

bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chính mình, hết thấy thuận theo sự dạy răn của đức Phật, tùy thuận những giáo huấn trong kinh luận thì mới có thể thực sự thoát ly biển khổ Sa Bà, chẳng tạo nghiệp nữa. Chẳng những là không tạo ác nghiệp, mà ngay cả thiện nghiệp cũng không tạo. Vậy thì chúng ta có cần đoạn ác tu thiện không? Cần chứ! Đoạn ác tu thiện chẳng phải là vừa tạo thiện nghiệp vừa đoạn ác nghiệp hay sao? Đúng rồi, đó là Sự. Về mặt sự thì phải làm như vậy, nhưng trong tâm chẳng chấp trước.

Đoạn ác chẳng phải là đoạn ác về mặt hình tướng, tu thiện chẳng phải là tu thiện trên mặt hình tướng. Tâm quý vị thanh tịnh; tâm tịnh thì cõi Phật tịnh, đây là điều kiện hết sức quan trọng để vắng sanh. Lục Tổ Đàn Kinh có câu: “*Vốn chẳng có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần?*”, kinh Kim Cang nói: “*Phàm hữu sở tướng, giai thị hư vọng*” (Phàm những gì có tướng đều là hư vọng). Đâu đâu cũng đều nhằm cảnh tỉnh chúng ta, khởi tâm động niệm là trật rồi. Chúng ta đoạn ác tu thiện, đoạn ác là tiêu nghiệp chướng, tu thiện là vun đắp phước huệ, chẳng để lại dấu tích là vượt thoát. Để lại dấu tích (chấp trước) thì sao? Chẳng thể ra khỏi lục đạo; quý vị đoạn ác chẳng đọa vào ba đường ác, tu thiện sanh vào ba thiện đạo, chẳng phải là chuyện dễ! Vì thế, phải thông thuộc, phải hiểu thấu tường tận kinh giáo, thì chính mình mới là người hiểu rõ ràng, mới thực sự có thể liễu sanh tử xuất tam giới.

A! Bây giờ đã đến giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta lại tiếp tục xem phần “*thọ chư lạc*” (hưởng các sự vui). Ở trên đã nói sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng những không tạo ác nghiệp mà ngay cả ác niệm cũng chẳng sanh. Đây chính là hoàn cảnh tốt đẹp ở nơi ấy, thánh hiền đông đảo, đều là thượng thiện nhân cùng họp mặt một chỗ. “*Thượng thiện*” là Đẳng Giác Bồ Tát, bậc Địa Thượng Bồ Tát rất nhiều. Những gì lục căn quý vị tiếp xúc đều là thuần thiện, thuần tịnh; vì thế, nhất định chẳng có ác duyên, những chủng tử tập khí mang theo trong A Lại Da Thức của quý vị không có gì để dẫn khởi phát xuất cả. Ở nơi ấy, Định lực dần dần thành thực, mở mang trí huệ, phiền não tự nhiên chuyển thành Bồ Đề, chuyển phiền não thành Bồ Đề!

Thứ hai, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thoái

chuyển, dầu người Hạ Hạ phẩm vãng sanh thuộc Phạm Thánh Đồng Cư Độ cũng đều viên chứng ba thứ Bất Thoái, “*vô cầu tịch diệt chi thoái chuyển, vô tu đạo chi chướng ngại*” (không bị thoái chuyển trong việc cầu Tịch Diệt, tu đạo không bị chướng ngại). Cầu Tịch Diệt: Tịch Diệt là Đại Bát Niết Bàn, thanh tịnh tịch diệt, đây là mức độ tu hành cao nhất. Quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là thấp hơn mức độ ấy một chút, vì sao? A Duy Việt Trí Bồ Tát là Vô Sanh Pháp Nhẫn Bồ Tát. Trong bài kệ Hồi Hương, ta thường niệm “*hoa khai kiến Phật, ngộ Vô Sanh*”, đây chính là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Cao hơn nữa là quả địa Như Lai, tức Tịch Diệt Nhẫn. Bởi vậy, cầu Phật quả viên mãn rất ráo, chỉ có tiến, chứ không lùi sụt, chẳng giống như những thế giới khác, thế giới Sa Bà của chúng ta dĩ nhiên không cần phải nói nữa, tiến thì ít, lùi thì nhiều, chẳng thể thành tựu dễ dàng!

Nói đến tu đạo, tu hành, chướng duyên rất nhiều. Bao nhiêu người tu hành chúng ta vừa phát tâm, giống như người chạy đua, nhóm chân từ mức xuất phát, có người vọt lên dẫn đầu, có người tụt lại đằng sau, có người bị loại. Do nguyên nhân nào? Quá nhiều chướng duyên chướng ngại mình. Có người chướng ngại ta, có sự chướng ngại ta, có vật chướng ngại ta, lại còn có oán thân trái chủ chướng ngại ta, hữu hình, vô hình rất nhiều. Đó là chướng duyên. Ai có thể vượt khỏi tầng chướng duyên ấy? Ai có thể thành tựu được? Chẳng có gì khác cả! Một dạ hướng về đạo! Ngày ngày đọc kinh, ngày ngày nghiên cứu giáo pháp, không biếng nhác một ngày nào, tất cả chướng duyên chẳng cần quan tâm đến, cốt sao tâm ta nơi đạo, hạnh ta nơi đạo. Tự mình chú ý quán sát, tư duy, nếu tâm hạnh mình chẳng rời khỏi đạo, chẳng trái nghịch sự giáo huấn của Phật, tất cả hết thảy chướng duyên chẳng quan tâm đến là được rồi! Ngàn vạn phần chẳng được dùng tinh thần lẫn thời gian để nghiên cứu cách đối phó chướng ngại. Nếu làm như vậy, chướng ngại càng lớn.

Chẳng hạn như người ta hủy báng mình, quý vị muốn tìm cách trả đũa, chẳng phải tự mình chuốc phiền đó ư? Lúc ấy, sẽ như thế nào? Một khi có ý niệm ấy, tâm quý vị đã trái nghịch đạo nghĩa, Phật chẳng dạy chúng ta trả đũa! Đức Phật dạy chúng ta phương pháp nào? Mặc Tẫn. Mặc Tẫn nghĩa là gì? Hoàn toàn không đếm xỉa đến, anh hủy báng cứ việc hủy báng, tôi đi đường tôi. Giống như anh đâm tôi, tôi không phản kháng, cái đâm đó như không. Người ta hủy báng, mình liền trả đũa. A! Vậy thì đôi bên đập lộn. Bị chửi không trả miếng, bị đánh không đập lại, để tâm nơi đạo, hạnh dốc nơi đạo, dũng mãnh, tinh tấn, nói thật ra, việc

đó khó lắm! Người tầm thường chẳng thể nhận được. Khó nhận mà nhận được, khó hành mà hành được thì mới đi xuống sẽ trên đường Bồ Đề được! Càng đến gần cửa ải quan trọng, càng gặp nhiều chướng duyên nghiêm trọng, chúng ta phải dùng những chướng duyên ấy để khảo nghiệm chính mình.

Hiện tại, chúng ta đã đạt đến mức độ công phu ấy thì phải vượt được cuộc khảo thí ấy. Bởi vậy, chướng duyên chẳng có gì là xấu. Trong kinh giáo, đức Phật thường dạy chúng ta: Thế gian, xuất thế gian chẳng có gì là đúng hay sai tuyệt đối cả. Cát - hung, họa - phước do đâu? Nói thật ra, đều do một niệm của chính mình. Một niệm của chính mình “chánh” sẽ hóa hung thành cát, chuyển họa thành phước, có gì không tốt đâu? Công phu tu hành của quý vị hữu dụng, khởi tác dụng. Nếu quý vị chẳng thể nhận, có một niệm sân hận, có một niệm báo thù, sẽ bị thoái chuyển một mức rất lớn, quý vị bị đào thải khỏi đường Bồ Đề. Người như vậy chẳng phải chỉ là chín mươi chín phần trăm đâu nhé, không phải vậy! Chỉ sợ là trong một ngàn người, trong một vạn người, người thực sự có thể đột phá chỉ là một phần vạn; nói thật ra còn chưa được một phần vạn nữa cơ đấy!

Quý vị nghĩ xem: Người học Phật nếu thực sự là một phần vạn [có thể đột phá được] mà người học Phật chẳng ít, có đến trăm vạn, ngàn vạn; nếu là một phần vạn, thì người thực sự có thành tựu cũng được vài trăm, cũng có thể cả ngàn người, [nhưng trên thực tế] đâu có được như vậy! Do đó, quý vị mới hiểu chuyện này rất khó, phải hàng phục phiền não tập khí của chính mình. Chúng tôi hết sức may mắn, nếu quý vị hỏi vì sao chúng tôi có thể hàng phục được phiền não tập khí ư? Chẳng có gì khác cả, ngày ngày đọc kinh, ngày ngày giảng kinh, ngày ngày nghiên cứu, toàn bộ tinh thần tâm lực đều đặt nơi kinh giáo. Do vậy không có tinh thần, không có thời gian để quan tâm đến gì khác, thực sự là như vậy. Chẳng những không có thời gian quan tâm đến thứ gì khác, mà cũng chẳng có tinh thần. Rất nhiều đồng tu viết thư cho tôi, tôi không có thời gian đọc. Bởi thế, tôi hay khuyên mọi người đừng gởi thư cho tôi, tôi thực sự chẳng muốn xem.

Vô tình giờ sách cũ thấy thư kẹp trong đó, bì thư chưa xé, mở ra xem, đại khái là bảy tám năm trước, quên bẵng luôn! Bởi vậy, tôi hy vọng mọi người đọc kinh, niệm Phật. Nếu có vấn đề thì niệm Phật nhiều, đọc kinh nhiều sẽ tự nhiên hiểu ra. Việc tốt bậc nhất trong pháp thế gian lẫn xuất thế gian là đọc kinh, niệm Phật, vì người khác diễn nói, trong kinh, đức Thế Tôn gọi là “*đọc tụng thọ trì, vì người diễn nói*”. Đây

chính là việc tốt lành bậc nhất, thiện hạnh bậc nhất, thuần tịnh thuần thiện trong các pháp thế gian và xuất thế gian. Pháp thế gian và xuất thế gian đều chẳng nhiệm trước, đây mới thực sự là đại tự tại. Dầu chẳng đạt được tự tại, nhất định đạt được tiểu tự tại. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, tu hành chẳng có chướng ngại, ở bên ấy không có chướng duyên.

Do vậy, đức Thế Tôn mới giới thiệu cho chúng ta biết “*kỳ quốc chúng sanh*” (chúng sanh trong cõi ấy), chúng sanh cõi ấy đều là những người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, họ chẳng có các sự khổ, “*đản thọ chư lạc*” (chỉ hưởng các sự vui). Những niềm vui trong các sự vui ấy rất nhiều, chỉ nêu lên hai điều: Một là chẳng thoái chuyển, hai là không có chướng ngại, “*cố danh Cực Lạc*” (nên gọi là Cực Lạc).

6.3.1.2.2. Địa Lợi Chi Lạc (sự vui nơi hoàn cảnh cư trú)

Lại xem tiếp đoạn thứ hai, đoạn thứ hai là “*địa lợi chi lạc*”. Bốn câu trên đây là nói tổng quát, phần tiếp theo cho biết: Rốt cuộc cõi ấy có những sự vui nào. “*Địa lợi chi lạc*” là sự vui về mặt cư trú, sự vui nơi hoàn cảnh cư trú. Chúng ta hãy đọc kinh văn:

Hựu Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ, thất trùng lan thuân, thất trùng la võng, thất trùng hàng thụ, giai thị tứ bảo, châu táp vi nhiều. Thị cố bỉ quốc danh vi Cực Lạc.

又舍利弗。極樂國土。七重欄楯。七重羅網。七重行樹。皆是四寶。周匝圍繞。是故彼國名為極樂。

(Lại này Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc, bảy tầng lan can, bảy tầng lưới mảnh, bảy tầng hàng cây, đều bằng bốn báu, bao quanh trọn khắp. Vì thế, cõi ấy tên là Cực Lạc).

Đoạn này nói đến địa lợi. “*Chúng bảo lan thụ*” (lan can, cây cối bằng các thứ báu), sự vui về mặt địa lợi. [Sách Yếu Giải viết]: “*Thất trùng biểu thị thất khoa đạo phẩm, hựu biểu viên mãn chi ý, tứ bảo biểu Thường, Lạc, Ngã, Tịnh tứ đức*” (Bảy tầng biểu thị bảy khoa đạo phẩm, còn biểu thị ý nghĩa viên mãn. Tứ bảo biểu thị bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh). Ta nhất định phải hiểu ý nghĩa biểu pháp trong đoạn kinh văn này. Đức Phật vì chúng ta giảng kinh, thuyết pháp trọn chẳng ngoài những ý này. Bảy khoa Đạo Phẩm chính là ba mươi bảy Đạo Phẩm. Ba

mười bảy Đạo Phẩm chia thành bảy loại lớn, những môn này các đồng học đã biết rồi: Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Chánh Đạo. Khoa (科) là loại, [thất khoa Đạo Phẩm] nghĩa là ba mươi bảy Đạo Phẩm xếp thành bảy loại. Những Đạo Phẩm này thông cả Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa, Hiền lẫn Mật, Tông lẫn Giáo, dùng ba mươi bảy Đạo Phẩm này đại diện cho toàn bộ Phật pháp.

Do đây biết rằng: Chẳng riêng mình đức Phật thuyết pháp, mà sáu trăm cũng đều thuyết pháp, biểu thị pháp mà! Biểu thị ba mươi bảy Đạo Phẩm, có gì không thuyết pháp? Tình và vô tình thấy đều thuyết pháp. Quý vị nghĩ thử xem, trong hoàn cảnh ấy, quý vị có thoát chuyển được chăng? Chẳng thể được! Không có chướng duyên! Ở nơi này, người, sự, hoàn cảnh vật chất thường xuyên gây chướng ngại, Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng vậy! Số Bảy biểu thị ý nghĩa viên mãn, bởi vậy, đọc kinh này nhất định phải hiểu ý nghĩa. Có rất nhiều người đọc đến đoạn kinh văn này, bảo tôi:

- Thừa pháp sư! Thế giới Cực Lạc hay ở chỗ nào? Chỗ nào cũng giống hệt nhau. Đâu đâu cũng là bảy tầng lan can, bảy tầng lưới mảnh, chỗ nào cũng giống vậy, có đẹp mắt gì đâu? Chẳng như thế giới của chúng ta. Tới đâu cũng giống hệt nhau, chẳng ra nghĩa lý gì! Xem một chỗ xong, đâu còn muốn đi coi chỗ khác!

Họ chẳng biết Bảy chẳng phải là con số, con số ấy nhằm biểu thị pháp, tượng trưng cho viên mãn. Điều gì viên mãn? Quý vị thích thấy như thế nào, [cảnh tượng] bèn biến hóa như thế đó thì mới gọi là “viên mãn”! Thật đó, hoàn cảnh cư trú của Tây Phương Cực Lạc thế giới thuận theo lòng muốn, quý vị nghĩ đến điều gì liền biến ra giống hệt như vậy. Y phục cũng như vậy, thức ăn cũng như vậy, tuyệt đối chẳng cần đến sức người lo liệu. Hoàn cảnh cư trú chẳng cần dùng đến sức người xây đắp, tạo dựng, mà là do biến hóa ra, tùy thuận lòng muốn nên gọi là “viên mãn”. Quý vị thấy trong kinh có nói, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đều có nói: Quý vị thích nhà cửa to, nhà cửa liền biến ra to. Quý vị thích nhà cửa hẹp, thích ở trong phòng nhỏ, phòng bèn rất nhỏ. Quý vị thích nhà ở trên mặt đất, liền ở trên mặt đất; thích nhà trên không, nhà cửa liền bay lên không trung.

Thuận theo lòng muốn, đúng là tự tại như ý, đây mới là sung sướng thực sự, quyết định chẳng trở ngại người khác, chẳng xung đột quyền lợi với người khác, không hề có! Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có lợi - hại, chẳng có xung đột, chỉ có tôn trọng lẫn nhau, cùng

nhau hợp tác. Chẳng có phiền não, chẳng có vọng tưởng, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, hoàn cảnh sinh hoạt tốt như thế đó, thù thắng như thế đó! Bởi vậy, con số Bảy ấy biểu thị sự viên mãn. “Bảy” có nghĩa là bốn phương, trên, dưới, chính giữa; Bảy biểu thị điều này. Đây chính là viên mãn, chẳng có chút nào khuyết hãm.

“*Tứ bảo*” (bốn món báu) cũng là biểu pháp. Báu gì vậy? “*Thường, Lạc, Ngã, Tịnh*” là báu. Thường: Vĩnh hằng bất biến, chẳng giống như thế giới chúng ta vô thường. Hiện thời mọi người đều biết chuyện này. Lúc nhỏ, chúng tôi đọc sách thấy nói “*thương hải tang điền*” (biển xanh, ruộng dâu), chẳng biết nghĩa là gì! Mấy năm gần đây thiên tai nhân họa quá nhiều, một trận đại địa chấn (động đất), không còn núi nữa, ruộng nương cũng không còn nữa, hồ ao cũng không còn nữa, đến lúc ấy mới thực sự hiểu thế nào là “*thương hải tang điền*”. Thuở bé, tôi sống ở nông thôn, thôn trang không lớn, thôn trang nhỏ thôi, chỉ có mười mấy gia đình. Trước mặt thôn trang là một cái hồ, lúc nhỏ chúng tôi thường chơi bên hồ, nhặt vỏ ốc, bắt cá. Chúng tôi xa quê nhà năm mười năm, lúc trở về lần thứ nhất, vừa đúng năm mười năm. Lúc trở về, hồ không còn nữa, cạn khô rồi. Nay cái hồ ấy đã biến thành đất canh tác, biến đổi quá nhiều! Tôi ra đi năm hai mươi tuổi, trong năm đó, có trở về một lần, ở lại hai tháng, không thấy thay đổi gì nhiều. Trở về lần này, hoàn toàn khác hẳn, rất khác với những gì trong ký ức. Đây là vô thường! Thân thích, bè bạn chơi chung lúc nhỏ không còn ai nữa. Thấy rồi vô hạn cảm khái, hơn bảy mươi năm chỉ là một cái khảy ngón tay. Nghĩ đến chuyện thuở xưa tựa hồ chuyện mới vừa hôm qua! Đòi người há còn có bảy mươi năm nữa ư? Chẳng thể! Vì vậy, trong kinh đức Phật dạy chúng ta chân tướng sự thật: “*Thế gian vô thường, quốc độ nguy thúy*” (Thế gian vô thường, cõi nước mong manh). Cõi nước còn mong manh, cái thân này thâm vào đâu?

Quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới khác hẳn! Tây Phương Cực Lạc thế giới là chân thường, bất biến! Nếu chúng ta hỏi vì sao cõi ấy bất biến, còn tại sao cõi chúng ta lại biến ư? Nơi này bị biến đổi là do ta có vọng niệm, ý niệm sanh diệt trong từng sát-na, niệm niệm chẳng trụ. Hoàn cảnh biến đổi theo ý niệm; gần đây chúng tôi càng lãnh hội ý niệm này sâu hơn qua thí nghiệm kết tinh nước của một khoa học gia Nhật Bản. Nước là một loại vật chất thuộc hoàn cảnh, biến hóa theo ý tưởng của chúng ta, trong từng sát-na chẳng trụ. Nếu quý vị hỏi vì sao hoàn cảnh của Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng biến đổi ư? Tất cả cư dân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, trên từ A Di Đà Phật, dưới đến

những ai vãng sanh trong Hạ Hạ Phẩm thuộc Phàm Thánh Đồng Cư Độ, đều chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Lìa khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, cho nên bất biến.

Vì vậy, kinh Hoa Nghiêm nói “*duy tâm sở hiện*”: Chỉ biến hiện bởi tâm. Chín pháp giới chỉ do thức biến, Cực Lạc do tâm hiện, chẳng phải do thức biến. Bởi thế, cõi ấy thường hằng là hợp lý! Do đây biết rằng: Chỉ cần chúng ta có ý niệm, khởi tâm động niệm sẽ chắc chắn phải biến. Lúc biến chính là vô thường. Lúc nào không có vọng niệm, không có vọng tưởng, hoàn cảnh bên ngoài sẽ chẳng biến đổi. Đạo lý này chúng ta có thể hiểu được. Chúng ta thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới có ý niệm hay không? Nói thật ra, do oai thần và bổn nguyện của A Di Đà Phật gia trì, chư thượng thiện nhân làm bạn đạo đồng tham của chúng ta, chúng ta có muốn khởi tâm động niệm cũng không được. Nhất Chân pháp giới mà!

“*Ngã*” (我) có nghĩa là gì? Ngã nghĩa là chủ thể, tự mình có thể làm chủ. Ngã có nghĩa là tự tại, tự mình được đại tự tại, tự mình làm chủ. Chúng ta ở đây chẳng thể làm chủ. Chẳng hạn như: Ta không muốn già, nhưng cứ già dần đi, chẳng làm chủ được! Mình không muốn sanh bệnh, cứ bệnh hoài, việc trái nghịch với tâm. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, mình làm chủ được. Thân thể muốn to liền biến thành cao to, muốn nhỏ một chút liền nhỏ đi, làm chủ được! Nhà cửa mình ở như tôi vừa mới nói, muốn to bèn to, mong nhỏ bèn nhỏ, nghĩ thế nào biến ra như thế nấy, thuận theo lòng muốn, chính mình làm chủ được. Qua thế giới khác lễ Phật, nhà cửa mình ở cũng tùy thân, chẳng cần ra khỏi nhà, nhà cửa bay đi được, nhà cửa cũng là công cụ giao thông. Đây chỉ là nói về Phàm Thánh Đồng Cư Độ! Đức Thế Tôn giới thiệu cõi Tây Phương Cực Lạc thế giới cho chúng ta, hầu như toàn là cảnh giới của Phàm Thánh Đồng Cư Độ, khiến cho quý vị thấy nó tốt đẹp đến thế đó.

Nếu sanh về Thật Báo Độ, Thật Báo Độ mỗi ngày đều tham phỏng mười phương hết thảy chư Phật Như Lai, có cần phải đi qua đó tham phỏng, đi qua rồi trở về hay không? Chẳng cần. Vì sao? Đạt đến cảnh giới ấy, thời gian, không gian không còn nữa. Chỉ cần quý vị muốn thấy một đức Phật nào, đức Phật ấy liền ở ngay trước mặt. Ngài giảng kinh, thuyết pháp trong thế giới kia, dường như quý vị đến trong đạo tràng của Ngài, chứ thật ra, quý vị bất động! Không có trước - sau, không xa - gần. Không có trước - sau là chẳng có thời gian, quý vị có thể thưa hỏi quá khứ Phật, cũng có thể thưa hỏi vị lai Phật. Tam thế chư Phật đều ở ngay trước mặt, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Đó là Ngã!

Tam Học Giới - Định - Huệ tăng thượng, mỗi ngày trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, khoái lạc khôn sánh! Đó là Lạc. Người thế gian có lạc, nhưng chẳng thanh tịnh; người trong thế giới Cực Lạc có lạc, đại lạc thanh tịnh. Thanh tịnh như thế nào? Cõi lòng chẳng tơ hào nhiễm trước, chân tịnh! Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có vào trong lục đạo hay chẳng? Vào chứ! Thường vào để giúp đỡ lục đạo chúng sanh, chiêu cố lục đạo chúng sanh, giáo hóa lục đạo chúng sanh. Tâm địa thanh tịnh, quyết định chẳng tiêm nhiễm. Trong thiên đường tuyệt đối chẳng tham luyến, trong địa ngục quyết định chẳng phiền não. Trong tâm họ, mười pháp giới bình đẳng. Người trong lục đạo mười pháp giới có khổ - vui, có thọ; Phật, Bồ Tát đến giáo hóa chúng sanh không có khổ hay vui. Tuy không khổ - vui, nhưng có lúc làm bộ tợ hồ có khổ - vui. Vì sao? Để an ủi chúng sanh; chẳng muốn chúng sanh lấy làm lạ: “Sao Ngài khác với mình?” Nếu như vậy là chưa khéo dạy rồi!

Bởi Phật, Bồ Tát hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, nói chung là khiến cho hết thấy chúng sanh cảm thấy Phật, Bồ Tát chẳng khác mình lắm, có vậy mới hồng khơi dậy chí hướng của họ: “Họ thành tựu được, sao mình không thể?” Khích động đạo tâm kẻ đó. Do đây biết rằng: Không gì chẳng nhằm giáo hóa chúng sanh, không gì chẳng nhằm giúp đỡ chúng sanh. Thật ra, chẳng những mây trần chẳng nhiễm, mà còn chẳng đến, chẳng đi, cùng một lúc có thể phân thân vô lượng vô biên, cùng một lúc có thể trụ trong vô lượng vô biên pháp giới, chân lạc, chân tịnh. Thế gian không có bốn tịnh đức Thường - Lạc - Ngã - Tịnh, thế gian vô thường, ba cõi thế gian đều khổ, nào có vui chi? Khổ Khổ, Hoại Khổ, Hành Khổ. Thế gian vô ngã, chỉ có giả ngã, chẳng làm chủ, chẳng tự tại. Thế gian chẳng thanh tịnh, khởi tâm động niệm đều nhiễm ô, tự tư, tự lợi, tham - sân - si - mạn. Đây là chân tướng sự thật. Tiếp đó, [sách Yếu Giải] viết:

“*Tự đức thâm, tha hiền biến*”: [Nghĩa là] đức của chính mình ngày càng sâu, ngày càng rộng, đức sâu, trí rộng; đồng học với mình đều là thánh hiền. “*Thánh*” là địa thượng Bồ Tát (Bồ Tát từ phẩm vị Sơ Địa trong Viên Giáo trở lên). “*Hiền*” là Tam Hiền (Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng). Tất cả những người mà quý vị tiếp xúc đều là Tam Hiền Thập Thánh Bồ Tát. Trong Tam Hiền Thập Thánh thì Thập Thánh chẳng cần phải nói nữa, địa vị Tam Hiền trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là A Di Đà Phật Trí Bồ Tát, đây là oai thần bản nguyện của A Di Đà Phật gia trì, chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta nghĩ coi: Tìm đâu ra hoàn cảnh sinh hoạt tu học như thế? Trong các thế giới của chư Phật tại mười

phương, có [những thế giới khác tốt đẹp như vậy] chứ chẳng phải là không có; nhưng vấn đề là quá nhiều điều kiện, quý vị không đến đó được!

Muốn về Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng khó, [để sanh vào] các thế giới khác quý vị phải đoạn Hoặc thì mới đến được. Nói cách khác, đoạn Kiến Tư phiền não rồi mới có thể sanh về Phương Tiện Hữu Dư Độ của các đức Phật khác. Phương Tiện Hữu Dư Độ là gì? Chúng ta thường nói đến Tứ Thánh Lục Phạm, lục đạo là Phạm Thánh Đồng Cư Độ, bốn thánh pháp giới là Phương Tiện Hữu Dư Độ, vượt khỏi mười pháp giới. Vượt khỏi mười pháp giới là Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới là Thật Báo Trang Nghiêm Độ, phải là hạng người nào mới đến được? Phải đoạn Kiến Tư, phải đoạn Trần Sa, Vô Minh, tối thiểu là phá được một phẩm vô minh. Quý vị có đủ điều kiện ấy thì mới có thể sanh vào Thật Báo Độ của chư Phật trong các thế giới ở những phương khác.

Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng ở chỗ nào? Phạm Thánh Đồng Cư độ và Thật Báo Trang Nghiêm Độ không hai, không khác. Đức Thế Tôn nói: Trong mười phương thế giới, chưa từng nghe nói tới [điều ấy]. Trong hết thảy các cõi Phật, chỉ có cõi nước của A Di Đà Phật là đặc biệt, bốn cõi cùng hợp lại. Các cõi Phật khác, bốn cõi đều phân biệt, chẳng hợp lại. Thế giới Sa Bà này của Thích Ca Mâu Ni Phật có bốn cõi: Phạm Thánh Đồng Cư Độ, Phương Tiện Hữu Dư Độ, Thật Báo Trang Nghiêm Độ, Thường Tịch Quang Độ, có hết, nhưng không ở cùng một chỗ! [Bốn cõi Tịnh Độ trong] thế giới Cực Lạc ở cùng một chỗ, chúng ta phải biết như vậy. Chúng ta lại xem tiếp đoạn kế:

“Thị Cực Lạc chi chân thật nhân duyên” (Là nhân duyên chân thật của Cực Lạc). Câu này rất quan trọng, đây là tổng kết. Nhân duyên thực sự của cõi Cực Lạc được câu này nêu lên rất chính xác, hiển thị điều gì? Y báo chuyển theo chánh báo. Bản thân quý vị không có phiền não, lại có đạo đức, có trí huệ, những người khác đều là hiền thánh, thì nói cách khác, chính quý vị cũng là hiền thánh. Đối với hoàn cảnh cư trú của hiền thánh, ắt quý vị có thể suy ra biết được hoàn cảnh ấy sẽ biến thành như thế nào? Biến thành cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta xem tiếp đoạn dưới:

“Thử đẳng trang nghiêm, Đồng Cư thị tăng thượng thiện nghiệp sở cảm” (Đối với những sự trang nghiêm như vậy, cõi Đồng Cư là do thiện nghiệp tăng thượng cảm ứng) - thiện nghiệp tăng thượng ở đây là niệm Phật, *“diệc Viên Ngũ Phẩm Quán sở cảm”* (cũng do Ngũ Phẩm

Quán trong Viên Giáo cảm thành). Viên là Viên Giáo, Viên Ngũ Phẩm Quán là Ngũ Phẩm Quán của Viên Giáo. Ngũ Phẩm Quán sẽ giảng ở phần dưới, bao gồm “tùy hỷ, đọc tụng, giải nói, kiêm hành lục độ, chánh hành lục độ”, đều là tu hành cả. Nếu chúng ta thắc mắc: Kẻ Hạ Hạ Căn vãng sanh, những trường hợp như vậy rất nhiều, thời cổ cũng có, hiện tại cũng có, họ không biết chữ, chưa từng đi học, cũng chưa từng nghe kinh, điều gì cũng không biết, nhưng như thế nào? Chính người ấy biết đời người rất khổ, có người bảo họ: “Niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ lìa khổ được vui”. Họ tin là thật, như có được món quý báu nhất, chết sạch lòng mong ngóng, khiêm hư sát đất, niệm một câu A Di Đà Phật. Họ thành công, thực sự vãng sanh. Vì sao vậy? Đó là như phần trên đã nói: “Tăng thượng thiện nghiệp sở cảm” (Do thiện nghiệp tăng thượng cảm thành).

Quý vị phải hiểu thế nào là thiện nghiệp tăng thượng? Niệm A Di Đà Phật là thiện nghiệp tăng thượng. Quý vị nghĩ xem: Người nhất tâm niệm A Di Đà Phật, Thập Thiện, Ngũ Giới đều trọn đủ, họ còn có ý niệm hại người hay chẳng? Chẳng có ý niệm hại người, há còn sát sanh ư? Chẳng thế nào! Họ cũng chẳng trộm cắp, cũng chẳng dâm dục, cũng chẳng nói dối, họ giữ được hết những giới ấy. Họ hoàn toàn buông thế giới này xuống, không tham, không sân, không si. Không si là niệm một câu Phật hiệu suốt ngày từ sáng đến tối, họ chẳng ngu si đâu, thiện nghiệp tăng thượng đây!

Người căn tánh trung thượng thì như Trí Giả đại sư đã thị hiện cho chúng ta thấy: Ngài là tổ sư tông Thiên Thai, thị hiện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Ngài là pháp sư vừa giảng kinh thuyết pháp, lại còn lãnh đạo đồ chúng, lúc sắp mất đồ đệ hỏi: “Sư phụ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đạt phẩm vị nào nơi đó?” Ngài bảo cùng đại chúng: “Vì ta lãnh chúng, lãnh chúng phải lo liệu công việc, bận tâm, chẳng thể chuyên tinh; vì thế, chỉ vãng sanh trong Ngũ Phẩm Vị”. Ngài thị hiện vãng sanh trong Ngũ Phẩm Vị. Ngũ Phẩm Vị là địa vị gì? Là Phàm Thánh Đồng Cư Độ.

Chúng ta biết Trí Giả đại sư là Thích Ca Mâu Ni Phật tái lai, chẳng phải là phàm nhân! Ở Nhật Bản cũng nói như vậy. Năm ngoái, tôi sang thăm Nhật Bản, thấy người Nhật vẫn thờ tượng Trí Giả đại sư. Lúc tôi tham bái, tôi bảo những pháp sư Nhật: “Theo truyền thuyết của Trung Quốc, Trí Giả đại sư là hóa thân của Thích Ca Mâu Ni Phật”. Họ bảo: “Người Nhật chúng tôi cũng nói như thế!” Thị hiện cho chúng ta xem! Vì sao? Phương pháp tu hành cao không làm được, cũng không sao! Tùy

hỷ quý vị có làm được chăng? Chẳng khó đâu, tùy hỷ công đức mà!

Thông thường, “tùy hỷ” để đối trị một món phiền não rất nghiêm trọng của chúng ta, món gì vậy? Ganh ghét. Nếu quý vị ganh ghét, sẽ không thể tùy hỷ được. Lúc tùy hỷ, tâm ganh ghét không có. Ganh ghét phát xuất từ sân khuê. Ai không có tâm ganh ghét, chắc chắn tâm sân khuê rất mỏng yếu. Dù chưa đoạn hết, tâm ấy rất yếu ớt. “Độc tụng” là ngày ngày chẳng lìa Phật. Vậy thì người ấy có thể tùy hỷ, có thể độc tụng. “Giải nói” là vì người khác diễn nói. “Kiêm hành lục độ” là tùy hỷ bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, Thiền Định, Bát Nhã. “Chánh hành lục độ” là kiêm hành lẫn chánh hành đều có. “Chánh hành” là nhất tâm nhất ý vì chúng sanh, “kiêm hành” là tùy duyên, gặp việc gì bèn tùy hỷ làm, tùy duyên làm, chánh hành là chủ động làm.

Chẳng hạn như tu Bồ Thí, trông thấy người ta làm những việc bố thí gì, chúng ta cũng tùy hỷ một chút, đó là Kiêm Hành. Nếu tự mình phát khởi làm chuyện gì tốt cho xã hội, chủ động làm, đây là Chánh Hành. Kiêm tu, chánh hành đều phải làm. Chẳng hạn như chính quyền thành phố Đồ Văn Ba (Toowoomba), ông thị trưởng muốn xưởng xuất lập trung tâm cai nghiện ma túy cho thanh thiếu niên, đó là chuyện tốt, chúng ta tùy hỷ bố thí. Đây là kiêm tu Lục Độ. Nếu chúng ta thấy trong xã hội này có nhiều thanh thiếu niên lầm lạc như thế, chúng ta muốn phát động xây dựng một trung tâm cai nghiện, thì là chánh tu. Kiêm và Chánh có nghĩa là như vậy.

Bây giờ đã hết giờ rồi!

Tập 14

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp tiểu đoạn thứ ba, [sách Yếu Giải viết]: “*Nhân dân biểu nhân duyên sanh pháp, Thanh Văn biểu tức Không, Bồ Tát biểu tức Giả, Phật biểu tức Trung, viên dung vô ngại dã*” (Nhân dân biểu thị các pháp do nhân duyên sanh, Thanh Văn tức là Không, Bồ Tát tức là Giả, Phật tức là Trung; viên dung vô ngại vậy). Đoạn này rất trọng yếu. Trong cảnh giới Như Lai, chẳng những chúng sanh bình đẳng, không chỉ hữu tình chúng sanh mà vô tình báo độ⁵¹ cũng là bình đẳng. Vì thế, gọi chung là “Nhất Chân pháp giới”. Trong Nhất Chân pháp giới có Phật, có

⁵¹ Báo độ: Cõi nước do quả báo biến hiện, thường chỉ cõi nước có Báo Thân Phật ngự. Do “báo độ” không có tình thức, nên gọi là “vô tình báo độ”.

Bồ Tát, có chúng sanh hay chẳng? Không có! Nếu vẫn còn phân biệt, chấp trước ấy thì đâu phải là Nhất Chân! Trong Nhất Chân có tịnh độ, uế độ hay chẳng? Có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm hay chẳng? Thấy đều chẳng có thì mới gọi là Nhất Chân! Đây mới là chân tướng sự thật. Tâm hiện, thức biến, phải chú tâm thấu hiểu, quán sát lý này thì quý vị mới có thể hiểu được chân tướng.

Đối với thế giới Hoa Tạng và thế giới Cực Lạc, trong kinh đức Phật thường nói “*duy Phật nhất nhân cư Tịnh Độ*” (chỉ mình đức Phật ở Tịnh Độ). “*Chỉ một mình đức Phật*” không có nghĩa là chỉ có một người, đừng hiểu lầm như vậy! Người đạt đến Phật quả viên mãn rất ráo rất nhiều, chỗ của những vị Phật quả viên mãn rất ráo ở gọi là Nhất Chân pháp giới thực sự. Chỗ Đẳng Giác Bồ Tát ở là Tương Tự Nhất Chân pháp giới, không phải là chân thật. Vì sao? Họ vẫn còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa đoạn sạch, đạo lý là đây. Bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng, bốn mươi một đẳng cấp ấy do đâu mà có? Quý vị hãy nghĩ xem: Vô minh phiền não chưa đoạn hết. Bốn mươi một phẩm vô minh, cứ phá một phẩm liền thăng lên một cấp, duyên do là như vậy! Nhưng quý vị phải hiểu, Vô Minh, Trần Sa, Kiến Tư phiền não tánh Không, trong Chân Như tự tánh vốn không có!

Khởi Tín Luận nói rất hay: “*Bổn giác vốn có, bất giác vốn không*”. Vô minh là bất giác, phân biệt, chấp trước đều là bất giác, bất giác vốn không! Trong ấy há có giai cấp? Trong ấy há nào có Phật, há có chúng sanh? Trong cảnh giới ấy, không có Phật, không có chúng sanh, đó là Đệ Nhất Nghĩa. Phải rơi vào Đệ Nhị Nghĩa mới có Phật, có chúng sanh; trong Đệ Nhất Nghĩa không có. Trong Đệ Nhị Nghĩa có Thường Tịch Quang, có Thật Báo Độ, có Đồng Cư độ; trong Đệ Nhất Nghĩa không có. Đây mới là chân tướng, Thật Tướng của các pháp. Nếu có những vọng tướng, phân biệt, chấp trước như vậy thì đều là tướng hư vọng! Kinh Kim Cang dạy: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*” (Phàm những gì có tướng đều là hư vọng). Nghĩa là sao? Chúng sanh trong chín pháp giới, kể cả Đẳng Giác Bồ Tát, trong những cảnh giới của họ, tất cả những gì có tướng thì đều là hư vọng.

Nơi Thật Tế Lý địa của Như Lai, phàm những gì có tướng đều là Thật Tướng, kỳ diệu thay! Tuyệt diệu ở chỗ Thật Tướng và vọng tướng (tướng hư vọng) dung hợp thành một, chẳng thể phân ra. Vọng tướng không còn, Thật Tướng cũng không còn. Thật Tướng giống như thân người, vọng tướng giống như bóng người khi ánh nắng chiếu vào thân. Quý vị nghĩ xem: Bóng và thân có tách rời nhau được chẳng? Không

tách rời được! Có trở ngại nhau hay chẳng? Không trở ngại! Thân ta chẳng trở ngại bóng, bóng chẳng trở ngại thân, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Quý vị phải giác! Nếu bất giác thì bất giác là bậy rồi, là coi cái bóng như chính mình, quên mất chính mình. Đó là gì? Chúng sanh trong chín pháp giới cùng mắc phải căn bệnh này. Chân thân của chúng ta là thanh tịnh Pháp Thân, tứ thánh, lục phàm, y báo, chánh báo trang nghiêm đều là bóng; kinh Kim Cang đã chẳng nói rất hay đó ư? Như mộng, huyễn, bọt, bóng!

Y báo, chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là mộng, huyễn, bọt, bóng, là tương tự Thật Tướng trong Nhất Chân pháp giới, phải là quả vị Như Lai thì mới là Thật Tướng chân thật. Phải hiểu đạo lý này! Nếu quý vị chẳng hiểu, học tập tu hành sẽ không có phương hướng, chẳng có mục tiêu, rốt cuộc chẳng có kết quả. Nếu quý vị hiểu được, thấy rõ, thì ta có phương hướng, ta có mục tiêu, tương lai ta sẽ chứng nhập cảnh giới ấy, đó là cảnh giới Phật. Chẳng cần biết quý vị chứng đắc cảnh giới ấy sâu hay cạn, chứng đắc rộng, chứng đắc hẹp, [cảnh giới ấy] sẽ giúp ích rất lớn trong việc nâng cao phẩm vị khi cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới trong tương lai. Bởi thế, nhất định phải hiểu y báo, chánh báo trang nghiêm là mộng, huyễn, bọt, bóng, do đâu mà có? Do từ vọng tưởng của chúng ta biến hiện ra!

Ở đây, nói nhân dân là “*nhân duyên sanh pháp*”, “*nhân duyên sanh pháp*” (pháp được sanh bởi nhân duyên) là gì? Nói cách khác, mọi người sẽ dễ hiểu hơn: Nhân dân là nhân quả báo ứng, điều này mọi người hiểu được. Pháp do nhân duyên sanh là nhân quả báo ứng, không gì chẳng sanh từ tâm tưởng. Tâm quý vị nghĩ điều lành, được quả báo lành, y báo, chánh báo trang nghiêm đều lành. Tâm quý vị nghĩ chuyện chẳng lành, y báo, chánh báo đều bất thiện. Chẳng phải do ai khác tạo ra cho mình gánh chịu, mà là tự mình tạo, tự mình gánh chịu. Không hiểu lẽ “tự làm, tự chịu”, đổ thừa người khác, oán trời, trách người: “Lão trời già không công bằng, khiến tôi phải khổ đến thế này, đối đãi tốt với người khác như thế, xử tệ với tôi dường này!” Chẳng hiểu người khác tốt lành là do thiện tâm, thiện nghiệp của người ấy biến ra, những điều xấu của chính mình do tâm bất thiện, nghiệp bất thiện của mình biến ra, chẳng liên can đến ai cả! Bởi thế, người thực sự giác ngộ, thấu hiểu, sẽ sửa đổi quan niệm lầm lạc ấy, chẳng oán trời, chẳng trách người, biết chuyện đó chẳng ăn nhập đến ai, đúng là “tự làm, tự chịu”. Đó là chân tướng sự thật.

Trong thế giới Cực Lạc có nhân dân, nhân dân là những người đời

nghiệp vãng sanh trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ, sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thật ra, họ vẫn thuộc trong cảnh giới nhân thiên, thù thắng ở chỗ nào? Điều thực sự thù thắng chẳng thể nghĩ bàn là được bốn nguyện oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Được trí huệ phước báo của A Di Đà Phật gia trì, nâng cao [cảnh giới, phẩm vị] lên, chẳng do chính họ tu chứng. Điều thù thắng nhất của Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là chỗ này!

“*Thanh Văn tức là Không*”: Thanh Văn là nói về Phương Tiện Hữu Dư độ, cảnh giới cao, biết vạn pháp đều là Không: “*Nhất thiết vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*” (Hết thấy pháp vô sở hữu, rốt ráo không, bất khả đắc). Bởi thế, tâm họ định. Dầu có định, công phu định vẫn chưa đủ, vì sao? Chưa khai trí huệ. Vì thế, đức Phật bảo họ trụ vào Thiên Chân Niết Bàn, Chân là Chân Không. Trụ Thiên Chân Niết Bàn chỉ có tự thọ dụng, không có tha thọ dụng. Tự thọ dụng là chẳng được tự tại, chẳng viên mãn nơi thanh tịnh tịch diệt.

Trong kinh, đức Phật dạy: A La Hán trụ Thiên Chân Niết Bàn lâu nhất là hai vạn đại kiếp, nghĩa là họ ở trong cảnh giới ấy lâu đến như thế bèn hồi đầu, bèn giác ngộ, giác ngộ hồi đầu! Bích Chi Phật thông minh hơn, Bích Chi Phật cũng trụ Thiên Chân Niết Bàn, thời hạn dài nhất là một vạn đại kiếp, một vạn kiếp bèn hồi đầu, Thanh Văn tối đa hai vạn kiếp mới hồi đầu. Chúng ta thường gọi “hồi đầu” là “*hồi Tiểu hướng Đại*”; họ không còn mong nghỉ ngơi nữa, thời gian nghỉ ngơi đã đủ rồi, lại phải nỗ lực cầu học. Thiên Chân Niết Bàn của Thanh Văn giống như lúc ta nghỉ học. Ví như đi học đến lúc tốt nghiệp Trung Học, tốt nghiệp rồi không học nữa, tạm ngừng học. Ngừng học độ mấy năm, biết là chưa được, vẫn phải học, lại thi vào Đại Học. Đại Học giống như Đại Thừa.

“*Bồ Tát tức là Giả*”, chữ “*tức*” ở đây có nghĩa là “hết thấy”. Một thứ Không, hết thấy đều Không. Một thứ giả thì hết thấy đều giả. Bồ Tát biết y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới là giả tướng; giả tướng ấy chẳng trở ngại Chân Không. Vì thế, tâm trụ vào Chân Không, trong giả tướng, Bồ Tát có thể giáo hóa chúng sanh, giáo hóa không chướng ngại. Chúng ta hiện đang là phàm phu, nếu chúng ta giáo hóa chúng sanh sẽ gây ra chướng ngại cho tâm thanh tịnh của chính mình, tâm chẳng được thanh tịnh. Nếu là Bồ Tát thì chẳng có chướng ngại; suốt ngày từ sáng đến tối bận bịu phục vụ hết thấy chúng sanh, nhưng quyết định chẳng chướng ngại cái tâm thanh tịnh của chính mình, quyết định chẳng chướng ngại công phu tu hành của chính mình. Bồ Tát tu lục độ vạn hạnh. Người niệm Phật chúng ta tu nhất tâm bất loạn, tâm

chẳng điên đảo, đó là Niệm Phật tam-muội. Bất luận làm việc gì, bất luận bận bịu đến thế nào đi nữa, tâm chẳng điên đảo, nhất tâm bất loạn.

Tâm của Bồ Tát vĩnh viễn định, chẳng bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển. Phàm phu chúng ta tiếp xúc cảnh giới bên ngoài bèn bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển, rất đáng thương! Bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển là gặp phải cảnh giới bèn lập tức dấy lên phản ứng, chẳng có công năng Thiền Định. Vì thế, có thể nói là từ lúc sanh ra cho đến hiện tại, ý niệm ngày đêm không hề gián đoạn, niệm trước vừa diệt, niệm sau liền sanh, tốc độ rất nhanh, quyết định chẳng có hai niệm nào giống nhau. Ý niệm nhanh hơn thời gian, thời gian tính bằng phút, bằng giây; theo như kinh Phật nói, ý niệm của chúng ta khởi lên, diệt mất trong một phần vạn giây. Nói cách khác, trong khoảng thời gian chừng một giây, ý niệm của chúng ta đã một vạn lần sanh diệt. Đây là những điều được nói trong kinh Nhân Vương. Tôi đã thưa cùng các vị đồng học rồi, đây chưa phải là chân thật, chỉ là đức Phật phương tiện nói. Nói phương tiện mà đã phi thường lắm rồi! Vì sao?

Theo kinh Nhân Vương, có bao nhiêu ý niệm sanh diệt trong một giây? Hai mươi một vạn sáu ngàn niệm, hai mươi một vạn sáu ngàn niệm sanh diệt đấy nhé! Bản thân ta không tự biết, điều không biết đó được gọi là “thô tâm đại ý”. Một niệm sanh khởi chính là hiện ra tướng trạng giống như chúng ta xem phim: Tấm ảnh vừa lọt vào ống kính của máy chiếu phim thì tấm ảnh đó bèn được rọi lên màn bạc. Màn bạc là hư không, là thể giới, chúng sanh sanh trong đó thoáng một cái rồi diệt mất. Diệt rồi lại lập tức sanh: Tấm ảnh thứ hai hiện ra, tốc độ rất nhanh. Chúng ta thấy dường như là thực sự có [một cảnh tượng đang diễn biến liên tục], chứ thật ra là từng tấm phim riêng rẽ, hình ảnh trong mỗi tấm lại khác nhau, tuyệt đối chẳng có hai tấm ảnh nào giống nhau! Đó là tướng “tương tục” (tiếp nối).

Kinh Kim Cang nói: “*Như lộ, diệt như điện*”, Lộ (露) là sương móc. Lộ ví như tướng tương tục, Điện (電: chớp) ví như chân tướng. Mỗi một tấm phim được chiếu lên là chân tướng, bao nhiêu tấm tiếp nối nhau là tướng tương tục. Vì sao hình ảnh trong mỗi tấm không giống nhau? Các ý niệm của chúng ta không giống nhau. Kinh Phật giảng ý niệm là “thức”, chỉ là do thức biến hiện. Mỗi niệm khác nhau biến hiện tướng trạng cảnh giới khác nhau. Bồ Tát đã giác ngộ, Ngài có thể hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Công đức là gì? Công đức là bất biến, chẳng chuyển theo cảnh giới bên ngoài. Đó là công đức. Chuyển theo cảnh giới bên ngoài thì chẳng có công đức, mà là phiền não, vì quý vị lệ

thuộc vào cảnh giới bên ngoài. Người học Phật nói đến “công phu”, vậy công phu là gì? Là chẳng chuyển theo cảnh giới bên ngoài, ấy là Định; hiểu rõ rệt rành rẽ cảnh giới bên ngoài, hiểu thấu suốt thì là Huệ. Định Huệ cùng học cân bằng, cùng vận dụng Định và Huệ thì chẳng thể nghĩ bàn. Cảnh giới ấy sâu lắm.

Vì sao Bồ Tát luôn độ chúng sanh, Tiểu Thừa trụ Niết Bàn rất tự tại, sao Bồ Tát chẳng trụ Niết Bàn? Bồ Tát trụ trong Niết Bàn, nhưng Niết Bàn ấy lại chẳng trở ngại việc độ chúng sanh, tuyệt diệu! Niết Bàn là như như bất động, thanh tịnh tịch diệt. Bởi vậy, Niết Bàn chứng bởi Đại Thừa Bồ Tát gọi là Vô Trụ Niết Bàn, nơi quả địa Như Lai cũng giống như vậy. Thế nào là Vô Trụ Niết Bàn? Chẳng trụ vào sanh tử, chẳng trụ vào hai bên. Nói cách khác, chẳng trụ vào Niết Bàn bên có sanh tử, chẳng trụ sanh tử chính là Niết Bàn. Nếu nói Niết Bàn lẫn sanh tử hai bên đều trụ cả, đều chiếu cố cả hai thì hai bên không xung đột, hai bên không mâu thuẫn, hai bên viên dung, hai bên tự tại, viên dung vô ngại! Bởi thế, đạt đến địa vị Bồ Tát thì thực hiện được điều đó, bởi Không - Giả - Trung hoàn toàn dung hợp, vừa là Không, vừa là Giả, vừa là Trung.

Do trong cảnh giới phàm phu, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước hết sức nghiêm trọng, Không - Giả - Trung chẳng thể viên dung, Không chẳng phải là Giả, Giả chẳng phải là Trung! Trí huệ chân chánh hiện tiền, biết chúng là một, một mà ba, ba nhưng một; giống như cái nắp của chén trà, chúng ta hãy quan sát như sau: Nếu lật ngửa lên nó bị lõm xuống; lật ngược lại, nó bèn lồi lên. Người chẳng liễu giải chân tướng sự thật, chỉ đứng tại một bên [để nhìn sự việc] ắt sẽ đôi co. Kẻ này nói: “Tôi thấy nó lõm xuống”, người kia bảo: “Tôi thấy nó lồi lên”. Hai người cãi cọ, tri kiến khác nhau, chẳng thấy chân tướng sự thật. Nếu lật nó lại thì mới hoảng nhiên đại ngộ: Lõm vốn là lồi, lồi vốn là lõm, là một, chứ không phải hai.

Phật, Bồ Tát thông minh ở chỗ nào? Mặt nào cũng thấy cả. Phàm phu và Tiểu Thừa chỉ thấy được một bên, vì thế, có chấp trước. Vì chỉ thấy một bên nên nếu quý vị nói cái này lõm xuống, họ chẳng tin: “Rõ ràng là nó lồi lên, sao anh lại nói lõm xuống?” Người thấy bên kia bèn nói: “Rõ ràng là nó lõm xuống, sao anh bảo nó lồi lên?” Tranh luận chẳng thôi! Họ không thấy mọi mặt, thấy mọi mặt là trí huệ viên mãn. Đức Phật dạy chúng ta đối với pháp giới, hư không, thế giới, chúng sanh, vì trần phải nhìn mọi mặt, có như thế mới viên dung vô ngại.

6.3.2.3. Bảo Trì Đức Thủy (nước tám công đức trong ao báu)

Lại xem tiếp đoạn kể là “*bảo trì đức thủy*” (nước tám công đức trong ao báu), chúng ta đọc kinh văn một lượt. Trong đoạn này không trích đoạn sách Yếu Giải.

Hựu Xá Lợi Phát! Cực Lạc quốc độ, hữu thất bảo trì, bát công đức thủy sung mãn kỳ trung. Trì để thuần dĩ kim sa bố địa, tứ biên giai đạo, kim, ngân, lưu ly, pha lê hiệp thành.

又舍利弗。極樂國土。有七寶池。八功德水。充滿其中。池底純以金沙布地。四邊階道。金銀琉璃。玻璃合成

(Lại này Xá Lợi Phát! Cõi nước Cực Lạc có ao bảy báu, nước tám công đức đầy ắp trong ấy. Đáy ao thuần dùng cát vàng trải đất. Bốn phía là bậc lên, lối đi, dùng vàng, bạc, lưu ly, pha lê hợp thành).

Trong đoạn này, vàng là một thứ, bạc là một thứ, lưu ly là một thứ, pha lê là một thứ, ở đây nói đến bốn thứ. Nay chúng ta gọi Lưu Ly là Phỉ Thúy (Jadeite), tức một thứ ngọc màu xanh lá cây; Pha Lê nay gọi là thủy tinh. Trước kia, chưa chế ra pha lê (crystal), pha lê được cổ nhân nói đến cũng như pha lê trong kinh Phật, đều là thủy tinh, là một chất tìm thấy trong thiên nhiên, hoàn toàn trong suốt. Hiện tại, chúng ta biết thủy tinh được chế thành rất nhiều thứ, thường thấy nhất là tròng mắt kiếng. Mắt kiếng thủy tinh bảo vệ tròng mắt. Lại xem tiếp đoạn dưới:

Thượng hữu lầu các.

上有樓閣。

(Phía trên có lầu gác).

Ý nói phía trên bờ ao bảy báu, “*lại có lầu gác*”, những lầu gác ấy...

Diệc dĩ kim, ngân, lưu ly, pha lê.

亦以金。銀。琉璃。玻璃。

(Cũng dùng vàng, bạc, lưu ly, pha lê).

Lại còn thêm:

Xa cừ, xích châu, mã não, nhi nghiêm sức chi.

磲磲。赤珠。瑪瑙。而嚴飾之。

(Xa cừ, xích châu, mã não để trang hoàng).

Đây là bảy báu, nói đến bảy báu là chỉ những thứ đó.

Trì trung liên hoa.

池中蓮華。

(Hoa sen trong ao).

Trong ao sen báu ấy lại có hoa sen.

Đại như xa luân, thanh sắc thanh quang, hoàng sắc hoàng quang, xích sắc xích quang, bạch sắc bạch quang, vi diệu hương khiết.

大如車輪。青色青光。黃色黃光。赤色赤光。白色白光。微妙香潔。

(To như bánh xe, màu xanh ánh sáng xanh, màu vàng ánh sáng vàng, màu đỏ ánh sáng đỏ, màu trắng ánh sáng trắng, vi diệu thơm sạch).

Đến đây là một đoạn. Chúng ta nói đến nước tám công đức trong ao báu, đã đọc qua kinh văn rồi. Nghĩa thú trọng yếu trong đoạn này là “không có cái khổ lão - tử”. Dưới đây, chúng tôi chia thành hai tiểu đoạn “thượng minh trụ xứ, thứ tiết minh sanh xứ” (đoạn trên nói về trụ xứ, tiết này nói về chỗ để vãng sanh). Các cây báu, lan can báu được nói trong phần trên chính là “địa lợi chi lạc”, tức là hoàn cảnh cư trú như hàng cây bảy báu v.v... Còn ao báu, nước tám công đức là nói đến “sanh xứ” (chỗ hóa sanh) của chúng ta khi vãng sanh thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc chẳng giống với thế gian của chúng ta. Trong thế giới chúng ta là thai sanh, thai sanh rất khổ. Tây Phương Cực Lạc thế giới là hóa sanh, hóa sanh là biến hóa.

“Thử độ Đồng Cư thị hữu lậu Hoặc nghiệp sở cảm” (Đồng Cư trong cõi này (Sa Bà) là do Hoặc nghiệp hữu lậu cảm vời). “Thử độ” tức là thế gian, là quả địa cầu của chúng ta, địa cầu này là Phàm Thánh Đồng Cư độ. Cõi này do đâu mà có? Trong kinh, đức Phật dạy “do Hoặc nghiệp hữu lậu”. Lậu là tên khác của phiền não. Hữu Lậu là có phiền

não, có tập khí. Chỉ cần quý vị có phiền não, tập khí, quý vị không có cách chi thoát khỏi luân hồi lục đạo được. Lục đạo luân hồi do Hoặc nghiệp hữu lậu cảm thành. Chúng ta thấy trong kinh luận, đức Phật giảng như thế rất nhiều lần, đúng là vô số lần, ngàn kinh muôn luận đều giảng cho chúng ta biết chân tướng sự thật này.

Lục đạo do Kiến Tư phiền não biến hiện. Bởi thế, đức Phật nói chỉ cần buông Kiến Tư phiền não xuống được thì lục đạo luân hồi chẳng còn nữa. Trong Chứng Đạo Ca, Vĩnh Gia đại sư có viết rất hay: “*Mộng lý minh minh hữu lục thú*” (Trong mộng rành rành phân sáu nẻo), “*lục thú*” chính là lục đạo. “*Giác hậu không không vô đại thiên*” (tỉnh rồi, ba cõi rỗng toang hoang). Lục đạo luân hồi chẳng thật, nó là cảnh giới trong mộng, do mê hoặc, điên đảo biến hiện, nhưng quý vị chẳng biết đây là mộng, nên phải chịu đựng trong giấc mộng đó. Bởi thế, quý vị tạo thiện nghiệp sẽ hưởng phước trong mộng, có lạc thọ; tạo ác nghiệp thì thọ tội trong mộng, có khổ thọ. Quý vị chẳng tỉnh giấc mộng ấy. Đến lúc nào mới tỉnh? Khi nào đoạn được nghiệp nhân lục đạo, quả sẽ không còn nữa. Nghiệp nhân chính là Kiến Tư phiền não.

Trong Kiến Tư phiền não có một thứ là Thân Kiến: Chấp trước thân này là Ta. Quý vị suy nghĩ xem: Lục đạo chúng sanh có ai không vì chính thân mình hay không? Hành thiện cũng vì cái thân này, tạo ác cũng vì cái thân này, tưởng thân này là Ta, đó là sự lầm lạc thứ nhất. Bởi vậy, tôi thường khuyên lớn các đồng học: Nếu chúng ta thực sự mong được giác ngộ, mong được thấu hiểu, thấu suốt, thì phải dụng công nơi đâu? Đầu tiên là phải bỏ được ý niệm tự tư, tự lợi mới hòng vào được cửa. Quan niệm tự tư tự lợi sai lầm, hành vi sai lầm ấy nếu chẳng thể triệt để buông xuống được, dù quý vị có duyên phận tốt tới đâu đi nữa, quý vị vẫn chẳng thể vào được cửa nhà Phật. “*Cửa nhà Phật*” nghĩa là gì? Chẳng thể tiến nhập cảnh giới Phật được!

Lục đạo phàm phu đáng thương! Từ vô lượng kiếp đến nay lăn lóc trong luân hồi, thời gian trong ba đường thiện ngắn ngủi, thời gian trong ba đường ác dài lâu. Quý vị nói xem vì lẽ nào vậy? Vì tự tư, tự lợi. Tự tư, tự lợi làm hại quý vị, khiến quý vị đời đời kiếp kiếp phải chịu khổ báo trong tam đồ. Đức Phật đúng là từ bi đến cùng cực, đem toàn bộ chân tướng sự thật, nhân quả trước sau giảng rõ ràng, minh bạch cho chúng ta, hiềm rằng chẳng ngộ! Thế nào là ngộ? Buông tự tư, tự lợi xuống thì người ấy liền giác ngộ! Buông tự tư, tự lợi xuống không được, không thể giác ngộ. Nghiêm trang như tượng, nói đến nổi hoa trời rơi lá tả, nhưng không buông tự tư, tự lợi xuống được, vẫn chưa thực sự giác

ngộ! Kinh giáo gọi kẻ đó là “thế trí biện thông”, chẳng phải trí huệ chân thật. Kẻ trí huệ chân thật thay đổi quan niệm, đó là tu hành! Sửa đổi quan niệm lầm lạc cho đúng, khởi tâm động niệm là tâm gì? Tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi; khởi tâm động niệm trong cuộc sống thường nhật toàn là những tâm ấy.

Trong những tâm ấy không có tự tư, tự lợi, trông thấy chúng sanh khổ sở bèn muốn giúp họ, toàn tâm toàn lực xả kỷ vì người. Quý vị thấy Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng phải giống như thế hay sao? Vứt bỏ cuộc sống an vui, giàu có của chính mình, vứt bỏ địa vị xã hội, vứt bỏ hết thầy quyền thế, dùng thân thể, dùng trí huệ của Ngài để giúp hết thầy chúng sanh giác ngộ, giúp hết thầy chúng sanh đoạn ác tu thiện, giúp hết thầy chúng sanh lìa khổ được vui, giúp hết thầy chúng sanh chuyển phàm thành thánh. Những việc Ngài thị hiện suốt ngày từ sáng đến tối là vì người khác diễn nói, hy sinh, phụng hiến, không có chút nào tự tư, tự lợi. Hành vi luôn lợi ích xã hội, lợi ích hết thầy chúng sanh. Có vậy Phật mới có thể nhập cảnh giới Phật. Cảnh giới Phật chính là cảnh giới của tánh đức chính mình, mình tâm kiến tánh.

Sở dĩ phàm phu, Quyền Tiểu tu hành bao kiếp chẳng thể khổ nhập, nguyên nhân vì đâu? Chưa buông tự tư, tự lợi xuống được. Đây chẳng phải chuyện dễ! Nói chung, chúng ta căn tánh hạ liệt rất sâu, phiền não tập khí quá nặng, há dễ dàng buông xuống được ư? Phật gặp những chúng sanh như vậy thì làm sao? Không khuyên kẻ ấy buông xuống, vì sao? Không có cách chi hết, không thực hiện được! Khuyên họ làm gì? Khuyên họ tạo thiện nghiệp, chớ tạo ác nghiệp, Phật giáo hóa chúng sanh tu Ngũ Giới, Thập Thiện, mục đích chẳng nhằm dạy họ thoát luân hồi, mục đích là ngăn ngừa khỏi bị đọa trong ba ác đạo. Do tư tưởng, ngôn ngữ, hành vi của quý vị chẳng lành; chẳng lành thì quý vị sẽ chiêu cảm khổ báo trong tam đồ, rất đáng thương, rất thâm trọng! Quý vị có thể đoạn ác tu thiện, quý vị trì Ngũ Giới, tu Thập Thiện thì đời sau sẽ hưởng phước báo trời - người. Quý vị chẳng thể buông tự tư tự lợi xuống được, quý vị chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi, [nên đành phải] giúp cho quý vị hưởng phước báo trời - người. Đức Phật giáo hóa chúng sanh đúng là ứng cơ thuyết pháp (thuyết pháp ứng theo căn cơ), căn cơ quý vị như thế nào, nguyện vọng như thế nào, Phật đều thỏa mãn quý vị. Đây là nói [về những điểm mà] thế giới Sa Bà của chúng ta khác với Tây Phương Cực Lạc thế giới.

“Bĩ độ nãi vô lậu tịnh nghiệp sở thành, hựu vị A Di Đà Phật nguyện hạnh chi sở trang nghiêm” (Cõi kia do tịnh nghiệp vô lậu cảm

thành, lại được trang nghiêm bằng nguyện hạnh của A Di Đà Phật). Câu “*được trang nghiêm*” có nghĩa là gia trì. Bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, công đức tu hành trong vô lượng kiếp của A Di Đà Phật gia trì chúng ta. Quý vị muốn tu vô lậu tịnh nghiệp thì quý vị phải cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, không thể chẳng hiểu đạo lý này. Lại thưa cùng quý vị: Trong tâm quý vị còn oán hận kẻ nào đó, vẫn còn có kẻ nào ta thấy gai mắt, sẽ chẳng đến được thế giới Cực Lạc. Vì sao? Tâm thái ấy chính là Lậu nghiệp trọng, chưa phải là Vô Lậu, mà là Hữu Lậu. Hữu Lậu tu Tịnh nghiệp thì nghiệp ấy cũng chẳng tịnh, cũng biến thành Hoặc nghiệp. Bởi thế, muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, sao không nhìn vào những bà cụ già niệm Phật, lúc vắng sanh rất tự tại dường ấy? Quý vị phải chú tâm quan sát họ, lúc họ còn sống có oán hận ai chăng? Không có! Vì sao? Đều một nét bút sổ toẹt cả rồi! Tôi muốn sanh về thế giới Cực Lạc; đợi khi tôi thành Phật, tôi sẽ trở về độ mấy người. Đó là một điều kiện hết sức quan trọng để được vắng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Tu hành trọng yếu nhất là phải sửa đổi những hành vi làm lạc. Còn có một ai chẳng vừa ý, có chuyện gì chẳng khoan khoái thì đều là những thứ chướng ngại vắng sanh, tâm mình chưa thanh tịnh. Điều ấy giải thích vì sao vắng sanh khó, một vạn người niệm Phật chỉ có một, hai người được vắng sanh; đạo lý là đây. Nếu quý vị chưa chuyển được phiền não thì dùng một câu A Di Đà Phật đè xuống, đè chặt cho nó khỏi khởi tác dụng. Nếu trông vào vận may thì lúc lâm chung, trong hơi thở cuối cùng, không đè giữ được phiền não, nó bộc phát ra; bộc phát rồi bèn đọa tam đồ.

Vì vậy, bình thời phải dùng công phu để chuyển biến nó, ta không oán hận nữa, càng tăng thêm từ bi. Người ta đem tâm oán hận mình, mình dùng tâm từ bi đối đãi họ, ta dùng tâm cảm ơn đối xử với họ. Nếu quý vị hỏi: Kẻ ấy đối với ta có ân gì vậy? Thành tựu Nhẫn Nhục Ba La Mật cho ta, đó là ân. Thành tựu Trì Giới Ba La Mật cho ta. Vì sao nói thành tựu Trì Giới? Ta đối với kẻ ấy chẳng báo thù, đó là Trì Giới, giới chẳng sát sanh, chẳng có ý niệm báo thù. Chẳng có ý niệm sân khuê là Nhẫn Nhục. Chẳng có ý niệm báo thù là không sát sanh, chẳng sát là Trì Giới. Thành tựu sáu Ba La Mật cho quý vị, đây chẳng phải là ân huệ thì là gì? Phiền não tập khí từ vô thủy kiếp đến nay từ đây được hóa giải, niệm Phật như vậy sẽ chẳng chướng ngại vắng sanh, mới thực sự cảm được A Di Đà Phật tiếp dẫn lúc lâm chung. Bởi thế, nếu có một chuyện trong thế gian nào mình không buông xuống được thì đều là phiền phức

cả!

Nếu quả thật thân tâm, thể giới, hết thảy đều buông xuống được, phiền não, tập khí chẳng khởi hiện hành, người ấy niệm Phật vãng sanh hết sức bình an, ổn thỏa, thích đáng, lúc lâm chung Phật đến tiếp dẫn. Vì thế, thể giới Cực Lạc hoàn toàn do vô lậu tịnh nghiệp tạo thành. Vô lậu là chuyển biến được phiền não, tập khí, câu này rất trọng yếu. Đối nghiệp vãng sanh chỉ có thể mang theo những chủng tử tập khí trong A Lại Da thức, chứ chẳng thể mang theo những nghiệp hiện hành. Hiện hành là gì? Trong hiện tại vẫn thường phát tác, đó gọi là “hiện hành”, những nghiệp ấy không mang theo được! Chúng ta mỗi ngày từ sáng đến tối sanh sống, làm việc, xử sự, đãi người, tiếp vật đều là tu hành, sửa đổi hết những chứng bệnh, tập khí từ trước. Trước kia, ta hận người, nay ta yêu thương người; trước kia mình chán ghét người, nay mình có thể giúp đỡ họ.

Bây giờ đã đến giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới [trong sách Yếu Giải]. Phần thứ năm:

“*Tứ sắc liên hoa, vô thai sanh khổ, vô ái biệt ly khổ*” (Hoa sen bốn màu, không có nỗi khổ thai sanh, không có nỗi khổ ái biệt ly): Trong thế gian này, chúng ta là thai sanh, thai sanh có nỗi khổ mười tháng thai ngục. Thai sanh có duyên rất sâu với cha mẹ nên có nỗi khổ ân ái biệt ly. Đây là điều hết thảy chúng sanh thai sanh chẳng thể tránh khỏi được, trong ấy có ân tình. Thế giới Tây Phương không như vậy, hóa sanh trong hoa sen. Vì thế, chắc chắn không có mười tháng thai ngục, không có hiện tượng ấy. Sanh về thế giới Cực Lạc hóa sanh trong hoa sen, nên không có các hiện tượng ân tình, ân ái; hiện tượng tình chấp cũng không có. Thế giới Cực Lạc chẳng giống như thế giới của chúng ta. Chúng ta lại xem tiếp đoạn dưới nói gì.

“*Liên hoa đại tiểu quang sắc bất đồng. Kinh vân: ‘Chúng sanh phát tâm tín nguyện trì danh, trì trung tức sanh nhất liên nhụy, tiểu danh ư thượng. Nhược tinh tấn niệm Phật, hoa tức nhật đại, quang sắc nhật tiến. Như trung đồ thoái tâm, hoặc tập tha pháp môn, tắc liên tiệp khô’*” (Hoa sen lớn, nhỏ, ánh sáng, màu sắc khác nhau. Kinh nói: ‘Chúng sanh phát tâm tín nguyện trì danh, trong ao liền sanh một búp sen, đề tên

người ấy. Nếu tinh tấn niệm Phật, hoa càng ngày càng to, ánh sáng, màu sắc ngày càng tươi tắn. Nếu giữa chừng ngã lòng, hoặc đổi sang tu pháp môn khác, hoa ấy dần dần tàn khô). Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới quả thật chẳng thấy có hiện tượng sanh - lão - bệnh - tử, chẳng trông thấy hiện tượng sanh - trụ - dị - diệt. Chẳng hạn như nói người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là hóa sanh, chứ không phải là sanh làm đứa bé con trong Tây Phương Cực Lạc thế giới dần dần lớn lên. Nếu là như vậy, sẽ thành ra có sanh - lão - bệnh - tử. Sanh vào thế giới ấy sắc thân không khác gì Phật A Di Đà, chứ không phải hiện làm một đứa bé con dần dần lớn lên, chẳng phải vậy! Vì thế, họ không có sanh trưởng. Sắc thân được hiện không khác gì như trong bốn mươi tám nguyện đã nói, đều là thân vàng ròng sắc tía được giới mài, đầy đủ tướng hảo, quang minh viên mãn. Đó là do bốn nguyện oai thần của A Di Đà Phật gia trì, chẳng phải chỉ có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp phụ, mà là thân có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo, nhưng tất cả chúng sanh đều như nhau. Thế giới Cực Lạc là thế giới bình đẳng, rất chẳng thể nghĩ bàn!

Chỉ riêng hoa sen trong ao là thấy có tướng sanh diệt. Hoa sen từ đâu có? Đúng như trong Đại Thừa Phật giáo thường nói: *“Từ tâm tướng mà sanh”*. Mười phương ba đời hết thấy chúng sanh, chẳng hạn như bản thân chúng ta, trong tâm muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật, trong ao bảy báu bên thế giới Cực Lạc bèn mọc lên một búp sen, *“liên nhụy”* (蓮蕊) là búp sen, nhưng trên búp sen ấy có ghi tên tuổi quý vị. Quý vị niệm Phật rất tinh tấn, tinh tấn niệm Phật, hoa sen ấy sẽ dần dần ngày càng to, tinh tấn niệm Phật hoa bèn to ra. Màu sắc và quang minh của hoa hoàn toàn tương ứng với độ lớn của hoa. Ánh sáng, màu sắc tươi sáng. Đây là nói niệm Phật rất tinh tấn.

Nếu quý vị niệm một khoảng thời gian, về sau không niệm nữa, do nhân duyên nào khác chướng ngại quý vị, quý vị bị ảnh hưởng, đổi sang học môn khác, chẳng tu Tịnh Độ nữa, đổi sang học pháp môn khác, đóa sen ấy của quý vị dần dần bị héo khô, không còn nữa. Vì vậy, trong thế giới Cực Lạc chỉ có thể thấy hiện tượng sanh diệt nơi hoa sen trong ao sen. Chuyện hoa sen mỗi ngày lớn lên lại vừa to vừa đẹp là có; mỗi ngày cũng thường có rất nhiều hoa bị khô héo đi. Chúng tôi suy tưởng: Chắc chắn là trong số các hoa sen, búp sen rất nhiều, nhưng những hoa thực sự nở hoa kết quả trong tương lai chẳng nhiều; rất nhiều búp sen bị héo khô đi. Giống như thầy Lý đã nói: *“Một vạn người niệm Phật, chỉ có hai ba người được vãng sanh”*. Đây chẳng phải là nói một vạn búp sen,

chỉ có hai ba búp tương lai nở hoa, còn hơn chín ngàn chín trăm búp kia đều bị héo khô! Nhưng quý vị phải hiểu đây là hiện tượng hiện tại trong thế giới Sa Bà của chúng ta, thế giới phương khác không nhất định phải giống như vậy.

Trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy có rất nhiều thế giới thuần tịnh, người trong những nơi ấy rất khá, rất có thể là một vạn người niệm Phật, một vạn người vãng sanh. Tổ sư đại đức nói “*vạn người tu, vạn người đến*”, chẳng sót một ai. Chỉ trong thế giới này của chúng ta rất tẻ, các đồng học niệm Phật không chịu đựng nổi khảo nghiệm. Nhất là trong thời kỳ Mật Pháp hiện tại, tà tri tà kiến rất nhiều, người chánh tri chánh kiến quá hiếm hoi. Người tà tri tà kiến rất nhiều, trong xã hội nhất định nầy sanh hiện tượng “*sai lầm chắt chứa lâu ngày trở thành đúng*”. Ai nấy đều tà kiến nên tà kiến trở thành chánh kiến, người chánh kiến hiếm hoi, chánh kiến biến thành tà kiến. Đó là khảo nghiệm nghiêm trọng đối với người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Muốn đảm bảo chẳng bị tà tri tà kiến ảnh hưởng, chỉ có một phương pháp: Hằng ngày đọc kinh, hằng ngày nghiên cứu giáo pháp, giống như đạo tràng của chúng ta đang duy trì. Nếu quý vị hỏi vì sao có thể duy trì ư? Mỗi ngày giảng kinh, mỗi ngày đều học tập, không cần biết quý vị tích cực hay không tích cực, không tích cực cũng không ăn nhằm gì, cốt sao mỗi ngày quý vị thực hành thực sự, hành lâu ngày, giả cũng biến thành chân. Dần dần, từ từ, mỗi ngày hiểu một chút, mỗi ngày hiểu một tí, dần dần! Quý vị tích lũy mười năm, hai mươi năm, chẳng biến thành chân hay sao? Vì thế, công phu chẳng được gián đoạn. Chúng ta sanh trong thời đại này - trong thời đại của Ấn Quang đại sư không có vấn đề, thời đại Ngài thiện căn vẫn rất sâu dày, vì sao? Hết thầy người đọc sách không ai chẳng đọc sách cổ, không ai chẳng hiểu Văn Ngôn, người niệm Phật đều có căn bản khá khá. Vì thế, lão nhân gia chủ trương chân chánh tu hành cầu sanh Tịnh Độ, đạo tràng chẳng được lớn, đạo tràng nhỏ thôi; đồng học chẳng được nhiều, chẳng được quá hai mươi người. Thực sự ra, Ngài dạy như vậy quả thật đều là vì nghĩ đến chúng ta hiện tại.

Nay theo đường lối dân chủ, tự do, cởi mở, tự viện không có hằng sản (tài sản cố định), thâm nhập chẳng ổn định. Đạo tràng lớn, người đông, chi tiêu nhiều, chẳng dễ duy trì, quý vị phải nhọc lòng. Nếu nhọc lòng sẽ chẳng thể vãng sanh, vì tâm chẳng thanh tịnh. Vì thế, người ít, đạo tràng nhỏ, chi phí duy trì tiêu xài ít, dễ dàng duy trì, chắc chắn không cần hóa duyên, chắc chắn không phải quyên góp, trong đạo tràng

chẳng làm pháp hội, không có kinh sám Phật sự, không truyền giới, không giảng kinh, chỉ có niệm Phật. Hằng ngày đả Phật thất, Phật thất suốt năm, công khóa thường nhật chiếu theo nghi thức Phật thất phổ thông, chiếu theo cách thức tu tập tại núi Linh Nham ở Tô Châu. Nếu thực sự có thể tuân theo lời lão pháp sư khai thị, không ai chẳng thành tựu. Trong số hai mươi người ấy, hai mươi người sẽ vãng sanh trong tương lai. Chính xác! Hết sức chính xác, chẳng cầu lấy náo nhiệt! Cầu lấy náo nhiệt thì đạo tâm và tâm thanh tịnh của ta ắt bị chướng ngại; đúng là dạy chúng ta thân cận A Di Đà Phật.

Nhưng hiện tại có khó khăn, khó khăn ở chỗ nào? Chúng ta biết kinh giáo quá ít, thiện căn chẳng sâu dày như người đời trước. Đây là nói so với những người thuộc năm đầu Dân Quốc, người thuộc lứa tuổi cao hơn một Giáp Tý (sáu mươi năm), chúng ta không bằng họ, họ có căn bản sâu dày hơn chúng ta. Vì thế, người hiện tại nếu hiểu rõ Tịnh tông được mấy phần thì sẽ có ích rất lớn cho tín tâm và nguyện tâm của quý vị. Vì thế, chúng tôi tuân thủ mỗi điều tổ Ấn Quang răn dạy, ngoại trừ điều răn “không giảng kinh”, chúng tôi đổi thành “nhất định phải giảng kinh”, Giải lãn Hạnh cùng coi trọng.

Chúng ta niệm Phật ở đây phải thực sự đảm bảo có trí huệ, có định lực mới hòng phòng chống tà tri tà kiến. Mỗi ngày tối thiểu giảng kinh hai tiếng, thì quý vị mới được che chở, chẳng bị dao động bởi tà tri tà kiến. Đương nhiên, mỗi ngày có thể giảng bốn tiếng sẽ chắc chắn an toàn. Theo tôi nghĩ, đạo tràng lý tưởng là mỗi ngày giảng kinh bốn tiếng, hai mươi giờ kia niệm Phật, một ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ Niệm Phật Đường không để gián đoạn. Con người cũng cần phải nghỉ ngơi thì thay phiên nhau nghỉ ngơi; luân lưu không cần quy định. Hễ quy định bèn có áp lực, phải làm sao? Phải làm như cách lão hòa thượng Đế Nhân dạy người đồ đệ vá nôi: Một cứ nghỉ, nghỉ khỏe rồi lại vào Niệm Phật Đường niệm Phật tiếp. Chẳng có mảy may áp lực nào, thực sự tinh tấn.

Người niệm Phật chân chánh niệm Phật trong Niệm Phật Đường, lúc mệt bèn nghỉ, tôi nói chẳng cởi áo hải thanh. Chúng ta đắp y, lúc nghỉ ngơi, phải cởi y, nhưng không cởi áo hải thanh. Lúc nghỉ khỏe lại đắp y, lập tức lên Niệm Phật Đường, có như vậy thì mới hòng thành tựu. Phần đầu kinh A Di Đà có nhắc đến Bất Hưu Túc Bồ Tát và Thường Tinh Tấn Bồ Tát để làm gương mẫu về mặt Hạnh môn cho chúng ta. Giải môn nhằm giúp cho tín tâm và nguyện tâm của ta sâu thêm, tăng trưởng Định - Huệ. Chúng ta có Định, có Huệ, có Tín, có Nguyện thì tự nhiên hết thấy tà tri tà kiến chẳng thể xâm nhập tâm ta, chẳng thể lọt vào

ta, khiến chúng ta có thể giữ gìn sự thuần tịnh thuần thiện.

Hết thầy chuyện bên ngoài chẳng ăn nhập gì đến ta, chúng ta không hỏi tới. Bởi vậy, truyền hình, tạp chí, radio, nhật báo chẳng cần phải xem, nghe, ngày ngày thiên hạ thái bình, ngày ngày chẳng có việc gì, tâm định, tâm tịnh. Chỗ như vậy mới gọi là “đạo tràng”, tịnh nghiệp đạo tràng. Những người đến đạo tràng, chúng ta phải khuyên dạy họ buông xuống vạn duyên, cùng chúng ta niệm Phật, cùng nhau nghe kinh. Hết thầy mọi sự thế gian rồi ren tập nhập trong xã hội chẳng cần bàn đến ở nơi đây thì nơi đây là Tịnh Độ, nơi đây thiên hạ vốn vô sự. Chúng tôi tin hoa sen trong ao bảy báu của những người phát nguyện cầu vãng sanh trong đạo tràng nhỏ ấy nhất định mỗi ngày tăng trưởng, quang minh, màu sắc đẹp đẽ. Lại xem tiếp đoạn kế:

“Tín tâm kiên cố, nhất sanh bất cải, tắc lâm mạng chung thời, Phật tri thử hoa, tiếp dẫn vãng sanh, tức sanh thử liên trung, danh vi thác chất liên thai, thanh tịnh thọ sanh. Hoa khai kiến Phật” (Tín tâm kiên cố, một đời chẳng thay đổi, đến lúc lâm chung, Phật cảm hoa ấy tiếp dẫn vãng sanh, [hành giả Tịnh Độ] liền sanh trong hoa ấy, gọi là ‘thác chất liên thai’ (gởi thân trong hoa sen), thanh tịnh thọ sanh, hoa nở thấy Phật). Tín Tâm Kiên Cố, bốn chữ này trọng yếu hơn hết, một đời chẳng thay đổi. Thầy Lý truyền bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ cho chúng tôi, đó là sự truyền pháp trong Tịnh tông chúng ta. Tôi tiếp nhận rồi, trong mười mấy năm hoằng dương toàn thế giới. Theo con số dè dặt nhất mà chúng tôi có được, thì tối thiểu bản hội tập này được lưu thông phải hơn hai trăm vạn cuốn trên toàn thế giới, phải từ hai trăm vạn cuốn đến ba trăm vạn cuốn đang lưu thông trên toàn thế giới, rất nhiều người đọc tụng, thọ trì, hưởng lợi ích chân thật.

Hai năm gần đây, kể từ tháng Mười, tháng Mười Một năm 2000 trở đi, chúng tôi mới bắt đầu nghe thấy những tiếng hủy báng, phản đối, công kích bằng lời lẽ, công kích bằng văn tự, công kích đích danh rất nhiều, đều nhắm vào tôi. Tôi có ngã lòng hay không? Nếu tôi tín tâm chẳng kiên cố, nếu tôi thoái chuyển, đổi sang học tập bản khác, quý vị nghĩ xem làm sao tôi xứng đáng với thầy? Như vậy “tri ân, báo ân” chẳng phải là chuyện dối người hay sao? Thầy truyền bản ấy cho tôi, phó thác pháp môn ấy cho tôi, lúc tôi nghe người ta hủy báng, liền lập tức thay đổi, còn ra thể thống gì? Bởi thế, tôi đã từng nói với các đồng học: *“Dù người trong cả thế giới phản đối, tôi vẫn cứ kiên trì, tôi quyết định không thay đổi!”* Tôi không phụ lòng thầy, thầy chẳng nhìn lầm tôi!

Nếu như tôi biến đổi, tín tâm dao động, thầy đã nhìn lầm người

rồi, tôi chẳng xứng đáng. Tất cả những ai hủy báng, tôi đều cảm tạ. Cảm tạ chuyện gì? Họ khảo nghiệm xem tín tâm tôi có đủ kiên cố hay chẳng? Tôi chịu đựng được thử thách, dùng điều đó để dạy hàng hậu học: Con người chỉ cần có tín tâm kiên định, bất luận tu học một pháp môn nào, nhất định thành tựu. Bởi thế, tám chữ sau đây rất trọng yếu: “*Tín tâm kiên cố, một đời chẳng đổi*”. Không có áp lực lớn lao ngàn ấy, không bị đả kích nghiêm trọng như vậy thì sự kiên định, tín nguyện, định huệ của quý vị sẽ do đâu được biểu hiện? Làm sao biết “Tín, Nguyện, Định, Huệ” của mình đạt đến mức độ nào? Từ đây vỡ lẽ ra: Càng bị đả kích nghiêm trọng, khảo nghiệm nghiêm trọng, cảnh giới của mình càng thực sự được nâng cao.

Bởi thế, thuận cảnh, nghịch cảnh, thuận duyên, ác duyên, thuận - nghịch, thiện - ác không có tiêu chuẩn, hoàn toàn do Định - Huệ của chính quý vị. Nếu quý vị có Định, có Huệ, ác duyên sẽ biến thành thiện duyên, nghịch cảnh chuyển thành thuận cảnh, tự mình đối với pháp môn này càng thêm kiên định, hạnh nguyện càng khẩn thiết, đó là chuyện tốt chứ không phải xấu. Nếu chúng ta cứ phải chống đỡ, phải biện bạch thì sai mất rồi. Quý vị mắc lỗi to rồi, đã tự trái nghịch lời Thích Ca Mâu Ni Phật răn dạy. Thích Ca Mâu Ni Phật răn dạy chúng ta điều gì? Mặc Tẫn. Mặc Tẫn có nghĩa là hoàn toàn chẳng quan tâm đến! Người ta hủy báng, tùy ý người ta, người ta sỉ nhục cứ để người ta sỉ nhục, quyết định chẳng đếm xỉa tới. Người ta chửi mình, chúng ta chẳng đáp lại một câu nào. Người ta đánh mình, quyết định chẳng đánh trả! Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta như vậy! Như vậy thì chẳng phải là thiệt thòi ư? Không sai! Thiệt thòi là phước, phước về sau này! Chỉ cần quý vị cam chịu thiệt thòi, phước báo hiện tiền, trí huệ hiện tiền, vĩnh viễn giữ lòng lắng tĩnh, chớ nên bộp chộp. Tịnh sanh Huệ, thiện sanh phước, vĩnh viễn giữ được tâm hạnh thuần tịnh, thuần thiện.

Đời này, chúng ta sanh vào thế gian này, chúng ta hiểu rõ mục đích là “liễu sanh tử, xuất tam giới”. Chẳng những liễu sanh tử, xuất tam giới, mà còn là vãng sanh Tây Phương, thân cận Di Đà. Ta sống trong thế gian này, phương hướng và mục tiêu của ta là như vậy, những thứ khác đều không phải. Ngoài ra, bất luận người ta làm chuyện gì cũng chẳng ăn nhập gì đến ta cả, ta đi đường mình.

Rất nhiều năm trước (khoảng mười mấy năm trước), tôi ở Đạt Lạp Tư (Dallas), có một bữa, cư sĩ Doãn Kiến Duy hỏi tôi: “Nếu đối với hết thấy kinh, Đại Tạng Kinh bày ra ngay đây, nếu chỉ được phép chọn một bộ kinh để tu hành, thì xin hỏi pháp sư sẽ chọn bộ nào?” Tôi bảo ông ta:

“Tôi sẽ chọn Di Đà Kinh Yếu Giải, chẳng chọn bộ thứ hai, nói thật đấy! Hoàng dương kinh Vô Lượng Thọ là vì thầy tôi phó chúc, giảng kinh Hoa Nghiêm là vì rất nhiều vị đại đức xuất gia và tại gia khai thỉnh. Bản thân tôi tu học chỉ đơn giản một môn, thiết yếu, tôi không thích rắc rối, càng đơn giản càng hay! Di Đà Yếu Giải quá tuyệt, Ấn Quang đại sư coi trọng bản này, tôi cũng coi trọng bản này”.

Nhưng tu Tịnh Độ thì kinh Vô Lượng Thọ rất trọng yếu. Kinh Vô Lượng Thọ tường thuật căn kẽ toàn bộ Tây Phương Cực Lạc thế giới cho quý vị được hiểu trọn vẹn. Hiểu trọn vẹn rồi sẽ chân chánh tu hành, những chỉ dạy trong sách Yếu Giải là thù thắng bậc nhất. Nói cách khác, Vô Lượng Thọ kinh tiếp dẫn quý vị, giúp quý vị kiến lập tín tâm kiên cố. Giúp quý vị phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới phải nhờ vào kinh Vô Lượng Thọ. Có tín tâm, có chí nguyện, vậy thì tu hành như thế nào? Sách Yếu Giải tốt nhất! Sách Yếu Giải giúp chúng ta tu hành.

Bởi thế, kiên định, kiên trì pháp môn này, một đời chẳng thay đổi, bất biến. Lúc lâm chung, A Di Đà Phật cảm hoa sen ấy đến tiếp dẫn; hoa sen đó do chính tâm tướng của chính quý vị biến hiện. Càng tinh tấn, hoa sen càng to, màu sắc, quang minh càng đẹp, đây là chỗ xuất sanh, tức là chỗ hóa sanh trong tương lai của quý vị nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, chuyện này rất trọng yếu! Bởi thế, bây giờ người ta nói tới chuyện tranh giành, thì mình tranh cái gì? Tranh sao cho hoa sen của mình to hơn, sáng đẹp hơn, đây mới là đúng. Vì sao? Đây là điều quý vị có thể đạt được trong tương lai, còn ngũ dục, lục trần, danh văn, lợi dưỡng của thế gian này là giả, không mang theo được gì cả. Vì vậy, cô nhân thường luôn cảnh tỉnh rất cao độ: “*Sanh bất đới lai, tử bất đới khứ*” (Sanh không mang theo gì đến, chết chẳng mang theo gì đi). Bởi vậy, đối với hết thấy người, sự, vật trong thế gian này, chẳng lưu luyến mảy may, phải chuyển biến cái tâm tham luyến những thứ ấy thành cái tâm tham luyến hoa sen trong ao bảy báu. Lúc tâm tướng ta biến hiện ra cái hoa sen ấy, hoa sen của ta phải to, quang sắc phải đẹp, phẩm vị phải cao. Ta chỉ chuyên tâm cầu chuyện đó, quyết định chẳng nên có ý niệm nào khác. Có ý niệm gì khác, sẽ biến thành chướng ngại.

Do vậy, đức Phật cầm đóa hoa này tiếp dẫn vãng sanh, [hành nhân Tịnh nghiệp] liền sanh trong hoa ấy, trong kinh thường gọi là “*thác chất liên thai*”, thanh tịnh thọ sanh. So với nằm trong thai mười tháng, nằm trong thai không thanh tịnh. Lúc quý vị nhập thai chẳng thanh tịnh, ý niệm chẳng thanh tịnh, dâm dục mà! Quý vị ở trong thai mười tháng, tức

trụ xứ chẳng thanh tịnh, chung quanh trụ xứ của mình là ruột già, ruột non. Trong ruột già, ruột non có thứ gì vậy? Phẩn uế, nước tiểu bao vây quý vị, chẳng thanh tịnh. Thế giới Cực Lạc khác hẳn: Hoa sen thanh tịnh chẳng nhiễm mây trần, lại còn là liên hoa hóa sanh. Vừa sanh vào thế giới ấy, thân thể liền cao lớn, sắc tướng trang nghiêm. Thế giới Cực Lạc chẳng có người già, kẻ trẻ, mỗi một người hình dáng giống hệt nhau. Thế giới bình đẳng, vì thế, tâm họ bình.

Tâm con người trong thế giới này bất bình, tướng mạo sai biệt. Người có phước báo tướng mạo xinh đẹp, tự nhiên có tâm kiêu mạn. Người thiếu phước báo, nghèo hèn, khổ sở, trước mặt người khác không ngóc đầu lên được, sanh tâm tự ty. Đây là những hiện tượng ta thường thấy trong xã hội. Tây Phương Cực Lạc thế giới không có những chuyện ấy, mọi người tướng mạo giống hệt như nhau, thể chất giống hệt, tình trạng cuộc sống đồng nhất, học tập như nhau, chẳng có gì bất bình đẳng. Vì thế, họ chẳng sanh khởi phiền não. Quý vị thấy: Phiền não ngạo mạn chẳng thể sanh khởi trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, mỗi cá nhân chẳng khác gì nhau. Phiền não tự ty cũng chẳng thể sanh khởi được, vì mình bình đẳng với hết thảy mọi người. Vì thế, dầu vẫn có tập khí phiền não, nhưng đến nơi ấy, không có duyên lôi kéo, dẫn dụ những phiền não đó. Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng khôn sánh như thế đó, mười phương chư Phật khen ngợi. Cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn như vậy đều do bốn nguyện oai thần và công đức tu hành trong vô lượng kiếp của A Di Đà Phật gia trì.

Thanh tịnh thọ sanh, “*hoa nở thấy Phật, ngộ vô sanh*”, hoa nở thấy Phật thì cái quý vị thấy chính là báo độ của Như Lai, chúng ta thường gọi là Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Phàm Thánh Đồng Cư Độ và Phương Tiện Hữu Dư Độ ở đâu? Thừa cùng quý vị: Ở trong hoa sen! Lúc hoa sen chưa nở, những cồi ấy ở ngay trong hoa sen. Chúng ta xem trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, vãng sanh Hạ Hạ Phẩm thuộc Phàm Thánh Đồng Cư Độ, phải bao lâu hoa mới nở? Mười hai kiếp. Đây là thời gian dài nhất ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, sau mười hai kiếp hoa mới nở. Trong mười hai kiếp hoa chưa nở, tình trạng sinh hoạt trong hoa như thế nào? Đọc kinh Hoa Nghiêm mới hiểu, kẻ ấy ở trong hoa cảm nhận hoa là thế giới, thế giới ở trong hoa. Thế giới trong hoa không khác gì Tây Phương Cực Lạc thế giới. Không đọc Hoa Nghiêm sẽ chẳng hiểu cảnh giới này!

Kinh Hoa Nghiêm dạy cho chúng ta biết: Đại thế giới, đại vũ trụ này và thế giới trong một vi trần không hai, không khác. Trong một hạt

vi trần là một thể giới, vào thể giới trong vi trần đó và vào trong đại thể giới không khác gì nhau, không lớn, không nhỏ. Vì vậy, thể giới trong hoa thật ra hoàn toàn tương đồng với thể giới Cực Lạc; về căn bản, bản thân quý vị chẳng biết mình đang ở trong hoa. Ở trong hoa, ngày ngày quý vị thấy Phật, ngày ngày cùng các vị thượng thiện nhân ở chung một chỗ. Do đây biết: Thể giới Cực Lạc vô lượng vô biên. Nơi mỗi một đoá sen đã có người thác chất nơi liên thai thì hoạt động trong hoa sen ấy và hoạt động trong cả thể giới Cực Lạc chẳng khác gì nhau. Đúng là ở trong hoa ấy, quý vị trường dưỡng thánh thai, tu hành trong ấy.

Dầu hoa chưa nở, quý vị muốn đến mười phương thể giới tham phỏng chư Phật chẳng bị trở ngại! Theo như kinh nói, quý vị thấy rất nhiều đại chúng, mỗi ngày cúng Phật, nghe pháp. Cúng Phật là tu phước báo, nghe pháp mở mang trí huệ, phước huệ song tu. Nghe Bồn Sư A Di Đà Phật giảng kinh, thuyết pháp; đồng thời lại có thể nghe mười phương hết thấy chư Phật giảng kinh, thuyết pháp. Còn có nhân duyên thể gian, xuất thể gian nào thù thắng hơn được nữa? Tìm không thấy! Vì thế, mười phương chư Phật khen ngợi A Di Đà Phật “*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (quang minh cao quý nhất, vua trong các Phật). Nếu chúng ta hiểu được như vậy thì sau đây tâm ta mới định, không còn có vọng tưởng nữa.

Nếu các đồng học muốn học kinh giáo, trước hết phải nắm chắc Tịnh Độ rồi mới học những kinh giáo khác; dầu có chướng ngại cho việc nâng cao phẩm vị, nhưng quý vị quyết định được vãng sanh. Nếu quý vị chẳng nắm chắc mình sẽ vãng sanh thể giới Cực Lạc, trong hiện tại, quý vị học kinh giáo rất nhiều, tinh lực lẫn thời gian đều bị phân tán. Nói cách khác, đến lúc lâm chung có được vãng sanh hay không vẫn là ẩn số, vẫn là một câu hỏi bỏ ngõ! Từ cổ đến nay, rất nhiều pháp sư giảng kinh, nhân vì một ý niệm sai lầm nên lầm lỡ. Một phen lầm lỡ rất phiền! Đời đời kiếp kiếp vẫn luân hồi trong lục đạo y như cũ. Vì người ấy đời trước làm pháp sư, giảng kinh, thuyết pháp, [đấy là thực hiện] pháp bố thí và tài bố thí! Giảng kinh là nội tài bố thí, đời lấy phước báo trong đời sau!

Quý vị hãy nhớ đến đồng học của ngài An Thế Cao. Ông ta thông hiểu kinh, thích bố thí, nhưng tâm sân khuê chưa đoạn. Lòng sân khuê của ông ta không nghiêm trọng lắm. Ông ta đi khát thực – lúc bấy giờ còn theo chế độ khát thực – thí chủ cúng dường ông ta cơm, thức ăn không ngon, tâm ông cảm thấy rất khó chịu, có một chút như vậy thôi mà đọa làm thân súc sanh! Đọa vào loài rắn, trở thành long vương, tức long vương hồ Cung Đình. Vị đồng học của An Thế Cao khi thọ mạng

sắp hết, tự biết mình sẽ đọa địa ngục, vì sao? Lúc làm long vương, ông ta đã tạo không ít tội nghiệp. Tâm sân nặng nề: “Người đến lễ ta, cúng dường ta, ta đối xử với người rất tử tế, che chở người thượng lộ bình an. Nếu người không lễ ta, không cung kính ta, không cúng dường ta, cho người ném một chút ma thuật, khiến đường người đi chẳng được bình an, thậm chí người bị lật thuyền”; tạo rất nhiều tội nghiệp! Có thần thông như thế thì có thể quấy phá chúng sanh, nhưng quả báo sau khi chết đi chẳng kham tưởng tượng nổi. May là An Thế Cao chưa đọa lạc, Ngài là một vị cao tăng khai ngộ, đắc đạo, nên long vương bèn cầu Sư siêu độ.

Mẫu chuyện này được chép trong truyện ký về ngài An Thế Cao, quý vị đều đọc cả rồi. Vàn muôn phần chớ tạo ác nghiệp! Nhất định phải hiểu *“một miếng ăn, một hớp uống, không gì chẳng phải tiền định”*. Nhân quả của mỗi người, người ấy phải tự gánh vác, không ai có thể gánh chịu giùm! Ấn Quang đại sư là một vị đại thiện tri thức thời cận đại, cả đời giáo hóa của Ngài nói thật ra chỉ là hai việc: Một là khuyên người ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ; hai là khuyên người ta hãy chú trọng nhân quả báo ứng. Trong các sách nhân quả báo ứng, Ngài nói sách An Sĩ Toàn Thư tốt nhất, kể đến là Cảm Ứng Thiên Vựng Biên; suốt đời Ngài dùng những sách này để giáo hóa chúng sanh.

Nhân quả báo ứng là định luật thẳng - trảm trong lục đạo luân hồi, quý vị làm lành nhất định cảm được thiện báo, quý vị làm ác nhất định có ác báo. Cát - hung, họa - phúc, thiện - ác báo ứng thuộc quyền quý vị, chẳng do ai khác cả! Bị người khác hãm hại không sao cả! Nói thật ra, bị người khác hãm hại mà chính ta không có tâm sân khuê, không có tâm báo thù, tai nạn bèn tiêu. Chính mình trong đời quá khứ từ vô lượng kiếp đã tạo tội nghiệp, mọi người thường nghe nhà Phật nói *“tội nặng, báo nhẹ”*, thế nào là *“tội nặng báo nhẹ”*? Ta bị người khác sỉ nhục, bị người khác hủy báng, bị người khác hãm hại, đầy đều là quả báo. Rất có thể tội ta rất nặng, do những chuyện ấy, ta trả báo từng chút một. Ta gặp phải những chương nạn ấy, không có tâm sân khuê, không có tâm báo thù, mình phải tự khéo kiểm điểm. Cổ đức từng nói: *“Hữu tắc cải chi, vô tắc gia miễn”* (có lỗi bèn sửa đổi, không có lỗi thì càng thêm cố gắng). Nghiệp chương tiêu trừ, tội nặng báo nhẹ!

Bởi vậy, đối với người hủy báng, người sỉ nhục, người hãm hại, ta chỉ cảm ơn! Nếu họ gặp phải chương nạn, ta sẽ toàn tâm toàn lực giúp đỡ họ, chớ nên oán hận mảy may. Đó gọi là *“học Phật”*, đó gọi là *“chân chánh thọ dụng Phật pháp, hưởng lợi ích nơi Phật pháp”*. Oán kết hóa giải, oan gia nên mở đường nên buộc, chớ kết oán cùng người. Lúc kết

oán sẽ oan oan tương báo, đời đời kiếp kiếp chẳng xong, hai bên cùng đau khổ, còn làm liên lụy người khác. Bởi thế, phải nghĩ kỹ những lý sự ấy, vì muốn tránh khỏi những buộc ràng đời đời kiếp kiếp, quý vị phải hạ quyết tâm, trong một đời này nhất định phải sanh về Cực Lạc thế giới, nhất định phải thấy A Di Đà Phật! Chuyện gì cũng bỏ ra sau, không quan trọng, chẳng đáng kể.

A! Bây giờ đã hết giờ rồi.

Tập 15

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp tiểu đoạn thứ ba của phần “*hoa sen bốn màu*”:

“*Quang sắc thật vô lượng, lược ngôn tứ sắc nhĩ*” (Thật ra, quang minh, màu sắc vô lượng, chỉ lược nói bốn màu mà thôi). Trong kinh này chỉ nói bốn màu là xanh, vàng, đỏ, trắng; nhưng thật ra, quang minh và ánh sáng rất nhiều thứ. Bốn màu ấy nay được gọi là “nguyên sắc” (màu gốc)⁵², bốn màu ấy pha chế thành vô lượng màu sắc. Điều cuối cùng:

Cực Lạc quốc độ, thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

極樂國土，成就如是功德莊嚴。

(Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế).

Câu này tổng kết cả đoạn. “*Di Đà nhân địa, dĩ tứ thập bát nguyện, nhiếp thủ nhị bách nhất thập ức Phật sát*” (Lúc Phật Di Đà còn tu nhân, dùng bốn mươi tám nguyện nhiếp thủ hai trăm mười ức cõi Phật), chúng ta đã đọc thấy điều này trong kinh Vô Lượng Thọ. Con số “hai trăm mười ức” hàm nghĩa viên mãn. Trong Mật giáo - Phật pháp có Hiền giáo và Mật giáo - Hiền giáo thường dùng con số Bảy, con số Mười, hoặc con số Một Trăm để biểu thị ý nghĩa viên mãn, Mật giáo dùng con số Mười Sáu hay con số Hai Mười Một để biểu thị ý nghĩa viên mãn. Hai Trăm

⁵² Nguyên sắc (primary colors) là những màu cơ bản, phối hợp, pha trộn chúng theo những tỷ lệ khác nhau sẽ có được nhiều màu sắc khác. Trong hội họa, ba màu cơ bản chính là đỏ, xanh dương và vàng. Màu trắng thật ra không phải là màu nguyên bản, nhưng thường được dùng để giảm độ đậm của các màu khác. Chẳng hạn, pha vàng với đỏ ta sẽ có màu cam, pha xanh dương với màu vàng, ta sẽ có màu xanh lá cây v.v...

Mười Úc là đại viên mãn! Vì thế, hai trăm mười ức không phải là con số [thực sự], vì nếu đúng là một con số [cố định] thì hai trăm mười ức chưa phải là nhiều lắm. Con số này biểu thị ý nghĩa đại viên mãn, không sót một cồi Phật nào, trọn pháp giới hư không giới không sót một cồi Phật nào.

Chẳng những không sót một cồi Phật nào, mà như nay ta đã biết, chúng ta đọc kinh Hoa Nghiêm hiểu được thế giới trùng điệp, trùng trùng vô tận. Trong mỗi một vi trần đều có thế giới, trong mỗi thế giới lại có vi trần, trong mỗi vi trần lại có thế giới, đó là Tánh Đức chẳng thể nghĩ bàn! “Hai trăm mười ức” hoàn toàn bao quát, trùng trùng vô tận thế giới đều được gộp trong ấy. Nói cách khác, khi A Di Đà Phật còn là Bồ Tát, vô lượng vô biên trùng điệp cồi nước thuộc pháp giới hư không giới Ngài đều từng đến thăm. Mục đích thăm viếng là gì? Lấy ưu điểm, bỏ khuyết điểm để kiến lập một hoàn cảnh tu học tối hảo, tức là thế giới Cực Lạc!

Thế giới Cực Lạc do đâu mà có? Chẳng phải do A Di Đà Phật bỗng dung tưởng tượng ra. Ví như một người thực sự có trí huệ, có đại phước đức, mong kiến lập một quốc gia, sao cho quốc gia ấy thù thắng nhất, tốt đẹp nhất trong hết thảy tất cả các quốc gia trên thế giới này; chí nguyện ấy rất hy hữu, thực hiện bằng cách nào đây? Người ấy phải đi thăm mỗi quốc gia, đến học hỏi những ưu điểm của mỗi một quốc gia. Ưu điểm thì chọn lấy, khuyết điểm thì hết thảy phải sửa đổi; lẽ đương nhiên quốc gia ấy đứng đầu thế giới. Phải rất nghiêm túc học tập một cách không thành kiến, ngay cả những quốc gia rất lạc hậu, nay ta gọi là “quốc gia chưa khai hóa”, vẫn có những điểm đáng để học hỏi.

Chẳng hạn như mấy năm trước đây, có một vị đồng học đề nghị tôi xem cuốn sách Âm Thanh Hoang dã do một người Mỹ viết. Bà ta vào nội địa châu Úc, sống cùng thổ dân một thời gian, [trong cuốn sách ấy, bà ta] miêu tả tình hình cuộc sống của chính bọn họ. Điều đáng quý nhất là bọn họ có tâm yêu thương, đoàn kết, niệm niệm luôn quan tâm đến bộ lạc của mình, hoàn toàn quay về sống trong thiên nhiên, không tư tư lợi lợi, không có dục vọng chiếm hữu. Quý vị nghĩ xem: Mọi người chúng ta hiện nay ai nấy đều chiếm hữu, tôi sống trong căn nhà này là tôi chiếm hữu, đất đai quanh nhà tôi thuộc quyền tôi chiếm hữu! Thổ dân châu Úc không có những quan niệm ấy, họ cảm thấy rất lạ lùng [trước những quan niệm ấy], đất đai thuộc thiên nhiên, là của chung của hết thảy chúng sanh, sao anh lại có thể chiếm hữu một khoảnh được? Quan niệm ấy hay lắm! Bởi thế, từ trước đến nay họ chưa hề có tranh chấp về

quyền chiếm hữu, không hề có. Mọi người cùng chung hưởng thụ, bình đẳng hưởng thụ, hy hữu thay!

Vậy thì quý vị nói họ không có văn tự, không có văn hóa, nhưng họ có rất nhiều quan niệm tốt, cách nghĩ tốt, hành trì tốt đáng cho chúng ta học hỏi, ta không thể coi thường họ được. Đặc biệt là y dược, những thổ dân ấy có cách chữa trị riêng, chúng ta hoàn toàn không hiểu được. Có một thổ dân bị thương rất nghiêm trọng, bọn họ dùng một loại thảo dược bôi lên. Một giờ sau, người ấy khôi phục, hoàn toàn bình thường; tuy trước đó bị ngã gãy lòi xương! Loại y dược ấy có đạo lý riêng, chúng ta không hiểu nổi. Kinh nghiệm được lưu truyền cả mấy ngàn năm, vạn năm, đời đời truyền cho nhau. Sống ngoài hoang dã gặp phải độc xà, mãnh thú, họ biết loại dược thảo nào có thể giải độc, thực sự trị được bệnh. Họ chẳng hề có máy móc, phòng thí nghiệm hóa học, cũng chẳng có lý luận gì để bàn thảo, nhưng trong ấy có đại đạo lý.

Bởi vậy, đầu cho những thổ dân chưa được khai hóa, họ cũng có văn hóa riêng, có đặc sắc riêng. Nếu chúng ta đều học hỏi tất cả những ưu điểm, sửa đổi tất cả các khuyết điểm, quốc gia của quý vị sẽ đứng đầu thế giới. A Di Đà Phật sử dụng biện pháp ấy. Ngài chu du tất cả hết thủy cỗi nước trong pháp giới hư không giới, chọn lấy ưu điểm, loại bỏ khuyết điểm, kiến lập thế giới Cực Lạc. Vì thế, thế giới Cực Lạc biến thành đệ nhất.

“Xưng tánh công đức chi sở thành tựu dã” (Được thành tựu bởi công đức xưng tánh): Chẳng thể nghĩ bàn bậc nhất, hoàn toàn do tánh đức lưu lộ, chẳng phải là tuyệt vời ư? A Di Đà Phật chẳng có may mắn riêng tư, niệm niệm đều vì giúp đỡ rất nhiều người hữu chí học đạo trong pháp giới, hư không giới. Hết sức đáng tiếc là bọn họ chẳng có hoàn cảnh tu học rất tốt, thường gặp phải chướng ngại, đạo nghiệp khó thành tựu. Phật vì những người như vậy, tạo nên một hoàn cảnh tu học tối hảo, hoàn cảnh tu học ấy chẳng phải do Ngài vất kiệt trí óc tưởng tượng ra, mà do tham phỏng khắp pháp giới. Sau đây, chúng tôi phải nêu lên một chi tiết để các đồng học tham khảo.

“Độc kinh sử nhiếp thủ cổ nhân chi kinh nghiệm” (Độc kinh sử để thâm thập kinh nghiệm của cổ nhân). Ngàn vạn phần chớ nghĩ cổ nhân chẳng bằng người hiện tại, nếu nghĩ như vậy thì lầm mất rồi. Trí huệ, kinh nghiệm của cổ nhân thường cao hơn người hiện nay rất nhiều. Đương nhiên người đời nay cũng có những phát minh, ta không thể phủ nhận được. Học hỏi từ cổ nhân thì học vấn của chúng ta sẽ có căn bản. *“Tham học nhiếp thủ kim nhân chi thành quả”* (Tham học, thâm thập

thành quả của người hiện thời). Cổ nhân trong nước, ngoài nước ta đều phải học, học theo A Di Đà Phật. A Di Đà Phật thông minh, tâm rộng rang cầu học, thu gom những thành tựu lớn lao nơi kinh nghiệm, học thuyết trong ngoài xưa nay để kiến lập thế giới Cực Lạc, đây đúng là “*độc vạn quyển thư, hành vạn lý lộ*” (đọc vạn quyển sách, đi vạn dặm đường), chúng ta phải “*sư pháp A Di Đà hạnh*” (thờ A Di Đà Phật làm thầy, học theo hạnh A Di Đà Phật). Những gì A Di Đà Phật dạy chúng ta ở đây, chúng ta phải học tập theo, trọn chẳng coi thường người khác thì mới có thể thành tựu học vấn, đức hạnh chân chánh.

Trung Quốc lần này bất hạnh gặp phải bệnh truyền nhiễm SARS tấn công. Qua lịch sử, ta có thể thấy rõ từ cổ đến nay, tại mỗi một quốc gia, khu vực đều có ôn dịch phát sanh. Cứ mỗi lần ôn dịch phát sanh, cũng đều có người tìm ra cách trị liệu. Chúng ta thấy nhà tiên tri Nặc Tra Đan Mã Tư (Nostradamus) người Pháp sống vào thế kỷ 16, cũng là một thầy thuốc. Ông ta sanh nhằm thời đại bị ôn dịch nghiêm trọng, ông ta cũng là danh y, phương thuốc của ông chữa trị bệnh dịch ấy rất hữu hiệu. Trong lịch sử Trung Quốc cũng có mấy lần ôn dịch rất nghiêm trọng, đều có những thầy thuốc cao minh tìm ra phương thuốc hóa giải được những bệnh ôn dịch ấy.

Tinh thần khoa học rất đáng tán dương, nhưng nếu tinh thần khoa học đi theo hướng thiên kiến, quá khích, hẹp hòi, không bao dung, chẳng thể nghiên cứu, học tập rộng rãi, thì khoa học chuốt nhọn sừng trâu chạy vào tử lộ. Chúng ta hãy nghĩ xem phương pháp học tập của A Di Đà Phật có hợp với khoa học hay chẳng? Ngài cái gì cũng học, quyết chẳng buông bỏ một phương diện, lãnh vực nào, cổ kim trong ngoài đều học hết, thành tựu học vấn và đức năng cho chính mình, đây là một tấm gương tốt.

6.3.2.4. Thiên Nhạc Vũ Hoa (nhạc trời, mưa hoa)

Lại xem tiếp đoạn thứ sáu kể đó, “*thiên nhạc vũ hoa*”. Chúng tôi đọc đoạn kinh văn này một lượt.

Hựu Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ thường tác thiên nhạc, hoàng kim vi địa. Trú dạ lục thời, vũ thiên mạn-đà-la hoa. Kỳ độ chúng sanh, thường dĩ thanh đàn, các dĩ y kích, thanh chúng diệu hoa, cúng dường tha phương thập vạn ức Phật, tức dĩ thực thời, hoàn đáo bổn quốc, phạn thực kinh hành.

又舍利弗。彼佛國土。常作天樂。黃金為地。晝夜六時。雨天曼陀羅華。其土眾生。常以清旦。各以衣祴。盛眾妙華。供養他方十萬億佛。即以食時。還到本國。飯食經行。

(Lại này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy thường tấu nhạc trời, vàng ròng làm đất. Ngày đêm sáu thời, tuôn mưa hoa mạn-đà-la cõi trời. Chúng sanh cõi ấy, thường vào sáng sớm, ai nấy dùng y kích đựng hoa trời cúng dường mười vạn ức Phật phương khác, chỉ trong thời gian một bữa cơm, trở về nước mình, dùng cơm, kinh hành).

Đoạn kinh văn này chúng tôi phải phân thành mấy tiểu đoạn để giới thiệu. Đoạn này giảng về thiên thời, nói về sự vui vẻ mặt thiên thời: “*Y kích thanh hoa*”, “*tha phương cúng Phật*”, “*phạn thực kinh hành*”. Chúng ta đọc đoạn kinh văn này, văn tự không nhiều, cảnh giới đúng là có thể hiển hiện ngay trước mắt. “*Y kích thanh hoa*” (giỏ hoa đựng hoa), “*y kích*” giống như cái người Hoa gọi là “*hoa lam*” (giỏ hoa), vật dụng mà người cổ Ấn Độ dùng để đựng hoa được gọi là “*y kích*”. Cũng có người nói [“*y kích thanh hoa*” là] dùng y phục túm lại đựng hoa⁵³, điều này không [có cách giải thích] nhất định; bởi lẽ, chúng ta không hiểu rõ phong tục tập quán thời ấy cho lắm; nhưng để đựng hoa thì người Hoa dùng giỏ hoa đựng hoa. Đây chính là “*vô Cầu Bất Đắc khổ, y thực hành lạc*” (không có nỗi khổ Cầu Chẳng Được, cơm áo sung sướng). Quần áo tự tại, uống ăn tự tại, trong phần ăn uống thì “*phạn thực, kinh hành*” (dùng cơm, kinh hành). Chủ yếu vẫn là “*không có nỗi khổ Cầu Bất Đắc*”.

Chúng ta qua các thế giới phương khác cúng Phật “*cúng dường tha phương thập vạn ức Phật*”, hoa để cúng Phật. Quý vị thích loại hoa nào, trên không bèn rơi xuống loại hoa ấy, “*vũ thiên mạn-đà-la hoa*” (mưa hoa mạn-đà-la cõi trời). Chữ Vũ (雨) có nghĩa là từ trên rơi xuống, đọc [theo âm Quan Thoại] là Yù, là động từ chỉ hành động rơi xuống. Hoa trời rơi xuống, từ trên không trung rơi xuống. “*Mạn-đà-la*” là tiếng Phạn, có nghĩa là gì? Dịch sang tiếng Hán là Thích Ý. Quý vị thích hoa nào, loại hoa đó sẽ rơi vào y kích của quý vị.

Quý vị thích hoa sen, sẽ thấy hoa rơi xuống là hoa sen. Quý vị thích hoa mai, sẽ thấy hoa mai rơi xuống. Thích hoa mẫu đơn, hoa mẫu

⁵³ Đây là cách giải thích dựa theo văn tự, “*kích*” (祴) là cái vạt áo.

đơn rơi xuống. Thích hoa lan, hoa lan rơi xuống. Thích Ý nghĩa là vừa ý mình, tự mình thích hoa gì, hoa đó bèn rơi xuống. Đó gọi là Mạn Đà La, bởi thế, Mạn Đà La không phải chỉ một thứ. “*Không có nỗi khổ Cầu Bất Đắc*”, đúng là tâm tưởng sự thành, thuận theo lòng muốn. Chuyện này trong thế gian chúng ta không thể có được, thế giới của chư Phật cũng ít có, thế giới Cực Lạc do được Di Đà bốn nguyện oai thần gia trì, công đức viên mãn không khiếm khuyết.

“*Tha phương cúng Phật*” là “*cúng dường tha phương thập vạn ức Phật*” (cúng dường mười vạn ức Phật ở các phương khác), “*đắc thân thông lạc, thị Phật lạc*” (niềm vui do có thân thông, niềm vui hầu nhiều đức Phật). Trong thế gian này, chúng ta muốn thân cận một đức Phật chẳng dễ dàng, chẳng có phước báo lớn như thế! Quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng giống như vãng sanh hết thấy thế giới chư Phật, phải hiểu điều này! Có rất nhiều người không hiểu đạo lý này! Lúc tôi còn trẻ, có những đồng tham đạo hữu hết sức ngưỡng mộ Di Lặc Bồ Tát, nhất tâm nhất ý cầu sanh về tịnh độ Di Lặc. Tịnh độ Di Lặc ở đâu? Trên trời Đâu Suất là tầng trời thứ tư của Dục Giới. Đâu Suất thiên là Phạm Thánh Đồng Cư Độ, có nội viện và ngoại viện. Ngoại viện là phạm phu, tức chư thiên của tầng trời thứ tư trong Dục Giới. Nội viện là tịnh độ của Di Lặc Bồ Tát. Trên trời Đâu Suất, những thiên chúng bình phàm của trời Đâu Suất không thấy được Di Lặc Bồ Tát.

Tốt! Rất hy hữu! Trong tương lai, Di Lặc Bồ Tát giáng sanh trong thế gian này thị hiện thành Phật, bọn họ đều là đại đệ tử của Di Lặc Bồ Tát, giống như những vị Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên trong pháp hội này của Thích Ca Mâu Ni Phật. Nhưng quý vị có dám chắc được sanh về Đâu Suất nội viện hay không? Yêu cầu của Đâu Suất nội viện rất cao, điều kiện rất nghiêm ngặt, người bình thường chẳng đạt được tiêu chuẩn ấy, quý vị không có cách nào vãng sanh được! Chúng ta biết Di Lặc Bồ Tát là chuyên gia về Duy Thức, Ngài thực sự là tổ sư của Pháp Tướng Duy Thức tông, đương nhiên phải tu học tương ứng với Ngài, Ngài tu pháp môn nào? Duy Tâm Thức Định. Trong Pháp Tướng tông có nói tới năm thứ Duy Thức Quán; quý vị phải tu thành tựu thì mới có thể vãng sanh [Đâu Suất nội viện]. Năm thứ Duy Thức Quán chẳng phải là chuyện dễ, khó hơn Niệm Phật rất nhiều!

Tu Tịnh Độ Di Lặc có bao nhiêu người? Thực sự được vãng sanh về nội viện có mấy người? Chúng ta biết trong thời cận đại có lão hòa thượng Hư Vân sanh về Di Lặc nội viện. Trong Niên Phở của Ngài, chúng tôi thấy Ngài đã từng nhập Định lên được trời Đâu Suất, Di Lặc

Bồ Tát đang giảng kinh ở đây. Tại pháp tòa, có mấy người quen biết với đại sư. Đó là những người tu Tịnh Độ Di Lạc thành công mà lão hòa thượng Hư Vân quen biết, Ngài kể ra. Những người ấy chắc chắn được sanh. Vẫn còn có rất nhiều người tu Tịnh Độ Di Lạc mà lão hòa thượng Hư Vân không thấy, không biết họ lưu lạc trong đường nào rồi! Bởi vậy, khó lắm, rất ư là khó! Tôi từng nói với các đồng tham đạo hữu, tôi nói rất cặn kẽ: “Quý vị khéo gắng tu. Nếu quý vị thực sự thành tựu, vãng sanh Di Lạc nội viện, tôi có thể thường đến thăm quý vị”. Họ cũng sờ: “Ông có bản lãnh gì mà thường đến thăm tôi?”

Tôi nói:

- Ông không biết đâu! Tôi tu Tịnh Độ Di Đà, sau khi tôi vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ông thấy đó “*cùng đường tha phương thập vạn ức Phật*”, tôi mỗi ngày đều có thể đến Di Lạc nội viện đi chơi rong. Quý vị tu thành công, tu đến Di Lạc nội viện, nhưng không đến được thế giới Cực Lạc. Tôi có thể thường đến chỗ quý vị dạo loanh quanh, quý vị không có cách chi đến chỗ tôi được. Do nguyên nhân nào? Di Lạc Bồ Tát thường đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, đến làm chi? Đến để dạy học! Pháp Tướng Duy Thức là môn học tại Tây Phương Cực Lạc thế giới do Di Lạc Bồ Tát dạy, Ngài là thầy dạy học, là giáo viên của thế giới Cực Lạc, chúng tôi là học sinh. Học sinh của A Di Đà Phật thì vị Phật nào, Bồ Tát nào cũng đều rất tôn trọng. Chúng tôi thưa cùng Di Lạc Bồ Tát: “Hôm nay con đến nội viện Ngài chơi”; chắc chắn Di Lạc Bồ Tát rất hoan nghênh: “Đến đi, xin mời!”, cho nên đi được!

Như vậy, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là sanh về thế giới của hết thầy chư Phật, Bồ Tát, bất luận một Tịnh Độ Phật, Bồ Tát nào, muốn đến bèn đến, chẳng thể nghĩ bàn! Quý vị muốn tu Tịnh Độ Di Lạc chưa chắc đã thành tựu, nhưng tôi thực sự có thể thành tựu. Quý vị tu cái khó, tôi tu cái dễ. Tôi “một thành, hết thầy đều thành”; quý vị có tu thành tựu thì chỉ thành tựu được một cái đó, chẳng thể đến thế giới chư Phật ở những phương khác được! Chớ nên không hiểu đạo lý này. Hiểu rõ chân tướng sự thật của đạo lý này, thì đối với pháp môn Tịnh Độ, quý vị sẽ chết sạch lòng mong ngóng, khiêm hư sát đất. Bởi vậy, sanh vào thế giới Cực Lạc có sự vui hầu hạ nhiều đức Phật, mười phương tam thế hết thầy chư Phật Như Lai, thầy đều thân cận hết thầy Pháp Thân Bồ Tát.

Trong điều thứ hai, giảng về “*cùng đường tha phương thập vạn ức Phật*”, nhất định phải hiểu ý nghĩa câu “*đặc vị thử độ chúng sanh nhi thuyết*” (riêng vì chúng sanh cõi này mà nói). “*Ý hiển vãng sanh chi*

hậu, hữu năng lực tùy thời phản lai, cúng dường Bốn Sư, Di Lặc, phổ độ oán thân, giai bất nan nhĩ” (Nêu rõ ý: Sau khi vãng sanh, có năng lực tùy thời quay lại cúng dường Bốn Sư, Di Lặc, phổ độ kẻ oán người thân, đều chẳng khó khăn gì). Mười vạn ức cõi Phật rất gần, không phải là khoảng cách xa. Phàm ai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều có thể cúng dường vô lượng vô biên các đức Phật Như Lai trong các cõi Phật phương khác, há chỉ mười vạn ức cõi! Mười vạn ức cõi đáng kể chi! Sở dĩ nói “*mười vạn ức cõi*” là vì thế giới Sa Bà chỉ cách thế giới Cực Lạc mười vạn ức cõi, nên đặc biệt nói như vậy với hàm ý: Mười vạn ức cõi thường có thể qua lại, ngày ngày đều qua lại, muốn qua là qua.

Đó là vì có một loại chúng sanh còn lưu luyến thế giới Sa Bà [mà nói]. Trong thế giới này (thế giới Sa Bà) vẫn còn có rất nhiều người nhà quyến thuộc, vẫn còn có bạn bè thân thiết, thường nghĩ tới họ, ta về thế giới Cực Lạc rồi, có trở lại gặp họ được hay chẳng? Thừa cùng quý vị: Quý vị sanh về thế giới Cực Lạc, bất cứ lúc nào đều có thể quay về! Nếu chúng ta hỏi: Bất cứ lúc nào đều có thể quay về, có ai đã vãng sanh thế giới Cực Lạc mà quay về đâu? Vì sao họ không quay về? Có phải là họ đã quên hết rồi hay chẳng? Chúng ta hằng ngày nhớ đến họ, họ cũng không quay về. Phải hiểu rõ chân tướng sự thật này, kinh Vô Lượng Thọ giảng rất rõ, người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thuộc Hạ Hạ Phẩm, được bốn nguyện oai thần của A Di Đà Phật gia trì, thiên nhãn thấy thấu suốt, thiên nhĩ nghe thông triệt, Tha Tâm Thông biết khắp mọi chuyện. Không hề có chuyện họ chẳng nghe được, thấy được, chẳng biết được tình hình chúng ta! Không hề có chuyện ấy!

Vì sao họ chẳng trở về? Không trở về chắc chắn là có nguyên nhân không về! Nguyên nhân gì vậy? Thiện Đạo đại sư nói: “*Nói chung là gặp duyên bất đồng*”, vì duyên chưa chín muồi! Hễ duyên đã chín muồi bèn đến. Ở trên, tôi đã nói cùng quý vị, pháp sư Giao Quang soạn Lăng Nghiêm Kinh Chánh Mạch, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn Sư, thực sự có đến. Sư vì muốn chú giải kinh Lăng Nghiêm, xin khất lại cùng A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chấp thuận, Phật liền rời đi. Sư đang mắc bệnh, bệnh liền khỏi.

Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, chúng ta thấy pháp sư Oánh Kha đời Tống, nhất tâm cầu sanh Tịnh Độ, một câu Phật hiệu niệm suốt ba ngày ba đêm, thực sự niệm được A Di Đà Phật đến. A Di Đà Phật bảo Sư, đúng là chí thành cảm thông, đức Phật bảo: “Ngươi còn thọ mười năm nữa. Ngươi hãy khéo niệm Phật dụng công, đến mười năm sau ngươi hết tuổi thọ, ta lại đến tiếp dẫn ngươi”. Oánh Kha thông minh:

“Con không cần sống thêm mười năm, con muốn theo Phật ngay bây giờ!” Thực sự buông xuống được! A Di Đà Phật cũng đáp ứng, bảo Sư: “Tốt! Ba ngày sau nữa ta đến tiếp dẫn ngươi!” Ba ngày sau quả thật được vãng sanh. Sư không sanh bệnh. Lúc vãng sanh, đại chúng trong tự viện niệm Phật trợ niệm Sư. Niệm chưa được bao lâu, Sư bảo mọi người: “A Di Đà Phật đến rồi, đến tiếp dẫn tôi, nay tôi theo Ngài”. Nói xong bèn mất.

Phàm mọi sự ắt có thời tiết, nhân duyên, chẳng phải họ không đến gặp chúng ta, chỉ vì chính chúng ta có nghiệp chướng, nghiệp chướng của chúng ta sanh ra chướng ngại. Chướng ngại chẳng do nơi họ, mà do nơi chúng ta. Trước kia, Chương Gia đại sư bảo tôi: “*Chỉ cần tích cực sám trừ nghiệp chướng, cảm ứng tùy thời hiện tiền chẳng thể nghĩ bàn*”. Bởi vậy, chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa câu “*mười vạn ức cõi Phật*” là có ý nói với chúng sanh thế giới Sa Bà, tỏ rõ ý nghĩa: Sau khi vãng sanh, quý vị có thần thông, có năng lực tùy thời qua lại như thế, nếu đối với Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, đối với Đương Lai Hạ Sanh Di Lặc Phật vẫn còn có tình chấp, vẫn có lòng tướng niệm, thường mong đến gặp gỡ, được! Không có vấn đề gì! Trong nhà quý vị còn có cha mẹ anh em, thân thích bằng hữu, “*phổ độ kẻ oán người thân*” đều chẳng khó khăn, tùy thời đều có thể đến. Lúc ấy, quý vị có năng lực quán sát căn cơ, lúc nào cơ duyên thành thực, lúc nào nên đến.

“*Phạn thực kinh hành*”: Lúc ăn cơm; “*thanh đàn*”: sáng sớm, “*thường dĩ thanh đàn*” (thường vào sáng sớm), [sách Yếu Giải giảng] “*cổ viết tức dĩ, minh kỳ thần túc bất khả tư nghị, bất ly bỉ độ, thường biến thập phương, bất giả du thời hồi hoàn*” (vì thế nói “*tức dĩ*” (ngay trong lúc ấy), nhằm chỉ rõ Thần Túc Thông chẳng thể nghĩ bàn, chẳng lìa cõi kia, mà thường ở khắp mười phương, chẳng tổn thời gian trở về). “*Thần túc chẳng thể nghĩ bàn*” ta gọi là Thần Túc Thông, phi hành tự tại. Kinh nói “*tức dĩ thực thời*” (ngay trong giờ cơm), nghĩa là trong thời gian ăn một bữa cơm, thời gian không lâu! Trong khoảng thời gian một bữa ăn đã đến được vô lượng vô biên cõi Phật tham phỏng rồi trở về.

Tham phỏng các cõi Phật cùng một lúc thì đi bằng cách nào? Hóa thân mà đi. Một thân có thể hiện vô lượng thân. Nếu chẳng hiện vô lượng thân, đến gặp mỗi đức Phật, phải cần không ít thời gian! Ở chỗ mỗi đức Phật chừng một giờ, không cần nói nhiều chư Phật Như Lai, chỉ nói mười vạn ức cõi như ở đây thôi, đã phải mất mười vạn ức giờ, còn nói gì được nữa! Phân thân đi. Đồng thời trong mỗi cõi Phật, trước mỗi một đức Phật đều có quý vị. Quý vị ở đó dâng hoa, cúng dường bằng

hoa, nghe Phật thuyết pháp. Quý vị chẳng lìa thế giới Cực Lạc, vẫn nghe A Di Đà Phật giảng kinh, thuyết pháp, nhưng phân vô lượng thân đi cúng dường hết thầy Phật, nghe hết thầy chư Phật thuyết pháp. Mỗi ngày học không biết là bao nhiêu!

Trong thế gian này của chúng ta, quý vị ở trong lục đạo, chẳng thoát khỏi lục đạo. Trong lục đạo, quý vị học vô lượng kiếp, thì ở Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ một ngày là xong. Bởi vậy, nghĩ đến chỗ này, cần gì phải học kinh giáo siêng khổ dường ấy? Học rất khổ sở! Do đó, những người thông minh bậc nhất sẽ buông xuống vạn duyên, ngay cả kinh giáo cũng buông luôn, vì sao? Đến thế giới Cực Lạc sẽ học tiếp; hiện thời, phải thủ đắc (nắm chắc) thế giới Cực Lạc một cách ổn thỏa, thích đáng cái đã! Học một kiếp ở đây vẫn không bằng học một ngày trong thế giới Cực Lạc. Vì sao? Trong khoảng thời gian một ngày, người ta có thể đi tham phòng vô lượng vô biên Phật, nơi mỗi một đức Phật chẳng cần nghe nhiều, nghe một câu là đã tuyệt diệu rồi! Quý vị dạo một vòng như thế nghe được vô lượng vô biên Phật pháp. Vì thế, quý vị ắt hiểu rõ vì sao ở Tây Phương Cực Lạc thế giới thành Phật dễ dàng dường ấy!

Ở đây, chúng ta học rất khổ sở, gian nan ngàn này, bên kia người ta học rất dễ. Đã thế, họ chẳng phải nghe những pháp sư tầm thường giảng, tuyệt đại đa số pháp sư chưa khai ngộ, còn là phàm phu! Còn ở bên kia, quý vị đi nghe giảng kinh thuyết pháp là nghe từ chư Phật Như Lai, không phải là Đẳng Giác Bồ Tát, không phải là Bồ Tát Ma Ha Tát, quý vị học trực tiếp với chư Phật Như Lai. Hoàn cảnh tu học như vậy quý vị tìm ở đâu ra? Ngoại trừ thế giới Cực Lạc, không tìm được ở đâu hết! Bởi vậy, ở đây có hai câu: *“Bất ly bỉ độ, thường biến thập phương”* (Chẳng lìa cõi ấy, thường ở khắp mười phương). Hai câu này rất trọng yếu. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, do năng lực của Thần Túc Thông, có thể phân vô lượng vô biên thân; Tôn Ngộ Không chẳng thể sánh kịp! Tôn Ngộ Không chỉ có bảy mươi hai phép biến hóa, thua xa lắm!

Đoạn tiếp đó viết: *“Thử văn”* (Văn này), tức là đoạn kinh văn này, *“hiển thị Cực Lạc thế giới, nhất thanh, nhất trần, nhất sát-na, nãi chí khoa bộ, đàn chỉ, tất dữ thập phương Tam Bảo, quán triệt vô ngại”* (hiển thị trong thế giới Cực Lạc, một âm thanh, một hạt bụi, một sát-na, cho đến cát bụi, khảy ngón tay, thấy đều quán triệt vô ngại mười phương Tam Bảo). Quý vị phải hiểu chữ *“mười phương”* ở đây có nghĩa là trùng trùng vô tận mười phương thế giới. Trùng trùng vô tận thế giới, phải đọc

kinh Hoa Nghiêm mới có một chút ấn tượng! Nếu không đọc Hoa Nghiêm [sẽ không hình dung được, bởi] các kinh Đại Thừa khác rất ít khi nhắc tới thế giới trùng trùng vô tận! Hết thấy chư Phật Như Lai, Bồ Tát, Thanh Văn, Tam Bảo ở trong ấy. “*Quán triệt*” là thông đạt, không có chướng ngại.

“*Hựu hiển thị Sa Bà, tắc trước trọng ác chướng, dữ Cực Lạc bất cách nhi cách*” (Lại hiển thị Sa Bà do trước nặng, ác chướng [nên Sa Bà] không cách ngăn Cực Lạc mà thành ra ngăn cách). Câu này nói rõ ý nghĩa được hiển thị bởi đoạn kinh văn này. Nay chúng ta là chúng sanh trong thế giới Sa Bà đều không tệ lắm, vì trong đời quá khứ từng có thiện căn, có phước đức, nên nghe được pháp môn này, nhưng thế giới của chúng ta đúng là ngũ trước ác thế, nghiệp chướng sâu nặng! Cực Lạc đúng là chẳng ngăn cách gì với ta, như thiền sư Trung Phong đã nói rất hay: “*Tâm ta chính là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta*”, “*Tịnh Độ chính là phương này, phương này chính là Tịnh Độ*”, chẳng ngăn cách! Thiền sư Trung Phong không bị ngăn cách, nhưng chúng ta bị. Vì sao chúng ta bị cách ngăn? Chưa tiêu nghiệp chướng, chưa chuyển được ngũ trước! Ngài chuyển được, ta chưa chuyển được; Ngài đã tiêu nghiệp chướng, chúng ta chưa tiêu, [do vậy, Sa Bà và Cực Lạc] chẳng ngăn cách mà thành ra ngăn cách!

“*Tại Cực Lạc tắc công đức thậm thâm, dữ Sa Bà cách nhi bất cách, tư ý cực thâm hỹ*” (Trong Cực Lạc thì công đức rất sâu, tuy ngăn cách với Sa Bà mà chẳng ngăn cách. Ý ấy rất sâu): Ý nghĩa này rất sâu, cũng nhằm giảng rõ vì sao chúng ta tu pháp môn này, vì sao mong cầu Tịnh Độ? Đền Tây Phương Cực Lạc thế giới, tất cả chướng ngại đối với chúng sanh trong tất cả hết thấy pháp giới không còn nữa, tất cả hết thấy chướng ngại đều bị phá trừ. Chẳng phải là lúc ấy quý vị có thể nói là mình nhớ được đời trước, một đời, hai đời, ba đời, các đời trong quá khứ, vô lượng đời đều nhớ lại hết, ký ức hoàn toàn khôi phục ư? Thấy hết oán thân trái chủ trong đời đời kiếp kiếp, cá nhân nào cơ duyên đã chín muồi, quý vị nhất định giúp đỡ, đến độ kẻ đó. Lúc đó tâm rộng mở, tâm thực sự bao trùm thái hư, lượng trọn khắp các cõi nhiều như cát, đối với kẻ oán người thân nghĩ là bình đẳng, người oán lẫn kẻ thân đều là những người có duyên với mình. Phật chẳng độ kẻ vô duyên, chỉ cần có duyên với ta, ta đều có phương pháp giúp đỡ kẻ ấy, thành tựu kẻ ấy. Quý vị nói xem có tự tại lắm hay chẳng? Ý nghĩa này sâu xa lắm thay!

Nay đã hết giờ rồi!

6.3.2.5. Thuyết Pháp Trang Nghiêm

Chư vị đồng học xin xem tiếp đoạn thứ bảy “*thuyết pháp trang nghiêm*”, chúng ta đọc qua kinh văn một lượt:

Phục thứ, Xá Lợi Phất! Bỉ quốc thường hữu chủng chủng kỳ diệu tạp sắc chi diệu, bạch hạc, khổng tước, anh vũ, xá-lợi, ca-lăng-tần-già, cộng mạng chi diệu. Thị chư chúng diệu trú dạ lục thời xuất hòa nhĩ âm. Kỳ âm diễn sướng Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, như thị đẳng pháp, kỳ độ chúng sanh, văn thị âm dĩ, giai tất niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

復次舍利弗。彼國常有種種奇妙雜色之鳥。白鶴。孔雀。鸚鵡。舍利。迦陵頻伽。共命之鳥。是諸眾鳥。晝夜六時。出和雅音。其音演暢五根。五力。七菩提分。八聖道分。如是等法。其土眾生。聞是音已。皆悉念佛念法念僧。

(Lại nữa Xá Lợi Phất! Cõi ấy thường có các loài chim kỳ diệu nhiều màu như chim: Bạch hạc, khổng tước, anh vũ, xá-lợi, ca-lăng-tần-già, cộng mạng. Các loài chim ấy, ngày đêm sáu thời, hót tiếng hòa nhã. Tiếng ấy diễn nói lưu loát Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần, các pháp như vậy. Chúng sanh cõi ấy, nghe tiếng ấy rồi, thấy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng).

Đến đây là một đoạn, tức là đoạn kinh thuyết minh “*chúng diệu hóa tích*” (các loài chim do đức Phật hóa hiện). Ở đây chúng ta phải hiểu rõ: Như trong phần sau đức Phật sẽ thuyết minh, những loài chim bên cõi ấy đều là do A Di Đà Phật biến hóa ra, tuyệt đối chẳng thuộc vào súc sanh đạo. Vì sao đức Phật chẳng hiện thân Phật thuyết pháp, lại phải biến ra những thân chim ấy để thuyết pháp? Đó là vì Phật thương yêu, che chở chúng sanh không một điều con con nào Ngài chẳng quan tâm. Nếu Phật hiện thân Phật để thuyết pháp, học trò nghe pháp sẽ nhất định cung kính, quy củ ngồi ở đó, chẳng thể không giữ oai nghi. Còn nếu chim thuyết pháp, họ sẽ rất thoải mái, không bị bó buộc, có thể tùy tiện một chút! Ngồi nghe cũng được, đứng nghe cũng xong, vừa đi vừa nghe cũng được, nằm nghe cũng chẳng sao. Đây là vì A Di Đà Phật thương yêu, săn sóc chúng sanh, chúng ta phải hiểu rõ điều này!

Trước kia, tôi cũng thường nghĩ đến đạo tràng trong thế kỷ hai mươi mốt. Tôi nói đạo tràng của thế kỷ hai mươi mốt chẳng cần phải là tự viện, am đường, không mang hình thức ấy. Đạo tràng tu hành của đại chúng phải giống như làng nghỉ hưu của Úc châu, Úc châu thực hiện làng nghỉ hưu rất tốt. Chúng tôi đã đến rất nhiều quốc gia và các nơi trên thế giới; mỗi lần đến địa phương nào, trước hết tôi đều tìm hiểu sự nghiệp phước lợi (benefits) dành cho người già. Tại Mỹ, Gia Nã Đại, tôi thường đến thăm khu chung cư dành cho người già. Tôi đến Úc châu, trước hết đi thăm làng nghỉ hưu của bọn họ. Tôi ghé thăm sáu bảy làng nghỉ hưu, tôi hết sức vui mừng, những nơi ấy đáng là đạo tràng của thế kỷ hai mươi mốt, thực sự học Phật, niệm Phật.

Về nghỉ hưu, trong làng nghỉ hưu có giảng đường, có thư viện, có rạp chiếu bóng, có thiết bị dạy học từ xa; âm thanh niệm Phật cũng giống như bên chỗ A Di Đà Phật, học theo Ngài hóa hiện các loài chim. Nay bản thân chúng ta không cách gì biến hóa, chúng ta có thể đặt những cái loa nhỏ trên cây, âm thanh thuyết pháp từ trên cây truyền ra. Con người nhàn tản thông dong dưới gốc cây, có thể nghe kinh hay niệm Phật theo. Nếu có lầu, đài, đình, gác, thì trong tiêu đình có thể đặt máy truyền hình dây cáp (cable TV), mấy người ngồi trong đình vừa nghe kinh vừa có thể thấy hình ảnh pháp sư. Với kỹ thuật khoa học hiện tại, có thể làm được những chuyện này.

Mỗi đạo tràng có khóa trình tu chánh yếu, có thể nói là mỗi một tông phái đều có thể thực hiện được. Nghỉ hưu rồi ở những nơi đó, bất luận ở bất cứ chỗ nào trong làng nghỉ hưu cũng là đạo tràng, có phải rất tự tại hay không? Đại chúng cùng tu học một chỗ, nhưng không nhất định phải tụ tập vào một giảng đường. Quy mô các làng nghỉ hưu ở Úc Châu đều rất lớn; vì thế, mỗi một làng nghỉ hưu giống như một công viên, diện tích đất đai rất lớn. Trong ấy, hoa cỏ cây cối, cầu nhỏ, suối nước, quý vị vào đó thăm quả thật rất đáng lưu luyến. Nếu có thể gắn thêm những thiết bị điện tử, tùy thời có thể thấy hình ảnh, nghe tiếng niệm Phật, tiếng giảng kinh, nơi đó sẽ giống như thế giới Cực Lạc. Thời thời khắc khắc đều nhắc nhở chính mình đừng quên niệm Phật.

“*Lục thời diễn pháp*” (sáu thời diễn pháp), nghe kinh, nghe pháp ngày đêm chẳng gián đoạn, đó là “*sáu thời*”, cũng như nay ta nói là hai mươi bốn giờ. Ở đây, nói sáu thời là theo người Ấn Độ thời cổ. Cổ Ấn Độ chia mỗi ngày làm sáu thời thần, ban ngày ba thời thần, ban đêm ba thời thần. Trong kinh, ta thường thấy nói Sơ Nhật Phần, Trung Nhật Phần, Hậu Nhật Phần của ban ngày, tức là mười hai giờ ban ngày. Đêm

xuống cũng có Sơ Dạ Phần, Trung Dạ Phần, Hậu Dạ Phần; đó là ba thời ban đêm. Bởi thế, một Thời của họ bằng với bốn giờ hiện thời của chúng ta.

Lúc đức Phật còn tại thế, thời gian nghỉ ngơi của Tăng đoàn là Trung Dạ. Trung Dạ là lúc ngủ nghỉ. Trung Dạ là từ mười giờ đêm đến hai giờ sáng. Bởi vậy, mười giờ đêm đi ngủ, hai giờ sáng thức dậy. Phật dạy mọi người phải tỉnh tấn, chẳng được giải đãi, chẳng được ham ngủ, con người hiện tại phải ngủ tám tiếng, quá nhiều! Bởi vậy, phải tỉnh tấn, phải dũng mãnh, thời gian quý hơn bất cứ gì khác, chẳng được lãng phí thời gian.

Nhưng con người hiện tại nghiệp chướng nặng hơn trước, vọng niệm nhiều, chẳng ngủ nghỉ thì thể lực chẳng thể khôi phục. Vì thế, chúng ta hết sức khen ngợi lời răn dạy của lão hòa thượng Đệ Nhàn: “Chẳng cần biết ngày đêm, cứ mệt bèn nghỉ ngơi, cái gì cũng buông xuống, nghỉ ngơi cho khỏe, nghỉ ngơi xong lại lập tức làm tiếp. Lúc nào mệt nghỉ ngơi lúc ấy, lúc nào nghỉ khỏe khoắn rồi bèn làm lúc ấy”. Phương pháp này phải nói là đối với chúng ta không có áp lực, đúng là phương pháp tốt. Nếu công phu đặc lực, quý vị sẽ càng ngày càng ngủ ít, tinh thần ngày càng sung mãn.

Sáu thời diễn pháp, ngày đêm không gián đoạn, điều này hiện thời chúng ta có thể làm được. Chúng ta có thể dùng băng ghi hình để giảng kinh, niệm Phật. Mỗi ngày giảng kinh suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ không gián đoạn bằng cách chiếu băng ghi hình. Niệm Phật cũng hai mươi bốn tiếng đồng hồ không gián đoạn, niệm Phật bằng máy. Mỗi chỗ đều có thiết bị, bên cạnh thiết bị có nút bấm. Quý vị muốn nghe niệm Phật, ấn nút, Phật hiệu bèn phát ra; muốn nghe kinh, ấn nút thì màn hình bèn hiện ra [hình ảnh]. Nếu ta chẳng muốn nghe cũng chẳng muốn nhìn thì tắt đi, có phải rất tự tại hay không? Nghe kinh, nghe pháp không lúc nào gián đoạn, đó là “*văn chánh pháp lạc*” (niềm vui do nghe chánh pháp).

“*Tất niệm Tam Bảo, đắc chánh niệm lạc, minh vô tam đồ*” (Đều niệm Tam Bảo, được niềm vui chánh niệm, chỉ rõ không có tam đồ), thuyết minh thế giới Cực Lạc không có ba ác đạo, nên chẳng có nỗi khổ đọa lạc. Những loài chim ấy đều do A Di Đà Phật biến hóa ra, “*đều niệm Tam Bảo*”: Ở đây, Tam Bảo được hiểu theo nghĩa rộng, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. Phật là giác ngộ, giác chứ không mê; Pháp là chánh tri chánh kiến, chánh chứ không tà; Tăng là thanh tịnh bất nhiễm, tịnh chứ không nhiễm. Tăng còn biểu thị sự hòa hợp và lực hòa kính. Mười

phương tam thể hết thấy chư Phật giảng vô lượng vô biên các pháp, đều chẳng thể vượt khỏi ba loại lớn này: Giác - Chánh - Tịnh là ba loại lớn. Giác là Huệ học, Chánh là Định học, Tịnh là Giới học. Tam Học Giới - Định - Huệ, hết thấy chư Phật, Bồ Tát giáo hóa chúng sanh chẳng ngoài ba loại lớn này. Ở đây, lấy Phật - Pháp - Tăng làm đại biểu, quý vị phải hiểu: Nếu dùng Tam Tạng để luận thì Phật tượng trưng cho Luận Tạng, Pháp tượng trưng cho Kinh Tạng, Tăng tượng trưng cho Luật Tạng. Tam Tạng Kinh Luật Luận, đều niệm Tam Bảo!

Tây Phương Cực Lạc thế giới quyết định chẳng có ba ác đạo. Không có ba ác đạo thì rõ ràng chỉ có nhân thiên đạo. Trong Phạm Thánh Đồng Cư độ là nhân thiên đạo, bởi quý vị là đời nghiệp vãng sanh, đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát chẳng phải do quý vị tu được, mà do A Di Đà Phật bốn nguyện oai thần gia trì, khiến cho trí huệ, thần thông, đạo lực của quý vị rất giống với A Duy Việt Trí Bồ Tát. Chuyện này chẳng thể nghĩ bàn! Chẳng phải do quý vị tự chứng đắc! Lúc quý vị tự chứng đắc là khi hoa khai kiến Phật. Quý vị phải hiểu lúc “hoa khai kiến Phật” chính là lúc quý vị tự chứng đắc. Lúc hoa chưa nở, quý vị đã được dự vào hàng A Duy Việt Trí Bồ Tát là vì Phật lực gia trì, điều này hết sức chẳng thể nghĩ bàn!

Lại xem tiếp đoạn thứ hai: “*Cực Lạc phổ nhiếp pháp giới chúng sanh*” (Cực Lạc thâm nhiếp chúng sanh trọn khắp pháp giới). Câu này rất trọng yếu. “*Pháp giới*” là tất cả hết thấy chúng sanh trọn khắp pháp giới. Do vậy, quý vị thấy: Phạm vi giáo hóa chúng sanh trong thế giới Cực Lạc rất rộng lớn, không có ngăn mé. Giống như trong một trường học, học sinh đến học từ rất nhiều địa phương; nhưng trường học nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới có một điểm khá giống với chương trình dạy học hàm thụ hiện tại, dù xa đến đâu cũng không bị ngăn trở. Mười phương vô lượng vô biên thế giới đều thuộc phạm vi giảng dạy của trường này. Thế giới Cực Lạc không chỉ là một tam thiên đại thiên thế giới, chẳng giống các cõi Phật khác. Các cõi Phật đúng là một trường học, chỉ có một học khu, tức là có phạm vi nhất định. Chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới không có phạm vi; tất cả hết thấy trường học đều thuộc phạm vi của nó. Nghĩa là hết thấy các cõi Phật đều là phạm vi giáo hóa của A Di Đà Phật, quý vị nói xem: Có phải là phạm vi rất lớn hay chẳng?

“*Căn trần nhất nhất viên diệu*” (Mỗi một căn và mỗi một trần đều viên mãn vi diệu). Viên là viên mãn, Diệu là vi diệu. “*Tri thủ văn diệc đắc vị thủ độ nhi thuyết*” (Phải biết kinh văn này cũng chỉ là riêng vì thế

giới này mà nói). Đây là đức Thích Ca Mâu Ni Phật nói phương tiện, đặc biệt vì thích ứng với căn cơ của chúng sanh trong thế giới Sa Bà mà nói. Phật đặc biệt vì chúng ta mà nói phương tiện như thế; chứ trên thực tế, phạm vi giáo hóa của A Di Đà Phật rộng lớn vô hạn. Bởi lẽ, đệ tử của A Di Đà Phật đến bất cứ cõi Phật nào, đều được hoan nghênh đặc biệt, đều được tiếp đãi như khách quý, được hưởng lây vinh dự của A Di Đà Phật. Người ta vừa thấy mình là đệ tử A Di Đà Phật, bèn đối đãi khác với đệ tử của chư Phật khác. Đoạn tiếp đó nói về nội dung thuyết pháp:

“*Đại Trí Độ Luận* vân: *Tam thập thất phẩm*” (Đại Trí Độ Luận nói: ‘Ba mươi bảy phẩm’), tức ba mươi bảy Đạo Phẩm, “*vô sở bất nhiếp, tức vô lượng Đạo Phẩm, diệc tại kỳ trung*” (không gì chẳng nhiếp, dầu cho vô lượng Đạo Phẩm cũng đều được gộp trong ấy). Chúng ta nhất định phải hiểu điều này; nếu không, quý vị sẽ thấy phạm vi thuyết pháp của những loài chim ấy rất bó buộc, tựa hồ chỉ nói pháp Tiểu Thừa. Mọi người nghĩ ba mươi bảy Đạo Phẩm là pháp Tiểu Thừa, có gì hiếm có, lạ lùng đâu? Đại Trí Độ Luận nói rất rõ: “*Ba mươi bảy Đạo Phẩm không gì chẳng nhiếp*”. Nói cách khác, nếu triển khai ra thì tất cả hết thảy pháp do mười phương chư Phật đã nói, không một pháp nào thoát khỏi phạm vi của ba mươi bảy Đạo Phẩm; cũng có nghĩa là ba mươi bảy Đạo Phẩm là cương yếu của Phật pháp, là pháp môn tổng trì của Phật pháp. Mở rộng ra là hết thảy pháp, hết thảy pháp quy nạp lại chẳng ngoài ba mươi bảy loại lớn này! Quý vị phải hiểu như vậy! Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, Phật thuyết pháp, Bồ Tát thuyết pháp, các loài chim thuyết pháp đều là rốt ráo viên mãn. Nói cách khác, quý vị muốn học bất cứ pháp môn nào cũng đều rất dễ dàng. Bất luận muốn học một pháp môn nào, không có gì chẳng thành tựu; bởi lẽ, trong mười hai thời quý vị không gián đoạn.

Đến được thế giới Cực Lạc rồi, nếu chúng ta hỏi trong Phàm Thánh Đồng Cư Độ có còn phải ăn uống hay không, có còn phải ngủ nghỉ hay không? Không cần nữa! Chúng ta biết trong lục đạo của thế giới Sa Bà, Sắc Giới Thiên không cần ăn uống, không cần ngủ nghỉ, quý vị nghĩ xem: Rất tự tại! Chẳng cần ăn uống giảm bớt biết bao phiền phức! Ăn uống tốn rất nhiều thời gian, lãng phí biết bao tinh thần. Trong thế gian pháp, ăn uống thuộc về Ngũ Dục; tài, sắc, danh, ăn uống, ngủ nghỉ là dục vọng, ngũ dục đầy! Trong Phật pháp, chúng còn được gọi là Ngũ Cái (năm thứ che đậy), Cái (蓋) là tỷ dụ, ý nói chúng che đậy Tánh Đức. Cái là chướng ngại. Tài, sắc, danh vọng, ăn, ngủ là chướng ngại, chướng ngại Bát Nhã trí huệ sẵn có trong Tánh Đức, chướng ngại vô

lượng đức năng nơi Tánh Đức, chương ngại tướng hảo, quang minh của Tánh Đức. Đó là năm thứ chương ngại.

Vậy thì trong Sắc Giới Thiên, từ Sơ Thiên Thiên trở lên, dưỡng thân bằng dưỡng chất nào? Lấy Thiên Duyệt làm thức ăn, dùng Thiên Duyệt để thay thế. Người thể gian chúng ta cũng có cách nói giống như vậy: “*Nhân phùng hỷ sự tinh thần sáng*” (Người gặp chuyện vui tinh thần sáng khoái). Chư thiên Sắc Giới vui sướng trong Thiên Định, đó là chất bổ tốt nhất. Dục Giới Thiên không được như vậy, vẫn cần phải ăn; Sắc Giới Thiên không cần nữa. Nếu cất ván ở Tây Phương Cực Lạc thế giới có cần ăn nữa hay không? Không cần đâu!

Nếu không cần, sao vẫn còn có những hiện tượng ăn uống? Đó là vì tập khí phiền não. Ở đây lâu ngày sẽ không còn ăn nữa. Vì sao không ăn uống? Tâm vừa nghĩ đến ăn, cơm bèn hiện ra. Cơm bày ngay trước mặt, nếu nghĩ mình nay là Bồ Tát trong Cực Lạc thế giới không còn là phàm phu, chẳng cần đến những thứ này nữa; vừa nảy sanh ý niệm đó, cơm và thức ăn bèn lập tức không còn, chúng được biến hóa ra mà! Vì thế, trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới có hiện tượng như vậy, trong Phương Tiện Hữu Dư Độ không có. Thích Ca Mâu Ni Phật toàn giới thiệu Phạm Thánh Đồng Cư Độ cho chúng ta. Vì thế, phải hiểu vô lượng đạo phẩm đều được gộp trong ấy. Tiếp đây, chúng tôi giới thiệu đơn giản bảy khoa của ba mươi bảy Đạo Phẩm, tức là bảy loại lớn.

Thứ nhất là Tứ Niệm Xứ, “*dĩ trí quán cảnh*” (dùng trí quán cảnh) tức là thấy thấu suốt; vì thế, Tứ Niệm Xứ là trí huệ. Trong thế giới Sa Bà của chúng ta, trong kinh điển, đức Thế Tôn thường nói bốn phép quán chính là trí huệ chân chánh. Thứ nhất “*quán thân bất tịnh*”, thứ hai là “*quán Thọ là khổ*”, thứ ba là “*quán tâm vô thường*”, thứ tư là “*quán pháp vô ngã*”. Quý vị phải thường quán như thế thì mới mở mang trí huệ được.

Thân rất nhơ bẩn, chẳng sạch sẽ! Con người hiện tại không tắm rửa ba ngày, thân hôi hám rất khó chịu. Mùi hôi trên thân do đâu mà có? Từ bên trong phát xuất ra, bên trong rất dơ bẩn; các đại đức bên Thiên tông thường ví thân người như cái gì? Như “*xú bì nang*” (cái dĩa da thối)! Cái dĩa da này bên trong chứa đựng những thứ gì? Đựng toàn phân, tiểu, máu, mủ, không có gì sạch sẽ cả, ba mươi sáu thứ vật bất

tịnh⁵⁴, trong túi da này chứa những thứ đó. Nếu quý vị giác ngộ, thực sự thấu hiểu rõ ràng, thấy minh bạch, sẽ chẳng lưu luyến cái thân này nữa.

Làm cách nào? Chúng ta nhờ cái thân giả này để tu chân, minh tâm kiến tánh là chân. Chúng ta phải nhờ vào giả tướng này để tu chân. Ngàn vạn phần đừng bị sắc thân này lừa gạt! Yêu tiếc sắc thân này, tham luyến sắc thân này, phải dùng các thứ chất bỏ để gìn giữ sắc thân này, là trật rồi! Đức Phật chẳng nói chúng ta không cần yêu tiếc thân thể này, nếu bảo “chẳng cần” là hiểu lầm ý Phật mất rồi. Phật dạy ta phải thực sự nhận thức sắc thân này là gì, phải nhận hiểu rõ ràng, rồi mới khéo lợi dụng thân này, nhờ vào giả để tu chân, như vậy mới là đúng!

Thứ hai là “*quán Thọ*”. Thọ (受) là hưởng nhận, sự cảm nhận trong cả một đời. Bất luận là thân phận nào, là phú quý hay nghèo hèn; nói chung, nếu quý vị chú tâm quán sát, những gì quý vị nhận lãnh là khổ hay vui? Ở trên, tôi đã thừa cùng quý vị, sanh, lão, bệnh, tử, cầu chẳng được, yêu thương chia lìa, chán ghét cứ phải gặp mặt, ngũ ấm lũng lẫy, quán Thọ là khổ! Nếu quý vị nói nay ta vẫn có lạc, rất khoái lạc ư? Lạc là Hoại Khổ. Còn “chẳng khổ chẳng vui” thì sao? Chẳng khổ chẳng vui là Hành Khổ. Tam giới đều khổ! Kinh Pháp Hoa ví von [tam giới] như nhà lửa, thân giống như một cái nhà, bên trong bốc lửa. Giác ngộ như vậy. Chẳng giác ngộ sẽ không biết “*quán Thọ là khổ*”.

Thứ ba là “*quán tâm vô thường*”. Tâm ở đây là niệm. Niệm sanh - diệt không trụ, bởi nó sanh diệt chẳng ngừng nên nó là vọng niệm. Vô thường, nói đơn giản là không có niệm nào giống niệm nào! Sanh diệt trong từng sát-na, biến hóa trong từng sát-na, tự mình không thể làm chủ được. Tự mình không làm chủ được nên mới gọi là Vô Ngã (Ngã là chủ thể). Không làm chủ được! Tự mình làm chủ được thì mình không muốn già, không muốn đổ bệnh, không muốn chết, có được hay không? Không

⁵⁴ Theo kinh Đại Bát Niết Bàn, ba mươi sáu thứ vật bất tịnh nơi thân được chia thành ba loại lớn:

1. Mười hai món bên ngoài: Tóc, lông, móng, răng, ghèn, nước mắt, nước miếng, đờm, nước tiểu, phân, hờm (cáu ghét), mồ hôi.
2. Mười hai món nằm bên trong thân gồm: lớp da ngoài cùng, lớp da bên trong, máu, thịt, gân, mạch, xương, tủy, mỡ, mỡ sa, não, những mô bao bọc quanh các nội tạng hoặc cơ quan (như nhãn mô, hoành cách mô, niêm mạc, màng nhầy ở mặt trong của ruột...)
3. Những nội tạng gồm: gan, mật, ruột, bao tử, tỳ, thận, tim, phổi, sanh tạng (phần trên của cơ quan tiêu hóa, như lưỡi gà, thực quản v.v.), thực tạng (phần dưới của cơ quan tiêu hóa, như các tuyến tiết chất enzyme tiêu hóa, thực tạng bao gồm cả ruột già ruột non v.v.), đàng đỏ, đàng trắng.

được! Kinh điển không gọi tâm ấy là chân tâm, mà gọi là vọng tâm. Vọng tâm là gì? Kinh Hoa Nghiêm giảng là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Tâm vọng tưởng, tâm phân biệt, tâm chấp trước, vô thường, thiên biến, vạn hóa.

Câu thứ tư là “*quán pháp vô ngã*”, có nghĩa là hết thấy pháp không có chủ thể. Hết thấy pháp là nhân duyên sanh pháp (pháp do các nhân duyên hòa hợp mà sanh ra), không có chủ thể, không tự tại.

Quý vị có bốn pháp quán ấy, nói chung là gần như hiểu “*thân bất tịnh, thọ là khổ, tâm vô thường, pháp vô ngã*” quý vị mới hòng thấy thấu suốt được. Thấy thấu suốt rồi mới có thể buông xuống, buông xuống những gì? Buông xuống tự tư, tự lợi, buông xuống danh văn, lợi dưỡng, buông xuống ngũ dục lục trần, buông xuống tham - sân - si - mạn. Vì sao người ta không buông xuống được? Vì chẳng thấy thấu suốt; thấy thấu suốt sẽ tự nhiên buông xuống được!

Thế giới Cực Lạc chẳng giống thế giới chúng ta. Trong thế giới Cực Lạc, “*thường - lạc - ngã - tịnh*” là sự thật, liên hoa hóa thân nên là tịnh, chẳng phải là bất tịnh. Thân thể trong suốt, một mảy nhiễm ô cũng không có. Thân thể chúng sanh ở Tây Phương Cực Lạc thế giới trong suốt, không nhiễm ô! Khi nào chúng ta đoạn sạch được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tập khí phiền não, thân thể chúng ta sẽ trong suốt; hề còn một mảy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng nào thì toàn thân đen thui!

Thế giới Tây Phương không có các sự khổ, chỉ hưởng các sự vui, thực sự có vui. Ở đây, chúng ta quán tâm vô thường, người ta ở bên kia “*nhất tâm bất loạn*”, nhất tâm bất loạn là Thường. “*Tự tại chủ thể*” chính là Ngã. Do đây biết rằng: Ở đây, chúng ta phải tu Tứ Niệm Xứ, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, Tứ Niệm Xứ kết quả hiển hiện, thành tựu, đến thế giới ấy sẽ được viên mãn. Vì thế, kinh Di Đà chẳng nhắc đến ba khoa trước, mà nói từ Ngũ Căn, Ngũ Lực trở đi. Chúng ta phải tu Tứ Niệm Xứ Quán ở đây, nhưng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, [Tứ Niệm Xứ] không được nhắc tới vì không cần đến nữa. Ở bên đó, họ không có những vấn đề [bất tịnh, khổ, vô thường, vô ngã] ấy.

Lại xem tiếp Tứ Chánh Cần. Tứ Chánh Cần cũng là chuyện chúng ta phải tu, nhưng thế giới Cực Lạc không cần đến. Tứ Chánh Cần là “*đoạn ác, sanh thiện*”. Cần (勤) là siêng gắng, nỗ lực, Chánh (正) là chính xác, chánh đáng. Trong cuộc sống thường nhật, trong hết thấy thời, hết thấy chỗ, chúng ta chẳng được quên, phải thực sự tu tập. Đoạn ác gồm hai câu:

1) “*Dĩ sanh ác linh đoạn*” (Ác đã sanh phải đoạn): Đối với tiêu chuẩn thiện - ác, Phật dạy kẻ sơ học dùng “Thập Thiện Nghiệp đạo”, tức là Thập Thiện Nghiệp; trái với Thập Thiện nghiệp gọi là Thập Ác. Đối với những ác niệm đã sanh khởi và những ác nghiệp đã tạo, ta phải giác ngộ, nhanh chóng đoạn trừ. Sát sanh, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ, nói dối, nói đôi chiều, ác khẩu, nói thêu dệt, tham, sân, si, là ác! Những ý niệm ấy vừa sanh khởi thì phải lập tức đoạn trừ!

2) “*Vị sanh ác bất sanh*” (Ác chưa sanh đừng sanh): Ta lại còn phải không có những ý niệm ấy. Quý vị phải nhớ rõ: Chẳng được sanh khởi những ác niệm ấy. Chẳng những chúng gây tổn hại nghiêm trọng cho mình, mà còn gây tổn hại cho người khác.

“*Ác đã sanh phải đoạn, ác chưa sanh đừng sanh*”, không có chuyện ác, không có ý niệm ác, hành vi ác cũng không có!

Đoạn ác thì phải sanh thiện, “*dĩ sanh thiện tăng trưởng, vị sanh thiện linh sanh*” (thiện đã sanh phải tăng trưởng, thiện chưa sanh phải sanh). Chỉ có thiện! Không có ác, chỉ có thiện! Thiện - ác vẫn lấy Thập Thiện Nghiệp làm tiêu chuẩn, chúng ta là kẻ sơ học phải lấy những điều này làm cơ sở; sau đây, mới nâng cao lên, sau đây mới khuếch đại. Thập Thiện Nghiệp là căn bản. Chẳng giết, chẳng trộm, chẳng dâm, chẳng nói dối, chẳng nói đôi chiều, chẳng thêu dệt, chẳng ác khẩu, không tham, không sân, không si, thường phải sanh khởi những tâm niệm này. Nếu những tâm niệm này chưa sanh, phải nhanh chóng sanh khởi. Ác niệm phải đoạn, thiện niệm phải sanh; hành vi ác phải đoạn, hành vi thiện phải sanh. Tâm hạnh của quý vị phải là “*không ác, chỉ có thiện*” như thế, “*tịnh niệm tiếp nối, vô thượng Bồ Đề*”, vô thượng Bồ Đề được kiến lập từ đây.

Bốn câu này thông hết thầy pháp, chẳng hạn như Lục Độ trong Đại Thừa pháp: Keo tham là ác, bố thí là thiện; ý niệm keo lẩn, ý niệm tham cầu đều chẳng thiện, phải đoạn. Ý niệm bố thí, hành vi bố thí, bố thí cúng dường là thiện, phải sanh. Ác nghiệp là bất thiện, trì giới là thiện. Sân khuê là bất thiện, nhẫn nhục là thiện. Giải đãi là bất thiện, tinh tấn là thiện. Tán loạn là bất thiện, Thiền Định là thiện. Ngu si là bất thiện, Bát Nhã là thiện. Nói chung, mười thiện nghiệp đạo là cơ sở tiêu chuẩn tối sơ (đầu tiên trước hết), nâng cao dần lên, nâng dần lên thành hết thầy pháp. Hết thầy pháp thế gian và xuất thế gian đều có hai mặt thiện và ác, đoạn ác, tu thiện.

Đoạn thứ ba là Tứ Như Ý Túc, Túc (足) là mãn túc (trọn đủ). Mãn Túc (満足) là như ý. Bởi thế, đức Phật dạy chúng ta: Nếu chúng ta làm

trộn vện bốn thứ này, sẽ được như ý. “*Phóng đắc hạ, hồi thủ như ý, hồi đầu thị ngạn*” (Buông xuống được, như ý quay đầu lại, quay đầu là bờ). Bởi vậy, bốn điều này là Định, là Phước, [Tứ Như Ý Túc là] bốn thứ Định, bốn thứ Phước. Người Trung Quốc thường nói “*hồi thủ như ý*” (cây Như Ý gập đầu xuống). Quý vị thấy xưa kia trong tay những kẻ phú quý thường cầm một cây Như Ý. Cầm cây Như Ý có nghĩa là gì? Đầu cây Như Ý⁵⁵ cong ngược lại, tức là thời thời khắc khắc cảnh tỉnh chính mình, bất luận làm gì không được quá lố, phải biết hồi đầu! Chẳng biết hồi đầu rắc rối lắm, nầy sanh mỗi loạn liền. Người bây giờ gọi là “tiết chế”, biết tiết chế! Bất luận làm chuyện gì cũng có một chừng mực nhất định, đến khi đó phải biết tiết chế. Cổ nhân Trung Quốc gọi là “*phải biết quay đầu*”. Phàm tạo tác tội lỗi, oan nghiệt đều là do không biết tiết chế, chẳng biết quay đầu, đúng là “mặc sức tự làm”, rắc rối xảy đến liền, đến khi quả báo hiện tiền, có hối cũng không kịp nữa!

Đức Phật dạy chúng ta bốn việc, thứ nhất là Dục Như Ý Túc. Dục (欲) là dục vọng, nhất định phải biết tri túc, biết đủ, ắt thường vui. Điều thứ hai là Tinh Tấn, Tinh Tấn Như Ý Túc thì thường vui. Để giải thích tôi dùng hai câu: “*Biết đủ, thường vui, tâm an, lý đắc*”. Tôi giải thích như vậy ắt mọi người dễ hiểu. Cô đức giải thích bốn câu này chẳng dễ hiểu, quý vị đọc lời giải thích của tôi, đọc xong hiểu liền. Việc gì sung sướng nhất? Ngày ngày có tiến bộ, đúng là sung sướng, thực sự pháp hỷ sung mãn. Trong Luận Ngữ, Khổng phu tử nói: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*” (Học rồi thường tu tập theo, cũng chẳng vui ư?) Hằng ngày có tiến bộ; tinh tấn là hằng ngày có tiến bộ, khổ là gì? Chẳng có tiến bộ là khổ.

“*Niệm Như Ý Túc*” còn gọi là “*Tâm Như Ý Túc*”. Trong tương lai,

⁵⁵ Như Ý là một vật trang trí, thoát đầu là dụng cụ để gãi lưng, về sau dùng để tượng trưng cho những điều tốt lành, chúc tụng. Như Ý làm bằng xương, sừng, trúc, gỗ quý, ngọc, đá, đồng, sắt có cán dài chừng ba tấc, hơi uốn cong trông như chữ S bị kéo dài ra. Đầu to có uốn cong lên hơi hướng về phía cán, chạm hình nắm Linh Chi hoặc áng mây, ở giữa thường nắm Linh Chi gắn ngọc hay đá quý, hoặc chạm tổ nhiều vòn mây uốn lượn, bao quanh một chữ Thọ, Phước, Lộc v.v... khắc theo kiểu chữ triện. Chỗ tay cầm cũng làm hơi to ra, thường khắc chữ Tâm, chữ Phước, hoặc chữ Thọ, hoặc không khắc chữ. Trong nhà Phật cũng thường dùng Như Ý làm pháp khí để vị pháp sư chủ pháp cầm trong các pháp hội như Du Già Diệm Khẩu hoặc Thủy Lục. Đối với những cây Như Ý dùng trong các nhà phú quý, cán thường gắn thêm một đôi tua kết bằng chỉ màu đỏ hoặc vàng. Đây cũng là vật dụng mà vua thường ban tặng cho các quan trong những dịp khánh hạ, nhất là ban cho mẹ hay phu nhân của các quan cao cấp.

quý vị thấy trong Phật pháp nhắc đến Tứ Như Ý Túc, có khi dùng chữ Niệm, có khi dùng chữ Huệ; nhưng cũng có chỗ dùng “*Tâm Như Ý Túc*” hoặc “*Tư Duy Như Ý Túc*”. Dùng “niệm” và “tâm” tôi đều đã từng thấy rồi. Trong kinh có những cách nói như vậy, đều là một cả! Niệm Như Ý Túc là an tâm! An tâm là nếu tâm quý vị biết tri túc, tâm bèn an! Tinh Tấn Như Ý Túc, hôm nay tinh tấn, hôm nay ta thực hiện công khóa viên mãn, luôn có tiến bộ, luôn thực hiện được, thường vui sướng. Tinh tấn chẳng thể không tri túc; chẳng tri túc sẽ tinh tấn quá lố, phải quay đầu lại kéo tổn hại thân thể! Công khóa một ngày phải thực hiện xong trong một ngày, chẳng được trong một ngày toan tính hoàn tất công khóa của mười ngày, mất mạng đấy!

Đức Phật không dạy người như thế, đức Phật dạy tùy theo căn tánh, trình độ của quý vị, dạy bảo những thứ nhất định thích hợp với căn tánh và trình độ của quý vị. Trước kia, trẻ đi học trong trường tư, thầy dạy học trò mỗi đứa mỗi khác, mức độ tiến bộ của mỗi trẻ mỗi khác. Đứa có tư chất cao, trí nhớ tốt, hiểu biết khá, khóa trình mỗi ngày (trước kia gọi là “*thượng thư*”, tức là tốc độ dạy ta đọc), đứa thượng thượng căn có thể dạy đọc hai mươi hàng, mỗi hàng gồm hai mươi chữ. Hai mươi hàng là bốn trăm chữ, mỗi ngày nó có thể tiêu hóa được chừng ấy thì là thượng căn. Căn tánh bậc trung mỗi ngày đọc được mười lăm hàng, từ mười hàng cho đến mười lăm hàng. Căn tánh hạ đẳng rất dần, trí nhớ không tốt, dạy nó bao nhiêu hàng? Từ ba hàng đến năm hàng, ba hàng là ba mươi sáu chữ, năm hàng là một trăm chữ, phải đọc thuộc, phải học thuộc.

Tiêu chuẩn để trắc nghiệm học trò, nói đúng ra trắc nghiệm khá dễ dàng. Thầy kêu học trò đọc, ví dụ như: “Ta dạy trò đọc hai mươi hàng, thử coi trò có phải là thượng căn hay không? Mười lần phải thuộc, lấy đó làm tiêu chuẩn!” Nếu mười lần không thuộc, được! Lập tức giảm xuống, nhất định mười lần bèn thuộc, thích hợp với trình độ của nó: Nếu mười lần không thuộc là [thầy đã bắt nó đọc] quá nhiều. Bởi thế, trẻ đó phải là hạ căn, dạy nó ba hàng tức sáu mươi chữ, đọc ba lần bèn thuộc là tốt. Đứa trẻ nào đọc một trăm chữ, mười lần thuộc được, tư chất nó cao hơn đứa kia một chút. Vì thế, cùng dạy một bài giống nhau, nhưng mức độ tiến bộ của mỗi cá nhân mỗi khác. Mười lần thuộc rồi thầy bèn đốc thúc trẻ, đọc lớn lên, đọc một trăm lần, nhìn vào sách lớn tiếng đọc, đọc cả trăm lần. Đọc một trăm lần xong, xếp sách lại, đọc nhắm một trăm lần, có tiến bộ! Đó là bài học ngày hôm nay, ngày mai có bài học của ngày mai. Đó là Tinh Tấn Như Ý Túc.

Tôi nêu thí dụ trên đây chắc mọi người dễ hiểu. Mỗi ngày phải có tiến bộ. Tiến bộ có chừng mực, thích hợp trình độ và căn tánh của mình thì chẳng khó khăn chút nào. Hằng ngày đều có tiến bộ, hằng tháng có tiến bộ, hằng năm có tiến bộ; sao không vui sướng cho được? Niệm Như Ý Túc (Tâm Như Ý Túc) tâm an. Huệ Như Ý Túc (Tư Duy Như Ý Túc) là hiểu thấu suốt minh bạch. Lý giải minh bạch, tâm bèn an, tâm đã an thì lý bèn minh bạch, “*thành tựu nhất tâm, bất thoái Bồ Đề*”, tôi nói như vậy chắc mọi người hiểu được. Có thể áp dụng vào cuộc sống thường nhật, áp dụng vào dạy học, áp dụng vào niệm Phật, áp dụng vào tu hành, đó là cương lĩnh, là nguyên tắc.

A! Nay đã hết giờ rồi, hôm nay chúng tôi giảng đến đây thôi!

Tập 16

Chư vị đồng học!

Chúng tôi giảng tiếp đoạn nhỏ thứ tư Ngũ Căn và đoạn nhỏ thứ năm Ngũ Lực trong phần “*thuyết pháp trang nghiêm*”. Ngũ Căn và Ngũ Lực có thể cùng gộp lại để giảng, đó là Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ.

Căn (根) có nghĩa là giống như thực vật có rễ. Rễ có thể sanh và trì. Trì (持) là “bảo trì” (gìn giữ), Sanh (生) là có thể sanh trưởng, chữ Căn có nghĩa như vậy. Căn gồm có năm thứ nên gọi là Ngũ Căn, tức Tín Căn, Tấn Căn, Niệm Căn, Định Căn, Huệ Căn. Nói đến đây, chúng ta phải nhớ kỹ: Trong phần đầu [của bảy khoa Đạo Phẩm] là ba khoa, có tổng cộng mười hai phương pháp tu học, tức là Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc. Mười hai khoa mục này hết sức quan trọng, thông cả thế pháp lẫn xuất thế pháp.

Tứ Niệm Xứ dạy chúng ta thấy thấu suốt, nhận thức, hiểu rõ chân tướng nhân sinh và vũ trụ, chẳng mê hoặc; bởi thế, chúng thuộc về trí huệ. Chúng tôi nói Tứ Chánh Cần là học tập tích công lũy đức; đoạn ác tu thiện phải căn cứ trên những chuẩn tắc này. Ba mươi bảy Đạo Phẩm là ba mươi bảy công khóa siêu việt thời gian lẫn không gian, cũng như siêu việt hết thấy pháp thế gian lẫn xuất thế gian. Chúng là nguyên tắc, nguyên lý, giống như công thức trong Toán Học; ứng dụng triển khai của chúng đúng là vô lượng vô biên, không một pháp nào chẳng dựa theo nguyên lý, nguyên tắc này để đạt đến thành tựu viên mãn cả.

Hôm nay, chúng tôi giảng đến Ngũ Căn và Ngũ Lực, kinh Di Đà chỉ nói bắt đầu từ những pháp này. Vì sao vậy? Giảng về đại pháp xuất thế gian. Phần trên là những pháp chung cho cả thế gian lẫn xuất thế

gian; nay phải giảng đại pháp xuất thế gian. Chúng ta cầu điều gì? Cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Phật quả viên mãn rốt ráo. Căn là gì ta phải hiểu rõ! Căn là tự tánh của đương nhân, đương nhân là chính mình, chính bản thân mình, là tự tánh của chính mình; chân tâm, bản tánh chính là Căn. Trong Phật pháp thường nói hết thấy chúng sanh vốn sẵn là Phật, vốn sẵn là Phật chính là Căn. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát nói: “*Bản Giác vốn có*”, Bản Giác là Căn. “*Vốn sẵn thành Phật*” và “*Bản Giác vốn có*”, hai câu này cùng một ý nghĩa, cùng nói về một sự. Kẻ học Nho nói: “*Nhân chi sơ tánh bản thiện*” (Con người lúc đầu vốn là lành), “*bản thiện*” chính là Căn.

Trong Hệ Niệm Pháp Sư, Trung Phong đại sư nói: “*Ngã tâm tức thị A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức thị ngã tâm*” (Tâm ta chính là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta), “*tâm tức thị Phật, Phật tức thị tâm*” (tâm chính là Phật, Phật chính là tâm). Tâm và Phật là một, chẳng phải hai. Đó chính là Căn! Tất cả hết thấy thiện pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều sanh từ Căn này. Người thế gian chẳng tin trong thế giới này có người tốt, chúng ta nghe rất nhiều người nói: “*Tánh con người đều là thiện*”, hay “*tánh con người đều là ác*”, “*người như vậy không có căn!*” Chẳng phải không có căn, kẻ ấy chỉ không tin chính mình có Căn, chẳng tin tưởng hết thấy chúng sanh đều có Căn, nên phiền toái rất lớn. Tất cả hết thấy ác niệm, ác pháp, ác nghiệp đều sanh từ đó, nó là gốc của hết thấy tội ác, hết thấy tai nạn. Kẻ ấy chẳng tin tưởng tánh con người vốn lành, chẳng tin hết thấy chúng sanh vốn sẵn thành Phật, chẳng tin “*tâm tức thị Phật, Phật tức thị tâm*” (tâm chính là Phật, Phật chính là tâm). Chuyện này rắc rối lắm đây!

Kẻ ấy chẳng tin tưởng, ta cũng chẳng thể trách móc hấn được! Nho và Phật giảng rất rõ ràng, rất minh bạch; vì sao kẻ ấy chẳng tin. Tam Tự Kinh nói: “*Cấu bất giáo, tánh nãi thiên*” (Nếu không dạy, tánh bèn đổi), “*tánh tương cận, tập tương viễn*” (tánh vốn gần [điều thiện], nhưng do hoàn cảnh, huân tập mà tánh bèn xa dần [điều lành]). Luận trên phương diện “*tánh người vốn lành*” thì tất cả hết thấy chúng sanh đều có bản tánh là lành, đều giống hết như nhau, vì sao trở thành khác biệt? Biến thành khác biệt là vì tập tánh, chứ chẳng phải là bản tánh. Nhưng vì các chúng sanh ngộ tập tánh là bản tánh, hiểu sai lầm. Sự sai lầm ấy đúng là sai chỉ hào ly, lầm đến ngàn dặm. Chẳng dễ dàng đâu! “*Cấu bất giáo, tánh nãi thiên*” (nếu không dạy, tánh bèn thay đổi [theo chiều hướng xấu]). Nếu chúng ta gặp được thầy tốt dạy dỗ, chúng ta sẽ hiểu rõ, sẽ giác ngộ. Chúng ta khẳng định tự tánh của chính mình vốn

lành, tâm mình đích xác là Phật, khẳng định chính mình có chân tâm.

Tâm của chính mình đích xác là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, chẳng còn chút nào nghi ngờ; nay vì sao Tánh Đức ấy chẳng có? Do vì đối với người, đối với sự, đối với vật đều hư ngụy, nhiễm ô, bất bình đẳng, ngu si, tự tư, tự lợi. Vì đâu mà đến nỗi như thế? Do tập tánh, do không có người dạy, chẳng được thầy tốt dạy dỗ. Ngày nay xã hội bất hảo, xã hội là một cái chum lớn dơ bẩn, trong kinh Phật gọi là “*ngũ trước ác thế*”, Trước (濁) tức là nhơ bẩn. “*Kiếp trước*”: Thời đại này bất hảo, là đời loạn. Nói “*kiếp trước*” thì mọi người không hiểu lắm, nói “*đời loạn*” mọi người hiểu dễ dàng. “*Phiền não trước*”: Chúng sanh đông đảo ai mà chẳng có phiền não? Ai nấy đều phiền não hết sức nghiêm trọng. “*Kiến trước*” là nói đến phiền não nơi tư tưởng và kiến giải. Tư tưởng hỗn loạn, kiến giải ngoắt ngoéo; đó là Kiếp Trước, đây là gốc của Ngũ Trước. Nếu đối với vũ trụ và nhân sinh, đối với hết thảy người, sự, vật, quý vị nhìn lầm lạc thì đó là Kiến Trước. Suy nghĩ sai lầm là Phiền Não Trước. Một thứ đã trước thì hết thảy đều trước, phiền não cũng xảy ra liền.

Như vậy, chúng ta hiện đang sống trong thời đại nào? Vì sao lại có thứ thời đại như vậy? Thời đại này không có bậc thánh hiền răn dạy, nên thành ra như thế. Mọi người chẳng tin tưởng lời giáo huấn của thánh hiền. Sách vở của thánh nhân hết sức quý báu, nhưng quý vị đâu có tin! Dầu sách vở còn đó, quý vị chẳng buồn giờ ra xem. Quý vị cứ cho những thứ đó là đồ cũ rích, chẳng hợp thời nữa, nên không có cách chi tìm được căn bản, không cách nào thấu hiểu. Đây là sai lầm, chẳng phải là thái độ của người học vấn, tâm không chút cởi mở nào!

Người thực sự có học vấn thì nếu người ta nói điều gì hay, ta phải chú tâm tìm hiểu; ai nói thứ khác bất hảo, ta cũng phải chú tâm quan sát. Ai cũng nói [điều gì đó là] tốt thì ta phải biết nó tốt tại chỗ nào! Ai cũng chê không tốt, ta phải biết nó xấu tại chỗ nào. Đều phải nghiêm túc nghiên cứu, có như vậy mới trở thành học vấn chân chánh. Những lời trên đây do tiên sinh Phương Đông Mỹ dạy cho tôi để làm cơ bản cho thái độ học vấn, quyết chẳng đến nỗi thấy người ta bảo tốt bèn mù quáng hùa theo, người ta chê xấu mình bèn cự tuyệt. Nếu vậy là lầm lạc mất rồi. Nhất định phải đích thân mình tiếp xúc, nghiên cứu. Rất nhiều khi mình nghiên cứu mới phát hiện những thứ người khác chê dở lại thực sự là hay, có những điều thực sự là tốt! Người ta nói tốt, mình nghiên cứu kỹ, thấy cả trăm điều tệ hại, chưa chắc đã thực sự tốt. Người ta nói sao mình nghe vậy, sẽ thường hay bị mắc lừa, bị người ta che mắt.

Người học vấn chân chánh vĩnh viễn khiêm hư, cung kính, thì mới có thể thành tựu đạo đức, học vấn thực sự được. Đạo lý này nói thật ra chẳng khó hiểu chi, chúng tôi cho rằng: Trong thời cổ, dường như tất cả những ai đọc sách đều biết đến đạo lý này; nhưng hiện nay, trong thế kỷ này, người ta lại không biết. Những người trẻ tuổi, chúng tôi nói “những người trẻ tuổi” thì đại khái là những ai vào độ tuổi năm, sáu chục, cả đời chưa từng nghe đến chuyện này, có đáng buồn bã chăng? Lũ chúng tôi đã gần tám mươi, chỉ là thiếu số con con, đúng là ít ỏi, sau này không còn ai nói đến nữa. Nếu tôi không nói ra, quý vị làm sao biết được? Sẽ chẳng nghe được những thanh âm này. Vì thế, thiện tâm, thiện ý phải phát sanh từ sự nhận biết chính xác, khẳng định hết thảy chúng sanh tánh vốn lành, khẳng định hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh, khẳng định hết thảy vô tình có pháp tánh, pháp tánh và Phật tánh chỉ là một tánh.

Nếu quý vị thâm nhập Đại Thừa, quý vị khẳng định tất cả hết thảy vạn pháp “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*” thì đó là Căn, là căn cội của vũ trụ vạn hữu! Chúng ta tin cái căn này tương đồng, căn là bình đẳng, căn chẳng có hai. Tôi và anh, tôi cùng người khác, mọi người chúng ta chẳng giống nhau, đều thực sự là dòng dõi thổ dân Úc châu bị biến chất. Vì sao biến? Mê rồi! Mê mất căn bản. Mê mất căn bản sẽ trở thành chủng loại bị biến đổi, chủng loại bị biến đổi đáng thương thay! Suy nghĩ bấy bə, làm bə, làm càn, chuốc lấy rất nhiều tai nạn, tự gây, tự chịu. Người nào nhận biết Căn, hiểu rõ Căn, đối với hết thảy chẳng quên căn bản, cuộc đời người ấy rất mỹ mãn, rất hạnh phúc, hoàn cảnh sống của người ấy là Nhất Chân pháp giới, là thế giới Cực Lạc. Hễ có Căn bèn có Lực. Đại Học vấn thế gian hay xuất thế gian đều đặt nền tảng trên đây.

Quý vị thấy thế giới ngày nay tranh chấp tung bùng, người mất sáng, Phật, Bồ Tát, đại thiện tri thức trông thấy đều cảm thán! Thật đúng như kinh Vô Lượng Thọ nói: “*Tiên nhân vô tri*”: Người đời trước coi thường, “*bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả*” (không biết đạo đức, không có ai nói): Bọn họ chẳng nói với chúng ta, chẳng dạy chúng ta, “*thù vô quá dĩ*” (còn trách móc gì được nữa). Ngày nay, chúng ta tạo tác những tội lỗi gì, chịu những khổ nạn quả báo gì, bậc thánh hiền chẳng trách móc ta. Vì sao? Vì những kẻ này chưa từng được dạy dỗ! Sự lầm lạc của họ phải truy từ sự coi thường của người đời trước; đời trước đó của đời trước cũng coi thường. Chúng tôi truy cứu tối thiểu phải là hai trăm năm trước; từ hai trăm năm trước [con người] đã coi thường sự răn dạy của thánh hiền. Lúc đó cũng có dạy, nhưng chẳng tích cực, dạy trẻ con, dạy

người trẻ tuổi chẳng nghiêm khắc, chẳng nghiêm ngặt như thời cổ. Tam Tự Kinh có câu: “*Giáo bất nghiêm, sư chi nọa*” (Dạy chẳng nghiêm vì thầy lười), cha mẹ, sư trưởng chưa tận hết trách nhiệm!

Quý vị phải hiểu rõ đạo lý này, hiểu rõ chân tướng sự thật này thì quý vị mới biết căn nguyên lỗi lầm nằm đâu! Căn nguyên ở nơi cha mẹ, sư trưởng; vì thế, làm cha mẹ chẳng đơn giản! “*Dưỡng bất giáo, phụ chi quá; giáo bất nghiêm, sư chi nọa*” (Nuôi không dạy là lỗi cha, dạy không nghiêm do thầy lười). Đời sau không đi theo chánh đạo, đi theo đường tà, cha mẹ, sư trưởng phải chịu trách nhiệm nhân quả. Trách nhiệm nhân quả ấy lớn lắm. Từ chỗ này chúng ta mới có thể nhận hiểu sâu xa, công đức bậc nhất, đại thiện bậc nhất trong thế gian và xuất thế gian là gì? Dạy học, đem chánh pháp truyền trao cho chúng sanh. Ở Trung Quốc thấy rõ nhất: Khổng lão phu tử dạy học năm năm, năm năm chuyên tâm, tận hết trách nhiệm, nghiêm khắc dạy dỗ học trò, [nên Khổng Tử] trở thành vị Vạn Thế Sư Biểu (bậc thầy gương mẫu của muôn đời).

Vì sao? Có rất nhiều người suốt đời theo đuổi công tác giáo dục, nhưng mười mấy năm vẫn âm thầm không có tiếng tăm. Vì sao Khổng lão phu tử chỉ dạy học năm năm lại có thành tựu như vậy? Do tận tâm tận lực dạy, thực sự hy vọng đời sau có nhân tài. Học sinh thực sự giác ngộ, thực sự tu dưỡng đạo đức, đoạn ác tu thiện, vì nhân dân, vì quốc gia, vì chúng sanh tạo phước, đó là thành tựu của thầy! Thầy (dùng cách nói của nhà Phật là “*phổ độ chúng sanh*”) phổ độ chúng sanh, khiến cho học sinh thực sự thực hiện được những điều đó. Nếu chẳng thế tận tụy dạy dỗ, học sinh chẳng thể thành tựu, “*chúng sanh vô biên thế nguyên độ*” trở thành chuyện hư dối.

Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thị hiện: Vứt bỏ tất cả hết thầy danh văn, lợi dưỡng thế gian, địa vị, quyền lực đều vứt bỏ, theo đuổi công tác giáo dục xã hội, vì sao? Thị hiện cho chúng ta thấy sự việc này là đại sự nghiệp bậc nhất trong thế gian lẫn xuất thế gian. Không có trí huệ chân thật sẽ không thể làm được, chẳng bằng lòng làm! Trí huệ chân thật chính là sự nghiệp chân thật! Xưa nay trong nước, ngoài nước, biết bao là đế vương trải bao đời, có mấy ai biết đến? Nhưng người thực sự theo đuổi giáo học trên thế gian thì không ai là chẳng biết, không ai chẳng kỷ niệm! Mỗi một vị sáng lập tôn giáo đều là những nhà giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa vĩ đại nhất, ngàn năm vạn đời, bao nhiêu người tôn kính, sùng bái, lại còn học theo. Bởi thế, Căn hết sức trọng yếu. Quý vị phải nhận biết gì là Căn, gì là Thiện Căn, gì là Ác Căn? Tùy

thuận Tánh Đức là thiện căn, trái nghịch Tánh Đức là ác căn.

Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ ai mà không có, nhưng vấn đề ở chỗ Tín của quý vị là gì? Theo các chú giải của cổ đức, Tín có Chánh Đạo và Trợ Đạo. Thế nào là Chánh Đạo, thế nào là Trợ Đạo, phải hiểu thật rõ, thật thấu suốt, không thể hàm hồ! Chánh Đạo: Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác viên mãn rốt ráo mỗi chúng sanh đều có, vốn sẵn có, nay quý vị mê mất. Thế nào là Trợ Đạo? Thích Ca Mâu Ni Phật giảng cho chúng ta tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, đây là Trợ Đạo.

Ở đây, chúng ta phải chú tâm kiểm điểm, quan sát pháp môn nào thích hợp với mình thì ta chọn lấy pháp môn ấy, thâm nhập một môn thì pháp môn ấy biến thành Chánh Đạo để ta tu học. Quý vị phải hiểu Chánh Đạo và Trợ Đạo này. Trong Chánh Đạo lại có Chánh Đạo và Trợ Đạo; trong Trợ Đạo cũng có Chánh Đạo và Trợ Đạo! Nay chúng ta chọn lựa pháp môn Tịnh Độ, kinh điển y cứ (căn cứ để lập luận, tu học) của pháp môn Tịnh tông là “*năm kinh một luận*”, đó là Chánh Đạo của chúng ta. Các kinh luận khác do các vị tổ sư đã chọn lựa cho chúng ta, khuyên chúng ta phải xem, phải tu học để hỗ trợ pháp môn Niệm Phật, đó là Trợ Đạo. Chúng ta phải tin tưởng điều này.

Tín Chánh Đạo và Trợ Đạo thì phải có Căn, Căn chẳng thể biến. Lúc tin, lúc ngờ, lúc tin, lúc không tin, tức là niềm tin của quý vị không có Căn. Lòng tin có Căn, tức là lòng tin của quý vị đối với Tịnh Độ tông có Căn thì trong ao bầy báu bên Tây Phương Cực Lạc thế giới mọc lên một đóa sen, trên hoa có tên quý vị. Lòng tin phải có Căn, nhất định chẳng được ngờ vực. Hiện tại, nguyên bản và bản hội tập của kinh Vô Lượng Thọ tổng cộng có chín bản, chớ có hủy báng, chớ có ý kiến, quý vị thích bản nào thì chọn dùng bản đó. Giống như ăn uống, khẩu vị mỗi người khác biệt: chua, ngọt, đắng, cay, mặn; tôi thích ăn ngọt, chẳng thể ép mọi người đều ăn ngọt hết. Nếu không như vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật cần gì phải giảng nhiều kinh điển đến thế? Cần gì phải nói nhiều pháp môn như vậy? Một môn không đủ hay sao? Quý vị thấy đức Phật rất từ bi, rất tùy thuận nhân tình, quý vị thích điều gì, đức Phật dạy điều đó, chẳng miễn cưỡng mảy may! Đó là chỗ vĩ đại của đức Phật, đức Phật đại đức đại trí, khiến cho hết thấy chúng sanh tôn kính, ngưỡng mộ.

Chúng ta mở xem chín bản ấy; trước kia, chúng tôi in chín bản ấy thành một bộ, tức là với một bản Tịnh Độ Ngũ Kinh Độc Bản quý vị đọc được toàn bộ [chín bản dịch và hội tập của kinh Vô Lượng]. Trong chín bản ấy, quý vị thích bản nào thì dùng bản đó, không có bản nào chẳng

tốt cả! Bởi lẽ, chúng đều giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới, giống như sách thuyết minh hay sách giới thiệu, đều dạy cho quý vị phương pháp Trì Danh Niệm Phật. Kinh dạy chẳng sai một chút nào, “*phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm*”. Cả chín bản đều nói như vậy. Người niệm Phật tu điều gì? Quý vị phải biết nhé: Tu nhất tâm bất loạn, tu tâm chẳng điên đảo! Nếu đối với hết thảy các pháp, quý vị có nghi hoặc, làm sao tâm quý vị định được? Làm sao có thể thành tựu nhất tâm? Làm sao bất loạn được? Bất loạn là trí huệ, nhất tâm là Thiền Định. [Tu nhất tâm bất loạn] là tu Định - Huệ. Quý vị có quá nhiều ý kiến, chấp trước rất nặng là tự mình chứng ngại mình, không ai chứng ngại quý vị cả!

Chính mình tuyên chọn thì có một tiêu chuẩn rất đơn giản: Thứ nhất, lý luận, phương pháp, cảnh giới không sai lầm. Đối với kinh điển Đại Thừa chúng ta có thể so sánh không sai lạc: Kinh văn nào rõ ràng, không quá sâu, dễ đọc tụng, dễ hiểu, thích hợp với trình độ người hiện thời thì bản đó là bản kinh hay. Nay đem chín bản đó bày trước mặt, quý vị đọc mỗi bản một lượt, bản nào đọc hay nhất? Bản này đọc hay nhất. Bản của cụ Hạ khá lắm, là bản dễ đọc nhất trong chín bản, chẳng có câu nào khó khăn, trúc trắc, vậy cụ hội tập có sai lầm hay không? Dem năm bản dịch gốc đối chiếu tỉ mỉ thì tín tâm bèn trọn đủ.

Xin thưa cùng các đồng học: Tôi không bằng mọi người, tôi chẳng bằng ai, mọi người tâm tư rất tế nhị, tôi không được tế nhị như vậy; nhưng tôi có ưu điểm là tin tưởng thầy. Thầy đem bản này giao cho tôi, tôi hoàn toàn chẳng đối chiếu với năm bản dịch gốc, tôi chẳng làm chuyện đó; cho đến tận bây giờ cũng không làm chuyện ấy. Tôi tin tưởng thầy, thầy chẳng hại tôi. Thầy học suốt đời, trí huệ, đức hạnh, giáo huấn của thầy rất đáng để tôi tôn kính, tôi chẳng hoài nghi thầy chút nào. Vì thế, thầy dạy gì, tôi bèn tiếp nhận, tôi bèn y giáo phụng hành. Ai ở trước mặt tôi nói ba điều bốn chuyện, tôi không tiếp nhận, cũng không phản đối, vì sao?

Tôi tuân thủ lời đức Phật răn dạy, tôi tuân thủ lời tổ sư răn dạy. Đức Phật dạy chúng ta: Đối với những tri kiến bất đồng, kiến giải bất đồng - trong Đàn Kinh, Lục Tổ Huệ Năng đại sư cũng dạy chúng ta như thế - nên làm như thế nào? Dùng tâm tư thái độ gì? Chắp tay hoan hỷ! Tôi chẳng biện bác cùng anh, chắp tay cung kính anh; nhưng tôi vẫn đi đường cũ, vẫn dùng phương pháp cũ của tôi để tu hành, chẳng bị anh làm dao động. Tôi tôn kính anh, tôi không phản bác anh một câu nào,

Phật dạy chúng ta “mặc tẩn”⁵⁶. Nói thật ra, Nho Gia gọi mặc tẩn là “*kính nhi viễn chi*”. “*Viễn*” không phải là tách rời ra xa, không có nghĩa như vậy. “*Viễn*” nghĩa là cách nghĩ, cách làm của anh tôi không bắt chước theo, tôi vẫn đi theo kinh luận. Nếu tự tôi có năng lực, tôi sẽ tuyển chọn kinh luận; nhưng tôi không có năng lực, thầy giúp tôi chọn kinh luận. Những kinh luận tôi học trong một đời này đều là do thầy giúp tôi chọn lựa, đều là do thầy chỉ dạy.

Nói thật ra, bản thân tôi vẫn chưa có năng lực chọn lựa kinh luận, tôi thừa nhận mình thuộc căn tánh trung hạ, chẳng phải là thượng căn. Người thượng căn phải có, chắc chắn có người thượng thượng căn, nhưng tôi chưa từng gặp được. Chuyện ấy không quan hệ, dầu là hạ hạ căn mà gặp được thiện tri thức, giống như người đồ đệ làm nghề vá nồi của pháp sư Đế Nhàn, ông ta là hạ hạ căn, gặp vị chân thiện tri thức là pháp sư Đế Nhàn dạy một câu Nam-mô A Di Đà Phật niệm một cú nghỉ, nghỉ khỏe lại niệm tiếp. Thực sự chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, ông ta thực sự thành công. Nếu ông ta hoài nghi hay xen tạp sẽ chẳng thể thành công. Bí quyết thành công của ông ta là “chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn”, nên thành công. Tín chẳng phải là chuyện dễ, tín phải có Căn. Tín quyết định chẳng bị dao động, cả đời chẳng biến đổi, người như vậy đạo nghiệp nhất định thành công!

Thứ hai là Tấn Căn. Tấn là đối với Chánh Đạo và Trợ Đạo, cầu tiến bộ chẳng ngại, dũng mãnh, tinh tấn, quyết định chẳng có một ngày nào buông lung, có chút khế nhập cảnh giới bèn vui sướng chẳng mệt.

⁵⁶ Mặc tẩn (Brahmadanda): Còn phiên âm là Phạm Đàn hoặc Phạm Đát, theo nghĩa gốc là một hình thức nhằm đối trị những kẻ ngoan cố, bướng bỉnh trong Tăng chúng. Hành Sự Sao, quyển 22 ghi: “*Nói Mặc Tẩn, là như luật Ngũ Phần dạy: ‘Pháp Phạm Đàn là hết thấy thất chúng (tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, sa-di, sa-di-ni, thức-xoa-ma-na, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di), đều chẳng nói chuyện với kẻ phạm lỗi’*”. Sách Tư Trì Ký giảng rõ hơn: “*Phạm Đàn là trước cung điện của Phạm Vương lập một cái đàn cao, chư thiên nếu có vị nào chẳng đúng pháp, sẽ bị bắt đứng trên đó, không được nói chuyện với bất cứ ai qua lại. Trong luật Ngũ Phần, do tỳ-kheo Xiển Đàn (tức Xa Nặc) náo loạn Tăng chúng nên Phật chế định dùng phương pháp ấy [để đối trị]*”. Nói chung, đây là phương pháp ngăn dứt tranh cãi. Kẻ biết phục thiện thì khuyên can; chứ nếu với kẻ ương bướng, ngang ngược, tốt nhất là dùng phương pháp im lặng, không tranh cãi với hắn, tránh xa, không quở trách, không phê bình, nhưng không giao thiệp với hắn, hắn sẽ không có cơ gì quấy rối được nữa. Ở đây, “mặc tẩn” được dùng với ý nghĩa rộng: Không tranh cãi với những kẻ cãi chày cãi cối. Ta giữ chủ kiến của ta, tu theo pháp môn của ta, không mất hơi sức tranh cãi với những kẻ chẳng thèm đọc kinh sách Tịnh Độ mà cứ nhơn nhơn cao giọng phỉ báng pháp môn Tịnh Độ.

“*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi thường tu tập, cũng chẳng vui sao?), đúng là vui sướng chẳng mệt.

Niệm là hệ niệm nơi tâm. Điều được hệ niệm nơi tâm là Chánh Đạo và Trợ Đạo. Nay mục tiêu của người niệm Phật chúng ta là cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật; đây chính là Chánh Đạo và Trợ Đạo của chúng ta trong giai đoạn này. Trợ Đạo là gì? Đoạn ác, tu thiện, tích công lũy đức. Cổ đức thường dạy chúng ta: “*Đoạn hết thấy ác, tu hết thấy thiện*”. Tự mình phải hiểu rõ, phải mình bạch tiêu chuẩn thiện - ác. Gì là ác? Tự tư tự lợi là ác; đại công vô tư, lợi ích xã hội, lợi ích chúng sanh là thiện. Có người nghe nói như thế chẳng đồng ý, làm sao mà có lợi cho bản thân ta lại là ác được cơ chứ? Với pháp thế gian nói như vậy thì được, chứ đối với pháp xuất thế gian, nói như thế là sai lầm quá sức. Sai lầm ở chỗ nào? Ngã Chấp không thể phá được! Cửa ải đầu tiên của pháp xuất thế gian là phá Ngã Chấp. Có lợi cho mình là tăng trưởng Ngã Chấp! Kinh Kim Cang nói “ngã tướng, ngã kiến” niệm niệm đều chấp trước kiên cố, tăng trưởng ngã tướng, tăng trưởng ngã kiến thì tới lúc nào mới có thể phá hết sạch Ngã Chấp được? Chẳng phá Ngã Chấp, sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi. Vì thế, đức Phật đặt điều này lên đầu.

Chúng ta khởi tâm động niệm đúng là vô ngã. Nói cụ thể, vô ngã là nhất định không vì lợi ích của chính mình; bởi thế, phải triệt để buông tự tư tự lợi xuống. Phá Ngã Chấp bằng cách nào? Bí quyết để phá Ngã Chấp là khởi tâm động niệm, làm hết thấy chuyện gì đều vì xã hội, vì chúng sanh, vì để chánh pháp tồn tại lâu dài, nhất định không có mảy may ý niệm nào làm lợi cho cá nhân mình, một chút gì khiến việc vãng sanh Tây Phương thế giới bị vướng mắc cũng không có, ra đi rất tự tại. Thường xuyên nhớ kỹ đức Phật dạy chúng ta phải sửa đổi, uốn nắn cách nhìn lầm lạc đối với vũ trụ, nhân sinh và hết thấy người, sự, vật. Kinh Kim Cang nói rất khéo: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*” (Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng). Vậy thì, khởi lên một niệm rất ưa thích một cảnh giới, đó chính là tâm tham luyến, “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, bị một chén nước lạnh ấy hắt vào, tâm ta bèn bình tịnh. Gặp phải oan gia đối đầu rất trái mắt, gặp người, gặp sự, gặp vật trong tâm rất chán chường, [liền khởi tâm niệm] “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*hết thấy pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt, bóng*”, tâm lập tức bình ngay, dấy lên một câu “A Di Đà Phật”, biết mình đến thế giới này là lữ du, [tạm ngụ] hai ba ngày rồi sẽ đi, thế giới này tốt cũng được, xấu cũng xong, ăn nhằm gì đến mình? Có chi phải

nhọc lòng? Có duyên để khuyên thì khuyên người ta, khuyên người ta làm lành; không có duyên thì làm gương cho người ta thấy, người ta thấy mà hiểu thì họ có phước báo; họ đâu thấy nhưng không hiểu thì cũng đành thôi. Chẳng cần phải so lường từng chút! Phật, Bồ Tát thị hiện trong thế gian, khởi tâm động niệm, nói năng, tạo tác, từng điểm, từng giọt đều nhằm giáo hóa chúng sanh, vì người khác diễn nói từ trước đến nay chưa từng ngưng nghỉ.

Vì người diễn nói, “*diễn*” là biểu diễn, làm cho người ta thấy, “*nói*” là thuyết minh cho người ta; chẳng hề có chút mảy may danh lợi nào xen vào đó, chẳng xen tạp một mảy nào. Vì thế, các Ngài làm nhưng không làm, không làm mà làm, rất tự tại! Xen tạp chính mình vào đó sẽ phiền lăm, vì sao? Quý vị có lợi - hại, được - mất trong ấy; chỉ cần có lợi - hại, được - mất trong ấy. Hễ quý vị vừa khởi tâm động niệm, bèn nghĩ ngay đến lợi ích của chính mình, sẽ thường mắc sai lầm. Người hoàn toàn không có lợi - hại, được - mất mới có thể thực sự buông xuống được, hết thấy thân tâm, thế gian đều buông xuống, tâm được giải thoát, trí huệ mở mang. Trừ điều này ra, không được xen tạp niệm gì, bất luận niệm gì xen tạp trong đó cũng không được. Đúng là chẳng dung một hào, một phân bất tịnh nào xen tạp! Chẳng dung một hào, một phân bất thiện nào xen tạp! Tâm phải thuần tịnh, thuần thiện.

“*Định*” là nhiếp tâm, thu tâm. Mạnh phu tử nói rất hay: “*Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ*” (Đạo học vấn không có gì khác, cốt sao thu hồi cái tâm đã buông lung mà thôi!). Đó là công phu định lực. Tâm ta chẳng còn hướng ra ngoài nắm níu nữa, chẳng những không nắm níu pháp thế gian, mà Phật pháp cũng chẳng nắm níu thì tâm quý vị thực sự định! Ấn Quang đại sư cả đời dạy chúng ta phương pháp này, chính là như trong kinh Đại Tập đức Thế Tôn đã gọi Trì Danh Niệm Phật là “*vô thượng thâm diệu Thiên*”. Thiên Định sâu màu vô thượng chính là Niệm Phật! Nhiếp tâm nơi Phật hiệu, trừ một câu Phật hiệu ra, niệm gì trong tâm cũng không có. Đó là Định Căn. Định ấy là Niệm Phật Tam Muội, Niệm Phật Tam Muội có Căn vậy! Trừ điều này ra, cái gì cũng không có. Niệm niệm tương ứng với A Di Đà Phật, niệm niệm tương ứng với kinh giáo Tịnh tông. Đó chính là “*nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”.

Huệ Căn: Trí huệ quán chiếu, soi thấy chân tướng của hết thấy pháp thế gian, xuất thế gian. Quý vị có Huệ Căn, có căn thì khá lắm! Quý vị chẳng bị dao động, tự mình chân bước vững vàng, như như bất động, thực hiện xong việc tự độ, lại còn nghĩ giúp cho người khác được

đắc lực. Ngũ Căn tăng trưởng bèn đắc lực. Nói tới Lực thì thật ra chính mình phải có Căn càng sâu thì mới có thể giúp người khác phá trừ nghi hoặc, giúp người khác kiến lập Ngũ Căn.

Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin tiếp về phần Ngũ Lực. Lực là đoạn nghi, thành tựu phẩm đức. Danh tướng của Ngũ Lực hoàn toàn giống với Ngũ Căn: Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ. Ngũ Lực là sự tăng trưởng của Ngũ Căn. Đạo lý này đối với chúng ta không khó hiểu. Cái được Huệ Căn tăng trưởng quan trọng nhất là trí huệ, sau khi Huệ Căn tăng trưởng, Ngũ Căn sẽ có sức mạnh; giống như thực vật, nó có rễ rồi, từ rễ dần dần tăng trưởng trở thành mầm cây. Mầm cây lại dần dần tăng trưởng trở thành cây lớn, nó có sức như vậy, chịu đựng được gió thổi, mưa đập vì đã trưởng thành rồi.

Tín Căn tăng trưởng bèn phá được nghi hoặc; quyết định chẳng nghi hoặc đối với chánh pháp, chánh tri kiến. Bởi thế, nó có thể phá được nghi, phân biệt tà tri tà kiến; nó có năng lực như thế, tất nhiên có thể làm cho phiền não nhẹ đi. Chúng sanh trong thế gian phiền não tập khí nặng nề, chẳng tin tưởng chánh pháp, chẳng tin vào giáo huấn của thánh hiền. Nếu chúng ta có lòng tin sâu xa chẳng nghi đối với chánh pháp, đạo đức, tánh đức và giáo huấn của thánh hiền thì phiền não đã giảm quá nửa! Điều tốt nhất đối với chính mình, như tôi thường hay nói, là con người chẳng thể không già, nhưng người có tín tâm kiên định sẽ lão hóa khá chậm chạp, đây là đạo lý nhất định. Vì sao? Kẻ ấy sống cuộc đời sung sướng, có phương hướng, có mục tiêu, chẳng mê hoặc chút nào, mỗi ngày có tiến bộ, thường sanh tâm hoan hỷ! Cuộc đời người ấy rất sung mãn, rất khoái lạc, đều là do từ trong tâm phát sanh. Tín tâm có sức mạnh như vậy.

Tinh Tấn có sức mạnh, chẳng lười nhác. Quý vị phải biết lười nhác chính là phiền não nghiêm trọng; trong Lục Ba La Mật của Bồ Tát, Tinh Tấn đối trị giải đãi. Nếu một con người chẳng giải đãi, bất luận làm chuyện gì, dù pháp thế gian hay xuất thế gian, chẳng lẽ nào không thành tựu. Vì sao chẳng thành tựu? Vì sao thất bại? Vì giải đãi! Lúc vừa mới làm, tinh thần đầy đủ trăm phần; làm được ít lâu bèn giải đãi, chẳng thể duy trì được, chẳng có tâm thường hằng. Đây là nguyên nhân thứ nhất khiến cho rất nhiều sự nghiệp thế gian hay xuất thế gian chẳng thể thành

tự, không có cách gì gìn giữ được! Học Phật cũng chẳng phải là ngoại lệ, cổ đức chẳng thường nói: “*Học Phật nhất niên, Phật tại nhân tiền*” (Học Phật một năm, Phật ngay trước mặt) đó ư? Vừa mới học Phật, bèn nhiệt tâm, bèn chân thành như thế, quý vị phải gìn giữ, cổ nhân nói “*thành Phật hữu dư*” (thành Phật có thừa), [nghĩa là] người giữ được cái tâm ban đầu thành Phật cả đống. “*Học Phật lưỡng niên, Phật tại thiên biên*” (Học Phật hai năm, Phật ở trên trời), cái tâm kiên thành, cái tâm tinh tấn đã suy thoái rồi. “*Học Phật tam niên, Phật hóa vân yên*” (Học Phật ba năm, Phật hóa thành mây khói), không còn nữa! Học Phật bèn biến thành một con cáo già, vậy thì sao vẫn phải học Phật?

Học Phật có lợi cho chính mình, chẳng nghĩ đến Phật, chẳng nghĩ đến chúng sanh, chỉ nghĩ đến mình, vì có lợi cho mình, giương chiêu bài nhà Phật, lợi dụng chiêu bài nhà Phật để lừa bịp, mưu cầu danh văn, lợi dưỡng cho chính mình, hồng hường thụ ngũ dục, lục trần, vì những thứ đó mà thôi! Những lợi dưỡng họ đạt được, nói trắng ra, chỉ là vì trong mạng họ có, nhưng tâm ấy là tâm chẳng lành, hành vi ấy chẳng phải là thiện hạnh, khiến cho phước báo trong mạng họ bị tổn thất lớn lao. Chúng tôi thường nói: Phước báo một trăm phần trăm trong mạng rất có thể bị tổn hoại chỉ còn có hai mươi phần trăm hay ba mươi phần trăm mà thôi! Tổn thất với một mức độ lớn, tâm hạnh chẳng lành mà! Người thành công, tu hành chứng quả, chẳng có bí quyết chi khác, chỉ là giữ được cái tâm ban đầu, tinh tấn chẳng lùi, bèn thành công, có bí quyết gì đặc biệt đâu!

Mỗi đồng học chúng ta bất luận tại gia hay xuất gia, hãy nghĩ lúc mình mới phát tâm là như thế nào, tâm hiện nay là như thế nào? Quý vị có thấy rõ vì sao mình chẳng tiến bộ hay không? Vì sao học nhiều năm như vậy mà đối với việc vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có một chút nào nắm chắc cả, vẫn cứ nửa tin nửa ngờ, biết làm sao được! Bởi thế, trong kinh luận, đức Phật thường nói thế pháp thiện căn (thiện căn trong lục đạo, thiện căn nơi thế gian pháp) là ba thiện căn, không ngoài “chẳng Tham, chẳng Sân, chẳng Si”. Ba thiện căn này thành tựu hết thấy thiện pháp của thế gian. Nay chúng ta muốn thành một người lành trong thế gian thì quý vị phải nhớ kỹ lời Phật giáo huấn: Đối với hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian chẳng tham, chẳng sân, chẳng si. Thiện căn xuất thế gian chỉ có một: Tinh Tấn! Tinh Tấn là thiện căn duy nhất của Bồ Tát! Bồ Tát có thể chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề chẳng có gì khác cả, vĩnh viễn giữ được cái tâm ban đầu chẳng biến đổi đó thôi!

Chúng ta phải hiểu đạo lý này, ứng dụng vào pháp xuất thế gian sẽ

thành Vô Thượng đạo, ứng dụng vào pháp thể gian sẽ thành tựu đại đức, đại nhân đại đức! Chúng ta giao thiệp cùng hết thảy chúng sanh, lúc mới tiếp xúc, đầu tiên đều hết sức khiêm hư, hết sức lịch sự, hết sức thân thiện, quý vị có giữ mãi được như vậy hay không? Nếu quý vị giữ mãi được như vậy thì chính là đại nhân đại đức. Thánh nhân chẳng có gì khác cả, giao tiếp cùng hết thảy chúng sanh lâu lâu ngày vẫn không thay đổi, không lui sụt. Vì sao? Các Ngài dùng cái tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi, vĩnh viễn chẳng biến đổi! Đối phương biến đổi là chuyện của đối phương, chẳng phải là chuyện của mình. Ta chỉ có thể bảo đảm chính mình, chứ không bảo đảm cho người khác được! Ta thành tựu đức hạnh của chính mình.

Chư Phật, Như Lai cũng chẳng thể thành tựu đức hạnh cho người khác. Nếu có năng lực thành tựu đức hạnh cho người khác thì hết thảy chúng sanh chẳng cần phải tu hành nữa, Phật, Bồ Tát đại từ đại bi chẳng làm cho hết thảy chúng sanh đều thành Phật hay sao? Làm không được! Chúng ta phải hiểu điều này! Thành tựu đức hạnh của chính mình để giúp đỡ người khác, làm cho người khác thấy, người ta thấy mình cũng là phạm phu, mình thành tựu được thì họ cũng có thể thành tựu. Đó là biểu diễn, biểu diễn cho người khác xem. Nếu ta cả đời giữ vững chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi bất biến, trong thuận cảnh chẳng có tâm tham luyến, trong nghịch cảnh cũng chẳng có tâm sân khuê, nhất định phải giữ vững, nhất định phải làm được, vĩnh viễn chẳng lui sụt; đó là thanh tịnh. Tinh tấn có thể hoàn thành hết thảy mọi sự thế gian và xuất thế gian.

Niệm Căn tăng trưởng, tà niệm chẳng sanh, từ bản thân mình thì nói là “tà niệm chẳng sanh”, từ hoàn cảnh thì nói “tà niệm chẳng nhập”. Chúng ta biết những tà tri tà kiến trong xã hội hiện thời có thể nói là tràn ngập cả thế gian, quý vị mỗi ngày hai mươi bốn giờ đều tiếp xúc với những tà tri tà kiến được truyền bá trong thế gian. Nếu Niệm Căn của quý vị hữu lực thì tà tri tà kiến chẳng thể ảnh hưởng quý vị. Dù quý vị mắt thấy, tai nghe, tiếp xúc, cũng không bị ảnh hưởng tí nào! Giống như các đại đức trong Tông Môn thường nói: “*Bách hoa tùng trung quá, phiến diệp bất triêm thân*” (Qua rừng trăm hoa nở, mảnh lá chẳng dính thân). Vì sao vậy? Vì Niệm hữu lực! Có thể thành tựu hết thảy công đức chánh niệm thế gian và xuất thế gian.

Định Căn tăng trưởng, trong tâm có chủ tể, quyết định chẳng bị dao động. Nhìn trên mặt hình tướng, tối thiểu là như tiên sinh Liễu Phàm và hòa thượng Vân Cốc cùng ở trong Thiền Đường không khác gì nhau,

ba ngày ba đêm không có vọng niệm. Người niệm Phật định lực hiện tiền, tối thiểu là công phu thành phẩm, công phu thành phẩm là Niệm Phật tam-muội, đã đạt được Niệm Phật tam-muội! Niệm Phật tam-muội là gì? Trong hết thấy thời, hết thấy nơi, trong tâm niệm của quý vị đều là A Di Đà Phật; ngoại trừ A Di Đà Phật ra, quyết định chẳng có một tạp niệm nào, đó là Niệm Phật tam-muội! Ngoại trừ một câu A Di Đà Phật ra, nếu vẫn còn ý niệm nào khác thì công phu chưa thành phẩm. Bởi thế, nhất định phải nhớ kỹ, phải chịu thừa nhận mình là kẻ sơ học. Con người quý nhất là tự biết rõ mình, quý nhất là tự mình hiểu mình, tự mình hiểu bản thân là hạng người nào: Ta là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân, ta là sơ học, chẳng phải tu thuần thực.

Phàm phu sơ học thì quan trọng nhất là thâm nhập một môn, trường thời huân tu. Tam Tự Kinh nói: *“Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên”* (đạo dạy dỗ, quý nơi chuyên tinh). Thế nào là chuyên? *“Thâm nhập một môn, trường thời huân tu”* là chuyên đây! Chẳng được tham quá nhiều, chẳng được quá tạp! Quá tạp, quá nhiều là tạp tu, loạn tu; ta đã là phàm phu lại còn sơ học, làm sao thành tựu được? Bởi thế, nếu quý vị chú tâm suy nghĩ [sẽ thấy] bao nhiêu năm qua, ta đã lãng phí ngàn ấy thời gian, thật đáng tiếc quá! Nếu chịu chuyên tu, chịu buông xuống vạn duyên, dẫu trong nhà Phật có kinh giáo nào đi nữa cũng đều chẳng động tâm. Ba năm khéo công phu sẽ đắc nhất tâm bất loạn; công phu kém hơn một chút là công phu thành phẩm. Công phu thành phẩm sẽ có năng lực sanh vào Phàm Thánh Đồng Cư độ, muốn đi lúc nào là đi, rất tự tại vậy! Nếu đắc Sự nhất tâm bất loạn sẽ sanh vào Phương Tiện Hữu Dư độ. Công phu thành phẩm đã có thể sanh tử tự tại thì Sự nhất tâm bất loạn chẳng cần phải nói nữa!

Vì sao chúng ta chẳng đạt được mức độ ấy? Là vì cái gì cũng muốn học, cái gì cũng thích hết, rốt cuộc cái gì cũng chẳng thể thành tựu. Sai lầm rồi, làm quá đổi rồi! Phàm những ai thành công nơi pháp thế gian hay xuất thế gian chẳng có bí quyết nào khác để thành công cả, chỉ chuyên nhất mà thôi! Toàn bộ tinh thần, ý chí, thời gian đều tập trung, sẽ thành tựu được việc ấy. Quý vị thấy rất nhiều các chủ nhân đại xí nghiệp, dẫu các hạng mục trong xí nghiệp của họ rất nhiều, nhưng nếu hỏi họ, sẽ thấy thoát đầu chỉ là một dạng, một thứ, chuyên môn kinh doanh một thứ. Thành công rồi, sau khi thành công mới có tài lực, có thừa lực lượng bèn kinh doanh thêm thứ khác, dần dần mới có thể phát triển đến mấy chục thứ. Sanh từ một căn bản, chẳng phải là vừa thoát đầu đã có được bao nhiêu thứ như thế. Có nhiều thứ như thế chắc chắn

thất bại, chúng ta phải thấy rõ như vậy!

Có người không hiểu, tính gom tiền vốn bỏ vào nhiều ngành để kiếm lời, làm chưa được mấy năm công ty phải đóng cửa. Do nguyên nhân nào? Chẳng có căn bản. Rất nhiều người chẳng hiểu đạo lý này! Quý vị cứ chú ý quan sát một đại xí nghiệp gia thực sự hay một tay công thương nghiệp lão luyện, quý vị sẽ thấy họ rất có căn bản. Nếu chúng ta chú tâm quan sát về mặt xuất thế pháp, sẽ thấy chư Phật, Bồ Tát học rộng nghe nhiều, điều gì cũng thông đạt là vì có cơ sở, tuyệt đối chẳng phải là vừa bắt đầu đã học quá nhiều thứ. Chẳng phải vậy, họ có căn bản. Sau đây, học rộng nghe nhiều, vẫn là do căn bản ấy sanh trưởng. Dầu căn bản khác nhau, mỗi cá nhân học một pháp môn bất đồng, nhưng không hề chi, pháp môn bình đẳng, không có cao hay thấp, quý vị phải hiểu đạo lý này.

Biết đạo lý này thì cái tâm tham luyện, cái tâm hâm mộ sẽ chẳng sanh khởi. Nếu chúng ta không chuyên học một môn, cứ mãi mãi hâm mộ rất nhiều pháp môn, kết quả cuối cùng là môn gì cũng chẳng thành. Phải chết chặt một môn! Chết tươi lòng mong ngóng, khiêm hư sát đất! Sau khi thành một môn rồi, một môn thông thì hết thấy các môn đều thông. Một kinh thông thì hết thấy các kinh đều thông! Một pháp môn thông, tất cả hết thấy pháp môn đều thông. Tiêu chuẩn của “thông” là gì? Là minh tâm kiến tánh. Mỗi một pháp môn đều có thể giúp quý vị minh tâm kiến tánh, bởi vậy, pháp môn bình đẳng, không có cao - thấp. Quý vị phải thâm nhập, không thâm nhập sẽ chẳng kiến tánh. Cổ nhân cầu học cũng tốt đẹp, tu đạo cũng tốt đẹp, chưa đạt đến cảnh giới kiến tánh thì nhất định chẳng lạm tu pháp môn thứ hai, quý vị phải liên tục nỗ lực, không ngừng ra sức.

Trong phương diện Trợ Đạo, thầy dạy, đồng học, hoàn cảnh tu học đều là duyên trợ đạo. Đức Phật giảng rất rõ bốn thứ duyên: Thân nhân duyên, sở duyên duyên, vô gián duyên, tăng thượng duyên. Trợ Đạo là tăng thượng duyên. Tăng thượng duyên cũng rất quan trọng, quý vị phải tin tưởng thầy dạy, phải tin vào đồng tham đạo hữu, trong nhà Phật còn gồm cả “hộ pháp”, đều là trợ đạo. Những vị hộ pháp dùng tài lực, vật lực giúp đỡ quý vị, khiến cho quý vị sống an định, thân tâm an ổn. Trong kinh, đức Phật thường nói: “*Pháp luân vị chuyển, thực luân tiên*” (Pháp luân chưa chuyển, bánh xe ăn đã xoay trước). Nếu cuộc sống quý vị chẳng an định, làm sao quý vị yên lòng tu tập đạo? Giúp cho quý vị thân tâm an định, đó là hộ pháp. Hộ pháp có đại ân, nội hộ có đại đức, khiến quý vị thân tâm an ổn, vô ưu, vô lự, một lòng tu đạo dễ dàng thành

tự.

Điều cuối cùng là Huệ Lực, Huệ Căn tăng trưởng, trí huệ hiện tiền, có năng lực phân biệt chân - vọng, có năng lực phân biệt thiện - phi, thiện - ác, lợi - hại. Những điều này bày ra trước mắt rõ ràng, rành rẽ, minh bạch, không mê hoặc chút nào. Tư tưởng kiến giải thuần chánh, ngôn ngữ, hành vi thuần chánh, đoạn nghi, thành tựu đức hạnh, thành tựu đại đức đại năng của chính mình, toàn là nhờ vào trí huệ. Trong kinh điển, đối với ba mươi bảy Đạo Phẩm, đức Thế Tôn khởi sự nói từ Ngũ Căn, Ngũ Lực, ba khoa trước lược đi. Trong chú sớ, chú giải của Ngẫu Ích đại sư và Liên Trì đại sư, đều đức Phật không nói, nhưng các Ngài đều nói thêm vào, có lợi rất lớn cho bọn sơ học chúng ta.

Kế đó là tiểu đoạn thứ sáu: “*Thất Bồ Đề phần*”. Bồ Đề (Bodhi) là tiếng Phạn, phiên dịch sang nghĩa tiếng Hán là Giác. Bồ Đề có nghĩa là giác ngộ, bởi thế “*còn gọi là Thất Giác Phần*”. Giác chứ không mê. “*Ư nhất thiết pháp thiện năng giác liễu*” (khéo có thể hiểu hết thấy các pháp), đây là công phu! Đối với những khoa mục lớn, chúng tôi đều dùng phương pháp giới thiệu đơn giản để nhắc nhở quý vị: Tứ Niệm Xứ là thấy thấu suốt, trước tiên là phải thấy thấu suốt. Tứ Như Ý Túc là buông xuống, quý vị phải buông xuống được. Khi tôi vào cửa Phật, thân cận vị xuất gia thứ nhất, vị thứ nhất ấy dạy tôi “*khán đắc phá, phóng đắc hạ*” (thấy cho thấu suốt, buông xuống được). Thất Bồ Đề Phần là công phu chân chánh, bảy thứ này đều là giác ngộ chân chánh, “*Huệ Lực sở phát, vô lậu chánh trí*” (do Huệ Lực phát sanh, là chánh trí vô lậu). Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần do đâu mà có? Do Huệ Lực mà có; Thất Bồ Đề Phần cũng phải nương vào Huệ Lực. Nếu Huệ Quán vô lực, nhờ vào đâu mà giác được?

Tiếp đây sẽ giảng bảy hạng mục. Cả bảy hạng mục này đều là giác ngộ, trong Phật pháp gọi giác ngộ là Bồ Đề.

Thứ nhất là trạch pháp (chọn lựa pháp); tức Trạch Pháp Giác Phần. Trạch pháp là “*thiện biệt*” (khéo phân biệt), “*biệt*” (別) là phân biệt. Quý vị khéo có thể phân biệt chân - vọng, tà - chánh, đúng - sai, thiện - ác, chẳng lấy pháp hư ngụy. Đó gọi là Trạch Pháp Giác Chi (ở đây gọi là Giác Phần). Người học Phật hoặc cầu học trong thế gian, tu đạo - đạo có thế gian đạo và xuất thế đạo. Thế gian đạo có thiên đạo, tiên đạo; xuất thế gian đạo có Thanh Văn đạo, Duyên Giác đạo, Bồ Tát đạo, quý vị phải biết chọn lựa. Tiêu chuẩn chọn lựa phải dựa vào lý, tức chánh lý. Lại phải dựa vào sự, sự là gì? Sự là những điều kiện bản thân ta sẵn có. Chánh pháp không phải chỉ có một loại, trong Đại Thừa Phật

pháp thường nói là vô lượng pháp môn, trong Tứ Hoảng Thệ Nguyên có câu “*pháp môn vô lượng thệ nguyên học*”, vô lượng pháp môn đều là chánh pháp. Với những điều kiện sẵn có của chúng ta thì trong vô lượng pháp môn, hoặc nói là tám vạn bốn ngàn pháp môn, ta có thể học được pháp nào?

Tôi đã thưa cùng quý vị đồng tu rất nhiều lần, trong những buổi giảng cũng đã nói rất nhiều. Tôi thích học kinh giáo, tôi thích thâm nhập một môn, tôi có nguyện vọng học đòi tổ sư đại đức; tôi nhớ hình như Đạo Xước đại sư một đời giảng Quán Kinh hơn hai trăm lần. Ngài không giảng kinh nào khác, chỉ giảng một loại, cũng giống như những vị thiện tri thức trong năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử: “Pháp môn vô lượng vô biên, tôi chỉ hiểu một môn, anh đến đây thì tôi có thể nói cho anh nghe [môn này]. Giảng xong, nếu anh muốn nghe pháp khác thì hãy đến chỗ vị thiện tri thức khác. Những vị đó biết nhiều hơn tôi, tôi chẳng bằng các vị đó. Thành tựu một môn thôi!”

Năm mươi ba lần tham học, năm mươi ba vị thiện tri thức, mỗi vị đều là “thâm nhập một môn”, đều không có pháp môn thứ hai. Vì thế, Thiện Tài tham học: “Anh đến đây, tôi đem pháp do chính mình tu bảo cho anh biết. Nếu anh muốn học rộng, nghe nhiều, tôi giới thiệu anh đến chỗ khác”. Tự mình khiêm hư, tán thán người khác. Đây đều là thị hiện để dạy chúng ta! Căn bệnh lớn của chúng ta là “khen mình, chê người”, tự cho mình là phi phạm, coi rẻ người khác. Sai rồi, sai lầm quá rồi! Chẳng biết hết thầy chúng sanh vốn sẵn là Phật, hết thầy chúng sanh là cha mẹ trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai, chẳng biết gì cả! Cuồng vọng tự đại. Bởi thế, trên con đường Bồ Đề, quý vị đi rất khổ sở, đi chẳng thành công dường ấy. Thường là nửa đường ngã lòng, thất bại hoàn toàn, chẳng phải là không có nguyên nhân: Tâm tư thái độ tu học của quý vị đã sai bét rồi!

Nói thật ra, cội rễ là do chẳng biết hiếu thuận đối với cha mẹ, chẳng biết tôn kính sư trưởng, đã hư từ căn bản! Đạo Nho của Trung Quốc và đạo Phật đều kiến lập trên cơ sở Hiếu đạo, Hiếu đạo là gốc! Sư đạo (đạo thầy trò) kiến lập trên cơ sở hiếu đạo. Nho là sư đạo, Phật cũng là sư đạo. Tôn sư trọng đạo kiến lập trên cơ sở hiếu thảo với cha mẹ. Nếu ai chẳng hiếu thuận với cha mẹ, chẳng hiếu đạo Hiếu, làm sao kẻ ấy tôn trọng sư trưởng cho được? Bởi vậy, học tập không có căn bản, giống như cất nhà, xây lầu không có nền móng, làm sao thành công được? Trong Ngũ Căn, Ngũ Lực đã giảng ở phần trên, tôi đặc biệt đề xuất Tín Căn, hết sức trọng yếu! Một bề tu dần dần cho tăng trưởng, trí huệ bèn

mở ra, có năng lực chọn lựa pháp môn; lúc mình chưa có năng lực thì thay thế mình chọn lựa.

Pháp môn thầy đã chọn, mình có được thay đổi hay không? Được chứ! Quý vị tu học đến một giai đoạn nào đó, nhận thấy mình còn có thể tu một pháp môn khác, chính quý vị đã có năng lực chọn pháp. Nếu mình không có năng lực ấy, thì cứ ngoan ngoãn tuân thủ lời thầy chỉ dạy là an toàn, bảo đảm! Nếu quý vị thực sự thấy rõ các pháp bình đẳng, không có cao - thấp, pháp nào thầy chọn lựa cho ta rất thích hợp với căn tánh, lại phù hợp với trình độ của mình, mà cũng thích hợp với hoàn cảnh sinh hoạt của mình thì đó là chọn lựa tốt! Chết sạch tâm lòng mong ngóng, chộp giựt, thâm nhập một môn, có ai chẳng thành tựu? Đến khi chính mình thực sự thành tựu, mới cảm mộ ân đức thầy. Nếu thầy không răn dạy, nếu thầy không thay mình chọn lựa, làm sao ta có thể thành tựu được?

Phương hướng chung, mục tiêu lớn của cả đời tôi là học Phật. Chương Gia đại sư thay tôi chọn lựa, Ngài dạy tôi bỏ đi các nghề nghiệp khác, đi theo con đường xuất gia hoằng pháp, Chương Gia đại sư dạy tôi như vậy đó. Ngài đã suy nghĩ rất lâu, Ngài nói: “Bất cứ sự nghiệp nào khác đều chẳng tốt bằng; sự nghiệp này đối với chính mình, đối với chúng sanh là trăm điều lợi, chẳng có một điều tệ”. Tôi nghe dạy xong, suy nghĩ rất lâu, quyết định tiếp nhận lời thầy giáo huấn. Lúc ấy tôi vẫn đang đi làm, tôi từng hỏi Chương Gia đại sư: “Nếu con xuất gia thì phải tu pháp nào?” Đại sư bảo tôi: “Ông phát tâm ấy, ông không cần phải tìm pháp sư”. Ngài dạy rất hay: “Nếu ông cần tìm một vị pháp sư thế độ cho ông, nếu vị ấy không đáp ứng, ông có sanh phiền não hay chẳng?” Tôi thưa có. Chẳng cần tìm thầy, cũng chẳng cần tìm đạo tràng. Tôi hỏi làm như thế nào đây? [Ngài đáp]: “*Câu Phật, Bồ Tát gia trì!*”

Rồi Ngài dạy tôi: “*Nếu tâm ông phát là chân tâm, nguyện là chân nguyện, Phật, Bồ Tát sẽ thay ông an bài cả một đời, ông không cần phải lo lắng chi cả, đến khi duyên thành thực, ông sẽ biết ngay!*” Đây là chuyện tốt, tôi cảm ơn thầy. Một đời chịu ân huệ của thầy! Đúng là chuyện gì cũng chẳng bận lòng, một đời tùy duyên, chẳng phan duyên. Độ mấy năm sau, quả nhiên có một vị sư phụ xuất gia đến tìm tôi, mời tôi xuất gia. Thọ giới cũng như thế. Khai giới rồi, tôi rất muốn đến thọ giới, nhưng không có duyên phận. Lúc đó, lại có người đến mời tôi đi thọ giới. Lúc đó thọ giới phải đóng lệ phí, khi tôi mới xuất gia cũng chẳng có cúng dường, khoản tiền chi phí ấy rất lớn, kiếm chẳng ra. Có người đã chuẩn bị đầy đủ mọi khoản lệ phí thọ giới đưa cho tôi, bảo tôi

đi thọ giới, duyên chín mươi vậy! Cả đời bị động, chưa hề chủ động, bất luận đến địa phương nào cũng đều là bị động, tùy duyên, chẳng phan duyên, không có vọng tưởng, cuộc sống quá sướng! Rất là khoái lạc, rất tự tại, thầy dạy tôi như vậy đó!

Nếu quý vị chẳng tin tưởng thầy thì không có cách nào hết! Tự mình hằng ngày khởi vọng tưởng, cuộc sống ấy chắc chắn chẳng sung sướng, tự tại như tôi đang được hưởng. Vì thế, tôi thường rất cảm thán nói: “Người thế gian hiện thời chẳng nghe lời người xưa, chịu đựng thiệt thòi trước mắt”. Tôi được hưởng một chút tiện nghi là nhờ tin tưởng thầy, tôi rất nghe lời. Những vị thầy tôi được thân cận đúng là chân thiện tri thức, thực sự có đức hạnh, có trí huệ, có học vấn, có tu dưỡng. Cả đời tôi có ba vị thầy, mọi người đều biết cả, vị tại gia là tiên sinh Phương Đông Mỹ, những vị dạy tôi Phật pháp thì thứ nhất là Chương Gia đại sư, vị thứ hai là lão cư sĩ Lý Bình Nam. Tôi học với Chương Gia đại sư ba năm, học với Lý lão cư sĩ mười năm. Cả đời chẳng trái nghịch lời thầy dạy dỗ, những gì thầy dạy tôi đều tốt lành, đều có đạo lý, quyết định chẳng phải là ác pháp, hoàn toàn đúng với kinh giáo. Bởi thế, tự bản thân chúng tôi không có năng lực chọn lựa pháp (trạch pháp), thầy vì tôi chọn lựa pháp môn Tịnh Độ.

Sau này, tôi đọc kinh Đại Tập, thấy Thích Ca Mâu Ni Phật khuyên dạy chúng sanh đời Mạt Pháp chọn lựa pháp môn này. Đức Phật dạy trong thời kỳ Chánh Pháp, Giới Luật thành tựu; thời kỳ Tượng Pháp, Thiền Định thành tựu; thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh Độ thành tựu. Chúng ta chọn lựa pháp môn này đúng với ý Phật, rất khế hợp căn tánh của chính mình. Tôi tự chọn Di Đà Kinh Yếu Giải vì nó khế hợp với căn tánh của mình nhất. Trước kia, ở Dallas có một vị đồng học hỏi tôi:

- Đại Tạng kinh nhiều như vậy, nếu chỉ cho phép thầy chọn một môn, thầy chọn môn nào?

- Tôi chọn A Di Đà kinh, nhưng trong những chú giải kinh A Di Đà, tôi chọn sách Yếu Giải.

Tôi nhớ đã giảng Yếu Giải một lần ở Gia Châu (California), cư sĩ Lưu Thừa Phù ghi thành sách Di Đà Yếu Giải Thân Văn Ký. Lúc ấy, tuổi cụ đã rất cao, cụ sống ở Tây Nhã Đồ (Seattle). Những đồng học ở bên tôi thật hiếm có, họ đem băng thâu âm lời giảng mỗi ngày gởi qua đó, từ băng giảng, cụ Lưu chép ra thành sách.

Có rất nhiều kinh luận được giảng chẳng do chủ ý của tôi. Vì nguyên nhân gì? Trong thời đại này, pháp sư giảng kinh rất ít. Có nhiều vị đồng học đến khai thỉnh, bắt buộc dĩ phải phân tâm giảng những kinh

luyện ấy! Nếu pháp sư giảng kinh nhiều, mỗi một tông phái đều có pháp sư giảng kinh thì quý vị biết đó: Cả đời tôi chỉ nhất định học đòi bậc cổ đại đức, một đời chuyên giảng A Di Đà Kinh Yếu Giải, trở thành chuyên gia, chứ không làm bậc thông gia. Hiện tại thế giới to lớn như thế này, đến mỗi thành phố giảng một lần, giảng cả ba trăm năm cũng chưa giảng xong, có phải là rất tự tại hay chăng?

Tôi đã thưa cùng thầy Lý chuyện này, thầy cười cười: “Ông rất tự tại, nhưng những lời sau đây rất khó nghe: Ông chẳng thể độ chúng sanh”. Tôi hỏi vì sao? Thầy dạy: “Ông có thấy lúc nào chúng sanh nhờ nghe một bộ kinh mà khai ngộ, chứng quả hay chăng?” Thực sự chẳng có! Vì thế, lão nhân gia dạy thật chính xác, đúng là phải giúp đỡ chúng sanh, thành tựu chúng sanh, phải ở một nơi, chẳng đi cùng khắp mọi nơi được. Đây là những điều thầy dạy tôi.

A! Nay đã đến giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây thôi!

Tập 17

Chư vị đồng học!

Chúng ta lại xem đến phần Thất Bồ Đề Phần trong kinh.

Trong Thất Bồ Đề phần, phần thứ nhất là Trạch Pháp: Trạch Pháp Giác Phần. [Sách Yếu Giải giảng]: “*Thiện biệt chân - vọng, tà - chánh, thị - phi, thiện - ác, bất thủ hư ngụy pháp*” (Khéo phân biệt chân - vọng, tà - chánh, đúng - sai, thiện - ác, chẳng lấy pháp hư ngụy). Trong điều này, quan trọng nhất vẫn là dạy chúng ta phải khéo chọn lựa pháp môn. Trên thực tế, chuyện này chẳng dễ dàng đâu nhé! Giống như thầy lang trị bệnh, kê toa nhất định phải phù hợp căn bệnh. Toa hoàn toàn tương ứng với bệnh thì uống thuốc vào, bệnh sẽ lành. Muốn hiểu rất rõ, muốn nắm rất chắc căn tánh của hết thầy chúng sanh, thì so với việc thầy lang chẩn đoán nguyên nhân gây bệnh càng khó khăn hơn rất nhiều. Bởi vậy, chuyện này đúng là chỉ có Phật với Phật mới có thể thấu hiểu rất rõ; nếu chúng sanh gặp được Phật là một vị thầy thuốc tốt lành đường ấy thì không có vấn đề gì, trong kinh thường gọi đức Phật là Đại Y Vương. Ngài có trí huệ viên mãn, thần thông viên mãn, đức năng viên mãn, đức Phật thấy đời đời kiếp kiếp trong quá khứ của mỗi cá nhân, Ngài làm được chuyện này rất tốt!

Bởi thế, khi đức Phật vì chúng sanh thuyết pháp, trong kinh chúng ta thường thấy, khi một bộ kinh chưa giảng xong, đã có khá nhiều thánh chúng khai ngộ, chứng quả rồi. Vì sao nay chúng ta dù nghe, nhưng lại

không đạt được như vậy? Đức Phật biết rõ chuẩn xác căn bệnh của chúng ta, thuyết pháp đúng với căn cơ. Nói trắng ra, sau khi Phật nhập diệt, đúng là hàng đệ tử mỗi đời sau kém hẳn đời trước. Vì sao chư Phật, Bồ Tát chẳng đến ứng hóa trong thế gian? Nói đúng ra, chư Phật Bồ Tát, đúng là vẫn ứng hóa trong thế gian, nhưng chúng sanh căn tánh bất đồng, chẳng được như trước. Trước kia, chúng sanh căn tánh sâu dày, dù đối với người, với sự, hay với vật, đều có lòng thành kính, hiện thời chẳng được vậy. Ấn Quang đại sư nói rất hay: *“Một phần thành kính được một phần lợi ích; mười phần thành kính được mười phần lợi ích”*. Hiện nay chẳng có thành kính, dấu cho Phật, Bồ Tát đến giáo hóa, chúng ta vẫn không đạt được lợi ích là vì không có tâm cung kính! Bởi vậy, trách nhiệm hoàn toàn chính nơi bản thân chúng ta, chứ chẳng phải là Phật, Bồ Tát!

Đối với Trạch Pháp, trong thời đại này chúng ta chẳng thể không lưu ý. Tự mình nhất định phải biết trình độ của bản thân, biết căn tánh của chính mình, biết hoàn cảnh sinh hoạt của mình. Chúng ta tu tập pháp môn này, chúng ta chiếu theo đó tu hành, trong hiện tại sẽ giảm thiểu chướng ngại đến mức tối thiểu, mong rằng thành tựu tu học của chúng ta càng ngày càng lớn. Chẳng được nói pháp môn này hay, pháp môn nọ hay. Pháp môn nào cũng hay cả, chẳng có pháp môn nào không hay! Vấn đề là [pháp môn ấy] có thích hợp cho ta tu học, có thích hợp với hoàn cảnh sinh hoạt hiện tại của chúng ta hay không, chuyện đó mới rất quan trọng!

Tự chúng ta không có năng lực tuyển chọn, Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức đã ban cho chúng ta rất nhiều tài liệu tham khảo. Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta chọn lấy pháp môn Tịnh Độ trong thời kỳ Mạt Pháp; chúng ta hiện đang sống trong thời kỳ Mạt Pháp. Kinh luận Tịnh Độ ít nhất, kể cả những kinh do các tổ sư cận đại thêm vào, tổng cộng chỉ có năm kinh một luận. Năm kinh một luận ấy thứ nào hợp với chúng ta, chỉ chọn lấy một loại là đủ. Tu học một thứ có thành tựu thì sẽ đạt được pháp ích (lợi ích nơi pháp). Nếu vẫn còn có sức thì lại học thêm một thứ, hai thứ nữa, chẳng được lan man quá nhiều. Lan man quá nhiều thì tinh thần, tâm lực của chúng ta bị phân tán, rất khó thể thành tựu!

Ở đây, câu cuối cùng rất trọng yếu: *“Bất thủ hư ngụy pháp”* (Chẳng lấy pháp hư ngụy). Trong những pháp hư ngụy, đặc biệt là tà tri tà kiến, chẳng phải là chánh pháp. Chúng ta phải phân biệt chuyện này cho rõ ràng! Trong pháp môn Tịnh Độ, hai năm gần đây nhất, có rất nhiều người phản đối bản hội tập, chê bản hội tập là ngụy kinh, những

lời lẽ ấy đúng là khiến những vị thông hiểu phải phì cười. Thế nào là ngụy kinh? Ngụy kinh là kinh do tự mình bịa đặt ra, ngụy tạo! Bản hội tập này không ngụy tạo, từng chữ từng câu đều có căn cứ, đều do chính Phật nói, sao gọi là ngụy kinh được? Nếu bảo những bản hội tập đều là ngụy tạo thì ngụy kinh quá nhiều. Hiện tại, những sám nghi (nghi thức bái sám) trong tất cả đạo tràng, cho đến khóa bản để tụng trong khóa lễ sáng tối đều là những bản hội tập, vậy thì toàn bộ đều ngụy kinh. Vậy thì những gì Phật pháp thực hành trong hơn hai ngàn năm đều là tầm bậy ư? Có đạo lý ấy hay chẳng? Chẳng thể nói tùy tiện như vậy được! Nói năng là cả một môn học vấn lớn.

Trong nền giáo dục của Không lão phụ tử, ngôn ngữ là khoa thứ hai, đức hạnh là khoa thứ nhất. Do đây biết rằng: Ngôn ngữ được coi là rất quan trọng. Cát - hung, họa - phúc, ngôn ngữ chiếm quá nửa. Thiện ngôn, thiện hạnh công đức vô lượng. Nếu như vọng ngữ, nói dối chiều, tội lỗi vô biên, chẳng thể không cẩn thận, chẳng thể không biết. Nếu nói bản hội tập là ngụy kinh, chính là nhục mạ toàn bộ tổ sư đại đức trong quá khứ! Bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của ông Vương Long Thư được xếp vào Càn Long Đại Tạng Kinh. Trong quá khứ, những kinh điển được xếp vào Kinh Tạng, phải được tất cả cao tăng đại đức đương thời thẩm tra, xem xét, công nhận là không sai sót mới được đưa vào Kinh Tạng. Những ý kiến thẩm sát được gửi lên hoàng đế, hoàng đế phê chuẩn nhập tạng. Bởi thế, “*được nhập tạng*” (được đưa vào Đại Tạng Kinh) là tiêu chuẩn tuyệt đối, ngụy kinh làm sao đưa vào Tạng được?

Nói đây là ngụy kinh, không phải là nhục mạ toàn bộ cao tăng đại đức [đã tham gia] thẩm sát hay sao? Đúng là một mẻ lưới bao trùm hết. Giống như cho rằng hiểu Phật pháp chỉ có một mình anh thôi, ngoại trừ anh ra, tất cả tổ sư đại đức đều mù hết. Quý vị phải biết tội đó rất nghiêm trọng! Chẳng biết nhân quả đáng sợ; Phật, Bồ Tát tha thứ cho quý vị, nhưng nhân quả chẳng tha đâu! Phật, Bồ Tát từ bi, “*tiên nhân vô tri, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã*” (người đời trước không biết, chẳng biết đạo đức, chưa từng nói đến, chẳng có lạ gì). Người thực sự có học vấn, có đức hạnh nghe đến những lời đó, trông thấy chuyện như vậy, chỉ cảm thán mà thôi. Đáng tiếc anh chưa được thân cận thiện tri thức chân chánh, không ai dạy cho anh, đúng là tự mình nhìn lầm, chứ người khác không lầm. Chuyện này rốt cuộc ai đúng ai sai, tự có người đời sau phân định, chẳng phải trong đương thời mà lịch sử sẽ phán xét.

Điều thứ hai trong Thất Bồ Đề Phần là: “*Tinh tấn, thường cần ư*

chân chánh, bất thủ vô ích khổ hạnh” (Tinh tấn là thường siêng năng chân chánh, chẳng giữ lấy khổ hạnh vô ích). Cả bảy điều đều dựa trên Huệ Căn, Huệ Lực trong Ngũ Căn, Ngũ Lực, trí huệ hiện tiền; nhưng quý vị phải hiểu Ngũ Căn, Ngũ Lực dựa vào đâu? Dựa vào Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc ở trước đó. Ba mươi bảy Đạo Phẩm có thứ tự, nếu không có khoa trước, chắc chắn chẳng có khoa sau. Nay chúng ta không có năng lực chọn lựa, vì sao? Không có trí huệ! Vì sao không có trí huệ? Không tu Ngũ Căn, Ngũ Lực. Vì sao chẳng thể tu thành công Ngũ Căn, Ngũ Lực? Bởi vì chẳng dốc sức nơi Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc ở phần trên; chúng là cơ sở của những cơ sở.

Học nhân thời cổ, bất luận tại gia hay xuất gia, gặp được chân thiện tri thức, thầy tốt, đúng là theo thứ lớp dạy dỗ, bồi dưỡng, thành tựu. Trí huệ của quý vị chưa mở mang, thầy giúp đỡ. Đến khi nào chính quý vị đã mở mang trí huệ, sẽ có năng lực quyết định chọn lựa pháp môn. Lúc ấy bèn tinh tấn, siêng năng chân chánh. Trong Tịnh tông, chân chánh là một câu Phật hiệu; chư Phật Như Lai, cổ thánh tiên hiền dạy chúng ta phương pháp này chính là pháp Trì Danh Niệm Phật trong bốn cách niệm Phật. Cận đại, Ấn Quang đại sư cực lực đề xướng, hoằng dương, khuyên dạy chúng ta niệm Phật.

Lão pháp sư Đế Nhân dạy ông thợ vá nồi đừng khổ hạnh vô ích, phương pháp của Ngài rất hay! Một câu A Di Đà Phật ấy niệm đến khi mệt bèn nghỉ ngơi, nghỉ khỏe rồi lại niệm tiếp, khiến cho thân thể, tinh thần của quý vị chẳng hề có mảy may áp lực nào, nhưng cần phải buông xuống vạn duyên. Ta đến trong thế gian này, chuyện gì đã qua bèn cho qua luôn, nhất định không kéo trở lại nữa, sau này ta còn có thể sống thêm được mấy năm nữa? Thời gian quý báu hơn bất cứ thứ gì khác, phải thực sự giác ngộ! Thân, tâm, thể giới, hết thảy buông xuống hết, bất cứ sự gì dù thế gian hay xuất thế gian đều chẳng ăn nhằm gì đến ta, ta nhất tâm niệm Phật, sống được một ngày bèn niệm một ngày, nhất định thành công!

Niệm Phật chẳng thể vắng sanh là vì nguyên nhân nào? Vị chỉ dạy đầu tiên hết là Đại Thế Chí Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta phương pháp “*đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Nhiếp trọn sáu tâm là gom cái tâm lại. Đó là buông xuống vạn duyên! Thâu hồi con mắt từ nơi Sắc Trần lại, thâu hồi cái tai từ nơi Thanh Trần lại, sáu căn chớ đeo đuổi bên ngoài, thâu hồi lại, nhất tâm chuyên niệm. Đại Thế Chí gọi đó là “*nhiếp trọn sáu căn*”,

tức là như Mạnh tử nói: “*Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ*” (Đạo học vấn không có gì khác, cốt sao thâm hời được cái tâm đã phóng dật mà thôi). Đó là học vấn thực sự, thâm hời sáu căn lại, chẳng phan duyên nơi cảnh giới lục trần là đúng. Đó gọi là “*nhất tâm chuyên niệm, nhất hướng chuyên niệm*”, chỉ một phương hướng, chỉ một mục tiêu, chẳng xen tạp! “*Bất hoài nghi, bất giáp tạp, bất gián đoạn*” (không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn) là “*tịnh niệm tiếp nối*”. Tịnh là không xen tạp, tiếp nối chẳng gián đoạn.

Chín chữ của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát đã nói có cùng một ý nghĩa với lời dạy của Đại Thế Chí Bồ Tát. Trong tập sách nhỏ Tây Phương Xác Chỉ, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát nói: “*Bất hoài nghi, bất giáp tạp, bất gián đoạn*” (Không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn) rất dễ hiểu! Bí quyết niệm Phật là đây. Nếu thực sự làm được như thế thì gọi là chân tinh tấn, vạn người tu vạn người vãng sanh. Chớ có suy nghĩ bậy bạ! Cả đồng nghi vấn! Chúng tôi thường thấy các đồng tu đến hỏi, [than thở bản thân họ] nghiệp chướng sâu nặng, nhưng nghiệp chướng nặng nề là ở chỗ nào? Nghiệp chướng là như thế này đây: Lo lắng, ngờ vực quá nhiều, chẳng thật thà! Tâm không định được! Nếu công phu đặc lực, chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, người ấy tuyệt đối chẳng đến tìm tôi! Vì sao chẳng tìm tôi? Tôi chẳng bằng họ, họ tìm tôi để làm gì? Người ta muốn thành Phật ngay lập tức, tôi tụt sau họ, họ tìm những gì ở trước chứ tìm đằng sau làm gì? Họ nhất định tìm những gì cao minh hơn, chẳng thể tìm kẻ kém họ!

Quý vị phải biết giảng kinh không bằng Niệm Phật! Niệm Phật công phu đặc lực đúng như lão hòa thượng Đệ Nhàn nói (lão hòa thượng Đệ Nhàn là pháp sư giảng kinh), Ngài thấy người đồ đệ làm thợ vá nôi của mình vãng sanh, Ngài cảm thán. Ngài nói gì? “*Thành tựu của ông cao hơn phương trượng trụ trì các tông lâm trong thiên hạ nhiều lắm, những thiện tri thức hoằng Tông nghiên Giáo (hoằng dương Thiền tông, nghiên cứu Giáo Hạ) trong thiên hạ, những pháp sư ấy chẳng bằng được ông!*” Đúng vậy, nói không sai, kể cả chính bản thân Ngài. Người thợ vá nôi duyên tốt, thực sự làm được! Duyên của pháp sư Đệ Nhàn chưa được, Ngài muốn niệm Phật, người ta đến thỉnh giáo, người ta thỉnh mình đi giảng kinh, mình làm cách nào đây? Người thợ vá nôi không ai biết đến, chắc chắn không có ai tìm. Ông ta không biết chữ, đó là duyên thù thắng. Do đây, chúng ta chẳng thể không hiểu rõ: Nổi danh, tiếng tăm lớn có tốt hay chẳng? Không tốt đâu!

Lúc càng nổi danh, chướng ngại càng nhiều! Người tìm đến mình

hiều quá, bị người ta tìm thì bận rộn, khiến cho công phu của mình bị gián đoạn, khiến mình bị xen tạp, công phu chẳng thuần. Dù có vắng sanh, phẩm vị cũng không cao. Nếu như quý vị thực sự hiểu được đạo lý này, quý vị có còn muốn tranh danh hay chẳng? Tranh danh, tranh lợi chỉ khiến cho chính mình chuốc phiền, những điều này đều phải có trí huệ chân thật mới hiểu rõ nổi, không có trí huệ chân thật là không xong! Người thế gian ngỡ danh lợi là tốt, đối với người tu đạo, danh lợi là chướng ngại, đại chướng ngại, chướng ngại quý vị tinh tấn. Vì thế, phương pháp ấy của lão hòa thượng Đế Nhân hết sức đáng tuân thủ.

Trước kia, tôi ở rất nhiều đạo tràng tại Mỹ quốc, tôi đều khuyên mọi người dùng phương pháp sau đây, họ bảo tôi phương pháp này hết sức hay. Cùng tu một chỗ, dẫn cùng tu chung một chỗ vẫn là mỗi người mỗi tu, chỉ có âm thanh niệm Phật, âm điệu thống nhất. Ngoài ra, đều tùy thuộc vào sự thuận tiện cho chính mình. Một Niệm Phật Đường chia thành ba khu vực: Trong đó một bộ phận đối trước tượng Phật lễ Phật, đó là khu vực lễ Phật. Hai bên Phật đường, dựa sát tường là khu vực tịnh tọa. Giữa khu vực tịnh tọa và lễ Phật là khu vực nhiều Phật. Anh thích nhiều Phật thì đi nhiều Phật theo đường đó. Anh nhiều Phật mệt rồi, muốn ngồi xuống nghỉ một chút, “chỉ tịnh” nhìn vách, đi đến bên tường anh bèn ngồi xuống. Chỉ có người nhiều Phật niệm Phật ra tiếng, người tịnh tọa không niệm ra tiếng, chỉ niệm thầm, hoặc niệm theo lối Kim Cang Trì: Miệng động, nhưng không vang ra tiếng, dưỡng thần, khôi phục thể lực. Lễ Phật chẳng niệm ra tiếng, nghe âm thanh Phật hiệu, hoặc là cứ một câu Phật hiệu lễ một lạy, hoặc hai câu Phật hiệu lễ một lạy. Lễ Phật nhanh hay chậm miễn sao tiện cho chính mình.

Phương pháp này tốt hơn bất cứ phương pháp nào khác, đúng là già trẻ đều thích hợp. Người già cả thể lực yếu, tốc độ lễ Phật rất chậm, người trẻ tuổi lễ Phật rất mau. Nếu quý vị muốn gõ dẫn khánh, cùng lúc lạy xuống, cùng lúc đứng lên; có lúc người cao tuổi theo không kịp, ắt sanh phiền não. Bởi vậy, chúng tôi không dùng dẫn khánh, mỗi người tự lễ, hoàn toàn không có áp lực, hoan hỷ! Hết sức thích hợp cho xã hội hiện thời, cốt ý chẳng giữ những khổ hạnh vô ích. Nói thật ra, những khổ hạnh ấy đối với chúng ta vô ích, chúng tôi không dùng.

Hỷ Giác Phán: “*Trụ chân pháp hỷ, bất y điên đảo chi pháp nhi hỷ*” (Trụ vào chân pháp hỷ, chẳng vui theo pháp điên đảo). Chân pháp hỷ thì công phu tu học đắc lực, sự hỷ duyệt ấy từ nội tâm lưu xuất; “*vui nơi pháp điên đảo*” nghĩa là gì? Chính là những gì kích động bên ngoài! Người thế gian ham thích ngũ dục, lục trần, chỗ vui chơi, dạ hội

trong thế gian. Lúc tôi ước chừng hai mươi tuổi, lúc đó vừa mới ra trường, từng ở Thượng Hải bốn tháng. Tối đến, bè bạn thường cùng nhau đi hộp đêm (nighclub) chơi, những hộp đêm đó là những nơi chốn “vui theo pháp điên đảo”. Những nơi ca vũ, những nơi hí kịch đều là “vui do nương theo pháp điên đảo”.

Trụ trong chân pháp hỷ, nương vào giáo huấn của thánh hiền để tu hành; trong tu hành có pháp hỷ, công phu đắc lực có pháp hỷ, đắc định, khai huệ. Nghiên cứu kinh giáo cũng có pháp hỷ, khế nhập cảnh giới, pháp hỷ sung mãn. Thánh hiền thế gian đọc sách của thánh hiền thế gian khế nhập cảnh giới, Phu Tử nói cũng chẳng vui ư: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi thường thực hành, cũng chẳng vui ư?). Đó là nương theo chánh pháp mà sanh lòng hoan hỷ. Hỷ trong Thất Giác Chi chẳng phải là sự vui mừng thông thường, không có nghĩa như vậy. Hỷ lạc như vậy chẳng gọi là Giác Chi, chẳng ăn nhập, chẳng dính dáng gì tới Bồ Đề cả. Nhất định phải tương ứng với Giới - Định - Huệ, phải là Pháp Hỷ.

Thứ tư là Trừ Giác Chi, Trừ (除) là đoạn trừ. “*Đoạn trừ chư kiến phiền não, bất tổn chân chánh thiện căn*” (Đoạn trừ các kiến phiền não, chẳng tổn hoại thiện căn chân chánh), phải hiểu điều này! Vừa đoạn trừ phiền não vừa chẳng tổn hoại thiện căn chân chánh bằng cách nào đây? Chỗ này quý vị nhất định phải hiểu. Trong kinh luận, đức Phật nói rất nhiều, chúng ta nghe cũng đã quen tai: “*Phiền não tức Bồ Đề*”. Quý vị thấy trong Thất Bồ Đề Phần, nếu phiền não chính là Bồ Đề, phải đoạn trừ phiền não thì chẳng phải là Bồ Đề cũng cần phải đoạn ư? Thiện căn bị tổn thất rồi! “*Đoạn các kiến phiền não*”, các kiến ở đây là tà kiến, lại còn “*chẳng tổn thiện căn chân chánh*”, nghĩa là sao? Chuyển phiền não thành Bồ Đề thì phiền não không có nữa, phiền não biến thành Bồ Đề, duyên do là như thế.

Chuyển như thế nào? Ở đây là giác và mê, lúc mê là phiền não, sau khi giác ngộ là Bồ Đề. Chúng tôi nêu thí dụ dễ hiểu nhất! Đường như trong cuộc đời của mỗi một vị đồng học đều gặp phải người khác hữu ý hay vô ý hủy báng mình, quý vị nghe xong rất tức giận; đó là sanh phiền não. Người ta hủy báng quý vị, quý vị tiếp nhận. Trong tâm quý vị sanh sân hận, lại còn nghĩ cách báo thù, ấy là sanh phiền não. Nếu quý vị đã giác ngộ, quý vị chẳng thêm để ý. Càng hủy báng nghiêm trọng, quý vị càng niệm A Di Đà Phật, tôi thường nói quý vị phải cảm tạ người đó. Vì sao? Người ta tiêu nghiệp chướng thay cho quý vị! Quý vị thấy đó: Phiền não chẳng có thì Bồ Đề bèn sanh khởi! Trong những thí dụ giống

như vậy đó, thì một niệm là giác hay mê; một niệm giác thì phiền não bèn chuyển thành Bồ Đề!

Tai nạn nghiêm trọng nhất là như trong kinh Phật đã kể: Nhẫn Nhục tiên nhân gặp phải vua Ca Lợi cắt chặt thân thể. Đó là tai nạn nghiêm trọng nhất, đúng là oan uổng! Nhẫn Nhục tiên nhân chẳng có chút lầm lỗi gì, có sao vua Ca Lợi lại nổi nóng? Vì sao lại phát sanh sân tâm lớn như thế, xử tử Nhẫn Nhục tiên nhân? Câu chuyện này được chép tường tận trong kinh Đại Bát Niết Bàn, kinh Kim Cang chỉ nhắc tới, chứ không nói kỹ. Vua Ca Lợi dẫn theo rất nhiều đại thần văn võ và quyền thuộc trong cung đi săn, cũng đáng là chuyện rất cao hứng, rất hưng phấn. Những cung nữ được vua dẫn theo gặp Nhẫn Nhục tiên nhân, trông thấy một vị tu đạo khổ hạnh trong núi, rất hiếu kỳ, bèn hỏi han tiên nhân. Nhẫn Nhục tiên nhân thuyết pháp cho họ, họ nghe pháp hết sức hoan hỷ. Vua Ca Lợi thấy như vậy, đương nhiên [trong số những tùy tùng của vua] cũng có oan gia đối đầu, tâu “gã này giả tu hành, chứ không phải thật tu, đang trêu ghẹo cung nữ”. Vua Ca Lợi nghe xong, hết sức giận dữ, truyền xử tử hình, xử tử bằng cách lăng trì.

Đây là oan uổng rất lớn, sỉ nhục rất lớn, nhưng Nhẫn Nhục tiên nhân giác chứ không mê, chẳng những không hận vua, tâm không oán hận một chút nào, Nhẫn Nhục Ba La Mật viên mãn, chẳng hề có mảy may tâm báo thù, Trì Giới Ba La Mật viên mãn, lại còn cảm tạ vua Ca Lợi, phát nguyện: “Trong tương lai tôi thành Phật, người thứ nhất tôi sẽ độ chính là nhà vua”. Đó chẳng phải là “đoạn các kiến phiền não, thành tựu Vô Thượng Bồ Đề” ư? Chẳng những [thiện căn] không bị tổn, mà còn thành tựu Vô Thượng Bồ Đề! Chúng ta phải nhớ kỹ, nghịch cảnh ác duyên thường gặp phải, khi gặp rồi, quý vị hãy nghĩ Phật, Bồ Tát thị hiện, dạy chúng ta phải xử sự trong nghịch cảnh, đối xử với ác duyên như thế nào, phải học theo trí huệ cao độ của Phật, Bồ Tát, chuyển phiền não thành Bồ Đề.

Tiếp đến là Xả Giác Chi. “Xả sở kiến niệm trước cảnh, vĩnh bất truy ức” (Bỏ chấp trước vào những cảnh đã trông thấy hay nghĩ đến, vĩnh viễn chẳng nhớ lại). Giữa Xả và Trừ thì: Trừ là đối nội, bên trong ta có sân khuể, báo thù, thì đó là phiền não bên trong. Xả là đối với cảnh giới bên ngoài, tức cảnh giới ngũ dục, lục trần bên ngoài thường dụ dỗ, mê hoặc ta, ta trông thấy hay nghe thấy, nhưng chẳng chấp vào tướng. Đối với những cảnh giới ấy, quý vị chẳng chấp tướng, cảnh nào đã qua, vĩnh viễn chớ nên hoài niệm. Cứ mỗi lần quý vị hoài niệm là lại gieo một chủng tử vào A Lại Da Thức, đó là tạo nghiệp! Khẩu không tạo,

thân cũng không tạo, nhưng ý tạo nghiệp. Phải thường nhớ rằng: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*” (Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng), “*nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng); đức Phật giảng chân tướng sự thật như thế. Phàm phu rất khó giác ngộ, rất khó liễu giải. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, đúng là thiên ngôn vạn ngữ, nhưng Ngài chẳng ngừng lập đi lập lại những điều quan trọng nhất, chúng ta nghe đã quen tai, nhưng chẳng thể thọ dụng, hễ cảnh giới hiện tiền bèn mê lập tức. Vì sao biết là mê? Vọng tướng, phân biệt, chấp trước sanh khởi, vô dụng!

Các nhà khoa học hiện tại cũng rất cần cù, họ dùng phương pháp khoa học, dùng cách suy đoán cao sâu của Toán Học để dần dần làm sáng tỏ đôi chút Thật Tướng của các pháp như đã được nói trong kinh Phật. Ví dụ như Phật nói “*phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng*”, “*hết thảy pháp hữu vi như mộng, huyễn, bọt, bóng*”. Những điều này mọi người nghe quá quen rồi, kinh Kim Cang nói như vậy. Hiện thời, các nhà khoa học phát hiện (cư sĩ Chung Mậu Sâm hồi trước đã từng giảng diễn về chuyện này ở đây) rằng dưới một điều kiện nào đó, thời gian và không gian sẽ bằng zéro. Kinh Đại Thừa thường nói thời gian dài vô lượng kiếp, một sát-na là thời gian ngắn ngủi. Vô lượng kiếp có thể rút ngắn thành một sát-na, một sát-na có thể triển khai thành vô lượng kiếp. Thời gian không còn nữa!

Cõi Phật ở phương khác khoảng cách xa xôi, như kinh Di Đà đã nói: Sa Bà cách Cực Lạc mười vạn ức cõi Phật. Trong cảnh giới nào đó, chúng ta ngồi ở đây, A Di Đà Phật ở đâu? Ở ngay trước mặt chúng ta. A Di Đà Phật không đến, ta cũng không đi, nhưng ở ngay trước mặt nhau, vậy là xa - gần không còn nữa, không gian không còn nữa. Hiện tại, do suy luận Toán Học, các khoa học gia thấy dưới một điều kiện nào đó, không có không gian, không có xa - gần, không có quá khứ, hiện tại, vị lai, không có thời gian. Kinh Phật nói như vậy, khoa học gia gật đầu: “Tin tưởng được!” Nói đến khởi nguyên của vũ trụ là như thế nào, các nhà khoa học cũng dần dần phát hiện giống như kinh Phật dạy: “*Nhất thời đốn hiện, sát-na chẳng trụ*”. Dần dần khoa học cũng chứng minh được những chuyện này.

Dẫu họ chứng minh được, chứng minh trên mặt lý luận thì không có vấn đề gì: “Có khả năng có những chuyện như vậy!”, nhưng họ chẳng thể khế nhập cảnh giới ấy. Những cảnh giới kinh luận dạy cho chúng ta biết đều thuộc về định lực rất sâu. Định lực rất sâu làm cho vọng tướng,

phân biệt, chấp trước của chúng ta đều bị đoạn trừ hết, chân tướng của vũ trụ hiển hiện rõ ràng. Trong kinh điển Đại Thừa, đức Phật thường gọi chân tướng sự thật là “*cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn*”. Sự giải thoát ấy là đại tự tại, đại tự tại chẳng thể nghĩ bàn, chẳng có xa - gần, chẳng có quá khứ, hiện tại, vị lai, chẳng có sanh - diệt; tức là “*bất sanh, bất diệt, bất khứ, bất lai, bất thường, bất đoạn, bất nhất, bất dị*” (không sanh, không diệt, không đến, không đi, không thường, không đoạn, không một, không khác); Trung Quán Luận gọi là “*bát bát*”. Cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là cảnh giới của Pháp Thân Bồ Tát, là cảnh giới Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới và mười pháp giới là một, chứ không phải hai, lạ lùng lắm! Một niệm giác thì thế giới này đúng là Nhất Chân pháp giới; một niệm mê, thế giới này là ngũ trược ác thế. Thế giới không có giác hay mê, giác hay mê, nhiễm hay tịnh là do chính mình.

Bởi vậy, như chúng tôi thường nói Xả là buông xuống, buông xuống vạn duyên, buông thân tâm thế giới xuống, quan trọng nhất là buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vì sao? Cảnh giới bên ngoài không chướng ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Chướng ngại là do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước phát sanh. Do đây biết rằng: Chướng ngại chẳng do cảnh giới bên ngoài, cảnh giới bên ngoài không chướng ngại. Phạm phu chúng ta lầm lạc, cứ tưởng chướng ngại ở bên ngoài; đức Phật dạy chúng ta cảnh giới bên ngoài không gây chướng ngại.

Thứ sáu là Định Giác Phần: “*Ư chư Thiên Định cảnh giới, bất sanh ái kiến vọng tưởng*” (Trong các cảnh giới Thiên Định, chẳng sanh ái kiến vọng tưởng). Câu sau hết sức quan trọng. Cảnh giới Thiên Định hết sức khoái lạc, Thiên Duyệt làm thức ăn mà! Bởi thế, lắm người đắc Thiên Định chẳng thể nâng công phu lên một mức cao hơn là vì tham đắm cảnh giới Thiên Định. Tứ Thiên Bát Định là như vậy, họ chẳng thể ra khỏi luân hồi, đắm say mùi vị Thiên Định, vị ấy là pháp vị. Chấp vào đó, chấp không chịu bỏ, trong Phật pháp thường gọi là “chấp tướng”. Do chấp tướng nên sanh khởi tham ái. Tham ái vẫn là vọng tưởng. Bởi thế, phải đặc biệt cảnh tỉnh chính mình: Quý vị có trí huệ cao độ thì trong bát luận cảnh giới Thiên Định nào, quý vị cũng có thể hưởng thụ, nhưng chớ nên chấp trước; vậy mới là đúng, chẳng nầy sanh một chút tác dụng phụ nào. Cảnh giới hiện tiền của chúng ta cũng như vậy, chúng ta có thể hưởng thụ cảnh giới ấy, nhưng chớ nên chấp trước. Nếu quý vị sanh khởi phân biệt, chấp trước, thì là lầm mất rồi, rắc rối xảy ra liền.

Cuối cùng là Niệm Giác Chi. Niệm Giác Chi là “*Định Huệ căn*”

bằng”. Nếu Định vượt quá Huệ bèn hôn trầm; Huệ vượt quá Định bèn lao chao. Lao chao là trong tâm vọng niệm toi bời. Có hiện tượng vọng niệm toi bời là Huệ nhiều Định ít. Hôn trầm là Định nhiều, Huệ ít. Vì thế phải luôn giữ cho Định Huệ quân bình, đều là thuộc về trí huệ.

A! Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Phần trên chúng tôi đã giới thiệu Thất Bồ Đề Phần; bình thường dụng công tu học bất cứ một pháp môn nào thì Thất Bồ Đề Phần luôn là nguyên lý nguyên tắc. Trong cuộc sống thường nhật, xử sự, đãi người, tiếp vật, quan trọng là phải biết sử dụng [những nguyên tắc đó], biết tu luyện trong sinh hoạt thường nhật, dùng sự việc để luyện tâm! Nói thật ra, trong năm mươi ba lần tham học, Thiện Tài đồng tử đã thực hiện công phu ấy rất thuần thục, chúng ta cũng phải học tập điều này.

Đoạn cuối cùng, “*Bát Thánh Đạo phần*”. “*Bát Thánh Đạo, hựu danh Bát Chánh Đạo, tu học thành tựu, chánh trí hiện tiền, giác bất mê dã*” (Bát Thánh Đạo, còn gọi là Bát Chánh Đạo, tu học thành tựu, chánh trí hiện tiền, giác chứ không mê). Bất luận tu học pháp môn nào, quý vị nhất định phải dựa vào Căn và Lực; để có thể điều tiết thân tâm qua việc tu tập trong cuộc sống hằng ngày thì nhất định phải có Thất Bồ Đề phần; chúng giúp quý vị biến chuyển cảnh giới, thành tựu công phu chân thật. Bát Chánh Đạo là “*chánh trí hiện tiền*”, quý vị mới có thể thực sự đạt đến “*giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ chẳng nhiễm*”. Trong Giác - Chánh - Tịnh, hễ đạt được một điều thì hai điều kia đều đồng thời đạt được. Người giác chứ không mê nhất định chẳng tà tri tà kiến, nhất định chánh chứ không tà, tâm địa nhất định thanh tịnh, tịnh chứ không nhiễm. Nếu tâm địa người ấy nhiễm ô là không giác, nếu kiến giải bất chánh thì người ấy cũng không giác. Vì thế một mà ba, ba nhưng một, đạt được một điều bèn đạt được hết.

Trước hết, chúng ta xem điều thứ nhất trong Bát Chánh Đạo: “*Chánh Kiến: Tu vô lậu hạnh quán, thấy Tứ Đế phân minh*” (Chánh Kiến: Tu vô lậu hạnh quán, thấy Tứ Đế phân minh). Lậu (漏) là tên gọi khác của phiền não. Thế nào là Vô Lậu? Nói đơn giản nhất, dễ hiểu nhất thì Lậu là tên gọi khác của phiền não. Kinh Hoa Nghiêm nói: Trong vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì chấp trước là Kiến Tư phiền não, phân biệt là Trần Sa phiền não, vọng tưởng là Vô Minh phiền não. Như

vậy, nếu nói theo kinh Hoa Nghiêm thì mọi người sẽ dễ hiểu: Lậu là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vô Lậu là không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Quý vị quan sát vũ trụ, nhân sinh, hết thấy sự, hết thấy người, hết thấy vật trong cuộc sống thường nhật trọn chẳng xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Đó là “*tu Vô Lậu Quán*”.

Kiến giải chính xác, chánh tri chánh kiến, quý vị “*thấy Tứ Đế phân minh*”. Tứ Đế là hai thứ nhân quả. “Khổ, Tập” là nhân quả thế gian; “Diệt, Đạo” là nhân quả xuất thế gian. Chúng tôi thường nói: Tánh - tướng, sự - lý, nhân - quả trong vũ trụ rõ ràng, rành mạch, phân minh; đó là Chánh Kiến. Nói theo cách của người hiện thời thì là “có Vũ Trụ Quan và Nhân Sinh Quan chính xác”. Nói đúng ra, người thế gian không hề có Vũ Trụ Quan và Nhân Sinh Quan chân chánh. Vì sao không có? Vì bị vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xen tạp vào đó, chẳng thấy rõ rệt chân tướng. Đức Phật đúng là tuyệt diệu! Đức Phật dạy chúng ta trừ bỏ chướng ngại, quan sát chính xác thì mới thực sự thấy được chân tướng. Đó là Chánh Kiến.

Thứ hai là Chánh Tư, còn gọi là Chánh Tư Duy. “*Bát Nhã vô tri, vô sở bất tri, thị Tư*” (Bát Nhã vô tri nhưng không gì chẳng biết, là Tư). Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư giảng là “*dĩ vô lậu tâm tương ứng tư duy, động phát giác tri trù lượng, vị linh tăng trưởng nhập đại Niết Bàn*” (dùng sự tư duy tương ứng với tâm vô lậu để khởi lên sự nhận biết, tính toán, ngộ hầu tăng trưởng, nhập đại Niết Bàn). Đó là Chánh Tư Duy. Chúng tôi giải thích đơn giản hơn, dễ hiểu hơn, nhưng không trái nghịch ý nghĩa. Tôi dùng kinh Bát Nhã để nói: “*Bát Nhã vô tri*”. Vô Tri là Căn Bản Trí, Vô Tri là Thiên Định rất sâu, chứ không phải là chẳng biết gì cả, nó biết chứ! Nhưng nó không khởi tác dụng, tác dụng ấy là Tự Thọ Dụng, chưa phải là Tha Thọ Dụng. Hiểu rõ hết thấy nhưng lại như như bất động, trong kinh Đại Thừa chúng ta thường đọc thấy: “*Tịch mà thường chiếu, chiếu nhưng thường tịch*”. Bát Nhã vô tri là như vậy đấy.

Tịch là một niệm chẳng sanh, Chiếu là rành rẽ, rõ rệt, minh bạch, tỏ tường. Giống như gì? Giống như nước, gió im, sóng lặng, nước thanh tịnh, chẳng ô nhiễm mây may, giống hệt như một tấm gương, thường chiếu, thường tịch! Nước chẳng lay động một chút nào, chúng ta nghĩ xem trong cảnh giới ấy, nước giống như gì? Như tâm! Lúc tâm tịch tĩnh bất động bèn chiếu, chẳng phải là không chiếu, tự nhiên chiếu, chẳng phải hữu ý chiếu, cũng chẳng phải vô ý, hữu ý lẫn vô ý đều không có, nó vốn sẵn là như vậy. Bởi thế, trong Phật pháp thường nói: “*Pháp nhĩ như thị*” (pháp vốn là như thế). “*Pháp nhĩ như thị*” nghĩa là tự nhiên, vốn sẵn

là như thế. Một tấm gương chiếu rất rõ ràng, rành rẽ, cảnh giới ấy thuộc về quả địa của chư Phật Như Lai.

Chẳng những Phật đã nhập cảnh giới ấy, chúng tôi nói mọi hàng Bồ Tát Tịch Diệt Nhẫn cũng đều nhập cảnh giới ấy. Tịch Diệt Nhẫn là Pháp Vân Địa Bồ Tát, những Đăng Giác Bồ Tát đều thuộc cảnh giới ấy, cao hơn cảnh giới Vô Sanh Pháp Nhẫn. Nếu đem Vô Sanh Pháp Nhẫn so với Tịch Diệt Nhẫn thì Tịch Diệt Nhẫn giống như nước hoàn toàn lặng yên, chẳng động chút nào; còn Vô Sanh Pháp Nhẫn vẫn còn một chút lăn tăn. Quý vị phải rất chú tâm mới có thể nhận biết; nếu không chú tâm thì về căn bản quý vị chẳng biết tâm mình đang động. Dù sóng gợn rất nhẹ, vẫn có thể chiếu được cảnh giới bên ngoài rất rõ ràng. Chúng ta thấy mặt hồ lặng yên khi im gió, mặt hồ phản chiếu bóng núi soi ngược xuống, cảnh ấy hết sức đẹp. Nếu quý vị nhìn kỹ vẫn thấy mặt hồ gợn sóng lăn tăn, dầu chẳng phải là sóng lớn, nhưng chưa phải là hoàn toàn bình lặng, điều đó giống như cảnh giới của Vô Sanh Pháp Nhẫn Bồ Tát. Cảnh giới Tịch Diệt Nhẫn dầu chỉ một tí sóng gợn cũng không có. Bát Nhã vô tri giống như thế đó, “*không gì chẳng biết*” là khởi tác dụng. Quý vị đồng học nhất định phải hiểu: Đối với chư Phật, Bồ Tát, đừng nói đến những Bồ Tát nào khác, hễ là Vô Sanh Pháp Nhẫn Bồ Tát thì phải là từ Thất Địa Bồ Tát trở lên.

Tịch Diệt Nhẫn của Phật, Bồ Tát đúng là trọn pháp giới khắp hư không giới, hễ nơi nào có chúng sanh Cảm (tức là có duyên, có cảm đối với Phật, Bồ Tát), Phật, Bồ Tát lập tức hiện thân thuyết pháp ở nơi đó. Hiện thân là Ứng Hóa Thân. Đáng dùng thân nào để [người nghe pháp đắc] độ, bèn hiện thân đó, tuyệt đối chẳng nghĩ ta phải hiện thân nào! Không hề có ý tưởng như vậy, hoàn toàn tự nhiên! Nếu quý vị phải nghĩ “ta muốn hiện thân nào?” thì quý vị là phàm phu, chẳng phải là Bồ Tát. Chúng ta nghĩ không ra [cảnh giới siêu việt ấy] nên nói là “*chẳng thể nghĩ bàn*”. Hiện thân hữu tình, hiện thân vô tình. Ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát thực sự chẳng hề khởi tâm, chẳng hề động niệm, tức là Ngài vĩnh viễn trụ trong cảnh giới tịch tĩnh.

Ngài đến ứng hóa bên chúng ta, Thích Ca Mâu Ni Phật đến thế gian này thị hiện tám tướng thành đạo, Ngài có thực sự động niệm hay chẳng? Không hề có! Nếu Ngài thực sự động niệm là bị thoái chuyển mất rồi, thoái chuyển với một mức độ rất lớn. Thực sự chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, Ngài vĩnh viễn trụ trong Tịch Diệt Nhẫn, trong thanh tịnh tịch diệt, tự nhiên hiện thân. Hiện thân, khởi tác dụng là “*không gì chẳng biết*”. “*Không gì chẳng biết*” do đâu mà có? Không đâu chẳng

biết là do “vô tri” mà có. Bởi đâu đức Phật có trí huệ lớn lao đến như thế? Bất luận ai, bất luận nghi nan tạp chứng cỡ nào, cứ đến thỉnh giáo đức Phật, đức Phật lập tức giải đáp, chưa hề nghĩ ngợi gì, không hề có! Hễ quý vị hỏi là đức Phật lập tức đáp ngay; tại sao vậy? Tịch Diệt Nhân giống như chúng tôi vừa mới nói: Nước hồ bình tĩnh, không có chút sóng gợn nào, chiếu rất rõ ràng. Nếu quý vị hỏi Phật, Phật có biết chăng? Đương nhiên biết rất rõ!

Còn quý vị vì sao không rõ? Vì tâm quý vị chẳng thanh tịnh! Chúng sanh và Phật có cùng một tâm, nhưng tâm Phật thanh tịnh chẳng khởi sóng mòi, tâm chúng sanh nổi ba đào vô minh. Ba đào không nhỏ đâu, bốn mươi một phẩm vô minh chẳng phải là ba đào nhỏ nhất, “phân biệt” là sóng gió lớn, “chấp trước” là ba đào đáng kinh hãi. Quý vị thấy chúng ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thật phiền quá! Do vậy, cái gì cũng chẳng rõ, Phật, Bồ Tát có đến dạy ta, ta nghe cũng chẳng hiểu rõ. Các Ngài vì ta thị hiện, chúng ta cũng chẳng thấy rõ. Vì nguyên nhân nào? Tâm thủy của ta ba đào cuộn cuộn, sóng to, gió lớn. Gió là gì? Là gió cảnh giới thời động, chẳng kháng cự được sự dẫn dụ, mê hoặc của cảnh giới bên ngoài. Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng lập tức khởi tâm động niệm, một chút công phu định lực cũng chẳng có. Không có công phu định lực thì một tí trí huệ cũng chẳng thể có!

Huệ do đâu mà có? Huệ từ Định mà có, chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này. Bởi thế, đức Phật có Chánh Tư Duy, Pháp Thân Bồ Tát có Chánh Tư Duy, minh tâm kiến tánh. Các Ngài có Chánh Tư Duy, nghĩa là các Ngài suy nghĩ đúng đắn, như phần trên đã nói đến Chánh Kiến (kiến giải đúng đắn), tư duy như vậy là chánh tri. Trong nhà Phật thường nói “chánh tri chánh kiến”, chánh tri là Chánh Tư Duy, chánh kiến chính là Chánh Kiến trong Bát Chánh Đạo. Cách nghĩ, cách nhìn của quý vị không sai lầm, hoàn toàn là trí huệ. Tôi nói như vậy chắc quý vị dễ hiểu.

Thứ ba là Chánh Ngữ: “*Trừ tứ tà mạng, nhiếp chư khẩu nghiệp, danh Chánh Ngữ*” (Trừ bốn thứ tà mạng, nhiếp các khẩu nghiệp gọi là Chánh Ngữ). Thế nào là bốn thứ Tà Mạng? Trong Chú Giải có giải thích, trong Phật Học Đại Từ Điển và Giáo Thừa Pháp Số cũng có nói. Bốn thứ này quá nửa nói về người xuất gia, nhưng hiện thời kẻ tại gia cũng phạm bốn bệnh này.

1) Thứ nhất là Phương Khẩu Thực (方口食):

Trong cuộc sống thường nhật, chúng ta thích bợ đỡ kẻ quyền quý, giống như thời cổ gọi là “thuyết khách”, du thuyết tứ phương để hưởng

danh văn, lợi dưỡng. Ở đây, phải đặc biệt chú ý một điều: Vì làm lợi cho chính mình, vì đạt danh văn, lợi dưỡng cho chính mình. Mục đích là như vậy! Từ đây mà khởi tâm thì gọi là Tà Mạng. Nếu chánh tri chánh kiến, tuyệt đối chẳng vì bản thân mình, mà vì an toàn xã hội, nhằm lợi ích cho chúng sanh, thì lại là cứu khổ cứu nạn, đại từ đại bi. Đó là Chánh Ngữ.

Phương Khẩu Thực như trong thời cổ có Tô Tần, Trương Nghi, bọn họ hoàn toàn vì bản thân, vì công danh phú quý của bản thân, nên du thuyết nơi các chư hầu [của nhà Châu], nơi quý nhân hiển đạt, mưu cầu địa vị cao sang bất ngờ, chẳng phải vì quốc gia, dân tộc, chẳng vì lợi ích của chúng sanh, mà vì lợi ích cá nhân. Vì thế, họ chẳng phải là thánh nhân, mà là phạm phu. Đó là một loại. Chúng ta phải hiểu (chỉ sợ quý vị hiểu lầm): Nếu người ta thực sự cần quý vị, nếu quý vị quả thật có trí huệ, có duyên phận, vì an toàn xã hội, vì lợi ích của chúng sanh mà có thể làm chút việc gì đó, nhưng quý vị không làm thì trật mất rồi! Bởi vậy, ở đây một đằng là vì bản thân, một đằng là vì người khác. Vì người khác là Chánh Ngữ; vì bản thân thì là Tà Mạng.

2) Loại thứ hai là Duy Khẩu Thực (維口食):

Thật ra chữ Thực ở đây nếu nói như bây giờ thì chính là “cách kiếm sống”. Duy Khẩu Thực là dùng chú thuật, xú quỷ, đoán mạng, xem tướng, xem Phong Thủy. Dùng những phương cách kiếm sống ấy để được chúng sanh cung phụng thì gọi là Duy Khẩu Thực.

3) Loại thứ ba là Ngưỡng Khẩu Thực (仰口食):

Ngưỡng Khẩu Thực bây giờ gọi là “dự ngôn”. Ngửa trông tinh tú tiên đoán tốt - xấu, họa - phước, cũng nhằm để được người ta cung phụng, nuôi nấng. Từ xưa đến nay, xưa nay trong ngoài nước đều có [những hạng người này]. Nói chung, chúng sanh đều mong “xu cát tỵ hung” (hướng lành, tránh dữ); bởi thế, đối với những dự ngôn cũng rất quan tâm, xem trọng. Trước mỗi năm đầu tiên của một thế kỷ, xưa nay trong nước ngoài nước luôn có những dự ngôn tiên đoán lúc đó ắt có tai nạn lớn, thậm chí những kinh điển viết về ngày tận thế: Vào những lúc ấy có rất nhiều tai nạn xảy ra! Những kiểu như vậy thuộc loại Ngưỡng Khẩu Thực.

4) Loại thứ tư là Hạ Khẩu Thực (下口食):

Hạ Khẩu Thực là tự mình trồng trọt. Đức Phật quy định đệ tử xuất gia phải khát thực, tự mình chẳng gieo trồng. Vì sao? Gieo trồng ắt có thâm hoạch, ắt có sản phẩm, dễ khởi tâm tham. Phật chế định phương thức như vậy đều nhằm đoạn trừ tham - sân - si - mạn. Mỗi ngày đi khát thực, người ta cho gì ăn nấy, chẳng có tâm tham, chẳng có phân biệt,

kiêu căng, ngạo mạn chắc chắn không khởi lên được. Tự mình trông trọt sản xuất, ta có thâm hoạch, khởi tâm tham, khởi ngạo mạn: “Năm nay ta trúng mùa nhiều, các người coi ta thâm hoạch hơn bọn người nhiều lắm” nên dẫn khởi phiền não. Đức Phật chẳng hứa khả, chỉ chấp nhận cho ta khát thực, những phương thức sanh sống khác đức Phật đều không cho. Đó là bốn thứ Tà Mạng.

Vì những phương thức sanh sống này đều liên quan đến khẩu nghiệp, chúng ta gọi là ý ngữ (nói thêu dệt), hoa ngôn xảo ngữ, trong ấy chẳng thể tránh khỏi vọng ngữ, lường thiệt (nói đôi chiều). Ý ngữ nhằm đánh động tâm người khác, hy vọng người khác cung phụng, châu cấp, đó đều là Tà Mạng, đều là sai trái. Do đây, chúng ta cũng thấy được chỗ dụng tâm của đức Thế Tôn nhằm làm cho chúng ta chẳng khởi phiền não, thường sanh chánh niệm. “*Nhiếp các khẩu nghiệp*”: Khẩu nghiệp là vọng ngữ, lường thiệt, ý ngữ, ác khẩu, quyết định chẳng có, không vọng ngữ, không lường thiệt, không ý ngữ, không ác khẩu. Đó là Chánh Ngữ.

Thứ tư là Chánh Nghiệp: “*Trừ thân nhất thiết tà nghiệp*” (Trừ hết thấy tà nghiệp nơi thân). Nghiệp là tạo tác, chính đang trong lúc tạo tác thì gọi là Sự. Quý vị làm chuyện gì, đang trong lúc tạo tác thì gọi là Sự, làm xong việc thì kết quả của nó gọi là Nghiệp. Bởi thế, người thế gian thường nói gom lại là “sự nghiệp”. Sự là đang trong lúc tạo tác, Nghiệp là kết quả của tạo tác. Hết thấy những nghiệp nào trái nghịch trí huệ chân thật thì những nghiệp đó chẳng phải là Chánh Nghiệp. Nói cách khác cho mọi người dễ hiểu hơn: Quý vị theo đuổi một sự nghiệp nào, kể cả việc học Phật, tu hành, nếu trong đó xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì những nghiệp ấy đều là tà nghiệp, chẳng phải là Chánh Nghiệp! Chánh Nghiệp chẳng xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì mới là Chánh Nghiệp.

Nói “*trụ thanh tịnh chánh thân nghiệp*” cũng là nói quý vị theo đuổi bất cứ việc gì, hạnh nghiệp tốt đẹp đến đâu thì dù là xuất gia hay tại gia đều như nhau, quý vị nhất định phải tương ứng với chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi thì mới là Chánh Nghiệp! Chẳng tương ứng với những điều trên thì là tà nghiệp. Hàng xuất gia giảng kinh, thuyết pháp, mục đích giảng kinh thuyết pháp là gì? Mục đích nhằm nâng cao danh tiếng, hy vọng mọi người tôn kính mình, hy vọng mọi người cúng dường mình, đó là tà nghiệp, chẳng phải chánh nghiệp. Giảng kinh thuyết pháp nhằm tiếp nối huệ mạng của Phật, vì hoằng pháp lợi sanh, vì giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, chuyển phàm thành thánh, chuyển ác thành lành, tuyệt đối chẳng có xen tạp mảy may lợi ích cho

bản thân vào đó, đây là Chánh Nghiệp. Nói cách khác, có chút xíu vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nào xen tạp vào đó thì Chánh Nghiệp biến thành tà nghiệp, chánh - tà do đây mà phân định!

Thứ năm là Chánh Mạng: “*Trừ tam nghiệp trung ngũ chủng tà mạng, trụ thanh tịnh chánh mạng*” (Trừ khử năm thứ tà mạng nơi tam nghiệp, trụ trong chánh mạng thanh tịnh). Mạng ở đây là sanh mạng, phạm phu đều hy vọng sống lâu hơn một chút, mạng tốt hơn một chút. Ở trên, trong phần Ngũ Nghiệp (tức phần Chánh Ngũ) đã nói đến bốn thứ Tà Mạng là những phương thức sanh sống; năm thứ Tà Mạng nói ở đây rất gần với bốn thứ Tà Mạng ấy, nhưng vẫn có sai biệt. Chánh Mạng không chỉ có nghĩa là sống đúng lý, mà chữ Chánh trong Bát Chánh Đạo có nghĩa là “*vô lậu huệ, nương vào trí huệ chân thật*”. Trong trí huệ chẳng xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì gọi là Vô Lậu Huệ, nói như vậy thì quý vị dễ hiểu hơn.

Trong trí huệ xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, hoặc nói dễ hiểu hơn nữa là trí huệ xen tạp tự tư, tự lợi, xen tạp lòng mong cầu danh văn, lợi dưỡng cá nhân, xen tạp tham - sân - si - mạn thì hết thảy đều bất chánh, đều biến thành tà. Không xen tạp, trọn chẳng xen tạp tự tư, tự lợi, trọn chẳng xen tạp danh văn, lợi dưỡng, trọn chẳng xen tạp tham - sân - si - mạn thì là trí huệ chân chánh, hết thảy đều chánh. Trong ba nghiệp thân - khẩu - ý, bốn thứ Tà Mạng nói ở trên toàn là khẩu nghiệp; ở đây bao gồm cả thân và ý, phạm vi của năm thứ Tà Mạng này càng lớn hơn nữa.

Loại Tà Mạng thứ nhất là “*trá hiện dị tướng kỳ đặc*” (dối hiện tướng tướng lạ đặc biệt), tâm thuật bất chánh, cố ý làm ra vẻ khác người, thời cổ cũng có! Tu khổ hạnh: Khổ hạnh là điều được tôn giáo Ấn Độ cổ xưa kính ngưỡng, Phật pháp cũng hết sức tôn trọng. Tu hành khổ hạnh nhằm mục đích gì? Mục đích nhằm làm cho người khác nể sanh lòng tin, sanh tâm cung kính, cúng dường mình, mục đích là như vậy. Tâm thuật bất chánh, như tôi vừa mới nói “xen tạp danh văn, lợi dưỡng, xen tạp tự tư, tự lợi”. Do chẳng có đức hạnh chân chánh nên dùng những phương pháp ấy. Đó là loại thứ nhất.

Thứ hai là tự mình khen công đức của chính mình, “*vì lợi dưỡng, tự thuyết công đức*” (vì lợi dưỡng nên tự nói công đức của mình). Mục đích nhằm dẫn dụ người khác, vẫn là mong cầu danh văn, lợi dưỡng cho chính mình, vì danh văn, lợi dưỡng nên tự khoe công đức.

Thứ ba là “*chiêm tướng cát hung*” (xem tướng tốt xấu), vì người khác thuyết pháp, nhưng trong khi thuyết pháp lại xen tạp bói toán, xem

tướng, đoán mạng, xem Phong Thủy, dạy người ta xu cát ty hung (hướng lành, tránh dữ) như thế nào, mục đích đều là vì tham lam, tham cầu lợi dưỡng.

Thứ tư là “*cao thanh hiện oai, linh nhân úy kính*” (lớn tiếng ra oai khiến cho người ta nể sợ). Dùng đủ mọi phương pháp đều nhằm cùng một mục đích: Tự mình không có oai đức bèn dùng những phương thức khác [để ra oai], với hy vọng thỏa dục vọng, thỏa tư lợi của chính mình.

Thứ năm là “*thuyết sở đắc cúng dường*” (khoe những thứ mình được cúng dường), nói người này cúng dường bao nhiêu, người nọ cúng dường bao nhiêu, cốt ý dụ dỗ người khác làm theo. Những kiểu như vậy chắc chắn không thể chấp nhận được!

Năm thứ này, đức Phật đều gọi là dùng những ý niệm thiếu chánh đáng để đoạt lấy danh văn, lợi dưỡng’ nhờ vào đó để nuôi thân nên gọi là năm thứ Tà Mạng. Phật pháp nhất định không chấp nhận!

“*Thanh tịnh chánh mạng*”, câu này nghĩa là sao? Người học Phật, bất luận xuất gia hay tại gia, nhất định phải tuân thủ sự giáo huấn của đức Phật. Đối với của cải, đức Phật đã nói rất rõ, bất luận tại gia hay xuất gia, bổ thí là chánh nhân của giàu có. Quý vị chịu tu bổ thí thì làm sao cuộc sống vật chất của quý vị thiếu hụt cho được? Hết thấy cúng dường bổ thí chẳng cầu mà tự nhiên có, vì nguyên nhân nào? Do mình thường tu bổ thí cúng dường. Tín đồ cúng dường bổ thí nhiều quá, chính mình chẳng dùng hết, liền đem bổ thí cho người khác, thay họ tu phước, phước của mình cũng nằm trong đó. Quý vị thấy đó: Người ta cúng dường mình, mình đem cúng dường bổ thí lại cho người khác, mình có phước, người ta cũng có phước, mình lẫn người đều có phước. Nếu mình chẳng chịu bổ thí, muốn tham cầu hưởng thụ, tự mình chẳng có phước báo gì, người cúng dường mình cũng chẳng được phước. Không gieo được phước thì sao? Nhà Phật thường nói: “*Kim sanh bất liễu đạo; phi mao đới giác hoàn*” (Đời này chẳng liễu đạo, mang lông, đội sừng đến), tương lai vẫn phải trả nợ. Người ta bổ thí cúng dường quý vị bao nhiêu, tương lai quý vị phải trả lại bấy nhiêu, lại còn phải trả thêm tiền lời, phiền phức lắm!

Vì thế, người có trí huệ không tích góp, hề thấy trong thế gian chỗ nào cần thiết bèn nhanh chóng bổ thí. Kinh luận thường nói bổ thí cúng dường phước vô biên! Tà mạng đều là mê hoặc điên đảo, thiếu trí huệ, tâm tự tư lợi quá nặng. Tâm hạnh ấy là tạo nghiệp, có phước ở chỗ nào? Dùng những thủ đoạn dối trá để dối phó người khác, làm lẫn quá lớn.

Thứ sáu, Chánh Tinh Tấn: “*Cần hành tinh tấn, tu Niết Bàn đạo*” (Siêng hành tinh tấn, tu đạo Niết Bàn). Do vậy, mọi thứ đều nương theo trí huệ chân thật. Nay Chánh Tinh Tấn của chúng ta là gì? Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ! Cầu sanh Tịnh Độ là đạo Đại Niết Bàn. Trong một đời này, chúng ta nhất định phải thực hiện viên mãn, có thành tựu được hay không toàn là do quý vị có tinh tấn hay không? Nếu quý vị vẫn biếng nhác, vẫn buông lung, tinh thần ý chí chẳng thể tập trung thì rất khó nói. Đời này quý vị kết thiện duyên cùng A Di Đà Phật, nhưng đời này chưa về được. Vì sao? Chẳng phù hợp điều kiện thành cư dân Tây Phương Cực Lạc thế giới, đơn giản vậy thôi! Quý vị chẳng đạt yêu cầu, yêu cầu quan trọng nhất là “*tâm tịnh thì cõi nước tịnh*”, tâm quý vị chẳng thanh tịnh!

Vì sao tâm chẳng thanh tịnh? Vì xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Điều này thực sự là quan trọng nhất, vọng niệm quá nhiều. Bởi thế, chúng tôi thường hay nói: “Chúng ta không bằng những bà cụ già, không bằng những kẻ ngu si, cái gì họ cũng không hiểu, chữ cũng không biết luôn, nhưng họ có đức hạnh thực sự. Đức hạnh của họ là gì? Họ không ngạo mạn, luôn khiêm tốn nhún nhường, trong hết thảy lúc, hết thảy chỗ chẳng dám đứng trước người khác. Khiêm nhường! Đó là đức hạnh. Chất phác là đức hạnh của họ, họ không mong mọi điều gì xa xỉ, không có bất cứ mong cầu gì, chất phác, thật thà niệm Phật. Vọng tưởng gì cũng chẳng sanh, đều buông xuống hết, niệm mấy năm bèn thành công”. Chúng ta cậy mình thông minh, tự cho mình là phi phạm nên chẳng thể vãng sanh. Chúng ta coi những người ấy không ra gì, chẳng thêm để vào mắt, nhưng họ thành Phật rồi, bọn họ chánh tinh tấn! Còn bọn chúng ta loạn tấn, tạp tấn, cái gì cũng muốn học, chuyện gì cũng không buông xuống được, tệ hại là vì vậy!

“*Chánh Niệm: Niệm chánh đạo cập trợ đạo pháp*” (Chánh Niệm: Niệm pháp chánh đạo và trợ đạo). Trong pháp môn này, Chánh Đạo là gì? “*Phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm*” là chánh đạo! Trợ đạo là gì? Đoạn hết thảy ác, tu hết thảy thiện, tích công chứa đức, hồi hướng Tịnh Độ. Chúng ta tu Ngũ Giới, tu Thập Thiện, tu Lục Độ, tu Tứ Nhiếp, tu ba mươi bảy Đạo Phẩm đều gọi là pháp Trợ Đạo. [Những gì] giúp chúng ta dứt tập khí, đoạn phiền não, giúp chúng ta kiên định tín nguyện, giúp chúng ta nhất tâm tinh tấn thì là pháp trợ đạo. Đó là Chánh Niệm.

Cuối cùng là Chánh Định: “*Dĩ vô lậu huệ tương ứng nhập Định*” (Dùng vô lậu huệ tương ứng để nhập Định). Tâm phải định, kinh Di Đà nói “*nhất tâm bất loạn*” chính là Chánh Định; “*tâm chẳng điên đảo*” là

Chánh Huệ. Nhất tâm bất loạn là đã khuất phục được phiền não của chính mình (chúng tôi không nói “diệt” hay “đoạn phiền não” vì công phu ấy rất sâu, chúng ta chưa thể làm được). Một câu A Di Đà Phật niệm cho khéo, tín tâm, nguyện tâm, tâm niệm Phật khiến cho tất cả phiền não tập khí, tức là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều bị khuất phục, đè nén được chúng, chẳng cho chúng khởi hiện hành, đó là bước đầu của Niệm Phật tam-muội, chúng ta thường gọi là “*công phu thành phiền*”. Công phu thành phiền là như thế nào? Là như thế này đây: Phiền não tập khí chưa đoạn, nhưng chẳng thể hiện hành.

Sáu căn của chúng ta tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài, nhưng chấp trước chẳng khởi, phân biệt chẳng khởi, vọng tưởng chẳng khởi thì chính là “*công phu thành phiền*”. Đó là Niệm Phật tam-muội sơ cấp. Quý vị đạt được Niệm Phật tam-muội, chắc chắn vãng sanh Phàm Thánh Đồng Cư độ là chuyện nắm chắc! Chúng ta thấy sắc nghe hương mà vẫn khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì quý vị phải nhớ kỹ: Chưa có công phu chân thật, vẫn bị cảnh giới bên ngoài xoay chuyển. Dù có niệm Phật, vẫn chưa đạt được công phu thành phiền. Chẳng đạt được công phu thành phiền thì không thể đoạn chắc sẽ vãng sanh. Quý vị nghĩ xem: Việc này lớn lao lắm, trọng yếu lắm!

Kinh nói đến “*vô lậu huệ*”, tức là trong trí huệ không xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Quý vị phải nhớ thật kỹ câu này: Xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì vô lậu huệ không còn nữa, kinh Phật gọi cái trí huệ quý vị có đó là “*thế trí biện thông*”, không phải là trí huệ chân thật, mà là thế trí biện thông! Thế trí biện thông khác với trí huệ chân thật ở chỗ này: Một đằng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; một đằng không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là thế trí biện thông; không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là trí huệ chân thật, là “*vô lậu huệ*”. Tâm định rồi, “*dùng vô lậu huệ tương ứng nhập Định*”. Tốt! Tám điều danh tướng đã giới thiệu cùng quý vị xong rồi.

Bây giờ đã hết giờ rồi.

Tập 18

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần “*thuyết pháp trang nghiêm*”, đoạn cuối cùng là Bát Chánh Đạo.

Tám điều này trong lần trước chúng tôi đã giới thiệu danh tướng

và ý nghĩa đại lược cùng quý vị; nhưng chúng ta biết tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn đều tương ứng với cương lĩnh, nguyên tắc dạy dỗ của đức Thế Tôn, nhưng trong mỗi pháp môn bất đồng bèn có cách giải thích bất đồng, quý vị nhất định phải hiểu điều này thì sự tu học hiện tiền của chúng ta mới đạt lợi ích, mới hòng đạt được mong cầu. Ngày nay chúng tôi cùng các đồng tu học pháp môn Tịnh Độ; nay trong pháp môn Tịnh Độ, Bát Chánh Đạo được giải thích bằng cách nào? Nhất định phải biết điều này.

“*Chánh Kiến*”: Chúng ta thấy y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới như đức Thế Tôn đã dạy trong kinh bèn tin chắc, chẳng hoài nghi; đó là Chánh Kiến. Chánh Kiến của chúng ta chẳng do trực tiếp thấy được thế giới Tây Phương, mà là do được nghe đức Thế Tôn giới thiệu. Đối với đức Thế Tôn, chúng ta có tín tâm kiên định. Lão nhân gia tuyệt đối chẳng lừa dối chúng ta, lời lão nhân gia quyết định giống như kinh Kim Cang đã nói: “*Như Lai thị chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả, bất cuống ngữ giả*” (Như Lai là bậc chân ngữ, thật ngữ, như ngữ, bậc chẳng nói lừa dối). Chúng ta tin tưởng mỗi câu mỗi chữ trong lời Phật đều là chân thật. Chánh Kiến của chúng ta được kiến lập trên Tịnh Độ tam kinh, tin sâu chẳng nghi. Đó là Chánh Kiến của Tịnh Độ tông.

Chánh Tư Duy của Tịnh Độ tông là như Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta: “*Úc Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật*” (Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật), đó là Chánh Tư Duy! Để nghĩ nhớ y báo và chánh báo trang nghiêm của thế giới Cực Lạc, cũng phải đọc thuộc kinh điển, phải thường nghĩ tới y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới được nói trong kinh điển, phải thường nhớ tưởng! Chánh Kiến vừa nói ở trên là Tín tâm, còn ở đây là tư duy, thường xuyên nghĩ đến. Vì sao? Nếu chẳng nghĩ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ suy nghĩ loạn xạ liền! Suy nghĩ loạn xạ là nghiệp luân hồi. Trong tâm suy nghĩ bậy bạ chính là tạo nghiệp luân hồi, trong tương lai phải chịu quả báo luân hồi. Bởi vậy, chúng ta phải chuyển cái tâm luân hồi, chuyển ý niệm luân hồi, chuyển cái nghiệp luân hồi thành tịnh nghiệp Tây Phương. Chúng ta nghĩ đến thế giới Cực Lạc, nghĩ đến y báo và chánh báo trang nghiêm dạy trong kinh Vô Lượng Thọ, nghĩ đến bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, nghĩ cách thực hiện những điều đó trong cuộc sống thường nhật như thế nào, chúng ta nghĩ như vậy thì ý nghĩ ấy tốt lành!

Thế nào là Chánh Ngữ của Tịnh Độ học nhân? Chánh Ngữ là một

câu “*Nam-mô A Di Đà Phật*”, câu ấy là Chánh Ngữ của chúng ta. Bởi thế, chúng ta chào hỏi nhau đều chấp tay “*A Di Đà Phật*”; người ta gọi tên mình, mình đáp *A Di Đà Phật*. Chúng ta nhận điện thoại, cầm điện thoại lên bèn “*A Di Đà Phật*”, Chánh Ngữ của chúng ta là như vậy. Thời thời khắc khắc niệm niệm chẳng quên *A Di Đà Phật*.

Chánh Nghiệp của chúng ta là ý nghiệp tưởng *A Di Đà Phật*, thân nghiệp lễ bái *A Di Đà Phật*, khẩu nghiệp niệm *A Di Đà Phật*, đó là tam nghiệp của Tịnh tông.

Chánh Mạng: Tùy theo cái nghiệp báo thân của chính mình, sống được một ngày thì suốt ngày đó niệm *A Di Đà Phật*, y giáo phụng hành. Ba nghiệp thân - ngữ - ý diễn nói, vì người khác diễn nói; lúc lâm chung tâm chẳng điên đảo, rõ ràng rành rẽ, minh bạch, phân minh, không bị bệnh khổ, đứng mà mất, ngồi mà mất, biểu diễn cho người khác thấy, chẳng dễ dàng đâu! Con người có ai không chết? Ai nấy đều phải chết, nhưng ai ra đi tự tại, tiêu sái, rõ ràng minh bạch như thế được? Phải là người niệm Phật! Đó là vì người khác biểu diễn, vì người khác diễn nói, vô cùng có sức thuyết phục. Những chuyện ấy khoa học không thể giải thích, vì đó là siêu khoa học! Khoa học là hữu hạn, có hạn cục, có giới hạn, thế nhưng vẫn có một nền học vấn không có hạn cục, không có giới hạn mà khoa học chưa phát hiện được. Chúng ta nhất định phải biết điều này.

Thế giới tâm linh siêu việt khoa học, nói cách khác, phạm vi của khoa học chỉ thuộc nhân đạo (thế giới loài người). Nhân đạo chỉ là một pháp giới trong mười pháp giới, pháp giới này hữu hạn, chẳng có biện pháp đột phá không gian nhiều chiều, chẳng thể thích hợp cho mười pháp giới. Nhất định phải hiểu đạo lý này, nếu không hiểu, quý vị sẽ bị hạn chế trong phạm vi của lục đạo luân hồi, chẳng thể ra khỏi lục đạo luân hồi! Không ra khỏi lục đạo luân hồi thì nói cách khác: Đúng như sự thật đã được giảng trong kinh Phật, thời gian quý vị ở trong tam ác đạo dài lâu, thời gian trong ba thiện đạo ngắn ngủi.

Phật pháp nói đến giác và mê; nói đến mê tín thì nói đúng ra là mê tín tôn giáo, mê tín cổ thánh tiên hiền. Nếu chúng ta rất lắng tĩnh, rất khách quan quan sát thì những niềm mê tín ấy so ra có lợi hơn nhiều so với mê tín khoa học. Vì sao? Cổ thánh tiên hiền, tôn giáo nói đến không gian nhiều chiều vượt ngoài nhân gian, nó có thật, chứ chẳng phải không có. Linh giới (thế giới tâm linh) thực sự tồn tại, hiện nay có không ít những người trong giới khoa học chấp trước cứng ngắc vào khoa học, nhưng khi tiếp xúc với những “*linh môi*” (Medium: Những người có khả

năng giao tiếp với cõi âm⁵⁷), họ bèn tin tưởng. Từ kinh nghiệm bản thân, [họ nhận thấy] quả đúng là có linh giới. Những nhà khoa học này cả mấy chục năm mê muội khoa học, rốt cục tin tưởng. Họ viết rất nhiều báo cáo, gần đây được in thành sách, quý vị hãy tự tìm đọc.

Ở Trung Quốc và ngoại quốc có rất nhiều người quay đầu tin tưởng, khẳng định sự tồn tại của linh giới. Chữ “*linh giới*” là phiếm chỉ, nói chung, chín pháp giới ngoài pháp giới của con người ra đều gọi là “*linh giới*”. Linh⁵⁸ có cao thấp khác nhau, trong tất cả các tôn giáo thì Phật giáo giảng rõ ràng nhất, giảng thấu triệt nhất. Chẳng những giảng chánh báo rất rõ rệt, mà ngay cả y báo cũng được giảng hết sức rõ ràng: “*Y chánh trang nghiêm*” (y báo, chánh báo trang nghiêm). Bởi thế, nghiệp là những gì tạo tác bởi thân - ngữ - ý. Nếu không trái nghịch kinh giáo thì là Chánh Nghiệp, trái nghịch kinh giáo là tà nghiệp, là sai lầm.

Thế nào là Chánh Mạng? Ấn Quang đại sư giảng rất hay: Nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, không hóa duyên, không làm pháp hội, không làm kinh sám Phật sự, mỗi ngày đều giống như đang tu Phật thất. Học Hội và Tịnh Tông Học Viện của chúng ta thêm vào một môn công khóa nữa là giảng kinh, giải hạnh tương ứng. Đó là Chánh Mạng của chúng ta, chúng ta lấy đó làm mạng sống. Đạo tràng hiện thời không có hằng sản, không có nguồn kinh tế cố định, chúng ta không hóa duyên thì sống bằng cách nào? Chuyện này không một ai phải lo ngại cả. Tôi không quan tâm, vì sao tôi không quan tâm? Chương Gia đại sư dạy tôi: “*Nhất tâm hướng về đạo, nhất tâm vì pháp, vì chúng sanh, Phật, Bồ Tát sẽ an bài cả đời này cho mình, mình không cần phải nhọc lòng*”.

Hôm nay không có gì ăn, nhịn đói một ngày cũng là Phật, Bồ Tát an bài, không một chút gì phải bận lòng cả! Phật, Bồ Tát an bài cho mình chịu đói một ngày thì cái ngày nhịn đói ấy chắc chắn có cái hay, chẳng dở đâu. Huống hồ chúng ta mỗi ngày “*vì người khác diễn nói*” là tu bố thí, tôi đã nói điều này rất nhiều. Tuy chúng ta không có Tài Bố Thí (ngoại tài bố thí), nhưng chúng ta nội tài bố thí, mỗi ngày diễn nói cho mọi người xem. Nội tài bố thí, pháp bố thí, vô úy bố thí ngày ngày chẳng gián đoạn nên quả báo rất thù thắng, cái gì cũng không thiếu, chẳng cầu mà có.

⁵⁷ Chúng tôi không dịch “linh môi” thành ông đồng bà cốt, mà để nguyên tiếng Hán với dụng ý nhấn mạnh những người thực sự có khả năng giao tiếp với linh giới, chứ không phải hạng đồng bóng quàng xiên bịp bợm.

⁵⁸ Chữ “linh” (spirits) ở đây chỉ những hữu tình chúng sanh không phải là con người như chư thiên, nga quỷ, a-tu-la v.v...

Năm mươi năm nay đích thân chúng tôi thể nghiệm đúng thật là như vậy, tôi không hoài nghi chút nào, quyết chẳng vì cuộc sống vật chất mà sanh khởi vọng niệm, không hề có. Quý vị có tín tâm ấy hay không? Quý vị có thể tin nổi hay không? Đạo tràng có thần hộ pháp hộ trì, ngoài Phật hộ niệm ra còn được thần hộ pháp hộ trì, quý vị dốc tâm nơi đạo, hạnh nơi đạo, thần hộ pháp cũng phải chiếu cố. Nếu tâm hạnh của quý vị trái nghịch với đạo, thế nào là đạo? Đạo là những đạo lý, những phương pháp được giảng trong kinh điển, chúng ta luôn tuân thủ thì là “tâm và hạnh đều ở nơi đạo”. Nếu chúng ta không tuân thủ thì tâm và hạnh đã tách rời khỏi đạo. Tách khỏi đạo thì Phật, Bồ Tát không còn cảm ứng nữa, thần hộ pháp cũng bỏ đi luôn, chẳng còn chiếu cố nữa.

Khi nào quý vị sanh tâm sám hối: “Tôi lầm, tôi quay đầu”, Phật, Bồ Tát lại đến, thần hộ pháp cũng quay lại. Thần hộ pháp, Phật, Bồ Tát chẳng giận, tâm và hạnh của quý vị tương ứng với đạo, các Ngài bèn đến, trái nghịch với đạo, họ bèn đi. Bởi vậy, phải tương ứng mới tốt. Ngày ngày niệm kinh vì có gì? Cầu cho kiến giải, tư tưởng, ngôn hạnh của chính mình tương ứng với kinh điển, chẳng trái nghịch. Mục đích và dụng ý chân chánh của việc đọc tụng kinh điển là ở chỗ này. Sống như thế gọi là Chánh Mạng.

Chánh Tinh Tấn: Thâm nhập một môn, trường thời huân tu, nhất định không biếng nhác. Trước hết là thành tựu “công phu thành phiền” của chính mình. Công phu thành phiền sẽ hoàn toàn không chế được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Đúng là những thứ ấy chưa đoạn, nhưng chúng chẳng thể phát tác. Trong nghịch cảnh và ác duyên cũng chẳng sanh phiền não, chẳng sanh tâm nóng giận. Trong thuận cảnh thiện duyên cũng chẳng khởi tham luyến, đó là công phu thành phiền, quý vị khuất phục được chúng. Phật, Bồ Tát dạy chúng ta: Công phu như vậy mới bảo đảm vắng sanh, nhưng quý vị nhất định phải giữ được công phu ấy mãi mãi, chẳng thể hờ hững, xem nhẹ được. Phải biết: Tập khí phiền não rất nặng, thời gian tích lũy tập khí phiền não rất dài. Nếu chúng ta lãng ý một chút, chúng lại bùng phát liền, rắc rối to! Bởi thế, thời thời khắc khắc đều phải đề cao cảnh giác, chẳng dám lơ là chút nào.

Đạt đến Sự Nhất Tâm sẽ hoàn toàn không chế được chúng, chẳng cần phải tác ý nó vẫn bị không chế. Đạt đến Lý Nhất Tâm là tốt nhất, chuyển hết những phiền não ấy thành Bồ Đề, đây thực sự là đoạn phiền não. Cảnh giới Lý Nhất Tâm hoàn toàn tương đồng với “minh tâm kiến tánh” của Tông môn, thường gọi là “phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân”. Niệm Phật đạt đến Lý Nhất Tâm Bất Loạn chính là

cảnh giới này. Cảnh giới ấy không phải cá nhân nào cũng đều có thể chứng được, nhưng đối với công phu thành phiền có thể nói là nếu mỗi người chịu dụng công, tuân thủ những điều kinh điển răn dạy, y giáo phụng hành, ai cũng đều có thể đạt được công phu thành phiền.

Đạt được mức ấy thì như chúng tôi vừa nói đó, trong thuận cảnh thiện duyên chẳng khởi tham luyến, trong nghịch cảnh ác duyên chẳng sanh sân khuê, hết sức tự nhiên, chẳng phải là cố ý khống chế, cố ý đè nén! Nếu phải cố ý đè nén thì quý vị còn đang trong giai đoạn tu học, chưa đạt được công phu thành phiền. Thực sự đạt được công phu thành phiền thì chẳng cần phải tác ý, mà là tự nhiên, phản ứng rất tự nhiên, cảnh giới tốt đẹp mà! Không khó! Điều này mọi người thực sự có thể làm được. Từ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện, chúng ta thấy những người niệm ba năm đạt được cảnh giới này rất nhiều. Vì sao người khác đạt được, mình không làm được? Do vậy, ta phải sanh tâm hổ thẹn!

Luyện công phu tại đâu? Trong cuộc sống thường ngày, trong xử sự, đối người, tiếp vật. Người này đối xử tốt với tôi, tôi đối xử tốt hơn; cứ hễ tôi gặp người ấy, tôi nhất định xử tốt với người ấy hơn người ấy xử tốt với tôi, tôi báo đáp người ấy, như câu nói: *“Thọ nhân trích thủy chi ân, thường tư dưỡng tuyền vi báo”* (Nhận cái ơn nhỏ bằng giọt nước của người, thường nghĩ dùng cả mạch suối để báo đáp). Thế nhưng người ấy chẳng ở trước mặt tôi, trong tâm rỗng rang, chẳng lưu lại dấu tích gì, đó là trí huệ, quyết định không tham luyến. Hễ gặp mặt bèn báo ân, tâm cảm kích tự nhiên sanh khởi. Đó mới là đúng, chẳng phải là tình thức mà là trí huệ, tâm địa vĩnh viễn thanh tịnh, bình đẳng, giác.

Cũng có những đồng học hỏi tôi, có rất nhiều người hỏi tôi, Quán Trưởng đã mất nhiều năm như vậy, sao thầy vẫn còn tưởng niệm bà ta mãi? Đúng vậy! Đây có phải là tham luyến hay chẳng? Nếu thuộc vào tình thức thì là tham luyến, nếu thuộc vào chánh trí thì là giáo học. Ở đây chúng ta dụng một Kỷ Niệm Đường kỷ niệm Quán Trưởng, đó là giáo dục, giáo dục xã hội, dạy đại chúng trong xã hội biết ân, báo ân. Trong quá khứ, bà ta đối xử tốt đối với chúng ta, chúng ta niệm niệm chẳng quên, biết ân, báo ân mà! Đây chính là giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa, đặc biệt là trong xã hội hiện thời. Xã hội hiện thời “biết ân, báo ân” rất ít, toàn là vong ân phụ nghĩa. Quả báo của vong ân phụ nghĩa là tam đồ, quả báo của tri ân báo ân là nhân thiên. Làm thế nào để giúp hết thảy chúng sanh chẳng đọa tam đồ, lại còn có thể hưởng phước báo nhân thiên, công đức giáo dục ấy rất to lớn. Nếu làm được như vậy mà tâm địa

vẫn giữ được thanh tịnh bình đẳng giác sẽ siêu việt lục đạo luân hồi. Những điều đó ở đây gọi là Chánh Nghiệp, Chánh Mạng; vì thế, quý vị phải hiểu ý nghĩa này.

Đối với người oán hận, kẻ oan gia đôi đầu, trong tâm chớ nên có chút sân khuê, chớ nên có mảy may ý niệm báo thù. Chẳng những không có, mà còn thời thời khắc khắc phải chú ý, hễ khi nào họ gặp phải khó khăn, mình đến giúp đỡ, thường biết oan gia phải hóa giải. Túc oán quá khứ, oán kết hiện tại đều phải hóa giải hết, “*oan gia nghi giải, bất nghi kết*” (oan gia nên gỡ, không nên buộc). Trong lúc kẻ ấy gặp khó khăn, ta toàn tâm toàn lực giúp đỡ, mặc kệ tỵ hiềm xưa kia, oan kết bèn hóa giải. Phật pháp có vai trò gì trong thế gian? Chẳng thể không biết điều này, Phật pháp có mặt trong thế gian là để giáo hóa chúng sanh, không một mảy may nào không nhằm dạy dỗ Giác - Chánh - Tịnh, dạy dỗ Bát Chánh Đạo.

Thứ bảy là Chánh Niệm, niệm ở đâu tâm bèn ở đó, Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta: “*Ưc Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật*” (Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền tương lai nhất định thấy Phật). Đó là Chánh Niệm. Trong mười hai thời chấp trì danh hiệu là Chánh Niệm. Hết thấy ngôn hạnh hoàn toàn tương ứng với những điều kinh luận dạy dỗ là Trợ Niệm. Chánh - Trợ song tu nhất định được vãng sanh, nhất định được thấy A Di Đà Phật, tương ứng với Phật.

Chánh Định: Một đời một kiếp này, ta tu hành pháp môn này, quyết định chẳng thay đổi, nương theo kinh điển này, quyết chẳng dao động, đó là Chánh Định. Bát Chánh Đạo của Tịnh Độ Tông là như thế đó!

Chúng ta lại xem tiếp câu kệ: “*Bát Chánh Đạo do Trạch Pháp Giác Phần*”, tức là điều thứ nhất trong Thất Bồ Đề Phần, “*bất y thiên tà, cố nhập Chánh Đạo*” (chẳng nương theo [những kiến giải, tư tưởng, quan niệm, hành vi] lệch lạc, tà vạy, nên vào được Chánh Đạo): Chọn lựa dứt khoát pháp môn ta tu học cả đời. “*Vô lậu thánh pháp*” là Chánh, “*năng thông Niết Bàn*” (có thể thông với Niết Bàn) là Đạo, Tịnh tông thực sự là chánh đạo của mọi chánh đạo. Thế giới Cực Lạc và phương pháp vãng sanh thế giới Cực Lạc là Chánh! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong một đời nhất định thành tựu viên mãn Vô Thượng Bồ Đề, đó là Đạo, đại đạo đấy!

“*Tam thập thất phẩm, thâm pháp tuy tận*” (Tuy ba mươi bảy phẩm gồm thâm trọn hết mọi pháp), ba mươi bảy môn này là đại cương, bao quát tất cả những pháp do mười phương ba đời hết thảy chư Phật đã nói,

đã tu, không có pháp nào ra khỏi ba mươi bảy phẩm này; nhưng quý vị phải biết “*cơ duyên bất đẳng*” (cơ duyên chẳng giống nhau): Cơ (機) là cơ hội, Duyên (緣) là duyên phận; duyên phận, cơ hội của mỗi cá nhân trong từng đời chẳng giống nhau. Vì thế, “*tác chủng chủng khai hợp*” (tạo thành các thứ pháp môn mở rộng hay gộp lại [ba mươi bảy Đạo Phẩm này]), Khai (開) là triển khai, Hợp (合) là gộp lại. Triển khai [ba mươi bảy môn Đạo Phẩm] sẽ thành vô lượng vô biên pháp môn. Nếu quy nạp lại, gộp lại thì chẳng ngoài Giác - Chánh - Tịnh, chẳng ngoài Giới - Định - Huệ, thấy đều bao gồm trong ấy.

“*Danh nghĩa bất đồng, vô bất diễn sớ*” (Danh nghĩa sai khác, không gì chẳng diễn bày, giải nói thông suốt): Diễn (演) là chư Phật, Bồ Tát ngày ngày làm như vậy cho chúng ta thấy. Quý vị phải thực sự hiểu hữu tình lẫn vô tình đều là biểu diễn. Chư Phật Như Lai biểu diễn ở chánh diện, biểu diễn mặt Giác, lục đạo chúng sanh biểu diễn mặt Mê. Chúng ta ngồi dưới sân khấu xem diễn kịch, thấy rất rõ ràng: Bên Giác thì sáng sủa, bên Mê thì tối tăm; hành thiện được thiện quả, hành ác mắc ác báo, khắp pháp giới trọn hư không giới vốn là một sân khấu lớn. Chúng ta vừa là diễn viên, vừa là khán giả trong ấy. Nơi sân diễn thông thường thì diễn viên chẳng phải là khán giả, khán giả chẳng phải là diễn viên. Chúng ta tuyệt vời lắm, tuyệt vời đến tột bậc! Vừa là diễn viên, vừa là khán giả, đã là khán giả, lại là diễn viên. Vì thế, pháp này gọi là “*điều pháp*”.

Người tu hành chân chánh, người tu Giác - Chánh - Tịnh, cái gì cũng quan sát, cái gì cũng nhìn, thấy toàn thể vũ trụ đều là diễn viên. Ở trong ấy, họ thành tựu Giới - Định - Huệ, thành tựu Giác - Chánh - Tịnh, không pháp nào chẳng rõ. Mười pháp giới y báo, chánh báo trang nghiêm, tánh tướng, sự lý, nhân quả vắng vặc phân minh là Huệ. Trong Bát Nhã không gì không biết; tuy không gì chẳng biết nhưng trong tâm thanh tịnh chẳng nhiễm mảy trần, như như bất động, đó là Đại Định! Đại Định ấy là chân tâm, Huệ là chân tâm sanh khởi tác dụng. Tâm là tịch diệt, nhất định phải hiểu điều này.

Qua danh hiệu, Thích Ca Mâu Ni Phật đã dạy rõ: “*Mâu Ni*” (Muni) là thanh tịnh tịch diệt. Đối với bản thân chúng ta, nhất định phải tu thanh tịnh tịch diệt. “*Diệt*” là diệt phiền não, diệt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Sáu căn đối với cảnh giới sáu trần không có phân biệt, vọng tưởng, chấp trước, đó chính là tướng tịch diệt. Tâm đúng là như vậy, đã thế, lại còn hết sức từ bi: Năng Nhân. Thích Ca (Śākya) là Năng

Nhân: Sống động chứ không chết cứng, năng lượng và thông tin từ cảnh giới bên ngoài đưa vào bèn lập tức có phản ứng. Phản ứng ấy sanh khởi từ lý thể của Tịch Diệt, nhất định không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xen tạp trong ấy; đây là Phật, là Pháp Thân Bồ Tát. Nếu chúng ta không liễu giải, không hiểu rõ, không minh bạch cảnh giới ấy, làm sao có thể tu được? Phải hiểu rõ, phải minh bạch, hiểu Phật, Bồ Tát là như vậy. Chúng ta phải khéo học theo, thực sự nhập pháp giới vô chướng ngại. Năng Nhân: Phổ độ hết thảy chúng sanh, nhưng quý vị thấy đó, chẳng hề trở ngại sự thanh tịnh tịch diệt của chính mình, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại. Nay chúng ta mới biết chướng ngại phát sanh từ đâu? Chướng ngại phát sanh từ phân biệt, vọng tưởng, chấp trước; lìa được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì sự sự vô ngại.

Bởi vậy, đến cuối cùng sách Yếu Giải tổng kết: “*Vô bất diễn tướng, cố linh văn giả niệm Tam Bảo, phát Bồ Đề tâm, phục diệt phiền não dã*” (Không gì chẳng diễn bày thông suốt, nên khiến cho người nghe niệm Tam Bảo, phát Bồ Đề tâm, chế phục, diệt trừ phiền não). Chế phục và diệt trừ là hai giai đoạn. Trong công phu niệm Phật của chúng ta, thấy rất rõ rệt: Công phu thành phiền là chế phục, Sự nhất tâm bất loạn là chế phục, Lý nhất tâm bất loạn là diệt, phiền não bị chuyển hết, chuyển phiền não thành Bồ Đề. Phải là Lý nhất tâm mới có thể chuyển được. Do đây biết rằng: Công phu thành phiền không ra khỏi lục đạo vì nó là công phu trong lục đạo; Sự nhất tâm bất loạn siêu việt lục đạo vì thuộc về tứ thánh pháp giới, nhưng vẫn là chế phục; đến khi phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân mới chuyển, mới thực sự diệt phiền não.

Chúng ta lại xem tiếp đoạn kế đó: “*Tam Bảo lược thích*” (giải thích Tam Bảo một cách sơ lược). Tam Bảo nói đơn giản thì có “*biệt tướng Tam Bảo*”, có “*nhất thể Tam Bảo*”, danh tự Tam Bảo là Phật, Pháp, Tăng.

1) Phật có ba thân Pháp, Báo, Ứng Hóa: Pháp Thân Phật, Báo Thân Phật, Ứng Hóa Thân Phật. Đó là chuyện thường nghe nói.

2) Pháp có bốn thứ: giáo pháp, lý pháp, hành pháp, quả pháp, tức là Giáo - Lý - Hành - Quả. Quý vị phải hiểu: Mỗi một bộ kinh bất luận lớn - nhỏ như thế nào, bất luận kinh văn sâu hay cạn thế nào, thấy đều đầy đủ Giáo - Lý - Hành - Quả. Nếu một bộ kinh chẳng có đủ bốn ý nghĩa ấy, kinh ấy chẳng thể gọi là kinh Phật được! Hễ là kinh Phật thì nhất định phải có đủ bốn phần sau đây: Giáo - Lý - Hành - Quả.

3) Tăng, “*Tam thừa thánh hiền*”: Thanh Văn thừa, Duyên Giác thừa, Bồ Tát thừa. Trong ấy có hiền, có thánh, thánh khác với hiền.

Trong địa vị Bồ Tát, hiền nhân là từ Sơ Trụ Bồ Tát đến Thập Hồi Hướng, thánh nhân là từ Sơ Địa cho đến Đẳng Giác, tam hiền thập thánh⁵⁹, đó là hiền thánh nơi địa vị Bồ Tát. Hiền thánh trong Tiểu Thừa: Tứ Quả là Thánh, Tứ Hướng là Hiền. Sơ Quả Hướng là Hiền, Tu Đà Hoàn tính là Thánh. Nhị Quả Hướng là Hiền, Tư Đà Hoàn là Thánh. Trong mỗi một tầng cấp của Tam Hiền, Hiền Thánh lại khác nhau! Hiền là còn đang trong địa vị tu học, Thánh là đã chứng quả. Giống như chúng ta đi học trong nhà trường vậy! Quý vị còn đi học chưa tốt nghiệp, đang còn học là Hiền, học xong, tốt nghiệp là Thánh, lấy được học vị rồi thì là Thánh. Giống như quy chế trong các trường Đại Học hiện tại trong thế gian, còn đang học trong Đại Học là Hiền, ngày nào đó quý vị lấy được bằng Học Sĩ (Cử Nhân) bèn thành Thánh, tiểu thánh! Tiếp tục học theo ban Thạc Sĩ (Cao Học), sinh viên ban Thạc Sĩ là Hiền, sinh viên đều là Hiền. Tốt nghiệp chương trình Thạc Sĩ, giành được học vị Thạc Sĩ (Master) gọi là Thánh, trung thánh. Nếu học tiếp theo chương trình Tiến Sĩ thì sinh viên của ban Tiến Sĩ là Hiền, tốt nghiệp Tiến Sĩ, lấy được học vị Tiến Sĩ là thượng thánh. Thượng - trung - hạ, tam thừa hiền thánh giống như vậy đó.

Trong Đàn Kinh, Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Thiên tông vào đời Đường chẳng nói đến Phật - Pháp - Tăng, Sư nói đến Giác - Chánh - Tịnh. Lúc tôi mới đọc Đàn Kinh, tôi cứ suy nghĩ vì sao Ngài lại nói như thế? Ai cũng nói là Phật - Pháp - Tăng Tam Bảo, sao Ngài lại nói Giác - Chánh - Tịnh? Nhất định phải có duyên cớ. Rất có khả năng là vào đời Đường, đối với khái niệm Phật - Pháp - Tăng người ta khá hồ đồ, chỉ biết danh hiệu, chẳng biết ý nghĩa được bao hàm trong danh từ. Nói cách khác, chưa thọ dụng được. Lục Tổ đại sư có trí huệ, đại từ, đại bi, Ngài đem ý nghĩa của Tam Bảo chỉ rõ ra, khiến cho chúng ta dễ hiểu hòng thọ dụng được. Ngài truyền trao Tam Quy, chẳng nói là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, Ngài không làm vậy! Lúc Ngài truyền trao Tam Quy bèn nói “*quy y Giác, quy y Chánh, quy y Tịnh*”. Ngài truyền trao như vậy, quý vị đọc Đàn Kinh sẽ thấy, rồi mới giải thích: “*Phật là Giác, Pháp là Chánh, Tăng là Tịnh*”.

Bởi thế, nếu với Phật - Pháp - Tăng Tam Bảo, chúng tôi thêm vào mấy chữ nữa, mọi người càng nhận hiểu rõ ràng. Thế nào là Phật? Giác

⁵⁹ Tam hiền thập thánh: Tam Hiền là các địa vị Bồ Tát trước khi đạt đến Thập Địa, gồm Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng. Thập Thánh là mười địa vị Bồ Tát thuộc Thập Địa.

chứ không mê là Phật. Thế nào là Pháp? Chánh chứ không tà là Pháp. Thế nào là Tăng? Tịnh chứ không nhiễm là Tăng. Giải thích như vậy mọi người đều hiểu rõ rệt, chẳng còn nói Phật Giáo là mê tín nữa! Nếu không, người ta chẳng hiểu rõ ý nghĩa này, quý vị nói đến Phật, người ta nghĩ đến tượng Phật bằng đất nặn hay gỗ khắc thành; quý vị nói đến Pháp, người ta nghĩ đến kinh điển; quý vị nói đến Tăng, người ta tưởng là người xuất gia. Nói cách khác, hoàn toàn chấp vào tướng, chỉ chấp vào tướng chẳng biết đến ý nghĩa! Bởi thế, xã hội đại chúng đâm ra hiểu lầm Phật giáo là mê tín!

Lục Tổ đại sư thuyết pháp như vậy thì quan niệm sai lầm ấy lập tức bị hóa giải. Như vậy, người ta hỏi quý vị Phật giáo là gì, quý vị cứ đem lời của Lục Tổ đại sư bảo với họ: Phật giáo là giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm. Lấy mười hai chữ ấy để giới thiệu Phật giáo một cách đơn giản cho người ta, chánh pháp đây! Đó là thường thức, đó là học vấn đây!

A! Bây giờ đã hết giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta tiếp tục xem phần “*Tam Bảo lược thích*”. Ở trên, tôi đã giới thiệu đơn giản cùng quý vị Biệt Tướng Tam Bảo, tiếp theo đây là nói về Nhất Thể Tam Bảo.

Trong Nhất Thể Tam Bảo, Phật có nghĩa là gì? “*Trạm nhiên trí chiếu, linh minh giác liễu*” (trí chiếu soi thanh tịnh, bất động, linh thông, sáng suốt, hiểu biết trọn vẹn) chính là Phật. Trong tự tánh vốn có sẵn đức năng, nói theo thuật ngữ khoa học hiện thời, [đức năng] là năng lượng. Năng lượng chẳng phải từ bên ngoài mà có, cũng chẳng do tu thành, mà từ tự tâm. Chân tâm ta vốn sẵn có, kinh Phật thường gọi những gì sẵn có là “*pháp nhĩ như thị*” (pháp vốn là như vậy). Chuyện ấy chẳng liên quan gì đến tu chứng, bất sanh, bất diệt, không đến, không đi. “Bất sanh, bất diệt” là không có sanh tử, “không đến, không đi” là chẳng có không gian lẫn thời gian; “không tăng, không giảm” là khi mình giác ngộ, tâm ấy chẳng tăng thêm, khi đang mê hoặc, tâm ấy chẳng giảm thiểu, cho nên thường nói: “*Tại thánh không tăng, tại phàm chẳng giảm*”, tánh đức mà! Hết thấy chúng sanh ai nấy đều có đủ, hoàn toàn bình đẳng. “*Trạm nhiên*” là thanh tịnh, xưa nay chưa hề dao động, đó là bản thể của tự tánh chân tâm, không có hình tướng, nhưng không đâu

chẳng tồn tại. Hư không, pháp giới, cõi nước, chúng sanh do đâu mà có? Kinh Hoa Nghiêm nói rất rõ: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*” (chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến). Đây là nói theo mặt Thể. Chân tâm, bản tánh là bản thể của vũ trụ, nhân sinh, ta - người, là một chẳng phải hai.

Pháp Bảo là gì? “*Thật Tướng lý thể thanh tịnh viên diệu*”, đây là Pháp. Thật Tướng là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Tướng chân thật chỉ do tâm hiện, đó là Thật Tướng! “*Thanh tịnh viên diệu*”. Tướng ấy đúng là mảy trần chẳng nhiễm, vi diệu viên mãn, hoặc có thể nói là vi diệu viên dung! Diệu là chúng ta không có cách gì tưởng tượng được, chẳng thể nghĩ bàn! Đó chính là Pháp Bảo trong Nhất Thể Tam Bảo. Trên thực tế, Phật - Pháp - Tăng là một, chẳng phải hai, một nhưng ba, ba nhưng một, chẳng thể tách lìa, chỉ tùy theo quý vị nhìn từ góc độ nào mà thôi. Như vậy, Phật là nhìn từ Thể; Pháp là nhìn từ Tướng; Tăng là nhìn từ Dụng, tức là nhìn từ mặt tác dụng.

Tăng Bảo: “*Lý Trí bất nhị, hòa hợp vô vi*” (Lý - Trí không hai, hòa hợp không chống trái). Quý vị phải thực sự tham thấu, hiểu rõ: Vũ trụ là cả một khối hòa đồng lớn. Văn hóa Nhật Bản từ Trung Quốc truyền qua. Tổ tiên người Nhật rất thông minh, họ gọi dân tộc mình là “*dân tộc Đại Hòa*” (Yamato Minzoku). Ý tưởng Đại Hòa ấy chính là tinh túy (tinh hoa, cốt tủy) của Nho và Đạo của Trung Quốc và Phật pháp; tổ tiên dùng điều đó để dạy dỗ con cháu đời sau. Nếu con cháu đời sau hiểu được ý nghĩa này, đều có thể thực hiện được thì Thiên Hoàng⁶⁰ của Nhật Bản sẽ chính là Kim Luân Thánh Vương như trong kinh Phật nói, là lãnh tụ của toàn thể giới, chứ chẳng phải chỉ của một quốc gia hay một dân tộc nào. Vì sao? Ông ta cổ động hòa bình, hòa bình cho thế giới, cả thế giới là một nhà. Mình yêu người nhà mình, ta yêu dân tộc ta, ta yêu quốc gia ta, ta yêu toàn thể giới như yêu chính người nhà ta, đại hòa rồi!

Tuy tổ tông xướng xuất, con cháu chẳng làm được! Chúng ta chớ coi thường tổ tông, đừng nghĩ trong thời tổ tông không có khoa học kỹ

⁶⁰ Thiên Hoàng (Tennō) là danh xưng của hoàng đế Nhật Bản, nhưng khi trực tiếp xưng hô với vua thì dùng chữ Mikado (hoàng đế). Thiên Hoàng được coi là con cháu trực tiếp của Thái Dương Thần Nữ, và là lãnh tụ tôn giáo cao nhất của Thần Đạo (Shinto) Nhật Bản. Hoàng gia Nhật là hoàng gia là dòng dõi cai trị lâu đời nhất từ năm 660 trước Công Nguyên đến nay, theo Nhật Bản Sử Ký và Cổ Sự Ký, Thiên Hoàng đầu tiên là hoàng đế Thần Vũ (Jimmu Kamuyamato Iwarebiko) và ngôi vua được truyền liên tục từ đó cho đến Nhật Hoàng hiện đại là Minh Nhân Thiên Hoàng (Akihito Tennō).

thuật, tinh thần văn minh của họ bọn hậu nhân chúng ta thực sự không có cách gì tưởng tượng được đâu! Trí huệ, học vấn, tâm tư, kiến thức của họ thực sự đều là rộng lớn, tinh tường, sâu thẳm, tương ứng với pháp tánh. Phật pháp là văn hóa Ấn Độ, Nho và Đạo là văn hóa Trung Quốc, là chân lý tích tụ cả ngàn vạn năm, kẻ trí cạn tuyệt đối chẳng thể trộm nhìn [mà thấu hiểu] được. Đó là Nhất Thể Tam Bảo.

6.3.2.6. Hàng Thụ Diễn Pháp (hàng cây diễn pháp)

Đoạn kế tiếp là “*hàng thụ diễn pháp*”, chúng tôi đọc kinh văn một lượt. Chúng ta đọc tiếp đoạn kinh văn sau:

Xá Lợi Phất! Nhữ vật vị thử điều thật thị tội báo sở sanh. Sở dĩ giả hà? Bĩ Phật quốc độ vô tam ác đạo.

Xá Lợi Phất! Kỳ Phật quốc độ thượng vô ác đạo chi danh, hà hướng hữu thật? Thị chư chúng điều, giai thị A Di Đà Phật dục linh pháp âm tuyên lưu biến hóa sở tác.

Xá Lợi Phất! Bĩ Phật quốc độ, vi phong xuy động chư bảo hàng thụ, cập bảo la võng, xuất vi diệu âm. Thí như bách thiên chủng nhạc đồng thời câu tác. Văn kỳ âm giả, tự nhiên giai sanh niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng chi tâm.

舍利弗。汝勿謂此鳥。實是罪報所生。所以者何。彼佛國土。無三惡道。舍利弗。其佛國土。尚無惡道之名。何況有實。是諸眾鳥。皆是阿彌陀佛。欲令法音宣流。變化所作。舍利弗。彼佛國土。微風吹動諸寶行樹。及寶羅網。出微妙音。譬如百千種樂。同時俱作。聞是音者。自然皆生念佛念法念僧之心。

(Này Xá Lợi Phất! Ông chớ có nói những con chim ấy thực sự do tội báo sanh ra. Vì có sao vậy? Cõi nước Phật ấy không có ba đường ác.

Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật đó còn không có cái tên ba đường ác, hướng hồ có thật? Các loài chim ấy đều do A Di Đà Phật muốn cho pháp âm được tuyên lưu bèn biến hóa ra.

Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy gió nhẹ thổi động các hàng cây báu và lưới màn báu, phát ra âm thanh vi diệu, ví như trăm ngàn loại nhạc cùng lúc hòa tấu. Nghe âm thanh ấy tự nhiên đều sanh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng).

Đoạn này là “*hàng cây diễn pháp*”. Cây và gió thổi nhạc. Gió lùa qua cây bấu. Chúng ta biết cây cối trong Tây Phương Cực Lạc thế giới do các thứ bấu hợp thành, gió thổi qua, cành, nhánh, hoa, lá cọ vào nhau phát ra những âm thanh giống như những cái phong linh (wind chime) chúng ta thường dùng trong thế gian này. Hiện tại ở ngoại quốc, chúng tôi cũng thường thấy phong linh; chúng tôi treo ngoài cửa, lúc gió thổi qua, tự nhiên nó vang ra những âm thanh rất vi diệu. Tây Phương Cực Lạc thế giới càng chẳng cần phải nói nữa, cây bấu quá nhiều, giống như nay ta gọi là “nhạc giao hưởng”, mỹ diệu cùng cực. Gió thổi cây tấu nhạc, chẳng do con người chế tác. Những âm thanh do chúng phát ra, quý vị phải nhớ kỹ: Trong kinh luận Phật thường dạy: “*Y báo tùy trước chánh báo chuyển*” (Y báo chuyển theo chánh báo).

Chuyện gần đây nhất là chúng tôi thấy tiền sĩ Giang Bản Thắng của Nhật Bản làm thí nghiệm kết tinh nước, ông ta thí nghiệm suốt tám chín năm, rất có thành tích. Chúng tôi đã xem những tấm ảnh do ông ta chụp, đọc sách của ông ta, chứng thực điều Phật đã nói trong kinh: “*Y báo chuyển theo chánh báo*”, chứng minh pháp tánh, chân tâm pháp tánh “*trạm nhiên trí chiếu, linh minh giác liễu*”, kinh Lăng Nghiêm gọi điều này “*kiến văn giác tri*” (thấy, nghe, hay, biết). Chân tâm và bốn tánh của quý vị có đầy đủ bản năng (những năng lực sẵn có), người hiện tại gọi [những năng lực sẵn có ấy] là “năng lượng”. Năng lượng vốn sẵn có, có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết. Tất cả hết thảy vạn vật đều có năng lượng đó! Bởi vậy, thí nghiệm trên nước đã chứng minh nước có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết. Chúng ta cung cấp thông tin nào cho nó, nó lập tức có phản ứng. Nếu thông tin ấy tốt lành thì phản ứng hết sức đẹp. Đó là phản ứng chúng ta thấy được qua sự kết tinh của nước.

Cũng có những người luyện Khí Công. Hiện thời, luyện Khí Công cũng rất thịnh hành. Trắc nghiệm nơi những đứa trẻ nhỏ từ bảy tám tuổi cho đến mười bốn tuổi trở xuống, chưa từng bị nhiễm ô gì, tâm địa rất thanh tịnh. Những trẻ nhỏ rất thiên chân ấy chỉ cần huấn luyện một giờ, chúng bèn có thể sờ được chữ, nhận được mặt chữ bằng đầu ngón tay. Quý vị viết một số chữ, viết từ một cho đến một trăm, cả trăm chữ, không cho chúng nhìn thấy, chỉ cho chúng lấy tay sờ vào chữ, rồi bảo chúng nó đọc ra chữ gì, chúng bèn nói được. Thí nghiệm mấy chục lần chẳng trật một lần nào, nói lên điều gì? Tay nhìn được. Kinh Đại Thừa thường gọi chuyện này là “*lục căn hồ dụng*” (sáu căn dùng thay thế lẫn nhau). Tâm phải thanh tịnh thì mới có năng lực ấy.

Nhưng có một điều rất kỳ quái, điều gì vậy? Quý vị viết danh hiệu Phật, Bồ Tát, danh hiệu quý thân, những chữ ấy chúng không biết, nhưng có cảm giác. Nếu quý vị viết chữ “Phật”, trẻ nói chữ ấy phóng ra ánh sáng màu vàng, phóng kim quang, mở ra xem là chữ “Phật”. Có trẻ lúc sờ chữ, nói chữ này phóng quang, trong ấy lại có mùi thuốc, mở ra xem thì thấy viết “*Dược Sư Phật*”. Chỉ những khi viết những chữ thuộc về linh giới, chúng nhận không ra mặt chữ, nhưng có thể mô tả hình tượng rất rõ ràng. Những người ấy làm thí nghiệm, kiểm những trẻ nhỏ làm thí nghiệm, đại khái là trong một trăm đứa, có chừng mười mấy đến hai mươi đứa thí nghiệm thành công. Lúc nhiều nhất là trong một trăm đứa trẻ tham gia thí nghiệm, gần như hơn bốn mươi đứa thành công, đó là con số tối đa. Tối thiểu thì không ít hơn mười đứa bé tuổi từ bảy tuổi đến mười bốn tuổi. Trong những thí nghiệm khoa học ấy, ta không có cách nào giải thích được cả, chứng minh thực sự có thể thấy được bằng cách lấy tay sờ.

Bởi vậy, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới gió và cây tấu nhạc [là vì] người ở Tây Phương Cực Lạc thế giới tâm đều tịnh, đều thiện, thuần tịnh thuần thiện, âm thanh của âm nhạc bên ngoài và tâm linh của họ khởi cảm ứng đạo giao trở thành khúc nhạc du dương nhất, chẳng do ai soạn, tự nhiên mà! Nói thật ra, gió và cây ở ngay cõi chúng ta đây, hết thảy âm thanh cũng đều có nhạc khúc, thuận theo chúng sanh đang sống trong thế gian này, do tâm niệm của họ mà phản ứng, vang ra âm thanh. Người trong thế gian tâm bất thiện, tâm chẳng thanh tịnh, vì thế, âm thanh nghe rất đáng sợ, khiến cho ta nghe không cảm thấy an toàn, gió dữ, mưa cuồng! Nhớ kỹ, nhất định phải nhớ kỹ, đức Phật dạy: “*Y báo chuyển theo chánh báo*”. Chánh báo là gì? Ý niệm của chúng ta, khởi tâm động niệm là chánh báo. Tất cả hết thảy hoàn cảnh vật chất, mỗi một tế bào trên thân thể chúng ta đều chẳng phải ngoại lệ, đều là vật chất. Bởi thế, tâm và vật gắn liền, chẳng thể phân ly, chẳng thể xem như hai việc được!

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật nói: “*Nhất thiết nhân quả, thế giới, vi trần, nhân tâm thành Thể*” (Hết thảy nhân quả, thế giới, vi trần đều do tâm mà thành Thể). Câu này thuyết minh hết thảy các pháp, lớn như thế giới, nhỏ như vi trần, vật chất và tâm gắn liền, nhất định chẳng thể tách rời được. Nếu có thể tách rời thì làm sao có cảm ứng được? Chẳng thể có cảm ứng! Bản thể của chúng là Chân Tâm, là pháp tánh. Pháp tánh tự nhiên đầy đủ “*linh minh giác liễu*”, kinh Lăng Nghiêm gọi [điều này] là “*kiến văn giác tri*” (thấy, nghe, hay biết). Đó là bản năng

của nó, lẽ đâu nó chẳng thể nghe, chẳng thể thấy? Quý vị phải biết: Chúng ta khởi tâm động niệm, hết thấy hành vi, bất cứ điều gì núi, sông, đại địa cũng thấy hết, ta còn che mắt ai được? Chúng ta nói năng gì, nói khê cách mấy, chúng cũng nghe được. Nhất là hiện tại dùng điện thoại cầm tay (cell phone), nhờ vào làn sóng vô tuyến điện, những lời lẽ của quý vị truyền đi khắp cõi hư không. Đối phương phải cầm cell phone mới nghe được quý vị; chứ chúng sanh trong linh giới chẳng cần đến điện thoại, họ nghe trọn vẹn. Chân tướng sự thật đấy!

Cổ thánh tiên hiền thường dạy chúng ta phải cẩn thận, mỗi người phải cẩn thận, như thường nói: “*Thập thủ sở chỉ, thập mục sở kiến*” (Mười cánh tay chỉ vào, mười mắt nhìn vào), giống như thường có mười ngón tay chỉ vào mình, có mười con mắt nhìn mình, nay chúng ta hiểu không phải chỉ có thế! Vô lượng vô biên con mắt nhìn vào mình, vô lượng vô biên ngón tay đang chỉ mình, đâu phải chỉ mười! Nếu nói theo ý nghĩa biểu thị pháp trong Phật pháp thì con số Mười biểu thị ý nghĩa viên mãn, nghe rất hợp lý. Tất cả hết thấy sinh vật (nay chúng ta gọi là sinh vật), [ngoài ra] còn có những loài phi sinh vật, sinh vật là hữu tình chúng sanh, phi sinh vật là thực vật, khoáng vật, kể cả hư không, toàn bộ đều thấy được, toàn bộ đều nghe được.

Con người chớ nên khởi ác niệm, chớ nói lời ác, chớ làm chuyện ác, tất cả hết thấy chúng sanh, thiên địa quỷ thần thấy đều thấy biết, điều này đã được khoa học hiện đại dần dần chứng thực. Trước kia, chúng ta chỉ thấy những điều này được ghi trong sách vở cổ, người hiện tại cho là mê tín, người tin vào khoa học cho đó là mê tín, nay khoa học chứng thực thực sự có những chuyện đó. Tất cả hết thấy vạn vật đều có linh tánh; trong Phật pháp nói là “hết thấy vạn vật đều có pháp tánh”. Pháp tánh vốn có đủ linh minh giác tri, nhà khoa học Nhật Bản cũng phát hiện điều sau đây: Chúng có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật gọi [khả năng ấy] là “*kiến văn giác tri*”. Đây là bản năng, là tự tánh, pháp tánh vốn sẵn trọn đủ năng lượng phân bố khắp hư không pháp giới, phân bố trong hết thấy chúng sanh.

Đoạn kế tiếp là “*phong thụ tác nhạc, vi diệu pháp âm, văn chánh pháp lạc*” (gió và cây tấu nhạc, pháp âm vi diệu, [đó là] niềm vui do nghe chánh pháp). Nghe những pháp âm ấy đều mở mang trí huệ, khiến cho cõi lòng của quý vị càng thêm thanh tịnh, tự nhiên bèn niệm Giác, niệm Chánh, niệm Tịnh “*tự niệm Tam Bảo, đắc chánh niệm lạc dã*” (tự niệm Tam Bảo, đạt được niềm vui Chánh Niệm). “*Thủ trung hiển hóa*

cầm, vi phong, thụ, vãng đẳng âm, nãi nhất thiết y chánh giả thật” (Đoạn này thể hiện những âm thanh của loài chim biến hóa, gió nhẹ, cây cối, lưới mảnh v.v... chính là y chánh giả - thật). “Y” là y báo, “chánh” là chánh báo; Giả là Tướng Phần, tức là cái được biến hiện (sở biến), còn Thật là pháp tánh năng biến (chủ thể thực hiện hành vi biến hiện). Pháp tướng được biến hiện ra là giả, vì sao? Chúng sanh diệt trong từng sát-na, pháp tánh năng biến là chân. *“Đương thể tức thị A Di Đà Phật tam thân tứ đức, hào vô sai biệt dã”* (Bản thể của chúng là ba thân, bốn đức của A Di Đà Phật, không mảy may sai biệt), [những giả tướng như các loài chim được biến hóa, gió nhẹ, hàng cây v.v..] là do A Di Đà Phật biến hiện ra. Ba thân của A Di Đà Phật là Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Hóa Thân; bốn đức là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Không những kinh này dạy những con chim ấy không phải là súc sanh vì Tây Phương Cực Lạc thế giới không có ba ác đạo, mà ngay cả đến những tên gọi ba ác đạo cũng đều không có, huống là có thật, toàn là A Di Đà Phật biến hóa ra đó thôi! Phải biết những chuyện biến hóa này chỉ thuộc Phạm Thánh Đồng Cư độ, vì sao? Người thuộc Phạm Thánh Đồng Cư độ là những người mới vừa vãng sanh, phạm tình còn chưa đoạn hết. Vì thế, A Di Đà Phật rất từ bi, đúng là hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức biến hóa ra những sự ấy. Từ chỗ này, chúng ta có thể thấy đúng là đức Phật từ bi đến cùng cực, A Di Đà Phật thực sự là một vị thầy tốt, khéo ra rả khuyên dụ.

Tiếp đó là *“tình dữ vô tình, đồng tuyên diệu pháp, tứ giáo đạo phẩm, vô lượng pháp môn, đồng thời diễn thuyết, tùy loại các giải, năng linh văn giả, niệm Tam Bảo dã”* (hữu tình và vô tình cùng tuyên nói diệu pháp, [ba mươi bảy] Đạo Phẩm trong bốn giáo (Tạng, Thông, Biệt, Viên), vô lượng pháp môn đồng thời diễn nói, tùy mỗi loại đều hiểu, có thể khiến cho người nghe thấy đều niệm Tam Bảo vậy). Vì sao nghe xong tự nhiên ai nấy khởi lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng? Do hoàn cảnh quá tốt. Hoàn cảnh ấy do A Di Đà Phật biến hóa ra. Ở nơi đây, nếu chúng ta muốn thiết kế một hoàn cảnh tốt đẹp, chúng ta phải dùng rất nhiều tâm tư để thiết kế, phải tưởng tượng mới thiết kế được!

Chúng ta biết ở Trung Quốc vào thời cổ, có rất nhiều khu vườn rừng do súc người tạo thành. Tại Tô Châu, Dương Châu, Hàng Châu, Bắc Kinh, có rất nhiều chỗ, thuở xưa kia, quốc vương, đại thần, trưởng giả giàu có lớn lập ra những hoa viên trong nhà họ với quy mô rất lớn. Có lẽ cái hoa viên mọi người quen thuộc nhất (do đọc bộ tiểu thuyết Hồng Lâu Mộng) là vườn Đại Quan trong Hồng Lâu Mộng, nó được

dụng tâm thiết kế tinh vi. Tây Phương Cực Lạc thế giới là vườn Đại Quan thực sự chẳng dùng đến thiết kế, tự nhiên biến hóa ra. Cõi đó vi diệu đến mức cùng cực, không có cách nào tưởng tượng có một thế giới tốt đẹp đến thế! Cõi ấy do tánh đức tự nhiên lưu lộ. Nếu quý vị thực sự đạt đến cảnh giới thuần thiện thuần tịnh, khôi phục hoàn toàn tự tánh, thì trong tự tánh sẽ hết sức tự nhiên lưu lộ những thứ tốt đẹp như vậy, một tí xiu khuyết hãm tìm cũng chẳng ra.

Do nhân công thiết kế thì dù khéo đến đâu vẫn có sai sót, vẫn có khuyết hãm, không có cách gì thập toàn thập mỹ được. Do tự tánh lưu lộ thì chân thiện, thuần thiện, trong đó, tình và vô tình (“tình” là những con chim, “vô tình” là cây cối hoa cỏ) đều thuyết pháp. Ở đó, lúc chim hót nếu quý vị nghe kỹ sẽ thấy là tiếng thuyết pháp. Khi gió lửa qua lá, cây toàn là cây báu, lá cây chạm vào nhau, phát ra những âm thanh cũng là thuyết pháp. Âm thanh thuyết pháp trong Tây Phương Cực Lạc thế giới trọn khắp pháp giới, trong hết thủy thời, hết thủy nơi không hề gián đoạn.

Nội dung thuyết pháp là “*Đạo Phẩm thuộc bốn giáo, vô lượng pháp môn, đồng thời diễn nói*”. Đồng thời diễn nói há chẳng phải là nghe thành tiếng loạn xạ ư? Chẳng phải vậy. Quý vị muốn nghe pháp môn nào, quý vị sẽ nghe pháp môn đó được nói. Hai người chúng ta cùng ngồi một chỗ, tôi muốn nghe kinh A Di Đà, lắng nghe toàn thấy là kinh Di Đà; anh ngồi bên cạnh tôi, anh thích nghe kinh Hoa Nghiêm, những gì anh nghe được toàn là kinh Hoa Nghiêm. Tuyệt diệu! Đây thực sự chính là như trong Phật pháp thường nói: “*Phật dĩ nhất âm thanh thuyết pháp, chúng sanh tùy loại các đắc giải*” (Đức Phật dùng một âm thanh thuyết pháp, mỗi loại chúng sanh đều hiểu). Vô lượng vô biên pháp môn, quý vị muốn nghe pháp môn gì liền được nghe pháp môn ấy.

Trong thế gian hiện tại này của chúng ta chẳng thể làm được chuyện ấy! Ví dụ như với những thiết bị ta hiện đang có như thế này, chúng ta có phòng phát âm, chúng ta đem mấy chục bộ kinh điển thậm chí mấy trăm bộ kinh điển (quá nhiều cũng không được) cùng phát trên các băng tần (phát trên mấy chục băng tần, hay mấy trăm băng tần khác nhau), đồng thời phát đi. Quý vị muốn nghe một loại kinh nào, vẫn phải vặn nút này nút nọ, bắt đúng tần số mới nghe được, không đúng tần số chẳng nghe được! Hai người chúng ta ngồi cùng một chỗ, mỗi người có một cái máy thu âm nhỏ, tôi nghe kinh Hoa Nghiêm, tôi vặn sang tần số kinh Hoa Nghiêm; bạn nghe kinh Di Đà, bạn phải vặn sang tần số kinh Di Đà.

Ở Tây Phương Cực Lạc thế giới không cần phải phiền phức như vậy, chẳng có bằng tần chi hết, mà cũng chẳng cần đèn máy móc gì. Thuận theo lòng muốn, muốn nghe gì liền được nghe thứ đó, muốn thấy gì bèn thấy những hình ảnh đó, thật chẳng thể nghĩ bàn! Nếu như đang ở Tây Phương Cực Lạc thế giới mà đột nhiên nghĩ: Ta từ thế giới Sa Bà đến đây, những thân thích bè bạn của ta trong thế giới Sa Bà hiện thời ra sao? Ý niệm ấy vừa khởi lên, thế giới Sa Bà liền hiện ngay trước mắt quý vị, đều thấy rõ hết, chẳng thể nghĩ bàn! Bởi vậy, đến được thế giới Cực Lạc là thực sự đạt được đại viên mãn, không giả chút nào. Nay chúng tôi nói như vậy, người tin tưởng ngày càng nhiều hơn, vì sao? Khả năng tánh (possibility) ấy được khoa học thừa nhận, được những nhà khoa học gần đây phát hiện ra.

Cư sĩ Chung Mậu Sâm đã từng báo cáo với chúng ta ở đây. Mấy hôm trước, ông ta gọi điện thoại cho tôi: Lần báo cáo trước ông ta chưa thỏa ý lắm, ông ta muốn báo cáo lại. Được chứ! Tôi hoan nghênh ông ta lên núi bất cứ lúc nào để báo cáo tường tận lần nữa tại xưởng phát hình của chúng ta. Nội dung bản báo cáo lần này của ông ta gồm ba sự kiện:

1) Phát hiện thứ nhất: Dưới một điều kiện nào đó, thời gian và không gian không còn nữa. Thời gian và không gian bằng zéro. Nếu nói không có thời gian thì không có xa - gần, Tây Phương Cực Lạc thế giới ở đâu? Ở ngay nơi đây, A Di Đà Phật đối diện với chúng ta, giống như kinh Phật đã nói. Thời gian không còn nữa thì quý vị có thể thấy được quá khứ, có thể thấy được vị lai. Quá khứ, hiện tại, vị lai không còn nữa, biến thành một. Kinh Phật thường ghi: *“Nhu thị ngã văn: Nhất thời...”* (Tôi nghe như thế này: Một thời...). “Một thời” có nghĩa là như vậy, thời gian và không gian bằng zéro. Đây là điều phát hiện thứ nhất của khoa học.

2) Phát hiện thứ hai: Trong Không sanh ra Có. Kinh Bát Nhã đã nói vậy, Mọi người thường đọc Tâm Kinh: *“Sắc chính là Không, Không chính là Sắc. Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc”* đủ chứng minh đạo lý này. Dưới một điều kiện nào đó, trong Không sẽ sanh ra Có; dưới một điều kiện nào đó, Có trở thành Không. Có lại quy về Không!

3) Điều thứ ba được báo cáo là khởi nguyên của vũ trụ. Khởi nguyên của vũ trụ là “nhất thời đốn hiện”, chứ không phải là tiến hóa (phát triển dần dần tốt hơn). Trước kia mọi người tin tưởng vào thuyết tiến hóa, nay khoa học tiến bộ hơn, phát hiện vũ trụ không phải là tiến hóa, mà là nhất thời đốn hiện. Điều này hoàn toàn tương đồng với những gì kinh Phật đã giảng. Cho thấy kinh Phật không phải là ngụ ngôn, chẳng

phải là thần thoại. Người xưa thiện căn sâu dày, họ tin tưởng! Người hiện tại thiện căn chẳng sâu dày như thế, cứ phải dùng chứng cứ khoa học để chứng minh thì mới chịu tin. Điều này cho thấy tiền nhân so với con người chúng ta hiện tại, nếu nói một cách thông tục, họ lợi hại hơn chúng ta. Trí huệ của họ cao hơn chúng ta, thiện căn sâu dày hơn chúng ta.

Nếu ngày nay không có những chứng thực khoa học ấy, chúng ta sẽ dùng hai chữ “mê tín” để gạt bỏ sạch, có phải là đáng tiếc quá hay không? Chúng là chân lý, là sự thật chân chánh mà trong một đời này ta bỏ lỡ mất. Vì thế, nay chúng ta đọc được những điều này, đọc đến những cảnh giới như kinh điển đã nói, có khoa học giúp phần chứng minh thì tín tâm càng sâu thêm hơn, tư duy càng thêm rộng mở; do đấy, phát sanh lòng tin, sanh khởi ý muốn vãng sanh, có nguyện vọng cầu được chứng. Nếu quý vị mong được vãng sanh, mong được cầu chứng thì hãy hành theo những phương pháp dạy trong kinh điển, quý vị sẽ chứng thực.

Phần sau, [sách Yếu Giải] có một đoạn tổng kết nhỏ, tổng kết về y báo trang nghiêm: “*Linh thâm tín nhất thiết trang nghiêm, giai Đạo Sư nguyện hạnh sở thành, Chung Trí sở hiện*” (Làm cho [người nghe kinh] tin tưởng sâu xa rằng hết thảy sự trang nghiêm đều do nguyện hạnh của đấng Đạo Sư tạo thành, do Chung Trí hiện ra). Đây là nói về Phật lực gia trì khiến cho người học tin sâu, đúng là chẳng dễ dàng! Bởi vậy, trong kinh đức Phật đã nói [pháp môn Tịnh Độ] là “*pháp khó tin*”. Nếu không có khoa học làm chứng cho chúng ta thì đúng là trong một vạn người tìm không ra được một người [thực sự tin tưởng]. Đối với hiện thời thì phải nói ra sao? Phải nói đến một ức người. Chỉ sợ trong một ức người, chỉ tìm được có một người! Trên thế giới hiện thời có gần bảy mươi ức người (bảy mươi tỷ); như vậy, trong toàn thế giới, người thực sự thâm tín chỉ có khoảng bảy mươi người là cùng, họ nhất định vãng sanh, quý vị thấy tỷ lệ ấy không cân xứng! Trong một ức, tức là trong một vạn vạn người (một trăm triệu), chỉ có một người. Hy vọng với luận chứng khoa học này, chúng ta phổ biến tuyên dương cho mọi người đều biết, khiến cho người tin tưởng kinh giáo sâu xa càng ngày càng nhiều. Vì sao? Có chứng cứ khoa học, không phải mê tín, đó là chuyện thật, chẳng phải giả đâu!

Hôm qua tôi nghe nói ở Trung Quốc Đại Lục xây đập nước trên Trường Giang, ngày hôm qua bắt đầu ngăn nước. Đại khái, mực nước trong hồ chứa trong tương lai sẽ cao hơn một trăm bảy mươi mét. Rất nhiều cổ tích hai bên bờ sông đều bị ngập dưới nước. Rất nhiều thần

miếu, ngay cả thành Phong Đô (thành Phong Đô⁶¹ là Quỷ Thành) trú danh trong lịch sử Trung Quốc cũng bị chìm mất. Một giải Trường Giang có rất nhiều miếu thờ long vương, miếu long vương lớn nhỏ gì cũng bị chìm ngập hết. Chúng tôi xem bản tin đó, có người fax cho chúng tôi xem, cho biết họ thông cáo những quỷ thần bên bờ sông, kể cả những yêu ma quỷ quái sống ở hai bờ Trường Giang, khuyên họ phải dọn nhà, càng quan trọng hơn là khuyên họ phải niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ.

Hoàn cảnh cư trú, đạo tràng hương hỏa của bọn họ nay hoàn toàn bị nước nhận chìm, nhất định chẳng thể trách móc cư dân trong lưu vực Trường Giang, hy vọng những quỷ thần ấy hiểu đạo lý, phát tâm từ bi, di cư đến chỗ đất bấu tốt đẹp hơn, quyết chẳng giáng tai ương xuống đầu quần chúng. Mọi người cho là mê tín, hoàn toàn không hợp khoa học, thế nhưng hiện thời có rất nhiều khoa học gia tin tưởng linh giới quả thật tồn tại. Họ gởi những tin tức ấy cho chúng tôi, tôi nói: “Rất tốt! Làm như vậy rất là hay, thực sự có cảm ứng”.

Mẹ bà cư sĩ họ Hồ vãng sanh trong ngày thứ Sáu, ngày hôm đó đạo tràng chúng ta phát khởi Tam Thời Hệ Niệm để siêu độ bà. Đến ngày hôm sau, ở chỗ chúng ta có cảm ứng, có đồng tu bảo tôi: “Mẹ bà ta đến chỗ chúng tôi”. Có thật đấy, chẳng giả đâu! Tuy Hàn quán trưởng vãng sanh đã hơn năm năm rồi, không ít người cảm nhận bà ta đến các đạo tràng của chúng ta để hộ trì, chẳng hề rời khỏi. Rất nhiều đồng tu chúng ta không hoài nghi, đều biết chuyện đó. Bởi vậy, những điều đó khiến chúng ta càng phải tin sâu chẳng nghi, hết thấy sự trang nghiêm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới là do hạnh nguyện của A Di Đà Phật tạo thành, do Chủng Trí hiện ra, do trí huệ Bát Nhã trong tự tánh biến hiện. Đó là nói về phía Phật.

⁶¹ Phong Đô là một huyện của thành phố Trùng Khánh, tỉnh Tứ Xuyên. Tại Phong Đô có một nơi gọi là Quỷ Thành nằm ngay trên núi Phong Đô, tương truyền đây là nơi cư ngụ của Phong Đô Đại Đế (vị chủ quản cõi Âm) theo tín ngưỡng dân gian của Trung Hoa. Từ thời Hán Hòa Đế, Quỷ Thành đã được triều đình sắc phong là Quỷ Quốc Kinh Đô, và được Đạo Giáo coi là một trong số 72 nơi gọi là “động thiên phước địa” tại Trung Hoa. Theo các nhà nghiên cứu, tại núi Phong Đô, theo truyền thuyết (được Cát Hồng ghi lại trong bộ Thần Tiên Truyện), thoát đầu có hai vị đạo sĩ là Vương Phương Bình và Âm Trường Sinh tu luyện thành tiên tại núi này, Đạo giáo về sau coi hai vị này là “Thiên Sư” của núi, và ghép hai tên hai vị này thành Âm Vương dẫn đến sự ngộ nhận nơi này là chỗ cư ngụ của vua cõi Âm (âm vương), dẫn đến hình thành niềm tin Phong Đô là chỗ âm tào quản lý linh hồn người chết. Với công trình xây đập thủy điện Tam Hiệp, nơi này đã bị vùi sâu dưới nước.

Đoạn kế tiếp là: “*Giai ngộ nhân tịnh nghiệp sở cảm, duy thức sở biến*” (Điều do tịnh nghiệp của chúng ta cảm vờ, chỉ do thức biến), chẳng phải là hoàn toàn do Phật hiện, không liên quan gì đến chúng ta. Tâm, nguyện, giải, hạnh của chúng ta phải tương ứng với Phật thì cảnh giới ấy đồng thời hiện tiền. Nếu tâm - nguyện - giải - hạnh của chúng ta hoàn toàn trái nghịch, chúng ta chẳng thấy được cảnh giới do đức Phật đã hiện. Phải tương ứng thì mới thấy được! “*Điều do tịnh nghiệp của chúng ta cảm vờ*” là nói về người niệm Phật vãng sanh. Chúng tôi thường nói: Tâm - nguyện - giải - hạnh của người niệm Phật vãng sanh tương ứng với A Di Đà Phật; bởi vậy, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, họ thấy được cảnh giới ấy, có thể thọ dụng!

“*Phật tâm, sanh tâm hỗ vi ảnh chất*” (Tâm Phật và tâm chúng sanh làm ảnh chất cho nhau): Ảnh chất là gì? Chất (質) là thực chất, ảnh (影) là huyền ảnh; giống như thân một người đứng dưới bóng mặt trời, thân ta đây là chất, tức thực chất, mặt trời chiếu xuống có bóng, có bóng của chúng ta, cái bóng đó là huyền ảnh. A Di Đà Phật là thực chất, chúng ta là huyền ảnh; chúng ta là thực chất, A Di Đà Phật là huyền ảnh: “*Hỗ vi ảnh chất*” (làm ảnh chất cho nhau). Chẳng thể nói nhất định A Di Đà Phật là thực chất, bọn phàm phu chúng ta là huyền ảnh, không thể nói như vậy được! Nói như vậy là bất bình đẳng, nói như vậy không phải là chân tướng sự thật, phải là “làm ảnh chất cho lẫn nhau”. Chúng sanh - Phật, ảnh - chất là một, không phải hai, chẳng thể nghĩ bàn!

Tiếp đó, sách lại nêu một tỷ dụ: “*Như chúng đặng chiếu, các biến dĩ nhất*” (Như các ngọn đèn chiếu sáng, ánh sáng mỗi ngọn đèn chiếu khắp mọi nơi, giống như là ánh sáng của một ngọn đèn), giống như chúng ta thắp rất nhiều đèn trong một gian nhà, ngọn đèn nào cũng thắp hết, quý vị thấy giống như chỉ có một ánh sáng; thật ra, ngọn nào tỏa sáng ngọn đó. Vì sao? Nếu chúng ta thổi tắt đi, ánh sáng của ngọn đèn ấy không còn nữa, trọn chẳng trở ngại các ngọn đèn khác. Thắp lên, nó lại sáng bừng, hòa lẫn ánh sáng với những ngọn khác. Thật ra, mỗi ngọn tỏa sáng riêng, ánh sáng của mỗi ngọn đều rọi khắp cả phòng, ánh sáng rọi lẫn nhau, tựa hồ như một, nhưng không phải là một, không phải là một mà dường như là một.

“*Toàn lý thành sự, toàn sự tức lý, toàn tánh khởi tu, toàn tu tại tánh, diệc bất khả thâm tư hỷ*” (Toàn bộ lý trở thành sự, toàn bộ sự chính là lý, dùng toàn bộ tánh ấy để khởi tu, cũng chẳng thể không suy nghĩ sâu xa vậy). Đây mới là chân tướng của sự thật, chân tướng của nhân sinh và vũ trụ là như vậy, thế giới Cực Lạc là như vậy, mà tình

trạng hiện tại của địa cầu chúng ta trong thế giới Sa Bà này cũng là như vậy. Bất đồng là vì tâm nhiễm - tịnh bất đồng, hạnh có thiện - ác bất đồng. Tây Phương Cực Lạc thế giới tâm thuần tịnh, hạnh thuần thiện. Ở nơi chúng ta đây, nhiễm nhiều, tịnh ít, ác nhiều, thiện ít! Bởi vậy, trong thế giới này tai nạn nhiều, khổ nạn nhiều, nguyên nhân là vì đây.

Nay đã hết giờ rồi!

Tập 19

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn cuối cùng của phần “*hàng cây diễn pháp*”. Đề tổng kết kinh văn, đức Phật bảo:

Xá Lợi Phất! Kỳ Phật quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

舍利弗。其佛國土。成就如是功德莊嚴。

(Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như thế).

Ở phần trên, tôi đã thưa cùng quý vị đại ý của đoạn tổng kết. Nói chung, đức Thế Tôn kỳ vọng chúng ta sẽ sanh lòng tin sâu đậm chẳng nghi ngờ đối với hết thấy sự trang nghiêm trong thế giới Tây Phương, chúng được thành tựu bởi hạnh nguyện của A Di Đà Phật, cũng như do “*tịnh nghiệp của mỗi hành nhân vãng sanh Tịnh Độ cảm thành, chỉ do Thức biến*”. Tâm Phật và tâm chúng sanh dung hợp thành một thể, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Cuối cùng, chúng tôi nói: “*Toàn Lý thành Sự, toàn Sự tức Lý, toàn tánh khởi tu, toàn tu tại tánh*” (toàn bộ Lý chính là Sự, toàn bộ Sự chính là Lý, hoàn toàn khởi tu nơi tánh, toàn bộ tánh dốc hết nơi tu). Bốn câu này bàn luận đến mức cùng tuyệt, tức là “*Tánh và Tu không hai*”, Tánh Đức và Tu Đức dung hợp thành một Thể. Đạo lý này hết sức sâu xa, nhưng nếu luận trên mặt sự tướng tu học của Tịnh Độ thì lại vô cùng “*thiển hiển*” (rõ ràng, dễ hiểu). Nói tới chỗ này chính là thâm - thiển bất nhị (sâu và cạn chẳng hai).

Câu cuối cùng chính là lời cảm thán thiết tha của đại sư Ngẫu Ích: “*Nại hà, ly thử Tịnh Độ, biệt đàm duy tâm Tịnh Độ, cam đoạ thử tức điều không chi tiểu dã*” (Sao lại lìa Tịnh Độ này để bàn riêng lẽ duy tâm Tịnh Độ, cam chịu tiếng chê ‘thử tức điều không’). Hết sức cảm thán! Đây là lời trách những kẻ chẳng chất phác, thật thà niệm Phật, coi rẻ

pháp môn Niệm Phật, thích “đàm huyền thuyết diệu” (bàn luận những chuyện huyền diệu). Nếu bảo là Có thì thật ra, kẻ ấy chưa hiểu được lý Diệu Hữu. Nếu nói là Không, kẻ ấy cũng chẳng biết đạo lý Chân Không; toàn là nghe lỏm nói mò đó thôi! Nói chung, không thoát khỏi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước! Cuối câu nói trên đây, Tổ nêu thí dụ: “*Thử tức*” là tiếng chuột kêu, “*điều không*” là chim bay trên không chẳng lưu lại dấu tích. Dùng những hình ảnh này để tỷ dụ: Dùng Thử Tức⁶² để tỷ dụ những kẻ nói Có nhưng chẳng biết lý Diệu Hữu; dùng Điều Không để tỷ dụ những kẻ ưa thích nói Không, nhưng thực sự chẳng hiểu thế nào là Chân Không. Chân Không và Diệu Hữu là một, chứ không phải hai.

Trong kinh điển Đại Thừa, đức Phật thường giảng: “*Tướng có, tánh không; từ trong Không sanh ra Có, Có trở về Không*”, sanh ra rồi quay về, trong thực tế, chúng ta không có cách gì hiểu được, tốc độ [diễn biến] quá nhanh. Vì thế, đức Phật nói là “*bất sanh, bất diệt*”. Trong kinh Kim Cang, đức Phật dạy: “*Như lộ, diệt như điện, ưng tác như thị quán*” (Như sương cũng như chớp, nên thường quán như vậy). Kinh Lăng Nghiêm giảng: “*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*” (Ngay chỗ này xuất sanh, ngay nơi này diệt mất). Sanh - diệt hầu như đồng thời, bởi thế gọi là “*bất sanh, bất diệt*”. Niệm thứ nhất vừa diệt, niệm thứ hai bèn sanh tiếp theo ngay. Niệm thứ hai vừa diệt, niệm thứ ba liền sanh tiếp theo ngay. Tốc độ nhanh chóng, chẳng những phàm phu không thể biết, kinh Đại Thừa nói ngay cả hàng Thất Địa Bồ Tát cũng không biết, từ Bát Địa Bồ Tát trở lên mới thấy được. Dùng công phu định lực rất sâu như vậy thì Bát Địa Bồ Tát mới thấy được cái tướng Động cực kỳ vi tế ấy (tướng Động ấy chính là vô minh, là nghiệp tướng vô minh).

Hiện tại các nhà khoa học đã từ phương pháp suy luận Toán Học tìm ra đạo lý này; họ nói Hữu từ đâu mà có? Hữu từ Không sanh ra, “*vô trung sanh hữu*”. Hữu lại trở về Không trong từng sát-na. Chúng ta nói là từng sát-na, chứ thật ra thời gian tính bằng sát-na vẫn còn dài lắm! Không có cách gì diễn tả được hết! Người “luận Không, bàn Có” chẳng tách khỏi ý thức; nói cách khác, hoàn toàn không rời được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, giống như chuột kêu, như chim bay trên không, chẳng tìm được dấu tích. Đại Sư cảm thán cho những kẻ có duyên phận gặp được pháp môn này, nhưng chẳng chịu thật thà tu tập, thật đáng tiếc!

⁶² Ý nói: Kẻ không hiểu lý Diệu Hữu, cứ lải nhải “*Sắc tức thị không, không tức thị sắc... tâm tức Phật, Phật tức tâm*”, giống như tiếng chuột kêu chút chút (ở đây dùng chữ Tức để mô phỏng tiếng chuột kêu).

Đàm huyền thuyết diệu là những ai? Những hạng người trong Tông Môn, Giáo Hạ, đặc biệt là trong thời Mật Pháp này. Chúng ta biết niên đại của đại sư Ngẫu Ích cách chúng ta không xa, Ngài sanh vào niên hiệu Vạn Lịch 26 đời Minh (tức năm 1598), tính ra Ngài là người thuộc thế kỷ 16. Lão nhân gia viên tịch nhằm năm Thuận Trị 11 đời Thanh (tức năm 1654). Đại Sư trụ thế năm mươi bảy năm, không lâu! Ngài vãng sanh lúc năm mươi bảy tuổi. Thành tựu của Ngài chẳng thể nghĩ bàn, là một vị nhất đại tông sư của Tịnh tông. Ấn Quang đại sư tán thán bộ Yếu Giải như sau: “*Dẫu cho cổ Phật tái lai chú giải kinh Di Đà một lần nữa, cũng chẳng thể hay hơn bản này được*”. Lời khen này chẳng sai một tí nào. Chúng ta biết Ấn Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai. Đại Thế Chí khen ngợi đại sư như thế, thì Ngẫu Ích đại sư là ai? Chúng tôi nghĩ nếu không phải là A Di Đà Phật thì cũng phải là Quán Thế Âm Bồ Tát, chứ chẳng phải ai khác nên Đại Thế Chí Bồ Tát mới tán thán như thế.

Thời gian Phật, Bồ Tát ứng hóa trụ trong thế gian dài hay ngắn đều do duyên cảm ứng của chúng sanh. Chúng sanh có Cảm, Phật, Bồ Tát liền Ứng. Không còn duyên nữa, Phật, Bồ Tát bèn đi. Ấn hiện vô thường, ấn hiện tự tại, đúng là “*thiên xứ hữu cầu thiên xứ ứng*” (ngàn chỗ mong cầu, ngàn chỗ ứng). Nay chúng ta xem tiếp đoạn tiếp theo.

6.3.3. Chánh Báo Trang Nghiêm

Đoạn tiếp theo nói về Chánh báo Trang Nghiêm. Trước hết, chúng ta hãy đọc kinh văn một lượt:

Xá Lợi Phất! Ư nhữ ý vân hà? Bỉ Phật hà cổ hiệu A Di Đà?

舍利弗。於汝意云何。彼佛何故號阿彌陀。

(*Này Xá Lợi Phất! Ý ông nghĩ sao? Đức Phật ấy vì sao hiệu là A Di Đà?*)

Đây là lời đức Thế Tôn hỏi tôn giả Xá Lợi Phất. Tiếp đó, đức Phật giải đáp.

Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quang minh vô lượng chiếu thập phương quốc, vô sở chướng ngại. Thị cổ hiệu vi A Di Đà.

舍利弗。彼佛光明無量。照十方國。無所障礙。是故

號為阿彌陀。

(Này Xá Lợi Phất! Đức Phật ấy quang minh vô lượng chiếu các cõi nước mười phương không bị chướng ngại. Vì thế, Ngài hiệu là A Di Đà).

Chúng ta đọc tiếp luôn đoạn dưới.

Hựu Xá Lợi Phất! Bỉ Phật thọ mạng cập kỳ nhân dân, vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp. Cố danh A Di Đà.

又舍利弗。彼佛壽命。及其人民。無量無邊阿僧祇劫。
。故名阿彌陀。

(Lại này Xá Lợi Phất! Thọ mạng của đức Phật ấy và nhân dân của Ngài là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, nên tên là A Di Đà).

Chúng ta phải đọc đến đây mới thấy ý nghĩa chung của cả đoạn. [Sách Yếu Giải nhận định]: “Thử kinh đích thị trì danh diệu hạnh, cố đặc trưng thích danh hiệu, dục nhân thâm tín vạn đức hồng danh bất khả tư nghị, nhất tâm chấp trì, vô phục nghi nhị dã” (Kinh này chỉ bày đích xác diệu hạnh Trì Danh; vì thế đặc biệt trình bày, giải thích danh hiệu, ngõ hầu làm cho con người tin sâu vào vạn đức hồng danh chẳng thể nghĩ bàn, nhất tâm chấp trì, không còn nghi ngờ gì nữa). Trước hết, phải hiểu đức Phật dạy điều gì trọng yếu nhất trong kinh này? Chính là dạy chúng ta “chấp trì danh hiệu”. Trong bốn cách niệm Phật thì thuận tiện nhất, dễ dàng nhất, thù thắng nhất không pháp nào hơn được Trì Danh. Bốn pháp Niệm Phật là Thật Tướng Niệm Phật, Quán Tướng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, Trì Danh Niệm Phật. Kinh này chủ trương Trì Danh Niệm Phật, hoàn toàn có cùng chủ trương với kinh Vô Lượng Thọ. Bởi vậy, danh hiệu rất trọng yếu! Đặc biệt muốn nêu bật danh hiệu, nên đức Phật kêu Xá Lợi Phất để hỏi: “Ý ông nghĩ sao? Đức Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới vì lý do gì hiệu là A Di Đà?”

“A Di Đà” là tiếng Phạn, “chánh phiên Vô Lượng” (dịch thành Vô Lượng). A là Vô, Di Đà là Lượng. Dịch theo mặt chữ là Vô Lượng. “Bốn bất khả thuyết” (vốn chẳng thể nói), vô lượng như thế nào? Không có gì chẳng phải là vô lượng, điều gì cũng vô lượng, đó là ý nghĩa của danh hiệu. Hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian, bất cứ pháp nào cũng đều vô lượng, vì sao? Xứng tánh! Trong Thiên tông, lão hòa thượng phải khảo sát coi học trò có đại triệt đại ngộ hay không. Trong rất nhiều công

án Thiền tông, chúng ta thường thấy lão hòa thượng khảo học trò: “Người thực sự hiểu à? Vậy thì cầm lấy một pháp đưa cho ta xem”. Học trò đúng là tùy tiện lấy một pháp, cầm một phiến lá, cầm một nhánh cỏ, gơ một ngón tay, nghĩa là sao? Chúng ta không hiểu gì hết. Lão hòa thượng gật đầu, ừ chứng. Chúng ta chỉ biết là nhiệm mầu không thể nói nổi!

Bất cứ một pháp nào cũng đều là vô lượng; trong Chân Như bốn tánh không có dài - ngắn, chẳng có sanh - diệt, chẳng có đến - đi, chẳng có trước - sau. Nói thật ra, không có cách gì để giảng chữ A Di Đà cả, chẳng thể nghĩ bàn! Vậy thì ở đây đức Phật dùng hai nghĩa quang minh và thọ mạng trong [những sự vô lượng ấy], “*Bốn Sư dĩ quang thọ nhị nghĩa, thâm tận nhất thiết vô lượng*” (Bốn Sư dùng hai nghĩa quang minh và thọ mạng để gồm thâu hết thấy vô lượng). Quang minh và thọ mạng biểu thị pháp, Quang biểu thị không gian, Thọ biểu thị thời gian. “*Quang thị hoành biến thập phương, Thọ thị thụ cùng tam tế*” (Quang là chiếu khắp mười phương theo chiều ngang, Thọ là tới cùng ba đời (tam tế) theo chiều dọc). “Tam tế” (三際) là quá khứ, hiện tại, vị lai. “*Hoành thụ giao triệt*” (cùng khắp cả chiều ngang lẫn chiều dọc), tức là “*pháp giới thể*”. A Di Đà Phật là gì? A Di Đà Phật là pháp giới thể. “*Cử thử Thể tác Di Đà thân độ*” (Nêu lên cái Thể này để làm thân và cõi của A Di Đà Phật): Thân A Di Đà Phật là pháp giới, tức là pháp giới thể. Cõi nước Cực Lạc cũng là pháp giới thể.

“*Diệc tức cử thử Thể tác Di Đà danh hiệu*” (Cũng chính là nêu lên cái Thể này để tạo thành danh hiệu A Di Đà). Như vậy thì danh hiệu A Di Đà là gì? Chính là danh hiệu của tự tánh, danh hiệu của Chân Như bốn tánh. Niệm một câu A Di Đà Phật là niệm Tự Tánh Phật. Nếu chúng ta thắc mắc: Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới có A Di Đà Phật hay không? Có chứ! Không những có, mà còn thực sự có. Có tướng ấy, Tánh và Tướng là một, không hai. Chẳng những Tánh và Tướng là một, không hai; mà tự - tha cũng là một, không hai. Toàn thể vũ trụ và ta là một, không hai. Sự kiện này ai hiểu được? Càng nói chúng ta càng mê hoặc, nhưng đó là sự thật. “*Trộn pháp giới hư không giới là một con mắt của Sa-môn*”, đây là một công án nổi tiếng trong nhà Thiền, rất nhiều người nói được. Toàn là lời thật, lời của những người thực sự khế nhập cảnh giới.

Bởi thế, sách Yếu Giải viết tiếp: “*Tức chúng sanh bốn giác lý tánh, trì danh tức Thỉ Giác hợp Bốn*” (Chính là bốn giác lý tánh của chúng sanh, Trì Danh là Bốn Giác hợp cùng Thỉ Giác). Pháp này nhiệm

mâu đến cùng cực! Chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật là Thi Giác hợp với Bốn Giác. A Di Đà là Bốn Giác, tức là Bốn Giác nơi tự tánh [của mỗi hành nhân Tịnh Độ], nay chúng ta phát tâm niệm một câu A Di Đà Phật thì cái tâm niệm ấy là Thi Giác. Thi Giác và Bốn Giác là một, không phải hai. “*Thi, Bốn bất nhị, sanh - Phật bất nhị*” (Thi Giác và Bốn Giác chẳng hai; chúng sanh và Phật không hai). “*Sanh*” là chúng sanh, là chính chúng ta. Bản thân chúng ta và A Di Đà Phật bất nhị, Thi Giác và Bốn Giác bất nhị. “*Có nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật. Niệm Phật nhân bất khả bất tri thử nghĩa dã*” (Vì thế, một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật. Người niệm Phật chẳng thể không biết nghĩa lý này). Người niệm Phật chúng ta hiện nay rất nhiều, có mấy ai hiểu được ý nghĩa này? Chẳng hiểu ý nghĩa này! Chẳng hiểu ý nghĩa này thì niệm Phật không tương ứng, nên chỉ là “*miệng có, tâm không*”. Nếu quý vị hiểu được nghĩa lý này thì sẽ biết niệm, người biết niệm Phật sẽ chẳng thể nghĩ bàn.

Nghĩa là sao? Kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương đã giảng rất hay: “*Úc Phật, niệm Phật, hiện tiền tương lai, tất định kiến Phật*” (Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền tương lai, nhất định thấy Phật). Tâm tự được khai, “*tâm khai*” là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Dùng pháp môn Niệm Phật để minh tâm kiến tánh, minh tâm kiến tánh là Lý nhất tâm bất loạn. Vì vậy, có người niệm Phật đắc Lý nhất tâm, có người đắc Sự nhất tâm, có người đắc công phu thành phỉ, có người cái gì cũng không đạt, tâm vẫn là một mớ lộn xộn. Vấn đề chính là quý vị niệm có biết niệm hay không, có tương ứng hay không tương ứng mà thôi! Do đây biết rằng: Kinh giáo này chẳng chỉ dạy điều chi khác, chỉ là kinh Vãng Sanh! Trong những kinh Vãng Sanh, tối thiểu phải hiểu kỹ kinh A Di Đà. Vì sao? Nếu thực sự hiểu rõ, minh bạch thì Phật hiệu sẽ tương ứng chẳng thể nghĩ bàn.

Nếu chẳng hiểu lý, chẳng rõ cảnh giới, phương pháp cũng mơ hồ, dẫu thời gian niệm Phật dài lâu cũng khó lòng thành tựu. Bởi lẽ, quý vị niệm Phật chẳng tương ứng, chẳng tương ứng với tự tánh, tự tánh là Phật. Không tương ứng với tự tánh thì ta và A Di Đà Phật (chúng tôi thường nói là tâm - nguyện của A Di Đà Phật, “*tâm - nguyện - giải - hạnh*” của A Di Đà Phật, chúng tôi hay nói bốn chữ này) chẳng tương ứng. Trong mỗi niệm đều tương ứng với tâm - nguyện - giải - hạnh của A Di Đà Phật là Đệ Nhị Nghĩa. Ở đây, sách Yếu Giải nói đến Đệ Nhất Nghĩa. Đệ Nhất Nghĩa rất khó đạt, tương ứng với Tánh - Thể là Lý nhất

tâm bất loạn. Đệ Nhị Nghĩa chưa đạt đến Lý nhất tâm bất loạn, nhưng có thể đạt đến Sự nhất tâm bất loạn, tương ứng với tâm - nguyện - giải - hạnh của A Di Đà Phật. Nếu quý vị chẳng thông giáo nghĩa, sẽ rất khó khăn!

Nếu như có ai vặn hỏi: “Từ cổ đến nay, chúng ta thấy có rất nhiều ông già bà cả niệm Phật, chưa từng đi học, chẳng biết chữ, xưa nay chưa hề nghe [giảng] giáo nghĩa, cái gì cũng không biết, cứ niệm một câu A Di Đà Phật đến cùng, sao họ vẫn thành công?” Chớ nên coi thường hạng người bậc nhất ấy! Thiện căn, phước đức, nhân duyên của họ đã chín muồi, không có vọng niệm, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều không có, nên tự nhiên tương ứng với một câu Phật hiệu. Chính bản thân họ cũng không biết chính mình đã tương ứng! Dầu thiện căn của họ sâu hay cạn, công phu siêng hay lười, vẫn có thể thực sự thành công vãng sanh. Sanh về cõi Đồng Cư là người thiện căn, công phu nông cạn. Sanh về cõi Phương Tiện là hạng người thiện căn, công phu sâu hơn một bậc nữa. Người tối thượng thừa, tâm địa thanh tịnh chẳng nhiễm mảy trần, tâm địa chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi thật hiếm có. Vừa sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, hoa sen liền nở gặp Phật ngộ Vô Sanh, chớ nên xem thường!

Ngày nay chúng ta gặp chướng ngại, tập khí phiền não quá nặng, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước không buông xuống được. Vọng niệm quá sức nhiều, dùng bất cứ phương pháp gì cũng không ngưng dứt được, chẳng thể không biết điều này. Người thực sự dụng công phải tìm ra phương pháp ngưng dứt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thực sự sám hối, khẩn thiết cầu Phật gia trì. Phật trên mặt Lý là có, mà trên mặt Sự cũng có. Thực sự có Tây Phương Cực Lạc thế giới, thực sự có A Di Đà Phật, không giả chút nào hết! Chúng ta nghiệp chướng nặng dướng ấy, làm cách nào đây? Không cầu Phật gia trì sẽ không thể giải quyết vấn đề ấy. Phải cầu Phật, khẩn thiết cầu Phật!

Trước kia, thầy Lý dạy tôi “*chỉ thành cảm thông*”: Chân thành đến cùng cực thì sự cảm ứng sẽ hiện tiền. Quý vị nói mình rất chân thành, nhưng trong sự chân thành ấy vẫn xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; chỉ cần xen tạp một tí tạo, lòng chân thành đã bị phá hoại rồi. Chỉ là thành, chứ chưa phải chân thành, vì còn xen tạp vọng niệm, xen tạp nghi hoặc: “Mình cầu như vậy có đúng hay không? Phật có thực sự đến hay không? Cầu suốt hai ba ngày mà sao Phật vẫn không đến?” Không chân thành! Vẫn còn xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, xen tạp dục vọng, chẳng tương ứng! Vì thế, chẳng thể không biết ý nghĩa

này. Có hiểu ý nghĩa này rồi thì quý vị mới hiểu [vì sao] chẳng thể không tu pháp sám hối.

Lúc chúng tôi mới học Phật, còn chưa xuất gia, xin nghỉ việc, nghĩ muốn đi xuất gia; lão cư sĩ Châu Kính Trụ giới thiệu cho tôi làm quen với pháp sư Sám Vân, đến tiểu thảo xá của pháp sư Sám Vân ở Phổ Lý, sống trong tiểu thảo xá ấy để làm công quả. Gian tiểu thảo xá đó chỉ có năm người, ba vị xuất gia là pháp sư Sám Vân, pháp sư Đạt Tông, và pháp sư Bồ Diệu; hai người cư sĩ là lão cư sĩ Châu Kính Trụ và tôi. Lúc đó cụ Châu bảy mươi tuổi, tôi nhỏ tuổi nhất, hình như ba mươi một tuổi. Tôi làm công quả ở thảo xá, dọn dẹp vệ sinh, mỗi ngày nấu hai bữa (thảo xá chỉ ăn Ngọ, không ăn chiều, nấu hai bữa thôi), giặt quần áo. Đun bếp trên núi phải đi nhặt củi, không cần chở củi. Trên núi cây khô, cành nhánh lá cây rụng xuống rất nhiều; mỗi ngày đi nhặt, nhặt củi về đun bếp; trồng rau trên núi, đó là việc của tôi.

Ngoài ra, pháp sư Sám Vân dạy tôi phương pháp tu hành: Lễ Phật! Quy định công khóa lễ bái mỗi ngày là tám trăm lạy, hay lắm! Thực sự đắc lực, lễ Phật để sám trừ nghiệp chướng. Buổi sáng lễ ba trăm lạy, buổi chiều lễ ba trăm lạy. Buổi trưa ăn cơm xong liền nhiều Phật kinh hành khoảng chừng nửa giờ, nhiều xong, lễ Phật hai trăm lạy nữa. Còn dư một chút thời gian thì pháp sư Sám Vân chỉ định công khóa của tôi là xem chú giải kinh A Di Đà, Ngài trao cho tôi ba bản chú giải: Sớ Sao của Liên Trì đại sư, Viên Trung Sao của U Khê đại sư, và Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư. Tôi tự xem, thầy chẳng dạy, chẳng giảng, bảo tôi phân tích thành biểu giải.

Hoàn tất ba bộ công khóa ấy xong, đọc xong rồi, thầy bảo tôi đọc Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, tôi lên núi đọc sách, đọc rất nhiều thứ. Ba bộ chú giải kinh A Di Đà, Văn Sao của Ấn Quang đại sư. Lúc đó Ấn Quang Văn Sao mới chỉ có bộ Chánh Biên và Tục Biên. Ở Đài Loan lúc đó, Văn Sao in thành một bộ bốn cuốn, mang tựa đề Văn Sao Chánh Tục Biên. Tôi lên núi học suốt năm tháng rưỡi. Trong năm tháng rưỡi, lạy mười mấy vạn lạy, đúng là tiêu nghiệp chướng. Trong lúc lễ Phật, tâm không tạp niệm, chỉ có A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật, nghĩ đến A Di Đà Phật. Nay người mới xuất gia không có được phước khí như vậy. Tôi vào thảo xá chăm sóc ba vị pháp sư, một vị lão cư sĩ, mình tôi làm công quả để tu phước! Tôi một chút phước báo cũng không có, phước báo là do tu tại nơi đó, nhờ đó mới bắt đầu tu phước. Lễ Phật sám hối tiêu nghiệp, đọc chú giải kinh A Di Đà và Ấn Quang Văn Sao để mở mang trí huệ, phước huệ song tu. Quý vị phải thực sự thực hành mới được,

chớ có sợ khổ.

Lúc ấy, lão cư sĩ Lý Bình Nam sáng lập một Đồ Thư Quán (thư viện) ở Đài Trung, tức là Từ Quang Đồ Thư Quán; phỏng chừng Đồ Thư Quán xây cất chẳng bao lâu sẽ xong, tôi bèn rời Phố Lý đến Đài Trung, phát tâm học kinh giáo với thầy Lý. Tôi đến phục vụ trong Đồ Thư Quán. Lúc đó, tại Đồ Thư Quán có ba người, nếu tính cả người chuyên môn nấu bếp thì tổng cộng là bốn người, làm công quả có bốn người. Công việc rất nhẹ nhàng. Công việc cũng không có gì nhiều, tối thiểu là tôi không phải giặt quần áo cho mọi người, không phải nấu cơm; có người khác nấu rồi! Chỉ giặt quần áo của mình rất tiện, có nhiều thời gian đọc sách. Lúc mới đến Đài Trung, tôi vẫn lễ Phật, mỗi ngày lạy ba trăm lạy, theo mọi người tụng công khóa sáng, buổi sáng lễ một trăm lạy, giữa trưa lễ một trăm lạy, buổi chiều lễ một trăm lạy. Giữ được như vậy trong một thời gian rất lâu, phải thực sự làm nghe! Vừa mới vào cửa Phật thì khổ hạnh là phương pháp tu học đặc lực nhất. Không chịu được khổ, chẳng chịu làm thì không có cách chi hết.

Chúng tôi thường khuyến khích mọi người phải lễ Phật, lễ Phật tiêu nghiệp chướng. Lúc lễ Phật tâm phải định. Quý vị muốn tìm phương pháp ư? Lễ Phật là phương pháp, Niệm Phật là phương pháp, tịnh tọa là phương pháp, đọc kinh nghiên cứu giáo pháp cũng là phương pháp. Phương pháp nào có hiệu quả cho quý vị thì mỗi người không giống nhau, mỗi người căn tánh khác biệt. Bản thân tôi khi nhiếp tâm thấy vọng niệm nhiều quá, làm thế nào để vọng niệm bớt đi một chút đây? Đối với tôi, phương pháp hữu hiệu nhất chính là lễ Phật và nghiên cứu kinh giáo, trong những lúc làm như vậy bèn không có vọng tưởng. Vì thế, sau này tôi đi theo con đường giảng kinh, thời gian lễ Phật ngày càng ít hơn, nhưng tăng thêm thời gian đọc kinh nghiên cứu giáo lý. Mỗi ngày phải đọc, lúc đọc bèn khuyên hay chấm⁶³, những chỗ quan trọng tôi dùng bút màu khoanh lại, viết ghi chú hay tóm tắt đơn giản bên cạnh. Tập trung tinh thần, ý chí, không vọng tưởng; hễ có vọng tưởng là trật rồi!

Lúc lễ Phật không được có vọng tưởng, có vọng tưởng thì làm sao? Hễ có vọng tưởng sẽ quên mất mình đã lễ bao nhiêu lạy. Vì thế, lúc

⁶³ Nguyên văn “*khuyên dừ điểm*” (khuyên và chấm): Khuyên là vẽ một cái vòng tròn, Điểm là chấm một cái bên cạnh. Người Hoa thường hay dùng son (hoặc mực đỏ) vẽ vòng tròn bao lấy một đoạn hay chấm son bên một số chữ để đánh dấu câu trọng yếu cũng như ta nay dùng bút màu tô đậm câu quan trọng khi đọc sách giáo khoa hay văn bản.

ấy chẳng thể khởi vọng tưởng, lẽ được bao nhiêu bèn ghi nhớ rất rõ ràng. Lẽ ba trăm lay rõ ràng. Hễ khởi vọng tưởng là nhằm lẫn liền. Hễ nhằm lẫn thì sao? Nhằm lẫn thì lay trở lại từ đầu. Vì thế, tinh thần, ý chí nhất định phải tập trung. Tự mình phải tìm ra cách đối trị phiền não tập khí của chính mình; phiền não tập khí nghiêm trọng nhất là vọng niệm. Phải làm thế nào để ngưng dứt vọng niệm? Thấu triệt, liễu giải Lý là tốt nhất, quý vị đã ở một mức độ sâu rồi. Chẳng liễu giải Lý cũng không sao, trước hết phải chế ngự được vọng niệm, đối với người mới học điều này quan trọng hơn hết. Sau này công phu đặc lực, bất luận tụng kinh hay là nghe giảng, trong nhà Phật gọi là “*thính giáo, độc kinh*”; đọc kinh hay nghe giảng đều có chỗ ngộ, đều nhờ vào tâm thanh tịnh. Tâm không thanh tịnh thì một tí biện pháp gì cũng không có.

Tiêu chuẩn của tâm thanh tịnh là phân biệt, chấp trước ít; càng ít càng hay. Lại còn một việc các đồng học chúng ta phải nên nhớ kỹ: Sự chẳng liên quan đến mình đừng tìm hỏi, trong cả đời tôi [thái độ này] rất đặc lực. Tôi tuyệt đối không nghe chuyện họ Trương giỏi, họ Lý dở, tôi không chịu nổi, từ nhỏ tôi đã tập quen như vậy, không có cái thói quen ấy. Tôi tuyệt đối chẳng hỏi tới chuyện của người khác! Người khác có đem những chuyện thị phi như “họ Trương giỏi, họ Lý tệ hại” đến kể với tôi, tôi cũng không nghe; nhiều lắm là nói lấy lệ mấy câu, tuyệt đối chẳng lưu tâm. Đương nhiên càng chẳng thể kể lại. Đó là thói quen được huân dưỡng từ nhỏ, đối với việc học Phật sau này thực sự rất hữu ích, tâm dễ chuyên chú. Đây cũng thực sự là một nhân tố khiến cho sức lý giải được sâu hơn một chút.

Lại xem tiếp đoạn dưới [trong sách Yếu Giải]: “*Tâm tánh tịch nhi thường chiếu, cố vi quang minh. Kim triệt chứng tâm tánh vô lượng chi thể, cố phóng vô lượng quang minh, cụ hữu nhiếp thọ gia bị chi công, trừ chướng khai trí chi đức*” (Tâm tánh tịch nhưng thường chiếu, nên là quang minh. Nay chứng thấu triệt cái Thể của tâm tánh là vô lượng, nên phóng ra vô lượng quang minh, có đủ công năng nhiếp thọ, gia bị, có đức tánh trừ chướng, khai trí huệ). Câu này giảng về vô lượng quang. Quang từ đâu mà có? Tâm tánh vốn sẵn có quang minh: Bát Nhã quang minh, trí huệ quang minh, vốn sẵn có! Vốn sẵn có, nhưng sao nay chúng ta không có, trí huệ lẫn quang minh đều không có, quang gì cũng đều không có? Vì sao không có quang? Vì chúng ta mê mất tâm tánh. Vì sao mê? Tâm ta động. Quý vị phải biết: Tâm vốn chẳng động, làm sao động được! Nếu cái tâm thực sự động thì tâm ấy là vọng tâm, chẳng phải chân tâm. Thừa cùng quý vị: Chân tâm vĩnh viễn bất động. Xác thực vì chúng

ta mê mất chân tâm, chẳng biết chính mình có chân tâm nên bèn tưởng cái gì là chân tâm? Tưởng ý niệm là chân tâm, tưởng “tâm ta có thể suy nghĩ, ta có thể phân biệt là chân tâm”. [Thật ra], đó là Duyên Lự Tâm, tức là gì? Trong Phật pháp, [Duyên Lự Tâm] được gọi là Thức.

Quý vị thấy chỉ do Thức biến, Thức tâm (vọng tâm) đầu thai trong luân hồi lục đạo. Ai đi đầu thai? Thức tâm. Trong Phật pháp thường nói: “*Tiên lai hậu khứ, tác chúa công*” (Đến trước, đi sau, làm chúa tể). Thức thứ tám là A Lại Da Thức đến đầu thai, nó đến trước hết. Khi con người chết đi, A Lại Da Thức rời đi sau cùng. Vì thế nói “đến trước hết”, nhưng ra đi sau cùng hết, “đến trước, đi sau, làm ông chủ”. Nó chính là nguyên tố chủ yếu của luân hồi lục đạo. Nó là vọng tâm, không phải chân tâm. Coi vọng tâm là chân tâm thì hỏng rồi! Vọng tâm không có trí huệ, chân tâm có trí huệ; nhưng chân tâm và vọng tâm vĩnh viễn ở chung một chỗ, chẳng thể tách lìa, chân và vọng hòa hợp. Ở nơi đâu? Ở ngay trong thân thể chúng ta. Kinh Lăng Nghiêm lấy thí dụ con mắt: Con mắt nhìn lần thứ nhất, cái thấy đầu tiên là chân tâm, ý niệm thứ hai tiếp theo ngay sau đó là vọng tâm.

Bây giờ đã hết giờ rồi, trong tiết sau chúng tôi sẽ dựa theo tình hình chung mà báo cáo đơn giản cùng quý vị.

*

Chư vị đồng học!

Phần trước nói đến chân tâm và vọng tâm. Chân tâm “tịch nhưng thường chiếu” là quang minh, “chiếu nhưng thường tịch” là vô lượng thọ. Thế nhưng chúng ta chẳng thọ dụng được vì chúng ta toàn dùng vọng tâm. Vấn đề này rất nghiêm trọng. Trong hội Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật đã cùng A Nan luận về chân tâm và vọng tâm. Thích Ca Mâu Ni Phật lấy tánh Thấy làm thí dụ. Điều này chúng ta phải chú tâm một chút mới hòng thấu hiểu được. Chúng ta mở mắt ra bèn thấy, cái thấy đầu tiên khi mở mắt ra, lúc đó không phân biệt cũng như không có chấp trước, đó là “tâm tánh thấy”, đó là chân. Đó là cái thấy bởi tâm tánh. Đến niệm thứ hai bèn khởi phân biệt, bèn khởi chấp trước, lập tức biến thành “thức thấy”.

Quý vị phải hiểu Thức có phân biệt, chấp trước; Tánh không có. Tánh có thể hiện, còn Thức có thể biến. Chư Phật, Bồ Tát dùng tánh Thấy để nhìn, bởi vậy các Ngài thấy được Nhất Chân pháp giới. Chúng sanh trong chín pháp giới dùng năm mươi một Tâm Sở trong tám Thức

để thấy, cho nên những gì họ thấy đều biến thành chín pháp giới. Chín pháp giới do đâu mà có? Đều là từ mức độ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước sai khác mà có; phải hiểu điều này! Mê càng sâu thì trong chín pháp giới càng xuống thấp hơn, đọa lạc càng thấp hơn; mê cạn thì lên cao hơn. Nếu chuyển được tám Thức thành bốn Trí sẽ vượt khỏi mười pháp giới, chẳng còn thuộc trong mười pháp giới nữa, nhà Phật gọi [những người ấy] là Pháp Thân Bồ Tát. Pháp Thân Bồ Tát đã chuyển tám Thức thành bốn Trí, các Ngài chẳng dùng Thức, đã kiến tánh rồi.

Bởi thế, ở con mắt thì Chân Tánh hay Chân Như bốn tánh hoặc Chân Tâm được gọi là tánh Thấy, tại tai gọi là tánh Nghe, tại mũi gọi là tánh Ngửi, tại lưỡi gọi là tánh Nếm. Nếu nói gộp lại, nói đơn giản hơn một chút thì là “*kiến văn giác tri*” (thấy, nghe, hay, biết). Kiến là mắt thấy, Văn là tai nghe, nơi mũi, lưỡi, thân cảm nhận là Giác, nơi ý là Tri. Vì thế, kiến văn giác tri là căn tánh của sáu Căn. Căn tánh vốn sẵn đủ năng lượng đó, nhưng trong ấy nhất định chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vì thế, nó là chân, chẳng phải giả. Đó là chân tâm, là bốn tánh, trong kinh Phật gọi nó là “tâm tánh”. Nó “*tịch nhưng thường chiếu, chiếu nhưng thường tịch*”, ở ngay trên thân chúng ta, chứ không phải ở ngoài. Vì thế đức Phật nói: “*Nhất thiết chúng sanh vốn sẵn thành Phật*” (hết thầy chúng sanh vốn sẵn thành Phật), câu này là thật, chứ không phải giả. Xác thực là vốn sẵn thành Phật, chỉ cốt sao sáu Căn kiến văn giác tri tiếp xúc với cảnh giới sáu Trần bèn lìa được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Quý vị phải biết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là vọng tâm. Vọng tưởng là thức A Lại Da thứ tám, phân biệt là Ý thức thứ sáu, chấp trước là thức thứ bảy. Trong tám thức, thực sự khởi tác dụng là ba thức này; năm thứ đầu chỉ nghe theo lệnh mà làm, chẳng làm chủ được, kẻ làm chủ chính là ba thức này. Chẳng dùng đến ba thức này thì chẳng phải là chuyển Thức thành Trí hay sao? Chuyển A Lại Da Thức thành Đại Viên Kính Trí, chuyển Mạt Na thành Bình Đẳng Tánh Trí, chuyển thức thứ sáu thành Diệu Quán Sát Trí. Quý vị có chuyển được hay chăng? Không được! Thật đấy! Mắt thấy sắc, lập tức khởi phân biệt, vọng tưởng. Khởi phân biệt, vọng tưởng là rớt vào hai, rớt vào ba, rớt vào Thức rồi. Hai là gì? Là Ý Căn (Mạt Na) và Ý Thức. Ba là Ý Thức, Mạt Na Thức và A Lại Da Thức. Vừa động một niệm bèn lạc vào hai, vào ba! Rớt vào hai, ba bèn biến thành phàm phu; không rớt vào hai, ba bèn thành Phật hay Pháp Thân Bồ Tát. Phàm - thánh sai biệt là do đây!

Vì thế, chư Phật, Bồ Tát thấy quý vị rất đáng tiếc, có sao quý vị

lại khởi phân biệt, chấp trước? Nếu quý vị chẳng khởi phân biệt, chấp trước, có phải là đã thành Phật rồi ư? Cớ sao lại khởi? Vừa khởi lên như vậy thì sự tướng đã bị vắn vẹo hết, không thấy được chân tướng nữa! Nếu chẳng khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị sẽ thấy được chân tướng, đó gọi là Nhất Chân pháp giới. Khởi lên ý niệm rồi bèn rót vào hai, vào ba, rót vào ý thức và ý căn; mọi tướng bên ngoài đều bị méo mó. Bởi vậy, đối với tướng trạng của cảnh giới, quý vị bèn ưa thích hoặc chán ghét, có cảnh mong lấy được, có cảnh muốn vứt bỏ, [những ý niệm ấy] đều là phân biệt, chấp trước nghiêm trọng, là tạo nghiệp! Tạo nghiệp sẽ phải thọ báo; quý vị chẳng thấy được chân tướng sẽ chẳng có trí huệ.

Vì thế, Giao Quang đại sư chú giải kinh Lăng Nghiêm, chủ trương “bỏ Thức, dùng Căn”. “Xả Thức, dùng Căn” là gì? Dùng cái niệm thứ nhất, nhất quyết chẳng dùng cái niệm thứ hai. Có lý lắm, hay lắm, nhưng người bình thường làm không nổi. Đúng là làm như vậy không nổi; người làm được như vậy phải là Pháp Thân Bồ Tát, chẳng phải là phàm nhân. [Làm được như vậy] không chỉ siêu việt luân hồi lục đạo mà còn siêu việt mười pháp giới. Chúng ta nhất định phải hiểu điều này, chẳng thể không hiểu. Làm không được thì là chuyện khác! Học dần dần để làm! Học như thế nào? Đối với cảnh giới bên ngoài, hãy nhạt lòng chút, đừng mong mỏi hết sức quá phận; chúng ta vẫn còn có phân biệt, nhưng phân biệt ít hơn một chút, chấp trước nhẹ đi một chút. Mỗi năm một ít dần, năm sau nhẹ hơn năm trước là có tiến bộ đấy!

Những người tầm thường chúng ta, những hạng người căn tánh trung hạ nên làm như vậy; đặc biệt hạng người căn tánh bậc trung, nếu có thể mài giũa như thế độ hai mươi, ba mươi năm, sẽ dần dần nhập được cảnh giới, trường thời huân tu mà! Thế nhưng quý vị phải thực sự huân tập, thực sự tu tập thì mới được! Thế nào là thực sự tu tập? Quý vị phải thực sự xem nhẹ [ngũ dục, lục trần] một chút, phải thực sự giảm bớt chấp trước một chút, đó là công phu thực sự! Phân biệt, chấp trước nghiêm trọng, hiểu cường, hiểu thắng, vĩnh viễn là chướng ngại, không có chút biện pháp chi hết! Con người hiện tại tâm tự tôn rất mạnh, tâm ngã mạn rất cao, khó lắm, hết sức khó khăn! Thích Ca Thế Tôn lúc còn tại thế đã thị hiện cho chúng ta thấy Ngài nhần nhục như thế nào! Cả một đời Khổng lão phu tử thị hiện, đâu đâu cũng khiêm hư, nhún nhường, việc gì cũng chẳng dám vượt trước người khác, đều chịu lui một bước. Thánh nhân dạy người là do từ Tánh Đức lưu lộ.

Chúng sanh và Phật bình đẳng, vạn pháp bình đẳng, có gì đáng để kiêu mạn đâu nhỉ? Chúng ta đọc đến phần năm mươi ba lần tham học

trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy rất rõ năm mươi ba vị thiện tri thức là chư Phật Như Lai ứng hóa, thị hiện cho chúng ta thấy. Họ thị hiện những thân phận thuộc bốn mươi địa vị Pháp Thân đại sĩ, ai nấy đều khiêm hư, chẳng ai nói: “Ta đúng, kẻ khác sai”. Không ai như vậy cả, tìm không ra một vị nào! Họ đều rất khiêm hư: “Vô lượng pháp môn, tôi chỉ biết một pháp này, đối với các pháp môn khác, người hãy đến thỉnh giáo nơi những vị thiện tri thức khác, họ đều cao hơn ta, đều vượt trội ta, ta chẳng bằng được họ”. Quý vị thấy đó: Mỗi một vị thiện tri thức đều khiêm hư như thế. Cổ nhân Trung Quốc dạy chúng ta: “*Mãn chiêu tôn, khiêm thọ ích*” (Tự mãn chuốc lấy tổn hại, khiêm nhường hưởng lợi ích). Trong sáu mươi bốn quẻ của Kinh Dịch, mỗi một quẻ đều có sáu hào xấu tốt khác nhau. Chỉ có mỗi một quẻ có cả sáu hào đều tốt, không có hào nào hung, trong sáu mươi bốn quẻ chỉ có mỗi một quẻ mà thôi, quẻ nào vậy? Quẻ Khiêm⁶⁴, khiêm hư đại cát đại lợi, không lúc nào bất lợi cả.

Con người phải học khiêm hư, phải biết nhường nhịn. Quý vị nhường nhịn người khác, người khác nhường nhịn quý vị, nhường nhịn lẫn nhau, xã hội tự nhiên an định, thế giới tự nhiên hòa bình. Trong hai người, có một kẻ tranh, có một người nhường, cục diện ấy sẽ hóa giải hòa bình. Hai người cùng tranh, không nhường nhau, phiền phức xảy ra liền, chiến tranh nổ ra liền. Kết cuộc của chiến tranh là gì? Hai bên cùng bại vong, thương tổn; đây là chân lý! Vì sao hai bên cùng bại vong, thương tổn; chiến tranh có một bên thắng, một bên bại mà? Không sai! Nhìn bề ngoài thấy có kẻ thắng. Lúc quý vị thắng, quý vị giết bao nhiêu người? Hại bao nhiêu người? Những người ấy đều biến thành oán thân trái chủ của quý vị. Oán thân trái chủ sẽ làm gì? Họ đầu thai vào nhà quý vị, làm con, cháu, chắt, chít của quý vị, họ đến làm gì? Đến báo cừ, há chẳng phải là hai bên cùng bại, cùng thương tổn ư? Vì thế, quý vị phải thấy được nhân quả báo ứng thì quý vị mới biết. Chẳng những giết người, người sẽ báo cừ, mà giết súc sanh, súc sanh cũng báo cừ. Thậm chí ta phá chặt cây cối, hoa cỏ, những hoa cỏ cây cối có linh tánh ấy cũng báo thù, phiền phức lớn lắm. Con người hiện tại chẳng hiểu đạo lý này, phá hoại môi trường tự nhiên, phá hoại cân bằng sinh thái thì thiên

⁶⁴ Tức quẻ Địa Sơn Khiêm (mỗi Hào trong quẻ là một vạch liền hay đứt). Quẻ này gồm quẻ Khôn (ba vạch đứt, tức ba hào Âm) chồng lên quẻ Cấn (một hào Dương, hai hào Âm). Thoán Từ giảng: “*Khiêm, hanh quân tử hữu chung*”. Cụ Nguyễn Hiến Lê dịch: “*Nhún nhường: Hanh thông, người quân tử giữ được trọn vẹn tới cuối*”.

nhiên phải báo thù bằng thiên tai, ôn dịch!

Vì thế, lúc chúng ta cần phải sử dụng tài nguyên thiên nhiên, như chúng ta muốn cắt một thảo xá, phải chặt mấy cây gỗ để làm cột, làm kèo, thì đức Phật dạy chúng ta: Ba ngày trước khi chặt cây phải cúng bái, tụng kinh, niệm Phật hồi hướng cho nó. Ba ngày sau mới được chặt cây. Trên cây có thần cây, thỉnh thần cây dọn nhà, dọn qua chỗ khác, chẳng kết oán cừu. Người hiện tại có ai biết đến điều này? Như vậy, vì đâu mà thiên tai lại nhiều đến như thế? Vì chẳng hiểu rõ đạo lý, chẳng thể đối xử hòa bình. Lúc chúng ta thực sự có nhu cầu, đúng là họ có thể cúng dường, có thể phụng hiến, hai bên đều hoan hỷ, tốt hơn nhiều! Chẳng được cây thế hiếp người, cây thế hiếp người hậu quả chẳng thể tưởng tượng được đâu!

Cây cối hoa cỏ thực sự có linh tánh, sự cảm ứng ấy là thật, không giả một chút nào. Tôi nghe có vị đồng học đến kể với tôi trong nhà họ xảy ra chuyện. Thần gì vậy? Thần cỏ. Trong sân nhà ông ta có một khoảnh cỏ không được tưới nước đã lâu, cỏ khô rụi. Những hòn cỏ (thần hoa cỏ) có cách giao tiếp với quý vị, chúng tạo ra từ trường. Có một ngày nọ, ông ta trở về nhà, về đến nhà cảm thấy từ trường bất ổn, cảm thấy rất lạ lùng, trong tâm nghĩ có quỷ thần gì chẳng? Nếu thực sự có quỷ thần, mình làm sao đối thoại được? Ông ta đột nhiên nghĩ: “Buổi tối nhà thắp đèn điện, [quỷ thần] hãy làm cho đèn chớp lóa một cái”. Độ năm phút sau, ánh đèn điện quả nhiên chớp lóa một cái, ông ta sửng sốt! Là thật, chứ không phải giả rồi! Đúng là có quỷ thần trong nhà. Ông ta nói: “Chúng ta đối thoại bằng cách nào đây? Tốt nhất là tối nay tôi ngủ, ngài báo mộng cho tôi hay vậy”.

Tối đó nằm ngủ, thực sự mộng thấy rất nhiều trẻ nhỏ cầu cứu, chúng nói: “Chúng tôi không phải là ai khác, mà là hoa cỏ trong sân nhà ông, chúng tôi sắp chết khô hết rồi, xin ông tưới nước cho! Đến cầu xin đây!” Sáng sớm hôm sau, ông ta ra vườn xem, quả nhiên đúng như vậy, đúng là đã lâu không tưới nước, cỏ úa vàng hết, vội vàng tưới nước. Sự việc này phát sanh gần đây, mới năm ngoái thôi, chẳng lâu la gì. Tôi đến nhà ông ta xem thử; bởi lẽ, người săn sóc vườn tược là bố ông ta, ông cụ chỉ tưới hoa, tưới cây, không quan tâm đến đám cỏ nhỏ. Cỏ nhỏ đến cầu xin, thật chẳng thể nghĩ bàn! Bởi vậy, thực vật còn có linh tánh, hưởng gì động vật, hưởng chi con người! Như vậy, dùng ác tâm, dùng ác niệm để đối đãi sẽ kết thành oán. Kết oán rồi, oan oan tương báo lúc nào xong, đời đời kiếp kiếp đau khổ!

Chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật này, mới biết chiến tranh là

hai bên cùng bại, cùng tồn, tuyệt đối chẳng phải chỉ một bên thua thiệt. Nếu thực sự hiểu rõ, sẽ tuyệt đối chẳng phát sanh chiến tranh, chắc chắn sẽ tìm phương pháp hòa giải, quyết chẳng dùng đến thủ đoạn ấy. Sự việc này trong kinh đức Phật giảng rất rõ, rất thấu triệt, đáng tiếc con người hiện tại tin vào khoa học, coi mọi giáo huấn của bậc hiền thánh đều là mê tín. Tiếp theo [sách Yếu Giải có] một câu rất hay: “*Kim triệt chứng tâm tánh vô lượng chi Thể*” (Nay chứng thấu triệt cái Thể vô lượng của tâm tánh). Chứng thấu triệt thì dùng phương pháp nào để chứng? Dùng phương pháp Niệm Phật, niệm đến Lý nhất tâm bất loạn sẽ chứng thấu triệt cái Thể vô lượng của tâm tánh. “*Cố phóng vô lượng quang minh, cụ hữu nhiếp thọ gia bị chi công, trừ chướng khai trí chi đức*” (Nên phóng vô lượng quang minh, có đủ công đức nhiếp thọ, gia bị, có đức năng trừ chướng khai huệ), mở mang trí huệ.

Tiếp đó là câu: “*Tâm tánh chiếu nhi thường tịch, cố vi thọ mạng. Kim triệt chứng tâm tánh vô lượng chi Thể, cố thọ mạng vô lượng*” (Tâm tánh chiếu nhưng thường tịch, nên là thọ mạng. Nay chứng thấu triệt cái Thể vô lượng của tâm tánh, nên thọ mạng vô lượng). Quang minh vô lượng, thọ mạng vô lượng, quang minh là trí huệ, trí huệ vô lượng, thọ mạng vô lượng. “*Thị vô Phật tiền Phật hậu nạn chi công*” (Là công năng diệt trừ cái nạn [sanh ra] trước Phật hay sau Phật). Nay chúng ta gặp gỡ, chúng ta sanh trong thế gian này, Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ, tức là “*sau Phật*”. Phật Di Lặc chưa xuất hiện, tức là chúng ta sanh trước thời Phật Di Lặc, sau thời Phật Thích Ca, “*trước Phật, sau Phật*” [là như vậy]. Nhưng cũng còn may, pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật còn chưa diệt, pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật là một vạn hai ngàn năm, nay chúng ta gọi là “*sức ảnh hưởng*”. Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế giáo hóa, phạm vi ảnh hưởng của Ngài lớn đến đâu? Thời gian ảnh hưởng dài đến đâu? Phạm vi ảnh hưởng là trọn khắp thế giới này, thời gian ảnh hưởng là một vạn hai ngàn năm.

[Nói đến] thời gian là nói đến thọ mạng, nói không gian là nói đến quang minh. Pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật vẫn còn chín ngàn năm nữa. Vì vậy, coi như chúng ta vẫn còn may mắn, còn có thể đọc những kinh điển được lưu lại, [những kinh điển ấy] quý báu hơn bất cứ gì khác, chính tự mình phải hiểu, phải tiếc nuối, phải thành tựu ngay trong một đời này. Thành tựu là niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ, phải thấy thấu suốt thế gian này: Thế gian này chẳng đáng để lưu luyến, chúng ta nhất định phải thấu hiểu, phải hiểu rõ điều này. Hễ còn lưu luyến thế gian này tí ti nào, sẽ chướng ngại sự vãng sanh. Nếu quý vị chẳng thể

vãng sanh thì nói thật ra sẽ phải luân hồi trong lục đạo không biết bao nhiêu kiếp. Cơ hội được làm thân người, được gặp Phật pháp nói trắng ra không nhiều đâu! Chỉ khi nào quý vị hiểu rõ, minh bạch thì mới có thể chết sạch lòng mong ngóng, so đo, khiêm hư sát đất niệm Phật. Tiếp theo đây là đoạn kinh văn giảng tiếp về thọ mạng. Chúng ta hãy đọc một lượt.

Hựu Xá Lợi Phất! Bỉ Phật thọ mạng cập kỳ nhân dân vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, cố danh A Di Đà.

又舍利弗。彼佛壽命。及其人民。無量無邊阿僧祇劫。
。故名阿彌陀。

(Lại này Xá Lợi Phất! Thọ mạng của đức Phật ấy và nhân dân là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, nên tên là A Di Đà).

Ý nghĩa của vô lượng quang, vô lượng thọ chúng tôi đều đã giảng trong phần trên; đoạn kinh văn này nói rõ thêm. Ở đây có một từ ngữ đáng lưu ý là “A-tăng-kỳ kiếp”, A-tăng-kỳ kiếp nghĩa là gì? Chúng tôi cũng nói đại lược: “A-tăng-kỳ, vô lượng, vô biên đều là những con số để tính toán”. Chúng là những đơn vị số lượng của Ấn Độ thời cổ; giống như ở Trung Hoa có đơn vị, có mười, có trăm, có ngàn, có vạn, có ức, có triệu. Ở Trung Quốc, những danh từ như vậy đều là danh từ đơn vị số lượng. Ấn Độ cũng vậy, Ấn Độ gọi nào là A-tăng-kỳ, vô lượng, và vô biên.

Trong đoạn kinh văn giảng về Căn Tự Tại Chủ đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm cho biết Ấn Độ thời cổ có một trăm bốn mươi bốn danh từ để chỉ đơn vị số lượng, như A-tăng-kỳ chẳng hạn, nhiều hơn Trung Quốc nhiều lắm. Tên gọi số lượng trong tiếng Hán dường như chỉ có chừng hai mươi mấy loại. Ấn Độ có nhiều hơn, tính toán nhiều hơn, họ có một trăm bốn mươi bốn loại. Nếu tính cả “cơ số” (cơ số là một, hai, ba, bốn, năm, sáu... tức là những con số cơ bản) thì tổng cộng có đến một trăm năm mươi sáu thứ. Chúng ta gọi đơn vị, chục, trăm, ngàn, vạn là “cơ số”. [Ở Ấn Độ] nhiều đến một trăm năm mươi sáu thứ lận! [Sách Yếu Giải giảng] A-tăng-kỳ, Vô Lượng, Vô Biên “*thị mạt hậu thập đại số chi danh*” (là tên gọi của mười con số lớn cuối cùng), toàn là nhân gấp bội lên. A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ là một Vô Lượng, Vô Lượng lần Vô Lượng là một Vô Biên. Điều này “*hiển thị Báo Thân trường cửu*”, thọ mạng dài lâu!

Ở đây nói là “vô lượng thọ”, một Vô Lượng là A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ. Đừng nói chi nhiều, cứ tính là một Vô Lượng thôi, trong kinh Đại Thừa, chúng ta thường đọc thấy Bồ Tát tu hành thành Phật phải mất bao nhiêu thời gian? Ba A-tăng-kỳ kiếp. Chúng ta gọi là “*ba đại A-tăng-kỳ kiếp*”. Nếu nói thọ mạng của vị ấy là một Vô Lượng thì đã thọ A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ, ba A-tăng-kỳ kiếp thấm vào đâu! Chắc chắn thành Phật, một đời thành Phật, chẳng cần đợi đến đời thứ hai. Huống chi “vô lượng thọ” ở đây chẳng phải chỉ là một Vô Lượng. Vô Lượng lần Vô Lượng là một Vô Biên, [cứ tính mãi như thế] khỏi cần phải nói nữa!

Quý vị cứ nghĩ đơn giản như thế này: Chúng ta hãy nghĩ đến hai điều;

a) Thứ nhất, thọ mạng của đức Phật trường cửu. Chúng ta theo Phật nhất định thành Phật, bởi lẽ, thời gian cần thiết để thành Phật không quá ba A-tăng-kỳ kiếp, mà thọ mạng của Phật là A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ, ba A-tăng-kỳ dễ dàng quá! Giống như con người sống được một trăm tuổi, nay học công khóa này phải mất bao nhiêu thời gian? Ba ngày thôi. Thọ mạng một trăm năm thì ba ngày thấm vào đâu! Đây là một tin vui!

b) Thứ hai, đức Phật trụ thế lâu dài, thời gian giáo hóa chúng sanh dài lâu, vì thế “*hữu cửu độ bất tức chi công*” (có công năng hóa độ lâu dài chẳng ngưng dứt), hy hữu khó gặp! Chúng ta phải tiếc quý nhân duyên này! Đọc khắp Đại Tạng Kinh, trong hết thấy các cõi Phật khác chẳng có sự kiện này. Bởi thế, mười phương chư Phật thấy Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu cho đại chúng pháp môn này đều liền đến chứng minh.

Ở Trung Quốc, từ cổ đến nay, tổ sư đại đức thuộc bất luận tông phái nào, không vị nào chẳng khuyên người ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, quý vị mới hiểu pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn! Chẳng riêng gì Giáo Hạ! Quý vị thấy tông Hoa Nghiêm thuộc Giáo Hạ đó, chẳng phải họ đã nói “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*” đó ư? Trí Giả đại sư của tông Thiên Thai vắng sanh thuộc Ngũ Phẩm Vị. Lão nhân gia làm đầu tàu nên các tổ sư tông Thiên Thai, lịch đại tổ sư lâm chung đều niệm Phật vắng sanh Tịnh Độ. Cận đại, pháp sư Đàm Hư, pháp sư Đế Nhàn là những vị thuộc [tông Thiên Thai] thời cận đại đều niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Lão hòa thượng Hư Vân bên Thiền tông, những lời giảng cuối cùng năm Ngài một trăm mười bảy tuổi, được ghi trong cuốn Phương Tiện Khai Thị Lục, quý vị hãy đọc cuốn sách ấy. Năm một trăm mười

bảy tuổi, đại sư giảng khai thị ở rất nhiều nơi, tám mươi phần trăm là khuyên người thật thà niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, tỷ lệ [khai thị] nói đến tham Thiền rất ít. Đối với Mật tông thì ngay nơi vách studio phát hình của chúng ta có thờ một bức tượng A Di Đà Phật của Tây Tạng. Mật tông cũng tu pháp môn này, cũng cầu sanh Tịnh Độ. Đúng là như lão pháp sư Ấn Quang đã nói: “*Thiên kinh vạn luận, xứ xứ chỉ quy*” (Ngàn kinh muôn luận, chốn chốn chỉ về). Chúng ta phải giác ngộ: Pháp môn nào khác có sự thù thắng như vậy hay chăng? Hết thầy chư Phật, Bồ Tát đều tới khuyên thỉnh, chưa từng thấy! Mấy vị Phật khuyên thì có, chứ cả mười phương ba đời chư Phật cùng đến khuyên dạy thì chưa từng nghe thấy [trong các kinh khác]. Quý vị phải thực sự hiểu rõ, phải thực sự minh bạch thì quý vị mới quý tiếc phi thường nhân duyên hết sức khó gặp này!

Pháp sư Ấn Quang dạy chúng ta một phương pháp tu hành đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Tức là đạo tràng nhỏ, đồng tu không quá hai mươi người, công khóa mỗi ngày giống như đả Phật thất, Phật thất suốt năm. Phương pháp này của lão nhân gia chính là phương pháp của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát. Coi trong Tây Phương Xác Chỉ, chúng ta thấy số người học với Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát còn ít hơn nữa, chỉ có mười hai người thôi, ai nấy đều thành tựu. Viễn công đại sư ở Lô Sơn, Trung Quốc, là vị tổ sư đời thứ nhất của Tịnh tông chúng ta, dựng Niệm Phật Đường tại Lô Sơn, tỉnh Giang Tây, chỉ đồng đạo hợp một trăm hai mươi ba người cùng tu một chỗ, đó là đại sự nhân duyên. Nay vì sao Ấn Quang pháp sư chẳng khuyên chúng ta cùng tu một trăm hai mươi ba người? Vì sao biến thành hai mươi người mà thôi? Thời đại không giống nhau. Trong thời cổ thì được, không có vấn đề gì. Nay vì sao lại dạy chúng ta cùng tu ít thế?

Thời đại hiện tại là thời đại theo hướng công nghiệp, thời đại khoa học kỹ thuật, đại chúng trong xã hội tin vào khoa học, chẳng tin tôn giáo, cho tôn giáo là mê tín. Nói cách khác, người cúng dường ít ỏi, nếu đông người phải tiêu xài nhiều, tình thế bắt buộc phải lo toan. Phải bận tâm vì hoàn cảnh sinh hoạt vật chất, tâm chúng ta không còn thanh tịnh nữa, khiến cho sự việc vãng sanh bị lỡ làng, rất đáng tiếc! Đạo tràng ít người thì vẫn còn một số người tin tưởng phát tâm cúng dường, Ấn Quang đại sư chú ý đến điều này. Vì vậy, người ít, tiêu xài ít, đạo tràng dễ duy trì, tâm định, lẽ đâu chẳng thành tựu? Ấn Tổ (tổ Ấn Quang) đặc biệt dạy không được hóa duyên, không quyên mộ, không cầu tín đồ bố thí cúng dường, họ tự động đem đến thì mình được phép tiếp nhận, chúng ta

không đi xin. Người đến không cầu thì phẩm cách tự nhiên cao hơn, sống tiết kiệm một chút, chịu khổ một chút là được! Các đồng tu cùng tu Tịnh Độ trong thời đại này ở mọi nơi hãy nghĩ xem: Nếu chúng ta chú tâm suy nghĩ lời dạy của tổ Ấn Quang, quan sát tình huống xã hội hiện thời, mới thấy lão nhân gia dạy thật tuyệt vời làm sao!

Nơi đây, chúng tôi thường bảo các vị đồng tu: “Chúng ta tin vào nhân quả, nói theo nhân quả thì chúng ta phải tu phước. Chẳng tu phước làm sao có phước báo cho được? Phải biết tiết kiệm, bố thí, cúng dường chính là tu phước. Dụng công tu hành trong đạo tràng nhỏ của mình, thường chẳng ra khỏi cửa, không ra khỏi cửa có tu phước được không? Được chứ! Mỗi ngày chúng ta tu hành, niệm Phật, nghiên cứu kinh giáo, lễ Phật bằng cái tâm kiên thành, đem những công đức ấy hồi hướng cho hết thấy chúng sanh, hồi hướng cho xã hội đại chúng, đầy đủ là tu phước. Nơi nào trong xã hội này mà chúng ta có thể phục vụ đại chúng được, chúng ta có năng lực làm được mà chẳng trở ngại đạo tâm của chính mình thì ta có thể vì xã hội đại chúng phục vụ, những chuyện như vậy đều thuộc về phước huệ song tu. Nhất là khi tiếp xúc đại chúng, đó là cơ hội giáo dục.

Hiện thời, đạo tràng chúng ta mỗi tuần, vào thứ Bảy có bữa cơm tối đầm ấm, thứ Sáu là giảng tòa đa nguyên văn hóa, rất nhiều bằng hữu tại địa phương đến tham gia, đó là chúng ta bố thí. Giảng tòa đa nguyên văn hóa là Pháp Bố Thí, trong Pháp Bố Thí có Tài và Vô Úy. Bữa cơm tối đầm ấm là Tài Bố Thí, trong Tài Bố Thí có Pháp và cũng có Vô Úy Thí. Hơn nữa, ở địa phương này, phạm những sự việc hòng thực sự đoàn kết tôn giáo, đoàn kết các sắc tộc, an định xã hội, cầu nguyện thế giới hòa bình, đối với những việc như vậy, chúng ta đều dành một chút thời gian đến tham dự. Quý vị nghĩ xem: Những việc đó bao gồm cả ba thứ bố thí Tài, Pháp và Vô Úy. Chúng ta thực sự làm được cho nên có quả báo, mới có một chút phước báo hiện tiền, đạo tràng của chúng ta mới có thể duy trì được. Không hóa duyên, không làm pháp hội, không làm kinh sám Phật sự mà có thể sanh tồn thì đạo lý là đây: Thấu triệt, liễu giải nhân quả.

Chúng ta xem tiếp đoạn dưới [trong sách Yếu Giải]: “*Chúng sanh sanh Cực Lạc, tức sanh thập phương, kiến Di Đà, tức kiến thập phương chư Phật, năng tự độ, tức năng phổ lợi nhất thiết*” (Chúng sanh sanh về Cực Lạc chính là sanh về mười phương, thấy Di Đà chính là thấy mười phương chư Phật, có thể tự độ chính là có thể lợi khắp hết thấy chúng sanh). Đoạn này hết sức quan trọng. Sanh về thế giới Cực Lạc là sanh về

hết thấy thế giới của chư Phật. Vì sao? Chúng ta chỉ cần đọc kinh Vô Lượng Thọ là thấy ngay: Hết thấy chư Phật đều tán thán A Di Đà Phật, đều cung kính A Di Đà Phật, khẳng định A Di Đà Phật là “*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (quang minh cao quý nhất, vua trong các Phật). Người ở thế giới Cực Lạc thời thời khắc khắc đến mười phương thế giới lễ Phật, nay chúng ta gọi là “đi phỏng vấn, đi thỉnh giáo”. Hết thấy chư Phật hoan nghênh. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thần thông tự tại, đến đi tùy ý.

Những gì Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu cho chúng ta toàn là [sự tướng trong] Phàm Thánh Đồng Cư Độ, nếu là Thật Báo Trang Nghiêm độ thì chính là như kinh nói: “*Hoa nở thấy Phật ngộ Vô Sanh*”, [khi đó] quý vị ở trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ, thời gian và không gian chẳng còn nữa. Quá khứ Phật cũng hiện tiền, vị lai Phật cũng hiện tiền [bởi vì] thời gian và không gian chẳng còn nữa! Đó là Thật Báo Trang Nghiêm Độ, là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Bởi vậy, thấy Phật Di Đà là thấy mười phương chư Phật, tự độ được mình là độ khắp hết thấy chúng sanh. Đoạn kinh văn tiếp theo là:

Xá Lợi Phất! A Di Đà Phật thành Phật dĩ lai, ư kim thập kiếp.

舍利弗。阿彌陀佛。成佛以來。於今十劫。

(Này Xá Lợi Phất! A Di Đà thành Phật đến nay là mười kiếp).

Kinh dạy: “*Thành Phật đến nay đã là mười kiếp*”. Hãy nhớ kỹ trong phần trên tôi đã nói, thọ mạng của A Di Đà Phật là vô lượng thọ, Vô Lượng là A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ kiếp số. Thật ra là vô lượng vô biên, nay hiện tại Ngài mới thành Phật mười kiếp; nói cách khác, Tây Phương Cực Lạc thế giới mới khai trương được mấy ngày! “*Hiện tại thuyết pháp, thời chánh vị ương*” (Hiện đang còn thuyết pháp, tức là thời kỳ Chánh Pháp còn chưa hết), vừa mới mở đầu thôi! “*Phổ khuyến nhất thiết chúng sanh, tốc cầu vãng sanh, đồng Phật thọ mạng, nhất sanh thành biện*” (khuyến khắp hết thấy chúng sanh hãy mau cầu vãng sanh để có cùng thọ mạng như Phật, hoàn thành đạo nghiệp trong một đời). Như vậy, chúng ta đã biết chân tướng sự thật này, nay hãy nhất tâm nhất ý cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong tương lai trở thành bậc nguyên lão nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thế giới ấy mới thành lập được mười kiếp, chúng ta đã đến đó; thế giới ấy tồn tại vô lượng

kiếp, quý vị đến thế giới ấy lúc nó mới tồn tại mười kiếp thì phải thuộc vào tầng lớp nguyên lão nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Ngàn vạn phần chớ coi thường, đừng nghĩ một đời này mình không vãng sanh cũng không quan hệ gì, ta đã kết duyên cùng A Di Đà Phật, đời mai sau, khi duyên chín muồi, ta sẽ lại sanh về Cực Lạc. Cái đời mai sau ấy chẳng thể nói nhất định là bao nhiêu kiếp, pháp môn này chẳng thể thường được gặp gỡ đâu nhé! Thân người chẳng thể thường có, được làm thân người khó lắm! Bởi vậy, hiện thời chúng ta phải tự suy nghĩ cẩn kỹ, mai sau ta có còn được làm thân người hay chẳng? Hãy nghĩ đến điều đó trước tiên, đừng nghĩ chi khác! Nếu đời sau chẳng được làm thân người là xong, đến kiếp nào mới lại được làm thân người khó nói lắm!

Muốn được làm thân người thì phải tu Ngũ Giới, tu Thập Thiện, trung phẩm Thập Thiện Nghiệp đạo. Phải tu Ngũ Giới và trung phẩm Thập Thiện Nghiệp đạo mới được làm thân người. Chúng ta phải suy nghĩ: Tính điểm Ngũ Giới và Thập Thiện nếu chẳng đủ điểm đậu, sẽ chẳng được làm thân người! Lúc không đạt được thân người là phải đọa tam đồ. Thời gian trong tam đồ dài lâu, [thời gian chịu khổ trong] A Tỳ địa ngục là vô lượng kiếp, không xong rồi! Hết sức đáng sợ! Gặp được pháp môn này lần nữa, có thể nói thật là càng diệu vợi hơn nữa, đúng là thành ra vô lượng kiếp sau quý vị mới có thể vãng sanh. Nay vãng sanh mới là mười kiếp, không gì tốt hơn, vẫn phải khéo tranh thủ ngay trong hiện tại, buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật!

Nay đã hết giờ rồi!

Tập 20

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp đoạn cuối cùng của phần Chánh Báo Trang Nghiêm, đoạn kinh văn ấy như sau:

Xá Lợi Phất! A Di Đà Phật, thành Phật dĩ lai, ư kim thập kiếp.

舍利弗。阿彌陀佛。成佛以來。於今十劫。

(Xá Lợi Phất! A Di Đà Phật thành Phật đến nay là mười kiếp).

Hôm qua tôi đã trình bày cùng quý vị: Trong thế giới Cực Lạc, thọ mạng vô lượng kiếp. Đức Thế Tôn giải thích danh hiệu A Di Đà Phật

bằng cách quy nạp giản lược: Một là vô lượng quang, hai là vô lượng thọ. Quang chẳng những biểu thị trí huệ, mà còn biểu thị không gian. Thọ mạng còn biểu thị thời gian. Nói theo cảnh giới của bọn phàm phu chúng ta là “thời gian và không gian vô lượng”, đó là phương tiện thuyết pháp thiện xảo của đức Thế Tôn. Chúng ta biết đức Thế Tôn thuyết pháp dựa trên Nhị Đế, ở đây là nói theo Tục Đế, chúng ta vừa nghe là hiểu, liền sanh khởi tâm ngưỡng mộ.

Đem mười kiếp so với vô lượng kiếp thì thời gian rất ngắn. Trong rất nhiều kinh điển Đại Thừa, đức Thế Tôn dạy chúng ta: Phàm phu tu hành chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề phải cần đến thời gian vô lượng kiếp, chẳng dễ dàng gì! Chứng đắc bậc Sơ Trụ trong Viên Giác liền thành Pháp Thân Bồ Tát; Pháp Thân Bồ Tát tu cho đến khi viên mãn rốt ráo phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, đúng là chẳng dễ dàng. Thế nhưng lời Phật nói ấy chẳng thể nói là giả, mà cũng chẳng thể cho là thật, tức là sao? Chúng ta phải biết nghe. Nếu không thể buông tập khí phiền não xuống thì đúng là vô lượng kiếp, còn nếu thực sự có thể buông tập khí phiền não xuống được thì phàm phu thành Phật chỉ trong một niệm.

Vô lượng kiếp có thể rút thành một niệm, một niệm có thể mở rộng ra thành vô lượng kiếp. Mở bằng cách nào? Rút bằng cách nào? Ở đây tợ hồ chúng ta hiểu một chút diện mạo [của vấn đề]: Mở rộng hay rút ngắn là do chính bản thân mình, chứ không phải ai khác, cũng chẳng tại ngoại cảnh. Nói như chém đinh chặt sắt: “Hễ buông xuống được thì vô lượng kiếp biến thành một niệm; nếu trong bụng vẫn còn chút gì vướng mắc không buông xuống được thì một niệm biến thành vô lượng kiếp!” Đó là chân tướng sự thật! Đây chính là cái được các kinh Đại Thừa gọi là “*nhất thời đốn hiện*”, quý vị hãy suy nghĩ ý nghĩa này. Nhất thời đốn hiện là một niệm ngay lập tức hiện thành vô lượng kiếp, một niệm hiện ngay thành pháp giới, hư không giới, hết thấy cõi nước, chúng sanh. Một niệm mê bèn đốn hiện, một niệm giác bèn hồi đầu, vô lượng kiếp biến thành một niệm.

Vĩnh Gia đại sư nói rất khéo: “*Giác hậu không không vô đại thiên*” (giác rồi ba cõi rỗng toang hoang). Giác rồi thì đại thiên thế giới không còn nữa, mất tiêu hết, Hữu trở về Vô; một niệm mê, Vô biến thành Hữu, mở ra Hữu. Toàn là trong một niệm giác hay mê! Nếu chúng ta hỏi: Chư Bồ Tát (ở đây là đại Bồ Tát), chư Phật ứng hóa trong chín pháp giới, họ là giác hay vẫn mê? Nếu họ giác sao chẳng thể hiện cảnh giới ấy: “*Giác hậu không không vô đại thiên?*” Nếu họ hiện cảnh giới ấy, họ khác gì phàm phu chúng ta đâu, mê mà! Như vậy, rốt cuộc các

Ngài giác hay vẫn còn mê? Nêu câu hỏi như vậy rất hay! Trong cảnh giới của chư Phật, Bồ Tát giác và mê không hai. Nếu quý vị nói các Ngài mê thì đó là các Ngài thị hiện trong pháp giới chúng sanh, nhưng chưa hề khởi tâm động niệm, chưa hề có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên các Ngài là giác. Dẫu giác, nhưng nếu chúng sanh có Cảm, các Ngài bèn hiện tướng. Các Ngài vừa biểu diễn, vừa có thể vì hết thấy chúng sanh thuyết pháp, làm ra vẻ như các Ngài ở trong mê, chẳng khác gì phàm phu chúng ta!

Các Ngài là mê - giác bất nhị, còn phàm phu chúng ta bị thiệt thòi chỗ nào? Giác là không mê, mê là không giác; giác và mê đối lập. Phật, Bồ Tát không đối lập, giác và mê thống nhất. Giác chính là mê, mê chính là giác. Quý vị thấy trong kinh chẳng thường nói “*phiền não tức Bồ Đề, Bồ Đề tức phiền não, sanh tử tức Niết Bàn, Niết Bàn tức sanh tử*” đó sao? Mọi người thường niệm Tâm Kinh, nhưng nói trắng ra, ai nấy đều vô tâm lơ đãng; Tâm Kinh giảng rất rõ: “*Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc. Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc*”. Nếu gộp giác và mê lại thì giác chính là mê, mê chính là giác, giác chẳng khác mê, mê không khác giác.

Đây là Chánh Giác thuộc quả địa Như Lai, đây mới là chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, nó có Thể, có Dụng; chứ không phải là có Thể mà chẳng có Dụng. Ứng hóa trong mười pháp giới là từ Thể khởi Dụng; dù khởi Dụng, Dụng cũng chẳng mê. Vì thế, có thể độ chúng sanh. Chúng ta đọc đến đoạn kinh văn này phải giác ngộ, phải nên phát tâm. Giác ngộ như thế nào? Giác ngộ là thực sự phát tâm muốn cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là thực sự giác. Cuối cùng có mấy câu, trước hết chúng tôi đọc kinh văn một lượt. Đây là kinh văn:

Hựu Xá Lợi Phất! Bỉ Phật hữu vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử, giai A La Hán, phi thị toán số chỉ sở năng tri. Chư Bồ Tát chúng diệt phục như thị. Xá Lợi Phất! Bỉ Phật quốc độ thành tựu như thị công đức trang nghiêm.

又舍利弗。彼佛有無量無邊聲聞弟子。皆阿羅漢。非是算數之所能知。諸菩薩眾。亦復如是。舍利弗。彼佛國土。成就如是功德莊嚴。

(Lại này Xá Lợi Phất! Đức Phật ấy có vô lượng vô biên đệ tử Thanh Văn, đều là A La Hán, chẳng thể tính toán để biết được nổi. Các vị Bồ Tát cũng giống như thế. Nay Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy thành

tự công đức trang nghiêm như thế).

Đoạn này nói về sự thành tựu của A Di Đà Phật trong việc dạy dỗ, thầy dạy học trò, trò có thành tựu hay không? Học trò có thành tựu là quý vị đã dạy thành công. Nếu quý vị dạy hay đến đâu, thời gian dạy dài đến đâu mà học trò không có thành tựu thì việc dạy học của quý vị đã thất bại rồi. Dựa vào đó để luận thành bại. Bởi vậy, cũng dùng tiêu chuẩn đó để luận định một đạo tràng là thù thắng hay kém cỏi. Đạo tràng này của quý vị thù thắng thì thù thắng ở chỗ nào? Trong đạo tràng ấy, thực sự có người niệm Phật vãng sanh, có người khai ngộ, có người chứng quả thì đạo tràng ấy thù thắng! Chứ chẳng quý ở chỗ đạo tràng có đông người. Đạo tràng của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát chỉ có mười hai người mà thù thắng bậc nhất. Vì sao thù thắng bậc nhất? Vì cả mười hai người ấy đều vãng sanh. Đạo tràng ấy suốt đời niệm Phật, không một ai chẳng thể vãng sanh, chỉ kết pháp duyên cùng A Di Đà Phật thì không thể coi là thành tựu được!

Những giảng sư nêu gương giảng kinh, hoằng pháp, trong số ấy có mấy ai khai ngộ? Có người khai ngộ là vị giảng sư ấy có thành tựu. Nếu không ai khai ngộ thì chẳng có thành tựu chi hết! Chúng ta phải biết tiêu chuẩn là gì: Trong Niệm Phật Đường có bao nhiêu người đắc Nhất Tâm? Bao nhiêu người công phu thành phẩm? Công phu thành phẩm là thành tựu! Nếu chúng ta hỏi Tham Thiền vì sao chẳng thể minh tâm kiến tánh? Niệm Phật vì sao công phu chẳng thể thành phẩm? Học Giáo vì sao chẳng thể đại khai viên giải? Cái gốc bệnh là ba chữ này: “*Không buông xuống!*”

Bởi vậy, chúng ta phải thường tự phản tỉnh: Mình đã buông xuống được những gì? Tự tư, tự lợi, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham - sân - si - mạn, không buông xuống được chi hết! Tôi thường khuyên dạy các vị đồng tu: “Mười sáu chữ ấy không buông xuống được thì làm sao thành tựu cho được!” Đó là gốc bệnh, là chướng ngại căn bản của chúng ta. Nếu chúng ta có năng lực hiểu thấu suốt, thường xuyên nhận biết thì dù chẳng dễ buông xuống, nhưng nhất định phải buông xuống. Tôi cũng thường nói: “Việc này phải mỗi năm một nhẹ hơn, mỗi tháng một mỏng nhẹ dần”, rất quan trọng đấy nhé! “Mỏng nhẹ dần” chính là buông xuống dần dần. Buông xuống ngay lập tức là chuyện không thể nào làm được, quý vị không phải là căn tánh ấy cho nên học những điều ấy chưa được! Dần dần buông xuống, sao cho nhạt bớt một chút, đừng khắt khe quá mức, chớ nên phân biệt quá mức, đừng chấp

trước quá mức. Thường học hăng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, như vậy là tốt, đừng chấp chặt thành kiến của chính mình, chấp trước là điều tệ hại nhất!

Quý vị thầy tiên sinh Giang Bồn Thắng làm thí nghiệm kết tinh nước, chúng ta đã xem hình chụp các kết tinh đó, nhận thấy điều gì? Tùy theo thái độ của con người: Một đằng là theo cách ra lệnh, một đằng là dùng phương cách thỉnh cầu thì nước kết tinh khác nhau. Hãy nêu một thí nghiệm của ông ta: “Mày làm đi!” đó là câu mệnh lệnh. Câu khác là: “Này! Chúng ta hãy cùng nhau làm!” Cùng là một việc, nhưng tâm tư thái độ khác nhau, nước kết tinh hoàn toàn khác nhau. Nói “chúng ta cùng nhau làm” thì nước kết tinh đẹp hơn rất nhiều. Nếu quý vị hạ mệnh lệnh: “Mày làm đi!” nước sẽ kết tinh không dễ coi cho lắm. Đó là phản ứng tự nhiên. Bởi thế, những đại nhân vật đối với thuộc hạ chẳng dùng mệnh lệnh, ngôn từ uyển chuyển, nhu hòa, giáo huấn thuộc hạ, khiến cho họ cả đời cảm kích quý vị thì quý vị thành công. Nếu quý vị dùng mệnh lệnh, đương nhiên họ chẳng thể không phục tùng, vẫn làm, nhưng tâm họ không hề cảm kích, hiệu quả khác hẳn.

Lúc chúng tôi còn trẻ, khoảng đầu hai mươi hai tuổi, có một ngày đang ở sở, công việc ít, làm xong việc rồi, ngồi xem sách. Lúc đó tôi ngồi hay ngã người ra sau, hai chân trước cái ghế giở hồng khỏi mặt đất, tựa hồ chúng tôi đang nằm ngửa ra, rất thông dong. Ông xếp tôi (tôi không biết đến từ lúc nào), từ sau đi tới, vỗ vào tai tôi. Tôi thấy ông ta vội đứng lên, ông ta bảo tôi: “Không được ngồi như vậy, ngồi vậy dễ bị té chổng gọng lăm!” Ông ta luôn luôn nghĩ giùm tôi; bởi thế, tôi bỏ được cái tật đó, suốt đời không dám phạm nữa, rất cảm kích ông ta. Nếu trái lại, ông ta xạc cho tôi một trận, tôi vẫn phải phục tùng, nhưng sẽ như thế nào? Ông ta đi rồi, tôi lại chứng nào tật nấy, bắt phục mà! Vì thế, người làm được sự nghiệp lớn khác với người tầm thường. Quý vị thấy những cán bộ trung cấp thường thích ra lệnh cho thuộc cấp, sự nghiệp bọn họ hữu hạn; từ chỗ này quý vị thấy được ngay.

Trong sách Liễu Phàm Tứ Huấn, tiên sinh Viên Liễu Phàm kể: Ông ta quan sát những học trò đi thi, những sĩ tử nào đi thi ngôn hạnh đoan trang, khiêm hư, hòa hoãn, tôn kính hết thấy mọi người, ông ta đoan quyết những trò ấy nhất định thi đậu. Phỏng theo sách Liễu Phàm Tứ Huấn, chúng tôi quan sát mấy người, đúng là không trật một ai. Nhìn người ở chỗ nào? Khiêm kính, tức là khiêm hư, cung kính. Mình ở địa vị cao đối đãi với nhân viên cấp nhỏ nhất toàn bằng thái độ khiêm hòa như thế, mọi người vui vẻ thực sự phục tùng mình, chịu dốc hết sức, chịu tận

tự vì mình, tôn kính mình, ưa thích mình. Lúc dùng lời lẽ ra lệnh, tâm họ chẳng phục, lúc đó họ bị quý vị cai quản, quý vị là cấp trên, họ không làm gì được. Tương lai, lúc quý vị mất chức, không ai đoái hoài nữa. Cái trò ra oai của quý vị đã sai rồi, đã thất bại rồi!

Vì thế, chúng ta thấy thái độ khiêm kính của Phật, Bồ Tát, của Không Tử, Mạnh Tử như trong Luận Ngữ nói, chúng ta phải biết học theo, bởi các Ngài dạy dỗ thành công. Vì sao? Học trò khâm phục, học trò thực sự kính yêu thầy. Kính yêu thầy nên chẳng dám trái nghịch giáo huấn của thầy. Trái nghịch lời thầy dạy, lương tâm chẳng yên, cảm thấy mình có lỗi với thầy. Quý vị thấy sức ước thúc ấy rất lớn. Thầy không còn ở đời nữa, vẫn cứ như cũ, chẳng dám trái nghịch lời thầy dạy, vì nguyên nhân nào? Chân thành kính trọng thầy, yêu mến thầy sâu sắc, chứ chẳng có gì khác ngoài lòng kính yêu cả! Đó là điều chúng ta phải nên học theo. Vì vậy, khi đọc đoạn kinh văn này, chúng ta hiểu A Di Đà Phật dạy dỗ rất thành công, đệ tử Thanh Văn, đệ tử Bồ Tát số đến vô lượng vô biên.

6.3.3.1. Riêng khuyên chúng sanh phải phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ

Chúng ta xem tiếp ý lớn thứ hai: “*Đặc khuyến chúng sanh ưng cầu vãng sanh dĩ phát nguyện*” (Riêng khuyên chúng sanh phải phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ). Trước hết, chúng ta đọc kinh văn:

Hựu Xá Lợi Phất! Cực Lạc quốc độ chúng sanh sanh giả, giai thị A Bệ Bạt Trí. Kỳ trung đa hữu Nhất Sanh Bồ Xứ, kỳ số thậm đa, phi thị toán số sở năng tri chi, dẫn khả dĩ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thuyết.

又舍利弗。極樂國土。眾生生者。皆是阿鞞跋致。其中多有一生補處。其數甚多。非是算數所能知之。但可以無量無邊阿僧祇說。

(Lại này Xá Lợi Phất! Chúng sanh sanh vào cõi nước Cực Lạc đều là A Bệ Bạt Trí, trong số ấy nhiều vị là Nhất Sanh Bồ Xứ, số ấy rất nhiều, chẳng thể tính toán hòng biết được nổi, chỉ có thể nói là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ).

Chúng ta xem đoạn này trước. Đây là chỗ thù thắng khôn sánh của

Tây Phương Cực Lạc thế giới, các thế giới khác không hề có. “*Đốn siêu viên chứng*”: Ở đây, chúng tôi phải phân ra mấy đoạn để nói. Đoạn thứ nhất là “*tịnh đức khuyến nguyện*”. Chúng ta có thể nói như thế này: Thế giới Cực Lạc giống như một trường Đại Học Phật giáo do mười phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai thiết lập, A Di Đà Phật là hiệu trưởng. Chúng sanh ở thế giới Cực Lạc là từ đâu đến? Từ mười phương thế giới niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Chẳng phải đến từ một quốc độ nào, chẳng phải đến từ một khu vực lớn nào mà đến từ vô lượng vô biên các cõi Phật trong mười phương. Đến như thế nào? Giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, chư Phật Như Lai giới thiệu cõi Cực Lạc với mọi người, khuyên mọi người đến cầu học nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới; bởi vậy, người đến đó rất đông.

Đương nhiên cũng có người dù nghe, giống như trong thế giới chúng ta vậy, tuy nghe Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu [cõi Cực Lạc và pháp môn Tịnh Độ] nhưng chẳng hứng thú lắm, có một phần thân tình ái luyện Thích Ca Mâu Ni Phật, chẳng đành lòng tách lìa Bồ Sư. Dầu Bồ Sư khuyên chúng ta đến đó cầu học, chúng ta vẫn chẳng cam lòng đi: “Thầy mình rất tốt, tôi muốn ở gần thầy, chẳng muốn đi qua nơi khác”, rất nhiều người như vậy. Chúng ta thấy trong nhà Phật rất nhiều người học theo các tông phái khác, khóa tối đều niệm kinh A Di Đà, nhưng họ chẳng niệm A Di Đà Phật, cũng chẳng cầu sanh thế giới Cực Lạc. Họ niệm Nam-mô Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, mỗi ngày lễ Phật cũng lễ Nam-mô Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, họ chẳng lễ A Di Đà Phật, cũng chẳng niệm A Di Đà Phật, chẳng nghĩ cầu sanh về thế giới Cực Lạc, rất nhiều! Tôi gặp không ít người như thế. Đây là một thứ tình chấp.

Nay chúng ta không niệm Bồ Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, lại niệm A Di Đà Phật, chúng ta có trái nghịch Bồ Sư hay chẳng? Không hề có! Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta niệm A Di Đà Phật, chúng ta bèn niệm A Di Đà Phật, vâng lời mà! Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta qua thế giới Cực Lạc học với A Di Đà Phật, giống như bậc trưởng thượng trong nhà (cha mẹ của quý vị) bảo quý vị: “Có một vị thầy tốt, con hãy nên tới bái sư, nên qua đó học tập”. Quý vị không rời được cha mẹ, không muốn rời khỏi cha mẹ, dù cha mẹ không thể ép buộc quý vị, nhưng lắc đầu: “Đứa con này không nghe lời!” Biết nghe lời bèn đi, đến đó để sớm có ngày thành Phật. Nếu quý vị không đi, thời gian tu hành Vô Thượng Bồ Đề rất ư là dài! Bởi vậy, “*chúng sanh sanh giả*” (chúng sanh sanh về đó) trong đoạn này đều là các chúng sanh biết nghe lời,

nghe theo lời Bốn Sư của chính mình răn dạy. Bốn Sư của họ giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, chắc chắn các Ngài giảng kinh A Di Đà, giảng kinh Vô Lượng Thọ, giảng Quán Vô Lượng Thọ Kinh, giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới với mọi người. Vì thế, những ai biết nghe lời đều phát tâm vãng sanh, người trong thế giới Cực Lạc đông đảo, không có cách gì tính đếm được.

Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thật là phi phàm, “*giai thi A Bệ Bạt Trí*” (đều là A Bệ Bạt Trí). A Bệ Bạt Trí (Avaivartika) là gì? A dịch là Vô. Trong chữ A Di Đà Phật, A là Vô, Di Đà là Lượng. Ở đây, A là vô, Bệ Bạt Trí là thoái chuyển. Người Trung Quốc không quen nói “*vô thoái chuyển*” mà nói là “*Bất Thoái chuyển*”. Vì thế, A Bệ Bạt Trí là Bất Thoái chuyển. Vì thế, sự học tập trong Tây Phương Cực Lạc thế giới gọi là đốn siêu, là viên chứng. Điều thứ nhất là “*sanh giai Bất Thoái*”: Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, quyết định chẳng bị thoái chuyển. Thế giới này của chúng ta rất tệ hại, rất khó thể thành tựu học thuật thế gian hay xuất thế gian. Vì nguyên nhân nào? Tiền thì ít, lui rất nhiều. Điều này mỗi cá nhân đều hiểu rất rõ, đúng là sự thật. Thế giới Tây Phương quý nhất là A Bệ Bạt Trí. A Bệ Bạt Trí là một danh từ chuyên môn, chẳng phải là Bất Thoái Chuyển tầm thường đâu nhé, mà là một hạng Bồ Tát ở một mức độ rất cao sâu, kinh điển Đại Thừa thường nói là từ bậc Thất Địa trở lên.

Sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị phải chú ý đến hai chữ “*giai thi*” (đều là), hai chữ này rất quan trọng. “*Đều là*” nghĩa là gì? Sanh sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, từ người Hạ Hạ Phẩm vãng sanh trong Phẩm Thánh Đồng Cư Độ cho đến Thượng Thượng Phẩm vãng sanh trong Thất Báo Trang Nghiêm Độ đều là A Duy Việt Trí (A Bệ Bạt Trí), bởi vậy pháp này gọi là “*pháp khó tin*”. Nói với mọi người tu học Đại, Tiểu Thừa chuyện này, họ đều lắc đầu không tin. Vì sao? Phải là Thất Địa Bồ Tát mới hòng được Bất Thoái Chuyển. Kiến Tư phiền não đoạn sạch, Trần Sa phiền não đoạn sạch, phá một phẩm vô minh mới thành Sơ Trụ Bồ Tát, chứng được ba thứ Bất Thoái: Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, Niệm Bất Thoái. A Bệ Bạt Trí là viên chứng ba thứ Bất Thoái, tức là chứng viên mãn ba thứ Bất Thoái. Bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo mới chứng được, thế nhưng còn kém xa bậc Thất Địa đến ba mươi bảy tầng; giống như đi học mới vào lớp Một, trong khi Thất Địa Bồ Tát đã học lớp thứ ba mươi bảy rồi. Quý vị mới học lớp Một, người ta đã học lớp thứ ba mươi bảy rồi, làm sao sánh bằng người ta được cơ chứ?

Nhưng xác thực là quý vị có thể đời nghiệp vãng sanh, quý vị là phàm phu, dẫn cho một phẩm Kiến Tư phiền não cũng chẳng đoạn, nhưng trí huệ, thần thông năng lực tự hồ chẳng kém Thất Địa Bồ Tát cho mấy. Vì nguyên nhân gì vậy? Được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì! Giống như hạng phàm phu tầm thường chúng ta, sanh trong một gia đình nghèo hèn, rất túng quẫn, không có gì hết, nhưng quý vị có một người họ hàng hay bè bạn rất sang cả, rất giàu có, họ mời quý vị đến nhà họ làm khách. Quý vị không có áo quần đẹp ư? Họ cho quý vị, họ cho quý vị chỗ ở, cho cơm áo, ăn xài chẳng khác gì họ cho mấy! Ra khỏi cửa cũng có xe ngựa, nhưng có điều khác biệt: Có cái gì là của mình hay không? Không có gì là của chính mình hết! Trưởng giả giàu to có phước báo có thể cho quý vị hưởng ké.

Đền Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng giống như vậy đó. Chúng ta là hạng phàm phu lè tè sát đất, một phẩm phiền não chưa đoạn, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới hưởng phước của A Di Đà Phật. Đương nhiên bản thân mình phải có một chút điều kiện vừa mắt người ta, nếu không dựa vào đâu để người ta mời mọc quý vị cơ chứ? Đó là tịnh nghiệp niệm Phật của quý vị thành tựu. Ngẫu Ích đại sư đã giảng điều này rất khéo, chúng ta niệm Phật phải niệm đến công phu như thế nào mới có thể tương ứng, mới có thể vãng sanh? Ở trên, tôi đã thưa cùng quý vị rồi: *“Một niệm tương ứng một niệm sanh. Niệm niệm tương ứng niệm niệm sanh”*. Ở chỗ này, đại sư giảng rất sâu, tôi nói rất nông cạn cho mọi người dễ hiểu. Tôi nói bốn chữ *“tâm, nguyện, giải, hạnh”*. Tâm của chúng ta phải giống như tâm Phật, nguyện của chúng ta phải giống với bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật. Giải (解) là cách nhìn, cách nghĩ của chúng ta đối với chân tướng của vũ trụ và nhân sinh phải giống như A Di Đà Phật, hạnh của chúng ta phải giống như hạnh của A Di Đà Phật.

A Di Đà Phật tâm thanh tịnh, nguyện thanh tịnh, giải thanh tịnh, hạnh thanh tịnh, tâm tịnh thì cõi Phật tịnh. Đó là Năng Cảm. Hằng ngày niệm Phật, nhưng tâm - nguyện - giải - hạnh của chúng ta không thanh tịnh sẽ không có cảm ứng, nhất định phải hiểu đạo lý này, chẳng thể không hiểu! Nơi nào là Tịnh Độ? Kinh điển Đại Thừa thường nói *“tâm tịnh thì cõi Phật tịnh”*. Chúng ta phải tu bằng cách nào? Chiếu theo Vô Lượng Thọ kinh mà tu là đúng. Kinh Vô Lượng Thọ giảng rất rõ ràng; không theo kinh Vô Lượng Thọ, hành theo kinh A Di Đà có được hay không? Được chứ! Kinh A Di Đà lời lẽ đơn giản, nhưng ý trọn khắp, đúng là rất nhiều chỗ chúng ta đọc không hiểu, phải xem chú giải của

các tổ sư. Bản chú giải đơn giản nhất, nhưng thiết yếu nhất thì không gì hơn được Yếu Giải. Chúng ta có thể tuân chiếu Yếu Giải mà tu tập thì sẽ đúng! Chắc chắn vãng sanh, tức là sao? Phải hiểu kinh A Di Đà, không hiểu không được!

Kinh Di Đà rất khó hiểu, nhất định phải đọc chú giải. Trong các chú giải, độ dày của bản Sớ Sao của Liên Trì đại sư còn nhiều hơn kinh Vô Lượng Thọ nữa. Bởi vậy, quý vị đừng thấy kinh này rất ngắn mà làm! Nếu giảng kỹ thì mỗi ngày giảng hai tiếng, cả năm vẫn chưa xong. Trước đây chúng tôi đã giảng Sớ Sao một lần, mười mấy năm trước đây, lúc đó chúng tôi chưa có thiết bị thu hình, nhưng có máy thu âm. Mỗi lần giảng một tiếng rưỡi, hình như tổng cộng giảng tới ba trăm ba mươi buổi, một bộ A Di Đà Kinh Sớ Sao thôi nhé! Chẳng dễ dàng đâu! Nếu quý vị chẳng thấu triệt, hiểu rõ, làm sao quý vị tu? “*Sanh giai Bất Thoái, cụ hữu dụ bồi căn lực công*” (Người sanh về đó đều được Bất Thoái, có đủ công đức dẫn dụ, vun bồi căn lực), “*công*” ở đây là công đức. Chúng ta thấy điều này, trong tâm rất háo hức, Bất Thoái Chuyển như vậy rất khó được, bọn ta nên nhanh chóng sanh về đó.

“*Kỳ trung đa hữu Nhất Sanh Bồ Xứ*” (Trong số ấy có nhiều vị là Nhất Sanh Bồ Xứ), Nhất Sanh Bồ Xứ là Đẳng Giác Bồ Tát, số người như thế rất nhiều, “*kỳ số thậm đa, phi thị toán số sở năng tri chi, đản khả dĩ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thuyết*” (số ấy rất nhiều chẳng thể tính toán hòng biết được nổi, chỉ đành nói là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ). Chẳng tuyệt diệu lắm hay sao? Trong thế giới hiện tại của chúng ta, tìm không ra một vị Đẳng Giác Bồ Tát, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chỗ nào cũng thấy. Quán Âm Bồ Tát là Đẳng Giác, Đại Thế Chí là Đẳng Giác, Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát đều là Đẳng Giác Bồ Tát. Sanh về đó, các Ngài đều là đồng học. Đẳng Giác Bồ Tát là trưởng lớp. “*Cụ trợ đương sanh thành tựu chi đức*” (Có đức tánh giúp cho ta được thành tựu ngay trong đời hiện tại): Ở cùng một chỗ với những vị đồng học ấy, quý vị cứ nghĩ xem, có thoái chuyển được hay chẳng? Không thể nào thoái chuyển được! Những vị ấy đều là vô lượng thọ. Vì thế, nhất định thành Phật ngay trong một đời, chẳng có nổi khổ chết chóc!

Thế giới Sa Bà thọ mạng ngắn ngủi, dầu có vị thầy tốt chỉ dạy, có đồng học tốt giúp đỡ, quý vị công phu mới vừa đắc lực, thọ mạng đã hết, thật là phiền! Đời này tâm lành, hạnh lành, đời sau chắc chắn được làm thân trời người. Được làm thân trời người chắc chắn phước báo to hơn đời này, hưởng phước quá đậm ra hồ đồ, rất khó tiếp tục tu hành. Quý vị

chỉ cần nhìn vào những người giàu sang sống quanh chúng ta, vì sao những người ấy phú quý? Do đời trước tu hành, nay được hưởng quả báo ấy. Họ có chịu tu hành nữa hay không? Quên sạch hết! Dầu có nghĩ tu hành rất tốt, nhưng nay còn lắm việc chưa xong, đợi đến khi nào ta giải quyết xong mọi việc, hãy lại tu hành. Sự việc còn chưa xong thì thọ mạng đã hết rồi!

Trước kia tôi ở Đài Loan, tôi có một vị trưởng bối vừa là đồng học vừa là bạn rất thân của cha tôi, làm đến Trung Tướng. Lúc tôi học Phật, cụ cũng tán thành: “Khá lắm, rất tốt!” Lúc đó, cụ đã nghỉ hưu, kinh doanh một nông trường, bảo tôi: “Chừng nào tôi làm xong việc này, tôi cũng phải học Phật” Mấy năm sau cụ mất, sự nghiệp vẫn còn dang dở, thọ mạng đã hết rồi. Vì thế, quý vị phải hiểu rõ chân tướng sự thật này, quý vị mới hiểu tại sao chẳng thể không vãng sanh thế giới Cực Lạc. Không vãng sanh thế giới Cực Lạc, quý vị tu suốt một đời này, dầu đời sau được làm thân người, bị mê khi cách âm, muốn tiếp tục tu hành hết sức khó khăn, chẳng dễ dàng chi! Quên hết sạch sự việc đời trước, từ lúc mới sanh ra cho đến khoảng mười lăm, mười sáu tuổi, chắc chắn quý vị chịu ảnh hưởng của cha mẹ, người thân, quyến thuộc, những người ấy có chịu kêu quý vị tu hành hay chẳng? Có chịu kêu quý vị đi xuất gia hay không? Không có khả năng đó đâu!

Mười sáu, mười bảy năm chịu ảnh hưởng đó biến thành tập quán của mình, tức là: “*Thiếu thành nhược thiên tánh, tập quán thành tự nhiên*” ([Chịu ảnh hưởng] từ nhỏ trở thành giống như tánh tình bẩm sanh, do thói quen biến thành tự nhiên). Quý vị chẳng dễ gì nảy sanh ý niệm tu hành, hầu như không có khả năng! Nếu như phước báo lớn lao, càng chẳng dễ dàng. Nếu quý vị sanh trong một gia đình nghèo khổ, chịu rất nhiều bần dập, may ra mới có ý niệm xuất thế, có ý niệm tu đạo. Nếu là có phước báo, sanh trong gia đình giàu sang thì chẳng có khả năng, tuyệt đối chẳng có khả năng! Chúng ta thấy rõ chân tướng sự thật này, quyết định chẳng chịu luân hồi, đời sau quyết định chẳng lâm vào tình cảnh ấy.

Phải thực sự cầu được vãng sanh! Phải thực sự nâng cao cảnh giới của mình lên! Phiền não tập khí nhất định phải đoạn, nhất định phải tu thành. Trong một đời này, tâm địa thanh tịnh, tâm địa thiện lương, đối với hết thảy người, sự, vật, chớ nên có mảy may oán hận. Có chút oán hận nào thì quý vị sẽ bị đọa lạc, đời sau lúc gặp phải oán thân trái chủ, oan oan tương báo, đáng thương lắm thay! Nếu đức Phật chẳng giảng cho chúng ta [điều này], chúng ta vĩnh viễn không biết. Vì vậy, phải thực

sự tu hành. “Tu hành” là “sửa đổi hành vi của chính mình cho đúng”. Trong hành vi, quan trọng nhất là quan niệm, tức là hành vi nơi ý nghiệp.

Tôi thường khuyên các đồng học biến địch thành bạn, hóa oán thành thân, điều này quan trọng hơn bất cứ gì khác. Quyết định chẳng được đối lập với hết thấy chúng sanh, chẳng những không được đối lập với người, mà với hết thấy động vật cũng không được, với hết thấy thực vật cũng không được! Chớ nên đối lập! Phải có lòng yêu thương, phải có lòng cung kính, cung kính đối với người. Đối với sự đều phải cung kính. Kinh gọi đó là “*chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*” (các thượng thiện nhân cùng ở chung một chỗ). Chúng ta phải vun bồi thượng thiện, vun bồi tâm hạnh thượng thiện thanh tịnh chân chánh, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong một đời này, một chút chướng ngại cũng chẳng có.

Ồ! Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta cũng đọc qua đoạn kinh văn tiếp theo đó một lần:

Xá Lợi Phất! Chúng sanh văn giả, ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc.

舍利弗。眾生聞者。應當發願。願生彼國。

(*Này Xá Lợi Phất! Chúng sanh nghe nói, hãy nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy*).

Hai câu này rất quan trọng.

Sở dĩ giả hà? Đắc dữ như thị chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ.

所以者何。得與如是諸上善人。俱會一處。

(*Vì sao vậy? Được cùng với các thượng thiện nhân như vậy cùng nhóm họp một chỗ*).

Đoạn này nói cho chúng ta biết về các thượng thiện nhân. Từ ngữ “*chư thượng thiện nhân*” chỉ các Đẳng Giác Bồ Tát, tức những bậc Nhất

Sanh Bồ Xứ. Nhất Sanh Bồ Xứ mới là Thượng Thiện Nhân! Nói bao quát là “*đầy đủ công đức tăng thượng, duyên thù thắng*”, duyên ấy rất thù thắng, nhân sự hoàn cảnh tốt đẹp, được sự vui “*nhân hòa*”. Thế giới Cực Lạc đúng là thiên thời, địa lợi, nhân hòa không khuyết hãm mảy may nào. Bởi vậy, đức Thế Tôn khuyên chúng ta: “*Ung đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc*” (Hãy nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy). Quý vị nghĩ lời nói ấy đúng hay sai? Khắp mười phương thế giới, tìm không ra hoàn cảnh nào thù thắng đến như thế, trọn đủ thiên thời, địa lợi, nhân hòa. Nếu thực sự chịu phát nguyện vãng sanh, sẽ vĩnh viễn thoát khỏi nỗi khổ luân hồi lục đạo trong thế giới Sa Bà. Nếu quý vị chẳng thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, lại chẳng thể chứng đắc minh tâm kiến tánh, ắt phải chịu cái khổ luân hồi trong lục đạo. Quý vị kết ác duyên với hết thảy chúng sanh, oan oan tương báo, đời đời kiếp kiếp chẳng xong, càng nghĩ càng đáng sợ!

Lại xem tiếp đoạn thứ hai [trong sách Yếu Giải]: “*Đối nghiệp vãng sanh hoành xuất tam giới, Đồng Cư hoành cụ tứ độ, khai hiển tứ giáo pháp luân*” (Đối nghiệp vãng sanh là thoát khỏi tam giới theo chiều ngang, cõi Đồng Cư theo chiều ngang có đủ bốn cõi, khai hiển tứ giáo pháp luân). Trước hết, chúng tôi nói dăm câu: Trong một đời này, chúng ta có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc đúng là do đối nghiệp vãng sanh. Nếu chẳng đối nghiệp thì về căn bản, chúng ta chẳng có cơ hội vãng sanh! Đối nghiệp vãng sanh là thoát khỏi tam giới theo chiều ngang (hoành xuất tam giới). Quý vị phải biết: Mọi cách tu hành khác chẳng phải là “*hoành xuất*”, mà là “*thụ xuất*” (thoát ra theo chiều dọc). Nếu quý vị muốn vượt thoát lục đạo luân hồi, phải đi qua Tứ Vương Thiên, Đao Lợi Thiên, Dạ Ma Thiên, Đâu Suất Thiên, Hóa Lạc Thiên, Tha Hóa Tự Tại Thiên, thoát khỏi Dục Giới như vậy, lên đến Sắc Giới. Trong Sắc Giới phải trải qua Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên, tất cả mười tám tầng trời, lại phải vượt qua bốn tầng Không Thiên để thoát khỏi luân hồi lục đạo, nên gọi là “*thụ xuất*”. Trong tứ thánh pháp giới, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật là “*thụ xuất*”. Còn người đối nghiệp vãng sanh thì sao? Hoành siêu! Chẳng cần phải đi theo con đường trên, chúng ta từ nhân đạo vượt ngang ra, nên gọi là “*hoành xuất tam giới*”, chẳng phải là “*thụ xuất*”, thoát ra từ nhân đạo.

Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng thực sự chẳng thể nghĩ bàn! Cõi Đồng Cư có đủ cả bốn cõi [Tịnh Độ] theo chiều ngang. Chúng ta về đó đương nhiên là về Phàm Thánh Đồng Cư Độ, đối nghiệp mà! Bốn cõi [Tịnh Độ] trong thế giới chư Phật ở mười phương không ở cùng

một chỗ, Thích Ca Mâu Ni Phật có Thật Báo Độ, nhưng Thật Báo Độ ấy chẳng ở trên địa cầu chúng ta, chẳng ở cùng một nơi. Ngài có Phương Tiện Hữu Dư Độ, Phương Tiện Hữu Dư Độ thuộc tứ thánh pháp giới, còn Thật Báo Độ là Nhất Chân pháp giới, không ở cùng một chỗ. Giống như các trường học trong thế gian này: Tiểu Học, Trung Học, Đại Học tách rời nhau. Tiểu Học là Tiểu Học, Trung Học là Trung Học, Đại Học là Đại Học, không ở cùng một chỗ. Tây Phương Cực Lạc thế giới rất đặc biệt, Đại Học, Trung Học, Tiểu Học, viện nghiên cứu cùng dạy trong một phòng học, rất đặc biệt; bởi thế, nó là pháp khó tin! Chúng ta đến đó là học trò Tiểu Học, nhưng cùng học chung một lớp với chúng ta có những sinh viên Đại Học, có nghiên cứu sinh, có sinh viên thuộc ban Tiến Sĩ, chúng ta gặp khó khăn gì họ bèn giúp cho, cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Vì vậy, sanh vào Phẩm Thánh Đồng Cư Độ giống như sanh vào Phương Tiện Độ, vì sao? A La Hán là đồng học của mình, cùng học chung với mình trong một phòng học; giống như sanh vào Thật Báo Độ, vì ở chung một chỗ với Bồ Tát, giống như sanh vào Thường Tịch Quang Độ, vì sao? Chư Phật Như Lai cũng ở chung một chỗ với mình!

“Khai hiển tứ giáo pháp luân”, ý nói: Chúng ta đến đó tiếp nhận sự giáo dục viên mãn. Tứ giáo là Giáo, Lý, Hạnh, Quả. Ngẫu Ích đại sư thuộc tông Thiên Thai, Ngài học giáo lý Thiên Thai. Trong tông Thiên Thai, Tứ Giáo là Tạng, Thông, Biệt, Viên. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới được hưởng nền giáo dục viên mãn, một chính là bốn, bốn chính là một. Thầy dạy cao minh, đồng học cao minh, đồng học đều là Đẳng Giác Bồ Tát, là các thượng thiện nhân.

“Chúng sanh viên tịnh tứ độ”: *“Chúng sanh”* chính là chúng ta; chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đến nơi ấy tâm thanh tịnh, bốn cõi Tịnh Độ đều thanh tịnh. *“Viên”* là viên mãn, [*“viên tịnh tứ độ”*] là bốn cõi thanh tịnh viên mãn, cũng có nghĩa là tâm thanh tịnh đều tương ứng với bốn thứ Tịnh Độ. *“Viên kiến tam thân, viên chứng tam Bất Thoái”* (Thấy trọn ba thân, chứng trọn ba thứ Bất Thoái): Ở đây, phải chú ý đến ba chữ *“viên”*. Vì sao? Chỉ có Tây Phương Cực Lạc thế giới là hết thấy viên mãn. Lúc ở những thế giới phương khác, dầu có thể thấy, có thể nghe, nhưng không viên mãn! Chỉ riêng ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, hết thấy đều viên mãn, đó là do bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Tam thân: Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Hóa Thân. Ba Bất Thoái là Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, và Niệm Bất Thoái. Ba thứ Bất Thoái này chúng tôi chưa lại đề giới thiệu trong phần sau.

“*Nhân dân giai nhất sanh thành Phật*” (nhân dân đều thành Phật trong một đời): Hãy chú trọng chữ “*giai*”. “*Giai*” có nghĩa là phạm những ai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều không có ngoại lệ, ai nấy đều thành Phật trong một đời. Thời gian một đời có khác biệt, có người sớm một chút, có kẻ chậm một chút, vì nguyên nhân nào vậy? Nguyên nhân chẳng ở bên ngoài, mà ở ngay nơi mình. Nếu quý vị siêng gắng tu hành, sẽ sớm có ngày thành Phật, vượt lên trước. Nếu quý vị biếng nhác, giải đãi, tán loạn một chút, thời gian để thành Phật của quý vị phải dài hơn. Đây chẳng phải là do thầy, chẳng phải do đồng học, chẳng phải do hoàn cảnh tu học, mà là vì chính mình dụng công siêng năng hay lười nhác. Muốn siêng học thì tốt nhất phải tập thành ngay từ bây giờ, nuôi dưỡng thành thói quen, thói quen ấy có thể mang sang thế giới Cực Lạc. Nói cách khác, đến thế giới Cực Lạc thời gian để thành tựu của quý vị sẽ rút ngắn lại.

“*Như thị đẳng thắng dị siêu tuyệt*” (Sự thù thắng, lạ lùng vượt trội không còn gì hơn được nữa như thế đó): Thù thắng, lạ lùng là khác với mọi thế giới. Chẳng những vượt trội, mà còn siêu tuyệt (vượt trội mọi thứ, không gì hơn được nữa), “*toàn tại thử nhị khoa điểm thị, tu đế nghiên chi*” (hoàn toàn được trình bày trong hai khoa này, phải nên nghiên cứu kỹ càng): Sự thù thắng trang nghiêm siêu tuyệt khôn sánh của thế giới Cực Lạc nằm ở trong hai đoạn kinh văn này: Y báo màu nhiệm và chánh báo màu nhiệm, tức là hai đoạn kinh văn này tường thuật sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo. Ngẫu Ích đại sư đặc biệt dẫn dò chúng ta phải tích cực nghiên cứu, chẳng được coi thường.

Trong phần trên đã nói tới Bất Thoái. Bất Thoái có ba loại:

1) Vị Bất Thoái “*nhập thánh lưu, bất đọa phàm địa*” (nhập dòng thánh, chẳng đọa xuống địa vị phàm phu).

Hạng người nào vậy? Tiểu Thừa Sơ Quả, bậc Sơ Trụ của Biệt Giáo, bậc Sơ Tín trong Viên Giáo (tức là Sơ Tín Vị Bồ Tát trong kinh Hoa Nghiêm), bọn họ đắc Vị Bất Thoái. Những địa vị này là địa vị thánh nhân, quyết định chẳng thoái chuyển làm phàm phu nữa. Các Ngài đoạn hết tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, kiến giải chính xác, chẳng phải là tà tri tà kiến. Để thuận tiện cho việc giảng dạy, đức Phật gộp tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc thành năm loại lớn: Thứ nhất là Thân Kiến, thứ hai là Biên Kiến, thứ ba là Giới Thủ Kiến, thứ tư là Kiến Thủ Kiến, thứ năm là Tà Kiến. Nói chung đều là kiến giải sai lầm, cách thấy sai lầm, đối với vũ trụ, đối với nhân sinh, đối với hết thảy vạn pháp đều nhìn sai lầm. Những cách nhìn sai lầm ấy họ đều buông xuống được,

có cách nhìn chính xác, chẳng còn thoái đoạ làm phàm phu.

Phàm phu có cách nhìn sai lầm, cách nghĩ cũng sai lầm; nhưng phàm phu thì sao? Phàm phu chấp chặt cách nghĩ và cách nhìn của mình là chính xác, nghĩ người khác đều trật, bởi thế, họ vĩnh viễn là phàm phu. Con người phải biết sai mới thay đổi được; chẳng biết lỗi mình thì làm sao sửa? Kẻ ấy luôn nghĩ mình đúng, người khác sai, Phật, Bồ Tát có nói cũng cho là sai, là mê tín; vậy là không có cách nào hết. Lúc nào biết sai, lúc ấy mới sửa đổi được. Trong Phật pháp nói đến tu hành thì sửa đổi cho đúng những lầm lạc là tu hành, chẳng phải là chuyện dễ dàng! Sơ Quả và Sơ Tín Bồ Tát thuộc Viên Giáo, dẫu chưa thoát tam giới, chưa vượt khỏi luân hồi lục đạo, nhưng quyết định chẳng đoạ ba ác đạo. Như Sơ Quả Tiểu Thừa chứng đắc Sơ Quả, bảy lần sanh vào cõi người hay cõi trời mới chứng A La Hán, bèn thoát tam giới. Các Ngài tu hành chẳng gián đoạn giữa chừng, chứng quả, đạt Vị Bất Thoái.

2) Loại thứ hai là “*Hạnh Bất Thoái, hằng độ sanh*”. “*Hằng*” (恆) là vĩnh viễn, tâm nguyện độ sanh chẳng bị thoái chuyển, chúng sanh vô biên thế nguyện độ, các Ngài chẳng đoạ Nhị Thừa. Vì sao? Bậc Nhị Thừa là A La Hán, Bích Chi Phật không độ chúng sanh. Quý vị phải hiểu: Không phải các Ngài không độ sanh, các Ngài cũng độ sanh, nhưng không chủ động! Chúng sanh tìm đến Ngài, lạy Ngài làm thầy, học đạo với Ngài, Ngài tiếp nhận, nhưng Ngài chẳng đi tìm người khác, “không độ chúng sanh” có nghĩa là như vậy. Chẳng giống với Bồ Tát, Bồ Tát đến tìm ta, nhưng lúc Bồ Tát đến tìm ta, Ngài xem xét cơ duyên, xem duyên có chín muồi hay chưa? Chín muồi là gì? Lúc tìm đến quý vị, nếu quý vị có thể tin tưởng, tiếp nhận thì Bồ Tát bèn đến. Nếu thiện căn, phước đức, nhân duyên của quý vị chưa chín muồi, Ngài đến tìm ta, ta chẳng thể tiếp nhận! Quý vị chẳng thể hiểu thấu thì lúc ấy Bồ Tát chẳng đến tìm quý vị!

Đây chính là điều nhà Phật thường nói: “*Phật bất độ vô duyên chi nhân*” (Phật chẳng độ kẻ vô duyên). Ở đây, “vô duyên” không phải thực sự là không có duyên gì, mà có nghĩa là duyên chưa chín muồi. Lúc chưa chín muồi, các Ngài không đến; duyên chín muồi bèn đến. Lúc chín muồi thì các Ngài giảng, quý vị tin được, hiểu được, lại còn có thể phụng hành, duyên chín muồi rồi mà! Do Bồ Tát tìm chúng sanh để độ nên trong kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta thấy có câu: “*Vị chúng sanh tác bất thỉnh chi hữu*” (Vì chúng sanh làm người bạn chẳng mời). Chúng sanh không mời, Ngài cũng đến; không giống như A La Hán, Bích Chi Phật, chúng sanh phải mời mới đến; không mời, họ chẳng đến.

Bồ Tát không mời cũng đến nên là đại từ đại bi. Đó là những vị nào? Đó là bậc Bồ Tát trong Thông Giáo (trong Tạng Giáo không có Bồ Tát, trong Thông Giáo có Bồ Tát), bậc Thập Hồi Hướng trong Biệt Giáo, Thập Tín trong Viên Giáo. Vì vậy, Thập Tín Bồ Tát của Viên Giáo là Hạnh Bất Thoái, đáng quý vô cùng. Bậc Thập Tín của Viên Giáo đặc hai thứ Bất Thoái: Vị Bất Thoái và Hạnh Bất Thoái. Trong Tiểu giáo chỉ có một thứ là Vị Bất Thoái, chứ Hạnh vẫn còn thoái chuyển. Đây là chỗ thù thắng của Viên Giáo; bởi thế, chư Phật, Bồ Tát tán thán Viên Giáo đến tột bậc, [căn tánh Viên Giáo] là căn tánh viên đốn. Hạng người ấy có tâm từ bi, có tâm trí huệ, niệm niệm chẳng xả chúng sanh, lúc nào cũng chịu giúp đỡ chúng sanh.

3) Loại thứ ba là Niệm Bất Thoái. Thế nào là Niệm Bất Thoái? *“Tâm tâm lưu nhập biến Tát-bà-nhã”*.

Câu này chẳng dễ hiểu cho lắm. Biến Tát-bà-nhã là gì? Biến Tát-bà-nhã (Sarvajña) chính là Nhất Thiết Chủng Trí thường được Đại Thừa nói đến, nhưng vẫn chưa dễ hiểu. Chúng tôi nói một cách dễ hiểu hơn là: Quý vị niệm niệm tương ứng với trí huệ Bát Nhã sẵn có nơi tự tánh. Tôi nói cách này mọi người đều hiểu, nó có ý nghĩa như vậy đó! Niệm niệm tương ứng với trí huệ chân thật sẵn có nơi tự tánh không dễ dàng đâu! Phạm phu làm không được. Phạm phu niệm niệm sanh phiền não. Niệm niệm tương ứng với trí huệ Bát Nhã sẵn có nơi tự tánh là hạng người nào? [Phải là] người minh tâm kiến tánh; không minh tâm kiến tánh sẽ không thể làm được. Bởi thế, bậc đương cơ của Niệm Bất Thoái chính là Sơ Trụ của Viên Giáo, Sơ Địa của Biệt Giáo. Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, minh tâm kiến tánh. Nhà Thiền nói: *“Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”*, đây chính là Niệm Bất Thoái.

Niệm niệm tương ứng với trí huệ quyết định chẳng sanh phiền não, chuyển phiền não thành Bồ Đề, thực sự chuyển biến được, đó là bậc Sơ Trụ của Viên Giáo. Trong Tông Môn gọi là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”; trong Giáo gọi là “đại khai viên giải”, trong pháp môn Niệm Phật gọi là “Lý nhất tâm bất loạn”. Lý nhất tâm bất loạn chính là Sơ Địa trong Biệt Giáo hoặc Sơ Trụ trong Viên Giáo. Biệt Giáo hay Viên Giáo tùy thuộc vào căn tánh của chính quý vị; nếu quý vị quả thật là căn tánh viên đốn thì quý vị nhập cảnh giới của bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo; nếu quý vị không phải là căn tánh viên đốn thì là Sơ Địa của Biệt Giáo, tùy theo căn tánh bất đồng của từng người mà nói.

Biệt Giáo khác với Viên Giáo ở chỗ nào? Viên Giáo biến hết thấy

thành rộng lớn, viên dung vô ngại; nhưng Biệt Giáo vẫn còn tính toán dè dặt, còn có chấp trước. Nói cách khác, tâm lượng chưa rộng mở, chưa được viên dung, còn chấp vào phương hướng, đường lối của mình. Viên giáo đáng quý, viên dung tự tại; còn Biệt giáo không viên dung, không được tự tại như Viên Giáo Bồ Tát. Căn tánh được vun trồng từ vô lượng kiếp, chẳng phải là trong một đời một kiếp. Bởi vậy, chúng tôi thường nói: Có người thiên tánh rất hoạt bát, có người thiên tánh rất cẩn thận, câu nệ. Câu nệ, cẩn thận là Tiểu Giáo hay Biệt Giáo; người hoạt bát rất có thể là Viên Giáo. Từ chỗ này có thể nhận biết phảng phất đôi chút hình dạng của Tạng, Thông, Biệt, Viên. Do vậy, có thể thấy được trọn vẹn ba thứ Bất Thoái.

Thấy trọn vẹn ba thân thì thấy ở đâu? Thấy ba thân ngay trên cái thân hiện tại của chúng ta. Mọi người chúng ta đều tưởng cái thân hiện tại chính là thân mình, thân ấy là thân nghiệp báo! Do nghiệp thiện hay ác đã tạo trong đời quá khứ chiêu tập, cảm được báo ứng, thì gọi là “thân nghiệp báo”. Nếu quý vị thực sự giác ngộ thì thân này là Pháp Thân, vì sao? Nó do các pháp sanh ra. Phật quy nạp các pháp lại, quy nạp đến mức đơn giản nhất là Ngũ Âm: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Có gì chẳng phải là pháp? Nói rộng ra một chút là mười hai Xứ và mười tám Giới. Mười tám Giới là sáu Căn, sáu Trần, sáu Thức, hoàn toàn thuộc trong thân thể, chẳng tách rời khỏi thân. Thân ấy do các pháp tụ tập sanh ra, thân ấy chính là Pháp Thân.

Pháp Thân này cùng pháp giới bên ngoài là một, không phải hai. Nếu nói Pháp Thân này và pháp giới bên ngoài là hai chứ không phải một thì quý vị chưa chứng đắc. Sau khi chứng đắc, quý vị sẽ hoàn toàn hiểu rõ thân mình là tiểu vũ trụ, pháp giới bên ngoài là đại vũ trụ. Tiểu vũ trụ và đại vũ trụ là một, chứ không phải hai, tương dung, tương tức (dung nhập lẫn nhau, tiểu vũ trụ chính là đại vũ trụ, đại vũ trụ chính là tiểu vũ trụ), chẳng tách rời. Vì thế, đại vũ trụ bên ngoài chuyển theo tiểu vũ trụ bên trong, cảnh chuyển theo tâm! Đoạn hết vọng tưởng, trí huệ sẽ hiện tiền, thân này là Báo Thân. Báo Thân là thân trí huệ; nhục thể (cái thân xác thịt) trong thế gian là Ứng Hóa Thân, chẳng khác gì so với chư Phật và Pháp Thân Bồ Tát, xác thực là bậc thừa nguyện tái lai (nuông theo bốn nguyện tái sanh). Vì sao? Trong thế gian này, quý vị vì người khác diễn nói, chẳng vì chính mình; nếu vẫn vì chính mình thì là phàm phu. Phải không vì chính mình; cái gì mới đúng là chính mình? Toàn thể vũ trụ là chính mình, hết thấy chúng sanh là chính mình, hư không pháp giới là chính mình, Tiểu Ngã và Đại Ngã hợp thành một. Đó là “nhập

pháp giới”.

Tiểu Ngã chẳng hợp được thành một với Đại Ngã bên ngoài là chưa nhập pháp giới. Thế nào là “*nhập pháp giới*”? Quý vị hãy suy nghĩ từ đây. Lúc tôi giảng kinh đã nói khá nhiều lần: Tâm và hư không pháp giới dung hợp thành một thể, thân và vô lượng vô biên cõi nước cùng chúng sanh [trong vô lượng vô biên cõi nước ấy] hợp thành một thể, đó là nhập pháp giới, thực sự dung hợp. Lúc Tiểu Ngã và Đại Ngã hợp nhất, quý vị hãy nghĩ xem: Có còn sanh tử hay chăng? Không có! Cầu sanh tử trọn chẳng thể được, sanh tử không còn nữa! Niết Bàn cũng không có, phiền não không có, trí huệ cũng không có; vì chúng đều là đối lập với nhau [nên cái này không có thì cái kia cũng không có]. Thực sự nhập pháp môn Bất Nhị, Bất Nhị gọi là Nhất Chân, không pháp nào chẳng phải là Nhất Chân, khi đó là Niệm Bất Thoái!

Bộ kinh điển Tịnh Độ này (tức kinh A Di Đà) bị không ít người coi thường vì kích thước quá nhỏ, chỉ là một tập sách nhỏ mỏng tanh. Nếu quý vị đọc rất quen thì chỉ cần năm phút là đọc xong, nhưng trong đây có những đạo lý lớn lao, đạo lý viên mãn rất ráo, Thật Tướng viên mãn rất ráo nhiều ngàn ấy, nào ai biết? Thực sự chẳng thể nghĩ bàn! Bởi vậy, kinh nói tường tận, nói rộng, giảng tỉ mỉ chính là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Hiện tại chúng tôi đang giảng một bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, từ lúc mới bắt đầu đến nay đã mất hơn hai ngàn giờ, nhưng mới giảng đến cuốn thứ mười hai! Kinh ấy tổng cộng chín mươi sáu cuốn; vì vậy, tôi tính hà tiện nhất thì cũng phải mất bảy năm mới có thể giảng xong. Tối thiểu phải mất bảy năm, mỗi ngày giảng suốt bốn tiếng đồng hồ.

Cảnh giới, nội dung của kinh Hoa Nghiêm và kinh A Di Đà hoàn toàn tương đồng, một đằng là giảng kỹ, một đằng nói đại lược. Văn tự có rộng - hẹp sai khác, nhưng đạo lý và cảnh giới hoàn toàn tương đồng. Bởi vậy, trong quá khứ tôi từng bảo các đồng học: “*Nếu muốn giảng kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà cho hay thì quý vị phải thông kinh Hoa Nghiêm. Chẳng thông kinh Hoa Nghiêm, quý vị giảng hai bộ kinh trên đây sẽ không viên mãn*”. Bởi vậy, cổ nhân nói ba bộ kinh này là một bộ kinh, [chỉ là] Đại Bản, Trung Bản, Tiểu Bản của cùng một bộ kinh. Thuyết này hết sức hợp lý.

Xem tiếp đến đoạn dưới, chính là đoạn văn của ngài Ngẫu Ích viết trong sách Yếu Giải: “*Tây Phương Tịnh Độ, Ngũ Nghịch Thập Ác thập niệm thành tựu, đời nghiệp vãng sanh, cư Hạ Hạ phẩm giả, giai đắc tam Bất Thoái dã*” (Tây Phương Tịnh Độ, kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác mười

niệm thành tựu, đời nghiệp vãng sanh, thuộc vào Hạ Hạ Phẩm, đều đắc ba thứ Bất Thoái). Lại lòng thật! Kinh nói Ngũ Nghịch Thập Ác là những kẻ tội nghiệp nặng nhất trong thế gian, họ có thể vãng sanh hay chăng? Có thể! Lúc lâm chung niệm mười tiếng A Di Đà Phật bèn vãng sanh vẫn được hay sao? Dễ dàng quá vậy? Nhưng quý vị hãy nghĩ coi: Lúc lâm chung, mười tiếng niệm A Di Đà Phật có niệm ra được hay không? Nói về mặt Lý chắc chắn là được, lâm chung một niệm bèn vãng sanh. Vấn đề là lúc lâm chung có niệm được hay không? Quý vị có bảo đảm hay không? Quý vị cứ xét kỹ thì thấy: Lúc lâm chung, có mấy ai được tỉnh táo, sáng suốt? Đó là điều kiện đầu tiên.

Nếu lâm chung hôn mê là xong rồi! Lâm chung hôn mê thì trợ niệm cũng không nhờ vả được. Trợ niệm nhằm toàn tâm toàn lực cảnh tỉnh chúng ta. Phải làm sao mới được vãng sanh? Người sắp chết nghe người khác trợ niệm, đột nhiên giác ngộ, buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm A Di Đà Phật, như vậy thì mới có thể vãng sanh. Nếu lúc lâm chung vẫn còn có sự tình vướng mắc trong dạ, vẫn còn chuyện gì đó chưa buông xuống được, khó buông xuống được nhất chính là thân tình, ân oán, những chuyện này khó buông xuống nhất. Thân tình không buông xuống được, ân oán không buông xuống được, lập tức đọa tam đồ. Lúc mạng chung, nghe một tiếng Phật hiệu mà cái gì cũng đều buông xuống hết thì có thể nói là do thiện căn tu Tịnh Độ trong đời đời kiếp kiếp thuộc quá khứ của người ấy phát hiện trong lúc ấy; người ấy cũng chẳng phải là kẻ tầm thường! Người tầm thường dễ gì may mắn như thế? Bởi vậy, chẳng thể cầu may nơi chuyện này được. Lâm chung một niệm hay mười niệm vãng sanh chính là do thiện căn tu hành trong quá khứ hiện hữu. Trong một đời này không gặp được duyên thì dầu có thiện căn nhưng thiện căn chẳng thể hiện tiền, chẳng dẫn khởi lên được. [Thiện căn phát khởi thì] lúc lâm chung gặp được thiện tri thức khuyến kẻ ấy niệm Phật, kẻ ấy vừa nghe liền hoan hỷ, vừa nghe liền tin tưởng.

Trước kia, tiên sinh Châu Quảng Đại vãng sanh tại Hoa Thịnh Đốn (Washington), Hoa Kỳ. Ông ta cả đời chưa tiếp xúc Phật giáo, lúc lâm chung cũng hết sức đau khổ, hình như ông ta cũng bị ung thư. Hội Phật Giáo Hoa Thịnh Đốn có những đồng tu quen biết với vợ ông ta, ông ta có tiệm bánh mì. Lúc đó, bà vợ ông không biết làm sao, đem tình hình thống khổ của ông kể với những đồng học thuộc hội Phật giáo tại Hoa Thịnh Đốn. Lúc ấy, tôi còn làm hội trưởng danh nghĩa của hội, có đồng học gọi điện thoại cho tôi, tôi đang sống ở Dallas; tôi nói quý vị phải nhanh chóng trợ niệm, khai thị cho ông ta. Hết sức hy hữu là cư sĩ Cung

Chấn Hoa đến khai thị cho ông ta. Cung cư sĩ khéo nói, vừa khai thị là ông ta bèn tiếp nhận, quả nhiên tin tưởng, bèn niệm Phật theo. Vừa niệm Phật, ông ta bèn bảo vợ: “Tôi không còn đau đớn nữa!”, ngay lập tức không còn đau đớn nữa. Ông ta bảo người nhà: “Mọi người đều vì tôi mà niệm Phật đi”. Ông ta kêu người nhà, bà vợ cho đến những đứa bé trong nhà ai nấy đều niệm Phật, niệm ba ngày ông ta được vãng sanh.

Lúc lâm chung mới học Phật, niệm ba ngày được vãng sanh, chẳng thể nghĩ bàn! Đúng là buông xuống được, hạ người như vậy hết sức hiếm có! Tuy ông ta bệnh tật rất đau đớn, nhưng thần trí sáng suốt, đó là điều kiện đầu tiên. Điều kiện trọng yếu nhất là phải sáng suốt, không mê hoặc chút nào. Thứ hai là gặp được thiện tri thức chân chánh khuyên dạy mình, vừa nghe bèn có thể tin, hiểu, phát nguyện, cùng mọi người niệm Phật sẽ thực sự được vãng sanh. Hình như cư sĩ Cung Chấn Hoa cũng đã vãng sanh mấy năm trước rồi!

Ngay cả kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác, lúc lâm chung đầu óc rất sáng suốt, không mê hoặc, một đời tạo tội nghiệp cực nặng, vì sao lâm chung vẫn được vãng sanh? Trong đời đời kiếp kiếp quá khứ từng tu pháp môn Niệm Phật, thiện căn hết sức sâu dày, trong đời này chẳng gặp được thiện duyên, toàn gặp ác duyên mới bèn tạo ác, đó là mê hoặc nhất thời. Lúc lâm chung gặp được thiện duyên, thiện căn trong A Lại Da thức bèn dẫn khởi, đạo lý là như vậy; tuyệt đối chẳng thể nói kẻ ấy không có thiện căn. Không có thiện căn thì một chút biện pháp gì cũng không có. Trong A Lại Da Thức có thiện căn từ những đời trước, lúc lâm chung thiện căn ấy được bạn lành dẫn khởi, bèn phát ra, mười niệm thành tựu, đời nghiệp vãng sanh. Đây chính là nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám đại nguyện của A Di Đà Phật.

Tiếp theo là một câu quan trọng: “*Cư Hạ Hạ Phẩm giả, giai đắc tam Bất Thoái*” (Người thuộc Hạ Hạ Phẩm đều đắc ba thứ Bất Thoái). Câu này trọng yếu hơn bất cứ gì khác! Quý vị nghĩ xem, trong ba thứ Bất Thoái, người đắc Niệm Bất Thoái là hạ người nào? Là Pháp Thân Bồ Tát, chẳng phải Bồ Tát tầm thường mà là Pháp Thân Bồ Tát! Chúng ta là Hạ Hạ Phẩm vãng sanh, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều đắc ba thứ Bất Thoái. Đắc ba thứ Bất Thoái chính là A Duy Việt Trí Bồ Tát (Bất Thoái Chuyển Bồ Tát). Chuyện tốt như vậy tìm đâu ra được? Tìm không ra! Chỉ Tây Phương Cực Lạc thế giới mới có. Đó gọi là “*ngoại trừ một mình nhà này*”. Nếu quý vị không thêm đến đó, quý vị có bản lãnh gì để đoạn phiền não? Có bản lãnh nào để minh tâm kiến tánh? Tự mình hãy cân nhắc hết sức cẩn thận đi!

Ngũ Nghịch là gì? Thập Ác là gì? Cũng cần phải giới thiệu đơn giản vậy. Nghịch là phản nghịch. Tội ác lớn nhất, hoàn toàn trái nghịch tự tánh, gồm có năm điều:

1) Thứ nhất là làm thân Phật chảy máu.

Phật phước báo vô cùng lớn, quý vị có muốn giết Phật, muốn hại Phật, cũng giết không được, Ngài có phước báo quá lớn! Nhưng quý vị có ác tâm, rất có khả năng quý vị ngẫu nhiên làm rách da Phật một chút, chảy chút máu. Như Đề Bà Đạt Đa biết Thích Ca Mâu Ni Phật mỗi ngày khát thực đi theo đường nào. Trên đường đức Phật đi, có một chỗ có vách đá cheo leo, Đề Bà Đạt Đa liền ở trên vách đá ấy quăng xuống một khối đá lớn. Thích Ca Mâu Ni Phật đi khát thực bước ngang qua đó; Đề Bà đẩy khối đá xuống mong đề chết Phật. Nhưng đức Thế Tôn có thần hộ pháp; lúc đó thần hộ pháp (như Vi Đà Bồ Tát là thần hộ pháp) dùng chày Kim Cang đỡ lấy khối đá đang lăn xuống. Khối đá bị chặn lại liền bị vỡ nát, mảnh vụn văng vào chân đức Thế Tôn, tróc một chút da, chảy một tí máu. Làm thân Phật chảy máu, ôm lòng hại Phật!

Đức Phật là đạo sư của ba cõi, là mắt của trời người, quý vị hại Phật chẳng phải là gây tội cùng Phật, [mà là khiến cho] hết thầy chúng sanh chẳng được đức Phật giáo hóa, kết thành tội là ở chỗ này! Do đó, tội ấy rất nặng: Chẳng phải quý vị hại một người mà là hại hết thầy chúng sanh. Hết thầy chúng sanh phải nhờ đức Phật dạy dỗ mà quý vị lại sát hại, quá sức rồi!

2) Thứ hai là giết A La Hán.

A La Hán là bậc đắc đạo, là người lành, cũng là vị thầy tốt, thiện tri thức, trụ trong thế gian này giáo hóa chúng sanh. Dầu chẳng giáo hóa chúng sanh, Ngài trụ tại địa phương nào, nơi ấy có phước. Ngài là bậc trí huệ chân chánh, phước đức chân chánh. Ngài trụ tại địa phương nào, nơi ấy không mắc nạn. Nay chúng ta hiểu đạo lý sau đây rất rõ ràng, minh bạch: A La Hán trụ tại địa phương nào, từ trường nơi ấy đều biến đổi. Quý vị muốn hại A La Hán cũng là hại hết thầy chúng sanh trong địa phương ấy, toan sát hại người có trí huệ chân chánh, có phước đức chân chánh khiến cho mọi người ở địa phương ấy không còn phước, không còn trí nữa.

3) Thứ ba là giết cha, thứ tư là giết mẹ.

Cha mẹ có ơn dưỡng dục, chẳng biết báo ân, lại còn giết cha mẹ. Đó là tội nghịch. Tội Ngũ Nghịch chắc chắn đọa địa ngục A Tỳ.

4) Tội nghịch cuối cùng là phá hòa hợp Tăng.

Tội phá hoại đạo tràng chánh pháp rất nặng, là nhân của địa ngục

Vô Gián, quyết định đọa vào Vô Gián địa ngục. Kinh Địa Tạng giảng rất rõ. Kinh Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo cũng giảng rất rõ, quyết chẳng được làm chuyện này. Đoàn thể Phật giáo không đúng pháp ta còn không được phá hoại, nếu là đạo tràng đúng pháp lại càng không thể được. Đạo tràng không đúng pháp là nhân quả của họ, không cần đến chúng ta phê bình, chẳng thể tùy tiện nói, vì sao vậy?

Phật, Tổ răn dạy chúng ta: “*Nếu muốn cho Phật pháp hưng thịnh thì Tăng phải khen ngợi Tăng*”. Khen ngợi lẫn nhau Phật giáo bèn hưng thịnh. Họ không đúng pháp, Phật dạy chúng ta “mặc tẫn”, tức là không đếm xỉa tới họ, cũng chẳng nói với họ. Kẻ ấy có nhân quả báo ứng của hắn, ta có nhân quả báo ứng của ta, như vậy là được! Quyết định chẳng tạo khẩu nghiệp, quyết định chẳng báng Tam Bảo. Nói “*báng Tam Bảo*” là vì tuy kẻ ấy làm chuyện chẳng đúng pháp, ta báng kẻ ấy, người khác đối với Phật giáo bèn vợ đũa cả nắm, tạo sự hiểu lầm rất lớn. Như vậy là ta có trách nhiệm, có nhân quả. Vì thế, phải hiểu đạo lý này. Hiểu rõ đạo lý này sẽ hiểu chính mình phải nên làm gì, thế nào là đúng pháp, làm sao mới là tu hành, thế nào mới là tích lũy công đức, không thể không biết.

Nay đã đến giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây thôi!

Tập 21

Chư vị đồng học!

Phản trên chúng tôi giảng đến “*Tây Phương Tịnh Độ, Ngũ Nghịch Thập Ác thập niệm thành tựu, đời nghiệp vãng sanh, cư Hạ Hạ phẩm giả, giai đắc tam Bất Thoái dã*” (Tây Phương Tịnh Độ, kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác mười niệm thành tựu, đời nghiệp vãng sanh, thuộc vào Hạ Hạ phẩm, đều đắc ba thứ Bất Thoái). Câu này thuyết minh vãng sanh thành tựu thù thắng, thuyết minh công đức lực dụng chẳng thể nghĩ bàn của kinh này, “*thử điểm thị viên chứng thắng dị, tức thử kinh bất tư nghị đích lực dụng*” (điều này hiển thị viên chứng thù thắng, lạ lùng, đó chính là lực dụng chẳng thể nghĩ bàn của kinh này). Chúng tôi đã giảng Ngũ Nghịch rồi, sách Yếu Giải có giảng về Ngũ Nghịch và Thập Ác. Thập Ác tương phản với Thập Thiện Nghiệp. “*Thân tam*”: Giết, trộm, dâm; đây là ba điều ác do thân tạo. “*Khẩu tứ*”: Tức là nói về ngôn ngữ có bốn điều ác lớn:

1) Vọng ngữ: Lừa dối chúng sanh, nói lời không thành thật, không đúng với sự thật.

2) Lưỡng thiệt: Khuấy động thị phi, khiến hai bên ghét nhau. Nhỏ

là giữa hai người, lớn là khích động hiềm khích giữa hai quốc gia. Hai quốc gia bất hòa sẽ phát động chiến tranh. Bởi thế, tội ác lưỡng thiệt hết sức vô cùng nghiêm trọng. Tùy theo tai hại lớn hay nhỏ, thời gian gây ảnh hưởng dài hay ngắn mà quả báo tại A Tỳ địa ngục [sẽ dài hay ngắn].

3) Ác khẩu: Nói lời thô lỗ khó nghe. Hữu ý hay vô ý đều làm tổn thương người ta, khiến cho chúng sanh kết thành oán cừ. Rất nhiều khi chính kẻ nói không biết mình đã kết mối oán cừ, không hiểu vì sao kết thành oán. Vì vậy, nói năng không phải là chuyện dễ. Khổng lão phu tử dạy học, xếp ngôn ngữ vào khoa mục thứ hai, khoa mục thứ nhất là đức hạnh, khoa mục thứ hai là ngôn ngữ. Vì thế, cổ nhân nói: “*Khẩu vi họa phước chi môn*” (Miệng là cái cửa dẫn đến phước hay họa); tức là nói đến ngôn ngữ, lời lẽ hiền lành, dịu dàng mang đến hạnh phúc cho quý vị; nếu như ác khẩu, lưỡng thiệt sẽ mang đến hung tai. Bởi vậy, miệng đúng là cái cửa dẫn đến phước hay họa.

4) Ý ngữ: Hoa ngôn xảo ngữ dẫn dụ, mê hoặc người khác, đại đa số là dẫn dụ, mê hoặc con người làm chuyện chẳng lành. Trong xã hội hiện thời, chuyện này hết sức phổ biến. Quý vị xem đó: Đối với cái mà hiện thời gọi là nghệ thuật thì nội dung biểu diễn là gì? Ca múa là gì? Tuồng tích là gì? Âm nhạc là gì? Hầu như toàn là ý ngữ, nội dung chẳng ngoài giết, trộm, dâm, dối. Xã hội ngày ngày dạy đại chúng như thế thì xã hội làm sao an định được?

Người Trung Quốc bàn đến hòa bình, an lạc: Nếu có thể đối đãi hòa thuận với hết thầy đại chúng, đối xử hòa thuận với thiên nhiên thì tâm liền bình. Tâm có bình thì ta mới có thể được an, nay chúng ta gọi là “cảm giác an toàn”. Thân tâm an ổn thì mới vui, người tu hành gọi là “có định”. Thân tâm không có cảm giác an toàn, người thế gian nào có vui chi? Người tu hành làm sao đắc định được! Vì sao không thể? Bốn lỗi nơi miệng chính là cội nguồn. Bởi vậy, nếu chúng ta muốn thực sự đạt đến hòa bình an lạc thì nhân tố bậc nhất của sự an lạc hòa bình là “lời lành”, khẩu nghiệp phải lành! Nhất định không vọng ngữ, không lưỡng thiệt, không ác khẩu, không ý ngữ thì xã hội mới hồng an định. Vì thế, ngàn vạn phần chẳng được vì bản thân mình mà nói mấy lời giả dối gạt gẫm người, cho là đùa chơi không can hệ gì, can hệ lớn lắm đây! Gây tai nạn cho cả thế giới đây! Nay muốn tiêu trừ ác nghiệp của chính mình, muốn giúp hết thầy chúng sanh khổ nạn trong thế gian được tiêu tai miễn nạn thì phải bắt đầu từ đâu? Từ “*khéo giữ nghiệp miệng*” mà khởi đầu là đúng. Ai nấy đều biết khéo giữ nghiệp miệng thì xã hội an định, thế giới hòa bình, nhân dân hạnh phúc.

Thực hiện từ đâu? Từ ngay chính bản thân mình, phải làm gương cho đại chúng xã hội thấy. Xã hội ngày nay dường như tất cả nghệ thuật diễn xuất tuyệt đại đa số là nội dung bất thiện; cái gì bất thiện chúng ta không xem, không nghe, không tiếp xúc. Cái gì thiện lương thì ta đến xem, thưởng thức. Giống như sinh viên phân ban âm nhạc của Đại Học Côn Sĩ Luân (Queensland) vào Chủ Nhật tổ chức nhạc hội quy mô lớn với hơn cả trăm người, diễn tấu âm nhạc cổ điển mời tôi, tôi cũng đến tham dự. Vì sao? Đó là sự vui thú chánh đáng, chúng ta phải đề xướng. Nội dung bất thiện, chúng ta quyết định chẳng đến dự hòng tu dưỡng đạo đức của chính mình.

Hiện tại, những người trẻ tuổi một chút định lực cũng không có, thật không hay. Theo cách giáo dục của cổ thánh tiên hiền Trung Quốc thì phải tu dưỡng định lực từ nhỏ. Cái định lực ấy chẳng phải là ngồi xếp bằng tịnh tọa trong nhà Phật, mà chính là phải học tập cái tâm nhẫn nại, học tập tính ôn trọng. Tâm con người hiện tại thô phù, bộp chộp, chẳng phải là điều hay. Cái tâm nhẫn nại để nghe nhìn bài giảng trong một giờ không có. Hiện tại cái tâm kiên nhẫn lâu nhất không quá nửa giờ, nhất định phải có những trò biểu diễn phụ thêm thì quý vị mới có hứng thú. Nếu chỉ nghe giảng đơn điệu, khô khan vô vị, quý vị nghe không vô; bởi thế, phải có động tác, phải có biểu diễn. Điều này khiến chúng tôi nghĩ đến việc dạy học pháp xuất thế gian trong đời trước, chứ không cần nói đến cách dạy học trong nhà Phật, [học trò] hết sức cung kính lắng nghe, mỗi một buổi học tối thiểu là hai tiếng đồng hồ.

Trước kia, trường tư dạy học, mỗi buổi học phải từ hai đến ba tiếng đồng hồ, giữa chừng không có giờ nghỉ. Sáng sớm liền vào học, đến lúc tan học gần đến giờ ăn trưa, khoảng chừng ba tiếng đồng hồ, thầy trò ở cùng một chỗ. Đó là sao? Vun đắp cái tâm nhẫn nại, vun quén định lực. Nay chúng ta giảng kinh trong giảng đường cũng là lên lớp, mỗi buổi học là hai tiếng đồng hồ, giữa chừng phải nghỉ mười phút để mọi người giãn gân giãn cốt. Dạy học suốt một tiếng đồng hồ như thế, có rất nhiều người bảo tôi: “Người trẻ tuổi không kham nổi buổi học kéo dài một giờ như vậy, nghe giảng suốt một tiếng đồng hồ không chịu nổi!” Không sai! Đúng là nghe không nổi. Vì sao vậy? Vì nghe không hiểu. Giống như ăn món gì đó chẳng thưởng thức được mùi vị. Nếu nghe mà hiểu được, nếm được mùi vị, sẽ không bỏ được. Đừng nói là mỗi buổi học một giờ, dù giảng đến bốn giờ, người ấy cũng chẳng buông lung một phút nào. Vì sao? Nghe rất thú vị. Trong Phật pháp gọi là “*pháp vị*”, Nho gia gọi là “*bất diệc duyệt hồ?*” (cũng chẳng vui sao?);

nhà Phật gọi là “*pháp hỷ sung mãn*”, nghe giảng thực sự nhập cảnh giới.

Lúc tôi còn bé đang học Tiểu Học, trong xã hội vẫn còn có lệ kể sách. Những đứa trẻ chúng tôi thường đến nghe, càng nghe càng thú vị, quên mất thời gian. Có lúc quên cả giờ cơm, càng nghe càng thấm thía. Nay nghệ thuật này còn tồn tại rất ít, may ra ở Trung Quốc Đại Lục hãy còn, chứ ở Đài Loan không còn nữa. Tại ngoại quốc đương nhiên càng tìm không ra. Đó là một loại nghệ thuật giáo dục xã hội, nội dung quá nửa là những chuyện lịch sử. Chúng tôi thích nghe kể nhất là Tam Quốc Diễn Nghĩa, Tận Trung Thuyết Nhạc tức là truyện kể về Nhạc Phi, vị anh hùng dân tộc trong lịch sử. Nội dung là trung hiếu tiết nghĩa. Bởi vậy, trong quá khứ có rất nhiều người dân chẳng được giáo dục, nhưng họ thông hiểu đạo lý làm người, học từ đâu ra? Học từ nghệ thuật diễn xuất ấy. Đó là giáo dục đấy! Giáo dục ẩn trong trò vui, gần như trong mấy ngàn năm ở Trung Quốc cách giáo dục ấy rất có hiệu quả; nói đúng ra, [nghệ thuật kể sách ấy] rất đáng đề xướng. Như thế thì ngôn ngữ quan trọng hơn bất cứ thứ gì khác, phải học nhé! Nếu khẩu nghiệp nặng thì mức độ nhẹ là ngục Bạt Thiệt (kéo lưỡi), mức độ nặng là A Tỳ địa ngục, chẳng tầm thường đâu!

“*Ý tam ác*”: Tham, sân, si. Keo kiệt, tham lam, nóng giận, ngu si. Đó là Thập Ác. Thập Ác là “*cực trọng chi tội, vi đạo địa ngục tam đồ chi nhân*” (tội hết sức nặng, là cái nhân của tam đồ địa ngục). Vì vậy, nay chúng ta phải chú tâm quan sát, con người rất ít ai tự biết rõ mình; thấy lỗi người khác, chứ không thấy lỗi mình, đó là ngu si. Chẳng thấy lỗi mình, làm sao tự đổi lỗi sửa mới cho được? Tu hành chẳng có gì khác, tu hành là sửa lỗi, Tu là sửa đổi, Hành là hành vi làm lỗi. Sửa đổi cho đúng những hành vi làm lạc thì gọi là Tu Hành. Thân chúng ta tạo Thập Ác, đây chính là hành vi bất thiện, quý vị sửa đổi những lỗi đó, thân không giết, không sát sanh. Chẳng những không sát sanh, mà còn phải yêu thương, che chở hết thảy chúng sanh, càng tích cực yêu thương, che chở chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh. Đó là thiện nghiệp, thiện hạnh.

Không trộm cắp: Giới kinh nhà Phật giảng cái tội trộm cắp hết sức vi tế, rất thấu triệt. “*Đạo*” (盜: trộm cắp) là không cho mà lấy. Phàm là vật có chủ, tài vật có chủ, không được chủ nhân đồng ý ta cứ tự động xài, hoặc dời động đều không được. Quý vị dời, cất, chủ nhân tìm không ra. Vì thế phải luôn tính chuyện thuận tiện cho người khác. Phật pháp dạy không trộm cắp được đại phú, không giết được trường thọ, mạnh khỏe sống lâu. Không giết, không đâm sẽ đạt được tướng hảo, quang minh, dung mạo đoan chánh, nay chúng ta gọi là “tươi tắn, rạng rỡ, dung

mạo tươi sáng, rạng ngời!” Chúng sanh trông thấy quý vị bèn tôn trọng, kính yêu, quả báo hết sức thù thắng.

Quả báo của không vọng ngữ là thành tín, lời nói của quý vị được người khác tin tưởng. Nói năng được đại chúng tín nhiệm, giáo hóa được thành tựu, có thành tích khả quan. Nếu không, quý vị chẳng có đức hạnh, đâu có lòng tốt, đâu có ý tốt dạy người đên mấy, người ta chẳng tin tưởng, gây nên rất nhiều vấn đề, khó khăn lắm! Thiện tâm, thiện ý giúp đỡ người khác, người khác chẳng bằng lòng tiếp nhận. Nguyên nhân là gì? Do nghiệp nhân vọng ngữ.

Lưỡng thiệt càng đáng sợ hơn, khiến người ta chẳng dám tiếp xúc quý vị. Vì sao? Sợ bị làm hại. Quý vị có cái tập khí ấy thì có lúc hữu ý tổn thương người, có lúc vô ý, vô ý cũng hại người. Lưỡng thiệt rất đáng sợ. Hiền thánh, thiện tri thức dạy chúng ta phải “*kính nhi viễn chi*” những con người như vậy để khỏi bị hại. Gặp phải người tổn hại mình, con người có hai thứ phản ứng khác nhau:

1) Nếu không giác ngộ kha khá, chắc chắn sẽ ôm lòng hận thù, đợi thời cơ trả đũa. Trong lịch sử Trung Quốc, những chuyện như vậy rất nhiều. Lịch sử là tấm gương: Oan oan tương báo khổ không thể kể nổi!

2) Người giác ngộ thì phản ứng tốt hơn. Người thực sự giác ngộ có phản ứng như sau: Họ nghe mình nói, nếu quả thật có lỗi, họ bèn sửa đổi. Nếu không thì càng cố gắng. Người ấy chẳng oán hận quý vị mà còn cảm kích. Vì sao? Quý vị nói ra khiến họ tích cực phản tỉnh, quả nhiên mình có những sai lầm đó, tự mình không thấy được, nay nhờ quý vị nói ra, tự mình sửa đổi cho tốt hơn. Nếu quý vị nói lời giả dối, không chân thật, tức là vọng ngữ thì người giác ngộ nghe xong cũng chẳng trách móc quý vị, mà càng gắng sức chẳng phạm vào lỗi đó. Đó là phản ứng của người giác ngộ, của bậc thiện nhân!

Thế nhưng quý vị phải biết: Trong xã hội này, người giác ngộ thì ít, thiện nhân ít, người mê nhiều, người không giác ngộ nhiều, chuyện này phiền phức lắm! Nói những lời vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu với người mê, người không giác ngộ sẽ tạo thành oan gia đối đầu, rất phiền toái, phải chịu quả báo trong đời mai sau.

Như vậy, chúng ta tu hành là chuyển mười ác nghiệp thành mười thiện nghiệp, đối với người khác tuyệt chẳng vọng ngữ, mà nói lời thành thật, tâm và miệng như một, nói gì quyết phải làm đó. Chẳng được nghĩ con người trong xã hội hiện tại đều là lừa dối, có ai nói thật với người khác đâu? Lập luận như vậy, thoạt nghe tưởng là đúng, nhưng thật ra là sai. Người khác đều nói lời không thật, nhưng nếu quý vị hiểu rõ nhân

quả ba đời, quý vị biết kẻ đó tạo những nghiệp gì, tương lai đi vào con đường nào? Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh! Nếu quý vị cũng bắt chước họ, giống như họ, trong tương lai quý vị nhất định phải đi vào ba ác đạo, lầm lạc mất rồi!

Dẫu mọi người đều vọng ngữ, ác khẩu, lường thiệt, ý ngữ hết cả, ta vẫn nhất định không làm theo. Vì sao? Ta chẳng mong mỗi đi vào ba ác đạo. Ta hy vọng trong tương lai vẫn được thiện quả mang thân trời người thì ta chẳng được vọng ngữ, chẳng được lường thiệt, ác khẩu, ý ngữ đều không được. Nếu quý vị muốn cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì lại càng không được [làm những điều đó]. Vì sao? Tây Phương Cực Lạc thế giới “*giai thị chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*” (đều là thượng thiện nhân cùng nhóm lại một chỗ). Đức Phật dạy chúng ta như vậy, muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới phải tu Thập Thiện Nghiệp thượng phẩm. Trung phẩm Thập Thiện là nhân đạo. Thượng phẩm Thập Thiện là thiên đạo. Nói cách khác, chúng ta muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì tiêu chuẩn thấp nhất là thiên đạo. Như vậy, há có thể giết, trộm, dâm được ư? Há có thể vọng ngữ, lường thiệt, ác khẩu, ý ngữ ư? Chẳng thể được! Quyết định chẳng thể được! Trong ý niệm chẳng thể có tham, sân, si, phải buông xuống, nhất định phải biết hết thấy tất cả thế gian, xuất thế gian đều là mộng, huyễn, bọt, bóng. Người khác muốn thì ta cứ nhìn, cứ nhường. Nhường nhìn (nhẫn nhượng) là lúc mới vừa học, học đến giai đoạn thành thực sẽ nhường, vui vẻ nhường, không còn phải nhẫn nữa. Lúc mới học phải nhẫn, dần dần không còn nhẫn nữa. Nhẫn là có lúc thấy rất khó chịu, nhưng nhường lâu ngày sẽ vui vẻ làm!

Đức Phật dạy chúng ta trong mỗi niệm đều phải có tâm bố thí, cúng dường. Điều đó rất hay, bố thí cúng dường được đại phước báo. Người khác lừa mình, mình hoan hỷ. Vì sao? Kẻ đó gạt mình lấy của, là mình Tài Cúng Dường cho hắn. Không có chút ảo não chi hết! Hắn xâm chiếm mình, mình cũng rất vui vẻ, mình bố thí cúng dường cho hắn, hành đạo Bồ Tát mà! Nhất định phải nhớ kỹ: Đừng nói Phật pháp, ngay trong thế gian pháp, nếu trong mạng quý vị nhất định có thì dẫu có bỏ cũng bỏ chẳng được. Trong mạng không có, có muốn ôm giữ cũng không được!

Bởi vậy, đối với của cải, người có trí huệ biết cách tán tài, trong Phật pháp gọi [tán tài] là “*quảng tu cúng dường*” (rộng tu cúng dường). Dùng cái tâm chân thành, cung kính để cúng dường, không một mảy keo tiếc, dứt keo tham! Chúng ta học được điều gì, nhất định phải thực hiện

điều đó trong cuộc sống thường nhật thì mới thực sự được thọ dụng, thường sanh lòng hoan hỷ. Tâm bình khí hòa, tâm an lý đắc, môn học vẫn ấy thực sự hữu dụng, mang lại hạnh phúc chân thật viên mãn cho cả một đời ta. Nếu không học Phật, trong xã hội hiện tại người bất thiện nhiều, chúng ta giao tiếp với họ bị thiệt thòi, ngày ngày uất ức. Hằng ngày bức bối thì điều tổn thất đầu tiên là thân thể bị tổn hoại đến nỗi thành bệnh.

Chúng tôi thấy thổ dân Úc châu, theo như tường thuật của một nữ bác sĩ người Mỹ, bà ta sống cùng với họ trong một thời gian, [nhận thấy] những lời họ nói rất có lý. Bà ta thấy cách họ trị bệnh, trong quan niệm của thổ dân, mỗi tế bào trên thân người đều có sanh mạng. Đúng đấy! Mỗi một người đều có rất nhiều sanh mạng chúng sanh cùng sống trên một thân thể. Trong số thổ dân có một người đi đường vô ý, té xuống vách núi, té từ vách núi cao hơn hai mươi mét xuống, chân dập nát, gãy xương. Chẳng dễ gì cứu anh ta lên được. Cứu lên xong, họ bèn đặt anh ta nằm ngửa, xương gãy hết sức nghiêm trọng, đầu xương gãy đã lòi ra. Toàn thân đầm máu. Thầy lang của thổ dân đặt anh chàng nằm thẳng ra xong, bèn chữa trị. Cách chữa trị như thế nào?

Giống như xoa bóp vậy, nhưng xoa bóp từ từ, tay không chạm đến thân người bệnh, cái chân bị thương vẫn còn cách tay thầy thuốc rất xa. Xoa bóp nhưng không đụng đến thân người bệnh. Vừa xoa bóp, vừa trò chuyện, lúc nói, âm thanh ngữ điệu hết sức dễ nghe, giống như đang ca hát. Bà bác sĩ hỏi ông ta làm như vậy nghĩa là sao? Thầy lang bảo ông ta đang trò chuyện với đầu xương bị tổn thương, trò chuyện với những tế bào ở bộ phận bị thương, hy vọng chúng nó sẽ hợp tác, khôi phục bình thường. Thần kỳ sao! Thực sự hữu hiệu! Ông ta làm như vậy độ ba bốn tiếng đồng hồ sau, đầu xương thực sự co lại, tự động lành lại.

Sau đó, thầy lang mới lấy cao trét lên vết thương. Dùng phương pháp của xứ đó: Lá cây và còn có thứ chi đó, chế thành cao dường như rất đậm đặc, bôi trét lên vết thương. Họ không có bông băng, cũng chẳng có kim khâu, cũng chẳng có thuốc sát trùng, cái gì cũng không có! Mọi người an ủi anh chàng bị thương, đến hôm sau anh ta hoàn toàn khỏe hẳn, có thể đi được! Bà bác sĩ thấy vậy sững sờ, đúng là một kỳ tích! Hỏi ông lang nguyên do? Ông ta bảo: “Mỗi một tế bào và xương, lúc té bị thọ thương, chúng bị chấn động, kinh hoàng; nay dùng cách ca hát để vỗ về chúng, khôi phục sự ổn định, bình tĩnh của chúng thì chúng sẽ trở thành bình thường”, đúng là thắng thường, đơn giản chẳng thể nghĩ bàn!

Bởi thế, bà bác sĩ rất cảm khái. Y học Tây phương hoàn toàn

tương phản với cách trị liệu tự nhiên này. Thổ dân dùng phương pháp tự nhiên, tự nhiên khôi phục. Xương gãy nghiêm trọng như vậy mà đến hôm sau bèn bình phục. Điều này cho thấy vũ trụ sống động hoạt bát; cách nói ấy hoàn toàn giống với kinh Lăng Nghiêm: “*Nhất thiết nhân quả, thể giới, vi trần, nhân tâm thành Thể*” (Hết thấy nhân quả, thể giới, vi trần, do tâm mà thành Thể). Tâm là kiến văn giác tri. Bởi vậy, mỗi tế bào đều có thể thấy, nghe, hay, biết. Dùng lời lẽ tốt đẹp an ủi nó, vui vẻ giúp đỡ nó, nó cũng hợp tác với quý vị, nên tự nhiên khôi phục! Vì thể ngữ điệu của thầy lang rất thư thả, nhu hòa giống như đang ca hát.

Chúng tôi nghe sự kiện này, chúng tôi tin tưởng. Vì sao? Trong kinh đức Phật thường giảng. Chúng ta đọc thấy rất nhiều, nhưng chưa từng thấy, chưa từng thí nghiệm. Giống như thổ dân Úc châu nói, cách trị bệnh của họ là thí nghiệm, đúng là giống như kinh Phật dạy. Những thí nghiệm nghiên cứu của tiến sĩ Giang Bồn Thắng tại Nhật Bản cũng giống như kinh Phật nói. Ngày hôm qua chúng tôi liên lạc, mừng Hai tháng Tám ông ta sẽ đến Bồ Lý Tư Bản (Brisbane). Trước đó, có thể vào cuối tháng Bảy ông ta đến Mặc Nhĩ Bồn (Melbourne), đến Mặc Nhĩ Bồn tiện hơn, chúng tôi mời ông ta đến đó.

Đó là thiện ý, thiện tâm, thiện hạnh, chắc chắn có chỗ hay. Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc dạy chúng ta: “*Ngật khuy thị phước*” (Chịu thiệt thòi là phước), quý vị chẳng chịu thiệt thì một chút phước báo cũng không có. Chịu thua thiệt lớn, sẽ có phước báo lớn. Chịu thiệt thòi nhỏ, có phước báo nhỏ. Con người hiện tại chẳng tin điều này, người hiện tại cho là mê tín, quan niệm ấy sai lạc sao! Nhất định phải làm gì? Phải cạnh tranh, phải tranh đấu, tranh đấu đến cuối cùng là hai bên cùng thua thiệt, thương tổn, họa hại thay! Quý vị chẳng biết con đường cầu phước, chỉ biết đến cái thân này, chẳng biết có đời sau.

Trong thế gian này, ngay đến cái thân chúng ta cũng chẳng được coi rất quan trọng. Vì sao? Chúng ta muốn chết đi bèn được thăng lên, càng thăng lên càng tốt. Chúng ta có được về thể giới Cực Lạc hay không hoàn toàn do quyết tâm, do ý chí, do tâm hạnh, đó là ba điều kiện. Quý vị có quyết tâm, có chí nguyện, có hành vi, nhà Phật gọi là Tín - Nguyện - Hạnh, hạnh ấy là thiện hạnh. Kinh Di Đà Tiểu Bồn chú trọng chấp trì danh hiệu; chấp trì danh hiệu thì phải hiểu ý nghĩa của danh hiệu. Trong Hệ Niệm Pháp Sự, thiền sư Trung Phong khai thị rất rõ ràng: Tín là quyết định chẳng hoài nghi, Nguyện phải tương ứng với bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật. Trong Pháp Sự, Ngài giảng Hạnh rất rõ ràng, rất minh bạch là chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn, tâm chẳng

điên đảo. Lão nhân gia lại nêu cả lời của Đại Thế Chí Bồ Tát đã dạy trong kinh Lăng Nghiêm: “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế, bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai*” (Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, chẳng nhọc phương tiện, tâm được tự khai). Đó là chân hạnh!

Bởi vậy, cơ sở của tu hành là Thập Thiện Nghiệp Đạo, không có Thập Thiện Nghiệp Đạo thì cũng như quý vị tu hành không có cội rễ! Trong thế gian này, ngay cả thổ dân Úc châu cũng hiểu rõ điều đó; chúng ta đến thế gian này giống như lữ du, đến ngắm cảnh, thời gian rất ngắn ngủi, tạm bợ, sẽ phải lìa khỏi nơi đây rất mau. Quyết định chẳng được mấy may lưu luyến hết thấy mọi thứ trong thế gian này. Hễ có chút lưu luyến, quý vị sẽ chẳng thể lìa thoát nơi đây; phải hiểu đạo lý ấy. Ở nơi này, chúng ta dựng được một đạo tràng, xây cất rất tráng lệ, vàng ngọc choáng lộn, cũng chớ nên lưu luyến. Vì sao? Nếu lưu luyến, mai sau chết đi, quý vị chẳng thể lìa khỏi chỗ này. Quý vị lưu luyến nó, chẳng thể bỏ được nó. Trong đạo tràng này chẳng có nam nữ giao phối thì làm thế nào bây giờ? Trong đạo tràng có chuột, có gián, có ruồi nhặng, có kiến. Úi chà! Quý vị bèn đầu thai vào những loài động vật đó, cho rằng nơi này là nhà mình, như vậy là ngu si đấy nhé!

Nếu quý vị có thể lìa bỏ cái đạo tràng này, đến ở trong thiên đường, nơi ấy thù thắng hơn chỗ này nhiều lắm! Thiên đường cũng chẳng được lưu luyến, quý vị vẫn phải vượt lên chỗ thù thắng hơn nữa. Hễ lưu luyến là xong, chẳng được có chút mấy may tham luyến nào! Đối với hết thấy người, hết thấy sự, hết thấy vật, quyết định chẳng được có chút mấy may lưu luyến gì. Lời Phật thường giảng ta phải ghi nhớ: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*” (Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng), “*nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Có năng lực, có phước báo, toàn tâm toàn lực giúp đỡ những chúng sanh cần thiết, nhất định phải bỏ mình vì người, hy sinh dâng hiến. Người thế gian hay nói “hy sinh dâng hiến” dường như có ý gặng chịu thống khổ trong ấy, người giác ngộ không giống vậy, họ vui thích cúng dường. Vì sao? Đây là cơ hội tu phước, cơ hội tu huệ, phước huệ song tu. Đạt đến địa vị Như Lai thì phước huệ mới thực sự viên mãn rất ráo, không miễn cưỡng tu mà là hoan hỷ tu.

Tiểu đoạn thứ tư kế tiếp đó là: “*Thập Lục Quán Kinh, Hạ Phẩm Vãng Sanh Chương vân*” (Thập Lục Quán Kinh, chương Hạ Phẩm Vãng Sanh nói), phép Quán cuối cùng trong Thập Lục Quán Kinh là: “*Ngũ Nghịch Thập Ác, như thử ngu nhân, lâm chung ngộ thiện tri thức khuyến*

linh niệm Phật, như thị chí tâm, linh thanh bất tuyệt, cụ túc thập niệm, tức đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới” (Ngũ Nghịch, Thập Ác, kẻ ngu như thế, lâm chung gặp thiện tri thức khuyên niệm Phật, liền chí tâm [niệm Phật] như thế khiến cho tiếng niệm không dứt. Đầy đủ mười niệm liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc). “*Tuy cư Hạ Hạ Phẩm, giai dĩ Bồ Xứ Bồ Tát câu, tức đắc viên chứng tam Bất Thoái, nhất sanh thành Phật*” (Tuy thuộc Hạ Hạ Phẩm, nhưng đều cùng ở chung với Bồ Xứ Bồ Tát, liền chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái, thành Phật trong một đời). Câu cuối cùng này hết sức trọng yếu, là câu khai thị tinh yếu, đẹp đẽ nhất của Ngẫu Ích đại sư trong phần này. Trong phần trước, tôi đã trình bày cùng quý vị điều này: Một đời tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, lúc lâm chung, gặp được thiện tri thức khuyên dạy niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, kẻ ấy vừa nghe bèn hoan hỷ, liền tiếp nhận, liền sám hối nghiệp chướng, bèn thực sự được vãng sanh. Ở trên, tôi đã thưa cùng quý vị rồi: Kẻ ấy chẳng tầm thường, trong đời quá khứ đã tu học Tịnh tông, tu hết sức giỏi, có thiện căn hết sức sâu dày. Đáng tiếc là trong một đời này bị mê, không gặp được thiện tri thức, mê suốt cả đời; nhưng chủng tử thiện căn đời trước trong A Lại Da Thức của kẻ đó hết sức mạnh. Bởi thế, trong lúc lâm chung, gặp được thiện duyên khích động thiện căn ấy, thiện căn phát hiện, lập tức khởi tác dụng.

Nếu trong đời quá khứ không có thiện căn và phước đức ấy sẽ không xong! Người không có thiện căn, phước đức, nhân duyên, quý vị sẽ thường thấy bị hôn mê trong lúc lâm chung. Người bị hôn mê là xong rồi! Dẫu đời này tu giỏi đến đâu đi nữa, lúc lâm chung mà bị mê là hỏng, đầu óc không sáng suốt, lúc ấy sẽ lưu chuyển theo nghiệp. Chúng ta trợ niệm cho họ chỉ có thể nói là trợ niệm tốt hơn không trợ niệm mà thôi, đó là điều chắc chắn. Có thể trợ niệm cho người ấy vãng sanh được hay không? Không dễ dàng gì, đúng là trợ niệm có thể giúp cho người ấy được vãng sanh, người ấy sẽ thực sự được vãng sanh nếu thiện căn và phước đức của người ấy hiện tiền. Nhờ vào sự trợ niệm để dẫn phát thiện căn và phước đức của người ấy, khiến người ấy phát nguyện vãng sanh niệm Phật cùng mọi người, bèn thành công. Nếu bản thân người ấy không có ý niệm gì thì người khác trợ niệm sẽ giúp người chết đó giảm nhẹ tội nghiệp, giảm nhẹ sự đau khổ, nhưng chẳng thể vãng sanh. Vãng sanh nhất định phải do tự mình phát nguyện, người khác không có cách nào gia trì cho quý vị được. Nếu người khác có biện pháp gia trì cho mình, thì chúng ta khởi cần phải niệm Phật nữa, A Di Đà Phật đại từ đại bi đã sớm tiếp độ chúng ta đi rồi.

Trong kinh giáo thường nói: “*Tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt*” (Tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ không sai biệt). Quý vị phải hiểu đạo lý này. “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (Hết thấy pháp sanh từ tâm tướng), chẳng phải là tâm tướng người khác, mà là tâm tướng của chính ta. Trong tâm mình không có ý niệm ấy, không có cách nghĩ ấy thì một tí ti phương cách gì cũng không có. Chúng ta phải hiểu rõ chân tướng sự thật này, phải thấu hiểu. Ngàn vạn phần chẳng được bỏ lỡ đời này, phải thực sự buông xuống, phải thực sự tu thiện, đoạn ác, hy vọng ngay trong đời này chẳng còn bỏ lỡ cơ hội nữa. Nhất định phải nắm lấy cơ hội này. Cái gì cũng có thể buông xuống được cả, ngay cả thân thể cũng không lưu luyến, huống chi vật ngoài thân? Quý vị buông xuống được thì đâu còn chướng ngại gì gây chướng ngại vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới!

A! Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta lại tiếp tục đoạn thứ tư “*chương Hạ Phẩm Vãng Sanh trong Thập Lục Quán Kinh*”, chúng ta phải chú tâm học tập đoạn này, ngàn vạn phần chớ có hiểu lầm, chẳng được ôm lòng cầu may. Tâm cầu may sẽ làm lỡ việc, bỏ uổng cơ duyên đại sự vãng sanh trong một đời này. Tổn thất ấy không có cách chi tính toán được. Câu sau cùng là: “*Tuy cư Hạ Hạ Phẩm, giai dữ Bồ Xứ Bồ Tát câu, tức đắc viên chứng tam Bất Thoái, nhất sanh thành Phật*” (Tuy thuộc Hạ Hạ Phẩm, đều cùng nhóm họp với Bồ Xứ Bồ Tát, liền viên chứng ba thứ Bất Thoái, thành Phật trong một đời). Câu này rất trọng yếu! Quý vị thấy đó: Ngũ Nghịch, Thập Ác cả một đời này hết sức đáng tiếc nuối, chẳng gặp được thầy tốt, chẳng gặp được bạn lành, tuy tự mình có túc căn sâu dày trong đời quá khứ nhưng không có duyên gì phát khởi. Đây chính là như kinh Phật thường nói: “*Nhân thân nan đắc, Phật pháp nan văn*” (Thân người khó được, Phật pháp khó nghe), chính là nói tới đạo lý này. Quý vị không có cơ hội tiếp xúc Phật pháp, tới lúc lâm chung mới được gặp.

Giống như xưa kia, tôi đã tường thuật cùng quý vị, ông Châu Quảng Đại ở Washington DC, trước khi lâm chung ba ngày mới gặp được bạn lành, đem chuyện niệm Phật vãng sanh bảo cho ông ta biết. Ai nấy đều biết ông Châu Quảng Đại là người tốt, tâm địa rất thiện lương, làm ăn rất quy củ, chưa hề dối người, lại còn bố thí, đúng là người tốt.

Đời trước có thiện căn, nhưng không được tiếp xúc Phật pháp. Lúc lâm chung cũng là lúc bác sĩ đã bó tay không chữa trị nữa, bà vợ ông ta không còn cách gì, tìm đến Tịnh Tông Học Hội. Các đồng học trong Tịnh Tông Học Hội đến thăm, trợ niệm giúp ông ta, khuyên ông ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Ông ta vừa nghe liền lập tức tin tưởng, phát nguyện, niệm theo. Niệm chẳng lâu la gì, chúng ta hãy nghĩ coi: Ước chừng một hai tiếng đồng hồ bèn có cảm ứng! Ông ta kêu vợ cùng toàn gia đình hãy cùng niệm, bà vợ hỏi: “Tại sao?”

- Lúc tôi niệm Phật đau khổ giảm bớt, không đau đớn nữa (bệnh ung thư rất đau đớn), lúc tôi niệm Phật cảm thấy không đau.

Bởi thế, cả nhà cùng niệm Phật, niệm suốt ba ngày, Phật đến tiếp dẫn, ông ta bèn ra đi. Cư sĩ Cung Chấn Hoa đem sự việc này kể tường tận với tôi.

Hiếm có ở chỗ nào? Vãng sanh Hạ Hạ Phẩm trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ, cũng vẫn ở cùng một chỗ với Bồ Xứ Bồ Tát và các thượng thiện nhân trong thế giới Cực Lạc. Bồ Xứ Bồ Tát là những vị nào? Là những vị Bồ Tát ngang hàng với Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc Bồ Tát... Hằng ngày ở cùng một chỗ với các Ngài, quý vị nghĩ xem mình có bị thoái chuyển hay chẳng? Chẳng thể thoái chuyển được! Thầy dạy là A Di Đà Phật và mười phương chư Phật Như Lai, bất luận quý vị muốn học kinh giáo nào, đều có chư Phật Như Lai đến giảng giải, truyền dạy cho. Các đại Bồ Tát, Bồ Xứ Bồ Tát là đồng học của mình, cùng học với mình. Quý vị tìm đâu ra hoàn cảnh tu học như vậy? Chúng ta hãy suy nghĩ kỹ xem! Nếu quý vị thực sự hiểu rõ chân tướng sự thật ấy thì thế gian này há còn gì đáng để lưu luyến hay chẳng? Đừng nói là nhân gian, ngay cả [địa vị] Đại Phạm Thiên Vương, Ma Hê Thủ La Thiên Vương cũng chẳng thể giữ quý vị lại được. Quý vị quyết định không có mảy may lưu luyến, muốn đến thế giới Cực Lạc càng nhanh càng tốt, càng sớm càng hay. Còn có gì không buông xuống được ư? Còn một chuyện gì chưa buông xuống được sẽ chưa thể đi được! Thứ gì cũng buông xuống hết, không có gì không buông xuống được!

Đoạn tiếp đó cũng là lời khai thị rất sáng tỏ của Ngẫu Ích đại sư, chúng ta hãy đọc một lượt: “*Nhiên cứ giáo đạo*” (nhưng dựa trên kinh giáo), “*cứ*” (據) là căn cứ: Căn cứ trên lời dạy của đức Thế Tôn, “*nhược thị phạm phu, tắc phi Sơ Quả đẳng*” (nếu là phạm phu thì chẳng phải là hàng Sơ Quả): Quý vị là phạm phu, chưa phải là thánh nhân. Quý vị là phạm phu thì đương nhiên quyết định chẳng phải là Sơ Quả, chưa chứng

được địa vị ấy. “*Nhược thị Nhị Thừa, tắc phi Bồ Tát*” (Nếu là Nhị Thừa thì không phải là Bồ Tát): Quý vị chẳng phải là Bồ Tát. “*Nhược thị Di Sanh, tắc phi Đồng Sanh Tánh đẳng*” (Nếu là Di Sanh thì chưa phải là hạng Đồng Sanh Tánh). Thế nào là “*Di Sanh*”? Chính là Quyền Giáo Bồ Tát. Quyền Giáo Bồ Tát là gì? Là những Bồ Tát chưa kiến tánh, đó là Di Sanh! Di Sanh khác với Phật, khác như thế nào? Vẫn còn dùng tâm ý thức nên không giống Phật. Phật chẳng dùng tâm ý thức, Phật đã chuyển Thức thành Trí. Bởi vậy, Quyền Giáo Bồ Tát vẫn dùng tám thức, chưa rời khỏi tám thức, tám thức vẫn đang làm chủ nhân. Chư Phật Như Lai và Pháp Thân Bồ Tát chuyển tám thức thành bốn trí, bốn trí làm chủ chứ không phải tám thức.

Như Lai là bốn trí, Pháp Thân Bồ Tát là bốn trí, bởi thế gọi là “*Đồng Sanh Tánh*”. Thiên tông Trung Quốc thường gọi Đồng Sanh Tánh là “*minh tâm kiến tánh*”. Như Lai minh tâm kiến tánh, những vị Bồ Tát ấy cũng là minh tâm kiến tánh, các ngài là Đồng Sanh; những vị chưa kiến tánh thì là Di Sanh. Chúng sanh trong chín pháp giới đều là Di Sanh Tánh. Từ chín pháp giới cho đến hàng Bồ Tát – Quyền Giáo Bồ Tát – thuộc về tứ thánh pháp giới. Ngoài lục đạo là tứ thánh pháp giới: A La Hán, Bích Chi Phật, Thanh Văn, Bồ Tát, Phật; ngay cả Phật trong mười pháp giới đều thuộc về Di Sanh Tánh, chẳng phải Đồng Sanh Tánh. Đồng Sanh Tánh thoát ngoài mười pháp giới, người Đồng Sanh Tánh trụ trong Nhất Chân pháp giới, cùng ở chung một chỗ với chư Phật Như Lai. Pháp giới mà các vị ấy trụ được gọi là Nhất Chân pháp giới; Di Sanh Tánh trụ trong mười pháp giới.

Tiếp đó, sách Yếu Giải viết: “*Lạc đẳng tắc đại vọng*” (tạm dịch: [Nếu nói] vượt quá địa vị [tức là nói người vãng sanh Hạ Hạ Phẩm có địa vị ngang bằng với các vị Pháp Thân Bồ Tát] thì là đại vọng ngữ): Phàm phu chợt đột ngột biến thành Pháp Thân Bồ Tát, đó là đại vọng ngữ, không thể nói như vậy được! Quý vị thấy Cực Lạc thế giới thuyết minh: Hạ Hạ Phẩm ở cùng một chỗ với Bồ Xứ Bồ Tát, há chẳng phải là lạm phần bằng vai phải lứa với nhau ư? Chuyện này rốt cuộc là như thế nào? Vì chỗ này mới nói pháp môn Tịnh tông rất khó tin! Dùng phương pháp suy luận của Giáo Hạ thì chuyện này không thể nào xảy ra được! Phàm phu làm sao ở cùng một chỗ với Bồ Xứ Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát được, đâu có đạo lý ấy!

Lại xét ba thứ Bất Thoái: Niệm Bất Thoái là Đồng Sanh Tánh, chẳng phải Di Sanh Tánh. Niệm Bất Thoái là Pháp Thân Bồ Tát, thuộc Nhất Chân pháp giới, trong mười pháp giới không có. “*Hạnh Bất Thoái*

phi cần kiến đạo” (Hạnh Bất Thoái chẳng phải chỉ thấy đạo): Hạnh Bất Thoái thuộc địa vị Kiến Đạo, ở phần trên chúng ta đã đọc qua. Bậc Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín trong Đại Thừa Viên Giáo chứng đắc hai thứ Bất Thoái: Vị Bất Thoái và Hạnh Bất Thoái; nhưng Tiểu Thừa Sơ Quả chỉ chứng được Vị Bất Thoái, hạnh vẫn thoái chuyển. Bởi thế, Hạnh Bất Thoái không chỉ là địa vị Kiến Đạo mà còn thuộc vào hàng Bồ Tát của Đại Thừa Viên Giáo, chẳng phải là một vị Bồ Tát tầm thường. “*Vị Bất Thoái, phi thị phạm phu*” (Vị Bất Thoái chẳng phải là phạm phu): Mức độ thấp nhất của Vị Bất Thoái phải là Tiểu Thừa Sơ Quả, đã chứng được địa vị thánh nhân, chẳng bị thoái chuyển thành phạm phu trở lại!

“*Tán bộ tắc xả cố xưng*” (vượt lên [địa vị mới] bèn bỏ tên gọi cũ): Địa vị được nâng lên, cái tên gọi cũ không còn nữa. Giống như nói quý vị đã chứng Tu Đà Hoàn, trước khi chứng Tu Đà Hoàn gọi là phạm phu. Chứng Tu Đà Hoàn rồi, không gọi là phạm phu nữa, mà gọi Tu Đà Hoàn! Nếu lại thăng lên cấp nữa, chứng đắc Nhị Quả Tư Đà Hàm, chẳng gọi là Tu Đà Hoàn nữa. Sau khi thăng lên một cấp, danh xưng trước kia không còn nữa, bỏ đi. Giống như chúng ta đi học, học Tiểu Học thì gọi là học trò Tiểu Học. Học xong Tiểu Học vào Trung Học, chẳng gọi học trò Tiểu Học nữa mà gọi là học sinh Trung Học. Tốt nghiệp Trung Học vào Đại Học không gọi là học sinh Trung Học nữa mà là sinh viên Đại Học. Những danh từ xưng hô trước kia không còn nữa, bỏ hết. Đó là pháp tắc thế gian, điều này không khó hiểu chi!

Hãy xem trong thế giới Cực Lạc: “*Cực Lạc Đồng Cư, nhất thiết câu phi, nhất thiết câu thị*” (Trong cõi Đồng Cư ở Cực Lạc, hết thấy đều không phải, hết thấy đều là phải), chẳng thể nghĩ bàn! Trong cõi Phạm Thánh Đồng Cư của Cực Lạc, phạm phu ở chung một chỗ với thánh nhân, tợ hồ giống như gì? Trong cùng một phòng học, học trò Tiểu Học, học sinh Trung Học, sinh viên Đại Học, nghiên cứu sinh đều cùng học một lớp; phân ban, cấp lớp rất đặc biệt, rất chẳng thể nghĩ bàn! Quý vị nói họ là sinh viên Đại Học ư? Trong đó có học trò Tiểu Học, quý vị nói đó là lớp học của học trò Tiểu Học ư? Trong ấy có Nghiên cứu sinh, nói làm sao bây giờ? “*Nhất thiết câu phi*” (hết thấy đều không phải), nói sao cũng trật. Chỉ có thể nói là cùng học trong phòng học đó. Chẳng thể nói là Tiểu Học; nói là Trung Học hay Đại Học cũng đều không thể nói như vậy được! “*Nhất thiết câu phi*” (hết thấy đều trật) mà! Cũng vẫn có thể nói trong phòng học ấy có Đại Học, có Trung Học, có Tiểu Học, “*nhất thiết câu thị*” (hết thấy đều là phải), chẳng thể nghĩ bàn!

Việc dạy học trong nhà Phật, trên thực tế, khi pháp sư đại đức

giảng kinh, thuyết pháp tình hình đều giống như vậy: Thính chúng rất nhiều. Số là năm nay chúng tôi dự định Rằm tháng Năm sẽ sang Cát Long Ba (Kuala Lumpur) mở giảng tòa quy mô lớn bên đó, ngày Mười Bảy khai giảng. Cư sĩ Lý Kim Hữu báo cho chúng tôi biết thính chúng ước tính chừng hai vạn người. Hai vạn người cùng ở trong một lớp học, chắc chắn là có người trình độ Tiểu Học, có người trình độ Trung Học, có người trình độ Đại Học, có người trình độ Thạc Sĩ, có người trình độ Tiến Sĩ, đều ở cùng một chỗ, cùng một phòng học, chúng tôi giảng cho mọi người. Lớp học ấy đúng là “*hết thầy đều không phải, hết thầy đều là phải*”. Trong nhà Phật gọi trường hợp này là “*đại giảng tòa*”.

Cái gọi là “*đại giảng tòa*” có nghĩa là mọi trình độ bất đồng đều bao gồm hết, các độ tuổi bất đồng cũng bao gồm. Người đến nghe giảng từ những bạn nhỏ mười mấy tuổi cho đến những ông cụ tám chín mươi tuổi, nam, nữ, già, trẻ, các ngành nghề, đại giảng tòa là như vậy đó! Lúc chúng tôi học kinh giáo, thầy Lý thường bảo Đại Giảng Tòa khó lắm! Khó ở chỗ nào? Chẳng dễ gì khê cơ được! Quý vị giảng điều gì sao cho mọi tầng lớp, mọi trình độ bất đồng, mọi nghề nghiệp bất đồng nghe giảng đều sanh tâm hoan hỷ, há phải dễ dàng ư? Hoàn toàn khác hẳn các ban, các lớp trong trường. Trong trường học, học trò thuộc cùng một lớp thì nói chung trình độ không chênh nhau nhiều lắm, dễ dạy, dễ giảng. Trong lớp học này, trình độ nào cũng có, rất khó giảng!

Khi chúng tôi học giảng kinh, thầy Lý dạy chúng tôi một nguyên tắc: “*Nội dung một buổi giảng phải có sâu, có cạn, có rộng, có lược*”. Vì sao? Nhằm thích hợp khẩu vị của từng người. Nếu quý vị cứ một mực giảng sâu thì người nghe không đủ trình độ sẽ không đạt được lợi ích, buổi học sau họ không thêm đến nữa, họ nghe đâu có hiểu! Hoàn toàn giảng nông cạn thì người trình độ cao nghe chẳng thích thú gì, quá nông cạn! Buổi học sau họ cũng không buồn tới nữa! Nếu quý vị giảng sao cho nam nữ già trẻ mỗi trình độ đều nắm được, mỗi buổi giảng họ đều đến, quý vị thành công rồi, khá khó khăn đấy! Trong đại giảng đường ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, trình độ gì cũng có, quý vị xem đây: Chúng ta biết trong số những người niệm Phật vãng sanh, có không ít những vị vãng sanh chưa từng đi học, không biết chữ; có vị trình độ cao, đương nhiên có bậc Đẳng Giác Bồ Tát, có Pháp Thân đại sĩ, có A La Hán, có Bích Chi Phật thuộc trình độ cao. Đức Phật thuyết pháp trong đại chúng ấy, thật ra Ngài dùng một âm thanh để thuyết pháp, nhưng chúng sanh tùy theo căn tánh đều hiểu, đúng là chẳng thể nghĩ bàn!

Tiếp đó là đoạn văn: “*Thập phương Phật độ, vô thủ danh tướng,*

vô thử giai vị, vô thử pháp môn, phi tâm tánh chi cực trí, trì danh chi kỳ huân, Di Đà chi đại nguyện, hà dĩ hữu thử!” (Mười phương cõi Phật không có danh tướng này, không có địa vị này, không có pháp môn này. Nếu không do tâm tánh đã đạt đến mức cùng cực, công lao kỳ diệu của Trì Danh hun đúc, do đại nguyện của Phật Di Đà, há có những sự như thế này chăng?) Mười phương thế giới chẳng hề có, chẳng có những danh tướng này, mà cũng chẳng có địa vị như vậy. Mười phương thế giới kể cả thế giới Sa Bà chúng ta đang sống đây, cũng chẳng có pháp môn ấy. Chỉ mình Tây Phương Cực Lạc thế giới là có, thật chẳng thể nghĩ bàn!

Vì sao Tây Phương Cực Lạc thế giới thù đặc như vậy? Ở đây, Ngẫu Ích đại sư giảng cho chúng ta biết “*tâm tánh chi cực trí*” (là do tâm tánh đến mức cùng cực). Chúng ta học Phật chẳng có chi khác, mục tiêu chung cực (cuối cùng, tốt bậc) là trở về với tâm tánh. Nay chúng ta thường nghe người thế gian hô hào “*trở về với tự nhiên, trở về với sự thuần phác, quy chân*”. Hai câu này thiên hạ nói rất nhiều, ý nghĩa cạn - sâu rất lớn. Ý nghĩa cạn là quay về với tự nhiên, hy vọng một số người vì hoàn cảnh [không gần thiên nhiên] được tiếp xúc với thiên nhiên nhiều hơn. Vì thế, trong dịp nghỉ, người sống ở đô thị rời nhà, đi du ngoạn, thăm viếng những nơi có cảnh đẹp, sinh hoạt trong thiên nhiên một khoảng thời gian ngắn, trốn tránh những ồn ào, căng thẳng của đô thị, sống thung dung hơn trong tự nhiên. “*Trở về với sự thuần phác, quy chân*” nghĩa là như vậy.

Ở Úc Châu, đất rộng người ít, nhất là tại những thành phố nhỏ như thành phố chúng ta, những kiến trúc đều được đặt ngay trong hoàn cảnh thiên nhiên, không phá hoại hoàn cảnh tự nhiên. Lúc tôi mới đến Úc Châu, thường nghe nói vấn đề ưu tư lớn nhất của Úc châu là xú dưỡng tầng (tầng ozone) bị xé rách, ánh sáng mặt trời rất mạnh, tia tử ngoại (ultra-violet ray) nhiều gấp sáu lần những nơi khác. Vì thế, ra khỏi cửa nhất định phải che dù, đội mũ, mặc áo dài tay để khỏi bị bỏng nắng. Cháy nắng lâu ngày sẽ dễ bị ung thư da. Hai năm gần đây, các nhà khoa học cho biết: “Không thấy tầng ozone ở trên bầu trời Úc châu bị thủng nữa”. Nó chuyển sang đâu? Sang Nam Mỹ rồi. Tầng ozone trên không trung cũng di động, không đứng yên, hiện tại nó đã di chuyển sang Nam Mỹ. Vấn đề bận tâm đối với không trung ở nơi này nay không còn nữa.

Cảnh quan nguyên thủy của Úc Châu chưa bị phá hoại, rừng rậm nguyên thủy rất nhiều. Chúng ta sống ở đây là quay về với tự nhiên, trở về với sự thuần phác, quy chân, đó là cách nói nông cạn. Trong nhà Phật,

trở về với sự thuần phác quy chân chính là tâm tánh đạt đến mức cùng cực. Phải như thế nào thì mới đạt được? Tâm phải chân thành niệm Phật. Kinh Vô Lượng Thọ dạy: *“Phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm”*. Tám chữ ấy hết sức trọng yếu. Tám chữ ấy chính là mấy câu Ngẫu Ích đại sư đã nói ở đây. Bồ Đề tâm là gì? Nói nông cạn, Bồ Đề tâm là tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi. Trong cuộc sống thường nhật, chúng ta xử sự, đối người, tiếp vật bằng những tâm ấy. Dùng những tâm ấy nhất định chẳng bị thiệt thòi, dùng những tâm ấy nhất định sanh về Tịnh Độ, chiếm đại tiện nghi.

Nếu quý vị không sử dụng những tâm ấy, dù niệm Phật cũng chẳng thể vãng sanh, thua thiệt rất lớn: Quý vị vẫn phải luân hồi trong lục đạo! Chúng ta quyết định dùng những tâm ấy, đối với thế duyên, hết thấy người, sự, vật trong thế gian đều thấy thấu suốt, buông xuống, tự tại, tùy duyên, chẳng sợ thiệt thòi, chẳng sợ bị lừa gạt, chẳng những không sợ lại còn hoan hỷ. Vì sao? Mấy bữa là mình phải đi, mình đi qua thế giới Cực Lạc. Nghĩ tới đó, quý vị sẽ bố thí nhiều hơn một chút, cúng dường nhiều hơn một chút, tu nhiều hơn một chút, *“bố thí, cúng dường phước vô biên”*. Trong kinh Phật dạy như vậy. Ban cho chúng sanh thiện duyên, tương lai đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thành Phật xong, trở về thả bè Từ độ những người ấy. Bồ Tát phải phát đại nguyện thanh tịnh, đây chính là *“phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm”*. Một phương hướng, một mục tiêu, chuyên niệm A Di Đà Phật.

Bởi thế, lời dạy của Ấn Quang đại sư về Niệm Phật Đường phải nhớ kỹ, quyết định phải thực hiện, cộng tu trong Niệm Phật Đường hai mươi người là lý tưởng nhất. Nay ở đây chúng tôi hạn định tiêu chuẩn của Niệm Phật Đường là bốn mươi tám người, trong nhà có hai mươi người niệm Phật, bên ngoài có hai mươi tám người từ các nơi đến cùng tu. Bọn họ tham gia các hoạt động của chúng ta trong một thời gian ngắn, hoạt động của chúng ta là mười thất, tức bảy mươi ngày. Họ ở đây niệm xong một kỳ phải quay về, hai mươi người trong nhà chúng ta ở đây lâu dài, đặc biệt an bài hoạt động này. Chúng ta báo đền ơn thí chủ, báo ơn đồng học, chúng tôi hoan nghênh mọi người cùng niệm Phật, tuân thủ lời Ấn Quang đại sư dạy.

Trong lời dạy của tổ Ấn Quang không nhắc đến giảng kinh, nay chúng tôi thêm vào một buổi giảng kinh, vì sao phải thêm vào? Thời tổ Ấn Quang không thêm vào thì được, hiện tại thêm vào sẽ có cái hay: Giải - hạnh tương ứng. Quý vị đọc kinh A Di Đà, nếu quý vị không giảng rõ ràng, không giảng thấu triệt, sẽ chẳng thể phát khởi tín tâm kiên

định cho người niệm Phật. Tín nguyện kiên định là những nhân tố quan trọng để vãng sanh. Đây đều là như Ngẫu Ích đại sư nói: “Được vãng sanh hay không, quyết định tại có tín nguyện hay không; phẩm vị cao hay thấp, do công phu sâu hay cạn quyết định”. Bởi vậy, Tín - Nguyện có thể nói là Dẫn Nghiệp về Tây Phương Cực Lạc thế giới, là nhân tố trọng yếu nhất để hướng dẫn chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Lòng tin sâu đậm, nguyện thiết tha, công phu niệm Phật sâu hay cạn, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới là Mãn Nghiệp. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sanh vào một cõi nào, phẩm vị nào là do công phu niệm Phật của quý vị sâu hay cạn.

Nay trong thế gian này, chúng ta phải tranh thủ hai chuyện; hai chuyện này chúng ta mang theo được, những thứ khác không thể mang theo được đâu! Sanh chẳng mang theo thứ gì đến, chết chẳng mang theo thứ gì đi. Nhất định phải hiểu như thế. Đã không mang theo được thì phải buông xuống. Nếu quý vị không buông xuống được, sẽ bị lôi kéo, sẽ bị hại. Phải bỏ hết những gì không mang theo được, phải có trí huệ quan sát cơ duyên, hễ có những cơ duyên phải lập tức bỏ ngay, không do dự mảy may, không tiếc nuối mảy may. Dường thành tập quán như vậy, lúc lâm chung vãng sanh một tí chướng ngại nào cũng không có. Bởi thế, “tâm tánh đến mức cùng cực” vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Những hiện tượng trong thế giới Cực Lạc đều từ tự tánh viên mãn lưu lộ.

“Trì danh chi kỳ huân” (sự un đúc kỳ diệu của trì danh): “Huân” là công huân, công huân lạ lùng của trì danh niệm Phật, công huân chẳng thể nghĩ bàn! Trong bốn cách niệm Phật, đức Phật khuyên chúng ta nên dùng loại này, dễ thực hành, thành tựu cao. Trong chú giải có nói đến bốn cách niệm Phật: Thật Tướng Niệm Phật, Quán Tướng Niệm Phật (Thập Lục Quán Kinh là Quán Tướng Niệm Phật), Quán Tượng Niệm Phật, Trì Danh Niệm Phật. Trì Danh tương ứng Thật Tướng, bởi thế, nó rất chẳng thể nghĩ bàn! Hiểu giáo lý Tịnh tông ít ỏi, chẳng hiểu sâu, nhưng nếu tín tâm kiên định, nguyện tâm kiên định, không có một điểm hoài nghi nào, trì danh như vậy sẽ thâm hợp đạo màu, chẳng thể nghĩ bàn! Nếu quý vị thông đạt kinh giáo này mà trì danh thì niệm mỗi tiếng Phật hiệu đều tương ứng, niệm niệm tương ứng, tương ứng rõ ràng. Chẳng hiểu mà chết sạch lòng mong ngóng, khiêm hư sát đất niệm Phật thì sẽ ngằm tương ứng, tức là người [niệm Phật] ấy tương ứng nhưng không biết. Không biết cũng chẳng sao, đến thế giới Cực Lạc sẽ biết, sẽ hiểu rõ!

“Đại nguyện Di Đà”: Quý vị thấy ba việc này chứ? Di Đà đại nguyện là Phật lực; Trì Danh là tự lực; “tâm tánh đạt đến mức cùng cực” là tâm lực. Tâm, Phật, chúng sanh ba thứ không sai biệt; tâm, Phật, chúng sanh ba thứ tương ứng, cảnh giới này chẳng thể nghĩ bàn nên Tây Phương Cực Lạc thế giới mới hiện tiền, nhất là trong Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, thù thắng nhất, khôn sánh bậc nhất chính là Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Quý vị bảo là Thật Báo Trang Nghiêm Độ ư? Thật Báo Trang Nghiêm Độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới và Thật Báo Trang Nghiêm Độ của các thế giới chư Phật khác không hai, không khác, chẳng khác gì nhau. Sai khác nhiều nhất chính là ở cõi Đồng Cư. Trong cõi Đồng Cư của thế giới Tây Phương có cõi Thật Báo, có cõi Phương Tiện trong ấy, bốn cõi ở cùng một chỗ. Không như các thế giới Phật khác, bốn cõi tách rời nhau, chẳng dung hội lẫn nhau. Bốn cõi của Tây Phương Cực Lạc thế giới xen kẽ dung hợp lẫn nhau, chẳng thể nghĩ bàn!

Lại xem tiếp đoạn lớn thứ hai: “Một đời thành Phật”. Trong đoạn này, chúng tôi chia thành sáu tiểu đoạn để giới thiệu:

1) Đoạn thứ nhất: “Nhất Sanh Bồ Xứ, tức thị viên chứng tam Bất Thoái chi biệt danh. Ý vị chỉ nhất sanh bồ Phật vị, như Di Lặc, Quán Âm đẳng. Cực Lạc nhân dân phổ giai nhất sanh thành Phật, nhân nhân tất thực chứng Bồ Xứ cố, kỳ trung đa hữu thử đẳng thượng thiện, bất khả số tri” (Nhất Sanh Bồ Xứ chính là tên gọi khác của “chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái”, ý nói: Chỉ trong một đời bèn dự vào địa vị bồ xứ làm Phật, giống như Di Lặc, Quán Âm... Toàn bộ nhân dân cõi Cực Lạc đều là thành Phật trong một đời, ai nấy đều thực sự chứng Bồ Xứ. Trong ấy, có nhiều hàng thượng thiện như vậy chẳng thể đếm nổi số). Đây chính là nội dung của đoạn kinh sau đây:

Xá Lợi Phất! Chúng sanh văn giả, ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc. Sở dĩ giả hà? Đắc dữ như thị chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ.

舍利弗。眾生聞者。應當發願。願生彼國。所以者何。得與如是諸上善人。俱會一處。

(Này Xá Lợi Phất! Chúng sanh nghe vậy phải nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy. Vì có sao vậy? Được cùng những vị thượng thiện nhân như thế ở cùng một chỗ).

Đây là câu đầu tiên nói đến vấn đề này trong kinh văn. Bồ Xứ là Đẳng Giác Bồ Tát, Bồ Tát là nhân vị (địa vị trong khi đang tu nhân), Phật là quả vị (địa vị khi đã chứng quả). Nhân vị đạt đến cùng cực, đến đỉnh điểm là Bồ Xứ Bồ Tát, một đời thành Phật. Bởi thế, Nhất Sanh Bồ Xứ chứng viên mãn ba thứ Bất Thoái, “viên” là viên mãn. Pháp Vân Địa Bồ Tát vẫn chưa viên mãn, vì sao? Trên các Ngài còn có địa vị khác, các Ngài chỉ tiếp cận viên mãn, chưa thực sự viên mãn, Bồ Xứ mới là nhân địa viên mãn. Chúng ta thường thấy những tấm biển ngạch phía trên Đại Hùng Bảo Điện của Phật môn viết những chữ gì? “*Nhân viên quả mãn*”. “*Nhân viên*” là Đẳng Giác, “*quả mãn*” là Diệu Giác; dùng mấy chữ ấy để tán thán Phật Bồ Tát rất tuyệt! Thường thường, quý vị thấy trên Đại Hùng Bảo Điện thờ Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật là Quả Mãn. Hai bên Phật Thích Ca là Văn Thù Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát. Văn Thù, Phổ Hiền là Nhân Viên, Phật là Quả Mãn. Chúng ta thường thấy trong các Đại Hùng Bảo Điện thờ một vị Phật, hai vị Bồ Tát như vậy.

Như vậy, [trong câu] “*viên chứng ba thứ Bất Thoái*”, phải chú trọng chữ Viên. Chúng ba thứ Bất Thoái thì hàng Sơ Trụ trong Viên Giáo chứng đắc, họ là Pháp Thân Bồ Tát, là Đồng Sanh Tánh, không phải Dị Sanh Tánh. Có nghĩa là thành Phật trong một đời, chẳng đợi đến đời thứ hai. Tiếp đó, sách nêu một thí dụ: “*Giống như Di Lặc Bồ Tát*”. Di Lặc Bồ Tát thành Phật trong một đời, Quán Âm Bồ Tát cũng thành Phật trong một đời. Quán Âm Bồ Tát thành Phật trong thế giới Cực Lạc, Ngài là hậu bổ Phật của thế giới Cực Lạc. Di Lặc Bồ Tát là hậu bổ Phật trong thế giới Sa Bà của chúng ta. Sau đó, sách viết: “*Nhân dân Cực Lạc*”, phạm những ai sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, vãng sanh Hạ Hạ Phẩm trong Phạm Thán Đồng Cư Độ cũng đều một đời thành Phật. Điều này tôi đã thuật cùng quý vị trong phần trên, vì sao? Tây Phương Cực Lạc thế giới thọ mạng dài lâu! Thọ mạng của nhân dân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới giống như thọ mạng của A Di Đà Phật; A Di Đà Phật là vô lượng thọ, mỗi cá nhân đều vô lượng thọ.

Huống chi hoàn cảnh tu hành trong Tây Phương Cực Lạc thế giới lại còn tốt đẹp, thầy dạy là chư Phật Như Lai, đồng học là Bồ Xứ Bồ Tát. Tìm đâu ra hoàn cảnh tu học tốt đẹp như thế? Tìm không ra! Trong mười phương hết thấy cõi Phật đều không có. Quý vị nhất định phải biết điều này. Khắp cả pháp giới hư không giới, chỉ có mỗi một chỗ này, chỉ có một nhà này thôi! Ngày nay đức Thế Tôn đại từ đại bi giới thiệu cho chúng ta, nếu chúng ta chẳng thể tiếp nhận, lại còn xem nhẹ, coi thường,

chẳng biết là nghiệp chướng nghiêm trọng đến mức độ nào! [Pháp môn này] giúp cho quý vị trong một đời thành Phật rất nhanh chóng, phải là ai mới hòng được gặp pháp môn này? Mười phương Bồ Tát vừa nghe liền hăm mộ cùng cực! Các Ngài tâm tâm mong cầu còn chẳng được gặp; quý vị được gặp, rất nhiều người được gặp nhưng lại sao? Chẳng tin tưởng. Chẳng tin tưởng là đúng quá rồi, vì sao vậy? Pháp khó tin mà! Cho dù quý vị tin tưởng, pháp này vẫn có thể gọi là “*pháp khó tin*” ư?

Một vạn người được tiếp xúc, nếu có một người tin tưởng thì pháp ấy khó tin. Ở trên, tôi đã có nói cùng quý vị, trong một vạn người tìm không ra một người thực sự tin tưởng. Vì sao? Trong thế giới hiện nay có gần bảy mươi ức nhân khẩu, trong một vạn người tìm được một người tin tưởng còn chưa được! Cho nên bao nhiêu người vãng sanh? Gần như là một vạn người mới có một người thực sự tin tưởng, thực sự vãng sanh trong một đời này. Trong một ức người có được một người, thì trong bảy mươi ức có được bảy mươi người. Trong một năm có bảy mươi người vãng sanh, chẳng thể nghĩ bàn! Gần như tình hình thực tế là như vậy, trong một năm chỉ có khoảng bảy mươi người vãng sanh!

Năm xưa, thầy Lý khuyên dạy mọi người niệm Phật ở Đài Trung. Tại liên xã Đài Trung, lúc chúng tôi rời khỏi đó, có khoảng năm mươi vạn liên hữu. Thầy Lý bảo tôi trong số những người niệm Phật nhiều như thế, người thực sự được vãng sanh chỉ là một hai phần vạn, đại khái là trong một vạn người chỉ có hai ba người được vãng sanh. Đó là tính trong nhiều năm [ra con số] như vậy. Chúng tôi thống kê thấy những người được thầy Lý dạy dỗ thực sự vãng sanh thế giới Cực Lạc phải có khoảng ba trăm đến năm trăm người, chẳng thể nghĩ bàn! Thầy dạy ở đó suốt ba mươi sáu năm. Xem kệ tụng của Đại Từ Bồ Tát, chúng ta sẽ hiểu: Người khuyên dạy được ba trăm đến năm trăm người vãng sanh, người ấy đúng là Bồ Tát! Pháp khó tin lắm! Pháp khó tin mà tin tưởng được thì chẳng dễ dàng đâu!

“*Nhân nhân tất thực chứng Bồ Xứ cố*” (Ai nấy đều thực sự chứng Bồ Xứ): Một đời thành tựu, hoàn cảnh tu học quá tốt, bởi thế chẳng cần một thời gian rất lâu. Trong các cõi Phật khác, thời gian tu học rất lâu. Dầu cho mình tâm kiến tánh, muốn đạt đến Nhất Chân pháp giới, tức thế giới Hoa Tạng, phải tu ba đại A-tăng-kỳ kiếp thì quý vị mới có thể thực sự đạt đến nhân viên quả mãn; nhưng thời gian ở Tây Phương Cực Lạc thế giới rất ngắn ngủi, rút lại rất ngắn ngủi, chỉ cần thời gian mấy kiếp là thành công. Trong kinh nói: “*Kỳ trung đa hữu thử đẳng thượng thiện*” (Trong ấy có những vị thượng thiện như vậy), kinh nói như vậy đó, số

người rất ư là nhiều. Đó là giới thiệu những vị đồng học trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Những đồng tham đạo hữu của quý vị đều là Duyên Giác Bồ Tát, đều là hậu bồ Phật, số người ấy tính đếm chẳng thể tận, chỉ có thể nói là A-tăng-kỳ. A!

Nay đã đến giờ rồi!

Tập 22

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp tiết thứ hai của đoạn thứ hai “*nhất sanh thành Phật*” (thành Phật trong một đời) [trong sách Yếu Giải]:

“*Kinh vân: Di Đà Niết Bàn, Quán Âm tức bồ Phật vị, hiệu Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai, quốc danh Chúng Bảo Phổ Tập Trang Nghiêm, kỳ Phật diệt hậu, Đại Thế Chí Bồ Tát tức bồ Phật vị, hiệu Thiện Trụ Công Đức Bảo Vương Như Lai*” (Kinh dạy: Đức Phật Di Đà nhập Niết Bàn, ngài Quán Âm liền kế tục thành Phật, hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai, cõi nước tên Chúng Bảo Phổ Tập Trang Nghiêm. Sau khi đức Phật ấy diệt độ, Đại Thế Chí Bồ Tát liền kế tục làm Phật, hiệu là Thiện Trụ Công Đức Bảo Vương Như Lai). Đoạn kinh này thuyết minh Tây Phương Cực Lạc thế giới quả thật thù thắng khôn sánh, không giống với các cõi Phật phương khác. Thông thường, các cõi Phật khác sau khi Phật diệt độ nói chung sẽ có một khoảng thời gian [không có Phật], thời gian ấy dài hay ngắn không giống nhau. Nói chung, sẽ giống như trong thế giới Sa Bà của chúng ta, sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, Bồ Xứ Bồ Tát nay đang ở trên trời Đâu Suất; thọ mạng trên cõi trời Đâu Suất hết rồi, Ngài mới đến thị hiện thành Phật trong thế gian này. Thọ mạng trong cõi trời Đâu Suất rất dài. Chúng ta biết một ngày trên trời Đâu Suất bằng bốn trăm năm trong nhân gian. Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta: Một ngày trên trời Đao Lợi bằng một trăm năm dưới trần, thọ mạng của Đao Lợi Thiên là một ngàn năm. Dạ Ma Thiên nhiều gấp bội: Một ngày trên Dạ Ma Thiên bằng hai trăm năm trong nhân gian; thọ mạng là hai ngàn năm. Trời Đâu Suất lại tăng gấp bội: Một ngày trên Đâu Suất bằng bốn trăm năm trong nhân gian; thọ mạng là bốn ngàn năm.

Chư vị cứ tính ra là biết ngay: Một ngày bằng bốn trăm năm, mỗi năm lại có ba trăm sáu mươi lăm ngày mà [thọ mạng] lại có đến bốn ngàn năm lận; vì thế, trong kinh Di Lạc Hạ Sanh nói: Đại khái nếu tính theo năm tháng trong nhân gian thì thọ mạng cõi trời Đâu Suất là năm

mười sáu ức bảy ngàn vạn năm. Sau năm mười sáu ức bảy ngàn vạn năm, Di Lạc Bồ Tát mới từ cõi trời Đâu Suất giáng sanh thị hiện thành Phật trong nhân gian. Đâu Suất Thiên là Tri Túc Thiên, là nơi cư trụ của Bồ Xứ Bồ Tát. Vì vậy, nói thật ra, thời gian có Phật trong thế gian này của chúng ta rất ít, thời gian không có Phật rất dài. Quý vị thấy pháp vận của Thích Ca Mâu Ni Phật là một vạn hai ngàn năm, phải năm mười sáu ức bảy ngàn vạn năm sau, Di Lạc Bồ Tát mới giáng sanh; trong đêm tối dài dằng dặc ấy, chúng sanh đau khổ thay!

Thế nhưng, Phật, Bồ Tát hết sức từ bi, sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, Di Lạc Phật chưa xuất sanh, trong khoảng thời gian đó làm thế nào đây? Chúng ta thấy trong kinh Địa Tạng, Thích Ca Mâu Ni Phật đã ủy thác Địa Tạng Bồ Tát thay Phật giáo hóa chúng sanh. Sứ mạng của Địa Tạng Bồ Tát rất lớn, trong một thời gian dài dằng dặc như vậy phải giúp đỡ chúng sanh khốn khổ, hoạn nạn. Chúng ta thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới khác xa thế giới của mình: A Di Đà Phật thị hiện nhập bát Niết Bàn, Quán Âm Bồ Tát lập tức thị hiện thành Phật. Quán Âm Bồ Tát thành Phật, thế giới ấy không gọi là Cực Lạc nữa, mà đổi thành thế giới Chúng Bảo Phổ Tập Trang Nghiêm. Quán Âm Bồ Tát có đức hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai. Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta tiên đoán sự kiện trong vô lượng kiếp sau. A Di Đà Phật vô lượng thọ, mà A Di Đà thành Phật đến nay mới chỉ mười kiếp; nói cách khác, Ngài mới thành Phật chưa lâu. Thế giới Cực Lạc hết sức thù thắng!

Quán Âm Bồ Tát thị hiện thành Phật, hiệu là Phổ Quang Công Đức Sơn Vương Như Lai. Sau khi lão nhân gia nhập diệt, Đại Thế Chí Bồ Tát lại thị hiện thành Phật tiếp theo liền. Lúc đó, chẳng gọi là Đại Thế Chí Bồ Tát, mà gọi là Thiện Trụ Công Đức Bảo Vương Như Lai. Thật đây! Công đức bảo vương của Bồ Tát thù thắng khôn sánh, quý vị thấy Ngài tu tập, tích lũy công đức trong vô lượng kiếp lần vô lượng kiếp, thị hiện gương sáng cho chúng ta thấy. Cớ sao chúng ta không thể tích cực đoạn ác tu thiện, tích lũy công đức? Tuy Pháp Thân Bồ Tát đã chứng đắc tâm tánh đến mức cùng cực, Ngài vẫn vì hết thấy chúng sanh thị hiện tu đức, từ bi đến mức độ cùng cực; dạy dỗ chúng ta, làm gương cho chúng ta thấy. Nếu chúng ta không giác ngộ, chẳng thể lãnh hội, làm sao xứng đáng với Phật, Bồ Tát đã vì chúng ta thị hiện, diễn nói?

Đoạn tiếp theo [trong sách Yếu Giải] là: *“Phục thứ, Thích Ca nhất đại thời giáo”* (Lại nữa, trong giáo pháp suốt một đời của đức Phật Thích Ca), ý nói Phật Thích Ca Mâu Ni bốn mươi chín năm giảng kinh thuyết pháp, *“duy Hoa Nghiêm minh nhất sanh viên mãn, nhi nhất sanh*

viên mãn chi nhân, tắc mặt hậu Phổ Hiền Hạnh trung, thập đại nguyên vương, đạo quy Cực Lạc. Thả dĩ thử khuyến tấn Hoa Tạng hải chúng, tư chi, tư chi” (chỉ riêng mình kinh Hoa Nghiêm giảng rõ cái lẽ viên mãn trong một đời, nhưng đến cuối cùng cái nhân viên mãn trong một đời lại nằm ngay trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên, mười đại nguyên vương dẫn về Cực Lạc. Lại còn dùng những điều đó để khuyên lớn, khích lệ đại chúng đông như biển trong thế giới Hoa Tạng. Hãy nghĩ đi, xét đi). Tôi đã từng nhiều lần thưa cùng các đồng học rồi, phải suy nghĩ kỹ càng, chúng ta không phải là thượng căn, không phải lợi căn, nói miễn cưỡng thì là căn tánh bậc trung. Nói thật ra, Phật, Bồ Tát gia trì thọ mạng cho tôi. Nếu tôi không có thọ mạng, có thể nói là cả một đời này tôi chẳng có thành tựu gì cả. Vì sao?

Khi xưa, tôi theo thầy Lý, thầy Lý đau lòng rất miêng khuyên tôi tu học pháp môn Tịnh Độ, thậm chí còn nói: “*Anh thấy từ xưa đến nay không ít tổ sư đại đức, đức hạnh, đạo đức, học vấn của các Ngài, chúng ta thực sự không thể sánh bằng*”. Đúng là như vậy! “*Chúng ta không thể viết ra sách Yếu Giải như Ngẫu Ích đại sư, cũng không thể viết bộ Sớ Sao như Liên Trì đại sư. Họ là những bậc đại trí huệ, đại đức hạnh nhưng đều niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ*”, thầy Lý nêu những thí dụ như vậy. “*Nếu pháp môn này không đúng, các vị tổ sư đại đức, đại thiện tri thức nhiều ngàn ấy đều đi lầm đường*”, thầy Lý bảo: “*Chúng ta cũng làm một phen đâu có sao!*” Nói những lời như vậy để khuyên tôi, tôi rất cảm kích, nhưng vẫn không chết sạch lòng mong ngóng, khiêm hư dốc lòng nơi pháp môn này. Tôi chết sạch lòng mong ngóng, khiêm hư dốc lòng học pháp môn này là vào năm Dân Quốc 60 (1971) khi giảng kinh Hoa Nghiêm tại Đài Bắc. Lúc ấy tôi cũng thường ra ngoại quốc, vì vậy giảng kinh Hoa Nghiêm ở Đài Bắc cứ gián đoạn hoài, tôi nhớ phải giảng gián đoạn như vậy chừng đâu mười mấy năm mà chỉ mới giảng được một nửa kinh, vẫn chưa giảng hoàn tất. Hàn Quán Trưởng vắng sanh rồi mà kinh Hoa Nghiêm vẫn còn giảng dang dở.

Mỗi lần về lại Đài Loan, tôi lại tiếp tục giảng kinh Hoa Nghiêm. Có một ngày tôi đột nhiên nghĩ Thiện Tài đồng tử tu pháp môn nào? Do tôi giảng kinh Hoa Nghiêm ở Đài Loan là giảng đồng thời hai bản Bát Thập và Tứ Thập. Mỗi tuần giảng ba lần, hai lần giảng Bát Thập Hoa Nghiêm, một lần giảng Tứ Thập Hoa Nghiêm. Cả hai bản đều giảng nửa chừng rồi ngưng. Chú tâm tra cứu kinh, chú tâm xem đọc, thật là bất phàm! Thiện Tài đồng tử tu pháp môn Niệm Phật. Thầy của Thiện Tài đồng tử là Văn Thù Bồ Tát cũng phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Ngài

phát nguyện gần như hoàn toàn giống với Văn Thù Bồ Tát. Văn Thù và Phổ Hiền đều cầu sanh Tịnh Độ. Thiện Tài là học trò đặc ý của ngài Văn Thù. Nếu học trò đặc ý chẳng thể kế thừa nguyện vọng của thầy thì chẳng phải là đệ tử truyền pháp!

Lại xem kỹ: Thiện Tài đồng tử đi tham phỏng, gặp được vị [thiện tri thức] đầu tiên là tỳ-kheo Cát Tường Vân (bản Bát Thập Hoa Nghiêm ghi là Đức Vân, bản Tứ Thập dịch là Cát Tường Vân) dạy Ngài pháp môn Niệm Phật. Nay ta gọi phương thức mà bản thân tỳ-kheo Cát Tường Vân tu hành là Ban Châu tam-muội, niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Vị thiện tri thức đầu tiên mang ý nghĩa biểu pháp rất sâu, cổ nhân thường nói “*tiên nhập vi chủ*” (học pháp nào đầu tiên, pháp ấy là chủ). Pháp môn thứ nhất của Thiện Tài đồng tử là niệm Phật, tiên nhập vi chủ mà! Lại xem đến cuối cùng, vị thiện tri thức thứ năm mươi ba, tức vị cuối cùng, là Phổ Hiền Bồ Tát: Mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Tôi hiểu rõ: Tỳ-kheo Cát Tường Vân khởi đầu, Phổ Hiền Bồ Tát kết thúc, từ đầu đến cuối Thiện Tài tu pháp môn nào? Tu pháp môn Niệm Phật! Lúc đó, tôi mới chết sạch lòng mong ngóng, so đo, khiêm hư sát đất, không còn nghi hoặc nữa, chẳng còn do dự nữa, tôi đã hiểu rõ rồi. Huống chi Văn Thù và Phổ Hiền khuyên dạy bốn mươi địa vị Pháp Thân đại sĩ trong thế giới Hoa Tạng, những hải chúng (đại chúng đông nhiều như biển cả) trong thế giới Hoa Tạng này, ai nấy đều cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta hãy nghĩ xem: Trang nghiêm đến mức độ nào?

Lại xem thấy Tỳ Lô Giá Na Như Lai (đều là thị hiện cho chúng ta thấy), Tỳ Lô Giá Na Như Lai hoan hỷ, không nói: “Văn Thù! Phổ Hiền! Sao các ông đem đại chúng của ta đi hết vậy? Mọi người trong đạo tràng của ta đều mang qua thế giới Cực Lạc thì đạo tràng này biến thành cái gì đây? Chắc chắn trong thế gian của ta sẽ nầy sanh hiểu lầm. Đừng có nói là các ông đem toàn bộ mọi người đi, dù chỉ đem một, hai người đi, ta cũng không chấp thuận!” Trong đạo tràng này, nhất là những người thông minh lanh lợi, dụng công tu hành, nếu quý vị đem đi hết mà không được lão hòa thượng của tự viện đồng ý là lỗi thôi liền!

Trong thế giới Hoa Tạng, chúng tôi tin Văn Thù, Phổ Hiền nhất định phải được Tỳ Lô Giá Na Phật đồng ý. Tỳ Lô Giá Na Phật chấp thuận: “Tốt lắm! Mọi người đều đi được”. Vì sao? Đến thế giới Cực Lạc thành Phật nhanh chóng, so với Hoa Tạng nhanh hơn nhiều lắm, rút ngắn thời gian. Tỳ Lô Giá Na Phật chẳng có tư tâm, Phật Phật đạo đồng, chư Phật chỉ có một nguyện vọng là hy vọng mọi người mau chóng thành

Phật; nhanh nhất thì không gì hơn là đến thế giới Cực Lạc thân cận A Di Đà Phật. Bởi vậy, Văn Thù, Phổ Hiền suất lĩnh các vị Pháp Thân đại sĩ thuộc bốn mươi địa vị vãng sanh Cực Lạc thế giới, Tỳ Lô Giá Na Phật hoan hỷ! Chúng ta phải hiểu đạo lý này. Nếu chúng ta biết đạo tràng khác có vị thiện tri thức chân chánh, tôi không bằng vị ấy, các đồng học muốn đến thân cận vị ấy, tôi hoan hỷ, quý vị thân cận vị đó là đúng, không sai lầm chút nào!

Trước kia, tôi giảng kinh ở Đài Loan có những đồng học là sinh viên Đại Học, nghe tôi giảng hai ba năm, đến bảo tôi: “Thưa pháp sư! Con muốn qua Đài Trung thân cận thầy Lý”. Tốt lắm! Những vị ấy thông minh, tôi học từ thầy Lý. Các anh thân cận thầy tôi chính là điều tôi cầu không được. Nếu thực sự có duyên phận thì phải thân cận vị thiện tri thức hạng nhất. Vị thiện tri thức bậc nhất trong các cõi Phật được hết thầy chư Phật công nhận là A Di Đà Phật. Quang minh tôn quý nhất, vua trong các Phật mà! Bởi vậy, chỉ cần quý vị phát tâm thân cận A Di Đà Phật, cầu sanh thế giới Cực Lạc thì tất cả hết thầy chư Phật đều vỗ tay: “Người thật thông minh! Người chọn lựa đúng!” Những lời tôi thưa cùng quý vị ở đây câu nào cũng đều chân thật. Do vậy, đối với những lời khai thị trong đoạn này, chúng ta càng phải suy nghĩ cẩn kē.

Đoạn tiếp theo là: “*Ngẫu Công than viết*” (Ngẫu Công than rằng), Ngẫu Ích đại sư than thở, “*Ta hồ! Phàm phu lệ đấng Bồ Xứ, kỳ xướng cực đàm, bất khả trắc độ*” (Ôi chao! Phàm phu được liệt vào ngôi Bồ Xứ, là một xướng xuất hiem lạ, một bàn luận cùng tốt chẳng thể suy lường được!). Trước hết, chúng tôi nói về câu này. Ngẫu Ích đại sư chú giải kinh, viết đến đây, tự mình hết sức cảm thán: Rành rành là phàm phu, một phẩm phiền não chưa đoạn, đời nghiệp vãng sanh đến cõi Phàm Thánh Đồng Cư trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, đương nhiên “*liệt vào ngôi Bồ Xứ*”. Kẻ ấy không thực sự là Bồ Xứ, chỉ ở cùng một chỗ với Bồ Xứ Bồ Tát. Không phải là Bồ Xứ Bồ Tát sẽ chẳng thể ở chung một chỗ được, kẻ kia là phàm phu vì sao lại có thể ở cùng một chỗ với Bồ Xứ Bồ Tát? Ở cùng một chỗ với Bồ Xứ Bồ Tát là gần bằng Bồ Xứ, là không khác Bồ Xứ cho mấy. “*Kỳ xướng cực đàm*” (một xướng xuất hiem lạ, một bàn luận cùng tốt), “*Kỳ*” (奇) ở đây là “*hy kỳ*” (希奇: hiem lạ), chưa từng nghe đến, chưa hề thấy qua, nhưng thế giới Cực Lạc lại có chuyện như vậy đây! “*Đàm*” (談) là bàn kinh giảng đạo đến mức cùng tốt. Ngẫu Ích đại sư tán thán: Thật sự có chuyện này, không giả đâu!

“*Hoa Nghiêm sở bản, khước tại thử kinh (chư Phật sở thuyết đệ nhất kinh, Bồ Tát tu hành đệ nhất pháp môn)*” (Những điều riêng mình kinh Hoa Nghiêm có (kinh bậc nhất của chư Phật đã nói, pháp môn tu hành bậc nhất của Bồ Tát) hoàn toàn được nêu lên trong kinh này). Câu trong ngoặc đơn là do tôi viết. Đối với câu này tôi cũng hiểu đôi chút. Chúng ta đọc kinh Hoa Nghiêm, đọc đến cuối cùng “*thập đại nguyện vương đạo quy Cực Lạc*” (mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc), tức là quy về kinh Vô Lượng Thọ. Cổ nhân gọi kinh Vô Lượng Thọ là Hoa Nghiêm bản trung. Trong ba kinh Tịnh Độ, kinh Vô Lượng Thọ là kinh bậc nhất. Nếu chúng ta dùng ba phần Tự Phần, Chánh Tông Phần, Lưu Thông Phần của kinh điển để nói thì kinh Vô Lượng Thọ là phần Chánh Tông của Tịnh Độ; kinh A Di Đà là Lưu Thông Phần. Trong kinh này, đức Thế Tôn bốn lượt khuyên chúng ta hãy phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, thật chẳng thể nghĩ bàn! Cổ nhân thường nói một mà hai, hai nhưng ba, ba nhưng bốn, bốn lượt khuyên dạy vãng sanh. Chỗ quy túc cuối cùng của kinh Hoa Nghiêm là quy hướng thế giới Cực Lạc. Kinh Di Đà là Hoa Nghiêm tiểu bản, kinh Vô Lượng Thọ là đại bản của kinh A Di Đà. Cư sĩ Vương Long Thư hội tập kinh Vô Lượng Thọ cũng đặt tên là Đại A Di Đà Kinh, ông đặt tựa đề kinh như thế. Bởi vậy, đây chính là kinh bậc nhất do chư Phật nói, là pháp môn bậc nhất để các Bồ Tát tu.

“*Nhi thiên hạ cổ kim, tín tiến⁶⁵, nghi đa, dư duy hữu phẫu tâm lịch huyệt nhi dĩ*” (nhưng thiên hạ xưa nay, tin ít, nghi nhiều, tôi chỉ đành mổ tim vấy máu mà thôi). Đây là lời cảm khái đau lòng buốt óc của Ngẫu Ích đại sư. Thiên hạ xưa nay, người tin tưởng ít ỏi, kẻ hoài nghi đông đảo, Ngẫu Ích đại sư viết đến đây, nghĩ đến đây, đúng là đau lòng đến cùng cực! Rõ ràng là trong một đời có thể thoát luân hồi viên thành Phật đạo, chẳng phải đợi đến đời thứ hai, chỉ một đời mà thôi! Một đời viên mãn; bởi lẽ, quý vị vãng sanh là ra đi khi đang còn sống, chẳng phải chết rồi mới đi. Bởi thế, tôi thường nói pháp môn này gọi là “*pháp môn không chết*”, thực sự không chết. Quý vị thấy đó: Lúc thời tiết nhân duyên chín muồi, người vãng sanh thấy A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, từ tạ mọi người: “Phật đến rồi, tôi theo Ngài về thế giới Cực Lạc”. Nói rồi bèn đi, đi ngay trong lúc sống. Đi rồi thì sao? Không cần đến cái dây da thối này nữa, vứt bỏ, triệt để buông xuống, đi qua thế giới Cực Lạc đổi lấy thân khác.

⁶⁵ Lưu ý, ở đây Ngẫu Ích đại sư dùng chữ Tiên (𪛗 :ít ỏi) chứ không phải là chữ Tiêu bị phiên âm sai.

Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là liên hoa hóa sanh, hoa sen ấy do chính mình trồng, chẳng phải do ai khác trồng! Tất cả hết thảy chúng sanh chỉ cần thực sự phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, trong ao sen bảy báu nơi thế giới Cực Lạc sẽ mọc lên một búp sen. Quý vị tín nguyện kiên định, niệm Phật rất siêng, hoa sen trong ao ấy ngày càng to dần, càng tăng trưởng. Lúc quý vị hết tuổi thọ, A Di Đà Phật cầm hoa sen ấy đến tiếp dẫn quý vị. Hoa sen ấy của chính quý vị, chứ không phải của ai khác, trên hoa còn có đề tên, chắc chắn không lầm lẫn được. Quý vị vào trong hoa sen, chẳng phải là một đứa bé con dần dần lớn lên, mà là thân tướng giống hệt như Phật. Tây Phương thế giới là pháp giới bình đẳng, bỏ nhục thân, đạt được thân gì? Được thân vàng ròng sắc tía giới mài sáng bóng, trong bốn mươi tám nguyện [của A Di Đà Phật] có lời nguyện này. Tướng hảo, quang minh [của mỗi chúng sanh trong thế giới Cực Lạc] không khác gì A Di Đà Phật và Bồ Xứ Bồ Tát, thực sự bình đẳng.

Đó là vì trong quá khứ, lúc A Di Đà Phật đang tu đạo Bồ Tát trong khi tu nhân, đọc trong kinh Vô Lượng Thọ chúng ta sẽ thấy đoạn lịch sử ấy, Ngài đã từng tham phỏng hai trăm mười ức cõi Phật. “Hai trăm mười ức” biểu thị pháp chứ không phải là một con số; trong Mật tông, hai trăm mười ức biểu thị ý nghĩa viên mãn, hàm nghĩa “khắp pháp giới hư không giới, hết thảy các cõi Phật, không sót một cõi nào”, Ngài đều đến tham học hết. Đối với ưu điểm và những chỗ hay của mỗi một thế giới Ngài liền học lấy; những khuyết điểm Ngài đều bỏ đi. Vì thế, sự thành tựu nơi thế giới Cực Lạc chính là do kết hợp tất cả những ưu điểm trong hết thảy cõi Phật khắp pháp giới hư không giới, không có khuyết điểm, cõi ấy được kiến tạo như vậy. Sự kiện này là một sự khai thị rất lớn cho chúng ta! A Di Đà Phật kiến lập Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là đóng cửa mà mờ tự chế, cũng chẳng phải ở riêng trong nhà nghĩ cách; không phải vậy, mà là sở đắc từ sự tham học. Đây là học vấn chân chánh, học vấn thực sự!

Chắc chắn Ngài trông thấy thế giới Sa Bà (chắc chắn Ngài đã từng đến thế giới Sa Bà của chúng ta), thấy hết thảy chúng sanh tướng mạo khác biệt. Tướng mạo đẹp thì phiền não hiện tiền, phiền não gì vậy? Ngạo mạn! Tướng mạo không đẹp, phiền não cũng hiện tiền, phiền não gì vậy? Mặc cảm tự ty rất nặng! Những điều này chúng ta đều biết rất rõ. A Di Đà Phật biết điều này, nên tất cả hết thảy những ai vãng sanh về thế giới Cực Lạc tuyệt đối chẳng nẩy sanh phiền não, vì sao? Tướng mạo mọi người giống hệt nhau, không một ai đẹp hơn ai, cũng không ai có

khuyết điểm, thấy đều giống hệt như nhau, thể chất giống hệt, cao - thấp giống hệt, gầy - béo giống hệt, tướng hảo như nhau.

Nói như vậy thì chúng ta lại có vấn đề, vấn đề gì vậy? Nếu ta muốn tìm một người nào đó, ta biết ai là ai đây? Toàn bộ giống hệt nhau. [Nếu thắc mắc vớ vẩn] như vậy là chúng ta lo xa quá đấy, vì sao? Chúng ta không có trí huệ, không có huệ nhãn, không có thần thông; nhưng người ở Tây Phương Cực Lạc thế giới ai nấy đều có thần thông nên nhất định chẳng nhận lầm người. Tất cả mọi người tướng mạo giống hệt A Di Đà Phật, nhất định quý vị chẳng thể nhận lầm. Tuy tướng mạo của mỗi cá nhân vãng sanh cũng giống hệt nhau, quý vị vẫn chẳng nhận lầm, chẳng thể nghĩ bàn! Bởi vậy, đọc đến đoạn này, hãy nên phát nguyện! Trong kinh này đức Phật lại khuyên chúng ta nên phát nguyện lần nữa, phải nên vãng sanh cõi nước kia.

Lại xem tiếp đoạn dưới: *“Hạnh Nguyện Phẩm vân”* (Phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện nói), tức là trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện của kinh Hoa Nghiêm có đoạn chép: *“Thị nhân dục lâm mạng chung thời, nhất thiết chư căn, tất giai bại hoại, dĩ trí thân thuộc, oai thế, tượng, mã, trân bảo đẳng, tất giai tán diệt”* (lúc người ấy sắp mạng chung, hết thấy các căn thấy đều bại hoại, cho đến thân thuộc, oai thế, voi, ngựa, các món quý báu v.v... thấy đều tan diệt). Chúng tôi giảng đoạn này trước. Đoạn này nói lên điều gì? Lúc thọ mạng con người đã hết, lúc lâm chung, *“nhất thiết chư căn, tất giai bại hoại”* (hết thấy các căn thấy đều bại hoại), tức là không khởi tác dụng nữa. *“Chư căn”* như là mắt v.v..., người chết rồi mắt không thể thấy nữa, tai không thể nghe được nữa, mũi không hô hấp, lưỡi cũng chẳng thể động, thân thể cũng chẳng thể cử động. Đó là *“nhất thiết chư căn, tất giai bại hoại”* (hết thấy các căn thấy đều bại hoại), không khởi tác dụng, sáu căn mất đi năng lực. Thân thể của chính mình là như vậy đó.

Còn những vật ngoài thân của quý vị như *“thân thuộc”*, tức là người nhà, quyền thuộc của mình, mình phải chia lìa. *“Oai thế”* là địa vị, quyền lực. Dầu cho địa vị, quyền lực đạt đến cùng cực, làm đến quốc vương; lúc ấy có làm vua cũng không được nữa, thọ mạng đã hết, ngôi vua cũng vứt đi, quyền lực cũng buông xuôi. *“Tượng, mã”* (voi, ngựa) là công cụ giao thông sử dụng trong thời cổ. Công cụ giao thông hiện tại gồm xe hơi, du thuyền, thậm chí tư gia có máy bay, cái gì cũng không mang theo được, không mang theo cái gì được hết! *“Trân bảo”* là của cải; hết thấy các món quý báu do quý vị góp, không mang theo được gì! *“Giai tất tán diệt”* (thấy đều tan diệt), không cầm gì theo được, thuộc về

người khác hết, quý vị phải giác ngộ điều này! Trong kinh luận, đức Phật thường cảnh tỉnh chúng ta: “*Vạn ban tương bất khí, duy hữu nghiệp tùy thân*” (Muôn thứ không mang được, chỉ mỗi nghiệp theo thân). Quý vị phải hiểu rõ ràng, minh bạch: Tất cả hết thấy những vật ngoài thân chắc chắn không phải là của chính mình. Bản thân ta cái gì cũng không có, ngay đến cái thân này cũng không có, thân thể cũng phải bại hoại.

Vì vậy, trong thế gian này, kinh Bát Nhã giảng rất rõ: “*Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*” (Hết thấy pháp không có sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được). Đó là chân tướng sự thật. Nếu quý vị cho là hữu sở đắc, vẫn muốn giành lấy thì quý vị làm rồi! Quý vị có giành lấy, trong tương lai cũng không mang theo được, lại còn tạo thêm vô lượng vô biên nghiệp chướng. Trong thế gian có mấy ai giác ngộ? Có mấy ai thực sự hiểu rõ? Người giác ngộ buông bỏ toàn bộ pháp thế gian, ngay cả thân mình cũng không màng, quyết định chẳng lưu luyến.

“*Duy hữu nguyện vương, bất tương xả ly, nhất thiết thời trung, dẫn đạo kỳ tiền, nhất sát-na gian tức đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới*” (Chỉ có nguyện vương chẳng hề lìa bỏ, trong hết thấy thời, nó thường dẫn đường đằng trước. Trong khoảng sát-na liền được vãng sanh thế giới Cực Lạc). Nói về điều gì? Nói về cái quý vị mang theo được. Cái mang theo được là thiện nghiệp, ác nghiệp, tịnh nghiệp, ba thứ nghiệp này đi theo quý vị. Người thực sự giác ngộ đoạn trừ ác nghiệp, tuy vẫn tu thiện nghiệp nhưng quyết không chấp trước. Do không chấp trước nên biến thành tịnh nghiệp; nếu chấp trước liền biến thành thiện nghiệp. Chấp trước thì quả báo là ba thiện báo; không chấp trước thì quý vị phải hồi hướng cầu sanh về Tịnh Độ, quả báo của quý vị sẽ là vượt thoát tam giới, vượt thoát mười pháp giới, thù thắng khôn sánh!

Mười đại nguyện vương dạy chúng ta điều gì? Quý vị phải biết:

1) Thứ nhất là dạy chúng ta cung kính “*lễ kính chư Phật*”.

2) Thứ hai dạy chúng ta xưng tán, tức là khen ngợi điều lành, quyết định chẳng ăn nói sai trái. Thấy bất cứ sai trái gì cũng tròn chẳng rêu rao, hòng bồi dưỡng thiện tâm, thiện ý và thiện hạnh của chính mình, miệng không lầm lỗi, “*xưng tán Như Lai*”!

3) Thứ ba dạy chúng ta bố thí cúng dường “*quảng tu cúng dường*”.

4) Thứ tư dạy chúng ta “*sám hối nghiệp chướng*”, phải biết sám hối nghiệp chướng của chính mình.

5) Thứ năm là dạy chúng ta “*tùy hỷ công đức*”, tùy hỷ công đức hết sức trọng yếu! Hết thấy chúng sanh đều có tâm ghen ghét, tùy hỷ công đức nhằm phá trừ ghen ghét. Trông thấy chỗ hay của người khác, ta không ôm lòng ghen ghét chút nào, mà tùy tâm, tùy lực giúp đỡ người ta, thành tựu cho người ta. Đó là tùy hỷ công đức. Người ta có công đức nhiều lớn, mình tùy hỷ thì công đức cũng lớn như người ta vậy, công đức của người ta hoàn toàn chẳng bị giảm thiểu. Cũng giống như người khác có một cây nến đã thấp rồi, mình có một cây nến chưa thấp, người ta dùng cây nến ấy thấp sáng cho mình, quang minh nơi cây nến của người ta không tổn thất mấy may. Cây nến của mình được thấp xong, ánh sáng chiếu rọi lẫn nhau, tùy hỷ công đức là như vậy đó!

6) Thứ sáu, “*thỉnh chuyển pháp luân*”.

7) Thứ bảy, “*thỉnh Phật trụ thế*”.

Thỉnh chuyển pháp luân, thỉnh Phật trụ thế không vì chính mình, mà nhằm lợi ích chúng sanh. Quý vị gặp được thiện tri thức, chúng sanh không biết, ta biết. Ta biết thì ta thay họ thỉnh, thay mặt cho chúng sanh trong khu vực ấy, thay cho chúng sanh khắp cả thế gian lễ thỉnh thiện tri thức hãy vì chúng ta giảng kinh, thuyết pháp. Nhân duyên chín muồi, chúng ta phải thỉnh thiện tri thức trụ lâu dài trong khu vực của chúng ta. Thiện tri thức ở lâu dài nơi ấy thì người ở nơi ấy có phước. Chân thiện tri thức được chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ, Ngài sống tại nơi này, mọi người chẳng lẽ không được hưởng lây ư? Không phải là ai nấy đều có phước hay sao? Phải là người có trí huệ chân chánh, phước báo chân chánh thì mới biết khai thỉnh.

Trong thực tế, mười điều nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát chỉ gồm bảy điều, bảy điều trên đây chính là các nguyện [của Phổ Hiền Bồ Tát]. So với trước kia, hiện thời thỉnh chuyển pháp luân thuận tiện hơn. Nay chúng ta có thể lợi dụng những kỹ thuật khoa học cao cấp, lợi dụng mạng thông tin quốc tế (Internet), lợi dụng truyền hình vệ tinh (satellite TV) thỉnh pháp sư, thỉnh thiện tri thức giảng kinh, thuyết pháp. Chúng ta đưa CD, băng âm hình lên Internet, phát trên truyền hình vệ tinh hồng lợi ích chúng sanh toàn thế giới. Làm như vậy chính là gì? Đều thuộc về thỉnh chuyển pháp luân và thỉnh Phật trụ thế. Hiện tại, hai nguyện trên có thể gộp thành một, hai nguyện gộp thành một, thật chẳng thể nghĩ bàn!

Ba điều nguyện sau đó đều thuộc về hồi hướng, “*thường tùy Phật học*” là hồi hướng Bồ Đề, “*hằng thuận chúng sanh*” là hồi hướng chúng sanh, “*phổ giai hồi hướng*” là hồi hướng pháp giới và hồi hướng pháp

tánh. Do vậy, ba điều nguyện cuối này thuộc về hồi hướng viên mãn, đính kèm theo. Mười đại nguyện này dẫn dắt quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp tiểu đoạn thứ năm, câu cuối cùng là: “*Quán thử tác phát nguyện cầu sanh, tự thuộc đương vụ chi cấp*” (Thấy như thế bèn phát nguyện cầu vãng sanh, tự lấy đó làm nhiệm vụ cấp bách). Thời thời, chốn chốn đều thấy Thế Tôn, Tổ Sư ân cần, khẩn thiết khuyên dạy chúng ta, chỉ sợ chúng ta lại bỏ lỡ cơ hội lần này. Bởi vậy, chúng ta chỉ nên nhớ kỹ: Như trong phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện nói đến mười đại nguyện, mười đại nguyện ấy là cương lĩnh tu học. Ba điều nguyện cuối tôi nói là hồi hướng. Hồi hướng với ý nghĩa gì? Nhằm mở rộng tâm lượng, thực sự khôi phục “*tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”. Phải biết bốn nguyện của mình vốn sẵn tâm bao thái hư, lượng châu sa giới. Cái tâm này hiện thời nhỏ nhoi dường ấy, thật đáng thương, đáng xót xa lắm! Vì thế, dùng phương pháp hồi hướng này để mở rộng nó, khôi phục nó.

“*Thường tùy Phật học*” (thường học theo Phật), niệm niệm chẳng quên lời Phật dạy, đó là hồi hướng Bồ Đề. Trong những tôn giáo khác, chúng tôi cũng thường xem kinh điển của họ, hết thấy vinh diệu đều quy về Thượng Đế, đều quy về Chân Chúa! Trong Phật pháp, chúng ta không nói đến Thượng Đế, không có Chân Chúa, chúng ta nói đến thầy, thầy dạy dỗ chúng ta. Con người trong thế gian, vào thời cổ, mỗi người khi có thành tựu, nhất định sẽ quy sự vinh diệu về cha mẹ, về thầy, hòng báo ân dưỡng dục, báo ân thầy giáo hóa. Niệm niệm chẳng quên, tâm cảm ân. Cái tâm cảm ân ấy trọn khắp pháp giới hư không giới. Đó là hồi hướng Bồ Đề.

“*Hằng thuận chúng sanh*” là hồi hướng chúng sanh. Trong đây, quan trọng nhất là Thuận, chẳng phải thuận tạm thời, chẳng phải thuận hữu hạn, mà là hằng thuận, vô hạn, vĩnh hằng! Quý vị thấy chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát giáo hóa hết thấy chúng sanh trong chín pháp giới, nêu gương tốt cho chúng ta, đó là thuận! Quý vị muốn học điều gì bèn giúp cho, chỉ không giúp đỡ khi quý vị học sự bất thiện, học theo cái ác thì Ngài không dạy. Chứ nếu là thiện thì không gì không dạy! Đại thiện lẫn tiểu thiện đều dạy hết, chẳng nệ nhọc nhằn, chẳng sợ cay

đăng, chẳng ngại gian lao, chỗ nào có cầu bèn ứng ở chỗ đó.

Đức Thế Tôn vì chúng ta thị hiện, lúc đức Phật còn tại thế - ta phải biết khi ấy đâu có công cụ giao thông, người xuất gia toàn đi bộ - Phật đi đến mọi nơi dạy dỗ. Vết chân Phật in dấu khắp Ấn Độ, luôn du hành, cực Nam đến tận đảo Tích Lan, ngày nay là Tư Lý Lan Kha (Sri Lanka). Thị hiện ngàn chỗ mong cầu, ngàn chỗ ứng như vậy, địa phương nào muốn thỉnh Phật: “Xin giáo hóa chúng con!” Phật bèn đến. Hễ có người thỉnh, Phật bèn đến.

Học trò của Ngài không ít vị là Bồ Tát, Bồ Tát không cần ai thỉnh, chủ động đi đến, làm “bạn chẳng mời” (bất thỉnh hữu) của hết thầy chúng sanh; nhưng Phật nhất định phải thỉnh, vì sao? Phật đại biểu cho sư đạo, tôn sư trọng đạo, bởi thế, nhất định phải thỉnh. Bồ Tát là đồng học, đồng học chẳng cần phải nghiêm túc, “anh chẳng cần mời tôi cũng đến”; nhưng trong đây vẫn có một điều kiện, trước hết phải lắng nghe xem [người mà mình định tiếp độ] có thể tiếp nhận hay không. Nếu có thể tiếp nhận, hoan hỷ nghe, nghe được, hiểu được, Bồ Tát bèn đến. Chẳng thỉnh Ngài cũng đến, hằng thuận chúng sanh mà! Tuyệt đối chẳng chấp trước vào một pháp môn. Quý vị nói pháp môn Niệm Phật rất tốt, quá tốt ấy chứ! Nhưng người ta không thể tiếp nhận thì chẳng thể đem pháp môn này ra nói. Họ muốn pháp gì, quý vị phải biết! Người ấy có thể tiếp nhận điều gì? Quý vị phải biết! Ưa thích điều gì? Quý vị phải biết thì quý vị thuyết pháp mới khế cơ. Điều này những đồng học muốn học kinh giáo phải đặc biệt chú ý, quán cơ (xem xét căn cơ). Chư Phật Bồ Tát vì thuyết pháp khế lý, khế cơ cho chúng sanh nên dạy dỗ thành công.

Nguyên cuối cùng là “*phổ giai hồi hướng*”, tức là hồi hướng khắp tất cả, tâm lượng hoàn toàn mở rộng, chẳng có một tí ti bó buộc nào, đúng là trọn khắp hư không pháp giới; khắp hư không pháp giới là Tánh Đức viên mãn, Tánh Đức mà! Hư không, pháp giới, cõi nước, chúng sanh đều do tự tánh hiện, chỉ do Thức biến. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật giảng rất rõ: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Hồi hướng khắp tất cả là hồi hướng về tâm tánh, hết thầy đều quy về tự tánh, tất cả hết thầy pháp thế gian và xuất thế gian phát sanh từ tự tánh, đến cuối cùng trở về tự tánh, đó gọi là đại viên mãn!

Bởi thế, nguyên vương này “*bất tương xả ly*” (chẳng hề bỏ lìa), lúc con người lâm chung, tất cả hết thầy đều tách rời, không mang theo được gì, chỉ mang được theo một mình nguyên vương này. Tịnh nghiệp thù thắng khôn sánh đi theo quý vị, “*nhất thiết thời trung, dẫn đạo kỳ*

tiền” (trong hết thấy thời, nó dẫn đường đằng trước), dẫn dắt quý vị về đâu? Dẫn quý vị về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đó chính là những nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát. “*Quán thử tắc phát nguyện cầu sanh, tự thuộc đương vụ chi cấp*” (Thấy như thế bèn phát nguyện cầu vãng sanh, tự lấy đó làm nhiệm vụ cấp bách trong hiện tại): “*Đương*” (當) là “*đương hạ*”, tức là hiện tiền. “*Vụ*” (務) là chuyện bắt buộc phải làm, “*cấp*” (急) là lập tức; [*“đương vụ chi cấp”*] tức là chuyện lập tức phải làm. Nếu quý vị thực sự hiểu rõ, thấu hiểu, sẽ phải làm ngay lập tức, buông xuống hết thấy những thứ khác. Trong cuộc sống thường ngày của chúng ta, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, hành vi, nhất định phải tương ứng với kinh giáo.

Tinh thần và nghĩa thú chân chánh của kinh giáo là gì? “*Thọ trì độc tụng, vị nhân diễn thuyết*” (thọ trì, đọc tụng, vì người khác diễn nói), là tám chữ ấy. Những gì Phật dạy trong kinh giáo chúng ta tiếp nhận toàn bộ, đó là “*thọ trì*”. Tiếp thu toàn bộ xong, biến chúng hoàn toàn thành của chính mình. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chính mình là hư huyền, là giả, là nghiệp, nghiệp bất thiện; thấy đều buông xuống hết, thay thế toàn bộ bằng kinh giáo của đức Như Lai. Cách nhìn, cách nghĩ, cách làm của chúng ta hoàn toàn tương ứng với kinh giáo, đó là thọ trì! Thọ (受) là tiếp nhận, Trì (持) là gìn giữ, chẳng để mất. Chẳng để mất dầu chỉ một ngày hay chỉ trong một sát-na. Đó là Thọ Trì!

“*Độc tụng*” là ôn tập. Hằng ngày ôn tập, ôn cố tri tân (ôn chuyện cũ để hiểu chuyện mới), trường thời huân tu. Huân tu lâu ngày bèn khai ngộ! Ngộ rồi thì sao? “*Vị nhân diễn thuyết*” (vì người khác diễn nói), tức là thực hiện trong cuộc sống thường nhật, thực hiện trong công việc, thực hiện trong việc xử sự, đãi người, tiếp vật, vì người khác biểu diễn, vì người khác diễn nói, hết thấy đều vì chúng sanh, chẳng vì chính mình. Hết thấy đều nhằm biểu diễn cho chúng sanh thấy: Đây là cuộc sống giác ngộ, cuộc sống của Phật, Bồ Tát, cuộc sống đại tự tại. Không lão phu tử nói: “*Học nhi thời tập chi*” (Học rồi luôn tu tập - tức thực hiện). “*Tập*” (習) chính là như nay ta nói là “thực hiện”, thực hiện trong cuộc sống, thực hiện trong công việc, thực hiện trong cách xử sự, đãi người, tiếp vật. “*Thời*” (時) là luôn luôn, không gián đoạn; tiếp đó là “*bất diệc duyệt hồ*” (cũng chẳng vui sao); nói theo cách nói của nhà Phật là “*pháp hỷ sung mãn*”, thực sự sung sướng, pháp hỷ sung mãn! Sự vui sướng ấy không do bên ngoài mà có, mà là từ trong tự tánh lưu lộ. Tiểu tiết cuối cùng là:

“*Kinh vân: Đắc dữ chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ*”(Kinh dạy: ‘Được cùng các thượng thiện nhân như vậy ở cùng một chỗ’). Kinh văn viết như vậy. “*Sở vị Quán Âm, Thế Chí, bả thủ cộng hành*” (Ý nói: Quán Âm, Thế Chí nắm tay cùng đi). “*Bả thủ*” (把手) là nắm tay, tay trong tay! Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị đi theo Quán Âm, Thế Chí tức là tay nắm tay cùng đi: Kinh hành, tản bộ, chuyện trò, đàm luận Phật pháp, có phải là vui sướng lắm hay không? “*Văn Thù, Phổ Hiền thân vi thắng hữu*” (Văn Thù, Phổ Hiền làm bạn bè thân thiết thù thắng). Văn Thù và Phổ Hiền đều là Đẳng Giác Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng; các Ngài thường sống trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Thắng hữu*” là bạn bè tốt nhất, bạn bè thù thắng nhất. Câu này miêu tả tình trạng cuộc sống và tình hình học tập tại Tây Phương Cực Lạc thế giới: Những người chung quanh ta toàn là thượng thiện nhân. “*Tắc huân đào tự hữu, thành Phật vô nan*” (Nên tự được un đúc, thành Phật chẳng khó), không sai chút nào! Chúng ta trường thời huân tu, huân tập, un đúc, là do nguyên nhân ấy, chứ không phải là chẳng có nguyên nhân.

Vậy thì vì sao trong Tây Phương Cực Lạc thế giới thành tựu nhanh chóng đến thế? Thành tựu thù thắng dường ấy? Vì sao trong thế gian này chúng ta chẳng thể đạt được như thế? Xem đến đây quý vị hiểu ngay. Trong thế gian chúng ta, làm sao có thể ngang vai sát cánh cùng Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, chẳng có lẽ ấy! Bồ Tát quá cao! Nhưng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới lại khác, vì sao khác? Đều là học trò của A Di Đà Phật, quan hệ giữa chúng ta là gì? Đồng học. Các vị ấy theo A Di Đà Phật đã lâu, chúng ta mới theo. Về thân phận, họ là lớp đàn anh, mình là đàn em, đàn anh đương nhiên phải chăm nom đàn em. Chúng ta có câu hỏi gì ngại không hỏi Phật, hỏi họ rất thuận tiện. Một ngày từ sáng đến tối sống cùng một chỗ, cho nên thành Phật không khó.

Tiếp đó là mấy câu tỏ ý mừng rỡ trước vận may: “*Thử sanh hữu hạnh, hoạch kiến, hoạch văn, khả bất nguyện sanh dư?*” (Đời này may mắn, được thấy, được nghe, há chẳng nguyện vọng sanh ư?) Một đời này chúng ta thực sự may mắn, nói đúng ra, mình may mắn quá đổi! Quý vị được thấy chuyện này, được nghe kinh điển này, há vẫn chẳng bằng lòng vọng sanh ư? Phải hiểu đây là chuyện thành Phật trong một đời, là đại sự nhân duyên bậc nhất trong các pháp thế gian và xuất thế gian, không có chuyện gì có thể sánh bằng chuyện này, chúng ta chẳng thể không biết như vậy. Đúng là không thể nào so sánh được. Nếu để lỡ việc này, đúng là tổn thất lớn lao không ai có thể diễn tả được, lớn lao quá mà! Nhân duyên để thành Phật trong một đời mà!

Ngẫu Ích đại sư nói rất hay, vì đâu ta coi thường? Coi thường là vì lẽ gì? Rất mong đến đó, nhưng không nghiêm túc tu tập thực sự, nguyên nhân vì đâu? Không tin! Không thực sự tin, trong một đời này thậm chí hằng ngày đọc kinh này, hằng ngày giảng kinh này, nhưng bán tín, bán nghi. Kẻ ấy tin gì? Vẫn là tin vào danh văn, lợi dưỡng trong thế gian này, hưởng thụ ngũ dục lục trần, vẫn tin vào những thứ ấy. Nếu bày hai chuyện ấy ở trước mặt, họ sẽ chọn thứ gì? Chọn danh văn lợi dưỡng, chọn lấy ngũ dục lục trần thế gian, chẳng chọn lấy Niệm Phật, làm lẩn ở chỗ này! Bởi thế, đối với việc này Tổ Sư rất đau lòng, đau lòng vì không phải là vì trong một đời này [chúng sanh] không có cơ hội nghe được, không phải vì họ nghiệp chướng sâu nặng đến nỗi cả đời không được gặp gỡ pháp này, mà đau lòng bởi lẽ gì? Họ được gặp gỡ, nhưng lại ra sao? Ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, chẳng thể y giáo phụng hành, vẫn cứ tùy thuận phiền não tập khí của chính mình như cũ, vẫn tạo tác mười ác nghiệp như cũ, biết làm cách nào nữa đây?

Người thực sự hiểu rõ, thực sự tin tưởng sẽ làm hết sức rõ ràng như thế này: Ngay lập tức đoạn trừ mười ác nghiệp! Chẳng những không tạo mười ác nghiệp nữa, mà còn quyết định tu mười thiện nghiệp đạo. Vì sao? Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị ở cùng một chỗ với các thượng thiện nhân, dầu chúng ta chưa phải là thượng thiện thì cũng phải là hạ thiện. Ngay cả hạ thiện cũng chưa có, làm sao quý vị có thể ở cùng một chỗ với các thượng thiện nhân cho được? Vì thế, người thực sự cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới nhất định đoạn ác tu thiện; đó là điều khẳng định, nhất định tương ứng với Đại Bồ Đề. Chúng ta thường gọi tâm Đại Bồ Đề ấy là chân thành. Người ấy nhất định chân thành, trong hết thấy thời, hết thấy chỗ, đúng là: “Tâm một mực chân thành”, không có nhị niệm, tâm nhất định thanh tịnh, tâm nhất định bình đẳng, tâm nhất định chánh giác, tâm từ bi, niệm niệm khởi tâm động niệm nhất định tương ứng với những thứ ấy.

Chúng ta biết con người giác ngộ, hồi đầu ấy trong một đời này nhất định được sanh về Tịnh Độ. Nếu nói tôi tin, tôi hằng ngày niệm Phật, trong mười hai thời chẳng thiếu khóa lễ nào tại Niệm Phật Đường, nhưng tâm địa chẳng thanh tịnh, chẳng bình đẳng, ngu si, tự tư, chẳng thành thật, vẫn chẳng thể vãng sanh! Cổ đức nói: “*Nhất thiên niệm thập vạn thanh Phật hiệu, hãm phá hầu lung dã uổng nhiên*” (Một ngày niệm mười vạn câu Phật hiệu, rách toạc cổ họng cũng uổng công) là vì lẽ nào? Tâm hạnh chẳng lành. Chỉ tốt lành đẳng miêng, trong ba nghiệp thân - khẩu - ý thì thân và ý bất thiện, chỉ có cái miệng từ sáng đến tối niệm A

Di Đà Phật, chẳng chửi người, như vậy thì chưa vãng sanh được! Quý vị xem kinh Vô Lượng Thọ thì thấy đúng là như vậy, vừa mở đầu kinh văn, đức Thế Tôn dặn dò chúng ta khéo giữ gìn tam nghiệp, đó là điều kiện cơ bản để cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Điều lành đầu tiên là khéo giữ gìn khẩu nghiệp, chẳng chê bai lỗi người khác; khéo giữ gìn thân nghiệp, chẳng mất luật nghi; khéo giữ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm. Đó là mười thiện nghiệp! Niệm Phật mà vẫn tạo nghiệp thì tương lai đi về đâu? Đi vào địa ngục đạo!

Quý vị xem bộ Lăng Nghiêm Kinh Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương Sớ Sao do pháp sư Quán Đảnh soạn vào đời Càn Long nhà Thanh. Trong đoạn cuối cùng của bộ Sớ Sao này có nói đến một trăm thứ quả báo khác nhau của người niệm Phật, câu đầu tiên là người niệm Phật đọa A Tỳ địa ngục. Lúc tôi còn trẻ, vừa mới học Phật, đọc đến đoạn này hết sức nghi hoặc: Dù niệm Phật không tốt, lẽ ra chẳng đến nỗi đọa A Tỳ địa ngục, sao lại đọa A Tỳ địa ngục được? Tôi cầm sách đem hỏi thầy Lý: “Rốt cuộc là chuyện gì đây? Con nghĩ không ra, không có cách gì hiểu được!” Thầy Lý đọc rồi bảo: “Đây là câu hỏi lớn, tôi chẳng giảng cho một mình ông! Khi tôi giảng kinh, sẽ giảng cho khắp đại chúng”. Miệng niệm Di Đà nhưng chẳng đoạn ác nghiệp, kẻ ấy vẫn tạo ác nghiệp. Ác nghiệp nghiêm trọng nhất là báng Phật, báng Pháp, báng Tăng! Hủy báng Tam Bảo, lẽ đâu chẳng đọa địa ngục? Niệm vị Phật nào cũng vô ích, không ai cứu được hết!

Trong những tội ấy, mọi người dễ phạm nhất là tội tự khen mình, chê người! Hiện nay, chúng ta cũng thường thấy: Trong vô lượng pháp môn, chỉ có pháp môn của tôi tốt, người khác đều trật hết! Quý vị phải hiểu mỗi pháp môn đều do đức Phật nói. Quý vị nói một pháp môn nào không đúng thì quý vị nói bậy rồi, những pháp môn ấy do ai nói? Do đức Phật nói đây. Chẳng phải quý vị đã báng Phật ư? Pháp do đức Phật nói! Đừng nói chi khác, cứ nói đơn giản là kinh Vô Lượng Thọ thôi. Ai nấy đều biết kinh Vô Lượng Thọ có mười hai bản dịch, nhưng trải qua nhiều đời bảy bản bị thất truyền, chỉ còn năm bản được truyền đến nay. Đối với năm bản đó, nếu nói bản này hay, chê bản kia dở thì đều là báng Phật, chẳng được nói như vậy. Nếu không hay thì làm sao được lưu truyền trong thiên hạ? Được lưu truyền trong thiên hạ, nhất định phải có giá trị lưu truyền. Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc rất coi trọng giá trị ấy! Nếu anh không có giá trị, mọi người đâu chịu lưu thông; [thế mà các bản dịch ấy được] lưu thông thành sách rất nhiều. Chẳng giống như ngày nay khoa học kỹ thuật phát triển, kỹ thuật ăn uống rất phát triển, in sách rất dễ

dàng; thời cổ chẳng dễ dàng như vậy!

Ngay như thời đầu Dân Quốc mới đây thôi, kể ra rất thích hợp [để so sánh]; chúng ta thấy vào thời đầu Dân Quốc vẫn còn in sách bằng bản khắc gỗ, rất tốn công. Một người một ngày làm suốt tám chín tiếng đồng hồ, in được bao nhiêu bản? Trước kia, sách được in thành từng quyển, một quyển không nhiều, đại khái chừng sáu mươi hay bảy mươi trang. Một ngày chỉ in có thể in sáu bản! Tôi đến viếng Kim Lăng Khắc Kinh Xứ, họ ấn loát bằng bản khắc gỗ. Khi đó tiến bộ hơn trước nhiều, xưa kia phải dùng muối khói gỗ từng [làm mực in], hiện thời vẫn dùng muối khói gỗ từng nhưng pha thêm mực dầu, vậy là tiến bộ hơn trước nhiều! Nhưng khi in thì vẫn phải áp từng trang lên bản gỗ, đặt giấy lên đó, rồi mới ép xuống, rất tốn công! Làm tám tiếng một ngày, một người chỉ in được sáu quyển. Hiện tại, máy móc quá tiện lợi, in mấy ngàn bản trong vòng ba bốn ngày là xong, là hoàn tất, công việc được cơ giới hóa. Trước kia dùng sức người, cho nên giá trị của sách vở rất cao. Đúng là người bình thường không mua nổi sách.

Khoảng năm Dân Quốc hai mươi mấy, lúc đó tôi chưa đến mười tuổi, chừng tám hay chín tuổi chi đó, Thương Vụ Ấn Thư Quán in bộ [từ điển] Từ Nguyên, in bìa cứng đẹp để thành hai quyển thượng - hạ. Bộ Từ Nguyên ấy chưa được in đẹp để như bây giờ, giá bao nhiêu? Năm đồng Đại Dương. Năm đồng Đại Dương giá trị ra sao? Thừa cùng quý vị, bằng tiền ăn xài của một gia đình bốn người trong cả tháng. Phải mất một số tiền bằng tiền tiêu dùng của một gia đình bốn người trong cả tháng mới mua được sách, mà chỉ mua được một bộ từ điển thôi! Nói vậy, quý vị mới hiểu khi đó sách đắt như thế nào! Người giàu có mới tích lũy sách, sách khi ấy giống như đồ sưu tập của người chơi đồ cổ bây giờ vậy, coi sách như vật quý giá để tặng nhau.

Đọc sách cũng hết sức trân quý. Lúc đọc sách, nhất định chẳng được khuyên hay châm, không được phép! Muốn khuyên hay châm thì làm cách nào? Phải chép lại. Vì thế, trước kia người ta đọc sách, chắc chắn là sách nào mình ưa thích sẽ sao lại một bản. Tự mình sao lấy một bản thì có thể khuyên hay điếm, có thể dùng bút màu để đánh dấu. Sách bản gốc là bảo bối! Tự mình đọc xong lại còn truyền cho đời sau, đời sau lại truyền xuống đời sau nữa. Bởi thế, chẳng được có chút gì như bản, nhất định chẳng được tổn hoại. Trước kia, sách vở được quý trọng như thế, bây giờ đâu có được như thế! Hiện nay, khoa học kỹ thuật quá phát triển, sách vở biến thành rẻ mạt, chẳng đáng giá, mọi người coi thường; trước kia, sách vở đúng là của báu!

Bây giờ, chúng ta lại xem tiếp đoạn thứ ba “*đốn siêu tuyệt đãi*” (nhanh chóng vượt thoát, dứt bật đôi đãi), phần này có bốn tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất là: “*Hạ phàm chúng sanh, Niệm Bất Thoái trung, siêu tận tứ thập nhất nhân vị (Sơ Trụ chí Đẳng Giác), vị thị phàm phu, khước bất lịch Di Sanh, tất bỏ Phật vị, dữ Quán Âm, Thế Chí vô biệt*” (Hạ phàm chúng sanh trong Niệm Bất Thoái, vượt hết khỏi bốn mươi một địa vị (từ Sơ Trụ đến Đẳng Giác Bồ Tát) tu nhân, có nghĩa là kẻ ấy tuy là phàm phu nhưng chẳng trải qua [các địa vị] Di Sanh, ắt bỏ vào địa vị Phật, không khác gì Quán Âm, Thế Chí). Trước hết, chúng ta đọc đoạn này. Câu trên đây thuộc phần nửa trước của đoạn này. Chữ “*hạ phàm*” chỉ ai? Những kẻ vãng sanh trong bậc Hạ thuộc Phàm Thánh Đồng Cư Độ, tức là ba phẩm Hạ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, liền đắc Niệm Bất Thoái. Chẳng những là Niệm Bất Thoái, mà còn viên chứng Niệm Bất Thoái. Nếu chỉ nói đơn giản là Niệm Bất Thoái thì có thể nói là kẻ ấy chỉ bằng với Sơ Trụ Bồ Tát, chúng ta có thể hiểu như vậy. Nếu nói là “*viên chứng ba thứ Bất Thoái*” thì khác hẳn, vì bậc viên chứng ba thứ Bất Thoái là ai? Là Đẳng Giác Bồ Tát. Ở đây, Ngẫu Ích đại sư khẳng định viên chứng ba thứ Bất Thoái chính là Đẳng Giác Bồ Tát, cho nên Ngài viết: “*Siêu tận tứ thập nhất nhân vị*” (vượt hết khỏi bốn mươi một địa vị tu nhân). Bốn mươi một địa vị khi còn đang tu nhân của Bồ Tát là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, và Đẳng Giác. Đúng là khó tin! Bởi thế, phải nói kẻ ấy là phàm phu nhưng trong một đời nhất định thành Phật “*tất bỏ Phật vị, dữ Quán Âm, Thế Chí vô biệt*” (ắt bỏ vào địa vị Phật, chẳng khác gì Quán Âm, Thế Chí), không khác gì bậc Đẳng Giác Bồ Tát cả! Kẻ ấy là hạ phàm chúng sanh, ở trong thế giới Cực Lạc cơ sao có thể thành được như vậy? Đó là chân tướng sự thật của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tiếp theo đó là đoạn:

“*Nhược vị thị Nhất Sanh Bồ Xứ, khước khả danh phàm phu, bất khả danh Đẳng Giác Bồ Tát*” (Nếu bảo là Nhất Sanh Bồ Xứ thì chỉ có thể gọi là phàm phu, chẳng thể gọi là Đẳng Giác Bồ Tát): Kẻ ấy là chúng sanh thuộc ba phẩm Hạ trong Phàm Thánh Đồng Cư Độ, nếu quý vị nói kẻ ấy là Nhất Sanh Bồ Xứ thì chẳng thể nói như vậy được. Vì sao? Vì kẻ ấy thuộc ba phẩm hạ vãng sanh về Phàm Thánh Đồng Cư Độ, là phàm phu mà! Một phẩm phiền não chưa đoạn, chẳng thể gọi kẻ ấy là Đẳng Giác Bồ Tát được! Sự việc này “*thử giai giáo võng sở bất năng thấu, sát võng sở bất năng lệ*” (chẳng thể tính gộp trong giáo võng được, chẳng thể xếp vào sát võng được). Chữ “*giáo võng*” chỉ giáo học; trong giáo học không thể có tình huống như vậy được. Trong giáo võng, theo Ngũ

Thừa Phật giáo thì pháp đề phạm phu học tập là pháp Nhân Thiên “*Ngũ Giới, Thập Thiện, tứ vô lượng tâm*”; họ học những thứ đó. Thanh Văn học pháp Tứ Đế, Duyên Giác học pháp Thập Nhị Nhân Duyên, Bồ Tát học lục độ vạn hạnh, đó là nói về Giáo! Những điều đó không có cách gì thích ứng với tình trạng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, làm sao phạm phu lại ở cùng một chỗ với Đẳng Giác Bồ Tát được? Khác nào học trò Tiểu Học lại học cùng một lớp với nghiên cứu sinh, thành ra thể thống gì nữa?

“*Sát vông sở bất năng liệt*” (Chẳng thể xếp vào sát vông): Chữ “sát vông” chỉ thế giới. Trong tất cả thế giới không có sự việc này! Phạm phu quyết định phải thuộc vào Phạm Thánh Đồng Cư Độ, quyết định chẳng dự vào Phương Tiện Hữu Dư Độ. Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát quyết định thuộc Phương Tiện Hữu Dư Độ, chẳng thuộc vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Pháp Thân Bồ Tát quyết định ở trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ, chẳng ngụ nơi Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Sát vông là như vậy đó. Tây Phương Cực Lạc thế giới phá cái lệ ấy, người thuộc Phạm Thánh Đồng Cư Độ ở cùng một chỗ với Đẳng Giác Bồ Tát, mà Đẳng Giác Bồ Tát thuộc Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Bởi thế, Giáo Hạ của mười phương thế giới không có sự tình này, không có cái lệ này. Trong bốn cõi [Tịnh Độ của một thế giới Phật] cũng không có trạng huống này, nên [pháp môn Tịnh Độ] gọi là pháp môn đặc biệt. Đặc biệt ở chỗ nào? Ở đây chúng ta thấy rõ thật là đặc biệt!

Đoạn này giảng “*đốn siêu tuyệt đãi*” như thế đó, rất trọng yếu. Sau khi quý vị thực sự hiểu được rồi thì lòng tín nguyện đối với việc cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng những sẽ sanh khởi mà còn kiên định nữa. Đối với việc một đời sanh về Tây Phương Tịnh Độ, đây chính là chỗ mấu chốt.

“*Đương tri ngô nhân đại sự nhân duyên, Đồng Cư nhất quan, tối nan thấu thoát*” (Nên biết trong đại sự nhân duyên của chúng ta thì một ải Đồng Cư khó vượt thoát nhất). Câu này luận về các cõi Phật thông thường. Phạm Thánh Đồng Cư Độ là gì? Là lục đạo luân hồi. Vượt khỏi luân hồi lục đạo rất khó khăn, “*tối nan thấu thoát*” (khó vượt thoát nhất). Phật, Tổ nói như vậy, chúng ta phải chú tâm suy nghĩ, quan sát, không được lằm lẩn chút nào. Hãy suy nghĩ: Nay chúng ta đang sống trong cái ải Đồng Cư này, chúng ta có năng lực gì để vượt thoát đây? Từ xưa, tổ sư đại đức nói: Trong thời kỳ Mạt Pháp, trừ Tịnh Độ ra, quý vị tu hành bất cứ pháp môn nào cũng không thể thành tựu trong một đời được! Không thể thành tựu sẽ chẳng thể vượt thoát luân hồi được! Vì

sao? Bất luận quý vị tu học một pháp môn nào, công phu định lực nhất định phải là Cửu Thứ Độ Định thì mới có thể vượt thoát tam giới. Tứ Thiên Bát Định trong tam giới không thể vượt thoát lục đạo luân hồi được!

Bởi thế, nếu quý vị suy nghĩ: Quý vị muốn vượt thoát luân hồi lục đạo thì công phu định lực phải cao hơn Bát Định. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật dạy sở chứng của A La Hán là Độ Cửu Định, Cửu Thứ Độ Định mới vượt thoát được! Chúng ta có năng lực ấy hay chẳng? Hiện tại, các nhà khoa học nói đến những chiều không gian khác nhau, Phật pháp gọi là “vượt thoát luân hồi lục đạo”. Cõi trời gồm hai mươi tám tầng, tức là trong Tam Giới có hai mươi tám tầng trời, nghĩa là hai mươi tám thứ không gian có chiều khác nhau. Quý vị phải vượt khỏi hai mươi tám thứ không gian có chiều khác nhau mới vượt được cái ải Đồng Cư này! Xưa kia vào thời Chánh Pháp và Tượng Pháp thì có người làm được, chứ trong thời kỳ Mạt Pháp thì không được! Đàm Hư đại sư đã nói về tình hình này rất khéo, quý vị cứ đọc sách của cụ Đàm sẽ biết ngay; hãy đọc cuốn Ảnh Trần Hồi Ưc Lục là truyện ký của cụ Đàm.

Tôi chưa từng gặp mặt Sư, nhưng được nghe băng thâu âm lời Sư khai thị trong kỳ đả Phật Thất tại Hương Cảng. Băng ghi âm ấy nay chúng tôi đã chế thành CD, chỗ chúng tôi có lưu truyền. Băng thâu âm lời khai thị ấy, tôi đã nghe ít nhất hơn trăm lần, nghe rất thích, rất cảm động. Sư giảng rất hay. Suốt một đời Sư (lúc đó Sư đã chín mươi tuổi), chưa hề thấy hay nghe nói có một người nào trong Thiên tông khai ngộ cả, chưa từng nghe nói đến. Sư nói đã từng gặp những người tham Thiền đắc Định, chứ chưa hề gặp người khai ngộ!

Đắc Thiền Định chẳng thể thoát khỏi luân hồi lục đạo. Nếu đắc Sơ Thiền hay Nhị Thiền thì nói thật ra sẽ sanh trong Tứ Thiên Thiên, không thoát khỏi luân hồi lục đạo. Bậc đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh mới thoát khỏi được. Bậc đại khai viên giải bên Giáo, đại sư cũng chưa từng nghe nói có một ai. Người niệm Phật vãng sanh chẳng những nghe nói rất nhiều, mà cả đời Sư được chính mắt thấy phải hơn hai mươi trường hợp. Sư thường khuyên người khác niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ; trừ phương pháp này ra, không còn phương pháp thứ hai nào nữa cả. Đây là lời trình bày về kinh nghiệm suốt cả một đời của cụ Đàm. Ngài niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, lúc mất cũng là ngồi qua đời.

A! Nay đã hết giờ rồi.

Tập 23

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiểu đoạn thứ hai của đoạn thứ ba “*đốn siêu tuyệt đãi*”. Chúng tôi đọc một lượt: “*Đương tri ngô nhân đại sự nhân duyên, Đồng Cư nhất quan, tối nan thấu thoát, duy Cực Lạc Đồng Cư, siêu xuất thập phương Đồng Cư chi ngoại. Liễu thử phương năng thâm tín Di Đà nguyên lực, tín Phật lực phương năng thâm tín danh hiệu công đức, tín trì danh phương năng thâm tín ngô nhân tâm tánh, bốn bất khả tư nghị dã*”(Nên biết trong đại sự nhân duyên của chúng ta, một cửa ải Đồng Cư khó vượt thoát nhất. Chỉ riêng cõi Đồng Cư của Cực Lạc vượt ngoài các cõi Đồng Cư của mười phương. Hiểu rõ điều đó thì mới có thể tin tưởng sâu xa vào nguyên lực của Phật Di Đà, tin vào Phật lực thì mới có thể tin tưởng sâu xa nơi công đức của danh hiệu. Có tin vào trì danh thì mới có thể tin tưởng sâu xa tâm tánh của chúng ta vốn chẳng thể nghĩ bàn vậy!)

Tuy những điều được nói trong đoạn này trong phần trên chúng tôi đã nói không ít, nhưng đoạn này có ý nghĩa rất sâu, hết sức trọng yếu. Kinh Pháp Hoa giảng “*đại sự nhân duyên*” là “*khai thị ngộ nhập tri kiến Phật*”, đó là đại sự nhân duyên của chúng ta. Nói cách khác, cái gọi là đại sự nhân duyên chính là kiến giải, tư tưởng, và trí huệ của chúng ta phải viên mãn rốt ráo giống như Phật. Hết thấy nhân quả, cõi nước, chúng sanh trong mười phương ba đời không gì chẳng biết, đó chính là đại sự nhân duyên.

Chẳng những không gì chẳng biết, mà còn không gì chẳng thể, chính mình thực sự làm chủ vũ trụ; Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, bốn việc này đều viên mãn hiện tiền. Nói thật ra, tự tánh của mỗi chúng sanh đều đầy đủ viên mãn bốn việc này; đầy đủ nhưng lại mê mất tự tánh, nên bốn việc này hoàn toàn không có. Bởi vậy, chúng ta nói “[viên mãn] hiện tiền” thì đó chỉ là khôi phục tự tánh, nhà Phật thường gọi là “minh tâm kiến tánh”, hay là “đại sự nhân duyên”. Đó là cảnh giới tu học tối cao, là mục tiêu chung cực của chúng ta. Phải bắt đầu thực hiện từ đâu? Từ một cửa ải Đồng Cư, phải khởi đầu từ đó. Trước hết, ta phải đột phá được cửa ải này, cũng có nghĩa là phải vượt thoát luân hồi lục đạo. Khó lắm! Hôm qua, tôi đã thưa cùng quý vị, thực sự khó lắm!

Chúng ta không có năng lực vượt thoát, nay đức Thế Tôn dạy cho chúng ta một phương pháp, chẳng cần phải vượt thoát vẫn có thể đột phá được, làm thế nào vậy? Nay chúng ta đang mang thân phận con người trong lục đạo, dùng ngay thân phận này để di dân sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẫn mang thân người. Chúng ta mang thân người không có cách gì di dân lên thiên đạo, nhưng từ nhân đạo [tại Sa Bà] di dân sang

nhân đạo [bên Cực Lạc] chẳng phải là chuyện khó. Chúng ta di dân sang Phàm Thánh Đồng Cư Độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Phàm Thánh Đồng Cư Độ cõi ấy rất đặc biệt, “*duy Cực Lạc Đồng Cư, siêu xuất thập phương Đồng Cư chi ngoại*” (chỉ riêng cõi Đồng Cư của Cực Lạc là vượt thoát ngoài các cõi Đồng Cư trong mười phương). Các cõi Đồng Cư của chư Phật, Bồ Tát trong mười phương ba đời đều chẳng sánh bằng cõi Đồng Cư của thế giới Cực Lạc.

Ấy là vì trong thế giới Cực Lạc, cõi Đồng Cư, cõi Phương Tiện, cõi Thật Báo, cõi Thường Tịch Quang dung hợp thành một thể, giống như bốn ngọn đèn vậy! Tịch Quang là ngọn đèn lớn, chúng ta nói nó có độ sáng là một vạn chỉ quang⁶⁶, ngọn đèn ấy sáng bùng. Cõi Thật Báo [là ngọn đèn] có độ sáng một ngàn chỉ quang. Độ sáng [của ngọn đèn] Phương Tiện Độ là một trăm chỉ quang. Cõi Đồng Cư chỉ sáng bằng một ngọn nến hay một chỉ quang. Nay cả bốn ngọn đèn ấy đều được đặt trong cùng một căn phòng, quý vị thấy có diệu kỳ hay không? Cây đèn một nến của ta cũng sáng khắp cả gian phòng, cây đèn sáng chói trăm nến cũng chiếu khắp phòng, cây đèn sáng chói một ngàn nến cũng chiếu khắp phòng. Cây đèn một vạn nến cũng chiếu khắp phòng, dung hợp thành một thể. Cõi Đồng Cư của thế giới Cực Lạc giống như vậy đó. Cõi Đồng Cư của mười phương thế giới giống như mỗi căn phòng chỉ có một ngọn đèn một nến, không giống với Cực Lạc; vì thế, Cực Lạc vượt ngoài [các cõi Đồng Cư trong các thế giới ở] mười phương.

“*Liễu thử*” (hiểu rõ điều đó), Liễu (了) là “*minh liễu*” (hiểu rành rẽ, rõ ràng). Quý vị phải hiểu rõ chân tướng sự thật này thì quý vị mới có thể “*thâm tín Di Đà nguyện lực*” (tin tưởng sâu xa vào nguyện lực của Phật Di Đà), nguyện lực của bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn! Vì sao tình hình cõi Đồng Cư của thế giới Cực Lạc lại được như thế? Vì nó được hiển hiện bởi nguyện lực của A Di Đà Phật. Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư giải thích điều này rất khéo: Chủ yếu nhất là Di Đà nguyện lực, kể đến là công lực niệm Phật của chúng ta, tức là sức mạnh của tịnh nghiệp. Di Đà nguyện lực giống như ngọn

⁶⁶ Chỉ quang ở đây có hai cách hiểu:

1. Đơn vị đo cường độ dòng điện cần thiết để bóng đèn cháy sáng, tức là Watt (còn phiên âm là Ngõa Đắc nhằm tránh nhầm lẫn với khái niệm thứ hai).
2. Đơn vị đo cường độ ánh sáng, còn gọi là “chúc quang” (dịch chữ Candela). Đây là đơn vị đo lường quốc tế nhằm đo đặc lượng ánh sáng tỏa ra từ một nguồn sáng theo một hướng nhất định. Đôi khi, nó còn được gọi thông dụng là candle (do vậy, thuở xưa, người Việt thường nói là “đèn sáng mấy nến”).

đèn sáng một vọn nến, tịnh nghiệp của chúng ta giống như ngọn đèn một nến, đến nơi đó bèn có thể dung hợp. Nhờ vào nguyên lực của A Di Đà Phật, quang minh ngọn đèn một nến của chúng ta cũng lớn phổng lên, chẳng khác quang minh của A Di Đà Phật cho mấy, đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Quý vị hãy suy nghĩ thí dụ này của tôi, hãy quan sát, dần dần quý vị sẽ lãnh hội được. Đó chính là điều chẳng thể tìm thấy trong các thể giới của mười phương chư Phật.

Chúng ta “*tín Phật lực, phương năng thâm tín danh hiệu công đức*” (tin vào Phật lực mới có thể tin tưởng sâu xa công đức của danh hiệu). Công đức của danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn! Đối với mỗi câu trong đoạn này, chúng ta phải đặc biệt chú ý đến chữ “*thâm tín*” (tin tưởng sâu xa), một mảy hoài nghi cũng chẳng có, tin tưởng sâu xa đây nhé! Danh hiệu có công đức thù thắng. Trong những năm qua, chúng tôi giảng kinh luận Tịnh Độ, đã trình bày cùng mọi người rất nhiều lần. Qua việc so sánh nhiều tầng, chúng ta sẽ hiểu được công đức của danh hiệu, vì mỗi khi nói danh hiệu công đức thù thắng khôn sánh, chúng tôi thường nghe nói: “Thù thắng ở chỗ nào? Thù thắng bằng cách nào?” Chẳng thể đoạn mỗi nghi hoặc ấy, sẽ không đạt được lợi ích nơi công đức của danh hiệu.

Tôi đã từng trình bày cùng mọi người nhiều lần: Trong thời đại Tùy - Đường, có không ít cao tăng đại đức nghiên cứu hết thấy các kinh do đức Phật đã nói trong suốt bốn mươi chín năm, [muốn tìm ra] bộ nào đại biểu cho toàn bộ những lời dạy trong bốn mươi chín năm của đức Thế Tôn. Tìm được bộ kinh nào có thể đại biểu cho toàn bộ giáo pháp thì cũng chính là khẳng định kinh ấy là bậc nhất trong hết thấy các kinh; [kinh ấy] sẽ là một hội thù thắng khôn sánh trong bốn mươi chín năm thuyết pháp của đức Thế Tôn. Tổ sư đại đức các tông phái đều đồng ý, đều thừa nhận Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là kinh bậc nhất do đức Phật nói ra. Bởi thế, kinh Hoa Nghiêm được gọi là “*căn bản pháp luân*”. Lúc tôi vừa mới tiếp xúc Phật giáo sơ sai, tiên sinh Phương Đông Mỹ đã giới thiệu kinh Hoa Nghiêm là khái luận Phật giáo, các kinh điển khác đều là những phần đặc biệt thuyết minh tường tận một bộ phận nào đó của kinh Hoa Nghiêm, còn kinh Hoa Nghiêm giảng về toàn thể. Thuyết này của tiên sinh Phương Đông Mỹ rất dễ hiểu! Phật pháp khái luận, đúng là như vậy!

So sánh hai bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh và Vô Lượng Thọ Kinh, các tổ sư đại đức cũng đều thừa nhận kinh Vô Lượng Thọ là bậc nhất. Hoa Nghiêm đã là đệ nhất, sao Vô Lượng Thọ Kinh lại

là đệ nhất? Giải thích cách nào đây? Kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng là “mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc”, kinh Vô Lượng Thọ chính là Cực Lạc; còn kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng quy vào Cực Lạc. Bởi thế, so với Hoa Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ là bậc nhất! Cổ đức nói đến đây thôi.

Trên cơ sở này, chúng ta lại tiến thêm một bước nữa. Nay đối với kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta chọn bản hội tập của cụ Hạ Liên Cư. Trong bản hội tập, cụ chia toàn bộ kinh văn thành bốn mươi tám phẩm, chúng ta phải hỏi phẩm nào là bậc nhất trong bốn mươi tám phẩm đó? Chúng ta phải tìm cho ra phẩm bậc nhất. Các tổ sư đại đức cũng đều nói, phần tinh vi đẹp đẽ nhất, không gì sánh bằng của kinh Vô Lượng Thọ chính là bốn mươi tám nguyện; tức là phẩm thứ sáu của kinh Vô Lượng Thọ, phẩm thứ sáu là bậc nhất. Phẩm kinh ấy do chính đức A Di Đà Phật nói ra, Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ thuật lại cho chúng ta biết mà thôi. Thuật lại, không thêm, không bớt, nghĩa là A Di Đà Phật nói làm sao, Thích Ca Mâu Ni Phật cũng kể lại như vậy, kể lại cho chúng ta nghe bốn mươi tám nguyện do A Di Đà Phật đã phát thệ. Phẩm này là phẩm bậc nhất của toàn bộ cuốn kinh. Nói thật ra, bốn mươi tám nguyện giống như hiến pháp của một quốc gia, chúng chính là hiến pháp của thế giới Cực Lạc.

Bốn mươi tám nguyện tức bốn mươi tám điều, điều nào là bậc nhất? Lại tìm tòi! Đây cũng chính là ý kiến của các tổ sư đại đức, nguyện thứ mười tám là bậc nhất. Nguyện thứ mười tám nói những gì? Mười niệm ắt sanh! Điều này nói lên danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn! Nguyện thứ mười tám nói về danh hiệu: “*Lâm mạng chung thời, nhất niệm, thập niệm, tất sanh Tịnh Độ*” (Lúc lâm chung, từ một niệm đến mười niệm ắt sanh về Tịnh Độ). Do đây biết rằng: Chấp trì danh hiệu là trung tâm của bốn mươi tám nguyện này; bốn mươi tám nguyện chỉ nhằm giải thích công đức của danh hiệu. Kinh Vô Lượng Thọ giải thích bốn mươi tám nguyện, kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm nhằm giải thích kinh Vô Lượng Thọ. Cả một Đại Tạng Giáo, giáo pháp của Đại Tạng Kinh chính là hết thảy các pháp do đức Thế Tôn đã nói trong suốt bốn mươi chín năm chỉ nhằm giải thích kinh Hoa Nghiêm đó thôi!

Có quan sát như vật quý vị mới hiểu danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn! Bởi thế, Thiện Đạo đại sư nói: “*Sở dĩ đức Như Lai xuất hiện trong thế gian, chỉ nhằm để nói biến bốn nguyện của A Di Đà Phật*”. Lời nói này chẳng nhằm nói riêng về Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài không nói “sở

dĩ Phật Thích Ca xuất hiện trong thế gian” mà nói là “*sở dĩ Như Lai...*”. Nói “*Như Lai*” nhằm chỉ chung mười phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai ứng hóa trong chín pháp giới của vô lượng vô biên cõi Phật, chỉ nhằm một chuyện, nhằm vào một đại sự nhân duyên: Giới thiệu Tịnh Độ của A Di Đà Phật với hết thầy chúng sanh, chỉ để như vậy mà thôi! Thật tuyệt diệu! Bởi vậy, chúng ta tin vào Di Đà nguyện lực thì mới có thể tin sâu xa công đức chẳng thể nghĩ bàn của danh hiệu!

Nhất tâm trì danh ắt sanh về Tịnh Độ. Hãy nhớ kỹ trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường dạy chúng ta: “*Nhất thiết pháp tùng tâm tưởng sanh*” (Hết thầy pháp sanh từ tâm tưởng), kể cả trong cuộc sống thường ngày của chúng ta, tâm tưởng là chủ tể. Tâm của quý vị chẳng lành thì thân thể và hoàn cảnh chung quanh cũng trở thành chẳng tốt đẹp. Thân và tâm phải tốt lành! Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, đức Phật dạy chúng ta: “*Thường niệm thiện pháp, tâm thiện; tư duy thiện pháp, ý thiện; quán sát thiện pháp, hạnh thiện*” (thường nghĩ đến thiện pháp là tâm thiện; tư duy thiện pháp là ý thiện; quán sát thiện pháp là hạnh thiện). Thuần thiện, chẳng để mảy may bất thiện xen tạp thì chính là hạng người nào? Chính là Phật, là Như Lai. Chúng ta muốn làm Phật, muốn làm Như Lai thì không có gì khác cả, phải thuần tịnh, thuần thiện, nhất định chẳng để nhiễm ô mảy may, đó chính là điều tự mình có thể làm được. Người khác gây nhiễm ô cho chúng ta! Nếu chúng ta tiếp nhận mình thì mới bị nhiễm ô; không tiếp nhận sẽ chẳng thể nhiễm ô. Bởi thế, tự mình phải biết giữ gìn sự thanh tịnh và thuần thiện của chính mình, điều đó rất trọng yếu. Vì sao không làm?

Trong quá khứ không biết thì còn tha thứ được, nay chúng ta đã tiếp xúc Phật pháp nhiều năm ngàn ấy, đã biết rồi. Biết rồi mà quý vị không làm, sai trái là do chính mình! Không thể sốt sắng làm thì nói chung là có nguyên nhân, nguyên nhân gì vậy? Quý vị chẳng hiểu biết triệt để, chẳng biết rõ ràng. Vì thế, biết một phần, hiểu một nửa, bán tín, bán nghi, tạo thành chướng ngại, cho nên chẳng thể làm được! Nếu quý vị thực sự biết thì lẽ đâu chẳng thể làm được! Lẽ đâu chẳng vui thích làm! Không hề có, trong thế gian tìm đâu ra một con người như vậy? [Hiểu biết triệt để] sẽ có lợi ích vô lượng vô biên cho chính mình, chúng ta quả thật phải khéo suy nghĩ cặn kẽ!

Trong đây lại có chân lý, chân lý gì vậy? “*Tín trì danh, phương năng thâm tín ngô nhân tâm tánh, bốn bất khả tư nghị dã*” (Tin vào trì danh thì mới có thể tin tưởng sâu ra rằng tâm tánh của chúng ta vốn chẳng thể nghĩ bàn). Câu này là chân lý đấy! Tâm tánh của chúng ta

chẳng thể nghĩ bàn, kinh Hoa Nghiêm dạy: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, tâm tánh chẳng thể nghĩ bàn! Hư không do đâu mà có? Thế giới từ đâu mà có? Vô lượng vô biên cõi nước từ đâu mà có? Mọi loài chúng sanh từ đâu mà có? Do tâm hiện, thức biến! Tâm thuần tịnh thuần thiện, ngay cả thiện lẫn tịnh cũng chẳng có dấu vết, chẳng để lại dấu vết vì thuần mà! Trong Thức có thiện niệm, có ác niệm. Quý vị thấy trong kinh luận của Pháp Tướng Duy Thức tông, đức Phật nói trong Tâm Sở có Thiện Tâm Sở và Ác Tâm Sở.

Tâm Sở vô lượng vô biên, đức Phật quy nạp thành năm mươi một loại. Trong đó, Thiện Tâm Sở gồm mười một loại, Tâm Sở bất thiện là phiền não gồm hai mươi sáu loại. Nay chúng ta phải làm sao dẹp hai mươi sáu Tâm Sở bất thiện qua một bên, không đếm xỉa đến chúng nữa, phải làm cho mười một Tâm Sở thiện được nảy nở, rạng rỡ. Nhất định phải vui lấp, phải vượt qua hai mươi sáu Tâm Sở bất thiện thì chúng ta mới hòng thành công. Tâm tánh vốn chẳng thể nghĩ bàn, nhưng vấn đề là gì? Là giác, không giác thì mê, mê là phàm phu, giác là Phật, Bồ Tát. Phàm phu và Phật, Bồ Tát không hai, không khác, chỗ sai khác chính là giác hay mê khác nhau. Giác ngộ thì phàm phu thành Phật, chẳng giác ngộ bèn là mê hoặc, sẽ thành phàm phu, chuyện là như vậy đó. Lại xem tiếp đoạn sau:

“*Cụ thử thâm tín, phương năng phát ư đại nguyện, kinh trung ‘ưng đương’ nhị tự, tức chỉ thâm tín*” (Có đầy đủ lòng tin sâu xa ấy thì mới có thể phát đại nguyện, hai chữ “*ưng đương*” (phải nên) trong kinh chỉ lòng tin sâu xa ấy). Trong kinh, đức Phật khuyên dạy chúng ta: “*Ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc*” (phải nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi nước kia), sách Yếu Giải nhắc đến hai chữ “*ưng đương*” này. Vì thế, chúng ta hiểu rõ tuy chưa thể nói là triệt để, nhưng cũng là hiểu rõ khá khá. Cõi Phàm Thánh Đồng Cư Độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới do đại nguyện và Chủng Trí của A Di Đà Phật hiện thành, do tịnh nghiệp niệm Phật của chúng ta cảm vời, cảm ứng đạo giao! Do tâm tánh của chính mình hiện, tức là “*duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà*”, hết thấy pháp chẳng tách rời tự tánh, [tự tánh] chính là tâm tánh của chính mình. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới cũng do tâm tánh của chính mình biến hiện, do nghiệp nhơ (nhiễm nghiệp) cảm thành. Tây Phương Cực Lạc thế giới do tịnh nghiệp cảm thành, do tịnh nghiệp “đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức với A Di Đà Phật” mà cảm thành. Nếu chúng ta chẳng dốc công phu vào ngay chỗ này thì là trật rồi! Bởi thế, hai chữ “*ưng đương*” trong kinh chính là nói

về lòng tin sâu đậm.

“*Thâm tín phát nguyện, tức Vô Thượng Bồ Đề*” (tin sâu phát nguyện chính là Vô Thượng Bồ Đề). Từ trước đến nay chưa có ai giảng như vậy. Chúng ta thấy rất nhiều người niệm Phật thực sự vãng sanh, nhưng họ là hạng người như thế nào? Không biết chữ, về căn bản chẳng hiểu kinh giáo chi hết, họ biết niệm kinh A Di Đà, nhưng kinh A Di Đà có ý nghĩa ra sao, họ hoàn toàn không biết, chỉ biết niệm A Di Đà Phật, vẫn nghiêm nhiên vãng sanh. Vãng sanh thực sự có tướng lành, đứng mất, biết trước lúc đi, lúc nào A Di Đà Phật sẽ đến đón mình; hoặc ngồi mất, người ấy không biết chữ! Vì thế, chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ thấy nói muốn vãng sanh ắt phải có đủ điều kiện là “*phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm*”, chúng ta biết: Đối với người ấy, một dạ chuyên niệm không có vấn đề gì, chúng ta có thể khẳng định điều này, nhưng người ấy chưa từng phát Bồ Đề tâm! Người ấy không phát Bồ Đề tâm, vì sao vẫn có thể vãng sanh? Tôi ôm nghi vấn ấy cả mười mấy năm, cứ nghi mãi. Về căn bản, bà lão niệm Phật vãng sanh kia chẳng biết Bồ Đề tâm là gì cả!

Khởi Tín Luận nói đến trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm; kinh Quán Vô Lượng Thọ nói đến chí thành tâm, thâm tâm, và hồi hướng phát nguyện tâm, bà cụ làm sao hiểu được những thứ đó, nhưng sao vẫn vãng sanh? Lúc đọc Yếu Giải, đọc đến đây tôi mới hiểu rõ. Một câu nói này của Ngẫu Ích đại sư trọng yếu hơn tất cả, nó đã ban cho chúng ta lời giải đáp. “*Thâm tín phát nguyện, tức Vô Thượng Bồ Đề*”. Về căn bản, người ấy không hiểu Vô Thượng Bồ Đề là gì, nhưng tin rất sâu, phát nguyện, không hoài nghi chút nào, đó chính là tâm Vô Thượng Bồ Đề. Khi ấy, đọc tới câu này, tôi suy nghĩ mãi, càng nghĩ càng có lý, Ngẫu Ích đại sư giảng không sai lầm!

Bởi thế, những người ấy là Hạ Hạ Căn, chúng ta thường gọi là kẻ ngu, không có trí huệ, là người ngu, ngu ngốc nhất, chính là như cổ nhân thường nói “*ngu bất khả cập*” (ngu không ai bằng), nhưng chúng ta thua xa họ. Họ cái gì cũng không biết, nhưng quý vị dạy họ, họ bèn tin, tin chân thành, tin tưởng thực sự, chẳng hoài nghi; dạy họ cầu sanh Tịnh Độ họ bèn thực sự phát nguyện, họ nghiêm nhiên buông thế gian này xuống, chẳng có mảy mảy lưu luyến nào! Kết quả: Niệm Phật dăm ba năm bèn thành công. Thọ mạng vẫn còn, nhưng họ không cần đến nữa, bèn vãng sanh. Bởi thế, đến đây chúng ta mới thực sự hiểu rõ: “*Tin sâu, phát nguyện*” chính là tâm Vô Thượng Bồ Đề. Quý vị thấy họ đáp ứng tiêu chuẩn “*tin sâu, phát nguyện, một dạ chuyên niệm*”. Bản thân chúng ta

vẫn hiểu lơ mơ, vẫn ngờ vực, lo âu trùng trùng, công phu không đắc lực. Những ông già bà cả kia chuyện gì cũng không hiểu, nhưng công phu đắc lực, nay ta gọi là “tập trung tinh thần, tập trung ý chí”, nên có sức mạnh to lớn! Tập trung vào đâu? Tập trung nơi thế giới Cực Lạc, tập trung nơi A Di Đà Phật, phát sanh năng lượng to lớn, cảm ứng đạo giao cùng A Di Đà Phật!

Mấy hôm trước, pháp sư Ngô Bình hạ tải (download) từ Internet xuống một vài văn kiện. [Theo những văn kiện đó], đại khái ở Đài Loan có bốn, năm trường Tiểu Học, thầy hướng dẫn học trò làm thí nghiệm: Dùng thiện ý, bất thiện ý và thái độ không thèm quan tâm để thử tác động lên thực vật và một số vật; dùng ba thứ đề mục đó để trải nghiệm thực vật, trải nghiệm hiệu quả đạt được. Thầy trò hết sức kinh ngạc [trước kết quả thu được]. Ông Giang Bồn Thắng của Nhật Bản làm thí nghiệm với nước, còn trong bản báo cáo này, tại Đài Loan họ dùng hoa lan, ba giò hoa lan. Đại khái hình dạng lớn nhỏ không khác nhau chi mấy, chọn mỗi giò hoa xong, treo bên cửa để học sinh mỗi ngày ba lượt, chia thành mấy tổ: một tổ thiện ý, một tổ ác ý, một tổ chẳng thèm quan tâm, tức là mặc kệ không để ý đến.

Thiện ý là nói với hoa: “Hoa đẹp lắm, tôi rất thích hoa”, khen ngợi nó một ngày ba lần; bảo những học trò tham gia tổ ấy mỗi ngày ba lần bày tỏ thiện ý với hoa. Tổ bất thiện ý thì nói: “Tao chán ghét mày quá, tao không thích mày! Mày xấu xí quá đi!”, nói như vậy đấy. Độ mấy ngày sau, hoa được đối đãi bằng thiện ý chẳng thay đổi, rất thơm. Hoa bị đối xử ác ý dần dần héo rụi, không còn mùi thơm nữa. Còn hoa không được quan tâm đến thì bắt đầu tàn tạ, mục nát ra. Hoa thực sự có thể nghe, có thể tiếp nhận ý tưởng của con người. Họ thí nghiệm với “mạn đầu”⁶⁷, cũng dùng phương pháp trên đối với ba cái mạn đầu nhỏ. Kết quả là cái mạn đầu được đối xử bằng thiện ý, hai tuần lễ vẫn không bị biến đổi; thật đấy! Tợ hồ thiện ý là một loại thuốc chống mục nát vậy. Đối xử bằng ác ý thì mạn đầu bị biến hóa, mùi vị rất khó ngửi. Cái mạn đầu không được quan tâm đến cũng dần dần bị biến hoại.

Bọn họ dùng chuối, táo, dùng rất nhiều thứ khác. Lại còn dùng giá đậu, đậu xanh đã được ủ cho nẩy mầm thành giá. Dùng thiện ý đối xử, mầm giá mọc rất khỏe. Đối xử bằng ác ý, giá mọc rất chậm. Nếu không quan tâm đến, nó bèn chết khô. Họ nhận ra các loài thực vật, ngay cả

⁶⁷ Tức “mần thầu”, một loại bánh bao không nhân. Vùng Hoa Bắc thường dùng để ăn thay cơm.

bánh mạn đầu cũng hiểu được ý nghĩa của con người, đều có thể tiếp nhận hết. Trên thực tế, trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã giảng: Bất luận loại vật chất nào cũng đều có linh tri. Thiền sư Trung Phong gọi cái tâm này là “*linh tri tâm*”. Linh tri tâm chính là bản thể của hết thảy vạn sự vạn vật, Thể là linh tri.

Vì thế, mỗi tế bào trên thân thể chúng ta, mỗi một sợi lông đều có thể thấy, nghe, cảm nhận, hay biết, đừng tưởng chúng vô tri. Những bậc chân nhân thổ dân Úc Châu hiểu được điều này; bởi vậy, lúc họ trị bệnh, về căn bản là chẳng dùng đến thuốc men. Họ cho rằng khi mình bị thương ở chỗ nào thì trò chuyện cùng với những tế bào chung quanh vết thương, dùng thiện ý an ủi chúng, dần dần chúng sẽ khôi phục bình thường, tự nhiên khôi phục bình thường. Lúc bị thương chúng bị chấn động, kinh sợ, kinh hoảng nên trật tự bị rối loạn, không bình thường, nên chúng ta thấy chúng bị tổn thương. Nếu làm cho mỗi tế bào khôi phục bình thường thì chúng hết khủng hoảng, sẽ trở lại bình thường, rất hợp lý! Chẳng cần dùng đến thuốc men! Trên thân quý vị, chỗ nào bị đau nhức, chẳng thoải mái, chỗ đó nhất định phát sanh vấn đề, chúng ta phải mau điều hòa, giải trừ, an ủi nó, khiến cho nó được khôi phục bình thường thì quý vị sẽ hết bị đau nhức.

Mọi người cảm thấy [nói như vậy] quá thần kỳ, chứ trong Phật pháp, đạo lý này được giảng rất thấu triệt: Nhỏ là một thân, lớn là toàn thể vũ trụ, vũ trụ phải hài hòa. Vì thế, yêu thương và cảm ơn, cảm tạ chính là vũ trụ hài hòa. Hài hòa là nhân tố chẳng thể khuyết thiếu của sanh mạng vũ trụ. Sở dĩ Phật có thể thành Phật, sở dĩ Pháp Thân Bồ Tát có thể thành Pháp Thân Bồ Tát, không có chi khác cả, tôi thường nói: “*Chân thành trọn khắp hư không pháp giới, thanh tịnh, bình đẳng trọn khắp hư không pháp giới, chánh giác từ bi trọn khắp hư không pháp giới*”. Nói cách khác, tâm thương yêu trọn khắp hư không pháp giới, lòng cảm ơn trọn khắp hư không pháp giới. Ta gọi những vị như vậy là chư Phật Như Lai, là Pháp Thân Bồ Tát. Đáng thương hại thay! Tâm lượng chúng ta quá nhỏ nhen!

Nay từ những thí nghiệm ấy, chúng ta biết được tình hình trên, kinh Lăng Nghiêm đã từng giảng tình hình ấy như sau: “*Chư pháp sở sanh, duy tâm sở hiện, nhất thiết nhân quả, thế giới, vi trần, nhân tâm thành Thể*” (Các pháp được sanh ra chỉ là do tâm hiện. Hết thảy nhân quả, thế giới, vi trần do tâm mà thành Thể). Tâm là linh tri, tâm là kiến văn giác tri. Bởi thế, mỗi một vật thể, dù nhỏ tí như vi trần cũng đều có thể thấy, có thể nghe; ta có thể nói là chúng có thể thấy, có thể nghe, có

thể hay, có thể biết. Nhà khoa học Giang Bồn Thắng dùng phương pháp khoa học để quan sát nước kết tinh bằng kính hiển vi, là một khởi đầu tốt đẹp hòng làm cho mọi người trong hiện tại nhận biết, dần dần qua thí nghiệm, [chứng thực] hết thấy vạn vật quả thật đều có thể nghe và thấy, đều có thể tiếp nhận năng lượng và tín hiệu từ con người. Chúng ta có thiện ý, chúng sẽ hồi đáp hết sức tốt đẹp.

Chúng ta muốn thân thể của chính mình mạnh khỏe thì phải dùng thiện ý đối với mỗi một khí quan và mỗi một tế bào trên toàn thân. Thân chúng ta giống như một quốc gia, ý niệm của ta giống như ông Tổng Thống. Mỗi một tế bào giống như nhân dân trong nước. Quý vị phải dùng thiện ý đối xử với họ thì quốc gia mới cường thịnh, đạo lý là như vậy đây! Dùng thiện ý để đối xử với mỗi một khí quan hay mỗi một tế bào trên thân chúng ta thì thân thể mạnh khỏe, cường tráng. Nếu hoài nghi một khí quan nào đó nơi thân: ‘Bao tử mình không tốt, chỗ này chỗ nọ không khỏe!’ Ái chà! Quý vị khởi ý niệm bất thiện đối với chúng, chúng bèn yếu đi. Quý vị có hiểu đạo lý này chăng? Đạo lý này đã được đức Phật đã giảng trong các kinh Đại Thừa, hy vọng các nhà khoa học sẽ dần dần thí nghiệm để khẳng định, chúng tôi tin rằng [những thí nghiệm ấy] không khó đâu, chúng ta đều có thể chứng thực được.

Hiểu được đạo lý này, nếu quý vị muốn cầu thế giới hòa bình thì không có gì khác cả: Dùng thiện ý đối đãi hết thấy tất cả chúng sanh trên thế giới! Chẳng những đối với mọi người trên toàn thế giới, mà đối với hết thấy động vật, hết thấy thực vật, hết thấy khoáng vật, sơn hà đại địa trên toàn thế giới đều đối đãi bằng cái tâm thuần thiện, thuần tịnh thì thế giới này sẽ an định, hòa bình, hưng vượng, có thể chuyển thế giới Sa Bà thành thế giới Cực Lạc. “Sự thành do người”, người nào vậy? Phải là người giác ngộ mới được! Quyết định chẳng có tâm toan tính riêng tư thì hết thấy sẽ hóa thành rộng lớn, không có tư tâm, không có dục vọng. Nay chúng ta hiểu được mỗi một khí quan trên toàn thân là do các tế bào hợp thành; cái thân này của chúng ta là một tiểu thế giới, bên ngoài là đại thế giới. Tiểu thế giới và đại thế giới là một, không hai. Đây là Phật pháp, là pháp giác ngộ chân chánh. Đoạn tiếp theo nói:

“Hợp thử tín nguyện tức vi Tịnh Độ chỉ nam, do thử chấp trì danh hiệu, nãi vi Chánh Hạnh” (Tín và nguyện này hợp lại chính là kim chỉ nam của Tịnh Độ, do đây mà chấp trì danh hiệu thì đây là chánh hạnh). Bởi vậy, Ấn Quang đại sư dạy chúng ta trong thời đại hiện tại, chẳng cần phải cất đạo tràng to, mà lập đạo tràng nhỏ, số người cùng tu chẳng được quá hai mươi người, nhất tâm trì danh niệm Phật, cầu sanh về Tịnh Độ,

ai nấy đều thành tựu. Không hóa duyên, không làm pháp hội, chẳng làm kinh sám Phật sự, cũng chẳng truyền giới, cũng chẳng thọ đệ tử, niệm Phật tu hành tốt đẹp; ngay cả kinh cũng không giảng. Tôi thêm giảng kinh vào. Vì sao thêm giảng kinh vào? Là vì nếu quý vị không hiểu đạo lý này, sẽ có nghi hoặc, tin sâu, phát nguyện rất khó. Chúng ta không phải là kẻ hạ ngu; kẻ hạ ngu thì được, họ lợi hại hơn chúng ta nhiều lắm!

Chúng ta lại chẳng phải là thượng trí, vừa không phải là hạ ngu, lơ lửng ở giữa, trên không thấu, dưới không đến, nghi vấn đặc biệt nhiều. Nếu quý vị chẳng chú trọng nhờ vào kinh giáo để đoạn nghi sanh tín thì “*tin sâu, phát nguyện*” sẽ không có, công phu chẳng đắc lực. Nay chúng tôi giảng những kinh giáo cũng chẳng có gì khác, hoàn toàn quy về Cực Lạc! Giảng kinh Hoa Nghiêm cũng chẳng ra ngoài lệ ấy, nhất định phải giảng đại đạo lý chân tướng của nhân sinh và vũ trụ cho rõ ràng, cho minh bạch thì chúng ta mới đoạn trừ nghi hoặc được, chết sạch lòng so đo, mong ngóng, khiêm hư sát đất tin sâu, phát nguyện. Như vậy thì mới tương ứng với một câu Phật hiệu, một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật. Vì thế, đây là Chánh Hạnh.

Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn cuối cùng: “*Nhược tín nguyện kiên cố, lâm chung thập niệm, nhất niệm, diệt quyết đắc sanh*” (Nếu tín nguyện kiên cố, lâm chung mười niệm hay một niệm cũng quyết định được vãng sanh). Trước hết, chúng tôi nói một câu: Từ xưa, tổ sư đại đức công nhận nguyện thứ mười tám là thù thắng nhất, là lời răn dạy thù thắng khôn sánh; nhưng điều kiện là “*tín nguyện kiên cố*”: Tín tâm quyết định không nghi hoặc, “*nguyện sanh*” (nguyện được vãng sanh) là nguyện vọng, suốt một đời này chỉ có một nguyện vọng này; trừ nguyện vọng này ra, không có nguyện vọng nào khác cả! Đơn thuần như vậy, kiên định như vậy, lâm chung niệm mười câu Phật hiệu, hoặc niệm một câu Phật hiệu, quyết định được vãng sanh. Chữ “*quyết*” này hết sức trọng yếu, khẳng định! Một chút nghi hoặc cũng không có, sẽ quyết định được vãng sanh.

Nhưng ở đây, quý vị phải hiểu: Thật ra, không phải ngẫu nhiên đâu nhé! Ngàn vạn phần chẳng được nghĩ vì đoạn kinh văn này được tổ sư đại đức coi trọng, tán thán dường ấy, chúng ta bèn nảy sanh lòng cầu

may: “Nay mình không niệm Phật, chẳng tu hành cũng không sao! Đến lúc lâm chung một niệm hay mười niệm đều có thể vãng sanh”. Hễ có tâm lý cầu may như thế thì là hoàn toàn thất bại rồi. Ở phần trên tôi đã thừa cùng quý vị rồi đó, phải thường xuyên ghi nhớ, chớ quên: Lâm chung mười niệm hay một niệm vãng sanh thì nhất định phải hội đủ ba điều kiện. Lúc lâm chung quý vị có thể hội đủ ba điều kiện ấy hay chẳng?

1) Điều thứ nhất, lúc lâm chung thần trí phải sáng suốt, không mê hoặc tí xíu nào. Đó là điều kiện đầu tiên. Cả đời người chẳng thể không tu phước, chớ nên tạo tội nghiệp. Người Hoa nói có năm thứ phước báo, “*ngũ phước lâm môn*”, trong năm thứ phước ấy, quan trọng nhất là phước sau cùng. Phước sau cùng là phước gì vậy? Chết tốt lành! Lúc chết tỉnh táo, sáng suốt, chẳng mê hoặc, chẳng điên đảo, đây là phước báo lớn nhất, là phước báo chân thật nhất. Vì sao? Nó ảnh hưởng đến đời sau của quý vị. Nếu lúc ấy, gặp được người niệm Phật dạy quý vị niệm Phật, quý vị thành Phật rồi! Trong năm phước, bốn thứ phước đầu không thật, chỉ là sự hưởng thụ trong một đời này, trong nhà Phật gọi [những phước ấy] là “hoa báo”, phước cuối cùng (chết tốt lành) là quả báo. Một đời hành thiện tích đức, dùng thiện tâm, thiện sự đối đãi hết thấy người, sự, vật, đối đãi thiên địa quỷ thần; lúc lâm chung sáng suốt, minh bạch, tâm không điên đảo, không tán loạn, lúc ấy niệm một niệm hay mười niệm mới có thể vãng sanh. Bởi thế, lúc ấy phải có người cảnh tỉnh quý vị, sợ quý vị quên mất. Như vậy, điều kiện thứ nhất là thần trí sáng suốt, đó là điều kiện đầu tiên.

2) Điều kiện thứ hai là có người cảnh tỉnh quý vị.

3) Điều kiện thứ ba là quý vị có thể tiếp nhận. Người ta cảnh tỉnh bèn lập tức tiếp nhận, liền quyết tâm, tín nguyện lập tức kiên định, cầu sanh về Tịnh Độ chắc chắn được vãng sanh.

Quý vị hãy nghĩ xem lúc lâm chung mình có thể hội đủ ba điều kiện này hay chẳng? Quan trọng nhất là điều kiện đầu tiên, quý vị phải có phước báo. Chúng tôi thấy rất nhiều thân thích bằng hữu, lúc họ sắp mất, chúng tôi đến đưa đi, có người khi bệnh chuyển nặng, không còn biết gì hết, chẳng nhận biết được ai, vậy là hồng bát! Đáng sợ lắm! Lúc lâm chung chẳng biết gì hết, mê hoặc, điên đảo, sẽ lưu chuyển theo nghiệp, đáng sợ nhất là chuyện đó! Đoạn ác, tu thiện, tích lũy công đức để làm gì? Để cầu lúc lâm chung ra đi sáng suốt rõ ràng, minh bạch, rành rẽ. Không học Phật, không biết vãng sanh Cực Lạc thế giới thì cũng quyết định sanh vào đường lành. Quý vị hãy nghĩ xem: Con người sáng

suốt, minh bạch rành rẽ ấy có thành nga quỷ, có thành súc sanh được chăng? Chẳng thể nào! Phàm những kẻ đọa vào ba ác đạo đều chết một cách mê muội, hồ đồ! Trong tam ác đạo có quỷ thần dẫn dụ, mê hoặc, quý vị không biết đó là sai trái, thấy rất hợp ý mình, lôi kéo tham - sân - si - mạn, dẫn khởi phiền não tập khí của chính mình, đọa lạc liền! Hết sức đáng sợ!

Bởi thế con người phải tu phước, biết tu phước, biết làm lành, chúng ta đều nhìn từ duyên, nhìn từ bên ngoài, không dễ gì làm được! Xin giảng sâu thêm một tầng nữa: Người thập niệm vãng sanh trong quá khứ đã tu tập, tích lũy thiện căn sâu dày, đó là cái nhân chân thật! Thiện căn tu tập, tích lũy trong bao kiếp, nhưng trong một đời này không gặp được thiện duyên, không gặp được Phật pháp. Nếu người ấy sớm gặp được Phật pháp thì thiện căn trong A Lại Da Thức đã sớm dẫn khởi, phát khởi tác dụng, người ấy nhất định là một người tu hành rất tốt đẹp, hay là một vị thiện tri thức rất tốt. Trong đời này không có duyên, không có duyên tiếp xúc với Phật giáo, không có duyên dẫn phát thiện căn. Trong một sát-na lúc sắp mạng chung, trong thời gian ngắn ngủi ấy, gặp được thiện tri thức vừa cảnh tỉnh, vừa chỉ dạy cho biết Tây Phương Cực Lạc thế giới tốt đẹp vừa khuyên lơn, kẻ ấy vừa nghe thì thiện căn trong A Lại Da Thức bèn phát hiện, lập tức tin tưởng, bèn có thể tiếp nhận, bèn có thể phát nguyện, niệm Phật theo mọi người.

Tại Washington DC chúng ta đã thấy ông Châu Quảng Đại là một trường hợp như vậy. Ba ngày trước khi ông ta vãng sanh, tận cho đến lúc vãng sanh, thần trí ông sáng suốt, không mê hoặc tí nào, chẳng có chút gì tán loạn, dẫn dắt mọi người trong nhà cùng niệm Phật giúp ông. Thân thích, bằng hữu đến thăm đều niệm A Di Đà Phật, vui sướng lắm! Tuy bệnh rất nặng, cõi lòng ông rất sung sướng, bởi lẽ, niệm Phật giảm thiểu bớt đau khổ, không đau đớn nữa, ông ta kêu mọi người đều niệm Phật giúp ông, niệm ba ngày rồi mất. Có tướng lành! Không biết là đồng học trong Tịnh tông Học Hội, hay là thân thuộc trong gia đình ông ta, thấy Phật đến tiếp dẫn, thấy tướng lành như sau: Thấy quang minh, ngửi thấy mùi thơm. Hình như có một người thấy Phật đứng trên nóc nhà, thấy như vậy đó! Tướng lành hy hữu sao!

Chúng ta không biết trong đời quá khứ mình có túc căn hay không, chính mình không biết, nhưng nếu chú tâm quán sát trên mặt dấu vết, chúng ta sẽ có thể thấy được. Nếu trong đời quá khứ thực sự có thiện căn thì trong đời này người ấy khá hiền lành; chúng ta thường gọi là “người có lương tâm”, chẳng hại người. Đó đều là hiện tượng chứng

tổ thiện căn sâu dày. Biết cảm thông với người khác, giúp đỡ những người khổ nạn là trong quá khứ từng có thiện căn! Có thể bỏ mình vì người, biết nghĩ đến đại cuộc, đó đều là hình tướng được biến hiện bởi thiện căn và trí huệ. Chúng ta lắng lòng quán sát sẽ biết ngay. Quan trọng nhất vẫn là chính mình phải nỗ lực tu hành, chú trọng tín nguyện kiên cố, tín - nguyện - giải - hạnh tương ứng với Phật. Lại xem tiếp đoạn dưới:

“Nhược vô tín nguyện, tưng tương danh hiệu, trì chí phong xuy bất nhập, vũ đả bất thập, như đồng tường thiết bích tương tự, diệc vô đắc sanh chi lý. Tu Tịnh nghiệp giả, bất khả bất tri dã” (Nếu không có tín nguyện thì dù có trì danh hiệu đến mức gió thổi không lọt, mưa tạt chẳng ướt, giống hết như tường đồng, vách sắt, cũng không lẽ nào được vãng sanh. Người tu Tịnh nghiệp chẳng thể không biết điều này). Chúng ta phải hiểu rõ đoạn này: Tín tâm nếu lúc có, lúc không, có lúc tợ hồ tin, có lúc lại hoài nghi, nguyện chẳng khẩn thiết. Nguyện chẳng khẩn thiết là vì lẽ nào? Không buông danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần của thế gian này xuống được! Tín nguyện kiên cố thì bất cứ sự gì trong thế gian cũng buông xuống được, chẳng phải đến lúc mạng chung mới buông xuống, mà buông ngay trong hiện tại. Chúng ta phải hiểu lý sự này, những việc trong hiện tại có cần phải làm hay không? Phải làm chứ! Trong thế gian này, tuy chúng ta hòa quang đồng trần cùng hết thảy chúng sanh, những việc gì nên làm chúng ta đều tích cực nỗ lực làm, nhưng trong tâm không vương mắc! Trong mười hai thời, một câu Phật hiệu trong tâm niệm niệm không quên.

Thực sự đầy đủ tín nguyện trì danh, cổ đức gọi phương pháp niệm Phật như vậy là *“bát hồi hướng pháp môn”*. Vì sao gọi là “bát hồi hướng?” Không dùng đến hồi hướng! Mục đích của một câu A Di Đà Phật đối với ta là để cầu sanh về Tịnh Độ, cho nên niệm niệm đều là hồi hướng, trì danh và hồi hướng hợp thành một. Chúng ta chẳng cầu bất cứ gì dù thế gian hay xuất thế gian, ta chỉ có một niềm cầu nguyện là cầu sanh về Tịnh Độ, thân cận Di Đà, nguyện vọng như vậy đó. Bởi thế, gọi là *“bát hồi hướng pháp môn”*.

Bậc thiện tri thức trong Niệm Phật Đường thường dạy chúng ta hồi hướng để làm gì? Để nhắc nhở quý vị, sợ quý vị quên mất, nhằm ý nghĩa này! Hồi hướng, phát nguyện không phải là nói với Phật mà là để thường tự nhắc nhở chính mình, phải biết chính mình niệm Phật để làm gì? Tu hành để làm gì? Ta đoạn ác tu thiện để làm gì? Ăn chay, niệm Phật để làm gì? Bồ thí, cúng dường để làm gì? Quyết định chẳng cầu

đanh văn, lợi dưỡng thể gian, quyết định chẳng cầu phước báo nhân thiên, chỉ cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thể giới, chỉ cầu sớm có ngày thấy được A Di Đà Phật. Bởi thế, pháp môn này gọi là “*bất hồi hướng pháp môn*”. Dành trọn thời gian niệm kệ hồi hướng để niệm Phật hiệu, tín - nguyện - giải - hạnh của ta (hạnh bao gồm cả hồi hướng) đều gộp trong một câu Phật hiệu. Đó gọi là thuần tịnh, thuần thiện. Tâm địa thanh tịnh, thân, tâm, thể giới, hết thấy đều buông xuống.

Vậy thì nếu tín nguyện có vấn đề, bán tín, bán nghi, có lúc muốn về Tây Phương Cực Lạc thể giới, có lúc không muốn đi, có tâm thái như vậy thì niệm Phật “*túng tương danh hiệu, trì chí phong xuy bất nhập, vũ đả bất thấp, như đồng tường thiết bích tương tự*” (Dẫu chấp trì danh hiệu đến mức gió thổi chẳng lọt, mưa tạt không ướt, giống hết như tường đồng vách sắt), mấy câu này hình dung: Dù quý vị niệm một câu Phật hiệu rất giỏi, cổ đại đức nói một ngày niệm mười vạn tiếng hay niệm hai mươi vạn tiếng, tâm - miệng chẳng tương ứng, cho nên rách toạc cổ họng cũng uống công. Vì sao? “*Diệc vô đắc sanh chi lý*” (cũng chẳng có lẽ nào được vãng sanh). Quý vị chẳng thể vãng sanh vì quý vị niệm Phật mà tâm và miệng chẳng tương ứng, tâm là gì? “Tâm” chỉ cho tín và nguyện. Quý vị không có tín, chẳng có nguyện. Tín chẳng chân thành, nguyện chẳng thiết tha thì niệm Phật chẳng thể vãng sanh. Niệm Phật như thế nào mới có thể vãng sanh? Niệm Phật thế nào sẽ chẳng thể vãng sanh? “*Tu Tịnh nghiệp giả, bất khả bất tri dã*” (Người tu Tịnh nghiệp chẳng thể không biết vậy). Chúng ta phải nghiêm túc suy nghĩ, nhất định phải loại trừ những nhân tố khiến cho mình chẳng được vãng sanh, phải sửa đổi, nhất định phải thực sự đáp ứng những điều kiện để được vãng sanh.

“*Đại Bản A Di Đà Kinh (Đại Bản A Di Đà Kinh tụng thị Vô Lượng Thọ Kinh), diệc dĩ phát Bồ Đề tâm vi yếu, chánh đồng thử kinh*” (Đại Bản A Di Đà Kinh (Đại Bản A Di Đà Kinh là kinh Vô Lượng Thọ) cũng lấy phát tâm Bồ Đề làm chủ, chính là giống với kinh này), lấy phát Bồ Đề tâm làm sự việc trọng yếu. Quý vị xem trong kinh Đại Bản A Di Đà hai phẩm Tam Bối Vãng Sanh (Ba Bực Vãng Sanh) và Chánh Nhân Vãng Sanh chuyên giảng về những điều kiện cần phải hội đủ để được vãng sanh. Chúng ta có đủ những điều ấy hay không? Nếu không có đủ, phải gấp tu đi; đã đủ rồi thì phải gìn giữ, vĩnh viễn chẳng để bị mất đi. Trong phẩm Tam Bối Vãng Sanh, trong mỗi đoạn đức Phật đều nói “*phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*” (phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm). Một phương hướng, một mục tiêu, quyết định chẳng được

tam tâm, nhị ý.

Có một lần đứng vào lúc bệnh dịch SARS lan tràn khắp thế giới, tôi nghe nói hình như ở Úc Châu có một bài phát biểu cho biết chúng cảm mạo viêm phổi này rất bình thường, nhưng làm cho mọi người hoảng loạn, là do hệ thống truyền thông gây ra. Nếu truyền thông không đăng tin, ai biết? Bởi thế, chuyện này vừa phát sanh, có người đến hỏi tôi, tôi nói chuyện này bình thường, năm nào cũng có. Trời vừa cuối Xuân sang Hạ, hoặc khi cuối Thu chớm Đông, nhằm lúc đổi mùa thì trúng gió cảm mạo, bệnh truyền nhiễm lây lan thường phát sanh trong những lúc ấy, năm nào cũng có. Từ xưa đến nay, trong lịch sử Trung Quốc, ngoại quốc đều ghi nhận, chúng ta thấy rất nhiều, là chuyện rất bình thường. Nay chúng ta học Phật hiểu được đạo lý sau: Tâm thiện, hạnh thiện, ý niệm thiện thì những bệnh khuẩn (bacteria), bệnh độc (virus) ấy ta đều hóa giải được hết.

Lúc đó, tôi cứ tưởng bệnh dịch ấy nhiều lắm chừng một tháng là hết, nếu dài lắm cũng chừng một tháng rưỡi mà thôi, nay nó kéo dài đã hơn ba tháng, là do con người tạo nên như vậy. Từ các thí nghiệm (những bản báo cáo thí nghiệm này do các đồng học hạ tải từ Internet), chúng ta biết là chính mỗi cá nhân chúng ta đã đem những tin tức bất thiện truyền báo cho các vi khuẩn biết, khiến chúng cũng bị truyền nhiễm những ý niệm bất thiện của chúng ta. Chúng ta muốn giết chết, muốn tiêu diệt nó. Lúc truyền cho chúng nó những ý niệm ấy, chúng bèn biến đổi, càng biến đổi càng độc địa hơn. Vì sao? Chúng cũng phải tự bảo vệ mình chứ! Có phải càng thêm phiền phức hay không? Giống như trên thế giới đang chạy đua vũ trang càng ngày càng nghiêm trọng hơn. Nếu chúng ta dùng thái độ rất ôn hòa, thái độ thiện ý để đối xử với chúng, quý vị thấy ở Trung Quốc từ xưa đến nay, đối với những loại virus hoặc những vi khuẩn có chất độc, người Trung Quốc nói “giải độc”, tức là hóa giải! Còn người Tây Dương nói sao? Tiêu độc! “Tiêu” là tiêu diệt, ý niệm khác hẳn nhau!

Bệnh truyền nhiễm này đã phát sanh, đối địch con người, nếu gây chiến với nó thì rắc rối nằm ở chỗ đối lập. Chuyện đối lập phiền phức nhất. Làm thế nào để hóa giải? Đối với đạo lý này, người học Phật chúng ta hiểu rõ lắm: Những bệnh khuẩn (bacteria) này cũng sanh từ tâm tưởng, cũng là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, làm sao có thể vượt ra ngoài tâm tánh cho được? Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến đều là tốt cả. Nói cách khác, nó cũng có quyền sanh tồn, nay chúng ta gọi là “nhân quyền”, vi khuẩn có “khuẩn quyền”, chúng ta phải hiểu điều ấy.

Chúng ta phải yêu thương, che chở chúng, chúng ta phải chăm sóc chúng, sanh mạng của chúng không dài! Chúng ta biết thời gian sanh tồn của vi khuẩn chẳng thể lâu hơn mười ngày, sao lại phải hận thù đến vậy? Bởi thế, muốn hóa giải thì phải dùng thiện ý để khen ngợi, chúng nó sẽ bị hóa giải, không tổn thương con người nữa. Điều này thật có lý! Quyết chẳng thể dùng ác ý, quyết chẳng thể đối địch cùng chúng nó.

Như vậy, từ cách đối xử với những vi khuẩn tí ti, chúng ta mở rộng ra đối với hết thầy người, hết thầy thế gian phải nhu hòa, nhẫn nhục như thế nào? Căn bản nhất vẫn là phải ngưng dứt tham, sân, si. Tham, sân, si được gọi là ba độc, điều này tôi đã nói từ lâu. Có người hỏi tôi: “Virus SARS từ đâu mà có?” Tôi bảo người ấy: “Từ ba độc mà có”. Những loài vi khuẩn ấy vốn không độc, vì sao trở thành độc? Là vì tham, sân, si của chúng ta truyền qua chúng, chúng cảm nhận cái độc nên biến thành độc. Chúng ta biến chúng thành độc, chúng lại truyền cái độc ấy cho chúng ta, hai bên cùng bị hại! Hiểu được đạo lý này rồi thì chúng ta hóa giải bằng cách nào? Phương pháp hóa giải thì trước hết là phải hóa giải tham - sân - si, cảnh giới bên ngoài không còn tham - sân - si nữa, ba độc cũng không còn nữa.

Nhưng con người hiện tại chẳng thể tiếp nhận đạo lý này, con người hiện thời tin vào khoa học, chẳng tin Phật học, tin vào những khoa học gia hiện thời, không tin tưởng cổ thánh tiên hiền. Do vậy, tôi thường nói: Ngày nay thế giới loạn như vậy, con người khổ sở như vậy, truy tầm tới cội rễ thì là gì? *“Bất thính lão nhân ngôn, ngật khuy tại nhĩn tiền”* (Chẳng nghe lời người già, chịu thiệt thòi trước mắt). Kinh nghiệm và trí huệ của cổ thánh tiên hiền được tích lũy trong ngàn vạn năm, quý vị coi không đáng một đồng ư? Dùng bốn chữ “không hợp khoa học” để sỏ toẹt hết thì quý vị phải chịu khổ, phải mắc nạn. Bởi thế, người thầy thuốc - thầy thuốc Tây phương hiện thời tôi không biết rành lắm - tôi biết thầy thuốc thời cổ Trung Quốc, tức Trung Y, hầu như trong nhà mỗi thầy thuốc đều thờ Quán Thế Âm Bồ Tát, phổ biến nhất! Nhà nhà Quán Thế Âm Bồ Tát, thờ Quán Thế Âm Bồ Tát, học theo hạnh đại từ đại bi của Quán Thế Âm Bồ Tát. Đúng là từ bi cứu thế, ôm tấm lòng cứu người, chẳng vì danh lợi của chính mình, chẳng phải vậy! Vì cứu người mà thôi!

Bởi thế, khi chẩn bệnh cho người ta, nhất định chẳng nói tới chuyện tốn bao nhiêu tiền, không hề có! Thầy thuốc không phải là buôn bán kiếm lợi, trị lành bệnh rồi; người ta đền đáp, tùy hỷ cúng dường quý vị. Người ta giàu có, quý vị được tặng nhiều một chút, nhà bản cùng thì

người ta cho ít đi một chút. Thậm chí hoàn toàn không có gì, thầy thuốc còn phải bổ thí thuốc men và chăm sóc! Bởi thế, địa vị người thầy thuốc ở Trung Quốc rất cao, đại chúng xã hội hết sức tôn kính, họ là những nhà đại từ thiện. Ở Trung Quốc, có hai hạng người được tôn kính nhất thì thứ nhất người đọc sách, theo đuổi công việc giảng dạy; thứ hai là thầy thuốc; bởi lẽ hai hạng người này đều hy sinh phụng hiến cho xã hội.

Dạy học chẳng hề thu nhận học phí. Thu học phí thì còn ai muốn theo học nữa! Không lão phu tử dạy dỗ không phân biệt, bất cứ ai chỉ cần thích học thì cứ việc đến. Học trò dâng thầy một chút lễ vật, chúng ta thấy trong sách Luận Ngữ ghi lễ vật rất đạm bạc: “*Thúc tu*” (束脩). Thúc Tu là gì? Người Hoa trong lục địa (Trung Quốc lục địa) gọi [“thúc tu”] là “*lap nhục*” (thịt muối). Cắt một lát thịt muối đến biếu thầy, biếu thị lòng tôn kính đối với thầy, ngoài ra không có gì khác nữa. Thầy dạy học hết sức nghiêm túc, đâu biết đến học phí! Bởi thế, người dạy học cuộc sống rất thanh bần, bởi chính mình chẳng theo đuổi sự nghiệp có lời, học trò cung phụng thầy rất đơn bạc. Cuộc sống vật chất của người thầy rất khổ, nhưng cuộc sống tinh thần rất thoải mái, rất sung sướng, được hưởng niềm vui giáo dục những bậc anh tài trong thiên hạ. Đây là sự sung sướng bậc nhất trong thế gian.

Thầy có học vấn, có trí huệ, có năng lực, có thể sống đời sung sướng hơn một chút, vì sao cam chịu sống bần cùng? Thích Ca Mâu Ni Phật là vị thầy tốt, cả đời khát thực, thân giáo đầy! Con người nếu cam tâm tình nguyện sống cuộc đời khổ sở như thế thì xã hội này an định, thế giới hòa bình. Điều đó nói lên điều gì? Không cần tranh giành! Đâu đâu cũng phải học lùi bước, nhường nhịn chính là nhân tố thực sự khiến cho xã hội an định, thế giới hòa bình. Nếu chẳng biết nhường nhịn, lùi bước, đâu đâu cũng phải cạnh tranh thì thế giới này vĩnh viễn chẳng thể hòa bình được, có hòa bình cũng là giả, không thật! Muốn thực sự đạt đến hòa bình thì nhất định phải sống cuộc đời thanh bần, sống hết sức sung sướng. Chỉ cần ăn no, mặc ấm là đủ, chớ nên cầu xa xỉ quá phận. Mong cầu xa xỉ quá phận sẽ gây rắc rối cho xã hội. Mọi người hãy nghĩ đi: Quý vị muốn bất cứ chỗ nào, bất cứ điều gì đều đạt được, thì người khác cũng mong như thế. Tài nguyên trên địa cầu là hữu hạn, ai nấy đều tranh giành, thêm muốn, sẽ biến thành đấu tranh, biến thành chiến tranh. Phải hiểu đấu tranh và chiến tranh là đôi bên kết mỗi oán cừu, mỗi oán cừu ấy chẳng thể giải quyết xong trong một đời, đời đời kiếp kiếp vẫn chưa xong.

Hiện nay trên mạng Internet cũng có đăng tải những tin tức như

vậy: Ở ngoại quốc đã chứng minh con người sau khi chết đi quả thật có linh hồn tồn tại. Ở ngoại quốc cũng đã có bác sĩ làm thí nghiệm: Đại đa số là những người bị bệnh tim phát ra đột ngột, chết đi, bác sĩ tuyên bố người ấy quả thật đã chết, ngưng trị liệu. Nào ngờ một hai hôm sau, người ấy tỉnh lại, mọi người cảm thấy hết sức kinh ngạc. Người bệnh tỉnh rồi bèn hỏi: “Lúc ông chết rồi còn có hay biết gì không? Thấy được những gì?” Tra vấn như vậy, có hơn sáu mươi trường hợp như thế, có khoảng bảy tám người trong số hơn sáu mươi người tỉnh dậy đó hiểu biết rất rõ ràng. Kinh nghiệm của mỗi người khác nhau, nhưng có cùng một điểm là họ đều thấy ánh sáng, thấy người nhà quyền thuộc toàn là những người đã mất từ lâu đến chỉ dẫn họ; có người còn thấy thiên sứ (angel).

Từ những cuộc khảo sát chứng thực ấy, ta thấy người chết đi không phải là hết, khiến cho những bác sĩ và các nhà khoa học càng nghiên cứu sâu hơn nữa. Hiện tại, báo cáo của những cuộc nghiên cứu như vậy ở ngoại quốc rất nhiều. Đời trước, đời này! Rất nhiều người nghiên cứu, nay họ thực sự tin tưởng con người có thân thể, có tâm, nhưng cái tâm ấy thật ra là Duyên Lự Tâm. Họ còn nói có “linh” (spirits), linh là quỷ thần, thuộc vào những chiều không gian khác. Tuyệt đối chẳng phải là con người chết đi thì hết thấy đều hết. Không phải vậy, quả thật là có quá khứ, có vị lai. Đã có quá khứ, vị lai thì tư tưởng, ngôn hạnh trong một đời này chẳng thể không cẩn thận, chớ nên đắc tội với người khác. Người khác đắc tội với mình, mình phải tha thứ cho họ, quyết định chẳng ghim trong lòng, phải hóa giải oán kết ấy, chớ nên đối lập, chớ nên oán hận.

Phật, Bồ Tát, thánh hiền dạy chúng ta: “*Oan gia nghi giải, bất nghi kết*” (Oan gia nên cởi, không nên buộc), ngàn vạn phần chớ nên kết oán cùng người khác. Người khác xử tệ với mình, mình không có thần thông, chẳng biết chuyện đời quá khứ, nếu mình biết được quá khứ, sẽ hiểu vì sao kẻ ấy lại có thái độ như thế đối với mình? Vì sao họ chẳng có thái độ ấy đối với người khác? Trong ấy, nhất định phải có nguyên nhân. Nếu hiểu rõ ràng, mình bạch nguyên nhân rồi, chẳng phải là cười khì cho qua chuyện hay sao?

Hiện tại, người Tây phương dùng phương thức phổ biến nhất là thôi miên. Thôi miên ở một mức độ sâu; trong lúc bị thôi miên, sẽ nói ra những chuyện trong quá khứ. Có rất nhiều trẻ nhỏ (chúng tôi đọc những báo cáo ấy) sợ tiếng nổ, nghe tiếng nổ bèn bất an, kinh hoảng hết sức, hoảng sợ trầm trọng. Có đứa sợ nước, trông thấy nước sợ điếng. Khi được thôi miên ở một mức độ sâu, chúng bèn nói ra: Sợ nước là vì trong

quá khứ đã bị chết đuối. Đứa sợ tiếng nổ, nghe tiếng nổ kinh hoàng là vì trong quá khứ từng là binh sĩ, chết trên chiến trường. Bởi thế, nghe tiếng súng nổ liền hoảng sợ, là do mối quan hệ với đời trước như vậy.

Sau khi chúng nó hiểu rõ những chuyện như vậy rồi, những nỗi sợ không còn nữa, tiêu trừ hết. Tìm được nguyên nhân thực sự, nguyên nhân từ đời trước chứa trong ý thức, người hiện tại gọi là “*tiềm ý thức*” (subconscious, ta thường nói là Tiềm Thức). Thôi miên ở một mức độ sâu, lôi hết những gì trong tiềm thức ra, khiến cho người ấy tự nói ra, dùng máy ghi âm thu lại, đợi đến lúc người ấy tỉnh, mở cho người ấy nghe, tự mình đã nói, tự mình sẽ hiểu rõ; từ đấy trở đi bèn khôi phục bình thường. Những chuyện này cho chúng ta biết một chuyện quan trọng nhất, một chân tướng sự thật là: Ai nấy đều có đời sau. Quan hệ giữa người và người, quan hệ giữa mỗi người và hết thảy chúng sanh đều là mối quan hệ đời đời kiếp kiếp, không phải ngẫu nhiên! Trong thế gian nhất định chẳng có chuyện gì phát sanh ngẫu nhiên; nói chung, chẳng ngoài những nhân tố trong đời trước và đời này tạo thành.

Giáo học nhà Phật cũng chẳng có gì khác cả, chỉ nhằm khiến cho quý vị liễu giải chân tướng sự thật, thuật ngữ nhà Phật gọi là “*Thật Tướng của các pháp*” (chư pháp Thật Tướng), nói theo cách hiện thời là hiểu rõ chân tướng sự thật của hết thảy pháp. Thông thường, nhà Phật chia chân tướng sự thật thành sáu hạng mục để thuyết minh:

1) Tánh - tướng: Tánh là tánh của hết thảy pháp, tức bốn tánh; Tướng là hiện tượng.

2) Lý - Sự: Lý là đạo lý của hết thảy các pháp, dần dần hình thành. Còn tác dụng của các hiện tượng được sanh ra, đều thuộc về Sự.

3) Nhân - quả: Tiền nhân, hậu quả. Hậu quả lại biến thành cái nhân hiện tiền, nhân ấy cảm thành cái quả trong đời sau. Nhân quả liên tục, nhân quả tuần hoàn. Vì thế mới nói “*nhân quả bất không*” (nhân quả chẳng không). Nhân có thể biến thành quả, quả lại có thể biến thành nhân, chuyển biến chẳng không, tuần hoàn chẳng không, tiếp nối chẳng không, phải hiểu đạo lý này! Hiểu được đạo lý này thì quý vị mới thực sự liễu giải ý nghĩa của việc tu hành, quý vị mới có thể thực sự thực hiện được. Nếu quý vị chẳng tích cực tu hành, đó là vì quý vị chưa hiểu rõ chân tướng sự thật! Bởi thế, trong thời đại hiện tại, đặc biệt là đối với kinh giáo Đại Thừa, nếu không giảng kỹ, nếu không tích cực nghiên cứu thì tín - nguyện - hạnh đều có vấn đề, cũng có thể nói là công phu không đắc lực!

Hiện tại, chúng tôi đến rất nhiều nơi ở Trung Quốc và ngoại quốc,

cũng tiếp xúc với rất nhiều đồng tu, tợ hồ chuyện linh quỷ dựa vào thân thấy càng ngày càng nhiều. Bị quỷ dựa thân, nếu là báo oán, hoặc đến đòi nợ thì đau khổ không thể chịu đựng nổi! Bị vui dập mà! Chúng trượng ấy không có cách gì trị liệu được, bó tay hết cách! Siêu độ cũng không hiệu quả, siêu độ là gì? Là làm trung gian để thương thuyết, vô hiệu! Trên thực tế, vì sao vô hiệu? Người siêu độ không có một phần thành ý nào cả. Cổ đại đức thường dạy chúng ta: “*Chỉ thành cảm thông*”, chúng ta không đủ chí thành. Nếu thực sự chí thành sẽ hóa giải, an ủi kẻ đó, chỉ dạy kẻ đó, giúp cho kẻ ấy nâng cao cảnh giới.

Trong các buổi giảng chúng tôi thường nói: “*Hóa địch thành bạn, chẳng cần đối địch, hóa oán thành thân. Mọi sự đều phải hóa giải, chẳng được đối lập*”. Thủ đoạn hóa giải trọng yếu nhất là phải thường giao lưu, phải thường gặp gỡ, chẳng thể không qua lại với nhau. Không qua lại với nhau thì mâu thuẫn ngày càng sâu, phải qua lại nhiều! Giao lưu nhiều! Vấn đề gì cũng hóa giải được hết! Sợ nhất là chẳng qua lại với nhau. Giống như quý vị làm thí nghiệm [phản ứng của thực vật và thức ăn đã nói trong phần trên], quý vị dùng thiện ý hay ác ý đối đãi là có qua lại. Còn về căn bản không quan tâm đến, không qua lại, [những thức ăn] hết sức dễ bị mục nát, tệ hại nhất là không qua lại! Cự tuyệt qua lại chính là sự việc đáng sợ nhất! Nhưng chúng ta phải biết: Chúng ta không có cách gì ép buộc người khác được, chính mình phải giữ tấm lòng giao thiệp cùng hết thảy mọi người. Người khác cự tuyệt ta là chuyện của người ta, cửa nhà mình vĩnh viễn mở rộng đối với người đó. Người ta đóng cửa là chuyện của họ; chúng ta cứ đợi đến lúc họ mở rộng cửa.

Nay đã đến giờ rồi!

Tập 24

6.3.4. Chỉ Rõ Pháp Cháp Trì Danh Hiệu Để Lập Hạnh

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần tiếp theo “*Chánh hiển thị trì danh hiệu dĩ lập hạnh*”, chúng ta đọc kinh văn một lượt:

Xá Lợi Phất! Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc.

Xá Lợi Phất! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân văn

thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật, nhược ngũ nhật, nhược lục nhật, nhược thất nhật, nhất tâm bất loạn.

舍利弗。不可以少善根福德因緣。得生彼國。舍利弗。若有善男子。善女人。聞說阿彌陀佛。執持名號。若一日。若二日。若三日。若四日。若五日。若六日。若七日。一心不亂。

(Này Xá Lợi Phất! Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi kia.

Này Xá Lợi Phất! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe nói đến A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, nhất tâm bất loạn)

Lại xem tiếp:

Kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư thánh chúng hiện tại kỳ tiền. Thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ.

Xá Lợi Phất! Ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn: ‘Nhược hữu chúng sanh, văn thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ’.

其人臨命終時。阿彌陀佛。與諸聖眾。現在其前。是人終時。心不顛倒。即得往生阿彌陀佛極樂國土。舍利弗。我見是利。故說此言。若有眾生。聞是說者。應當發願。生彼國土。

(Kể ấy lúc mạng sắp hết, A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện trước mặt người ấy. Người ấy lúc mất, tâm không điên đảo, liền được vãng sanh về cõi Cực Lạc của A Di Đà Phật.

Này Xá Lợi Phất! Ta thấy điều lợi ấy nên nói lời sau: “Nếu có chúng sanh nghe nói như vậy, phải nên phát nguyện sanh về cõi kia”).

Đoạn kinh văn này dạy chúng ta phương pháp tu hành. Chúng tôi chia đoạn này thành chín tiểu đoạn. Đoạn kinh lớn này hết sức quan trọng! Chúng ta đã biết Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng rồi,

nhưng làm thế nào thì mới có thể vãng sanh? Đoạn kinh này dạy chúng ta phương pháp Trì Danh Niệm Phật. Trước hết, đức Phật dạy: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để sanh về cõi kia). Nói cách khác, thiện căn, phước đức, nhân duyên phải đầy đủ. Chúng ta thảo luận những vấn đề được nêu trong đoạn thứ nhất này.

[Sách Yếu Giải viết]: “*Bất đắc sanh giả, thiện căn, phước đức lực bạc*” (Kẻ chẳng được vãng sanh là do sức thiện căn, phước đức kém). Thiện căn là gì? Phước đức là gì? Trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư giảng: Thiện căn là “*Bồ Đề chánh đạo*”, là “*thân nhân*” (cái nhân gần gũi, thân thiết), “*Nhị Thừa nhân thiếu*” (hàng Nhị Thừa có ít ỏi), chẳng nói là không có, mà là ít! Đã ít thì sức kém, chẳng thể khởi tác dụng. “*Phước đức*” là bố thí, trì giới và hết thảy các pháp trợ đạo, đều thuộc về trợ duyên. “*Nhân thiên thiếu*” (hàng nhân thiên ít [thiện căn, phước đức]), do vậy, sức cũng kém; vì thế, chẳng thể vãng sanh. Vãng sanh phải có nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên (tương phản của ít là nhiều), nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên! Chúng ta thấy lời tiểu chú viết: “*Nhị Thừa đản cầu tự lợi, đắc thiếu vi túc, bất phát Bồ Đề tâm, cố thiện căn thiếu*” (Nhị Thừa chỉ cầu tự lợi, được chút ít đã cho là đủ, chẳng phát Bồ Đề tâm, nên thiện căn ít). Đây là nói bậc Nhị Thừa chẳng cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, dầu có cầu cũng không có cách gì cầu được, vì điều kiện không đầy đủ. “*Nhân thiên (ngộ đạo Đại Thừa liễu) tuy tu Lục Độ, đản cầu nhân thiên phước lạc, vị liễu vô vi, vị đắc vô lậu, cố phước đức thiếu*” (Nhân, thiên (gặp được Đại Thừa), dầu tu Lục Độ, nhưng chỉ cầu phước lạc trời người, chưa trọn vô vi, chưa được vô lậu, nên phước đức ít). Hai loại này đều chẳng được sanh về Tịnh Độ. Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã giảng về thiện căn, phước đức như vậy.

Tôi thường khuyên đại chúng tu học pháp môn Niệm Phật, so ra tôi nói đơn giản hơn, ai nấy đều dễ hiểu. Thiện căn là gì? Phước đức là gì? Thiện căn là chúng ta có thể tin, có thể hiểu pháp môn này; tôi nói đây chính là thiện căn. Có thể nguyện, có thể hành thì người ấy có phước, chịu phát nguyện cầu sanh về Tịnh Độ, chịu niệm A Di Đà Phật, y giáo phụng hành là người ấy có phước. Chúng tôi thuyết pháp đơn giản như vậy, chắc mọi người đều hiểu. Nói cách khác, quý vị gặp được pháp môn này, là quý vị đầy đủ nhân duyên (ba điều kiện là thiện căn, phước đức, và nhân duyên), nhân duyên đầy đủ mới được gặp. Gặp được là do thiện căn và phước đức của quý vị, thiện căn là có thể tin, có thể hiểu.

Quý vị đọc kinh hiểu rõ, hoặc là nghe giảng bèn hiểu rõ, đó là quý vị có thiện căn. Hiểu minh bạch rồi, thực sự phát nguyện. Đem hai thế giới so sánh, thế giới Cực Lạc rất thù thắng, còn sự vui trời người ở nơi đây là vui như thế nào? Là hưởng thụ danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần; thử hỏi xem, quý vị có thể hưởng được mấy ngày? Thời gian rất ngắn ngủi!

Mọi người học Phật chúng ta, rất ít người sanh trong gia đình phú quý. Nói cách khác, đại đa số thuộc gia đình từ trung lưu trở xuống. Lúc trẻ tuổi, nếm đủ mùi cay đắng, toàn là siêng khổ phát phần, đến tuổi trung niên cuộc sống mới dần dần dư dả. Thực sự được hưởng thụ niềm vui ngũ dục, lục trần, nói chung phải từ sau tuổi ba mươi. Chúng tôi thấy rất nhiều người hầu như đến tuổi bốn mươi mới được như vậy. Bốn mươi tuổi rồi thì hưởng được bao năm? Cứ tính là quý vị sống đến bảy mươi tuổi thì hưởng được ba mươi năm. Đó là nếu quý vị thực sự có thể hưởng thụ, thực sự có phước báo, quý vị mới có thể hưởng thụ ba mươi năm. Thế nhưng trong ba mươi năm hưởng phước ấy, quý vị có phải trả giá hay không? Phước chẳng dễ hưởng! Từ xưa đến nay, có người hưởng phước nào mà chẳng phải trả giá nghiêm trọng hay không? [Trả bằng] tinh thần, thể lực, thời gian, nếu chú tâm tính toán kỹ, cái được chẳng bù nổi cái mất! Bởi thế, quả đúng là chẳng sánh bằng người xuất gia ẩn cư trong núi thẳm (đây là nói chuyện thời xưa, chứ không phải hiện tại), đúng là thực sự có phước báo, hưởng phước thanh tịnh, thân và tâm đều thanh thản.

Quý vị thấy con người trong xã hội hiện tại có địa vị, có quyền thế, có của cải thì thân họ phải chịu áp lực trầm trọng. Họ có một bác sĩ chuyên môn và y tá để chữa trị mỗi ngày. Áp lực về mặt tinh thần lại càng nặng nề hơn, vì sao? Lo được, lo mất. Phước báo ấy đem tặng cho tôi, tôi cũng chẳng muốn tiếp nhận, vì sao? Phải gánh vác nặng nề quá! Tôi thấy rất nhiều rồi! Bởi thế, nếu quý vị lắng lòng quan sát kỹ, quý vị mới biết thế nào là hưởng phước: Thân lẫn tâm đều không có chuyện gì, tôi thường nói đọc một cuốn sách mình thích, làm việc mình yêu thích, đây mới đúng là có phước báo. Những người đại phước báo trong thế gian, những việc họ làm chẳng thấy vui thích gì, nhưng chẳng vui thích cũng phải làm, chẳng thể không làm được. Không có thời gian đọc một cuốn sách mình yêu thích thực sự, mỗi ngày phải xem biết bao giấy tờ thương lượng, do công việc bắt buộc phải xem những văn kiện ấy, còn thời gian đâu nữa!

Vì thế, người có học thời cổ đọc sách rất hay, đúng là hiểu rõ lý lẽ,

họ không làm việc mà ăn cư! Gia Cát Lượng, như các vị biết đó, đúng là người có đức hạnh, có học vấn, chẳng muốn ra làm việc, ăn cư trong làng cày ruộng; tự mình cày cấy, bạn thân vây quanh, lúc nhàn hạ bèn du sơn ngoạn thủy, sung sướng vô cùng. Kịp đến khi Lưu Bị ba lần đến lều tranh mời ra giúp sức, thịnh tình khó từ, chẳng thể không ra. Khi đã ra rồi, cù cun tận tụy đến chết mới thôi. Đó là nghĩa khí của một người có học, tôi không đáp ứng thì thôi, hễ đáp ứng thì nhất định phải tận tụy với công việc.

Thế nào là phước báo? Thiện căn, phước đức, chúng ta phải thực sự hiểu rõ. Trong Phật pháp, nhất là trong Tịnh tông, thế nào là phước báo lớn nhất? Niệm Phật trong Niệm Phật Đường là phước báo lớn nhất, nghe kinh trong giảng đường hồng tăng trưởng thiện căn. Đạo tràng nhỏ bé sẽ có hai “đường”: Một là giảng đường, hai là Niệm Phật Đường, chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta có thể giác ngộ hay chăng? Giác tri! Quý vị có thể giác ngộ hay không? Có thể hiểu được hay không? Muốn đạo nghiệp thành tựu, trong một đời này quyết định vãng sanh thì chớ nên ly khai đạo tràng, [hễ chẳng rời khỏi đạo tràng], công phu nhất định chẳng bị gián đoạn. Xưa kia, Huệ Viễn đại sư là một vị nhất đại tông sư trong Tịnh tông chúng ta, dựng Niệm Phật Đường tại Lô Sơn, các đạo hữu đồng tham chí đồng đạo hợp đều là những người nhất tâm chân chánh lập chí, mong được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, gồm một trăm hai mươi ba người. Họ dựng một Niệm Phật Đường, bên ngoài có một cái khe nước nhỏ gọi là Hồ Khê, lấy Hồ Khê làm giới tuyến, quyết định chẳng vượt qua cái khe nước nhỏ ấy. Mọi người nghiêm ngặt tuân thủ, nên ai nấy đều thành tựu.

Bên ngoài vừa động, tâm bèn loạn, công phu bị gián đoạn, lúc ấy quý vị có thể thành tựu hay chăng? Chỗ này có người khai thỉnh, chỗ kia có người khai thỉnh, tợ hồ pháp duyên rất thịnh. Không sai! Pháp duyên rất là thịnh, nhìn bên ngoài rất thịnh, nhưng trên thực tế lại là tướng suy, chẳng phải tướng hưng thịnh. Vì sao? Không thể vãng sanh! Không thể vãng sanh mà tính là pháp duyên thù thắng cái nổi gì? Sự thành tựu trong đạo tràng của chúng ta phải là trong đạo tràng có bao nhiêu người vãng sanh, coi đó là thành tựu, chứ chẳng phải đạo tràng náo nhiệt đến mức nào, nhang đèn nhộn nhịp, không phải thế đâu! Trong đạo tràng này có bao nhiêu người khai ngộ, có bao nhiêu người đắc Thiền Định, có bao nhiêu người minh tâm kiến tánh, có bao nhiêu người vãng sanh. Đó mới là thành tựu thực sự. Trong những thành tựu ấy, vãng sanh là thành tựu bậc nhất. Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh đều chẳng bằng Hạ Hạ

Phẩm vãng sanh, điều này có thể lấy kinh làm chứng.

Trong kinh Hoa Nghiêm, bậc đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh là Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giác. Niệm Phật vãng sanh đều là Hạ Hạ Phẩm vãng sanh cũng đã là A Duy Việt Trí Bồ Tát, Sơ Trụ Bồ Tát kém người ấy một khoảng xa. A Bệ Bạt Trí, tổ sư đại đức chẳng giảng khác nhau, đều cùng nhất trí: Từ Thất Địa trở lên, phải tính từ Thất Địa. Từ Sơ Trụ Bồ Tát đến Thất Địa sai khác bao nhiêu địa vị? Ba mươi địa vị thuộc Tam Hiền; từ Tam Hiền lên đến Thất Địa là bảy địa vị nữa. Nói cách khác, kém hơn ba mươi sáu cấp. Người đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh so với người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới kém hơn ba mươi sáu cấp. Vì thế, niệm Phật vãng sanh là thù thắng bậc nhất. Tổ sư đại đức, như Ngẫu Ích đại sư trong sách Yếu Giải nhìn thấy người thế gian tu hành, vô cùng cảm thán: Pháp môn thù thắng như thế đó, lúc họ gặp được, nhưng thiện căn ít, phước đức ít. Thiện căn ít là gì? Nửa tin, nửa ngờ. Lúc phước đức ít, sẽ chẳng chịu thực sự tu hành, tu hành như đùa, chẳng hề nghiêm túc. Làm như vậy chỉ có thể kết duyên cùng Tây Phương Cực Lạc thế giới, đời này chẳng được về. Đời này chẳng được về, chắc chắn phải luân hồi lục đạo. Luân hồi trong lục đạo phải hứng chịu nỗi khổ.

Đừng nói gì khác, nội chuyện oan oan tương báo không thôi đã rất phiền phức rồi. Trong một đời này, chúng ta đã kết mối oan cừ cùng bao nhiêu chúng sanh, quý vị có biết nổi hay không? Quý vị đâm chết một con kiến, giết một con gián đều là kết mối oan cừ với chúng, phải đền mạng cả đấy! Giữa người với người quá chi ly không kể, cứ nói đơn giản giữa người và động vật thôi! Quý vị ăn thịt những động vật nào, trong kinh Đại Thừa đức Phật chẳng nói dối đâu! Quý vị ăn nửa cân thịt của chúng, đời sau chúng đòi quý vị trả đúng tám lạng⁶⁸. Lúc tôi chưa học Phật không biết điều này, không biết đã ăn bao nhiêu nữa! Học Phật rồi mới biết chuyện này, chẳng dám ăn thịt nữa, chọn cách ăn chay, bỏ hẳn ăn thịt. Thường xuyên phóng sanh để chuộc tội! Trong quá khứ ngu muội vô tri, sát hại bao nhiêu chúng sanh như thế!

Bởi thế, ta hữu ý hay vô ý kết mối oan cừ với hết thảy hữu tình chúng sanh, kể cả động vật! Chỉ có một phương pháp là trong một đời

⁶⁸ Theo hệ thống đo lường cổ của Trung Hoa (vẫn còn sử dụng ở Hương Cảng và Đài Loan), một Cân gồm mười sáu Lạng. Một Cân tương đương 604,8 gram. Ở Hoa Lục, một Cân chỉ là 500 gram và được chia thành 10 Lạng. Để khỏi lầm lẫn, đơn vị Cân của Hoa Lục được gọi là Thị Cân.

này phải thực sự buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ, thân cận Phật Di Đà. Tất cả hết thảy oán thân trái chủ đời trước đời này, đợi đến lúc tôi về Tây Phương Cực Lạc thế giới thành tựu rồi, tôi sẽ trở về độ các người thành Phật. Thực sự hoàn nguyện, báo ân! Từ nay trở đi, chẳng có ác niệm nữa, chẳng có ác hạnh nữa, cũng chẳng nói lời ác, ba nghiệp thân - ngữ - ý thuần thiện, thuần tịnh. Người thế gian truy cầu chân - thiện - mỹ - huệ, tận thiện tận mỹ được thực hiện trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, thực sự thực hiện. Chúng ta hãy xem đoạn thứ hai.

“*Duy dĩ tín nguyện*” (chỉ dùng tín nguyện), trì danh niệm Phật, đó là ba tư lương: Tín - Nguyện - Hạnh, chấp trì danh hiệu, “*tất nhất nhất thanh, tất cụ đa thiện căn, phước đức, tán tâm xưng danh, phước thiện diệc bất khả lượng, hướng nhất tâm bất loạn tại!*” (thì mỗi một tiếng [niệm Phật] đều có nhiều thiện căn và phước đức. Tán tâm xưng danh thì phước thiện cũng chẳng thể lường được, hướng hồ là nhất tâm bất loạn ư?) Cách tu thiện căn, phước đức, nhân duyên như thế nào? Ở đây, Ngẫu Ích đại sư nói rất hay: “*Chân tín*”, không hoài nghi một chút nào, “*thiết nguyện*” [tức là] nguyện chân thật, nguyện vọng khẩn thiết. Chân tín, thiết nguyện (lòng tin chân thành, nguyện thiết tha) thì thân, tâm, thế giới sẽ tự nhiên buông xuống được hết. Hễ còn điều gì chưa buông xuống được là lòng tin chẳng chân, nguyện chẳng thiết. Tín chân thành, nguyện thiết tha, chấp trì danh hiệu, một câu danh hiệu ấy quyết định không gián đoạn, nguyện khẩn thiết chẳng xen tạp, lòng tin kiên cố chẳng hoài nghi. Chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, chấp trì danh hiệu không gián đoạn, đó là phương pháp Niệm Phật do Đại Thế Chí Bồ Tát đã dạy trong kinh Lăng Nghiêm! Phương pháp Niệm Phật của lão nhân gia là như vậy đó!

Ngài niệm như thế nào? “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối); ở đây, Ngẫu Ích đại sư gọi là “*tín nguyện trì danh*”, ý nghĩa hoàn toàn tương đồng với lời dạy của Đại Thế Chí Bồ Tát. Nhiếp trọn sáu căn bao gồm cả tín, nguyện. Nếu quý vị không tin, không có nguyện, thì lục căn suốt một ngày từ sáng đến tối rong ruổi trong cảnh giới sáu trần, không quay đầu. Nay thực sự tin tưởng Tịnh Độ, thực sự nguyện vãng sanh, thân cận Phật Di Đà, thâm hồi cái tâm lại, sáu căn chẳng còn vịn nắm cảnh giới sáu trần bên ngoài, buông xuống cả rồi. Buông xuống không có nghĩa là mắt không thấy, tai không nghe! Sáu căn vẫn khởi tác dụng “thấy, nghe, hay, biết”, nhưng như thế nào? Quyết định chẳng ghim trong lòng! Cõi lòng thanh tịnh

chẳng nhiễm mảy trần, mắt chẳng nhiễm sắc trần, tai chẳng nhiễm thanh trần, mũi chẳng nhiễm hương trần, lưỡi chẳng nhiễm vị trần, hết thấy đều tùy duyên. Thứ gì cũng tốt, không hề có tính toán, so đo gì! Cái gì tốt thì rất tốt; cái gì không tốt cũng rất là tốt!

Xưa kia, Hoàng Nhất đại sư ở Nam Dương (Indonesia), Ngài là bạn thân của pháp sư Quảng Hiệp, bạn đồng tham cũ với nhau. Ngài đến Tân Gia Ba ngụ tại viện Chiêm Bặc của pháp sư Quảng Hiệp, đạo tràng không lớn, chúng tôi đã từng đến đó. Tôi nghe các đồng tu Tân Gia Ba kể lại. Họ nói Hoàng Nhất đại sư không hề cần nhần ai tí nào, đối xử hết sức hòa ái đối với mọi người. Ăn thứ gì, cho ăn cái gì cũng ngon hết. Thức ăn quá mặn, Sư cũng bảo không hề gì, mặn có vị riêng của mặn. Quá nhạt, cũng không ăn nhằm gì, nhạt có vị riêng của nhạt! Cái gì cũng tốt hết, không phân biệt, chấp trước mảy may! Đương nhiên chủ nhân lẫn người tiếp đãi đều tận tâm tận lực chăm sóc pháp sư, luôn trông chừng xem pháp sư thích gì, cần gì, nhưng pháp sư hết thấy tùy duyên, hết thấy đều miễn sao thuận tiện thì thôi, thế nào cũng tốt, “miễn sao thuận tiện cho quý vị là tôi vui rồi!”, không mảy may gây phiền phức thêm cho người ta. Pháp sư tâm đặt nơi đạo, đã buông thế gian này xuống rồi, một lòng gởi nơi Tịnh Độ.

Chúng ta biết Hoàng Nhất đại sư chuyên tu Tịnh Độ, Ngài không y vào kinh A Di Đà, cũng chẳng y kinh Vô Lượng Thọ. Khóa tụng mỗi ngày của Ngài là Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm. Đó là trong năm kinh một luận, tức sáu môn khóa của Tịnh Độ, Ngài chuyên tu Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm. Ngài tụng thuộc lòng Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm, công khóa sáng tối đều niệm Hạnh Nguyên Phẩm, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Bởi vậy, Ngài niệm Phật, tín nguyện trì danh, niệm Phật là tịnh niệm tiếp nối. Lúc niệm dùng cái tâm thanh tịnh để niệm, tâm thanh tịnh đương nhiên không có bất cứ thứ gì xen tạp. Hễ xen tạp, tâm quý vị sẽ không thanh tịnh; cũng chẳng thể hoài nghi, tâm hoài nghi thì cũng không thanh tịnh. Vì thế, trong chữ Tịnh chẳng có xen tạp, không hoài nghi. “*Tương kế*” (tiếp nối) là không gián đoạn, ở đây gọi là “*chấp trì*”, Trì (持) là giữ gìn cho không gián đoạn, Chấp (執) là cầm nắm. [Chấp trì] chính là nắm giữ danh hiệu A Di Đà Phật, cái gì khác cũng không màng, đều buông bỏ hết.

Niệm Phật như thế thì “*nhất nhất thanh, tất cụ đa thiện căn, phước đức*” (mỗi một tiếng niệm đều có nhiều thiện căn, phước đức). Vì sao? Giới, Định, Huệ đều gộp trong ấy, một câu A Di Đà Phật đồng thời trọn đủ Giới - Định - Huệ, trong một câu niệm viên mãn chẳng thể nghĩ

bàn! Giới là gì? “*Phòng phi chỉ ác*” (ngăn ngừa điều sai trái, dứt điều ác) là giới Tiểu Thừa. Khi quý vị nhất tâm niệm Phật, trong tâm một ác niệm nào cũng không có, cũng chẳng thể có hành vi ác, đó là “*phòng phi chỉ ác*”. Trong giáo pháp Đại Thừa, vâng làm các điều thiện, niệm A Di Đà Phật là điều thiện bậc nhất trong các điều thiện, không có gì thiện hơn được nữa! Quý vị hãy nghĩ xem: “*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành*” (Chớ làm các điều ác, vâng làm các điều lành) đã đầy đủ chưa? Đó là Giới học! Trong một câu niệm Phật, Giới viên mãn, giới Đại Thừa lẫn giới Tiểu Thừa đều bao gồm trong ấy. Lúc niệm Phật, tâm thanh tịnh, nhất tâm bất loạn là tâm thanh tịnh vậy! Thanh tịnh là Định. Phật hiệu sáu chữ hoặc bốn chữ, từng chữ phân minh, rõ rệt rành rẽ, chính là gì vậy? Là Huệ! Ấy là Căn Bản Trí. Vì thế, một câu Phật hiệu, Giới - Định - Huệ đều đầy đủ cả, đều viên mãn cả, há chẳng phải là nhiều thiện căn, nhiều phước đức ư? Nếu chúng ta hiểu được, sẽ nhất tâm xưng niệm.

Phần kế đó nói: Dù quý vị chẳng thể nhất tâm, mà là tán tâm, “*tán tâm xưng danh, phước thiện diệc bất khả lượng*” (tán tâm xưng danh thì phước thiện cũng chẳng thể lường được), huống chi nhất tâm bất loạn! Nhất tâm xưng niệm còn đến như thế nào nữa? Kinh Vô Lượng Thọ nói “*nhất hướng chuyên niệm*” (một dạ chuyên niệm), một mục tiêu, một phương hướng, chuyên niệm, phước đức chẳng thể nghĩ lường! Ở đây nói “tán tâm”, chứ không phải là tán loạn tâm. Tâm tán loạn niệm Phật, phước đức đương nhiên cũng chẳng thể nghĩ lường; nhưng cổ đức nói “*rách toạc cuống họng cũng uống công*” là nói về cái tâm tán loạn đấy! Tâm tán loạn là gì? Trong tâm khởi vọng tưởng. Ngoài miệng niệm A Di Đà Phật, trong tâm khởi vọng tưởng, như vậy là trật rồi!

“*Tán tâm*” ở đây là chưa nhất tâm, nhưng cũng không được khởi vọng tưởng, cũng không có vọng tưởng, thì gọi là “*tán tâm*”. Nếu như quý vị không có cách gì tập trung ý chí tinh thần được, thì lúc niệm Phật nên làm sao? Nghĩ đến tượng A Di Đà Phật, nghĩ đến tượng ấy, thêm vào sự quán tưởng Phật, hoặc tưởng hoa sen, đây đều là những phương cách (quý vị không tưởng không được nghe! Không tưởng bèn có vọng tưởng liền). Tưởng tượng bạch hào hay hào quang của Phật đều được. Tâm lực không thể tập trung thì dùng phương pháp ấy. Niệm Phật như thế, thiện căn và phước đức cũng chẳng thể nghĩ lường! Đương nhiên, tốt nhất là nhất tâm bất loạn, nhưng khó lắm, rất ư là khó! Bởi thế, kinh Vô Lượng Thọ dạy “*một dạ chuyên niệm*”, một phương hướng, một mục tiêu, chuyên niệm A Di Đà Phật, vậy là đúng!

Tiểu đoạn thứ ba là “*hiển thị chánh hạnh Trì Danh Tam Yếu*” (chỉ rõ ba điều quan trọng của chánh hạnh Trì Danh). Đoạn này quan trọng, hết sức quan trọng! Niệm Phật theo cách nào? Ba điều quan trọng là Tín, Nguyện, Hạnh, tức ba điều kiện trọng yếu để được vãng sanh thế giới Cực Lạc; cổ nhân nhắc tới “*ba tư lương*”. Nay nói “*tư lương*” người hiện thời không hiểu, người hiện tại gọi là “điều kiện”; ba tư lương là ba điều kiện. Trước hết, nói đến tín - nguyện, “*tín nguyện đầy đủ*”, đầy đủ hai điều kiện tín và nguyện, điều kiện thứ ba là “*chấp trì danh hiệu*”. Với ba điều kiện ấy ở đây dùng tám chữ, nếu tám chữ ấy thấy đều có đủ, tức là “*tín nguyện cụ túc, chấp trì danh hiệu*” (tín nguyện đầy đủ, chấp trì danh hiệu) thì ngay trong hiện tại, quý vị đã không còn là chúng sanh của thế giới Sa Bà nữa. Vì sao? Đã báo danh ghi sổ ở Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi, nhưng còn chưa đi, giống như quý vị đã cầm sẵn hộ chiếu và thẻ thông hành của Tây Phương Cực Lạc thế giới, muốn đi lúc nào thì đi. Quý vị không còn là phàm phu luân hồi trong lục đạo của thế giới Sa Bà nữa, mà đã là một trong các vị thượng thiện nhân của thế giới Cực Lạc rồi!

Phần kế đó là lời giải thích về “*tín nguyện đầy đủ*”: “*Thường tu nhị khóa thời, tinh tấn kết thất thời*” (Lúc thường tu hai thời khóa công phu, lúc tinh tấn kết thất). Phương pháp tu học chẳng được gián đoạn, hai khóa sáng tối bình nhật, sáng tối đều niệm Phật. Thông thường hai khóa sáng tối đều phải niệm một quyển A Di Đà Kinh, niệm kệ Tán Phật, rồi niệm Phật hiệu. Vì sao phải niệm một quyển kinh, niệm kệ Tán Phật? Để nhiếp tâm, tức là nhiếp trọn sáu căn, dụng ý ở chỗ này, nhằm để quý vị một dạ chuyên niệm. Thậm chí, khi mọi người cùng tụng công khóa sáng tối, trước đó còn niệm bài Tán Hương, tụng kinh, niệm kệ Tán Phật đều nhằm để định tâm. Nói cách khác, đó là những công phu dự bị trước lúc niệm Phật để thâm nhiếp cái tâm. Nếu cái tâm này định, trong mười hai thời không tán loạn, đều không có vọng tưởng thì những thứ vừa nói trên đây đều không cần thiết: Hương Tán, tụng kinh, xưng kệ Tán Phật đều chẳng cần đến nữa. Những người như vậy hiếm hoi, người một ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung thì nhiều. Nếu như đã thêm vào Hương Tán, lại còn tụng kinh, lại còn xưng kệ Tán Phật, niệm A Di Đà Phật mà vẫn khởi vọng tưởng thì không còn cách nào hết, ý chí vẫn không tập trung. Vì thế, từ đây chúng ta phải lãnh hội sâu xa: Niệm Phật không phải là chuyện dễ, chớ nên xem nhẹ! Bởi thế, Tinh Tấn Phật Thất là một phương pháp tốt.

Nhưng trong thời đại hiện tại này, trên thực tế, Tinh Tấn Phật Thất

có chỗ khó khăn, thật đấy, không giả đâu! Thực sự đả Phật thất, rất có thể chúng ta chưa từng gặp một ai cả, tôi cũng chưa từng thấy một ai hết! Tôi thường nghe thầy Lý giảng về Phật Thất: Tinh Tấn Phật Thất thì nhất định những người cùng tu một chỗ chẳng thể nhiều hơn mười người, đó là Tinh Tấn Phật Thất. Vì sao? Từ mười người trở lên, Chủ Thất Sư không có cách gì trông nom được, trông nom không xuể! Bởi thế, đả Phật Thất nhưng người tham gia Phật Thất công phu có thể thành tựu hay không thì vị Chủ Thất Sư quan trọng nhất!

Ai mới có thể làm Chủ Thất? Đầu là người có kinh nghiệm trong Niệm Phật Đường, chẳng những thông thạo nghi quy, mà trạng huống của mỗi người niệm Phật vị ấy đều hiểu rõ. Bởi thế, trong Niệm Phật Đường, chẳng những vị ấy phải thường thời thời khắc khắc cảnh tỉnh mọi người, mà còn đốc thúc, ngăn ngừa ma chướng. Tinh Tấn Phật Thất ma chướng rất nhiều. Thầy Lý bảo tôi: Thầy ở tại Đài Loan ba mươi tám năm, chỉ đả Tinh Tấn Phật Thất hai lần, về sau không dám mở nữa. Tôi hỏi vì sao? Gây nên chuyện, ma chướng nổi lên. Chỉ cần một người khởi ma chướng là đã phiền lắm rồi, cụ phải mất từ mười tháng đến một năm để chữa lành cho người ấy, chữa cho người ấy bình phục rất khổ sở.

Phật Thất như chúng ta thường thấy là pháp hội Phật Thất, chứ không phải thật tu. Thật tu ắt có ma chướng, chẳng phải chân tu, ma không thềm nhìn tới. Quý vị tu giả, chứ không tu thật, nó không cần gây chướng ngại! Quý vị đâu có thoát khỏi luân hồi; nó sẽ còn có ngày báo thù quý vị. Chứ nếu quý vị thật tu, thực sự tu tập, muốn thoát khỏi luân hồi lục đạo, nó sẽ ở bên cạnh gây tai chướng liền: “Người thiếu mạng ta, vẫn chưa đền mạng; người thiếu nợ ta, nợ vẫn chưa trả”. Quý vị muốn đi, nó bèn đến đòi. Nó ở bên cạnh thấy rất rõ. Nếu quý vị tu giả, tu đùa bỡn, quý vị không vãng sanh được! Nó ở bên cạnh, cười hì hì, không đếm xỉa tới.

Bởi thế, Phật Thất niệm Phật gần như là niệm Phật công phu kha khá, cũng đã hiểu khá rõ, đã nhận thức đạo lý Tịnh tông, chính mình thực sự phát nguyện, nhất tâm niệm Phật. Trong Niệm Phật Đường có thể nhận biết điều này. Người nào thật thà, quy củ, vâng giữ pháp, khiêm hư, cung kính đối với người khác, không có vọng tưởng, không phân biệt, không chấp trước, người đó thực sự niệm Phật. Vọng niệm nhiều, phân biệt lắm, tạp tâm chuyện gẫu thì là giả tu, chứ chưa tu thật. Chân chánh tham gia Phật Thất, tức Phật Thất thông dụng, tâm luôn thanh tịnh, quyết định chẳng bàn tán chuyện gẫu! Niệm Phật trong Niệm Phật Đường, ra khỏi Niệm Phật Đường vẫn niệm Phật, công phu không gián

đoạn. Đoạn tiếp là “*khả y Tây Phương Xác Chỉ biện pháp, thị Vô Hủ tiết*” (có thể dựa theo biện pháp nói trong sách Tây Phương Xác Chỉ, phần dạy ông Vô Hủ). Ta có thể tham khảo đoạn sách ấy.

A! Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp tiểu đoạn “*chấp trì danh hiệu*”. Chấp trì danh hiệu là “*thiện trung thiện, phước trung phước*” (điều lành bậc nhất trong các điều lành, phước bậc nhất trong các phước). Những ý nghĩa này tôi đã nói trong phần trên rồi. “*Thiện trung thiện, phát Bồ Đề tâm, cụ túc ngũ chủng Bồ Đề tâm*” (Điều lành bậc nhất trong các điều lành là phát Bồ Đề tâm, đầy đủ năm thứ Bồ Đề tâm). Năm thứ Bồ Đề tâm này được nói trong Đại Trí Độ Luận, luận ấy nói có năm thứ Bồ Đề tâm:

1) Thứ nhất là “*phát tâm Bồ Đề*”. Nay ta nói là “tín nguyện trì danh”, phát tâm cầu thoát khỏi tam giới, cầu sanh Tịnh Độ, tự độ, độ người, đó là “*phát tâm Bồ Đề*”. Người ấy mới vừa phát tâm, giác ngộ.

2) Thứ hai là “*phục tâm Bồ Đề*”. Phục (伏) là hàng phục, Tâm là tạp niệm và vọng niệm trong tâm. Lúc chúng ta chấp trì danh hiệu, nhất tâm niệm Phật, vọng tưởng, phân biệt và chấp trước chẳng khởi. Lúc ấy, tinh thần và ý chí hoàn toàn tập trung, có thể chế phục phiền não. Bồ Đề (Bodhi) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là giác ngộ, chế phục được phiền não là giác ngộ vậy.

3) Thứ ba là “*minh tâm Bồ Đề*”, thứ bậc ngày càng cao hơn! Trong minh tâm Bồ Đề có Huệ, chế phục tâm là Định, dùng phương pháp Niệm Phật để chế phục phiền não, chế phục lâu ngày bèn sanh trí huệ, trí huệ dần dần mở mang. Đó là “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”, tức là Phật hiệu quý vị đang niệm đó và cái tâm niệm Phật tương ứng với Tự Tánh Giác. Tự Tánh Giác rất khó hiểu, nó tương ứng với Tự Tánh Di Đà. Hoặc có thể nói rõ ràng hơn, dễ hiểu hơn một chút cho mọi người hiểu được, thì minh tâm là niệm niệm tương ứng với tâm - nguyện - hạnh - giải của A Di Đà Phật. Nói như vậy dễ hiểu hơn, minh tâm là như vậy đó. Rất rõ ràng, minh bạch! Lấy tâm nguyện của A Di Đà Phật làm tâm nguyện của chính mình, lấy giải hạnh của A Di Đà Phật làm giải hạnh của chính mình. Đó là minh tâm Bồ Đề.

4) Thứ tư là “*xuất đạo Bồ Đề*”. E rằng cả đời này chúng ta khó

thể đạt được. Vì sao? Xuất đạo Bồ Đề là chứng quả vậy. Kinh Vô Lượng Thọ nói một, hai, ba thứ Nhẫn, nếu theo như kinh Đại Thừa thường nói thì đó là cảnh giới của bậc Địa Thượng Bồ Tát. Kinh Vô Lượng Thọ giảng là Âm Hưởng Nhẫn, Nhu Thuận Nhẫn, Vô Sanh Pháp Nhẫn. Âm Hưởng Nhẫn là Sơ Địa, Nhị Địa, Tam Địa; Nhu Thuận Nhẫn là Tứ Địa, Ngũ Địa, Lục Địa; Vô Sanh Pháp Nhẫn là Vô Sanh Pháp Nhẫn, là [cảnh giới của] Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa. Xuất đạo Bồ Đề là như vậy! Do đó, nói thật ra, công phu Niệm Phật của chúng ta chỉ có thể đạt được minh tâm Bồ Đề là đã khá lắm rồi! Minh tâm Bồ Đề là Sự nhất tâm bất loạn; phát tâm Bồ Đề và phục tâm Bồ Đề là công phu thành phiền, có thể đối nghiệp vãng sanh Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Đạt đến minh tâm Bồ Đề là Sự nhất tâm bất loạn, sanh vào Phương Tiện Hữu Dư Độ, xuất đạo Bồ Đề bèn sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ, chẳng phải là hạng người tầm thường vậy!

5) Cuối cùng là “*vô thượng Bồ Đề*”, vôthượng Bồ Đề là Phật Quả, thành Phật. Bởi thế, Bồ Đề có năm thứ, chúng ta hãy nên hiểu như thế. Đầy đủ năm thứ Bồ Đề tâm, năm thứ ấy có từng giai đoạn. Tới thiếu, chúng ta phải đạt được một thứ, đạt được thứ thấp nhất là phát tâm Bồ Đề. Thực sự có cái tâm thoát lìa tam giới, hiểu rõ tam giới lục đạo, không thể trụ trong ấy nữa, nhất định phải giải quyết vấn đề này. Chúng ta được vãng sanh sẽ có năng lực độ những người có duyên với mình trong lục đạo, kinh Đại Thừa thường nói: “*Phật bất độ vô duyên chi nhân*” (Phật chẳng độ kẻ không có duyên). Có duyên với mình là có ân, có oán, có dính líu trách nhiệm, nợ đòi phải trả, có duyên với mình là như vậy đây! Bình thường chúng ta phải vui vẻ kết duyên với người khác, gặp người lạ, chào hỏi, mỉm cười với họ đều là hữu duyên, chẳng thể không quan tâm đến, không quan tâm đến là không có duyên.

Đã hai ngày qua tôi được nghe biết, người ta đem đến rất nhiều tài liệu cho tôi đọc. [Theo những tài liệu đó], ở Đài Loan có rất nhiều học trò Tiểu Học làm thí nghiệm, dùng thiện ý hay ác ý để đối xử với thực vật hoặc phẩm vật, xem chúng biến hóa ra sao. Quý vị dùng thiện ý là hữu duyên, dùng ác ý cũng là hữu duyên, chẳng quan tâm đến bèn không có duyên. Nhất định phải có duyên, rộng kết pháp duyên! Đến khi mình vãng sanh rồi, chẳng cần phải đợi đến khi thành Phật, cứ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là đã có năng lực ấy, được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, quý vị biết: Học một ngày ở nơi ấy là đã phi phạm rồi! Chúng ta học trong nhân gian cả vạn năm cũng chẳng bằng được người ta học một ngày [trong thế giới Cực Lạc]. Quý vị thấy

người ta học trong một ngày bèn có thể thân cận mười phương hết thầy chư Phật Như Lai, mỗi đức Phật giảng cho mình một câu pháp đã thật là phi phàm rồi! Phân lượng ấy vượt xa Đại Tạng Kinh của chúng ta, tuyệt quá phải không? Dầu chưa minh tâm kiến tánh, nhưng được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, do vậy bèn khởi tác dụng, không khác người minh tâm kiến tánh cho lắm! Quý vị có sức hiểu biết rất cao, có sức ghi nhớ, hằng ngày huân tập ở nơi ấy, tuyệt vời quá! Huân tập mấy ngày, thả chiếc bè Từ trở lại độ hết chúng sanh không sót; trí huệ, phước đức, và phương tiện thiện xảo không có ai sánh kịp! Đương nhiên thời gian sống tại Cực Lạc càng lâu thì trí huệ và đức năng càng cao, tiến bộ càng nhanh!

“Kinh vân: Nhất xưng Phật danh, dĩ thị thiện căn, nhập Niết Bàn giới” (Kinh dạy: Vừa xưng danh hiệu Phật thì do thiện căn ấy mà nhập Niết Bàn giới). Đây là chứng cứ do chính đức Phật nói. *“Phước trung chi phước, cụ túc vạn duyên, nhất tâm niệm Phật, bách hạnh tề tu”* (Phước bậc nhất trong các phước, đầy đủ vạn đức, nhất tâm niệm Phật, trăm hạnh cùng tu). Tu một thứ là tu hết thầy, *“bách”* ở đây không phải là con số một trăm trong Toán Học, mà là tượng trưng cho viên mãn. Tu một pháp môn là tu hết thầy pháp môn qua một môn này, chớ nên coi thường một môn, môn nào cũng như nhau. Chúng ta đều phải nên nhớ kỹ kinh Hoa Nghiêm đã giảng: *“Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất”* (Một tức hết thầy, hết thầy tức là một). Trong pháp môn tu hành cũng giống như vậy; chúng ta tu hành, chọn lấy một pháp môn. Pháp môn này đầy đủ hết thầy pháp môn; hết thầy pháp môn dung nhập trong một pháp môn này của chúng ta. Pháp môn Niệm Phật có đủ hết thầy các pháp môn, quý vị chỉ cần coi Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm và một chương tỳ-kheo Đức Vân sẽ thấy (nếu coi bản Tứ Thập Hoa Nghiêm thì xem chương Cát Tường Vân).

Tỳ-kheo Cát Tường Vân dạy Thiện Tài đồng tử pháp môn Niệm Phật, nói đến hai mươi một pháp môn Niệm Phật. Con số hai mươi một nhằm biểu thị ý nghĩa về mặt pháp! Trong Mật tông, gọi là “đại viên mãn”. Mật tông dùng con số mười sáu hoặc hai mươi một để biểu thị đại viên mãn. Một môn này có đủ hết thầy pháp môn, một chính là hết thầy, hết thầy chính là một. Một ở đây không phải là chuyên nhất, không phải là độc nhất, mà là bất cứ một pháp môn nào! Bất cứ pháp môn nào cũng có đủ hết thầy các pháp môn. Chẳng hạn như tham Thiền cũng là đầy đủ hết thầy các pháp môn, cũng bao gồm pháp môn Niệm Phật trong ấy. Trì giới cũng bao hàm hết thầy các pháp môn, Thiền và Tịnh cũng gộp trong

ấy, Mật cũng gộp trong ấy, quyết định chẳng thể thiếu một môn nào. Một chính là hết thầy, hết thầy chính là một! Kinh cũng giống như vậy: Trong một bộ kinh có đủ hết thầy các kinh, chúng ta nhất định phải hiểu đạo lý này. Đó là viên dung vô ngại, lý sự vô ngại, sự sự vô ngại.

Vì sao vô ngại? Đều từ Chân Như Tự Tánh lưu xuất, Chân Như Tự Tánh pháp vốn là như vậy. Chân Như tự tánh vĩnh viễn viên dung, vĩnh viễn viên mãn, chắc chắn không thể nói Chân Như tự tánh biến hiện ra vật gì mà vật ấy bị khuyết hãm, không hề có! Ở đây, nói thật ra, chỉ có mê hay ngộ; mê thì tự hồ có khuyết hãm, trên thực tế không hề khuyết hãm. Chính tự mình mê, chứ đức năng vốn chẳng hề khuyết hãm, phải hiểu đạo lý này! Có vậy, quý vị mới có thể thực sự tin tưởng, trong một câu Phật hiệu này đầy đủ “*vạn đức hồng danh*”, chữ “*vạn*” này cũng không phải là con số mà là tánh đức viên mãn.

“*Kinh vân: Văn Vô Lượng Thọ Phật danh (Vô Lượng Thọ Phật tự thị A Di Đà Phật), nhất tâm tụng trì, thử nhân đương đắc vô lượng chi phước*” (Kinh dạy: Nghe tên đức Phật Vô Lượng Thọ (Vô Lượng Thọ Phật chính là A Di Đà Phật), nhất tâm tụng trì, người ấy sẽ được vô lượng phước). Niệm một câu A Di Đà Phật có phước báo lớn ngàn ấy ư? Đúng vậy, không sai! Vậy sao tôi niệm vẫn không có phước báo gì? “*Nhất tâm*”! Quý vị không nhất tâm. Nếu quý vị nhất tâm niệm, phước báo sẽ phi phạm! Quý vị đâu có nhất tâm! Do đó, quý vị thấy: Đây đủ vạn đức cũng là nhất tâm niệm Phật, được vô lượng phước vẫn là nhất tâm niệm Phật, nhất tâm chẳng dễ dàng! Nhất tâm là thực sự thực hiện, không hoài nghi, không gián đoạn, đó gọi là “*nhất tâm*”. Ngoài miệng Phật hiệu có gián đoạn, nhưng trong tâm không hề gián đoạn. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy: “*Ức Phật, niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật*” (Nhớ Phật, niệm Phật, hiện tiền, tương lai, nhất định thấy Phật). Niệm là gì? Niệm là trong tâm có, “*kim tâm*”⁶⁹: cái tâm hiện tại, trong cái tâm hiện tại thực sự có thì gọi là Niệm Phật. Miệng niệm nhưng trong tâm không có, trong tâm vẫn khởi vọng tưởng thì chẳng thể gọi là niệm Phật, mà thật ra là “*miệng niệm Di Đà tâm tán loạn*”, trong tâm quý vị không hề có!

Ở trên đã nói đến “*tán tâm xưng danh*”. Ngoài miệng có Phật, niệm Phật; trong tâm lúc có lúc không thì gọi là “*tán loạn*”. Có lúc nghĩ đến Phật, có lúc khởi vọng tưởng, tưởng đến những thứ khác thì gọi là “*tán tâm*”. Tâm tán loạn là gì? Ngoài miệng có Phật, trong tâm hoàn

⁶⁹ Chữ Niệm (念) gồm hai chữ Kim (今) và Tâm (心) ghép lại.

toàn khởi vọng tưởng, không có chút hiệu quả gì! Chúng tôi nói về kiến thức thực dụng trong pháp môn Niệm Phật như vậy. Tín, Nguyện, Hạnh đều thuộc trong một câu Phật hiệu, một câu Phật hiệu đủ cả ba điều kiện, niệm như vậy mới có thể vãng sanh. Đoạn tiếp theo nói:

“Thiện nam nữ giả (thiện nam tử, thiện nữ nhân), bất luận tại gia, xuất gia, quý tiện lão thiếu, lục thú, tứ sanh” (Thiện nam nữ (thiện nam tử, thiện nữ nhân), bất luận tại gia hay xuất gia, sang, hèn, già, trẻ, sáu đường, bốn loài), phạm vi bao quát rất lớn. *“Lục thú”* là lục đạo, *“tứ sanh”* là nói về cách thức được sanh ra: Noãn, Thai, Thấp, Hóa, tức Noãn Sanh, Thai Sanh, Thấp Sanh, Hóa Sanh; tất cả hết thảy hữu tình chúng sanh đều gồm trong đây. *“Đản văn Phật danh, tức đa kiếp thiện căn thành thực, Ngũ Nghịch, Thập Ác giai danh thiện dã”* (Chỉ nghe được danh hiệu Phật, tức là thiện căn trong nhiều kiếp đã chín muồi, dầu Ngũ Nghịch, Thập Ác cũng đều gọi là lành cả), chẳng dễ dàng đâu! Câu này ý nói tất cả chúng sanh trong tam đồ lục đạo, đương nhiên là có chúng ta trong ấy, những kẻ được gọi là thiện nam nữ trong đó là những người đàn ông tốt lành, những người đàn bà tốt lành trong loài người, tại gia cũng được, xuất gia cũng được, giàu, nghèo, sang, hèn, nam, nữ, già, trẻ, bất luận quý vị thuộc thân phận nào, bất luận đang sống cuộc đời ra sao, thậm chí tất cả hết thảy chúng sanh trong lục đạo, chỉ cần quý vị hữu duyên nghe được danh hiệu A Di Đà Phật thì thiện căn trong nhiều kiếp của quý vị đã chín muồi. Kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác nếu nghe được danh hiệu A Di Đà Phật thì cũng là do thiện căn chín muồi.

Thiện căn chín muồi thì trong một đời này có thể vãng sanh hay không? Không nhất định. Vì sao? Vãng sanh phải đầy đủ ba điều kiện: thiện căn, phước đức, và nhân duyên! Chỉ có mình thiện căn mà không có phước đức thì chẳng thể vãng sanh! Thiện căn đã chín muồi, nhưng trong ấy lại có sâu đậm hay mỏng nhẹ, tức là như ở phần trên đã nói là *“ít thiện căn”*. Thiện căn của kẻ ấy chín muồi, nhưng ít ỏi, không nhiều, quý vị có thể tin, nhưng tin không sâu. Quý vị cũng có nguyện, nhưng không thiết tha, chưa buông hết thảy danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, nhất là người nhà quyến thuộc, thân tình trong thế gian xuống được! Hễ còn một sự chưa buông xuống được sẽ đều trở thành chướng ngại. Vì sao không buông xuống được? Vì thiện căn chưa đủ sâu, phước đức chẳng đủ đầy! Vì thế, trong kinh đã nói rất khéo: *“Bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc”* (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được vãng sanh cõi kia).

Duyên phải nhiều! Nhân duyên phải nhiều! Trong mười đại

nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát có hai điều, một là “*thỉnh chuyển pháp luân*”, hai là “*thỉnh Phật trụ thế*”. Hai điều nguyện thứ sáu và nguyện thứ bảy là nhiều nhân duyên. Đó là lý do vì sao kinh luận thường dạy, thường nhắc nhở chúng ta phải thân cận thiện tri thức: là vì nhiều nhân duyên! Thân cận thiện tri thức thì thiện căn, phước đức, nhân duyên dần ít ỏi cũng không sợ, vì sao? Lúc thân cận thiện tri thức, thiện căn và phước đức của mình được nâng cao. Hằng ngày quý vị được khuyên dạy, hằng ngày cùng đại chúng huân tu, tiến bộ rất nhanh. Nếu như mình có thiện căn, phước đức, nhưng không có nhân duyên thì cũng chẳng dễ thành tựu. Vì sao? Quý vị không thường nghe pháp, không có ai cùng tu với mình, sẽ bị hoàn cảnh ảnh hưởng! Tự nhiên sẽ có bạn bè thân thiết hằng ngày bồi tiếp quý vị vui chơi, phổ biến nhất là chơi mạt-chược, khiêu vũ, thích xem tuồng, hiện thời lại còn thích đá banh, có rất nhiều cái được gọi là “hoạt động”, các cuộc họp mặt để quý vị đến tham gia. Những thứ đó hoàn toàn chẳng ăn nhập gì với thiện căn và phước đức của quý vị cả; duyên thế gian quá nồng, nhất định sẽ chướng ngại đạo, chướng ngại quý vị chẳng thể vắng sanh trong một đời này!

Bởi thế, mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát chính là trong vô lượng hạnh nguyện, chỉ nêu lên mười cương lĩnh đó thôi, “*thỉnh chuyển pháp luân*” quan trọng lắm! Thỉnh chuyển pháp luân là thỉnh thiện tri thức đến giảng kinh, thuyết pháp, khiến cho mọi người giác ngộ. Thỉnh thiện tri thức ở một chỗ lâu dài thì nơi ấy có phước báo. Trong Phật pháp thường nói, chúng ta chẳng thể không tin: Thiện tri thức chân chánh, người tu hành chân chánh, người có đạo tâm trụ tại nơi nào, nơi ấy chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần bảo hộ, ít tai ít nạn.

Người Trung Quốc và người Ấn Độ thời cổ đều hiểu “*thiện nhân là báu vật của đất nước*”. Thiên Thai đại sư nói hết sức rõ ràng, hết sức minh bạch, Ngài chính là Trí Giả đại sư, cả Trung Quốc lẫn Nhật Bản đều truyền ngôn Ngài là Thích Ca Mâu Ni Phật tái lai. Nếu lời truyền tụng ấy là đúng, thì lời của Trí Giả đại sư chính là lời của Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngài dạy chúng ta: “*Năng thuyết bất năng hành, quốc chi sư dã*” (Nói được nhưng không làm được là thầy cả nước), quý vị thấy đó: Ngài rất tôn trọng vị ấy! Quý vị giảng kinh điển rất thấu triệt, không giảng sai, hoàn toàn giảng được ý Phật, nhưng bản thân hoàn toàn chưa làm được, quý vị có thể chỉ dạy người khác, người khác chiếu theo lời quý vị làm sẽ được thành tựu. Đây chính là: “*Thanh xuất ư lam, nhi thắng ư lam*” (màu xanh phát xuất từ màu chàm, nhưng vượt trội màu chàm). Tức là học trò theo học với một vị thầy giỏi, tuy vị thầy tốt ấy

không có thành tựu lớn lao gì, học trò có thành tựu vượt trội thầy. Thầy dạy chính xác, nhưng chính bản thân thầy hoàn toàn chưa thể làm được, nhưng học trò làm được. Thầy như vậy là quốc sư đấy! Phải thỉnh vị đó chuyên pháp luân, phải thỉnh Ngài trụ thế.

Nếu “*năng thuyết hựu năng hành, quốc chi bảo dã*” (Nếu vừa có thể nói lại vừa có thể hành thì là quốc bảo), là bảo vật của đất nước! Lúc Cưu Ma La Thập đại sư còn tại thế, Ngài là quốc bảo của nước Khuru Từ (Kuche, Quy Tư, Cưu Ty) ở Tây Vực. Phù Kiên là vua nước Tần, có thể lực, nghe nói ở Tây Vực có một vị đại trí huệ như thế, bèn phái Lữ Quang suất lĩnh bảy vạn đại quân sang Khuru Từ. Phù Kiên bảo Lữ Quang: “Xuất binh lần này chẳng vì lý do nào khác, chỉ là để thỉnh Cưu Ma La Thập đại sư sang nước Tần ta. Mục đích là như vậy. Nếu họ chịu để cho đại sư đi thì lập tức lui binh, nếu họ không bằng lòng, chúng ta sẽ đánh rát, vì một người mà thôi!” Nước Khuru Từ nhỏ, chống không nổi bảy vạn quân của nước Tần, cũng hết sức phiền não. Cưu Ma La Thập đại sư khuyên quốc vương: “Trận này đánh không nổi, có đánh cũng không thể thắng, thương vong bao nhiêu người rồi rốt cuộc vẫn phải để cho tôi đi”. Vua nước Khuru Từ bèn giao đại sư La Thập ra, nước Tần không đánh nữa, triệt thoái quân đội. Cưu Ma La Thập đại sư đến Trung Quốc là như vậy đó.

Người Trung Quốc biết là của báu, của báu thì người ta không chịu nhả, làm cách nào đây? Bức người ta không nhả ra cũng không được! Nhưng khi La Thập đại sư đến Trung Quốc, quý vị phải biết Ngài từ chỗ này là khu vực phía Nam rừng Thiên Sơn thuộc Tân Cương đến Trường An phải đi mất mấy tháng. Lúc trở về, Lữ Quang đi đến Lương Châu (nay là tỉnh Cam Túc), từ Trường An đưa tin tới, Phù Kiên đã mất rồi. Phù Kiên đã mất, họ Lữ không trở về Trường An nữa. Lúc ấy, đất nước của Phù Kiên phát sanh chánh biến (biến cố chánh trị): Đại tướng Diêu Trành gây chánh biến, trở thành hoàng đế, cũng đặt quốc hiệu là Tần, tức nhà Diêu Tần. Diêu Trành và Lữ Quang cùng là tướng quân, Lữ Quang không phục. Bởi thế, họ Lữ chiếm cứ vùng Lương Châu, tự xưng là Lương Vương. Cưu Ma La Thập đại sư lại ở Tây Lương mấy năm. Lữ Quang không biết dùng Ngài, cũng giống như Ngài bị giam lỏng ở nơi ấy vậy. Họ Lữ biết Ngài rất tài hoa, rất thông minh, cũng chẳng thả cho Ngài trở về [nước Khuru Từ], mà cũng chẳng giao Ngài qua nước Tần.

Đến khi Diêu Trành chết, Lữ Quang cũng chết, đến đời sau, lúc Diêu Hưng tức vị, mới thỉnh đại sư La Thập đến Trường An, lúc đó Ngài đã già. Vì thế, đại sư La Thập chỉ theo đuổi việc dịch kinh ở Trung Quốc

được bảy năm bèn viên tịch, nhưng ảnh hưởng của bảy năm ấy thật phi phàm! Từ chỗ này, quý vị hãy chú tâm lãnh hội: Thiện căn đúng là có, dù có, nhưng nhiều hay ít khác nhau. Phù Kiên và Diêu Trành thiện căn không nhiều, đến đời con kế thừa ngôi vua, Diêu Hưng khá lắm. Ông ta thực sự là người hữu tâm. Lúc ấy, đất nước của họ Diêu rất cường thịnh, Lữ Quang đã chết, cháu là Lữ Long kế vị, sức nước nhà suy nhược, địch không lại nước Tần. Bởi thế, phải giao đại sư La Thập ra, đưa đến Trường An. Quý vị thấy những người đó trong thuở ấy đều là có thiện căn, nhưng nhiều hay ít khác nhau, phước đức lớn hay nhỏ cũng sai khác.

Trong mấy năm ngài La Thập dịch kinh, họ Diêu ở phương Bắc hưng vượng nhất. Ngài thực sự có trí huệ, không những có tu hành, mà còn là một vị cao tăng đặc đạo, đúng là quốc bảo, chúng ta phải hiểu điều này! Nếu chúng ta có duyên phận gặp gỡ [một vị như thế], nhất định phải biết “*thỉnh Phật trụ thế*”. Dầu Ngài chẳng phải là Phật, chỉ là thiện tri thức, chúng ta cũng phải thỉnh Ngài sống lâu nơi đây, đến dựng đạo tràng, trường kỳ giảng kinh, thuyết pháp, hoằng pháp lợi sanh.

Trong quá khứ, chúng tôi sống ở Đài Loan, cụ Lý Bình Nam hiện thân cư sĩ; người Đài Trung có thiện căn, có phước đức, nên lão nhân gia trụ tại Đài Trung. Ngài giáo hóa rất nhiều năm dường ấy, các địa phương thuộc Nam Bắc Đài Loan đều biết đến Ngài, cũng đều muốn thỉnh Ngài, Ngài không đi, cứ ở Đài Trung. Dùng phương pháp gì để lưu lại được? Không có gì khác cả! Ngài không cần danh, cũng không màng lợi, bởi thế, cái lưu giữ Ngài không phải là danh lợi, mà là gì? Hiếu học! Người Đài Trung thân cận Ngài, thực sự học tập theo Ngài. Người hiếu học nhiều như thế, Ngài không thể đi được!

Tuyệt đối chẳng vì lợi dưỡng! Nếu vì lợi dưỡng thì khắp Nam Bắc như Đài Bắc, Cao Hùng, Đài Nam, chắc chắn đời sống vật chất khá hơn ở Đài Trung gấp bội, chắc chắn là như vậy! Nhưng trong những đô thị ấy, tâm tình học tập không được như thế. Kinh Phật thường nói: “*Phú quý tu đạo khó*”. Điều kiện sinh hoạt vật chất nơi đô hội cao, mọi người đều tranh danh đoạt lợi, đều hưởng thụ ngũ dục, lục trần. Dù có muốn học Phật thì ý nguyện và đạo tâm học Phật vẫn chẳng bằng người nơi nghèo khổ, lạc hậu. Vì thế, thiện tri thức chẳng nói “quý vị tiếp đãi tôi tốt đẹp như thế nào”! Không phải vậy! Có bao nhiêu người thực sự học, thực sự thực hành, mới thực sự giữ Ngài lại được. Thỉnh Phật trụ thế không phải là ta đãi ngộ tốt đẹp như thế nào, không phải vậy! Thực sự chịu học, Ngài bèn đến; thực sự chịu học, người khác muốn thỉnh cũng

không được. Chúng ta phải hiểu đạo lý này! Gặp được một vị chân thiện tri thức, làm sao giữ được Ngài, tuyệt đối không phải là điều kiện vật chất! Các Ngài coi nhẹ những thứ ấy, mà [quan trọng] là có người thực sự học theo Ngài hay không!

Người thực sự học không cần nhiều, từ ba đến năm người, tám người, mười người là quý lắm rồi. Ở chỗ ấy, Ngài có thể truyền thọ đạo nghiệp, người thế gian chúng ta gọi [chuyện này] là “*huương hỏa đại đại tương truyền*” (huương hỏa lưu truyền đời đời), phải như vậy đó! Dẫu chỉ có một người, Ngài cũng không thể vứt bỏ; trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai! Người ấy đâu phải người học Phật tầm thường, người học Phật tầm thường chẳng thể thành tựu. Người ấy là ai? Là một người có thể thực sự thành tựu, người như vậy không thể bỏ được! Người ấy có thể truyền pháp! Đạt Ma Tổ Sư đến Trung Quốc gặp Huệ Khả, một người thôi, chỉ một người là được rồi! Ngài truyền được pháp, truyền đến đời thứ sáu là Huệ Năng đại sư, duyên chín muồi, xiển dương rộng lớn! Xiển dương rộng lớn, phổ độ chúng sanh không nhất định nằm trong tay mình, bản thân không có duyên phận, không có duyên phận là do phước đức không nhiều. Giáo hóa chúng sanh phải có phước đức. Phước đức, nhân duyên đấy nhé!

Bởi thế, chúng ta phải biết đạo lý này, biết vô lượng vô biên phước báo ấy. Do quý vị thỉnh chuyện pháp luân, quý vị phải biết vị pháp sư, đại đức, thiện tri thức ấy giảng một bộ kinh ở đây, chẳng nề hà thời gian dài hay ngắn, hễ duyên chín muồi, người ta nghe kinh khai ngộ, giác ngộ, minh bạch. Duyên chưa chín muồi, thiện căn chưa chín muồi thì cũng đã gieo thiện căn, bao nhiêu người được lợi ích! Được lợi ích như thế nào? Quý vị thỉnh vị thiện tri thức ấy đến giảng kinh, quý vị đã gieo phước đức rất lớn. Ngoại trừ những người ấy ra, con mắt thịt của chúng ta chẳng thấy quý thân cũng được lợi ích càng nhiều hơn nữa, chúng ta mắt thịt không thể thấy được! Chúng sanh trong chín pháp giới đều được lợi ích. Quý vị thấy như trong phần trên đã nói là “lục thú, tứ sanh”, có bỏ công không chứ?

Nếu nói lưu thiện tri thức ở lại một chỗ nào, thì ở chỗ ấy thực sự phải có mấy người thực sự học theo Ngài, chẳng phải miệng nói xuông đâu! Thực sự là ở nơi đó có mấy người có thể tin, có thể hiểu, có thể hành, thực sự có thể y giáo phụng hành. Không nghi hoặc, nghe có thể hiểu được, có thể lý giải, thực sự thực hành, nếu quý vị thỉnh vị thiện tri thức ở lâu tại nơi đó sẽ không có vấn đề gì, Ngài nhất định đáp ứng. Chẳng phải chỉ nhằm thành tựu mấy người đó, mục đích không phải chỉ

có vậy, mà nhằm thành tựu mục đích khiến cho đại pháp được tồn tại lâu dài trong thế gian. Đại pháp muốn tồn tại lâu dài trong thế gian phải có truyền nhân, ở nơi này quả thật có người truyền pháp, trong tương lai Ngài ra đi, sau này có người thay thế. Quả thật có một người thì Ngài chẳng buông bỏ; nhất định Ngài có duyên với nơi này. Thỏa điều kiện ấy, Ngài rất vui thích ở lại đây. Nếu quả thật nhận thấy có người như vậy, dù nơi ấy thiếu điều kiện, ngoại duyên bất hảo, Ngài vẫn khuyên người như vậy đến học tập với Ngài, ta thường gọi là “*niếp thọ chúng sanh*”, Ngài chẳng vứt bỏ.

Đương nhiên, nhân tố trọng yếu nhất ở đây chính là thầy trò cũng phải có duyên phận, không có duyên không được! Thầy và trò có duyên, học trò và thầy có duyên thì mới có thành tựu. Nếu thầy là vị thầy tốt, học trò cũng là học trò tốt, nhưng không duyên, miễn cưỡng cũng không được. Chuyện ấy chỉ có thể gặp gỡ, chứ không thể cầu, quả thật chẳng dễ đâu! Học trò mong tìm được một vị thầy giỏi khó lắm! Vị thầy giỏi muốn tìm được một đứa học trò để có thể truyền đạo nghiệp của chính mình càng khó hơn nữa, tìm ở chỗ nào? Trong Phật pháp thường gọi điều này là “duyên phận”. Không có duyên phận, làm vị thiện tri thức sau khi vãng sanh, đạo nghiệp bị thất truyền, không có ai truyền hết! Chuyện như vậy từ xưa đến nay rất nhiều, làm cách nào đây? Trước kia, các vị bèn viết sách. Ta không có học trò để truyền cái pháp của ta thì ta soạn sách lập thuyết, hy vọng dùng sách vở truyền lại, truyền cho người đời sau hữu duyên. Sau này kẻ có duyên đọc được trước tác của vị ấy, khai ngộ, thậm chí chứng quả, dùng phương pháp ấy.

Trong Nho Gia, Mạnh Tử được truyền pháp của Khổng Tử cũng theo phương pháp ấy. Trong thời Mạnh Tử, Khổng Tử đã qua đời rồi, Mạnh Tử tìm được trước tác của Khổng Tử, làm “*tư thực đệ tử*”⁷⁰ của Khổng Tử, hoàn toàn y giáo phụng hành. Ngài thực sự học thành công, trở thành truyền nhân của Khổng Tử. Khổng Tử và Mạnh Tử chưa hề gặp nhau. Trong nhà Phật chúng ta, thí dụ rõ ràng nhất là Ngẫu Ích đại sư và Liên Trì đại sư. Liên Trì đại sư ra đời sớm hơn, khi ngài Ngẫu Ích

⁷⁰ Tư thực: Ở đây, chữ Thực (淑) thuộc bộ Thủy, khác với chữ Thực (塾) bộ Thổ (chữ Tư Thực với bộ Thổ có nghĩa là trường tư), từ điển Từ Hải giảng: “*Vị thân thọ nghiệp nhi tư tâm cảnh ngưỡng hiệu pháp đích ý tứ*” (có nghĩa là: Chưa đích thân theo học với thầy, tự ý kính ngưỡng, học theo). Gọi là “tư thực đệ tử” vì Mạnh Tử ra đời, Khổng Tử đã mất, không thể đích thân học với Khổng Tử, nhưng thầy Mạnh hâm mộ giáo pháp của Khổng Tử nên học theo và xiển dương rực rỡ giáo thuyết của Khổng Tử, nên Nho Gia tôn xưng Mạnh Tử là Á Thánh.

quy y học Phật, Liên Trì đại sư đã vãng sanh. Ngài Ngẫu Ích đọc trước tác của Liên Trì đại sư. Hiện nay, trước tác của Liên Trì đại sư ở chỗ chúng ta cũng có. Liên Trì Đại Sư Toàn Tập hiện tại gồm bốn cuốn, đóng bìa cứng. Ngài học theo Liên Trì đại sư, thực sự học thành công, trở thành nhất đại tổ sư của Tịnh Độ tông, là tư thực đệ tử của ngài Liên Trì. Cổ nhân dùng phương pháp ấy!

Hiện tại, khoa học phát đạt, thuận tiện hơn trước kia nhiều lắm, hiện tại làm cách nào? Không có truyền nhân thì có thể thâm hình, có thể thâm âm, dùng băng thâm âm, thâm hình để lưu truyền hồng đời hậu nhân. Sau này người có duyên xem đến, học tập từ đây thì cũng có thể thành tựu. Trước kia chỉ nhờ vào sách, tức văn tự. Nay có những máy móc ấy, tiện hơn nhiều lắm. Bởi thế, hiện tại khoa học tiến rất xa, trước kia không có cách gì! Khoa học tiến triển tạo thuận lợi cho con người hiện tại, công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn!

Bây giờ đã hết giờ rồi.

Tập 25

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp tiêu đoạn thứ năm:

“A Di Đà Phật thị vạn đức hồng danh, dĩ danh triệu đức, khánh vô bất tận. Cố tức dĩ chấp trì danh hiệu vi Chánh Hạnh, bất tất cánh thiệp quán tưởng, tham cứu đẳng hạnh, chỉ giản dị, chỉ trực tiếp dã” (A Di Đà Phật là vạn đức hồng danh, dùng danh để chiêu vời đức không còn sót chút nào. Vì thế, bèn lấy chấp trì danh hiệu làm Chánh Hạnh, chẳng cần phải tu kèm thêm các hạnh quán tưởng, tham cứu..v.v.. [Trì danh niệm Phật] hết sức đơn giản, dễ dàng, hết sức thẳng chông). Tiêu đoạn này chỉ cho chúng ta thấy chỗ thù thắng chẳng thể nghĩ bàn của pháp môn này, đúng là pháp khó tin, quá dễ dàng, quá đơn giản; bởi thế, rất nhiều người được biết đến pháp này nhưng không thể nào tiếp nhận được.

Danh hiệu A Di Đà Phật là vạn đức hồng danh, nghĩa là sao? Danh hiệu ấy là danh hiệu của tự tánh, là danh hiệu của Tánh Đức. A Di Đà Phật là tiếng Phạn, nếu chiếu theo mặt chữ để dịch nghĩa ra thì A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật dịch là Giác, hoặc là Trí; dịch nghĩa toàn bộ danh hiệu sang tiếng Hán là Vô Lượng Trí hoặc Vô Lượng Giác. Quý vị hãy suy nghĩ danh hiệu này, Vô Lượng Trí là bản thể của tự tánh; Vô Lượng Giác là đức dụng của tự tánh, bao quát hết sạch! Bởi thế, cổ đức

gọi danh hiệu này là “vạn đức hồng danh”, tức danh hiệu [nêu lên] toàn thể đại dụng của Chân Như tự tánh.

“*Dĩ danh triệu đức, khánh vô bất tận*” (Dùng danh hiệu để chiêu vời đức trọn chẳng còn sót): Danh nhất định phải tương ứng với Thực. Chúng ta niệm danh hiệu này để chiêu vời đức của ai? Chiêu vời đức của tự tánh, chiêu vời lấy tánh đức của chính mình. Nói cách khác, dùng một câu danh hiệu để kêu gọi, lay tỉnh tự tánh, tìm lại Tánh Đức của chúng ta. Thể và Dụng trong tự tánh của chúng ta không hề bị mất, chỉ bị gì? Bị mê mà thôi! Dùng một câu Phật hiệu này để phá vỡ cái ải mê muội, hồng chuộc lại Thể và Dụng của tự tánh. Nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này, ắt mới chết sạch ý tưởng so đo, khiêm hư sát đất chấp trì danh hiệu, mới hiểu danh hiệu này và pháp môn này; mà cũng chẳng thể tìm đâu ra pháp môn nào khác thù thắng hơn được pháp môn này; đã thế, pháp môn này lại rất dễ dàng, rất đơn giản!

Tất cả hết thảy mọi thứ trong khắp hư không pháp giới đều bao gồm trọn vẹn trong danh hiệu này, “*khánh vô bất tận*” (trọn không còn sót). Trong Phật pháp có hai câu nói nếu như chúng ta thực sự có thể lãnh hội được thì quý vị sẽ hiểu rõ [vì sao nói “*khánh vô bất tận*”]: “*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”; hai câu này chúng ta nghe đã quen tai, cũng như nói quen miệng, nhưng chúng có nghĩa là gì vậy? Người thực sự hiểu được không nhiều, đó là toàn thể pháp giới đây. Con người hiện tại bảo là vũ trụ; còn trong Phật pháp gọi là pháp giới. Chữ “*pháp giới*” hay hơn chữ “*vũ trụ*” nhiều, vì sao? Trong danh từ “vũ trụ” không có “linh tri”, trong pháp giới có “linh tri”. Pháp giới sống động, vũ trụ chết cứng. Vì thế, từ ngữ “pháp giới” hay hơn “vũ trụ”. Phạm vi của vũ trụ không lớn như pháp giới, bởi lẽ, pháp giới trùng trùng vô tận. Pháp giới không có lớn - nhỏ, không có đến - đi, không có sau - trước, không có sanh - diệt, không có hữu - vô, màu nhiệm đến mức cùng tuyệt, chẳng thể nghĩ bàn! Chữ “vũ trụ” không chứa đựng những tư tưởng ấy.

Danh tướng trong Phật học rất thù thắng! Danh dùng để chiêu vời đức. Danh hiệu A Di Đà Phật là tổng danh hiệu (danh hiệu chung, danh hiệu tổng quát). Nói theo danh từ, thuật ngữ trong Phật pháp, danh hiệu ấy là tổng danh hiệu, [có nghĩa là] danh hiệu của tất cả hết thảy chư Phật đều lưu xuất từ danh hiệu này, danh hiệu của tất cả hết thảy Bồ Tát cũng lưu xuất từ danh hiệu này; tất cả hết thảy danh hiệu của hết thảy chúng sanh vẫn không thể tách rời được danh hiệu này. Đó chính là điều được phô diễn bởi kinh Hoa Nghiêm, chúng tôi đã đọc thấy như vậy trong phẩm Như Lai Danh Hiệu. Bởi vậy, “*tức dĩ chấp trì danh hiệu vi Chánh*

Hạnh” (liền lấy chấp trì danh hiệu làm Chánh Hạnh). Tu pháp môn Tịnh Độ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới phải tu như thế nào? Chánh Hạnh, tức phương pháp tu hành chánh thức, chính là Niệm Phật. Phật pháp phải phá chấp trước, nhưng pháp môn này lại dùng chấp trước, tức là chấp trước danh hiệu; ngoại trừ danh hiệu ra, tất cả hết thảy những thứ chấp trước khác đều buông xuống, không còn chấp trước nữa, chỉ chấp trước danh hiệu mà thôi! Giữ gìn sao cho niệm niệm không đánh mất danh hiệu này là Trì (持); niệm niệm đều là A Di Đà Phật, đó chính là Trì. Hãy nhớ kỹ! A Di Đà Phật là “Vô Lượng Trí, Vô Lượng Giác”; nói cách khác, niệm niệm giác chứ không mê, niệm niệm chánh chứ không tà, niệm niệm tịnh chứ không nhiễm, đó là tự tánh A Di Đà! tự tánh Tam Bảo, Tam Bảo là nhất thể, một nhưng ba, ba mà một!

Ngoài ra, quán tưởng, tham cứu, trì chú, nghiên cứu giáo pháp thảy đều không cần đến, chẳng cần phải xen tạp những thứ ấy, cứ niệm một câu A Di Đà Phật đến cùng cực! “*Chí giản dị*” (hết sức đơn giản, dễ dàng); chí (至) là đạt đến mức cùng cực, đơn giản đến cực độ, dễ dàng đến hết mức. Đơn giản, dễ dàng; lại còn thẳng chổng, không vòng vèo, thẳng chổng hướng về đâu? Thẳng chổng đạt đến minh tâm kiến tánh, thẳng chổng đạt đến Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thẳng chổng đạt đến Phật quả viên mãn rốt ráo. Bởi thế, có người hỏi (không phải người hiện tại hỏi, mà là cổ nhân hỏi): “Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ tu pháp môn nào?” Thuyết giáo thích ứng căn cơ, [bèn đáp]: “Tùy thuộc quý vị muốn tu pháp môn nào, có thể thành tựu được pháp môn nào. Hoan hỷ!” Rất hay! Thừa thật cùng quý vị: Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị sẽ đổi chủ ý. Đổi chủ ý ư? Chỉ một câu A Di Đà Phật này niệm đến cùng cực, không còn hành pháp môn nào khác nữa. Vì sao? Tất cả hết thảy pháp môn đều bao trọn trong một câu A Di Đà Phật, tức là “*vạn pháp quy nhất*”, “*nhất*” là tự tánh. A Di Đà Phật là tánh thể, tánh đức, tánh tướng, tánh dụng.

Vì vậy, chỉ cần quý vị khế nhập cảnh giới – trong kinh luận, tổ sư đại đức đã nói rất rõ – nếu quý vị niệm Phật đạt đến Lý nhất tâm bất loạn sẽ tự nhiên thông đạt tất cả hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian, quý vị còn phải học nữa ư? Bất luận pháp môn nào, có ai đến thỉnh giáo, quý vị sẽ đối đáp như nước chảy, chẳng cần phải suy nghĩ. Lạ lùng thay! Chẳng thể nghĩ bàn được! Trên thực tế, không lạ lùng chút nào hết! Do nguyên nhân nào? Pháp thế gian hay xuất thế gian đều do tự tánh biến hiện ra, đã do tự tánh biến hiện thì chỉ cần thấy được tánh, há có đạo lý nào chẳng biết? Quý vị chẳng hiểu rõ, chẳng hay biết duyên do cũng như

nguyên nhân căn bản của hết thấy các pháp là vì sao? Vì quý vị mê mất tự tánh vậy!

Lúc niệm một câu A Di Đà Phật này đạt đến Lý nhất tâm bất loạn, thấy thấu suốt tự tánh, thấy trọn vẹn tự tánh, há lẽ chẳng thể giải quyết vấn đề ư? Há còn tìm lấy những phiền phức khác nữa ư? Những thứ phiền toái khác xen tạp vào đây là vì trong thế gian có những kẻ không biết, cứ đề xướng Thiền Tịnh song tu, Mật Tịnh song tu, lại còn có kiểu gì nữa? Thiền Tịnh Mật tam tu. Mọi người thế gian chúng ta thoát nghe thấy vậy, ngỡ là thật siêu phàm, cao minh hết sức! Thật ra, người nội hạnh⁷¹ biết kẻ ấy chỉ ôm đồm, dẫu có thể thành tựu đi nữa, cũng chẳng thể thành tựu sâu xa được! Vì sao? Tinh thần, sức lực bị phân tán, chia thành hai mặt, ba mặt, chẳng chuyên chú! Muốn thành tựu nhanh chóng thì phải chuyên chú nơi một môn, một mục tiêu, một phương hướng, nhanh chóng lắm! Không gì nhanh hơn thế! Cùng đi hai con đường một lúc, cùng đi ba con đường một lúc, khó lắm nghe! Chẳng dễ đâu, chậm chạp lắm! Bởi thế, pháp môn này thẳng chóng đạt thành đạo Vô Thượng, chúng ta phải hiểu cho rõ. Chỉ có thực sự hiểu rõ thì lòng tin mới kiên cố, nguyện mới không nghi, quyết định chẳng biến đổi, pháp môn chẳng thể nghi bần! Tiếp theo là tiểu đoạn thứ sáu:

“*Biệt minh Tam Huệ*” (Riêng nói về Tam Huệ): Tam Huệ là pháp được tu bởi Đại Thừa Bồ Tát. Văn, Tư, Tu là Tam Huệ. Ở đây, lại chia thành ba tiểu đoạn:

1) Tiểu đoạn thứ nhất, “*cụ túc Tam Tư phương danh Văn Huệ*” (đầy đủ ba món tư lương mới gọi là Văn Huệ), rất khó được! Nguyên văn trong sách Yếu Giải là “*văn nhi tín, tín nhi nguyện*” (nghe rồi tin, tin rồi nguyện). Nguyện rồi lại có thể chấp trì, “*nãi khẳng chấp trì, bất tín, bất nguyện, dữ bất văn đẳng! Tuy vi viễn nhân, bất danh Văn Huệ*” (dẫu chịu chấp trì, nhưng chẳng tin, chẳng nguyện, cũng giống như là chẳng được nghe, tuy tạo thành cái nhân xa xôi, nhưng chẳng thể gọi là Văn Huệ). Đó là nguyên văn trong sách Yếu Giải. Nếu không đầy đủ ba điều kiện này thì chỉ gọi là Văn (nghe), chứ không thể gọi là Văn Huệ. Đối với ba Huệ này, chỉ có thể gọi là Văn, Tư, Tu, chứ không có chữ Huệ. Phàm phu có Văn, Tư, Tu nhưng không có Huệ. Chẳng những phàm phu không có, xin thừa cùng quý vị, ngay cả Nhị Thừa cũng không có. Nhị Thừa tu Tam Học, Tam Học là Giới, Định, Huệ; Bồ Tát tu Tam Huệ Văn

⁷¹ “Nội hạnh nhân” là người thực sự tu tập, thông hiểu pháp môn, thật tu, thật chứng, khác với “ngoại hạnh nhân” là người chỉ biết lý thuyết chung chung, nói xuông.

- Tur - Tu, Bồ Tát cao hơn Nhị Thừa.

Tam Huệ là Huệ nào? Chính là Huệ trong Giới - Định - Huệ; bởi lẽ, không có Giới, không có Định, lấy đâu ra Huệ? Nhất định phải hiểu rõ những thuật ngữ danh tướng này, nhất định chớ nên hiểu lầm. Đối với Giới - Định - Huệ, trí huệ mở mang, nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ, trí huệ mở mang! Trí huệ áp dụng vào cuộc sống thường nhật, áp dụng vào công việc, thể hiện trong cách xử sự, đối người, tiếp vật, hoàn toàn là trí huệ. Sống trong trí huệ thì gọi là Tam Huệ, Tam Huệ Văn - Tur - Tu. Văn là gì? Văn là tiếp xúc: Mắt tiếp xúc sắc tướng, tai tiếp xúc âm thanh, mũi tiếp xúc mùi vị, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài. Vừa tiếp xúc bèn hiểu rõ; thông đạt, hiểu rõ thì gọi là “*khai huệ*”. Bởi thế, chữ Văn (nghe) đại diện cho sự tiếp xúc; dùng một chữ để đại diện chung, sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài gọi là Văn. Huệ là hiểu rõ, thông đạt, hiểu tường tận. Trong sự hiểu rõ ấy, chắc chắn không lầm lẫn. Vì thế, từ sự tiếp xúc mà gọi là Văn, từ sự hiểu rõ bèn gọi là Tur.

Nói chung, bọn phàm phu chúng ta thường hay nghĩ: “Ta hiểu rõ rồi!” Các Ngài (các vị Bồ Tát) không cần nghĩ, vừa tiếp xúc bèn hiểu rõ, hể hiểu rõ bèn chắc chắn không lầm lẫn; không lầm lẫn thì gọi là Tur. Bởi vậy, Văn - Tur - Tu chỉ là một chuyện, tuyệt đối không gồm ba giai đoạn; chẳng phải là nghe xong mới bèn suy nghĩ, suy nghĩ xong xuôi mới bắt đầu tu, đó là gì vậy? Là phàm phu đây, còn Bồ Tát thì sao? Tam Huệ Văn - Tur - Tu một nhưng ba, ba nhưng một, hoàn thành trong một sát-na, không có thứ tự trước - sau gì cả! Có như vậy mới là Bồ Tát. Nghe xong, thấy xong còn phải suy nghĩ thì chưa phải là Bồ Tát, họa chăng là Nhị Thừa; tuyệt đối chẳng rơi vào ý thức, cũng nhất định không phân biệt, không vọng tưởng, chấp trước, mà thông đạt, hiểu rõ. Tây Phương Cực Lạc thế giới là Đại Thừa, không phải là Tiểu Thừa. Vì thế, Tam Huệ nói ở đây là vừa nghe đến danh hiệu A Di Đà Phật, vừa tiếp xúc bèn tin sâu chẳng nghi, bèn phát nguyện cầu vãng sanh, bèn phát phước niệm Phật. Đó là Văn Huệ. Người như vậy thực sự thông minh, không hoài nghi, không xen tạp, thực sự thực hành, thực sự thành tựu! Chúng ta xem tiếp điều kiện thứ hai.

2) “*Tịnh niệm tương kế, vô hữu gián đoạn, cố danh Tur Huệ*” (Tịnh niệm tiếp nối, không gián đoạn, nên gọi là Tur Huệ). Ở đây, Ngẫu Ích đại sư giảng rộng hơn một chút, “*chấp trì tắc niệm niệm ức Phật danh hiệu, cố thị Tur Huệ*” (chấp trì là niệm niệm nhớ đến danh hiệu Phật, ấy là Tur Huệ). Niệm Phật: Niệm ở đây không phải là miệng niệm; vì thế, chẳng thể thêm chữ Khẩu vào chữ Niệm trong từ ngữ “niệm

Phật”. Có rất nhiều người thêm chữ Khẩu vào là sai mất rồi, hoàn toàn chẳng hiểu được ý nghĩa chữ Niệm Phật. Niệm Phật là trong tâm thực sự có Phật. Chữ Niệm trong tiếng Hán là hội ý⁷², xem cách viết chữ Niệm (念), quý vị sẽ hiểu được ý nghĩa: “Kim tâm” (今心), Kim (今) là hiện tại, trong cái tâm hiện tại có Phật thì gọi là Niệm Phật, chứ không nhất định phải niệm tại miệng, trong tâm thực sự có. Trong tâm không có Phật, có Phật ngoài miệng thì chẳng linh nghiệm, chẳng cảm ứng. Trong tâm thực sự có Phật, dầu miệng không có, liền có cảm ứng.

Vì sao vẫn cần phải niệm Phật ra tiếng? Trong tâm có Phật là tự lợi, niệm Phật ra tiếng là lợi tha. Dem Phật hiệu niệm ra không nhằm niệm cho chính mình, mà là niệm cho người khác nghe, niệm cho hết thảy chúng sanh nghe. Ta dẫn dắt hết thảy chúng sanh niệm Phật. Vì thế, niệm Phật ra tiếng công đức rất lớn, tự lợi, lợi tha. Nếu không niệm Phật ra tiếng thì chỉ có thể tạo lợi ích cho những người có công phu Thiền Định Bát Nhã khá sâu, vì sao? Những người ấy trông thấy tướng trạng [người niệm Phật] bèn được lợi ích. Đối với người có định lực và trí huệ Bát Nhã rất sâu thì nếu trong tâm quý vị có Phật, tướng trạng của quý vị sẽ khác hẳn. Tức là như thường nói “*một niệm tương ứng Phật, niệm niệm tương ứng Phật*”. Trong tâm quý vị tưởng Phật, Phật hiện hữu trong tâm. Phật ở trong tâm bèn gia trì quý vị, tự nhiên gia trì, thân quý vị phóng quang minh sắc vàng ròng, tướng mạo đoan nghiêm, từ bi, an tường, người khác (tức người có trí huệ và định lực sâu) nhìn vào có thể thấy thân quý vị phóng quang, quang minh sắc vàng ròng, nhưng phàm phu chẳng được lợi ích, vì phàm phu không thấy được, họ đâu có năng lực ấy!

Thế nhưng niệm Phật [ra tiếng] lại thích hợp, vì nhĩ căn của phàm phu lan lợi nhất, [trong kinh Lăng Nghiêm, Văn Thù Bồ Tát nói]: “*Sa Bà chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn*” (chân giáo thể cõi Sa Bà thanh tịnh nơi nghe tiếng). Bởi vậy, nếu quý vị niệm ra tiếng, rất nhiều chúng sanh vốn không có cách gì trừ được nghiệp chướng rất sâu, họ không tin tưởng, không tiếp nhận; dù họ không tin tưởng, không tiếp nhận, nhưng vẫn nghe thấy, nghe thấy thì sao? Gieo chủng tử vào A Lại Da Thức. Bởi thế, niệm Phật ra tiếng độ khắp ba căn, thâm tóm lợi căn lẫn độn căn. Đây chính là chỗ hay của việc Niệm Phật. Tâm chân thành, nguyện vọng

⁷² Hội ý: Một trong sáu cách tạo chữ của tiếng Hán, ghép hai hay nhiều chữ lại để tạo thành một chữ mới. Chẳng hạn chữ Niệm ở đây gồm hai chữ Kim và Tâm ghép lại. Hoặc như chữ Minh (明: sáng) được ghép bởi hai chữ Nhật (日) và Nguyệt (月).

khẩn thiết cầu sanh Tịnh Độ. Đó là Tư Huệ.

Đại sư giảng cho chúng ta biết có Sự Trì và Lý Trì. “Trì” là trì danh.

1) Thế nào là Sự Trì? Sự là trên mặt sự tướng. “*Quyết chí cầu sanh*”, ta có chí nguyện quyết định cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tiếp đó là một câu tỷ dụ: “*Như tử ước mẫu*” (như con nhớ mẹ), giống như con tuy ở phương xa vẫn thường nhớ đến mẹ. Con không nói nhớ mẹ, nhưng trong tâm thực sự nghĩ đến. “*Vô thời tạm quên*” (không lúc nào tạm quên), đúng là trong hết thấy thời, tại hết thấy chỗ, trong tâm người ấy luôn chẳng rời mẹ, đó là Sự Trì. Thế nhưng con người hiện tại không được như vậy, đã sớm quên mẹ rồi. Thời cổ dùng tỷ dụ này thì đúng, đối với người hiện tại thì không đúng. Thời cổ được dạy từ nhỏ, cha mẹ dạy dỗ, thầy dạy dỗ, trưởng bối dạy dỗ, quan niệm hiếu thuận in sâu trong tâm. Đúng là niệm niệm không quên, tâm hiếu thuận! Nay từ nhỏ cha mẹ đã không dạy, ở trường học thầy cũng không dạy, trưởng bối cũng không dạy, chẳng hiểu thế nào là hiếu đạo!

Nhất là trong xã hội hiện thời là xã hội theo chủ nghĩa công lợi⁷³, chúng ta hãy lắng lòng quán sát xã hội theo chủ nghĩa công lợi, con người hiện tại trong xã hội cũng có một thứ “*không lúc nào tạm quên*”, lúc nào cũng nghĩ đến, cũng đều mong cầu, thứ gì vậy? Tiền! Nay chẳng thể nói là “*như con nhớ mẹ*”, phải nói là “*như nhớ tiền bạc*”! Niệm niệm chẳng quên vậy! Trong hết thấy thời, tại hết thấy chỗ luôn nghĩ đến, mẹ đã sớm bị quên mất rồi, có một thứ duy nhất luôn mong cầu. Chúng ta không học Phật sẽ không biết, sẽ giống hết người thế gian, cổ nhân bảo là “*nhân vị tài tử, diểu vị thực vong*” (người chết vì của, chim chết vì ăn). Ý niệm tham tiền tài trong xã hội hiện thời mạnh mẽ nhất, không gì mạnh hơn được, chỉ cần có tiền thì cha mẹ đều sớm vứt sạch hết; không như trước kia. Trước kia, cha mẹ đúng là quan trọng nhất, lại còn thù thắng hơn danh văn, lợi dưỡng nhiều; vì cha mẹ chuyện gì cũng vứt bỏ hết. Hiện tại, quan niệm biến đổi, ngày tháng đã khác rồi, không còn như vậy nữa.

2) Loại thứ hai là Lý Trì. Trên mặt lý luận, “*tâm tác, tâm thị, tâm - cảnh nhất như, Năng Sở bất nhị, tức thị Lý Trì*” (tâm làm, tâm là, tâm -

⁷³ Công lợi chủ nghĩa (Utilitarianism) là một học thuyết còn gọi là Maximum Happiness do John Stuart Mill và Jeremy Bentham đề xướng, nội dung chủ yếu coi mưu cầu hạnh phúc là mục đích rốt ráo, không cần biết đến phải sử dụng phương tiện nào.

cảnh hệt như một, Năng - Sở bất nhị, chính là Lý Tri). Cảnh giới này hết sức cao. “*Tâm tác*”, tâm này là Phật, tâm này làm Phật, tức là thực sự hiểu rõ chân tướng của vũ trụ vạn hữu. Phạm vi của hai chữ “*tâm tác*” rất rộng lớn, chữ “*tâm tác*” bao gồm điều được diễn tả trong kinh Hoa Nghiêm: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Kinh Hoa Nghiêm nói tám chữ, Tịnh Độ tông dùng hai chữ “*tâm tác*”. Tâm làm ra những điều gì? Hư không do tâm làm thành, “*tác*” là có thể biến, có thể hiện; hư không do tâm làm ra. Tâm là năng tác (cái có công năng làm ra, tức biến hiện ra), hư không là sở tác (cái được làm thành, hiện thành). Sát-độ (ksetra): Sát-độ là thế giới, đại thế giới, người hiện tại gọi là “*tinh hệ*” (galaxy). Tinh hệ giống như thế nào? Về mặt thường thức, tinh hệ lớn nhất được gọi là Ngân Hà Hệ. Ngân Hà Hệ là tinh hệ lớn nhất; nhưng theo kinh Phật giảng, Ngân Hà Hệ là nhỏ nhất.

Ngân Hà Hệ chỉ là một đơn vị thế giới, một ngàn Ngân Hà Hệ hợp thành một đại thế giới, gọi là Tiểu Thiên Thế Giới. Lại lấy một Tiểu Thiên Thế Giới làm đơn vị, hợp một ngàn Tiểu Thiên Thế Giới - quý vị hãy nhớ kỹ, một Tiểu Thiên Thế Giới là một ngàn Ngân Hà Hệ, một ngàn nhân một ngàn - trở thành một Trung Thiên Thế Giới. Rồi lại lấy Trung Thiên Thế Giới làm đơn vị, một ngàn Trung Thiên Thế Giới gọi là một Đại Thiên Thế Giới. Kinh Phật thường gọi Đại Thiên Thế Giới là “*thế giới*”, thuật ngữ Phật học gọi là một “*Phật sát*” (một cõi Phật). Do trong một cõi Phật có ba loại Thiên, tức Tiểu Thiên, Trung Thiên, Đại Thiên, nên gọi là Tam Thiên Đại Thiên Thế Giới. Kinh Phật giảng thế giới như vậy đó, chẳng thể nghĩ bàn!

Thế giới như vậy có phải là lớn nhất hay không? Không! Kinh Hoa Nghiêm nói lớn nhất là Thế Giới Chủng, trong một Thế Giới Chủng có vô lượng vô biên đại thế giới. Chúng ta đọc phẩm Thế Giới Thành Tựu và phẩm Hoa Tạng Thế Giới [của kinh Hoa Nghiêm] sẽ thấy. Phẩm Hoa Tạng Thế Giới có nói đến một Thế Giới Chủng, thế giới Sa Bà và thế giới Cực Lạc cùng nằm trong tầng thứ mười ba của Thế Giới Chủng ấy. Trong tầng đó có vô lượng vô biên tam thiên đại thiên thế giới, Sa Bà và Cực Lạc cùng nằm trong một tầng, chẳng thể nghĩ bàn! Kinh Phật nói trong hư không pháp giới có vô lượng vô biên Thế Giới Chủng như thế, tuyệt đối chẳng thể tính toán được nổi. Đại Thế Giới là như vậy đó.

Trong thế giới có rất nhiều chúng sanh, từ đâu mà có? “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, “*tâm tác*” đây! Tâm là năng tạo (chủ thể tạo dựng), Tác là tạo tác, tâm có thể tạo tác. Cái thân tôi, thân quý vị, thân người khác cũng đều do tâm tạo; thân của Thích Ca Mâu Ni Phật, thân

của Tỳ Lô Giá Na Phật, thân của A Di Đà Phật cũng là do tâm tạo. Hết thấy vạn pháp chẳng thể lìa khỏi tâm, tâm là năng biến (chủ thể có công năng biến hóa); vì thế, tâm là bản thể của vạn pháp. Kinh Lăng Nghiêm giảng “*thế giới, vi trần, nhân tâm thành Thể*” (thế giới, vi trần, do tâm mà thành Thể). Cái Thể ấy là hiện tượng, hiện tượng do đâu có? Do tâm biến ra, do tâm hiện ra. “*Tâm tác*” là như vậy.

Nay chúng ta giác ngộ, hiểu rõ sự tình này, “*tâm thị*” (tâm là), cái tâm của chúng ta đây chính là tâm Phật, là Phật. Cái tâm “*tâm tác*” là chân tâm, là bản tánh, nay chúng ta niệm Phật thì cái tâm niệm Phật này tương ứng với tự tánh, chân tâm, bản tánh, nên tâm này làm Phật. Ta phát tâm nhất định làm Phật, nên tương ứng với Phật. Quý vị thấy đó: Tâm ta vốn sẵn là Phật, hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, nay ta lại phát tâm muốn làm Phật thì nguyện vọng ấy chẳng uổng mất, trong một đời này, chắc chắn quý vị làm Phật, tín tâm vẹn mười, không có chút gì hoài nghi. Bởi vậy, chúng tôi thường nhắc nhở các vị đồng học: Tâm là Phật tâm, nguyện là Phật nguyện, giải là Phật giải, hạnh là Phật hạnh; tâm - nguyện - giải - hạnh phải cùng giống như Phật.

Tâm Phật là gì? Chúng ta chẳng thể nói từ mặt Tánh, nếu nói từ Tánh thì “*ngôn ngữ dứt bất, tâm hạnh xứ diệt*”, không thể diễn tả được, không thể nói ra được. Chúng tôi phải nói theo mặt Sự, chẳng nói từ mặt Lý, nói theo mặt Lý không được. Về Sự thì tâm chân thành, thường giữ lòng chân thành, tâm thanh tịnh, chẳng bị nhiễm ô bởi bất cứ điều gì, tâm bình đẳng không cao - thấp, tâm chánh giác không mê hoặc, tâm từ bi không tự tư. Nếu chúng ta khởi tâm động niệm đều hoàn toàn tương ứng với chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, thì tâm như thế là tâm Phật. Dùng cái tâm ấy để niệm A Di Đà Phật thì chính là tâm tâm tương ứng, vì sao? Tâm của A Di Đà Phật chính là tâm ấy, tâm ấy chính là tâm đại Bồ Đề. Chân thành là Thể, cái Thể của chân tâm, tâm chúng ta chân, tâm chúng ta thành, không có chút gì hư ngụy, không có chút gì hư giả, chính là tương ứng với cái Thể của chân tâm. Thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác là Tánh Đức của chân tâm; đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn là tác dụng của chân tâm. Đối với tự tánh, đối với Thể - Tướng - Dụng của chân tâm, ta đều tương ứng, dùng cái tâm ấy để niệm A Di Đà Phật, dùng cái tâm ấy để cầu sanh về Tịnh Độ, dùng cái tâm ấy để thân cận A Di Đà Phật thì tâm cảnh nhất như (tâm và cảnh giống hệt nhau).

Ông Âu Dương Cánh Vô bảo “*Phật giáo không phải là triết học*” là vì ý nghĩa trên đây. Trong triết học, tâm và cảnh đối lập; bởi thế, Phật pháp không phải là triết học. Trong Phật pháp, tâm và cảnh không đối

lập mà viên dung, thống nhất. Bởi thế, trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói như thế này: “*Bất nhất, bất dị*” (không một, không khác). Quý vị chẳng thể nói là một, vì sao? Nếu nói là một thì tâm là tâm, cảnh là cảnh, chẳng thể nói là một được! Quý vị cũng chẳng thể nói “không phải là một”; không phải là một vì tâm và cảnh do cùng một tánh biến hiện. Cách nói này không dễ hiểu cho lắm, chúng tôi dùng những vật dụng làm bằng vàng để tỷ dụ cho quý vị dễ hiểu hơn. Ví như quý vị có một cái nhẫn vàng, vàng ròng làm thành nhẫn, quý vị lại có một cái xuyên vàng; đem hai món đó bày ra nơi đây, quý vị nói xem: Chúng là một hay là hai? Nếu nói là một thì nhẫn không phải là xuyên, xuyên chẳng phải là nhẫn; nếu nói là hai thì chúng đều là vàng ròng, cái nhẫn là vàng ròng, cái xuyên cũng là vàng ròng, không khác gì nhau! Bởi thế, chẳng thể nói chúng là hai, nhưng cũng chẳng thể nói chúng là một, không phải một, cũng không phải hai, tâm - cảnh nhất như vậy!

Chữ “*như*” là luận về Tánh, nay chúng ta nói tới “*tâm*”, hoặc nói tới Bồ Đề tâm thì chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi là do tự tánh biến hiện. Hết thấy cảnh giới cũng đều do tự tánh biến hiện. Trong cảnh giới, nhỏ là thân thể chúng ta, hoặc cái gần sát thân thể ta nhất chính là áo lót mình, lớn là trọn khắp hư không pháp giới. Đó là Cảnh. Cái tâm của chúng ta trong hiện thời là tâm Duyên Lự, nó có thể tư duy, có thể tưởng tượng. Chúng ta dùng cái tâm Duyên Lự ấy, cái tâm ấy do Chân Tâm biến hiện, do Thức Tâm biến hiện. Toàn thể vũ trụ, toàn bộ pháp giới được gọi là Cảnh, cũng là do tâm này hiện, cũng do cái tâm này biến, không hai, không khác. Vì vậy, Năng - Sở bất nhị, câu này ý nghĩa rất sâu. Cái có công năng biến hiện (năng biến) là tự tánh; cái được biến (sở biến) chính là vạn pháp. Vạn pháp là Tướng, tự tánh là Thể, Thể không lìa Tướng, Tướng chẳng lìa Thể. Nếu Tướng lìa Thể thì Tướng chẳng thể tồn tại. Vì thế, hết thấy hiện tượng tất nhiên trọn đủ viên mãn đức năng trong thể tánh, nay chúng ta nói nó nhất định đầy đủ các bản năng (năng lực, khả năng sẵn có) của bản thể.

Bản năng của bản thể là gì? Trong Phật pháp gọi nó là “*linh tri*”; trong kinh Đại Thừa còn gọi nó là “*kiến văn giác tri*”. Kiến văn giác tri là bản năng của tự tánh, bất sanh, bất diệt, không đến, không đi, phi hữu, phi vô. Hết thấy vạn sự vạn vật được nó biến hiện to như thế giới, nhỏ như vi trần, đều do tâm mà thành Thể. Chúng (tức những sự vật được biến hiện bởi tâm) chẳng hề mất đi đặc tánh của tâm, đặc tánh của tâm là linh tri; vì thế, hết thấy vật đều sống động, không chết cứng. Tánh là sống động, nó biến ra mọi vật, làm sao mà chết được? Bởi thế, hết thấy

vạn sự vạn vật có bản năng thấy được, nghe được, cảm nhận được, biết được. Bọn phàm phu chúng ta tâm ý hời hợt, cứ tưởng thực vật và khoáng vật là vô tri vô giác, lầm rồi! Chúng đều hay biết, trong Phật pháp gọi [sự hay biết ấy] là linh tri, không gọi là tri giác mà gọi là linh tri!

Tiền sĩ Giang Bồn Thắng, họ là Giang Bồn (Emoto), không giống họ người Hoa chỉ có một chữ, họ là Giang Bồn, tên là Thắng (Masaru), qua thí nghiệm chứng minh nước (nước là vật chất) có đầy đủ những đặc tánh của tự tánh, cây cỏ cũng có đầy đủ những đặc tánh ấy, vi trần cũng có đủ. Vì thế, ông ta có thể thí nghiệm với bùn, cát, đá, thí nghiệm trên hết thấy vạn vật bèn phát hiện chúng đều có thể nghe, đều có thể thấy, đều có thể hiểu được ý tưởng của con người. Kinh Phật giảng rất rõ ràng, rất minh bạch. Chuyện hy hữu là ông ta dùng phương pháp thí nghiệm khoa học để chứng minh, nhưng mới chỉ chứng minh được một việc, sau này, ông ta sẽ dần dần thí nghiệm tất cả hết thấy vạn vật thấy đều có trọn đủ bản năng “thấy, nghe, hay, biết” của tự tánh.

Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp tiểu đoạn thứ hai, Tư Huệ “*tịnh niệm tương kế, vô hữu gián đoạn, cố danh Tư Huệ*” (tịnh niệm tiếp nối, không gián đoạn, nên gọi là Tư Huệ). Chúng tôi giảng đến phần Lý Trì. Chúng ta hãy đọc nguyên văn đoạn này trong sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư một lượt: “*Lý Trì giả, tín Tây Phương A Di Đà Phật thị ngã tâm cụ, thị ngã tâm tạo, tức dĩ tự tâm sở cụ sở tạo hồng danh, vi hệ tâm chi cảnh, linh bất tạm vong dã*” (Lý Trì là tín A Di Đà Phật ở Tây Phương có sẵn trong tâm ta, là do tâm ta tạo, bèn lấy cái hồng danh tâm mình sẵn có, do tâm mình tạo ra ấy để làm cảnh ràng buộc cái tâm sao cho chẳng tạm quên mất). Nguyên văn sách Yếu Giải viết như vậy, lúc chúng tôi giới thiệu có phần đơn giản hơn, dùng ba câu gồm mười hai chữ để nói “*tâm tác, tâm thị, tâm cảnh nhất như, Năng - Sở bất nhị*”. Đó là Lý Trì. Xin hãy xem tiếp tiểu đoạn cuối cùng.

“*Khắc kỳ biện sự, lợi căn nhất nhất tức bất loạn, trung hạ bất định, dần năng nhất tâm, giai đắc vãng sanh, danh Tu Huệ*” (Định kỳ hạn để tu tập thì hàng lợi căn trong một ngày liền bất loạn, trung hạ căn thì không nhất định, nhưng nếu có thể nhất tâm thì đều được vãng sanh,

gọi là Tu Huệ). Trong phần này, câu quan trọng nhất là “*đản năng nhất tâm, giai đắc vãng sanh*” (nhưng nếu có thể nhất tâm thì đều được vãng sanh). Do vậy, trong bản dịch kinh này của La Thập đại sư có câu “*nhất tâm bất loạn, tâm bất điên đảo*”. Hai câu này vô cùng trọng yếu, đều là Tam Huệ đầy đủ. Chỗ thù thắng khôn sánh của pháp môn Niệm Phật là thời gian học tập ngắn ngủi, không cần một thời gian quá dài, nhưng thành tựu thù thắng khôn sánh. Kinh Di Đà cho biết thời gian tu học phải mất bao lâu? Bảy ngày. Kinh Di Đà dùng con số Bảy để biểu thị pháp; nhưng ở đây kinh nói rõ ràng “*nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật, nhược tứ nhật*” (hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày) cho đến “*nhược thất nhật*” (hoặc bảy ngày). Vì sao? Nếu không ghi rõ như thế, chúng ta sẽ hiểu con số Bảy là biểu thị pháp, con số Bảy biểu thị sự viên mãn, chứ không nhất định là bảy ngày thực sự. Kinh đã dạy như vậy, chúng ta phải biết bảy ngày ở đây là nói trên mặt Sự, chứ không phải là biểu thị pháp, quả thực luận trên mặt Sự. Lợi căn là người có thiện căn hết sức sâu dày, người ấy niệm một ngày bèn nhất tâm bất loạn, có hay không? Có!

Trong kinh Địa Tạng, chúng ta thấy Bà La Môn nữ (cô gái thuộc giai cấp Bà La Môn) niệm Phật một ngày một đêm, quả thật niệm đến mức nhất tâm bất loạn, vì sao? Trong Định, cô ta đi thăm địa ngục. Quý vị thấy quỷ vương trong địa ngục trông thấy cô ta đi đến bèn ra tiếp đón, gọi cô ta là Bồ Tát, hỏi: “Bồ Tát đến đây có việc gì chăng?” Bà La Môn nữ là phàm phu, niệm đến mức nhất tâm bất loạn bèn thành Bồ Tát. Theo Đại Thừa, Sự nhất tâm chính là hàng Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín trong Viên giáo, từ Sơ Tín đến Thập Tín đều là Sự nhất tâm bất loạn. Ở phần trên, chúng tôi đã nói: Trong ba thứ Bất Thoái, Bồ Tát thuộc địa vị Thập Tín trong Viên Giáo đặc hai thứ Bất Thoái, một là Vị Bất Thoái, hai là Hạnh Bất Thoái. Nếu nhất tâm này là Lý Nhất Tâm Bất Loạn thì vị ấy là Pháp Thân Bồ Tát, thuộc vào địa vị từ Sơ Trụ trở lên trong Viên Giáo, phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh. Bà La Môn nữ niệm Phật suốt một ngày một đêm thì đạt được Lý nhất tâm bất loạn hay Sự nhất tâm bất loạn? Không dám chắc là Lý nhất tâm bất loạn, nhưng Sự nhất tâm bất loạn chúng ta dám đoan chắc. Sự nhất tâm đã bắt phàm rồi, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn sanh vào Phương Tiện Hữu Dư Độ.

Thế nhưng Tây Phương Tịnh Độ hết sức vô cùng đặc biệt, bốn cõi ở cùng một chỗ; bởi thế, sanh vào một cõi là sanh trong hết thủy cõi, sanh vào một cõi bèn đạt được cả bốn cõi, bất luận sanh vào cõi nào.

Công phu thành phiền sanh vào Phàm Thánh Đồng Cự Độ. Công phu thành phiền cũng là nhất tâm bất loạn, nhưng ở mức độ nông cạn nhất, không thực sự là nhất tâm bất loạn. Quý vị khuất phục được Kiến Tư, nhưng chưa đoạn được Kiến Tư phiền não, Sự nhất tâm là đoạn được Kiến Tư phiền não. Lý nhất tâm chẳng những đoạn được Kiến Tư phiền não mà Trần Sa phiền não cũng đoạn luôn, vô minh cũng phá được một phẩm; [người đạt được] Lý nhất tâm bất loạn là hạng lợi căn! Lợi căn và độn căn nhìn theo mặt Tướng, thì là một đẳng buông xuống được, một đẳng không buông xuống được. Người lợi căn buông xuống được, người độn căn không buông xuống được, duyên do là như vậy. Thân tâm, thể giới hết thấy buông xuống được, dầu sống trong thế gian này vẫn chẳng khác gì mọi người, giống hết mọi người, nhưng trong tâm nhất định chẳng nhiễm trước, không phải là buông xuống trên mặt Sự mà là buông trong tâm!

Vì sao người ấy có thể làm được? Vì trong tâm hướng về thế giới Cực Lạc, thế giới Cực Lạc là nhà cũ của mình, A Di Đà Phật là cha mẹ của mình, các thượng thiện nhân là anh em của mình. Trong nhà mình cái gì cũng tốt đẹp, không có chút gì khuyết hãm, luôn nghĩ đến nhà! Gấp rút trở về nhà, chẳng cần đến mọi thứ ở nơi đây nữa. Mình du hành đến đây thôi, nơi đây không phải là chỗ tốt đẹp! Hết thấy người, sự vật nơi đây quả thật không có thứ nào đáng cho mình vương vấn cả, không có một thứ gì đáng cho ta bận lòng. Người ấy thực sự buông xuống được, chính là lợi căn! Vì vậy, trong thế gian này, quý vị nói là tốt đẹp, nhưng người ấy nhất định chẳng tham luyến; quý vị bảo là chẳng tốt, người ấy chắc chắn không nóng giận. Người ấy thực sự dùng cái tâm thanh tịnh, bình đẳng, từ bi để đối đãi với tất cả hết thấy người, sự vật, hết thấy vạn pháp trong thế gian này; trong tâm người ấy thực sự giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm. Đó là Sự nhất tâm bất loạn!

Gấp rút quay về nhà, nơi đây chẳng có gì vui thú, vui chơi đủ rồi, về nhà vẫn tốt hơn. Nếu tham luyến chốn này, quý vị sẽ không thể trở về nhà được. Ở đây, chúng tôi dùng tỷ dụ để quý vị dễ hiểu hơn. Lợi căn thực sự thành tựu trong một ngày. Sau khi đạt được nhất tâm bất loạn rồi sẽ chẳng bị mất đi, thực sự đạt được. Nay dường như có được chút cảnh giới nào, nhưng ra khỏi Niệm Phật Đường lại loạn, tức là quý vị chưa đạt được nhất tâm bất loạn! Phải nhớ kỹ, sau khi đạt được, không bị mất đi, thì mới thực sự là đạt được. Công phu thành phiền cũng giống như vậy thì quý vị mới có thể thành tựu; nhưng sau khi đạt được, quý vị càng

phải tinh tấn, càn nỗ lực, thân tâm nhẹ nhõm, pháp hỷ sung mãn, giống như Không phu tử đã nói “*bất diệc duyệt hồ?*” (cũng chẳng vui sao). Thực sự đạt được có hiện tượng như vậy đó, hết sức sung sướng như thế đó.

“*Trung hạ bất định*”: Người căn tánh trung hạ không nhất định, có kẻ hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày, sáu ngày, căn tánh tệ nhất cũng bảy ngày đạt được. Vậy thì chúng ta phải tự hỏi: “Cớ sao chúng ta niệm Phật đến bảy mươi ngày vẫn không đạt được, do nguyên nhân gì vậy?” Vì không thực sự niệm! Đối với thế gian này vẫn lưu luyến, vẫn chưa buông xuống được, vậy là không có cách gì hết. Từ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và Vãng Sanh Truyện, chúng ta thấy pháp sư Oánh Kha đời Tống, ngay cả An Sĩ Toàn Thư lúc dẫn những thí dụ trong Vãng Sanh Truyện cũng nêu truyện của Ngài, truyện của Ngài là một thí dụ tốt. Ba ngày ba đêm nhất tâm bất loạn niệm Phật cảm được A Di Đà Phật tới.

Sư là người xuất gia, nhưng không giữ thanh quy⁷⁴, tức là một người xuất gia phá giới, không phải là một vị xuất gia tốt lành. Đại chúng đều coi thường Ngài là hạng căn tánh hèn kém quá đỗi, tự mình không có cách gì cứu chính mình, nhưng Sư có chỗ hay, chỗ hay đó hết sức khó có, chính chỗ hay đó đã cứu Sư. Chỗ hay nào vậy? Sư hiểu nhân quả báo ứng, bởi thế, Sư thường nghĩ: Do những hành vi mà chính mình đã tạo, chắc chắn phải đọa địa ngục! Nghĩ đến địa ngục bèn sợ hãi, run rẩy, hồi đồng tham đạo hữu có cách gì cứu được mình chẳng? Có một đồng tham đưa cho Sư một cuốn Vãng Sanh Truyện, bảo: “Ông xem cuốn sách này cũng có lợi cho ông!” Sư bèn đọc Vãng Sanh Truyện, hết sức cảm động, đau đớn khóc ròng, quyết tâm niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ, buông xuống vạn duyên.

Vì thế, Sư đóng chặt cửa liêu phòng, suốt ba ngày ba đêm không ăn cơm, không ngủ nghỉ, niệm một câu A Di Đà Phật đến tột bậc. Niệm suốt ba ngày ba đêm đứng là tinh thần mệt mỏi, sức lực mòn mỏi, tấm lòng chân thành, thực sự mong vãng sanh thế giới Cực Lạc, tâm thiết tha

⁷⁴ Thanh Quy theo nghĩa gốc là những quy định và khuôn phép nhằm đảm bảo những hành vi ứng xử của con người đúng chừng mực, phù hợp lễ nghi nhằm đảm bảo sự an định trong xã hội. Vào đời Đường, kể từ khi tổ Bách Trượng Hoài Hải lập ra Thiên Môn Thanh Quy cho đạo tràng của Ngài tại núi Bách Trượng, khắp các tông lâm Phật giáo đều tuân thủ những quy định này, Thanh Quy trở thành một thuật ngữ chỉ riêng những quy định về oai nghi và cách ứng xử trong nhà Phật. Thậm chí, sau này Đạo Giáo cũng bắt chước lập ra những quy tắc cộng tu và cũng gọi là Thanh Quy.

như mong được về nhà. A Di Đà Phật hiện đến, Sư hết sức hoan hỷ, A Di Đà Phật bảo Sư: “Tuổi thọ của ông còn được mười năm nữa. Ông hãy khéo niệm Phật, mười năm sau lúc lâm chung ta đến rước ông, A Di Đà Phật lại đến rước ông”. Sư cảm được Phật đến an ủi. Sư thật thông minh, thật phi phàm, thưa cùng Phật: “Con tập khí quá nặng, trong mười năm ấy con không có cách gì tự khống chế bản thân, chẳng biết sẽ lại tạo bao nhiêu tội nghiệp, cũng không chắc được vãng sanh”. Sư cầu xin A Di Đà Phật: “Tuổi thọ mười năm con không cần đến, nay con muốn đi theo Ngài”. A Di Đà Phật đáp ứng: “Ba hôm nữa, ta đến tiếp dẫn ông!”

Sư hoan hỷ vô cùng, mở cửa liêu phòng bảo mọi người: “Ba ngày ba đêm tôi niệm Phật không ngủ nghỉ, A Di Đà Phật hiện đến, ba ngày nữa tôi sẽ đi”. Mọi người trong chùa chẳng ai tin: “Ông là hạng người như vậy, lẽ đâu đơn giản đến thế?” Nhưng thời gian ba ngày rất ngắn, mọi người ôm lòng bán tín bán nghi, coi sau ba ngày Sư có thực sự vãng sanh hay không. Đến ngày thứ ba, Sư yêu cầu đại chúng niệm Phật đưa Sư đi, đại chúng đương nhiên rất hoan hỷ, cũng tính coi rốt cuộc là thật hay giả. Niệm chưa đầy một khắc, Sư bèn nói (người khác không thấy): “A Di Đà Phật đến rồi, tôi phải theo Ngài đi”. Nói xong bèn mất, đúng là không giả chút nào. Hạng trung căn ba ngày ba đêm thôi!

Bởi thế, đọc chuyện của ngài Oánh Kha, chúng ta thấy Ngài làm gương cho chúng ta. Nếu khi chúng ta gặp phải tai nạn lớn lao, quyết định chẳng do dự, nhất quyết chớ nên sợ hãi, ngay trong lúc ấy hãy nên hạ quyết tâm cầu sanh về Tịnh Độ. Mọi thế duyên trong thế gian này buông xuống hết, không vướng mắc mảy may, niệm một câu Phật hiệu đến cùng cực, nhất định Phật sẽ đến. Quý vị thấy sư Oánh Kha không giữ thanh quy, là kẻ phá giới, mà có thể [niệm Phật] trong vòng ba ngày ba đêm, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn Sư. Chúng ta đâu có làm lỗi, tự hồ vẫn chưa nghiêm trọng như Sư, lẽ đâu Phật chẳng đến? Vấn đề là tín nguyện của quý vị có chân thật hay không? Quý vị không mong niệm tới mức Phật hiện tới thì cái tâm ấy là giả, đối với thế gian này vẫn còn tham luyến lắm, sự việc vướng ruột bận gan còn quá nhiều, không thể buông xuống được! Danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần thế gian, quý vị có thực sự buông xuống được hay không?

Điều gì cũng buông xuống được thì về mặt Lý như đức Phật thường nói: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*” (Phàm tất cả những gì có tướng đều là hư vọng), “*nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Những câu này đều là đức Phật dạy chúng ta hãy triệt để buông xuống. Một bộ

kinh Đại Bát Nhã gồm sáu trăm quyển nhằm dạy chúng ta điều gì? Tôi nêu một kết luận chung hết sức đơn giản là “*nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*” (hết thảy pháp vô sở hữu, rốt ráo không, bất khả đắc). Tôi tổng kết bằng mười hai chữ, kinh Đại Bát Nhã sáu trăm quyển được diễn tả bằng mười hai chữ đó. Nếu quý vị thực sự hiểu rõ, lẽ đâu không buông xuống được? Không buông xuống cũng chẳng được, vì sao? Vô sở hữu, rốt ráo không, bất khả đắc! Tâm Kinh là tinh hoa của kinh Đại Bát Nhã, cuối cùng nói “*vô trí diệc vô đắc*”. Quý vị còn tham gì nữa? Còn vướng mắc chi nữa? Toàn bộ là không, “*phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*”, phải giác ngộ!

Người giác ngộ sẽ buông xuống, triệt để buông xuống, nên được tự tại. Vẫn còn có tí ti vướng mắc sẽ không buông xuống được, mê mà! Chưa giác ngộ! Mê thực sự chẳng dễ phá, vừa phá được cửa ải mê liền được đại tự tại; vì thế, “*đản năng nhất tâm*” (chỉ có thể nhất tâm) bèn được vãng sanh, tức Tu Huệ. Văn Huệ, Tư Huệ, Tu Huệ, Tam Huệ đầy đủ. Chúng tôi giảng như vậy, trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư gọi chúng là ba điều, quý vị hãy nghĩ xem ba điều ấy có phải là một nhưng ba, ba nhưng một hay không? Trong Văn có Tu có Tư, trong Tư có Văn có Tu, trong Tu có Văn có Tư, một mà ba, ba nhưng một; tùy theo quý vị nhìn từ góc độ nào mà được thay bằng một danh từ khác nhau, nhưng chỉ là một sự việc. Pháp môn này học đơn giản như vậy đó, từ một ngày đến bảy ngày bèn thành công. Quý vị nghĩ xem há còn có pháp môn nào nhanh chóng hơn pháp môn này hay không? Tìm không ra!

Chúng ta hằng ngày niệm Phật, hằng ngày tu hành, tu suốt mười mấy năm chẳng có tin tức gì hết, là do nguyên nhân nào? Quý vị tu không đúng pháp! Bà La Môn nữ tu một ngày đúng pháp. Pháp sư Oánh Kha tu ba ngày đúng pháp. Đúng pháp là như thế nào? Buông xuống! Tâm trở về nhà khẩn thiết, chân thật, không giả. Chúng ta tín nguyện không chân thật, niệm Phật không thật thà, niệm Phật nhưng chẳng bỏ được thế duyên, không chắc thật, đạo lý là đây. Oánh Kha biết mình không vãng sanh, chắc chắn đọa địa ngục. Vì sợ đọa địa ngục nên gấp rút cầu vãng sanh; đó là cái duyên vãng sanh thế giới Cực Lạc của Sư, bức bách Sư không vãng sanh không được. Nếu không vãng sanh, chắc chắn phải đọa địa ngục! Duyên mỗi người không giống nhau. Nếu pháp sư Oánh Kha không phá giới phạm quy, tạo tác hết thảy những điều chẳng lành, rất có thể Sư không thể phát khởi tinh tấn dũng mãnh, uổng phí một đời này. Sư vì tội lỗi bức bách, ở phần trên đã nói “*kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác một niệm hay mười niệm đều được vãng sanh*”, câu

chuyện của pháp sư Oánh Kha đã chứng minh điều ấy; câu nói trên là thật, chứ không phải giả!

Vì thế, chớ nên coi thường, rẻ rúng những kẻ phá giới làm ác, vì sao? Những kẻ ấy chỉ cần ngày nào đó giác ngộ quay đầu, rất có thể vượt trội chúng ta, chẳng phải là không có chuyện như vậy. Chúng ta là phàm phu mắt thịt biết họ giác ngộ lúc nào? Quay đầu lúc nào? Vì vậy, Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta lễ kính chư Phật, đối với hết thảy chúng sanh phải cung kính. Chúng ta phải học theo những điều hay của người khác, tuyệt đối chẳng bân tâm bởi những điều dở của người khác, đương nhiên càng không thể rêu rao, mà hãy bồi dưỡng cái tâm hạnh thuần tịnh, thuần thiện của chính mình. Đoạn tiếp theo là đoạn thứ bảy.

Đoạn thứ bảy thuyết minh “*nhất tâm bất loạn, nhất tâm viên cụ (viên mãn cụ túc) Tam Học, Tam Huệ, Tam Tư Lương*” (nhất tâm bất loạn, nhất tâm đầy đủ trọn vẹn (viên mãn trọn vẹn) Tam Học, Tam Huệ, Tam Tư Lương). Tam Học là Giới - Định - Huệ, Tam Huệ là Văn - Tư - Tu, Tam Tư Lương là Tín - Nguyện - Hạnh. Nhất tâm viên mãn đầy đủ [những điều ấy]. Trong một câu Phật hiệu cũng viên mãn đầy đủ [những điều đó], tức là ta niệm một câu A Di Đà Phật, chắc chắn tương ứng với Tam Học, Tam Huệ, Tam Tư Lương, mọi thứ đều đầy đủ trong câu niệm Phật ấy thì gọi là “*nhất tâm xưng niệm*”. Trong cuốn Di Đà Yếu Giải Giảng Nghĩa, pháp sư Viên Anh đã chú giải như sau: “*Ngã Chấp mất*” – tức Ngã Chấp bị phá – “*chẳng bị Kiến Tư làm loạn thì là Sự Nhất Tâm*”. Trong Đại Thừa thường giảng như thế, đoạn Kiến Tư phiền não!

Nếu từ cương lĩnh mà nói thì đơn giản hơn một chút. Kiến phiền não có năm loại lớn:

1) Thân Kiến: Chấp trước thân là ta, tham sống, sợ chết, tự tư, tự lợi. Đó là Thân Kiến, tức cái ải đầu tiên.

2) Loại thứ hai là kiến giải lầm lạc, tức Biên Kiến. Biên Kiến là đối nghịch, đối lập; thứ kiến giải như vậy gọi là Biên Kiến.

3) Loại thứ ba là Kiến Thủ Kiến.

4) Loại thứ tư là Giới Thủ Kiến. Hai loại này thường được gọi là Thành Kiến như ta hay nói: “Người nào đó có thành kiến rất sâu”. Thành Kiến có hai loại: Thành kiến nơi nhân và thành kiến nơi quả. Pháp thế gian hay xuất thế gian chẳng lìa nhân quả. Kiến Thủ Kiến là thành kiến nơi Quả. Giới Thủ Kiến là thành kiến nơi Nhân, chấp trước kiên cố tạo thành chướng ngại.

5) Loại cuối cùng là Tà Kiến, Tà Kiến nghĩa là gì? Chẳng thuộc vào bốn loại trên. Tất cả hết thảy kiến giải sai lầm đều quy nạp vào loại

Tà Kiến này.

Năm thứ Kiến trên đây đều sai lầm, đoạn được chúng sẽ chứng Sơ Quả Tu Đà Hoàn. Nếu là Đại Thừa Viên Giáo thì là Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín. Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín và Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn trọn chẳng chấp trước thân này là ta; nói cách khác, không tự tư, tự lợi, không tham sống sợ chết. Đó là hiện tượng phá Thân Kiến. Phá được Thân Kiến sẽ như thế nào? Từ chỗ này, quý vị hiểu rõ: Chẳng tham sống sợ chết, quyết định chẳng tự tư tự lợi.

Tư Hoặc là cách nghĩ lầm lạc, cũng gồm năm loại lớn. Thứ nhất là Xan Tham (keo kiệt, tham lam); ngoài ra là Sân Khuê (nóng giận), Ngu Si, Ngạo Mạn, hoài nghi lời thánh hiền dạy dỗ. Đó là những sai trái về mặt tư tưởng, so ra còn nghiêm trọng hơn những sai trái nơi kiến giải, khó phá hơn. Nếu quý vị phá được cả năm thứ này sẽ thoát khỏi lục đạo luân hồi, siêu việt tam giới, chứng quả A La Hán, tương đương với Đệ Thất Tín trong địa vị Thập Tín Bồ Tát của Đại Thừa. Nhưng trong Tiểu Thừa chỉ chứng được Vị Bất Thoái, trong ba thứ Bất Thoái chỉ chứng được một thứ, A La Hán cũng giống như vậy. Thế nhưng Bồ Tát trong Viên Giáo chứng được hai thứ Bất Thoái là Vị Bất Thoái và Hạnh Bất Thoái. Công phu đoạn chứng (đoạn phiền não và chứng quả) tương đồng, nhưng trí huệ và tín nguyện khác biệt; Bồ Tát trội hơn Thanh Văn! Nói rõ tiêu chuẩn của Sự Nhất Tâm là như thế đó.

Lý Nhất Tâm thì “*Pháp Chấp vong, bất vị nhị biên sở loạn, vi Lý nhất tâm*” (Pháp Chấp mất, chẳng bị hai bên (Có và Không) làm loạn thì là Lý Nhất Tâm). Đức Phật dạy Chấp gồm hai loại lớn: một là Ngã Chấp, hai là Pháp Chấp. Pháp Chấp là chấp trước đối với hết thảy các pháp; cho Pháp là có, cho Ngã là không. Thân là do Ngũ Uẩn tụ tập biến thành thân. Tiểu Thừa quan niệm không có thân, nhưng có Ngũ Uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức; năm Uẩn ấy tồn tại. Chấp trước như vậy gọi là Pháp Chấp. Bồ Tát thông minh, có trí huệ, biết Ngũ Uẩn cũng là giả. Quý vị thấy Bát Nhã Tâm Kinh mở đầu bằng câu: “*Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến Ngũ Uẩn giai không*”. “Năm Uẩn đều không” là phá Pháp Chấp, chẳng bị “*nhị biên sở loạn*” (hai bên làm loạn). Hai bên là đối lập, chẳng bị hai bên làm loạn thì trong Đại Thừa Phật pháp gọi là “*nhập Bất Nhị pháp môn*”. Đó là Lý Nhất Tâm, hết thảy đều bất nhị.

Từ căn bản mà nói thì Năng và Sở bất nhị, quý vị thấy “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, Năng Hiện (chủ thể biến hiện) và Sở Hiện (cái được biến hiện) bất nhị, Năng Biến và Sở Biến bất nhị, Năng - Sở

bất nhị. Tánh - Tướng bất nhị. Lý - Sự bất nhị, chúng sanh và Phật bất nhị, Bồ Đề và phiền não bất nhị, sanh tử và Niết Bàn bất nhị. Nhập Bất Nhị pháp môn, trọn pháp giới hư không giới dung hợp thành một Thể. Tâm tánh của chính mình dung nhập chân tâm; bốn tánh, thân thể của chính mình và pháp giới (tiểu vũ trụ và đại vũ trụ) dung hợp thành một Thể. Trong tự tánh vốn sẵn đủ trí huệ hiện tiền, đức năng hiện tiền, tướng hảo hiện tiền. Đó là Lý nhất tâm bất loạn, là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Kinh Hoa Nghiêm gọi cảnh giới ấy là “*pháp giới vô chương ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”. Hễ “nhị” bèn có ngại, tức là có chương ngại; còn Bất Nhị thì không có chương ngại. Nhập Bất Nhị pháp môn được đại tự tại, trong vòng vũ trụ quả thật không có chương ngại nào! Tánh - Tướng là một, chứ không phải hai, Lý - Sự cũng là một, chứ không phải hai.

Trong Đại Thừa Phật pháp thường nói “*bất nhất, bất dị*” (không một, không khác), đây chính là pháp môn Bất Nhị chân chánh: Chẳng thể nói là một, mà cũng chẳng thể nói là hai; một lẫn hai đều chẳng thể nói, nên gọi là “*chân chánh bất nhị*”. Quý vị phải thấu hiểu ý nghĩa này, nhất quyết đừng phân biệt, đừng vọng tưởng, đừng chấp trước; hễ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước liền rớt vào hai hay ba (tam tâm, nhị ý). Bởi thế, đối với hết thảy các pháp, chỉ cần lìa được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ thấy được chân tướng. Chân tướng không một, không khác, bất sanh, bất diệt, không đúng, không sai, chẳng phải có, chẳng phải không. Trong hết thảy các kinh Đại Thừa, đức Phật đã giảng điều này rất nhiều lần với hy vọng chúng ta sẽ do vậy mà có thể lãnh hội, ngộ nhập.

“*Thất nhật bất loạn hậu, vô cánh khởi Hoặc tạo nghiệp chi sự*” (sau khi đã đạt được bảy ngày bất loạn thì sẽ không còn có những chuyện khởi Hoặc, tạo nghiệp), đến đây sách [Yếu Giải] nói toạc ra. Ở phần trên, tôi đã thưa cùng quý vị: Chỉ cần quý vị đắc nhất tâm bất loạn thì sau khi đã đắc, quý vị không thể bị mất đi! Sau khi đã đắc mà lại bị mất đi thì là giả, chẳng phải thật! Đã đạt được rồi nhất định pháp hỷ sung mãn, thật đúng như Khổng lão phu tử đã nói “*học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*” (học rồi thường tu tập, cũng chẳng vui sao?) Trong nhà Phật chúng ta gọi niềm “vui” ấy là “pháp hỷ sung mãn”, thường sanh tâm hoan hỷ. Tiến sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản nói: Nếu bây giờ mọi người dùng cái tâm thương yêu, dùng cái tâm cảm tạ đối với hết thảy người, sự, vật thì cái tâm cảm tạ và cái tâm thương yêu ấy chính là một phần pháp hỷ. Vì sao lại đề xướng như thế? Nói thật ra, [cái tâm

cảm tạ, thương yêu ấy] chẳng do tự tánh lưu lộ. Vì sao? Nếu từ tự tánh lưu lộ thì chính là “*nhập Bất Nhị pháp môn*”, cái tâm cảm ân, yêu thương ấy sẽ là thật, chứ không phải giả. Nay bọn phàm phu chúng ta nói đến yêu thương, hay nói đến cảm ân thì vẫn có tư tâm (tâm riêng tư, vị kỷ) trong ấy; không có tư tâm mới là thật. Nếu có tư tâm thì chẳng phải là thuần chân. Chúng ta chỉ có thể nói là “*trương tự chân*” (gần giống với chân), chẳng phải là thuần chân, có chút phân tương tự, có chút ít gần gũi.

Tiếp theo, hãy tham khảo sách Di Đà Yêu Giải Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh ([trong thư viện] ở nơi đây có bộ Di Đà Yêu Giải Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh), trong sách này, pháp sư giảng: “*Nhất nhật chí thất nhật, nãi khắc định kỳ hạn, dĩ biện sanh tử đại sự*” (Từ một ngày cho đến bảy ngày chính là lập thời hạn nhất định để lo liệu đại sự sanh tử). Đúng là phải lo liệu đại sự sanh tử, giống như ngài Oánh Kha đúng là lo liệu đại sự sanh tử; giống như Bà La Môn nữ biết mẹ dọa địa ngục, cô ta thực sự muốn giúp mẹ, hồng cứu vớt mẹ mình, không giả một chút nào, tấm lòng thuần chân. Tâm hạnh như vậy mới hồng đạt được Niệm Phật tam-muội. Tâm không thuần chân như thế sẽ không thể đạt được Niệm Phật tam-muội! Đạt được Niệm Phật tam-muội chính là Lý Nhất Tâm, Sự Nhất Tâm, bao gồm cả công phu thành phiền, trong Phật pháp thường bảo là “*sanh tử đại sự sở tác dĩ biện*” (đại sự sanh tử đã hoàn thành), đã hoàn tất ổn thỏa chuyện ấy rồi! Pháp sư nói: “*Hà dĩ có? Nhất tâm bất loạn, tị Niệm Phật tam-muội công thành, bất loạn tức Chánh Định dã*” (Vì sao vậy? Nhất tâm bất loạn chính là thành tựu công phu Niệm Phật tam-muội. Bất loạn chính là Chánh Định). Sư giảng mấy câu này rất hay. Bởi lẽ, quý vị đạt được cảnh giới ấy, sẽ không thể nào khởi Hoặc tạo nghiệp nữa, chẳng thể nào! Quý vị nắm chắc chuyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thực sự đạt được. Trong phần này, chúng tôi cũng chia thành bốn tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất là:

“*Bất luận Sự Trì, Lý Trì*”, hai thứ Trì Danh đều tốt cả, bất luận Sự Trì hay Lý Trì, chỉ cần trì đến mức “*phục trừ phiền não, nãi chí Kiến Tư tiên tận, giai Sự nhất tâm*” (khuất phục, trừ khử phiền não, cho đến đoạn được Kiến Hoặc hay Tư Hoặc trước thì đều là Sự Nhất Tâm). Còn nếu “*trì chí tâm khai kiến bốn tánh Phật, giai Lý nhất tâm*” (trì đến khi tâm khai, thấy được vị Phật trong bốn tánh, đều là Lý Nhất Tâm). Không phải là do Sự Trì sẽ đạt được Sự Nhất Tâm, do Lý Trì bèn đạt được Lý Nhất Tâm, không thể nói như thế được! Sự Trì hay Lý Trì đều là phương cách hay phương pháp để niệm Phật; tùy thuộc công phu của chính mình

sâu hay cạn. Quý vị nhất định phải niệm đến khi có thể chế ngự phiền não, đó là công phu niệm Phật đắc lực. Trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, không còn nghĩ đến gì khác, tự tư tự lợi, tham - sân - si - mạn, danh - văng, lợi - dưỡng, ngũ dục, lục trần không hề có những ý niệm ấy. Trong tâm chỉ có A Di Đà Phật; ngoại trừ A Di Đà Phật ra, ý niệm gì cũng không có. Chưa đoạn phiền não, chỉ cần quý vị có công phu đắc lực thì phiền não không thể đột ngột xuất hiện được, đó gọi là “công phu thành phiền”. Tuy Sự Nhất Tâm nông cạn vẫn có thể vãng sanh, sanh vào Phàm Thánh Đồng Cư Độ.

Nếu công phu niệm Phật của quý vị rất sâu, chẳng cần biết là Sự Trì hay Lý Trì, hễ có công phu khá sâu, đoạn được phiền não, phiền não vĩnh viễn chẳng còn khởi nữa, đó chính là thực sự đạt được Sự Nhất Tâm. Đoạn được Kiến Tư phiền não là thành tựu Niệm Phật tam-muội, Niệm Phật tam-muội rất sâu. Kinh Lăng Nghiêm nói Niệm Phật tam-muội sâu xa ấy tương đương với Cửu Thứ Độ Định. A La Hán tu Cửu Thứ Độ Định đoạn Kiến Tư phiền não, vượt thoát lục đạo luân hồi. Dùng công phu niệm Phật so ra đơn giản hơn phương pháp của A La Hán. Vì thế, trong kinh Đại Tập, đức Thế Tôn dạy chúng ta: “*Niệm A Di Đà Phật là vô thượng thâm diệu Thiền*”. Rất nhiều người không biết, vẫn muốn tham thiền, chẳng biết Niệm Phật là Thượng Thượng Thiền, Thượng Thượng Vi Diệu Thiền. Dùng phương pháp này có thể thành tựu Cửu Thứ Độ Định, đặc Sự nhất tâm bất loạn bèn sanh vào Phương Tiện Hữu Dư Độ.

Nếu tiến hơn một bước nữa thì vẫn dùng phương pháp này, đoạn trừ Trần Sa phiền não, cũng phá được một phẩm vô minh, đây chính là “*tâm khai, kiến bốn tánh Phật*” (tâm khai ngộ, thấy được đức Phật nơi bốn tánh), nhà Thiền thường gọi “tâm khai” là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”, đó là Lý Nhất Tâm. Đặc Lý Nhất Tâm, sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ, chẳng thể nghĩ bàn! Do vì mọi người trong Phật môn coi thường pháp môn Niệm Phật nên Ngẫu Ích đại sư đau lòng! Vì sao? Thù thắng, đơn giản, dễ dàng như thế ấy, quý vị tu pháp môn này nhất định thành tựu trong một đời. Quý vị không tin tưởng, lại hoài nghi, lại còn phê bình, muốn tìm cầu pháp môn nào khác, muốn thành tựu nơi pháp môn nào khác ư? Khó lắm! Rất ư là khó! Không biết pháp môn này thù thắng! Bởi thế, pháp môn này được gọi là “*nan tín chi pháp*” (pháp môn khó tin). Chúng ta đọc đến chỗ này thì quý vị phải hiểu rõ, thực sự là khó tin, chẳng phải giả vờ nói “khó tin” đâu nhé! Đừng nói người khác không tin, trước hết, hãy tự hỏi chính mình, tự mình có tin được

hay là không? Nếu chính mình thực sự tin, quý vị sẽ chẳng đến nỗi như bây giờ!

Do đây biết rằng: Quý vị niệm Phật đến tận hôm nay vẫn chưa đạt được công phu thành phẩm là vì chưa tin thực sự! Do điều này, quý vị hãy suy nghĩ: Vì sao đối với phương pháp Niệm Phật của Ấn Quang đại sư, Ngài không nói đến giảng kinh, tôi lại đổi điều kiện “không giảng kinh” thành “nhất định phải giảng kinh!” Thời Ấn Quang đại sư không giảng kinh thì được, người niệm Phật [thời đại sư] thiện căn sâu dày, người niệm Phật thật thà, tin được, nguyện được, hành được. Nếu nay chúng tôi không giảng thấu triệt những đạo lý này, quý vị sẽ chẳng tin, chẳng nguyện, không có cách gì hết. Mục đích giảng kinh là gì? Nhằm thành tựu tín nguyện kiên cố cho quý vị, mục đích là ở chỗ này.

Nay đã hết thời gian rồi!

Tập 26

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp tiêu đoạn thứ hai của đoạn thứ bảy “*nhất tâm bất loạn*”: “*Sự Trì, văn thuyết Niệm Phật pháp môn, khả dĩ hoành siêu tam giới, đới nghiệp vãng sanh, thâm tín bất nghi, nhất tâm hệ niệm, cú cú phân minh, niệm niệm tương tục, hành, trụ, tọa, ngọa, duy thử nhất niệm, cánh vô nhị niệm, tức dĩ nhất niệm nhi trừ chúng niệm. Do vị đạt lý, cố viết Sự Trì*” (Sự Trì: Nghe nói đến pháp môn Niệm Phật có thể vượt thoát tam giới theo chiều ngang, đới nghiệp vãng sanh, bèn tin sâu xa không nghi, nhất tâm hệ niệm, từng câu phân minh, niệm niệm tiếp nối, đi, đứng, nằm, ngồi, chỉ có một niệm này, không có niệm thứ hai, tức là dùng một niệm để trừ các niệm. Do chưa thấu đạt lý nên gọi là Sự Trì). Đại Sư vì chúng ta thuyết minh Niệm Phật có Sự, có Lý. Trì danh niệm Phật trên mặt Sự và trì danh niệm Phật trên mặt Lý sai khác ở chỗ nào? Tuy Sự Trì và Lý Trì khác biệt, nhưng hiệu quả chẳng khác nhau, đều có thể đạt được nhất tâm bất loạn, hoàn toàn do mỗi người dụng công. Do đây biết rằng: Chớ nên so sánh Sự Trì với Lý Trì, quan trọng nhất là thật thà niệm. Trong Sự có Lý, trong Lý có Sự, Lý - Sự viên dung! Phải hiểu đạo lý này, chớ nên phân biệt. Hễ phân biệt thì sẽ vô hình trung sanh ra chướng ngại, dầu có niệm đến mức nhất tâm được vãng sanh, nhưng vẫn gây chướng ngại cho phẩm vị. Đó là chuyện chắc chắn!

Trước hết, chúng tôi giảng về Sự Trì. “*Văn thuyết Niệm Phật*

pháp môn” (Nghe nói đến pháp môn Niệm Phật): Quý vị nghe nói đến là chuyện thông thường nhất! Chúng ta nghe nói pháp môn Niệm Phật có thể “hoành siêu tam giới”. Trong những phần trước, tôi đã nhắc đến “hoành siêu” (vượt thoát tam giới theo chiều ngang) rồi, không phải là “thụ siêu” (siêu theo chiều dọc)! Siêu theo chiều dọc khó khăn lắm, nhưng từ nhân đạo [của thế giới Sa Bà] di dân sang thế giới Cực Lạc, đến thế giới Cực Lạc vẫn là nhân đạo thuộc Phạm Thánh Đồng Cư độ; đó là thuận tiện nhất, “đời nghiệp vãng sanh” mà! Hai câu cuối cùng [trong đoạn văn vừa dẫn trên đây] rất trọng yếu: “*Thâm tín bất nghi, nhất tâm hệ niệm*” (Tin sâu xa không nghi, nhất tâm hệ niệm). Trong bản dịch [kinh A Di Đà] của La Thập đại sư ghi là “*nhất tâm bất loạn*”, bản dịch kinh A Di Đà của Huyền Trang đại sư chép là “*nhất tâm hệ niệm*”. Huyền Trang đại sư trực dịch⁷⁵, La Thập đại sư dịch ý. Nhất tâm hệ niệm chúng ta dễ dàng làm được, còn nhất tâm bất loạn rất khó, chẳng dễ gì đạt được. Thế nhưng La Thập đại sư dịch không sai, vì sao? Công phu Niệm Phật thành tựu rồi, lúc vãng sanh, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, nhất định Phật quang chiếu đến quý vị trước hết. Lúc quý vị được Phật quang chiếu tới, gia trì, công phu Niệm Phật của quý vị được nâng cao, tăng lên gấp bội.

Nói thật ra, công phu niệm Phật của chúng tôi vẫn chưa thành phỉến, mới gần thành phỉến! Quý vị phải nhớ kỹ câu này “*gần như thành phỉến*”; khi nhân duyên của quý vị vừa chín muồi, vừa được Phật quang gia trì, công phu bèn thực sự thành phỉến, nâng cao lên mức độ “thành phỉến”. Nếu công phu của quý vị đã thành phỉến, [Phật quang gia trì khiến cho công phu ấy] được nâng lên thành Sự nhất tâm bất loạn. Người đã đắc Sự nhất tâm bất loạn sẽ được nâng lên thành Lý nhất tâm bất loạn. Lúc lâm chung, đức Phật đến tiếp dẫn, công phu nhất định được nâng cao, đó là do Phật lực gia trì. Điều đó cho thấy: Nếu chúng ta không nhất tâm hệ niệm sẽ rất khó, vì sao? Trong tâm tạp niệm quá nhiều, vọng tưởng quá nhiều, vướng mắc quá nhiều, muốn cho công phu niệm Phật đắc lực trong một đời này chẳng dễ dàng đâu nhé!

Do đây ta biết: Điều quan trọng nhất trong công phu niệm Phật của chúng ta chính là câu khẩu đầu thiền (thiền ngoài cửa miệng) của vị đường chủ Niệm Phật Đường thường hay nói rất quan trọng: “*Buông xuống thân tâm thế giới, nhất tâm chánh niệm*”. Câu này rất quan trọng!

⁷⁵ Trực dịch: Dịch sát mặt chữ, kinh chép sao, dịch vậy, không lược bớt hay rút gọn những ý tưởng rườm rà, trùng lặp.

Nếu không buông thân tâm thể giới xuống được, vẫn còn chút gì vướng mắc, chánh niệm sẽ không khởi lên được, không thể nhất tâm hệ niệm được. Quý vị không thể nhất tâm là vì có vọng tưởng xen tạp. Mấu chốt để thành tựu hay không là ở chỗ này! Vì sao quý vị không buông xuống được? Vì đối với pháp môn Tịnh tông, quý vị chưa nhận thức rõ ràng, bởi thế, tín tâm không sâu, nguyện không thiết. “*Tin sâu nguyện thiết*” thì không gì là chẳng buông xuống được!

Ấn Quang đại sư dạy người, chính mình làm gương. Tôi đã từng đến viếng quan phòng (gian phòng Ngài dùng để bế quan) tại Linh Nham Sơn Tự ở Tô Châu. Pháp sư Minh Học bồi tiếp tôi trong lần thứ nhất tôi đến thăm viếng núi Linh Nham. Quan phòng thông với một tiểu Phật đường. Trong tòa tiểu Phật đường treo một chữ Tử (chết). Tổ sư thường bảo chúng ta: “*Người niệm Phật nhất định phải dán chữ Tử trên trán, thường nghĩ mình sắp chết, lúc ấy há có còn không buông xuống được hay chăng?*” Không buông xuống được cũng phải buông xuống được! Vì sao? Có mang gì đi theo được đâu! Thế nhưng quả thật là có không ít người chết rồi vẫn chưa buông xuống được, hết cách rồi! Toa thuốc này của tổ sư vô hiệu, không trị nổi cái bệnh của người hiện tại. Đến chết vẫn không chịu buông xuống, không còn có cách gì hết!

Do vậy, công phu phải luyện trong thường ngày, dụng công mỗi ngày, dụng công như thế nào? Chỉ là buông xuống mà thôi! Buông xuống là công phu thực sự. Tôi thường khuyên những đồng học ở cùng một chỗ với nhau phải buông xuống tự tư tự lợi, buông xuống danh văn, lợi dưỡng, buông bỏ sự hưởng thụ ngũ dục, lục trần, buông bỏ tham - sân - si - mạn; cõi lòng thực sự thuần thiện, thuần tịnh, không nhiễm trước mây may, không vướng mắc, nhất tâm hệ niệm sẽ hiện tiền. Quý vị sẽ đạt được như vậy.

“*Cú cú phân minh, niệm niệm tương tục*” (Từng câu phân minh, niệm niệm tiếp nối). Tin sâu không nghi là không ngờ vực. Nhất tâm hệ niệm, nhất tâm là chẳng có hai tâm, nhất tâm không xen tạp; xen tạp vọng niệm thì không phải là nhất tâm. Từng câu phân minh, niệm niệm tiếp nối là không gián đoạn. Quý vị thấy ba điều kiện “không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn” như Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát đã nói đều đầy đủ! Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta: “*Đó nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối), chữ Tịnh trong “*tịnh niệm*” nghĩa là không được xen tạp; hề xen tạp thì chẳng tịnh, hoài nghi cũng chẳng tịnh. Trong tịnh niệm, chắc chắn không có hoài nghi, không có xen tạp, đó mới là tịnh niệm! Tịnh niệm là nhất tâm

hệ niệm. “*Tương tục*” (tiếp nối) là niệm niệm nối liền nhau, không gián đoạn. Chín chữ Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát vừa nói trên đây (tức “*không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn*”) hoàn toàn giống như lời Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói.

Lại xem tiếp đoạn kế đó: “*Hành, trụ, tọa, ngọa, duy thử nhất niệm*” (Đi, đứng, nằm, ngồi, chỉ có mỗi một niệm này). Trong mười hai thời, tức hai mươi bốn tiếng đồng hồ trong một ngày, quý vị đi cũng vậy, đứng cũng vậy (“*trụ*” nghĩa là đứng), ngồi cũng vậy, nằm cũng vậy, trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật. Trừ A Di Đà Phật ra, tuyệt đối chẳng có ý niệm thứ hai. Đó chính là dùng một niệm để đoạn trừ hết thảy vọng niệm, đó gọi là “*công phu thành phiền*”. Có rất nhiều đồng tu hỏi tôi công phu thành phiền là gì? Công phu thành phiền là như vậy đó! Suốt ngày từ sáng đến tối trừ A Di Đà Phật ra, trong tâm không còn ý niệm nào khác! “*Ý niệm khác*” chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước và những tạp niệm trong tâm. Một câu Phật hiệu công phu đặc lực sẽ hoàn toàn chèn ép được chúng, nhưng chưa đoạn được, nên bèn có thể đời nghiệp vãng sanh. Phiền não tập khí tức vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chưa đoạn được, nhưng chỉ cần quý vị niệm Phật công phu đặc lực, đều có thể chế ngự được tất cả [phiền não tập khí]; bởi thế, gọi là “*phục đoạn*”, chứ không nói là “*diệt đoạn*”.

“*Do vị đạt Lý*” (do chưa thấu đạt Lý), đối với lý Tịnh tông rất sâu quý vị vẫn chưa hiểu rõ, nên gọi là Sự Trì. Lý của Tịnh tông là gì? “*Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*” (Tâm này là Phật, tâm này làm Phật); đây là Lý. Đương nhiên ta vẫn thường nghe mấy câu giảng về Lý như thế, nghe rất quen tai, thậm chí chính mình còn nói được như vậy, nhưng trên thực tế, hoàn toàn chẳng hiểu thật rõ ý nghĩa được bao hàm trong hai câu ấy; cho nên thuộc về Sự Trì. Đoạn kế tiếp lại giảng về Lý Trì.

Trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư giảng Lý Trì nguyên văn như sau, tôi đọc một lượt: “*Lý Trì giả, tín Tây Phương A Di Đà Phật*” (Lý Trì là tin Tây Phương A Di Đà Phật), “*tín vào A Di Đà Phật*” giống như Sự Trì, đều là nghe nói đến pháp môn Niệm Phật. Thế nhưng trong đây lại có Lý: “*Tây Phương A Di Đà Phật, thị ngã tâm cụ*” (Tây Phương A Di Đà Phật tâm ta sẵn đủ), tức trong chân tâm của chính chúng ta vốn sẵn có, “*thị ngã tâm tạo*” (là do tâm ta tạo). “*Thị ngã tâm cụ*” (tâm ta sẵn đủ) là duy tâm sở hiện; “*thị ngã tâm tạo*” (do tâm ta tạo) là duy thức sở biến. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng ra ngoài lẽ ấy, vẫn là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”; đó là Lý. “*Tức dĩ tự tâm sở cụ, sở tạo chi hồng danh, vi hệ tâm chi cảnh, linh bất tàm vong*” (Liền dùng hồng danh

mà tự tâm sẵn có, do tâm tạo ấy làm cảnh để ràng buộc tâm, chẳng cho tạm quên). Ngẫu Ích đại sư giảng Lý Trì nguyên văn như thế. Ở đây, chúng tôi giải thích nông cạn ý nghĩa lời giảng của đại sư ngõ hầu mọi người dễ hiểu hơn.

“Văn thuyết Niệm Phật pháp môn, nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật, thâm tín bất nghi” (Nghe nói đến pháp môn Niệm Phật, một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật, tin sâu không nghi). Đạo lý nằm ở chỗ *“tương ứng”*, tương ứng với điều gì? *“Tâm tác, tâm thị, tâm hiện, thức biến”*, tương ứng với những điều ấy. Nói trên mặt Lý là *“tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ”*, quý vị thấy quen thuộc lắm! Tách khỏi *“tâm hiện, tâm tạo”* (tâm tạo là duy thức sở biến) thì không có một pháp nào để được cả. Tây Phương Cực Lạc thế giới không phải là ngoại lệ, thế giới Hoa Tạng cũng không phải là ngoại lệ. Cho đến vô lượng vô biên hết thảy cõi Phật trên từ chư Phật Như Lai dưới đến chúng sanh trong địa ngục, hữu tình, vô tình, há có pháp nào tách rời tâm tánh? Có một pháp nào chẳng phải là duy tâm sở hiện, duy thức sở biến hay chăng? Có pháp nào mà tâm chẳng sẵn có, chẳng do tự tâm tạo hay chăng? Phải hiểu đạo lý này! Tin sâu đạo lý này không ngờ vực thì niệm của ta sẽ tương ứng với Lý, tương ứng với tâm tánh.

“Nhất tâm trì niệm, đồ nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế” (nhất tâm trì niệm, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Đây chính là lời Đại Thế Chí dạy. Sáu căn không còn bị cảnh giới bên ngoài mê hoặc thì gọi là *“đồ nhiếp lục căn”* (nhiếp trọn sáu căn). Mắt thấy Sắc, chẳng bị Sắc làm mê. Giống như gì? Giống như một tấm gương! Tâm giống hệt như tấm gương, cảnh giới bên ngoài hiện bóng trông thấy rất rõ ràng, rành rẽ, minh bạch, rõ rệt, nhưng chắc chắn gương chẳng bị nhuốm bẩn mảy may. Dụng tâm như tấm gương, hoàn toàn là trí huệ, không có tình thức. Tình là nhiễm ô, là chấp tướng. Trong Phật pháp thường nói *“không chấp tướng”*; tấm gương soi mọi vật nhưng không dính mắc tướng, chứ không phải là nói *“lia khỏi cảnh giới, nơi tấm gương không còn cảnh giới nữa”*, không phải vậy! Ngay trong lúc chiếu rọi cảnh giới mà chẳng chấp tướng. Cảnh giới đến hay đi chẳng liên can đến gương, đều luôn không dính mắc tướng. Chân tâm, căn tánh của sáu căn giống như tấm gương, vốn không chấp tướng.

Cái gì bị dính mắc? Vọng tâm bị dính mắc, chân tâm vốn không dính mắc! Bởi thế, nhìn vào chân tâm của quý vị, đức Phật thấy quý vị vốn đã là Phật, hiện đang là Phật, quý vị và chư Phật Như Lai chẳng

khác gì nhau. Nói thật đấy, không giả dối chút nào; nhưng vấn đề là gì? Ở bên ngoài chân Phật (đức Phật thực sự trong tâm tánh), quý vị lại khoác thêm một giả Phật, rắc rối lắm! Khoác lấy giả tướng. Cái giả tướng ấy chính là tình thức, tình thức là hư vọng. Tình thức quyết định không có, chân tánh là thật. Phân định chân và vọng như thế nào? Chân là bất sanh bất diệt, vĩnh hằng bất biến, đây là Chân. Tình thức có sanh diệt, có sanh, có diệt. Có sanh có diệt thì là giả, chứ không thật. Sanh diệt do đâu mà có? Sanh diệt từ trong “không sanh diệt” biến hiện ra; do mê nên bất sanh bất diệt biến thành sanh diệt. Chân tâm bốn tánh bất sanh bất diệt, vọng tâm (vọng tâm là tâm Duyên Lự) có sanh diệt nên gọi là Vọng, không phải chân.

Cái tâm ấy chính là gì? Nay chúng ta gọi nó là Niệm. Ý niệm có sanh diệt; niệm trước diệt, niệm sau bèn sanh. Chắc chắn niệm trước khác niệm sau; chúng có thể tương tự nhưng tuyệt đối chẳng thể hoàn toàn giống hệt nhau. Vì thế, cảnh giới được biến cũng tương tự, nhưng cảnh giới chẳng thể tương đồng. Cảnh giới do vọng tâm hiện ra, do thức biến ra; vọng tâm sanh diệt trong từng sát-na nên cảnh giới được biến hiện ra cũng sẽ sanh diệt trong từng sát-na. Vọng tâm niệm niệm chẳng tương đồng, đương nhiên cảnh giới được biến hiện cũng niệm niệm khác biệt. Rất nhiều người biết vào mùa Đông trời mưa tuyết. Hoa tuyết kết tinh từ xưa đến nay chưa ai tìm được hai kết tinh nào giống hệt nhau, chưa hề có!

Tiền sĩ Giang Bồn Thắng quan sát nước kết tinh, quan sát suốt tám chín năm cũng chưa hề thấy hai mẫu kết tinh nước giống hệt nhau. Vì nguyên nhân nào? Do niệm trước và niệm sau khác nhau, nên tướng được biến hiện là huyễn tướng diêu hữu cũng không thể giống nhau. “*Diêu hữu phi hữu, chân không bất không*” (Diêu hữu không phải là hữu, chân không chẳng phải không), Phật pháp gọi điều này là “vô thường”. Thế gian vô thường, phạm vi của danh từ “*thế gian*” rất lớn. Hết thấy pháp thế gian vô thường; pháp xuất thế gian cũng vô thường. Bất luận thế gian hay xuất thế gian đều là vô thường; vì sao? Đều do Thức biến. Khi nào Thức chuyển thành Trí, lúc đó quý vị mới thực sự thấy được chân thường.

Kinh giáo Đại Thừa bảo cảnh giới ấy phải từ Bát Địa trở lên [mới thấu hiểu được]. Chúng ta biết rõ: Bát Địa Bồ Tát chuyển A Lại Da Thức thành Đại Viên Kính Trí; Bát Địa mới chuyển được, mới thấy được ba tướng vi tế của A Lại Da Thức, ba tướng ấy được gọi là khởi nguyên (cội nguồn) của vũ trụ. Bát Địa Bồ Tát có thể thấy được khởi

nguyên, trong Phật pháp gọi [khởi nguyên ấy] là “duyên khởi”. Nay người thế gian thường gọi “pháp giới duyên khởi” là “khởi nguyên của vũ trụ”. Bát Địa Bồ Tát thấy rõ. Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa, Đẳng Giác, Như Lai Quả địa; năm địa vị ấy là năm địa vị cao tột trong năm mươi hai địa vị (năm mươi một địa vị Bồ Tát và quả địa Như Lai). Năm địa vị cao nhất trong năm mươi hai địa vị mới thấy được chân tướng sự thật. Quý vị hãy nghĩ thử xem công phu ấy là như thế nào? Đều là công năng định lực. Địa vị Bồ Tát được phân biệt như thế nào? Phân biệt theo mức công phu Thiền Định sâu hay cạn. Đạt đến mức tối cao, Định ấy đã viên mãn rất ráo thì chân tướng tự sáng tỏ rạng ngời. Từ Thất Địa trở xuống, không thể thấy được chân tướng, nhưng có thể hiểu được lời đức Phật dạy, hiểu được ý Phật, tin sâu chẳng nghi, y giáo phụng hành. Đó là kiến lập tín tâm từ nơi Lý.

“Niệm cực nhi không, Năng Sở song vong” (Niệm đến cùng cực sẽ giống như là không, Năng lẫn Sở cùng mất), người ấy niệm hay không niệm? Niệm chứ! Niệm đến cùng cực sẽ giống như là không, đây chính là như trong phần sau có nói: “Niệm nhưng vô niệm, vô niệm nhưng niệm”, tâm và Phật cùng một Thể, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều không có. Vì sao? Tâm và Phật là một thể. Nếu có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước thì cái tâm năng niệm và đức Phật được niệm vẫn là đối đãi, tức là hai bên đối lập nhau, vẫn còn cái tâm ta niệm và đức A Di Đà Phật được niệm bởi ta, vẫn còn có năng niệm và sở niệm. Năng - Sở không còn nữa thì công phu ấy sâu xa. Cái tâm năng niệm và đức Phật được niệm là một, không hai; đó là khế nhập cảnh giới.

Niệm nhưng vô niệm, vô niệm mà niệm, thử hỏi là niệm hay vô niệm? Niệm! Nhưng niệm mà vô niệm, vô niệm là niệm. Trên mặt Sự, quý vị thấy người ấy niệm, cầm râu chuôi niệm “A Di Đà Phật, A Di Đà Phật”, không khác gì người niệm Phật bình thường cả; nhưng trên thực tế hoàn toàn khác hẳn người niệm Phật bình thường. Người niệm Phật bình thường chấp tướng, còn người kia niệm Phật không chấp vào bất cứ điều gì, Năng lẫn Sở đều mất. Tâm người ấy và Phật trí hợp thành một Thể, trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh là cái tâm năng niệm, cái thân năng niệm và chúng sanh trong hết thảy các cõi nước trọn khắp pháp giới hư không giới hợp thành một. Đây là Lý niệm.

“Do đạt Lý cố, thị viết Lý Trì” (Do thấu đạt lý nên gọi là Lý Trì). Lý Trì công phu đặc lực nhanh chóng hơn Sự Trì vì người ấy hiểu Lý nên công phu dễ đặc lực. Người ấy hiểu rõ chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, nên trong tâm chẳng vương mắc gì. Không thể chẳng thấu triệt

Lý, không thể chẳng ngộ, ngộ nhập lý rất sâu là cảnh giới được chứng đắc bởi Phật và Pháp Thân Bồ Tát, cảnh giới ấy chính là Thật Tướng của các pháp. Phiền não tập khí từ vô lượng kiếp đến nay không cần đoạn mà tự nhiên chẳng còn nữa, vì sao? Quý vị biết mọi thứ đều là hư vọng; đã là hư vọng thì có còn gì để vướng mắc nữa ư? Quý vị còn phân biệt hay chấp trước nữa ư?

Ngay như tiên sinh Viên Liễu Phàm là một kẻ phàm phu mà ông ta đã biết như thế nào? Ông ta chỉ biết là Khổng lão tiên sinh tiên đoán cuộc đời của ông ta có số mạng nhất định, số mạng cả đời đã được định sẵn, không có lấy nửa điểm do con người quyết định, ông ta liền buông xuống, không còn có ý niệm tranh danh đoạt lợi nữa. Ông ta biết điều gì? Biết vận mạng cả đời đã được định sẵn, có muốn tranh cũng tranh không được, có muốn chẳng vâng theo số mạng ấy cũng không xong, [cho nên] cứ chiếu theo tám chữ do Khổng tiên sinh đã phê mà sống. Ông ta cùng thiền sư Vân Cốc ngồi trong Thiền Đường suốt ba ngày ba đêm mà chẳng dấy lên ý niệm nào. Vì nguyên nhân nào vậy? Ông ta đã biết vận mạng của mình, cho nên không còn có vọng niệm nữa! Công phu ấy rất cao, người biết chân tướng của nhân sinh và vũ trụ [sẽ có công phu] hoàn toàn giống như ông Viên Liễu Phàm.

Tiên sinh Viên Liễu Phàm không phải là chẳng muốn khởi vọng tưởng, nhưng vì có khởi vọng tưởng cũng vô dụng, cho nên không khởi vọng tưởng. Còn người thực sự hiểu rõ chân tướng của nhân sinh và vũ trụ, sẽ tự nhiên không có vọng tưởng, nhập cảnh giới Phật; không giống như tiên sinh Viên Liễu Phàm còn thuộc vào cảnh giới phàm phu, chẳng phải là thánh nhân. Bởi thế, thiền sư Vân Cốc hỏi đến, ông ta nói ra, thiền sư Vân Cốc bèn cười ha ha: “Ta tưởng ông là hào kiệt, hóa ra thực sự là phàm phu. Ông vốn là một gã phàm phu rất đáng mến, rất hy hữu!” Trong mắt thiền sư Vân Cốc, họ Viên là đứa trẻ dễ dạy nên bèn dạy cho Liễu Phàm một chiêu để thay đổi vận mạng, tâm tưởng sự thành. Tiên sinh Liễu Phàm đạt được quả nhỏ, nếu gặp pháp môn Niệm Phật vắng sanh thì sẽ chứng được đại quả. Lý Trì và Sự Trì chúng tôi giảng đến đây thôi. Lại xem đoạn tiếp theo:

“Nhất tâm bất loạn cai quát Quán Kinh tam tâm, chí thành tâm, thâm tâm, phát nguyện hồi hướng tâm” (Nhất tâm bất loạn gồm trọn ba tâm của Quán Kinh: chí thành tâm, thâm tâm, phát nguyện hồi hướng tâm). Ngẫu Ích đại sư giảng rất hay, chân chánh niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ thì tâm ấy là tâm Vô Thượng Bồ Đề, xưa nay chưa có ai giảng như vậy, Ngài là người đầu tiên. Thực sự nhất tâm hệ niệm, ở đây chúng

tôi nói là “*tin sâu không nghi, nhất tâm hệ niệm*” như trong Sự Trì thì tâm Bồ Đề tròn đủ.

Quý vị nghĩ xem nhất tâm có phải là chí thành tâm hay không? Nếu tâm không chân thành, làm sao có thể chuyên nhất cho được? Làm sao không xen tạp vọng tưởng cho được? Nhất tâm chẳng xen tạp vọng tưởng, không có hai niệm thì cái tâm ấy chân thành.

Thế nào là thâm tâm? Đã nhiều năm chúng tôi thường thưa cùng mọi người: Tâm thanh tịnh là thâm tâm, tâm bình đẳng là thâm tâm, tâm chánh giác là thâm tâm. Cổ nhân không nói như vậy, chúng tôi đọc rất nhiều chú giải, đại đa số đều giảng như sau: “*hiếu thiện, hiếu đức*” (ham điều lành, chuộng đức). Đó là nói chưa rõ rệt; nói cách khác, thâm tâm là tự lợi, tự thọ dụng, hiếu đức, hiếu thiện. Tôi nói ba tâm “*thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác*” là nói rất cụ thể. Quý vị nghĩ thử xem: Ba cái tâm ấy có lành hay không? Có phải là đức hay không?

“*Phát nguyện hồi hướng tâm*” là tâm từ bi, tâm đại bi, đại từ đại bi. Quán Kinh nói Bồ Đề tâm gồm ba thứ, trong Đại Thừa Khởi Tín Luận cũng nói đến ba loại. Khởi Tín Luận nói “*trực tâm, thâm tâm, đại bi tâm*”. Chí thành tâm là trực tâm, thâm tâm kinh và luận nói giống nhau. Khởi Tín Luận nói “*đại bi tâm*”, còn Quán Kinh gọi là “*hồi hướng phát nguyện tâm*”. Hợp kinh và luận lại thì ý nghĩa càng rõ rệt, chúng ta biết phải nên tu học như thế nào. Khoảng mười mấy năm trước đây, tôi viết hai mươi chữ sau đây tại Cựu Kim Sơn (San Francisco), Mỹ Quốc: “*Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, Chánh Giác, từ bi, khán phá, phóng hạ, tự tại, tùy duyên, niệm Phật*” (Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, thấy thấu suốt, buông xuống, tự tại, tùy duyên, niệm Phật). Chúng ta tu hành phải nắm chặt tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc ấy. Khởi tâm động niệm, xử sự, đãi người, tiếp vật trong cuộc sống thường ngày, quyết định chẳng trái nghịch nguyên tắc này, chẳng mâu thuẫn cương lĩnh này, chính là đang đi trên đường Phật vậy! Mười pháp giới là mười ngã đường, chúng ta chẳng đi lầm đường!

Phát nguyện hồi hướng, chúng tôi thường nói hồi hướng gồm ba loại: Hồi hướng Chân Như, hồi hướng Phật đạo, và hồi hướng chúng sanh. Quý vị thấy ba nguyện cuối cùng của Phổ Hiền Hạnh Nguyên chính là hồi hướng. Hồi hướng Chân Như là nguyện thứ mười, nguyện thứ mười của ngài Phổ Hiền là “*phổ giai hồi hướng*”; đây là hồi hướng Chân Như. Hồi hướng Phật đạo là “*thường tùy Phật học*” (thường học theo Phật); có chỗ giảng là hồi hướng Bồ Đề, Bồ Đề và Phật đạo có cùng một ý nghĩa. Thường học theo Phật là hồi hướng. Hồi hướng chúng sanh

trong kinh vẫn nói rất rõ “*hằng thuận chúng sanh*”, câu này rất quan trọng! Đối với chúng sanh, Phật chẳng hề miễn cưỡng mảy may, luôn tùy thuận, tuy hằng thuận nhưng thời thời khắc khắc cảnh tỉnh khiến cho quý vị giác ngộ, khiến cho quý vị minh bạch. Vì vậy, mới nói đức Thế Tôn giáo hóa chúng sanh bằng “*phương tiện thiện xảo*”.

Phương tiện thiện xảo do đâu mà có? Do hằng thuận chúng sanh. Quý vị thấy trong hết thầy pháp môn, pháp thù thắng khôn sánh chính là pháp môn Niệm Phật này; đơn giản như vậy đó, dễ dàng như thế đó, thành tựu viên mãn rốt ráo như thế đó, nhưng chúng sanh không tin, Phật bèn giảng cho họ một pháp môn khác. Thích tham Thiền à? Được! Dạy người pháp môn Thiền; thích Mật à? Được! Dạy người pháp môn Mật. Thật chẳng ngại mất công, người thích môn gì bèn dạy người môn đó; vô lượng vô biên pháp môn đều là phương tiện tiếp dẫn, đến tối hậu bèn dạy cho pháp môn chân thật: Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Vô lượng vô biên pháp môn đều nhằm dẫn quý vị vào thế giới Hoa Tạng; vô lượng vô biên pháp môn thầy đều quy vào Hoa Tạng! Đến được thế giới Hoa Tạng rồi, Văn Thù và Phổ Hiền [sử dụng] mười đại nguyện vương dẫn [các vị Pháp Thân đại sĩ] về Cực Lạc, phải hiểu được ý nghĩa như thế! Từ Hoa Nghiêm tôi đã thấy được điều ấy nên không còn đi lòng vòng nữa, đã hiểu rồi!

Lúc tôi mới phát tâm bèn học Giáo. Vì sao? Đối với những nghĩa lý trong kinh điển nhà Phật, tôi hết sức hâm mộ, nói thật ra đều là “*tiên nhập vi chủ*” (pháp nào học đầu tiên, pháp ấy là chánh yếu)! Vị thầy đầu tiên của tôi là tiên sinh Phương Đông Mỹ, cụ dạy tôi Phật giáo là triết học. Trong mắt cụ, Phật giáo là triết học. Lúc đó, lão nhân gia đã hơn bốn mươi tuổi, tôi mới hai mươi sáu. Cụ Phương đã hơn bốn mươi tuổi, là một triết gia trứ danh của Trung Quốc. Cụ bảo tôi: “*Hai phần mười kinh điển Phật giáo là triết học, đó là một nền triết học tối cao trên toàn thế giới*”. Lúc ấy, cụ dạy tôi học hai phần mười ấy. Thực ra, hai phần mười chính là gì? Trong mười tông phái Phật giáo, hai tông Pháp Tướng tông và Pháp Tánh tông thuần là triết học, siêu việt mọi nền triết học cổ kim Trung Hoa và ngoại quốc.

Cụ lại còn nói một câu đưa tôi vào cửa Phật: “*Học Phật là sự hưởng thụ tối cao trong đời người*”. Câu nói ấy khiến tâm tôi chấn động mạnh. Tôi bắt đầu lui tới chùa miếu, lui tới chùa miếu nhằm mục đích gì? Tìm kinh Phật để xem. Lúc ấy, tôi nhận thấy ở Đài Bắc nơi lui tới hết sức thuận tiện là chùa Thiện Đạo; trong chùa Thiện Đạo có thư viện Thái Hư, hình như ở đây có đến hai pho Đại Tạng Kinh. Tôi thấy vậy mừng

lắm. Không thể mượn về được nên những khi rảnh rỗi tôi đều đến thư viện Thái Hư để chép kinh, mang sổ tay theo chép kinh. Vào cửa Phật như vậy đó.

A! Bây giờ đã hết rồi!

*

Chư vị đồng học!

Trong phần trên tôi đã kể chuyện lúc cụ Phương còn tại thế đã đem Phật pháp giới thiệu cho tôi như thế nào. Kể từ khi tôi được quen biết thầy Phương, tôi được quen thầy vào lúc thầy đang tuổi trung niên cho đến tuổi vãn niên suốt cả hơn ba mươi năm, tôi thấy cụ hoàn toàn dụng công nơi kinh điển, nhất là trong thời gian ấy, Đài Loan lần lượt ấn hành bộ Đại Chánh Tạng và Vạn Tục Tạng của Nhật Bản. Sau khi hai bộ Đại Tạng Kinh ấy được ấn hành, cụ Phương gần như dốc toàn bộ thời gian và tinh lực nơi hai bộ ấy. Khi Đại Học Đài Loan mở lớp triết học Phật giáo, cụ giảng về Phật học thời Ngụy - Tấn, Phật học thời Tùy - Đường, giảng Phật học Đại Thừa. Về già, cụ rời Đại Học Đài Loan về hưu, Đại Học Phụ Nhân mời cụ giảng triết học Hoa Nghiêm cho phân ban tiến sĩ. Cả đời cụ thích kinh Hoa Nghiêm nhất; nói thật ra, tôi ưa thích kinh Hoa Nghiêm cũng là do chịu ảnh hưởng của lão nhân gia.

Thế nhưng đến lúc về già (lúc đã thực sự có rất nhiều sách vở kinh điển rồi), cụ thực sự thay đổi quan điểm, không còn giống như lúc mới vừa dạy tôi (chỉ quan tâm đến Tánh tông và Tướng tông) mà tông nào cụ cũng nghiên cứu. Hết sức đáng tiếc là đang độ cụ chín mươi về Phật pháp, cụ lại mất. Cụ mất năm bảy mươi chín tuổi, tức năm 1977. Hình như đúng lúc đó tôi đang giảng kinh Lăng Nghiêm ở Hương Cảng, hình như cụ đã qua đời đến ngày thứ ba hay ngày thứ tư gì đó, tôi mới về được Đài Loan để tham gia lễ kỷ niệm truy điệu cụ. Ở đây, tôi chỉ nói như vậy thôi.

Lại xem tiếp đoạn thứ tám: “*Diệu hạnh thắng quả, bất khả tư nghị*” (Diệu hạnh, quả thù thắng, chẳng thể nghĩ bàn). Trong đoạn này chia thành chín tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất là “*lâm chung trừ chướng*”, “*vãng sanh Cực Lạc, lâm mạng chung thời, thánh chúng lai nghênh, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh*” (vãng sanh Cực Lạc, lúc lâm chung, thánh chúng đến đón, tâm không điên đảo, liền được vãng sanh). Chúng tôi đọc kinh văn một lượt:

Kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư thánh chúng hiện tại kỳ tiền. Thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ.

其人臨命終時。阿彌陀佛。與諸聖眾。現在其前。是人終時。心不顛倒。即得往生阿彌陀佛極樂國土。

(Người ấy lúc sắp mạng chung, A Di Đà Phật và các vị thánh hiện ra trước mắt. Người ấy lúc mạng chung, tâm không điên đảo, liền được vãng sanh cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật).

Đoạn kinh văn này thật tuyệt diệu. Quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ai đến tiếp dẫn quý vị vậy? Chính đích thân giáo chủ A Di Đà đến tiếp đón, chẳng giống như nay chúng ta đi dân đến quốc gia nào, lúc chúng ta đi, Tổng Thống không đến tiếp đón, Bộ Trưởng cũng không đến đón. Quý vị hãy nghĩ coi: Mình cảm thấy như thế nào? Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ai đến tiếp đón mình? A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, lại còn có các đại Bồ Tát, Thanh Văn đều đến hoan nghênh, tiếp đón mình. Thế nhưng điều kiện vãng sanh ở đây không hề nói là phải nhất tâm bất loạn, hay quá! Vì sao? Công phu nhất tâm bất loạn mỗi cá nhân chúng ta chưa thể thực hiện được, “tâm không điên đảo” mà thôi! Nghĩa là sao? Câu này bao gồm cả lúc lâm chung một niệm hay mười niệm đều được vãng sanh. Lúc lâm chung một niệm hay mười niệm tức là vừa mới đạt công phu thành phẩm.

Như trong những phần trước, tôi đã kể cùng quý vị chuyện ông Châu Quảng Đại ở Washington DC, ba ngày trước khi mất mới được nghe pháp môn này, nhờ vào đâu mà được vãng sanh? “Tâm không điên đảo”. Bởi thế, cái ai trọng yếu nhất trong một đời người là gì? Lúc lâm chung, chết trong sáng suốt, minh bạch, rất trọng yếu đấy nhé! Nếu lúc lâm chung mê hoặc, điên đảo, không biết chi hết (ta thường nói là “hôn mê”), thậm chí không nhận ra người nhà quyến thuộc, cứ nhìn trùng trùng: “Người là ai vậy?” Vấn đề nghiêm trọng lắm, người ấy khó thể vãng sanh; chẳng những khó vãng sanh mà trong trạng huống như thế, quá nửa bị nghiệp lực dẫn kéo. Nghiệp lực dẫn kéo chính là hạnh nghiệp cả một đời: Quý vị tạo thiện nghiệp đi vào hai đường trời - người; tạo ác nghiệp bèn đi vào ba ác đạo. Nhưng quý vị phải hiểu: Thiện nghiệp thì lâm chung có phước báo, tinh táo.

Bởi thế, lúc lâm chung đầu óc rất sáng suốt, không mê hoặc chút nào, người lớn, trẻ nhỏ trong nhà, thân thích, bè bạn đều nhận rõ từng

người, biết rất rõ thì người ấy chắc chắn chẳng đọa tam đồ. Nếu người ấy không niệm Phật, không cầu vãng sanh, cũng đi vào hai đường trời - người. Đó là đại phước báo! Người Trung Quốc nói tới ngũ phước, phước cuối cùng trong ngũ phước là chết tốt lành, chết rất sáng suốt, tỉnh táo. Chết tốt lành thì đời sau sanh vào chỗ tốt, quý vị thấy điều này càng trọng yếu hơn chứ? Liên quan đến đời sau của quý vị đây! Con người tu phước, nói thật ra, tổ sư đại đức dạy chúng ta tu phước nhưng không hưởng phước, phước báo dành để hưởng vào lúc nào? Để dành hưởng lúc lâm chung, lâm chung không bị bệnh khổ, biết trước lúc mất, tỉnh táo, sáng suốt, niệm Phật, Phật đến tiếp dẫn là phước báo bậc nhất, không phước báo nào lớn hơn được nữa!

Vì thế, phước báo cả đời chỉ nhằm cầu điều này, không cầu chi khác; đây là người thực sự có trí huệ, thực sự thông minh. Bình thời hưởng sạch hết phước, lúc lâm chung không có phước nên mê hoặc, điên đảo, tu hành cả đời trở thành chuyện nghi vấn. Cổ nhân thường nói: Đến lúc lâm chung, do công phu của quý vị đã tu không đắc lực nên sẽ gặp phải hiện tượng ấy. Vì thế câu “*tâm không điên đảo*” rất trọng yếu! Chúng ta nhất định phải cầu điều này, có cầu được như vậy không? Phước báo đó thôi!

Tâm địa thuần thiện thuần tịnh, dầu chúng ta chưa đạt được chữ “thuần”, nhưng phải đạt đến mức thanh tịnh, lương thiện, tâm lành, tư tưởng lành, hạnh lành. Trong cả đời cam chịu thua thiệt, chịu nhường nhịn, có thể nhẫn nhục, không tranh cùng người, không cầu nơi sự, thân tâm được an ổn, đó chính là phước báo. Cuộc sống bình lặng, đạm bạc, miễn sao qua ngày. Nếu có phước báo càng lớn hơn thì bổ thí, cúng dường cho những chúng sanh khổ nạn, lúc lâm chung hưởng phước báo “*tâm không điên đảo*”, phước báo ấy hiện tiền. Bởi thế, cả đời luôn nghĩ đến người khác, không tự tư tự lợi; nếu tự tư tự lợi e rằng lâm chung sẽ bị điên đảo, bị mê hoặc. Bất luận tu một pháp môn nào, dùng công phu nào, lâm chung hề bị mê hoặc là xong, không có cách chi trợ niệm được!

Thế nhưng chúng ta thấy có rất nhiều trường hợp, lúc mất về mặt người chết khó coi, sau khi được trợ niệm mấy giờ đồng hồ về mặt bèn hết sức dễ nhìn, nhưng điều ấy không có nghĩa là người ấy được vãng sanh. Về mặt trông dễ coi hơn là chuyện nhất định! Vì sao? Bao nhiêu người đưa đến những tin tức tốt lành cho người mất; giống như làm thí nghiệm kết tinh nước: Bao người dùng thiện ý đối với nó, để đáp lại, nước kết tinh hết sức đẹp đẽ; đạo lý là như vậy. Tuy thần thức người chết đã ly khai, không còn hít thở nữa, tim cũng không đập nữa, nhưng

nhục thể vẫn còn. Mỗi một tế bào nơi nhục thể đều thấy nghe hay biết, đều có thể tiếp nhận những thông tin bên ngoài. Lúc ấy thông tin trợ niệm là thông tin tốt đẹp nhất: “A Di Đà Phật!” Từ thông tin ấy, chúng kết tinh đẹp nhất, chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này!

Vì vậy, bình thời phải nuôi dưỡng ý niệm yêu thương, cảm ân, thời thời khắc khắc dùng thiện ý, thiện tâm đối đãi hết thầy người, hết thầy sự vật, sẽ được đáp ứng hết sức tốt đẹp, có thể biến địch thành bạn, hóa oán thành thân. Vì sao không làm được? Kinh Phật khuyên dạy chúng ta, nhưng có lúc đúng là chúng ta tâm ý hời hợt: Phật chưa từng được thấy, kinh điển chẳng biết là do ai viết, rốt cuộc là thật hay giả đây? Đúng là tuyệt đại đa số người học Phật chớ nghĩ họ rất kiên thành, thật ra họ bán tín bán nghi, vì sao? Công phu không đặc lực!

Nay đã có khoa học chứng thực, khiến cho mức độ khả tín của những gì kinh Phật đã giảng càng sâu thêm; khoa học chứng minh những điều đó là thật chứ không giả. Nay chuyện nước kết tinh đã hé lộ phần nào sự tình ấy. Chúng tôi nghe nói ở thành phố Đài Bắc có rất nhiều học sinh Tiểu Học làm thí nghiệm, thầy đều thành công. Bữa nay có đồng học hạ tải bảy bản báo cáo về các thí nghiệm của học sinh Tiểu Học từ Internet; tôi đã coi kỹ một lượt, hy vọng các vị đồng học cũng có thể làm thí nghiệm, tự mình đích thân làm. Làm đối với những gì? Làm đối với hết thầy vạn sự vạn vật. Trong học viện của chúng ta, cây cối hoa cỏ rất nhiều, mỗi ngày mỗi người dùng thiện ý đối với bụi hoa, đối với cây: “Người tăng trưởng rất đẹp, ta thích người lắm”. Nói với chúng những câu ấy, thành tâm thành ý nghĩ như vậy thì chúng càng lớn càng đẹp, báo đáp mà!

Có thể dùng ý xấu đối với thức ăn, dùng dùng ý xấu đối với cây cỏ hoa lá. Dùng ý xấu đối với cây cối, hoa lá, chúng sẽ chết khô, rất đáng tiếc, hoàn toàn dùng thiện ý. Ý xấu là bình thường mình ăn trái cây gì, quý vị có thể dùng thiện ý, ác ý hay mặc kệ đối với chúng. Có thể làm ba thí nghiệm như vậy. Đối với những cây cối hoa lá, hy vọng quý vị đều dùng thiện ý, chớ dùng ác ý, thành tâm thành ý yêu thương che chở chúng. Trong sân chúng ta lại có rất nhiều chim, so ra học viện hơi ít chim; tại Highfields là nơi tôi ở, chim rất nhiều, động vật nhỏ rất nhiều, chúng ta đều dùng thiện tâm, thiện ý thực sự yêu thương che chở, trở thành bè bạn của chúng, chúng đều có linh tánh!

Quý vị thấy chúng tôi dùng thiện ý đối với kiến, gián, chuột, chúng tôi dùng thiện ý đối đãi chúng. Nay chỗ chúng tôi ở rất sạch sẽ, những con vật nhỏ đều ở ngoài sân, đều ở bên ngoài, chẳng vào nhà gây

rồi. Chúng tôi nhất định không gây tổn thương cho chúng, chúng cũng không gây rắc rối cho chúng tôi! Quý vị thấy cùng sống hòa bình tốt đẹp như thế đó. Coi chúng như là bè bạn, như đồng tham đạo hữu. Trong hai mươi bốn tiếng đồng hồ, tiếng niệm Phật, băng giảng kinh phát ra không gián đoạn, bộn động vật nhỏ đều nghe, cây cối hoa cỏ cũng nghe âm nhạc, cũng nghe giảng kinh. Huống chi kinh Hoa Nghiêm đã giảng: Cây có thần cây, hoa có thần hoa, cỏ cũng có thần linh. Vũ trụ bộ máy sống động, chứ không chết cứng, hết sức sống động. Chúng ta nhận biết, hiểu rõ, cùng tồn tại, cùng thịnh vượng với thiên nhiên, vui vẻ ưa thích, cùng nhau hợp tác. Chỉ cần quý vị có thành ý, cổ nhân Trung Quốc nói rất hay: *“Tình thành sở chí, kim thạch vị khai”* (lòng thành chuyên ròng đến cùng tốt, vàng đá cũng phải nứt); thầy Lý bảo là *“chí thành cảm thông”*.

Virus bệnh SARS chính là vi khuẩn mang chất độc, chúng ta chỉ thành cảm thông thì chất độc ấy chuyển biến thành chất dinh dưỡng tốt nhất, đây mới là biện pháp giải quyết, nhất định chẳng được sát hại. Nếu giết chết, tiêu diệt nó thì không được, đừng nên có ý niệm ấy. Có ý niệm ấy, nó liền biến đổi, càng biến thành độc hơn, vì sao? Nó chống cự lại. Hai bên cùng thù ghét nhau; có sao không dùng tâm yêu thương? Có sao chẳng dùng thủ đoạn hòa bình? Đôi bên kính yêu nhau, giúp đỡ lẫn nhau cùng thành tựu, tốt hơn nhiều! Bởi vậy, một câu *“tâm không điên đảo”* trong kinh văn hay làm sao! Hết sức là hay! Có như vậy mới có thể vãng sanh. Tiếp đó là đoạn *“ta thấy điều lợi này”*. Chúng ta hãy xem đoạn kinh văn ấy. Kinh nói như thế này:

Xá Lợi Phất! Ngã kiến thị lợi cố thuyết thử ngôn: Nhược hữu chúng sanh văn thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ.

舍利弗。我見是利。故說此言。若有眾生。聞是說者。應當發願。生彼國土。

(Này Xá Lợi Phất! Ta thấy điều lợi ấy nên nói như thế này: Nếu có chúng sanh nghe nói như vậy, hãy nên phát nguyện sanh về cõi ấy).

“Ngã” ở đây là Thích Ca Mâu Ni Phật, đích thân Thích Ca Mâu Ni Phật thấy điều lợi ích ấy, lợi ích gì vậy? *“Tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh, lâm mạng chung thời, thánh chúng lai nghênh”* (Tâm không điên đảo, liền được vãng sanh, lúc lâm chung thánh chúng đến đón). Thích Ca Mâu Ni Phật tự thấy điều lợi ích khôn sánh như thế. Quý vị

thấy đó: Ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, Phật rất tốt, Bồ Tát rất tốt, không có chút tranh chấp gì. Trong thế gian này, quý vị muốn gặp hàng quan to quý nhân cũng không gặp được, còn trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hằng ngày gặp mặt chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát. Quán Âm, Thế Chí nắm tay cùng đi, tay nắm tay nhau cùng tản bộ, chuyện vãn. Các Ngài là tay phải, tay trái của A Di Đà Phật; quý vị đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thường chẳng rời khỏi các Ngài. Trong thế gian hiện tại đây, không sao được như vậy. Nay mình là học trò còn đang đi học, mình có được gặp mặt hiệu trưởng hằng ngày hay không? Hằng ngày có thân cận thầy giáo hay không? Chẳng dễ đâu!

Nhất là hiệu trưởng, có rất nhiều học sinh từ lúc mới nhập học cho đến khi tốt nghiệp cũng chỉ thấy mặt hai ba lần, khoảng cách rất xa, khó thể nói đàm câu với hiệu trưởng. Ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí, các vị thượng thiện nhân ấy đích thân đến đón quý vị, Thích Ca Mâu Ni Phật trông thấy sự lợi ích ấy. Nêu lên lợi ích quan trọng nhất là *“hoàn cảnh siêu ngũ trước, lúc lâm chung không điên đảo”*, tức là khi sắp chết tâm không điên đảo. Chữ *“ngũ trước”* chỉ thế giới Sa Bà, chúng ta gọi là *“tam giới lục đạo”*. Lúc lâm chung, *“đệ lục Ý Thức dĩ bất hành, đệ bát thức tập khí loạn phát”* (thức thứ sáu là Ý Thức đã không còn hoạt động nữa, tập khí trong thức thứ tám loạn động), nên gọi là *“loạn tâm vị”* (địa vị tâm tán loạn). Đó chính là tướng trạng của tâm điên đảo vậy.

Vì sao bị điên đảo khi lâm chung? Kinh điển của Pháp Tướng Tông giảng tình huống con người khi lâm chung rất tường tận. A Lại Da Thức (tức thức thứ tám) *“tiên lai, hậu khứ, tác chúa công”* (đến trước, đi sau, làm ông chủ). Lúc đầu thai, thức này đến trước tiên. Lúc đưa bé đã phát triển toàn vẹn, được sanh ra thì tám thức đều có đủ, mắt, mũi, lưỡi, thân, ý đều có đủ; nhưng lúc mới nhập thai thì không có, chỉ có thức thứ tám. Thức thứ tám được gọi là *“thần thức”*, nó đến đầu thai. Khi người ta chết đi, bảy thức trước dần dần chẳng thể khởi tác dụng nữa, tợ hồ đều không có; nhưng thức thứ tám vẫn còn, thức thứ tám rời đi sau cùng.

Trong kinh, đức Phật giảng cho chúng ta biết: Sau khi con người tắt thở, thức thứ tám sẽ rời thân lúc nào? Ước chừng sau tám tiếng đồng hồ; tám tiếng sau khi tắt thở thì thức thứ tám mới rời thân; thân thể thực sự không hay biết nữa thì phải mất tám tiếng đồng hồ [sau khi tắt thở]. Nhưng tám tiếng đồng hồ là đa số, có một số người rất tham ái thân thể, không buông xuống được, rất có thể phải đến mười hai tiếng hay mười bốn tiếng đồng hồ sau thần thức mới rời khỏi thân. Có rất ít người, vô

cùng ít, đã nhiều ngày mà A Lại Da Thức chẳng chịu rời đi, chúng ta gọi hạng người ấy là “*thủ thi quỷ*” (quỷ giữ xác). Kẻ ấy không rời được thân xác này, chấp trước quá đỗi, Ngã Chấp quá nặng. “*Loạn tâm vị*” chướng ngại việc vắng sanh.

Ở đây chúng ta phải hiểu rõ “*nhất tâm hệ niệm*” rất quan trọng. “*Tin sâu chẳng nghi, nhất tâm hệ niệm*”, đó chính là bí quyết tu hành để vắng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Lúc lâm chung không điên đảo, sáng suốt, tỉnh táo, minh mẫn, đức Phật thấy điều ấy rất rõ ràng nên khuyên dạy chúng ta “*ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc*” (phải nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy), không có gì trọng yếu hơn được nữa. Lại xem tiếp đoạn kế tiếp:

“*Sự Lý nhị trì, nhất tâm bất loạn*” (Sự Trì và Lý Trì, nhất tâm bất loạn). Sự Trì cũng tốt, Lý Trì cũng hay, bất luận thế nào chúng ta trì danh niệm Phật nhằm mục đích gì? Mục đích là cầu nhất tâm bất loạn. Đoạn này giảng chuyện này rất nhiều, vì sao vậy? Hết sức quan trọng. “*Bất vị Kiến Tư loạn cố, cảm Hóa Thân Phật hiện tiền, sanh Đồng Cư Phương Tiện Độ*” (Chẳng bị Kiến Tư làm loạn, cảm được Hóa Thân Phật hiện ra trước mặt, sanh vào cõi Đồng Cư hay Phương Tiện Độ). Đó là gì vậy? Chính là Sự nhất tâm bất loạn. Ở đây, điều kiện là phải thực sự chế ngự, khuất phục được Kiến Tư phiền não; người niệm Phật có Cảm, đức Phật liền Ứng. Quý vị thấy được thân Phật nào? Hóa Thân của Phật. A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí trăm ngàn ức Hóa Thân, hóa hiện các thân đến nghênh tiếp, quyết định chẳng để sót. “Người vắng sanh nhiều như thế, A Di Đà Phật có quên mình hay không?” Quý vị đừng khởi vọng tưởng như thế! Chắc chắn A Di Đà Phật không quên, vì sao? Quý vị có Cảm thì sự Cảm đó giống như làn sóng điện, quý vị có nguyện vọng cầu Phật đến tiếp dẫn; đức Phật thấu nhận ý niệm ấy, sẽ tự nhiên hóa thân đến đón mình.

Kiến Tư phiền não rất phiền toái! Nhất định phải chế ngự, khuất phục chúng, phải thường tu tập công phu ấy, nay ta muốn thực hiện thì phải làm như thế nào? Vẫn là một câu nói cũ rích: “*Buông xuống!*” Buông những gì xuống? Nói chung là buông hết thảy chấp trước, chớ có chấp trước, buông xuống hết thảy phân biệt. Chỉ cần quý vị có phân biệt, chấp trước thì sẽ bị phiền phức liên, tạo thành chướng ngại liên. Quý vị có chướng ngại như vậy thì khi lâm chung chẳng thấy Phật đến tiếp dẫn. Lúc lâm chung thấy Phật chứng tỏ công phu đã có thể chế ngự Kiến Tư phiền não nên quý vị mới thấy được Phật; không khuất phục được Kiến Tư phiền não sẽ chẳng thấy được Phật. Bởi thế, trợ niệm lúc lâm chung

rất tốt, đúng là giúp ích rất lớn. Bởi lẽ, có rất nhiều người niệm Phật đến lúc lâm chung, bình thời không buông xuống được, lúc sắp mất, biết không mang theo được gì, lúc ấy tâm niệm Phật hết sức khẩn thiết, vô cùng chân thật, lại có người khác cùng niệm theo thì công đức ấy càng thù thắng vô cùng. Đưa một người vãng sanh là giúp cho người ấy thành Phật, có phải là công đức lợi ích càng thù thắng hơn hay không? Chế phục Kiến Tư phiền não sẽ sanh về cõi Đồng Cư, Phạm Thánh Đồng Cư Độ và Phương Tiện Hữu Dư Độ.

Loại thứ hai là “*bất vị nhị biên sở loạn, cảm Báo Thân Phật lai nghênh, sanh Thật Báo Tịch Quang nhị độ*” (chẳng bị nhị biên làm loạn, cảm Báo Thân Phật đến đón, sanh vào hai cõi Thật Báo và Tịch Quang). Đây là Lý nhất tâm bất loạn, là công phu cao. “*Bất vị nhị biên sở loạn*” (chẳng bị nhị biên làm loạn) tức là ngay cả vọng tưởng cũng bị chế ngự. Vọng tưởng là Vô Minh phiền não. “*Chẳng bị nhị biên làm loạn*” chính là nhập pháp môn Bất Nhị. Trong phần trên đã nói đến Lý Trì, người ấy hiểu rõ Lý. Cảnh giới niệm Phật của người ấy là Năng - Sở cùng mất: Cái tâm niệm Phật và đức Phật được niệm dung hợp thành một thể; thông thường, người niệm Phật và đức Phật được niệm là hai, chẳng thể hợp thành một. Người niệm ở đây nhập Bất Nhị pháp môn, có thể dung hợp năng niệm và sở niệm thành một thể, người ấy cảm được Báo Thân của A Di Đà Phật. Tướng Báo Thân rất lớn, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sanh trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ hay Thường Tịch Quang Độ, thực sự là “*hoa nở thấy Phật ngộ Vô Sanh*”. Về tới Tây Phương Cực Lạc thế giới hoa liền nở ngay.

Sự việc này khiến chúng tôi nghĩ: Đối với với kinh giáo Đại Thừa, chỉ có huân tập lâu dài kinh giáo Nhất Thừa của Đại Thừa mới dần dần tỉnh ngộ, mới dần dần hiểu được chân tướng của vũ trụ nhân sinh, nhất là những kinh như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Lăng Già. Những đại kinh đại luận ấy quả thật giúp chúng ta thông đạt Thật Tướng của các pháp, giúp chúng ta khế nhập cảnh giới Như Lai. Chúng ta thực sự nhận hiểu hết thấy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, bất khả đắc, kinh Bát Nhã giảng như vậy đây! Trước hết, kinh dạy quý vị phải buông thân tâm, thế giới xuống; buông xuống xong lại dạy quý vị đem thân tâm của chính mình và Thật Tướng của các pháp dung hợp thành một Thể, quý vị sẽ nhập cảnh giới Phật. Toàn bộ vũ trụ là chính mình, là chân tâm của chính mình, là bốn tánh của chính mình, là Pháp Thân của chính mình.

Đại Bồ Đề tâm hiện tiền, tâm chân thành trọn khắp pháp giới hư

không giới, thâm tâm của quý vị chính là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác trọn khắp hư không pháp giới; tâm từ bi chính là tâm phát nguyện hồi hướng khắp hết thấy chúng sanh trong các cõi nước trọn hư không pháp giới. Với cảnh giới ấy, khi vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đương nhiên sẽ sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ hay Thường Tịch Quang Độ! Tiểu Ngã của chúng ta hòa với Đại Ngã của vũ trụ thành một, “*chẳng bị nhị biên làm loạn*”. Nhị Biên là như tôi vừa mới nêu thí dụ đây: Thân ta là Tiểu Ngã, vũ trụ là Đại Ngã. Đại - Tiểu là Nhị Biên; nay biết không có lớn hay nhỏ thì đại - tiểu là một, không hai, tiểu vũ trụ và đại vũ trụ là một. Đây là thực sự giác ngộ, triệt để giác ngộ, trong nhà Thiền gọi là “*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*”. Chúng ta lại xem tiếp đoạn tiếp theo [trong sách Yếu Giải]:

“*Đương trì trì danh, giản dị trực tiếp, chí đốn, chí viên, dĩ niệm niệm tức Phật cố, bất lao quán tưởng, bất tất tham cứu, đương hạ viên minh, vô dư, vô khiếm*” (Nên biết trì danh giản dị, thẳng chóng, chí viên, chí đốn. Do niệm niệm chính là Phật nên chẳng phải nhọc công quán tưởng, chẳng cần phải tham cứu, viên minh ngay tại đó, không thừa, không thiếu). Mấy câu này luận rất hay, giảng hết sức tuyệt diệu! Ở đây, Tổ Sư dạy chúng ta phải “*đương trì*” (nên biết): Các người phải nên biết rằng: Chấp trì danh hiệu, tín nguyện trì danh đơn giản lắm! Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, chẳng có pháp môn nào đơn giản như thế này; tìm lấy một pháp môn nào khác đơn giản như thế này tìm không ra! Dễ dàng quá! Không ai chẳng thể niệm, một câu A Di Đà Phật đơn giản, dễ dàng, nhưng chớ có xem thường, vì sao vậy? Nó viên đốn nhất, thù thắng nhất trong Phật pháp, là đại pháp viên đốn khó có nhất. “*Viên*” là viên mãn, không thiếu sót chút nào, “*đốn*” là đốn siêu (vượt thoát nhanh chóng), chẳng phải mất một thời gian dài. Pháp này là như vậy đó!

Do đâu mà thấy viên mãn? Hãy xem lúc lâm chung, Phật và Bồ Tát đến tiếp dẫn, quý vị nói xem có phải là Viên hay không? Do đâu mà thấy là Đốn? Kinh nói từ một ngày đến bảy ngày, có pháp môn nào khác có thể thành công trong bảy ngày được chăng? Thực sự tìm không ra! Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục và trong Vãng Sanh Truyện, quả thật là có những người từ một ngày đến bảy ngày bèn thành tựu. Không nói dối đâu! Đốn siêu mà! Bởi thế, pháp môn này được gọi là pháp môn cả viên lẫn đốn đều đạt đến tột đỉnh, không gì hơn được nữa, chí viên, chí đốn!

Tiếp đó, tổ Ngẫu Ích viết: “*Dĩ niệm niệm tức Phật cố*” (Do niệm niệm chính là Phật), phải hiểu đạo lý này. Hết thấy chúng sanh vốn sẵn là Phật, phải biết điều này, đó là sự thật, xác thực quý vị vốn là Phật.

“Vốn sẵn” nghĩa là lúc nào vậy? Chính là trong hiện tại. Hiện tại quý vị vốn đã là Phật, nhưng quý vị mê không giác. Trong giáo pháp Đại Thừa thường nói căn tánh của sáu căn là Phật tánh. Phật tánh có đặc tánh là thấy nghe hay biết, có thể thấy được, nghe được, cảm nhận được, biết được, đây là đặc tánh của tự tánh. Đặc tánh ấy bất sanh, bất diệt, không đến, không đi, không một, không khác, chẳng có, chẳng không, trọn khắp hư không pháp giới. Ở mắt gọi là tánh Thấy, nơi tai gọi là tánh Nghe, ở miệng, ở mũi, ở thân gọi là tánh Cảm Nhận, ở ý gọi là tánh Biết, thấy - nghe - cảm nhận - biết là sẵn có, đó là Phật. Tôi có, anh có, tất cả hết thấy vạn vật đều có, chẳng những hết thấy vạn vật có mà hư không cũng có. Vì sao? Hư không cũng do tâm hiện, đã do tâm biến hiện thì làm sao không có cho được?

Vì sao chúng ta ra nông nổi này? Do mê mất tự tánh, do tự tánh Phật bị mê; vì mê nên biến thành phàm phu. Nay chúng ta niệm Phật, niệm Phật là đem tự tánh niệm ra; nay chúng ta lại làm Phật. Ta vốn sẵn là Phật, nay lại làm Phật, há có đạo lý chẳng thành Phật được ư? Niệm niệm chính là Phật, chẳng cần phải nhọc sức quán tưởng, chẳng dùng đến quán tưởng. Quán tưởng phiền phức quá, cũng chẳng cần phải tham cứu. Chẳng cần phải nhọc công quán tưởng tức là không cần dùng đến mười sáu pháp Quán, rắc rối quá! Chẳng cần tham cứu là chẳng cần dùng đến phương pháp của Thiền tông. “*Đương hạ viên minh, vô dư, vô khiếm*” (Ngay nơi đó viên minh, không thừa không thiếu), hết sức viên mãn, không mảy may thiếu khuyết gì, cho thấy pháp môn này chân thật, rốt ráo, đại viên mãn.

A! Nay đã đến giờ rồi!

Tập 27

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp tiểu đoạn thứ tư của đoạn thứ tám “*diệu hạnh thắng quả, chẳng thể nghĩ bàn!*” Chúng tôi đọc nguyên văn sách Yếu Giải một lượt:

“*Thượng thượng căn bất năng du kỳ khôn, hạ hạ căn diệt năng trần kỳ vực, kỳ sở cảm Phật, sở sanh độ, vãng vãng thắng tán, diệt bất nhất khái, khả vị hoành cai bát giáo, thụ triệt ngũ thời. Sở dĩ, triệt để bi tâm, vô vấn tự thuyết, thả thâm thán kỳ nan tín dã*” (Thượng thượng căn chẳng thể vượt khỏi cửa thành này, hạ hạ căn cũng có thể đến được cõi ấy. [Do công phu tu tập của mỗi người mà] đối với mỗi tầng cấp công

phu cảm được đức Phật và cõi nước sẽ sanh về lại càng thù thắng hơn, cũng chẳng nhất loạt giống nhau⁷⁶. Có thể nói [pháp môn Tịnh Độ] theo chiều ngang gồm trọn tám giáo, theo chiều dọc suốt thấu năm thời. Bởi thế, do tâm bi triệt để [nên đức Phật] không ai hỏi tự nói, lại còn than thở sâu xa là pháp khó tin). Nguyên văn trong sách Yếu Giải viết như vậy, phải nói là hay tuyệt diệu, quả thật đúng như thế. Ý Ngẫu Ích đại sư muốn nói: Pháp môn này quả thật độ thích hợp trọn khắp ba căn, lợi căn lẫn độn căn đều gồm thâu. Thượng thượng căn chẳng thể vượt ra khỏi được; chữ “*Khôn*” (閻: cửa thành, cửa ngõ) nói như bây giờ là “phạm vi”, chẳng thể vượt ra ngoài được. Hạ Hạ căn cũng có thể đạt đến cảnh giới ấy. Đức Phật mình cảm được, cõi mình được sanh tùy theo công phu của mỗi người có mỗi tầng cấp sau lại thù thắng hơn tầng cấp trước. Thắng (勝) là thù thắng, Tấn (進) là tiến triển, luôn nâng cao, cũng không giống hết nhau; bởi lẽ, thế giới Tây Phương có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm, nhưng ai nấy đều có phần.

Trong phần giảng về chương Thượng Phẩm Thượng Sanh của Quán Kinh, đại sư Thiện Đạo đã giảng về chuyện này hết sức hay! Do các đại đức thuở trước cho rằng ba phẩm vãng sanh bậc Thượng là để Bồ Tát vãng sanh, ba phẩm Trung là Thanh Văn, Duyên Giác vãng sanh; còn phàm phu đối nghiệp vãng sanh chỉ có thể vãng sanh trong ba phẩm Hạ. Chiếu theo cách giải thích của cổ đức, đối với bậc Thượng và bậc Trung, bọn phàm phu chúng ta tuyệt không có phần, Thiện Đạo đại sư không giảng như vậy. Theo truyền thuyết, Thiện Đạo đại sư là A Di Đà Phật tái lai, lời Thiện Đạo đại sư chính là lời A Di Đà Phật tự nói. Lão nhân gia giảng: “*Bốn cõi ba bậc chín phẩm đều là do gặp duyên không giống nhau!*” Càng nghĩ càng thấy lời giảng ấy có lý! Nếu phàm phu gặp

⁷⁶ Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của pháp sư Bảo Tịnh trong Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải Thân Văn Ký: “*Kỳ sở cảm Phật phân vi Pháp, Báo, Ứng tam thân. Kỳ sở sanh độ phân Đồng Cư, Phương Tiện, Thật Báo, Tịch Quang tứ độ. Nhất vãng như thị, nhược cánh tán nhi luận, tặc nhất thân viên cụ tam thân, nhất độ viên nhiếp tứ độ, nhi tri danh công hạnh nhi hữu thiện thâm, kỳ vãng sanh liên đài hữu cao đê, cố tứ độ các phân tam bối cửu phẩm, bất đắc nhất khái chi luận*” (tạm dịch: Đức Phật [mà người vãng sanh cảm được] chia thành ba thân: Pháp Thân, Báo Thân, Ứng thân; cõi nước người ấy sanh về chia thành bốn cõi Đồng Cư, Phương Tiện, Thật Báo, Tịch Quang. Một phen sanh về là như vậy, nếu bàn ở một mức độ cao hơn thì một thân trọn đủ ba thân, một cõi nhiếp trọn bốn cõi; nhưng công hạnh tri danh có sâu hay cạn nên đài sen vãng sanh có cao hay thấp. Vì thế, mỗi cõi đều chia thành ba bậc chín phẩm, chẳng thể nói là giống hết như nhau được!)

được duyên thù thắng cũng có thể vãng sanh trong Thượng Trung Phẩm, cũng có thể trong một đời sanh về cõi Thật Báo; giống như lời Ngẫu Ích đại sư giảng ở đây: “*Vãng vãng thắng tấn, diệc bất nhất khái*” ([Do công phu tu tập của mỗi người mà] đối với mỗi tầng cấp công phu cảm được đức Phật và cõi nước sẽ sanh về lại càng thù thắng hơn, cũng chẳng thể nói là nhất loạt giống hệt nhau), gặp duyên bất đồng mà! Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát nếu không gặp duyên thù thắng cũng chẳng thể sanh vào cõi Thật Báo, cũng không có cách gì vãng sanh trong bậc Thượng được! Bởi thế đều là do “*gặp duyên bất đồng*”. Do vậy, chúng ta phải coi trọng cái duyên, phải tiếc quý cái duyên, thực sự chẳng dễ gặp được duyên đâu!

Nay chúng ta có duyên phận với nơi đây, mọi người ở đây nhưng không nhận biết, đúng là “thân hưởng phước, nhưng chẳng biết mình có phước”. Quý vị rời bỏ hoàn cảnh này đi qua nơi nào khác thì mới nhận biết [duyên phận tốt đẹp ở nơi đây]. Ở chỗ này, cơm, áo, ăn, ở không phải bận lòng; dầu không dư dật lắm, nhưng đúng là ăn no, mặc ấm, nhà cửa đủ để che nắng đụt mưa, hoàn cảnh an định. Có thể nói là trong xã hội hiện tại, thiên thời, địa lợi, nhân hòa, ba điều kiện này chúng ta đều có đủ, quý vị tìm đâu ra được!

Đạo tràng mỗi ngày giảng kinh, mỗi ngày niệm Phật. Ngay sau khi vừa xây cất xong Niệm Phật Đường chúng ta bèn sử dụng liền, mở rộng cửa suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Chúng tôi chọn cách làm theo lời dạy của lão pháp sư Đế Nhân: Niệm mệt bèn nghỉ ngơi! Liều phòng ở gần ngay đó, nghỉ khỏe rồi lại mau chóng dụng công. Muốn nghiên cứu giáo pháp thì nghiên cứu, muốn niệm Phật thì niệm Phật. Không niệm Phật thì nghiên cứu giáo pháp, không học giáo pháp thì niệm Phật. Hoàn cảnh tu học như vậy tìm đâu ra được! Tài liệu trong thư viện nói chung là hoàn bị; có thiếu sót gì chúng tôi đều nghĩ hết mọi cách để thu thập. Ở nơi đây mà không biết quý tiếc duyên phận, hằng ngày bỏ luống uổng, đáng tiếc quá, không còn gì tiếc hơn nữa!

Mọi người phải tự mình phát tâm, chứ không phải do bị người khác ép buộc. Phát cái tâm đầu tiên là truyền thừa chánh pháp của Như Lai. Hiện tại, người giảng kinh thuyết pháp trong thế gian này rất ít, ai nấy đều biết rõ cổ nhân thường nói: “*Nhân năng hoằng đạo, phi đạo hoằng nhân*” (Người có thể hoằng đạo chứ đạo không thể hoằng người). Phật pháp hưng hay suy là do sức người. Phải là người như thế nào? Có đạo đức, có học vấn. Đạo đức là đoạn phiền não, chứng Bồ Đề; học vấn là trừ tà kiến, mở mang trí huệ. Mười phương thiện tín cúng dường đạo

tràng này; vì sao họ cúng dường đạo tràng? Hy vọng quý vị có thành tựu, mong mỗi Phật pháp có truyền nhân; không có người truyền, Phật pháp sẽ diệt, chứ không chỉ suy bại đâu! Hy vọng đời đời có người truyền thừa, đó là điều thứ nhất. Chúng tôi đã tự nghĩ đến điều này, nhưng làm không được vì không có năng lực, chẳng đủ điều kiện hoằng pháp lợi sanh, nên phải quyết định cầu vãng sanh. Đó chính là thành tựu.

Ở phần trên đã nói, một đệ tử Phật chân chánh có hai con đường; cả hai con đường đều là chánh đạo. Trong thực tế, truyền thừa đại pháp của Như Lai không phải là chuyện dễ, chúng tôi tự biết mình không có năng lực ấy! Đức hạnh lẫn học vấn đều không đủ. Khi tôi còn ở Đài Trung, thầy Lý mở lớp dạy giảng kinh, tôi không dám tham gia. Thầy Lý khuyên tôi tham gia, tôi không dám, tự nghĩ mình không hội đủ điều kiện. Lúc thầy Lý lên lớp, bảo tôi: “Ông cứ dự thử xem, nghe một buổi là được rồi!” Tôi đến dự, dự xong, tôi rất cảm động. Với cách học như thế, tôi cân nhắc, so đo năng lực thấy mình cũng kham được nên bèn theo học lớp giảng kinh.

Sau này, thầy Lý bảo tôi: “Chuyện ấy thật khó, thật không dễ dàng. Hoằng pháp lợi sanh phải thông đạt pháp thế gian lẫn xuất thế gian”. Khi ấy, thầy nêu thí dụ về pháp thế gian: “Đừng nói chi khác, chỉ đơn giản là bộ Tứ Khố Toàn Thư, anh có hiểu hết hay không? Trên kệ sách trong giảng đường của chúng ta có một bộ Tứ Khố Toàn Thư và một bộ Tứ Khố Hội Yếu⁷⁷, cả hai bộ đều hoàn chỉnh. Anh có hiểu hết hay không?” Đã thông đạt pháp thế gian rồi, lại còn phải thông đạt Phật pháp. Phật pháp ư? Trong tủ sách có bộ Đại Tạng Kinh, ở đây chúng tôi có mười loại bản in Đại Tạng Kinh khác nhau, không có cách nào hiểu hết, làm không nổi! Chưa kể tôi là kẻ trung niên xuất gia, hai mươi sáu tuổi mới được nghe Phật pháp, ba mươi tuổi mới xuất gia, quá chậm!

⁷⁷ Tứ Khố Toàn Thư (tên đầy đủ là Khâm Định Tứ Khố Toàn Thư) là tổng tập tất cả các tác phẩm văn học của Trung Quốc từ năm 1773 đến 1782, được biên soạn dưới đời nhà Thanh theo lệnh của vua Càn Long, đứng đầu nhóm biên soạn là Kỷ Quân và Lục Tích Hùng. Gọi là Tứ Khố vì sách được chia thành bốn thể loại chính: Kinh, Sử, Tử, Tập. Sách này gồm hơn 10.000 bản thảo từ thời Tiên Tần cho đến những năm đầu đời Thanh. Bộ sách này dày đến 2,3 triệu trang sách và khoảng 800 triệu chữ! Do Tứ Khố Toàn Thư quá lớn, tuổi đã cao, không thể nào có thời gian đọc hết, vua Càn Long hạ lệnh cho triều thần biên soạn một bộ sách khác, có thể nói đơn giản là tóm tắt nội dung trọng yếu của những sách được thu thập trong Tứ Khố Toàn Thư. Công trình này Mẫn Trung và Vương Tế Hoa làm chủ biên, và cũng được chia thành bốn phần Kinh, Sử, Tử, Tập. So với Tứ Khố Toàn Thư, công trình này có giá trị cao hơn vì được biên tập thận trọng và giáo chánh tỉ mỉ hơn.

Không đủ sức! Chúng tôi đọc trong Cao Tăng Truyện thấy tổ sư đại đức các đời xuất gia từ nhỏ, mười lăm, mười sáu tuổi đã có căn cơ vững chắc về kinh sách rồi. Bất luận đức hạnh hay học vấn đều có căn bản tốt đẹp cả! Chúng tôi đúng là kẻ nửa đường xuất gia, mất dê mới sửa chuồng, chỉ có liều chết phát phần nỗ lực, giống như đi học bỏ túc⁷⁸, học được chút ít, làm sao có thể hoằng pháp lợi sanh?

Vì thế, thầy Lý mới dạy: “Con đường chánh quy chúng ta không đi được, không cách gì đi được, phải đi theo con đường đặc biệt. Con đường đặc biệt ấy là con đường nào? Cầu cảm ứng!” Nói cách khác, cầu Phật, Bồ Tát gia trì. Nếu không cầu Phật, Bồ Tát gia trì, cứ cậy vào sức mình, chắc chắn không thể thành tựu được. Cậy vào Phật, Bồ Tát có được hay không? Chỉ cần quý vị có tâm chân thành, chí thành cảm thông mà! Tôi giữ lấy hai chữ này: Một là Thành, hai là Kính. Từ nhỏ, tôi đã được cha mẹ, thầy giáo, trưởng bối dạy cho chữ Kính, tôi có chữ ấy, kính người, kính sự, kính vật. Còn Thành không đủ, bị phiền não tập khí che lấp chân thành, [có được chữ] Thành là nhờ thầy Lý vun bồi cho tôi. Một đời nhờ vào hai chữ “thành kính” ấy, chân thành đến cùng cực, cung kính đến cùng cực; dùng những điều ấy để cầu cảm ứng.

Vì thế, trên tòa giảng kinh, tôi cũng đã nhiều lần thưa cùng quý vị rồi, tôi đâu có năng lực giảng kinh! Bất quá là lên tòa giảng đưa thân thể cho Phật, Bồ Tát mượn dùng, nhờ Phật, Bồ Tát gia trì, dùng thân miệng tôi để truyền đạt mà thôi. Thật vậy đó! Vì thế, từ nhiều năm qua rất nhiều đồng tu biết rõ, tôi giảng kinh không chuẩn bị sẵn, giảng cái gì cũng không biết. Giảng xong, quý vị hỏi lại, tôi ngơ ngác không biết gì. Có người thâm âm lại cho tôi nghe, tự hồ mình có nói, Phật lực gia trì mà! Nếu có chút gì tư tâm, có chút lòng danh văn, lợi dưỡng, sẽ không có cảm ứng. Toàn tâm toàn ý hộ trì chánh pháp, vì lợi ích chúng sanh,

⁷⁸ Chúng tôi tạm dùng chữ này, tuy không chính xác. Nguyên văn là “bổ tập ban” (補習班, tức cram class), tức là những khóa học nhằm dạy cho học trò một số kỹ năng cần thiết, hoặc chỉ chú trọng một vài môn học đặc biệt, dạy nhồi nhét trong một thời gian ngắn để học sinh có thể trúng tuyển một kỳ thi bắt buộc nào đó như thi tuyển vào Đại Học hoặc thi lấy chứng chỉ hay giấy phép cho một nghề. Do vậy, nếu dùng chữ “luyện thi” thì cũng không ổn, chúng tôi tạm dùng chữ Bỏ Túc vì tại Việt Nam khái niệm “bỏ túc văn hóa” hoặc “chuyên tu tại chức” cũng mang tính chất học đối phó nhằm giật lấy mảnh bằng theo yêu cầu của cấp trên đòi hỏi. Ở đây, Hòa Thượng dùng chữ này với ý khiêm hư, Ngài nói toàn bộ học vấn Phật pháp của Ngài chẳng có gì, học kinh giáo chỉ là nói cho rõ ràng, đơn giản, rành mạch để người nghe có thể hiểu kinh giáo, hoàn toàn là dựa theo chú giải của người xưa để nói lại, chứ bản thân chẳng hiểu gì về kinh giáo cho mấy!

chẳng vì chính mình. Vì chính mình thì một câu A Di Đà Phật đã đủ rồi, đã thành công rồi, đâu cần phải làm gì khác nữa!

Quý vị phải hiểu rõ đạo lý này, chúng ta phát tâm được Phật, Bồ Tát gia trì thì sự việc không khó khăn gì. Quý vị muốn thực sự được Phật, Bồ Tát gia trì thì phải nhớ kỹ: Tâm chân thành, cung kính đối với hết thầy người, hết thầy sự, hết thầy vật thì mới được cảm ứng. Dùng tâm thái như vậy để cảm thì Phật, Bồ Tát bèn ứng. Hai con đường ấy là nhân duyên hy hữu của chúng ta, bất luận đi theo con đường nào, chỉ cần dùng cái tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi, sẽ đi được con đường ấy thông suốt.

Vì người khác diễn nói, “*diễn*” là trọng yếu, diễn là tự mình phải làm. Tự mình không làm được, khác nào lặp lại những phương thức và lý luận như kinh Phật đã giảng, còn chính mình chưa từng thử làm; chính mình phải thực hiện để lấy kinh nghiệm. Ngày nay nói đến khoa học thì khoa học xem nặng vấn đề thực nghiệm, ta phải làm được! Nếu thực sự thông hiểu kinh luận thì có thể giảng cho người khác nghe được, còn nếu như chính mình có nghi hoặc sẽ chẳng thể giảng được! Chớ nên làm người khác bị lầm lạc, đừng chỉ sai phương hướng, mục tiêu cho người khác, chịu trách nhiệm nhân quả lớn lắm đấy, mình phải gánh lấy trách nhiệm! Câu chuyện đã hồ Thiên trong nhà Thiên là thật, không giả đâu! Chuyện ấy cảnh tỉnh chúng ta rất mạnh, chớ nói năng bừa bãi, chỉ e nói sai!

Nếu chúng ta không thể thuyết pháp, đối với kinh giáo chưa nghiên cứu kha khá thì cứ khuyên người ta niệm Phật chắc chắn sẽ không sai. Nói cho biết sự cảm ứng của việc Niệm Phật, kể chuyện trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục hay Vãng Sanh Truyện cho người ta biết, nói như vậy là không sai lắm chút xíu nào! Có chỗ nào tốt cho mình thì cũng sẽ tốt cho người, tự lợi, lợi tha. Há chẳng phải là pháp sư Oánh Kha đời Tống bị cảm động bởi Vãng Sanh Truyện đó sao? Thấy người ta ai niệm cũng đều vãng sanh, nên Sư mới hạ quyết tâm: “Ta cũng phải cầu vãng sanh!” Không có chi khác, do thành kính nên cảm được A Di Đà Phật hiện đến. Quý vị thấy Sư ra đi tự tại, tiêu sái đến thế, Ngài vì chúng ta diễn nói đây! Biểu diễn cho chúng ta xem, chuyện như vậy là thật, không giả đâu. Bởi thế, pháp thế gian hay xuất thế gian đều nằm trong “*thành kính*”.

Tôi đã từng thưa với các đồng học, một đời tôi có ba vị thầy tôi hết sức cảm kích, niệm niệm không quên: Tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu Phật pháp cho tôi biết, nếu không do thầy, tôi chẳng vào cửa

Phật được. Vì sao? Tôi mang lòng bài xích Phật giáo, sách nhà Phật tôi không màng xem. Nếu tiên sinh Phương Đông Mỹ không tiếp dẫn, tôi chẳng có cơ hội này. Tôi học với Chương Gia đại sư ba năm, Ngài dạy tôi “*khán phá, phóng hạ*” (thấy thấu suốt, buông xuống), dạy tôi “*bố thí*”. Trước kia tôi không hề có ý niệm ấy, tôi học Phật có một chút thành tựu như thế này, căn cơ là sáu chữ ấy. Thầy Lý dạy tôi bốn chữ “*chỉ thành cảm thông*”.

Tôi học Phật hơn năm mươi năm, tuân thủ những giáo huấn, cương lĩnh, nguyên tắc thầy dạy ấy, vĩnh viễn không tách lìa. Không chân, không thành thì cả pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều không có căn bản, sẽ trôi nổi, dầu trong mạng có phước báo đi nữa, cũng chỉ là như hoa đàm thoáng hiện, thật đấy, không sai đâu, không có cội rễ mà! Thành kính là căn bản của thế gian lẫn xuất thế gian. Ấn Quang đại sư dạy người ta: “*Đôn luân, tận phận, nhàn tà, tồn thành*” (Trọn vẹn luân thường, tận hết bốn phận, dứt lòng tà, giữ lòng thành). Quý vị nghĩ xem: Nếu không có thành kính sẽ làm không được. Nếu có thành kính thì quý vị sẽ hiểu được lời tổ Ấn Quang dạy, sẽ vui sướng, hết sức tự nhiên y giáo phụng hành.

Thấy thấu suốt là thực sự thấu hiểu chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, thực sự hiểu thấu chân tướng của xã hội hiện tại, trong xã hội này, trong một đời này, quý vị có thể vĩnh viễn giữ được tâm bình khí hòa, chẳng bị lay động. Chúng sanh làm chuyện tốt bậc bất thiện, quý vị cũng chẳng nổi nóng, vì sao? Quý vị thấy rất rõ ràng, giống như kinh Pháp Hoa đã nói: “*Như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị bốn mặt cứu cánh*” (Nhân như vậy, duyên như vậy, quả như vậy, báo như vậy, gốc ngọn rốt ráo như vậy). Đó là thấy thấu suốt vậy! Dầu thế gian biến hóa như thế nào đi nữa, tâm chúng ta hơi bị ảnh hưởng một tí (nếu không lay động há chẳng phải đã thành Phật rồi hay sao?), nhưng nó không gây ảnh hưởng lớn. Chẳng như lúc chưa học Phật, tâm bị dao động rất lớn, sóng to gió lớn, có lúc cuồng hoan, có khi phẫn nộ. Thấy thấu suốt rồi, dầu cảnh duyên tốt đến đâu cũng chẳng cuồng hoan (vui sướng như phát cuồng), dầu cảnh duyên xấu đến đâu cũng chẳng phẫn nộ, gợn sóng rất nhẹ, không cao. Thường giữ được tâm bình khí hòa, tâm bình đẳng, tâm thanh tịnh sẽ sanh trí huệ. Phải hiểu đạo lý này! Nhất là người niệm Phật, cảnh duyên hiện tiền bèn chấp tay niệm một câu A Di Đà Phật, chuyện gì cũng đều dẹp yên được hết.

Kế đó là mấy câu “*khả vị hoành cai bát giáo, thụ triệt ngũ thời*” (có thể nói là theo chiều ngang bao trùm tám giáo, theo chiều dọc thấu

suốt năm thời), có nghĩa là tín nguyện trì danh bao gồm toàn bộ tất cả Phật pháp. Ngẫu Ích đại sư thuộc tông Thiên Thai bên Giáo, tuổi già quy hướng Phật Di Đà. Lúc trẻ, Ngài học giáo nghĩa Thiên Thai nên trước thuật, diễn giảng đều dùng giáo nghĩa tông Thiên Thai. Tông Thiên Thai nói đến tám giáo “Tạng, Thông, Biệt, Viên, Đốn, Tiệm, Bí Mật, Bất Định”. “Năm thời” là thứ tự giảng kinh trong bốn mươi chín năm của Thích Ca Mâu Ni Phật, thứ nhất là Hoa Nghiêm, thứ hai là A Hàm, thứ ba là Phương Đẳng, thứ tư là Bát Nhã, thứ năm là Pháp Hoa - Niết Bàn. Niết Bàn là thời tối hậu được giảng trong một ngày một đêm. Năm thời tám giáo là như vậy đó! Toàn bộ Phật pháp của cả đời Thích Ca Mâu Ni Phật đều được bao hàm trong tín nguyện trì danh.

Câu cuối cùng nói rất hay: “Sở dĩ, triệt để bi tâm, vô vấn tự thuyết, thả thán kỳ nan tín dã” (Bởi thế, bi tâm triệt để, không ai hỏi tự nói, lại còn than thở sâu xa là pháp khó tin). Kinh Di Đà không ai khai thỉnh, đức Thế Tôn tự mình nói ra, không ai hỏi mà Ngài tự nói. Đó là lòng từ bi đến cùng cực! Các người không biết có một pháp môn tối thù thắng như thế, các người đã không biết đương nhiên chẳng thể hỏi, chẳng hỏi, ta cũng nói. Pháp môn này khó tin, quả thật khó tin. Những tôn giáo thông thường hay nói: “Ai tin sẽ được cứu, người nào tin thì có phước”. Áp dụng vào pháp môn Tịnh Độ thì câu nói đó tuyệt hay chẳng thể diễn tả được. Nếu quý vị tin tưởng thì đúng là quý vị có phước, nếu tin thì trong một đời này sẽ thực sự được cứu, siêu phàm nhập thánh! Bởi vậy, nay chúng ta báo ân Phật, báo ân cha mẹ, báo ân thí chủ, báo ân chúng sanh thì có hai phương thức: Một là niệm Phật cầu vãng sanh, hai là truyền thừa Phật pháp.

Học viện này của chúng ta là học viện Tịnh tông, chúng ta truyền thừa pháp môn Niệm Phật. Kinh điển của chúng ta là năm kinh một luận, quý vị nhất định phải biết năm kinh một luận là căn bản và cơ sở của chúng ta. Phải thành tựu trên cơ sở này, nếu có sức lực dư thừa thì mới có thể lạm dự các pháp Đại Thừa khác. Nếu không đủ sức, hãy chuyên chú nơi kinh điển của tông mình. Chúng tôi tin rằng nếu quý vị dụng công suốt mười năm nơi kinh điển của tông chúng ta, quý vị sẽ thừa sức học các kinh giáo khác nhằm mở rộng sức ảnh hưởng của giáo nghĩa Tịnh tông, học rộng, dẫn chứng rộng rãi, biện tài vô ngại. Quý vị tiếp xúc biết bao chúng sanh trong xã hội hiện đại chẳng thể không có năng lực thuyết phục. Muốn có đủ sức thuyết phục thì đối với giáo nghĩa của Phật giáo, chẳng những là giảng được giáo nghĩa của một tông mình, mà còn giảng được giáo nghĩa các tông phái, lại còn hiểu biết giáo nghĩa của

các tôn giáo khác trên thế giới, cho đến khoa học, triết học, rất nhiều lý luận học thuật và tư tưởng trọng yếu đều phải hiểu rõ thì quý vị mới có thể ứng phó được.

Thế nhưng quý vị phải hiểu: Chẳng học theo cách hiện tại, học theo cách bây giờ là hỏng! Học vẫn phải có thứ tự. Ở Trung Quốc vào thời cổ, phương pháp học tập của đạo Nho và đạo Phật không giống phương pháp hiện tại. Phương pháp hiện tại là vừa bắt đầu đã học rộng nghe nhiều, tôi nghe người ta nói như thế này: Học vẫn hiện thời giống như Kim Tự Tháp, trước hết là rộng, dần dần đến cuối cùng là đỉnh nhọn, đến cuối cùng chuyên dốc sức nơi một môn, tức là từ học rộng tới tinh chuyên. Nhà Phật hoàn toàn ngược lại, mở đầu là thâm nhập một môn. Phật pháp giống như một cái cây to, trước hết mọc rễ (căn bản), rồi sau đấy mới phát triển nhánh nhóc, cành, lá, hoa, quả, phát triển như vậy đó. Phát triển như thế là sống động; còn lối học giống như Kim Tự Tháp thì đến tột đỉnh sẽ chẳng thể đột phá, chết cứng. Cây to, thiên niên thân mộc, sống mãi, mỗi năm nảy cành mới, mỗi năm trở hoa mới, kết quả mới, sống động! Vì thế, phải đồ công phu nơi một bộ kinh, một bộ kinh tối thiểu phải học một, hai năm; rễ càng sâu thì tiền đồ mai sau càng lớn. Nếu hạ quyết tâm nơi con đường truyền thừa thì phải học mười năm. Học viện chúng ta dự định chín năm, mỗi năm chuyên đồ công nơi một thứ, trong mười năm ấy, lấy sách vở Tịnh tông làm căn bản, tức năm kinh một luận, trông rễ cho ổn đã!

Đối với kinh Vô Lượng Thọ, chúng tôi chọn bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư; thực sự học tập thì phải tham khảo năm bản dịch gốc, nay bản này đã có người chỉnh lý tốt rồi, quý vị không cần phải nhọc công, cứ nghiêm túc nỗ lực nghiên cứu là được. Học kinh Vô Lượng Thọ thì tham khảo bản Vô Lượng Thọ Sớ của ngài Tiểu Huệ Viễn⁷⁹, tham khảo bản Chú Giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, đều là những bản có căn cứ. Quán Vô Lượng Thọ Kinh thì tham khảo bản Tứ Thiếp Sớ của ngài Thiện Đạo, bản Diệu Tông Sao của Thiên Thai đại sư. Xưa kia, tôi đã giảng Tứ Thiếp Sớ, Tứ Thiếp Sớ là trước tác của ngài Thiện Đạo. Thiện Đạo đại sư là vị tổ sư đời thứ hai của Tịnh Độ tông, Ấn Quang đại sư hết sức tán thán. Tương truyền ngài Thiện Đạo là A Di Đà Phật tái lai. Kinh Di Đà thì học các sách Sớ Sao, Yếu Giải, Viên Trung Sao; đó là ba bản chú giải [trọng yếu]. Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông

⁷⁹ Tức ngài Tịnh Ảnh Huệ Viễn đời Tùy, gọi là Tiểu Huệ Viễn để phân biệt với Lô Sơn Huệ Viễn (sơ tổ Tịnh tông) đời Tấn.

Chương thì có bản Số Sao của ngài Quán Đảnh giảng rất tường tận, trong quá khứ tôi cũng đã giảng rồi. Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm thì có bản Số của Thanh Lương đại sư, lời Sao của Tông Mật đại sư hết sức phong phú, tức là bản Phổ Hiền Hạnh Nguyên Phẩm Biệt Hành Số Sao. Những bản này chúng ta đã từng ấn hành để lưu thông với số lượng lớn, ở đây chúng ta có đủ cả, những thứ này thuộc về tông của chúng ta mà! Một luận là Vãng Sanh Luận. Đối với những kinh sách của tông mình, quả thật phải học mười năm thì gốc rễ mới sâu dày.

Mười năm sau, nếu quý vị có hứng thú sẽ học qua sách vở của các tông phái khác. Đã định vững căn cơ trong Phật pháp rồi quý vị mới có thể học qua sách vở các tông phái khác cũng như hết thầy học thuật, triết học, khoa học thế gian, khi tiếp xúc sẽ thấy không khó hiểu, vừa tiếp xúc bèn dễ dàng hiểu rõ. Trong việc truyền thừa Phật pháp, quý vị mới gây được căn cơ; phải dùng chân tâm, tâm chân thành cầu Phật, Bồ Tát gia trì. Phải cầu Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, phải cầu Tỳ Lô Giá Na Như Lai, phải cầu A Di Đà Phật, cầu chư đại Bồ Tát: Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí, Di Lặc, Địa Tạng, chư Phật, Bồ Tát gia trì, thì con đường ấy sẽ đi được rất thuận lợi. Nhất định chẳng được kiêu căng, ngạo mạn, quyết định chẳng được có danh văn, lợi dưỡng; đây là ma chướng. Trong tâm quý vị thanh tịnh, bình đẳng, thực sự vì muốn chánh pháp được tồn tại lâu dài, vì lợi ích hết thảy chúng sanh, ma chướng dần nhiều quý vị vẫn thuận lợi vượt qua được. Mỗi lần trải qua một ma chướng, tôi tin cảnh giới của quý vị lại được một lần nâng cao thêm.

Vì thế, chúng ta thường phải nghĩ đến chư Phật, Bồ Tát đại từ đại bi, đức Thế Tôn bi tâm triệt để, không ai hỏi mà tự nói. Ngày nay chúng ta thiên duyên⁸⁰ gặp gỡ, nếu chính mình chẳng chịu phát tâm chân thành là bỏ lỡ rồi, thật đáng tiếc! Chẳng nghiêm túc nỗ lực tu học trong đạo tràng này thì quý vị chướng đạo, tạo nghiệp nơi đạo tràng này. Bởi lẽ trong đạo tràng này chỉ có hai con đường, không thể lưng chừng: Không phải là phước thì là tội. Chỉ có hai đường như vậy. Nếu chúng ta ở đây tu phước, tu huệ thì vẫn là tạo tội nghiệp hay sao? Chính bản thân chúng ta phải tự suy nghĩ điều ấy.

A! Nay đã hết giờ rồi!

⁸⁰ Thiên duyên (天緣): Duyên gặp gỡ hiếm hoi, lạ lùng. Hòa Thượng dùng chữ thiên duyên (duyên trời cho, không phải là thiện duyên) để nhấn mạnh cơ hội hy hữu, ngàn kiếp khó được này.

Chư vị đồng học!

Hãy xem tiếp tiểu đoạn thứ năm:

“Ngã đẳng kim nhật do bất khảng tử tâm niệm Phật, nhược dục chấp xao môn ngỗ tử, hướng ốc lý đã thân sinh da nương, tắc ư chư Tổ thành ác nghịch, phi thiện thuận dã” (Chúng ta ngày nay vẫn không chịu chết lòng⁸¹ niệm Phật, nếu muốn cầm hòn ngói gõ cửa để chọi cha mẹ ruột đang ở trong nhà thì thành ra ác nghịch đối với chư Tổ, chứ không phải thiện thuận vậy). Mấy câu này thoát nghe qua không dễ hiểu. Ngẫu Ích đại sư đối với những kẻ tập khí tham Thiền chưa đoạn, dẫn niệm Phật vẫn cứ phải khán câu “*niệm Phật thị thù?*” (người niệm Phật là ai), Tổ đối với những kẻ ấy mà nói như thế. Trong Tông Môn tức Thiền tông, trong đạo tràng Thiền tông, khóa tối đầu niệm kinh A Di Đà, cũng niệm A Di Đà Phật, cũng nhiều Phật, nhưng bọn họ niệm Phật phải đề khởi câu “*người niệm Phật là ai?*”

Câu nói ấy giống như hòn ngói dùng để gõ cửa. Hiện thời không còn dùng hòn ngói để gõ cửa nữa, hiện thời đến cửa nhà ai cũng có chuông điện; quý vị nhấn chuông người trong nhà sẽ biết có khách đến. Hiện nay truyền thông phát triển, bởi thế, chúng ta muốn đến viếng thăm ai đều phải liên lạc trước, trước hết phải gọi điện thoại [cho biết] lúc nào sẽ đến, chẳng cần phải gõ cửa nữa. Trước kia, không có những phương tiện thông tin thuận tiện như vậy, chúng ta đến thăm bè bạn không có cách gì liên lạc trước cả, đến nơi bèn gõ cửa. Ở ngoài cửa, quá nửa là nhà nào cũng có sân, không giống như bây giờ phạm vi cư trú rất nhỏ; trước kia nhà nào cũng có sân, vì thế nhà nào cũng đều có cổng lớn. Cổng lớn chính là cửa trở nơi tường vây quanh sân, từ đấy đi vào trong nhà khá xa.

Khách đến thì làm sao? Phải gõ cửa. Gõ cửa thông thường dùng vòng cửa. Nay quý vị có thể thấy trong tranh vẽ, trên cổng gắn hai cái vòng sắt tròn, để làm gì? Dùng để gõ cửa. Phải là nhà giàu mới có, nhà bần tánh bình dân không có những thứ cổng tường tráng lệ như thế; toàn là vách đất thấp, hoặc bện tre làm rào giậu, nhưng vẫn có cổng. Gõ cửa bằng cách nào? Nhặt lấy một hòn ngói hoặc một viên đá dưới đất gõ vào cổng cho người trong nhà nghe tiếng ra mở cổng. Đó gọi là “*xao môn*

⁸¹ Tử tâm (chết lòng) là không còn ý niệm so đo mong ngóng, đứng núi này trông núi nọ, trọn hết lòng tin tưởng, chuyên tâm nhất ý niệm Phật, ví von cõi lòng đã nguội lạnh như người đã chết, không còn sôi nổi toan tính cầu may, chấp trước, hoàn toàn bất động trước những lời thuyết giáo dụ hành nhân bỏ pháp môn này tu theo pháp môn khác.

ngõa tử” (hòn ngói gõ cửa); tức là một hòn ngói hay một viên đá dùng gõ cổng cho chủ nhân đáp ứng, biết có người đến. Gõ cổng xong bèn quăng viên đá đi.

[Tổ Ngẫu Ích] dùng hình ảnh này để tỷ dụ bậc tổ sư đại đức trong Tông Môn dạy ta khán câu thoại đầu “*người niệm Phật là ai?*” Phía sau câu này [trong cuốn Di Đà Kinh Yếu Giải Giảng Nghĩa], pháp sư Viên Anh chú giải rất hay: Người tham Thiền vốn dụng ý rất khéo, nếu ta có thể tùy thuận tổ sư đại đức thì phải hiểu ý tổ sư đại đức, câu thoại đầu ấy nhằm kêu gọi chúng ta quay đầu. Nếu ta không hiểu ý tổ sư đại đức: “*Người niệm Phật là ai?*” hằng ngày cứ suy nghĩ lung tung, người niệm Phật rốt cuộc là ai? Ta rốt cuộc là ai? Thì là làm mất rồi. Đó là câu khêu gợi nghi tình, chứ không phải để khởi vọng tưởng. Rất nhiều khi tham thiền lại biến câu thoại đầu ấy thành vọng tưởng, như vậy là hoàn toàn không hiểu ý tổ sư, làm mất rồi! Dùng hòn gạch để gõ cửa, bên trong đã có người đáp ứng thì lẽ ra phải vứt đi, nay lại cầm trong tay; người ta mở cửa bèn lấy nó chọi người ta, còn ra thể thống gì nữa! Nói như vậy để tỷ dụ những kẻ không hiểu ý tổ sư đại đức, hiểu lầm ý nghĩa, biến thành suy nghĩ lung tung, hoàn toàn phá hoại công phu niệm Phật. Ở phần trên đã giảng về Niệm Phật rất nhiều rồi, mục đích [của niệm Phật] là nhằm cầu nhất tâm bất loạn, quý vị lại thêm vọng tưởng vào, làm sao đạt nhất tâm bất loạn cho được? Làm sao đắc công phu thành phiền được? Câu thoại đầu ấy có nghĩa là “chẳng được xen tạp vọng tưởng”!

“*Tắc ư chư Tổ thành ác nghịch, phi thiện thuận dã*” (Thì thành ra kẻ ác nghịch đối với chư Tổ, chứ không phải là thiện thuận vậy). Về căn bản, quý vị không hiểu ý tổ sư, chẳng biết cách tham cứu lời chỉ dạy của tổ sư nên rơi vào chỗ khởi vọng tưởng nơi ý thức, chuyện như vậy rất nhiều. Tham Thiền: Tham là tham cứu, chứ không phải là nghiên cứu. Người hiện tại chỉ biết nghiên cứu, chứ không thể tham cứu; nghiên cứu là vọng tưởng. Vì sao? Nghiên cứu dùng tâm ý thức, không lìa được tâm ý thức. Tham cứu không dùng tâm ý thức, phải lìa cái tâm ý thức để tham, đó là Thiền. Nếu không lìa được tâm ý thức, lại sử dụng tâm ý thức, bèn trở thành suy nghĩ lung tung, hiểu sai hết ý nghĩa.

Tổ sư thấy quý vị niệm Phật mong giúp quý vị nâng cao cảnh giới niệm Phật; kết quả quý vị bị làm lạc, phá hủy sạch công phu niệm Phật. Chúng tôi biết rõ tình trạng này nên dạy người tuyệt đối không dùng phương pháp nhà Thiền, cứ chất phác niệm Phật là tốt rồi. Bởi thế, khẩn yếu nhất là “*chết lòng niệm Phật*”, “*chết lòng*” (tử tâm) nghĩa là hết thấy tất cả mọi ý niệm đều buông xuống hết, nên gọi là “*tử tâm*” (lòng như

chết, ý nói: không còn ham muốn, vọng tưởng, phân biệt lăng xăng nữa). Trong mười hai thời, chỉ một câu Phật hiệu bèn thành công. Niệm được nhất tâm hay không cũng không quan trọng, cốt sao công phu thành phiền thì vãng sanh sẽ nắm chắc. Nói đến nhất tâm bất loạn thì nói thật ra, chưa chắc một đời này chúng ta có thể đạt được. Thế nhưng công phu thành phiền chắc chắn có thể đạt được, vì sao quý vị không làm? Vãng sanh Hạ Hạ Phẩm trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ cũng viên chứng ba thứ Bất Thoái, cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát! Điều này chẳng thể nghĩ bàn, pháp khó tin lắm! Đức Phật nói như vậy đây, không phải người bình thường nói đâu! Lại xem tiếp đoạn dưới.

“*Ác nghịch chi nhân*” (người ác nghịch), Nghịch là tạo tội Ngũ Nghịch, Ác là tạo Thập Ác, tức kẻ tạo tội Ngũ Nghịch Thập Ác, “*lâm chung thập niệm, nhất niệm, Hạ Hạ phẩm sanh*” (lâm chung mười niệm hay một niệm, vãng sanh Hạ Hạ phẩm). Ở đây, Ngẫu Ích đại sư nêu thí dụ, nêu thí dụ thấp nhất là Hạ Hạ Phẩm vãng sanh. “*Tịnh thị túc nhân thành thực, cố ngộ thiện hữu, văn tiền tín nguyện*” (Đều là túc nhân chín muồi, nên gặp bạn lành, vừa nghe liền tin tưởng, phát nguyện). Qua A Xà Thế Vương Kinh, chúng ta thấy vua A Xà Thế tạo tội Ngũ Nghịch Thập Ác, Quán Kinh nói ông ta giết cha, hại mẹ, câu kết với Đề Bà Đạt Đa phá hòa hợp Tăng; Đề Bà Đạt Đa làm thân Phật chảy máu; đó là hai kẻ ác. Tội nghiệp ấy là tội Vô Gian địa ngục, Đề Bà Đạt Đa堕 vào Vô Gian địa ngục. Vua A Xà Thế lâm chung sám hối, tội Ngũ Nghịch Thập Ác nhưng lâm chung sám hối, đúng là mười niệm hay một niệm bèn vãng sanh; nhưng ông ta không vãng sanh trong Hạ Hạ Phẩm.

Trong kinh ấy, đức Thế Tôn dạy: Vua A Xà Thế vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thuộc Thượng Phẩm Trung Sanh. Chúng ta đọc đến đoạn kinh này, đúng là hết sức khó tin. Nếu nói là Hạ Hạ Phẩm vãng sanh, chúng ta không hoài nghi, nhưng Thượng Phẩm Trung Sanh chúng ta bèn hoài nghi: “Tạo tội nghiệp nặng dường ấy, niệm Phật vãng sanh trong phẩm vị cao dường ấy, là do đạo lý gì vậy?” Điều này khiến cho chúng tôi nghĩ đến Trung Quốc trong quá khứ có một câu ngạn ngữ: “*Lãng tử hồi đầu kim bất hoán*” (kẻ lãng tử hồi đầu, vàng chẳng đổi được). Ông ta thực sự chân thành sám hối, công đức chẳng thể nghĩ bàn! Bởi thế, chúng ta hiểu rõ: Kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác lúc lâm chung mười niệm hay một niệm vãng sanh, tùy thuộc vào sức mạnh của lòng sám hối. Cái tâm sám hối, ý niệm sám hối của người ấy hoàn toàn chân thật, chân thành đến cùng cực thì công đức ấy chẳng thể nghĩ bàn.

Từ chuyện vua A Xà Thế, ta thấy kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác lâm

chung mười niệm hay một niệm vãng sanh, phẩm vị có thể là từ Hạ Hạ phẩm đến Thượng Trung phẩm, không giống nhau! Xét kỹ người ấy tâm chân thành sám hối, ý niệm chân thành đạt đến mức độ nào, Ở đây, đức Phật cũng dạy chúng ta một câu hết sức hay, Ngài dạy câu gì vậy? “*Tuyệt đối chẳng được coi thường người tạo tội nghiệp*”, đúng là phải nghiêm túc tu tập hạnh nguyện thứ nhất của ngài Phổ Hiền “*lễ kính chư Phật*”. Đối với những kẻ Ngũ Nghịch Thập Ác, chúng ta phải chân thành lễ kính, vì sao? Không chừng lúc họ lâm chung gặp được thiện tri thức, mười niệm hay một niệm vãng sanh, đến thế giới Cực Lạc phẩm vị cao hơn chúng ta, ta không bằng họ! Nay chúng ta coi thường họ, xem nhẹ họ, tương lai đến Cực Lạc thế giới gặp mặt nhau cũng ngại ngùng. Chúng ta chỉ biết họ trong một đời này, đâu có biết đời quá khứ.

Nửa đoạn sau, Ngẫu Ích đại sư nói: “*Thử sự vạn trung vô nhất, khởi khả kiêu hãnh, Tịnh Độ Hoặc Ván xích thử tối tường, kim nhân bất khả bất độc dã*” (Việc này trong một vạn [trường hợp], chưa được một [trường hợp], há thể cầu may, sách Tịnh Độ Hoặc Ván chỉ trích việc này rất tường tận, người hiện thời không thể không đọc vậy). Sách Tịnh Độ Hoặc Ván nay được gộp trong bộ Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thập Yếu là tác phẩm do ngài Ngẫu Ích biên tập. Nói thật ra, người Ngũ Nghịch Thập Ác lúc lâm chung vãng sanh đều là do túc nhân chín muồi, công phu tu Tịnh nghiệp trong quá khứ rất giỏi, lẽ ra được vãng sanh, vì sao không được? Lúc lâm chung gặp phải chướng duyên! Đây là điều chúng ta phải hết sức chú ý, phải cẩn thận. Người niệm Phật lúc lâm chung, người tại gia trông thấy con cái, cháu chắt trong nhà, nhất là những đứa cháu mình thương mến, lúc lâm chung sắp mất, cháu đến kêu rồn, buông không được. Thế là xong! A Di Đà Phật đến đón, thấy như vậy, Phật lại đi, người ấy không theo được.

Vì thế, các sách Súc Chung Tu Tri (những điều cần biết để giúp đỡ người lâm chung) và Súc Chung Tân Lương (hướng dẫn trợ niệm lâm chung) dạy chúng ta khi đưa tiễn người vãng sanh, giúp người niệm Phật vãng sanh thì trong lúc đó tốt nhất chẳng cho người chết thấy mặt người nhà thân quyến. Nếu luận trên mặt tình cảm con người thì thật rất khó nói, gặp mặt lần cuối mà! Nhưng trong Phật pháp, làm nhiều loạn người chết e gây tổn hại. Bởi thế, lúc đó tốt nhất là không gặp mặt. Lúc nào mới được gặp mặt? Đợi tám giờ sau khi tắt thở mới lại gặp mặt là an toàn nhất. Vô cùng hữu lý! Lúc đó, sợ nhất là bị nhiều loạn, người nhà quyến thuộc khó thể chia tay, khiến cho nhân duyên được A Di Đà Phật tiếp dẫn bị lỡ làng; ngoài ra còn có oán thân trái chủ, người chết trông

thấy nẩy lòng oán ghét, tâm sân hận phát khởi, đều là chương duyên!

Bởi thế, lúc đưa người đi vãng sanh, phải khuyên họ nên an tường, rất lắng tịnh, chung quanh đều là bạn bè trong nhà Phật, mỗi người đều niệm Phật tiến đưa. Những gì người chết trông thấy, nghe thấy đều là Phật hiệu, nhắm mắt hay mở mắt đều thấy tượng A Di Đà Phật. Lúc người ấy mắc bệnh nặng, phải để tượng Phật ở cuối chân giường, người ấy nằm nhìn xuống, nhắm mắt mở mắt đều thấy tượng Phật, chứ không phải là treo tượng Phật trên đầu nằm. Treo trên đầu nằm, có mở mắt cũng không thấy được tượng Phật. Phải hiểu như vậy! Có thể treo ba bức hình Phật là tốt nhất, vì sao? Nhìn phải, nhìn trái, nhìn xiên đều thấy Phật, nhất định phải chú ý, mở mắt ra, quay đầu về đâu cũng đều thấy được tượng Phật. Người ấy tai nghe tiếng niệm Phật, đề khởi chánh niệm, chẳng thể dẫn khởi tình chấp, chẳng thể dẫn khởi phiền não, điều này trọng yếu hơn bất cứ điều gì khác vậy!

Người tạo tác tội nghiệp mười niệm hay một niệm vãng sanh là do phước trong đời quá khứ chẳng nhỏ, lúc lâm chung vẫn tỉnh táo, không mê hoặc chút nào, rất bình thường, đây là điều kiện tiên quyết để được vãng sanh. Nếu tạo tác tội nghiệp quá nặng, lúc lâm chung sẽ mê hoặc, điên đảo, trợ niệm không chắc giúp được, rất khó vãng sanh. Bởi thế, điều kiện đầu tiên vào lúc lâm chung là “thần trí sáng suốt”. Điều kiện thứ hai là gặp được bạn lành, “cho nên gặp bạn lành”. Điều kiện thứ ba là “nghe rồi bèn tín nguyện”. Ba điều kiện như vậy! Đúng là ba điều kiện này trong một vạn trường hợp chưa gặp được một, trong một vạn người tìm không ra được một người.

Điều này khiến chúng ta phải đề cao cảnh giác. Bình thường, lúc hiện thời, tinh thần, thể lực chúng ta còn khá lắm, nhất định phải biết đoạn ác tu thiện. Cổ nhân nói rất hay: Thường phải dùng cái tâm trách móc người khác để trách móc chính mình; dùng cái tâm khoan thứ (khoan dung, tha thứ) đối với bản thân để khoan thứ người khác, có như vậy chính mình mới có thể thành tựu đức hạnh. Biết khoan thứ người khác, biết trách móc chính mình, sửa lỗi đổi mới, tu thiện tích đức, có phước chẳng hưởng, hễ hưởng bèn bị mê hoặc. Có phước báo cứ để cho người khác hưởng! Trong thế gian, người khổ nạn rất nhiều, sự khổ nạn rất nhiều, hãy nên tận tâm tận lực giúp đỡ người khác, hoan hỷ tu bố thí cúng dường, chỉ mong cầu một việc: Lúc lâm chung không bị bệnh khổ, lúc lâm chung thần trí sáng suốt, niệm Phật vãng sanh, chỉ cầu như vậy thôi. Như vậy là chân thật nhất, ngoài ra chuyện gì cũng giả cả, không có gì chân thật hết. Chỉ có mỗi một pháp này là chân thật, ngàn vạn lần chớ

nên đề lỡ dịp!

Chúng ta trông thấy, đọc thấy, người suốt đời tạo tội ác cũng có thể vãng sanh, nhưng ngàn vạn phần chẳng được nầy sanh lòng cầu may: “Gã nọ tạo ác nghiệp lắm chung vẫn có thể vãng sanh, mình tạo thêm một ít ác nghiệp có ăn nhằm gì đâu! Lắm chung mình cũng như hắn, cũng được vãng sanh mà!” Không đơn giản như vậy đâu! Người ta trong đời quá khứ đã tu tập, tích lũy nghiệp nhân vãng sanh, còn mình có hay không? Nếu trong đời đời kiếp kiếp quá khứ chưa từng tu, hoặc tu không đủ, kinh Di Đà dạy *“bất khả dĩ thiếu thiện nhân, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc”* (chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi ấy). Ngũ Nghịch Thập Ác lúc lâm chung gặp được thiện hữu, vừa nghe nói liền tin tưởng ngay, lập tức phát nguyện, đó là do thiện căn trong đời quá khứ tới lúc ấy phát hiện, khởi tác dụng. Nếu trong quá khứ đã không có những thiện căn như thế, làm sao có thể vãng sanh cơ chứ? Phước đức là gì? Phước đức là lúc lâm chung sáng suốt, tỉnh táo, không mê hoặc, không điên đảo, ấy là phước đức. Do thiện căn, phước đức, bèn có thiện hữu đến khuyên lơn, trợ niệm, quý vị thấy đó: Thiện căn, phước đức, nhân duyên thấy đều đầy đủ, chẳng những đầy đủ mà còn nhiều nữa! Thiện căn nhiều, phước đức nhiều, nhân duyên nhiều, chẳng phải là chuyện dễ!

Quý vị hãy tự suy nghĩ: Trong tương lai, lúc quý vị lâm chung, quý vị có gặp được thiện tri thức hay không? Có người trợ niệm cho mình hay không? Đều là câu hỏi [bỏ ngoặc] cả! Chúng ta trông thấy có ai lâm chung, phát nguyện trợ niệm giúp người ấy, đó là chuyện tốt, gieo nhân đây! Tôi thường giúp người khác trợ niệm, vui thích giúp người khác trợ niệm, tương lai lúc lâm chung (nhân quả mà!) ắt có người khác đến trợ niệm cho mình. Nhân thế nào, quả thế ấy, nghiệp nhân quả báo mảy may chẳng sai! Chúng ta chẳng thích giúp người khác trợ niệm, đến lúc chính mình lâm chung, e rằng không ai đến trợ niệm cho mình. Dẫu hiện nay có mấy niệm Phật, nhưng đến lúc lâm chung, thể lực của chính mình không còn nữa, dù bên gối đặt mấy niệm Phật vẫn phải nhờ vả người khác, không có ai giúp mình thì cũng uổng công thôi!

Con người sống trong thế gian nhất định phải là một người tốt, nhất định phải kết thiện duyên cùng hết thảy chúng sanh, chuyện này trọng yếu hơn bất cứ gì khác. Bởi thế, ở đây tổ sư nhắc nhở chúng ta: *“Trọn chẳng được ôm lòng cầu may”*. Quả thật có chuyện đó (tức chuyện người tạo tội lắm chung niệm Phật vãng sanh), nhưng chẳng được đánh bạc với số phận, ngay từ bây giờ phải nghiêm túc, phải nỗ lực

tu hành đi! Cụ Hạ Liên Cư thường khuyên người khác “*thật thà niệm*”. “*Thật thà*” là không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Lại xem tiếp đoạn kế:

“*Đương tri thử kinh, tự tự giai Hải Ấn tam-muội, Đại Viên Kính Trí chi linh văn dã, duy niệm chí nhất tâm bất loạn, tắc năng siêu tam giới, phục phiền não, phá vô minh dã*” (Nên biết kinh này, mỗi chữ đều là Hải Ấn tam-muội, là bản văn thiêng liêng của Đại Viên Kính Trí, chỉ niệm đến nhất tâm bất loạn ắt có thể vượt thoát tam giới, chế ngự phiền não, phá vô minh). Đây là lời tán thán kinh điển, pháp môn đến mức cùng cực. Chữ Hải (biển) tỷ dụ Chân Như bốn tánh, từng chữ đều là tự tánh tam-muội, Ấn là ấn chứng, chứng minh. Từng chữ từng câu trong kinh đều từ tự tánh tam-muội của đức Thế Tôn lưu xuất, là kinh văn thiêng liêng về Đại Viên Kính Trí. Đại Viên Kính Trí là trí huệ Bát Nhã sẵn có trong tự tánh, trí huệ Bát Nhã trong tự tánh chính là bản thể của tự tánh, là bản thể của Chân Tánh. Tự tánh có vạn đức vạn năng. Trong tự tánh, hết thấy tướng hảo đều là tác dụng của nó. Nếu dùng khái niệm Thể, Tướng, Dụng của kinh Hoa Nghiêm để luận thì Bát Nhã là Thể, tức là bản thể của tự tánh; đức năng là Tướng, tức tướng trạng của tự tánh; tướng hảo là Dụng của tự tánh. Đức năng có thể hiện, có thể biến, tướng hảo là sở hiện (cái được hiện), sở biến. Thể, Tướng, Dụng [của tự tánh] là như vậy đấy!

Kinh văn do tự tánh Bát Nhã lưu lộ; nếu chúng ta hiểu rõ đạo lý này, thông đạt chân tướng sự thật này, quý vị mới coi kinh này là của báu, không có pháp thế gian hay xuất thế gian nào có thể sánh bằng! Chúng ta phải hiểu như vậy. Đúng là chúng sanh đời Mạt Pháp lìa khổ được vui, vượt thoát tam giới lục đạo, một đời viên mãn Bồ Đề, chỉ có một con đường thông suốt, chỉ có một pháp môn, công đức lợi ích không gì sánh bằng, không có gì có thể so sánh được. Tuyệt diệu thay! Trong phần sau, đại sư nói mấy câu rất hay: “*Duy niệm chí nhất tâm bất loạn*” (chỉ có niệm đến nhất tâm bất loạn), chúng ta thực sự thực hiện, niệm đến nhất tâm bất loạn bèn siêu thoát tam giới, vượt thoát luân hồi lục đạo. Chế phục phiền não là Sự nhất tâm bất loạn. Trong ba câu ấy, “*vượt thoát tam giới lục đạo*” là công phu thành phiền, sanh vào Phạm Thánh Đồng Cư Độ, vượt thoát lục đạo; “*chế phục phiền não*” là Sự nhất tâm bất loạn, sanh vào Phương Tiện Hữu Dư Độ; “*phá vô minh*” là Lý nhất tâm bất loạn, sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ, thật là chẳng thể nghĩ bàn!

Chớ nghĩ cuốn kinh này mỏng tanh, nếu quý vị niệm rất thuộc thì

đọc một lượt từ đầu đến cuối chỉ năm phút là xong, nhưng kinh này có đức dụng chẳng thể nghĩ bàn; quý vị có hiểu rõ hay chẳng? Nếu thực sự hiểu rõ, quý vị có học được hay không? Quý vị có tinh tấn hướng đến mục tiêu “*nhất tâm bất loạn, tâm không điên đảo*” hay chẳng? Có vậy mới thực sự giải quyết vấn đề được! Những bộ đại kinh đại luận, lý luận, phương pháp rất nhiều, không có gì đơn giản, dễ dàng như thế này, thưa thật cùng quý vị, chưa chắc kinh nào có hiệu quả bằng kinh này, phải hiểu rõ ràng như vậy. Hiểu rõ ràng là thấy thấu suốt, thấy thấu suốt rồi mới có thể buông xuống được. Vì sao quý vị chưa buông xuống được, không chịu buông xuống? Vì quý vị chưa thấy thấu suốt, bởi thế buông xuống không được. Lại xem tiếp đoạn kế:

“*Sở trì danh hiệu*” (danh hiệu được trì), “*danh hiệu*” là Nam-mô A Di Đà Phật, “*chân thật bất khả tư nghị*” (chân thật chẳng thể nghĩ bàn), danh hiệu ấy là danh hiệu của Chân Như tự tánh. Niệm một câu danh hiệu thì không có gì khác cả, chính là đem Chân Như tự tánh niệm ra. Chúng ta là phàm phu luân hồi trong lục đạo từ bao kiếp lâu xa đến nay, mê mất Chân Như bản tánh; nay Phật dạy chúng ta dùng sáu chữ hồng danh để phá mê khai ngộ, tìm lại Chân Như tự tánh! Đây là biện pháp đơn giản nhất, ổn thỏa, thích đáng tột bậc, rất thẳng chông. Danh hiệu này có ý nghĩa là vô lượng trí, vô lượng giác, trong phần trên tôi đã thưa cùng quý vị rồi! Vô Lượng Thọ Phật hoặc A Di Đà Phật, đều có nghĩa là Vô Lượng Trí hay Vô Lượng Giác. Vô Lượng Trí là tự thể của Chân Như bản tánh, Vô Lượng Giác là đức dụng của Chân Như bản tánh. Một câu danh hiệu này khôi phục tự tánh, bởi thế, nó thực sự chẳng thể nghĩ bàn!

“*Năng trì chi tâm tánh, diệt chân thật bất khả tư nghị*” (Tâm tánh năng trì cũng thực sự chẳng thể nghĩ bàn), “*tâm tánh năng trì*” chính là cái tâm chân thành niệm Phật hiện tại của chúng ta. Cái tâm chân thành ấy chính là cái chân tâm đang bị mê, mê những gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là mê. Chúng ta chưa đoạn hết vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; nhưng nay đã giác ngộ rồi, chúng ta muốn niệm Phật. Cái ý niệm niệm Phật ấy là chân thành, trong ý niệm niệm Phật ấy chẳng phải là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tâm niệm Phật là tâm chân thành, tâm chân thành chẳng thể nghĩ bàn!

“*Trì nhất thanh tắc nhất thanh bất khả tư nghị, trì thập, bách, thiên, vạn, vô số thanh, thanh thanh bất khả tư nghị dã*” (Trì một tiếng là một tiếng chẳng thể nghĩ bàn, trì mười, một trăm, một ngàn, một vạn, vô số tiếng thì mỗi tiếng đều chẳng thể nghĩ bàn!) Rất đáng tiếc là ít ai

biết được chân tướng sự thật này! Bởi thế, người niệm Phật nhiều, nhưng kẻ không biết niệm sẽ chẳng đạt được cảnh giới này. Từng tiếng đều chẳng thể nghĩ bàn, tiếng tiếng đều tương ứng, tương ứng thì mới chẳng thể nghĩ bàn. Chúng ta nghe cổ đức nói đã quen tai: “*Nhất niệm tương ứng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Như thế nào mới là tương ứng? Chúng tôi thường hay nói [như thế này] nhất: Mỗi tiếng Phật hiệu đều ứng với tâm, nguyện, giải, hạnh của A Di Đà Phật, trong mỗi một câu Phật hiệu đều đầy đủ tâm - nguyện - giải - hạnh của A Di Đà Phật, chẳng thể nghĩ bàn! Hoặc có thể nói đơn giản hơn một chút (tâm - nguyện - giải - hạnh của A Di Đà Phật không dễ hiểu, nếu quý vị chưa thấu triệt kinh Vô Lượng Thọ, đúng là không thể hiểu được), chúng tôi nói đến mức đơn giản nhất là tương ứng với tâm Phật. Bây giờ chúng tôi lại quy nạp, giảng đơn giản hơn nữa, cũng không đến nỗi khó hiểu lắm là “*tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi*”. Có thể tương ứng mười chữ ấy cũng là chẳng thể nghĩ bàn. Mười chữ ấy là tánh đức của tự tánh, dùng một câu A Di Đà Phật để niệm ra tánh đức của tự tánh, khiến cho tánh đức của tự tánh được thực hiện trong cuộc sống thường nhật, chẳng phải là huyền học, mà là thật học, tức là thực sự khởi tác dụng.

Trong đoạn cuối cùng, Ngẫu Ích đại sư khản thiết đến cùng cực, quý vị thấy đó “*Phục nguyện*” (Cúi nguyện), nhằm mục đích gì? Tổ sư đại đức cung cung kính kính quỳ dưới đất, dập đầu trước quý vị, nay chúng tôi nói là Ngài lễ bái quý vị, “*Truy, tố, trí, ngu*” (kẻ tăng, người tục, kẻ trí, người ngu), Truy (緇: áo thâm, áo đen) là người xuất gia, Tố (素: áo trắng) là người tại gia, [*“truy tố”*] là tứ chúng đồng học tại gia lần xuất gia, Trí là lợi căn, Ngu là độn căn. Quý vị là Thượng Thượng căn cũng được, là Hạ Hạ căn cũng xong, “*ư thử giản dị trực tiếp, vô thượng viên đốn pháp môn, vật thị vi nan, nhi triếp sanh thoái ửy*” (đối với pháp môn giản dị, thẳng chóng, vô thượng viên đốn này chớ nghĩ là khó rồi vội sanh lòng lui sụt, chối từ): Đối với pháp môn Niệm Phật này, đối với phương pháp tu hành mà kinh Vô Lượng Thọ đã dạy chúng ta, thẳng chóng, ôn hòa, thích đáng, nhanh chóng, đúng là đại pháp môn vô thượng chí viên chí đốn, chớ nghĩ là quá khó. Vì sao? Nếu nghĩ là quá khó chúng ta sẽ không chịu tu, sẽ chối từ, thoái thác, mà cũng chớ nghĩ nói nó là quá dễ!

“*Vật thị vi dị, nhi mạn bất cần sách*” (Chớ coi là dễ để rồi lãn khân, không siêng năng, răn nhắc chính mình hãy nỗ lực). “*Sách*” (策) là

cảnh sách (cảnh tỉnh, thúc đẩy mình nỗ lực), Cần (勤) là siêng năng, tinh tấn. Chẳng được nghĩ pháp này quá dễ, nghĩ quá dễ ắt sẽ lười nhác, không gắng công. Phải tích cực, phải nỗ lực! “*Vật thị vi thiển*” (Chớ nghĩ là cạn), chẳng được nghĩ pháp này quá nông cạn! Coi là quá nông cạn sẽ không thêm đề vào mắt, chuyện này dễ phạm nhất. Những kẻ tự coi mình thuộc thành phần tri thức, thích những kinh to luận lớn, đối với kinh A Di Đà dạy niệm A Di Đà Phật đúng là họ không buồn đề vào mắt! Thật là lầm lẫn, sai lầm ngay trước mắt! Lầm lẫn ngay nơi pháp môn chí viên chí đốn khôn sánh này, đáng tiếc quá phải không? “*Vật thị vi thâm, nhi phát cảm thừa đương*” (Chớ nghĩ là sâu rồi chẳng dám gánh vác), cũng chẳng được nghĩ pháp này quá sâu. Thấy pháp này quá sâu, quý vị sẽ chẳng dám đảm đương, lầm rồi! Phải sửa đổi những căn bệnh ấy đi!

Chúng ta xem câu nói “*phục nguyên truy tổ trí ngu*” cảm thấy như thế nào? Chí thành khẩn thiết khuyên dạy chúng ta! Chúng ta phải biết tốt xấu, phải cảm kích ân đức của tổ sư đại đức răn dạy, đúng là buốt lòng rất miệng khuyên dạy chúng ta, chúng ta vẫn không giác ngộ, vẫn cứ hoài nghi, vẫn chẳng biết quý tiếc, lầm lẫn quá đổi, cô phụ tổ sư! Nhân địa (địa vị trong khi tu nhân) của tổ sư chúng tôi không biết, nhưng chúng tôi trộm nghĩ Ngài chắc chắn là Phật hay Bồ Tát tái lai; không phải là Phật hay Bồ Tát sẽ không thể nói được như vậy. Lời ấy nào phải con người nói, phải là lời chư Phật Như Lai nói.

A! Bây giờ đã hết giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây thôi!

Tập 28

Chư vị đồng học!

Xin hãy xem phần “*chánh thị hành giả chấp trì danh hiệu để lập hạnh*” (dạy hành giả chấp trì danh hiệu để lập hạnh). Phần giảng nghĩa được chia thành chín đoạn, hôm nay chúng ta xem đến đoạn cuối cùng. Đoạn thứ chín là “*trùng khuyến phát nguyện*” (lại khuyên phát nguyện). Chúng tôi đọc kinh văn một lượt:

Xá Lợi Phất! Ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn, nhược hữu chúng sanh văn thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện sanh bỉ quốc độ.

舍利弗。我見是利。故說此言。若有眾生。聞是說者

。應當發願。生彼國土。

(Này Xá Lợi Phất! Ta thấy điều lợi ấy nên nói như thế này: Nếu có chúng sanh nghe nói như vậy, hãy nên phát nguyện sanh về cõi nước ấy).

Kinh văn nói “ngã kiến thị lợi” (ta thấy điều lợi ấy), [tổ Ngẫu Ích giảng] “*thị Phật nhãn sở kiến, cứu tận minh liễu dã*” (là do chính mắt đức Phật thấy, thấu hiểu rất ráo). Đây không phải là cái thấy của người tầm thường, mà là do chính Thích Ca Mâu Ni Phật đích thân thấy. Điều này rất quan trọng, chúng ta chớ vô tâm hời hợt đọc lướt qua. Điều Thích Ca Mâu Ni Phật trông thấy được, nói thật ra, chúng ta chẳng thể thấy được, [đức Phật thấy được] lợi ích hết sức lớn lao! Chúng ta coi tiếp đoạn văn [trong sách Yếu Giải], rốt cuộc điều lợi ích ấy chính là gì vậy? “*Thị lợi giả, hoành xuất ngũ trược, viên tịnh tứ độ, trực chí Bất Thoái vị, thị vi bất khả tư nghị công đức chi lợi*” (Điều lợi ích ấy là vượt thoát [cõi nước] ngũ trược theo chiều ngang, thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi, đạt thẳng đến địa vị Bất Thoái, đây là lợi ích công đức chẳng thể nghĩ bàn). Lợi ích tuyệt diệu như vậy đó! Trong hết thấy các pháp thế gian và xuất thế gian, không có gì hơn được lợi ích này! Vô lượng vô biên pháp môn của hết thấy chư Phật trọn khắp pháp giới hư không giới đều chẳng thể sánh bằng lợi ích này. Chúng ta được hạnh ngộ pháp này quả thật chẳng phải là chuyện dễ!

Thứ nhất là “*hoành xuất ngũ trược*”, quý vị phải nhớ kỹ điều này! Bất luận tu học pháp môn nào khác cũng chẳng thể “*hoành xuất*” (vượt khỏi tam giới theo chiều ngang); nói cách khác, quý vị tu học nhất định phải tiến lên từng bước một, giống như đi học: Tiểu Học, sơ trung (Trung Học đệ nhất cấp, cấp hai), cao trung (Trung Học đệ nhị cấp, hay cấp ba), Đại Học, Nghiên cứu sinh, tiến lên dần dần. Mỗi một giai đoạn gồm một năm học, hai năm học, ba năm học, bốn năm học. Phương pháp ấy gọi là “*thụ xuất*” (vượt thoát [tam giới] theo chiều dọc), khó lắm! Rất ư là khó! Nay pháp môn này thật đặc biệt, hoành xuất! Nay chúng ta đang mang thân người, phía trên cõi người là cõi trời, tức Dục Giới Thiên. Quý vị phải biết Dục Giới Thiên gồm Tứ Vương Thiên, Đao Lợi Thiên, Dạ Ma Thiên, Đâu Suất Thiên, tiến lên từng bước một. Nay chúng ta không cần phải như thế, từ nhân đạo vượt ngang ra khỏi tam giới (hoành xuất), thoát khỏi lục đạo luân hồi, có đạo lý như vậy hay chẳng? Vì thế, pháp môn này được gọi là pháp khó tin, thực sự khó tin

lắm!

Vượt thoát bèn đến đâu vậy? Phi phạm lắm! Giống như đi học, nay chúng ta đang học Tiểu Học, Tiểu Học là lớp Một, không cần học lớp Hai, chúng ta thoát ra bèn học ngay lớp dành cho nghiên cứu sinh. Chẳng phải là không có người như vậy, nhưng hiếm lắm, phải là đứa trẻ thiên tài kia! Thế nhưng chúng ta không phải là thiên tài, đâu chẳng phải là thiên tài mà vẫn vượt cấp được, đã vượt cấp học ngay vào lớp nghiên cứu sinh, mà còn thực sự thành tựu nữa kia, chẳng thể nghĩ bàn! Bởi thế, câu “*ngã kiến thị lợi*” (ta thấy điều lợi này) ở phía trước [đoạn kinh văn vừa nói trên đây] hết sức quan trọng. Vì sao? Đức Phật phải nêu chứng minh cho chúng ta thấy; nếu không phải do chính đức Phật nói, chúng ta sẽ chẳng thể tin nổi pháp môn này. Vì sao? Vì không tìm được căn cứ để lý luận! Nay chúng ta tin lời A Di Đà Phật, nhưng thật ra trên mặt căn cứ lý luận chúng ta vẫn hồ đồ, vẫn không biết. Thế nhưng chúng ta tin lời Thích Ca Mâu Ni Phật chắc chắn là chân thật: “*Như Lai thị chân ngữ giả, thật ngữ giả, như ngữ giả, bất cuống ngữ giả, bất vọng ngữ giả*” (Như Lai là bậc nói lời chân thành, nói lời thành thật, nói đúng như sự thật, không nói lời gạt gẫm, không nói dối). Chắc chắn Ngài chẳng lừa dối chúng ta, chúng ta nghe lời Ngài, thực hành theo lời Ngài dạy, chắc chắn không lầm. Thế là tốt! Thực sự có phước báo, người như vậy thực sự có thiện căn, người như vậy thực sự phi phạm, chư Phật, Bồ Tát đều tán thán, hoành siêu mà!

Sanh về Tịnh Độ, “*viên tịnh tứ độ*” (thanh tịnh viên mãn bốn cõi), “*viên*” là viên mãn, “*tịnh*” là thanh tịnh, “*tứ độ*” là Phạm Thánh Đồng Cư Độ, Phương Tiện Hữu Dư Độ, Thật Báo Trang Nghiêm Độ, và Thường Tịch Quang Độ; quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn chứng trọn vẹn bốn cõi ấy. Chứng được một, bèn chứng hết thảy, sanh vào Đồng Cư là sanh cõi Phương Tiện, là sanh vào Thật Báo, là sanh vào Tịch Quang, có đạo lý như vậy hay chẳng? Chính Thích Ca Mâu Ni Phật thấy như thế, Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta chứng thực, Thích Ca Mâu Ni Phật khuyên dạy chúng ta, chúng ta cứ tin tưởng đi theo lão nhân gia là không sai. Nếu cứ thuận theo thành kiến, phiền não, tập khí của chính mình, cứ suy cái này nghĩ cái nọ là sai lầm quá rồi! Đúng là chẳng thể nghĩ bàn!

“*Trực chí Bất Thoái vị*” (đạt thẳng đến địa vị Bất Thoái): Không vòng vèo, quanh co, thẳng chóng chứng đắc trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái là địa vị nào vậy? Đẳng Giác Bồ Tát! Do đọc kinh Hoa Nghiêm, chúng tôi biết Sơ Trụ Bồ Tát thuộc Viên Giáo

chứng được ba thứ Bất Thoái là Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, và Niệm Bất Thoái, nhưng chưa viên mãn. Cho đến Thập Địa Bồ Tát vẫn chưa thể nói là viên mãn, bởi còn có địa vị cao hơn. Do vậy, quý vị phải hiểu: Chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái chính là Đẳng Giác Bồ Tát, là địa vị Bồ Xứ. Những ai chứng trọn vẹn? Quán Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát. Những vị ấy chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái, Đẳng Giác Bồ Tát mà! Pháp Vân Địa Bồ Tát vẫn chưa thể nói là Viên, còn kém một phần nên chưa Viên, gần như Viên, nhưng vẫn còn thiếu một chút. Thật ra, không có cách gì để diễn tả sự lợi ích ấy cả, người gặp được pháp môn này hết sức may mắn!

“Thị vi bất khả tư nghị công đức chi lợi” (đây là lợi ích công đức chẳng thể nghĩ bàn); trong kinh nói *“bất khả tư nghị công đức chi lợi!”* có nghĩa là như vậy đó. Chúng ta phải suy nghĩ mấy câu nói này, phải nghĩ cho thông, phải suy cho thấu, rồi mới hạ quyết tâm dũng mãnh tinh tấn, thành tựu viên mãn quyền kinh này và danh hiệu này; chẳng còn lãng phí quá nhiều tinh thần và thời gian la cà nơi các kinh điển thuộc vô lượng pháp môn khác, không cần dùng đến chúng nữa, chỉ riêng pháp này là đủ thành công rồi.

Lại xem tiếp tiểu đoạn thứ hai: *“Hựu thị lợi, ước mạng chung thời tâm bất điên đảo nhi ngôn”* ([Nói] lợi ích này còn có nghĩa là lúc lâm chung, tâm không điên đảo). Lợi ích này càng giảng càng thù thắng, càng giảng càng chẳng thể nghĩ bàn. Quý vị phải nhớ kỹ: Lợi ích chẳng thể nghĩ bàn là lúc người ấy lâm chung, tâm không điên đảo, lúc lâm chung rất sáng suốt, tỉnh táo, không mê hoặc tí ti nào thì người ấy mới có thể tin, có thể nguyện, có thể niệm, có thể cầu sanh về Tịnh Độ, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn người ấy. Đó chính là nguyện thứ mười tám trong bốn mươi tám nguyện. Trong bốn mươi tám nguyện, Phật giáo Nhật Bản bảo nguyện mười tám này là nguyện trọng yếu nhất. Lúc lâm chung sáng suốt, tỉnh táo; nếu lâm chung hôn mê điên đảo là không được rồi! Dầu trợ niệm cũng không chắc được vãng sanh. Bởi thế, từ xưa đến nay, chẳng những các vị đại đức nhà Phật, ngay cả các bậc đại đức thế gian đều khuyên người ta trong một đời hãy nên tu phước, tu phước nhưng đừng hưởng phước, phước báo dành cho người khác hưởng thì phước báo của chính mình càng lớn. Lúc nào mình mới hưởng phước? Chỉ một dịp thôi: Khi lâm chung thần trí sáng suốt, ở đây nói là *“tâm không điên đảo”*, các phước báo khác đều chẳng cần đến, để người khác hưởng thụ, mình chịu khổ chút không sao cả!

Trước kia, tôi học với thầy Lý mười năm, cả đời thầy Lý sống hết

sức đạm bạc. Không hề ăn bữa nào mà có tới hai món ăn! Suốt đời thầy Lý chưa từng ăn hai món, quý vị chưa trông thấy sẽ không biết đâu! Thầy tự nấu cơm, tự chăm sóc mình, đến chín mươi tuổi vẫn tự chăm sóc mình, nêu tấm gương rất tốt cho chúng ta trong thời kỳ Mạt Pháp. Trong thời Mạt Pháp, phong hóa thế gian mỗi ngày mỗi tệ, con người không biết hiếu thuận cha mẹ, không biết tôn sư; nếu quý vị không biết tự chăm sóc mình làm sao quý vị có thể sống như thế được! Thầy Lý ăn cơm từ một cái niêu nhỏ, mang theo cái niêu nhỏ. Thầy thường ăn mì, ở Đài Loan gọi là “tuyên miến”, còn Trung Hoa Đại Lục gọi là “quải miến”, sợi mì rất nhỏ, rất dễ nấu. Nước đun sôi rồi, thả mì và vài cọng rau vào, lại đun cho sôi, đập nắp lại, tắt lửa, ủ mấy phút là xong, đơn giản như vậy đó. Mỗi bữa ăn nấu chừng bao lâu? Mười lăm phút! Giải quyết một bữa cơm như vậy đó.

Thầy không có chén, dùng niêu làm chén luôn; bởi thế, rửa sạch hết sức thuận tiện. Trước kia, tôi học theo lão nhân gia, tôi học được, sống như thế không ít năm, cho đến khi ở nhà Hàn Quán Trưởng tôi mới thôi không tự nấu cơm. Trước khi ở nhà Hàn Quán Trưởng, tôi tự nấu cơm lấy, lúc ấy còn dùng bếp dầu (có lẽ người lớn tuổi mới biết tới bếp dầu, người trẻ tuổi không biết đâu!) rất thuận tiện, không dùng bếp củi mà dùng bếp dầu. Thầy Lý sống suốt đời như thế, trước khi bếp dầu được phát minh thì dùng bếp than. Bởi lẽ, thầy biết tiết phước, thầy có thâm nhập tương đối khá; lúc ấy, thầy muốn thuê một hai người đầy tớ là chuyện dễ dàng; thầy thừa sức nhưng không làm như thế, tự mình chăm sóc mình, sống hết sức tiết kiệm, một ngày xài hai đồng, cả tháng tiêu hết sáu mươi đồng thôi!

Kiểm được bao nhiêu tiền đều đổ vào sự nghiệp từ thiện, cụ xưởng suất kiến tạo Đài Trung Liên Xã, dựng thư viện Từ Quang, lập y viện Bồ Đề, mọi người quyên tặng, cụ đứng ra lo liệu. Đạo tràng thành lập xong, khi đã đi vào nề nếp, cụ bèn giao cho người khác. Mời làm Đồng Sự Trưởng hay Chấp Sự, cụ đều từ khước, giao cho người khác làm. Không mảy may có tâm tham, không mảy may lưu luyến. Do cụ tu phước nên lúc lâm chung đích thực tâm không điên đảo, ra đi sáng suốt, tự tại. Trước lúc mất, cụ còn dặn dò đồ đệ, lời dặn rất sáng suốt, minh bạch như thế này: “Thế gian đã loạn rồi, Phật, Bồ Tát, thần tiên giáng hạ cũng không cứu được. Chúng ta chỉ có một con đường sống là niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ mà thôi!” Di ngôn tối hậu của lão nhân gia là như vậy đó; quý vị thấy cụ sáng suốt, minh bạch như thế đó. Đối với tình hình xã hội hiện thời, chúng ta thấy rất rõ. Cụ đã mất mười mấy năm rồi.

Lúc cụ bảo xã hội loạn, tánh tình giác của chúng tôi vẫn chưa cao! Nay nghĩ lại mấy câu ấy, đúng là cụ thấy quá rõ ràng, rất thấu triệt! Bởi thế, câu nói sau đây quan trọng hơn bất cứ gì khác: “*Lâm mạng chung thời, tâm bất điên đảo*” (Lúc lâm chung, tâm không điên đảo), đó là điều kiện trọng yếu để quý vị được vãng sanh hay không. Vì sao lúc lâm chung người ta lại bị điên đảo? Vì chẳng biết tu phước; nhất là con người hiện thời chỉ biết hưởng phước, chứ không biết tu phước! Kể ra đạo tràng này cũng khá, vẫn còn bố thí cúng dường; nay ở địa phương này, chúng ta phải bố thí cúng dường cho đại chúng trong xã hội, phải thường mang cái tâm ấy, phải có nguyện vọng ấy, phải có hành động ấy, chứ chẳng mong cầu chính mình hưởng thụ. Tự mình phải biết tiết kiệm, phải biết đoạn ác, phải biết tu phước, hy vọng khi chính mình lâm chung tâm có thể thực sự không điên đảo.

Đoạn kế tiếp nói: “*Cái uế độ tự lực tu hành, sanh tử quan đầu, tới nan đắc lực*” (Vì tự lực tu hành trong uế độ, nơi cửa ải sanh tử là khó đắc lực nhất). Câu này nói thật đấy, phải thường tự răn nhắc mình. Hiện tại, trước uế đã đến mức cùng cực, con người hoàn toàn trái nghịch đạo làm người, chẳng biết hiếu thuận, không biết tôn kính, kiêu căng, ngạo mạn, ngỗ nghịch là đúng, tưởng mình siêu phàm! Khởi tâm động niệm không gì chẳng cạnh tranh, đấu tranh, tổn người, lợi mình; đó là căn nguyên của hết thảy động loạn. Bởi vậy, tham sống sợ chết, lúc lâm chung tay chân luống cuống. Người nghiệp chướng nặng, lúc tuổi cao khó tránh khỏi căn bệnh nay gọi là bệnh si ngốc nơi người già (Alzheimer). Chứng si ngốc ấy chính là điên đảo, hồ đồ. Người vừa bị điên đảo, hồ đồ liền bị phiền phức ngay, lưu chuyển theo nghiệp chướng, chẳng thể tự làm chủ.

Quý vị phải hiểu: Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là chính mình có thể làm chủ. Tôi muốn đến thế giới Cực Lạc, tôi muốn thân cận A Di Đà Phật, tự mình có thể làm chủ. Nếu tự mình không làm chủ được thì vẫn phải luân hồi trong lục đạo. Luân hồi trong lục đạo là bị nghiệp lực lôi dẫn, một đời này thiện nhiều, ác ít, lúc lâm chung không có ác niệm, sẽ theo nghiệp lực sanh vào ba đường lành. Nếu ác nhiều, thiện ít, sự ác bao trùm ý niệm, ý niệm ác nhiều, ý niệm thiện ít, sẽ sanh vào ba ác đạo. Bởi thế, chính mình phải thường suy nghĩ đời sau mình sẽ sanh vào đường nào, điều này hết sức quan trọng! Đời sau sanh vào đường nào đừng hỏi ai khác, chính mình phải biết rõ ràng, minh bạch!

Mỗi ngày tụng kinh sáng tối (điều này chúng tôi đã nói quá nhiều rồi), khóa sáng là để tự cảnh tỉnh mình; khóa tối là phản tỉnh, kiểm điểm,

sám hối, sửa lỗi. Chúng ta có làm được như thế hay không? Phản tỉnh, kiểm điểm chính là phát hiện những lỗi lầm của chính mình, sám hối là sửa đổi những lỗi lầm của chính mình, đó chính là quý vị thực sự tu công phu đoạn ác tu thiện. Công phu có thành tích thì lúc lâm chung hiệu quả sẽ hiện tiền, thần trí sáng suốt, tâm không điên đảo, ý chẳng tham chấp. Lúc ấy, niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ sẽ cảm ứng đạo giao; dưới đây, chúng tôi sẽ kể về [gương tu hành] của một vị pháp sư cận đại:

Pháp sư Viên Anh dốc lòng nơi Tịnh Độ, tự xưng là Tam Cầu Đường Chủ Nhân, tức là cầu phước, cầu huệ, cầu sanh Tịnh Độ. Pháp sư suốt đời giảng kinh hoằng pháp, soạn chú giải cũng rất phong phú. Ngài có bộ Viên Anh Pháp Sư Pháp Vững được lưu truyền trong thế gian. Suốt đời lão nhân gia chuyên dốc công nơi kinh Lăng Nghiêm. Từ bài tựa cuốn Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa, ta thấy năm hai mươi lăm tuổi, Ngài phát tâm học Lăng Nghiêm, đến năm bảy mươi lăm tuổi mới hoàn thành tác phẩm Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa, suốt cả năm mươi năm! Ngài làm gương cho chúng ta thấy thâm nhập một môn, trường thời huân tu mới có thành tựu như thế. Từ xưa đến nay, chú giải kinh Lăng Nghiêm hết sức phong phú. Xưa kia, lúc tôi theo học với thầy Lý ở Đài Trung cũng là học kinh Lăng Nghiêm; khi đó, tôi sưu tập được hơn ba mươi bản cổ chú. Thầy Lý dạy tôi: Tuy những bản cổ chú hay, nhưng không dễ hiểu cho lắm. Đại khái, những bản chú giải kinh Lăng Nghiêm xưa nay, pháp sư Viên Anh đều đã đọc qua; nói cách khác, cuốn Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa của Ngài chính là tác phẩm tổng hợp toàn bộ chú giải xưa nay. Thầy Lý chỉ tôi: Anh hãy bắt đầu bằng bộ Giảng Nghĩa của pháp sư Viên Anh, đúng là đối với người mới học tác phẩm này rất thuận tiện. Tiêu biểu nhất trong số những bản chú giải cổ là bản Trường Thủy Sớ⁸² đời Tống, bản Lăng Nghiêm Chánh Mạch của Giao Quang đại sư vào cuối đời Minh. Hai bản ấy đại biểu cho những

⁸² Trường Thủy là hiệu của ngài Tử Tuyền (965-1038). Sư có pháp hiệu là Đông Bình, thường được gọi là Trường Thủy đại sư (vì Ngài thường trụ tại chùa Trường Thủy). Sư là người huyện Tiền Đường, Hàng Châu, là cao tăng thuộc tông Hoa Nghiêm. Sư xuất gia từ nhỏ, xuất gia với ngài Hồng Mẫn, theo học với ngài Khế Tông chùa Phổ Huệ, chuyên dốc sức nơi kinh Lăng Nghiêm. Năm 13 tuổi, Sư đã được đặc cách thọ Cụ Túc Giới. Sư cực lực hoằng dương tông Hoa Nghiêm, được coi là người có công lớn nhất trong công cuộc trung hưng tông Hoa Nghiêm thời Tống. Những tác phẩm trọng yếu nhất của Sư là Lăng Nghiêm Kinh Nghĩa Sớ Chú Kinh, Lăng Nghiêm Kinh Khoa, Kim Cang Bát Nhã Toàn Yếu Khoa, Đại Thừa Khởi Tín Luận Bút Tước Ký.

bản chú giải xưa nay, thầy Lý khuyên tôi nên tham khảo!

Lăng Nghiêm khai trí huệ! Pháp sư Viên Anh thông minh, ở Thượng Hải, Ngài có một đạo tràng gọi là Viên Minh Giảng Đường. Viên Minh là kinh Lăng Nghiêm, [chữ “viên minh” chỉ] hai mươi lăm môn viên thông trong kinh Lăng Nghiêm, Ngài dùng ý nghĩa ấy nên đặt tên [nơi ấy] là Viên Minh Giảng Đường. Thập niên chín mươi tôi đến thăm Thượng Hải, bái phỏng pháp sư Minh Dương, đến viếng đạo tràng của lão pháp sư Viên Anh, thấy tiểu giảng đường của Ngài không lớn, Tam Cầu Đường hoàn toàn không to, không lớn bằng giảng đường của chúng ta; ước chừng bằng một phần ba giảng đường hiện tại của chúng ta mà thôi, có thể chỉ bằng một phần tư, cho nên không lớn lắm. Tôi ước tính chừng năm, sáu chục người là ngồi chật giảng đường; rất nhỏ! Năm sáu chục người là ngồi kín hết. Trong đạo tràng ấy, hai bên tượng Phật treo một đôi liễn do chính lão pháp sư viết, trên liễn viết “*cầu phước, cầu huệ, cầu sanh Tịnh Độ*”. Ngài gọi Phật đường ấy là Tam Cầu Đường. “Phước”: Tâm không điên đảo là phước; “Huệ”: Niệm Phật vãng sanh là huệ, trí huệ chân thật. Bởi thế, trong câu cuối cùng Ngài nói rất rõ ràng: “*Cầu sanh Tịnh Độ*”. Ngài là bậc chuyên gia về kinh Lăng Nghiêm trong thời cận đại đây!

Kinh Lăng Nghiêm và pháp môn Tịnh Độ có mối quan hệ gì, chúng ta phải hiểu! Câu hỏi này tôi đã gặp vào năm thứ hai sau khi tôi thọ giới, [lúc ấy] tôi đảm nhiệm vai trò thư ký trong giới đàn chùa Lâm Tế. Một ngày nọ, có mấy vị đồng học thuộc Đại Học Đài Loan dẫn một vị giáo sư của họ, vị này là giáo sư tại trường Đại Học Đài Loan (vị giáo sư ấy là một hòa thượng Nhật Bản) đến gặp tôi. Tôi tiếp họ trong khách đường, vị giáo sư ấy nêu câu hỏi: “Kinh Lăng Nghiêm và Tịnh Độ có mối quan hệ gì?” Bởi ông ta hỏi tôi học kinh gì, lúc đó nhằm lúc tôi đang học kinh Lăng Nghiêm, nhưng tôi tu pháp môn Tịnh Độ. Vì thế, ông ta mới nêu câu hỏi ấy; ông cảm thấy rất ngạc nhiên, bởi lẽ, mọi người cho rằng kinh Lăng Nghiêm chỉ liên quan đến Thiền, đến Mật. Năm hội thần chú Lăng Nghiêm chính là Mật mà! Ông cho rằng Lăng Nghiêm không dính dáng gì đến Tịnh Độ cả. Tôi cũng chẳng trả lời mà hỏi ngược lại: “Đại Thế Chí và Quán Thế Âm có liên quan gì đến Tịnh Độ chăng?”

Tôi vừa hỏi như vậy, ông ta hiểu liền. Tây Phương Tam Thánh ngoại trừ A Di Đà Phật thì chẳng phải là Quán Âm, Thế Chí hay sao? Phương pháp tu hành chủ yếu trong kinh Lăng Nghiêm chính là phương pháp của Quán Âm Bồ Tát và Đại Thế Chí Bồ Tát; thuộc phần nào vậy? Chính là đoạn kinh văn nói về Hai Mươi Lăm Pháp Viên Thông. Trong

hai mươi lăm pháp môn có nêu những pháp thông thường, có pháp môn đặc biệt. Trình bày như thế nào? Theo cách liệt kê. Các đồng học học kinh giáo phải lưu ý: Trình bày theo thứ tự thuận chính là những pháp môn thông thường; nếu không trình bày theo thứ tự thuận thì pháp môn ấy là đặc biệt. Hai mươi lăm pháp đó từ đâu mà có? Quý vị phải hiểu: Đó chính là những phương pháp tu hành chứng quả do Thích Ca Mâu Ni Phật đã chỉ dạy cho các đồ đệ.

Vô lượng vô biên pháp môn quy nạp thành hai mươi lăm loại, trong mỗi một loại chọn ra một pháp làm đại biểu. Hai mươi lăm pháp ấy quy nạp thành sáu Căn, sáu Trần, sáu Thức, ba lần sáu là mười tám, gọi là Thập Bát Giới. Sau đây lại thêm vào Thất Đại: Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến, Thức, đó chính là Thất Đại. Thập Bát Giới cộng Thất Đại thành hai mươi lăm. Đó là theo thứ tự thuận. Pháp tu của Quán Thế Âm Bồ Tát là Nhĩ Căn trong sáu căn, chiếu theo thứ tự thuận thì đáng lẽ phải nêu thành pháp thứ hai, như quý vị thấy đó: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý, phải trình bày như vậy. Nêu sáu Căn đầu tiên rồi đến sáu Trần, rồi đến sáu Thức; cuối cùng là bảy Đại là thứ tự thuận. Nhưng pháp Nhĩ Căn của Quán Thế Âm Bồ Tát không theo thứ tự thuận, lại rút ra trình bày cuối cùng, xếp thành pháp thứ hai mươi lăm.

Trong bảy Đại, pháp tu của Đại Thế Chí Bồ Tát thuộc về Căn Đại, theo thứ tự “Địa, Thủy, Hỏa, Phong, Không, Kiến, Thức” thì Kiến là Căn Đại. Bởi vậy, pháp tu của Đại Thế Chí Bồ Tát đáng lẽ phải kể là pháp hai mươi ba, nhưng pháp tu của Ngài cũng không được trình bày theo thứ tự thuận, [đáng lẽ] pháp cuối cùng phải là Thức Đại của Di Lặc Bồ Tát; không theo thứ tự này mà xếp pháp Căn Đại sau [pháp tu của] Di Lặc Bồ Tát. Vì thế, trong hai mươi lăm pháp Viên Thông có hai pháp đặc biệt là pháp môn Niệm Phật của Đại Thế Chí Bồ Tát và pháp môn Nhĩ Căn của Quán Thế Âm Bồ Tát. Tôi vừa phân tích như thế, vị giáo sư Nhật bèn chịu phục. Pháp sư Viên Anh truyền dạy đề cao Lăng Nghiêm, nhưng hạnh tại Di Đà là chính xác, hoàn toàn chính xác!

Ở đây, chúng ta phải chú ý chuyện “cầu phước”. Muốn cầu phước phải tu phước, có tu phước thì mới cầu phước được. Cầu phước mà không biết tu phước thì phước từ đâu mà có? Có phước lại còn phải có huệ, nếu không có huệ thì phước báo ấy không phải là chân phước, trong kinh Phật thường gọi là “phước báo hữu lậu thế gian”. Có phước mà không có huệ thì chỉ sợ quý vị phước báo càng lớn, tạo nghiệp chướng càng nặng! Phước báo nhỏ hại người ít, phước báo lớn hại người nhiều, hậu quả chẳng thể tưởng tượng được nổi! Một người không có

phước báo trong một đời này không làm được chuyện lành lớn, nhưng cũng chẳng tạo sự ác lớn. Nếu phước báo lớn thì phải có trí huệ. Nếu người ấy có trí huệ và tu đại phước báo thì sẽ là điều tốt lành to lớn. Nếu không có trí huệ, sẽ tạo chuyện đại ác. Vì thế, cầu huệ hết sức quan trọng; thậm chí so với cầu phước, cầu huệ càng trọng yếu hơn. Đức Phật dạy người ta phước huệ song tu, cầu huệ đừng quên cầu phước, cầu phước chẳng được quên cầu huệ, phước - huệ song tu! Đức Thế Tôn vì chúng ta nêu gương, vì chúng ta nêu rõ: Mục tiêu chung cục phải thuận chánh, tức là *“quyết định cầu sanh Tịnh Độ”*. Chiều theo kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà, biến các đạo lý được giảng trong những kinh ấy thành tư tưởng và kiến giải của chính mình, thực hiện những giáo huấn trong kinh điển trong cuộc sống của chính mình, đó là *“tu chân”* đây! Có như vậy mới hòng nắm chắc chuyện cầu sanh Tịnh Độ!

Lại xem tiếp điều thứ ba: *“Vô luận ngoan tu cuồng huệ, đảo sanh tử quan đầu, bất năng đắc lực, toàn nhiên vô dụng, tức ngộ môn thâm viễn, tháo lý tiềm xác chi nhân, thẳng phân hào tập khí vị trừ, vị miễn tùy cường thiên đạo”* (Đừng nói là những kẻ tu hành ngoan bướng, trí huệ ngông cuồng đến cửa ải sanh tử không làm được gì, hoàn toàn vô dụng; ngay cả những người chứng ngộ sâu xa, tu tập tiềm dưỡng đích xác nếu còn chút phần mảy may tập khí chưa trừ sẽ khó tránh khỏi thuận theo nghiệp lực nào mạnh hơn mà đọa lạc theo nghiệp lực đó). Đây là Ngẫu Ích đại sư cảnh tỉnh chúng ta, dạy chúng ta phải thời thời khắc khắc tỉnh giác cao độ. *“Ngoan tu cuồng huệ”* (tu hành ngoan bướng, trí huệ ngông cuồng) chính là nói đến những kẻ không thực sự tu hành trong Tông Môn và Giáo Hạ, trong xã hội hiện tại [những hạng người như vậy] hết sức phổ biến. *“Đảo sanh tử quan đầu, bất năng đắc lực, toàn nhiên vô dụng”* (đến cái ải sanh tử, chẳng làm được gì, hoàn toàn vô dụng): Điều này nay chúng ta thấy rất rõ ràng, minh bạch; quý vị chỉ cần lưu tâm một chút mà thôi, sẽ thấy người xuất gia hiện tại, nói thật ra, xuất gia còn kém cả tại gia. Người tu hành tại gia lúc lâm chung tâm không điên đảo, tôi thấy không ít; còn người xuất gia lúc lâm chung tâm không điên đảo cả đời tôi chưa gặp được một ai!

Những người xuất gia tôi được gặp lúc mất đều điên đảo, mê hoặc; trái lại, chính tôi đã gặp mấy vị cư sĩ tại gia lúc mất sáng suốt, tỉnh táo, không điên đảo. Bởi thế, câu nói *“bất năng đắc lực, toàn nhiên vô dụng”* (chẳng làm được gì, hoàn toàn vô dụng) là đúng, không sai chút nào. Câu kế tiếp *“tức ngộ môn thâm viễn”* (ngay cả người chứng ngộ sâu xa) nhằm chỉ những người thực sự chân tu, là người xuất gia tốt lành

trong nhà Thiền; “*tháo lý tiếm xác chi nhân*” (người tu tập tiếm dưỡng đích xác) là những người trì giới rất thanh tịnh, rất nghiêm nhặt, nghiêm trì giới luật. Mấy câu tiếp đó của đại sư rất quan trọng: Nếu anh vẫn còn một điểm tập khí chưa đoạn hết, tập khí gì vậy? Tập khí tham - sân - si - mạn còn chưa đoạn hết, chỉ e rằng đến lúc lâm chung, tập khí đó sẽ hiện tiền, vẫn phải theo nghiệp lực đọa lạc. “*Vị miễn tùy cường*” (khó tránh khỏi thuận theo nghiệp lực nào mạnh mẽ), nghiệp lực mạnh, đạo lực mỏng yếu; nói cách khác, “*cường giả tiên khiên*” (nghiệp nào mạnh lôi trước), vẫn phải lưu chuyển theo nghiệp lực, rất đáng sợ! Không đùa đâu, quan hệ đến tiền đồ đấy!

Bởi lẽ, đối với những người thực sự tu hành, tập khí lớn nhất là ngạo mạn, cho là “ta tu hành, các người không tu, các người thua ta”. Kiêu căng, ngạo mạn, không để ai vào mắt, thường phê bình người không tu hành, không trì giới. Đây chính là tập khí hiện tiền, chẳng phải người thực sự tu hành. Vì sao kẻ đó không phải là người thực sự tu hành? Lục Tổ đại sư đã nói rồi: “*Nhược chân tu đạo nhân, bất kiến thế gian quá*” (Nếu người thật tu hành, không thấy lỗi thế gian). Kẻ nào suốt ngày từ sáng đến tối thấy lỗi của người khác thì kẻ đó chính là người được đại sư Ngẫu Ích nói đến ở đây.

A! Nay đã đến giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin tiếp tục xem tiêu đoạn thứ tư:

“*Vĩnh Minh sở vị: ‘Thập nhân cửu tha lộ, ám cảnh hốt hiện tiền, miết nhĩ tùy tha khứ’, thử thành khả hàn tâm dã*” (Ngài Vĩnh Minh nói: ‘Mười người chín lạc đường, ám cảnh chợt hiện tiền, chớp mắt đi theo nó’, đúng là lời nói lạnh buốt cõi lòng). Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư là người thời Nam Bắc Triều, theo sử truyện ghi chép, Ngài là A Di Đà Phật hóa thân tái lai, cũng nhằm biểu diễn cho chúng ta thấy. Trong thời ấy, Thiền phong rất thịnh, bởi thế, lão nhân gia thị hiện trước hết học Thiền, đại triệt đại ngộ nơi Thiền. Thị hiện đại triệt đại ngộ xong, quay về Tịnh Độ, tu Tịnh. Vì thế, vào thời đó, lão nhân gia đề xướng Thiền Tịnh song tu, quý vị phải hiểu: Đó là nhằm khế hợp căn cơ của người thời ấy. Vì thế, Ngài có bài Tứ Liệu Giản dạy chúng ta phân biệt pháp nào thù thắng, ba câu trên đây trích từ bài thứ nhất. Câu đầu tiên là “*hữu Thiền, vô Tịnh Độ*” (có Thiền, không Tịnh Độ), mười người tu hành chín

người đi làm đường, vì sao?

Lúc lâm chung, “*ám cảnh hiện tiền*”, tức lúc sắp mất, nếu Thiền không đắc lực, nói trắng ra phải Thiền làm sao mới đắc lực? Phải đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh mới là đắc lực. Không đạt đến triệt ngộ tức là chưa thể phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân thì vẫn phải theo nghiệp lực luân hồi. Đây cũng có nghĩa là quý vị tu Thiền đắc Thiền Định, nhưng chưa khai ngộ, đắc Thiền Định rất chẳng dễ dàng! Tùy theo công phu Thiền Định của quý vị sâu hay cạn, quý vị sẽ thọ sanh nơi đâu? Sanh vào Tứ Thiên Thiên. Nếu công phu càng sâu sẽ sanh lên Tứ Không Thiên, nhưng không thoát khỏi luân hồi trong lục đạo, vẫn là lưu chuyển theo nghiệp lực! Quý vị sanh về Tứ Thiên Tứ Không Thiên, khi thọ mạng hết lại bị đọa lạc xuống [những cõi thấp hơn], chuyện như vậy rất nhiều.

Đương thời, Thiền phong thịnh hành, Vĩnh Minh đại sư cũng không có cách nào khuyên dạy người ta bỏ Thiền tu Tịnh, [dạy như vậy] họ chẳng thể tiếp nhận. Bởi thế, Ngài dạy họ “*có Thiền, có Tịnh Độ*”, tức là tu Thiền kiêm tu Tịnh Độ; thật là khổ tâm! Công phu Thiền không đắc lực sẽ nhờ Tịnh mà đắc độ. Chúng ta nghe những lời ấy của đại sư, ngàn vạn phần chớ có Thiền Tịnh song tu, nếu không là lầm! Quý vị phải hiểu dụng ý Thiền Tịnh song tu của Ngài: Đối với những kẻ chẳng chịu bỏ tu Thiền, chẳng chịu quay đầu, Thiền Tịnh song tu nhằm dạy những kẻ ấy, không phải dành cho người chuyên tu Tịnh Độ. Chuyên tu Tịnh Độ thù thắng lắm, “*vô Thiền, hữu Tịnh Độ, vạn tu, vạn nhân khứ*” (không Thiền, có Tịnh Độ, vạn người tu vạn người về). Bởi thế, xem văn tự của cổ nhân phải hiểu: Ngài nói những lời ấy, viết lách như thế ấy là dành cho hạng người nào; dụng ý ở đâu? Nhất định phải hiểu cho rõ ràng, minh bạch thì chúng ta mới hòng thọ dụng. Nếu quý vị nhìn lầm, nghe lầm, đừng trách móc Ngài, Ngài đâu có lầm, lỗi tại chính mình mà!

Huống chi trong kinh Đại Tập, đức Thế Tôn đã dạy chúng ta một nguyên tắc chung: “*Trong thời kỳ Chánh Pháp, Giới Luật thành tựu. Thời kỳ Tượng Pháp, Thiền Định thành tựu. Thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh Độ thành tựu*”. Nay chúng ta sanh nhằm thời Mạt Pháp, chiếu theo ghi chép của cổ nhân Trung Quốc, gần đây Ấn Quang đại sư và lão hòa thượng Hư Vân đều chiếu theo những tài liệu của Trung Quốc cổ đại [để tính toán thì] Thích Ca Mâu Ni Phật nhập diệt đến nay đã hơn ba ngàn hai mươi năm. Nói cách khác, Chánh Pháp một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, Mạt Pháp đã trải qua một ngàn năm rồi, nay đang mở đầu một ngàn năm thứ hai của thời Mạt Pháp. Mạt Pháp là một vạn năm; nói cách

khác, thời Mạt Pháp hãy còn chín ngàn năm nữa. Rất nhiều người nói đến ngày Tận Thế, nhưng Phật pháp không nói đến ngày đó, Phật pháp chỉ nói đến Mạt Pháp. Mạt Pháp là pháp vận theo thông lệ có lên, có xuống, có lúc cao trào, có lúc thoái trào, dẫu vào lúc cao trào vẫn khó thể sánh bằng Chánh Pháp và Tượng Pháp; nhưng vãng sanh Tịnh Độ lại thù thắng, thực sự vượt cả những lúc cao trào trong thời Chánh Pháp, Tượng Pháp thì chỉ có mình pháp môn này. Pháp môn này thù thắng khôn sánh. Kinh sách chẳng thể nghĩ bàn nhất trong số những kinh sách Vãng Sanh chính là sách Di Đà Kinh Yếu Giải. Câu nói của Vĩnh Minh đại sư là lời cảm thán hết sức, các đồng học học Phật chớ nên coi thường pháp môn Tịnh Độ này.

Lại xem tiếp đoạn kể đó [trong sách Yếu Giải]: “*Tu hành duy hữu niệm Phật tối vi ôn đáng, tự hữu tín nguyện trì danh tịnh nghiệp chi lực. Hựu trượng Di Đà từ bi nguyện lực, sở dụng chi công, quyết định bất hư, Phật cập thánh chúng, hiện tiền úy đạo, cố đắc vô điên đảo, tự tại vãng sanh dã*” (Tu hành chỉ có niệm Phật là ôn thỏa, thích đáng nhất, tự có sức tịnh nghiệp tín nguyện trì danh, lại còn nhờ vào từ bi nguyện lực của A Di Đà Phật nên sự dụng công ấy quyết chẳng hư luống, Phật và thánh chúng hiện trước mặt vô về, chỉ dạy, nên được không điên đảo, tự tại vãng sanh). Mấy câu này đều là lời thật, câu nào cũng đều là chân tướng sự thật. Nhất định phải hiểu ý nghĩa hai chữ “*tu hành*” cho thật rõ ràng, quyết chớ hàm hồ! “*Hành*” là hành vi; hành vi rất nhiều, đức Thế Tôn quy nạp thành ba loại lớn: Ngôn ngữ nơi miệng, tức hành vi khẩu nghiệp; tạo tác nơi thân, tức hành vi thân nghiệp; ý niệm khởi lên, diệt mất, đó là hành vi nơi ý nghiệp. Hành vi dẫu nhiều, nói chung không ngoài ba loại trên. Vì sao? Chúng được gây tạo bởi thân - ngữ - ý! Hành vi là tạo tác, nhưng trong tạo tác có thiện, có ác; vì thế, đức Phật dạy hàng sơ học chúng ta phải đoạn hành vi ác, phải học hành vi thiện, tức đoạn ác tu thiện. Đức Phật dạy kẻ sơ học như vậy.

Tu học nhất định có thành tựu thì đức Phật lại nâng tu hành lên một mức nữa: Thiện và ác đều là nhiễm, đều là nhiễm trước. Vì thế, đức Phật nhất định lại dạy chúng ta phải đoạn nhiễm, phải tu thanh tịnh, nâng cao cảnh giới! Xa lìa hết thảy nhiễm ô, nhiễm ô là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Đoạn ác nhưng không chấp tướng đoạn ác, tu thiện không chấp tướng tu thiện, vĩnh viễn giữ gìn thân tâm thanh tịnh, bình đẳng, đó chính là tịnh nghiệp! Thân tâm thanh tịnh, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, thừa cùng quý vị, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới phẩm vị khác biệt: Người đoạn ác tu thiện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì

sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Vừa đoạn ác tu thiện lại vừa không chấp tướng thì hạng người như vậy thân tâm thanh tịnh, vắng sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư hay sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, phẩm vị cao lắm!

Chúng ta tu Tịnh Độ không ít năm thì đương nhiên phải nâng cao cảnh giới thêm lên. Vì thế, trong mấy năm qua, chúng tôi đặc biệt nhấn mạnh vấn đề “*thuần tịnh, thuần thiện*”, vắng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm, chứ không phải cõi Phương Tiện Hữu Dư, chúng ta phải nỗ lực, tinh tấn không lười nhác nơi chuyện này. Vì thế, đại sư dạy chúng ta: “*Tu hành duy hữu niệm Phật tối vi ổn đáng*” (Tu hành chỉ có Niệm Phật là ổn thỏa, thích đáng nhất). Tu tịnh nghiệp như thế nào? Dùng phương pháp Niệm Phật. Ý niệm vừa mới khởi lên bèn biến thành “A Di Đà Phật”, bất kể là thiện niệm hay ác niệm, niệm vừa khởi lên bèn quy nạp vào A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là thuần tịnh, thuần thiện, đây là [cách tu] ổn thỏa, thích đáng, đơn giản, dễ dàng, nhanh chóng, thành tựu cao nhất!

Ở phần trên, tôi đã trình bày cùng quý vị căn cứ lý luận của việc Niệm Phật rồi. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, đức Thế Tôn đã nói: “*Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*” (Tâm này là Phật, tâm này làm Phật), đó chính là căn cứ lý luận của Niệm Phật. Chân tâm bản tánh của hết thảy chúng sanh và mười phương hết thảy chư Phật Như Lai không hai, không khác, cùng một chân tâm, cùng một bản tánh. Chân tâm bản tánh là thuần thiện, thuần tịnh, trọn chẳng có mảy may bất thiện xen tạp, quyết định không có mảy may bất tịnh xen tạp, thuần thiện, thuần tịnh. Do vậy, quý vị vốn sẵn là Phật, đó là “*tâm này là Phật*”. Kinh Hoa Nghiêm và kinh Viên Giác nói “*nhất thiết chúng sanh bổn lai thành Phật*” (hết thảy chúng sanh vốn đã thành Phật), tức là nhìn từ góc độ này mà nói. Nay chúng ta tuy mê, nhưng mê cũng không sao, mê thì sao? Chân tâm bản tánh chúng ta không biến đổi mảy may. Kinh Đại Thừa giảng rất nhiều về chân tâm bản tánh: không sanh diệt, không đến đi, không một, không khác, nên bảo là “*không sanh, không diệt, không đến, không đi, không một, không khác, không phải có, chẳng phải không*”. Đó là đặc tánh của nó, nhưng trong đặc tánh ấy vẫn trọn đủ linh minh giác tri.

Trong hội Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn đã giảng cho chúng ta biết: Bản tánh đầy đủ “*kiến văn giác tri*”! Hư không, pháp giới, cõi nước và chúng sanh là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”. Kể cả hư không, pháp giới, hết thảy chúng sanh; những thứ ấy do đâu mà có? Do tâm

hiện, thức biến! Bởi vậy, Lý Thể của chúng là tâm tánh, tâm tánh đầy đủ linh tri. Do đây biết rằng: Hư không, thế giới, hết thảy vạn vật đều có linh tri; nói cách khác, đều có kiến văn giác tri, cũng có nghĩa là chúng có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết. Chẳng phải chỉ động vật mới có khả năng ấy, mà thực vật cũng có, khoáng vật cũng có, hư không cũng có, chẳng thể nghĩ bàn!

Trong những năm vừa qua, tiền sĩ Giang Bồn Thắng dùng phương pháp thực nghiệm khoa học để quan sát, ông ta phát hiện nước có khả năng thấy nghe hay biết. Mở rộng ra, ông ta quan sát rất nhiều loại thực vật, nhận thấy thực vật cũng thấy nghe hay biết. Ngay cả những vật dụng trong cuộc sống thường nhật, thực phẩm cũng thấy, nghe, hay, biết. Cơm, bánh mận đầu, chuối, táo đều được thí nghiệm, chứng tỏ chúng thực sự thấy, nghe, hay, biết. Thấy - nghe - hay - biết là pháp tánh, do đâu mà có? Pháp nhĩ như vậy, nghĩa là chúng vốn sẵn là như vậy. Vì thế, nếu quán sát thí nghiệm sâu hơn thì bùn, cát, đá, đất đều thấy nghe hay biết. Đại khái, khó quan sát nhất là hư không, hư không cũng thấy nghe hay biết, không pháp nào chẳng thấy nghe hay biết. Vì thế, đối với những điều được nói trong kinh Đại Thừa quý vị phải tin sâu, chớ ngờ vực, các nhà khoa học phát hiện những điều ấy rồi báo với quý vị, quý vị chẳng cảm thấy lạ lùng chút nào hết, quý vị chỉ cảm thấy: “Chuyện ấy bình thường! Kinh Phật đã nói rồi, các ông chỉ dùng phương pháp khoa học để chứng thực đó thôi, chúng vốn dĩ là như vậy, không lạ lùng chi hết!”

Nếu chúng ta hiểu được đạo lý này thì quý vị mới hiểu Tịnh Độ và Uế Độ là như thế nào, Tịnh và Uế bất nhị! Tâm con người lành thì tất cả hết thảy vạn vật kết tinh đều lành. Tâm con người chẳng lành thì tất cả hết thảy vạn vật đều kết tinh chẳng lành. Kinh Phật chẳng thường nói như thế này hay sao? “*Cảnh tùy tâm chuyển!*” Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật giảng: “*Nhược năng chuyển vật, tắc đồng Như Lai*” (Nếu có thể chuyển được vật thì giống với Như Lai). Bởi thế, hết thảy vạn vật chuyển biến theo tâm tánh của chúng ta, tâm ta thiện thì không một pháp nào chẳng thiện, toàn là thiện. Tâm ta bất thiện, hết thảy mọi pháp đều bất thiện. Vì sao có uế độ? Vì sao có tai nạn? Vì ý niệm bất thiện, do nghiệp cảm bất thiện chiêu cảm, duyên do là như thế.

Chúng ta muốn chuyển biến thế giới này không khó! Chỉ cần chúng sanh sống trong thế giới này thực sự đoạn ác tu thiện thì tất cả hết thảy thiên tai và nhân họa đều tiêu diệt, không còn nữa. Như vậy thì phải chuyển từ đâu? Chuyển từ tâm địa. Bao nhiêu năm qua thế giới bàn

chuyện bảo vệ môi trường, tôi cũng đã nói khá nhiều lần: “Muốn bảo vệ môi trường thì phải bắt đầu từ đâu? Từ tâm địa!” Tâm tịnh thì hoàn cảnh sẽ thanh tịnh; tâm thiện thì hoàn cảnh bèn thiện. Cái tâm, cái ý niệm của chúng ta không thay đổi thì không có cách gì thay đổi được hoàn cảnh, dù có đổi cũng chẳng đạt hiệu quả gì! Đức Phật dạy rất hay: “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (Hết thảy pháp sanh từ tâm tướng). Dạy rõ ràng, minh bạch đến như vậy, có sao quý vị nghe chẳng hiểu? Vì sao chẳng chịu làm theo? Nói thật ra, chuyện này quan trọng hơn bất cứ gì khác, nhất định chớ nên xem thường!

Vậy thì chúng ta cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, Tây Phương Cực Lạc thế giới do tịnh nghiệp của chính mình thành tựu và cảm thành. Tâm chúng ta không thanh tịnh, hạnh không thanh tịnh, sẽ chẳng thể sanh về Tịnh Độ! Bởi vậy, niệm Phật, niệm một câu danh hiệu là tịnh tâm, tịnh ý, tịnh hạnh. Thân - ngữ - ý đều thanh tịnh thì chuyện sanh về Tịnh Độ sẽ được thành tựu. Nếu miệng niệm Di Đà, trong tâm không thanh tịnh, khởi tâm động niệm đều là tham - sân - si - mạn, vẫn là phiền não tập khí, niệm Phật như thế sẽ chẳng thể vắng sanh. Cổ nhân bảo: “*Khẩu niệm Di Đà tâm tán loạn, hãm phá hầu lung diệc uổng nhiên*” (Miệng niệm Di Đà tâm tán loạn, rách toạc cổ họng uổng công thôi) Vì sao? Thân - ngữ - ý không thanh tịnh, bởi vậy, chẳng thể thành tựu. Quý vị học Phật, học pháp gì cũng không học được. Trong cuộc sống hằng ngày vẫn là tâm tán loạn bộp chộp, xóc nổi, gặp chuyện không biết xử trí thế nào. Phiền não khởi hiện hành, chứ không phải trí huệ hiện hành, không sanh trí huệ, chỉ sanh phiền não. Học Phật như vậy khó lắm! Học Phật chẳng thể thành tựu, chắc chắn vẫn bị chuyển theo nghiệp lực!

Nếu quý vị hỏi rốt cuộc là do nguyên nhân nào ư? Do thiện căn, phước đức, nhân duyên của mỗi cá nhân khác biệt; từ kinh nghiệm của chính tôi mà nói thì là do nghe kinh quá ít, bởi thế, không giác ngộ, phiền não tập khí vẫn làm chủ y như cũ. Vì vậy, chúng ta phải thường suy nghĩ: Vì lẽ nào Thích Ca Mâu Ni Phật ngày ngày giảng kinh? Bốn mươi chín năm chưa từng gián đoạn một ngày nào. Vì sao phải ngày ngày giảng kinh? Chính là đau lòng rất miệng giúp cho quý vị giác ngộ, giúp quý vị quay đầu. Từ đâu quay đầu? Từ tập khí phiền não mà quay đầu lại, đừng nương theo tập khí phiền não cũ, nên tuân theo lời Phật, Bồ Tát răn dạy. Kinh điển chính là những răn dạy của Phật, Bồ Tát; những gì Phật, Bồ Tát răn dạy chính là tánh đức của chúng ta. Tùy thuận lời Phật, Bồ Tát răn dạy chính là tùy thuận tánh đức của chính mình. Không

tùy thuận tánh đức thì chắc chắn tùy thuận phiền não.

Tánh đức là gì? Tánh đức vốn lành, “*nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (con người lúc thoát đầu tánh vốn lành); tánh đức là pháp tánh, tánh đức là Phật tánh. Phật tánh là thuần thiện, thuần tịnh. Đó là thực sự học Phật, học thực sự có ích. Không biết học thì đúng là nói trắng ra, dù chỉ học ngoài da cũng không được. Do đâu mà thấy? Từ khởi tâm động niệm, lời lẽ, hành vi mà thấy: Kẻ ấy vẫn tùy thuận tập khí phiền não, đúng là một phân, một mảy Phật pháp cũng chẳng thọ dụng được! Vì nguyên nhân gì vậy? Kinh Địa Tạng bảo là “*cang cường nan hóa*” (ương ngành, khó giáo hóa), tánh tình quá bướng bỉnh, quá tự phụ! Luôn tự cho mình có lý, rất khó thể tiếp nhận lời Phật, Bồ Tát dạy. Tập khí quá nặng, sửa không được, cứ như vậy thì đương nhiên phải lưu chuyển theo nghiệp.

Vì thế, chính mình phải thường xuyên tự phản tỉnh, thường xuyên kiểm điểm, phải tìm cho ra khuyết điểm của chính mình. Tự mình có năng lực phát hiện cái bệnh của mình, trong Phật pháp gọi là “*khai ngộ*” hay giác ngộ! Khai ngộ rồi mới khởi tu, khởi tu là sau khi khai ngộ bèn sửa đổi những căn bệnh tập khí của chính mình. Đó là thực sự tu hành. Nay chúng ta tu Tịnh Độ, tâm không thanh tịnh, ý niệm không thanh tịnh, hành vi không thanh tịnh, hoàn toàn chẳng tương ứng với Tịnh Độ. Vì thế, phải biết tín nguyện trì danh tu Tịnh nghiệp; tự mình thực sự chịu tu Tịnh nghiệp, Tịnh nghiệp là thiện, là tịnh, biểu hiện ra bên ngoài là thiện, thuần thiện thuần tịnh. Đây là Tự Lực.

Pháp môn Tịnh Độ được gọi là “*nhị lực pháp môn*”: Tự Lực và Tha Lực. Tha Lực là A Di Đà Phật, “*hựu trượng Di Đà từ bi nguyện lực*” (lại nương vào nguyện lực từ bi của A Di Đà Phật), đó là Tha Lực. “*Trượng*” (仗) là nhờ cậy, phải làm sao mới hòng nhờ cậy nguyện lực của A Di Đà Phật? Dùng tịnh nghiệp của chúng ta để cảm lấy nguyện lực của A Di Đà Phật. Tịnh nghiệp của chúng ta là Năng Cảm, nguyện lực từ bi của A Di Đà Phật là Năng Ứng, cảm ứng đạo giao! Hết thấy chúng sanh do nghiệp lực cảm lấy Thập Ác; vì thế, phải quán sát kỹ càng, nếu thân - khẩu - ý chẳng lìa Thập Ác thì phiền lắm! Thập Ác cảm được gì? Quả báo khổ sở trong tam đồ! Thập Thiện khiến quý vị cảm được vui sướng và phước báo nơi ba đường lành trong sáu đường; nhưng không thoát khỏi luân hồi lục đạo. Vì thế, tịnh nghiệp quan trọng lắm!

Trong tâm là A Di Đà Phật, miệng niệm A Di Đà Phật, hết thấy tạo tác nơi thân chẳng lìa A Di Đà Phật. Tạo tác nơi thân như thế nào mới gọi là chẳng lìa A Di Đà Phật? Những giáo huấn trong Vô Lượng Thọ Kinh và Quán Kinh được biểu hiện nơi hành vi của chúng ta; đó là

không lia A Di Đà Phật! A Di Đà Phật dạy chúng ta làm sao, chúng ta cứ làm như thế ấy, dạy ta đừng làm điều gì, chúng ta nhất định không làm! Như vậy là đúng! Niệm niệm cảm ứng đạo giao như thế, chính là *“một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”*, *“sở dụng chi công, quyết định bất hư”* (công phu đã vận dụng quyết chẳng luống uổng). “Công” (功) ở đây là công phu, đến lúc lâm chung, lúc thọ mạng sắp chấm dứt, Phật bèn đến. *“Phật cập thánh chúng, hiện tiền ủy đạo”* (đức Phật và thánh chúng hiện trước mặt vô về, chỉ dạy). “Ủy” (慰) là an ủi, Phật đến an ủi, Phật đến dẫn dắt, tức là tiếp dẫn quý vị. Bởi thế, quý vị chẳng bị điên đảo, tâm không bị loạn, nhất tâm bất loạn, tâm không điên đảo, tự tại vãng sanh! Tiếp đó là lời đại sư Ngẫu Ích cực lực tán thán pháp môn này:

“Pháp môn thâm diệu”: “Thâm” là Lý sâu, chúng ta không có cách gì hiểu thấu đáo; “diệu” là Sự diệu, Tướng diệu, phương pháp xảo diệu, *“phá tận nhất thiết hý luận, trảm tận nhất thiết ý kiến”* (phá sạch hết thảy hý luận, chặt đứt hết thảy ý kiến). Hai câu này là nói thật đấy, Ngẫu Ích đại sư nêu ra những điều khó thể nói được lắm, vì nếu không nhập cảnh giới này, sẽ không thể nói ra những lời ấy, chẳng thể nghĩ bàn! Phá sạch hết thảy hý luận, hý luận là gì? Thừa cùng quý vị, hết thảy những gì chư Phật giảng kinh, thuyết pháp, nếu đem so với pháp môn Niệm Phật chúng đều là hý luận cả, không thể so sánh được! Tám vạn bốn ngàn pháp môn chẳng dễ tu, rất khó học tập, vẫn phải tốn thời gian rất dài; pháp môn này lại quá nhanh chóng, một đời thành tựu. Bởi thế, nó ổn thỏa, thích đáng, đơn giản, dễ dàng, nhanh chóng; thành thử, các pháp môn khác đương nhiên bị coi là hý luận. Chữ *“hý luận”* chỉ Phật pháp, có nghĩa là pháp xuất thế gian; chữ *“ý kiến”* chỉ các pháp thế gian. Như vậy, hai câu này có nghĩa là [pháp môn Tịnh Độ] siêu việt hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian, pháp môn thâm diệu quá! Hết thảy pháp thế gian hay xuất thế gian đều chẳng thể sánh bằng!

“Duy Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh chi lưu, triệt để đảm hà đắc khứ” (chỉ có những bậc như Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh mới triệt để gánh vác được). Ai mới có thể tin nổi pháp môn này? Ai có thể chết lòng sát đất tu tập pháp môn này? Ngẫu Ích đại sư chỉ nêu tượng trưng vài vị trong số các tổ sư: Mã Minh Bồ Tát và Long Thọ Bồ Tát là người Ấn Độ, nêu tên hai vị trong số các tổ sư cổ Ấn Độ. Lịch đại tổ sư Trung Quốc cũng chỉ nêu hai vị: Trí Giả đại sư và Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư. Trí Giả và Vĩnh Minh đều ở tại Chiết Giang, Trí Giả đại sư ở núi Thiên Thai; Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư ở Hàng Châu,

là tổ thứ sáu của Tịnh tông. Chỉ có những vị như vậy, các Ngài thực sự chứng được quả vị Bồ Tát, không phải là Bồ Tát tầm thường mà là Pháp Thân Bồ Tát, đều đạt quả vị Pháp Thân Bồ Tát. Thế nhưng chúng ta phải biết: Trí Giả đại sư là Thích Ca Mâu Ni Phật tái lai, ứng hóa trở lại; Vĩnh Minh Diên Thọ là A Di Đà Phật ứng hóa, cổ Phật tái lai! Các Ngài mới triệt để “đảm hà đắc khứ” (gánh vác nổi), gánh vác là tiếp nhận hoàn toàn, không một mảy lông, y giáo phụng hành.

“Kỳ dư, thế trí biện thông” (Ngoài ra, những kẻ thế trí biện thông): Ngoài ra là những kẻ có trí huệ thế gian, người rất thông minh, người khéo ăn nói nhất. Tiếp đó, Tổ nêu mấy thí dụ: “*Thông Nho, Thiền khách*”, các vị thông đạt kinh luận của bách gia chư tử thì gọi là “*thông Nho*”, chúng ta thường gọi là bậc “*đại Nho*”. “*Thiền khách*” là tổ sư đại đức trong Tông Môn. “*Tận tư lượng độ, dĩ thôi dĩ viễn*” (Tận sức suy lường, càng suy lường, càng cách xa): Nếu những người ấy suy lường, nghiên cứu, thảo luận những kinh sách Tịnh Độ thì càng nghiên cứu chẳng những không thể hiểu nổi sự thâm diệu của pháp môn này mà ngược lại còn lạc xa hơn nữa. Vì sao? Pháp môn này là pháp môn chẳng thể nghĩ bàn, tuyệt đối chẳng thể dùng tư tưởng, suy tư, khảo sát, nghiên cứu để thấu hiểu được, tuyệt đối chẳng thể bàn luận suông để hiểu rõ được. Vì sao? Vì đó là cảnh giới Phật, cảnh giới thuộc về quả địa Như Lai. Đức Phật nói rất rõ, “*duy Phật dữ Phật phương năng cứu cánh*” (chỉ có mình Phật với Phật mới hiểu được rốt ráo). Đối với pháp môn này, có thể dùng tỷ dụ để nói về Đẳng Giác Bồ Tát như sau: “*Do như cách la vọng nguyệt*” (giống như ngắm trăng qua một lớp the). Đẳng Giác Bồ Tát còn như thế, huống chi là phàm phu!

Từ ngữ “*thông Nho, Thiền khách*” chỉ những kẻ chưa kiến tánh. Dẫu có kiến tánh thì kiến tánh có phẩm vị bất đồng, trong minh tâm kiến tánh có đến bốn mươi một địa vị, gọi chung là Tam Hiền Thập Thánh. Đã chứng Thập Thánh thì không có vấn đề gì, chứ còn thuộc trong Tam Hiền thì vẫn chưa được. Vì sao Thập Thánh không có vấn đề gì? Đọc kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy Địa Thượng Bồ Tát từ Sơ Địa đến địa vị thứ mười một (Đẳng Giác Bồ Tát) “*thủy chung chẳng rời niệm Phật*”. Khai thủy (mở đầu) của Địa Thượng Bồ Tát là Sơ Địa, chung cục là Đẳng Giác Bồ Tát, mười một địa vị như thế từ đầu đến cuối tức là từ Sơ Địa đến Đẳng Giác, các Ngài đều niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ; bởi thế, các vị thuộc các địa vị này không có vấn đề gì. Mã Minh, Long Thọ đều là Địa Thượng Bồ Tát. Người minh tâm kiến tánh nếu thuộc địa vị Tam Hiền thì không thấy người ấy niệm Phật; nhưng nếu [vị nào] đẳng địa

(đã chứng từ Sơ Địa trở lên), nhất định [vị đó] niệm Phật. Vì thế, kinh Đại Thừa thường nói: “*Thập Địa Bồ Tát thủy chung bất ly niệm Phật*” (Hàng Thập Địa Bồ Tát từ đầu đến cuối chẳng rời niệm Phật). Pháp môn chẳng thể nghĩ bàn!

“*Hưu bất nhược ngu phu ngu phụ lão thật niệm Phật giả, vi năng tiêm thông Phật trí, ám hợp diệu đạo dã*” (Lại chẳng bằng kẻ ngu phu ngu phụ chắc thật niệm Phật, có thể ngầm thông với Phật trí, thâm hợp diệu đạo). Thật vậy! Chúng ta không bằng những ông bà già cả nhà quê, chúng ta thua xa họ! Dầu họ chuyện gì cũng không biết, cũng chẳng nghĩ ngợi, hiểu biết gì, dạy họ thật thà niệm Phật, họ bèn thật thà niệm Phật; dạy họ đoạn ác tu thiện, họ bèn thật thà chất phác đoạn ác tu thiện, thực sự thành công. Cách tu hành như vậy “*tiêm thông Phật trí, ám hợp diệu đạo*” (ngầm thông với Phật trí, thâm hợp diệu đạo). Dầu chưa học qua, nhưng tâm hạnh họ lại rất ngầm khế hợp với pháp môn thâm diệu này; vì thế, họ có thể thành tựu. Họ thành tựu phẩm vị cao hay thấp cũng chẳng thể nghĩ bàn, chúng ta không có cách gì suy lường được hết. Những người như vậy chẳng tầm thường đâu nhé, thiện căn trong đời quá khứ rất sâu dày!

Cuối cùng là lời tổng kết: “*Ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn*” (ta thấy điều lợi ấy, nên nói lời này). “*Ta*” ở đây là Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng, Thích Ca Mâu Ni Phật trông thấy sự lợi ích đó, vì thế Ngài nói ra. Ngẫu Ích đại sư nói: “*Phân minh dĩ Phật nhân, Phật âm, ấn định thử sự, khởi cảm vi kháng, bất thiện thuận nhập dã tai?*” (Phân minh dùng mắt Phật, tiếng Phật để ấn định việc này, há dám chống báng, chẳng ngoan ngoãn theo vào ư?) Nếu quý vị thực sự là đệ tử của Phật, quý vị phải hiểu ý nghĩa sâu xa của câu kinh văn này, vì sao? Điều do chính mắt đức Phật thấy, do chính miệng đức Phật nói, tức là đức Phật đã khẳng định dứt khoát chuyện A Di Đà Phật đến tiếp dẫn vãng sanh rồi. Nếu chúng ta trái nghịch, chẳng tuân thủ lời Phật dạy, tức là chúng ta chẳng thuận theo ý Phật, chẳng chấp thuận Phật dạy rồi thì chẳng phải là đồ đệ của Phật. Đồ đệ của Phật há chẳng vâng lời, làm theo lời thầy dạy ư? Tùy thuận Phật, Bồ Tát dạy dỗ, chắc chắn thành tựu. Không tùy thuận là không có cách chi hết, phải luân hồi dài lâu.

Chúng tôi giảng đoạn lớn này đến đây thôi.

Tập 29

6.4. Lưu Thông Phần

6.4.1. Chư Phật Khuyến Tấn Lưu Thông

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đơn vị thứ sáu: “*Chư Phật khuyến tấn lưu thông*”. Đoạn kinh văn này quý vị hay quen gọi là Sáu Phương Chư Phật Tấn Thán. Trước hết, chúng tôi đọc một đoạn kinh văn:

Xá Lợi Phất! Như ngã kim giả tán thán A Di Đà Phật bất khả tư nghị công đức chi lợi. Đông phương diệc hữu A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật, như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thực ngôn: ‘Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm kinh.

舍利弗。如我今者。讚歎阿彌陀佛。不可思議功德之利。東方亦有阿閼鞞佛。須彌相佛。大須彌佛。須彌光佛。妙音佛。如是等恆河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

(*Này Xá Lợi Phất! Như nay ta tán thán lợi ích công đức chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật, phương Đông cũng có A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật. Hằng hà sa số chư Phật như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thực: “Chúng sanh các người nên tin kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này”).*

Đến đây là một đoạn. Chúng tôi chia đoạn thành năm đoạn nhỏ để giới thiệu. Đoạn thứ nhất là “*thử kinh dĩ Thật Tướng vi Thể, thị Thế Tôn triệt để bi tâm, vô vấn tự thuyết, thù kham nhiệm lưu thông chi trách*” (kinh này lấy Thật Tướng làm Thể, do tâm bi triệt để nên đức Thế Tôn không ai hỏi mà tự nói, ai là người có thể gánh vác trách nhiệm lưu thông). Trước hết, chúng tôi giới thiệu đại lược ý tưởng này. Bộ kinh A Di Đà này kích thước không lớn, phạm là kinh Đại Thừa đều lấy Thật Tướng làm Thể. Thật Tướng là gì? Nhìn từ mặt chữ, “*chân tướng sự thật*” được gọi là Thật Tướng. Chân tướng sự thật chính là Chân Như

Bổn Tánh, là Lý Thể của Pháp Thân và [chủ thể] có thể hiện, có thể biến, [cũng như tất cả các pháp] được hiện, được biến, đó là chân tướng sự thật! Những gì đức Thế Tôn dạy chúng ta không ngoài những điều như vậy.

Pháp hội này do bị tâm triệt đề của Thích Ca Mâu Ni Phật mà có, cũng có thể nói là từ tâm đại từ đại bi viên mãn rốt ráo, không ai thừa hỏi, từ đầu đến cuối chỉ mình đức Thế Tôn tự nói; vì thế, tựa đề kinh ghi là “*Phật Thuyết*”. Kinh điển như vậy ai mới là người có năng lực, hay như ta thường nói là “có đủ tư cách” đảm nhiệm lưu thông? Quả thật, kinh này khác hẳn với mọi kinh đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm. Ngay cả kinh Hoa Nghiêm cũng có người khái thỉnh; tuy vậy, khái thỉnh trong kinh Hoa Nghiêm không phải là nói ra mà là trong tâm có nghi vấn nhưng không nói ra, đức Phật biết ngay, còn kinh này không ai nghĩ đến, không ai có thể nêu được câu hỏi. Đức Phật thấy duyên phận của đại chúng chín muồi, bèn vì chúng ta nói ra pháp môn thù thắng khôn sánh, là pháp hết thấy chúng sanh khó tin. Vì sao gọi là “duyên chín muồi”? Đức Phật nói ra chắc chắn có người tin tưởng, có người có thể thấu hiểu, có người chịu y giáo phụng hành, đó là “duyên chín muồi”. Đức Phật chẳng đợi ai hỏi, gấp gáp nói ra; vì thế, kinh này mới là lòng “độ sanh thành Phật” (hóa độ cho chúng sanh thành tựu Phật quả) triệt đề, viên mãn rốt ráo vậy!

Ở đây, Ngẫu Ích đại sư vì chúng ta nêu lên câu hỏi: Ai là người có năng lực, có tư cách lưu thông? Lão nhân gia nói rất hay. Kinh chia thành ba phần, Ngài phán định từ đây trở đi thuộc phần Lưu Thông. Từ trước đến nay khi tổ sư đại đức giảng kinh A Di Đà, chưa vị nào coi phần này là Lưu Thông, đều cho đoạn này thuộc về phần Chánh Tông; riêng mình Ngẫu Ích đại sư huệ nhãn trọn đủ, phán định từ đây trở đi là phần Lưu Thông, “*chư Phật khuyến tín lưu thông*”. Trong phần Lưu Thông, Ngài cũng chia thành ba khoa (ba tiểu đoạn): Khuyến tín, khuyến nguyện, khuyến hành. Trong ba phần, Tự Phần cũng là Tín - Nguyện - Hạnh, phần Chánh Tông cũng là Tín - Nguyện - Hạnh, trong phần Lưu Thông cũng là Tín - Nguyện - Hạnh, dùng ba tư lương quán triệt cả ba phần. Ai có thể khuyến tín (khuyến nên tin tưởng)? Chư Phật Như Lai!

Dưới đây là phần lược giải ý nghĩa của chữ Lưu Thông, [sách Yêu Giải viết]: “*Lưu giả, lưu truyền vạn cổ, thông giả, thông đạt thập phương*” (Lưu là lưu truyền muôn đời, Thông là thông đạt mười phương). Giáo huấn của thánh hiền nếu không có ai lưu truyền sẽ chẳng thể lợi ích hết thấy chúng sanh. Con người hiện thời không gọi là “lưu

thông” mà gọi là “tuyên truyền, tuyên đạo⁸³”, đều mang ý nghĩa lưu thông. Cổ Trung Hoa gọi là “truyền thừa”, đều thuộc về ý nghĩa lưu thông. Đời đời có truyền nhân thực hiện công tác hoằng truyền, xiển dương chánh pháp. Bộ kinh này là pháp khó tin, ngoại trừ Phật ra, ai là người có thể đảm nhiệm tốt đẹp hơn? Bởi thế, “*duy Phật dữ Phật, nãi năng cứu cánh chư pháp Thật Tướng, kham cộng lưu thông*” (chỉ có Phật với Phật mới có thể rốt ráo Thật Tướng các pháp, mới có thể cùng nhau lưu thông). Chỉ có Như Lai Quả Địa, tức là thành Phật, mới có thể triệt để rốt ráo chứng đắc Thật Tướng của các pháp; vì thế, đối với pháp môn khó tin này, chư Phật không hoài nghi, các Ngài lưu thông bằng cách nào? Vì hết thảy chúng sanh giảng kinh điển này, đó là lưu thông.

Từ câu này chúng ta phải hiểu: Tuyệt đối không phải Ngẫu Ích đại sư tự chế ra câu nói ấy mà Ngài có kinh điển để làm căn cứ. Quý vị thấy trong cả đoạn kinh văn dài như vậy, sáu phương Phật thật ra là mười phương, bản dịch kinh A Di Đà của ngài Huyền Trang ghi mười phương, La Thập đại sư dịch ý, tỉnh lược. Người Hoa thích đơn giản, không thích rườm rà, bởi thế, [ngài La Thập] tỉnh lược mười phương thành sáu phương: Đông, Nam, Tây, Bắc, trên, dưới; còn thì tỉnh lược Đông Nam, Tây Nam, Tây Bắc, Đông Bắc. Mười phương tam thế hết thảy chư Phật, không vị Phật nào chẳng giảng pháp môn này. Nói cách khác, khi Phật ứng hóa trong thế gian thì vô lượng vô biên pháp môn chưa chắc đã giảng, mà phải giảng những kinh nào?

Kinh Phật được gọi là Khế Kinh, nguyên tắc giảng kinh nhất định phải là khế hợp căn tánh của chúng sanh, khế hợp lòng chúng sanh ưa thích, khế hợp trình độ của chúng sanh, khế hợp thói quen sinh sống hiện tại của chúng sanh, bởi thế, gọi là Khế Kinh. Nếu không thích hợp trình độ hoặc có chỗ nào không thích hợp, đức Phật sẽ không giảng. Giống như thầy dạy trò, thầy thực sự học vấn đầy ắp bụng, mời thầy dạy học trò Tiểu Học: “Được! Tôi cũng hoan hỷ dạy các bạn nhỏ”. Dạy các em nhỏ có phương pháp dạy trò nhỏ, dạy sao cho chúng hiểu được, tiếp nhận được, vui thích làm theo, phải có phương pháp dạy riêng. Dạy thanh thiếu niên, tuổi tác lớn rồi, mười mấy tuổi, hai mươi tuổi, người như thế nào có phương pháp dạy học dành cho giai đoạn ấy. Vì sao? Sức hiểu biết cao hơn; còn tuổi nhi đồng có sức ghi nhớ mạnh mẽ. Căn tánh như vậy đó, phải thích hợp căn tánh!

Vì thế, quan trọng nhất khi dạy Tiểu Học là phải làm cho trẻ nhớ

⁸³ Tuyên đạo (宣導): Tuyên nói, chỉ dạy, hướng dẫn.

kỹ những đạo lý và giáo huấn của thánh hiền trong giai đoạn đó, đọc nhiều, thuộc kỹ, không cần phải giảng giải. Thầy nêu gương, làm gương có tác dụng rất lớn, tác dụng như thế nào? Khiến cho học trò khởi lòng tin đối với thầy, hết sức quan trọng đấy nhé! Học sinh không hoài nghi thầy. Dạy học như vậy là dạy trong giai đoạn đầu tiên, gia trưởng (phụ huynh học sinh) và thầy hợp tác mật thiết khiến cho học sinh ghi vào lòng, in vào mắt, nhớ kỹ trong tâm. Nói trắng ra, đó cũng là diễn tuồng, thầy và cha mẹ cùng diễn cho học trò xem tuồng.

Lúc tôi lên sáu bảy tuổi đi học trường tư, tôi đã kể cùng quý vị rồi đó. Cha tôi mang lễ vật đến biếu thầy, xin cho tôi theo học. Vào trường (trường này là trường tư đặt trong từ đường của một người họ), trước hết, đối trước bài vị của Khổng lão phu tử (lúc ấy chưa có tranh vẽ, chỉ có bài vị của Khổng lão phu tử), hành lễ theo cách cung kính nhất là quỳ lạy ba lần, dập đầu chín cái. Cha tôi lễ đằng trước, tôi ở đằng sau lễ theo, quỳ lạy ba lần, dập đầu chín cái. Lễ Khổng lão phu tử xong, thỉnh thầy ngồi lên cao, hành đại lễ quỳ ba lần, dập đầu chín cái đối với thầy, hết sức kính lễ. Thầy tuổi chưa cao, xem chừng còn kém tuổi cha tôi, cha tôi hướng về thầy lễ ba lần, dập đầu chín cái, tôi ở đằng sau làm theo. Vì sao vậy? Để in vào mắt, ghi vào lòng kẻ làm học trò, cha tôn kính đối với thầy như thế đó, bọn ta không được hoài nghi. Lời thầy giống hệt như thánh chỉ, không ngờ vực chi, đương nhiên không phản đối, thầy dạy làm sao, học theo làm vậy. Phụ huynh cung kính thầy như thế ấy, thầy không tích cực dạy học trò làm sao xứng với phụ huynh? Làm sao dám nhìn mặt học trò? Có cảm giác trách nhiệm mà! Không như nhà trường bây giờ, nhà trường hiện thời không còn quy cách như vậy nữa.

Nay toàn bộ xã hội hướng theo thương nghiệp hóa. Thầy dạy học để làm gì? Vì tiền lương, được trả lương giờ, vì như vậy đó! Học sinh đi học để làm gì? Để kiếm văn bằng. Đạo nghĩa thầy trò không còn nữa, tình bè bạn giữa đồng học cũng không còn, không thể sánh bằng khi xưa được. Trước kia, mối quan hệ thầy trò đúng là “*nhất nhật vi sư, chung sanh vi phụ*” (một ngày là thầy, suốt đời là cha), thầy trò như cha con, đồng học không khác gì anh chị em ruột. Nay loại tình cảm ấy đã biến mất, quan hệ giữa người với người hiện tại là mối quan hệ lợi - hại, chứ đạo nghĩa và tình bạn không còn nữa. Nhân gian bị thương không gì hơn được nữa!

Vì thế, kinh văn này cần phải có người thực sự hiểu thấu, thông đạt, không ngờ vực để lưu thông. Chư Phật lưu thông, chư Phật đều tán dương, không vị Phật nào chẳng hoan hỷ, không tán thán. Chúng ta đọc

kinh Vô Lượng Thọ thấy Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán A Di Đà Phật, chính là thay mặt mười phương ba đời hết thầy chư Phật cùng tán thán A Di Đà Phật, xưng tán Di Đà là “*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (quang minh cao quý nhất, vua trong các đức Phật)! Tán thán đến cùng cực. Nếu chúng ta lắng lòng suy nghĩ, sẽ nhận rõ: Hết thầy chư Phật đều tán thán A Di Đà Phật là “*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*”; vậy thì chúng ta học Phật, không học với A Di Đà Phật còn học với ai đây? “*Thập phương tam thế Phật, A Di Đà đệ nhất*” (Mười phương ba đời Phật, A Di Đà Phật bậc nhất). Nay chúng ta phải học với vị thầy bậc nhất, vị thầy bậc nhất ấy do chính Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu cho chúng ta!

Thích Ca Mâu Ni Phật giống như cha chúng ta, A Di Đà Phật là thầy. Cha đem con đến bái sư, giao con cho thầy; nếu chúng ta không tuân lời thầy dạy thì chính là đại bất hiếu. Thế nhưng có rất nhiều kẻ tình chấp quá sâu, hết sức chấp trước, cứ khăng khăng nhất định phải theo Thích Ca Mâu Ni Phật. Họ cũng niệm Phật, nhưng niệm Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, không niệm A Di Đà Phật. Vì sao? Họ chưa từng đọc Phật Thuyết A Di Đà Kinh, hoặc là đọc rồi nhưng không hiểu. Nếu thực sự hiểu, sẽ không như thế, nhất định nghe lời Thích Ca Mâu Ni Phật niệm A Di Đà Phật cầu sanh về Tịnh Độ, Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta như vậy.

“*Thử kinh điển vô thượng viên đốn pháp môn*” (kinh này là pháp môn vô thượng viên đốn), kinh này viên đốn như các kinh Đại Thừa lẫn Nhất Thừa! Hoa Nghiêm là viên đốn, Pháp Hoa là viên đốn, Lăng Nghiêm là viên đốn, Tịnh Độ Tam Kinh ngoài viên đốn còn thêm hai chữ “*vô thượng*”! Không thể nói kinh Hoa Nghiêm là “*vô thượng viên đốn*”, vì sao? Phía trên còn có kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà. Vì sao biết vậy? Quý vị thấy kinh Hoa Nghiêm đến cuối cùng là “*mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát dẫn về Cực Lạc*”, tức là quy về kinh Vô Lượng Thọ, quy về A Di Đà Phật. Vì thế, kinh này được gọi là pháp môn vô thượng viên đốn là như vậy đó.

“*Duy thuyết Phật chi cảnh giới*” (chỉ nói về cảnh giới của chư Phật): Kinh này hoàn toàn nói đến cảnh giới thuộc Quả Địa Như Lai, chẳng phải cảnh giới Bồ Tát! “*Cố viết duy Phật dữ Phật khả dữ lưu thông nhĩ*” (Nên nói chỉ có Phật với Phật mới có thể lưu thông vậy). Chỉ có đức Phật [Thích Ca Mâu Ni] và chư Phật Như Lai mới đủ năng lực, đủ điều kiện để lưu thông bộ kinh này. Từ đây, chúng ta có thể khẳng định hết thầy chư Phật Như Lai giáo hóa chúng sanh đều phải diễn nói

kinh này, hết thấy những kinh khác chưa chắc chư Phật đều nói, chỉ riêng mình kinh này, hết thấy chư Phật không vị Phật nào chẳng nói, không vị Phật nào không khuyên người, không khuyên hết thấy chúng sanh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, Phật Phật đạo đồng mà! Chúng ta phải hiểu rõ ràng, thấu suốt điều này.

Lại xem tiếp phân đoạn thứ hai, Ngẫu Ích đại sư bảo: “*Bất khả tư nghị, lược hữu ngũ ý*” (Chẳng thể nghĩ bàn, nói đại lược có năm ý). Lược nói năm ý nghĩa của chữ “*bất khả tư nghị*” (chẳng thể nghĩ bàn), phải nói đại lược vì nói mãi cũng không hết!

1) Thứ nhất là “*hoành siêu tam giới, bất sĩ đoạn Hoặc*” (vượt thoát tam giới theo chiều ngang, chẳng cần đợi đến lúc đoạn Hoặc). Đó là điều chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta biết: Muốn thoát khỏi tam giới lục đạo, ở phần trên tôi đã nói rồi, phải dần dần nâng cao lên mới hòng vượt thoát, không phải là chuyện dễ dàng! Pháp môn này không cần! Vượt thoát theo chiều ngang, chứ không cần theo chiều dọc, vượt thoát ngay từ nhân đạo (loài người). Thụ xuất (vượt thoát tam giới theo chiều dọc) thì phải đoạn Hoặc. Nếu chẳng đoạn Kiến Tư phiền não, chắc chắn chẳng thể vượt khỏi tam giới lục đạo.

Đoạn Kiến Hoặc, quý vị thoát khỏi tam đồ, nhưng chưa thoát khỏi lục đạo, quý vị vĩnh viễn không đoạn tam đồ; tức là trong lục đạo, quý vị vĩnh viễn chẳng đoạn vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Đoạn sạch Kiến Tư Hoặc mới thoát khỏi lục đạo luân hồi, vượt thoát cả ba thiện đạo. Phải đoạn được Tư Hoặc! Sau khi vượt thoát lục đạo, sanh trong Tứ Thánh pháp giới: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, và Phật pháp giới trong mười pháp giới. Trong cảnh giới ấy phải đoạn Trần Sa phiền não, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân thì mới có thể thoát khỏi Tứ Thánh pháp giới. Vì thế, phải đoạn Hoặc!

Nay trong pháp môn Tịnh Độ không cần đoạn Hoặc mà đới nghiệp vãng sanh! Dầu không đoạn Hoặc, nhưng cổ đại đức nói rất rõ là ta phải chế phục Hoặc nghiệp. “*Hoặc*” là tập khí phiền não. Quý vị phải khuất phục được tập khí phiền não, dầu chưa đoạn Hoặc, nhưng trong cuộc sống thường ngày chẳng để cho chúng phát tác, phải có bản lãnh ấy. Không có bản lãnh ấy sẽ chẳng thể vãng sanh, chẳng thể vượt ngang tam giới được! Phải có bản lãnh! Bản lãnh gì vậy? Trong kinh Phật dạy: Trì danh niệm Phật, chấp trì danh hiệu! Phải tốn thời gian bao lâu? Không dài lắm đâu! Quý vị thấy “*hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc đến bảy ngày*”. Đúng là dễ dàng quá, đơn giản quá! Người ta không tin: Há dễ dàng vậy ư? Đại pháp vô thượng viên đốn

mà! Nếu không dễ dàng, đơn giản, ôn hòa, thích đáng, nhanh chóng như thế, sao là pháp vô thượng viên đốn cho được?

Ai có thể sanh về đó được? Ai tin là sanh về được, ai y giáo phụng hành là sanh về được. Ngẫu Ích đại sư giảng kinh này rất hay: “*Được vãng sanh hay không hoàn toàn cậy vào tín nguyện có hay không?*” Quý vị có thực sự tin tưởng hay không, thực sự muốn ra đi hay không, quý vị có thể hội đủ điều kiện ấy hay không? Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, phẩm vị cao hay thấp là do công phu trì danh sâu hay cạn. Giống như trong thế gian này của chúng ta, lục đạo chúng sanh luân hồi xả thân thọ sanh, sẽ có hai sức mạnh:

a. Một là Dẫn Nghiệp dẫn dắt quý vị thọ sanh trong đường nào; như lần này ta được làm thân người là do Dẫn Nghiệp dẫn ta sanh vào thân người.

b. Trong một đời này, chúng ta gặp gỡ, chúng ta hưởng nhận những nỗi khổ niềm vui. Quả báo khổ hay sướng ấy gọi là Mãn Nghiệp (“mãn” là viên mãn). Mãn Nghiệp là quả báo của cả một đời, nhất định phải hứng chịu.

Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng có hai điều kiện, cũng có Dẫn Nghiệp tức là Tín Nguyện. Tín Nguyện hướng dẫn chúng ta sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong thế giới ấy có chín phẩm ba bậc trong bốn cõi, quý vị vãng sanh vào phẩm vị nào giống như Mãn Nghiệp, là do công phu niệm Phật sâu hay cạn. Công phu niệm Phật sâu, phẩm vị cao; công phu niệm Phật nông cạn, phẩm vị thấp kém. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, phẩm vị bất đồng, thọ dụng khác biệt. Bởi thế, chư vị hãy nghĩ đi: Tợ hồ có Dẫn Nghiệp và cũng có Mãn Nghiệp. Tín - Nguyện - Hạnh: Tín Nguyện dẫn đường, Hạnh là phẩm vị cao hay thấp. Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã giảng rất hay! Vì vậy, pháp môn này không cần đoạn Hoặc, một phẩm phiền não chưa đoạn, chỉ cần chế ngự; việc chế ngự phiền não phải được tu tập trong cuộc sống hằng ngày. Tu tập như thế nào? Tôi thường nói: “*Thuận cảnh thiện duyên chẳng khởi tham luyến, không có tâm tham luyến; nghịch cảnh ác duyên không khởi sân khuể*”. Phải rèn luyện trong cuộc sống thường ngày!

Mấy năm gần đây, tôi đặc biệt nhấn mạnh chuyện thuần thiện, thuần tịnh. Giảng kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo xong rồi, tôi vẫn cứ nói mãi: “*Tâm phải thuần tịnh, chẳng dung một phần bất tịnh xen tạp, hành vi phải thuần thiện, chẳng dung một phần bất thiện xen tạp!*” Thuần tịnh thuần thiện là dùng một câu A Di Đà Phật, dùng phương pháp ấy khiến

cho chúng ta trong một đời này tu thành thuần tịnh thuần thiện, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới phẩm vị sẽ cao! Đó là cái chúng ta có thể mang theo được, tất cả hết thảy pháp thế gian không một thứ gì có thể mang theo được! Những gì không mang theo được không thêm bận lòng nữa, hết thảy tùy duyên! Những gì mang theo được phải nghiêm túc nỗ lực làm cho được. Tín - Nguyện - Hạnh mang theo được. Đó là bất khả tư nghị thứ nhất.

2) Bất khả tư nghị thứ hai, “*tức Tây Phương hoành cụ tứ độ, phi do tiệm tấn*” (tức là Tây Phương trọn đủ cả bốn cõi Tịnh Độ theo chiều ngang, chẳng do tiến lên dần dần). Thật chẳng thể nghĩ bàn! Các thế giới phương khác ngoại trừ thế giới Cực Lạc, không có thế giới nào giống như thế giới Cực Lạc, thế giới Cực Lạc đặc biệt quá. Hết thảy các cõi Phật khác đều có bốn cõi, thế giới của Thích Ca Mâu Ni Phật cũng có bốn cõi, nhưng bốn cõi không ở cùng một chỗ, bốn cõi có cao - thấp. Phàm Thánh Đồng Cư Độ thấp nhất, Phương Tiện Hữu Dư Độ cao hơn. Trong thế giới Sa Bà của Thích Ca Mâu Ni Phật, lục đạo là Phàm Thánh Đồng Cư Độ, Tứ Thánh pháp giới là Phương Tiện Hữu Dư Độ, Nhất Chân pháp giới là Thật Báo Trang Nghiêm Độ, là Thường Tịch Quang Độ. Phật Thích Ca có bốn cõi, hết thảy chư Phật đều có bốn cõi, nhưng không bày theo hàng ngang. Tây Phương Cực Lạc thế giới khác hẳn, “*hoành cụ tứ độ*” (trọn đủ bốn cõi theo chiều ngang). Thế giới ấy có bốn cõi, bốn cõi bình đẳng, bốn cõi cùng ở một chỗ.

“*Phi do tiệm tấn*” (chẳng do tiến dần dần), chẳng giống như chỗ chúng ta, phải đoạn Kiến Tư phiền não rồi mới có thể dự vào Phương Tiện Hữu Dư Độ. Đoạn sạch Trần Sa phiền não, phá một phẩm vô minh, quý vị mới sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Đó là tu hành tiệm tấn cao dần lên, không thể đạt ngay được. Tây Phương Cực Lạc thế giới là đạt được ngay; bởi vậy, sanh vào cõi Đồng Cư sẽ đồng thời sanh vào Phương Tiện Hữu Dư, sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm, sanh vào cõi Tịch Quang; một chính là bốn, bốn nhưng mà một; chẳng thể nghĩ bàn! Chỉ có Tây Phương Cực Lạc thế giới là như thế, bốn cõi ở cùng một chỗ. Các vị Bồ Tát như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền trụ trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ! Chúng ta vãng sanh, Kiến Tư phiền não chưa đoạn, sanh trong Phàm Thánh Đồng Cư Độ, ngày ngày chúng ta nghiêm nhiên ở cùng một chỗ với các vị Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, đúng là pháp khó tin! Ta là phàm phu, sao ở cùng một chỗ với thánh nhân cho được? Lại là đại thánh, chứ không phải tiểu thánh, chẳng phải bậc thánh nhân tầm thường đâu nhé!

3) Điều thứ ba là “*đản trì danh hiệu, bất giả Thiên Quán chư phương tiện*” (chỉ trì danh hiệu, chẳng nhọc công dùng đến các phương tiện Thiên Quán). Quý vị thấy đó, thuận tiện quá đi! Phương pháp quá đơn giản, quá dễ dàng: Chỉ cần chấp trì danh hiệu, suốt ngày từ sáng đến tối trong mười hai thời một câu A Di Đà Phật chẳng gián đoạn. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy: “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát dạy chúng ta “*không hoài nghi, không gián đoạn, không xen tạp*”; không hoài nghi, không xen tạp là tịnh niệm, không gián đoạn là tiếp nối, tịnh niệm tiếp nối vậy! Điều này làm được, ai cũng có thể làm được, chỉ sợ quý vị không chịu làm thì không còn có cách gì hết. Nếu quý vị chịu làm, không một ai chẳng làm được. Đó là sự chẳng thể nghĩ bàn thứ ba, “*đản trì danh hiệu, bất giả Thiên Quán chư phương tiện*” (chỉ trì danh hiệu, chẳng nhọc công dùng đến các phương tiện Thiên Quán). Không cần phải tham cứu, cũng chẳng cần dùng đến các pháp môn khác hỗ trợ, chỉ một câu Phật hiệu niệm đến cùng tốt là được rồi.

4) Sự bất khả tư nghị thứ tư “*nhất thất vi kỳ, bất tạ đa kiếp, đa sanh, đa niên nguyệt*” (lấy một thất làm kỳ hạn, không cần mất nhiều kiếp, nhiều đời, nhiều năm tháng). Quý vị thấy đó: Pháp môn này hết sức nhanh chóng như vậy, một thất là bảy ngày; kinh nói từ một ngày đến bảy ngày. Chẳng giống như các pháp môn khác, đức Phật thường dạy phải tu vô lượng kiếp, phải tu ba đại A-tăng-kỳ kiếp, cần thời gian rất dài, nhiều đời, nhiều kiếp, rất nhiều năm tháng! Pháp môn này bảy ngày thành công. Bảy ngày tu thành công là chuyện thực sự có, từ xưa đến nay quả thật đã có ghi chép, bảy ngày thực sự có thể thành công. Nếu nói pháp môn này đúng là bảy ngày bèn vãng sanh thì không những pháp môn này là pháp khó tin mà còn biến thành một pháp môn rất đáng sợ. Vì sao? Bảy ngày bèn phải chết rồi! Ai dám tu pháp môn này nữa! Hết thấy chúng sanh trong lục đạo có kẻ nào không tham sống sợ chết? Nói cách khác, người không sợ chết mới tu được pháp môn này, kẻ tham sống sợ chết sẽ chẳng dám tu.

Không ít đồng học chúng ta thường tham gia đả thất, vẫn có người phát tâm đả tinh tấn Phật thất, rất tốt, hiếm có! Đả trọn bảy ngày, đả trọn một trăm lần bảy ngày vẫn chưa vãng sanh là vì nguyên nhân nào vậy? Làm chưa giống như kinh dạy. Kinh dạy bảy ngày thành công, nay chúng ta niệm hết bảy mươi ngày, bảy trăm ngày vẫn chưa thành công là vì nguyên nhân gì? Là vì chính mình tu chưa đúng lý, không đúng pháp; nếu đúng lý đúng pháp, không ai chẳng thành công. Bởi thế, dù quý vị

niệm Phật đã lâu, A Di Đà Phật chẳng đến tiếp dẫn quý vị.

A Di Đà thấy rõ quý vị không muốn vãng sanh nên Ngài không đến tiếp dẫn kéo quý vị sợ điếng người. A Di Đà Phật rất từ bi, không dọa dẫm người khác, đợi đến khi quý vị thực sự muốn vãng sanh, Ngài bèn đến; lúc lâm chung quý vị có nguyện vọng khẩn thiết, Ngài bèn đến. Quý vị không có nguyện vọng khẩn thiết, đối với Cực Lạc chẳng mười phần quy hướng, khẩn thiết mong cầu, Ngài cũng không đến. Vì sao? Vì chẳng tương ứng với bốn nguyện của A Di Đà Phật. Ba điều kiện Tín - Nguyện - Hạnh thiếu một điều không được; vì thế, chúng ta phải cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng được xem thường nguyện. Phải nguyện như thế nào? Trong bản Pháp Sự này, thiền sư Trung Phong đã giảng rất rõ, nhất định phải lấy bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật làm bốn nguyện của chính mình; khi giảng đến phần sau chúng tôi sẽ giới thiệu chi tiết cùng quý vị. Bởi lẽ tâm chúng ta không giống với tâm của A Di Đà Phật, nguyện chẳng giống với nguyện A Di Đà Phật, nên chẳng thể vãng sanh! Phải đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh thì mới chắc chắn vãng sanh, chớ nên coi thường!

5) Điều bất khả tư nghị thứ năm là “*trì nhất Phật danh, tức vị chư Phật hộ niệm, bất dị trì nhất thiết Phật danh*” (trì một danh hiệu Phật liền được chư Phật hộ niệm, không khác gì trì hết thảy danh hiệu). Đạo lý này quá sức sâu xa! Chúng ta bình thường niệm Phật là niệm A Di Đà Phật, là niệm danh hiệu của một vị Phật, đâu biết danh hiệu ấy là danh hiệu chung của hết thảy chư Phật, niệm một danh hiệu này chính là niệm trọn tất cả hết thảy chư Phật. Vì thế, trong đoạn này, tổ sư giảng rất rõ ràng: Quý vị niệm A Di Đà Phật sẽ được hết thảy chư Phật hộ niệm; người Hoa thường nói “*hết thảy chư Phật đều bảo hộ mình*”, ta niệm Phật, Phật cũng niệm ta. Trì danh hiệu của một đức Phật giống như trì danh hiệu của hết thảy chư Phật, vì sao? Quý vị phải chú tâm xem xét đoạn kinh văn này mới hòng hiểu rõ được. Hết thảy chư Phật không một vị Phật nào chẳng niệm A Di Đà Phật, nay ta cũng niệm A Di Đà Phật chính là đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh với hết thảy chư Phật, lẽ đương nhiên cảm được hết thảy chư Phật hộ niệm!

Niệm Phật không linh, gặp phải ma chướng, Phật hiệu không niệm được, chẳng biết làm sao ư? Vì nguyên nhân gì? Đều là do chẳng chết lòng sát đất tin, nguyện, hành đối với A Di Đà Phật. Nếu thực sự tâm, nguyện, đức, hạnh giống với A Di Đà Phật thì hết thảy chư Phật đều hộ niệm quý vị, hết thảy oán thân trái chủ, yêu ma quỷ quái đều tôn kính, bội phục, ủng hộ quý vị, lẽ đâu làm hại quý vị? Chúng ta phải suy nghĩ

đạo lý ấy cho nhiều mới thông suốt được.

A! Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp tiểu đoạn thứ ba: “*Tự tha bất khả tư nghị*” (Ta và người chẳng thể nghĩ bàn). Ngẫu Ích đại sư nói: “*Hành nhân tín nguyện trì danh*”, hành nhân là những ai y giáo phụng hành, đầy đủ lòng tin chân thật, nguyện thiết tha, nhất tâm trì danh, hội đủ những điều kiện ấy. “*Toàn nhiếp Phật công đức thành tự công đức*” (Nhiếp hoàn toàn công đức của Phật thành công đức của chính mình), [tức là] đem công đức của A Di Đà Phật chuyển biến thành công đức của chính mình. Vì thế, học Phật quan trọng nhất là học chuyển được cảnh giới, biến hoàn cảnh bất thiện thành hoàn cảnh thiện, phải chuyển từ nơi đâu? Chuyển từ nơi khởi tâm động niệm của chính mình, phải bắt đầu từ ý niệm. Ý niệm chẳng thiện phải lập tức biết ngay, nhà Phật gọi sự nhận biết ngay ấy là “*giác ngộ*”.

Khi giảng pháp, chúng tôi thường nói: “*Giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm*”. Niệm niệm phải giác, ý niệm vừa khởi lên liền lập tức nhận biết, quan sát. Nếu ý niệm ấy chẳng lành, chẳng chánh, chẳng tịnh, lập tức chuyển ngay, chuyển thành thuần thiện, thuần chánh, thuần tịnh, phải chuyển cho lạ! Cách chuyển như thế nào? Dùng một câu A Di Đà Phật thuần giác, thuần chánh, thuần tịnh, giác - chánh - tịnh viên mãn rốt ráo. Vừa khởi ý niệm, quyết chẳng để bắt giác, bắt chánh, bắt tịnh xen tạp, phải chuyển cho lạ! Nếu quý vị chuyển được, bèn có thể chuyển Sa Bà thành Cực Lạc, chuyển phàm ngã (cái ngã phàm phu) thành A Di Đà Phật, rất giống với A Di Đà Phật.

Lúc tôi giảng kinh đã nói rất nhiều lần, nếu như chính mình có thể thực hiện toàn bộ bản kinh Vô Lượng Thọ, biến bộ kinh ấy thành tư tưởng, kiến giải, và ngôn hạnh của chính mình thì chẳng phải là quý vị biến thành A Di Đà Phật hay sao? Quý vị không là A Di Đà Phật, còn ai là A Di Đà Phật nữa! Đó gọi là “*chuyển phàm thành thánh*”. Tâm - nguyện - giải - hạnh của quý vị hoàn toàn tương ứng với A Di Đà Phật, quý vị không đến được thế giới Cực Lạc còn ai đến nữa đây? Lại thừa thật cùng quý vị, chỗ quý vị đang ở chính là thế giới Cực Lạc, cảnh chuyển theo tâm! Nếu tâm quý vị là tâm Phật, cảnh giới quý vị đang ở sao không phải là cảnh Phật? Như vậy, chính nội tâm chúng ta chuyển

tạp nhiễm thành thanh tịnh, chuyển tà tri tà kiến thành chánh tri chánh kiến, chuyển mê hoặc điên đảo thành chánh giác chẳng loạn. Người học Phật quý ở chỗ chuyển được, chư Phật Như Lai đều chuyển chính mình thành A Di Đà Phật, khiến cho chính mình và A Di Đà Phật dung hợp thành một Thể, cùng pháp giới hư không dung hợp thành một Thể; đây chính là chuyển biến viên mãn rốt ráo, chẳng thể nghĩ bàn!

“*Hạ kinh vân*” (Trong phần sau, kinh nói): Đây chính là trong đoạn cuối cùng của kinh này có nói “*chư Phật bất khả tư nghị công đức, ngã bất khả tư nghị công đức*” (công đức chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật, công đức chẳng thể nghĩ bàn của ta); tức là đoạn kinh sau đây: “*Xá Lợi Phất! Như ngã kim giả, tán tán chư Phật bất khả tư nghị công đức, bỉ chư Phật đẳng, diệc xưng tán ngã bất khả tư công đức*” (Này Xá Lợi Phất! Như ta nay xưng tán công đức chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật, các vị Phật ấy cũng xưng tán công đức chẳng thể nghĩ bàn của ta); ở đây, sách Yếu Giải trích dẫn câu kinh này. “*Tắc chư Phật Thích Ca, giai dĩ A Di Đà Phật vi tự dã*” (như vậy, chư Phật và Phật Thích Ca đều lấy A Di Đà Phật làm chính mình). Chư Phật và Phật Thích Ca đều lấy A Di Đà Phật làm chính mình, chính mình là hóa thân của A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là bản thân của ta, ta là hóa thân của A Di Đà Phật, hóa thân và bản thân là một, chứ không phải hai. Chư Phật Như Lai chuyển thành cảnh giới ấy, chúng ta có làm được chăng? Được chứ! Câu trả lời là khẳng định. Vấn đề là quý vị có chuyển hay không, có chịu chuyển hay không, có bằng lòng chuyển hay không. Nếu quý vị muốn chuyển, chịu chuyển, lẽ đâu chẳng thể chuyển được!

Chúng ta tu Tịnh Độ, tu Tịnh Độ là học theo A Di Đà Phật, chúng ta phải học cho giống. Giống với A Di Đà Phật là trúng, học chẳng giống là trật. Phải nghiêm túc, phải nỗ lực! A Di Đà Phật đại từ đại bi, bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng đều là muốn cứu độ chúng sanh khổ nạn khắp pháp giới hư không giới, nhưng vì bi tâm triệt để, giúp cho chúng sanh vãng sanh Tịnh Độ viên thành Phật đạo ngay trong một đời hiện tại này, chẳng cần mất nhiều kiếp, nhiều đời, nhiều năm tháng. Vậy thì sao không dạy cho họ được sớm thành tựu hơn một chút, thành tựu nhanh chóng hơn một chút? Chẳng phải là phụ bạc chúng sanh ư? Đức Thế Tôn dạy rất nhiều pháp môn, vì sao nói nhiều đến thế? Đó là vì chúng sanh chẳng thể tiếp nhận pháp môn này!

Quý vị phải hiểu: Đây là pháp môn vô thượng viên đốn, chẳng phải là một pháp môn bình thường, những ai không có căn tánh, không có thiện căn, phước đức, nhân duyên, đức Phật không nói! Đức Phật

luôn thuyết pháp thích ứng với căn cơ. Đức Phật rất từ bi, nhưng không ép buộc kẻ khác, dạy học mà ép buộc là không xong, nhất định phải đợi đến khi chính kẻ ấy giác ngộ, chính kẻ ấy muốn học, khi đó duyên chín muồi. Nếu người ta không biết, bản thân họ chẳng khởi ý niệm muốn học, tức là duyên vẫn chưa chín muồi. Chẳng thể không hiểu điều này! Cũng có nghĩa là chúng ta đọc xong phải nên học tập, Ngẫu Ích đại sư giúp chúng ta rất lớn, Ngài khai thị, chỉ dẫn chúng ta.

Trong đoạn tiếp theo đó, chúng ta bước vào kinh văn *“lục phương hằng sa chư Phật tán kinh khuyến tín”* (sáu phương hằng sa chư Phật tán thán, khuyến tín tưởng kinh này), lẽ tự nhiên kinh văn được chia thành sáu đoạn. Sáu đoạn kinh văn này ý nghĩa hết sức rõ ràng, mỗi một đoạn nêu đại lược vài danh hiệu, *“lược cử danh hiệu sở biểu tu nhân chứng quả chi sự, bất khả tư nghị dã”* (nêu đại lược danh hiệu để biểu thị sự việc tu nhân chứng quả chẳng thể nghĩ bàn). Tuy chỉ nêu đại lược danh hiệu, nhưng nêu tên năm vị, sáu vị, bảy vị cho đến mười vị đều có ý nghĩa, đều chẳng phải là nêu tên tùy tiện. Danh hiệu đều nhằm biểu thị pháp nghĩa, những bản chú giải kinh Di Đà xưa nay không giảng rõ, quả thật những danh hiệu ấy mang ý nghĩa biểu thị pháp, chúng tôi đọc kinh Hoa Nghiêm mới hiểu rõ. Kinh Hoa Nghiêm là bộ kinh đầu tiên đức Thế Tôn giảng sau khi thị hiện thành đạo. Trong bộ kinh được giảng đầu tiên này, tất cả hết thảy danh hiệu đều nhằm biểu thị pháp. Nói cách khác, hết thảy pháp đức Phật đã giảng trong suốt bốn mươi chín năm không danh hiệu nào chẳng biểu thị pháp!

Đọc phẩm Danh Hiệu [của kinh Hoa Nghiêm], chúng tôi thấy chẳng những danh hiệu của Phật, Bồ Tát biểu thị pháp, mà danh hiệu của hết thảy chúng sanh, tức danh hiệu của hết thảy chúng sanh khắp pháp giới hư không giới được nhắc đến trong kinh đều là biểu thị pháp, đều là danh hiệu Phật. Đây mới thực sự là chẳng thể nghĩ bàn, mới thực sự là giảng đến viên mãn rốt ráo. Đối với câu nói: *“Phật thị môn trung, bất xả nhất pháp”* (Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một pháp). Nếu chúng tôi không đọc phẩm Danh Hiệu thì chỉ hiểu câu nói ấy lơ mờ qua quít, chẳng thể hiểu rõ ý nghĩa thực sự. Kệ Khai kinh nói: *“Nguyện hiểu Như Lai chân thật nghĩa”* (Nguyện hiểu nghĩa chân thật của Như Lai), há nói dễ dàng sao!

Tiếp theo đây, chúng tôi chia phần này thành mấy tiểu đoạn. Tiểu đoạn thứ nhất là câu trình bày tổng quát, Đông phương Hằng hà sa số chư Phật, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, phương trên, phương dưới là sáu phương. *“Các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng,*

biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thực ngôn, như đấng chúng sanh, đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh” (Trong mỗi một nước, hiện tượng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới nói lời thành thực: “Chúng sanh các người nên tin tưởng kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Được Hết Thấy Chư Phật Hộ Niệm này”). Đó là câu nói chung trong [phần kinh văn nêu lên sự tán thán của] chư Phật trong sáu phương. Chúng ta biết ở mỗi phương, trong mỗi một tam thiên đại thiên thế giới có một đức Phật, đó là tối thiểu! Cũng có những đức Phật giáo hóa hai đại thiên thế giới, ba đại thiên thế giới, thậm chí mười đại thiên thế giới, hai mươi đại thiên thế giới; tối thiểu là giáo hóa một đại thiên thế giới. Phật nhiều như số cát trong sông Hằng, không cách gì tính đếm được, như vậy ta biết số thế giới cũng nhiều như cát sông Hằng. Chư Phật Như Lai không thể đếm hết. Đông, Nam, Tây, Bắc là dựa trên thế giới Sa Bà của chúng ta để nói, tức là phương Đông, phương Nam, phương Tây, phương Bắc, phương trên, phương dưới của thế giới Sa Bà! Lúc đức Thế Tôn tại thế còn nói phương Đông Bắc, phương Đông Nam, phương Tây Bắc, phương Tây Nam, [gọi chung là] mười phương. Ở phần trên, chúng tôi đã thưa cùng quý vị, La Thập đại sư dịch kinh đã tính lược, chỉ nói sáu phương là đủ rồi.

Mỗi một đức Phật trong số ấy đều nói, không vị Phật nào chẳng giảng kinh này, bởi thế, kinh này là pháp môn được hết thấy chư Phật cùng nhau hoằng dương. Không một đức Phật nào chẳng khuyên con người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị hãy nghĩ xem pháp môn này như thế nào? Thực sự là chẳng thể nghĩ bàn! Lưỡi rộng dài là một trong ba mươi hai tướng, trong kinh Phật đã dạy: “*Ai ba đời không nói láo*” (phải tu suốt ba đời, cả ba đời đều không vọng ngữ), *đầu lưỡi thè ra có thể chạm đến chót mũi*”, ba đời không vọng ngữ đây nhé! Như vậy, tướng hảo là quả báo, đều là có nhân. Không có nhân sẽ chẳng thể có tướng hảo như vậy. Thích Ca Mâu Ni Phật le lưỡi có thể che hết cả mặt, dùng điều đó để chứng tỏ mình nói lời thành thật, vì sao? Ba đời không nói dối có thể liếm đến chót mũi; lưỡi Phật che kín mặt, chứng tỏ Ngài đời đời kiếp kiếp không nói dối cho nên lời Ngài nói được người khác tin tưởng.

Nay đức Phật hiện tượng lưỡi rộng dài chẳng thể nghĩ bàn, “*biến phủ tam thiên đại thiên thế giới*” (che khắp tam thiên đại thiên thế giới), không phải lưỡi thè ra che khắp mặt mà là che khắp trọn vẹn tam thiên đại thiên thế giới; đây là Tánh Đức, thực sự chẳng thể nghĩ bàn. “*Thuyết*

thành thực ngôn” (nói lời thành thật): Trước hết, nêu ra chứng cứ thành thật, anh nói anh thành thật, vậy chứng cứ ở đâu? Lưỡi rộng dài là chứng cứ đấy; thực sự có cái tướng ấy hay chẳng? Thực sự có! Thân tướng đó là thân gì vậy? Báo Thân Phật, Pháp Thân Như Lai! Chẳng giả tí nào! Pháp Tánh Thân mà! Trí Huệ Thân mà! Hiện thân thông chẳng thể nghĩ bàn, thành tựu khôn sánh, hy hữu khó được!

Đức Phật vì chúng ta nói lời thành thật, lời thành thực gì vậy? *“Nhữ đẳng chúng sanh, đương tín thị”* (Chúng sanh các người hãy nên tin kinh này), khuyên mọi người hãy nên tin tưởng vào bộ kinh này, kinh này là kinh gì? *“Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”* (kinh khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn được hết thấy chư Phật hộ niệm), đó chính là tên kinh này. Lúc La Thập đại sư dịch kinh, đã không dùng tên gốc của kinh mà dùng danh hiệu Di Đà làm tên kinh, dụng ý rất sâu, vì lẽ gì? Đọc đến tên kinh này là đã niệm một câu Phật hiệu, phương pháp tu hành trong kinh này là chấp trì danh hiệu; nên dùng danh hiệu làm tên kinh, dụng ý hết sức hay! Đây chính là huệ nhãn, bi tâm của Tổ Sư; người khác trông thấy kinh điển này, đọc đến tên kinh chính là niệm một tiếng Phật hiệu. Tên gốc của kinh này do chính đức Thế Tôn đã nói và chư Phật cùng nói là ***Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh***.

Tên kinh chẳng thể nghĩ bàn! Từ tựa đề kinh, chúng ta thấy kinh này là công đức chẳng thể nghĩ bàn. Do ai nói? Do hết thấy chư Phật khen ngợi, chẳng riêng mình đức Phật Thích Ca, mà hết thấy chư Phật đều khen ngợi; kinh này được hết thấy chư Phật hộ niệm. Nói cách khác, quý vị phải chân chánh phát nguyện, thâm nhập một môn, trường thời huân tu thì quý vị sẽ được hết thấy chư Phật khen ngợi, được hết thấy chư Phật hộ niệm. Từ kinh này chúng ta thấy một sự thực đã được chứng tỏ: Sáu phương chư Phật đều nói như thế. Bởi vậy, vào thời Càn Long nhà Thanh xưa kia, pháp sư Từ Vân Quán Đảnh khi chú giải kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật đã nói: *“Hết thấy chúng sanh nếu có nghiệp chướng cực nặng, tất cả kinh, luật, luận, sám nghi không tiêu diệt được nghiệp chướng ấy, không có cách gì tiêu diệt được nghiệp chướng sâu nặng thì rốt cuộc vẫn còn có một phương pháp: Niệm A Di Đà Phật [nghiệp chướng] bèn tiêu”*. Quý vị có tin được hay không? Quý vị không tin chứ tôi tin. Lời Tổ Sư nói không sai, vì sao nói niệm A Di Đà Phật tiêu được nghiệp chướng? Người niệm A Di Đà Phật được hết thấy chư Phật hộ niệm, được hết thấy chư Phật tán thán, lẽ đâu không tiêu? Đây chẳng

phải là sức của một đức Phật, mà thực sự là sức của tất cả hết thảy chư Phật trong mười phương ba đời gia trì. Niệm bản kinh này cũng giống như vậy. Niệm bản kinh này, niệm một câu A Di Đà Phật, hết thảy chư Phật đều hộ niệm quý vị! Quý vị đừng quên nhé!

Nay quý vị niệm Phật chẳng đạt được hiệu quả to lớn như vậy là do nguyên nhân nào? Do quý vị không hiểu đạo lý, dẫu niệm Phật, nhưng tâm chẳng tương ứng với hết thảy chư Phật; hết thảy chư Phật gia trì, hộ niệm, tán thán quý vị, nhưng chính quý vị không có cách gì tiếp nhận được. Giống như hết thảy chư Phật phát ra làn sóng điện, máy nhận sóng của chúng ta đã hư, không thu được, đúng như vậy đó! Vì sao không thu được? Tâm chúng ta không thanh tịnh, vọng tưởng, tạp niệm quá nhiều, cũng giống như chúng tôi thường nói: Tâm quý vị không giống tâm của A Di Đà Phật, nguyện cũng không giống, ngôn ngữ, hành vi cũng không giống, bởi thế, thu không được. Không phải Phật chẳng hộ niệm mình, không gia trì mình, Phật rất từ bi, rất bình đẳng gia trì hộ niệm, nhưng có người tiếp thu được, có kẻ không tiếp thu được. Kẻ tiếp thu được là tâm - nguyện - giải - hạnh đồng Phật, không tiếp thu được là do tâm - nguyện - giải - hạnh khác với Phật, quý vị tiếp thu không được. Đạo lý là như vậy.

Phương Đông liệt kê đức hiệu của năm vị Phật: “*Lược cử ngũ Phật danh, biểu pháp môn tu học căn bản*” (Nêu đại lược danh hiệu của năm vị Phật để biểu thị căn bản tu học của pháp môn). Trong Ngũ Hành, phương Đông tượng trưng cho sanh thành. Đem Xuân - Hạ - Thu - Đông phối hợp với bốn phương: Xuân sanh, Hạ trưởng, Thu thu, Đông ẩn; vì vậy, phương Đông biểu thị căn bản tu học. Chúng ta muốn tu Tịnh Độ phải hội đủ những điều kiện nào? Căn bản của mọi căn bản là “*tín tâm*”. Bởi vậy, trong các kinh to luận lớn, đức Phật thường nói: “*Tín vi đạo nguyên công đức mẫu, trưởng dưỡng nhất thiết chư thiện căn*” (Tín là nguồn đạo, mẹ công đức; nuôi lớn hết thảy các căn lành). Tín tâm hết sức quan trọng, bởi thế, đức Phật đầu tiên là A Súc Bệ Phật. Nếu dịch nghĩa chữ A Súc Bệ (Aksobhya) thì A Súc Bệ có nghĩa là Bất Động. Người thường nghe kinh, đọc kinh đều biết chữ A trong tiếng Phạn dịch là Vô. Quý vị thấy chữ A Di Đà, A là Vô, Di Đà là Lượng, Phật là Giác. Vì thế, nếu dịch trên mặt danh nghĩa, A Di Đà Phật là Vô Lượng Giác. Phật cũng có nghĩa là trí huệ, [A Di Đà Phật là] Vô Lượng Trí, Vô Lượng Giác. Ở đây, A là Vô, Súc Bệ là Động, tức Vô Động; người Hoa quen nói là Bất Động. Phật dịch là Giác, [A Súc Bệ Phật] là Bất Động Giác.

Tiếp theo đây, chúng ta hãy chú tâm lãnh hội ý nghĩa của danh hiệu Phật. [Tổ Ngẫu Ích giảng]: “*Bát vị bát phong sở động*” (Chẳng bị tám thứ gió thổi động). “*Bát phong*” (tám thứ gió) chính là pháp thể gian: Danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, chẳng bị gió cảnh giới lay động! Đối với pháp thể gian, tâm quý vị không động; rồi thì trong đối với Phật pháp, tâm cũng không động: “*Bát vị tha pháp môn sở động*” (Chẳng bị các pháp môn khác lay động). Pháp thể gian hay xuất thể gian đều chẳng động tâm, không dao động, nhất tâm nhất ý tuyển chọn pháp môn này, cả một đời cũng không thay đổi. “*Ta học pháp môn này đến rốt ráo, thành tựu viên mãn pháp môn này*”. Bởi thế, đây là căn bản của mọi căn bản. Nếu vừa tiếp xúc pháp thể gian hay Phật pháp bèn bị dao động thì khó lắm! Chính mình phải tỉnh giác cao độ, bị dao động bởi pháp thể gian sẽ chẳng thể thoát khỏi luân hồi lục đạo, dao động bởi Phật pháp chắc chắn sẽ chẳng thể thâm nhập một môn! Nói cách khác, bị gió cảnh giới trong pháp thể gian lay động, tâm quý vị bèn dao động, sẽ vẫn phải tiếp tục luân hồi sanh tử; đối với pháp môn trong Phật pháp mà bị lay động thì bất luận tu một pháp môn nào, chắc chắn cũng chẳng thể đạt “công phu thành phẩm”.

Chính mình phải tự suy nghĩ, thường xuyên phản tỉnh, vì sao học Phật nhiều năm dường ấy mà chẳng thể thành tựu? Vì căn bản của quý vị bị dao động. Nói lên điều gì? Quý vị không có tín tâm, chẳng có trí huệ, chẳng có công phu định lực, chẳng có lòng tin vào bản thân, không có lòng tin nơi pháp môn, tâm không tin thầy. Do vậy, tâm quý vị thô phù, xáo động, luôn luôn động, làm sao mà có thể thành tựu cho được? Quý vị thấy đó, đức Phật thứ nhất đã đem nguyên tắc chung, tức là nguyên lý và nguyên tắc mấu chốt của việc thành bại dạy cho quý vị đấy.

Tiếp đó, chúng tôi nêu thí dụ sau đây: “*Như Hoa Nghiêm Thiện Tài ngũ thập tam tham, tham tham luyến đức lễ từ, bát vị sở động*” (Như năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài trong Hoa Nghiêm, mỗi phen tham học đều luyến mộ đức hạnh [của thiện tri thức], lễ bái từ tạ, chẳng bị lay động). Trong hội Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử đã nêu gương tu học cho chúng ta. Làm gương như thế này: Đối với chính mình phải có tín tâm, đối với thầy phải có tín tâm, đối với pháp môn có tín tâm, trọn chẳng bị ngoại cảnh lay động, nên Ngài thành công. Ngài tham học năm mươi ba lần, sau khi tham phỏng, luyến mộ đức hạnh của vị thiện tri thức, lễ bái từ tạ, nhưng chẳng bị lay động. Luyến mộ đức hạnh là đối với pháp môn của vị thiện tri thức đó tu học bèn hoan hỷ, lễ bái từ tạ là ý gì? Tôi không học pháp môn của Ngài, nhưng tôi hoàn toàn hiểu rõ pháp

môn của Ngài. Hiểu rõ là trí huệ, tức Hậu Đắc Trí! Pháp thế gian, pháp xuất thế gian, không pháp nào chẳng hiểu rõ! Lễ bái từ tạ nhằm ý gì? Lễ để cảm tạ, từ tạ là không học. Tôi vẫn niệm A Di Đà Phật của tôi, tuyệt đối chẳng bị lay động. Hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian đều tiếp xúc, nhưng chẳng bị lay động, như như bất động. Đó là Niệm Phật tam-muội thành tựu! Tiếp xúc hết thấy đều hiểu rõ thì là trí huệ viên mãn, chứ không phải là chẳng tiếp xúc, không tiếp xúc thì điều gì cũng chẳng biết vì chưa từng khảo nghiệm qua, tiếp xúc chính là thông qua khảo nghiệm.

Tôi đã nhiều lần giới thiệu cùng quý vị năm mươi ba lần tham học ấy rồi, năm mươi ba vị thiện tri thức ấy nam, nữ, già, trẻ, các ngành, các nghề, những gì chúng ta tiếp xúc từ sáng đến tối đều là năm mươi ba lần tham học. Quý vị phải học sao cho giống hệt như Thiện Tài đồng tử. Quý vị không học sẽ thành ra “ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ!” Nơi hoàn cảnh, từ sáng đến tối chúng ta gặp rất nhiều trai, gái, già, trẻ, các nghề nghiệp, người thiện, kẻ ác, thuận cảnh, nghịch cảnh, tiếp xúc toàn bộ, tâm chúng ta bị cảnh giới chuyển hay cảnh giới bị ta chuyển, công phu ở chỗ này. Đức hạnh của Thiện Tài đồng tử là có thể chuyển cảnh giới, chẳng bị cảnh giới chuyển. Bởi thế, Ngài thành công, một đời chứng đắc vô thượng Bồ Đề!

Sở dĩ chúng ta thất bại hoàn toàn là vì bị cảnh giới xoay chuyển, chẳng thể thành tựu trí huệ nơi cảnh giới. Thành tựu trí huệ là thông đạt, hiểu rõ; thành tựu Thiền Định là như như bất động, chúng ta không thể thành tựu điều này cho nên hoàn toàn thất bại. Thiện Tài đồng tử có thể thành công viên mãn vì Ngài hoàn toàn khác với chúng ta. Sáu căn của Ngài tiếp xúc cảnh giới sáu trần, thành tựu trí huệ rốt ráo viên mãn và Thiền Định rốt ráo viên mãn. Ngài tu Niệm Phật tam-muội, trong kinh này gọi [Niệm Phật tam-muội] là “*nhất tâm bất loạn*”. Thiện Tài chứng đắc Lý nhất tâm bất loạn. Chứng ở chỗ nào? Chứng ngay từ nơi sáu căn tiếp xúc sáu trần. Chúng ta phải học, phải hiểu [như thế] nhé!

Ngài có thể “*luyện đức, lễ từ, bất vị sở động, thành tựu tự tha công đức trang nghiêm, thị thử pháp môn tu học chi đại bản dĩ*” (luyện mộ đức, lễ bái từ tạ, chẳng bị lay động, thành tựu công đức trang nghiêm cho mình lẫn người, đó chính là cái gốc lớn lao của việc tu học pháp môn này). A Súc Bệ Phật biểu thị ý nghĩa như vậy. Ở đây, danh hiệu đức Phật nhằm dạy chúng ta, chứ không phải để niệm xuôi. Thế nào là “*thành tựu tự - tha công đức?*” Thành tựu chính mình là thành tựu người khác, tự và tha là một, không hai. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên

ngoài, thành tựu công đức chính mình là gì vậy? Đối với cảnh giới, hiểu rõ ràng, thấu suốt, thành tựu trí huệ của chính mình, tức Hậu Đắc Trí, đó là công đức. Chẳng bị cảnh giới lay động là thành tựu tam-muội cho chính mình, đó là công đức.

Vì thế, người biết tu hành, trí huệ, tam-muội ngày càng tăng trưởng, chẳng sanh phiền não. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần chỉ sanh trí huệ, chỉ sanh tam-muội, quyết định chẳng sanh phiền não. Bởi thế, tôi thường nói người thực sự tu hành sống giống như Phật, Bồ Tát, đúng là lìa khổ được vui, khoái lạc khôn sánh! Trung Phong quốc sư nói rất hay: *“Thử xứ tựu thị Cực Lạc, Cực Lạc tựu thị thử xứ. Ngã tâm tựu thị Di Đà, Di Đà tựu thị ngã tâm”* (chỗ này chính là Cực Lạc, Cực Lạc chính là chỗ này, tâm ta là Di Đà, Di Đà là tâm ta), quý vị thấy cảnh giới ấy là cảnh giới nào vậy? Hai câu ấy người tầm thường không thể nói được đâu. Đúng là nếu không phải thực sự là bậc từng trải sẽ chẳng thể nói nổi những lời ấy. Nếu quý vị nói được như vậy, quý vị phải là người từng trải.

Năm vị Phật ở phương Đông, ba trong số năm vị ấy chính là những mục tiêu người học Phật chúng ta luôn mong hướng đến. Chúng ta học Phật để làm gì? Vì muốn thành Phật. Phật là như thế nào? Kinh nói Pháp Thân, Báo Thân và Ứng Hóa Thân. Muốn thành Phật thì không có gì khác cả, chỉ là chứng đắc, viên ngộ tam thân của chính mình mà thôi! Trong kinh đức Phật thường dùng núi Tu Di để biểu thị Pháp Thân, biểu thị Lý Thể; vì vậy, đức Phật thứ hai là Tu Di Tướng Phật. Tu Di Tướng có nghĩa là *“tướng hảo, quang minh được chín pháp giới chiêm ngưỡng, tức là Báo Thân”*. Tướng như núi Tu Di, tức là như trong kinh Đại Thừa thường nói: Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo, đó là Báo Thân Phật.

Tiếp theo là Đại Tu Di Phật, Đại Tu Di là *“đại pháp lý thể, pháp giới độc tôn, tức Pháp Thân”*. Có thể hiện, có thể biến; Báo Thân và Ứng Hóa Thân là cái được hiện, cái được biến. Chúng ta thường gọi “đại pháp” là cõi nước, chúng sanh, hư không, pháp giới. Trong hết thảy pháp đều có hư không, nếu quý vị đã từng đọc Bách Pháp Minh Môn Luận của Tướng tông, quý vị sẽ hiểu rõ. Thiên Thân Bồ Tát quy nạp hết thảy pháp thành một trăm loại, trong một trăm loại này, bao gồm cả hư không, hư không cũng là một pháp. Pháp giới, cõi nước (sát-độ), nay ta gọi “cõi nước” là “thiên thể” (astronomical object) trong vũ trụ, hoặc gọi là “tinh hệ” (galaxy). Tinh hệ lớn, tinh hệ nhỏ vô lượng vô biên. Trong những tinh hệ ấy lại có vô lượng vô biên chúng sanh cư trụ, như địa cầu

thuộc vào một tinh hệ, trên địa cầu có rất nhiều chúng sanh sanh sống trong ấy. Đây toàn là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”; do vậy, tánh thức là năng hiện, năng biến, hết thảy pháp là sở hiện, sở biến. Năng và Sở là một, không hai. Đó là Thật Tướng của vũ trụ, kinh Phật gọi [Thật Tướng của vũ trụ] là “Thật Tướng các pháp” (chư pháp Thật Tướng). Pháp Thân: Bản thể của Thật Tướng gọi là Pháp Thân.

Kế đó là Tu Di Quang Phật, “*quang minh chiếu khắp ứng trọn các căn cơ, ứng hóa vậy*”. Chúng sanh có Cảm, Phật liền Ứng. Phật có mối quan hệ mật thiết với hết thảy chúng sanh, mối quan hệ gì vậy? Quan hệ là quang, con người hiện tại gọi [mối quan hệ ấy] là gì? Ba động (fluctuation, sự dao động theo làn sóng)! Ý nghĩa này hay lắm, quả thật làn sóng của Như Lai và làn sóng tư tưởng của chúng ta có mối quan hệ mật thiết. Như Lai lặng sóng nên gọi là Quang. Tư tưởng của chúng ta thật chẳng thể gọi là Quang, mà gọi là Sóng, vì sao? Trôi lên, hụp xuống, nhô cao, xuống thấp, còn Phật thì bình lặng. Giống hệt như nước, nước của người ta phẳng lặng, nước của mình sóng trào, gió to, sóng lớn. Thế nhưng nước phẳng lặng và sóng trào vĩnh viễn nối tiếp nhau ở cùng một chỗ, niệm niệm cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn, ứng hóa là như vậy đó!

Pháp, Báo, Ứng Hóa đều là Huệ, tức trí huệ Bát Nhã nơi tự tánh. “*Nhất thể tam thân, sở cầu sở chứng*”: Báo Thân, Pháp Thân, Ứng Hóa Thân, một chính là ba, ba nhưng là một; điều người học Phật chúng ta mong cầu chính là chứng đắc viên mãn ba thân này, giác ngộ trọn vẹn, ngộ nhập viên mãn.

Nay đã hết giờ rồi, đoạn sau còn một vị Phật nữa, đến giờ kế tiếp chúng tôi sẽ giảng tiếp.

Tập 30

Chư vị đồng học!

Lần trước chúng ta đã học đến phần sáu phương chư Phật khuyến tín lưu thông của kinh A Di Đà. Sáu phương chính là mười phương, đối với mỗi một phương, đức Thế Tôn chỉ nêu đại lược vài vị đại biểu. Mỗi danh hiệu đại biểu đều có ý nghĩa rất sâu, chúng ta nhất định phải hiểu những ý nghĩa biểu pháp ấy, chớ nên xem thường. Phương Đông có năm vị Phật, vị thứ nhất là:

A Súc Bộ Phật.

阿閼鞞佛。

Ngài tượng trưng cho sự bất động, tượng trưng cho nguyên tắc tu học căn bản. Chẳng riêng gì tu pháp môn Tịnh Độ niệm Phật [phải áp dụng nguyên tắc ấy], mà tám vạn bốn ngàn pháp môn, không một pháp nào ra ngoài lệ ấy. Trước hết, phải có tín tâm không lay động thì mới hòng thành tựu. Nếu tín tâm bất định, thấy lạ, nghĩ khác, cứ suy đi tính lại thì không riêng gì Phật pháp, mà ngay cả những pháp thế gian cũng chẳng thể thành tựu được. Thực sự thành tựu là như cổ đức thường nói: “*Thâm nhập một môn, trường thời huân tu*”.

Trong đoạn kinh này, Thích Ca Mâu Ni Phật bốn lượt khuyên chúng ta vãng sanh Tịnh Độ, thân cận A Di Đà Phật, đúng là nói một lần rồi hai lần, hai lần rồi ba lần, ba lần rồi bốn lần, đau lòng rất miệng khuyên dạy chúng ta. Trong đoạn kinh văn này, đức Phật cho biết: Không riêng mình Thích Ca Mâu Ni Phật khuyên dạy chúng ta, quý vị thấy đó, mười phương hết thấy chư Phật Như Lai, không vị Phật nào chẳng khuyên chúng sanh niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ. Có vậy, chúng ta mới biết pháp môn này thù thắng. Ở phần trên, chúng tôi đã lược thuật cùng quý vị năm thứ bất khả tư nghị; điều bất khả tư nghị cuối cùng chính là quý vị niệm danh hiệu một đức A Di Đà Phật sẽ được hết thấy chư Phật hộ niệm. Pháp môn này thật phi phạm; nói cách khác, không khác gì niệm danh hiệu của hết thấy chư Phật. Niệm một câu A Di Đà Phật chính là niệm trọn danh hiệu của mười phương tam thế hết thấy chư Phật, há còn có pháp môn nào thù thắng hơn được nữa hay không?

Chúng sanh trong thế gian này, quá khứ, hiện tại không tránh khỏi tạo nghiệp, không tránh khỏi kết oán cùng chúng sanh. Bởi vậy, chúng ta thường thấy rất nhiều chúng sanh bị oán thân trái chủ, ma quỷ dựa vào thân khuấy nhiễu, thần kinh thác loạn, khổ chẳng thể nói nổi. Những bệnh ấy là do hai nguyên nhân sau đây: Một là oán quỷ dựa thân, ngoài ra là do tự mình có nghiệp chướng sâu nặng. Hai nguyên nhân ấy cùng hòa vào, khó thể làm gì được! Chúng bệnh ấy có thuốc men cũng không chữa trị được, cầu thân, cầu Phật, Bồ Tát bảo hộ cũng khá khó khăn. Có cách gì trị được hay chẳng? Có chứ! Khoảng đầu triều Thanh, pháp sư Từ Vân Quán Đảnh nói niệm Phật có thể cứu được! Vì sao niệm Phật có thể cứu được? Bởi lẽ, quý vị niệm A Di Đà Phật, mười phương hết thấy chư Phật đều gia trì, đạo lý là đây! Mười phương hết thấy chư Phật đều gia trì, đều bảo hộ. Oan gia đối đầu, yêu ma, quỷ quái gì gì đi nữa

cũng đều nhượng bộ mấy phần, chẳng phải là một đức Phật có mặt, mà là hết thầy chư Phật có mặt, chúng chẳng thể lần lượt được.

Vì thế, đối với hết thầy bệnh tật khó trị, phương pháp nào cũng vô hiệu, hết cách chữa trị, tụng kinh, bái sám cũng vô hiệu, thì thừa cùng quý vị, cuối cùng chắc chắn hữu hiệu là Niệm Phật. Chúng tôi cũng đã từng thấy, quả thật là có rất nhiều người bị oán thân trái chủ dựa vào thân, dường như niệm Phật cũng vô hiệu, vì nguyên nhân nào vậy? Vì niệm Phật chẳng đúng pháp! Chuyện quan trọng nhất trong việc niệm Phật chẳng đúng pháp thì đầu tiên là tín tâm và nguyện tâm. Nếu quý vị trọn đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chuyên trì một câu Phật hiệu, hiệu quả sẽ chẳng thể nghĩ bàn, thống khổ bèn lập tức tiêu trừ, sẽ bình phục như cũ. Pháp môn thật chẳng thể nghĩ bàn!

Tôi còn nghe có người nói, có người giảng: “Những kẻ niệm A Di Đà Phật đều là vong ân phụ nghĩa”, vì sao vậy? Họ nói: “Bổn Sư trong thế giới chúng ta là Thích Ca Mâu Ni Phật, quý vị không niệm Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, lại niệm A Di Đà Phật ở phương khác, vậy là vong ân phụ nghĩa!” Tôi nghe nói vậy mới hiểu rõ. Nói thật ra, vong ân phụ nghĩa không phải là chúng ta, mà là kẻ ấy. Sao lại là kẻ ấy? Kẻ ấy niệm Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, chính là kẻ ấy vong ân phụ nghĩa, vì sao? Chính Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta niệm A Di Đà Phật, xót lòng rất miêng, quý vị thấy ngay trong kinh này đây thôi: Bốn lượt khuyên chúng ta niệm A Di Đà Phật, cầu sanh về Tịnh Độ, chúng ta cứ khăng khăng không nghe theo, chẳng vui lòng niệm A Di Đà Phật, chẳng muốn cầu sanh về Tịnh Độ, cứ nhất định phải niệm Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, ắt Thích Ca Mâu Ni Phật bức đến chết! Đúng là vong ân phụ nghĩa, chẳng hiểu thế nào là ân, thế nào là nghĩa cả!

Ví như trong gia đình chúng ta, thế giới Sa Bà là gia đình, Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật là cha của chúng ta. Thế giới Cực Lạc thật ra là trường học, A Di Đà Phật là một vị thầy giỏi. Nay cha gọi con đến trường học hành, hòng con được thân cận một vị thầy giỏi, con cái cứ ương bướng không nghe lời, chẳng chịu đi. Quý vị nghĩ xem trong tình huống ấy, tâm cha mẹ rất khó chịu: Chọn cho người một vị thầy tốt đẹp như thế, bảo người đến thân cận thầy, người cứ khăng khăng không nghe lời, cứ ở lý trong nhà, không chịu đi học, còn ra thể thống chi nữa! Bởi thế, kẻ vong ân phụ nghĩa chẳng phải là chúng ta, chúng ta nghe lời, hiểu thuận. Thuận ý cha mẹ, thuận ý Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật răn dạy, chúng ta nhất tâm niệm A Di Đà Phật, thân cận A Di Đà Phật. Đó chính là bổn nguyện, là ý nghĩa chân chánh, là lời răn dạy chân thật của Thích

Ca Mâu Ni Phật. Chớ có hiểu lầm!

Trong đoạn kinh văn này chúng ta thấy không những Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta, mà mười phương ba đời hết thầy chư Phật Như Lai đều giáo hóa chúng sanh như thế, há còn sai được ư? Bởi thế, trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn thay mặt hết thầy chư Phật khen ngợi A Di Đà Phật, nói A Di Đà Phật là “*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (quang minh cao quý nhất, là vua trong các Phật), há còn sai được ư?

Chúng ta niệm Phật, học Phật, đề cầu điều gì? Tâm nguyện, mong cầu của hết thầy chúng sanh chẳng ngoài ba việc: Thứ nhất là trí huệ, thứ hai là tài nghệ (trong Phật pháp gọi là đức năng, hay năng lực, điều gì cũng biết, không gì không biết), thứ ba là phước báo, đều là cầu ba điều ấy! Những gì Thích Ca Mâu Ni Phật, hết thầy chư Phật Như Lai dạy chúng ta há chẳng phải là ba việc ấy đó ư? Trong ba việc ấy, đức Phật dạy trí huệ là chủ. Do vậy, từ đầu đến cuối, Phật pháp giảng về giác ngộ, điều Phật pháp mong cầu là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Đây là phiên âm tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Hán là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Kẻ mới học đầu nghe nói như vậy nhưng không hiểu, chúng tôi đành phải nói một cách phương tiện như sau: Từ ngữ ấy có ý nghĩa là trí huệ chân thật viên mãn rốt ráo.

Quý vị có trí huệ, đương nhiên quý vị có năng lực. Tài nghệ, đa tài đa nghệ từ đâu mà có? Từ trí huệ mà có, trí huệ là căn bản, phước báo cũng từ trí huệ mà có. Quý vị phải có trí huệ, mới biết gieo phước tại nơi đâu. Vì sao? Quý vị nhận biết phước điền, quý vị biết gieo phước, quý vị sẽ đạt được vô lượng phước báo, vô lượng vô biên của cải. Thật đấy! Vô lượng vô biên của cải gì vậy? Trọn khắp pháp giới hư không giới, không một thứ gì chẳng phải là của cải của chính mình, thật đấy, không giả đâu! Quý vị có thể hưởng thụ viên mãn!

Trong những phước báo, phước báo quan trọng nhất là thọ mạng; thân cận A Di Đà Phật quý vị sẽ được vô lượng thọ, được thân kim cang bất hoại! Thân kim cang bất hoại không có sanh - lão - bệnh - tử. Sanh - lão - bệnh - tử khổ lắm! Không có cầu chẳng được, không có oán ghét mà cứ phải gặp gỡ, không có yêu thương mà phải chia lìa, thế gian này gọi những điều đó là tám nỗi khổ (bát khổ). Tám nỗi khổ điều nào cũng chẳng có, đó là chân lạc, bởi thế, gọi là Cực Lạc thế giới. Quan trọng nhất là tín tâm kiên định bất động. Do vậy, A Súc Bệ Phật tượng trưng cho ý nghĩa này. Ba vị Phật tiếp theo chính là những điều chúng ta mong cầu.

Tu Di Tướng Phật.

須彌相佛。

Là Báo Thân Phật, tức trí huệ.

Đại Tu Di Phật.

大須彌佛。

Tượng trưng cho Pháp Thân Phật, tức Lý Thể.

Tu Di Quang Phật.

須彌光佛。

Là Ứng Hóa Phật, tức là thọ dụng. Chúng ta nói đến vô lượng vô biên phước báo, quang minh chiếu khắp, thích ứng trọn khắp các căn cơ, chúng sanh nơi nào có cảm, lập tức hiện thân đến giúp đỡ. Đại ý những danh hiệu này chúng tôi đã trình bày rồi. Vị Phật cuối cùng là:

Diệu Âm Phật.

妙音佛。

Diệu Âm Phật “*biểu thị pháp tu học cội gốc*”, tức phương pháp tu học. Phương pháp tu học căn bản chính là nhất tâm xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, đó là Diệu Âm! Âm thanh tuyệt diệu tốt bậc trong thế gian lẫn xuất thế gian là một câu Phật hiệu. Bởi thế, niệm ra một câu Phật hiệu này sẽ cảm động hết thủy chư Phật Như Lai khắp pháp giới hư không giới. Đã là cảm động chư Phật Như Lai thì chúng ta phải biết: Chư Phật Như Lai có trí huệ, phước đức viên mãn, các vị hộ pháp thần của chư Phật trọn khắp hư không pháp giới. Được chư Phật ủng hộ, chư Phật khen ngợi, lẽ nào thần hộ pháp chẳng xưng tán, chẳng ủng hộ? Vì vậy, niệm một câu A Di Đà Phật sẽ được hết thủy chư thiên thiện thần ủng hộ, chư thiên thiện thần bảo hộ quý vị! Quý vị niệm danh hiệu các đức Phật khác, chẳng thể khiến cho toàn thể thần hộ pháp khắp pháp giới bảo hộ, không được như vậy! Chỉ có niệm A Di Đà Phật, quý vị mới cảm được toàn thể. Chẳng thể không biết điều này!

Trong kinh Đại Thừa, đức Thế Tôn thường nói: Danh hiệu A Di Đà Phật này chẳng phải chỉ là danh hiệu của riêng mình đức Phật tại Tây

Phương Cực Lạc thế giới mà còn tượng trưng cho bốn tánh, tứ tánh Phật! Đây là đức hiệu của Tự Tánh Phật! Vì vậy, niệm Phật hiệu này chính là niệm Thể, Tướng, Dụng của Tự Tánh. Thể của Tự Tánh là Pháp Thân; Tướng của Tự Tánh là trí huệ; tác dụng của Tự Tánh - tức Tự Tánh khởi tác dụng - chính là vô lượng vô biên đại phước đức. Vì thế, nhất tâm xưng niệm nam mô A Di Đà Phật chính là Diệu Âm; ở đây, Ngài tượng trưng cho phương pháp căn bản tu hành trọng yếu nhất, “*Định Huệ giữ cân bằng*”! Nhất tâm xưng niệm, nhất tâm là Định, xưng niệm là Huệ. A! Chúng ta lại xem tiếp đoạn dưới, đoạn thứ hai chính là những thế giới ở phương Nam, chúng tôi đọc kinh văn một lượt:

Xá Lợi Phất! Nam phương thế giới hữu Nhật Nguyệt Đăng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu Di Đăng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật, như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật, các u kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng biến phủ tam thiên đại thiên thể giới, thuyết thành thực ngôn: ‘Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh.

舍利弗。南方世界。有日月燈佛。名聞光佛。大燄肩佛。須彌燈佛。無量精進佛。如是等恆河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

(Này Xá Lợi Phất! Nam phương thế giới có Nhật Nguyệt Đăng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu Di Đăng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật. Hằng hà sa số chư Phật như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thể giới, nói lời thành thực: “Chúng sanh các người nên tin kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này”).

Quý vị phải thường ghi nhớ, bộ kinh này là hết thầy chư Phật “*Khen Ngợi Công Đức Chưởng Thể Nghĩ Bàn*”, cũng là “*Được Hết Thầy Chư Phật Hộ Niệm*”, kinh này chẳng thể nghĩ bàn! Ở phương Nam cũng nêu lên năm vị Phật, năm vị Phật này tượng trưng cho Tu Huệ; bởi lẽ, trong giáo học nhà Phật, trí huệ là bậc nhất. Hết thầy bọn chúng sanh chúng ta vốn sẵn có trí huệ, trong tự tánh vốn sẵn đầy đủ trí huệ. Thật vậy! Trí huệ bất sanh, bất diệt, không đến, không đi, đối với trí huệ của

hết thấy chư Phật Như Lai không hai, không khác, hoàn toàn tương đồng! Vì sao nay chư Phật, Bồ Tát có trí huệ lớn lao đến thế, còn chúng ta tự hồ biến thành vô cùng ngu xuẩn, không có tí xíu trí huệ nào, vì nguyên nhân gì vậy? Phật bảo chúng ta: Trí huệ của chúng ta giống hết như Phật, cũng không hề mất đi, vì sao nay lại thành ra nông nổi ấy? Là vì chính bản thân chúng ta có chướng ngại, tự mình chướng ngại trí huệ của chính mình! Đức năng và tướng hảo của chính mình cũng bị chướng ngại.

Trí huệ giống như vàng thái dương, chư Phật, Bồ Tát là thái dương lúc trời quang đãng, quang minh chiếu khắp; phàm phu chúng ta là mặt trời trong hôm u ám, trên đầu chúng ta có mây đen che phủ rất dày, dầu có ánh nắng, nhưng bị che lấp, không soi thấu được! Đạo lý là như vậy đó. Rốt cuộc những thứ che lấp ấy là gì vậy? Thích Ca Mâu Ni Phật dạy: Những thứ che lấp ấy chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Kinh Hoa Nghiêm giảng rất hay: *“Nhất thiết chúng sanh giai hữu Như Lai trí huệ, đức tướng, dẫn dĩ vọng tưởng, chấp trước, nhi bất năng chứng đắc”* (Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ, đức tướng như Như Lai; nhưng vì vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc). Vì thế, đức Phật dạy chúng ta tu hành, tu những gì? Chỉ là bỏ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đi mà thôi! Chỉ cần bỏ được, trí huệ vốn sẵn có trong tự tánh sẽ hiện tiền, đức năng hiện tiền, tướng hảo hiện tiền, quý vị vốn là Như Như Phật! Nay vì ta có phiền não, có tập khí, kinh Hoa Nghiêm gọi phiền não tập khí là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vọng tưởng là tập khí; phân biệt và chấp trước là phiền não. Quý vị có những thứ ấy nên trí huệ, đức năng, tướng hảo sẵn có nơi tự tánh đều chẳng thể hiện tiền.

Vọng tưởng, tập khí là vì chính mình mê mất bốn tánh, nên mới sanh ra những thứ ấy. Những thứ ấy không thật, là giả, lúc mê bèn có, lúc giác ngộ bèn không có. Vì thế, Phật pháp dạy con người giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm, quý vị có thể bỏ được mà! Do vậy, giáo học của Phật pháp từ đầu đến cuối chẳng lìa trí huệ. Quý vị thấy đó: Trước hết là nói ra căn bản (căn bản tu học), tiếp đến là giảng về tu huệ, tu phước. Trước hết, chúng ta hãy xét danh hiệu năm vị Phật.

Vị Phật thứ nhất là Nhật Nguyệt Đăng Phật. Mặt trời chiếu ban ngày, mặt trăng soi ban đêm. Chỗ nào nhật nguyệt không soi thấu thì đèn (đăng) có thể soi được. Dùng Nhật, Nguyệt, Đăng để biểu thị quang minh chiếu khắp. Vì thế, đức Phật này tượng trưng *“tánh có đủ trí huệ*

Bát Nhã viên mãn, viên dung vô ngại, không đâu chẳng chiếu, là điều được mong cầu vậy”. Chúng ta mong cầu trí huệ viên mãn, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể, không thiếu khuyết mảy may. Những điều danh hiệu Nhật Nguyệt Đăng biểu thị chính là những điều chúng ta mong cầu.

Tên của vị Phật thứ hai là Danh Văn Quang Phật. Xét đức hiệu của vị Phật này, Quang là trí huệ, hằng ngày đang tu, tu gì vậy? Tu đoạn phiền não. Tập khí phiền não nếu thực sự đoạn được đôi phần, trí huệ sẽ hiện tiền. Do vậy, đoạn một phần phiền não, trí huệ sẽ lộ ra một phần; đoạn hai phần phiền não, trí huệ sẽ lộ ra hai phần. Quý vị muốn trí huệ Bát Nhã nơi tự tánh hiện tiền thì không có gì khác cả, chỉ đoạn phiền não mà thôi! Nếu vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của quý vị vẫn còn nặng nề như thế, chẳng chịu buông xuống thì nói cách khác, trí huệ của quý vị vĩnh viễn không thể hiện tiền. Đó là công phu đầy, chứ không phải là niệm kinh Phật cho nhiều. Đọc nhiều các loại sách thông thái, quý vị bèn có “trí huệ” thì trí huệ ấy là giả, chẳng thật! Giáo học Nho gia gọi cái học đó là cái học vay mượn⁸⁴! Quý vị chẳng mở mang trí huệ, những gì quý vị có được toàn là của người khác, không có gì là của chính mình hết! Khi nào trí huệ của quý vị mở mang, lúc ấy sẽ được đại tự tại, chẳng cần phải nhớ những thứ của người khác nữa!

Chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát có trí huệ, quý vị cũng có, quý vị vay mượn làm chi? Chỉ khi sơ học, trí huệ chưa mở mang, cần phải nhờ vả người khác, cầu người khác giúp đỡ. Người khác chỉ có thể giúp mình trong một giai đoạn, chẳng thể nương nhờ người ta vĩnh viễn, cứ vĩnh viễn nương tựa người ta sẽ không ngóc đầu lên được! Sau khi dựa dẫm người khác một thời gian, tự mình phải dần dần tự lập. Dựa vào Phật, nhưng trí huệ mở mang một chút, vì sao? Thực sự hiểu được ý nghĩa lời Phật dạy, có thể y giáo phụng hành. Đức Phật dạy chúng ta thấy thấu suốt, buông xuống, chúng ta phải thực sự buông xuống! Buông xuống một phần, trí huệ tăng trưởng một phần, quý vị thấy thấu suốt một phần. Thấy thấu suốt giúp quý vị buông xuống, buông xuống lại giúp quý vị thấy thấu suốt. Vì thế, tu học Phật pháp từ Sơ Phát Tâm cho đến địa vị Như Lai, thấy thấu suốt giúp hành giả buông xuống, buông xuống giúp cho hành giả thấy thấu suốt, giúp đỡ lẫn nhau, thành tựu lẫn nhau, thăng tiến trên con đường vô thượng đạo!

⁸⁴ Nguyên văn “*ký vấn chi học*” tức là nền học vấn do tìm đọc, học hỏi, ghi nhớ, chứ không phát xuất từ sự thể nghiệm, chứng nghiệm.

Phương pháp ấy do chính Chương Gia đại sư dạy tôi, rất hy hữu! Ngày đầu gặp mặt, Ngài dạy tôi phương pháp ấy. Suốt năm mươi năm qua tôi được đại lợi ích nơi phương pháp này. Cảm ân thầy, chẳng thể không buông xuống, nếu không buông xuống được thì đúng là ngu si, đúng là đáng tiếc. “*Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp*” (Pháp còn nên bỏ, huống gì phi pháp). Cứ bỏ, quý vị sẽ đạt được, được gì vậy? Được những gì sẵn có nơi tự tánh! Chẳng phải do từ bên ngoài mà được, được trí huệ, được năng lực, được tướng hảo.

“*Danh Văn Quang Phật, biểu thị sự thành tựu nhỏ nơi tu huệ*”. Có chút thành tựu nhỏ. Chút thành tựu nhỏ là quý vị có “danh văn” (tiếng tăm), nay chúng ta gọi là nổi tiếng. Chỉ cần có chút thành tựu nhỏ, bên ngoài người ta biết đến tiếng tăm mình, khen ngợi mình, “*ắt có danh văn*”. Lúc ấy danh văn là cái cửa ải trọng yếu nhất: Nếu quý vị đọa lạc trong danh văn, lợi dưỡng là xong! Danh lợi là cửa ải quý vị phải đột phá! Nếu chẳng thể đột phá, bị nó chướng ngại, sẽ vẫn phải luân hồi trong lục đạo y như cũ. Vì thế, danh văn như bóng tối. Đó là nói tỷ dụ. Danh văn giống như bóng tối, ta vẫn phải y như cũ, dùng ánh sáng trí huệ để soi tan. Vì thế, “*trí quang chiếu đến liền diệt*”. Đó là tỷ dụ. “*Phải bỏ danh văn, lợi dưỡng, sẽ không trở ngại cho việc thăng tấn đạo nghiệp*”. Con người, có thể nói là đa số, đại đa số con người cứ hễ danh văn, lợi dưỡng vừa hiện tiền bèn hồ đồ, khởi tâm tham chấp, từ tham chấp lại khởi lên kiêu căng, ngạo mạn, tự cho mình rất phi thường, khinh mạn người khác, đây cũng là phiền não hiện hành! Bị đọa lạc liền!

Chắc quý vị đều đọc Từ Bi Tam Muội Thủy Sám rồi, quý vị thấy Ngô Đạt quốc sư mười đời là cao tăng, chẳng phải là chuyện dễ dàng! Trong nhân đạo, Ngài chẳng bị đọa lạc, chết đi vẫn tái sanh trong nhân gian, cứ mỗi lần [tái sanh] phước báo lại càng lớn hơn. Vì sao? Do Ngài tu rất giỏi, trì giới, tu định, tu phước, phước huệ song tu, đời đời kiếp kiếp, mười đời là cao tăng. Đến đời thứ mười, phước báo càng lớn, làm thầy của hoàng đế. Hoàng đế bái Ngài làm sư phụ, tức là Quốc Sư. Có một ngày, hoàng đế cúng dường một bảo tòa bằng trầm hương, nay chúng ta gọi bảo tòa là “Thái Sư y”⁸⁵ (ghế Thái Sư), cái ghế Thái Sư ấy

⁸⁵ Thái Sư Y là loại ghế có lưng tựa cao, hai bên có chỗ đặt tay. Loại ghế này đã có từ thời Tống. Thoạt đầu nó giống như giao y (giao y là loại ghế có thể xếp được, có chỗ tựa lưng và đặt tay), nhưng không xếp được. Thành ghế và tay vịn hai bên ghế nối liền với lưng ghế và mặt ghế, chứ không tách khỏi mặt ghế như giao y. Lưng ghế cũng thẳng chứ không xiên như giao y. Đến thời Minh, lưng Thái Sư Y làm cao hơn nữa và thường chạm thủng, hoa văn uốn lượn cầu kỳ sao cho phía trên của lưng ghế

làm bằng trầm hương. Chúng ta biết hết thấy loài gỗ đều nổi trên mặt nước, nhưng nếu thả gỗ trầm hương (tức “trầm thủy hương”) xuống nước, nó liền chìm tận đáy. Trầm hương hết sức nổi tiếng, quý giá. Hoàng đế dùng trầm hương làm thành cái ghế Thái Sư để cúng cho thầy.

Ngộ Đạt quốc sư tiếp nhận tòa báu trầm hương ấy, trong tâm hết sức hoan hỷ, khởi lên tâm ngạo mạn: “Trong quốc gia hiện thời có bao nhiêu là đại pháp sư, có ai được ngồi cái tòa báu này? Chỉ có mình ta, trừ ta ra, không có người thứ hai!” Tâm ngạo mạn vừa khởi lên, thần hộ pháp bỏ đi. Thần hộ pháp không nói chuyện tình cảm, không có cảm tình riêng như con người đâu nhé! Hễ quý vị tu hành đúng pháp, các ngài nhất định đến hộ trì. Vì sao? Nguyên nhân là vì quý vị tu hành đúng pháp, chư Phật hộ niệm; chư Phật hộ niệm thì lẽ đâu thần hộ pháp chẳng ủng hộ! Thần hộ pháp phải ủng hộ! Nhưng nếu quý vị vừa sanh phiền não, phiền não tập khí vừa hiện hành, đạo tâm không còn, quý vị không còn chân thành, khiêm nhường nữa, nay quý vị kiêu căng, ngạo mạn, không để ai vào mắt, thần hộ pháp bỏ đi ngay! Thần hộ pháp bỏ đi là phiền lắm, oán thân trái chủ bèn tìm đến ngay, oán thân trái chủ trong đời quá khứ đây!

Oán thân trái chủ cũng thường ở quanh quần quý vị, rình rập đợi cơ hội. Bên quý vị có thần hộ pháp thì họ chẳng dám đến gần, đợi ngày nào quý vị phạm lỗi, tạo tác tội nghiệp, thần hộ pháp bỏ đi, cơ hội đến rồi! Họ bèn đến tìm quý vị gây rối. Vì thế, quốc sư bị mọc một mụn ghẻ có hình mặt người, gần như sắp mất mạng. Đúng là trong đời quá khứ Sư tu cũng khá, cho nên trong lúc tai nạn, lập tức có cảm ứng, tôn giả Ca Nặc Ca là bậc Đại A La Hán đến cứu Sư. Phương pháp cứu chữa là điều giải (thương thảo, hòa giải). Oán thân trái chủ của Sư tiếp nhận sự điều giải ấy. Tiếp nhận xong, mụn ghẻ mặt người bèn nói cho biết mình là ai, trong đời quá khứ bị Sư sát hại, phải chết oan uổng: “Oán căn ấy đời đời kiếp kiếp không cách gì tiêu trừ được; vì thế, đời này thấy Sư tiếp nhận tòa báu trầm hương của hoàng đế cúng dường, sanh khởi tâm ngạo mạn (theo như người ấy nói), thần hộ pháp bỏ đi, ta mới có cơ hội đến báo cừ. Nay được tôn giả Ca Nặc Ca là bậc đại A La Hán đến điều giải, ta bằng lòng tiếp nhận, chẳng gây rối nữa”. Mụn ghẻ mặt người liền lành.

Đọc câu chuyện này, chúng ta phải khéo suy nghĩ, sánh với Ngộ

gồm nhiều đoạn uốn lượn, móc vào nhau, ghề cũng được làm to hơn trước, chân ghề, thành ghề đều được chạm trổ, uốn lượn thật thanh nhã. Có thuyết nói loại ghề này mô phỏng các pháp tọa giảng kinh của người Ấn Độ.

Đạt quốc sư, chúng ta tu hành như thế nào? Có hơn được Ngài hay không? Chúng ta tạo tác nghiệp chướng, phiền não tập khí ít ra phải nặng gấp trăm gấp ngàn lần Ngô Đạt quốc sư, nhưng không có oán thân trái chủ đến tìm chúng ta, là vì nguyên nhân gì vậy? Oán thân trái chủ ở quanh bên quý vị thấy rất rõ ràng, quý vị tu hành chẳng ra trò trống gì, cũng không thể vắng sanh, đợi mấy bữa nữa báo thù cũng không muộn. Chẳng phải là không có sự ấy đâu nhé! Chính là như trong Phật pháp nói “nhân quả báo ứng” đấy! Chẳng phải là không báo, chưa đến lúc đấy thôi! Oán thân trái chủ ở gần bên ta trông thấy, cười hề hề, không gấp gì! Tới khi quả báo xảy đến, quý vị có hồi cũng không kịp!

Nói thật ra, những chuyện cũ của cô đức, chúng ta phải xem cho nhiều mới hòng luôn đề cao tỉnh giác, nỗ lực tu hành đạo pháp, chẳng dám tạo tội nghiệp, chẳng dám khởi một ý niệm bất thiện. Đem công đức tu học của chính mình hồi hướng cho oán thân trái chủ bao đời, vì sao? Chúng ta có phước báo, mọi người cùng hưởng, hy vọng oán thân trái chủ bao kiếp chẳng gây chướng ngại, tôi thành tựu chính là quý vị cùng thành tựu. Lúc tôi thành tựu, nhất định chẳng quên quý vị, sẽ độ quý vị trước. Mọi người đều luân hồi trong lục đạo thọ khổ, tôi thoát khỏi lục đạo rồi sẽ nhất định giúp đỡ mọi người, mọi người đều cùng có thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, đều có thể vắng sanh Cực Lạc Tịnh Độ. Vì thế, oán thân trái chủ đều biến thành Hộ Pháp, chẳng những không gây rối, mà còn ủng hộ, lại còn bảo hộ quý vị. Vì thế, cát - hung, họa - phước quả thật chỉ trong một niệm. Danh lợi hiện tiền chính là cửa ải rất đáng sợ!

Chúng tôi cũng thường khuyến khích các đồng học, chúng ta ở trong thuận cảnh, thuận theo thiện duyên, vậy là tốt. Lúc ấy, sợ nhất là khởi tham luyến; bất luận đối với người, đối với sự, đối với vật mà có tâm tham, có lòng keo kiệt, không bỏ ra cho người khác thì không xong rồi! Vừa khởi ý niệm ấy lên, chư Phật không thể hộ niệm nữa. Chẳng phải là chư Phật không hộ niệm, nhưng vì quý vị có chướng ngại nên gây chướng ngại cho sự hộ niệm của chư Phật. Oán thân trái chủ bao kiếp đều kéo đến, lúc ấy họ có dịp báo thù quý vị, phiền toái xảy ra, hung tai, họa hại liên tiếp không ngừng! Chúng tôi thấy rất nhiều đồng tu học Phật gặp phải ma nạn. Nhân tố thứ nhất gây ra ma nạn chính là tâm không thanh tịnh, phiền não tập khí chiêu cảm ma nạn. Vì thế, trong hết thảy thuận cảnh, phải đặc biệt cảnh giác danh văn, lợi dưỡng, chớ sanh tham si, như vậy mới là tốt, trí huệ, phước báo mới thực sự hiện tiền.

Phước báo hiện tiền, trọn chẳng tự mình hưởng nhận, nhất định

phải biết trong thế gian này người khổ nạn rất nhiều, nếu chúng ta cúng dường phước báo cho những kẻ khổ nạn ấy thì phước báo đó sẽ vô lượng vô biên! Bởi lẽ, tu phước báo chẳng nhằm hưởng trong nhân gian, đến chỗ nào mới hưởng? Đến thế giới Cực Lạc bèn hưởng, quyết định chẳng hưởng phước ở nơi đây. Ở nơi đây thường chịu khổ một chút là được, vì sao? Chịu khổ sẽ không có cái tâm tham luyến thế gian này. Nếu trong thế gian này, cái gì cũng hưởng thụ, sẽ chẳng muốn lìa khỏi thế gian này, chẳng về được thế giới Cực Lạc. Phước chớ nên hưởng! Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, quý vị thấy Ngài có phước báo bậc nhất, nhưng cả đời Ngài chưa hề hưởng phước. Suốt một đời ba y một bát, giữa Ngọ ăn một bữa, ngủ dưới gốc cây, nêu gương cho chúng ta thấy! Ngài hưởng phước nơi đâu? Hưởng phước trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ, Ngài ứng hóa thân trong chín pháp giới, nhất định không thị hiện hưởng phước nơi những tướng ấy, tuyệt đối chẳng thị hiện.

Tiếp đó là Đại Diệm Kiên Phật, “*biểu thị bắt đầu có đủ hai trí*”. Kiên (肩) là cái vai, hai vai. Diệm (燄) là ngọn lửa, chỉ quang minh. Vì thế, đây là nói tới Quyền Trí và Thật Trí, bắt đầu có đủ hai trí! Vượt được danh văn rồi mới có Quyền Trí và Thật Trí. Trong lúc danh văn hiện tiền, nếu quý vị không vượt qua được, sẽ chẳng có Quyền Trí lẫn Thật Trí. Vượt qua danh văn thuận lợi, quyết định không có tâm tham luyến danh văn, lợi dưỡng, lúc ấy Quyền Trí và Thật Trí bèn hiện tiền. “*Phát tâm tiếp nối huệ mạng của Phật, hoằng pháp lợi sanh, tức là tự lợi và lợi tha*”. Ở đây, quý vị phải hiểu thật rõ: Để hoằng pháp lợi sanh thì phải có Quyền Trí và Thật Trí. Thật Trí là gì? Thật Trí là tâm thanh tịnh. Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng là Thật Trí; chánh giác, từ bi là Quyền Trí. Quý vị hãy nghĩ xem: Nếu danh lợi hiện tiền, trong tâm có chút gì tham chấp thì sẽ chẳng chân thành, không thanh tịnh, cũng không bình đẳng. Nói cách khác, Thật Trí không có. Không có Thật Trí thì Quyền Trí cũng chẳng có. Nói khác đi, chẳng có tâm giác ngộ thì tâm từ bi cũng chẳng có, tâm từ bi chính là Thế Gian Ái Duyên Từ, vui vẻ đối với người khác, từ bi đối với người khác. Quý vị chán ghét người khác tức là đối với người khác không có tâm từ bi, không bình đẳng!

Xưa nay, trong nước, ngoài nước, không ít kẻ vì danh văn lợi dưỡng mà bị đào thải, bị đào thải với một mức độ rất lớn. Tướng trạng đào thải chúng ta thấy rất rõ: Danh văn, lợi dưỡng hiện tiền, đúng là [những kẻ ấy] tạo vô lượng vô biên tội nghiệp mà không biết. Nếu trí huệ hiện tiền thì họ sẽ hiểu rõ, dùng danh văn, lợi dưỡng để hộ trì chánh pháp, để giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn. Vì thế danh văn, lợi

dường đưa đến cũng chẳng cần phải tránh né, cốt yếu là quý vị dùng nó như thế nào, dùng như thế nào cho hợp trí huệ thì sẽ có lợi ích lớn lao! Nếu dùng theo kiểu ngu si, sẽ bị họa hại rất lớn! Đại hại hay đại lợi đều là do một niệm giác hay mê, rất quan trọng!

Tiếp đó còn hai vị Phật nữa, nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp vị Phật thứ tư ở phương Nam:

Tu Di Đăng Phật.

須彌燈佛。

“*Biểu thị tu Huệ, tự chuyển Thức thành Trí, lại còn giúp đỡ người khác*”. Học Phật, giáo hóa chúng sanh, quan trọng nhất là phải chuyển. Phật, Bồ Tát khác với phàm phu ở chỗ này. Phàm phu chẳng thể chuyển cảnh giới, nhất định bị cảnh giới chuyển. Chư Phật, Bồ Tát liễu giải Thật Tướng của các pháp, bởi thế, các Ngài chuyển được cảnh giới, sai biệt ở chỗ này. Chúng ta học Phật, nói thật ra, quan trọng nhất là học theo Phật, Bồ Tát xoay chuyển cảnh giới.

Bọn phàm phu chúng ta thật đáng thương; trong cảnh giới thuận, cảnh giới tốt lành sẽ bị thuận cảnh chuyển, chuyển như thế nào? Khởi tâm tham luyến. Gặp cảnh giới không tốt, cảnh giới xấu hèn, lập tức bị cảnh giới chuyển, sanh tâm nóng giận, sanh tâm chán ghét. Chúng ta thường nói là “thất tình ngũ dục đều động”. Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, khởi tâm động niệm đều là phiền não, đều là thất tình ngũ dục, đó gọi là “tạo nghiệp”!

Đã tạo nghiệp, lẽ đâu chẳng chịu quả báo? Nhà Phật thường nói: “*Vạn pháp giai không, nhân quả bất không*” (Vạn pháp đều không, nhân quả chẳng không). Vì sao nhân quả chẳng không? Nhân tự nhiên biến thành quả, quả lại biến thành nhân; vì thế, nhân quả “*chuyển biến bất không*” (chuyển biến chẳng phải là không), nhân quả “*trương tục bất không*” (tiếp nối chẳng không). Nói chung là tiếp nối nhau, do tiếp nối nên có quả, quả tiếp nối lại biến thành nhân, “*tuần hoàn bất không*” (tuần hoàn chẳng không). Nói “*nhân quả chẳng không*” là vì có ba hiện tượng sau đây: Chuyển biến, tiếp nối, tuần hoàn.

Phật, Bồ Tát hiểu rõ, hiểu rành rẽ, vì thế, các Ngài chuyển được cảnh giới, chẳng bị cảnh giới chuyển. Trong cảnh giới tốt, chắc chắn các Ngài chẳng khởi tham - sân - si - mạn, quyết định chẳng khởi thất tình ngũ dục, không hề khởi, không khởi tâm, không động niệm, chẳng bị cảnh giới chuyển. Đối với cảnh giới bất thiện, cảnh giới ác, ác duyên hiện tiền, chẳng những các Ngài không bị chúng chuyển, mà trái lại, biến cảnh giới bất thiện thành cảnh giới thiện, biến ác duyên thành thiện duyên, thật phi phạm! Bởi thế, các Ngài thọ dụng chẳng thể nghĩ bàn!

Tây Phương Cực Lạc thế giới và thế giới của chúng ta đây có gì khác biệt? Nói thật ra, hoàn toàn giống nhau, không sai biệt chút nào! Thế nhưng, theo những gì trình bày trong kinh, sai biệt rất lớn. Vì nguyên nhân nào vậy? Không có gì khác cả, thế giới giống hết nhau, nhưng tâm chúng sanh trong thế giới Cực Lạc đều hiền lành, đều thanh tịnh, tâm thanh tịnh sẽ biến thành Tịnh Độ, tất cả hết thảy vạn vật không gì chẳng thanh tịnh, cảnh chuyển theo tâm. Tâm con người trong thế giới chúng ta không thanh tịnh, trong tâm ô nhiễm nghiêm trọng, nên hoàn cảnh sống của chúng ta cũng bị ô nhiễm nghiêm trọng, không thanh tịnh!

Cảnh chuyển theo tâm! Bản thân cảnh không ô nhiễm, tâm thanh tịnh thì cõi Phật thanh tịnh; tâm không thanh tịnh, cõi nước mình ở cũng chẳng thanh tịnh. Đạo lý là như vậy. Nếu tâm chúng ta thực sự thanh tịnh, hiền lành, tất cả hết thảy người, sự, vật chung quanh chúng ta không gì chẳng thanh tịnh, hiền lành, Tịnh Độ sẽ hiện tiền! Tâm chúng ta hư ngụy, ô uế, bất bình, ngu si, tự tư tự lợi, tất cả hoàn cảnh chúng ta đang sống đều biến đổi theo tâm niệm, biến thành ngũ trược ác thế. Ngũ trược ác thế vốn do đây mà có, phải hiểu như thế!

Thế giới Cực Lạc cố nhiên là do A Di Đà Phật thanh tịnh, bình đẳng, từ bi mà thành tựu. Phàm những ai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tâm địa của mỗi người cũng phải thanh tịnh, bình đẳng, từ bi giống như A Di Đà Phật thì mới được vãng sanh. Bởi thế, kinh Vô Lượng Thọ nói trong ba bậc vãng sanh, chánh nhân vãng sanh đều là “*phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm*”. Đây là điều kiện trọng yếu nhất để được vãng sanh! Mấy năm gần đây chúng tôi đã hiểu “phát Bồ Đề tâm” rất rõ ràng, Bồ Đề tâm là gì? Chính là “*chân thành tâm, thanh tịnh tâm, bình đẳng tâm, chánh giác tâm, từ bi tâm*”. Quý vị dùng cái tâm ấy để “*một dạ chuyên niệm*” thì sẽ cảm ứng đạo giao! Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật.

Niệm Phật không đắc lực, niệm Phật vẫn có ma chướng hiện tiền là vì nguyên nhân nào? Vì quý vị không có tâm Bồ Đề! Nếu quý vị đầy

đủ lòng chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi thì niệm một câu Phật hiệu bèn có công đức, hiệu quả chẳng thể nghĩ bàn! Vì thế, chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa những lời đức Phật giảng trong kinh, phải thực sự biết y giáo phụng hành. Chúng ta miệng niệm Di Đà tâm tán loạn; tâm tán loạn là không chân thành, không thanh tịnh, không bình đẳng, không trí huệ, không từ bi, đó gọi là tâm tán loạn. Tâm tán loạn dù một dạ chuyên niệm cũng không có hiệu quả, chẳng thể đạt công phu thành phiền, vì nguyên nhân gì? Vì tâm tán loạn! Điều này quan trọng hơn bất cứ gì khác. Vì thế, tu Huệ thì quan trọng nhất là phải biết chuyển, tức là chuyển Thức thành Trí, chuyển được một thì sẽ chuyển được hết thảy.

Tiếp đó, chúng tôi lại có câu giải thích đơn giản: “*Tự hành, hóa tha, phá mê, khai ngộ*”: Tự mình tu hành, lấy việc phá mê khai ngộ làm mục tiêu hàng đầu; giúp đỡ người khác, giáo hóa chúng sanh, cũng là lấy phá mê khai ngộ làm mục tiêu hàng đầu! Đó là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc nhất định phải nắm vững. Thức là vọng tâm, Trí là chân tâm; nói cách khác, chuyển vọng tâm thành chân tâm, dụng công nơi tâm địa! Phải hiểu tác dụng của vọng tâm, tám thức; tác dụng của thức thứ sáu là phân biệt; ý thức phân biệt; thức thứ bảy là chấp trước; thức thứ tám giống như cái kho, chúng ta thường nói là “ghi ấn tượng”, mọi ấn tượng đều cất vào đó, tích trữ trong cái kho ấy. Từ vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp, bất kể ấn tượng tốt hay ấn tượng xấu, thảy đều được chứa trong ấy, đó là vọng tưởng! Năm thức đầu là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý, bản thân chúng không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đều nghe theo sự chỉ huy của thức thứ sáu và thức thứ bảy mà hành động. Thức thứ bảy chấp trước, thức thứ sáu phân biệt, biểu hiện ra bên ngoài, biểu hiện qua năm thức trước, tạo nghiệp như vậy đây!

Bồ Tát thông minh, có trí huệ, Ngài có thể chuyển biến, chuyển thức thứ sáu thành Diệu Quán Sát Trí. Quán Sát là hiểu rõ, nơi mắt, tác dụng của ý thức là thấy rõ, nơi tai là nghe hiểu, nơi mũi là ngửi rõ, nơi lưỡi là nếm rành rẽ, nơi thân tiếp xúc bèn hiểu rõ ràng, nơi ý là biết rõ ràng. Quán Sát lại thêm chữ Diệu. Diệu là dấu hiểu rõ, nhưng không chấp tướng, không phân biệt, hiểu rõ nhưng không phân biệt, đó là trí huệ chân chánh! Hiểu rõ mà trông thêm phân biệt thì thành mê, không phải là trí huệ chân chánh, phải gọi là Thức, chẳng gọi là Trí. Giống như tấm gương soi cảnh tượng bên ngoài, quý vị thấy rất rõ ràng minh bạch, rành rẽ, thông suốt, nhưng không phân biệt, không chấp trước, không vọng tưởng. Vì thế, đức Phật thường dạy chúng ta “*dụng tâm như kính*”

(dụng tâm như gương). Trong cuộc sống thường nhật, đối với hết thầy người, sự, vật, chúng ta khởi tâm động niệm giống hệt như tấm gương trong treo, sáng suốt, rành rẽ, phân minh, không có vọng tưởng, không phân biệt, không chấp trước. Đó gọi là Trí chiếu! Diệu Quán Sát Trí chiếu cảnh giới sáu trần.

“Chuyển thức thứ bảy thành Bình Đẳng Tánh Trí”. Thức thứ bảy là nhiễm ô, chấp trước; chấp trước là không bình đẳng, bình đẳng thì không chấp trước. Vì thế, đối với hết thầy pháp, không còn chấp trước, tâm bình đẳng hiện tiền, Bình Đẳng Tánh Trí hiện tiền. Hễ có mảy may chấp trước, phải như thế này, phải như thế nọ mới là đúng; như thế kia là không đúng, đây chẳng phải là Trí, mà là Thức! Thức sẽ tạo nghiệp, Trí không tạo nghiệp. Dùng Trí không dùng Thức, dùng Trí để chu toàn mọi sự thì sẽ càng thực hiện viên mãn, trí huệ chân thật. Dùng Thức để xử sự, chẳng thấy được viên mãn, vì sao? Vì rất nhiều chỗ quý vị không thấy được. Nếu dùng Trí để xử sự, sẽ thấy thấu suốt quá khứ, hiện tại, vị lai, có thể thấy cõi này và mười phương, há làm được ư? Học Phật phải học lấy trí huệ, có như vậy mới có thể chuyển Thức thành Trí.

“Chuyển thức thứ tám thành Đại Viên Kính Trí”. Đại Viên Kính (tấm gương tròn lớn) là tỷ dụ, Viên là viên mãn; nói cách khác, không gì chẳng biết. Vì sao không gì chẳng biết? Do trong A Lại Da Thức từ vô thủy kiếp đến nay, tích chứa chủng tử tập khí, trong ấy có nào thiện, nào ác, nào vô ký (không thiện, không ác), thấy đều chuyển thành trí huệ. Do vậy, thiện cũng tốt, ác cũng xong, thấy đều rõ ràng, thấy đều thấu suốt, nghiệp nhân quả báo chẳng mê hoặc mảy may. Vừa chuyển biến liền biến thành không gì chẳng biết. Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết!

Chuyển được ba thức này thì năm thức trước sẽ chuyển theo, chuyển thành “Thành Sở Tác Trí”, thành tựu hành vi trí huệ, tạo tác trí huệ, không bị mê hoặc, dùng trí huệ để tạo tác nên tự lợi, lợi tha. Đối với chính mình, thành tựu ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, trở thành bậc thầy, thành gương mẫu, thành tiêu chuẩn cho hết thầy chúng sanh noi theo, thành mẫu mực cho hết thầy chúng sanh, biểu lộ qua năm Thức trước cho nên tạo thành hình tượng ấy! Tu hành quý nhất là chuyển biến; chúng tôi cũng thường giảng như thế.

Chuyển biến từ đâu? Bắt đầu từ đâu? Nhà Phật dạy từ ngay nơi phương tiện ban đầu. Chuyển từ chỗ nào? Phải chuyển từ ý niệm. Ý niệm quá nhiều. Từ sáng đến tối, niệm trước diệt, niệm sau sanh, sanh diệt không ngừng! Đó là tướng phàm phu khổ não, chẳng giống với chư Phật và Pháp Thân Bồ Tát, các Ngài không khởi tâm, không động niệm,

các Ngài trụ trong đại định, trụ trong tam-muội. Lục đạo phàm phu trụ trong vọng niệm hết sức đau khổ. Phật, Bồ Tát Thiền Định rất sâu, trong hết thấy cảnh giới không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, đó là “*thường trụ tam-muội*”. Sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài, khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, đó là nhân; quả báo bèn là luân hồi lục đạo. Nhân quả tuần hoàn, nhân quả tiếp nối.

Thưa quý vị, chúng ta hãy thực sự tu hành, đừng tu hành trên mặt hình tướng! Tu hành trên hình thức chính là đại từ đại bi biểu diễn cho người khác thấy; còn chính mình phải dụng công thực sự tu hành, người khác không thấy được. Vì thế, phải biểu diễn sự tu hành nhằm tiếp dẫn đại chúng, nhằm lợi ích chúng sanh. Vì người khác nói, diễn nói chẳng phải vì bản thân, mà vì người khác, nhằm hóa độ người khác. Để độ chính mình thì quan trọng nhất là nếu khởi tâm động niệm mà có ý niệm tự tư tự lợi thì khi ý niệm ấy khởi lên, phải ngay lập tức diệt trừ, vì đó là tâm luân hồi! Niệm niệm nghĩ đến gì? Nghĩ sao cho chánh pháp tồn tại dài lâu, sao cho giáo huấn của hết thấy thánh hiền được thường trụ trong thế gian, được hoằng dương rạng rỡ, to lớn, lợi ích chúng sanh. Chúng ta phải thường nghĩ đến những điều này. Thường nghĩ giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn, giúp họ lìa khổ được vui, chúng ta có thể hy sinh chính mình vì người khác, phải từ những chỗ ấy mà chuyển biến. Tuyệt đối chớ nên nghĩ như thế này: Trước hết phải tính sao cho có lợi cho chính mình, chuyện gì có lợi cho mình thì làm, chuyện gì vô ích đối với mình, có lợi cho chúng sanh thì chẳng buồn làm. Nếu vậy là làm mất rồi! Vẫn là cái tâm luân hồi, ngày ngày tạo nghiệp luân hồi, dầu có niệm Phật suốt đời cũng chẳng thể vãng sanh, vẫn cứ phải luân hồi trong lục đạo, vì sao? Tâm luân hồi mà! Không có tâm buông bỏ luân hồi!

Nếu quý vị chuyển cái tâm luân hồi thành tâm Bồ Đề, tôi thường nói mười sáu chữ, vì sao cứ phải nói mãi? Vì chưa làm được! “*Tự tư, tự lợi, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham, sân, si, mạn*”, phải đoạn mười sáu chữ ấy. Phải chuyển! Chuyển tự tư thành đại công, chuyển tự lợi thành lợi ích hết thấy chúng sanh. Vì sao không chuyển được ý niệm ấy? Quý vị phải biết tự tư tự lợi rất khổ! Lo được, lo mất, khổ không thể nói nổi! Chuyển biến được cái tâm ấy sẽ được đại lạc, lìa khổ được vui. Quý vị khởi tâm động niệm đại công vô tư thì ý niệm và nguyện vọng của mình nếu duyên chín muồi sẽ có rất nhiều người giúp mình, sự việc bèn thành tựu, vui sướng, chúng sanh có phước. Nếu không có thiện duyên, thậm chí vẫn có rất nhiều chướng duyên chướng

ngại mình, chúng ta chỉ than một tiếng: “Chúng sanh không có phước báo, duyên chưa chín muồi”. Vì sao? Tự mình không có ý niệm được hay mất: Việc thành công, tự mình không có ý niệm đạt được; việc không thành công, tự mình chẳng có ý niệm mất mát.

Không có ý niệm được - mất nên tâm quý vị thanh tịnh, tâm chân thành, trong tâm vui sướng, không thọ khổ. Thành công, thọ lạc; không thành công, vẫn cứ thọ lạc, không thọ khổ. Người thế gian mê hoặc, điên đảo, lo được, lo mất, sung sướng thì sướng phát cuồng; mất mát thì đau khổ quá đỗi, chẳng liễu giải chân tướng sự thật, ý niệm tự tư, tự lợi quá nặng. Vì thế, “*chuyển Thức thành Trí*” phải chuyển từ chỗ này.

Lúc tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư dạy tôi thấy thấu suốt, buông xuống. Buông xuống chính là chuyển, buông tự tư, tự lợi xuống, buông danh văn, lợi dưỡng xuống, buông sự hưởng thụ ngũ dục, lục trần xuống, buông tham - sân - si - mạn xuống, trí huệ bèn tăng trưởng! Rõ ràng nhất không sai mấy là cảnh giới mỗi tháng mỗi khác, mỗi tháng đều có lạc thú; đây chính là như sách Luận Ngũ nói: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi thường tu tập, cũng chẳng vui sao?), trong nhà Phật gọi điều này là “*pháp hỷ sung mãn*”. Pháp hỷ bổ dưỡng con người, dưỡng thân, dưỡng tâm, thân tâm mạnh khỏe. Ngạn ngữ Trung Hoa có câu: “*Nhân phùng hỷ sự tinh thần sáng*” (người gặp chuyện vui, tinh thần sáng khoái), suốt cả đời quý vị sống trong hoan hỷ, đó là hạnh phúc lớn lao nhất. Quý vị không phiền não, không lo lắng, không vướng mắc chuyện gì trong lòng, vui nào sánh bằng! Niềm sung sướng ấy quý vị vốn có, nay quý vị biến thành đau khổ như vậy là vì có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tự tư, tự lợi, có tham - sân - si - mạn, hằng ngày truy cầu danh văn, lợi dưỡng; cầu được thì lại sợ mất; cầu không được bèn đau khổ không thể nói nổi! Vì thế, cầu được cũng khổ, cầu không được cũng khổ; nỗi khổ ấy do chính mình chuốc lấy, chứ đâu phải quý vị sẵn có!

Vì vậy, học Phật phải học chuyển biến cảnh giới, chuyển cảnh giới chẳng phải bên ngoài mà là chuyển biến trong nội tâm. Trong kinh, đức Phật đã giảng rất nhiều: “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (Hết thảy pháp từ tâm tướng sanh). Tâm năng tưởng, cảnh giới bên ngoài là sở tưởng. Quý vị muốn chuyển thì đừng chuyển nơi cái được tưởng (sở tưởng) mà phải chuyển nơi năng tưởng. Chuyển được năng tưởng thì sở tưởng bèn biến đổi. Rõ ràng nhất là trong thí nghiệm kết tinh nước của ông Giang Bồn Thắng. Lần này, pháp sư Định Luật từ Nhật Bản qua Đài Loan viếng tang mẹ của Hồ cư sĩ, mang theo một cuốn băng thâu

hình, Sư có cuốn băng ấy từ chỗ ông Giang Bồn Thắng. Chúng tôi thấy rất rõ, so với hình chụp trong sách rõ rệt hơn nhiều lắm. Là vì trong sách, quý vị nhìn vào hình chụp, không thấy nó biến hóa, qua băng thâu hình, thấy hình ảnh biến hóa, khiến cho người ta rất cảm động. Cảnh giới biến đổi theo tâm niệm con người, ý niệm của quý vị là tốt lành thì nó càng biến đổi càng đẹp, càng biến đổi càng to; lúc tâm lượng không lành, hình dạng của chúng rất khó coi. Điều ấy chứng minh hết thấy pháp từ tâm tưởng sanh, hết thấy pháp chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến, chứng minh rõ ràng! Bởi thế, cảnh giới chuyển biến trong mỗi niệm.

Cư sĩ Giang Bồn Thắng [thật ra] vẫn chưa là cư sĩ, ông ta là tiền sĩ, cực lực hô hào, mong mỗi người thế gian ai nấy đều có thể dùng thiện tâm, thiện niệm đối đãi hết thấy người, hết thấy sự, hết thấy vật thì quả địa cầu này sẽ biến thành tốt đẹp phi thường. Lời kêu gọi ấy giống như thiền sư Trung Phong đã nói trong Hệ Niệm Pháp Sư, tâm ta là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta, Cực Lạc là cõi này, cõi này chính là Cực Lạc. Vậy thì quý vị biến đổi cái tâm bằng cách nào? Nếu tâm biến thành thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, thế giới này sẽ là thế giới Cực Lạc, không phải biến đổi nơi cảnh giới mà là biến đổi nơi tâm địa!

Trong thế gian này, những người sống trên địa cầu không cần nhiều, cổ đức thường nói là một phần mười, tức trong mười người có một người tâm địa thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, thiện lương thì thế giới này đã biến thành thế giới Cực Lạc rồi. Chắc chắn một người có thể ảnh hưởng cả chín người kia. Vì thế, ông ta cổ vũ sự giáo dục yêu thương và biết ơn. Trong những năm qua, chúng tôi thực sự không tiếp xúc với ông ta, chúng tôi cũng cổ động giáo dục yêu thương, giáo dục lòng cảm ơn, không bàn tính mà cùng hợp! Vì thế, chúng tôi hoan nghênh ông Giang Bồn Thắng đến thăm Úc Châu, trong thời gian viếng thăm, tôi hy vọng ông ta có thời gian đến thăm học viện chúng ta, chúng tôi sẽ sắp xếp một buổi diễn giảng cho ông tại Đồ Văn Ba (Toowoomba). Trong phần sau là tổng kết, ở đây là tiểu kết.

“*Chiếu phá Tam Hoặc của mình lẫn người*”. Tam Hoặc là ba loại mê hoặc lớn. Ba loại này chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Trong các kinh Đại Thừa, đức Thế Tôn thường gọi ba loại mê hoặc này là phiền não, tức Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, và Vô Minh phiền não. Kiến Tư phiền não là chấp trước, Trần Sa phiền não là phân biệt, Vô Minh phiền não là vọng tưởng, danh từ khác nhau nhưng ý nghĩa hoàn toàn tương đồng. Phải dùng trí huệ để chiếu phá, “*Tu Di biểu thị nhất thể bất nhị*”, Tu Di là Pháp Thân, núi Tu Di tượng trưng cho

Pháp Thân. Kinh luận thường nói: “Thập phương tam thể Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân” (Mười phương ba đời Phật cùng chung một Pháp Thân), nói mười phương ba đời Phật là gộp cả chúng ta trong ấy. Ba đời là quá khứ, hiện tại, vị lai, hết thấy chúng sanh đều là Phật vị lai, mọi người chúng ta đều là Phật vị lai, chúng ta cùng với quá khứ Phật và hiện tại Phật có chung một Pháp Thân, nhất thể bất nhị, đức hiệu của vị Phật này biểu thị ý nghĩa ấy. Vị Phật cuối cùng là.

Vô Lượng Tinh Tấn Phật.

無量精進佛。

“Biểu thị pháp tu căn bản, thiện căn Đại Thừa chỉ gồm một loại là tinh tấn, thành tựu đại huệ”. Đức Phật nói đến thiện căn, Căn là dùng thực vật làm tỷ dụ, thực vật phải có rễ (Căn) thì mới có thể sống được, tăng trưởng được, khai hoa kết quả được. Nói đến thiện căn, là sánh ví nó giống như rễ của thực vật, thiện căn có thể sanh trưởng hết thấy thiện pháp, tất cả hết thấy thiện pháp đều từ căn này sanh ra, đức Phật gọi đó là “thiện căn”.

Thiện căn có thể gian thiện căn và xuất thế gian thiện căn. Trong lục đạo thế gian, tất cả hết thấy thiện pháp từ đâu mà sanh? Đức Phật nói có ba thứ thiện căn: không tham, không sân, không si, như trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo nói bất tham, bất sân, bất si là ba thiện căn! Tất cả hết thấy thiện pháp trong lục đạo đều sanh từ những Căn này. Trái với ba thiện căn là tham - sân - si, gọi là Tam Độc! Khi chúng tôi giảng kinh thường gọi chúng là “bệnh độc”, trong tâm mỗi người chúng ta có bệnh độc nghiêm trọng là tham - sân - si. Ba thứ bệnh độc tham - sân - si gây tạo tất cả hết thấy tật bệnh và tai nạn trong thế gian này. Người ta thường nói đến thiên tai, nhân họa, thủy tai, hỏa tai, phong tai, địa chấn (động đất), ôn dịch, những thứ ấy từ đâu mà có? Cội nguồn của chúng đều là tham - sân - si.

Vì vậy, quý vị phải hiểu minh bạch đạo lý sau đây: Nếu trong tâm quý vị không có tham - sân - si, sẽ tránh khỏi rất nhiều tai nạn. Dù quý vị có đến chỗ đang có bệnh dịch cũng không bị truyền nhiễm. Vì sao? Quý vị không có những điều kiện cảm ứng với chúng; virus gây bệnh truyền nhiễm phải có môi giới, môi giới chính là cái tâm bất thiện của chính mình. Ác niệm sẽ khởi cảm ứng đạo giao với chất độc ấy, sẽ lây nhiễm dễ dàng. Nếu tâm địa của chính mình thanh tịnh, tâm địa từ bi, không có

ý niệm tham - sân - si, quý vị sẽ chẳng bị lây nhiễm. Từ nguyên lý, nguyên tắc mà nói thì đúng là như thế!

Bởi thế, con người chẳng thể không tu thiện. Cát - hung, họa - phước thực sự chỉ trong một niệm. Một niệm lành thì đại cát, đại lợi; một niệm không lành, đại hung, đại họa. Nếu chúng ta thực sự có tâm xu cát ty hung (tìm lành tránh dữ) thì phải xu cát ty hung bằng cách nào? Phải đoạn ác tu thiện, quý vị sẽ không có tai nạn! Đúng như cổ nhân đã nói: Người có phước báo, tâm địa thanh tịnh, có trí huệ, có phước báo! Ngạn ngữ nói rất hay, gặp phải tai nạn thì “*phùng hung hóa cát, ngộ nạn thành tường*” (gặp điều dữ hóa điều lành, gặp tai nạn biến thành chuyện tốt lành), chuyển biến đây! Gặp phải hung tai nó bèn chuyển biến thành hảo sự, cát tường. Gặp phải tai nạn, chuyển biến thành phước báo cát tường. Đều là chuyển biến nơi tâm, lúc bình thường phải chuyển biến, chứ không phải đến lúc tai nạn mới tính chuyển thì chuyển chẳng được đâu! Công phu do lúc bình thời, bình thời niệm niệm đều thiện, niệm niệm là thiện niệm, hành vi nào cũng là thiện hạnh. Quý vị thấy đó: Thiện niệm, thiện ý, thiện hạnh thì không gì chẳng phải là tốt lành! Tâm tịnh, ý tịnh, hành vi thanh tịnh, ắt sanh Tịnh Độ. Kinh đã dạy mà cổ đức cũng thường nói: “*Tâm tịnh tắc quốc độ tịnh*” (Tâm tịnh thì cõi Phật tịnh). Quý vị khởi cảm ứng đạo giao với Tịnh Độ thì tự nhiên sẽ vắng sanh.

Trong pháp xuất thế gian, thiện căn chỉ có một, chính là Tinh Tấn. Tinh tấn là thiện căn duy nhất của Bồ Tát, “*Thiện căn Đại Thừa chỉ có một loại là Tinh Tấn*”. Tinh tấn là không lười nhác, “*thành tựu đại huệ*”. Mục tiêu mà chúng ta mong cầu là viên mãn rốt ráo hiện tiền thì phải nhờ vào đâu? Nhờ vào tinh tấn. Tương phản với tinh tấn chính là điều chướng ngại lớn nhất cho pháp xuất thế gian, điều gì vậy? Giải đãi! Người học pháp xuất thế quyết định không tham - sân - si, tức là hội đủ ba thiện căn thế gian cho nên mới tu pháp xuất thế. Quý vị nhất định phải hiểu đạo lý này: Tu pháp thế gian chưa trọn mà toan tu pháp xuất thế gian sẽ chẳng thể được đâu! Chẳng thể làm người tốt trong thế gian mà lại muốn thành Phật, thành Bồ Tát, chẳng thể nào được! Chẳng thể không hiểu đạo lý này, phải hiểu thấu triệt. Vì sao? Có hiểu thì mới phát sanh ảnh hưởng đối với tâm hạnh của chính mình. Nếu quý vị hiểu rất sâu, rất triệt để, sẽ tự nhiên chịu làm như vậy. Vì sao? Làm như vậy có đại lợi ích, làm như vậy có chỗ rất tốt. Với chính mình là lìa khổ được vui, với chúng sanh cũng giúp cho họ lìa khổ được vui. Còn gì vui hơn mà không làm cơ chứ?

Rất nhiều đồng học học Phật nghe những lời này đều gật đầu, nhưng rất cảm thán bảo tôi: “Thưa pháp sư! Con làm không được!” Tôi biết vì sao họ làm không được! Vì sao họ làm không được? Vì hiểu chưa sâu, nên thường đến hỏi tôi phải làm cách nào? Tôi dạy họ nghe kinh cho nhiều. Nghe kinh nhiều không có nghĩa là kinh gì cũng nghe, phải hiểu ý này. Quý vị là sơ học, nói “*sơ học phải nghe kinh nhiều*” nghĩa là chỉ nghe một bộ kinh, tôi đa là hai bộ, ba bộ kinh, đừng nhiều hơn ba. Nghe bao lâu? Từ xưa đến nay, tổ sư đại đức ấn định quy củ là năm năm.

Tôi đến Đài Trung thân cận thầy Lý. Thầy Lý cũng dạy tôi năm năm phải chuyên công! [Tức là] chuyên môn nghe một loại, hoặc là nghe hai loại, tôi đa không được quá ba loại, tôi đa là ba loại. Nghe đi nghe lại như vậy, hằng ngày không gián đoạn, nghe suốt cả năm năm. Tốt ở chỗ nào? Tâm quý vị bèn định. Nếu trong năm năm ấy, quý vị nghe mười mấy loại, tâm sẽ chẳng định. Há chẳng phải như kinh này dạy “nhất tâm bất loạn”, tu nhất tâm bất loạn đó sao? Nhất tâm bất loạn là tam-muội, nhất tâm bất loạn là Thiền Định rất sâu, tu như thế nào? Phải thâm nhập một môn, tâm bèn định. Cứ nghe đi nghe lại, mỗi lần nghe một lượt, quý vị lại cảm nhận, lãnh hội khác nhau. Mỗi lần nghe lại được một lần công phu định lực, mỗi lần nghe là một lần đắc trí huệ. Nghe suốt năm năm như thế, quý vị ắt có định, có huệ. Nói cách khác, dầu chưa đạt được Căn Bản Trí, nhưng đã đạt được Tương Tự Căn Bản Trí. Từ chỗ này, quý vị có thể kiến lập tín tâm, đạt được pháp hỷ, rất sung sướng, cảm nhận rất rõ phiền não của chính mình giảm thiểu, tức vọng tưởng, phân biệt, chấp trước ít hơn, trí huệ tăng trưởng. Bất luận tiếp xúc hết thầy người, sự, vật, tự hồ chính mình có trí huệ, chính mình xử trí rất thích đáng.

Bản thân tôi đi theo con đường này, tôi không tu pháp môn nào khác, chỉ là nghe kinh, đọc kinh, giảng kinh, cả đời vui sướng không mệt mỏi. Những chuyện đáp ứng lời mời mọc giảng diễn bên ngoài nói thật ra toàn là chuyện bất đắc dĩ, chẳng phải là tôi muốn đi; không muốn đi sao lại cứ đi? Đối với xã hội có chút lợi ích thì chúng tôi phải làm. Xã hội hiện tại là đời loạn mà! Tà tri, tà kiến, tà thuyết, tà hạnh ngập ngụa thế gian, chúng sanh rất khổ, không giác ngộ! Vì thế, có ai tìm tôi, có cơ duyên ấy, tôi cũng vui lòng dâng chút công hiến. Đem sở học của chính mình, đem những gì mình hiểu biết để thừa cùng đại chúng, dâng cho đại chúng tham khảo hòng tu học, tận hết chút sức kém cỏi của chính mình. Xong việc, tôi trở về gấp studio của chính mình, chẳng thích đi ra ngoài, chỉ là bất đắc dĩ mà thôi! Hết thầy là vì chánh pháp tồn tại lâu dài, hết thầy là vì chúng sanh khổ nạn.

A! Hôm nay hết giờ rồi!

**Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm
Pháp Sư Toàn Tập Giảng Ký,
Quyển Thượng**

MỤC LỤC

Dẫn Nhập.....	003
TẬP 01	006
A. Giới Thiệu Giản Lược Về Tác Giả.....	006
TẬP 02	022
B. Giải Thích Đề Mục.....	022
C. Chánh Thức Giảng Vào Kinh Văn.....	025
1. Giới Định Chân Hương	025
2. Kệ Giác Hải.....	031
3. Kỳ Đảo Văn.....	038
TẬP 03	041
4. Lư Hương Tán.....	046
5. Kỳ Đảo Văn.....	050
ĐỆ NHẤT THỜI	055
TẬP 04	063
6. A Di Đà Kinh.....	063
6.1 Giải Thích Tựa Đề Kinh.....	063
6.2 Tự Phần.....	079
6.2.1 Thông Tự.....	081
6.2.1.1 Giới Thiệu Khái Lược Lục Chung Thành Tự.....	081
TẬP 05	084
6.2.1.2 Giảng Về Tín Thành Tự.....	084
6.2.1.3 Giảng Về Thời Thành Tự.....	090
6.2.1.4 Giảng Về Chủ Thành Tự.....	092
6.2.1.5 Giảng Về Xứ Thành Tự.....	094
6.2.1.6 Chúng Thành Tự.....	098
6.2.1.6.1 Thuyết Minh Thính Chúng.....	098
6.2.1.6.2 Biện Định Thính Chúng Duyên Do.....	101
6.2.1.6.2.1 Biện Định Duyên Do Và Vai Trò Thanh Văn Chúng.....	101
TẬP 06	104
6.2.1.6.2.2 Biện Định Duyên Do Và Vai Trò Bồ Tát Chúng..	109
6.2.1.6.2.3 Biện Định Duyên Do Và Vai Trò Ngoại Hộ Chúng.....	110
6.2.1.6.3 Giảng Tường Tận về Thanh Văn Chúng.....	112
6.2.1.6.3.1 Minh Định Quả Vị.....	112
6.2.1.6.3.2 Nêu Tên Chúng Thanh Văn Thượng Thủ.....	116

TẬP 07	121
TẬP 08	139
6.2.1.6.4 Giảng Rõ Về Bồ Tát Chúng.....	139
6.2.1.6.4.1 Quảng Thích Bồ Tát Chúng.....	139
6.2.1.6.4.2 Nêu Tên Thượng Thủ Trong Bồ Tát Chúng....	143
6.2.1.6.5 Quảng Thích Ngoại Hộ Chúng.....	148
TẬP 09	159
6.2.2 Biệt Tự.....	159
TẬP 10	178
6.3 Chánh Tông Phần.....	178
6.3.1 Rộng Bày Diệu Quả Y Báo, Chánh Báo Để Khởi Tín..	178
6.3.1.1 Minh Định Tông Chỉ Tín, Nguyên, Trì Danh.....	179
TẬP 11	198
6.3.2 Y Báo Diệu Nghiêm.....	212
6.3.2.1 Tổng Thuyết Y Báo Diệu Nghiêm.....	212
TẬP 12	216
TẬP 13	234
6.3.2.2 Địa Lợi Chi Lạc.....	246
TẬP 14	253
6.3.2.3 Bảo Trì Đức Thủy.....	259
TẬP 15	274
6.3.2.4 Thiên Nhạc Vũ Hoa.....	277
6.3.2.5 Thuyết Pháp Trang Nghiêm.....	285
TẬP 16	296
TẬP 17	315
TẬP 18	334
6.3.2.6 Hàng Thụ Diễn Pháp.....	346
TẬP 19	356
6.3.3 Chánh Báo Màu Nhiệm.....	358
TẬP 20	377
6.3.3.1 Khuyên Chúng Sanh Phát Nguyên Cầu Sanh Tịnh Độ.	382
TẬP 21	399
TẬP 22	420
TẬP 23	439
TẬP 24	460
6.3.4 Chỉ Rõ Pháp Cháp Trì Danh Hiệu Để Lập Hạnh.....	460
TẬP 25	481
TẬP 26	502

TẬP 27	521
TẬP 28	540
TẬP 29	559
6.4 Lưu Thông Phần.....	559
6.4.1 Chư Phật Khuyến Tấn Lưu Thông.....	560
TẬP 30	579
Mục lục	602

**TRUNG PHONG TAM THỜI
HỆ NIỆM PHÁP SỰ
TOÀN TẬP GIẢNG KÝ
Quyển Hạ**

**中峰三時繫念法事
全集講記
卷下
(越語譯本)**

**Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không
Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa
淨空老法師講述
寶光寺弟子如和越譯**

DẪN NHẬP

Lần đầu tiên mặt nhân được biết đến Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm là vào năm 2001 trong kỳ Phật Thất mùa Đông tại Tịnh Tông Học Hội Dallas. Do không biết tiếng Quan Thoại nên chúng tôi không nghe ra các âm thanh tụng niệm để theo kịp khóa niệm; nhờ đó, chúng tôi có dịp thông thả đọc từng trang Tam Thời Hệ Niệm và nhận thấy đây là một tác phẩm vô cùng quý giá cho Tịnh nghiệp hành nhân.

Thoạt nhìn, dễ hiểu lầm đây chỉ là một thứ khóa tụng nhằm hồi hướng cho các vong linh sau khi Phật thất viên mãn. Thế nhưng, càng đọc kỹ, càng thấy mỗi một lời khai thị trong bản pháp sư khoa nghi này đúng là kim chỉ nam cho người tu Tịnh Độ. Càng đọc, chúng tôi càng nhận thấy tư tưởng của Trung Phong quốc sư qua những lời khai thị hoàn toàn nhất quán với tư tưởng của lịch đại tổ sư Tịnh tông. Đường như, trong các trước tác, ngài Ngẫu Ích chịu ảnh hưởng của ngài Trung Phong rất nhiều, nhưng do kiến văn thô lậu, hữu hạn, chúng tôi không dám đoan chắc điều này. So với tác phẩm Tịnh Độ Sám Nguyên của ngài Tuân Thúc, ý nghĩa, văn chương, khai thị, thứ tự tác pháp của Tam Thời Hệ Niệm đều vượt trội. Nhất là trong pháp sư này, đối tượng quy kính hoàn toàn chuyên nhất nơi Tây Phương Tam Thánh, không lẽ bãi quá nhiều danh hiệu thập phương chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn Tăng như trong Tịnh Độ Sám Nguyên, khiến tư tưởng “*nhất tâm chuyên niệm, hồi hướng phát nguyện vãng sanh*” của Tịnh tông càng được củng cố mạnh mẽ, người hành trì cũng dễ chú tâm hơn.

Đã từ lâu mặt nhân mang tâm nguyện phiên âm, chuyển ngữ pháp sư khoa nghi này, nhưng đành bó tay vì văn chương của ngài Trung Phong quá cô đọng, hầu như không cách nào gượng dịch được. May mắn sao! Mùa Thu năm nay (2004), chúng tôi tìm được bản Giảng Ký về khoa nghi pháp sư này của lão pháp sư Tịnh Không trên trang nhà Hoa Tạng Phật Giáo Đồ Thư Quán. Xin trân trọng diễn nôm, với tâm nguyện giúp cho những hành nhân Tịnh tông có thêm tài liệu làm kim chỉ nam hòng củng cố chí thú nhất tâm chuyên niệm, hồi hướng vãng sanh. Chúng tôi hoàn toàn tâm đắc lời Hòa Thượng Tịnh Không khai thị: Ngoài năm kinh một luận Tịnh Độ, mỗi hành nhân Tịnh Độ nên thường đọc đi đọc lại pháp sư này, tùy văn nhập quán để phần nào thể hội ý chỉ “*tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh Độ*”; để từ đó, sự lý viên dung, sự sự vô ngại, niệm niệm chẳng rời A Di Đà Phật.

Dưới mỗi câu trong chánh văn trong pháp sư khoa nghi, chúng tôi

tạm dịch thành đôi dòng tiếng Việt để phô bày phần nào huyền nghĩa của chánh văn. Vì sức học quá hạn hẹp, thiếu hần văn tài, lời văn vụng về, thô kệch, què quặt, không thông suốt, chúng tôi không dám gọi đây là bản dịch, mà chỉ gọi là “bản chuyển ngữ”. Để người đọc tiện theo dõi, chúng tôi tự tiện đánh số chia khoa mục và đặt tiêu đề. Do nguyên cảo là một bản ghi chép trung thực lời Hòa Thượng giảng trong nhiều ngày, nên có những đoạn được Hòa Thượng nhắc đi nhắc lại đôi ba lần. Khi chuyển ngữ, chúng tôi vẫn giữ nguyên như thế, không tinh lược, ngõ hầu người đọc có thể tưởng tượng như đang trực tiếp tham dự pháp hội giảng kinh của Hòa Thượng.

Trong khi đang dịch nháp bài giảng này, chúng tôi thấy có những vị thiện tri thức khác cũng đang dịch băng giảng, nên chúng tôi đã bỏ dở, không làm nữa, nhưng rồi nuôi tiếc, nên đành chuyển ngữ tiếp cho đến khi hoàn thành cảo bản vào cuối năm 2005. Do nghĩ bản chuyển ngữ này là việc làm dư thừa, coi như một tài liệu chỉ dành riêng cho chính mình học hiểu Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư, chúng tôi giữ nguyên hình thức mộc mạc, trúc trắc của nó để đăng tải trên trang nhà Di Đà Nguyễn Hải (niemphat.net), vì nghĩ sẽ chẳng ai bận tâm đọc nó sau khi đã có băng giảng được lưu hành. Cho tới cuối năm 2010, trong một cuộc điện đàm, sư huynh Đức Phong đã có nhã ý muốn ấn hành bài giảng này để giúp cho những đồng tu cao tuổi, khó thể đọc lâu trên Internet, có thể thuận tiện tra cứu khi cần thiết, dễ dàng đánh dấu chương nào, phần nào cần thiết để đọc đi đọc lại từng phần lời giảng, suy ngẫm hòng thấu hiểu để thực hành hạnh “tùy văn nhập quán” như lão pháp sư Tịnh Không đã ân cần chỉ dạy. Vâng lời từ huấn của sư huynh Đức Phong, chúng tôi tu chỉnh, điều chỉnh cách chấm câu chưa hợp lý, ghi thêm chánh văn tiếng Hán, diễn nôm một số từ ngữ Hán Việt không phổ biến, cũng như nhuận sắc cho lời văn đỡ thô vụng, què kệch hơn, cũng như sửa lỗi chánh tả. Dầu đã cố gắng hết sức, nhưng tài cùn, trí cạn, thiếu hần sự tu trì, kiến thức chấp vá, lơ mơ, chắc chắn sẽ có những sai sót không thể nào tha thứ được trong bản chuyển ngữ ngô nghê này, ngưỡng mong các liên hữu xa gần sẽ rộng lòng từ bi lân mẫn chỉ giáo, phủ chính.

Nếu việc làm liêu lĩnh này của chúng tôi có công đức nào thì xin hồi hướng công đức ấy lên bốn sư thượng Giải hạ Thắng, trụ trì chùa Bửu Quang quận 7, Sài Gòn, chư tổ sư hoàng truyền Tịnh tông Việt Nam và Trung Hoa, lịch đại tổ tiên, phụ mẫu, tông thân quyến thuộc, cũng như các liên hữu Vạn Từ, Minh Tiến, Huệ Trang, Đức Phong luôn

nâng đỡ, khuyến khích chúng tôi mỗi khi “chân chùn, gối mỏi, ngã lòng, lười nhác”. Nguyên do công đức này, tất cả Tịnh nghiệp hành nhân trong cõi Sa Bà này và mười phương thế giới đều cùng được viên thành chí nguyện, cùng hội ngộ nơi Tây Phương Cực Lạc; tất cả chúng sanh trong mười phương nghiệp đạo đều thoát chốn u đồ, đồng sanh Tịnh Độ.

Trọng Đông năm 2010, Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa kính bạch

Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư Toàn Tập Giảng Ký, Quyển Hạ 中峰三時繫念法事全集講記卷下

淨空老法師主講

地點：澳門淨宗學會

寶光字弟子如和譯

Chủ giảng: Lão pháp sư Thích Tịnh Không

Giảng tại: Tịnh Tông Học Viện Úc Châu

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa

Tập 31

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn Tây Phương trong phần Sáu Phương Chư Phật, trước hết chúng tôi đọc kinh văn một lượt:

Xá Lợi Phất! Tây phương thế giới hữu Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Trang Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật. Như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật các u kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thực ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

舍利弗。西方世界。有無量壽佛。無量相佛。無量幢佛。大光佛。大明佛。寶相佛。淨光佛。如是等恆河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

(Xá Lợi Phất! Thế giới phương Tây có Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Trang Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật. Hằng hà sa số chư Phật như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thực: “Chúng sanh các nơi

hãy nên tin kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này”).

Trong đoạn này, đức Thế Tôn nêu danh hiệu của bảy vị Phật trong các thế giới ở phương Tây. Quý vị thấy trong hai phần trên đều là năm vị Phật, ở chỗ này đột nhiên lại kể tên bảy vị Phật. Trong pháp hội Di Đà, con số Bảy tượng trưng cho viên mãn, như trong phần trước chúng ta đã thấy “*thất trùng la võng, thất trùng hàng thụ, thất trùng lan thuẫn*” (bảy tầng lưới màn, bảy tầng hàng cây, bảy tầng lan can). “*Bảy*” ở đây không phải là con số mà hoàn toàn nhằm biểu thị pháp, biểu thị sự viên mãn. Con số Bảy biểu thị viên mãn vì bốn phương, trên, dưới, thêm vào chính giữa thì sẽ là viên mãn. Kinh Hoa Nghiêm dùng con số Mười để biểu thị viên mãn, Mười là con số, từ một đến mười, đó là con số viên mãn. Từ mười đến một trăm, từ một trăm đến một ngàn đều nhằm biểu thị sự viên mãn. Kinh Di Đà dùng số Bảy để biểu thị viên mãn; chúng ta thấy trong kinh Vô Lượng Thọ có bảy, có mười sáu, có hai mươi một, có hai trăm mười ức đều nhằm biểu thị sự viên mãn, đều chẳng thể hiểu chúng chỉ là những con số. Thế giới Cực Lạc ở phương Tây, cho nên liệt kê danh hiệu bảy vị Phật ở phương Tây.

Vị Phật thứ nhất là Vô Lượng Thọ Phật. Vô Lượng Thọ Phật có phải là giáo chủ của Tây Phương Cực Lạc thế giới hay không? Cũng có thể nói như vậy! Nhưng như trong phần trên đã nói, phương Tây có Hằng hà sa số chư Phật, trong số hết thấy chư Phật, có rất nhiều vị Phật đồng danh đồng hiệu. Dầu đồng danh đồng hiệu, nhưng Vô Lượng Thọ Phật của Tây Phương Cực Lạc thế giới được đặc biệt tôn kính, là do ý nghĩa nào? Trong phần trên, tôi đã thưa cùng quý vị rồi, thế giới Cực Lạc không phải là một thế giới bình thường, mà là thế giới như thế nào? Giống như hết thấy chư Phật lập một ngôi trường ở đó, ngôi trường ấy là trường học của Phật, Bồ Tát. Hết thấy chư Phật giống như gia trưởng (người chủ trong gia đình), hết thấy chúng sanh giống như con cái; con cái muốn thành Phật, thành tựu trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn thì phải đến đó học. Vì thế, lập ra một ngôi trường như vậy!

A Di Đà Phật làm hiệu trưởng của ngôi trường ấy, Quán Âm và Thế Chí giống như chủ nhiệm giáo vụ, chủ nhiệm huấn đạo. Vị hiệu trưởng ấy được hết thấy các gia trưởng tôn kính. Chắc từ tỷ dụ này quý vị hiểu rõ vì sao không một vị Phật nào lại chẳng tôn kính, tán thán A Di Đà Phật, vì sao? Chư Phật có tôn trọng thì đệ tử chư Phật mới tôn trọng;

gia trưởng có tôn trọng thì con cái mới tôn trọng. Vì thế, chư Phật (gia trưởng) phải đứng ra nêu gương, dẫn Phật Phật đạo đồng, các vị Phật hoàn toàn bình đẳng, không có sai biệt, nhưng để biểu thị pháp, để giáo hóa chúng sanh nên hết thảy chư Phật đặc biệt tôn kính vị hiệu trưởng ấy. Đạo lý là như vậy đó! Vì thế, trong đoạn này, kinh văn liệt kê bảy đức Phật để biểu thị sự viên mãn.

Vị Phật thứ nhất là Vô Lượng Thọ Phật. Chúng ta thấy Vô Lượng Thọ là thọ mạng vô lượng. Thọ là một loại phước báo, người Hoa thường nói “*ngũ phước lâm môn*” (năm thứ phước vào cửa), phước bậc nhất trong năm phước là Thọ. Từ xưa, tổ sư đại đức khi giới thiệu Tây Phương Tịnh Độ, nói đức bậc nhất (đức tánh to lớn nhất) của Tây Phương Tịnh Độ là gì? Thọ mạng trường cửu! Có thọ mạng trường cửu thì chúng ta tu hành chứng quả mới không khó; chẳng hạn như nói theo kinh này, phạm phu từ Sơ Phát Tâm đến khi tu thành Phật quả phải trải vô lượng kiếp; hàng Pháp Thân Bồ Tát từ Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo tu cho đến khi viên mãn Phật quả phải mất ba A-tăng-kỳ kiếp. Những con số ấy đều là con số thiên văn, không cách nào tính toán được! Đức Phật trong Tây Phương Cực Lạc thế giới vô lượng lần vô lượng thọ, hãy nên giảng như thế nào?

Nên biết “*vô lượng*” là một đơn vị số đếm của cổ Ấn Độ; kể từ A-tăng-kỳ trở đi là mười con số lớn cuối cùng. A-tăng-kỳ là con số lớn nhất đầu tiên [trong mười số ấy]. Mười con số lớn này không tính theo lối gấp mười mà tính theo lối nhân gấp bội. A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ là một Vô Lượng. Vô Lượng lần Vô Lượng là một Vô Biên, tính theo cách như thế! Do vậy, Vô Lượng Thọ vẫn còn là có hạn lượng, nhưng số lượng ấy không quan trọng! Nếu cứ tính là một Vô Lượng thôi thì thọ mạng của quý vị là A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ, nhưng để thành Phật phải mất bao nhiêu thời gian? Ba A-tăng-kỳ! Thọ mạng của quý vị là A-tăng-kỳ lần A-tăng-kỳ, vậy thì ba A-tăng-kỳ có thấm vào đâu! Giống như người sống được một trăm tuổi, để thành tựu tu hành chứng quả, chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề, phải cần bao nhiêu thời gian? Ba ngày thôi! Thọ mạng một trăm năm, ba ngày thấm vào đâu? Chẳng phải là quyết định thành Phật ư?

Thành Phật đúng là vô lượng không hạn lượng, thực sự là vô lượng, chẳng phải là vô lượng có hạn lượng, mà là vô lượng không hạn lượng. Do vậy, ta có thể nói phạm ai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều có thọ mạng vô lượng không hạn lượng, chẳng phải là vô lượng có hạn lượng. Vì sao? Do họ đều có thể trong một thời gian rất ngắn

(dựa trên thọ mạng của họ để so sánh) chúng đắc Vô Thượng Bồ Đề, rót ráo Phật quả, đó là phẩm đức bậc nhất của Tây Phương Cực Lạc thế giới! Bất cứ thế giới nào khác đều không có chuyện này. Chỉ dựa vào một điều này thôi, nếu chúng ta thực sự thấu hiểu rõ ràng sẽ chẳng thể không sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị chẳng muốn sanh về đó là lầm lạc quá rồi! Như vậy, trong danh hiệu này có phước báo, có phước, có thọ, phước vô lượng, thọ vô lượng. Như tôi vừa mới nói đó, vô lượng ở đây thực sự là vô lượng, chẳng phải là vô lượng có hạn lượng.

Vị Phật thứ hai là Vô Lượng Tướng Phật. Tướng là tướng hảo, biểu thị phú quý. Người thế gian chúng ta thường nói người nào đó có “phước tướng”, [tức là người ấy có] tướng giàu có, tướng cao quý. “Quý” là có địa vị cao cả trong xã hội như quốc vương, đại thần có quý tướng. Giàu là của cải dư dật. Vô Lượng Tướng Phật là vừa tôn quý lại vừa giàu có, vô lượng vô biên phước đức và của cải.

Vị Phật thứ ba là Vô Lượng Tràng Phật. Tràng (幢) tiêu biểu cho những gì cao cả, rõ ràng, cao hiển. Tràng có nghĩa là được hết thảy đại chúng tôn kính, đức cao, chúng ta thường nói là “*đức cao vọng trọng*”, [tức là] đức cao, trí cao, danh cao, nay ta nói là mức độ nổi danh rộng khắp; không ai chẳng ca ngợi. Quý vị thấy đó, cả ba điều sau đây đức Phật đều hội đủ: Thọ mạng, phú quý, cao hiển (tài nghệ cao), không gì chẳng cao; những điều ấy đều nhằm biểu thị quả báo. Quả báo do đâu mà có? Quả nhất định phải có nhân; vì thế, ba đức Phật tiếp theo đại diện cho nhân hạnh.

Đại Quang Phật: Quang là quang minh trí huệ, Ngài đại diện cho Trí; bởi lẽ phước thọ, phú quý, cao hiển đều do trí huệ sanh ra.

Đại Minh Phật: “*Minh*” là chiếu sáng, tức là đại trí khởi tác dụng. Tác dụng ấy gồm có Tự Thọ Dụng và Tha Thọ Dụng. Ở phần trên đã nói đến phước báo, phú quý, cao hiển; cao hiển là Tự Thọ Dụng, đồng thời cũng là tác dụng giáo hóa chúng sanh; không có đại trí, đại đức, đại năng như thế, làm sao có thể giáo hóa chúng sanh? Chính mình phải có những thành tựu thù thắng như thế thì mới có năng lực giúp cho người khác thành tựu, trí huệ khởi tác dụng là như vậy! Y báo và chánh báo trang nghiêm của thế giới Cực Lạc đều là do trí huệ của A Di Đà Phật khởi tác dụng. Phạm đại chúng từ mười phương thế giới vãng sanh thế giới Cực Lạc đều là do tịnh nghiệp của họ khởi tác dụng. Do tịnh nghiệp đã tu của người vãng sanh tương ứng với nguyện hạnh của A Di Đà Phật nên chiêu cảm được [như vậy]. Trong phân khai thị của Hệ Niệm Pháp Sư

này, thiền sư Trung Phong đã giảng rất rõ ràng.

Bảo Tướng Phật biểu thị sự tôn thắng. Trong kinh Đại Thừa, đức Thế Tôn thường nói: *“Phật hữu vô lượng tướng, tướng hữu vô lượng hảo”* (Phật có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo). Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ đạt được thân Kim Cang Na La Diên, Kim Cang Na La Diên (Vajra-nārāyana) là thân kim cang. Kim Cang Lực Sĩ¹ thân thể cứng chắc, không ai sánh bằng. Thân thể Phật giống như vậy đó. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, những thế giới phương khác không thể sánh bằng, điều thù thắng nhất là gì? Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì thân thể, tướng hảo, quang minh, trí huệ, đức năng, phước báo của chính mình tự hồ gần bằng với A Di Đà Phật. Mười phương thế giới chắc chắn chẳng có việc như vậy, [ở Cực Lạc] hưởng phước của A Di Đà Phật mà! Thật là chẳng thể nghĩ bàn! Bởi thế, Bảo Tướng Phật biểu thị sự tôn thắng. Nếu quan sát kỹ sáu đức Phật này thì trí huệ, thọ mạng, phước đức, tức những điều hết thảy chúng sanh mong cầu, các Ngài đều trọn đủ, lại còn rốt ráo viên mãn, không thiếu khuyết chút nào.

“Vô phước chẳng thể độ sanh, thành Phật rồi, trăm kiếp tu phước”. Nếu quý vị không có phước báo, quý vị chẳng thể độ sanh. Vì sao? Dù có trí huệ, có năng lực, nhưng tướng mạo không tốt, người ta vừa nhìn bèn nghĩ: “Gã này không có phước báo!”, đánh mất tín tâm đối với quý vị. Thuyết pháp cho họ nghe, họ bèn hoài nghi, chẳng thể tin nhận phụng hành. Vì thế, Bồ Tát thành Phật, phải dùng thời gian một trăm kiếp để chuyên môn tu phước báo, tu tướng hảo! Trong nhà Phật thường nói là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, ngàn ngữ thường nói *“tướng tùy tâm chuyển”*. Phải dùng cả một thời gian dài như thế để tu điều gì? Tu cái tâm thuần thiện thuần tịnh, cái hạnh thuần thiện thuần tịnh. Tâm hạnh thuần thiện thuần tịnh, sẽ cảm được tướng hảo, quang minh. Tướng Phật đúng là viên mãn, ai trông thấy cũng đều yêu mến. Tướng hảo tiếp dẫn chúng sanh, chúng sanh thích thấy, bằng lòng đi

¹ Kim Cang Lực Sĩ là thần hộ pháp của Phật giáo. Vị này thường được coi là hóa thân của Kim Cang Thủ Bồ Tát (Vajrapani). Kim Cang Lực Sĩ là danh xưng chung để chỉ các vị thần hộ pháp tay cầm Kim Cang Xử bảo vệ Phật pháp như Kim Cang Mật Tích (Guhyapāda-Vajra), Na La Diên Kim Cang, Cháp Kim Cang Thần (Vajradhara, còn dịch là Trì Kim Cang, Kim Cang Thủ, Kim Cang Dạ Xoa, Đại Lực Kim Cang Thần, Kim Cang Lực Quỷ Thần) v.v... Theo sách Huyền Ứng Âm Nghĩa, quyển 24: *“Na La, cõi này dịch là Nhân (con người), Diên cõi này dịch là Bốn Sanh. Na La Diên là Nhân Bốn Sanh (sanh ra con người), tức là Phạm Vương vậy”*. Như vậy, Na La Diên là danh xưng khác của Phạm Vương.

theo, bằng lòng học theo, bằng lòng nghe giảng dạy, y giáo phụng hành.

Nói thật ra, công phu tu hành của quý vị đắc lực hay không, quý vị có bao nhiêu công phu không thể lừa người khác chút xíu nào, vì sao? Vì đều thể hiện trên tướng hảo của quý vị! Ngạn ngữ Trung Quốc đã nói về việc này rất có lý như sau: “Một người trước khi tròn bốn mươi tuổi, mạng tướng chịu ảnh hưởng của tiên thiên², tức là chịu ảnh hưởng của nghiệp báo trong đời quá khứ. Từ bốn mươi tuổi trở đi, chịu ảnh hưởng của hậu thiên; nói cách khác, chính mình phải chịu trách nhiệm”. Khởi tâm động niệm, hết thấy hành vi trong bốn mươi năm sẽ biến đổi tướng mạo trang nghiêm. Bởi thế, người nào đến tuổi già, tướng mạo đoan nghiêm thì nhất định phải là người tốt, tu phước, tu cả đời. Tướng chuyển theo tâm, mạng chuyển theo tâm. Thân thể và thể chất của chúng ta cũng chuyển theo tâm!

Qua thí nghiệm kết tinh nước, tiên sinh Giang Bồn Thắng đã chứng minh điều này, chứng minh những điều được nói trong kinh Đại Thừa: Vũ trụ sống động! Chính ngay trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã giảng: “*Chư pháp sở sanh, duy tâm sở hiện, nhất thiết nhân quả, thế giới, vi trần, nhân tâm thành Thế*” (Các pháp được sanh ra chỉ là do tâm hiện, hết thấy nhân quả, vi trần, thế giới, do tâm mà thành Thế). Ấy là do tâm hiện, thức biến, là bản năng (năng lực sẵn có) của tâm. Năng lực ấy bất sanh, bất diệt, không đến, không đi, không thường, không đoạn, chẳng phải có, chẳng phải không, vĩnh hằng. Bản năng ấy là gì vậy? Bản năng là có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết; trong phần khai thị của Hệ Niệm Pháp Sư, thiền sư Trung Phong gọi [bản năng ấy] là “*tâm linh tri*”.

Nói về Tâm, Ngài cũng giảng ba thứ. Thứ nhất là Nhục Đoàn Tâm, tức là trái tim trong thân thể chúng ta. Đó là trái tim thịt, chỉ là một cơ quan mà thôi, không có tác dụng gì lớn lao cho lắm [ngoài việc duy trì sự sống]. Thứ hai là Duyên Lự Tâm, nghĩa là mọi người chúng ta có khả năng suy nghĩ, tưởng tượng, phân biệt thị - phi, thiện - ác, cũng như mọi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều thuộc về cái tâm này. Trong Phật pháp, tâm ấy được gọi là Thức. Thức là sở biến (cái được biến hiện), nó có thể biến, duy thức sở biến, Duyên Lự Tâm là sở biến. Cảnh giới ấy hiện tướng, [chủ thể có khả năng] hiện tướng là chân tâm. Chân tâm được gọi là “*linh tri tâm*”, [tức là cái tâm có khả năng] linh minh

² Tiên thiên: Những gì được bẩm sanh, tức là điều kiện về thân thể được hình thành từ lúc bắt đầu mang thai cho đến khi được sinh ra. Hậu thiên là những biến đổi về thân thể do cách nuôi dưỡng và chăm sóc.

giác tri. Chữ “*linh*” bao hàm cả ba chữ kia (tức “*minh, giác, tri*”); kinh Lăng Nghiêm nói bốn chữ, chữ “*linh*” bao gồm kiến, văn, giác (thấy, nghe, cảm nhận). *Linh* là như vậy đó! Sau “*linh*” còn có một chữ “*tri*” nữa, “*linh tri*” là “*kiến - văn - giác - tri*”.

Từ thực nghiệm khoa học, phát hiện nước có thể thấy, có thể nghe, có thể hiểu được ý tưởng con người, tùy theo trạng huống ý tưởng con người mà nước biến hóa bất đồng, đây chẳng phải là như kinh Phật thường nói “*cảnh chuyển theo tâm*” hay sao? Thế gian xem tướng đoán mạng cũng thường nói “*tướng chuyển theo tâm*”, thật vậy đó! Mạng chuyển theo tâm, Phong Thủy cũng chuyển theo tâm. Phong Thủy là hoàn cảnh chúng ta đang sống; vì thế, các nhà Phong Thủy thường nói: “*Phước nhân cư phước địa, phước địa phước nhân cư*” (Người có phước sống nơi đất có phước, đất tốt lành thì người có phước ở). Vấn đề là chính mình phải tu phước. Tự mình tu phước thì bất luận sống tại nơi nào, Phong Thủy nơi đó sẽ tự nhiên biến đổi, hoàn toàn giống như hiện tượng nước kết tinh. Thí nghiệm khoa học chứng minh những đạo lý và những sự tướng đã được nói trong kinh Phật. Đối với điều này chúng ta tin sâu không nghi.

Cái hay của việc học Phật là chuyển được cảnh giới. Chúng tôi thường nói: Chuyển cảnh giới thì chuyện đầu tiên là chuyển thân thể. Thân thể chúng ta vốn chẳng khỏe mạnh mà chuyển thành khỏe mạnh, thọ mạng vốn không dài chuyển thành trường thọ. Tình trạng thông thường là từ sáu mươi tuổi trở đi, con người dần dần suy lão, khí quan dần dần lão hóa. Người học Phật có khả năng giảm chậm sự lão hóa khí quan; vốn sáu mươi tuổi bị lão hóa nhưng phải đến năm tám mươi tuổi vẫn chưa bị lão hóa, tai nghe mắt thấy rõ ràng, mắt không lòa, tai không điếc, da dẻ không nhăn nheo; đó là công phu niệm Phật, công phu tu hành của quý vị! Vì vậy, công phu tu hành nhìn ở chỗ này. Nếu cảnh giới nơi cái thân mình không chuyển được, há quý vị còn có thể chuyển được cảnh giới bên ngoài ư? Đầu tiên là phải chuyển cảnh giới nơi cái thân mình. Cái đầu tiên phải chuyển nơi thân là về mặt. Nói cách khác, quý vị học Phật mười năm, hai mươi năm, hãy xét kỹ xem quý vị có đoạn nghiêm và an tường như Phật hay chẳng?

Vị Phật cuối cùng, tức vị Phật thứ bảy ở Tây Phương là Tịnh Quang Phật, Ngài “*biểu thị pháp tu phước căn bản*”. Quý vị thấy: Ở phần trên nói đến tu huệ, còn ở đây là tu phước! Tây Phương Cực Lạc thế giới tu phước, phương Nam tu huệ, phương Tây tu phước. “*Phải tu ba nghiệp thanh tịnh quang minh, thành mãn đại phước*”. “*Thành*” là

thành tựu, “mãn” là viên mãn. Vì vậy, quý vị thấy phương pháp tu phước là “tịnh”, “quang”, thuần tịnh! Thân thanh tịnh, tâm thanh tịnh, cảnh giới thanh tịnh, đại phước báo!

Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, có một câu dạy chúng ta: “*Bồ Tát hữu nhất pháp, năng ly nhất thiết thế gian khổ*” (Bồ Tát có một pháp có thể lìa hết tất cả khổ thế gian). Pháp ấy thù thắng. Pháp gì vậy? Chúng ta phải nghe cho kỹ, phải học cho khéo. Phật dạy: “*Thường niệm thiện pháp*”, tức là tâm thiện, “*tư duy thiện pháp*” tức suy nghĩ thiện, “*quán sát thiện pháp*” tức hành vi thiện. Sau đó lại nói: “*Bất dung hào phân bất thiện hiệp tạp*” (Chẳng dung mảy may bất thiện xen tạp). Câu này rất quan trọng! Nay chúng ta tu hành, tu hành thành tựu không rõ ràng, không có gì chuyên biến rõ rệt, là vì nguyên nhân nào? Vì quý vị tu bị xen tạp. Điều thiện quý vị tu bị xen tạp bất thiện, tâm xen tạp bất thiện, niệm xen tạp bất thiện, hành vi cũng xen tạp bất thiện. Vì thế, hiệu quả không rõ ràng, không trừ nghiệp chướng được, nguyên nhân là do đây.

Phỏng theo cách đức Thế Tôn thuyết pháp, chúng tôi bảo mọi người: Tâm chúng ta “*thường niệm pháp thanh tịnh, tư duy tịnh pháp, quán sát tịnh pháp*”. Vì thế, trong những năm qua, chúng tôi đặc biệt đề xướng thuần thiện thuần tịnh, “*bất dung hào phân bất tịnh hiệp tạp, bất dung hào phân bất thiện hiệp tạp*” (chẳng dung mảy may bất tịnh xen tạp, chẳng dung mảy may bất thiện xen tạp). Đó chính là Tịnh Quang Phật! Tâm chúng ta thanh tịnh, hiền lành, tư tưởng thanh tịnh, hiền lành, hành vi thanh tịnh, hiền lành, hoàn toàn tương ứng với Tịnh Độ, vô lượng trí huệ phước đức bền hiện tiền. Trí huệ, phước đức hiện tiền, quý vị sẽ biết rõ ràng, rành mạch.

Người thực sự học Phật chẳng sanh bệnh. Thời đầu Dân Quốc, vị giảng kinh thuyết pháp nổi tiếng nhất là lão pháp sư Đế Nhàn (Ngài giảng kinh thuyết pháp nổi danh nhất thời ấy), có một thời kỳ Ngài bị bệnh. Chuyện này đồn đến tai pháp sư Ấn Quang. Pháp sư Ấn Quang liền gởi một lá thư: “*Ông là pháp sư giảng kinh thuyết pháp, làm sao có thể sanh bệnh được?*” Lời tỏ Ấn Quang rất hữu lý, bệnh là gì? Bệnh là nghiệp bất thiện, nếu tâm địa thực sự thuần thiện thuần tịnh, làm sao sanh bệnh được? Tâm thanh tịnh quyết định chẳng nhiễm virus, tâm từ bi chắc chắn có thể hóa giải virus. Vì thế, ai tâm địa thanh tịnh từ bi sẽ chẳng sanh bệnh; nói cách khác, thân quý vị thường có bệnh chứng tỏ tâm quý vị không thanh tịnh, không từ bi. Nếu tâm địa thực sự chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, mỗi tế bào nơi thân quyết định rất bình ổn,

những tế bào trong thân rất tự nhiên giữ đúng trật tự, cho nên thân thể con người khỏe mạnh.

Bệnh là gì? Bệnh là những tế bào trong thân thể không ổn định khiến bệnh tật sanh ra. Vì sao chúng không được ổn định? Vì sao chúng bị loạn trật tự? Ất phải có nguyên nhân. Đức Phật đã nói nguyên nhân là ba độc phiền não khởi tác dụng, ba độc là tham - sân - si. Như vậy, tham - sân - si là virus bên trong chúng ta; bên trong đã có virus thì virus bên ngoài mới có thể cảm nhiễm được, trong ngoài giao cảm! Nếu bên trong không có tham - sân - si, không có virus, dầu virus bên ngoài tàn hại cũng chẳng thể cảm nhiễm quý vị được. Vì sao? Vì quý vị mạnh khỏe, không có điều kiện cảm nhiễm, các bác sĩ hiện thời cũng nói như thế, họ gọi đó là “sức khỏe tâm lý”. Tâm lý khỏe mạnh, không có tham - sân - si thì mới là khỏe mạnh thực sự. Không đoạn tham - sân - si thì tâm chẳng khỏe mạnh. Tịnh Quang Phật hay lắm! Để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì phương pháp tu hành này rất quan trọng, nó là pháp môn tu phước. Ở phần trên, chúng ta đã thấy trong phần tu huệ, “*vô lượng tinh tấn*”, tức tinh tấn tu huệ. “*Tịnh Quang*” là tu phước. Lại xem tiếp đoạn phương Bắc, chúng tôi đọc kinh văn một lượt.

Xá Lợi Phất! Bắc phương thế giới hữu Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trử Phật, Nhật Sanh Phật, Vông Minh Phật. Như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật, các ư kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thực ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

舍利弗。北方世界。有燄肩佛。最勝音佛。難沮佛。日生佛。網明佛。如是等恆河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

(*Xá Lợi Phất! Thế giới phương Bắc có Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trử Phật, Nhật Sanh Phật, Vông Minh Phật. Hằng hà sa số chư Phật như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thực: “Chúng sanh các người hãy nên tin kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này”.*)

Quý vị thấy đức Thế Tôn thuyết pháp hết sức có ý nghĩa; đến

phương Bắc lại nói năm vị Phật, cho thấy việc nêu lên bảy vị Phật [ở phương Tây] là đặc thù. Trong mọi lúc thông thường thì đều là năm vị Phật. “*Phương Bắc kể đại lược năm vị Phật biểu thị sự hóa tha*”. Phần trên là thành tựu trí huệ và phước đức của chính mình; có trí huệ, có phước đức thì mới có thể giáo hóa chúng sanh. “*Phước huệ đầy đủ, lấy độ sanh làm sự nghiệp*”. Trong thế gian này, chư Phật, Bồ Tát làm những việc gì? Người sống trong thế gian chẳng thể không làm chuyện gì, cả một đời này không có chuyện gì hết, vậy là hưởng phước rồi. Hưởng phước nhưng không tu phước thì phước báo ấy sẽ bị hưởng hết, hưởng hết rồi thì không còn phước nữa! Không có phước, nhưng trong A Lại Da Thức chắc chắn vẫn còn có nghiệp bất thiện. Những nghiệp bất thiện ấy sẽ đem lại khổ báo cho quý vị. Hưởng phước xong, hưởng thiện phước xong, nỗi khổ bất thiện sẽ hiện tiền. Bởi lẽ người sống trong thế gian chẳng thể không có việc này việc nọ, chẳng thể không làm này làm nọ.

Do vậy, chư Phật xuất hiện trong thế gian, Bồ Tát xuất hiện trong thế gian phải có sự nghiệp. Sự nghiệp của chư Phật chẳng giống với những nghề nghiệp thông thường trong thế gian, mà là gì? Nghề nghiệp của Ngài là “*sư đạo*” (đạo làm thầy). Chư Phật Như Lai xuất hiện trong thế gian, nhất định phải xuất hiện dưới thân phận một vị thầy. Còn Bồ Tát không nhất định, Bồ Tát có thể xuất hiện làm các ngành nghề. Trong phẩm Phổ Môn, chúng ta thấy Quán Thế Âm Bồ Tát có ba mươi hai ứng thân, mọi người đều biết. Trong kinh Hoa Nghiêm, quý vị thấy Phật, Bồ Tát thị hiện thành năm mươi ba vị thiện tri thức, nam, nữ, già, trẻ, làm các nghề nghiệp. Nếu mang thân Phật thì chắc chắn là thầy, chẳng thể theo đuổi các nghề nghiệp khác. Phật pháp là “*sư đạo*”, mang thân phận ông thầy thì chắc chắn hằng ngày phải dạy học.

Vì thế, Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thị hiện: Từ năm ba mươi tuổi, Ngài biểu diễn tu hành chứng quả, chứng đắc quả Phật Vô Thượng Bồ Đề. Sau khi thành Phật, bắt đầu giáo hóa chúng sanh, bắt đầu giảng kinh, thuyết pháp. Tám mươi tuổi viên tịch, giảng kinh thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm. Tám mươi tuổi viên tịch là vì người Hoa tính theo tuổi ta, nếu theo cách tính tuổi của người ngoại quốc thì Thích Ca Mâu Ni Phật viên tịch năm bảy mươi chín tuổi. Giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm; nay gọi giảng kinh, thuyết pháp là “*lên lớp*”, tức là dạy học! Lên lớp dạy học suốt bốn mươi chín năm, không nghỉ ngày nào, không có ngày nào nghỉ xả hơi, không hề có! Trong hết thảy thời, hết thảy chỗ đều dạy học, từ trước đến nay chưa từng gián đoạn;

nay chúng ta gọi là “*cơ hội giáo dục*”. Bất luận ở chỗ nào, bất luận gặp được ai, hoặc là đức Phật chủ động gọi ai đó đến mà giảng, hoặc người nào đó hướng về đức Phật nêu câu hỏi thỉnh giáo, đức Phật bèn vì người ấy giải đáp.

Đức Phật lên lớp không có phòng học cố định, thỉnh chúng không cố định. Kinh nói “*một ngàn hai trăm năm mươi lăm người*”, đó là Thường Tuy Chúng. Đức Phật đi đến đâu, những học trò ấy theo Ngài đến đó. Bọn họ cũng buông hết thầy thế gian xuống, chuyên môn theo Thích Ca Mâu Ni Phật học tập. Vì thế, kinh thường liệt kê đại chúng. Liệt kê đại chúng cũng nhằm biểu thị pháp. Ở đây, lần này chúng tôi giới thiệu rất đơn giản, không giảng cặn kẽ như khi giảng kinh Di Đà, [đại chúng] biểu thị pháp. Một ngàn hai trăm năm mươi lăm vị ấy, nói thật ra, đều là những học trò kiệt xuất, đều là những học sinh có sở trường, đức Phật dùng bọn họ để biểu thị pháp, hiển thị trong cuộc sống thường nhật, lúc lên lớp dạy học, từng chuyện nhỏ nhặt, vụn vặt đều chân thật chẳng dối, học vắn chân thật, đức hạnh chân thật!

Phạm vi giảng dạy của đức Phật hết sức rộng lớn, không giống như Khổng lão phu tử. Khổng lão phu tử chỉ dạy con người, chẳng dạy cho thiên địa quỷ thần, chỉ hy vọng con người làm người cho trọn vẹn là được rồi! Phạm vi dạy dỗ của đức Phật rất lớn, bao gồm cả những chiều không gian sai khác như khoa học ngày nay đã đề cập. Phạm vi hết sức rộng lớn; vì thế, đức Phật giảng y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, kinh Đại Thừa thường nói như vậy. Kinh Hoa Nghiêm chẳng thể nghĩ bàn bậc nhất, nói đến pháp giới trùng trùng vô tận, khoa học ngày nay đang nghiên cứu theo phương hướng này. Chúng tôi mong mỗi sẽ có những thành quả nghiên cứu, những thành quả ấy nhất định sẽ tương ứng với những điều được giảng trong kinh Hoa Nghiêm.

Sở dĩ đức Phật lấy độ sanh làm sự nghiệp; ngày nay chúng ta gọi “*độ sanh*” là “*giáo dục xã hội*”. Đức Phật theo đuổi sự nghiệp giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa, nay ta gọi là một nghề. Thế nhưng Phật dạy học không thu học phí, Ngài không có trường học cố định, hết thầy chúng sanh đều là đối tượng giáo hóa của Ngài, thực sự đáng gọi là “*đại học*”. Nam, nữ, già, trẻ, đủ các ngành nghề. Trái ngược với họ, đức Phật trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể. Hiện thời học vị tối cao là “*tiến sĩ*”, [tạm nói theo thuật ngữ hiện thời], đức Phật là vị tiến sĩ danh xứng với thực. Tiến sĩ thuộc các trường học trong thế gian không hiểu biết rộng rãi, họ chỉ nghiên cứu một bộ phận, vượt ra ngoài bộ phận ấy họ chẳng biết! Có thể nói là

“*cách hành như cách sơn*”³. Thích Ca Mâu Ni Phật đứng là quảng bác, không gì chẳng biết, không gì chẳng thể.

Lược nêu tên năm vị Phật, vị thứ nhất là Diệm Kiên Phật. Kiên (肩) là cái vai, Diệm (熾) là ngọn lửa, ngọn lửa biểu thị trí huệ. Con người chúng ta có hai vai, dùng Diệm Kiên để biểu thị Quyền Trí và Thật Trí. Vì thế, “*sau khi phước huệ trọn đủ, liền dùng hai trí Quyền và Thật để gánh vác gia nghiệp của Như Lai, lợi ích chúng sanh*”. Như Lai là Phật quả rốt ráo, thành Phật rồi thì bốn phận sự nghiệp của Ngài được gọi là “*gia nghiệp*”. Sự nghiệp bốn phận của Ngài là giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa, nền giáo dục ấy bao gồm những điều như hiện nay gọi là “*giáo dục gia đình, giáo dục nhà trường, giáo dục xã hội*”, thấy đều bao gồm trong ấy. Đúng là đại học vấn.

Ngài làm như thế nào để giúp đỡ giáo dục gia đình? Học trò tại gia rất nhiều, xuất gia ít. Đối với học trò tại gia, đức Phật dạy họ sống ở nhà thì phải học tập luân lý, đạo đức như thế nào, đối xử hòa thuận với người trong nhà ra sao, trọn hết bốn phận của chính mình. Cha mẹ thương yêu, trong ngũ luân thập nghĩa⁴ đã nói: “*Phụ tử hữu thân, phu thê hữu biệt, trưởng ấu hữu tự, quân thần hữu nghĩa, bằng hữu hữu tín*” (Cha con thương yêu, vợ chồng có trách nhiệm khác nhau, lớn nhỏ có tôn ty trật tự, vua tôi có nghĩa, bạn bè giữ chữ tín). Đây chính là giáo dục gia đình. Giáo dục trong nhà trường nhằm dạy quý vị học làm vị thầy tốt như thế nào, học làm đứa học trò ngoan như thế nào. Chẳng phải kinh A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung đã giảng rất rõ ràng ư? Đức Phật thường nói như thế. Giáo dục xã hội không cần phải nói nữa! Bất luận đến nơi đâu, bất luận gặp ai, chẳng phân quốc gia nào, chẳng phân chủng tộc nào, chẳng phân tôn giáo nào, chẳng phân văn hóa nào, chỉ cần quý vị đến học, đức Phật đều vui vẻ dạy dỗ. Lợi ích hết thảy chúng sanh bằng hai trí Quyền và Thật.

A! Bây giờ đã đến giờ rồi!

³ “*Cách hành như cách sơn*” là một thành ngữ, hàm ý: Không phải là người chuyên môn trong một nghề nghiệp sẽ cảm thấy xa lạ đối với nghề nghiệp ấy giống như thuộc vào một thế giới khác, hoặc bị ngăn cách, che lấp bởi một rừng núi to, không thể thấy được những chuyện trong lãnh vực ấy.

⁴ Ngũ Luân là năm mối quan hệ chính yếu trong xã hội, tức cha con, vua tôi, anh em, vợ chồng, bè bạn. Do trong năm mối quan hệ này, mỗi mối quan hệ đều có quan hệ song phương nên mỗi mối quan hệ đều bao gồm hai ý nghĩa, vì thế mới nói là ngũ luân thập nghĩa. Câu nói trên đây trích từ thiên Đăng Văn Công trong sách Mạnh Tử. Chúng tôi dịch câu này theo cách giải thích trong sách Tứ Thư Bạch Thoại Giải.

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần phương Bắc lược nêu năm đức Phật. Vị Phật thứ nhất là Diệm Kiên Phật, biểu thị sự gánh vác gia nghiệp của Như Lai, tức sứ mạng hoằng pháp lợi sanh. Công tác ấy được thực hiện như thế nào? Phần ý nghĩa biểu pháp của bốn vị Phật tiếp theo đó nhằm chỉ dạy chúng ta [cách thực hiện].

Tối Thắng Âm Phật, *“biểu thị dùng âm thanh làm Phật sự, diễn nói kinh này, khuyên dạy niệm Phật, chính là âm thanh tối thắng”*. Nói như vậy là thuần dựa theo pháp môn Tịnh Độ để nói. Nếu giảng theo nghĩa rộng thì *“thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn”* (chân giáo thể phương này, thanh tịnh tại nghe tiếng); đây chính là như Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế gian này, suốt bốn mươi chín năm ngày ngày thuyết pháp dạy học. Những âm thanh do đức Phật thốt ra đều là Tối Thắng Âm, âm thanh ấy tối thắng vì giúp cho hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ. Quý vị phải nhớ kỹ, khuyên dạy một chúng sanh đoạn ác tu thiện, chẳng đoạ tam đồ, đời sau vẫn có thể tiếp tục hưởng phước báo trời người thì âm thanh ấy là âm thanh thù thắng, rất thù thắng. Không như trong xã hội hiện thời, quý vị nghĩ xem: Trong xã hội hiện thời, mắt thấy tai nghe những âm thanh gì vậy? Âm thanh tam đồ! Đúng là chỉ sợ quý vị chẳng đoạ tam đồ!

Âm thanh thuyết pháp của đức Phật là âm thanh thanh tịnh. Âm thanh thù thắng khuyên con người đoạn ác tu thiện, khuyên con người chớ đoạ tam đồ. Âm thanh ấy tối thắng, âm thanh tối thắng là âm thanh giúp cho hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, đó chính là âm thanh tối thắng! Đem Tịnh tông so với Đại Thừa thì âm thanh của Tịnh tông là thù thắng nhất; Đại Thừa chẳng thể sánh bằng! Vì sao? Phá mê khai ngộ, quý vị chẳng thấy trong một đời mà có thể vượt thoát lục đạo luân hồi, thành Phật, thành Tổ! Chuyện ấy các pháp khác không làm được, nhưng Tịnh tông có thể làm được. Tịnh tông dạy quý vị niệm Phật vãng sanh, bất thoái thành Phật. Vì thế, nó thù thắng khôn sánh. Đặc biệt là *“diễn nói kinh này”*, kinh này thông với kinh Vô Lượng Thọ, chẳng những thông với kinh Vô Lượng Thọ mà còn thông với kinh Hoa Nghiêm. Cổ đức nói kinh Hoa Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà là cùng một bộ kinh, kinh Hoa Nghiêm là Đại Bản, kinh Vô Lượng Thọ là Trung Bản, còn kinh A Di Đà là Tiểu Bản, không sai chút nào!

Kinh A Di Đà Tiểu Bản này là lược thuyết, tức là giới thiệu đại lược. Kinh Vô Lượng Thọ giảng rất tường tận, giới thiệu mọi phương diện của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Kinh Hoa Nghiêm giảng rộng,

giảng cụ thể nhất, thuyết minh tường tận nhất. Vì thế, ba bộ kinh này chỉ là một bộ. “*Diễn nói kinh này*”, nói theo nghĩa rộng, chính là diễn nói kinh diễn văn sanh Tịnh Độ, “*khuyến người niệm Phật là âm thanh thù thắng nhất*”. Đó chính là hoằng pháp lợi sanh, thực sự gánh vác gia nghiệp của Như Lai, đảm đương sự nghiệp chẳng thể nghĩ bàn.

Vị Phật tiếp theo là Nan Trử Phật, “*biểu thị hoằng hộ chánh pháp, dùng mãnh tinh tấn, chẳng sợ tà ma, ngoại đạo và hết thầy chướng nạn*”. Trử (沮) là phá hoại, Nan Trử là rất khó phá hoại. “*Hoằng hộ*”: Hoằng pháp và hộ pháp là một Thể, hoằng pháp và hộ pháp công đức như nhau; thậm chí công đức hộ pháp còn cao hơn hoằng pháp. Người hoằng pháp, có thể nói là chẳng dễ dàng, rất khó có; thế nhưng hộ pháp càng khó hơn! Nếu không có người hộ pháp mạnh mẽ, người hoằng pháp dù giỏi nhưng không có ai hộ trì, sẽ không có cơ hội hoằng dương Phật pháp. Nói cách khác, dù thầy thực sự giỏi, có học vấn, có đức hạnh, lại có phương pháp giảng dạy rất tốt, nhưng không ai dùng đến, không có trường nào mời, đúng là “không đất dụng võ”. Trường học chính là hộ pháp của ông thầy.

Nếu nay quý vị học thành tựu rồi, quý vị đúng là một nhân tài hoằng pháp tốt, nhưng không đạo tràng nào mời quý vị. Chủ nhân của đạo tràng, trụ trì, đương gia, chấp sự đều là nhân tài hộ pháp, bọn họ phải hộ trì quý vị, mời quý vị trụ trong đạo tràng ấy giảng kinh, thuyết pháp, mọi việc đều chiếu cố rất chu đáo, chẳng để quý vị không phải lo lắng chút gì, cứ chuyên làm công việc giảng kinh, thuyết pháp, hết thầy sự vụ thuộc phương diện thường trụ bọn họ đều chia nhau gánh vác. Hoằng pháp và hộ pháp phải phối hợp mật thiết thì Phật pháp mới hưng vượng. Nếu không có hộ pháp, quý vị giảng kinh, thuyết pháp ở đó, người ta không thích thú gì. Vì sao không thích thú? Anh giảng được, tôi không thể giảng. Tín đồ thường đến nghe anh, tôn kính anh, không tôn kính tôi, [do vậy] thường hay ghen ghét chướng ngại [người hoằng pháp]. Người ta chướng ngại mình, trọn chẳng cho mình có cơ hội giảng kinh hoằng pháp, hỏng rồi! Đó là gì vậy? Kẻ ấy thiếu trí huệ, chẳng hiểu đạo lý này, cũng chẳng hiểu nhân quả.

Người làm hiệu trưởng không cần phải giảng kinh, thuyết pháp, không cần phải lên lớp dạy học như giáo viên, không cần thiết! Học trò nghe vị thầy giỏi giảng, học thành công thì công đức bậc nhất quy về ai? Hiệu trưởng! Hiệu trưởng vì chúng ta mời vị thầy giỏi như thế, thầy do chính hiệu trưởng mời về, quyền mời thầy nằm trong tay hiệu trưởng. Bởi thế, chăm sóc trường cho tốt đẹp thì học trò thành tựu nhiều, công

lao không do giáo viên, mà do hiệu trưởng. Hiệu trưởng có huệ nhãn nhận biết ông thầy tốt, có năng lực mời mọc giáo sư tốt. Bởi thế, công đức hộ pháp cao hơn hoằng pháp, hoằng pháp là giáo viên, hộ pháp là hiệu trưởng. Hiệu trưởng có quyền lực mời mọc, cũng có quyền lực bãi chức: “Tôi không cần đến anh nữa!” Ông ta có quyền lực ấy. Người hoằng pháp chỉ nghe theo lệnh: “Ông mời tôi, tôi nỗ lực dạy dỗ; ông không cần tôi nữa, tôi đành ra đi thôi!”

Nhất định phải hiểu đạo lý ấy, thành tựu của đạo tràng là có được nhân tài. Đạo tràng không xuất hiện nhân tài tức là thất bại hoàn toàn. Sanh ra những nhân tài như thế nào? Có sanh ra được nhân tài hay không? Mấu chốt nằm ở người trụ trì, hay vị thường trụ, hoặc vị chấp sự chủ chốt. Vị chấp sự chủ chốt là những người có quyền lực trong đạo tràng ấy như Trụ Trì, Đương Gia, Thủ Tòa, Duy Na. Đấy đều là những người có quyền lực nhất trong đạo tràng ấy; [thành tựu của đạo tràng] chính là thành tựu của họ. Do vậy đạo tràng hưng hay suy, trách nhiệm đặt trên thân mấy người đó. Nhân tài hoằng pháp không chịu trách nhiệm, họ không có quyền, không làm chủ, họ phải nghe theo lời sai phái, nghe lệnh chỉ huy. Bởi vậy, người hoằng pháp là giáo viên, hộ pháp là người thực sự có quyền lực.

Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, đối với người xuất gia, đức Phật yêu cầu mọi sự đều là công tác hoằng pháp, giao phó công tác hộ pháp cho quốc vương, đại thần, thỉnh những người ấy đến hộ trì. Bọn họ lập đạo tràng, lễ thỉnh pháp sư đến giảng kinh, thuyết pháp. Quý vị giảng hay, pháp duyên thù thắng thì tiếp tục lễ thỉnh hàng năm. Vì thế, pháp sư nhất định phải tu dưỡng đạo đức, học vấn, và ngôn hạnh của chính mình hầu nêu gương tốt nhất cho đại chúng trong xã hội. Vì sao? Nếu pháp sư không tu tập tốt đẹp, năm sau người ta không thỉnh nữa. Thậm chí giảng xong một bộ kinh này, bộ kinh tiếp theo người ta không mời giảng nữa. Chẳng nghiêm túc, chẳng khéo học không được! Bởi vậy, giáo viên và chức viên (người có chức vụ trong trường) có quan hệ mật thiết, hoằng hộ chánh pháp như thế mới không bị phá hoại. Nhất là hộ pháp, trọng yếu lắm! Hộ pháp phải chánh trực, phải có huệ nhãn.

Đặc biệt là trong thời kỳ Mạt Pháp, con người không phải là thánh hiền, có ai không phạm lầm lỗi! Pháp sư giảng kinh chẳng phải là thánh nhân, còn là phàm phu, chắc chắn có lầm lỗi! Người ngoài nắm lấy những lỗi lầm ấy để công kích, đồn đãi, sanh sự, hủy báng, tạo đủ mọi áp lực với người hộ pháp. Nếu người hộ pháp không có trí huệ, không có nghị lực, nghe những kẻ đó bàn ra tán vào sẽ hiểu lầm pháp sư giảng

kinh, khai trừ vị pháp sư giảng kinh ấy. Chuyện như vậy từ xưa đến nay rất nhiều, không phải là ít; vì thế, hoàng pháp và hộ pháp đều không phải là chuyện dễ. Thế nhưng hiện thời lại có một con đường, con đường gì vậy? Tức là mạng Internet và truyền thông vệ tinh. Tuy vậy, vẫn phải có người hộ pháp có sức lực lui tới chủ trì chánh nghĩa, mời mọc các đại đức, pháp sư, trưởng giả, cư sĩ vì hết thầy chúng sanh giảng kinh thuyết pháp.

Đạo tràng không cần phải lớn lắm, có một studio nhỏ là được rồi. Mỗi ngày ở đó dùng máy chiếu phim, nhờ khoa học kỹ thuật để phát hình ảnh và âm thanh đi khắp thế giới, chúng sanh có duyên sẽ thích thú nghe, bất luận ở chỗ nào cũng đều có thể thu được. Khoa học kỹ thuật thông tin đại chúng ngày càng tiên bộ, tôi thường bảo các đồng học, đại khái năm năm sau là chuyện rất có khả năng, năm năm sau nhất định các băng thông (digital bandwidth) rộng gấp mấy lần hiện thời, rất có thể mạng Internet sẽ thay thế truyền hình. Giá thành của truyền hình vệ tinh mắc, giá thành của mạng Internet rất thấp, lại rất thuận tiện. Trong tương lai những máy móc thu phát rất có thể sẽ giống như điện thoại di động (cell phone) hiện thời, màn huỳnh quang nơi điện thoại cầm tay được nói rộng hơn một chút; bất luận khi nào, dù đang du hành cũng nhìn thấy được, đều có thể nghe được.

Trước kia, chúng tôi nói [truyền hình] vệ tinh là đem giảng đường giảng kinh thuyết pháp đến tận nhà quý vị, quý vị ở nhà mở máy truyền hình (TV) lên là thấy. Nay tiên bộ hơn, chẳng những đưa đến tận nhà mà còn đưa đến tận tay, quý vị nói có phải là tiện lợi quá hay chăng? Trước kia đâu có như thế, trước kia không có ai tưởng tượng việc này, nay dần dần thực sự thực hiện được, giá thành không cao, hiệu quả rất lớn. Bởi thế, người phát tâm hoàng pháp phải tích cực, phải nỗ lực, phải học tập cách đối diện trước máy quay phim để giảng kinh thuyết pháp trong studio, khiến cho Phật pháp được phục hưng theo phương hướng ấy. Lòng tôi mong mỗi mỗi vị pháp sư giảng kinh đều có một trạm phát hình, tương lai chúng ta có thể phát đi suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ trên mạng Internet. Mỗi một cá nhân chuyên đổ công sức nơi một, hai bộ kinh, không cần quá nhiều, thỉnh chúng có thể chọn lựa. Họ thích học bộ kinh nào cũng như thích nghe quý vị giảng diễn, họ sẽ hằng ngày nghe, tiếp nhận sự giáo huấn của quý vị. Nan Trở Phật là như vậy đấy!

Hoàng hộ lại sợ bị ma tà, ngoại đạo chướng nạn, từ xưa đến nay, trong nước, ngoài nước đều không tránh khỏi chuyện này, suốt cả đời bản thân chúng tôi phải gặp không ít lần! Đụng chuyện, chúng tôi không

tranh, mau chóng thoái nhượng. Mau chóng thoái nhượng như vậy khiến cho chương nạn giảm ít. Nói chung, phải nhớ kỹ, phải thường suy tưởng: “Chư Phật, Bồ Tát vĩnh viễn không đối lập với bất cứ một chúng sanh nào”, phải nhớ thật kỹ điểm này. Sở dĩ Phật, Bồ Tát được gọi là Nhân Giả, tức là người nhân từ, bậc nhân từ không đối địch ai. Thế nào là Nhân Giả? Không có địch nhân. Đây là nhân từ thực sự. Nếu có kẻ đối lập, có oan gia đối đầu thì chẳng phải là người nhân từ. Người nhân từ vĩnh viễn không có oan gia đối đầu, lúc oan gia đối đầu đến tìm, ta phải nhường nhịn họ, tuyệt đối không đối lập với họ, quyết định không nóng giận, quyết định không báo thù. Người như vậy chính là Bồ Tát, là người giác ngộ.

Người không giác ngộ mới có tâm sân khuê, mới có ý niệm báo thù. Người giác ngộ quyết định không có! Vì thế, lúc cảnh giới hiện tiền, sẽ thấy quý vị là giác ngộ hay vẫn còn mê hoặc. Trong cuộc sống thường ngày, trong những sự việc nhỏ nhặt mình gặp phải, phải rèn luyện từ những chuyện nhỏ nhặt. Rèn luyện như thế nào? Đối với nghịch cảnh, chuyện chẳng vừa lòng, chuyện không như ý, không có tâm nóng giận, không mang tâm oán hận, không tâm báo thù, phải rèn luyện công phu ấy. Khi nghịch cảnh lớn lao hiện tiền, tâm địa quý vị tự nhiên rất thanh nhiên, dùng trí huệ để xử trí, chẳng làm việc theo cảm tình thì quý vị mới không bị hết thầy ma chương gây chương nạn.

Vị Phật thứ tư, Nhật Sanh Phật. Nhật là mặt trời, biểu thị trí huệ. Bởi thế, “*Nhật Sanh Phật biểu thị tướng giáo học tăng trưởng, huệ nhật tự - tha sáng rực giữa trời, chánh pháp tồn tại lâu dài, phước lợi trời - người*”. Vì vậy, giảng kinh, dạy học lòng phải rộng rang! Học tập nhất định phải hiểu phương pháp, người trên dạy dỗ chúng ta như thế nào, ta học thành như vậy rồi, ta phải biết dạy người khác như thế nào? Đời đời truyền cho nhau. Trước kia, thầy Lý dạy chúng tôi, thường thường khuyến khích chúng tôi: Từ cổ đến nay, những người sơ học phát tâm giảng kinh rất nhiều, đến cuối cùng, thành tựu e rằng chỉ được một, hai hay hai ba người mà thôi. Vì nguyên nhân gì? Thoái chuyển, thoái tâm! Gặp phải khó khăn chẳng thể đột phá. Nguyên nhân phổ biến nhất khiến ta gặp phải khó khăn là gì? Tâm háo thắng quá mạnh, tâm mong giỏi giang quá mạnh, đây là nguyên nhân gây thất bại bậc nhất trong việc học kinh giáo. Mười người thất bại, đại khái là chín người vì nguyên nhân này, tâm mong giỏi giang quá mạnh, hy vọng giỏi hơn người khác.

Vì thế, thầy Lý dạy chúng tôi: Từ cổ đến nay, người thành công phải ngồi yên đứng vững, giữ lấy câu giáo huấn lời vàng lẽ ngọc của cổ

nhân: “*Đản cầu vô quá, bất cầu hữu công*” (Chỉ cầu không có lỗi, chẳng cầu có công). Quý vị giữ được hai câu ấy thì rất có thể thành công. Bởi lẽ, chỉ mong lên tòa giảng, giảng không sai lầm, không cầu giảng hay, không cầu giảng có hiệu quả, thường xuyên phản tỉnh, thường sửa lỗi. Muốn giảng giỏi thì nói chung phải mười năm, hai mươi năm, trong một thời gian dài như vậy ngày ngày sửa lỗi, ngày ngày phản tỉnh, tích lũy công đức mười năm, hai mươi năm, đương nhiên sẽ giảng rất hay. Đây chẳng phải là chuyện trong một thời gian ngắn, chỉ mấy tháng là đã giảng giỏi, hoặc một, hai năm bèn giảng giỏi, không có chuyện ấy đâu! Những bậc tổ sư đại đức xưa nay, thông Tông thông Giáo, không vị nào chẳng huân tu lâu dài mà thành công!

Dầu là thiên tài, nghĩa là “*nghe một, ngộ cả ngàn*” như Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Thiền tông, hai mươi bốn tuổi khai ngộ, Ngũ Tổ đem y bát truyền cho, vẫn phải như thế nào? Tuổi còn trẻ quá, phải đến ẩn cư trong đám thợ săn mười lăm năm, gần như là đến bốn mươi tuổi mới lộ diện. Hai mươi bốn tuổi được truyền y bát, ẩn cư trong đám thợ săn mười lăm năm, quý vị cứ nghĩ đi, bốn mươi tuổi mới xuất hiện, mà Ngài là bậc thiên tài đó nghe! Cũng chẳng thể cứ hễ làm được là ra mặt liền, sẽ làm không được đâu! Vì thế, tâm kiên nghị, nhẫn nại là bí quyết thành công, thành tựu càng lớn thì càng phải có tâm nhẫn nại. Người không có tánh nhẫn nại, đừng nói pháp xuất thế gian, ngay cả pháp thế gian cũng chẳng thể thành tựu. Vì thế, kinh Kim Cang nói rất hay, “*nhất thiết pháp đắc thành ư Nhẫn*” (hết thấy pháp được thành do Nhẫn), quý vị có thể nhẫn nại! Tuân thủ quy củ của thầy, thầy dạy quý vị như thế nào thì cứ thật thà làm theo.

Tôi ở Đài Trung thân cận thầy Lý, tôi học bất cứ gì so với đồng học quả thật đều nhanh hơn, tôi có sức hiểu biết, tôi có năng lực ghi nhớ, nhưng thầy Lý vẫn hạn chế tôi: Bốn mươi tuổi trở đi mới được ra ngoài giảng kinh. Trước khi bốn mươi tuổi phải luyện tập giảng ở nhà, không cần ra ngoài. Bên ngoài có người mời cũng không đi, tôi tuân thủ quy củ ấy mười năm. Nếu tôi giống những người khác tâm mong giỏi giang quá mạnh, chẳng tuân thủ quy củ của thầy Lý, rất có thể tôi đã sớm bị đào thải rồi. Về thành tựu thế gian hay xuất thế gian thường có câu nói rất hay: “*Người chắt phác, người tuân thủ quy củ, những người như vậy được thành tựu*”. Không thật thà, không tuân thủ quy củ, ngày ngày cứ nghĩ chuyện huê dạng, thọ mạng sẽ không lâu! Chẳng những bị người khác ghen ghét, còn bị quỷ thần ghen ghét; nói cách khác, thân hộ pháp ít, còn những ác quỷ, la-sát rất nhiều. Họ đều tìm đến gây phiền phức,

chương ngại rất nhiều, đều ở quanh bên cạnh, làm sao có thể làm cho tốt được cơ chứ?

Bởi thế, con người chó nên có tâm ghen ghét, phải thường mong người khác giỏi hơn mình. Người khác giỏi hơn mình thì mình có phước. Giảng kinh, thuyết pháp, hoằng hộ chánh pháp đều là tu phước, ai sẽ hưởng phước? Đại chúng thanh tịnh hưởng phước, mỗi ngày nghe kinh niệm Phật là hưởng phước đấy! Tôi rất thích mỗi ngày được nghe kinh, niệm Phật, chuyện gì cũng không cần hỏi đến, quý vị nói xem: Có phải là cuộc sống rất tốt đẹp hay chẳng? Thế nhưng tôi không có phước báo ấy, không ai giảng cho tôi nghe. Nếu hiện thời có một người có thể giảng kinh cho tôi nghe mỗi ngày, tôi sẽ hằng ngày cúi lạy người đó, hằng ngày cảm tạ, thật đó, không giả đâu! Tôi phải cảm tạ người ấy cúng dường pháp, cảm tạ tài cúng dường của những vị đại đức hộ pháp, lấy thành quả tu hành của chính mình để báo đáp.

Vị Phật cuối cùng là Võng Minh Phật, *“biểu thị phương pháp hoằng nguyện độ sanh, dùng vô lượng pháp môn (như những mắt lưới) cứu độ chúng sanh”*. Hoằng dương và hộ trì chánh pháp phải có hoằng nguyện như thế, phải có tâm lượng như thế, phải có trách nhiệm như thế thì Phật pháp mới hưng thịnh. Một đạo tràng giảng kinh thuyết pháp không phải chỉ có một vị pháp sư, nay chúng ta lập mười phòng học, chúng tôi hy vọng có mười vị pháp sư, chúng tôi hy vọng có mười môn, hai mươi môn học; nhưng học sinh chẳng thể cái gì cũng học hết được, không thể được! Học sinh tối đa chỉ học hai môn. Trước kia, ở Đài Trung, thầy Lý dạy chúng tôi như thế; tối đa chỉ có thể học đồng thời hai môn, nhất định chẳng được học ba môn! Thầy nói học ba môn chẳng thể thành tựu. Tốt nhất là như thế nào? Tốt nhất là học một môn sẽ mau có thành tựu. Theo một vị thầy học một bộ kinh, học cho kỹ bộ kinh ấy, tốt nghiệp xong, quý vị mới có thể học bộ thứ hai.

Thế nào là tốt nghiệp? Nhất định phải được vị thầy gật đầu: “Người học được rồi”. Ngay chính bản thân tôi, trước kia ở Đài Trung, thầy Lý không hạn chế, nhưng chính chúng tôi tự hạn chế mình, học xong một bộ kinh, nhất định phải giảng mười lần, lên đài giảng! Thầy Lý dạy chúng tôi chỉ giảng một lượt, lần thứ hai là học sinh giảng cho thầy nghe, thầy giúp chúng tôi sửa cho đúng. Từ đó về sau, lần thứ ba, lần thứ tư, cho đến lần thứ mười, đều là thầy ngồi ở dưới nghe, học sinh giảng trên tòa. Giảng xong mười lần, thầy gật đầu: “Được rồi!”, thì mới coi là tốt nghiệp môn học ấy. Phương pháp dạy học chúng tôi dùng hiện nay tuân theo phương pháp ấy. Thầy hằng ngày nghe giảng, hằng ngày giúp

trò sửa cho đúng, ngày ngày giúp quý vị giải quyết vấn đề, giúp quý vị nâng cao cảnh giới.

Một bộ kinh học mười biến xong, lại xem xét đức hạnh, định lực của quý vị. Quý vị có định lực sẽ chẳng bị danh văn lợi dưỡng bên ngoài lay động thì mới có thể ra giảng kinh được. Nếu ra giảng kinh, vừa tiếp xúc danh văn, lợi dưỡng bèn khởi tham - sân - si - mạn, ngay lập tức bị đọa lạc là xong. Trong tình huống ấy, chắc chắn không được đi. Đạo tràng có thể bảo vệ quý vị, quý vị ra ngoài không có ai bảo vệ, không chống chọi nổi dụ hoặc sẽ bị đọa lạc. Đọa lạc rồi quay đầu rất khó.

Võng Minh Phật là trong đạo tràng có nhiều nhân tài hoằng pháp, nhiều khoa mục. Vì thế, Phật giáo giống như một trường Đại Học, mỗi một vị thủ tòa hòa thượng là thầy giáo, mỗi thầy giáo đều có sở trường chuyên môn, thâm nhập một môn. Quý vị muốn học một bộ kinh luận nào, cứ theo học với vị đó, vị thầy ấy nhất định rất nghiêm túc dạy quý vị, thành tựu cho quý vị. Thầy trò hợp đạo, người dạy, kẻ học cùng tăng trưởng. Làm công tác hoằng pháp rồi nghỉ hưu thì làm công tác hộ pháp, cũng có nghĩa là đảm nhiệm chấp sự thường trụ, vì đại chúng phục vụ. Lúc tôi mới học Phật, tôi có ý nghĩ như sau: Trước năm bốn mươi tuổi học tập, hoằng pháp cũng thuộc về học tập. Từ năm bốn mươi đến sáu mươi tuổi, suốt cả hai mươi năm phải làm thường trụ phục vụ, đảm nhiệm công tác. Sau sáu mươi tuổi bèn nghỉ hưu, từ khước mọi công tác thường trụ, từ khước để làm gì? Chuyên môn giảng kinh dạy học, không phải bận tâm lo công việc.

Đối với hoằng pháp lẫn hộ pháp, tự mình đều có kinh nghiệm khá phong phú, biết phải bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp như thế nào, biết chăm sóc nhân tài hoằng pháp ra sao, bồi dưỡng nhân tài hộ pháp, có kinh nghiệm thực tế. Nếu trong đạo tràng người hoằng pháp càng nhiều, chúng tôi cũng càng mở nhiều pháp môn. Phương châm của chúng tôi là *“nhất định phải tuân thủ cách thức thâm nhập một môn, trường thời huân tu”* của cổ đức. Mỗi vị thầy chuyên dốc công sức nơi một môn, thời gian tối thiểu phải là mười năm. Mười năm chuyên dốc công phu nơi một môn thì sẽ thành tựu, chẳng thể học quá nhiều, quá tạp. Thông một môn, hết thầy đều thông; dầu thông hết thầy môn, vẫn cứ chuyên hoằng một môn, vì sao? Nêu gương cho hậu học. Con người hiện thời không biết lợi ích của việc chuyên tu, nên nhất định phải làm gương cho họ thấy, khiến cho họ hiểu rõ, khiến họ hoan hỷ, họ sẽ có thể thành tựu. Lại xem tiếp phần Hạ phương, chúng tôi cũng đọc đoạn kinh văn nói về Hạ phương một lượt:

Xá Lợi Phất! Hạ phương thế giới hữu Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật. Như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật các u kỳ quốc, xuất quảng trường thiết tướng biến phủ tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thực ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

舍利弗。下方世界有師子佛。名聞佛。名光佛。達磨佛。法幢佛。持法佛。如是等恆河沙數諸佛。各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

(Xá Lợi Phất! Thế giới phương dưới có Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật. Hằng hà sa số chư Phật như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thực: “Chúng sanh các người hãy nên tin kinh Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm này”).

Đến đây là một đoạn. Phương dưới có tên sáu vị Phật, không giống như phần trên, trong đoạn trên là năm vị Phật, ở đây sáu vị. Đương nhiên những con số đều có ý nghĩa, chắc chắn không phải là ngẫu nhiên, chắc chắn không nêu tùy tiện. Con số ấy “*biểu thị đại hạnh giáo hóa, phổ độ chúng sanh*”; đây là nói về pháp Đại Thừa! Dùng sáu vị Phật để biểu thị pháp, tượng trưng cho sáu Ba La Mật của Đại Thừa. Phương Bắc biểu thị sự hóa tha, khởi đầu! Giống như vị pháp sư học kinh giáo, đại khái là từ mười năm đến hai mươi năm đầu, đều thuộc vào giai đoạn này. Sau hai mươi năm dạy dỗ, giảng kinh giáo, có thể nói là lúc ấy đã mở mang trí huệ, dần dần cũng có thể khế nhập tam-muội. Người ấy có định lực, có trí huệ, có kinh nghiệm, có thể mở rộng sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh, “*đại hạnh giáo hóa phổ độ chúng sanh*”, người ấy đã có thể ứng phó được.

Trong những đức hiệu của chư Phật, vị thứ nhất là Sư Tử Phật. Sư Tử là tỷ dụ, “*sánh ví sự thuyết pháp của Phật, biểu thị pháp vương tử thay Phật hoằng pháp, giống như Phật, chẳng hai*”. Bởi lẽ, người hoằng pháp ở đây không phải là sơ học, mà là pháp sư hoằng pháp thành thực, trong nhà Phật gọi là bậc Thượng Tọa. Hoằng pháp trọn mười năm là Hạ Tọa, hai mươi năm là Trung Tọa, trọn ba mươi năm là Thượng Tọa. Theo như tập tục của chúng ta, tức tập tục trong nhà Phật mà nói, thì địa

vị ấy (được biểu thị bằng sáu vị Phật ở phương Hạ) là Thượng Tọa. Thượng Tọa là người thực hiện sự nghiệp giảng kinh hồng pháp ba mươi năm, phải nhớ như vậy. Suốt ba mươi năm phải hằng ngày dạy dỗ thì mới xứng [danh xưng Thượng Tọa]!

Cả năm chỉ giảng một hai tuần hoặc một tháng thì không tính, vì không phải là giáo viên. Có trường học nào mà thầy chỉ lên lớp một tháng mỗi năm hay chẳng? Dạy một hai tuần thôi ư? Không có trường nào như thế cả! Giáo viên của những trường chánh quy phải dạy học hằng ngày, giáo sư Đại Học mỗi tuần tối thiểu phải lên lớp một lần hai tiếng hoặc ba tiếng, mỗi một tuần như thế chẳng thể gián đoạn, trường học như thế đó! Trong Phật pháp không như vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật làm gương cho chúng ta. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh mỗi ngày, suốt bốn mươi chín năm không gián đoạn. Ngày ngày giảng, mỗi năm giảng không gián đoạn, đủ ba mươi năm mới thực sự là Thượng Tọa. Tuyệt đối chẳng thể một ngày nóng, mười ngày lạnh mà tính là Thượng Tọa đâu nhé!

Năm vị Phật ở phương Bắc tượng trưng cho ba mươi năm đầu, sáu vị Phật ở phương dưới tượng trưng cho ba mươi năm sau. “*Đại hạnh giáo hóa, phổ độ chúng sanh*”. Đức hạnh, trí huệ, học vấn, kinh nghiệm, kỹ xảo giáo hóa chúng sanh của quý vị đều thành thực; lúc đó có thể nói là “*pháp duyên thù thắng, hiện sư tử hống*”. Sư tử hống tượng trưng cho đức Phật thuyết pháp. Pháp vương tử thay Phật thuyết pháp, nên ta nói là “*giống như Phật, chẳng hai*”. Quý vị không giảng làm kinh giáo, bất luận quý vị nói cạn hay sâu, nói dài, nói ngắn, nhất định khế cơ, khế lý. Trên là khế hợp lý được chứng bởi chư Phật, dưới khế hợp căn cơ của chúng sanh đáng được độ. Đó là bản lãnh của Phật, quý vị cũng phải học theo. Quý vị hãy suy nghĩ: Tự hành, hóa tha, năm dài tháng chầy thành thực, chẳng phải là háo cường háo thắng trong một thời gian ngắn mà hồng thành tựu! Không có đạo lý ấy đâu nhé! Bởi thế, đối với một điểm này, quý vị nhất định phải cảm kích người hộ pháp.

Sở dĩ tôi cảm kích Hàn Quán Trưởng là vì bà ta giúp tôi suốt cả ba mươi năm. Ba mươi năm giúp cho tôi có cơ hội hằng ngày lên đài giảng. Mỗi ngày đều có cơ hội lên đài giảng, đó mới chính là chân chánh hộ pháp. Do đó, chúng tôi cảm kích, chúng tôi được thành tựu như thế này. Nếu không có ba mươi năm ngày ngày giảng kinh, dễ hồng thành tựu ư? Ba mươi năm, đúng là như người ta thường nói “bà ta giúp tôi lên bậc Thượng Tọa rồi bèn tịch”. Chúng tôi vĩnh viễn ghi nhớ, vĩnh viễn ôm

lòng báo ân, dùng cách nào để báo ân? Dùng thành tích của chính mình để báo đáp; ngoài cách ấy ra, không có cách gì báo đáp được.

Nay đã hết giờ rồi!

Tập 32

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần phương dưới, vị Phật thứ hai trong sáu vị Phật ở phương dưới.

Danh Văn Phật.

名聞佛。

“Danh xưng (tức danh hiệu của Ngài) vang khắp mười phương, biểu thị Ngài là con mắt của trời người, giống như Quán Âm, Phổ Hiền, các vị tổ sư trong nhà Phật”. Phương dưới nêu tên sáu vị Phật nhằm biểu thị nền giáo dục của đức Phật thịnh hành trong thế gian, giúp hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, cầu sanh về Tịnh Độ. Vì sao phá mê khai ngộ phải cầu sanh về Tịnh Độ? Có đạo lý đấy! Có thực sự giác ngộ thì mới cầu sanh về Tịnh Độ. Nói cách khác, bất luận quý vị tu học pháp môn nào, dẫu công phu giỏi đến mấy, đắc tam-muội, minh tâm kiến tánh, nhưng nếu không cầu sanh về Tịnh Độ, quý vị chẳng thực sự triệt ngộ. Người thực sự triệt để giác ngộ, không ai chẳng cầu sanh về Tịnh Độ!

Quý vị thấy bậc Địa Thượng Bồ Tát (hàng Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên) trong kinh Hoa Nghiêm, Thập Địa Bồ Tát từ đầu đến cuối không rời niệm Phật, thực sự giác ngộ, triệt để giác ngộ. Đầu - cuối: Đầu là bậc Sơ Địa, cuối là Đẳng Giác, tổng cộng mười một địa vị. Trong mười một địa vị ấy, không vị nào chẳng niệm A Di Đà Phật, không vị nào chẳng cầu sanh về Tịnh Độ. Văn Thủ, Phổ Hiền nêu gương! Hai vị thượng thủ trong hội Hoa Nghiêm bày đầu, phát nguyện cầu sanh về Tịnh Độ! Do đây biết rằng: Chân chánh giác ngộ, triệt để giác ngộ, không ai chẳng phát tâm cầu sanh về Tịnh Độ!

Danh Văn Phật đương nhiên không ngoại lệ. Ở đây, danh hiệu Phật này tượng trưng cho con mắt của trời - người. Thiên - nhân tượng trưng cho ba đường lành trong lục đạo, có huệ nhãn, có khả năng phân biệt đúng - sai, tà - chánh, lợi - hại. Trong các pháp thế gian và xuất thế gian, niệm Phật cầu sanh về Tịnh Độ thù thắng bậc nhất, thù thắng

không gì sánh bằng, sao không tuyển chọn pháp môn này? Quán Âm Bồ Tát là vị thượng thủ Bồ Tát của Tây Phương Cực Lạc thế giới, Phổ Hiền Bồ Tát là vị thượng thủ Bồ Tát trong pháp hội của Tỳ Lô Giá Na Phật nơi thế giới Hoa Tạng, các tổ sư đại đức trong nhà Phật phát nguyện cầu sanh về Tịnh Độ rất nhiều. Danh hiệu mấy vị Phật [trong phương dưới] này đều là [biểu thị] Phật pháp thịnh hành trong thế gian, hiển thị tình trạng hưng vượng. Vị Phật thứ ba là:

Danh Quang Phật.

名光佛。

“Biểu thị đại trí tùy duyên, pháp âm xa nghe, có thể khiến cho chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui”. Trong đức hiệu của Phật có một chữ Danh nhằm bao hàm mật nghĩa! Mật nghĩa ấy chính là dạy chúng ta chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn, tâm không điên đảo, quyết định vắng sanh. Quang biểu thị trí huệ. Vì thế, danh hiệu này biểu thị trí huệ viên mãn, hằng thuận chúng sanh, ứng theo căn cơ mà ban bố giáo pháp; “Tùy” là tùy thuận chúng sanh. [*“Tùy duyên”*] là tùy thuận căn tánh, tùy lòng chúng sanh ưa thích, tùy thuận phương thức sinh sống hiện tại của chúng sanh mà vì họ diễn nói. Bởi thế, Phật giáo hóa chúng sanh hết sức sống động, tùy thời, tùy chỗ mà biến hóa, điều này rất giống với việc dạy học trong thế gian. Ví như một đứa trẻ, tùy theo độ tuổi của nó, tuổi của nó lớn hơn thì trí huệ và kinh nghiệm cũng tăng trưởng theo. Thầy dạy nó nhất định phải tùy theo độ tuổi, tùy theo trí huệ, tùy theo kinh nghiệm của nó mà không ngừng điều chỉnh tài liệu giảng dạy và phương pháp dạy dỗ. Tuyệt đối chẳng thể dạy nó bằng một khóa trình hễ đã soạn thành thì bất biến, không phải như vậy!

Dẫu cho việc dạy học thời cổ, đúng là từ nhỏ (lúc mới sáu bảy tuổi) liền dạy nó đọc Tứ Thư, Ngũ Kinh, đến năm bảy tám mươi tuổi tóc râu bạc trắng vẫn đọc Tứ Thư Ngũ Kinh, tài liệu giảng dạy không thay đổi; nhưng quý vị phải hiểu: Trong phương pháp dạy học, đối với việc giải thích, thấu hiểu, vận dụng tài liệu giảng dạy, đúng là theo từng độ tuổi mà thay đổi. Kinh điển Phật giáo cũng giống như thế. Từ lúc quý vị mới học Phật dạy quý vị đọc kinh, cho đến một trăm tuổi vẫn là đọc một bản kinh đó, nhưng có thể nói là quý vị lãnh hội sai khác, mỗi năm không giống nhau, mỗi tháng khác nhau. Đem những ý nghĩa do quý vị đã thấu hiểu từ kinh sách áp dụng vào cuộc sống thực tại, áp dụng vào công việc, áp dụng trong cách xử sự, đối người, tiếp vật, dẫn dắt chúng

sanh phá mê khai ngộ trong đời này, lia khổ, được vui. Chẳng những dẫn dắt một đời mà lại còn dẫn dắt đời đời kiếp kiếp trong mai sau, kinh điển chẳng thể nghĩ bàn! Bởi thế, phải biết tùy cơ diễn nói!

“*Pháp âm xa nghe*”: Phàm phu chúng ta chẳng dễ gì hiểu nổi chuyện “*pháp âm xa nghe*” này. Hiện tại khoa học kỹ thuật phát triển, chúng ta có thể dùng kỹ thuật khoa học để chuyển tải hình ảnh và âm thanh thành sóng điện từ (electromagnetic wave). Người ở phương xa thu được sóng điện từ ấy, lại chuyển nó thành hình ảnh và âm thanh, nên sẽ thấy được, nghe được. Nay nhờ máy truyền hình, máy phát thanh (radio), mạng Internet nên hình ảnh và âm thanh đều có thể thấy được. Pháp âm xa nghe đây! Nhưng thật ra, chúng ta mê mất tự tánh nên tác dụng đức năng trong tự tánh chẳng hiện tiền, bởi thế, các nhà khoa học dùng máy móc, dùng khí cụ (dụng cụ) để hỗ trợ chuyển biến. Chứ trên thực tế, kinh Phật dạy chúng ta, không cần phải nhờ vào bất cứ máy móc nào, tự bản thân chúng ta sẵn có năng lực. Sắc tướng, âm thanh, ý niệm và tạo tác của chúng ta trong khoảng sát-na tự hồ đồng thời trọn khắp hư không pháp giới. Chúng ta phải hiểu đạo lý và chân tướng sự thật này. Nếu sự thấy - nghe - hay - biết của chúng ta chẳng trọn khắp hư không pháp giới, quý vị hãy nghĩ xem, lẽ nào chúng ta lại có thể khởi tác dụng cảm ứng đạo giao với chư Phật, Bồ Tát?

Tâm tánh của Phật và Bồ Tát trọn khắp hư không, pháp giới, tâm tánh của hết thảy chúng sanh cũng trọn khắp hư không pháp giới. Vì thế, nói theo mặt tâm tánh thì không hai, không khác, tự - tha bất nhị; chẳng những chúng sanh và Phật không hai, mà chúng sanh và hết thảy hữu tình, vô tình chúng sanh cũng không hai! Từ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta hãy chú tâm thấu hiểu và quán sát sẽ thấy vũ trụ là một Thể, đã là một Thể thì nhất định chẳng thể chia cắt! Nay nói từ cái thân người của chúng ta đây thì tất cả hết thảy khí quan và các tế bào trên thân người đều là một Thể, nhưng cái một Thể ấy lại có thể chia cắt, hiện tại có thể dùng “thủ thuật ngoại khoa” (giải phẫu) để chia cắt. Vũ trụ một Thể là Pháp Thân, Pháp Thân chẳng thể chia cắt. Bởi vậy, nếu muôn tỷ dụ thì nói thật ra, chẳng có một vật nào có thể dùng để sánh ví cho thích hợp; tỷ dụ chỉ có thể mượn tượng, tương tự; chắc chắn không có cách nào sánh ví cho thật phù hợp được.

Như vậy, thấy - nghe - hay - biết trọn khắp pháp giới, hư không giới, do chúng ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên năng lực ấy bị chướng ngại, chứ năng lực ấy không hề bị hoại mất. Khi nào quý vị trừ được chướng ngại ấy, năng lực sẽ khôi phục hiện tiền. Nói “khôi

phục” cũng không thích đáng! Khôi phục là phải mất đi rồi có lại được thì mới gọi là khôi phục; chứ về căn bản, năng lực ấy không hề bị mất đi, chỉ là bị chướng ngại mà thôi! Dầu bị chướng ngại, năng lực vẫn khởi tác dụng y như cũ, chẳng qua nó khởi tác dụng nhưng chúng ta không cảm nhận được. Chướng ngại là như vậy đó, chướng ngại sự cảm nhận của chính chúng ta là vì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chưa thể buông xuống được! Nói chung, phải hiểu rõ: Quả thật pháp âm có thể xa nghe.

“*Có thể khiến cho chúng sanh phá mê khai ngộ, là khổ được vui*”. Đây là âm thanh thù thắng, phần trên gọi là “âm thanh tối thù thắng” (Tối Thắng Âm). Thế nhưng, nói thật ra, mê hay ngộ là do chính mình. Người hiểu và kẻ không hiểu khác biệt rất lớn; bởi vậy, tổ sư đại đức trong Tông Môn và Giáo Hạ nhà Phật thường trắc nghiệm học trò: “Người hiểu ư?” Câu hỏi này có ý nghĩa rất sâu xa, sâu rộng vô tận. “Người hiểu ư?”, nếu quả thật hiểu, phàm tất cả tướng đều là Thật Tướng; tất cả âm thanh đều là Phật âm, hiểu là như vậy đó! Hiểu là giác ngộ. Nếu như mê thì cảnh giới bên ngoài, tức cảnh giới được tiếp xúc bởi sáu căn sẽ được gọi là “*sáu trần*”!

Trần (塵) là gì? Trần là bất giác, Trần là mê hoặc, Trần là ô nhiễm, đó gọi là “*sáu trần*”. Sau khi giác ngộ thì không gọi là sáu trần nữa mà gọi là “*sáu tánh*”, mắt thấy Sắc Tánh, chứ không phải là Sắc Trần. Như vậy, chưa hiểu thì mắt thấy Sắc Trần, tai nghe Thanh Trần; còn nếu giác ngộ thì mắt thấy Sắc Tánh, tai nghe Thanh Tánh, thấy - nghe - hay - biết đều là tánh, minh tâm kiến tánh! Căn tánh Năng Kiến (chủ thể nhận biết) của sáu căn và sáu tánh (tánh của sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là sáu tánh) của cảnh giới Sở Kiến (bị nhận biết), Năng - Sở là một không hai. Vì thế, ông Âu Dương Cánh Vô nói: “*Phật pháp không phải là triết học!*” Trong triết học, Năng và Sở là hai; trong Phật pháp, Năng và Sở là một, không hai. Ý nghĩa này rất sâu!

Tánh Thấy và Sắc Tánh là một tánh. Quý vị thường nghe nói đến Phật Tánh và Pháp Tánh, ở đây, quý vị sẽ hiểu rất rõ ràng: Mắt thấy Sắc, căn tánh của mắt là Phật Tánh; còn sắc tánh của sắc tướng được quý vị thấy đó thì là Pháp Tánh. Nếu như mê thì [tác dụng nhận biết của nhãn] căn chẳng được gọi là Căn Tánh, mà gọi là Nhãn Thức, những gì ở bên ngoài được thấy bởi Nhãn Thức sẽ gọi là Sắc Trần, không gọi là Sắc Tánh. Mê một thì mê hết thấy, mê nơi chính mình nên cũng mê nơi cảnh giới bên ngoài. Mê nơi chính mình là chuyển Tánh Thấy thành Nhãn Thức, đó là mê vậy! Tánh Thấy bị chuyển thành Nhãn Thức thì cảnh

giới bên ngoài cũng bị chuyển theo, y báo chuyển theo chánh báo; Sắc Tánh bên ngoài bị chuyển thành Sắc Trần, cảnh chuyển theo tâm mà! Từ chỗ này, ta có thể hiểu hết sức rõ ràng thế nào là Phật tánh, thế nào là Pháp Tánh? Phật Tánh có thể biến, có giác và mê; Pháp Tánh thì không, Pháp Tánh chuyển theo Phật Tánh. Phật Tánh là chánh báo, Pháp Tánh là y báo; y báo hoàn toàn chuyển theo chánh báo.

Chánh báo giác ngộ thì chính là như Giao Quang đại sư đã nói trong sách Lăng Nghiêm Chánh Mạch; Sư giảng rất hay: “*Bỏ Thức dùng Căn*”. Bỏ Thức dùng Căn là chuyển Thức thành Trí, Pháp Tướng Tông gọi [bỏ Thức dùng Căn] là “*chuyển Thức thành Trí*”. “*Chuyển*” thì có chuyển trên mặt Nhân và chuyển nơi mặt Quả. Trong tám thức thì thức thứ sáu và thức thứ bảy chuyển nơi Nhân, năm thức đầu và thức thứ tám chuyển nơi Quả. Quý vị hiểu rõ thì sẽ biết chúng ta phải dụng công như thế nào. Năng lực mạnh nhất của thức thứ sáu tức Ý Thức là phân biệt, năng lực mạnh nhất của thức thứ bảy tức Mạt Na Thức là chấp trước. Vậy thì chúng ta phải chuyển chúng bằng cách nào? Không chấp trước hết thấy pháp thể gian hay xuất thể gian, không chấp trước là chuyển Mạt Na Thức thành Bình Đẳng Tánh Trí. Không phân biệt hết thấy pháp thể gian và xuất thể gian nữa; không phân biệt sẽ chuyển thức thứ sáu thành Diệu Quán Sát Trí. Phải chuyển từ chỗ ấy. Đối với thức thứ tám và năm thức trước, quý vị không cần phải bận tâm, hai thứ đó sẽ chuyển theo. Thức thứ tám và năm thức trước thấy đều bị chuyển cả, liên đới chuyển theo.

Người tu hành bất luận tu học một pháp môn nào, trong kinh Phật thường nói là “*tác quán*”. Danh từ “*Chỉ Quán*” chỉ chung cả tám vạn bốn ngàn pháp môn, kể cả pháp môn Tịnh Độ Niệm Phật. Trong nhà Phật, bất luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Hiền Giáo, Mật Giáo, Tông Môn, Giáo Hạ, danh từ ấy (tức Chỉ Quán) là nguyên tắc chỉ đạo tổng quát, là tổng cương lĩnh. Chẳng hạn như chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật có phải là tu Chỉ Quán hay không? Phải! Lúc niệm một câu A Di Đà Phật, buông xuống vạn duyên, trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật, trừ A Di Đà Phật ra, ý niệm gì cũng không có, buông ý niệm xuống chính là Chỉ; một câu Phật hiệu rõ ràng, minh bạch là Quán. Vì thế, trong kinh Đại Tập, đức Thế Tôn nói Trì Danh Niệm Phật là “*thậm thâm thượng diệu Thiền*”, Thiền chính là Chỉ Quán. Vì sao nói niệm Phật không phải là Tu Thiền? Đúng là đang tu Thiền ấy chứ, đã thế, lại còn tu Thượng Thượng Thâm Diệu Thiền, rất ít ai biết!

Chỉ (止) là gì? Là dứt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, khiến

cho chúng ngừng dứt. Trong giáo pháp Đại Thừa, Chỉ thường được gọi là tam-muội, tâm địa vĩnh viễn giữ chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi là Chỉ! Quán (觀) là cảnh giới bên ngoài rõ ràng, minh bạch; trong - ngoài đều rõ ràng; trong là căn tánh của sáu căn, ngoài là Pháp Tánh. Minh tâm kiến tánh! Minh tâm là năng kiến, chân tâm; Kiến tánh: Không một pháp nào chẳng do tánh biến hiện, “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, tâm thức là Pháp Tánh. Vì thế, đạt đến cảnh giới này, những cảnh giới mà sáu căn đối ứng và tiếp xúc chỉ là Pháp Tánh mà thôi! Giống như cổ đức thường ví von: “*Dĩ kim tác khí, khí khí giai kim*” (Dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng). Vàng ròng chế làm ngàn vạn món đồ vật, lấp lánh chói mắt để mình đến ngắm nghía, thưởng thức. Quý vị nhìn xong, thấy chúng là gì? Chỉ là hoàng kim mà thôi! Ngoài hoàng kim ra, không có gì khác hết.

Vì vậy, người thực sự minh tâm kiến tánh thấy núi, sông, đại địa, hư không, pháp giới, hết thảy chúng sanh, nếu quý vị hỏi người ấy thấy gì ư? Những gì họ thấy là một tánh; giống như những thứ lấp lánh chói mắt ta thấy toàn là vàng ròng, khắp tất cả là vàng ròng! Trừ hoàng kim ra, không còn có gì khác. Lúc kiến tánh, ngoại trừ Pháp Tánh ra, cái gì cũng không có! Pháp Tánh là thanh tịnh, Pháp Tánh là bình đẳng, Pháp Tánh không sanh diệt, Pháp Tánh không đến đi: “*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*” (Sanh ra từ nơi nào, diệt tận ngay nơi đó), “*tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*” (tùy theo tâm chúng sanh, ứng theo khả năng nhận biết của họ). Quý vị thấy mấy câu kinh Lăng Nghiêm giảng rất rõ ràng. Chân tướng của vũ trụ vạn hữu đây! Phá mê khai ngộ rồi sẽ lìa khổ được vui, tất cả hết thảy khổ đều chẳng có; chẳng bị hết thảy khổ, đó chính là lạc!

Trong kinh Di Đà, đức Thế Tôn cho biết vì sao thế giới ấy gọi là Cực Lạc? Đức Phật giảng rất hay, chúng sanh trong thế giới ấy không có các nỗi khổ, không phải chịu khổ, nên gọi là Cực Lạc. Thế giới này của chúng ta khổ nhiều vui ít, vui cũng là khổ, chẳng phải là chân lạc! Vì thế, đức Phật nói Vui là Hoại Khổ, không khổ không vui là Hành Khổ; nói cách khác, nỗi khổ bao trùm mọi trạng huống cuộc sống của chúng sanh trong thế giới Sa Bà. Bọn họ đang chịu khổ, tam giới đều khổ. Thế giới Cực Lạc không khổ, chẳng có Khổ Khổ, Hoại Khổ, và Hành Khổ; vì thế, gọi là Cực Lạc. Chúng ta hiểu rõ, hiểu thông suốt, hiểu rành rẽ ý nghĩa thô thiển ấy thì sẽ chết lòng trọn ý niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đã thế, còn khuyên người khác. Bất cứ chương nạn nào cũng chẳng chương ngại quý vị được! Vì sao? Thực sự hiểu rõ, hiểu minh bạch chân tướng

của sự thật. Danh Quang Phật là như vậy đó. Tiếp theo là vị Phật:

Đạt Ma Phật.

達磨佛。

Đạt Ma (Dharma) là dịch âm tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Pháp. Chúng ta nói Phật - Pháp - Tăng: Phật Đà (Buddha), Đạt Ma (Dharma), Tăng Già (Sangha) đều là dịch âm tiếng Phạn, bởi thế, Đạt Ma được dịch là Pháp, “*biểu thị đại pháp được truyền thừa từ chính đức Phật*”. Pháp môn ấy sâu rộng vô tận, không pháp nào có thể sánh bằng. Quý vị học đại pháp ấy từ đâu? Ta học từ thầy, thầy là ai? Thầy là Thích Ca Mâu Ni Phật, Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Đương nhiên, chúng ta được thừa hưởng từ từng đời tổ sư truyền xuống nên chúng ta mới biết. Tuy là tổ sư dạy cho chúng ta, nhưng kinh chúng ta đọc ở đây là do chính miệng Như Lai nói ra, tổ sư đại đức lại giới thiệu cho mình. Chúng ta mở kinh ra chính là được truyền thừa trực tiếp từ đức Phật.

Huống chi Thích Ca Mâu Ni Phật trước khi nhập Niết Bàn dạy chúng ta Tứ Y Pháp (bốn phép nương tựa). Phật không còn trong thế gian, chúng ta phải nương tựa vào đâu? Đức Phật rất từ bi, chỉ dạy chúng ta Tứ Y Pháp:

1) Thứ nhất là “*y pháp, bất y nhân*” (nương vào pháp, chứ không nương theo người). Pháp là gì? Pháp là kinh điển. Nương theo Pháp, Pháp do đức Phật nói, trực tiếp nương theo lời Phật giảng. Quý vị thầy đó, thực sự phi phạm! Chúng ta là truyền nhân trực tiếp của Thích Ca Như Lai. Đặc biệt là Tịnh Độ tông, Tịnh Độ tông không có tổ sư, tổ sư Tịnh Độ tông do đâu mà có? Do người đời sau đặc biệt tôn kính những vị tu Tịnh Độ ấy, xưng tụng các Ngài là tổ sư. Bởi thế, tổ sư Tịnh Độ tông khác với tổ sư các tông phái khác. Hết thầy tông phái khác là một thầy truyền cho một trò, vì thế có nhiều đời. Tịnh Độ tông không có, Tịnh Độ tông là dân tuyển, chẳng phải là một người truyền cho một người: Sơ Tổ không truyền cho Nhị Tổ, Nhị Tổ cũng chẳng truyền cho Tam Tổ. Người đời sau công nhận thành tựu của vị ấy: Đối với sự tu trì Tịnh Độ, đối với việc hoằng dương Tịnh Độ tông, Ngài có công hiển đặc biệt thù thắng, bèn tôn Ngài làm tổ sư. Bởi thế, cho đến nay, Tịnh Độ tông chỉ có mười ba đời, tức là chỉ có mười ba vị. “*Y pháp bất y nhân*”, trực tiếp truyền thừa.

Chúng ta trực tiếp truyền thừa giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật, ba kinh một luận của Tịnh Độ tông, sau này, tổ sư đại đức thêm

vào hai loại, nay là năm kinh một luận, đủ rồi, đó là trực tiếp truyền thừa! Chúng ta phải hiểu ý nghĩa này, quả thật trong Tịnh Độ tông không có Tổ Sư truyền cho nhau từng đời, chúng ta chớ hiểu lầm. Vì sao? Mỗi một người tu Tịnh Độ đều là trực tiếp truyền thừa, thật chẳng thể nghĩ bàn! Ai nấy đều là đệ tử Thích Ca Mâu Ni Phật, là đích truyền! Bởi thế, pháp môn này được hết thầy chư Phật khen ngợi, hết thầy Bồ Tát, thiện thần ủng hộ, chẳng phải là không có lý! “Kham làm khuôn phép cho chúng sanh”, được truyền thừa từ chính đức Phật, kham làm khuôn phép cho chúng sanh, làm mô phạm cho hết thầy chúng sanh, “tức là *Tứ Y Pháp trong nhà Phật vậy*”. Chúng tôi cũng nêu *Tứ Y Pháp* ở đây, “*y pháp bất y nhân*”.

2) Thứ hai, “*y nghĩa bất y ngữ*” (nương theo nghĩa chứ không nương theo lời nói). Hiện thời có rất nhiều người phê bình bản hội tập, họ không hiểu câu này trong pháp *Tứ Y*. Nếu hiểu được câu này, vấn đề sẽ được giải quyết ngay. Cốt sao ý nghĩa của Phật minh bạch, lời lẽ nhiều thêm một câu hay bớt đi một câu, nói sâu, nói cạn, nói dài, nói ngắn cũng không ăn nhằm gì. Chỉ cần đúng ý nghĩa là được rồi! Nêu ra pháp *Tứ Y* này, đức Phật biết rõ ràng minh bạch rằng trong tương lai kinh giáo lưu thông đến mười phương, ngôn ngữ, văn tự tại mỗi địa phương khác nhau, nhất định phải thông qua phiên dịch. Phiên dịch rồi, những bản dịch ấy có được đại chúng tin tưởng hay không thì dùng pháp *Tứ Y* này để luận. Bản dịch không có vấn đề: Hễ ý nghĩa đúng thì ngôn ngữ bất đồng cũng không sao hết! Ý nghĩa phải đúng! “*Y nghĩa bất y ngữ*”.

Bản hội tập là [tập hợp những ý quan trọng được] tuyển chọn từ năm bản dịch gốc, chúng ta đem bản hội tập đối chiếu với những bản dịch gốc, không sai ý nghĩa, y nghĩa bất y ngữ, chúng ta thấy tin tưởng được, có thể sử dụng được. Nếu phản đối tức là không hiểu *Tứ Y Pháp*. Nói thật ra, hiện nay có rất nhiều người nghi hoặc những bản phiên dịch không đáng tin, nhất định phải dựa vào nguyên bản Phạn văn. Theo như chúng tôi biết về kinh điển nguyên bản bằng Phạn văn thì lúc đức Phật còn tại thế, không dùng văn tự để ghi chép. Sau khi đức Phật diệt độ, ngài A Nan nhắc lại, đại chúng ghi chép. Rốt cuộc là đáng tin tưởng hay không? Nếu thực sự tìm lấy bản rốt ráo tin tưởng được, thì không phải do người thân cận Thích Ca Mâu Ni Phật ghi chép lại sẽ không được. Từ miệng người này truyền sang người khác, ai nấy đều hoài nghi, sẽ trở thành vấn đề nghiêm trọng. Tất cả hết thầy kinh, ngay cả nguyên bản Phạn văn cũng bị phết mấy dấu hỏi, như vậy là quý vị sẽ không đạt được

lợi ích thù thắng!

3) Thứ ba, “*y liễu nghĩa, bất y bất liễu nghĩa*” (nương theo kinh liễu nghĩa, không nương vào kinh không liễu nghĩa). Liễu nghĩa là gì? Bất liễu nghĩa là gì? Ở đây, tôi chỉ ra nguyên tắc cho quý vị: Liễu nghĩa, bất liễu nghĩa mỗi người mỗi khác. Khế cơ và khế lý thì là liễu nghĩa; khế lý không khế cơ là bất liễu nghĩa. Khế cơ mà không khế lý cũng là bất liễu nghĩa. Liễu nghĩa nếu giảng đến rốt ráo là nếu chúng ta nương vào pháp môn này để tu học, trong một đời chúng ta có thể khai ngộ, có thể chứng quả, có thể vượt thoát lục đạo, vượt thoát mười pháp giới, thì đối với ta, pháp môn ấy là liễu nghĩa! Rốt ráo liễu nghĩa thì phải giúp cho chúng ta trong một đời này chứng được Phật quả viên mãn rốt ráo. Đây chính là liễu nghĩa bậc nhất trong các liễu nghĩa. Ngàn kinh vạn luận bày trước mặt quý vị, chính quý vị chọn lựa, pháp môn nào, bộ kinh nào đối với chúng ta là rốt ráo liễu nghĩa? Chính là bộ kinh nào, pháp môn nào mà chúng ta y theo đó, trong một đời này sẽ chắc chắn thành tựu Phật quả viên mãn. Quý vị hãy suy nghĩ, trừ kinh A Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ ra, muốn trong một đời sẽ chứng đắc Phật quả viên mãn rốt ráo là chuyện không thể được. Nói cách khác, kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ là liễu nghĩa rốt ráo!

Kinh Di Đà từ xưa đến nay có hai bản dịch, La Thập đại sư dịch ý, đó chính là bản dịch chúng ta đang đọc tụng. Bản dịch của ngài Huyền Trang là dịch thẳng. Hai loại bản dịch như vậy. Nay chúng tôi đều in cả hai bản dịch, quý vị có thể tham khảo, có thể so sánh. Từ cổ đến nay, tổ sư đại đức, rất nhiều người học Phật đều chọn lấy bản dịch của ngài La Thập, quả thật đây là bản dịch hay. Còn như kinh Vô Lượng Thọ, từ mục lục Đại Tạng Kinh, chúng ta thấy thời cổ kinh này được phiên dịch đến mười hai lần. Từ đời Hậu Hán đến Nam Tống, trong vòng tám trăm năm, tổng cộng mười hai lần phiên dịch, nhưng có những bản đã bị thất truyền, tức là có bảy bản trong số ấy bị thất truyền, nay chỉ còn lưu truyền năm bản, chúng ta gọi là “năm bản dịch gốc”(ngũ chủng nguyên dịch).

Đối chiếu những bản ấy thấy sự khác biệt rất lớn, vì thế, dựa trên tình hình này cổ đức nhận định: Nhất định Thích Ca Mâu Ni Phật phải giảng kinh Vô Lượng Thọ nhiều lần, chứ không phải chỉ một lần. Nếu chỉ một lần, cùng một bản gốc đầu được nhiều người dịch đến đâu đi nữa thì chỉ đại đồng tiểu dị, không thể nào sai biệt quá lớn như thế được! Rõ ràng nhất là phần phát nguyện của A Di Đà Phật, quý vị thấy đó, trong năm bản dịch, hai bản ghi bốn mươi tám nguyện, hai bản ghi hai mươi

bốn nguyên, một bản ghi ba mươi sáu nguyên, sai biệt rất lớn như thế. Nếu chỉ là một bản gốc (tức nguyên bản tiếng Phạn) thì chẳng thể có dị biệt lớn như vậy được. Vì vậy, từ ba loại sai biệt ấy, cổ đức phán đoán đương thời Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ tối thiểu ba lần. Chúng ta không được đọc những bản thất truyền, nhưng nói chung kinh này phải được giảng từ ba lần trở lên! Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh chưa bao giờ giảng trùng lặp, thế nhưng kinh Vô Lượng Thọ lão nhân gia giảng tối thiểu ba lần, nên bộ kinh này rất đáng được coi trọng!

Do vậy, hội tập là chuyện cần thiết! Người hội tập sớm nhất là ông Vương Long Thư, người đời Tống. Bản hội tập của ông Vương Long Thư mang tên Đại A Di Đà Kinh, đã được lưu trong Càn Long Đại Tạng Kinh, tức là đã nhập tạng rồi. Trong tác phẩm chú giải A Di Đà Kinh là A Di Đà Kinh Sớ Sao, Liên Trì đại sư có trích dẫn kinh Vô Lượng Thọ, quá nửa những đoạn kinh Vô Lượng Thọ được Ngài trích dẫn lấy từ bản hội tập của ông Vương Long Thư. Do đây ta biết, bản hội tập của ông Vương Long Thư đã được tổ sư khẳng định! Tổ sư chẳng trích dẫn từ bản dịch gốc mà dùng bản hội tập là có lý. Nếu nay chúng ta hoài nghi bản hội tập thì là sai lầm quá sức, chính là không hiểu được pháp Tứ Y!

4) Pháp cuối cùng trong Tứ Y Pháp là “*y trí bất y thức*”. Đây chính là điều chúng ta hiện đang nói: Chẳng riêng việc học Phật mà ngay cả trong xử sự, đãi người, tiếp vật bình thường, cũng phải dựa theo Lý Trí, chẳng được làm việc theo tình cảm. Nay ta gọi Thức là “dùng cảm tình để xử sự”. Xử sự theo cảm xúc thường mắc sai lầm, quý vị phải dựa vào Lý Trí, học Phật lại càng phải làm như thế. Ở đây, đức Phật dạy chúng ta: Phải dùng trí huệ để phán đoán, chọn lựa, chẳng thể xử sự theo cảm tình. Xử sự theo cảm tình sẽ tạo thành sai lầm.

Ở đây, chúng tôi có chú thích một câu như sau: “*Pháp sư Khuy Cơ soạn Thông Tán Sớ để làm gương cho mặt thế*”. Làm gương như thế nào? Chính là “*y trí bất y thức*”. Khuy Cơ đại sư là đồ đệ của Huyền Trang đại sư, Ngài soạn Thông Tán Sớ để chú giải kinh A Di Đà, nhưng không dùng bản dịch của thầy mình. Nói theo lẽ thường, bản dịch của thầy mình khá lắm, lẽ ra, ta phải dùng bản dịch của thầy mình để soạn chú giải. Ngài lại không làm như vậy, mà dùng bản dịch của ngài Cưu Ma La Thập, chẳng dùng bản dịch của thầy mình. Như vậy có phải là bất kính đối với thầy hay chẳng? Không phải! Bản dịch của ngài La Thập rất hay, đã được lưu truyền rộng rãi toàn quốc, có gì phải dùng bản dịch của thầy mình, rất ít người đọc đến bản dịch ấy. Khi Ngài chú giải kinh này, dù là tình thầy trò, vẫn chẳng thể nhiều loạn sự thấy nghe của người tu

hành. Ngài chọn dùng bản dịch của Cư Ma La Thập, thầy Ngài là Huyền Trang đại sư cũng không trách móc, không nói: “Người phản thầy nghịch đạo!” Không hề có! Huyền Trang đại sư có nhã lượng như vậy, Khuy Cơ đại sư làm như vậy khá lắm. Đó chính là “*y trí bất y thức*”, nương theo lý trí chứ không dùng cảm tình. Thầy trò họ nêu gương cho chúng ta.

Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp vị Phật thứ năm trong đoạn thứ sáu của phần Mười Phương Phật.

Pháp Tràng Phật.

法幢佛。

“*Biểu thị vì chúng sanh làm con mắt chọn lựa pháp, dựng tràng pháp, lập tông chỉ, giáo hóa thịnh hành, phước độ chúng sanh*”. Đó là ý nghĩa của danh hiệu này. Tràng (dhvaja) là một loại cờ xí, chúng ta thường nói là “*tiêu chí*” (biểu hiệu). Tràng có hình tròn, hơi giống bình nén khí ở phi trường, hơi giống hình dạng ấy. Tại Trung Quốc và Nhật Bản, chúng ta vẫn thường thấy những cái tràng tại các tự viện lớn.

Thời cổ, khi chùa chiền giảng kinh, thuyết pháp, nay chúng ta gọi là “lên lớp”, làm thế nào để thông tri cho người khác biết mà đến nghe, đến cùng học tập? Phật pháp là đạo thầy trò, người Hoa hết sức coi trọng và tôn kính thầy. Bởi vậy “*chỉ văn lai học, vị văn vãng giáo*” (chỉ nghe nói có kẻ tới xin học, chứ chưa nghe nói thầy phải đi tới chỗ trò để dạy). Học là cầu học, quý vị phải đến chỗ thầy để cầu học, chứ thầy không phải đến dạy cho mình. Thầy hết sức khiêm hư, trọn chẳng dám chèo kéo quý vị, nay ta nói “chiêu sinh”, chứ xưa kia không dám bảo là chiêu sinh. Nói “chiêu sinh” là rất cuồng vọng, anh có đức hạnh gì mà dám dạy người khác, người càng đạo đức lại càng khiêm hư. Làm cách nào đây? Bèn dùng tràng phan, dùng phương pháp ấy để thông báo cho mọi người biết: Bữa nay trong đạo tràng của chúng tôi có giảng kinh, dạy học, chúng tôi treo tràng trên cột cờ. Mọi người xa gần trông thấy cột cờ của đạo tràng có treo cái tràng hình tròn, liền biết hôm nay pháp sư sẽ giảng kinh, thuyết pháp, người thích nghe kinh sẽ tự đến. Vì thế, không

chiêu sinh, mà là thông tri, quý vị thích thì đến, không thích thì thôi. Dùng phương pháp ấy, hoàn toàn tự động, khiêm hư mà!

Trong thời đại hiện nay lại khác hẳn, trong thời đại hiện tại đã bước vào giai đoạn kỹ thuật cao, chúng ta không dùng tràng nữa, vì với khoảng cách rất gần dùng tràng thì được, chứ với khoảng cách xa thì không có hiệu quả. Nay chúng ta đem thời gian, bằng tần [của đài truyền hình hay đài phát thanh] giảng kinh in ra như quảng cáo để giới thiệu cùng hết thầy đại chúng, khiến cho mọi người đều biết. Nếu quý vị thích nghe kinh, thích nghe kinh gì, vào lúc nào, ở làn sóng nào thì đến lúc đó quý vị tự mở lên, hoàn toàn có cùng ý nghĩa với tràng phan.

Vì thế, giới thiệu cho người khác nghe kinh, nay có thể không cần phải gởi tặng kinh sách, băng thâu hình, băng thâu âm, đều không cần đến nữa, tốt nhất là in những tấm cạc (card), to bằng tấm danh thiếp, in những thông tin [giảng kinh] trên đó, tặng cho bạn bè thân thiết và người quen biết. Họ thích nghe thì dựa theo những thông tin đó, vào lúc nào, trên làn sóng nào, họ đều có thể thâu được, hoặc là nối vào Internet, hoặc là xem truyền hình, truyền hình vệ tinh. Vậy là tốt! Những việc ấy có cùng ý nghĩa như treo tràng phan, giới thiệu người khác nghe kinh nghe pháp. Treo phan thì quá nửa là pháp hội, thông tri nếu quý vị có thời gian thì đến cùng tu. Pháp hội cộng tu dùng phan; pháp hội giảng kinh dùng tràng, gọi là “pháp tràng”.

Dạy học, giảng kinh là “*vì chúng sanh làm con mắt chọn lựa pháp*”, đặc biệt là đối với kẻ sơ học, đúng là Phật pháp bằng lăng như khói trên mặt biển, pháp môn nhiều như thế, kinh điển ngàn ấy, ta học pháp môn nào đây? Pháp môn nào thích hợp cho mình? Bởi thế, bản thân pháp sư có kinh nghiệm tu hành và giảng dạy, có thể giúp mọi người chọn lựa pháp môn, nêu ra những phương pháp tu học cho người ấy tham khảo. Đó là “*làm con mắt pháp*”, giúp mọi người chọn lựa pháp môn. Chuyện này cần phải có trí huệ, nhất là pháp sư truyền pháp. Truyền pháp là giảng kinh, thuyết pháp, truyền đạo, trong các tôn giáo khác thường gọi là “nhà truyền giáo”. Người ấy nhất định phải hiểu thực trạng xã hội, con người thường suy nghĩ những gì? Nói năng những gì? Làm những gì? Phải chú tâm quan sát! Có như vậy quý vị mới dạy học, mới thuyết pháp khế cơ, những gì quý vị đề xuất đều khớp với những nhu cầu bức thiết của người ta, có như vậy người ta mới hoan hỷ, mới bằng lòng học tập.

Hiện tại xã hội động loạn, nhu cầu bức thiết nhất của con người là xã hội an định, thế giới hòa bình, con người đối xử hòa thuận với nhau,

hợp tác cùng nhau, đây chính là nhu cầu bức thiết trong hiện tại. Khóa trình dạy học của chúng ta phải lấy những điều ấy làm trung tâm, trọng điểm. Đối với mỗi cá nhân, sự lợi - hại, được - mất của người ấy quan trọng hơn bất cứ gì khác. Những chuyện lợi - hại, được - mất, nói chung, chẳng ngoài ba loại: Thứ nhất là cầu giàu có, thăng quan, phát tài; thứ hai là cầu trường thọ, mạnh khỏe, sống lâu. Những điều ấy đều là nhu cầu bức thiết. Từ hai nhu cầu này, chúng ta nêu ra khóa trình thứ ba là trí huệ, cầu trí huệ. Vì sao? Quý vị muốn thăng quan, phát tài, muốn cầu sống lâu, khỏe mạnh, đều cần phải có trí huệ, không có trí huệ sẽ chẳng thể làm được!

Theo thứ tự của nền giáo học nhà Phật, trí huệ được xếp vào hàng đầu. Con người hiện thời xếp trí huệ xuống cuối, cái họ mong muốn đầu tiên là phát tài, kế tiếp là mạnh khỏe, sống lâu, điền đảo như thế đó! Trong sự giáo học và tu hành của Phật pháp, điều đầu tiên là trí huệ, phải cầu trí huệ. Thứ hai là mạnh khỏe sống lâu, phát tài là chuyện cuối cùng, không đáng coi là quan trọng. Có trí huệ thì vấn đề nào chẳng thể giải quyết được! Vì thế, từ đầu đến cuối, sở cầu của Phật pháp là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nếu nói theo cách bây giờ thì là “trí huệ viên mãn rốt ráo”. Phật pháp là phương pháp trí huệ, Phật học là học vấn trí huệ, phá mê khai ngộ mà! Đó là Phật pháp. Chữ Phật là tiếng Phạn, có nghĩa là trí huệ, là giác ngộ; vì thế, theo mặt chữ dịch ra thì Phật pháp là phương pháp trí huệ, là phương pháp giác ngộ. Quý vị mới thực sự có năng lực, có trí huệ vì hết thấy chúng sanh chọn lựa phương pháp tốt nhất khiến cho họ học được không khó khăn, lại còn đạt được lợi ích thù thắng.

Câu thứ hai: “*Dựng pháp tràng, lập tông chỉ*”. Nói như bây giờ, “dựng pháp tràng” là tạo lập đạo tràng. Đạo tràng trong hiện thời chẳng thể không tuân thủ lời Ấn Quang đại sư dạy. Lão nhân gia dạy chúng ta, từ thế kỷ hai mươi trở đi, đạo tràng theo quy mô nhỏ; thời đại đã khác với thời quân chủ, xã hội nông nghiệp trước kia. Vì thế, đạo tràng không thể giống như trước được. Đạo tràng hiện tại phải có quy mô nhỏ, tổ sư dạy chúng ta: Chúng thường trụ lấy hai mươi người làm giới hạn, chẳng được vượt quá hai mươi người, tự mình lo liệu cuộc sống của chính mình. Đạo tràng quy mô nhỏ không cần phải hóa duyên, người thực sự tu hành sẽ được cúng dường, cuộc sống thanh bần một chút là tốt. Vì sao? Cuộc sống thanh bần sẽ kích phát đạo tâm, khiến cho quý vị chẳng lưu luyến thế gian này, không tham ái, không lưu luyến, tâm cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ sẽ khẩn thiết.

Đạo tràng xây cho to, giàu có, chói lọi, nguy nga thì con người không có đạo tâm. Vì sao? Khởi tham - sân - si, tham luyến hoàn cảnh ấy, không muốn vãng sanh, tâm phan duyên bèn sanh khởi, đều là chướng đạo! Tổ sư suy nghĩ rất hợp lý. Đạo tràng nhỏ, vài người chí đồng đạo hợp cùng nhau tu hành, tốt quá! Chẳng làm pháp hội, quyết định chẳng làm kinh sám Phật sự, thuần túy là đạo tràng niệm Phật. Tổ dạy không thu đồ đệ, không truyền giới, không làm pháp hội, ngay cả kinh cũng không cần giảng, thật thà niệm Phật. Công khóa mỗi ngày giống như Phật thất thông thường, hai mươi người cùng tu một chỗ. Nay chúng tôi quan sát tình hình xã hội trong hiện tại, nhận thấy cách nghĩ của tổ sư tuyệt đối chính xác; nhưng trong tình hình xã hội hiện tại, phải nghe kinh! Vì sao? Không nghe kinh, quý vị sẽ không hiểu lý. Không hiểu lý thì niệm Phật là tu mù luyện đui! Trong thời đại xưa kia thì được, chứ trong thời đại hiện thời chẳng được! Chúng ta phải hiểu rõ tình trạng hiện tại để tuân thủ nguyên tắc do tổ sư đã chỉ dạy.

Hiện tại, cái đạo tràng nhỏ này của chúng ta phải nghe kinh, một ngày tối thiểu là nghe kinh hai giờ, có thể dùng thời gian còn lại để niệm Phật. Mỗi ngày nghe kinh chớ để gián đoạn! Nghe kinh không những khiến quý vị hiểu rõ lý, mà mỗi ngày nghe giáo huấn của Phật, sẽ kiên định tín nguyện của chính mình, hóa giải những phiền não, vọng tưởng, tập khí. Nghe kinh sẽ hóa giải [những thứ ấy] dễ dàng, giải hạnh tương ứng. Nếu là sơ học, phiền não tập khí nặng nề, tốt nhất là mỗi ngày nghe kinh bốn tiếng đồng hồ, niệm Phật trong Niệm Phật Đường mười hai tiếng đồng hồ. Tu như vậy không ai chẳng thành công, thực sự thực hành mà! Đạo tràng ấy chắc chắn được chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ.

Còn như hoàng dương Phật pháp, lợi ích chúng sanh thì dùng Internet, dùng truyền hình vệ tinh; vì thế, trong đạo tràng nhỏ này lập thêm một studio [để thu phát những buổi giảng kinh] là đủ. Đó là đối ngoại hoàng pháp. Đối ngoại hoàng pháp tự nhiên có người, bản thân chúng ta không cần bận tâm, chúng ta chỉ cần đem bài giảng (tức là giảng kinh nội bộ mỗi ngày hai hay bốn tiếng đồng hồ) thu âm hay thu hình lại, có những tín đồ rất nhiệt tâm, để cho họ truyền bá là được rồi, chẳng cần phải bận tâm chút nào. Tốt nhất là ít tiếp xúc ngoại cảnh, càng ít càng tốt, tâm chúng ta an định. Đương nhiên sẽ có những cư sĩ nhiệt tâm hộ trì đạo tràng nhỏ ấy, chuyện lưu thông Phật pháp để cho họ làm. Như vậy, thân tâm hoàn toàn yên định, vậy là tốt! “*Dựng pháp tràng*” chính là lập đạo tràng.

“*Lập tông chỉ*”, tông chỉ là cương lĩnh và phương châm tu hành. Như pháp sư Ấn Quang đã dạy chúng ta chuyên tu Tịnh nghiệp, đây chính là “*lập tông chỉ*”. Đạo tràng này của chúng ta chuyên tu Tịnh tông, chẳng xen tạp các pháp môn khác, thuần túy là tịnh nghiệp đạo tràng. Những kinh luận được học tập ở đây chỉ là năm kinh một luận, đó là khoa mục chủ tu, không cần phải mở rộng ra bên ngoài. Nay chúng tôi kiến lập học viện tại đây, học viện đương nhiên phải bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp. Bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp cũng dùng phương pháp ấy, giải và hạnh cùng tiến. Theo lộ trình, chúng ta cũng dùng phương pháp này, thực sự làm!

Thế nhưng, trong xã hội hiện tại, mỗi cá nhân đều chăm chút cái thân của chính mình, tự tư tự lợi, thậm chí vong ân phụ nghĩa, không có tâm từ bi, không có sự lễ kính chư Phật như trong mười nguyện Phổ Hiền, không có tâm lễ kính. Nhằm báo ân thí chủ, chúng tôi cũng mở lớp Phật học ngắn hạn. Một năm bốn quý chúng tôi mở bốn lần, mỗi khóa học ngắn hạn kéo dài bảy mươi ngày, tức mười Phật thất để các đồng học chúng ta có cơ hội luyện tập giảng kinh, dạy học; đồng thời để cho các thí chủ đàn-việt hộ trì có thể trông thấy thành tích tu học của chúng ta tại nơi đây. Chúng ta phải dùng thành tích để báo đáp ân thí chủ, khiến cho họ cùng sống với chúng ta hai tháng, đến xem thành quả giải hạnh của chúng ta có đáng cho họ tiếp tục hộ trì hay không. Nếu sau khi xem xét, họ rất không vừa ý, từ đó về sau họ không đến hộ trì nữa, như vậy là chính xác, là đúng. Tông chỉ phải rõ ràng.

“*Giáo hóa tịnh hành*”, ở đây quý vị làm tốt, chỗ khác có người phỏng theo, mong rằng đạo tràng quy mô nhỏ thực sự tu Tịnh nghiệp này các nơi đều có. đều có những vị pháp sư hoặc là trưởng giả, cư sĩ tốt đẹp đến lãnh đạo. Số người quả thật không cần nhiều, đây mới là “*phước độ chúng sanh*”. Vị Phật cuối cùng là:

Trì Pháp Phật.

持法佛。

Đây là vị Phật thứ sáu, Trì Pháp, “*biểu thị tự - tha y giáo tu hành thật chứng, Phật pháp từ đầu đến cuối coi trọng thực tiễn*”. “Trì” là gìn giữ, là thọ trì. Chúng ta tiếp nhận lời giáo huấn của Như Lai, vĩnh viễn gìn giữ, y giáo phụng hành, đó là Trì Pháp. Ở đây, đức Phật làm gương cho chúng ta. Chúng ta mong mỗi hết thảy chúng sanh có duyên cùng Phật, đều có thể “*thọ trì, đọc tụng, vì người khác diễn nói*”. Y giáo

phụng hành thì chính mình phải tự làm trước, tự mình không làm được lại mong người khác làm thì đó là chuyện không thể được! Chư Phật Như Lai, tổ sư đại đức, thậm chí bậc thánh hiền, quân tử trong thế gian trong thời cổ đều là tự mình làm được rồi mới khuyên người khác, sau đó mới dạy dỗ người khác. Đó là trình tự nhất định, tự mình phải làm trước, tự mình đạt được lợi ích, bất luận tư tưởng, kiến giải, ngôn hạnh đều không do dự, không hoài nghi, vì sao? Tự mình làm được là đã trải qua thực chứng: Pháp môn này không sai, tôi thực sự hưởng lợi ích; khi ấy khuyên người, người ta mới tin.

Như vậy, hoằng pháp có hai giai đoạn: Trước hết, để khuyến cáo mọi người thì chính mình phải có đức hạnh, phải có tiếng tăm, rồi mới giáo hóa chúng sanh. Đến khi nào khuyên dạy trở thành chỉ dạy? Trong phần trên chúng tôi đã nói rồi, phải là Thượng Tọa mới có tư cách giáo hóa chúng sanh. Chúng tôi dùng thí dụ giảng kinh để luận về Thượng Tọa: Quý vị phải lên đài giảng kinh trọn ba mươi năm. Mười năm là Hạ Tọa, hai mươi năm là Trung Tọa, ba mươi năm là Thượng Tọa. Nói cách khác, chưa đủ ba mươi năm thì chỉ khuyến dạy. Đủ ba mươi năm thì đại khái niên kỷ của chính mình cũng không chênh lệch mấy. Hai mươi tuổi ra giảng kinh, giảng đến ba mươi năm là năm mươi tuổi. Xưa kia, người ta thấy người như vậy bèn gọi là “lão pháp sư” vì đã năm mươi tuổi rồi, bởi thế, lúc đó có thể chỉ dạy. Đều là chính bản thân phải làm trước. Quý vị muốn dạy người khác, mà chính mình không làm, làm sao dạy được ai?

Có lần, tôi qua Đài Loan, đầu thời gian chỉ vồn vẹn năm ngày, tôi được gặp gỡ nhiều đồng tu. Có vài vị đồng tu bảo tôi: Chúng con ở nhà dạy con cái, con còn nhỏ dạy chúng đọc sách Đệ Tử Quy. Trẻ nhỏ đọc xong, hỏi cha mẹ: “Ba mẹ chưa làm được như vậy!” Cha mẹ chúng nó không biết nói sao, [trẻ nhỏ bắt bẻ]: “Ba mẹ chưa làm được, sao kêu con làm?” Giáo dục thời cổ, cha mẹ thực sự làm được, kêu con học tập, con cái ngoan ngoãn học, không nghi ngờ gì. Nay khó lắm! Vì sao? Làm thân cha mẹ, lúc nhỏ không có người dạy, nay mới thấy những điều [dạy trong sách Đệ Tử Quy] tốt đẹp, muốn dạy con cái của chính mình, nhưng tự mình chưa thể làm được, tự mình không thể lấy thân mình làm gương, giáo dục gia đình thật chẳng dễ! Muốn dạy con cái phải lấy chính thân mình làm gương. Trường học cũng thế, thầy dạy học trò, thầy phải lấy chính thân mình làm gương thì mới dạy tốt được. Nếu chính mình chẳng thể làm gương, làm sao dạy học sinh cho được?

Cùng một đạo lý đó, người lãnh đạo quốc gia, xã hội, nếu chẳng

thể dùng thân mình làm gương, làm sao quý vị giáo hóa toàn dân trong nước? Làm sao giáo hóa dân trong cả một thành phố? Quý vị làm thị trưởng, tức là làm vua, làm cha mẹ, làm thầy! Quý vị phải là tấm gương tốt nhất cho đô thị, cho khu vực, cho quốc gia ấy. Trước kia, quả thật là như vậy. Nếu quý vị là người lãnh đạo một nước mà vua không ra vua (vua là người lãnh đạo một nước), chẳng giống như một người lãnh đạo quốc gia, nhân dân sẽ bị khổ. Nhân dân bị khổ sẽ không cam lòng, sẽ lật đổ chánh quyền, sẽ làm cách mạng.

Do vậy, trước kia, khi giảng kinh ở Tân Gia Ba, lúc ấy tôi vẫn chưa ở lâu dài tại Tân Gia Ba, mỗi năm qua đó một tháng, giảng kinh một tháng. Pháp sư Diễn Bồi đối với tôi hết sức tốt, có lần Ngài mời tôi dùng cơm tại đạo tràng của Ngài, hỏi tôi một câu:

- Pháp sư Tịnh Không ! Ông tán thành quân chủ hay tán thành dân chủ?

Tôi thưa:

- Tôi tán thành quân chủ.

Ngài hỏi:

- Tại sao?

Tôi nói:

- Quân chủ tốt hơn dân chủ.

Ngài nói:

- Đầu óc ông cổ hủ quá, không hợp thời!

Tôi nói:

- Tôi không bận tâm hợp thời hay không hợp thời, tôi chỉ dùng sự luận sự: Điểm tốt của quân chủ là gì? Đế vương muốn đời này truyền cho đời kia, muốn con cháu đều làm hoàng đế, điều ấy đâu là có lòng riêng tư, nhưng chỉ cần đối xử tốt với nhân dân là được rồi! Vì thế, vua phải bồi dưỡng những người kế vị đất nước, thực sự dụng tâm! Mời những vị học giả đức cao trọng bậc nhất trong toàn quốc, phẩm đức, học vấn, tài nghệ đều bậc nhất làm thầy dạy thái tử, vương tử. Đây đều là những người thừa kế quốc gia xã hội trong tương lai, bọn họ phải hưởng sự giáo dục tốt nhất. Bởi thế, khi họ nối ngôi chẳng đến nỗi đại loạn vì nhận sự giáo dục của thánh hiền, đọc sách hiểu lý! Nếu họ không tuân thủ giáo huấn của thánh hiền, không tuân thủ pháp tắc tổ tông đã lập, [tuân theo] điển chế và pháp lệnh do tổ tông đã lập, họ muốn phá hoại, không tuân thủ sẽ khó thể giữ nổi chánh quyền, sẽ bị người khác nổi lên lật đổ, thay đổi triều đại. Vì thế, kẻ làm đế vương chẳng thể không lo lắng, dè dặt thì mới hòng giữ được ngôi.

Những hoàng đế cuối cùng, nói trắng ra, là kẻ trái nghịch lời thầy giáo huấn, trái nghịch lời cha mẹ răn dạy. Đến khi họ nắm quyền, làm xằng, làm bậy, tham cầu hưởng thụ, mặc kệ nhân dân sống chết, lập tức bị người ta lật đổ! Chúng ta có thể thấy những chuyện này từ lịch sử Trung Quốc. Còn những người lãnh đạo do dân bầu lên có phải là người được hưởng sự giáo dục tối hảo hay không, rất khó nói! Họ có phải là người có trách nhiệm, thực sự thương yêu trăm họ, quan tâm trăm họ, vì trăm họ giải trừ khổ nạn, khiến cho trăm họ được thực sự hưởng hạnh phúc mỹ mãn, rất khó xác định! Vì sao? Nhiệm kỳ hữu hạn, nói thật ra, cảm giác trách nhiệm không bằng đế vương.

Quý vị hãy khéo chú tâm, chú ý quan sát, thể hội: Dẫu chế độ quân chủ có khuyết điểm, nhưng so với chế độ dân chủ thì ít khuyết điểm hơn. Nói trên phương diện giáo dục, thời đại quân chủ hết sức coi trọng giáo dục. Rất nhiều chế độ hết sức tốt, ngăn ngừa những cái nhỏ nhặt, chấm dứt những cái sẽ lần lần xảy ra. Quý vị thấy trong lịch sử Trung Quốc, bậc đế vương thực sự có trách nhiệm rất nhiều, kẻ không trách nhiệm cực ít. Ai vậy? Những vua chúa cuối trào. Những vua chúa mất nước là kẻ vô trách nhiệm, bởi thế, họ bị kẻ khác diệt trừ rất nhanh. Quý vị phải nhìn vào những vị vua mở nước, đừng nhìn vào những vua cuối trào; nhìn vào những vị vua khai quốc, nhìn vào những thời kỳ triều đại cường thịnh, sẽ thấy khác hẳn.

Tu học, giáo học Phật pháp, từ đầu đến cuối coi trọng thực tiễn nhất; bởi thế, Phật pháp trọng thực chất chứ không trọng hình thức. Hình thức là nhằm để giáo hóa chúng sanh, đương nhiên cũng rất quan trọng, nhưng quan trọng nhất lại chính là thực chất. Nếu quý vị không thật tu, chỉ tu hình thức thì hình thức chẳng thể lợi ích xã hội, chẳng thể lợi ích chúng sanh, nhất định phải chân tu! Chân tu chính là phải y giáo phụng hành! Trong những khóa giảng, chúng tôi thường khuyến khích, cổ vũ các đồng học: Người chân tu phải buông xuống những thành kiến của chính mình, buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chính mình, phải tùy thuận những điều được giảng dạy trong kinh luận. Kinh luận chính là giáo huấn của Phật, Bồ Tát, phải hoàn toàn thực hiện những giáo huấn trong kinh luận, biến chúng thành hành vi sinh hoạt của chính mình trong thực tế, đó gọi là chân tu!

Vừa khởi lên một ý niệm, phải nghĩ trong kinh giáo đức Phật có chấp thuận ý niệm ấy hay không. Ý niệm được Phật hứa khả chắc chắn là thiện niệm, nhất định lợi ích chúng sanh, lợi ích xã hội, ý niệm ấy tốt. Nếu đức Phật không hứa khả thì ý niệm ấy nhất định là tự tư, tự lợi, nhất

định là tôn người, lợi mình. Chẳng được khởi ý niệm “tôn người, lợi mình”, vì đó là tạo nghiệp. Thực sự dốc công phu nơi khởi tâm động niệm, đó là tu từ căn bản. Ngôn ngữ, tạo tác thời thời khắc khắc đều phải nghĩ đến những gì kinh luận đã giáo huấn. Vì sao phải dạy quý vị thực hiện khóa sáng và khóa tối?

Về thực chất, dụng ý của khóa sáng là nhằm cảnh tỉnh chính mình, ngày hôm nay mình phải tuân thủ lời Phật, Bồ Tát giáo huấn, không được trái nghịch. Khóa tối để phản tỉnh, lúc ấy phải nghiêm túc phản tỉnh những tư tưởng, kiến giải, ngôn hạnh của chính mình trong ngày hôm nay có trái nghịch giáo huấn của Phật, Bồ Tát hay không? Hễ có trái nghịch phải gấp sám hối, phải sửa lỗi, ngày mai chẳng dám trái phạm nữa. Những tư tưởng, hành vi hoàn toàn tương ứng giáo huấn của Phật, Bồ Tát thì ngày mai phải tiếp tục giữ gìn, đừng để mất đi. Đó là thực sự thực hiện công khóa sáng tối, đây mới là chân chánh tu hành! Khóa tụng sáng tối không phải là hình thức, đọc cho Phật, Bồ Tát nghe; Phật, Bồ Tát không cần nghe! Chính là niệm cho tự mình nghe đây! Phải hiểu đạo lý mà Trì Pháp Phật đã dạy cho chúng ta ở đây. Lại xem tiếp thượng phương Phật, chúng tôi đọc kinh văn một lượt:

Xá Lợi Phất! Thượng phương thế giới hữu Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Sa La Thụ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật.

舍利弗。上方世界有梵音佛。宿王佛。香上佛。香光佛。大燄肩佛。雜色寶華嚴身佛。娑羅樹王佛。寶華德佛。見一切義佛。如須彌山佛。

(Xá Lợi Phất! Thế giới phương trên có Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Sa La Thụ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật).

Ở phương trên, đức Thế Tôn nêu tên mười vị Phật. Trong phần trên, ở phương Tây chúng ta thấy kể tên bảy vị Phật, con số Bảy biểu thị viên mãn, con số Mười cũng biểu thị sự viên mãn; kinh Hoa Nghiêm

dùng số Mười để biểu pháp. Ở chỗ này, trong bút ký⁵ ghi: “*Phương trên nêu đại lược mười danh hiệu Phật, biểu thị giác hạnh viên mãn, một đời thành Phật*”. Mọi thứ đều biểu thị pháp môn này. Đoạn kinh văn này có ý nghĩa rất sâu, nhà Phật gọi là “*mật nghĩa*”. Mật ở đây không phải là bí mật, mà có nghĩa là ý nghĩa sâu kín, rất sâu. Những đồng học chúng ta học Đại Thừa hãy nên thấu hiểu! Ý nghĩa ấy thực sự rất rõ ràng giống như kinh Hoa Nghiêm vậy, chẳng khác gì cả! Nhằm biểu thị ý nghĩa ấy! Nếu quý vị chú tâm quan sát danh hiệu mười vị Phật này, thấu hiểu những danh hiệu ấy thì ý nghĩa của những danh hiệu ấy lại càng rành rành.

Chúng ta hãy xem vị Phật đầu tiên, Phạm Âm Phật. “*Phạm*” (梵) nghĩa là thanh tịnh, “*Âm*” là âm thanh. Đây chính là chư Phật thị hiện giáo hóa chúng sanh trong thế giới Sa Bà này. Chúng sanh trong thế giới Sa Bà căn tai nhạy bén nhất. Văn Thù Bồ Tát vì chúng ta chọn lựa pháp viên thông, [đã nói]: “*Thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn*” (Giáo thể thực sự của phương này, thanh tịnh nơi nghe tiếng). Giúp đỡ hết thảy chúng sanh bằng phương cách nào? Bằng dạy dỗ, bằng thuyết pháp. Âm thanh ấy là âm thanh thanh tịnh, từ chỗ nào mà thấy là thanh tịnh? “*Xả Tứ Tướng, Tứ Kiến, thuyết pháp thanh tịnh, không nhiễm trước*”. Đây là chân chánh phát tâm giống như chư Phật, Bồ Tát, đến trong thế giới này, thừa nguyện tái lai. Lúc chúng ta đến đây là phàm phu, mê hoặc, điên đảo, nhưng sau hai mươi, ba mươi năm học tập, un đúc, cũng có thể chuyển phàm thành thánh.

Người thượng căn thì mười năm là chuyển được, chuyển phàm thành thánh, thực sự làm được! Bắt đầu từ đâu? Kinh Kim Cang dạy: Phá Tứ Tướng, phá Tứ Kiến. Tứ Tướng là ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng. Tứ Kiến chính là điều được nửa phần sau kinh Kim Cang nói đến, tức Ngã Kiến, Nhân Kiến, Chúng Sanh Kiến, Thọ Giả Kiến. Vì thế, chúng tôi thường khuyên lớn đồng học: Chúng ta tu hành phải dốc công nơi đâu? Phá Tứ Tướng! Phá Tứ Tướng bằng cách nào? Buông tự tư tự lợi xuống, buông danh văn, lợi dưỡng xuống, buông ngũ dục, lục trần xuống, buông tham - sân - si - mạn xuống, đó chính là phương pháp thực tế để phá Tứ Tướng. Trong sinh hoạt thường nhật hằng ngày phải làm như vậy, nghiêm túc thực hiện, người căn tánh thượng đẳng thì mười năm sẽ chuyển phàm thành thánh. Vì sao? Tứ

⁵ Bút ký ở đây chính là cuốn A Di Đà Kinh Yếu Giải Nghiên Tập Báo Cáo của hòa thượng Tịnh Không.

Tướng, Tứ Kiến đã phá rồi, trong Đại Thừa, quý vị tối thiểu là bậc Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín của Viên Giáo; trong Tiểu Thừa phải là quả Tu Đà Hoàn, thực sự thành tựu. Đó là bậc thượng căn. Trung căn thì hai mươi năm, hạ căn ba mươi năm sẽ chuyển phàm thành thánh.

Lúc ấy, quý vị thuyết pháp đương nhiên thanh tịnh, vô ngã mà! Khởi tâm động niệm đều vì hết thấy chúng sanh, họ được lợi ích chứ không phải mình lợi ích, niệm niệm xả kỷ vì người khác, không nhiễm trước may mắn. Nhiễm trước là gì? Tự tư, tự lợi là nhiễm trước, [nếu thấy] chúng ta có chỗ nào tốt đẹp hả? Nhiễm trước mất rồi! Không có ta đâu nhé!

Bởi thế, lúc chúng ta đến đây, tức lúc chúng ta đến đầu thai trong thế giới này là do nghiệp lực mà đến. Học Phật rồi sẽ chuyển nghiệp lực thành nguyện lực. Cái thân nghiệp lực đã chết, cái thân hiện tại là thân nguyện lực. Thân nguyện lực [của chúng ta] không khác gì chư Phật, Bồ Tát thừa nguyện tái lai. Nay sống trong thế gian này là vì hết thấy chúng sanh khổ nạn, chẳng phải vì tự mình. Nếu vì mình thì sẽ vãng sanh bất cứ lúc nào, chuyện của chính mình đã làm xong rồi. Kinh luận thường nói: “*Sở tác dĩ biện, bất thọ hậu hữu*” (Việc làm đã xong, không còn phải chịu lấy thân sau), “*bất thọ hậu hữu*” là vĩnh viễn không bị đọa trong luân hồi, công việc của chính mình đã giải quyết ổn thỏa. Thân thể này vẫn trụ trong thế gian để làm gì? Há chẳng phải rất bất tịnh, rất kém mình bạch u? Vì chúng sanh, vì Phật pháp, vì chánh pháp tồn tại lâu dài, vì rộng độ chúng sanh, vì những lẽ như vậy chứ nào phải vì chính mình; thực sự chuyển được rồi! Hễ còn tự tư tự lợi là chưa chuyển được. Phải hiểu cho rõ ràng, mình bạch điều này.

Bây giờ hết giờ rồi!

Tập 33

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp danh hiệu của vị Phật thứ hai trong mười đức Phật ở thượng phương thế giới.

Tú Vương Phật.

宿王佛。

“*Biểu thị pháp của Đại Thừa Bồ Tát là đường tắt vô thượng đạo*”. Tú (宿) là tinh tú, “*tú vương*” (vua của các tinh tú) nghĩa là tinh tú lớn

nhất trong các ngôi sao. Đấy đều là y theo pháp thế gian để luận, hoàn toàn là dựa trên điều mắt chúng ta thấy được, theo cảm quan chúng ta thì nó lớn nhất. Lớn nhất trong những ngôi sao trên trời là mặt trăng (theo con mắt chúng ta nhìn), không ngôi sao nào lớn bằng mặt trăng cả! Trên thực tế, mặt trăng có phải là ngôi sao lớn nhất hay không? Chuyện ấy chúng tôi không bàn đến, chỉ nói theo cảm quan của chúng ta mà thôi. Nay chúng ta ngẩng đầu nhìn hư không, thấy mặt trăng lớn nhất. Điều đó tượng trưng cho Đại Thừa Bồ Tát đạo, Đại Thừa Bồ Tát đạo cũng thù thắng bất đồng. Đương nhiên, Đại Thừa nhất định phải vượt trội Tiểu Thừa. Nếu so trong các pháp Đại Thừa thì sẽ có pháp là đường tắt, dễ dàng thành tựu. Do đó, nói pháp môn có khó, dễ. Đường tắt là đường gần. Tiểu Thừa xa xôi, quanh co, chẳng thể thành Vô Thượng Bồ Đề. So giữa Tiểu Thừa với Đại Thừa thì Đại Thừa là đường gần; Tiểu Thừa giống các ngôi sao, Đại Thừa giống mặt trăng, quang minh đương nhiên sáng hơn nhiều, dùng ý nghĩa đó.

Thế nhưng chúng ta nhất định phải hiểu: Cả mười Phật hiệu này đều biểu thị Phật pháp viên mãn. Quý vị thấy đó, đức Phật đầu tiên là Phạm Âm Phật; nói cách khác, bất luận Đại Thừa hay Tiểu Thừa, Hiền Giáo hay Mật Giáo, Tông Môn hay Giáo Hạ, âm thanh thuyết pháp đều là phạm âm. Vì sao? Tiểu Thừa Sơ Quả phá Tứ Tướng, không chấp tướng nữa; nói cách khác, vô ngã, không vì mình là sự chứng đắc của Sơ Quả. Đấy là nhập vào hàng thánh nhân, dự vào dòng Thánh, không còn là phàm phu nữa. Nói cách khác, phàm phu chẳng rời khỏi tự tư, tự lợi, vẫn chưa quên Ngã! Niệm niệm đều là niệm tham chấp, không quên Ngã được! Tiểu Thừa Sơ Quả đã quên Ngã, vô ngã, là bậc thánh nhân, phàm và thánh sai biệt ở chỗ này. Nói cách khác, “*hữu ngã*” là phàm phu, “*vô ngã*” là thánh nhân, phân biệt đơn giản như vậy. Phàm và thánh sai khác ở chỗ này!

Lục đạo phàm phu lên đến Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên, chưa phá Tứ Tướng; bởi thế, chẳng thể sánh bằng Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn. Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín của Viên Giáo mới thực sự thanh tịnh, không nhiễm trước. Đấy chính là căn bản của việc học tập Phật pháp. Phạm Âm Phật tượng trưng cho sự tự hành hóa tha, không gì chẳng thanh tịnh, không nhiễm trước. Tú Vương Phật tượng trưng cho Đại Thừa, Đại Thừa là đường tắt vô thượng đạo, là con đường gần. Phật hiệu thứ ba là:

Hương Thượng Phật.

香上佛。

“*Biểu thị hạnh pháp mà Lục Tổ Thiền tông đã dạy trong chương Truyền Hương Sám Hối, là đường tắt nhất trong các đường tắt*”. Vì sao dùng chữ Hương Thượng? Trong Lục Tổ Đàn Kinh có phẩm Truyền Hương Sám Hối, hương được giảng trong phẩm ấy là Ngũ Phần Pháp Thân Hương: Giới Hương, Định Hương, Huệ Hương, Giải Thoát Hương, và Giải Thoát Tri Kiến Hương, năm phần Pháp Thân Hương. Như vậy, Hương Thượng Phật tượng trưng cho Thiền tông. Trong Đại Thừa, Thiền tông lại là đường tắt của Đại Thừa, cho nên là “*đường tắt nhất trong các đường tắt*”. Đường đã gần lại còn có đường gần hơn! Nói cách khác, chọn lựa pháp môn cho chúng ta, pháp môn nào tốt? Đại Thừa hay hơn Tiểu Thừa, nhưng Thiền tông lại thù thắng nhất trong Đại Thừa. Xin xem tiếp vị Phật thứ tư:

Hương Quang Phật.

香光佛。

“*Biểu thị pháp môn Niệm Phật của Tịnh tông*”. Vì sao nói Hương Quang đại diện cho pháp môn này? Trong kinh Lăng Nghiêm có nói Hương Quang Trang Nghiêm; vì thế, khi thấy hai chữ Hương Quang, quý vị phải biết nó tượng trưng cho Tịnh Độ tông. Chúng tôi thấy cũng có lúc các chùa miếu dùng chữ Hương Quang làm tên, như Hương Quang Tự, Hương Quang Đường, Hương Quang Thất, Hương Quang Trang Nghiêm. Chỉ cần thấy chữ Hương Quang thì nơi ấy nhất định phải tu Tịnh Độ. Đó là từ kinh Lăng Nghiêm mà có, tu Tịnh Độ [thì dùng chữ ấy vậy]. “*Kinh Lăng Nghiêm nói Hương Quang Trang Nghiêm là đường càng tắt hơn nữa trong những con đường tắt nhất*”. Thiền tông là đường tắt nhất trong các đường tắt, Tịnh Độ lại là con đường tắt hơn con đường tắt nhất ấy. Nói cách khác, nó là con đường gần nhất trong những con đường rất gần, thẳng chông nhất, ổn thỏa nhất, thích đáng nhất, dễ dàng nhất, đơn giản nhất; thành tựu lại thù thắng khôn sánh. Bởi thế, pháp môn Tịnh Độ cũng gọi là đường tắt hơn con đường tắt nhất trong các đường tắt, ý nghĩa là ở chỗ này.

Quý vị thấy ở đây, danh hiệu Phật nhằm ngầm dạy chúng ta chọn lựa như thế nào. Ba danh hiệu Phật này rất có ý vị, chúng ta phải chọn lựa pháp môn nào? Chọn pháp Đại Thừa, Thiền tông hay Tịnh tông? Thiền tông khó hơn Tịnh Độ. Cổ đức nói pháp môn Tịnh Độ “*vạn tu, vạn nhân khứ*” (vạn người tu, vạn người về); chẳng sót một ai. Thế nhưng tu học pháp môn này nhất định phải hiểu đạo lý, phương pháp,

cảnh giới; kinh điển Tịnh tông chỉ nhằm giảng giải ba chuyện trên. Chúng ta hiểu đạo lý Tịnh Độ, biết phương pháp tu học Tịnh Độ, biết cảnh giới quả báo Tịnh Độ thù thắng khôn sánh, rõ ràng, rành rẽ, chẳng tu mù, luyện đui. Lại xem tiếp vị Phật thứ năm:

Đại Diệm Kiên Phật.

大燄肩佛。

Ở phần trên, chúng ta đã thấy có Diệm Kiên Phật, ở đây là Đại Diệm Kiên Phật. Vị Phật này biểu thị ý nghĩa: “*Trao pháp tối thượng một đời thành Phật cho con người*”. Chúng ta muốn giúp đỡ người khác, chẳng được tiếc pháp, phải giới thiệu pháp môn vô thượng cho người khác, khiến họ trong một đời này sẽ thành tựu viên mãn Phật Quả. “*Do vậy, tổ sư của Tịnh tông được tôn xưng là đại sư*”. Danh xưng “*đại sư*” dùng để tôn xưng đức Phật, trong nhà Phật chỉ có chư Phật Như Lai mới được xưng là “*đại sư*”. Quý vị thấy Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát, ta gọi Quán Âm Bồ Tát là Quán Âm đại sĩ, không gọi là đại sư, vì sao? Ngài không phải là Phật, chẳng thể không hiểu điều này.

Chúng ta là phàm phu, là hạng xuất gia tầm thường, nếu xưng “*đại sư*” là hết sức quá phận. Người khác gọi mình là đại sư còn tạm chấp nhận được, chứ chính mình quyết định chẳng được tự xưng, không có lẽ ấy đâu! Tổ sư Tịnh tông cũng chẳng tự xưng là đại sư, mà do hậu nhân xưng tụng. Lúc các Ngài còn tại thế, như Ấn Quang đại sư lúc còn sống, quý vị thấy những bộ Văn Sao được lưu thông trước kia nhằm lúc tổ sư còn sống, mang tựa đề Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao, không phải là đại sư mà là Pháp Sư Văn Sao. Sau khi lão nhân gia viên tịch, vãng sanh rồi, hậu nhân tôn Ngài làm vị Tổ thứ mười ba của Tịnh tông, nên mới gọi là đại sư. Lúc Ngài còn sống, không ai gọi Ngài là đại sư cả; tự Ngài cũng chẳng dám xưng là đại sư, do hậu nhân xưng tụng mà thôi!

Trong lịch sử, mọi người gọi các vị tổ sư Tịnh Độ tông là đại sư, vì sao? Là do pháp môn này. Các vị dùng pháp môn này tiếp dẫn chúng sanh, sánh với chư Phật Như Lai không hai, không khác. Chư Phật Như Lai dùng phương pháp nào để chỉ dạy chúng sanh thành Phật ngay trong một đời, thành vô thượng đạo? Chính là phương pháp này. Nay các vị pháp sư trong Tịnh tông cũng dùng phương pháp này, không khác gì phương pháp chư Phật Như Lai đã dùng, do vậy, được xưng tụng là đại sư. Tổ sư tông Hoa Nghiêm chẳng xưng là đại sư, tổ sư tông Thiên Thai cũng chẳng xưng là đại sư. Thời cổ làm thầy của hoàng đế cũng không

xưng là đại sư, mà xưng là “quốc sư”. Tổ sư các tông phái thì gọi là tổ sư, không gọi là đại sư, mà là tổ sư đời thứ mấy. Thanh Lương đại sư là do hậu nhân chúng ta tôn xưng; Ngài là tổ sư đời thứ tư của tông Hiền Thủ (Hoa Nghiêm), ngài Tông Mật là tổ sư đời thứ năm, nên [hai Ngài được] gọi là Tứ Tổ, Ngũ Tổ, không gọi là đại sư. Chỉ mình [tổ sư của] Tịnh Độ tông xưng là đại sư. Từ chỗ này chúng ta hiểu rõ: Pháp môn Tịnh Độ thù thắng, không khác gì chư Phật đích thân dạy dỗ, thực sự chẳng thể nghĩ bàn! Đó là Đại Diệm Kiên Phật. Xin xem tiếp vị Phật thứ sáu:

Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật.

雜色寶華嚴身佛。

Danh hiệu vị Phật này tượng trưng cho kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Tựa đề của kinh Hoa Nghiêm nếu dịch thẳng từ tiếng Phạn là *Đại Phương Quảng Phật Đà Tap Hoa Trang Nghiêm Kinh*, dịch từng chữ là như vậy. Người Hoa thích đơn giản, bỏ bớt chữ Đà trong Phật Đà, bỏ bớt chữ Tap trong Tap Hoa, tỉnh lược chữ Trang trong Trang Nghiêm; vì thế dịch *Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh*. Quý vị thấy Tạp Sắc Bảo Hoa Trang Nghiêm Phật có phải là biểu thị Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh hay không?

Đức Phật này “*biểu thị một đời viên mãn, chỉ có kinh Hoa Nghiêm giảng tường tận, nhất là nó chứng thực pháp môn Niệm Phật là chỗ quy hướng rốt ráo, phải nên suy nghĩ sâu xa, hãy nên lấy Thiện Tài làm thầy*”. Đây là lấy một bộ kinh lớn để làm chứng, một đời viên mãn thành Phật thì Thiện Tài đồng tử là đại diện, có thể nói Ngài nổi tiếng nhất trong nhà Phật. Thiện Tài đồng tử không sanh lần thứ hai, một đời thành tựu, một đời viên mãn, “*nhất là kinh Hoa Nghiêm chứng thực pháp môn Niệm Phật là chỗ quy hướng rốt ráo*”, dùng kinh Hoa Nghiêm để chứng minh. Kinh Hoa Nghiêm dạy một đời chứng đắc viên mãn rốt ráo như thế nào? Bằng pháp môn Niệm Phật, niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Trong hội Hoa Nghiêm, chúng ta thấy Thiện Tài đồng tử sau khi đắc Căn Bản Trí – quý vị phải hiểu rõ: Đắc Căn Bản Trí, nhà Thiền gọi là “đại triệt đại ngộ”, minh tâm kiến tánh là đắc Căn Bản Trí. Sau khi đắc Căn Bản Trí, vị thầy dạy Thiện Tài đồng tử ra ngoài tham học. Tham học nhằm ý gì? Tham học để thành tựu Hậu Đắc Trí, nhằm thành tựu viên mãn Hậu Đắc Trí. Năm mươi ba lần tham học là vì vậy đó!

Vị thiện tri thức tham phòng đầu tiên rất quan trọng, pháp thể gian hay xuất thế gian đều theo ý nghĩa này, tức là “*tiên nhập vì chủ*” (pháp nào theo học đầu tiên thì pháp ấy là chánh yếu), vị thầy đầu tiên hết sức quan trọng! Theo bản Bát Thập Hoa Nghiêm, vị thầy đầu tiên là tỳ-kheo Đức Vân, bản Tứ Thập Hoa Nghiêm gọi là tỳ-kheo Cát Tường Vân. Cát Tường Vân và Đức Vân là một người, Cát Tường chính là Đức, [kinh được] hai người phiên dịch nên [danh hiệu của vị thiện tri thức này được] dịch khác nhau, nguyên bản là một. Tỳ-kheo Cát Tường Vân tu pháp môn nào? Ngài tu cái pháp nay chúng ta gọi là Ban Châu Tam Muội. Ban Châu Tam Muội là chuyên niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Ngài tu pháp môn ấy, Thiện Tài đồng tử đến tham học với Ngài, hướng về Ngài thỉnh giáo, Ngài bèn vì Thiện Tài giảng hai mươi một pháp môn Niệm Phật. Hai mươi một không phải là con số, chúng ta phải hiểu hai mươi một theo ý nghĩa biểu thị pháp trong Mật tông, hai mươi một tượng trưng cho viên mãn. Hoa Nghiêm là căn bản của toàn bộ Phật pháp, nhà Phật gọi là “*căn bản pháp luân*”. Nói theo thuật ngữ của người hiện thời thì gọi là “Phật học khái luận”. Hết thấy những pháp do Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng trong bốn mươi chín năm chẳng ra ngoài kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm bao gồm toàn bộ căn bản Phật pháp, bởi thế, nó được gọi là “*pháp luân viên mãn*”.

Ngài Cát Tường Vân thị hiện pháp môn Niệm Phật này chẳng thể nghĩ bàn! Thiện Tài học được pháp này. Chúng ta hãy chú tâm quan sát kỹ, thầy của Ngài là Văn Thù Bồ Tát. Văn Thù Bồ Tát và Phổ Hiền Bồ Tát đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, đều tu pháp môn Niệm Phật, kinh Hoa Nghiêm đã chứng thực rõ ràng như vậy. Đến vị thiện tri thức cuối cùng là Phổ Hiền Bồ Tát, tức vị thiện tri thức thứ năm mươi ba (tỳ-kheo Cát Tường Vân là vị thứ nhất, Phổ Hiền Bồ Tát là vị thiện tri thức cuối cùng), Phổ Hiền Bồ Tát dạy Thiện Tài đồng tử “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*”. [Từ sự kiện toàn bộ quá trình tham học] mở đầu dạy pháp môn niệm Phật, tối hậu “*dẫn về Cực Lạc*”, chúng ta hoàn toàn hiểu rõ: Thiện Tài đồng tử tu pháp môn nào? Pháp môn Niệm Phật. Từ đầu đến cuối đều tu pháp môn Niệm Phật. Quý vị thấy trong khi tham phòng, có thể nói pháp môn nào Ngài cũng tiếp xúc, cũng thông đạt, nhưng tự mình vẫn tu pháp môn Niệm Phật, nhất định chẳng bị ảnh hưởng, nhất định chẳng thay đổi. Năm mươi ba lần tham học bao hàm ý nghĩa ấy. Nếu không hiểu điều này thì năm mươi ba lần tham học coi như trắng tay.

Cứ mỗi lần tham phòng một vị thiện tri thức thì trong khoa phán

của Thanh Lương đại sư, Ngài phán định phần cuối của mỗi đoạn kinh văn ấy là “*luyện đức lễ từ*” (luyện mộ đức hạnh, lễ kính, tạ từ). Nên hiểu bốn chữ ấy như thế nào? “*Luyện đức*” là cảm tạ thiện tri thức dạy dỗ, thiện tri thức vì con diễn nói khiến cho con hiểu rõ ràng mọi điều. “*Lễ từ*” có nghĩa là gì? Lễ là cung cung kính kính, “*từ*” là không học pháp môn ấy, vẫn chỉ học pháp Niệm Phật của chính mình. Con rất cảm kích, Ngài dạy con, con đều hiểu rõ, thấu hiểu nên trí huệ mở mang. “*Lễ từ*” là như như bất động, tự mình thường trụ trong Niệm Phật tam-muội thì mới một đời thành tựu được! Một đời thành tựu phải nhờ vào “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*”. Điều này chứng thực pháp môn Niệm Phật là rốt ráo chỉ quy.

Vị tổ sư thứ nhất của Tịnh Độ tông là ai? Phổ Hiền Bồ Tát là vị tổ sư thứ nhất. Trong hội Hoa Nghiêm “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*”, quý vị nói Ngài không phải là vị tổ sư thứ nhất thì ai là tổ sư đời thứ nhất? Thế nhưng chúng tôi đọc cuốn Tịnh Tu Tiệp Yếu của lão cư sĩ Hạ Liên Cư thấy Ngài viết như thế này: “*Tịnh tông Sơ Tổ Nam Mô Đại Thế Chí Bồ Tát*”; câu này quả thật lay tỉnh tôi. Không sai! Trong hội Lăng Nghiêm, chúng ta thấy Đại Thế Chí Bồ Tát là người chuyên tu Tịnh Độ sớm nhất. Như vậy, Đại Thế Chí Bồ Tát là Tịnh tông Sơ Tổ, là pháp giới tổ sư; trọn khắp pháp giới hư không giới, Đại Thế Chí Bồ Tát là người tu Tịnh Độ đầu tiên, là Sơ Tổ của trọn khắp pháp giới. Phổ Hiền Bồ Tát là Sơ Tổ trong thế giới Sa Bà. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành Phật, kinh giảng đầu tiên là kinh Hoa Nghiêm, trong hội thứ nhất, Phổ Hiền Bồ Tát “*dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*”. Vì vậy, Ngài là Sơ Tổ của thế giới Sa Bà.

Sơ Tổ Tịnh tông Trung Quốc là Huệ Viễn đại sư. Vào thời đại Đông Tấn, ngài dựng liên xã tại Lô Sơn, tức Đông Lâm Niệm Phật Đường, tập hợp những người chí đồng đạo hợp gồm một trăm hai mươi ba người chuyên tu Tịnh nghiệp. Do chuyên tu tịnh nghiệp tại Lô Sơn, Ngài trở thành người khởi phát Tịnh tông đầu tiên tại Trung Quốc, nên ta gọi Ngài là Sơ Tổ. Vì vậy khi nói đến Sơ Tổ, chúng ta phải hỏi vị Tổ Sư nào? Sơ Tổ của thế giới Sa Bà hay Sơ Tổ cả pháp giới hay là Sơ Tổ của Trung Quốc? Trước kia, chúng tôi ở Mỹ, cũng đến các nơi thành lập Tịnh Tông Học Hội. Trước kia, ở Mỹ Quốc và Gia Nã Đại có hơn hai mươi Tịnh Tông Học Hội, nay tôi không biết còn được bao nhiêu. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ trêu: “Pháp sư Tịnh Không! Ông là Sơ Tổ của Tịnh Tông Mỹ Quốc”. Như vậy, Sơ Tổ tùy thuộc địa phương nào, khu vực nào, ai là người đầu tiên đề xướng niệm Phật.

Cuối cùng là “*phải nên suy nghĩ sâu xa*”. Chúng ta phải nghĩ cho chín, pháp môn rất nhiều, tám vạn bốn ngàn vô lượng pháp môn, chúng ta tuyên chọn như thế nào? Học theo Thiện Tài, “*lấy Thiện Tài làm thầy là được*”. Thiện Tài chọn pháp môn Niệm Phật, trì danh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, Ngài thành công, Ngài thực sự vãng sanh. Vị Phật thứ bảy là:

Sa La Thụ Vương Phật.

娑羅樹王佛。

“*Biểu thị viên chứng kiên cố rốt ráo, làm đại pháp vương, Mật - Tịnh bất nhị*”. Sa La Thụ Vương Phật tượng trưng cho Mật tông, Mật Pháp gọi là “rốt ráo kiên cố”. Bởi thế, vị Phật này biểu thị sự chứng đắc Mật pháp kiên cố rốt ráo, là đại pháp vương, hiển thị Mật và Tịnh bất nhị. Ấy là vì Đại Thừa Phật pháp ở Trung Quốc được chia thành tám tông phái, Tiểu Thừa gồm hai tông phái, nên Phật giáo Trung Quốc có tất cả mười tông phái. Trong mười tông phái này, bất luận tu học pháp môn nào, kết cuộc chỉ là ba môn, tức ba môn Giác, Chánh, Tịnh. Như Tánh tông, Thiền tông thuộc về Giác Môn: Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Mọi tông của Giáo Hạ thuộc về Chánh Môn: Chánh tri, chánh kiến. Tịnh tông và Mật tông thuộc vào Tịnh Môn: Tâm tịnh thì cõi nước tịnh. Do vậy, Mật và Tịnh thuộc cùng một loại, đều cùng một loại nhưng Mật khó, Tịnh dễ, rất dễ dàng phân biệt khó - dễ!

Tịnh Độ tông giảng thân tâm thanh tịnh, xa lìa ô nhiễm, giữ gìn thanh tịnh, vậy là còn dễ! Thanh tịnh trong Mật tông còn thù thắng hơn Tịnh tông, vì sao? Chẳng lìa nhiễm ô, ở trong nhiễm nhưng chẳng nhiễm, cao lắm! Đương nhiên là khó! Vì thế, Mật tông chẳng dễ gì thành tựu, nhưng đều là tu tâm thanh tịnh. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ là bậc kim cang a-xà-lê trong Mật tông, chúng ta thường gọi [kim cang a-xà-lê] là Thượng Sư⁶. Lão nhân gia tối hậu niệm Phật vãng sanh, chẳng dùng đến Mật pháp. Trong thời gian tối hậu, mỗi ngày Ngài niệm mười bốn vạn câu Phật hiệu cầu sanh Tịnh Độ. Cụ Hoàng bảo tôi (lúc tôi sang Bắc

⁶ Thượng Sư là dịch nghĩa chữ Guru trong tiếng Phạn. Đôi khi còn dịch là Đạo Sư, Đại Sĩ. Chữ Guru ban đầu chỉ có nghĩa là bậc thầy, chuyên gia đầy kinh nghiệm về một lãnh vực nào đó. Trong Ấn Độ Giáo và đạo Sikh, chữ Guru thường được chỉ những bậc hành giả đạt kinh nghiệm tâm linh cao, thực chứng. Riêng trong Phật giáo Tây Tạng, chữ Guru Rinpoche chỉ dành riêng để gọi Liên Hoa Sanh đại sĩ (Padmasambhava), sáng tổ Phật giáo Tây Tạng.

Kinh thăm cụ, cụ bảo tôi), hơn bốn mươi năm sau ngày Trung Quốc được “giải phóng”⁷ (lúc ấy vẫn chưa đến năm mươi năm, mới hơn bốn mươi năm), Trung Quốc có mười ba ức người [học Mật tông], người học Mật tông trong hơn bốn mươi năm ấy nhiều dường ấy, có bao nhiêu người thành tựu? Cụ bảo tôi chỉ có sáu người! Rồi lại bảo tôi: “*Từ rày về sau, học Mật tông chẳng thể thành tựu, chỉ có cách tu Tịnh Độ*”. Trong ô nhiễm không bị ô nhiễm, công phu ấy cao lắm! Có mấy ai có thể thành tựu?

Tu học trong Mật tông chẳng lìa ngũ dục, lục trần, ngày ngày ở trong ngũ dục, lục trần, chẳng bị tiêm nhiễm mảy may, phải có bản lãnh ấy, phải có công phu ấy. Không như Tịnh Độ tông, Tịnh Độ tông tách lìa ngũ dục, lục trần, tu tâm thanh tịnh. Bởi thế, luận về đẳng cấp, Mật tông là thanh tịnh thượng thừa, thượng thượng thừa. Chúng ta tu Tịnh Độ tông tâm địa thanh tịnh là trung hạ, trung hạ thừa, chẳng bằng Mật tông. Vì thế, chúng ta phải tôn kính Mật pháp, tự biết chính mình không có năng lực tu học, nên cứ tu pháp môn Niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Sau khi gặp A Di Đà Phật, phương pháp tu hành, cảnh giới của chúng ta sẽ được nâng cao, như vậy là chính xác, không sai một chút nào. Vì sao Tịnh - Mật bất nhị? Vì đều là tu tâm thanh tịnh.

Ba vị Phật kế đó tương ứng với ba vị ở phương Đông. Trong sáu phương Phật, trước hết chúng ta thấy tại phương Đông có các vị Phật tượng trưng cho pháp, biểu thị ba thân: “*A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật*”; trong đây chúng ta thấy đều dùng chữ Tu Di: Tu Di Tướng, Đại Tu Di, Tu Di Quang là vì sao? Đây chính là điều người học Phật chúng ta mong cầu. Phải chứng đắc Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Hóa Thân; ấy là Phật Quả rốt ráo. Đến phương trên, chúng ta trông thấy:

Bảo Hoa Đức Phật.

寶華德佛。

“*Biểu thị Báo Thân viên mãn*”. Báo Thân viên mãn là thân trí huệ viên mãn, tự tánh vốn sẵn đủ trí huệ hiện tiền.

⁷ Chữ “giải phóng” ở đây chỉ thời điểm Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa thành lập, tức là khi Mao Trạch Đông chiếm trọn Hoa Lục, chánh phủ Dân Quốc của Tưởng Giới Thạch phải chạy ra Đài Loan. Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa thành lập ngày Mồng Một tháng Mười năm 1949. Như vậy, hòa thượng Tịnh Không sang thăm cụ Hoàng là vào năm 1989.

Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật.

見一切義佛。

“*Biểu thị ngàn trăm ức hóa thân, ngũ nhãn viên minh, ứng khắp các căn cơ*”. Đây là Ứng Hóa Thân, ngàn trăm ức Hóa Thân! Trong chín pháp giới, chúng sanh có cảm, Phật liền có ứng. Cảm ứng đạo giao quyết định chẳng sai chạy, có cảm bèn lập tức có ứng, quyết định chẳng thể nói là không ứng. Ở phần trên, tôi đã nói về đạo lý cảm ứng đạo giao rồi, Cảm có bốn loại lớn, Ứng cũng có bốn loại lớn: Hiển Cảm Hiển Ứng, Hiển Cảm Minh Ứng, Minh Cảm Hiển Ứng, Minh Cảm Minh Ứng, những hiện tượng cảm ứng đạo giao chẳng ngoài bốn loại lớn này. Phật, Bồ Tát, A La Hán đều có năng lực, nhưng Như Lai cảm ứng vô điều kiện, trọn khắp chúng sanh trong khắp pháp giới hư không giới, ứng hiện trọn khắp!

Bồ Tát và A La Hán có lúc phải có duyên phận, nhà Phật thường nói “*Phật chẳng độ kẻ vô duyên*”. Bồ Tát và chúng sanh có duyên phận bèn ứng, nếu không có duyên phận với chúng sanh ấy sẽ chẳng ứng. Vì sao? Lúc Ngài đến, chúng sanh hoàn toàn không vui thích, Ngài rất muốn giúp người ấy, nhưng kẻ ấy không ưa Ngài, chẳng tiếp nhận Ngài, Ngài không đến. Phật khác hẳn, Phật là vô điều kiện, nhưng sự ứng hiện của Phật như vừa mới nói, có hiển ứng (ứng hiện rõ ràng) và minh ứng (ứng hiện ngầm). Minh (冥) là thầm che chở, ban ơn cho quý vị mà quý vị chẳng nhận biết; Hiển (顯) là rất rõ ràng, quý vị có thể cảm nhận được. Cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn! Như vậy, vị Phật này tượng trưng cho Ứng Hóa Thân. Vị Phật sau cùng:

Như Tu Di Sơn Phật.

如須彌山佛。

Tu Di xuất hiện, “*biểu thị Pháp Thân thanh tịnh, làm Lý Thể cho hết thấy các pháp*”. Như Tu Di Sơn Phật; ba thân ấy là một, “*viên chứng một thể ba thân*”, ba thân là một nhưng ba, ba nhưng một, từ trí huệ mà nói thì là Báo Thân, từ Lý Thể mà nói thì là Pháp Thân, từ tác dụng mà nói thì là Ứng Hóa Thân; chúng đấng viên mãn một Thể ba thân. Quý vị thấy ba vị Phật này tương ứng với phương Đông, thấu triệt từ đầu đến cuối. Chúng ta lại xem tiếp đoạn kế đó:

“*Trên đây đã nêu đại lược danh hiệu của các vị Phật, hàm ý rất*

sâu, ngâm dạy cho người niệm Phật tông chỉ trọng yếu trong lịch trình tu tập từ sơ phát tâm cho đến viên mãn Bồ Đề, như năm mươi ba lần tham học trong kinh Hoa Nghiêm, chẳng thể không biết”. Phật là trí huệ viên mãn rất ráo, phương pháp dạy học cao minh đến cùng tột, trong kinh Phật thường nói là “*phương tiện thiện xảo*”, bốn chữ này chúng ta chẳng dễ gì lãnh hội nổi. Quý vị chú tâm quan sát mới hòng hiểu được Ngài hiển thị phương tiện thiện xảo như thế nào.

Quý vị thấy đó, đức Phật nêu lên những danh hiệu ấy, những danh hiệu ấy đều nhằm dạy chúng ta nên tu học như thế nào. Phương Đông là căn bản tu học, dạy cho quý vị pháp căn bản. Phương Nam là tu huệ. Phương Tây là tu phước. Phương Bắc là phải phước huệ đều đã có cơ sở rồi mới bắt đầu giáo hóa chúng sanh, phương Bắc là bắt đầu giáo hóa. Dạy học giúp tăng trưởng, quý vị muốn nâng cao cảnh giới của chính mình, muốn chứng đắc quả vị cao hơn mà quý vị không dùng phương pháp dạy học sẽ rất khó khăn. Bồ Tát không vị nào chẳng dạy học, không có vị nào chẳng phục vụ hết thầy chúng sanh. Vì hết thầy chúng sanh phục vụ là tu phước, dạy học là tu huệ, phước huệ song tu. Do vậy, thành Phật được gọi là Nhị Túc Tôn. Có huệ mà không có phước thì chẳng thể độ chúng sanh; có phước không huệ cũng chẳng thể độ chúng sanh. Phương Bắc là bắt đầu, rồi đến phương Hạ, phương Thượng. Sáu vị Phật ở phương dưới tượng trưng cho pháp môn Lục Độ của Đại Thừa Bồ Tát. Cuối cùng, phương trên là rốt ráo viên mãn.

Quý vị thấy trình tự này, theo thứ tự thuận, mỗi một giai đoạn học một pháp môn nào, dùng danh hiệu Phật, Bồ Tát để biểu thị pháp ấy; vì thế, những ý nghĩa này rất sâu. “*Ngâm dạy người niệm Phật*”, chúng ta phải hiểu được mật nghĩa này. Thật đấy, đức Phật giảng kinh thuyết pháp “*ý tại ngôn ngoại*” (ý nằm ngoài lời), chúng ta phải lãnh hội, phải thấu hiểu được. Đây chính là những điều tổ sư đại đức trước kia thường giảng, quý vị hiểu chẳng? Quý vị nghe có hiểu hay chẳng? Quý vị có thấu hiểu ý nghĩa này hay chẳng? Có hiểu như vậy rồi, quý vị mới biết phải nên tu học như thế nào.

Pháp thế gian và xuất thế gian, tôi thường nói chỉ có người có trí huệ mới hòng nắm chắc cơ hội, mới thành công. Pháp thế gian như vậy mà Phật pháp cũng như vậy. Cơ hội ở trước mặt mà quý vị bỏ lỡ, bỏ lỡ lần này không biết đời nào kiếp nào mới có thể gặp gỡ. Phàm ai thành công thì chẳng có gì khác cả, phải nhận biết cơ hội, nắm ngay lấy cơ hội, người ấy sẽ thành công. Giống như người kinh doanh trong thế gian thường nói đến “cơ hội kinh doanh” hay “cơ duyên thương nghiệp”, tức

là cơ hội kiếm tiền, phải nhận thấy [cơ hội ấy] rất chuẩn xác, phải nắm ngay lấy, đầu tư vào đó, thực sự kiếm lợi. Cơ hội trước mắt mà dễ lỡ, không nắm lấy; Phật pháp cũng như vậy, phải nhận biết cơ duyên tu phước, tu huệ.

Bậc đại thánh đại hiền thế gian hay xuất thế gian không có gì khác cả, các Ngài không có lòng riêng tư, vì hết thấy chúng sanh phục vụ, nhà Phật gọi là “*độ sanh*”. Độ sanh nghĩa là gì? Độ sanh nay gọi là phục vụ, phục vụ hết thấy chúng sanh vô điều kiện, có thể bỏ mình vì người, đây là đại từ đại bi. Đây gọi là tâm đại Bồ Đề. Người không chịu bỏ mình vì người, thủy chung không thể thành tựu. Quý vị nói mình niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng sanh có khổ nạn hy vọng mình giúp đỡ mà một chút cũng không chịu làm, trong tâm nghĩ như thế nào? Đợi đến khi tôi sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi, tôi học thành sẽ trở lại giúp quý vị, rõ ràng là hiện tại đủ sức giúp người, lại không chịu giúp, đợi về Tây Phương Cực Lạc thế giới học thành rồi mới giúp thì sẽ chẳng thể sanh về thế giới Cực Lạc được!

Thế nào mới là “đến Cực Lạc thế giới học thành rồi mới quay về”? Nay thấy chúng sanh khổ sở, nhưng chính mình thực sự không có năng lực giúp đỡ, mình cần phải sang Tây Phương Cực Lạc thế giới học lấy bản lãnh, vậy là đúng! Còn nếu nay quý vị có năng lực, nhưng không chịu làm, chính là trái nghịch bốn nguyện A Di Đà Phật. Có một phần năng lực thì giúp đỡ một phần, có hai phần năng lực bèn giúp hai phần, công đức viên mãn. Cửa ải khó khăn nhất của hết thấy chúng sanh học Phật là gì? Tiến thì ít, lui thì nhiều. Đừng nói bọn người sơ phát tâm chúng ta gặp phải cảnh duyên bất thuận liền lập tức ngã lòng, Tiểu Thừa cũng ngã lòng. Tứ Quả A La Hán ứng hóa trong thế gian này, thấy chúng sanh khó độ đều ngã lòng, huống chi lũ phàm phu sát đất chúng ta, phiền não tập khí chưa đoạn được phần nào, rất dễ thoái đạo, vừa lui sụt bèn đạo lạc. Đó là điều khẳng định!

Sách Liễu Phàm Tứ Huấn nói về tình hình khi ấy rất hay, lúc ấy nếu gặp được vị thiện tri thức chân chánh cảnh tỉnh mình, nâng đỡ mình, giúp đỡ mình, kinh Kim Cang gọi chuyện đó là “*thiện hộ niệm chư Bồ Tát*” (khéo hộ niệm các Bồ Tát), Như Lai giáo huấn: Các đại Bồ Tát thường phải chiếu cố các tiểu Bồ Tát. Tiểu Bồ Tát rất dễ thoái chuyển, rất dễ đạo lạc, lúc họ gặp phải thoái duyên [các đại Bồ Tát] phải gấp giúp đỡ họ. Chẳng dễ dàng gì, chúng ta cứ nghĩ xem: Trong một đời ta có thể gặp được vị thiện tri thức thực sự hay không? Gặp được thiện tri thức thực sự là phước báo lớn lắm mới có thể giữ cho quý vị không bị

thoái chuyển. Chương duyên đầu đầu cũng có, chương duyên do đầu mà có? Vô lượng kiếp tạo tác nghiệp chương, nay chúng đều khởi hiện trên con đường Bồ Đề, chẳng thể không biết điều này.

A! Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp tiểu đoạn thứ chín:

“Phật độ sanh, sanh thọ hóa, kỳ gian nan dị thâm thiện, tổng tại ư duyên, duyên chi sở tại, ân đức hoằng thâm, chủng chủng giáo khai, năng linh hoan hỷ tín nhập, năng linh xúc động tức chủng, năng linh ma chương nan giá, năng linh thể tánh khai phát, chư Phật bốn tòng Pháp Thân thù tịch, cố kết duyên chủng, nhược thể xuất thế, tất bất khả tư nghị dã” (Phật độ sanh, chúng sanh nhận sự giáo hóa (thọ hóa), khó - dễ, cạn - sâu trong khoảng ấy nói chung là do duyên. Duyên tồn tại, ân đức sâu rộng, đủ mọi thứ dạy dỗ, khơi gợi khiến cho [người được hóa độ] hoan hỷ tín nhập, khiến cho xúc động tức chủng, khiến cho ma chương khó ngăn trở, khiến cho thể tánh khai phát. Chư Phật vốn từ Pháp Thân thị hiện ứng hóa, kết chắc duyên chủng. Dù là thể pháp hay xuất thế pháp thấy đều chẳng thể nghĩ bàn). Ý nghĩa của đoạn này rất sâu, đó chính là lời đại sư Ngẫu Ích đã viết trong sách Yếu Giải, đặc biệt là người phát tâm theo đuổi công cuộc hoằng pháp và người làm nhiệm vụ hộ pháp không thể chẳng hiểu đạo lý này. Nếu không hiểu đạo lý này, trên con đường tự hành hóa tha chúng ta không thể tránh khỏi ngã lòng, đó là hiện tượng tất nhiên. Phật độ chúng sanh, “độ” là giáo hóa, chỉ dạy chúng sanh. Chúng sanh tiếp nhận sự giáo hóa của Phật. Chữ “hóa” ý nghĩa rất sâu, chúng tôi thường nói là “tiếp nhận giáo huấn”. Nói “tiếp nhận giáo huấn” chỉ là nói một bên, không viên mãn. Dạy rồi thì sao? Dạy rồi, quý vị có học hay chẳng? Quý vị không chịu học thì sự giáo huấn ấy không thành tựu, không có thành tích.

“Hóa” (化) là có thành tích, có biến đổi khí chất, thực sự có thành tựu và thành tích. Cổ nhân nói “*độc thư chi tại biến hóa khí chất*” (đọc sách hòng biến đổi khí chất), phải có chuyển biến, chuyển biến là biến hóa, chuyển ác thành thiện! Thực sự chuyển được! Chuyển mê thành ngộ, chuyển phàm thành thánh, đầy đủ là thành tích dạy học được hiển lộ cụ thể. Có thể chuyển phàm thành thánh, hóa phàm thành thánh chính là thành tích tốt nhất, là thành tích viên mãn. Có thể chuyển mê thành

ngộ là thành tích bậc nhì. Có thể dạy cho chúng sanh chuyển ác thành thiện là thành tích bậc ba. Giống như cổ nhân Trung Quốc dùng cách đánh số Giáp, Ất, Bính... thì chuyển phàm thành thánh là hạng Giáp, chuyển mê thành ngộ là hạng Ất, chuyển ác thành thiện là hạng Bính v.v... Trong chữ Hóa có những ý nghĩa như thế đó, chúng sanh tiếp nhận sự giáo hóa của Phật, chắc chắn biến hóa! Mức độ thấp nhất là chuyển ác thành thiện, thực sự khởi biến hóa.

“*Kỳ gian nan dị thâm thiển, tổng tại ư duyên*” (Trong ấy, khó - dễ, cạn - sâu, nói chung là do duyên). Duyên: Chẳng riêng gì Phật pháp nói đến duyên, mà pháp thế gian cũng nói đến duyên. Rất nhiều người không biết ý nghĩa này, học trò theo học với thầy phải có duyên. Duyên từ đâu mà có? Học trò tôn trọng thầy, yêu thích vị thầy ấy, thầy cũng yêu mến trò, thầy trò ấy có duyên rất sâu. Duyên sâu như thế nào? Học trò nghe lời, thầy khéo dạy, do vì trò tôn trọng thầy, thực sự tôn trọng, tôn trọng như thế nào? Ý giáo phụng hành. Thầy dạy rồi mà nếu ta không làm được, tự cảm thấy mình phụ lòng thầy. Đây là sức thúc đẩy của duyên. Thầy cũng như vậy, học trò thực sự chịu học, nếu thầy không dạy cho giỏi, thầy cảm thấy sai trái đối với học trò.

Trước kia, tôi cầu học ở Đài Trung, thầy Lý thường dạy tôi, toàn là những lời cổ nhân đã nói: Học trò đối với thầy có mười phần thành kính, theo học với thầy; nếu thầy chỉ dạy chín phần, còn thiếu một phần là có lỗi với học trò. Nếu học trò chỉ tôn kính thầy năm phần, thầy chẳng thể dạy trò đến sáu phần, vì sao? Dạy sáu phần là nhiều hơn một phần, trò chẳng thể hấp thụ. Nó chẳng thể tiếp nhận, đúng là lãng phí hơi sức! Trong Văn Sao, Ấn Quang đại sư có nói rất hay: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”. Do vậy, thầy dạy học quyết định phải có học trò mười phần thành kính, những gì thầy giảng đều phơi bày trọn vẹn, không giữ lại một tí nào. Nếu tâm thành kính chưa đủ thì quý vị có được mấy phần thành kính sẽ lãnh hội được mấy phần. Nếu không có tâm thành kính, sẽ chẳng đạt được phần [lợi ích] nào hết! Điều đó cũng không sao! Vì sao? Quý vị thuộc loại dự thính, cũng tính là có duyên, tốt lắm! Bởi lẽ, thông thường quý vị hướng về thầy thỉnh giáo, thầy chẳng thể dạy quý vị, nay trong giảng đường có học trò mười phần thành kính, thầy bèn giảng những pháp tinh túy, mình có thể nghe ké bên cạnh. Nghe được bao nhiêu thầy không chịu trách nhiệm.

Do vậy, đức Phật thuyết pháp (đây là những chuyện chúng ta thường thấy trong kinh điển, nhưng chúng ta đọc mà không hiểu, đến khi

tổ sư chú giải mới chỉ ra), bậc đương cơ khi ấy là người mười phần thành kính, đức Phật đối với người ấy nói pháp đó, những kẻ khác là bàng thính (nghe ké). Như đức Thế Tôn giảng kinh Hoa Nghiêm, đương cơ của kinh Hoa Nghiêm là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ, tức Pháp Thân Bồ Tát; Quyển Giáo Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác là bàng thính, Phật chẳng giảng cho những người ấy, nhưng gặp được duyên thì cũng coi như không uổng, gieo được chủng tử vào A Lại Da Thức. Do vậy, “*tổng tại u duyên*” (nói chung là do duyên).

“*Duyên chi sở tại, ân đức hoằng thâm*” (Duyên tồn tại, ân đức sâu rộng), một đời tôi gặp được ba vị thầy, đúng là ân đức sâu rộng. Chúng ta làm học trò tôn trọng, kính yêu thầy, đối với học trò như vậy, thầy chăm chút trò không điều nhỏ nhặt nào chẳng quan tâm, chúng ta cảm kích ân thầy dạy bảo. Dùng gì để tỏ lòng cảm kích? Y giáo phụng hành, ta thường nói là đem công đức do chính mình tu học, công đức hoằng pháp lợi sanh, công đức hộ pháp hồi hướng về thầy, báo ân thầy. Khi xưa, thầy dạy ta chẳng uổng công, chúng ta tiếp nối huệ mạng của Phật, giống như chạy đua tiếp sức, thầy giao cây gậy cho ta, ta nhất định phải hoàn thành. Rồi ta lại giao cho người khác tiếp sức. Người tiếp sức là ai? Là người đối với Phật, đối với Pháp, đối với thầy có tâm thành kính. Không có thành kính thì quý vị chẳng nắm được cây gậy ấy. Pháp thế gian hay xuất thế gian đều là một lòng Thành, một lòng Kính. “*Bất Thành vô vật*” (không có lòng Thành chẳng ra gì), dầu như thế nào cũng không đáng bàn đến nữa! Vì vậy, phải có thành kính, có ân đức.

“*Chủng chủng giáo khai*” (đủ mọi thứ dạy dỗ, khơi gợi), Giáo (教) là giáo hội (教誨: dạy dỗ); Khai (啟) là khai phát (啟發: khơi mở, khơi gợi). “*Năng linh hoan hỷ tín nhập*” (Có thể khiến cho vui thích tin nhập), học trò thực sự có lòng chân thành, cung kính, tôn sư trọng đạo, nghe lời thầy dạy bảo bèn hoan hỷ, tin tưởng, không ngờ vực, sẽ có thể khế nhập. “*Nhập*” (入) có nghĩa là giải ngộ, chứng ngộ, hiểu được, hành được, chứng được, đó là “*nhập*”. Đó là học trò dễ dạy. Ta thường nói là đưa học trò “*có ngộ tánh*”, vừa nói liền hiểu, hiểu rõ ràng. Kẻ căn tánh kém cỏi hơn, khó lắm! Quý vị có giảng cho nó, nó cũng không hiểu, cứ vẫn tùy thuận tập khí phiền não, không quay đầu lại, hạng người như vậy nhiều lắm! Thực sự nghe rồi tin tưởng, hiểu biết, lại y giáo phụng hành, thực sự ra, trong ngàn vạn người chưa được một kẻ!

Trên thực tế, trong các buổi giảng, chúng tôi thường nói, nhưng chưa bao giờ đề cập đến chuyện này, chúng tôi thường nói “*hiếu học*”, quan trọng nhất là chữ “*hiếu*”, “*hiếu*” (好) là ưa thích! Con người chỉ

cần hiểu học thì sẽ nhất định gặp được vị thiện tri thức thực sự, vì sao? Cảm ứng! Hiểu học là năng cảm, sẽ cảm động được chư Phật, cảm động thiện tri thức. “*Hiếu*” chắc chắn sẽ y giáo phụng hành, quý vị chịu học, tin được, hiểu được, nhưng làm chưa được thì chưa phải là hiểu học, chưa đủ điểm đạt chữ Hiếu, chưa đạt tiêu chuẩn. Thực sự “*hiếu*” thì nhất định y giáo phụng hành, nhất định làm được.

Duyên quan trọng lắm! Cùng một đạo lý ấy, mười phương thế giới chư Phật rất nhiều, vì sao chúng ta lại khẳng khái niệm A Di Đà Phật? Vì sao không niệm đức Phật khác? A Di Đà Phật có duyên với ta, ta yêu mến Ngài, Ngài cũng yêu thích ta, có duyên đây! Phật chẳng độ kẻ vô duyên. Sao biết là có duyên? Vừa tiếp xúc kinh điển Tịnh Độ bèn hoan hỷ, đó là có duyên. Vừa nghe liền hiểu, hiểu rồi lại thực sự chịu làm, y giáo phụng hành, từ những điều đó mà thấy. Thay bằng bộ kinh khác thì cũng có thể tin tưởng, cũng rất hoan hỷ. Có lúc rất nhiều chỗ mình không hiểu, phải đi hỏi người khác, nghe người khác giảng tợ hồ người ta cũng không hiểu rõ ràng, không có cách nào y giáo phụng hành; hoặc hiểu nhưng hành chẳng dễ, khó lắm. Pháp môn này dễ dàng, thẳng chóng, ôn hòa, thích đáng, nhanh chóng lại thành công viên mãn, bởi thế có duyên!

Trong hàng Bồ Tát cũng có rất nhiều Bồ Tát, lại khẳng khái niệm Quán Thế Âm Bồ Tát là vì nguyên nhân nào? Quán Thế Âm Bồ Tát có duyên với người thế giới Sa Bà. Bởi thế ngàn ngữ Trung Quốc thường nói: “*Gia gia Quán Thế Âm, hộ hộ Di Đà Phật*” (Nhà nhà Quán Thế Âm, nhà nhà Di Đà Phật). Di Đà, Quán Âm tợ hồ đặc biệt hữu duyên với người Hoa, duyên phận lại rất sâu, đạo lý là như vậy. Mười phương chư Phật cũng đều biết, đại khái Di Đà, Quán Âm chẳng những có duyên với chúng ta ở nơi đây mà mười phương chúng sanh đều có duyên phận rất sâu xa với hai Ngài. Do vậy, chư Phật Như Lai tuyên dương, chư Phật Như Lai khuyên ta phát tâm học theo Di Đà và Quán Âm. Quả thật, mấy câu tiếp theo đó quả thật đã giải thích hết sức rõ ràng về hiệu quả của cái duyên sâu xa.

“*Năng linh xúc động tức chủng*” (có thể dấy động những chủng tử xa xưa), “*tức chủng*” là chủng tử thiện căn trong đời quá khứ. Thiện tri thức, thầy dạy dỗ khiến cho những chủng tử thiện căn trong A Lại Da Thức bị động chạm; nói cách khác, sự học tập của quý vị tiếp nối sự học tập trong quá khứ, duyên ấy tốt lắm! Tiếp nối sự học tập trong quá khứ, sự học tập ấy vốn bị gián đoạn; vì sao bị đoạn? Mê khi cách âm, chúng ta là thân nghiệp báo, lúc đầu thai quên mất chủng tử thiện căn trong đời

trước; dầu có, nhưng không khởi hiện hành, không khởi tác dụng. Thiện tri thức chỉ dạy không ngừng, hoát nhiên khai ngộ. Ngộ có nguyên nhân là do trong đời quá khứ đã từng tu học rồi. Thầy là Tăng Thượng Duyên.

“*Năng linh ma chướng nan giá*” (có thể khiến cho ma chướng khó ngăn trở), thật đấy! Trên đường Bồ Đề, quý vị muốn tu hành, muốn hóa độ chúng sanh, luôn bị ma chướng ngăn trở. Nếu có thiện tri thức chỉ dạy, ma cảnh ấy sẽ hóa giải. Hóa giải như thế nào? Vì quý vị có trí huệ, nhớ kỹ lời dạy của thiện tri thức, không hoài nghi, không mê hoặc. Ma chướng có thuận cảnh và nghịch cảnh, nếu quý vị có trí huệ, có huệ nhãn, quý vị sẽ thấy được. Thuận cảnh là gì? Mọi chuyện đều rất như ý, khiến quý vị khởi tham ái. Phải biết tham ái là phiền não, là một trong ba độc. Trong tình cảnh ấy, quý vị khởi tham ái không phải là chuyện tốt, ma chướng hiện tiền. Quý vị có trí huệ thì ma chướng không thể chướng ngại, quý vị có thể đối phó hết sức giỏi. Biết ơn, báo ơn, cảm ơn, cung kính đức, sẽ chẳng sanh phiền não. Phiền não là tham ái, chẳng sanh tâm tham, không ngu si.

Nếu ma chướng là nghịch cảnh thì nghịch cảnh sẽ như thế nào? Khiến cho quý vị nóng giận, sanh ghen ghét, ý niệm bất thiện sanh khởi. Quý vị phải nhận biết rõ ràng. Nếu quý vị có trí huệ, sẽ chuyển nghịch cảnh thành thuận cảnh, chẳng những nó không thể chướng ngại quý vị mà có lúc còn nâng cao [cảnh giới của] quý vị lên nữa. Bởi thế, cô đức dạy cho chúng ta một câu thành thực: “*Bồ Đề đạo thượng, vô Phật diệt vô ma*” (Trên đường Bồ Đề không có Phật mà cũng không có ma). Đúng như vậy đó! Phật và ma từ đâu có? Một niệm giác thì hữu tình và vô tình đều là cảnh giới Phật; một niệm mê thì hữu tình và vô tình đều là cảnh giới ma. Thừa thật cùng quý vị, quả thật không có Phật lẫn ma, ma và Phật chỉ do tự tánh biến hiện. Đấy chẳng phải là điều kinh Phật thường nói đó ư? Hết thấy pháp sanh từ tâm tưởng. Tâm tưởng của ta giác chứ không mê thì hết thấy pháp đều là Phật pháp. Tâm tưởng của ta mê hoặc, điên đảo, mê chứ không giác thì hết thấy pháp đều là ma chướng. Bởi thế, Phật và ma chỉ là cảnh giới do ý niệm của chính mình biến hiện.

Trong thời gian gần đây, ai nấy đều thấy những thí nghiệm kết tinh nước của tiên sĩ Giang Bồn Thắng, từ những tỷ dụ ấy, quý vị có thể hiểu: Chúng ta dùng thiện tâm, một niệm thiện, tâm yêu thương, tâm cảm tạ thì quý vị thấy nước sẽ kết tinh đẹp đẽ dường ấy. Nếu chúng ta dùng ác niệm, tâm thái rất bất hảo đối với nước thì nước sẽ kết tinh hết sức khó coi. Nước không tốt cũng không xấu, xấu hay tốt là do tâm ta, do ý niệm của chúng ta, nước chuyển biến theo tâm niệm của chính

chúng ta.

Vì thế, Ngẫu Ích đại sư nói rất hay: “*Cảnh duyên vô hảo xú*” (cảnh duyên không tốt, xấu). “*Cảnh*” là hoàn cảnh vật chất. “*Duyên*” là hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau). Cũng có thể nói là hoàn cảnh vật chất lẫn hoàn cảnh nhân sự đều không có Phật mà cũng không có ma. Phật tượng trưng cho cái tốt, ma đại diện cho cái xấu, không tốt xấu. “*Hảo xú tại ư tâm*” (xấu hay tốt do tâm), do chính cái tâm của chúng ta, do ý niệm của mình! Giống như nước, nước chẳng tốt hay xấu. Chúng ta dùng thiện niệm đối với nó, nó sẽ biến thành rất đẹp đẽ. Chúng ta dùng ác tâm đối đãi nó, nó biến thành xấu xa. Bản thân nước quả thật không tốt hay xấu. Quý vị phải hiểu đạo lý này: Tổ sư dạy chúng ta hoàn cảnh vật chất và hoàn cảnh nhân sự là bình đẳng, thực sự thanh tịnh, bình đẳng, chỉ do tâm hiện. Chúng ta thấy tốt hay xấu là do thức của chính mình biến hiện. Thức là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Hoàn cảnh bên ngoài biến hiện thuận theo tâm niệm.

Trong Hệ Niệm Pháp Sư, thiền sư Trung Phong đã giảng: “*Tịnh Độ tức thử phương, thử phương tức Tịnh Độ*” (Tịnh Độ là phương này, phương này là Tịnh Độ). Tây Phương Cực Lạc thế giới và thế giới Sa Bà của chúng ta không hai, không khác! Không khác gì nhau! Vì sao trên mặt Sự lại có sai biệt quá lớn như thế? Tâm con người không giống nhau. Tâm của người thế giới Cực Lạc là tâm thiện, nên núi, sông, đại địa, hữu tình, vô tình đều biến thành tốt lành phi thường. Người trên địa cầu này tâm bất thiện, tự tư, tự lợi, tham-sân-si-mạn. Vì thế, hữu tình, vô tình, núi, sông, đại địa đều biến thành đời ác ngũ trược. Nếu có thể lìa khỏi cái tâm niệm của người đang sống nơi đây thì Cực Lạc và Sa Bà bình đẳng, một tí ti sai khác cũng chẳng có! Sai biệt bất đồng là do tâm hạnh của cư dân [trong hai thế giới] khác nhau. Chúng ta muốn biến quả địa cầu này thành thế giới Cực Lạc thì trên lý luận chẳng khó gì, chỉ cần cư dân sống trên địa cầu này có thể đoạn ác tu thiện, đều có thể phá mê khai ngộ thì hữu tình, vô tình, núi, sông, đại địa thấy đều biến thành thế giới Cực Lạc, vô lượng các thứ báu trang nghiêm. Lý như thế, Sự cũng như thế. Do vậy, chân thiện tri thức có thể giúp đỡ mình, đúng là “*năng linh ma chướng nan giá*” (có thể khiến cho ma chướng khó ngăn trở).

Những vị thầy của tôi, ba vị thầy của tôi đều vãng sanh cả rồi. Thầy Lý mất sau cùng, cũng đã cách đây mười hai năm rồi. Trong mười hai năm ấy chúng tôi đã trải qua không ít ma chướng, nhưng đều có thể vượt qua rất thuận lợi. Đó là vì nguyên nhân nào? Vì chúng tôi nhớ kỹ những lời thầy dạy trước kia; lúc gặp phải chướng nạn, chúng tôi biết

hóa giải như thế nào, chẳng bị ngăn trở, quấy nhiễu ra sao, làm sao nâng cao cảnh giới của chính mình, làm sao nâng cao, kế tục việc tự hành hoằng pháp chẳng đến nỗi gián đoạn giữa chừng, đều là do thầy dạy dỗ. Nếu thầy không chỉ dạy chúng tôi, quả thật chúng tôi không có năng lực đối phó ma chướng. Vì sao? Chắc chắn sẽ cùng ma chướng kinh chống, nhất định sẽ nóng giận, mắc sai lầm. Oan gia nên cời không nên buộc, kéo kết oán cùng người. Nay chúng ta đã hiểu phương pháp, gặp phải oán đối, từ nội tâm có thể hóa giải oán kết, từ đó đôi bên cùng được lợi ích, chẳng kết oán hận.

“*Năng linh thể tánh khai phát*” (Có thể khiến cho thể tánh khai phát), câu này nói về mọi người chúng ta, giúp cho ta được khai ngộ, nhà Thiền gọi “*thể tánh khai phát*” là “*minh tâm kiến tánh*”. “*Khai*” là khai ngộ, “*phát*” là thấy rõ, Tịnh tông gọi là “*nhất tâm bất loạn*”; thể tánh khai phát chính là Lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn là minh tâm kiến tánh trong nhà Thiền, là cảnh giới đại khai viên giải trong Giáo Hạ. Chỉ là ba pháp môn bất đồng, phương pháp tu học bất đồng, mà nói ra danh từ thuật ngữ khác biệt, chứ thật ra chỉ là một cảnh giới. Vì vậy, Lý nhất tâm bất loạn là minh tâm kiến tánh, là đại khai viên giải, ở đây gọi là “*thể tánh khai phát*”. Trong Phật pháp gọi bản thể của vũ trụ vạn hữu là Phật Tánh và Pháp Tánh; nơi hữu tình gọi là Phật Tánh, nơi vô tình gọi là Pháp Tánh. Phật Tánh và Pháp Tánh gọi chung là Thể Tánh, quý vị hiểu rõ, tức là khai phát vậy.

Chuyện này rất khó hiểu, cũng rất khó giảng rõ. Trong những buổi giảng, chúng tôi cũng thường nhắc nhở. Nếu quý vị hiểu rõ, sẽ giúp ích rất lớn cho việc tu học, lợi ích lớn nhất chính là câu nói ở phần trên: “*Năng linh ma chướng nan giá*” (có thể khiến cho ma chướng khó ngăn trở). Quý vị thực sự hiểu được đạo lý này sẽ thuận buồm xuôi gió trên đường Bồ Đề, tinh tấn không lùi, không chướng ngại. Phật Tánh: Phật Tánh là gì? Bản năng (năng lực, khả năng sẵn có) của sáu căn là Phật Tánh, mắt thấy, tai nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân chạm, ý biết, đó là bản năng. Bản năng là Phật tánh. Pháp Tánh là gì? Sáu căn tiếp xúc với những đối tượng bên ngoài là Pháp Tánh. Chúng ta dùng tánh Thấy để thấy sắc tướng bên ngoài, thì cái sắc tướng bên ngoài ấy là Pháp Tánh.

Tổ sư đại đức thường nói cái niệm thứ nhất chính là chánh niệm! Niệm thứ nhất không khác không hai với niệm của chư Phật Như Lai. Vì thế, quý vị là Phật, Như Như Phật; thế nhưng vấn đề nằm ở đâu? Cái niệm thứ hai là phiền toái rồi, bị đọa lạc, chẳng thể duy trì cái niệm thứ nhất. Do cái niệm thứ nhất không có vọng tưởng, không có phân biệt,

không có chấp trước, chúng vẫn chưa khởi lên. Cái niệm thứ hai là khởi tâm động niệm, vừa khởi tâm động niệm bèn rơi vào ý thức, trí huệ Bát Nhã vốn sẵn có nơi tự tánh bị biến thành ý thức, biến thành tám thức, hồng rồi, đọa lạc phàm phu rồi. Hễ đọa lạc bèn tự nhiên khởi lên vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vọng tưởng là A Lại Da Thức. Phân biệt là thức thứ sáu: Ý Thức. Chấp trước là Mạt Na, phải biết như thế. Trong Tự Tánh không có những thứ ấy. Tự Tánh, Chân Tâm, trong Chân Tâm không có những thứ đó. Những thứ đó là nhiễm ô, những thứ ấy gọi là Bất Giác. Có những thứ ấy, quý vị sẽ chẳng giác, nhà Phật gọi quý vị là phàm phu. Quý vị không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì Phật pháp gọi quý vị là thánh nhân, gọi là Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát và phàm phu sai biệt ở chỗ này!

Phật, Bồ Tát vĩnh viễn giữ được cái niệm thứ nhất, tuyệt đối chẳng rơi vào niệm thứ hai, bởi thế gọi là *“nhất tâm bất loạn”*. Chúng ta có nhất tâm, nhưng cái nhất tâm ấy hết sức nhanh chóng, lập tức rơi vào hai, ba, bốn, lập tức đọa lạc. Đọa lạc rồi thì mắt ta thấy bèn thành Nhãn Thức thấy Sắc Trần, không gọi là Sắc Tánh; Nhĩ Thức nghe Thanh Trần. Đó là cảnh giới phàm phu. Tâm hạnh như vậy sẽ luân hồi trong lục đạo, biến Nhất Chân pháp giới thành lục đạo luân hồi. Phải hiểu đạo lý này, phải hiểu rõ sự thật chân tướng. Thực sự hiểu được, thực sự hiểu rõ thì lục đạo và chín pháp giới há có chương ngại? Vì sao không chương ngại? Vì nó là hư huyền, không thật.

Kinh Kim Cang nói: *“Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh”* (hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng), lục đạo, mười pháp giới là mộng, huyễn, bọt, bóng. Trong ấy, chỉ cần quý vị giác chứ không mê, chánh chứ không tà, tịnh chứ không nhiễm thì quý vị vẫn trụ trong Nhất Chân pháp giới. Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian này, phàm phu chúng ta luân hồi trong lục đạo, trụ trong đời ác ngũ trược, còn các Ngài trụ trong Nhất Chân pháp giới, không tiêm nhiễm mảy may. Các Ngài hòa quang đồng trần với chúng ta, cùng ăn uống vui chơi hết như ta, cùng chuyện vãn giống như ta, nhưng hai cảnh giới bất đồng, một đẳng giác, một đẳng mê. Người giác trụ trong Nhất Chân pháp giới, kẻ mê trụ trong đời ác ngũ trược do chính mình biến hiện, khác hẳn nhau! Sai khác ở chỗ này!

Thân cận bạn lành thì Phật là bạn lành bậc nhất, chúng ta phải thân cận A Di Đà Phật. A Di Đà Phật ở nơi đâu? Kinh A Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật chính là A Di Đà Phật. Nếu chúng ta đọc không hiểu, không nhận biết, ắt phải có người giới thiệu,

người giới thiệu là ai? Tổ sư, đại đức chú giải chính là người giới thiệu. Quý vị thấy kinh A Di Đà có ba người giới thiệu tốt nhất: Liên Trì đại sư, Ngẫu Ích đại sư và U Khê đại sư, ba vị giới thiệu rất hay! Đó là Sớ Sao của Liên Trì đại sư, Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư và Viên Trung Sao của U Khê đại sư. Nay đang nhằm lúc chúng ta học kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm có hai người giới thiệu: Thanh Lương đại sư và trưởng giả Lý Thông Huyền. Chúng ta dựa theo chú giải của hai vị này để học tập. Như vậy, không có những vị thực sự hữu tu hữu học, những vị khế nhập cảnh giới ấy dẫn dắt chúng ta, ta sẽ khó lòng lãnh hội những ý nghĩa thực sự rất sâu trong kinh điển, rất khó khế nhập. Đối với chúng ta, những chú giải ấy quan trọng lắm.

Xưa kia, tiên sinh Phương Đông Mỹ coi bộ Sớ Sao của ngài Thanh Lương, bộ Hợp Luận của Lý trưởng giả (tức ngài Táo Bá Lý Thông Huyền) là quốc bảo của văn hóa Trung Quốc, tôn trọng không gì sánh bằng. Vì thế, cụ có thể khế nhập. Chưa có vị xuất gia hay tại gia đại đức cư sĩ giảng giải cho cụ cả! Chưa từng tiếp xúc các đại đức nhà Phật, cụ hoàn toàn tự đọc kinh ở nhà. Làm sao cụ có thể đọc hiểu? Không có chi khác, thành kính mà thôi! Phương pháp cụ đã dùng sau này thầy Lý đem dạy chúng tôi: “Chí thành cảm thông!” Phương tiên sinh quả thật chí thành cảm thông, không ai giảng giải, cũng không có ai để bàn bạc, không ai cùng học tập, không hề, chỉ có mỗi một mình! Chúng tôi thấy cụ thành tựu, thấy cụ dạy trong trường. Lúc ấy, không có máy thân hình, chỉ có máy thân âm. Từ băng thân âm, học trò ghi lại lời lão nhân gia giảng giải chỉnh đốn thành văn tự, nay chỗ nào cũng lưu thông, chẳng thể nghĩ bàn. Phần sau nói:

“*Chư Phật bốn tòng Pháp Thân thù tịch*” (Chư Phật vốn từ Pháp Thân thị hiện ứng hóa), câu này rất quan trọng. Pháp Thân là gì? Pháp Thân là Lý Thể. Ở phần trên nói đến thể tánh, thể tánh chính là Pháp Thân. Chư Phật, Như Lai do đâu mà có? Chúng sanh có cảm, Pháp Thân có ứng. Pháp thân ứng như thế nào? Pháp Thân hiện tướng ứng hóa. Pháp Thân vốn không tướng, nhưng có thể hiện tướng, hiện tướng chính là thân Ứng Hóa của chư Phật; giống như ba ngàn năm trước, Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện tại Ấn Độ là thân Ứng Hóa. Chúng sanh có cảm, Pháp Thân bèn ứng. Pháp Thân là một, chỗ nào có cảm, bèn ứng chỗ đó. Thân ứng hóa vô lượng vô biên, ngàn trăm ức hóa thân. Trăm ngàn ức vẫn là con số có thể tính toán được, chứ trên thực tế, không thể tính được số. “Trăm ngàn ức” chỉ là hình dung, chỉ mang ý nghĩa biểu thị vô lượng vô biên, chỗ nào chúng sanh có cảm bèn lập tức ứng [nơi đó].

Nên dùng thân nào để độ chúng sanh, bèn hiện thân đó. Vì thế ở đây bảo là: *“Chư Phật bốn tòng Pháp Thân thù tịch”*. Câu này bao gồm cả các Bồ Tát, các Bồ Tát cũng giống như vậy. Chẳng những bao gồm Bồ Tát, mà còn gồm cả Thanh Văn, bao gồm Duyên Giác, bao gồm già, trẻ, trai, gái các ngành nghề trong thế gian. Chẳng phải ai nấy đã từng đọc phẩm Phổ Môn rồi ư? Nên dùng thân nào để độ, bèn hiện thân ấy, chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta thấy ba mươi hai ứng thân trong phẩm Phổ Môn chỉ là nêu thí dụ, chia những thân phận ứng hiện thành ba mươi hai loại, trong mỗi một loại lại có vô lượng vô biên thân, thấy đều là *“Pháp Thân thù tịch”*.

“Cố kết duyên chủng” (kết chắc duyên chủng). “Cố” (固) là kiên cố, vì sao? *“Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân, nhất tâm, nhất trí huệ, lực, vô úy diệc nhiên”* (Mười phương ba đời Phật, cùng chung một Pháp Thân, một tâm, một trí huệ, lực, vô úy cũng thế). Kinh luận nhà Phật thường nói điều này. Như vậy, chúng ta và hết thầy chư Phật đều có duyên, cũng có duyên với hết thầy Bồ Tát. Đối với hết thầy chúng sanh cũng đều có duyên giống như vậy. Hiện thời gọi “duyên” là “quan hệ”; hiện nay không gọi là “duyên” mà gọi là “quan hệ”. Chúng ta có quan hệ với Phật, có quan hệ với Bồ Tát, có quan hệ với Thanh Văn, Duyên Giác, quan hệ hết sức mật thiết với hết thầy chúng sanh, há có thể nói là không quan hệ được ư? *“Nhược thế xuất thế”* (Dù là thế gian hay xuất thế gian), thế gian là chín pháp giới chúng sanh; xuất thế là tứ thánh, *“tất bất khả tư nghị dã”* (thầy đều chẳng thể nghĩ bàn). Đúng là chẳng thể nghĩ bàn, không giả. Không một chúng sanh nào chẳng hữu duyên với ta, chẳng những hữu tình chúng sanh có duyên với ta, mà vô tình chúng sanh cũng đều chẳng ngoại lệ.

Kinh Hoa Nghiêm nói *“tình dữ vô tình, đồng viên Chung Trí”* (hữu tình và vô tình, đều viên thành Chung Trí). Hữu tình lẫn vô tình đều chẳng ngoại lệ; nhưng sao lại nói kẻ này có duyên với ta, kẻ kia vô duyên? Đều là hữu duyên cả, nhưng trong duyên lại có thân và sơ. Ví như người cùng một nhà, cha con một nhà thân thiết nhất, chúng ta thường nói là thân thiết bậc nhất, có duyên mật thiết nhất. Thứ hai là huynh đệ, anh em, chị em, anh chị em cùng một bọc là thân thiết bậc nhì, đến đời thứ ba là con cháu ruột và cháu họ là mối thân thiết bậc ba. Như vậy là có thân và sơ khác nhau. Hết thầy đều có quan hệ, nhưng thân hay sơ khác nhau. Có thể dùng pháp thế gian để so sánh với Phật pháp, Phật pháp cũng giống như vậy. Ta và hết thầy chư Phật Như Lai đều hữu duyên, đó là chuyện thật, không giả đâu! Nhưng trong đời đời kiếp kiếp

quá khứ, đã thường lai vãng với một vị Phật nào đó, thường xuyên thân cận là có duyên với vị ấy, khác hẳn cái duyên đối với những vị Phật khác. Duyên do là như vậy.

Trong vòng bầu bạn, chúng ta thường qua lại với những ai thì tình cảm đối với những người ấy khác với những người khác. Có như vậy, quý vị mới thực sự hiểu vì sao nhà Phật thường nói “*Phật bất độ vô duyên chi nhân*” (Phật chẳng độ kẻ vô duyên), mới thực sự hiểu được đạo lý này. Nói thật ra, ai mà không có duyên? Đều có duyên hết. Phật chẳng độ kẻ vô duyên là vì duyên ấy quá ít, quá mỏng. Duyên sâu, duyên dày thì gặp mặt bèn sanh lòng vui thích, chúng ta gọi là “rất hợp duyên”. Đó là vì trong đời đời kiếp kiếp quá khứ thường chung đụng, hoặc thường làm người một nhà, hoặc thường làm bạn bè tốt, thường là đồng tham đạo hữu, duyên ấy rất sâu, rất dễ dung hòa. Hai bên có thể tạo dựng mối quan hệ tin tưởng, tôn trọng, tin cậy, nương tựa lẫn nhau, duyên sâu là như vậy đó! Phải hiểu đạo lý này, chứ không phải là thực sự chẳng có duyên. Núi, sông, đại địa, thực vật, khoáng vật thấy đều có duyên.

Nếu quý vị bảo là không có duyên thì nước kia vì sao quý vị dùng cái tâm yêu thương đối với nó, nó liền kết tinh như một đóa hoa rất đẹp, vì sao nó lại có thể kết tinh như thế? Từ chỗ này, quý vị mới vỡ lẽ: Hữu duyên! Dùng ý niệm bất hảo đối với nó, nó hiện ra xấu xí. Đó là duyên. Nếu bảo là không có duyên làm sao giảng cho thông? Duyên ấy chính là gì? Thể tánh. Một thể tánh, nơi vô tình chúng sanh, nước là vô tình thì thể tánh ấy được gọi là Pháp Tánh, nơi hữu tình gọi là Phật Tánh. Phật Tánh và Pháp Tánh gọi gộp lại là “*thể tánh*”. Do vậy, pháp thể gian và xuất thế gian đều chẳng thể nghĩ bàn.

Nay đã hết giờ rồi!

Tập 34

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp tiểu đoạn cuối cùng của phần Sáu Phương Phật:

“*Di Đà thị Pháp Giới Tạng Thân, cố nhất niệm, nhất thiết niệm, niệm nhất Phật, tức niệm nhất thiết Phật. Cực Lạc thị pháp giới tạng độ, cố nhất sanh, nhất thiết sanh, sanh Cực Lạc nhất độ, tức sanh nhất thiết chư Phật quốc độ dã*” (Di Đà là Pháp Giới Tạng Thân, vì thể niệm một là niệm hết thấy, niệm một vị Phật chính là niệm hết thấy Phật. Cực Lạc là pháp giới tạng độ, vì thể sanh về một là sanh hết thấy, sanh về một cõi

Cực Lạc chính là sanh về cõi nước của hết thầy chư Phật). Tiểu đoạn này là lời khai thị của Ngẫu Ích đại sư, nói rất hay, phá trừ triệt để mọi nghi vấn đối với thế giới Cực Lạc. Vì sao phải niệm A Di Đà Phật? Vì sao phải sanh về thế giới Cực Lạc? Từ trước đến nay chưa có ai giảng rõ ràng, minh bạch được như vậy. Mười phương chư Phật rất nhiều, vì sao chỉ niệm mình A Di Đà Phật? Do câu nói này bèn minh bạch. Mười phương Tịnh Độ cũng rất nhiều, sao lại chỉ riêng sanh về Cực Lạc Tịnh Độ? Lời giải đáp của Ngẫu Ích đại sư rất hay: “*Di Đà là Pháp Giới Tạng Thân*”. Trong kinh Đại Thừa thường nói đến Pháp Tánh Thân, Pháp Tánh Độ; Pháp Giới Tạng Thân chính là Pháp Tánh Thân, đây chính tên gốc của Pháp Thân Phật!

Tỳ Lô Giá Na (Vairocana) cũng là tên gốc của Pháp Thân. Nếu dịch ý nghĩa của danh hiệu ấy sang tiếng Hán thì Tỳ Lô Giá Na chính là Biến Nhất Thiết Xứ (trọn khắp mọi nơi). A Di Đà Phật nếu dịch sang tiếng Hán là Vô Lượng, hết thầy đều vô lượng: Vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng. Con người hiện tại cầu vô lượng của cải, vô lượng tướng hảo, vô lượng phước báo, cái gì cũng đều là vô lượng, sự vô lượng ấy trọn khắp hết thầy mọi chỗ! Bởi thế, Tỳ Lô Giá Na và A Di Đà Phật đều là đức hiệu của Pháp Giới Tạng Thân; niệm một Phật hiệu này là niệm tất cả hết thầy Phật hiệu, nhất định phải biết điều này! Tỳ Lô Giá Na chỉ là “trọn hết thầy mọi nơi”, cái gì “trọn hết thầy mọi nơi”? Nội dung của chữ A Di Đà rất phong phú, đã phô bày rõ những ý nghĩa ấy. Những danh hiệu chư Phật khác chỉ là Báo Thân hay Ứng Hóa Thân của Pháp Giới Tạng Thân. Mười phương cõi nước khác đều là Thật Báo Độ, là Phương Tiện Độ, là Đồng Cư Độ. Tạng Thân là Pháp Tánh Thân, Tạng độ là Pháp Tánh Độ, tức Thường Tịch Quang Độ. Do vậy, niệm một danh hiệu Phật này là niệm tất cả hết thầy Phật!

Giống như hiện nay chúng ta là quốc gia dân chủ, trước kia là thời đại đế vương; chúng ta nói đến danh hiệu Tổng Thống là nói đến tất cả văn võ bá quan trong một nước, vì Tổng Thống là bậc nhất. Niệm danh hiệu của những vị Phật, Bồ Tát khác giống như gọi tên bộ trưởng, tỉnh trưởng, huyện thị trưởng, ý nghĩa là như vậy đó. Thế giới Cực Lạc là Pháp Giới Tạng Độ, giống như nói đến tên một quốc gia; [như nói] Trung Quốc thì tất cả hết thầy những tỉnh, huyện, thành phố của Trung Quốc há chẳng đều được tính gộp trong ấy hay sao? Niệm danh hiệu những cõi Phật khác giống như niệm tên một tỉnh, niệm tên một thành phố, như chúng ta nói đến Bắc Kinh, nói đến Thượng Hải, nói đến Giang Tô, chỉ là một địa khu, chứ không phải là toàn quốc.

Như vậy, nói đến thế giới Cực Lạc giống như nói về toàn thể, A Di Đà Phật là tên gốc của hết thầy chư Phật, không vị Phật nào lại chẳng vô lượng thọ, vô lượng giác ngộ, vô lượng đức năng, vô lượng trí huệ, vô lượng tướng hảo, mọi đức Phật đều là như vậy. Vì thế, đức Thế Tôn dạy chúng ta niệm A Di Đà Phật, dạy chúng ta nhất định phải sanh về Cực Lạc Tịnh Độ. Đạo lý là ở chỗ này, đúng là “*nhất niệm, nhất thiết niệm; nhất sanh, nhất thiết sanh*” (niệm một là niệm hết thầy, sanh về một là sanh về hết thầy). Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là sanh về hết thầy các cõi Phật. Phải là người đại thiện căn, đại phước đức mới hòng làm được!

Thế nào là đại thiện căn, đại phước đức? Đối với pháp môn này, nếu ai có thể tin tưởng, có thể nhận hiểu, thực sự chịu thực hành thì người như vậy chính là đại thiện căn, đại phước đức. Gặp được Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu [pháp môn này] cho chúng ta, lại gặp được rất nhiều thiện tri thức đem pháp môn này giới thiệu cho mình, đây chính là đại nhân duyên mà trong một đời này chúng ta được gặp gỡ! Gặp gỡ rồi lại có thể tin tưởng, hiểu biết, có thể thực hành, thực sự chẳng dễ dàng! Đây chính là kinh nghiệm của bản thân tôi. Tôi học Phật từ phương diện triết học, chứ không phải từ mặt tôn giáo, theo đuổi Phật giáo trên phương diện học thuật. Sau khi theo đuổi, mới dần dần nhận ra rất nhiều cái hay của Phật pháp, Phật pháp rộng lớn mênh mông, tinh tú, sâu thẳm, sanh khởi lòng ngưỡng mộ vô hạn; do vậy, mới nghiêm túc học tập!

Phật pháp có nội dung thật phong phú, Tịnh Độ chỉ là một loại. Bởi lẽ, nói thật ra, tu học Tịnh Độ rất dễ dàng, rất đơn giản nên chúng tôi coi thường, không xem trọng. Mục tiêu của chúng tôi là kinh to luận lớn. Tôi đã thừa cùng với quý vị rất nhiều lần, cuối cùng tôi quay đầu chuyên tu Tịnh Độ là nhờ đọc những bộ kinh to luận lớn như kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa, kinh Lăng Nghiêm mới biết Tịnh Độ thù thắng. Đặc biệt là thầy Văn Thù, Phổ Hiền, Thiện Tài đồng tử đến cuối cùng, đến cuối kinh Hoa Nghiêm, các Ngài đều phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Do vậy, tôi mới thức tỉnh, chú ý đến Tịnh Độ, [thắc mắc]: Vì sao những vị ấy lại đều cầu sanh Tịnh Độ? Họ đều là bậc Đẳng Giác Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng; do vậy, tôi mới thực sự lưu ý, đọc tụng, nghiên cứu, học tập. Càng thâm nhập càng biết pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn. Chẳng lạ gì [trong kinh này], đức Thế Tôn bốn lượt khuyên dạy, mười phương chư Phật tán thán. Đến tác phẩm Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư mới nói ra chuyện tiền nhân chưa hề nói: “*Di Đà thị Pháp Giới Tạng Thân, Cực*

Lạc thị Pháp Giới Tạng Độ” (Di Đà là Pháp Giới Tạng Thân, Cực Lạc là Pháp Giới Tạng Độ). Đây mới chính là thực sự giải bày trọn vẹn triệt để khiến cho chúng tôi đối với pháp môn này không còn tí ti nghi hoặc nào nữa!

Đồng thời, chúng tôi cũng hiểu rõ: Nay vẫn có kẻ ngờ vực, vẫn chẳng thể chết lòng sát đất học tập, không khác gì tôi trước kia. Ba bốn mươi năm trước, đối với pháp môn này chúng tôi đã chẳng từng trải qua giai đoạn ấy hay sao? Bởi vậy, tu học Phật pháp, ta nay phải hết sức quan sát, thọ mạng rất quan trọng! Phải trường thọ thì quý vị mới có thể học được. Nếu thọ mạng ngắn ngủi, chưa nhận biết thì đã chết mất rồi, hoặc là vừa mới nhận ra, chưa kịp tu hành thì thọ mạng đã hết, thật đáng tiếc! Do chỗ này, chúng tôi cũng đặc biệt đề cao Tây Phương Cực Lạc thế giới; cổ nhân nói cái đức thứ nhất (tức là chuyện tốt thứ nhất) chính là vô lượng thọ! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thọ mạng vĩnh viễn! Thực sự vô lượng, chẳng phải là vô lượng hữu hạn, mà thực sự vô lượng! Sanh về bất cứ đâu cũng là vô lượng hữu hạn, nhưng nhất định phải thành Phật, thành Phật rồi thì sẽ vô lượng một cách vô lượng.

Do vậy, chúng ta có thể nói: Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì vô lượng thọ là thật chứ không phải giả, quả thật là vô lượng một cách vô lượng. Trong một đời này, chúng ta gặp được cơ hội như thế này, có thể nói là rất nhiều may mắn! Chỉ những người hiểu biết rõ ràng mới chịu triệt để buông xuống hết thân pháp thế gian và xuất thế gian, chuyên học pháp môn này, chuyên tu pháp môn này! Quyết định phải thành tựu ngay nơi một môn này thì cái đời này mới có ý nghĩa, có giá trị, không uổng phí! Do vậy, đoạn văn này hết sức quan trọng. Đoạn lớn Sáu Phương Phật chúng tôi giới thiệu đến đây thôi. Tiếp theo là đoạn thứ năm: “*Cái lợi của tín nguyện trì danh*”.

6.4.2. Cái Lợi Của Tín - Nguyện - Trì Danh

Chúng tôi đọc kinh văn một lượt:

Xá Lợi Phát! Ư nhữ ý vân hà? Hà cổ danh vi Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh?

舍利弗。於汝意云何。何故名為一切諸佛所護念經。

(Này Xá Lợi Phát! Ý ông nghĩ sao? Vì sao gọi là kinh Được Hết Thảy Chư Phật Hộ Niệm?)

Đây là câu hỏi, đoạn sau là câu trả lời:

Xá Lợi Phất! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân văn thị kinh, thọ trì giả, cập văn chư Phật danh giả, thị chư thiện nam tử, thiện nữ nhân giai vì nhất thiết chư Phật chỉ sở hộ niệm, giai đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

舍利弗。若有善男子善女人。聞是經受持者。及聞諸佛名者。是諸善男子善女人。皆為一切諸佛之所護念。皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。

(Này Xá Lợi Phất! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nghe kinh này, thọ trì và nghe danh hiệu chư Phật thì những thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đều được hết thấy chư Phật hộ niệm, đều được bất thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Đến đây là một đoạn, cuối cùng lại có một câu khuyên dụ chúng ta.

Thị cố Xá Lợi Phất! Nhữ đẳng giai đương tín thọ ngã ngữ cập chư Phật sở thuyết.

是故舍利弗。汝等皆當信受我語。及諸佛所說。

(Vì thế Xá Lợi Phất! Các ông đều phải nên tin nhận lời ta và lời chư Phật đã nói).

Đây là đoạn kinh văn lớn thuộc phần sau cùng; chúng tôi cũng chia ra thành mấy hạng mục nhỏ, chia thành mười mục nhỏ để học tập. Thứ nhất là “khuyến tín Phật thuyết, văn kinh thọ trì, văn chư Phật danh” (khuyến tin lời Phật, nghe kinh thọ trì, nghe danh hiệu chư Phật). Ở chỗ này, lại phải giải thích từ ngữ “chư Phật danh”. “Chư Phật danh” không có nghĩa là [danh hiệu của] hết thấy chư Phật trong mười phương ba đời, mà “chư Phật danh” là gì? Chính là A Di Đà Phật, chẳng thể nghĩ bàn! A Di Đà Phật chính là tên của hết thấy chư Phật.

Ở phần sau đoạn kinh này, Thích Ca Mâu Ni Phật có nói như sau: “Nhu ngã kim giả, xưng tán chư Phật bất khả tư nghị công đức” (Như ta nay xưng tán công đức chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật), thì chữ “chư Phật” ấy chính là A Di Đà Phật. “Bỉ chư Phật đẳng, diệc xưng tán ngã bất khả tư nghị công đức” (các vị Phật ấy cũng khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của ta) thì “các vị Phật ấy” cũng là A Di Đà Phật.

Thích Ca Mâu Ni Phật xưng tán A Di Đà Phật, A Di Đà cũng xưng tán Thích Ca Mâu Ni Phật. Không riêng gì A Di Đà Phật xưng tán Thích Ca Mâu Ni Phật, mà mười phương ba đời hết thầy chư Phật khen ngợi lẫn nhau, đều cùng tán thán Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật cũng thế, khen ngợi A Di Đà Phật và cũng xưng tán mười phương hết thầy Phật; nhưng chữ “*chư Phật danh*” chủ yếu chỉ A Di Đà Phật, vì A Di Đà Phật là Pháp Giới Tạng Thân! Danh hiệu ấy là danh hiệu của hết thầy chư Phật, chúng ta nhất định phải hiểu ý nghĩa này! Tín nguyện kiên định do chỗ này mà sanh!

“*Văn kinh thọ trì*” (nghe kinh thọ trì), nghe đến kinh A Di Đà, quý vị có thể tiếp nhận, quý vị có thể gìn giữ chẳng bỏ mất, đúng là “*niệm tư tại tư*” (niệm ở đâu, nghĩ ở đây), chuyện tốt là gì? “*Vị chư Phật chi sở hộ niệm*” (được chư Phật hộ niệm). Trong số chư Phật, vị thứ nhất chính là A Di Đà Phật hộ niệm quý vị. Thứ hai là mười phương ba đời tất cả hết thầy chư Phật đều hộ niệm quý vị. Niệm một danh hiệu Phật là tất cả danh hiệu Phật đều niệm, không sót một vị nào! Quý vị niệm những danh hiệu khác, chẳng thể bao quát viên mãn như vậy được! Nhất quyết phải hiểu đạo lý này.

Mười phương vô lượng vô biên thế giới, hết thầy chúng sanh có thiện căn, phước đức, nhân duyên đầy đủ trong ấy, không một ai chẳng niệm A Di Đà Phật. Quý vị thấy trong thế giới Hoa Tạng, Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Bồ Tát và bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ; bốn mươi một địa vị ấy chính là bốn mươi một tầng cấp, bao gồm hết thầy tất cả Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng, không sót một vị nào! Địa vị thấp nhất trong thế giới Hoa Tạng là Sơ Trụ Bồ Tát, đó là Viên Giáo, tức Sơ Trụ Bồ Tát trong Đại Thừa Viên Giáo, cao nhất là Đẳng Giác Bồ Tát, [Phổ Hiền Bồ Tát] khuyên dạy những vị ấy đều niệm A Di Đà Phật cầu sanh Cực Lạc Tịnh Độ, thật chẳng thể nghĩ bàn! Chúng tôi thấy cảnh giới như vậy mới hoảng nhiên đại ngộ, nguyên lai Phật pháp đến cuối cùng nhắm vào chuyện này, nên tôi bèn thực sự hiểu rõ, minh bạch, có sao không chết lòng sát đất quy y Tịnh Độ!

Thế nhưng nhân duyên không đủ, sẽ không gặp được pháp môn này, không gặp được những vị thiện tri thức chỉ dạy tỉ mỉ cho mình. Nếu chúng ta vẫn còn hoài nghi, vẫn do dự, vẫn chẳng bằng lòng tin tưởng, chẳng bằng lòng tiếp nhận là vì sao? Kinh bảo là vì thiện căn, phước đức, nhân duyên ít ỏi! Kinh dạy rất rõ ràng: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức nhân duyên để được sanh về cõi ấy). Sanh về Tây

Phương Cực Lạc thế giới thì thiện căn, phước đức, nhân duyên phải đặc biệt sâu dày! Chúng ta có biết thiện căn, phước đức, nhân duyên của chính mình có sâu dày hay chẳng? Không biết! Dù hiện tại không biết, dần dần cũng sẽ biết. Dần dần sẽ biết như thế nào? Chúng ta đối với pháp này sanh lòng tin, chúng ta rất vui lòng vãng sanh thì sẽ biết là chính mình thiện căn sâu dày, vốn không ít gì! Nếu không ít, vì sao lúc tiếp xúc lại gặp khó khăn đến thế? Là vì trong vô lượng kiếp chúng ta bị phiền não, tập khí chướng ngại, che lấp. Hễ có thiện tri thức dẫn dắt, chúng ta sẽ rất nhanh chóng trừ khử được chướng ngại ấy, tín tâm, nguyện tâm sẽ sanh khởi. Điều này thuộc về nhân duyên.

Đúng là như kinh này đã dạy: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi ấy); quý vị có thiện căn và phước đức rất sâu, nhưng không có nhân duyên dẫn dắt và khơi gợi quý vị, dù có thiện căn và phước đức rất sâu, chúng cũng chẳng thể hiện tiền. Vì sao? Bị danh văn, lợi dưỡng trong thế tục, bị ngũ dục, lục trần chướng ngại, mê man trong đó. Do vậy, bậc chân thiện tri thức cảnh tỉnh quý vị một chút, quý vị bèn hoảng nhiên đại ngộ, đầy ắp lòng tin vào bản thân, trong một đời này, quyết định được vãng sanh, quyết định có thể thân cận A Di Đà Phật, chẳng thể nghĩ bàn! Bởi vậy, hết thầy chư Phật đều hộ niệm quý vị. Nay chúng ta gọi sự hộ niệm ấy là “*quan hoài*” (quan tâm lo lắng). “*Hộ*” (護) có nghĩa là che chở, giúp đỡ, quan tâm. Lợi ích là “*giai đắc bất thoái Đại Bồ Đề*” (đều được chẳng thoái chuyển nơi Đại Bồ Đề). Lợi ích này rất lớn, ai nấy đều được chẳng thoái chuyển Vô Thượng Bồ Đề Tâm! Vô Thượng Bồ Đề Tâm chính là những điều trong mấy năm gần đây chúng tôi thường đề cao: “*Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*”. Nó chính là chân tâm, Phật tánh của chính mình, chúng ta vốn sẵn có.

Hiện tại, cái sẵn có ấy tự hồ không có, thật ra, nó không mất đi, chỉ là bị tự tư, tự lợi, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần chướng ngại. Chúng ta không buông những chướng ngại ấy xuống được, cho nên chân tâm của chính mình chẳng thể hiện tiền. Phải biết tự tư, tự lợi, danh văn, lợi dưỡng, cái tâm tham cầu hưởng thụ hết thầy chính là vọng tâm, chứ không phải là chân tâm. Những thứ đó chướng ngại chân tâm của chúng ta. Bởi thế, chỉ cần buông chướng ngại xuống, buông tự tư, tự lợi xuống, buông danh văn, lợi dưỡng xuống, buông tham - sân - si - mạn xuống thì chân tâm của chúng ta bèn hiện tiền. Chân tâm có vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng phước báo. Hoàn cảnh thọ dụng của chân tâm

là thể giới Cực Lạc, tức thể giới Hoa Tạng.

Hoa Tạng và Cực Lạc ở tại đâu? Ở ngay trước mắt; chỉ cần quý vị buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống sẽ thấy được, sẽ thọ dụng được. Quý vị không chịu buông xuống thì Hoa Tạng sẽ thuận theo vọng niệm của quý vị biến thành uế độ, biến thành đời ác ngũ trược. Chuyện này trong hiện tại đã nghiệm nhiên bị khoa học phát hiện, đây là chuyện tốt. Họ vừa mới phát hiện cái khởi đầu, thể nhưng khởi đầu này rất hay, khiến cho những người đã tu Tịnh Độ chúng ta tin tâm mười phần trọn đủ! Vì sao? Đã được khoa học chứng minh. Chứng minh điều gì? Chứng minh “tướng chuyển theo tâm”, thân thể và thể chất chuyển theo tâm, hoàn cảnh sống chuyển theo tâm. Chân tâm của chúng ta thuần thiện, thuần tịnh, tướng mạo của chúng ta thuần thiện, thuần tịnh, thân thể chúng ta thuần thiện thuần tịnh, hoàn cảnh sống thuần thiện thuần tịnh, đó là thật, chứ không phải giả. Hết thấy pháp sanh từ tâm tưởng, kinh Hoa Nghiêm giảng là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”; kinh Lăng Nghiêm nói: “*Chư pháp sở sanh, duy tâm sở hiện, nhất thiết nhân quả, thể giới, vi trần, nhân tâm thành Thể*” (Các pháp được sanh chỉ do tâm hiện, hết thấy nhân quả, thể giới, vi trần, do tâm mà thành Thể), chẳng thể nghĩ bàn! Khoa học đã nghiệm nhiên chứng minh được điều ấy, phát hiện được như vậy, kinh Phật giảng rất thấu triệt đường ấy!

“*Giai đắc bất thoái Đại Bồ Đề*” (đều được bất thoái Đại Bồ Đề). Có thể nói là Đại Bồ Đề dẫn xuất vô lượng trí huệ, chúng sẵn có trong bản tánh của quý vị, chứ không đến từ bên ngoài, chính mình vốn sẵn có. Trong tâm tánh của chính mình, vốn sẵn có vô lượng trí huệ, vô lượng tài nghệ, vô lượng đức năng, vô lượng vô biên phước báo. Do vậy, đức Phật khuyên dạy lần thứ ba nhằm khuyên chúng ta phải tin tưởng. “*Tín Thế Tôn thuyết*” (tin lời đức Thế Tôn nói), Thích Ca Mâu Ni Phật giảng cho chúng ta nghe kinh này, chúng ta phải tin tưởng lời đức Thế Tôn nói, phải tin tưởng “*lời chư Phật nói*”. Kinh Vô Lượng Thọ có không ít đoạn kinh văn do chính A Di Đà Phật nói, mười phương chư Phật Như Lai vì chúng ta chứng minh, khuyên dạy chúng ta phải tin tưởng, phải tin lời chư Phật. Lại xem tiếp một tiểu đoạn nữa.

“*Thử kinh độc hiển*” (riêng mình kinh này hiển thị), tức là Phật Thuyết A Di Đà Kinh không dài, nhưng quý báu nhất trong hết thấy các kinh. Tại Trung Quốc, trong số những kinh điển Phật giáo, tuy kinh Kim Cang và Tâm Kinh rất nổi tiếng, nhưng chẳng ai không biết đó là do ảnh hưởng của Thiền tông; chứ xét trên thực tế, quý vị thử xét xem người tu hành thực sự dùng pháp môn nào? Kinh Di Đà là bậc nhất. Không riêng

gì Tịnh Độ tông, bất luận tông phái nào, quý vị cứ xem Thiền Môn Nhật Tụng, xem sách khóa tụng của nhiều tông phái, khóa tối đều niệm A Di Đà Kinh, đều niệm A Di Đà Phật. Gần như chẳng phân tông phái, hễ là người học Phật, học theo Đại Thừa thì không ai chẳng niệm kinh Di Đà, không ai chẳng niệm A Di Đà Phật. Đó chính là “*thử kinh độc hiển*”.

“*Vô thượng tâm yếu, năng niệm chi tâm tánh, Đệ Nhất Nghĩa Đế, bốn nguyên Lý Thể*” (vô thượng tâm yếu, cái tâm tánh năng niệm, Đệ Nhất Nghĩa Đế, cội nguồn lý thể), chúng ta phải hiểu những điều này. Học Tịnh Độ mà không biết những nghĩa lý tinh vi, tinh túy của Tịnh Độ thì làm sao có thể thành tựu ngay trong một đời? “*Tâm Yếu*” như Tánh tông hay Thiền tông thường nói thì: Tâm là chân tâm, là những tinh hoa trong chân tâm, Yếu là khấn yếu. Đã thế lại còn thêm hai chữ Vô Thượng, tức là không còn gì cao hơn được nữa. Vô Thượng Tâm Yếu là gì? Chính là cái tâm tánh năng niệm của chính mình, trong kinh này gọi [“*vô thượng tâm yếu*”] là “*nhất tâm bất loạn*”. Nhất tâm bất loạn là chữ La Thập đại sư dùng để dịch, nguyên bản Phạn văn không gọi là “*nhất tâm bất loạn*”, quý vị xem bản dịch của ngài Huyền Trang sẽ thấy, Huyền Trang đại sư dịch thẳng, dịch là “*nhất tâm hệ niệm*”. La Thập đại sư dịch là “*nhất tâm bất loạn*”, dịch rất khéo!

Nhất tâm bất loạn là được A Di Đà Phật gia trì, lúc được A Di Đà Phật hộ niệm bèn đạt nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn là quả, là thành tựu; còn công phu là nhất tâm hệ niệm, có nghĩa là trong tâm chúng ta, trong cuộc sống thường ngày từ sáng đến tối, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, trừ A Di Đà Phật ra, không bận tâm đến bất cứ gì khác, không có bất cứ tạp niệm gì, không có vọng tưởng gì, cũng chẳng có phân biệt, chấp trước, trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật. Vô thượng tâm yếu ấy, cái tâm tánh năng niệm ấy chính là Đệ Nhất Nghĩa Đế, là cội nguồn Lý Thể. Nếu quý vị thực sự “*phản bốn hoàn nguyên*” (trở về nguồn cội) thì công đức niệm Phật chẳng thể nghĩ bàn. Trong đây lại có lời giải thích:

“*Chư Phật danh tự, tức chỉ sở niệm A Di Đà Phật*” (Từ ngữ “danh hiệu của chư Phật” chỉ đức A Di Đà Phật được niệm). Như vậy A Di Đà Phật là danh hiệu của chư Phật. Rất ít người biết được điều này, từ xưa đến nay cũng rất ít vị cổ đức giảng như vậy. Bởi thế, cách giảng này của Ngẫu Ích đại sư được Ấn Quang đại sư khen ngợi, chúng ta biết Ấn Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai, Ngài tán thán sách Yếu Giải: “*Dẫu cho cổ Phật tái lai, chú giải kinh A Di Đà lần nữa, cũng không thể hay hơn được*”. Tuyệt diệu! Tán thán như vậy tức là coi Ngẫu Ích đại sư

như A Di Đà Phật tái lai. Thế nhưng từ đầu đến cuối Ngẫu Ích đại sư không hiển lộ thân phận, chúng ta nghĩ xem: Đại Thế Chí Bồ Tát khen ngợi Ngẫu Ích đại sư như thế, chúng tôi cho rằng, nếu Ngẫu Ích đại sư không phải là A Di Đà Phật tái lai thì cũng phải là Quán Thế Âm Bồ Tát tái lai. Nếu không, để đâu được Đại Thế Chí Bồ Tát tán thán như thế!

Có người đã hoài nghi lời tán thán ấy, chúng tôi đã từng gặp qua. Có người tới hỏi tôi: “Pháp sư Tịnh Không! Ấn Quang đại sư tán thán như vậy chẳng phải là quá mức một chút hay không?” Tôi đáp: “Lão nhân gia tán thán như thế rất thích đáng, không quá lộ chút nào”. Đúng là như kinh Kim Cang đã nói: Như Lai là bậc chân ngữ, thật ngữ, như ngữ. “*Như ngữ*” là lời Ngài tán thán hoàn toàn phù hợp sự thật, quyết chẳng quá mức. Như vậy, kinh này nói đến “*chư Phật*” đều là chỉ A Di Đà Phật.

“*Viên mãn cứu cánh vạn đức*” (rốt ráo viên mãn vạn đức); đây chính là một trong ba điều hiển thị độc đáo của kinh này: Vô thượng tâm yếu chính là cái chân tâm niệm Phật của chúng ta, phải dùng chân tâm để niệm. Lúc mới học thì chân tâm ấy chính là không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Lúc niệm đến khế nhập cảnh giới thì cái tâm nhất niệm niệm Phật đã thành thực rồi, tách rời vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chẳng những lúc niệm Phật không xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, mà trong cuộc sống hằng ngày, làm việc, xử sự, đãi người, tiếp vật cũng chẳng xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, lúc đó chính là cảnh giới gì vậy? Chính là nhất tâm bất loạn, công phu niệm Phật đã đạt được nhất tâm rồi!

Nếu vẫn chưa đạt được nhất tâm, mà lúc niệm Phật quý vị có thể thực sự không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, đó chính là “*công phu thành phiền*”. Công phu thành phiền là nhất tâm bất loạn ở mức nông cạn nhất, thế nhưng chắc chắn quý vị sẽ được vãng sanh, tờ hồ sổ thông hành về Tây Phương Cực Lạc đã nắm chắc trong tay, sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Nếu đạt được nhất tâm bất loạn, bèn sanh vào cõi Phương Tiện Hữu Dư. Cao hơn nữa, đạt đến Lý Nhất Tâm. Lý Nhất Tâm là ly niệm, Sự Nhất Tâm là ly tướng. Kinh Kim Cang nói là bốn tướng: vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Đó chính là Sự Nhất Tâm Bất Loạn. Nếu quý vị không có ý niệm, không ngã kiến, không nhân kiến, không chúng sanh kiến, không thọ giả kiến thì là Lý Nhất Tâm Bất Loạn, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm.

Nếu chúng ta tự hỏi trong một đời này mình có thể đạt đến cảnh

giới ấy hay không? Tôi xin trả lời: “Câu trả lời là khẳng định. Vấn đề là chính quý vị có chịu dụng công hay không?” Chuyện ấy chẳng phải cầu nơi ai khác! Cổ thánh tiên hiền nói rất hay: “*Nhân sinh tại thế, cầu nhân nan, thăng thiên nan*” (Người sống trong cõi đời, cầu cạnh người khác khó khăn như lên trời). Chuyện phải cầu cạnh người khác khó khăn lắm, người ta không đáp ứng mình làm gì được đây? Chuyện này chỉ cầu nơi chính mình, đừng cầu nơi ai khác! Vấn đề là quý vị có chịu buông xuống hay không, có buông tự tư, tự lợi xuống được hay không? Có chịu buông danh văn, lợi dưỡng xuống hay không? Có chịu buông hưởng thụ ngũ dục, lục trần xuống hay không? Có chịu buông tham, sân, si, mạn xuống hay không? Chúng tôi thường khuyến khích đồng học, chỉ cần quý vị buông xuống được thì sẽ nhập cảnh giới, quý vị sẽ khế nhập. Quý vị không buông xuống thì không có cách gì hết, Phật, Bồ Tát cũng không giúp được. Phật, Bồ Tát chỉ có thể dạy chúng ta nguyên lý, nguyên tắc và phương pháp; ngoài ra, không giúp cách nào được nữa. Bởi thế, tự mình phải buông xuống, buông xuống là thấy thấu suốt, thấy thấu suốt rồi lại càng buông xuống triệt để, tự nhiên bèn khế nhập cảnh giới!

Nhà Thiền nói “*minh tâm kiến tánh*”, chúng ta có thể minh tâm kiến tánh hay không? Được chứ! Đạt đến minh tâm kiến tánh là đại triệt đại ngộ, đạt đến cảnh giới này là Lý Nhất Tâm Bất Loạn, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Kiến tánh bèn trọn chẳng chấp tướng, chấp tướng là chưa kiến tánh! Kiến tánh là như vậy đó. Tự chúng ta có nhận biết được chính mình kiến tánh hay không? Biết chứ! Biết rất rõ ràng, minh bạch. Hễ quý vị còn chấp tướng, chấp tướng là phân biệt, chấp trước (chấp tướng là phân biệt, chấp trước) thì quý vị vẫn chưa kiến tánh. Người kiến tánh nhất định chẳng chấp tướng; trong cuộc sống thường ngày, người kiến tánh chắc chắn tùy duyên. Kẻ chưa kiến tánh chắc chắn sẽ phan duyên, khác hẳn! Người kiến tánh được đại tự tại, người chưa kiến tánh không tự tại. Cũng có thể nói là người ấy còn vướng mắc; hễ còn vướng mắc là còn chướng ngại, không được đại tự tại!

Một bộ kinh A Di Đà này, một câu A Di Đà này so với phương pháp tham Thiền dễ hơn nhiều, đạt đến cảnh giới tối cao của tham Thiền là minh tâm kiến tánh bằng phương pháp này dễ dàng hơn phương pháp của Tông môn rất nhiều. Nếu quý vị thực sự muốn học, tôi có thể đưa ra kinh nghiệm năm mươi năm tu học của chính mình cho quý vị tham khảo. Tôi thực sự đắc lực là nhờ lời chỉ dạy của Chương Gia đại sư. Năm mươi năm trước, tôi vừa gặp mặt lão nhân gia lần đầu, Ngài dạy

tôi: “*Thấy thấu suốt, buông xuống, bỏ thí*”. Căn cơ học Phật của tôi là lời khai thị của lão nhân gia trong lần đầu tiên gặp mặt ấy. Năm mươi năm thọ trì lời răn dạy, y giáo phụng hành, tôi là kẻ căn tánh trung hạ, dần dần được nâng cao, cảnh giới được nâng cao. Tôi chẳng phải là kẻ thượng căn lợi trí; thượng căn lợi trí là kẻ nghe một hiểu cả ngàn, tôi không được như vậy, tôi phải nâng cao từng bước từng bước một, giống như Khổng lão phu tử đã nói về việc nâng cao cảnh giới: “*Tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc, ngũ thập tri thiên mạng, lục thập nhi nhĩ thuận, thất thập tùng tâm sở dục bất du cử*” (Ba mươi tuổi sở học vững vàng, bốn mươi tuổi không lầm lẫn vì bị ngoại cảnh dao động, năm mươi tuổi biết mạng trời, sáu mươi tuổi nghe người khác nói liền thấu hiểu tâm ý, bảy mươi tuổi thuận theo những mong muốn trong lòng mà thực hiện không trái vượt quy củ)⁸. Quả thật là tôi nâng cao cảnh giới giống như vậy đó. Đúng là cứ mỗi mười năm lại nâng cao một mức lớn hơn.

Do vậy, con người chẳng thể không tu trường thọ, tu trường thọ bằng cách nào? Nói thật ra, trường thọ vẫn là do thầy chỉ dạy, ân đức của thầy lớn lao. Thầy dạy tôi tu ba thứ bỏ thí, tu Tài Bỏ Thí được của cải, tức là cuộc sống vật chất không thiếu thốn. Chúng tôi không cầu giàu có; dư dật, cầu giàu có thì sao? Cầu giàu có, dư dật dễ bị đọa lạc. Đây chính là một cửa ải: Lúc cuộc sống vật chất quá phong phú sẽ không mong vãng sanh, chẳng biết nổi khổ luân hồi. Quý vị thầy thuở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Ngài xuất thân là vương tử, vứt bỏ ngôi vua, vứt bỏ cuộc sống vinh hoa, phú quý, đi khát thực, ngày ăn một bữa, ngủ dưới gốc cây, làm gương cho chúng ta thấy, chúng ta phải hiểu ý nghĩa này. Nhất định chẳng tham cầu hưởng thụ thế gian, vĩnh viễn gìn giữ trí huệ cao độ, tỉnh giác cao độ, chẳng dễ đọa lạc! Thật giống như bậc đại đức trong Tông Môn thường nói: “*Bách hoa tùng trung quá, phiến diệp bất triêm*

⁸ Câu này trích từ thiên Vi Chánh sách Luận Ngữ, chúng tôi dịch theo cách diễn giải của cụ Lý Bình Nam trong bộ Luận Ngữ Giảng Yếu. Cụ giảng rõ: “*Lập là sở học thành lập, tức là học vấn có căn cơ vững vàng, có thể nhận biết đúng sai ngay lập tức. Hoặc là nghi hoặc, tức là năm 40 tuổi đã không bị ngoại cảnh làm dao động, biết xử sự quyền biến. Tri thiên mạng là thấu hiểu cùng tận Lý trong vũ trụ, xử sự thuận theo lẽ trời, tròn hết trách nhiệm của chính mình. ‘Nhĩ thuận’ là nghe lời người khác nói liền thấu hiểu tâm ý của người đó*”. Các nhà chú giải đều công nhận đây là Khổng Tử tự thuật cảnh giới tiên bộ từ từ của chính mình trong quá trình tu dưỡng, hoàn thiện bản thân, chứ không phải là một khuôn mẫu chung cho mọi người. Thậm chí có người do không hiểu kỹ, không đọc chú giải của cổ nhân, tự tiện diễn giải “*tam thập nhi lập*” là năm 30 tuổi phải lập gia đình, hoặc 30 tuổi phải có sự nghiệp vững vàng, xuyên tạc ý của thánh nhân quá sức!

thân” (qua rừng trăm hoa nở, mẫu lá chẳng dính thân); học được bản lãnh ấy sẽ vĩnh viễn sống trong cảnh giới thanh lương tự tại, sung sướng lắm! Niềm sung sướng ấy người khác không thể biết được, Không phu tử đã nói: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*” (Học rồi thường tu tập, cũng chẳng vui sao?), niềm vui ấy chính là pháp hỷ sung mãn.

“*Viên mãn cứu cánh vạn đức*” (viên mãn vạn đức rốt ráo), trong đây lại có mấy câu, “*trí cứu cánh chứng Bát Nhã đức*” (trí rốt ráo chứng Bát Nhã đức). Trí huệ viên mãn, trí huệ là căn bản của hết thấy các đức, trí huệ là bản thể của chân tâm, chúng ta thường nói là “tâm tánh”, trí huệ chính là bản thể của tâm tánh. Bởi thế, trí có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết. Trong hội Lăng Nghiêm, đức Phật đã giảng rất rõ ràng. Chúng ta thường thấy trong kinh giáo, trong lời giảng kinh thuyết pháp của tổ sư, hoặc là trong chú sớ, thường nói đến “*linh tri*”, tâm đấy! Ví như trong lời khai thị của thiền sư Trung Phong có nhắc đến ba thứ tâm: Nhục đoàn tâm (trái tim thịt), duyên lự tâm và linh tri tâm. Bát Nhã là linh tri tâm. Hết thấy các pháp do Tâm mà thành thể; do đó, quý vị phải hiểu: Hết thấy pháp đều có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết.

Bởi vậy, từ việc kết tinh nước, tiền sĩ Giang Bồn Thắng đã chứng minh nước có linh tri, nó có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết, biết được ý tưởng của chúng ta. Chúng ta dùng thiện ý thì nó kết tinh hết sức đẹp, chúng ta có ác ý thì nó lập tức biến hiện hết sức xấu xí. Không chỉ nước như vậy, kinh Phật đã nói: Tất cả hết thấy vạn vật không gì chẳng như vậy, tức là bùn, cát, đá, kể cả hư không, hư không cũng là do tâm mà thành Thể; do vậy, chúng đều có công năng phát xuất từ bốn tánh. Công năng phát xuất từ bốn tánh là thấy, nghe, hay, biết, thấy đều trọn đủ. Vì thế, khoa học hiện tại hay lắm! Tuy đã thí nghiệm thấy được điều đó nơi nước, nhưng chúng ta phải mở rộng thí nghiệm, tất cả hết thấy vạn vật đều nên thí nghiệm nhằm chứng tỏ chúng đều có thể thấy, nghe, hay, biết, nhưng ý niệm ấy lại không có gần hay xa.

Bọn họ đã làm thí nghiệm như sau: Đem một bình nước đặt trên cái bàn làm việc ở sở, thông báo cho hơn năm trăm hội viên, trên toàn xứ Nhật Bản ở mọi nơi khác nhau, cùng một thời gian, dùng ý niệm thiện, dùng tưởng tượng, tưởng mình chúc phước cái bình nước ấy: “Người rất trong sạch, người rất thanh khiết, người hết sức đẹp đẽ!” Ba bốn phút sau, nước ấy kết tinh hết sức đẹp đẽ, nó nhận lấy lời chúc phước của mọi nơi, chứng tỏ ý niệm không có gần hay xa. Bọn họ cho đó là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, trong Phật pháp chúng ta đã biết rồi, vì nguyên nhân

gì vậy? Là do tâm mà thành Thễ. Nó có thể cảm nhận, có thể nghe, có thể biết, nó có thấy - nghe - hay - biết!

“*Đoạn cứu cánh, chứng Giải Thoát đức*” (đoạn rốt ráo, chứng Giải Thoát đức). “*Đoạn*” (斷) là đoạn vọng tưởng, đoạn phân biệt, đoạn chấp trước. Chỉ cần đoạn được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì sẽ buông xuống được. Giải thoát là tự tại, quý vị được đại tự tại. Sự tự tại ấy chẳng thể nghĩ bàn! Tự tại như thế nào? Năng lực được khôi phục, chúng ta thường gọi [năng lực ấy] là “*thần thông*”: Quý vị có thể thấy trọn khắp hư không pháp giới, cũng nghe được như vậy, năng lực của sáu căn được khôi phục viên mãn. Nhà Phật gọi đó là “sáu món thần thông”, người hiện tại gọi là “năng lực đặc dị”. Đây chính là năng lực sẵn có của chính mình, nào có đặc dị (đặc biệt, lạ lùng) chi đâu! Chỉ cần quý vị buông xuống được; quý vị buông xuống một phần, năng lực khôi phục một phần, buông mười phần sẽ khôi phục mười phần.

“*Tâm tánh cứu cánh, chứng Pháp Thân đức, tam đức viên mãn, vạn đức tất cụ*” (Tâm tánh rốt ráo, chứng Pháp Thân đức, ba đức viên mãn, vạn đức ắt đầy đủ). Đây chính là những điểm độc đáo được hiển thị bởi bộ kinh này. Nếu chúng ta có huệ nhãn, có linh tri, quý vị thấy, thấu hiểu, và khế nhập; đừng nghĩ bộ kinh này quá nhỏ! Nội dung của kinh này chẳng khác gì kinh Hoa Nghiêm. Hoa Nghiêm chỉ là giải nói tường tận mà thôi. Bởi thế, cổ nhân nói ba bộ kinh này chỉ là một bộ, một tức là ba, ba tức là một.

A! Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn thứ ba ở phần sau:

“*Đại Bồn vân: Nhược bất vãng tích tu phước huệ, ư thử chánh pháp bất năng văn, dĩ tăng khâm phụng chư Như Lai, cố đắc nhân duyên văn thử nghĩa*” (Kinh Đại Bồn nói: - Nếu trước kia chẳng tu phước huệ thì chẳng được nghe chánh pháp này. Do đã từng kính ngưỡng, phụng sự chư Như Lai, nên mới có nhân duyên được nghe nghĩa này). Đại Bồn là kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ là kinh A Di Đà được giảng giải tường tận; cho nên mới gọi là Đại Bồn và Tiểu Bồn. Tiểu Bồn giản lược, tiện thọ trì, tiện đọc tụng, tiện tu hành; thế nhưng người tu hành pháp môn Tịnh tông chẳng thể không đọc Đại Bồn. Vì sao? Quý vị đọc Đại Bồn, sẽ có thể hóa giải rất nhiều nghi lự. Còn như để thọ trì thì

chúng ta phải áp dụng những giáo nghĩa trong kinh vào thực tế, đương nhiên là càng đơn giản càng hay. Do vậy, Tiểu Bản là cương yếu của Đại Bản, là cương lĩnh của Đại Bản.

Nhất là trong phần trước, Ngẫu Ích đại sư đã nói “*thử kinh độc hiển*” (điểm hiển thị độc đáo của kinh này), hết thấy kinh đều không nói đến ba chuyện đặc sắc như trong kinh này, chuyện thứ nhất là “*vô thượng tâm yếu*”, chuyện thứ hai là “*danh hiệu của chư Phật*” chính là A Di Đà Phật, chuyện thứ ba là “*rốt ráo viên mãn vạn đức*”, trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn, Pháp Thân viên mãn, giải thoát viên mãn, không có gì chẳng viên mãn! Kinh này thực sự chẳng thể nghĩ bàn!

Nếu quý vị muốn hiểu rõ tường tận hơn nữa, còn có kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, giảng những sự việc ấy hết sức chi ly, hết sức minh bạch, hết sức thấu triệt. Vì thế, cổ đức lại nói kinh Hoa Nghiêm là đại bản của kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ là Hoa Nghiêm trung bản, A Di Đà kinh là Hoa Nghiêm tiểu bản. Ba bộ kinh này cùng giảng một sự việc, chỉ là kinh này giảng đơn giản, kinh kia giảng chi tiết. Bởi vậy, quý vị muốn hiểu rõ tường tận thì hãy đọc kinh Hoa Nghiêm, muốn áp dụng trong cuộc sống thường ngày thì dùng kinh A Di Đà. Toàn bộ kinh Hoa Nghiêm rút gọn thành Phật Thuyết A Di Đà Kinh, chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, ở đây chúng tôi dẫn mấy câu trong Đại Bản, tức mấy câu trong bài kệ đầu tiên, nếu quý vị thực sự hiểu được, quý vị sẽ tiếc quý một đời này, đời này chúng ta may mắn lắm.

“*Nhược bất vãng tích tu phước huệ*” (nếu trước kia không tu phước huệ), giả sử đời đời kiếp kiếp trong quá khứ không tu phước, tu huệ, tức là như kinh Di Đà đã nói: “*Bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi ấy). Nhiều thiện căn (thiện căn là huệ), nhiều phước đức; do đời đời kiếp kiếp trong vô lượng kiếp tu phước, tu huệ nên nhiều thiện căn, nhiều phước đức “*ư thử chánh pháp bất năng vãn*” (chẳng thể nghe chánh pháp này), chánh pháp ở đây là Tịnh tông, tức pháp môn Tịnh Độ, quý vị sẽ không được nghe. Dầu được nghe cũng như thế nào? Nghe xong chẳng tin tưởng, ở ngay trước mặt mà bỏ lỡ, chẳng thể tiếp nhận, đối với pháp môn này nầy sanh rất nhiều nghi vấn, tự cây thông minh!

Trong hai câu tiếp theo, “*dĩ tăng khâm phụng chư Như Lai*” (đã từng kính ngưỡng, phụng sự chư Như Lai), nghĩa là sao? Đây chính là nhân duyên, trong đời quá khứ có duyên cùng Phật, từng học Phật pháp,

từng y giáo phụng hành, vì sao không thành công? Nguyên nhân không thành công là vì vẫn chưa buông xuống được! Đối với danh lợi thế gian này chưa buông xuống được, vẫn còn tham ái, tài sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ, vẫn còn chấp trước. Vì thế, tuy thân cận chư Như Lai (chữ “*Như Lai*” này bao gồm cả các Bồ Tát, các thiện tri thức) mà chẳng thể thành công. Dầu không thành tựu, nhưng nhân duyên vẫn còn, trong một đời này lại được gặp gỡ. Gặp gỡ rồi, thời tiết, nhân duyên bất đồng. Như chính bản thân tôi là một thí dụ rất rõ rệt! Năm hai mươi sáu tuổi mới được nghe Phật pháp do tiên sinh Phương Đông Mỹ giới thiệu. Nếu cụ giới thiệu nhằm đúng mười năm trước đó, ắt tôi chẳng thể tiếp nhận, dầu gặp Phương tiên sinh cũng uống, tôi cũng chẳng tin tưởng cụ. Do có thời tiết, nhân duyên, được chư Phật hộ niệm, Phật, Bồ Tát ngầm bảo hộ mình, khi nào duyên chín muồi? Lúc nào quý vị có thể tiếp nhận, có thể tin tưởng thì thiện tri thức sẽ đến.

Thậm chí có rất nhiều người thiện căn, phước đức rất sâu, nhưng suốt đời mê man trong ngũ dục lục trần, phải đến khi lâm chung [thiện căn và phước đức] mới phát hiện, lúc lâm chung mới tin tưởng. Giống như khi xưa chúng tôi ở Washington DC, Hoa Kỳ, tiên sinh Châu Quảng Đại cả một đời chẳng tin bất cứ một tôn giáo nào, khi ấy có dạy ông ta cũng không tin. Con người ông ta hết sức trung hậu, là người tốt, dầu làm ăn buôn bán bên đó nhưng nhiệt tâm làm sự nghiệp công ích, chịu làm sự nghiệp phước thiện xã hội, chịu giúp đỡ người khác, nhưng không tin tưởng bất cứ tôn giáo nào. Ba ngày trước khi lâm chung, do vì bác sĩ đã hết cách chữa trị, người nhà không biết làm sao, đúng là “*bệnh ngặt vái tứ phương*”, bà vợ ông ta quen biết những đồng học thuộc Tịnh Tông Học Hội chúng ta, thường gặp gỡ nhau khi mua thức ăn ngoài chợ. Khi ấy, bà nghĩ đến những vị đồng học ấy, hỏi họ học Phật có cách gì cứu ông ta hay không?

Khi ấy, Tịnh Tông Học Hội bèn phái một vài vị đồng học đến khuyên ông ta niệm Phật, ông ta vừa nghe bèn hoan hỷ. Khi ấy, Cung cư sĩ (tức cư sĩ Cung Chân Hoa) khuyên ông ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, thế giới này rất khổ, có gì đáng lưu luyến cơ chứ? Ông ta vừa nghe bèn giác ngộ, gọi cả nhà: “Tất cả vợ con đừng bi ai, đừng bận lòng vì ta, ai nấy hãy niệm Phật, hãy giúp ta niệm Phật!” Ba ngày sau, Phật đến tiếp dẫn, ra đi hiện tướng lành hy hữu. Có người thấy Phật đứng trên nóc nhà tiếp dẫn ông ta vãng sanh! Quý vị coi đó: Lúc lâm chung, nhân duyên của ông ta chín muồi, đúng là “*Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân*” (trong nhà Phật chẳng bỏ một ai), mỗi người nhân duyên khác biệt!

Do vậy, chúng ta chớ khinh thường người không học Phật và người không niệm Phật. Chớ nên coi thường! Vì sao? Chúng ta là phàm phu, chẳng biết lúc nào nhân duyên của người ấy sẽ chín muồi, cũng chẳng biết thiện căn trong đời quá khứ của người ấy như thế nào, biết đâu một hai ngày trước khi lâm chung, nhân duyên của người ấy thành thực, phẩm vị vãng sanh còn cao hơn chúng ta nữa kia, chúng ta đâu có bằng được họ! Chuyện này đâu phải là không có! Vì thế, người học Phật thời thời khắc khắc phải biết tôn trọng hết thảy chúng sanh, chẳng dám khinh thị một chúng sanh nào, vậy là chính xác. Phải nên coi họ giống như chư Phật Như Lai, dùng cái tâm chân thành, tâm thanh tịnh, bình đẳng đối đãi hết thảy chúng sanh, hết thảy chúng sanh đều có Phật tánh! Hết thảy vạn vật có Pháp Tánh! Nếu quý vị thấy chúng sanh có Phật Tánh, thấy vạn vật có Pháp Tánh thì chúc mừng quý vị, quý vị chẳng phải là phàm phu nữa, mà đã minh tâm kiến tánh, đã là Pháp Thân Bồ Tát. Giáo pháp Đại Thừa nhằm dạy chúng ta chuyện sau đây: *“Tôn trọng hết thảy chúng sanh, hữu tình và vô tình cùng viên mãn Chứng Trí”*.

Do vậy, hiện thời bản thân chúng ta cũng vô cùng may mắn, chúng ta có phần nơi bốn câu kệ này, trong đời quá khứ, quả thật đã tu phước, tu huệ, trong đời quá khứ quả thật đã có duyên cùng Phật. Chúng ta vừa tiếp xúc, gặp được thiện tri thức vừa phân tích, vừa giải nói cho chúng ta, đúng là có đạo lý, chúng ta bèn tin tưởng. Chúng ta cũng hết sức nghiêm túc nỗ lực học tập, cảnh giới mỗi năm quả thật ngày càng nâng cao, trong một đời này pháp hỷ sung mãn, hoan hỷ khôn sánh, không ưu lự, không phiền não, không vương mắc, từ nội tâm hóa giải hết thảy sự trái nghịch. Trước hết, phải cầu cho tâm tánh được hòa thuận thì thân thể sẽ khỏe mạnh.

Lúc tôi giảng kinh cũng thường giảng vì sao thân thể con người không được mạnh khỏe? Là do nội bộ những tế bào và khí quan phát sanh xung đột. Cổ nhân Trung Quốc thường nói: *“Gia hòa, vạn sự hưng”*. Nói trên phương diện nhỏ hơn là thân thể chúng ta thì đối với tất cả khí quan và tế bào trong thân thể phải đối đãi bình đẳng, đối xử hòa mục với nhau thì thân thể sẽ khỏe mạnh! Nếu các khí quan bên trong chúng ta đối chọi nhau, hai bên không hợp tác sẽ đổ bệnh, không mạnh khỏe! Duyên do là như vậy. Ai gây nên đối chọi? Thừa cùng quý vị, phiền não gây nên đối chọi! Vì thế, cổ nhân nói một câu hết sức hợp lý: *“Ưu năng sử nhân lão”* (lo buồn khiến con người già xọm). Con người nếu sống trong ưu lự, bận tâm quá nhiều, rất dễ lão hóa. Ai có thể buông xuống hết thảy, chuyện gì cũng chẳng ghim vào lòng thì người ấy lão

hóa rất chậm, cũng có thể nói là chẳng dễ gì suy lão.

Năm hai mươi sáu tuổi tôi mới bắt đầu học Phật, năm ba mươi tuổi mới được biết thầy Lý; lúc đó Lý lão cư sĩ đã sáu mươi chín tuổi, tôi gặp mặt thầy, ngỡ thầy nhiều lắm là bốn mươi tuổi, chẳng ngờ thầy đã là ông lão gần bảy mươi! Nói cách khác, người bảy mươi tuổi trông như người mới bốn mươi, chẳng dễ gì suy lão, tinh thần, thể lực hết như người mới ba mươi, bốn mươi tuổi. Điều này gây ấn tượng giáo huấn rất mạnh cho chúng tôi, khiến chúng tôi chẳng thể không bội phục. Cụ mắt chưa mờ, tai chưa điếc. Có lúc dạy chúng tôi học Cổ Văn, gặp phải chữ hay từ ngữ hiểm lạ, phải cầm tự điển Từ Hải tra. Tìm trong Từ Hải, những chữ ấy rất nhỏ, nhỏ hơn những chữ in trên báo rất nhiều, thầy Lý nói: “Đem lại đây, tôi đọc cho các anh nghe”. Cụ lại không đeo kính, đọc không sai một chữ nào, nhãn lực tốt, bảy mươi tuổi mà con mắt như người mới ba, bốn mươi tuổi; rất đáng cho chúng ta học tập. Như vậy, chẳng những lão nhân gia ngôn giáo (dạy bằng lời lẽ) mà còn thân giáo (dạy bằng cách lấy những hành vi cử chỉ làm gương)! Hơn chín mươi tuổi vẫn không cần ai săn sóc, tự mình lo liệu cho mình.

Lúc ấy, lũ chúng tôi hầu như không ai chẳng nói thầy nhất định phải sống đến một trăm hai mươi tuổi, một trăm ba mươi tuổi, quý vị thấy thân thể cụ [mạnh khỏe] như thế đó! Thế nhưng cụ đã đi trước, nguyên nhân mất theo cụ nói là vì trúng độc từ thức ăn! Hai lần bị trúng độc từ thực phẩm, gây tổn hại rất lớn cho thân thể, chứ cụ không có bệnh gì khác. Vì thế, cụ dặn dò tôi: “Ăn gì cũng phải chú tâm cẩn thận, phải chú ý đến vấn đề vệ sinh”. Cụ bảo tôi rất nhiều lần: “Ngàn vạn lần chẳng được ăn những gì bán ngoài quán”. Cụ dạy rất có lý, những thứ bán ngoài quán ăn rất ngon, nhưng không hợp vệ sinh, quý vị cứ xuống bếp sẽ thấy. Ăn uống phải đơn giản, cốt sao đủ dinh dưỡng, chớ coi trọng màu sắc, hương vị quá sức. Ăn uống đơn giản, tâm địa thanh tịnh, ít vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị ít tiêu hao năng lượng.

Do vậy, người tu hành trong quá khứ ngày ăn một bữa, thầy Lý cả đời ngày ăn một bữa. Cụ mỗi ngày chỉ ăn một bữa, nhưng sức làm việc của cụ bằng sức của năm người bình thường chúng ta. Cụ mỗi ngày ăn một bữa, lại ăn rất ít, thế là đủ rồi. Nguyên nhân nào? Ít vọng tưởng, tạp niệm, phân biệt, chấp trước, nên tiêu hao rất ít. Tôi ở cùng một chỗ với cụ, học theo cụ! Tôi cũng học ngày ăn một bữa, tôi làm như vậy được năm năm. Tôi ăn như vậy đến tháng thứ tám mới thưa với cụ, tôi nói:

- Thưa thầy! Con cũng ngày ăn một bữa.
- Bao lâu rồi?

- Tám tháng ạ!
- Thấy sao?
- Rất tốt ạ! Tinh thần, thể lực vẫn bình thường.

Cụ vỗ bàn:

- Nên giữ vĩnh viễn như vậy! Tốt lắm đó! Suốt cả đời chúng ta không phải cầu cạnh người khác, sống đơn giản, thâm nhập rất ít chúng ta cũng sống tự tại, thâm nhập dư dật thì đem giúp chúng sanh khổ nạn.

Lão nhân gia dạy tôi như vậy đó! Sau này, đến Đài Bắc giảng kinh, gặp Hàn Quán Trưởng, Hàn Quán Trưởng nói: “Không được! Thầy ngày ăn một bữa không được đâu! Chúng tôi không dám lo cho thầy, lỡ thân thể thầy không khỏe, bị bệnh, chúng tôi đảm đương sao nổi!” Do vậy, bà ta nhất định buộc tôi phải ăn ba bữa. Tốt thôi! Ba bữa thì ba bữa, nhưng ăn ba bữa vẫn chỉ bằng ăn một bữa. Vì vậy, cho đến tận bây giờ, quý vị đều biết tôi ăn gì cũng ăn rất ít. Năm xưa ở Mỹ, mỗi bữa cơm, món chính là cơm hoặc mì, quý vị thấy tôi (người Mỹ hoặc người Tây phương thường dùng đĩa), mỗi bữa ăn chỉ gồm hai vá cơm. Mỗi vá gần đầy một chén nhỏ, hai vá cơm, rau nhiều hơn cơm, ăn không nhiều! Sáng ăn, tối không ăn, dầu không ăn vẫn rất mạnh khỏe, không ăn cũng được. Mọi người ép tôi ăn, tôi ăn một chút, nhất định chẳng ăn lật vật. Quý vị muốn giữ cho thân thể khỏe mạnh thì phải biết đạo lý này, trọn chẳng được ăn lật vật!

Ở đây, quan trọng nhất là nếu tâm địa thanh tịnh, quý vị sẽ tiêu hao ít năng lượng. Nếu quý vị vọng tưởng nhiều, tạp niệm lắm, một ngày ăn ba bữa cũng không đủ. Bổ sung năng lượng không đủ, vẫn phải ăn điểm tâm mới bổ sung năng lượng được. Vì vậy, chuyện này chẳng thể miễn cưỡng, không phải ai cũng có thể tùy tiện học theo. Giống như xe hơi ngày nay vậy, xe hơi rất phổ biến, có loại hao xăng, có loại tốn ít xăng. Xe hao xăng không đổ đủ xăng sẽ không chạy được, bởi thế, nhất định phải bổ sung năng lượng. Quý vị là loại xe hao xăng thì mỗi ngày phải ăn nhiều bữa. Quý vị thấy người khác ăn một bữa, chỉ dành hâm mộ, không thể học theo, học không được, nhất định phải hiểu đạo lý này! Thân thể con người là một cỗ máy, thực phẩm là năng lượng bổ sung. Năng lượng tiêu hao thì chín mươi lăm phần trăm tiêu hao vào vọng tưởng, tạp niệm, phiền não, tập khí, tiêu hao vào đó. Trên thực tế, lao tâm lẫn lao lực đều không nhiều!

Như vậy, người tu hành hiểu được đạo lý này, tâm địa thanh tịnh, mỗi ngày chỉ cần bổ sung năng lượng một chút là đủ. Quý vị thấy trong kinh, đức Phật nói La Hán bảy ngày ăn một lần, tức là tiêu hao năng

lượng hết sức ít, chẳng trở ngại việc làm chút nào. Bích Chi Phật tâm càng thanh tịnh hơn nữa, nửa tháng ăn một bữa, chúng tôi thấy trong kinh nói như vậy. Điều đó nói lên điều gì? Chúng ta gọi đó là công phu định lực (định công), công phu định lực là mức độ thanh tịnh của cái tâm. Tâm càng thanh tịnh, tiêu hao năng lượng càng ít. Như vậy, theo bài kệ trong kinh Đại Bối, chúng ta rất may mắn, hai câu đầu nói về thiện căn, phước đức, hai câu sau luận về nhân duyên. Chúng ta thiện căn, phước đức, nhân duyên đều đầy đủ, thế thì nay có thể vãng sanh hay không? Tùy thuộc quý vị có tinh tấn hay không. Thiện căn duy nhất trong Đại Thừa là tinh tấn!

Chương ngại lớn nhất đối với tinh tấn là phiền não, tập khí; bởi thế, quý vị phải buông xuống. Phiền não chương ngại căn bản là tự tư, tự lợi, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham - sân - si - mạn, tôi nói mười sáu chữ ấy. Tôi thường kính khuyên các đồng học, nếu thực sự buông mười sáu chữ này xuống được, quý vị sẽ phá được cửa ải thứ nhất, sẽ đi trên con đường Bồ Đề. Nếu không buông mười sáu chữ này xuống được, quý vị học Phật chỉ ở ngoài cửa, vẫn không bước vào cửa được! Mười sáu chữ ấy là cái cửa lớn. Sau khi bước vào cái cửa lớn ấy sẽ khác hẳn, cảnh giới khác hẳn, sau đây quý vị mới có thể đăng đường, nhập thất. Nếu luận theo ba bậc và chín phẩm trong bốn cõi Tịnh Độ thì vào cửa là Phàm Thánh Đồng Cư Độ; tiến hơn nữa, đăng đường là Phương Tiện Hữu Dư Độ, nhập thất là Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Chúng ta có thể nhập thất hay không? Câu trả lời của tôi là khẳng định, nhưng tự mình phải dụng công, không ngừng buông xuống.

Vì vậy, tôi cảm tạ Chương Gia đại sư, niệm niệm chẳng quên ân đức của lão nhân gia. Ngày đầu tiên, Ngài dạy tôi sáu chữ, tuyệt diệu thật! Hết thầy Bồ Tát thành Phật, từ sơ phát tâm đến địa vị Như Lai, tu những gì? Không có chi khác cả, chính là thấy thấu suốt - buông xuống, buông xuống - thấy thấu suốt. Hai phương pháp này hỗ trợ nhau, hoàn thiện nhau, buông xuống giúp thấy thấu suốt, thấy thấu suốt lại giúp cho buông xuống. Áp dụng vào hành động là bồ thí. Trong ba thứ bồ thí thì Tài Bồ Thí được tướng hảo (về quả, Tài Bồ Thí được tướng hảo), Pháp Bồ Thí được trí huệ, Vô Úy Thí được trường thọ. Ba thứ quả báo do chính mình tu. Ba thứ bồ thí này quyết định không cùng tận, ba thứ quả báo vô lượng vô biên, mà cũng không có cùng tận. Đạt đến quả vị Như Lai mới thực sự là viên mãn. Do vậy, Đăng Giác Bồ Tát vẫn phải tu ba thứ bồ thí, tu Tài Bồ Thí, tu Pháp Bồ Thí, tu Vô Úy Bồ Thí. Trong hạnh môn, một pháp bồ thí là viên mãn.

Tuy Bồ Tát nói đến Lục Ba La Mật, nhưng nói thật ra, sáu Ba La Mật chỉ là bố thí. Quý vị cứ nghĩ đi: Trì Giới Ba La Mật và Nhẫn Nhục Ba La Mật là Vô Úy Bố Thí; Tinh Tấn Ba La Mật, Thiền Định Ba La Mật và Bát Nhã Ba La Mật là Pháp Bố Thí. Trong Bố Thí [Ba La Mật] có Tài [Bố Thí], năm thứ Ba La Mật sau mở ra Pháp Bố Thí và Vô Úy Bố Thí. Nói gộp lại là hai chữ “bố thí”. Quý vị thực sự hiểu rõ, thực sự minh bạch, sẽ tự nhiên chịu tu, sẽ chịu làm. Do bình thường chúng ta không hiểu đạo lý sau đây: Phiền não của phàm phu là keo kiệt, nhỏ nhen, chẳng chịu bố thí, chẳng chịu giúp đỡ người khác, tự tư, tự lợi. Chẳng những không chịu giúp đỡ người khác, mà còn nghĩ cách đoạt lấy vật của người khác về tay mình, đúng là tổn người, lợi mình, tổn phước, chứ không phải là tu phước. Tổn phước là phước báo đang có trong mạng mình lại bị tổn thất ở một mức độ lớn. Đó là vì mê hoặc, vô tri, chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật, người ấy chẳng biết càng bố thí nhiều, đến cuối cùng phước báo lớn đến đâu? Trọn pháp giới hư không giới.

Hoàn cảnh cư trụ của chúng ta là thế giới Hoa Tạng, là thế giới Cực Lạc, những người chăm nom chúng ta là chư Phật, Bồ Tát, là Thanh Văn, Duyên Giác, còn chúng sanh khổ nạn là ai? Là chúng sanh trong chín pháp giới. Chúng sanh trong chín pháp giới chính là phước điền của chúng ta; chúng ta trồng phước, chúng ta giúp đỡ họ, chúng sanh trong chín pháp giới là đối tượng để ta bố thí. Trên cùng chư Phật, Bồ Tát, dưới thì hết thảy chúng sanh thì quý vị mới đạt được phước báo viên mãn, trí huệ viên mãn, tướng hảo viên mãn, trong Đại Thừa Phật pháp gọi là Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát, tu thành tựu như vậy! Lại xem tiếp tiêu đoạn thứ ba.

“Chiêm Sát kinh vân: Táp loạn cấu tâm, tuy tụng ngã danh, nhi bất vị văn. Dĩ bất năng sanh quyết định tín giải, đản hoạch thế gian thiện báo, bất đắc quảng đại thâm diệu lợi ích. Nhược đáo Nhất Hạnh tam-muội, tắc thành quảng đại vi diệu hạnh tâm, danh đắc tương tự Vô Sanh Pháp Nhẫn, nãi văn thập phương Phật danh” (Kinh Chiêm Sát nói: “Tâm nhờ tạp loạn, dầu tụng tên ta nhưng chẳng được nghe [tên ta] vì chẳng thể sanh tín giải quyết định, chỉ đạt được thiện báo thế gian, không đạt được lợi ích sâu mầu rộng lớn. Nếu đạt đến Nhất Hạnh tam-muội sẽ thành hạnh tâm vi diệu rộng lớn, gọi là đắc tương tự Vô Sanh Pháp Nhẫn, bèn được nghe danh hiệu của mười phương chư Phật). Trong kinh Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo có một đoạn giảng rất hay, kinh Chiêm Sát là kinh giảng về Địa Tạng Bồ Tát. Địa Tạng Bồ Tát có ba bộ kinh, nay [ngoài bộ kinh được] mọi người thường đọc tụng là Địa

Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên Kinh, còn có kinh Đại Thừa Đại Tập Địa Tạng Thập Luân Kinh, bộ thứ ba là Chiêm Sát Thiện Ác Nghiệp Báo Kinh. [Ba bộ này] gọi là Địa Tạng Tam Kinh. Trong kinh Chiêm Sát có một đoạn giảng về việc trì danh niệm Phật, nhưng là niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát. Hiện thời người tu pháp môn Địa Tạng cũng không ít, tôi đã gặp rất nhiều.

Đoạn này hết sức quan trọng, “*tâm như tạp loạn*” nghĩa là tâm không chân thành, vọng niệm rất nhiều, chuyện vướng gan bận ruột quá nhiều, đó là tâm như tạp loạn. Quý vị không buông tham - sân - si - mạn xuống được, không buông danh văn, lợi dưỡng xuống được, không buông ngũ dục, lục trần xuống được, không buông tự tư, tự lợi xuống được, đó là tâm như tạp loạn. Tâm như vậy dù có niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, “*nhĩ bất vị văn*” (nhưng chẳng được nghe tên ta). Cái nghe (Văn) ở đây là Văn Huệ, [người có tâm tạp loạn như bắn dẫu xưng niệm danh hiệu Địa Tạng Bồ Tát, nghe tên Ngài, nhưng cái “nghe” ấy] không phải là trí huệ, không phải là chân tu. Vì sao vậy? Là vì “*bất năng sanh quyết định tín giải*” (chẳng thể sanh tín giải quyết định). Nói cách khác, quý vị không tin, không nguyện, lòng tin không chân thật, như cổ nhân nói là “*lộ thủy đạo tâm*” (đạo tâm như nước trong giọt sương), lòng tin không kiên cố, tín tâm không chân thật.

Dầu niệm danh hiệu Phật hay niệm danh hiệu Bồ Tát, “*đản hoạch thế gian thiện báo*” (chỉ đạt được thiện báo thế gian), tốt lành cái miệng mà thôi! “*Khẩu niệm Di Đà tâm tán loạn, hãm phá hầu lung diệt uổng nhiên*” (miệng niệm Di Đà tâm tán loạn, rách toạc cổ họng uổng công thôi). Cổ đức đã nói hai câu ấy. Nói “*rách toạc cổ họng*” uổng công là vì sao? Vì quý vị chẳng thể vắng sanh! Uổng công! Thế nhưng có phước báo thế gian là điều chắc chắn! Niệm danh hiệu Phật hay niệm danh hiệu Bồ Tát sẽ đạt được phước báo thế gian, nhưng không thoát khỏi tam giới, không thoát luân hồi, chẳng thể vắng sanh. Như vậy, quý vị chỉ đạt được sự tốt đẹp như vậy thôi. Một đời này liễu sanh tử, thoát luân hồi, xuất tam giới, vẫn chắc chắn không đạt được! Vì thế, “*bất đắc quảng đại thâm diệu lợi ích*” (chẳng đạt được lợi ích sâu màu rộng lớn), vấn đề là ở chỗ này! Lợi ích sâu màu rộng lớn là liễu sanh tử, thoát luân hồi, thành Phật đạo, đó là lợi ích sâu màu rộng lớn. Tâm như tạp loạn sẽ không đạt được lợi ích ấy, chỉ có thể đạt được phước báo thế gian.

“*Nhược đáo Nhất Hạnh tam-muội, tắc thành quảng đại vi diệu hạnh tâm*” (Nếu đạt được Nhất Hạnh Tam Muội sẽ thành hạnh tâm rộng lớn vi diệu), Nhất Hạnh tam-muội là gì? Dưới đây lại giải thích. Cổ đức

Trung Quốc dạy người ta “*thâm nhập một môn*”. Pháp thế gian cũng không ngoại lệ! Nói đến chuyện đi học, thời cổ thầy dạy trò đọc sách, khóa trình là một môn, chẳng giống với trường học hiện thời. Trường học hiện thời bày ra quá nhiều lớp, lớp thứ nhất thầy Giáp đến dạy, lớp thứ hai lại đổi thầy khác, thầy Ất đến dạy, khóa trình (nội dung môn học) khác nhau. Cổ nhân Trung Quốc không làm như thế, ngày xưa chỉ có một thầy. Thầy ở trường tư chỉ có một vị, lúc dạy học chỉ là một môn học. Học xong môn ấy mới được học môn thứ hai, quyết định chẳng được học hai môn cùng lúc. Vì sao? Loạn, liền không đạt được hiệu quả. Nhất Hạnh tam-muội trong nhà Phật rất giống như vậy. Do vậy, quý vị chỉ có thể học một bộ kinh.

Lúc chúng tôi học kinh giáo với thầy Lý, lão nhân gia dạy chúng tôi bằng phương pháp xưa lưu truyền từ cổ, tức là học một bộ kinh. Học hiểu một bộ mới được phép học bộ thứ hai. Thế nào là học hiểu? Phải lên đài giảng, lão nhân gia ngồi dưới nghe, nghe đến khi lão nhân gia gật đầu: “Anh [giảng] không sai lầm”, thì mới tính là học xong bộ kinh ấy. Nói cách khác, quý vị không lên đài giảng một lần thì cụ không thừa nhận, không đồng ý: “Anh vẫn chưa học xong bộ kinh ấy, vẫn phải tiếp tục học; chẳng cho phép anh được học bộ thứ hai”.

Vì thế, tôi ở Đài Trung mười năm, trong mười năm học năm bộ kinh. Nói thật ra, năm bộ kinh đó học nửa năm là xong, thông thường một học kỳ ở Phật Học Viện đã học xong. Yêu cầu của thầy chúng tôi là phải giảng được thì mới là thực sự hiểu được, giảng cho thầy nghe coi như khảo thí. Chúng tôi không có văn tự, không thi viết, cũng không thi vấn đáp. Cứ đem kinh ấy giảng cho thầy nghe một lượt, thầy nghe vừa ý gật đầu là quý vị đã học hoàn tất bộ kinh ấy, mới được chọn bộ kinh thứ hai. Điều này giống như Nhất Hạnh tam-muội, tức là chuyên tâm, “*thâm nhập một môn, trường thời huân tu*” thì quý vị mới hòng thành tựu “*hạnh tâm vi diệu rộng lớn*”.

“*Hạnh tâm vi diệu rộng lớn*”, quý vị nhìn vào văn tự cũng hiểu được ý nghĩa: Tâm lượng rộng mở, trí huệ hiện tiền, trí huệ vi diệu, tâm lượng rộng lớn. Trong Đại Thừa Phật pháp, Phật, Bồ Tát thường nói: “*Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới*”. Khi mẫu thân của Hồ cư sĩ vắng sanh, tôi có viết mấy chữ gởi cho bà ta: “*Tịnh tâm biến pháp giới*”, “*tịnh*” (淨) là thanh tịnh, tâm thanh tịnh trọn khắp pháp giới, tâm tịnh trọn khắp pháp giới. “*Thiện ý mãn Sa Bà*”: Thiện niệm, thiện hạnh của chúng ta phải đầy khắp thế giới Sa Bà. Thực sự làm được như vậy! Bà Hồ bảo tôi: “Mẹ con cả đời thích giúp đỡ người khác”. Tốt lắm! Thiện ý

phải tràn ngập cõi Sa Bà. Quan trọng nhất là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh phải trọn khắp pháp giới, “*tâm thanh tịnh trọn pháp giới*” là huệ, trí huệ viên mãn, “*thiện ý đầy Sa Bà*” là phước báo, phước huệ song tu. Đây chính là “*tâm hạnh vi diệu rộng lớn*”.

“*Danh đặc Tương Tự Vô Sanh Pháp Nhẫn*” (gọi là được Tương Tự Vô Sanh Pháp Nhẫn), không thực sự đạt được, chỉ gần giống với Vô Sanh Pháp Nhẫn. Thực sự đạt được Vô Sanh Pháp Nhẫn thì trong Đại Thừa phải là từ Thất Địa trở lên. Thất Địa Bồ Tát là Hạ Phẩm Vô Sanh Pháp Nhẫn, Bát Địa Bồ Tát là Trung Phẩm Vô Sanh Pháp Nhẫn, Cửu Địa Bồ Tát là Thượng Phẩm Vô Sanh Pháp Nhẫn, cao lắm! Chỉ “tương tự” cũng đã khá khả quan, tâm định rồi, đối với hết thấy pháp không phân biệt, không chấp trước, đó là “tương tự”. Vô Sanh Pháp Nhẫn thực sự thì vọng tưởng gần như đã đoạn hết. Lúc “tương tự” thì vọng tưởng vẫn còn, những vọng tưởng ấy bọn phàm phu ta không có cách gì nhận biết được, chúng rất vi tế, phải đạt đến Thất Địa Bồ Tát mới biết! Công phu định lực ấy sâu đến nỗi chúng ta không có cách gì tưởng tượng được.

Nay chúng tôi thấy rất nhiều vị giáo sư Đại Học trong giới học thuật rất có hứng thú đối với những công năng đặc dị và những sự kiện từ những chiều không gian bất đồng (chúng ta gọi là “*linh giới*”), người nghiên cứu rất nhiều. Thế nhưng chúng ta biết rất rõ ràng, những cảnh giới đó còn chưa bén gót cảnh giới của bậc Tu Đà Hoàn, nhưng cũng có chỗ hay, nói chung là mở rộng tâm lượng chính mình, mở rộng tầm mắt, vượt ngoài khoa học, vượt ngoài triết học, đó là một hiện tượng tốt, kể như là đột phá cả khoa học lẫn triết học. Những thành tựu của họ mới chỉ là tiếp xúc ở vòng ngoài, ngay cả cảnh giới [thấp nhất] là cảnh giới của bậc Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn, họ còn chưa nhận biết được.

Cảnh giới của bậc Tu Đà Hoàn là không ngã tướng, không nhân tướng, không chúng sanh tướng, không thọ giả tướng; trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường dạy, [bậc Tu Đà Hoàn] đã đoạn sạch tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc thuộc tam giới. Những kẻ có công năng đặc dị biểu diễn rất nhiều cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, nhưng họ chưa đoạn được tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, tâm địa họ chỉ thanh tịnh hơn mọi phàm nhân một chút. Đúng như Ấn Quang đại sư thường nói: “*Một phần thành kính được một phần lợi ích, hai phần thành kính được hai phần lợi ích*”. Điều này bọn phàm nhân chúng ta có thể làm được. Chúng ta có mấy phần chân thành, quả thật sẽ được mấy phần công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn. Thế nhưng những công đức lợi ích ấy là tương tự, chưa

phải là chân thật.

Thế nào là “tương tự?” Tương tự có nghĩa là tuy đạt được, nhưng cũng dễ dàng bị mất đi; còn thực sự đạt thì sau khi đạt được, sẽ không bị mất đi. Do vậy, tuy Tu Đà Hoàn là Tiểu Thừa Sơ Quả, họ rất phi phạm, họ đạt Vị Bất Thoái. Họ đạt được Vị Bất Thoái, nhưng địa vị ấy không bị mất đi. Những chúng sanh trong tam giới lục đạo dù đạt được rồi lại bị mất đi, không có cách gì thoát ly luân hồi, chẳng thể liễu sanh tử. Tuổi thọ hết, xả thân rồi lại thọ sanh, quên sạch những chuyện đời trước, bị mê khi cách âm, bị mất đi, không thể gìn giữ vĩnh viễn. Bậc Tu Đà Hoàn có năng lực ấy, Ngài có thể gìn giữ [những gì đã tu chứng] nên bảy lần sanh vào cõi trời hay nhân gian, quyết định chẳng đọa trong tam đồ, bởi thế, gọi là Vị Bất Thoái!

Thẳng cho đến khi chứng đắc quả A La Hán, A La Hán lại nâng cao lên thành Bồ Tát. Bồ Tát chứng đắc Hạnh Bất Thoái, quyết định chẳng lui xuống thành Tiểu Thừa, vĩnh viễn gìn giữ được (nói theo cách người hiện tại) lòng hy sinh phụng hiến đối với hết thảy chúng sanh khổ nạn, dầu phải bỏ thân mạng của chính mình cũng không tiếc. Do vậy, thế gian lẫn xuất thế gian không ai chẳng tán thán: “Có thể bỏ mình vì người!” Tiểu Thừa không như vậy! Tiểu Thừa không có tâm lượng lớn lao như thế, Tiểu Thừa coi trọng tự tu cho chính mình, vì họ cảm thấy chúng sanh rất khó độ: Ta có hảo ý giúp đỡ họ, họ lại dùng ác ý đối đãi mình! Do vậy, người Tiểu Thừa bị ngã lòng vì điều này. Người Tiểu Thừa giáo hóa người khác: Tôi dùng thiện ý đối với anh, anh dùng thiện ý đáp lại, bèn rất hoan hỷ dạy dỗ. Nếu quý vị không tiếp nhận, có ác ý đối với họ, họ bèn thoái chuyển, cũng như chẳng muốn gặp mặt quý vị nữa.

Không như Đại Thừa Bồ Tát, Đại Thừa Bồ Tát có tâm lượng từ bi sâu nặng. Chúng sanh có ác ý đối với họ, họ vẫn dùng thiện ý đáp trả; ắt có ngày nào đó, chúng sanh sẽ quay đầu, sẽ giác ngộ, Bồ Tát có tâm nhẫn nại chờ đợi, nhất định chẳng buông bỏ. Vì thế, Đại Thừa Bồ Tát đáng được mọi người tôn kính, đáng quý lắm! Bồ Tát ở mức độ cao hơn nữa bèn nhập cảnh giới của Phật, gọi là Pháp Thân Bồ Tát. Pháp Thân Bồ Tát nhập cảnh giới của Phật, thực sự thông đạt và hiểu rõ chân tướng của vũ trụ nhân sinh; lúc ấy, thực sự có thể nói là chỉ sanh trí huệ, chẳng sanh phiền não. Nhân vật đại biểu bậc nhất cho Trung Quốc là Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Thiền tông. Quý vị thấy đó, lúc Lục Tổ nói: “*Trong tâm đệ tử thường sanh trí huệ*”, chính là Ngài đã nhập cảnh giới của Phật, là Pháp Thân Bồ Tát! Tối thiểu phải là bậc Sơ Trụ trong Viên

Giáo mới không sanh phiền não nữa. Không sanh phiền não chắc chắn không sanh chấp trước, chắc chắn không sanh phân biệt. Thực sự đoạn được những chấp trước, phân biệt đối với hết thấy người, hết thấy sự, hết thấy vật thuộc thế gian lẫn xuất thế gian thì mới nhập được cảnh giới này. Huệ Năng đại sư đúng là bậc tái lai, chẳng phải là phạm nhân. Vì sao? Mới hai mươi bốn tuổi đã nhập được cảnh giới này!

Chúng ta thấy trong những tổ sư, đại đức các đời; có những vị ba, bốn mươi tuổi mới nhập cảnh giới này; có người năm, sáu mươi tuổi mới nhập cảnh giới này; có người bảy, tám mươi tuổi mới nhập cảnh giới này. Căn tánh, phước đức, nhân duyên mỗi người khác biệt. Trong Tông Môn cũng có một công án rất nổi tiếng: “*Triệu Châu bát thập do hành cước*”, [nghĩa là] ngài Triệu Châu tám mươi tuổi vẫn còn đi khắp nơi tầm sư phỏng đạo. Vì sao? Chưa nhập cảnh giới. Chưa nhập cảnh giới thì vẫn phải nghiêm túc nỗ lực tu học, đúng là phải tham học. Nhập cảnh giới rồi thì không cần nữa, đã khế nhập cảnh giới rồi; nếu chưa nhập cảnh giới thì phải tham học. Đây chính là chỗ khó khăn trong việc tu học Phật pháp; do vậy, tổ sư, đại đức, Phật, Bồ Tát mới khuyên chúng ta chuyên tu Tịnh Độ, thành tựu dễ dàng. Đạo lý là đây!

A! Bây giờ đã hết giờ rồi!

Tập 35

Chư vị đồng học!

Chúng tôi giảng tiếp phần trước. Phần trước giảng phần nói về kinh Chiêm Sát có một đoạn, câu cuối cùng là: “*Nhược đáo Nhất Hạnh tam-muội, tắc thành quảng đại vi diệu hạnh tâm, danh đức Tương Tự Vô Sanh Pháp Nhẫn, nãi văn thập phương Phật danh*” (Nếu đạt được Nhất Hạnh tam-muội, sẽ thành tựu tâm hạnh vi diệu rộng lớn, gọi là được Tương Tự Vô Sanh Pháp Nhẫn, bèn nghe danh hiệu của mười phương Phật). Câu này có ý nói: Nhất Hạnh tam-muội chính là danh hiệu của mười phương chư Phật. Chúng ta phải đặc biệt lưu ý những câu nói này của Ngẫu Ích đại sư. Thế nào là Nhất Hạnh tam-muội? Tiếp theo đây, chúng tôi giải thích đơn giản:

“*Nhất Hạnh tam-muội*” chính là Niệm Phật tam-muội, nó còn gọi là Nhất Tướng tam-muội. Trong tương lai, nếu quý vị thấy những danh từ sau đây trong kinh luận: Nhất Hạnh tam-muội, Nhất Tướng tam-muội thì phải biết đó đều là Niệm Phật tam-muội. Nhất Hạnh: Một hạnh là hết thấy hạnh, một tướng là hết thấy tướng, đều luận về Niệm Phật. Niệm vị

Phật nào? Chuyên niệm A Di Đà Phật nhất tâm bất loạn! Nhất định phải hiểu ý nghĩa này. Không riêng gì pháp xuất thế, mà pháp thế gian cũng không ra ngoài lệ ấy. Nói đến thành tựu thì quan trọng nhất chính là “*một môn thâm nhập*”, tinh tấn không lười biếng, trường thời huân tu, không ai chẳng thành tựu!

Trong pháp xuất thế gian, pháp môn Niệm Phật thù thắng không sánh. Vì thế, kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta: “*Phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm*”. Một dạ chuyên niệm chính là Nhất Hạnh tam-muội, hay Nhất Tướng tam-muội, kinh Di Đà gọi nó là “*nhất tâm bất loạn*”, thành tựu của nó chính là “*tâm hạnh vi diệu rộng lớn*”, tiêu chuẩn niệm Phật vốn là như thế. Do vậy, không phát Bồ Đề tâm. Trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư giảng Bồ Đề tâm rất hay: Nó chính là lòng tin chân thật, nguyện thiết tha. Lòng tin ấy chắc chắn không hoài nghi, nguyện thiết tha là nguyện vọng khẩn thiết, chỉ có nguyện vọng ấy, mọi nguyện cầu khác đều buông bỏ hết! Không cầu danh văn, lợi dưỡng, không cầu sanh lên trời, không cầu phước báo, chỉ cầu vãng sanh thế giới Cực Lạc, chỉ cầu thân cận A Di Đà Phật. Tín nguyện ấy chính là Vô Thượng Bồ Đề tâm, lại còn thêm “*một dạ chuyên niệm*”. Một dạ chuyên niệm là đúng, quý vị thấy đó: Ba điều kiện Tín - Nguyện - Hạnh đều đầy đủ. Tiêu chuẩn Niệm Phật vốn là như thế! Lại xem tiếp đoạn dưới:

“*Phật độ chúng sanh, bất gián oán thân, hằng vô bì quyện*” (Phật độ chúng sanh, không phân biệt oán - thân, luôn không một mối). Đối với Phật, nhất định chẳng được dùng phàm tình để suy lường. Khi chúng ta chưa tiếp xúc Phật pháp, không nhận biết Phật, Bồ Tát, không hiểu rõ, không khỏi nảy sanh những sự hiểu lầm. Lại còn nghe theo, tin tưởng những lời ngoa truyền, chê người khác mê tín, chê người khác [sùng bái] ngẫu tượng⁹, hữu ý hay vô ý khinh miệt người khác, thậm chí lăng nhục, phá hoại, [tưởng là] phá trừ mê tín! Tội lỗi rất sâu, vậy thì Phật, Bồ Tát có trách móc hay chẳng? Có vấn đề người như vậy hay chẳng? Đó là suy nghĩ của phàm phu. Chúng ta hiểu lầm rồi, chúng ta thấy cũng sai bét rồi! Phật, Bồ Tát chắc chắn không thấy ân hay oán, luôn luôn chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi đối với hết thảy chúng sanh.

Quý vị có muốn giết hại các Ngài (đương nhiên Phật, Bồ Tát không ở trong đời, làm sao giết hại được? Hiện tại chỉ là tượng Phật bằng đất nặn, gỗ khắc, quý vị mang lòng nóng giận, mang ác niệm hủy phá thì cũng giống như là sát hại Phật, Bồ Tát), Phật, Bồ Tát vẫn không

⁹ Ngẫu tượng: Những tượng có hình dáng người, thần thánh được làm bằng gỗ, đất, kim loại v.v... và được con người sùng bái, thờ cúng.

trách móc quý vị! Chỉ cần một niệm quay đầu. Một niệm quay đầu chính là thực sự sám hối, biết lỗi trước của mình. Trước kia, do vô tri nên gây chuyện sai trái, nay con hồi đầu, nương tựa đức Phật, con thực sự tin tưởng, con nguyện sanh về Tịnh Độ thì Phật, Bồ Tát vẫn đoái hoài, chứ không ghét bỏ! Bởi thế, các Ngài không phân biệt là oan gia đối đầu hay người thân yêu. Không phân biệt như thế, không chấp trước như thế, một mực chân thành, bình đẳng, yêu thương, che chở chúng sanh. Chỉ cần quý vị chịu tiếp nhận, Phật, Bồ Tát đều vui vẻ giúp đỡ, thành tựu cho quý vị, nâng đỡ quý vị, hy vọng trong một đời này, quý vị sẽ vượt thoát luân hồi lục đạo, vĩnh viễn thoát khỏi biển khổ (luân hồi là biển khổ), vãng sanh thế giới Cực Lạc, thù thắng khôn sánh! Phật, Bồ Tát hộ niệm chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh vĩnh viễn không mệt mỏi. Như mọi người chúng ta hay nói, các Ngài có tinh thần cao, thể lực tốt.

Trong mười phương thế giới, chúng sanh vô lượng vô biên, chỉ cần khởi tâm động niệm cầu Phật, Bồ Tát giúp đỡ, Phật, Bồ Tát lập tức hiện thân, cảm ứng đạo giao. Phật, Bồ Tát có năng lực ấy, chúng ta sanh về thế giới Cực Lạc cũng có năng lực ấy, có thể hóa thân. Đây chính là thần thông, tức Thần Túc Thông. Một thân có thể biến ra vô lượng vô biên thân, chỗ nào có cầu, chúng ta bèn phân thân, biến một thân sang đó. Cái thân biến hiện ấy lại có thể biến hóa tùy theo ý niệm của chúng sanh. Vì thế, biến ra rất nhiều thân không giống nhau. Quý vị đã đọc phẩm Phổ Môn, ắt biết Quán Thế Âm Bồ Tát có ba mươi hai ứng thân, tức là ba mươi hai thứ thân phận bất đồng, mỗi một loại thân cũng không giống nhau. Đây không phải là Phật, Bồ Tát có ý nghĩ, có phân biệt, có chấp trước đâu nhé! Phật, Bồ Tát không phân biệt, không chấp trước, mà là hiện tướng tùy theo ý niệm của chúng sanh. Đây chính là do chúng sanh duy thức sở biến, nguyên do là như vậy.

Giống như tiến sĩ Giang Bồn Thắng làm thí nghiệm kết tinh nước, ông ta làm thí nghiệm suốt tám chín năm. Mỗi ngày dùng kính hiển vi quan sát, từ trước đến giờ chưa hề có hai mẫu nước kết tinh hoàn toàn giống hệt nhau. Như thế là thế nào? Từ trước đến nay chưa bao giờ có hai ý niệm tương đồng! Ý niệm của chúng ta sanh diệt trong từng sát-na, mỗi một niệm đều chẳng giống nhau. Chúng ta nói “giống nhau” thì “giống nhau” là gì? Là tương tự! Tuyệt đối chẳng hoàn toàn giống nhau. Vì vậy, cảnh giới biến hiện bởi ý niệm không có cảnh nào giống nhau. Nếu hiểu đạo lý và sự thật ấy thì sẽ tùy loại hóa thân, tùy tâm ứng lượng (tùy theo tâm của đối tượng được giáo hóa mà ứng với khả năng tiếp nhận của người ấy), cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn!

Vì sao các Ngài chẳng cảm thấy mệt mỏi? Vì không chấp tướng. Chư Phật, Bồ Tát không có ngã tướng, không có nhân tướng, không có chúng sanh tướng, không có thọ giả tướng, ai mệt nhọc đây? Vì sao chúng ta làm việc cảm thấy mệt mỏi? Vì chấp trước có ngã, chấp trước cái thân này là ta, công việc nhiều quá bèn cảm thấy mệt mỏi. Phật, Bồ Tát không chấp trước thân này là ta, thân là gì? Thân là cỗ máy. Nay nhân loại phát minh ra máy móc, sử dụng máy móc rất phổ biến, máy móc không biết mệt mỏi. Máy móc đơn giản nhất chính là cái đồng hồ; quý vị thấy cái đồng hồ chạy suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ không ngừng. Nay đồng hồ chạy bằng pin, đến khi hết pin mới ngừng. Gắn pin mới vào lại chạy tiếp, vĩnh viễn không mệt mỏi, đạo lý là như vậy đấy!

Thân thể của Phật, Bồ Tát giống như cái đồng hồ, vì hết thấy chúng sanh phục vụ nhất định không mệt mỏi. Nếu các Ngài chấp trước thân này là ta, ắt sẽ mệt mỏi. Các Ngài không chấp trước thân này là ta, hóa ra vô lượng vô biên thân, đều vì hết thấy chúng sanh phục vụ. Chỉ cần chúng sanh cần đến, Ngài bèn hiện thân, bèn đến phục vụ. Đúng là vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Chẳng những không chấp tướng, mà ngay cả ý niệm cũng không dính mắc, vô ngã kiến, vô nhân kiến, vô chúng sanh kiến, vô thọ giả kiến, không phân biệt. Vô Tướng là không chấp trước. Các Ngài không phân biệt, không chấp trước, cho nên vĩnh viễn không mệt, không nhọc. Ba câu này vạch trần sự nghiệp độ sanh của Phật. Đoạn kế tiếp giảng về cảm ứng.

“*Cầu văn Phật danh, Phật tất hộ niệm, bất luận hữu tâm, vô tâm, tín dữ bất tín, giai thành duyên chủng*” (Chỉ cần nghe tên Phật, Phật ắt hộ niệm, bất luận hữu tâm, vô tâm, tin hay không tin, đều thành duyên chủng). Trong đoạn này, chúng ta thấy chữ Cầu (苟), nếu nói theo văn Bạch Thoại là “*chỉ yếu*” (只要: chỉ cần). Chỉ cần quý vị nghe được danh hiệu Phật, chỉ cần quý vị thấy được tượng Phật, bất luận là hình vẽ hay là tượng Phật bằng đất nặn, gỗ khắc, chỉ cần quý vị trông thấy tượng Phật, nghe danh hiệu Phật đã là có duyên cùng Phật, Phật sẽ hộ niệm quý vị. Kinh Phật nói “*hộ niệm*”, dân gian thường nói là “*bảo hộ*”, nghĩa là Phật che chở, ban phước, người thế gian gọi là “*quan hoài*” (quan tâm, nhớ nghĩ), Phật, Bồ Tát quan hoài quý vị. Quý vị từng trông thấy hình tượng Ngài, từng được nghe danh hiệu Ngài, “*bất luận hữu tâm, vô tâm*”, vô tâm là ngẫu nhiên, cũng bất luận tin hay chẳng tin. Có những người, nhất là những người tin vào tôn giáo khác, trông thấy tượng Phật, nghe đến danh hiệu Phật, chắc chắn không tin tưởng, thậm chí còn hủy

báng, nói là mê tín. Anh chê là mê tín, nhưng Phật vẫn bảo hựu anh, chẳng thể nghĩ bàn! Bởi thế, “*giai thành duyên chủng*” (đều thành duyên chủng). Chúng ta chẳng thể không biết điều này, vô ý kết duyên cùng Phật, chuyện này rất nhiều!

Do đây biết rằng: Phật kết duyên với chúng sanh, nói thật ra, rộng lớn chẳng hề có bờ mé. Thế nhưng để Phật kết duyên với chúng sanh thì cũng cần phải tạo Tăng Thượng Duyên cho chúng sanh. Có rất nhiều người trông thấy tượng Phật là do vì lẽ nào? Đương nhiên là phải có người tạo tượng Phật cho người khác thấy. Nếu ở chỗ này không có người tạo một bức tượng Phật thì người ở đây từ trước đến nay chưa hề trông thấy tượng Phật. Do vậy, những hàng đệ tử Phật chúng ta có nghĩa vụ tạo tượng Phật! Hiện tại ở Trung Quốc, ở ngoại quốc có rất nhiều chỗ dựng tượng Phật lớn; chúng ta phải biết, dựng những tượng lớn ấy có công đức ở chỗ nào? Công đức là như ở đây nói: “*Câu văn Phật danh, Phật tất hộ niệm, bất luận hữu tâm, vô tâm, tín dữ bất tín, giai thành duyên chủng*” (Chỉ cần nghe danh hiệu Phật, Phật ắt hộ niệm, bất luận hữu tâm, vô tâm, tin hay không tin, đều thành duyên chủng), tạo Tăng Thượng Duyên cho hết thấy chúng sanh!

Đặc biệt là những nơi du lịch, văn cảnh, những nơi có người mỗi ngày từ các nơi, các quốc gia đến thăm viếng ngoạn cảnh, bất luận tin hay không tin, họ trông thấy tượng Phật, nghe có người niệm Phật ở đó, nghe được danh hiệu Phật thì họ sẽ có duyên với Phật. Đúng như câu nói: “*Nhất lịch nhĩ căn, vĩnh vi đạo chủng*” (Vừa thoáng qua tai, vĩnh viễn thành hạt giống đạo). Khi nào duyên chín muồi sẽ đắc độ. Thế nào là chín muồi? Có thể tin, có thể nguyện, có thể y giáo phụng hành, đó là chín muồi. Nay duyên phận giữa ta và Phật chín muồi, chẳng phải là ngẫu nhiên; nhiều đời, nhiều kiếp thấy tượng Phật, nghe danh hiệu Phật, cũng là có khi tin, có khi không tin, hữu tâm, vô ý, trong quá khứ chúng ta là như vậy đó. Trong một đời này, duyên chín muồi, cho nên trông thấy tượng Phật, nghe danh hiệu Phật, bèn thực sự tin tưởng, thực sự hiểu rõ, hoan hỷ học theo đức Phật. Chúng ta xem tiếp mấy câu cuối cùng.

“*Phật từ bất khả tư nghị, danh hiệu công đức bất khả tư nghị, đích thị nan tín chi pháp*” (Lòng Từ của Phật chẳng thể nghĩ bàn, công đức của danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn, đích thực là pháp khó tin). Ở đây nói lên ba điều:

1) Lòng từ bi của Phật chẳng thể nghĩ bàn, bốn lục đạo chúng sanh ta không có cách gì tưởng tượng được nổi. Phật từ bi, khoan dung, tha

thứ, rộng rãi, bao dung chẳng thể nghĩ bàn!

2) Danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn: Quý vị thấy đó, hết thấy chúng sanh bất luận hữu ý hay vô ý, tin hay không tin, nghe đến danh hiệu Phật, bèn được Phật hộ niệm, có duyên với Phật. Công đức của danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn!

3) Câu cuối cùng: [Pháp này] xác thực là pháp khó tin.

Trong một đời này, chúng ta hiểu rõ, thấu suốt, cho nên đem Phật pháp giới thiệu cùng hết thấy chúng sanh. Dùng cách thức nào? Dùng cách niệm danh hiệu Phật. Nay khoa học kỹ thuật phát triển, chúng ta dùng máy niệm Phật chạy pin (battery), đầu tiếng niệm A Di Đà Phật vào “tinh phiến” (IC)¹⁰. Cái máy niệm Phật ấy niệm Phật suốt hai mươi bốn tiếng không một mõi. Tiếng niệm Phật phát ra, chỉ cần có người nghe được, bất kể người ấy tin hay không tin, bất luận hữu tâm hay vô tâm, thấy đều gieo chủng tử Phật, thấy đều có duyên với Phật.

Nhất là trong năm nay, đài truyền hình Hoa Tạng của chúng ta ra mắt từ ngày Nguyên Đán, giảng kinh, niệm Phật hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Mỗi đoạn kinh văn giảng xong, lại niệm Phật hai mươi phút, phát ra toàn thế giới. Những ai có duyên? Người tiếp thu hay xem nghe là người có duyên. Mỗi một khi tiếp thu, người xem nghe tự mình xem, người bên cạnh cũng vô ý hay hữu ý, ngẫu nhiên nghe được, đều tạo thành chủng tử Phật, gieo chủng tử Phật vào A Lại Da Thức, công đức vô lượng vô biên, chẳng thể nghĩ bàn! Do vậy, trong kinh này, đức Thế Tôn nói kinh này là pháp khó tin. Trong tập sách Tịnh Ngữ, lão cư sĩ Hạ Liên Cư nói: “*Nan tín, nan tín, chân nan tín*” (Khó tin, khó tin, thật khó tin!), dùng cả ba chữ Nan. Khó tin mà chúng ta có thể tin tưởng được, thật hết sức đáng quý. Lại xem tiếp đoạn dưới.

“*Văn kinh, thọ trì, bất cần chư Phật hộ niệm, nhân nhân giai đắc viên chứng tam Bất Thoái, niệm niệm thú hưởng Phật quả diệu giác dã*” (Nghe kinh, thọ trì, không chỉ được chư Phật hộ niệm, mà ai nấy còn đều được viên chứng ba thứ Bất Thoái, niệm niệm hưởng đến Phật quả diệu giác). Câu này nói đến cái hay của việc nghe kinh thọ trì, niệm Phật, lợi ích cũng chẳng thể nghĩ bàn. “*Nghe kinh*” là nghe bộ kinh này. Từ cổ

¹⁰ “Tinh phiến” (chip, microchip): Chip là những linh kiện điện tử, gọi đầy đủ là “tập thành điện lộ” (IC, Integrated Circuit, đôi khi dịch nôm na là “vi mạch tích hợp”, hay “mạch tích hợp” tuy nghe hơi kỳ kỳ), có kích thước rất nhỏ gồm các mạch điện kết hợp các linh kiện bán dẫn (như transistor), và linh kiện điện tử thụ động như điện trở, điện dung khí (capacitor, ta thường gọi là “tụ điện”) được chế tạo bằng chất bán dẫn (semiconducting material) như chất silicon chẳng hạn.

đến nay, kinh Di Đà được rất nhiều người giảng, vì sao? Vì công đức lợi ích thù thắng khôn sánh; không chỉ pháp sư xuất gia, những pháp sư giảng kinh cả đời chưa chắc đã giảng những kinh khác, nhưng kinh A Di Đà nhất định phải giảng. Chẳng cần biết là pháp sư thuộc tông hay phái nào, hễ là pháp sư giảng kinh, chắc chắn trong đời vị đó phải từng giảng kinh Di Đà. Nếu quý vị hỏi vị ấy có duyên cùng Tịnh Độ hay không? Đương nhiên là kết duyên! Chẳng những kết duyên, mà giảng kinh này còn là kết duyên rất sâu. Dầu một đời này chẳng nghĩ đến chuyện vãng sanh, ngày nào đó duyên chín muồi, chắc chắn sẽ vãng sanh thế giới Cực Lạc, đó là đạo lý nhất định!

Những pháp sư chuyên tu Tịnh Độ, nhất định cả đời không chỉ giảng kinh Di Đà một lần. Trong quá khứ, lão cư sĩ Lý Bình Nam giảng kinh thuyết pháp tại Đài Trung suốt ba mươi tám năm, trong ba mươi tám năm ấy cụ giảng kinh Di Đà sáu lần. Mười mấy năm qua, kể từ sau khi thầy Lý vãng sanh, các đồng học trong ngoài nước xin tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ, tôi giảng hơn mười lần. Lần giảng thứ mười một gần đây nhất là giảng tại Tân Gia Ba; lần này, chúng tôi không bị thời gian hạn chế, cứ mỗi lần về Tân Gia Ba tôi lại tiếp tục giảng, cho nên giảng rất tường tận, so ra giảng kỹ càng hơn những lần trước. Tôi cũng đã giảng kinh Di Đà mấy lượt, tôi giảng Yếu Giải rồi giảng Sớ Sao, [đem những tác phẩm ấy] giảng bằng văn Bạch Thoại. Mỗi một lượt cảm nhận khác nhau, cứ mỗi lần lại [có ấn tượng] sâu đậm hơn lần trước, cảnh giới hoàn toàn chẳng tương đồng.

Cuốn Di Đà Yếu Giải Nghiên Tập Báo Cáo này được giảng trong khóa giảng đại chuyên Phật học. Do vì thời gian nghe kinh của các học sinh bị hạn chế nên bản báo cáo ấy giảng mấy ngày là xong? Bảy ngày! Mỗi ngày giảng hai tiếng. Giảng xong trong mười bốn tiếng đồng hồ! Lần này, ở đây chúng tôi cũng dùng bản Báo Cáo cũ như lần trước, nhưng giảng tường tận, không quá tường tận, chỉ là so với lần giảng trong khóa Đại Chuyên tỉ mỉ hơn một chút, tốn không ít thời gian, nhiều hơn mười bốn giờ. Như vậy, “*nghe kinh, thọ trì*”, chúng ta hữu duyên nghe được bộ kinh này, nghe xong sanh tâm hoan hỷ, lại có thể tiếp nhận, tiếp nhận những phương pháp, lý luận, cảnh giới được giảng trong kinh, hay lắm! Chúng tôi quý vị thiện căn, phước đức đã chín muồi nên quý vị có thể tiếp nhận, có thể duy trì.

“*Tri*” là gì? Nay ta gọi “*trì*” là áp dụng vào cuộc sống thường nhật của chính mình, áp dụng vào công việc của chính mình, vào cách xử sự, đối người, tiếp vật. Bộ kinh này có tác dụng đối với tư tưởng, kiến giải,

hành vi của chúng ta, đó gọi là Thọ Trì, là nhập vào cảnh giới của kinh A Di Đà. Bất kể quý vị nhập sâu hay cạn, thời gian dài hay ngắn, đều được chư Phật hộ niệm. Ý nghĩa của chữ “*chư Phật*” phải được hiểu nước đôi, ở phần trên chúng tôi đã nói rồi, kinh nói “*chư Phật*” là chỉ A Di Đà Phật. A Di Đà Phật đã hộ niệm quý vị thì mười phương chư Phật không vị nào chẳng hộ niệm quý vị. Vì sao? Mỗi một vị Phật đều tôn kính A Di Đà Phật, tôn trọng A Di Đà Phật, khen ngợi A Di Đà Phật, nên đệ tử của A Di Đà Phật được hưởng lây! Bất luận đến thế giới của đức Phật nào, vị Phật nào trông thấy đệ tử của A Di Đà Phật cũng đặc biệt tiếp đãi, ai nấy cùng có tấm lòng này, tâm cùng một lý này. Không chỉ là được chư Phật hộ niệm, phần sau lại còn cho biết cái điều tốt lành lớn lao hơn nữa:

“*Nhân nhân giai đắc viên chứng tam Bất Thoái*” (Ai nấy đều được viên chứng ba thứ Bất Thoái), nhưng ở đây, phải có điều kiện. Điều kiện chính là phải đầy đủ “*lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, một dạ chuyên niệm*”. Nay quý vị chưa vãng sanh, vẫn còn ở trong thế gian này, dẫu ở trong thế gian này, nhưng tự mình đã chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái mà chính mình không biết! Tuy chính mình không biết, nhưng quả thật đã thành tựu. Vì sao? Vì quý vị nhất định vãng sanh. Vãng sanh Cực Lạc thế giới là quý vị viên chứng ba thứ Bất Thoái. Vì vậy, chỉ cần quý vị nhất định được vãng sanh ngay trong một đời này thì khác nào quý vị đã viên chứng ba thứ Bất Thoái ngay trong hiện tại! Ý nghĩa là như vậy đó.

Ba thứ Bất Thoái này chẳng dễ gì đạt được, nhất là viên chứng! “*Viên*” hết sức khó được! Nếu nói quý vị chứng ba thứ Bất Thoái thì Sơ Trụ Bồ Tát thuộc Viên Giáo đã chứng được, nhưng không viên. Địa vị nào mới có thể gọi là Viên? Luận trên sự thật, Đẳng Giác Bồ Tát mới là Viên. Thực sự chẳng thể nghĩ bàn! Thật là pháp khó tin! Nếu quý vị nói rộng ý nghĩa chữ Viên một chút, mở rộng điều kiện một chút thì Tịch Diệt Nhẫn là Viên. Hạ Phẩm Tịch Diệt Nhẫn là Pháp Vân Địa Bồ Tát, Đẳng Giác là Trung Phẩm Tịch Diệt Nhẫn, nơi quả địa Như Lai là Thượng Phẩm Tịch Diệt Nhẫn. Như vậy, viên chứng ba thứ Bất Thoái thì địa vị thấp nhất phải là Thập Địa Bồ Tát, rất cao! Đây là ta đã nói rộng ý nghĩa chữ Viên một chút rồi! Nếu hỏi còn có thể nói rộng thêm chút nữa hay không? Nếu nói rộng chút nữa thì không phải là viên chứng thực sự, chỉ là tiếp cận viên chứng, đã mập mé viên chứng, là hạ cấp Bồ Tát nào vậy? Vô Sanh Pháp Nhẫn Bồ Tát. Chứng đắc Vô Sanh Nhẫn, Vô Sanh Nhẫn là hết thấy pháp bất sanh bất diệt, thuộc những địa

vị nào? Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa!

Do vậy, chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ thấy nói sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đầu sanh trong Hạ Hạ Phẩm thuộc Phạm Thánh Đồng Cư Độ, đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Cũng có thể nói A Duy Việt Trí Bồ Tát là Bồ Tát viên chứng ba thứ Bất Thoái, điều kiện rộng rãi hơn. A Duy Việt Trí Bồ Tát là từ Thất Địa trở lên. Nói cách khác, Bồ Tát chứng đắc Vô Sanh Pháp Nhãn là Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa, từ Thất Địa trở lên có thể nói là “viên chứng”, nhưng thực sự viên chứng thì là Đẳng Giác Bồ Tát, Thất Địa rất gần với viên chứng. Không dễ đâu! Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, trong vô lượng vô biên các cõi Phật đều không có [chuyện này]. Chỉ có niệm Phật, niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới mới có thành tựu như thế.

Chúng ta biết: Mười phương hết thấy chư Phật Như Lai không vị nào chẳng giảng Tịnh Độ Tam Kinh, không vị nào chẳng giảng Hoa Nghiêm; nghĩa là kinh Hoa Nghiêm và Tịnh Độ Tam Kinh là giáo học căn bản để hết thấy chư Phật độ chúng sanh, ai nấy đều phải giảng. Giống như môn học căn bản, môn học bắt buộc phải học trong nhà trường, tám vạn bốn ngàn pháp môn khác là những môn học nhiệm ý (elective courses), còn đây là căn bản pháp luân. Thành tựu trong một đời thì chỉ có mỗi mình pháp môn này, lại thành tựu thật cao, thực sự chẳng thể nghĩ bàn, thực sự là pháp khó tin! “*Niệm niệm thú hương Phật quả diệu giác dã*” (niệm niệm hướng đến Phật quả diệu giác). Đó chính là viên chứng ba thứ Bất Thoái. Phương hướng và mục tiêu để tinh tấn là Vô Thượng Phật Quả, tức Diệu Giác, cao hơn Đẳng Giác. Diệu Giác là Phật quả rốt ráo viên mãn. Trực tiếp hướng đến mục tiêu này, chứ không phải là theo từng giai đoạn địa vị Bồ Tát mà tiến dần lên, không phải vậy! Đây thực sự là đạo thành Phật danh xứng với thật, trong ấy không có tướng trạng cong queo, không vòng vèo, ngoắt ngoéo.

Danh hiệu của quả Diệu Giác, trong kinh điển chúng ta thường đọc thấy là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, hoàn toàn là dịch âm tiếng Phạn, quả thật rất dễ phiên dịch sang tiếng Hán, vì sao không phiên dịch? Vì tôn trọng danh hiệu này nên không dịch, chứ chẳng phải là không thể dịch được. Chúng ta đặc biệt tôn trọng danh hiệu này, bởi lẽ, nó chính là quả đức tối hậu mà mọi người học Phật đều mong đạt được. Chúng ta học Phật vì lẽ gì? Nhằm cầu cái gì? Chính là cầu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nếu dịch sang tiếng Hán, A dịch là Vô, Nậu Đa La dịch là Thượng, Tam dịch là Chánh, Miệu dịch là Đẳng, Tam Miệu dịch là Chánh Đẳng. Tam dịch là Chánh, Bồ Đề dịch là Giác; bởi thế,

dịch toàn bộ sang tiếng Hán thì là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nói thật ra, nếu tách danh hiệu ấy ra để luận thì có ba giai đoạn: Giai đoạn thứ nhất là Chánh Giác; giai đoạn thứ hai là Chánh Đẳng Chánh Giác; giai đoạn thứ ba là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu quý vị thực sự đạt được thì danh hiệu liền biến đổi.

Có thể nói danh hiệu ấy chính là học vị (degree) trong nền giáo dục của đức Phật. Theo tiêu chuẩn học vị thì học vị thấp nhất là A La Hán, giống như trong các trường Đại Học hiện tại, học vị thấp nhất gọi là Học Sĩ (Cử Nhân, Bachelor), A La Hán tương đương với Học Sĩ. Học vị thứ hai là Bồ Tát, giống như Thạc Sĩ (Cao Học, Master), học vị thứ ba là Phật, giống như Tiến Sĩ (PhD). Như vậy, ba danh hiệu trên (tức Chánh Giác, Chánh Đẳng Chánh Giác, và Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác) là ba danh hiệu học vị, chúng ta phải hiểu như vậy. Có thể thăng lên từng cấp: A La Hán thăng lên một cấp là Bồ Tát. Bồ Tát lại thăng lên một cấp thành Phật; Phật là học vị cao nhất. Phải tu những pháp gì mới đạt được những học vị ấy? Tám vạn bốn ngàn pháp môn chính là phương pháp, chính là đường lối, cái được mình tu để hòng đạt đến đều là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

Nếu quả thật quý vị tu thành Chánh Giác thì chính là thành A La Hán. Ở chỗ này, cũng có rất nhiều người hỏi tôi: “Người thế gian chúng ta có ai giác ngộ hay không? Khoa học gia có được tính là giác hay chăng? Triết học gia có được coi là giác hay không? Trong thế gian vẫn có rất nhiều thánh hiền có trí huệ, có đạo đức, có tính là giác hay không?” Tính chứ! Coi họ là giác, nhưng có thể gọi là A La Hán hay chăng? Không thể! Vì sao? Tiêu chuẩn của nhà Phật là phải có Chánh. Tiêu chuẩn của Chánh là gì? Đoạn sạch phiền não! Phiền não là gì? Danh từ nhà Phật gọi phiền não là Thân Kiến: Coi thân thể này là ta, đó là cách nhìn lầm lạc, thân thể không phải là ta, thân thể là gì? Thân thể là cái được sở hữu bởi ta, giống như y phục, y phục không phải là ta, ta sở hữu nó mà thôi!

Lục đạo chúng sanh đều chấp thân thể là Ngã, lầm rồi! Đây không phải là Chánh Giác. Do quý vị vẫn còn chấp trước thân thể là ta, còn chấp tham - sân - si - mạn là ta, không buông những thứ ấy xuống được, thị - phi, nhân - ngã không buông xuống được; tham - sân - si không buông xuống được; ngũ dục, lục trần không buông xuống được, dù giác cũng chẳng thể gọi là Chánh Giác. Người chánh giác buông hết những thứ ấy xuống, chẳng còn chấp trước thân là ta, quyết định chẳng chấp trước danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham - sân - si - mạn, quyết

đỉnh không có những thứ ấy. Giác phù hợp với tiêu chuẩn nhà Phật thì Phật gọi là Chánh Giác; người như vậy có danh hiệu là A La Hán. Người đạt Chánh Giác sẽ vượt thoát luân hồi trong lục đạo, vượt thoát luân hồi rồi lại phải trở vào lục đạo, đây là thừa nguyện tái lai, trọn chẳng phải là thân nghiệp báo, Ngài trở về làm gì? Vì ấy đến độ chúng sanh, đến giáo hóa chúng sanh, hoàn toàn giống hệt chư Phật, Bồ Tát thị hiện trong lục đạo. Thuận theo tâm niệm của chúng sanh bèn biến hóa những thân, sắc tướng bất đồng. Đó là học vị đầu tiên.

Học vị thứ hai lại vượt lên một cấp, nâng lên thành Bồ Tát, Bồ Tát là Chánh Đẳng Chánh Giác, cao lắm. Chánh Đẳng: Đẳng là gì? Đẳng (等: ngang bằng) với Phật, nhưng chưa phải là Phật. Rất gần với Phật, gần như Phật, chưa phải là Phật, cao hơn A La Hán nên thêm chữ Chánh Đẳng vào trước Chánh Giác.

Học vị tối cao chính là Phật Đà. Điều thành tựu của đức Phật chính là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nghĩa là Chánh Đẳng Chánh Giác đạt đến đỉnh điểm, không gì cao hơn nữa. Chánh Đẳng Chánh Giác đạt đến rốt ráo viên mãn, nên thêm chữ Vô Thượng, Vô Thượng là Phật quả! Chánh Đẳng Chánh Giác là quả vị Bồ Tát. A La Hán và Bích Chi Phật đều là Chánh Giác, trong nhà Phật gọi họ là Tiểu Thừa, hoặc còn gọi là Nhị Thừa. Phải hiểu ý nghĩa nội hàm của những danh từ thuật ngữ ấy, nếu không hiểu sẽ đi chệch ra ngoài. Sau rốt, chúng ta hãy xem điều cuối cùng:

“Văn danh công đức, như thử siêu thắng, Thế Tôn cập thập phương chư Phật, đồng sở tuyên thuyết, bất khả tín hồ” (Công đức nghe danh hiệu siêu thắng như thế, do Thế Tôn và mười phương chư Phật cùng tuyên nói, chẳng đáng tin ư?). Nghe được một câu danh hiệu A Di Đà Phật, công đức lợi ích quá lớn, chính mình không có cách gì tưởng tượng được nổi! Nếu không do chư Phật, tổ sư đại đức giảng giải cho ta, ta làm sao hiểu được? Ta thường cho là danh hiệu A Di Đà Phật nghe đã quen tai, há lại hiếm lạ, phi thường đến mức như thế ư? Nói thật ra, danh hiệu ấy *“như thử siêu thắng”* (siêu thắng như thế đó). Siêu (超) là siêu việt, Thắng (勝) là thù thắng. Bất luận quý vị tin hay không tin, bất luận hữu ý hay vô ý, đều đã gieo chủng tử vào A Lại Da Thức; nói theo cách bây giờ là “đã ghi ấn tượng vào óc”, người thế gian nói như vậy đó. Quý vị đã có ấn tượng, ấn tượng ấy vĩnh viễn chẳng mất đi, khi nào duyên chín muồi, lúc ấy sẽ thực sự đạt được lợi ích chân thật, sẽ hiện tiền.

Duyên chín muồi thì gặp được thiện tri thức, gặp được đồng học tốt đến chỉ dạy quý vị, giúp quý vị đoạn nghi sanh tín, giúp quý vị tu

hành đúng lý, đúng pháp, trong một đời này bèn thành công, vĩnh viễn thoát luân hồi, chứng thân Kim Cang bất hoại, chứng vô lượng thọ, chứng vô lượng quang (“vô lượng quang” là vô lượng trí huệ), sẽ chứng đắc được như thế. Do vậy, đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật và mười phương chư Phật đều khuyên chúng ta, đều tuyên thuyết, há có thể nào chẳng ư? Chẳng thể không tin!

Bây giờ hết giờ rồi!

*

6.4.3. Chư Phật Khuyên Nguyên Lưu Thông

Chư vị đồng học!

Xin hãy xem tiếp đoạn lớn cuối cùng của kinh A Di Đà “*khuyến nguyện khuyến hành lưu thông*”. Chúng tôi đọc kinh văn một lượt:

Xá Lợi Phất! Nhược hữu nhân dĩ phát nguyện, kim phát nguyện, đương phát nguyện, dục sanh A Di Đà Phật quốc giả, thị chư nhân đẳng giai đắc bất thoái chuyển ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, ư bỉ quốc độ, nhược dĩ sanh, nhược kim sanh, nhược đương sanh.

Thị cố Xá Lợi Phất! Chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ!

舍利弗。若有人已發願。今發願。當發願。欲生阿彌陀佛國者。是諸人等。皆得不退轉於阿耨多羅三藐三菩提。於彼國土。若已生。若今生。若當生。是故舍利弗。諸善男子善女人。若有信者。應當發願。生彼國土。

(Này Xá Lợi Phất! Nếu có người đã phát nguyện, nay phát nguyện, sẽ phát nguyện, muốn sanh trong cõi nước của A Di Đà Phật, thì những người ấy đều được chẳng thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đối với cõi nước ấy hoặc là đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh.

Vì thế, này Xá Lợi Phất! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân, nếu có ai tin tưởng, hãy nên phát nguyện sanh về cõi ấy).

Đoạn này là khuyến nguyện, tức “*khuyến nguyện lưu thông*”. Chúng ta đọc kinh văn đến chỗ này, vẫn phải chia thành mấy tiểu đoạn

để học tập. Tiểu đoạn thứ nhất là “*khuyến nguyện vãng sanh*”. “*Dĩ phát nguyện*” là đã vãng sanh rồi, “*kim phát nguyện*” là hiện tại, hiện tại phát nguyện, hiện tại niệm Phật nhất định được vãng sanh Tịnh Độ. “*Đương phát nguyện*” là nói đến vị lai; sau này những ai có duyên phận gặp được pháp môn này, gặp được kinh điển này, thiện căn, phước đức, nhân duyên đầy đủ, trong tương lai họ phát nguyện, nhất định được vãng sanh. Đây chính là quá khứ, hiện tại, vị lai: “*Dĩ phát nguyện*” là quá khứ, “*kim phát nguyện*” là hiện tại, “*đương phát nguyện*” là vị lai, “*giai đắc bất thoái Bồ Đề*” (đều được bất thoái Bồ Đề); bởi lẽ “đã phát nguyện” là đã vãng sanh, “nay phát nguyện” là hiện tại vãng sanh, “sẽ phát nguyện” là tương lai vãng sanh. “*Nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện*” (Nếu có lòng tin tưởng, hãy nên phát nguyện): Trong kinh này đức Phật khuyên chúng ta phải phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ!

“*Tín nguyện vãng sanh, chánh hiển sở phát chi nguyện vô hư dã*” (Tín nguyện vãng sanh, chính là nhằm chỉ rõ nguyện đã phát không hư huyền). Người phát ra nguyện ấy nhất định thực hiện, nhất định chẳng để nguyện ấy trở thành chuyện xuông. Trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư nói: “*Được vãng sanh hay không là do có tín nguyện hay không quyết định*”. Quý vị có tín, có nguyện thì mới được vãng sanh. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới phẩm vị cao hay thấp, chúng ta biết trong kinh nói đến ba bậc chín phẩm trong bốn cõi Tịnh Độ; đại sư bảo chúng ta: “*Phẩm vị cao hay thấp là do công phu trì danh sâu hay cạn*”. Chúng ta dùng lời lão nhân gia khai thị để luận định những thân nghiệp báo trong lục đạo. Đức Phật dạy trong lục đạo, xả thân thọ sanh có Dẫn Nghiệp và Mãn Nghiệp. Dẫn Nghiệp hướng dẫn quý vị đầu thai trong một đường nào đó, chúng ta cũng coi Tây Phương Cực Lạc thế giới như một đường. Hướng dẫn chúng ta sanh vào Tây Phương Cực Lạc thế giới là Tín - Nguyện. Tín Nguyện là Dẫn Nghiệp, niệm Phật là Mãn Nghiệp. Mãn Nghiệp là sau khi sanh vào chỗ nào đó, quý vị sẽ được hưởng phước báo và lợi ích khác biệt nhau. Có bốn cõi, ba bậc, chín phẩm khác nhau là do công phu niệm Phật của quý vị sâu hay cạn.

Do đây biết rằng: Niệm Phật rất quan trọng, quan trọng hơn bất cứ gì khác. Quý vị muốn vãng sanh trong phẩm vị cao thì phải chăm chỉ niệm Phật, chớ nên lãng phí thời gian, chẳng được lãng phí tinh thần, phải tranh thủ đại phước báo Tây Phương Cực Lạc thế giới, nâng cao phẩm vị. Thế nhưng Tây Phương Cực Lạc thế giới và mười phương thế giới chư Phật thật ra chẳng khác nhau. Mười phương thế giới đặc biệt là trong lục đạo như chúng ta, phước báo sai khác rất lớn! Phú quý và bần

tiện sai khác nhau thật lớn; vậy mà Tây Phương thế giới tợ hồ không sai biệt. Vì sao?

Chúng tôi lại dùng tỷ dụ để diễn tả: Nếu Mãn Nghiệp của quý vị, tức là công phu niệm Phật thật tốt, niệm đến Lý nhất tâm bất loạn, sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới, Thượng Thượng Phẩm vãng sanh, hoa nở thấy Phật, đạt đến địa vị A Duy Việt Trí Bồ Tát, quý vị thực sự đạt được, đó là do chính mình tu được; còn những người khác không tu thành công như vậy thì sao? Chỉ cần có tín nguyện, công phu niệm Phật rất cạn, có thể là chỉ niệm Phật mấy ngày, thậm chí như trong lời nguyện thứ mười tám đã nói: “*Lâm mạng chung thời, niệm thập thanh Phật hiệu*” (Lúc lâm chung niệm mười tiếng Phật hiệu), thậm chí còn chưa niệm được mười tiếng, chỉ niệm một, hai tiếng, công phu niệm Phật rất mỏng, người ấy sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đương nhiên sanh vào Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Thế nhưng sự hưởng thụ trong Phàm Thánh Đồng Cư Độ thể hiện trí huệ, tướng hảo, quang minh, thần thông tợ hồ không khác Bồ Tát trong cõi Thật Báo, chuyện này là như thế nào vậy?

Trong đây có đạo lý: Chính là do bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, chứ không phải do chính người ấy tu được! Giống như tôi đã từng nói: Chúng ta có một người bạn phú quý, bản thân mình rất nghèo, cái gì cũng không có, đến nhà người ta làm khách, sống trong nhà đẹp của người ta, ra khỏi cửa cũng có xe, ăn uống, sinh hoạt giống hệt người ta, hưởng thụ đều giống hệt, người ta có phước mà! Chúng ta hưởng phước của chủ nhân, chứ không phải do phước báo của chính mình. Ra khỏi cửa cũng có xe, xe không phải của mình, toàn là phước báo của người, ta hưởng, nhưng chúng ta hoàn toàn không có quyền sở hữu. Sanh vào cõi Phàm Thánh Đồng Cư hay cõi Phương Tiện Hữu Dư của Tây Phương Cực Lạc thế giới đều giống như vậy. Mãn Nghiệp của chính mình không đủ, nhưng có đủ Dẫn Nghiệp để sanh về thế giới Cực Lạc thì phước báo, trí huệ, phước đức được hưởng hết thảy đều chẳng khác với A Di Đà Phật cho mấy, tợ hồ bình đẳng với các Bồ Tát thuộc cõi Thật Báo Trang Nghiêm. [Phước báo của] Bồ Tát trong cõi Thật Báo là do tự tu mà được, còn [phước báo trong] cõi Phàm Thánh Đồng Cư và cõi Phương Tiện Hữu Dư là do Phật gia trì, thảy đều hưởng phước báo của A Di Đà Phật. Duyên do là như vậy đó!

Một mặt hưởng phước của A Di Đà Phật, một mặt chính mình vẫn phải tu phước huệ, trọn chẳng thể ở mãi trong cõi Đồng Cư, chẳng thể ở mãi nơi cõi Phương Tiện. Tự mình phải nâng cao, vì thế, ở nơi đó phải

tu học, tu học để đạt đến cõi Thật Báo là do chính mình tự tu thành. Chính mình không tu thành cũng chẳng sao, hưởng phước của A Di Đà Phật. A Di Đà Phật có vô lượng vô biên phước báo cúng dường đại chúng, có phước cho mọi người cùng hưởng, chẳng riêng một ai hưởng, từ bi đến cùng cực. Bởi thế, đây là chuyện chẳng thể nghĩ bàn, là pháp khó tin. Trong hết thảy thế giới chư Phật không đâu được như vậy, tự bản thân quý vị chẳng thể đạt đến cảnh giới có loại thần thông, phước báo như vậy; nhưng Tây Phương Cực Lạc thế giới lại khác, A Di Đà Phật gia trì, dầu chính mình không tu cũng được hưởng, cũng có thần thông, cũng có phước báo. Ngẫu Ích đại sư giảng là do tín nguyện và trì danh, còn chúng tôi giảng là Dẫn Nghiệp và Mãn Nghiệp, quý vị phải hiểu cho kỹ. Đoạn tiếp theo:

“Bốn kinh tam khuyến phát nguyện” (kinh này ba lần khuyên phát nguyện). Chúng ta hãy xem kỹ một lượt. Lần trước chúng tôi giảng Hệ Niệm, phần giảng kinh A Di Đà trong đó chỉ giới thiệu rất giản lược, không nói tường tận; nhưng khi xem kỹ, kinh này đúng ra bốn lần khuyên chúng ta hãy nên phát nguyện vãng sanh. Lần thứ nhất, là *“chúng sanh văn giả, ưng đương phát nguyện, nguyện sanh bỉ quốc”* (chúng sanh nghe được, hãy nên phát nguyện, nguyện sanh về cõi ấy), rồi đến *“sở dĩ giả hà? Đắc dĩ chư thượng thiện nhân câu hội nhất xứ”* (vì có sao vậy? Được cùng các thượng thiện nhân ở cùng một chỗ). Đây chính là lần thứ nhất khuyên nên phát nguyện. Lần thứ hai thì chúng tôi cũng đã nói qua: Chính là đoạn Phật gọi ngài Xá Lợi Phất, *“ngã kiến thị lợi, cố thuyết thử ngôn: Nhược hữu chúng sanh, văn thị thuyết giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ”* (ta thấy điều lợi ấy, nên nói như thế này: Nếu có chúng sanh nghe nói như vậy, hãy nên phát nguyện, sanh về cõi ấy). Đó là lần thứ hai. Lần thứ ba nằm trong ngay đoạn kinh văn chúng tôi vừa đọc trong giờ giảng trước: *“Thị cố Xá Lợi Phất! Nhữ đẳng giai đương tín thọ ngã ngữ, cập chư Phật sở thuyết”* (Vì thế Xá Lợi Phất! Các ông hãy nên tin tưởng lời ta và lời chư Phật đã nói). Đó là lần thứ ba. Lần thứ tư là: *“Xá Lợi Phất! Chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược hữu tín giả, ưng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ”* (Xá Lợi Phất! Chư thiện nam tử, thiện nữ nhân, nếu có ai tin hãy nên phát nguyện sanh về cõi ấy), bốn lần khuyên! Một rồi ba, ba rồi bốn.

Ở đây, chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật đại từ đại bi, đặc biệt khẩn thiết, chẳng ngại phiền bốn lượt khuyến cáo. Chúng ta đọc kinh văn, nghe giảng giải, nếu chẳng phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, đúng là cô phụ Phật ân. Ở chỗ này, chúng tôi cũng viết mấy câu: *“Thích Ca bi*

tâm đặc biệt khẩn thiết, chẳng ngại trùng lập, bốn lượt khuyên dụ. Nếu chẳng phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, chính là cô phụ ơn Phật quá đáng!” Ở chỗ giống như thế này, nhất định phải chú tâm thấu hiểu ân sâu của Phật, thấu hiểu tâm ý của Phật.

Phát nguyện thì phải phát như thế nào? Cổ đức thường khuyên chúng ta: “*Nguyện phải y theo Tứ Hoằng Thệ*”. Ai nấy đều biết Tứ Hoằng Thệ Nguyện, tức là bốn điều nguyện tổng quát của chư Phật, Bồ Tát. Ngay cả bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, bốn mươi tám nguyện ấy quy nạp lại sẽ chẳng ra ngoài bốn hoằng thệ nguyện. Bốn hoằng thệ nguyện mở rộng ra chính là bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện quy nạp lại thành ra bốn hoằng thệ nguyện.

Nguyện thứ nhất là “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”. Nói thật ra, trong bốn nguyện, nguyện thứ nhất này trọng yếu nhất, nó là chánh nguyện, ba nguyện kia đều nhằm hoàn thành nguyện này. Khấp pháp giới hư không giới, trong hết thảy các cõi Phật, nhiều cõi có lục đạo, những cõi không có lục đạo rất ít. Tây Phương Cực Lạc thế giới không có lục đạo, rất hiếm! Xem kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy rất nhiều thế giới thực sự có lục đạo, có chín pháp giới rất nhiều. Những cõi không có lục đạo, không có chín pháp giới, thuần nhất thanh tịnh như thế giới Cực Lạc chỉ là thiểu số, không phải là không có, nhưng không nhiều.

“*Độ*” (度) là giúp đỡ, nói theo cách bây giờ thì “*hộ niệm*” là quan hoài, chiếu cố, giúp đỡ, chữ Độ bao gồm nhiều ý nghĩa như vậy. Hãy hỏi chính mình có phát được cái nguyện ấy hay không? Có thời thời, khắc khắc, niệm niệm nghĩ giúp đỡ hết thảy chúng sanh khổ nạn hay không? Nếu quả thật trong mỗi niệm đều mang ý niệm ấy thì quý vị đã thực sự phát nguyện. Mình yêu thương, che chở hết thảy chúng sanh, quan hoài hết thảy chúng sanh, chiếu cố hết thảy chúng sanh, giúp đỡ hết thảy chúng sanh, tận tâm, tận lực chẳng phân biệt chúng sanh thuộc chủng loại nào, thuộc tộc loại nào trong chín pháp giới, người cũng được, trời cũng được, quỷ cũng được, quái cũng được, yêu cũng được, ma cũng được, súc sanh cũng được, địa ngục cũng được, quan hoài hết tất cả, chiếu cố hết tất cả, giúp đỡ hết tất cả! Chỉ cần ta có thể giúp đỡ họ chỗ nào, ta trông thấy, ta nghe thấy, nhất định sẽ đưa tay giúp đỡ, thực sự có thể bỏ mình vì người.

Tâm nguyện của ta là như thế. Nếu không đủ năng lực, giúp người còn được, giúp súc sanh đạo có khi mình còn làm được, còn quý thân mình không trông thấy, thiên thần mình lại càng không thấy, làm sao giúp họ được? Tâm, nguyện thấu suốt! Quý vị muốn giúp đỡ chúng sanh

trong chín pháp giới thì phải hội đủ điều kiện. Hội đủ điều kiện gì? Qua lại giao tiếp với họ, phải hội đủ điều kiện ấy. Những nhà khoa học trong hiện tại gọi điều kiện ấy là “những chiều không gian khác nhau”. Quý vị muốn đột phá những chiều không gian khác nhau để có năng lực giao tiếp với chúng sanh trong chín pháp giới ư? Phải đoạn phiền não!

Do vậy, điều nguyện thứ hai là “*phiền não vô tận thế nguyện đoạn*”. Vì sao? Bản năng (những năng lực sẵn có trong tự tánh) của chúng ta bị phiền não che lấp, chỉ cần không còn phiền não nữa, bản năng sẽ hiện tiền. Người ta thường gọi bản năng là “thần thông”. Mất chúng ta thấy vượt khỏi những chiều không gian không bị chướng ngại, thấy được thiên thần, thấy được quỷ thần, thấy được địa ngục, thấy được hết thấy chúng sanh trong những chiều không gian bất đồng. Chúng ta có thể nghe được, thấy được, và cũng có thể thực sự giúp đỡ họ, bởi lẽ, đoạn phiền não sẽ khôi phục bản năng. Đoạn phiền não là tam-muội, là Thiền Định. Thiền Định hiện thần thông, phiền não không có, tâm địa thanh tịnh. Trong cái tâm thanh tịnh ấy, trí huệ, đức năng, tướng hảo thấy đều hiện tiền, đó chính là thần thông.

Như vậy, thần thông không có gì là kỳ quái cả, ai nấy đều có, chỉ là hiện thời thần thông của mình chưa hiện tiền vì phiền não quá nặng, phiền não gây chướng ngại. Thần thông là cái hết thấy chúng sanh vốn có, ai nấy đều bình đẳng, [thần thông] to như nhau, trọn chẳng thể nói thần thông của người này to, thần thông của người kia nhỏ, không hề có! To như nhau cả! Lớn, nhỏ sai khác là do đâu phát sanh? Là do phiền não nhiều hay ít mà phát sanh [hiện tượng thần thông sai khác ấy]. Phiền não nhiều, thần thông rất nhỏ; phiền não nhẹ đi, thần thông sẽ lớn hơn. Đoạn sạch phiền não thì năng lực thần thông chẳng khác gì chư Phật Như Lai. Bởi lẽ, thần thông là bản năng, không phải do tu mà có, không do học mà đạt, vốn đã sẵn đủ trong tự tánh của quý vị. Phải hiểu rõ, phải thấu đáo điều này!

Thần thông, đức năng khôi phục thì tướng hảo cũng khôi phục. Nếu chúng ta không có trí huệ là không xong; không có trí huệ [thì khả năng] giúp người rất hữu hạn. Do vậy vẫn phải học: “*Pháp môn vô lượng thế nguyện học*”, học pháp môn nhằm khai trí huệ. Phiền não đoạn sạch rồi, nhà Phật nói là Căn Bản Trí hiện tiền, lúc nó khởi tác dụng thì gọi là Căn Bản Trí. Tiếp xúc vô lượng vô biên chúng sanh, vừa tiếp xúc bèn hiểu rõ, bèn khai trí huệ, đó gọi là Hậu Đắc Trí. “*Pháp môn vô lượng thế nguyện học*” chính là thành tựu Hậu Đắc Trí. Giống như trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử tham học với năm mươi ba

vị thiện tri thức. Ở chỗ thầy mình là Văn Thù Bồ Tát, trong pháp hội của thầy, Thiện Tài đã thành tựu hai điều nguyện đầu: “*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”, Ngài đã phát được nguyện ấy; “*phiền não vô tận thế nguyện đoạn*”, Ngài đã làm được điều ấy. Do vậy, Ngài đã đạt Căn Bản Trí. Đạt được hai điều ấy rồi, thầy bèn dạy Ngài đi tham học, giống như bảo Ngài ra thi thố, ra lần mình vào xã hội, đi tham phỏng rất nhiều thiện tri thức để thành tựu Hậu Đắc Trí.

Hậu Đắc Trí là không gì chẳng biết, nếu không tham học làm sao đạt được Hậu Đắc Trí? Căn Bản Trí không cần tham học cũng đạt được, còn Hậu Đắc Trí thì chẳng thể như vậy! Không có Hậu Đắc Trí, chẳng thể giáo hóa chúng sanh! Vì sao? Căn Bản Trí khế lý, Hậu Đắc Trí khế cơ. Nếu quý vị không có Hậu Đắc Trí sẽ khế lý nhưng chẳng khế cơ, chẳng độ chúng sanh được, không có cách gì giúp đỡ họ. Khế cơ nhưng không khế lý cũng chẳng độ được chúng sanh. Đức Phật dạy chúng ta phải vừa khế cơ vừa khế lý, nên tham học rất quan trọng. Tham học là “quảng học, đa văn” (học rộng nghe nhiều). Trong năm mươi ba lần tham học, chúng ta thấy đối tượng tham phỏng của Thiện Tài gồm già, trẻ, trai, gái, đủ mọi ngành nghề, có quốc vương, đại thần, có hạng bình dân, lại còn nhiều nhà tôn giáo như Bà La Môn, như ngoại đạo Biên Hành, không ai chẳng tiếp cận, nên thành tựu viên mãn Hậu Đắc Trí. Đó mới thực sự là giúp đỡ, lợi ích hết thảy chúng sanh, Ngài có năng lực như thế.

Vì vậy, học Phật, sau khi Căn Bản Trí hiện tiền, phải nhớ kỹ là quý vị phải tham học! Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta thị hiện, quý vị thấy đó, trước khi thị hiện thành Phật dưới cội Bồ Đề, Ngài cũng tham học khắp Ấn Độ. Tham học xong trở về, dưới cội Bồ Đề thị hiện đại triệt đại ngộ, thành tựu Phật đạo. Đây chính là thế nguyện cuối cùng trong bốn Hoằng Thệ Nguyện: “*Phật đạo vô thượng thế nguyện thành*”. Như vậy, Phật đạo vô thượng thế nguyện thành chính là phải thành tựu hai điều kiện trước đó là phiền não vô tận thế nguyện đoạn và pháp môn viên mãn rồi mới có thể thành tựu Phật đạo. Nếu quý vị chỉ đoạn hết phân biệt, nhưng không chịu học pháp môn, chẳng chịu tiếp xúc chúng sanh trong chín pháp giới thì vĩnh viễn chẳng thể thành Phật đạo. Phải hiểu đạo lý này! Có những đồng học giữ quan niệm sai lầm, cho rằng học Phật chỉ là thật thà học Phật, nhất định chẳng được qua lại với những kẻ không học Phật, càng chẳng được qua lại với những tôn giáo khác. Như vậy sẽ vĩnh viễn chẳng thể thành Phật đạo, vĩnh viễn không có cách nào độ sanh, chẳng thể rộng độ chúng sanh. Phật pháp sống động, không

phải đã thành rồi bèn bất biến!

Lúc mới học, thầy quy định những quy củ hết sức nghiêm khắc, là vì sao? Nhằm giúp quý vị đoạn phiền não, Giới Luật nhằm giúp quý vị đoạn phiền não, giúp quý vị đạt tâm thanh tịnh, giúp quý vị mở mang Căn Bản Trí. Quý vị định rồi, do Giới đắc Định, đã đạt được Định rồi, Định là gì? Chẳng chấp lấy tướng, như như bất động, ngoài không chấp tướng, trong tâm bất động, thực sự thành tựu tam-muội. Sau khi thành tựu thì phải tham học, “*pháp môn vô lượng thế nguyện học*”. Ai thực sự đạt được “*ngoài không chấp tướng, trong tâm bất động*” thì không pháp môn nào chẳng phải là Phật pháp. Pháp Đại Thừa thường nói: “*Pháp nào chẳng phải là Phật pháp?*”

Phật, Bồ Tát là Phật pháp, yêu ma quỷ quái cũng là Phật pháp. Nghĩa là sao? Nay quý vị phải hiểu hai chữ “Phật pháp” nghĩa là gì. Phật là giác, giác chứ không mê. Quý vị ở trong mười pháp giới, nga quý, địa ngục, súc sanh, mà quý vị giác chứ không mê thì địa ngục, nga quý, súc sanh há chẳng phải luôn luôn là Phật pháp ư? Nếu quý vị không giác, mê chứ không giác, thì ngày ngày ở cùng một nơi với Phật, Bồ Tát, cũng vẫn là pháp thế gian, vẫn chẳng phải là Phật pháp. Vì sao? Vì quý vị mê chứ không giác, bất giác! Tà chứ không chánh, nhiễm chứ không tịnh, quý vị làm chuyện mê - tà - nhiễm, không phải là giác - chánh - tịnh. Giác - chánh - tịnh là Phật pháp, mê - tà - nhiễm là pháp thế gian, là pháp chúng sanh. Nói khó nghe hơn một chút là pháp luân hồi, không phải là Phật pháp!

Quả thật, chúng tôi thấy có những người học Phật không ít năm, mê nơi Phật pháp, mê chứ không giác, hết sức đáng tiếc! Do vậy, giáo học thế gian lẫn giáo học nhà Phật đều nói phải cầu “ngộ tánh”, Phật pháp hết sức coi trọng điều này, pháp thế gian cũng thế. Trung Quốc thời cổ, dạy học tại các trường tư, quý vị thấy thầy giáo phải quan sát học trò, biết đứa nào có ngộ tánh. Có ngộ tánh thì căn tánh ấy viên dung, tương lai sẽ rất hữu dụng! Đối với xã hội, đối với quốc gia, đối với chúng sanh sẽ có công hiến rất lớn. Người không ngộ tánh khổ hơn, chẳng thể phát huy, những gì họ học trở thành chết cứng, người đọc sách thường gọi là “kẻ cuồng sách”. Dẫu kẻ ấy là người tốt, có quy củ, nhưng kẻ ấy không hấp thụ được những gì đã học, không tiêu hóa được, không biến thành dưỡng chất được! Không tiêu được sẽ tích trong bụng, biến thành bệnh.

“Ngộ” là tiêu hóa, nhà Phật thường nói “*tiêu quy tự tánh*” nghĩa là hoàn toàn tiêu hóa, trở về tự tánh, tự tánh có vạn đức vạn năng. Vì thế, thành tựu đức hạnh, Căn Bản Trí hiện tiền thì phải nhớ kỹ: Pháp môn vô

lượng thế nguyện học! Pháp môn bao gồm những tôn giáo bất đồng, tộc loại bất đồng, học thuật bất đồng khắp pháp giới hư không giới, quý vị đều phải tiếp xúc hết tất cả, không thứ nào chẳng biết, giống hệt như đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã thị hiện. Trong cả đời Thích Ca Mâu Ni Phật, không có ai đến hỏi câu nào, đem bất cứ nghi nan tạp chứng nào đến hỏi mà Ngài không biết, đó là học rộng nghe nhiều. Ngài đã từng thấy, từng học qua rồi!

Phát bốn nguyện này, quý vị thấy đó: Đoạn phiền não, thành tựu đức hạnh, thành tựu Căn Bản Trí; học pháp môn thành tựu Hậu Đắc Trí, thành tựu “không gì chẳng biết, không gì chẳng thể”; cuối cùng, thị hiện thành Phật đạo, vì sao? Chỉ có thành Phật đạo, là địa vị Phật thì mới có thể độ Đẳng Giác Bồ Tát. Nếu không, thuộc địa vị Bồ Tát thì quý vị chỉ có thể độ những hạng thấp hơn, chẳng thể độ những địa vị cao, chẳng thể độ những người cùng hàng với mình. Vì vậy thành Phật nhằm phổ độ, “*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”, thực hiện viên mãn cái nguyện ấy.

Do vậy, những bạn đồng tu thuộc học viện chúng ta muốn phát tâm hoằng pháp độ sanh trong tương lai, chúng sanh vô biên thế nguyện độ thì quý vị hãy suy nghĩ: Phải đoạn phiền não, phải học pháp môn. Thứ tự của việc đoạn phiền não, học pháp môn chúng tôi vừa mới giảng, quý vị phải nhớ nhé: Trước hết, đoạn phiền não, chứ không phải là học pháp môn trước, mà trước hết là phải đoạn phiền não. Nay buộc quý vị học một bộ kinh, học một bộ luận, quý vị phải chuyên đồ công nơi bộ kinh hay luận ấy để làm gì vậy? Để giúp quý vị đoạn phiền não. Do vậy, phải thâm nhập một bộ kinh hay luận. Quý vị phải hiểu đây là phương pháp do chư tổ truyền cho nhau, chúng tôi vẫn dùng phương pháp cổ xưa, vì phương pháp này đáng tin cậy. Mấy ngàn năm qua, người khai ngộ, chứng quả, vãng sanh, tu hành có thành tựu, bất luận tại gia hay xuất gia đều nhờ phương pháp cũ kỹ này. Như vậy, phương pháp xưa cũ, nhưng vẫn đáng tin cậy, chúng tôi chẳng thể nêu cách mới, lập dị được. Dạy lầm chúng sanh tội lỗi không nhẹ, chính mình lầm lạc còn có thể tha thứ, chứ lầm lạc chúng sanh không thể tha được. Do vậy, chúng tôi vẫn theo lối cũ, sử dụng quy củ, biện pháp xưa. Một bộ kinh, một bộ luận giúp quý vị đoạn phiền não, định tâm, thâm nhiếp tâm. Nếu chúng ta không học tập kinh giáo, sẽ suy nghĩ lung tung. Suy nghĩ lung tung ắt tạo nghiệp luân hồi. Tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi, quyết định chẳng thể thoát khỏi luân hồi trong lục đạo.

Như vậy, hiện tại chúng ta phải nghĩ như thế nào? Nghĩ đến một bộ kinh, ta học bộ kinh ấy, ngày ngày nghĩ đến nó, không nghĩ chi khác.

Hết thầy đều buông xuống, chuyên tâm suy nghĩ những ý nghĩa trong kinh ấy, quý vị sẽ dễ dàng nhiếp tâm, nhiếp trọn sáu căn! Tịnh niệm tiếp nối, tịnh niệm của chúng ta là suy nghĩ nghĩa lý trong kinh, như thế vọng niệm dần dần giảm thiểu, tam-muội hiện tiền. Chúng ta học kinh Di Đà liền nhập Di Đà tam-muội, học kinh Vô Lượng Thọ bèn nhập Vô Lượng Thọ tam-muội, đó là “*nhất tâm bất loạn*” như kinh Di Đà đã nói. Tam-muội có cạn, sâu: Cạn là công phu thành phiền, sâu là Lý Nhất Tâm Bất Loạn. Nếu chúng được Lý Nhất Tâm Bất Loạn rồi thì ngay lập tức tiến nhập khóa trình kế tiếp, khóa trình ấy là “*pháp môn vô lượng thế nguyện học*”. Chưa đạt Lý Nhất Tâm Bất Loạn thì chưa được, vẫn phải “*một môn thâm nhập, trường thời huân tu*”. Đạt đến Lý Nhất Tâm Bất Loạn thì Căn Bản Trí hiện tiền. Căn Bản Trí hiện tiền sẽ lập tức triển khai tu Hậu Đắc Trí. Hậu Đắc Trí là “*pháp môn vô lượng thế nguyện học*”.

Ngày nay chúng ta phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ “*nguyện nương vào bốn Hoằng Thệ*”, hai nguyện đầu “*chúng sanh vô biên thế nguyện độ, phiền não vô tận thế nguyện đoạn*” là chán nhàm Sa Bà. “*Pháp môn vô lượng thế nguyện học, Phật đạo vô thượng thế nguyện thành*”: Sanh về thế giới Cực Lạc sẽ hoàn thành hai nguyện ấy, trong thế gian này ta chưa làm được. Trong thế gian này, chúng ta chỉ có thể phát nguyện độ chúng sanh, nhưng năng lực độ sanh rất nhỏ bé; bởi thế, nhất định phải cầu sanh thế giới Cực Lạc. Cầu sanh thế giới Cực Lạc mới có thể thực sự đoạn sạch phiền não, mới có thể hoàn toàn học pháp môn; sau đó, mới thả chiếc bè Từ, trở vào chín pháp giới, độ hết thầy chúng sanh. Thả chiếc bè Từ chính là Pháp Thân Bồ Tát, cao hơn La Hán, cao hơn Quyền Tiểu Bồ Tát nhiều lắm. Huống chi lại được oai thần của A Di Đà Phật gia trì, lúc ấy, vào chín pháp giới độ chúng sanh, không khác gì chư Phật Như Lai. Phải phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là vì đạo lý này.

“*Có đắc bất thoái chuyển ư Đại Bồ Đề*” (Vì thế, được bất thoái chuyển nơi đại Bồ Đề). Như vậy, trong mười phương thế giới, độ hết thầy chúng sanh nhằm giúp cho chúng ta mau chóng thành tựu Phật quả rốt ráo viên mãn, chúng ta chẳng thể không biết điều này. Lại xem tiếp đoạn kế, chính là đoạn khuyến nguyện cuối cùng:

“*Nhất niệm tương ứng nhất niệm sanh, niệm niệm tương ứng niệm niệm sanh, diệu nhân, diệu quả, bất ly nhất tâm, hà sĩ Sa Bà báo tận, chỉ kim tín nguyện trì danh, liên ngặc quang vinh, kim đài ảnh hiện, tiệp phi Sa Bà thế giới nội nhân dã*” (Một niệm tương ứng một niệm sanh, niệm niệm tương ứng niệm niệm sanh, diệu nhân, diệu quả, chẳng lìa nhất

tâm, nào đợi Sa Bà báo tận, chỉ là hiện nay tín nguyện trì danh, búp sen sáng ngời, đài vàng hiện bóng, đã không còn là người trong thế giới Sa Bà nữa). Trong mấy câu này, chúng ta thấy điều quan trọng trước nhất là “*tương ứng*”, khó nhất cũng là một câu tương ứng! Thế nào là tương ứng? Trong các buổi giảng, chúng tôi thường nói, thường khuyên các đồng học, thực sự tương ứng chúng ta làm chưa được! Vì sao? Thực sự tương ứng thì phải kiến tánh, có như vậy mới thực sự tương ứng. Chưa kiến tánh chỉ có thể tương tự tương ứng. “Tương tự tương ứng” là như thế nào? Chúng tôi thường nói: “*Tâm đồng Phật tâm, nguyện đồng Phật nguyện, ngôn đồng Phật ngôn, hạnh đồng Phật hạnh*”. Đó chính là tương ứng. Thực hiện như thế nào? Cách thực hiện chính là câu cuối cùng trong mỗi bộ kinh “*tín thọ phụng hành*” (tín nhận, vâng làm). Cuối mỗi bộ kinh đều có bốn chữ ấy, đó là tương ứng.

Trong kinh, đức Phật giảng những đạo lý, phương pháp, cảnh giới, phải thực sự tin, không hoài nghi tí ti nào! Thực sự phát nguyện, thực sự mong mỗi sanh về thế giới Cực Lạc càng nhanh càng tốt, thực sự mong được bái A Di Đà Phật làm thầy, hằng ngày nghe Ngài dạy dỗ. Có rất nhiều đồng học than: “Tôi đúng là như thế đó, nhưng không có chút tin tức gì!” Không sai! Tôi cũng biết quý vị thực sự có mong ước ấy, nhưng tâm quý vị chưa thật. Vì sao nói là tâm chưa thật? Quý vị có tâm chân thành hay không? Có tâm thanh tịnh hay không? Có tâm bình đẳng hay không? Có tâm chánh giác hay không? Có tâm từ bi hay không? Cho nên trong cuộc sống thường ngày phải vun vén cái tâm ấy, tâm như vậy là chân tâm. Chân tâm vốn có đủ năm đặc tánh:

a) Chân thành: Quyết định không hư ngụy; đối người, đối sự, đối vật quyết định không hư ngụy.

b) Quyết định không sanh nhiễm ô là thanh tịnh.

c) Quyết định không có cao thấp. Không có cao thấp là bình đẳng.

d) Quyết định không mê. Không mê là chánh giác.

e) Quyết định không tự tư. Không tự tư mới là từ bi.

Như vậy, chúng ta niệm Phật không linh là vì đâu? Vì không tương ứng!

Do đó, cổ nhân thường nói: “*Khẩu niệm Di Đà tâm tán loạn, hãm phá hầu lung đã uổng nhiên*” (Miệng niệm Di Đà tâm tán loạn, hét rách cổ họng uổng công thôi). Nếu quý vị dùng cái tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, chánh giác, không chỉ niệm Phật, niệm kinh bằng cái tâm ấy, mà trong xử sự bình thường, đối người, đối vật đều bằng cái tâm ấy. Chẳng được đối với Phật bằng chân tâm, còn đối với người khác

bền dùng vọng tâm. Đây chẳng phải hạng người có chân tâm, té ra kẻ ấy vẫn dùng vọng tâm đối với Phật, vì sao? Có phân biệt, có chấp trước, nên không bình đẳng. Khó! Điều này khó lắm!

Do vậy, chúng ta phải thực sự thấy thấu suốt, thấy thấu suốt là gì? Quý vị phải thực sự hiểu rõ chân tướng của sự thật, rồi mới thực sự buông xuống. Buông xuống sự hư giả, chân thành hiện tiền; buông xuống hết thấy những nhiễm ô, thanh tịnh hiện tiền, buông xuống kiêu căng, ngạo mạn, bình đẳng hiện tiền; buông xuống ngu mê, chánh giác hiện tiền; buông xuống tự tư, tự lợi, từ bi hiện tiền. Lúc ấy, quý vị niệm Phật thì một niệm tương ứng một niệm sanh, niệm niệm tương ứng niệm niệm sanh, bất cứ đường nào thông sang Cực Lạc đều thông suốt, vô ngại, quả thật tâm tâm tương ứng với Phật Di Đà, tâm là tâm Phật, nguyện là nguyện Phật, hạnh là hạnh Phật, ngôn ngữ là ngôn ngữ Phật, quý vị nghĩ coi: Quý vị được vắng sanh hay không? Thực sự nắm chắc! Bởi thế, phải hiểu như thế nào là tương ứng, thế nào là không tương ứng! Chẳng thể sai lầm chút xíu nào!

Do lẽ này, Ấn Quang đại sư dạy chúng ta trong thời kỳ Mật Pháp, những người cùng tu với nhau không được quá hai mươi người, chuyên lấy niệm Phật làm chánh, công khóa mỗi ngày giống như Phật thất thông thường, chẳng làm pháp hội, không hóa duyên, không quyên góp, không làm kinh sám Phật sự, không truyền giới, không thọ đồ đệ, một mực chất phác niệm Phật, ngay cả kinh cũng không giảng. Như tôi đã nói, những điều khác tôi đều tuân thủ lời Tổ Sư răn dạy, nhưng cần phải giảng kinh. Tổ Sư dạy không cần giảng kinh, trước kia thì được; xã hội, lòng người thuần hậu, thiện nhiều, ác ít, ai nấy đều hiểu thuận, tôn sư; dạy họ niệm Phật, họ sẽ thật thà niệm Phật, nên có thể thành tựu!

Nay thì không thể, xã hội hiện tại ác nhiều, thiện ít, chúng ta nghi lự trùng trùng, lại còn tà tri tà thuyết lúc nào cũng có thể tiếp xúc, luôn luôn phá hoại tín tâm của chính mình, chướng ngại nguyện vọng của chính mình; bởi thế, chẳng thể không giảng kinh. Mục đích giảng kinh không có chi khác cả: “*Đoạn nghi, sanh tín, kiên định tín nguyện*”, chỉ như thế mà thôi! Kinh không cần giảng nhiều, giảng kinh Tịnh Độ là được rồi, học một hai loại là đủ, chắc chắn có thành tựu. Như vậy, giảng kinh nhằm mục đích giúp chúng ta tương ứng, chứ không có mục đích nào khác, đoạn nghi, sanh tín, niệm niệm tương ứng thì mục đích giảng kinh của chúng tôi đã đạt.

A! Nay đã hết thời gian rồi!

Tập 36

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp tiểu đoạn thứ năm trong phần “*Khuyến nguyện, khuyến hạnh lưu thông*”:

“*Nhất niệm tương ứng nhất niệm sanh, niệm niệm tương ứng niệm niệm sanh*” (Một niệm tương ứng một niệm sanh, niệm niệm tương ứng niệm niệm sanh). Hai câu này trong phần trên đã giảng rồi. Thực sự tương ứng thì bọn phàm phu chúng ta làm chưa được, ắt nhất định phải là đã đạt Lý Nhất Tâm Bất Loạn, tức là đã thành bậc Pháp Thân đại sĩ như trong hội Hoa Nghiêm đã nói thì mới niệm niệm tương ứng. Ấy là “*niệm niệm lưu nhập biến Tát Bà Nhã, cũng là niệm niệm tương ứng với tự tánh*”, đây mới thực sự là một niệm tương ứng một niệm sanh, “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. So với tiêu chuẩn ấy, tiêu chuẩn cầu sanh Tịnh Độ của chúng ta thấp hơn một chút, nhưng nhất niệm rất trọng yếu. Trong nhất niệm, không có tạp niệm, thực sự không hoài nghi, không xen tạp, niệm niệm chẳng gián đoạn. Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta phương pháp niệm Phật hoàn toàn giống như phương pháp của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát, hôm qua tôi đã trình bày cùng quý vị rồi.

Quan trọng nhất là tâm tánh của năng niệm (cái tâm niệm Phật) phải là chân tâm, thanh tịnh tâm, bình đẳng tâm, chánh giác tâm, từ bi tâm. Trong cuộc sống hằng ngày, đối với người, đối với sự, đối với vật đều phải dùng cái chân tâm ấy, nhất định chớ nên dùng vọng tâm. Trong xã hội ngày nay, hầu toàn bộ người đời đều dùng vọng tâm, họ dùng vọng tâm hư vọng đối với ta, ta vẫn phải dùng tâm chân thành đối xử với họ. Vì sao? Vọng tâm là tâm luân hồi, chúng ta biết người dùng vọng tâm chẳng thể ra khỏi luân hồi. Nay chúng ta cầu sao chẳng bị luân hồi nữa; nếu dùng cái tâm luân hồi niệm Phật thì vẫn bị luân hồi, phải hiểu đạo lý này! Chúng ta không muốn luân hồi nữa, hy vọng một đời này vĩnh viễn thoát luân hồi, vãng sanh Cực Lạc thì phải dùng chân tâm, chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, chánh giác, không thể lìa tâm ấy trong khoảnh khắc! Đối với người, sự, vật trong thế gian và xuất thế gian, đối với hết thảy các pháp đều phải dùng cái tâm ấy, đó là một niệm tương ứng một niệm sanh, tương ứng với chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, niệm niệm tương ứng niệm niệm sanh. Dùng cái tâm ấy sẽ chẳng luân hồi trong sáu nẻo. Từ trong cái tâm ấy, sanh khởi lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, thật thà niệm Phật.

“*Diệu nhân, diệu quả, bất ly nhất tâm*” (diệu tâm, diệu quả, chẳng lìa nhất tâm) nhất tâm xưng niệm là Diệu Nhân, nhất tâm bất loạn là Diệu Quả. Muốn đạt được nhất tâm, quý vị nhất định phải buông xuống vạn duyên. Trong quá khứ, đường chủ Niệm Phật Đường thường hay nói ra rả: “*Buông thân tâm thế giới xuống*”. Không buông thân tâm thế giới xuống, chẳng thể đạt nhất tâm! Quý vị không có cái nhân nhất tâm xưng niệm, đương nhiên chẳng đạt được cái quả nhất tâm bất loạn! Do vậy, nhân và quả đều diệu. Nhất tâm rất trọng yếu; người biết tu ắt hiểu rõ đạo lý này, liễu giải sự thật chân tướng, trong tâm quả thật không vương mắc mảy may, một chút vương vẫn cũng không có. Trong cuộc sống thường ngày, họ tùy duyên, tùy duyên mà sống, đối xử hòa thuận với hết thảy chúng sanh, đối đãi bình đẳng, mảy may “*quái ngại*” cũng không có. “*Quái*” (罣) là “*khiên quái*” (牽罣: mắc mứu, nắm níu), “*Ngại*” (礙) là chướng ngại. Đều buông xuống hết, nhân quả đều tương ứng.

Tiếp đó, đại sư Ngẫu Ích giảng mấy câu rất hay: “*Hà sĩ Sa Bà báo tận*” (nào đợi Sa Bà báo tận), “*sĩ*” (俟) là chờ đợi, [“*hà sĩ Sa Bà báo tận*” nghĩa là] cần gì phải chờ đợi đến khi thọ mạng trong thế giới Sa Bà này hết rồi mới được vãng sanh? Chỉ cần nhân chân thật, quả chân thật, thì sanh ngay trong hiện tại! “*Chỉ kim tín nguyện trì danh*” (chỉ nay tín nguyện trì danh): Chỉ cần trong hiện tại có thể tin, có thể nguyện, nhất tâm xưng danh, thì quang minh và màu sắc của đóa sen trong ao bầy bấu nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới ngày càng tươi sáng. Dầu chúng ta chưa mất, nhưng hoa sen trong ao ở bên ấy do diệu nhân, diệu quả của chúng ta sẽ ngày ngày tăng trưởng, quang minh, màu sắc đẹp đẽ. Trong hoa sen “*kim đài ảnh hiện*” (đài vàng hiện bóng) sao gọi là hiện bóng? Phải biết hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới trong suốt, từ bên ngoài có thể nhìn thấu bên trong, trông thấy đài vàng bên trong ấy, đó là chỗ sanh về, là chỗ ở của mình, là chỗ tu hành chứng quả trong tương lai.

“*Tiện phi Sa Bà giới nội nhân dã*” (Đã không còn là người trong thế giới Sa Bà nữa), đó là lời thật, là chân tướng sự thật. Bởi lẽ, chỉ cần chúng ta thực sự tu nhân, tương lai nhất định chứng đắc diệu quả. Nay chúng ta đã báo danh, ghi sổ tại Tây Phương Cực Lạc thế giới, giống như di dân, đã cầm được sổ thông hành rồi, lúc nào ra đi cũng được. Dầu chưa đi, nhưng có thể nói chính mình đã là cư dân của thế giới Cực Lạc, mình đã cầm được sổ thông hành về thế giới Cực Lạc. Trọn chẳng phải là sanh về nơi ấy rồi mới là cư dân, cầm sổ thông hành cũng là cư dân.

Pháp môn này “*cực viên, cực đốn, nan tư, nan nghị, duy hữu đại*

trí, phương năng để tín” (cực viên, cực đồn, khó nghĩ, khó bàn, chỉ có bậc đại trí mới hòng tin tưởng chắc thật). Pháp môn này cực viên, tức là viên mãn đến cùng cực, đúng là tìm chẳng được mảy may khuyết hãm nào. “Đốn” (頓) là nhanh chóng, tám vạn bốn ngàn pháp môn không có pháp nào thành tựu nhanh chóng như thế cả, chỉ có mình pháp môn này. Bởi vậy, cổ đức gọi pháp này là “môn dư đại đạo”, chữ Môn chỉ tám vạn bốn ngàn pháp môn, “môn dư đại đạo” tức là một con đường lớn thành Phật ở ngoài tám vạn bốn ngàn pháp môn, là con đường tắt để thành Phật. “Nan tư, nan nghị” (khó nghĩ, khó bàn), “tư” (思) là tư duy, suy nghĩ; không cách gì suy nghĩ, tưởng tượng được, “nghị” (議) là nghị luận, không cách gì nghị luận (bàn bạc) được. Ai có thể tin tưởng được? Bậc đầy đủ thiện căn, phước đức, đại thiện căn, đại phước đức mới hòng tin tưởng được; không phải là bậc đại thiện căn, đại phước đức sẽ rất khó tin tưởng.

Như vậy, nay chúng ta hữu duyên được tiếp xúc pháp môn này, được thấy pháp môn này, nghe pháp môn này, có thể tin, có thể nguyện, hoan hỷ y giáo phụng hành thì ta chính là người như Ngẫu Ích đại sư đã nói ở đây: Ta chính là người của thế giới Cực Lạc, đời này chắc chắn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu quý vị không thể vãng sanh là vì không buông những vướng mắc nơi đây xuống được, những thứ đó chướng ngại quý vị. Quý vị có vướng mắc, có chướng ngại, thân tâm thế giới hết thấy vạn duyên quý vị không buông xuống được!

Chướng ngại rất nhiều, rất phức tạp, đối với thế tục, nặng nhất là Tình. Tình chướng ngại quý vị. Đối với xuất thế gian thì Pháp cũng chướng ngại quý vị. Bởi vậy, trong kinh Bát Nhã đức Phật giảng rất khéo: “Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp?” (Pháp còn phải bỏ, huống gì phi pháp?) Tác dụng của pháp là gì? Kinh Kim Cang giảng: “Như phiệt dụ giả” (Ví như cái thuyền). Tỷ dụ ấy có nghĩa là để vượt sông thì phải dùng đến thuyền, pháp giống như cái thuyền giúp mình vượt sông. Đã đến bờ bên kia thì không cần đến cái thuyền ấy nữa, bởi thế nói: “Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp?” (Pháp còn phải bỏ, huống gì phi pháp?) Nếu quý vị còn lưu luyến pháp ấy, bỏ không được, sẽ biến thành chướng ngại. Giống như quý vị ngồi thuyền vượt sông, rất quý cái thuyền, chẳng muốn bỏ thuyền thì không lên bờ kia được. Quý vị phải bỏ cái thuyền ấy mới bước lên được bờ kia, bởi thế, nói: “Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp?” (Pháp còn phải bỏ, huống gì phi pháp?) Chúng ta chọn Tây Phương Cực Lạc thế giới, ba kinh một luận của Tịnh Độ, hoặc nói theo hiện thời là năm kinh một luận, đó là pháp;

thông đạt pháp rồi, hiểu rõ pháp rồi, ta có cần đến pháp ấy nữa hay không? Pháp đã biến thành tâm hạnh của chính mình, tức là tương ứng. Đến lúc ấy, đừng lưu luyện những kinh giáo ấy nữa!

Sau khi đã nhập cảnh giới Tịnh Độ, Liên Trì đại sư bảo: “*Tam Tạng thập nhị bộ, nhượng cấp biệt nhân ngộ*” (Tam Tạng mười hai bộ kinh nhường cho người khác ngộ), tức là buông Tam Tạng mười hai bộ kinh xuống. “*Bát vạn tứ thiên hạnh, nhiều dữ biệt nhân hành*” (Tám vạn bốn ngàn hạnh dành cho người khác hành), vô lượng vô biên pháp môn cũng buông xuống, tự mình chất phác niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Phương hướng, đường lối, mục tiêu của Ngài thấy đều đạt được. Chúng ta tinh tấn nỗ lực đi trên con đường ấy ắt sẽ đến nơi, nhưng chúng ta cứ ngó trước trông sau, vẫn còn vướng bận nhiều ngàn ấy, nên không đi trọn. Bởi thế, sau khi nhập cảnh giới này, nhập cảnh giới là thực sự thông đạt, thực sự hiểu rõ, thực sự giác ngộ, pháp thể gian lẫn xuất thể gian thấy đều buông xuống, cuối cùng là một câu danh hiệu. Một câu Di Đà niệm đến cùng cực chính là thực sự tương ứng, một niệm tương ứng, một niệm sanh, niệm niệm tương ứng, niệm niệm sanh. Đó là đại trí, đại thiện căn, đại phước đức thực sự. “*Đế tín*”, “*Đế*” (諦) là chân thật, là hiểu rõ. “*Đế tín*” là không mê tín, mà là chân tín. Phần Khuyến Nguyện thuộc phần Lưu Thông giảng đến đây thôi. Trong phần Lưu Thông, phần Khuyến Tín là Sáu Phương Chư Phật, đến đây là hết phần Khuyến Nguyện. Tiếp theo là phần Khuyến Hành của phần Lưu Thông.

6.4.4. Chư Phật Khuyến Hành Lưu Thông

Chúng ta xem kinh văn, trước hết, đọc kinh văn một lượt:

Xá Lợi Phất! Như ngã kim giả, xưng tán chư Phật bất khả tư nghị công đức.

舍利弗。如我今者。稱讚諸佛不可思議功德。

(Này Xá Lợi Phất! Như ta nay khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật).

“*Chư Phật*” được nói ở đây, quý vị phải nhớ kỹ, chính là A Di Đà Phật. Ở phần trên, tôi đã thưa cùng quý vị rồi. Trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã dạy chúng ta, “*chư Phật*” chính là A Di Đà Phật, “*công đức chẳng thể nghĩ bàn*”.

Bỉ chư Phật đẳng.

彼諸佛等。

(Các đức Phật ấy).

“Bỉ chư Phật” chính là A Di Đà Phật, chữ “đẳng” chỉ sáu phương Phật đã nói ở phần trên, sáu phương chính là mười phương. A Di Đà Phật và mười phương hết thấy chư Phật. Câu này có ý nghĩa như vậy.

Diệc xưng tán ngã.

亦稱讚我。

(Cũng khen ngợi ta).

“Ngã” là Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng. Chư Phật (A Di Đà Phật và chư Phật) cũng “khen ngợi ta”.

Bất khả tư nghị công đức.

不可思議功德。

(Công đức chẳng thể nghĩ bàn)

Họ cũng khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của ta, ta có công đức chẳng thể nghĩ bàn gì? Đoạn sau sẽ cho biết.

Nhi tác thị ngôn: “Thích Ca Mâu Ni Phật năng vì thậm nan hy hữu chi sự!”

而作是言。釋迦牟尼佛。能為甚難希有之事。

(Mà nói thế này: “Thích Ca Mâu Ni Phật có thể làm được chuyện hy hữu rất khó”).

Đó chính là công đức chẳng thể nghĩ bàn của Thích Ca Mâu Ni Phật, chuyện gì là chuyện hy hữu rất khó?

Năng ư Sa Bà quốc độ, ngũ trược ác thế: Kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước trung, đặc A Nậu Đà La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vị chư chúng sanh thuyết thị nhất thiết thế gian nan tín chi pháp.

能於娑婆國土。五濁惡世。劫濁。見濁。煩惱濁。眾

生濁。命濁中。得阿耨多羅三藐三菩提。為諸眾生。說是一切世間難信之法。

(Có thể ở trong cõi nước Sa Bà, nhằm đời ác ngũ trước: Kiếp trước, kiếp trước, phiên nã trước, chúng sanh trước, mạng trước, đặc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì các chúng sanh nói pháp hết thấy thế gian khó tin này).

Tiếp đó, Thích Ca Mâu Ni Phật tự nói, Ngài bảo Xá Lợi Phất:

Xá Lợi Phất! Đương tri ngã u ngũ trước ác thế, hành thử nan sự.

舍利弗。當知我於五濁惡世。行此難事。

(Này Xá Lợi Phất! Hãy biết ta trong đời ác ngũ trước, làm chuyện khó khăn này).

Thế nào là “chuyện khó”?:

- 1) Thứ nhất là niệm Phật thành Phật.
- 2) Thứ hai là vì chúng sanh nói pháp môn này.

Đại sư Ngẫu Ích đã giảng cho chúng ta biết vì đâu Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật? Đại sư nói: Thích Ca Mâu Ni Phật niệm A Di Đà Phật mà thành Phật. Đó là niệm Phật thành Phật. Vì sao biết niệm Phật thành Phật? Trong đoạn kinh này, Ngài ở trong “đời ác ngũ trước”.

Đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

得阿耨多羅三藐三菩提。

(Đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Đây chính là thành Phật, chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, Ngài dùng cách niệm Phật, niệm Phật thành Phật, chẳng thể nghĩ bàn! Bởi vậy, phần Khuyến Hạnh Lưu Thông cũng chẳng thể nghĩ bàn! Thích Ca Mâu Ni Phật hiện thân thuyết pháp, nêu gương cho chúng ta thấy, chẳng dùng ngôn ngữ khuyên dạy chúng ta, mà dùng hành động biểu diễn cho chúng ta thấy. Đây chính là đoạn “*chư Phật cùng khen ngợi Thích Ca, trong đời trước chứng quả độ sanh*”. Chúng ta vừa đọc đến đoạn kinh văn này bèn tin nhận phụng hành ngay!

Chư Phật khen [Phật Thích Ca] là “*năng vi thậm nan hy hữu*” (có thể làm được chuyện hy hữu rất khó), khen Thích Ca Mâu Ni Phật trong

thế giới Sa Bà, nhằm đời ác ngũ trược, làm được hai sự nghiệp vĩ đại chẳng thể nghĩ bàn, sự nghiệp hy hữu. Trong thế giới Sa Bà, nhằm đời ác ngũ trược, đại sự hy hữu thứ nhất là “*chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác*”, thật phi phàm! Sự nghiệp lớn lao thứ hai là “*vị chúng sanh thuyết thử nan tín chi pháp*” (vì chúng sanh nói pháp khó tin này). Tiếp đó, nói: “*Vị trược thế chúng sanh thuyết*” (Vì chúng sanh đời trược mà nói), đặc biệt là trong xã hội hiện tại, càng khó hơn trước nhiều. Nói Tiệm pháp còn dễ, chứ giảng Đốn pháp khó lắm! Vì sao? Mọi người không tin tưởng, chẳng dễ dàng tiếp nhận. Vì sao nói Tiệm pháp lại dễ? Tiệm pháp hợp với lý luận tư tưởng của con người hiện thời, họ thấy rất hợp lý. Đoạn trừ tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc chứng quả Tu Đà Hoàn, rồi đoạn tám mươi một phẩm Tư Hoặc chứng quả A La Hán, mọi người đều tin tưởng. Chỉ niệm mỗi một câu danh hiệu A Di Đà Phật mà có thể vượt ngang ra khỏi tam giới, vãng sanh bất thoái thành Phật, người ta nghe xong bảo: “Há có chuyện dễ dàng như vậy được ư?” Đâm ra chẳng thể tin tưởng!

Nói “*dur đốn pháp do dị, Tịnh Độ hoành siêu đốn pháp vu nan*” (các Đốn pháp khác còn dễ, Tịnh Độ hoành siêu là Đốn pháp khó nhất). Các Đốn pháp khác như Thiền tông, quả thật trong xã hội hiện thời không đả phá Thiền tông, thích tịnh tọa. Phong khí Thiền và Mật ở Mỹ quốc rất thịnh, chứ Tịnh Độ không ai nói cả! Khi xưa, chúng tôi giảng kinh Hoa Nghiêm tại Hoa Tạng Đồ Thư Quán ở Đài Bắc, có một sinh viên học ban tiến sĩ người Mỹ là sinh viên thuộc loại trao đổi (exchanged student) thuộc Đại Học Đài Loan, nghiên cứu Triết Học tại Đại Học Đài Loan. Đề tài nghiên cứu của cô ta là kinh Hoa Nghiêm, bởi thế, có những đồng học giới thiệu cô đến gặp tôi. Cô ta yêu cầu được nghe kinh Hoa Nghiêm, cô này độ chừng ba mươi mấy tuổi, là nữ sinh viên, nói được tiếng Hoa. Tôi rất bội phục, tôi giảng kinh Hoa Nghiêm đương nhiên cô nghe được. Sau đó, cô xin phép Quán Trưởng cho ở lại Đồ Thư Quán; Quán Trưởng cũng rất vui vẻ, cho cô được ở lại Đồ Thư Quán. Hình như cô ở lại Đồ Thư Quán mấy tháng. Cô ta yêu cầu tôi: “Bạch pháp sư! Ngài nên qua Mỹ quốc hoằng dương Tịnh Độ”. Cô ta nói: “Pháp sư khác đến nước Mỹ hoằng dương Tịnh Độ hết sức khó khăn, nhưng thầy qua đó hoằng dương Tịnh Độ thì được!” Do vậy, sau này tôi sang Mỹ, lời khuyến thỉnh của cô ấy cũng là một nhân tố quan trọng.

Chánh thức từ Mỹ quốc trở về mời tôi qua đó hoằng dương Tịnh Độ chính là các đồng học thuộc Đại Chuyên Giảng Tòa: Từ Quang đại chuyên giảng đường, Trung Quốc Phật Giáo Hội đại chuyên giảng tòa.

Những đồng học ấy trong quá khứ từng tham gia Đại Chuyên Giảng Tòa, đương thời tại Mỹ quốc có khoảng hơn ba trăm người, sống rải rác tại các thành phố. Điều rất hiếm có là bọn họ đều liên lạc, hy vọng tôi sang Mỹ. Gặp được nhân duyên tốt là nhằm lúc Vạn Quốc Đạo Đức Hội của Trung Quốc mở đại hội đại biểu thế giới tại Lạc Sơn Cơ (Los Angeles), Hàn Quán Trường là ủy viên của họ. Hàn Quán Trường giới thiệu tôi với vị hội trưởng, mời tôi làm cố vấn cho họ. Có duyên phận như vậy, tôi liền xin thông hành sang Mỹ, đó là lần đầu tôi sang Mỹ, nhằm năm 1982.

Đến Mỹ rồi, đồng học đều hay tin, từ các tiểu bang đến gặp, duyên phận được kết từ đó. Từ đấy trở đi, mỗi năm tôi thiếu sang Mỹ giảng một tháng, có lúc qua hai lần. Pháp khó tin mà! Tôi hiểu rõ tình hình Phật giáo nước Mỹ, hai năm đầu tôi đến các nơi thuộc nước Mỹ làm công tác hoằng pháp, tôi giảng Thiền, tôi giảng Mật, giảng Pháp Tướng Duy Thức, thỉnh thoảng nhắc đến Tịnh Độ, chứ không lấy Tịnh Độ làm chủ. Hai năm đầu sử dụng phương thức ấy! Mọi người rất vui vẻ tiếp xúc với tôi. Lúc qua giảng lần thứ ba, tôi giảng Tịnh Độ. Lúc ấy, khéo sao tôi vừa giảng xong bộ Di Đà Kinh Sớ Sao, khi ấy chưa có băng thâu hình, chỉ có băng thâu âm, thâu âm vào băng cassette, toàn bộ băng thâu âm cuốn Di Đà Kinh Sớ Sao chúng tôi có mang theo một bộ. Trước lúc giảng kinh, tôi bày bộ băng thâu âm trước giảng đài, tổng cộng hình như nhiều tới ba trăm ba mươi cuốn, mỗi cuốn là chín mươi phút, nhiều tới ba trăm ba mươi cuốn, một bộ A Di Đà Kinh bày ra đấy.

Tôi bắt đầu giới thiệu Tịnh Độ, mọi người vừa trông thấy những thứ được bày ra bèn hỏi: “Thứ gì vậy?” “A Di Đà Kinh đây!” “Nhiều đến thế sao?” Kinh A Di Đà chỉ một cuốn mỏng tanh, mỗi ngày chúng tôi giảng mỗi lần một tiếng ruồi, giảng mất ba trăm ba mươi ba lần, gần hết một năm. Mọi người lúc trông thấy như thế tâm bèn ổn định, cảm thấy rất kinh ngạc: “Kinh Di Đà bé tí tẹo như vậy, làm sao giảng một lần lại mất nhiều thời gian ngàn ấy?” Làm như vậy mới khiến họ sanh tín tâm! Thật không dễ dàng, từ trước đến giờ họ chưa để Tịnh Độ vào mắt!

Chúng tôi dùng phương thức ấy để đem Tịnh tông đến Mỹ quốc làm cho mọi người chẳng dám khinh thường, thực sự là pháp khó tin. Do họ thích Thiền, thích Mật, tôi cũng đều có thể giảng hết, khẩu đầu Thiền mà! Tôi cũng hiểu Mật về mặt thường thức, vị thầy đầu tiên của tôi, Chương Gia đại sư, là thượng sư của Mật tông, tôi thường ở bên Ngài nghe rất nhiều, pháp môn này thực sự chẳng dễ dàng!

“*Tịnh Độ hoành siêu, đón tu đón chứng*”. Vì sao nói là “*đón tu*,

đốn chứng?” Một niệm tương ứng, một niệm sanh, không phải là đốn tu, đốn chứng hay sao? Một niệm tương ứng một niệm Phật là chân tướng sự thật của đốn tu đốn chứng. Đốn là nhanh chóng, không có từng giai đoạn, không mất một thời gian dài, Đốn đến mức độ nào? Kinh Di Đà dạy: Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày cho đến bảy ngày bèn thành công! Vì sao có người tu Tịnh Độ cả bao nhiêu năm, không có tin tức gì cả, tợ hồ chẳng giống như kinh nói bảy ngày thành công, chẳng khỏi khiến người ta hoài nghi! Thế nhưng quý vị thấy Tịnh Độ Thánh Hiền Lục hoặc trong Vãng Sanh Truyện ghi chép, thời xưa có những người thành tựu trong vòng bảy ngày hay không? Có! Thí dụ rõ ràng, rành rẽ nhất chính là pháp sư Oánh Kha đời Tống, niệm Phật ba ngày bèn niệm được A Di Đà Phật hiện đến. Quả nhiên ba ngày sau Sư vãng sanh, giống hệt như kinh nói.

Cư sĩ Châu Quảng Đại vãng sanh là chuyện mới mười mấy năm trước thôi, không xa xôi chi! Tôi ở Mỹ quốc, ông ta cũng niệm Phật ba ngày, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày ông ta bèn đi. Mầu chót là đâu? Vẫn là như kinh nói: *“Thiện căn, phước đức, nhân duyên”*. Chúng ta niệm Phật niệm suốt mười mấy năm, niệm mấy chục năm, không có tin tức chi hết, chẳng phải kinh không linh mà vì tự mình nghiệp chướng quá nặng, vướng mắc quá nhiều! Vì chúng ta tu học không đúng lý, không đúng pháp, bởi vậy, cảm ứng không có cách chi hiển hiện được! Nếu quý vị có thể buông hết thấy vướng mắc xuống, tu hành đúng lý, đúng pháp. “Đúng lý, đúng pháp” là phải thông đạt, phải hiểu rõ kinh giáo. Liên Trì đại sư cũng thường nói: Nếu đối với những ý nghĩa trong kinh điển, chúng ta không có trình độ hiểu biết, nhận thức kha khá, thì lòng tin chân thành, nguyện thiết tha trong tâm ta sẽ không phát khởi được, sẽ sanh ra những chướng ngại!

Ngẫu Ích đại sư chú giải kinh Di Đà không phải là chuyện dễ. Quý vị thấy đó, với cuốn Sớ Sao mà pháp sư Cổ Đức còn soạn bản Sớ Sao Diễn Nghĩa. Ngài Cổ Đức là thị giả của Liên Trì đại sư, là đệ tử truyền pháp của Liên Trì đại sư. Nói thật ra, Di Đà Kinh Sớ Sao chính là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh rút gọn, quả thật đáng xưng tụng là *“bác đại tinh thâm”* (rộng lớn, tinh vi, sâu xa), thực sự dẫn dắt người ta dự vào chỗ thù thắng. Cuốn Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư có thể nói là tinh hoa của cuốn Sớ Sao, rất nhiều đoạn tiền nhân chưa nói đến, Ngẫu Ích đại sư đã vì chúng ta vạch trần ra.

Như *“phát Bồ Đề tâm, một dạ chuyên niệm”* chẳng hạn. Đối với chuyện phát Bồ Đề tâm, chúng tôi thường nghi hoặc: Những ông già bà

cả trong làng quê không biết chữ, từ trước đến giờ chưa hề nghe kinh, Bồ Đề tâm là cái gì chưa hề biết đến, nhưng họ niệm Phật có thể đứng mà vãng sanh, ngồi mà vãng sanh, biết trước lúc mất, thực sự vãng sanh. Chúng tôi thường suy nghĩ: “Rốt cuộc họ có phát Bồ Đề tâm hay không?” Lúc tôi mới học Phật rất hoài nghi, họ không phát tâm Bồ Đề, chỉ niệm Phật xuông, sao vẫn có thể vãng sanh? Cứ ôm mãi niềm nghi ấy, đến khi đọc Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư mới hoảng nhiên khai ngộ.

Trong Yếu Giải giảng: “*Chân tín thiết nguyện tị thị Vô Thượng Bồ Đề tâm*” (Lòng tin chân thành, nguyện thiết tha chính là Vô Thượng Bồ Đề tâm), chúng tôi mới hiểu ra. Các bà cụ không hiểu Bồ Đề tâm là gì, nhưng họ có lòng tin chân thành, có nguyện thiết tha, tín nguyện chân thành, không mảy may nghi ngờ, đó vốn là Vô Thượng Bồ Đề tâm! Càng suy nghĩ lời Ngẫu Ích đại sư càng cảm thấy có lý. Chúng tôi mới biết: Những ông già, bà cả thiếu hiểu biết, thiếu văn hóa trong làng quê ấy niệm A Di Đà Phật thâm hợp đạo mầu. Tuy tự mình không biết, nhưng họ quả thật đã hội đủ điều kiện vãng sanh như A Di Đà Phật đã nói; họ thực sự đầy đủ, bởi lẽ, họ chẳng có một mảy may vướng mắc nào! Ngẫu Ích đại sư đã giải đáp cho chúng tôi nghi vấn ấy.

Chữ “*chư Phật*” cũng do Ngẫu Ích đại sư giảng ra, “*chư Phật*” chính là A Di Đà Phật, trước kia không ai giảng như vậy cả. Thích Ca Mâu Ni Phật do niệm A Di Đà Phật mà chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tiền nhân cũng chưa hề nói như vậy. Ngẫu Ích đại sư giảng như vậy, chúng tôi xem kỹ lại kinh văn, đúng là như vậy! Từ trước đến nay, đọc kinh văn lơ mơ, không chú ý đến điểm này. Ngài nói ra, chúng tôi coi kỹ lại, thấy không sai! Thích Ca Mâu Ni Phật quả thật là niệm A Di Đà Phật bèn chứng đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác! Bởi thế, ở đây nói: “*Thuyết thử vô tỵ cù lao tu chứng, đản trì danh hiệu, vãng sanh bất thoái, đệ nhất phương tiện, cánh vi nan trung chi nan dã*” (Nêu lên phương tiện bậc nhất không cần nhờ đến sự tu chứng nhọc nhằn, chỉ trì danh hiệu, vãng sanh bất thoái càng là sự khó nhất trong những sự khó). Do vậy, pháp môn này quan trọng nhất là Tín, cơ sở của lòng tin ấy là trí huệ. Nếu không có trí huệ chân thật, không có đại trí huệ, quý vị sẽ chẳng thể tin tưởng! Dầu có trí huệ, nhưng trí huệ không đủ lớn, thì tín tâm chẳng được viên mãn.

Ở đây lại có một câu, những câu này đều do đại sư Ngẫu Ích viết trong Yếu Giải: “*Diệu quán dĩ tự bất dị*” (chính bản thân phép quán mầu nhiệm đã chẳng dễ). “*Diệu quán*” là mười sáu phép quán, tức những phương pháp tu hành được giảng trong Quán Kinh, không dễ

dàng! Nói đến cách đơn giản nhất, dễ dàng nhất, thẳng chóng nhất, ổn thỏa, thích đáng nhất, không cần phải nhọc nhằn khổ sở tu học mà có thể thành công thì “*đản trì danh hiệu*” (chỉ trì danh hiệu), quá sức đơn giản! “*Vãng sanh bất thoái, đệ nhất phương tiện*” (vãng sanh bất thoái, phương tiện bậc nhất), đúng vậy! Trong vô lượng pháp môn không có pháp nào sánh bằng pháp này, quá đơn giản, quá dễ dàng. Ai ai cũng tu được, vấn đề là tin hay không, có nguyện hay không, có thể buông xuống vạn duyên hay không, có thể buông hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian xuống hay không?

Nếu ta muốn học, “*pháp môn vô lượng thế nguyện học*”, thì học ở đâu? Về thế giới Cực Lạc mà học! Chưa đến thế giới Cực Lạc thì đối với hết thấy pháp môn khác, ta đều không nhìn đến. Vì sao? Ta biết những pháp môn ấy quá khó, ta không có năng lực, ta không có thời gian. Đến thế giới Cực Lạc, ta có vô lượng thọ, trí huệ của ta cũng đã mở mang, có chư Phật Như Lai chỉ dạy mình, có rất nhiều Đẳng Giác Bồ Tát đến giúp chúng ta học, dễ dàng thành tựu! Trong kinh này, đức Thế Tôn bốn lượt khuyên chúng ta phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, bốn lần lận! Bởi thế, chuyện khó nhất trong các chuyện khó, Thích Ca Mâu Ni Phật đã làm được, nên chư Phật khen ngợi Ngài.

Ngày nay, chúng ta tuân theo lời giáo huấn của Thích Ca Mâu Ni Phật, y giáo phụng hành, chúng ta cũng có thể làm được. Chúng ta làm được thì thử hỏi chư Phật Như Lai chẳng tán thán ư? Tán thán giống hết như vậy! Phải biết vãng sanh Tịnh Độ chính là được chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Không sai! Hiện tại chưa chứng đắc, nhưng khẳng định là nhất định sẽ chứng đắc! Vì thế, trước khi quý vị nắm chắc, đã khẳng định quý vị chắc chắn sẽ nắm được, hiện tại gần như đã nắm được rồi. Pháp môn này viên chứng ba thứ Bất Thoái mà! Những chuyện như vậy đều là pháp khó tin cả!

Trong đoạn văn tiếp theo: “*Y trì danh pháp môn thích ngũ trước ác thế*” (nuông vào pháp môn trì danh để giải thích ngũ trước ác thế), chúng tôi giải thích chữ “*ngũ trước ác thế*”.

1) Thứ nhất là Kiếp Trước, Kiếp (劫) là thời gian. Chúng ta giải thích là “thời đại không tốt”, thời kỳ bất thường, hết sức bất bình thường, thời đại này không bình thường. “*Trước*” (濁) là nhiễm ô (nhơ bẩn), nhơ bẩn nghiêm trọng. Nay chúng tôi gọi Trước là nhơ bẩn, ắt mọi người đều hiểu hết sức rõ ràng. Trước hết, chúng ta hãy nghĩ đến hoàn cảnh sinh thái (ecological environment) trên địa cầu bị phá hoại, do con người gây ra. Nước bị ô nhiễm, không gian bị ô nhiễm, xú đường tăng

(tầng ozone) bị phá hoại chính là không gian bị ô nhiễm.

Ngoài ra, trên địa cầu, phi cơ, tàu thuyền, xe hơi, công xưởng phun những làn khói độc tản mát trong không trung nên không gian bị nhiễm độc. Các nhà khoa học hiện đang hết sức lo ngại, bởi lẽ, nồng độ của khối khí độc ấy trong không trung nay đã hết sức lớn, gần như tới mức bão hòa. Đến một ngày nào đó chẳng thể chứa thêm nữa, lúc nó rớt xuống đất, địa cầu sẽ chết sạch, rất có thể như vậy. Bởi thế, nói đến ngày tận thế thì có người nói đây cũng là một nhân tố. Sợ rằng một ngày nào đó, lượng khí tồn trữ trong không trung rất lớn, e rằng chúng sẽ rơi xuống. Trên mặt đất càng ô nhiễm nghiêm trọng hơn, động vật, thực vật đều bị ô nhiễm. Lại còn tinh thần của chúng ta cũng ô nhiễm, tư tưởng ô nhiễm, sinh lý ô nhiễm. Đây là Kiếp Trược! Kể từ khi có sử sách đến nay, chưa lúc nào ô nhiễm nghiêm trọng như trong thời đại hiện tại!

Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần “*y trì danh pháp môn, thích ngũ trược ác thế*” (nương theo pháp môn Trì Danh, giải thích ngũ trược ác thế).

1) Thứ nhất là Kiếp Trược. “*Phi đới nghiệp hoành xuất chi hạnh, tất bất năng độ*” (Không có hạnh đới nghiệp vượt ngang ra khỏi tam giới, ắt chẳng thể đắc độ). Vì sao gọi là Kiếp Trược? Trong phần trên, tôi đã thừa cùng quý vị rồi. Trong thời đại ô nhiễm nghiêm trọng này, phàm phu tu hành trong lục đạo chẳng thể không bị ảnh hưởng, bị ô nhiễm bởi hoàn cảnh, nên không thể đạt được tâm thanh tịnh. Tâm không thanh tịnh, đương nhiên quý vị chẳng bình đẳng, chẳng chân thành, chánh giác, từ bi thấy đều không có! Con người hiện tại vừa nghe những lời này đều hiểu rõ, sức dự hoặc của hoàn cảnh so với quá khứ không biết đã tăng thêm gấp bao nhiêu lần, đáng sợ hết sức! Bởi vậy, tổ sư nói ngoại trừ pháp môn đới nghiệp hoành siêu này ra, bất cứ pháp môn nào cũng không có cách nào thành tựu. Vì sao? Bất cứ pháp môn nào cũng đều phải tiêu nghiệp, đều phải đoạn phiền não, trong thời đại này rất khó [thực hiện được].

Do vậy, người thực sự phát tâm tu hành, vì sao phải ở trong núi sâu không dấu chân người lui tới? Tâm hạnh và cuộc sống của họ hoàn toàn trở về với tự nhiên, điều ấy rất có lý. Đại khái là không muốn bị ô nhiễm ảnh hưởng thì phải tránh né. Chúng tôi thường khuyến khích mọi

người cũng như khuyên các đồng học đang tu Tịnh tông: Hiện nay ô nhiễm phổ biến nhất, nghiêm trọng nhất là những phương tiện truyền thông, chúng ta nên buông xuống, không xem báo chí, không đọc tạp chí, không nghe radio, không xem truyền hình, cũng không xem Internet, chúng ta mới có thể giữ được tâm thanh tịnh, cố hết sức ít tiếp xúc với bên ngoài. Dầu không sống trong núi sâu mà trong hoàn cảnh sống nhỏ nhoi nơi đô thị cũng tự động cách tuyệt với bên ngoài, giữ gìn thân tâm của chính mình thanh tịnh. Mỗi ngày trừ việc niệm Phật ra, bèn tụng kinh, nghiên cứu giáo pháp, vậy là tốt! Có thể giữ được thân tâm của chính mình thanh tịnh, chẳng bị hoàn cảnh bên ngoài ô nhiễm. Quý vị phải có nghị lực, phải có hăng tâm, phải có trí huệ mới thực sự làm được.

Do vậy, chúng tôi kỳ vọng sâu xa, những nhà truyền giáo thuộc các tôn giáo trên toàn thế giới đều có một mạng lưới chuyên môn và băng tần vệ tinh; chúng ta muốn học kinh giáo nào để đoạn nghi sanh tín thì chúng ta chuyên môn tiếp nhận băng tần ấy, giống như lên lớp ngay tại nhà vậy, như vậy là tốt! Vì sao mỗi pháp sư phải cần một băng tần riêng? Một băng tần có nhiều pháp sư cùng hoằng pháp, há không được sao? Để giảng thông thường thì được, còn đối với người chuyên tu mà nói thì sẽ gặp khó khăn. Người chuyên tu nhất định phải thâm nhập một môn! Phải có thời gian kha khá mới khế nhập cảnh giới, mới thực sự đạt được lợi ích. Vì thế, chính mỗi pháp sư phải có một băng tần riêng, kẻ làm học sinh chúng ta có thể chọn lựa, muốn học pháp môn nào, muốn thân cận vị pháp sư nào thì sẽ biết chắc vị pháp sư ấy, biết chắc pháp môn ấy, bám rễ nơi pháp môn ấy, có như vậy mới hòng thành tựu! Rễ sâu gốc chắc!

Đắc tam-muội nơi một môn, mở mang trí huệ; mở mang trí huệ rồi mới có thể học rộng, nghe nhiều, thành tựu viên mãn Hậu Đắc Trí, không gì chẳng biết. Thời gian rất dài, các tổ sư đại đức Trung Quốc thời cổ hạn định thời gian ấy là năm năm, tối thiểu là năm năm, tâm quý vị sẽ định! Trên thực tế, trong hoàn cảnh chúng ta hiện giờ, năm năm thật ra không đủ! Tôi theo thầy Lý, thầy Lý yêu cầu tôi trong năm năm chuyên nghe một mình thầy giảng thôi, nhất định không được tiếp xúc một vị thiện tri thức nào khác, thầy chịu trách nhiệm. [Áp dụng] phương pháp ấy độ chừng ba bốn tháng sẽ thấy hiệu quả hiện tiền, hiệu quả rất hiển nhiên, tâm dần dần định lại, trí huệ mở mang, cảm giác chính mình có năng lực làm được những việc khác.

Thầy Lý yêu cầu tôi giữ như vậy năm năm; xong năm năm, tôi lại

xin thầy Lý cho giữ thêm năm năm nữa, thầy mỉm cười gật đầu. Tôi tuân thủ lời giáo huấn của lão nhân gia đến mười năm, thân cận một vị thiện tri thức, nghe một người giảng dạy, chỉ đạo. Mười năm ấy quả thật bám chắc cội rễ, [giúp cho tôi] có năng lực phân biệt chân - vọng, có năng lực phân biệt tà - chánh, thị - phi, lợi - hại, được - mất. Lúc đó, học rộng nghe nhiều, ai cũng tiếp xúc được, pháp môn nào cũng lạm dụng được, chỉ giúp cho mình, chứ không tổn hại, chẳng thấy lạ, nghĩ khác, tiếp xúc bất cứ ai, tiếp xúc bất cứ pháp môn nào đều biết quay đầu, biết trở lại, chẳng bị cảnh giới mê hoặc. Do vậy, đối với mình, cảnh giới không thể làm tổn hại, chẳng bị lay động bởi nó, nó tăng trưởng định lực cho ta, tăng trưởng trí huệ. Đó là học rộng nghe nhiều, có tư cách tham học.

Phương pháp dạy học từ xa (viễn trình giáo học - telecourses) trên đài truyền hình cũng giống như thế, tự mình phải học với một vị thầy, học một pháp môn, đặc định, đặc huệ nơi pháp môn ấy. Trí huệ mở mang rồi thì bất cứ pháp sư giảng kinh hay cư sĩ giảng kinh nào mình cũng đều có thể nghe, tuyệt đối tăng trưởng tam-muội, tăng trưởng trí huệ của mình, thành tựu viên mãn Hậu Đắc Trí, không tạo ra những tác dụng trái nghịch. Thế nhưng trước khi đắc Định Huệ thì khó lắm! Quyết định chẳng được la cà pháp khác, la cà thì nghe pháp này thấy hay, pháp kia cũng tuyệt, cái này cũng muốn học, cái kia cũng muốn học, khiến cho sự học tập của mình bị tán loạn, đáng sợ lắm!

Bởi thế, sự giáo huấn tại Phật Học Viện rất khó thành tựu, đạo lý là ở chỗ này, vì nhiều thứ quá khiến cho học sinh phân tâm, tinh thần ý chí không thể tập trung. Những gì học viên học tập chỉ là Phật học thường thức, còn Giới - Định - Huệ như trong Phật pháp đã nói, chắc chắn kẻ ấy không đạt được. Nếu muốn đạt được Tam Học Giới - Định - Huệ thì phải thâm nhập một môn, trường thời huân tu, mới hòng đạt được. Giới - Định - Huệ thực sự hữu dụng, thực sự giúp quý vị liễu sanh tử, xuất tam giới, còn Phật học thường thức sẽ không thể. Trong cuộc sống thường ngày, phiền não tập khí vẫn cứ làm chủ tể y như cũ; nói cách khác, quý vị vẫn là một gã phàm phu sanh tử trong lục đạo, chẳng được thọ dụng nơi Phật pháp! Bởi thế, mới nói “*tất bất năng độ*” (ắt chẳng thể độ được), đạo lý là đây! Đặc biệt là trong xã hội hiện tại, càng phải nhận biết hoàn cảnh rõ ràng.

2) Thứ hai là Kiến Trược. Trược (濁) là nhiễm ô, Kiến (見) là kiến giải. Kiến giải của chúng ta bị ô nhiễm [thì gọi là Kiến Trược]. “*Ngũ Lợi Sử tăng thịnh, phi bất giả phương tiện chi hạnh, tất bất năng độ*” (Ngũ Lợi Sử tăng mạnh, nếu không nhờ vào hạnh phương tiện, ắt chẳng thể độ

được). Nhất định phải dựa vào phương tiện, tức là phương pháp thích đáng nhất (Tiện là tiện nghi, Phương là phương pháp. Phương Tiện là phương pháp thích đáng nhất) thì mới được, mới hòng được độ! Ngũ Lợi Sử là gì? Nói tổng quát, Ngũ Lợi Sử là Kiến Hoặc. Trong Đại Thừa thường nói đến Kiến Tư phiền não, Ngũ Lợi Sử là Kiến phiền não, tức kiến giải lầm lạc. Vì sao gọi là Lợi Sử? Đây là tỷ dụ. Thời cổ, nha môn là cơ cấu tư pháp của chánh phủ, giống như đơn vị tư pháp hoặc đơn vị hình cảnh hiện tại, kẻ nào phạm tội bèn phái người đi bắt về, người ấy bị sai sử. Lợi (利) là rất nhạy bén. Năm thứ kiến giải lầm lạc ấy giống như (nói theo cách bây giờ cho mọi người dễ hiểu) năm đội hình cảnh vây quanh thân quý vị, thời thời khắc khắc giám sát quý vị, bắt quý vị bất cứ lúc nào, ý nghĩa là như vậy. Đây là tỷ dụ, ý nói bị kiến giải mê hoặc. Ngũ là năm điều.

a) Điều thứ nhất là Thân Kiến: “*Thân Kiến. Bất ngộ Tứ Đại giả hợp, hư huyền vô thường*” (Thân Kiến: Chẳng hiểu là Tứ Đại giả hợp, hư huyền vô thường). Không ngộ là mê, chẳng biết thân này rốt cuộc là gì, chấp trước cái thân này là chính mình, chấp trước nghiêm trọng, vì nó mà tạo vô lượng vô biên tội nghiệp. Thân ấy đâu phải là Ngã, trong những buổi giảng chúng tôi thường nói: Rốt cuộc thân này là gì? Chỉ là cái ta có mà thôi, giống như y phục là thứ ta có, nhưng chẳng phải là ta, ta nên để nó phục vụ mình mới là chính xác, mới là Phật, Bồ Tát, mới là không mê. Nếu ta phục vụ nó thì là sai mất rồi! Nếu như nói y phục không phải là ta, y phục phải phục vụ ta thì ta không thể ngày ngày phục vụ nó. Ta ngày ngày phục vụ nó thì nó trở thành chủ nhân, ta thành đầy tớ, chẳng phải là điên đảo hay sao? Vì thế, trong kinh đức Phật thường nói hết thấy chúng sanh điên đảo tán loạn, điên đảo ở chỗ nào? Diên đảo ở ngay chỗ này, chẳng hiểu rõ chân tướng sự thật.

Vậy thì cái gì là Ngã? Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường giảng tâm tánh là Ngã, nói như vậy là đúng! Tâm tánh có thể biến, có thể hiện. Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Hư không, pháp giới, nhất thiết chúng sanh, duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*” (Hư không, pháp giới, hết thấy chúng sanh chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến). Như vậy, tánh thức là Ngã, chứ thân không phải là Ngã. Thân do Ngã hiện ra, do Ngã biến ra, lẽ ra nó phải phục vụ ta mới là chính xác, ta chớ nên phục vụ nó. Ta là chủ nhân, nó là đầy tớ, là nô bộc tùy thân, nó phải tận trung với ta, sao ta lại mê hoặc điên đảo đến nỗi nó trở thành chủ nhân! Do vậy, đây là kiến giải lầm lạc thứ nhất.

Thân thật ra là gì? “*Tứ Đại giả hợp*”. Tứ Đại là vật chất, thân do

vật chất tổng hợp lại. Nay ta biết thân con người do rất nhiều khí quan tổng hợp thành giống như một cỗ máy do các bộ phận tổng hợp thành. Mỗi một khí quan lại do các tế bào hợp thành. Lại đem tế bào phân tích thì tế bào do rất nhiều phân tử hợp thành, phân tử do nguyên tử hợp thành, nguyên tử do nguyên tử hạch (nuclear) và các điện tử (electron) hợp thành, điện tử lại do các lạp tử (lepton) hợp thành. Cứ phân tích dần dần, sẽ thấy do rất nhiều điều kiện, vật chất tổng hợp thành, nhưng cái được hợp thành lại *“hư huyền vô thường”*, những thứ được tổng hợp này sanh diệt trong từng sát-na. Vì thế, trong kinh Kim Cang, đức Phật dạy chúng ta cách nhìn chính xác: Những hiện tượng ấy, từ thân thể cho đến núi, sông, đại địa bên ngoài, *“nhất thiết pháp hữu vi, như mộng huyễn bào ảnh”* (hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Mộng, huyễn, bọt, bóng hư huyền, vô thường, *“như lộ, diệt như điện, ưg tác như thị quán”* (như sương cũng như chớp, phải nên quán như vậy). Đó là chánh giác của chư Phật, Bồ Tát, chính xác không sai lầm điểm nào, giác ngộ rồi mà! Vì thế, nó là công cụ, nó không phải là ta, mà là cái được ta sở hữu. Quan niệm lầm lạc thứ nhất là như vậy đây!

Khi nào ta sẽ sửa đổi được quan niệm lầm lạc ấy? Khi tuyệt đối chẳng cho thân này là ta nữa. Sau khi sửa đúng quan niệm ấy, lợi ích rất lớn! Vì sao? Đối với đời người, thống khổ lớn nhất là sanh - lão - bệnh - tử, quý vị xem nhẹ, Ngã đâu có sanh - lão - bệnh - tử! Sanh - lão - bệnh - tử là cái ta sở hữu, nó có sanh - lão - bệnh - tử, giống như y phục là cái được ta sở hữu, y phục dùng lâu ngày phải bị hư rách, không được yêu thích nữa, không cần nữa, bèn bỏ đi, thay cái mới. Hiểu thân thể giống như y phục, dùng một thời gian lâu, bộ máy lão hóa, không còn hữu dụng lắm, bỏ đi, đổi cái khác, đó gọi là sanh tử tự tại! Không đau khổ một chút nào! Đối với những thứ cũ mềm phải vứt bỏ đi, không lưu luyến chút nào. Trong nhà quý vị, những đồ đạc cũ dùng hư nát rồi, vứt vào thùng rác, quý vị có lưu luyến hay không? Cách nhìn của người giác ngộ đối với thân thể này cũng như vậy, đó là cách nhìn chính xác.

Những phẩm vật chính bản thân ta có, ta phải yêu tiếc chúng, phải tiếc phước, phải khéo sử dụng, chớ lãng phí. Hiện thời không có mấy ai hiểu đạo lý này, người hiện tại chỉ biết hưởng phước, không biết tiếc phước, không biết tu phước. Phước báo do đâu mà có? Do tu trong đời quá khứ. Trong đời quá khứ tu phước báo lớn, đời này thời gian hưởng phước dài lâu. Nếu trong đời quá khứ tu phước báo không lớn như vậy, thời gian hưởng phước sẽ hữu hạn, hoặc là hưởng mười năm, hoặc hưởng hai mươi năm, hoặc hưởng đến ba mươi năm, hoặc là bốn mươi

năm rồi không còn nữa. Nói cách khác, bốn mươi, năm mươi năm sau kể ấy hưởng hết phước, cuộc sống khốn khổ, hăm trong khốn khổ. Người ấy chẳng cam tâm hứng chịu nỗi khổ ấy, họ không hiểu chân tướng sự thật, bèn làm chuyện gì?

Tạo nghiệp chướng, phải nghĩ cách chiếm đoạt tài sản của người khác để chính mình thụ hưởng. Đoạt lấy! Do vậy, tạo vô lượng vô biên tội nghiệp, đời vị lai mắc quả báo tam đồ! Thật ra, họ chiếm đoạt được cũng là vì trong mạng họ có, nếu trong mạng không có, dù có đoạt cũng không đoạt được! Đó là chân tướng sự thật, chỉ có người học Phật chân chánh mới thông đạt, hiểu rõ. Do vậy, người thực sự giác ngộ sẽ biết tu phước, chứ không hưởng phước. Dầu có phước báo, nhưng đem phước báo cúng dường cho người khác hưởng, nên phước báo vẫn còn, đã thế lại còn tăng trưởng, giống như gởi tiền vào ngân hàng lại còn có tiền lời! Tự mình không dùng, để cho người khác dùng, lại có lời, đạo lý tương đồng.

Có phước không hưởng, thân thể mình có thể chịu khổ một chút, khổ một chút sẽ chẳng lưu luyến thế gian này, tâm hướng về Tây Phương Cực Lạc thế giới càng khẩn thiết. Nếu chính mình phước báo quá lớn, hưởng thụ quá nhiều. Như vậy là khá quá, rất tốt, người ấy bỏ mặc, không nhìn đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, không tách lìa khỏi thế gian này được, luống uổng đời này, không vãng sanh được! Do vậy, dầu Thích Ca Mâu Ni Phật không tán thành tu khổ hạnh, Ngài phản đối sự khổ hạnh vô ích, nhưng lại tán thán người tu khổ hạnh. Tu khổ hạnh hay ở chỗ nào? Không lưu luyến thế gian này, tâm hướng về Tây Phương Cực Lạc thế giới càng tăng thêm, càng lớn mạnh, đúng là có cái lợi. Có phước bèn để cho người khác hưởng, kết duyên cùng chúng sanh là chuyện tốt! Tương lai khi chính mình thành Phật, pháp duyên hết sức thù thắng. Do vậy, phải biết bản thân mình có phước báo thì hãy nên biết bớt ra một chút để kết duyên với người khác.

Quý vị đọc sách Liễu Phàm Tứ Huấn, quý vị thấy tiên sinh Liễu Phàm sau khi đã hiểu rồi, cuộc sống trong nhà ông rất tiết kiệm. Mùa Đông may áo bông cho trẻ nhỏ, trong nhà có bông sợi, bà vợ ông bán bông sợi đi, mua bông gòn. Bông sợi mắc, bông gòn rẻ, dùng bông gòn dòn áo bông có thể may được nhiều hơn, con mình có áo mặc, lại còn có thể đem cho người khác mặc, tâm ấy tốt quá! Đó là tiếc phước! Tiên sinh Liễu Phàm nghe vợ nói như vậy, bảo: “Ta không sợ con cái chẳng có phước báo!” Đó là tu phước cho con, thêm phước cho con. Chúng ta đọc cuốn sách ấy phải hiểu rõ đạo lý, phải thực sự ngộ, chẳng thể đọc xuôi!

Nhất là kẻ xuất gia chúng ta, đến độ tuổi như tôi, bao năm hoằng pháp dạy học, tích lũy được một chút phước báo, người cúng dường rất nhiều, tôi không hưởng thụ! Tôi nhường cho mọi người hưởng thụ, tôi vẫn sống đời thanh bần, vì sao? Tôi sống cuộc đời như vậy đã quen, sống rất thoải mái. Mỗi ngày ăn uống một chút là đủ rồi, bao nhiêu năm từ trước tới nay tôi chưa hề cảm thấy đói đến nỗi phải ăn món gì. Vì vậy, mỗi lần tôi vào phòng ăn phải ăn thứ gì cũng đều rất đau khổ, không đói mà! Mọi người ăn, tôi cũng ăn một chút, không ăn được không? Được! Một ngày không ăn gì rất bình thường, tinh thần thể lực vẫn vậy, không thay đổi tí xiu nào! Hai ba ngày không ăn tôi chưa từng thử qua, nhưng một ngày không ăn gì, có lúc đúng là không muốn ăn gì hết. Tâm địa càng thanh tịnh, càng ít tiêu hao năng lượng! Mấy chục năm qua đều sống như vậy, sống cuộc đời rất bình ổn!

Đừng nghĩ mình phước báo hiện tiền, chúng ta bèn có thể nâng cao mức sống, lắm rồi, không được đâu! Lúc có phước báo ấy, hãy để người khác hưởng một chút. Thân thể khỏe mạnh, thanh tịnh, từ bi, ăn uống càng ít càng tốt, nhất định không được ăn vặt. Thứ tôi thường uống là nước đun sôi, trà pha nhạt, những loại nước quả ép tôi tuyệt đối không nhúng môi. Cuộc sống như thế là khỏe mạnh nhất, là phương thức sinh hoạt vật chất tốt nhất. Y phục cốt sao giữ ấm, không cần phải bằng chất liệu tốt, không cần phải hoa lệ, không cần! Càng không được ganh đua cùng người khác, ganh đua là sai lầm lớn lao! Hoàn cảnh cư trụ ưu nhã là tốt, cũng không cần phải to, sẵn sóc cho dễ. Mọi người cùng hoan hỷ học đạo, tu đạo! Đây là chuyện chánh của chúng ta. Như vậy, phải phá Thân Kiến, biết nó là giả, không thật.

Bảo dưỡng thân thể thì thanh tịnh là quan trọng nhất, chớ có phiền não. Cổ nhân Trung Quốc thường nói: “*Ưu năng sử nhân lão*” (Buồn rầu khiến con người già xạm). Trong lòng có vướng mắc không buông xuống được, có ưu lự, có phiền não thì bộ máy bị tổn hoại, hiệu dụng của bộ máy ấy giảm thấp. Vì vậy, phải giữ lòng thanh tịnh, chân thành, từ bi, hiền lành. Dùng cái tâm ấy để đối đãi thân thể mình, chẳng ưu lự, chẳng phiền não, sao cho tâm thường sanh hoan hỷ. Thường sanh tâm hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn, thiền duyệt làm thức ăn, kinh Đại Thừa thường nói như thế. Đây là dưỡng chất tốt nhất, khỏe khoắn nhất, chẳng hề có mấy may tác dụng phụ. Phải hiểu đạo dưỡng thân, thân là công cụ, thân chẳng phải là Ngã.

b) Thứ hai là Biên Kiến, Biên (邊) ở đây là hai bên. “*Bất ngộ kiến giải ký thiên, thất hồ Trung Đạo*” (kiến giải do chẳng ngộ nên thiên lệch,

đánh mất Trung Đạo). Lẽch về một phía trong hai bên, không phải là Trung Đạo, người hiện tại gọi là “tương đối”, tương đối là hai bên. Trong quan niệm của chúng ta, quý vị thấy con người quả thật sống trong Biên Kiến, sống trong không gian tương đối. Đã có dài thì đối nghịch của dài là ngắn, đối nghịch của xa là gần, đối nghịch của lớn là nhỏ, không gì chẳng tương đối. Đây chẳng phải là chân tướng sự thật. Chân tướng sự thật là gì? Chân tướng sự thật là pháp môn Bất Nhị. Phật pháp thường nói đến pháp môn Bất Nhị. Ai nhập pháp môn Bất Nhị? Ai minh tâm kiến tánh thì nhập pháp môn Bất Nhị; nói cách khác, Nhất Chân pháp giới là pháp môn Bất Nhị. Nếu quý vị vẫn còn có ý niệm đối lập thì chẳng nhập pháp môn Bất Nhị; nói cách khác, quý vị không ra khỏi mười pháp giới; quý vị thoát khỏi lục đạo nhưng không ra khỏi mười pháp giới. Bậc Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giáo phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, chứng một phần Pháp Thân, nhập pháp môn Bất Nhị! Trong quan niệm của họ, chắc chắn không có sự đối lập.

Sự đối lập rõ rệt nhất của người thế gian chúng ta là tôi - bạn, tôi và bạn đối lập nhau, rắc rối xảy ra liền. Đối lập sẽ phát sanh xung đột! Xung đột rồi bèn có đấu tranh, nên mới có chiến tranh. Sở dĩ người nhập pháp môn Bất Nhị thì mới gọi là thánh nhân là vì người ấy thực sự giác ngộ, không còn tương tự nữa! Trong Phật pháp gọi người ấy là bậc Chánh Đẳng Chánh Giác. Như vậy, đối lập không phải là chuyện tốt! Toàn là nẩy sanh từ quan niệm lầm lạc, nhà Phật thường nói “*nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (hết thảy pháp từ tâm tướng sanh). Đây là vọng tưởng, không phải sự thật, trong sự thật không có đối lập. Câu này hết sức khó hiểu, vì sao trong sự thật lại không đối lập? Lúc chúng ta không phân biệt thì vẫn là đối lập, có dài - ngắn, có xa - gần! Ta không phân biệt, không chấp trước pháp nào thì vẫn còn có dài - ngắn, vẫn còn có xa - gần! Do vậy, chúng ta rất khó thể hiểu nổi lời Phật dạy!

Nhưng trong hiện tại các nhà khoa học đã giúp ích chúng ta rất nhiều. Gần đây, khoa học gia đã phát hiện thực sự không có đối lập. Vì sao? Họ phát hiện thời gian và không gian không thật. Trong một điều kiện nào đó, không gian và thời gian bằng zero, hiện tượng đối lập không còn nữa! Không gian bằng zero là không còn xa - gần, thời gian bằng zero là không có quá khứ, hiện tại, vị lai, đây là những thứ tương đối khó hóa giải nhất. Thời gian và không gian chẳng đối lập thì hết thảy những thứ đối lập khác đều dễ dàng hóa giải, không còn đối lập nữa.

Đối lập sanh từ vọng tưởng, chấp trước của chúng ta; những vọng tưởng, chấp trước vi tế bản thân chúng ta không biết được, tập khí mà!

Vì vậy, không hay không biết. Những vọng tưởng, chấp trước thô, rõ rệt chúng ta biết rất rõ, nhưng những thứ vi tế chúng ta không biết. Do vậy, theo kinh Phật, hiểu rõ triệt để chân tướng của sự thật phải là Bát Địa Bồ Tát. Bát Địa Bồ Tát mới thấy được những chủng tử tập khí trong A Lại Da Thức. Chúng quá vi tế, mắt thịt của chúng ta không có cách gì thấy được. Do vậy không ngộ, không ngộ thì mê, kiến giải lệch lạc! Đối với vũ trụ, nhân sinh, hết thấy người, sự, vật đều thấy sai lạc! “*Thất hồ Trung Đạo*” (đánh mất Trung Đạo), không giống với bậc chân chánh giác ngộ, bậc thực sự giác ngộ biết, thấy Trung Đạo, chẳng thiên lệch, chẳng tà vạy. Đó là kiến giải thực sự chính xác.

c) Thứ ba là Kiến Thủ Kiến. “*Phi quả kế quả*” (Không phải Quả coi là Quả). Kiến Thủ Kiến là kiến giải lầm lạc trên mặt Quả, không phải là quả báo chân chánh [mà tưởng là quả báo chân chánh]. “*Kế*” (計) là gì? Kế là “*cho là*”. Tự mình suy tính cho nó thực sự là quả báo. “*Bất ngộ hữu lậu giới trung, chung phi cứu cánh*” (Chẳng ngộ trong hữu lậu giới trọn không phải là rốt ráo). Giảng về điều này, đức Phật thường lấy thiên đạo làm thí dụ. Cõi trời không phải là quả báo chân chánh. Có rất nhiều người tưởng cõi trời là hằng sống, lên được cõi trời ắt bất sanh bất diệt. Hiểu vậy là sai lầm. Cõi trời có thọ mạng, thọ mạng của họ dài hơn thọ mạng của chúng ta, dài nhất là cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng Thiên trong tầng trời Vô Sắc. Thọ mạng dài ngắn nào? Phật bảo là tám vạn đại kiếp. Quý vị nhất định phải hiểu thế giới này, chúng ta thường gọi là thế giới Sa Bà, mỗi một lần thế giới thành - trụ - hoại - không là một đại kiếp. [Mỗi một giai đoạn trong bốn giai đoạn] thành - trụ - hoại - không là một trung kiếp, bốn trung kiếp là một đại kiếp. Thế giới một lần thành - trụ - hoại - không là một đại kiếp. Thế giới này thành - trụ - hoại - không bao nhiêu lần? Tám vạn lần. Thời gian ấy rất dài!

Tuy thời gian dài như vậy, nhưng nếu luận về thời gian dài vô hạn thì tám vạn đại kiếp không dài! Bởi lẽ, khi hết tám vạn đại kiếp thì thọ mạng phải chấm dứt, cho nên chẳng phải là rốt ráo! Chẳng phải là quả báo rốt ráo, quý vị lại tưởng là quả báo rốt ráo, lầm rồi! Thứ kiến giải ấy gọi là Kiến Thủ Kiến, chẳng phải là quả mà coi là quả. Bởi lẽ, người ta không liễu giải, không ngộ nên không biết. “*Hữu lậu giới trung*” (trong hữu lậu giới), lục đạo là hữu lậu, “*lậu*” (漏) là phiền não. Phiền não, tập khí chưa đoạn thì ở trong lục đạo! Công phu định lực của quý vị sâu thì chỉ có thể khuất phục phiền não, chứ phiền não trọn chẳng chuyển thành Bồ Đề, cũng có nghĩa là không thực sự đoạn phiền não, chỉ đè nén nó không cho khởi tác dụng mà thôi! Vì vậy, ở trong lục đạo là chẳng rốt

ráo! Lại thừa cùng quý vị, chín pháp giới cũng chẳng phải là rốt ráo. Nói chín pháp giới chính là nói mười pháp giới, mười pháp giới không rốt ráo! Chỗ nào mới là rốt ráo? Nhất Chân pháp giới là rốt ráo!

Do vậy, tu học Phật pháp, chẳng cần biết là tông nào, phái nào, Tịnh Độ tông cũng không nằm ngoài lệ ấy! Nhất định phải chứng đắc minh tâm kiến tánh, đừng tưởng Tịnh Độ tông là có thể chẳng cần tới minh tâm kiến tánh, đối nghiệp vãng sanh, không phải vậy! Đối nghiệp vãng sanh, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn phải chứng “minh tâm kiến tánh”, đó mới là thành tựu thực sự! Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn phải tu, vẫn phải học! Không ngừng tinh tấn, không ngừng nâng cao, từ Phàm Thánh Đồng Cư Độ tiến lên Phương Tiện Hữu Dư Độ, từ Phương Tiện Hữu Dư Độ tiến lên Thật Báo Trang Nghiêm Độ, vậy là quý vị thực sự kiến tánh! Hoa nở thấy Phật ngộ Vô Sanh, phải biết: Trong cõi Đồng Cư và cõi Phương Tiện hoa chưa nở! Cõi Thật Báo hoa mới nở. Vì thế, về nơi đó ngày ngày vẫn phải tu, hằng ngày vẫn phải học.

Dầu hoa chưa nở, nhưng hoa ấy rất lớn, hoa và hư không pháp giới không khác. Đó là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Chúng tôi đọc kinh Hoa Nghiêm mới có thể lãnh hội đại lược như sau: Trong vi trần có thể giới, vi trần không lớn, thế giới không nhỏ. Quý vị hiểu hoa sen trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hoa sen không phóng đại, thế giới không rút nhỏ, nhưng quý vị cảm thấy thế giới trong hoa sen chẳng khác gì hư không pháp giới bên ngoài. Bởi vậy, đó là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn. Trong hoa chẳng những có Tây Phương Tam Thánh, mà còn có mười phương chư Phật, Bồ Tát. Chẳng những có mười phương chư Phật, Bồ Tát, mà trong hoa còn có vô lượng vô biên thế giới. Trong mỗi một đoá hoa của mỗi người vãng sanh đều như thế. Thật ra, Tây Phương thế giới là như vậy, mà thế giới này của chúng ta có lúc nào chẳng như vậy? Cái khác là người ở Tây Phương thế giới là giác chứ không mê, chúng sanh trong thế giới này mê chứ không giác, khác nhau ở chỗ này, trừ điều ấy ra, không có gì khác cả!

d) Thứ tư là Giới Thủ Kiến, “*phi nhân kế nhân*” (không phải nhân mà tưởng là nhân). Giới Thủ Kiến là kiến giải lầm lạc nơi nhân. Như vậy, nói thật ra, hai Kiến Hoặc (Giới Thủ Kiến và Kiến Thủ Kiến) này là luận theo nhân quả. Giới Thủ Kiến là nhìn lầm nơi nhân, chẳng phải là nhân mà coi là nhân. “*Bất ngộ chưng sa tác phạn, trần kiếp nan thành*” (Chẳng biết là nấu cát thành cơm, trải trần kiếp (kiếp số nhiều như vi trần) khó thể thành): Phần sau đó, nêu ra một tỷ dụ. Quý vị muốn nấu

cơm, nhân của cơm là gì? Nhân của cơm là gạo tẻ, quý vị lấy gạo nấu cơm thì rất dễ dàng nấu thành cơm. Nếu lấy bùn cát nấu, mong nó biến thành cơm (“trần kiếp” ý nói thời gian rất dài), cứ coi một vi trần là một kiếp [thì dù nấu trong số kiếp nhiều bằng số vi trần] cũng không thể nấu cát thành cơm được. Vì sao? Nó không phải là nhân! Tỷ dụ đơn giản này chắc mọi người dễ hiểu. Lại bảo cùng quý vị, chúng ta muốn phát tài thì phát tài là quả báo, quý vị cầu tài. Dùng phương pháp gì để cầu tài? Hiện tại trong thế gian này có rất nhiều phương pháp, hoàn toàn không phải là cái nhân thực sự để phát tài, quý vị hoàn toàn sai lầm, cái nhân thực sự của phát tài là gì?

Trong kinh đức Phật dạy chúng ta phải thực hiện tài bố thí. Tài bố thí là cái nhân thực sự. Quý vị không chịu tu tài bố thí, keo kiệt, hẹp hòi, ngày ngày vắt kiệt trí não tính toán muốn biến của cải của người khác thành của mình, tức là ngày ngày động não tổn người lợi mình, vậy thì làm sao có thể phát tài cho được? Cái nhân sai lầm, vĩnh viễn chẳng được giàu có. Nghĩ đủ cách làm người khác phải lo lắng, hãm hại người khác, lừa dối người khác! Có lừa được thì vẫn là trong số mạng của mình sẵn có, nhưng sự giàu có trong mạng mình bị hao hụt. Bị chiết khấu thì khi mình hưởng hết sẽ không còn nữa! Người thực sự hiểu thì bố thí, càng thí càng nhiều, về sau quý vị của cải vô lượng vô biên, do như vậy mà có. Người thế gian mấy ai hiểu được cái nhân thực sự, hiểu cái quả thực sự. Chỉ có người chân chánh giác ngộ mới hiểu, kẻ mê hoặc điên đảo không hiểu! Khởi tâm động niệm, hết thấy hành vi luôn phạm sai lầm rất nghiêm trọng, lẽ đâu không khổ? Khổ là do chính mình chuốc lấy, không ai gây cho mình cả.

Nay đã hết giờ rồi!

Tập 37

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần “*y trì danh pháp môn thích Ngũ Trược Ác Thế*” (nương theo pháp môn trì danh để giải thích Ngũ Trược Ác Thế). Trong phần trên, chúng tôi đã giảng đến Ngũ Lợi Sử của Kiến Trược, đã giới thiệu về Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, hôm nay chúng ta xét đến điều sau cùng: Tà Kiến.

“Bát¹¹ vô nhân quả, nghi ngộ chúng sanh, đọa nhập thâm khanh” (Bài bác, cho rằng không có nhân quả, làm chúng sanh nghi ngờ, làm lạc, rớt vào hầm sâu). Chúng ta phải chú tâm lĩnh hội mấy câu nói này của Ngẫu Ích đại sư. Tà Kiến là gì? Trừ bốn loại kiến giải sai lầm lớn đã nói trong phần trên, tất cả hết thảy những kiến giải làm lạc đều gộp vào loại này; phạm vi của loại này rất lớn, rất rộng. Nghiêm trọng nhất trong mọi kiến giải làm lạc là không tin vào nhân quả báo ứng. Nhà Phật thường nói: “*Vạn pháp giai không, nhân quả bất không*” (Vạn pháp đều không, nhân quả chẳng không).

Pháp thế gian và Phật pháp đều được kiến lập trên cơ sở nhân quả, đó là chân lý. Thiện có thiện báo, ác có ác báo, đó là định luật tự nhiên, chắc chắn không có cách nào thay đổi hay biến đổi định luật tự nhiên. Các nhà khoa học hiện thời rất thông minh, họ muốn biến đổi tự nhiên, cũng đã làm được không ít chuyện. Nay họ nghiên cứu cơ cấu của động vật và thực vật, nhiều nhất là thực vật, biến đổi để đạt được giống tốt. Chúng ta thấy rất nhiều loại cây ăn quả, đúng là qua sự cải thiện của sức người, những loại ấy tăng trưởng rất to, rất ưa nhìn. Chẳng hạn như các loài táo, xoài, chúng ta thấy chúng đã được cải thiện giống loại (cải biến gene), nhưng sau khi cải thiện thì sao? Trái nghịch nguyên tắc tự nhiên, quả thật, nó tăng trưởng rất to, rất ưa nhìn, nhưng phẩm vị trước kia của giống ấy không còn nữa.

Bởi vậy, loại xoài rất lớn đã được cải biến gene, đem so với những quả thuộc loại thổ sanh thổ trưởng¹², chưa từng cải biến gene, thì loại sau không được dễ coi bằng, nhỏ xíu, nhưng mùi vị khác hẳn. Những thứ thực vật tùy thuận tự nhiên quả thật bổ dưỡng, có lợi đối với con người. Những thứ đã biến đổi gene, con người ăn vào trọn chẳng tốt lành gì, nhưng hiện tại con người vẫn chưa biết. Vì sao mấy năm qua dường như xuất hiện rất nhiều chứng bệnh kỳ quái? Có người hỏi tôi, tôi bèn tùy thuận lời cổ nhân nói để trả lời. Cổ nhân dạy chúng ta: “*Bệnh tùng khẩu nhập, họa tùng khẩu xuất*”. Chẳng phải là do ăn những thứ đã được biến đổi gene nên mới sanh ra rất nhiều thứ bệnh chưa từng gặp hay chăng? Quý vị thay đổi nguyên tắc tự nhiên, quy luật tự nhiên sẽ đáp trả bằng những tai nạn dữ dội.

Nay ai nấy đều biết cây cối rừng rậm đóng vai trò cân bằng sinh thái trên địa cầu, tạo sự an toàn cho nhân loại, nó ngăn ngừa lụt lội. Hiện

¹¹ Bát (撥) có nghĩa là bài bác.

¹² Sanh trưởng tự nhiên, không qua đột biến gene, cũng không dùng hóa chất, phân bón hóa học để kích thích tăng trưởng.

tại con người đã nhận biết: Chặt phá rừng rậm bờ bãi, phá hoại vành đai bảo vệ đất nước, khi nước lũ tràn dâng sẽ hình thành thủy tai. Trong quá khứ có thủy tai, nhưng không dữ dội, không xảy ra nhiều như thế, mà có thể chế ngự được một phần! Như vậy, quý vị muốn biến đổi sinh thái tự nhiên, muốn khống chế sinh thái tự nhiên, nhưng thiên nhiên bèn phản ứng lại, quý vị chịu đựng không nổi!

Do vậy, cổ thánh tiên hiền, thánh nhân tại Trung Quốc lẫn ngoại quốc dạy chúng ta phải tùy thuận tự nhiên. Tùy thuận tự nhiên là khỏe nhất. Căn bản nhất là thân thể của chúng ta từ lúc sanh ra khỏi bụng mẹ vốn tự nhiên; con người hiện tại cũng muốn thay đổi nó! Thường thấy nhất là đi làm đẹp, đi sửa sắc đẹp, không chịu tùy thuận tự nhiên, cứ muốn thay đổi tự nhiên. Chúng tôi biết rất nhiều trường hợp sau khi sửa sắc đẹp bị những di chứng không thể tưởng tượng nổi, mang lấy rất nhiều đau khổ, rút ngắn tuổi thọ. Đó là gì vậy? Đó là quý vị phải trả giá cho việc phá hoại tự nhiên. Chán ghét tướng mạo, thể chất của mình không tốt đẹp thì có phương pháp để cải biến, dùng phương pháp nào vậy? Vẫn là tùy thuận tự nhiên để biến đổi, như vậy mới là chính xác!

Tướng mạo và thân thể của chúng ta do cha mẹ mà có, cha mẹ ban cho chúng ta cái Duyên, tức Tăng Thượng Duyên, còn Nhân là gì? Nhân là nghiệp lực của chính mình, [nghiệp lực gồm] Dẫn Nghiệp và Mãn Nghiệp. Quan trọng nhất là Mãn Nghiệp, tức là những nghiệp thiện hay ác đã tạo trong đời quá khứ. Tạo nghiệp bất thiện thì tướng mạo không đẹp, thể chất không tốt. Cải biến bằng cách nào? Phải tùy thuận pháp tắc tự nhiên để thay đổi mới là đúng; chẳng cần phải dùng đến sức người, cứ tùy thuận tự nhiên. Nay chúng ta đã hiểu đạo lý tự nhiên, pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều nói: *“Tướng chuyển theo tâm”*. Chúng ta muốn được tướng hảo thì phải chuyển biến bằng cách nào? Tâm tốt lành. Tướng chuyển theo tâm, tâm tốt, tướng bèn tốt. Tâm hồn khỏe mạnh, thể chất khỏe mạnh, thân thể khỏe mạnh theo. Đó là tùy thuận pháp tắc tự nhiên để cải biến, rất hợp lý!

Đạo của thánh hiền và đạo của Phật, Bồ Tát không có gì khác, đều nhằm giúp chúng ta cải thiện hoàn cảnh sống, cải thiện tướng mạo, cải thiện thể chất. Cải thiện hoàn cảnh sống quyết chẳng được dùng những hành vi do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của con người để thay đổi, phải hoàn toàn tùy thuận quy luật và đạo lý tự nhiên. Nhà Phật thường nói: *“Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”* (Trong cửa nhà Phật, hữu cầu tất ứng). Cầu phú quý được phú quý, cầu con cái được con cái, cầu trường thọ được trường thọ, cầu thành Phật bèn có thể được thành Phật,

cầu sanh lên trời bèn có thể được lên trời, có cầu ắt ứng! Hoàn toàn tùy thuận quy luật tự nhiên, theo thuật ngữ nhà Phật thì là “*tùy thuận tánh đức*”. Tùy thuận tự tánh, tùy thuận pháp tánh thì may mắn hậu di chứng¹³ đều không có. Như vậy, chúng ta phải làm sao chuyển Tà Kiến thành Chánh Kiến, đó là học Phật.

Đức Phật đã chuyển trọn năm thứ Kiến ấy, nên chúng ta xưng tụng Ngài là bậc Chánh Tri Chánh Kiến; công phu của A La Hán là Chánh Giác. Do vậy, trong sự giáo dục của bậc đại thánh đại hiền thế gian hay xuất thế gian, trước hết phải dạy chúng ta nhận thức đạo lý nhân quả, phải hiểu rõ sự thật chân tướng của nhân quả báo ứng. Chúng ta mong cầu cái quả tốt thì phải biết tu cái nhân tốt: Gieo thiện nhân, đạt được thiện quả. Gây tạo ác nhân mà mong cầu thiện quả là trái nghịch quy luật tự nhiên, chắc chắn là sai lầm! “*Nghi ngờ chúng sanh*” (làm chúng sanh nghi ngờ, lầm lạc). Đây là thực tế. Trong xã hội hiện tại, chúng ta thấy chúng sanh gây tạo chuyện bất thiện, tai nạn hung hiểm xảy ra liên miên không ngừng, ngày càng dữ dội hơn. “*Đọa nhập thâm khanh*” (Rớt xuống hầm sâu): Chữ “hầm sâu” chỉ quả báo trong tương lai, ví cho ba ác đạo. Tiến vào ba ác đạo dễ, thoát ra rất khó. Lại xem tiếp Phiền Não Trược là món trược thứ ba trong Ngũ Trược.

3) Phiền Não Trược: “*Ngũ Độn Sử tăng thịnh, phi tức phạm tâm thị Phật tâm chi hạnh (vô thủ, vô xả), tất bất năng độ*” (Ngũ Độn Sử tăng trưởng mạnh mẽ, không dùng cái hạnh ‘phạm tâm tức là Phật tâm’ (không lấy, không bỏ) ắt chẳng thể độ được). Ở phần trên đã giải thích ý nghĩa chữ Sử. Kiến Hoặc gọi là Lợi Sử vì chúng rất mạnh mẽ, nhạy bén, nhưng dễ đoạn. Độn Sử rất mềm mại, không ương ngạnh, mạnh mẽ, sắc bén như thế, nhưng rất khó đoạn, nên mới nói “*dầu lia ngó ý còn vương tơ lòng*”, phiền não mà! Phiền não nhiễm ô. Năm thứ Độn Sử này nếu nói theo ngôn ngữ hiện thời là “cách suy nghĩ lầm lạc”, chúng được gọi là Tư Hoặc. Năm thứ Lợi Sử ở phần trên là cách nhìn lầm lạc, nhìn vũ trụ, cuộc sống, hết thấy sự vật và con người bằng cái nhìn lầm lạc; còn Ngũ Độn Sử là suy nghĩ sai lầm, tư tưởng sai lầm vậy.

Do kiến giải và tư tưởng của quý vị lầm lạc, nên hành vi và ngôn ngữ của quý vị đương nhiên cũng sai trái. Ngôn ngữ và hành vi là tạo nghiệp (nghiệp gây tạo nơi thân và miệng), tư tưởng lầm lạc là Ý nghiệp. Ý nghiệp nhất định liên đới ngôn ngữ và hành vi; do vậy, thân - ngữ - ý nghiệp của quý vị đều tạo nghiệp, đều tạo tác bất thiện, làm sao quý vị

¹³ Hậu di chứng: Những hậu quả bất lợi nảy sanh sau đó.

cảm được quả báo tốt lành cho được! Vì thế, trong hoàn cảnh ấy, chúng ta muốn giải thoát, muốn vượt thoát sanh tử luân hồi, ở đây đại sư dạy chúng ta: “*Phi tức phàm tâm thị Phật tâm chi hạnh*” (Không dùng cái hạnh ‘phàm tâm tức là Phật tâm’). Ý nghĩa rất rõ ràng: Phải chuyển cái tâm phàm phu thành Phật tâm, Phật tâm tự tại, Phật tâm không lấy - bỏ, không có được - mất, Phật tâm tùy duyên, không phan duyên. Nếu chúng ta học được như vậy thì trong một đời này cuộc sống sẽ thực sự hạnh phúc, thực sự mỹ mãn.

Trong năm điều (Ngũ Độn Sử) thuộc Thiền Nào Trước, thứ nhất là Tham, tức là xan tham (keo kiệt, tham lam). “*Bất năng khán phá, bất liễu nhất thiết hữu vi pháp như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (Chẳng thể thấy thấu suốt, chẳng hiểu rõ hết thấy pháp như mộng, huyễn, bọt, bóng). Tham là gốc bệnh của lục đạo chúng sanh trong chín pháp giới. Lục đạo chúng sanh tham đắm danh văn, lợi dưỡng, tham tài, sắc, ăn uống, danh vọng, ngủ nghỉ, ngủ dục, lục trần, họ tham những thứ ấy. Trong bốn pháp giới cũng có tham, họ tham những gì? Tham Phật pháp. Nghĩa là họ đã phá được Ngã Chấp, nhưng vẫn còn Pháp Chấp; Pháp Chấp là chấp trước nơi pháp. Như vậy là chưa liễu giải chân tướng sự thật của vũ trụ vạn hữu. Nếu thực sự thông đạt hiểu rõ chân tướng của vũ trụ vạn hữu, xan tham bèn đoạn, không còn nữa! Kinh Hoa Nghiêm giảng chân tướng của vũ trụ vạn hữu rất thấu triệt, rất rõ ràng. Đọc kỹ kinh Hoa Nghiêm, chúng ta sẽ dần dần hiểu rõ những sự việc này.

Hai câu tiếp theo, chúng tôi trích dẫn kinh Kim Cang: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Kinh Kim Cang nói như vậy. Giảng hai câu này cho thật thỏa đáng thì không những chẳng dễ, mà còn phải giải thích hết sức tỉ mỉ. Ở đây, chúng tôi chỉ nói đơn giản thế này: Pháp hữu vi là gì? Nói đơn giản nhất, đó là những pháp có sanh có diệt. Có sanh có diệt thì gọi là pháp hữu vi; bất sanh bất diệt thì gọi là pháp vô vi. Trong thế giới theo cảm nhận của chúng ta, quý vị nghĩ xem có thứ gì không sanh diệt? Động vật có sanh - lão - bệnh - tử, thực vật có sanh - trụ - dị - diệt, khoáng vật (chúng ta nói tới tinh cầu) có thành - trụ - hoại - không. Nói chung, trong cảnh giới được tiếp xúc bởi lục căn, không có thứ gì chẳng phải là pháp sanh diệt.

Hữu sanh hữu diệt thì gọi là pháp hữu vi. Trong thế giới theo cảm quan của chúng ta, chỉ có một thứ chúng ta thấy rất rõ chẳng hiện tượng sanh diệt là hư không. Ngàn vạn năm trước hư không vẫn như vậy, ngàn vạn năm sau có lẽ cũng vẫn vậy. E rằng chỉ có mình hư không bất biến,

ngoài hư không ra, không có gì bất biến cả. Những hiện tượng trong hư không cũng thiên biến vạn hóa, cũng là pháp sanh diệt! Chúng ta phải nhận biết rõ ràng, đức Phật dạy: Những pháp ấy giống như mộng, huyễn, bọt, bóng, biến hóa không ngừng trong từng sát-na.

Cái gì thực sự bất biến? Năng Biến thực sự bất biến, phải biết hết thấy pháp hữu vi là cái được biến hóa (Sở Biến). Năng Biến là gì vậy? Kinh Hoa Nghiêm dạy Năng Biến (chủ thể có công năng biến hóa) chính là tâm tánh. “*Chư pháp sở sanh*” (các pháp được sanh ra), chữ “*chư pháp*” bao gồm cả hư không, “*duy tâm sở hiện*” (chỉ là do tâm hiện), Tâm có thể hiện, Thức có thể biến. Tánh Thức có thể sanh, có thể biến, nhưng nó bất biến (bổn tánh bất biến), hết thấy vạn pháp đều do bổn tánh biến hiện ra. Nếu chúng ta hiểu rõ, thấu suốt chuyện này thì nhà Phật gọi đó là “minh tâm kiến tánh”, tham - sân - si - mạn đều đoạn sạch hết, quyết định chẳng sanh, hiểu rõ chân tướng sự thật. Trước khi hiểu rõ, chắc chắn không thể đoạn hết được. Dầu quý vị dụng công tu hành mong đoạn trừ, thì có thể nói là “ngó sen dù gãy, tơ vẫn còn nối liền”, không đứt sạch được!

Do vậy, nếu quý vị có một công phu định lực kha khá sẽ chuyển được Kiến Trược. [Muốn đoạn] Phiền Nã Trược nhất định phải mở mang trí huệ, tức là “*chuyển phiền não thành Bồ Đề*” mới hòng đoạn sạch. Do vậy, đoạn Tư Hoặc khó hơn đoạn Kiến Hoặc!

Kinh Hoa Nghiêm có một bài kệ như sau:

*Pháp tánh biến tại nhất thiết xứ,
Nhất thiết chúng sanh cập quốc độ,
Tam thế tất tại vô hữu dư,
Diệc vô hình tướng nhi khả đắc.
(Pháp tánh trọn khắp tất cả chỗ,
Hết thấy chúng sanh và cõi nước,
Ba đời thấy đều không còn sót.
Cũng không hình tướng để hòng được!)*

Bài kệ này chúng tôi đã giảng qua rồi. Nếu chúng ta thực sự biết rõ hết thấy các pháp là nhất niệm tự tánh, biết hết thấy chúng sanh đều là bạn lành đời trước, có cùng một Phật Tánh thì gọi là “*nhập Phật tri kiến*”. Đó gọi là “*minh tâm kiến tánh*”, đó là “*kiến tánh thành Phật*”; phiền não, tập khí lẫn căn cội của nó đều bị chuyển biến. Vì vậy, tu hành là tu điều gì? Tôi phải nói thông tục cho mọi người thật dễ hiểu, quý vị

sẽ hiểu rất dễ dàng: Tu để sửa đổi nghèo khó thành phú quý, tu để sửa đổi ngu si thành thông minh, trí huệ; tu để sửa đổi bệnh khổ thành mạnh khỏe, trường thọ. Quý vị hiểu điều này chớ? Đúng vậy, nguyên do quả thật là như vậy, quý vị phải thực sự hiểu rõ. Cái học vấn này quý vị có cần học hay không? Có muốn thực hiện phương pháp này hay không? Nếu quý vị làm được, sẽ có đại lợi ích.

Chúng ta muốn được giàu có, muốn được vô lượng vô biên của cải giống như chư Phật, Bồ Tát thì có được hay không? Phật, Bồ Tát trả lời khẳng định: “Quý vị vốn đã có sẵn! Của cải vô lượng vô biên trọn khắp hư không pháp giới”. Vì sao nay lại biến thành bần cùng như vậy? Là do quý vị đánh mất tự tánh “có thể hiện, có thể biến”, cho nên mới biến thành đáng thương như vậy. Chư Phật và Pháp Thân Bồ Tát thấy quý vị rất giàu có, gia tài vạn ức! Nay quý vị bần cùng như kẻ ăn mày, thật đáng thương! Câu nói “*thật đáng thương*” ý vị rất sâu! Quý vị chẳng thực sự lâm vào cảnh bần cùng đến mức như thế. Nếu quý vị thực sự lâm vào hoàn cảnh bần cùng như vậy, Phật, Bồ Tát sẽ chẳng thể thoát ra câu ấy. Quý vị gia tài vạn ức, nay phải ôm bát đi xin cơm, há chẳng phải là kẻ đáng thương, hồ đồ đến mức ấy hay sao? Vạn ức gia tài ở đâu vậy? Ở nơi tánh đức, tự tánh.

Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường giảng tự tánh có vô lượng trí huệ, trí huệ rất ráo viên mãn, đức năng rất ráo viên mãn, tướng hảo rất ráo viên mãn, không khác gì chư Phật, Bồ Tát! Kinh Tịnh Độ nói đến A Di Đà Phật, kinh Hoa Nghiêm nói đến Tỳ Lô Giá Na Như Lai, hết thấy chúng sanh hoàn toàn giống hết các Ngài, không sai khác tí ti nào! Hoàn cảnh sanh sống, nhà cửa của chúng ta là ở đâu? Trong Hoa Tạng, trong Cực Lạc. Hoa Tạng, Cực Lạc chính là nhà của chúng ta. Nay chúng ta cũng chẳng lìa khỏi nhà, chỉ là do mê nên không biết cái nhà của chính mình, không biết chính mình giàu có, cho nên mới khởi tham - sân - si - mạn.

Do mê muội, chúng ta mới mong cuộc sống giàu có, dư dật một chút, sống hạnh phúc một chút, nhưng nay chúng ta không có cách gì mình tâm kiến tánh, chưa giác ngộ, thì phải làm cách nào đây? Đức Phật dạy chúng ta “hành”! Quý vị phải khéo tu, Tu Đức tương ứng với Tánh Đức thì điều mong cầu sẽ hiện tiền. Ta muốn cầu giàu có thì cái nhân của giàu có là phải biết bỏ ra của cải. Quý vị phải nhớ kỹ nguyên tắc chung ấy. “*Bỏ, được*”, danh từ ấy chính là lời Phật dạy. Mọi người trong thế gian cũng đều nói: “Anh có bỏ ra được không?” Thật ra, Bỏ chính là nhân, Được là quả. Xả tài đắc tài, xả phước đắc phước. Xả chính là bỏ

thí.

Nếu chúng ta muốn giàu có, hãy tu Tài Bố Thí. Muốn được thông minh, trí huệ, hãy tu Pháp Bố Thí. Muốn được mạnh khỏe, trường thọ, hãy tu Vô Úy Bố Thí. Vô Úy Bố Thí là cứu khổ, cứu nạn, thấy hết thấy chúng sanh khổ nạn, ta toàn tâm, toàn lực giúp đỡ. Làm như vậy thì quả báo là mạnh khỏe, trường thọ. Những gì đức Phật dạy trong kinh điển, nếu chúng ta có thể lãnh hội, thấu hiểu, có thể áp dụng vào những hành vi trong cuộc sống, thường ghi nhớ những lời giáo huấn ấy của đức Phật, niệm niệm không quên, hễ gặp cơ hội bèn nghiêm túc nỗ lực thực hiện. Tài phải tán, tán ắt có tụ, tụ rồi lại phải tán. Tụ, tán vĩnh viễn tuần hoàn, vĩnh viễn chuyển biến. Càng tụ nhiều, lại càng tán nhiều, vĩnh viễn không dứt như thế, tương ứng với Tánh Đức, Tánh Đức sẵn có trong tự tánh sẽ hiện tiền. Đạo lý là như vậy.

Điều thứ hai trong Phiền Não Trược là sân khuể. “*Bất năng nhẫn nhục, bất liễu nhất niệm sân tâm khởi, hỏa thiêu công đức lâm*” (Không thể nhẫn nhục, không hiểu một niệm sân tâm dậy lên sẽ đốt trụi rừng công đức). Trong kinh luận Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa, đức Phật thường dạy chúng ta: Tham - Sân - Si gọi là ba độc phiền não. Lúc tôi giảng kinh cũng thường nói: Ba thứ này là virus nghiêm trọng nhất, bên trong có tam độc thì virus bên ngoài mới cảm nhiễm được. Nếu bên trong không có tam độc, dầu virus bên ngoài nghiêm trọng đến đâu cũng không thể cảm nhiễm. Phải hiểu đạo lý này! Đó là chân tướng sự thật. Đức Phật lại dạy chúng ta: Xan tham (keo kiệt, tham lam) là nghiệp nhân của ngạ quỷ đạo, xan tham đọa ngạ quỷ, sân khuể đọa địa ngục, ngu si đọa súc sanh. Ba hạnh nghiệp này là nghiệp nhân căn bản của ba ác đạo. Cũng có thể nói: Ba ác đạo có rất nhiều điều kiện, nhưng điều kiện hàng đầu, điều kiện quan trọng nhất chính là ba thứ này. Nếu chúng ta dẹp trừ được ba thứ độc trong tâm này, chắc chắn không đọa tam đồ.

Sân khuể nặng nề nhất, cổ nhân Trung Quốc thường nói: “*Tiểu bất nhẫn, tắc loạn đại mưu*” (không nhẫn được chuyện nhỏ, ắt hư chuyện lớn). Sự việc thế gian hay xuất thế gian, chuyện lớn phải nhẫn nại lớn, chuyện nhỏ phải nhẫn nại nhỏ. Người nào không thể nhẫn được, sẽ chẳng thể thành tựu pháp thế gian hay xuất thế gian nào cả! Chúng ta hãy lắng lòng quan sát những nhân vật quanh ta, ai có lòng nhẫn nại rất lớn, có thể nhẫn nhục, người ấy sẽ có thành tựu lớn lao. Ai cái gì cũng không thể nhẫn được, chúng ta biết kẻ đó chẳng thể thành tựu pháp thế gian hay xuất thế gian nào. Vì sao? Kẻ ấy không có tâm nhẫn nại! Ta thường nói là “không chịu đựng nổi khảo nghiệm, rất khó thành tựu!”

Trong kinh Kim Cang, đức Phật đã dạy một câu: “*Nhất thiết pháp đắc thành ư Nhân*” (Hết thầy pháp thành tựu bởi Nhân). Chúng ta muốn hoàn thành công việc thì phải dùng người, dùng người rất trọng yếu! Dùng người mà muốn quan sát xem có thể trọng dụng kẻ đó được hay không thì hãy nhìn vào ba chữ tham - sân - si. Nếu người ấy không tham, không sân, không si, người ấy đáng trọng dụng. Nếu người ấy xan tham không đoạn, tâm sân khuê rất nặng, chẳng thể nhẫn nhục, chẳng thể trọng dụng con người như vậy được! Nếu trọng dụng, nhất định sẽ làm hỏng việc, làm lỡ việc. Biết người, khéo dùng người, đó là Đại Học vấn đấy!

Không thể nhẫn nhục là vì không hiểu rõ lời đức Phật đã dạy: “*Nhất niệm sân tâm khởi, hỏa thiêu công đức lâm*” (Một niệm sân tâm khởi, đốt trụi rừng công đức). Do vì công đức chẳng dễ tu, chúng tôi thường nêu lên câu nói này rất nhiều lần. Trong mười mấy năm qua, trên giảng đài tôi thường cảnh tỉnh các đồng học: Nhất định không được sân khuê! Có sân khuê thì người khác bị tổn hại rất ít, chính mình bị thiệt hại quá lớn. Vì sao? Khiến cho toàn bộ công đức chính mình đã tu bị hủy hoại sạch. Kinh Phật tỷ dụ: Công đức của quý vị đã tu giống như chính quý vị trồng một cánh rừng. Quý vị thấy đó: Nếu muốn gây dựng một khu rừng, phải dùng bao nhiêu tâm huyết, tốn bao nhiêu thời gian vun quén cho mầm cây lớn trở thành cây to. Một cuộc đất trở thành rừng rậm há dễ dàng ư? Nhưng chỉ cần một mối lửa đủ để thiêu trụi toàn bộ cánh rừng ấy!

Những chuyện như vậy nay chúng ta thường nghe tin tức ở địa phương này nọ lửa lớn cháy núi, rừng rậm cả trăm ngàn năm bị lửa đốt sạch. Đức Phật dùng chuyện này làm tỷ dụ, chúng ta tu công đức không dễ dàng, vừa nổi máu nóng, công đức mất sạch. Công đức là gì? Công đức là Giới - Định - Huệ. Do Giới đắc Định, do Định khai Huệ. Giới - Định - Huệ là công đức. Vừa nổi nóng, Giới - Định - Huệ đều không còn nữa, mất sạch. Người tu hành sợ nhất là nóng giận, công phu cũng rèn luyện ở chỗ này: Thuận cảnh chẳng khởi tham luyến, nghịch cảnh chẳng khởi sân khuê. Thuận cảnh hay nghịch cảnh, thiện duyên hay ác duyên đều có thể giữ được cái tâm bình thường thì người ấy công đức thành tựu.

Kinh Duy Ma nói: “*Bình thường tâm thị đạo*” (Tâm bình thường là đạo), không phải là tiểu đạo mà là đại đạo! Chúng tôi gọi đó là “tâm thanh tịnh, bình đẳng”. Quý vị hãy nghĩ xem: “*Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*”. “Tham - sân - si - mạn - nghi” năm chữ

ấy phạm phải một chữ nào thì chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi đều không còn; một chữ cũng không được phạm! Chúng tôi thường gọi năm điều ấy là chân tâm, là đại Bồ Đề tâm, phải thường gìn giữ! Ta niệm niệm đều là chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, quyết định tương ứng với chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, đó là chân tâm của ta. Nay ta mê mất chân tâm, nay muốn khôi phục chân tâm của chính mình, muốn khôi phục thì phải niệm đầu nghĩ đáy, niệm niệm không quên, niệm niệm không rời. Bất luận trong cảnh giới nào cũng có thể giữ được chân tâm, giữ được sự chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, luôn đề cao cảnh giác.

Người mới vừa học Phật, vừa mới dụng công, nói chung thời gian giác ít, thời gian mê nhiều. Cổ nhân nói rất hay: *“Bất phạ niệm khởi, chỉ phạ giác trì”* (Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ biết chậm). Niệm là mê! Không sợ mê nổi lên, chỉ sợ giác (nhận biết) quá chậm! Chẳng hạn như khi ta gặp phải thuận cảnh thiện duyên, trong tâm vừa hoan hỷ bèn lập tức giác ngộ: Hoan hỷ thì được, nhưng không thể tham luyến! Biết *“nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh”* (hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng), niệm câu ấy mấy lượt. Kinh Kim Cang còn có câu *“phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng”* (phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng), niệm mấy câu ấy tâm bèn bình, hoan hỷ thì được, chẳng được tham luyến. Gặp phải nghịch cảnh, ác duyên, tâm sân khuể sanh khởi, cũng phải ngay lập tức niệm: *“Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng”*. Tâm bình khí hòa thì quý vị mới giữ gìn được cái tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, mới hòng gìn giữ được! Giữ gìn được thì sẽ là Phật, Bồ Tát. Không thể giữ gìn, để tham - sân - si, mạn, nghi sanh khởi trong tâm thì là phạm phũ.

Tham - sân - si, mạn, nghi là căn bản của lục đạo; lục đạo luân hồi do đâu mà có? Do những thứ này biến hiện, tức là tham - sân - si, mạn, nghi biến hiện lục đạo luân hồi. Nếu chuyển được tham - sân - si, mạn, nghi, chuyển thành chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi thì lục đạo không còn nữa, quý vị đã vượt thoát lục đạo. Không những vượt thoát lục đạo mà còn vượt thoát mười pháp giới, đi về đâu? Đi về thế giới Cực Lạc, đến thế giới Hoa Tạng, đến Nhất Chân pháp giới rồi!

Quý vị phải hiểu: Công đức của chính mình tu học được, bất cứ ai cũng không thể phá hoại, vậy thì ai có thể phá hoại? Chính quý vị tự phá hoại! Do vậy, ma vương, ngoại đạo trông thấy quý vị tu công tích đức, chúng phá hoại quý vị bằng cách nào? Biến hiện đủ mọi cảnh giới để dụ hoặc khiến quý vị khởi tâm tham, khởi tâm sân khuể, khác nào chúng nó

ở bên cạnh nhìn quý vị nổi nóng: “Tốt lắm! Cháy nhanh lắm! Công đức của nhà người cháy sạch hết rồi!” Quý vị bị mắc lõm, tự mình đốt mình, chứ chúng nó không có cách gì cả! Như vậy, đối với thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên, chúng ta phải có trí huệ để đối đãi bằng lý trí, nhất định không được xử sự theo cảm tình, hành động theo cảm tình là bị mắc lừa rất nặng.

Tham - sân - si là nhân, tam đồ là quả báo. Quý vị tạo cái nhân ấy thì tương lai sẽ đọa tam ác đạo, nhất định chẳng được mắc lừa. Trong kinh giáo, đức Phật dạy chúng ta: Mâu chột là chính mình phải biết chuyển biến. Kinh Lăng Nghiêm dạy rất hay: “*Nhược năng chuyển vật, tắc đồng Như Lai*” (nếu có thể chuyển được vật thì giống như Như Lai). Lời này để nói với ai vậy? Nói với Pháp Thân đại sĩ. Pháp Thân Bồ Tát hiểu rõ, chứ lục đạo chúng sanh không hiểu. Vì thế, Pháp Thân Bồ Tát có thể chuyển được cảnh giới, chuyển bất thiện thành thiện, chuyển nhiễm ô thành thanh tịnh, đều tương ứng với Tánh Đức, hay vậy đó! Chúng ta học được bản lãnh ấy, sẽ không sanh sân khuê nữa!

Việc này rất khó, nhất là oan gia đối đầu, kẻ đó thường hủy báng mình, lăng nhục mình, phá hoại mình, ta trông thấy kẻ ấy, nghe đến tên kẻ ấy, bèn nổi nóng, chúng ta thường nói đó là “chuyện thường tình của con người”. Thế nhưng Phật, Bồ Tát khác với chúng ta; Phật, Bồ Tát trông thấy kẻ khác bày đủ mọi cách, nhưng nghe đến danh hiệu của họ hoặc nghe lời họ hủy báng, các Ngài chẳng những không nổi nóng, lại còn sanh tâm cảm kích. Do vì nguyên cớ nào? Cớ sao lại sanh tâm cảm kích? Kẻ ấy có tốt gì với mình đâu cơ chứ? Phật, Bồ Tát bảo: “Kẻ ấy tiêu nghiệp chướng thay cho ta! Mỗi một chúng sanh chúng ta trong vô lượng kiếp đã luân hồi sanh tử trong lục đạo, tạo không biết bao nhiêu tội nghiệp. Người ấy tiêu nghiệp chướng cho ta, ta cung kính kính cảm kích người ấy, không nẩy sanh chút tâm sân khuê nào”. Đó là gì? Phải là bậc giác ngộ, bậc minh bạch mới có thể làm như vậy được; còn người mê hoặc, người không giác ngộ sẽ không thể làm nổi. Do vậy, thuận cảnh, nghịch cảnh, thuận duyên, nghịch duyên đều là thiện tri thức, đều giúp chúng ta tiêu nghiệp chướng, giúp chúng ta thành Phật đạo.

A! Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp điều thứ ba trong Phiền Não Trược là Si: “*Bát*

năng minh giác” (chẳng thể minh giác), “*minh*” là minh bạch, “*giác*” là giác ngộ. “*Bất liễu chư hành vô thường, tất cánh không tịch*” (chẳng hiểu các hành vô thường, rốt ráo không tịch). “*Si*” là ngu si, nói thông thường là không có năng lực hiểu rõ vũ trụ vạn hữu là chân hay giả. Thế nào là chân? Thế nào là giả? Thế nào là tà? Thế nào là chánh? Thế nào là đúng? Thế nào là sai? Thế nào là thiện? Thế nào là ác? Thế nào là lợi? Thế nào là hại? Chẳng thể phân biệt, chẳng thể hiểu rõ, đó là ngu si. Ngu si tạo thành tổn hại rất nặng nề. Vì sao? Vì luôn luôn sai lầm, coi giả là thật, tưởng thật là giả.

Chúng tôi nêu một thí dụ rõ ràng nhất: Giáo huấn của cổ thánh tiên hiền là thật, là chánh, là lành, là lợi; kẻ ấy hiểu lầm, cho giáo huấn của cổ thánh tiên hiền là giả, nhằm phục vụ để vương chuyên chế thuở xưa kia, là lừa dối chúng sanh, chẳng tốt lành gì cho hiện tại, không có lợi ích gì, cho nên phủ định, vứt bỏ, [thái độ và cách nghĩ ấy] tạo thành tai nạn trọng đại cho xã hội ngày nay, nhưng họ không biết căn nguyên tai nạn là đâu? Quy kết về cội nguồn thì chính là Si, không có trí huệ thực sự! Làm sao để có thể chuyển ngu si thành trí huệ? Chuyển được là Phật, Bồ Tát, không chuyển được thì là phàm phu! Si là căn bản của hết thảy ác nghiệp, vì thế, đức Phật gọi tham - sân - si là ba độc phiền não, ba thứ ấy chính là đại căn bản của hết thảy sự bất thiện. Chuyển được ba thứ ấy thành ba thiện căn “không tham, không sân, không si”; đức Phật dạy hết thảy thiện pháp thế gian đều do ba thiện căn “không tham, không sân, không si” sanh ra.

Chúng ta học Phật không thể vượt thoát thế gian thì tối thiểu phải biết tu ba thiện căn. Vì sao? Trong lục đạo, nhất định chẳng đọa trong tam ác đạo! Người thường tu ba thiện căn nhất định sanh vào thiên đạo, bởi lẽ, nhân gian không có phước báo lớn lao như thế, phải lên trời hưởng phước. Nếu đem phước báo ấy hồi hướng Bồ Đề, hồi hướng chúng sanh, hồi hướng cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, sẽ chắc chắn được vãng sanh, vì sao? Kẻ ấy là thiện nhân, Tây Phương Cực Lạc thế giới là nơi các thượng thiện nhân cùng nhóm họp, người ấy tâm lành, tư duy lành, hành vi lành, nhất định được sanh. Ở đây, câu nói sau đây của Ngẫu Ích đại sư có ý nghĩa rất sâu xa: “*Bất liễu chư hành vô thường, tất cánh không tịch*” (Chẳng hiểu các hành vô thường, rốt ráo không tịch). Nói cách khác, người ấy thực sự hiểu rõ: “*Vạn pháp giai không, nhân quả bất không*” (Vạn pháp đều không, nhân quả chẳng không). Tư tưởng của người ấy là trí huệ, kiến giải là trí huệ, ngôn hạnh là trí huệ, tất nhiên phát sanh trí huệ, trước hết là không tham, nhất định không si, đó là điều

khăng định!

Loại phiền não lớn thứ tư là Mạn. Mạn (慢) là ngạo mạn. Quý vị phải nhớ kỹ: Mạn là phiền não căn bản, là phiền não rất nghiêm trọng, quyết định chẳng được coi thường, chẳng thể bỏ qua, nó là chướng ngại nghiêm trọng trong việc tu hành chứng quả. Quý vị hãy suy nghĩ vì sao trong Phật pháp phải hằng ngày tu hành lễ kính; nguyện đầu tiên trong mười đại nguyện vương là “*lễ kính chư Phật*”? Chúng ta vào Phật đường, vì sao trước hết phải đối trước hình tượng Phật, Bồ Tát lễ ba lạy? Làm như vậy để làm gì? Nhằm tu đoạn trừ ngạo mạn. Dùng đánh dấu của chúng ta lễ dưới hai chân Phật nhằm chiết phục sự ngạo mạn của chính mình. Sự giáo học ấy rất tiếc ít người hiểu được ý nghĩa thực sự, chỉ cung kính Phật, chứ không cung kính người, đối với hết thầy vạn vật lại càng không biết cung kính, như vậy là gì? Là không biết lễ Phật!

Cổ nhân có tỷ dụ sau đây: Người không biết tu lễ Phật, ngày ngày lễ Phật như cái chày giã gạo thời cổ, quả thật giống như cái chày cứ nhấc lên, đập xuống, không có mảy may ý nghĩa gì cả! Phật pháp đúng là từng giọt, từng điểm, từng phía, từng mặt đều là giáo học, là giáo dục! Dạy quý vị đối với Phật hết sức cung kính như thế thì ứng dụng trong cuộc sống, trong xử sự, đãi người, tiếp vật, đối với hết thầy người, hết thầy sự, hết thầy vật, chúng ta phải cung kính và lễ kính giống hết như đối với chư Phật Như Lai, có ý nghĩa như thế ấy! Nhằm nhổ trừ tận gốc phiền não ngạo mạn (ngạo mạn là phiền não căn bản), thực sự học được một môn công khóa này thì sẽ thực sự đắc lực. Ngày nào đó, đối với hết thầy người, hết thầy vật, hết thầy sự, quý vị đều có thể khiêm hư, đều nhún nhường thì đã tốt nghiệp công khóa ấy. Quý vị thấy Thích Ca Như Lai, những vị đại Bồ Tát, các vị Pháp Thân Bồ Tát, có vị nào còn tập khí ngạo mạn hay chẳng? Có vị nào tự cho mình là đúng hay chẳng? Không hề có!

Qua kinh điển, chúng ta thấy Thích Ca Mâu Ni Phật đối với kẻ bần cùng, già bệnh, ăn xin, Ngài đều lễ kính, đều tôn trọng, đều quan hoài, đều chiếu cố, không hề có mảy may thái độ khinh mạn. Thấy như vậy xong, lại nghĩ chúng ta thường ngày xử sự, đãi người, tiếp vật, [hễ thấy] tự mình có tí tẹo hay ho gì bèn học theo quan niệm làm lạc của người thế gian, “*cảm thấy rất đáng kiêu ngạo*”. Đó là quan niệm của lục đạo. Quan niệm của những kẻ nào trong lục đạo? Quan niệm của yêu ma quỷ quái, chứ bậc thánh hiền, quân tử trong lục đạo không hề có quan niệm ấy, các vị biết khiêm hư, biết tôn kính người khác. Ngạo mạn, không để ai vào mắt, coi thường người khác, tự cho mình là đúng, đây là

ma đạo, chứ nào phải Phật đạo hay Bồ Tát đạo! Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát không có quan niệm ấy, ma thì có, yêu ma quỷ quái tự cho mình là đúng. Bởi vậy, chính mình phải thường tự quán sát ta đang đi theo con đường nào? Nếu trong tâm mình có năm thứ kiến giải lầm lạc, năm thứ tư tưởng sai lầm thì chúng ta đang đi trên con đường luân hồi, chứ không phải là Phật đạo, không phải là Bồ Tát đạo! Ngay cả trong Thanh Văn đạo cũng đã đoạn những quan niệm ấy.

Đoạn được năm thứ kiến giải lầm lạc trước (tức Ngũ Lợi Sử) bèn chứng quả Tu Đà Hoàn; đoạn được năm thứ phiền não sau (tức Ngũ Độn Sử) thì chứng quả A La Hán, năm điều ấy là tư tưởng sai lầm. Do vậy, biết rằng: Phải sửa đổi kiến giải, tư tưởng sao cho không còn lầm lạc. Không còn lầm lạc nữa thì sẽ vượt thoát lục đạo. Đối với quý vị, những chiều không gian khác nhau trong lục đạo không còn nữa vì quý vị đã vượt thoát rồi. Do vậy, chúng ta phải thường xuyên phản tỉnh, phải quán chiếu xem bản thân mình có những kiến giải lầm lạc, có những tư tưởng lầm lạc như vậy hay không? Nếu vẫn còn, dù hằng ngày niệm Phật cũng chẳng thể vãng sanh!

Vì sao? Tuy nói vãng sanh là đời nghiệp vãng sanh, nhưng cô đức thường nói: *“Mang theo nghiệp cũ, chẳng tạo nghiệp mới”*, nay chúng ta vẫn có những thứ đó, sẽ không đời nghiệp được, sẽ chẳng thể vãng sanh. Trong quá khứ có thì được, mang đi theo được! Cô nhân thường khuyến khích chúng ta: *“Tùy duyên tiêu nghiệp cũ, chớ lại tạo họa mới”*. Đó là ý nghiệp! Trong tâm khởi lên cách nhìn sai lầm, cách nghĩ sai lạc, đó là ý nghiệp, ý tạo nghiệp đấy! Trong thân - khẩu - ý nghiệp, ý nghiệp nghiêm trọng nhất, sức nó mạnh mẽ nhất, chúng ta chẳng thể không biết, chẳng thể không hạ công phu nơi đó.

Con trai Thích Ca Mâu Ni Phật là tôn giả La Hầu La xuất gia từ nhỏ. Trong Tăng đoàn, có lẽ Ngài là tiểu sa-di nhỏ tuổi nhất. Mọi người thấy Ngài hằng ngày chơi đùa bên ngoài, đức Phật biết Ngài tu mật hạnh. Gọi là *“mật hạnh”* vì người ta không thấy Ngài biểu hiện ra ngoài, dụng công trong tâm. Chúng ta học Đại Thừa, nhất là học Tịnh Độ, học Hoa Nghiêm, hằng ngày nói Phật tánh bình đẳng, hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, Phật tánh bình đẳng. Do vậy, đối với bất cứ chúng sanh nào (*“chúng sanh”* nói ở đây là hữu tình chúng sanh, nay chúng ta gọi là *“động vật”*) phải tôn trọng, phải quan hoài, phải hợp tác giúp đỡ lẫn nhau, chẳng thể đối xử bằng ác niệm, chẳng thể dùng hành vi ác để đối đãi, nhất định phải biết đối xử hòa thuận.

Sự hòa thuận phát xuất từ nội tâm, hòa là tánh đức, tự tánh vốn là

hòa mục, vì sao không hòa? Là vì quý vị nhiễm phiền não tập khí, nhiễm trước tự tư, tự lợi nghiêm trọng, ngộ nhận người khác gây tổn hại đến quyền lợi của chính mình, ta cùng người bất hòa, hiểu lầm hết sức nghiêm trọng. Phải biết tánh đức là bình đẳng, ai có thể tổn hại lợi ích của quý vị? Không hề, không có ai cả! Ai tổn hại lợi ích của mình? Bản thân mình có quan niệm sai lầm, tư tưởng sai lầm, nên lợi ích của chính mình bị tổn hại, chứ bên ngoài quả thật không có. Nếu nghĩ người khác làm tổn hại mình thì quý vị đúng là kẻ oan uổng. Chính quý vị tạo tội nghiệp nghiêm trọng, tự chương ngại lợi ích của chính mình. Đạo lý này rất sâu, người hiện tại thực sự không có nhiều người biết đến. Trước kia, người biết lý này không ít, bậc hiền thánh dạy, người già cả dạy, cha mẹ dạy, thầy dạy, có người chỉ dạy mình, nay không có ai dạy cả!

Trong vòng vũ trụ, mọi thứ tác động lẫn nhau, nhất định không có ngoại duyên có thể gây chương ngại, nhất định phải hiểu đạo lý này! Hễ nghĩ người bên ngoài có thể chương ngại mình thì chắc chắn là cách nghĩ, cách nhìn lầm lạc. Nếu người ngoài có thể chương ngại mình thì đương nhiên người ngoài cũng có thể thành tựu mình. A! Phật, Bồ Tát là người ngoài, Phật, Bồ Tát đại từ, đại bi, ắt các Ngài thành tựu mình, mình đâu cần phải tu hành nữa! Nếu Phật không đến giúp ta thì Ngài không từ bi, đã trái nghịch bốn nguyện. Muốn liễu giải chân tướng sự thật thì hãy nhìn vào hội Lăng Nghiêm: A Nan là em họ của Thích Ca Mâu Ni Phật. Trong tám người anh em họ của Ngài, Thích Ca Mâu Ni Phật là người lớn nhất, tức đại ca, A Nan là em nhỏ nhất, đức Phật cũng yêu mến A Nan nhất. A Nan gặp phải nạn Ma Đăng Già nữ mới hiểu đức Phật có giúp Ngài được hay không? Không thể! Đúng là cha con trèo núi mỗi người phải tự nỗ lực, ai ăn nấy no, chuyện này người khác không thể làm thay được!

Như vậy, trong đời này, nếu quý vị nói người khác hại mình, không có chuyện đó đâu. Người mê ắt cũng gật đầu: “Kẻ đó hại anh, có lỗi với anh!” Người giác ngộ cười cợt: “Ai hại quý vị đâu? Tự mình hại mình!” Sao tự mình lại hại mình? Quý vị thường nghĩ kẻ nào đó hại mình, quý vị sẽ thực sự bị kẻ ấy hại. Thật ra, kẻ ấy trọn chẳng hại quý vị, chỉ là chính mình nầy sanh hiểu lầm, chính mình có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, những thứ ấy hại mình thâm lắm! Người giác ngộ không như vậy, người ta dựng chuyện hủy báng mình, hủy nhục mình, hãm hại mình, mình đã giác ngộ, đã minh bạch, bèn chuyển biến ý niệm, cảm tạ kẻ ấy, anh tiêu nghiệp chương cho tôi, tăng phước huệ cho tôi, nâng cao cảnh giới cho tôi. Người giác ngộ là như vậy đấy! Quý vị thấy

một đẳng giác, một đẳng mê, sai biệt lớn dường ấy. Những ngoại duyên bên ngoài tùy thuộc cách nhìn, cách nghĩ, cách làm của quý vị như thế nào; nếu quý vị thấy lầm, nghĩ lầm, làm sai, quý vị sẽ bị tổn hại, chính mình tổn hại mình. Nếu cách thấy chính xác, cách nghĩ chính xác, cách làm chính xác, sẽ tự mình nâng cao cảnh giới của chính mình.

Như vậy, ngoại duyên đều là thiện duyên; tự mình nghĩ sai, thấy sai, làm sai, ngoại duyên bèn thành ác duyên; chứ thật ra, duyên bên ngoài không có thiện hay ác. Ngẫu Ích đại sư nói một câu không sai chút nào: “*Cảnh duyên vô hảo xú, hảo xú tại u tâm*” (Cảnh duyên không tốt - xấu, tốt - xấu vốn do tâm), đúng là nói ra chân tướng sự thật, nói rất rõ ràng. Do vậy, ngạo mạn là đại phiền não, khiêm hạ là đại công đức; hãy nên khiêm hư, hãy nên nhún nhường, khiêm tốn trước mặt người khác. Thường học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, thường học theo Khổng lão phu tử. Khổng lão phu tử đối với người khác khiêm hư, quý vị thấy các học trò của Ngài, rất nhiều học trò của Ngài cùng nêu nhận xét về thầy mình. Họ cùng nhất trí công nhận thầy có năm đức, năm thứ đức hạnh ấy mọi người không có. Sách Luận Ngữ ghi là “*ôn, lương, cung, kiệm, nhượng*” (ôn hòa, thiện lương, cung kính, tiết kiệm, nhường nhịn).

Phu Tử ôn hòa, thiện lương, cung kính, đối với bất cứ người hay sự vật nào, Khổng lão phu tử cũng đều cung kính. Ngài tiết kiệm, nhường nhịn, không hề có mảy may thái độ kiêu mạn nào. Lúc nào, chỗ nào, Ngài cũng cảm thấy mình không bằng người khác, tự mình học không đủ, khiêm hư, nhường nhịn. Biết Phật tánh của hết thảy chúng sanh là bình đẳng thì ý niệm ngạo mạn tự nhiên không còn, đây chính là như đức Phật thường giảng trong kinh Đại Thừa: “*Nhất thiết chúng sanh giai vi ngã quá khứ phụ mẫu, vị lai chư Phật*” (Hết thảy chúng sanh đều là cha mẹ ta trong quá khứ, là chư Phật trong vị lai). Nghĩ đến điều này, tâm cung kính bèn sanh khởi, chân tâm lễ kính chư Phật bèn sanh khởi. Quả thật, trong thế gian này, chúng ta chẳng chỉ có một đời, một kiếp, quá khứ vô thủy, vị lai vô chung. Chúng ta cùng hết thảy chúng sanh đều có liên quan, có quan hệ mật thiết, dầu trong đời này không biết nhau, nhưng nhiều đời nhiều kiếp trước chắc cũng là người một nhà.

Tại phương Tây cũng có không ít nghiên cứu khoa học, quá nửa là trong thế kỷ này, nghiên cứu đời trước, đời này; phong trào nghiên cứu về sự luân hồi ở phương Tây đang được bắt đầu. Chúng tôi thấy rất nhiều báo cáo khẳng định con người quả thật có đời trước, chứng minh lời Phật dạy là chính xác, không phải là vọng ngữ. Trong tương lai, những chúng sanh ấy đều là chư Phật vị lai. Vì sao? Họ có Phật tánh.

Chúng ta biết những chúng sanh ấy bao gồm cả muỗi, kiến, những loài động vật nhỏ nhoi ấy đều là cha mẹ ta trong quá khứ, đều là vị lai chư Phật; chúng ta thấy được như vậy thì cái tâm ngạo mạn không còn nữa. Đó là thực sự tu hành!

Chữ cuối cùng là Nghi, tức ngờ vực. “*Bất năng quyết đoán, bất liễu thị thiện tắc khả thân, thị đạo tắc khả tấn*” (Chẳng thể quyết đoán, chẳng hiểu sự lành có thể thân cận, chẳng hiểu đạo có thể noi theo). Kinh Đại Thừa nói Nghi là chướng ngại lớn nhất trên con đường Bồ Tát. Nghi là gì? Ngờ vực lời thánh nhân răn dạy, quả thật là đại chướng ngại, bỏ lỡ cơ hội trong đời này. Đoạn nghi sanh tín! Phá nghi bằng cách nào? Bằng trí huệ! Trí huệ chẳng mở mang thì không có cách gì phá trừ nghi hoặc. Có như vậy rồi thì quý vị mới có năng lực quyết đoán, thân cận thiện pháp, thân cận thánh hiền, mới hòng đạt lợi ích, thành tựu đạo đức của chính mình, thành tựu học vấn của bản thân, nâng cao được cảnh giới của chính mình.

Sự việc sung sướng nhất trong một đời người là thân cận thiện pháp, thân cận thánh hiền, niềm sung sướng này trong xã hội hiện tại càng ngày càng hiếm, vì sao? Người đọc sách thánh hiền không còn. Trong xã hội hiện tại, người đọc sách thánh hiền bị người đời nhìn như thế nào? Kẻ cổ hủ, không hợp thời, không thiết thực! Do mọi người đều nhìn mình bằng con mắt khác lạ, những kẻ cổ hủ cũng cảm thấy cảm khái muôn ngàn.

Biết thế gian biến huyễn vô thường, hết thấy biến huyễn đều là duy thức sở biến. Thức là gì? Là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Chúng ta chú tâm quan sát cách họ nghĩ, cách họ phân biệt, cách họ chấp trước là chánh diện hay nghịch diện, có tương ứng với quy luật tự nhiên hay không. Kinh Phật gọi quy luật tự nhiên là “*tánh đức*”, Nho gia gọi là “*bổn thiện*”. Sách Đại Học giảng là “*minh đức, tân dân, chỉ u chi thiện*”. Tương ứng với những điều đó, thế giới này sẽ tốt đẹp; trái nghịch những điều đó thì thế giới này tất nhiên có tai nạn dữ dội. Cát - hung, họa - phúc phát xuất từ sự khởi tâm động niệm, ngôn ngữ và tạo tác của đại chúng trong xã hội; thấy được rõ ràng, minh bạch [điều này] thì là bậc trí giả, là người có trí huệ.

Chịu phát tâm giúp hết thấy đại chúng phá mê khai ngộ, người như vậy được gọi là Nhân Giả (bậc có lòng nhân), thực sự nhân từ, biết điều không thể làm được mà vẫn làm. Thích Ca Mâu Ni Phật là người như thế, Khổng lão phu tử cũng là người như thế. Từ lịch sử, chúng ta có thể thấy, nhìn từ thời đại của Phật Thích Ca, Khổng Tử trở đi mãi cho

đến ngày nay, trong ba ngàn năm, mực độ luân lý đạo đức không ngừng hạ xuống, chưa hề được nâng lên. Lúc tại thế, Khổng lão phu tử đã hết sức cảm thán. Luân lý đạo đức của con người trong xã hội thời ấy, nếu đem so với thời Nghiêu - Thuấn - Vũ - Thang, kém hơn một mức độ rất lớn. Thế nhưng nếu nhìn từ thời đại Khổng lão phu tử cho đến hiện thời, có thể nói là chìm đến tận đáy. Đền tận đáy nghĩa là sao? Hoàn toàn không còn gì nữa!

Trong thế giới ngày nay, nói thật ra, toàn bộ xã hội khởi tâm động niệm quả thật là tham - sân - si, mạn, nghi một trăm phần trăm. Trong thời đại thượng cổ, vào thời Nghiêu - Thuấn - Vũ - Thang, lòng người trong cả xã hội không có tham - sân - si, mạn, nghi. Tâm con người thời ấy như thế nào? Vô tham, vô sân, vô si, vô mạn, vô nghi, một trăm phần trăm là thiện căn. Ngày nay, một trăm phần trăm là Tam Độc, nói gộp lại là Ngũ Độc. Thời gian này bất quá là bốn hay năm ngàn năm, vào thời đại trước bốn hay năm ngàn năm ấy, nếu chúng ta dùng con số năm để tính toán, tức là dùng năm thiện căn [để luận định] thì tâm của toàn bộ đại chúng trong xã hội [thời ấy] đều giữ năm thiện căn. Năm ngàn năm sau, tức hiện thời, đại chúng trong xã hội toàn là ngũ độc!

Hiện tại không có khả năng phân biệt thiện - ác, không có năng lực phân biệt chánh - tà, quý vị nói phải làm cách nào đây? Làm chuyện tốt, không những người ta chẳng cảm kích, trái lại còn oán hận, còn muốn tổn hại mình. Nên làm hay không? Vẫn cứ phải làm, chẳng thể không làm! Chúng ta làm, chúng ta biết mình tu được một chút phước, chẳng hưởng trong thế gian này, thế gian này không có phước. Sẽ hưởng ở đâu? Nếu chẳng cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì hưởng phước trong thiên đạo. Người thực sự minh bạch, người thực sự giác ngộ biết thiên đạo không phải là rốt ráo, quyết định cầu sanh Tịnh Độ, lấy “đoạn ác, tu thiện” để làm tư lương tu Tịnh Độ. Người khác đối với mình bất thiện, ta dùng sự chí thiện đối đãi họ; người khác dùng hư ngụy đối với mình, mình dùng lòng chân thành đối với họ, ai đi đường nấy! Quý vị hỏi: “Tôi vì sao phải làm như vậy” ư? Ta đi theo đường Bồ Đề, ta đi theo con đường Bồ Tát, người ta đi theo đường lục đạo, ai đi đường nấy. Tiêu chuẩn của mỗi một con đường khác nhau, ta chẳng thể bỏ tiêu chuẩn của mình. Nếu ta bỏ tiêu chuẩn của mình là hỏng. Đoạn này chúng tôi giới thiệu đến đây thôi. Lại xem tiếp điều thứ tư là Chúng Sanh Trược.

4) “*Kiến Tư sở cảm, thô tệ Ngũ Ấm hòa hợp, giả danh chúng sanh, phi hân yếm chi hạnh, tất bất năng độ*” (Do Kiến - Tư cảm lấy

năm âm thô xấu hòa hợp, giả gọi là chúng sanh, không có hạnh ưa [cối Cự Lạc] chán [ghét Sa Bà], ắt chẳng thể độ được). Danh từ “*chúng sanh*” vốn có nghĩa là các hiện tượng do các duyên hòa hợp lại mà sanh khởi, nên gọi là chúng sanh. Trong kinh Phật thường gọi chúng ta là “*chúng sanh*”, cách xưng hô này hay lắm. Vì sao? Từ cách xưng hô, chúng ta được cảnh tỉnh, khiến chúng ta hiểu được chân tướng sự thật. Thân thể của chúng ta là hiện tượng do các duyên hòa hợp mà sanh khởi, nói trắng ra là không phải thật. Các duyên hòa hợp thì hiện tượng này tồn tại; nếu các duyên phân tán, hiện tượng ấy không còn tồn tại nữa. Chớ nên coi đó là thật, coi là thật thì tức là sai rồi!

Hiện tượng này do đâu mà có? Câu đầu tiên giảng rất hay: “*Kiến Tư sở cảm*” (Do Kiến - Tư cảm lấy), Kiến - Tư chính là duy thức sở biến, cũng là như trong giáo pháp Đại Thừa đức Phật thường dạy: “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (Hết thảy pháp từ tâm tướng mà sanh). Thân thể của chúng ta cũng sanh từ tâm tướng, Kiến Tư là tâm tướng, chính là Thức biến. Hết thảy các pháp đều sanh từ tâm tướng, đây là chân tướng của sự thật trong vũ trụ. Một lời của Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói toạc chân tướng của sự thật trong vũ trụ, khiến cho chúng ta hiểu rõ, tỉnh ngộ. Do các duyên hòa hợp mà sanh khởi, hiện thành tướng, chẳng thể nói là có, cũng chẳng thể nói là không. Nếu nói là không, rõ ràng hiện tượng tồn tại, quý vị thấy - nghe - hay - biết, quý vị có thể cảm nhận, tiếp xúc được! Nếu nói là có, nó “*sanh ra từ đâu, sẽ diệt tận nơi đó*”, sanh diệt trong từng sát-na, niệm niệm không ngừng. Vì thế, chẳng thể nói là không, cũng chẳng thể nói là có; quý vị phải hiểu rõ chân tướng sự thật.

“*Thô tẻ Ngũ Âm hòa hợp*” (Năm Âm thô xấu hòa hợp), năm Âm là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Trước hết, chúng tôi giải thích Ngũ Âm một cách đơn giản, rồi sau đó mới giảng câu “*giả danh chúng sanh*” (giả gọi là chúng sanh). Âm (陰) có nghĩa là che đậy, che đậy thứ gì? Chướng ngại tánh của chính mình, cũng là duy tâm sở hiện, chướng ngại tâm tánh. Ngũ Âm chướng ngại tâm tánh của chúng ta; chúng ta mê nơi năm âm này, chẳng hiểu rõ chân tướng của năm thứ này, khiến cho chúng ta sanh ra những cách nhìn sai lầm và cách nghĩ sai lầm đối với hết thảy vạn sự vạn vật trong vũ trụ. Vì vậy, gọi là Âm.

Âm thứ nhất trong Ngũ Âm là Sắc. Nói theo cách bây giờ, Sắc là vật chất. Tứ Đại Địa - Thủy - Hỏa - Phong là vật chất. Vật chất có bốn đặc tánh lớn, chắc chắn không thể tách rời bốn tánh chất này. Đặc tánh của nó là địa, thủy, hỏa, phong. Bốn chữ này đều là tỷ dụ, đều là hình

dung từ. Địa là loại vật thể chúng ta có thể thấy được, có thể sờ được, nó có thể rất nhỏ đến nỗi nhục nhãn không thể thấy được. Đức Phật nói thiên nhãn của A La Hán có thể thấy được vi trần. Vi trần vẫn chưa phải là nhỏ nhất, có những thứ còn nhỏ hơn vi trần nữa, tức Sắc Tự Cực Vi và Cực Vi Vi, đó là những thứ nhỏ nhất. A La Hán không thấy được Cực Vi Vi, ai mới có thể thấy? Bát Địa Bồ Tát trông thấy được. Bát Địa Bồ Tát là Bất Động Địa, thấy được Cực Vi Vi. Cực Vi Vi là căn nguyên của vật chất, tất cả hết thảy vật chất đều do nó tổ hợp thành. Như vậy nó là cái nhỏ nhất của vật chất.

Khoa học hiện tại đã phát hiện, cũng nói rất rõ ràng, rất minh bạch. Nhà khoa học dùng phương pháp phân tích, đem vật chất tách thành phân tử. Tách phân tử ra thấy phân tử do nguyên tử hợp thành. Lại phân tích nguyên tử thì nguyên tử do nguyên tử hạch (nuclear, hạt nhân nguyên tử) và điện tử hợp lại. Điện tử vẫn còn có thể chia nhỏ, nó do lap tử hợp thành. Lap tử vẫn còn phân ra được, kinh Phật gọi đó là Cực Vi Vi. Khoa học hiện tại đã phát hiện được điều này hay chưa? Còn chưa được! Khoa học gia biết có vật chất rất nhỏ, nhưng kính hiển vi hiện thời vẫn chưa nhìn thấy. Chúng ta phải đợi đến khi khoa học tiến hơn nữa, mới biết họ có phát hiện được Cực Vi Vi như kinh Phật nói hay không!

Từ những báo cáo khoa học mới nhất, chúng ta thấy các nhà khoa học luận về “*nguyên điểm*” (điểm khởi thủy) của vũ trụ. Chúng ta có thể giả thiết là một sợi tóc (sợi tóc không thô như thế, chúng ta giả thiết là một sợi tóc), cắt ngang sợi tóc, mặt cắt ngang của sợi tóc có hình tròn, mặt cắt ngang này là hình tròn thẳng góc với chiều dọc sợi tóc. Nơi mặt cắt thẳng góc ấy, xếp liên tiếp những vi trần Cực Vi Vi, xếp được bao nhiêu? Nơi thiết diện cắt ngang của một sợi tóc xếp các vi trần khít nhau, được một trăm vạn ức ức ức (ba chữ ức), điều này kính hiển vi hiện thời chưa thấy được. Nơi mặt cắt ngang thẳng góc của một sợi tóc có thể xếp được một trăm vạn ức ức ức những hạt vi trần bé tí như thế, không có cách gì thấy được. Hiện tại các nhà khoa học chỉ phát hiện được điều này trên lý luận.

Mỗi một hạt bé xiu như thế có bốn hiện tượng: Địa là vật chất, Thủy là độ ẩm, Hỏa là độ nóng. Khoa học hiện tại nói đến những vật tích điện âm hay điện dương. Thủy là âm điện, Hỏa là dương điện. Phong là động, không ngừng lặng. Tất cả hết thảy hiện tượng vật chất đều là động; nếu không động, sẽ không tồn tại. Đây cũng là điều được phát hiện bởi các nhà khoa học hiện thời. Họ nói thế giới không có vật chất. Vật chất là gì? Vật chất là một loại hiện tượng chấn động. Cách giải

thích này rất có lý, tương ứng với những điều kinh Phật đã giảng. Do từ chân động sanh ra hiện tượng, nên vật chất có bốn đặc tánh!

Thế nhưng vật chất cũng là “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, quyết định chẳng tách rời cái tâm. Đặc chất (characteristics, đặc tánh) của tâm cũng có Tứ Đại; vật có Tứ Đại, tâm cũng có Tứ Đại. Tứ Đại của tâm là gì? Thấy - nghe - hay - biết là những đặc tánh của nó. Vật chất dù nhỏ cũng chẳng bị mất đặc tánh của nó, nơi vật chất [đặc tánh ấy được] gọi là Pháp Tánh, nơi động vật gọi là Phật Tánh. Phật Tánh và Pháp Tánh là một tánh, chứ không phải hai, chỉ là một tánh, hoàn toàn tương đồng. Tánh là Tâm, tức chân tâm. Chân tâm và bốn tánh có cùng một ý nghĩa. Có khi ta gọi nó là tâm tánh; do tâm tánh hiện ra, vật chất do tâm tánh biến hiện. Nó biến thành vật chất. Vật chất có bốn đặc tánh lớn là địa, thủy, hỏa, phong.

Như vậy, đối với cái được gọi là vật chất, chúng ta nhận biết rõ ràng! Vật chất rốt cuộc là gì? Từ cái nhỏ nhất (Cực Vi Vi) có thể hợp thành lap tử, hợp thành điện tử, thành nguyên tử, thành phân tử, rồi lại hợp thành hết thủy vạn vật. Tất cả những gì sáu căn của chúng ta có thể tiếp xúc, hết thấy hiện tượng vật chất, hết thấy động vật, thực vật, khoáng vật, cho đến hư không đều thuộc vào hiện tượng vật chất. Phải liễu giải chân tướng của nó là gì, quý vị mới chẳng bị nó mê hoặc. Đối với hiện tượng vật chất, quý vị chẳng khởi tham - sân - si, mạn, nghi, nếu hiểu rõ [thì những phiền não ấy] sẽ không khởi. Không hiểu rõ, nhất định khởi tham - sân - si, mạn, nghi, tánh thức có thể hiện có thể biến của quý vị liền bị chướng ngại. Đó gọi là Âm, Sắc Âm là như vậy đó!

A! Bây giờ đã đến giờ rồi.

Tập 38

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần Ngũ Âm: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Sắc Âm tôi đã giới thiệu cùng quý vị rồi, Sắc là vật chất, chúng ta phải có nhận thức chính xác đối với nó.

Nay tôi nói đến Thọ trong Thọ - Tưởng - Hành - Thức. Thọ là năm thức đầu, tức là Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân “*lãnh nạp ngũ cảnh*” (lãnh nạp năm cảnh); nói như bây giờ thì là [năm giác quan] tiếp nhận cảnh giới bên ngoài. Mắt tiếp nhận Sắc bên ngoài, tai tiếp nhận âm thanh bên ngoài, mũi tiếp nhận mùi bên ngoài, lưỡi tiếp nhận vị bên ngoài, thân tiếp nhận mát, ấm, lạnh, nóng. Đó là Thọ, tức là [năm Căn] lãnh nạp

năm cảnh. Đó là nói về tác dụng của Thọ, tức là như nay ta nói “cảm thụ, hưởng thụ” đều gộp trong chữ Thọ này. Pháp Tướng Tông giảng Thọ bao gồm năm thức đầu (tức Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỵ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức).

Tưởng là thức thứ sáu, tức Ý Thức. Ý Thức có thể “*phân biệt, kế độ*” (phân biệt, tính toán, so đo). Thiền sư Trung Phong vì chúng ta khai thị có nói đến ba thứ tâm, thì Duyên Lự Tâm chính là Ý Thức, tức thức thứ sáu, duyên lự, phan duyên. Cái tâm nào có thể tư duy, có thể tưởng tượng thì thuộc vào thức thứ sáu. Những gì có năng lực phân biệt, có năng lực so lường, tính toán đều thuộc vào phân biệt, trong Ngũ Âm chúng thuộc vào Tưởng. “*Nhất thiết pháp tùng tâm tưởng sanh*” (hết thấy pháp sanh từ tâm tưởng). Công năng của thức thứ sáu rất lớn!

Hành là thức thứ bảy, “*hằng thâm tư lượng*” (luôn xem xét, suy lường), vì sao gọi là Hành? Vì nó không gián đoạn, niệm niệm không gián đoạn, chấp trước kiên cố. Thâm (審) là xem xét, Hằng (恆) là thường hằng, từ trước đến giờ không gián đoạn. Quan trọng nhất ở đây là chấp trước Ngã. Ngã có hai thứ, thứ nhất là Nhân Ngã, thứ hai là Pháp Ngã. Chấp trước kiên cố, đó là sai lầm. Trên thực tế, không hề có Ngã; Nhân Ngã lẫn Pháp Ngã đều không có.

Cái cuối cùng là Thức, chữ Thức ở đây chỉ thức thứ tám, “*chấp trì bất hoại*”. Thức thứ tám là A Lại Da Thức, thức thứ bảy là Mạt Na Thức, năm thức đầu là Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỵ Thức, Thiệt Thức và Thân Thức. Đây là dựa theo tám thức của Pháp Tướng để nói. Chúng ta thường gọi thức thứ tám là “*án tượng*”. Chúng ta thấy sắc, nghe tiếng, sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài tạo thành ấn tượng. Quý vị thấy một người nào đó, nghe âm nhạc diễn tấu một lần, quý vị có thể nhớ được, có thể hồi tưởng được sự việc đã qua, vì sao vẫn có thể nhớ lại được? Đó là vì ấn tượng đã ghi vào trong thức thứ tám. Thức thứ tám giống như nay ta gọi là kho lẫm, là nhà chứa lương, hay kho tài liệu, hoặc phòng tàng trữ hồ sơ. Tất cả hết thấy ấn tượng được ghi nhận bởi sáu thức đều tồn trữ nơi đây, vĩnh viễn chẳng bị mất đi, chấp trì (gìn giữ) không hoại. Không chỉ là những gì chúng ta thấy - nghe - hay - biết trong một đời được chứa trong ấy, không bị mất đi, mà tất cả những ấn tượng trong đời quá khứ, ngay cả trong vô lượng kiếp trước đều tồn trữ trong đó.

Chuyện này có thể chứng minh bằng thuật thôi miên của phương Tây. Chúng tôi từng xem một bản báo cáo: Có một người được thôi miên đến một mức độ rất sâu, có thể nói những chuyện vượt khỏi một

đời này, nói đến đời trước, đời trước đó nữa, rồi đời trước đó nữa, tổng cộng gần đến tám mươi bốn đời. Những chuyện thuộc tám mươi bốn đời trước đều có thể nói ra hết, tính ra thời gian là hơn bốn ngàn năm. Ông ta có thể nói trạng huống cuộc sống thời đó, ông ta tên gọi là gì, sống ở chỗ nào, tiếp xúc những ai, hỏi ông ta thời ấy sử dụng những loại tiền nào, ông ta đều nói được, quyết chẳng phải là dối người, quyết không bịa đặt. Điều này chứng minh những chủng tử hàm tàng trong A Lại Da Thức quả thật bất diệt. Chúng ta biết thôi miên hữu hạn, nhưng nói được đến tám mươi mấy đời trước quả thật chẳng dễ dàng.

Phật pháp nói Thiên Định có thể đột phá giới hạn, Thiên Định rất sâu! Như Thiên Định của A La Hán có thể biết được năm trăm đời, năm trăm đời trong quá khứ, lại còn biết năm trăm đời trong vị lai, A La Hán có năng lực như vậy. Năng lực của Bồ Tát càng lớn hơn; còn quả địa Như Lai thì biết tột cùng quá khứ vô lượng kiếp, vô lượng kiếp vị lai, thấy đều rõ ràng, thấy đều hiểu rõ. Vì sao? Nay chúng tôi hiểu đạo lý này rất rõ, là vì sau khi kiến tánh, ta thường gọi là “minh tâm kiến tánh”, hàng Bồ Tát Sơ Trụ trong Viên Giác sau khi kiến tánh, liền nhập Nhất Chân pháp giới, nhập pháp môn Bất Nhị, thời gian và không gian bằng zéro. Vô lượng kiếp trước đều bày trước mặt. Do đây biết rằng: Những thứ đựng trong cái kho tàng A Lại Da Thức này hết sức phong phú! Thích Ca Mâu Ni Phật đã từng nói: *“Nếu những chủng tử, tức những ấn tượng, trong A Lại Da Thức giả sử có vật chất, dù là vật chất hết sức nhỏ bé thì cùng tận cõi hư không cũng chẳng thể chứa hết”*, may là chúng không phải là vật chất.

Nơi những Bồ Tát thuộc địa vị sâu, kiến tánh cũng có sâu hay cạn sai khác. Bốn mươi một địa vị Pháp Thân Bồ Tát đều minh tâm kiến tánh, nhưng sự kiến tánh có sâu - cạn, rộng - hẹp khác nhau. Bồ Tát thuộc địa vị sâu xa có thể thấy được những chủng tử tập khí chứa trong A Lại Da Thức của người khác, giống như những gì chứa trong kho tài liệu, kho hồ sơ lưu trữ của anh, tôi có thể lấy ra coi, có thể tùy ý lấy ra coi. Không chỉ biết [chủng tử tập khí] của chính mình, mà còn biết [chủng tử tập khí] của hết thảy chúng sanh không chướng ngại. Quý vị thấy người được thôi miên bằng phương pháp thôi miên có thể rút ra những thứ trong kho hồ sơ tư liệu của chính mình, nhưng không có cách nào lấy từ kho của người khác. Thiên Định rất sâu có thể thấy được những tập khí chủng tử chứa trong A Lại Da Thức của hết thảy chúng sanh. Bởi thế, Phật độ chúng sanh thuận tiện là vì lẽ gì? Ngài hiểu rất rõ căn tánh của chúng sanh, đời đời kiếp kiếp quá khứ của người ta, không

điều gì Phật chẳng biết.

Thọ, Tướng, Hành, Thức thuộc về Tâm pháp. Đơn giản nhất, Phật pháp chia hết thấy pháp thành hai loại lớn: Một là Tâm pháp, hai là Sắc pháp. Khoa học hiện tại cũng phân loại như vậy, họ chia thành vật chất và tinh thần. Vật chất là Sắc pháp, tinh thần là Tâm pháp. Nhà Phật giảng Sắc pháp và Tâm pháp là một, chứ không phải hai. Những nhà khoa học, triết gia thế gian đều chia chúng thành hai, dường như vật chất không phải là tinh thần, tinh thần không phải là vật chất, đều độc lập. Thật ra, đức Phật nói chúng không độc lập, là một, chứ không phải hai. Tâm pháp là cái có thể sanh, có thể biến; Sắc pháp là cái được sanh, cái được biến. Năng - Sở là một, không phải hai. Do vậy, tiên sinh Âu Dương Cảnh Vô nói: *“Phật pháp không phải là triết học, chẳng phải là tôn giáo”*. Trong triết học, Năng - Sở (chủ thể và khách thể) tách rời nhau, Năng không phải là Sở, Sở không phải là Năng. Phật pháp cũng nói đến Năng và Sở, nhưng Năng và Sở thống nhất. Nói nghiêm ngặt, tinh thần và vật chất quyết định chẳng tách rời nhau, vì sao? Vật chất có pháp tánh; đặc sắc của pháp tánh là như trong phần trên đã nói, nó cũng có tứ đại, tức bốn đặc tánh lớn là thấy - nghe - hay - biết. Như vậy, hết thấy vật chất đều có thấy - nghe - hay - biết, khoa học hiện đại chỉ mới vừa phát hiện điều này!

Tiền sĩ Giang Bồn Thắng nghiên cứu nước kết tinh, phát hiện ban đầu là vật chất cũng thấy, nghe, hay, biết; nhưng trong kinh Phật đã nói [điều ấy], nói từ lâu rồi, đức Phật đã nói từ ba ngàn năm trước. Kinh Hoa Nghiêm (tức là một bộ kinh Phật giảng đầu tiên), *“nhất thiết chư pháp, duy tâm sở hiện, duy thức sở biến”* (hết thấy các pháp chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến). Giảng sớm nhất như vậy. Trong hội Lăng Nghiêm, đức Phật lại giảng rất rõ: *“Chư pháp sở sanh duy tâm sở hiện, nhất thiết nhân quả, thế giới, vi trần, nhân tâm thành Thể”* (Các pháp được sanh ra chỉ do tâm hiện; hết thấy nhân quả, thế giới, vi trần, do tâm mà thành Thể). Như vậy là càng giảng rõ hơn nữa! Thể của tâm là tánh, trong Phật pháp thường gọi là Pháp Tánh. Thực vật và khoáng vật có Pháp Tánh; ngay cả hư không, Thể của hư không là Pháp Tánh. Pháp Tánh có thấy - nghe - hay - biết; trong phần Khai Thị ở đây, Trung Phong đại sư gọi là *“linh tri tâm”*, kinh Đại Thừa gọi linh tri tâm là Phật Tánh hay Pháp Tánh. Bốn đặc tánh lớn [của Pháp Tánh] là thấy - nghe - hay - biết.

Nay chúng ta làm thí nghiệm trên những thực vật, chú tâm quan sát, thấy đúng vậy! Chúng ta dùng thiện ý đối với thực vật, mỗi ngày ba lượt, mỗi lượt ba phút là đủ. Đối với nó nói: “Người mọc rất khá, ta rất

thích người, rất cảm ơn người” thì loại thực vật ấy mọc càng ngày càng đẹp. Như với chậu Bồn Tài (Bonsai) của tôi, thí nghiệm thấy rất rõ. Với một chậu khác, nếu quý vị dùng ác ý đối với nó, nói: “Tao rất chán ghét mày, mày càng mọc càng xấu, tao không ưa mày”. Một, hai tuần sau, nó gần như héo khô, rất rõ ràng. Từ thí nghiệm này thấy rõ cây thực sự hiểu được ý nghĩ của con người.

Hiện tại rất nhiều người bắt chước làm thí nghiệm này, chưa thí nghiệm nào thất bại, chứng minh thực vật có Pháp Tánh, thực sự có thấy, nghe, hay, biết. Nó có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết. Vì sao? Thể của nó là Pháp Tánh. Pháp Tánh có bốn đặc sắc, như trong Sắc pháp có Địa, Thủy, Hỏa, Phong là bốn đặc tánh. Hiện tại, chúng ta vẫn chưa có cách gì thí nghiệm trên khoáng vật, đất, bùn, cát, đá, chúng ta đang xem xét phải làm cách nào để quan sát chúng cũng có đặc tánh thấy - nghe - hay - biết; nhưng những điều Phật pháp đã giảng chúng ta có thể hiểu được. Kinh Hoa Nghiêm nói “*tình dữ vô tình, đồng viên Chung Trí*” (hữu tình và vô tình, cùng viên mãn Chung Trí). Vấn đề này, chúng ta đã giải quyết xong, không còn ngờ vực nữa. “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (hết thấy pháp sanh từ tâm tướng), “*cảnh tùy tâm chuyển*” (cảnh chuyển theo tâm); những vấn đề này chẳng phải đã được chứng minh rồi ư? Đó là thuyết minh hết sức quan trọng.

Nếu chúng ta hiểu rõ, thực sự hiểu, chúng ta sẽ hoàn toàn làm chủ Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức của mình. Thứ nhất, chúng ta có thể làm chủ được gì? Có thể không già, có thể không bệnh, có thể không chết, thực sự làm chủ được! Kinh luận giảng rất nhiều về sanh tử. Sanh tử là một chuyển biến, chuyển biến trên nhân quả, quyết định không có chết. Vì sao? Pháp Tánh của quý vị bất sanh, bất diệt. Pháp tướng do Pháp Tánh biến ra, thân thể là tướng, toàn thể hết thấy hiện tượng trong vũ trụ là tướng. Tướng có sanh - diệt, Tánh không sanh - diệt. Thông đạt chân tướng sự thật này, ý niệm sợ hãi đối với sanh - lão - bệnh - tử hoàn toàn tiêu diệt, không còn sợ hãi! Chúng là cái do ta biến ra.

Năng Biến (chủ thể có công năng biến hóa) là ta, thực sự là ta, cái được biến (Sở Biến) không phải là ta, chớ nên hiểu lầm ý nghĩa này. Sở Biến là cái bị ta biến ra, há phải là ta ư? Ta là Năng Biến, Năng Biến là ta. Như vậy, Năng Biến là Linh Tri Tâm, vọng tâm là Sở Biến, đâu phải là ta. Như vậy nói đến tám thức thì tám thức không phải là ta, tám thức ấy là tác dụng của tâm, nhưng những tác dụng ấy là những tác dụng sai lầm, không phải là tác dụng chính xác. Mê thì gọi là Tám Thức, giác ngộ rồi không gọi là Tám Thức nữa mà gọi là Tứ Trí. Tứ Trí chính là tác

dụng chính xác.

Do vậy, hiện tại chúng ta hết sức thô, hết sức bất hảo, có thể nói là “*thô ác Ngũ Ấm hòa hợp*” (năm Ấm thô ác hòa hợp). Cái thân hiện tại của chúng ta là thân tướng do sắc thân và sắc tâm hòa hợp, “*giả danh chúng sanh*”(giả gọi là chúng sanh), do các duyên hòa hợp mà sanh. Vật chất là Địa, Thủy, Hỏa, Phong, tinh thần là Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Nhưng chúng sanh trong lục đạo, từ vô lượng kiếp đến nay đều chấp trước cái thân này là chính mình, luôn chấp trước Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là tâm của mình, lầm lạc quá! Do vậy, từ đó khởi Hoặc, tạo nghiệp, chịu quả báo luân hồi, đời đời kiếp kiếp không ngoi đâu ra nổi, không thoát khỏi luân hồi lục đạo.

Ở đây, đại sư bảo chúng ta: “*Phi hân yếm chi hạnh, tất bất năng độ*” (Nếu không có hạnh ưa - chán, ắt chẳng thể độ được). Ưa - Chán là nói về Tịnh Độ, chỉ có hướng về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chán lìa lục đạo luân hồi, chán lìa lục đạo luân hồi trong Sa Bà thì mới có thể độ được! Phương pháp của Tịnh Độ tông đối với chúng ta hết sức có ích, bởi lẽ, pháp môn này như trong phần trên chúng ta đã xét thấy: Pháp môn này thuận tiện, đơn giản, dễ dàng. Pháp môn này là hoành xuất, không phải là thụ xuất (vượt thoát theo chiều dọc). Hoành xuất là luận theo Kiếp Trước; thuận tiện là luận theo Kiến Trước; chuyển tâm phàm thành tâm Phật là luận trên Phiền Não Trước; chán lìa lục đạo luân hồi, hướng về Tây Phương Cực Lạc thế giới là đối với Chúng Sanh Trước mà luận. Lại xem tiếp điều sau là Mạng Trước.

5) “*Nhân quả tịnh liệt, thọ mạng đoản xúc, phi bất phí thời kiếp, bất lao cần khổ chi hạnh, tất bất năng độ*” (Nhân lẫn quả cùng kém, thọ mạng ngắn ngủi. Không có hạnh chẳng tốn [thời gian tu tập] nhiều kiếp, không nhọc nhằn siêng khổ, ắt không thể độ được). Chữ Mạng (命) chỉ thọ mạng, tức quý vị được cái thân này, trong một đời này, quý vị duy trì được thời gian bao lâu? Tuyệt đại đa số là năm, sáu chục năm bèn mất. Người mất vào tuổi năm, sáu chục rất nhiều. Chết lúc mười mấy tuổi, hai mươi tuổi cũng không ít. Đỗ Phủ là người đời Đường, có một câu thơ như sau: “*Nhân sinh thất thập cổ lai hy*” (Người thọ bảy mươi xưa nay hiếm), người thời Đường nói như vậy đó.

Nhân: Thọ mạng của chúng ta có được là do nghiệp nhân đã tạo trong đời quá khứ, thọ mạng đạt được trong đời này là quả báo [của nghiệp nhân ấy]. Trong kinh Phật giảng rất rõ ràng nghiệp nhân của khỏe mạnh sống lâu là Vô Úy Bố Thí. Quý vị có tâm từ bi, mạnh mẽ cứu khổ cứu nạn, tâm địa hiền lành, làm nhiều thiện nghiệp thì mới được

sống lâu, khỏe mạnh. Tự tư, tự lợi, tổn người, lợi mình, thọ mạng sẽ ngắn ngủi, nói theo pháp thế gian của Trung Quốc là “tôn phước”, tức phước báo của quý vị bị sút mẻ, giống như bị chiết khấu vậy, tức là bị cắt bớt. Quý vị vốn có thể sống đến một trăm tuổi, nay chỉ có thể sống tới sáu bảy chục tuổi, tôn phước mà! Nếu có thể bỏ mình vì người, niệm niệm nghĩ đến chúng sanh khổ nạn trong xã hội, hành động nào cũng có thể bỏ mình vì người, ắt thọ mạng luôn được tăng trưởng, kéo dài tuổi thọ, diên niên ích thọ. Thọ mạng dài lâu không phải để hưởng phước mà để làm gì? Để phục vụ hết thấy chúng sanh. Đó là lý do nói “*nhân quả đều kém!*” Phải vì hết thấy chúng sanh phục vụ [thì “nhân và quả mới đều không kém cỏi”].

Trong thế gian này, mấy ai có thể sống đến trăm tuổi? Rất ít! Chúng ta muốn trong một đời tu hành chứng quả, ắt cần phải “*bất phí thời kiếp*” (không tốn thời gian nhiều kiếp), có thể tu thành công trong thời gian ngắn, đã thế lại còn phải sao nữa? “*Bất lao cần khổ*” (không nhọc nhằn siêng khổ), phải dễ tu nữa kia! Vì sao? Người bận khổ trong thế gian nhiều, kẻ phú quý ít. Người bận cùng hằng ngày bận bịu kiếm sống, không có nhiều thời gian rảnh rỗi, bởi thế, họ chỉ có thể dành chút thời gian rảnh rỗi để tu hành, có như vậy thì mới được! Với pháp môn như vậy, họ mới có thể thành tựu.

Tịnh tông phù hợp những điều kiện này. Đối với người bận bịu quá sức, trong quá khứ tổ sư còn dạy pháp Thập Niệm: Sáng sớm thức dậy, trong nhà có tượng Phật thì đối trước tượng Phật lễ ba lạy, chắp tay, niệm A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, hết một hơi là một niệm, niệm mười hơi. Trong một hơi Phật hiệu nhiều ít không quan trọng, không ăn nhằm gì cả, một hơi là một niệm, niệm đủ mười hơi. Người hơi dài có thể niệm được hai mươi, ba mươi tiếng Phật hiệu. Tôi có thể niệm chừng hai mươi tiếng trong một hơi. Thân thể hơi yếu, khí ngắn hơn một chút, thì một hơi niệm được khoảng sáu, bảy tiếng cũng không sao, đó là “một niệm”. Sáng sớm niệm mười niệm, tối trước khi ngủ niệm mười niệm. Đó là pháp Thập Niệm.

Trước kia, cách nay cũng không ít năm, cũng phải gần mười năm, tôi giảng kinh tại Cát Long Ba (Kuala Lumpur). Hình như lúc ấy đến giảng kinh lần đầu tại Cát Long Ba, dạy mọi người pháp Thập Niệm. Pháp Thập Niệm của tôi đơn giản, Thập Niệm là niệm mười câu Phật hiệu, khác với cách tổ sư dạy, hết sức đơn giản, tốn một phút thôi: “A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật”

là xong. Thật đấy, nhất tâm, không xen tạp, không hoài nghi. Muốn không xen tạp thì một ngày niệm chín lần. Sáng sớm thức dậy niệm một lần, tối đi ngủ niệm một lần, đó là hai lần. Ba bữa cơm niệm ba lần, trước khi ăn cơm chấp tay, chúng ta không cần phải niệm chú Cúng Dường, cứ niệm A Di Đà Phật, niệm mười tiếng, tức mười câu. Lúc làm việc, lúc vào làm niệm một lần, trước lúc làm việc niệm một lần, ra nghỉ trưa niệm lần nữa, sau bữa cơm trưa trở vào làm việc niệm một lần, ra về niệm lần nữa, tổng cộng chín lần. Chỉ cần mỗi ngày làm, không thiếu lần nào, mỗi lần chỉ mất một phút, chẳng tốn thời gian mà rất có hiệu quả!

Sau khi tôi đề xướng, có rất nhiều người tu theo phương pháp ấy, gọi điện thoại cho tôi hoặc viết thư cho biết rất hiệu quả. Vì sao? Phù hợp với giáo huấn của Tịnh tông, không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Mười tiếng Phật hiệu ấy không gián đoạn, vì trong một thời gian ngắn ngủi, quý vị không thể có vọng niệm, trong mười câu A Di Đà Phật không xen tạp vọng niệm. Còn như bình thường niệm Phật, niệm tàn một cây hương, niệm một tiếng đồng hồ, hoặc niệm nửa tiếng, rất khó tránh khỏi bị xen tạp. Mười câu của tôi không xen tạp, thực sự làm được! Do vậy, người tu học theo phương pháp này đạt được hiệu quả rất tốt. Phương pháp này từng được cổ động tại rất nhiều địa phương: Mỹ quốc, Gia Nã Đại... Dù cho quý vị có khóa tối, khóa sáng bình thường, cũng nên dùng cách Thập Niệm này để trợ tu, cũng hết sức tốt đẹp. Nếu như công việc vô cùng bận rộn thì dùng phương pháp này làm Chánh Tu. Đó là “*bất phí thời kiếp, bất lao cần khổ chi hạnh*” (cái hạnh chẳng lãng phí thời gian nhiều kiếp, không nhọc nhằn, siêng khổ). Ngẫu Ích đại sư đã đem đạo lý vì sao Tịnh tông lại có thể vượt thoát việt sanh tử luân hồi trong thời Ngũ Trược giảng rõ ra.

Chúng ta lại xem kinh văn, phần trên chúng tôi đã đọc rồi, thấy đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật: Chư Phật tán thán Bổn Sư, trong thế giới Sa Bà, trong Ngũ Trược, thành tựu A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vì chúng sanh nói pháp hết thấy khó tin này. Chúng ta hãy xem đoạn kinh văn tiếp theo:

Xá Lợi Phất! Đương tri ngũ u ngũ trược ác thế, hành thử nan sự, đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, vị nhất thiết thế gian thuyết thử nan tín chi pháp, thị vi thậm nan!

舍利弗。當知我於五濁惡世。行此難事。得阿耨多羅三藐三菩提。為一切世間說此難信之法。是為甚難。

(Này Xá Lợi Phất! Nên biết ta trong đời ác Ngũ Trược, làm

chuyện khó này, đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì hết thấy thể gian nói pháp khó tin này, thật là rất khó!).

Phần trên là chư Phật tán thán đức Thế Tôn, còn trong đoạn này, đức Thế Tôn tự nói. Do vậy, Ngẫu Ích đại sư bảo Thích Ca Mâu Ni Phật do tu pháp môn nào mà thành Phật? Do niệm Phật mà thành Phật, niệm A Di Đà Phật mà thành Phật, kinh nào nói như vậy? Chính đoạn kinh văn này nói như thế! Đức Phật bảo Xá Lợi Phất, há chẳng phải là bảo với chúng ta ư? Các người hãy nên biết, ta (ta là Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng) “*ngã ư ngũ trước ác thế, hành thử nan sự*” (ta trong đời ác ngũ trước, làm chuyện khó này), chuyện khó ấy chính là niệm Phật. Niệm Phật là pháp khó tin, niệm Phật thành Phật. Ngài niệm A Di Đà Phật, cho nên “*đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề*”, nói theo cách người thế tục chúng ta thường nói là “*đắc đạo*”. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề là Phật đạo, là Vô Thượng Phật đạo. Thích Ca Mâu Ni Phật đắc thành Phật đạo là do tu pháp môn Niệm Phật, Ngài tu pháp môn Niệm Phật trong đời ác Ngũ Trước.

Lại “*vị nhất thiết thể gian thuyết thử nan tín chi pháp*” (vì hết thấy thể gian nói pháp khó tin này), “*hết thấy thể gian*” chính là chín pháp giới, vì chúng sanh trong chín pháp giới mà nói pháp khó tin này, tức là pháp “*niệm Phật thành Phật*”, “*thị vi thậm nan*” (thật là rất khó). Rất khó! Đúng là rất khó tin! Bởi thế, thực sự tin được pháp môn này, ở phần trên kinh đã nói rất kỹ: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi ấy). Quý vị có thể tin được pháp này, có thể hiểu rõ pháp này, có thể tu hành pháp này, chứng tỏ trong đời quá khứ, đời đời kiếp kiếp, quý vị đã trồng nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nên trong đời này gặp được duyên phật, nhân duyên tốt đẹp, bèn thành tựu. Thiện căn, phước đức, nhân duyên, hễ thiếu một điều sẽ không thể thành tựu. Đây đủ cả ba điều này chẳng phải là chuyện dễ dàng. A! Bây giờ chúng ta xem đến phần sau lời khai thị của Ngẫu Ích đại sư, tức đoạn thứ tám:

“*Có nhất thanh A Di Đà Phật, tức Thích Ca Bốn Sư ư ngũ trước ác thế, sở đắc chi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề pháp*” (Vì thế một tiếng A Di Đà Phật chính là pháp để Bốn Sư Thích Ca chứng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề trong đời ác ngũ trước), chúng ta vừa học đến đoạn này. “*Kim dĩ thử quả giác toàn thể*” (Nay dùng toàn thể quả giác ấy), “*nay*” là hiện tại, Thích Ca Mâu Ni Phật đem toàn bộ Vô

Thượng Bồ Đề do chính mình chứng đắc trao cho chúng sanh trong đời ác Ngũ Trược, thật không dễ dàng! “*Nãi chư Phật sở hành chi cảnh giới, duy Phật dữ Phật năng cứu tận, phi cứu giới tự lực sở năng tín giải dã*” (đó chính là cảnh giới sở hành của chư Phật, chỉ có Phật với Phật mới có thể rốt ráo tận cùng, chúng sanh trong chín pháp giới chẳng thể cậy vào tự lực mà hòng tin hiểu nổi). Từ chỗ này, chúng ta bèn lãnh hội: [Pháp môn Niệm Phật] khó, thực sự khó! Trong sách Tịnh Ngữ, lão cư sĩ Hạ Liên Cư đã nói pháp môn này “*nan tín, nan tín, chân nan tín*”. Người niệm Phật rất nhiều, vì sao không thể thành tựu? Do không tin. Sao biết người ta không tin? Vì kẻ ấy xen tạp, niệm Phật xen tạp vọng tưởng vào đó. Vì nguyên nhân nào? Do không tin! Thực sự tin sẽ không xen tạp, vì sao? Thực sự tin thì thể pháp, thể duyên, Phật pháp đều buông xuống hết, quyết định không xen tạp, rất dễ thành công.

Trong Vãng Sanh Truyện, trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, chúng ta thấy hầu như người thực sự tin, nguyện thiết tha đều buông cả thể pháp lẫn xuất thế gian xuống được, nhanh thì từ ba tháng đến nửa năm, chậm là hai năm, ba năm bèn thành công, có thể sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thực sự có thể sanh về đó, biết trước lúc mất, thực sự vãng sanh. Do vậy, trước đây từng có người hỏi tôi, không chỉ một người, họ hỏi: “Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, trong Vãng Sanh Truyện, người niệm Phật vãng sanh đại đa số không quá ba năm, có phải là từ khi họ bắt đầu niệm Phật, thọ mạng [chỉ còn] ba năm là hết hay chẳng?” Tôi bảo mọi người: Chẳng thể xảo hợp như vậy được, trong thiên hạ há có chuyện xảo hợp ấy? Mỗi người niệm Phật ba năm bèn mất, tôi nói không có khả năng xảo hợp như vậy được, trên thực tế thì sao? [Niệm Phật] ba năm thành tựu thì thọ mạng vẫn còn đó, do họ không cần đến nên đi trước, tôi tin rằng những người như vậy rất nhiều.

Trường hợp rõ ràng nhất là sư Oánh Kha đời Tống. Sư thực sự dũng mãnh, tinh tấn, niệm cảm A Di Đà Phật hiện đến. A Di Đà Phật bảo sư: “Thọ mạng ông hãy còn mười năm. Đợi mười năm nữa, thọ mạng của ông hết, ta lại đến tiếp dẫn ông”. Sư không cần: “Mười năm tuổi thọ con không cần, con muốn theo Ngài ngay bây giờ”. A Di Đà Phật đáp ứng: “Tốt! Ba ngày sau ta sẽ đến tiếp dẫn ông”. Ba ngày sau quả nhiên sư vãng sanh. Như vậy, quý vị phải hiểu người có năng lực ra đi là thực sự niệm Phật thành công, công phu gì vậy? Nói thật ra, không khó lắm đâu, công phu thành phiền đầy thôi! Vãng sanh Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Rất nhiều người đạt đến cảnh giới này, đi được, đối với thế giới này không còn tham luyến, thực sự buông xuống được! Phải nói

như vậy mới hợp lý.

Chúng ta biết nếu công phu đạt đến trình độ này, quý vị nghĩ xem, quý vị có bằng lòng đi hay không? Có còn bằng lòng chịu khổ trong thế gian này hay không? Đâu có ai đàn như thế! Thực sự thành tựu công phu, có thể đi được mà vẫn không đi, chỉ có một lý do: Ta và chúng sanh ở nơi này vẫn còn có duyên, ta còn muốn mang theo mấy người nữa cùng đi. Ta không gấp đi, ta ở lại đây vài năm nữa hòng mang theo những người ấy đi. Quý vị hãy nghĩ xem, trừ điều kiện ấy ra, há còn điều kiện nào khác khiến mình ở lại? Không có! Do nguyên nhân như vậy mà ở lại thế gian này, chính là như tôi thường nói: *“Thừa nguyện tái lai”* (Nương theo bốn nguyện để trở lại). Vấn đề nơi cái thân nghiệp báo của người ấy đã giải quyết xong, quả thật vãng sanh lúc nào cũng được, vẫn chưa đi vì còn phải giúp chúng sanh hữu duyên. Tức là trong thế gian này vẫn có những người có thể tin lời người ấy khuyên dạy, có thể hiểu biết, có thể hành, những kẻ ấy có thể vãng sanh. Người [có thể vãng sanh mà ở lại thế gian này] chẳng vì bản thân mà vì chúng sanh.

Trong Phật pháp thường nói: *“Vì tiếp nối huệ mạng của Phật, vì rộng độ chúng sanh”*; còn chuyện của bản thân thì giống như kinh điển đã nói: *“Sở tác dĩ biện, bất thọ hậu hữu”* (Việc làm đã xong, không thọ thân sau). Chuyện của bản thân đã giải quyết ổn thỏa, thích đáng, có thể vãng sanh bất cứ lúc nào. *“Hậu hữu”* là gì? Là luân hồi, quyết định chẳng còn luân hồi trong lục đạo. Cảnh giới như vậy, sanh tử đã giải quyết xong, không có gì không buông xuống được. Chúng ta học Phật, nói thật ra, tối thiểu phải học được bản lãnh ấy mới không uổng một đời này. Bản lãnh ấy không khó, vì công phu ấy chẳng phải là rất sâu. Nếu muốn đạt Sự nhất tâm bất loạn hay Lý nhất tâm bất loạn thì đúng là không dễ, nhưng công phu thành phiền không khó. Khó nhất ở chỗ nào? Khó nhất ở chỗ buông xuống.

Tôi thường khuyến khích các đồng tu: Quý vị phải thực sự làm được, đừng nghĩ đến lục đạo luân hồi nữa. Trước hết, phải buông tự tư tự lợi xuống, chớ nên có ý niệm ấy. Phải buông danh văn, lợi dưỡng xuống. Có lúc có thể dùng danh văn, lợi dưỡng làm trợ duyên để hoằng dương Phật pháp. Nếu nó giúp ích cho việc hoằng pháp lợi sanh, có cơ duyên ấy, chúng ta cũng đừng từ chối. Vì sao? Nó có thể phụ giúp. Không có cơ duyên ấy thì trọn chẳng mong cầu, nhất định chớ nên phan duyên. Nếu có duyên phận ấy, danh văn, lợi dưỡng bèn đưa đến, tự mình phải suy nghĩ: Đối với việc hoằng pháp lợi sanh, nếu nó không giúp ích gì thì không cần đến nó. Nếu nó có ích cho việc hoằng pháp lợi sanh, có thể

phụ trợ thì có thể dùng nó, không tham luyến! Nói cách khác, chính bản thân mình không cần tới nó. Quyết định chẳng được tham chấp hưởng thụ ngũ dục, lục trần; hễ tham chấp hưởng thụ ngũ dục lục trần, lập tức bị đọa lạc, đọa lạc rất nhanh! Hiện tại chúng ta đang sống trong một xã hội thường được gọi là một quốc gia đã mở mang, đã phát triển, cuộc sống của mọi người dân đều khá giàu có, người học Phật chúng ta nên tùy duyên. Trong tùy duyên phải biết tiết kiệm, thứ gì cũng phải biết mền tiếc, tiếc phước đấy!

Hôm qua, tôi ở khách sạn (nhà nghỉ dành cho khách) số 61, trông thấy cái máy lọc nước, những cái chậu rửa chén, mọi người dùng xong không chịu tiện tay lau rửa sạch sẽ. Đó là yếu tiếc vật lực. Quý vị thấy trong phòng vệ sinh của tôi, cái vòi nước dùng đã lâu năm rồi, quý vị cứ xem đi, vẫn còn mới, là vì nguyên nhân nào? Dùng xong, trên mặt nó bám nước, dùng khăn khô lau đi, giữ nó như mới hoài. Do vậy, tôi dùng thứ gì, có thể dùng được hai mươi năm, quý vị dùng tối đa mười năm là hư. Tiện tay lau chùi sạch sẽ gọi là tiếc phước! Việc nhẹ nhàng dễ làm, nhưng mọi người không dưỡng thành tập quán, từ nhỏ đã quen lãng phí, dường như người trong nhà cũng không dạy quý vị.

Có liên quan đấy! Tôi xuất thân từ một gia đình nghèo khổ, cho nên đối với thứ gì cũng biết yếu tiếc, từ nhỏ đã dưỡng thành thói quen tuyệt đối không lãng phí. Y phục, quả thật mặc đến khi không thể mặc được nữa mới thay cái mới, thay một bộ. Còn mặc được, cứ mặc tiếp, cốt sao sạch sẽ, cốt sao chỉnh tề. Chúng ta tiếp kiến khách khứa cũng nên như vậy, đó là bổn phận của người xuất gia, bất luận dùng vật dụng gì, như cái bàn, cái ghế, đều phải lau chùi sạch sẽ, giữ cho nó hoàn hảo. Như vậy, từng chút từng chút một dưỡng thành thói quen tiếc phước, dưỡng thành thói quen tiết kiệm.

Tham - sân - si - mạn nhất định phải đoạn. Mười sáu chữ này tôi thường khuyên các đồng học. Có mười sáu chữ ấy, quý vị niệm Phật chưa chắc được vãng sanh; mười sáu chữ ấy phải đổi đi, phải đoạn đi thì vãng sanh mới nắm chắc.

A! Bây giờ đã hết giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn thứ tám, chúng tôi đọc đoạn văn ấy một lượt:

“Cổ nhất thanh A Di Đà Phật, tức Thích Ca Bổn Sư ư ngũ trước

ác thế sở đắc chi A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề pháp, kim dĩ thử quả giác toàn thể, thọ dữ trực thể chúng sanh, nãi chư Phật sở hành cảnh giới, duy Phật dữ Phật năng cứu tận, phi cứu giới tự lực sở năng tín giải dã” (Vì thế một tiếng A Di Đà Phật chính là pháp để Bôn Sư Thích Ca đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề trong đời ác Ngũ Trược. Vì thế, nay đem toàn thể Quả Giác này trao cho chúng sanh trong đời Trược, mà cảnh giới sở hành của chư Phật ấy chỉ có Phật với Phật mới có thể rốt ráo tận cùng, chúng sanh trong chín pháp giới chẳng thể cậy vào tự lực của chính mình mà hòng tin hiểu được!)

Mấy câu cuối lại cần phải giảng. Đạo lý “niệm Phật thành Phật” không khó hiểu. Chư Phật Như Lai, các tổ sư Bồ Tát đều thường nói: *“Tự tánh vốn sẵn là Phật, hết thấy chúng sanh đều có Phật tánh, vốn sẵn là Phật”*. Hiện tại lại phát tâm niệm Phật, vốn sẵn là Phật, thừa cùng quý vị, là “duy tâm sở hiện”. Nay biến thành phàm phu là vì “duy thức sở biến”. Phàm phu nay giác ngộ, lại muốn niệm Phật, niệm Phật thì do duy tâm nên phàm phu lại biến thành Phật. Như vậy, quý vị vốn đã thành Phật sẵn, nay lại niệm Phật, há có đạo lý không thành Phật? Nếu dùng Tịnh Độ Tông để luận thì *“tâm này là Phật”*, tức quý vị vốn sẵn là Phật, nay quý vị niệm Phật, *“tâm này làm Phật”*, tâm này là Phật mà tâm này lại làm Phật, há lẽ chẳng thành Phật ư? Thích Ca Mâu Ni Phật niệm Phật thành Phật, đạo lý là như vậy!

Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả, há chẳng nói *“hết thấy pháp từ tâm tưởng mà sanh”* đó sao? Quý vị niệm cái gì bèn thành cái đó. Như vậy, quý vị niệm Bồ Tát sẽ thành Bồ Tát, niệm La Hán sẽ thành La Hán. Quý vị niệm trời sẽ sanh lên trời, niệm “nhân” tương lai vĩnh viễn không mất thân người. Nhân (仁) là gì? Nhân là nhân từ, luân thường đạo đức là nhân, quý vị không bị mất thân người. Quý vị niệm niệm là tâm tham, niệm niệm là tham thì sẽ làm ngạ quỷ. Tham là nghiệp nhân của đường ngạ quỷ. Quý vị niệm niệm là sân khuê, sân khuê là nghiệp nhân của địa ngục, quả báo là vào địa ngục. Niệm niệm ngu si, ngu si là nghiệp nhân của súc sanh. Như vậy, mười pháp giới do đâu mà có? Mười pháp giới từ tâm tưởng sanh, quý vị nghĩ cái gì liền hiện pháp giới như thế ấy. Chúng ta đã hiểu đạo lý này, đã hiểu rõ chân tướng sự thật này, có sao chúng ta không nghĩ đến Phật? Như vậy, niệm Phật là nhân, thành Phật là quả! Công đức bậc nhất trong mười pháp giới, quý vị phải hiểu rõ ràng.

Ở đây, Thích Ca Mâu Ni Phật biểu diễn cho chúng ta thấy, niệm A Di Đà Phật chứng Vô Thượng Phật Quả. Nay lão nhân gia đem phương

pháp ấy, phương pháp ấy là pháp bậc nhất để tu hành chứng quả, truyền trao cho chúng ta là những chúng sanh trong đời Trước, vấn đề là chúng ta có phước báo, thiện căn, phước đức hay không. Nếu quả thật có thiện căn, có phước đức, nghe lời Thích Ca Mâu Ni Phật khuyến cáo bèn tin tưởng, không hoài nghi, được đức Thế Tôn làm cho cảm động, triệt để hồi đầu, thực sự quay đầu lại, y giáo phụng hành, trong một đời này, lẽ nào quý vị chẳng thành Phật ư? Niệm vừa chuyển đã không còn là người trong thế giới Sa Bà nữa! Quý vị chỉ còn đợi ngày vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây là thành tựu thực sự, chân thật thành tựu vậy!

Như vậy, trong ba câu sau cùng, đại sư nói rất hay: Đây là cảnh giới sở hành của chư Phật, hết thấy chư Phật do đâu mà thành Phật? Không vị Phật nào chẳng do niệm Phật mà thành Phật! Nếu các Ngài không niệm Phật, làm sao thành Phật được? Mười pháp giới sanh từ tâm tưởng, chỉ có nhớ Phật, niệm Phật, hiện tại, tương lai, nhất định thành Phật! Như vậy, Lý và Sự này “*duy Phật dữ Phật năng cứu tận*” (chỉ có Phật với Phật mới có thể rốt ráo cùng tận), rốt ráo triệt để hiểu rõ phải là Như Lai quả địa. Nếu đối với chư Phật Như Lai chúng ta có thể tin, có thể hiểu, có thể hành, há chúng ta chẳng nhập Phật tri kiến ư? Thật đấy, chuyện này nhất định sẽ được oai thần của chư Phật gia trì, được bốn nguyện của A Di Đà Phật gia trì, được hết thấy chư Phật Như Lai viên mãn rốt ráo gia trì. “*Phi cứu giới tự lực sở năng tin giải dã*” (Chẳng phải cậy vào tự lực của chúng sanh trong chín pháp giới mà hòng tin hiểu được.) Đây là pháp khó tin, chúng sanh thuộc chín pháp giới nếu cậy vào tự lực để tin hiểu, dường như không thể hiểu nổi. Vì thế, quý vị có thể tin, có thể hiểu là do Phật lực gia trì, tự lực cảm, Phật lực ứng, cảm ứng đạo giao!

Ngày nay có rất nhiều đồng học chúng ta, vẫn chẳng thể chết sạch ý niệm mong ngóng, so đo, khiêm hư sát đất tu pháp môn này, vọng tưởng, tạp niệm vẫn rất nhiều, là vì nguyên nhân nào? Nguyên nhân là vì ít thiện căn, ít phước đức, tuy gặp được duyên, nhưng như thế nào? Không thể hoàn toàn tin tưởng, chẳng thể buông xuống vạn duyên, chứng tỏ thiện căn, phước đức không đủ! Thiện căn, phước đức không đủ, có thể bỏ tức. Bỏ tức là duyên, quý vị có gặp được thiện tri thức chân chánh giảng kinh luận Tịnh Tông cho quý vị hay không? Như đem kinh Di Đà giảng giải tỉ mỉ, như tôi đã nói, đem những cuốn Sớ Sao của Liên Trì đại sư, cuốn Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư, cuốn Viên Trung Sao của U Khê đại sư giảng kỹ [cho quý vị nghe] một lượt thì cái duyên ấy chẳng

thể nghĩ bàn! Duyên ấy có thể nâng cao thiện căn, phước đức của quý vị, bổ túc những chỗ thiếu nơi thiện căn, phước đức của chính mình. Quý vị nghe xong, bèn bị cảm động, thực sự có thể buông xuống vạn duyên, nhất tâm xưng niệm bèn thành công. Không gặp được thiện tri thức, khổ rồi, sách của Liên Trì đại sư có sẵn đó, sách của Ngẫu Ích đại sư cũng có sẵn đó, nhưng đọc không hiểu, cũng uổng thôi!

Hiện tại, có người ngay cả loại văn Văn Ngôn tương đối rõ ràng, không sâu xa lắm mà còn đọc không được thì còn có cách nào chẳng? Thời kỳ Mật Pháp còn được chín ngàn năm, đến tối hậu của thời Mật Pháp, hết thấy kinh đều diệt tận, tối hậu đức Thế Tôn lưu lại kinh này một trăm năm. Khẳng định kinh được lưu lại ấy chính là kinh Vô Lượng Thọ và A Di Đà Kinh, tức là Đại Bản và Tiểu Bản diệt sau cùng. Đến cuối cùng, những kinh này cũng diệt, vẫn còn một câu Phật hiệu A Di Đà Phật lưu truyền trong thế gian. Có người niệm được một tiếng, nghe thấu một tiếng, đều trồng thiện căn. Hy hữu khó gặp! Quả thật, nếu chẳng được Phật lực gia trì, chúng ta chẳng có năng lực y giáo phụng hành. Lại xem tiếp đoạn dưới.

“Tín nguyện trì danh nhất hạnh” (Một hạnh tín nguyện trì danh), tín nguyện trì danh chính là đầy đủ ba điều kiện của pháp môn Tịnh tông. Chân tín, nguyện thiết, ta không có mong mỏi gì khác, chỉ mong sanh về Tịnh Độ, chỉ mong thân cận Di Đà, trừ nguyện vọng đó ra, nguyện vọng gì cũng không có. Một cái nguyện ấy đã đầy đủ bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật. Theo như Ngẫu Ích đại sư đã giảng trong sách Yếu Giải, tín và nguyện ấy thực sự là đại Bồ Đề tâm, quyết định được sanh vào Tịnh Độ. Quý vị trì danh thì trong tương lai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, phẩm vị của chính mình cao hay thấp hoàn toàn do công phu trì danh sâu hay cạn. Quý vị cật lực niệm Phật, vì lẽ gì? Nhằm nâng cao phẩm sen, chứ không vì gì khác. Công phu thực sự thành thực, nắm chắc vãng sanh. Nói cách khác, lúc nào quý vị cũng có thể ra đi được, không có một tí chướng ngại gì. Lại chú tâm quan sát trong thế gian này còn ai có duyên phận hay không. Nếu có duyên phận, chẳng nóng lòng ra đi, mà mong mang thêm mấy người nữa. Chú tâm quan sát thấy không có duyên phận, bèn an tâm ra đi.

Trong Vãng Sanh Truyện thời cận đại, chúng ta thấy đồ đệ của lão hòa thượng Đế Nhân là pháp sư Đàm Hư, cụ Đàm kể cho chúng ta nghe rất nhiều chuyện. Xưa kia tại chùa Cực Lạc ở Cáp Nhĩ Tân (Harbin), pháp sư Tu Vô công phu niệm Phật chín muôi, thấy không ai có duyên phận [với Sư]. Sư sống trong đạo tràng, do vì tự mình chưa từng đi học,

không biết chữ, làm việc nặng trong đạo tràng. Tuy Sư công phu niệm Phật chín muồi, nghĩ không ai tôn trọng mình, không ai tin tưởng mình, chỉ có tự mình ra đi, công phu vừa chín muồi liền lập tức ra đi. Đi rồi, mọi người mới tin tưởng, mới khâm phục, khen ngợi Sư. Nếu Sư không mất, không ai coi trọng Sư. Do vậy, Sư công phu đã thành tựu, bèn phải ra đi. Nếu trong cuộc sống quý vị tu dưỡng đạo đức, thành tựu học vấn, có rất nhiều người tôn trọng, tin tưởng, quý vị nói ra họ chịu tiếp nhận, thì khi công phu thành thực, quý vị chẳng thể đi. Là vì trong thế gian này, có không ít người có duyên cùng quý vị. Có duyên thì chẳng thể đi; vô duyên thì lập tức ra đi. Như vậy, người công phu thành thực trụ thế lâu dài, chẳng do ý mình mà hoàn toàn vì duyên phận. Hữu duyên bèn trụ, duyên hết bèn đi, đó là “*thừa duyên tái lai*”.

Như vậy, câu này rất trọng yếu, tín nguyện trì danh, phương pháp tu hành này “*bất thiệp thi vi, viên chuyển Ngũ Trược*” (không cần phải tạo tác, chuyển trọn vẹn Ngũ Trược). Phạm vi của hai chữ “*thi vi*” rộng rãi vô cùng. Hết thấy hành vi thế gian, xuất thế gian đều có thể buông xuống, cũng có thể nói, pháp môn Niệm Phật này có cần các pháp môn khác hỗ trợ hay không? Không cần! Pháp thế gian hay xuất thế gian đều không cần đến, thấy đều buông xuống. “*Viên chuyển Ngũ Trược*”, phần trên tôi đã nói rồi, chỉ cần có lòng tin mới có thể vào cửa, phải có lòng tin thực sự. Quý vị có lòng tin hay không thì từ trong cuộc sống thường nhật của quý vị sẽ có thể thấy ngay. Vì sao? Quả thật là tin tưởng chân thật thì sẽ buông xuống vạn duyên. Còn có gì chưa buông xuống được, còn có phân biệt, còn có chấp trước thì lòng tin chưa có cội rễ, chẳng phải là lòng tin chân thật. Chẳng thể nói là kẻ ấy không tin, cũng chẳng thể nói là có lòng tin. Vì sao không buông xuống được? Vì có nghi lự; nói cách khác, nghi tình đối với pháp môn này chưa đoạn, nên trong tín nguyện có xen tạp. Những xen tạp ấy là chướng ngại nghiêm trọng cho việc tu học pháp môn này, chướng ngại công phu chẳng thể thành phẩm, không chắc được vắng sanh!

Trong tình hình đó, làm cách nào để giúp đỡ kẻ ấy? Nghe kinh, học giáo. Nghe kinh là chuyên nghe kinh sách Tịnh tông. Kinh sách Tịnh tông gồm sáu loại, tức “*năm kinh, một luận*”. Hoặc là chuyên nghe kinh A Di Đà, hoặc là chuyên nghe kinh Vô Lượng Thọ, như vậy mới được. Cứ nghe nhiều lần, phải nghe bao nhiêu lần? Nghe đến khi quý vị thực sự tin tưởng, nghi hoặc, nghi tình thực sự đoạn, vạn duyên buông xuống, lúc ấy mới có thể không nghe nữa. Một câu Phật hiệu niệm đến cùng cực là được, đó gọi là “*chân tín*”. Quý vị phải hiểu mục đích của việc nghiên

cứu giáo pháp là đoạn nghi sanh tín. Phải đầy đủ tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ, thực sự có thành tựu.

“*Phi tư nghị sở hành cảnh giới*” (cảnh giới sở hành chẳng thể nghĩ bàn), “*phi tư nghị*” là “*bất khả tư nghị*”. Vì sao nói “*chẳng thể nghĩ bàn*”? Phần trên đã nói rồi, cảnh giới này là cảnh giới sở hành của chư Phật, niệm Phật thành Phật là cảnh giới sở hành của chư Phật. Chúng sanh trong chín pháp giới ai niệm Phật người ấy thành Phật, đó là chẳng thể nghĩ bàn! Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh chịu niệm Phật, không một ai chẳng thành Phật, đời sau thành tựu Phật pháp, đều là hoành siêu. Do vậy, loại Phật pháp này được gọi là pháp khó tin.

“*Thiết phi Bốn Sư lai nhập ác thế, thị đắc Bồ Đề, dĩ đại trí, đại bi, kiến thử, hành thử, thuyết thử, chúng sanh hà do bất thử dã tai*” (Nếu không phải là đức Bốn Sư vào trong đời ác, thị hiện đắc Bồ Đề, dùng đại trí, đại bi, thấy điều này, hành điều này, nói điều này, chúng sanh do đâu mà được bất thọ pháp này vậy?) Chuyện này mấy ai biết? Đừng nói là những người nghiên cứu Phật pháp không biết, nói thật ra, người tu học Tịnh Độ, tại gia hay xuất gia, lại có được mấy người biết? Thực sự là họ không biết, bởi thế, công phu chẳng thể thành tựu, công phu chẳng thể thành phỉến, trong một đời này chẳng thể vãng sanh. Nếu thực sự hiểu, không một ai sẽ chẳng thành tựu trong đời này. Quý vị thực sự hiểu, quý vị sẽ cảm ân! Đây là giả thiết, nếu đức Thích Ca Mâu Ni Phật (Bốn Sư là Thích Ca Mâu Ni Phật) không thị hiện trong thế gian này, nhằm đúng đời ngũ trược ác thế này, ở trong thế gian này biểu diễn niệm Phật thành Phật, “*thị hiện đắc Bồ Đề*”, tức là vì chúng ta biểu diễn niệm Phật thành Phật; trong kinh, đức Phật thường dạy chúng ta “*vì người diễn nói*”, Thích Ca Mâu Ni Phật tự thực hiện. Phật vì chúng ta biểu diễn, vì chúng ta nói rõ Ngài tu học pháp môn này. Pháp môn này là Trì Danh Niệm Phật, nhất tâm bất loạn, tâm không điên đảo, chúng đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề như vậy.

“*Dĩ đại trí*” (dùng đại trí), trí huệ viên mãn rốt ráo, tâm từ bi triệt để, thấy trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, chỉ có pháp môn này thành tựu nhanh chóng nhất, đơn giản nhất, dễ dàng nhất, ổn thỏa, thích đáng nhất, thành tựu cao nhất, không gì sánh bằng. Một đời viên mãn thành tựu, chẳng cần đợi đến đời thứ hai, một niệm, mười niệm đều có thể thành công. Mấu chốt ở nơi đây là quý vị phải thực sự hiểu được đạo lý này, triệt để liễu giải phương pháp chẳng thể nghĩ bàn. Có thể thực sự buông xuống được! Tôi thường nhắc đến mười sáu chữ, buông tự tư, tự lợi xuống, buông danh văn, lợi dưỡng xuống, buông hưởng thụ ngũ dục,

lục trần xuống, buông tham - sân - si - mạn xuống, một câu Phật hiệu niệm đến cùng tốt, không có một ai chẳng thành công, không một ai chẳng vắng sanh.

Dù là vắng sanh Hạ Hạ Phẩm trong Phàm Thánh Đồng Cư Độ, Ngẫu Ích đại sư bảo cũng là chẳng thể nghĩ bàn! Bởi lẽ, Tây Phương Tịnh Độ là pháp giới bình đẳng, sanh vào cõi Đồng Cư là sanh vào cõi Thật Báo, là sanh vào cõi Thường Tịch Quang! Sanh vào một là sanh vào hết thảy, mười phương các cõi Phật không tìm được cõi nào giống như vậy. Người vắng sanh Hạ Hạ Phẩm trong Phàm Thánh Đồng Cư Độ, hằng ngày nghe A Di Đà Phật răn dạy, hằng ngày cùng Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc những vị đại Bồ Tát như thế, nắm tay cùng đi. Mọi người sống cùng một chỗ, học tập cùng một chỗ, tìm đâu ra được hoàn cảnh ấy! Thực sự chẳng thể nghĩ bàn. Đức Phật thấy những lợi ích ấy, tự bản thân Ngài làm được. Ngài nói: “*Ngã kiến thử lợi*” (ta thấy sự lợi ích ấy), nhưng nếu chính Ngài không làm, ắt chúng ta hoài nghi. Thực sự thấy lợi ích ấy thì nhất định phải làm; nếu không làm, ông nói lợi ích tốt đẹp dường ấy, tôi nghe rồi cười hì hì, không dám tin tưởng! Thực sự làm, thực sự nói!

Bởi vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng pháp môn Tịnh Độ rất nhiều lần trong suốt bốn mươi chín năm, chuyên giảng Tịnh Độ Tam Kinh. Cổ đức bảo kinh Vô Lượng Thọ không chỉ giảng một lần, mà kinh Vô Lượng Thọ tối thiểu phải giảng ba lần. Trong hiện tại, chúng ta thấy có năm bản dịch gốc, chú ý xem kỹ từng bản thì thấy nguyên bản của những bản dịch chắc chắn không thể chỉ là một. Nếu là cùng một bản thì khi phiên dịch ra, dù người phiên dịch khác nhau thì cũng chỉ đại đồng tiểu dị, không thể sai biệt nhiều như vậy. Năm bản dịch gốc khác biệt nhau rất nhiều; rõ ràng nhất là số lượng các nguyện khác nhau. Trong năm bản ấy, hai bản nêu bốn mươi tám nguyện, hai bản nêu hai mươi bốn nguyện, một bản nêu ba mươi sáu nguyện. Nếu quý vị bảo là cùng từ một bản Phạn Văn dịch ra thì không thể có sai biệt như vậy được, chắc chắn không phải là một bản. Do vậy, cổ nhân nói tối thiểu phải có ba thứ nguyên bản, tức là có ba thứ bản gốc bất đồng. Nói cách khác, đức Thế Tôn diễn giảng ba lần khác nhau.

Trong số đó lại còn có bảy bản dịch bị thất truyền, bảy bản dịch có khác nhau hay không, ta không biết. Vì vậy, khẳng định Thích Ca Mâu Ni Phật tuyên thuyết kinh Vô Lượng Thọ nhiều lần, cả một đời giảng kinh của lão nhân gia chưa từng có hiện tượng ấy. Nhiều lần tuyên nói, ắt phải hết sức trọng yếu! Đó là nhằm “*thuyết thử*” (nói điều này). Nếu

Thích Ca Mâu Ni Phật không vì chúng ta nêu gương, nhiều lần tuyên thuyết, khuyên dạy, “*chúng sanh hà do bất thử*” (chúng sanh nhờ vào đâu [để lãnh nhận] pháp này), tức là chúng sanh nhờ vào đâu để tu học pháp môn này? Cái để chúng ta nhờ cậy chính là gì? “*Bất*” (稟) là nhờ vào, nhờ vào cái gì? Nhờ vào Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện cho chúng ta thấy, Thích Ca Mâu Ni Phật một rồi hai, hai rồi ba, ba rồi bốn lượt xót lòng buốt họng tuyên nói khuyên dạy, chắc chắn không giả. Đó là đức Phật thực sự đại từ đại bi lưu lộ!

Hiểu đến mức độ này, quý vị mới thực sự cảm ơn! Cảm ơn thì dùng cách nào để báo đáp? Y giáo phụng hành! Trong một đời này, y theo pháp môn này được sanh về Tịnh Độ, thân cận Phật Di Đà mới là báo đáp đại ân của Thích Ca Mâu Ni Phật, mới hồng báo đáp ân đức của mười phương chư Phật khen ngợi trong pháp hội này. Mười phương Phật khen ngợi khiến cho tín tâm của chúng ta được thành tựu, đoạn trừ nghi hoặc cho chúng ta. Lại xem tiếp đoạn kế.

“*Nhược bất thâm tri kỳ thậm nan, tương vị cánh hữu biệt pháp khả xuất Ngũ Trược*” (Nếu chẳng biết sâu xa là rất khó, sẽ nói còn có pháp khác để thoát Ngũ Trược). Nếu quý vị không biết (“*tri*” ở đây là biết sâu xa, không phải là biết nông cạn) thì khó lắm! Chuyện gì khó? Vượt thoát lục đạo luân hồi thật khó! Tám vạn bốn ngàn pháp môn, bất cứ pháp nào cũng phải đoạn phiền não, phải đoạn Kiến Tư phiền não, trong phần trên gọi [Kiến Tư phiền não] là Ngũ Trược. Nói thật ra, cái nhân của Ngũ Trược là Kiến Trược và Phiền Não Trược, ba thứ kia là quả báo, nhân lẫn quả đều trược. Ai có năng lực đoạn Kiến Tư phiền não? Kiến Tư phiền não chẳng đoạn, vĩnh viễn chẳng thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, bởi lẽ, lục đạo luân hồi do Kiến Tư phiền não biến hiện.

Lúc tôi mới học Phật, hâm mộ kinh giáo, đặc biệt thích kinh giáo. Sau khi thâm nhập một chút mới biết là thực sự khó. Nhân duyên đốc lòng nơi Tịnh Độ vẫn là nhờ vào kinh giáo, tôi đã thưa cùng quý vị nhiều lần. Tôi giảng Lăng Nghiêm bèn phát hiện trong hai mươi lăm pháp Viên Thông, pháp do Quán Âm và Thế Chí thị hiện đúng là môn viên thông đặc biệt. Quán Âm và Thế Chí thuộc vào Tây Phương Tam Thánh trong pháp môn Tịnh Độ, pháp môn được các Ngài chỉ dạy trong hội Lăng Nghiêm là pháp môn đặc biệt, ban cho chúng ta một khái thị rất lớn. Cuối kinh Hoa Nghiêm, “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*”, hai vị đại sĩ Văn Thù và Phổ Hiền phát nguyện nói kệ cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhờ thế tôi mới phục, mới buông bỏ nghi hoặc. Vì sao? Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí là những vị trong

tâm chúng tôi kính ngưỡng, ngưỡng mộ nhất. Các Ngài đều niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ thì tôi còn gì để nói nữa, phải làm theo thôi! Chết sạch lòng mong ngóng, chụp giật, so đo, khiêm hư sát đất, không còn nghi hoặc nữa!

Về kinh giáo, tôi cũng đã kể cùng quý vị nhiều lần, sau khi tôi hiểu rõ, kinh giáo cũng buông xuống. Hiện thời vẫn còn giảng nhiều kinh điển là vì thế tục nhân tình, quá nhiều người khải thỉnh, tôi suy nghĩ: Nếu không giảng sẽ có lỗi. Vì vậy, bỏ chút thời gian giúp đỡ hậu học, dụng ý là như vậy. Nếu thực sự chỉ vì chính mình, thì tôi đã từng thừa cùng quý vị rồi đó, tôi chỉ giảng một bộ kinh, bộ nào vậy? A Di Đà Kinh Yếu Giải. Bộ này tôi được lợi ích lớn nhất, tôi ưa thích A Di Đà Kinh Yếu Giải nhất! Một bộ ấy là đủ rồi, há còn phải làm gì khác? Liên Trì đại sư nói: *“Tam Tạng mười hai bộ kinh dành cho người khác ngộ”*. Bao nhiêu năm qua, tôi thâm thập các sách vở thế gian và xuất thế gian không ít, nay bày đầy trong phòng học của chúng ta. Tôi có muốn đọc những sách ấy nữa hay không? Không! Tôi chưa từng mong đọc nhiều sách như thế. Vì sao lại phải thâm thập nhiều như vậy? Sợ chúng bị thất truyền. Thế giới hiện nay nhằm thời loạn, tìm được một chỗ an toàn để tàng trữ, lưu lại cho hậu nhân, dụng ý của tôi là như vậy.

Bởi vậy, chỉ cần là người thích đọc sách, tìm đến đây, tôi đều hoan hỷ, tôi đều cúng dường, tôi vui lòng thành tựu người ấy. Ở chỗ tôi đây, sách vở Nho, Thích, Đạo đều có, nhưng sách vở Đạo Gia khá ít, hiện thời người học cũng không nhiều, học Phật và Nho nhiều hơn. Các bạn đồng học nếu hiểu dụng tâm của tôi, hiểu rõ sự tu học của tôi sẽ thấy tôi *“một môn thâm nhập”*. Tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ mười lần, lần giảng này ở Tân Gia Ba là lần thứ mười một. Vì sao phải giảng kinh này? Vì được hai người phó thác. Người thứ nhất là thầy tôi, tức lão cư sĩ Lý Bình Nam, cụ đem bản [hội tập] này giao cho tôi, muốn tôi hoằng dương, lưu truyền rộng rãi. Vị thứ hai là lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ phó thác, bản này cả thế giới không có ai giảng, thuở ấy chỉ có cụ giảng, trong nước (Trung Hoa Đại Lục) chỉ có cụ giảng, ở ngoại quốc chỉ có mình tôi giảng. Hiện tại, dần dần người học tập kinh Vô Lượng Thọ, người giảng giải kinh Vô Lượng Thọ nhiều hơn. Người xuất gia lần tại gia, không ít người đều giảng, đó là chuyện tốt! Lần giảng thứ mười một này là giảng chi tiết, tường tận, ngõ hầu lưu lại tài liệu tham khảo cho các đồng học đang học tập kinh Vô Lượng Thọ. Nếu trong tương lai vẫn còn có sức, vẫn còn sống, tôi nhất định chuyên giảng A Di Đà Kinh Yếu Giải, đi khắp nơi giảng A Di Đà Kinh Yếu Giải để kết duyên cùng đại

chúng. Như vậy, chúng ta phải hiểu muốn đoạn phiền não, thoát tam giới, khó lắm, rất khó! Không có phương pháp thứ hai nào mà hồng thành tựu. Tiếp theo, Tổ nêu tỷ dụ:

“*Hỏa trạch chi trung, hý luận phân nhiên*” (Trong nhà lửa, hý luận tung bùng). Hôm nay chúng tôi đọc đến hai câu này, cảm khái rất sâu. “*Tam giới hỏa trạch*” (nhà lửa ba cõi) là câu nói của đức Phật trong kinh Pháp Hoa. Khi xưa tôi đọc Pháp Hoa, đọc đến câu này, cảm xúc không sâu đậm. Nay nhìn vào xã hội hiện tại, đúng là nhà lửa! Tai nạn dồn dập, có thể nói là người sống trên địa cầu này, có mấy ai thân tâm an ổn? Tự hồ tìm chẳng được một ai! Quý vị hãy đi hỏi: “Ông có cảm thấy an toàn hay chẳng?” Người ta sẽ đáp: “Không cảm thấy an toàn!” Trong một đời, bất luận theo đuổi nghề nghiệp nào, bất luận sống tại một địa phương nào, đều không có cảm giác an toàn! Quý vị nói có phải đáng sợ hay không? “*Hý luận tung bùng*”, hý luận là tà tri tà kiến, ngày nay quá rõ ràng. Quý vị thấy truyền hình phát đi những gì? Nội dung của báo chí, tạp chí là gì? Trên Internet đăng tải những gì? Hý luận tung bùng!

“*Duy thâm tri kỳ thậm nan*” (Chỉ có ai biết sâu xa điều này rất khó), chỉ có những ai thực sự biết sâu sắc chuyện này, tức là biết liễu sanh tử thoát tam giới rất khó thì sau đây mới “*tử tận thâm tâm*” (chết sạch cái tâm tham ngóng), buông hết thấy pháp môn xuống, “*bảo thủ nhất hạnh*” (quý báu một hạnh này), một hạnh ấy là gì? Một hạnh “tín nguyện trì danh”. Tín nguyện trì danh nương theo kinh điển đơn giản nhất, đáng tin cậy nhất là ba bộ sách:

- Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh: Nay ta chọn bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, chủ yếu là giúp chúng ta sanh khởi tín tâm, giúp chúng ta phát nguyện, rồi mới tín nguyện trì danh, vãng sanh Tịnh Độ.

- Ngoài ra còn có hai bộ, A Di Đà Kinh Sớ Sao và A Di Đà Kinh Yếu Giải.

Ba bộ sách này chỉ cần hành theo một bộ bèn thành công, chết sạch cái tâm mong ngóng, khiêm hư sát đất [y giáo phụng hành]. Có thể học cả ba bộ ấy, rất tốt! Chúng hỗ trợ, thành tựu lẫn nhau, khiến quý vị càng hiểu sâu thêm, càng thấu triệt. Nếu không có thời gian, không có nhiều tinh lực thì chỉ học một bản là được rồi!

“*Tử tận thâm tâm*” (chết sạch tấm lòng tham ngóng), câu này rất trọng yếu, quý trọng một hạnh này. Thế nào là “*thâm tâm*” (cái tâm trộm cắp, ở đây tạm dịch là “cái lòng tham ngóng”)? Thâm tâm là cái tâm chụp giựt cơ hội: Có phải là còn có pháp môn nào tốt hơn hay không? Có phải là còn có pháp nào nhanh chóng hơn hay không? Tổ sư đại đức bảo

chúng ta: Không hề có, chỉ có mỗi một môn này! “*Thử Bốn Sư sở dĩ cực khẩu thuyết kỳ thậm nan, nhi thâm chúc ngã đẳng đương tri dã*” (Do vậy, Bốn Sư phải hết lời nói đây là pháp rất khó, đắn đo sâu xa, chúng ta phải biết như vậy). Đức Thế Tôn quả thật ở trong thế gian này “vì hết thấy thế gian nói pháp khó tin này, thật là rất khó”, một lần nữa, đức Phật lại bảo cùng chúng ta pháp này rất khó, chúng ta phải biết. Biết điều gì? Biết lục đạo luân hồi, ngũ trược ác thế rất khó vượt thoát. Ở đây, Ngẫu Ích đại sư nhắc nhở chúng ta “*Ngũ Trược nan siêu*” (khó thể vượt thoát Ngũ Trược).

Thứ nhất là Kiếp Trược, “*quyết định vị thời sở vi, vị khổ sở bức*” (quyết định bị thời kiếp vây hãm, bị sự khổ bức bách). “*Quyết định*” nghĩa là khẳng định, đây là nói về Kiếp Trược, hiện nay đang là thời đại nào? Thời đại hiện tại có thể nói là kể từ khi có lịch sử đến nay, chưa bao giờ có thời đại nào ô nhiễm nghiêm trọng đến thế, ai có năng lực không bị ô nhiễm trong thời đại ô nhiễm lớn lao này? Không thể nào! Tà tri, tà kiến, ngũ dục, lục trần dụ hoặc tội bậc! Quý vị có thể không bị dụ hoặc hay chăng? Chỉ cần quý vị bị dụ hoặc, quý vị nhất định bị sự khổ bức bách, không có cách nào lìa khổ được vui! Nay quý vị tưởng là hưởng thụ một chút, có chút vui sướng nhỏ nhoi, nhưng sự vui ấy là gì? Chúng tôi thường nói nó là ma túy, là uống thuốc độc, không phải là sự vui chân chánh, đáng hoàng. Quý vị hưởng một chút vui, nay ở trong thế gian hưởng niềm vui ngũ dục lục trần thì phải trả giá bao nhiêu?

“*Kiến Trược: Quyết định vị tà trí sở triền, tà sư sở hoặc*” (Kiến Trược: Quyết định bị tà trí trói buộc, bị tà sư mê hoặc). Đây là nói về kiến giải. Kiến giải bị nhuốm bẩn, chẳng rời khỏi tà tri tà kiến, chẳng tách khỏi tà sư thuyết pháp, nhất định sẽ bị ảnh hưởng.

Thứ ba, “*Phiền Nã Trược: Quyết định vị tham dục sở hãm, ác nghiệp sở thích*” (Phiền Nã Trược: Quyết định bị tham dục vây hãm, bị ác nghiệp chích đốt¹⁴). Nay chúng ta gọi Kiến Trược là cuộc sống tình thần. Phiền Nã Trược là coi trọng cuộc sống vật chất, không có cách nào buông được sự hưởng thụ ngũ dục, lục trần, chắc chắn phải cạnh tranh với hết thấy mọi người trong thế gian, cạnh tranh là khổ. Quý vị hy vọng được hưởng ngũ dục, lục trần tốt hơn thì sẽ tạo ác nghiệp. Quý vị vẫn không hiểu phương pháp, tạo ác nghiệp ắt phải chịu ác báo.

“*Chúng Sanh Trược: Quyết định an uế liệt, bất năng đồng giác,*

¹⁴ Thích (螫): Côn trùng như ong kiến châm đốt thì gọi là Thích. Ở đây, phiền não khiến con người ta đau đớn, bứt rứt, vật vã như bị ong đâm kiến đốt nên mới dùng chữ Thích để tỷ dụ.

phân phi” (Chúng Sanh Trước: Quyết định ở yên trong nhơ bản, hèn kém, chẳng thể hiểu thấu suốt, bay cao). Quyết định ở yên trong đời ác ngũ trước, quý vị cứ ở trong ấy không biết giác ngộ, không thể mạnh mẽ vĩnh viễn thoát ly sáu nẻo luân hồi.

Điều cuối cùng là “*Mạng Trước: Quyết định vị vô thường sở thốn, thạch hỏa, điển quang, thổ thủ bất cập*” (Mạng Trước: Quyết định bị vô thường nuốt chửng, như ánh lửa xẹt từ đá, như ánh chớp, trở tay không kịp). Vô thường là gì? Vô thường là chết! Quý vị không cách gì tránh được cái chết, lúc cái chết xảy đến, trở tay không kịp, có hối cũng không kịp. Lúc ấy biết là sai đã quá muộn. Huống chi rất ít người lúc sắp chết biết mình làm, ít lắm! Đến khi nào biết mình đã làm? Đến lúc tự mình đọa lạc tam đồ, mới biết mình thực sự lầm lạc.

Nay đã hết giờ rồi!

Tập 39

Chư vị đồng học!

Hôm nay chúng ta xem đến đoạn cuối cùng của kinh văn này:

Phật thuyết thử kinh dĩ, Xá Lợi Phất cập chư tỳ-kheo, nhất thiết thế gian, thiên, nhân, A Tu La đẳng, văn Phật sở thuyết, hoan hỷ tín thọ, tác lễ nhi khứ.

佛說此經已。舍利弗。及諸比丘。一切世間天人阿修羅等。聞佛所說。歡喜信受。作禮而去。

(Phật nói kinh này xong, Xá Lợi Phất và các tỳ-kheo, hết thầy thế gian, trời, người, A Tu La v.v... nghe lời Phật dạy, hoan hỷ tin nhận, làm lễ mà lui).

Đây là đoạn cuối cùng của kinh này, đoạn này nói thính chúng nghe kinh đạt được lợi ích, chính là đoạn tổng kết của cả bản kinh. Chúng tôi đặt tiêu đề cho đoạn này là “*đại chúng đắc ích, kết khuyến*”.

“*Văn Phật sở thuyết*” (nghe lời Phật dạy), ý nói: Đức Phật giới thiệu kinh này đã hoàn tất, bọn họ được lợi ích. Nói chung, lợi ích gồm bốn loại:

1) Thứ nhất là hoan hỷ: “*Thân tâm di duyệt, tâm khai ý giải*” (Thân tâm vui sướng, tâm khai ý giải). Thật ra, không có cách nào hình dung sự hoan hỷ này! Trong các pháp thế gian lẫn xuất thế gian, pháp này thực sự khó gặp gỡ. Trong một đời này, có thể vượt thoát tam giới,

vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi. Không chỉ như vậy, mà còn đúng như đức Thế Tôn đã nói trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo: “*Năng ly nhất thiết thế gian khổ*” (có thể lìa hết thảy nỗi khổ thế gian). So với kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, kinh này càng thù thắng hơn! Kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo giảng về tự lực cảm động Phật, Bồ Tát gia trì; còn kinh này dạy chúng ta chấp trì danh hiệu nếu viên mãn bèn được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, đồng thời được mười phương hết thảy chư Phật Như Lai hộ niệm, không có pháp môn nào thù thắng như thế! Chúng ta nghe thấy, sao không hoan hỷ? Nếu chú tâm quán sát, tư duy, sẽ thấy mọi pháp thế gian và xuất thế gian không có pháp nào sánh bằng được niềm hoan hỷ ấy.

“*Thân tâm di duyệt*” (thân tâm vui sướng) tức là pháp hỷ sung mãn, niềm hoan hỷ ấy từ tự tánh lưu lộ. Đây là nói về quả, do nguyên nhân nào mà quý vị có được pháp hỷ thù thắng như vậy? Do “*tâm khai ý giải*”. Ngạn ngữ Trung Quốc có câu “*mao tắc đốn khai*” (cái nút bấc được mở ra nhanh chóng, ý nói: Đột nhiên minh bạch), còn nhanh gì bằng! Nếu nay ta dùng cái nút bấc (cork) để làm tỷ dụ, từ vô thủy kiếp đến nay giống như cái nút bấc đậy chặt, chưa hề có cách mở ra, nay nghe Thích Ca Mâu Ni Phật tuyên nói pháp môn này, [cái nút bấc ấy] bèn nhanh chóng bật tung ra. Quý vị nghĩ xem, điều này có ý nghĩa gì? Đồng thời lại phải nghiêm túc phản tỉnh, chúng ta nghe kinh này xong, có thực sự tâm khai ý giải hay không? Nếu quả nhiên tâm khai ý giải, chắc chắn quý vị buông xuống vạn duyên, chắc chắn cũng lập tức bỏ ngay vọng tưởng, phân biệt, khai ngộ nhanh bèn buông bỏ nhanh, bỏ nhanh nên khai ngộ nhanh. Nếu vẫn không buông xuống được thì cái nút chai của quý vị vẫn chưa mở được! Dầu đã đượm một chút hơi ấm¹⁵, cái nút ấy vẫn không nhúc nhích chút nào! Nói theo Phật pháp là nghiệp chướng của quý vị trì kéo quá nặng!

Có cứu được hay chẳng? Thiện Đạo đại sư nói: “*Tổng tại ngộ duyên bất đồng*” (nói chung do gặp duyên khác nhau). Duyên phải cật vào chính mình. Duyên gì? Nghe nhiều. Nay quý vị đã nghe kinh này một lần thì nghe lần nữa, nghe thêm lần nữa. Cổ nhân Trung Quốc nói rất hay: “*Độc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến*” (Độc sách ngàn lần, tự thấy được nghĩa). Hiện tại, quý vị muốn nghe một ngàn lần sẽ không khó! Trước kia, không dễ gì, ai chịu giảng cho quý vị nghe đây? Nay

¹⁵ Đây là dùng cách mở nút chai bằng cách hơi nóng cổ chai để làm tỷ dụ. Nghe pháp môn này mà không buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước được thì cũng giống như nút chai bị hơi chưa đủ nóng, nút chai không bung ra được!

chúng ta có băng thâu âm, băng thâu hình, quý vị muốn nghe cả ngàn lần thực sự chẳng khó. Như mấy năm trước đây, lão cư sĩ Trần Quang Biệt ở Tân Gia Ba một ngày nghe suốt tám tiếng, thật giống như thời Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế giảng kinh thuyết pháp. Lúc Phật tại thế, mỗi ngày giảng kinh hai thời, hai thời bằng với tám tiếng đồng hồ hiện thời. Tám tiếng đồng hồ giảng kinh, nghe kinh; tám tiếng đồng hồ niệm Phật. Nếu quý vị thực sự làm được như vậy, làm chừng mười năm, hai mươi năm, những thiện căn chứa đựng trong A Lại Da Thức của quý vị không đủ sẽ đều được bổ sung đầy đủ hết. Chắc chắn quý vị đầy đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên viên mãn, chúng tôi tin là không những quý vị vãng sanh mà còn là vãng sanh bậc thượng. Vì sao? Thực sự tâm khai ý giải!

Tôi đã thưa cùng quý vị rất nhiều lần, tôi là kẻ căn tánh trung hạ. Thầy khuyên tôi tu pháp môn này, tôi vẫn rất hoài nghi, hoài nghi suốt nhiều năm, rất khó tiếp nhận. Đúng là như kinh này nói, pháp này khó tin. Một đời này, thiện căn, phước đức, nhân duyên được bổ sung đầy đủ. Bổ sung đầy đủ bằng cách nào? Ngày ngày giảng kinh. Ngày ngày thân cận Phật, Bồ Tát, năm mươi hai năm! Năm mươi hai năm, cả một thời gian như thế để bổ sung cho đủ! Không có thời gian dài như vậy, ắt không xong! Vì thế, học Phật, từ kinh nghiệm cả một đời tôi nhận ra, nếu quý vị muốn thực sự thành tựu, nói thật ra, trong thời kỳ Mạt Pháp, thiện căn, phước đức, nhân duyên thực sự không nhiều, chẳng đạt được những tiêu chuẩn như kinh đã nói. Tiêu chuẩn theo kinh dạy là “*bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi ấy). Nói cách khác, phải có nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên, lời ấy nói vô cùng hợp lý. Trong một đời này, gặp được pháp Tịnh Độ, có thể vãng sanh hay không, có thể nâng cao phẩm vị hay không thì lời khai thị này là mấu chốt!

Người đọc kinh Di Đà, người tu Tịnh Độ, thậm chí người giảng kinh Di Đà có xem trọng câu nói ấy hay không? Mấu chốt nằm trong câu nói ấy! Phải biến ít thiện căn, ít phước đức, ít nhân duyên của bản thân chúng ta thành nhiều thiện căn, nhiều phước đức, nhiều nhân duyên thì vấn đề được giải quyết. Chuyên biến như thế nào? Ngày ngày thực hiện, nắm chắc không bỏ. Đương nhiên, lúc mới học, chưa buông vạn duyên xuống được. Nếu thực sự làm được, làm trong mười năm, hai mươi năm, nếu đạt đến tâm khai ý giải thì hết thấy vạn duyên không kêu quý vị bỏ xuống, quý vị cũng tự nhiên buông xuống, đâu cần ai phải khuyên! Vì sao? Giống như chúng ta đi đường xa, tay cầm túi xách quá nặng, những

thứ lặt vặt tạp nhạp chứa trong túi xách ấy đều trở thành vô dụng, đều có thể vứt đi hết. Đến khi tâm khai ý giải, ta có còn phải làm gì nữa hay không? Thấy đều bỏ sạch rồi! Tự nhiên buông xuống được, thân tâm vui sướng.

Do vậy, khi giảng kinh tôi cũng thường nói: Mọi người học Phật vì sao công phu chẳng thể tiến bộ? Là vì quý vị không có pháp hỷ, tôi cũng thường nêu tỷ dụ: Quý vị không nếm được pháp vị. Giống như ăn uống trong thế gian, quý vị không thưởng thức được mùi vị. Đã nếm được hương vị ấy, bất cứ vị nào trên cõi trời hay trong nhân gian cũng không thể sánh bằng vị này. Do vậy, tự nhiên quý vị bỏ được, bỏ sạch sành sanh. Sách Di Đà Kinh Yếu Giải là vô thượng pháp bảo! Lời Ấn Quang đại sư không quá mức chút nào cả! Tôi hoàn toàn đồng ý với lời tán thán của lão pháp sư.

2) Có hoan hỷ thì mới có thể “*tin nhận*”; như vậy, hiện thời nói “*tin nhận*”, thật ra, rất miên cưỡng. Vì sao? Vì tâm hoan hỷ chưa sanh khởi. Tâm hoan hỷ thực sự sanh khởi sẽ thực sự tin tưởng, thực sự tiếp nhận. “*Hào vô nghi nhị, lãnh nạp bất vong*” (không nghi ngờ mảy may, lãnh nhận chẳng quên). Đoạn sạch nghi hoặc, sanh tín tâm thanh tịnh, tín tâm kiên định; đã có tín tâm thì nguyện tâm nhân đó bèn sanh khởi, ta còn nghĩ gì nữa không? Mục tiêu và phương hướng chỉ có một, ta nghĩ đến thế giới Cực Lạc, ta nghĩ đến A Di Đà Phật. Trong vũ trụ, rất nhiều cõi Phật, ta chỉ cầu thế giới Cực Lạc. Chư Phật Như Lai rất nhiều, ta chỉ cầu thân cận A Di Đà Phật. Ta rất thanh tịnh, rất minh bạch, thân cận A Di Đà Phật là thân cận hết thấy chư Phật Như Lai, kinh giảng rất rõ ràng!

Trong kinh này, đức Phật dạy chúng ta: “*Kỳ độ chúng sanh, thường dĩ thanh đàn, các dĩ y kích, tịnh chúng diệu hoa, cúng dường tha phương thập vạn ức Phật*” (Chúng sanh cõi ấy thường vào sáng sớm, mỗi người dùng lẵng hoa đựng những thứ hoa màu nhiệm, cúng dường mười vạn ức Phật ở các phương khác). Đối với câu này, trong chú giải của các vị đại sư như Liên Trì và Ngẫu Ích đều nói “*mười vạn ức*” không phải là con số mà nhằm biểu thị pháp. Vì sao biểu thị pháp lại dùng chữ “*mười vạn ức*”? Có hai nghĩa. Vì khoảng cách giữa Tây Phương Cực Lạc thế giới và thế giới Sa Bà là mười vạn ức cõi Phật nên đặc biệt dùng câu này để thuyết minh: Đến Tây Phương Cực Lạc rồi có thể thường trở về thế giới Sa Bà, hằng ngày đều có thể trở về được, có ý nghĩa như vậy. Ý nghĩa thực sự là vô lượng vô biên các cõi Phật trong mười phương, hằng ngày quý vị đều có thể đến được những nơi ấy. Do

vậy, trong bản chú giải của Ngẫu Ích đại sư, ở phần trên chúng ta đã đọc rồi đó, có nói: Sanh về thế giới Cực Lạc là sanh về hết thấy thế giới của chư Phật, thấy A Di Đà Phật là thấy hết thấy chư Phật Như Lai, chúng ta phải hiểu đạo lý này, trong các pháp môn khác không có đạo lý ấy. Thực sự sanh khởi tín tâm, sanh khởi nguyện tâm. “Thọ” (受) là hành, y giáo phụng hành. Như vậy, ý nghĩa của hai chữ “tín thọ” (信受) là tín nguyện trì danh, trọn đủ ba tư lương!

Bằng một hội này, không biết đức Phật đã độ bao nhiêu chúng sanh! Thích Ca Mâu Ni Phật một đời thị hiện, giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, hội nào độ chúng sanh nhiều nhất? Một hội Di Đà độ chúng sanh nhiều nhất, độ chúng sanh triệt để nhất, viên mãn nhất, rốt ráo nhất! Chúng ta phải hiểu như vậy! Hội Hoa Nghiêm nhằm độ Pháp Thân đại sĩ, chứ không độ kẻ bình phàm, chúng sanh trong chín pháp giới không có năng lực tham dự pháp hội Hoa Nghiêm của đức Thế Tôn. Vì sao? Pháp hội Hoa Nghiêm được giảng trong Định, vì thế, pháp Tiểu Thừa không thừa nhận [kinh Hoa Nghiêm]. Pháp Tiểu Thừa cho rằng đức Thích Ca Mâu Ni giảng kinh thuyết pháp lần đầu tiên tại Lộc dã Uyển độ năm tỳ-kheo, khởi đầu từ đó. Dưới cội Bồ Đề, [đức Phật] ngồi nhập Định, bọn họ không biết điều này, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật ở dưới cội Bồ Đề, nhập Định mười bốn ngày tuyên giảng Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, người nghe là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Chúng ta cũng thấy trong kinh ấy có nhiều nhân chúng, thiên chúng, quỷ thần chúng, chẳng phải là rất nhiều [loại thánh chúng] đó sao? Những vị ấy là ai? Họ đều là Pháp Thân đại sĩ ứng hóa trong lục đạo, không thực sự là phàm phu. Do vậy, quý vị thấy thần núi, thần cây, thần sông, thần biển, thần thảo mộc chính là chư Phật Như Lai hay Pháp Thân Bồ Tát ứng hóa chẳng thể nghĩ bàn! Phàm phu không có cách gì tham dự pháp hội này!

Nếu quý vị chú tâm quán sát pháp hội ấy sẽ thấy màu nhiệm đến cùng cực! Cuối kinh, Văn Thù, Phổ Hiền “*mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc*”; do vậy, hội Hoa Nghiêm nhằm độ Pháp Thân đại sĩ vãng sanh Cực Lạc. Bởi thế, quý vị hiểu kinh Di Đà và kinh Vô Lượng Thọ nhằm độ chúng sanh trong chín pháp giới, tín nguyện trì danh cầu sanh Tịnh Độ. Đại sư nhân duyên “độ chúng sanh thành Phật đạo” của Thích Ca Mâu Ni Phật và mười phương tam thế hết thấy chư Phật Như Lai đến đây viên mãn rốt ráo. Hết thấy những kinh luận khác đều là đức Phật đại từ đại bi đối với những ai mà nói? Đối với những kẻ ít thiện căn, ít phước đức, ít nhân duyên mà nói. Vì sao? Họ chẳng thể thành tựu trong

một đời, họ chẳng thể tiếp nhận pháp môn này. Do vậy, đức Phật từ bi, quý vị thích tiếp nhận pháp môn nào, đức Phật liền vì quý vị giảng pháp môn ấy. “*Tùy chúng sanh tâm, ứng khả tri lượng*” (thuận lòng chúng sanh, ứng theo khả năng hiểu biết của họ). Rốt ráo viên mãn là hai bộ kinh này.

Chúng ta học Phật, hằng ngày nghiên cứu kinh giáo, nếu đối với mật nghĩa, đối với ý nghĩa này của Thích Ca Mâu Ni Phật mà không thể nhìn ra, tức là học uống công. Như vậy, hàng hậu học chúng ta là kẻ làm học trò, phải bắt chước thầy, hiểu được ý thầy, hiểu phương tiện thiện xảo của thầy, chúng ta phải biết làm như thế nào đối với chúng sanh đông đảo trong xã hội hiện tại. Chúng ta phải làm sao để giúp đỡ họ? Phải làm thế nào để thành tựu họ? Giúp đỡ họ, thành tựu họ thì hãy nhớ kỹ: Trước hết chính mình phải thành tựu, tối thiểu là chính mình phải trọn đủ hoan hỷ và tín thọ. Nếu quý vị không hoan hỷ, tín thọ, làm sao có thể giúp người khác hoan hỷ, tín thọ cho được?

3) “*Tác lễ*” nhằm biểu lộ lòng cảm ơn, “*cảm đại ân đức*”. Cảm ơn tuyệt đối chẳng thể chỉ biểu đạt bằng ngôn ngữ, mà phải có hành động, hành động là “*đầu thân quy mạng*” (gieo thân quy mạng). Toàn thể thân tâm quy y A Di Đà Phật, quy y Tịnh Độ, chẳng những hết một đời này, mà đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn không rời A Di Đà Phật, vĩnh viễn chẳng lìa Tịnh Độ. Đó là thực sự cảm ân! Giúp đỡ A Di Đà Phật, giúp đỡ hết thấy chư Phật Như Lai phổ độ chúng sanh. Trong kinh giáo, đức Thế Tôn thường dạy chúng ta phương thức phổ độ: “*Thọ trì đọc tụng, diễn nói cho người khác*”. Đặc biệt xem trọng Diễn. “*Diễn*” (演) là biểu diễn, là làm gương cho người khác thấy, người khác trông thấy ắt cảm động. Nếu người khác không cảm động là do quý vị làm chưa tốt, tâm không đủ chân thành, chí thành cảm thông mà! Vì sao người khác không cảm động? Do quý vị không đủ thành ý. Nếu thành ý trọn đủ, tự nhiên sẽ cảm động. Cô nhân nói thật chính xác, nói thật đúng: “*Tinh thành sở chí, kim thạch vị khai*” (Lòng tinh thành đến cùng cực, vàng đá còn phải nứt). Vàng, đá là khoáng vật, không phải là thực vật; quý vị chân thành đến mức cùng cực thì ngay cả đá cũng phải cảm động.

Trong nhà Phật chúng ta có một công án: “*Sanh công thuyết pháp, ngoan thạch điểm đầu*” (ngài Đạo Sanh thuyết pháp, đá phải gập đầu), đó là một ví dụ về chuyện “*kim thạch vị khai*”, có thể như vậy được hay không? Nay chúng ta đã biết, chuyện này chắc chắn có thể xảy ra. Vì sao? Thực vật và khoáng vật có Pháp Tánh, đặc chất của pháp tánh là có linh tri, hay có thể nói là thấy - nghe - hay - biết. Chẳng qua sự thấy -

nghe - hay - biết của chúng hết sức chậm chạp, quý vị tinh thành đến cùng cực thì cũng cảm động được chúng, chúng cũng sanh ra những đáp ứng thuận theo tâm ý của quý vị. Tiến sĩ Giang Bồn Thắng nghiên cứu nước kết tinh, nước cũng là khoáng vật, đem so với đá, chúng ta cảm thấy rất rõ nước nhạy bén, đá chậm chạp. Bùn, cát, đá đem so với nước sẽ chậm hơn nhiều lắm. Do đó, quán sát nước dưới kính hiển vi, thấy nó phản ứng rất nhanh, rất rõ rệt. Cùng một đạo lý ấy, chúng ta tin rằng: Đối với bùn, cát, đá nếu chân thành đến cùng cực thì chúng cũng phản ứng rất nhanh, rất rõ ràng, y báo chuyển theo chánh báo mà!

Thế nhưng hữu tình chúng sanh lại có cái phiền, phiền phức ở chỗ nào? Nghiệp chướng! Họ có nghiệp chướng rất sâu, có lúc còn khó khăn hơn đá nữa. Quý vị giảng kinh, đá cứng còn có thể gặt đầu, chứ con người không gặt đầu. Kẻ ấy đã nhiễm phải tà tri tà kiến, so ra khó hóa độ hơn tảng đá. Độ tảng đá còn dễ, độ một kẻ tối tăm, ương ngạnh, không nhanh nhạy, tà tri, tà kiến khó lắm! Nói chung, hề có tâm chân thành, tốn thời gian dài thì không một ai chẳng thể cảm hóa. Như vậy, tự độ, độ người, điều kiện tiên quyết là phải khẳng định: Hết thấy hữu tình chúng sanh đều có Phật tánh, hết thấy vô tình chúng sanh đều có Pháp tánh. Nho gia bảo “*con người tánh vốn lành*”, đây là khái niệm cơ bản, khẳng định hết thấy chúng sanh tánh thiện, bản tánh là chí thiện.

Như Mạnh Tử giảng về tánh thiện, Tuân Tử giảng tánh ác; khi xưa, tôi ở Hương Cảng, đài truyền hình Á Thị ở Hương Cảng đến phỏng vấn tôi. Người phỏng vấn hình như là tiên sinh Hà Thủ Tín. Ông ta nêu câu hỏi như thế này:

- Cổ nhân bảo “*con người tánh vốn ác*”, thấy trong xã hội này, tâm con người trên thế giới là ác, không thiện, trong xã hội này làm sao tìm được những người lành? Dẫu ta hành thiện, người ta đều hoài nghi ta đang ấp ủ ý định gì? Đại khái là mang lòng bất hảo.

Tôi bảo ông ta:

- Mạnh Tử bảo là tánh thiện, Tuân Tử bảo là tánh ác, không phải là bản tánh, mà là tánh gì? Tập tánh! Đó là “*cận châu giả xích, cận mặc giả hắc*” (gần sơn thì đỏ, gần mực thì đen), tập tánh đấy! Tập tánh có thiện và ác, bản tánh không có. Không có thiện - ác thì mới là chân thiện, mới là chí thiện. Vì sao? Có thiện, có ác là rớt vào hai, là rớt trong hai - ba.

Chân Như bản tánh gọi là Nhất Chân, trong Nhất Chân không có đối lập. Thiện - ác là đối lập, không có thiện - ác, không có sanh - tử, không có xa - gần, không có lớn - nhỏ, không có Bỏ Đều, Niết Bàn, tất cả

hết thấy đối lập đều không tồn tại. Đó là nhất tâm bất loạn. Nhất tâm bất loạn có thể chứng, nói theo nhà Phật là “có thể hiện, có thể biến”, Nhất Chân pháp giới là cái được hiện, cái được biến. Khi nào quý vị sẽ nhập Nhất Chân pháp giới? Khi nào quý vị dùng phương pháp Niệm Phật thực sự niệm đến mức nhất tâm bất loạn, Nhất Chân pháp giới sẽ hiện tiền. Nhất Chân pháp giới ở tại đâu? Như trên đã nói, khi quý vị buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống thì chính là nó đấy!

Quý vị hãy suy nghĩ, một câu A Di Đà Phật quả thật là đức hiệu của Nhất Chân pháp giới. Do vậy, cảm ơn thì phải biểu hiện bằng hành động, chứ không phải là miệng nói xuống. Trong xã hội hiện thời, mọi người quên sạch luân lý đạo đức, không ai nhắc đến. Bởi thế, xã hội động loạn, nhân tâm bất an, chúng ta thường nói: “Không có cảm giác an toàn”. Thực sự an toàn là phải ngộ từ giáo huấn của bậc thánh hiền, như trong phần trên đã nói: “*Thân tâm di duyệt, tâm khai ý giải*” (Thân tâm vui sướng, tâm khai ý giải), từ nơi ấy mà được, đó là thật, không phải giả.

4) “*Nhi khứ*” (mà đi), làm lễ mà đi. Đi không phải là hết chuyện, đi làm gì? Đi y giáo phụng hành. Do đó, “*y giáo tu trì, nhất vãng bất thoái*” (theo lời dạy tu trì, một mực không lùi bước), đó là “*nhi khứ*”. Quý vị thấy mấy câu sau cùng: “*Hoan hỷ tín thọ, tác lễ nhi khứ*”, ý nghĩa rất phong phú. Tuyệt đối chẳng phải như người hiện tại chúng ta đi nghe kinh, nghe xong, làm lễ lui ra, ra khỏi rồi bèn làm gì? Ra khỏi cửa bèn suy nghĩ lung tung, làm càn, làm bậy, quên tuốt luốt những điều mới được nghe nơi giảng đường. Thực sự nghe hiểu, thực sự nghe thấu triệt, sẽ đoạn nghi sanh tín, khai phát nguyện tâm. Mọi người làm lễ là cảm ân, thân tâm quy nhất; “*nhi khứ*” là đi “*thọ trì đọc tụng, vì người khác diễn nói*”, thực sự làm! Cuối cùng, chúng tôi dẫn mấy câu trong tác phẩm giảng nghĩa cuốn A Di Đà Kinh của pháp sư Viên Anh Yếu Giải, cuối sách Sư viết mấy câu cổ vũ chúng ta:

“*Tùng kim nhật khởi, thế gian danh lợi, phao khứ, phiết khứ, thiết mạc tâu hướng kỳ tha lộ khứ*” (Từ nay trở đi, danh lợi thế gian vút đi, bỏ đi, chớ đi theo con đường nào khác nữa). Ngài nói năm câu, đây là câu thứ nhất. Danh lợi trong thế gian là giả, không thật. Tham chấp danh lợi thế gian, cái tâm ấy là tâm luân hồi, quý vị khởi tâm động niệm, nói năng, tạo tác là nghiệp luân hồi. Tâm luân hồi là mê hoặc, nghiệp luân hồi là nghiệp bất thiện, quả báo là luân hồi trong lục đạo. Người thực sự hiểu rõ, giác ngộ, phải buông xuống những thứ ấy. Danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, hưởng thụ ngũ dục, lục trần phải buông xuống, trong

cuộc sống thường ngày bèn tùy duyên, quyết định không được so đo. Người ta cho gì ăn nấy, ăn ngon rất tốt, ăn dở cũng xong; từ đây, cái tâm phân biệt xấu - tốt đã đoạn, tâm bình đẳng sẽ hiện tiền.

Nhưng phải nhớ kỹ, nếu chúng ta cúng dường người khác, phải tận tâm tận lực chọn cái tốt nhất, vì sao? Nhằm thể hiện lòng cung kính. Khi tiếp nhận vật của người khác cho, quyết định không có tâm phân biệt, thành tựu đức của chính mình. Cúng dường người khác là thành tựu phước báo của chính mình, tu phước báo cho chính mình. Do vậy, niệm niệm nghĩ thật viên mãn cho người khác, không cần nghĩ đến mình. Tự mình tiếp nhận người khác cúng dường, quyết định không có tâm phân biệt. Chúng ta tu hành ở chỗ này! Cái gì cũng đều mong cầu thì quý vị không thể ra khỏi lục đạo luân hồi. Thực sự lìa khỏi lục đạo luân hồi thì trong cuộc sống thường ngày, nhất định chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, không có những thứ bất hảo như thế, mọi thứ đều tốt. Có như vậy mới hồng dương được cái tâm thanh tịnh cho chính mình, dưỡng lòng từ bi của chính mình.

Nhiếp thọ hết thầy chúng sanh thì phải nhớ kỹ, “*hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”, đức Phật dạy chúng ta Tứ Nhiếp Pháp. Vậy thì vì sao đạo tràng phải trang nghiêm dường ấy? Chẳng phải để tự mình thọ dụng, điều này rất quan trọng. Nay đạo tràng trang nghiêm để chính mình thọ dụng, chứ không phải để người khác thọ dụng, là sai rồi! Quý vị thấy thời cổ, các tự viện, từng lâm xây cất choáng lộn, huy hoàng, rồi lại nhìn vào liêu phòng của người xuất gia, nhìn rồi sẽ hiểu, họ vẫn thực sự tu hành. Ngay cả vị phương trượng hòa thượng, cái phòng Ngài ở được gọi là Phương Trượng. Phương Trượng to bao nhiêu? Vuông vức mỗi bề một trượng. Trong ấy chỉ có thể kê được một cái giường nhỏ, đặt một cái tủ nhỏ, kê một cái bàn nhỏ là chật ních. Đúng là Phương Trượng! Phòng của các vị chấp sự rất nhỏ, đại chúng cùng ở gian nhà chung (quảng đơn). Những kiến trúc lộng lẫy, huy hoàng để mọi người đến lễ bái, đến tham học, khiến cho người khác sanh lòng hoan hỷ, nhằm cúng dường đại chúng, chứ không phải để cung phụng chính mình. Vì chúng sanh như thế nào? Vì chính mình thì sao? Chính mình không mong cầu hưởng thụ, làm như vậy nhằm biểu diễn cho chúng sanh thấy, đó là người tu hành chân chánh, cuộc sống vật chất hết thầy đều đơn giản!

Đối đãi người khác thì phải tận tâm tận lực. Pháp thứ nhất trong Tứ Nhiếp Pháp là Bố Thí. Sự bố thí ấy chúng tôi thường giảng là mời khách nhiều, biếu tặng nhiều, cúng dường nhiều. “*Ái ngữ*” là thực sự

quan hoài, thành tâm thành ý quan hoài. “*Lợi hành*”: Hết thấy hành vi của ta đối với chúng sanh nhất định là hữu lợi vô hại, có như vậy thì mới có thể nhiếp thọ hết thấy chúng sanh. Đối với bản thân, đối với yêu cầu của chính mình thì phải đơn giản, khắc khổ, tương ứng với pháp, đối với thế gian này không lưu luyến. Đối với người khác thì trọng hậu, khiến cho người khác sau khi cảm nhận, họ có thể cảm ân, họ cũng có thể quy y Tam Bảo, gieo thân quy mạng. Ý nghĩa là đây, đó là tiếp dẫn chúng sanh. Tự hành như thế nào? Hóa tha như thế nào? Đức Phật đều đã nêu gương cho chúng ta thấy. Điều đầu tiên là phải bỏ danh văn, lợi dưỡng.

Điều thứ hai là “*tùng kim nhật khởi, nhất thiết Hoặc nghiệp, hưu khí, hiết khí, thiết mạt tẩu hướng kỳ tha lộ khí*” (từ nay trở đi, hết thấy hoặc nghiệp phải ngưng đi, dứt đi, chớ đi theo con đường nào khác nữa). “*Hoặc*” (惑) là mê hoặc. Tham - sân - si - mạn - nghi trong tâm là mê hoặc; danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần bên ngoài đều là mê hoặc. Mê mất cái tâm, mê mất cái trí, chẳng thể tách rời những thứ ấy! Tôi thường khuyến khích các đồng học, ngày nay bản thân tôi có chút thành tựu, đặc lực là nhờ sự giáo huấn của thầy, tức Chương Gia đại sư dạy dỗ. Lão nhân gia dạy tôi buông xuống, thấy thấu suốt, buông xuống tự tại, tự lợi, buông xuống danh văn, lợi dưỡng, buông xuống tham - sân - si - mạn, tôi thực sự làm nên mới có một chút thành tựu như vậy. Làm được nhưng chưa đủ, mỗi ngày vẫn cứ phải tích cực nỗ lực thực hiện. Nay tôi rất có tín tâm, rất nắm chắc, tiến bộ hết sức nhanh chóng.

Trong tu học Phật pháp, sự tiến bộ ban đầu rất chậm, đặc biệt là trong mười năm đầu, bởi có thể nói là giống như quý vị phải chiến đấu với tập khí vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, hết sức cực nhọc. Nếu quý vị quả thật khắc phục được thì sau đây sẽ thuận buồm xuôi gió, mười năm đầu quả thật là mấu chốt. Nếu quý vị duyên không rất thù thắng, phiền não tập khí quá nặng, thời gian mười năm sẽ không đủ, tâm chưa định được, nói chung phải hai mươi năm, ba mươi năm. Nhưng quý vị phải nhớ: Dẫu cho ba mươi năm đi nữa, so với vô lượng kiếp luân hồi vẫn là quá ngắn, ba mươi năm ấy qua nhanh lắm. Sau đây dần dần trở thành tự nhiên, tự nhiên buông xuống, may mắn miễn cưỡng cũng không có, như vậy quý vị bèn tự tại.

Thế nhưng nhân duyên đầu tiên là quý vị có thành tựu nơi mấu chốt ấy hay không. Nhân duyên ấy là ở nơi thầy. Đối với thầy, quý vị có lòng tin thực sự hay không? Đây là mấu chốt bậc nhất. Tôi tôn kính thầy, tin tưởng thầy, thầy dạy tôi những gì tôi thực sự làm theo, đó là cái ai đầu tiên. Nếu như hoài nghi thầy, quý vị sẽ không có cách gì hết. Đừng

nói là ba mươi năm, ba trăm năm quý vị cũng không thể tiến bộ được.

A! Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp lời khai thị sau cùng của pháp sư Viên Anh. Ngài nói năm câu, câu thứ nhất là *“tùng kim nhật khởi, thế gian danh lợi, phao khứ, phiết khứ, thiết mạc tẩu hướng kỳ tha lộ khứ”* (từ nay trở đi, danh lợi thế gian vứt đi, bỏ đi, chớ đi theo đường nào khác nữa). Câu thứ hai là *“tùng kim nhật khởi, nhất thiết Hoặc nghiệp, hựu khứ, hiết khứ, thiết mạc tẩu hướng kỳ tha lộ khứ”* (từ nay trở đi, hết thảy Hoặc nghiệp phải ngưng đi, dứt đi, chớ đi theo đường nào khác nữa).

Hai câu này quả thật bọn chúng ta tu hành, học Phật, đặc biệt là cầu sanh Tịnh Độ, vĩnh viễn thoát khỏi lục đạo sanh tử luân hồi, không thể không nỗ lực học tập. Bởi lẽ, [những điều được nói trong hai câu ấy] chính là chướng ngại căn bản đối với hết thảy thành tựu và sự vắng sanh Tịnh Độ của chúng ta. Nếu không thể đột phá những chướng ngại ấy thì trong một đời này, bất luận nỗ lực tu học như thế nào đi nữa, chỉ là gieo một chút thiện căn trong A Lại Da Thức, trở thành tư lương để đắc độ trong tương lai, chứ trong một đời này, chắc chắn không thể thọ dụng được! Do vậy, nếu muốn thành tựu thì đối với đạo lý này, đối với chân tướng sự thật này, chẳng thể không triệt để hiểu rõ. Triệt để hiểu rõ thì gọi là *“khán phá”* (thấy thấu suốt), thực sự thấy rõ ràng, thấy minh bạch. Thấy thấu suốt rồi mới có thể buông xuống, mới có thể đạt được tâm thanh tịnh, không nhiễm trước mảy may, đó chính là công phu chân thật của các đồng học Tịnh tông chúng ta.

Những năm gần đây, chúng ta đã nắm được cương lĩnh tu tập. Chúng ta tu tâm thì phải lấy chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi làm mục tiêu. Nói cách khác, chúng ta phải chuyển hư vọng thành chân thật. Phật tâm chân thật, phàm tâm hư giả. Chẳng được dùng cái tâm hư giả, không được dùng nó! Đừng sợ thua thiệt, đừng sợ bị lừa, đừng sợ khổ, đừng sợ khó, đừng sợ chết, chúng ta chỉ cầu sanh về thế giới Cực Lạc, chỉ mong mỗi thân cận A Di Đà Phật thì phải dùng cái tâm chân thành. Phải chuyển hết thảy phân biệt, chấp trước thành tâm thanh tịnh, buông xuống hết thảy nhiễm ô. Nhiễm ô là [nhiễm ô nơi] Ý, đặc biệt là thức thứ bảy, tức Mạt Na, nhiễm ô Ý [nặng nề nhất]. Hãy chuyển cái tâm nhiễm ô thành tâm thanh tịnh, chuyển cái tâm kiêu căng ngạo

mạn thành tâm bình đẳng. Ngã mạn là phiền não rất nghiêm trọng.

Chúng ta thấy ở phần trên đã nói đến Phiền Não Trước. Đức Thế Tôn quy nạp phiền não thành năm loại căn bản: Tham, Sân, Si, Mạn, Nghi. Tham và Sân là nhiễm ô, Mạn là kiêu căng ngạo mạn, tự cho mình là đúng, trong mắt không người. Đây đều là những thứ chướng đạo nghiêm trọng. Phải chuyển ngạo mạn thành bình đẳng, chuyển ngu si thành trí huệ, chánh giác là trí huệ. Quý vị thấy chẳng phải mọi thứ đều bị chuyển hay sao? Chuyển nghi hoặc thành chân thành, chuyển tự tư tự lợi thành đại từ đại bi, đó gọi là tu tập công phu thực sự! Chuyển trong cuộc sống thường nhật, chuyển trong công việc, chuyển trong xử sự, đối người, tiếp vật.

Người khác đối đãi với mình bằng hư nguy, bằng nhiễm ô, bằng cao - thấp, bằng tự tư tự lợi, ta không đối xử với họ như thế. Nhất định ta phải dùng chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi để đối đãi họ, ta nhất định phải giống như Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát đối xử với chúng sanh như thế nào? Rồi chúng ta nghĩ xem chúng sanh đối với Phật, Bồ Tát như thế nào? Đối với Phật, Bồ Tát, chúng sanh còn lừa dối thì đối với ta còn gì để nói nữa! Ngay cả Phật, Bồ Tát mà họ còn dối gạt, họ kiêu căng ngạo mạn đối với Phật, Bồ Tát thì đối với ta họ coi ra chi! Thế nhưng chúng ta hãy suy nghĩ, Phật, Bồ Tát đối với chúng sanh như thế nào? Điều này rất quan trọng. Nay chúng ta phải học theo Phật, Bồ Tát, chớ học theo phàm phu, sẽ chuyển biến một trăm tám mươi độ, chúng ta hoàn tất ngay trong một đời này, một đời này vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi trong lục đạo. Bọn họ vẫn cứ luân hồi trong lục đạo, ta không như vậy, ta muốn hoành siêu, muốn vượt thoát. Thực sự thấy thấu suốt lục đạo luân hồi, vỡ tuồng ấy đã diễn từ vô lượng kiếp cho đến ngày nay, đủ rồi, không diễn nữa! Vì vậy, buông xuống vạn duyên, hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian không gì chẳng buông xuống. Thân tâm quy mạng Tịnh Độ, quy mạng Phật Di Đà, như vậy là đúng!

Thông đạt, hiểu rõ pháp thế gian và xuất thế gian, tức là thấy thấu suốt. Không nhiễm trước may mắn là buông xuống. Hết thấy Hoặc nghiệp (những chuyện điên đảo mê hoặc) chúng ta đều hiểu rõ. Hiểu rõ là thông suốt, là huệ. Chẳng thể không tiếp xúc, nhưng tiếp xúc rồi vẫn như như bất động, có thể nói là như vậy. Chắc chắn chẳng khởi tham - sân - si - mạn - nghi, tiếp xúc xong, niệm niệm đều có thể tương ứng với chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Đó là Bồ Tát đạo, là con đường thành Phật. Chúng ta đi theo con đường thành Phật, ngàn vạn phần chẳng được bận lòng đến người khác, chẳng cần suy tưởng đến

người khác¹⁶. Hễ nghĩ bèn đọa lạc. Chẳng cần bàn luận chuyện người khác, hễ bàn luận bèn tạo nghiệp!

Đối với người thiện căn, phước đức, nhân duyên thì có thể cùng họ trò chuyện, chúng tôi gọi là đối thoại, cổ vũ lẫn nhau. Đối với những kẻ chẳng thể tiếp nhận, thành kiến quá sâu, phiền não tập khí quá nặng thì chấp tay hoan hỷ. Họ nói với mình, nói nhiều đến đâu đi nữa, ta vẫn giữ thái độ cung kính lắng nghe, trong tâm thâm niệm A Di Đà Phật, mong Phật, Bồ Tát dùng thần lực đại từ đại bi gia trì người ấy, mong mỗi người ấy sớm có ngày giác ngộ, sớm ngày quay đầu. Chúng ta đạo đức, trí huệ, năng lực không đủ, không có cách gì độ người ấy được, chúng ta cầu Phật lực gia trì, chúng ta có thể làm được chuyện này.

Câu thứ ba: *“Tùng kim nhật khởi, nhất thanh A Di Đà Phật tử tâm niệm khứ, tu khứ, thiết mạc tảo hướng kỳ tha lộ khứ”* (Từ ngày nay trở đi, một tiếng A Di Đà Phật hãy chết sạch tâm lòng [mong ngóng, chụp giựt] mà niệm đi, tu đi, chớ đừng đi theo con đường nào khác nữa). Hai câu trên đây được kiến lập trên Tín và Nguyện. Đã có Tín, Nguyện thì Hạnh rất quan trọng. Trong pháp môn này, Hạnh là chấp trì danh hiệu, mục đích là nhất tâm bất loạn, tâm không điên đảo. Nhất tâm bất loạn bèn nhập cảnh giới Phật.

Trước kia, chúng tôi giảng kinh Di Đà, đã nhiều lần bảo cùng quý vị, nhất tâm là năng chứng, Nhất Chân là sở chứng. Nếu chúng ta muốn chứng được Nhất Chân pháp giới thì quý vị phải biết: Tây Phương Cực Lạc thế giới là Nhất Chân pháp giới, thế giới Hoa Tạng là Nhất Chân pháp giới. Thật Bảo Trang Nghiêm độ của hết thầy chư Phật đều là Nhất Chân pháp giới. Làm thế nào để chứng đắc? Nhất tâm bèn chứng đắc. Tu nhất tâm từ đâu? Tu nhất tâm trong cuộc sống thường nhật. Thế nào là nhất tâm? Trong hết thầy cảnh duyên (cảnh là hoàn cảnh vật chất, duyên là quan hệ giữa con người với nhau), không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, lúc ấy gọi là *“nhất tâm”*. Vừa khởi tâm động niệm thì cổ nhân nói đã rớt vào hai - ba, không còn là nhất tâm nữa. “Hai, ba” có nghĩa là gì? Hai là phân biệt và chấp trước, tức là thức thứ sáu và thức thứ bảy. Hai là hai ý. Thức thứ bảy là Ý Căn, thức thứ

¹⁶ Xin đừng hiểu lầm ý của Hòa Thượng trong đoạn này: Đừng hiểu là Hòa Thượng dạy chúng ta vô cảm, không quan tâm tới người khác, mặc kệ người khác sống chết không cần biết đến. Nói *“đừng quan tâm tới người khác, chẳng cần suy tưởng đến người khác”* có nghĩa là đừng lo tìm kiếm, suy xét khuyết điểm của người khác, điều khiển người khác theo ý kiến của riêng mình v.v... Nói chung là phải phá được Ngã Kiến, Nhân Kiến, Chúng Sanh Kiến và Thọ Giả Kiến.

sáu là Ý Thức; đó là hai ý. Ba là gì? Ba là hai thức trên đây, thêm vào A Lại Da Thức thành ba. Tam tâm nhị ý đấy! Tam tâm là thức thứ tám, thức thứ bảy và thức thứ sáu, gọi chung là “tam tâm”. Nhị ý là thức thứ bảy và thức thứ sáu. Quý vị vừa động một niệm bèn rớt vào hai, ba. Nói cách khác, từ chân tâm bèn lập tức rớt vào vọng tâm.

Nếu trong hết thấy cảnh duyên, hết thấy pháp thể gian hay xuất thể gian, quý vị đều có thể gìn giữ chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, quý vị sẽ vĩnh viễn giữ được nhất tâm. Ai không có nhất tâm? Ai nấy đều có nhất tâm, cổ đại đức nói rất hay: “*Niệm thứ nhất là nhất tâm, niệm thứ hai bèn rớt vào hai, ba*”. Do vì quý vị không giữ được cái niệm thứ nhất ấy, dù có, nhưng không giữ được, mà rất nhanh chóng rớt vào hai, ba. Do vậy, [tâm của] quý vị bèn là vọng tâm, để phiền não tập khí làm chủ. Trong A Lại Da Thức là những chủng tử tập khí phiền não từ vô lượng kiếp đến nay, chủng tử gặp duyên bèn hiện hành. Duyên từ đâu mà có? Do năm thức đầu (Nhãn Thức, Nhĩ Thức v.v...) tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, đó là duyên. Vừa tiếp xúc, thức thứ sáu bèn đẩy lên vọng tưởng, thức thứ bảy là hư vọng chấp trước bèn lập tức sanh khởi. Đó là ranh giới giữa phàm và thánh; thánh nhân chẳng có gì khác, các Ngài có thể giữ được cái niệm thứ nhất, vĩnh viễn để cái niệm thứ nhất làm chủ, tám thức, năm mươi một Tâm Sở chẳng làm chủ. Đó là chư Phật Như Lai, chúng ta phải học theo, học được bản lãnh ấy thì mới thực sự được thọ dụng.

Thuận hay nghịch đều là Tăng Thượng Duyên, trong hội Lăng Nghiêm, Văn Thù Bồ Tát giảng: “*Thuận nghịch giai phương tiện*” (Thuận hay nghịch đều là phương tiện). Câu nói này không sai một tí nào, đối với người thực sự có trí huệ, thuận cảnh hay nghịch cảnh không gì chẳng phải là phương tiện thiện xảo để thành tựu đức hạnh của chính mình, thành tựu cơ duyên thù thắng cho hết thấy chúng sanh. Thuận hay nghịch đều là phương tiện. Thế nhưng, nếu không phải là người đã đạt nhất tâm thì thuận hay nghịch đều là tạo nghiệp. Trong thuận cảnh khởi tham si, nơi nghịch cảnh khởi sân khuê, không gì chẳng tạo nghiệp. Do đây biết đúng là như Ngẫu Ích đại sư đã nói: “*Cảnh duyên vô hảo xú, hảo xú tại ư tâm*” (cảnh duyên không tốt - xấu, tốt - xấu chỉ do tâm). Tâm thiện thì hết thấy cảnh giới đều thiện; thuận hay nghịch đều là thiện. Tâm bất thiện, hết thấy cảnh giới thuận hay nghịch đều bất thiện, cảnh chuyển theo tâm mà! Đó là chân lý, phải thông đạt, phải thấu hiểu đạo lý này!

Vậy thì chúng ta tu bằng cách nào? Phật, Bồ Tát dạy chúng ta một

câu A Di Đà Phật. Niệm một câu A Di Đà Phật ấy như thế nào? Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài bèn khởi tâm động niệm, cổ nhân thường nói: “*Bất phạ niệm khởi, chỉ phạ giác tri*” (Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ biết chậm). Niệm ấy vừa khởi bèn lập tức “*A Di Đà Phật*” để đánh tan cái niệm ấy đi. Câu A Di Đà Phật này là giác, dùng một câu chánh giác, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác này để đánh tan hết thấy vọng niệm. Một câu A Di Đà Phật vốn tốt lành, khởi tâm động niệm đều là tập tánh, đó là bợn tánh. Dùng bợn tánh để hoàn toàn không chế tập tánh, đó là có công phu, công phu thực sự! Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác đều biết dùng công phu này, đều có thể giữ vững chánh giác, đều có thể giữ không lui sụt.

Bình thường, Phật, Bồ Tát dạy quý vị niệm một câu A Di Đà Phật trong từng niệm, các Ngài dạy chúng ta đừng hoài nghi, đừng xen tạp, đừng gián đoạn. “Không gián đoạn” có rất nhiều cách giải thích. Đối với kẻ sơ học chúng ta, một câu Phật hiệu phải miên miên mật mật, chẳng được gián đoạn. Vì sao? Vừa gián đoạn, vọng tưởng liền khởi lên, tập khí phiền não bèn trùn lấp. Không gián đoạn nhằm không chế tập khí phiền não, chẳng cho nó khởi hiện hành. Nhất định phải nhớ kỹ, sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, đó là tu tập nhất tâm. Tổ sư đại đức thường chỉ dạy chúng ta “*nhất tâm xưng niệm*”, quý vị phải hiểu thế nào là nhất tâm. Còn khởi tâm động niệm, còn có phân biệt, chấp trước thì đó là vọng tâm. Quý vị vọng tâm niệm Phật thì chẳng phải là niệm Phật. Trong bản dịch của Huyền Trang đại sư có nói đến điều này, nhưng Ngài không dịch là “*nhất tâm bất loạn*” mà là “*nhất tâm hệ niệm*”.

Quý vị hãy suy nghĩ: Trong kinh điển, đức Phật dạy chúng ta niệm Phật như thế nào? Trừ A Di Đà Phật ra, trừ thế giới Cực Lạc ra, cái gì cũng không nghĩ đến. Phương pháp đơn giản nhất là ngay cả thế giới Cực Lạc cũng không nghĩ đến, chuyên tưởng A Di Đà Phật. Vì sao? Thấy A Di Đà Phật không phải là sanh về thế giới Cực Lạc hay sao? Nghĩ đến thế giới Cực Lạc vẫn còn là phiền phức lắm! Mười Sáu Phép Quán là nghĩ đến thế giới Cực Lạc. Trong bản hội tập kinh Vô Lượng Thọ của cụ Hạ Liên Cư, phẩm thứ bốn mươi tám là tưởng thế giới Cực Lạc, giảng về thế giới Cực Lạc. Nếu quý vị vẫn quán tưởng, tức là tưởng thế giới Cực Lạc, đâu có thuận tiện bằng một câu A Di Đà Phật? Người thực sự thông minh, ngay cả thế giới Cực Lạc cũng không nghĩ đến, chuyên tưởng A Di Đà Phật, chuyên niệm A Di Đà Phật, lẽ đâu không thành tựu? A Di Đà Phật là chỗ chân chánh cho thân và tâm của chúng ta

quy mạng. Vì thế, mới bảo chúng ta: “*Tử tâm niệm khứ, tu khứ*” (Chết lòng niệm đi, tu đi!) Tu là tu chúng, tất cả vọng tưởng thấy đều buông xuống, đó là Tu.

Một câu A Di Đà Phật phải khéo niệm, cốt sao phải đạt đến tiêu chuẩn của Đại Thế Chí Bồ Tát: “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Đó chính là bí quyết dụng công thành tựu của Đại Thế Chí Bồ Tát lão nhân gia chỉ dạy chúng ta. Ý nghĩa của “*nhiếp trọn sáu căn*” không phải là buộc quý vị mắt không nhìn, tai không nghe, không có nghĩa như vậy; mắt vẫn thấy, tai vẫn nghe, mũi vẫn ngửi, lưỡi vẫn nếm, nhưng nhất định không giữ lại ấn tượng! Cũng có nghĩa là quyết định không vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quyết định không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Dẫu cho nhìn khắp tất cả, nghe khắp tất cả, nhưng quả thật chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có khởi tâm, chẳng có động niệm. Niệm niệm A Di Đà Phật miên miên mật mật, chẳng bị cảnh giới bên ngoài ảnh hưởng mảy may. Người minh tâm kiến tánh trong Tông Môn thường nói Cảnh giới ấy là “*bách hoa tùng trung quá, phiến diệp bất triêm thân*” (qua rừng trăm hoa nở, mầu lá chẳng dính thân), cảnh giới như vậy đấy! Họ dùng phương pháp tham cứu đạt đến cảnh giới này, Tịnh tông dùng Niệm Phật, dùng phương pháp chấp trì danh hiệu để đạt đến cảnh giới này. Trong tâm quả thật chỉ có một câu A Di Đà Phật, ngoại trừ A Di Đà Phật ra, cái gì cũng đều chẳng có. Chẳng thể nghĩ bàn! Đó mới đúng là “*một câu A Di Đà Phật hãy chết lòng niệm đi, tu đi*”.

Thế nào là “*chết lòng*”? Đối với hết thấy pháp thế gian và xuất thế gian, hết thấy người, sự, vật, chẳng còn bận tâm, chẳng còn khởi tâm, không động niệm, đó là cõi lòng thực sự chết rồi. Chẳng phải là cảnh giới không tồn tại, cũng không phải là chẳng tiếp xúc cảnh giới, mà là cảnh giới nhất định chẳng phương ngại tâm mình, cũng nhất định chẳng bị nó lôi kéo mà khởi vọng tâm, quý vị vĩnh viễn dùng chân tâm, người như vậy mới là biết niệm! Tông Môn thường nói là “*biết chăng?*” Tịnh tông chúng ta cũng có thể nói là “*quý vị biết cái gì?*” Quý vị có biết niệm hay không? Nếu biết niệm thì tuyệt lắm! Cao hơn Thiền nhiều! Đó là thực tại quý vị phải tin tưởng. Trong kinh Đại Tập, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói trì danh niệm Phật là thượng thượng thâm diệu Thiền, quý vị phải thực sự hiểu được câu nói này của Thích Ca Mâu Ni Phật. Câu tiếp theo, đại sư dạy chúng ta:

“*Tùng kim nhật khởi, cầu sanh Cực Lạc ngũ thanh Tịnh Độ khứ,*

thiết mạc tầu hướng kỳ tha lộ khứ” (Từ nay trở đi, hãy cầu sanh cõi Cực Lạc có năm điều thanh tịnh, chớ đi theo đường nào khác nữa). Chúng ta phải đi theo con đường nào? Con đường lớn dẫn đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Con đường lớn ấy được gọi là “*cõi có năm điều thanh tịnh*”. Sư dùng danh từ ấy để đối ứng với “*ngũ trước ác thế*” của thế gian này, Sư gọi cõi kia là “*ngũ thanh tịnh độ*”. Vì sao? Ở bên này là Kiếp Trước, tức là thời đại không tốt; trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật mới thành Phật mười kiếp, Phật và tất cả nhân dân trong thế giới Cực Lạc đều là vô lượng thọ. Đã vô lượng thọ mà thế giới ấy mới thành tựu mười kiếp, tức là nhằm thời đại quá tốt đẹp. Chúng ta ở trong Kiếp Trước, còn bọn họ là Kiếp Thanh, thanh tịnh.

Chúng sanh tại nơi này có Kiến Trước, tà tri, tà kiến, mê hoặc, điên đảo, còn Tây Phương Cực Lạc thế giới là chánh tri, chánh kiến. Trong thế gian của chúng ta, tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng, kinh Lăng Nghiêm nói như vậy. Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, chư Phật Như Lai thuyết pháp, số lượng ấy dù có dùng số cát sông Hằng để tỷ dụ cũng không có cách gì sánh ví được, [chư Phật thuyết pháp trong Tây Phương Cực Lạc thế giới] nhiều như số vi trần trong tam thiên đại thiên thế giới. Số cát trong sông Hằng làm sao có thể sánh ví được? Kiến giải thanh tịnh mà! Chúng ta ở đây phiền não, tập khí rất nặng; chúng sanh trong Tây Phương Cực Lạc thế giới mỗi ngày nghe kinh, nghe pháp, cúng dường chư Phật, cúng dường hết thầy chúng sanh trọn khắp pháp giới hư không giới. Quý vị hãy nghĩ đi: Người bên đó dùng nói chi nhiều, phước huệ họ tu trong một ngày ước chừng bằng với phước huệ chúng ta phải tu trong vô lượng kiếp. Họ tu xong trong một ngày. Bọn chúng ta ở đây có phiền não, còn bên thế giới của người ta, ai cũng có trí huệ, chuyên tâm thức thành bốn trí, chuyên phiền não thành Bồ Đề, đó là thế giới có năm thứ thanh tịnh.

Trong thế gian này có Chúng Sanh Trước, sao gọi là Chúng Sanh Trước? Là vì cư dân trong thế gian này kiến giải, tư tưởng thác loạn, hết thầy chúng sanh vô tình lẫn hữu tình đều bị nhiễm ô, biến Nhất Chân pháp giới thành thế gian trước ác. Trái lại, con người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới tâm thiện, tư tưởng thiện, ngôn hạnh thiện, nên cảm được thế giới Cực Lạc, chứ không là ngũ trước ác thế. Trong thế gian này, chúng sanh thọ mạng rất ngắn; người bảy mươi tuổi xưa nay hiếm hoi, từ sáu mươi tuổi trở lên đã thuộc lớp tuổi viễn niên rồi!

Tôi nhớ lúc cầu học tại Đài Trung, thầy Lý dạy chúng tôi Cổ Văn, giảng đến bài Thu Thanh Phú (bài phú Tiếng Thu), cảm thán bốn mùa

Xuân - Hạ - Thu - Đông biến hóa, đời người cũng có bốn thời: Trước năm hai mươi tuổi là mùa Xuân, hai mươi đến bốn mươi là mùa Hạ của đời người, từ bốn mươi đến sáu mươi là mùa Thu của đời người, sáu mươi tuổi trở đi là mùa Đông. Thầy giảng thiên văn chương ấy, cảm khái vô hạn. Người thế gian muốn sống qua được mùa Đông lạnh lẽo, thì ba mùa Xuân, Hạ, Thu phải chuẩn bị sẵn; nhưng có mấy ai biết cách sống qua tuổi già? Người thế gian mê hoặc điên đảo nhiều, thanh xuân trẻ khỏe hưởng phước, quên sạch chuyện tuổi bóng xế. Lúc tuổi già xộc tới, dầu hối cũng không kịp; không biết tu phước, tích đức lúc trẻ khỏe.

Giáo dục Trung Quốc thời cổ rất coi trọng vấn đề này. Thanh thiếu niên chú trọng giáo dục đạo đức, đó là bám chắc rễ trước khi tròn hai mươi. Từ hai mươi đến bốn mươi bèn phục vụ xã hội, tạo phước. Từ bốn mươi đến sáu mươi, bồi dưỡng người kế tục. Sáu mươi tuổi trở đi lui về hưu, hưởng phước! Như vậy là biết cách sống qua mùa Đông. Đây chính là giáo dục tư tưởng, hoàn toàn khác với người Tây phương; người Tây phương điên đảo. Trong một đời người, lúc nào mới hưởng phước? Tuổi nhi đồng. Vì thế, mọi người tại ngoại quốc thường nói: *“Tuổi nhi đồng là thiên đường. Tuổi trung niên là chiến trường, tuổi già là phần mộ”*. Nói nghe sao bi ai quá đỗi! Không như tư tưởng Trung Quốc. Tư tưởng, lý luận của Trung Quốc khác hẳn bọn họ. Tuổi thanh thiếu niên rất cay đắng thì mới phát phần, nỗ lực học tập, theo kịp bước tiến của xã hội, vì xã hội tạo phước. Tuổi già hưởng phước, tuổi già không phải là mò chôn, tuổi già là hưởng phước. Trong tư tưởng của người ngoại quốc, phước báo hưởng hết trong mười mấy năm trẻ trung, phước báo cả đời đã hưởng xong, họ lại không biết tu phước, tuổi già sao không rất khổ?

Chúng ta thấy điều tốt đầu tiên của Tây Phương Cực Lạc thế giới là vô lượng thọ! Vô lượng thọ ấy chẳng phải là vô lượng có số lượng, mà thực sự là vô lượng một cách vô lượng. Chuyện này là như thế nào? Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi, quyết định trong một đời chứng đắc viên mãn Vô Thượng Bồ Đề. Chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề là thực sự vô lượng thọ, không giả đâu, vì sao? Đừng nói đến Vô Thượng Bồ Đề, chỉ nói đến Chánh Đẳng Chánh Giác, bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo phá một phẩm vô minh, thấy một phần chân tánh, chứng một phần Pháp Thân, trong cảnh giới này không còn sanh diệt nữa. Sanh diệt không còn tức là bất sanh bất tử, Phật pháp gọi đó là Đại Niết Bàn. Đại Niết Bàn là bất sanh bất diệt, bất sanh bất diệt là vô lượng thọ thực sự! Đó là mục tiêu tu hành chân chánh của Phật pháp Đại Thừa.

Tiểu Thừa Tứ Quả A La Hán cũng chứng đắc Niết Bàn, nhưng Niết Bàn của họ không phải là thật. Nói theo cách thông thường, các Ngài chỉ đạt tương tự Niết Bàn, không phải chân thật Niết Bàn. Các vị ấy chưa kiến tánh, cho nên Phật gọi [cảnh giới Niết Bàn của Tiểu Thừa] là “*thiên chân Niết Bàn*”. Chỉ có Đại Thừa Bồ Tát mới chứng đắc Niết Bàn chân chánh, tức đại Niết Bàn. Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giáo đã chứng đắc, nhưng không viên mãn, muốn viên mãn phải thuộc vào Như Lai quả địa, đây mới là chứng đắc đại Niết Bàn viên mãn rốt ráo. Cái hay nhất của Tây Phương Cực Lạc thế giới không chỉ là vô lượng thọ, mà còn là “*viên chứng ba thứ Bất Thoái*”, thật phi phàm, thật khó tin! Bậc Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo chứng được ba thứ Bất Thoái, nhưng chưa viên mãn. Viên chứng ba thứ Bất Thoái, nói thật ra, bậc thực sự viên chứng là Đẳng Giác Bồ Tát. Chúng ta hạ thấp tiêu chuẩn một chút, không cần phải nâng cao như thế thì viên chứng ba thứ Bất Thoái trong kinh thường gọi là A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí thuộc đẳng cấp nào? Từ Thất Địa trở lên, được oai thần và bốn nguyện của A Di Đà Phật gia trì, chứ không phải do chính mình thực sự có năng lực chứng đắc.

Dù được Phật gia trì, chính mình vẫn phải nghiêm túc tu học. Tu học thì công phu của mỗi người tiến triển khác nhau. Có người tiến bộ nhanh chóng, có người tiến bộ chậm chạp hơn, nhưng người ấy chắc chắn không thoái chuyển. Mức học tập tiến bộ có nhanh, có chậm, thật đấy. Kẻ nhanh thì sớm có ngày tự mình thực sự chứng đắc viên mãn ba thứ Bất Thoái. Dù chưa chứng đắc, nhưng được A Di Đà Phật gia trì, nên thọ dụng, trí huệ, đức năng cũng chẳng khác gì lắm. Chuyện thù thắng này mười phương các thế giới Phật thầy đều không có.

Như vậy, ở đây đại sư khuyến khích chúng ta, từ ngày nay trở đi, nhất định phát nguyện cầu sanh cõi nước Tây Phương Cực Lạc có năm thứ thanh tịnh, chúng ta phải lấy đó làm tông chỉ tu học cho bản thân. Điều cuối cùng vô cùng trọng yếu, nhất định tiến đến Phật quả viên mãn rốt ráo, đây cũng là câu cuối cùng trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện: “*Phật đạo vô thượng thế nguyện thành*”, quý vị mới thực sự đạt được viên mãn rốt ráo, chứng được Phật quả viên mãn rốt ráo.

Do vậy, “*tùng kim nhật khởi, tât thú A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề khởi, thiết mạc tẩu hướng kỳ tha lộ khởi*” (từ ngày nay trở đi, nhanh chóng tiến đến A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, chớ đi theo đường nào khác nữa). Con đường khác là gì? Là danh văn lợi dưỡng thế gian. Phải tranh giành những phẩm hàm gì, phải tranh giành những địa

vị gì, phải tranh giành những quyền lợi gì, làm hết! Chúng ta hãy chú tâm suy tưởng, chú tâm quán sát: Thích Ca Mâu Ni Phật đã nêu gương gì cho chúng ta? Ngài là vương tử, lẽ đương nhiên sẽ kế thừa ngôi vua. Ngôi vua cũng không cần, đức Phật đã biểu diễn cho chúng ta thấy, chúng ta còn phải giành làm gì nữa đây? Nay chúng ta muốn giành lấy một địa vị, nếu nghĩ đến Thích Ca Mâu Ni Phật ở bên cạnh chúng ta, Ngài sẽ nghĩ như thế nào? Đức Phật dạy chúng ta như thế nào? Đức Phật không cần! Không cần danh, không cần cái danh đế vương, cũng không cần địa vị đế vương, cũng không cần quyền lợi của đế vương, mọi thứ đều buông bỏ hết, cũng chẳng hưởng thụ phú quý. Những hưởng thụ vật chất trong cuộc sống đế vương Ngài đều bỏ hết, bỏ sạch sành sanh.

Ngài là kẻ bình dân, thân phận gì cũng không có, chức tước gì cũng không có, được người khác tôn kính, mọi người gọi Ngài là Thế Tôn. Thế Tôn nghĩa là gì? Nói như bây giờ, đặc biệt rất thông dụng tại Trung Quốc là tôn kính. Nếu nói theo cách bây giờ là “đức Thích Ca Mâu Ni Phật tôn kính”. Đức Phật là thánh nhân. Người Trung Quốc gọi là “thánh nhân”, người Ấn Độ gọi là Phật, Phật có nghĩa là người có trí huệ, có đạo đức, bậc giác ngộ. Đối với danh hiệu của Ngài, chúng ta thêm vào chữ “tôn kính”, bậc thánh nhân Thích Ca Mâu Ni tôn kính, hoặc là Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Giác Giả, đối với bậc giác ngộ, xưng hô như vậy đó!

Những việc suốt một đời lão nhân gia thực hiện, chúng ta phải học tập: Đó là giáo học. Chính mình phải ngày ngày không ngừng học tập, mỗi ngày không ngừng dạy người khác. Do vậy, nếu quý vị chú tâm quan sát, dùng thuật ngữ hiện tại để nói về Ngài thì cả một đời Ngài theo đuổi sự nghiệp giáo dục. Nếu dùng thuật ngữ hiện tại để mô tả Ngài thì đức Phật là một nhà giáo dục đa nguyên văn hóa. Những hành động suốt đời Ngài là thực hiện công tác nghĩa vụ giáo dục xã hội đa nguyên văn hóa, bởi lẽ, Ngài dạy học không thu học phí, không tiếp nhận cúng dường, mỗi ngày sống đơn giản nhất, cầm bát khát thực, ngày ngày ra ngoài khát thực. Ôm bát đi xin, ai cho gì ăn nấy, quyết định không phân biệt, mà đều là tâm cảm kích. Quý vị cúng dường một bát cơm rất ngon, Ngài rất cảm kích, cảm ân; quý vị cúng dường cơm không dễ nuốt, Ngài vẫn bình đẳng cảm ơn. Vì sao? Người cúng dường đã tận tâm. Mỗi cá nhân giàu hay nghèo khác nhau, trạng huống sinh hoạt khác nhau, đến xin ở chỗ nghèo cùng, họ ăn những thứ rất dở, họ cúng dường cho quý vị những thứ tốt nhất rồi đó. Vì vậy, chư Phật, Bồ Tát đều bình đẳng cảm ơn.

Chúng ta học Phật, học Phật chính là học theo Thích Ca Mâu Ni Phật, học theo tấm lòng của Ngài, học hỏi cuộc đời của Ngài, học theo cách Ngài đãi người tiếp vật, học tập cách Ngài từ bi giáo hóa hết thấy chúng sanh. Đức Phật biết chuyện trọng yếu nhất trong việc từ bi tế thế là giúp cho chúng sanh giác ngộ, phá mê khai ngộ, có như vậy mới thực sự lìa khổ được vui. Vui do đâu mà có? Vui do giác ngộ mà có. Khổ do đâu mà có? Khổ do mê hoặc mà có. Chỉ có phá mê khai ngộ mới thực sự lìa khổ được vui. Thích Ca Mâu Ni Phật hiểu đạo lý này, liễu giải chân tướng sự thật này, cả đời giúp người khác, giúp người khác lìa khổ được vui. Ngài giảng về nhân để giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, để rồi chính họ lìa khổ được vui.

A! Kinh A Di Đà trong Hệ Niệm Pháp Sư chúng tôi giới thiệu đến đây thôi. Đoạn sau là Vãng Sanh Chú, bài chú Vãng Sanh này chúng tôi cũng cần phải giảng. Phải có nhận thức, phải hiểu rõ bài chú ấy.

A! Bây giờ hết giờ rồi.

Tập 40

7. Chú Vãng Sanh

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần sau kinh Di Đà có Bát Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Đà La Ni. Câu này phải đọc như thế này “*Bát Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản, Đắc Sanh Tịnh Độ Đà La Ni*”, thường gọi là chú Vãng Sanh. Thông thường tụng kinh Di Đà xong, mọi người thường niệm ba biến hoặc bảy biến chú Vãng Sanh. Nếu chiếu theo truyện ký ghi chép thì phải niệm hai mươi một biến, ba lần bảy là hai mươi một biến, kinh truyện nói như vậy. Con người hiện tại thích giản lược, hai mươi một biến giản lược thành bảy biến, nay bảy biến giản lược thành ba biến.

Chúng tôi dựa theo lời giải thích của Liên Trì đại sư trong Sớ Sao để giới thiệu khái lược ý nghĩa bài chú này. Đại sư giải thích ý nghĩa bài chú này như sau: “*Dĩ chú phụ kinh*” (đem chú ghép thêm vào kinh), kinh Di Đà vốn không có chú này, do chú này cũng nói về việc vãng sanh, nên tổ sư đại đức đem bài chú này (bài chú này không dài) ghép vào sau kinh. “*Dĩ chú phụ kinh, kinh đắc chú nhi di hiển*” (đem chú ghép thêm vào kinh, kinh có thêm chú càng rõ ràng). Chữ “*kinh*” ở đây là kinh A Di Đà, được bài chú Vãng Sanh ghép thêm đằng sau thì kinh

ấy càng thêm rõ rệt. Chú là mật chú, hiển mật viên dung, thể hiện ý nghĩa: Kinh là hiển thuyết, chú là mật thuyết. Nói “*dĩ kinh tiên chú*” (kinh được đặt trước chú), kinh đặt ở đằng trước, chú đặt ở sau, “*chú đắc kinh nhi dĩ linh*” (chú được kinh [giảng rõ] càng linh), chú là chú của kinh, kinh là kinh của chú. Chú này có ý nghĩa gì? Ý nghĩa của bài chú đều nằm gọn trong kinh, kinh là hiển thuyết, chú là mật thuyết, “*giao tương vi dụng*” (dùng lẫn cho nhau), kinh và chú hỗ trợ nhau, thành toàn lẫn nhau. “*Ứng kết thích dã*” [nghĩa là] hãy nên giải thích như vậy!

Trước hết, hãy nói về xuất xứ của bài chú này. “*Thử chú tường kiến Bất Tur Nghi Thần Lực Truyện*” (Chú này thấy [ghi chép] tường tận trong Bất Tur Nghi Thần Lực Truyện). Đây là xuất xứ của bài chú này, chú được chép trong Bất Tur Nghi Thần Lực Truyện. Sách nói: “*Trì thử chú giả, diệt tội vãng sanh*” (trì chú này, diệt tội vãng sanh). Ý nghĩa này rất hy hữu, trong Hiền giáo chúng ta nói vãng sanh Tây Phương Cực Lạc là “đối nghiệp vãng sanh”, chú này lại có thể diệt tội vãng sanh, há chẳng phải là viên mãn hơn kinh ư? Do vậy, quả thật có người không niệm kinh Di Đà, chuyên trì chú Vãng Sanh. Trì chú có được linh nghiệm hay không? Trước kia, tôi giảng kinh ở Đài Bắc, có một vị cư sĩ bảo ông ta hoàn toàn tuân theo những gì Bất Tur Nghi Thần Lực Truyện đã nói, niệm chú Vãng Sanh ba mươi vạn biến. Ông ta niệm đủ ba mươi vạn biến, không thấy có cảm ứng, đến hỏi tôi. Ông ta nói: “Thưa pháp sư! Chú này không linh!” Thật ra, chẳng phải chú không linh! Cùng một đạo lý, như trong phần trước chúng tôi đã nói về kinh, quý vị có hiểu hay không? Chú cũng giống như vậy đó, quý vị có hiểu hay không? Nếu không hiểu thì chỉ là học khẩu ngữ, khó lòng lắm!

Chú linh như thế nào? Nói thật ra, từ cổ đến nay thần chú không được giải thích. Người Ấn Độ nghe cũng không hiểu, bởi nó chẳng phải là tiếng Phạn. Trước kia, thầy Lý từng bảo tôi thầy đã từng học Mật, học suốt tám năm. Thầy bảo: Quá nửa thần chú là ngôn ngữ của lục đạo. Khi Phật giảng kinh, thuyết pháp, thần linh trong lục đạo đều đến nghe, đại khái thính chúng [trong lục đạo] còn nhiều hơn loài người chúng ta. Chúng ta mắt thịt không thấy họ, chứ Phật, Bồ Tát, A La Hán đều có thể thấy được họ. Phải biết đạo tràng giảng kinh của Phật, ngoại trừ thiên long bát bộ ra, quỷ thần trong sáu nẻo đều thực sự đến nghe kinh. Họ đều có năng lực nghe hiểu những ý nghĩa trong lời thuyết pháp của đức Phật. Đúng là như kinh Đại Thừa thường nói: “*Phật dĩ nhất âm nhi thuyết pháp, chúng sanh tùy loại các đắc giải*” (Phật dùng một âm thanh

để thuyết pháp, chúng sanh tùy theo mỗi loại đều hiểu) Như vậy, âm thanh thuyết pháp của Phật là Viên Âm, tức là âm thanh viên mãn, bất luận loài chúng sanh nào đến nghe Phật thuyết pháp đều hiểu được, tựa hồ như nghe Phật đang nói bằng chính ngôn ngữ của loài mình. Đó là thần lực chẳng thể nghĩ bàn!

Sau khi giảng xong một bộ kinh, thông thường đức Phật dùng những ngôn ngữ của thính chúng để nói mấy câu. Mấy câu ấy hết sức thân thiết, dùng ngôn ngữ của chính họ để nói, cũng là lòng từ bi lưu lộ, thân thiết từ bi. Chúng ta thấu hiểu sâu xa, đối với thần linh trong lục đạo đến nghe, đức Phật cũng dùng ngôn ngữ của họ để nói mấy câu, nhất định khiến cho họ hết sức hào hứng, hết sức hoan hỷ. Đó là lý do mật chú chỉ có âm thanh chứ không thể giảng giải ý nghĩa. Đa số ý nghĩa của chú là những ý nghĩa đã được tuyên nói trong kinh, đương nhiên đức Phật cũng chẳng thể nói tỉ mỉ, chỉ nói mấy câu trọng yếu mà thôi. Thầy Lý dạy tôi: Do vậy, chúng ta cung cung kính kính niệm thần chú là được rồi, thế nhưng chúng ta niệm lại sợ gì? Sợ rằng tiếng niệm không chuẩn xác, [niệm không chuẩn xác vẫn] chẳng sao cả! Âm thanh không chuẩn xác, quý thần cũng lượng thứ. Đương nhiên, đức Phật niệm sẽ chuẩn xác nhất; sau đức Phật, người thực sự niệm chuẩn xác không nhiều. Cốt sao tâm chân thành, như thường nói: “*Hễ thành ắt linh*”, chân thành ắt cảm ứng. Đó là một loại thần chú.

Trong Đại Tạng Kinh còn có một loại chú ngữ ta không thể gọi là thần chú được, nó cũng không mang ý nghĩa ấy. Chú ngữ thuộc loại nào vậy? Loại trị bệnh. Trị bệnh thì không phải là thần chú; đối tượng của những chú ấy không phải để nói cho quý thần nghe, mà nhắm vào căn bệnh. Đại khái là huyết đạo bế tắc, đức Phật biết bộ phận nào bị bế tắc không thông suốt nên bệnh tật phát sanh. Đức Phật đem âm thanh dạy cho quý vị, dạy quý vị niệm, niệm những câu chữ ấy, âm thanh lớn hay nhỏ đều đã khảo cứu. Dùng âm thanh để chấn động những bộ vị bế tắc; do chấn động, sự bế tắc bị tiêu trừ, kinh mạch thông suốt. Do vậy, trong kinh điển cũng có rất nhiều chú ngữ trị bệnh, nhưng ngày nay còn linh hay không? Hiện thời, thực sự không linh. Là vì loại chú ngữ ấy nhất định phải được khẩu truyền. Chúng ta dựa theo kinh ấy, thấy bệnh như thế bèn niệm chú ấy không thấy linh nghiệm chút nào hết. Chẳng phải chú ấy không linh, mà là vì chúng ta không biết niệm, chúng ta không biết cách phát âm. Phát âm phải chính xác, âm lượng phải rất chuẩn thì mới thực sự thấu đến bộ vị ấy.

Đây có thể gọi là phương pháp trị bệnh cao minh nhất, chẳng cần

phải châm cứu. Châm cứu vẫn cần phải đâm kim. Cách này không cần, dùng âm thanh trị bệnh là phương pháp cao minh nhất; cách này đã thất truyền. Dù Đại Tạng Kinh vẫn có [ghi chép], nhưng quả thật không linh là vì tiếng niệm của chúng ta không chuẩn, mà cũng không biết âm lượng lớn hay nhỏ. Trong thế gian này cũng có rất nhiều thổ dân, tổ tổ tương truyền, rất có thể vẫn còn giữ được phương pháp này, nhưng hiện tại chúng ta rất ít thấy. Điều này thực sự có lý, chứ không phải vô lý, những chú ngữ ấy không có ý nghĩa gì hết. Điều này thuộc về kiến thức thông thường, chúng ta phải hiểu như thế. Nếu trong tương lai, có ai phát hiện, người ấy dùng âm thanh chữa bệnh sẽ hiểu được đạo lý này. Lúc đức Thế Tôn còn tại thế thường dùng phương pháp này. Đại khái ở Trung Quốc, đến đời Đường vẫn còn phương pháp dùng các chú ngữ để trị bệnh này, rất có hiệu quả. Hơn một ngàn năm sau, loại chú ngữ này bị thất truyền, hết sức đáng tiếc!

Ở đây, Liên Trì đại sư nói: “*Trì thủ chú giả, diệt tội vãng sanh, cổ dĩ Bát Nghiệp Chương Sanh Tịnh Độ chi danh*” (Người trì chú này diệt tội vãng sanh, nên đặt tên là Bát Trừ Nghiệp Chương Sanh Về Tịnh Độ). Bài chú này có danh xưng là Bát Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản, Đắc Sanh Tịnh Độ Đà La Ni. Đà La Ni có nghĩa là Tổng Trì.

Sau lời Sớ có lời Sao, Sao nhằm giải thích Sớ, Sớ để giải thích kinh, tức là lại có phần chú giải những lời chú giải [kinh]. Chúng tôi cũng không cần phải đọc hết, chỉ nhắc đến những phần trọng yếu. Nói đến nghiệp chương thì thông thường, nghiệp chương gồm ba loại lớn: Phiền Não Chương, Nghiệp Chương, Báo Chương. Nhà Phật thường nói “*nguyên tiêu tam chương trừ phiền não, nguyên đắc trí huệ chân minh liễu*”; ba chương vừa nói ấy chính là những chương vừa được liệt kê ở đây: Phiền Não Chương, Nghiệp Chương, và Báo Chương.

Vì sao không nói dẹp trừ Phiền Não Chương và Báo Chương? Trong ba chương vì sao chỉ nhắc đến mình Nghiệp Chương? Đối với Nghiệp Chương thì Phiền Não Chương là nhân của Nghiệp Chương, Báo Chương là quả của Nghiệp Chương. Nói thật ra, những thứ nhân quả báo ứng đều lần lượt làm nhân quả lẫn nhau. Phiền Não Chương là nhân, Nghiệp Chương là quả. Do vì phiền não, quý vị bèn tạo nghiệp, Nghiệp Chương là nhân, Báo Chương là quả. Nói như vậy chắc quý vị hiểu rõ. Do vì phiền não, quý vị mới tạo nghiệp. Nếu không có phiền não, làm sao quý vị tạo nghiệp được? Phiền não là gì? Tham - sân - si - mạn, trong phần trên gọi là Kiến Hoặc và Tư Hoặc. Quý vị có Kiến Tư phiền não nên mới tạo nghiệp; tạo nghiệp rồi, nhất định có quả báo. Ác nghiệp

thì quả báo là ngã quý, súc sanh, địa ngục; thiện nghiệp thì quả báo là thiện quả nhân thiên. Như vậy, lục đạo luân hồi thuộc về quả báo. Lục đạo luân hồi vì đâu mà có? Do khởi Hoặc tạo nghiệp nên mới biến hiện ra như thế. Đại sư cũng giải thích rất khéo: “*Nghiệp tất hữu nhân, nghiệp tất chiêu quả*” (Nghiệp ắt có nhân, nghiệp ắt chiêu lấy quả). Vì thế, có thể nói là Phiền Não Chướng và Báo Chướng được bao gồm trong Nghiệp Chướng.

Ở đây, đại sư cũng nói mấy câu rất hay: “*Trừ chướng, quý trừ kỳ bốn. Như căn tuyệt bất sanh nha. Nha bất sanh, tắc chi, điệp, hoa, quả, tất bất sanh cố*” (Trừ chướng quý ở chỗ trừ tận gốc. Nếu rễ tuyệt sẽ chẳng nảy mầm. Mầm chẳng sanh thì cành, lá, hoa, quả đều chẳng thể sanh được). Ý nghĩa này hay lắm, chúng ta phải hiểu. Cổ đức thường chỉ dạy người học tu hành là tu từ đâu? Tu từ căn bản, ý nghĩa như vậy. Căn bản là gì? Căn bản là khởi tâm động niệm. Cách tu hành cao minh nhất là ý niệm vừa khởi, lập tức “*chiếu trụ*”. Chiếu trụ là gì? Biết rõ ràng minh bạch ý niệm này của mình là thiện hay ác. Ý niệm là thiện, thiện là lợi ích hết thảy chúng sanh, điều thiện ấy chính là ý niệm tốt, phải làm cho nó tăng trưởng. Nếu ý niệm ấy là ác niệm, lập tức phát hiện, ngay lập tức dùng một câu A Di Đà Phật để thay thế nó. Đó là tu từ căn bản.

Do vậy, quý vị phải biết: Pháp môn Tịnh Độ là tu từ căn bản, so với bất cứ pháp môn nào cũng đều dễ dàng hơn. Do vì pháp môn này là đề khởi chánh niệm, chánh niệm là một câu Phật hiệu, vô cùng dễ dàng, vô cùng đơn giản. Ý niệm vừa khởi bèn A Di Đà Phật, đưa về A Di Đà Phật. Niệm thứ nhất vừa khởi, niệm thứ hai bèn chuyển. Nếu quý vị thực sự niệm Phật như thế, công phu sẽ đắc lực! Lợi căn thì ba tháng hay nửa năm sẽ có hiệu quả rất tốt. Độn căn thì ước chừng ba năm hay năm năm sẽ thấy hiệu quả. Quan trọng nhất là trì cho thường hằng, phải giác ngộ nhanh, đừng để vọng niệm tiếp tục tăng trưởng. Đây là điều chúng tôi thường giảng, phải thường dấy lên sự cảnh giác cao độ, quán chiếu kín nhiệm, đây mới là chân chánh dụng công!

Liên Trì đại sư nói: “*Kim thử chủ trì chi, tắc phiền não bất khởi, thị bạt nghiệp chướng căn bản dã*” (Nay trì chú này thì phiền não không khởi, đó là dẹp trừ cội rễ của nghiệp chướng vậy). Cội rễ của nghiệp chướng là phiền não, suốt ngày từ sáng đến tối niệm chú Vãng Sanh, thân - miệng - ý đều chuyên chú vào chú ngữ (tổng cộng gồm mười bốn câu), niệm đâu chú tâm vào đó khiến cho phiền não bị khuất phục. Đến lúc công phu đắc lực, dù không niệm phiền não vẫn chẳng khởi hiện, bèn đạt được công phu thành phiến. Dùng phương pháp trì chú để đạt công

phu thành phiên.

Tiếp theo đó, [đại sư] giảng những câu được ghi trong Bát Tư Nghị Thần Lực Truyện: *“Nhu Truyện ngôn: Nhật dạ các trì tam thất biến, diệt Ngũ Nghịch, báng pháp đẳng tội, thị dã”* (Nhu Truyện nói: Ngày đêm mỗi thời đều trì hai mươi một biến, diệt các tội như Ngũ Nghịch, báng pháp v.v...) Nói *“ngày đêm”* không có nghĩa là buổi sáng niệm hai mươi một biến, buổi tối niệm hai mươi một biến. Nếu quý vị hiểu như vậy là đã hiểu lầm ý nghĩa mất rồi. Ấn Độ thời cổ, ngày gồm ba thời, đêm gồm ba thời, trong mỗi một thời niệm hai mươi một biến. Nói cách khác là ngày đêm sáu thời. Thật ra, cũng không có gì nhiều, mỗi thời niệm hai mươi một biến, ngày đêm phải niệm sáu lần, tổng cộng niệm sáu lần, phương pháp tu hành là như vậy.

Thời cổ, chúng sanh thiện căn sâu dày, hiểu luân lý, đạo đức, đều có mức tu dưỡng khá, phương pháp tu trì này có hiệu quả. Trong thế giới hiện tại thì rất khó, bên trong có phiền não tập khí nghiêm trọng, bên ngoài có sức dụ dỗ mê hoặc to lớn. Công phu hiện tại phải là trong mười hai thời không được gián đoạn trong từng sát-na. Vì sao? Hễ gián đoạn, phiền não tập khí bèn hiện tiền, đây là chuyện rất khó khăn! Đại sư lại nói: *“Luân hồi Sa Bà, giai do nghiệp chướng. Nghiệp chướng ký không, uế độ chủng diệt, tùy nguyện vãng sanh, cố đắc sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ”* (luân hồi trong Sa Bà đều vì nghiệp chướng. Nghiệp chướng đã không thì chủng tử của uế độ diệt, tùy nguyện vãng sanh, nên được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật). Ý nghĩa này rất hay.

Tiếp đây, lại có mấy câu nhằm giải thích chữ Tổng Trì. Chúng ta thường nói đến Tổng Trì rất nhiều. *“Tổng nhất thiết pháp, trì nhất thiết nghĩa”* (Gồm chung hết thầy pháp, nắm giữ hết thầy nghĩa), đó là ý nghĩa của chữ Tổng Trì. Tổng Trì tiếng Phạn là Đà La Ni (Dhāraṇī), là tên gọi khác của Chú. *“Truyện danh Bát Tư Nghị Thần Lực giả, tức kinh danh Bát Tư Nghị Công Đức dã”* (Truyện mang tên là Bát Tư Nghị Thần Lực, tức là bản kinh mang tên Bát Tư Nghị Công Đức). Hợp kinh và chú lại để xét thì: *“Trì chú, trì danh, tức đắc vãng sanh, cố đồng danh Bát Tư Nghị”* (Trì chú, trì danh bèn được vãng sanh, nên cùng gọi là Bát Tư Nghị). Đây là ý nghĩa lớn lao của việc ghép đem Vãng Sanh Chú vào sau kinh, đại sư đã giảng cho chúng ta biết đại ý.

Câu tiếp đó nói về người phiên dịch chú Vãng Sanh: *“Tổng Nguyên Gia Thiên Trúc Tam Tạng Cầu Na Bạt Đà La dịch”*. Giảng kinh nhất định phải giới thiệu người phiên dịch. Bởi lẽ, Phật pháp từ Ấn Độ

truyền sang, từ Tây Vực truyền đến Trung Quốc. Sau khi được truyền đến Trung Quốc phải qua phiên dịch mới thành kinh điển bằng Hoa văn. Nhất định phải ghi chép niên đại phiên dịch, tên người phiên dịch ở đầu kinh, nhằm chứng thực kinh điển này quả thật do Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói, từ nguyên văn tiếng Phạn dịch ra hòng thủ tín cùng tín đồ ở Đông phương. Do vậy, phần danh đề [của một bản kinh] rất quan trọng.

Nhà Tống được đề cập ở đây chính là nhà Lưu Tống¹⁷ thuộc thời Nam Bắc Triều, Nguyên Gia là niên hiệu, tức những năm cuối của niên hiệu Nguyên Gia thời Tống Văn Đế (424-453). Thiên Trúc¹⁸ nay gọi là Ấn Độ. Vì sao gọi là Tây Vực? Vào thời ấy, từ Trung Quốc sang Ấn Độ, quá nửa là theo đường Tây Vực¹⁹, vượt qua Thông Lĩnh (cao nguyên Pamir) đi về Nam, phía dưới đó là Ấn Độ. Do vậy, ta thường gọi [Ấn Độ] là Tây phương. Nay giao thông thuận tiện hơn, chúng ta biết rất rõ

¹⁷ Lưu Tống (353-422) là triều đại đầu tiên của thời Nam Bắc Triều, do Lưu Dụ lập ra. Gọi Lưu Tống để phân biệt với nhà Tống (960-1279) của Triệu Khuông Dẫn sau này. Lưu Dụ xuất thân là tướng lãnh. Nhân khi nhà Đông Tấn suy vi, tướng Hoàn Huyền khởi binh soán ngôi, Lưu Dụ cùng Lưu Nghị dấy binh dưới danh nghĩa Cần Vương, tiêu diệt Hoàn Huyền. Cuối cùng, Lưu Dụ diệt Lưu Nghị, triệt hạ các tông thất của nhà Tấn như Tư Mã Hưu Chi, Tư Mã Sở Chi v.v... ép Tấn Cung Đế nhường ngôi, lập ra nhà Tống. Tống Văn Đế là vua thứ ba, thời kỳ niên hiệu Nguyên Gia (424-453) được coi là thời đại hoàng kim của nhà Lưu Tống. Tống Văn Đế chăm việc nước, phát triển văn hóa, giáo dục, chỉnh đốn tăng đoàn, chú trọng kỷ cương nhà Phật.

¹⁸ Thiên Trúc: Theo các nhà khảo cứu, chữ Thiên Trúc là biến âm của chữ Thân Độc (Sindhu, tên cổ của lưu vực sông Indus). Tài liệu sớm nhất đề cập đến Ấn Độ là sách Sử Ký của Tư Mã Thiên. Các sách sau đó như Sơn Hải Kinh, Hậu Hán Thư v.v... còn phiên âm thành Thiên Độc, Hiền Đậu. Lý do là vì thời cổ, các âm Thiên, Thân, Hiền đọc gần giống nhau. Trúc, Độc, và Đậu âm gần giống nhau. Chữ Sindhu bị người Ba Tư đọc trại thành Hindu, và người Hy Lạp đọc trại lần nữa thành Indu và người Ấn Độ cũng chấp nhận cách đọc này. Ngài Huyền Trang là người đầu tiên đã phiên âm chữ Indu thành Ấn Độ.

¹⁹ Tây Vực là từ ngữ phiếm chỉ các quốc gia cổ ở phía Tây Trung Hoa cho đến Bắc Ấn Độ, nằm dọc theo Thiên Sơn, tính từ hai cửa ải Ngọc Môn Quan và Dương Quan của Trung Hoa. Các quốc gia này chủ yếu nằm trong vùng trung Tarim (Tháp Lý Mộc), Turfan (Thổ Lỗ Phồn), và Dzungaria (Chuân Cát Nhĩ). Con Đường Tơ Lụa (Silk Road) nổi tiếng đi qua các nước này. Những quốc gia Tây Vực thường được sử Trung Hoa nhắc tới là Thiện Thiện (Lâu Lan, quốc gia này nổi tiếng với nàng Trại Ba công chúa trong truyện Ngũ Hồ Bình Tây. Nước này nằm ở phía Đông Bắc sa mạc Lop), Tiểu Uyển, Vu Điền, Cừ Lặc, Quy Tư, Sớ Lặc (những nước này nằm trong khu vực Tân Cương hiện thời), Cao Xương (Qarahoja, thuộc vùng Turfan)...

vị trí của Ấn Độ. Cầu Na Bạt Đà La (Gunabhadra)²⁰ là vị pháp sư người Ấn Độ. Tam Tạng: Chúng ta thường nói là “*học lịch*”, giống như “*học vị*” hiện thời. Ngài tinh thông Tam Tạng. Tam Tạng pháp sư mới có tư cách phiên dịch kinh điển, phải thông đạt Tam Tạng. Nếu không thông đạt Tam Tạng, chẳng thể theo đuổi công tác phiên dịch; quý vị phải có học lịch (học vấn rộng khắp).

Cầu Na Bạt Đà La là tên hiệu của vị pháp sư dịch kinh. Đồng thời với Ngài có một vị pháp sư cũng là người Ấn Độ, tên họ rất giống, tức ngài Cầu Na Bạt Ma (Gunavarman). Có khi [kinh sách] ghi [tên ngài Cầu Na Bạt Đà La] là Cầu Na Bạt Đà, không có chữ La ở sau, âm thanh tựa tựa Cầu Na Bạt Ma. Do vậy, rốt cuộc bài chú Vãng Sanh này do vị nào phiên dịch vẫn là điều tồn nghi. Thế nhưng cả hai vị đều là người Ấn Độ, sống cùng thời đại, khẳng định Vãng Sanh Chú quả thật đã được phiên dịch từ kinh điển Phạn Văn, ta có thể khẳng định điều này. Tiếp sau đây là chú ngữ, tôi đọc một lượt rồi xem tiếp những lời giảng giải của Liên Trì đại sư. Chú ngữ gồm mười bốn câu:

Nam mô a di đà bà dạ, đá tha già đa dạ, đá địa dạ tha: A di rị đô bà tỳ, a di rị đá, tất đam bà tỳ, a di rị đá, tỳ ca lan đế. A di rị đá, tỳ ca lan đá. Già di nị, già già na, chỉ đa ca lệ, sa bà ha.

南無阿彌多婆夜。哆他伽跢夜。哆地夜他。阿彌利都婆毗。阿彌利哆。悉耽婆毗。阿彌利哆。毗迦蘭諦。阿彌

²⁰ Cầu Na Bạt Đà La (394-468), còn dịch nghĩa là Công Đức Hiền, người xứ Trung Thiên Trúc (Ấn Độ) là một dịch giả nổi tiếng, thuộc dòng Bà La Môn. Do đọc Tập A Tỳ Đàm Tâm Luận, Ngài bèn quy hướng Phật pháp, nghiên cứu Đại Thừa, tinh thông giáo nghĩa Tiểu Thừa lẫn Đại Thừa. Do tích cực xiển dương Đại Thừa, người đương thời gọi Ngài bằng mỹ hiệu Ma Ha Diễn. Ngài đến Quảng Châu, Trung Hoa vào năm Nguyên Gia 12 (435). Tống Văn Đế phái người đón Ngài về kinh đô Kiến Khang, vừa hoằng pháp vừa dịch kinh. Những dịch phẩm chủ yếu của Ngài là Tập A Hàm Kinh, Lăng Già Kinh, Đại Pháp Cỗ Kinh, Tương Tục Giải Thoát Kinh, Thắng Man Sư Tử Hống Nhất Thừa Đại Phương Tiện Phương Quảng Kinh. Do dịch kinh Lăng Già, ngài được coi là sáng tổ Lăng Già Tông, tổ Bồ Đề Đạt Ma là học trò của vị này. Lăng Già Tông còn gọi là Nam Thiên Trúc Nhất Thừa Tông, hoặc Nam Tông, là một tông phái Phật giáo tại Trung Hoa chuyên nghiên cứu kinh Lăng Già. Tông này thuộc học phái chuyên nghiên cứu Như Lai Tạng trong Duy Thức, và thường được coi là tiền thân của Thiền tông, chỉ thịnh hành ở phương Bắc Trung Hoa trong thời Nam Bắc Triều. Lăng Già Tông này chủ trương tu hạnh Đầu Đà, tu tập Thiền Quán. Sau này, giáo nghĩa của Lăng Già Tông bị thay thế bởi Thiền tông do ngài Bồ Đề Đạt Ma đề xướng.

利哆。毗迦蘭哆。伽彌膩。伽伽那。枳多迦隸。娑婆訶。

Ba hàng tiếp theo đó là những lời trích từ truyện, tức là những câu trích từ Bát Tư Nghị Thần Lực Truyện. “*Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, năng tụng thử chú giả, A Di Đà Phật, thường trụ kỳ đảnh, nhật dạ ủng hộ, vô linh oán gia nhi đắc kỳ tiện, hiện thể thường đắc an ổn, lâm mạng chung thời, nhậm vận vãng sanh*” (Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân có thể tụng chú này thì A Di Đà Phật thường ở trên đảnh đầu người ấy, ngày đêm ủng hộ, chẳng để cho oán gia có dịp thuận tiện [làm hại], đời hiện tại được an ổn. Lúc mạng chung, tùy ý vãng sanh). Đoạn kinh văn này nêu lên thật rõ mối quan hệ mật thiết giữa kinh A Di Đà và bài chú này. Thế nhưng khi đọc kinh, chúng ta thường không lưu ý đến những chữ then chốt trong kinh. Vì thế, chúng ta hay nói “đọc kinh không linh”, ta chiếu theo kinh điển tu học dường như không đạt được hiệu quả như kinh đã nói. Người nói như vậy không biết kinh luôn đặt ra những điều kiện rõ ràng! Quý vị thấy đó: “*Thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, chứ không nói “*nhược hữu nam tử, nữ nhân*” (nếu có kẻ trai, người gái), không hề nói như vậy! Trước đó phải có chữ Thiện. Thử hỏi: Chúng ta đã hội đủ tiêu chuẩn Thiện hay chưa? Nếu hội đủ tiêu chuẩn Thiện, chiếu theo phương pháp này tu học, chắc chắn có hiệu quả. Đây là những điều chúng tôi thường cảnh tỉnh các đồng học trong những buổi giảng, chớ nên coi thường!

Tiêu chuẩn của Thiện là gì? Trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, đức Phật đã nói ra những tiêu chuẩn của Thiện. Trong đoạn kinh nào vậy? Mọi người đều biết rất rành là “*Tịnh nghiệp tam phước*”. Đó chính là tiêu chuẩn của thiện nam tử, thiện nữ nhân. Điều thứ nhất: “*Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập Thiện nghiệp*” (Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu Thập Thiện nghiệp). Đó là điều thiện của nhân - thiên, tức tiểu thiện. Chúng ta có trọn đủ hay không? Nếu trọn đủ bốn câu này thì quý vị chính là thiện nam tử, thiện nữ nhân như kinh đã nói. Nếu không trọn đủ bốn câu này, quý vị chỉ là nam tử, nữ nhân, chẳng thể thêm vào chữ Thiện được! Thế nhưng quý vị phải hiểu: Quý vị đạt được điều kiện này, bèn chiếu theo phương pháp tu hành, thì có được cảm ứng thù thắng gì hay chăng? Chưa chắc! Do nguyên do nào? Vì kinh này là kinh Đại Thừa, không phải kinh Tiểu Thừa. Câu thứ nhất ấy chỉ là thiện pháp thuộc nhân thiên, chưa phải là thiện của Đại Thừa. Tu nhân thiên tiểu quả thì được, vì đã đạt tiêu chuẩn!

Điều thứ hai trong Tịnh nghiệp tam phước là “*Thọ trì Tam Quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi*” (Thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi). Ngoài bốn câu trên, thêm ba câu này vào thành bảy câu. Làm được bảy câu này mới là điều thiện của Nhị Thừa. Học Thanh Văn, học Duyên Giác, trong kinh điển Tiểu Thừa thường nói “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”, quý vị phải làm được cả bảy câu này. Kinh Di Đà, kinh Vô Lượng Thọ là kinh Đại Thừa, Vãng Sanh Chú cũng là kinh Đại Thừa, nên quý vị còn phải làm được điều sau đây nữa. Điều sau đây chính là Đại Thừa thiện: “*Phát Bồ Đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả*” (Phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả). Tổng cộng là mười một câu, mười một câu này là căn bản của mọi căn bản. Làm được hết mười một câu này thì chính là Đại Thừa thiện. Như vậy chữ Thiện là then chốt, thiện nam tử, thiện nữ nhân đầy đủ Tịnh nghiệp tam phước. Quý vị có đủ cơ sở ấy thì được, quý vị “*năng tụng thử chú, A Di Đà Phật, thường trụ kỳ đánh, nhật dạ ủng hộ*” (có thể tụng chú này, A Di Đà Phật thường ở trên đánh đầu, ngày đêm ủng hộ). Quý vị tu thành tựu Tịnh nghiệp tam phước, rồi lại tu pháp môn này, quý vị sẽ thấy có hiệu quả hay là không!

Tuy vậy, như tôi đã kể cùng quý vị, trước kia, tại Đài Bắc tôi đã từng gặp một vị cư sĩ niệm chú Vãng Sanh đến ba mươi vạn biến mà không có hiệu quả, do nguyên nhân gì vậy? Ông ta không có Tịnh nghiệp tam phước! Ông ta chỉ là “nam tử, nữ nhân”, không có chữ Thiện này. Bởi thế, niệm xong ba mươi vạn biến không có hiệu quả. Vì tuổi ông ta đã cao, cũng có thân phận kha khá, khi đó chúng tôi tuổi trẻ, chẳng tiện nói. Xử sự, đãi người, tiếp vật, lời lẽ phải có chừng mực. Điều gì nên nói thì phải coi người ta có tiếp nhận được hay không, mới có thể cùng người bàn luận. Người ta không thể tiếp nhận, không cần phải nói, cứ chấp tay hoan hỷ. Trong xã hội, ông ta có thân phận, có địa vị, cũng có tài nghệ văn chương, thường đứng là vác mặt lên trời, chẳng có mấy ai được ông ta coi trọng. Những điều ấy đều là chướng ngại, đều là nghiệp chướng của ông ta.

Do vậy biết rằng: Tu hành chẳng thể không biết căn bản, căn bản chính là “thiện”. Trước hết, chúng ta phải đạt được tiêu chuẩn Thiện theo nhãn quan của đức Phật, chúng ta phải tự nỗ lực đạt được! Sau đấy, y giáo phụng hành thì mới có hiệu quả. “*A Di Đà Phật thường trụ kỳ đánh*” (A Di Đà Phật thường ở trên đánh đầu) chính là A Di Đà Thế Tôn hộ niệm. Oán thân trái chủ toan chướng ngại quý vị tu hành, chướng

ngai quý vị vãng sanh, nhưng có Phật lực, có hộ pháp thần bảo vệ, che chở quý vị, chúng không có dịp nào thuận tiện [gây rối]. “*Hiện thể thường đắc an ổn*” (trong đời hiện tại thường được an ổn), nghĩa là sống trong thế gian này, quý vị được Phật hộ niệm, được long thiên thiện thần ủng hộ, nên tai nạn, chuyện bất tường chẳng dễ gì gặp phải. Lúc lâm chung, “*nhập vãng vãng sanh*” (tùy ý vãng sanh), “*nhập vãng*” nghĩa là tự tại.

Đoạn kinh văn này thuyết minh công đức của thần chú, giảng rất tường tận. Ba câu đầu có thể phiên dịch, bởi lẽ chúng không phải là chú ngữ. Câu thứ nhất “*nam mô a di đa bà da*” là niệm Nam-mô A Di Đà Phật. A-di-đa-bà (Amitabha) là A Di Đà, đọc theo Phạm âm Ấn Độ là A-di-đa-bà-da (Amitabhaya); nay chúng ta tỉnh lược thành A Di Đà Phật. A Di Đà chứ không có chữ Phật, trong câu trên không có chữ Phật. Câu kế đó, “*đá tha già đa da*” (tathagataya), dịch là Như Lai. Như vậy, niệm toàn bộ hai câu này, thì “*nam mô a di đa bà da, đá tha già đa da*” chính là A Di Đà Như Lai, trước đó có chữ Nam Mô, tức Nam Mô A Di Đà Như Lai. Có thể dịch nghĩa theo cách đọc hiện thời như vậy, nên hai câu này có thể phiên dịch được. Câu “*đá địa da tha*” (tadiyatha) cũng dịch nghĩa được, dịch sang nghĩa tiếng Hán là “*tức thuyết chú viết*” (liên nói chú rằng), có nghĩa như vậy. Những câu tiếp đó mới là chú, từ chữ “*a di rị đô bà tỳ*” (amrtodbhave) trở xuống gồm mười một câu; mười một câu ấy là chú ngữ. Những chú ngữ này từ xưa đến nay không phiên dịch, chỉ có ba câu đầu là có thể dịch.

Trong lời chú giải, Liên Trì đại sư giảng: “*Thần chú tòng cổ bất phiên, lược hữu ngữ ý*” (Thần chú từ xưa đã chẳng phiên dịch, đại lược có năm ý). Năm ý ấy chính là năm quy định trong thể lệ dịch kinh:

1) Ý nghĩa thứ nhất là giống như đế vương thời cổ, đế vương có những ý chỉ bí mật, chẳng thể tùy tiện tuyên truyền. Quý vị nhận được [chiếu chỉ] cứ y giáo phụng hành là được rồi, cứ chiếu theo đó mà làm, chẳng cần phải hỏi han.

2) Ý thứ hai: Hoặc trong một câu có quá nhiều ý nghĩa, như Tiên Đà Bà²¹ mang nhiều nghĩa nên không phiên. Bởi lẽ không tìm được thành ngữ hoặc từ ngữ Trung Quốc tương tự, nên bèn phiên âm kèm

²¹ Tiên Đà Bà (saindhava): Vốn là một loại muối sản xuất ở Ấn Độ, sau được dùng để chỉ bốn sản vật nổi tiếng là: Muối, ly, nước và ngựa. Trong kinh Niết Bàn, từ ngữ này dùng để tỷ dụ mật ngữ của Như Lai sâu xa khó hiểu. Giống như quốc vương đòi Tiên Đà Bà, đại thần thông minh sẽ tùy theo hoàn cảnh mà biết vua muốn đi chơi thì đem ngựa đến, vua đang ăn mà đòi Tiên Đà Bà thì dâng muối v.v... Từ đây, Tông

theo giải thích.

3) Ba là ở Trung Quốc không có, đại sư nêu thí dụ như Diêm Phù Đề (Jambudvipa). Trong kinh chúng thường thấy chữ sau: Am Ma La quả (Amarapuspaka), Trung Quốc từ trước đến nay chưa hề có, hoặc Hưng Cừ²² trong Ngũ Tân (năm thứ cay hôi), Trung Quốc cũng không có. Nhưng hiện tại giao thông phát đạt, hàng hóa lưu thông dễ dàng, Am Ma La quả là trái gì vậy? Người Đài Loan gọi nó là trái Ba Lạc (trái xoài)²³. Trước kia, lão hòa thượng Đạo Nguyên (Ngài là vị pháp sư giảng kinh tại Đài Loan) đi triều bái Ấn Độ. Do Ngài thường giảng kinh, thường giảng trái Am Ma La ở Trung Quốc không có, rốt cuộc vẫn không biết là trái gì. Lần ấy, Ngài đến Ấn Độ, hỏi người Ấn Độ: “Trái Am Ma La là trái gì? Xin đem đến cho tôi xem!” Rốt cuộc họ đem lại, nhận ra trái ấy Đài Loan cũng có, nhưng ở Trung Quốc đại lục không có. Đó là một loại. Hưng Cừ là một loại trong Ngũ Tân, chính là thứ gì vậy? Nay chúng tôi biết nó là một loại hành tây; ở Trung Quốc không có. Như vậy, những thứ giống như vậy không có cách nào phiên dịch được, chỉ còn cách phiên âm.

4) Thứ tư, thuận theo lời cổ không phiên. Thời cổ dịch kinh, những chữ, những câu đã được dịch âm, ai nấy đều biết nên không cần thay đổi. Hãy nêu một thí dụ: A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề. Nói thật ra, cũng là do tôn trọng cổ nhân, do tôn trọng nên không phiên dịch.

5) Thế nhưng điều thứ năm cũng mang ý nghĩa tôn trọng: “*Hoặc tôn trọng, phi Đường ngôn khả đối, như Bát Nhã cổ*” (Hoặc do tôn trọng, chứ chẳng phải không thể dịch sang tiếng Hán, như chữ Bát Nhã chẳng hạn). Nói thật ra, Bát Nhã cũng có thể dịch thành trí huệ. A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề dịch là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh

môn có từ ngữ “tiên đà khách” để chỉ người học có khả năng lãnh hội mau chóng pháp cơ nơi thầy, tổ (theo Huệ Quang tự điển).

²² Hưng Cừ (hingū, devil’s dung) còn gọi là A Ngụ, A Ngu, Cáp Tích Ni, Vân Đài v.v... là một loại gia vị, có tên khoa học là Ferula Assafoetida. Hưng Cừ có mùi rất nồng giống mùi hẹ, nhưng rất khó chịu khi chưa nấu. Do đó, khi chưa sử dụng, Hưng Cừ phải được bỏ trong lọ đậy kín để khỏi làm các thứ khác bị nhiễm mùi. Ở Ấn Độ, loại cây này mọc phổ biến nhất tại vùng Jammu và thường được các tín đồ đạo Jain và giáo phái thờ thần Vishnu của Ấn Độ giáo ăn thay cho hành, tỏi. Ta thường dịch chữ này thành củ nén (hay nén?), nhưng loại củ nén ở Việt Nam mùi thanh nhẹ hơn tỏi rất nhiều, không nồng gắt như Hưng Cừ.

²³ Đúng ra Ba Lạc là trái ổi, ở đây chúng tôi dịch Ba Lạc là trái xoài để thuận theo nghĩa chính xác của trái Am Ma La. Trong nguyên ngữ Sankrit, Amarapuspaka có tên khoa học là Mangifera Indica, tức là trái xoài.

Giác. Thế nhưng danh từ Pháp Tướng trong kinh luận hết sức nhiều, chúng ta đọc đã quá quen, như vậy chúng thuộc về loại từ ngữ được tôn trọng. Nhất là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, đã là người học Phật thì bất luận Tiểu Thừa hay Đại Thừa, Hiền Giáo hay Mật Giáo, chúng ta học Phật nhằm mong mỗi điều gì? Chính là mong đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bát Nhã không dịch nghĩa, cũng có lý đôi chút. Bởi lẽ, trí huệ Bát Nhã chẳng phải là trí huệ theo quan niệm thông thường, không giống với khái niệm trí huệ thông thường!

Thần chú thường không phiên dịch, nhưng có khi nào được phiên hay không? Có chứ! Ngay cả năm hội thần chú Lăng Nghiêm cũng được phiên dịch. Đời Thanh, pháp sư Quán Đảnh đem toàn bộ bài chú ấy dịch ra. Đó chỉ là thiếu sót, tất nhiên đa số tôn trọng thể lệ dịch kinh của cổ nhân, nên cũng không cần phải phiên dịch ra. Không phiên dịch ra thì được tôn trọng. Dịch ra rồi, ý niệm tôn trọng không còn nữa.

A! Bây giờ đã hết giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần giảng giải về Vãng Sanh Chú của Liên Trì đại sư.

Lời Sớ viết: “*Kinh chú tương liên, chánh Hiền Mật viên thông nghĩa*” (Kinh và chú liên quan, chính là ý nghĩa Hiền Mật viên thông). Sau kinh Di Đà, ghép thêm chú Vãng Sanh, nói thật ra, ý nghĩa thực sự là Hiền Giáo và Mật Giáo dung hợp thành một Thể. Đó là ý nghĩa chân chánh. Trong phần Sao viết: “*Tường trần bỉ quốc*” (trình bày rõ cõi ấy), cõi ấy chính là Tây Phương Cực Lạc thế giới, “*y chánh trang nghiêm, Tín Hạnh Nguyên môn*” (y báo và chánh báo trang nghiêm, Tín Hạnh Nguyên môn). Tín - Nguyên - Hạnh: Cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới phải hội đủ ba điều kiện này. “*Như kinh sở minh, thị chi vị Hiền*” (như kinh đã giảng rõ, đó gọi là Hiền), nghĩa là chỉ dạy rõ ràng cho chúng ta. Sách Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư thật là khó có. Ngài chia cả bản kinh thành ba phần: Tự Phần, Chánh Tông Phần, và Lưu Thông Phần. Trong ba phần, mỗi một phần lại chia thành ba phần, tức ba đoạn lớn, mỗi một đoạn dùng Tín - Nguyên - Hạnh để phân định. Tự Phần gồm ba đoạn Tín - Nguyên - Hạnh, Chánh Tông phần cũng gồm ba đoạn Tín - Nguyên - Hạnh, phần Lưu Thông lại có Khuyến Tín - Khuyến Nguyên - Khuyến Hạnh. Ba phần đều chẳng lìa Tín - Nguyên - Hạnh,

khai thị hết sức rõ ràng. Đó gọi là Hiên.

Tiếp đó, lời Sao viết: *“Tuân Phật bí sắc, đản trì thử chú, tức đắc vãng sanh, thị chi vị Mật”* (Tuân lời sắc truyền bí mật của Phật, chỉ trì chú này liền được vãng sanh, đó gọi là Mật). Tuân theo lời Phật răn dạy, quý vị chuyên trì Vãng Sanh Chú, tốt lắm, cũng được vãng sanh. Chú ngữ không có ý nghĩa gì vì là mật thuyết. Vậy Hiên và Mật liên quan với nhau như thế nào? *“Hiển giả, hiển thử Mật dã. Mật giả, hiển thử Hiển dã”* (Hiển là nhằm hiển cái Mật này, còn Mật nhằm kín nhiệm cái Hiên ấy), cho thấy mối quan hệ giữa Hiên và Mật là một, không hai. Một đằng là hiển thuyết, một đằng là mật thuyết; ở phần trên tôi đã trình bày cùng quý vị rồi. Vì sao sau khi đức Phật hiển thuyết, lại phải mật thuyết? Chủ yếu là nói với chúng sanh trong chín pháp giới, dùng ngôn ngữ của bọn họ để nói. Chú không phải là tiếng Phạn nên người Ấn Độ cũng không hiểu.

Ở đây, đại sư bảo cùng chúng ta: *“Kiêm trì tắc song mỹ tất cụ”* (Kiêm trì thì cả hai đều cùng được tốt đẹp trọn vẹn), ý nói Hiên, Mật đều trì. Chẳng hạn như khi tụng kinh, tụng kinh Di Đà xong bèn niệm ba biến chú Vãng Sanh, đó là thông lệ trong hiện tại. Tốt nhất là niệm bảy biến, niệm bảy biến chú Vãng Sanh chính là Hiên Mật cùng tu. Nếu như chỉ *“đơn cử diệc giao nhiếp bất di, cố viết Viên Thông”* (chỉ trì một thứ thì cũng dung nhiếp lẫn nhau không sót, nên bảo là Viên Thông). *“Đơn cử”* nghĩa là chỉ niệm kinh không niệm chú, có được hay không? Được chứ! Mật nằm trong Hiên; chỉ trì chú mà không niệm kinh thì cũng được, vì Hiên nằm trong Mật. Vì thế gọi là Viên Thông. Viên là viên mãn, Thông là thông đạt, không chướng ngại. Nói như vậy, rốt cuộc chúng ta nên tu cách nào? Liên Trì đại sư rất từ bi, lời khai thị tiếp theo đó hết sức trọng yếu:

“Tuy vân giao nhiếp, nhi chuyên trì danh hiệu do thắng trì chú, diệc thắng dư chú, diệc thắng nhất thiết chư dư công đức” (Dẫu nói là giao nhiếp, nhưng chuyên trì danh hiệu vẫn hơn trì chú, cũng tốt hơn trì các chú khác, cũng thù thắng hơn hết thảy các công đức khác). Đoạn khai thị này hết sức tinh vi đẹp đẽ: Chớ có nghe nói Hiên - Mật dung nhiếp lẫn nhau như trên đây rồi Hiên pháp lẫn Mật pháp, pháp nào cũng đều tu hết. Lợi ích chân chánh là thâm nhập một môn. Tu pháp nào? Cô nhân thường nói: *“Niệm kinh không bằng niệm chú, niệm chú không bằng niệm Phật”*. Câu nói ấy rất có lý, hoàn toàn tương ứng với đoạn khai thị này của Liên Trì đại sư. Kinh dài quá, chẳng dễ gì nhiếp tâm! Chú ngắn hơn, dễ nhiếp tâm hơn, nhưng một câu danh hiệu lại ngắn hơn

nữa, càng dễ nhiếp tâm hơn nữa!

Chân chánh tu hành dụng công, nhiếp tâm là bậc nhất. Bởi lẽ, mục đích tu hành của quý vị là gì? Mục đích là nhất tâm bất loạn. Bất luận tu pháp môn nào, tông cương lãnh, tông mục tiêu là nhất tâm bất loạn. Bất luận Hiền Giáo hay Mật Giáo, Tông Môn hay Giáo Hạ, Đại Thừa hay Tiểu Thừa thì tông cương lãnh, tông nguyên tắc, tông phương hướng, tông mục tiêu đều là muốn đạt đến nhất tâm bất loạn. Dùng phương pháp nào sẽ khiến cho chúng ta nhanh chóng đạt được nhất tâm bất loạn? Niệm Phật là phương pháp thù thắng nhất. Do vậy, ở đây đại sư bảo chúng ta: *“Chuyên trì danh hiệu do thắng trì chú”* (Chuyên trì danh hiệu còn hay hơn trì chú), hơn hẳn trì chú. Trì chú ở đây ý nói trì Vãng Sanh Chú. Thù thắng hơn những chú khác! Trong tất cả hết thầy chú ngữ thì Phật hiệu luôn thù thắng vượt trội, không những vượt trội mật chú mà còn vượt trội cả Hiền Giáo. Hiền Giáo [nghĩa là nói] tu hết thầy các pháp công đức khác đều không bằng trì danh. Tiếp đó, lại có lời thuyết minh tỉ mỉ trong phần Sao về lời Sớ:

“Thiên tán trì danh dã” (Riêng khen ngợi trì danh). Ở đây, đại sư giảng ba câu. Câu thứ nhất là *“thắng bốn chú giả”* (thù thắng hơn bốn chú), *“bốn chú”* chính là Vãng Sanh Chú. Trì danh thù thắng hơn trì chú Vãng Sanh. Vì sao? *“Dĩ chú vân: Tụng tam thập vạn biến, tắc kiến A Di Đà Phật”* (Do chú nói: ‘Tụng ba mươi vạn biến sẽ thấy A Di Đà Phật’). Quý vị phải nhớ kỹ, phải đủ ba mươi vạn biến mới được thấy A Di Đà Phật; còn trì danh thì *“trì danh, tắc nhất nhật nhất tâm, tức Phật hiện tiền cố”* (trì danh thì một ngày nhất tâm, Phật bèn hiện tiền). Vãng Sanh Chú tụng đủ ba mươi vạn biến, chắc chắn không thể làm xong trong một ngày. Dầu niệm nhanh cũng không được, không có cách gì niệm xong [ba mươi vạn biến] trong một ngày. Thế nhưng Phật hiệu chỉ cần quý vị nhất tâm hệ niệm một ngày, ắt có cảm ứng, Phật bèn hiện tiền. Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, chúng ta thấy pháp sư Oánh Kha niệm Phật ba ngày ba đêm, A Di Đà Phật bèn hiện tiền. Năm năm trước, khi Hàn Quán Trưởng vãng sanh, chúng tôi trợ niệm bên cạnh bà, bà ta hai lần thấy A Di Đà Phật hiện tiền, một lần thấy Liên Trì hải hội. So với trì chú [thì niệm Phật] dễ dàng hơn, dễ đắc nhất tâm!

“Hựu chú vân: Trú dạ lục thời, các tụng tam thất” (Chú còn nói: Ngày đêm sáu thời, mỗi thời tụng hai mươi một biến). *“Tam thất”* (ba lần bảy) là hai mươi một biến. Ngày đêm sáu thời, mỗi một thời đều phải niệm hai mươi một biến, *“năng diệt Ngũ Nghịch đẳng tội, nhi trì danh, tắc chí tâm niệm Phật nhất thanh, tức diệt bát thập ức kiếp sanh tử trọng*

tội cố” (có thể diệt tội Ngũ Nghịch; nhưng trì danh thì chỉ tâm niệm Phật một tiếng, liền diệt được trọng tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử). Quý vị hãy so sánh kỹ càng giữa kinh và chú, sẽ hiểu: Quả thật trì danh thù thắng hơn trì chú.

Câu thứ hai: *“Thắng dư chú giả”* (thù thắng hơn các chú khác), *“dư chú”* là những chú khác, tức là tất cả hết thấy thần chú trong Đại Tạng Kinh, kể cả năm hội thần chú Lăng Nghiêm. Một câu A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn, mọi người chớ nên coi thường. Quá dễ dàng nên bèn coi thường, không biết vãng sanh là thù thắng. *“Chuyên trì danh hiệu, tức đại thần chú, đại minh chú, vô thượng chú, vô đẳng đẳng chú”* (Chuyên trì danh hiệu chính là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, là chú không gì sánh bằng). Mấy câu này Liên Trì đại sư mượn từ Bát Nhã Tâm Kinh để dùng. Một câu Phật hiệu quả thật là đại thần chú, do nó vượt trội hết thấy các chú. Vì sao? *“Dĩ thập niệm tiện đắc vãng sanh, nhất sanh tiện đắc Bất Thoái, oai linh bất trắc, tư danh đại thần, dư khả lệ tri cố”* (Do mười niệm liền được vãng sanh, vừa sanh về cõi ấy liền được Bất Thoái, oai linh khôn dò; do vậy, gọi là “đại thần”. Các điều khác cứ phỏng theo đây ắt sẽ biết). Giải thích một điều là đủ. Trong bốn mươi tám nguyện, nguyện thứ mười tám: *“Lâm chung mười niệm hay một niệm bèn được vãng sanh”*, đúng là chẳng thể nghĩ bàn. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Thần chú nào có được năng lực như thế? Chẳng có chú nào! Tìm không ra! Bởi vậy, một câu A Di Đà Phật đúng là danh phù hợp thực, *“đại thần chú, đại minh chú, vô thượng chú, vô đẳng đẳng chú”*, chẳng sai chút nào. Tiếp đó lại có một câu vấn đáp giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín.

“Vấn: Chuẩn Đề công đức, chí quảng, chí đại, như hà đản trì Phật danh, nhi năng thắng bỉ” (Hỏi: Chú Chuẩn Đề công đức rất rộng, rất lớn, cơ sao chỉ trì danh hiệu Phật lại có thể vượt trội chú ấy được). Quý vị thường đọc Liễu Phàm Tứ Huấn, thấy trong sách ấy nói thiền sư Vân Cốc dạy ông Viên Liễu Phàm trì chú Chuẩn Đề. Tiên sinh Viên Liễu Phàm hằng ngày trì chú Chuẩn Đề, ai nấy đều biết chú Chuẩn Đề vô cùng linh nghiệm, công đức niệm chú Chuẩn Đề rất lớn; vì sao niệm một câu A Di Đà Phật lại có thể vượt trội, thù thắng hơn được? Liên Trì đại sư giải đáp cho chúng ta: *“Chuẩn Đề thị nhân địa Bồ Tát, Di Đà quả vị Như Lai”* (Chuẩn Đề là Bồ Tát còn đang thuộc địa vị tu nhân, Di Đà là quả vị Như Lai), khác nhau! Trong Mật giáo, Chuẩn Đề Bồ Tát chính là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát. *“Trì Chuẩn Đề ký hữu thần công,*

niệm Di Đà ninh vô diệu ứng?” (Trì chú Chuẩn Đề đã có công năng thần diệu, há niệm Di Đà lại chẳng có cảm ứng màu nhiệm ư?) Cảm ứng đương nhiên rất rõ rệt.

“Thị cổ kinh vân: Trì lục thập nhị ức Hằng hà sa Bồ Tát danh hiệu” (Vì thế kinh nói: Trì danh hiệu sáu mươi hai ức Hằng hà sa Bồ Tát), quý vị hãy nghĩ xem, kinh [Pháp Hoa] nói như vậy đó. Đức Phật dạy: [Trì niệm] danh hiệu của sáu mươi hai ức Hằng hà sa Bồ Tát, *“bất như nhất xưng Quán Thế Âm Bồ Tát, kỳ phước chánh đẳng”* (chẳng bằng xưng một tiếng danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát, phước ấy giống hệt nhau). Phước báo niệm một tiếng “Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát” và phước báo của người trì danh hiệu sáu mươi hai ức Hằng hà sa Bồ Tát bằng nhau. Chuẩn Đề đã là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, nên trì chú Chuẩn Đề giống như trì danh hiệu Quán Âm. Tiếp đó, sách lại viết: *“Hựu vân: Trì vô lượng vô số Quán Thế Âm Bồ Tát danh hiệu, bất như nhất xưng Địa Tạng Bồ Tát, kỳ phước chánh đẳng”* (Lại nói: Trì vô lượng vô số danh hiệu Quán Thế Âm Bồ Tát chẳng bằng xưng niệm Địa Tạng Bồ Tát một tiếng, hai phước báo ấy như nhau). Ngài Địa Tạng có công đức to lớn! Vì sao? Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, trước khi Di Lặc Phật xuất thế, trong khoảng thời gian dài như thế, ai sẽ thay Phật hóa độ chúng sanh? Địa Tạng Bồ Tát! Do vậy, trong khoảng thời gian trống rỗng ấy (tức thời gian không có Phật xuất thế), Địa Tạng Bồ Tát thay mặt đức Phật. Quý vị đọc kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyên phải hiểu điều này. Hiện tại, người tu pháp môn Địa Tạng rất nhiều, người niệm Địa Tạng Bồ Tát rất nhiều, nhưng phải hiểu: Công đức niệm Địa Tạng Bồ Tát không bằng công đức niệm A Di Đà Phật! Tiếp đó, [sách Sớ Sao] lại viết: *“Huống Như Lai hồ?”* (huống hồ là [xưng niệm danh hiệu] Như Lai ư?) Như Lai là Quả Địa!

Chúng ta biết Địa Tạng Bồ Tát thật ra đã thành Phật từ bao kiếp lâu xa, nhưng Ngài chẳng muốn ở địa vị Phật, cứ muốn ở trong địa vị Bồ Tát, vĩnh viễn làm Bồ Tát, *“địa ngục bất không, thệ bất thành Phật”* (địa ngục chẳng trống, thề chẳng thành Phật). Không biết bao nhiêu đồ đệ của Ngài đã thành Phật, từ phẩm Tỳ của kinh Địa Tạng quý vị đã có thể thấy rồi đó. Đây là luận định về việc niệm danh hiệu A Di Đà Phật vượt trội [công đức trì tụng] hết thảy các thần chú vậy.

Câu thứ ba là *“diệc thắng chư dư công đức giả”* (cũng thù thắng hơn các công đức khác). Đối với Hiền Giáo, quý vị tu hết thảy các pháp công đức không bằng niệm Phật, công đức niệm Phật thù thắng bậc nhất, thù thắng khôn sánh. *“Lục độ vạn hạnh, pháp môn vô lượng, nhi chuyên*

trì danh hiệu, tắc chủng chủng công đức, nhiếp vô bất tận, dĩ bất xuất nhất tâm cố, như tiền văn trung quảng thuyết” (Lục độ vạn hạnh, pháp môn vô lượng, nhưng chuyên trì danh hiệu thì mọi thứ công đức sẽ được thâm nhiếp bất tận, vì [các thứ công đức ấy] chẳng ra khỏi nhất tâm, như đã giảng trong những đoạn văn trước). Ở đây, chữ “đoạn văn trước” chỉ [đoạn văn giảng về nhất tâm trong] sách Sớ Sao. Trong Di Đà Sớ Sao đã luận về điều này rất nhiều. Công đức niệm Phật thực sự lớn lao đến như thế ư? Nhưng trong quan niệm của người thế gian, họ lại chẳng nghĩ như vậy. Quý vị thấy đó: Nếu trên thế giới này có tai nạn, có người bỏ tiền bỏ sức để giúp đỡ nạn nhân thì mọi người đều khen ngợi công đức ấy rất lớn lao; còn quý vị ở bên cạnh, chuyện gì cũng không lý đến, niệm mấy câu A Di Đà Phật, công đức này có thể vượt trội công đức trên đây ư? Người thế gian khó thể tin tưởng nổi, nên gọi là “pháp khó tin”.

Nay chúng ta mới hiểu được một chút: Bỏ tiền bỏ sức cứu tế tai nạn chỉ là cứu người nhất thời; xưng niệm một câu danh hiệu A Di Đà Phật, nếu người ta nghe được, vừa lọt qua tai, vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo. Chủng tử ấy gieo vào A Lại Da Thức, trong tương lai gặp duyên, chủng tử ấy hiện hành, người ấy có thể vượt thoát tam giới theo chiều ngang, niệm Phật vãng sanh, bất thoái thành Phật. Quý vị hãy so sánh xem công đức nào lớn hơn? Tuy vậy, bỏ tiền ra sức là chuyện cứu tế tai nạn ngay trước mắt, quý vị thấy được; còn niệm Phật là chuyện tương lai, quý vị không thấy được, nhưng chủng tử ấy quý hơn bất cứ thứ gì khác!

Thuyết pháp như vậy người minh bạch ắt hiểu, nhưng người mê không giác hoàn toàn chẳng thể tiếp nhận, họ không hiểu. Dù không hiểu, nhưng một câu A Di Đà Phật từ nhĩ căn lọt vào A Lại Da Thức, đến lúc nào người ấy mới cảm ơn quý vị? Đến khi vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, người ấy mới thực sự giác ngộ: “Vô lượng kiếp trước, ông niệm một câu A Di Đà Phật ban cho tôi [chủng tử], nên ngày nay tôi mới có thể sanh vào thế giới Cực Lạc”. Người ấy bèn nảy sanh tâm cảm kích, mới biết công đức lợi ích ấy chẳng thể nghĩ bàn, hết thấy những sự từ thiện cứu tế nhất định chẳng thể sánh bằng được. Do vậy, lúc đức Thế Tôn còn tại thế, Ngài vì chúng ta thị hiện: Suốt bốn mươi chín năm giảng kinh, thuyết pháp, chứ không làm gì khác. Nay chúng ta mới hiểu: Ngài làm như vậy chính là sự nghiệp từ thiện cứu tế bậc nhất trong thế gian lẫn xuất thế gian, không một ai có thể sánh bằng Ngài!

Tiếp đó, Liên Trì đại sư đau lòng rất miệng khuyên dạy chúng ta:

“*Nguyên tịnh nghiệp đệ tử, chuyên kỳ tín, bất nhị kỳ tâm*” (Nguyên tịnh nghiệp đệ tử lòng tin chuyên nhất, chẳng sanh hai tâm). Ở đây, Liên Trì đại sư mong chúng ta là những đệ tử đang tu Tịnh nghiệp của đức Phật hãy chuyên tâm, chớ có tam tâm, nhị ý! Tam tâm nhị ý thì hết sức đáng tiếc, quý vị bỏ lỡ cơ duyên, chẳng thể thành tựu trong một đời này! Rồi Ngài lại dẫn kinh để chứng minh: “*Như kinh vân: Thiết hữu nhất pháp, quá u Niết Bàn, diệt bất sở nguyên*” (Như kinh dạy: “Đầu có một pháp cao hơn Niết Bàn thì cũng chẳng muốn [nghe, tu tập theo]”). Nói thật ra, lời khuyên dạy trong tỷ dụ trên đây chẳng ngoài những gì đã dạy trong chương Thượng Phẩm Thượng Sanh của Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, nhất là trong bản chú giải của Thiền Đạo đại sư. Trước đây, chúng tôi đã đọc qua, giảng qua, đặc biệt là chương Thượng Phẩm Thượng Sanh đã giảng rồi. Không có bất cứ pháp nào có thể vượt trội pháp này.

Sau đó, lại nói: “*Thiền tông tri thức, hữu giáo nhân đản trì thoại đầu, nhất thiết bất tác*” (Bậc tri thức Thiền tông có vị dạy người chỉ trì câu thoại đầu, hết thấy [những hạnh khác] đều không làm). Câu thoại đầu nào vậy? “*Tham niệm Phật thị thù*” (tham cứu câu “người niệm Phật là ai?”), vẫn thuộc về pháp môn Niệm Phật, đây là một phương pháp Niệm Phật riêng biệt. Niệm A Di Đà Phật, niệm mấy câu A Di Đà Phật xong, lại hỏi “*người niệm Phật là ai?*” Đó là phương pháp niệm Phật trong nhà Thiền. “*Cổ tri nguyên nghiệp dư môn giả*” (Nên biết họ vốn tu các pháp môn khác), “*nguyên nghiệp*” nghĩa là họ vốn tu học các pháp môn khác, “*thượng đương cải tu niệm Phật*” (rồi đổi pháp họ vốn tôn sùng thành tu niệm Phật). Đây là tổ sư đại đức thường khuyên người, các Ngài tự lấy thân mình làm gương. Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư đại triệt đại ngộ nơi Thiền, quay đầu chuyên tu Tịnh Độ, trở thành tổ sư đời thứ sáu của Tịnh Độ tông. Bậc đại đức trong Tông Môn làm gương cho chúng ta, khuyên dạy người học Thiền kiêm tu Tịnh Độ. Trong Tứ Liệu Giản, Ngài nói rất hay: “*Hữu Thiền, hữu Tịnh Độ*” (có Thiền có Tịnh Độ), tức Thiền Tịnh song tu, “*do như đới giác hồ*” (khác nào cạp mọc sừng). Lại còn nói: “*Vô Thiền, hữu Tịnh Độ, vạn tu, vạn nhân khứ*” (Không Thiền, có Tịnh Độ, vạn người tu, vạn về). Quý vị hãy nhìn thấu suốt ý nghĩa thực sự nơi câu nói của Ngài. Không Thiền, có Tịnh Độ, vạn người tu, vạn người về, tức là khuyên người tu Thiền nếu Tu Thiền chẳng thể thành tựu, hãy quay đầu tu Tịnh Độ. Tu Tịnh Độ sẽ có thể thành tựu.

Người tu những tông phái khác, như trong tông Thiên Thai, Trí Giả đại sư niệm Phật vãng sanh. Do vậy, tổ sư tông Thiên Thai từ đây về

sau mãi cho đến thời cận đại, pháp sư Đế Nhân niệm Phật vãng sanh, pháp sư Đàm Hư, pháp sư Bảo Tịnh đều là những vị tổ sư cận đại của tông Thiên Thai, đều niệm Phật vãng sanh. Trong những vị đại đức cư sĩ, chắc quý vị đã biết, cư sĩ Giang Vị Nông, cư sĩ Châu Chỉ Am, “*giáo tông Bát Nhã, hạnh tại Di Đà*” (dạy bảo thì đề cao Bát Nhã, nhưng hạnh tại Di Đà). Những vị tu hành thuộc các tông phái khác, cuối cùng đều niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chúng ta chẳng thể không biết điều này. “*Hà hướng nguyên niệm Phật nhân*” (Hướng hồ người vốn niệm Phật), chúng ta vốn là kẻ niệm Phật, “*nãi biến kỳ sở thủ, nhi phục tha thượng*” (há lại thay đổi cái mình tuân giữ, tôn sùng pháp khác): Chúng ta thay đổi pháp Niệm Phật của chính mình, đi tu học pháp môn khác. “*Tâm hoài nhị lộ, chí bất quy nhất, vân hà tam-muội, nhi đắc thành tựu?*” (lòng ôm ấp hai đường lối, chí không quy nhất, làm sao thành tựu tam muội cho được?) Đây là lời cảm thán hết mực của Liên Trì đại sư.

Chúng ta đọc đến đoạn văn này, nghe câu nói ấy, phải nghiêm túc phản tỉnh: Chúng ta có thực sự tu hay chẳng? Đừng hỏi ai khác, phải hỏi chính mình. Chúng ta có tam tâm nhị ý hay chẳng? Vẫn nghĩ học pháp môn khác ư! Công phu cạn nhất trong Niệm Phật tam-muội là công phu thành phiền, vì sao chúng ta chưa đạt được? Có phải là như Liên Trì đại sư đã nói ở đây hay chẳng? “*Biến kỳ sở thủ, nhi phục tha thượng*” (Thay đổi cái mình tuân giữ, tôn sùng pháp khác), hâm mộ pháp môn khác, hướng về pháp môn khác, “*tâm hoài nhị lộ*” (lòng ôm ấp hai đường lối). Tuy chẳng bằng lòng buông bỏ Tịnh Độ, nhưng vẫn muốn học pháp môn khác, vì thế “*chí không quy nhất*”, phương hướng và mục tiêu không nhất trí, như vậy thì ngay cả công phu thành phiền cũng không đạt được, sẽ bị rắc rối như thế này:

“*Trục chí vô thường, không vô sở hoạch*” (Kịp đến khi vô thường, rỗng tuếch, chẳng đạt được gì). Đến lúc vô thường, vô thường là mạng chung, vô thường xảy đến; nói cách khác, lúc quý vị sắp chết, không thành tựu một điều nào cả. “*Võng tư kỷ quá, phản khởi phi báng, ô hô mậu tai*” (Chẳng nghĩ tới lỗi của mình, lại ngược ngạo báng bỏ! Ôi chao! Làm lạc thay!) Quý vị chẳng biết phản tỉnh lỗi lầm của chính mình, cho rằng lời Phật, Bồ Tát nói không linh, ấy là báng Phật. Báng Phật, báng Pháp là tội A Tỳ địa ngục, đúng là kết thành tội lỗi quá lớn lao, khiến cho người mắt sáng cảm thán không ngớt, trách nhiệm ấy chính mình phải gánh lấy. Kinh không có lầm lỗi, pháp môn không sai lầm, mà do chính mình phạm lỗi, không biết đạo lý thâm nhập một môn, huân tu dài lâu. Đoạn cuối cùng là Xưng Lý.

Trong bản chú giải Di Đà Kinh Sớ Sao của đại sư, mỗi một tiết (một phân đoạn giải thích) đều quy về tự tánh, trong Giáo Hạ cũng thường nói “*tiêu quy tự tánh*”, mỗi đoạn như vậy hết sức tinh vi, đẹp đẽ, ngay cả phần giải thích chú Vãng Sanh cũng không ngoại lệ. “*Xưng Lý tác tự tánh không, thị bất nghiệp chướng nghĩa, tự tánh hữu, thị đà la ni nghĩa, tự tánh bất hữu bất không, thị sanh Tịnh Độ nghĩa*” (Xét theo Lý thì Tự Tánh Không là ý nghĩa của Dẹp Trừ Chướng, Tự Tánh Có là ý nghĩa của Đà La Ni, Tự Tánh Chẳng Có Chẳng Không là ý nghĩa của Sanh Về Tịnh Độ). Đoạn này hoàn toàn tiêu quy tự tánh và trí huệ chân thật. Chúng ta xem lời giải thích trong phần Sao, đâu không chỉ vồn vện ba câu như thế, nhưng vẫn rất khó lãnh hội.

Trong phần chú giải, [lời Sao] viết: “*Mịch tâm liễu bất khả đắc, nhất thiết nghiệp chướng, thù vi căn bản*” (Tìm tâm trọn chẳng thể được, trong hết thảy nghiệp chướng cái gì là căn bản?). “*Tìm tâm trọn chẳng thể được*” là chuyện trong Thiền tông. Đạt Ma Tổ Sư đến Trung Quốc truyền pháp, không có người, tìm không ra người để truyền pháp, không ai nhận biết Ngài. Lão nhân gia thật từ bi, nếu như bọn chúng ta ắt sẽ nói: “Nơi đây không có pháp duyên, không có pháp duyên thì ra đi, còn ở đây làm chi?” Ngài cứ đợi ở đó, đợi không ít năm, đợi một người là Huệ Khả. Thiền tông nói Tổ nhìn vách chín năm mới gặp được Huệ Khả.

Huệ Khả tìm đến thỉnh giáo, Đạt Ma Tổ Sư cũng chẳng đếm xỉa tới. Lúc ấy nhằm mùa Đông tuyết rơi, Huệ Khả đứng ngoài cửa, tuyết ngập đến gối; từ chỗ này, chúng ta có thể tưởng tượng Ngài đứng lâu đến chừng nào. Trời đổ tuyết rất lớn, tuyết ngập đến gối, Huệ Khả thấy Đạt Ma Tổ Sư vẫn chẳng ngó ngang đến mình; trước kia người xuất gia đều mang theo giới đao²⁴, Ngài bèn rút giới đao chặt phăng cánh tay của chính mình, chặt đứt một cánh tay cúng dường Đạt Ma Tổ Sư. Đạt Ma tổ sư thấy thế, mới mở miệng: “Ngươi đến đây làm gì?” Huệ Khả chặt tay cúng dường mà Đạt Ma tổ sư chỉ hỏi: “Rốt cuộc, ngươi đến đây làm gì?”

²⁴ Giới đao (sastraka) là một trong 18 vật dụng tùy thân của tỳ-kheo. Do loại đao này được phép cất giữ theo giới luật nên gọi là giới đao. Theo Căn Bản Thuyết Nhất Thiết Hữu Bộ Tỳ Nại Da Tập Sư quyển 3 chép, lúc đức Phật ngự tại thành Thất La Phiệt, có tỳ-kheo muốn may y, phải dùng tay xé vải, khiến vải bị rách mà may y không được nên Phật mới cho phép dùng dao. Nhóm Lục Quân tỳ-kheo thừa cơ dùng các chất báu trang trí cán đao, nên đức Phật quy định dao phải bằng sắt, dài sáu ngón tay, hình cong như cánh quạ. Giới đao dùng để cạo tóc hoặc để cắt vải, xén y khi cần may vá. Đừng lầm với cái gọi là Giới Đao là một món binh khí công kênh của tăng nhân Thiếu Lâm Tự sử dụng sau này.

Huệ Khả thưa: “Con cầu đại sư an tâm cho con!” Tâm không yên. Đạt Ma Tổ Sư xòe tay ra: “*Ngươi lấy cái tâm ra đây, ta sẽ thay ngươi an nó*”. Nay quý vị thấy rất nhiều bức tượng tạc hình Đạt Ma Tổ Sư giơ một tay ra, đó chính là lúc Tổ bảo Huệ Khả: “*Lấy cái tâm ngươi ra đây, ta sẽ thay ngươi an cho*”.

Nhờ câu nói này, Huệ Khả hồi quang phản chiếu, “*Nay ngươi đem cái tâm đưa ra, ta sẽ thay ngươi an nó*”. Hồi quang phản chiếu nơi câu nói này, tìm không được tâm, Ngài bèn nói: “Con trọn chẳng tìm được cái tâm”. Ngài muốn con tìm cái tâm, con không biết cái tâm nằm đâu, Đạt Ma Tổ Sư bèn nói tiếp: “*Ta đã an cái tâm cho ngươi rồi*”. Ta đã thay ngươi an cái tâm, an định rồi, tìm tâm trọn chẳng thể được! Nhờ câu nói ấy, Huệ Khả đại triệt đại ngộ. Đạt Ma Tổ Sư đến Trung Quốc chẳng uổng công, có truyền nhân rồi. Huệ Khả đại triệt, đại ngộ, minh tâm, kiến tánh, trở thành Tổ thứ hai của Thiền tông Trung Quốc! Tâm chân thành cầu pháp. Ấn Quang đại sư nói: “*Mười phần thành kính được mười phần lợi ích*”, Huệ Khả quả thật mười phần chân thành, nên mới có thể khai ngộ. Ngày nay chúng ta nghe những câu trao đổi giữa Đạt Ma Tổ Sư và Tổ Huệ Khả không thể khai ngộ; mà sao Huệ Khả đại sư lại khai ngộ? Vì Ngài chân thành, thành ắt linh, thành bèn cảm thông. Chúng ta không có thành ý, không có thành tâm, có nghe như thế nào, nhìn như thế nào đi nữa, vẫn chẳng thể giác ngộ!

Tìm tâm trọn chẳng thể được! Trong kinh Phật, chẳng hạn như kinh Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật bảo ngài A Nan tìm tâm. Tâm nằm ở đâu? Ngài A Nan nói bảy chỗ đều bị Thích Ca Mâu Ni Phật bác bỏ: “*Đúng là ngươi chưa biết cái tâm nằm đâu!*” Rốt cuộc tâm nằm ở đâu? Khắp hư không pháp giới, không chỗ nào chẳng tồn tại, quý vị chẳng thể nói tâm ở một chỗ nào. Hễ nói nó ở một chỗ nào là sai rồi! Không chỗ nào nó chẳng hiện hữu, không lúc nào nó chẳng tồn tại. Vì sao? Hư không, pháp giới do tâm mà thành Thể. Kinh Lăng Nghiêm đã giảng rất minh bạch như thế này: “*Chư pháp sở sanh, duy tâm sở hiện, nhất thiết nhân quả, thế giới, vi trần, nhân tâm thành Thể*” (Các pháp được sanh chỉ do tâm hiện, hết thảy nhân quả, thế giới, vi trần đều do tâm mà thành Thể). Tâm ở đâu? Không lúc nào, không chỗ nào nó chẳng tồn tại. Nó bất sanh, bất diệt, không đến, không đi, không tăng, không giảm, không tương đối, mà cũng chẳng tuyệt đối, ngôn ngữ dứt bật, tâm hạnh xú diệt.

Đặc tánh của tâm là linh tri, trong Hệ Niệm Pháp Sự, thiền sư Trung Phong đã giảng rất rõ ràng: “*Linh tri tâm*”. Tâm sẵn đủ linh minh

giác tri, cũng có thể nói rõ ràng hơn một chút là nó đầy đủ khả năng thấy - nghe - hay - biết. Thấy - nghe - hay - biết là bốn tánh, thấy - nghe - hay - biết là chân tâm, bất sanh, bất diệt, không đến, không đi, chẳng phải có, chẳng phải không, tất cả hết thảy vạn sự, vạn vật, kể cả hư không [đều thấy - nghe - hay - biết]. Vì vậy, quý vị phải thực sự hiểu rõ, quý vị hỏi tâm ở chỗ nào ư? Tùy tiện chọn lấy một pháp, có pháp nào chẳng phải là tâm ư? Cái gì cũng đều có thấy - nghe - hay - biết. Như vậy, hiểu được chân tướng sự thật này “*hết thấy nghiệp chương, gì là căn bản?*”, đúng là dẹp trừ nghiệp chương tận cội rễ. Chân tâm bốn tánh cái gì cũng không có, sạch sẽ, không vướng mắc mảy may.

“*Tức tâm vô sở bất cụ, nhất thiết công đức, hà phát tổng trì*” (Cái tâm này không gì chẳng đủ, hết thảy công đức không gì chẳng tổng trì). Chân tâm đầy đủ trí huệ Bát Nhã viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn. Đó chính là ý nghĩa của chữ Tổng Trì. “*Đương tổng trì nhi bất lập tiêm trần, hữu thị tức không chi hữu, vô căn bản nhi xuất sanh vạn pháp, không thị tức hữu chi không*” (Dầu tổng trì nhưng chẳng lập mầm trần, Hữu chính là Tức Không chi Hữu (cái Có chính là Không); không có căn bản mà sanh ra vạn pháp, Không chính là Tức Hữu Chi Không (cái Không chính là Có). Ý nghĩa hai câu này rất sâu, rất khó hiểu! Thế nhưng khoa học ngày nay đã phát hiện, bảo cho chúng ta biết một chuyện: Các khoa học gia phát hiện Hữu do đâu mà có? Hữu do Vô biến hiện ra, vô trung sanh hữu (trong không sanh ra có), Hữu lại quy về Vô. Phát hiện ấy giống với những điều đã dạy trong kinh Phật.

Tổng Trì là có tướng. Có tướng, nhưng cái Có ấy là huyễn có, sanh diệt trong từng sát-na, niệm niệm chẳng ngừng. Chúng ta trông thấy sắc tướng ấy, hết thảy hiện tướng (tướng được biến hiện ra) đều là tương tục tướng (tướng tiếp nối). Kinh Kim Cang dạy: “*Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh. Như lộ, diệt như điện*” (Hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng; như sương, cũng như chớp). Sương là tương tiếp nối, “*chớp*” ngụ ý sanh diệt trong từng sát-na. Kinh Lăng Nghiêm có câu: “*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*” (Sanh ra từ chỗ nào, diệt tận ngay nơi ấy), tốc độ rất nhanh, chúng ta nhìn không ra. Đây là đối với câu hỏi về Không và Có mà nói ra chân tướng của Có và Không. “*Vô căn bản nhi xuất sanh vạn pháp*” (Không có căn bản mà sanh ra vạn pháp), tức là Không có thể sanh ra Có, Hữu từ Vô mà sanh ra. Mấy câu tiếp theo giảng về nghĩa lý Trung Đạo.

“*Tức Hữu tắc bất không, tức không tắc bất hữu, bất không bất hữu, duy thị nhất tâm, bất diệt nhất tâm, thị danh Tịnh Độ*” (Hữu chính

là bất Không, Không chính là bất Hữu, chẳng Có chẳng Không, chỉ là nhất tâm, chẳng vượt khỏi nhất tâm, nên gọi là Tịnh Độ). Chân Tịnh Độ! Vốn đã sống trong Tịnh Độ, Tịnh Độ ở đâu vậy? Tịnh Độ ở ngay trước mặt, vấn đề là quý vị có hiểu hay không? Có thấy được hay không? Thấy được Tịnh Độ thì thấy Pháp Tánh, hiểu rõ pháp tướng. Tánh và Tướng là một không hai. Tướng là Có, Tánh là Không. Tánh - Tướng nhất như (là một, đồng nhất), Tánh - Tướng bất nhị. “*Chẳng Có, chẳng Không*”: Chẳng Không là Tướng, tướng mông, huyền, bọt bóng. Chẳng Có là Tánh, là Pháp Tánh. Tánh cũng vậy, Tướng cũng vậy, đều là nhất tâm, Tánh và Tướng là một, không phải hai. Vì sao không phải là hai? Bởi từ Tánh biến hiện những tướng ấy, tướng ấy chỉ do tâm hiện. Bản năng, đặc tánh nơi tự tánh của chúng vĩnh viễn bất biến, tức là thấy - nghe - hay - biết. Vì thế, hết thấy vạn sự vạn vật linh tri, sống động, linh minh giác tri, chẳng chết cứng.

Ba ngàn năm trước, Phật pháp đã nói ra chân tướng sự thật này, đến nay các nhà khoa học mới phát hiện, nhưng vẫn hiểu biết chưa viên mãn, vẫn mới chỉ biết được một chút xíu như thế đó, chỉ là từ lý luận suy diễn rằng có khả năng là như vậy, nhưng hiện thời họ vẫn chưa có cách nào chứng thực. Vì thế, tiến sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản rất hy hữu. Ông ta đã dùng nước để chứng minh sự thật ấy. Hy vọng khi ông ta đến thăm, chúng tôi sẽ cung cấp cho ông ta một thông tin: “Vạn sự vạn vật trong vũ trụ đều có đủ khả năng có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết, chứ không riêng gì nước” để ông ta làm thí nghiệm thêm. Bọn họ rất kinh ngạc, lấy làm lạ, chứ trong nhà Phật chúng ta không kinh ngạc tí nào, mà cũng chẳng sùng sờ tí xíu nào, vì sao? Vốn sẵn là như vậy. Kinh đã dạy rõ ràng, minh bạch.

Thôi được! Giới thiệu Bát Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản, Đắc Sanh Tịnh Độ Đà La Ni đến đây thôi!

Tập 41

Chư vị đồng học!

Mở đầu Hệ Niệm Pháp Sự là Hương Tán, tiếp đó là tụng kinh, tức là tụng Phật Thuyết A Di Đà Kinh. Theo sau tụng kinh là niệm chú, “*Bát Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Đà La Ni*”, niệm chú ba lần. Rồi đến phần khai thị của thiền sư Trung Phong. Mở đầu phần khai thị lại niệm ba lần:

Nam mô Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát.

南無蓮池會菩薩摩訶薩。

Trước lúc tụng kinh, niệm ba lần Nam Mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát. Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát và Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát ở đây có sai khác gì chăng? Nếu không sai khác, sao không dùng Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát? Vì sao không dùng thống nhất? Đã xưng tán hai cách, đương nhiên ý nghĩa khác nhau. Dù có thể nói là ý nghĩa tương đồng, nhưng cũng có thể nói là có chút sai khác, đại đồng tiểu dị. Nói Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát thì là hải hội rộng lớn, có thể bao trùm khắp pháp giới hư không giới mười phương vô lượng vô biên các cõi Phật, hết thảy chư Phật Như Lai đều ở trong ấy tuyên nói pháp môn Trì Danh Niệm Phật vãng sanh thành Phật. Chúng ta có thể nói: Liên Trì Hải Hội bao gồm trọn khắp hư không pháp giới, rất lớn lao!

Mỗi một người niệm Phật đều thuộc trong Liên Trì Hải Hội, thậm chí trong xã hội hiện thời, những kẻ phản đối niệm Phật, bài xích người niệm Phật, hủy báng người niệm Phật, thậm chí những kẻ phát tâm muốn tiêu diệt pháp môn Niệm Phật cũng đều thuộc trong Liên Trì Hải Hội. Nguyên nhân gì vậy? Danh hiệu A Di Đà Phật vừa lọt qua tai vĩnh viễn trở thành hạt giống đạo. Nay kẻ ấy bài xích là vì mê hoặc, sau khi chịu quả báo xong, nhân duyên chín muồi, vẫn là vì chúng tử A Di Đà Phật trong A Lại Da Thức của kẻ ấy chín muồi! Nói cách khác, nhất định vãng sanh Cực Lạc. Sợ nhất là gì? Sợ nhất là trong một đời này quý vị hoàn toàn không có duyên phận nghe đến, đó mới thực sự là khổ. Nghe rồi phản đối không sợ! Tạo ác nghiệp cũng không sợ! Thiện căn ấy (tức là thiện căn được nghe danh hiệu A Di Đà Phật) là chúng tử kim cang, vĩnh viễn bất hoại. Do vậy, pháp môn này là pháp môn chẳng thể nghĩ bàn, Liên Trì Hải Hội.

Ở đây nói Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát, không thêm chữ Hải Hội, ta có thể nghĩ [Liên Trì Hội] là bản độ (cõi chính, tức chỉ riêng mình cõi Cực Lạc) Tây Phương Cực Lạc thế giới, chứ không phải là trọn khắp pháp giới hư không giới. Nếu trọn khắp hư không giới pháp giới, ta phải thêm chữ Hải Hội thành Liên Trì Hải Hội. Như vậy, giống nhau và khác nhau, sai biệt ở chỗ này. Ở đây là nói riêng về thế giới Cực Lạc.

Bồ Tát: Những vị thuộc Địa Tiên (chưa chứng nhập địa vị từ Sơ Địa trở lên) đều gọi là Bồ Tát. Hạ Hạ Phẩm vãng sanh là những người đời nghiệp vãng sanh, phiền não tập khí đầu một phẩm cũng chưa đoạn, vẫn là Bồ Tát. Là hạng Bồ Tát nào vậy? Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín!

Pháp môn này là Đại Thừa Viên Giáo, chí viên, chí đồn. Trong quá khứ, tổ sư đại đức nói pháp này ngang bằng Hoa Nghiêm và Pháp Hoa. Đây chẳng phải là tuyệt diệu ư? Bồ Tát thuộc địa vị Sơ Tín trong Viên Giáo nhất định phải đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, còn người đời nghiệp vãng sanh chúng ta một phẩm trong tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc cũng chưa đoạn, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, thật chẳng thể nghĩ bàn! Bởi vậy, trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã nói: Người đời nghiệp vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thể gọi là Bồ Tát, vì sao? Vì kẻ ấy chưa đoạn một phẩm Hoặc nào, nhưng cũng chẳng thể nói kẻ ấy là phàm phu. Vì sao? Kẻ ấy cũng là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Do vậy, Ngẫu Ích đại sư nói thân phận của người Tây Phương Cực Lạc thế giới rất lạ lùng, hết thấy đều không phải, mà hết thấy đều là phải, là thân phận chẳng thể nghĩ bàn. Nếu chúng ta nói miễn cưỡng thì: Do kẻ ấy chưa phá một phẩm phiền não nào, ta có thể bảo kẻ ấy là Tương Tự Vị Bồ Tát, chưa phải là Bồ Tát thật, chỉ tương tự. Rất giống Bồ Tát, nhưng lại chẳng phải là Bồ Tát, Phàm Thánh Đồng Cư Độ mà! Chưa đoạn một phẩm phiền não nào!

Đương nhiên sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi thì có cần đoạn phiền não hay chẳng? Phải đoạn chứ! Phải đoạn sạch sành sanh mới có thể viên thành Phật đạo. Như vậy, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới để tu hành, nơi đó là hoàn cảnh tu hành thù thắng nhất. Chúng ta tu hành ở thế giới này có người, có sự, có vật khuấy nhiễu. Hoàn cảnh tu hành và tu học của tiền nhân thù thắng hơn chúng ta. Bao nhiêu người tu hành tìm lấy một hoàn cảnh thanh tịnh, u nhã, dựng một cái lều tranh nhỏ, mấy chục năm không xuống núi, rất dễ thành tựu. Thế nhưng rốt cuộc người thành tựu vẫn là thiểu số, vì nguyên nhân nào? Tâm địa thanh tịnh, họ đạt được điều kiện ấy; nhưng thầy giỏi và đồng tham đạo hữu cũng chẳng dễ gì gặp được. Vì thế, phải tầm sư phỏng đạo, phải đi tham học khắp nơi. Nghi hoặc hoàn toàn đoạn trừ, thực sự giác ngộ, hiểu rõ, lại tìm một hoàn cảnh u tịnh để dưỡng đạo, xa lìa hết thấy cảnh duyên. Trụ trong núi sâu hiểm dấu chân người lui tới để dưỡng đạo.

Chúng ta thấy tổ sư đại đức bất luận tông phái nào trong các đời được thành tựu [là do thân tâm thanh tịnh], ngay cả Tịnh Độ tông cũng không ngoại lệ. Vào thời đại Đông Tấn, Huệ Viễn đại sư dựng Niệm Phật Đường đầu tiên ở Lô Sơn, một trăm hai mươi ba người lấy Hổ Khê làm giới hạn, chẳng ra ngoài giới tuyến ấy, thân tâm thanh tịnh, nên ai nấy đều có thành tựu. Hoàn cảnh hiện thời khó khăn lắm, dấu quý vị ở trong núi thẳm, nhưng hiện thời giao thông thuận tiện, khách khứa vẫn

rất nhiều. Khách đến thăm, quý vị chẳng thể không tiếp đãi. Tiếp đãi, xã giao quá nhiều, thị phi xảy ra, cái hay của họ Trương, cái dở của họ Lý chẳng thể không nghe, những thứ ấy không gì chẳng phải là phiền ô. Nếu chính mình chẳng cam lòng chịu tịch tịch, lại gắn truyền hình Internet (online TV) chi đó thì phiền phức càng lớn hơn nữa, dẫu ở trong núi thăm vẫn không thoát ly xã hội bên ngoài.

Vì thế, tu hành trong hiện tại, luận về hoàn cảnh, thật rất kém xưa kia, nhưng hiện thời cơ hội nghe kinh, cơ hội đồng tham đạo hữu cùng tu học so thuận tiện hơn xưa. Đó là do giao thông và truyền thông thuận tiện, nhanh chóng, khoa học kỹ thuật tiến bộ. Như vậy, xưa kia và hiện nay đều có những điểm thuận lợi lẫn tệ hại. Làm thế nào để giữ điều lợi, bỏ điều tệ? Đó là trí huệ, là phương tiện thiện xảo. Ngày nay chúng tôi chọn ở nơi này vì đây là một thành phố nhỏ của Úc Châu, cư dân chỉ có tám vạn người, từ Bồ Lý Tư Bản (Brisbane) lái xe đến đây mất hai tiếng đồng hồ. Bản thân tôi vẫn ở chốn làng quê, nói chung là mong xa lìa phiền phức, mong mỗi thân tâm thanh tịnh, có nhiều thời gian đọc kinh, niệm Phật. Mỗi ngày chúng tôi ở tại studio phát hình bốn tiếng đồng hồ để báo ân: Trên báo ân chư Phật, ân tổ sư đại đức, ân hộ pháp, dưới báo ân hết thầy chúng sanh. Cuộc sống càng đơn thuần càng tốt.

Tại nơi đây, những bậc hiền giả, hiền đạt trong xã hội, những lãnh tụ tôn giáo đều hết sức quan tâm đến những tai nạn trong thế gian, cầu nguyện thế giới hòa bình, các sắc dân khác nhau, các nền văn hóa khác nhau đều đối xử hòa thuận với nhau. Mọi người luôn mở rộng tâm lượng, bao dung, tôn trọng lẫn nhau, đối xử bình đẳng, đối xử hòa thuận. Đây là một chuyện tốt, đúng là đường lối để tiêu tai tránh nạn. Bọn họ đến tìm tôi, mời tôi tham dự. Chuyện này là chuyện vì nghĩa chẳng thể chối từ, tôi phải tận hết sức giúp đỡ họ thành tựu thiện nguyện. Thế nhưng đối với việc thanh tu của chính mình vẫn là bị phiền nhiễu, tốt đẹp đôi bề chẳng dễ!

Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới là tốt nhất, vì sao? Có khả năng phân thân, đó mới thực sự là đúng. Đừng nói tốt đẹp đôi bề, mà vạn bề đều tốt đẹp. Bất cứ chuyện gì cũng có thể tham dự, phân thân là xong! Một thân có thể biến thành vô lượng thân đến tham dự những chuyện tốt đẹp của hết thầy chúng sanh, bản thân ta vẫn trụ trong thế giới Cực Lạc y như cũ, ở trước mặt A Di Đà Phật, không hề tách rời. Tự hành hóa tha thầy đều thực hiện viên mãn, đó không phải là chuyện lý tưởng mà là sự thật. Nếu quý vị biết sự thật ấy thì quý vị mới thực sự phát nguyện, gấp rút cầu sanh Tịnh Độ hòng mãn nguyện chân thật của chính mình.

“Ma Ha Tát” là đại Bồ Tát, đã chứng địa vị Bồ Tát. “Bồ Tát” là Tam Hiền Bồ Tát. Mười địa vị thuộc Thập Tín đều gộp trong Tam Hiền, ngay cả địa vị tương tự như chúng ta (vẫn chưa thể tính là địa vị Sơ Tín, mới là Tương Tự mà thôi) đều được tính gộp vào đây. Đó là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn trong thế giới Cực Lạc.

8. Khai Thị

Tiếp theo đây, trước phần khai thị của đại sư, chúng ta hãy đọc một bài kệ như sau:

***Thế giới hà duyên xưng Cực Lạc?
Chỉ nhân chúng khổ bất năng xâm,
Đạo nhân nhược yếu tầm quy lộ,
Đản hướng trần trung liễu tự tâm!***

世界何緣稱極樂。
只因眾苦不能侵。
道人若要尋歸路。
但向塵中了自心。

(Tạm dịch:

*Thế giới duyên gì tên Cực Lạc?
Chỉ vì các khổ chẳng hề xâm,
Nếu về nếu muốn tìm cho được,
Hãy đối trần lao tự hiểu tâm).*

Chúng ta biết thiền sư Trung Phong là Pháp Thân Bồ Tát, chứ không phải là kẻ tầm thường, cũng có thể nói Ngài quả thực là bậc minh tâm kiến tánh. Hễ minh tâm kiến tánh thì mức độ thấp nhất sẽ là bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo, đó là mức độ thấp nhất. Ngài là bậc Đồng Sanh Tánh với chư Phật Như Lai, chứ không phải là Dị Sanh Tánh. Cũng có thể nói là trong cuộc sống thường ngày, Ngài dùng bốn trí Bồ Đề, chứ không dùng tám Thức, năm mươi một Tâm Sở. Chúng ta dùng tám Thức, năm mươi một Tâm Sở, còn Ngài dùng bốn trí Bồ Đề. Do đâu biết được điều ấy? Từ lời khai thị này mà biết. Nếu chưa kiến tánh, Ngài chẳng thể nói được những câu như vậy.

Hai câu đầu dễ hiểu, không khó lắm. Vì sao? Đọc kinh Di Đà nhuần nhuyễn rồi, quý vị hiểu ngay. Thế giới kia vì sao gọi là thế giới

Cực Lạc? Trong kinh Di Đà, chẳng phải Thích Ca Mâu Ni Phật đã bảo rất rõ ràng cùng tôn giả Xá Lợi Phất đó ư? “*Bỉ độ hà cố danh vi Cực Lạc? Kỳ quốc chúng sanh, vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc*” (Cõi ấy vì sao tên là Cực Lạc? Chúng sanh cõi ấy không có các sự khổ, chỉ hưởng các điều vui, nên tên là Cực Lạc). Chẳng phải là giải đáp rất rõ ràng hay sao? Vì thế, hai câu đầu trong bài kệ không có vấn đề gì, chúng ta cũng có thể nói được như vậy.

Nhưng hai câu kệ sau chúng ta không thể nói được, nhất là câu cuối cùng. “*Đạo nhân nhược yếu tâm quy lộ*” (đạo nhân nếu muốn tìm đường trở về), “*đạo nhân*” là người tu hành, “*quy lộ*” là đường nào? Là con đường thành Phật. Con đường này không dễ, tìm ở đâu đây? Nay chúng ta nói chúng ta đã tìm ra, chúng ta tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ, chính là con đường thành Phật, không sai, mọi người chúng ta đều có thể nói như thế; nhưng thiền sư Trung Phong không nói như vậy, Ngài bảo: “*Đản hướng trần trung liễu tự tâm*” (Chỉ hướng vào trong trần lao mà liễu ngộ tự tâm), người bình phàm chẳng thể nói như vậy được. Nếu là chúng ta ắt sẽ nói: “*Đạo nhân nhược yếu tâm quy lộ, tín nguyện trì danh cầu vãng sanh*”, nhất định chúng ta sẽ nói như vậy, chúng ta chẳng thể nói “*đản hướng trần trung liễu tự tâm*”.

Người kiến tánh rốt ráo minh tâm kiến tánh, khác với phàm phu thuộc chín pháp giới. “*Trần*” (塵) là trần lao, nay chúng ta gọi là hoàn cảnh sinh hoạt hiện thực, “*liễu*” (了) là minh liễu (hiểu thấu suốt), “*tự tâm*” là tâm tánh của chính mình. Như vậy một câu này có thiền vị rất sâu. Nói cách khác, “*liễu tự tâm*” là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Vị Phật này là “*Phần Chứng Vị Phật*” (Phật thuộc địa vị Phần Chứng), không phải là địa vị tương tự. Bốn thánh pháp giới là địa vị tương tự, Thiên Thai đại sư gọi [các địa vị] đó là “*Tương Tự Tức Phật*”, còn minh tâm kiến tánh là thật, là “*Phần Chứng Tức Phật*”. Trong lục đạo luân hồi mà tu hành giới giang, chưa đoạn được Kiến Tư phiền não, thì gọi là “*Quán Hạnh Tức Phật*”, chưa đoạn phiền não. Đoạn được phiền não, đoạn được Kiến Tư Phiền Não thì gọi là Tương Tự Tức Phật. Đó là Tương Tự Tức Phật của Tứ Thánh Pháp Giới; còn Nhất Chân pháp giới là Phần Chứng Tức Phật. Minh tâm kiến tánh đạt đến Nhất Chân pháp giới, chẳng những vượt thoát lục đạo, mà còn vượt khỏi mười pháp giới. Thiền sư biết rằng: Nhất định phải cầu minh tâm kiến tánh trong cuộc sống thường nhật, nếu nói theo cách thuyết pháp của Bát Nhã thì là “*hiểu thấu Thật Tướng của các pháp*”. Hiểu thấu Thật Tướng của các pháp là minh tâm kiến tánh. Đối với chân tướng của nhân sinh vũ trụ mà

quý vị thông đạt, hiểu thấu, không còn nghi hoặc, thì quý vị đã đạt đến Nhất Chân pháp giới; đó là “*quy lộ*” (đường về).

Như vậy, học Phật theo Đại Thừa Phật pháp, bất luận tông phái nào, bất luận pháp môn nào, mặc kệ phương pháp sai biệt, mặc kệ [những pháp môn ấy] dựa theo những kinh giáo khác nhau, phương hướng, đường lối và mục tiêu vẫn hoàn toàn tương đồng, là gì vậy? Là minh tâm kiến tánh. Thiền cũng thế, Giáo cũng thế, Mật cũng thế, Tịnh cũng thế! Tịnh Độ của chúng ta cũng là minh tâm kiến tánh. Lý nhất tâm bất loạn chính là minh tâm kiến tánh, Giáo Hạ gọi [minh tâm kiến tánh] là đại khai viên giải. Như vậy, với bài kệ mở đầu này, quý vị thấy Ngài đã giải bày hết cả ra, không giấu diếm mảy may, đem kinh nghiệm tu hành chứng quả của chính mình phô bày trọn vẹn.

Hai câu kệ đầu khuyên chúng ta tu Tịnh Độ, thế giới ấy không có các sự khổ. Không có các sự khổ chính là cực lạc (rất vui). Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, đức Phật dạy chúng ta: “*Bồ Tát hữu nhất pháp, năng ly Nhị Thừa thế gian khổ*” (Bồ Tát có một pháp có thể lìa được hết thảy nỗi khổ thế gian). Pháp ấy là “*thường niệm thiện pháp, tư duy thiện pháp, quán sát thiện pháp*”. Trong hoàn cảnh hiện tại của chúng ta, muốn thực sự đạt được tâm lành, tư tưởng lành, quán hạnh lành chẳng phải là chuyện dễ, khó lắm! Thế nhưng nếu quý vị thực sự phát tâm tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, vĩnh viễn thoát khỏi hết thảy các khổ, so với tu mười thiện đạo dễ hơn nhiều. Tu viên mãn mười thiện nghiệp đạo bèn thành Phật, trong những buổi giảng chúng tôi đã nhiều lần giảng căn kẽ. Lại xem đoạn văn kế tiếp đó:

Tâm tâm tức Phật.

心心即佛。

(Chân tâm và vọng tâm đều là Phật).

Câu này là thuyết pháp, hai câu sau đó tỷ dụ:

Đề hồ, tô, lạc, hàm tự nhũ sanh.

醍醐酥酪。咸自乳生。

(Đề hồ, tô, lạc đều sanh từ sữa)

Đề hồ, tô, lạc đều là những chế phẩm từ sữa. Nay chúng ta nói những chế phẩm của sữa đều tinh luyện từ sữa, càng luyện càng thù

thắng. Như vậy, từ sữa luyện thành Lạc, từ Lạc luyện thành Tô, Tô lại luyện kỹ hơn thành Đề Hồ. Đề Hồ là chế phẩm tinh hoa của sữa, vị nó ngon lành nhất. Nhà Phật thường dùng Đề Hồ để tỷ dụ Phật, Bồ Tát, hoặc tỷ dụ cảnh giới thù thắng nhất. Đề Hồ thực sự ra chính là gì vậy? Hiện tại có hay không? Có chứ! Rất bình thường, nó là thực phẩm ngon nhất trong cuộc sống thường ngày.

Lúc chúng tôi mới học Phật, lão hòa thượng Đạo Nguyên có lần theo phái đoàn sang Ấn Độ triều bái thánh địa, qua Ấn Độ ngắm cảnh, du lịch, thăm viếng. Do Ngài là pháp sư giảng kinh, kinh thường nhắc đến Đề Hồ, nhắc đến Am Ma La quả, Ngài đều không thể giảng rõ Đề Hồ là gì? Quả Am Ma La là quả gì? Đến Ấn Độ, Ngài đặc biệt tìm người Ấn Độ hỏi: “Hãy đem Đề Hồ cho tôi coi, đem trái Am Ma La cho tôi xem”. Người ta đem trái Am Ma La đến, hóa ra là trái Ba Lạc (trái xoài). Ngài vừa thấy bèn cười, Đài Loan cũng có, rất nhiều nữa cơ! Đề Hồ là gì? Họ đem lại, nó vốn cũng rất bình thường, đều là thứ mình thường ăn. Hiện tại gọi là phó-mát²⁵ (fromage, cheese), người ngoại quốc gọi là “phó-mát”, kinh Phật gọi là Đề Hồ. Đến lúc đó, Ngài mới hiểu rõ, sau này giảng kinh thường kể cho chúng tôi nghe. Trước kia vì sao không có cách nào phiên dịch được? Vì Trung Quốc không có, Trung Quốc không có loại thực phẩm ấy. Do đây biết rằng, ba ngàn năm trước Ấn Độ đã chế luyện được một loại thức ăn ngon như thế.

“*Tâm tâm tức Phật*”, vì sao Ngài dùng đến hai chữ Tâm? Một chữ Tâm không được hay sao mà phải dùng đến hai chữ Tâm? Dùng hai chữ nhất định phải có hai ý nghĩa, nhưng ý nghĩa gì vậy? Chúng tôi hiểu là chân tâm và vọng tâm. Quả thật chân tâm là Phật, mà vọng tâm cũng là Phật. Có như vậy đức Phật mới nói hết thấy chúng sanh đều là vị lai Phật. Hết thấy chúng sanh hiện đang dùng vọng tâm, vọng tâm do đâu mà có? Vọng tâm vẫn là chân tâm bị mê, chân tâm khi bị mê thì gọi là vọng tâm. Như vậy, cái Thể của vọng tâm là chân tâm. Lìa khỏi chân thì vọng do đâu mà có? Chân và vọng không hai, chân và vọng là một. Do vậy, tỷ dụ này rất hay, dùng Đề Hồ tỷ dụ chân tâm; lấy Tô và Lạc ví với vọng tâm. Tất cả những thứ này đều do sữa chế luyện thành, không thứ gì rời khỏi sữa, đều là chế phẩm của sữa. Chân và vọng bất nhị.

²⁵ Trong nguyên văn, hòa thượng nói Đề Hồ là Sa Lạp (沙拉), Sa Lạp là cách người Hoa phiên âm chữ Salad. Chúng tôi đoán Hòa Thượng nói đến các loại sốt (dressing) để ăn salad thường chế từ cheese. Hơn nữa, theo các sách vở khác, Đề Hồ chính là cheese nên chúng tôi vẫn dịch theo cách này thay vì ghi đúng như nguyên văn lời Hòa Thượng nói.

Nếu từ chỗ này, quý vị thực sự giác ngộ toàn thể vũ trụ là một, không hai, thì quý vị thực sự khai ngộ. Chân - vọng bất nhị, mê - ngộ bất nhị, thánh - phàm bất nhị, sanh - tử bất nhị, phiền não - Bồ Đề bất nhị, đó là nhất tâm! Nhất tâm bất loạn. Là cảnh giới nào? Là cảnh giới Nhất Chân pháp giới. Ở nơi đâu? Ngay trong hiện tiền. Nếu quý vị không nhập Bất Nhị, sẽ không thấy được. Nói cách khác, quý vị không đắc nhất tâm sẽ không thấy Nhất Chân, vẫn thuộc trong vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là mê không giác. Lời khai thị của đại sư “mở cửa thấy núi”, ngay câu đầu tiên đã hiển thị chân tướng vũ trụ nhân sinh cho quý vị thấy. Vấn đề là quý vị có hiểu hay không, hiểu được hay không vậy? Câu thứ hai nhắc lại ý nghĩa này:

Phật Phật duy tâm.

佛佛惟心。

Ở trên là “*tâm tâm tức Phật*”, còn ở đây là “*Phật Phật duy tâm*”, nói đến hai chữ Phật. Hai chữ Phật cũng có ý nghĩa, có thể hiểu là hết thấy chư Phật, hoặc kim Phật (Phật hiện tại) và cổ Phật (Phật quá khứ). Hai chữ “*Phật Phật*” tượng trưng cho mười phương ba đời hết thấy chư Phật. Phật là gì? Phật chính là tâm, tâm chính là Phật. Tâm này là chân tâm, ai chẳng có chân tâm? Ai nấy đều có chân tâm, chân tâm ở đâu? Chân tâm ở ngay trước mặt, từ trước đến nay quý vị chưa hề rời khỏi chân tâm. Không riêng gì quý vị có chân tâm, mà hết thấy hữu tình chúng sanh, nay chúng ta gọi là động vật, tất cả động vật đều có chân tâm. Không riêng gì động vật có chân tâm, mà thực vật, khoáng vật, cho đến hư không [đều có chân tâm]. Vì sao? Chân tâm là bản thể của hết thấy các pháp, Thể là chân tâm.

Kinh Hoa Nghiêm nói: “*Pháp Tánh biến tại nhất thiết xứ*” (Pháp Tánh trọn khắp hết thấy các nơi); hết thấy các nơi bao gồm cả hư không. Rời khỏi Pháp Tánh thì hư không từ đâu mà có? Hư không do Pháp Tánh biến hiện ra, hư không thuộc về Tướng Phần. Các nhà khoa học cận đại đã dần dần hiểu rõ chân tướng sự thật, họ nói không gian và thời gian chẳng thật. Dưới một điều kiện nào đó, không gian và thời gian bằng zero, không còn nữa! Không có thời gian, không có không gian, không gian cũng là từ “*vô trung sanh hữu*” biến hiện ra. Đây chẳng phải là có cùng một ý nghĩa với những điều đã nói trong kinh Hoa Nghiêm hay sao? “*Pháp Tánh biến tại nhất thiết xứ, nhất thiết chúng sanh cập quốc độ, tam thế tất tại vô hữu dư*” (Pháp Tánh trọn khắp hết thấy nơi,

hết thấy chúng sanh và cõi nước, ba đời đều bao gồm trong ấy chẳng còn sót), hết thấy chúng sanh và cõi nước là không gian, ba đời là thời gian, “*diệc vô hình tướng nhi khả đắc*” (cũng không có hình tướng để có thể đạt được). Đây chính là như kinh Bát Nhã đã giảng: Hết thấy các pháp (kể cả hư không), chân tướng của chúng là gì? Chân tướng là vô sở hữu, là rốt ráo không, là bất khả đắc. Nói ra chân tướng sự thật như vậy. “*Phật Phật duy tâm*” là câu thuyết pháp, hai câu tiếp đó là tỷ dụ:

Thoa, xuyên, bình, bàn, tận tùng kim xuất.

釵釧瓶盤。盡從金出。

(Thoa, xuyên, bình, mâm đều chế từ vàng).

Dùng Vàng để ví cho tự tánh, lấy những món bằng vàng [để tỷ dụ]: Thoa làm bằng vàng, Xuyên (vòng đeo tay) cũng làm bằng vàng, bình và mâm là những vật dụng trong cuộc sống thường ngày, đều do hoàng kim chế ra. Dù các đồ vật khác nhau, cách sử dụng cũng sai khác, nhưng thể tánh của chúng là một, không hai. Kim Phật và cổ Phật chẳng rời tự tánh. Hai câu này giảng về quan hệ, tánh chất của Tánh và Tướng rất rõ ràng, minh bạch. Nếu hoàn toàn thông đạt hai câu này thì chính là Pháp Thân Bồ Tát, quý vị sống trong thế gian này, tư tưởng, kiến giải, ngôn hạnh, sinh hoạt, xử sự, đãi người, tiếp vật chắc chắn khác với mọi phàm nhân, vì sao? Quý vị đang sống như Phật, Bồ Tát, đang hành Bồ Tát đạo, quả thật đã nêu tấm gương tốt nhất cho hết thấy chúng sanh: Cuộc sống của bậc giác ngộ, hành vi của bậc giác ngộ. Đây là đoạn thứ nhất của lời khai thị, nêu lên tổng nguyên tắc và tổng cương lĩnh. Hãy xem tiếp đoạn dưới, Ngài dạy chúng ta như thế nào:

Thập vạn ức trình, Đông Tây bất cách.

十萬億程。東西不隔。

(Đường xa mười ức cõi Phật, Đông Tây há đâu xa cách)

“*Thập vạn ức trình*” do chính kinh Di Đà nói ra. Ở phương Tây của thế giới Sa Bà, qua khỏi mười vạn ức cõi Phật có một thế giới là thế giới Cực Lạc của A Di Đà Phật. “*Thập vạn ức trình*” là nói về khoảng cách, tức mười vạn ức cõi Phật. Mỗi một cõi Phật là một tam thiên đại thiên thế giới. Quý vị nghĩ xem cái khoảng cách mười vạn ức tam thiên đại thiên thế giới to lớn lắm! Một câu “*Đông Tây bất cách*” đã nói lên điều gì? Không có khoảng cách về mặt không gian, xa - gần bất nhị,

trong khoảng khảy ngón tay, trong một sát-na bèn đến được.

Nhị lục thời nội.

二六時內。

(Trong mười hai thời).

Đây là nói về thời gian. Nói “mười hai thời” là theo cách nói của người Hoa, người Ấn Độ chỉ nói “đêm ngày sáu thời”, người Hoa nói mười hai thời. “Nhị lục” tức là mười hai “thời thân”. Thời xưa người Hoa tính giờ giấc bằng Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Đó là mười hai thời thân. Dùng cách tính thời gian này cho mãi đến cuối đời Thanh, lúc Dân Quốc thành lập mới không sử dụng nữa, mà dùng theo cách tính hai mươi bốn giờ của Tây phương, cho nên [mỗi một giờ trong hai mươi bốn giờ] gọi là “tiểu thời”. Vì sao gọi là “tiểu thời”? Vì nhỏ hơn cách tính giờ [theo lối “thời thân”] của người Hoa. Một giờ của Trung Quốc [theo lối cổ] bằng hai giờ hiện thời, cho nên gọi là “nhị tiểu thời”. Nguồn gốc của chữ “tiểu thời” là như vậy. Giờ Ấn Độ so với giờ Trung Quốc còn lớn hơn nữa, một giờ Ấn Độ bằng hai giờ Trung Quốc, nói theo giờ giấc hiện thời là bốn tiếng đồng hồ. Vì thế, trong kinh thường nói “nhị thời giảng kinh” thì có nghĩa là bằng với tám tiếng đồng hồ hiện thời.

Qua kinh điển, chúng ta biết lúc Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, Tăng đoàn mỗi ngày học tập tám tiếng đồng hồ. Hết sức quan trọng, đây là thị hiện cho chúng ta thấy. Vì sao ngày nay chúng ta công phu không đắc lực? Không đắc lực cũng không bận lòng, cứ ngày ngày khởi vọng tưởng, niệm niệm đều tạo nghiệp, thật là đáng sợ! Làm thế nào để xa lìa vọng tưởng, không còn tạo nghiệp nữa? Đức Phật thị hiện cho chúng ta thấy chỉ có một phương pháp, lên lớp. Giảng kinh, nghe kinh, lên lớp mỗi ngày tám tiếng đồng hồ, hằng ngày không gián đoạn. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện như vậy suốt bốn mươi chín năm, mỗi ngày lên lớp tám tiếng. Như vậy mới lìa vọng tưởng. Xa lìa vọng tưởng thì thân khẩu chẳng tạo nghiệp, có thể khôi phục bình thường. Hành vi sinh hoạt bình thường, đúng mức thì là Phật, Bồ Tát, đó gọi là học Phật chân chánh, thực sự được thọ dụng nơi Phật pháp, chúng ta phải hiểu rõ!

Như vậy, không đọc kinh, không nghe kinh, há có được chăng? Phật giáo ngày nay suy đồi là vì tứ chúng tại gia và xuất gia không nghe kinh, không chịu học tập. Hễ không nghe kinh, không học tập, nhất định quý vị sẽ tùy thuận tập khí phiền não của chính mình. Tùy thuận tập khí

phiền não của chính mình thì sinh hoạt cũng vậy, làm việc cũng vậy, đãi người, tiếp vật cũng vậy, không gì là chẳng tạo nghiệp. Đúng là như kinh Địa Tạng đã dạy: “*Diêm Phù Đề chúng sanh, khởi tâm động niệm, vô phi thị nghiệp*” (Chúng sanh trong Diêm Phù Đề khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là nghiệp). Đáng sợ quá! Nghĩ mình tạo nghiệp nhất định có quả báo, chẳng thể nói tạo nghiệp rồi thôi. Ở những phần trên, chúng tôi đã giảng rất rõ ràng, Hoặc - Nghiệp - Khổ. Trong ba chương, Phiền Não Chương, Nghiệp Chương, Báo Chương thì Báo là khổ báo trong tam đồ, quý vị có biết hay chẳng?

Thưa cùng quý vị! Quý vị nghe như vậy dường như cảm động, nhưng thời gian cảm động ngắn ngủi lắm. Độ mấy giây thôi, lại y chang như cũ, phiền não tập khí lại hiện hành. Vì nguyên nhân gì vậy? Là vì sức lực của phiền não tập khí quá lớn mạnh, năng lực tu học Phật pháp của chúng ta quá mỏng yếu, chống cự không nổi! Chống cự không nổi thì làm cách nào? Đức Phật dạy chúng ta: Thâm nhập một môn, trường thời huân tu. Nếu quý vị làm được, hiểu được câu ấy thì không chế phiền não tập khí của chính mình có mất nhiều thời gian hay chẳng? Thường là từ ba năm đến năm năm, tiêu chuẩn thời cổ là từ ba năm đến năm năm. Hiện tại thì ba năm, năm năm không đủ, vì sao? Phiền não tập khí bên trong quá nặng, sức dẫn dụ bên ngoài quá mạnh. Vì thế, hiện tại chúng ta sống trong thế giới này, hằng ngày đọc kinh, hằng ngày nghe kinh, hằng ngày giảng kinh, từ ba mươi năm đến năm mươi năm, đó là kinh nghiệm của tôi. Tôi học Phật đến nay là năm mươi hai năm rồi, tôi mới có thể không chế được, tôi mới chẳng bị xã hội dụ hoặc. Ngày ngày phải hành, không hành không được!

Nói cách khác, trong thời đại này, không những là thiện căn, phước đức, nhân duyên trong đời quá khứ phải sâu dày, nếu quý vị muốn thành tựu thì điều kiện đầu tiên là thọ mạng! Nếu quý vị không có thọ mạng dài lâu như thế, công phu tu hành còn chưa đủ, thọ mạng đã hết rồi! Thọ mạng hết bèn luân hồi, hễ luân hồi thì sẽ mê khi cách âm. Dầu tu hành khá lắm, đời sau lại được làm thân người thì đã quên sạch sành sanh những gì ta tu trong đời trước, phải làm lại hết thảy từ đầu, rất đáng sợ! Bắt đầu lại từ đầu, chẳng đảm bảo không bị dụ dỗ, mê hoặc. Nhưng trong xã hội này, từ lịch sử chúng ta thấy diễn biến ô nhiễm ngày càng nghiêm trọng, thói đời ngày càng tệ, đời sau kém hẳn đời trước. Do vậy, biện pháp đáng tin cậy nhất là trong một đời này nhất định sanh về Tịnh Độ, quyết định chẳng luân hồi nữa. Hai câu nói trên của đại sư dạy chúng ta việc ấy.

Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem đoạn văn tiếp theo:

Thập vạn ức trình, Đông Tây bất cách, nhị lục thời nội, phàm thánh đồng đồ.

十萬億程。東西不隔。二六時內。凡聖同途。

(Đường xa mười vạn ức, Đông Tây chẳng cách ngăn. Trong mười hai thời, phàm thánh cùng là một đường).

“Thập vạn ức trình” là xa - gần bất nhị. “Nhị lục thời nội” là nói về thời gian, quá khứ - vị lai bất nhị. “Phàm Thánh đồng đồ” thuyết minh cảnh giới Nhất Chân, nhất tâm có thể chứng, có thể hiện, có thể biến, có thể chứng. Nói chung, chẳng lìa nhất tâm bất loạn. Nhất tâm rất quan trọng. Đoạn văn tiếp theo là:

Đê đầu hiệp chưởng bạch ngọc hào, tinh minh nhật lệ.

低頭合掌白玉毫。星明日麗。

(Cúi đầu chấp tay trước tướng bạch ngọc hào, sao sáng ngời, mặt trời rạng rỡ).

Câu này thể hiện sự lễ kính. Nguyên thứ nhất trong mười đại nguyện vương Phổ Hiền Bồ Tát là “lễ kính chư Phật”. Nguyên thứ hai là “xưng tán Như Lai”. Trong câu “đê đầu hiệp chưởng bạch ngọc hào” thì Bạch Ngọc Hào là một trong ba mươi hai tướng của Như Lai, tức là tướng Bạch Hào giữa hai chân mày. Chữ “bạch ngọc hào” chỉ cho tướng ấy. Chúng ta đọc kinh điển thấy kinh nói đến và ghi chép tướng ấy rất nhiều, tướng Bạch Hào của Phật phóng quang, trong quang minh hóa Phật phổ độ chúng sanh, nhằm biểu thị lễ kính, dạy chúng ta phải thường giữ lòng lễ kính. Đối với hết thấy chúng sanh, hết thấy người, hết thấy sự, hết thấy vật phải thường biết lễ kính. Trong “lễ kính chư Phật” thì chư Phật bao gồm cả hữu tình lẫn vô tình như kinh Hoa Nghiêm đã nói. Vì sao? Vô tình có Pháp Tánh, hữu tình có Phật Tánh. Phần trên đã nói “tâm tâm tức Phật” và “Phật Phật duy tâm”. “Phật Phật” bao gồm ba

đời hết thầy chư Phật, bao gồm hữu tình lẫn vô tình. Như vậy chẳng thể rời bỏ cái tâm lễ kính dầu chỉ khoảnh khắc.

“*Tinh minh nhật lệ*” là Thiền cơ, phải hiểu như thế nào? Là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước! Nói “*tinh minh nhật lệ*” để sánh ví với nhất tâm. Có nhất tâm thì mới thực sự chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác lễ kính, trong ấy chắc chắn chẳng vọng tưởng, chấp trước, chấp trước, không khởi tâm động niệm, không có vọng tưởng, chấp trước. Câu tiếp theo là tán thán:

Ca vịnh tán dương tử kim dung.

歌詠讚揚紫金容。

(Ca ngâm khen ngợi dung nhan vàng ròng).

Từ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta đọc thấy thân tướng Phật là “*tử ma chân kim sắc*” (màu vàng ròng rực tía được giới mài sáng bóng). Trong phần lễ kính ở trên chỉ nhắc đến tướng Bạch Hào phóng quang trong ba mươi hai tướng, còn ở đây xưng tán toàn thân Phật. “*Ca vịnh tán thán*”: Ở đây chúng ta dùng phạm bá, kệ tán [để tán tụng].

Đình chấn lôi oanh.

霆震雷轟。

(Sét động, sấm rền).

Tán thán ắt có âm thanh, lễ kính không có âm thanh. Tán thán có âm thanh thì âm thanh ấy như chúng ta thường nói là “rền vang thấu trời thăm”, nên dùng chữ “*đình chấn lôi oanh*” để hình dung. “*Đình chấn*” là sấm nổ thành linh, ngàn ngữ có câu: “*Tán lôi bất cập yểm nhĩ*” (sấm nổ chẳng kịp bưng tai). Vì sao? Vì khoảng cách quá gần. Vừa thấy chớp lòa thì ngay lập tức đã có âm thanh, khoảng cách quá gần, âm thanh vô cùng vang động, nổ ra không kịp bịt tai. Bốn chữ “*đình chấn lôi oanh*” dùng để hình dung điều này. Chúng ta thường nói âm thanh tán thán ca vịnh vang rền thấu trời thăm cũng nhằm ngụ ý gần giống như vậy. Tán Phật mà! Quý vị phải biết: Tán Phật là khen ngợi tánh đức. Do vì hết thầy chẳng rời tự tánh, tự tánh Như Như Phật. Tán A Di Đà Phật là tán thán tự tánh Di Đà.

Các vị đồng học tu học Phật, vì sao đã lâu mà quý vị chẳng nhập cảnh giới, chẳng được hưởng lợi ích chân thật từ Phật pháp? Chớ nói chi nhiều, lợi ích tí tẹo quý vị cũng không đạt được, nguyên nhân là do đâu?

Nguyên nhân là do không buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống được! Phân chia mình - người! Nói cách khác, quý vị thường rơi vào hai ba, không quy nhất. Lúc nào quý vị có thể quy nhất thì sẽ hưởng lợi ích chân thật nơi Phật pháp.

Quy nhất? Nhất là gì? Nhất tâm bất loạn đấy! Bất luận tu pháp môn nào, chúng tôi thường nói: Phương tiện không giống nhau, phương pháp khác nhau, nhưng tu cái gì? Điều là tu nhất tâm. Trong Thiền tông gọi nhất tâm là minh tâm kiến tánh, trong Giáo Hạ gọi nó là đại khai viên giải, trong Tịnh Độ tông của chúng ta gọi nó là nhất tâm bất loạn. Như vậy thì mới thực sự thọ dụng được. Nhà Thiền nói đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh rồi mới thọ dụng. Lúc chưa ngộ, quý vị là phàm phu, không sống trong cảnh giới Phật, ngộ rồi bèn khác hẳn. Quý vị phải biết chúng ta niệm Phật quyết định phải nhắm đến mục tiêu gì? Quyết định phải nhất tâm bất loạn.

Muốn đạt được nhất tâm bất loạn mà không thể buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống thì nhất tâm bất loạn sẽ vĩnh viễn bị chướng ngại. Nói cách khác, nhất tâm bất loạn là điều mà tự tánh vốn sẵn có, tự tánh vốn sẵn nhất tâm bất loạn. Quý vị mê mất nhất tâm, mê mất tự tánh, nên sáu căn mới khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đối với cảnh duyên sáu trần, quên mất nhất tâm bất loạn sẵn có, mê mất rồi! Đây là chân tướng sự thật. Đại sư đau lòng rất miêng chỉ dạy chúng ta, không có gì khác cả, Ngài bảo chúng ta hãy quay đầu, bảo chúng ta hãy buông phân biệt, chấp trước xuống, quay về nhất tâm. Lại xem đoạn văn tiếp theo:

Thanh lương nguyệt hê hữu thủy giai hàm.

清涼月兮有水皆含。

(Mặt trăng trong mát, hễ chỗ nào có nước đều hiện bóng).

“*Thanh lương nguyệt*” tỷ dụ Phật Tánh. Người đời thường nói “*thiên giang hữu thủy thiên giang nguyệt*” (nước ngàn con sông hiện bóng ngàn mặt trăng). Ở đây đại sư dùng mặt trăng trong mát để sánh ví Phật Tánh, dùng bóng trăng hiện trong nước để ví cái được hiện, cái được biến. Các pháp được sanh ra chỉ là do tâm hiện. Cái có thể hiện (năng hiện) là vàng trắng trên không, vàng trắng ấy là thật, vì thật nên được ví với Phật tánh. Bóng trăng in trong nước là cái được hiện (sở hiện), cái được biến (sở biến), ví như pháp tướng. Trong pháp tướng có tánh, chẳng rời khỏi chân tánh, không có chân tánh thì há có pháp tướng

ư? Căn nguyên của pháp tướng là tự tánh, câu này khiến cho chúng ta liễu giải chân tướng sự thật.

Công đức vân nhi vô sơn bất đới.

功德雲而無山不戴。

(Mây công đức không núi nào chẳng phủ).

Tự tánh vốn sẵn đủ công đức, công đức chẳng đến từ bên ngoài. Điều này tỷ dụ Pháp Tánh. Phật Tánh và Pháp Tánh là cùng một tánh. Núi cao có mây mù, mây mù từ hang núi bốc lên, dần dần bay lên cao thì gọi là mây, lúc còn ở trên mặt đất thì gọi là “vụ khí” (sương mù). Ở thành phố nhỏ Đồ Văn Ba (Toowoomba) chúng ta thường thấy chuyện này. Chúng ta lái xe trên đường thường thấy sương mù rất dày. Lúc sương mù quá dày, chúng ta chỉ thấy được rất gần, nên phải lái xe rất chậm. Có lúc chúng tôi thấy sương mù phủ kín mặt đất, trông như nhà cửa, cây cối đang ở trong mây vậy. Cảnh tượng ấy những kẻ ở trong núi như chúng tôi thường thấy.

Kinh Phật dùng “mây” để tỷ dụ rất nhiều thứ. Mây biểu thị điều gì? Chẳng phải có, chẳng phải không. Nhìn từ xa thấy mây có từng đám một, [dường như] là có; nhìn gần bèn chẳng thấy gì. Điều này cho thấy tất cả hết thấy vạn sự vạn vật trong vũ trụ như mộng, huyễn, bọt, bóng. Mộng, huyễn, bọt, bóng giống như mây, chẳng thể nói là không có, nhưng cũng chẳng thể nói là có. Tướng có, thể không, sự có, lý không, đều thuyết minh chân tướng của vạn vật trong vũ trụ; nhờ vậy quý vị mới thấy thấu suốt thế gian. Chẳng những thấy thấu suốt thế gian, mà còn thấy thấu suốt xuất thế gian. Lại xem tiếp đoạn kế tiếp của phần khai thị.

Hương tượng độ hà, nhất cử hồng danh siêu nhị tử.

香象渡河。一舉洪名超二死。

(Hương tượng vượt sông, vừa niệm hồng danh bèn thoát khỏi Phần Đoạn Sanh Tử và Biến Dịch Sanh Tử).

“Hương tượng”²⁶ tỷ dụ người tu hành. “Độ hà” (vượt sông), sông tượng trưng cho bờ bên này và bờ bên kia. Bờ bên này là thế giới Sa Bà,

²⁶ Hương Tượng (Gandhahastin): Theo luận Đại Tỳ Bà Sa, hương tượng là con voi đực trong thời kỳ động dục, nách nó tỏa mùi thơm hăng nồng nên gọi là “hương

bờ kia là thế giới Cực Lạc. Người niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới rất giống với Hương Tượng, thật khó có! Trong một đời này, người ấy quả thật giác ngộ triệt để, không có năng lực đoạn phiền não, nhưng người ấy biết cầu sanh Tịnh Độ, biết thân cận Di Đà, biết tu bằng phương pháp tín nguyện trì danh

“*Nhất cử hồng danh*”, [nhờ niệm] sáu chữ hồng danh Nam-mô A Di Đà Phật bèn vượt thoát “*nhị tử*”. Nhị tử là gì? Chính là Phàm Đoạn Sanh Tử trong lục đạo và Biến Dịch Sanh Tử trong bốn thánh pháp giới. Chẳng những vượt khỏi lục đạo, mà còn vượt thoát mười pháp giới. “*Nhất cử hồng danh*”: “Cử” (舉) có ý nghĩa giống như Xưng; Cử, Xưng (稱), Dương (揚) có cùng một ý nghĩa. Một tiếng Nam-mô A Di Đà Phật bèn vượt thoát lục đạo tam giới, vượt thoát mười pháp giới, công đức chẳng thể nghĩ bàn. Tín nguyện trì danh là Công, vượt thoát mười pháp giới vãng sanh Tịnh Độ là Đức.

Thiền sư Trung Phong thị hiện làm bậc đại đức đại triệt đại ngộ trong nhà Thiền, nhưng chỗ Ngài quy túc là niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ. Người như vậy niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ, chúng ta biết rõ sẽ sanh vào cõi nào trong Tây Phương Cực Lạc thế giới? Thật Bảo Trang Nghiêm Độ, chứ không thuộc Đồng Cư Độ, mà cũng chẳng thuộc vào cõi Hữu Dư. Thế nhưng Tây Phương thế giới rất thù thắng, chúng ta vô cùng tin tưởng, chúng ta đời nghiệp vãng sanh đâu chưa đoạn một phẩm phiền não nào, đương nhiên sanh vào Phàm Thánh Đồng Cư Độ; sanh vào Phàm Thánh Đồng Cư Độ có gặp được Trung Phong quốc sư hay chăng? Được chứ! Chắc chắn không thành vấn đề! Vì sao? Vì Tây Phương Cực Lạc thế giới bốn cõi cùng ở một chỗ, sanh về một là sanh về hết thấy. Chẳng những gặp Trung Phong quốc sư mà còn gặp được ngài Vĩnh Minh Diên Thọ, gặp Trí Giả đại sư, gặp được Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Di Lặc Bồ Tát, đó là những vị Đẳng Giác Bồ Tát. Thấy được mười phương tam thế hết thấy chư Phật Như Lai, đúng là “sanh về một là sanh về hết thấy”. Thấy A Di Đà Phật là thấy hết thấy chư Phật, Bồ Tát. Chẳng thể nghĩ bàn!

Ca Lăng xuất xác, thiên xưng gia hiệu áp quần âm.

tượng”; sức nó mạnh bằng mười con voi thường. Trong kinh Niết Bàn có từ ngữ “*hương tượng độ hà*”: Thỏ, ngựa, hương tượng cùng vượt sông. Thỏ qua sông thì nổi, ngựa qua sông ngập nửa thân, còn hương tượng chân đạp đến tận đáy sông. Kinh luận dùng hình ảnh này để tỷ dụ sự chứng đắc sâu hay cạn khi nghe giáo pháp.

迦陵出殼。千稱嘉號壓群音。

(Chim Ca Lăng ra khỏi vỏ trứng, niệm danh hiệu tốt lành ngàn lần vượt trội các âm thanh khác).

Ca Lăng chính là chim Ca Lăng Tần Già tại Tây Phương Cực Lạc thế giới như đức Thế Tôn đã nói trong kinh Di Đà. Máy loài chim ấy ở thế giới này đều có, nên đức Thế Tôn nêu tượng trưng máy loại. Đức Phật bảo chúng ta: Chim Cộng Mạng, Ca Lăng Tần Già ở Tuyết Sơn cũng có. Tuyết Sơn chính là núi Hỷ Mã Lạp Nhã (Himalaya). Chúng ta biết đức Phật giáng sanh tại nước Ca Tỳ La Vệ. Nước Ca Tỳ La Vệ (Kapilavatsu) nay là Nê Bạc Nhĩ (Nepal), ở phía Nam núi Hỷ Mã Lạp Nhã, không xa núi này cho lắm. Vì thế, những người sống nơi đó đều biết loài chim này tiếng hót hết sức thanh tao. Chim là loài noãn sanh (sanh bằng trứng). Loài chim này lúc chưa nở, còn ở trong trứng đã cất tiếng hót, âm thanh rất vi diệu. Đương nhiên, khi nó đã phá vỡ vỏ trứng, cất tiếng hót thì âm thanh của mọi loài chim khác đều chẳng thể sánh bằng. Do vậy mới bảo là “*thiên xưng gia hiệu*”. “*Gia hiệu*” chính là xưng A Di Đà Phật, cũng tức là lục tự hồng danh. “*Áp quần âm*” nghĩa là khắp pháp giới hư không giới, âm thanh màu nhiệm (tức âm thanh cực kỳ vi diệu) chính là Nam Mô A Di Đà Phật, âm thanh ấy là diệu âm.

Nay có người tranh luận, rốt cuộc chúng ta phải niệm là Omituofuo hay là niệm Amitufofo?²⁷ Chúng tôi gặp rất nhiều người, mỗi một địa phương Trung Quốc đều có phương ngôn. Đứng là sáu chữ ấy, về mặt chữ viết thì thống nhất, nhưng mỗi địa phương đọc một kiểu khác nhau. Lấy cách nào làm tiêu chuẩn? Luận theo Phật pháp, tiêu chuẩn thực sự là thành tâm, tâm chân thành chính là tiêu chuẩn. Tâm chân thành cảm thì Phật bèn ứng. Như vậy, bất luận là phương ngôn nào, cốt sao trong tâm quý vị niệm câu Phật hiệu này, tâm niệm Phật của quý vị tương ứng với A Di Đà Phật thì âm thanh ấy chính là diệu âm.

Chúng ta thấy chuyện này hiện nay đã được các nhà khoa học chứng minh. Từ chuyện nước kết tinh chúng ta thấy họ dùng máy loại văn tự khác nhau để viết chữ Ái (yêu), viết chữ Ái bằng tiếng Hán, bằng tiếng Anh, bằng tiếng Đức, viết bằng máy loại văn tự, đưa cho nước xem. Đựng nước trong cái bình pha lê nhỏ, lấy chữ đã viết dán trên bình.

²⁷ Đây chỉ là chuyện quan tâm của người Hoa, người Việt chúng ta luôn đọc là A. Điều này cũng giống như hiện thời người Việt đang tranh luận phải đọc A Di Đà là A Mi Đà, thậm chí bất kính khi cho rằng các vị tổ sư, đại đức dịch kinh từ trước đến nay đã “đọc ngọng” chữ Mi thành Di!

Một tiếng đồng hồ sau, quan sát nước kết tinh đều thấy hết sức xinh đẹp. Dùng ý tương phản (họ cũng làm thí nghiệm), chúng tôi thấy họ viết chữ “hỗn đản”²⁸, cũng viết bằng rất nhiều thứ tiếng khác nhau. Một tiếng đồng hồ sau, nhìn vào sự kết tinh của nước thấy xuất hiện những kết tinh hết sức xấu xí.

Do đây biết rằng: Bất luận dùng văn tự nào; nói cách khác, lúc nghe, không cần biết là phương ngôn nào, chỉ cần quý vị biểu lộ lòng yêu thương thực sự thì nước phản ứng bằng cách kết tinh đẹp đẽ. Điều này cho thấy nước có Pháp Tánh, bản năng của tánh là có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết. Vì vậy, ngôn ngữ hay phù hiệu khác nhau không quan trọng, ý nghĩa tương đồng [mới quan trọng]. Đúng là như trong Tứ Y Pháp, đức Thế Tôn đã dạy chúng ta: “*Y nghĩa, bất y ngữ*” (nuông vào ý nghĩa, đừng dựa vào lời nói). Chúng ta cũng có thể nói là “*y nghĩa, bất y văn tự*”, mọi thứ văn tự không có ảnh hưởng gì, dùng văn tự của quốc gia nào cũng không quan trọng, cốt sao ý nghĩa tương đồng thì Pháp Tánh nhất định phản ứng giống nhau.

Thí nghiệm trên đây đã chứng tỏ “*nhất cử hồng danh siêu nhị tử*”, “*thiên xưng gia hiệu áp quần âm*” đã được khoa học chứng minh. Quan trọng nhất là thành ý, bởi thế, không nhất định phải niệm là A hay O, không quan tâm đến điều đó, không cần phân biệt, chấp trước. Hễ phân biệt bèn chấp trước, mức độ thành ý bị kém hẳn đi. Không phân biệt sẽ không chấp trước, thành ý của quý vị bèn viên mãn. Phải hiểu đạo lý này. Câu tiếp theo:

Hạ tình duy thôn dĩ nan tư, nhất niệm hồi quang nhi dị vãng.

下情唯付以難思。一念回光而易往。

(Dùng tình thức để suy nghĩ sẽ khó hiểu thấu, một niệm hồi quang ắt dễ về).

Hai câu này ý nói niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là đạo dễ hành. Trong tám vạn bốn ngàn pháp môn, trong vô lượng pháp môn, pháp này dễ dàng nhất. Dù phương pháp dễ dàng, nhưng lý rất sâu. Trong kinh đức Phật bảo đạo lý y cứ của pháp môn này “*duy Phật dữ Phật phương năng cứu cánh*” (chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo). Chỉ

²⁸ Chữ “hỗn đản” (渾蛋) là một từ ngữ để chửi rửa kẻ hồ đồ, chẳng hiểu biết, ngốc nghếch, trong một số vùng, nó còn có ý nghĩa nhục mạ rất nặng: Con hoang, ty tiện, ác ôn, côn đồ v.v...

có Như Lai quả địa mới hiểu rành rẽ, mới hiểu rõ; Đẳng Giác Bồ Tát vẫn như nhìn trăng qua một lớp sa. Đây là tỷ dụ, vào ban đêm, nhìn mặt trăng qua một lớp sa rất mỏng, sợi sa rất mịn, dù giống như pha lê ngày nay, nhưng vẫn là còn cách một lớp. Như Lai không có tí xú chướng ngại nào, không có vật gì cách trở. Quý vị muốn hiểu được đạo lý này thì đạo lý ấy rất sâu, nhưng phương pháp dễ dàng.

“*Nhất niệm hồi quang*” là như ta thường nói “*hồi đầu thị ngạn*” (quay đầu lại là đã đến bờ). Chỉ cần quý vị tiếp nhận lời Phật, Bồ Tát răn dạy, y giáo phụng hành là được, rất dễ dàng đạt được thành tựu! Quý vị muốn hỏi đến đạo lý ư? Tốt nhất là về Tây Phương Cực Lạc thế giới, gặp A Di Đà Phật, hướng về Phật thánh giáo là dễ nhất. Còn ở đây muốn hiểu rành rẽ đạo lý thì không ai có thể giảng rành rẽ được. Dù có giảng rành rẽ, quý vị vẫn không hiểu. Vì sao? Đó không phải là cảnh giới của chúng ta, mà là cảnh giới thuộc quả địa Như Lai. Thế nhưng trong hai câu cuối, thiền sư Trung Phong vẫn chỉ điểm một chút:

Cứu cánh bất cư tâm ngoại, phân minh chỉ tại mục tiền!

究竟不居心外。分明祇在目前。

(Rốt ráo nào phải ngoài tâm, phân minh chỉ ở ngay trước mắt).

Hai câu này Thiền ý rất sâu. Niệm Phật vãng sanh, thấy Phật chứng quả, “*cứu cánh bất cư tâm ngoại*” (rốt ráo chẳng ở ngoài tâm). A Di Đà Phật, tự tánh Di Đà, Tây Phương Tịnh Độ, duy tâm Tịnh Độ đều do tâm tánh của chính mình biến hiện. Vì thế, chẳng ở ngoài tâm. “*Phân minh chỉ tại mục tiền*” (phân minh chỉ ở ngay trước mắt), bản thể của hết thấy các pháp trước mắt là tâm tánh. Vì thế, các nhà Pháp Tướng Duy Thức tông thường nói đến “duy thức”. Trong vũ trụ chỉ có duy thức, trừ thức ra, cái gì cũng đều không có. Thức là gì? Là năng biến (chủ thể có khả năng biến), còn hết thấy các pháp là sở biến (cái được biến ra bởi Thức). Quý vị phải nắm lấy cái Năng Biến, đừng bận tâm đến Sở Biến, đừng phân biệt, chấp trước nữa, hãy triệt để buông xuống.

Thế nhưng Thức vẫn chưa phải là Đệ Nhất Nghĩa, Đệ Nhất Nghĩa là gì? Đệ Nhất Nghĩa là Tánh. Tuy vậy, Tánh và Thức là một, chẳng phải hai. Giác ngộ thì gọi là Tánh, bất giác thì gọi là Thức. Tánh và Thức quả thật là một, không hai, chỉ vì giác và bất giác nên nói thành hai danh từ. Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến, cái được hiện là Nhất Chân pháp giới, cái được biến là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới. Quả thật là một, chứ không phải hai.

“*Phân minh chỉ tại mục tiền*”, mười pháp giới ở ngay trước mắt, Nhất Chân pháp giới cũng ở ngay trước mắt. Vì sao chúng ta không thể nhận biết? Là vì có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên chẳng thể chứng đắc. Đó là như trong kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn đã nói: “*Nhất thiết chúng sanh giai hữu Như Lai trí huệ, đức tướng, dẫn dĩ vọng tưởng, chấp trước, bất năng chứng đắc*” (Hết thảy chúng sanh đều có đức tướng, trí huệ của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc). Thật đáng tiếc! Nói cách khác, nếu quý vị nghe hiểu câu nói này của Phật, chỉ cần quý vị buông được vọng tưởng, chấp trước, phân biệt xuống thì sẽ đúng như thiền sư Trung Phong đã nói: “*Phân minh chỉ tại mục tiền*”.

Hai câu “*cứu cánh bất cư tâm ngoại, phân minh chỉ tại mục tiền*” (rốt ráo nào ở ngoài tâm, phân minh chỉ ngay trước mắt) là cảnh giới của thiền sư Trung Phong. Nói cách khác, đó là cảnh giới của bậc kiến tánh, là cảnh giới của người đại khai viên giải, là cảnh giới của người niệm Phật đạt Lý nhất tâm bất loạn. Hễ công phu của quý vị đạt đến trình độ ấy, cảnh giới ấy sẽ là cảnh giới của chính quý vị; công phu chưa tới, cảnh giới ấy chẳng hề bị mất đi, chỉ là mình mê nên không giác. Đó là Thật Tướng của các pháp. Trung Phong đại sư khai thị đến đây thôi; đoạn kế tiếp là Ngài muốn khảo nghiệm công phu của chúng ta.

Thẩm như thị.

審如是。

(*Xét kỹ như thế*).

“*Thẩm*” (審) là dò xét kỹ càng, là quan sát kỹ lưỡng, là tư duy, quan sát tỉ mỉ. “*Như thị*” là như Thật Tướng của các pháp đã nói ở phần trên, kể cả chân tướng sự thật của chuyện tín nguyện trì danh, vãng sanh Tịnh Độ của chúng ta.

Tức kim chúng đẳng.

即今眾等。

(*Vậy nay đại chúng*).

Lại hỏi đại chúng, tức đại chúng hiện tiền chúng ta.

Hệ niệm Di Đà.

繫念彌陀。

Chữ Niệm là “kim tâm” (cái tâm hiện thời) [ghép lại]. Trong cái tâm hiện tại của chúng ta quả thật có Di Đà. Chúng ta thường gọi Hệ (繫: buộc chặt) là dính mắc, trong tâm vương vấn, vương vấn nơi chuyện gì? Vương vấn A Di Đà Phật. Trong tâm không vương vấn mắc chi khác, chỉ vương vấn A Di Đà Phật, trong tâm quả thật có A Di Đà Phật nên gọi là “hệ niệm”. Hệ niệm như thế nào mới có cảm ứng? Có cảm ứng rất rõ ràng thì gọi là nhất tâm, tức nhất tâm hệ niệm. Nói cách khác, trong tâm trừ A Di Đà Phật ra, cái gì cũng đều chẳng có, nhất tâm hệ niệm, đó là niệm Phật chân thật.

Niệm Phật chẳng phải ở cửa miệng, phải niệm trong tâm. Bởi thế, cổ đức thường dạy chúng ta: Chữ Niệm trong Niệm Phật chẳng thể thêm vào chữ Khẩu, thêm chữ Khẩu vào sẽ biến thành “miệng có, tâm không”. Không thể thêm chữ Khẩu, hãy dùng chữ Niệm (không có bộ Khẩu). Chữ Niệm ấy cho thấy trong tâm thực sự có Phật, chẳng được niệm xuống ngoài miệng. Trong tâm quả thật có A Di Đà Phật, ngoài trừ A Di Đà Phật, cái gì cũng chẳng để vào lòng. Đó là nhất tâm hệ niệm, cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn! Đúng là “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Hiện tại Tam Thời Hệ Niệm của chúng ta là chuyên tu pháp môn này.

Tam thời Phật sự.

三時佛事。

“*Phật sự*” có ý nghĩa gốc là sự việc đề tu Giác chứ không Mê. Phật là giác chứ không mê; nay chúng ta đang học tập chuyên giác chứ không mê này nên gọi là “*Phật sự*”. Như vậy, pháp sự Tam Thời Hệ Niệm thoát nhìn dường như để độ vong nhân, nhưng trên thực tế, kẻ còn lẫn người mất cùng được lợi lạc. Kinh Địa Tạng giảng rất rành rẽ, người chết được hưởng một phần bảy lợi ích, chính bản thân người tu chúng ta được hưởng sáu phần bảy, chúng ta đạt được lợi ích viên mãn. Vong nhân được hưởng chút phần lợi ích gì? Là được cảnh tỉnh. Nếu họ hoảng nhiên đại ngộ, cùng chúng ta học tập thì họ sẽ đạt được lợi ích viên mãn. Nếu họ vẫn mơ mơ màng màng, nay chúng ta lay tỉnh họ, lôi kéo họ; họ vẫn không giác ngộ, chúng tử đã gieo trong A Lại Da Thức không thể phát khởi trong hiện tiền, thì đó gọi là “*chỉ được hưởng một phần bảy*”

lợi ích”. Lý và Sự của chuyện này chúng ta đều phải nên hiểu rõ, phải minh bạch. Nay trong ba thời chuyên tu, chúng ta đang tu thời thứ nhất của ba thời.

Chỉ như bất thiệp chứng tu, thân môn thọ ký nhất cú, như hà cử dương? .

只如不涉證修。親蒙授記一句。如何舉揚。

(Nhưng nếu không lạm dự cả tu lẫn chứng, giải thích câu nói “đích thân được Phật thọ ký” như thế nào đây?)

Đây là câu nói của nhà Thiền, nay chúng ta chắt phác niệm Phật, nhất tâm hệ niệm, chúng ta chẳng dính dáng đến việc chứng quả lần phương pháp tu, các pháp khác ta đều không can dự đến, vậy thì phải hỏi: “*Thân môn thọ ký nhất cú*” (câu nói: ‘Đích thân được Phật thọ ký’), A Di Đà Phật đích thân thọ ký cho chúng ta, phải giảng câu này như thế nào? “*Như hà cử dương*”: Nói theo cách bây giờ, [*“như hà cử dương”*] là giải thích như thế nào, hoặc là phải được hiểu như thế nào. Thông thường sau khi câu hỏi được nêu ra, nhất định [vị pháp sư chủ trì pháp sự Tam Thời Hệ Niệm] phải trầm mặc một hai phút để mọi người đều ngưng lặng. Tịnh cực quang thông (tịnh đến mức cùng cực sẽ sáng tỏ), mọi người tịnh rồi, tịnh sẽ sanh huệ, khi ấy chỉ một câu bèn có thể cảnh tỉnh quý vị khiến cho quý vị từ đó ngộ nhập. Tông Môn gọi đó là “Thiền cơ”. Ngài Trung Phong là thiền sư mà! Như vậy, trong Pháp Sư này quả thật có Thiền, có Tịnh. Ngài nói hai câu kệ:

Phong ngâm thụ thụ thiên ban nhạc, hương tẩm trì trì tứ sắc hoa.

風吟樹樹千般樂。香浸池池四色華。

(Gió luôn cây tấu ngàn muôn nhạc, ao bốn màu sen tỏa ngát hương).

Quý vị có hiểu hai câu này hay không? Quý vị không biết là quý vị không thể hỏi ý nghĩa của hai câu này, vì sao? Vì đây là Thiền cơ. Nếu quý vị hiểu thì sẽ do hai câu này bèn đại triệt đại ngộ. Không hiểu cứ việc nói là không hiểu. Không hiểu thì “*A Di Đà Phật thân kim sắc*” ở phần sau cứ chắt phác niệm đi! Ý nghĩa được diễn tả trong hai câu này, chúng tôi thực sự không hiểu ý nghĩa. Tôi vừa mới nói đó thôi, Thiền cơ

mà! Nhìn từ mặt ngoài thì câu đầu tiên diễn tả hàng cây bảy báu nơi trong Tây Phương thế giới.

“*Phong ngâm thụ thụ thiên ban nhạc*”: Trong cảnh giới Tây Phương Cực Lạc thế giới, gió lùa qua cây báu, cành, lá, hoa, quả của cây báu gió vừa lay bèn va chạm nhau, giống như những cái “phong linh” (wind chimes) hiện thời, âm thanh rất mỹ diệu. Những cái phong linh chúng ta dùng hiện thời quá nửa làm bằng đồng, cũng có cái làm từ những phiến mỏng bằng pha lê hay thủy tinh, âm thanh hết sức thanh tao. Gió rung cây báu nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn phát ra âm thanh thuyết pháp, muốn nghe âm thanh nào đều được nghe âm thanh ấy, chẳng thể nghĩ bàn! Muốn nghe kinh gì, gió, nước đều thuyết pháp, sáu trần thuyết pháp, đó là do oai thần của A Di Đà Phật gia trì.

Thật ra, trong thế giới này sáu trần có thuyết pháp hay không? Cũng thuyết pháp, cũng biểu thị pháp, tiếc là chúng ta không hiểu. Nếu chúng ta thực sự hiểu, ắt sẽ lãnh hội: Tam thế hết thấy chư Phật, Bồ Tát vốn chẳng rời chúng ta một bước, đều hiện diện vì chúng ta thuyết pháp, không pháp nào chẳng nói. Pháp ấy có tên chung là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, mở rộng ra thành vô lượng vô biên Phật pháp. Đúng là vi trần nói, cõi nước nói, Phật nói, Bồ Tát nói, sơn hà đại địa, cây cối hoa quả không lúc nào chẳng thuyết pháp. Chỉ vì chúng ta mê quá sâu, không nhận biết được. Mấy năm qua, đọc kinh Hoa Nghiêm mới hiểu được một chút sự tình, mới biết hết thấy hữu tình và vô tình đều biểu thị pháp, hoặc thuyết pháp. Chúng ta chỉ mới hiểu được chút ít sự việc như vậy.

Đến khi nào chúng ta mới có thể tiếp nhận thông điệp ấy? Đến khi nào quý vị nhất tâm bất loạn sẽ lãnh nhận được, cảm nhận được, quý vị bèn thấy đạo, nghe đạo, nếm đạo, ngửi đạo. Đạo ấy chẳng phải là cái đạo để đạt được, nó là vô thượng đại đạo, thấy đạo, nghe đạo, nếm đạo, ngửi đạo. Lúc ấy, quý vị mới hiểu nơi đây vốn là thế giới Hoa Tạng, vốn là Cực Lạc. Trong pháp hội này, qua những lời khai thị đơn giản ngắn ngủi, thiền sư Trung Phong đã nhắc đến những ý nghĩa đó.

“*Hương tám trì trì*”: “*Trì trì*” là ao bảy báu, nước tám công đức. “*Tứ sắc hoa*”: Kinh Di Đà nói hoa sen có bốn màu. Bốn màu ở đây là bốn nguyên sắc (màu gốc), bốn sắc dung hợp lại sẽ thành vô lượng vô biên màu sắc, đẹp đẽ khôn ngần. Đó là ý nghĩa trên mặt văn tự của hai câu này, còn một nghĩa rất sâu trong ấy quý vị phải tự lãnh hội, ngôn ngữ dứt bật, tâm hạnh xức diệt.

Nay đã hết giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây mà thôi!

Tập 42

9. Kệ Tán Phật

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần Tán Phật Kệ²⁹. Hệ Niệm Pháp Sư chia thành ba thời, trong ba thời đều có phần Niệm Phật, tức là lấy tụng kinh, niệm Phật làm chánh, trong ấy xen vào những phần khai thị để thời thời khắc khắc cảnh tỉnh. Tám câu kệ tán Phật này chúng ta thường hay đọc, mọi người đều niệm rất quen, ý nghĩa rất rõ ràng. Chúng tôi giới thiệu đại lược như sau:

*A Di Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân.*

阿彌陀佛身金色。

相好光明無等倫。

*(A Di Đà Phật thân vàng ròng,
Tướng tốt quang minh khôn sánh ví).*

Chúng tôi giảng hai câu này. Câu thứ nhất tán thán thân tướng của A Di Đà Phật, thân chân tử ma kim sắc (thân có màu như vàng ròng màu tía được giới mài sáng bóng), thân xinh đẹp. Tán Phật chính là tán chính mình, bởi lẽ mỗi người niệm Phật chúng ta sau khi sanh về Tây Phương

²⁹ Theo Ấn Quang đại sư, bài Tán Phật Kệ này do Anh pháp sư tức ngài Đức Tạng Trạch Anh soạn ra (xin xem lá thư 52 trong Ấn Quang Văn Sao Tam Biên, quyển 1, tức lá thư thứ 4 gởi cho ông Đinh Phước Bảo). Ngài Đức Tạng Trạch Anh (1045-1099) sống vào thời Bắc Tống, người huyện Đồng Giang (tỉnh Chiết Giang), họ Du, tên tự là Uân Chi. Sư mất mẹ từ bé, có lần theo cha đến Hàng Châu, gặp được ngài Nam Sơn Đoan Phong bèn xin theo xuất gia. Năm Thiên Ninh thứ nhất (1068), Sư thọ Cụ Túc Giới, chuyên tâm trì luật cũng như theo học giáo nghĩa Chỉ Quán với ngài Xử Khiêm chùa Bảo Các, rất được ngài Xử Khiêm coi trọng, đặc biệt truyền dạy Thập Bát Nhị Môn Luận, Kim Cang Bồ Đề Luận, do vậy Sư ngộ hiểu sâu xa giáo nghĩa Thiên Thai lẫn chỗ huyền áo của Tịnh tông. Đồ chúng các tỉnh Giang, Hàng, Hồ... theo học rất đông, Sư chú tâm dạy họ bằng giáo nghĩa Tịnh Độ và thường nhắc đại chúng siêng tu Tịnh nghiệp. Do kính trọng, mọi người đều gọi ngài là Đồng Giang pháp sư hay Đồng Giang Anh pháp sư chứ không gọi thẳng tên. Ngài để lại cho đời các bộ chú giải Tâm Kinh, Tam Châu Luận, Tịnh Độ Tu Chứng Nghi, Vãng Sanh Tịnh Độ Thập Nguyên Văn, Biện Hoàn Thụ Nhị Xuất, Khuyến Tu Tịnh Độ Tụng...

Cực Lạc thế giới, thân thể và tướng hảo của chúng ta giống hệt đức A Di Đà Phật. Do vậy, thế giới Cực Lạc là thế giới thực sự bình đẳng, quý vị có thể thấy được điều này từ bốn mươi tám nguyện. A Di Đà Phật phát đại nguyện: Chúng sanh trong cõi nước của Ngài nếu chẳng giống hệt Phật, Ngài sẽ chẳng thành Phật. Nay Ngài đã thành Phật mười kiếp, chúng tôi nguyện ấy đã được thỏa, nguyện nào cũng viên mãn, đều thành hiện thực. Do vậy, chúng ta không còn may mắn gì nữa: Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân thể và tướng hảo nhất định phải giống với Phật. Vì thế, thấy tướng hảo của Phật chính là thấy tướng hảo của chúng ta trong tương lai khi vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đọc bài tán tụng này có động tâm hay chẳng? Động tâm nghĩa là phát nguyện, phải vãng sanh, phải sanh về cõi nước ấy.

Câu thứ hai: “*Tướng hảo quang minh vô đẳng luân*”, chẳng phải như trong thế gian này chúng ta thường nói ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo. Trong kinh Phật cũng thường nói: Thân ấy (tức thân ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo) là Liệt Ứng Thân (thân ứng hiện ở mức độ thấp kém). Con người trong thế giới Sa Bà của chúng ta đây, nay gọi là người trên địa cầu, cho rằng ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo là quý tướng trong thế gian, tức là tướng phú quý, tướng phước đức, thực sự viên mãn rốt ráo, nên đức Phật thị hiện như thế đó, chứ tướng hảo thực sự [nơi báo thân của Phật], người thế gian chúng ta không thể nào tưởng tượng được nổi. Trong kinh đức Phật dạy: Báo thân của Như Lai có vô lượng tướng, chứ không phải chỉ là ba mươi hai tướng. Mỗi tướng có vô lượng hảo, chứ không phải chỉ có tám mươi tùy hình hảo. Tướng và tùy hình hảo đều vô lượng vô tận.

“*Tướng hảo*” là quả báo do chính mình tu hành viên mãn. Chúng ta có thể nói “*quang minh*” là quả báo tiếp dẫn và giáo hóa chúng sanh, nhân viên quả mãn. “*Vô đẳng luân*” là không có gì bằng, không có ai có thể sánh bằng được. Những ai vậy? Hết thầy Bồ Tát, những người kém hơn Bồ Tát đừng nói làm chi, ngay cả Pháp Thân Bồ Tát, Địa Thượng Bồ Tát, Đẳng Giác Bồ Tát đều chẳng thể sánh bằng Phật. Như vậy, Tây Phương Cực Lạc thế giới thật chẳng thể nghĩ bàn!

Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di.

白毫宛轉五須彌。

(Năm Tu Di uyển chuyển bạch hào).

Bạch Hào là hai sợi lông trắng giữa hai mày đức Phật. Đức Phật

nói tướng Bạch Hào có tám cạnh, chính giữa trống rỗng, trong suốt. Hai sợi Bạch Hào ấy rất dài, cuộn tròn lại, trông giống như một viên minh châu trên trán giữa hai chân mày. Bạch Hào không phải là minh châu, mà là hai sợi lông màu trắng cuộn tròn lại, là một trong ba mươi hai tướng, nhưng ba mươi hai tướng thế gian chẳng thể sánh bằng được. Bạch Hào cuộn lại lớn đến chừng nào? To bằng năm quả núi Tu Di, quý vị nghĩ xem thân tướng Phật rất to lớn! Tu Di là quả núi cao nhất trong thế giới Sa Bà. Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta: Địa cầu này gọi là Nam Thiệm Bộ Châu, tức là một tiểu tinh cầu ở quanh núi Tu Di. Núi Tu Di không ở trên địa cầu, rất nhiều người nghĩ núi Tu Di chính là núi Hỷ Mã Lạp Nhã tức ngọn núi cao nhất trên địa cầu này. Nếu chỉ là núi Hỷ Mã Lạp Nhã thì Bạch Hào to bằng năm quả núi Hỷ Mã Lạp Nhã là cũng đã phi thường rồi! Nếu Thích Ca Mâu Ni Phật đầu to tối thiểu cũng bằng quả địa cầu thì thân tướng của Ngài lớn đến chừng nào? Chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta không có cách gì tưởng tượng được!

Núi Tu Di chẳng ở trên địa cầu, mặt trời, mặt trăng xoay quanh núi Tu Di; nay chúng ta biết mặt trời, mặt trăng không xoay quanh núi Hỷ Mã Lạp Nhã. Chúng xoay quanh đâu? Xoay quanh hệ Ngân Hà, khoa học hiện tại nói rất rõ ràng. Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói: Do đây biết rằng trên thực tế, một hệ Ngân Hà chính là một đơn vị thế giới được nói trong kinh Phật. Núi Tu Di ở đâu? Ở ngay chính giữa Ngân Hà, lớn cỡ nào? Nói thật ra, phải lớn gấp rất nhiều lần so với Thái Dương Hệ. Tướng Bạch Hào của Phật lớn như thế đó. Chúng ta nghĩ xem đầu đức Phật lớn cỡ nào? Tối thiểu phải lớn bằng một hệ Ngân Hà. Thân tướng như vậy thì quý vị làm sao tưởng tượng được nổi!

Cám³⁰ mục trường thanh tứ đại hải.

紺目澄清四大海。

(Bốn biển lớn trong ngàn mắt biếc).

Đây là nói về mắt đức Phật. Mắt Phật lớn cỡ nào? Giống như biển cả, to như biển. Đây là tỷ dụ để chúng ta từ đó hiểu thân tướng của đức Phật vĩ đại chẳng thể nghĩ bàn, rồi thì sẽ tưởng tượng Tây Phương Cực Lạc thế giới lớn lao đến độ nào. Người trong thế giới Cực Lạc đều cao

³⁰ “Cám” là màu xanh biếc có pha ánh hồng. Từ điển Từ Hải giảng: “Thâm thanh lý thấu hồng đích nhất chủng nhan sắc, tục xưng thiên thanh” (Một loại màu xanh đậm ánh sắc đỏ, thường gọi là màu thiên thanh).

lớn như vậy, số người trong thế giới ấy không có cách gì tính toán được. Trong kinh điển, đức Thế Tôn chỉ giới thiệu một hạng người là A La Hán mà đã không có cách gì tính toán được, chỉ có thể nói là “*dĩ vô lượng vô biên A-tăng-kỳ thuyết*” (dùng vô lượng vô biên A Tăng Kỳ để nói), vô lượng vô biên A-tăng-kỳ! “*chư Bồ Tát chúng diệc phục như thị*” (các vị Bồ Tát cũng giống như thế). Ngoài các vị Bồ Tát còn có chúng trời người trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ từ mười phương thế giới sanh về, không biết là bao nhiêu. Vậy thì thế giới ấy phải bao lớn? Không thể nghĩ bàn!

Nếu đem địa cầu đặt trong Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ chẳng thấy gì hết. Địa cầu còn chẳng thấy, huống gì người trên địa cầu? Đại khái chúng ta biên thành vi sinh vật, e rằng kính hiển vi cao cấp còn chưa nhìn thấy được, con người quá nhỏ bé. Thế nhưng trong kinh điển Đại Thừa, Phật thường dạy chúng ta: Trong tâm tánh không có lớn hay nhỏ; trong nhỏ có thể hiện lớn, trong lớn có thể hiện nhỏ, đó là cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn. Kinh Hoa Nghiêm bảo không có lớn hay nhỏ. Vì vậy, trong vi trần có thế giới, Phổ Hiền Bồ Tát thường vào trong đó. Thế giới trong vi trần không nhỏ, chúng ta cảm nhận thế giới ấy giống hệt như đại vũ trụ vậy, không khác gì hết. Vi trần không nở to ra, thế giới cũng không rút nhỏ lại.

Một vi trần có phải là một thế giới? Không chỉ như vậy. Vô lượng vô biên thế giới ở trong một vi trần, chẳng thể nghĩ bàn! Vì sao? Trong vi trần có thế giới, trong thế giới lại có vi trần, trong vi trần lại có thế giới. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn dạy chúng ta chân tướng sự thật: Thế giới trùng trùng vô tận, không lớn hay nhỏ. Vì sao lại có hiện tượng ấy? Kinh Phật thường nói: Pháp vốn là như vậy (pháp nhĩ như thị), vốn sẵn là như thế đó. Chẳng có lý do gì cả, vốn sẵn là như thế, Pháp Tánh là như thế. Chư Phật Bồ Tát dạy chúng ta không nhằm mục đích nào khác, chỉ nhằm khiến cho chúng ta minh tâm kiến tánh, khế nhập cảnh giới này. Đó là đại viên mãn. Như vậy, tám câu kệ chúng ta thường niệm này nói lên cảnh giới thực sự chẳng thể nghĩ bàn!

***Quang trung hóa Phật vô số ức,
Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên.***

光中化佛無數億。

化菩薩眾亦無邊。

*(Trong quang minh hóa vô số Phật,
Hóa các Bồ Tát cũng vô biên).*

Hai câu kệ này nói về quang minh. Hai câu trước tán dương tướng hảo. “Bạch hào, cam mục” đều là tướng hảo, nêu một hai tướng hảo đại diện. Trong quang minh cũng chỉ nêu tượng trưng. “*Quang trung hóa Phật vô số ức*”: Một Phật chính là hết thấy Phật, hết thấy Phật chính là một Phật. Nếu quý vị quả thật hiểu được đạo lý này, sẽ không hoài nghi: Phật nhiều đến như thế, sao ta chỉ thân cận một mình A Di Đà Phật, không thân cận các vị Phật khác? Danh hiệu Phật nhiều như thế, sao lại chỉ khẳng khái niệm A Di Đà Phật, không niệm những đức Phật khác? Nghi vấn ấy không còn nữa! Vì sao? Một chính là nhiều, nhiều chính là một, một và nhiều không hai. Vì sao không niệm Thích Ca Mâu Ni Phật, lại niệm A Di Đà Phật? Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta niệm A Di Đà Phật. Vì sao không niệm các đức Phật khác? Hết thấy các đức Phật khác đều dạy chúng ta niệm A Di Đà Phật, chúng ta phải thuận theo. Thuận theo chính là hiểu thuận, thuận theo là tôn sư.

Tuân theo lời thầy răn dạy nhất định có điều hay, hay như thế nào? Bây giờ không cần phải hỏi, đến thế giới Cực Lạc rồi, quý vị sẽ hoàn toàn hiểu rõ. Thật giống như ví dụ ba cỗ xe trong kinh Pháp Hoa vậy, ba cỗ xe tỷ dụ điều gì? Phù hợp căn cơ. Kinh Pháp Hoa ví thế giới Sa Bà như một căn nhà đang bốc cháy, đức Phật như một vị đại trưởng giả, tất cả hết thấy chúng sanh trong thế giới này là con cái của Ngài. Căn nhà đột nhiên bốc cháy, trẻ thơ không hay biết vẫn cứ chơi giỡn trong ấy, kêu chạy ra không chịu ra. Lúc đó, người làm cha biết những thứ mà con thơ yêu thích, ham mến: “Ngoài cửa cha bày rất nhiều đồ chơi, có xe dê, xe nai, xe ngựa. Ra khỏi cửa, tụi con thích chơi món gì thì chơi món ấy”. Con thơ nghe nói, như ong vỡ tổ xông ra. Ra khỏi nhà rồi, không có xe dê, cũng chẳng có xe nai, chỉ có xe ngựa. Xe ngựa gọi là đại bạch ngưu xa (“*đại bạch ngưu xa*” là xe ngựa), ví như Đại Thừa. Ra khỏi nhà lửa rồi đều ban cho Đại Thừa, đều đãi ngộ bình đẳng. Đó mới là thực sự sanh tâm đại hoan hỷ, ban cho quý vị thứ tốt đẹp nhất.

Vì thế, trong quang minh của A Di Đà Phật, bạch hào phóng quang, “*quang trung hóa Phật vô số ức*”, “*hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên*”. Biến hóa để làm gì? Đến mười phương thế giới phổ độ chúng sanh. Những vị Phật, những vị Bồ Tát ấy ở trong mười phương thế giới, nên dùng thân gì để độ bèn hiện ra thân ấy. Như quý vị thường niệm phẩm Phổ Môn; phẩm Phổ Môn nói Quán Thế Âm Bồ Tát ứng hiện ba mươi hai thân, nên dùng thân Phật để độ bèn hiện thân Phật, nên dùng thân Bồ Tát để độ bèn hiện thân Bồ Tát. Nên dùng thân Thanh Văn để độ bèn hiện thân Thanh Văn. Nên dùng thân tể quan để độ bèn hiện thân

tể quan. Nên dùng thân đồng nam, đồng nữ (trẻ trai, trẻ gái) để độ bèn hiện thân đồng nam, đồng nữ. Thân tướng nào Ngài cũng hiện được, ở đâu vậy? Chính ngay trong xã hội chúng ta đây.

Từ sáng đến tối chúng ta tiếp xúc rất nhiều người, không thể nói xác quyết trong số ấy ai là Phật, Bồ Tát thị hiện. Chúng ta phàm phu mắt thịt không nhận biết, các Ngài cũng chẳng hé lộ thân phận, chúng ta làm sao biết được? Trên thực tế, họ do A Di Đà Phật biến hóa ra, họ chính là A Di Đà Phật, chứ không phải ai khác! Trong lịch sử Trung Quốc, dường như có mấy vị bộc lộ thân phận. Vĩnh Minh Diên Thọ là A Di Đà Phật hóa thân, chúng tôi cho rằng có lẽ Ngài chính là một vị Phật được biến hóa từ quang minh, hay là Bồ Tát hóa hiện từ quang minh. Ngài đến thị hiện trong thế gian này, xuất hiện dưới thân phận tổ sư. Nghe nói Thiên Đạo đại sư cũng là hóa thân của A Di Đà Phật. Ngoài ra còn có hòa thượng Phong Can ở chùa Quốc Thanh tại núi Thiên Thai cũng là hóa thân của A Di Đà Phật. Có mấy vị bộc lộ thân phận, còn những vị không bộc lộ thân phận chẳng biết là bao nhiêu.

Do vậy, Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta lễ kính chư Phật là hữu lý. Quý vị coi thường ai ư? Lỡ người ấy là Phật, Bồ Tát hóa hiện, nếu quý vị biết được thân phận của người ấy, không cảm thấy hết sức đáng than thở ư? Quý vị nghĩ xem: Mình thấy Phật ngay trước mắt mà bỏ lỡ, vẫn coi thường người ta. Vì thế, trong lòng chúng ta phải sanh tâm bình đẳng, tâm cung kính, lễ kính chư Phật. Huống chi trong hết thấy chúng sanh quả thật có rất nhiều Phật, Bồ Tát hóa thân.

Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh.

四十八願度眾生。

(Bốn mươi tám nguyện độ chúng sanh).

Đây là nói về nguyện tâm. A Di Đà Phật có bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng đều vì độ chúng sanh. Trong số các vị cổ đại đức, có vị chuyên môn đề xướng Bốn Nguyện Niệm Phật. Cổ nhân đề xướng không sai, con người hiện tại hiểu sai, cho bốn nguyện chỉ là nguyện thứ mười tám. Họ không hiểu. Thiên sư Trung Phong giảng rất rõ ràng, trong phần Khai Thị ở phía sau chúng ta sẽ đọc thấy: Bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật là một nguyện, là một bốn nguyện. Mỗi một nguyện nhất định bao gồm bốn mươi bảy nguyện kia. Hễ thiếu một nguyện nào thì nguyện ấy của Phật sẽ không viên mãn, sẽ bị thiếu sót. Nguyện nguyện dung nhiếp lẫn nhau, bất cứ một nguyện nào cũng viên

mãn trọn đủ bốn mươi tám nguyên. Đây chính là bốn nguyên của A Di Đà Phật. Như vậy, “bốn nguyên niệm Phật” là hoàn toàn tuân thủ bốn mươi tám nguyên, chứ không phải chỉ chọn lấy một nguyên trong bốn mươi tám nguyên, không phải như vậy. Nếu chỉ chọn lấy một nguyên, bốn mươi bảy nguyên kia không còn nữa thì nguyên này cũng không thể thành lập. Nhất định phải hiểu rõ đạo lý này, muôn vàn chẳng được hiểu sai. Nếu hiểu sai thì cả đời này, quý vị tu uống công, chẳng thể vắng sanh.

Sau khi Tịnh Tông Học Hội được thành lập, chúng tôi quán sát kỹ càng căn cơ con người hiện thời, chúng tôi tu chỉnh kinh văn nghi thức để đọc tụng trong khóa tụng sáng tối, sửa đổi đôi chút. Vì sao? Nhằm thích hợp với con người hiện tại. Khóa tụng do cổ đức biên soạn thích hợp với người thời ấy. Trong xã hội hiện đại, con người hiện đại có tư tưởng, kiến giải, sinh hoạt, và hành vi khác với cổ nhân; do vậy, kinh văn để tụng trong hai khóa tụng sáng tối không thể không tu chỉnh. Do đó, kinh văn để đọc tụng trong khóa sáng không phải là tụng chú Lăng Nghiêm, cả mười chú nhỏ cũng không niệm. Quý vị hỏi tại sao ư? Chúng tôi vừa mới nói đó, niệm kinh không bằng niệm chú, niệm chú không bằng niệm Phật!

Công đức lợi ích của một câu hồng danh A Di Đà Phật này thù thắng hơn chú Vãng Sanh, vượt trội hết thảy các thần chú, vượt trội hết thảy các pháp công đức Đại Thừa. Trong thời gian này, nghiệp chướng, phiền não, tai nạn nghiêm trọng như vậy, dùng các phương pháp khác không thể cứu được, chỉ có sáu chữ hồng danh mới có thể cứu. Lời này không phải do tôi nói đâu nhé, mà do Liên Trì đại sư nói đây, do Ngẫu Ích đại sư nói đây. Trước kia, pháp sư Từ Vân Quán Đảnh cũng nói (Ngài sống vào thời Càn Long). Trong Quán Vô Lượng Thọ Kinh Trục Chỉ (bản chú giải Quán Kinh của ngài Từ Vân gọi là Trục Chỉ hoặc Quán Kinh Trục Chỉ), tôi đọc thấy Ngài nói đến chuyện tiêu nghiệp chướng. Nghiệp chướng nghiêm trọng nhất trong thế giới này, nếu tất cả kinh chú và sám pháp đều không thể tiêu được thì vẫn còn một phương pháp cuối cùng là trì danh niệm Phật sẽ có thể tiêu nghiệp chướng. Điều này chứng tỏ công đức trì danh niệm Phật thù thắng khôn sánh, không có pháp môn nào có thể sánh bằng, đúng là “vô đẳng luân”.

“*Tứ thập bát nguyên độ chúng sanh*” là tín nguyên trì danh. Nguyên là bốn mươi tám nguyên. Đây chính là cốt lõi của Tịnh tông, pháp môn Tịnh tông dựa trên bốn mươi tám nguyên. Quý vị hãy chú tâm quan sát, một bộ Vô Lượng Thọ kinh giảng những gì vậy? Từ đầu đến

cuối là nói về bốn mươi tám nguyện. Một bộ Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh giảng những gì? Chính là giảng Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh. Do đây biết rằng: Vô Lượng Thọ kinh nhằm chú giải, giảng giải bốn mươi tám nguyện, còn Hoa Nghiêm là giảng giải tường tận bốn mươi tám nguyện, chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta phải tin vào bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng chẳng nghi hoặc, tin nhận vâng làm. Biện bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật thành bốn nguyện của bản thân, ta và A Di Đà Phật đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh, làm sao không vãng sanh cơ chứ? Chí đồng đạo hợp với A Di Đà Phật mà! Câu kệ tiếp theo đây nói về quả đức:

Cửu phẩm hàm linh đăng bỉ ngạn.

九品咸令登彼岸。

(Chín phẩm đều đưa lên bến giác).

Vì sao có chín phẩm? Vì công phu học tập và thành tích có sai khác, người công phu cao phẩm vị bèn cao, người công phu kém hơn một bậc thì phẩm vị phải kém hơn một chút, đạo lý là như vậy. Trước kia, tôi nghĩ chắc không ít các vị đồng học còn nhớ, ở nước Mỹ có một vị Thượng Sư³¹ bảo mọi người “đới nghiệp chẳng thể vãng sanh, phải tiêu nghiệp mới được vãng sanh”. Bọn họ kêu gọi đồng học tìm trong Đại Tạng Kinh, tìm không ra chữ “đới nghiệp vãng sanh”, bèn khẳng định đới nghiệp chẳng thể vãng sanh, phải tiêu nghiệp mới hòng vãng sanh! Sự việc ấy chấn động toàn thể những vị đồng tu niệm Phật trên toàn thế giới. Có rất nhiều người hoài nghi, làm thế nào đây? Đới nghiệp chẳng thể vãng sanh, bọn mình hết hy vọng rồi, ngay cả những người tu hành đã lâu cũng bị dao động.

Nhằm ngay lúc ấy, tôi từ Đài Loan đến Lạc Sơn Cơ (Los Angeles). Vừa xuống máy bay, lão cư sĩ Châu Tuyên Đức là một vị lão cư sĩ đức cao vọng trọng, là lão bằng hữu, lão đồng tham của lão cư sĩ Lý Bình Nam, cụ cũng là người niệm Phật, ra đón tôi ở phi trường. Chúng tôi từ phi trường về thành phố, ngồi xe ước chừng hơn một tiếng đồng hồ. Trên xe, cụ hỏi tôi:

³¹ Vị Thượng Sư này là một cư sĩ Phật giáo, tức ông Trần Kiến Dân, thường được biết đến dưới danh xưng Yogi Chen, thầy của ông Lâm Ngọc Đường (Lin Yutang). Ông Trần đề xướng tu Mật tông kiêm tu Tịnh Độ. Trong “giáo nghĩa” Tịnh Độ được ông Trần và ông Lâm tuyên giảng, có nhiều điều “phát kiến” rất lạ, không biết do đâu mà “phát minh” ra, cũng như cách tu rất tạp, không phải là chuyên tu Tịnh Độ.

- Thừa pháp sư! Hiện tại có người nói đời nghiệp chẳng thể vãng sanh, làm như thế nào đây?

Tôi nghe mấy câu ấy bèn mỉm cười:

- Không thể vãng sanh thì thôi!

Cụ nghe tôi nói vậy rất kinh ngạc, ngậy người ra đó, không nói được câu nào. Sau đó, tôi mới giải thích cùng cụ:

- Nếu đời nghiệp chẳng thể vãng sanh thì Tây Phương Cực Lạc thế giới chỉ trở lại có mỗi một mình đức A Di Đà Phật, chứ còn gì nữa!

Cụ nghe vẫn không hiểu câu nói đó. Tôi thấy vậy, lại nói thêm chút nữa, tôi nói:

- Quán Âm, Thế Chí là Đẳng Giác Bồ Tát, đúng không?

Cụ đáp:

- Đúng!

- Như cụ biết đó: Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa đoạn, như vậy có tính là đời nghiệp hay không?

Tôi nói vậy cụ hiểu liền, cười xòa. Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn đời nghiệp, chỉ có Như Lai mới không đời nghiệp, cụ hiểu rõ ngay. Nếu không đời nghiệp thì Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng phải là trở lại một mình A Di Đà Phật hay sao? Ngoài trừ chư Phật Như Lai, ai không đời nghiệp? Chỉ là đời nghiệp nhiều hay ít khác nhau! Đời nghiệp ít thì phẩm vị cao, đời nghiệp nhiều thì phẩm vị thấp! Tôi nói: “Tra trong Đại Tạng không thấy nói đời nghiệp vãng sanh ư?” Tôi bèn hỏi:

- Tây Phương Cực Lạc thế giới có nói đến bốn cõi hay không? Có! Có nói chín phẩm hay không? Có! Nếu không đời nghiệp thì bốn cõi chín phẩm ở đâu ra? Chẳng phải bốn cõi chín phẩm đã cho thấy đều là đời nghiệp, đời nghiệp ít phẩm vị cao, đời nghiệp nhiều phẩm vị thấp, hoàn toàn minh bạch!

Tôi bảo:

- Cụ cứ chắc thật niệm Phật, chớ nghe lời đồn đãi. Huống chi Thích Ca Mâu Ni Phật dạy chúng ta bốn pháp Tứ Y: “*Y pháp bất y nhân, y nghĩa bất y ngữ*” (Nương theo pháp không nương theo người, nương vào nghĩa chứ không nương theo văn tự, lời nói). Văn tự là ký hiệu của ngôn ngữ, đức Phật không nói như thế, nhưng bao hàm những nghĩa như thế. Ngài giảng bốn cõi chín phẩm là có ý như vậy, ý nghĩa đời nghiệp vãng sanh là có. Chúng ta y nghĩa, không y ngữ, chẳng phải vấn đề đã được giải quyết rồi ư?

“*Cửu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn*”: Bốn cõi đều có chín phẩm. Ngày nay nói thật ra, chúng ta đời nghiệp đông nhất, [vãng sanh về]

Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Thường nói là “nghiệp tập phiền não”, chúng ta đời nghiệp vãng sanh là Vô Minh phiền não, Trần Sa phiền não, Kiến Tư phiền não đều mang theo hết. Tiểu Thừa A La Hán, Quyền Giáo Bồ Tát đã đoạn Kiến Tư phiền não, vẫn đời nghiệp: Họ mang theo Vô Minh phiền não và Trần Sa phiền não. Đó là tứ thánh pháp giới. Sanh về Nhất Chân pháp giới, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ, còn đời nghiệp hay không? Vẫn còn, mang theo gì? Mang theo Vô Minh phiền não, bốn mươi một phẩm Vô Minh. Vì thế, bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ trong hội Hoa Nghiêm cứ đoạn một phẩm vô minh, phẩm vị bèn nâng cao lên một bậc. Đoạn sạch bốn mươi một phẩm Vô Minh, chứng địa vị Diệu Giác là Phật Quả trong Viên Giáo. Chứng Diệu Giác là không đời nghiệp. Như vậy, Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn mang theo một phẩm sanh tướng vô minh, há có thể nói là không đời nghiệp ư?

“*Cửu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn*”: Hàm (咸) là phổ độ. Đúng là bình đẳng phổ độ từ chúng sanh trong địa ngục đến Đẳng Giác Bồ Tát, câu này có ý nghĩa như thế. Chín phẩm hàm linh lên bờ kia, trên đến Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến chúng sanh địa ngục đều phổ độ hết. Pháp môn rộng lớn chẳng thể nghĩ bàn. Tám câu kệ này tán thán A Di Đà Phật tu hành chứng quả, phổ độ chúng sanh đến cùng cực; chúng ta chẳng thể không bội phục tổ sư đại đức viết tám câu kệ này quá hay! Mãi cho đến tận giờ không ai dám thay đổi, cũng không ai dám làm bài kệ khác để so sánh, viết quá hay rồi. Tiếp theo là niệm Phật hiệu:

Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật.

南無西方極樂世界。大慈大悲。阿彌陀佛。

10. Kệ Tán và Phát Nguyện (Di Đà Đại Nguyện Tán)

Chúng tôi lướt qua câu này, tiếp theo là bài kệ tụng:

Đệ nhất đại nguyện.

Quán tưởng Di Đà.

Tứ thập bát nguyện độ Sa Bà.

第一大願。

觀想彌陀。

四十八願度娑婆。

(Đại nguyện bậc nhất,
Quán tưởng Di Đà,
Bốn mươi tám nguyện độ Sa Bà).

Sau khi chúng ta niệm Phật phải phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Cầu sanh Tịnh Độ chính là đại nguyện bậc nhất, đại nguyện bậc nhất của ai? Là đại nguyện bậc nhất của hết thầy chư Phật Như Lai. Lạ lùng thay! Chư Phật Như Lai vẫn phải cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới ư? Đúng vậy, không sai! Chư Phật Như Lai là ai? Những ai là chư Phật Như Lai? Quý vị đọc cuốn Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của cư sĩ Giang Vị Nông sẽ biết ngay. Trong cuốn Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa, cư sĩ Giang Vị Nông bảo chúng ta: Kinh Kim Cang thường nói đến chư Phật, “chư Phật” là nói về ai vậy? Là nói đến các Pháp Thân đại sĩ. Từ Sơ Trụ của Viên Giác đến Đẳng Giác đều là Phật, tức là Phần Chứng Túc Phật, nghĩa là Phần Chứng Túc Phật trong sáu loại Túc Phật do Thiên Thai đại sư đề xướng. Họ là Phật thực sự, không phải giả, nhưng có bốn mươi một tầng lớp, nên gọi là “chư Phật”. Chư Phật Như Lai, Văn Thù, Phổ Hiền mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, chư Phật Như Lai cũng niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật. Còn nếu nói đến Bồ Tát thì Bồ Tát là Tương Tự Túc Phật, tức là những vị thuộc nơi đâu? Thuộc trong Tứ Thánh pháp giới! Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác trong bốn thánh pháp giới và lục đạo chúng sanh.

Như vậy, đệ nhất đại nguyện là đại nguyện của Pháp Thân Như Lai. Pháp Thân Như Lai còn như thế, huống gì chúng ta mà chẳng nên phát đại nguyện này ư? Đương nhiên phải phát, nhất định phải phát. Chẳng những phải phát nguyện, mà còn sau khi phát nguyện rồi, còn phải “*quán tưởng Di Đà, bốn mươi tám nguyện độ Sa Bà*”. Cốt lõi của Tịnh tông là bốn mươi tám nguyện. Bốn mươi tám nguyện mở rộng thành Vô Lượng Thọ Kinh, Vô Lượng Thọ Kinh triển khai thành Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh triển khai thành Đại Tạng Kinh như hiện thời. Trong tất cả hết thầy Phật pháp, bốn mươi tám nguyện là cốt lõi. Nay các đồng học Tịnh tông chúng ta lấy bốn mươi tám nguyện làm kinh văn đọc tụng trong khóa sáng là do đạo lý này.

Khóa tối chúng tôi chọn từ phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy của kinh Vô Lượng Thọ. Đoạn kinh văn này là pháp sám hối, nội

dung là Ngũ Giới, Thập Thiện. Chúng ta đem đoạn kinh văn này đối chiếu những khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, tạo tác của chính mình trong suốt một ngày hôm nay, đức Phật dạy chúng ta nên làm những gì, chúng ta có làm được hay không? Đức Phật dạy chúng ta không được làm gì, chúng ta có tuân thủ hay không? Hãy nghiêm túc phản tỉnh. Đức Phật dạy chúng ta những gì phải làm, những gì không được làm thì chúng ta nhất định phải y giáo phụng hành, thực sự tu tập. Đó là lý do chọn những đoạn kinh văn ấy làm khóa tụng sáng tối.

Cửu phẩm dũng kim ba.

九品湧金波。

(Chín phẩm trời sóng vàng).

“*Dũng kim ba*” (vọt lên trên mặt sóng vàng) nghĩa là gì? Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là liên hoa hóa sanh. Hoa sen trong ao bảy báu, đáy ao bảy báu trải cát bằng vàng, cát bằng vàng làm đáy. Vì thế, nước trong ao bảy báu chói sắc vàng. Hoa sen mọc lên từ cát vàng, hoa nở trên mặt nước, “*cửu phẩm dũng kim ba*” (chín phẩm vọt lên trên mặt sóng vàng), câu này là tả cảnh. Chúng ta nghĩ xem: Trong ao bảy báu có rất nhiều hoa sen như vậy, người niệm Phật liên hoa hóa thân, chín phẩm phổ độ, chỉ cần có duyên là không một ai chẳng được độ. Thế nào là có duyên? Đối với pháp môn tín nguyện trì danh này, quý vị có thể tin, có thể phát nguyện, có thể niệm Phật, quý vị chắc chắn được vãng sanh. Phẩm vị cao hay thấp là như Ngẫu Ích đại sư đã giảng rất hay: Đều là do công phu trì danh sâu hay cạn. Nếu quý vị hiểu được đạo lý này, ta hy vọng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đạt phẩm vị cao thì đơn giản là một câu Phật hiệu suốt ngày từ sáng đến tối không gián đoạn. Tay cầm xâu chuỗi, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, trong mười hai thời không gián đoạn, phẩm vị bèn cao. Chúng ta phải nhớ câu nói ấy của Ngẫu Ích đại sư.

Rốt cuộc Ngẫu Ích đại sư là người như thế nào? Ngài không bộc lộ thân phận, nhưng chúng tôi xét rằng Ngài không phải là hạng tầm thường. Vì sao? Ấn Quang đại sư bộc lộ thân phận, Ngài là Đại Thế Chí Bồ Tát tái lai, Ấn Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát. Tổ Ấn Quang tán thán A Di Đà Kinh Yếu Giải như sau: “*Dẫu cho cổ Phật tái lai, chú giải kinh A Di Đà cũng không thể hay hơn được nữa!*” Vậy thì Ngẫu Ích đại sư là hạng người nào? Chúng tôi cho rằng: Nếu không phải là A Di Đà Phật đích thân tự đến thì cũng chắc chắn là Quán Thế Âm Bồ Tát tái lai.

Nếu không, sẽ chẳng xứng với lời tán thán của Đại Thế Chí Bồ Tát, nhưng Ngài không bộc lộ thân phận. Quả thật A Di Đà Kinh Yếu Giải rất hay, người hiện tại năm vóc gieo sát đất, đọc xong không ai không động tâm. Động tâm gì? Cầu nguyện vãng sanh! Có sức nhiếp thọ lớn lao như thế, “*cửu phẩm dĩng kim ba*”.

Bảo võng giao la.

寶網交羅。

(Lưới báu giăng xen).

Cũng nhằm tả cảnh, Tây Phương Cực Lạc thế giới có bảy tầng lưới báu, bảy tầng hàng cây. “*Bảy*” biểu thị viên mãn, chứ không phải là con số.

Độ vong linh xuất ái hà.

度亡靈出愛河。

(Độ vong linh vượt sông ái).

Không chỉ độ vong linh mà còn là độ chính chúng ta. Quý vị thực sự hiểu rõ, thực sự biết Ái là phiền não, tham ái là tham - sân - si - mạn. “*Xuất ái hà*” là vĩnh viễn thoát phiền não, vĩnh viễn lìa luân hồi. Luân hồi là nói về quả, phiền não là luận về nhân. Cái nhân phiền não biến hiện thành quả báo luân hồi trong lục đạo. Đoạn được cái nhân phiền não thì quả báo tự nhiên không còn nữa. Chính là như đại sư Vĩnh Gia nói: “*Giác hậu không không, vô đại thiên*” (Giác rồi tam giới rỗng toang hoang). Bài tán tụng này chủ yếu là phát nguyện, niệm Phật xong phải phát nguyện, phải cầu chứng quả. Tiếp theo là:

Nam mô Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát

南無蓮池會菩薩摩訶薩。

Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát là nói đến ao sen bảy báu trong thế giới Cực Lạc. Ao sen bảy báu nơi thế giới Cực Lạc rất nhiều, chỗ nào cũng có. Ao sen có lớn, có nhỏ. Rốt cuộc quý vị sẽ sanh vào ao nào? Quý vị có cảm ứng với cái ao nào? Tôi nghĩ rằng cảm ứng ao sen lớn hay nhỏ nhất định do tâm lượng, có mối quan hệ với tâm lượng. Tâm lượng của chúng ta nhỏ sẽ sanh về ao sen nhỏ trong Tây Phương Cực

Lạc. Tâm lượng lớn sẽ sanh về ao sen lớn trong Tây Phương Cực Lạc. Vì thế, chẳng thể không mở rộng tâm lượng. Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới thì quý vị sẽ sanh về ao sen lớn. “*Hết thấy pháp từ tâm tướng mà sanh*”, Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng không ngoài lệ ấy.

A! Nay đã hết giờ rồi!

*

11. Khai thị

Chư vị đồng học!

Hãy xem tiếp bài kệ sau đây trong phần khai thị của thiền sư Trung Phong. Trong bài kệ này, hai câu đầu là câu hỏi, hai câu sau là lời đáp:

Chư khổ tận tùng tham dục khởi,

Bất tri tham dục khởi ư hà?

Nhân vong tự tánh Di Đà Phật,

Dị niệm phân trì tông thị ma!

諸苦盡從貪欲起。

不知貪欲起於何。

因忘自性彌陀佛。

異念紛馳總是魔。

(Các khổ đều từ tham dục khởi,

Từ đâu dục khởi biết chẳng là?

Do quên tự tánh Di Đà Phật,

Dị niệm lăng xăng trợn hóa ma).

Hai mươi tám chữ này phô bày trọn vẹn Thật Tướng của chúng sanh trong lục đạo. Chúng ta niệm đi niệm lại, nghĩ tới nghĩ lui, nhất định có chỗ ngộ. “*Chư khổ*” có thể hiểu là hết thấy các nỗi khổ trong thế gian, do đâu mà có? Do “*tham dục*”. Chữ “*dục*” chỉ tài, sắc, danh vọng, ăn uống, ngủ nghỉ. Chúng tôi thường nói là danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, khởi tâm tham nơi những thứ đó, tham lam không chán. Do tham nên tạo nghiệp, do nghiệp bèn thọ báo, lục đạo luân hồi biến hiện ra như thế đó, vốn nó chẳng có.

Nếu bây giờ truy vấn: Tham dục do đâu mà có? “*Bất tri tham dục*

khởi u hà?” (Chẳng biết tham dục do đâu mà dấy lên?) Con người vì sao có tâm tham? Vì sao có dục vọng? Chúng ta biết trong chân tâm bản tánh không có những thứ ấy. Bởi thế, người giác ngộ, người hiểu rõ bảo chúng ta: Những thứ ấy không thật, chúng là hư vọng. Kinh Kim Cang giảng rất hay: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*” (Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng), “*nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Vốn không có, vì sao hiện thành có? Hiện tại những thứ ấy trói buộc thân quý vị, quý vị không có cách gì gỡ thoát, không có cách gì vượt khỏi lục đạo luân hồi, chẳng thể thoát khỏi khổ báo của ba chương. Tiếp đó, thiền sư Trung Phong vì chúng ta chỉ ra:

“*Nhân vong tự tánh Di Đà Phật*” (Do quên tự tánh Di Đà Phật). Di Đà Phật là tự tánh, tự tánh Di Đà Phật. Tự mình vốn đã là [Phật]. Danh hiệu A Di Đà Phật có thể dịch được, không phải chẳng thể dịch được. A dịch là Vô, Di Đà dịch là Lượng, Phật là Giác. Chúng ta nghĩ xem: Tự tánh chẳng phải là vô lượng giác hay sao? Vô Lượng Giác là A Di Đà Phật; tự tánh vô lượng giác, vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tướng hảo; hết thảy vô lượng một cách vô lượng. Tự tánh vốn sẵn đầy đủ, chẳng thiếu khuyết mảy may. Quên mất tự tánh, mê mất tự tánh nên mới sanh khởi vọng tưởng, sanh khởi phân biệt, sanh khởi chấp trước. Do vậy, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là phiền não tập khí, từ đâu mà có? Từ mê mất tự tánh mà ra.

Đại sư nói “*nhân vong tự tánh*” (do quên tự tánh) đã hay rồi, sao còn phải thêm “*Di Đà Phật*”? Dụng ý trong câu này rất sâu; câu này nói theo lối song quan³². Quý vị quên mất tự tánh vô lượng giác, nay khiến quý vị niệm A Di Đà Phật với ngụ ý gì? Niệm cho vô lượng giác nơi tự tánh bật ra, đó gọi là “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Vì thế, Ngài không dùng danh hiệu Phật, Bồ Tát nào khác, mà dùng [danh hiệu] A Di Đà Phật. Dùng danh hiệu A Di Đà Phật vì tất cả danh hiệu Phật, Bồ Tát đều bao gồm trong ấy, đó là tổng danh hiệu. Chúng tôi thường nói: Danh hiệu ấy là tên gốc của tự tánh, hết thảy các danh hiệu khác là biệt danh, biệt hiệu của tự tánh, còn đây là bản danh (tên chính, tên gốc).

Mê mất tự tánh, “*dị niệm*” bèn sanh khởi, dị niệm là vọng tưởng, “*phân trì*” là phân biệt, chấp trước, đó là ma! Trong kinh Bát Đại Nhân Giác, đức Thế Tôn bảo có bốn loại ma: Thứ nhất là Ngũ Ấm Ma; Sắc,

³² Song quan: Lối nói bao gồm ý nghĩa kép.

Thọ, Tướng, Hành, Thức là Ngũ Âm Ma. Vì sao Ngũ Âm biến thành Ma? Vì quên mất tự tánh Di Đà Phật, nên Ngũ Âm biến thành Ma. Nếu quý vị giác ngộ, tìm được A Di Đà nơi tự tánh, thì Ngũ Âm biến thành Phật. Đây chẳng phải là y báo chuyển theo chánh báo đó ư? Chẳng phải là như trong kinh, đức Phật thường nói “*nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (hết thấy pháp từ tâm tướng mà sanh) đó ư? Tùy theo ý niệm của quý vị như thế nào, cảnh giới bên ngoài sẽ chuyển theo ý niệm ấy. Phần sau lại còn khai thị tường tận hơn nữa.

Như vậy, phải biết Ma do đâu có, Ma là vọng niệm, ý niệm của quý vị không tương ứng với tự tánh; ấy là Ma. Yêu ma, quỷ quái từ đó mà sanh, tự tánh của chúng cũng là A Di Đà Phật. Đúng như Ngẫu Ích đại sư đã nói: “*Cảnh duyên vô hảo xú, hảo xú khởi u tâm*” (Cảnh duyên không xấu - tốt, xấu - tốt từ tâm khởi). Phật là tốt, ma là xấu, cổ đức thường nói: “*Vô Phật, diệt vô ma*” (Không Phật, cũng không ma), chính xác! Lại xem phần khai thị tiếp theo. Đoạn khai thị này khá dài, cũng nên chia thành vài đoạn. Chúng tôi đọc từng đoạn một để học tập.

Giáo trung đạo: “Sanh nhi vô sanh, Pháp Tánh trạm nhiên, vô sanh nhi sanh, nghiệp quả nghiêm nhiên”.

教中道。生而無生。法性湛然。無生而生。業果儼然

(Trong giáo pháp có nói: “*Sanh nhưng vô sanh, Pháp Tánh lặng trong; vô sanh mà sanh, nghiệp quả rành rành*”).

Đây là một đoạn. Đoạn này là cương lĩnh của phần khai thị nhằm thuyết minh đạo lý cho chúng ta. “*Giáo trung đạo*”: Giáo là lời dạy dỗ của đức Thế Tôn, đức Thế Tôn răn dạy có nói như thế đó, “*đạo*” nghĩa là nói. Thông thường cũng có thể hiểu Giáo là kinh luận, “*giáo trung đạo*” là kinh luận Phật giáo có nói như thế này. Hai cách hiểu này tương đồng, nhưng chúng tôi dùng cách thứ nhất ngõ hầu con người hiện tại dễ hiểu hơn: [“*Giáo trung đạo*” nghĩa là] trong khi giảng dạy, đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã có nói như thế đó. Giải thích như vậy chắc mọi người đều hiểu được.

“*Sanh nhi vô sanh, Pháp Tánh trạm nhiên*”, vì sao nói “*sanh nhi vô sanh*”? Sanh là hiện tướng, tướng sanh khởi lên, tức là hiện tướng sanh khởi. Có những kẻ chấp tướng, mê tướng, như thế là lầm lạc, không hiểu rõ chân tướng sự thật. Chân tướng sự thật là gì? Chân tướng là vô sanh. Chân tướng là sanh nhưng không sanh. Đạo lý này sâu xa lắm. Nếu quý vị biết sanh nhưng vô sanh, chẳng chấp tướng, chẳng sanh khởi

vọng tướng, phân biệt, chấp trước thì quý vị đã trụ trong cảnh giới của Phật.

Nói “*sanh nhưng vô sanh*”, biết “*Pháp Tánh trạch nhiên*”. “*Trạch nhiên*” là thanh tịnh đến tột bậc. Giống như nước, nước không có tí xíu sóng gợn nào thì gọi là “*trạch*”; không có chút nhiễm ô nào, nước giống như một tấm gương, nhìn thấu tận đáy, sạch sẽ, chẳng nhiễm mảy trần. “*Trạch nhiên*” là như vậy đó. Pháp Tánh trạch nhiên: Pháp Tánh vĩnh viễn lặng trong, Pháp Tánh bất sanh, bất diệt, Pháp Tánh không đến, không đi, Pháp Tánh không nhờ, không sạch, Pháp Tánh chẳng phải có, chẳng phải không. Vì sao là chẳng phải có? Vì Pháp Tánh lặng trong. Vì sao là chẳng phải không? Vì nó có thể hiện tướng. Giống như nước sạch, nước không sóng mòi, nó hiện tướng; son hà đại địa bên ngoài hiện bóng trong nước, nó có tướng. Tuy có tướng, nhưng chẳng thể nắm bắt được tướng ấy, nên tướng ấy chẳng liên quan gì đến cái Có. Nó vốn không có tướng, cảnh giới bên ngoài chiếu vào nó, cho nên nói là “*sanh nhưng vô sanh*”. Dùng nước để tỷ dụ, quý vị hãy quan sát kỹ. Hoặc dùng tấm gương [làm tỷ dụ], lại càng dễ thấy hơn. Gương chiếu hình ảnh bên ngoài, tướng trong gương là “*sanh nhưng vô sanh*”. Sanh vì trong ấy có tướng, vô sanh vì quả thật không có tướng.

Đây là nói về chân tâm của chúng ta, luận về bốn tánh, Pháp Tánh. Trong bốn tánh quả thật không có tướng, nhưng nó có thể hiện tướng. Chuyện này rất lạ lùng, [Pháp Tánh] không giống như tấm gương, chẳng có cách nào tỷ dụ được. Dùng gương hay nước để tỷ dụ Pháp Tánh đều chẳng thể được! Gương hay nước là bên ngoài có tướng soi bóng vào chúng, còn Pháp Tánh có thể hiện được tướng, tuy nó vốn không có tướng! Không có tướng mà lại có thể hiện tướng, hiện tướng nhưng [tướng được hiện ra ấy] không phải là cái nó vốn có, đấy mới là diệu. Không dễ hiểu đâu, quả thật rất khó hiểu! Hiện thời, các nhà khoa học đã phát hiện, đã nói: “Có là do đâu mà có?” Có từ Không mà sanh ra! Không là Pháp Tánh, Pháp Tánh vốn không có, nhưng nó có thể hiện tướng, có thể sanh ra Có. Có lại quy về Không, vẫn trở về nơi Không. Vô là Pháp Tánh, Hữu là pháp tướng.

Pháp tướng là gì thế? Pháp tướng là hiện tướng (tướng được biến hiện), hiện ra những tướng nào? Hư không, pháp giới! Trong kinh điển Đại Thừa, đức Phật dạy chúng ta: Những tướng được hiện là thế giới Cực Lạc, thế giới Hoa Tạng, [những thế giới ấy] do Pháp Tánh hiện ra. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới cũng do nó hiện, thật ra, [tất cả những tướng được hiện ấy] đều là Nhất Chân pháp giới

nhưng đã bị biến dạng đi. Cái gì có khả năng làm biến dạng nó? Chính là Thức! Thức là phân biệt, chấp trước. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước khiến cho những tướng ấy bị biến dạng. Có vọng tưởng nhưng không có phân biệt và chấp trước thì mức độ biến dạng ít, Nhất Chân pháp giới bị biến dạng thành tứ pháp giới. Nếu trong ấy lại còn thêm phân biệt, chấp trước thì mức độ biến dạng rất lớn, [Nhất Chân pháp giới] biến thành lục đạo luân hồi. Bởi thế, lục đạo luân hồi và tứ thánh pháp giới vốn chỉ là Nhất Chân pháp giới. Điều đó cho thấy: Nếu quý vị lìa được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì ngay lập tức những tướng bị biến dạng ấy sẽ khôi phục đúng đắn, thế giới được khôi phục đúng đắn sẽ chính là Cực Lạc, chính là Hoa Tạng!

Thế giới này chỉ do tâm hiện, biến hiện ra, thời gian hiện hữu là bao lâu? Không có thời gian. Thừa cùng quý vị, không có thời gian mà cũng chẳng có không gian. Thời gian lẫn không gian hoàn toàn là giả, không thật. Thời gian và không gian từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà sanh. Pháp Tánh hiện tướng là Nhất Chân, quý vị phải chú tâm thấu hiểu điều này, nó rất khó hiểu. Vì sao? Đây chẳng phải là chuyện chúng ta thường nhận biết, kiến thức thông thường không thể lãnh hội nổi. Khoa học không thể giải thích được, triết học cũng không thể giải thích. Nhà Phật nói “*nhất thời đốn hiện*” (nhANH chóng xuất hiện trong cùng một lúc), nay khoa học hiện tại đã biết nói “*nhất thời đốn hiện*”. Hiện thời các nhà khoa học đã biết vũ trụ vốn là nhất thời đốn hiện. Gần đây, các nhà khoa học nói “*trong Không sanh ra Có, nhất thời đốn hiện*”. Thời gian hiện diện hết sức ngắn, ngắn đến mức độ nào thì chúng ta không có cách gì tưởng tượng được. Chúng ta nói đến sát-na ư? Sát-na còn là quá dài!

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật dạy: “*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*” (sanh ra từ nơi đâu, sẽ diệt mất ngay nơi đó). Hai câu trên hình dung chân tướng của sự “*nhất thời đốn hiện*”. Thế nhưng nhất thời đốn hiện không ngừng; cái nhất thời đốn hiện này vừa diệt thì cái thứ hai lại nhất thời đốn hiện. Cái nhất thời đốn hiện thứ hai vừa diệt, cái thứ ba lại nhất thời đốn hiện. Thế giới được chúng ta cảm nhận trong hiện tại chỉ là tướng nhất thời đốn hiện liên tục, từng cái tiếp nối nhau, tướng tương tục (tiếp nối nhau), chuyện là như vậy, quyết định không có hai tướng hoàn toàn tương đồng. Đến khi nào mới tương đồng? Phật Phật đạo đồng. Đến khi chứng được Phật quả rốt ráo, cũng có nghĩa là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều đoạn sạch, lúc đó, những tướng được hiện sẽ tương đồng. Tướng ấy vẫn là tướng tương tục y như

cũ, nhưng cái tướng tượng tục ấy tương đồng, không biến đổi. Phải là ở nơi Quả Địa Như Lai mới thấy được điều ấy, Đẳng Giác không thấy được, vì sao? Đẳng Giác Bồ Tát còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa đoạn, vẫn còn sai khác cảnh giới Phật đôi chút, không hoàn toàn tương đồng. Câu nói này (tức câu “*sanh nhưng vô sanh, Pháp Tánh trạm nhiên*”) đã nói toạc Thật Tướng của các pháp và chân tướng nhân sinh vũ trụ.

“*Vô sanh nhi sanh, nghiệp quả nghiêm nhiên*”: Thuyết minh vì sao trong Không có thể sanh ra Có. Câu trước ngụ ý Sanh là có, Vô Sanh là không, trong Không sanh ra Có. Phần trên đã giảng trong Có vì sao là Không. Nói như thế rồi, bây giờ bèn nhìn ngược lại, tức là từ cảnh giới Như Lai nhìn ngược vào cảnh giới đã bị biến dạng: “*Vô sanh mà sanh*”. Khoa học gia hiện thời đã phát hiện vô sanh mà sanh, nhưng câu trên đây tôi vẫn chưa nghe nói tới. “*Nghiệp quả nghiêm nhiên*”: Mê hoặc tạo nghiệp, thọ báo. Trong những phần trên tôi đã nói đến tam chương; trong phần Vãng Sanh Chú có nói: Phiền Nã Chương, Nghiệp Chương, Báo Chương. “*Vô sanh mà sanh*” là nói đến cái bị biến dạng. Thật tướng của các pháp bị biến dạng như thế nào? Chính là nghiệp quả rành rành.

Câu “*nghiệp quả nghiêm nhiên*” nói cách khác là nhân quả chẳng không! “*Vạn pháp giai không, nhân quả bất không*” (vạn pháp đều không, nhân quả chẳng không). Nghiệp báo nghiêm nhiên là nhân quả chẳng không. Vì sao lại nghiêm nhiên? Vì sao nhân quả chẳng không? Nhân biến thành quả, quả lại biến thành nhân. Nhân quả biến chuyển chẳng không, nhân quả tuần hoàn chẳng không, nhân quả tiếp nối chẳng không. Đó là chân tướng sự thật. Đạo lý này chung cho cả pháp thế gian lẫn pháp xuất thế gian. Phật pháp chẳng lìa nhân quả. Thanh Lương đại sư phán định Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là “ngũ châu nhân quả” (năm tầng lớp nhân quả). Kinh Diệu Pháp Liên Hoa là “nhất thừa nhân quả”. Bỏ đi nhân quả, đức Phật cũng không còn pháp gì để nói nữa. Do vậy, pháp thế gian và xuất thế gian chẳng lìa nhân quả.

Do đây biết rằng: Chớ nên tạo nhân ác, quyết định chớ nên tổn hại hết thảy chúng sanh. Chẳng những không được tổn hại, mà ý niệm tổn hại cũng chẳng được có. Khởi lên ý niệm ấy tức là tạo một chủng tử ác trong A Lại Da Thức. Như vậy, chúng ta tu hành chính là tu điều gì? Quan trọng nhất là ác niệm không sanh. Tiêu chuẩn thiện ác đối với người mới học Phật giáo là Thập Thiện Nghiệp đạo. Nói cách khác, giết, trộm, dâm, dối, nói dối chiều, ác khẩu, nói thêu dệt, tham-sân-si là mười ác nghiệp. Không có những ý niệm ấy, đương nhiên chẳng cần phải nói

đến hành vi. Đó là thực sự tu hành, đó là thực sự dụng công. Lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần bên ngoài mà vẫn có ý niệm thì là trật rồi! Quý vị nói thân tôi không tạo, nhưng ý quý vị đã tạo! Công cụ để tạo nghiệp có ba thứ (ba loại lớn): thân - ngữ - ý. Thân không tạo, miệng không tạo, nhưng ý tạo. Quý vị động niệm thì vẫn chẳng thể thoát khỏi luân hồi trong lục đạo.

Vì vậy, nếu ba nghiệp thanh tịnh, trong ba nghiệp quan trọng nhất là ý nghiệp, chỉ cần nơi ý nghiệp không tạo ác thì thân và miệng chắc chắn không tạo ác. [Những ác nghiệp nơi] Thân và Miệng gồm bảy chi, thân ba (giết, trộm, dâm), miệng bốn (nói dối, nói dối chiều, nói thêu dệt, ác khẩu), chịu sự chỉ huy của Ý, tiếp nhận sự chỉ huy của Ý, vâng lệnh tạo tác. Ý không có thì làm sao Thân và Miệng tạo tác được? Nghiệp quả nghiêm nhiên, chúng ta phải thời thời khắc khắc cảnh tỉnh cao độ nơi chỗ này. Trong phần khai thị tiếp theo, thiền sư Trung Phong giải thích bốn câu cương lĩnh nói trên:

Sở vị sanh giả.

所謂生者。

(Như sanh vừa nói đó)

Thế nào là Sanh? Thế nào là Vô Sanh? Ở đây, đại sư giải thích cho chúng ta biết “*cái Sanh vừa nói đến đó*”:

Tức chúng sanh sanh diệt chi Tích dã.

即眾生生滅之跡也。

(Chính là dấu vết sanh diệt của chúng sanh).

“Tích” (跡) là huyền tướng, là dấu vết, chúng ta thường gọi là hiện tượng. “*Chúng sanh sanh diệt chi Tích dã*”. Hai chữ “*chúng sanh*” là mấu chốt. Có rất nhiều người hề thấy chữ “*chúng sanh*” bèn nghĩ ngay đến con người, không sai, con người là do các duyên hòa hợp sanh ra; nhưng chúng ta thấy ngoài con người ra, còn có rất nhiều động vật, động vật cũng do các duyên hòa hợp mà sanh. Ngoài động vật còn có thực vật, vẫn là do các duyên hòa hợp mà sanh. Ngoài thực vật còn có khoáng vật, núi, sông, đại địa, bùn, cát, đất, đá. Tây Phương Cực Lạc thế giới có bảy báu, vô lượng trân bảo, có thứ nào chẳng do các duyên hòa hợp mà sanh. Thậm chí hư không, vẫn là do các duyên hòa hợp mà sanh.

Không có duyên, hư không chẳng xuất hiện!

Các nhà khoa học hiện thời phát hiện không gian mười phương lẫn thời gian ba đời đều là giả, không thật. Trong một tình huống nào đó, không gian lẫn thời gian không tồn tại, chúng có thể bằng zéro. Không gian có xa - gần, bằng với zéro là không còn xa - gần; thời gian có quá khứ, hiện tại, vị lai; bằng với zéro thì không còn quá khứ, hiện tại, vị lai. Các duyên hòa hợp mà sanh, cho nên ý nghĩa của chữ “*chúng sanh*” hết sức rộng lớn, bao gồm cả hư không, pháp giới, hữu tình, vô tình, không có một hiện tượng nào chẳng phải do các duyên hòa hợp sanh ra. Nói cách khác, sáu cảnh mà sáu căn tiếp xúc đều gọi là chúng sanh. Những hiện tượng ấy đều có sanh diệt, chúng tôi vừa mới nói đó thôi, “*sanh ra từ chỗ nào, sẽ diệt mất ngay nơi đó*”.

Chỉ có đức Phật biết “*sanh ra từ chỗ nào, sẽ diệt mất ngay nơi đó*”, chắc chắn phàm phu chúng ta không thể biết được; bởi lẽ, tốc độ ấy quá nhanh, chúng ta không có cách gì tưởng tượng được, không có cách nào diễn tả được! Thế giới theo cảm nhận của chúng ta chính là những hiện tượng có hình tướng tiếp nối; nhưng trong tướng tiếp nối ấy, chúng ta cũng thấy có chúng có sanh diệt, nhưng sự sanh diệt ấy không phải là sanh diệt của Pháp Tánh, mà là sự sanh diệt thuộc về phân biệt, vọng tưởng, chấp trước của chúng ta. Hết thấy hoàn cảnh và vạn sự vạn vật trong hoàn cảnh, thuận theo vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của chúng ta mà sanh diệt. Chúng có sự đáp trả, có phản xạ, chúng ta chỉ có thể nhận biết được chuyện này; còn những chuyện sâu hơn, rộng hơn, kín nhiệm hơn, chúng ta hoàn toàn không biết. Nay chúng ta học Phật biết được đôi chút là do từ kinh luận Đại Thừa mà thấy, nếu chư Phật, Bồ Tát không chỉ dạy chúng ta, làm sao chúng ta nghĩ ra được? Đó là “*chúng sanh sanh diệt chi Tích*”.

Vị vô sanh giả.

謂無生者。

(Còn vô sanh thì).

Thế nào là vô sanh?

Tức chư Phật tịch diệt chi bản dã.

即諸佛寂滅之本也。

(Chính là tâm tánh tịch diệt của chư Phật vậy)³³.

Sở chứng của chư Phật Như Lai là quả địa rất ráo. “*Tịch diệt chi bản*” nghĩa là gì? Bản là Phật tánh, là tâm tánh, tâm tánh thanh tịnh tịch diệt, nhưng cái thanh tịnh tịch diệt ấy lại có thể sanh khởi, hiện tướng. Dù sanh khởi, hiện tướng, nhưng nó không mất bản tánh. Cũng có thể nói: Tướng được biến hiện [bởi bản tánh] và bản tánh (Thể) là một, Tướng có, Thể không! Chánh nhân là Thể không có, Thể là không tịch, như vậy tướng ấy ngăn ngại hay không ngăn ngại? Không ngăn ngại! Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Chướng ngại do đâu mà có? Chướng ngại từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà sanh. Trong tự tánh không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên không có chướng ngại. Pháp giới vô chướng ngại chính là điều được chứng đắc bởi chư Phật Như Lai. Trong pháp giới vô chướng ngại không có khổ, hết thấy các nỗi khổ trọn chẳng thể có được. Trong chướng ngại có khổ nên trong mười pháp giới có khổ, trong Nhất Chân pháp giới chẳng có khổ.

Pháp Tánh tràm nhiên giả, linh minh tràm tịch, huyền diệu chân thường, cá cá bất vô, nhân nhân bản cù.

法性湛然者。靈明湛寂。玄妙真常。箇箇不無人人本具。

(Pháp Tánh tràm nhiên là linh minh tràm tịch, huyền diệu chân thường, không gì chẳng có, ai nấy sẵn đủ)

Đoạn này giảng thật hay! Đoạn này vô cùng khó hiểu. “*Pháp Tánh*” là Phật Tánh, là chân tâm của chúng ta, là bản tánh của chúng ta. Chúng ta phải hiểu “*tràm nhiên*” là gì? Là thuần tịnh! Chỉ có thể nói như thế này để hình dung: Không nhiễm ô mảy may, không dao động mảy may, bất sanh, bất diệt. Trung Quán Luận nói đến “*bát bất*”: bất lai, bất khứ, bất thường, bất đoạn, bất cấu, bất tịnh (không đến, không đi, không thường còn, không đoạn diệt, không dơ, không sạch). Đại Thừa

³³ Xin chú ý, ở đây Trung Phong đại sư dùng hai khái niệm đặc thù của tông Thiên Thai: Bản và Tích. Bản là cái gốc, chỉ cho bản thể, chân tâm bản tánh, Phật tánh, chân như... Tích là những gì biến hiện từ Bản. Sách vở tông Thiên Thai thường giảng Bản như mặt trăng, Tích như bóng trăng hiện trong nước; hoặc nói Tỳ Lô Giá Na là Bản, Thích Ca Mâu Ni Phật trong thế giới Sa Bà là Tích. Ở đây, tướng chúng sanh sanh diệt là Tích, còn chư Phật tịch diệt là Bản. Lời giảng của Hòa Thượng Tịnh Không không ngoài những ý này.

Phật pháp đem hết thảy những hình dung từ ấy gộp thành pháp môn Bất Nhị. Bất Nhị có nghĩa là không có gì đối đãi, phạm phu chúng ta nói là “*tương đối*”. Trong Pháp Tánh không có tương đối. Không những trong Pháp Tánh chẳng có tương đối mà trong Pháp Tánh từ trước đến nay không khởi tâm động niệm, từ trước đến nay không phân biệt, chấp trước. Trong hội Lăng Nghiêm, Thích Ca Mâu Ni Phật nói “*thanh tịnh bốn nhiên*”, “*diệu minh chân tâm*”, nó vốn sẵn là như vậy.

“*Linh minh trạm tịch*” là tánh đức, nó vốn sẵn là như vậy; không những “*linh*” mà còn “*minh*” nữa! Do đó, trong phần khai thị của thời thứ hai, thiền sư Trung Phong nói đến Linh Tri Tâm. Linh Tri Tâm là Pháp Tánh, là Chân Tâm, là Chân Như, là Bản Tánh, là Bản Giác, còn gọi là Đệ Nhất Nghĩa. Một sự việc mà đức Phật gọi bằng mười mấy danh từ, vì sao lại nói như vậy? Một mặt nhằm hiển thị đức năng của tâm tánh là vô lượng vô biên, mặt khác nhằm dạy chúng ta chớ nên chấp trước, biết những danh từ ấy đều nhằm chỉ một sự việc. Vì sao? Lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì quý vị mới tự chứng được. Nếu quý vị vẫn còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ vĩnh viễn chẳng thể chứng đắc. Nói cách khác, quý vị vĩnh viễn mê hoặc, vĩnh viễn bất giác. Pháp Tánh linh minh là như kinh Đại Thừa thường nói: Nó có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết, thấy - nghe - hay - biết; “*linh minh*” là nói đến sự thấy - nghe - hay - biết ấy. Nó vốn sẵn có năng lực đó.

Như hiện thời, tiến sĩ Giang Bồn Thắng làm thí nghiệm kết tinh trên nước, phát hiện nước có khả năng thấy, nghe, hiểu được ý tưởng của con người. Con người có thiện ý đối với nước hoặc là có ác ý đối với nó, nó có thể cảm nhận, chứng tỏ nước có khả năng thấy - nghe - hay - biết. Nước thuộc về khoáng vật, do khinh khí (hydrogene) và dưỡng khí (oxygene) hợp thành. Nếu quý vị tách nước ra, tách thành khinh khí và dưỡng khí thì nước không còn nữa. Vậy mà thừa cùng quý vị, nguyên tử khinh khí và dưỡng khí vẫn đầy đủ [khả năng] thấy - nghe - hay - biết. Điện tử (electron) và hạch tử (nuclear) hợp thành nguyên tử. Mỗi một điện tử và nguyên tử cũng có khả năng thấy - nghe - hay - biết. Nếu lại tách ra nữa, chia chẻ thành lap tử (lepton và những hạt nhỏ hơn nữa) thì mỗi một lap tử vẫn thấy - nghe - hay - biết. Vì sao? Pháp Tánh trạm nhiên mà!

Như vậy, toàn thể vũ trụ, kể cả hư không, hết thảy chúng sanh trong hư không thế giới, bản thể của nó là Pháp Tánh. Bản năng của Pháp Tánh nhất định không bị mất đi, bản năng của Pháp Tánh là linh minh giác tri, cũng tức là thấy - nghe - hay - biết. Như vậy, chúng ta có

thể biết là hết thấy vạn sự, vạn vật trong vũ trụ đều có thể thấy - nghe - hay - biết, chứ không riêng gì nước. Hiện thời, rất nhiều đồng học làm thí nghiệm, [nhận thấy] hoa quả, cây cối cũng thấy - nghe - hay - biết. Đối xử tốt với chúng thì lá đặc biệt xanh, hoa đặc biệt thắm, đặc biệt thơm. Nó đền đáp mình. Đối với nó bất thiện, nó gục đầu ủ héo úa, hết còn thơm tho, vẻ rực rỡ cũng mất tiêu. Chúng hiểu thiện ý của con người, có thấy - nghe - hay - biết, chúng có Pháp Tánh. Vì sao lại có hiện tượng ấy? Trong kinh đức Phật giải đáp rất hay: “*Pháp nhĩ như thị*”, nghĩa là chúng vốn sẵn như vậy. Nay chúng ta thâm nhập kinh tạng một chút bèn hiểu rõ. Bởi lẽ, Thể của chúng là Pháp Tánh, Pháp Tánh vốn sẵn có đầy đủ năng lực ấy, năng lực ấy nhất định chẳng bị mất đi; năng lực ấy trọn khắp hư không pháp giới. Vì thế, nói là nó bất sanh, bất diệt, không đến, không đi, không tăng, không giảm, “*linh minh trạch tịch*”.

“*Huyền diệu chân thường*”: Thực sự không có cách chi để tượng tượng được nổi thì đó là “*huyền diệu*”. Cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn là Chân. Thường là vĩnh hằng, không giả, bất sanh, bất diệt, vĩnh viễn tồn tại. Đó là chân tánh, chân tâm, hay bản lai diện mục của chúng ta. Tông Môn thường nói: “*Bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra*”, bản lai diện mục (diện mạo sẵn có) là Pháp Tánh.

Hai câu kệ đó nói tuyệt hay, “*cá cá bất vô, nhân nhân bốn cụ*” (không gì chẳng có, ai nấy sẵn đủ). “*Nhân nhân bốn cụ*” ý trong loài người chúng ta, không một ai chẳng có đủ. “*Cá cá bất vô*” ý nói toàn thể vũ trụ, bất luận hư không, bất luận pháp giới, bất luận cõi nước – nay chúng ta gọi cõi nước là tinh cầu, là tinh hệ, đó là cái lớn; cái nhỏ là vi trần. Đúng như kinh Lăng Nghiêm bảo là “*chư pháp sở sanh*” (các pháp được sanh), chữ “*chư pháp*” chỉ hết thấy các pháp trong vũ trụ: hư không, pháp giới, cõi nước, chúng sanh, hết thấy các pháp, “*chỉ do tâm hiện*”, tâm ở đây là Pháp Tánh, [tất cả các pháp ấy đều] do tâm tánh biến hiện. Đức Phật lại nói tiếp: “*Nhất thiết nhân quả, thế giới, vi trần, nhân tâm thành Thể*” (Hết thấy nhân quả, thế giới, vi trần, do tâm mà thành Thể). Tâm ấy là Pháp Tánh, Thể của nó là gì? Thể là Pháp Tánh. Pháp Tánh vốn sẵn đầy đủ linh tri, há có thứ gì không linh? Há có thứ gì không tri (biết)? Tri chính là giác! Như vậy, hết thấy pháp đều có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết.

Người chết đi, mới chết chưa lâu, thần thức vẫn có thể thấy - nghe - hay - biết. Vì sao? Thần thức do Pháp Tánh biến hiện ra. Dù thần thức tách lìa [thân thể], thân thể không hít thở nữa, tất cả mọi bộ phận đều

ngưng vận hành, nhưng mỗi tế bào trên thân thể ấy vẫn còn thấy - nghe - hay - biết, vì sao? Mỗi tế bào là một vật thể, vật thể ấy lấy tâm làm Thể. Ta dùng thiện ý đối đãi chúng, chúng sẽ đáp ứng tốt lành. Dùng ác ý đối với chúng, chúng sẽ đáp ứng xấu ác. Do vậy, chúng ta dùng thiện ý đối với người mất, chúc phước cho người ấy, người ấy sanh trong ba đường lành; dùng ác ý đối với người ấy, người ấy bèn phản ứng ác, sanh vào ba đường ác.

Bởi thế, người chết qua đời, chúng ta thường nói là “tắt thở”, trong tám tiếng đồng hồ chẳng được đụng chạm người ấy. Vì sao? Đụng vào người ấy, người ấy vẫn còn cảm giác, cảm giác đau khổ. Đau khổ bèn sanh tâm sân hận. Đó là một tin tức không tốt, người ấy sẽ có phản ứng không tốt, người ấy chịu quả báo trong tam đồ. Vì thế, trong tám tiếng, tốt nhất là mười hai tiếng, chớ có đụng chạm đến, ngay cả giường cũng đừng đụng vào. Chúng ta ở bên cạnh niệm Phật giúp cho người ấy, trợ niệm. Một câu A Di Đà Phật như mọi người đều biết là tin tức tốt lành nhất, là tin tức thù thắng nhất. Nếu người chết hoàn toàn tiếp nhận tin tức ấy, phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, người ấy thành công rồi! Nếu người ấy phiền não tập khí quá nặng, dẫu mọi người trợ niệm, người ấy vẫn không có ý niệm vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tuy vẫn không có ý niệm như vậy, nhưng không bị đọa trong ba ác đạo. Sự thật là như thế, đạo lý là đây, chúng ta chẳng thể không biết. “*Cá cá bất vô, nhân nhân bốn cụ*” (Không gì chẳng có, ai nấy sẵn đủ).

A! Bữa nay hết giờ rồi, chúng tôi giảng đến đây thôi!

Tập 43

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần khai thị của thiền sư Trung Phong, tức phần khai thị trong thời thứ nhất.

Chỉ nhân tối sơ bất giác, hốt nhĩ động tâm, nhận vọng vi chân, mê kỷ trục vật. Do thị nghiệp vãng khiên triền, lưu chuyển ngũ đạo. Hằng tùy sanh tử dĩ thăng trầm, căng cổ chí kim nhi mị gián.

只因最初不覺。忽爾動心。認妄為真。迷己逐物。由是業網牽纏。流轉五道。恆隨生死以升沉。亙古至今而靡間。

(Chỉ vì thoát đầu bất giác, đột nhiên động tâm, tưởng vọng là chân, mê mất bản thân, chạy theo vật dục. Do vậy, lưới nghiệp quán trôi, lưu chuyển trong năm đường. Luôn thăng trầm theo sanh tử, suốt từ xưa đến tận nay chưa hề gián đoạn).

Chúng ta đọc đến đoạn này. Trong phần trước, thiền sư dạy chúng ta về chân tướng sự thật của Pháp Tánh và nghiệp quả; đồng thời lại giảng: Pháp Tánh linh minh trạm tịch, không gì chẳng có, ai nấy sẵn đủ. Chúng tôi nói: Nơi hoàn cảnh y báo, đặc biệt là tại thực vật và khoáng vật [Pháp Tánh ấy cũng thể hiện sự linh minh trạm tịch]; trên thực tế, điều rõ ràng nhất là thân thể chúng ta cũng là y báo, vì sao? Thân thể là cái được hiện, cái được biến, so với núi, sông, đại địa, cây cối, hoa cỏ bên ngoài là vật chất, thì vật chất nơi thân thể và vật chất bên ngoài không khác gì nhau. Kinh Kim Cang nói tới “*nhất hiệp tướng*” chính là đã giảng rất rõ, rất minh bạch.

Nếu nói theo học thuật hiện tại thì “*nhất*” là lập tử cơ bản. Tất cả hết thảy vật chất đều do những hạt này hợp thành. Nhưng lập tử cơ bản rốt cuộc là gì vậy? Hiện thời, [khoa học] chưa phát hiện được, vẫn khó nói lắm. Nay khoa học đã phát hiện điện tử, nguyên tử, lập tử; lập tử có còn chia chẻ ra được nữa hay không? Trên mặt lý luận thì sự chia chẻ ấy vĩnh viễn bất tận, nhưng trên thực tế, khoa học kỹ thuật mới chỉ đạt đến mức độ này: Hiện thời, vật chất nhỏ nhất được phát hiện được gán cho cái tên là “*khoa-khắc*” (quark)³⁴. Còn có thể tách nó ra nhỏ hơn nữa được không? Các nhà khoa học chẳng dám quyết đoán. Vì sao? Khoa học kỹ thuật tiến bộ không ngừng. Trên mặt lý luận, đương nhiên là có thể chia nhỏ được. Những thứ này đều là các thứ được hiện, được biến, đúng là “*cá cá bất vô, nhân nhân bốn cụ*” (không gì chẳng có, ai nấy sẵn đủ).

Vật thể dù nhỏ đến đâu, cho dù nó là căn bản của hết thảy vạn vật trong toàn thể vũ trụ, tức là hết thảy vạn vật đều do nó hợp thành, thì nó vẫn có Pháp Tánh. Phải biết điều này: Nó có Pháp Tánh. Pháp Tánh trạm nhiên, chẳng biến đổi mảy may. Vậy thì rốt cuộc cái gì đã biến đổi chúng ta? Trong kinh Lăng Nghiêm có một đoạn Văn Thù Bồ Tát giảng rất khéo, tức là trong phần Tuyền Trạch Viên Thông (chọn lựa pháp

³⁴ Khoa-khắc (quark): Tuy khoa-khắc là lập tử cơ bản nhỏ nhất cấu thành vật chất, nhưng hầu như không bao giờ thấy chúng tồn tại độc lập. Quark thường kết hợp thành những cấu trúc lớn hơn gọi là hardron (cường tử). Quark do Murray Gell Mann và George Zweig phát hiện vào năm 1964.

Viên Thông), Ngài đã nói:

*Giác hải tánh tròng viên,
Viên tròng giác nguyên diệu,
Nguyên minh chiếu sanh sở,
Sở lập chiếu tánh vong.*
(Tánh biển giác trong lặng, viên mãn,
Tánh giác tròn lặng vốn màu nhiệm,
Tánh nguyên minh chiếu, sanh ra Sở,
Sở đã lập, tánh chiếu liền mất³⁵).

Đây là nói: Vô minh do đâu mà khởi? Cũng là do vọng tưởng. Vọng tưởng khởi lên như thế nào? Cũng chính trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật đã giảng rất rõ ràng, rất minh bạch [như thế này]:

Tôn giả Phú Lâu Na hỏi đức Thế Tôn: “Vì sao lại có vọng tưởng? Vọng tưởng khi nào sanh?” Vọng tưởng ấy là vô minh căn bản. Đức Thế Tôn đáp rất hay: “*Đó là do một niệm vọng giác*”. Chúng ta phải chú ý chữ “vọng”. Vọng (妄) là không thật, nhưng vọng là do mê chân mà sanh ra, quý vị chẳng thể nói là nó không có, cũng chẳng thể nói nó là có. Đức Thế Tôn nói: “*Tri kiến lập tri, thị vô minh bản*” (Từ nơi tri kiến, lại lập ra một cái biết nữa thì đó là cái gốc của vô minh)³⁶. Lời giảng của Văn Thù Bồ Tát có cùng ý nghĩa với lời Phật dạy: “*Nguyên minh chiếu sanh sở*” tức là đối với “tri kiến” (tức đức năng sẵn có của tâm tánh) lập ra [quan niệm hư vọng] ta có thấy biết (kinh gọi quan điểm hư vọng ấy

³⁵ Trong Lăng Nghiêm Kinh Giảng Nghĩa, pháp sư Viên Anh đã giảng đoạn này như sau: “*Nguyên minh là chẳng sanh tác dụng soi chiếu sai lầm, đây gọi là bản minh (vốn sẵn sáng suốt), trọn chẳng có một vật máy may nào. Nay từ tánh nguyên minh ấy sanh tác dụng chiếu soi (nhận biết sự vật) một cách lầm lạc, nên Chiếu ấy là vọng chiếu! ‘Sanh Sở’: Do vọng chiếu nên mới có Vọng (mê lầm) được sanh ra. Do vọng cảnh là đối tượng của Chiếu đã được tạo lập nên tánh chân chiếu liền mất (tức là có đối đãi, thấy có Năng Chiếu và Sở Chiếu), nên mới nói: “Sở lập, chiếu tánh vong”.*

³⁶ Sở dĩ là vô minh vì chữ ‘tri kiến’ ở đầu câu này nói về năng lực sẵn có bản tánh (thường gọi là ‘bản năng’ hay tánh đức), tánh có thể nhận biết thông suốt mọi sự vật, hiện tượng, không cần phải thông qua suy lường, phân biệt. Nếu đối với những đức năng sẵn có của tâm tánh ấy lại khởi lên ý niệm suy lường, phân biệt, cho là ta có cái tâm nhận biết, có đối tượng được nhận biết bởi ta, tức là hư vọng lập ra quan niệm ‘ta thấy, ta biết’, thì đó gọi là ‘lập tri’. Do đã có hư vọng, vọng tưởng xen vào nên đức năng thanh tịnh sẵn có của tâm tánh bị khuất lấp, những thứ đó là gốc rễ tạo ra vô minh.

là “lập tri”). “Sở lập, chiếu tánh vong” chính là gốc của vô minh. Lập thành cái biết! Không thể lập! Phật pháp Đại Thừa thường nói: “*Nhất pháp bất lập*” (một pháp chẳng lập), hề lập một pháp là mê, một pháp chẳng lập sẽ rất tự tại. Một pháp không lập thì quý vị hoàn toàn nhất trí với Pháp Tánh, cùng một Thể, một Tướng, một Lực Dụng với Pháp Tánh. Đây chính là chư Phật Như Lai, đặc đại tự tại, vô chương, vô ngại, nhập pháp giới vô chương ngại, cảnh giới vô chương ngại. Quyết định chẳng thể lập, hề lập là hồng!

Vì thế, Bồ Tát nói “sở lập, chiếu tánh vong” (do có quan niệm hư vọng về “tri kiến” (ta biết, ta thấy) được thành lập, nên phải có cái được biết, cái được thấy hình thành. Những đối tượng [được biết, được thấy, được cảm nhận] ấy gọi là Sở. Sở đã có thì thành ra đối đãi, cho nên tánh Chiếu, hay còn gọi là linh tri bị mất đi). Tánh của Chiếu là linh tri, linh minh trạm tịch. [Do đã có Năng và Sở đối ứng với công năng Chiếu chân thật trong tánh] nên “linh minh trạm tịch” (tức đức năng sẵn có chân thường của tánh, không hề bị sai lệch bởi vọng tưởng) bèn bị mất đi, sanh ra những biến đổi³⁷. Giống như thí nghiệm nước kết tinh vậy, nó sanh ra những biến đổi không đúng đắn, bình thường. Nếu đúng đắn, bình thường thì phải đẹp đẽ tốt bậc, xinh đẹp chẳng thiếu khuyết mảy may. Một niệm của chúng ta vừa dấy động, nước bèn sanh ra những biến hóa. Dầu [những biến hóa ấy] vẫn rất đẹp đẽ, nhưng so với sự đẹp đẽ vốn có đã bị sai khác rất lớn. Càng mê sâu hơn, càng biến thành xấu xí hơn. Pháp Tánh tùy duyên mà!

Hề mê là xong rồi, “*mê vọng hữu hư không*” (do mê vọng nên có hư không), Văn Thủ Bồ Tát giảng như vậy đây. Hư không từ đâu mà có? Do mê vọng mà có. “*Y không lập thế giới*” (nuơng vào hư không tạo thành thế giới), thế giới từ đâu mà có? Thế giới từ trong Không mà sanh ra. Không là Vô, vô trung sanh hữu, sanh ra thế giới. “*Tưởng trù thành quốc độ*” (Tưởng lắng đọng thành cõi nước); Tưởng (想) ở đây là vọng tưởng, vọng tưởng ngưng tụ biến thành vật chất. Vật chất là gì? Nói theo cách bây giờ, vật chất là do tinh thần ngưng tụ, biến thành. Vật chất là tinh thần; vật chất chính là Pháp Tánh đang được nói đến ở đây. Pháp Tánh ở tại đâu? Vật chất là Pháp Tánh, [vọng tưởng] ngưng tụ bèn

³⁷ Do có phân biệt đối đãi, vọng tưởng, ta người v.v... nên những ý niệm hư vọng, phân biệt, chấp trước ấy sẽ che lấp đức năng sẵn có của chân tánh khiến cho ta luôn nhìn nhận, cảm thụ sự vật qua lăng kính vọng tưởng, không thấy sự vật đúng với bản chất của nó. Do vậy, không còn thuộc trong Nhất Chân pháp giới nữa mà trở thành mười pháp giới, lục đạo luân hồi. Vì thế, nói là ‘sanh ra những biến đổi’.

biến thành Pháp Tánh, vô tướng biến thành hữu tướng; do đó, Có là do Không mà có. Dù hiện tướng, biến thành vật chất, nhưng bản năng (những năng lực, đức năng sẵn có) của Pháp Tánh không bị mất đi, vĩnh viễn chẳng bị hư mất. Bản năng của Pháp Tánh là gì? Chính là linh tri! Kinh Đại Thừa gọi linh tri là thấy - nghe - hay - biết! Bởi vậy, thứ gì cũng đều có thấy - nghe - hay - biết!

Trên thân thể của chúng ta, nay ta gọi là tế bào (tế bào hãy còn lớn lắm), chẳng biết có bao nhiêu tế bào (theo thuật ngữ Phật pháp là “vi trần” và Cực Vi Vi), Cực Vi Vi³⁸ ngưng tụ thành tế bào. Mắt thịt của chúng ta không thể thấy được Cực Vi Vi, nói thật ra, chúng ta cũng không hiểu được, nhưng rất nhiều Cực Vi Vi nhóm lại một chỗ sẽ hình thành một tế bào. Chúng ta có thể thấy và hiểu tế bào. Tế bào có linh tánh hay không? Có chứ! Nó có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết, quý vị phải khéo đối đãi nó.

Thế nào là khéo đối đãi? Tâm thiện! Tế bào thuận theo ý niệm. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói: “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (Hết thấy pháp từ tâm tướng mà sanh), “*tướng tùy tâm chuyển*” (tướng chuyển theo tâm), “*nhược năng chuyển vật, tắc đồng Như Lai*” (nếu chuyển được vật thì giống với Như Lai). Những câu nói này hết sức quan trọng! Chỉ cần quý vị nắm được những câu này, sẽ thực sự hiểu rõ, thực sự biết dùng. Tâm thiện, tư tưởng thiện, ngôn ngữ và hành vi đều thiện thì tất cả tế bào trên toàn thân sẽ phản ứng đúng mực. Chúng ta thường nói là “thực sự hiểu được đạo dưỡng sanh”! Tuổi cao cũng không sao, vẫn có thể phản lão hoàn đồng. Có thực sự làm được như vậy hay chẳng? Thực sự được! Quý vị đã hiểu thì sẽ dùng tâm tướng để khôi phục tất cả những khí quan và tế bào trên thân thể hòng trở lại tuổi trẻ, khôi phục sự bình ổn, khôi phục sức khỏe, về lý vốn là như vậy. Nếu không hiểu thì sao? Không hiểu thì chính mình tàn hại chính mình mà thôi! Tàn hại như thế nào? Suốt ngày từ sáng đến tối khởi vọng tưởng, tâm bất thiện, tư tưởng bất thiện, hành vi bất thiện, tự mình tàn hại mình, tự mình hủy diệt thân thể của chính mình!

Tôi chỉ giảng tới đây thôi, không giảng thêm nữa, càng giảng mọi người càng không hiểu, sợ rằng càng nghe càng mê thêm. Tôi nói đến đây, nếu quý vị lãnh hội được sẽ rất có ích. Lời khai thị này hay lắm! Ngài Trung Phong là bậc tái lai, trọn chẳng phải là phàm nhân. Trong đoạn văn này, Ngài khai thị vì đâu chúng ta thành ra nông nổi này:

³⁸ Cực Vi Vi là sắc chất nhỏ nhất, thường gọi là Lân Hư Trần. Nếu chia chẻ Lân Hư Trần ra nữa thì không còn gì nữa, do vậy gọi là Lân Hư (gần với hư không).

“*Chỉ nhân tối sơ bất giác*” (chỉ do thoát đầu bất giác): “*Tối sơ*” là thời gian nào? Đừng hỏi ai khác, nếu hỏi ai khác lại càng khởi vọng tưởng! Nếu quý vị đi tìm coi “*tối sơ*” là lúc nào thì trong vọng tưởng lại tăng thêm vọng tưởng; chẳng thể chuyển biến vọng tưởng, chẳng thể hóa giải. Nói thật ra, thưa cùng quý vị, thời gian là giả, không thật! Giáo pháp Đại Thừa nói thời gian không có khởi đầu, mà cũng không có kết thúc. Nếu nói có khởi đầu, có kết thúc thì là thật, không còn giả nữa. Do vậy, nói thời gian chẳng có khởi đầu chẳng có kết thúc thì nó là giả, không thật. Đầu cũng vậy, mà cuối cũng vậy, thấy đều là nhất niệm. Thế nhưng rất ít ai hiểu được chân tướng sự thật, những điều này đều là chân tướng sự thật.

“*Tối sơ bất giác*” là một niệm hiện tiền bất giác. Cổ nhân nói “*tối sơ nhất niệm bất giác*”, nói “*tối sơ*” cũng rất hợp lý. Chúng ta không hiểu lời này, cứ tưởng “*tối sơ*” là quá khứ, quá khứ xa xôi hơn nữa, hiểu lầm mất rồi! Chẳng hiểu ý của người ta! “*Tối sơ*” là lúc thoát đầu của một niệm, lúc thoát đầu của một niệm hiện tiền. Cái “*tối sơ*” ấy khoảng chừng một phần ức vạn giây, hoặc một phần ức ức vạn giây, không có cách gì nhận biết được. Đó là một niệm bất giác. Bất giác là gì? Chính là quý vị động, tức tâm quý vị động vậy.

Nếu quý vị nhìn vào tự tánh thì Pháp Tánh của tự tánh là trạm nhiên, trạm nhiên là bất động. Trong phần trên, [thiền sư Trung Phong] đã giảng: “*Vô sanh giả, tức chư Phật tịch diệt chi bốn đã*” (Vô sanh là tâm tánh tịch diệt của chư Phật), tịch diệt là bất động, đó là Pháp Tánh. Vốn bất động, bất động là thật. Nếu quý vị động thì động là vọng. Động gọi là “*vọng động*”. Sự động ấy cực kỳ vi tế, đừng nói là bọn phàm phu chúng ta không nhận biết được, ngay cả bậc Đại Thừa Bồ Tát từ Thất Địa trở xuống cũng chẳng thể biết được, Bát Địa mới cảm nhận được. Vừa động tí ti, Bát Địa Bồ Tát nhận biết liền. Bát Địa Bồ Tát được gọi là Bất Động Địa là vì “động” dù cực kỳ vi tế Ngài vẫn cảm nhận được; thoát động liền biết ngay. Đến Quả Địa Như Lai mới thực sự là tịch diệt, hoàn toàn bất động, khôi phục bất động. Toàn thể đại dụng (tác dụng to lớn) của Tánh Đức hiện tiền viên mãn, cảnh giới trong quả địa Như Lai mà! Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn một phẩm sanh tướng vô minh, cực kỳ vi tế, toàn thể đại dụng vẫn còn thiếu một phần. Do vậy, chúng ta bèn hiểu rõ: Chư Phật, Bồ Tát dạy con người tu hành tám vạn bốn ngàn pháp môn hay vô lượng pháp môn là tu gì vậy? Tu bất động!

Trong phần trên, khi giảng kinh Di Đà, chúng ta thấy danh hiệu của chư Phật nhằm biểu thị pháp. Vị Phật thứ nhất ở phương Đông trong

chư Phật sáu phương là Bất Động Phật. Vừa mở đầu đã hiển thị: Bất Động là chân, còn Động là vọng. A Súc Bệ Phật là Bất Động Phật; vì sao quý vị phải khởi tâm động niệm trong hết thủy cảnh giới? Đây chính là nguyên nhân khiến quý vị đọa lạc, luân hồi, khiến cho cả đời này nơi nào quý vị cũng gặp chướng ngại. Chướng ngại do đâu mà có? Là vì quý vị động. Nếu quý vị bất động, sẽ không có chướng ngại. Chúng ta thấy vì sao Pháp Thân Bồ Tát, chư Phật Như Lai trong Hoa Tạng, trong thế giới Cực Lạc đều là pháp giới không chướng ngại; Lý vô ngại, Sự vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại? Pháp giới vốn không chướng ngại là vì lẽ nào? Là vì không động tâm, không động niệm. Cớ sao mình lại động niệm?

Như vậy, nói tới khởi tâm động niệm thì khởi tâm động niệm là vô minh, tức vô thi vô minh. Quý vị có hiểu “vô thi” nghĩa là gì hay không? Chư Phật, Bồ Tát dạy cho chúng ta biết chân tướng sự thật của vũ trụ, trọn chẳng gây khó dễ, hoàn toàn không đàm huyền thuyết diệu, không nói những gì chúng ta chẳng hiểu. Nếu không, làm sao gọi là “từ bi” cho được? Các Ngài giảng rất rõ ràng, minh bạch, lại còn giảng hết sức nông cạn, dễ hiểu. Nói “*vô thi vô minh*” tức là không có khởi đầu, cái khởi tâm động niệm hiện tiền của quý vị có khởi đầu hay chẳng? Nếu hiện tại quý vị chẳng khởi tâm động niệm thì quý vị đã thành Phật rồi, Sự Sự vô ngại mà!

“*Bất giác*” là khởi tâm động niệm, giác tâm bất động, vô minh vọng động, cho nên vừa động bèn bất giác. Giống như nước, dùng nước làm tỷ dụ cho quý vị dễ hiểu. Nước đứng lặng thì mặt nước không có một tí sóng gợn nào, mặt nước giống như một tấm gương, bất động! Lúc ấy, nó sẽ in bóng cảnh giới bên ngoài rất rõ ràng. Giác là giác chiếu, rõ ràng rành rẽ. Nếu động thì nước vừa động bèn gợn sóng, tuy gợn sóng nước vẫn có thể chiếu, nhưng chiếu không rõ ràng, mê rồi! Do vậy, chúng ta cúng dường Phật, Bồ Tát thì vật cúng dường quan trọng nhất là gì? Chính là một chén nước. Tôi thường dạy người khác: Chén đựng nước cúng Phật tốt nhất là chén pha lê; nay có người dùng chén bằng thủy tinh cũng rất tốt, nó trong suốt, quý vị thấy rất rõ ràng.

Hãy học bất động như nước, học thanh tịnh như nước, không ô nhiễm mây may, không lay động mây may, đó là Phật! Phạm phu và Phật khác biệt ở chỗ này. Tâm phạm phu động, tâm phạm phu nhiễm ô, nay chúng ta gọi sự nhiễm ô ấy là “tâm ghi ấn tượng”. Trong tâm họ có tham - sân - si - mạn; có những thứ ấy là nhiễm ô. Trong chân tâm không có những thứ ấy, không có tự tư, tự lợi, không có danh văn, lợi dưỡng,

không có tham - sân - si - mạn, không có ghen ghét, đố kỵ. Những thứ ấy đều là hư vọng. Nói rõ ràng nhất, trong chân tâm không khởi tâm động niệm, không phân biệt, chấp trước. Phân biệt chấp trước, khởi tâm động niệm là vọng tâm. Tâm thủy vừa gợn sóng bèn dậy gió cảnh giới, cảnh giới là hoàn cảnh bên ngoài. Sáu căn của quý vị tiếp xúc cảnh giới bên ngoài bèn bị động, vậy là xong rồi!

Phật, Bồ Tát cao minh, sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài giống như tấm gương chiếu mọi vật, chiếu rất rõ ràng rành rẽ. Gương quyết định không phân biệt, quyết định không chấp trước, trong trẻo hơn mọi thứ, chẳng mê hoặc chút nào, Huệ đấy! Như Như bất động, đó là Định! Định và Huệ đều đạt đến viên mãn rõ ràng, Định và Huệ là một không hai. Định chính là Huệ, Huệ chính là Định. Đấy chính là con người thật của chúng ta, trong Tông môn gọi là “*bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra*”; nó chính là con người thật của chúng ta. Học Phật không có chi khác, chỉ là tìm cho ra, khôi phục bản lai diện mục của chính mình mà thôi.

Bồn tánh tràm tịch là Căn Bản Trí, bồn tánh tịch chiếu là Hậu Đắc Trí, không gì chẳng biết. Tràm tịch là không biết, Bất Nhã không biết, giác chiếu là không gì chẳng biết. Không gì chẳng biết nhưng tâm vẫn định, nhất định chẳng khởi tâm động niệm, nhất định không có phân biệt, chấp trước. Chỉ cần quý vị khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước là xong, đọa lạc mất rồi, thành phàm phu mất rồi. Bởi thế, “*tối sơ bất giác*” chỉ vì bất giác tâm bị động, không còn tịch nữa, “*nhận vọng vi chân*” (tưởng vọng là chân), phiền phức ngay! Vọng là gì? Vọng là cái được hiện, cái được biến. Coi cái được hiện, được biến là thật; không biết cái làm chủ thể biến hiện (năng biến, năng hiện) mới là thật, cái được hiện, được biến là hư vọng, phiền toái rất lớn, “*tưởng vọng là chân*”.

“*Mê kỷ trực vật*” (mê mất chính mình, chạy theo vật dục), Kỷ (己) là chính mình. Thế nào là chính mình? Cái tâm năng hiện, cái thức năng biến là chính mình, tánh thức là chính mình; còn cái được hiện, được biến không phải là chính mình. Chúng tôi dùng những tỷ dụ thô thiển để giảng giải: Thân thể của chúng ta là chính mình, y phục ta mặc không phải là chính mình. Y phục do chúng ta làm ra, tự ta mặc vào thân, Phật pháp gọi nó là Ngã Sở (cái của ta). Thân là Ngã, vật ngoại thân là Ngã Sở Hữu (cái mà ta có). Mọi người biết rành chuyện này. Nay tôi bảo cùng quý vị, thân ta cũng là Ngã Sở Hữu, cái có thể hiện, có thể biến ra thân ta mới là Ngã. Nó không có hình tướng, vô hình, vô tướng, nhưng

thực sự có, chẳng phải là không có. Phật pháp gọi nó là Chân Tâm hay Bản tánh; ngay cả hư không cũng do nó biến hiện ra, hư không cũng là cái được hiện, được biến.

“*Mê kỷ trục vật*”: “*Trục vật*” (chạy theo vật) là vọng tâm, không phải là chân tâm. “*Trục vật*” thường được hiểu là bị cảnh giới chuyển, đó là phạm phu. Người giác ngộ chuyển được cảnh giới. Ví dụ rõ ràng nhất là thân thể của chúng ta, đối với người thực sự giác ngộ thì thân thể này sẽ chuyển theo Pháp Tánh của chính mình, chuyển được vật! Chuyển theo Pháp Tánh thì không những thân thể này không già, không bệnh, hoàn toàn chẳng có sanh - lão - bệnh - tử, mà còn chẳng có những chuyện ba khổ hay tám khổ! Đâu có những chuyện ấy! Người thế gian có những nỗi khổ là vì đâu? Vì bị cảnh giới xoay chuyển, không chuyển được cảnh giới, đó là “*mê kỷ trục vật*” (mê mất chính mình, đuổi theo vật dục). Chuyển không được cảnh giới thì chắc chắn bị cảnh giới chuyển, không có con đường thứ ba. Chư Phật, Bồ Tát chuyển được cảnh giới, lục đạo phạm phu bị cảnh giới chuyển. Vì bị cảnh giới chuyển nên mới có sanh - lão - bệnh - tử, mới có nào là Ái Biệt Ly (yêu thương mà phải chia lìa), Cầu Bất Đắc (cầu mong mà không được thỏa ý), Oán Tằng Hội (chán ghét mà cứ phải gặp gỡ), mới có những chuyện như thế. Hễ bị cảnh giới chuyển thì phiền phức lớn lắm!

Bị cảnh giới chuyển nhưng người ta cứ nghĩ mình bị mạng vận chuyển, tức là nói trên phương diện hoàn cảnh thì là “bị Phong Thủy chuyển”, quý vị không có cách gì vượt thoát vận mạng, không có cách gì vượt thoát Phong Thủy! Thế nhưng người thực sự giác ngộ bèn có phước. Phước ấy tuyệt đối chẳng phải là phước như trong quan niệm thông thường của mọi người. Chúng ta không nghĩ ra, không thể nghĩ bàn được [loại phước ấy], vì đó là [phước của] người thực sự giác ngộ. Vì sao? Người ấy chuyển được cảnh giới; cho nên “*phước nhân cư phước địa, phước địa phước nhân cư*” (người có phước sống nơi phước địa, phước địa [ắt có] người có phước sống). Người có phước ấy chuyển được cảnh giới, người ấy đến sống ở một nơi nào thì núi, sông, đại địa, phong thủy nơi ấy cũng chuyển theo tâm người đó. Người ấy tâm thiện, tư tưởng thiện, hành vi thiện thì núi, sông, đại địa không gì chẳng thiện, thấy đều thành thiện. Quý vị chẳng tin ư? Thế giới Cực Lạc chuyển như vậy đó, thế giới Hoa Tạng chuyển như vậy đó!

Thật ra, Hoa Tạng và Cực Lạc có khác gì địa cầu của chúng ta đâu! Không khác gì hết! Chỗ nào Phật, Bồ Tát ở, nơi đó thuần tịnh, thuần thiện. Do vậy, núi, sông, đại địa, hết thấy vạn vật, không thứ gì

chẳng thuần thiện, thuần tịnh. Cư dân trên quả địa cầu này tâm bất thiện, tư tưởng bất thiện, hành vi bất thiện, nên núi, sông, đại địa thủy đều bất thiện; hiện tượng của bất thiện là thiên tai, nhân họa. Trời cũng chẳng giáng tai ương, người cũng chớ hề gây họa, đều là do nghiệp bất thiện chiêu cảm nên [những tai họa ấy] biến hiện ra, càng mê càng sâu hơn.

“*Do thị nghiệp võng triển khiên*” (do vậy, lưới nghiệp quần trời): Nghiệp do chính quý vị tạo tác. Ngày nay quý vị tạo tác thiện nghiệp, nhưng nói thật ra, [những thiện nghiệp ấy] cũng chẳng phải là thiện nghiệp thực sự. Vì sao? Cái thiện đó là thiện đối với ác! Phật pháp nói đến “chân thiện, chí thiện” thì chính là [nói tới] cái thiện nơi Pháp Tánh. Nay quý vị đã mê mất Pháp Tánh, nói cách khác, là mê mất “chân thiện, chí thiện”. Đã mê rồi thì những cái thiện trong tư tưởng và tâm tư quý vị hiện thời chỉ là thiện tương đối, tức là cái thiện trong vòng Thiện - Ác. Thông thường, cái thiện của người giác ngộ là Bản Thiện: “*Nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (con người ban đầu tánh vốn lành). Hết thấy chúng sanh bình đẳng, đúng như đại sư đã giảng ở đây: “*Cá cá bất vô, nhân nhân bản cù*” (Không gì chẳng có, ai nấy sẵn đủ), vốn là Thiện. Thiện - ác như Mạnh Phu Tử và Tuân Phu Tử đã giảng là tập tánh, chứ không phải là bản tánh. Chúng ta hoàn toàn mê mất bản tánh, chúng sanh trong lục đạo nào ai biết đến bản tánh? Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát tuy biết đến bản tánh, nhưng chưa chứng đắc. Nếu chứng đắc bản tánh sẽ vượt thoát mười pháp giới, chúng ta thường gọi người như vậy là Pháp Thân Bồ Tát. Pháp Thân Bồ Tát chứng đắc bản tánh, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, cảnh giới như thế đó.

Như vậy, chúng sanh trong lục đạo phiền toái lớn lắm, “*ngiệp võng khiên triển*” (lưới nghiệp trời buộc), nghiệp đã tạo vô lượng vô biên, dày đặc, xen kín như lưới giăng. Có sao tạo lắm nghiệp đến vậy? Khởi tâm động niệm là tạo nghiệp, đó là ý nghiệp. Ngôn ngữ nơi miệng, chúng ta nói quá nhiều những điều tệ hại! Những lời tệ hại là gì? Nói dối, nói dối chiều, nói ác, nói thù dết. Từ sáng đến tối quý vị nói không ngừng; nếu đem những lời mình nói phân loại cẩn thận thì chẳng ngoài bốn loại lớn vừa nói trên đây. Người giác ngộ, người có đạo hạnh nói năng rất ít, tâm người ấy định, ngày nay chúng tôi giảng kinh thuyết pháp nói năng quá nhiều.

Khi xưa, chúng tôi thân cận Chương Gia đại sư, tôi ngồi cùng Ngài hai tiếng đồng hồ. Trong hai giờ ấy, những câu Ngài nói chúng tôi nhớ từng chữ một, tôi cho rằng không thể nhiều hơn năm trăm chữ được. Còn tôi trong một buổi giảng hai tiếng đồng hồ, những đồng học tham

gia giảng diễn đều biết cả, nếu quý vị chép lại thành bản thảo thì sao? Tối thiểu là hai vạn chữ. Tôi và Chương Gia đại sư mỗi lần gặp nhau, mỗi Chủ Nhật gặp gỡ một lần, nếu ghi lại toàn bộ những lời Ngài nói trong hai tiếng đồng hồ thì không quá năm trăm chữ, khiến cho chúng tôi cảm thấy Ngài như đang luôn ở trong Định.

Ngài tặng cho tôi một bức ảnh, quý vị thấy đó, Ngài ở trong Định, bất luận lúc nào, quý vị đều thấy Ngài ở trong Định. Ngài đi rất chậm, động tác từ tốn, nói rất ít. Tôi chỉ thấy Ngài như thế này: Môi luôn máy động không ngừng, đại khái là trì chú theo cách Kim Cang Trì, động môi nhưng không phát ra tiếng. Ngài nêu gương tốt cho chúng ta thấy, tu hành thực sự như vậy. Nay chúng tôi hiểu rõ: Thực sự tu thì trong mười hai thời sáu chữ hồng danh liên tục không gián đoạn, đó là công phu thực sự, thực sự chẳng thể nghĩ bàn. Rất đáng tiếc, chúng ta bỏ lỡ tất bóng, suốt ngày từ sáng đến tối không biết niệm Phật, không biết nhớ Phật, niệm Phật, suốt ngày khởi vọng tưởng. Nói cách khác, suốt ngày từ sáng đến tối tạo nghiệp.

“*Nghiệp vông khiên triền*” (lưới nghiệp quán triền), tức là quý vị tạo tác nên “*lưu chuyển ngũ đạo*” (lưu chuyển trong năm đường); đây là quả báo. “*Ngũ đạo*” là sáu nẻo luân hồi, vì sao gọi là “*ngũ đạo*”? Không kể đường A Tu La thì thiên đạo, nhân đạo, súc sanh đạo, địa ngục đạo, và ngạ quỷ đạo là năm đường. Vì sao không tính A Tu La? A Tu La trên cõi trời thì tính gộp trong thiên đạo, trong cõi người thì tính gộp vào nhân đạo, trong súc sanh thì gộp trong súc sanh đạo, trong đường ngạ quỷ thì gộp trong trong ngạ quỷ đạo. Kinh Lăng Nghiêm nói: Trong bốn đường ấy đều có A Tu La, địa ngục không có. Thông thường tính A Tu La thành một đường riêng, tức là thiên A Tu La, nhưng trên thực tế, có thể tính gộp A Tu La vào nhân đạo lẫn thiên đạo. Do vậy, kinh Phật thường nói “*ngũ đạo*” hay “*ngũ thú*”, ngũ thú luân hồi, đều do nghĩa này. “*Lưu chuyển ngũ đạo*” là luân hồi, quả báo hiện tiền, luân hồi từ đâu mà có? Luân hồi do lưới nghiệp giăng mắc, nên quý vị mới lưu chuyển trong năm đường.

“*Hằng tùy sanh tử dĩ thăng trầm*” (luôn thăng trầm theo sanh tử) tùy theo quý vị tạo nghiệp thiện hay ác, đó là gì? Tập khí, tập tánh. Quý vị làm lành thì là hai đường trời - người; tạo ác thì súc sanh, địa ngục, ngạ quỷ ba đường ác, vĩnh viễn lưu chuyển trong ấy. Vì sao? Tạo nghiệp trong khi đang thọ báo, do tạo nghiệp nên lại phải thọ báo. Quý vị hãy chú tâm quan sát liền nhận thấy sự tình phiền phức rất lớn, vì sao? Trong lục đạo khó thể vươn lên, đọa lạc rất chóng! Càng đọa càng sâu!

Nếu chúng ta chú tâm quan sát điều này sẽ chẳng khó hiểu chi. Quý vị nghĩ xem: Nay quý vị đã mấy chục tuổi rồi, hãy chú tâm suy tưởng, quan sát. Ta năm nay bảy mươi tuổi, xã hội lúc mình sáu mươi tuổi ra sao? Mười năm trước đó, lúc năm mươi tuổi lại như thế nào? Lúc bốn mươi tuổi, ba mươi tuổi, hai mươi tuổi, lúc mười tuổi. Quý vị cứ lấy mười năm mà so sánh sẽ nhận thấy điều gì? Khoa học kỹ thuật tiên bộ, nhưng luân lý đạo đức thụt lùi, lòng người thiện hay ác? Thiện tâm, thiện niệm, thiện hạnh bị suy thoái với một mức độ lớn. Chúng tôi nói thiện lương, thiện ý, thiện hạnh trong lòng người hiện tại không bằng người lúc mười năm trước. Người thuở mười năm trước không bằng người hai mươi năm trước, người hai mươi năm trước không bằng người ba mươi năm trước. Quý vị cứ nghĩ như thế bèn thấy đáng sợ thật, đời sau kém hẳn đời trước! Tương lai chúng ta phải bị đọa lạc đáng sợ lắm, phải chịu khổ trong ngạ quỷ, địa ngục.

Cũng thế, trong đường ngạ quỷ, trong đường địa ngục, con người hiện tại đọa lạc vào đây chịu khổ nếu so với những kẻ đọa địa ngục, đọa ngạ quỷ trước kia không biết là khổ sở hơn gấp bao nhiêu lần! Khổ do đâu mà có? Do nghiệp của chính mình chiêu cảm, chẳng phải từ bên ngoài đưa đến; do nghiệp chiêu cảm nên trong Phật pháp thường nói *“nhân quả chẳng không”*. Trong cuộc sống hằng ngày, đối người, đối sự, đối vật, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, hành vi chẳng thể không cẩn thận, chẳng thể không dè dặt. Chớ mặc tình buông lung, kéo sau phải chịu khổ! Chẳng ai gánh chịu thay cho ta đâu! Không gì chẳng phải là tự mình làm, tự mình chịu, chẳng may liên can đến người khác. Nếu quý vị trách móc người khác thì là tội chồng thêm tội, khổ chồng thêm khổ, *“hằng tùy sanh tử dĩ thăng trầm”* (luôn thăng trầm theo sanh tử).

“Cảnh cổ chí kim nhi mị gián” (suốt từ xưa đến nay chưa hề gián đoạn). *“Mị gián”* nghĩa là từ trước đến nay chưa hề gián đoạn, suốt từ xưa đến nay. Câu này nói về tình hình cuộc sống của chúng ta sau khi mê cho đến hiện tại. Ở đây, thiền sư Trung Phong chỉ nêu nguyên tắc, nếu chúng ta chú tâm suy tưởng quan sát, mới biết những hiện tượng ấy đáng sợ. Phải giải quyết vấn đề như thế nào? Ngày nay chúng ta học Phật không có gì khác, chỉ là nhằm giải quyết vấn đề này, muốn hiểu rõ chân tướng sự thật này. Không hiểu rõ chân tướng sự thật thì ý niệm muốn giải quyết vấn đề sẽ chẳng thể sanh khởi. Phải hoàn toàn hiểu rõ, thông suốt chân tướng sự thật thì mới biết vấn đề này phải giải quyết, không giải quyết không được!

A! Bây giờ đã hết giờ rồi.

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn khai thị tiếp theo:

Đương tri sanh tự duyên sanh, nhi pháp tánh bất dữ duyên câu sanh. Diệt tự duyên diệt, nhi pháp tánh bất dữ duyên câu diệt. Sở dĩ vân: “Pháp Tánh trạm nhiên”. Thị vị: “Sanh nhi vô sanh” giả dã.

當知生自緣生。而法性不與緣俱生。滅自緣滅。而法性不與緣俱滅。所以云。法性湛然。是謂生而無生者也。

(Nên biết: Sanh tự duyên sanh, nhưng Pháp Tánh chẳng sanh cùng với duyên. Diệt thì duyên tự diệt, chứ Pháp Tánh chẳng cùng diệt theo duyên. Do vậy, nói: “Pháp Tánh trạm nhiên”. Đó là nói về: “Sanh nhưng không sanh” vậy!)

Đến đây, đại sư bảo cho chúng ta biết chân tướng sự thật. “Đương tri” là hãy nên biết. Tuy nói là hãy nên biết, nhưng lục đạo chúng sanh đều không biết. Vì sao không biết? Vì mê! Do vậy, Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian nhằm giúp đỡ chúng ta, tới cứu độ chúng ta. Công đức lớn lao bậc nhất là gì? Là giúp chúng ta phá mê khai ngộ. Nỗi khổ luân hồi trong lục đạo là do mê, ai có thể cứu được? Phật, Bồ Tát có thể cứu được!

Do vậy, chỉ có Phật, Bồ Tát mới có thể làm chuyện từ thiện cứu tế triệt để nhất, rốt ráo nhất, viên mãn nhất. Chẳng phải là quý vị không có gì ăn, bèn cho quý vị một chút thức ăn, quý vị không có áo mặc bèn cho một ít y phục, quý vị không có nhà ở bèn xây cho quý vị mấy gian nhà để ở; người thế gian chúng ta bảo [hành động] đó là rất từ bi, là từ bi cứu tế. Phật, Bồ Tát không như thế! Phật, Bồ Tát muốn cứu quý vị thoát khỏi luân hồi trong lục đạo, muốn cứu quý vị ra khỏi mười pháp giới, muốn giúp cho quý vị thành Phật, giúp quý vị vĩnh viễn thoát khỏi hết thảy các nỗi khổ thế gian. Sự nghiệp từ bi cứu tế lớn lao như thế, hết sức đáng tiếc là rất ít người thế gian biết được. Bậc đại thiện nhân như thế không ai nhận biết, dẫu không ai nhận biết nhưng Ngài vẫn thời thời khắc khắc chẳng rời khỏi chúng ta, đó mới là từ bi đến cùng cực. Ngài không rời khỏi chúng ta, thời thời khắc khắc, vĩnh viễn không gián đoạn chăm sóc chúng ta. Chúng ta phải nên giác ngộ, phải nên hiểu rõ, phải nên thấu hiểu chân tướng sự thật này.

Sanh là duyên sanh, “*nhi Pháp Tánh bất dữ duyên câu sanh*” (nhưng Pháp Tánh chẳng sanh cùng với duyên); diệt là duyên diệt, “*nhi Pháp Tánh bất dữ duyên câu diệt*” (nhưng Pháp Tánh chẳng cùng diệt

theo duyên). Chúng tôi đòi một chữ sanh diệt [thành “sống chết”] chắc quý vị dễ hiểu hơn. Sanh là thân thể của chúng ta được sanh, diệt là thân thể này chết. Chúng tôi dùng “sống, chết” để nói chắc quý vị dễ hiểu hơn. Sanh, đúng là duyên sanh. Thân thể của chúng ta do Tứ Đại, Ngũ Âm, các duyên hòa hợp tạo thành. Nói theo cách bây giờ thì thân thể này do rất nhiều khí quan, kinh mạch và tế bào hợp thành; nhưng tâm tánh của chúng ta không phải là những khí quan, không phải là kinh mạch, cũng không phải là tế bào, cái nào cũng đều không phải. Tâm tánh không phải là vật chất, vật chất có sanh diệt; tâm tánh của chúng ta không sanh diệt, điều này cũng rất khó hiểu.

Hiện thời nói chung quý vị nhờ vào Internet để tiếp nhận những tin tức của chúng tôi, hoặc là qua CD, qua băng thâu hình do chúng tôi chế tác, quý vị nhìn vào màn huỳnh quang của TV sẽ trông thấy tôi. Tôi dùng tỷ dụ này để giảng cho quý vị dễ hiểu. Màn huỳnh quang của computer hay máy truyền hình giống như Pháp Tánh, những hình ảnh hiện nơi màn hình là “*duyên sanh sanh diệt*” (sự sanh diệt do các duyên tụ tập hay tán hoại). Quý vị hãy nghĩ coi: Những hình ảnh hiện trên màn hình có sanh, có diệt, nhưng cái màn hình ấy có sanh diệt hay không? Không có! Lại dùng điện ảnh để tỷ dụ: Tôi cho rằng người hiện thời ai nấy đều đã từng coi phim, cái phòng màn để chiếu phim giống như Pháp Tánh mà chúng ta đang đề cập ở đây. Những hình ảnh chiếu trên phòng màn có sanh diệt, đó là duyên sanh. Vì thế, cái hiện tượng (tượng được hiện) này có sanh có diệt, còn cái phòng màn có thể hiện ra hình tượng (không có phòng màn, hình ảnh không hiện được) thì không sanh, không diệt.

Từ những tỷ dụ này, quý vị thấu hiểu: Pháp Tánh giống như cái màn để chiếu phim, cái gì cũng không có, nhưng nó lại có thể hiện tượng, dấu hiện tượng, nhưng lại không nhiễm trước. Dùng chuyện này để tỷ dụ chân tâm rất hay! Có đôi chỗ tương tự! Nếu chúng ta hiểu được đạo lý này, chúng ta sẽ dụng tâm giống như cái màn để chiếu phim, mặc sức quý vị hiện tượng này nọ. Quý vị hiện tượng Phật, Bồ Tát rất tốt, mà hiện tượng địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh cũng tốt, không gì chẳng tốt, chắc chắn không phân biệt, chắc chắn không chấp trước, chắc chắn không nhiễm ô mảy may.

Có thể nói là hiện tại, quý vị ngày nào cũng phải tiếp xúc với màn huỳnh quang của máy truyền hình hay màn hình của computer, cái gì chúng cũng không có, nhưng cái gì cũng hiện được. Thế nhưng những máy móc ấy có thể hiện được là nhờ vào ngoại duyên, [vẫn là] duyên

sanh. Sanh là hiện ra tướng, tướng chính là duyên sanh. “*Pháp Tánh bất dĩ duyên câu sanh*” (Pháp Tánh chẳng sanh cùng với duyên). Cái màn hình có thể hiện được hình ảnh ấy chẳng sanh cùng một lúc với hình ảnh, không phải thế. Diệt thì những hình ảnh trên màn hình đã hiện xong; tắt nguồn điện đi, không còn nữa, những tướng ấy diệt mất, không còn nữa, nhưng cái màn hình tuyệt đối chẳng bị tiêu diệt theo tướng ấy.

Như vậy, màn hình là bất sanh bất diệt, hình ảnh là hữu sanh hữu diệt. Hình ảnh chính là cảnh giới sáu trần bên ngoài hiện thời mà sáu căn của chúng ta tiếp xúc. Các căn của chúng ta lẫn cảnh giới bên ngoài đều là hữu sanh hữu diệt. Pháp Tánh có thể hiện tướng, nó là bất sanh bất diệt, giống như cái màn hình không có sanh diệt, nó vĩnh hằng, đó mới thực sự là mình. Nhà Thiền nói “*bản lai diện mục trước khi cha mẹ sanh ra*”, đó mới thực sự là chính mình, không đâu chẳng tồn tại. Lại thừa cùng quý vị: Từ trước đến nay, nó không hề lay động. Pháp Tánh trạm nhiên, từ trước đến nay chưa từng lay động, từ trước đến nay chưa từng bị nhiễm ô, có đủ thấy - nghe - hay - biết.

Như vậy, [khả năng] thấy - nghe - hay - biết của con người chúng ta là do đâu mà có? Do Pháp Tánh mà có. Khả năng thấy - nghe - hay - biết của hết thảy vạn vật do đâu mà có? Cũng là từ Pháp Tánh. Không lạ lùng chút nào cả! Nó vốn sẵn là như vậy, kể cả hư không, nếu hư không chẳng thấy - nghe - hay - biết, nó sẽ chẳng thể truyền đạt sự thấy - nghe - hay - biết. Hiện thời có rất nhiều tín hiệu phải nhờ vào hư không để chuyển đi là vì hư không có thấy - nghe - hay - biết. Do đây biết rằng: Toàn thể vũ trụ sống động, không phải chết cứng, sống động, hoạt bát. Quý vị thấy núi, sông, đại địa, cây cỏ, bùn cát, đá tảng dường như ù lì, không linh hoạt, chứ thật ra chúng linh động.

Văn Thù Bồ Tát nói: “*Tướng trừng thành quốc độ*” (tướng ngưng đọng thành cõi nước), nói theo ngôn ngữ hiện thời thì câu này có nghĩa là: Vật chất do đâu mà có? Ngài giảng rất rõ ràng: “*Tri giác nãi chúng sanh*” (Do tri giác bèn thành chúng sanh), câu này giảng rất hay: Hết thảy chúng sanh đều có tri, đều có giác, vì sao? Pháp Tánh đây! Tại động vật thì gọi là Phật Tánh, tại thực vật và khoáng vật thì gọi là Pháp Tánh. Phật Tánh và Pháp Tánh là một tánh, đều là thấy - nghe - hay - biết. Chúng tôi hết sức cảm tạ những nhà khoa học, hiện tại họ dùng phương pháp khoa học chứng minh thực vật cũng thấy - nghe - hay - biết, khoáng vật cũng thấy - nghe - hay - biết. Điều này giúp chúng tôi lý giải, hiểu sâu thêm một tầng, giúp ích cho việc dạy dỗ của chúng tôi, có tác dụng rất lớn; đặc biệt là đối với chính bản thân chúng tôi. Trong quá

khứ, bản thân chúng tôi nghiên cứu kinh giáo, thực sự không có chứng cứ khoa học. Chúng tôi tin tưởng là nhờ vào Thánh Ngôn Lượng³⁹, tức là thánh nhân chẳng lừa dối chúng ta [cho nên, những gì kinh điển Phật giáo đã nói chẳng phải là bịa đặt]. Sau đây, nhờ vào công phu tu hành của chính mình mới đạt đến một trình độ nhất định. Đây là tu Định. Đạt đến một mức độ nhất định thì cảnh giới ấy hiện tiền, tự mình chứng ngộ, quý vị đã chứng đắc rồi.

Hiện nay, dùng phương pháp khoa học thì dù chúng ta chưa đạt đến mức độ tu hành như vậy, cũng vẫn có thể thấy được, dùng máy móc, dụng cụ giúp chúng ta chứng minh. Đương nhiên, máy móc chỉ giúp chúng ta chứng minh một cách hữu hạn, lại chỉ chứng minh được những gì rất thô thấp. Từ Thiên Định mà chứng đắc sẽ thấy chúng tốt bậc vi tế, lại còn rộng sâu. Chúng ta cảm tạ những nhà khoa học đã cung cấp những tin tức này, khiến cho tín tâm của chúng ta tăng gấp bội, chúng ta biết phải khéo đối xử với chính mình như thế nào, biết phải khéo đối đãi trong hoàn cảnh sống của chính mình như thế nào. Trong hoàn cảnh bao gồm cả hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau, quan hệ trong xã hội) lẫn hoàn cảnh vật chất. Đối với hết thấy hữu tình chúng sanh, đó là hoàn cảnh nhân sự. Đối với hết thấy vô tình chúng sanh, đó là hoàn cảnh vật chất. Chúng ta giống như Phật, Bồ Tát, dầu chẳng thể nói là hoàn toàn giống hệt, nhưng dần dần rất gần giống. Đãi người, xử sự, tiếp vật giống hệt như Phật Như Lai, sẽ dần dần khế nhập cảnh giới của Phật.

Đoạn khai thị này nhằm giải thích cho chúng ta biết: “*Sở dĩ vân: Pháp Tánh trạm nhiên, thị vị sanh nhi vô sanh giả dã*” (Cho nên nói: “*Pháp Tánh trạm nhiên*”. Đây là nói về “*sanh nhưng không sanh*” vậy). Thế nào là “*sanh nhưng không sanh*”? Điều này được giải thích nhiều như thế đó. Sanh là dấu vết sanh diệt của chúng sanh. Nói cách khác, sanh là tướng được hiện ra. Pháp Tánh bất sanh bất diệt, Pháp Tánh không phải là tướng được hiện. Nói theo cách bây giờ, Pháp Tánh không phải là vật chất, vật chất sanh khởi từ Pháp Tánh. Do vậy, tướng được hiện của vật chất có sanh diệt; còn tướng được của Pháp Tánh không có sanh diệt. Từ Tướng quý vị thấy được Tánh, đó là “*sanh nhi vô sanh*” (sanh nhưng không sanh). Đúng là như chúng ta trông thấy những tướng

³⁹ Thánh Ngôn Lượng là một trong ba thứ so sánh (Hiện Lượng, Tỷ Lượng và Thánh Ngôn Lượng) để nhận định, phán định chân lý. Thánh Ngôn Lượng còn gọi là Thánh Giáo Lượng chính là dựa trên những lời dạy của chư Phật, Bồ Tát, A La Hán để luận định sự việc.

được hiện ra trên màn huỳnh quang, đồng thời ta cũng thấy được chính cái màn huỳnh quang ấy. Quý vị biết tướng được hiện trên màn hình có sanh diệt, còn màn hình là bất sanh bất diệt. Trong sanh diệt, quý vị thấy không sanh không diệt, chuyện này dễ hiểu. Từ chỗ này, quý vị phải chú tâm lãnh hội. Chúng ta lại đọc tiếp đoạn kế:

Vô sanh nhi sanh giả...

無生而生者。

(Vô sanh mà sanh là).

Đây là luận về Tướng. Tướng vốn không có, không có tướng mà nay lại có. Có như thế nào? Ở đây, thiền sư Trung Phong bảo chúng ta:

Chúng sanh mê vọng nhập tâm.

眾生迷妄入心。

(Chúng sanh do mê vọng đã nhập tâm).

Thưa cùng quý vị, cái tâm ấy là vọng tâm, chẳng phải là chân tâm. Do vì mê vọng nên không nhập được chân tâm. Chân tâm thuần chân, tuyệt đối không thể kèm theo vọng. Tâm ấy là gì? Tâm ấy là thức thứ tám, chúng ta thường gọi là A Lại Da Thức. Thực sự nhập A Lại Da Thức! A Lại Da Thức giống như cái kho, tất cả hết thảy mê vọng đều cất chứa trong A Lại Da Thức. A Lại Da Thức là kho lẫm; vì thế, trong kinh điển, đức Phật gọi thức này là Hàm Tàng Thức hoặc Tạng Thức. Tạng (藏) là kho lẫm. Chúng ta khởi tâm động niệm bèn ghi ấn tượng (người hiện thời nói là “ghi ấn tượng”) vào đâu? Chính là cất giữ trong A Lại Da Thức. A Lại Da Thức là vọng tâm, nó cũng rộng lớn không ngăn mé, giống như hư không. Những ấn tượng ấy không phải là vật chất, cho nên không có thể tích. Trong kinh, đức Thế Tôn đã từng nhắc đến. Đức Phật nói: Nếu ấn tượng có thể tích thì tốt cùng cõi hư không chẳng thể chứa đựng hết. May là chúng không có thể tích, chúng được tàng trữ trong A Lại Da Thức.

Ngày hôm qua chúng ta làm những chuyện gì, quá khứ làm những việc gì, hoặc là mấy chục năm trước làm chuyện gì, có những ấn tượng rất sâu đậm, hễ nghĩ tới bèn tưởng tượng được ngay. Nếu những ấn tượng ấy không có một chỗ nào giống như một cái kho tài liệu để cất giữ, ngõ hầu lúc nào chúng ta cần rút tài liệu ra thì sự việc trong quá khứ

bền hiện bày ngay trước mặt; nếu không có một cái kho như vậy thì chẳng phải là cái gì cũng không có hay sao? Cái kho tài liệu ấy không bị hư nát, vĩnh viễn tồn tại bất hoại. Những thứ được tàng trữ trong kho ấy là đời đời kiếp kiếp, từ vô thủy đến nay, tất cả hết thấy điều thiện cũng vậy, mà tất cả hết thấy điều bất thiện cũng thế, điều vô ký (không thiện không ác) cũng thế, hết thấy đều được cất giữ trong kho ấy. Chúng ta muốn lấy ra một điều nào thì điều ấy bền lập tức xuất hiện, hết sức nhanh chóng; ngay cả máy điện não (computer) hiện tại cũng chẳng thể sánh kịp. Máy điện não do con người phát minh, vĩnh viễn không thể nào sánh kịp bộ óc con người. Cái tâm ấy “*mê vọng nhập tâm*”, tâm ở đây là A Lại Da Thức.

Tích nghiệp thành quả.

積業成果。

(Chứa nghiệp thành quả).

“*Tích*” (積) là tích lũy (chất chứa), những tội nghiệp đã tạo tác từ vô thủy đến nay được chất chứa, đến bây giờ biến thành quả, báo bền hiện tiền, tức là Báo Chương trong ba chương. “*Mê vọng nhập tâm*” là Phiền Não Chương, “*tích nghiệp*” là Nghiệp Chương, “*thành quả*” là Báo Chương. Thôi rồi! Quả báo hiện tiền!

Hư thọ luân chuyển, vọng kiến sanh diệt.

虛受輪轉。妄見生滅。

(Đối chịu luân chuyển, lầm thấy sanh diệt).

Luân hồi không thật, lục đạo không thật, là huyền tướng. Kinh Kim Cang ví rất khéo: “*Mộng, huyền, bào, ảnh*” (Mộng, huyền, bọt, bóng). Phàm phu không biết, cho đó là thật, bởi thế, đối với những chuyện đó bền nầy sanh vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tức là bị cảnh giới xoay chuyển. Không như người giác ngộ, người giác ngộ chuyển được cảnh giới, hoàn toàn làm chủ cảnh giới. Phàm phu đáng thương, coi cảnh giới hư vọng chẳng thật là thật, tâm bị cảnh giới chuyển. Tâm ấy là vọng tâm, còn chân tâm chẳng khởi tác dụng, vì mê rồi, bị mê mất rồi, không biết một tí nào cả! Quý vị suốt ngày từ sáng đến tối khởi tâm động niệm, những điều mình nghĩ, mình tưởng đều là vọng tâm. Nếu chúng ta hỏi chân tâm có tồn tại hay chẳng ư? Chân tâm

tồn tại. Tôi vừa mới nói chân tâm giống như cái màn hình, nó không sanh, không diệt, không đến, không đi, như như bất động, nó tồn tại. Tồn tại như thế nào? Chẳng khởi tác dụng! Quý vị không nhận biết nó, sẽ không dùng được nó. Người giác ngộ biết dùng, biết dùng thì được đại tự tại. Vì sao? Chẳng bị cảnh giới chuyển. Kinh Lăng Nghiêm nói: “*Nhược năng chuyển vật, tắc đồng Như Lai*” (Nếu chuyển được vật thì giống như Như Lai). Bản lãnh của Pháp Thân Bồ Tát và chư Phật Như Lai là nhận chân chứ không nhận vọng, chẳng bị cảnh giới xoay chuyển.

Pháp Tánh ở tại đâu? Pháp Tánh chẳng lìa Pháp Tướng. Có thể nói là giống như chúng ta xem truyền hình, màn hình ở đâu? Chỗ nào quý vị thấy được hình ảnh thì chỗ đó chính là màn hình, màn hình không tách rời hình ảnh, hình ảnh chính là màn hình. Như vậy, thánh nhân từ hình ảnh mà thấy được màn hình bất sanh bất diệt, thấy được màn hình như bất động, tâm Ngài không động, chẳng bị cảnh giới nơi màn hình xoay chuyển. Hình ảnh rõ ràng, sáng tỏ, chẳng mảy may dính dáng gì đến Pháp Tánh cả, nó giữ được cái tánh.

Do đó, từ đây ta cũng có thể hiểu được cảnh giới của các bậc thánh nhân, dầu nay chúng ta chưa làm được, nhưng đã suy tưởng được. Ở trong ngũ dục lục trần, trong đại thiên thế giới, các Ngài đúng là giống như đang xem phim hay đang coi truyền hình vậy, nhất định chẳng sanh nhiễm trước, thấy rất rõ ràng, rất minh bạch. Đó là Huệ, chính là như kinh Bát Nhã đã nói: “*Bát Nhã vô tri, vô sở bất tri*” (Bát Nhã vô tri nhưng không gì chẳng biết). Các Ngài thấy rất rõ ràng, không gì không biết. Vô tri là gì? Vô tri là Pháp Tánh, vô tri mới là chân tri (thực sự biết).

Lục đạo phàm phu hoàn toàn tương phản, họ có biết, nhưng cái họ biết chỉ là tất cả hết thấy những tướng hiện ra trên màn hình, quên mất cái màn hình, hoàn toàn quên bẵng, không biết những hình ảnh đó phải nhờ vào màn hình mà biến hiện, quên tuốt cái màn hình, hoàn toàn chấp tướng. Lục đạo phàm phu là như vậy đó! Cho những tướng ấy là chân thật, đối với tướng bèn khởi vọng tưởng, khởi phân biệt, khởi chấp trước, niệm niệm so đo, chẳng biết chúng là hư huyền, hư vọng, về căn bản chẳng hề tồn tại. Vì sao? Vì những tướng ấy sanh diệt trong từng sát-na.

Quý vị hãy nghĩ xem có phải là những hình ảnh trên màn hình sanh diệt trong từng sát-na hay không? Chắc chắn chẳng có hai tướng nào giống nhau. Dễ thấy nhất là phim ảnh, [hình ảnh hiện ra hay biến mất] là do ống kính đóng hay mở, rõ rệt quá! Truyền hình tiến bộ hơn

phim ảnh, người xem truyền hình rất nhiều, nhưng người hiểu được nguyên lý của truyền hình không nhiều. Người hiểu được nguyên lý của truyền hình sẽ hiểu tướng là hư vọng. Tướng của truyền hình là gì vậy? Là tổ hợp của những tia quét, mỗi tia quét do các vi điểm (pixel)⁴⁰ hợp thành, nhiều điểm hợp thành tia quét, nhiều tia quét hợp thành hình ảnh. Nguyên lý là vậy. Do các tia quét di động rất nhanh nên ta chẳng biết [hình ảnh được tổng hợp bởi các tia quét ấy] là giả tướng. Mỗi giây, nơi ống kính của máy chiếu phim, hình ảnh được sanh diệt hai mươi bốn lần (ống kính mở là sanh, ống kính đóng là diệt). Nhìn trên màn bạc, những hình ảnh trông rất thật, không biết chúng là giả tướng. Những tia quét trong máy truyền hình di động nhanh hơn tốc độ đóng mở ống kính của máy chiếu phim không biết gấp bao nhiêu lần, nên chúng ta bị lừa dối. Nếu tốc độ di động chậm lại, quý vị sẽ hoàn toàn hiểu rõ. Mỗi tia quét di động chậm lại, chuyển động từ từ thì quý vị sẽ hiểu rõ hình ảnh được xuất hiện ra sao; vì chúng xuất hiện quá nhanh nên quý vị không biết được.

Như vậy, nói “luân hồi” là giả, không thật! Thế nhưng quý vị không hiểu, giống như nằm mộng. Mộng là giả, nhưng lúc quý vị nằm mộng không biết mình đang nằm mộng; bởi thế mới có chuyện quý vị chịu khổ, hưởng vui trong mộng. Nếu biết là đang nằm mộng, cổ nhân nói: Nếu biết mình đang nằm mộng, trong mộng thấy cạp muốn ăn thịt mình, ta cũng hết sức phát tâm, phát khởi lòng từ bi, đem thân này thí cho cạp, mộng cảnh mà! Quý vị không biết là nằm mộng, cứ cho đó là thật, nên thấy cạp chạy đến, kinh hoảng toát mồ hôi lạnh khắp mình.

Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong chín pháp giới, đến hóa độ chúng sanh, chúng ta thường nghe nhà Phật có câu nói: “*Đại tác mộng trung Phật sự, khai kiến thủy nguyệt đạo tràng*” (Làm Phật sự lớn lao trong mộng, xây dựng đạo tràng bóng trăng trong nước). Đạo tràng là bóng trăng trong nước, Phật sự là chuyện trong mộng. Vì thế, bậc ứng hóa rất tự tại, ở trong những pháp giới ấy giáo hóa chúng sanh, giúp đỡ chúng

⁴⁰ Khi TV vận hành, để hiển thị hình ảnh, hình ảnh được chia thành tập hợp những dải nhỏ (gọi là scan line), máy truyền hình sẽ phóng ra những chùm điện tử dựa theo cấu trúc của hình ảnh trong các dải ấy để quét ngang màn hình theo từng đường (thường gọi là raster), khi quét hết chiều ngang, sẽ đi xuống dòng kế tiếp. Khi nào quét hết màn hình sẽ trở lại dòng đầu tiên. Mỗi một raster bao gồm nhiều pixel. Pixel là cách gọi tắt chữ ‘picture element’, là đơn vị nhỏ nhất của hình ảnh. Mỗi pixel chính là hình ảnh được mã hóa (digitalized) tại một vị trí nhất định, nó chứa đựng giá trị của những tham số (parameters) về màu sắc (RGB), cường độ sáng v.v...

sanh, đúng là chẳng lưu lại vết tích. Nếu quý vị hỏi các Ngài có tạo tác gì hay chẳng ư? Các Ngài không tạo tác, làm nhưng không làm, không làm mà làm. Nhìn từ quan điểm của chúng sanh, các Ngài làm rất nhiều, nhưng trên thực tế, chuyện gì các Ngài cũng không làm.

Bởi thế, quý vị phải hiểu: Nay chúng ta luân hồi trong lục đạo, nhưng Phật, Bồ Tát, người giác ngộ thấy chúng ta chỉ luân hồi một cách hư giả; vì thế, chúng ta được gọi là những “kẻ rất đáng thương xót”. Vì sao đáng thương xót? Thực sự đáng thương xót lắm! “Vọng kiến sanh diệt” (Lầm thấy sanh diệt): Đối với sanh diệt, đối với chết chóc sợ hãi như thế ấy, sợ phát khiếp như thế là vì vọng kiến (thấy sai lầm). Khi quý vị đã thực sự hiểu rõ thì không có sanh diệt, không có sống chết, chỉ là thay đổi cảnh giới mà thôi. Chỉ là đổi một cảnh mộng này sang một cảnh mộng khác, không có cách nào lay tỉnh quý vị được! Hễ tỉnh ra thì sáu nẻo không còn nữa. Vĩnh Gia đại sư nói rất hay: “Trong mộng đành rành phở sáu nẻo, tỉnh rồi ba cõi rỗng toang hoang”. Giác ngộ rồi thì không còn nữa! Tiếp theo đây, thiền sư Trung Phong dùng tỷ dụ để thuyết minh, hy vọng rằng: Nếu với những điều vừa nói ở trên, quý vị không có cách gì lãnh hội được thì sẽ nhờ vào tỷ dụ này mà giúp cho quý vị hiểu được!

Ư Pháp Tánh thể thượng, như kính hiện tượng, tự châu tùy sắc. Đương tri kính quang bốn tịnh, châu thể tuyệt ngán. Vật cảnh hồ chương, bất vi sắc tượng. Bĩ sắc tượng chỉ khứ lai, do nghiệp quả chi nhiễm nhiên dã.

於法性體上。如鏡現像。似珠隨色。當知鏡光本淨。珠體絕痕。物境互彰。不違色像。彼色像之去來。猶業果之儼然也。

(Pháp Tánh về bản thể giống như hình ảnh được hiện nơi gương, giống như viên ngọc phản chiếu màu sắc [của những vật xung quanh]. Phải biết: Ánh sáng của gương vốn tịnh, Thể của châu tròn không có tỳ vết. Vật và cảnh soi rõ lẫn nhau, hình sắc chẳng trái nghịch. Hình sắc ấy đến đi giống như nghiệp quả đành rành vậy).

Đọc đến đoạn này, có thể nói là giống như những tỷ dụ về màn hình trong phim ảnh, của máy truyền hình, hay của máy điện não mà chúng tôi đã dùng. Từ những tỷ dụ ấy, nếu chúng ta chú tâm thể hội thì quả thật y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều

giống như vậy, đều không thật, Nhất Chân pháp giới mới là thật! Hoa Tạng, Cực Lạc là thật, là Nhất Chân pháp giới. Mười pháp giới đều là mộng, huyền, bọt, bóng, chứ không riêng gì lục đạo.

“*Ư Pháp Tánh thể thượng, như kính hiện tượng*” (Pháp Tánh về bản thể giống như hình ảnh được hiện nơi gương): Thời cổ chưa có khoa học, kỹ thuật, trong cuộc sống hằng ngày, mọi người thường dùng đến gương. Sáng sớm ngủ dậy, buổi tối trước khi ngủ, rửa mặt đều phải soi gương, “*Pháp Tánh thể thượng, như kính hiện tượng*” (Pháp Tánh về bản thể giống như hình ảnh được hiện nơi gương). Lại nữa, “*tự châu tùy sắc*” (giống như viên ngọc phản chiếu màu sắc [của những vật xung quanh]), bảo châu là thứ được mọi người yêu thích, thể nhưng người có châu báu không nhiều, nói chung phải là hạng phú quý; còn gương hầu như nhà nào cũng có, là một vật dụng rất thông dụng.

Châu có màu chẳng phải vì chính nó có màu, mà do phản chiếu màu sắc bên ngoài. Nay bảo châu được dùng rất nhiều vì có rất nhiều loại bảo châu nhân tạo, làm gần giống như thật, rất khó phân biệt. Chiếu ánh sáng vào châu theo những góc độ khác nhau, nó bèn hắt ra những tia sáng có màu sắc khác nhau. Điều này con người hiện thời hiểu rất rõ rệt: Châu vốn không có ánh sáng, được ánh mặt trời hoặc ánh đèn soi vào, sẽ thấy nó tỏa ra ánh sáng có màu sắc. Vì thế, “*đương tri kính quang bốn tịnh*” (phải biết ánh sáng nơi gương vốn tịnh): Gương vốn thanh tịnh, nơi gương vốn chẳng có hình sắc; châu cũng rất thanh tịnh, cũng không có màu sắc sáng chói. Vì thế, đại sư bảo chúng ta: “*Đương tri kính quang bốn tịnh, châu thể tuyệt ngán*” (Phải biết: Ánh sáng của gương vốn tịnh, thể của châu trọn không có tỳ vết), không có vết sứt mẻ, hoàn toàn thanh tịnh.

“*Vật cảnh hồ chương, bất vi sắc tượng*” (Vật và cảnh soi rõ lẫn nhau, hình sắc chẳng trái nghịch): Những cảnh giới bên ngoài gương là “*vật cảnh*”. Vật là gương hay châu, cảnh giới bên ngoài soi vào [những vật] đó, chúng bèn phản chiếu lại, đó là “*hồ chương*”. Chương (彰) có nghĩa là sáng rõ. Gương chiếu soi cảnh giới bên ngoài, cảnh giới bên ngoài hiện bóng trong gương; ánh sáng chiếu vào châu, châu tỏa ra màu sắc. “*Bất vi sắc tượng*” (hình sắc chẳng trái nghịch), hình tượng tự nhiên hiện ra những tướng như vậy, điều này rất dễ hiểu!

Những hình sắc ấy có sanh, có diệt, lúc chiếu là sanh, lúc không chiếu là diệt. Nếu chúng ta di động cái gương, dùng mặt này soi thì cảnh giới sẽ sanh nơi mặt này, soi bằng mặt kia thì cảnh giới bên mặt này không còn nữa, diệt mất; mặt kia lại sanh. Soi mặt mũi tôi, mặt mũi tôi

bền sanh trong gương; đem soi vào mặt anh, mặt tôi bền biến mất, mặt anh bền sanh. Cảnh giới dường như có sanh, có diệt, nhưng cái gương (có khả năng chiếu soi) không sanh, không diệt. Châu biến đổi màu sắc thuận theo ánh sáng, biến đổi là có sanh có diệt, chứ bản thể của châu không sanh không diệt.

Như vậy, “*sắc tượng khứ lai*” (hình sắc đến đi): Chữ “*sắc*” (色) chỉ cho châu vì châu hiện sắc, gương hiện hình. “*Do nghiệp quả chi nhiễm nhiên dã*” (giống như nghiệp quả rành rành), “*nhiễm nhiên*” là tự nhiên. Hết thấy bọn chúng sanh chúng ta vì mê hoặc chân tướng sự thật (Thật Tướng của các pháp), nên khởi Hoặc tạo nghiệp, biến hiện thành quả báo, giống như hình ảnh hiện trong gương, giống như màu sắc xuất hiện nơi châu, không phải là chân thật. Gì là chân thật? Tánh của chúng ta là chân thật, ở đây nói Pháp Tánh là chân vậy.

Nếu bây giờ chúng ta hỏi Pháp Tánh ở nơi đâu thì như kinh Lăng Nghiêm đã giảng: “*Lục căn môn đầu, phóng quang động địa*” (Từ cửa ngõ sáu căn phóng quang lay động cõi đất). Chư Phật Như Lai thấy được điều này nên chấp tay gọi quý vị là Phật, vì sao? Vì quý vị có Phật Tánh, tánh của quý vị và tánh của Phật không hai, không khác. Các Ngài là Phật nhưng vì sao quý vị không là Phật? Hết thấy chúng sanh đều là Phật, vô tình chúng sanh có Pháp Tánh. Trong pháp Đại Thừa thường nói: “*Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật*”. Ta thấy được Tánh, từ nơi Tướng thấy được Tánh sẽ thành Phật. Tuyệt đối chẳng mê nơi tướng thì gọi là “đại triệt đại ngộ”, Giáo Hạ gọi là “đại khai viên giải”, Niệm Phật gọi là “*Lý nhất tâm bất loạn*”, thực sự nhất tâm bất loạn!

Thế nào là nhất tâm? Hóa giải hết thấy tất cả đối lập thì mới gọi là “nhất tâm”. Có người, có ta, ta và người đối lập thì chẳng phải là nhất tâm; trong nhất tâm không có đối lập. Chúng ta thường hay nói đến Phật và chúng sanh, tức là vẫn còn có Phật và chúng sanh, như vậy là còn mê, chưa giác ngộ. Giác ngộ thì sao? Giác ngộ rồi thì không Phật, không chúng sanh, Phật chính là chúng sanh, chúng sanh chính là Phật, là một, không phải hai, đó là nhất tâm. Phàm những gì đối lập hay tương đối đều không có. Chân - vọng không có, tà - chánh không có, thiện - ác không có, đúng - sai không có, ta - người không có, xa - gần không có, trước - sau không có, đó mới là nhất tâm bất loạn, đó là “*nhập pháp môn Bất Nhị*”, đó là “*nhập Phật cảnh giới*”. Cảnh giới của Phật là giác ngộ triệt để, được đại tự tại, “*Lý vô ngại, Sự vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”.

Hết thấy mọi thứ không gì chẳng tùy thuận Phật Tánh, chẳng tạo

nghiệp, không có phiền não. Phiền não không còn, nghiệp không còn; vì vậy, quả báo trong sáu nẻo và mười pháp giới không còn nữa. Đó là “giác rồi ba cõi rộng toang hoang”, chỉ còn sót lại cảnh giới nào? Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới là Hoa Tạng, là Cực Lạc. Chúng ta xem đoạn tiếp theo, nếu quý vị muốn thực sự hiểu được những tỷ dụ trên, quý vị phải chú tâm lãnh hội:

Cổ chư Phật u nhiễm nhiên sanh diệt trung, duy kiến vô sanh.

故諸佛於儼然生滅中。唯見無生。

(Bởi thế, chư Phật trong sự sanh diệt rành rành, chỉ thấy vô sanh).

Câu này rất dễ hiểu. Chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát thấy hết thấy vạn vật, dầu là lục đạo hay là mười pháp giới đều là bất sanh bất diệt. Vì sao? Các Ngài từ Tướng thấy được Tánh, Tánh cũng như Tướng không trở ngại; cốt sao quý vị hiểu được chân tướng sự thật này. Vì sao? Như tấm gương soi chiếu vạn vật bên ngoài có trở ngại gì hay không? Vạn vật hiện trong gương, gương tròn chẳng nhiễm, mây may trở ngại cũng không có. Vì sao nay chúng ta có chướng ngại? Do chúng ta nhiễm trước. Chúng ta mắt thấy, tai nghe, tiếp xúc cảnh giới bên ngoài bèn khởi tâm, động niệm, sanh khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Vậy là hồng bết rồi! Phật, Bồ Tát hiểu rõ chân tướng sự thật rõ ràng minh bạch, chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước. Những lời này tôi đã nói rất nhiều năm rồi, ai thực hiện được thì người ấy thành tựu.

Lời này chẳng phải để nói xuông, có nói cũng vô ích, [chỉ là] kể tên món ăn, đếm của báu nhưng chính mình chẳng được thọ dụng! Nếu chính mình đối với cảnh giới hiện tiền, ta thấy sắc, nghe tiếng, quả thật biết chân tướng sự thật rõ rệt, minh bạch: Đây là Tướng Phần, kia là Tánh Phần, thực sự khế nhập cảnh giới, Tánh và Tướng như một. Nếu Tánh và Tướng vẫn là đối lập thì vẫn là đang mê, chưa ngộ! Thực sự giác ngộ thì Tánh và Tướng là một, Sự - Lý là một, nhân quả là một, quý vị nhập Nhất Chân, đặc nhất tâm. Do như vậy mà đặc nhất tâm.

Bởi thế, tách lìa hết thấy cảnh giới thì quý vị sẽ đạt được nhất tâm từ đâu đây? Huống hồ quý vị có lìa được cảnh giới hay chẳng? Không lìa được! Quý vị chỉ có thể chuyển đổi, chứ chắc chắn không thể lìa khỏi được. Vì sao không tách lìa được? Pháp Tánh tự nhiên hiện, có thể tánh thì tự nhiên bèn hiện tướng, hễ có hiện tướng thì tự nhiên có tác dụng. Thể - Tướng - Dụng là một nhưng ba, tuy ba mà một, giống như hình

tướng hiện trong gương, là một không hai. Đúng là mê - ngộ bất đồng, do vậy: “*Chư Phật ư nghiêm nhiên sanh diệt trung, duy kiến vô sanh*” (chư Phật trong sự sanh diệt rành rành, chỉ thấy vô sanh), trong Tướng thấy Tánh, Tánh và Tướng như một.

Chúng sanh ư tràm nhiên vô sanh trung, duy kiến sanh diệt.

眾生於湛然無生中。唯見生滅。

(Trong vô sanh tràm nhiên, chúng sanh chỉ thấy sanh diệt).

Chúng sanh đang mê, vô sanh là Pháp Tánh. Nơi Pháp Tánh, chúng sanh thấy hiện tướng sanh diệt, chỉ thấy được Pháp Tướng, coi Pháp Tướng là đối lập, quên mất Pháp Tánh vô sanh, hoàn toàn không biết mình đối lập nơi tướng hư vọng. Giống như chúng ta thấy cái phong màn đây; cái phong màn này là tướng, phía sau có núi, có mây vờn, có cây cối, phân biệt như thế. Sự phân biệt ấy là khởi tâm động niệm: Đây là núi, đây là mây, đây là cây, cây không phải là núi, núi không phải là mây. Dấy lên vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là hổng rồi, mê rồi, càng mê sâu hơn, càng chấp trước nghiêm trọng hơn. Chư Phật, Bồ Tát không vọng tưởng, không phân biệt, không chấp trước, thấy rất rõ ràng, không khởi tâm động niệm. Các Ngài không nói đây là cây, đây là mây, đây là núi, không hề có, nhất thể! Bất đắc dĩ thì gọi bằng một danh từ, đó là Pháp Tướng.

Pháp Tánh có thể hiện (năng hiện), Pháp Tướng là cái được hiện (sở hiện), Pháp Tánh là một, Pháp Tướng bất nhị, đó là trí huệ chân thật. Có như vậy mới thấy chân tướng sự thật rõ ràng, minh bạch, không mê, không nhiễm. Chúng ta học Phật phải lấy việc khế nhập cảnh giới này làm mục tiêu tu học, kinh thường gọi điều này là “*nhập Phật tri kiến*”.

A! Nay đã đến giờ rồi!

Tập 44

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần khai thị của thiền sư Trung Phong trong thời thứ nhất. Chúng tôi đã đọc đoạn sau đây:

Cổ chư Phật ư nghiêm nhiên sanh diệt trung, duy kiến vô sanh; chúng sanh ư tràm nhiên vô sanh trung, duy kiến sanh diệt.

故諸佛於儼然生滅中。唯見無生。眾生於湛然無生中

◦ 唯見生滅 ◦

(Vì thế, chư Phật đối với sự sanh diệt đành đành, chỉ thấy vô sanh; chúng sanh đối với vô sanh tự nhiên chỉ thấy sanh diệt).

Hai câu này tôi đã giảng rồi. Thiền sư Trung Phong quả thật đã dùng lời giải thích trực tiếp, thích đáng nhất để thuyết minh chúng sanh khác với Phật ở chỗ nào. Chúng ta hãy xem đoạn văn khai thị tiếp theo đó:

Chỉ nhân mê ngộ chi hữu sai, toại trí hiện lượng chi bất nhất; thật nãi sanh vô tự tánh, vô sanh diệt vô tự tánh, ngộ tắc sanh diệt giai vô sanh, mê tắc vô sanh giai sanh diệt. Sở dĩ, lý thử biệt vô, thị nãi nhất thể nhi dị danh dã.

只因迷悟之有差。遂致現量之不一。實乃生無自性。無生亦無自性。悟則生滅皆無生。迷則無生皆生滅。所以離此別無。是乃一體而異名也。

(Chỉ do mê - ngộ sai khác mà đến nỗi hiện lượng⁴¹ khác nhau, chứ thật ra, sanh không có tự tánh, vô sanh cũng không có tự tánh. Hễ ngộ thì sanh diệt đều là vô sanh, còn mê thì vô sanh đều thành sanh diệt. Do vậy, là khỏi cái này thì không còn gì khác, đây chỉ là một Thể mà tên gọi khác nhau).

Chúng ta đọc đến đoạn này. Trong đoạn trên, đại sư đã vì chúng ta thuyết minh tỉ mỉ: Chúng sanh và Phật sai biệt ở chỗ nào? Sai biệt ở chỗ mê hay ngộ, mê thì gọi là chúng sanh, giác ngộ thì gọi là Phật. Vì vậy, ở đây, thiền sư nói: “Chỉ nhân mê ngộ chi hữu sai” (Chỉ do mê hay ngộ mà có sai khác). Mê hay ngộ là quý vị thấy cảnh giới bên ngoài, tức sáu căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, mắt thấy, tai nghe, thân thể tiếp xúc, cho đến tất cả hết thấy cảm thọ đều khác nhau. Những đạo lý như vậy nếu giảng giải một cách nông cạn thì không đến nỗi khó hiểu lắm. Ví như chúng ta cùng sống trong thế gian này như nhau, nhưng do trình độ văn

⁴¹ Hiện Lượng (Pratyaksa pramāṇa): Đây là thuật ngữ của Nhân Minh Học, có nghĩa là sự nhận biết thông qua tác dụng phân biệt suy nghĩ. Có hai loại:

- Chân Hiện Lượng là sự nhận biết chính xác, chưa bị ảnh hưởng bởi những huyền tưởng, chưa thông qua kinh nghiệm trực tiếp của khái niệm.
- Tự Hiện Lượng là sự nhận biết đã bị huyền tưởng chi phối hoặc thông qua kinh nghiệm trực tiếp của khái niệm (theo Phật Quang Đại Tự Điển)

hóa khác biệt, sự tu dưỡng sai khác, thấy cảnh giới bên ngoài – tức là đối với hết thảy người, sự, vật – mỗi người cảm nhận khác nhau. Đây là một sự thật rất rõ ràng. Ngoài ra, cũng có thể nêu một thí dụ khác: Như khi mỗi một người chúng ta đang vui vẻ, thấy hết thảy người, sự, vật đều cảm thấy vui thích; nếu khi chúng ta đang lo buồn, phiền não, nhìn vào hết thảy người, sự, vật, ắt cảm thấy chán ghét, đều không đáng ưa.

Do vậy, biết rằng: Cảnh giới bên ngoài là một, tùy theo mức tu dưỡng, tùy theo tình cảm của chúng ta, sau khi ta tiếp xúc, trong sự cảm nhận của ta cảnh giới sẽ bị biến đổi rất lớn. Ngay từ bản thân mỗi người chúng ta, hoặc là từ giữa chốn bần tiện, mọi người cùng tụ hội, dễ thấy chuyện này rõ rệt nhất. Từ đây chúng ta có thể suy đoán là bọn phàm phu chúng ta và Phật khác biệt rất lớn. Sự khác biệt trong việc nhận biết vũ trụ và nhân sinh là rất lớn. Chư Phật thấy được chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, chúng ta chỉ thấy vọng tưởng của nhân sinh và vũ trụ. Vì sao chúng ta thấy hư vọng? Chỉ vì chúng ta mê mất chân tướng. Mê như thế nào? Trong phần trên đã nói rồi đó: Phật, Bồ Tát giác ngộ, triệt để giác ngộ, viên mãn giác ngộ; bởi vậy, các Ngài trông thấy chân tướng của vũ trụ và nhân sinh.

Ở đây, thiền sư dạy chúng ta: *“Chỉ nhân mê ngộ chi hữu sai, toại chi hiện lượng nhi bất nhất”* (Chỉ vì mê ngộ sai biệt, đến nỗi hiện lượng khác nhau) – cách thấy của chúng ta và cách thấy của Phật khác nhau. Cách thấy của chúng ta là đối với cảnh giới bèn sanh khởi vọng tưởng, bèn khởi tâm động niệm, bèn phân biệt, chấp trước. Sáu căn của Pháp Thân Bồ Tát và chư Phật Như Lai tiếp xúc cảnh giới sáu trần chẳng khởi tâm động niệm, không phân biệt, chấp trước. Khởi tâm động niệm là vô minh; vọng tưởng và chấp trước là tạo nghiệp. Trong hết thảy cảnh duyên, Phật, Bồ Tát không mê hoặc, không tạo nghiệp, đặc đại tự tại! Sai biệt ở chỗ này, ngoài điều này ra, sai biệt gì cũng chẳng có. Vì thế, tiếp theo đó, thiền sư lại nói:

“Thật nãi” nghĩa là nói thật ra, *“sanh vô tự tánh”* (sanh không có tự tánh). Sanh là hiện tượng của hết thảy vạn vật. Hết thảy vạn sự, vạn vật sanh khởi, kể cả hư không, hư không vốn cũng chẳng có, hư không sanh khởi như thế nào? Nếu nói hư không chẳng có, ắt mọi người cảm thấy rất lạ lùng; thế nhưng qua tỷ dụ sau đây, có lẽ quý vị sẽ lãnh hội được. Ví như nằm mộng, trong mộng có hư không hay chẳng? Có! Vậy tôi hỏi quý vị: “Hư không trong mộng do đâu mà có?” Lúc quý vị nằm mộng, hư không hiện hữu, lúc tỉnh dậy, cái hư không trong mộng không còn nữa. Như vậy, nếu quý vị chú tâm quan sát: Hiện tượng ấy thực sự

tồn tại, hư không có sanh diệt, cái hư không trong giấc mộng của chúng ta có sanh diệt.

Đương nhiên, hết thấy hiện tượng, thể giới, vi trần, chúng sanh được hiện trong cái hư không đó, những cảnh giới vốn có trong mộng tự hồ hiện hữu đối với chúng ta, chúng có sanh, có diệt. Nay cái hư không, thể giới, núi, sông, đại địa, chúng sanh lăng xăng đang hiện diện này do đâu mà có? Đúng là từ hư không sanh, hư không là Không, trong Không sanh ra Có. Hiện tại, khoa học đã phát hiện: Quả thật trong Không sanh ra Có, đã thế lại còn nhất thời đồn hiện, hoàn toàn giống với những gì kinh Đại Thừa đã nói, nhưng không diễn giải được tường tận như trong kinh điển.

“*Sanh vô tự tánh*” (Sanh không có tự tánh), tự tánh ấy chính là tự thể, sanh không có tự thể. Vì không có tự thể nên mới gọi là vọng, nó không phải là chân. Kinh Lăng Nghiêm giảng rất khéo: “*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*” (Từ đâu sanh ra thì cũng chính từ ngay đó mà diệt). Tốc độ sanh diệt rất nhanh, không có cách gì hình dung được nên đức Phật bảo là “*chẳng thể nghĩ bàn*”, tức là không có cách gì để hình dung tốc độ nhanh chóng ấy. Trong những buổi giảng, chúng tôi thường dùng chuyện chiếu bóng làm tỷ dụ, tấm phim lọt vào ống kính của máy chiếu phim khi nó mở ra, chẳng phải là hình ảnh bèn được chiếu ngay lên màn bạc hay sao? Đó là Sanh. Ống kính đóng lại, hình ảnh ấy không còn nữa. Đó là Diệt. Ống kính lại mở ra, tấm ảnh thứ hai lại xuất hiện, đó lại là Sanh; rồi lại đóng vào, bức ảnh thứ hai lại diệt. Đó là sự sanh diệt quý vị trông thấy rất rõ ràng. Sự sanh diệt ấy là nhất thời đồn hiện, Sanh là nhất thời đồn sanh, không có trước sau; Diệt cũng là nhất thời đồn diệt, cũng không có trước sau. Đây chính là như kinh Lăng Nghiêm đã giảng: “*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*” (Từ đâu sanh ra thì cũng chính từ ngay đó mà diệt).

Thế nhưng sự sanh diệt do ống kính của máy chiếu phim đóng hay mở trong một giây chỉ là hai mươi bốn lần. Những hiện tượng hiện đang ở trước mắt, kể cả thân thể chúng ta, kể cả những gì chúng ta cảm nhận, những gì chúng ta có thể thấy được, nghe được, suy nghĩ, tưởng tượng đều được tính gộp trong đó. Trong một giây, những hiện tượng ấy sanh diệt bao nhiêu lần? Kinh Nhân Vương bảo một cái khảy ngón tay là sáu mươi sát-na, trong một sát-na có chín trăm lần sanh diệt. Chiếu theo đó, trong một giây tối thiểu chúng ta khảy ngón tay được bốn lần, bốn lần sáu mươi nhân chín trăm gần bằng hai mươi vạn tám ngàn, tức là hai mươi một vạn sáu ngàn lần sanh diệt. Không [chậm] như tốc độ của ống

kinh trong máy chiếu phim mà nhanh như thế nào? Một giây không phải là hai mươi bốn lần mà là hai mươi một vạn sáu ngàn lần, làm sao quý vị biết [những tướng được biến hiện] là giả cho được!

Tôi cho rằng trong kinh Nhân Vương, đức Thế Tôn giảng như vậy chỉ là nói một cách phương tiện, chứ chưa phải là đã nói sự thật. Vì sao? Sự thật, tốc độ còn nhanh hơn thế nữa, không có cách gì tưởng tượng được. Tợ hồ nhanh đến mức độ nào? Gần như sanh diệt đồng thời. Bởi vậy, kinh Phật thường bảo là “*bất sanh, bất diệt*”, bất sanh bất diệt là sanh diệt đồng thời, vừa nói sanh thì đã diệt, vừa nói diệt bèn lại sanh, nhất thời đồn hiện. Nhất thời đồn hiện là ngay trong cùng một thời, tính như thế nào là “*một thời*”? Trong một thời sanh, lại diệt trong cùng một thời ấy, sanh diệt đồng thời. Bởi thế, sanh không có tự tánh, vô sanh cũng chẳng có ự tánh.

“*Ngộ tác sanh diệt giai vô sanh*” (Hễ ngộ thì sanh lẫn diệt đều là vô sanh): Chư Phật, Bồ Tát giác ngộ, biết sanh và diệt đều là bất sanh, hết thấy pháp không sanh, không sanh thì làm sao có diệt? Đây mới là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Do vậy, chư Phật, Bồ Tát đối với những hiện tượng này từ trước đến nay chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, hoàn toàn tương ứng với chân tướng. Do vậy, Thanh Lương đại sư khi chú giải kinh Hoa Nghiêm đã bảo: Chư Phật, Bồ Tát thuộc về vô ngại pháp giới, tức Lý vô ngại, Sự vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, pháp giới không chướng ngại.

Pháp giới không chướng ngại ở đâu? Ở ngay trước mặt chúng ta. Vì sao chúng ta không thấy? Vì chúng ta đã mê rồi! Hình dáng của mê là gì? Hình dáng của mê là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị khởi lên những thứ ấy là bị phiền phức rồi! Như thế gọi là “*khởi Hoặc, tạo nghiệp*”. Tạo nghiệp chính là quý vị đã bóp méo những tướng được biến hiện của vũ trụ và nhân sinh, những tướng ấy cũng là được hiện bởi tâm. Những hiện tượng ấy vốn là thế giới Cực Lạc, là Nhất Chân pháp giới, là thế giới Hoa Tạng rốt ráo viên mãn, không khiếm khuyết mảy may nào. Sau khi bị bóp méo, cảnh giới bên ngoài bèn nảy sanh biến hóa, biến thành mười pháp giới, biến thành sáu nẻo, biến thành tam đồ, biến hóa như vậy đó!

Thế nhưng nếu quý vị hiểu biết thì chủ thể gây ra sự biến hiện (năng biến) ấy chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Do vậy, cái cảnh giới được biến hiện do cái năng biến này (cái được biến là lục đạo, tam đồ) sanh ra cũng chẳng phải là thật. Tuy không thật, nhưng quý vị chẳng giác; do bất giác nên phải gánh chịu, phải chịu khổ, chịu nạn trong

ấy, khác nào quý vị nằm mộng trong khi đang mộng. Quý vị gặp ác mộng, gặp ác mộng rất khó chịu! Có lúc sợ đến nổi mồ hôi lạnh khắp thân, tỉnh phất dậy, sợ điếng người. Kết quả chỉ là một cơn mộng. Nay chúng ta đang luân hồi trong lục đạo cũng là đang mơ một giấc mộng lớn trong mười pháp giới. Cơn mộng ấy từng giấc nối tiếp nhau, nằm mộng trong khi đang mộng, vĩnh viễn không tỉnh được, có phải là phiền phức quá hay chăng? Phật, Bồ Tát không dạy chúng ta điều chi khác cả, chỉ là nhằm đánh thức chúng ta khỏi giấc mộng đó thôi.

Vì thế, câu này nói rất khéo, rất thật: “*Sanh vô tự tánh, vô sanh diệt vô tự tánh*” (Sanh không có tự tánh, vô sanh cũng không có tự tánh). Đối với người giác ngộ, sanh lẫn diệt đều là vô sanh, họ thấy rất rõ ràng, rất minh bạch; người mê không vậy, “*mê tắc vô sanh giai sanh diệt*” (mê thì vô sanh đều là sanh diệt). Người mê chấp trước, phân biệt, trong sự cảm nhận của họ, tất cả hết thảy vạn sự vạn vật trong vũ trụ đều có sanh, có diệt.

Mỗi khi đức Phật giảng kinh, chúng ta biết Ngài căn cứ trên Nhị Đế. Nhị Đế là gì? Thứ nhất là thuận theo cảnh giới do chính mình đã chứng đắc, đó gọi là Chân Đế. Giảng cho quý vị những điều chân thật: Những kinh như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa là những bộ kinh lớn giảng về lẽ chân thật, giảng về cảnh giới của Phật, Bồ Tát, bọn lục đạo phàm phu chúng ta rất khó tiếp nhận, rất khó thấu hiểu. Vì sao? Đó chẳng phải là cảnh giới của chúng ta, hoàn toàn khác với cảnh giới của chúng ta. Vì vậy, ngoài ra đức Phật còn thuyết pháp thuận theo chúng sanh, tùy thuận chúng sanh chính là Tục Đế. Tùy thuận Tục Đế thì đức Phật giảng có sanh - lão - bệnh - tử, động vật có sanh - lão - bệnh - tử, thực vật có sanh - trụ - dị - diệt, khoáng vật như tinh cầu thì có thành - trụ - hoại - không. Những điều này chúng ta hiểu, chúng ta đồng ý, thừa nhận những cách giảng như thế, không sai chút nào. Đó là thể giới theo cảm nhận của phàm phu, đức Phật cũng thường giảng như thế. Vì sao? Quý vị chưa giác ngộ; nếu giảng sự thật, quý vị sẽ không hiểu được, giảng điều giả thì quý vị hoàn toàn đồng ý, đây chính là “*mê tắc vô sanh giai sanh diệt*” (hễ mê thì vô sanh đều là sanh diệt). Kiến giải của Phàm và Thánh bất đồng, chứ thật ra Lý và Sự chẳng hai!

Tôi thường nói tiên sĩ Giang Bồn Thắng của Nhật Bản đã dùng phương pháp khoa học [để chứng minh] đạo lý này, tức là dùng nước làm thí nghiệm (nước là khoáng vật), phát hiện nước có thể thấy, có thể nghe, có thể hiểu được ý nghĩ của con người. Dùng thiện ý đối với nó, nó kết tinh rất đẹp đẽ. Dùng ác ý đối với nó, nó kết tinh hết sức xấu xí.

Những điều này chứng minh lời Phật đã giảng: Nước có khả năng thấy - nghe - hay - biết, thấy - nghe - hay - biết là Pháp Tánh. Nó không phân biệt, vọng tưởng, chấp trước, nhưng nó có thể bị ảnh hưởng bởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước của những thứ khác mà biến dạng, tướng trạng của nước bị biến dạng.

Từ thí nghiệm này, chúng ta có thể nhận hiểu một điều: Nước nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, nước trong thế giới Hoa Tạng nhất định không hề bị thiếu khuyết mảy may, hết sức viên mãn, thực sự đầy đủ “chân thiện mỹ huệ” như ta thường nói. Vì sao? Người trong những thế giới ấy toàn là bậc giác ngộ. Thế giới Hoa Tạng toàn là Pháp Thân đại sĩ, không có phàm phu. Mức thấp nhất đều là hàng Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, cho đến hàng Đẳng Giác, cho đến quả địa Như Lai. Vì vậy, nơi ấy không có người mê hoặc, mà toàn là người thực sự giác ngộ. Tất cả hết thảy vật chất đều biến thành hoàn mỹ nhất, nên gọi là Nhất Chân. Địa cầu của chúng ta đây vốn vẫn là Nhất Chân, vì sao lại biến ra nông nổi này? Cư dân trên địa cầu mê không giác, suốt ngày từ sáng đến tối khởi vọng tưởng, những điều suy nghĩ, tâm niệm, lời lẽ, việc làm đều hoàn toàn trái nghịch Pháp Tánh. Do vậy, núi, sông, đại địa, tất cả hết thảy vật chất nơi đây đều bị biến đổi theo tâm tưởng của chúng ta, biến thành hết sức xấu xí.

Núi, sông, đại địa nơi cõi này và núi, sông, đại địa cõi Cực Lạc giống hệt nhau, vì sao bên họ đẹp đẽ dường ấy, ở chỗ chúng ta lại xấu tệ đến thế? Không có gì khác cả, tướng chuyển theo tâm! Tâm chúng ta bất thiện, nó bèn phản ứng bất thiện; tâm chúng ta thiện thì ngay lập tức nó phản ứng tốt lành! Do vậy, chúng ta bèn hiểu được rằng: Nếu như tất cả cư dân trên thế giới này buông hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống được thì thế giới của chúng ta chính là thế giới Cực Lạc. Vì sao? Tất cả hết thảy vật chất lập tức biến đổi. Từ thí nghiệm nước kết tinh, chúng ta thấy rằng nếu dùng ác ý đối với nước, nó sẽ kết tinh hết sức xấu xí. Chúng ta thay đổi ý niệm, dùng ý niệm tốt lành nhất đối với nó, ngay lập tức sự kết tinh của nước bèn biến đổi, biến hiện những kết tinh rất đẹp cho ta thấy, biến đổi theo ý niệm của chúng ta.

Tiền sĩ Giang cho biết: Trong suốt tám chín năm, ông ta chưa hề thấy có hai mẫu kết tinh nước hoàn toàn giống nhau, chúng tôi có thể khẳng định điều này. Vì sao? Mỗi ý niệm của quý vị khác nhau, nước phát sanh những biến hóa theo từng ý niệm. Quý vị không có hai ý niệm hoàn toàn tương đồng nên chẳng thể xuất hiện hai kết tinh hoàn toàn giống nhau, đạo lý là vậy!

Hy hữu thay! Khoa học đã phát hiện được điều này, coi như là đã bước đầu chứng thực được chân tướng vũ trụ (nói theo thuật ngữ nhà Phật là “*Thật Tướng của các pháp*”) như trong kinh đã nói. Phật và các đại Bồ Tát chẳng cần đến những máy móc khoa học, các Ngài tận mắt thấy, dùng phương pháp gì vậy? Thiền Định rất sâu. Cũng có nghĩa là: Hoàn toàn buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống thì chân tướng phơi bày lồ lộ. Tướng giác ngộ, tướng mê hoặc, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới thấy rất rõ ràng, minh bạch, rõ cuộc là nguyên nhân gì, là duyên do nào cũng đều rất rõ ràng minh bạch.

“*Sở dĩ, ly thử biệt vô, thị nãi nhất Thể nhi dị danh dã*” (Do vậy, lìa khỏi cái này thì không còn gì khác, chỉ là cùng một thể mà tên gọi khác nhau). Thể nào là “*dị danh*” (tên gọi khác nhau)? Tướng khác nhau, nhưng vốn cùng một Thể. Phải biết địa cầu của chúng ta, tức địa cầu của thế giới Sa Bà, tinh cầu của thế giới Cực Lạc, và tinh cầu của thế giới Hoa Tạng đều là một Thể, giống hệt nhau, đều là vật chất. Các nhà khoa học hiện thời bảo chúng đều do những nguyên tố [giống nhau], nhưng được tổ hợp khác nhau, nay ta thường nói là công thức cấu tạo khác nhau. Vì sao kết cấu khác nhau? Kết cấu do ai chủ trì? Ý niệm! Tâm quý vị thanh tịnh, những nguyên tố cảm nhận được, nó thấy - nghe - hay - biết mà! Đó là bản năng của Pháp Tánh chẳng bị tiêu mất, bất sanh, bất diệt, không có hình tướng, nhưng hiện hữu trong hình tướng. Vì thế, bất cứ hình tướng nào, bất cứ vật chất nào cũng đều có khả năng thấy - nghe - hay - biết, thuận theo hữu tình chúng sanh mà biến hóa. Hữu tình chúng sanh thiện thì chúng biến hóa rất tốt, hữu tình chúng sanh bất thiện thì chúng cũng biến hóa rất tồi tệ. Bởi thế, “*chỉ cùng là một thể mà tên gọi khác nhau*”, bởi nó chỉ cùng một Thể mà hình tướng khác nhau. Tiếp đó, đại sư giảng mấy câu về lẽ thực tế.

Thẩm như thị.

審如是。

(Xét như vậy).

“*Thẩm như thị*”: Thẩm (審) có nghĩa là xem xét kỹ càng, rất nghiêm túc, rất chú tâm xem xét vấn đề này thật minh bạch, rõ ràng. Chữ “*như thị*” chỉ những điều đã nói ở phần trên.

Tức A Di Đà Phật tức thị ngũ tâm, ngũ tâm tức thị A Di Đà Phật.

則阿彌陀佛即是我心。我心即是阿彌陀佛。

(Thì A Di Đà Phật chính là tâm ta, tâm ta chính là A Di Đà Phật).

Quý vị bèn có thể khẳng định, A Di Đà Phật từ đâu mà có? Từ tâm hiện, thức biến. Tâm của ai? Chính cái tâm của chúng ta. Quý vị phải hiểu cái tâm này là cùng chung, thức cũng là của chung, chân tâm là của chung, còn vọng tâm bất đồng. Vọng tâm của tôi khác với vọng tâm của anh, cũng có thể nói là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mỗi người mỗi khác, nhưng chân tâm giống nhau. Chân tâm: Lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chính là chân tâm.

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật có nêu một tỷ dụ, từ tỷ dụ này chúng ta có thể hiểu được [chân tâm]. Đức Phật nói chân tâm giống như cái gì? Biển cả! Biển cả là chân tâm. Vọng tâm là gì? Vọng tâm là một bọt nước trong biển cả. Biển cả là một, nhưng các hoa sóng xuất hiện do sóng vỗ thì vô lượng vô biên, mỗi một bọt nước giống như vọng tâm của những chúng sanh chúng ta, ta chấp trước vọng tâm là chân tâm của chính mình, quên mất chân tâm thực sự. Chân tâm là biển cả kia mà! Khi nào cái bọt nước ấy bị vỡ tan, tan đi sẽ dung hợp với biển cả thành một Thể. Chân là một, vọng là hai, ba, là vô lượng vô biên.

Vì thế, kinh Đại Thừa thường nói: “Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân, nhất tâm, nhất trí huệ, lực, vô úy diệc nhiên” (Mười phương tam thế, cùng chung một Pháp Thân, một tâm, một trí huệ, lực, vô úy cũng thế). Do vậy, chân tâm là một, không phải hai. A Di Đà Phật chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến. Ngã ở đây là Chân Ngã, chứ không phải là Ngã nơi cái thân xác thịt, xác thịt không phải là Ngã. Kinh Phật thường nói Vô Ngã, Vô Ngã là nói về nhục thân, nơi nhục thân không có Ngã (vô ngã), nhưng quý vị có Chân Ngã. Nhà Phật nói đến bốn tịnh đức Thường - Lạc - Ngã - Tịnh, đó là thật. Trong Pháp Tánh có Ngã, Pháp Tánh có Thường - Lạc - Ngã - Tịnh, Pháp Thân có Ngã, Pháp Thân có Thường - Lạc - Ngã - Tịnh. Mười phương tam thế Phật cùng chung một Pháp Thân, Pháp Thân gì vậy? Pháp Thân chính là Pháp Tướng. Chân tâm, Chân Ngã là Pháp Tánh, tướng được hiện bởi Pháp Tánh gọi là Pháp Tướng. Pháp Tướng là gì? Hư không, thế giới, hết thảy chúng sanh là Ngã! Chuyện này rất khó hiểu, rất khó lãnh hội.

Tôi lại dùng chuyện mộng để tỷ dụ, chúng ta ai cũng có kinh nghiệm nằm mộng. Tôi hỏi quý vị nhé: Trong khi quý vị đang nằm mộng, nếu quý vị bất chợt giác ngộ: “Mình đang nằm mộng mà!” thì mộng ấy từ đâu mà có? Con người hiện thời nói mộng do tâm ý thức

biến hiện, tâm ý thức biến hiện thành cảnh giới trong mộng. Trong mộng có hư không, trong mộng có núi, sông, đại địa, trong một có rất nhiều nhân vật. Vậy thì quý vị phải hỏi: Có cái gì trong mộng không phải là quý vị hay chăng? Mộng do tâm ý thức của ta biến hiện, thứ gì cũng đều là ta; quý vị bèn hiểu rõ: Không gì chẳng phải là ta. Lúc ấy, quý vị mới thực sự hiểu lời Phật đã nói: “*Đồng thể đại bi, vô duyên đại từ*”.

Vì sao đức Phật phải yêu thương, che chở hết thảy chúng sanh, phải độ chúng sanh khổ nạn? Không có gì khác cả! Vì cùng chung một Pháp Thân. Ta có cái thân này, thân của hết thảy chúng sanh cũng là thân của ta, núi, sông, đại địa cũng là cái ta có, thậm chí hư không cũng là cái ta có. Chúng ta nói đến người một nhà, người một nhà vẫn chưa thân thiết, thân thiết nhất chính là “*cùng chung một Pháp Thân*”, lẽ đâu không yêu thương, che chở? Do vậy, trông thấy hết thảy chúng sanh chịu khổ chính là bản thân ta chịu khổ, thấy hết thảy chúng sanh hưởng vui chính là tự mình hưởng vui. Chúng sanh và Phật không hai, chúng sanh và Phật là một, không phải hai. Chúng sanh và ta không hai, ta và chúng sanh là một Thể. Không chỉ cùng một thể với hữu tình chúng sanh, kinh Hoa Nghiêm nói: “*Tình dữ vô tình, đồng viên Chứng Trí*” (Tình và vô tình cùng viên mãn Chứng Trí). Ta và cây cối hoa cỏ, núi, sông, đại địa, hư không rộng lớn có cùng một thể. Đạo lý này sâu xa lắm, chỉ có kinh Đại Thừa mới giảng thật rõ ràng, thật thấu triệt. Đó là Thật Tướng, là chân tướng sự thật, vốn sẵn là như thế.

Mười pháp giới là một Thể nhưng khác tên, thực sự là một Thể. Chúng ta nói đến Phật pháp giới, Bồ Tát pháp giới, Thanh Văn pháp giới, Duyên Giác pháp giới, thiên pháp giới, nhân pháp giới, ngạ quỷ pháp giới, súc sanh pháp giới, địa ngục pháp giới, một Thể nhưng khác tên. Vì sao khác tên? Do khác tướng, tướng không giống nhau, nhưng quả thật là một Thể. Vốn chỉ là một tướng, tướng bị sai khác là vì chúng sanh khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, bóp méo tướng ấy. Tướng bị bóp méo khác nhau, nên mang tên khác nhau, chứ thật ra chỉ là một Thể. Có thể khôi phục tướng ấy thành giống hệt nhau hay chăng? Được chứ! Chỉ cần lìa được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, hết thảy tướng sẽ biến thành một tướng. Một tướng có nghĩa là núi vẫn là núi, nước vẫn là nước, cây vẫn là cây, hoa vẫn là hoa, nhưng biến thành tướng đẹp đẽ nhất!

Giống như trong kinh Phật đã giảng: Trong các cõi Phật, cây cối, hoa, cỏ vĩnh viễn không điêu tàn, vĩnh viễn xanh tươi, thật lạ lùng! Nói cách khác, thực vật không có sanh - trụ - dị - diệt, động vật không có

sanh - lão - bệnh - tử, khoáng vật không có thành - trụ - hoại - không, chẳng thể nghĩ bàn! Con người thọ vô lượng, cây cối, hoa, cỏ cũng thọ vô lượng, núi, sông, đại địa cũng thọ vô lượng, chúng ta thấy đó: Cảnh giới của chư Phật chẳng thể nghĩ bàn! Cảnh giới của chư Phật là thật, bị biến thành nông nổi này là do vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nơi bản thân chúng ta biến hiện ra, lầm lẫn chịu khổ chịu nạn trong ấy. Vạn pháp có cùng một Thể nhưng tên khác biệt, một Thể là Pháp Tánh. Chúng ta lại thấy: Ở đây, đại sư lại nói A Di Đà Phật chỉ do tâm hiện, chỉ do Thức biến, lại xét đến y báo:

Tịnh Độ tức thử phương, thử phương tức Tịnh Độ.

淨土即此方。此方即淨土。

(Tịnh Độ chính là phương này, phương này chính là Tịnh Độ).

Quả địa cầu của chúng ta đây và Tây Phương Cực Lạc thế giới là một không hai, không khác gì nhau. Tây Phương Cực Lạc thế giới trang nghiêm như thế đó, tốt đẹp như thế đó. Đức Thế Tôn dạy chúng ta: Mặt đất của Tây Phương Cực Lạc thế giới không phải là đất cát, không phải là sinh lầy mà là gì? Là bảy báu. Đại địa là lưu ly, người thế gian chúng ta gọi lưu ly là Phi Thúy, tức một loại ngọc có màu xanh lá cây trong suốt. Như vậy đại địa của Tây Phương Cực Lạc thế giới trong suốt, từ trên mặt thấy thấu tận đáy, thuần sắc xanh tuyền. Bảy báu trong thế giới của chúng ta rất cứng rắn như đá tảng vậy, rất cứng nên chỉ có thể làm những món châu bảo, làm đồ công nghệ, làm thành sản phẩm nghệ thuật để thưởng thức. Bảy báu của Tây Phương Cực Lạc thế giới mềm mại, đại địa rất mềm, ta bước lên giống như đi trên một cái mền bằng đất rất dày, đi lên đó rất dễ chịu, không cứng chắc.

Ở chỗ chúng ta đây, làm đường bằng nhựa đường, phủ nhựa đường hoặc tráng xi-măng. Đường sá ở Tây Phương Cực Lạc thế giới bằng vàng ròng, quý vị hiểu vàng ròng biết là bao nhiêu, vàng ròng đem lót đường. Vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, phần lớn những thứ quý báu ấy được dùng làm vật liệu xây dựng. Vì sao trong thế giới chúng ta, những thứ này bị biến thành đất sét, cát, đá, đều bị biến thành những thứ như vậy? Không có gì khác cả, hoàn toàn giống như phản ứng kết tinh của nước! Người sống nơi này tâm bất thiện, bởi thế, phản ứng kết tinh bèn biến thành những thứ ấy. Người Tây Phương Cực Lạc thế giới hiền lành, vật chất bèn phản ứng, biến thành vô lượng trân bảo, chứ thật ra, chúng chỉ là một thứ, không khác gì nhau! Bởi thế, “*Tịnh Độ tức thử*

phương, thứ phương tức Tịnh Độ” (Tịnh Độ chính là phương này, phương này chính là Tịnh Độ).

Khởi phi mê ngộ chi tự thù, hà hữu thánh phàm nhi bỉ thử.

豈非迷悟之自殊。何有聖凡而彼此。

(Há chẳng phải do mê ngộ nên tự khác nhau, nào có thánh phàm sai biệt!)

Phàm hay Thánh bất quá chỉ là danh từ mà thôi, tên gọi khác nhau, nguyên nhân thực sự gây nên những hiện tượng bất đồng chính là mê hay ngộ. Người Tây Phương Cực Lạc thế giới giác ngộ, tất cả hết thấy vạn vật, cảnh giới biến hiện theo cái ngộ đó đều là tốt đẹp chẳng thể nghĩ bàn. Con người trong thế gian chúng ta hiện thời tâm hạnh bất thiện, cho nên tất cả hết thấy vạn vật ở nơi đây biến thành xấu tệ, đạo lý là như vậy. Do đó, y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới chính là những hình ảnh biến hiện từ chính cái tâm của chúng ta. Kinh Kim Cang dạy: “Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh” (Hết thấy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng), chúng là những hình tướng do cái tâm của chúng ta biến hiện. Chúng ta phải biết rõ ràng, phải thấu suốt, phải hiểu rõ đạo lý và chân tướng sự thật này. Như vậy, phải sửa đổi từ nơi đâu? Từ ngay nơi cái tâm chúng ta, đó là thực sự tu đây.

Chân tu không phải là hình thức, mà cốt ở thực chất. Thực chất là gì? Khởi tâm động niệm. Thoạt đầu, Chương Gia đại sư dạy tôi câu này: “Phật pháp trọng thực chất chứ không trọng hình thức. Tâm anh biến thành thiện thì không gì chẳng thiện”. Đầu tiên là tướng mạo chuyển biến, tướng chuyển theo tâm, tướng mạo trang nghiêm; tiếp đến là thể chất, thân thể mạnh khỏe, không có bệnh tật. Đó là vật chất gần mình nhất. Chúng ta khởi tâm động niệm, tất cả hết thấy vật chất đều có phản ứng, giống như nước kết tinh vậy. Vì thế, tâm quý vị lành, tư tưởng lành, ngôn ngữ, hành vi lành thì mỗi tế bào khắp toàn thân, mỗi một khí quan đều tốt lành, mọi thứ đều tốt lành cả, lẽ nào quý vị không khỏe mạnh cho được, làm sao sanh bệnh cho được!

Nói cách khác, nếu quý vị sanh bệnh, có bệnh tật gì thì bệnh do đâu sanh ra? Chủ yếu là do ý niệm bất thiện tạo thành. Đương nhiên vẫn còn có những nhân tố khác, những nhân tố khác là ăn uống, khí hậu, bị hoàn cảnh bên ngoài công kích, nhưng quan trọng nhất vẫn là tâm tư của chính mình. Nay y giới cũng đang nghiên cứu sức khỏe tâm lý, người

tâm lý khỏe mạnh đầu bị bệnh vì nhiễm lạnh, trúng gió cũng rất dễ chữa trị, rất mau lành, khôi phục bình thường. Nếu tâm lý không khỏe mạnh, ắt phiền toái vô cùng, rất dễ bị virus bên ngoài công kích, lại còn khó lành bệnh, tâm lý không khỏe mạnh mà! Hiện tại, các bác sĩ thường nói như thế, nhưng chưa biết được tiêu chuẩn của tâm lý khỏe mạnh là gì, còn trong Phật đã nói về điều này rất rõ rệt.

Lần thứ nhất chúng tôi được nghe câu: “*Phật pháp trọng thực chất chứ không trọng hình thức*” là từ Chương Gia đại sư dạy. Lần thứ hai được nghe câu này ở Tân Gia Ba, Tổng Thống Nạp Đan (Sellapan Rama Nathan) bảo tôi như vậy. Ông ta theo Ấn Độ Giáo (Hinduism), cho biết bản thân hết sức tôn trọng Phật giáo, ông ta bảo: “*Phật giáo trọng thực chất chứ không trọng hình thức*”. Tôi nghe xong cảm thấy hết sức kinh ngạc, bởi lẽ, sau khi tôi được nghe câu nói này từ Chương Gia đại sư, trong mấy mươi năm chưa có ai nói câu này trước mặt tôi. Chẳng phải là người nội hạnh (có công tu dưỡng thực sự bên trong, người thông hiểu sâu sắc một lãnh vực nào đó) chẳng thể nói nổi câu này.

Cái “*thực chất*” đó chính là khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, và hành vi nhất định phải tương ứng với chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi, không gì là bất thiện. Chúng ta xử sự, đối người, tiếp vật, nhất là đối với những người hiểu lầm, hủy báng, tổn hại chúng ta, chúng ta phải dùng lòng chân thành đối với họ, dùng tâm thanh tịnh, bình đẳng đối với họ, dùng tâm chánh giác từ bi đối với họ, chân tâm! Quyết định chẳng được nói gã đó chơi xấu mình, cần gì phải xử tốt với hắn? Nếu vậy là quý vị trật rồi! Kẻ ấy dọa địa ngục, vì sao ta không dọa địa ngục? Nói vậy chẳng phải là nói lời ngốc nghếch hay sao? Kẻ ấy gây tạo lục đạo, vì sao ta không gây tạo lục đạo? Nay ta cùng kẻ ấy chẳng đi cùng một đường; kẻ ấy theo con đường lục đạo, chúng ta theo con đường thành Phật. Con đường họ đi là mê không giác, con đường nay chúng ta đang đi là giác chứ không mê, khác nhau! Như vậy nếu cảm thấy bị thua thiệt, vẫn còn lòng giận hờn, vẫn có tâm báo thù, há chẳng phải là lầm lạc quá đời ư? Chẳng những người ta sai lầm, mình cũng lầm luôn! Đoạn khai thị này là đại đạo lý, cũng chứa đựng chân tướng sự thật. Nói xong, trong tiêu đoạn cuối cùng, thiền sư dạy chúng ta:

Nãi tri hiện tiền chúng đẳng.

乃知現前眾等。

(Vậy thì hiện tiền đại chúng).

Chúng ta hiện đang ở cùng một chỗ làm pháp sự này, làm pháp sự này để cùng học tập, cùng tu hành.

Dĩ tự tánh A Di Đà Phật.

以自性阿彌陀。

(Hãy đem A Di Đà Phật nơi tự tánh).

Hiểu rồi thì A Di Đà Phật chính là tự tánh.

Dữ đại chúng thiết căn.

與大眾舌根。

(Cùng với cái lưỡi của đại chúng).

“Cái lưỡi của đại chúng” ý nói chúng ta hãy xưng niệm A Di Đà Phật.

Phổ đồng vận chuyển căn bản pháp luân.

普同運轉根本法輪。

(Cùng xoay chuyển rộng khắp căn bản pháp luân).

“Căn bản pháp luân” chính là Nhất Chân pháp giới; y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều là những hình ảnh do tự tánh hiện, do thức biến. Đó là “căn bản pháp luân”. Việc này chỉ có chư Phật Như Lai, Pháp Thân đại sĩ thấu hiểu, thông suốt. Ngày nay chúng ta có tín tâm, tin rằng chư Phật không nói dối, Phật chẳng lừa dối chúng sanh, Phật nói ra câu nào cũng chân thật, chúng ta nghe lời Phật chắc chắn không bị lầm lạc. Chúng ta chẳng phải chỉ nghe xong lời Phật dạy rồi thôi, không phải vậy, nghe xong phải chiếu theo những lời dạy ấy để tu học, sau đây tự mình đích thân chứng đắc cảnh giới. Đây chính là chỗ phi thường của đức Phật, Ngài yêu cầu chúng ta phải tự mình chứng minh được những điều đức Phật đã giảng, chứng thực vũ trụ nhân sinh có đúng như vậy hay không, nhất định chúng ta phải đích thân chứng đắc. Cái “phổ đồng căn bản pháp luân” ở đây theo chúng tôi hiểu trên mặt Sự chính là mọi người hãy cùng xưng niệm một câu Nam Mô A Di Đà Phật.

Chư nhân hoàn ỷ tất ma?

諸仁還委悉麼。

(Các nhân giả còn gì vương mắc nữa chẳng? Hiểu thấu chẳng?)

“Chư nhân” nghĩa là gọi mọi người bằng danh xưng “nhân giả” (bậc nhân từ), “nhân giả” là từ ngữ xưng hô cung kính đối với Bồ Tát, nghĩa là người nhân từ, “chư nhân” nghĩa là các vị nhân từ. “Hoàn ủy tất ma”: Ủy (委) là ủy khuất (wương mắc, ép uổng). Có điều gì xử ép quý vị chẳng, quý vị đã hiểu thấu hay chưa? “Tất ma” là thấu hiểu hay chưa! A! Bây giờ đã hết giờ rồi, chúng ta nghỉ một lát.

*

Chư vị đồng học!

Hãy xem tiếp bài kệ tiếp theo của thiền sư Trung Phong:

12. Thiên Kệ

***Sanh diệt vô sanh, sanh bất sanh,
Lạc bang na khểng cấm nhân hành,
Thùy tri vạn trượng hồng trần lý
Hạm đạm hoa khai nguyệt chánh minh.***

生滅無生生不生。

樂邦那肯禁人行。

誰知萬丈紅塵裡。

菡萏華開月正明。

(Tạm dịch:

Sanh diệt vô sanh, sanh chẳng sanh,

Cực Lạc sanh về há cấm ngăn?

Hồng trần muôn trượng nào ai biết:

Búp sen xòe nở rạng trăng thanh).

Câu nào trong bài tụng này cũng mang Thiên cơ thâm diệu. Phần khai thị ở trên cũng khiến cho chúng ta hiểu được đôi chút bài kệ này. “Sanh diệt vô sanh, sanh bất sanh”, đối với Sự - Lý trong câu này chúng tôi chẳng thể nói là mình đã thấu hiểu thật rõ ràng, tối thiểu chỉ có khái niệm lơ mờ, như vậy đã rất hy hữu; vì sao? Trước kia, về căn bản, chúng ta chẳng có khái niệm gì, nay có chút khái niệm như thế, nhà Thiên gọi

khái niệm ấy là “*nghi tình*”. Có nghi tình thì mới có chỗ ngộ; bởi lẽ, tiểu nghi thì tiểu ngộ, đại nghi bèn đại ngộ. Ở đây, không phải là hoài nghi, mà là nghi tình.

Nghe Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức giảng cho chúng ta nghe chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, chúng ta phải thường đọc, thường nghe, thường suy nghĩ cho đến khi nào tâm định, định có thể khai huệ. Tâm lao chao, vọng niệm quá nhiều sẽ không có cách nào, cũng không có cách gì ngộ nhập được; chúng tôi thường nói là “*khai ngộ*”, quý vị không có cách gì khai ngộ. Khai ngộ thì nhất định tâm phải định. Vì thế, cổ nhân Trung Quốc nói: “*Độc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến*” (Độc sách ngàn lần tự thấy được nghĩa). Người học Phật hiểu đạo lý này rất dễ dàng, sau khi đọc một ngàn lần, tâm bèn định. Tâm đã định ắt có chỗ ngộ. Không cần nghĩ đến nghĩa, chẳng cần phải hỏi mà có thể thấu suốt, hoát nhiên khai ngộ mà! Đạo lý là đây. Bởi thế, nghe nhiều, đọc nhiều, vì nhiều người tuyên giảng, trí huệ càng được mở mang nhanh chóng!

Đây là kinh nghiệm của suốt một đời tôi, như quý vị đều thấy đó. Tôi học Phật đến năm nay là năm mươi hai năm, đã giảng kinh được bốn mươi lăm năm, trong suốt bốn mươi lăm năm không gián đoạn, ngoại trừ những lúc phải đi đây đi đó, hầu như ngày nào cũng giảng, mà đọc kinh cũng chưa hề gián đoạn, khi du hành cũng không gián đoạn. Nếu tâm quý vị định, không có vọng niệm, không bị tạp loạn thế gian gây rối thì mới khế nhập được mấy phần.

Câu thứ hai nói về Tây Phương Cực Lạc thế giới. “*Lạc bang na hằng cấm nhân hành*” (Cực Lạc sanh về há cấm ai?): Quyết định chẳng cấm ai vãng sanh Cực Lạc thế giới. Nơi thế giới Cực Lạc, A Di Đà Phật dang rộng hai tay hoan nghênh mọi người di dân sang đó, không hề cự tuyệt. Nói thật ra, cũng giống như Úc châu hiện thời, bộ trưởng Cái Thụy (Gerry Hand) bộ Di Dân của Úc Châu có lần chủ trì lễ tuyên thệ nhập tịch, khi ấy tôi vẫn chưa là công dân Úc, nhưng tình cờ lần ấy, ông ta mời tôi tham dự lễ nhập tịch. Ông ta tuyên bố trong buổi lễ: “Úc châu hoan nghênh di dân từ mọi nơi, chẳng giống như những quốc gia khác đặt ra rất nhiều hạn chế theo từng khu vực địa lý”. Úc châu hạn chế rất ít, hoan nghênh di dân, trở thành công dân Úc rất dễ!

Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng thế, hoan nghênh chúng sanh từ các cõi Phật trong mười phương, chỉ cần quý vị muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, điều kiện rất đơn giản: Quý vị thực sự tin tưởng, có nguyện vọng, muốn sanh về đó rồi nhất tâm nhất ý niệm một câu A Di Đà Phật. Câu A Di Đà Phật ấy giống như tín hiệu, chúng ta ở

đây phát đi tín hiệu, A Di Đà Phật ở bên đó liền nhận được. Chúng ta dùng phương pháp này để tâm tâm tương ứng cùng A Di Đà Phật, giữ mối quan hệ. Đến khi duyên chín muồi, A Di Đà Phật sẽ đến tiếp dẫn chúng ta.

Thông thường khi duyên chín muồi là lúc chúng ta mạng chung trong thế gian này. Quý vị phải hiểu: Lục đạo phàm phu đều có thọ mạng, vì sao có mạng vận? Là vì họ có vọng tưởng, có chấp trước. Trong Liễu Phàm Tứ Huấn, thiền sư Vân Cốc giảng: *“Hễ ai có chấp trước, có vọng tưởng thì phải có số mạng, không thể tránh khỏi số mạng. Ai vọng tưởng, chấp trước, phân biệt đều buông xuống được hết sẽ không còn số mạng nữa!”* Người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ chúng ta có buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống được hay chưa? Chưa! Nếu chưa thì vẫn còn có số mạng, đó gọi là “đời nghiệp vãng sanh”. Nếu vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều buông xuống thì sự vãng sanh ấy gọi là *“tự tại vãng sanh”*, muốn đi lúc nào bèn đi ngay lúc ấy, không bị mạng vận trói buộc, không còn mạng vận nữa; vì thế, sanh tử tự tại. Mức độ tự tại cũng khác biệt, [tùy theo] công phu của quý vị cao hay thấp mà [tự tại] sâu hay cạn khác nhau. Bởi vậy, thế giới Cực Lạc luôn hoan nghênh, tuyệt đối không ngăn cấm.

“Thùy tri vạn trượng hồng trần lý; hạm đạm hoa khai nguyệt chánh minh” (Ai biết trong hồng trần vạn trượng: búp sen xòe nở dưới trăng thanh). Từ ngữ *“vạn trượng hồng trần”* hình dung lục đạo luân hồi. *“Thùy tri”* là ai có thể nghĩ được? Trong lục đạo luân hồi nghiêm nhiên có búp sen của Tây Phương Cực Lạc thế giới. *“Hạm đạm”* là búp sen chưa nở, lúc nở rồi thì gọi là *“liên hoa”*, lúc chưa nở gọi là *“hạm đạm”*. Hạm đạm là búp sen. Nói về điều gì vậy? Chính là người niệm Phật, mỗi một người niệm Phật phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, trong ao bầy báu nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn sanh ra một đóa sen. Trên hoa đề tên người ấy, trong tương lai, khi người ấy vãng sanh sẽ sanh trong hoa sen ấy.

Nay chúng ta chưa sanh vào thế giới Cực Lạc, nay đang phát tâm, trong ao báu bên thế giới Cực Lạc bèn có hoa sen. Tín hiệu của chúng ta là niệm A Di Đà Phật, niệm Phật chính là tín hiệu, tín hiệu ấy sẽ vun quén đóa sen đó. Quý vị niệm Phật công phu càng siêng, tâm niệm càng thuần, càng chân thật thì hoa sen dần dần tăng trưởng, càng ngày càng to, ánh sáng và màu sắc càng đẹp. *“Hạm đạm hoa khai nguyệt chánh minh”*: Vàng trắng biểu thị Chân Như Tự Tánh, vẫn chỉ là do tâm hiện, chỉ do thức biến, trọn chẳng rời khỏi tâm tánh. Tâm tánh có thể hiện, có

thể biến; tất cả hết thấy hiện tượng là cái được hiện, được biến, nhất định phải hiểu đạo lý này. Khai thị đến chỗ này là hết một đoạn, tiếp theo là phần quan trọng nhất: Niệm Phật, vì Hệ Niệm Pháp Sự lấy việc niệm Phật làm chánh, niệm Phật, phát nguyện. Ở đây, chúng ta thấy có tám mục, phần này là thuyết pháp. Sau khi khai thị, thuyết pháp xong lại niệm Phật.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật.

南無西方極樂世界。大慈大悲。阿彌陀佛。

Tiếp đó, niệm Quán Thế Âm Bồ Tát ba lần, niệm Đại Thế Chí Bồ Tát ba lần, niệm Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát ba lần, những nghi thức này ắt chư vị rất quen thuộc, mọi người thường làm thế. Sau phần Niệm Phật là phát nguyện, trong thời thứ nhất nêu lên mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát. Khi Tịnh Tông Học Hội của chúng ta thành lập, trong phần duyên khởi chúng tôi đặt ra năm khoa mục tu hành, cũng có nghĩa là những giáo huấn chân thật mà trong cuộc sống thường nhật, làm việc, xử sự, đãi người, tiếp vật, chúng ta nhất định phải tuân thủ, quyết định không được trái nghịch. Năm khoa mục ấy đều trích từ kinh luận ra.

1) Thứ nhất là “*Tịnh nghiệp tam phước*” trích từ Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh. Điều thứ nhất là “*Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm không giết, tu Thập Thiện nghiệp*”, chúng ta phải thực hiện, phải làm được. Điều thứ hai là “*Thọ trì Tam Quy, đầy đủ các giới, chẳng phạm oai nghi*”. Điều thứ ba là “*Phát Bồ Đề tâm, tin sâu nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến khích, sách tấn hành giả*”. Đó là khoa mục tu hành thứ nhất của chúng ta. Chúng ta có thể vãng sanh Tịnh Độ hay không là do chúng ta làm được bao nhiêu phần của mười một câu trong ba điều này. Nếu quý vị hoàn toàn không làm được thì trong một đời này chẳng thể vãng sanh, rất quan trọng đấy nhé!

2) Khoa mục thứ hai là Lục Hòa Kính. Lục Hòa Kính là cách đối xử giữa đại chúng ở cùng một chỗ với nhau. Con người là động vật có tính xã hội, quyết định chẳng thể sống một mình. Dẫu là tại gia thì vợ chồng cũng là hai con người cùng sống một chỗ, bởi thế, phải đối xử thuận hòa với nhau, tôn kính lẫn nhau là điều quan trọng hơn hết. Để dạy đại chúng đối xử với nhau như thế nào, đức Phật nêu ra sáu điều.

“*Kiến hòa đồng giải*” nói theo ngôn ngữ bây giờ là tạo dựng sự

hiều biết chung. Cách nghĩ, cách nhìn của chúng ta đối với vũ trụ, đối với nhân sinh, đối với hết thảy người sự vật phải rất gần giống nhau. Gần giống nhau theo cách nào? Phật pháp giảng hết sức cao minh: Phải buông hết thành kiến, cũng như cách nghĩ, cách nhìn của mình xuống, ai nấy đều buông xuống, đây chẳng phải là hoàn toàn nhất trí hay sao? Kiến giải, cách nghĩ, cách nhìn tương đồng, phương pháp ấy hay khéo đến cùng cực. Tuy vậy, buông xuống chẳng phải là chuyện dễ dàng, Bồ Tát mới có thể buông xuống được, A La Hán vẫn chưa buông xuống hoàn toàn, nhưng đã buông xuống không ít. Phàm phu không làm được, vậy thì làm thế nào đây? Phàm phu phải nương theo lời Phật, Bồ Tát răn dạy, vậy là tốt, chớ có nương theo vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nếu nương theo những giáo huấn trong kinh điển thì bọn phàm phu chúng ta có thể làm được điều này, hết sức cụ thể! Phật dạy chúng ta làm như thế nào, chúng ta cứ làm như thế đó; đức Phật dạy chúng ta đừng làm những gì, chúng ta quyết định không làm. Đó là biện pháp tốt.

Thứ hai là “giới hòa đồng tu”. Giới (戒) nghĩa là đại chúng sống cùng một chỗ phải có quy củ, phải có luật lệ, mỗi một cá nhân trong chúng ta đều phải tuân thủ. Đức Phật vì chúng ta chế định những giới luật, pháp tắc, là khuôn mẫu sinh hoạt được chế định dựa trên hoàn cảnh sinh hoạt hiện thời của chúng ta. Nay chúng ta gọi đó là công ước sinh hoạt. Tiếp đến là “thân hòa đồng trụ”, “khẩu hòa vô tranh”, “ý hòa đồng duyệt”, cuối cùng là “lợi hòa đồng quân”. Lợi hòa đồng quân là cuộc sống vật chất lẫn cuộc sống tinh thần đều bình đẳng, không đặc biệt (tức là không ai được ưu đãi đặc biệt hơn người khác), không cao thấp, chúng ta sống giống hệt nhau, nay gọi “cộng hữu tài sản”. Do vậy, trước kia chúng tôi giảng kinh thường nói Phật giáo chính là sở hữu tài sản chung một cách tối cao. Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, nhà Phật hoàn toàn nói đến quyền sở hữu tài sản chung, không có tư hữu tài sản, chỉ có đoàn thể. [Mỗi cá nhân trong] đoàn thể sống bình đẳng nhất loạt như nhau, đích thân Thích Ca Mâu Ni Phật làm mẫu mực. Cả một đời đức Phật, cơm, áo, ăn ở đều giống hệt đại chúng, không khác biệt chút nào. Do vậy, mọi người khâm phục Ngài đã làm được hết sức triệt để. Đó là Lục Hòa, tức khoa mục thứ hai.

3) Khoa mục thứ ba là Tam Học. Đây là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc tu hành của chúng ta. Tam Học là Giới - Định - Huệ, quyết định chẳng được trái nghịch, quyết định chẳng được lìa khỏi,

4) Khoa mục thứ tư là Lục Độ của Bồ Tát: Bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, Bát Nhã.

5) Khoa mục thứ năm là mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát được nói đến ở đây. Tịnh tông học nhân chúng ta tu hành thường phải dựa vào đâu? Dựa vào mười nguyện này!

Năm khoa mục này được gọi là “*hành kinh*” (khuôn phép để tu hành), phải đưa chúng vào hành động, chẳng được nói suông. Kinh này không phải để quý vị tụng, cũng chẳng phải để cho quý vị giảng giải, mà là yêu cầu quý vị thực hiện, áp dụng vào cuộc sống của chính quý vị, thực hiện trong cách xử sự, đãi người, tiếp vật, quý vị phải làm cho được. Vì thế, chúng ta tu hành, dùng năm khoa mục này làm tiêu chuẩn hồng sửa đổi những hành vi sai lầm. Ở đây, chúng ta hãy xem mười nguyện Phổ Hiền ấy, nguyện thứ nhất trong mười nguyện Phổ Hiền là:

13. Phát Nguyện (Phổ Hiền Thập Đại Nguyện)

Nhất giả lễ kính chư Phật.

一者禮敬諸佛。

(Một là lễ kính chư Phật).

Chư Phật là gì? Luận theo Lý, chư Phật là Pháp Tánh. Pháp Tánh phủ trùm cả vô tình lẫn hữu tình, bao gộp toàn bộ, chúng ta phải chân thành, bình đẳng cung kính hết thảy chúng sanh trong toàn thể vũ trụ. Vì sao? Hết thảy hữu tình chúng sanh là vị lai Phật, kinh Phật dạy như thế. Quá khứ Phật, hiện tại Phật, đức Thế Tôn đã giới thiệu với chúng ta không ít, còn vị lai Phật? Tất cả hết thảy chúng sanh đều có Phật Tánh, trong tương lai đều sẽ làm Phật, bởi thế, hết thảy chúng sanh đều là vị lai Phật. Trong “*lễ kính chư Phật*”, quan trọng nhất là dạy chúng ta phải lễ kính vị lai Phật. Đó là ý nghĩa thực sự. Do vậy, trong nhiều nghi thức nhà Phật, mở đầu bằng “*nhất thiết cung kính*” (hết thảy cung kính), “*nhất tâm đảnh lễ*” đều là vì ý nghĩa này.

Không riêng gì Phật pháp giảng như thế, Nho gia Trung Quốc cũng nói như vậy. Quý vị đọc thiên sách Khúc Lễ trong Lễ Ký, câu đầu tiên là “*Khúc Lễ viết: Vô bất kính*” (Khúc Lễ nói: ‘Đừng bất kính’). Đúng là câu đầu tiên ấy và nguyện Phổ Hiền thứ nhất khéo sao chỉ khác cách nói nhưng có cùng một tác dụng. Người Hoa thường nói: “*Anh hùng sở kiến đại lược tương đồng*” (cái thấy của những bậc anh hùng nói chung giống nhau). Đức Phật nói tu hành thực sự thì phải bắt đầu từ chỗ này, Nho gia cũng khởi đầu từ đây, cung kính! Chúng ta đối với đức Phật cung kính như thế nào thì nói cách khác, đối với hết thảy mọi người

cũng phải cung kính như cung kính đức Phật. Sau đó lại mở rộng ra, đối với hết thảy vạn vật, đối với cây cối, hoa cỏ, đối với núi, sông, đại địa, đối với thần linh trong chín pháp giới, đối với các loài quỷ trong ba ác đạo đều cung kính như cung kính Phật. Đối với họ phải thanh tịnh, phải bình đẳng, phải chân thành, chẳng được có ý nghĩ cao thấp, vì sao? Là vì cùng một Thể khác tên, một Thể nhưng khác tướng, đạo lý này đã giảng trong phần trên rồi đấy!

Trong mấy năm qua, tôi qua lại với rất nhiều tôn giáo khác, chúng tôi xây dựng một nhận thức chung: *“Trong vũ trụ chỉ có một chân thần duy nhất. Vị chân thần duy nhất ấy trong Phật giáo chúng ta gọi là Pháp Tánh”*. Chân thần sáng tạo trời, đất, vạn vật, trong kinh Phật nói trời đất vạn vật chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến, chính Tánh Thức sáng tạo trời, đất, vạn vật. Các tôn giáo gọi cái được pháp tánh hiện, pháp tánh biến ấy là “chân thần”. A Di Đà Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật đều do Pháp Tánh hiện, Pháp Tánh biến. Các thần linh trong những tôn giáo khác cũng là đối tượng được hiện, được biến bởi Pháp Tánh; do vậy, [các tôn giáo] là một chứ không phải hai.

Chúng ta hiểu nguyên lý này, biết chân tướng của sự thật này. Luận trên mặt Sự, chúng ta có thể nói hết thảy các vị thần trong tất cả các tôn giáo đều là hóa thân của Thích Ca Mâu Ni Phật. Lấy ta làm bản vị thì ta là chủ, họ là khách. Nếu luận trên căn bản của Cơ Đốc giáo (Christianity) thì Cơ Đốc Giáo là chủ, ta là khách, tất cả hết thảy các thần trong những tôn giáo khác đều là hóa thân của Gia Tô (Jesus). Thích Ca Mâu Ni Phật cũng vậy, Khổng Tử, Lão Tử của Trung Quốc cũng thế. Do vậy, chủ không nhất định là chủ, mỗi người đều có thể làm chủ, khách cũng có thể làm chủ, đứng ra làm chủ, ai nấy đều có thể làm bạn. Kinh Hoa Nghiêm gọi điều này là *“chủ bạn viên dung”*.

Do đó, tất cả hết thảy tín đồ tôn giáo là người một nhà, đều là hóa thân của một chân thần. Tôi vào giáo đường của tôn giáo khác, tôi lễ bái, người khác thấy vậy ngạc nhiên lắm, có sao ông lại lễ bái? Tôi lễ là lễ hóa thân của một vị chân thần, thần của họ không khác gì Thích Ca Mâu Ni Phật cả, là một, không phải hai. Phổ Hiền Bồ Tát còn mở rộng ý nghĩa này hơn nữa: Không những hết thảy thần là một, mà hết thảy chúng sanh đều là một. Chúng ta đối với tất cả hết thảy chúng sanh đều lễ kính, coi họ như chư Phật Như Lai, coi như chân thần duy nhất không hai, không khác. Ai làm được như thế? Phổ Hiền Bồ Tát làm được. Nếu quý vị làm được như thế, quý vị chính là Phổ Hiền Bồ Tát.

Phổ Hiền Bồ Tát có năm mươi một tầng cấp: Sơ Phát Tâm Phổ

Hiền Bồ Tát, Thập Tín Vị Phổ Hiền Bồ Tát, Thập Trụ Phổ Hiền Bồ Tát, Thập Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát, Thập Hồi Hướng Phổ Hiền Bồ Tát, Thập Địa Phổ Hiền Bồ Tát, Đẳng Giác Phổ Hiền Bồ Tát. Cứ hễ là người tu hạnh Phổ Hiền thì đều gọi là Phổ Hiền Bồ Tát. Tịnh tông học nhân chúng ta tu hạnh Phổ Hiền, quý vị hãy mở kinh Vô Lượng Thọ ra xem đi, không phải là trong phần Chánh Tông, mà là trong Tự Phần, mở đầu bằng phân liệt kê đại chúng tham dự pháp hội, sau phân nêu danh hiệu đại chúng có một câu: “*Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức*” (đều cùng tuân thủ, tu tập đức của Phổ Hiền). Đức của Phổ Hiền chính là mười nguyện này đây. Vì thế, phải biết Tịnh tông đồng học nếu là người thực sự tu Tịnh tông thì người ấy tu như vị Bồ Tát nào? Tu theo Phổ Hiền Bồ Tát.

Cận đại, Hoàng Nhất đại sư như ai nấy đều biết, khóa niệm sáng tối của Hoàng Nhất đại sư là gì? Niệm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm. Ngài tu Tịnh Độ, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, Ngài không niệm kinh Vô Lượng Thọ, không niệm kinh A Di Đà, mà niệm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Do đây biết rằng: Hoàng Nhất đại sư cả một đời tu mười đại nguyện vương. Quý vị hãy chú tâm quan sát Ngài, sau khi Ngài học Phật, quy tín Tịnh Độ rồi, Ngài biểu hiện, Ngài sống, xử sự, đãi người, tiếp vật có giống với mười nguyện hay chăng? Có phải là thực sự thực hiện hay không? Tôi chú tâm quán sát thấy Ngài thực sự làm được. Bất luận đối với ai Ngài đều cung kính, Ngài xử sự, đối vật đều cung kính. “*Lễ kính chư Phật*” được thể hiện trong cuộc sống thường nhật. Hoàng Nhất đại sư đã nêu gương cho chúng ta thấy.

Chúng ta học Phật phải khởi đầu từ đâu? Từ lễ kính! Đối với người khác ngạo mạn, đối với người khác không biết tôn trọng, không biết quan tâm, không biết giúp đỡ tức là không biết học Phật, vẫn là mê hoặc, điên đảo, không làm được một câu nào! Bởi thế, ngàn muôn phần mọi người chớ hiểu lầm “*chư Phật*” chỉ là những vị đã thành Phật! Không phải thế! “*Chư Phật*” ở đây là tam thế chư Phật, quan trọng nhất là vị lai chư Phật. Vị lai chư Phật là tất cả hết thảy chúng sanh trong hiện tại, bao gồm cả động vật, muỗi, kiến đều là Phật. Quý vị có lễ kính được hay không? Cây cối hoa cỏ cũng đều là Phật, phạm vi rất rộng lớn, nghĩa lý rất sâu xa, vi diệu đến cùng cực! Vì thế, đó là tiêu chuẩn tu học của Tịnh tông.

Căn bệnh lớn nhất của chúng ta là không biết cung kính, hiện thời đúng là vô lễ vô kính, làm sao vãng sanh cho được? Tây Phương Cực

Lạc thế giới, khi tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà đã bảo cùng quý vị rồi: Thế giới Cực Lạc chỉ là Phổ Hiền pháp giới. Hễ ai sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng đều là Phổ Hiền Bồ Tát, ba bậc chín phẩm trong bốn cõi đều tu hạnh Phổ Hiền. Trong kinh Vô Lượng Thọ có một đoạn nói rõ ràng: Phổ Hiền Bồ Tát là Sơ Tổ Tịnh tông của thế giới Sa Bà, Ngài dạy dỗ chúng ta chính là thay mặt đức A Di Đà Phật giáo hóa. Chúng ta phải tin, phải hiểu, phải tiếp nhận, phải nghiêm túc phụng hành, phải dùng cái tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi để học tập.

Khắp pháp giới, trọn hư không giới, Phổ Hiền Bồ Tát cùng hết thảy chúng sanh (chúng sanh ở đây bao gồm hữu tình lẫn vô tình) quyết định không dối lập, như thế là lễ kính thực sự. Nếu có dối lập sẽ chẳng thực hiện được câu “*lễ kính chư Phật*” này. Vì vậy, hạnh Phổ Hiền khó tu nhất. Kinh giáo Đại Thừa thường nói: Bồ Tát không tu hạnh Phổ Hiền sẽ chẳng thể viên thành Phật đạo. Nếu quý vị muốn chứng đắc Phật quả viên mãn thì quý vị phải tu hạnh Phổ Hiền. Do đây, ta có thể hiểu được sự thù thắng của Tây Phương Cực Lạc thế giới: Tây Phương Cực Lạc thế giới toàn là người tu hạnh Phổ Hiền, đều đã tu Phật đạo rốt ráo viên mãn.

Nhị giả xưng tán Như Lai.

二者稱讚如來。

(Hai là khen ngợi Như Lai).

Ở đây, chúng ta phải chú ý, ở trên nói “*chư Phật*”, còn ở đây lại đổi thành Như Lai. Nghĩa là sao? Chư Phật và Như Lai chẳng phải là một, không phải là hai hay sao? Thừa cùng quý vị, chư Phật và Như Lai không một, không khác, chẳng thể nói là một, mà cũng không thể nói là hai; thế nhưng quả thật có hai cách giảng. Chư Phật là nói trên mặt Tướng, còn nói Như Lai là luận trên mặt Tánh. Chúng ta đã biết Tự Tánh có bản năng, bản năng là gì? Là giác tri, như trong hội Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn bảo là “*thấy - nghe - hay - biết*”. Thấy - nghe - hay - biết là Tự Tánh, hoặc như kinh thường gọi là Pháp Tánh, nó có bản năng (năng lực sẵn có) vĩnh viễn bất sanh bất diệt trọn khắp pháp giới, hư không giới. Ngoại trừ bản năng ra, còn có bản đức (phẩm đức chánh yếu, phẩm đức sẵn có), đức ấy cũng trọn khắp hư không, pháp giới. Bản đức là gì vậy? Chính là từ bi, là yêu thương.

Do vậy, tôn giáo nào cũng đều nói đến từ bi, đều nói đến yêu

thương. Phật pháp nói đến từ bi, kinh Cổ Lan (Koran) nói đến nhân từ, kinh Tân Cựu Ước nói đến yêu thương, Chúa yêu thương con người, Thượng Đế yêu thương người đời, mọi tôn giáo đều nói đến yêu thương. Vì vậy, yêu thương là chân lý của vũ trụ, chân lý của vũ trụ chính là bản đức của pháp tánh, vốn sẵn đủ tánh đức. Từ thí nghiệm kết tinh nước, tiến sĩ Giang Bồn Thắng đã phát hiện được chuyện này, gửi những thông điệp đến nước, nước có thể thấy, có thể nghe, có thể tiếp nhận những thông điệp từ con người. Thông điệp nào tốt lành nhất? Chính là yêu thương và cảm tạ. Hai thông điệp ấy gây nên những phản ứng kết tinh đẹp đẽ nhất. Thí nghiệm suốt tám, chín năm, ông ta khẳng định yêu thương và cảm tạ chính là chân lý trong vũ trụ, chúng ta đã biết rồi! Chúng ta biết đây chính là tánh năng, tánh đức; tánh năng là thấy - nghe - hay - biết, tánh đức là nhân từ, bác ái.

Ở Tân Gia Ba, chúng tôi qua lại cùng chín tôn giáo⁴², tôi cũng viết mấy câu: “*Căn bản của mọi tôn giáo là nhân từ, bác ái*”. Tông chỉ cứu độ chúng sanh của mọi tôn giáo là giúp cho chúng sanh lìa khổ được vui. Nhân từ, bác ái, lìa khổ được vui là quan niệm chung của tất cả hết thảy tôn giáo, là mục tiêu giảng dạy chung. Vì sao tôn giáo không thể đoàn kết? Vì sao không thể đối xử hòa thuận với nhau? Vì sao không thể hợp tác với nhau? Có thể được chứ! Chúng tôi cân nhắc kỹ chuyện này, quả nhiên là có thể thực hiện được! Năm ngoái, tôi hai lần qua thăm Nhật Bản, gặp gỡ hàng lãnh đạo Cơ Đốc Giáo đều hết sức vui vẻ, hết sức hòa hài. Quan niệm cơ bản của chúng tôi là nhân từ bác ái, lìa khổ được vui.

Lìa khổ được vui là luận theo mặt Quả. Có quả ắt phải có nhân, chúng ta phải thực hiện công phu từ nơi nhân. Nhân là gì? Phá mê khai ngộ! Hết thảy khổ do mê mà có, hết thảy vui do ngộ mà sanh. Hễ ngộ bèn vui, hễ mê bèn khổ. Vì vậy, quả báo của phá mê khai ngộ là lìa khổ được vui. Phá mê khai ngộ nhất định phải là người đã khai ngộ rồi đi dạy dỗ người chưa khai ngộ. Trong kinh, đức Phật thường nói: Người đã khai ngộ phải vì người chưa khai ngộ, vì bọn họ điên nói. “*Diễn*” là biểu diễn, làm cho người ta thấy; “*nói*” là vì họ thuyết minh. Cuộc sống rất vui sướng ấy của chúng ta phải làm cho họ biết, khiến cho họ trông thấy sanh lòng vui vẻ, hướng về mình thỉnh giáo, ta sẽ giải nói tường tận cho họ khiến họ cũng giác ngộ. Giác ngộ rất vui sướng, đã lìa được khổ rồi!

Vì thế, trong phần trên tôi đã nói hai câu, trong câu đầu tiên, chư Phật là nói trên mặt sự tướng, cung kính hết thảy, quyết định chẳng được

⁴² Chín tôn giáo chính ở Tân Gia Ba là Phật Giáo, Hồi Giáo, Thiên Chúa Giáo, Đạo Giáo, Ấn Độ Giáo, đạo Sikh, Do Thái Giáo, Bái Hỏa Giáo, và Bahá'í.

phân biệt, đừng chấp trước. “Xung tán” khác với lễ kính, phải tương ứng với tánh đức mới xung tán, không tương ứng tánh đức thì chẳng xung tán. Không như lễ kính, lễ kính là hoàn toàn bình đẳng, không điều kiện; xung tán có điều kiện. Nói cách khác, chỉ khen ngợi điều thiện, không khen điều bất thiện. Chúng ta phải hiểu đạo lý này. Nếu khen ngợi điều bất thiện, làm sao giáo hóa chúng sanh cho được? Sao có thể biến đổi phong tục xã hội cho tốt lành hơn được? Vì vậy, xung tán điều lành, không xung tán điều bất thiện.

Người bất thiện, chuyện bất thiện, chúng ta lễ kính, nhưng không xung tán. Người lành, việc lành, ta vừa lễ kính lại vừa xung tán, khác biệt ở chỗ này. Trong năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, quý vị thấy rồi đó: Ngài đến tham phỏng bà-la-môn Thắng Nhiệt, có lễ kính nhưng không xung tán; tham phỏng Cam Lộ Hỏa Vương, có lễ kính nhưng không xung tán; vì sao? Bà-la-môn Thắng Nhiệt tượng trưng cho ngu si, bất thiện; Cam Lộ Hỏa Vương tượng trưng nóng giận, bất thiện! Vì thế đối với tham - sân - si, hết thấy tâm hạnh bất thiện không xung tán, chỉ có lễ kính, như thường hay nói (chính Khổng lão phu tử nói như vậy) “*kính nhi viễn chi*” (tôn trọng, nhưng không gần gũi). “*Viễn*” không có nghĩa là không qua lại với họ, không có nghĩa như vậy, mà là không học theo họ, ta chỉ nên học theo cái lành, chẳng được học theo điều bất thiện. Bởi lẽ, không được xung tán bất thiện, đối với chuyện này phải cân nhắc; lễ kính không giống như vậy, lễ kính không cần cân nhắc chút xíu nào, lễ kính là bình đẳng.

Do hết thấy chúng sanh tánh vốn lành nên chúng ta tôn kính điều ấy. Xung tán là gì? Người ta có tập tánh, trong tập tánh có thiện, có bất thiện. Lễ kính hoàn toàn dựa trên bốn tánh, chứ không nhìn vào tập tánh; vì thế, đối với kẻ ác cũng phải lễ kính. Còn xung tán thì phải chú trọng tập tánh, trong tập tánh có thiện, có ác, chúng ta phải đề cao điều ác, ẩn giấu điều thiện. Thiện phải được biểu dương, phải tán thán. Ác chớ nói, đừng ghim vào lòng, cũng đừng để nơi miệng, khiến cho kẻ làm ác tự phản tỉnh. Những điều ấy đều thuộc về giáo dục, khiến cho người làm ác tự cảm thấy: “Mình làm một điều lành nhỏ nhặt liền được mọi người khen ngợi, mình làm điều ác nhiều ngàn ấy, chẳng ai nói một câu nào. Chẳng phải người ta không biết, người ta biết chứ, biết nhưng không phê bình một câu nào, khiến cho lương tâm của chính mình bị cắn rứt, khiến tự mình quay đầu là bờ”, như vậy là hay lắm!

Nói thô thiện là mình phải tha thứ cho lỗi lầm của người khác, không cần phải trách móc lỗi lầm của người ta, mong mỗi người ta sửa

lỗi đời mới, đây gọi là “*phổ độ chúng sanh*”. Lại gìn giữ thân tâm của chính mình cho thanh tịnh, thuần thiện, thuần tịnh, quyết chẳng để điều bất thiện vào tâm, quyết chẳng thể nói đến điều bất thiện. Thân - ngữ - ý của chúng ta thuần thiện, thuần tịnh, lại còn có thể cảm hóa những kẻ bất thiện, cảm hóa những sự bất thiện. Có phải là tốt đẹp hơn không? Thánh nhân giáo hóa chúng ta như thế đó.

Tam giả quảng tu cúng dường.

三者廣修供養。

(Ba là rộng tu cúng dường).

Ở phần trên đã nói không chỉ là hình thức, nói xuông, mà phải có hành động cụ thể. Nghĩa là sao? Thấy người khác có khổ nạn, quý vị phải thực sự giúp đỡ. Không cần người ta thỉnh cầu, chúng ta trông thấy, nghe thấy, phải tận tâm tận lực giúp đỡ, giúp đỡ không kèm thêm bất cứ điều kiện nào. Cúng dường là bố thí, trong bố thí có lòng cung kính thì gọi là “*cúng dường*”. Trong bố thí không có tâm cung kính thì chỉ gọi là “*bố thí*”, thêm vào lòng cung kính chân thành thì sự bố thí ấy được gọi là “*cúng dường*”. Do vậy, Phổ Hiền Bồ Tát không tu bố thí mà tu cúng dường.

“*Quảng tu cúng dường*”: Chúng ta nghe nói người khác gặp tai nạn, tự mình phải chú tâm xem xét, quan sát có đúng như vậy hay không. Nếu quả thật là đúng thì khi chúng ta nghe nói đến chuyện đó, phải tận tâm tận lực giúp đỡ, đó là nghĩa vụ, không có bất kỳ điều kiện gì. Mấy vị cán bộ chủ yếu của hội Hòa Thống của Úc Châu, ở ngay tại thành phố Brisbane này, bọn họ đến tìm tôi, bảo tôi họ muốn lập một đoàn y tế qua Tây Tạng khám bệnh miễn phí.

Tôi hỏi: “Chữa bệnh miễn phí gì vậy?” Họ nói: “Người Tây Tạng sống trên cao nguyên, tia tử ngoại tuyến (ultraviolet ray) rất mạnh, nên bị bệnh cườm mắt rất nhiều. Mỗi năm có thêm khoảng gần sáu bảy ngàn bệnh nhân, mỗi năm càng tăng thêm, nghiêm trọng hơn, bị mù lòa”. Những người phát tâm gồm năm bác sĩ mắt, năm bác sĩ đa khoa tổng quát, lại còn một số y tá, ước chừng gần hai mươi người, lập thành một đội y tế qua đó giúp đỡ những người bị cườm. Nghe nói hiện thời dụng cụ mổ cườm hết sức tiên bộ, chỉ mổ trong thời gian rất ngắn, không đau đớn gì, ngay lập tức mổ bỏ được cườm, khiến cho người bệnh khôi phục thị lực. Đây là chuyện tốt lành! Chuyện này khác gì nhà Phật chúng ta thường nói “*thắp đèn sáng*” khiến cho những chúng sanh khổ nạn được

khôi phục ánh sáng.

Tôi nghe vậy, tôi vẫn còn có chút khả năng, tôi bảo: “Hay lắm! Tôi cũng dùng chút tiền thuốc men”. Họ cũng không yêu cầu tôi, cũng không đến xin xỏ tôi, tôi nghe được chuyện tốt lành, đây là sự thật. Đại khái là đồng bào ở Tây Tạng, hầu như mắc bệnh cùi rất nhiều, gần như chiếm một phần ba dân số, rất nghiêm trọng! Cứ trong ba người có một người mắc bệnh cùi, hết sức nghiêm trọng! Đây là chuyện tốt [chúng ta cần phải giúp đỡ].

Sau khi tôi hiểu rõ chuyện này, tôi cũng tỏ thái độ. Ít lâu sau, từ Tây Tạng có một đoàn khách đến viếng thăm Úc châu, đại sứ Trung Quốc tại Úc châu thông báo cho tôi biết, mong tôi sẽ tiếp đoàn khách viếng thăm này. Chúng tôi cùng ăn một bữa cơm tại bờ biển Hoàng Kim⁴³, người lãnh đạo bọn họ là tiên sinh Nhiệt Địa, là người Tạng, ngỏ lời mời mong mời tôi sang thăm Tây Tạng, đúng lúc đang có phái đoàn này, tôi đi cùng mọi người luôn. Tôi cũng rất hưởng ứng, từ trước đến nay chưa hề đi. Vì thế, lần này có cơ duyên như vậy bèn đi theo đoàn luôn.

Như vậy, hễ biết ai có khổ có nạn thì phải tận tâm tận lực tu cúng dường! Không đợi người ta khuyên nhủ, đợi đến khi người ta khuyên thì không còn ý nghĩa gì, quý vị không thật tâm, bị ép buộc; giống như bị người ta khuyên, mình không vui lòng, vẫn là bị ép buộc một chút. Nếu chúng ta dưỡng thành cái tâm bố thí cúng dường, có hành vi bố thí cúng dường, chẳng đợi người khác mở miệng, nhưng tự mình phải xem xét chuyện ấy là thật hay giả. Trong xã hội chuyện giả rất nhiều, người lừa tiền cũng không ít, chúng ta cũng đừng bị mắc lừa, đừng bị lừa dối. Do vậy, nhất định phải chú tâm quan sát, thẩm tra là thật hay giả. Nếu quả thật họ cần thì chúng ta phải bỏ tiền, ra sức, tận tâm tận lực giúp.

Nay đã hết giờ rồi!

Tập 45

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần sám hối trong phần Khai Thị của thời thứ nhất. Xem từ nguyện thứ tư của mười nguyện Phổ Hiền.

⁴³ Tức là thành phố Gold Coast ở phía Đông Nam tiểu bang Queensland, nằm ngay phía Nam thành phố Brisbane, rất gần ranh giới giữa tiểu bang Queensland và New South Wales.

Tứ giả sám hối nghiệp chương.

四者懺悔業障。

(Bốn là sám hối nghiệp chương)

Cổ nhân thường nói: “*Nhân phi thánh hiền, thực năng vô quá, quá nhi năng cải, thiện mạc đại yên*” (Con người chưa phải thánh hiền, ai mà không làm lỗi. Có lỗi biết sửa, còn gì tốt lành hơn được nữa). Như vậy, có thể nói cách tu Sám Hối này phổ biến trong mọi thánh giáo dù là thế gian hay xuất thế gian. Chúng ta xem khắp những tôn giáo trên thế giới, những vị giáo chủ, tiên tri, thầy truyền giáo của họ không ai chẳng dạy con người phải thường hối cải. Hối (悔) là sám hối, Cải (改) là sửa lỗi. Trong nhà Phật, hai chữ Sám Hối là hợp dịch cả tiếng Phạn lẫn tiếng Hoa. Sám là Sám-ma (ksama), là tiếng Phạn, Hối là hối cải (hối lỗi, sửa mình), đây là ý nghĩa tiếng Hán [của chữ sám-ma]. Do ý nghĩa chữ Sám-ma của tiếng Phạn và chữ Hối Cải của tiếng Hán ý nghĩa gần giống nhau, nên ghép chung lại gọi là Sám Hối.

Cách sám hối chú trọng phát lộ. Phát lộ là gì? Lộ (露) là bày rõ ra. Ta có làm lỗi, làm bậy, chẳng được giấu diếm, phải báo cùng đại chúng, nay gọi là “*thản bạch*” (坦白: nói thẳng thắn). Ở trước đại chúng nói ra làm lỗi của chính mình, chịu đựng đại chúng quở trách, giáo huấn, sau đây, đổi mới, sửa lỗi, về sau không còn tái phạm. Sám hối như vậy thực sự có công đức, sau này không còn tái phạm nữa! Trước kia, tôi thân cận Chương Gia đại sư, Chương Gia đại sư dạy dỗ tôi. Khi ấy, tôi vừa mới được tiếp xúc Phật pháp, trong Phật pháp có những quy củ, nghi thức tôi không biết một điều nào hết. Đại sư hết sức từ bi, bảo tôi Phật pháp trọng thực chất, chứ không trọng hình thức, trong Phật pháp, sám hối hết sức quan trọng. Thế nào là sám hối? Biết lỗi, sửa được lỗi, sau này không tái phạm nữa, đó là sám hối chân chánh. Ngài nói nghi thức không quan trọng, đối với tôi là kẻ sơ học mà nói như vậy, tôi được rất nhiều lợi lạc.

Sám hối quan trọng nhất là tự mình phải biết lỗi của chính mình. Từ khi tôi học Phật mãi đến khá nhiều năm sau này, tôi mới thực sự hiểu thế nào là khai ngộ như nhà Phật thường nói. Khai ngộ là gì? Chúng ta nghe nói “khai ngộ” thấy rất huyền diệu; sau này, khi được tiếp xúc kinh giáo đã nhiều, tôi mới thực sự thấu hiểu thế nào là khai ngộ? Biết lỗi lầm của chính mình, ấy là khai ngộ! Sửa đổi lỗi lầm là sám hối. Sám hối là công phu tu hành chân chánh. Trong phương pháp tu học này, khó nhất là biết lỗi của chính mình. Ai biết được lỗi của chính mình, người ấy

chẳng mê, người ấy giác ngộ.

Lỗi lầm vô lượng vô biên, từ khởi tâm động niệm cho đến ngôn ngữ, hành vi. Kinh Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyên nói: “*Diêm Phù Đề chúng sanh khởi tâm động niệm vô phi thị tội*” (chúng sanh Diêm Phù Đề (nói đơn giản là chúng sanh trên quả địa cầu này) khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là tội). Kể mới học Phật chúng ta nghe được lời ấy, tưởng như kinh Phật nói quá đáng. “*Khởi tâm động niệm, vô phi thị tội*” (Khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là tội), chưa chắc! Có những người khởi tâm động niệm là thiện, chẳng lẽ cũng là tội hay sao? Vì thế sanh tâm kính ngưỡng đối với Phật pháp, nhất là đối với Đại Thừa Phật pháp quả thật khó khăn lắm!

Đức Phật thuyết pháp, tiêu chuẩn bất đồng, bất luận cá nhân nào thiện niệm hay ác niệm; thiện hạnh vẫn là ác hạnh nếu không thể vượt khỏi lục đạo luân hồi; trong mắt của chư Phật, Bồ Tát, và bậc đại triệt đại ngộ, [những thiện hạnh như thế] đều không phải là chân thiện. Cái thiện thực sự sẽ như thế nào? Cái thiện chân chánh nhất định phải vượt thoát luân hồi, vượt thoát mười pháp giới; không thể vượt thoát luân hồi nếu chẳng phải là tội thì sẽ là gì đây? Nhìn từ mức độ này, quý vị mới hiểu kinh Phật nói không sai.

Chúng sanh trong lục đạo luân hồi, tâm địa thiện lương, chẳng vì chính mình, mà vì quốc gia, vì dân tộc, vì hết thảy chúng sanh là tốt lắm! Khó có, [người như vậy] là bậc thánh nhân trong thế gian! Nhưng như thế nào? Chẳng đoạn Kiến Tư phiền não, danh văn, lợi dưỡng có thể nhặt một chút, nhưng không nhớ được tận rễ, chuyện bỏ mình vì người vẫn còn có giới hạn. Dẫu là “*sát thân thành nhân, thành nhân thủ nghĩa*” (hy sinh thân mình để hoàn thành điều nhân, thành tựu điều nhân, giữ được điều nghĩa), nhưng vẫn còn phân biệt chấp trước, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước này là nhân, kia là nghĩa: “Ta phải làm người có nhân, ta phải là người có nghĩa”, không ra khỏi tam giới được! Lý này rất sâu, nếu không thâm nhập kinh tạng, khế nhập Đại Thừa và rất nhiều ngôn luận của Phật, Bồ Tát, thật chẳng dễ gì thấu hiểu được! Không dễ hiểu vẫn còn chưa sao, có rất nhiều chỗ ta hiểu lầm ý nghĩa, đúng là “*sai chỉ hào ly, lầm cả ngàn dặm*”. Điều này khiến chúng tôi mỗi khi đọc câu kệ Khai Kinh “*nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*” cảm thấy câu này không dễ gì đọc lên.

“*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*” là chuyện khó khăn hết sức. Xưa kia, thầy Lý từng bàn luận với tôi về câu này trong bài kệ Khai Kinh. Cụ nói: “Chúng ta ý nghĩa này nọ đều không biết, làm sao có thể

hiểu được nghĩa chân thật của Như Lai?” Chúng tôi suy nghĩ: Không sai! Ai có thể hiểu được nghĩa chân thật của Như Lai? Chúng ta hạ mức độ xuống thấp nhất thì cũng phải là đoạn được Kiến Tư phiền não, đoạn được Trần Sa phiền não, cũng như phá được một hai phẩm vô minh thì quý vị mới có thể hiểu nghĩa chân thật của Như Lai. Phiền não tập khí chưa đoạn, quý vị làm sao có thể hiểu nghĩa chân thật của Như Lai? Nghĩa chân thật của Như Lai là từ tâm tự tánh thanh tịnh viên mãn hiển lộ, chúng ta hoàn toàn mê mất cái tâm thanh tịnh nơi tự tánh, đạo lý là như thế đó. Chúng tôi hiểu được đạo lý này, chúng tôi gặt đầu, đứng là không thể hiểu được nghĩa chân thật của Như Lai.

Nếu như nay chúng ta nỗ lực thực hiện, trước hết phải đoạn Kiến Tư phiền não. Bắt đầu đoạn từ đâu? Điều này chúng tôi thường nói, thường khuyến khích các đồng học, tôi cũng nghiêm túc nỗ lực học tập: “Chúng ta phải buông tự tư, tự lợi xuống, buông danh văn, lợi dưỡng xuống, buông sự hưởng thụ ngũ dục, lục trần xuống, buông tham - sân - si - mạn xuống!” Đây là cái ải đầu tiên. Nếu vẫn còn những thứ này thì ngay cả ngoài rìa pháp Đại Thừa chúng ta cũng chẳng sờ đụng được! Làm tới, làm lui cũng vẫn là tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi. Làm thế nào để không mắc lầm lỗi? Phải thực sự buông xuống được, buông xuống rồi quý vị mới có thể thấy thấu suốt. Thấy thấu suốt thì trí huệ hiện tiền, hoằng nhiên đại ngộ. Đại ngộ có nhiều mức độ; “hoằng nhiên đại ngộ” nói thật ra chỉ là ngộ một chút. Qua mấy ngày, hoặc mấy tháng, lại có một lần hoằng nhiên đại ngộ khác, lại ngộ nhiều hơn một tí. Cổ đức thường nói: “*Chúng ta tích tiểu ngộ thành đại ngộ, tích đại ngộ thành đại triệt đại ngộ*”.

Nếu quý vị muốn khai ngộ mà không buông phiền não tập khí xuống được thì quý vị không thể ngộ nổi. Những gì Phật, Bồ Tát nói trong kinh điển, chúng ta nghe xong, nói thật ra dường như hiểu mà không phải hiểu, chứ không thực sự hiểu. Thực sự hiểu thì tư tưởng, kiến giải, ngôn ngữ, và hành vi của chúng ta sẽ biến đổi, khác với lúc chưa hiểu, hoàn toàn khác hẳn. Khi chưa hiểu, quý vị là phàm phu; thực sự hiểu thì quý vị là thánh nhân, siêu phàm nhập thánh, phá mê khai ngộ. Tâm tư, hành vi và biểu hiện của thánh nhân là bỏ mình vì người. Quý vị hãy chú tâm quán sát [sẽ thấy] khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, hành vi của các Ngài hoàn toàn tương ứng với những gì kinh điển đã nói. Quý vị hãy chú tâm quan sát những lời các Ngài nói, những điều các Ngài làm được kinh điển gọi là sở hạnh của Phật, Bồ Tát. Thế thì chúng ta hãy chú tâm quan sát Thích Ca Mâu Ni Phật, thấy hạnh nghiệp cả một đời Phật

có giống với những gì đã giảng trong kinh hay không?

Phàm là bậc giác ngộ, biểu hiện cả một đời, bất luận là trong sinh hoạt, trong công việc, trong xử sự, đãi người, tiếp vật, cứ lấy kinh luận làm tiêu chuẩn để đo lường, chắc chắn tương ứng, ấy là “thực sự học Phật”. Thực sự sám trừ sạch nghiệp chướng của chính mình, sám hối là đặc biệt nói về nghiệp chướng. Ở phần trên chúng tôi đã giảng về nghiệp chướng, trong bài kệ Hồi Hướng thường niệm câu: “*Nguyện tiêu tam chướng trừ phiền não*”, câu ấy chính là sám hối nghiệp chướng. Phía trước của Nghiệp Chướng là Hoặc Chướng, tức mê hoặc, phía sau của Nghiệp Chướng là Báo Chướng, báo là quả báo. “Hoặc” (惑) là vô minh. Nghiệp là phân biệt, chấp trước. Chúng tôi nói theo cách kinh Hoa Nghiêm đã giảng. Còn nếu theo các kinh Đại Thừa, theo thuật ngữ đức Phật đã dùng, thì Hoặc Chướng là vô minh phiền não, Nghiệp Chướng là Trần Sa phiền não, Kiến Tư phiền não, đều thuộc về nghiệp. Báo Chướng là lục đạo luân hồi, lục đạo luân hồi là quả báo. Đó là Tam Chướng. Trong Tam Chướng có nhân, có quả, nếu nói tỉ mỉ, có nhân, có duyên, có quả. Nghiệp là nhân, Hoặc là duyên, y báo và chánh báo trang nghiêm trong lục đạo chính là quả, là nỗi khổ trong lục đạo.

Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta: “*Tam giới thống khổ*” (tam giới đều khổ). Trong Dục Giới thì ba loại khổ lớn là Khổ Khổ, Hoại Khổ, Hành Khổ ta đều phải hứng chịu hết, không cách gì tránh khỏi được. Bất luận quý vị làm thiện hay tạo ác, cũng đều phải hứng chịu. Trời Sắc Giới có công phu Thiền Định, đè nén được một phần tập khí phiền não nên không có Khổ Khổ, chỉ có Hoại Khổ và Hành Khổ. Đến Vô Sắc Giới là cao rồi, ngay cả thân thể cũng không có. Chúng ta thường gọi Vô Sắc Giới là “linh giới”, họ không có sắc tướng, nên không có Hoại Khổ, nhưng có Hành Khổ. Vì thế, đức Phật bảo tam giới đều khổ, tam giới là nhà lửa. Chúng ta chỉ có cách sám hối nghiệp chướng, thực sự trừ sạch nghiệp chướng mới vĩnh viễn thoát khỏi luân hồi, đó mới là chân thiện.

Vì thế, nhìn từ góc độ này, những lời kinh Địa Tạng đã giảng là đúng, không giả: “*Diêm Phù Đề chúng sanh, khởi tâm động niệm, vô phi thị tội*” (Chúng sanh Diêm Phù Đề, khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là tội), ý nghĩa rất sâu xa. Ngài lấy Pháp Thân Bồ Tát làm tiêu chuẩn, dùng cái thiện của Pháp Thân Bồ Tát làm tiêu chuẩn để nhìn chúng sanh trong lục đạo luân hồi. Cho đến thiên đạo vẫn chưa phải là thiện, chưa ra khỏi luân hồi! Hưởng hết phước trời, trong A Lại Da Thức vẫn còn có chủng tử của tập khí ác, vẫn phải đọa xuống, không thể tính

là thiện được! Nếu là thiện thực sự, sẽ vĩnh viễn không đọa lạc nữa. Vậy thì chỉ có vượt thoát, ngoài trừ vượt thoát ra, không còn cách nào khác nữa! Vượt thoát lục đạo, đạt đến bốn thánh pháp giới, bốn thánh pháp giới được tính là thiện, nhưng là tiểu thiện chứ chưa phải đại thiện, chưa phải là cái thiện viên mãn rốt ráo. Thiện viên mãn rốt ráo là trong Nhất Chân pháp giới; do vậy, quý vị vẫn còn phải vượt thoát Tứ Thánh.

Nói cách khác, trong nhà Phật từ Sơ Phát Tâm cho đến Đăng Giác Bồ Tát không ai lìa khỏi pháp sám hối được. Đăng Giác Bồ Tát vẫn phải tu sám hối nghiệp chướng, Ngài có những nghiệp chướng nào? Ấy là một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá, đó là nghiệp chướng của Ngài. Như vậy, quý vị phải hiểu: Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, Đăng Giác Bồ Tát vẫn là đời nghiệp vãng sanh, nhưng Ngài mang theo nghiệp ít nhất, chỉ mang theo một phẩm sanh tướng vô minh. Pháp môn Tịnh tông chẳng thể nghĩ bàn, trong các tịnh độ của chư Phật Như Lai thì đời nghiệp chỉ là đời vô minh nghiệp, chắc chắn không mang theo Kiến Tư, quyết định không mang theo Trần Sa. Chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới là tịnh độ của Phật Di Đà, là có thể mang theo Trần Sa phiền não, có thể mang theo Kiến Tư phiền não, trong tất cả các cõi Phật khác, không tìm đâu được một cõi giống như vậy.

Tu các pháp môn khác, quý vị sám hối nghiệp chướng giống như điểm số học tập của quý vị trong trường học, nói chung phải đạt đến năm mươi điểm thì mới coi là trúng cách; còn Tây Phương Cực Lạc thế giới khác hẳn, tiêu chuẩn của Tây Phương Tịnh Độ thấp nhất, sám hối nghiệp chướng chỉ chừng năm phần bèn được vãng sanh. Các pháp môn khác, các cõi Phật khác đòi hỏi năm mươi điểm mới hồng vãng sanh, ở những nơi đó đặt ra tiêu chuẩn: Phải đạt năm mươi điểm mới được; còn ở đây lấy tiêu chuẩn đạt năm điểm là được rồi. Đối với bọn phàm phu nghiệp chướng sâu nặng chúng ta mà nói, chúng ta phải nỗ lực mãi, sao cho nghiệp chướng tiêu trừ được một chút mới hồng vãng sanh. Điều này chẳng thể nghĩ bàn! Chúng ta phải hiểu điều này cho rõ ràng, hiểu rõ rồi mới chịu thực sự khẳng định, ngoài pháp môn này ra, chúng ta tu học bất luận pháp môn nào khác đều chẳng thể thành tựu. Ấy là vì chính mình không có năng lực sám hối nghiệp chướng với một mức độ lớn lao, nên chẳng làm được!

Phương pháp thực hiện là mỗi ngày phải phản tỉnh, mỗi ngày phải nghĩ đến lầm lỗi của chính mình. Chúng ta tụng niệm công khóa sáng tối, vì sao phải thực hiện công khóa sáng tối? Thực hiện công khóa sáng tối có gì tốt? Công khóa sáng tối chẳng phải là làm cho Phật, Bồ Tát, mà

làm vì chính mình, nhất định phải hiểu rất rõ ràng, rất minh bạch ý nghĩa này, khóa tụng sáng tối nhằm tu pháp môn sám hối! Khóa sáng lay tỉnh chính mình, vì thế, chúng tôi chọn kinh văn để đọc là bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, nhằm cảnh tỉnh chính mình, hy vọng cách suy nghĩ, tư tưởng và hành vi của chúng ta ngày hôm nay sẽ tương ứng với bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật. Mỗi ngày tụng khóa sáng để cảnh tỉnh chính mình. Khóa tối là phản tỉnh, ta tương ứng lời Phật răn dạy là tốt, ngày mai cứ làm như thế, ngày mai phải giữ gìn, chớ nên để mất đi. Điều gì không làm được, phải sanh tâm hổ thẹn, nhất định phát tâm sửa lỗi, ngày mai ta nhất định phải làm cho được. Công khóa sáng tối như thế ắt có công đức, giúp quý vị sám hối, giúp quý vị phát hiện lầm lỗi, giúp quý vị sửa đổi lầm lỗi, đó là tu hành.

Tu hành là sửa cho đúng những tư tưởng sai quấy, những hành vi lầm lạc, những ngôn ngữ sai trái. Ngôn ngữ và hành vi đều sanh từ ý niệm. Bởi thế, tư tưởng lầm lạc hơn bất cứ điều gì khác. Do vì cách nghĩ sai lầm mới dẫn đến hành vi và ngôn ngữ sai lầm. Do vậy, tu hành ý nghiệp quan trọng hơn bất cứ gì khác! Sửa đổi cho đúng những tư tưởng lầm lạc của chúng ta, mong có được chánh tri chánh kiến, trong giai đoạn này, ngoại trừ đọc kinh, nghe kinh ra, không còn có phương pháp thứ hai nào! Đọc kinh, nghe kinh, lấy kinh làm chủ. Quý vị hãy nhớ kỹ, trước khi đức Thế Tôn nhập diệt, Ngài chỉ dạy chúng ta pháp Tứ Y: “*Y Pháp, bất y nhân*” (Nương vào Pháp, không nương theo người). Đối với những điều người ta nói, ta phải tìm cho ra căn cứ lý luận từ kinh điển. Bởi lẽ, hết thảy những gì người ta nói, chúng ta chỉ có thể dùng để tham khảo mà thôi, rốt cuộc người ấy nói đúng hay không chúng ta phải có trí huệ phân biệt, chẳng thể mù quáng hòa theo. Mù quáng hòa theo là ngu si, là đi vào con đường lầm lạc. Bởi thế, phải có trí huệ quyết định, chọn lựa. Chuyện này đâu phải là chuyện dễ!

Chúng sanh căn tánh bất nhất, tùy theo căn tánh của mỗi loại mà đức Phật có từng cách thuyết pháp. Ví dụ rõ ràng nhất là đối với kẻ chấp trước Có, đức Phật giảng Không. Giảng Không nhằm ý nghĩa gì? Phá cái chấp Có của kẻ đó. Thế nhưng đối với hạng người chấp Không, đức Phật bèn giảng Có, để phá cái chấp Không. Đức Phật thuyết pháp nhằm phá chấp trước, phân biệt, vọng tưởng của chúng sanh. Chúng sanh vọng tưởng, chấp trước khác nhau, đức Phật dùng phương pháp thiện xảo phương tiện khác nhau. Chúng sanh không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì đức Phật không có pháp nào để nói cả. Không có pháp nào để nói mới là thực sự thuyết pháp. Ai hiểu? Chỉ có Pháp Thân Bồ

Tát, những vị Pháp Thân Bồ Tát thuộc địa vị sâu mới hiểu được, đừng nói là lục đạo phàm phu không hiểu, ngay cả Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát trong chín pháp giới cũng không hiểu. Vì thế chuyện này thật khó khăn lắm!

Thế nhưng có một nguyên tắc chung, nếu chúng ta nắm được nguyên tắc chung ấy, đối với các cách thuyết pháp bất đồng của chư Phật, Bồ Tát, trong tâm sẽ lãnh hội được một ít. Thế nào là tổng nguyên tắc? Đó là khế cơ, khế lý khế cơ. Khế cơ là thích hợp với nhu cầu hiện tại của người đó, đối với người đó có lợi lạc, có lợi ích, đó là khế cơ. Về Lý thì quyết định chẳng được trái lý. Khế cơ, khế lý là đúng. Đây là tổng nguyên tắc, tổng cương lĩnh để hết thấy chư Phật, Bồ Tát độ chúng sanh trong khắp pháp giới, hư không giới. Danh hiệu của tổng nguyên tắc, tổng cương lĩnh trong Đại Thừa Phật pháp gọi là một câu A Di Đà Phật. A Di Đà Phật là tên gốc của tánh đức, là tên gọi của năng lực sẵn có trong tự tánh của mỗi chúng sanh. Trì danh niệm Phật, hết thấy chư Phật đều dạy chúng ta như thế, dùng danh hiệu này để đánh thức tánh đức của chính mình, gọi nó trở về, ý nghĩa là như vậy đó!

Cần phải nhận thức rõ ràng Phật và Phật giáo. Phật là gì? Pháp Đại Thừa giảng về Phật rất nhiều, Phật là chân tâm, không phải là bên ngoài, tự tánh chân tâm gọi là Phật. Tiếng Ấn Độ gọi là Phật, là tánh, là “bản lai diện mục” (diện mạo sẵn có). Hiểu rõ ý nghĩa những danh từ ấy, có hiểu thấu suốt thì mới lãnh hội chút ít những danh từ thuật ngữ ấy. Tin Phật là tin mình có chân tâm, tin mình có bản tánh. Quý vị xem kinh, như trong phần trước chúng ta đã đọc thấy: “*A Di Đà Phật tức thị ngã tâm*” (A Di Đà Phật chính là tâm ta). Tin A Di Đà Phật là tin vào cái tâm của chính mình, niệm A Di Đà Phật là niệm cái tên gốc của chính tâm mình. Ta không tin Phật là không tin vào chân tâm của chính mình, không tin vào cái tên gốc của chính mình, vậy là sao? Là mê hoặc, điên đảo! Thiền sư Trung Phong giảng rất rõ ràng: “*A Di Đà Phật tức thị ngã tâm, ngã tâm tức thị A Di Đà Phật. Tịnh Độ tức thử phương, thử phương tức Tịnh Độ*” (A Di Đà Phật chính là tâm ta, tâm ta chính là A Di Đà Phật. Tịnh Độ chính là phương này, phương này chính là Tịnh Độ).

Hết thấy chư Phật đều nói pháp này là pháp khó tin, vì sao? Con người mê rồi. Họ tin tưởng điều gì? Tin vào phiền não tập khí của chính mình, cho tham - sân - si - mạn, danh văn, lợi dưỡng là Ngã. Bởi thế, họ bèn luân hồi trong lục đạo, khởi tâm động niệm tạo vô lượng vô biên nghiệp, nghiệp cảm luân hồi, trong luân hồi thọ khổ thọ nạn rất oan uổng! Họ vốn là Phật, vốn rất tự tại, có vô lượng vô biên trí huệ, vô

lượng vô biên đức năng, vô lượng vô biên tướng hảo, nay đều mê mất hết.

Chư Phật, Bồ Tát cũng như những bậc tái lai là những vị giác ngộ, các Ngài đem kinh nghiệm và phương pháp giác ngộ, khôi phục của chính mình ban cho chúng ta, để chúng ta thuận tiện đối chiếu học theo; chiếu theo những phương pháp ấy mà tu học sẽ đỡ mất công nhiều lắm. Nếu chúng ta thực sự hiểu được, thực sự thấu suốt, trong một đời này khéo tu học, thì trong một đời này quý vị nhất định chứng đắc. Nếu quý vị hỏi chúng đắc điều gì ư? Xin thưa cùng quý vị một chuyện hiện thực nhất: Chúng đắc rõ ràng nhất là tướng mạo quý vị càng ngày càng tốt đẹp, càng ngày càng trẻ ra, càng ngày càng mạnh khỏe. Trong một đời này, có thể đạt được thân Kim Cang bất hoại, vĩnh viễn không đổ bệnh, vĩnh viễn không suy lão, vĩnh viễn vui sướng. Bất luận làm chuyện gì, việc gì cũng thuận lòng, việc gì cũng như ý, trong nhà Phật có cầu ắt ứng. Những chuyện tốt ấy quý vị đều có thể đạt được, đây là nói về chuyện hiện thực nhất, không có chút xíu gì huyền diệu cả! Nếu quý vị không làm được là vì quý vị chưa hiểu đạo lý này, không hiểu phương pháp này, quý vị học sai mất rồi!

Nếu thực sự hiểu được lý luận này, hiểu được phương pháp này, tu học không sai lầm chút nào, chắc chắn quý vị đạt được những quả báo nói trên. Phải mất bao lâu quý vị mới cảm thấy có hiệu quả? Ba tháng, từ ba tháng đến nửa năm, quý vị sẽ nhận biết hiệu quả, quý vị sanh lòng tin. Tư tưởng và hành vi bèn biến đổi. Sự biến đổi ấy quý vị thực sự làm được. Từ tướng mạo, thể chất, tâm tình thái độ xử sự đối người tiếp vật, quý vị có thể thấy được sự biến đổi ấy rất rõ rệt: Quý vị thực sự làm được, quý vị thực sự dụng công. Nếu giả thì không được rồi, người ta nhìn qua một cái là thấy ngay, vì sao? Quý vị chẳng có biến hóa gì cả!

Đạo lý này khoa học hiện thời đã chứng minh. Bởi thế, lần này chúng tôi mời tiền sĩ Giang Bồn Thắng đến thăm nơi đây. Rất tiếc là ông ta đến thăm nhằm lúc tôi đi thăm Tây Tạng, lịch trình bị kẹt không thể tiếp đãi ông ta được. Chậm nhất là tháng Giêng năm sau tôi sẽ đến Đông Kinh dự hội nghị, đi họp ở Nhật Bản, tôi có thể đến thăm ông ta. Ông ta dùng phương pháp khoa học chứng thực: Chúng ta dùng thiện ý, lấy nước để thí nghiệm, dùng thiện ý đối đãi nước thì nước bèn kết tinh rất đẹp! Chúng ta dùng ác ý đối với nó, nước bèn phản ứng hết sức xấu xí. Đây chính là chứng minh rõ ràng nhất!

Vì sao nói quý vị thực sự tu hành, tướng mạo của quý vị sẽ thực sự biến đổi rất đẹp? Vì quý vị tu hành là đem tất cả hết thảy ý niệm bất

thiện đổi thành những ý niệm tốt lành nhất. Tâm quý vị thiện, tư tưởng thiện, hành vi thiện, thì phản ứng đầu tiên là gì? Những bộ phận và tế bào trên thân sẽ có phản ứng ban đầu giống như phản ứng của nước. Mỗi một bộ phận đều biến đổi hết sức đẹp đẽ, mạnh khỏe nhất. Mỗi một tế bào cũng biến đổi hết sức tốt đẹp, nên quý vị bèn trẻ ra, đạo lý là như vậy.

Trong quá khứ, chúng tôi chỉ nghe theo những gì kinh Phật đã giảng, thật thà chất phác y giáo tu hành, cũng không nghĩ gì đến tướng hảo gì hết, thân thể khỏe mạnh, không nghĩ đến những chuyện đó, đó là quả báo. Chúng tôi chỉ nghe lời thầy giáo huấn, đúng là tâm lý biến đổi một trăm tám mươi độ. Quả nhiên, sự biến đổi ấy bèn khởi tác dụng, chúng tôi chưa tự mình nhận biết tác dụng nhưng người khác đã nhận ra. Người khác nhận thấy tướng mạo khác đi, tướng mạo hiện thời so với tướng mạo xưa kia tốt hơn nhiều lắm, khí sắc khác hẳn, sức khỏe khác hẳn, trước kia hay bệnh, nói chung là eo nhức, lưng mỏi, nay không còn nữa. Xưa kia, thỉnh thoảng còn bị cảm mạo đôi chút, mấy năm nay không còn nữa. Chú tâm quan sát, chúng tôi tự mình chú tâm quan sát phản tỉnh, đó là gì vậy? Chính là hiệu ứng của nghiệp chương tiêu trừ.

Xưa kia, Chương Gia đại sư dạy tôi: Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng. Ngày dạy tôi cầu Phật, dạy tôi chớ cầu nơi người. Ngài nói cầu nơi người, người ta không đáp ứng, mình chẳng sanh phiền não sao? Tôi nói không sai, quả nhiên sanh phiền não! Vì thất vọng, bị ngăn trở, trong tâm khó chịu. Ngài nói cầu Phật, Bồ Tát; cầu Phật, Bồ Tát không có cảm ứng là vì nguyên nhân nào? Do chính mình có nghiệp chương. Sám trừ nghiệp chương rồi thì cảm ứng bèn hiện tiền. Đúng là có cầu ắt ứng. Cái cầu ấy đúng pháp, đúng lý, quyết định chẳng vì mình hưởng thụ, quyết định chẳng vì chính mình, vì cá nhân. Danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần trong thế gian này, quyết định chẳng được cầu những thứ ấy. Cầu những thứ ấy là tăng trưởng tham - sân - si. Phật, Bồ Tát đại từ đại bi tuyệt đối chẳng thể tăng trưởng tham - sân - si - mạn của quý vị; Phật, Bồ Tát từ bi giúp cho chúng ta tiêu trừ tham - sân - si - mạn.

Nếu sám trừ được tham - sân - si - mạn, niệm niệm mong chánh pháp tồn tại lâu dài, tiếp nối huệ mạng của Phật, vì giúp cho hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ, thì hết thảy chư Phật, Bồ Tát đều hộ niệm quý vị, đều giúp đỡ quý vị. Vì sao? Quý vị và các Ngài đồng tâm, đồng chí, đồng hạnh. Chư Phật, Bồ Tát là như thế đó, quý vị giống như các Ngài thì sức mạnh của các Ngài mới gia trì cho quý vị được! Ở đây, thiền sư Trung Phong khuyên chúng ta nên phát nguyện, hy vọng chúng

ta nguyện nào cũng tương ứng với bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, có như vậy quý vị mới được gia trì viên mãn. A Di Đà Phật gia trì quý vị, mười phương hết thấy chư Phật đều gia trì quý vị, làm sao quý vị không tự tại? Làm sao quý vị không vui sướng? Mười phương hết thấy chư Phật gia trì, thì xin thưa với quý vị, mười phương hết thấy thiện thần đều gia trì quý vị, tâm - nguyện - giải - hạnh của họ đều tương đồng. Vì thế, chúng ta phải hết sức coi trọng cái nguyện này.

Đối với người khác, chúng ta thiếu lễ độ, kiêu căng, tự đại, không để ai vào mắt, đây đều là nghiệp chướng. Bởi thế, lễ kính chư Phật là sám hối nghiệp chướng, xưng tán Như Lai cũng là sám hối nghiệp chướng. Nghiệp chướng lớn nhất là ganh ghét, ganh ghét gây chướng ngại. Chúng ta thấy người khác có chuyện tốt, miệng tròn chẳng đề cao, người khác có lúc bất thiện, mình bèn suốt ngày từ sáng đến tối rêu rao, khen mình, chê người. Xưng tán Như Lai cũng nhằm sám hối nghiệp chướng ấy. Rộng tu cúng dường cũng là sám hối nghiệp chướng, tâm lượng của bản thân chúng ta nhỏ nhen, tự tư tự lợi, chẳng thể bỏ mình vì người, làm sao rộng tu cúng dường cho được? Quý vị hãy nghĩ xem đây có phải là sám hối nghiệp chướng hay không? Sau đây, quý vị thấy mười nguyện Phổ Hiền, không nguyện nào chẳng phải là sám hối nghiệp chướng.

Như vậy, trong mười nguyện, sám hối nghiệp chướng là nguyện tổng quát. Chúng ta cũng có thể nói là Bồ Tát đạo từ Sơ Phát Tâm đến địa vị Như Lai tu điều gì? Chính là tu sám hối nghiệp chướng. Nếu nghiệp chướng nào cũng đều sám được sạch sành sanh, không còn mảy may nào thì quý vị đã viên thành Phật đạo. Ở phần trên, chẳng phải tôi đã từng nói đó ư? Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn mang theo một phẩm sanh tướng vô minh, đó chính là nghiệp chướng của họ. Họ vẫn phải sám hối cho hết một phẩm sanh tướng vô minh mới chứng đắc Phật quả viên mãn. Vì thế, chúng ta nhất định phải chịu sám hối nghiệp chướng sâu nặng của chính mình, hằng ngày phải phát hiện nghiệp chướng của chính mình. Hằng ngày phải sám trừ nghiệp chướng của chính mình thì mới hòng tiến bộ trên đường Bồ Đề.

Ngũ giả tùy hỷ công đức.

五者隨喜功德。

(Năm là tùy hỷ công đức).

Điều này hết sức quan trọng, nhằm đối phó điều gì? Đối trị ganh

ghét, chướng ngại. Chúng ta thấy những người khác làm việc tốt, trong tâm không vui thú. Nghiêm trọng nhất là nghĩ cách gây chướng ngại, không mong chuyện tốt đẹp của người ấy thành công. Trong một đời này, không biết chúng tôi gặp phải bao nhiêu lần. Năm 1999, kỷ niệm năm mươi năm lập quốc của Trung Quốc⁴⁴, tôi được mời tham dự lễ ngũ thập chu niên đại khánh. Tôi ở Bắc Kinh viếng thăm kinh khắc đá ở Phòng Sơn⁴⁵, hết sức hoan hỷ, nhằm đúng ngay lúc đó, có một vị cư sĩ tặng tôi một món tiền, số tiền cũng không ít, để in số kinh khắc đá ở Phòng Sơn.

Tôi đến Bắc Kinh, được cục trưởng cục Tôn Giáo nhà nước họ Diệp tiếp đãi, tôi nêu lên chuyện ấy. Tôi nói tôi hy vọng in lại một ngàn bộ kinh khắc đá để gửi tặng nước nhà, chứ bản thân tôi không cần. Hy vọng nhà nước sẽ gửi tặng các thư viện quốc gia trên toàn thế giới hòng bảo tồn vĩnh viễn, đó là nghệ thuật phẩm cao cấp. Tất nhiên bọn họ in, nhưng in chữ quá nhỏ, đọc không được, chỉ có thể dùng làm tài liệu. Bởi thế, chúng tôi hy vọng in chữ to hơn, in chữ to thì đương nhiên là số tập sẽ nhiều hơn, phân lượng lớn hơn, giá thành phải cao. Không sợ giá thành cao, cốt in cho đẹp đẽ, tinh xảo, khiến ai trông thấy cũng đều sanh tâm hoan hỷ. Khi ấy, nhà nước cũng đồng ý, cấp cho tôi một tờ giấy

⁴⁴ Đây chính là ngày quốc khánh lần thứ 50 (mùng Một tháng Mười) của Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc (Hoa Lục), không phải là quốc khánh của Trung Hoa Dân Quốc (Đài Loan). Chánh quyền Mao Trạch Đôn tuyên bố thành lập Trung Hoa Nhân Dân Cộng Hòa Quốc vào ngày mùng Một tháng Mười năm 1949.

⁴⁵ Đây là một di sản văn hóa Phật giáo hết sức quý báu. Phòng Sơn Thạch Kinh là các bản kinh Phật giáo được khắc vào đá tảng trữ trong Thạch Kinh Sơn chùa Vân Cư huyện Phòng Sơn (phụ cận Bắc Kinh). Núi Thạch Kinh nằm ở phía Đông chùa Vân Cư nên còn có tên là Đông Phong, trong núi gồm chín hang động, chia thành hai tầng: Trên bảy, dưới hai. Mỗi động đều có tên riêng, động chính được gọi là Lô Âm Động. Công trình khắc kinh trên đá này do ngài Tịnh Uyển (Trí Uyển) khởi xướng từ đời Tùy, theo di nguyện của thầy Ngài là pháp sư Huệ Tư. Công cuộc khắc kinh trên đá được bắt đầu vào khoảng giữa niên hiệu Đại Nghiệp (605-617). Đến khi ngài Tịnh Uyển mất, đã khắc được 146 khối đá gồm các kinh Niết Bàn, Hoa Nghiêm, Duy Ma, Thắng Man v.v... Các đệ tử như Đạo Công, Nghi Công, Tiêm Công... tiếp tục sự nghiệp của thầy. Trong niên hiệu Khai Nguyên đời Đường, hoàng đế nhà Đường tiếp tục sự nghiệp này. Việc khắc kinh bị đình đốn vào thời Ngũ Đại, rồi lại tiếp tục mãi cho đến đời Kim Chương Tông (1149-1190), dưới sự chủ trì của chú nhà vua là Hán Vương và phu nhân của Lưu Thừa Tướng, Trương Nhân Tông v.v... công cuộc khắc kinh mới hoàn tất. Hiện thời tại Thạch Kinh Sơn có chứa hơn 1,4 vạn tấm đá khắc kinh. Sau khi khắc xong, Kim Chương Tông ra lệnh phong bế các hang động này, và sai nhà thư pháp Đồng Kỳ Xương viết hai chữ Bảo Tạng trên vách núi.

phép. Về sau, chướng ngại rất nhiều, việc ấy không thành, đáng tiếc quá! Họ chẳng thể tu tùy hỷ công đức, không thể cho phép được.

Năm ngoái, tại Đài Loan bàn đến chuyện in Tứ Khố Hội Yếu, nhân vì số tiền kia vẫn còn, tôi nghe như vậy rất hoan hỷ. Nếu như tôi có được bản quyền Tứ Khố Hội Yếu, tôi cũng mong in một ngàn bộ, gửi tặng thư viện các Đại Học nổi tiếng và các thư viện quốc gia trên toàn thế giới. Dường như cũng có mấy người tranh giành, chèo kéo không buông, việc ấy cũng hỏng luôn. Không biết học tùy hỷ công đức, ai nấy đều tranh giành, công đức này tôi làm, kẻ kia muốn tranh làm, mấy người đều muốn tranh, thế là xong luôn, hết chuyện, không làm được gì hết! Bao nhiêu chuyện tốt đẹp muốn phát tâm làm đều bị phá hoại như thế cả. Mỗi cá nhân đều muốn tranh công, rất đáng tiếc. Đây là chúng sanh thiếu phước, chúng tôi muốn làm, mà làm không thành công.

A! Nay hiện tại đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta xem tiếp nguyện thứ năm của mười nguyện Phổ Hiền trong phần khai thị phát nguyện:

Ngũ giả tùy hỷ công đức.

五者隨喜功德。

(Năm là tùy hỷ công đức).

Điều này hết sức quan trọng, hết thảy chúng sanh đều có nghiệp chướng, đều có căn bệnh sau đây: Không vui lòng tùy hỷ [công đức của] người khác. Trọn chẳng biết “tùy hỷ công đức” và công đức của chính mình đã tu không hai, không khác. Vì thế, người thực sự có trí huệ, ngạn ngữ thường nói: “*Thành nhân chi mỹ, bất thành nhân chi ác*” (thành tựu điều tốt đẹp cho người, không thành tựu điều ác cho người khác). Chuyện bất thiện chúng ta không tùy hỷ. Thiện sự, hảo sự, chuyện có lợi ích cho xã hội và đại chúng, hãy nên tùy hỷ. Chẳng nên có tâm lượng hẹp hòi như thế, phải mở rộng tâm lượng.

Trước kia, tôi ở tại Tân Gia Ba, một nữ tu Thiên Chúa Giáo gọi điện thoại cho tôi, cho biết họ có một đoàn y tế (Thiên Chúa Giáo lập trường học, lập bệnh viện, các bác sĩ trong bệnh viện của bà ta lập một đoàn y tế) qua Phi Châu chữa bệnh miễn phí. Đây là một việc tốt, tôi

nghe xong hết sức hoan hỷ, tôi lập tức bảo bà ta: “Tôi gởi bà năm vạn đồng tiền thuốc men, hãy mua nhiều thuốc men một chút để mang qua bên đó”. Bà ta làm chuyện tôi muốn làm, tôi vẫn chưa có được cái duyên ấy, người ta làm được, tôi bèn đầu tư, khác gì chính tôi làm! Hết sức tốt đẹp, vì sao không làm? Vì sao cứ nhất định phải do chính mình làm? Ngốc quá, tự mình làm sẽ bận bịu đến chết! Người khác làm, chúng ta tán trợ, tốt đẹp hơn nhiều! Vì sao phải ngăn trở người khác?

Một thời gian không lâu sau, bà ta lại gọi điện cho tôi mong tôi lại giúp đỡ lần này. Bà nói bên Phi châu hết sức nghèo khổ, con người rất đáng thương. Bà ta cho biết hết thấy những thiết bị đều không có, thiếu thốn nhất là xe cứu thương, giao thông rất bất tiện. Bà ta đề xuất: “Pháp sư! Ông có thể tặng cho tôi một cái xe cứu thương được hay không?” Tôi nói: “Được chứ!” Tôi gởi một xe cứu thương cho bà. Không cần biết là tôn giáo hay đoàn thể nào, chuyện người ta làm là chuyện tốt, xã hội, thực sự hữu ích đối với xã hội và chúng sanh khổ nạn thì chỉ cần tôi trông thấy, nghe thấy, không cần ai phải bảo tôi, tôi đều tận tâm tận lực giúp đỡ người khác. Tôi biết người ta làm chuyện ấy chính là tôi làm, tôi làm chính là người khác làm, việc gì phải phân biệt đây kia? Có gì cứ nhất định phải nhọc sức thì mới là của mình?

Hết thấy công lao chuyện tốt cứ cho là của mình, quý vị sẽ không thoát khỏi tam giới. Vì sao? Ngã Chấp quá nặng! Luân hồi trong lục đạo do Ngã Chấp tạo thành. Trong kinh đức Phật giảng rất hay, Ngã Chấp bị phá thì lục đạo luân hồi không còn nữa, quý vị bèn vượt thoát luân hồi; đoạn được Pháp Chấp thì vượt khỏi mười pháp giới. Do đây biết rằng: Lục đạo luân hồi do Ngã Chấp và Pháp Chấp tạo thành. Trong mười pháp giới thì bốn thánh pháp giới do Pháp Chấp tạo thành, không có Ngã Chấp nhưng còn Pháp Chấp. Pháp Chấp không có thì mười pháp giới không còn nữa, thế giới ấy gọi là Nhất Chân. Chấp trước chẳng thể không phá, tùy hỷ giúp chúng ta phá chấp trước. Hết thấy việc tốt không nhất định phải là của mình, phải hiểu đạo lý này. Phải nhiệt tâm, tích cực, nỗ lực thực hiện tùy hỷ công đức.

Vì vậy, chuyện in lại những kinh khắc đá ở Phòng Sơn đến nay tôi vẫn không lúc nào quên. In Tứ Khổ Hội Yếu bất kể là ai in, tôi đều tùy hỷ, chỉ cần có ai làm là được rồi. Tôi tuyệt đối chẳng cho công đức tốt lành ấy là của chính mình, không có ý niệm ấy, không có ý tưởng ấy. Ai làm tôi đều giúp đỡ cả, tôi toàn tâm toàn lực giúp đỡ, tiếng tốt hoàn toàn thuộc về người ấy, tôi chỉ mong chuyện ấy thực hiện thành công. Hễ có lợi ích đối với xã hội và hết thấy chúng sanh, chúng tôi thấy như vậy bèn

rất hoan hỷ. Những thứ ấy thực sự là kho báu của Trung Quốc. Tứ Khố Hội Yếu và Thạch Kinh đúng là kho báu, hy vọng kho báu ấy có thể lưu truyền tới mọi nơi trên toàn thế giới, khiến cho chúng sanh trên toàn thế giới đều được tiếp xúc. Chúng tôi chỉ có nguyện vọng như vậy, không hề may mắn cầu danh văn, lợi dưỡng cho bản thân mình. Vì vậy, phải tích cực tùy hỷ. Tùy hỷ có công đức vô lượng vô biên, phải hoan hỷ thực hiện, thành tựu điều tốt đẹp cho người, không thành tựu điều ác cho họ. Nguyện thứ sáu là:

Lục giả thỉnh chuyển pháp luân.

六者請轉法輪。

(Sáu là khuyên mời chuyển pháp luân).

Chuyển pháp luân: Chúng tôi thường nói pháp luân về căn bản vốn là một biểu tượng thường được dùng trong Phật giáo, đức Phật dùng biểu tượng này. Vì sao dùng luân? Luân (輪: bánh xe) tượng trưng cho sự viên mãn. Đức Phật giảng cho chúng ta hết thấy pháp, chân tướng của hết thấy pháp hay Thật Tướng của các pháp chẳng phải có, chẳng phải không, Luân có thể biểu thị điều này. Luân hình tròn, hình tròn ấy không có tâm, phía ngoài là vành tròn bao quanh, như vậy luân chẳng phải là không. Luân chẳng phải có, chẳng phải không, luân có thể biểu thị được những điều ấy. Vì thế, đức Phật dùng Luân làm biểu tượng, ngụ ý: Về Sự là có, vành tròn bao quanh phía ngoài, như vậy Luân là Sự, về mặt Sự thì có; về Lý là không, vì tâm của hình tròn không có. Chẳng thể nói tâm là không có, tâm thực sự có, nhưng tâm không có hình tướng.

Như vậy, Tâm là Không, Luân là Sắc, một đằng Sắc, một đằng Không. Tâm kinh nói: “*Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc. Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*” (Sắc chẳng khác Không, Không chẳng khác Sắc. Sắc tức là Không, Không tức là Sắc). Luân thể hiện được điều này. Suốt một đời đức Thế Tôn, Phật vì hết thấy chúng sanh thuyết minh chân tướng của nhân sinh và vũ trụ suốt bốn mươi chín năm. Bởi thế, đức Phật nói Tướng có, Tướng không, Sự có, Lý không. Có và Không là một, không phải hai, chẳng hề rời khỏi Luân. Quý vị thực sự thông đạt: Không vốn là Sắc, Sắc chính là Không, Có chính là Không, Không chính là Có. Đạo lý này rất huyền diệu, rất sâu xa, nhưng nó là chân tướng sự thật. Do thông đạt điều này sẽ không chấp trước vào hai bên Có và Không nữa, tâm của quý vị bèn định.

Quý vị chấp Không là sai lầm, chấp Không vô ích, chẳng có tác

dụng gì. Nếu quý vị chấp Có là vì chẳng hiểu rõ Có từ đâu mà có, căn bản của Có là gì quý vị không biết! Như vậy, Không lẫn Có đều hiểu rõ, không chấp trước cả Không lẫn Có, sống “*hết thấy tùy duyên*” như vậy thì mới là đại tự tại! Một tí tí chấp trước cũng không có. Chẳng những phân biệt, chấp trước đều không có, mà vọng tưởng cũng không có, con người như vậy sao không tự tại cho được? Đạt đại tự tại! Quý vị thực sự đạt được pháp hỷ, thường sanh lòng hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn. Quý vị hoàn toàn tùy thuận Pháp Tánh, tùy thuận tự nhiên, không có vọng niệm, không phân biệt, không chấp trước. Đức Phật giảng cho ta đạo lý này và chân tướng sự thật này, khiến cho chúng ta trong một đời này đạt được cuộc sống hạnh phúc viên mãn.

“*Thỉnh chuyển pháp luân*” có nghĩa là thỉnh Phật thường dạy dỗ chúng ta. Đức Phật là bậc ứng hóa, Ngài đã khôi phục tự tánh, đã đạt trí huệ viên mãn rốt ráo, đức năng rốt ráo viên mãn, tướng hảo rốt ráo viên mãn, những gì hết thấy chúng sanh mong cầu đức Phật đều đạt được, đều biểu hiện cho quý vị thấy. Quý vị đều thấy: Vì sao Ngài có trí huệ viên mãn như thế, đức năng như thế, tướng hảo như thế? Đức Phật dạy: Hết thấy chúng sanh mỗi người đều có [trí huệ, đức năng, tướng hảo] như thế, nhưng mê hay ngộ khác nhau. Do mê nên vận dụng sai cái tâm, biến thành nông nổi ấy; nếu giác ngộ thì sẽ khôi phục, khôi phục giống như chư Phật Như Lai không hai, không khác. Bởi thế, mới nói hết thấy chúng sanh vốn sẵn thành Phật.

“*Thỉnh chuyển pháp luân*” là thỉnh chư Phật, Bồ Tát, thỉnh những bậc giác ngộ thường đến dạy dỗ chúng ta. Nói một cách thông tục thì là thỉnh Phật giảng kinh, thuyết pháp. Do trước kia, danh từ “*giảng kinh, thuyết pháp*” chưa có vấn đề gì, nay con người nghe đến thì từ ngữ ấy bèn biến thành tôn giáo, nghĩ ngay đến tôn giáo, nên chúng ta phải thay bằng danh từ khác, gọi là “*khế cơ*”. Nói cách khác, thuyết pháp như thế nào? Mời đến dạy bảo chúng ta, giảng kinh thuyết pháp nhằm chỉ dạy chúng ta. Dạy dỗ chúng ta không phải là dạy một lần đã hiểu ngay, vừa dạy bèn hiểu rõ là quá tốt. Chúng ta phiền não tập khí rất nặng, dạy một lần không hiểu; vì thế cổ nhân dạy chúng ta: “*Độc thư thiên biến, kỳ nghĩa tự kiến*” (Độc sách ngàn lần, tự thấy được ý nghĩa), “*thâm nhập một môn, trường thời huân tu*”, chúng ta mới hòng giác ngộ. Làm cách nào đây? Lại tiến thêm một bước nữa:

Thất giả thỉnh Phật trụ thế.

七者請佛住世。

(Bấy là mời đức Phật ở lại nơi đời).

Thầy ở lại nơi đây dạy dỗ chúng ta, chúng ta cảm thấy rất lợi lạc, rất vui sướng, chúng ta thỉnh thầy thường trụ ở nơi đây. Nói cách khác, dạy dỗ chúng ta lâu dài, dạy trong thời gian ngắn không được. Phải thỉnh thầy bằng cách nào? Tuyệt đối chẳng phải là mình đối xử lễ phép với thầy, đãi đằng trọng hậu, khiến cho cái ăn, cái mặc, chỗ ở của thầy sung túc, không hề có ý nghĩa như vậy đâu nhé! Người thực sự có đạo đức tuyệt đối chẳng tham cầu ngũ dục, lục trần cúng dường, quyết định chẳng tham cầu danh lợi, họ không có ý niệm ấy. Dùng danh lợi, dùng ngũ dục lục trần lưu giữ họ, sẽ giữ không được. Họ đã hoàn toàn vứt bỏ những thứ đó, làm sao giữ chân họ được? Phải làm sao mới giữ được? Phải y giáo phụng hành, thực sự học, thực sự thực hành! Có bảo họ đi, họ cũng không đi. Vì sao? Họ nhất định phải thành tựu cho quý vị, giúp quý vị phá mê khai ngộ, giúp quý vị minh tâm kiến tánh, giúp quý vị tu hành chứng quả, chẳng thể bỏ quý vị được.

Như vậy, chư Phật, Bồ Tát, những vị thiện tri thức thường ở lại một chỗ nào thì ta thường nói là [các Ngài] có duyên phận [với chúng sanh ở chỗ ấy], cơ duyên chín muồi, Ngài bèn đến; duyên phận không còn, các Ngài bèn đi. Thế nào là không có duyên phận? Mọi người chẳng chịu nghiêm túc học, chỉ học bề ngoài, không tích cực học, Phật, Bồ Tát bèn bỏ đi. Điều kiện để “*thỉnh Phật trụ thế*” không có gì khác cả, cuối mỗi bộ kinh đều có một câu: “*Tín thọ phụng hành*”! Nếu quý vị làm được bốn chữ này thì không thỉnh Ngài cũng trụ thế, Ngài cũng ở lại nơi đó. Quý vị tin tưởng lời Ngài dạy, không hoài nghi tí nào, hiểu được, tiếp nhận được, áp dụng được những điều Ngài dạy vào cuộc sống, áp dụng vào công việc, vào xử sự, đãi người, tiếp vật, quý vị là người thực sự học Phật, không phải là giả. Vì vậy, chúng ta phải dùng cái tâm chân thành, tin sâu chắc, huệ giải, y giáo phụng hành.

Chúng ta phải thỉnh Phật, Bồ Tát, thỉnh thiện hữu ở lâu dài trong thế gian này. Chúng ta biết phiền não tập khí quyết chẳng thể đoạn hết trong một thời gian ngắn được; bởi lẽ, thời gian bị phiền não tập khí tiềm nhiễm của chúng ta rất dài. Giống như khúc gỗ ngâm nước cả mười mấy năm, ngấm đẫm nước, nay lôi lên, châm chút lửa toan đốt cháy nó thì không phải là chuyện dễ. Phải tốn một thời gian dài, dần dần mới đốt cháy được. Nay chúng ta giống như khúc gỗ ngấm nước nhiều năm, ướt đẫm rồi, nay phải dùng lửa mạnh để đốt; nếu lửa ấy không mãnh liệt, chẳng ăn thua gì! Khúc gỗ ấy phải thiêu ở đâu mới có thể cháy được?

Trong lò luyện thép, phải bỏ vào lò luyện thép. Lò luyện thép cháy không ngừng, hai mươi bốn tiếng đồng hồ đốt không ngừng. Một ngày không thiếu được thì hai ngày, tôi tin rằng, hai ba tuần chắc chắn phải cháy. Điều này nói rõ sự việc trường thời huân tập, ngày ngày nghe giảng.

Nói thật ra, bản thân chúng tôi là hạng người căn tánh bậc trung, không phải hạng thượng căn lợi trí. Nay chúng tôi có một chút thành tựu là nhờ đâu? Nhờ thầy dạy dỗ. Tôi theo thầy, đầu tiên là học ba năm với Chương Gia đại sư. Chương Gia đại sư viên tịch rồi, tôi học với thầy Lý mười năm; [tất cả là] mười ba năm! Mười ba năm bèn rỗi rồi sau đấy tôi mới có thể tự tu. Mỗi ngày tự mình đọc tụng kinh luận, đồng thời tiếp nhận lời khuyên thỉnh của các đồng tu giảng giải cho họ. Đến nay là năm mươi hai năm, suốt năm mươi hai năm tôi đọc kinh luận không gián đoạn, giảng kinh bốn mươi lăm năm không gián đoạn. Do vậy, đối với danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần dục hoặc trong thế gian này tôi mới có thể không động tâm. Nếu không có thời gian huân tập lâu dài như thế, nếu bảo là danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần không động tâm thì phải là bậc thánh nhân, đâu phải là phàm nhân, nói dễ dàng sao! Phải như vậy mới chuyển được cảnh giới.

Tôi chuyển được cảnh giới, nếu quý vị cứ lấy từng mười năm một mà quan sát sẽ thấy rõ ràng; vì thế, tôi nói Khổng lão phu tử quả thật là hạng căn tánh bậc trung, không phải là bậc thượng căn lợi trí. Thích Ca Mâu Ni Phật là bậc thượng căn lợi trí, quý vị thấy: Ngài thị hiện thành Phật năm ba mươi tuổi, giảng bộ kinh đầu tiên là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh chẳng thể nghĩ bàn! Đúng là bậc thượng thượng căn! Nhưng chúng ta thấy Khổng lão phu tử lão nhân gia thành tựu như thế này: Ngài nói mười lăm tuổi chí dốc nơi việc học, ba mươi tuổi căn bản vững vàng, bốn mươi tuổi không làm lần, năm mươi tuổi biết vận trời, sáu mươi tuổi tai nghe đã thuần, bảy mươi tuổi tùy lòng mong muốn không vượt quy củ. Mức tiến triển của tôi không khác Khổng phu tử cho lắm: Nâng cao dần dần, không phải là đốn ngộ, không phải là viên chứng, mà là từng bước tu dần, chứng dần. Hơn năm mươi năm dùi mài không ngại, càng học càng hoan hỷ, mãi đến mấy năm gần đây mới khẽ nhập cảnh giới một chút, đúng là pháp hỷ sung mãn. Câu mở đầu sách Luận Ngữ minh định: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (Học rồi thường tu tập, cũng chẳng vui sao?) Đối với câu nói này, tôi lãnh hội rất sâu.

Sự vui lớn nhất trong đời người là học! Bởi thế, trong Luận Ngữ,

Không lão phu tử nói mấy câu: “*Ngô thường*”: Ngài nói chính bản thân mình thường xuyên. “*Ngô thường chung nhật bất thực*”: Ta suốt ngày không ăn. “*Chung dạ bất tầm*”: Suốt đêm không ngủ. “*Dĩ tư*”: Suy nghĩ. “*Vô ích, bất như học dã*”: Bất cứ sự việc gì trong thế gian này, việc gì tốt đẹp nhất? Học! Học theo thánh nhân, học theo hiền nhân, học làm người tốt. Không gì bằng học, có việc gì sánh bằng học! “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ; hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ?*” (Học rồi thường thực tập, cũng chẳng sướng ư? Có bạn từ phương xa đến, cũng chẳng vui sao?) “*Bằng*” ở đây là gì? Là người hiểu học! Mọi người chúng ta chí đồng đạo hợp, đều là người ham học. Hy vọng mọi người đến học viện chúng ta đều là người hiểu học, mọi người chúng ta cùng ở trong hoàn cảnh nhỏ này cùng nhau học tập. Thực sự hiểu học mới có điều kiện thỉnh Phật trụ thế. Không hiểu học, chỉ mang hình thức, chỉ làm ra vẻ thì Phật không trụ thế, Bồ Tát cũng chẳng trụ thế. Cũng vậy, thiện tri thức cũng chẳng trụ thế! Chỉ có thực sự hiểu học [mới giữ các Ngài trụ thế được mà thôi!]

Mười đại nguyện Phổ Hiền theo giảng giải của cổ đức, chúng tôi cũng xem các chú giải, trên thực tế chỉ là bảy nguyện từ “*lễ kính chư Phật*” đến “*thỉnh Phật trụ thế*”, bảy điều ấy là nguyện. Ba điều sau đều là hồi hướng. Chúng tôi suy gẫm kỹ những lời tổ sư đại đức giảng, thấy rất hợp lý. Giáo pháp Đại Thừa nói đến ba thứ hồi hướng: Hồi hướng Bồ Đề, hồi hướng chúng sanh, hồi hướng Thực Tế. Vì sao phải hồi hướng? Hồi hướng để mở rộng tâm lượng, chúng ta làm việc này chẳng vì tự mình, mà vì chúng sanh khắp pháp giới hư không giới, tâm lượng bèn lớn lao, đây mới là hạnh Phổ Hiền. Hạnh Phổ Hiền khác với hạnh của các Bồ Tát ở chỗ nào? Chính ở chỗ này đây! Mọi Bồ Tát cũng có lễ kính, cũng có xưng tán, cúng dường, sám hối nghiệp chướng, nguyện nào cũng có, nhưng vì sao không gọi là hạnh Phổ Hiền? Vì tâm lượng không rộng lớn như thế này.

Quý vị giống như chúng tôi là phàm phu, phàm phu thế gian bảo tâm lượng của hạng người sau đây rất lớn: “*Tể tướng đỗ tử năng xanh thuyền*” (Bụng tể tướng chứa được cả chiếc thuyền), ông ta nghĩ đến điều gì? Nghĩ đến đất nước, dân tộc của mình, đúng là không vì cá nhân, không vì gia đình mình, mà vì đất nước, vì dân tộc mình, thật bất phàm! Tâm lượng ấy vẫn còn nhỏ, ông ta vì đất nước dân tộc mình, nhưng đất nước dân tộc khác thì sao? Nước mình mạnh nhất trên thế giới, những nước khác đều yếu kém nhất, mình phải làm sao đây? Đối xử như thế nào? Tâm lượng vẫn chưa đủ lớn! Tâm lượng ấy có thể làm người lãnh

đạo quốc gia, tâm lượng ấy dung nạp một đất nước. Nếu tâm lượng lớn hơn nữa, bao dung được cả thế giới, bao dung cả địa cầu, khởi tâm động niệm không chỉ nghĩ đến nhân dân, đất nước mình, mà ta còn nghĩ đến nhân dân toàn thế giới, làm sao cho nhân dân toàn thế giới đều hưởng cuộc sống tốt đẹp; người như thế là lãnh tụ của toàn thế giới, tâm lượng của người ấy lớn lao!

Người ấy vẫn không bằng Bồ Tát. Bồ Tát khởi tâm động niệm nghĩ tới gì? Nghĩ đến tam thiên đại thiên thế giới, người thế gian chúng ta không thể sánh bằng được. Tâm lượng của Bồ Tát là phổ độ chúng sanh, muốn độ chúng sanh trong chín pháp giới khắp tam thiên đại thiên thế giới, nhưng vẫn không bằng Phổ Hiền Bồ Tát! Tâm lượng của Phổ Hiền Bồ Tát trọn khắp hư không giới, pháp giới. Trọn khắp pháp giới, hư không giới, quả thật có không ít những vị Pháp Thân Bồ Tát cũng có tâm lượng như thế, nhưng Phổ Hiền Bồ Tát vẫn thù thắng hơn, thù thắng ở chỗ nào? Nhờ kinh Hoa Nghiêm chúng ta mới thấy, tâm Phổ Hiền Bồ Tát bao gồm cả những thế giới trong vi trần. Trong hội Hoa Nghiêm, đức Phật đã dạy chúng ta như thế, các kinh khác không nói đến điều đó. Trong mỗi một vi trần đều có thế giới, vi trần không phóng to, thế giới không rút nhỏ, thế giới trong vi trần giống hệt thế giới bên ngoài, không khác nhau! Ai có thể vào được trong ấy? Phổ Hiền Bồ Tát vào được.

Tâm lượng của Phổ Hiền Bồ Tát có thể nhập, có thể độ trùng trùng vô tận thế giới. Thế giới trong vi trần lại có vi trần, trong những vi trần ấy lại có thế giới, do đó, thế giới trùng trùng vô tận. Vì sao có hiện tượng ấy? Đức Phật dạy chúng ta: Tự tánh vốn là như thế. Chân tâm, bản tánh vốn sẵn là như vậy, trong ấy không có lý do gì cả, nó chỉ như vậy mà thôi. Như tánh đức, chúng ta thường gọi là tánh năng. Năng lực của tánh vĩnh viễn không mất, nó như vậy đó, đức của tánh cũng giống như thế đó.

Năng lực của tánh là gì? Trong Pháp Sư này, thiền sư Trung Phong gọi là “linh tri tâm”. Bản năng của tánh là linh tri, tức là nó thấy - nghe - hay - biết. Vì sao lại có thể thấy - nghe - hay - biết? Vốn sẵn là như vậy. Đó là bản năng. Nơi thân thể chúng ta, mỗi một tế bào đều thấy - nghe - hay - biết. Hiện thời có thể dùng phương pháp khoa học để thăm dò điều này. Đức của tánh là gì? Chính là cái mà kinh Đại Thừa thường gọi là trí huệ, năng lực, đức năng, tướng hảo, đó là tánh đức. Vô lượng trí huệ, vô lượng năng lực (không gì chẳng thể), vô lượng tướng hảo. Kinh Đại Thừa thường nói: Thân có vô lượng tướng, mỗi tướng có vô lượng hảo. Một cách diễn giải khác là “*thường - lạc - ngã - tịnh*”, đó

cũng là những đức mà bốn tánh sẵn có. Đó là tánh đức (những phẩm chất tốt đẹp của bốn tánh). Đây chính là những điều “*cá cá bất vô, nhân nhân bốn cụ*” (không gì chẳng có, ai nấy sẵn đủ).

Phật, Bồ Tát không dạy điều gì khác, chỉ nhằm dạy chúng ta khôi phục bản năng, bản đức, đức năng sẵn có của chính mình, chỉ như vậy mà thôi! Đến khi nào chính quý vị hoàn toàn khôi phục, Phật sẽ giảng cho quý vị về viên mãn Bồ Đề, quy về Vô Sở Đắc, đây là điều bốn tánh vốn sẵn có. Phật, Bồ Tát không trao tặng cho mình điều gì cả, chỉ là do chính mình tự chứng đắc. Phật, Bồ Tát chỉ làm người giới thiệu, là Tăng Thượng Duyên mà thôi, pháp bình đẳng mà! Phật, Bồ Tát chẳng cậy công: “Ta dạy người, ta có ân đức đối với người”. Không hề có! Phật, Bồ Tát dạy ta cảm ân, cảm cái ơn của hết thầy chúng sanh trọn khắp pháp giới, hư không giới, dạy chúng ta cảm ơn cha mẹ, cảm ơn sư trưởng, cảm ơn hết thầy chúng sanh, tâm lượng ấy lớn lắm. Vì vậy, hồi hướng là mở rộng tâm lượng, tâm lượng có mở rộng thì mới có thể khôi phục tự tánh. Tâm lượng nhỏ là không được, chẳng thể thấy được Tánh. Do vậy, nguyện thứ tám là:

Bát giả thường tùy Phật học.

八者常隨佛學。

(Tám là thường học theo Phật).

Đây là hồi hướng Bồ Đề, Bồ Đề là điều chúng ta mong cầu, là mục tiêu của chúng ta. Ta học, ta tu, ta hành là vì lẽ gì? Vì Bồ Đề. Nói thật ra, trên mặt sự tướng, mọi người hãy khéo hiểu, vì Bồ Đề chính là vì chánh pháp tồn tại lâu dài. Nền giáo dục của đức Phật là nền giáo dục trí huệ, Bồ Đề là giác ngộ, là giáo dục đại trí đại giác, ta mong mỗi nền giáo dục ấy còn mãi trong thế gian, vĩnh viễn không dứt, phần trên gọi là “*Phật trụ thế*”. Thịnh Phật trụ thế nhất định phải “*thường tùy Phật học*” thì Phật mới trụ thế, hai câu này liên quan với nhau. Nếu chúng ta chẳng tùy thuận Phật, không học theo Phật, Phật chẳng thể trụ thế. Chúng ta muốn thịnh chuyển pháp luân, thịnh Phật trụ thế thì điều kiện quan trọng nhất là “*thường tùy học Phật*”. Ta ưa thích nền giáo dục này, ta yêu mến nền giáo dục này, ta học tập nền giáo dục này, Phật bèn trụ thế, Ngài chẳng thể lìa khỏi chúng ta. Loại hồi hướng thứ hai là:

Cửu giả hằng thuận chúng sanh.

九者恆順眾生。

(Chín là hằng thuận chúng sanh).

Quý vị hãy nhìn kỹ chữ “*thuận*” này, không những phải “*thuận*” mà còn “*hằng thuận*”, vĩnh viễn tùy thuận chúng sanh thì quý vị mới có thể giúp đỡ chúng sanh được. Quý vị có hảo ý giúp đỡ người ta, nhưng không thuận theo ý họ, họ sẽ phản kháng, không thể tiếp nhận mình, vậy là không còn có cách gì hết. Vì thế, quý vị hãy xem chư Phật, Bồ Tát độ chúng sanh, các Ngài thuận theo chúng sanh. Quý vị thấy trong phẩm Phổ Môn có nói đến ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, nên dùng thân nào để độ bèn hiện thân ấy, hằng thuận đấy! Người ta thích Phật, Quán Âm Bồ Tát bèn hiện thân Phật, chúng sanh bèn vui thích. Nên dùng thân nào để độ bèn hiện thân ấy, hoàn toàn thuận theo chúng sanh, chứ không chiều theo ý của riêng mình. Nếu thuận theo ý mình thì chẳng phải là độ chúng sanh, dầu hảo tâm, dầu có ý nghĩ tốt, chúng sanh chẳng tiếp nhận mình. Bởi thế, quý vị phải biết tùy thuận chúng sanh, nhất là “*hằng thuận chúng sanh*”, khó đấy!

Nay chúng ta giúp đỡ chúng sanh ở bên ngoài, mọi người không tiếp nhận là vì nguyên nhân nào? Chúng ta không tùy thuận họ, mà hoàn toàn thuận theo ý của chính mình. Thuận theo ý của chính mình thì người ta bài xích, làm không xong! Ai thích Cơ Đốc (Christ), thích Gia Tô (Jesus), Quán Thế Âm Bồ Tát bèn hiện thành Cơ Đốc, biến thành Gia Tô, họ cũng vui vẻ! Năm ngoái, hình như vào tháng Mười Một, tôi qua thăm Nhật Bản, giảng kinh ở Nhật Bản, gặp mặt lão hòa thượng Trung Thôn Khang Long. Vị lão hòa thượng này tuổi ngoài chín mươi, là quốc bảo của Nhật Bản. Trong giới Phật Giáo Nhật Bản, hòa thượng rất có tiếng tăm, có địa vị. Lúc gặp gỡ, tôi không ngờ Ngài bảo tôi một câu khiến những pháp sư Nhật Bản hiện diện lúc ấy đều hết sức kinh ngạc. Ngài nói gì vậy?

Ngài nói: “Người sáng lập mỗi một tôn giáo trên thế giới đều là hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát!” Điều này hoàn toàn tương đồng với những điều tôi thường nghĩ, thường nói. Vị lão hòa thượng ấy thật phi phàm! Những vị pháp sư Nhật Bản ở quanh Ngài bảo tôi: “Trước nay lão hòa thượng chưa hề nói như thế!” Họ nói: “Pháp sư! Hôm nay ông đến đây, Ngài bảo ông như vậy, chứ trước nay Ngài chưa hề nói như thế”, khiến tôi cảm thấy được khích lệ lớn lao! Ngày nay chúng ta tiếp xúc các tôn giáo khác nhau trên toàn thế giới, thực hiện công tác đoàn kết đa nguyên văn hóa, lão hòa thượng nói câu ấy ủng hộ tôi. Nói thực ra, hòa thượng tuổi tác quá cao, ngoài chín mươi tuổi, đầu óc hết sức minh mẫn,

nhưng nay cũng phải ngồi xe lăn, thân thể cử động không thuận tiện lắm, nhưng đầu óc sáng suốt, nói năng cũng rất minh mẫn, gặp mặt Ngài vô cùng hoan hỷ. Thật là người có trí huệ, thật sáng suốt, “*hằng thuận chúng sanh*”.

Thuyết pháp thì không có pháp nhất định để nói. Chúng sanh thích pháp gì bèn nói cho họ nghe pháp ấy, không có pháp nào nhất định để nói cả. Chư Phật, Bồ Tát cũng không có hình tướng, thân tướng nhất định, hoàn toàn hằng thuận chúng sanh. Kinh Lăng Nghiêm nói “*tùy chúng sanh tâm, ứng sở tri lượng*”. Hai câu ấy chính là như Đại Thừa Phật pháp thường nói: Nên dùng thân nào để độ được, bèn hiện thân ấy, nên nói pháp nào bèn nói pháp ấy. Sự ứng hiện ấy đều là ứng theo [căn cơ của] chúng sanh, chúng sanh có cảm, Phật, Bồ Tát bèn có ứng. Hiện thân tướng là “*thân ứng*”, vì họ thuyết pháp là “*thuyết ứng*”, đều phải ứng theo chúng sanh. Chúng sanh là cơ, ứng cơ thuyết pháp, ứng cơ hiện thân, tất cả hết thảy không gì không phải ứng cơ (thích ứng với căn cơ của đối tượng được hóa độ), đó gọi là “*hằng thuận chúng sanh*”.

Quý vị hiểu thấu đại đạo lý, đại nguyên tắc, đại phương châm này thì quý vị sẽ thấy thế giới ngày nay hướng theo khoa học kỹ thuật, trong khoa học kỹ thuật, các phương tiện truyền thông phổ biến nhất và quen thuộc nhất là truyền thanh, truyền hình, hiện thời là Internet. Chúng tôi thấy vậy, phải hằng thuận chúng sanh, chúng tôi cũng phải đi theo con đường ấy. Chúng tôi giảng kinh, không thể giảng trên giảng tòa, giảng tại giảng đường không được, nay chúng tôi giảng trong phòng thu hình. Đồng thời, hình ảnh và âm thanh của chúng tôi theo đường Internet phổ biến toàn thế giới, cứ vào trang web của chúng tôi sẽ thu nhận được. Đó là hằng thuận chúng sanh, là ứng cơ thuyết pháp. Hiện tại người ta cảm như vậy thì chúng tôi phải ứng như thế, để có cảm bèn có ứng, cảm ứng đạo giao.

Hiện nay có cần xây dựng một đạo tràng rất lớn hay không? Không cần thiết! Đạo tràng hoàng pháp ngày nay (tổ sư đại đức vẫn là tổ sư đại đức, đối với họ chúng tôi không lạm bàn), vị tổ sư gần nhất của Tịnh Độ tông chúng ta là Ấn Quang đại sư. Lão nhân gia dạy chúng ta đạo tràng không cần to, Ngài không chủ trương dựng đạo tràng lớn, mà là đạo tràng nhỏ. Mọi người cùng tu một chỗ với nhau không cần đông, chúng thường trụ lấy hai mươi người làm hạn định, không được vượt quá hai mươi người. Càng suy gẫm lời dạy ấy, chúng tôi thấy càng hợp lý. Vì sao? Phù hợp tình huống xã hội hiện thời, không hóa duyên, cuộc sống của hai mươi người dễ dàng duy trì. Đạo tràng quá lớn, chúng

thường trụ quá đông, nguồn sống cho đại chúng từ đâu mà có? Nhất định phải làm pháp hội, nhất định phải làm rất nhiều, phải chèo kéo. Hiện thời giống như du lịch văn cảnh, đạo nghiệp hoàn toàn bị hủy mất, tâm thanh tịnh không đạt được.

Vì thế, Tổ dạy không hóa duyên, không làm pháp hội (không làm hết thầy pháp hội), không thu đồ đệ, không truyền giới, không giảng kinh, chuyên môn niệm Phật. Công khóa bình thường giống như khóa niệm Phật thất phổ thông. Hai mươi người cùng tu, ai nấy đều có thể thành công. Lời khai thị ấy thật phi thường, là lời giáo huấn chân thật! Đương nhiên người đến đạo tràng tu hành đều hiểu Phật pháp, nên không cần giảng kinh, giảng kinh tại đâu? Giảng kinh trên truyền hình, trên Internet. Đối với kinh giáo mọi người đều hiểu được, chúng ta chọn nơi đây để tu hành, rất đơn giản, hai mươi người tụ tập, tìm một căn nhà nhỏ là đủ rồi, quý vị bèn có thể thành công. Nhất định phải đoạn tuyệt ngoại duyên. Nếu đạo tràng nào trở thành đạo tràng du lịch văn cảnh thì không phải là đạo tràng để tu hành, chẳng thể tu thành tựu ở nơi ấy. Phải hiểu đạo lý này!

Như vậy, giảng kinh thuyết pháp trên truyền hình là đưa việc giảng kinh thuyết pháp đến tận gia đình của mỗi người. Chúng ta thấy khoa học kỹ thuật hiện nay phát triển, chúng tôi tin rằng năm năm sau, Internet thay thế truyền hình. Vì sao? Năm ngoái chúng tôi thấy ở Nhật Bản, điện thoại cầm tay (cell phone) có thể nối vào Internet, từ màn hình nhỏ trên máy có thể thu nghe được Internet. Tôi tin rằng năm năm sau, các băng thông Internet càng mở rộng hơn, bất cứ nơi nào trên thế giới, dùng cell phone đều có thể thu bắt được. Chúng tôi tưởng tượng màn hình của điện thoại nếu được làm lớn hơn một chút, quý vị bèn thấy rõ ràng, âm thanh, hình ảnh đều thấy nghe rất rõ. Nói cách khác, khác nào một cái máy truyền hình nhỏ có thể mang bên người, đưa Phật pháp đến tận tay quý vị.

Hiện tại, những cái máy truyền hình to được bày trong nhà, đưa Phật pháp đến tận nhà, độ mấy năm nữa, tiến hơn bước nữa, đưa Phật pháp, hình ảnh, âm thanh giảng kinh thuyết pháp đến tận lòng bàn tay quý vị. Bất luận quý vị ở đâu, tùy tiện bất cứ lúc nào muốn nghe, đều có thể nghe được. Thực sự nghe hiểu, nghe thấu suốt, giác ngộ, muốn tu hành, tìm một đạo tràng nhỏ, đạo tràng nhỏ có hai mươi người, quý vị thực sự thành tựu. Tổ sư đại đức chỉ dạy chúng ta như thế. Ấy đều là häng thuận chúng sanh, đều là ứng cơ thuyết pháp.

Vì thế, những đạo tràng lớn ngày nay nói thật ra là chỗ để du lịch

ngoạn cảnh, là nguồn thu nhập cho quốc gia, thuộc về dịch vụ. Đồng thời, những nơi ấy có thể phát huy một hiệu quả là cơ hội giáo dục, từ cơ hội du lịch ngắm cảnh, đem Phật pháp giới thiệu cho du khách, khiến du khách hiểu, khiến họ có thể từ máy truyền hình, từ trong lòng bàn tay, được nghe Phật pháp. Đây là thích ứng với căn cơ của chúng sanh hiện đại, hằng thuận chúng sanh hiện đại, chúng ta phải hiểu như vậy. Nếu quý vị không hiểu đạo lý này, sẽ chẳng thể phổ độ chúng sanh. Điều cuối cùng:

Thập giả phổ giai hồi hướng.

十者普皆回向。

(Mười là hồi hướng khắp tất cả).

Đây là hồi hướng Thật Tế. Thực Tế là gì? Chính là hồi hướng bốn tánh. Hết thấy sanh từ bốn tánh, tối hậu quy về bốn tánh. Bốn tánh còn gọi là Tự Tánh, Chân Như, Thật Tế, vẫn là hồi quy về đó, từ đâu sanh ra thì quay về đó. Chúng ta thường nói trở về với thiên nhiên, người thế gian thường hay nói như thế. Trong Phật pháp nói quay về với Thật Tế, trở về với Chân Như. Quay về như thế nào? Chính là niệm niệm, hạnh hạnh đều tương ứng với Chân Như, phải hiểu điều này, đó gọi là Khế Lý. Chín điều nguyện trước là Khế Cơ, điều này là Khế Lý, quyết định chẳng được trái nghịch Thật Tế Lý Thể.

Pháp Thân Bồ Tát có thể làm được điều này, ngoài Pháp Thân Bồ Tát ra, như Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát chỉ có thể làm được tương tự. Đối với điều này, bọn phàm phu chúng ta ngơ ngác, chẳng biết thế nào là “*phổ giai hồi hướng*”, không hiểu nó có nghĩa là gì! Hôm nay tôi xin thưa cùng quý vị: Quý vị chỉ có khái niệm lơ mơ, muốn hiểu thật rõ ràng, thì nó có nghĩa là “công phu tu hành của quý vị phải khế cơ, khế lý”. Phần trên là giảng về khế cơ, nguyện này là khế lý. Lý ấy phải dựa vào đâu? Đơn giản là chúng ta chưa chứng đắc lý Chân Như thì phải nương vào kinh giáo. Chúng ta khởi tâm động niệm, hết thấy hành vi đều tương ứng với kinh giáo, chẳng trái nghịch những gì kinh giáo răn dạy, đây chính là “*phổ giai hồi hướng*”. Trái nghịch sự giáo huấn của kinh điển thì một điều cũng chẳng có, thuyết pháp khế cơ nhưng không khế lý.

Đoạn này chúng tôi giảng đến đây thôi!

Chư vị đồng học!

Trong phần trên, chúng ta đã học về mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát, cũng có thể nói mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát chính là nguyện chung của các Bồ Tát. Thế nhưng, ngoại trừ những nguyện chung này ra, lại còn có một tổng nguyện, tức là lời nguyện chung của hết thầy chư Phật, ngay cả mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát cũng chẳng thể tách rời Tứ Hoằng Thệ Nguyện này. Ngay cả bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, nếu quy nạp lại thì Tứ Hoằng Thệ Nguyện bao trùm trọn vẹn. Như vậy, Tứ Hoằng Thệ Nguyện là cương lĩnh, triển khai thành vô lượng vô biên đại nguyện của chư Phật, Bồ Tát. Chúng ta đọc bài kệ đầu tiên:

***Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ,
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học,
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.***

眾生無邊誓願度。
煩惱無盡誓願斷。
法門無量誓願學。
佛道無上誓願成。

Trong Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự, Tứ Hoằng Thệ Nguyện được đọc ba lần, mỗi một thời đọc một lần, bốn câu kệ này chúng tôi dành lại, sẽ nói sau. Tiếp đến là bài Tam Bảo Tán, phần tán thán ở đây chính là xưng tán Như Lai. Tam Bảo Tán là tán Phật, tán Pháp, tán Tăng, gọi là Tam Bảo Tán. Bảo (寶) là tỷ dụ, người thế gian có của báu thì cuộc sống rất giàu có, sung sướng, cuộc sống rất hạnh phúc, có thể giải quyết những vấn đề thuộc đời sống vật chất.

Phật - Pháp - Tăng gọi là Tam Bảo, là ba món báu thực sự, vì của cải thế gian chỉ có thể giải quyết những vấn đề trong một đời này, chẳng thể giải quyết những vấn đề thuộc đời đời kiếp kiếp, càng chẳng thể giải quyết vấn đề sanh tử luân hồi trong lục đạo. Ngoài chuyện luân hồi ra, còn có vấn đề chẳng thể thoát khỏi mười pháp giới, còn có vấn đề chẳng thể chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề, nhiều vấn đề quá! Thế nhưng Tam Bảo là của báu thực sự, chắc chắn của báu thế gian không thể sánh bằng! Vì sao? Vì Tam Bảo có thể giải quyết được vấn đề sanh tử trong lục đạo, giải quyết vấn đề mười pháp giới, có thể giúp chúng ta trong vấn đề

chứng đắc Phật quả rốt ráo, đây mới là đồ báu thực sự!

Nếu chúng ta hỏi Tam Bảo có thể giải quyết vấn đề sinh hoạt trong thực tế hay không thì câu trả lời là khẳng định: “Đương nhiên!” Vì sao? Chuyện trong lục đạo là vấn đề nhỏ nhất, Vô Thượng Bồ Đề là vấn đề lớn. Vấn đề lớn còn giải quyết được thì vấn đề nhỏ nhoi sẽ thấm vào đâu! Rất đáng tiếc, trong thế gian rất nhiều người mê không giác, coi thường Tam Bảo. Tam Bảo chẳng phải ở bên ngoài mà ở ngay nơi Tự Tánh. Phật Bảo là Tự Tánh Giác, Pháp Bảo là Tự Tánh Chánh, Tăng Bảo là Tự Tánh Tịnh, Giác - Chánh - Tịnh Tam Bảo. Giác - Chánh - Tịnh là Tánh Đức; bởi vậy, Tam Bảo chẳng ở bên ngoài, không ai cầu chẳng được, đúng là có cầu ắt ứng. Cầu nơi đâu? Hướng về Tự Tánh mà cầu.

Đức Thế Tôn dạy cho chúng ta lý luận và phương pháp để cầu. Tam Bảo đã hiện tiền thì cũng nói được cảnh giới rất tường tận, rất minh bạch. Cảnh giới ấy chính là thế giới Hoa Tạng, thế giới Cực Lạc, Nhất Chân pháp giới. Như vậy, chỉ có Tam Bảo mới có thể giúp chúng ta chuyển mê thành ngộ, chuyển phàm thành thánh, chuyển Sa Bà thành Cực Lạc, chuyển uế độ thành tịnh độ, chuyển mười pháp giới thành Nhất Chân pháp giới. Đây mới thực sự là đồ báu! Nay chúng ta hãy xem đoạn thứ nhất, đoạn thứ nhất là tán Phật:

14. Tán Thán Phật Bảo

Phật bảo tán vô cùng.

佛寶讚無窮。

(Phật Bảo khen ngợi khôn cùng).

Câu này mang ý nghĩa kép: Phật Bảo nơi Tự Tánh và Phật Bảo trên mặt sự tướng. Phật Bảo về mặt sự tướng thì nêu lên vị gần nhất là Thích Ca Mâu Ni Phật. Vì sao? Nếu Ngài không thị hiện thành Phật, dạy cho chúng ta pháp chân thật Giác - Chánh - Tịnh chân chánh thì chúng ta vĩnh viễn chẳng biết, không ai có thể nói ra cả. Do vậy, tán Phật ở đây bao gồm cả tán thán Tự Tánh Phật lẫn Sự Tướng Phật. “*Thán vô cùng*”: Tự Tánh vô cùng, sự tướng cũng vô cùng.

Công thành vô lượng kiếp trung.

功成無量劫中。

(Thành tựu công phu trong vô lượng kiếp).

Luận trên mặt sự tướng, “công” (功) là công phu tu hành. Phật là do con người tu thành, phải tu bao lâu? Tu trong vô lượng kiếp, không phải là thời gian ngắn. Thoạt nhìn, vô lượng kiếp rất ư là dài, thường khiến cho cái tâm tu học của chúng ta khiếp hãi: “Vô lượng kiếp ư? Đến bao giờ mới thành tựu được nổi?” Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật dạy: “Không những thời gian là giả, mà không gian cũng chẳng thật!” Thời gian và không gian do đâu mà có? Do từ vọng niệm của chúng ta mà sanh ra, không phải là chân thật. Nếu quý vị chuyển mê thành ngộ thì vô lượng kiếp bèn biến thành một sát-na; nếu mê không giác thì một sát-na liền biến thành vô lượng kiếp. Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Thế Tôn giảng về chuyện này rất nhiều, nhất là trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta đọc thấy: “*Mê không giác thì quả thật là vô lượng kiếp, giác không mê thì nhất niệm đốn siêu*” (siêu thoát nhanh chóng trong một niệm). Chuyện này khó lắm! Khó ở chỗ nào? Khó ở chỗ chúng ta chưa buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống được, khó ở chỗ này đây! Lúc nào buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống được thì “*công thành vô lượng kiếp trung*”, quý vị bèn thành tựu, vô lượng kiếp không còn nữa. Ai làm được như thế? Thích Ca Mâu Ni Phật làm được, Ngài nêu gương cho chúng ta thấy.

Nguy nguy trượng lục tử kim dung.

巍巍丈六紫金容。

(Thân trượng sáu vàng ròng vời vọi).

Chữ “nguy nguy” hình dung sự cao lớn. Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, thân Ngài cao một trượng sáu thước. Chúng tôi nghĩ một trượng sáu quá cao, hầu như trong hiện tại không có người thứ hai nào cao được như thế. Há chẳng biến thành người khổng lồ ư? Thật ra, phép đo lường của Ấn Độ thời cổ không giống cách đo lường hiện thời của chúng ta. Nếu quý vị xem cuốn Luật Học Tam Thập Tam Chung Hiệp San (ba mươi loại sách về Giới Luật được in chung lại) của Hoàng Nhất đại sư, sẽ thấy có một chương sách mang tựa đề Châu Xích Khảo (khảo luận về thước đời Châu). Tính theo thước của người đời Châu sử dụng thì một trượng sáu đại khái chỉ gần bằng sáu tấc (Trung Hoa) của chúng ta hiện thời. Chúng tôi nghĩ nhận định ấy rất hợp lý. Thích Ca Mâu Ni Phật như vậy rất cao, đại khái Phật phải cao từ một mét tám đến một mét chín (thước Tây). So với mọi người thì Phật rất cao nhưng cũng rất bình thường, chứ không như [tính theo] thước tấc hiện tại, một trượng sáu là

quá cao!

Màu da nơi thân đức Phật là màu vàng tía⁴⁶. Vì thế, câu này nhằm mục đích tán thán, khen ngợi thân sắc Phật, “*nguy nguy trượng lục tử kim thân*”. Tướng hảo ấy do đâu mà có? Một con người tâm tốt, tư tưởng tốt, ngôn hạnh tốt, thân sắc của chính người ấy cũng có thể chuyển biến theo ý niệm. Người thế gian coi thân thể và màu da như thế là tôn quý nhất, người thế gian trông thấy tướng ấy bảo là quý tướng. Mỗi một tướng của đức Phật đều là quý tướng, đều được người thế gian vô cùng hâm mộ, hết sức yêu thích, mong cầu nhưng không đạt được tướng ấy. Mỗi một tướng ấy đức Phật đều có đủ. Thế nhưng đức Phật dạy chúng ta: Tướng hảo là quả báo, quả ắt phải có nhân. Tu nhân thế nào sẽ được quả báo như thế ấy. Quý vị thấy đức Phật hiện thân thuyết pháp, dạy chúng ta muốn được tướng hảo thì phải khéo tu hành.

Tướng chuyển theo tâm; thân thể và thể chất cũng chuyển theo tâm. Sự chuyển biến này hết sức nhanh chóng. Ngay cả núi, sông, đại địa, hoàn cảnh cũng chuyển theo tâm, công phu ấy càng phải cao hơn nữa. Nếu chúng ta chia công phu thành ba bậc thì:

1) Thượng đẳng thì hoàn cảnh cư trụ, phong thủy đều chuyển theo.

2) Trung đẳng thì thể chất chuyển biến.

3) Hạ đẳng là tướng mạo biến chuyển. Vì thế, chuyển tướng mạo là dễ dàng nhất. Hễ tướng mạo chuyển thì quý vị sẽ có tín tâm. Từ đây trở đi, quyết định chẳng khởi một ác niệm, quyết định chẳng khởi một tâm bất thiện, dần dần chuyển được thân thể, lại còn có thể chuyển được cảnh giới.

Đến lúc chuyển được cảnh giới thì ngay cả hoàn cảnh nhân sự (quan hệ xã hội, quan hệ giữa con người với nhau) cũng phải chuyển theo. Hoàn cảnh nhân sự là lúc kẻ ác trông thấy quý vị chẳng khởi ác niệm. Khoa học hiện đại đã giảng thông suốt điều này, người Hoa gọi điều này là “*khí phận*”, người ngoại quốc gọi là “*từ trường*”. Phật pháp gọi “*từ trường*” của quý vị là “*quang*”. Chúng ta thường thấy kinh nói “*Phật quang phổ chiếu*” (ánh sáng của Phật chiếu khắp); cái được Phật pháp gọi là “*quang*” thì người Hoa gọi là “*khí phận*”. Khí phận của quý vị hết sức từ bi, hiền lành, kẻ ác bước vào khí phận của quý vị sẽ bị cảm

⁴⁶ Theo từ điển Bách Độ, “tử kim” là một loại hợp kim của vàng, đồng, sắt và kền, có màu sắc vàng hơi ánh màu tía, trông rất chói lọi, nên gọi là Tử Kim. Đây là một loại hợp kim tự nhiên, và là sản phẩm chủ yếu của Nga và Thổ Nhĩ Kỳ. Trong các thành phần của Tử Kim, lượng vàng chiếm từ 58.5% hoặc cao hơn nên Tử Kim rất quý.

động, ác niệm tạm thời không sanh, bị quang minh (tức khí phận) của quý vị nhiếp trì, chẳng thể khởi ác niệm. Lúc rời khỏi nơi ấy, rất có thể ác niệm sẽ lại khởi lên; hễ còn thuộc vòng kiểm soát của khí phận thì ác niệm chẳng thể sanh khởi. Đây là thường thức, là thật, chứ không phải giả.

Do vậy, chúng ta thực sự hiểu rõ, mong mỗi cảnh giới của chính mình được nâng cao không ngừng thì phải dốc sức nơi tâm hạnh, đó mới là công phu thực sự. Quý vị đổ công nơi kinh giáo, văn tự, nếu chẳng thực hiện được [những điều ấy] thì cũng vô ích, chẳng chuyển được cảnh giới. Xưa kia, thầy Lý thường bảo: “Sanh tử như thế nào thì vẫn là sanh tử đúng như thế ấy! Quý vị học kinh giáo, giảng kinh, thuyết pháp, thì nhiều nhất là vun vén thêm một chút phước đức, thuộc về phước đức chứ không phải là công đức”. Công đức giải quyết sanh tử, giải quyết được vấn đề. Công là gì? Thực hiện được thì mới gọi là công phu; không thực hiện được thì chẳng thể gọi là công phu; không có công phu thực sự thì chỉ là tu một chút phước. Phước báo ấy được gọi là “phước báo hữu lậu” trong tam giới. Vì sao là hữu lậu? Vì phiền não tập khí chẳng đoạn, nên là hữu lậu. Quý vị tu phước, chưa đoạn tập khí phiền não thì gọi là “*phước báo hữu lậu*”. Câu kế tiếp là:

Giác đạo Tuyết Sơn phong.

覺道雪山峰。

(Giác đạo trên đỉnh núi Tuyết).

Đây là nói Thích Ca Mâu Ni Phật tu hành. Câu thứ nhất nói về quả, tức quả báo, có quả ắt phải có nhân. Nhân là gì? Nhân là tu hành. Tuyết Sơn là núi Hỷ Mã Lạp Nhã (Himalaya), đây là tỷ dụ. “*Giác đạo*” giống như chót đỉnh Tuyết Sơn. Câu này nói lên sự tu hành chứng quả của lão nhân gia, chứng được Phật quả viên mãn rốt ráo, dùng Tuyết Sơn làm tỷ dụ; Tuyết Sơn là rừng núi cao nhất, Thích Ca Mâu Ni Phật tu hành thành tựu [đạt quả vị cao nhất, giống như đỉnh Tuyết Sơn cao nhất trên địa cầu]. Câu kế tiếp là:

Mi tể ngọc hào quang xán lạn,

Chiếu khai lục đạo hôn mê.

眉際玉毫光燦爛。

照開六道昏蒙。

(Ngọc hào quang rạng rỡ giữa mây,
Chiếu sáng rực sáu đường tăm tối).

Tự mình đã thành tựu thì phải giúp đỡ chúng sanh. Phần trên là tự mình tu hành chứng quả, tự mình chứng quả rồi thì phải giáo hóa chúng sanh. “*Mi tế ngọc hào*” (tượng Bạch Hào đẹp như ngọc giữa hai mây) là một trong ba mươi hai tướng. Chúng ta thường thấy trong kinh nói đức Phật phóng bạch hào quang (quang minh phát xuất từ tướng lông trắng giữa hai mây), trong hào quang có hóa Phật, có hóa Bồ Tát. “*Quang trung hóa Phật vô số ức, hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên*”, hai câu kệ trong bài Tán Phật như chúng ta thường đọc chính là [nói đến chuyện] bạch hào phóng quang. “*Mi tế ngọc hào*” thường được gọi là Bạch Hào, bạch hào phóng quang.

Câu “*chiếu khai lục đạo hôn mê*” cho thấy vì chúng sanh trong lục đạo có cảm, chư Phật Như Lai bèn có ứng, tức là ứng hóa trong sáu đường, giáo hóa hết thấy chúng sanh. Ứng hóa về mặt Lý hết sức sâu, chúng ta không có cách nào hiểu được; ứng hóa về mặt Sự hết sức huyền diệu, chẳng thể nghĩ bàn! Nên dùng thân nào để độ, bèn hiện thân ấy, bản thân đức Phật tuyệt đối chẳng khởi tâm động niệm “nay ta phải nên hiện thân hình nào”, không hề [nghĩ như thế]! Nếu đức Phật khởi tâm động niệm, chẳng phải là đã biến thành phàm phu ư? Phàm phu mới khởi tâm động niệm. Nay chúng ta tham dự bất cứ tiệc tùng nào, trước hết phải khởi tâm động niệm: “Bữa nay mình phải ăn diện như thế nào? Mặc quần áo gì?” Phàm phu khởi tâm động niệm, Phật, Bồ Tát thì không; ngay cả A La Hán ứng hóa trong thế gian đều chẳng khởi tâm, chẳng động niệm.

Không khởi tâm, không động niệm có được chăng? Được chứ! Nay chúng ta thấy rất rõ ràng! Quý vị thấy nước kết tinh đó, nước có khởi tâm động niệm hay chẳng? Không có, cứ tự nhiên mà ứng. Chúng ta là chúng sanh, chúng ta tạo sự Cảm cho nó bằng cách viết chữ dán trên bình pha lê, tức là dùng văn tự để cảm, hoặc là dùng âm nhạc, âm thanh để cảm, quý vị liền thấy nó đáp ứng. Chúng ta hữu ý, khởi tâm động niệm là hữu ý; nước lại không, nước phản ứng rất tự nhiên, đạo lý cảm ứng đạo giao đây! Bởi thế, chúng sanh trong sáu nẻo có cầu, đó là Cảm, Phật, Bồ Tát bèn có Ứng. Nguyên lý này chính là “*nhất thiết duy tâm tạo*” (hết thấy chỉ do tâm tạo). Nay chúng ta “*duy tâm tạo*”, chúng ta yêu cầu, cầu Phật, Bồ Tát thì Phật, Bồ Tát bèn có cảm ứng.

“*Nhất thiết duy tâm tạo*” nói theo ngôn ngữ thế gian là chân lý tối

cao. Rốt cuộc, chúng ta lãnh hội câu này được chừng nào? Đọc hiểu như thế nào? Rất khó! Chớ nên hiểu lầm! Hiểu lầm thì quý vị sẽ phạm sai lầm rất lớn. Trọn pháp giới, hư không giới, các nhà khoa học hiện tại nói tới vô hạn “những chiều không gian khác nhau”, chẳng lìa duy tâm, toàn là duy tâm sở hiện, duy thức sở biến. Nếu quý vị hỏi vì sao mình lại thành ra nông nổi này ư? Bây giờ phải làm thế nào ư? Nay chúng ta đang mê, chưa ngộ, mê vẫn là duy tâm, mà ngộ cũng là duy tâm; nhưng nay chúng ta còn mê chứ chưa ngộ. Mê chứ không ngộ thì phải chịu hết những nỗi khổ trong sáu nẻo. Nằm mộng là duy tâm. Có người ngày nào cũng mơ những giấc mộng đẹp, rất sung sướng; có người ngày ngày gặp ác mộng, đều là duy tâm. Quý vị phải biết: Chúng ta hiện đang ngày ngày gặp ác mộng, Phật, Bồ Tát ngày ngày gặp mộng đẹp. Làm thế nào để biến ác mộng thành mộng đẹp? Quý vị không cầu Phật, Bồ Tát giúp đỡ thì sẽ làm không được, quý vị không biết cách chuyển biến như thế nào. Vì thế, Phật, Bồ Tát giúp đỡ chúng ta rất lớn, ân đức là đây!

Chúng ta có cầu, tức là cảm; Phật, Bồ Tát bèn ứng. Thành tâm, thành ý cầu, cảm ứng rất linh, hễ thành kính bèn linh nghiệm. Do vậy, từng câu, từng chữ trong kinh Đại Thừa quyết chẳng được hiểu lầm. Hiểu sai, hiểu lầm, quý vị sẽ phải tiếp tục ở trong lục đạo tam đồ, không biết đến kiếp nào mới có thể quay đầu, mới có thể giác ngộ. Vì thế, phải dùng cái tâm chân thành và tâm cung kính để cầu pháp! Chúng ta phải thực sự hiểu được ý tứ giáo huấn của Phật, Bồ Tát, và thiện tri thức; nếu có ngờ vực thì phải hỏi. Trong lịch sử Phật Giáo Trung Quốc, ngài Triệu Châu đến tám mươi tuổi vẫn còn hành cước. Một cụ già tám mươi vẫn phải đi tham học bên ngoài là vì lẽ gì? Vì chưa đoạn nghi hoặc, phải thân cận thiện tri thức, đến các nơi thỉnh giáo, đoạn nghi sanh tín thì sau đây công phu mới đắc lực.

Người hiện tại vướng mắc ở chỗ nào? Có nghi hoặc nhưng không chịu hỏi, dường như hỏi thì rất mất mặt, rất áy náy. Đọc kinh, nghe kinh thường hiểu cong queo ý nghĩa. Đó không phải là hiểu học, không trống lòng (hư tâm). Có người dẫu vẫn thỉnh giáo, nhưng thỉnh giáo rất tùy tiện, thiện hữu khai thị cho mình, mình cũng chẳng thể hiểu được. Do đạo lý nào vậy? Ấn Quang đại sư nói rất rõ: Quý vị không hiểu “*một phần thành kính được một phần lợi ích, hai phần thành kính được hai phần lợi ích*”. Học sinh hướng về thầy thỉnh giáo, thầy trả lời có rất nhiều người nghe. Học sinh nêu lên nghi vấn, có thể nói là nghi vấn chung của mọi người, thầy trả lời có rất nhiều học trò nghe. Thầy trả lời rồi, có người khai ngộ, có người vẫn chẳng hiểu. Mỗi cá nhân nghe thầy

thuyết pháp, mỗi người ngộ khác nhau, quyết định chẳng có hai người giác ngộ giống nhau. Vì nguyên nhân gì vậy? Tâm thái của mỗi người đối với thầy khác nhau. Đây chính là như Ấn Quang đại sư đã giảng: Ai mười phần cung kính thì người ấy được lợi ích mười phần; ai một phần cung kính thì chỉ được một phần lợi ích, không giống nhau!

Trong lịch sử Trung Quốc có một tấm gương rất nổi danh là Liên Trì đại sư. Lúc còn trẻ, Liên Trì đại sư hiếu học. Lúc ấy, có một vị thiện tri thức là pháp sư Biền Dung, trong Cao Tăng Truyện cũng chép truyện vị này. Liên Trì đại sư hết sức ngưỡng mộ, đến thân cận pháp sư Biền Dung. Đi đến dưới ngọn núi của ngài Biền Dung bèn bắt đầu tam bộ nhất bái (cứ đi ba bước là một lạy), Ngài không đi thẳng lên núi gặp pháp sư Biền Dung mà là vừa đi vừa lạy. Cứ ba bước một lạy, lạy mãi cho đến đại điện gặp pháp sư Biền Dung. Lúc đó, chúng tại gia và xuất gia rất đông đều ở cạnh pháp sư Biền Dung. Trông thấy ngài Liên Trì cung kính dường ấy, lạy dưới tòa lão hòa thượng, cầu lão hòa thượng khai thị. Lão hòa thượng nói sao?

Pháp sư Biền Dung chỉ nói một câu: “*Người chớ để danh văn lợi dưỡng làm hại!*” Người xung quanh nghe vậy đều cười, cười chuyện gì? Cười con người kiên thành lạy từng bước đến đây, lão hòa thượng chẳng có diệu pháp gì để ban cho; đây là câu nói tầm thường nghe đã nhảm tai! Câu nói thông thường quá, mọi người nghe như gió thoảng qua tai. Thành tựu cả đời của Liên Trì đại sư, trở thành một vị tổ sư nổi tiếng của Tịnh tông, theo chính Ngài nói ra là nhờ một câu cảnh tỉnh ấy của pháp sư Biền Dung. Đây chính là như Ấn Quang đại sư đã nói: “*Mười phần thành kính*” cho nên đối với tổ Liên Trì mà nói thì Ngài được mười phần lợi ích nơi câu nói ấy. Những kẻ ở quanh lão hòa thượng thường nghe, nghe riết như gió thoảng qua tai, họ chẳng có tâm cung kính, nên chẳng đạt được lợi ích.

Lão hòa thượng không có gì bí mật để truyền cho Ngài, chỉ nói giữa đám đông hiện diện, vì sao Ngài được lợi ích, người khác không được lợi ích? Ở đây quý vị có thể hiểu: Đúng là một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích. Ngày ngày ở cạnh lão hòa thượng, chẳng có tâm cung kính đối với lão hòa thượng, lợi ích gì cũng chẳng đạt được; một người từ phương xa tới, do mười phần thành kính nên được mười phần lợi ích. Phải khéo suy gẫm chuyện này, rồi hãy hồi quang phản chiếu: Bản thân ta học Phật vì sao không được lợi ích? Tôi lại thừa cùng quý vị: Học trò của Chương Gia đại sư rất đông, học trò của tiên sinh Phương Đông Mỹ cũng đông,

học trò của lão cư sĩ Lý Bình Nam càng khởi cần phải nói nữa; trong cả đồng học trò như thế, có mấy người được thành tựu? Vì nguyên nhân nào? Vì tâm thái đối với thầy không giống nhau.

Cổ nhân nói “*tôn sư trọng đạo*”. Tôn sư trọng đạo chẳng phải là trên hình thức mà là tâm hạnh. Quý vị nghe lời thầy dạy dỗ, thực sự thực hiện thì sẽ được lợi ích; nghe lời thầy giáo huấn nhưng không thể áp dụng vào cuộc sống thường nhật của chính mình thì vô ích, lợi ích gì cũng không đạt được! Quý vị thực hiện một phần sẽ được một phần lợi ích, thực hiện hai phần sẽ được hai phần lợi ích, thực hiện mười phần sẽ được lợi ích viên mãn, không có gì khác cả! Do vậy, thành Phật rồi phải ứng theo lòng cảm của chúng sanh, giáo hóa hết thầy chúng sanh khổ nạn. “*Lục đạo hôn mê*” (sáu nẻo tối tăm) không có trí huệ, mê hoặc, điên đảo; đúng là lục đạo chúng sanh mê chứ không giác, tà chứ không chánh, nhiễm chứ không tịnh.

Long Hoa tam hội nguyện tương phùng.

龍華三會願相逢。

(Nguyện gặp gỡ trọn ba hội Long Hoa).

Những câu trên nói về Phật Thích Ca, từ ngữ “*Long Hoa tam hội*” ở đây nói đến Phật Di Lặc. Quý vị thường niệm Vô Lượng Thọ kinh, nhất định quý vị phải hiểu rằng: Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ rồi, sứ mạng hoằng pháp lợi sanh trong tương lai được phó thác cho Di Lặc Bồ Tát. Trong tương lai, Di Lặc Bồ Tát phải từ trời Đâu Suất giáng hạ nhân gian, thị hiện thành Phật. “*Long Hoa tam hội*” chính là đại hội hoằng pháp của Di Lặc Phật. Phàm những ai tu tập, tích lũy thiện căn trong thời Chánh Pháp, Tượng Pháp, Mạt Pháp, tức pháp vận một vạn hai ngàn năm của Thích Ca Mâu Ni Phật, nhưng chưa thành tựu trong pháp vận của đức Thế Tôn, thì trong tương lai, lúc Di Lặc Bồ Tát thành Phật, những người ấy sẽ đều thành tựu. Nói cách khác, nhân được trồng trong hội của Thích Ca Mâu Ni Phật, quả hiện tiền trong Long Hoa tam hội. Do vậy, rất nhiều người nghe kinh dạy như thế, ai nấy đều cầu sanh vào Tịnh Độ của Phật Di Lặc, hy vọng tương lai được chứng quả nơi pháp hội của Di Lặc Bồ Tát, chứng quả A La Hán, chứng quả Bích Chi Phật, chứng quả Bồ Tát. Điều này tuyệt lắm, nhưng rất khó đạt được!

Diễn thuyết pháp chân tông.

演說法真宗。

(Diễn nói pháp chân tông).

“*Pháp chân tông*” ở đây là gì? “*Chân tông*” là niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nói cách khác, trong tương lai, Di Lặc Phật xuất thế sẽ thành tựu những người tu nhân gieo thiện căn nơi Thích Ca Mâu Ni Phật như thế nào, dùng phương pháp gì để thành tựu họ? Vẫn cứ là giảng pháp môn Tịnh Độ y như cũ, vẫn cứ giảng kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ, kinh Phật Thuyết A Di Đà y như cũ, dạy mọi người niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thành tựu họ như vậy đó. Khi chúng tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ đã nói về “*pháp chân tông*” rất nhiều. Di Lặc Bồ Tát tương lai thành Phật sẽ giảng kinh gì? Sẽ giảng pháp môn nào? Vẫn chủ yếu là giảng ba kinh Tịnh Độ.

Do đây biết rằng: Niệm Phật cầu vãng sanh như thế, tức là đến thời Di Lặc Phật mới vãng sanh thì gần như là năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm. Chúng ta đợi đến năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm rồi mới niệm Phật vãng sanh, chẳng bằng hiện tại vãng sanh ư? Trong hội Di Lặc sẽ thành tựu như thế nào? Vẫn là niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới y như cũ. [Hãy so sánh giữa] hiện tại niệm Phật vãng sanh và đến hội Di Lặc mới niệm Phật vãng sanh, quý vị vãng sanh trong hiện tại trở thành đàn anh, vượt lên trước quá nhiều, những người kia rớt lại đằng sau. Rớt lại đằng sau cũng khá rồi! Chỉ cần vãng sanh là khá rồi. Những ý nghĩa được bao hàm trong bài tán tụng này rất sâu, rất rộng, tùy thuộc quý vị lãnh ngộ như thế nào! Quý vị phải thực sự ngộ, trong hiện tại hãy nỗ lực, gấp rút vãng sanh thế giới Cực Lạc.

Pháp sự này dành cho những vong nhân (người đã khuất) nghiệp chướng sâu nặng, trong một đời này còn chưa thể quay đầu, vẫn chưa giác ngộ, phó chúc họ rốt cuộc được thành tựu nơi đức Phật kế tiếp. Vì thế, câu nào, chữ nào cũng đều mang ý nghĩa kép. Chúng ta phải đại triệt đại ngộ! Đại triệt đại ngộ ở đây không phải là minh tâm kiến tánh mà là trong một đời nhất định phải vãng sanh, chớ nên bỏ lỡ cơ hội này! Nếu bỏ lỡ thì phải đợi đến khi gặp Di Lặc Bồ Tát trong tương lai, cũng có nghĩa là phải đợi năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau, thời gian ấy thật là dài quá! Trong thời gian dài như thế, thầy Lý thường nói: Quý vị khó tránh khỏi lưu chuyển trong lục đạo, trong lục đạo (đặc biệt là tam đồ) phải chịu khổ nạn. Sau phần tán tụng lại có một phen khai thị, chúng ta hãy xem một đoạn khai thị:

15. Khai thị

Nhân nhân phần thượng, bốn hữu Di Đà, cá cá tâm trung, tổng vi Tịnh Độ. Liễu tắc đầu đầu kiến Phật, ngộ lai bộ bộ Tây Phương.

人人分上。本有彌陀。箇箇心中。總為淨土。了則頭頭見佛。悟來步步西方。

(Bản thân ai nấy vốn sẵn Di Đà, trong tâm mỗi người đều là Tịnh Độ. Hiểu thì thời thời thấy Phật, ngộ thì bước bước Tây Phương).

Trong đoạn này, “liễu” (了) là hiểu rõ. Thiền sư Trung Phong dạy chúng ta: “*Nhân nhân phần thượng, bốn hữu Di Đà*” (bản thân ai nấy vốn sẵn Di Đà), tức là nơi bản thân mỗi người pháp đã vốn sẵn là như thế. Đây là điều hết sức tự nhiên, xét trên căn bản của mỗi người, Di Đà chính là tự tâm, ở phần trên đã giảng rồi: Di Đà là tâm ta, tâm ta chính là Di Đà. Tự tâm và tự tánh được chúng tôi nói đến ở đây rất dễ bị hiểu lầm, do cứ tưởng tự tâm là cái tâm suốt ngày từ sáng đến tối suy nghĩ lung tung của chúng ta. Không sai! Cái tâm suy nghĩ lung tung ấy chính là Di Đà, nhưng là Di Đà đã bị điên đảo, đã bị mê rồi, đã không còn biết chính mình, đã bị luân hồi trong lục đạo. Giác là Di Đà, mê là phàm phu.

“*Cá cá tâm trung, tổng vi Tịnh Độ*” (Trong tâm mỗi người đều là Tịnh Độ): Hễ giác thì Tịnh Độ hiện tiền, hễ mê thì uế độ hiện tiền. Cõi nước không có uế hay tịnh, trong tánh chẳng có phàm hay thánh, chẳng có chúng sanh, chẳng có Phật. Chúng sanh hay Phật, tịnh hay uế chỉ do Thức biến, chỉ là hết thấy pháp từ tâm tưởng mà sanh. Tâm thanh tịnh, Tịnh Độ hiện tiền; tâm chẳng thanh tịnh, uế độ hiện tiền. Tâm giác ngộ, phàm phu thành Phật; tâm mê hoặc, vĩnh viễn làm phàm phu. Đây chính là ý nghĩa của hai câu trên đây!

“*Liễu tắc đầu đầu kiến Phật*” (hiểu thì thời thời thấy Phật); “*liễu*” là giác ngộ, là hiểu rõ. Giác ngộ rồi, “*bộ bộ Tây Phương*” (mỗi bước là Tây Phương) Câu đầu (tức câu “*liễu tắc đầu đầu kiến Phật*”) là chuyển phàm thành thánh, quý vị thấy Phật tức là thành Phật. Quý vị không thành Phật làm sao thấy được Phật? Quý vị thấy Bồ Tát thì chính là thành Bồ Tát. Thiện Tài đồng tử tham học năm mươi ba lần là một thí dụ hay nhất. Ngài tự chứng được Sơ Trụ, bèn thấy Sơ Trụ Bồ Tát – tỳ-kheo Cát Tường Vân là Sơ Trụ Bồ Tát. Ngài chứng được Nhị Trụ bèn gặp tỳ-kheo Hải Vân, ngài Hải Vân là bậc Nhị Trụ. Bản thân quý vị tự chứng được Đăng Giác mới thấy được Đăng Giác Bồ Tát. Thế nhưng Tây

Phương thế giới khác biệt ở chỗ nào? Quý vị chưa chứng đắc, nhưng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng có thể thấy được những vị Bồ Tát ấy thật chẳng thể nghĩ bàn, là pháp khó tin, thực sự là pháp môn đặc biệt!

Người tin có phước, người không tin chẳng có phước báo; nếu họ cật lực tu, tu cần mẫn trong vô lượng kiếp, tu đến khi minh tâm kiến tánh, sanh vào thế giới Hoa Tạng, lại gặp Văn Thù, Phổ Hiền dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Người chịu tin sẽ thành tựu rất nhanh, không chịu tin phải tiến chậm chậm. Tiến đến bao giờ mới tin được? Đẳng Địa (từ Sơ Địa trở lên) mới tin được. Kinh Hoa Nghiêm dạy: *“Thập Địa Bồ Tát thí chung bất ly niệm Phật”* (Thập Địa Bồ Tát từ đầu đến cuối chẳng rời niệm Phật). Câu này là khẳng định: Đến khi nào mới không hoài nghi, hoàn toàn tin tưởng? Đến bậc Thập Địa. Địa vị đầu tiên trong Thập Địa là Sơ Địa, bắt đầu, mở đầu là Sơ Địa, cuối cùng là Đẳng Giác. Mười một địa vị này từ đầu đến cuối không rời niệm Phật, đối với lời khuyên bảo của Văn Thù, Phổ Hiền không hoài nghi mấy may.

Điều này cho thấy trong thế giới Hoa Tạng, Bồ Tát thuộc địa vị Tam Hiền vẫn chưa nhất định thực sự tin tưởng, phải là “đẳng địa” (từ Sơ Địa trở lên) mới tin tưởng. Vì sao? Trí huệ đã khai, là bậc đại trí huệ, không phải là tiểu trí huệ. Đẳng Địa là Ma Ha Tát, không phải là Bồ Tát tầm thường. Ma Ha Tát không có vấn đề, vừa nghe nói các Ngài bèn hoàn toàn tin tưởng, bèn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu nay chúng ta ở trong thế giới này, ai nghe nói đến pháp môn này mà không hoài nghi chút nào, hoàn toàn chịu tu tập, thì nói cách khác, người ấy không khác gì bậc Bồ Tát từ Sơ Địa trở lên, người ấy thành tựu chẳng thể nghĩ bàn!

Nói thật ra, người thế gian bị thua thiệt chỗ nào? Tự cậy mình thông minh, không chất phác. Tự cho mình thông minh, không biết bao nhiêu lần bỏ lỡ cơ duyên tốt đẹp, không chịu trống lòng, không chịu buông cái thân mình xuống, đều là tôn sùng tham - sân - si - mạn, những thứ ấy hại mình thâm trọng. Đâm ra chẳng bằng những ông già bà cả trong làng quê, một chữ không biết, gặp được thiện tri thức dạy niệm A Di Đà Phật, họ bèn chết sạch lòng mong ngóng, khiêm hư sát đất, không do dự, không hoài nghi, rốt cuộc họ thành công. Chúng ta thấy bao nhiêu người đứng mất, ngồi mất, biết trước lúc mất, không sanh bệnh, tướng lành hy hữu. Kẻ tự cậy mình thông minh, chẳng thể sánh bằng những người ấy được, kém xa! Vì thế, *“đầu đầu kiến Phật”* (luôn luôn thấy Phật) là chuyển phàm thành thánh, *“bộ bộ Tây Phương”* (bước bước Tây

Phuong) là chuyên uế thành tịnh.

A! Nay đã đến giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta tiếp tục xem phần khai thị của thiền sư Trung Phong:

***Thượng lai khả kiến tam thời hệ niệm tịnh nghiệp đạo tràng,
kim đương đệ nhất thời Phật sự dĩ viên.***

上來啟建三時繫念淨業道場。今當第一時佛事已圓。

(Từ trước tới đây đã tạo lập đạo tràng tịnh nghiệp Tam Thời Hệ Niệm, nay nhằm lúc Phật sự thời thứ nhất đã viên mãn).

Tiếp theo phần Khai Thị, thiền sư Trung Phong bèn nói: Trên đây là thời thứ nhất trong việc thực hiện Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự, thời thứ nhất đến chỗ này đã viên mãn.

Như thượng thù huân.

如上殊勳。

(Công huân thù thắng như trên).

Chữ “*như thượng*” chỉ những điều chúng ta đã thấy trong những phần trên: Lễ tán đúng là lễ kính, tán thán, tụng kinh, niệm chú, khai thị, sám hối, phát nguyện, xưng dương Phật Bảo. Những pháp sự này đều là vì siêu độ vong linh, đến đây là thời thứ nhất. “*Như thượng thù huân*”: Huân (勳) là công huân (meritorious deed, achievement), Thù (殊) là thù thắng, người đồng đường ấy cùng nhau thực hiện. Nhất là trong Tam Thời Hệ Niệm Phật Sự, trừ vị pháp sư xuất gia lãnh chúng ra, đại chúng tham dự rất đông, tứ chúng đồng tu đều tham gia, đúng là Vô Già pháp hội⁴⁷. Bao nhiêu người như thế vì vọng linh chúc phước, vì người đã khuất trợ niệm, đây là công đức thù thắng.

⁴⁷ Vô Già pháp hội (Pancavarsika Maha): Pháp hội thực hành tài thí và pháp thí bình đẳng, không phân biệt hiền thánh, tăng tục, sang hèn, trên dưới. “Vô Già” (còn đọc là Vô Giá) nghĩa là khoan dung, không ngăn ngại, thường được cử hành năm năm một lần. Phong tục này được bắt đầu từ thời vua A Dục (Asoka) ở Ấn Độ. Trong quá

Đầu nhập Di Đà đại nguyện hải trung.

投入彌陀大願海中。

(Gieo vào trong biển đại nguyện Di Đà).

Di Đà đại nguyện là bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng nhằm độ chúng sanh khổ nạn thuộc chín pháp giới khắp cùng pháp giới, hư không giới. [Đại nguyện của Phật] Di Đà được xưng là “*nguyện hải*”. Công đức của chúng ta đã tu tương ứng với Di Đà nguyện hải, đây chính là “*đầu nhập Di Đà đại nguyện hải trung*” (gieo vào trong biển đại nguyện Di Đà).

Chuyên vì vong linh cầu sanh Tịnh Độ.

專為亡靈求生淨土。

(Chuyên vì vong linh cầu sanh Tịnh Độ).

Hệ Niệm Pháp Sự này chẳng vì chuyện gì khác, mà “*chuyên vì*” giúp cho “*vong linh cầu sanh Tịnh Độ*”. “*Chuyên vì*” là một lẽ, những người được siêu độ kẻ rất nhiều, tức là những ai có duyên. Có duyên thì ngay khi ấy sẽ cùng nhau được siêu độ. Bởi thế, thông thường chúng ta hồi hướng, quán tưởng hết thấy chúng sanh trong chín pháp giới. Nếu là người tâm lượng lớn hơn nữa thì hồi hướng, quán tưởng hết thấy thần linh trọn khắp pháp giới, hư không giới. Chúng ta có thể quán tưởng như thế thì họ đều được lợi ích. Đây chính là điều đức Phật đã thường dạy trong giáo pháp Đại Thừa: “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (hết thấy pháp sanh từ tâm tướng), cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn! Tiếp đó, thiền sư lại vì chúng ta khai thị, lời khai thị này rất quan trọng, đều nhằm mục đích khơi gợi cho chúng ta:

Dẫn niệm tự tùng vô thủy, ngật chí kim sanh.

但念自從無始。迄至今生。

(Chỉ nghĩ kể từ vô thủy cho đến đời này).

Đúng là từ vô thủy kiếp mãi cho đến ngày nay.

Nhất niệm vi chân, lục căn trực vọng, tùy tình tạo nghiệp, tưng

khứ, vào thời Lương, nhằm tháng 10 năm 529 cũng cử hành Tứ Bộ Vô Già Đại Hội tại chùa Đồng Thái (theo Phật Quang tự điển).

ngã vi phi.

一念違真。六根逐妄。隨情造業。縱我為非。

(Một niệm trái nghịch chân, sáu căn đuổi theo vọng, theo tình tạo nghiệp, buông lung cái Ngã làm quấy).

Tiểu đoạn này hết sức cảm khái, thống thiết sám hối. Chúng ta từ vô thủy kiếp đến nay, mãi cho đến đời này, đến tận ngày hôm nay “*nhất niệm vi Chân*” (một niệm trái nghịch lẽ Chân), tức là khởi Hoặc. “*Nhất niệm*” là gì? Là khởi tâm động niệm. Nếu hiểu Chân Tâm, bốn tánh sẽ chẳng khởi tâm động niệm, vĩnh viễn là tướng tịch diệt, tướng thanh tịnh tịch diệt, sở chứng nơi quả địa Như Lai vốn tịch. Một niệm vọng động bèn thành vô minh, động một cái là phiền phức xảy ra liền!

“*Lục căn trục vọng*” (sáu căn đuổi theo vọng), sáu căn lập tức bị mê. Khi mê bèn khởi vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, Căn, Trần, Thức đều hư vọng không thật. Trong Bách Pháp Minh Môn Luận, chúng đều được gọi là “pháp hữu vi”. Tám thức, năm mươi một Tâm Sở [là pháp hữu vi]. Sáu căn và sáu trần thuộc về Sắc Pháp, tám thức, năm mươi một Tâm Sở thuộc về Tâm Pháp, lại còn có Bất Tương Ứng Hành Pháp⁴⁸, toàn bộ đều là hư vọng. Chúng ta mê mất chân tánh, “*vi Chân*” (trái nghịch Chân): “*Chân*” là chân tánh, tức là Tự Tánh. Sau khi mê thì niệm niệm đều chuyển trong hư vọng.

“*Tùy tình tạo nghiệp, túng Ngã vi phi*” (Mặc tình tạo nghiệp, buông lung cái Ngã làm quấy): “*Tình*” là gì? Tình chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tức tình thức! “*Túng Ngã vi phi*” (buông lung cái Ngã làm quấy): Ngã chính là cái thân này, thân miệng tạo nghiệp. Tình là mê tình, điều gì cũng cho mình là đúng. Trong những buổi giảng, chúng tôi thường nói là “tùy thuận phiền não, tập khí”; ở đây gọi là “*tùy tình tạo nghiệp*”, nghiệp được tạo ở đây là ý nghiệp, “*túng Ngã vi phi*” là khẩu nghiệp và thân nghiệp. Câu này là nói tổng quát, câu tiếp theo lại

⁴⁸ Bất Tương Ứng Hành Pháp gọi đủ là Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp. Chữ Tâm chỉ tám thức (tâm vương), Hành có nghĩa là dời chuyển hay tạo tác. Như vậy, Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp là các pháp dời chuyển, tạo tác nhưng chẳng tương ứng với Tâm. Nói cách khác, những pháp này là khái niệm trừu tượng, không thể xếp vào Sắc Pháp mà cũng chẳng thể xếp vào Tâm Pháp. Tâm Bất Tương Ứng Hành Pháp gồm 24 món: Đắc, Mạng Căn, Chúng Đồng Phận, Dị Sanh Tánh, Vô Tướng Định, Diệt Tận Định, Vô Tướng Dị Thục, Danh Thân, Cú Thân, Văn Thân, Sanh, Lão, Trụ, Vô Thường, Lưu Chuyển, Định Dị, Tương Ứng, Thế Tộc, Thứ Đệ, Thời, Lực, Sở, Hòa Hợp Tánh và Bất Hòa Hợp Tánh.

nói riêng [từng nghiệp].

Thân nghiệp tắc sát, đạo, tà dâm.

身業則殺盜邪淫。

(Thân nghiệp thì giết, trộm, tà dâm).

Đây là ba nghiệp nơi thân. Mê mất Tự Tánh, tự nhiên sẽ tạo ác nghiệp. Phạm vi bao hàm của Sát rất rộng. Hễ tổn người lợi mình đều thuộc về Giết và Trộm. Hai người là thuộc về Sát, đoạt lấy danh lợi của người khác là Trộm. Thân tạo nghiệp giết, trộm, dâm.

Khẩu quá tắc vọng ngôn.

口過則妄言。

(Lỗi nơi miệng là nói dối).

Vọng ngữ là cố ý lừa dối người khác.

Ỗ ngữ.

綺語。

(Nói thêu dệt).

Hoa ngôn xảo ngữ dụ dỗ mê hoặc người khác. Hiện thời Ỗ Ngữ là chuyện rõ ràng nhất, người thế gian gọi Ỗ Ngữ là gì? Là Văn Nghệ. Hiện tại biểu diễn văn nghệ, ca múa, hí kịch, âm nhạc, mỹ thuật, nay lại còn có điện ảnh, truyền hình, quý vị thấy nội dung của chúng là gì? Là Ỗ Ngữ! Dụ dỗ mê hoặc con người, dụ dỗ mê hoặc quý vị làm gì? Dụ dỗ mê hoặc con người làm chuyện “giết, trộm, dâm, dối”. Sức dụ hoặc bên ngoài hết sức mạnh mẽ, dùng truyền hình, dùng Internet đưa đến tận nhà, quý vị bị những thứ này nhiễm ô.

Lưỡng thiệt, ác khẩu.

兩舌。惡口。

(Nói đôi chiều, nói thô ác).

“Lưỡng thiệt” là khuấy động thị phi, dù hữu ý hay vô ý cũng đều là thích phê bình người khác, hủy báng người khác, tán dương bản thân, trong giới luật Đại Thừa gọi là [tội] “tự tán, hủy tha” (khen mình, chê

người). Câu này nói về lương thiện, ác khẩu, tức miệng tạo nghiệp. Ý là ý niệm.

Ý ác tắc thường khởi tham - sân, thâm sanh si ái.

意惡則常起貪瞋。深生痴愛。

(Ý ác thì thường nổi tham - sân, sanh lòng yêu mến si mê sâu xa).

Tham - sân - si: Mười ác nghiệp này (tức ba nghiệp nơi thân, bốn nghiệp nơi miệng và ba nghiệp nơi ý) ai có thể tránh được? Trong một ngày, ai có thể không tạo mười ác nghiệp? Đừng nói chi nhiều, một ngày thôi, ngày hôm nay từ sáng dậy đến tối đi ngủ, trong một ngày, vẫn chưa đủ hai mươi bốn tiếng đồng hồ, trừ lúc quý vị ngủ ra không tính. Tính từ buổi sáng sáu giờ thức dậy cho đến buổi tối quý vị đi ngủ, đến mười hai giờ đêm bèn đi ngủ, trong mười mấy tiếng đồng hồ ấy, quý vị có thể không tạo mười ác nghiệp hay không? Một ngày không tạo mười ác nghiệp, công đức rất lớn. Nếu quý vị có thể trong cả một đời không tạo mười ác nghiệp thì quý vị là Bồ Tát, chẳng phải là phàm nhân, phàm nhân không thể làm được như thế.

Ngày nay chúng ta học Phật, học Phật là học điều gì? Học chuyển phàm thành thánh, phải bắt đầu chuyển từ đâu? Không tạo mười ác nghiệp. Giảng kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, chúng tôi đã giảng mười ác nghiệp rất tường tận. Kinh Vô Lượng Thọ cũng giảng rất tường tận. Với mười giới của Sa Di Luật Nghi, quý vị hãy chú tâm xem xét, nghiêm túc nỗ lực học tập, phải khắc phục những ý niệm bất thiện và hành vi bất thiện của chính mình thì trong một đời này quý vị mới có lối ra; cầu sanh Tịnh Độ mới thực sự có thể làm được. Nếu như mười ác không đoạn thì những thứ ấy sẽ là phiền lụy của quý vị, những phiền lụy ấy khiến cho quý vị chẳng thể vãng sanh. Quý vị niệm Phật cũng không vãng sanh được, vì sao? Những thứ phiền lụy ấy giống như dây trói, buộc chặt quý vị trong lục đạo, không ra được, quý vị phải cắt đứt những thứ ấy. Quá khứ vô tri, ngày ngày tạo nghiệp; nay đã giác ngộ, quyết định chẳng bại, thà bỏ thân mạng cũng chớ nên làm mười điều ác.

Nói thật ra, không đếm xia tới thân mạng nữa. Ta bỏ thân mạng, không tạo mười ác nghiệp, đời sau mình sanh lên cao; dầu không niệm Phật, không cầu sanh Tịnh Độ thì quý vị cũng được sanh vào Thiên Đạo. Nếu quý vị tham sống sợ chết, vẫn cứ tạo mười ác nghiệp y như cũ, đời sau sanh vào ba ác đạo: Tâm tham biến thành nạ quỷ, sân khuể đọa địa ngục, ngu si biến thành súc sanh. Quý vị phải thọ sanh nơi đâu? Thọ

sinh trong ba đường ác. Vì thế, đối với chuyện này, mỗi tối trước khi đi ngủ phải tự hỏi lòng mình sẽ biết ngay tương lai mình sinh trong đường nào, không cần hỏi ai khác. Người khác nói gì đi nữa cũng không thể tin tưởng được, tự mình hỏi chính mình là đáng tin cậy nhất! Mỗi ý niệm trong tâm đều là A Di Đà Phật, không có tham - sân - si, không có thị - phi, nhân - ngã. Tôi nói là “không tự tư, tự lợi, không tham - sân - si - mạn”, người như vậy là người thuộc thế giới Cực Lạc, không còn là người trong thế giới Sa Bà nữa, niệm niệm chỉ có A Di Đà Phật. Bởi thế, những thứ đó (tức mười ác nghiệp) phiền toái rất lớn.

Do tư tam nghiệp.

由茲三業。

(Do ba nghiệp này).

Ba nghiệp này hễ một nghiệp khởi thì cả ba nghiệp đều khởi, không phải chỉ một nghiệp đơn độc khởi.

Câu tỏa vọng duyên.

鉤鎖妄緣。

(Vọng duyên lôi trói).

“Vọng duyên” là cảnh giới bên ngoài. Trong tâm khởi phiền não cùng ác duyên bên ngoài tập hợp, đây là tạo nghiệp. Tạo nghiệp phải thọ báo.

Thường cốt cốt u trần lao.

常汨汨於塵勞。

(thường chìm lỉm trong trần lao)

“Trần lao” là lục đạo, nếu nói khó nghe hơn thì là tam đồ. “Cốt cốt” là trầm luân, thường chìm đắm trong tam đồ. “Trần” là nhiễm ô, nhiễm ô nghiêm trọng. “Lao” là nhọc nhằn, phiền lụy, khổ sở.

Đản mang mang u tuế nguyệt.

但茫茫於歲月。

(Chỉ mờ mịt cùng năm tháng).

“*Mang mang*” là không bờ bến, chúng ta thường nói là đời này đời sau chịu khổ bao kiếp. Quả thật, tam ác đạo, đức Phật đã nói rất nhiều lần, quý vị bước vào thì dễ, thoát ra rất khó! Nếu đọa địa ngục thì [thời gian] từ địa ngục thoát ra phải được tính bằng kiếp, nga quý đạo cũng rất nghiêm trọng. Súc sanh đạo ngu si, quý vị đừng vì thọ mạng của súc sanh tợ hồ không dài [mà cho là không nghiêm trọng], chúng cố chấp, rất ngu si, đọa vào súc sanh đạo bèn chấp thân ấy là thân của chính mình; từ đây trở đi, chúng không ý niệm đổi lấy thân khác.

Từ kinh điển chúng tôi đọc thấy Thích Ca Mâu Ni Phật tại Kỳ Thụ Cấp Cô Độc Viên trông thấy một tổ kiến, đức Phật nhìn rồi mỉm cười, những đại đệ tử chung quanh Phật thấy Ngài nhìn tổ kiến mỉm cười bèn hỏi Thích Ca Mâu Ni Phật vì sao lại cười lũ kiến? Phật dạy:

- Các ông có biết chăng? Lũ kiến trong tổ này, bảy đức Phật đã nhập diệt rồi mà chúng vẫn còn làm kiến.

Nào phải là lũ kiến có thọ mạng dài lâu như thế đâu! Chúng ta giả thiết cứ mỗi một đức Phật là ba đại A Tăng Kỳ kiếp thì bảy vị Phật là hai mươi một đại A Tăng Kỳ kiếp, lũ kiến ấy vẫn làm kiến. Nguyên do vì đâu? Chết đi, vẫn cứ đầu thai làm kiến như cũ. Đời đời kiếp kiếp không đổi thân kiến. Bảy đức Phật đã nhập diệt rồi, đức Phật cười lũ kiến ngu si! Đó là nói về súc sanh đạo, đọa súc sanh đạo cũng dễ lắm, thế nhưng muốn giác ngộ trong đường súc sanh nào phải là chuyện dễ! “*Mang mang ư tuế nguyệt*” (mịt mờ cùng năm tháng).

Dục tư xuất ly, duy bằng sám hối huân tu chi lực.

欲思出離。唯憑懺悔熏修之力。

(Nghĩ muốn thoát lìa, chỉ có cách nhờ vào sức huân tu sám hối)

Muốn thoát ly ba ác đạo thì phải “*sám hối huân tu*”. Thế nhưng không dễ gì sám hối là vì chấp trước, vô cùng chấp trước, lúc đọa ba ác đạo là lúc tham - sân - si - mạn nghiêm trọng nhất. Người khác bảo cho nghe chuyện gì tốt, vẫn cứ hoài nghi, không tin tưởng: Ông nói vậy là có ý gì? Có phải ông tính lừa tôi hay chăng? Đa nghi, hay nghi, khiến cho thiện căn, phước đức, nhân duyên của chính mình đều bị chướng ngại. Nay nhiều thiện tri thức như vậy cùng ở một chỗ tu pháp sư Tam Thời Hệ Niệm, giúp đỡ chúng sanh khổ nạn. Mỗi một thời đều sám hối, hy vọng những vong linh đều có thể tùy hỷ; họ trông thấy, nghe thấy đều giác ngộ, cùng mọi người tu pháp sám hối. Huân tu: Chúng tôi thường nói là “trường thời huân tu”. Cách thức như thế này:

Tỷ nhân, nhĩ, tỵ, thiết, thân, ý chỉ quá khiên, ứng niệm đốn tiêu.
俾眼耳鼻舌身意之過愆。應念頓消。

(Mong những tội lỗi nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, ngay lập tức nhanh chóng tiêu tan).

Tiêu nghiệp chương chỉ có phương pháp này: Khiến cho quý vị đối với những lỗi lầm nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, thực sự sám hối những tội lỗi ấy (phần trên gọi là “tùy tình tạo nghiệp”), thực sự được Phật pháp huân tu. Đại chúng cùng hợp sức lại, thiện tâm, thiện nguyện gia trì, hy vọng những lầm lỗi nơi sáu căn của các vị, tức những lầm lỗi nơi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý “ứng niệm đốn tiêu” (ngay lập tức tiêu tan nhanh chóng). Ngay lập tức tiêu tan nhanh chóng là thật, chỉ sợ điều gì? Chỉ sợ người ấy không ứng, chẳng hoàn toàn tương ứng với pháp sự này. Nếu tương ứng thì sẽ tiêu trừ rất nhanh chóng, tội chương liền tiêu.

Sử sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp chỉ phù trần, tức thời thanh tịnh.

使色聲香味觸法之浮塵。即時清淨。

(Khiến cho phù trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp ngay lập tức thanh tịnh).

Đây là nói về quả báo. “Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp” là sáu trần, chín pháp giới khác nhau. “Phù trần” sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp của nhân gian khác với ngạ quỷ đạo. Sáu trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp của ngạ quỷ đạo lại khác với địa ngục đạo, do cảm quả báo mà! Giống như trong thế giới hiện hữu của chúng ta đây, sáu trần sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp khác với sáu trần trong thế giới Cực Lạc. Vì sao khác nhau? Do nghiệp khác nhau. Do vậy nói: Sáu căn tạo nghiệp có nặng hay nhẹ sai khác. Tạo nghiệp nhẹ thì cảnh giới sáu trần tốt hơn một chút; tạo nghiệp nặng thì cảnh giới tệ hơn. Chúng ta thường gọi [cảnh giới] là hoàn cảnh sống, tạo thiện nghiệp nhiều, ác nghiệp ít thì hoàn cảnh sống tốt đẹp; tạo ác nghiệp nhiều thiện nghiệp ít thì hoàn cảnh sống không tốt, tai nạn lại nhiều.

Hiện tại trong thế gian này, vì sao tai nạn lại nhiều đến thế? Chúng ta hiểu rất rõ ràng, minh bạch: Do cộng nghiệp chiêu cảm. Người sống trên quả địa cầu này, người tạo nghiệp bất thiện rất nhiều, người tạo thiện nghiệp quá ít. Bởi thế, tần số thiên tai nhân họa không ngừng tăng thêm, tai nạn ngày càng nghiêm trọng hơn. Quý vị hiểu rõ sự lý nhân

quả này thì tự nhiên sẽ thấu hiểu: Chúng ta phải tự cứu, phải giúp đỡ người khác. Làm cách nào đây? Phải bắt đầu từ chính bản thân mình, đoạn ác, tu thiện, sửa lỗi, đổi mới, hy vọng tội chướng của chính mình tiêu trừ, hy vọng hoàn cảnh của chúng ta sẽ chuyển biến thanh tịnh hơn. Tiếp đó, kinh văn dạy chúng ta phát nguyện:

Hựu Cực Lạc cầu sanh.

又極樂求生。

(Lại cầu sanh Cực Lạc).

Nay chúng ta phải nghĩ cầu sanh về thế giới Cực Lạc.

Toàn bằng phát nguyện.

全憑發願。

(Hoàn toàn nhờ vào phát nguyện).

Câu nói này không khác gì lời Ngẫu Ích đại sư nói cả. Ngẫu Ích đại sư nói: “*Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới được hay chăng, quyết định ở chỗ có tín nguyện hay không?*” Chúng ta tin chân thành, nguyện thiết tha thì được vãng sanh; phẩm vị cao hay thấp là do công phu niệm Phật sâu hay cạn. Cầu sanh “*toàn bằng phát nguyện*” (hoàn toàn nhờ vào phát nguyện), nguyện chân thật, tin thiết tha. Chúng ta phải thật lòng, tin thực sự, nguyện thiết tha niệm bài kệ phát nguyện này thì mới có thể cảm động quỷ thần. Cảm động được quỷ thần bèn có lợi ích. Bản thân chúng ta tín nguyện không thật, không thiết tha, quý vị dùng ý niệm ấy niệm bài kệ này sẽ chẳng cảm nhận được lợi ích rất lớn. Đối với chuyện này, hiện nay không ít đồng học đã đọc cuốn sách nói về nước kết tinh, cuốn sách ấy đã chứng minh điều sau đây:

Tâm chân thành, thành tâm, thành ý dùng ý nghĩ tốt lành đối với một chén nước; thực sự dùng thiện tâm, thiện ý, tâm chân thành, chuyển những ý niệm tốt lành của chúng ta đến nước, xa đến đâu cũng không ngại. Bọn họ đã từng làm thí nghiệm: Đặt một chén nước trên bàn làm việc trong sở, gọi điện thoại thông báo cho năm trăm người sống ở những chỗ khác nhau trên toàn quốc cùng một lúc - thời gian rất quan trọng - cùng một thời gian, đại khái chỉ cần chừng ba phút thôi, tự mình dùng thành ý, tâm chân thành, dùng thiện ý nói với chén nước ấy: “*Người rất trong sạch, chúng ta rất vui thích, rất cảm tạ người*”. Lặp lại câu ấy mấy lượt trong vòng ba phút, sau đấy đem nước đó đi xét nghiệm,

nước kết tinh hết sức đẹp đẽ.

Như vậy, ý niệm không có khoảng cách thời gian hay không gian, thí nghiệm trên đã chứng minh điều này! Chúng ta giúp cho chúng sanh trong chín pháp giới, giúp đỡ hết thấy quý thân chẳng thể không thành tâm thành ý. Tâm quý vị không chân thành, nguyện không thiết tha, quý thân cười cợt: “Người bày trò đùa, người không thực sự làm!” Quý vị đùa bỡn họ, họ cũng chọc ghẹo lại quý vị. Vì thế, chân thành, bình đẳng, chánh giác, từ bi phải được bồi dưỡng trong cuộc sống thường nhật. Chúng ta sống chân thành, dùng chân tâm xử sự, dùng chân tâm thành ý để đãi người tiếp vật, một điều chân thật thì hết thấy điều chân thật, một sự thành thực thì hết thấy mọi sự thành thực, có như vậy mới có thể chuyển được cảnh giới của chính mình: Chuyển ác thành thiện, chuyển mê thành ngộ, đến rốt cục là chuyển phàm thành thánh, chuyển Sa Bà thành Cực Lạc. Chúng ta cầu sanh Tịnh Độ như thế thì mới hòng nắm chắc [chuyện vãng sanh], một đời này học Phật mới không luống uổng, chắc chắn có thành tựu.

Quý vị có thành tựu thì đối với thầy, đối với bạn lành, đối với hộ pháp, quý vị mới là thực sự cảm kích. Do vậy, điều kiện tiên quyết của báo ân là tri ân, thế nào là tri ân? Thực sự nhận cái ân ấy. Nay báo quý vị báo ân, nhưng sao chẳng sanh khởi ý niệm gì cả? Do nguyên nhân nào? Do không cảm nhận ân đức, về căn bản là quý vị chẳng tri ân. Tri ân là quý vị phải hoàn toàn thực hiện được lời Phật dạy dỗ, đây mới là tri ân. Tâm biến đổi, tư tưởng biến đổi, hành vi biến đổi, có vậy mới là tri ân. Ai giúp quý vị biến đổi? Thiện tri thức giúp mình biến đổi, hộ pháp giúp mình chuyển biến, hết thấy chúng sanh giúp mình biến chuyển. Trên báo bốn ân nặng, dưới cứu khổ ba đường, cái tâm ấy phải thực sự sanh khởi. Vì vậy, cầu sanh Tịnh Độ “toàn bằng phát nguyện” (hoàn toàn nhờ vào phát nguyện).

Ngưỡng lao pháp chúng.

仰勞法眾。

(Xin nhọc sức pháp chúng).

Quý vị thấy đó: Giọng điệu trong câu này rất khẩn thiết, rất khiêm tốn, rất tôn trọng người khác! Ngài là bậc đại đức minh tâm kiến tánh, chẳng phải là hạng người tầm thường. Đại chúng là phàm phu, “thỉnh” đại chúng hãy vui lòng, “ngưỡng lao” (xin nhọc sức) tôn kính đến cùng cực! Từ điều này, quý vị đã thấy nguyện lễ kính chư Phật trong mười

nguyện Phổ Hiền ở phần trên! “*Pháp chúng*” là đại chúng tham gia pháp hội.

Dị khẩu đồng âm.

異口同音。

(*Khác miệng cùng âm*).

Mọi người chúng ta hãy cùng vì vong linh chúc phúc.

Kính vì vong linh chí tâm sám hối phát nguyện.

敬為亡靈至心懺悔發願。

(*Kính vì vong linh chí tâm sám hối phát nguyện*).

Điều chúng ta sắp làm đây trong kinh Phật thường gọi là “*vị nhân diễn thuyết*” (vì người diễn nói). Chúng ta vì vong linh biểu diễn, vì họ thuyết pháp, vì hết thấy quý thần, vì chúng sanh trong chín pháp giới “*sám hối phát nguyện*”. Sám hối là vì họ biểu diễn, vì họ thuyết pháp. Dưới đây là bài kệ sám hối, tức bài kệ sám hối của Phổ Hiền Bồ Tát.

16. Sám Hối Phát Nguyện

Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp.

往昔所造諸惡業。

(*Xưa kia trót tạo bao nghiệp ác*).

Hai chữ “*vãng tích*” có thể tính ngược lên đến vô thủy kiếp trước, từ vô thủy kiếp cho đến ngày nay đã làm vô lượng vô biên ác nghiệp. Phải thực sự hiểu được chân tướng sự thật thì mới có thể lãnh hội câu nói trong Địa Tạng Bồ Tát Bốn Nguyện Kinh: “*Diêm Phù Đề chúng sanh, khởi tâm động niệm, vô phi thị tội*” (Chúng sanh Diêm Phù Đề khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là tội). Trước hết là thừa nhận, tỏ bày sám hối, ta từ quá khứ cho đến hiện tại đã tạo vô lượng vô biên ác nghiệp.

Giai do vô thủy tham sân si.

皆由無始貪瞋痴。

(*Đều do vô thủy tham sân si*).

Vì đâu chúng ta tạo nghiệp? Vì sao Phật, Bồ Tát không tạo nghiệp? Phật, Bồ Tát không có tham - sân - si, chúng ta chẳng đoạn tham - sân - si. Từ vô thủy kiếp đến nay, tham - sân - si không đoạn. Tham - sân - si là căn bản tạo nghiệp.

Tùng thân ngữ ý chi sở sanh.

從身語意之所生。

(Từ thân miệng ý phát sanh ra).

Đây chính là nghiệp nhân. Tham - sân - si là mê, mê rồi sẽ khiến cho thân - khẩu - ý của chúng ta tạo tác mọi thứ bất thiện, tổn người, lợi mình. Thế gian thường nói “*tổn người lợi mình*”, thật ra nói như vậy là sai, phải nói như thế nào? Tổn người hại mình mới là đúng! Nếu tổn người lợi mình thì tốt quá rồi! Nếu tổn người lợi mình thì Phật, Bồ Tát đều làm hết rồi, tổn người có thể lợi mình thì ai lại chẳng muốn làm cơ chứ? Tổn người chắc chắn hại mình, bởi thế, Phật, Bồ Tát không làm. Quý vị tưởng tổn người thì mình được lợi đôi chút, nhưng đây chỉ là cái lợi nhỏ nhoi trước mắt. Lợi ấy quý vị hưởng được mấy ngày? Hưởng xong, quả báo về sau là tam đồ. Bởi thế, tổn người nhất định hại mình, tự mình hại mình thì thâm, khiến cho chính mình đọa lạc trong tam đồ, đọa lạc địa ngục, khổ chẳng thể nói nổi!

Ở trong địa ngục lúc nào mới thoát ra được? Thăm thăm không kỳ hạn. Lúc còn sống không biết, tưởng mình chiếm được tiện nghi, đâu biết mình bị thiệt thòi lớn lắm. Những người bị quý vị hại, nếu họ không có tội lỗi, họ bị quý vị hại, người ta sanh lên trời, hoặc là đời sau lại sanh làm người. Hãy nghĩ xem: Quý vị có hại được họ hay không? Không hại được họ, mà hại chính mình. Tương lai sau khi thoát khỏi địa ngục rồi, thoát khỏi ngạ quỷ rồi, vẫn phải biến thành súc sanh trả nợ. Quý vị hại người, tương lai người ta đòi nợ mình, báo này đền báo kia, đúng là “*thiếu mạng phải đền mạng, thiếu tiền phải trả tiền*”.

Nếu quý vị thực sự thông đạt nhân quả ba đời thì tâm sẽ bình. Như vậy rồi mới thực sự biết bất cứ ai sống trên thế gian này muốn chiếm tiện nghi thì chẳng hề có chuyện đó đâu! Nếu bảo là bị thua thiệt thì cũng chẳng có chuyện ấy đâu! Vì sao? Quả báo đền trả thông suốt ba đời. Hiện tại dường như chúng ta bị thua thiệt; tương lai người ta phải đền nợ, đã trả nợ còn đeo thêm tiền lời. Phật, Bồ Tát, A La Hán có Thiên Nhân Thông, trong kinh đức Phật dạy chúng ta: “*Thiên Nhân, Túc Mạng của bậc A La Hán biết được năm trăm đời*”. Các Ngài thấy được nhân

quả năm trăm đời của lục đạo chúng sanh trong thế giới Sa Bà, nghiệp nhân quả báo! Địa vị chúng ngộ càng cao hơn, năng lực càng lớn hơn, đến quả địa Như Lai hoàn toàn không có chướng ngại. Vô lượng kiếp của vô lượng kiếp, Phật thấy rõ ràng, minh bạch.

Do tham - sân - si là gốc của hết thảy ác nghiệp nên chúng được gọi là Tam Độc. Chúng ta trong có Tam Độc, lại bị bên ngoài dụ dỗ, mê hoặc, bị những cảnh giới bất thiện ấy dụ dỗ, mê hoặc, khiến cho thân - ngữ - ý làm ác. Làm ác chắc chắn không thể tránh khỏi ác báo. Bởi thế, nếu quý vị thành tâm thành ý niệm bài kệ này, ắt sẽ ulla, ắt phải cảm động.

Kim đối Phật tiền cầu sám hối.

今對佛前求懺悔。

(Nay đối trước Phật xin sám hối).

Nay chúng ta đối trước tượng Phật, Phật là bậc đại trí, đại giác, đại từ, đại bi, cầu Phật chứng minh, con nay thực sự sám hối. Chẳng phải là cầu Phật tha tội, Phật chẳng thể tha tội cho quý vị được. Nếu quý vị cầu Phật tha tội thì quan niệm ấy hoàn toàn sai lầm! Cầu Phật chứng minh, từ nay trở đi con hối cải. Sám hối chính có nghĩa là sửa đổi lỗi lầm, sau này không gây tạo nữa, Phật chứng minh cho con, ý nghĩa là như thế. Chỗ này chẳng được hiểu lầm kéo rồi cứ cầu Phật, cầu Bồ Tát tha tội, tha thứ cho mình. Phật, Bồ Tát đâu có trách móc quý vị. Phật, Bồ Tát chẳng bận tâm quý vị đã làm chuyện gì đâu! Quý vị tự làm tự chịu, ai quản quý vị được? Nay chính bản thân chúng ta phải thống thiết phát nguyện, sửa lỗi, đổi mới, đoạn ác, tu thiện, cầu Phật, Bồ Tát chứng minh, cầu Phật, Bồ Tát gia trì. Sợ chính mình không có năng lực, vẫn cứ không thể chóng lại dụ dỗ, mê hoặc y như cũ, nên cầu Phật, Bồ Tát oai thần gia trì. Khi dụ dỗ, mê hoặc hiện diện, Phật, Bồ Tát sẽ khiến cho mình cảnh giác cao độ, không còn làm ác nữa. Đây chính là ý nghĩa của câu “*kim đối Phật tiền cầu sám hối*” (nay đối trước Phật cầu sám hối). Sám hối xong lại phát nguyện:

Chúng sanh vô biên thế nguyện độ.

眾生無邊誓願度。

Muốn được như Phật thì ta phải học theo Phật, phải làm giống như Phật. Nguyện của Phật là phổ độ chúng sanh, phát tâm, phát nguyện,

thực sự nghĩ đến chuyện tạo lợi ích cho hết thầy chúng sanh. Chúng sanh vô lượng vô biên, ở đây bao gồm chúng sanh trong chín pháp giới, gồm trọn khắp pháp giới, hư không giới. Nếu nói như kinh Hoa Nghiêm thì là chúng sanh trong trùng trùng vô tận pháp giới. Ta khởi tâm động niệm nghĩ đến họ, giúp cho họ phá mê khai ngộ, giúp họ viên thành Phật đạo. Đây là bốn nguyện của hết thầy chư Phật, Bồ Tát. Nay chúng ta cũng phải phát đại nguyện giống như thế. Phát được đại nguyện ấy, phi thường thay! Mười phương ba đời tất cả hết thầy chư Phật Như Lai đều bảo hộ quý vị, vì sao? Quý vị đồng tâm, đồng nguyện, chí đồng đạo hợp với các Ngài. Quý vị là đồng chí của các Ngài, Phật, Bồ Tát lẽ đâu không hộ niệm! Hết thầy thiện thần vị nào không ủng hộ? Quý vị không cầu Phật hộ niệm, Phật vẫn hộ niệm; không cầu thiện thần ủng hộ, thiện thần vẫn bảo hộ. Vì sao? Nguyện ấy phi thường lắm!

Thế nhưng khi chúng ta niệm câu này có phát được nguyện ấy hay không? Không phát! Sao biết là mình không phát? Kẻ kia mình ghét lắm, không lẽ quý vị nói “*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*” ngoại trừ kẻ đó; dưới đó bèn mở ngoặc: “Trừ kẻ đó ra”; lẽ nào có đạo lý như vậy được! Do vậy, chúng ta ngày ngày niệm nhưng không phát nguyện. Hễ phát thì phải làm sao nữa? Nguyện để dẫn hạnh, phát nguyện rồi thì phải có hành vi tiếp theo sau đó. Miệng phát nguyện, chẳng có hành vi tiếp theo thì nguyện ấy là giả, là trống rỗng. Nói khó nghe hơn là “*dối mình, lừa người*”: Dối gạt bản thân mình, dối gạt Phật, Bồ Tát, dối gạt chúng sanh, quý vị phải gánh cái tội gì? Mở mắt thao láo mà nói dối! Chúng ta phải hiểu điều này.

Với nguyện này, Phật, Bồ Tát không có vấn đề gì, các Ngài có trí huệ, có năng lực, có phước báo, quả thật có thể độ hết thầy chúng sanh; nay chúng ta phát nguyện này, không có trí huệ, cũng không có đức hạnh, cũng không có phước báo, lấy gì giúp đỡ người khác đây? Hoàn toàn không có năng lực, làm sao giúp đỡ người khác cho được? Tùy hỷ! Thấy người khác làm việc tốt, chúng ta hoan hỷ, tán thán, chúng ta làm được chuyện này. Chỉ cần tận tâm, dốc tận sức của chính mình thì công đức viên mãn. Do vậy, thực sự phát nguyện này xong, thiện tâm sẽ sanh khởi, thiện niệm sanh khởi, thiện hạnh cũng sanh khởi, tự nhiên có thể sửa lỗi đời mới. Câu tiếp theo:

Phiền não vô tận thế nguyện đoạn.

煩惱無盡誓願斷。

Thực sự phát đại nguyện này thì trước hết chính mình phải đoạn phiền não, thành tựu đức hạnh của chính mình. Giáo học của Khổng lão phu tử gồm bốn khoa, thứ nhất là đức hạnh, thứ hai là ngôn ngữ, thứ ba là “biện sự” (nay chúng ta gọi là năng lực về mặt kỹ thuật), thứ tư mới là văn học. Theo thứ tự ấy, đầu tiên là đức hạnh. Đức hạnh nghĩa là trước hết phải là thiện nhân. Căn bản của thiện nhân là ba thiện căn: không tham, không sân, không si. Nếu trừ sạch tham - sân - si thì quý vị mới là thiện nhân thực sự, con người như vậy mới không làm ác.

Tất cả hết thấy thiện pháp thế gian đều sanh từ những căn cội không tham, không sân, không si này. Tất cả hết thấy tội ác trong thế gian, tất cả hết thấy ác nghiệp đều sanh từ Tam Độc tham - sân - si. Tham - sân - si sanh ra ác nghiệp, nên được gọi là Tam Độc. Vô tham, vô sân, vô si gọi là ba thiện căn, sanh ra tất cả hết thấy thiện nghiệp thế gian. Trước hết quý vị phải đoạn phiền não, trong phần trên đã gọi phiền não là “*vô thí tham - sân - si*”, trước hết phải đoạn những thứ ấy. Phải đoạn sạch tham - sân - si - nghi - mạn từ vô thí kiếp đến nay.

Đoạn trừ phiền não rồi phải học pháp môn. Nếu quý vị không có học vấn sẽ không có bản lãnh, không cứu người khác được, không thể giúp đỡ người khác thật hữu hiệu được. Như vậy, đoạn phiền não chính là thành tựu đức hạnh của chính mình rồi mới học pháp môn, theo thứ tự thuận. Từ xưa đến nay tổ sư đại đức yêu cầu chúng ta phải thâm nhập một môn, trường thời huân tu là vì lẽ gì? Để đoạn phiền não chứ không có chi khác cả! Phiền não đoạn sạch, trí huệ mở mang. Rồi lại:

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học

法門無量誓願學。

Trí huệ chưa khai phát, học pháp môn sao được? Phiền não đoạn sạch rồi, pháp môn phải khéo tu. Cuối cùng là:

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.

佛道無上誓願成。

Ý nghĩa bài kệ này vẫn giảng chưa xong, buổi học sau chúng tôi sẽ giảng tiếp.

Bây giờ hết giờ rồi!

Chư vị đồng học!

Chúng ta lại tiếp tục phần Tứ Hoằng Thệ Nguyên:

***Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ,
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.***

眾生無邊誓願度。

煩惱無盡誓願斷。

法門無量誓願學。

佛道無上誓願成。

Trong tiết trước đã giảng hai câu đầu của bài kệ này, chúng ta hãy xem tiếp hai câu kế đó. Do bài kệ này là tổng nguyện (nguyện tổng quát, nguyện chung) của hết thầy chư Phật Như Lai, là thứ tự tu hành của hết thầy Bồ Tát, là cương lĩnh tổng chỉ đạo; chúng ta sơ học thì phải khởi sự học từ đâu? Thứ nhất là phải phát nguyện, nguyện nếu thực sự phát thì hành sẽ không khó. Nói thật ra, Tứ Hoằng Thệ Nguyên thực sự chỉ gồm có mỗi một câu “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”; ba nguyện sau hoàn toàn nhằm để viên mãn cái nguyện thứ nhất này nên mới có.

Làm thế nào để có thể phổ độ chúng sanh? Hết thầy chúng sanh khổ nạn trọn khắp pháp giới, hư không giới, ta có năng lực giúp đỡ hay chẳng? Chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát đều có năng lực, có tâm nguyện ấy, vẫn phải cần một điều kiện khách quan. Điều kiện khách quan gì vậy? Chúng sanh phải bằng lòng tiếp nhận, tức là có Cảm. Chúng sanh chịu tiếp nhận là có Cảm, không chịu tiếp nhận là không có Cảm. Không có Cảm thì không có Ứng, quý vị nhất định phải hiểu đạo lý này: Có Cảm bèn có Ứng! Cảm là chúng ta bằng lòng tiếp nhận oai thần của Phật, Bồ Tát gia trì.

Cũng có nhiều đồng học muốn hỏi: Chúng tôi đều rất vui lòng, đều mong mỏi Phật, Bồ Tát giúp đỡ chúng tôi; có sao Phật, Bồ Tát không đến? Chương Gia đại sư lão nhân gia đã nói rồi đó: “Bản thân chúng ta có chướng ngại”. Chẳng phải là Phật, Bồ Tát không đến, mà vì chính mình có chướng ngại, các Ngài không gia trì được. Phải hiểu đạo lý này, không phải là Phật, Bồ Tát chẳng linh; Phật, Bồ Tát linh đến cùng cực! Nghiệp chướng tập khí của chính mình quá nặng, chúng ta cầu Phật, Bồ Tát đến giúp đỡ mình, hoàn toàn là tư tâm, hoàn toàn là tự lợi.

Tự tư, tự lợi là đại chương ngại, không có cách nào hết, không cách gì cảm thông cả. Nếu chúng ta không vì chính mình, không vì tự tư, tự lợi, mà vì chúng sanh thì chúng ta cầu Phật, Bồ Tát gia trì không có chương ngại chi hết. Ý niệm vừa chuyển, đại công vô tư, cũng có thể nói là ý niệm của quý vị tương ứng với ý niệm của Phật, Bồ Tát, tương ứng với tánh đức.

Ở đây, thiền sư Trung Phong khai thị, do Ngài là bậc đại đức trong Thiền tông, là bậc đại thiện tri thức đại triệt, đại ngộ, minh tâm kiến tánh, nên dù nói rất rõ ràng, nông cạn, vẫn có ý vị sâu xa. Dẫu cho chúng ta vừa nghe dường như hiểu liền, chứ thực sự ra chưa hiểu. Cũng giống như bài kệ sám hối của Phổ Hiền Bồ Tát, Tứ Hoàng Thệ Nguyên của chư Phật Như Lai chúng ta đọc quá quen thuộc, tự hồ hiểu rồi, thật ra chưa hiểu. Vì sao chưa hiểu? Vì chưa thể thực hiện, chưa làm được. “*Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*” mà mình vẫn còn oán hận rất nhiều chúng sanh, chán ghét chúng sanh, tuyệt đối chẳng thể độ họ được. Do vậy, không có được nguyện này. Nguyện này không có thì ba nguyện sau đó chắc chắn chẳng có. Đó là đạo lý nhất định.

Nếu quý vị thực sự phát cái nguyện này thì “*chúng sanh vô biên thệ nguyện độ*”. Thứ nhất là mở rộng tâm lượng, thực sự giống như chư Phật, Bồ Tát: Tâm bao thái hư, lượng châu sa giới. Thứ hai phải khẳng định oán thân bình đẳng, mới có thể dùng tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng đối với hết thảy chúng sanh trọn khắp pháp giới, hư không giới; có như vậy thì cái nguyện của quý vị vừa phát mới thực sự được phát. Thực sự phát nguyện xong, niệm niệm mong thực hiện, ta thực sự làm được, để có thể thực sự làm được thì trước hết phải tu sửa chính mình. Trong kinh giáo, đức Phật thường nói: “*Bồ Tát tự kỷ vị độ, nhi năng độ nhân, vô hữu thị xứ*” (Bồ Tát chưa thể độ mình mà có thể độ người, không có lẽ đó!) Vì thế, quý vị muốn độ người thì trước hết phải độ mình, tức là thành tựu đức hạnh của chính mình. Đoạn phiền não là thành tựu đức hạnh; học pháp môn là thành tựu học vấn. Thành tựu trí huệ, thành tựu năng lực thì quý vị mới có bản lãnh giúp đỡ người khác. Có đức hạnh nhưng không có bản lãnh thì cũng không được.

Vì vậy, tu hành phải có thứ tự, trước hết tu đức hạnh, rồi thành trí huệ, cuối cùng còn phải thành tựu vô thượng Phật đạo. Vì sao? Có như vậy thì mới có thể phổ độ! Nếu quý vị không thành vô thượng Phật đạo, sẽ không độ được Ma Ha Tát. Những bậc Địa Thượng, Đăng Giác Bồ Tát cao hơn quý vị thì làm sao quý vị độ họ? Quý vị phải cao hơn họ mới có thể độ họ. Vì thế, nhất định phải phát nguyện “*Phật đạo vô*

thượng thế nguyện thành” thì cái nguyện chúng sanh vô biên thế nguyện độ mới thực sự làm được viên mãn, mới làm được rốt ráo. Đẳng Giác Bồ Tát cũng là chúng sanh, trong nhà Phật thường nói là chúng sanh trong chín pháp giới. Đẳng Giác Bồ Tát hay Bồ Tát [thuộc những địa vị thấp hơn] thì vẫn là chúng sanh trong chín pháp giới, chỉ có mình đức Phật siêu việt chín pháp giới. Vì thế, phải ở quả vị Phật thì mới có thể phổ độ chúng sanh.

Nói đến chuyện học pháp môn thì trước khi đoạn sạch phiền não, học pháp môn vẫn là để giúp đoạn phiền não; phải hiểu đạo lý này. Do vậy, tổ tổ truyền nhau, dạy răn hàng sơ học phải “thâm nhập một môn, trường thời huân tu”. Vì sao? Nhằm đoạn phiền não, thành tựu Giới - Định cho quý vị, chính vì lẽ này vậy. Đến khi Giới - Định thành tựu, trong Định sanh Huệ, trí huệ sanh rồi thì lúc ấy mới thực sự là “*pháp môn vô lượng thế nguyện học*”. Chính trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử đã vì chúng ta thị hiện tham học. Tham học là “*pháp môn vô lượng thế nguyện học*”. Do đây biết rằng: Phát nguyện (tức là Bồ Đề đại nguyện) là phát nguyện phổ độ chúng sanh, tu Giới - Định thành tựu Căn Bản Trí nơi pháp hội của thầy (thầy của Thiện Tài đồng tử là Văn Thù Bồ Tát). Giới - Định viên mãn, trí huệ mở mang, Định phát Huệ rồi; lúc ấy bèn ra đi tham học. Tham học là thành tựu Hậu Đắc Trí, thành tựu “*không gì chẳng biết*”. Đây chính là “*pháp môn vô lượng thế nguyện học*”.

Vì sao phải thành tựu viên mãn Hậu Đắc Trí? Chúng sanh căn tánh bất đồng, tuyệt đối chẳng thể dùng một phương pháp để phổ độ được. Vì thế, phải có đủ mọi phương pháp thích ứng mọi căn tánh bất đồng của hết thảy chúng sanh. Vì thế, học vô lượng pháp môn không phải để học cho mình, mà là vì chúng sanh mà học. Thế nhưng quý vị phải hiểu: Vô lượng pháp môn đều là phương tiện nhằm tiếp dẫn chúng sanh, lấy từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa. Phương tiện tiếp dẫn chúng sanh; nói chung là nghĩ cách giúp cho chúng sanh thành thực thiện căn, phước đức, nhân duyên, khi nào thành tựu rồi lại trao cho họ pháp môn chân chánh.

Pháp môn chân chánh là gì vậy? Chính là Niệm Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chỉ có một pháp này là thật, các pháp khác đều là phương tiện. Quý vị nghe tôi giảng kinh Hoa Nghiêm, trong khi giảng kinh Hoa Nghiêm tôi đã nói rất nhiều lần: “*Hoa Nghiêm, Pháp Hoa đều là phương tiện, đều không phải là chân thật, nhằm tiếp dẫn những vị Bồ Tát vào thế giới Hoa Tạng!*” Tu hành trong thế giới Hoa

Tạng, thiện căn, phước đức, nhân duyên sâu dày, địa vị Tam Hiền phát tâm niệm Phật vãng sanh. Nếu thiện căn, phước đức, nhân duyên còn kém một chút, ắt phải ở trong thế giới Hoa Tạng tu thành Địa Thượng Bồ Tát, đăng địa⁴⁹ rồi, lúc ấy trí huệ mở mang, không còn ngờ vực, có thể tin tưởng lời của các vị Phổ Hiền, Văn Thù, mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc.

Vì thế, chúng ta thấy kinh Hoa Nghiêm nói: *“Thập Địa Bồ Tát thì chung bất ly niệm Phật”* (Thập Địa Bồ Tát từ đầu đến cuối chẳng rời Niệm Phật). Quá rõ ràng! Thập Địa Bồ Tát thì *“đầu”* tức bắt đầu bằng Sơ Địa Bồ Tát, *“cuối”* là địa vị thứ mười một, tức là Đăng Giác. Trong mười một tầng cấp ấy, khẳng định họ niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị thấy đó: Rốt cuộc chỉ nhằm tỏ rõ một pháp khiến cho chúng ta mau chóng thành tựu, thành cái gì? *“Phật đạo vô thượng thế nguyện thành”*. Rốt ráo nhất, viên mãn nhất là Tây Phương Cực Lạc thế giới, Hoa Tạng quy về Cực Lạc. Nếu quý vị xem xét kỹ, chú tâm lãnh hội thì chúng ta mới thực sự hiểu rõ tường tận.

Tôi đã kể các đồng học nhiều lần rồi, lúc chúng tôi còn trẻ học Phật, không có ai giảng cho tôi rõ ràng, thấu triệt như thế. Vì sao? Nếu họ giảng rõ ràng, thấu triệt như thế, tôi đã sớm tin tưởng rồi. Vì sao thầy không giảng? Cũng là có nguyên nhân. Thầy của tôi là người thuộc tầng lớp xưa, có tư tưởng cổ nhân, phương pháp dạy dỗ cũng theo cổ nhân, cổ nhân không nói. Vì sao không nói? Nói ra sẽ đóng bít cửa ngõ của học trò, vì thế không nói, để cho học trò tự ngộ. Quý vị tự ngộ rồi thầy sẽ ấn chứng cho. Đó là phương pháp của cổ nhân.

Nay tôi không theo đường lối của cổ nhân, vì sao? Đi theo đường lối của cổ nhân chỉ sợ rất nhiều đồng tu học suốt một đời này chẳng thể ngộ nhập được, vì sao? Phiền não tập khí của quý vị quá nặng, không thể ngộ nhập được, tôi đem chuyện này nói trắng ra, nói toạc ra. Nói trắng, nói toạc ra có ích gì cho quý vị? Tốt hay không rất khó nói, đúng là Phật pháp không có pháp nhất định. Nếu nghe cách giảng như vậy mà quý vị hiểu rõ thì sẽ sanh tín tâm đối với Phật pháp, chuyên tu Tịnh Độ, không ngộ cũng chẳng quan trọng. Tổ sư đại đức nói rất hay: *“Đản đắc kiến Di Đà, hà sâu bất khai ngộ?”* (Chỉ thấy Phật Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ?) Trong thế gian này quý vị không khai ngộ thì khi gặp A Di Đà Phật bèn khai ngộ. Nếu cái tâm nguyện vãng sanh không sanh khởi thì cũng là đã gieo thiện căn này vào A Lại Da Thức; sức của thiện căn này rất mạnh,

⁴⁹ “Đăng địa” là chứng nhập từ Sơ Địa trở lên.

trong tương lai khi gặp duyên nhất định chín muồi!

Ở phần trên, chúng tôi đã nói: Chư Phật, Bồ Tát vì hết thảy chúng sanh diễn nói, quan trọng nhất là khế cơ, khế lý. Vì thế, chúng tôi quan sát căn cơ chúng sanh trong thế gian hiện thời, phương pháp của cổ đức không còn hợp nữa, không khế hợp căn cơ con người hiện thời. Thế nhưng chúng ta nhất định phải tuân thủ nguyên lý, nguyên tắc, quyết định chẳng thể trái nghịch nguyên lý, nguyên tắc. Trái nghịch nguyên tắc và nguyên lý thì là không khế lý. Khế cơ mà không khế lý sẽ chẳng thể thành tựu, đây là ma thuyết. Cả hai mặt Lý và Cơ đều phải quan tâm.

Do vậy, đối với chuyện học pháp môn này, chúng tôi đặc biệt nói rất rõ ràng cùng quý vị: *“Đức hạnh chưa thành tựu mà lạm dự nhiều pháp môn sẽ bị trở ngại, không đạt lợi ích. Nhất định phải đạt đến tam-muội hiện tiền [mới được học nhiều pháp môn]”*. Chúng tôi lại hạ thấp tiêu chuẩn này thành “không có ý niệm tự tư tự lợi, không có ý niệm danh văn, lợi dưỡng, không bị ngũ dục, lục trần bên ngoài dụ dỗ, mê hoặc” thì mới được, không sai chạy cho lắm. Quý vị có được công phu ấy, nhưng không có đại trí huệ, chẳng thể đại triệt đại ngộ, nhưng vẫn có chút tiểu trí huệ. Nếu trí huệ của quý vị thực sự hiện tiền thì có thể lạm học nhiều pháp môn khác, có thể tham học, có thể mở rộng không gian học tập, học rộng, nghe nhiều, thành tựu Hậu Đắc Trí.

Một mặt thành tựu Hậu Đắc Trí, một mặt tăng trưởng Định - Huệ của mình. Trong quá trình tu học, nếu quý vị thấy mình dần dần xa lìa Giới - Định thì phải đặc biệt chú tâm cẩn thận, gấp gáp quay đầu. Vì sao? Quý vị đã sai rồi! Trí huệ đã mở mang, đã đạt được Hậu Đắc Trí rồi thì Giới - Định nhất định phải tăng trưởng, chẳng thể lui sụt. Huệ giúp cho Giới tăng tấn, giúp cho Định tăng tấn, đó là điều khẳng định. Tuyệt đối chẳng thể nói: Huệ hiện tiền, Giới và Định không còn nữa! Đây là ma, đâu phải là Phật! Chúng tôi giới thiệu Tứ Hoàng Thệ Nguyên đến đây thôi. Câu tiếp theo là xưng tán Phổ Hiền Bồ Tát Ma Ha Tát:

Nam mô Phổ Hiền Vương Bồ Tát Ma Ha Tát.

南無普賢王菩薩摩訶薩。

“*Nam-mô*” nghĩa là quy y, lễ kính. Phổ Hiền Bồ Tát được xưng là Vương, tức là đặc biệt tôn kính Ngài. Phổ Hiền Bồ Tát là một vị trong Hoa Nghiêm Tam Thánh, điều này chúng ta đã biết quá rõ rồi. Phổ Hiền (Samantabhadra) còn được dịch là Biến Cát: Biến (遍) là phổ biến, Biến có nghĩa là rộng khắp; Cát Tường cũng có nghĩa là Hiền. Tại Trung

Quốc, danh hiệu Ngài được dịch là Biến Cát cũng không ít, nên tôi đặc biệt nêu ra cho mọi người biết. Hình tượng và danh hiệu của Phật, Bồ Tát đều nhằm biểu thị pháp, kinh Hoa Nghiêm đã nói đến rất nhiều. Phổ Hiền Bồ Tát đại biểu cho lý đức, định đức, hạnh đức của chư Phật. Nói thật ra, những điều ấy đều là tánh đức của Tự Tánh.

Trong phần trước, thiền sư Trung Phong đã nói rất hay: “*Ngã tâm tức thị A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức thị ngã tâm*” (Tâm ta chính là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta). Hai câu này chúng ta chẳng thể coi thường lướt qua, chúng có ý nghĩa rất sâu, đối với sự tu học của chúng ta mà nói thì chúng có ích rất lớn. Biết được điều gì? Tâm chính là Phật, Phật chính là tâm. Nói đến Phật đức chính là nói đến tánh đức. Phổ Hiền Bồ Tát tượng trưng cho lý đức, tức lý Chân Như Tự Tánh của chúng ta. Lý Chân Như là Biến Cát, là Phổ Hiền: Phổ (普) là bình đẳng, không cao thấp. Quý vị phải hiểu được ý nghĩa này: Tánh đức, bản đức, đại đức của chúng ta bất sanh, bất diệt, không đến, không đi, vĩnh viễn chẳng bị mất đi, chẳng vì chúng ta sanh tử luân hồi mà chuyển biến. Sanh tử luân hồi là duyên, Pháp Tánh chẳng tùy thuộc cái duyên ấy. Dầu cho duyên có tụ - tán, có sanh - diệt, Pháp Tánh chẳng tùy thuộc vào những duyên ấy. Pháp Tánh không tụ - tán, không sanh - diệt. Vì thế, tánh đức là chân thường. Bọn phàm phu chúng ta đáng thương, mê mất Tự Tánh ấy; vì mê mất Tự Tánh nên đương nhiên tánh đức chẳng thể hiện tiền.

Nay chúng ta khởi tâm động niệm, đối với hết thầy người, sự, vật, nói chung đều thấy mình giỏi, người khác không bằng mình, [do vậy, ta] không có đức hạnh Phổ Hiền. Chẳng biết hết thầy người, sự, vật trọn khắp pháp giới, hư không giới bình đẳng với ta, quyết định không có cao hay thấp. Chúng ta tôn trọng người khác là tôn trọng tánh đức của chính mình. Lễ kính người khác là tôn trọng tánh đức của chính mình. Chân tướng sự thật này không ai biết cả. Vì sao chúng ta phải hiếu thảo với cha mẹ? Hiếu thảo với cha mẹ chính là tôn trọng tánh đức của chính mình. Vì sao phải tôn sư? Tôn sư chính là tôn trọng tánh đức của chính mình, chắc chắn thầy chẳng mong được người khác tôn kính. Thầy mong được người khác tôn kính thì là tiểu nhân, chẳng phải là quân tử. Vì sao? Không lìa được danh văn, lợi dưỡng. Bậc quân tử chân chánh khởi tâm động niệm, hết thầy hành vi đều tùy thuận lời thánh nhân dạy dỗ, thánh nhân không dạy họ những điều ấy (tức là không dạy con người tùy thuận danh văn lợi dưỡng).

Quân tử là kẻ chưa chứng đắc, hiền nhân đã chứng được mấy

phân, thánh nhân chứng đắc viên mãn. “Thánh, hiền, quân tử” trong Nho gia được Phật giáo gọi là Phật, Bồ Tát, A La Hán, là những bậc thiện tri thức của người học Phật. Phật và Pháp Thân Bồ Tát chứng đắc viên mãn, là thánh nhân; Thanh Văn, Duyên Giác đã chứng được một ít, chưa viên mãn, là hiền nhân. Chúng ta là phàm nhân, là phàm phu trong lục đạo, thực sự trừ được vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chúng tôi thường nói là “vứt bỏ thành kiến của chính mình”, hết thấy tùy thuận giáo huấn của Phật, Bồ Tát, y giáo phụng hành, Nho gia gọi người như vậy là “quân tử”.

Kinh luận không dạy chúng ta như thế, mà chúng ta vẫn còn có tập khí như thế, đủ chứng tỏ chúng ta đáng gọi là “hạng nghiệp chướng sâu nặng”. Vẫn tự mình khen ngợi mình, hủy báng người khác, ghen ghét người khác, chướng ngại người khác, trọn vẫn thấy mình hơn người khác một chút. Ấy là phàm phu, chưa phải là quân tử. Vì thế, quy mạng, xưng tán, không gì chẳng tùy thuận tánh đức, không gì chẳng nhằm giúp chúng ta khôi phục tánh đức. Tánh đức là cái vốn sẵn có, nhưng bị mê mất, nay Phật, Bồ Tát dùng những phương pháp ấy giúp chúng ta khôi phục. Đạo lý là đây!

Do vậy, chúng ta phải hiểu Phổ Hiền Bồ Tát tượng trưng cho chân lý, chân định, tánh định, đại hạnh trong tánh đức, là Phổ Hiền đại hạnh. Đại hạnh là gì? Ở phần trên đã nói đến mười nguyện. Trong mười nguyện, lễ kính là đại hạnh, đại hạnh Phổ Hiền tự nhiên lưu lộ từ tánh đức. Cung kính đối với hết thấy chúng sanh và cung kính đối với chư Phật Như Lai không khác gì nhau, nhưng trên mặt hình thức lại khác nhau. Chúng ta thấy hình tượng Phật, Bồ Tát bèn đánh lễ ba lạy, nhưng không thể thấy bất cứ muỗi, trùng, kiến gì cũng đánh lễ chúng nó ba lạy, làm như thế là trật! Trên mặt hình thức thì không giống nhau, nhưng ý niệm cung kính bên trong hoàn toàn tương đồng. Chúng ta cung kính muỗi, trùng, kiến giống hệt như cung kính chư Phật Như Lai, bình đẳng mà! Nhưng trên mặt nghi thức thì phải tùy thuận thế gian. Phải tham thấu lý rồi mới biểu hiện qua hành động.

Lại nói thêm về Văn Thù Bồ Tát; hai vị Bồ Tát này (tức Phổ Hiền và Văn Thù) thường ở cùng một chỗ:

1) Văn Thù Bồ Tát là Trí Đức của tánh đức. Quý vị thấy Phổ Hiền tượng trưng cho Lý, Văn Thù tượng trưng cho Trí, Lý và Trí thành một cặp.

2) Phổ Hiền biểu thị Định, Văn Thù biểu thị chứng đắc, chỉ Trí mới có thể chứng; nhưng chỉ có Định mới có thể khai Trí, chỉ Trí mới có

thể chúng. Trí và Hạnh thành một cặp chẳng thể tách rời.

3) Thứ ba, Văn Thù biểu thị Tam Muội, Phổ Hiền biểu thị Bát Nhã. Tam Muội và Bát Nhã thành một cặp.

Như vậy, quan hệ giữa hai vị Bồ Tát này rất rõ ràng như sau: Lý - Trí, Hạnh - Chứng, Tam Muội - Bát Nhã.

Bên cạnh hết thấy chư Phật Như Lai luôn có Văn Thù, Phổ Hiền, biểu thị pháp đây! Do vậy, quý vị thấy trên Đại Hùng bảo điện thờ Phật, Bồ Tát, có rất nhiều nơi thờ như thế này: Chính giữa là Thích Ca Mâu Ni Phật, hai bên là Văn Thù và Phổ Hiền. Pháp Đại Thừa đại khái đều thờ như vậy. Còn cách thờ phượng của pháp Tiểu Thừa thì chính giữa thờ Thích Ca Mâu Ni Phật, hai bên là Ca Diếp và A Nan. Đây là hai vị đại đệ tử của Phật. Ca Diếp truyền Thiên tông, A Nan truyền Giáo Hạ, hai Ngài là hai vị đại tổ sư của Thiên Môn và Giáo Hạ, đều nhằm biểu thị pháp.

Chúng ta thường thấy ngài Văn Thù cưỡi sư tử ở bên trái đức Phật, vị trí của Ngài là bên tay trái đức Phật. Phổ Hiền cưỡi voi trắng sáu ngà, vị trí của Ngài là bên tay phải đức Phật. Lý - Trí, Hạnh - Chứng, Tam Muội - Bát Nhã viên mãn, thấy đều viên mãn được tượng trưng bằng Tỳ Lô Giá Na Phật. Tỳ Lô Giá Na Biến Nhất Thiết Xứ, biểu thị đại viên mãn. Vì thế một bộ kinh đồ sộ Hoa Nghiêm chính là để giảng về pháp môn viên tu viên chứng của một đức Phật, hai vị Bồ Tát. Vì thế, các Ngài được gọi là “Hoa Nghiêm Tam Thánh”. Ba vị tượng trưng cho bản thể của hết thấy hạnh đức, vì thế kinh Hoa Nghiêm nói đến mười đại nguyện. Chúng tôi giới thiệu Phổ Hiền Bồ Tát một cách đơn giản. Nếu giảng tường tận thì khi giảng kinh Hoa Nghiêm chúng tôi đã nói nhiều lắm rồi.

Ở đây, pháp sự đến chỗ này thì hết thấy đều phải kết quy nơi tánh đức. Ở đây, niệm Nam Mô Phổ Hiền Vương Bồ Tát Ma Ha Tát nhằm kết quy nơi tánh đức, phải hiểu đạo lý này. Tiếp theo lại có một đoạn khai thị, chúng ta hãy xem kinh văn:

17. Khai Thị Vong Linh

Thượng lai sám hối phát nguyện dĩ cánh.

上來懺悔發願已竟。

(Trên đây, sám hối phát nguyện đã xong)

Ở trên nói “vãng tích sở tạo chư ác nghiệp” là sám hối; “chúng

sanh vô biên thế nguyện độ” là phát nguyện. Đến đây là đã xong phần sám hối phát nguyện.

Vong linh mô đương tri.

亡靈某當知。

(Vong linh... hãy nên biết)

“Mô” là vì người nào làm [pháp sự này] thì ở đây đem tên họ người ấy viết vào đây. Quý vị nên biết như thế.

Phù Tịnh Độ chi vi giáo dã.

夫淨土之為教也。

(Phàm là giáo pháp Tịnh Độ)

“Phù” (夫) là trợ từ, không có ý nghĩa gì hết. “Tịnh Độ chi vi giáo dã” tức là giáo học Tịnh Độ.

Ngưỡng thừa A Di Đà Phật tứ thập hữu bát đại từ đại bi thâm trọng nguyện lực, nhiếp thủ thập phương nhất thiết chúng sanh. Phàm cụ tín tâm giả, giai đắc vãng sanh.

仰承阿彌陀佛四十有八大慈大悲。深重願力。攝取十方一切眾生。凡具信心者。皆得往生。

(Ngưỡng nhờ A Di Đà Phật có sức đại từ đại bi sâu nặng của bốn mươi tám nguyện, thu nhiếp mười phương hết thảy chúng sanh. Hễ ai đây đủ tín tâm đều được vãng sanh).

Đây là đặc biệt giảng rõ giáo học Tịnh Độ cho vong linh. Sự việc này há chẳng phải là đã dính vào mê tín hay sao? Quý vị chớ bảo là mê tín, thực sự có việc này đây. Không phải chỉ một người, tôi đã gặp rất nhiều. Có người buổi tối, đại khái là năm giờ chiều trở đi, muốn niệm Tam Thời Hệ Niệm bèn có rất nhiều quỷ thần. Thật đấy, quý vị niệm pháp sự này thì quỷ thần đều chiêu tập đến. Có lúc quý vị chẳng mười phần thành kính, quỷ thần bèn gây phiền phức cho quý vị. Còn có kẻ buổi tối tụng kinh Địa Tạng cũng gặp quỷ thần đến nhiều loạn không thể ngủ được. Chẳng phải là một hai người mà là rất nhiều người [bị như thế]. Chuyện này không phải là một hai người ngẫu nhiên phát sanh, tôi đã thấy rất nhiều, nghe nói đến rất nhiều.

Hiện thời chúng tôi đọc được những báo cáo khoa học, nay ở Mỹ, ở Gia Nã Đại đang nghiên cứu về đời trước và đời này, người nghiên cứu luân hồi rất đông, báo cáo rất nhiều. Những đồng học bên ấy thâm thập cho chúng tôi đến hơn ba mươi loại nổi tiếng nhất. Hình như là lúc phong trào nghiên cứu này được khởi xướng tại Mỹ và Gia Nã Đại, mọi người đều biết, họ thâm thập những bằng chứng rõ ràng nhất nhiều đến hơn ba mươi loại gửi về học viện chúng ta. Chuyện này ở Trung Quốc còn nhiều hơn nữa, nhiều hơn ngoại quốc nhiều lắm. Trong những bút ký đọc sách của cổ nhân, chắc mọi người rất quen thuộc là bộ Duyệt Vi Thảo Đường Bút Ký của Kỷ Hiếu Lam có nhắc đến rất nhiều. Trong bút ký tiểu thuyết thì như Liêu Trai Chí Dị, Tử Bất Ngữ, Di Kiên Chí⁵⁰, trong những loại thư tịch như vậy đã chép rất nhiều.

Bản thân chúng tôi cũng đã từng gặp qua, tôi cũng đã từng kể cho đại chúng nghe rồi. Khi tôi còn trẻ, chính bản thân tôi đã gặp. Bản thân lão cư sĩ Châu Kính Trụ cũng từng gặp nên cụ mới tin. Trước khi cụ gặp chuyện, nhạc phụ của cụ Châu là cụ Chương Thái Viêm làm phán quan của Đông Nhạc Đại Đế; cụ Chương kể cho cụ Châu nghe rất nhiều chuyện quỷ thần. Cụ Châu đều cho đó là chuyện truyền kỳ, không thêm tin. Đến khi chính cụ thực sự thấy, cụ mới tin tưởng [những chuyện cụ Chương đã kể] hoàn toàn là thật, không giả. Tôi quen biết ông cụ này (cụ Châu), khi ấy cụ đã sáu mươi chín tuổi, tôi mới hai mươi mốt. Cụ xem chúng tôi như cháu nội, rất yêu mến, thường kể cho chúng tôi những câu chuyện xưa. Những chuyện cũ ấy đều là những chuyện chính cụ đã từng trải trong cả một đời, chứ không phải là nghe ai kể lại.

Nay chúng tôi thực sự hiểu rõ, vật chất bất diệt, tinh thần cũng bất diệt, chỉ là tụ hay tán mà thôi; nhưng vật chất có khi tụ, có khi tán, chứ linh hồn – như chúng ta thường gọi – không bao giờ tụ hay tán. Khác với vật chất, nó không tụ - tán, chỉ tùy theo nghiệp lực mà chuyển thể đầu thai, linh tánh bất diệt. Tuy thế, linh hồn vẫn không phải là thật, gì mới

⁵⁰ Tử Bất Ngữ còn có tên là Tân Tê Hải do Tùy Viên Lão Nhân Viên Mai (1716-1797) soạn vào đời Thanh, gồm 24 quyển, về sau lại còn có Tục Tập gồm 10 quyển, nổi tiếng không kém bộ Duyệt Vi Thảo Đường Bút Ký của Kỷ Hiếu Lam. Sách tập trung chép những chuyện quỷ thần quái lạ do chính Viên Mai hay bạn bè ông ta đã chứng kiến. Tên gọi Tử Bất Ngữ lấy theo ý một câu trong Luận Ngữ: “*Tử bất ngữ, quái, lực, loạn, thần*” (Khổng Tử chẳng nói tới những chuyện kỳ dị, bạo lực, động loạn, quỷ thần).

Di Kiên Chí là một tập bút ký do Hồng Mai soạn vào đời Tống từ năm cuối Thiệu Hưng (1162) đến năm Thuần Hy thứ nhất (1174). Nội dung chép tình hình sinh hoạt đời Tống, những chuyện kỳ lạ, thú vị trong thời ấy.

là thật? Pháp Tánh là thật. Pháp Tánh như như bất động. Linh hồn là gì vậy? Nhà Phật gọi nó là “thần thức”, tức là Pháp Tánh đã bị mê. Pháp Tánh không mê toàn bộ, chỉ mê cục bộ, nên mới có hiện tượng như thế. Nó không phải là chân thật nhất, nhưng phải chân thật hơn vật chất. Vật chất tụ - tán, sanh - diệt, vô thường; thần thức cũng là ngưng tụ, do mê vọng ngưng tụ thành, phải đến khi nào đại triệt đại ngộ, nó mới trở về với Tự Tánh. Chưa đại triệt đại ngộ thì thần thức vẫn tồn tại. Giống như trong hư không, một chút mê hoặc giống như một phiến mây bồng bềnh khắp nơi, không tan. Đến khi đại triệt đại ngộ thì cũng như gặp trận gió lớn thổi tan mây, không còn nữa, trở về với Tự Tánh, đó gọi là “*chuyển phàm thành thánh*”.

Giáo pháp Tịnh Độ từ đâu mà có? Căn cứ trên bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật mà có. Vì thế, bốn mươi tám nguyện trong kinh Vô Lượng Thọ chính là cốt lõi của Tịnh Độ, là lý luận căn bản của Tịnh Độ. “*Ngưỡng thừa*” là tâm tình thái độ tôn kính, “*A Di Đà Phật tứ thập hữu bát đại từ đại bi thâm trọng nguyện lực*” (sức đại từ đại bi sâu nặng của bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật) chính là những gì kinh Vô Lượng Thọ đã nói. Chúng tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ đã giới thiệu căn kẽ cùng quý vị rồi: Một bộ Vô Lượng Thọ kinh nhằm thuyết minh bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện là cốt lõi của kinh Vô Lượng Thọ. Chúng ta tu hành đương nhiên phải nắm được cốt lõi, nắm chắc nguyên lý, nguyên tắc. Những điều đó Phật pháp gọi là “*pháp môn Tổng Trì*”, bốn mươi tám nguyện là pháp môn Tổng Trì. Thế nhưng chúng ta nhất định phải hiểu biết cho tinh thuần, tu hành phải nắm được cương lĩnh, càng đơn giản càng hay. Nếu muốn giải thích thì càng giải thích tường tận càng tốt. Giải thích nên tường tận, còn tu hành phải nắm được cương lĩnh.

Bốn mươi tám nguyện nhằm vào chuyện gì vậy? “*Nhiếp thủ thập phương nhất thiết chúng sanh*” (thâu nhiếp mười phương hết thảy chúng sanh). Nhiếp (攝) là nhiếp thọ (攝受: thâu nhận, dung nạp), Thủ (取) nay nói là “*ghi vào sổ bộ*”. Hiện nay trên thế giới, quá nửa các quốc gia mở cửa cho di dân, nếu quý vị xin vào, họ có nhận quý vị hay không? Thâu nhận, tiếp nhận mười phương hết thảy chúng sanh; mười phương hết thảy chúng sanh muốn di dân sang Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật đều hoan nghênh, thế nhưng vẫn có điều kiện, điều kiện gì vậy? Trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã giảng là phải có tín - nguyện. Quý vị phải có lòng tin, phải có nguyện mới được. Vì thế, ở đây, thiền sư Trung Phong nói: “*Phàm cụ tín tâm giả, giai đắc vãng sanh*” (phàm

ai đầy đủ tín tâm đều được vãng sanh). Quý vị không tin, không nguyện là không được, dầu Phật nhiếp thọ nhưng không có cách nào giữ lấy quý vị được.

Tín giả.

信者。

(Tín là).

Thế nào là Tín? Tín gồm ba điều, thứ nhất là:

Tín hữu Tây Phương Tịnh Độ.

信有西方淨土。

(Tín có Tây Phương Tịnh Độ).

Điều này hết sức quan trọng. Quý vị phải hoàn toàn khẳng định phương Tây của thế giới Sa Bà có thế giới Cực Lạc, có một thế giới tên là Cực Lạc. Đây là điều đầu tiên phải tin tưởng. Điều thứ hai là:

Tín hữu A Di Đà Phật...

信有阿彌陀佛。

(Tín có A Di Đà Phật).

Hoàn toàn giảng trên mặt sự tướng. Thực sự có một đức A Di Đà Phật, có một vị Phật mang đức hiệu là A Di Đà Phật.

Nhiếp thủ chúng sanh chi sự.

攝取眾生之事。

([Tín có] chuyện A Di Đà Phật nhiếp thủ chúng sanh).

Ta thường gọi “nhiếp thủ chúng sanh” là “tiếp dẫn chúng sanh”. Quý vị có tín, có nguyện thì quả thật Phật đến tiếp dẫn quý vị. Đây là điều thứ hai. Điều thứ ba là:

Ngã đẳng chúng sanh tín hữu vãng sanh chi phận.

我等眾生。信有往生之分。

(Tín bọn chúng sanh chúng ta có phần được vãng sanh).

Quý vị nhất định phải tự tin điều này, tin tưởng chính mình có bốn phần vãng sanh. Nói theo cách hiện thời, chữ Phận (分) ở đây chính là “điều kiện, tư cách”. Chúng ta tin tưởng chính mình có điều kiện vãng sanh, có tư cách vãng sanh, điều này rất quan trọng. Nếu quý vị không hội đủ ba tín tâm ấy sẽ chẳng thể vãng sanh. Nếu thực sự hội đủ ba tín tâm ấy thì trong thế gian hiện thực này, tư tưởng, ngôn ngữ, hành vi của quý vị không giống mọi người. Khác ở chỗ nào? Mọi người tham luyến thế giới này, đâu đâu cũng muốn làm chủ thế giới. Nếu quý vị thực sự tin vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, muốn làm người của Tây Phương Cực Lạc thế giới thì thế gian này là chỗ ta lữ du, chúng ta dạo chơi xem phong cảnh, tuyệt đối chẳng nầy sanh mảy may ý niệm lưu luyến gì. Nói cách khác, bất cứ khi nào cũng buông xuống được, mảy may lưu luyến cũng chẳng có. Nhà của mình ở thế giới Cực Lạc, chứ đâu phải ở đây, chỗ này là chỗ dạo chơi thôi! Tư tưởng, ngôn ngữ, hành vi của người ấy biến đổi. Nếu đối với thế gian này vẫn còn lưu luyến, còn mong đạt được điều gì thì là quý vị chưa tin. Quý vị cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, vừa nghĩ đến thế giới Cực Lạc vừa muốn được ở nơi đây, mong được cả hai, chớ hề có chuyện ấy đâu nhé!

A! Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin hãy xem đoạn văn kế tiếp:

Nhiên tuy vị Di Đà nhiếp thủ chúng sanh vãng sanh, yếu tín duy thị tùy tâm tự hiện, cảm ứng đạo giao, cứu cánh phi tòng ngoại đắc. Như thị tín giả, thị vi chân tín.

然雖謂彌陀攝取眾生往生。要信唯是隨心自現。感應道交。究竟非從外得。如是信者。是為真信。

(Dù nói là Di Đà nhiếp thủ chúng sanh vãng sanh, phải tin đây chỉ là tùy tâm tự hiện, cảm ứng đạo giao, rốt ráo chẳng phải do từ bên ngoài mà có. Tín như thế mới là chân tín).

Đến đây là hết một đoạn. Đoạn này dạy chúng ta: Không những tin vào Sự mà còn phải tin nơi Lý. Vì sao? Đây mới là chân tín. Tin tưởng Sự nhưng không biết đến Lý thì có thể vãng sanh hay không? Có

thể vãng sanh! Sanh vào Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Nếu quý vị hiểu được đạo lý này thì phẩm vị càng cao hơn. Quả thật có chuyện ấy, Lý cũng là chân, Lý lẫn Sự đều là chân. Chớ nên tin Lý phế Sự, nếu vậy là hỏng rồi, chẳng bằng tin Sự không hiểu Lý mà thực sự được vãng sanh. Nếu tin vào Lý mà coi thường Sự, sẽ chẳng thể vãng sanh. Đây mới gọi là Chân Tín!

Dầu nói đến chuyện A Di Đà Phật tiếp dẫn vãng sanh (chúng ta gọi “*niếp thủ chúng sanh*” là tiếp dẫn, hay tiếp dẫn vãng sanh) “*yếu tín duy thị tùy tâm tự hiện, cảm ứng đạo giao*” (phải tin đây chỉ là tùy tâm tự hiện, cảm ứng đạo giao). “*Tùy tâm tự hiện*” là Lý, Kinh Hoa Nghiêm giảng hết thầy pháp một cách rốt ráo viên mãn, ngay cả hư không, pháp giới, cõi nước, chúng sanh chỉ do Tâm hiện. Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật cũng chẳng lìa tự tâm. Vì vậy, các đồng học tu Tịnh Độ cũng thường nghe nói “*duy tâm Tịnh Độ, Tự Tánh Di Đà*”. Tách rời tâm tánh thì Di Đà lẫn Tịnh Độ đều không có, đều chỉ do Tâm hiện, chỉ do Thức biến. Đó là chân lý. Do vậy, hễ chúng ta cầu, tức là có Cảm.

Chúng ta hy vọng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật để làm gì vậy? Hết thầy chư Phật dạy chúng ta: Chỉ có sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là hoàn cảnh tu học tốt đẹp nhất; thân cận A Di Đà Phật là thân cận vị thầy tốt nhất. Đã có thầy giỏi lại có hoàn cảnh tu học tốt nhất, ở nơi đó chúng ta có thể đoạn phiền não, có thể thành tựu pháp môn, có thể viên thành Phật đạo. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới để làm những chuyện này. Thực hiện tốt những chuyện này rồi lại thế nguyện độ vô biên chúng sanh trọn khắp pháp giới, hư không giới; chúng ta muốn làm chuyện này chứ không nhằm chuyện gì khác. Muốn viên thành Phật đạo, muốn tùy theo từng loài mà hóa thân, rộng độ chúng sanh thì không về thế giới Cực Lạc sẽ chẳng được. Không sanh về thế giới Cực Lạc sẽ không có khả năng [làm được những việc ấy].

Không sanh về thế giới Cực Lạc, bất luận tu một pháp môn nào, tu đến thực sự thành công quả thật thời gian rất dài, vô lượng kiếp, A-tăng-kỳ kiếp, rốt cuộc tu đến thế giới Hoa Tạng. Đến thế giới Hoa Tạng gặp Văn Thù và Phổ Hiền, các Ngài vẫn bảo quý vị niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Quý vị hãy nghĩ đi, như vậy nghĩa là sao? Cuối cùng vẫn phải trở về Tịnh Độ, sao bây giờ không về đó đi? Nếu đi ngay từ bây giờ, giảm bớt được bao nhiêu chuyện, giảm bao nhiêu là thời gian! Thành tựu mau chóng! Nếu chúng ta hiểu được chân tướng sự thật này, quả thật là “*tùy tâm tự hiện, cảm ứng đạo giao*”, đây chính là tin mình có phần được

vãng sanh. Quý vị có biết Tây Phương Tịnh Độ của A Di Đà Phật có liên quan với chúng ta đến ngần nào hay không? Đều do chính tâm tánh của chúng ta biến hiện. Thế nhưng chúng ta mê mất tâm tánh của chính mình, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới mới có thể thực sự minh tâm kiến tánh; đây mới là thực sự thấy thật rõ chân tướng.

“*Cứu cánh phi tòng ngoại đắc*” (rốt ráo chẳng phải do từ bên ngoài mà được), bên ngoài không có gì hết, ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm. “*Như thị tín giả*” (tin như thế) là chân tín. Tin Phật, mọi người chúng ta tin Phật, nhưng nói thật ra là mê tín! Vì sao gọi là mê tín? Không biết Phật là gì, chuyện gì cũng không biết cũng cứ tin tưởng, cũng đến quy y, vì thế thực sự là mê tín. Tốt hơn một chút trong ấy là trong mê tín lại có điều kiện, có điều kiện gì vậy? Thực sự tin tưởng Thích Ca Mâu Ni Phật là bậc trí huệ, là người có đại đức hạnh, đức Phật chẳng lừa dối chúng ta. Chúng tôi thường nói là tin tưởng vào nhân cách của Thích Ca Mâu Ni Phật, tin tưởng đức Phật là người tốt, Ngài chẳng lừa dối chúng ta, lời Ngài nói nhất định là đúng. Như thế gọi là Chánh Tín, tức là lòng tin có lý luận làm cơ sở, chứ không theo Phật mù quáng.

Càng sâu hơn một tầng nữa là thân cận Phật đã lâu, đối với những lý luận sự lý trong giáo nghĩa kinh Phật đã đạt được trình độ thông hiểu khá, đó là Chánh Tín, Chánh Tín ở mức độ cao, đến mực này mới gọi là “*chân tín*”; nhưng lòng chân tín ấy vẫn chưa phải thực sự là chân, mà là Tương Tự Chân. Chúng ta tin “*tùy tâm tự hiện, cảm ứng đạo giao*”, hay còn có thể nói là “*chỉ do tâm hiện, chỉ do thức biến*”. Chúng ta còn chưa chứng đắc, nếu thực sự chứng đắc sẽ được tự tại. Muốn chứng đắc trong thế gian này khó lắm, rất ư là khó! Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ chứng đắc, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới mới là chân tín thực sự. Hiện tại chúng ta chỉ là tương tự chân tín, đã hiểu rõ về Lý, cũng giống như các nhà khoa học hiện thời vậy.

Khi trước, Chung cư sĩ đã đến báo cáo cùng chúng ta: Gần đây nhất, các nhà khoa học phát hiện ba điều. Phát hiện thứ nhất là không gian và thời gian dưới một điều kiện nào đó sẽ không tồn tại. Điều này kinh Phật đã nói đến rồi, nay họ mới tin. Tin là tin trên mặt Lý, chứ về mặt Sự chưa từng thấy. Phát hiện thứ hai là gì? Có từ trong Không mà ra, trong Không sanh ra Có, Không có thể sanh ra Có, Có lại trở về Không. Đây cũng là phát hiện trên mặt Lý, họ tin tưởng; chứ trên mặt Sự, chưa có cách gì chứng minh được. Thứ ba là khởi nguyên của vũ trụ, hiện tại khởi nguyên ấy là nhất thời đốn hiện, đây cũng là tin tưởng trên

mặt Lý. Những điều này kinh Phật đều đã từng nói đến, nhưng không phải là cảnh giới của chúng ta vì mình chưa chứng đắc. Vì thế, niềm tin ấy cũng có thể nói là chân tín, nhưng chưa phải là chân tín chân chánh, quả thật có lý luận cao sâu làm căn cứ. Chúng ta tin tưởng lời giáo huấn của thiền sư Trung Phong; tin tưởng sâu xa không nghi sẽ quyết định vắng sanh. Tiếp theo, Ngài nói:

Tín nhi vô Hạnh, tức bất thành kỳ tín.

信而無行。即不成其信。

(Tín nhưng thiếu Hạnh thì tín ấy chẳng thành).

Vì Tín - Nguyên - Hạnh tuy một mà ba, tuy ba nhưng một, có được một thì nhất định phải có cả ba. Nếu thiếu một điều, lòng tin của quý vị không phải là chân tín, mà Hạnh cũng chẳng phải là chân hạnh. Hễ quý vị có Tín thì nhất định phải có Nguyên, có Hạnh. Có Hạnh nhất định có Nguyên, nhất định có Tín. Một mà ba, ba nhưng một, như ba chân của cái đánh, chẳng thể thiếu được một. Chúng ta muốn biết một cá nhân tin hay không tin thì hãy dựa vào đây để xét. Do vậy, không có Hạnh thì “*bất thành kỳ tín*” (tín ấy chẳng thành).

Hạnh giả, Lăng Nghiêm kinh vân: “Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế, bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai”.

行者楞嚴經云。都攝六根。淨念相繼。不假方便。自得心開。

(Hạnh thì như kinh Lăng Nghiêm nói: “Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, chẳng nhọc phương tiện, tự được tâm khai”).

Những điều được giảng trong kinh Vô Lượng Thọ từ phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy chính là tiêu chuẩn thấp nhất của niễm và tịnh, “*tịnh niệm tiếp nối*”! Chuyển niễm thành tịnh như thế nào? “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối), Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta như thế. Bí quyết tu hành của Tịnh Tông chính là mười sáu chữ này, “*bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai*” (chẳng nhọc phương tiện, tự được tâm khai), [nghĩa là] chẳng cần phải nhờ vào phương pháp nào khác hỗ trợ, thực sự đơn giản, dễ dàng, nhanh chóng, ổn thỏa, thích đáng, chẳng cần phải thêm vào loại Thiền nào hay thêm vào chú nào, không cần thêm gì vào hết, chỉ là “*đô nhiếp*

lục căn, tịnh niệm tương kế” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Hiệu quả là *“tự đắc tâm khai”* (tâm tự khai ngộ). *“Tự đắc tâm khai”* là tâm khai ý giải, Thiền tông gọi chuyện này là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, có cùng một cảnh giới, tức là một câu danh hiệu niệm đến mức nhất tâm bất loạn.

Công phu tiến triển, tất nhiên là công phu thành phiên, Sự nhất tâm bất loạn, Lý nhất tâm bất loạn, mấu chốt ở chỗ quý vị có thể nhiếp trọn sáu căn hay không? Hiện tại, ngay cả công phu thành phiên mà chúng ta cũng không đạt được, gốc bệnh nằm đâu? Chẳng thể nhiếp trọn sáu căn. Mắt luôn chạy theo sắc bên ngoài, tai thường chạy theo tiếng bên ngoài, sáu căn thường chạy theo cảnh giới sáu trần bên ngoài, không thu hồi lại. Nhiếp trọn sáu căn chính là như Mạnh phu tử đã nói: *“Học vấn chi đạo vô tha, cầu kỳ phóng tâm nhi dĩ”* (Đạo học vấn không có gì khác cả, cốt sao thu hồi cái tâm đã buông lung mà thôi). Quý vị buông thả cái tâm ra ngoài thì làm sao có thể thu hồi được? Nhiếp trọn sáu căn chính là thu hồi. Thu hồi mắt từ nơi sắc, thu hồi tai từ nơi tiếng, hễ thu hồi được thì quý vị sẽ an tịnh, sẽ định. Quý vị không thu hồi được thì sẽ chịu ảnh hưởng của cảnh giới bên ngoài. Nói dễ hiểu nhất theo cách bây giờ là sáu căn không còn chịu ảnh hưởng của cảnh giới sáu trần bên ngoài nữa thì quý vị mới có thể giữ được tịnh niệm tiếp nối!

Nhĩ căn lạnh lợi nhất, nghe người ta khen ngợi, vui sướng hết sức; nghe người ta hủy báng, chửi rủa mình mấy câu, nóng giận mấy ngày. Làm thế nào đây? Ấy chính là quý vị không có cách gì nhiếp trọn sáu căn, tâm chưa được thanh tịnh. Thực sự thu hồi [cái tâm buông lung] thì thấy sắc tuyệt đối chẳng chịu ảnh hưởng của Sắc pháp, nghe tiếng cũng quyết định chẳng bị ảnh hưởng bởi Thanh trần, tâm vĩnh viễn trong Định. Mũi ngửi mùi thơm, thơm hay thối hết như nhau; lưỡi nếm vị, nếm vị như một, tức là như nay ta thường nói: *“Không có ngon - dở, không có xấu - tốt!”* Tâm được bình đẳng, tâm được thanh tịnh.

Mọi người chúng ta niệm Phật, nói đơn giản là *“tịnh niệm”*, niệm là niệm A Di Đà Phật, *“tịnh”* là không có hoài nghi, không xen tạp, đây là Tịnh. Không hoài nghi, không xen tạp, tiếp nối không gián đoạn, không xen tạp là công phu thực sự. Phàm phu chẳng thể thành tựu công phu ấy vì không có chân tín, có nghi, có xen tạp, xen tạp với mức độ lớn, khiến cho công phu niệm Phật hoàn toàn bị phá hoại. Kinh Lăng Nghiêm nói như vậy đó, còn như kinh A Di Đà giảng thì chúng tôi đã trình bày rồi, chúng ta hãy đọc một lần là được:

A Di Đà kinh vân: “Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thuyết A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nãi chí thất nhật, nhất tâm bất loạn. Kỳ nhân lâm mạng chung thời, A Di Đà Phật dữ chư thánh chúng hiện tại kỳ tiền. Thị nhân chung thời, tâm bất điên đảo, tức đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc quốc độ”.

阿彌陀經云。若有善男子。善女人。聞說阿彌陀佛。執持名號。若一日。若二日。乃至七日。一心不亂。其人臨命終時。阿彌陀佛與諸聖眾。現在其前。是人終時。心不顛倒。即得往生阿彌陀佛極樂國土。

(Kinh A Di Đà nói: “Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe nói đến A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu hoặc một ngày, hoặc hai ngày cho đến bảy ngày, nhất tâm bất loạn. Người ấy lúc mạng chung, A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện ở đằng trước. Người ấy khi mạng chung, tâm không điên đảo, liền được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật”)

Đoạn này trong phần trên chúng tôi đã giảng rồi, khi giảng kinh đã nói rồi.

Như thị hành giả thị danh Chánh Hạnh.

如是行者。是名正行。

(Hành như thế thì gọi là Chánh Hạnh).

Quý vị bình thường niệm Phật là tương ứng với kinh này, tương ứng với kinh Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm giảng rất sâu, kinh Di Đà giảng trên mặt Sự. Giảng trên mặt Sự, tương ứng với kinh Lăng Nghiêm ở chỗ nào? Chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn. “*Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối*” là Nhân, tu nhân; còn Quả là nhất tâm bất loạn. Như vậy, có nhất tâm bất loạn thì đương nhiên có nhiếp trọn sáu căn và tịnh niệm tiếp nối; có nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối, đương nhiên có cái quả nhất tâm bất loạn, nhân quả tương ứng. Hai bộ kinh này nói khác nhau nhưng cùng một công dụng. Tu hành như thế mới gọi là Chánh Hạnh.

Đường chủ Niệm Phật Đường thường ra rả câu Khẩu Đầu Thiền, chúng ta nói câu ấy là Khẩu Đầu Thiền vì thời thời khắc khắc thường kêu gào: “*Phóng hạ thân tâm thế giới, đề khởi chánh niệm*” (Buông thân

tâm, thể giới xuống, dấy lên chánh niệm), nói như vậy đó. Nhiếp trọn sáu căn là buông thân tâm, thể giới xuống, chớ có phan duyên. Mắt chẳng phan duyên theo sắc, tai chẳng phan duyên theo tiếng, mũi không phan duyên theo hương, lưỡi không phan duyên theo vị, thân không phan duyên theo xúc, ý không phan duyên theo pháp. Thâu hồi mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại, chẳng hướng ra ngoài phan duyên, tịnh niệm tiếp nối, chẳng nhiễm mây trần. Lúc ấy, niệm một câu A Di Đà Phật bèn tương ứng, một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật. Tương ứng là tương ứng cùng nhất tâm bất loạn, nhất tâm bất loạn chính là Phật. Tiếp đó, lại nói:

Hạnh nhi vô nguyện, tức bất thành kỳ Hạnh.

行而無願。即不成其行。

(Hạnh nhưng không có nguyện thì Hạnh chẳng thành).

Điều này rất trọng yếu, quý vị thấy đó: Không có Nguyện là không được! Nguyện là gì?

Nguyện giả, yếu dữ A Di Đà Phật tứ thập bát nguyện, nguyện nguyện tương ứng, thị vi đại nguyện dã.

願者要與阿彌陀佛。四十八願。願願相應。是為大願也。

(Nguyện thì phải tương ứng với bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, phải tương ứng với từng nguyện một. Đây là đại nguyện vậy).

Ở đây quan trọng nhất là “tứ thập bát nguyện, nguyện nguyện tương ứng”. Có vậy, quý vị mới hiểu khi Tịnh Tông Học Hội thành lập, vì sao chúng tôi lấy kinh văn phẩm thứ sáu của kinh Vô Lượng Thọ làm khóa tụng buổi sáng là vì ý nghĩa này. Tịnh tông học nhân khởi tâm động niệm đều phải ứng với bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng tương ứng thì chắc chắn quý vị được vãng sanh, quyết định không có vấn đề gì cả! Vì thế, tôi thường thường khuyến khích mọi người đối với những người hiểu lầm ý nghĩa Bốn Nguyện, ta phải cảnh tỉnh cho họ không hiểu lầm. Hiểu lầm sẽ phí uổng một đời này, đến cuối cùng không thể vãng sanh được. Nếu quý vị chỉ trì mỗi một mình nguyện thứ mười tám, các nguyện khác không cần đến thì không được rồi!

Tổ sư nói bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng tương ứng,

nhưng quý vị chỉ tương ứng với một nguyên là không được rồi! Bất cứ một nguyên nào cũng bao quát bốn mươi bảy nguyên kia. Thiếu một điều thì nguyên ấy không viên mãn. Bốn mươi tám nguyên, các nguyên dung nhiếp lẫn nhau, bất cứ một nguyên nào cũng trọn đủ viên mãn bốn mươi tám nguyên. Chúng ta phải hiểu rõ đạo lý này, phải hiểu chân tướng sự thật này, ngàn muôn phần chẳng được hiểu lầm. Xưa nay tổ sư đại đức đề xướng Bốn Nguyên Niệm Phật không sai vì mỗi một nguyên đều nhiếp hết thảy nguyên. Đề xướng lấy nguyên thứ mười tám làm trung tâm thì không sai, nguyên thứ mười tám bao hàm bốn mươi bảy nguyên kia. Nguyên nguyên tương ứng, nguyên nguyên viên mãn, đó gọi là “đại nguyên”. Tổ sư nói không sai, con người chúng ta hiện thời hiểu sai ý nghĩa; nhưng không hiểu ý nghĩa lời dạy của Như Lai, không hiểu ý tứ của tổ sư đại đức; nói thật ra, người thực sự hiểu được cũng không nhiều lắm!

Tín - Hạnh - Nguyên tam, như đánh tam túc, khuyết nhất bất khả.

信行願三。如鼎三足。缺一不可。

(Tín - Hạnh - Nguyên ba điều, như ba chân của cái đánh, chẳng thể thiếu một).

Câu này hết sức là quan trọng! Đây chính là điều kiện để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị phải trọn đủ Tín - Hạnh - Nguyên, trong Tín có Hạnh, Nguyên. Trong Hạnh có Tín, Nguyên. Trong Nguyên có Tín, Hạnh, dung nhiếp lẫn nhau, quyết định chẳng thể đứng riêng lẻ được. “*Như đánh tam túc*” (như ba chân của cái đánh), khuyết một chân thì đánh không đứng vững được, phải đổ nhào. Điều này chứng tỏ, thiếu một trong ba điều kiện sẽ không thể vãng sanh được, nhất định phải hiểu chân tướng sự thật này! Tiếp theo, Ngài lại khuyên thính chúng, thính chúng ở đây là các quý thân, bảo chúng quý thân mà cũng là bảo đại chúng hiện tiền chúng ta:

Kim nhĩ vong linh đương tri: Hiện tiền nhất niệm, bổn tự viên thường.

今爾亡靈當知現前一念。本自圓常。

(Nay vong linh nên biết: Một niệm hiện tiền vốn tự viên mãn, thường hằng).

Quý vị hãy nên biết, quý thân cần nên biết thì chúng ta càng phải nên biết. Một niệm hiện tiền của chúng ta là viên mãn, vì sao [hiện thời niệm ấy] không viên mãn? Là vì chính mình có vọng tưởng, có phiền não, khiến cho tánh đức vốn sẵn viên mãn nơi Tự Tánh bị phá hoại, chướng ngại. Chúng sanh trong lục đạo không ai là chẳng như thế.

Tín - Hạnh - Nguyên: Nguyên thị tự kỷ bốn lai cụ hữu. Như thị tánh đức.

信行願。原是自己本來具有。如是性德。

(Tín - Hạnh - Nguyên: Nguyên chính mình vốn sẵn đủ. Tánh đức như thế).

Nói cách khác, Tín - Nguyên - Hạnh là đức năng sẵn có của tự tánh, chẳng phải đến từ bên ngoài. Hiện tại nhờ chư Phật Như Lai giáo huấn, tổ sư đại đức chỉ dạy:

Kim giả dẫn thị bốn tánh quang minh hiển phát nhĩ.
今者但是本性光明顯發耳。

(Nay chỉ là quang minh của bốn tánh tỏ lộ mà thôi).

Tín - Hạnh - Nguyên là quang minh của bốn tánh, vốn sẵn đầy đủ nơi bốn tánh. Vấn đề hiện thời là gì? Phật, Bồ Tát giáo huấn, tổ sư đại đức chỉ dạy, chúng ta nghe thấy, có giác ngộ hay chẳng? Thực sự giác ngộ chính là quang minh nơi tánh hiển phát. Tín phóng quang, Nguyên phóng quang, Hạnh phóng quang, con người hiện tại gọi quang ấy là “từ trường”, phát xuất rõ ràng, tức là phá mê khai ngộ! Quý ở chỗ “đương tri nhất niệm hiện tiền” (hãy nên biết một niệm hiện tiền), quý ở chỗ “đương tri” (nên biết), “biết” chính là thực sự giác ngộ. Nếu quý vị không biết thì vẫn là mê hoặc, vẫn y như cũ “mê chứ không giác, tà chứ không chánh, nhiễm chứ không tịnh”. Chúng đều liên quan với nhau, hễ có một cái thì toàn bộ đều có, một mê thì hết thấy mê, một nhiễm thì hết thấy nhiễm, một tịnh thì hết thấy tịnh. Vì thế, quý vị nghe xong, phải thực sự quay đầu, phải giác ngộ. Tiếp đó là phần cuối cùng lúc kết thúc một thời Phật sự này, ta tán Phật:

18. Tán Phật Tổng Kết (Di Đà Tán)

A Di Đà Phật,

**Vô thượng y vương,
Nguy nguy kim tướng phóng hào quang,
Khổ hải tác từ hàng,
Cửu phẩm liên bang,
Đồng nguyện vãng Tây Phương.**

阿彌陀佛。

無上醫王。

巍巍金相放毫光。

苦海作慈航。

九品蓮邦。

同願往西方。

(A Di Đà Phật,

Vô thượng y vương,

Thân vàng vọi vọi phóng hào quang,

Biển khổ thả thuyền từ,

Cõi sen chín phẩm,

Cùng nguyện về Tây Phương).

Tán tụng: Phối hợp với âm nhạc, dùng tiết tấu ưu nhã xướng tụng lên, biểu thị chính mình đối với Phật - Pháp - Tăng Tam Bảo, đối với hết thảy chúng sanh lễ kính tán thán, cũng là cúng dường. Vì thế, nội dung của những kệ tán này hết sức phong phú. Từ xưa, các tổ sư đại đức nói: Trong hành pháp thì lễ kính, tán thán, sám hối, phát nguyện, không gì chẳng đầy đủ.

“A Di Đà Phật, vô thượng y vương”, trị được hết thảy bệnh khổ của chúng sanh. Hết thảy chúng sanh có bệnh khổ gì? Luận theo lục đạo chúng sanh thì bệnh khổ là tham - sân - si - mạn. Tham - sân - si gọi là Tam Độc phiền não, không có gì độc địa hơn chúng. Trong thế gian này (tức là trong lục đạo), gốc rễ của tất cả hết thảy độc hại là tham - sân - si. Vì thế, nếu chuyển biến tham - sân - si thì cội rễ độc hại trong lục đạo sẽ bị diệt sạch. Bồ Tát cũng có bệnh, Bồ Tát bệnh gì vậy? Giải đãi! Vì thế, thiện căn duy nhất của Bồ Tát là Tinh Tấn. Nếu không biết tinh tấn thì là giải đãi. Chúng sanh trong chín pháp giới đều có bệnh, phải nhờ đến A Di Đà Phật là một vị y vương vô thượng chẩn đoán, trị liệu, giúp cho mọi người khôi phục sức khỏe.

“Nguy nguy kim tướng phóng hào quang”: Câu này tán thán công

đức tự hành của A Di Đà Phật. Trong kinh giáo, đức Thế Tôn thường dạy chúng ta: Vì người khác diễn nói. Câu kệ này chính là diễn, A Di Đà Phật đang biểu diễn. Chúng sanh trong chín pháp giới đều có bệnh, A Di Đà Phật biểu diễn sự khỏe mạnh. “*Phóng hào quang*” là tướng bạch hào phóng quang. Chúng ta thường niệm bài kệ Tán Phật: “*Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di, cảm mục trừng thanh tứ đại hải. Quang trung hóa Phật vô số ức, hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên*”. “*Nguy nguy kim tướng phóng hào quang*” có nghĩa là như vậy đó.

“*Khổ hải tác từ hàng*”; từ đây trở xuống là A Di Đà Phật phổ độ chúng sanh, thực hiện nguyện “*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”. Vì thế, ba câu kệ cuối nói về công của Phật, tức công đức và quả đức. “*Khổ hải tác từ hàng*” (làm chiếc thuyền Từ trong biển khổ) là công đức, “*cửu phẩm liên bang, đồng nguyện vãng Tây Phương*” là quả đức: Cửu phẩm liên bang là quả đức, “*đồng nguyện vãng Tây Phương*” là trong ấy có nguyện vọng của chính mình. Nay chúng ta cũng phát ra bốn mươi tám nguyện, nay chúng ta thực sự tin tưởng có Tây Phương Cực Lạc thế giới, có chuyện A Di Đà Phật tiếp dẫn chúng sanh, tin rằng mình y chiếu kinh giáo, nghiêm túc nỗ lực phụng hành, ta sẽ nhất định được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, có cùng một thế nguyện vãng sanh Tây Phương. Lời lẽ không nhiều, chỉ có mấy câu, nhưng nội dung hết sức phong phú. Sau đây lại quy mạng Liên Trì Hội Bồ Tát để tổng kết:

Nam mô Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát.

南無蓮池會菩薩摩訶薩。

Nam Mô nghĩa là quy y, quy mạng. Chính mình bằng lòng quy mạng Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát, ta cũng thành một người trong số các vị Bồ Tát Ma Ha Tát thuộc Liên Trì Hội. Thời thứ nhất đến đây là viên mãn.

ĐỆ NHỊ THỜI

Trong thời thứ hai, kinh A Di Đà, Vãng Sanh Chú đều là lập lại, nên chúng tôi khỏi cần giảng lại, nói một lần được rồi. Mở đầu thời thứ hai, nghi thức mở đầu nhất định cần phải có lễ kính xưng tán.

Nam mô Liên Trì Hải Hội Phật Bồ Tát.

南無蓮池海會佛菩薩。

Ý nghĩa câu này trong phần trên đã nói rồi, đây chính là lễ kính, xưng tán. Tiếp đó là niệm Phật Thuyết A Di Đà Kinh, Bạt Nhất Thiết Nghiệp Chương Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Đà La Ni Chú. Đoạn này chính là tụng kinh, niệm chú. Sau mỗi một đoạn, đều lễ kính xưng tán Liên Trì Hội Bồ Tát. Liên Trì Hội và Liên Trì Hải Hội có khác biệt, nói Liên Trì Hội là nói về thế giới Cực Lạc, Liên Trì Hải Hội bao gồm cả mười phương thế giới, tất cả đều tính gộp. Giống như nay chúng ta phát tâm, thậm chí chưa phát tâm, nghe nói đến danh hiệu A Di Đà Phật, trông thấy tượng A Di Đà Phật, in dấu vào A Lại Da Thức, đều được tính là Liên Trì Hải Hội. Bởi thế, Liên Trì Hải Hội rất lớn, trọn pháp giới, hư không giới. Niệm kinh chú xong, lại lễ kính xưng tán:

Nam mô Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát.

南無蓮池會菩薩摩訶薩。

19. Khai Thị

Tiếp theo là phần khai thị, theo thông lệ, trước phần khai thị có một bài kệ. Chúng ta hãy xem bài kệ ấy trước:

*Tiện tựu kim triêu thành Phật khứ,
Lạc bang hóa chủ dĩ hiềm trì,
Na kham cánh dục chi hồ giả,
Quản thủ luân hồi một liễu thời.*

便就今朝成佛去。

樂邦化主已嫌遲。

那堪更欲之乎者。

管取輪迴沒了時。

(Dấu về thành Phật bữa nay,

Lạc bang hóa chủ chê bai trễ rồi!

Muốn còn bàn luận khơi khơi,

Luân hồi giữ mãi biết đời nào ra!)

Đây là thiền sư Trung Phong giảng cho chúng ta một gậy, hy vọng

cú đập ấy đánh thức chúng ta. Nếu còn không tỉnh sẽ thường xuyên bị Ngài đánh. Nếu quý vị thực sự minh bạch, thực sự giác ngộ, quý vị sẽ trở thành như thế nào? Sẽ đúng như đường chủ Niệm Phật Đường đã nói: *“Buông thân tâm thế giới xuống”*, tức là tất cả pháp thế gian và xuất thế gian đều buông xuống hết.

Hình như có ai đó từng hỏi tôi, viết thư hỏi tôi mấy vấn đề. Ông ta hỏi: *“Nếu chúng ta buông hết thả xuống thì có phải là công việc cũng không cần làm hay không? Cũng chẳng cần chiếu cố người khác, đem tiền đi bố thí hết, chúng ta sống trong ngày mai bằng cách nào đây?”* ông ta nêu ra câu hỏi đó. Nói thật ra, nêu ra những câu hỏi ấy tức là ông ta thực sự không hiểu ý nghĩa kinh Phật, đã hiểu lầm rồi. Tôi giảng ở đây mà quý vị còn hiểu lầm ý nghĩa. Nói khó lắm! Tôi giảng quý vị nghe còn hiểu sai, vậy thì lời Phật giảng lẽ nào chẳng hiểu sai?

Quý vị thấy trong “Tịnh nghiệp tam phước”, câu đầu tiên, đức Phật dạy chúng ta hiếu dưỡng phụ mẫu. Chúng ta buông bỏ hết thả, đối với cha mẹ là bất hiếu. Trong hiếu dưỡng phụ mẫu bao gồm cả chuyện chăm sóc gia đình, làm thế nào để có thể (giống như kinh Phật đã giảng) chiếu cố cả hai mặt? Phải học tập như thế nào mới đúng pháp? Tôi tin rằng có không ít người nghi hoặc như thế. Trên thực tế, trong những buổi giảng chúng tôi thường nói: *“Buông xuống không phải là buông xuống trên mặt Sự, phải buông xuống nơi tâm”*. Quý vị cần phải hiểu: Buông xuống nơi tâm không phải là chuyện gì cũng không quan tâm. Quý vị nghĩ chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát, các Ngài minh tâm kiến tánh, các Ngài buông xuống như thế nào? Quý vị chỉ nghĩ đến đức Phật thường dạy chúng ta thọ trì, đọc tụng vì người khác diễn nói. Thực sự buông xuống, triệt để buông xuống, nhưng buông xuống rồi thì sao? Vì người khác biểu diễn chính là quý vị thực sự buông xuống. Hiện tại là như thế nào? Hiện tại quý vị đang diễn kịch trên sân khấu, quý vị phải diễn cho thật giống, vậy mới là đúng. Có như vậy thì Lý và Sự mới viên dung.

Trong tâm không dính mắc mảy may dơ bẩn nào, các đại đức nhà Thiền thường nói: *“Bách hoa tùng trung quá, phiến diệp bất triêm thân”* (Qua rừng trăm hoa nở, mảy lá chẳng dính thân). Đi qua rừng trăm hoa là tùy duyên, Phật pháp tại thế gian, chẳng lìa pháp thế gian. Phật pháp tại thế gian, chẳng hoại thế gian pháp, mọi pháp thế gian thứ gì cũng đều làm đúng như pháp. Hiếu dưỡng phụ mẫu, tôn kính sư trưởng, yêu mến anh em, luân lý đạo đức điều gì cũng thực hiện cho thật tốt, cho thật viên mãn, trong tâm thực sự không vướng mắc mảy may. Đây chính là Phật,

Bồ Tát. Trong tâm có điều gì thì quý vị là phạm phu. Như vậy, Sự thì có, nhưng Lý thì không, Tướng có, Tánh không, Tánh - Tướng vô ngại, Lý - Sự như một, như vậy mới là thực sự hiểu. Do vậy, càng thực sự hiểu sẽ càng thực sự buông xuống được, càng thực hiện tốt hơn.

Đối với phụ mẫu, tôn trưởng phải chăm sóc hết sức viên mãn chu đáo, vì sao? Nên tấm gương tốt cho đại chúng xã hội. Đó gọi là *“Phật pháp tại thế gian, chẳng lìa pháp thế gian”*, nên gương tốt nhất cho thế gian. Ngũ luân, bát đức⁵¹ thấy đều phải làm, dầu một chút cũng chẳng được lơ mơ, lạng quạng; nhưng tâm địa thanh tịnh, quyết định không tiêm nhiễm mây may, đó là Phật pháp. Phật pháp và thế gian pháp là một pháp, không phải là hai pháp. Quý vị giác ngộ thì Phật pháp là thế gian pháp, thế gian pháp là Phật pháp. Không giác ngộ thì Phật pháp cũng trở thành thế gian pháp. Vì sao? Tâm quý vị không thanh tịnh, quý vị nhiễm ô, quý vị sanh phiền não, không sanh trí huệ. Phật pháp tại thế gian, sanh trí huệ, không sanh phiền não, khác nhau!

Mặt nào cũng làm hết sức chu đáo, diễn tuồng, đức Phật gọi là “diễn nói”, quý vị phải nên gương giác ngộ, nên gương làm Phật, nên gương làm Bồ Tát. Nếu quý vị vẫn chưa hiểu lời nói này, hãy xem năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử: Năm mươi ba vị thiện tri thức ấy đều là chư Phật Như Lai, họ thị hiện các nghề nghiệp, trai, gái, già, trẻ. Quý vị tìm vị nào có thân phận, có hạnh nghiệp liên quan đến mình, thấy vị ấy làm như thế nào, nghĩa là thấy vị ấy biểu diễn như thế nào bèn học theo, sẽ giải quyết được vấn đề của chính mình. Ở đây, đại sư vì lũ người mê hoặc điên đảo, lưu luyện thế gian chúng ta vẫn không chịu nghiêm túc nỗ lực học Phật mà giáng ngay cho một gậy vào đầu!

“Tiện tợ kim triêu thành Phật khứ” (dầu trở về thành Phật ngay trong ngày hôm nay) *“thành Phật khứ”* (đi thành Phật) chính là vãng sanh. Vãng sanh chính là thành Phật, thật đấy, không giả đâu! Chúng ta sanh về thế giới Cực Lạc là ra đi trong khi còn sống, không chết, đang sống mà đi, chứ không phải chết rồi mới đi! Ta còn sống, chưa tắt hơi, sáng suốt, minh mẫn, Phật đến tiếp dẫn, ta theo Phật ra đi! Đó là “đi”, đang còn sống mà theo Phật ra đi, thân thể không cần đến nữa, bỏ đi!

Vì thế, vãng sanh là ra đi trong khi còn sống, chứ không phải chết rồi mới đi. Vì vậy, chúng tôi bảo pháp môn này “không già, không bệnh, không chết”, đó gọi là gì vậy? Là đại sự! Phật vì một đại sự nhân duyên

⁵¹ Ngũ luân: Năm mối quan hệ trong xã hội: Vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bằng hữu. Bát đức: Hiếu, đễ (hòa thuận, yêu thương anh em), trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, si (biết hổ thẹn).

mà xuất hiện trong thế gian, đại sự gì vậy? Chính là đại sự này. Quý vị hãy nghĩ xem: Há còn có sự nào lớn lao hơn chuyện này hay chẳng? Ngài thực sự dạy cho chúng ta cách không già, không bệnh, không chết. Nếu quý vị không chiếu theo phương pháp này mà thực hành thì không còn có cách nào nữa. Đức Phật là thầy, thầy chẳng thể ép buộc học trò, học trò học được thì thành công, nhất định phải nhờ vào ý chí tự phát khởi và tự lực, thầy có giúp cũng không được. Nếu chính quý vị chẳng thể tự động, tự phát, nỗ lực tự cường, quý vị làm sao có thể thành tựu cho được?

Do vậy, ở đây, đại sư giảng: Dẫu cho chúng ta vãng sanh ngay trong hiện tại, thì “*Lạc Bang hóa chủ*” – Lạc Bang là thế giới Cực Lạc, “*hóa chủ*” là A Di Đà Phật – A Di Đà Phật vẫn chê quý vị trở về quá chậm, vì sao giờ này quý vị mới đến? A Di Đà Phật ở trong thế giới Cực Lạc đã mười kiếp, sao bây giờ quý vị mới đến? Vãng sanh ngay trong hiện tại, mà A Di Đà Phật còn chê là chậm trễ. “*Na kham cánh dục chi hồ giả*” (há có nên muốn bàn luận xuông nữa ư): Câu này cũng là giảng cho chúng ta một gậy, chẳng được làm những chuyện “*chi hồ giả dã*” nữa! “*Chi hồ giả dã*”⁵² là gì vậy? Chính là đọc kinh, nghiên cứu giáo pháp, vẫn lưu luyện chôn này, vẫn chưa buông xuống được, vẫn không muốn ra đi ngay lập tức.

Nếu vẫn còn lưu luyện kinh giáo, “*quản thủ luân hồi một liễu thời*” (vẫn giữ lấy luân hồi không lúc nào xong), quý vị vẫn tiếp tục muốn luân hồi trong lục đạo, chẳng thể xong được. Đúng là phải hiểu rõ, phải thông suốt, phải giống như Liên Trì đại sư: “*Tam Tạng thập nhị bộ, nhượng cấp biệt nhân ngộ*” (Tam Tạng mười hai bộ kinh nhường cho người khác ngộ). Muốn học Tam Tạng mười hai bộ kinh chính là làm chuyện “*chi hồ giả dã*”. Nếu thực sự thấu hiểu sẽ không làm chuyện đó nữa, nhường cho người khác ngộ. “*Bát vạn tứ thiên hạnh, nhiều dữ tha nhân hành*” (tám vạn bốn ngàn hạnh, nhường cho người khác hành). Tám vạn bốn ngàn pháp môn, quý vị thích pháp nào thì hành pháp đó, tôi không hành, tôi đã quay đầu lại rồi.

Vì thế, các đại đức tổ sư đến cuối cùng, một bộ A Di Đà Kinh, một câu Nam-mô A Di Đà Phật bèn thành công, bèn viên mãn. Chúng ta

⁵² Chi hồ giả dã: Chi, hồ, giả, dã (之乎者也) là bốn hư từ thông dụng trong Hán văn cổ để làm trợ ngữ từ. Do vậy, chúng thường được dùng để ví với những gì hư huyền, không thực tế. Làm chuyện “*chi hồ giả dã*” tức là làm chuyện phù phiếm, không thiết thực. Ở đây, đại sư có ý nói chê trách những kẻ chỉ lo đàm huyền thuyết diệu, không lo tu tập cầu được giải thoát.

vẫn phải nghiên cứu kinh giáo là vì sao? Vì chưa chết sạch lòng mong ngóng, khiêm hư sát đất tin tưởng, vẫn chưa chịu chết sạch lòng mong ngóng, khiêm hư sát đất buông xuống. Mục đích của kinh giáo là khiến cho quý vị triệt để giác ngộ, hễ giác ngộ rồi thì phải buông hết mọi thứ xuống. Ngộ là thấy thấu suốt, sau khi thấy thấu suốt rồi bèn buông xuống, thâm nhập một môn, một câu A Di Đà Phật niệm đến cùng cực bèn thành công, không còn luân hồi trong lục đạo nữa. Bài kệ này rất quan trọng, hiện thời có được mấy người giác ngộ quay lại? Mấy người thực sự buông xuống?

A! Bây giờ hết giờ rồi.

Tập 48

Chư vị đồng học!

Xin hãy xem tiếp phần khai thị trong thời thứ hai:

Nguyên phù biến thập phương thị Cực Lạc thế giới. Sơn quang thủy sắc, tự không hợp không. Tận đại địa thị Thanh Thái cổ hương, hoa tiêu, điều đề, như kính chiếu kính.

原夫遍十方是極樂世界。山光水色。似空合空。盡大地是清泰故鄉。華笑鳥啼。如鏡照鏡。

(Vốn tròn khắp mười phương là thế giới Cực Lạc. Ánh núi, sắc nước, dường hư không hòa hợp hư không. Khắp cõi đất là quê cũ Thanh Thái. Hoa cười, chim hót, như gương soi gương).

Trước hết chúng ta xem tiểu đoạn này. “Nguyên phù”, “phù” (夫) là trợ ngữ từ, nói theo cách bây giờ thì “nguyên phù” nghĩa là vốn là, nguyên lai. Vốn là thật, là sự thật, “*biến thập phương*” (tròn khắp mười phương) vô lượng vô biên thế giới đều là thế giới Cực Lạc. Vì sao chỗ chúng ta đây lại trở thành khác hẳn thế giới Cực Lạc? Đạo lý này, chân tướng sự thật này phải hiểu rõ. Thế giới vốn là Nhất Chân, thế giới Cực Lạc là Nhất Chân pháp giới. Vì sao thế giới này biến đổi? Nguyên nhân là do chúng sanh cư trụ trong thế giới này đúng như kinh Đại Thừa đã nói: “*Nhất niệm bất giác, nhi hữu vô minh*” (một niệm bất giác bèn có vô minh), bèn dấy lên vô minh. Vô minh là Hoặc, mê hoặc, mê rồi bèn vọng động, tạo nghiệp, khiến cho thế giới vốn là Nhất Chân pháp giới bị bóp méo.

Chúng tôi lại dùng nước làm tỷ dụ để diễn tả: Cả thế giới này giống như nước. Nước vốn là bình tĩnh, nó vốn không nhiễm trước. Trong phần sau, đại sư cũng nêu tỷ dụ: “*Như kính chiếu kính*” (như gương rọi gương). Gương vốn không nhiễm trước, tâm địa của hết thảy chúng sanh đều tịch tịnh, trạm tịch linh minh, tướng được hiện chính là thế giới Cực Lạc. Vốn là như thế đó, tiếc thay quý vị mê hoặc, bèn vọng động. Do vọng động nên khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước. Vì vậy, Nhất Chân, Cực Lạc bèn bị bóp méo.

Mỗi một cá nhân tạo nghiệp mê hoặc khác nhau. Vì vậy, thế giới của mỗi cá nhân khác nhau. Nói thật ra, chẳng thể tìm được hai cá nhân có thế giới giống nhau. Đến lúc nào mới hoàn toàn tương đồng? Khi thành Phật, như thường nói: “*Phật Phật đạo đồng!*” [Thế giới của mỗi vị] Đẳng Giác Bồ Tát đều khác nhau, vẫn còn có sai biệt cực nhỏ nhiệm; đạt đến quả địa Như Lai mới hoàn toàn tương đồng. Vì sao? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều đoạn hết, khôi phục diện mục vốn có, giống như nước trong ao, một mảy nhiễm ô cũng không có, một mảy sóng gợn cũng không có, giống như một tấm gương. Tác dụng của nó là soi rõ ràng, minh bạch những thứ ở bên ngoài. Chỉ cần có chút nhiễm ô, một mảy sóng gợn bèn có sai biệt, hưởng chi gió to, sóng lớn.

Tâm của bọn phàm phu lục đạo chúng ta là gió to, sóng lớn, mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, muốn, thất tình, ngũ dục là gió to sóng lớn. Diện mục vốn có (tức Cực Lạc) không thấy được mảy may nào. Bảo quý vị rằng có Cực Lạc, quý vị vẫn chẳng tin. Đối với sự không tin ấy, chúng ta có thể suy tưởng được: Từ trước đến nay, [người ấy] chưa từng nghe nói đến, từ trước đến nay chưa từng thấy qua, thậm chí nghe người khác nói, [liền tự nhủ]: “Có lẽ là chuyện lý tưởng, sợ rằng không phải là sự thật, lẽ nào có sự thật ấy!” Nói chung không tránh khỏi ngờ vực! Bởi thế, phải hiểu thế giới Cực Lạc vốn tròn khắp mười phương, vô lượng vô biên hết thảy cõi nước đều là thế giới Cực Lạc. Đạo lý này đến bây giờ chúng ta mới hiểu, mới tin tưởng được chân tướng sự thật này, chúng ta không hoài nghi. Tiếp theo đó là cách nói hình dung.

“*Sơn quang, thủy sắc, tự không hợp không*” (Ánh núi, sắc nước, dường như hư không hòa hợp với hư không): Giống như nước trong hồ đầm, ao chuôm vậy, dáng núi in bóng xuống mặt nước, nước thanh tịnh, nước bình tĩnh, không nhiễm ô, không có sóng gợn, giống như một tấm gương, “*tự không hợp không*” (dường như hư không hòa hợp hư không). Nếu như tâm chúng ta thanh tịnh thì như thế nào? Hoàn cảnh bên ngoài sẽ chuyển theo tâm: Tâm thanh tịnh, hoàn cảnh bên ngoài thanh tịnh.

Tâm bình đẳng, hoàn cảnh bên ngoài bèn bình đẳng. Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác là đức hiệu của A Di Đà Phật, mà cũng là đức hiệu của tự tánh chúng ta. Tự tánh của chúng ta vốn là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Nay vì sao không thanh tịnh, không bình đẳng, không giác? Chuyện này phải tự trách mình, không thể trách ai khác! Đây là cảnh giới thanh tịnh bình đẳng giác.

“*Tận đại địa thị Thanh Thái cố hương*” (trọn cõi đất là quê cũ Thanh Thái). Thanh Thái chính là thế giới Cực Lạc. Thế giới Cực Lạc còn có tên là Thanh Thái: Thanh tịnh, Thái (泰) là hòa bình an lạc, hoàn toàn tương phản với thế giới này của chúng ta. Thế giới của chúng ta là thế giới ngũ trược ác thế, Tây Phương Cực Lạc là “*ngũ thanh an thái*” (năm điều thanh tịnh, an vui, hòa bình) không trược, chẳng ác. Đủ thấy rằng sự thật này đúng như đức Thế Tôn thường giảng trong kinh Đại Thừa: “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (Hết thảy các pháp sanh từ tâm tướng). Vì thế, ngày nay chúng ta tu hành là tu cái gì? Trong kinh A Di Đà, đức Thế Tôn đã dạy chúng ta: “*Nhất tâm bất loạn*”, “*tâm không điên đảo*”, hai câu như vậy đó.

Nếu tu đến mức niệm niệm đều là nhất tâm bất loạn thì cảnh giới thấy đều chuyển. Tôi thường nói: Trước nhất là tướng mạo chuyển biến, tiếp đến là thể chất chuyển biến, rồi đến hoàn cảnh cư trụ cũng chuyển biến. Giống như một ngọn đèn, lúc đốt sáng lên, trước hết soi sáng chính mình, mà cũng chiếu trọn khắp mười phương xung quanh quý vị. Độ sáng càng mạnh thì chiếu càng xa. Độ sáng yếu thì chiếu rất gần. Độ sáng yếu hay mạnh là công phu của quý vị cạn hay sâu. Chiếu tan tối tăm, chiếu tan trược ác, Cực Lạc hiện tiền, Thanh Thái hiện tiền. “*Thanh Thái cố hương*”, chữ “*cố hương*” ý vị rất nồng nàn! Vốn sẵn là như thế, nay mê hoặc đã quá lâu, giống như lữ hành bên ngoài, rồi quê cũ quá lâu, quê cũ như thế nào gần như quên mất. Mê luyến trong hoàn cảnh khổ nạn bên ngoài, chẳng biết vốn sẵn là an lạc.

“*Hoa tiếu, diêu đê, như kính chiếu kính*” (Hoa cười, chim hót, như gương soi gương): Hai câu sau cùng này đều là tỷ dụ nhằm hình dung, nghĩa lý rất sâu, chúng ta phải chú tâm thể hội. “*Như gương chiếu gương*”, gương rọi sáng lẫn nhau, cảnh giới được hiện trùng trùng vô tận. Quả thật tỷ dụ này có thể dùng để sánh ví thế giới trùng trùng vô tận được một chút, mây trần chẳng nhiễm, trạm tịch linh minh. “*Hoa cười, chim hót*” nhằm hình dung sự sung sướng. Tiếp theo, thiền sư Trung Phong lại vì chúng ta nói:

Tự thị bất quy, quy tiện đắc. Ngũ hồ yên cảnh hữu thù tranh?

自是不歸歸便得。五湖煙景有誰爭。

(Tự mình không về, chứ về liền được. Cảnh mây khói nơi năm hồ nào ai tranh?)

Chúng ta mê mất tự tánh, không biết quay đầu. “*Tự thị bất quy*” (chính mình không về) nghĩa là không biết quay đầu! Nếu quý vị quay đầu thì [tự tánh] sẽ hiện tiền. Sao gọi là “*quay đầu*”? Dứt sạch vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là “*quay đầu*”; do vì trong tự tánh không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Kinh điển nhà Phật gọi cảnh giới được hiện bởi tự tánh trạm nhiên tịch diệt bằng danh từ Cực Lạc, Hoa Tạng, hoặc là Nhất Chân, đầy đủ là tự tánh duy tâm sở hiện, không phải do duy thức sở biến. Thức là gì? Thức là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; vừa khởi lên những thứ này thì thế giới liền bị biến đổi ngay lập tức, tùy theo thức tâm của quý vị mà sanh ra những biến hóa, biến thành mười pháp giới. Trong mười pháp giới, quý vị chú tâm quan sát sẽ thấy trong mười pháp giới lại có mười pháp giới, Thiên Thai đại sư gọi là “*bách giới thiên như*”. Nếu lại chú tâm quan sát, sẽ là vô lượng vô biên pháp giới, đây chính là những chiều không gian khác nhau được phát hiện bởi các nhà khoa học hiện đại.

Những chiều không gian khác nhau là do đâu mà có? Từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước hiện ra. Chỉ cần buông xuống vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì gọi là Thiên Định, hoặc là tam-muội. Để đột phá những chiều không gian khác nhau, quý vị buông xuống nhiều sẽ đột phá nhiều chiều không gian; buông xuống ít thì đột phá các chiều không gian cũng ít. Người thế gian thường gọi chuyện này là [người tu hành] có thần thông nhiều hay ít khác nhau; thần thông nhiều hay ít là như thế đó: Quý vị buông xuống được nhiều hay ít. Càng buông được nhiều, thần thông càng lớn. A La Hán buông chấp trước (tức Kiến Tư phiền não) xuống, siêu thoát sáu nẻo. Bồ Tát lại tiến xa hơn nữa, buông Trần Sa phiền não xuống, không còn phân biệt; vì thế, các Ngài có thể vượt thoát mười pháp giới. Pháp Thân Bồ Tát lại còn tiến cao hơn nữa, vọng tưởng cũng buông xuống luôn nên trở về Nhất Chân pháp giới, đạt đến địa vị ấy thì gọi là trở về quê cũ Thanh Thái nơi thế giới Cực Lạc.

Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, sẽ nhập cảnh giới này. Đây không phải là chuyện dễ, nay chúng ta không có cách gì cả. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước (tức là phiền não tập khí) buông xuống không được, chỉ có cách nhờ vào A Di Đà Phật giúp đỡ chúng ta,

tiếp dẫn chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đến nơi ấy sẽ dần dần buông xuống được. Qua kinh điển Tịnh Tông, đức Thế Tôn đã giới thiệu cho chúng ta, đức Phật giảng rất rõ ràng, rất minh bạch: Phàm phu nghiệp chướng, tập khí sâu nặng, trừ một môn này ra, các pháp môn khác dầu hay, tuy pháp môn bình đẳng không cao - thấp, nhưng hết thảy chúng sanh căn tánh không bình đẳng, mê - ngộ không bình đẳng, nghiệp chướng không bình đẳng, cho nên phải chọn lấy một pháp môn khế cơ thì mới có thể thọ dụng được. Pháp môn Niệm Phật Trì Danh của Tịnh Tông thích hợp nhất đối với căn cơ của mọi chúng sanh. Chỉ cần quý vị có thể tin, có thể nguyện, có thể chấp trì danh hiệu, như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói: “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (Nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối) thì quý vị sẽ thành công. Do vậy, quý vị phải nghĩ đến chuyện quay đầu, quay đầu là được, “*quy tiện đắc*” (về được liền).

“*Ngũ hồ yên cảnh*” (cảnh sắc năm hồ phủ trong mây khói) chính là tỷ dụ. Trước kia giao thông bất tiện, địa cầu bị núi sông cách trở. Mỗi một khu vực khá cô lập, đây kia chẳng qua lại với nhau. Mọi người thường gọi chung những khu vực của Trung Quốc là “*ngũ hồ tứ hải*”. Nói “*ngũ hồ tứ hải*” cũng như nói đến toàn bộ Trung Quốc. Tứ hải chính là bốn biển Bột Hải, Hoàng Hải, Đông Hải, Nam Hải⁵³ ở phía Đông Trung Quốc. Trong nội địa có Động Đình Hồ, Bà Dương Hồ, Sào Hồ, Thái Hồ, Hồng Trạch Hồ⁵⁴ đều ở hai bên bờ Trường Giang, phong

⁵³ Bột Hải là một phần của Thái Bình Dương, nằm giữa bán đảo Liêu Đông và bán đảo Sơn Đông. Đôi khi Bột Hải còn được gọi là vịnh Trục Lệ hay Thương Hải (biển xanh, không phải Thượng Hải. Thượng Hải là một thành phố).

Hoàng Hải là vùng biển phía Bắc của Trung Hoa tức một phần của Thái Bình Dương nằm giữa Trung Hoa và Đại Hàn, bao gồm cả Bột Hải và vịnh Đại Hàn. Người Đại Hàn thường gọi Hoàng Hải là Tây Hải. Sở dĩ có tên là Hoàng Hải vì bão cát từ sa mạc Gobi tuôn xuống cũng như do phù sa từ Hoàng Hà khiến nước biển có sắc vàng. Đông Hải là vùng biển Thái Bình Dương kể từ cửa sông Trường Giang cho đến eo biển Đài Loan.

Nam Hải là vùng biển kể từ phía Nam Đài Loan cho đến các nước thuộc khu vực Đông Nam Á, ta thường gọi vùng biển này là biển Đông.

⁵⁴ Thông thường, các tự điển kê tên Ngũ Hồ là Động Đình, Bà Dương, Thái Hồ, Thanh Hải, và Hồng Trạch (liệt kê như vậy chỉ là tính theo kích thước, ở đây, Hòa Thượng chỉ kể những hồ nước ngọt lớn nhất của Trung Hoa. Thanh Hải thường được coi là biển nội địa hơn là Hồ). Sào Hồ thuộc tỉnh An Huy, thuộc địa bàn của hai địa khu Bao Hà và Cư Sào và ba huyện (Phi Đông, Phi Tây, Hồ Giang). Theo truyền thuyết, Sào Hồ là nơi quê hương của Hữu Sào Thị (một thị tộc cổ của Trung Hoa đã phát kiến ra cách kết các cành cây làm tổ để ở, rồi dần dần phát triển thành nhà sàn).

cảnh hết sức đẹp. Hiện tại rất nhiều khách du lịch đến Trung Quốc ngoạn cảnh, đại khái những nơi ấy đều thuộc khu vực du lịch trọng điểm. Phong cảnh những nơi đó mặc tình nhìn ngắm, thưởng thức, chẳng có ai tranh, nên thiền sư dùng những cảnh ấy để tỷ dụ người Tây Phương Cực Lạc thế giới tiêu dao tự tại. Giữa người với người không có tranh chấp, không có chiếm hữu; do vậy không có được mất, chẳng giống như thế gian chúng ta lo được, lo mất!

Nói thật ra, toàn bộ thiên nhiên vốn không có giới tuyến; nơi hoàn cảnh cư trú của chúng hiện nay đã biến thành [tình trạng] như thế này: Đất đai nhà của quý vị có giới tuyến phân định nhà mình với nhà hàng xóm. Chúng tôi đọc cuốn Âm Thanh Hoang dã, thấy những thổ dân châu Úc nghĩ bọn người chúng ta (họ gọi chúng ta là “hạng người biến giống”) không phải là người nguyên gốc. Người nguyên gốc không có những quan niệm giới hạn như vậy. Nếu nay vạch ra một khoảnh đất rồi cho là của mình, không cho người khác xâm phạm, quả thật đúng là biến giống, bởi nguyên khởi vốn không hề có chuyện như vậy. Nguyên lai, bất luận cuộc sống tinh thần hay cuộc sống vật chất đều hợp thành một với thiên nhiên. Tối thiểu là chúng ta sống trên quả địa cầu này, toàn bộ địa cầu chính là không gian hoạt động của ta, không câu thúc, không có may mắn chướng ngại nào. Con người hiện tại bày ra chướng ngại khắp nơi, tự mình hạn chế mình, đây là do con người làm ra, chứ tự nhiên không như thế.

Như vậy, chúng ta thấy thiền sư bảo “*hoa cười, chim hát*” nhằm hình dung cuộc sống tự nhiên, cuộc sống không trói buộc, tuyệt đối không nói đến chuyện chiếm hữu, đối lập, những ý niệm ấy đều không có, không có những quan niệm ấy. Niệm niệm tương ứng cùng Pháp Tánh, niệm niệm tương ứng cùng thiên nhiên. Câu này hình dung chúng ta trở về với đại tự nhiên, trở về thế giới Cực Lạc chính là về với đại tự nhiên, ở đây thiền sư Trung Phong khuyên dạy chúng ta như thế. Tiếp theo là:

Hoàng kim tỷ trú dạ thường thùy.

黃金臂晝夜常垂。

(Tay vàng ròng đêm ngày thường rủ).

Đây chính là A Di Đà Phật xòe tay tiếp dẫn, từ trước đến nay, ngày đêm không gián đoạn, hy vọng chúng ta quay đầu.

Duy hứa hành nhân độc ủy.

惟許行人獨委。

(Chỉ đợi mình hành nhân nương nhờ).

Ủy (委) là gởi thân, quy mạng. Trong câu “duy hứa hành nhân” thì “hành nhân” cũng mang ý nghĩa kép:

1) Hành nhân là người tu hành nhất tâm quy mạng A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tiếp dẫn người ấy.

2) Ngoài ra, “hành nhân” còn có nghĩa là người đang lữ hành bên ngoài, xa rời quê nhà. Ở bên ngoài đã lâu lắm rồi, quên mất cả quê nhà.

Câu nói mang hai nghĩa như vậy. Nếu chúng ta giác ngộ, thực sự quay đầu, nói thông tục là hết thấy đều gởi gắm A Di Đà Phật chiếu cố. A Di Đà Phật thực sự chiếu cố quý vị, không giả chút nào hết! Vấn đề là quý vị có thực sự chịu ủy thác cho Ngài hay không? Nếu thực sự ủy thác, Phật sẽ thực sự chiếu cố quý vị.

Bạch ngọc hào cổ kim bất muội.

白玉毫古今不昧。

(Bạch ngọc hào quang xưa nay chẳng tối).

“Bạch ngọc hào” chính là A Di Đà Phật phóng quang từ tướng Bạch Hào, Phật quang chiếu đến quý vị. Trong nhà Phật chúng ta gọi là Phật quang, nay người Tây Phương gọi là “từ trường”. Từ trường của A Di Đà Phật đặc biệt mạnh mẽ, đúng là vượt trội các đức Phật khác. Từ trường của Ngài trọn khắp pháp giới, hư không giới, trọn khắp hết thấy những chiều không gian bất đồng. Trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy là trọn khắp trùng trùng vô tận thế giới, vì sao? Vì A Di Đà Phật biểu thị tánh đức rốt ráo viên mãn, trọn khắp pháp giới hư không giới, trọn khắp trùng trùng vô tận thế giới, pháp vốn là như thế, vốn sẵn là như vậy. Hiện tại:

Toàn bằng nguyện giả thừa đương.

全憑願者承當。

(Hoàn toàn nhờ vào tín - hạnh - nguyện gánh vác).

“Thừa đương” là trực tiếp gánh vác. Chúng ta được Phật quang soi chiếu lợi ích, thường gọi là công đức. Thế nào là “nguyện giả”? Có

Tín, có Hạnh, có Nguyễn. So với câu “*duy hứa hành nhân độc ủy*” (chỉ đợi mình hành nhân nương nhờ) ở trên thì câu này lại sâu hơn một tầng nữa. “*Chỉ đợi mình hành nhân nương nhờ*” là có Tín, có Nguyễn, nhưng không thấy có Hạnh. Ở đây, “*nguyện giả thừa đương*” là đầy đủ ba tư lương Tín - Nguyễn - Hạnh.

Sở dĩ đạo: Vạn pháp thị tâm quang, chư duyên duy tánh liễu, bản vô mê ngộ nhân, chỉ yếu kim nhật liễu.

所以道。萬法是心光。諸緣惟性曉。本無迷悟人。只要今日了。

(Vì thế mới nói: Muôn pháp là tâm quang, các duyên chỉ do tánh chiếu rạng, vốn không có kẻ mê, người ngộ, chỉ cần ngày hôm nay liễu giải).

Bốn câu này nói rất hay. “*Vạn pháp*” bao gồm hư không, pháp giới, cõi nước, chúng sanh, chúng là gì vậy? Đúng là chân tâm, là những ánh sáng, cảnh sắc do tự tánh rung động (ba động, dao động, fluctuations). Các nhà khoa học hiện tại cũng nói như thế. Các nhà khoa học công nhận trong vũ trụ vật chất không tồn tại, vật chất là gì? Là những tướng hiện ra bởi những rung động, cách nói như vậy dần dần tương ứng với Đại Thừa giáo. Vì vậy, khoa học tiến bộ giúp cho Phật giáo rất nhiều. Chúng ta đọc kinh Phật, lại nghe những điều khoa học nói, tín tâm kiên định, nghi hoặc đều đoạn sạch. Hết thấy vạn pháp trong vũ trụ quả thật là những tướng được hiện do những rung động từ tâm quang.

“*Chư duyên duy tánh liễu*” (Các duyên chỉ do tánh tỏ rạng): Tánh là chân tánh, các duyên là hết thấy vạn pháp, vạn sự, vạn pháp. Vạn pháp và “*các duyên*” ở đây có cùng ý nghĩa. Pháp do đâu mà có? Pháp là duyên sanh. Duyên là gì? Là huyền giác do tập khí nhiễm ô nơi chân tánh, là Thức. Nếu dùng “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*” để giải thích bốn câu của thiền sư Trung Phong sẽ dễ dàng hiểu rõ. “*Vạn pháp thị tâm quang*” (Vạn pháp là tâm quang) nghĩa là duy tâm sở hiện; “*chư duyên duy tánh liễu*” (các duyên chỉ do tánh tỏ rạng) là duy thức sở biến.

“*Bổn vô mê ngộ nhân*” (vốn không có người mê hay kẻ ngộ). Con người quả thật không có mê và ngộ, mê và ngộ là gì? Là nhận biết sai lầm. Con người là vật chất, quả thật không mê hay ngộ. Phật tánh không có mê hay ngộ, Pháp Tánh không có mê hay ngộ. Mê - ngộ là duyên, đến

phần khai thị trong đoạn sau, thiền sư Trung Phong sẽ giảng thật rõ. Ngài giảng tâm có nhiều thứ, mê - ngộ là gì? Mê - ngộ là Duyên Lự tâm, là tám thức, năm mươi một Tâm Sở, ở trong những thứ ấy có thể nói đến mê, nhắc đến ngộ, chứ trong tự tánh không có mê hay ngộ, trong Pháp Tánh không có mê hay ngộ, trong pháp giới không có mê hay ngộ.

Vì thế, “*chỉ yếu kim nhật liễu*” (chỉ cần ngày nay liễu giải), ngày hôm nay đột nhiên giác ngộ, vấn đề bèn được giải quyết. Nói trên mặt lý luận, phàm phu thành Phật chỉ trong một niệm, lẽ đâu phải mất cả một ngày để giác ngộ? Nào phải mất cả ngày để quay đầu? Hy vọng quý vị hiện tại giác ngộ, hiện tại quay đầu, buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống chính là quay đầu. Chúng tôi thường khuyến khích các đồng học, phải chú trọng buông tự tư, tự lợi xuống, phải buông danh văn, lợi dưỡng xuống, phải buông sự hưởng thụ ngũ dục lục trần xuống, phải buông tham - sân - si - mạn xuống. Từ vô thủy kiếp đến nay, những thứ này đã hại chúng ta phải đời đời kiếp luân hồi trong lục đạo, đau khổ đã nếm đủ quá rồi, hãy nên giác ngộ, hãy nên quay đầu lại, hãy nên buông xuống. Buông xuống chính là quay đầu về với bản lai diện mục của chúng ta, thế giới Cực Lạc, quê cũ Thanh Thái. Hãy xem tiếp đoạn khai thị tiếp theo:

Tức kim hiện tiền chúng đẳng, hệ niệm đệ nhị thời Phật sự.

即今現前眾等。繫念第二時佛事。

(Vây nay đại chúng hiện tiền, Phật sự Hệ Niệm thời thứ hai).

Vốn là có ba thời hệ niệm, đây là thời thứ hai. Đại chúng hiện đang ở trong thời thứ hai.

Thả liễu chi nhất cú, như hà cử dương?

且了之一句。如何舉揚。

(Vây thì liễu giải rồi, một câu phải diễn nói như thế nào đây?)

“*Liễu chi*” (liễu giải rồi) do đâu mà có? Từ phần khai thị trên đã nói: “*Bổn vô mê ngộ nhân, chỉ yếu kim nhật liễu*” (Vốn không có người mê hay kẻ ngộ, chỉ cần ngày nay liễu giải). Hiện tiền đại chúng chúng ta, mau đã liễu giải một câu rồi thì phải diễn nói như thế nào đây? Ở đây, đại sư lại y như cũ, trao cho chúng ta thiền ý. Chúng ta có tham thấu mới hòng thụ dụng. Tham không thấu cũng không sao, cứ chất phác niệm Phật cũng được. Ngài nói hai câu:

**Lưu ly trì thượng huyền minh nguyệt,
Hạm đạm hoa gian hý thủy cầm.**

琉璃池上懸明月。

菡萏華間戲水禽。

(Ao lưu ly trắng sáng vắt ngang,
Quanh sen búp, thủy cầm đùa bỡn).

Đây là nói hiện tiền đại chúng chúng ta nên liễu giải như thế nào. Câu thứ nhất giảng về minh tâm kiến tánh, tâm tánh vốn sẵn sáng suốt, nay như thế nào? Nay không trong sáng, vì sao không sáng? Vì có những thứ đã nói trên đây chướng ngại, những thứ gì vậy? Phiền não tập khí, Phiền Não Chướng, Sở Tri Chướng, hai thứ chướng ấy ngăn lấp tánh. Tâm tánh vốn là “lưu ly trì thượng huyền minh nguyệt” (vàng trắng sáng treo ngang ao lưu ly); nay ao lưu ly biến thành nước đục, không thấy được vàng trắng sáng nữa.

Làm thế nào để khôi phục tự tánh của chính mình? Buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống. Tổ sư đại đức dạy cho hàng sơ học phương pháp rất tốt, nhưng tự chúng ta quá lơ đãng, không nghe hiểu, không biết y giáo phụng hành. Các Ngài dạy chúng ta phương pháp: Trong cuộc sống thường ngày khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, hành vi chớ tùy thuận phiền não tập khí của chính mình, phải tùy thuận giáo huấn của Phật, Bồ Tát, phải tùy thuận tánh đức. Nếu thực sự làm được như thế, nghiêm túc làm, đêm ngày đều không rời thì nói chung là từ ba đến năm năm bèn có hiệu quả hết sức tốt đẹp. Hiệu quả thù thắng nhất có thể là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh; kém hơn thì tuy chưa thể triệt ngộ, nhưng khẳng định là có đại ngộ. Trong vòng ba đến năm năm, thời thời khắc khắc có tiểu ngộ, tích tiểu ngộ thành đại ngộ, tích đại ngộ thành triệt ngộ; vấn đề là phải nghiêm túc tu tập, phải khắc phục phiền não tập khí của chính mình. Câu tiếp theo nói đến du hý thần thông.

“Hạm đạm hoa gian hý thủy cầm” (loài thủy cầm đùa giỡn giữa các búp sen). “Hạm đạm” là [búp] hoa sen, hoa sen trong ao, loài thủy cầm⁵⁵ cũng ở trong ao hoa sen, rất tự tại, rất tiêu dao. Câu này là hình dung nhằm làm cho quý vị đối với cảnh giới ấy phải chú tâm lãnh hội. Lãnh hội không được thì cứ niệm Phật, chuyên tu pháp môn Trì Danh này. Tiếp đó là bài kệ tán Phật, chúng ta đọc qua một lượt là được rồi, trước kia đã giảng rồi:

⁵⁵ Thủy cầm: Những loài chim sống dưới nước như le le, ngỗng, vịt, uyên ương...

20. Kệ Tán Phật

*A Di Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân.
Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di,
Cám mục trường thanh tứ đại hải.
Quang trung hóa Phật vô số ức,
Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên.
Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh,
Cửu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn.
Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà*

Phật.

阿彌陀佛身金色。
相好光明無等倫。
白毫宛轉五須彌。
紺目澄清四大海。
光中化佛無數億。
化菩薩眾亦無邊。
四十八願度眾生。
九品咸令登彼岸。
南無西方極樂世界。大慈大悲。阿彌陀佛。

Đoạn văn này hết sức quan trọng, là trung tâm của pháp sự Hệ Niệm. Tất cả những chuyện niệm kinh, niệm chú, khai thị đều là trợ duyên, trung tâm của pháp sự này là niệm Phật. Vì thế, ở đây thiền sư dẫn dò chúng ta: Phật hiệu niệm càng nhiều càng tốt. Thông thường, đơn giản nhất là niệm một trăm tiếng, nếu thực sự niệm thì nên niệm một ngàn tiếng, trong tâm quý vị mới định lại được, mới hòng thọ dụng. Một trăm tiếng là mới hơi định thôi, sau đây không còn định nữa, rất khó có hiệu quả. Tiếp đến là tán Phật:

21. Di Đà Đại Nguyện Tán

*Đệ nhất đại nguyện,
Quán tưởng Di Đà,
Tứ thập bát nguyện độ Sa Bà,*

**Cửu phẩm dũng kim ba,
Bảo võng giao la,
Độ vong linh xuất ái hà.
Nam mô Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát.**

第一大願。

觀想彌陀。

四十八願度娑婆。

九品湧金波。

寶網交羅。

度亡靈出愛河。

南無蓮池會菩薩摩訶薩。

Đoạn này bảo chúng ta tu hành, chúng ta là hạng căn tánh như vậy thì phải tu hành như thế mới thực sự đạt được lợi ích.

22. Khai Thị

Dưới đây lại là phần khai thị lần thứ hai, mở đầu cũng là bốn câu kệ:

**Thị tâm thị Phật tương tâm niệm,
Niệm đáo tâm không, Phật diệt vong,
Tán thủ quy lai trùng kiểm điểm,
Hoa khai xích bạch dữ thanh hoàng.**

是心是佛將心念。

念到心空佛亦忘。

撒手歸來重檢點。

華開赤白與青黃。

(Tâm này là Phật đem tâm niệm,
Niệm đến tâm không, Phật cũng không,
Thông tay quay về kiểm điểm lại,
Hoa chen trắng đỏ lẫn xanh vàng).

“Thị tâm thị Phật” (tâm này là Phật), trong phần trên đã nói qua, “tương tâm niệm” (hãy đem tâm niệm) là đúng quá rồi! “Đem tâm niệm” chính là “tâm này làm Phật”, hoàn toàn tương đồng, hoàn toàn

ứng với lời đức Thế Tôn đã giảng trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật. Quán kinh dạy: “*Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật*” (tâm này là Phật, tâm này làm Phật). Làm Phật như thế nào? Niệm Phật chính là làm Phật, cái tâm của quý vị vốn là Phật, nay lại niệm Phật, sao không thành Phật cho được!

A! Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp bài kệ trong phần khai thị lần thứ hai:

***Thị tâm thị Phật tương tâm niệm,
Niệm đáo tâm không, Phật diệt vong.***

是心是佛將心念。

念到心空佛亦忘。

*(Tâm này là Phật, đem tâm niệm,
Niệm đến tâm không, Phật cũng không).*

Đây là nói đến lúc công phu thành thực, tam-muội hiện tiền, bầu trời tâm tánh hoàn toàn hiện bày. Trong pháp môn Niệm Phật, cảnh giới này được gọi là nhất tâm bất loạn, cùng một cảnh giới “đại triệt, đại ngộ, minh tâm, kiến tánh” của Thiền tông. Cũng có thể nói là: Đã đoạn phân biệt, chấp trước, đối với hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian không phân biệt, không chấp trước, vọng tưởng cũng phá được một phần, tối thiểu là phá được một phẩm [vô minh], vượt thoát mười pháp giới. Lúc ấy sẽ trụ trong Nhất Chân pháp giới, pháp Đại Thừa gọi [người như vậy] là Pháp Thân Bồ Tát hay Pháp Thân đại sĩ. Hai câu kệ tiếp theo nói đến cảnh giới của bậc Pháp Thân đại sĩ. Nếu chúng ta dùng nhân quả để luận thì hai câu kệ ấy nói lên quả báo của bậc Pháp Thân Bồ Tát. Chúng ta hãy xét quả báo của các Ngài:

Tán thủ quy lai, trùng kiểm điểm.

撒手歸來重檢點。

(Thông tay quay về kiểm điểm lại).

“*Tán thủ*” (thông tay) là buông xuống, thân tâm, thế giới hết thảy

đều buông xuống. “Quy lai” (quay về) là hồi quy Tự Tánh, như Lục Tổ đại sư đã nói trong Đàn Kinh: “*Bổn lai vô nhất vật, hà xứ nhạ trần ai*” (vốn không có một vật, chỗ nào nhuộm bụi trần). Chỗ nào nhuộm bụi trần là câu trả lời của Ngài dành cho thiền sư Thần Tú, quan trọng nhất là “*vốn không có một vật*”. Tất cả hết thấy hiện tượng là “duy tâm sở hiện”, trong ấy không có Thức biến. Nói theo cách của chúng ta [thường nói] thì là hoàn toàn tự nhiên, trong ấy không có mảy may nào do sức người tạo tác, hoàn toàn thuộc về đại tự nhiên.

Hoa khai xích bạch dữ thanh hoàng.

華開赤白與青黃。

(Hoa chen trắng đỏ lẫn xanh vàng).

Pháp vốn là như vậy, là cảnh sắc sẵn có trong tự nhiên. Ngài Trung Phong dùng hoa sen bốn màu trong ao bảy báu để mượn chuyện này diễn tả chuyện kia, vẽ mây để gợi trăng⁵⁶, khiến cho chúng ta từ đây hiểu được cuộc sống của bậc Pháp Thân Bồ Tát: Tùy thuận Pháp Tánh, tùy thuận tự nhiên, trong ấy chẳng thêm vào mảy may ý tưởng nào, đây mới là trọn vẹn. Những vị Pháp Thân Bồ Tát ấy sống ở đâu? Ở đâu cũng được, trọn chẳng chướng ngại gì. Trong thế gian của chúng ta đây có Pháp Thân Bồ Tát hay chẳng? Có! Khẳng định là có. Chư Phật Như Lai và các Pháp Thân Bồ Tát ứng hóa trong thế gian này của chúng ta, mang thân phận bất định, chúng ta thực sự không thể biết được.

Trong kinh, đức Phật dạy: Những người ứng hóa trong thế gian, trai, gái, già, trẻ, đủ mọi ngành nghề, nên dùng thân phận nào để độ bèn hiện thân ấy, giống như ba mươi hai ứng thân của Quán Thế Âm Bồ Tát, hoặc [năm mươi ba vị thiện tri thức trong] năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm, không hiện thân nhất định nào, chúng ta nhìn không ra. Họ đúng là niệm niệm hạnh hạnh đều tương ứng với Pháp Tánh, tương ứng với pháp giới. Câu thứ nhất nói về Lý, câu thứ hai nói về công phu, câu ba và câu bốn luận về cảnh giới.

⁵⁶ Nguyên văn “*hồng vân thác nguyệt*”. Đây là một cách dùng những sự kiện liên hệ để gợi ý đến sự vật ta muốn diễn tả. Từ này có ý nghĩa gốc là cách vẽ trăng trong hội họa truyền thống Trung Hoa. Để vẽ mặt trăng họ vẽ mây vờn quanh một vòng tròn hay một nửa vòng tròn. Cách vẽ ấy gọi là “*hồng vân thác nguyệt*” (dồn mây để gợi ý liên tưởng đến trăng). Tương tự, Trung Phong đại sư dùng hoa sen bốn màu để người nghe liên tưởng đến cõi Cực Lạc là liên hoa hóa thân rồi nghĩ tới hoàn cảnh sống ưu nhã trong thế giới Cực Lạc.

Chư Phật, Bồ Tát, và thiền sư Trung Phong đều hy vọng chúng ta có thể niệm Phật có được một chút thành tựu, mà cũng có thể nhập vào cảnh giới này. Hãy xem phần khai thị tiếp theo:

Giáo trung đạo:

教中道。

(Trong giáo pháp đã dạy).

Đức Thế Tôn trong khi dạy dỗ đã có nói mấy câu như sau:

Duy tâm Phật diệc nhĩ, duy Phật chúng sanh nhiên. Tâm, Phật, cập chúng sanh, thị tam vô sai biệt.

惟心佛亦爾。惟佛眾生然。心佛及眾生。是三無差別

(Luận về tâm, Phật cũng thế; luận về Phật, chúng sanh cũng thế.

Tâm, Phật và chúng sanh là ba thứ không sai biệt).

Bài kệ đầu tiên rất quan trọng, giảng: Tâm, Phật và chúng sanh là một nhưng mà ba, tuy ba nhưng là một. Chúng ta thường thấy cô đại đức dẫn dụng “tâm, Phật, chúng sanh, ba điều này không sai biệt”, nguyên văn giống như ở đây. Tâm là Thể. “Duy tâm Phật diệc nhĩ”: Tâm là Thể, Phật là giác tướng. Quý vị đối với tâm bèn giác chứ không mê thì gọi là Phật. “Duy Phật chúng sanh nhiên”: Chúng sanh mê nơi tướng, Phật là giác, quý vị mê chứ không giác, nên gọi là chúng sanh. Chứ trên thực tế, “tâm, Phật, cập chúng sanh, thị tam vô sai biệt” (tâm, Phật và chúng sanh là ba thứ không sai biệt). Vì sao? Cái Thể của giác hay mê trọn chẳng thể được, giác hay mê là từ duyên sanh. Phàm những pháp nào là duyên sanh thì đều không có Tự Thể, duyên sanh vô tánh. Tánh ấy chính là Tự Thể.

Vì thế, mê thì gọi là vọng, chẳng gọi là chân. Chân là như thế nào? Chân phải có Thể, có Tự Thể. Không có Tự Thể thì là vọng, hư vọng, không phải là chân thật. Vì thế, trong kinh Kim Cang giảng về thể giới như sau: “Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh” (hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Kinh lại còn giảng minh bạch: “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng” (Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng). Vì sao? Duyên sanh mà! Kinh Đại Thừa thường nói: “Duyên khởi tánh Không”, tánh Không là chẳng có tự tánh, cho nên không sai biệt, là một. Chỉ là mê hay ngộ sai khác, ngoại trừ mê hay ngộ ra, về căn bản không có sai biệt. Ở đây quan trọng nhất là tâm, “nhược

nhân thức đắc tâm, đại địa vô thốn thổ” (nếu ai biết được tâm, đại địa không tác đất). Tâm là gì? Tâm rất quan trọng. Dưới đây, thiền sư Trung Phong khai thị cho chúng ta:

Sở vị tâm giả, tâm hữu đa chủng, viết: Nhục đoàn tâm, nãi hiện tại thân trung, phụ mẫu huyết khí sở sanh giả thị.

所謂心者。心有多種。曰肉團心。乃現在身中。父母血氣所生者是。

(Nói đến tâm thì tâm có nhiều thứ, như: Nhục đoàn tâm (quả tim thịt) [tức quả tim] hiện đang ở trong cái thân do huyết khí cha mẹ sanh ra chính là cái tâm ấy).

Đây là cái tâm như mọi người chúng ta thường nói. Cái tâm mà chúng ta thường nhắc đến là gì vậy? Chính là một khí quan (cơ quan) trong thân thể chúng ta tức tâm tạng (tim). Quý vị thấy người thể gian nói đến tâm thường vỗ ngực: Tâm ta đây! Cái tâm ấy không có công dụng chi cả! Phật pháp nói đến tâm thì cái tâm ấy phải linh minh giác tri. Loại thứ hai là:

Viết Duyên Lự Tâm, tức hiện kim thiện ác thuận nghịch cảnh giới thượng chủng chủng phân biệt giả thị.

曰緣慮心。即現今善惡順逆境界上種種分別者是。

(Hoặc Duyên Lự Tâm, tức cái tâm nay đang phân biệt mọi thứ cảnh giới thiện - ác, thuận - nghịch vậy).

Chúng ta chú tâm quan sát phàm phu trong thể gian, ai chẳng nghĩ thân mình chính là Ngã? Ấy là mê rất nặng, đúng là phàm phu. Hạng người thông minh bậc nhất biết thân không phải là Ngã. Triết học gia Tây phương bảo: “Tôi tư duy nên tôi tồn tại”⁵⁷. Ngã là gì? Ngã là cái có thể suy nghĩ, có thể tưởng tượng, có thể phân biệt đúng - sai, thiện - ác, cho đó là Ngã, cho đó là tâm ta. Trong hội Lăng Nghiêm, tôn giả A Nan

⁵⁷ Đây là một câu nói nổi tiếng của René Descartes: “*Je pense donc je suis*”. Đây là cách nói rút gọn của nguyên văn câu nói bằng tiếng Latin của Descartes: “*Dubito ergo cogito ergo sum*” (Tôi nghi ngờ, như vậy là tôi suy nghĩ, do đó, tôi tồn tại). René Descartes (1596-1650) là một nhà triết học Pháp, nhưng sống phần lớn tại Hà Lan và mất tại Stockholm, Thụy Điển. Quan điểm triết học của ông ta thường gọi là Rationalism (Duy Lý).

cũng cho đó là tâm. Thích Ca Mâu Ni Phật hết sức cao minh, hỏi vặn: “Ông nói ông có cái tâm, không cần biết là chân tâm hay vọng tâm, cái tâm ấy ở chỗ nào?” Ngài A Nan cũng thật thông minh, nói ra bảy chỗ. Chúng ta không thể tìm ra bảy chỗ, Ngài tìm được bảy chỗ, Ngài cao minh hơn chúng ta nhiều lắm! Bảy chỗ ấy đều bị đức Thế Tôn bác hết!

Nói thật ra, những cái tâm mà ngài A Nan đã nói đều là Duyên Lự Tâm. Duyên Lự Tâm là vọng tâm, tức là tám thức, năm mươi một Tâm Sở. Duyên Lự Tâm, nói thật ra, cũng tìm không được. Nó ở chỗ nào? Giống hệt chân tâm, chân tâm bị mê thì gọi là Duyên Lự Tâm. Giác ngộ thì gọi là Linh Tri Tâm. Linh Tri Tâm là Phật, Duyên Lự Tâm là phàm phu, là chúng sanh. Chúng sanh và Phật sai khác ở chỗ này: Một đẳng giác, một đẳng mê. Tác dụng của mê cũng rất lớn, cũng chẳng thể nghĩ bàn. Quý vị thấy mê rồi sẽ biến thành gì? Biến thành mười pháp giới. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới do mê biến hiện. Hoàn toàn mê rồi, không giác ngộ, sẽ biến thành lục đạo. Trong mê bắt đầu giác ngộ bèn thành bốn thánh pháp giới Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật. [Nói tới] Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật thì Phật ấy chính là Phật trong mười pháp giới. Thiên Thai đại sư gọi [địa vị trong mười pháp giới ấy] là Tương Tự Tức Phật, vẫn chưa phải thực sự là Phật, chỉ gần giống Phật. Chúng ta chẳng thể không biết điều này.

Tâm không có xứ sở, quý vị nói tâm ở trong thân, ở ngoài thân, nói ở chỗ nào cũng chẳng thể thành lập. Kinh Lăng Nghiêm giảng rất nhiều, nói thật ra cũng chẳng dễ hiểu gì. Chúng tôi dùng tỷ dụ để diễn tả: Hiện thời mọi người đối với cái màn huỳnh quang, bất luận là màn hình của máy computer hay là màn hình TV [rất quen thuộc], tâm là gì? Tâm chính là màn hình. Nó có thể hiện, có thể biến (năng hiện năng biến), còn những cái được biến, (sở hiện sở biến) được hiện là những sắc tướng. Quý vị hãy nghĩ thử xem: Những sắc tướng ấy có sắc tướng nào rời khỏi cái màn huỳnh quang hay không? Màn huỳnh quang chính là cái tâm có thể hiện, có thể biến, không thể tách rời được! Vì thế, quý vị chẳng thể nói là nó ở bên trong, cũng chẳng thể nói là ở bên ngoài, vì sao? Không chỗ nào chẳng tồn tại. Vì thế, nếu quý vị hiểu được, triệt để thấu hiểu thì quý vị nói là bên trong, hay nói là bên ngoài, nói sao cũng đúng, đều không sai. Còn nếu quý vị không biết thì suy lường ở đâu cũng trật, suy xét như thế nào cũng đều sai.

Bởi vậy, đối với người giác ngộ, chỗ nào cũng đúng, còn người chưa giác ngộ, chỗ nào cũng trật, đều là hiện tượng được sanh ra. Phật khác với Bồ Tát ở chỗ này. Đối với hết thảy chân tướng sự thật này: Cái

có thể hiện có thể biến và những cái được hiện được biến, Phật đều hiểu rõ ràng thấu suốt, không mê hoặc chút xíu nào. Phàm phu chúng ta đối với cái có thể hiện có thể biến và cái được hiện được biến hoàn toàn không biết. Đây chính là chỗ sai khác giữa mê và ngộ. Nơi tướng được hiện không có sai biệt! Giống như chúng ta nhìn vào những sắc tướng hiện ra nơi màn huỳnh quang, ảnh tượng được hiện không có sai biệt, nhưng lúc mỗi một cá nhân chúng ta nhìn vào mỗi người sẽ cảm nhận sai khác.

Trưa hôm qua, dùng cơm xong, cư sĩ Chung Mậu Sâm lại yêu cầu tôi giảng mấy câu. Nói thật ra, tôi đã từng giảng quá nhiều rồi, mỗi ngày giảng bốn giờ. Ông ta yêu cầu ba lượt, tôi chẳng thể không giảng mấy câu, quý vị thấy tôi nói mấy câu, ông ta cảm động ứa nước mắt, mọi người đều trông thấy. Bao nhiêu người cùng nghe tôi nói những lời ấy, có người nghe xong không cảm thấy gì hết, có người nghe xong cảm động ứa nước mắt. Mỗi một người nghe thấy cảm xúc khác nhau, là vì nguyên nhân gì vậy? Mê hay ngộ khác nhau. Có người mê quá sâu, có người mê rất cạn, có người ngộ rất sâu, có người ngộ rất cạn. Vì thế, sáu căn của chúng ta tiếp xúc với cảnh giới sáu trần bên ngoài, mỗi người cảm nhận hoàn toàn khác nhau.

Trong phần trên, thiền sư Trung Phong đã nói một bài kệ, chính là niệm Phật đến nơi đến chốn, niệm Phật đạt đến cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn. Chúng ta đọc bài kệ ấy, chẳng biết Ngài nói gì! Vì sao? Chẳng phải là cảnh giới của chúng ta! Nếu chúng ta niệm Phật có công phu khá, gần với cảnh giới của Ngài, sẽ có cảm thọ khác hẳn. Như vậy, đây là Duyên Lự Tâm, đây là vọng tâm, chỉ do Thức biến. Tiếp theo đó, Ngài lại giảng:

Viết Linh Tri Tâm.

曰靈知心。

(Là Linh Tri Tâm).

Linh Tri Tâm là chân tâm. Chân tâm có thể hiện, cái được chân tâm hiện chính là Nhất Chân pháp giới, thế giới Cực Lạc, thế giới Hoa Tạng. Ấy chính là “*phong cảnh sẵn có chẳng bị biến dạng mảy may*”, chẳng bị biến đổi tí ti nào, cảnh sắc sẵn có tốt đẹp đến cùng cực. Vì sao biến thành mười pháp giới? Vì sao biến thành Sa Bà, ngũ trược ác thế? Đó là do Duyên Lự Tâm biến. Trong Duyên Lự Tâm có thiện - ác, có thuận - nghịch.

Nếu Duyên Lự Tâm (vọng tâm) của chúng ta chỉ có thiện, không có ác, chỉ tùy thuận Pháp Tánh, tuyệt đối chẳng trái nghịch Pháp Tánh thì cảnh giới được hiện sẽ là cảnh giới nào? Là cảnh giới nhân thiên, chẳng phải là Dục Giới thiên, mà là Sắc Giới thiên, Vô Sắc Giới thiên, tứ thánh pháp giới, hiện ra những cảnh giới ấy. Nếu thiện ác xen tạp, trong thuận có nghịch, trong nghịch có thuận, chẳng thuần túy thuận mà cũng chẳng hoàn toàn nghịch thì là cảnh giới phàm phu. Nếu như ác nhiều thiện ít, nghịch nhiều thiện ít (thuận là tùy thuận Pháp Tánh, tùy thuận sự giáo huấn của Phật, Bồ Tát), quý vị không chịu tùy thuận sự giáo huấn của Phật, Bồ Tát, mà tùy thuận phiền não tập khí của chính mình, ác nhiều, thiện ít, sẽ hiện ra cảnh giới nào? Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cảnh giới tam đồ!

Như vậy, quý vị phải hiểu: Tam đồ lục đạo đều do Duyên Lự Tâm biến hiện, thế nhưng tướng được hiện là do Linh Tri Tâm biến hiện. Duyên Lự Tâm bóp méo những tướng được hiện ấy, biến hoại những tướng ấy. Vì thế, quý vị đừng nên dùng Duyên Lự Tâm nữa! Ai có thể không dùng tâm này? Chư Phật Như Lai không dùng tâm này, Pháp Thân Bồ Tát cũng chẳng dùng tâm này. Pháp Thân Bồ Tát chuyển tám Thức thành bốn Trí, không dùng tâm này nữa. Do đó, họ trở về với bản lai diện mục, cái thiện vốn sẵn có sẽ hiện tiền. Nho gia nói “*nhân chi sơ, tánh bản thiện*” (con người thoát đầu tánh vốn lành), bản thiện sẽ hiện tiền. Bản thiện là gì vậy? Bản thiện là Nhất Chân pháp giới, bản thiện là thế giới Cực Lạc, bản thiện là thế giới Hoa Tạng.

Linh Tri Tâm là công năng của chân tâm, là năng lực sẵn có của nó, nó bắt sanh, bắt diệt, không đến, không đi, không thường, không đoạn, không phải có, chẳng phải không. Nó ở đâu? Trọn khắp pháp giới, hư không giới, ngay cả hư không cũng do nó sanh ra, đều là duy tâm sở hiện, do tâm Linh Tri hiện. Bởi vậy, Thể của hết thảy vạn sự vạn vật (có thể hiện, có thể sanh) là Linh Tri Tâm. Những vật được hiện bởi nó quyết định chẳng mất tánh năng, chẳng bị mất đi. Cổ nhân nêu tỷ dụ: “*Dĩ kim tác khí, khí khí giai kim*” (dùng vàng làm đồ vật, món nào cũng là vàng). Chúng ta lấy vàng ròng làm đồ vật, nếu nay quý vị đến viếng những tiệm bán châu báu, coi những đồ châu báu được sản xuất bởi những công ty lớn, họ có phòng Triển Lãm, chúng tôi từng đến xem một lần, quy mô kể ra không nhỏ. Hai ba vạn loại, mỗi một loại đều khác nhau, đúng là lánh lánh chói mắt, đẹp không thể diễn tả được. Xem khắp hết cả xong, nói thật ra, chỉ có một chữ mà thôi: “Vàng”! Toàn là đồ do vàng ròng chế thành, không một món nào mất đi bản chất của vàng ròng.

Chúng ta hiểu hư không, pháp giới, cõi nước, chúng sanh đều do Linh Tri Tâm biến hiện ra, Linh Tri Tâm giống như vàng ròng. Vạn sự vạn pháp trong thế gian giống như những thành phẩm chế từ vàng ròng, chẳng mất đi tánh năng của vàng. Tánh năng của nó là gì? Linh tri! Cư sĩ Giang Bồn Thắng làm thí nghiệm nước kết tinh, đã nhận thấy nước biết nghe, biết thấy, lạ lùng quá! Lạ lùng ở chỗ nào? Chẳng lạ lùng tí xiu nào! Thể tánh của nước là linh tri. Trong các kinh Đại Thừa, đức Phật thường gọi Linh Tri là “thấy - nghe - hay - biết”, thấy - nghe - hay - biết là tánh năng của Chân Như bốn tánh. Tánh năng ấy vốn sẵn có, không phải từ bên ngoài mà có, thấy - nghe - hay - biết là tánh năng của Chân Như bốn tánh. Tánh năng ấy vốn sẵn có, chẳng do từ bên ngoài mà có, cho nên tất cả hết thảy vạn sự vạn vật được biến hiện đều có thể thấy - nghe - hay - biết. Nhờ nước, tức là qua thí nghiệm kết tinh nước, ta đã thấy được điều ấy, rồi lại mở rộng ra, dùng cơm, cũng đem cơm làm thí nghiệm. Quả thật nó có thể thấy - nghe - hay - biết. Tại Đài Loan, các học sinh Tiểu Học lấy bánh mận đầu làm thí nghiệm, cũng nhận thấy mận đầu cũng có khả năng thấy - nghe - hay - biết. Chúng nó dùng táo, dùng chuối, dùng trái cây hay ăn thường ngày, rồi lại dùng những loại cây Bồn Tài (Bonsai), những thực vật nhỏ, gởi đến chúng những thông điệp, chúng đều thấy - nghe - hay - biết, [những người làm thí nghiệm] cảm thấy thật chẳng thể nghĩ bàn. Thật ra trong kinh Phật từ ba ngàn năm trước đã nói rõ ràng những chuyện ấy rồi.

Vì thế, chúng tôi mong mỗi những thí nghiệm ấy được mở rộng hơn nữa, thí nghiệm trên khoáng vật. Nước vốn là khoáng vật, ta sẽ lại thí nghiệm trên cát, bùn. Do vì kinh Phật đã nói, lớn như thế giới, nhỏ như vi trần, “*nhất thiết nhân quả, thế giới, vi trần, nhân tâm thành Thể*” (hết thảy nhân quả, thế giới, vi trần, do tâm mà thành Thể). Tâm ấy là tâm Linh Tri, Thể đã là linh tri thì hết thảy hiện tượng được hiện, ngay cả vi trần cũng đều có đủ công năng thấy - nghe - hay - biết. Rất hy hữu, những điều ấy đã được các nhà khoa học dùng máy móc phát hiện, thực sự dò tìm được. Đối với những người học Đại Thừa chúng ta mà nói, những thí nghiệm ấy khiến cho tín tâm [của chúng ta] tăng thêm gấp bội!

Những lời đức Phật dạy rất tuyệt vời, thời ấy chưa có những thiết bị khoa học, đây là cảnh giới do chính đức Phật tự chứng, Ngài dùng phương pháp nào? Dùng Thiền Định rất sâu! Thấy thấu suốt chân tướng vũ trụ, trong kinh Phật thường gọi [chân tướng ấy] là “*Thật Tướng của các pháp*”. đức Phật giảng rất thấu triệt, những điều đã được khoa học phát hiện trong hiện thời đúng là “một giọt nước của biển cả”. Thế

nhưng một giọt ấy đáng quý lắm, vì đủ để chứng minh câu nào do đức Phật nói ra cũng đều chân thật, đáng để chúng ta đích thân chứng nghiệm! Không phải là nghiên cứu đâu nhé! Nghiên cứu không ra đâu! Phải là tự chứng. Dùng phương pháp gì để chứng? Nhất định phải chiếu theo những phương pháp do đức Phật đã dạy chúng ta: Giới - Định - Huệ chính là tông cương lãnh của phương pháp tự chứng. Chúng ta không nghiêm túc học sẽ không có cách gì chứng được Thật Tướng của các pháp, Thật Tướng ấy chính là bản lai diện mục của chúng ta, chính là trí huệ đức tướng mà chúng ta sẵn có.

Vừa khế nhập được đôi chút, quý vị bèn có thể đạt được một vài lợi ích, những lợi ích ấy là gì vậy? Những điều người đời mong cầu như thông minh, trí huệ, mạnh khỏe, trường thọ, ngay cả giàu có, những điều người đời mong cầu ấy thấy đều đạt được. Trong cửa Phật có cầu ắt ứng. Đây chính là những lợi ích nhỏ nhoi nhất, chúng ta học Phật mà ngay cả lợi ích nhỏ bé nhất này cũng không đạt được thì nói đến đại lợi ích làm chi nữa? Lợi ích to lớn nhất là vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đi làm Phật. Không có bất cứ lợi ích nào khác có thể sánh bằng lợi ích ấy. Nhà Phật coi toàn bộ phước báo, giàu có, thông minh, trí huệ, khỏe mạnh, trường thọ trong thế gian như lông gà, vỏ củ tỏi, chẳng đáng nhắc đến, thế nhưng người đời coi chúng rất quan trọng, tâm lượng hẹp hòi quá! Người học Phật chúng ta chẳng nên lưu ý những thứ này, người học Phật chúng ta nên lưu ý điều gì? Đoạn phiền não, mở mang trí huệ, cầu vãng sanh, thành Phật đạo. Trong tâm mắt của chúng ta, hãy nên đặt mục tiêu nơi những điều này Chân tâm này có thể hiện, quyết định là có. Không có nó thì vạn vật do đâu mà có? Ở đây, đại sư hình dung Linh Tri Tâm như thế này:

Thị hỗn thiên sai nhi bất loạn, lịch tam tế dĩ dĩ mị thiên.

是混千差而不亂。歷三際以靡遷。

(Chứa đựng ngàn thứ sai khác nhưng chẳng loạn, trải khắp ba đời nhưng chẳng đổi dời).

“Hỗn” (混) nghĩa là gì? Là dung hợp, chứa đựng lẫn nhau. Quý vị thấy y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới và hết thấy chúng sanh (đặc biệt là lục đạo chúng sanh, chúng sanh trong tam đồ) dồn lại một chỗ, nhưng không loạn. Chẳng bị nhiễu loạn tí xú nào, vẫn là linh minh giác tri, vẫn là có thấy - nghe - hay - biết, có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết, chẳng cảm thấy bị trở ngại mảy may

gì!

Vì thế, nói đến cảnh chuyển theo tâm thì cách chuyển ra sao? Không cần nghĩ đến chuyển, chỉ cứ tu thiện tâm: Tâm thiện, hạnh thiện, chúng tôi gọi là “tư tưởng thiện, hành vi thiện”, tất cả hết thấy cảnh giới tự nhiên sẽ chuyển. Chúng ta ngày ngày mong tướng mạo của mình tốt đẹp hơn một chút, sẽ không đẹp hơn được, quý vị đang dấy vọng tướng, hễ vọng tướng thì làm sao chuyển biến tướng mạo thành tốt hơn cho được! Tướng chuyển theo tâm, tâm thiện, tướng mạo sẽ tốt lành. Tâm ác tướng mạo ác. Tâm từ bi tướng mạo bèn từ bi. Tâm có trí huệ, bèn có tướng thông minh, trí huệ, đạo lý là như thế đó! Vì thế, không cần quan tâm đến tướng mạo, không cần quan tâm đến thân thể của chúng ta, cần quan tâm nhất là gì? Khởi tâm động niệm. Tâm phải thiện, tư tưởng phải thiện, hành vi phải thiện, niệm niệm nghĩ lợi ích chúng sanh, lợi ích xã hội, quyết định chẳng được tự tư tự lợi.

Nghĩ đến tự tư, tự lợi là bất thiện; tướng mạo, thể chất, hoàn cảnh sống của quý vị sẽ biến đổi càng tệ hơn, do quý vị nghĩ sai mất rồi. Vì sao? Nghĩ đến tự tư, tự lợi chính là bất thiện; hoàn toàn đừng nghĩ đến mình, nhất tâm nhất ý, chúng ta là người học Phật, phải mong cầu chánh pháp tồn tại lâu dài, giác ngộ chúng sanh, lợi lạc hữu tình, mong cho hết thấy chúng sanh đều có thể quay đầu, đều có thể tiếp nhận giáo huấn của thánh hiền, quyết định chẳng tiêm nhiễm danh văn, lợi dưỡng, quyết định chẳng mong cầu hưởng thụ vật chất, hết thấy tùy duyên, tùy duyên tự tại, quyết định chẳng phan duyên. Đây là nói “Linh Tri tâm chính là Pháp Tánh”. Vạn pháp do duyên sanh, Pháp Tánh chẳng sanh cùng các duyên, cũng chẳng cùng các duyên diệt. Đây chính là “*hỗn thiên sai nhi bất loạn, lịch tam tế nhi mị thiên*” (dung chứa ngàn thứ sai khác nhưng không loạn, trải khắp ba đời nhưng chẳng đổi dời). “*Mị thiên*” là không biến đổi.

Bình nhiên độc chiếu.

炳然獨照。

(Riêng chiếu rạng ngời).

“*Bình*” (炳) có nghĩa là quang minh rạng rỡ, công năng của Linh Tri Tâm “*độc chiếu*”.

Trác nhĩ bất quần.

卓爾不群。

(Đứng riêng không hòa lẫn).

“Trác” (卓) là đứng riêng biệt, khác với Duyên. Duyên có sanh, có diệt, Linh Tri Tâm không sanh, không diệt. Duyên có mê, có ngộ, Linh Tri Tâm không mê, không ngộ.

Tại thánh bất tăng, tại phàm bất giảm.

在聖不增。在凡不減。

(Nơi thánh chẳng tăng, nơi phàm không giảm).

Hai câu này quan trọng lắm. “Thánh” là chư Phật Như Lai; Linh Tri Tâm của chư Phật Như Lai chẳng nhiều hơn chúng ta, chẳng lớn hơn tâm chúng ta. Chúng ta là phàm phu, cái tâm Linh Tri tức chân tâm của phàm phu chúng ta quyết chẳng ít hơn Phật chút nào, cũng chẳng khác với Phật chút nào, hoàn toàn tương đồng, là một tâm, chẳng phải là hai tâm. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói: “*Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân, nhất tâm, nhất trí huệ, lực vô úy diệt nhiên*” (mười phương ba đời Phật cùng chung một Pháp Thân; một tâm một trí huệ, lực, vô úy cũng thế). “Lực” ở đây là mười lực thuộc quả địa Như Lai, Tứ Vô Úy hoàn toàn tương đồng. Hết thấy chúng sanh chúng ta, hiện đang là phàm phu, phàm phu là vị lai Phật, mười phương ba đời Phật, tất cả hết thấy phàm phu đều gộp vào đây. Chúng ta và Phật có cùng một tâm, tâm gì vậy? Tâm Linh Tri tương đồng.

Trong kinh điển, Linh Tri Tâm còn gọi là chân tâm, hoặc còn gọi là Chân Như, hoặc lại gọi là bốn tánh, hoặc là Phật Tánh, lại gọi là Pháp Tánh, lại còn gọi là Độ Nhất Nghĩa, tên gọi rất nhiều. Đức Phật nói nhiều danh từ như thế đó là có dụng ý, khiến cho chúng ta không chấp vào tướng của danh từ, liễu giải ý nghĩa này: Đừng chấp trước vào tướng của danh từ, phá chấp trước, phá phân biệt! Cốt sao nói đến một việc [ý nghĩa giống nhau là được rồi], còn cách nói thì như thế nào cũng được, có gì cứ phải nhất định nắm giữ chặt [phải nói đúng theo một cách thức nhất định]? Nhất định phải nắm giữ chặt sẽ rơi vào phân biệt, chấp trước. Do đức Phật lập ra đủ mọi cách dạy dỗ nên gọi là “*thiện xảo phương tiện*”, đều nhằm giúp cho chúng ta giác ngộ.

Xử sanh tử lưu, ly châu độc diệu vu thương hải.

處生死流。驪珠獨耀于滄海。

(Ở trong dòng sanh tử, ly châu riêng chiếu trong biển xanh).

Đây là tỷ dụ. Hiện tại, Linh Tri Tâm của chúng ta tùy thuận lục đạo luân hồi, tùy thuận lục đạo phàm phu luân hồi trong lục đạo, nó như thế nào? “*Ly châu độc chiếu vu thương hải*” (Ly châu chiếu sáng một mình trong biển xanh), chúng ta đắm chìm trong lục đạo, từ trước đến nay chưa hề rời khỏi, thế nhưng tâm ấy chẳng bị tiêm nhiễm mảy may. Giống như viên Ly Châu, Ly (驪) là con rồng đen, cổ nhân đã nói “*thám long đắc châu*” (tìm rồng được châu), Ly Châu là viên châu quý do con rồng đen nhả ra. “*Độc chiếu vu thương hải*”, thương hải (biển xanh) tỷ dụ biển khổ lục đạo. Nói cách khác, Duyên Lự Tâm trong lục đạo bị mê hoặc, bỏ thân thọ sanh, Linh Tri Tâm như như bất động, không bị khuấy nhiễu mảy may. Đây chính là “*tại phàm chẳng giảm*”. Tiếp đó là câu:

Cư Niết Bàn ngạn, quế luân cô lãng vu trung thiên.

居涅槃岸。桂輪孤朗于中天。

(Ở bờ Niết Bàn, vàng quế rạng ngời một mình giữa trời).

Đây chính là “*tại thánh chẳng tăng*”. “*Cư Niết Bàn ngạn*” (ở bờ Niết Bàn) là ai vậy? Chính là Pháp Thân Bồ Tát, Niết Bàn của các Ngài chứng đắc gọi là Vô Trụ Niết Bàn, đây chính là loại Niết Bàn thù thắng nhất, không trụ vào sanh tử, không trụ vào Niết Bàn, nên gọi là Vô Trụ Niết Bàn. Sanh tử lẫn Niết Bàn cả hai bên đều không trụ, cao minh! “*Quế luân*” (vàng quế), vàng quế chính là trăng tròn Trung Thu tháng Tám, trời Thu cao thăm, khí trong lành, trăng rạng, sao thưa, trong tháng ấy trăng sáng đặc biệt, dùng hình ảnh này để tỷ dụ tâm Linh Tri. “*Quế luân cô lãng vu trung thiên*” (Vàng quế một mình rạng ngời giữa trời) vì ánh trăng sáng ngời, khuất lấp ánh sáng các ngôi sao, trăng rạng, sao thưa, cũng chẳng bị khuấy nhiễu, “*tại thánh không tăng, tại phàm chẳng giảm*”.

Chư Phật ngộ chi, giả danh duy tâm.

諸佛悟之。假名惟心。

(Chư Phật ngộ rồi, giả gọi là duy tâm)

Ngộ gì? Ngộ bốn tánh, ngộ Chân Tâm, ngộ cái có thể hiện ra vạn pháp, ngộ những điều ấy. Có một thứ vĩnh viễn bất biến, ở đâu vậy? Trong hội Lăng Nghiêm, đức Phật dạy chúng ta: “*Lục căn môn đầu, phóng quang động địa*” (từ sáu căn phóng quang lay động cõi đất). Mắt chúng ta có thể thấy, tai có thể nghe, mũi, lưỡi, thân có thể cảm nhận, ý

có thể biết, thấy - nghe - hay - biết chính là Linh Tri Tâm. Cái tâm này bất sanh bất diệt, chúng ta luân hồi trong lục đạo thế nào đi nữa, Linh Tri Tâm vĩnh viễn bất biến, không bị ảnh hưởng mảy may. Cái nào chịu ảnh hưởng? Duyên Lự Tâm, vì trong Duyên Lự Tâm có đúng - sai, có thiện - ác, có khổ - sướng. Thưa cùng quý vị: Linh Tri Tâm không có đúng - sai, không có thiện - ác, không có sướng - khổ. Đức Phật dạy chúng ta: Linh Tri Tâm ở ngay trong sáu căn.

Trong sáu căn là điều thường được nói, cổ đức thường bảo: *“Niệm thứ nhất là Chân Tâm”*. Ta mở mắt ra nhìn cảnh giới bên ngoài, đó chính là tánh Thấy thấy được Sắc tánh, vì sao? Quý vị còn chưa khởi tâm động niệm. Thế nhưng cái niệm thứ hai là phiền toái rồi. Cái niệm thứ hai là khởi tâm động niệm, khởi tâm động niệm là mê hoặc, là vọng tưởng. Thuận theo vọng tưởng bèn có phân biệt, bèn có chấp trước, bèn tạo nghiệp. Tạo nghiệp đương nhiên có quả báo. Công phu của chư Phật Bồ Tát ở chỗ nào? Các Ngài vĩnh viễn giữ được cái niệm thứ nhất.

Vì thế, chúng ta thường nói, tôi cũng thường nói, nhưng chính mình chưa thể làm được! Tôi biết, tôi tận sức nỗ lực học tập: Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, chẳng khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Đây là tánh Thấy nhìn, tánh Thấy nghe, tánh Thấy cảm nhận, tánh Thấy biết, sử dụng Linh Tri Tâm, chuyển Duyên Lự Tâm thành Linh Tri Tâm, chuyển tám thức thành bốn trí. Vọng tưởng là thức thứ tám, phân biệt là thức thứ sáu, chấp trước là thức thứ bảy. Không khởi tâm, không động niệm là chuyển thức thứ tám thành Đại Viên Kính Trí; không phân biệt là chuyển thức thứ sáu thành Diệu Quán Sát Trí, không chấp trước là chuyển thức thứ bảy thành Bình Đẳng Tánh Trí. Phật, Bồ Tát khác với phàm phu ở chỗ này, ở ngay chính chỗ này vậy!

“Chư Phật ngộ chi” (chư Phật đã ngộ): Ngộ là ngộ được chuyện này, ngộ là thấy - nghe - hay - biết, sáu căn đối với cảnh giới sáu trần không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, đó là Ngộ. Lúc Ngộ bèn gọi là *“duy tâm”*, *“giả danh duy tâm”* (giả gọi là duy tâm). Đặt cho nó cái tên như thế, chứ trên thực tế, quý vị phải hiểu: *“Danh khả danh, phi thường danh; đạo khả đạo phi thường đạo”* (cái tên mà có thể gọi ra được thì không phải là cái tên thường hằng, cái đạo mà có thể diễn tả được thì chẳng phải là đạo thường hằng). Cảnh giới thực sự chẳng thể nghĩ bàn, bất đắc dĩ phải đặt tên cho dễ nói, ngõ hầu thuận tiện trao đổi ý kiến. Dùng nó làm phương pháp, dùng thủ đoạn này, chứ không phải là mục đích, không phải là chân thật, chỉ là giả vờ đặt ra

Chúng sanh mê chi, tiện thành vọng thức.

眾生迷之。便成妄識。

(Chúng sanh mê nên thành vọng thức).

Chúng sanh đối với việc này không biết gì cả, mê như thế nào? Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bèn khởi tâm động niệm, bèn phân biệt chấp trước, mê rồi! Sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, đó là Giác. Trong cảnh giới giác, sự sự vô ngại. Kinh Hoa Nghiêm nói đến Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Lúc mê thì quý vị bèn khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước, đâu đâu cũng bị chướng ngại, chỗ nào cũng thành chướng ngại. Chướng ngại do đâu mà có? Chướng do mê mà có, từ khởi tâm động niệm, do phân biệt, chấp trước, nên mới có những chướng ngại đó, nó gọi là “*vọng thức*”. Thế nhưng quý vị phải hiểu: Tâm và Thức là một, không hai, Thức là gì vậy? Tâm bị mê gọi là Thức, nếu Thức mà ngộ thì gọi là Tâm, là một, không phải hai!

Thị dĩ Phật tức chúng sanh, chúng sanh tức Phật, thả tâm ngoại vô Phật, diệt vô chúng sanh.

是以佛即眾生。眾生即佛。且心外無佛。亦無眾生。

(Do vậy, Phật chính là chúng sanh, chúng sanh chính là Phật, nhưng ngoài tâm không Phật, cũng không có chúng sanh).

Đây chính là duy tâm sở hiện, duy thức sở biến, lìa khỏi tâm, lìa khỏi thức thì cái gì cũng không có! Đúng là không Phật, không chúng sanh, cũng chẳng có hư không, cũng chẳng có thế giới.

A! Hôm nay hết giờ rồi, giảng đến đây thôi!

Tập 49

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần khai thị của thiền sư Trung Phong. Ngày hôm qua giảng đến “*tâm, Phật, chúng sanh*”. Về Tâm, giảng đến Duyên Lự Tâm và Linh Tri Tâm. Những danh từ này rất quan trọng, chúng ta phải hiểu ý nghĩa của những danh từ ấy. Vũ trụ vạn hữu, những hiện tượng ấy do đâu mà có? Hư không do đâu mà có? Pháp giới do đâu mà có? Sát-độ (ksetra), nay chúng ta gọi là rất nhiều “*tinh cầu*” trong không gian (trong kinh Phật gọi vô lượng vô biên tinh cầu và tinh hệ ấy là “*sát-độ*”) do

đâu mà có? Chúng sanh do đâu mà có? Hữu tình chúng sanh và vô tình chúng sanh do đâu mà có? Chúng ta gọi cái có thể sanh ra vạn vật, hư không, sát-độ và hết thảy chúng sanh là Tâm.

Vì thế, Tâm ấy chẳng phải là tâm tạng (quả tim) trong thân thể chúng ta, tâm tạng chẳng thể sanh ra trời đất vạn vật được. Kinh Phật gọi “*có thể sanh*” (năng sanh) là “*có thể hiện*” (năng hiện), không gọi là Sanh mà gọi là Hiện. Nói Hiện có ý nghĩa hay hơn Sanh, bởi lẽ, chúng ta đều lầm tưởng Hữu Sanh Hữu Diệt là thật; Năng Hiện là hư huyền. Giống như chúng ta xem phim, cái màn bạc có thể hiện ra tướng, gọi là “hiện tướng”, chứ không gọi là “sanh”. Vì thế, “*hiện*” có ý nghĩa hay hơn. Năng Hiện, hoặc như ta gọi là Năng Sanh, những danh từ ấy đều có thể gọi là Tánh. Lại còn có Năng Biến, hiện tượng thiên biến vạn hóa, Năng Biến là gì vậy? Chúng ta gọi Năng Biến là Thức.

Thức và Tâm là một chuyện. Tâm không đeo thêm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì gọi là Tâm; nếu kèm thêm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì gọi là Thức. Trong Phật pháp cũng thường nói đến chân tâm và vọng tâm. Chân tâm không kèm thêm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; còn thức tâm xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, nên gọi là vọng thức. Phải hiểu rành rẽ, rõ ràng sự việc này thì mới biết được chân tướng sự thật của vũ trụ và các pháp, kinh gọi sự thật ấy là “*chư pháp Thật Tướng*” (Thật Tướng của các pháp), tức chân tướng của vũ trụ vạn hữu, chúng ta phải hiểu rõ ràng. Vì thế, ở đây thiền sư nêu lên một tổng kết:

Thị dĩ Phật tức chúng sanh, chúng sanh tức Phật.

是以佛即眾生。眾生即佛。

(Do vậy, Phật chính là chúng sanh, chúng sanh chính là Phật).

Nói như vậy nghĩa là sao? Tâm chính là Thức, Thức chính là Tâm. Thức và Tâm là một, không phải hai, lúc mê gọi là Thức, lúc ngộ gọi là Tâm. Ở đây chỉ có mê và ngộ, ngoại trừ mê và ngộ ra, cái gì cũng không có. Vì thế, ở đây mới nói: “*Chư Phật ngộ chi, giả danh duy tâm, chúng sanh mê chi, tiện thành vọng thức. Thị dĩ Phật tức chúng sanh, chúng sanh tức Phật*” (Chư Phật ngộ nên giả gọi là duy tâm; chúng sanh mê bèn thành vọng thức. Do vậy, Phật chính là chúng sanh; chúng sanh chính là Phật). Chữ “*chúng sanh*” ở đây chỉ hữu tình chúng sanh, nhưng sau đó lại nói:

Thả tâm ngoài vô Phật, diệt vô chúng sanh.

且心外無佛。亦無眾生。

(Nhưng ngoài tâm không có Phật, cũng không có chúng sanh).

Phạm vi của “chúng sanh” rất rộng. Chữ “chúng sanh” này bao quát tất cả hết thấy những hiện tượng do các duyên hòa hợp mà sanh khởi, những hiện tượng ấy đều được gọi là “chúng sanh”. Ngay cả hư không cũng là chúng sanh. Phạm vi của các hiện tượng do các duyên hòa hợp mà sanh khởi rất lớn. Vì thế, chúng ta phải hiểu cách sử dụng danh từ này: Tên gọi tương đồng, danh từ tương đồng, nhưng tùy mỗi chỗ lại giải thích khác nhau, phạm vi bao quát của danh từ ở mỗi chỗ khác nhau.

Duy mê ngộ chi hữu gián.

唯迷悟之有間。

(Chỉ do mê hay ngộ mà có sai biệt).

“Gián” (間) là sai biệt, gián cách (間隔) là sai biệt. Nói thật ra, do mê hay ngộ mà có sai biệt.

Cố phàm thánh nhi huýnh dị.

故凡聖而迥異。

(Vì thế, phàm - thánh sai khác vời vợi).

Do vậy mới nói đến phàm và thánh. Mê là phàm, ngộ là thánh. Phàm và thánh là một, không hai, vẫn chỉ là một người mà thôi. Nay chúng ta vẫn chưa ngộ thì gọi là phàm; ngày nào đó mình giác ngộ thì gọi là thánh. Ngộ là người nào thì mê cũng là người ấy. Vì vậy, trong hết thấy cảnh duyên không có mê hay ngộ. Mê hay ngộ là do con người, con người có mê - ngộ, cảnh giới bên ngoài chẳng có mê lẫn ngộ. Nếu nói thân thiết hơn một chút (ý nghĩa này lại càng sâu hơn, nói thật ra không dễ hiểu gì), mê hay ngộ tại mình, chẳng do người khác, chỉ do mỗi một mình ta mà thôi. Cảnh giới bên ngoài chẳng những vô tình chúng sanh không có mê hay ngộ, mà ngay cả hữu tình chúng sanh đối với ta mà nói thì cũng chẳng mê hay ngộ. Mê hay ngộ là chuyện của người ta, đối với chúng ta mà nói thì cũng chẳng có mê hay ngộ. Đạo lý này rất sâu. Đó là chân tướng sự thật, hãy chú tâm quan sát, mong rằng quý vị sẽ hiểu thấu suốt chân tướng sự thật này.

Khởi tri tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt.

豈知心佛眾生。三無差別。

(Há biết tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ không sai biệt).

Câu này nêu rõ quan hệ giữa tâm, Phật và chúng sanh. Quan hệ gì vậy? Một mà ba, ba nhưng một. Tâm có thể hiện, có thể biến (năng hiện, năng biến), chúng sanh và Phật là cái được hiện, cái được biến (sở hiện, sở biến). Năng và Sở là một, không hai. Trong Năng Hiện không có mê hay ngộ, phải biết điều này. Trong Năng Hiện đã không có mê hay ngộ thì trong Sở Hiện cũng không có mê hay ngộ; nhưng Năng Biến, Sở Biến lại có mê và ngộ. Năng Biến, Sở Biến là vọng tâm, vọng cảnh. Năng Hiện, Sở Hiện là Nhất Chân pháp giới. Phải hiểu rõ điều này thì sau đây chúng ta tu hành mới biết phải nên tu những gì? Xa lìa Năng Biến và Sở Biến như thế nào? Làm thế nào để gìn giữ Năng Hiện và Sở Hiện? Công phu là ở chỗ này.

Thực sự khế nhập cảnh giới rồi thì Năng - Sở không hai, Năng Hiện - Sở Hiện không hai, Năng Biến - Sở Biến không hai, Năng Hiện - Năng Biến bất nhị, Sở Hiện - Sở Biến bất nhị. Chúc mừng quý vị đã nhập pháp môn Bất Nhị, đây là cảnh giới của Pháp Thân Bồ Tát, là cảnh giới Hoa Nghiêm, là cảnh giới vô chướng ngại chẳng thể nghĩ bàn, Lý vô ngại, Sự vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Vì sao Sự vô ngại? Sự là hư huyền, không thật, hết thấy pháp hữu vi như mộng, huyền, bọt, bóng; bởi thế, không có chướng ngại. Kết luận cuối cùng cho chúng ta là: “*Tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt*” (Tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ không sai biệt). Đây là tánh bình đẳng hiện tiền, cảnh giới không chướng ngại hiện tiền.

Vĩnh Gia vân:

永嘉云。

(Ngài Vĩnh Gia nói).

Trong Chứng Đạo Ca của thiền sư Vĩnh Gia có hai câu:

Mộng lý minh minh hữu lục thú,

Giác hậu không không vô đại thiên.

夢裡明明有六趣。

覺後空空無大千。

*(Trong mộng rành rành bày sáu nẻo,
Giác rồi ba cõi rộng toang hoang).*

Lúc mê thì Duy Thức Sở Biến, giống như cảnh mộng; giác rồi bèn hiểu rõ, hoảng nhiên đại ngộ, giống như tỉnh giấc mộng. Tỉnh giấc rồi, những cảnh giới trong mộng không còn nữa. Nếu đã tỉnh rồi thì chẳng những sáu nẻo không còn nữa, mà mười pháp giới cũng không còn! Lục đạo và mười pháp giới đều là cảnh mộng, không thật, do vọng thức biến ra, Thể của nó là Nhất Chân pháp giới, Thể của nó là nhất tâm bất loạn. Vì thế, Tịnh Độ tông (tức Tịnh Độ Giáo) nói: *“Nhất tâm bất loạn là giác ngộ, tam tâm nhị ý là mê hoặc”*. Thật Tướng của các pháp rốt cục là như thế đó, nói đại lược như vậy. Dầu nói không nhiều, nhưng giảng rất rõ ràng, rất minh bạch, chúng ta không dễ gì thấu hiểu, ý nghĩa sâu xa quá!

Chẳng thể thấu hiểu cũng không sao, ngày ngày đọc, ngày ngày có cơ hội nghe đến, một thời gian lâu sau, tâm quý vị định lại. Quan trọng nhất là tâm định thì trí huệ sẽ khai phát, sẽ nghe hiểu. Tâm chao động thì nghe chẳng hiểu. Tâm phải thanh tịnh thì mới có thể nghe hiểu, mới có thể thấu hiểu: Tịnh có thể sanh ra Huệ. Cổ nhân nêu tỷ dụ ngọn đèn: Nếu ngọn đèn bị lay động thì chiếu vật gì cũng không rõ ràng; nước nếu không có sóng gợn sẽ soi bóng cảnh giới bên ngoài chỉ li, tường tận. Vì thế, chữ Tịnh hết sức quan trọng!

Làm thế nào để giữ cho lục căn của chính mình như như bất động đối với cảnh giới lục trần? Như như bất động là sử dụng chân tâm. Điều này phải rèn luyện, rèn luyện chính là tu hành, phải thực sự thực hiện! Cách thực hiện như thế nào? Luyện sáu căn nơi cảnh giới sáu trần, luyện chẳng khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước. Pháp Tướng Tông gọi phương pháp này là *“chuyển tám Thức thành bốn Trí”*. Chuyển bằng cách ấy, học sao cho không khởi tâm, không động niệm. Không khởi tâm, không động niệm là không dùng thức thứ tám; không phân biệt là không dùng thức thứ sáu; không chấp trước là không dùng thức thứ bảy. Chỉ cần quý vị không dùng đến chúng thì rõ ràng là ngay lập tức chân tâm được sử dụng.

A Lại Da Thức biến thành Đại Viên Kính Trí, trí huệ chân thật, rõ ràng, rành rẽ, hiểu thấu suốt. Thức thứ bảy biến thành Bình Đẳng Tánh Trí, không chấp trước, vạn pháp bình đẳng. Thức thứ sáu biến thành Diệu Quan Sát Trí, [các thức] bị chuyển đổi đi, cách chuyển như thế đó! Hễ khởi tâm động niệm là xong, lại rơi vào hai ba (tam tâm, nhị ý), lại biến thành chúng sanh. Phật và chúng sanh khác nhau ở chỗ này. Phật và

Pháp Thân Bồ Tát có năng lực ấy, chắc chắn chẳng rớt vào hai hay ba. Không rớt vào hai hay ba thì chắc chắn sẽ chẳng khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước. Khởi tâm động niệm thuộc về vọng tưởng.

Ký nhiên như thị, tác kinh vân: “Tùng thị Tây Phương, quá thập vạn ức Phật độ, hữu thế giới danh viết Cực Lạc. Kỳ độ hữu Phật, hiệu A Di Đà, kim hiện tại thuyết pháp”.

既然如是。則經云。從是西方。過十萬億佛土。有世界名曰極樂。其土有佛號阿彌陀。今現在說法。

(*Đã là như vậy thì như kinh nói: “Từ đây đi về phương Tây qua khỏi mười vạn ức cõi nước, có một thế giới tên là Cực Lạc. Cõi ấy có Phật, hiệu là A Di Đà nay đang thuyết pháp”*).

Đây chính là những điều kinh Phật đã nói. Đoạn kinh này giảng về Sự. Sự và Lý nhất định phải tương ứng, Sự chẳng trái nghịch Lý, Lý nhất định không trở ngại Sự. Lý - Sự bất nhị. Có Lý đương nhiên có Sự, có Tánh đương nhiên có Tướng. Quý vị hiểu rõ ràng điều này rồi thì mới hiểu được những tướng được hiện ấy.

Tổng bất xuất duy tâm Tịnh Độ, bốn tánh Di Đà dã.

總不出唯心淨土。本性彌陀也。

(*Nói chung, chẳng ngoài duy tâm Tịnh Độ, bốn tánh Di Đà*).

“*Bốn tánh*” chính là tự tánh. Như vậy, Tây Phương Cực Lạc là Tịnh Độ, là do chân tâm của chúng ta hiện ra. A Di Đà Phật ở thế giới Cực Lạc là do tự tánh của chúng ta hiện ra. Cõi nước được hiện bởi tự tánh, đức Như Lai được hiện bởi tự tánh, lẽ nào chúng ta không thể thân cận được, chúng có quan hệ quá mật thiết đối với chúng ta. Vì thế, quý vị nhất định phải tin tưởng ta có phần vãng sanh. Ở phần trên, đại sư đã bảo chúng ta hãy tin tưởng: Tin thực sự có Tây Phương Cực Lạc thế giới. Thứ hai, phải tin trong Tây Phương Cực Lạc thế giới quả thật có A Di Đà Phật phát nguyện tiếp dẫn chúng sanh hữu duyên trong mười phương. Thế nào là hữu duyên? Có thể tin, có thể nguyện, có thể chấp trì danh hiệu, đó là hữu duyên. Nay chúng ta tin, ta có thể tin, ta phát nguyện, ta suốt ngày từ sáng đến tối niệm A Di Đà Phật tức là ta hữu duyên, khẳng định ta phải có phần vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Do thị nhi tri, tức kim hiện tiền.

由是而知。即今現前。

(Do vậy biết rằng: Ngay trong hiện tiền đây).

Dựa trên những đạo lý ấy, chúng ta nên hiểu rõ:

Vong linh, kỳ sanh dã liên hoa đóa đóa, kỳ một dã hàng thụ trùng trùng.

亡靈，其生也蓮華朵朵。其歿也行樹重重。

(Vong linh sống thì hoa sen đóa đóa, thác thì hàng cây tầng tầng).

Hai câu này nghĩa là sao? Sống lẫn chết đều chẳng lìa thế giới Cực Lạc, thực sự không tách lìa. Vấn đề là ở chỗ nào? Vấn đề là giác hay mê. Nếu quý vị giác là được, ngay nơi này chính là Cực Lạc. Nếu mê thì Tây Phương Cực Lạc thế giới tìm không ra. Ngộ thì ngay nơi này chính là Cực Lạc.

Vô nhất thời bất đạt liên bang, vô nhất niệm bất y từ phụ.

無一時不達蓮邦。無一念不依慈父。

(Không lúc nào chẳng đến cõi sen, không niệm nào chẳng nương từ phụ).

“Liên bang” là thế giới Cực Lạc, “từ phụ” là A Di Đà Phật. Chúng ta ngày nay khẩn thiết cầu mong, tức là cầu mong sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật. Xưa kia, thiền sư Tử Tâm tức ngài Triệt Ngộ, những đồng học tu Tịnh Độ chắc không ít vị đã đọc cuốn Triệt Ngộ Thiền Sư Ngữ Lục, tôi đang nói đến vị này. Ngài đại triệt đại ngộ nơi Thiên tông xong, khuyên những ai học Thiên phải niệm A Di Đà Phật. Ngài nói người tham Thiên tốt nhất nên niệm Phật, vì nguyên nhân nào? Sợ rằng cả một đời này không có cách gì đại triệt đại ngộ được. Nếu Thiên không đại triệt đại ngộ, sẽ không ra khỏi lục đạo, vẫn phải sanh tử luân hồi, là hỏng rồi! Vì thế phải nương vào nguyện lực của A Di Đà Phật tiếp dẫn vãng sanh.

Ngài nói nếu chịu niệm Phật, có thể tin, có thể nguyện, có thể niệm Phật mà nếu chẳng sanh về Tịnh Độ thì “lão tăng đương đọa Bát Thiệt địa ngục” (lão tăng sẽ đọa vào địa ngục bị quỷ sứ kéo lưỡi tội nhân ra cho trâu cày). Ngài bảo đảm như vậy, pháp môn này đúng là “vạn

người tu, vạn người về”. Hiện tại, vì sao người niệm Phật rất đông, người vắng sanh lại ít? Vì họ niệm không đúng như pháp! Căn bản là họ không hiểu được đạo lý và phương pháp niệm Phật. Họ không hiểu, cho nên miệng có, tâm không, chẳng tương ứng. Nếu đối với những đạo lý, cảnh giới ấy quý vị đều hiểu rõ, đều thấu suốt, đúng lý, đúng pháp, chẳng dễ sót một điều gì thì đúng là vạn người tu, vạn người vắng sanh. Đến đây cũng là hết một đoạn khai thị, chúng ta xem tiếp phần sau, ngài Trung Phong lại tổng kết:

Thăm như thị, thả đạo: Ly thử tâm Phật chúng sanh ngoại, biệt hữu thương lượng xư dã vô.

審如是。且道。離此心佛眾生外。別有商量處也無。

(Xét như thế, nên nói: Lìa tâm, Phật, chúng sanh này ra, còn có chỗ thương lượng nào khác hay không?)

“Thăm” (審) là thăm sát (xem xét, suy xét) kỹ càng, cũng có nghĩa là quan sát. Những Sự - Lý vừa nói trên đây, nếu quý vị đều hiểu rõ, đều thấu suốt, thì nay phải hỏi: “Thả đạo: Ly thử tâm Phật chúng sanh ngoại, biệt hữu thương lượng xư dã vô” (Nên nói: Lìa tâm, Phật, chúng sanh này ra, còn có chỗ thương lượng nào khác hay không?): Lìa ngoài tâm, Phật, chúng sanh ra, còn có gì hay không? Một câu này đã nói hết sạch. Tâm, Phật, chúng sanh bao quát hết thấy vạn sự vạn pháp trong toàn bộ vũ trụ. Ở đây thiền sư dùng phương cách trong Thiền tông để hỏi: “Người hiểu chưa?” Một phen giảng cho các người đại đạo lý này, các người nghe rồi đã hiểu hay chưa? Các người có hiểu thấu hay chẳng? Các người thực sự rõ thấu hay chưa? Tiếp đó, thiền sư lại nói một bài kệ:

Đại viên kính lý tuyệt tiêm ai.

大圓鏡裡絕纖埃。

(Nơi gương tròn lớn sạch tinh khôi).

“Đại viên kính” là tâm tánh. Trong tâm tánh không có vật gì. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đã nói rất hay: “Bổn lai vô nhất vật” (vốn không có một vật). Đại viên kính là chân tâm, trong chân tánh vốn chẳng có một vật nào. “Ai” (埃) là trần ai (塵埃: bụi bặm), “tiêm” (纖) là rất nhỏ. Một mảy trần ai cũng không có, chân tâm mà! Câu này giảng về Thể, về Lý, chân tâm, bổn tánh. Câu tiếp theo luận về Sự, tức những tướng được hiện. Hễ có Lý nhất định phải có Sự. Có Tánh nhất định có

hiện tướng. Hiện những tướng nào?

Bích ngẫu hoa trung hữu thánh thai.

碧藕華中有聖胎。

(Xanh biếc giò sen nẩy thánh thai).

Câu này nói về ao sen bảy báu nơi thế giới Tây Phương. Bốn câu kệ này nhằm dạy chúng ta; trong hai năm gần đây, chúng tôi đặc biệt đề cao “thuần tịnh, thuần thiện”. Tâm chúng ta phải thuần tịnh, hạnh của chúng ta phải thuần thiện. “Thuần tịnh, thuần thiện” tương ứng với tánh đức, tương ứng với Di Đà, tương ứng Tịnh Độ. Câu kệ này nói đến ao sen bảy báu nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, “*bích ngẫu hoa trung hữu thánh thai*” (trong đóa sen biếc có thánh thai). Ở đây, chúng ta vừa phát tâm, trong ao bảy báu mọc lên một búp sen, trên hoa ghi tên họ của chúng ta. Chúng ta niệm Phật công phu càng siêng năng, hoa sen ngày càng to. Khi nào tâm quý vị lui sụt, hoặc đổi sang tu pháp môn khác, hoa ấy bèn khô héo, không còn nữa!

Trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, hết thấy các pháp đều bất sanh bất diệt, chỉ riêng hoa sen trong ao bảy báu có hiện tượng sanh diệt. Quý vị thấy hoa sen liền biết có một người phát tâm chân chánh, muốn sanh về thế giới Cực Lạc. Mấy bữa sau, thấy hoa sen không còn nữa, biết người ấy đã ngã lòng, thay đổi ý niệm. Lúc nào phát tâm, lúc ấy đóa sen bèn trở. Câu kệ này đúng như kinh đã nói: “*Tịnh cực quang thông*” (Tịnh đến cùng cực thì sẽ chiếu sáng thông suốt), tướng báu thanh tịnh được hiện ra. Thật đấy! Chính chúng ta có thể làm được điều này, chớ bỏ mất. Chuyện gì trong thế gian này cũng đều là giả, chỉ có mình chuyện này là thật. Vì thế, quý vị phải biết buông cái giả xuống, phải biết buông bỏ. Riêng chuyện này là thật.

Dao vọng kim sa trì chiêu ngoại.

遙望金沙池沼外。

(Cát vàng ao báu ngoài xa ngắm).

Tây Phương Cực Lạc thế giới cách chúng ta mười vạn ức cõi Phật. Nay chúng ta là phàm phu chưa đạt đến cảnh giới ấy; vì thế, không gian vẫn còn xa - gần, đạt đến cảnh giới nào thì sẽ không còn xa - gần nữa? Khi kiến tánh thì sẽ không còn nữa, khi minh tâm kiến tánh thì xa - gần không còn nữa. Chúng ta chưa đạt đến cảnh giới ấy, “*dao vọng kim sa*

trì chiếu ngoại” là phía ngoài ao sen bảy báu. Trong ao bảy báu ấy, có nước tám công đức, có hoa sen.

Bảo quang thường chiếu ngọc lâu đài.

寶光常照玉樓臺。

(Bảo quang chiếu mãi ngọc lâu đài).

Phía ngoài ao bảy báu là nơi hoạt động của những người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới hoa nở thấy Phật, họ tự hành, hóa tha, thân cận Như Lai, rộng độ chúng sanh. Thiền sư dùng từ ngữ “*ngọc lâu đài*” để hình dung. Phần sau là nói đến chuyện Chánh Tu. Đoạn khai thị này nhằm lay tỉnh mọi người đang mê chấp hãy thực sự tỉnh ngộ, hết thấy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước tự nhiên buông xuống. Buông xuống rồi thì công phu của chúng ta mới đắc lực. Một tiếng Phật hiệu, một tiếng lòng, một niệm tương ứng một niệm Phật, phải niệm Phật liên tục. Nay chúng ta quen thói lúc nhiều Phật bèn vừa đi nhiều vừa niệm Phật một ngàn câu, đây là Chân Tu.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật.

南無西方極樂世界。大慈大悲。阿彌陀佛。

Niệm một ngàn tiếng là chính xác, tiêu chuẩn đây! Tiếp đó, niệm ba lần “*Nam-mô Quán Thế Âm Bồ Tát, nam-mô Đại Thế Chí Bồ Tát, nam-mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát*”, mỗi danh hiệu ba lần. Phật sự ấy hoàn tất, tức niệm Phật xong xuôi, tiếp đó lại khai thị lần thứ hai, đúng là rất miêng xót lòng. Pháp Sự này có Sự, có Lý, hỗ trợ nhau, hoàn thành cho nhau, niệm Phật thành tựu tam-muội, khai thị nhằm khai phát trí huệ. Vì thế, pháp sự này là học Định lẫn Huệ một cách quân bình, phước huệ song tu, hết sức thù thắng, nhất định phải thành tâm thành ý tu tập. Xin xem phần Khai Thị tiếp theo, cũng là phần phát nguyện, khai thị bằng cách phát nguyện.

23. Phát Nguyện

Thập phương tam thế Phật,

A Di Đà đệ nhất.

十方三世佛。

阿彌陀第一。

(Mười phương tam thế Phật,
A Di Đà bậc nhất).

Từ kinh Vô Lượng Thọ chúng ta có thể thấy được điều này. Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn khen ngợi A Di Đà Phật, khen A Di Đà Phật là “*quang trung cực tôn, Phật trung chi vương*” (ánh sáng tôn quý nhất, vua trong chư Phật). Thích Ca Mâu Ni Phật xưng tán A Di Đà Phật như vậy, mười phương ba đời hết thấy chư Phật Như Lai cũng giống hết như Thích Ca Mâu Ni Phật. Thích Ca Mâu Ni Phật thay mặt cho hết thấy chư Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán như thế chính là mười phương ba đời hết thấy chư Phật tán thán. Chúng ta nhất định khẳng định được điều này.

“*Thập phương tam thế Phật, A Di Đà Phật đệ nhất*” (mười phương tam thế Phật, A Di Đà bậc nhất): Lời này nào phải tùy tiện nói! Không phải là chúng ta tu Tịnh Độ rồi cố ý tán thán Tịnh Độ. Không phải vậy, mà là sự thật đấy nhé! Vì sao phải tán thán như thế? Trong những bộ kinh to lớn cũng tán thán rất nhiều. Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư cũng nói hết sức rõ ràng: Cõi thù thắng nhất của A Di Đà Phật không phải là cõi Thật Báo, cũng không phải cõi Phương Tiện, mà là Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Ngài thiết lập cõi Phàm Thánh Đồng Cư Độ quá khéo, khiến cho hết thấy những chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng đều có thể đới nghiệp vãng sanh. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, được bốn mươi tám nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, khiến những người ấy được thọ dụng hoàn cảnh tu học bằng với hàng Thất Địa Bồ Tát. Vì thế, họ đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Mười phương hết thấy các cõi Phật đều chẳng có được điều này, chỉ riêng thế giới Cực Lạc là có, nên hết thấy chư Phật đều xưng tán Ngài.

Trong hết thấy các cõi Phật đều có lục đạo chúng sanh, lục đạo chúng sanh chẳng dễ gì được thành tựu. Vì thế, hết thấy chư Phật Như Lai đều giảng Tịnh Độ tam kinh, đều khuyên lục đạo chúng sanh trong những cõi ấy hãy niệm Phật cầu sanh về thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật. Vì vậy, thế giới Cực Lạc giống như một Đại Học Phật giáo do hết thấy chư Phật cùng lập ra, chư Phật gọi các đệ tử của chính mình đến trường đó học, A Di Đà Phật là hiệu trưởng của trường ấy. Vị hiệu trưởng ấy giỏi giang, khéo dạy, nên tất cả hết thấy chư Phật đều tôn kính Ngài, đều bội phục Ngài. Quý vị hãy từ tỷ dụ này mà thấu hiểu, mới biết lời xưng tán này không phải là hư giả.

***Cửu phẩm độ chúng sanh,
Oai đức vô cùng tận.***

九品度眾生。

威德無窮盡。

*(Chín phẩm độ chúng sanh,
Oai đức không cùng tận).*

Trước kia, có kẻ nói Tây Phương Cực Lạc thế giới không thể đời nghiệp, chỉ có thể tiêu nghiệp vãng sanh, chứ không thể đời nghiệp vãng sanh. Những lời lẽ ấy gần như khiến cho toàn bộ những người niệm Phật trên thế giới bị chần động, gây ra một phen hoang mang, không biết phải làm sao: “Không đời nghiệp thì biết làm sao đây? Chúng ta tu pháp môn này cũng như không!” Nói thật ra, trong thời Mạt Pháp hiện tại, nếu không đời nghiệp vãng sanh, bất luận tu học pháp môn nào cũng không ai có thể thành tựu được. Vì sao? Vì không tiêu được nghiệp chướng tập khí, trong ức vạn người khó có được một ai. Vì vậy, không đời nghiệp vãng sanh sẽ chẳng thể phổ độ chúng sanh. Quý vị thấy “*cửu phẩm độ chúng sanh*” (chín phẩm độ chúng sanh) thì là đời nghiệp hay là không? Nếu không đời nghiệp thì chín phẩm do đâu mà có? Chín phẩm há chẳng phải là do đời nghiệp nhiều hay ít khác nhau hay sao? Cho dù chưa đoạn được một phẩm phiền não nào mà niệm Phật vẫn được vãng sanh, sanh vào Phàm Thánh Đồng Cư Độ.

Vì thế, đem so thế giới Tây Phương với hết thảy các cõi Phật thì Phàm Thánh Đồng Cư Độ của Cực Lạc thù thắng khôn sánh, qua kinh luận chúng ta đã đọc thấy rất nhiều. Tây Phương Tịnh Độ sanh về một là sanh về hết thảy, ở trong Phàm Thánh Đồng Cư Độ, quý vị có thể thân cận Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, những bậc Pháp Thân đại sĩ như thế. Trong những Tịnh Độ các phương khác, những vị đại sĩ đó trụ trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ, quý vị không tiến vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ sẽ không thể gặp những vị ấy. Thế nhưng tại Phàm Thánh Đồng Cư Độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn có thể suốt ngày từ sáng đến tối ở cùng một chỗ với các Ngài, thù thắng khôn sánh! “*Cửu phẩm độ chúng sanh, oai đức vô cùng tận*” (chín phẩm độ chúng sanh, oai đức không cùng tận). Sự thù thắng ấy do oai đức từ bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật gia trì.

***Ngã kim đại quy y,
Sám hối tam nghiệp tội.***

我今大歸依。

懺悔三業罪。

(Con nay đại quy y,
Sám hối tội tam nghiệp).

Nay chúng ta gặp được duyên này, kinh Di Đà dạy: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi ấy). Chúng ta ngày nay gặp được duyên này, thiện căn là gì? Có thể tin, có thể phát nguyện, mong cầu vãng sanh, đây là thiện căn. Phước đức là gì? Phước đức là niệm Phật, nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối. Đây là phước đức. Vậy thì chúc mừng quý vị, quý vị thoát ly lục đạo luân hồi, thoát ly mười pháp giới, về Tây Phương Cực Lạc thế giới làm Phật. Đối với chúng sanh trong chín pháp giới, chẳng những pháp môn này độ được người, mà còn độ được cả súc sanh đạo. Quý vị thấy trong Tịnh tông có cuốn sách Vật Do Như Thử (loài vật còn như thế)⁵⁸ chuyên ghi chép những chuyện súc sanh niệm Phật vãng sanh, ngạ quỷ niệm Phật vãng sanh, thậm chí còn có chuyện địa ngục niệm Phật vãng sanh. Đúng là phổ độ chúng sanh. Nay chúng ta gặp được [pháp môn Tịnh Độ], đã gặp thì phải nên phát tâm, “*đại quy y*”.

“*Sám hối tam nghiệp tội*” giống như trong bài kệ Sám Hối của Phổ Hiền Bồ Tát đã nói trong phần trên. Sám hối phải phát xuất từ nội tâm, thực sự sám hối. Trong tam nghiệp tội thì tội gì nặng nhất? Thưa cùng quý vị: Không phải là sát sanh, trộm cắp, hay dâm dục, không phải những tội đó, tội lớn nhất là không tin vào Tịnh Độ. Vì sao? Vì chẳng thể vãng sanh, bỏ lỡ mất cơ hội này. Quý vị nên biết: Qua kinh luận, đức Phật dạy chúng ta, Ngũ Nghịch Thập Ác tội nặng đến đâu? Giết cha mẹ, giết A La Hán, làm thân Phật chảy máu, phá hòa hợp Tăng, những tội nặng nề! Nếu như sám hối, quay đầu niệm Phật thì đều được vãng sanh. Như vậy, tội lỗi nặng nhất khiến cho quý vị chắc chắn chẳng thể vãng sanh chính là vì quý vị hoài nghi, không tin tưởng, tội lỗi ấy quá nặng. Ngày nay chúng ta “*sám hối tam nghiệp tội*” phải chú trọng điều này, không chịu niệm Phật, không tin vào niệm Phật. Hiện tại chúng ta có cái

⁵⁸ Vật Do Như Thử có nghĩa là loài vật mà còn biết hiếu hạnh, nhân nghĩa, tu hành như thế, há con người lại thua kém ư? Tác phẩm này do Từ Hạc Từ biên soạn vào đời Thanh, chép những gương hiếu hạnh, trung tín cũng như niệm Phật vãng sanh của các loài vật.

tội này hay không? Mỗi người hãy tự phản tỉnh!

Chúng tôi thường nghĩ đến lời giáo huấn của Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát, những lời dạy ấy được ghi trong tập sách nhỏ [mang tựa đề] Tây Phương Xác Chỉ. Ngài dạy chúng ta niệm Phật “không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn”. Chúng ta không làm được những điều ấy là có tội! Những tội nghiệp ấy khiến cho chúng ta trong một đời này chẳng thể thành tựu. Khi sám hối tam nghiệp tội, chúng ta phải đặt chuyện này lên đầu. Thực sự không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Chúng ta niệm Phật, câu niệm Phật nơi miệng có thể gián đoạn, nhưng niệm Phật nơi tâm không được gián đoạn. Miệng niệm thì phải coi mình đang ở nơi đâu, có những chỗ không thuận tiện niệm [ra tiếng], nhưng Phật hiệu trong tâm chưa hề bị gián đoạn.

Trong đời này, tôi đã thấy một người từ trước đến nay chưa hề thấy có lúc gián đoạn, gây ấn tượng rất sâu cho tôi, người ấy chính là Chương Gia đại sư. Lão nhân gia không niệm Phật mà trì chú, Ngài trì chú theo cách Kim Cang Trì. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, chẳng trở ngại người khác, miệng Ngài động, tay lần xâu chuỗi; tay động, miệng động nhưng không phát ra âm thanh. Chúng tôi đến gặp lão nhân gia, Ngài cùng tôi trò chuyện, lúc đang trò chuyện, chúng tôi thấy rõ tay lần chuỗi không động, tay cầm xâu chuỗi không động. Ngài nói chuyện với quý vị, nói xong, ngay lập tức lại lần chuỗi tiếp. Từ trước đến nay chưa hề thấy Ngài thay đổi cách ấy, đúng là đã thành thói quen, tâm Ngài định, tâm thanh tịnh.

Thầy Lý từng thân cận đại sư, lúc tôi đến Đài Trung thân cận thầy Lý, nhắc đến chuyện ấy, [tôi thưa với thầy Lý là] trong quá khứ tôi chỉ có một vị thầy là Chương Gia đại sư dạy tôi ba năm. Thầy Lý đối với Chương Gia đại sư rất khâm phục, thầy nói chúng ta là phàm phu không thể suy lường nổi cảnh giới của Chương Gia đại sư. Thầy nói nhìn vào cách hành trì của đại sư, bất luận quan sát bất cứ khi nào, đại sư luôn đang ở trong Định. Thầy nói không biết đại sư đã khai ngộ hay chưa, nhưng đại sư đã đắc tam-muội, thật đấy, không giả đâu! Quả thật đại sư đi, đứng, nằm, ngồi đều trong Định. Công phu của đại sư (chúng tôi không biết Ngài ngủ như thế nào), bất luận trong trường hợp nào mỗi khi quý vị quan sát đại sư, quý vị quan sát kỹ thấy đại sư công phu không gián đoạn, chẳng bị khuấy nhiễu. Bất luận trong hoàn cảnh nào, dù là thiện duyên hay ác duyên, nghịch cảnh hay thuận cảnh, chẳng mảy may liên can đến Ngài. Ngài lần chuỗi, niệm chú không ra tiếng. Đây là sám hối chân thật.

Sám hối phải thể hiện bằng hành động. Không phải là đối trước Phật, Bồ Tát cầu xin, van vái, nói: “Con sám hối, cầu Phật Bồ Tát tha tội!” Không hề mang ý nghĩa ấy, làm như vậy sẽ chẳng sám hối được, nhất định phải hiểu lý! Chương Gia đại sư chỉ cho chúng ta cách tu sám hối, cách tu như thế nào? Sau này không làm nữa, đó mới thực sự là sám hối. Niệm Phật là sám hối rất ráo. Trong mười hai thời, từ nay trở đi Phật hiệu trong tâm không gián đoạn. Quý vị chẳng có vọng tưởng thì khuất phục được phiền não. Phật hiệu vừa đoạn thì vọng niệm bèn khởi. Vọng niệm là tội nghiệp, quý vị tạo nghiệp nơi ý. Ý tạo nghiệp, thân khẩu tự nhiên sẽ tạo nghiệp theo. Do vậy, pháp sám hối rất ráo chính là “*đo nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm nối tiếp). Đây mới là cách sám hối rất ráo.

A! Nay đã đến giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta lại xem tiếp phần Khai Thị của thiền sư Trung Phong.
Trong buổi trước, chúng ta đã đọc đến:

***Ngã kim đại quy y,
Sám hối tam nghiệp tội.***

我今大歸依。

懺悔三業罪。

*(Con nay đại quy y,
Sám hối tội tam nghiệp).*

Đối với người niệm Phật mà nói thì câu này là xưng niệm sáu chữ hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật. Nam Mô là Quy Y, A Di Đà Phật là chân chánh sám hối diệt tội. Trong quá khứ, Phật môn đặc biệt là Tịnh Độ tông yêu cầu học nhân trong từng niệm tâm phải luôn có A Di Đà Phật, phải dưỡng thành thói quen. Bình thường tiếp xúc người khác, thậm chí người ta gọi tên mình, phải trả lời như thế nào? Điều trả lời: “A Di Đà Phật”. Dưỡng thành thói quen đó, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, ngoại trừ A Di Đà Phật ra, cái gì cũng không có, gần như biến thành một loại quy củ trong nhà Phật.

Người có tâm cầu vãng sanh niệm một câu A Di Đà Phật, phước huệ tăng trưởng. Không có ý nghĩ mong vãng sanh, thậm chí không

muốn học Phật pháp thì niệm một câu A Di Đà Phật sanh phước báo, diệt tội sanh phước, vô lượng vô biên công đức. Vô cùng đáng tiếc, người ấy không hiểu, mà cũng không biết, cho nên trong cuộc sống thường ngày không biết tu. Vì nguyên nhân nào vậy? Vì mê hoặc, vì mê mất. A Di Đà Phật là đức hiệu của tự tánh, là tên gốc của Chân Như Bồn tánh, trong những phần trên chúng tôi đã giảng rồi, A Di Đà Phật là tên gốc của hết thấy chư Phật, chẳng thể nghĩ bàn!

Ngay trong số những người tu Tịnh Độ chúng ta, số người biết [điều này] cũng không nhiều. Nếu thực sự biết, sẽ quý trọng một câu [danh hiệu] này, sẽ coi một câu danh hiệu này là vô thượng trân bảo, không có một pháp thế gian hay xuất thế gian nào có thể sánh bằng! Quý vị chỉ cần một mực niệm, đúng như Chương Gia đại sư đã nói trước đây: *“Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng”* (Trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng). Quý vị muốn cầu vãng sanh, muốn cầu thành Phật, đều dễ dàng đạt được, huống chi tất cả hết thấy những pháp thế gian? Thực sự là *“hữu cầu tất ứng”*. Vấn đề là phải niệm đến mức độ nào? Phải niệm đến khi không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Trong một đời này (thế giới hiện tại đúng là quá nhiều tai nạn), gặp hung hóa cát, gặp nạn thành lành, chuyện gì cũng xứng tâm như ý. Mỗi câu tôi vừa nói đều là lời chân thật, hiện tại quý vị được hết thấy chư Phật hộ niệm, hết thấy các thiện thần ủng hộ. Hai câu trên đây lợi ích vô biên, sâu rộng không ngăn mé, nhưng những người học Phật thường coi thường, thuận tiện như thế mà bỏ qua, đúng là vì nghiệp chướng sâu nặng mà thành ra như vậy. Tiếp đó nói:

Phàm hữu chư phước thiện,

Chỉ tâm dụng hồi hướng.

凡有諸福善。

至心用回向。

(Bao phước thiện đã có,

Chỉ tâm đem hồi hướng).

Trong cuộc sống thường nhật, làm được những *“phước thiện”*, khởi thiện tâm, thiện niệm, thiện hạnh, vì xã hội, vì đại chúng tu phước. Tuy vậy, phải nhớ rõ: Chớ tự mình hưởng thụ phước báo, tự mình sống khô sở một chút. Tốt ở chỗ nào? Đối với thế gian này không có tâm lưu luyến, thường có tâm xuất ly, chẳng khởi tham ái đối với thế gian này. Vì thế, có phước báo phải chia cho chúng sanh hưởng, phải giúp đỡ

chúng sanh khổ nạn. Trong khi giúp đỡ thì quan trọng nhất là giúp chúng sanh phá mê khai ngộ, điều này quan trọng hơn bất cứ gì khác. Bởi lẽ, phá mê khai ngộ thì người ta mới có thể đoạn ác tu thiện, mới có thể thoát sanh tử, xuất tam giới, triệt để vượt thoát hết thảy khổ nạn, các phương pháp khác làm không được. Đó gọi là Phật sự. Phật sự là việc của bậc đại trí đại giác, không phải là chuyện nhỏ!

Nếu có phước báo mà tự mình hưởng thụ, rất dễ bị mê hoặc. Một người hưởng phước bèn mê, bèn điên đảo, bèn tạo ác nghiệp, bèn đọa lạc; phước báo nên dành cho mọi người hưởng. Tự mình mỗi ngày ăn không cầu no, chớ ăn quá no. Ăn quá no sẽ hôn trầm, trợn chẳng tham cầu ăn uống. Ăn uống nhằm bù đắp thể lực, bù đắp năng lượng cho thân thể của chính mình, vừa đủ là tốt rồi, cũng đừng quá phận, hết thảy tùy duyên. Nghĩ đến đức Thích Ca Mâu Ni Phật khi còn tại thế ôm bát đi khát thực, người ta cho thứ gì ăn thứ nấy; có thứ gì vui thích hay không vui thích chẳng? Không có! Trong tâm vẫn là một câu A Di Đà Phật. Ăn ngon, A Di Đà Phật; khó nuốt cũng là A Di Đà Phật. Như vậy mới tốt! Tiêu nghiệp chướng, tăng phước huệ.

“*Chỉ tâm dụng hồi hướng*”: “*Chỉ tâm*” là tâm chân thành, thành tâm thành ý hồi hướng. Trong phần giảng về mười nguyện Phổ Hiền trước đây, chúng tôi đã nhắc đến hồi hướng Bồ Đề, hồi hướng chúng sanh, hồi hướng Thật Tế. Nay chúng ta hồi hướng chúng sanh, hồi hướng thế giới Cực Lạc, nguyện đem công đức này trang nghiêm Tịnh Độ Phật, niệm niệm chẳng quên cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, niệm niệm chẳng quên thân cận A Di Đà Phật.

***Nguyện đồng niệm Phật nhân,
Cảm ứng tùy thời hiện.***

願同念佛人。

感應隨時現。

(Nguyện người cùng niệm Phật,
Cảm ứng tùy thời hiện).

Chỉ cần chân thành, thầy Lý truyền cho tôi bốn chữ “*chỉ thành cảm thông*”. Chân thành đến cùng cực, đó là Năng Cảm, chư Phật, Bồ Tát bèn Ứng. “*Cảm ứng tùy thời hiện*”, thế tục thường gọi chuyện này là “Phật, Bồ Tát gia trì, Phật, Bồ Tát bảo hộ⁵⁹”. “*Tùy thời hiện*”: Trong

⁵⁹ Bảo hộ (保佑): Che chở và ban phước, gia trì.

hết thấy thời, hết thấy nơi chẳng lìa Phật, Bồ Tát, trong tâm chúng ta chỉ có A Di Đà Phật, trong hết thấy thời, hết thấy xứ, chẳng tách lìa, trong hết thấy thời, hết thấy xứ, Phật, Bồ Tát thường chiếu cố.

***Lâm chung Tây Phương cảnh,
Phân minh tại mục tiền.***

臨終西方境。

分明在目前。

*(Lâm chung cảnh Tây Phương,
Hiện rõ ràng trước mắt).*

Ở Trung Quốc, người đầu tiên đề xướng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là Huệ Viễn đại sư thuộc thời đại Đông Tấn. Ngài dựng Niệm Phật Đường tại Lô Sơn, tập hợp một trăm hai mươi ba người chí đồng đạo hợp, không xuống núi, lấy Hồ Khê làm giới hạn, chí đồng đạo hợp niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Trong suốt một đời Ngài, ba lần thấy thế giới Cực Lạc, thấy trong Định, nhưng từ trước đến nay chưa hề kể với người khác, giấu kín không nói. Ngài thấy tình trạng trong Tây Phương Cực Lạc thế giới giống hết như kinh Vô Lượng Thọ đã nói. Trước khi vãng sanh bảy ngày, A Di Đà Phật hiện ra trước mặt, bảo Ngài: “*Tịnh nghiệp của ông đã chín muồi, bảy ngày nữa ông sẽ vãng sanh thế giới Cực Lạc*”. A Di Đà Phật đến tiếp dẫn Ngài. Đến ngày thứ bảy, quả nhiên A Di Đà Phật đến tiếp dẫn. Ngoài Quán Âm, Thế Chí, lại còn có mấy người thuộc liên xã đã vãng sanh trước Sư cũng đứng gần bên A Di Đà Phật. Ngài Huệ Viễn bảo với mọi người như thế; nói xong, Ngài ngồi ngay nơi đó, viên tịch, không sanh bệnh.

Một trăm hai mươi ba người thuộc Liên Xã khi ấy gần như đều vãng sanh hết, chẳng thể nghĩ bàn! Là vì mọi người lúc sơ phát tâm không giống nhau, Viễn Công từ nhỏ đã thông minh tuyệt đỉnh. Truyện ký chép lúc Ngài còn bé, sáu kinh⁶⁰ của Nho Gia đọc rất nhuần, không những đọc nhuần nhuyễn còn hiểu được ý nghĩa. Năm mười mấy tuổi, dường như là năm mười ba tuổi, nghe biết Phật pháp, thân cận vị thầy đương thời là pháp sư Đạo An⁶¹, nghe pháp sư Đạo An giảng kinh Bát

⁶⁰ Sáu kinh của Nho Gia (Nho gia lục kinh): Thi, Thư, Dịch, Lễ, Nhạc, Xuân Thu.

⁶¹ Đạo An (312-385) là một vị cao tăng lỗi lạc, có đóng góp rất lớn trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc. Ngài có họ ngoài đời là Vệ, người xứ Phù Liễn, Thường Sơn (nay thuộc tỉnh Hà Bắc), là người đi tiên phong trong nghiên cứu học thuyết Bát Nhã tại

Nhã bèn khai ngộ. Khai ngộ rồi bèn phát tâm xuất gia. Về sau, Ngài lập đạo tràng tại Lô Sơn, trở thành tổ đời thứ nhất của Tịnh tông, thành khai sơn tổ sư. Bốn câu kệ trên nếu áp dụng vào Niệm Phật Đường ở Lô Sơn quả thật hoàn toàn tương ứng. *“Nguyện đồng niệm Phật nhân, cảm ứng tùy thời hiện, lâm chung Tây Phương cảnh, phân minh tại mục tiền”* (Nguyện người cùng niệm Phật, cảm ứng tùy thời hiện, lâm chung cảnh Tây Phương, hiện phân minh trước mắt).

Từ xưa những vị đại đức, đặc biệt là các tổ sư đại đức của Tịnh Độ tông cho đến những bậc đại đức trong hàng cư sĩ tại gia, đã nêu những tấm gương vô cùng tốt đẹp. Chúng ta thấy trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục hay Vãng Sanh Truyện, chỉ cần là người thực sự niệm Phật, thực sự thực hiện được hai câu kệ ở phần trên: *“Ngã kim đại quy y, sám hối tam nghiệp tội”* (con nay đại quy y, sám hối tội tam nghiệp), một câu

Trung Quốc, được pháp sư Cưu Ma La Thập tôn xưng là Đông Phương Thánh Nhân. Ngài mồ côi từ bé, được người anh họ nuôi dưỡng. Tuy diện mạo xấu xí, nhưng Ngài thông minh tột đỉnh, mới lên bảy đã biết đọc, sách nào cũng chỉ cần đọc hai lượt là thuộc nằm lòng. Ngài xuất gia năm 12 tuổi. Do bốn sư của Ngài thấy Ngài quá xấu xí, không coi trọng, sai trông coi việc cày bừa. Ngài chăm chỉ cày cấy suốt ba năm rồi mới xin học kinh Phật. Thầy thuận tay trao cho cuốn Biện Ý Kinh năm ngàn chữ, Sư chỉ học trong một buổi nghỉ trưa mà thuộc lòng, thông hiểu nghĩa kinh. Đến tối trả lại kinh cho thầy, xin học bộ khác, thầy tức giận quở trách, Sư bèn đọc thuộc lòng và còn giảng được ý nghĩa. Thầy thử sức, trao cho bộ Thành Cụ Quang Minh Kinh một vạn chữ. Sư lại học thuộc lòng trong lúc nghỉ trưa ngày hôm sau. Thầy kinh ngạc, bèn chú tâm bồi dưỡng Sư thành nhân tài hoằng pháp. Khi ngài Phật Đò Trùng từ Thiên Trúc đến Nghiệp Quận, Sư theo học với ngài Phật Đò Trùng, rất được ngài Phật Đò Trùng ưa thích. Do diện mạo xấu xí, đại chúng vẫn có ý coi thường Sư. Do vậy, ngài Phật Đò Trùng mỗi lần giảng kinh xong, đều yêu cầu pháp sư Đạo An giảng lại, Sư giảng không sai một chữ, khiến đại chúng bội phục. Sư được vua chúa thời ấy rất trọng. Vua nhà Tiền Tần là Phù Kiên đã nói: *“Ta đem 10 vạn quân đánh Trương Dương chỉ để lấy được một người rười, một người là ngài Đạo An, còn Tập Tạc Xi là nửa người”* (Tập Tạc Xi là một văn nhân kiêm sử gia trứ danh thời ấy). Ngài là người đề xướng phương pháp “cách nghĩa” để giải thích kinh Phật, tức là dùng ngay những tư tưởng và điển cố sẵn có của Trung Hoa để giải thích những nghĩa lý phức tạp trong kinh Phật. Ngài còn đề xướng khi giảng giải một bản kinh, nếu có nhiều bản dịch thì sẽ đối chiếu, so sánh để hiểu trọn vẹn bản kinh ấy. Ngài đề xướng chia một bản kinh ra thành ba phần Tự, Chánh Tông và Lưu Thông, cũng như chế định nghi thức, phẩm phục của tăng sĩ cho thích hợp với văn hóa Trung Hoa, đề xướng Tăng sĩ dùng chữ Thích trước pháp danh v.v...

A Di Đà Phật chết lòng⁶² niệm, quyết định chẳng còn xen tạp những pháp môn nào khác, nhất tâm niệm thì không ai chẳng được vãng sanh.

Nay Ấn Quang đại sư dạy chúng ta, Ngài nói rất hay: Dụng đạo tràng trong thời hiện tại, đạo tràng dù nhỏ vẫn là đạo tràng thập phương. Nếu ai không có tâm riêng tư, nếu không tự tư, tự lợi, bất luận từ địa phương nào đến, cốt sao chí đồng đạo hợp, thực sự tu Tịnh Độ thì chúng ta đều hoan nghênh dự vào đạo tràng chuyên tu Tịnh nghiệp. Chúng thường trụ trong đạo tràng không được vượt quá hai mươi người, đạo tràng ấy không hóa duyên⁶³, không làm pháp hội, không truyền pháp, không thâu đồ chúng, không truyền giới, không làm những Phật sự kinh sám thù tạc, mà chuyên nhất niệm Phật, công khóa mỗi ngày giống như Phật thất phổ biến vậy.

Nay chúng tôi đề xướng, Ấn Quang đại sư dạy không giảng kinh, nay chúng tôi lại đề xướng phải nghe kinh, vì sao? Là vì con người hiện thời không hiểu Lý. Giảng kinh hạn cuộc trong năm kinh một luận Tịnh Độ, trừ những thứ ấy ra thì không giảng. Có thể giảng năm kinh một luận của Tịnh Độ, hoặc ngữ lục của những tổ sư Tịnh Độ tông, đặc biệt là ngữ lục của Liên Trì đại sư, Ngẫu Ích đại sư, Ấn Quang đại sư, chúng ta rút gọn lại trong phạm vi nhỏ như vậy. Mọi người hiểu lý minh bạch, rành rẽ phương pháp, chất phác niệm, chắc chắn thành tựu. Vì thế, đạo tràng tốt nhất phải có giảng đường, có Niệm Phật Đường. Giảng đường để nghe kinh, không hạn chế. Quý vị thích nghe thì nghe, quý vị không thích nghe thì đi niệm Phật. Lấy Niệm Phật Đường làm chủ, dùng giảng đường để phụ trợ, giải hạnh tương ứng, Định lần Huệ được học cân bằng, đó là đạo tràng đúng pháp. Chúng ta lại xem đoạn văn tiếp theo:

***Kiến văn giai tinh tấn,
Đồng sanh Cực Lạc quốc.***

見聞皆精進。

同生極樂國。

(Thấy, nghe đều tinh tấn,

⁶² Chết lòng (từ tâm), không phải là ‘hết lòng’. Nói “từ tâm” với ý nghĩa những ý niệm so đo, chup giựt, đứng núi này trông núi nọ đều đã hết sạch, cõi lòng lặng lẽ, không lay động trước những lời giảng thuyết của các pháp sư, đại đức, thiện tri thức đề bieu Tịnh Độ, khuyên dụ hành nhân hãy tu tập pháp môn khác, không còn dấy lên hồ nghi, xao động nên gọi là “chết lòng”.

⁶³ Hóa duyên: Khuyến hóa, kêu gọi người khác đóng góp tiền bạc để xây dựng điện đường, tô chuông, đúc tượng v.v....

Cùng sanh cõi Cực Lạc).

Đây là đoạn văn mở đầu phân hồi hướng, phát nguyện.

***Kiến Phật liễu sanh tử,
Như Phật độ nhất thiết.***

見佛了生死。

如佛度一切。

*(Thấy Phật hết sanh tử,
Độ hết thấy như Phật).*

Đây là nguyện vọng duy nhất của chúng ta: Chúng ta nhất định phải thấy A Di Đà Phật, tu hành trong thế giới Cực Lạc, đoạn xong hai thứ Biên Dịch và Phần Đoạn sanh tử. Quyết định phải chứng được Phật quả rốt ráo thì mới có thể phổ độ chúng sanh trong mười phương pháp giới. Tiếp theo:

Vô biên phiền não đoạn.

無邊煩惱斷。

Đây chính là “*phiền não vô biên thệ nguyện đoạn*”.

Vô lượng pháp môn tu.

無量法門修。

Đoạn phiền não, thành tựu đức năng cho chính mình, bèn học pháp môn để thành tựu học vấn của chính mình, sau đây mới có thể thực hiện ý nguyện độ chúng sanh.

Thệ nguyện độ chúng sanh.

誓願度眾生。

Câu tiếp theo sau câu này có phạm vi rất lớn, nguyện cho hết thấy chúng sanh đều thành Phật đạo.

Tổng nguyện thành Phật đạo.

總願成佛道。

(*Nguyên cùng thành Phật đạo*).

So với Tứ Hoàng Thệ Nguyên, cảnh giới của nguyên này càng rộng hơn nữa. “*Phật đạo vô thượng thệ nguyên thành*” của Tứ Hoàng Thệ Nguyên chỉ nói về chính mình, còn ở đây nói đến tất cả hết thảy chúng sanh, “*tổng nguyên thành Phật đạo*” (nguyên đều thành Phật đạo).

***Hư không hữu tận,
Ngã nguyên vô cùng.***

虛空有盡。

我願無窮。

(*Hư không có thể tận,
Nguyên của tôi khôn cùng*).

Phải phát đại nguyện lớn lao như thế mới tương ứng với nguyên của Như Lai, không có mảy may tự tư, tự lợi nào. Ta đoạn phiền não là vì chúng sanh, ta học pháp môn cũng là vì chúng sanh. Ta thành Phật đạo vẫn là vì chúng sanh. Vì chúng sanh mới chính là thực sự vì mình, vì riêng mình chính là tự hại mình. Phải hiểu đạo lý này! Chúng ta có phước trao cho hết thảy chúng sanh hưởng thì quý vị thực sự có phước, phước vĩnh viễn chẳng hưởng hết. Nếu phước báo để chính mình hưởng, dầu là phước báo tích tập nhiều đời nhiều kiếp, thường chỉ hưởng trong một đời, hai ba mươi năm là hết. Sự tình này nếu quý vị chú tâm quan sát những đế vương trong lịch sử [sẽ thấy]: Kẻ làm vua chúa, phước báo không phải do tu được trong một đời, hai đời, mà là do tu tích tụ phước đức từ nhiều đời, sanh vào nhân gian hưởng phước, nên mới được làm đế vương. Họ hưởng được bao nhiêu năm?

Trong số đế vương các đời, người có thể sống đến tuổi sáu mươi rất hiếm. Chúng ta chú tâm quan sát lịch sử, có rất nhiều vua chúa mới ba, bốn mươi tuổi đã mạng chung. Dầu cho họ sanh trưởng trong nhà đế vương, từ nhỏ đã hưởng thụ phú quý, về sau kế thừa ngôi vua; ba bốn mươi tuổi đã chết rồi. Quý vị nghĩ xem nhiều đời nhiều kiếp tu tập, tích tụ phước đức cũng không quá ba, bốn mươi năm là hết, kể cả thời gian làm vương tử. Thực sự làm đế vương thì có rất nhiều kẻ làm vua chưa đầy mười năm! Có vậy quý vị mới hiểu phước đức mình tích tụ để cho chính mình hưởng sẽ bị hết đi rất nhanh. Nếu cấp cho mọi người hưởng, phước báo ấy sẽ cuộn cuộn đưa tới, vĩnh viễn không gián đoạn, đầy mới

là tốt, đúng là đại phước báo. Vì thế, nguyện của chúng ta phải lớn, phải giống với chư Phật, Bồ Tát, “*hư không hữu tận, ngã nguyện vô cùng*” (hư không đâu có tận, nguyện của tôi vô cùng). Tiếp theo đây là bài kệ Hồi Hướng, cũng là bài kệ Hồi Hướng của những người chuyên tu Tịnh Độ chúng ta:

24. Hồi Hướng

***Nguyện sanh Tây Phương Tịnh Độ trung,
Thượng phẩm liên hoa vì phụ mẫu.***

願生西方淨土中。

上品蓮華為父母。

(*Nguyện sanh trong Tây Phương Tịnh Độ,
Hoa sen thượng phẩm là cha mẹ*).

Thế giới Cực Lạc không có cha mẹ, chẳng có thai sanh mà là liên hoa hóa sanh, nên ví hoa sen như cha mẹ, chứ không phải là cha mẹ thật. “*Thượng phẩm liên hoa*” là Thượng Phẩm Thượng Sanh. Con người phải có chí khí, chúng ta đã tu Tịnh tông, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, vì sao không cầu Thượng Phẩm Thượng Sanh? Vì sao Hạ Hạ Phẩm là đã mãn nguyện rồi? Những thứ khác đều buông xuống, chỉ yêu cầu mỗi một điều sau đây. Cầu điều gì? Cầu sớm thành Phật đạo, thành sớm một ngày sẽ giúp chúng sanh khổ nạn, vẫn là vì chúng sanh, chứ không vì chính mình. Nếu vì chính mình chứ không vì chúng sanh thì nói thật ra, quý vị không thể vãng sanh được đâu! Vì sao? Nguyện ấy khác với nguyện của A Di Đà Phật, không giống với nguyện của tất cả các thượng thiện nhân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, trái nghịch với họ, nên không vãng sanh được. Hết thầy vì chúng sanh, đoạn phiền não vì chúng sanh, thành Phật đạo vì chúng sanh, cầu Thượng Phẩm Thượng Sanh vẫn là vì chúng sanh.

***Hoa khai kiến Phật ngộ Vô Sanh,
Bất thoái Bồ Tát vì bạn hữu.***

華開見佛悟無生。

不退菩薩為伴侶。

(*Hoa nở thấy Phật ngộ Vô Sanh,
Bất thoái Bồ Tát là bè bạn*).

Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, liên hoa hóa sanh, thượng phẩm thượng sanh, đến nơi ấy hoa nở rất nhanh. “*Hoa nở*” tượng trưng cho điều gì? Tượng trưng cho chính mình, không phải do A Di Đà Phật gia trì, mà do công phu tu hành của chính mình đã đạt đến Lý nhất tâm bất loạn. Chúng ta vãng sanh đại đa số là công phu thành niệm, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới ở trong hoa sen, hoa sen chưa nở. Đến lúc nào hoa mới nở? Đến khi nào chúng được Lý nhất tâm bất loạn, cũng tức là đã đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Do vì quý vị ở trong hoa sen, Phật đến dạy quý vị, chư Phật, Như Lai đến giảng kinh thuyết pháp cho quý vị, quý vị thích tu pháp môn nào đều có thể học pháp môn ấy.

“*Bất Thoái Bồ Tát*”: Các vị Bồ Tát viên chứng ba thứ Bất Thoái từ Thất Địa trở lên là đồng tham đạo hữu của quý vị, là đồng học của quý vị, là bằng hữu ở cùng một chỗ với quý vị. Nhiều đồng tham đạo hữu tốt lành đến như thế, lại có chư Phật Như Lai tới dạy dỗ, quý vị nghĩ thử xem: Khai ngộ rất nhanh chóng! Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, hoa sen bèn nở. Vì thế, hoa sen vừa nở thì đó là cảnh giới nào? Là Thật Báo Trang Nghiêm Độ! Trong hoa sen là Phạm Thánh Đồng Cư Độ, là Phương Tiện Hữu Dư Độ. Hoa nở rồi là Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Đây là cảnh giới quý vị đích thân chứng được.

Tất cả hết thấy khai thị, tán tụng, phát nguyện, không gì chẳng nhằm hiển thị y báo và chánh báo trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng khôn sánh. Chúng ta nghe xong, thấy xong, hãy nên phát nguyện vãng sanh cõi Phật. Duyên ấy đúng là “*bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ*” (trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ). Cư sĩ Bành Tế Thanh nói rất hay: “*Vô lượng kiếp lai, hy hữu nan phùng chi nhất nhật*” ([ngày được gặp gỡ, nghe nói pháp môn Tịnh Độ] là một ngày hiếm có, khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay). Ngày hôm nay chúng ta đã gặp. Tiếp đến là phần tán thán Pháp Bảo trong phần tán thán Tam Bảo. Ở trên, chúng ta đã đọc qua về phần tán thán Phật Bảo. Ở đây là tán thán Pháp Bảo trong thời thứ hai:

25. Tán Thán Pháp Bảo

Pháp Bảo thực nan lượng.

法寶實難量。

(Pháp Bảo thật khó lường).

“*Lượng*” (量) là đo lường, suy lường. Nói cách khác, “*Pháp Bảo*

thực nan lượng” nghĩa là Pháp Bảo quả thật chẳng thể nghĩ bàn. Không cần phải xem kinh luận nào khác, nay chúng ta chỉ đọc mình Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sự này thôi, quý vị thấy kinh Di Đà, chú Vãng Sanh, lại còn tán Phật, phát nguyện, khai thị, nhìn vào một chút nhỏ nhặt dường này mà đã [thấy Pháp Bảo] chẳng thể nghĩ bàn, huống chi cả một Đại Tạng Giáo, quả thật khó nghĩ khó bàn, chẳng thể nghĩ bàn!

Như Lai kim khẩu tuyên dương.

如來金口宣揚。

Chữ “*kim khẩu*” (miệng vàng) hàm ý xưng tán. Nhìn từ mặt Sự, Phật là kim sắc thân, [nghĩa là] thân Phật màu vàng ròng, bởi thế chúng ta nói mặt Phật là “kim diện” (mặt vàng), gọi miệng Phật là “kim khẩu”. Nếu luận theo Lý thì trong bảy báu, vì sao vàng được mọi người coi trọng đến thế? Vì vàng chẳng biến đổi, những thứ khác như bạc chẳng hạn có thể bị “duỡng hóa” (oxidize: ôc-xít hóa), biến thành màu đen. Riêng màu vàng của vàng trong bất cứ tình huống nào cũng vẫn giữ được bản sắc, nên trong những thứ kim loại, mọi người đều quý vàng. Chữ “*kim khẩu*” ý nói những lời Như Lai nói đều là vĩnh hằng bất biến, chữ Kim có ý nghĩa như vậy, biểu thị ý nghĩa này. Hết thấy pháp do từ miệng vàng của đức Như Lai tuyên dương.

Long cung hải tạng tán thiên hương.

龍宮海藏散天香。

(Cát tại cung rồng trong biển cả, rải hương trời)

Lúc đức Thế Tôn thuyết pháp, nói xong, Đại Long Bò Tát thâu thập lại, cất giữ trong thư viện của mình, cất giữ trong cung rồng. Câu này chỉ kinh gì vậy? Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Lúc đức Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện mới thành Phật, ở dưới cội Bồ Đề, đức Phật nói kinh này trong Định, thời gian không dài, trong hai tuần, có chỗ nói là ba tuần. Nói cách khác, tính là ba tuần thì mới là hai mươi một ngày, đức Phật giảng kinh trong Định. Phạm phu chẳng có phần, chẳng thể tham dự pháp hội trong Định của Như Lai, bởi lẽ, đại chúng tham dự pháp hội là bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ. Chúng tôi thường nói: “*Phá một phẩm vô minh, chứng một phần Chân Tánh*”. Người như vậy mới đủ tư cách tham dự pháp hội Hoa Nghiêm, nghe đức Phật giảng kinh Hoa Nghiêm, đi vào trong Định của Như Lai. Cũng có nghĩa là

người trong mười pháp giới chẳng có phần.

Trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy có rất nhiều thiên chúng, thần chúng, vì sao họ cũng tham dự được? Phải biết: Những loại chúng quỷ thần ấy đều là chư Phật hay Pháp Thân Bồ Tát thị hiện trong chín pháp giới, không thực sự là phàm phu. Nếu thực sự là phàm phu, họ làm sao có thể tham dự pháp hội ấy được? Vì thế, trong số các quỷ thần cũng có chư Phật, Bồ Tát ứng hóa, họ là ứng hóa nên có thể tham gia. Họ tham gia cũng như đại diện cho một loài chúng sanh, chứ không phải là phàm nhân, mà toàn là Pháp Thân Bồ Tát.

Trong thời gian ngắn ngủi như thế, đức Phật giảng bao nhiêu? Giảng quá ư là nhiều! Đức Phật diệt độ sáu trăm năm, Long Thọ Bồ Tát sanh ra. Ngài Long Thọ là Sơ Địa Bồ Tát, đi vào long cung, thấy Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh lớn đến chừng nào? Ngài nói: *“Mười đại thiên thế giới vi trần kệ, một tứ thiên hạ vi trần phẩm”*. Trong thế gian này không có ai có thể đọc hết nổi! Lại xem có bản nào đơn giản hơn hay không? À! Lại coi đến Trung Bản, người thế gian chúng ta vẫn không thể lãnh thọ được nổi, vì phân lượng quá lớn. Cuối cùng, còn có thứ nào đơn giản hơn hay chăng? Đại Long Bồ Tát liền đưa phần mục lục đề yếu của Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh cho ngài Long Thọ xem. Giống như Tứ Khố Toàn Thư của chúng ta vậy. Quý vị thấy bộ Tứ Khố Toàn Thư ở giảng đường chúng ta, nay là bản in chữ rút nhỏ lại, tổng cộng một ngàn năm trăm tập. Bộ sách này có bản Mục Lục Đề Yếu đơn giản nhất, in thành năm tập; phần này do Kỷ Hiểu Lam biên soạn: Mỗi một cuốn sách, tựa đề, tác giả, sáng tác trong niên đại nào, nội dung nói những gì, đều được giới thiệu đơn giản. Những thứ này trước đây được soạn cho vua Càn Long xem. Hoàng đế Càn Long không có thời gian xem nhiều sách đến thế, do vua muốn hiểu nội dung mỗi cuốn sách như thế nào, nên [Kỷ Hiểu Lam] đặc biệt soạn tóm tắt cho vua xem.

Ngày nay chúng ta đọc kinh Hoa Nghiêm, chính là mục lục đề yếu của kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh. Quý vị mới hiểu đức Thế Tôn nhập Định, quý vị phải biết là thời gian trong Định đem so với thời gian hiện tại của chúng ta phải có sai biệt. Kinh Đại Thừa thường nói: *“Một niệm có thể mở rộng thành vô lượng kiếp, vô lượng kiếp có thể rút gọn thành một niệm”*. Niệm và kiếp viên dung. Vì thế, đức Phật có thể trong khoảng một niệm giảng vô lượng vô biên Phật pháp, biến thành vô lượng kiếp. Đây chính là ý nghĩa của câu *“long cung hải tạng tán thiên hương”*. Đại Long Bồ Tát thâu cất trong cung rỗng. Bản Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh do Long Thọ Bồ

Tất truyền ra gồm mười vạn kệ⁶⁴, bốn mươi phẩm, đều là phần mục lục đề yếu.

Giác giả tụng lang hàm.

覺者誦琅函。

(Bậc giác ngộ đọc kinh văn).

Chỉ có người thực sự giác ngộ mới hiểu học, mới thích thú, thích thọ trì, đọc tụng. Từ ngữ “lang hàm” (琅函) ngày nay cũng ít người hiểu. Lang Hàm là gì vậy? Lang Hàm là cái hộp chứa đựng sách thời cổ. Như nay quý vị thấy những cuốn sách in theo lối cổ, bên ngoài có một cái hộp đựng để bảo vệ. Câu này có ý nghĩa là đọc quyển kinh, nói theo cách bây giờ là đọc bản kinh.

Ngọc trục, hà điều, kim tả tự.

玉軸霞條金寫字。

(Trục ngọc, lụa màu ráng trời, viết chữ vàng).

Những bản kinh xưa kia, những bản kinh cổ nhất được viết trên lụa, giống như thư họa hiện tại. Vì thế gọi là một Quyển (卷: cuộn lại). Quyển ấy viết xong, cuộn lại, gấn trục, trục được làm bằng ngọc. Dùng lụa loại tốt nhất nhằm tôn trọng kinh điển, coi kinh điển như cửa báu vô thượng. Kinh quyển thời cổ như thế – nói theo cách bây giờ là “trang hoàng” – dùng cách trang hoàng kinh điển đẹp đẽ, quý trọng nhất, chữ viết bằng vàng. Hiện tại quý vị có thể thấy những quyển kinh như thế trong những viện bảo tàng, có loại viết chữ vàng, có loại viết chữ bạc; dùng [bột] vàng hay bạc [hòa vào mực hay chất son] để viết.

Tự bài thu nhận thành hàng.

似排秋雁成行。

(Như chim nhận bay thành hàng trong mùa Thu).

⁶⁴ Theo hòa thượng Tịnh Không đã giảng trong Phổ Hiền Hạnh Nguyên Đích Khải Thị, “kệ” là cách người cổ Ấn Độ tính kích thước một tác phẩm. Cứ bốn câu gọi là một Kệ (không phân biệt mỗi câu dài ngắn khác nhau); chữ Kệ này có ý nghĩa khác với chữ Kệ Tụng (cũng thường gọi tắt là Kệ). Kệ Tụng cũng gồm bốn câu, nhưng số chữ có hạn định, có vần điệu, thường được dùng để trùng tuyên những ý nghĩa đã giảng hay thừa thỉnh hoặc giải đáp.

Câu này có ý chỉ Phạn văn, cũng có thể hiểu là thư pháp viết hết sức đẹp đẽ, thư pháp tinh xảo, tề chỉnh. Phạn văn được viết theo hàng ngang, còn Hán văn viết theo hàng dọc. Văn tự Tây Tạng là biến thể trực tiếp của văn tự tiếng Phạn, giống như văn tự Nhật Bản do học từ Trung Quốc rồi biến đổi đi, có quan hệ hết sức mật thiết. Nay chúng tôi đến Nhật Bản, nói thật ra, không khác gì ở Trung Quốc cả, dấu ngôn ngữ không thông, nhưng văn tự xem đến liền hiểu được. Chúng tôi đọc tên mỗi đường phố đều hiểu, dù âm đọc khác nhau, nhưng nhận biết được mặt chữ, hiểu được ý nghĩa. Câu này chúng ta có thể giải thích là văn tự chỉnh tề, lối chữ khéo léo, ngay ngắn, chỉnh tề, đều hàm ý tôn trọng Pháp Bảo.

Tích nhân tam tạng thủ lai Đường.

昔因三藏取來唐。

(Xưa nhờ Tam Tạng đem qua Trung Hoa).

Mọi người vừa đọc đến câu này, thấy từ ngữ “*Tam Tạng*” bèn nghĩ ngay đến pháp sư Huyền Trang, tức Đường Tam Tạng. Trên thực tế, câu này mang ý nghĩa rất rộng. Thời cổ, rất nhiều pháp sư từ Trung Quốc qua Ấn Độ thỉnh kinh, học tập. Cao tăng đại đức Ấn Độ mang theo tượng Phật, kinh sách đến Trung Quốc cũng không ít. Vào thời đó, những pháp sư phiên dịch kinh điển đều gọi là “*Tam Tạng pháp sư*”. Kinh Phật [dịch sang tiếng Hán] bắt đầu từ thời Hán, vào đời Hậu Hán⁶⁵ kinh Phật được chánh thức truyền sang Trung Quốc, truyền sang rồi mới bắt đầu phiên dịch, nhưng kinh được phiên dịch nhiều nhất là vào đời Đường. Vì thế, vào đời Đường, mười tông phái Đại Thừa và Tiểu Thừa⁶⁶ của Phật giáo Trung Quốc được thành lập, có thể nói là Phật pháp Ấn Độ

⁶⁵ Hậu Hán tức là nhà Đông Hán (25-234). Đông Hán là nhà Hán được phục hưng sau khi Hán Quang Vũ Đế (Lưu Tú), là người đã diệt trừ Vương Mãng (người soán đoạt ngôi vua của nhà Tây Hán) và đánh tan các tướng lãnh quân phiệt, tái lập nhà Hán. Do đóng đô tại Lạc Dương (nằm về phía Đông của cố đô Trường An của nhà Tây Hán) nên gọi là Đông Hán. Kinh Phật được hai vị Trúc Pháp Lan và Ca Diếp Ma Đằng truyền vào Trung Hoa vào năm Vĩnh Bình thứ 10 (67) đời Hán Minh Đế. Hai vị này trụ tại chùa Bạch Mã ở Lạc Dương để phiên dịch kinh điển, bộ kinh đầu tiên được dịch sang tiếng Hán là Tứ Thập Nhị Chương Kinh.

⁶⁶ Mười tông phái của Phật giáo Trung Hoa là Câu Xá Tông (Tiểu Thừa Hữu Tông), Thành Thật Tông (Tiểu Thừa Không Tông), Tam Luận Tông (Pháp Tánh Tông), Luật Tông (Nam Sơn Tông), Từ Ân Tông (Du Già Tông, Duy Thức, Pháp Tướng Tông), Mật tông (Chân Ngôn Tông), Tịnh Độ Tông (Liên Tông), Thiên Thai Tông

đã di thực⁶⁷ hoàn toàn đến Trung Quốc. Vào đời Đường có thể nói là [Phật giáo] đã di thực hết sức viên mãn, biến thành một bộ phận của văn hóa Trung Quốc, ảnh hưởng hết sức rộng lớn. Có rất nhiều thuật ngữ trong cuộc sống thường ngày của chúng ta phát xuất từ Phật giáo. Vì vậy, lão cư sĩ Triệu Phác Sơ từng nói rất hay; cụ nói: “*Nếu chúng ta vứt bỏ Phật giáo sẽ không thể nói năng gì được nữa!*” Cụ nói như vậy là đúng đấy, nhưng người hiểu được câu nói ấy không nhiều. Trong những thuật ngữ thường dùng hằng ngày của chúng ta có rất nhiều từ ngữ lấy từ kinh Phật.

Vạn cổ vị phu dương.

萬古為敷揚。

(Phổ diễn đến muôn đời).

Tức là đời đời truyền tụng, lưu thông muôn đời, lợi ích rộng rãi chúng sanh. Đây là đại ý của bài tán Pháp Bảo.

Trong Phật sự có xướng niệm, do vậy thời gian làm Phật sự phải dài. Nếu rất nghiêm túc, rất chân thành làm Phật sự thì một buổi Phật sự phải mất ba tiếng. Ba tiếng đồng hồ, sức lực ai nấy đều kém đi một chút, cảm thấy mỏi mệt. Bởi thế, trong Phật sự phải có âm nhạc, phải có xướng tụng, có nhiều Phật, có hoạt động. Phối hợp rất nhiều phương tiện thiện xảo lại, khiến chúng ta cảm thấy nhẹ nhàng, rất nhanh chóng, không biết là thời gian kéo dài, cũng không cảm thấy nhọc nhằn. Tâm chân thành thực hiện được một buổi Phật sự viên mãn, cõi âm lẫn cõi dương cùng được lợi. Nói thật ra, người làm Phật sự chúng ta được lợi ích lớn nhất. Kinh Địa Tạng dạy không sai, bảy phần công đức thì bản thân chúng ta được hưởng sáu phần, vong linh, quỷ thần được hưởng một phần bảy.

Thế nhưng Phật sự ấy có lợi ích rất thù thắng đối với vong linh. Do nguyên nhân nào? Người làm pháp sự rất đông, chẳng phải chỉ là mấy vị pháp sư làm, không phải thế, mà là đại chúng đều có thể tham dự. Vì vậy, nay chúng ta thường làm Phật sự Tam Thời Hệ Niệm; tại Đài Loan, tại Trung Quốc, có đến hơn cả trăm người tham dự, thậm chí có

(Pháp Hoa Tông), Hiền Thủ Tông (Hoa Nghiêm Tông, Pháp Giới Tông) và Thiên tông (Tâm Tông, Tông Môn).

⁶⁷ “*Thực*” (植) ở đây là gieo trồng. Đem loại cây nào trồng sang một nơi khác không phải là quê hương của cây ấy gọi là “*di thực*” (移植, transplant).

khi đến hơn ba trăm người, quý vị nói xem công đức ấy lớn đến đâu! Lợi ích ấy rất lớn. Từ báo cáo nước kết tinh, chúng ta có thể hiểu được đạo lý này: Tập hợp sức mạnh của đại chúng, công đức thù thắng! Nhất là tập hợp những người thực sự có tu hành, những người tâm địa thanh tịnh, tâm địa thiện lương, những người ấy tâm ít nhiều tương ứng cùng kinh giáo. Trong khi làm Phật sự, họ có thể buông xuống vạn duyên, tối thiểu là trong lúc làm pháp hội, trong thời gian ngắn ngủi, buông xuống hết thấy tạp niệm, chuyên tâm thực hiện buổi công khóa ấy. Người [tham dự] lại đông ngần ấy, có pháp sư dẫn đầu; do vậy, Phật sự như vậy thù thắng hơn những Phật sự khác quá nhiều! Ví như nói Lương Hoàng Sám, người tham dự không đông được như thế; thực sự làm pháp sự chỉ có vài vị pháp sư, chứ đại chúng không thực sự tham dự; nhưng Tam Thời Hệ Niệm là thực sự tham dự, khác hẳn.

A! Bây giờ đã hết giờ rồi.

Tập 50

26. Khai Thị

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần khai thị lần thứ ba trong thời thứ hai, tiếp ngay sau phần tán thán Pháp Bảo. Chúng tôi đọc lời khai thị một lượt:

Cái văn: Hư nhi hữu minh đáp chi thanh, tịch nhi vô hình ảnh chi tướng. Nhiên cốc hưởng tự nhiên, phi hô chi nhi bất đáp. Phật thân vô tác, phi khẩu chi nhi bất chương.

蓋聞虛而有鳴答之聲。寂而無形影之相。然谷響自然。非呼之而不答。佛身無作。非扣之而不彰。

(Từng nghe: Trống rỗng mà có tiếng đáp ứng, tịch nhưng không có tướng hình ảnh. Thế nhưng, hang dội tiếng vọng là tự nhiên, không bao giờ kêu mà chẳng đáp. Phật thân vô tác, không bao giờ gõ mà chẳng hiển bày).

Chúng ta xem tiểu đoạn này trước. Đoạn này giảng về đạo lý cảm ứng đạo giao. “Cái văn” (từng nghe) – “văn” (聞) là nghe – từng nghe đức Thế Tôn khi giảng kinh, thuyết pháp thường nói đến. “Hư nhi hữu”: Hư (虛) là hư vô, con người hiện nay gọi “hư nhi hữu” là “từ trong Không sanh ra Có”. Trước kia thường tưởng chuyện trong Không sanh

ra Có không thể nào xảy ra được. Các nhà khoa học cận đại đã chứng thực: Quả thật, Hữu từ Vô sanh ra, đúng là trong Không sanh ra Có. “*Hư nhi hữu minh đáp chi thanh*” (trống rỗng mà có tiếng đáp vọng), “*minh đáp chi thanh*” (tiếng đáp vọng lại) là cách nói hình tượng, ở phần sau thiền sư sẽ nói cụ thể cho chúng ta hiểu, dẫn sự tương làm chứng. “*Tịch nhi vô hình ảnh chi tướng*” (tịch nhưng không có tướng hình ảnh), trong thanh tịnh tịch diệt không có tướng hình ảnh, pháp vốn là như thế. Hình tướng do đâu mà có? Nói chung không ngoài cảm ứng. Tiếp đó, dùng sự thật để nói. Hai câu đầu giảng về Lý Thể, Thể của Pháp Tánh vốn là như vậy, thanh tịnh tịch diệt!

“*Nhiên cốc hưởng tự nhiên, phi hô chi nhi bất đáp*” (nhưng hang dội tiếng vọng là tự nhiên, không bao giờ kêu mà chẳng đáp). Đây là nêu thí dụ minh họa ý đầu tiên “*hư nhi hữu minh đáp chi thanh*” (trống rỗng mà có tiếng đáp vọng). Hang núi quả thật không có âm thanh, nhưng nếu quý vị hú dài một tiếng sẽ có tiếng vọng; bởi thế, “*phi hô chi nhi bất đáp*” (không bao giờ kêu mà chẳng đáp). Nếu quý vị không hú dài một tiếng, hang núi cũng không vọng lại tiếng. Đây chính là “*trống rỗng mà có tiếng đáp vọng*”. Tiếng đáp vọng ấy phải do chính quý vị dẫn khởi; hang núi có khả năng ứng tiếng, nhưng quý vị phải cảm, cảm ứng mà, tương được hiện bèn hiện tiền.

Trong câu kế đó, “*Phật thân vô tác*” chính là “*tịch nhi vô hình ảnh chi tướng*” (tịch nhưng không có tướng hình ảnh). Quả thật chư Phật Như Lai không có hình tướng, nhưng nếu quý vị đánh động, chư Phật liền hiện ra. Khẩu (扣: gõ, đánh động) là Cảm, Chương (彰) là hiển hiện rất rõ rệt, tức là Ứng. Chúng sanh có Cảm, Phật bèn có Ứng. Cảm khác nhau, thiên sai vạn biệt (muôn vàn sai khác) nên Ứng cũng khác nhau, cũng là thiên sai vạn biệt. Người cảm có lúc hữu ý, có lúc vô ý, hoặc có thể nói là chúng ta hữu tâm hay vô tâm, nhưng Ứng luôn luôn là vô tâm. Vô tâm, vô ý, tùy quý vị cảm như thế nào sẽ ứng như thế đó, cảm ứng đạo giao, hiển hiện vô lượng vô biên sắc tướng. Sự cảm ứng ấy đều là duy thức sở biến, nó có thể hiện thì là duy tâm sở hiện, tâm hiện, thức biến. Thức do tâm hiện, biến thành vô lượng vô biên sắc tướng, trong Phật pháp gọi là “vô lượng vô biên pháp giới”. Vốn là Nhất Chân, kết quả Nhất Chân biến thành vô lượng vô biên pháp giới, trong ấy có khổ hay vui khác nhau. Tiểu đoạn này nói không nhiều, nhưng nghĩa lý sâu rộng vô tận, người học Phật chẳng thể không biết.

Tin Phật thì dựa vào đâu để tin? Dựa vào đạo lý mà tin, nhờ vào những sự thật mà tin tưởng. Phá mê khai ngộ, phản vọng quy chân (bỏ

vọng trở về chân) là nhờ vào đâu? Cũng nhờ vào đạo lý này. Nếu quý vị thực sự hiểu được đạo lý này sẽ có thể thay đổi được vận mạng hiện tiền. Ta muốn được vận mạng tốt, ta hy vọng suốt đời gặp may, không khó đâu, chỉ cần quý vị có Cẩm tốt, tự nhiên sẽ có Ứng tốt. Cổ đức đã nói: *“Chủng thiện nhân đắc thiện quả”* (Trồng thiện nhân được thiện quả). Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, đức Thế Tôn đã dạy chúng ta: *“Thường niệm thiện pháp, tư duy thiện pháp, quán sát thiện pháp, bất dung hào phân bất thiện hiệp tạp”* (Thường nghĩ đến thiện pháp, tư duy thiện pháp, quán sát thiện pháp, chẳng để mảy may bất thiện xen tạp), quý vị sẽ được hạnh phúc vĩnh hằng, rốt ráo, viên mãn, *“năng ly nhất thiết thế gian khổ”* (lìa được hết thảy nỗi khổ trong thế gian). Đó là cảm ứng! Lý cảm ứng pháp vốn là như thế, là đức năng của tánh đức. Tự tánh vốn sẵn có, vốn có năng lực, vốn có đức tướng. Nay chúng ta thành ra nông nổi này thì không có chi khác cả, chỉ do mê mất mà thôi! Đã mê mất nên khởi tâm động niệm đều là bất thiện, nếu cảm là bất thiện thì sự hồi đáp làm sao thiện cho được? Không có đạo lý ấy đâu!

Người thế gian cầu tài, hiện tượng này phổ biến nhất, tài ở nơi đâu? Tài ở ngay trong mạng của quý vị. Trong mạng quý vị không có của thì quý vị cầu nơi đâu? Dầu của cải ngập đất quý vị cũng không dùng được! Nếu quý vị cố làm cho được thì họa hại xảy ra liền. Vì sao? Không có số để hưởng. Trong mạng không có tiền của, phải tu! Chẳng phải là cầu không được, có thể cầu, hãy tu đi! Tu gì? Đức Phật dạy chúng ta tu Tài Bố Thí. Càng không có tiền của, càng keo kiệt, đúng là sai lầm, phải cùng quần suốt đời. Nếu quý vị thấy ai cùng khổ, đúng là người ấy không có chút phước báo nào. Nếu quý vị thấy họ là người rất rộng rãi, dầu không có, vẫn bỏ ra một chút, cũng chịu bố thí, chúng ta biết người ấy sau này nhất định sẽ khá giả. Vì sao? Hiện tại người ấy gieo nhân, trong mạng dầu không có tiền của, nhưng người ấy có thể dần dần chất đầy cái kho tiền tài trong số mạng.

Tài Bố Thí được giàu có, Pháp Bố Thí được thông minh, trí huệ, Vô Úy Bố Thí được khỏe mạnh, sống lâu. Đức Thế Tôn thường nói như vậy trong các kinh luận Đại, Tiểu Thừa. Trong những buổi giảng, chúng tôi cũng không ngừng lặp lại, quý vị nghe có hiểu hay chẳng? Quý vị có nghe lọt tai hay không? Quý vị có y giáo phụng hành hay chẳng? Chỉ cần quý vị chịu làm, đừng lo lắng, năm năm, mười năm, hai mươi năm sau, quả báo sẽ hiện tiền. Không phải ta bố thí hôm nay, ngày mai sẽ được phát tài liền, không có đạo lý như vậy đâu! Chỉ thành tâm thành ý mà làm, ngàn ngữ thường nói: *“Chỉ vấn canh vân, mạc vấn thâm hoạch”*

(chỉ hỏi cây cày, chớ hỏi trâu hoạch). Chỉ cần [quan tâm] ta phải trồng nhân lành, ta phải tu Tài Bồ Thí, Pháp Bồ Thí, Vô Úy Bồ Thí, đừng hỏi đến quả báo. Nhân duyên chín muồi, quả báo sẽ tự nhiên hiện tiền. Như vậy rồi quý vị mới thực sự hiểu rõ lời Phật nói là thật, không giả! Cảm và Ứng thực sự hiện tiền. Hiện tiền rồi, quý vị phải có trí huệ, quả báo hiện tiền nhưng chính mình không hưởng thụ, lại phải bố thí cho hết thầy chúng sanh hưởng thụ, như vậy mới là tốt!

Những vị lão đồng học, quý vị theo tôi đã lâu, bao nhiêu năm rồi, quý vị đã thấy, đều thấy cả rồi. Lúc tôi mới học, tôi là người có phước hay không, nhìn tướng mạo là biết liền. Quý vị thấy tướng mạo tôi lúc mới xuất gia, quý vị biết ngay: Một tí phước báo cũng không có! Nếu quý vị chú tâm quan sát thêm, lại còn là tướng đoản mạng. Lúc tôi xuất gia là đã học Phật bảy năm rồi. Nói cách khác, lúc ấy đã có chút duyên biến nhỏ nhoi. Lúc vừa mới học Phật, tướng mạo lúc ấy đúng là bất hảo. Vì thế, chính tôi cũng chẳng biết nói làm sao! Vì lẽ nào thầy lại chiếu cố đến tôi? Đây không phải là chuyện dễ dàng! Người ta thường chiếu cố ai đó đều là vì thấy kẻ ấy có tương lai, người ấy có thể dạy được. Thấy kẻ nào vừa không có phước lại vừa đoản mạng, trong cái nhìn và ý nghĩ của mọi người, ắt họ kính nhi viễn chi kẻ đó, buông bỏ kẻ đó. Những vị thầy của tôi quả thật chẳng phải là phàm nhân!

Đại khái trong đời quá khứ, tôi không tu Tài Bồ Thí, coi thường, mà cũng chẳng tu Vô Úy Bồ Thí. Đời này khi trẻ tôi còn đi săn, đi săn cả ba năm, hằng ngày sát sanh, không ngày nào chẳng sát sanh. Sát nghiệp rất nặng. May là trong đời quá khứ tu được chút Pháp Bồ Thí, có được một chút trí huệ. Lúc nhỏ (thời gian không dài, đại khái chỉ chừng hai ba năm, lúc còn rất nhỏ), đại khái khoảng năm sáu hay bảy tuổi, trong khoảng thời gian ấy được cha mẹ dạy dỗ. Lúc ấy tuy chưa lớn, nhưng đã bén rễ khiến cho tôi hiểu học, biết hiểu thuận cha mẹ, tôn sư trọng đạo, nền tảng rất sâu dày. Trông thấy miếu Thành Hoàng bị quân đội phá hủy, Thành Hoàng phải dọn nhà; ba ngày trước khi miếu bị phá hủy, tôi giúp Thành Hoàng dọn nhà, bởi thế tôi kết duyên rất tốt với Thành Hoàng. Vị Thành Hoàng ấy thường thân cận bên tôi.

Được thầy quan tâm chiếu cố, cuối cùng tôi hiểu rõ, giác ngộ, quay đầu, đoạn ác, tu thiện, tự mình nhận thấy trước đây mình sát nghiệp rất nặng, khi hiểu ra, tôi bèn ăn chay trường, phóng sanh! Dầu trâu nhập hết sức ít ỏi, tôi bằng lòng bỏ hết tiền để phóng sanh. Học xong, xuất gia, xuất gia năm ba mươi ba tuổi, bắt đầu nhận lời người khác mời giảng kinh, giảng kinh được cúng dường. Tôi có tiền bèn phóng sanh, có

tiền để bỏ thí thuốc men, có tiền bèn in kinh. Có lúc in kinh, chúng tôi không có tiền để in kinh một mình, xường in kinh in kèm thêm⁶⁸, gởi trước một ít tiền thôi. Kinh sách in xong, họ gởi cho tôi mấy bản. Tôi làm chuyện như vậy, làm như vậy suốt đời. Đến khi ngoài bốn mươi tuổi, cúng dường dần dần nhiều hơn, tôi có khả năng đứng ra in kinh một mình, chính mình muốn in bao nhiêu cũng được, suốt đời làm chuyện này, cuộc sống hết sức đơn giản.

Gần đây nhất, khoảng chừng hơn ba mươi năm, tôi không dùng đến tiền. Ở Mỹ, ngân hàng Mỹ Quốc cấp cho tôi thẻ tín dụng, tôi có khá nhiều thẻ tín dụng loại vàng (gold credit card), từ đó đến nay chưa dùng tới lần nào. Hình như họ cấp cho đôi ba lượt, về sau không cấp nữa, chưa hề dùng đến. Như vậy phước báo như quý vị hiện đang thấy đó hình như là càng ngày càng nhiều, đúng là tâm tướng sự thành. Chúng tôi không có ý niệm ác, không có ý niệm hưởng thụ, toàn là tất yếu “có cảm ắt có ứng”. Vì thế, chính mình chẳng nên thụ hưởng phước báo, nhường cho hết thảy chúng sanh hưởng, đặc biệt là chúng sanh khổ nạn.

Sau khi hiểu rõ đạo lý này, quý vị mới thực sự làm, thực sự có cảm ứng. Quý vị càng làm càng hoan hỷ, vì sao? Có thể giúp cho rất nhiều chúng sanh khổ nạn. Giúp đỡ quan trọng nhất vẫn là Pháp Bồ Thí. Hiện tại, chúng ta thực hiện Pháp Bồ Thí, ngoại trừ công khai giảng diễn ra, có không ít bản giảng ký được lưu thông. Rốt cuộc số lượng là bao nhiêu? Chúng tôi không biết, không phải do tôi in. Thậm chí rất nhiều bản giảng ký không do tôi viết. Tôi giảng xong, có người chép lại từ băng thâu hình hay băng thâu âm, soạn thành sách để lưu thông. Rất nhiều thứ ghi chép tôi chưa từng xem đến, tôi cũng không muốn xem. Vì sao? Nói xong thì thôi. Có gì phải lưu lại vết tích? Ai thích làm thì tùy duyên, quý vị thích làm thì cứ làm!

Hiện thời còn lợi dụng kỹ thuật cao, chúng ta có Internet, có vệ tinh. Internet hay vệ tinh cũng không do tôi làm, ai làm tôi đều hoan hỷ, tôi cũng chẳng chướng ngại người ấy, mà cũng chẳng tán trợ người ấy. Nếu tôi tán trợ quý vị, tôi phải đi hóa duyên, tôi phải đi kêu gọi quyên góp, suốt đời tôi không làm chuyện ấy. Có không ít người hảo tâm làm chuyện đó, làm khá thành công, đều là chuyện tốt. Bản thân chúng tôi suốt đời không nhọc lòng, không phan duyên. Không nhọc lòng thì chuyện gì cũng tốt, như vậy mới tự tại, tâm mới thanh tịnh. Tâm thanh tịnh sanh trí huệ, trí huệ mở mang rồi mới có thể hiểu kinh giáo, mới có

⁶⁸ Tức là đã có người khác đặt in với số lượng lớn, nên nhà in nhân tiện in thêm vài bản nữa cho mình.

thể lãnh hội. Vì thế, tâm phải thuần thiện thuần tịnh, chẳng những tiếp xúc với kinh luận của Phật, Bồ Tát, trí huệ của quý vị mở mang mà ngay cả những pháp thể gian, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài thấy đều mở mang trí huệ. Đây chính là năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài.

Từ kinh giáo mở mang Căn Bản Trí, từ cuộc sống thường ngày khai phát Hậu Đắc Trí. Suốt một đời chúng ta có thể sống trong trí huệ, không sống trong phiền não, không sống trong ưu lự, quý vị nói xem: Hạnh phúc nào sánh bằng? Hạnh phúc ấy do Phật, Bồ Tát, thầy, thiện tri thức ban cho chúng ta, ân đức ấy niệm niệm chẳng quên, tri ân báo ân, báo ân bằng cách nào? Vì người khác diễn nói. Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta: Thọ trì, đọc tụng, vì người khác diễn nói thì mới là báo ân Phật, mới hồng báo ân thầy, mới hồng báo ân thiện tri thức, mới hồng báo ân hết thấy chúng sanh. Xin xem tiếp đoạn văn kể đó:

Thượng lai khai kiến đệ nhị thời Hệ Niệm Phật Sự dĩ viên.

上來啟建第二時繫念佛事已圓。

(Từ trên tới đây tạo tác Hệ Niệm Phật Sự thời thứ hai đã viên mãn).

Hệ Niệm Phật Sự thời thứ hai tới đây đã viên mãn.

Như thượng thù huân, đầu nhập Như Lai đại nguyện hải trung, xuất sanh công đức.

如上殊勳。投入如來大願海中。出生功德。

(Công huân thù thắng như thế, gieo vào trong biển đại nguyện của Như Lai, sanh ra công đức).

[Ý nghĩa] hoàn toàn giống như trong thời thứ nhất.

Chuyên vì vong linh tẩy trừ nghiệp cấu.

耑為亡靈洗除業垢。

(Chuyên vì vong linh rửa trừ nghiệp cấu).

Phân trên là thời thứ nhất, đây là thời thứ hai. Có nhiều người như thế cùng hợp lại tu pháp sự này, nhằm để làm gì? “Chuyên vì vong linh”, cũng vì hết thấy quỷ thần, “rửa trừ nghiệp cấu”.

Tăng trưởng thiện căn, xả thử báo duyên, vãng sanh Tịnh Độ.

增長善根。捨此報緣。往生淨土。

(Tăng trưởng thiện căn, bỏ báo duyên này, sanh về Tịnh Độ).

Chúng ta tu pháp sự này nhằm vào mục đích này đây. Lợi người, đương nhiên cũng là tự lợi. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ “tự - tha không hai”. Vì sao? Trên kia đã nói: “*Tâm, Phật, chúng sanh, ba thứ không sai biệt*”. Tâm, Phật, chúng sanh nguyên là một thể. Vì thế, lợi tha mới là thực sự tự lợi, tự lợi nhất định phải lợi tha. Nếu tự lợi, chẳng lợi tha thì chẳng phải là tự lợi mà là “tự mình hại mình”! Phần khai thị tiếp theo đây đối với chúng ta có tánh chất khai phát rất mạnh.

Đản niệm tự tùng vô thủy, ngật chí kim sanh.

但念自從無始。迄至今生。

(Nhưng nghĩ từ vô thủy cho đến đời này).

“Đản niệm” là chúng ta hồi tưởng, phản tỉnh, từ vô thủy kiếp cho đến ngày nay.

Âu sanh cự hải, trực thức lãng dĩ cao đê.

漚生巨海。逐識浪以高低。

(Bọt nước sanh trong biển cả, theo sóng thức lên cao xuống thấp).

Đây là nói tỷ dụ. Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Thế Tôn từng nhắc đến tỷ dụ này. Trong kinh Lăng Nghiêm có tỷ dụ như sau: Đức Phật ví Chân Tâm, Tâm Tánh, Pháp Tánh như biển cả, ở phần trên gọi là Linh Tri Tâm, tâm Linh Tri như biển cả. Tâm phân biệt, tức là Duyên Lự Tâm, là gì? Duyên Lự Tâm là một cái bọt nước sanh từ nước biển. “Âu” (漚) chính là bọt nước. Đây chính là ý nghĩa của câu “*âu sanh cự hải*”. Thức sanh từ Pháp Tánh, mê mất tự tánh, do mê mất tự tánh bèn sanh ra vọng tâm, vọng tâm là A Lại Da Thức. Từ A Lại Da Thức biến ra [các thức khác] (nó có thể biến), biến thành thức thứ bảy, thức thứ sáu, và năm thức đầu, lại biến thành Tâm Sở, lại biến thành Sắc pháp, thảy đều biến hiện ra, [những thức, tâm sở, sắc pháp này so với chân tâm chỉ là] “*âu sanh cự hải*”.

“*Trực Thức lãng dĩ cao đê*” (theo sóng Thức mà lên cao xuống thấp). “*Sóng Thức*” là gì? Sóng là động, không tịnh. Tâm tánh chúng ta tịnh, trạm tịch linh minh, trong Phật pháp thường dùng bốn chữ [“trạm

tịch linh minh”] này để hình dung. Thức (vọng tâm) không như vậy; vọng tâm là động, vọng tâm là sóng mồi. Sóng mồi có cao hay thấp, gió lớn sóng to, gió nhỏ sóng bé. Gió to sóng lớn là lục đạo tam đồ. Gió nhẹ sóng bé là Tứ Thánh Pháp Giới. Trong lục đạo, gió to sóng lớn là ba ác đạo; gió nhẹ sóng bé là ba thiện đạo, lục đạo luân hồi. Câu này giảng vì sao có lục đạo luân hồi. Tiếp theo lại là một tỷ dụ:

Vân điểm thái thanh, nhậm tình phong nhi nhân ngã.

雲點太清。任情風而人我。

(Mây điểm hư không, mặc tình nổi gió ta - người).

“Thái thanh” là hư không, dùng hư không sánh ví tâm tánh. Một áng mây trong hư không ví cho mê hoặc. Áng mây trong hư không bị gió đùa, gió Đông thổi bạt sang phía Tây, gió Tây đánh dạt về phía Đông, tự mình hoàn toàn chẳng tự chủ được. Câu này hình dung điều gì? Hình dung sự lưu chuyển theo nghiệp lực, tự mình chẳng thể làm chủ. “*Nhậm tình phong nhi nhân ngã*” (mặc tình nổi gió nhân ngã). Đây là giảng về Lý, câu kế giảng về Sự.

U’ thị tuần hoàn chư thú, lưu chuyển tứ sanh, nghiệp hải mang mang, tội sơn ngập ngập.

於是循環諸趣。流轉四生。業海茫茫。罪山岌岌。

(Do vậy xoay vần các nẻo, trôi lăn tứ sanh, biển nghiệp mênh mông, núi tội chót vót).

A! Quả báo hiện tiền, luận trên mặt Sự. “*Tuần hoàn chư thú*”: “*Chư thú*” chính là lục đạo, quý vị xoay vần trong lục đạo. Gió nhẹ sóng bé, vượt lên ba thiện đạo; gió to sóng lớn bèn chìm xuống, vào trong ba ác đạo. “*Lưu chuyển tứ sanh*”: Chữ “*tứ sanh*” chỉ những cách để sanh thành trong lục đạo, tức Noãn, Thai, Thấp, Hóa. Loài người chúng ta là Thai Sanh, trong súc sanh đạo có cả bốn loại sanh. Có thai sanh, có noãn sanh. Loài chim là noãn sanh (sanh bằng trứng), loài cá trong biển quá nửa là loài noãn sanh. Có loài thấp sanh (sanh nơi ẩm ướt), có loài hóa sanh. Loài côn trùng hóa sanh, thấp sanh khá nhiều. Kinh Phật nói trong loài ngạ quỷ cả bốn loại sanh đều có. Trong địa ngục đạo chỉ có một loại là hóa sanh. Thiên đạo phước báo rất lớn, quá nửa là hóa sanh. Đây là luận về cách thức sanh ra.

“Nghiệp hải mang mang, tội sơn ngập ngập” (Biển nghiệp mênh

mông, núi tội chót vót): “Ngập ngập” là cao lớn, giống như một hòn núi lớn, tội lớn đến như thế, nặng đến như thế. Đoạn này thuyết minh đạo lý luân hồi, mà cũng chỉ ra chân tướng sự thật của luân hồi. Nói xong, phải làm sao? Làm thế nào để tiêu tội nghiệp, thoát luân hồi?

Phỉ bằng phát lộ.

匪憑發露。

(Không nhờ bày tỏ).

Nếu không nhờ vào phát lộ sám hối, thế nào là “phát lộ”? Làm chuyện sai trái, tự mình đã tạo tội nghiệp, chớ có giấu diếm, phải nên tuyên bố cùng đại chúng: “Tôi đã làm chuyện chi chi đó!” Mạnh bạo nhận sai, thừa nhận lỗi lầm của chính mình. Mọi người đều biết, người ta trừng mắt nhìn mình, phê bình mấy câu. Thôi! Báo hết rồi. Đó nghĩa là gì? Tội nặng báo nhẹ, báo trả hết rồi. Chớ nên giấu diếm tội nghiệp của chính mình, giấu diếm không xong đâu. Vì sao? Tội ấy càng tích lại càng nặng thêm, tương lai quả báo to lớn đáng sợ lắm.

Vì thế, đức Phật dạy chúng ta làm chuyện sai trái thì phải phát lộ, làm chuyện tốt phải giấu diếm. Làm chuyện tốt chẳng cần phải cho người khác biết, vì sao? Đức càng ẩn càng dày, quả báo tốt đẹp. Sự tình tốt chẳng cần phải phô trương, tích âm đức mà! Ngạn ngữ Trung Quốc thường nói: “*Quả báo của âm đức lớn nhất, báo rất dày*”. Nếu quý vị làm chuyện tốt, ai nấy đều biết, người ta đến biểu dương, khen ngợi, vỗ tay, tặng bằng tưởng thưởng cho mình, thế là báo xong rồi, chuyện tốt của mình đã xong, báo hết sạch rồi! Chuyện tốt chớ để cho người khác biết; làm chuyện bất thiện, làm chuyện tội lỗi thì mong mọi người đều biết, dù người ta chửi mình, chán ghét mình đi nữa thì báo cũng xong rồi. Nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này thì mới thực sự biết: Người hủy báng, lăng nhục, hãm hại chúng ta, đều là tiêu nghiệp chướng cho mình, ta phải cảm ơn họ. Nếu không như thế, nghiệp chướng làm sao tiêu được!

Người hủy báng càng nhiều, nghiệp chướng càng tiêu nhiều. Trong hai năm qua, tại Đài Loan, tại Trung Quốc và ngay cả những nơi khác, không những người ta chửi tôi rất nhiều, mà ngay trên báo chí, trên tạp chí còn đăng nhiều bài viết gọi đích danh tôi ra chửi, nói tôi đề cao bản hội tập của cụ Hạ Liên Cư là lỗi lầm không gì lớn hơn nữa. Thoạt đầu, pháp sư Ngô Đạo không nén được giận, thầy ấy muốn hợp mấy người lại, mọi người cùng nghiên cứu, viết bài công kích họ. Thầy còn

đem những tài liệu ấy gởi cho tôi, cũng như gởi cả những báo chí, tạp chí ấy cho tôi, tôi đều đem chúng quăng vô sọt rác hết. Tôi gọi điện thoại cho Ngô Đạo: “Đừng quan tâm đến, quyết định chẳng được làm như thế. Làm như vậy giống như chửi lộn, người ta chửi mình, mình không nhận được, chửi lại là xong rồi. Coi như đã giải quyết xong chuyện đó”. Chẳng nên chửi qua chửi lại, không lúc nào xong, lầm lạc quá rồi!

Người ta đến chửi mình, hủy báng mình, chính mình phải phản tỉnh, có lỗi thì sửa, không có lỗi thì càng thêm gắng sức, như vậy mới là tốt! Nếu đúng là mình có lầm lỗi thì ngay lập tức phải sửa lỗi, tự đổi mới, sao lại có thể biện bác, tranh cãi cho được? Mình biết mình không có lỗi làm ấy thì mình được tiêu tức nghiệp, trong đời quá khứ mình tạo tội quá nhiều, họ đến thay mình tiêu nghiệp chướng, mình càng phải cảm kích người ta.

Còn chuyện phản đối bản hội tập dù hữu ý hay vô ý, thôi đừng bàn luận! Có rất nhiều bản hội tập, có sao lại phản đối bản hội tập này mà không phản đối những bản khác? Đây có phải là có dụng ý riêng hay chẳng, chúng tôi không biết được! Họ đem tựa đề kinh ra công kích. Tôi đã từng có nói: “Người trên cả thế giới đều phản đối bản hội tập này, tôi vẫn cứ chiếu theo bản hội tập này mà học tập”. Vì sao? Do quan hệ thầy trò! Pháp môn này do thầy truyền cho tôi. Nếu tôi nghe theo những lời đó, chẳng dám đọc bản này, vậy thì tội của tôi nặng quá. Mặc cái tội gì? Nghịch thầy phản đạo; quý vị nghĩ xem tôi có gánh nổi tội danh ấy hay không? Bọn họ phản đối cách nào, tôi vẫn cứ tu như vậy, tôi tôn sư trọng đạo, báo Phật ân, báo tổ ân, báo ân thầy!

Tôi tin tưởng thầy tôi có tu trì, có đức hạnh, có trí huệ. Quý vị phản đối thầy vì quý vị không phải là học trò của thầy, không có quan hệ gì với thầy hết. Tôi với thầy có quan hệ, tôi chẳng thể phản đối, đó là đại nghĩa. Con người nếu không có đạo nghĩa thì làm người sao được? Vì thế, mặc kệ người ta hủy báng, lăng nhục thế nào, một câu tôi cũng không đáp, tối thiểu tôi tuân thủ đại nghĩa, tối thiểu là trong tương lai có ai đó phê bình: “Người như vậy vẫn còn tôn sư trọng đạo, biết ân, báo ân!” Bởi thế, tôi chẳng thể tin nghe theo mấy câu của người ta rồi chẳng dám đọc kinh này nữa, như thế mới là được! Học trò của thầy rất đông, vì sao thầy không đem chuyện này phó thác cho họ, mà lại phó thác cho tôi? Thầy nhìn tôi chẳng lầm, thầy biết tôi chẳng thể nghịch thầy phản đạo, tôi chẳng thể vong ân phụ nghĩa.

Vì thế, có lầm lỗi phải phát lộ sám hối. Người khác hủy báng, nhục mạ, thì chính mình phải nghiêm túc phản tỉnh, có thì sửa, không thì

càng cố gắng. Vĩnh viễn dùng cái tâm báo ân để đối đãi hết thảy chúng sanh. Đây là nói về phát lộ sám hối. “*Phỉ bằng phát lộ*” (nếu không nhờ vào phát lộ) là như vậy!

Hạt toại tiêu trừ, sám-ma dĩ vãng, phát nguyện đương lai.

曷遂消除。懺摩已往。發願當來。

(Sao tiêu trừ được! Sám hối cho quá khứ, phát nguyện cho tương lai).

Hai câu này nói lên cách thực hiện như thế nào. Thực hiện phát lộ sám hối bằng cách nào? Phải “sám-ma”, tức là sám hối, quá khứ đã làm bậy phải biết sám hối, phải biết sửa lỗi. “*Phát nguyện đương lai*” (phát nguyện cho tương lai), nguyện sẽ phát ấy phải nương theo bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, phải nương theo Tứ Hoằng Thệ Nguyện của chư Phật, nhất định phải phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Có vậy mới là không sai.

Tái lao pháp chúng, chí tâm sám hối phát nguyện.

再勞法眾。至心懺悔發願。

(Lại phiên pháp chúng chí tâm sám hối phát nguyện).

27. Sám Hối Phát Nguyện

Thời thứ nhất có sám hối phát nguyện, thời thứ hai cũng có sám hối phát nguyện. Hình thức sám hối phát nguyện không khác gì với lần trước, sám hối dùng mười đại nguyện vương, Sám Hối Kệ, tức bài kệ sám hối của Phổ Hiền Bồ Tát. Phát nguyện thì vẫn là Tứ Hoằng Thệ Nguyện y như cũ. Chúng tôi đọc bài kệ này một lượt, hơi khác với phần trên một chút.

Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp,

Giai do vô thủy tham - sân - si,

Tùng thân - ngữ - ý chi sở sanh.

往昔所造諸惡業。

皆由無始貪瞋痴。

從身語意之所生。

(Xưa kia trót tạo các ác nghiệp,

*Đều do vô thí tham - sân - si,
Từ thân - miệng - ý phát sanh ra).*

Phần này giống hết phần trước, khác biệt ở chỗ nào u? Ở chỗ này đây:

Nhất thiết tội chướng giai sám hối.

一切罪障皆懺悔。

(Hết thấy tội chướng đều sám hối).

Đây là chỗ khác biệt. Không phải là cầu mà là “đều sám hối”. Cầu sám hối cũng được. Ở phần trước trong thời thứ nhất câu này là “kim đối Phật tiền cầu sám hối” (nay đối trước Phật cầu sám hối). Trong thời thứ hai là “nhất thiết tội chướng giai sám hối” (hết thấy tội chướng đều sám hối), khác biệt ở chỗ này. Cứ mỗi lần sám hối càng triệt để hơn, vì sao? So với thời thứ nhất, thời thứ hai có chỗ ngộ rồi, có tiến bộ rồi, từ bài kệ sám hối này cũng có thể thấy được quý vị có tiến bộ. Phát nguyện vẫn giống hết như trước:

***Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ,
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học,
Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành.***

眾生無邊誓願度。

煩惱無盡誓願斷。

法門無量誓願學。

佛道無上誓願成。

Sám hối phát nguyện phải nương theo Phổ Hiền Bồ Tát. Phổ Hiền Bồ Tát, trong phần trên tôi đã giới thiệu cùng quý vị rồi, Phổ Hiền Bồ Tát tượng trưng cho lý luận và phương pháp tu nhân chứng quả của hết thấy Bồ Tát. Phổ Hiền Bồ Tát đại diện cho những điều ấy. Nếu nói gộp cả hai vị lại, tức là gộp cả Văn Thù vào thì Phổ Hiền tượng trưng cho tam-muội, Văn Thù tượng trưng cho Bát Nhã. Nếu nói một mình Ngài thì Ngài hoàn toàn tượng trưng cho cả hai điều đó. Lại xem đoạn khai thị cuối cùng.

Đoạn khai thị cuối cùng là:

28. Khai Thị

Thượng lai sám hối phát nguyện dĩ cánh, cụ hành do nhân cụ nhân mục, nguyện như nhật, nguyệt, đăng quang minh.

上來懺悔發願已竟。具行猶人具眼目。願如日月燈光明。

(Từ trên tới đây sám hối phát nguyện đã xong, Hành đầy đủ thì giống như người đầy đủ mắt, Nguyện như ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, đèn đóm).

“Cụ hành”, hành ở đây là hành động. Câu này có nghĩa là quý vị đều có thể đem những đạo lý, phương pháp mình đã học tập áp dụng vào cuộc sống thường nhật. Ở đây quan trọng nhất là trì danh niệm Phật, hạnh quan trọng nhất là hạnh này. Đây chính là như phẩm Tam Bối Vãng Sanh (Ba Bậc Vãng Sanh) trong kinh Vô Lượng Thọ đã nói: “*Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm*” (phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm). Chữ “*hạnh*” này chỉ việc niệm Phật, chứ không nhằm vào những hạnh khác.

Bây giờ đã hết giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn khai thị cuối cùng trong thời thứ hai:

Thượng lai sám hối phát nguyện dĩ cánh.

上來懺悔發願已竟。

(Từ trên tới đây, sám hối phát nguyện đã xong)

Câu này là lời tổng kết, tổng kết những phần trên.

Cụ hành do nhân cụ nhân mục, nguyện như nhật, nguyệt, đăng quang minh. Y quang chiếu chúc kiến phân minh, hành giả phương năng đạt tiền cảnh.

具行猶人具眼目。願如日月燈光明。依光照燭見分明。
。行者方能達前境。

(Hạnh đầy đủ như người đủ đôi mắt, nguyện như ánh sáng mặt

trời, mặt trăng, đèn đóm. Nương theo ánh sáng chiếu tỏ mà thấy phân minh, hành giả mới hòng thấu hiểu tiền cảnh⁶⁹).

Câu này là nói chung, chứ không nhất định chỉ là pháp môn Niệm Phật. Có thể nói là trong Phật pháp, bất luận kinh Đại Thừa hay Tiểu Thừa, bất luận tông phái nào, bất luận pháp môn nào, những điều nói ở đây là nguyên tắc, là nguyên lý, nguyên tắc chung, chẳng những chung cho hết thảy Phật pháp, mà còn đúng cho mọi pháp thế gian. Hết thảy pháp thế gian chẳng thể vượt ra ngoài những điều này được.

Chúng ta phải thấu hiểu những câu nói này. “*Cụ hành*”: Hành (行) là tu hành. Tu hành là sửa đổi cho đúng những hành vi lầm lạc thì gọi là tu hành. Những hành vi sai quấy rất nhiều, đúng là “*nhân phi thánh hiền, thực năng vô quá*” (con người không phải là thánh hiền, ai có thể không có lỗi?) Thánh hiền là chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát. Dưới Pháp Thân Bồ Tát, như là Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát, Phật trong mười pháp giới, không ai có thể nói mình không có lầm lỗi được! Thánh hiền thế gian càng chẳng thể nói như vậy được! Theo những gì ghi chép trong những thư tịch cổ Trung Quốc, bậc thánh hiền thế gian như Nghiêu - Thuấn vẫn chẳng thể đảm bảo chính mình không có lỗi lầm, huống gì những người khác?

Vì vậy, tu hành là một khoa mục quan trọng nhất, việc này phải được thực hiện trong cuộc sống thường nhật, khởi tâm động niệm, nói năng, hành vi, phải hiểu chi ly từng chút một, thời thời khắc khắc phải cảnh giác cao độ, nhận biết ý niệm của chính mình vừa khởi lên, biết ngay ý niệm ấy là thiện niệm hay ác niệm, biết ý niệm ấy có nên khởi lên hay không. Nếu không cần thiết, dầu là thiện niệm, thì tốt nhất ý niệm thứ hai là “*Nam-mô A Di Đà Phật*”, vậy là tốt! Sao cho trong mười hai thời trong tâm có Phật, trong mỗi niệm có Phật, hình ảnh đều là Phật; tâm mình là tâm Phật, hành động là Phật hạnh, thân là thân Phật. Như vậy mới là tốt, mới thật nên làm.

Đây đủ hạnh, ở đây được ví như người có đủ cả hai mắt, có được cặp mắt sáng. Dù có được cặp mắt sáng nhưng trong chỗ tối tăm không thấy được, giữa ban ngày có mặt trời, dương quang (ánh sáng của mặt trời); ban đêm có ánh trăng, có ánh đèn, quý vị mới không lạc mất phương hướng. “*Quang*” rất giống như Nguyệt, vì thế Hạnh chẳng thể

⁶⁹ Tiền cảnh: Cảnh đối trước các căn, tức là các trần do đối ứng với các căn mà gọi là “tiền cảnh”.

tách rời Nguyên. Nếu Hạnh lìa Nguyên thì chính là mất đuôi. Nói cách khác: Không biết phương hướng, chẳng biết mục tiêu. Dầu quý vị rất tinh tấn, rất nỗ lực tiến lên, nhưng rốt cuộc đi về đâu? Không biết được!

Vì thế nói: “*Nguyên như nhật nguyệt đăng quang minh*” (Nguyên như ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, đèn đóm). Câu này chỉ rõ Hạnh và Nguyên chẳng thể tách rời nhau. Đúng như Ngẫu Ích đại sư đã nói: Có được vãng sanh Tịnh Độ hay không hoàn toàn nhờ vào tín nguyện có hay không. Có Hạnh mà không có Nguyên, hoặc có Nguyên mà không có Hạnh đều chẳng thể vãng sanh! Trong các pháp môn khác, có Hạnh không có Nguyên hoặc là có Nguyên không có Hạnh cũng đều chẳng thể thành tựu, uổng phí một đời này! Nhiều lắm là gieo được một chủng tử thiện căn trong A Lại Da Thức, trong đời này, [chủng tử ấy] chắc chắn không khởi tác dụng. Đây chính là như thầy Lý thường nói khi xưa: “*Nên sanh tử như thế nào thì vẫn cứ sanh tử như thế đó*”. Quý vị vẫn cứ bị nghiệp lực xoay chuyển như cũ, không làm chủ được. Vì thế mới nói: “*Y quang chiếu chúc kiến phân minh*” (Nương theo ánh sáng chiếu tỏ mà thấy phân minh); quý vị phải có Nguyên, Nguyên là quang minh, Nguyên để dẫn Hạnh thì quý vị mới có thành tựu, mới có thể đạt đến mục tiêu và quả đức mà chính mình hy vọng. Phải hiểu đạo lý này, người niệm Phật cũng không ngoại lệ.

Thị dĩ niệm Phật chi nhân, nhược bất phát nguyện vãng sanh, túng hữu công hạnh, diệc thành hư thiết, dĩ bất thuận Phật cố.

**是以念佛之人。若不發願往生。縱有功行。亦成虛設。
。以不順佛故。**

(Do vậy, người niệm Phật nếu không phát nguyện vãng sanh, dầu có công hạnh cũng trở thành đặt bày hư huyền, vì không thuận theo Phật vậy).

Quý vị phát tâm niệm Phật, tốt lắm! Niệm Phật nhất định phải phát nguyện cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. Vì sao? Nếu không phát nguyện cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, dầu quý vị công phu niệm Phật rất sâu vẫn như không. Vì sao vẫn như không? Vẫn bị lưu chuyển theo nghiệp, vẫn không ra khỏi lục đạo luân hồi được! Niệm Phật là thiện nghiệp, thiện nghiệp thì có sanh vào ba thiện đạo được hay không? Không nhất định! Nếu quý vị chỉ là khẩu thiện (chỉ tốt lành nơi cửa miệng), tâm hạnh bất thiện, sẽ chẳng sanh vào ba đường lành. Thế nhưng không cần biết quý vị sanh vào đường nào, quý vị vẫn có một

chút phước báo. Nếu tội nghiệp rất nặng, đọa trong địa ngục đạo, phước báo ấy vẫn tồn tại. Lúc nào quý vị thoát khỏi địa ngục, lúc sanh vào các đường khác, phước báo ấy lại hiện tiền, biến thành phước báo hữu lậu thế gian.

Tuy thiền sư Trung Phong là bậc đại triệt đại ngộ của Thiền tông, Ngài lại niệm Phật vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới; vì thế, Ngài khuyên lon chúng ta, tự Ngài thực sự làm được. Vì sao? Vì quý vị “*bất thuận Phật cố*” (chẳng thuận theo Phật). Quý vị trái với nguyện của Phật, ý nguyện của Phật là mong chúng ta sanh về thế giới Cực Lạc. Quý vị cũng trái nghịch lời Phật dạy. Đúng là nghịch thầy phản đạo! Tu pháp môn này, đúng như Phật nguyện, đúng như lời Phật dạy thì mới là tôn sư trọng đạo. Trên thực tế, thiền sư nói những câu này là nói với chúng ta đây!

Kim nhĩ vong linh đương tri thử ý.

今爾亡靈。當知此意。

(Nay các vong linh hãy biết ý này).

Trên hình thức là nói với vong linh, nói với quỷ thần, chứ trên thực tế là bảo cùng chúng ta. Vong linh còn phát nguyện vãng sanh, mà chúng ta không thể phát nguyện vãng sanh; nói thật ra, còn thua cả quỷ! Ngay cả quỷ mà còn thua thì còn xứng đáng là người nữa ư? Lời ẩn trong lời, quý vị phải nghe hiểu những ý nghĩa ẩn trong ý nghĩa, ý tại ngôn ngoại (ý nằm ngoài lời). Quý vị phải hiểu được âm thanh ngoài dây đàn thì mới có chỗ ngộ, mới hòng có thụ dụng, nhất định phải thực sự thực hiện. Tiếp đó là bài kệ tán Phật để tổng kết một thời:

29. Tán Phật Tổng Kết (Di Đà Tán)

A Di Đà Phật,

Vô thượng y vương,

Nguy nguy kim tướng phóng hào quang,

Khổ hải tác từ hàng,

Cửu phẩm liên bang,

Đồng nguyện vãng Tây Phương.

阿彌陀佛。

無上醫王。

巍巍金相放毫光。

苦海作慈航。

九品蓮邦。

同願往西方。

(A Di Đà Phật,

Vô thượng y vương,

Tướng vàng vôi vọi phóng hào quang,

Biển khổ thả thuyền từ,

Chín phẩm liên bang,

Đồng nguyện về Tây Phương).

Nội dung bài tán này hết sức khẩn thiết.

Nam mô Liên Trì hội Bồ Tát Ma Ha Tát.

南無蓮池會菩薩摩訶薩。

ĐỆ TAM THỜI

Tiếp theo, chúng ta xem đến thời thứ ba. Thời thứ ba, tụng kinh, niệm chú hoàn toàn giống với thời thứ nhất, đều là hồi hướng Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát. Nay chúng ta xem từ phần Khai Thị, xem đoạn khai thị lần thứ nhất trong thời thứ ba.

30. Khai Thị

Thập vạn dư trình bất cách trần,

Hưu tương mê ngộ tự sơ thân,

Sát-na niệm tận Hằng sa Phật,

Tiện thị liên hoa quốc lý nhân.

十萬餘程不隔塵。

休將迷悟自疏親。

剎那念盡恆沙佛。

便是蓮華國裡人。

(Đường hơn mười vạn cõi,

Chẳng xa cách mấy trần,

Thôi đừng đem mê ngộ,

*Để tính kể sơ thân,
Sát-na niệm chư Phật,
Số nhiều đến Hằng sa.
Liên thành người đã ở
Trong cõi nước hoa sen).*

Trong bài kệ này, thiền sư Trung Phong chân thành khôn sánh, khẩn thiết khuyên dạy chúng ta, cũng như phó chúc chúng ta: Cơ duyên này rất khó được, là cơ hội khó gặp gỡ hiếm có từ vô lượng kiếp đến nay, hôm nay chúng ta được gặp, chớ có bỏ lỡ. Bỏ lỡ thì đúng là chẳng xứng với lời khuyên dạy khẩn thiết đường ấy của thiền sư Trung Phong.

“*Thập vạn dư trình*” (đường xa hơn mười vạn) chính là như kinh A Di Đà đã nói, từ thế giới Sa Bà qua khỏi mười vạn ức cõi Phật có một thế giới gọi là thế giới Cực Lạc. Nay thiền sư nói “*thập vạn dư trình*” (đường xa hơn mười vạn cõi), khoảng cách lớn như thế, “*bất cách trần*” (không cách biệt mấy trần). Trần là nhỏ nhất, tức vi trần, xa bao nhiêu? Giữa các vi trần không có kẽ hở, nói lên điều gì? Nói lên xa và gần không hai, không gian bị phá mất, không còn xa hay gần. Tây Phương Cực Lạc thế giới ở đâu vậy? Ở chính ngay nơi đây, không hề cách biệt mấy trần. Chúng ta nói đến khoảng cách thì vẫn còn có đường xa một dặm, đường xa nửa dặm, thậm chí vẫn còn có khoảng cách một mét, hoặc một centimetre, còn “*bất cách trần*” (không cách biệt một mấy trần) nghĩa là một centimetre cũng không có! Câu kệ tiếp theo nói rất hay.

“*Hưu tương mê ngộ tự sơ thân*” (thôi đừng để mê hay ngộ khiến cho [Cực Lạc] đối với mình trở thành sơ hay thân). Mấu chốt ở chỗ nào? Giác ngộ! Chuyển mê thành ngộ. Ở trên, thiền sư đã nói rất hay: “*A Di Đà Phật thị ngã tâm, ngã tâm thị A Di Đà Phật*” (A Di Đà Phật là tâm ta, tâm ta chính là A Di Đà Phật). Thế giới Cực Lạc là phương này, “*Tịnh Độ tức thử phương, thử phương tức Tịnh Độ*” (Tịnh Độ chính là phương này, phương này chính là Tịnh Độ). Đường xa mười vạn không cách biệt mấy trần, quý vị thấy trước và sau tương ứng, mấu chốt là mê hay ngộ. Mê thì [cách xa] mười vạn ức cõi Phật, ngộ thì ở ngay trước mặt. Phật có vọng ngữ hay không? Không! Mê thì quả thật có không gian, không gian có xa và gần. Lúc ngộ thì không gian chẳng còn. Chuyện này rất hiếm có, chúng tôi cảm tạ các khoa học gia hiện đại đã chứng tỏ trong một điều kiện nào đó, không gian sẽ bằng zéro.

Khoảng cách ư? Trong một điều kiện nào đó, mọi khoảng cách

đều bằng zéro. Điều kiện gì vậy? Ngộ! Các khoa học gia không biết điều kiện, chỉ nói “*trong một điều kiện nào đó*”, đức Phật bảo chúng ta “*ngộ!*” Điều kiện chính là Ngộ. Mê thì có khoảng cách, có xa hay gần; ngộ bèn không có. Ngộ thì không gian bằng với zéro. Tin tức ấy của các nhà khoa học tốt lắm, chúng tôi dùng ngay điều này, bởi nếu không có tin tức này, cảnh giới ấy rất khó thể diễn tả rõ ràng. Trong khoa học còn có công thức, công thức ấy lần sau tôi sẽ ghi lại. Nói thật ra, chỉ là mê hay ngộ, “*hưu tương mê ngộ tự sơ thân*” (thôi đừng vì mê hay ngộ khiến cho [Cực Lạc] đối với mình thành ra sơ hay thân), ngàn muôn phần chớ bỏ lỡ cơ duyên hy hữu khó gặp này! Thân hay sơ chỉ trong một niệm, sơ là mê, thân là giác ngộ, ngộ thì chính nơi đây là Cực Lạc, mê thì cách xa mười vạn ức cõi.

“*Sát-na niệm tận Hằng sa Phật, tiện thị liên hoa quốc lý nhân*” (Trong sát-na niệm hết Hằng sa Phật, bèn là người trong cõi hoa sen). Hai câu kệ đầu giảng về Lý, hai câu sau luận về Sự. Đối với Lý, chúng ta không thể ngộ nhập cảnh giới vẫn không sao cả, quý vị chỉ cần biết tín nguyện trì danh, cầu sanh về Tịnh Độ là được rồi. Ấn Quang đại sư suốt đời dạy người, tôi còn cho khắc một con ấn: Ấn Quang Đại Sư Truyền Pháp Ấn. Pháp Ấn của Ngài là gì vậy? Suốt đời Ngài nói nhiều nhất, viết nhiều nhất – thật đấy, tự hành, hóa tha – là bốn câu, mười sáu chữ sau đây: “*Đôn luân, tận phận, nhàn tà, tồn thành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ*” (Giữ trọn luân thường, tận hết trách nhiệm, ngăn lòng tà, giữ lòng thành, tín nguyện niệm Phật). Lão pháp sư cả một đời thực sự thực hiện cũng như dạy người khác điều này. Mười sáu chữ ấy theo cái nhìn của tôi, chính là “*truyền tâm pháp ấn*” tự hành, hóa tha của Ấn Quang đại sư. Đây là nguyên tắc chỉ đạo tối cao, tôi khẳng định trong chín ngàn năm thuộc đời Mạt Pháp của đức Thế Tôn chẳng thể biến đổi [nguyên tắc này]. Nếu nhất định tuân thủ nguyên tắc chỉ đạo này thì trong một đời này chúng ta nhất định sanh về Tịnh Độ.

Hai câu đầu (tức “*đôn luân tận phận, nhàn tà tồn thành*”) nói về pháp thế gian. Phật pháp kiến lập trên cơ sở thế gian pháp, không làm người tốt trong thế gian thì làm sao có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc cho được? Quý vị muốn vãng sanh thế giới Cực Lạc thì quý vị nhất định phải làm một người tốt trong thế gian. Tiêu chuẩn của một người tốt là như hai câu nói của Ấn Quang đại sư: “*Đôn luân, tận phận, nhàn tà, tồn thành*”. Đây là tiêu chuẩn của một người tốt trong thế gian như trong Phật pháp gọi là “*thiện nam tử, thiện nữ nhân*”. Trước hết, quý vị phải đạt tiêu chuẩn thiện nam tử, thiện nữ nhân, sau đó niệm Phật, tín nguyện

niệm Phật thì mới được vãng sanh.

Chữ “sát-na” (ksana) chỉ một thời gian rất ngắn, chỉ điều gì? Chỉ một câu Phật hiệu A Di Đà Phật. Quý vị thấy nhiều nhất là trong khoảng một giây, người tâm thường chúng ta niệm được một câu A Di Đà Phật, một giây thôi, trong một giây ấy niệm hết Hằng sa Phật. Đến bây giờ chúng tôi mới lãnh hội được đôi chút ý nghĩa này. Trong Sớ Sao, Liên Trì đại sư nói: “*Niệm một đức Phật (một đức Phật ở đây là A Di Đà Phật) không khác gì niệm hết thấy chư Phật*”. Niệm một câu A Di Đà Phật chính là niệm hết mười phương ba đời chư Phật, chẳng sót một vị Phật nào. Niệm một đức Phật chính là niệm hết thấy chư Phật. Ý nghĩa này hay lắm, là thật đấy, không giả đâu. Vì sao biết là thật? Qua kinh A Di Đà, chúng ta thấy sáu phương Hằng hà sa số chư Phật tán thán A Di Đà Phật. Những lời tán thán ấy chính là niệm A Di Đà Phật, hết thấy chư Phật đều niệm A Di Đà Phật. Vậy thì chúng ta niệm A Di Đà Phật chẳng phải là niệm hết thấy chư Phật hay sao? Bởi vậy, niệm một câu A Di Đà Phật, mười phương ba đời hết thấy chư Phật đều sanh tâm hoan hỷ, hết thấy chư Phật đều hộ niệm, có thể lấy kinh A Di Đà làm chứng. Sáu phương chư Phật là chứng minh, chứ còn gì nữa! Pháp môn nào có thể sánh bằng được? Thực sự là tìm chẳng ra!

Vì thế, chỉ cần quý vị làm được mười sáu chữ của pháp sư Ấn Quang thì quý vị đã thực hiện được bài kệ này của thiền sư Trung Phong, quý vị “*tiện thị liên hoa quốc lý nhân*” (liền thành người thuộc cõi nước hoa sen). Dẫu hiện thời quý vị chưa sang [Tây Phương Cực Lạc], nhưng chắc chắn được sang, không hoài nghi chút nào hết; giống như nói quý vị đã ghi tên vào sổ bộ ở Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi. Giống như nay chúng ta muốn di trú, quý vị đã cầm được sổ thông hành, cầm được giấy phép cư trú vĩnh viễn, chắc chắn sẽ đi được, muốn đi lúc nào cũng được. Cầm được giấy thông hành thì quý vị là người của thế giới Cực Lạc. Bài kệ này hay lắm, phải thực hiện cho thật tốt. Lại xem tiếp phần Khai Thị.

Hiệp trần bối giác, tài kinh cửc ư thất bảo viên lâm. Xả vọng quy chân, liệt châu vông ư tứ sanh môn hộ.

合塵背覺。栽荊棘於七寶園林。捨妄歸真。列珠網於四生門戶。

(Xuôi trần nghịch giác, trồng gai góc nơi vườn rừng bảy báu. Bỏ vọng về chân, giăng lưới châu nơi cửa ngõ tứ sanh).

Chúng ta hãy xem câu này trước. “*Hiệp trần bối giác*” là bọn phàm phu lục đạo chúng ta. Tâm chúng ta là vọng tâm, vọng tưởng, phân biệt, hiệp với gì? Hiệp với ngũ dục lục trần, niệm niệm đều là ngũ dục, lục trần. Giống như thế nào? Giống như “*tài kinh cửu thất bảo viên lâm*” (trồng gai góc trong vườn rừng bảy báu). “*Thất bảo viên lâm*” chính là Chân Như Bồn tánh của chúng ta. Nơi Chân Như Bồn tánh của chúng ta nay đang trồng kín gai góc. “*Gai góc*” là khởi Hoặc, tạo nghiệp, khổ báo. Gai góc là tỷ dụ Hoặc nghiệp khổ, tam chương. Tam chương sanh khởi trong Chân Như Bồn tánh của chúng ta vì chúng ta trái nghịch Tự Tánh Giác, không giác ngộ, mê hoặc, điên đảo, niệm niệm đều là ngũ dục, lục trần. Câu này có ý nghĩa như vậy. Lục đạo phàm phu ai này đều như thế cả!

Lại thưa rõ cùng mọi người, nói rõ ràng hơn chút nữa, rừng vườn bảy báu chính là căn tánh nơi sáu căn của chúng ta, nơi mắt gọi là tánh Thấy, nơi tai gọi là tánh Nghe, nơi mũi, nơi lưỡi, nơi thân gọi là tánh Cảm Nhận, nơi ý gọi là tánh Biết. Thấy - nghe - hay - biết là vườn rừng bảy báu, là tánh đức, tánh năng, nhưng mê rồi. Mê rồi bèn biến thành sáu thức, nơi mắt là Nhãn Thức, nơi tai là Nhĩ Thức, nơi ý gọi là Ý Thức. Quý vị thấy đó, tánh đức vừa mê bèn chuyển thành tám thức, đó gọi là “*hiệp trần bối giác*”, chính là hiện tượng hiện tiền của chúng ta.

Quay đầu lại là tốt, vừa quay đầu lại chính là “*xả vọng, quy chân*”. Xả vọng, quy chân là chuyển Thức thành Trí, buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, bỏ đi, khôi phục thấy - nghe - hay - biết, vĩnh viễn giữ được thấy - nghe - hay - biết, trọn chẳng rơi vào ý thức, cũng quyết định chẳng để sáu căn khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước nơi sáu cảnh. Khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước là hồng rồi, là mê rồi. Thấy sắc, nghe tiếng, không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước, đây chính là “*xả vọng, quy chân*”. Mọi người nhất định phải hiểu: Khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước là vọng, quý vị phải bỏ chúng đi.

Trong Tánh (tánh đức) quyết định chẳng có khởi tâm động niệm, quyết định chẳng phân biệt, chấp trước, giống như là “*liệt châu võng u tứ sanh môn hộ*” (giăng lưới châu nơi cửa ngõ tứ sanh). “*Tứ sanh môn hộ*” chính là lục đạo luân hồi. Trong lục đạo luân hồi, trong đời ác năm trước, có lưới màn bảo châu, tức y báo trang nghiêm nơi Cực Lạc thế giới, do tánh đức hiển hiện. Tánh đức ở chỗ nào? Tánh đức ở ngay trong đời ác năm trước!

Tung hoành vạn pháp, viên khỏa nhất tâm.

縱橫萬法。圓裹一心。

(Dọc ngang vạn pháp, nhất tâm bao tròn).

Đến đây là một đoạn. Hai câu này để tổng kết. “Tung” (縱: chiều dọc) chỉ thời gian, “hoành” (橫: chiều ngang) chỉ không gian. Trong nhà Phật thường nói: “Hoành biến thập phương, thụ cùng tam thế” (Theo chiều ngang trọn khắp mười phương, theo chiều dọc khắp cùng ba đời), Tung chính là Thụ (豎). Ở đây, “tung hoành” chỉ cho thời gian và không gian. Trong không gian và thời gian có tất cả hết thảy vạn pháp. Hết thảy vạn pháp chẳng tách lìa không gian và thời gian, đều thuộc trong không gian và thời gian. Vạn pháp trong không gian và thời gian, “viên khỏa nhất tâm”, Khỏa (裹) là bao trùm, “viên khỏa” (圓裹) là bao bọc trọn vẹn, ai bao trùm? Nhất tâm, không thoát khỏi nhất tâm, chẳng lìa nhất tâm. Vậy thì chúng ta niệm Phật, chúng ta niệm Phật chuyên môn cầu nhất tâm, quý vị thấy đó: Cao minh đến cùng cực! Mục tiêu công phu của chúng ta là nhất tâm bất loạn, nhất tâm tung hoành vạn pháp, bao tròn hết thảy. Đoạn này giảng về Lý, hễ có Lý thì nhất định có Sự. Đoạn tiếp theo giảng về Sự Tướng. Chúng ta xem đoạn kế tiếp:

Phi tư lượng xứ, A Di Đà Phật. Tọa đoạn lục căn, vô tạo tác thời. Thanh Thái cổ hương, hoành thôn bát cực, phá quần hôn như cỏ nhật lệ thiên, liệu chúng bệnh như Thiện Kiến thần dược.

非思量處。阿彌陀佛。坐斷六根。無造作時。清泰故鄉。橫吞八極。破群昏如杲日麗天。療眾病如善見神藥。

(A Di Đà Phật không chỗ nghĩ lường. Nhằm lúc khuất phục sáu căn, không tạo tác, quê cũ Thanh Thái nuốt trọn khắp tám phương, phá các tối tăm như mặt trời chói rực giữa trời, trị các bệnh như thuốc thần Thiện Kiến).

Đây là một đoạn, thuộc về sự tướng. Trong đoạn này quan trọng nhất là “phi tư lượng xứ” (không chỗ nghĩ lường), “vô tạo tác thời” (lúc không tạo tác). Giác và mê khác biệt ở chỗ này! Lúc mê, vọng niệm toi bời, chúng tôi thường bảo là suy nghĩ loạn xị (hồ tư loạn tưởng). Tư tưởng của kẻ ấy chưa từng ngưng nghỉ, đêm ngủ vẫn suy tưởng nên mới có mộng cảnh. Nếu không suy tưởng, sẽ không nằm mộng. Mộng do nguyên nhân nào? Chính là do A Lại Da Thức của quý vị hoạt động

không ngừng, chẳng ngưng lặng trong mỗi sát-na. Phàm phu chúng ta biết được những ý niệm thô, biết được nó sanh diệt, nhưng không biết những ý niệm vi tế. Những ý niệm cực kỳ vi tế, những chủng tử trong A Lại Da Thức thì kinh Phật nói phải là Bát Địa Bồ Tát trở lên mới biết được sự sanh diệt của chúng. Bát Địa Bồ Tát là Bất Động Địa, kinh Nhân Vương gọi là Vô Sanh Pháp Nhãn. Bát Địa Bồ Tát là Trung Phẩm Vô Sanh Pháp Nhãn, Thất Địa là Hạ Phẩm. Hạ Phẩm Vô Sanh Pháp Nhãn còn chưa thấy được [sự sanh diệt của ý niệm vi tế], Trung Phẩm Vô Sanh thấy được. Phải thấy mới đoạn được, quý vị không thấy thì đoạn chỗ nào? Vì thế, kiến đạo rồi mới có thể tu đạo, đạo không thấy, quý vị tu ở chỗ nào? Chúng ta phải học điểm này. “*Phi tư lượng xứ*”, quý vị thấy A Di Đà Phật đã đạt được cảnh giới ấy.

Như vậy, “*tọa đoạn lục căn*” (khuất phục sáu căn) tức là nói sáu căn không còn khởi tác dụng nữa⁷⁰. Nói “*lục căn*” hàm ý những Thức nơi sáu căn, những Thức ấy vĩnh viễn không khởi tác dụng. Người ấy khởi tác dụng nào? Khởi những đức năng sẵn có (bản năng) trong Pháp Tánh; bản năng của Pháp Tánh là thấy - nghe - hay - biết. Thấy - nghe - hay - biết trọn khắp pháp giới, hư không giới. Các nhà khoa học ngày nay dùng phương pháp khoa học để thí nghiệm, chứng minh thực vật và khoáng vật có khả năng thấy - nghe - hay - biết, đây chính là bản năng của Pháp Tánh. Thực vật và khoáng vật mê hay không mê? Cũng là mê. Vì thế, sự thấy - nghe - hay - biết của chúng chẳng thể trọn khắp pháp giới, hư không giới. Quý vị xem nhé: Viết chữ Ái (yêu) cho nước thấy, để xa quá không được, phải dán lên bình đựng nước cho gần, đại khái phải mất một tiếng đồng hồ nước mới phản ứng. Nó cũng mê, so với con người nó còn mê tệ hại hơn. Con người chúng ta vừa trông thấy chữ ấy từ xa đã có phản ứng; còn nước phải dán cho gần, vẫn phải tốn một thời gian dài, điều này chứng tỏ thực vật và khoáng vật mê nặng hơn chúng ta, khoáng vật so ra mê còn nặng hơn thực vật.

Kinh Lăng Nghiêm nói thuần tình thành thực vật hay khoáng vật. Kinh Lăng Nghiêm nói đến tình và tướng; thuần tướng thì bay lên, thuần tình thì đọa xuống. “*Thuần tình*” là gì? Chấp trước! Chấp trước quá mức, nhưng tánh năng chẳng bị vùi mất. Chấp trước nghiêm trọng hơn, chẳng

⁷⁰ Ở đây nói sáu căn không còn khởi tác dụng không có nghĩa là sáu căn mất hết khả năng nhận biết (linh minh giác tri) mà là sáu thức không còn khởi phân biệt, vọng tưởng, chấp trước mà nhìn thấy sự vật đúng như bản chất của nó, thấy được chân tánh của vạn vật, vạn pháp. Nói cách khác, sáu căn dùng sáu tánh để liễu tri vạn pháp, chứ không dùng Thức. Thức đã chuyển thành Trí.

hạn như khoáng vật sẽ rất khó chuyển biến. Trong khoáng vật thì nước có thể nhận được những tin tức từ chúng ta, sau một tiếng đồng hồ nó sẽ có phản ứng. Đại khái, quý vị gởi đến bùn, cát, đá những thông điệp, rất có thể cần đến cả mười tiếng, hai mươi tiếng, thậm chí ba mươi tiếng, chúng mới phản ứng. Quý vị thấy đó: Chúng phản ứng. Đương nhiên phản ứng cực kỳ vi tế, chúng ta không thấy được. Vì thế, bọn họ dùng trái cây, dùng cơm, dùng mạn đầu làm thí nghiệm, trong hai tuần phản ứng hết sức rõ ràng. Đó là nói về khoáng vật, không phải là thực vật. Thực vật là hoa, cỏ, cây cối, chúng cảm ứng cũng khá linh mẫn, quả thật có thấy - nghe - hay - biết. Bản năng nơi Pháp Tánh, những đức sẵn có nơi Pháp Tánh không hề bị mất đi, mà bị mê tình che lấp. Dầu che lấp vẫn có tác dụng, vẫn khá rõ ràng.

Ở đây, chúng ta phải thực sự hiểu rõ: Tận sức bớt suy lường, cũng có thể hiểu là tận sức ít khởi vọng tưởng. Vọng tưởng càng ít càng tốt, nhưng như thế nào? Vọng tưởng không ngừng được, vẫn đề ở chỗ này! Chúng ta muốn ngừng dứt, bởi không vọng tưởng sẽ thành Phật; nhưng có những chuyện ta muốn buông xuống, lại không buông xuống được, ta muốn bỏ đi, chẳng những bỏ không được, càng muốn bỏ đi lại càng nhiều. Làm thế nào đây? Đức Phật dạy cho chúng ta một phương pháp hay: Niệm A Di Đà Phật. Ý niệm vừa dấy lên, cấp tốc A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, giữ gìn một niệm này. Quý vị muốn đoạn một niệm này, đoạn không được, vậy thì nay dùng một niệm thay thế hết thảy niệm, cách này hay lắm! Một niệm ấy không đoạn nên gọi là “đới nghiệp vãng sanh”. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới tu hành một khoảng thời gian, niệm ấy không còn nữa, bền thành công, đạt đến Lý nhất tâm bất loạn. Niệm ấy không còn nữa thì minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật.

Thành Phật rồi còn niệm A Di Đà Phật nữa hay không? Vẫn niệm. Niệm lúc đó và niệm lúc này hoàn toàn khác nhau. Niệm ấy là gì? Vì người khác diễn nói, làm gương cho hết thảy chúng sanh khổ nạn: Các người muốn thành tựu thì phải làm giống như ta đây! Trong kinh Di Đà, Thích Ca Mâu Ni Phật đã thị hiện, Ngài niệm Phật chứng vô thượng Bồ Đề; bởi thế, đây chính là làm gương cho người khác xem, là lợi tha đấy! Hiện tại, chúng ta chưa đạt đến Lý nhất tâm bất loạn thì tự lợi, tự lợi cũng là lợi tha, lợi tha cũng là tự lợi, tự - tha bất nhị. Vì thế, để đạt đến chỗ không suy lường, chúng ta dùng một câu Phật hiệu, trong mười hai thời, suốt ngày từ sáng đến tối, trong mỗi niệm, tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật, trừ A Di Đà Phật ra, niệm gì cũng chẳng có.

Nếu quý vị hỏi: Việc này phiền quá, trong cuộc sống thường ngày

những chuyện mình không biết, niệm xong một câu Phật hiệu thì lo liệu mọi việc ra sao đây? Giải quyết như thế nào? Đúng là ý niệm quy về một câu Phật hiệu thì trí huệ bèn mở mang, bất luận chuyện gì cũng không cần phải biết, quý vị vừa tiếp xúc bèn hiểu rõ, tự nhiên sẽ có phương pháp ổn thỏa tốt lành để giải quyết, chẳng cần phải suy nghĩ, tìm tòi, chẳng cần phải biết trước. Biết trước, suy nghĩ cặn kẽ như thế nào đi nữa, nhưng đến lúc đụng chuyện vẫn làm sai. Đó là phạm phu. Chư Phật, Bồ Tát giải quyết hết thảy mọi chuyện vật vãn, tạp nhạp của đại chúng, Phật, Bồ Tát có làm sai chuyện nào hay không? Không! Từ trước đến nay chưa từng làm chuyện gì sai quấy, do nguyên nhân nào? Trí huệ! Tâm các Ngài thanh tịnh, không nhiễm ô, không có tạp niệm, “*tọa đoạn sáu căn*”. “*Tọa đoạn*” là chữ dùng để hình dung, không thực sự đoạn, ở đây có nghĩa sáu thức nơi sáu căn không khởi tác dụng.

Lúc không tạo tác, “*Thanh Thái cố hương, hoành thôn bát cực*” (quê cũ Thanh Thái nuốt trọn tám phương): Thanh Thái là thế giới Cực Lạc, “*bát cực*” là tám phương. Người Hoa thường nói “tứ phương, tứ duy” (bốn phương chánh, bốn phương bàng⁷¹), thêm vào thượng, hạ thành mười phương. “*Hoành thôn*” (nuốt ngang) là bao quát toàn bộ, hoàn toàn bao trùm. Thế giới Cực Lạc được hình thành như thế nào? Thế giới Cực Lạc không do con người tạo tác, cũng có thể nói là không phân biệt, không chấp trước, “*phi tư lượng xứ*”, không có vọng tưởng. Nói gộp lại là “*không có phân biệt, không chấp trước*”. Người trong thế giới Cực Lạc không chỉ học với A Di Đà Phật, dù là những người thuộc Hạ Hạ Phẩm – chúng ta đọc thấy trong kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật đã giới thiệu – bọn họ mỗi ngày nghe kinh, nghe pháp, mỗi ngày đi tham phòng mười vạn ức Phật. Thật ra, “*mười vạn ức*” không phải là con số mà là mười phương thế giới hết thảy đạo tràng của chư Phật, Bồ Tát, họ đều đến tham phòng, đến cúng Phật, nghe Phật thuyết pháp, cúng Tăng, giúp đỡ Phật giáo hóa chúng sanh. Bận bịu như thế cũng chẳng vui ư?

Vì sao gọi là “*vô tạo tác thời*” (lúc không tạo tác)? Quả thật, họ bận rộn cũng chẳng vui ư? Họ không có ý niệm ấy, cũng không khởi tâm động niệm, không phân biệt, chấp trước. Chúng sanh có Cảm, họ bèn Ứng. Cảm ứng hoàn toàn tự nhiên, quả thật chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng chấp trước, nên mới có Ứng. Chúng ta nay không có cách nào làm như vậy được. Do nguyên nhân nào? Bản năng ấy của chúng ta bị chướng ngại, bị nghiệp chướng chướng ngại. Nghiệp chướng là gì?

⁷¹ Bốn phương bàng là Đông Nam, Tây Nam, Đông Bắc, Tây Bắc.

Nghiệp chướng là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chúng ta không buông những thứ ấy xuống được. Những thứ ấy chướng ngại tánh đức, tánh năng của chúng ta. Người vãng sanh Hạ Hạ Phẩm trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, dầu chưa phá được một phẩm vô minh, nhưng họ được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, đức năng nơi tự tánh của họ không bị chướng ngại nên khởi tác dụng; vì thế, họ có thể tự do tự tại thị hiện trong mười phương thế giới, thật chẳng thể nghĩ bàn.

Nếu chúng ta học theo họ sẽ học không được, làm cách nào đây? Thật thà niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Đến thế giới Cực Lạc, cảnh giới ấy sẽ hiện tiền. Vì thế, nay chúng ta đọc đoạn kinh này, phải áp dụng vào hiện tại như thế nào? Tùy duyên, đừng phan duyên! Trọn đừng nghĩ mình phải làm điều này, điều nọ, hết thấy mọi việc cứ để “nước chảy thành suối!” Có cơ hội, biết là chuyện tốt, mình có khả năng có thể làm được thì hãy toàn tâm toàn lực mà làm; không đủ sức thì chẳng cần phải khởi vọng tưởng, chẳng cần khởi ý niệm nào. Có khả năng nhưng việc ấy đã có người làm, mình không bắt buộc phải làm, cũng chẳng cần phải bận tâm nữa. Việc tốt, đúng là việc tốt, lại không có ai làm, mình có sức làm thì mình tùy hỷ. Tốt! Tự tại lắm!

Như vậy, trong cuộc sống hiện thời, học tùy duyên đừng phan duyên, quý vị được đại tự tại. Thấy thấu suốt, buông xuống, tự tại, tùy duyên, đây chính là những gì thầy truyền cho tôi, trong bao nhiêu năm qua, tôi tùy tâm sử dụng, rất tự tại! Càng làm, lòng tin càng trọn đủ, càng làm, càng cảm tạ thầy dạy dỗ.

A! Bây giờ đã hết giờ rồi!

Tập 51

Chư vị đồng học!

Xin xem phần khai thị thứ nhất trong thời thứ ba của Hệ Niệm Pháp Sự. Buổi học trước chúng tôi đã giảng đến đây:

Phi tư lượng xứ A Di Đà Phật, tọa đoạn lục căn, vô tạo tác thời, Thanh Thái cố hương, hoành thôn bát cực.

非思量處。阿彌陀佛。坐斷六根。無造作時。清泰故鄉。橫吞八極。

(A Di Đà Phật không chỗ nghĩ lường. Nhằm lúc khuất phục sáu căn, không tạo tác, quê cũ Thanh Thái nuốt trọn khắp tám phương).

Trong hai câu này, quan trọng nhất là “*phi tư lượng xứ*” (chỗ không suy lường) và “*vô tạo tác thời*” (lúc không tạo tác), thánh - phàm sai biệt cũng ở chỗ này. Thánh nhân (chúng ta gọi là “bậc giác ngộ”), bậc giác ngộ tâm địa thanh tịnh không có vọng niệm. Phàm phu không giác ngộ, mê hoặc, vọng niệm chẳng đoạn. Phàm - thánh sai biệt, nói thật ra, chính là ở chỗ này. Vì thế, thời cổ thánh nhân dạy người “*khắc niệm tác thánh*” (chế ngự được ý niệm thì thành thánh), quý vị thấy bốn chữ này rất thú vị! Phàm ai có thể chế ngự được ý niệm sẽ thành thánh, ai không khắc phục được ý niệm của chính mình thì là phàm phu. Chư Phật, Bồ Tát cũng không có gì khác, đoạn được vọng niệm mà thôi, đoạn sạch sẽ, mảy may cũng không còn, nên gọi là Phật Đà, là chư Phật Như Lai! Đoạn nhưng còn một chút, hãy còn một chút cực kỳ vi tế chưa đoạn thì là Đẳng Giác Bồ Tát. Do đây biết rằng: Tu hành nói đến tổng nguyên tắc, tổng cương lĩnh thì không có gì khác cả, khắc phục vọng niệm mà thôi! Như vậy, A Di Đà Phật làm được điều này. “*Phi tư lượng xứ*” A Di Đà Phật làm được, vì thế, lục căn của Ngài tịch tĩnh. Lục căn tịch tĩnh, phản bản hoàn nguyên (trở về với nguồn cội), thành công! Câu này giảng về chuyện khắc phục vọng niệm.

Câu thứ hai giảng về tạo tác. Phật, Bồ Tát hiện vô lượng vô biên thân trong mười phương pháp giới, độ vô lượng vô biên người, quý vị nói thử xem: Các Ngài có tạo tác hay chẳng? Không tạo tác! Vì sao bảo là không tạo tác? Rành rành là tạo tác, vì sao nói là không tạo tác? Giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật vì mọi người giảng kinh, thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm, hằng ngày giảng, không nghỉ một ngày nào, thế nhưng trong kinh Bát Nhã lại bảo “*Phật không nói một câu nào, ai nói Phật thuyết pháp chính là báng Phật!*” Trong giáo pháp Đại Thừa chúng ta cũng đã từng nghe nói, có khi là: “*Thuyết nhi vô thuyết, vô thuyết nhi thuyết*” (nói mà không nói, không nói mà nói). Phật, Bồ Tát đến hiện thân trong chín pháp giới thuyết pháp chính là “*hiện nhi vô hiện, vô hiện nhi hiện, thuyết nhi vô thuyết, vô thuyết nhi thuyết*” (hiện nhưng không hiện, không hiện mà hiện, nói mà không nói, không nói nhưng nói). Những câu ấy khiến chúng ta như đang ở trong đám sương phủ mù mịt⁷², nghe xong mê muội luôn: Sao lại nói hiện nhưng không hiện, nói nhưng không nói? Trong những phần trên đã nói rất nhiều lần về hiện thân thuyết pháp rồi: Ứng theo lòng Cảm của chúng sanh mà tự nhiên hiện, tự nhiên nói, không hề có ý nghĩ nào trong ấy cả.

⁷² Nguyên văn “*ngũ lý vụ trung*” (ở trong đám sương phủ đến năm dặm).

Không có một ý nghĩ nào là “không nói”, ứng theo lòng Cảm của chúng sanh là “có nói”. Vì thế, nói mà không nói, không nói mà nói; nghĩa là như vậy đây. Đúng là nói rất nhiều, nhưng đức Phật tuyệt đối chẳng khởi tâm động niệm, tuyệt đối chẳng phân biệt, chấp trước.

Chúng ta nghe những lời này chẳng hiểu! Rốt cuộc, chúng có nghĩa là gì? Chúng tôi vẫn dùng cái màn huỳnh quang như trong phần trên để tỷ dụ. Màn huỳnh quang của TV, hoặc màn huỳnh quang của computer sạch sẽ chẳng nhiễm mấy trần! Đúng hay không? Quý vị gạt đầu, đúng rồi! Nay quý vị thấu nhận tín hiệu, màn hình bèn hiện tướng. Nếu chúng ta hỏi: Màn huỳnh quang hiện tướng rốt cuộc là chuyện gì vậy? Chẳng phải là hiện mà không hiện hay sao? Tướng thì hiện, nhưng màn huỳnh quang quả thật chẳng nhiễm mấy trần, quý vị nghĩ xem có phải là “hiện nhưng không hiện, không hiện mà hiện” đó ư? Những hình ảnh được hiện ấy cũng là giảng kinh, cũng là thuyết pháp, chẳng phải là “nói nhưng không nói, không nói mà nói” hay sao? Chư Phật hiện thân thuyết pháp trong chín pháp giới cũng giống như những tướng được hiện trên màn huỳnh quang. Đạo lý thuyết pháp giống như vậy đó.

Như vậy, trong nhà quý vị ai cũng có TV, mỗi ngày người biết tu hành xem TV đều là tu hành, nhờ vào đó mà đại triệt đại ngộ, nguyên lai là như thế đó! Màn huỳnh quang tượng trưng cho Pháp Tánh, tướng hiện nơi đó. Màn huỳnh quang có thể hiện (năng hiện), tướng ấy là cái được hiện (sở hiện), Năng Hiện - Sở Hiện, Năng - Sở là một, tuyệt đối không phải hai. Năng Hiện quyết định bất biến, Sở Hiện bị biến, biến ra sao? Khởi tâm động niệm bèn biến; không khởi tâm, không động niệm thì chẳng biến. Không khởi tâm, không động niệm gọi là Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân pháp giới sống động, không chết cứng; “bất biến” hàm nghĩa không động, giống như màn hình vậy. Vì thế, năng hiện - sở hiện, năng biến - sở biến là một, không hai. Có như vậy quý vị mới thực sự hiểu rõ, thực sự thấu hiểu Thật Tướng của các pháp.

Vì thế, “vô tạo tác thời, Thanh Thái cố hương, hoành thôn bát cực” (lúc không tạo tác, quê cũ Thanh Thái nuốt trọn tám phương): Chúng tôi dùng cái màn huỳnh quang để tỷ dụ. A Di Đà Phật và quê cũ Thanh Thái đều dùng cái màn huỳnh quang để làm tỷ dụ, “tọa đoạn lục căn” (khuất phục sáu căn), “hoành thôn bát cực” (nuốt trọn tám phương), chúng tôi dùng những hình ảnh hiện ra nơi màn hình để tỷ dụ. Tôi giảng như vậy chắc mọi người hiểu được, nhưng quý vị vẫn phải chú tâm quán sát, không chú tâm sẽ chẳng hiểu những thứ ấy đều ở ngay trước mặt. Lúc quý vị hiểu được thì trí huệ sẽ sanh khởi, đối với hết thảy

những tướng được hiện quý vị mới thực sự bội phục. Kinh Kim Cang dạy: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*” (Phàm những gì có tướng đều là hư vọng), “*nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Đức Phật nói ra được những lời ấy quả thật là phi phàm, một lời vạch trần Thật Tướng của các pháp. Hôm nay chúng ta lại xem tiếp, xem tiếp đoạn văn sau đây:

Phá quần hôn như cảo nhật lệ thiên.

破群昏如果日麗天。

(Phá các tối tăm như mặt trời chói rực giữa trời).

Trí huệ hiện tiền! Trí huệ hiện tiền có thể phá mê hoặc, có thể phá chướng. Trong Tam Chướng, khó phá nhất là Hoặc Chướng, tức là Phiền Não Chướng, mê hoặc đây! Phá được mê hoặc thì vấn đề nào cũng giải quyết được; chỉ cần phá được mê hoặc thì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước tự nhiên bị không chế, không thể sanh khởi được nữa, đây chính là cảnh giới nơi quả địa Như Lai. “*Phá quần hôn*”: Hết thảy mê hoặc đều dùng hai chữ “*quần hôn*” (các thứ tối tăm) để tượng trưng. “*Như cảo nhật lệ thiên*” (như mặt trời chói rực giữa trời): “*Cảo nhật*” là mặt trời. Chữ “*cảo*” (杲) viết theo cách Hội Ý, nhằm làm cho quý vị nhìn vào tướng (tức mặt chữ) sẽ thấu hiểu được ý nghĩa. Mặt trời mọc lên, cao lắm, đã vượt lên đầu ngọn cây. Vì thế, chữ Cảo dưới là chữ Mộc (木), trên là chữ Nhật (日), ngụ ý Thái Dương nay đã vượt khỏi ngọn cây, rất cao rồi, hết sức sáng chói. Thái Dương quá xa, vì thế nó mang ý nghĩa cao xa, mang ý nghĩa sáng sửa. “*Cảo nhật lệ thiên*” biểu thị ý nghĩa gì? Biểu thị đại triệt đại ngộ, biểu thị thông đạt, hiểu rõ, khai ngộ rồi. Câu kế tiếp:

Liệu chúng bệnh như Thiện Kiến thân được.

療眾病如善見神藥。

(Trị các bệnh như thuốc thân Thiện Kiến).

“*Chúng bệnh*” (các bệnh) chỉ chúng sanh trong chín pháp giới vẫn còn mê hoặc, vẫn còn tạo nghiệp, vẫn còn chịu báo, nhất là chúng sanh luân hồi trong lục đạo rất đáng thương, rất khổ! Phật, Bồ Tát thị hiện trong thế gian để làm gì? Cứu khổ, cứu nạn, giúp cho những kẻ khổ nạn

ấy, đến trị bệnh cho họ! Giống như “*Thiện Kiến thân dược*” (thuốc thân Thiện Kiến) là nói tỷ dụ. Trong kinh Phật có tỷ dụ một loại thuốc, loại thuốc này có thể trị hết thảy các bệnh, loại thuốc ấy có tên là Thiện Kiến. Chữ Kiến (見) này nên đọc là Hiện (現), thời cổ chữ Kiến và Hiện có cùng một âm, cũng mang cùng một ý nghĩa, nay thêm bộ Ngọc (玉) vào bên cạnh [chữ Kiến thành chữ Hiện]. Thân dược Thiện Kiến (Hiện): Chúng sanh trông thấy thuốc ấy, (theo cách nói bây giờ của chúng ta) tất cả hết thảy virus đều bị hóa giải, chúng ta nghĩ xem thuốc ấy là thuốc gì vậy? Thuốc ấy chẳng phải là Tam Bảo như Phật pháp thường nói đó chẳng? Tam Bảo là gì? Tự Tánh Giác, Tự Tánh Chánh, Tự Tánh Tịnh. Tự Tánh Giác - Chánh - Tịnh là đức hạnh vốn sẵn có trong tự tánh, đức Phật nói tới thân dược Thiện Kiến chính là nói điều này. Tự Tánh Giác - Chánh - Tịnh hiện tiền, virus nào cũng không còn nữa, đều bị hóa giải hết. Thiên địa, vạn vật, hết thảy chúng sanh đều chuyển biến thành Giác - Chánh - Tịnh, trong tự tánh há có virus!

Như vậy, nay chúng ta chuyển tham - sân - si thành Giác - Chánh - Tịnh, chuyển keo tham thành thanh tịnh như thế nào? Keo tham (keo kiệt, tham lam) là nhiễm ô nghiêm trọng nhất. Chuyển sân khuể thành thuần chánh. Chuyển ngu si thành thuần giác. Chuyển được thì là Phật, Bồ Tát; chuyển không được thì là phàm phu. Chúng tôi muốn chuyển thì xin hãy dạy cho tôi phương pháp nào để chuyển? Phương pháp rất nhiều, tám vạn bốn ngàn pháp môn, tám vạn bốn ngàn loại phương pháp, vô lượng pháp môn, vô lượng vô biên phương pháp đều có thể chuyển. Nhiều phương pháp như vậy, chúng ta phải học theo phương pháp nào mới là tốt nhất? Đức Phật dạy chúng ta: “*Pháp môn bình đẳng, vô hữu cao hạ*” (Pháp môn bình đẳng, không có cao hay thấp). Vì sao? Mỗi phương pháp đều có thể giúp cho chúng ta chuyển Mê - Tà - Nhiễm thành Giác - Chánh - Tịnh. Mê - Tà - Nhiễm là Tham - Sân - Si, chuyển thành Giác - Chánh - Tịnh. Bởi vậy, “*pháp môn bình đẳng, không có cao hay thấp*”.

Thế nhưng chúng ta là chúng sanh nghiệp chướng, tập khí, phiền não rối bời, mỗi người khác nhau, sâu - cạn, dày - mỏng khác nhau. Người lợi căn phiền não tập khí mỏng một chút, cạn một chút, học pháp môn gì cũng đều dễ dàng. Người phiền não tập khí rất nghiêm trọng, có rất nhiều pháp môn người ấy không có cách gì học được. Vì thế gian này hiện thời quá khổ, tai nạn quá nhiều, chúng ta nhất định phải tìm lấy một pháp môn nào dễ dàng nhất, nhanh chóng nhất, ổn thỏa, thích đáng nhất để nương cậy. Chư Phật Như Lai dạy chúng ta: “Có! Có một pháp môn:

Niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ”. Pháp môn này là pháp môn lý tưởng. Chúng ta hãy xem đoạn văn tiếp theo:

Sở dĩ vân: Nhất xưng A Di Đà Phật danh hiệu, năng diệt bát vạn ức kiếp sanh tử chúng khổ.

所以云。一稱阿彌陀佛名號。能滅八萬億劫生死眾苦

(Bởi thế nói: Vừa xưng danh hiệu A Di Đà Phật, diệt được các khổ trong tám vạn ức kiếp sanh tử).

Đây chính là lời chư Phật Như Lai đã nói! Chúng ta có tin tưởng hay không? Nếu quý vị tin, chúng tôi quý vị có thiện căn to lớn. Trong đời quá khứ đã có thiện căn rất sâu dày, trong đời này mê hoặc, khi nào có người cảnh tỉnh quý vị, vừa tỉnh thì thiện căn trong đời quá khứ liền phát khởi, quý vị bèn tin tưởng. Lúc nào thiện căn chín muồi, đúng đây, nhất định phải có lúc đó, trong nhà Phật thường gọi là “*thời tiết nhân duyên*”. Thời chưa đến là chưa được.

Tôi thừa nhận, trong đời quá khứ, tôi có thiện căn sâu dày, nhưng trước khi tôi tròn hai mươi tuổi, chắc chắn tôi không thể tiếp nhận Phật pháp. Ai đến giảng giải cho tôi cũng uổng công, tôi chẳng thể tiếp nhận. Hết sức chấp trước, hết sức ngoan cố, tự cho mình đúng, tự cậy mình thông minh. Năm hai mươi sáu tuổi thân cận tiên sinh Phương Đông Mỹ, Phương tiên sinh là bậc thiện tri thức được ngưỡng mộ trong tâm tôi, là vị thầy tôi kính ngưỡng nhất. Gặp được cụ, cụ giới thiệu Phật pháp cho tôi, tôi không nói gì cả, tin tưởng ngay. Thầy chẳng lừa dối tôi, đối với tôi cụ hết sức tốt, hết sức yêu thương. Năm hai mươi sáu tuổi chính là lúc thời tiết nhân duyên chín muồi, gặp được bậc thiện tri thức như vậy. Thật đấy! Cụ là đại triết gia, chẳng những là vị giáo sư nổi tiếng tại Đài Loan mà còn là bậc thầy nổi danh trên thế giới. Tôi bị đạo đức, học vấn của cụ chiết phục, cụ nói: “*Kinh Phật là triết học cao sâu nhất trong triết học toàn thế giới* (tôi học Triết Học với cụ), *học Phật là sự hưởng thụ cao nhất trong đời người*”. Tôi bị hai câu nói ấy của cụ dẫn vào cửa Phật. Nếu không phải là Phương tiên sinh mà là người khác nói hai câu ấy, tôi chẳng tin tưởng; nhất định phải từ miệng cụ nói ra tôi mới tin tưởng được. Ai độ người nào đều là có duyên phận. Duyên phận ấy chỉ có thể gặp chứ không thể cầu. Tôi được cụ tiếp dẫn vào cửa nhà Phật như thế đấy!

Tiếp dẫn vào cửa Phật rất hy hữu! Chưa đầy một tháng sau tôi quen biết Chương Gia đại sư, tôi có người để thỉnh giáo về những

chuyện liên quan đến Phật giáo. Tôi tự mình tìm kinh điển đọc, có ngờ vực gì, bèn hướng về Chương Gia đại sư thỉnh giáo. Chương Gia đại sư giúp tôi suốt ba năm, căn cơ Phật giáo của tôi được xây đắp vững vàng từ nơi lão nhân gia. Nói cách khác, năm hai mươi sáu tuổi, trước khi gặp Phương tiên sinh, bất cứ ai muốn giới thiệu Phật giáo cho tôi cũng đều không thể được. Tôi tranh cãi với người ấy, tôi có cả một đồng lý luận vụn vẹo, quý vị không có cách gì đả phá lý luận vụn vẹo của tôi, nên tôi chẳng thể tin tưởng.

Lúc còn trẻ, độ những người như tôi rất khó khăn. Lúc ấy tôi còn đang đi học, còn chưa đến hai mươi sáu tuổi, lúc mười mấy tuổi, thường hay thân cận Cơ Đốc giáo. Vì tôi có rất nhiều bạn học là tín đồ Cơ Đốc Giáo, thường đi nhà thờ, tôi theo họ đi nhà thờ, cũng đọc Kinh Thánh của họ, tôi đọc hết sức nghiêm túc, bọn họ đều kém tôi. Mục sư mấy lần rửa rê, hy vọng tôi chịu rửa tội. Tôi nói tôi có nghi vấn, đợi khi nào thấu hiểu những nghi vấn ấy tôi sẽ rửa tội, chứ hiện nay những nghi vấn ấy không có cách gì giải quyết được. Ông ta hỏi những nghi vấn nào? Tôi nhớ hình như mình nêu lên hơn bảy mươi điều, ông ta không trả lời được một điều nào. Ông ta nghe xong, lắc đầu: “Khó quá, không cách gì độ cậu được!” Thế trí biện thông mà! Nay học Phật mới biết, đời quá khứ tu Huệ không tu Phước; vì thế, có Thế Trí Biện Thông, không có phước báo, cũng không có thọ mạng. Học Phật rồi mới biết, mới biết mình nên tu bổ cứu như thế nào, không có phước báo thì phải bổ cứu. Không có thọ mạng cũng phải bổ cứu. Nhất là Chương Gia đại sư dạy tôi: “*Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng*” (trong cửa nhà Phật, có cầu ắt ứng). Thật ra, tôi trọn chẳng cầu phước, cũng trọn chẳng cầu trường thọ, nhưng tôi cầu trí huệ là thật. Đại khái là đời đời kiếp kiếp trong quá khứ chú trọng nơi tu Huệ, nay còn mang theo tập khí nhiều đời nhiều kiếp trước, chú trọng tu Huệ; nhưng tu Huệ bao gồm cả Tài Bồ Thí và Vô Úy Bồ Thí trong ấy. Thầy Lý khuyên tôi học giảng kinh: “*Học giảng kinh thì ba thứ bồ thí đồng thời đầy đủ!*” Quý vị lên giảng đài vì đại chúng, đem Phật pháp giới thiệu cho đại chúng, giảng giải cho đại chúng nghe, phải có thân thể, phải có sức khỏe. Thân thể và sức khỏe chính là Nội Tài Bồ Thí, so ra còn thù thắng hơn Ngoại Tài. Ngoại Tài là những tài vật ngoài thân. Quý vị giúp cho người khác có phước báo, dùng thân thể và sức lực để giúp đỡ người khác, phước báo càng lớn. Phước báo của Nội Tài so với Ngoại Tài còn lớn hơn. Đây là Tài Bồ Thí! Những gì chúng ta giới thiệu chính là Phật pháp, thuộc về Pháp Bồ Thí. Mọi người thực sự hiểu rõ, thông suốt Phật pháp, phá trừ nghi chương, đây là Vô

Ủy Bố Thí. Vì thế, làm một chuyện đạt được cả ba, thầy Lý dạy tôi như vậy.

Trước khi gặp được thầy Lý, tôi chỉ biết chăm chú học Phật; Phương tiên sinh giảng cho tôi. Cho đến lúc ấy tôi chẳng hề khởi ý niệm lên đài giảng kinh, chẳng dám khởi ý niệm ấy. Chính là thầy Lý dạy dỗ, dẫn dụ tôi lên giảng đài. Lên giảng đài rồi vui sướng không một mảy, nói thật ra là do thiện căn trong đời quá khứ dẫn khởi phát hiện. Vì thế, thầy Lý thường nói chúng ta lên đài giảng kinh không phải là một đời, một kiếp, mà là trong quá khứ đời đời kiếp kiếp đều lên giảng đài. Bởi vậy, quý vị lên giảng đài mới được tùy lòng ứng đối, pháp nào cũng giảng được, không bị khó khăn. Thật đấy! Quả thật là thiện căn trong quá khứ, là hạnh nghiệp trong quá khứ. Trong quá khứ từng làm hạnh này, làm sự nghiệp này, nên trong một đời này có thể tiếp tục làm nữa, nguyên do là như vậy.

Vậy thì “*nhất xưng A Di Đà Phật danh hiệu, năng diệt bát vạn ức kiếp sanh tử chúng khổ*” (xưng danh hiệu A Di Đà Phật một tiếng, diệt được các khổ trong tám vạn ức kiếp sanh tử). Chư Phật nói như vậy, chúng ta phải tin. Chư Phật nói mà không tin thì còn tin cái gì được nữa? Chuyện ấy nếu đợi chúng ta chứng minh được thì đâu phải là chuyện dễ dàng. Nếu quý vị muốn chứng minh chuyện này thì phải là bậc Bát Địa trở lên mới có thể chứng minh chân tướng sự thật này rõ ràng: “*Nhất xưng A Di Đà Phật danh hiệu, năng diệt bát vạn ức kiếp sanh tử chúng khổ*” (Niệm danh hiệu A Di Đà Phật một tiếng, diệt được các khổ trong tám vạn ức kiếp sanh tử). Rất đáng tiếc! Người thế gian không chịu niệm, không biết niệm. Người chịu niệm, hiện tại người niệm Phật chúng ta rất nhiều, mà có diệt được các khổ trong tám vạn ức kiếp sanh tử hay không? E rằng không được! Không được thì lời Phật hóa ra không đúng hay sao? Đức Phật chắc chắn chẳng nói dối, nhưng chữ “*diệt*” ở đây có hai loại: Trong kinh Phật thường dạy có Đoạn Diệt và Phục Diệt. Hai thứ khác nhau!

Nay chúng ta niệm Phật diệt được các khổ trong tám vạn ức kiếp sanh tử, nói thật ra, không phải là đoạn diệt, không đoạn được! Chúng ta niệm Phật một tiếng sẽ khuất phục, đè nén [được các nỗi khổ]. Thế nhưng khi không niệm, chúng lại trỗi dậy, như thế là lấy đá đè cỏ, chứ chưa trừ được rễ. Người biết niệm trừ được cả rễ. Nay chúng ta không biết niệm, thế nào mới là “biết niệm”? Trong những phần trên tôi đã giảng rồi! Nói thật đơn giản, thật minh bạch, thật rõ ràng thì không gì hơn lời Đại Thế Chí đã dạy: “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*”

(nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Đó là biết niệm. Biết niệm thì trước hết vẫn là chế phục, rồi sau mới đoạn. Đây là đạo lý nhất định, trước chế phục, sau đoạn trừ. Quý vị niệm Phật, phải tịnh niệm, tịnh là thanh tịnh, không hoài nghi, không xen tạp. Hoài nghi: không thanh tịnh; xen tạp cũng chẳng phải là thanh tịnh, khó lắm! Trong khi quý vị niệm Phật mà vẫn còn khởi vọng tưởng, vẫn có tạp niệm thì công phu chưa thuần, đó gọi là không thanh tịnh!

Niệm Phật, có lúc niệm, có lúc gián đoạn, chẳng thể liên tục, lúc niệm thì khuất phục được phiền não, lúc gián đoạn thì phiền não lại hiện hành. Do vậy, niệm đã lâu như thế nào đi nữa, vẫn không chế phục được. Quý vị không khuất phục được phiền não là vì có gián đoạn. Một ngày hai mươi bốn tiếng đồng hồ, thời gian niệm Phật ngắn ngủi, thời gian không niệm Phật lại dài. Nói cách khác, mỗi ngày quý vị dùng đá đè cỏ, thời gian đè nén ngắn; lúc không chèn ép, cỏ lại tăng trưởng. Vì thế, quý vị hao sức niệm bao nhiêu năm dài lâu như thế, niệm mấy mươi năm, ngay cả tin tức cũng chẳng có gì hết, nghĩ lại vẫn không khác gì lúc chưa học Phật cho mấy, đây chính là công phu không đắc lực! Công phu không đắc lực là vì quý vị không biết niệm, quý vị niệm Phật khi có, khi không, cổ nhân bảo là “*lộ thủy đạo tâm*” (đạo tâm như nước trong giọt sương đọng). Vì thế, dù quý vị niệm Phật chỉ là gieo chủng tử vào A Lại Da Thức, không dịch lại nổi tập khí phiền não, không chế phục được. Vậy thì phải niệm ra sao?

Chính là “*đo nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối), phải làm theo cách ấy. Làm theo cách như vậy, từ những ghi chép về sự tu hành chứng quả của cổ đức, chúng ta thấy: Nếu là bậc lợi căn thì ba tháng liền thấy hiệu quả, người căn tánh bậc trung phải mất sáu tháng, tức là trong nửa năm bèn thấy hiệu quả. Hiệu quả hiện hữu rồi, tin tâm lớn bội phần. Thật đấy! Đúng là có lợi ích, vì sao? Phiền não ít đi, vọng niệm ít đi, vọng niệm ít đi rồi thì trí huệ tăng trưởng. Chuyện gì cũng vậy, bắt đầu đều khó, quý vị muốn đè nén tập khí từ vô thủy kiếp đến nay mà! Lúc tôi mới học Phật, thân cận Chương Gia đại sư, Chương Gia đại sư nói và làm khác nào nêu gương cho tôi, tôi hiểu rõ: “*Phật hiệu quyết định chẳng được gián đoạn!*” Đại sư trì chú, trì chú giống như niệm Phật, không gián đoạn!

Mỗi Chủ Nhật tôi đến gặp Ngài, thời gian là hai tiếng đồng hồ. Trong hai tiếng đồng hồ ấy, Ngài trì chú không ngừng. Tôi hướng về Ngài thỉnh giáo, Ngài trả lời câu hỏi, đáp xong lại niệm chú. Ngài trì theo lối Kim Cang Trì, không phát ra tiếng, chỉ động môi, toàn thân ở

trong Định. Ngài gởi cho tôi một bức ảnh, mọi người đã thấy rồi đó, bình thường Ngài luôn như vậy, chứ không phải lúc chụp hình cố ý làm ra vẻ. Bình thường Ngài là như vậy, ở trong Định, đi, đứng, nằm, ngồi đều trong Định. Vì vậy, thầy Lý rất bội phục, cả đời chúng tôi chưa thấy được một người thứ hai như thế. Động tác, hành động của Ngài hết sức từ tốn, nói năng cũng chậm rãi, không gấp gáp, lụp chụp tí xiu nào, ôn hòa. Những đức tánh “*ôn, lương, cung, kiệm, nhượng*” (ôn hòa, hiền lành, cung kính, tiết kiệm, khiêm nhượng) như Khổng phu tử đã nói trong Luận Ngữ đều thấy thể hiện nơi đại sư, thánh đức đây! Đó là Ngài nêu gương cho chúng ta thấy, mãi cho đến nay chúng tôi vẫn chưa học được. Ngài tịnh như thế, định như thế, ổn trọng như thế khiến ai thoát nhìn đều tự nhiên sanh lòng cung kính, sức nhiếp thọ rất lớn. Vì thế, niệm Phật phải biết niệm, chúng ta phải tin vào lời Phật, đúng là trong một câu Phật hiệu không xen tạp, không hoài nghi, không gián đoạn.

Trước kia, lần thứ nhất tôi đến hội Phật giáo Cát Long Ba (Kuala Lumpur) không phải để giảng kinh mà là giảng diễn, hình như liên tục suốt năm ngày. Cuối cùng, tôi dạy mọi người pháp Thập Niệm. Pháp Thập Niệm ấy như sau: Một ngày chín lần, mỗi lần chỉ niệm mười câu A Di Đà Phật, niệm bốn chữ thôi: A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, mười câu liên tục như thế. Trong mười câu ấy quả thật không hoài nghi, không xen tạp. Niệm quá lâu sẽ xen tạp vọng niệm, niệm mười câu ấy chỉ cần một phút, một phút thì chúng ta có thể làm được: Trong một phút quyết định không xen tạp, mười câu Phật hiệu, vả lại, mười câu ấy câu này tiếp theo câu kia là liên tục, cũng có thể phù hợp với nguyên tắc như Đại Thế Chí Bồ Tát đã nói. Quý vị nghiêm túc làm, một ngày chín lần, ngày ngày không gián đoạn. Có không ít đồng học nghe như vậy bèn làm theo, làm một hai tháng rất có hiệu quả, gọi điện thoại cho tôi, viết thư cho tôi, nói phương pháp này tốt lắm. Vì thế, phương pháp ấy được truyền bá.

Sau này ở Mỹ, Gia Nã Đại có nhiều đồng tu áp dụng phương pháp này. Dùng phương pháp này kể ra rất thích hợp đối với người hiện tại, công việc bề bộn, chẳng tốn thời gian. Sáng dậy rửa mặt xong, trong nhà có tượng Phật thì đối trước tượng Phật mà làm. Không có tượng Phật thì hướng về phương Tây, một phút là thực hiện xong công khóa. Đêm trước khi đi ngủ làm một lần, sáng tối hai lần. Trước ba bữa ăn, do làm vậy nên ba bữa ăn chúng ta không cần phải niệm chú Cúng Dường, chúng ta niệm A Di Đà Phật, niệm mười câu rồi mới ăn cơm, đó là ba lần. Vậy là năm lần, cộng hai lần sáng tối thành năm lần. Vô làm việc,

về nghỉ, buổi sáng bắt đầu vào làm việc, nghỉ trưa; buổi chiều trở vào làm việc tiếp, ra về, trước lúc bắt đầu làm việc chấp tay niệm Phật hiệu mười tiếng rồi hãy làm việc. Lúc hết buổi, làm xong việc, xếp gọn sổ sách, rồi lại chấp tay niệm Phật mười tiếng. Một ngày chín lần, phù hợp “*tịnh niệm tiếp nối*”. Rất có hiệu quả đối với người công việc bận rộn trong hiện tại.

Nếu về hưu thì quý vị nên học theo Chương Gia đại sư, suốt ngày từ sáng đến tối Phật hiệu không gián đoạn, không cần phát ra tiếng. Nếu niệm ra tiếng trong một thời gian dài sẽ rất mệt, thân thể không kham nổi. Kim Cang Tri, hoặc là mặc niệm, mặc niệm là niệm không ra tiếng, miệng cũng không động, Phật hiệu trong tâm câu này tiếp theo câu kia, vọng niệm không có, quý vị thực sự làm được! Vọng niệm không có, hoàn toàn bị không chế, gọi là “*công phu thành phần*”, đây chính là Niệm Phật tam-muội [ở mức độ] nông cạn nhất, quý vị đã đắc Niệm Phật tam-muội. Cũng có thể nói là quý vị đã hoàn toàn không chế vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chẳng trở ngại công việc. Cứ làm lụng, thù tiếp như cũ. Không phải là dứt tuyệt mọi ngoại duyên; ngoại duyên tất yếu phải có, chẳng thể đoạn tuyệt được, nhưng không trở ngại chút nào. Chuyện không cần thiết thì hãy đoạn đi, nghĩa là: Những chuyện không quá cần thiết, cấp bách trong cuộc sống thường ngày thì đừng quan tâm đến nữa.

Cổ nhân nói hai câu rất hay: “*Thức nhân đa xử thị phi đa; tri sự đa thời phiền não đa*” (Càng biết nhiều người càng lắm chuyện, càng biết nhiều chuyện càng phiền não). Nếu không biết rất nhiều chuyện, không cần phải đi khắp nơi tìm nghe. Người ta đưa tin đến, bảo cho mình chuyện gì, chuyện nào không liên can đến mình ta không thêm nghe. Biết càng ít chuyện càng tốt, quen càng ít người càng hay, không cần thiết! Vĩnh viễn giữ được cái tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chánh giác, tâm từ bi của chính mình, bản thân chúng ta tu học như thế thì mới có thể ảnh hưởng người khác. Người khác thấy quý vị tu học như thế, tu tốt lắm, người ta học theo quý vị. Người ta học bao nhiêu năm công phu không đắc lực, vì sao công phu không đắc lực? Nếu quý vị thực sự muốn công phu đắc lực thì cách tu là như thế, duyên nào nên buông xuống thì nhất định phải buông xuống. Quý vị phải nhớ kỹ, chuyện gì không nên buông xuống chớ nên buông xuống, không có trở ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại.

Người trong nhà mình thì mình phải yêu thương, phải chiều cố, chuyện này không thể buông xuống, không được nói là chẳng quan tâm

đến gia đình nữa. Học Phật như vậy sẽ chẳng thể thành tựu! Hết thầy chư Phật đều dạy chúng ta phải hiếu dưỡng cha mẹ, ngay cả cha mẹ mà quý vị cũng không màng thì làm sao có thể thành Phật đạo? Bởi vậy, chẳng được buông bỏ đạo đức luân thường thế gian, người học Phật sống trong thế gian phải thể hiện sự giáo hóa người đời như vậy. Ấn Quang đại sư giảng rất hay: “*Đôn luân, tận phận, nhàn tà, tồn thành*” (Giữ trọn luân thường, tận hết trách nhiệm, ngăn lòng tà, giữ lòng thành). Đôn luân tận phận là về mặt Sự, nhàn tà tồn thành là không ngăn ngại. Pháp thế gian chính là Phật pháp, giác rồi thì pháp nào chẳng phải là Phật pháp? Không giác thì có pháp nào là Phật pháp đâu nhỉ? Không giác thì thứ gì cũng chẳng phải, niệm Phật cũng chẳng phải!

Trước kia, tôi từng nghe những vị lão hòa thượng bảo tôi: Tại nhiều nơi trong nội địa có những bà cụ niệm Phật, hỏi họ vì sao phải niệm A Di Đà Phật? Họ nói niệm A Di Đà Phật để trừ tiền⁷³. Tôi chết đi rồi, có rất nhiều tiền trừ sẵn để dùng. Niệm Phật như vậy không phải là Phật pháp, họ hoàn toàn sai lầm. Họ muốn tương lai chết đi làm quỷ, làm một con quỷ giàu có, không làm một con quỷ nghèo nàn. Ngày ngày niệm A Di Đà Phật để kiếm tiền, quý vị nói xem có phải là hoàn toàn sai lầm hay không? Như vậy, hễ mê rồi thì Phật pháp cũng trở thành pháp thế gian; ngộ thì hết thầy pháp thế gian đều là Phật pháp. Thật vậy! Ở đây thiền sư Trung Phong giảng rất nhiều, giảng rất hay, quan hệ giữa chúng sanh và Phật, phàm và thánh là ở chỗ này. Nhất định phải hiểu đạo lý này. Vì thế, đối với lời chư Phật đã nói: “*Nhất xưng A Di Đà Phật danh hiệu, năng diệt bát vạn ức kiếp sanh tử chúng khổ*” (xưng danh hiệu A Di Đà Phật một tiếng, diệt được các khổ trong tám vạn ức kiếp sanh tử), chúng ta tin tưởng sâu xa không nghi.

Lợi ích như thị, khởi thí dụ ngôn thuyết chi khả cập hồ!

利益如是。豈譬喻言說之可及乎。

(Lợi ích như thế, há có thí dụ, lời lẽ nào diễn tả trọn vẹn cho được!)

Lợi ích ấy quá lớn. Tất cả lợi ích thế gian hay xuất thế gian đều

⁷³ Niệm Phật để được tiền: Có một tà thuyết khá phổ biến ở Trung Hoa là cứ niệm Phật một câu sẽ để dành được một ít tiền nơi cõi âm, khi chết đi mình sẽ được hưởng dụng số tiền đó nơi cõi U Minh. Trong Ấn Quang Văn Sao, Tổ có nhắc đến chuyện này, như vậy, tà thuyết này đã có từ trước thời Dân Quốc, ít nhất nó đã có từ thời Minh - Thanh.

không thể sánh bằng lợi ích do niệm Phật. Của cải vạn ức trong thế gian không bằng chí tâm niệm một câu A Di Đà Phật. Chí tâm là thành tâm thành ý, thành tâm thành ý chính là niệm niệm tiếp nối. “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối), tương ứng với tiêu chuẩn ấy, niệm một tiếng A Di Đà Phật như thế thì của cải vạn ức chẳng thể sánh bằng. Ưc ức vạn của cải cũng không thể sánh bằng. Vì sao? Dầu nhiều của cải ngàn ấy, quý vị vẫn không thể thoát khỏi luân hồi, chỉ có thể giải quyết cuộc sống vật chất giàu có, dư dả một chút, chứ ngoài điều này ra, chẳng thể giải quyết vấn đề nào khác cả! Một câu A Di Đà Phật phi thường, vấn đề nào cũng đều có thể giải quyết được hết, cuộc sống vật chất trước mắt quyết định chớ nên bận lòng, vì sao? Quý vị có phước mà! Người có phước há có thể bị lạnh, bị đói hay chẳng? Không thể! Chịu khổ nạn một chút thì có, vì sao phải bị khổ nạn? Do nghiệp chướng trong đời đời kiếp kiếp quá khứ, chịu khổ nạn bèn tiêu nghiệp chướng, nghiệp chướng tiêu rồi sẽ thành Phật đạo.

Vì thế, chúng ta thấy rất nhiều người chân chánh tu hành, cả một đời tu khổ hạnh, như trong cận đại ai nấy đều biết lão hòa thượng Hư Vân suốt đời tu khổ hạnh, Ngài có phước báo rất lớn. Ở Nam Dương (Indonesia) có rất nhiều quốc vương, đại thần đều tôn Ngài làm thầy, tín đồ đại phú quý, đồ đệ tại gia không biết là bao nhiêu, cúng dường hết sức phong phú, lão hòa thượng đúng là muốn gì có nấy, nhưng Ngài dùng trà thô, cơm nhạt, mặc áo vá chằng, vá đụp, suốt một đời không thay đổi, tiêu nghiệp chướng! Đối với phước báo, tất cả hết thảy cúng dường, lão nhân gia chuyên dùng để tu sửa chùa, tu bổ chùa, cất chùa, làm những chuyện như thế. Chùa sửa chữa hay xây dựng xong, Ngài trọn chẳng làm trụ trì, mời người khác làm trụ trì, cúng dường cho chúng xuất gia tu hành, suốt đời làm như vậy. Ấn Quang đại sư suốt đời in kinh để bố thí, lão hòa thượng Hư Vân suốt đời dựng chùa, đều là nêu gương mẫu cho chúng ta, khiến chúng ta tự trông thấy phải khéo suy nghĩ mình nên làm như thế nào! Phước đức ấy vô lượng vô biên, không có cách gì tỷ dụ được, không có cách chi diễn tả được.

Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Chúng ta lại xem tiếp phần Khai Thị trong thời thứ ba, đoạn văn trong phần Khai Thị lần thứ nhất là như sau:

Chỉ như tức kim Hệ Niệm, đệ tam thời Phật sự. Thả đạo: Hiện tiền chúng đẳng, đồng thanh tương ứng nhất cú, như hà chỉ trần?

只如即今繫念。第三時佛事。且道。現前眾等。同聲相應一句。如何指陳。

(Còn như nay Hệ Niệm Phật Sự, nhằm thời thứ ba. Vậy thì hiện tiền đại chúng, đồng thanh tương ứng một câu, chỉ bày như thế nào đây?)

Mấy câu này gần như là một loại nghi thức thuyết pháp trong nhà Phật chúng ta; trong nhà Phật, có thể nói là chẳng phân biệt Tông Môn, Giáo Hạ, [mấy câu này] gần như là thông dụng, chúng ta phải nên biết. “Chỉ như tức kim”: Nay chúng ta đang làm “Hệ Niệm Tam Thời Phật Sự, vậy thì hiện tiền đại chúng” đại chúng đang cùng tham dự pháp hội này, chúng ta cùng nhau thành tâm thành ý đến điện đường này làm Phật sự, “đồng thanh tương ứng một câu” là gì? “Chỉ trần” (chỉ bày) như thế nào đây? “Chỉ” là “chỉ thị” (chỉ ra, nêu ra), “trần” là “trần thuyết” (diễn tả, nói phô bày). Như nhà Thiền thường nói, tức là như tổ sư trong Tông Môn bảo: “Đạo nhất cú lai!” (Hãy nói một câu xem!), tức là hãy nói một câu nghe thử coi. “Như hà chỉ trần” mang ý nghĩa như vậy đó, hãy nói một câu xem, ý nói: Mọi người hiện đang cùng ở đây làm pháp sự, đồng thanh tương ứng. Rồi thiền sư bảo chúng ta:

**Nhất tùng Phật hướng thiết căn niệm,
Bất giác hoa tùy tức để sanh.**

一從佛向舌根念。

不覺華隨足底生。

(Nhất tâm theo Phật nguyện xưng niệm,
Nào biết hoa sen dưới gót sanh).

Ở đây thiền sư không nói “nhất thanh Phật hiệu thiết căn niệm” (một tiếng Phật hiệu dùng lưỡi niệm), nói như vậy dễ hiểu rồi, Ngài không nói như thế, Ngài nói “Nhất tùng Phật hướng thiết căn niệm”. “Nhất tùng Phật hướng” nghĩa là gì? “Nhất” là “nhất tâm”, mấu chốt là có khế nhập cảnh giới Phật hay không, nhất tâm sẽ có thể nhập được. Nhập được cảnh giới Phật, cảnh giới Phật là cái bị nhập (sở nhập), Nhất Chân pháp giới là sở nhập, Nhất Chân là năng nhập. Như vậy, pháp môn này chẳng tu hành điều gì khác, chỉ là tu “nhất tâm bất loạn”. Pháp môn

Niệm Phật không niệm gì khác, mà là niệm đến nhất tâm, nhất tâm là chân tâm. Hai tâm, ba tâm là vọng tâm, đưa vọng trở về chân tâm, pháp môn này là như vậy đó!

Tây Phương Cực Lạc thế giới là Nhất Chân pháp giới, bởi thế, chúng ta phải “*nhất tâm tụng Phật*”, “*t tụng*” (從) là thuận tụng, thuận tụng điều gì của Phật? Thuận tụng “*Phật hương*”. Phật hương (phương hướng của Phật) chính là Phật nguyện. Quý vị nghĩ coi có đúng hay không? Chính là Phật nguyện. Phương hướng của đức Phật là gì? Phương hướng của đức Phật là phổ độ hết thảy chúng sanh, mong hết thảy chúng sanh sớm thành Phật giống như Ngài. Đức Phật dạy chúng ta phương pháp nào để thành Phật? Niệm Phật thành Phật. Niệm Phật thành Phật là phương hướng của Phật. Nay chúng ta dùng “*thiết căn niệm*”, công đức của thiết căn chẳng thể nghĩ bàn; đặc biệt là trong thế giới Sa Bà, trong sáu căn thì công đức của thiết căn rất lớn. Giảng kinh, thuyết pháp phải dùng thiết căn, Thích Ca Mâu Ni Phật rộng độ chúng sanh, vì hết thảy chúng sanh giảng kinh, thuyết pháp phải dùng thiết căn. Chúng ta muốn thành tựu thì vẫn phải dùng thiết căn để niệm Phật. Đây là “*nhất tụng hương Phật thiết căn niệm*”. Vì thế, ngài Trung Phong không nói “*nhất thanh Phật hiệu thiết căn niệm*” (dùng thiết căn niệm một tiếng Phật hiệu), một tiếng Phật hiệu ý nghĩa còn cạn, nói theo ý nghĩa trên đây sẽ sâu xa hơn. Niệm Phật như thế chính là “*một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”, thực sự tương ứng! Chính là những điều thiền sư Trung Phong đã nói trong những lời khai thị ở những phần trước đã được thực hiện ở đây: Thực hiện tương ứng niệm Phật, đầy đủ lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, đó là “*chất phác niệm*”.

Niệm Phật như vậy hiệu quả thù thắng chẳng thể nghĩ bàn. Câu tiếp theo nói đến sự việc sau đây: “*Bất giác hoa tùy túc để sanh*” (nào biết hoa sen dưới gót sanh). Nơi ao sen bảy báu trong Tây Phương Cực Lạc thế giới, đóa hoa sen của quý vị đã mọc, mọc trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Giống như chư Phật, Bồ Tát; chúng ta nhìn vào Biển Tướng Đồ⁷⁴: Chư Phật, Bồ Tát đều ngồi hay đứng trên hoa sen, dưới chân chúng ta cũng trở hoa sen, hễ niệm bèn sanh. Nhớ kỹ: Không niệm bèn chẳng có, bị diệt mất. Vì thế, mỗi ngày quý vị niệm Phật không gián

⁷⁴ Biển Tướng Đồ: Những hình vẽ thuyết minh cảnh giới trong kinh điển, phổ biến nhất là Cực Lạc biển tướng đồ (hình vẽ mô tả cảnh tượng Cực Lạc), hoặc Địa Ngục Biển Tướng Đồ (hình vẽ mô tả cảnh địa ngục)...

đoạn thì hoa sen trong ao bảy báu ngày càng lớn, ánh sáng và màu sắc càng xinh đẹp thù thắng khôn sánh. Tương lai vãng sanh, A Di Đà Phật cầm hoa ấy, hoa do chính quý vị niệm, chính quý vị trồng, vẫn là chính quý vị thu lấy quả báo. Hoa sen trong ao sen không phải do A Di Đà Phật trồng, màu nhiệm chẳng thể nói.

Hết thầy pháp thế gian và xuất thế gian, chỉ có mình pháp này là thật; những pháp khác *“phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng”* (phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng). Danh văn, lợi dưỡng thế gian, công danh, phú quý, ngũ dục, lục trần, sanh ra chẳng mang theo đến, chết không mang đi, chớ nên tham luyến! Nói thật ra, không có may mắn ý nghĩa nào! Vì thế, người giác ngộ tùy duyên, nhất định không phan duyên. Giúp đỡ chúng sanh thì chúng sanh phải có phước báo, chúng sanh không có phước báo thì Phật cũng không có cách gì giúp đỡ được, huống chi là chúng ta! Thế nào là chúng sanh có phước? Chúng sanh có thể tin, có thể nguyện, có thể hành, chúng sanh nghe nói đến Phật pháp, trông thấy những sự thị hiện bèn có thể giác ngộ, có thể quay đầu, có thể đoạn ác tu thiện, phá mê khai ngộ, những chúng sanh ấy có phước. Tai nạn dù lớn đến mấy đều có thể hóa giải, dầu chẳng thể hoàn toàn hóa giải thì tai nạn cũng giảm nhẹ, đó là điều khẳng định! Đại chúng cùng nhau tu tập *“đồng thanh tương ứng một câu”*. Hai câu này của Ngài không sâu xa lắm, nếu chúng ta lãnh hội được thì quả thật sẽ rạng rỡ ngay trong hiện tiền, Tiếp đến, phải nghiêm cẩn niệm Phật, bởi lẽ, Hệ Niệm Phật Sự lấy niệm Phật làm chủ. Ngàn tiếng niệm Phật này chẳng thể ơ hờ. Tiếp theo đây là bài kệ Tán Phật, tức kệ Tán Phật trong thời thứ ba, bắt đầu niệm Phật.

31. Kệ Tán Phật

*A Di Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân,
Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di,
Cám mục trường thanh tứ đại hải,
Quang trung hóa Phật vô số ức,
Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên.
Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh,
Cửu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn.
Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà
Phật.*

阿彌陀佛身金色。
相好光明無等倫。
白毫宛轉五須彌。
紺目澄清四大海。
光中化佛無數億。
化菩薩眾亦無邊。
四十八願度眾生。
九品咸令登彼岸。
南無西方極樂世界。大慈大悲。阿彌陀佛。

Lúc xướng kệ Tán Phật, quan trọng nhất là phải “*tùy văn nhập quán*” thì tự mình mới đạt được lợi ích. Nếu chỉ là miệng xướng, chẳng thể khế nhập nghĩa lý tám câu kệ này sẽ chẳng thể khế nhập cảnh giới của tám câu kệ, được lợi ích rất nhỏ. Nếu có thể khế nhập thì được lợi ích rất lớn. Không chỉ khi xướng kệ Tán Phật hoặc nghe kệ Tán Phật mà lúc bình thường đọc kinh hay nghe kinh cũng như vậy. Vì thế, cổ nhân thường nói và hết sức coi trọng chuyện “*tùy văn nhập quán*”. Cũng vì những đạo lý ấy, nhân lần này có cơ hội, chúng tôi bèn giảng Hệ Niệm Pháp Sự tỉ mỉ một phen, mong mọi người trong tương lai khi làm Hệ Niệm Pháp Sự có thể tùy văn nhập quán, đều có thể hiểu rõ. Tốt nhất là trước khi làm Hệ Niệm Phật Sự, hãy nghe phần giảng diễn lần này một lượt, nghe từ đầu đến cuối rồi mới làm, sẽ khác hẳn, công đức lợi ích khác hẳn. Tiếp theo là niệm Phật, ở đây niệm Phật một trăm tiếng, rồi lại có kệ Tán Phật. Trong ba thời, phần Tán Phật này hoàn toàn tương đồng.

32. Tổng Tán Di Đà

**Đệ nhất đại nguyện,
Quán tưởng Di Đà,
Tứ thập bát nguyện độ Sa Bà,
Cửu phẩm dũng kim ba,
Bảo võng giao la,
Độ vong linh xuất ái hà.
第一大願。
觀想彌陀。**

四十八願度娑婆。
九品湧金波。
寶網交羅。
度亡靈出愛河。

Tiếp đó niệm:

Nam mô Liên Trì Hội Bồ Tát Ma Ha Tát.
南無蓮池會菩薩摩訶薩。

33. Khai Thị

Tiếp theo là phần Khai Thị, thuyết pháp lần thứ hai. Trước phần Khai Thị thuyết pháp cũng có một bài kệ dẫn khởi.

*Đả phá hư không tiếu mãn tai,
Linh lung bảo tạng khoát nhiên khai,
Trực nhiều không kiếp sanh tiền sự,
Lục tự hồng danh tất cánh cai.*

打破虛空笑滿腮。
玲瓏寶藏豁然開。
直饒空劫生前事。
六字洪名畢竟該。

*(Đả phá hư không cười toét miệng,
Kho tàng lóng lánh mở toang ra,
Thấu hiểu chuyện xưa bao kiếp trước,
Hồng danh sáu chữ trọn thâu gồm).*

Ý nghĩa của bốn câu kệ này rất sâu! Hai câu đầu hình dung người tu hành đại triệt đại ngộ. “Đả phá hư không”: Các nhà khoa học hiện thời biết thời gian và không gian chẳng thật, họ nói dưới một điều kiện nào đó, thời gian và không gian bằng zéro. Không gian không có xa - gần, thời gian không có trước - sau. Các nhà khoa học nay đã phát hiện lý luận này, nhưng chưa làm được. Nếu họ thực hiện được, nhất định sẽ “tiếu mãn tai” (cười ngoác tận mang tai). Nay chúng ta thường nói “tiếu mãn tai” là “pháp hỷ sung mãn”, vui mừng vô lượng! Thật đấy, từ vô

thử kiếp đến nay, luôn bị hạn cuộc trong thời gian và không gian, không thể chuyển động được tí ti nào! Người chưa giác ngộ, chưa đại triệt đại ngộ thì không gian có xa - gần, thời gian có trước - sau, ngày hôm trước, ngày hôm sau, đó là thời gian. Chúng ta nói ngày hôm qua, ngày mai tức là thời gian đấy! Chúng ta chẳng thể quay lại ngày hôm qua, nay chúng ta cũng không có cách gì tiến trước vào ngày mai được; nhưng đến khi quý vị công phu thành tựu, tức là quý vị đã đạt được “điều kiện nào đó” như các nhà khoa học đã nói, quý vị bèn có thể trở về quá khứ, cũng có thể thấy được vị lai, xa - gần không có, đột phá những chiều không gian khác nhau, lúc ấy có phải là rất khoái lạc hay chẳng?

Phật pháp dùng gì để đột phá? “Đả phá hư không”. Câu “đả phá hư không” chẳng phải là giả thiết, mà là sự thật, các nhà khoa học hiện tại đã chứng minh cho chúng ta: Họ nói dưới một điều kiện nào đó, Phật pháp gọi điều kiện ấy là “đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”. Trong tâm tánh không có xa - gần, trong tâm tánh không có trước - sau, trong tâm tánh chẳng tìm được điều gì đối lập. Vì thế, trong tâm tánh không có chúng sanh và Phật (chúng sanh và Phật là đối lập), không Phật, không chúng sanh, nhất thể! Trong ấy lại không có chân - vọng, không có tà - chánh, không có đúng - sai, không có thiện - ác, vì thế, gọi là Nhất Chân pháp giới. Nhất Chân là nói theo mặt Lý, tức là tâm tánh thực sự đạt đến thanh tịnh tịch diệt; một niệm chẳng sanh, chúng tôi thường nói là “không khởi tâm, không động niệm”, thật vậy đó! Đã không khởi tâm, không động niệm, còn đâu phân biệt, chấp trước? Phân biệt, chấp trước là thô tướng của khởi tâm động niệm, tế tướng còn không có, huống chi thô tướng? Khấp pháp giới hư không giới là một thân thanh tịnh, quý vị chứng đắc rồi.

Vì thế, câu thứ hai nói “linh lung bảo tạng khoát nhiên khai” (kho tàng lóng lánh mở toang hoang). “Linh lung” là tỷ dụ những gì chói ngời sáng lóa, kho báu mà! “Lung linh bảo tạng” là nói về chân tâm, bản tánh. “Khoát nhiên khai” (mở toang ra) là kiến tánh. Vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, vô lượng tài nghệ, vô lượng tướng hảo, vô lượng phước báo trong tâm tánh thấy đều hiện tiền, chúng không do tu được, mà là sẵn có nơi tự tánh, hết thấy chúng sanh bình đẳng. Giống như núi, sông, đại địa tươi đẹp rực rỡ, phàm những ai sống trên mặt đất đều được bình đẳng hưởng thụ, quyết định không có may mắn nào phân biệt, chấp trước. Hết thấy chúng sanh là người một nhà, là nhất thể, ai nấy đều biết [điều này], vì thế, tôn kính lẫn nhau, yêu kính lẫn nhau, quan tâm đến nhau, hợp tác với nhau, quý vị nói xem có phải là thế giới

tốt đẹp lắm hay chẳng? Đây chính là Nhất Chân pháp giới. Trong ấy không có phiền não, không có tai ương, không có khổ nạn, chỉ có ngày ngày tăng trưởng trí huệ. Ngày ngày tiêu, vẫn còn một chút tập khí sót lại, tập khí gì vậy? Vô minh phiền não, bốn mươi một phẩm vô minh chưa đoạn hết. Đoạn vô minh, khai trí huệ, tăng phước đức, ngày ngày làm như vậy mãi cho đến khi viên mãn rốt ráo, chứng đắc quả địa Như Lai. “*Linh lung bảo tạng khoát nhiên khai*”! Như vậy, câu này nói về khai ngộ; tự mình đạt được trong nhà Phật thường nói là “*hồi đầu thị ngạn*” (quay đầu là bờ), quý vị đã tìm được bờ, mới biết bờ ấy vốn phong phú như thế đó, viên mãn như thế ấy, không mảy may khiếm khuyết gì.

Câu thứ ba nói về quả đức: “*Trực nhiều không kiếp sanh tiền sự*” (thấu hiểu chuyện xưa bao kiếp trước), chuyện trong vô lượng kiếp trước quý vị đều thấy được toàn bộ, chuyện vô lượng kiếp sau quý vị cũng thấy được, vì sao? Thời gian không còn nữa! Trong vô lượng kiếp mê hoặc, điên đảo, đời đời kiếp kiếp trong quá khứ mê hoặc, điên đảo, tạo nghiệp, thọ báo, đường nào trong lục đạo luân hồi đã đi vào, lúc ấy đều thấy được hết, mới biết trước kia [chính mình] ngu muội vô tri, sao lại gây tạo những điều đó! Hiện tại đều hiểu rõ hết. Hiểu rõ rồi lại chú tâm quan sát: Còn có rất nhiều chúng sanh chưa giác ngộ, vẫn chưa quay đầu, vẫn tiếp tục gây tạo những chuyện ấy, tâm đại từ đại bi tự nhiên sanh khởi. Do đây bèn cảm ứng các căn cơ, những chúng sanh trong ấy có cảm, quý vị đương nhiên có ứng. Lúc ứng, chẳng khởi tâm động niệm; nếu khởi tâm động niệm thì quý vị là phạm phu, đã mê hoặc mất rồi; không khởi tâm động niệm mà tự nhiên cảm ứng.

Cảm ứng hết sức kỳ diệu, chúng sanh hữu duyên với ta vừa cảm, ta bèn ứng. Chúng sanh vô duyên với mình mà cảm thì ta không thể ứng. Người nào khác có duyên với người ấy thì người đó ứng, chứ ta không ứng. Giống như gì? Giống như băng tần (channels) trong TV hiện thời vậy, mỗi một người trong chúng ta đều có một băng tần, không ai giống ai. Người kia cảm thì cũng như một băng tần, ai tương ứng với băng tần ấy sẽ tự nhiên hiển hiện. Đây chính là như trong Phật pháp thường nói: “*Phật bất độ vô duyên chi nhân*” (Phật chẳng độ kẻ vô duyên). Thoạt nghe như vậy dường như bọn chúng sanh ta chẳng còn hy vọng gì, không phải vậy! Mỗi cá nhân đều có một vị Phật hay Bồ Tát có duyên với mình; vị Phật, Bồ Tát có duyên với quý vị chưa chắc có duyên với người khác. Người kia có vị Phật, Bồ Tát khác có duyên với họ; vì thế, hết thấy chúng sanh không ai chẳng đắc độ.

Phải hiểu đạo lý sau đây: Phật, Bồ Tát tuyệt đối chẳng khởi tâm động niệm, tuyệt đối không có “tôi yêu mến anh, tôi ưa thích anh, tôi đến độ anh; kẻ kia tôi chán ghét, tôi chẳng thích độ hắn”, không phải như vậy! Nơi đây không có chán ghét, mà là trong đời quá khứ từng kết duyên với quý vị thì gọi là người hữu duyên. Duyên ấy bất luận thiện duyên hay ác duyên đều là duyên. Thiện hay ác không quan trọng, đến lúc ấy thiện và ác không còn nữa, chỉ sợ quý vị không kết duyên, không có duyên là không được rồi. Nếu quý vị biết chân tướng sự thật ấy, quý vị sẽ tự nhiên kết duyên rộng rãi với hết tất cả chúng sanh. Vì sao? Thiện duyên dễ độ nhất, kết ác duyên cũng là duyên, nhưng chúng ta đừng kết ác duyên với chúng sanh nữa! Từ nay trở đi, ta kết thiện duyên cùng hết tất cả chúng sanh. Vun bồi tâm cảnh thuần tịnh, thuần thiện của chính mình, không sanh phiền não, chẳng khởi tâm động niệm, chẳng phân biệt, chấp trước nữa. Phải hiểu được đạo lý này, phải hiểu được ý nghĩa này.

Câu cuối cùng là phương pháp: “*Lục tự hồng danh tất cánh cai*” (Sáu chữ hồng danh rốt ráo bao gồm trọn vẹn). Đây là nói hết thấy pháp môn cùng quy về Niệm Phật. Vô lượng vô biên pháp môn đến cuối cùng đều quy về pháp môn này, do chỗ nào mà thấy như vậy? Từ kinh Hoa Nghiêm quý vị sẽ thấy được. Vô lượng pháp môn, tám vạn bốn ngàn pháp môn, đến khi thành tựu viên mãn rốt ráo đều quy về Hoa Tạng. Tương lai quý vị thoát khỏi lục đạo luân hồi, lìa khỏi lục đạo đương nhiên vào tứ thánh pháp giới, lìa khỏi tứ thánh pháp giới nhất định vào Hoa Tạng, Nhất Chân pháp giới. Quý vị gặp Tỳ Lô Giá Na Như Lai, gặp gỡ Văn Thù, Phổ Hiền Bồ Tát. Lúc ấy, Văn Thù, Phổ Hiền đem mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc. Như vậy, cuối cùng vẫn là “*lục tự hồng danh tất cánh cai*” (sáu chữ hồng danh trọn vẹn). Lúc này chúng ta nhận được thông điệp này, thông điệp ấy rất quý báu. Nếu thiện căn sâu dày, phước đức viên mãn, vừa nghe liền hiểu rõ, vừa nghe liền tiếp nhận, vừa nghe thì mọi pháp thế gian và xuất thế gian đều buông xuống hết, chết sạch ý niệm so đo, khiêm hư sát đất niệm Phật sẽ thành công.

Pháp thế gian hay xuất thế gian dù hay đến cách mấy, đến thế giới Cực Lạc sẽ học. Ở nơi đây, chúng ta không có thọ mạng dài đến như thế, không có tinh lực nhiều như thế, học không nổi. Học quá nhiều sẽ nản sanh nghi ngờ đối với pháp môn Niệm Phật. Do vậy phải triệt để buông xuống, một câu Di Đà niệm đến rốt ráo sẽ thành công. Ấn Quang đại sư dạy chúng ta phương pháp sau đây, chính là phương pháp “*nhất tụng*

tâm hướng” (nhất tâm đi theo phương hướng) của chư Phật, Bồ Tát. Lão nhân gia dạy chúng ta phương pháp: Tiểu đạo tràng, không cần lập đạo tràng lớn. Đạo tràng lớn thì quý vị phải nhọc lòng, phải phân tâm. Đạo tràng nhỏ dễ duy trì, cất một cái chòi tranh là được, là thành một đạo tràng không gì thù thắng hơn. Hai mươi người cùng tu với nhau, không hóa duyên là điều thứ nhất. Vì sao? Hóa duyên thì quý vị sẽ không có cách nào lìa được tham - sân - si, đây là điều đầu tiên. Không hóa duyên, không làm pháp hội, không truyền pháp (không thu đồ đệ), không truyền giới, không làm kinh sám Phật sự thù tạc, cũng không giảng kinh. Vì sao? Mọi thứ đều buông xuống. Pháp xuất thế gian hay thế gian đều buông xuống, chuyên nhất niệm Phật. Công khóa mỗi ngày giống như Phật thất thông thường. Đây chính là thực sự hiểu “*lục tự hồng danh tất cánh cai*” (sáu chữ hồng danh trọn thâu gồm). Sáu chữ hồng danh ấy thâu trọn hết thấy các pháp, là tinh túy của hết thấy Phật pháp! Quý vị còn làm chuyện khác nữa ư?

Thế nhưng vấn đề là đâu? Cần phải thực sự hiểu rõ, thấu suốt, quý vị mới chịu tu. Muốn dạy cho người khác thông đạt hiểu rõ mà chẳng giảng kinh thì sẽ không được! Thích Ca Mâu Ni Phật giảng cho chúng ta suốt bốn mươi chín năm, mục đích của bốn mươi chín năm giảng kinh là nhằm giúp cho chúng ta niệm Phật. Do khuyến dạy chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ nên trong những kinh điển của đức Thế Tôn, trong những bản dịch bằng tiếng Hán, đại khái có gần hai trăm loại kinh luận, đều dạy cầu sanh Tịnh Độ. Chuyên giảng về cầu sanh Tịnh Độ là ba kinh: Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Kinh, A Di Đà Kinh là chuyên giảng. Giảng kèm về Tịnh Độ, cổ nhân bảo là “ngàn kinh, vạn luận”. Chúng ta không đọc hết ngàn kinh vạn luận, nhưng những kinh điển được lưu hành bằng tiếng Hán ta thấy có gần hai trăm loại, đủ thấy đức Phật dạy người ta vãng sanh Tịnh Độ, thường xuyên giảng, thường xuyên nói.

Kinh điển do đức Phật đã nói trong cả một đời Ngài, phần lớn chưa truyền đến Trung Quốc, vì khi ấy giao thông hết sức bất tiện, đường xá xa xôi ngàn ấy. Bất luận là cao tăng đại đức Ấn Độ, hay pháp sư từ Trung Quốc qua Ấn Độ thỉnh kinh, đều chọn lọc kỹ càng, tinh vi những kinh điển thích hợp khẩu vị người Hoa, chọn lấy những kinh điển nào người Hoa rất yêu thích, rất vui thích để truyền sang trước. Vì thế, kinh Phật truyền đến Trung Quốc rất hữu hạn, chưa phải là hoàn toàn truyền đến Trung Quốc. Trải qua gần ba ngàn năm, có rất nhiều sách vở bị thất truyền; rất may mắn là những kinh điển truyền đến Trung Quốc

được bảo tồn. Sau này có một bộ phận kinh điển được truyền sang Tây Tạng, truyền sang Tây Tạng khá trễ. Đời Đường, công chúa Văn Thành⁷⁵ được gả về Tây Tạng, Phật pháp ở Tây Tạng do công chúa Văn Thành mang đến. Vì thế, Phật giáo ở Tây Tạng trễ hơn ở Trung Quốc gần một ngàn năm.

Tây Tạng gần với Ấn Độ hơn, vì thế, những kinh điển tiếng Phạn được truyền sang Tây Tạng. Tây Tạng là vùng núi cao, chuyên chở cũng hết sức khó khăn, nên chúng ta có thể suy ra kinh điển nhà Phật cũng chưa được truyền toàn bộ sang đó, cũng chỉ là một bộ phận. Kinh điển được truyền thừa ở Tây Tạng và kinh điển Hán truyền so ra rất giống nhau. Có những cuốn bản tiếng Tây Tạng có, bản tiếng Hán cũng có. Chỉ có một số rất ít là Hán văn có, Tạng văn không có; hoặc Tạng văn có, Hán văn không có. Thế nhưng trong quá khứ, kinh điển được phiên dịch qua lại. Những bản Tạng văn không có bèn dịch từ Hán văn, dịch sang tiếng Tạng. Bản nào Hán văn không có bèn dịch từ Tạng văn sang Hán văn, hiện thời sự sai biệt không lớn lắm.

Đến cuối cùng, quý vị thấy là quy về Hoa Tạng, Hoa Tạng quy về Tịnh Độ, đặc biệt là kinh Hoa Nghiêm, chúng ta đọc thấy Thập Địa Bồ Tát từ đầu đến cuối chẳng rời niệm Phật, “*lục tự hồng danh tất cánh cai*” (sáu chữ hồng danh trọn thâu gồm!) Có rất nhiều người coi thường

⁷⁵ Công chúa Văn Thành (623-680), có tên tiếng Tạng là Giáp Tát Hán Công Chúa (Gyasa, hoặc Mung-chang Kungco, hay Mung-chang Konchu), cháu của Đường Thái Tông (Lý Thế Dân), là hoàng hậu thứ hai của Tsanpo Songtsan Gampo, là vua đời thứ 33 của vương triều Yarlung của Cổ Tây Tạng nhằm mục đích cầu thân và tái lập hòa bình giữa Tây Tạng và Trung Hoa. Lúc ấy, người Tây Tạng (thường được sử Trung Hoa gọi là Thổ Phiên) rất hùng mạnh, thường xuyên quấy nhiễu biên giới phía Tây của Đại Đường. Sau khi Songtsan Gampo (Tùng Tán Cam Bố) đánh bại Thổ Cốc Hồn (vương quốc của dân tộc Azha), cắt đứt con đường giao thương của nhà Đường sang Tây Vực, vua Đường phải gả công chúa Văn Thành cho Songtsan Gampo và ký hòa ước, phong cho Songtsan Gampo làm Phò Mã Đô Úy Tây Hải Quận Vương. Theo truyền thuyết, công chúa Văn Thành đem theo một tượng Thích Ca Mâu Ni Phật bằng vàng ròng và 360 quyển kinh như của hồi môn. Songtsan Gampo đã xây chùa Đại Chiêu (Jokhang) để thờ tượng này. Cùng với hoàng hậu Bhirukti Devi (Xích Tôn Công Chúa hoặc Ba Lợi Khố Công Chúa) của Nepal, Songtsan Gampo và Văn Thành Công Chúa được người Tây Tạng coi là ba vị thánh có công truyền bá Phật giáo vào Tây Tạng. Songtsan Gampo được coi là hóa thân của Quán Thế Âm, công chúa Văn Thành là hóa thân của Bạch Độ Mẫu (White Tara, một hóa thân của Quán Thế Âm Bồ Tát), còn Xích Tôn Công Chúa là Lục Độ Mẫu (Green Tara). Tara Bồ Tát lại có hai mươi một hóa thân (21 vị Độ Mẫu), được tôn sùng nhất là Lục Độ Mẫu, Bạch Độ Mẫu và Xích Độ Mẫu (Red Tara).

một câu A Di Đà Phật, nghĩ câu Phật hiệu tầm thường quá, không có gì là hiếm lạ! Đúng là không có gì hiếm có, kỳ lạ cả! Do nguyên nhân nào? Tâm khinh mạn. Chúng ta phải nhớ: Đức Thế Tôn giảng cho chúng ta một câu chân lý, một câu thành thật: “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (Hết thấy pháp từ tâm tướng mà sanh). Tâm quý vị tôn trọng thì câu danh hiệu này sẽ sanh ra những hiệu quả chẳng thể nghĩ bàn. Tâm địa quý vị rất khinh mạn, về căn bản là không coi trọng, tùy tiện niệm một câu A Di Đà Phật sẽ chẳng khởi tác dụng. Dầu không khởi tác dụng, nhưng vừa xưng một câu Nam-mô A Di Đà Phật là đã gieo chủng tử vào A Lại Da Thức. Chủng tử ấy trần quý khôn sánh, chủng tử ấy vĩnh viễn chẳng hoại. Chẳng biết là đời nào, kiếp nào, quý vị gặp được thiện duyên, gần như nghiệp chướng tiêu trừ, chủng tử ấy sẽ khởi hiện hành, quý vị vẫn là niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ, chẳng thể nghĩ bàn!

“*Danh hiệu công đức bất khả tư nghị*” (Danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn): Một câu này rất nhiều người nghe đã nhầm tai, nhưng hoàn toàn không hiểu. Danh hiệu rốt ráo có lợi ích gì, không hiểu! Lúc chúng tôi giảng kinh đã giảng về điều này không ít lần, hy vọng mọi người phải ghi nhớ, hy vọng mọi người chú tâm lãnh hội. Trong một đời này chúng ta may mắn khôn sánh, hiểu rõ công đức của danh hiệu. Nếu có thể tín nguyện thọ trì, trong một đời này quý vị sẽ siêu phàm nhập thánh, một đời này vĩnh viễn thoát khỏi lục đạo mười pháp giới, còn chi hơn! Nay quý vị không thành tựu, vì sao? Đối với lục đạo mười pháp giới, quý vị chưa buông xuống được, nên không vãng sanh, làm lạc một đời này mất rồi! Vì vậy, tôi thường bảo các đồng học: Phát tâm giảng kinh là tốt, hiếm có, chư Phật tán thán; phát tâm đến Niệm Phật Đường là đi thành Phật. Do vậy, công đức lãnh chúng niệm Phật trong Niệm Phật Đường trội vượt công đức của pháp sư giảng kinh.

Pháp sư giảng kinh hằng ngày khuyên, mọi người chưa chắc tin tưởng. [Những người niệm Phật trong] Niệm Phật Đường là đã tin tưởng, không tin tưởng làm sao đến Niệm Phật Đường được? Chỉ là mức độ tin tưởng sai khác, nói chung có một hai kẻ mức độ tin tưởng cao, Niệm Phật Đường thực sự vãng sanh. Ai vãng sanh người ấy thành Phật. Quý vị đọc bài kệ khuyên người niệm Phật của Đại Từ Bồ Tát: Quý vị khuyên được hai người niệm Phật là hai người vãng sanh, trong số những người được quý vị khuyên dạy, có hai người thực sự niệm Phật vãng sanh, công đức ấy thù thắng hơn chính mình niệm Phật. Nếu những người được quý vị khuyên có mười mấy người vãng sanh, phước đức của quý vị vô lượng vô biên. Nếu có được mấy trăm người cho đến cả

ngàn người, những người được quý vị khuyên vãng sanh, quý vị thực sự là Bồ Tát. Khuyên được vạn người vãng sanh, quý vị là A Di Đà Phật tái lai! Bài kệ khuyên người niệm Phật của Đại Từ Bồ Tát là như vậy đó! Tôi thỉnh lão pháp sư Minh Sơn (茗山) viết bài kệ khuyên người niệm Phật của Đại Từ Bồ Tát, viết xong, chúng tôi đem in, hiện tại ở trai đường có treo một bức.

Giảng kinh là khuyên dạy, là tiếp dẫn, rất trọng yếu. Vì sao? Không có ai giảng kinh sẽ không có ai biết cái hay của việc Niệm Phật, không biết chân tướng của Tây Phương Cực Lạc thế giới và thế giới Sa Bà. Pháp sư giảng kinh giảng rõ ràng, giảng minh bạch, khiến cho mọi người tỉnh ngộ. Tỉnh ngộ rồi thì quan trọng nhất là phải về thế giới Cực Lạc. Về thế giới Cực Lạc không phải ở nơi giảng đường mà là ở Niệm Phật Đường. Vì thế, ngàn vạn phần mọi người chẳng được khinh thị, pháp sư giảng kinh là tốt, mọi người đều tôn trọng vị ấy; nhưng coi thường pháp sư niệm Phật là điên đảo! Tín, Giải, Hành, Chứng! Pháp sư giảng kinh giúp người khác “*Tín Giải*” (tin hiểu), những vị pháp sư trong Niệm Phật Đường giúp cho mọi người “*Hành Chứng*”. Do đây có thể biết: Tín - Giải - Hành - Chứng phải hỗ trợ nhau, hoàn thành lẫn nhau. Giảng đường và Niệm Phật Đường chẳng được đối lập, hễ đối lập thì cả hai đều bị phá hoại, phải biết cả hai là một thể; vì thế, phải khen ngợi lẫn nhau. Nếu muốn cho Phật pháp hưng thịnh, trừ phi Tăng khen ngợi Tăng [nếu không, Phật pháp sẽ chẳng thể nào hưng thịnh được!]. Nếu muốn Tịnh Độ hưng thành, pháp sư giảng kinh phải biết tán thán pháp sư thuộc Niệm Phật Đường, pháp sư thuộc Niệm Phật Đường phải biết tán thán pháp sư giảng kinh, Tịnh Độ mới hưng khởi được. Tín - Giải - Hành - Chứng, khuyết một điều chẳng được!

Như vậy, hai mươi tám chữ trong bài kệ này, nghĩa lý và cảnh giới vô cùng vô tận, đây là cảnh giới Lý Nhất Tâm Bất Loạn. Chư Phật, Bồ Tát, chân thiện tri thức hy vọng chúng ta trong một đời này đều có thể khế nhập cảnh giới ấy. Bài kệ này chúng tôi giảng đến đây thôi. Lại xem tiếp phần Khai Thị kế đó, phần Khai Thị này chú trọng phương pháp niệm Phật, trong ấy có Sự, có Lý. Xin hãy xem phần Khai Thị lần thứ hai của thiền sư Trung Phong trong thời thứ ba:

Cổ nhân đạo: Thanh châu đầu ư trước thủy, trước thủy bất đắc bất thanh. Niệm Phật đầu ư loạn tâm, loạn tâm bất đắc bất Phật.

古人道。清珠投於濁水。濁水不得不清。念佛投於亂心。亂心不得念佛。

(Cổ nhân nói: Thanh châu gieo vào nước đục, nước đục chẳng thể không trong; niệm Phật gieo vào tâm loạn, tâm loạn không thể chẳng thành tâm Phật).

Chúng ta thấy câu này dùng tỷ dụ để nói. Thanh Thủy Châu (Viên châu có tác dụng lắng trong nước đục) đem bỏ vào nước đục, nước đục là nước nhiễm ô. Viên châu ấy có công năng khiến cho nước đục lắng cặn hoặc là – nói theo phương thức hóa học hiện thời – hóa giải nhiễm ô biến thành nước trong. Vì thế, “*trước thủy bất đắc bất thanh*” (nước đục chẳng thể không trong). Đây là tỷ dụ, dùng chuyện này làm tỷ dụ.

Nói “*niệm Phật đầu u loạn tâm, loạn tâm bất đắc bất Phật*” (niệm Phật gieo vào loạn tâm, tâm loạn không thể chẳng thành tâm Phật). Đây chính là đạo lý niệm Phật làm Phật. Tâm chúng ta vọng niệm rất nhiều! Tâm loạn! Lục đạo phàm phu có ai tâm không loạn? Chỉ là mức độ loạn khác nhau. Có người vọng niệm ít một chút, có người vọng niệm nhiều một chút, có người vọng niệm nhẹ một chút, có người vọng niệm nặng một tí, chỉ là nặng nhẹ nhiều ít khác nhau, lục đạo phàm phu ai nấy đều có vọng niệm. Có vọng niệm là phàm phu, phải luân hồi lục đạo. Đoạn vọng niệm rồi thì mới có thể vượt thoát sự luân hồi trong lục đạo. Lục đạo luân hồi do đâu mà có? Do vọng niệm tạo thành. Quý vị nhất định phải hiểu: Có vọng niệm bèn có lục đạo, có vọng niệm bèn có mạng vận (số mạng), bèn có nghiệp lực, bèn có luân hồi. Không có vọng niệm thì nghiệp lực không còn, luân hồi không còn. Chúng ta làm thế nào để đoạn được những vọng niệm ấy; ở đây, dùng phương pháp Niệm Phật. Đem niệm Phật gieo vào vọng niệm, vọng niệm sẽ không còn nữa.

Bây giờ đã hết giờ rồi!

Tập 52

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp lần khai thị thứ hai trong thời thứ ba, chúng ta xem phần Trường Hàng:

Cổ nhân đạo: Thanh châu đầu u trước thủy, trước thủy bất đắc bất thanh; niệm Phật đầu u loạn tâm, loạn tâm bất đắc bất Phật.

古人道。清珠投於濁水。濁水不得不清。念佛投於亂心。亂心不得不佛。

(Cổ nhân nói: “Thanh châu gieo vào nước đục, nước đục chẳng

thể không trong; niệm Phật gieo vào tâm loạn, tâm loạn chẳng thể không thành tâm Phật”).

Hai câu đầu là tỷ dụ, là lời nói tô điểm⁷⁶; câu sau mới chính là câu chủ yếu. Trong phần trên, tôi đã nói đại lược về Thanh Thủy Châu rồi, chuyện này không quan trọng, điều quan trọng là “*niệm Phật đầu ư loạn tâm, loạn tâm bất đắc bất Phật*” (niệm Phật gieo vào tâm loạn, tâm loạn chẳng thể không thành tâm Phật). Chúng ta niệm Phật công phu không đắc lực! Trong tất cả hết thảy pháp môn Đại Thừa hay Tiểu Thừa thì pháp môn Niệm Phật là thuận tiện nhất, đơn giản nhất, ổn thỏa, thích đáng nhất. Vậy mà chúng ta niệm Phật đã bao nhiêu năm rồi, vì sao chẳng được thọ dụng gì hết? “*Loạn tâm*” vẫn y như cũ, nguyên nhân vì đâu? Có phải là niệm Phật không linh hay chẳng? Nếu phương pháp Niệm Phật này không linh thì mọi phương pháp khác nói chung đều không có hiệu quả!

Nói thật ra, chẳng phải phương pháp Niệm Phật không linh, mà là do sự lý giải của chúng ta đối với phương pháp này có vấn đề, cách niệm cũng có vấn đề. Nếu chúng ta không hiểu thấu triệt phương pháp này, chúng ta sẽ hoài nghi; hoài nghi sẽ chướng ngại công phu thành tựu. Giảng kinh, thuyết pháp nhằm mục đích đoạn nghi, sanh tín. Lòng tin thanh tịnh đã hiện tiền thì không cần phải nghe kinh, không cần phải nghiên cứu giáo pháp nữa, những việc ấy sẽ biến thành dư thừa! Quan trọng nhất là tín tâm kiên định và tín tâm thanh tịnh. Vì thế, khi còn tại thế, đức Thế Tôn vì mọi người giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, nhằm mục đích gì? Nhằm mục đích giúp cho mọi người “*đoạn nghi, sanh tín, phá mê, khai ngộ*”, giúp đỡ như vậy đó. Khai ngộ rồi tín tâm bèn sanh khởi, quan trọng nhất là tu hành, thực sự tu hành! Trì danh niệm Phật là hành môn, nguyên lý và nguyên tắc của trì danh niệm Phật là “*chân tín, thiết nguyện, chấp trì danh hiệu*” (lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, chấp trì danh hiệu). Đại Thế Chí Bồ Tát dạy chúng ta: “*Tịnh niệm tương kế*” (tịnh niệm tiếp nối). “*Tịnh*”: Niệm phải thanh tịnh, thanh tịnh là không hoài nghi, không xen tạp, đó là tịnh niệm, “*tương kế*” là không gián đoạn. Chúng ta niệm Phật có làm được như vậy hay chưa?

Chúng ta không đoạn lòng nghi; trong cuộc sống hằng ngày, đối với chính mình, đối với người nhà, thân hữu, bè bạn, đối với hết thảy

⁷⁶ Nguyên văn “*thị bồi sán đích thoại*” tức là lời nói dẫn khởi với mục đích làm nổi bật ý sẽ được nói trong câu kế tiếp.

người, sự, vật biến hóa trong thế gian, đặc biệt là những việc liên quan đến mai sau, chúng ta không đoạn nghi hoặc thì làm sao niệm Phật mà không vướng nghi ngờ cho được? Nếu như niệm Phật không nghi ngờ thì tất cả hết thảy những mối nghi bên ngoài đều bị đoạn trừ. Thật đây, không giả chút nào! Quý vị thấy cổ đức buông thân tâm thế giới xuống, đề khởi chánh niệm, do buông thân tâm thế giới xuống nên các Ngài không nghi nữa. Nếu còn nghi thì các Ngài có buông xuống được hay không? Các Ngài đều hiểu rõ, đều thấu hiểu. Tuy thế có những người không thấu hiểu, không hiểu rõ mà vẫn có thể buông xuống được, chúng tôi nói những người ấy thiện căn, phước đức sâu dày. Vì sao?

Niệm Phật là chuyện quan trọng. Vãng sanh Tây Phương Tịnh Độ trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ, lần này ta gặp được, nhất định phải nắm lấy, những chuyện khác không cần nữa. Bỏ hết đi, không nghi nữa! Niệm Phật quyết định chẳng xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, đó là niệm Phật đúng pháp. Vì thế, Phật hiệu gieo vào loạn tâm, loạn tâm tự nhiên mất tiêu. Cách này hay lắm! Rất hữu hiệu. Nếu quý vị nghiêm cẩn niệm, đúng lý, đúng pháp, tôi thường nói là từ ba tháng đến sáu tháng, [sẽ thấy] hiệu quả rất rõ rệt. Đến khi hiệu quả hiển hiện, quý vị sẽ tự nhận thấy pháp hỷ sung mãn phát sanh, quý vị hoan hỷ niệm. Bắt đầu thì khó, bắt đầu như thế nào? Phải chế phục phiền não tập khí của chính mình, phiền não tập khí từ vô thủy kiếp đến nay rất nghiêm trọng! Quý vị [tu tập] đúng lý đúng pháp sẽ tự nhiên chế phục được. Quan trọng nhất là như chúng tôi thường nói: *“Thâm nhập một môn, trường thời huân tu”*. Công phu nhất định chẳng được gián đoạn, nhất định chẳng được xen tạp, quý vị càng niệm tâm càng thanh tịnh, cảm thấy vọng niệm bớt đi. Vọng niệm ít đi chính là phiền não nhẹ đi, trí huệ tăng trưởng. Trước kia thấy những gì, nghe người ta nói không hiểu, nghe rồi cũng không thấu hiểu, nay càng niệm càng rõ ràng, càng niệm càng sáng suốt, trí huệ tăng trưởng, niệm Phật công phu đặc lực rồi đây!

Chỉ cần niệm được công phu thành phiền là nắm chắc vãng sanh. Nếu như đạt đến Sự nhất tâm hay Lý nhất tâm thì quả thật không phải ai cũng có thể làm được. Công phu thành phiền, chỉ cần chúng ta nỗ lực một chút ai nấy đều có thể làm được; vì thế, cổ đức nói pháp môn này là *“vạn người tu, vạn người về”*. Niệm Phật mà không thể vãng sanh, chắc chắn là vì niệm Phật có hoài nghi, có xen tạp, thường xuyên gián đoạn. Gián đoạn rất đáng sợ, vừa gián đoạn, phiền não bèn khởi hiện hành, chỉ có công phu không gián đoạn mới có thể không chế phiền não. Phiền não ấy không phải là diệt đoạn, mà là phục đoạn (chế ngự, đè nén

xuống). Quý vị có năng lực không chế phiền não, trong tâm chỉ có một câu A Di Đà Phật, phiền não sẽ không hiện tiền. Đây gọi là “*tâm vô nhị dụng*”, quý vị chớ nên nhất tâm nhị dụng, [tức là] vừa niệm Phật vừa khởi vọng tưởng, chẳng thể dùng tâm vào hai chuyện được. Lúc niệm Phật, quyết định không có vọng tưởng. Lúc vọng tưởng dấy lên thì niệm Phật nhất định bị phá hoại, chắc chắn là như thế! Trước hết, ngài Trung Phong nêu lên ý nghĩa trọng yếu này giống như nêu lên đề mục, rồi tiếp đó, Ngài giải thích:

Tây thiên hữu bảo, danh viết Thanh Châu.

西天有寶。名曰清珠。

(Tây vực có vật báu tên là Thanh Châu).

“Tây thiên” chính là Ấn Độ, Ấn Độ có một loại bảo thạch gọi là Thanh Thủy Châu. Ngài nói:

Vị thử châu đầu nhập trước thủy trung, nhập thủy nhất thốn, tắc nhất thốn chi trước thủy tức tiện thanh khiết.

謂此珠。投入濁水中。入水一寸。則一寸之濁水。即便清潔。

(Nghĩa là: Loại châu này gieo vào trong nước đục, chìm xuống nước một tấc thì một tấc nước đục liền trở thành thanh khiết).

Dùng con mắt khoa học hiện thời để nhìn sự việc này thì viên châu ấy bỏ vào nước sẽ phát sanh tác dụng hóa học có thể hóa giải những dơ bẩn trong nước, vì thế, nước khôi phục sự thanh tịnh. Ở Trung Quốc, lúc nhỏ tôi sống ở nông thôn, Trung Quốc thời đó rất lạc hậu, chẳng những ở nông thôn không có nguồn nước sạch, mà ngay ở những đô thị, thành phố nhỏ cũng không có nước máy; chỉ có một số rất ít những đô thị lớn có nước máy. Lúc nhỏ, tôi sống ở quê nhà, huyện Lô Giang không có nước máy. Trong thời gian kháng chiến [chống Nhật], tôi ở tỉnh Phước Kiến, tôi sống ở huyện Diên Bình không có nước máy; Kiến Âu cũng không có nước máy. Nước phải đi mua, có người chuyên gánh nước đến bán; trong nhà có chum nước, mỗi ngày phải mua nước. Nhà giàu có thì tự đào giếng trong nhà, có nước giếng; chúng tôi sống ở nông thôn thì dùng nước sông, nước suối, nước khe. Loại nước này không sạch. Vì thế, chúng tôi ra sông gánh nước, gánh về nhà xong, nhất định phải để cho nước lắng cặn. Dùng phương pháp gì để lóng trong?

Không có Thủy Thanh Châu, người Hoa dùng phèn chua (minh phàn, potassium alum), phèn chua có thể lắng trong nước, cặn chìm xuống đáy chum, nước trên mặt rất sạch. Lúc nhỏ, chúng tôi thường dùng phương pháp ấy. Chúng tôi tin rằng Thủy Thanh Châu đại khái giống như một loại phèn chua, cùng một loại. Vì thế, “*nhập thủy nhất thốn, tắc nhất thốn chi trực thủy tức tiện thanh khiết*” (chìm vào nước một tấc thì một tấc nước đục bèn trở thành thanh khiết).

Thử châu nhập thủy tự thốn chí xích, nãi chí ư để, tắc trực thủy diệc tùy chi nhi trừng trạm.

此珠入水。自寸至尺。乃至於底。則濁水亦隨之而澄湛。

(Châu ấy gieo vào nước từ tấc tới thước, cho đến tận đáy thì nước đục cũng lắng trong theo).

Chữ “trừng trạm” diễn tả nước rất thanh tịnh, không có mảy may nhơ bẩn. Thiền sư dùng điều này làm tỷ dụ, làm tiền đề để thuyết pháp. Phần sau là chánh thuyết (nói thẳng vào vấn đề chánh):

Đương tri thanh châu giả, dụ niệm Phật chi tịnh niệm dã.

當知清珠者。喻念佛之淨念也。

(Nên biết thanh châu ví như tịnh niệm niệm Phật vậy).

Tịnh niệm tiếp nối! Dùng Thanh Châu để ví cho tịnh niệm niệm Phật. Tịnh niệm giống như Thủy Thanh Châu.

Trục thủy giả, dụ tạp loạn chi vọng tâm dã.

濁水者。喻雜亂之妄心也。

(Nước đục ví như vọng tâm tạp loạn).

Trong tâm chúng ta vọng niệm dấy lên, chìm xuống bất định, thật vậy! Vọng niệm trước vừa diệt, vọng niệm sau bèn sanh, đêm ngày không ngớt. Tâm chúng ta không thanh tịnh, giống như nước trong biển cả, sóng vô dưng trào, trước nay chưa hề ngưng nghỉ. Kinh Phật nói: Tâm thanh tịnh sanh trí huệ, tâm nổi sóng sanh phiền não; mức độ dậy sóng càng lớn thì phiền não càng nghiêm trọng, quả báo là tam đồ. Lục đạo luân hồi biến hiện ra như thế đó. Học vấn thế gian hay xuất thế gian

không có gì khác, chỉ là thanh tịnh tâm mà thôi!

Vì thế, mấu chốt tu trì trong Phật pháp là chữ Định, Tam Học Giới - Định - Huệ. Giới là phương cách giúp quý vị đắc Định, Định trọn chẳng phải là mục đích, Định có thể mở mang trí huệ, Huệ mới là mục đích. Vì thế, Phật pháp là trí huệ pháp, Phật học là trí huệ học. Thiền tông không tu Định. Nếu quý vị tưởng Thiền tông tu Định thì quý vị hoàn toàn sai lầm, quý vị coi Đàn Kinh thấy câu đầu tiên của Lục Tổ đại sư là gì? Câu nói ấy đã phơi bày toàn bộ tông chỉ của nhà Thiền, Ngài dạy đại chúng “*tổng niệm Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa*” (toàn là niệm Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa). Thiền tông là Bát Nhã. Bát Nhã hiện tiền bằng cách nào? Phải Định! Vì thế, Thiền tông tu Định là phương tiện nhằm mục đích mở mang trí huệ, mục tiêu là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, đây chính là trí huệ Bát Nhã.

Thiền cầu trí huệ Bát Nhã, Giáo cũng chẳng ngoại lệ, đại khai viên giải! Quý vị xem [đại khai viên giải] có phải là trí huệ Bát Nhã hay không? Tịnh Độ tông chúng ta đắc nhất tâm bất loạn, nhất tâm bất loạn bèn sanh trí huệ. Pháp môn bất đồng là bất đồng về phương pháp, về cách thức dụng công, chứ phương hướng và mục tiêu hoàn toàn tương đồng. Vì vậy, đức Phật mới nói pháp môn bình đẳng, không có cao - thấp. Bất luận tu học pháp môn nào cũng đều có thể thành vô thượng đạo, đều có thể minh tâm kiến tánh, đều có thể kiến tánh thành Phật. Chúng ta phải biết nguyên tắc này thì tu hành mới chẳng lầm phương hướng, chẳng lầm mục tiêu. Giới - Định - Huệ là phương hướng chung, là mục tiêu chung; nhân Giới đắc Định, nhân Định đắc Huệ. Chúng ta phải hiểu rõ tỷ dụ này, nay chúng ta dùng phương cách nào để thực hiện công phu? Ở đây, ngài Trung Phong bảo niệm Phật là phương pháp quan trọng nhất.

Đương vọng tâm tạp loạn chỉ khoảnh, năng cử khởi nhất niệm.

當妄心雜亂之頃。能舉起一念。

(Ngay trong lúc vọng tâm tạp loạn, có thể khởi lên một niệm).

“*Nhất niệm*” chính là sáu chữ hồng danh, lúc trong tâm chúng ta rất phiền, rất loạn mà vẫn có thể khởi lên một niệm này, thế nhưng hiệu quả của một niệm này không hiển nhiên, do nguyên nhân nào? Do tâm thái của chúng ta có vấn đề.

Như đối Từ Tôn.

如對慈尊。

(Như đối trước đức Từ Tôn).

Chúng ta có tâm thái như thế ấy hay chẳng? Chỉ thành cung kính như đang đối trước A Di Đà Như Lai, như đang đối trước Thích Ca Mâu Ni Như Lai. Chúng ta niệm Phật thiếu tấm lòng cung kính ấy, nên hiệu quả bị suy giảm rất lớn, bị chiết khấu rất lớn, tội hồ không thấy hiệu quả gì hết. Dụng công, tâm thái tối thiểu chiếm đến chín mươi phần trăm, phương pháp tối đa chỉ chiếm mười phần trăm. Trước kia, tôi khuyên các đồng học đang học giảng kinh, tôi từng khuyên như thế này: *“Quý vị học giảng kinh, muốn học phương pháp giảng kinh, tôi thường nói: Tánh chất quan trọng của phương pháp giảng kinh nhiều nhất là mười phần trăm, còn chín mươi phần trăm là tâm tư thái độ của quý vị”*.

Trong bài Nội Điển Nghiên Học Cương Lĩnh (cương lĩnh nghiên cứu học tập kinh điển nhà Phật), tôi đã từng nói: Chân thành, cung kính quan trọng lắm! Ấn Quang đại sư nói rất hay: *“Một phần thành kính được một phần lợi ích; hai phần thành kính được hai phần lợi ích. Mười phần thành kính được mười phần lợi ích”*. Chúng ta xưng một tiếng Phật hiệu nhưng miệng có, tâm không, chẳng có tâm cung kính thì làm sao có thể thành tựu cho được! Tâm cung kính được nuôi dưỡng không chỉ trong lúc niệm Phật. Trong lúc niệm Phật, ta có tâm cung kính; lúc không niệm Phật, không có tâm cung kính thì cái tâm cung kính ấy là giả, không thật! Vì sao? Một tức là hết thầy, hết thầy chính là một. Nếu quý vị cung kính Phật thì cũng phải cung kính hết thầy chúng sanh. Thậm chí đối với hết thầy trùng, kiến, muỗi đều cung kính, thấy chúng nó ta nhất định chấp tay: “Bồ Tát kiến, Bồ Tát ruồi”, tâm thành kính sanh khởi. Quý vị chưa làm được như vậy thì tâm cung kính chưa sanh khởi. Khởi tâm động niệm phiền não làm chủ, chí thành, cung kính không phát ra được.

Chẳng những đối với hết thầy động vật mà đối với hết thầy thực vật cũng phải như thế. Ở bất cứ nơi đâu, thấy hoa cỏ, thậm chí với bất cứ vật dụng nào, quý vị đều cung kính. Bàn phải lau chùi cho sạch sẽ, sắp đặt cho ngay ngắn, tề chỉnh, cung kính nó đấy! Từ chỗ này có thể thấy quý vị có thực sự cung kính đối với Phật hay không! Chỉ cung kính Phật, đối với những gì khác không cung kính, thì là cung kính giả tạo, không thật! Vì sao? *“Nhất thiết chúng sanh giai thị quá khứ phụ mẫu, vị lai chư Phật”* (Hết thầy chúng sanh đều là cha mẹ trong quá khứ, là vị lai chư Phật). Kinh Hoa Nghiêm còn nói hay hơn nữa: *“Tình dữ vô tình, đồng*

viên *Chủng Trí*” (tinh và vô tình đều thành Phật đạo). Vô tình là thực vật, là khoáng vật; quý vị đối với thực vật, đối với khoáng vật đều có tâm cung kính. Vì thế, trước hết phải học “kính”, câu thứ nhất trong mười đại nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát là “*lễ kính chư Phật*”, chúng ta thiếu sót điều này. Chúng ta thiếu lễ kính, thiếu tán thán, thiếu cúng dường, thiếu sám hối. Do vậy, một câu Phật hiệu không linh. Quý vị đã hiểu rõ hay chưa? Quý vị muốn niệm một câu Phật hiệu được linh, niệm có cảm ứng, niệm khởi tác dụng, thực sự có thể chế ngự vọng tưởng thì phải từ chí thành cung kính mà niệm mới hữu hiệu! Vì thế, phải “*nghĩa đối Từ Tôn*” (như đối trước đức Từ Tôn).

Án định lục tự hồng danh.

按定六字洪名。

(Giữ vững sáu chữ hồng danh).

Tức là Nam-mô A Di Đà Phật từng chữ rõ ràng, dấu một chữ cũng không hàm hồ.

Nhất nhất xuất khẩu nhập nhĩ.

一一出口入耳。

(Mỗi câu, mỗi chữ từ miệng phát ra lọt vào tai).

Đây là cổ đức dạy chúng ta phương pháp nhiếp tâm niệm Phật: Phật hiệu phát sanh từ tâm chí thành, cung kính; từ miệng phát ra âm thanh, từ tai nghe lọt những âm thanh ấy. Người hiện thời gọi điều này là “sức chú ý tập trung chẳng tán loạn”, như vậy thì mới có thể chế ngự vọng niệm. Cổ nhân dùng phương pháp này có hiệu quả, các Ngài đem phương pháp hữu hiệu này truyền lại cho chúng ta. Chúng ta phải học tập theo phương pháp này, hãy thử làm xem, thực sự có hiệu quả đấy!

Tắc thử tạp loạn tự nhiên tùy niệm tịch tĩnh.

則此雜亂。自然隨念寂靜。

(Do đây tạp loạn tự nhiên theo niệm mà ngưng lặng).

Đây chính là công phu, không miễn cưỡng chút nào, tự nhiên vọng niệm chẳng khởi. “*Tạp loạn*” là vọng niệm. Lúc đầu quý vị thấy vọng niệm ít đi, nếu như nói chúng ta mới học, vọng niệm có sanh khởi

hay chẳng? Vẫn khởi, nhưng ít hơn thôi. Trong Ấn Quang Đại Sư Văn Sao, chúng tôi thấy có không ít người thường viết thư hỏi lão pháp sư: Niệm Phật đã lâu lắm rồi, trong [thời gian niệm hết] một cây hương vẫn có rất nhiều vọng niệm. Một cây nhang: Nhang dài thì thường cháy được một tiếng rưỡi, “một cây hương” là như vậy. Do xưa kia khoa học kỹ thuật chưa phát triển, người giàu sang mới có đồng hồ, trong dân gian không có đồng hồ. Tính thời gian bằng cách nào? Đại khái là lúc trời quang bèn nhìn xem mặt trời ở nơi đâu để phán đoán thời gian. Đêm thì nhìn mặt trăng, nhìn tinh tú. Những người niệm Phật bình thường như chúng ta đều dùng nhang; vì vậy gọi thời gian là “một cây hương, hai cây hương”. Một cây nhang dài cháy khoảng một giờ rưỡi. Hai cây nhang là ba tiếng đồng hồ, không thuận tiện như hiện thời: Trên tay ai nấy đều đeo đồng hồ, xưa kia không có.

Trong vòng một cây hương vẫn khởi lên rất nhiều niệm, qua Văn Sao của tổ Ấn Quang ta thấy được điều này. Tổ Ấn Quang phúc đáp: Phàm những người dụng công đặc lực cũng chính là những người thực sự thực hiện được “*tịnh niệm tiếp nối*”, không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn. Niệm như vậy ba năm, đại khái là trong một cây hương vẫn còn có dăm ba ý niệm, rất ít, ngẫu nhiên khởi lên dăm ba niệm; vì thế, phải huân tu trong một thời gian dài. Vọng niệm khởi lên không cần phải bận tâm, không sợ hãi, đó là chuyện bình thường. Lúc quý vị không niệm Phật, tự mình không nhận biết vọng niệm hết sức nhiều, quá ư là nhiều! Muốn dùng một niệm niệm Phật để chế ngự bèn nhận thấy vọng niệm hết sức nhiều. Vì thế, có người sợ hãi: “Lúc ta không niệm Phật không có vọng niệm, có sao niệm Phật thì vọng niệm lại nhiều đến thế?” Lúc ấy chính mình không nhận biết, chứ chẳng phải là không niệm Phật thì không có vọng niệm! Không niệm Phật vẫn có nhiều vọng niệm ngàn ấy, nhưng không nhận biết! Nay do niệm Phật nên đột nhiên nhận ra; do vậy, quý vị phải biết đó là hiện tượng bình thường.

Quý vị Niệm Phật công phu chớ nên gián đoạn, phải nghiêm túc nỗ lực niệm, dần dần vọng niệm càng ngày càng ít, công phu có tiến bộ! Nếu niệm một thời gian dài mà vọng niệm vẫn nhiều như thế, không cảm thấy giảm thiểu thì tự mình phải khéo kiểm điểm, phản tỉnh, công phu niệm Phật của mình nhất định có vấn đề; nói chung, vấn đề ở chỗ không có tâm thành kính. Vì thế, hàng sơ học lúc niệm Phật cũng có thể kèm thêm quán tưởng: Lúc chúng ta niệm Phật giống như đức Phật đang ở trước mặt mình, như vậy thì chính mình mới khởi lòng chân thành,

cung kính, mới có lợi ích. Hoặc là lúc niệm Phật đối trước tượng Phật mà niệm, ở trong Phật Đường giống như ở cùng một chỗ với đức Phật. Chúng ta đối trước Phật, chẳng thể không cung kính, chẳng thể tùy tiện, [nghĩ tưởng như vậy sẽ] có sức câu thúc mình. Vì thế, công phu đặc lực, có tâm chân thành, cung kính, tự nhiên vọng niệm dần dần giảm thiểu, “tùy niệm tịch tĩnh”.

Tự thị nhất niệm nhi chí thập niệm, nãi chí niệm niệm bất di.

自是一念。而至十念。乃至念念不移。

(Từ một niệm như vậy cho đến mười niệm, cho đến niệm niệm chẳng dời đổi).

“*Bất di*” là không biến đổi, một câu Phật hiệu cứ một mực mà niệm, suốt đời không biến đổi. Nhất tâm nhất ý thành khẩn mong sao niệm cảm được A Di Đà Phật hiện đến, làm được như vậy! Từ cổ đến nay người làm được như vậy chẳng ít, đây gọi là “*chí thành cảm thông*”, chân thành đến cùng cực sẽ khởi tác dụng cảm ứng đạo giao. Phật đến an ủi quý vị, Phật đến chứng minh cho quý vị. Có lúc Phật bảo quý vị: “Quý vị còn thọ được bao nhiêu năm nữa, đến khi mạng chung Phật sẽ đến tiếp dẫn!” Dem tin tức ấy báo cho chúng ta, tin tức ấy hết sức đáng tin. Khi ấy, có không ít người thông minh thực sự cảm ứng được Phật hiện tiền, bảo cho biết còn sống bao nhiêu năm nữa, họ không cần: “Bạch A Di Đà Phật! Chẳng dễ gì niệm được Ngài đến, nay con theo Ngài ra đi!” Những người như thế rất nhiều, chứ không phải chỉ mình pháp sư Oánh Kha, rất nhiều! Chuyện pháp sư Oánh Kha mọi người đều biết, có rất nhiều người giống như vậy, nhưng họ không kể với người khác nên người ta chẳng biết.

Đương nhiên cũng có những người hoàn toàn chẳng nóng lòng vắng sanh, nghe nói còn sống bao nhiêu năm nữa thì: “Được! Từ từ giao phó hậu sự rõ ràng, giao phó xong xuôi, đến lúc sẽ theo Phật ra đi”. Chuyện này chúng ta chỉ cần đọc kỹ Vãng Sanh Truyện hay đọc Tịnh Độ Thánh Hiền Lục sẽ thấy. Như vậy, ở đây quan trọng nhất là “*niệm niệm bất di*” (niệm niệm không thay đổi).

Tức giáo trung sở vị: “Tịnh niệm tương kế” giả dã!

即教中所謂淨念相繼者也。

(Tức là như trong giáo pháp đã nói: “Tịnh niệm tiếp nối”)

“Giáo” ở đây là kinh Lăng Nghiêm. Kinh Lăng Nghiêm dạy: “Đồ nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Đoạn này nêu rõ ràng, rành rẽ ý “tịnh niệm tiếp nối”. Trong đây, quan trọng nhất là “cử khởi nhất niệm, như đối Từ Tôn” (khởi lên một niệm như đối trước đức Từ Tôn), đó là thành kính. Tiếp theo là “niệm niệm bất di” (niệm niệm không thay đổi). Đây chính là tịnh niệm tiếp nối, quan trọng lắm! Đây chính là “một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật”. Tiếp theo đó, thiền sư hết sức khẩn thiết, từ bi dạy chúng ta:

Niệm Phật chi nhân, tu yếu tín tâm khẩn thiết, chánh nhân lâm nhiên, trùng niệm tử sanh luân chuyển chi khả bi, thâm yếm trần lao phân nhiều vi khả thống.

念佛之人。須要信心懇切。正因凜然。重念死生輪轉之可悲。深厭塵勞紛擾為可痛。

(Người niệm Phật cần phải có lòng tin khẩn thiết, chánh nhân rạng rỡ, suy đi nghĩ lại tử sanh luân chuyển đáng buồn thương, chán ngán sâu xa trần lao rối bời đáng đau xót).

Đoạn này giảng niệm Phật thì phải dụng tâm giống như lời khai thị ở đây thì mới hòng tương ứng. Vì thế, chúng ta đọc đến đoạn khai thị này, hoặc là nghe đến, hãy nghĩ bình thường chúng ta niệm Phật có tương ứng với những lời Ngài nói ở đây hay chẳng? Nếu tương ứng rất tốt, phải khéo gìn giữ! Nếu không tương ứng phải đau đầu sửa đổi lỗi cũ! Như vậy, điều đầu tiên là “tín tâm khẩn thiết” (lòng tin khẩn thiết), chân thành khẩn thiết. “Chánh nhân lâm nhiên” (chánh nhân rạng rỡ): Tu pháp môn thì “phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm” chính là chánh nhân vắng sanh. Trong kinh Vô Lượng Thọ, giảng về vắng sanh thì hai phẩm Tam Bối Vãng Sanh (Ba Bậc Vãng Sanh) và Vãng Sanh Chánh Nhân chuyên giảng về phương pháp niệm Phật. Chánh nhân rõ ràng, minh bạch, không hàm hồ một tí nào!

“Trùng niệm tử sanh luân chuyển chi khả bi” (Suy đi nghĩ lại tử sanh luân chuyển đáng buồn): Nhất định phải có cái tâm này! Từ vô lượng kiếp đến nay tử sanh luân hồi, có thể nói là “thoạt chìm, thoạt nổi”. Luân hồi trong lục đạo, ngoi đầu lên chính là làm được một chút thiện nhân; gặp được duyên, sanh trong ba đường lành. Quả báo trong ba đường lành hết rồi, ác nhân hiện tiền, ngay lập tức chìm đắm trong ba đường ác. Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta: Hễ quý vị ở trong sáu nẻo

thì chắc chắn thời gian trong ba đường ác dài lâu, hết sức là dài, thời gian trong ba đường lành ngắn ngủi. Vì thế, chúng sanh luân hồi trong sáu nẻo, ba đường ác là quê nhà, ba đường lành như đi du lịch, thời gian rất ngắn tạm. Quý vị thấy điều này rất đáng buồn, cái tâm [chán sợ] sanh tử mới khởi.

“*Thâm yếm*” (Chán ngán sâu xa): Yếm (厭) là “yếm ố, yếm phiền” (厭惡、厭煩: chán ghét, chán ngán). Chán ngán chuyện gì? “*Trần lao phân nhiều*” (trần lao rồi bời) chính là những trạng huống sinh hoạt hiện tiền của chúng ta. Những người trẻ tuổi chẳng dễ cảm nhận; chứ người bảy mươi, tám mươi tuổi, nói thật ra là gần như họ đã thấy trọn thế gian này, thấy lâu quá rồi, chán chường lắm! Người hiện thời bảo những người như vậy là “yếm thế” (chán đời). Yếm thế chẳng thể giải quyết vấn đề, hết sức đáng buồn! Mỗi một ngày, nào là người, nào là sự, nào là vật quấy nhiễu, thân tâm chẳng được thanh tịnh, nhất là đối với những người tuổi tác đã cao, cuộc sống là đau khổ, nào có sung sướng chi? Luân hồi khổ, cuộc sống hiện tại đau khổ, nhất là sống trong xã hội hiện thời, con người hiện thời chẳng biết thế nào là nhân nghĩa, đạo đức, không biết đến! Mê man ngập ngụa trong vòng dụ hoặc của ngũ dục, lục trần, chẳng biết quay đầu. Những thứ dụ dỗ, mê hoặc ấy toàn là tráo trở, nói khó nghe hơn thì toàn là tội nghiệp.

Hiện thời nhất là Internet, nội dung của Internet là gì vậy? Tôi chưa xem qua, tôi nghe những đồng học kể lại: Trong ấy toàn là giết, trộm, dâm, dối, đều dạy quý vị làm ác, quý vị nói xem có đáng sợ lắm hay không? Những người trẻ tuổi, thậm chí những đứa bé từ nhỏ đã mê đắm Internet, mỗi ngày lên mạng xem thứ này thứ nọ, khiến cho một điểm lương tri lương năng bị phá hoại toàn bộ, phá hoại sạch sành sanh! Không gì đáng buồn, đáng đau lòng hơn. Thế giới này chẳng thể không có tai nạn được! Tai nạn do đâu mà có? Tai nạn do ác nghiệp chiêu cảm, chính những kẻ tạo ác nghiệp không hay biết. Vì sao? Chính họ không có năng lực phân biệt đúng - sai, thiện - ác, chìm đắm mê man trong ấy. Nếu quý vị bảo với họ những chuyện tốt lành nào, họ sẽ cảm thấy rất kỳ quái, từ trước đến giờ chưa từng nghe nói đến. Nghe như quý vị đang kể chuyện thần thoại, họ không thể tiếp nhận được, nghe không lọt tai, tâm họ khởi gió to sóng lớn, còn làm gì được nữa! Chúng ta hãy nhìn những cái nhân và những duyên đã tạo trong xã hội hiện thời rồi hãy nghĩ đến những kết quả sau này như thế nào.

Các nhà khoa học nghiên cứu lịch sử biến thiên và tiến hóa của địa cầu có đưa ra thuyết như sau: Trong quá khứ địa cầu có một nền văn

minh cao tốt, nhưng văn minh phát triển đến một thời kỳ nào đó bèn bị hủy diệt. Các nhà khoa học cho rằng tối thiểu địa cầu đã từng bốn lần đạt đến văn minh tốt đỉnh rồi đột nhiên bị hủy diệt. Khoa học kỹ thuật hiện thời của chúng ta đã đạt đến đỉnh điểm hay chưa? Tôi cho rằng không xa mấy đâu! Đỉnh điểm là gì? Là phá hoại sinh thái thiên nhiên (natural biological environment), phá hoại sự cân bằng sinh thái trên địa cầu. Khoa học kỹ thuật phát triển đến mức độ này thì hiện thời chúng ta hiểu: Thiên nhiên phải báo thù. Hễ thiên nhiên báo thù thì chẳng những tai nạn xảy ra mà ngày tàn của thế giới cũng xảy ra, cuối cùng sẽ thấy ai thắng, ai bại!

Vì thế, cổ nhân nói một câu ngạn ngữ rất ý vị: “*Nhân định thắng thiên*”. Năng lực trí huệ thông minh của con người chế tạo được rất nhiều máy móc thắng được tự nhiên khiến trời giận, quỷ thần ghen ghét. Quỷ thần ganh ghét, làm cho trời giận, trời nổi nóng là phiền toái rồi! Có phải là đại hủy diệt sẽ xảy tới hay không? Trong rất nhiều ngạn ngữ của cổ nhân có ẩn giấu huyền cơ, phải chú tâm quan sát thì mới có thể lãnh hội được. Ý nghĩa của những câu ấy rất sâu xa, khiến cho chúng ta phải cảnh giác cao độ. Trong lúc này, chúng ta chỉ còn có cách nghiêm túc sám hối, sửa lỗi, đổi mới, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Nay đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin tiếp tục xem đoạn khai thị kể từ “*niệm Phật chi nhân, tu yếu tín tâm khẩn thiết, chánh nhân lâm nhiên, trùng niệm tử sanh luân chuyển chi khả bi, thâm yếm trần lao phân nhiều vi khả thống*” (Người niệm Phật cần phải có lòng tin khẩn thiết, chánh nhân rạn vỡ, suy đi nghĩ lại tử sanh luân chuyển đáng buồn thương, chán ngán sâu xa trần lao rồi bời đáng đau xót). Bắt đầu từ chỗ này, ý nghĩa của đoạn này trong phần trên chúng tôi đã nói rồi, hãy xem tiếp câu kể đó:

Cử khởi nhất thanh Phật danh.

舉起一聲佛名。

(Khởi lên một tiếng danh hiệu Phật).

Cũng là nói trong lúc tâm tình đau xót như vậy, khởi lên một câu Phật hiệu.

Trực hạ cánh vô dị kiến, như Thái A kiếm hoành án đương hiên; như đại hỏa luân tinh đằng diệm xí. Vạn vật anh chi tắc liệt, xúc chi tắc thương.

直下更無異見。如太阿劍。橫按當軒。如大火輪，星騰燄熾。萬物撓之則燎。觸之則傷。

(Từ đây không còn dị kiến, như gươm Thái A cầm ngang trước xe, như vòng lửa lớn cháy rực như sao sa, vạn vật chạm phải bèn cháy, đụng vào bèn bị tổn thương).

Chúng ta xem đoạn này, quả thật thiền sư Trung Phong đang nói đến tình trạng xã hội hiện thời của chúng ta. Tình trạng xã hội cũng đang dần dần diễn biến thành ngày càng đọa lạc. Đại khái là kể từ lúc nào? Phải kể từ thời đại của Thích Ca Mâu Ni Phật, thối đời ngày càng tệ đi, làm sao chúng ta biết? Qua lời Khổng phu tử, chúng ta sẽ hiểu rõ ngay.

Lúc Khổng phu tử tại thế, Ngài nồng nhiệt khen ngợi Nghiêu, Thuấn, Vũ, Thang. Nghiêu, Thuấn có lẽ ra đời trước Khổng Tử hai ngàn năm. Khổng lão phu tử cách chúng ta khoảng hơn hai ngàn năm trăm năm, vậy thời Nghiêu, Thuấn phải là bốn ngàn năm trăm năm trước. Khổng Tử khen ngợi thời thượng cổ ai nấy đều biết hiểu, dễ, trung, tín, đều tuân thủ luân thường, đạo đức. Vào thời Khổng phu tử, Ngài đã rất cảm khái trước sự động loạn của xã hội, Ngài sống nhằm thời Xuân Thu Chiến Quốc, cảm thấy đạo đức bị chìm đắm rất sâu, thối đời mỗi ngày mỗi tệ. Từ thời Khổng Tử đến hiện thời là hơn hai ngàn năm trăm năm, trong vòng một trăm năm trở lại đây, có thể nói là luân lý và đạo đức đọa lạc, tốc độ băng hoại càng tăng nhanh, không còn là đọa lạc nữa mà là băng hoại! Đọa lạc từ thế kỷ 19 đến thế kỷ 20, đến bây giờ là băng hoại, hoàn toàn không còn nữa. Luân lý, đạo đức biến thành những danh từ lịch sử, chẳng những không thấy có trong thực tế xã hội, mà thậm chí những danh từ ấy cũng không còn nghe nói đến nữa. Trong thời buổi này, rất nhiều tôn giáo ở ngoại quốc nói đến chuyện ngày tàn của thế giới.

Trong vòng ba bốn chục năm qua, chúng tôi cũng nhận được những báo cáo, ghi chép; hiện nay dường như chúng ta thấy các ghi chép đều đoán định [ngày tận cùng thế giới xảy ra] vào năm 2000. Năm nay là năm 2003, năm sau là 2004. Nếu chúng ta có tánh cảnh giác cao độ thì quý vị tự nhiên thực sự buông xuống vạn duyên, có thể nắm chặt thời gian hết sức quý báu, nghiêm túc nỗ lực niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Những chuyện khác đều là phụ thuộc, không phải là chuyện chánh yếu

đáng phải lo toan của mình. Chuyện chánh yếu phải lo toan của chúng ta là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Chúng ta vẫn phải nghe kinh, nghe kinh để làm gì? Để giúp chúng ta phá mê, khai ngộ, giúp chúng ta tỉnh ngộ, giúp chúng ta tăng trưởng tín tâm, tăng trưởng nguyện tâm, giúp chúng ta hiểu rõ hết thấy trạng huống trên con đường về Tây Phương. Nghe kinh để phụ trợ, lên đường [về gặp Cực Lạc] quan trọng hơn, vừa đi đường vừa nghe kinh giới thiệu, không phải là phương pháp tốt đẹp hay sao? Thực sự hiểu rõ và thấu suốt thì những giới thiệu ấy không cần nghe tới nữa, cứ đi theo con đường là được rồi. Đi đến nơi thì chẳng phải là điều gì cũng đều biết hay sao? Đây là người thực sự thông minh.

“*Cử khởi nhất thanh Phật danh, trực hạ cánh vô dị kiến*” (Khởi lên một tiếng Phật hiệu, từ nay không còn dị kiến). “*Vô dị kiến*” là không còn hoài nghi, cũng không phân biệt, không còn chấp trước, điều gì cũng buông xuống hết, cứ thẳng một đường mà đi. Tiếp đó, thiền sư nêu tỷ dụ “*như Thái A kiếm, hoành án đương hiên*” (như gương Thái A cầm ngang trước xe). “*Thái A kiếm*” là một thanh gương báu, giống như những thanh Can Tương, Mạc Gia⁷⁷ thời Xuân Thu Chiến Quốc (hai

⁷⁷ Can Tương và Mạc Gia (thời cổ thường dùng lẫn lộn chữ 鄒 và 邪, nên tên của bà này thường viết thành 莫邪, do vậy, đôi khi bị đọc sai thành Mạc Tà) là hai vợ chồng người nước Ngô, là thợ giỏi đúc kiếm thời ấy. Mạc Gia là vợ của Can Tương. Vua nước Ngô là Hạp Lư sai Can Tương đúc kiếm, nhưng sắt đun mãi không chảy. Vợ hỏi phải làm như thế nào? Can Tương nói: “*Thuở xưa, đại sư Âu Dã Tử đúc kiếm, sắt nấu không chảy, do vậy, cạy một nữ nhân làm thần lò, bèn đúc thành công rất nhanh*”. Mạc Gia nghe nói như vậy bèn lập tức nhảy vào lò đúc, sắt liền chảy tan ra. Can Tương đúc thành hai thanh kiếm báu, thanh hùng kiếm đặt tên là Can Tương, thanh thư kiếm đặt tên là Mạc Gia. Có truyền thuyết khác nói Can Tương đúc hai thanh kiếm Can Tương và Mạc Gia, nhưng chỉ dâng thanh Mạc Gia cho vua Sở, biết chắc vua phát giác sẽ bị kết tội chết, nên dặn vợ là Mạc Gia: “Sau này con sanh ra, khôn lớn, hãy bảo nó tìm kiếm bên Nam Sơn trong hang đá”. Về sau, Mạc Gia sanh con trai tên là Xích. Khi Xích khôn lớn, toan đi báo thù cho cha, nhưng Sở Vương nằm mộng thấy một thanh niên sẽ đến giết mình bèn ra lệnh truy nã con trai của Can Tương. Xích phải bỏ trốn, trên đường bôn tẩu, ca lên một khúc bi thương. Khi bị kẻ truy sát bắt được, Xích kể lẽ đầu đuôi rồi tự trao kiếm và cắt đầu mình cho kẻ truy sát. Kẻ truy sát đem đầu và kiếm về dâng cho vua Sở, khuyên vua hãy đem đầu Xích nấu lên. Vua Sở nghe lời, nhưng nấu mãi không chín. Kẻ truy sát ấy mời vua nhìn vào vạc, bảo hãy vua nhìn vào, đầu Xích sẽ chín ngay. Vua vừa cúi nhìn, kẻ truy sát thừa cơ vung gươm chặt đứt đầu vua lọt vào vạc, rồi cũng tự chặt đầu mình cho lọt vào vạc. Đầu vua, đầu kẻ truy sát lẫn đầu của Xích cùng bị nấu nát bét, không phân biệt được đầu ai với ai, phải cùng chôn chung tại ranh giới huyện Nghi Xuân, gọi là mộ Tam Vương.

người này đều là chuyên gia chế tạo bảo kiếm). Thanh Thái A cũng do họ đúc ra, bén nhọn khôn sánh. Ở đây giống như trong lúc đánh nhau, vị tướng quân tay cầm gươm báu ngồi trên chiến xa. “Hiên” (軒) là cái bệ nằm ngang ở trước xe. Chông tay trên xe cầm bảo kiếm, đó là thái độ trên chiến trường.

Lại “*như đại hỏa luân, tinh đằng diễm xỉ*” (như vòng lửa lớn, cháy rực như sao sa). Hai tỷ dụ này không biết nên hiểu như thế nào? Nói về Thái A Kiếm thì nói được. Bởi thời cổ, xung phong hãm trận nơi chiến trường “*hoành án đương hiên*” (cầm ngang trước xe), điều này chúng ta có thể tưởng tượng được. Còn thí dụ tiếp đó “*đại hỏa luân, tinh đằng diễm xỉ*” (vòng lửa lớn, cháy rực như sao sa). Cái vòng lửa lớn này chắc giống như bom nguyên tử hiện thời. Thiền sư Trung Phong là người sống vào đầu triều Nguyên, lúc ấy khoa học kỹ thuật chưa phát triển, nay chúng ta thấy “*đại hỏa luân tinh đằng diễm xỉ*” ở đây nếu dùng bom nguyên tử để tỷ dụ thì không còn gì thích hợp hơn nữa. Hai thứ này đều là chiến tranh, nhân họa, thiên tai nhân họa. Thiền sư Trung Phong là bậc minh tâm kiến tánh; chúng ta biết đối với bậc Kiến Tánh, không gian chẳng còn nữa, thời gian cũng không còn. Chuyện vị lai Ngài chẳng thể không biết, Ngài biết chứ. Do vậy, câu này rất có thể là nói về chúng ta trong hiện tại.

“*Vạn vật*”, bất luận vật nào, chỉ cần tiếp xúc với nó; câu “*anh chi tắc liệt*” (chạm vào liền cháy) chỉ vòng lửa lớn, tiếp xúc với nó bèn bị cháy. Câu “*xúc chi tắc thương*” (đụng vào bèn bị thương tổn) chỉ Thái A Kiếm. Thái A Kiếm chớ nên đụng vào, đụng vào nhất định bị thương. Thiền sư dùng hình ảnh này để sánh ví một câu Phật hiệu. Một câu Phật hiệu giống như Thái A kiếm, giống như vòng lửa lớn. Vật nào “*anh chi tắc liệt, xúc chi tắc thương*” (chạm vào bèn cháy, đụng vào bèn bị thương tổn)? Vòng lửa lớn ví cho điều gì? Sánh ví huệ Bát Nhã, Thái A Kiếm ví như tam-muội. Ở phần trên đã nói: “*Tử sanh luân chuyển, trần lao phân nhiều*” (tử sanh luân chuyển, trần lao rối bời), chỉ cần chạm phải Định - Huệ chúng sẽ không còn nữa, tiêu khói, tan mây, dùng những hình ảnh này để tỷ dụ.

Trực chí nhất tâm bất loạn.

直至一心不亂。

(Mãi cho đến khi nhất tâm bất loạn).

“*Nhất tâm bất loạn*” là mục tiêu niệm Phật của chúng ta. Chúng

ta niệm Phật để làm gì? Để cầu nhất tâm bất loạn. Lúc đạt đến nhất tâm bất loạn thì:

Năng Sở lưỡng vong.

能所兩忘。

(Năng lẫn Sở cùng mất).

Đây chính là Lý Nhất Tâm, chứ không phải Sự Nhất Tâm. Vì sao? “Năng Sở lưỡng vong” (Năng lẫn Sở cùng mất) chính là nhập pháp môn Bất Nhị. Nhập pháp môn Bất Nhị chính là cảnh giới Như Lai. Niệm đến nhất tâm bất loạn, Lý nhất tâm bất loạn là Pháp Thân Bồ Tát.

Đáo gia chi thuyết, bất dung tái cử.

到家之說。不容再舉。

(Câu nói “về đến nhà” chẳng được nêu lên nữa)

Vì sao? Những lời ấy thành thừa, “đến” và “không đến” không còn nữa, nhập cảnh giới Bất Nhị mà!

Tiếp kính chi từ, hà lao quả xỉ.

捷徑之詞。何勞挂齒。

(Từ ngữ “đường tắt” cần gì phải nhắc đến).

Pháp môn này là đường tắt, trong phần trên tôi đã trình bày cùng quý vị, đây là đường tắt nhất trong các con đường tắt, tức là tu hành chứng quả rất mau, là con đường gần nhất. Nay quý vị đã đến nơi rồi, chẳng những lời này không còn nữa, mà ý niệm cũng không có. Mấy câu này hoàn toàn luận về cảnh giới công phu: Quý vị đã khế nhập Niệm Phật tam-muội, đã nhập pháp môn Bất Nhị, đã nhập cảnh giới thuộc quả địa Như Lai.

Khả vị chứng tu hành chi thần thuật.

可謂證修行之神術。

(Có thể nói là cách thần diệu để tu hành chứng quả)

Đây chính là “thần chứng” (tự mình chứng đắc). “Thuật” (術) là phương pháp. Quý vị dùng phương pháp trì danh niệm Phật, đạt đến

cảnh giới nơi quả địa Như Lai, quý vị đã tự chứng nghiệm rồi, Tín nguyện trì danh là “*thần thuật*” (phương thức thần diệu), Thuật là “*phương thuật*” (cách thức).

Siêu phương tiện chỉ chánh đồ.

超方便之正途。

(Là đường chánh phương tiện siêu thắng).

Trong hết thấy pháp phương tiện, đây là phương tiện bậc nhất. Con đường này là con đường chánh thông thẳng vào Phật đạo, không ngoắt ngoéo, là một con đường thẳng tắp, phàm phu thành Phật nhanh chóng, ôn hòa, thích đáng, đơn giản, dễ dàng, thành tựu thù thắng khôn sánh, đạt được điều khó khăn! Dầu chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát cực lực tuyên dương trong hư không pháp giới, đúng là vì trần nói, cõi nước nói, không lúc nào, không chỗ nào chẳng nói, nhưng rất đáng tiếc, kẻ biết giá trị không nhiều. Chứng tỏ kẻ không biết giá trị là đa số, cứ tưởng phương pháp này quá đơn giản, quá dễ dàng, lẽ đâu đạt thành tựu như thế ấy được! Chẳng khởi lên lòng tin, chê bai là pháp để dạy những bà già tu! Rất nhiều người cho đến tận bây giờ vẫn có quan niệm sai lầm ấy, cứ tưởng những kinh to luận lớn đức Phật dành để nói với hàng thượng căn lợi trí, còn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ dành cho bọn hạ hạ căn, chỉ để giảng cho những kẻ không hiểu biết, ngu si, thiếu trình độ! Thậm chí còn có kẻ lầm tưởng Thích Ca Mâu Ni Phật kể chuyện cổ tích để an ủi những kẻ ngu si. Những kẻ ngu si như thế rất đáng thương, không đúng như thế đâu! Quý vị hãy xem: Những hiểu lầm như vậy rất nghiêm trọng. Quý vị đã mắc sai lầm, lại còn làm ảnh hưởng đến người khác. Đúng là “*dĩ manh dẫn manh, tương khiên nhập hỏa khanh*” (kẻ đui dẫn người mù, kéo nhau vào hầm lửa). Đây là chuyện đau xót nhất trong thế gian!

Như Lai đem vật quý báu vô thượng dâng cho quý vị, quý vị không nhận biết, không biết giá trị, coi nó chưa đáng một đồng, vứt đi chẳng đoái hoài. Kẻ biết giá trị – kinh Phật nói – là người đã tu tập, tích tụ thiện căn, phước đức đời đời kiếp kiếp trong quá khứ. Họ vừa tiếp xúc bèn hiểu rõ, không có gì khác cả! Đây là do thiện căn, phước đức, nhân duyên chín muồi, họ có thể tiếp nhận. Thế nhưng phàm phu trong phàm trần bị nhiễm ô nghiêm trọng, dẫu thiện căn trong đời quá khứ sâu dày, nhưng khi được tiếp xúc bèn có thể thực sự tin sâu phát nguyện lại không phải là chuyện dễ. Vì thế, trong phần trên, tôi đã thừa cùng quý

vị: Phải đúng thời tiết nhân duyên, phải gặp được chân thiện tri thức!

Thế nào là chân thiện tri thức? Người mà chính mình suốt đời kính ngưỡng nhất, bội phục nhất, tin tưởng nhất. Ba điều kiện này tìm ở đâu? Quý vị phải hỏi trong thế gian lăng xăng này, quý vị bội phục người nào nhất? Quý vị tin tưởng ai nhất? Tôn kính ai nhất? Nếu quý vị gặp được người như vậy, học với người ấy sẽ nhất định thành tựu. Đây không phải là vọng ngữ, vì sao nói khẳng định là thành tựu? Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật đã nói rất nhiều, “*nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (hết thấy pháp từ tâm tướng mà sanh). Đối với người ấy, quý vị có thể sanh tín tâm, người ấy dạy điều gì quý vị sẽ thực hiện một trăm phần trăm, làm sao không thành tựu cho được? Cũng cùng một phương pháp ấy, cùng một câu nói ấy, người khác giảng cho quý vị, nhưng quý vị không tin tưởng, chẳng thể tiếp nhận, đương nhiên chẳng thể phụng hành. Do vậy, quý vị chẳng thể thành tựu!

Từ cổ đến nay, ai được gọi là thiện tri thức? Từ ngữ lục, truyện ký của cổ đức, chúng ta thấy chép rất nhiều; lúc tôi còn trẻ mới học Phật thấy vậy rất lạ: Có người cầu học đến tham học (những bậc thiện tri thức trong lịch sử đều là người hữu danh, đều được người khác xưng tụng là bậc thiện tri thức đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, học trò đến tham phỏng các Ngài), Ngài bảo kẻ ấy: “Duyên của ông chẳng ở nơi tôi, duyên của ông là ở chỗ kia, chỗ nọ, ông phải đến nơi đó, tham phỏng vị đó”. Người đến tham học nghe xong, quả nhiên nghe theo lời vị ấy dạy, đến nơi kia tìm vị thiện tri thức ấy. Quả nhiên không lâu sau đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, thành tựu nơi ấy. Lúc ấy, chúng tôi cứ nghĩ: “Làm sao mà biết được? Nếu đã biết, sao không dạy, giới thiệu người ta qua nơi khác để làm gì?” Nghĩ không ra! Những vị ấy quả thật phi thường, biết người khác ở chỗ nào, thân cận ai sẽ được khai ngộ, sẽ chứng quả, có bản lãnh như thế đó.

Đến sau này, học Phật lâu rồi, dần dần hiểu được đạo lý ấy. Văn tự, lời lẽ của cổ nhân đều hết sức đơn giản, mỗi chuyện chỉ được ghi lại bằng mấy chữ hay một hai hàng mà thôi. Tưởng tượng trong cuộc sống hiện thời của chúng ta, nếu có ai đến bái phỏng quý vị, hướng về quý vị thỉnh giáo, nhất định phải nói rất nhiều, những lời ấy nếu ghi xuống tổng cộng phải là mấy vạn chữ. Các Ngài chỉ ghi có mấy chục chữ, tinh giản như thế đó; do vậy, có rất nhiều thứ chúng ta nhìn không ra, người hiện thời chúng ta xem đến bèn sanh nghi hoặc. Phổ biến nhất là nếu có ai đến bái phỏng quý vị, quý vị nhất định hỏi người ấy: “Tên họ là gì, nhà cửa ở đâu? Từ chỗ nào đến? Trong quá khứ đã thân cận những vị thiện

tri thức nào? Trong nhiều pháp môn như thế, có hứng thú với pháp môn nào nhất?” Chắc chắn phải hỏi những chuyện ấy. Lúc tôi còn trẻ gặp thiện tri thức, thầy cũng hỏi như thế!

Hỏi xong, đến cuối cùng bảo quý vị: “Ông không có duyên với tôi!” Vậy thì sao? Thấy được chí hướng và sự ưa thích của người ấy, thấy người ấy tôn trọng pháp môn nào, trong tâm người ấy kính ngưỡng nhân vật nào nhất? Những chuyện ấy đều phải hỏi rõ ràng, cho rành rẽ, lại bảo: “Những điều trong tâm ông mong muốn tôi không có, sự tu học ở nơi đây không hợp với chí hướng của ông”. Nên nhớ: Phật pháp “*hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”, quyết định chẳng được thay đổi nguyện vọng của người khác, chẳng biến đổi hứng thú của người khác, chứ không phải là “vứt bỏ những thứ đó đi, học theo tôi mới tốt”. Trong thiên hạ không có loại thiện tri thức như thế, đây không phải là thiện tri thức thực sự. Thiện tri thức chân chánh phải nghĩ: Trong xã hội hiện thời còn có những vị đại đức, ở chỗ kia chỗ nọ có một đại đức mà sở tu và sở học của vị ấy phù hợp với hứng thú của ông, ông hãy đến chỗ vị ấy nhất định sẽ được thành tựu, giới thiệu như vậy đó! Giống như đi học, học Đại Học, quý vị có hứng thú về phương diện nào thì có thể theo học khoa ấy. Trong những Đại Học lớn, trường học nào dạy tốt nhất về môn đó bèn giới thiệu cho quý vị đến đó học.

Nếu ghi chép lại tỉ mỉ, chúng ta vừa đọc đến sẽ hiểu rõ ngay, sách cổ ghi chép quá giản lược! Trọn chẳng phải là những vị ấy có thần thông, không phải vậy, nay chúng ta đã hiểu rõ rồi! Ví như nói có người tuổi trẻ đến chỗ tôi, người ấy rất có hứng thú đối với Thiền, niệm niệm chẳng quên, đối với niệm Phật chẳng thích thú gì, nhất định tôi phải bảo người ấy: “Ông chẳng có duyên nơi tôi”. Tôi cũng bắt chước lời cổ nhân, “duyên của ông ở tại nơi nào đó”. Như nay chính tôi biết: Vị đại đức trong Tông Môn chúng tôi kính ngưỡng nhất là pháp sư Thánh Nhất ở Đại Dự sơn, Hương Cảng. Ở Trung Quốc đại lục cũng có [bậc tri thức trong Thiền tông], nhưng tôi rất ít tiếp xúc, không biết rõ. Pháp sư Thánh Nhất ở Đại Dự Sơn tôi quen thân, tôi từng đến thăm đạo tràng của Ngài: Quả thật vẫn giữ được phong thái, khuôn phép của Tông Môn, mỗi ngày có thời gian tọa hương nhất định. Lúc tôi đến thăm, trong Thiền Đường có hơn bốn mươi người, có cả người ngoại quốc đều đang học tọa Thiền. Tôi bèn đề cao! Nếu thích Pháp Tướng Duy Thức ư? Tôi không biết hiện nay ai sở trường môn này; trước kia pháp sư Diễn Bồi nghiên cứu môn này. Nếu quý vị hứng thú đối với pháp này, tôi sẽ giới thiệu cho quý vị đến thân cận pháp sư Diễn Bồi, đó gọi là khế cơ!

Chẳng thể nói pháp môn Niệm Phật của tôi tốt hơn nhiều, anh phải bỏ pháp mình hứng thú đi, theo tôi học pháp môn Niệm Phật, không thể được! Nếu thuyết pháp như vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật lúc tại thế việc gì phải nói nhiều pháp môn đến thế? Chỉ giảng một pháp môn Niệm Phật là được rồi! Quý vị hiểu: Chư Phật Như Lai, hết thấy Bồ Tát Ma Ha Tát, Thanh Văn, Duyên Giác đều biết hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, không miễn cưỡng mảy may. Nếu có chút nào miễn cưỡng, là vì mình đã tự ý thêm vào chút ý kiến của mình. Làm thế nào để không thêm vào chút ý kiến nào của mình? Tự nhiên thôi! Tự nhiên mà thành, đấy mới là hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Chúng ta phải nhận thức, phải học tập điều này.

Căn bệnh của người thế gian là thường nghĩ mình đúng, thường thích sửa đổi người khác, buộc người khác phải theo mình, người thế gian như vậy đó. Chẳng thể thuận theo căn tánh và lòng ưa thích của người ta, chẳng thể tùy thuận. Trong mười đại nguyện vương có nói “*tùy hỷ công đức*”, phải học tùy hỷ, phải hằng thuận. Con người có thể tùy hỷ và hằng thuận, tâm chính mình nhất định phải thanh tịnh. Vì thế nói phải vĩnh viễn giữ sao cho không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước nơi cảnh giới, hết thấy tùy duyên, quyết định không phan duyên. Đó là “*chứng tu hành chi thần thuật*” (phương thức thần diệu để tu hành chứng quả) chữ “*thần thuật*” (phương thức thần diệu) chuyên chỉ pháp môn Tín Nguyện Trì Danh, là “*siêu phương tiện chi chánh đồ*” (con đường chánh phương tiện siêu thắng).

Phá tử sanh trập hộ chi lôi đình.

破死生蟄戶之雷霆。

(Sấm sét phá tan [giác ngủ] tử sanh của loài sâu bọ).

“*Trập*” (蟄) là những loài trùng nhỏ, có rất nhiều loài động vật nhỏ ngủ Đông, mùa Đông về bèn ngủ, thời gian rất dài. Đến lúc nào chúng mới tỉnh? Vào ngày Kinh Trập, trời Xuân sấm rền, tiếng sấm kinh động chúng, chúng bèn tỉnh dậy. Do vậy, tiết khí ấy được gọi là tiết Kinh Trập (kinh động sâu bọ)⁷⁸. Ở đây nói “*phá tử sanh trập hộ chi lôi đình*”

⁷⁸ Kinh Trập (còn gọi là Khải Trập, hoặc Khải Triết) là một trong 24 tiết khí trong một năm (sau tiết Lập Xuân và Vũ Thủy, trước các tiết Xuân Phân, Thanh Minh và Cốc Vũ của mùa Xuân). Tiết khí này được bắt đầu từ khoảng mùng Năm hay mùng Sáu tháng Ba Dương Lịch, kéo dài 2 tuần lễ. Lúc này trời ấm lên, đã có sấm mùa Xuân, vạn vật hồi sinh, bắt đầu bước vào mùa Hạ. Chữ Tiết Khí là nói gọn của thời

nghĩa là giống như sấm mùa Xuân kinh động, lay tỉnh những động vật ngủ Đông thức dậy.

Chúc mê vọng u cù chi nhật nguyệt.

燭迷妄幽衢之日月。

(Như mặt trời, mặt trăng chiếu tỏ nẻo mê vọng).

“Chúc” (燭) là chiếu sáng, chiếu tỏ. “Chúc mê vọng u cù chi nhật nguyệt”: Cù là con đường, “u cù” (幽衢) là con đường nhỏ. Câu này có nghĩa là Phật hiệu giống như mặt trời, mặt trăng, chiếu rõ ràng đường lối khiến quý vị không bị lầm đường, chẳng bị lạc lối. Đây đều là những tỷ dụ, nhằm sánh ví công đức thành tựu thù thắng của pháp môn Niệm Phật, trỗi vượt hết thảy các pháp môn khác. Tu học mọi pháp môn nhất định đòi hỏi đầy đủ rất nhiều điều kiện, khuyết một điều kiện nào sẽ chẳng thể thành tựu. Chỉ riêng pháp môn này đơn giản, điều kiện ít nhất, chỉ cần Tín, chỉ cần Nguyện, cốt sao chịu niệm Phật, cốt sao quý vị có thể buông xuống vạn duyên là thành tựu. Vì thế, trong hết thảy pháp môn, pháp môn Niệm Phật ít điều kiện nhất, đơn giản nhất, ngay cả kinh điển cũng chỉ có ba kinh một luận. Nói thật ra, chỉ có ba kinh, còn một luận của Thiên Thân Bồ Tát (tức Vãng Sanh Luận) giống như một bản báo cáo tâm đắc từ việc tu tập pháp môn Niệm Phật của chính Ngài đưa cho mọi người tham khảo! Ngài tu hành như thế nào mà được thành tựu, đó là một phần tài liệu tham khảo. Kinh điển thực sự chỉ có ba bộ kinh, quý vị đều đọc cả rồi, phân lượng không nhiều. Kinh có phân lượng lớn nhất là kinh Vô Lượng Thọ, hiện tại có nhiều người mỗi ngày niệm kinh Vô Lượng Thọ bao nhiêu lượt. Đơn giản nhất là kinh A Di Đà, từ đầu đến cuối niệm một biến mất năm phút; đơn giản, dễ dàng đến như thế đó.

Khó ở chỗ nào? Khó ở chỗ định không lại phiền não, tập khí, khó ở chỗ này! Không biết dùng phương pháp tốt đẹp đến ngần này, tức là phương pháp “*tịnh niệm tiếp nối*”, bốn chữ này không làm được! Nói thật ra, bốn chữ này ai cũng đều phải làm được, vì sao làm không được? Vì phiền não tập khí quá nặng, chẳng thể khắc phục phiền não, chẳng thể

tiết và khí hậu. Theo cách ấn định của lịch pháp, chữ Tiết Khí nhằm mô tả một giai đoạn trong năm mà thời tiết khí hậu mang một tính chất đặc trưng, chẳng hạn Vũ Thủy là lúc có mưa Xuân lất phất, còn Kinh Trập là lúc sâu bọ thức giấc, hồi sinh, sinh sản.

biến niệm Phật thành một thói quen. Vấn đề thực sự ở đây vẫn như Thiện Đạo đại sư đã dạy chẳng sai: “*Tổng tại ngộ duyên bất đồng*” (toàn là do gặp duyên bất đồng). Duyên là gì? Thầy giỏi, đồng học tốt, hoàn cảnh học tập tốt, đây chính là “*gặp duyên bất đồng*”. Nghiệp chướng dầu nặng, nhưng nếu gặp được duyên tốt, có thầy giỏi dạy mình, có đồng học tốt có thể thường xuyên cảnh tỉnh mình, có hoàn cảnh tu học tốt đẹp, không ai chẳng thành công. Tổ sư đại đức nói: “*Vạn người tu, vạn người về*” là nói thật đấy, không giả chút nào! Chúng tôi tin ai cũng có thể tu pháp môn Niệm Phật, ai trong một đời này cũng có thể thành tựu viên mãn. Chúng ta nói đến duyên thì pháp sư Tam Thời Hệ Niệm là duyên thù thắng nhất, hòa thượng chủ pháp là thiện tri thức, chúng xuất gia và tại gia cùng tu là thiện hữu, đạo tràng là hoàn cảnh niệm Phật tốt nhất, duyên đầy đủ!

Khải thỉnh giảng giải Tam Thời Hệ Niệm Pháp Sư lần này là Hồ cư sĩ. Lúc mẹ bà ta lâm trọng bệnh, trong lúc còn đang nằm bệnh, bà ta đến thỉnh cầu tôi đem công đức này hồi hướng cho mẹ bà. Nếu tuổi thọ vẫn còn, hy vọng bệnh bà cụ sớm ngày bình phục; nếu thọ mạng đã hết, sẽ giúp cho cụ niệm Phật vãng sanh. Lòng hiếu thảo ấy khiến cho chúng tôi cảm động, vì thế, đem pháp sư này giảng từ đầu đến cuối một lượt. Tôi ước tính phải mất một trăm giờ, quả nhiên không sai. Bữa nay chúng tôi giảng đến tập thứ năm mươi hai, mỗi tập là hai tiếng đồng hồ, tức là một trăm lẻ bốn giờ. Chúng tôi nghĩ phần sau không nhiều, có lẽ chừng hai ba lần nữa là giảng xong, tôi nghĩ nhiều nhất không quá sáu tiếng đồng hồ, tức giảng ba lần nữa là viên mãn. Mẹ bà Hồ đã vãng sanh rồi, đem công đức này hồi hướng cho bà cụ, giúp cho bà cụ tăng cao phẩm vị. Phần khai thị của thiền sư Trung Phong đến đây là hết một đoạn. Chúng ta xem phần tiếp theo, tức là phần phó chúc và khuyến khích:

Kim tiêu Tam Thời Hệ Niệm Phật Sư tương viên.

今宵三時繫念佛事將圓。

(Phật sư Tam Thời Hệ Niệm đêm nay sắp viên mãn).

Đây là thời hệ niệm thứ ba, nhất tâm hệ niệm A Di Đà Phật, mọi người chúng ta cùng tu, Phật sư này sắp viên mãn rồi.

Vong linh thừa tư thượng thiện, quyết định vãng sanh.

亡靈承茲上善。決定往生。

(Vong linh nhờ vào thiện sự bậc thượng này, nhất định vãng)

sanh).

Tám chữ này quan trọng lắm! “*Tư*” (茲) nghĩa là “này”, nói theo văn Bạch Thoại là “*giá cá*” (這個: cái này). Quý vị nhờ vào “*thượng thiện này*”, thượng thiện chỉ cho Phật sự này. Phật sự Tam Thời Hệ Niệm chính là hành pháp thượng thiện, là phương pháp tu hành “*quyết định vãng sanh*”, lời lẽ kiên quyết khẳng định, không có mảy may nghi hoặc nào.

Thả đạo nhất niệm vị manh dĩ tiền, hoàn hữu giả cá tiêu tức dã vô.

且道一念未萌以前。還有者箇消息也無。

(Lại nói: Trước khi một niệm vừa chớm, còn có tin tức nào hay không?)

Lời lẽ này đều là ngữ khí Thiền tông. Ngài Trung Phong là thiền sư, chúng ta thường thấy ý vị nhà Thiền trong văn bản Hệ Niệm. “*Thả đạo nhất niệm vị manh*” ý nói: Lúc một niệm chưa sanh, trước khi một niệm chưa sanh, “*hoàn hữu giả cá tiêu tức dã vô*”: Có tin tức gì hay không? Nhà Thiền nói đến Nghi, tiểu nghi được tiểu ngộ, đại nghi được đại ngộ. Không nghi sẽ không ngộ. Vì thế, đường chủ Thiền Đường thường dùng những phương cách khơi gợi nghi tình của mọi người. Nghi tình ấy không được giải đáp. Nếu giải đáp, quý vị sẽ không thể ngộ. Nếu không giải đáp thì nghe xong, có người hoát nhiên khai ngộ, có người ngơ ngác không biết, những lời ấy gọi là “*cơ phong ngữ*”, không đạt đến cảnh giới ấy nghe không hiểu được. Tiếp theo đó, đại sư lại có một bài kệ:

Thị tâm không tịch niệm hà y?

是心空寂念何依。

(Tâm này trống lặng, niệm theo đâu?)

“*Nhất niệm vị manh*” (một niệm chưa chớm), một niệm chẳng sanh tâm ấy không tịch. Hỏi quý vị còn có tin tức gì hay không? Niệm nương vào đâu? Nói thật ra, ý nghĩa của câu này rất phong phú. “*Thị tâm*”, ở đây chúng ta đọc thẳng xuống, “*tâm này*”. “*Không tịch*” là Bản Giác, tâm là trạm tịch linh minh, niệm là Thi Giác, Thi Giác hợp với Bản Giác, đại giác rạng ngời. Chân Như Lý địa, pháp vốn là như thế, chẳng

thể nói nó hữu y hay vô y. Hữu y hay vô y, quý vị khởi lên ý niệm, ý niệm ấy chưa khởi là nhất niệm chưa chớm. Vì thế, câu này nhằm giải đáp câu hỏi ở phần trên. Tiếp đó là hoàn toàn áp dụng vào sự tương:

Cố quốc vân quy thực vị quy?

故國云歸孰未歸。

(Nước cũ bảo về, ai chưa về?)

“Cố quốc” chính là nhà cũ của quý vị, nhà cũ nơi đâu? Tại thế giới Cực Lạc. Chúng ta niệm Phật chẳng phải là mong sanh về thế giới Cực Lạc ư? Hiện tại vẫn chưa về. Thế nhưng nay chúng ta coi như đã hiểu rõ rồi, có thực sự thấu hiểu hay không vẫn là ẩn số! Thực sự hiểu thấu thì hãy tích cực mau trở về nhà, chúng ta lữ du đến nơi đây, nơi đây sanh ra lắm chuyện phiền toái lắm, nơi đây có động loạn. Ngay cả Khổng phu tử còn nói: “*Nguy bang bất cư, loạn bang bất nhập*” (Nước nguy không ở, nước loạn không vào!) Nay địa cầu này vừa nguy vừa loạn, về đi thôi! Lời này có ý nghĩa là như thế!

Hoa ngoại ngọc kê đề hiểu nhật.

華外玉雞啼曉日。

(Ngoài hoa gà ngọc gáy bình minh).

“Hoa” (華) là hoa sen, tức hoa sen trong ao bầy bấu. Câu này hàm nghĩa phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. “*Ngọc kê đề hiểu nhật*” (gà ngọc gáy rạng đông) là tỷ dụ: Phá mê khai ngộ ví như trời rạng đông, trời sáng. Lúc nào trời sáng? Nay chúng ta mê không giác, giống như ở trong tối tăm, một niệm hồi quang giống như trời rạng sáng. Trời vừa rạng đông gà bèn gáy, ví như khai ngộ, ví như từ mê vọng mà quay đầu lại.

Viễn nghênh tân Phật phụng từ oai.

遠迎新佛奉慈威。

(Xa đón tân Phật phụng từ oai).

Sanh về thế giới Cực Lạc bèn thành Phật, “*tân Phật*” đây! Ngoài Di Đà, Quán Âm, Thế Chí, còn có mọi Bồ Tát, Thanh Văn đại chúng từ Tây Phương Cực Lạc thế giới đều đến đón quý vị. Họ là những người đã

vãng sanh trong quá khứ, vãng sanh trước, đều là người quý vị quen biết, đều là người nhà thân quyến của quý vị, là đồng tham đạo hữu của chính mình, trong đời quá khứ cùng tu hành một chỗ, họ thành tựu, ta chưa thành tựu. Ta vẫn chìm nổi trong luân hồi; kể ra còn khá lắm, hôm nay ta giác ngộ, ta thành tựu, họ bèn theo Phật đến tiếp dẫn.

Vì thế, phải biết hảo bằng hữu chân chánh, bằng hữu hiền mình đều ở thế giới Cực Lạc. Do vậy, đến thế giới Cực Lạc không cô đơn, người nhà quyến thuộc trong đời đời kiếp kiếp, thân bằng hảo hữu, đồng tham đạo hữu, đến thế giới Cực Lạc đều gặp mặt hết. Hỏi quý vị là thời đại này, thời đại nọ mới có ý vị. Rồi sao nữa? Ai nấy đều có thành tựu, không có phàm phu, đúng như kinh đã dạy: “*Toàn bộ đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát*”, cảnh giới ấy phi thường lắm! Nếu chúng ta hiểu rõ chân tướng sự thật ấy sẽ không còn do dự nữa, thật đấy, ý niệm gì cũng đều đoạn, nhất tâm nhất ý niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. “*Thừa tư thương thiện, quyết định vãng sanh*” (nuông theo thiện sự bậc thượng này, quyết định vãng sanh).

Nay đã hết giờ rồi!

Tập 53

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần niệm Phật lần thứ hai trong thời thứ ba, nhiều niệm:

Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà Phật.

南無西方極樂世界。大慈大悲。阿彌陀佛。

Lần này cũng nhiều niệm một ngàn tiếng, chúng ta xem chung [phần này] với những phần trước: Trong Hệ Niệm Pháp Sự này, gộp chung cả ba thời lại, mỗi người niệm khoảng chừng bốn ngàn tiếng Phật hiệu, mười người là bốn vạn tiếng, một trăm người là bốn mươi vạn tiếng. Thông thường trong Hệ Niệm Pháp Sự này, lúc chúng tôi tổ chức số người tham dự khoảng từ một trăm đến ba trăm người. Nếu tính là ba trăm người thì là ba lần bốn ngàn là một trăm hai mươi vạn tiếng Phật hiệu, có phải là sức mạnh rất lớn hay không? Huống chi lại còn có tán Phật, tụng kinh, niệm chú, khai thị, thuyết pháp, phát nguyện, hồi hướng, sám hối! Quán sát như vậy quý vị mới biết pháp sự này thù thắng.

Trong những năm qua, tại các nơi trên toàn thế giới, chúng tôi đề xướng, mỗi Tỉnh Tông Học Hội đều thực hiện kèm thêm pháp hội này. Đối với thời đại tai nạn lớn lao này, chắc chắn pháp sư này mang lại lợi ích tiêu tai miễn nạn (tiêu trừ tai chướng, thoát khỏi hoạn nạn). Lợi ích ấy chúng ta có thể nhìn thấy từ thí nghiệm của tiến sĩ Giang Bồn Thắng tại hồ Tỳ Bà⁷⁹ ở Nhật Bản. Số người [tham dự thí nghiệm ấy] không đông, hơn ba chục người, với sức mạnh của ngàn ấy người, trong vòng một giờ, thỉnh một vị pháp sư hướng dẫn đại chúng niệm kinh, đem ý nguyện và thiện ý của chính mình hồi hướng cho nước trong hồ. Trong tâm mọi người có ý niệm như vậy, ý niệm hết sức thành khẩn, dị khẩu đồng âm nói: “Nước hồ thanh khiết, nước hồ trong sạch, chúng tôi hết sức hoan hỷ, vô cùng cảm tạ”. Cầu đảo trong một tiếng đồng hồ, hai ba ngày sau, nước hồ quả nhiên trong vắt, không dậy sóng mòi, không ô nhiễm nữa. Quý vị biết là nước hồ được thiện ý gia trì.

Thực vật và khoáng vật đều có bản năng thấy được, nghe được, hiểu được, biết được; bản năng ấy chính là bản năng của Pháp Tánh. Chúng ta thường gọi những đức tánh sẵn có nơi Pháp Tánh là “nhân từ, bác ái”. Mười mấy năm gần đây, chúng tôi quy kết giáo nghĩa Đại Thừa, nêu ra cương lĩnh tu hành “*chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*”. Đây chính là các đức hạnh sẵn có nơi Pháp Tánh. Có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết là bản năng sẵn có nơi Pháp Tánh. Kinh dạy như thế, lời khai thị của thiền sư Trung Phong ở đây cũng nhằm nói như thế. Hiện thời, khoa học đã dần dần chứng minh được [những điều này].

Ngày hôm qua tôi nhận được một bản fax, hình như là bản chụp của một cuốn sách được xuất bản ở Đài Loan, vốn là một báo cáo mang tựa đề Đời Sống Bí Mật Của Thực Vật. Có người đã tốn một thời gian rất dài, dùng phương pháp khoa học để thí nghiệm, phát hiện thực vật có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết, lại không bị ngăn trở bởi khoảng cách. Thực vật hoàn toàn hiểu rõ tâm ý của con người đối với chúng. Từ trước đến nay, chúng ta cứ tưởng thực vật hoàn toàn không có sanh mạng, nay các nhà khoa học nghiên cứu, phát hiện thực

⁷⁹ Hồ Tỳ Bà (Biwa) còn có tên là Ōmi (Đạm Hải), là hồ nước ngọt lớn nhất của Nhật Bản thuộc huyện Tư Hạ (Shiga-ken) thuộc vùng Quan Tây (Kansai) trên đảo Honshū (Bản Châu, đảo chính của Nhật Bản) của Nhật Bản. Hồ rộng đến 670 km², là nguồn cung cấp nước chính cho hai thành phố Kyoto (Kinh Đô) và Ōtsu (Đại Tân). Vào mùa Xuân, khi tuyết tan, nước hồ dâng lên cao đến 3m, nhưng không gây ngập lụt vì có sông Yodo (Đính Xuyên) đã tháo nước từ hồ Tỳ Bà vào vịnh Osaka (Đại Bản).

vật có sanh mạng, người ta dùng thiện ý chăm sóc chúng, chúng sẽ cảm ơn. Nếu người chăm sóc chúng có chuyện đi xa, chúng cảm thấy rất buồn bã, rất đau xót, gục đầu ủ rũ. Nếu người chăm sóc chúng trở về, chúng rất vui vẻ, thấy rất rõ điều này. Toàn thể vũ trụ là sống động!

Chúng ta có cả mấy trăm người ở cùng một chỗ, niệm Phật là thông điệp thù thắng nhất, chân thật nhất, là lời chúc phước tốt lành nhất, thiên địa quỷ thần đều cảm động! Vì thế, trong Hệ Niệm Pháp Sự, chánh yếu nhất là niệm Phật. Nghe khai thị xong, buông xuống vạn duyên, nhất tâm nhất ý chấp trì Phật hiệu, thực sự không xen tạp, câu này tiếp nối câu kia không gián đoạn. Niệm một ngàn tiếng, thông thường chúng ta niệm một ngàn tám mươi tiếng. Mỗi một xâu chuỗi là một trăm lẻ tám tiếng, mười chuỗi là một ngàn lẻ tám mươi tiếng. Đương nhiên lúc niệm Phật thời gian càng dài càng tốt, nhân vì trong Pháp Sự, khai thị rất nhiều, khai thị hết sức quý báu, đúng là dương gian và âm cảnh cùng được lợi.

34. Từ Vân Sám Chủ Tịnh Độ Văn

Trong đoạn tiếp theo, thiền sư Trung Phong sử dụng bài Tịnh Độ Văn của Từ Vân Sám Chủ, giống như trong thời thứ hai, thiền sư trích dẫn bài văn phát nguyện của Đại Từ Bồ Tát. Ở đây, chúng ta dường như thấy được tâm lượng của cổ đức, các Ngài bao dung, không phân biệt đây - kia, không cứ nhất định cái gì cũng phải là của mình. Trong thời thứ hai chúng ta thấy bài *“thập phương tam thế Phật, A Di Đà đệ nhất, cứu phẩm độ chúng sanh, oai đức vô cùng tận”*. Đây chính là bài văn phát nguyện của Đại Từ Bồ Tát. Ở đây, chúng ta đọc bài Tịnh Độ Văn của Từ Vân Sám Chủ⁸⁰. Từ chỗ này chúng ta có thể thấy được tâm lượng

⁸⁰ Từ Vân Sám Chủ chính là ngài Tuân Thức (964-1032), tự Tri Bạch. Ngài còn được tôn xưng là Từ Vân Tôn Giả, Linh Ứng Tôn Giả, Thiên Trúc Sám Chủ. Do Ngài soạn rất nhiều bản sám pháp nên còn có mỹ hiệu là Bách Bồn Sám Chủ. Ngài là một vị cao tăng của tông Thiên Thai. Đại sư quê ở Lâm Hải, Thái Châu (nay là huyện Ninh Hải, tỉnh Chiết Giang). Ngài sống vào đời Tống, xuất gia năm 18 tuổi, thọ Cụ Túc Giới vào năm 20 tuổi tại chùa Thiên Lâm, từng đốt ngón tay phát nguyện trước tượng Phổ Hiền Bồ Tát, thệ nguyện nghiên cứu và xiển dương quang đại giáo nghĩa Thiên Thai. Ngài theo học giáo nghĩa Thiên Thai với ngài Nghĩa Thông chùa Bảo Vân vào năm Ung Hy nguyên niên (984), về sau, cùng với ngài Tứ Minh Tri Lễ, ngài Tuân Thức được coi là lãnh đạo của pháp Sơn Gia trong tông Thiên Thai. Năm 28 tuổi, sau khi tuyên giảng các kinh Pháp Hoa, Duy Ma, Niết Bàn, Kim Quang Minh, ngài suất lãnh tăng tục chuyên tu Tịnh Độ, đồng thời biên soạn các bản sám

của thiền sư: bao dung, tự - tha bất nhị. Lời người khác nói hay dạy tương ứng với những gì chính mình đang tu thì không còn là của người khác nữa mà là của chính mình!

Quý vị thấy trong những phần trước, thiền sư dạy: “*Ngã tâm tức A Di Đà Phật, A Di Đà Phật tức thị ngã tâm*” (tâm ta chính là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật chính là tâm ta). A Di Đà Phật và ta đã là không hai thì Đại Từ Bồ Tát cũng không hai, Đại Từ Bồ Tát chính là tâm ta, tâm ta chính là Đại Từ Bồ Tát. Ở đây cũng giống như vậy, tâm ta chính là Từ Vân Sám Chủ, Từ Vân Sám Chủ chính là tâm ta, tự - tha bất nhị, tánh - tướng như một. Con người khế nhập được cảnh giới này thì thiên hạ thái bình, há còn có tranh chấp nữa ư? Không còn! Tự mình không tranh chấp với chính mình! Bài văn này chúng ta đọc rất nhiều, có rất nhiều đồng tu thường xuyên niệm. Nay chúng ta cũng đọc đoạn văn này.

Nhất tâm quy mạng.

一心歸命。

(Một lòng quy mạng).

Vừa mở đầu đã chỉ điểm chúng ta. Quy Mạng cũng là Quy Y. Từ mặt chữ, có thể thấy là quy mạng so với quy y càng phải chân thành hơn, chân thành đến cùng cực. Quy (歸) là quay về, toàn bộ quay trở lại. “*Nhất tâm quy mạng*”, quy về đâu?

Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật.

極樂世界。阿彌陀佛。

Đây là người thực sự giác ngộ triệt để. Nếu không phải là người thực sự giác ngộ triệt để, sẽ không thể quy y hoàn toàn “*Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật*”. Thực sự làm được như vậy, cổ đức thường nói có

pháp cho các bản kinh trên đây. Điểm đặc sắc là sám pháp nào cũng quy hướng Tịnh Độ. Năm Càn Hưng nguyên niên (1022) đời Tống Chân Tông, vua ban cho ngài hiệu là Từ Vân. Năm Thiên Thánh thứ hai (1024), Ngài dâng sớ xin triều đình chấp thuận đưa các tác phẩm của tông Thiên Thai vào Đại Tạng Kinh, được hứa khả. Cũng trong năm này, Ngài bèn soạn tác phẩm Giáo Tạng Tùy Hàm Mục Lục nhằm lược thuật ý nghĩa chánh yếu của các bộ phái. Các tác phẩm chủ yếu của Ngài là Đại Di Đà Sám Nghi, Tiểu Di Đà Sám Nghi, Vãng Sanh Tịnh Độ Sám Nguyên Nghi, Kim Quang Minh Tam Muội Nghi, Đại Thừa Chỉ Quán Thích Yếu, Triệu Luận Khoa Sớ, Kim Viên Tập, Thiên Trúc Biệt Tập v.v...

hai loại người:

1) Một là người thượng căn lợi trí, họ hoàn toàn hiểu rõ Thật Tướng của các pháp, không ngờ vực mảy may. Vì thế họ có thể triệt để buông xuống vạn sự vạn pháp dù là thế gian hay xuất thế gian, “*nhất tâm quy mạng*”. Thượng căn lợi trí mà! Những ai vậy? Nay chúng ta thấy họ chính là Pháp Thân Bồ Tát trong pháp Đại Thừa. Nhất là Thập Địa Bồ Tát, từ đầu đến cuối chẳng rời niệm Phật, đúng là nhất tâm quy mạng.

2) Ngoài ra là hạng người hạ căn, ngu độn, ngạn ngữ thường nói là “*ngu bất khả cập*” (ngu không ai bằng). Hạng người hạ căn ngu độn ấy chúng ta không thể sánh bằng. Vì sao? Họ cũng nhất tâm quy mạng, hỏi đến đạo lý họ hoàn toàn không hiểu, thầy họ dạy bảo, họ bèn thật thà niệm Phật. Họ ngoan ngoãn niệm Phật, rõ ràng là một vọng niệm cũng chẳng có, hoàn toàn phó thác, nhất tâm quy mạng, họ thực sự làm được. Hỏi họ đạo lý gì họ cũng chẳng biết, thầy dạy tôi làm sao, tôi cứ làm như thế đó.

Cận đại, chúng ta đọc cuốn Ảnh Trần Hồi Ưc Lục, thấy pháp sư Tu Vô, hoặc vị “pháp sư phơi nệm” (tên họ vị này là gì trong nhất thời tôi không nhớ, trước kia nhớ kỹ lắm)⁸¹. Ngoài ra, lão pháp sư Đàm Hư thường kể lão hòa thượng Đế Nhân có một đồ đệ làm nghề vá nôi, chưa hề đi học, không biết chữ, chất phác. Sư phụ bảo làm sao, bèn làm đúng y như thế, làm triệt để, suốt đời không hoài nghi. Họ thực sự tu tập

⁸¹ Vị pháp sư này giữ nhiệm vụ Hương Đăng trong chùa Kim Sơn ở Dương Châu, quá thật thà đến nỗi ngờ nghệch. Ở Hoa Nam, vào mùa Xuân thường có mưa phùn khiến cho mọi vật ẩm mốc, tới đầu mùa Hè, mọi người bèn đem chăn nệm ra phơi cho khỏi mốc. Ngay cả kinh điển trong Tàng Kinh Các cũng phải đem ra phơi, có người nói giỡn: “Nền (đền cày) cũng phải mang ra phơi, kéo mốc”. Sư tưởng thật mang toàn bộ nệm ra phơi, khiến sập bị chảy tan hết. Đến tối khi thấp đèn thì toàn bộ nệm dưng chỉ còn tim, vị Duy Na Sư hỏi ra, biết chuyện, mới biết Sư bị người khác lừa, không biết nói sao, tức quá mà rắng nhin, mới bảo thầy ấy: “Thầy là người thông minh tốt đỉnh, tu Thiền ở đây sẽ phí lắm, hãy qua chùa Đầu Đà ở Ôn Châu nghe pháp sư Đế Nhân giảng kinh để hoằng dương Giáo Hạ”. Ngài Đế Nhân hỏi chuyện, biết là chùa Kim Sơn muốn tống khứ vị này đi, nhưng rất từ bi, bèn thiện xảo phương tiện dạy vị ấy: “Nay ngươi chưa đủ tư lương học Giáo, hãy hành khổ hạnh quét dọn nhà xí”. Vị ấy chăm chỉ quét dọn nghiêm túc suốt mười mấy năm. Về sau, có người hỏi: “Đã đến nơi đây học Giáo, sao không nghe pháp?” Sư nói: “Lão pháp sư bảo tôi không đủ tư lương, hãy hành khổ hạnh trước”. Một thời gian sau, biết Sư là người có tín tâm kiên định, lão pháp sư Đế Nhân bảo: “Nay ngươi có thể nghe Giáo từng chút được rồi đó”. Sư vâng lời, nghiêm túc học tập, về sau, trở thành một vị đại pháp sư lỗi lạc của chùa Đầu Đà.

không xen tạp, không gián đoạn, bền thành công. Đúng là chẳng thể nghĩ bàn! Khó nhất là những kẻ thượng chẳng phải thượng, hạ chẳng phải hạ, những kẻ được gọi là “lơ lơ lửng lửng” ở giữa là phiền toái nhất! Quý vị bảo họ không có trí huệ ư? Hình như cũng thông minh. Quý vị bảo họ thực sự có trí huệ ư? Họ nghi lự trùng trùng, người như vậy khó độ lắm! Chúng ta biết lúc đức Phật tại thế giảng kinh thuyết pháp suốt bốn mươi chín năm là vì ai mà giảng vậy? Chính vì những kẻ này. Thượng trí, hạ ngu đơn giản lắm, đức Phật độ bọn họ chẳng tốn sức, độ rất dễ dàng. Ân đức của Phật đối với chúng ta lớn lao quá! Đọc đến đoạn văn của Từ Vân đại sư ở đây, chúng tôi có cảm xúc rất sâu! Phải thường nghĩ bản thân chưa thực hiện được chuyện nhất tâm quy mạng “*Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật*”! Bài Tịnh Độ Văn vẫn là văn cầu nguyện, cầu đảo, phát nguyện:

Nguyện dĩ tịnh quang chiếu ngã, từ thệ nhiếp ngã.

願以淨光照我。慈誓攝我。

(Nguyện dùng quang minh thanh tịnh chiếu đến con, dùng thệ nguyện từ bi nhiếp độ con).

Lời nguyện này rất linh, cảm ứng hết sức linh mẫn. Vì sao? Nhất tâm quy mạng mà! Nhất tâm là tâm chí thành, chân thành đến cùng cực. Trong tâm không xen tạp mảy may vọng tưởng nào, đương nhiên phân biệt, chấp trước không có. Đúng là thực sự không hoài nghi, không xen tạp, đây mới là nhất tâm. Nhất tâm cầu nguyện thì cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn. “*Nguyện dĩ tịnh quang chiếu ngã*”: A Di Đà Phật dùng ánh sáng Bát Nhã viên mãn rót rạo nơi tự tánh, quang minh ấy không nhiễm ô, vốn sẵn thanh tịnh, vĩnh viễn chẳng bị nhiễm ô. Tâm tánh của Phật phóng quang, thế giới cũng phóng quang minh, thế giới là Pháp Tánh. Phật Tánh và Pháp Tánh là một tánh. Quang minh của thế giới là gì? Người Hoa gọi quang minh của thế giới là Khí. Người Hoa gọi là Khí hoặc Phong Thủy. Ở chỗ này, Phong Thủy tự khí cực tốt, trong nhà Phật gọi là “*thế giới phóng quang*”, người ngoại quốc gọi là Từ Trường.

Địa cầu có từ trường của địa cầu, thái dương hệ có từ trường của thái dương hệ. Khoa học gia thường nói như vậy, chúng ta nghe đã quen tai. Thế giới phóng quang! Sát-độ (cõi Phật) phóng quang! Quang minh ấy chính là đức năng sẵn có của hết thảy các pháp, không từ bên ngoài đến, mỗi một chúng sanh đều có, không khác biệt, hoàn toàn tương đồng. Vậy thì tại sao lại có sự khác biệt rất lớn nơi sự tướng? Đức Phật

dạy: “*Nhất thiết chúng sanh giai hữu Như Lai trí huệ đức tướng, đản dĩ vọng tưởng chấp trước nhi bất năng chứng đắc*” (Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước nên chẳng thể chứng đắc). Đức Phật dạy rõ ràng, minh bạch như thế đó, vì sao quý vị bị mất quang minh? Vì có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước khiến cho đức năng nơi tự tánh bị che lấp. Quý vị phải biết: Bị che lấp, chứ hoàn toàn chẳng bị mất đi. Giống như ngày mưa trời u ám, mây đen dày kịt che khuất thái dương, thái dương không mất đi, vẫn tồn tại, chỉ bị chướng ngại, che khuất, tỏa ánh sáng yếu ớt, chẳng thấy được đức dụng chói lọi viên mãn. Nguyên do là như vậy đó!

Nếu chúng ta trừ khử mây đen vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì đức năng nơi tự tánh sẽ hiện tiền viên mãn. Ánh thái dương lại chiếu khắp nơi. Nay chúng ta đang mê, tịnh quang của tánh đức bị khuất đi, nay cầu Phật gia trì, Phật quang chiếu gọi, khiến chướng ngại của chúng ta bị hóa giải, đây là chuyện thật, không giả đâu! Nay chúng ta phải thực hiện cụ thể bằng cách nào? Phật quang chiếu đến ta, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đều bị hóa giải; phiền não tập khí dần dần tiêu trừ, chuyện tốt! Phật quang nhiều quanh thân chúng ta, vấn đề là quý vị phải tiếp nhận. Quý vị nói: “Tôi không thấy Phật quang, làm sao tiếp nhận?” Kinh sách ở đâu là Phật phóng quang tại chỗ đó. Do vậy, vì sao chúng tôi thường nghĩ phải ấn tông Đại Tạng Kinh hồng giới thiệu kho báu chân thật nhất (Pháp Bảo) trong thế gian và xuất thế gian cho hết thấy chúng sanh? “*Tịnh quang chiếu ngã*” đây!

Trong thời gần đây, lại có thêm một tầng chướng ngại. Chướng ngại gì vậy? Người hiện tại không học văn chương Văn Ngôn. Phải biết văn chương Văn Ngôn là một sáng tạo trí huệ khôn sánh của tổ tiên xa xưa Trung Quốc. Bởi lẽ, họ biết ngôn ngữ sẽ bị biến chuyển theo thời đại; nếu văn tự giống hệt như ngôn ngữ [thường nhật] thì người hiện thời nghe những lời cổ nhân nói sẽ chẳng hiểu gì. Văn tự cổ nhân viết nay ta không có cách gì đọc được, phải tìm chuyên gia, học giả khảo cổ, mà vẫn chưa chắc thực sự hiểu được ý nghĩa, đa số chỉ là suy đoán. Vì thế, lão tổ tông của người Hoa thông minh, tách rời ngôn ngữ và văn tự. Không cần biết ngôn ngữ biến hóa ra sao, văn tự quyết định không thay đổi. Chiêu này lợi hại lắm, văn tự là công cụ, dùng văn tự ghi chép lại những trí huệ và kinh nghiệm của tổ tiên xa xưa, truyền lại cho con cháu đời sau, khiến cho con cháu đời sau đọc đến văn tự cũng giống như trò chuyện trao đổi ở ngay trước mặt nhau. Đây là một phát minh hết sức vĩ

đại, cả thế giới có dân tộc nước nào có được như thế đâu?

Hiện tại người ta không muốn học nữa, cho là văn chương Văn Ngôn khó khăn quá. Thật ra, văn chương Văn Ngôn không khó khăn chút nào hết, vô cùng dễ dàng! Không học thì khó, nếu quý vị học rồi sẽ không khó nữa. Xưa kia tôi đến Đài Loan, tôi còn thu thập được mười mấy bản, không nhiều, hình như mười hai, mười ba bản thôi, những bản văn ấy là sách giáo khoa của học trò Tiểu Học thời đầu Dân Quốc. Trong những sách ấy, có sách dạy học trò Tiểu Học làm văn thời đầu Dân Quốc, tức là sách làm văn mẫu. Khi ấy, tôi thường dọn nhà trôi nổi khắp nơi, những cuốn sách ấy bị thất lạc, nay ước chừng chỉ còn năm, sáu quyển. Những loại văn chương dành cho trẻ nhỏ khoảng mười tuổi ấy nay sinh viên học khoa Văn của Đại Học chẳng những viết không được, mà đọc cũng thấy khó khăn, vẫn phải tra tự điển tìm tài liệu; chứng tỏ sinh viên khoa Văn trong Đại Học hiện thời trình độ không bằng học trò Tiểu Học thời đầu Dân Quốc!

Trẻ nhỏ độ mười tuổi còn có thể viết được văn chương, đương nhiên kinh Phật đối với bọn chúng chẳng khó khăn gì. Kinh Phật là loại văn Văn Ngôn đơn giản, rõ ràng nhất. Vào thời đầu Dân Quốc, với trình độ văn học như vậy, học trò Tiểu Học có thể đọc kinh là vì khi tổ sư đại đức dịch kinh, các Ngài đặc biệt dùng loại văn tự đơn giản, rõ ràng nhất. Trong văn học sử Trung Quốc, văn tự được dùng trong kinh Phật được gọi là Biễn Thể Văn. Nếu quý vị đem so với cổ văn, chẳng hạn như lấy bộ Cổ Văn Quán Chi ra so, bất cứ thiên văn chương nào trong Cổ Văn Quán Chi cũng phức tạp hơn kinh Phật. Kinh Phật có thể nói là văn Bạch Thoại của thời ấy, ý các tổ sư phiên dịch kinh đều mong mỗi kinh Phật được lưu thông phổ biến, chẳng bị văn tự gây chướng ngại. Nay không đọc được văn chương Văn Ngôn là tăng thêm một tầng chướng ngại. Hiện nay, trong những điều khó khăn, lại có thêm một chuyện khó khăn nữa! Hiện thời mọi người dùng lối viết Giản Thể, không biết Phồn Thể⁸²,

⁸² Giản Thể và Phồn Thể là hai cách viết chữ Hán. Giản Thể là những chữ Hán được bớt nét, cho dễ nhớ, dễ viết (chẳng hạn chữ Quảng (廣), chỉ giữ lại bộ Nghiễm, bỏ chữ Hoàng bên trong đi, viết thành 广), hoặc sử dụng những chữ đồng âm dị nghĩa (chẳng hạn chữ Vân (雲: mây) bên dùng chữ Vân (云: nói), hoặc chế ra những chữ mới đơn giản hơn chữ cũ (chẳng hạn Đăng (燈) viết thành 灯); còn Phồn Thể là viết đủ nét theo truyền thống. Lối viết Giản Thể được áp dụng chính thức tại Hoa Lục; còn Phồn Thể vẫn được sử dụng tại Đài Loan, Tân Gia Ba... Nói chung chữ Giản Thể tiện dụng, nhưng đánh mất vẻ đẹp cân đối hài hòa của chữ Hán, trông khá lộn xộn, què quặt, cũng như dễ gây hiểu lầm nếu đọc các văn bản cổ. Chúng tôi đã gặp

khó khăn lại nhiều thêm lên; có phải là rắc rối lắm hay không? Khiến cho Pháp Bảo thực sự vô thượng, là sách vở có thể giúp cho chúng ta giải quyết hết thấy vấn đề thế gian và xuất thế gian càng ngày càng cách xa chúng ta! Nghĩ đến điều này đúng là khiến cho người ta đau lòng buồn dạ!

Bọn con cháu đời sau chúng ta quên mất ân đức tổ tiên, không biết tổ tiên dụng tâm khổ sở, yêu thương con cháu sâu đậm. Do vậy, nay chúng ta đọc đến câu “*tịnh quang chiếu ngã, từ thệ nhiếp ngã*” ở đây, thì “*thệ*” là bốn mươi tám nguyện, nguyện nào cũng đều nhằm giúp cho hết thấy chúng sanh phá mê khai ngộ, vãng sanh Tịnh Độ, một đời thành Phật. Phật có nguyện ấy, nay chúng ta có tâm, dùng chân tâm cầu khẩn, tương ứng với bốn nguyện của A Di Đà Phật. Phải thực sự tương ứng, chúng ta phải giống với bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật. Chúng ta đọc tụng kinh điển mỗi ngày, mỗi lần quý vị đọc tụng là một lần Phật quang chiếu soi, Phật quang chiếu rọi quý vị. Quý vị niệm Phật, mỗi câu Phật hiệu là một lần Phật quang chiếu đến.

Trong Mật Giáo có Đại Quán Đảnh, Quán Đảnh nghĩa là gì? Trong bản chú giải Vô Lượng Thọ Kinh, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ đã giảng rất rõ ràng. Cụ vốn là một vị Kim Cang Thượng Sư bên Mật tông, cụ giảng rất dễ hiểu. Trong từ ngữ Quán Đảnh, chữ Đảnh (頂) chỉ cho Phật pháp tối cao, đại pháp vô thượng chí cao. Quán (灌) là gì? Quán là truyền thụ. Nói cách khác, ý nghĩa thực sự của Quán Đảnh là đem vô thượng đại pháp truyền cho quý vị thì gọi là Quán Đảnh. Nay chúng ta biết vô thượng đại pháp là gì? Là Vô Lượng Thọ Kinh, là A Di Đà Kinh, vô thượng đại pháp đây!

Vào thời đại Tùy - Đường, những cao tăng đại đức là tổ sư các tông phái, hầu như đều công nhận kinh Hoa Nghiêm là kinh bậc nhất trong hết thấy các kinh do đức Phật đã nói trong bốn mươi chín năm, gọi Hoa Nghiêm là “*kinh trung chi vương*” (vua của các kinh). Hoa Nghiêm đến cuối cùng quy về Tịnh Độ. Vì thế, tổ sư đại đức nói Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, những bộ kinh lớn ấy đều là những kinh chỉ dẫn [hành nhân học Phật] hướng về kinh Vô Lượng Thọ, những kinh to lớn chỉ dẫn quý vị hướng về kinh Vô Lượng Thọ, dẫn dắt quý vị quay về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng tôi thấy những lời ấy không sai chút nào, xác thực là như thế, dẫn dắt về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tây

một số đồng nghiệp đến từ Hoa Lục rất lúng túng khi phải đọc các văn bản viết bằng lời Phồn Thể.

phương Cực Lạc thế giới mới là bậc nhất trong những thứ bậc nhất, thù thắng khôn sánh.

Khi giới thiệu những bộ kinh lớn ấy, chúng tôi đã nói rất rõ ràng, chúng ta đọc kinh Vô Lượng Thọ từ đầu đến cuối một lượt chính là A Di Đà Phật và mười phương chư Phật Như Lai đã quán đánh cho mình một lượt. Quý vị đọc hai lần là được quán đánh hai lần. Trong một đời này, quý vị được chư Phật Như Lai quán đánh không biết bao nhiêu lần! Thế mà vẫn không khai ngộ, vẫn cứ hồ đồ! Hãy nghĩ xem! Quý vị nghĩ xem: Nghiệp chướng sâu nặng quá, hằng ngày quán đánh mà quý vị vẫn không khai ngộ. Do đây phải biết nghiệp chướng, tập khí, phiền não đáng sợ! Làm thế nào để tiếp nhận Phật quang chiếu gọi, tiếp nhận đại pháp quán đánh? Trong những buổi giảng, chúng tôi cũng thường nói: “Phải trừ khử chướng ngại của chính mình!” Chúng ta có chướng ngại nghiêm trọng, chướng ngại mình, kìm hãm mình, Phật quang không chiếu gọi được, không có cách gì tiếp nhận quán đánh! Tôi thường khuyên các đồng học, không biết đã khuyên bao nhiêu lần, phải dẹp trừ ý niệm tự tư, tự lợi, buông tự tư, tự lợi xuống, buông danh văn, lợi dưỡng xuống, buông hưởng thụ ngũ dục, lục trần xuống, buông tham - sân - si - mạn xuống. Nếu thực sự buông xuống được, chướng ngại sẽ không còn nữa, “*tịnh quang chiếu ngã*”, thực sự chiếu đến, “*từ thế nhiếp ngã*”, thực sự có sức nhiếp thọ mà quý vị sẽ cảm nhận được. Dem đánh pháp (pháp vô thượng) rưới vào mình, mình cũng cảm nhận được.

Có thể nói là phiền não của quý vị mỗi tháng nhẹ đi, phiền não nhẹ đi theo từng tháng, trí huệ tăng trưởng theo từng tháng, pháp hỷ sung mãn, quý vị bèn hết sức vui vẻ, yêu thích học tập những pháp môn ấy. Vì sao? Quý vị thực sự được lợi ích, công phu quả nhiên đặc lực. Mỗi một tuần quý vị cảm thấy khác hẳn, tức là tuần nào cũng tiến bộ, rõ rệt, hiển nhiên. Lúc công phu đạt đến một mức độ cao, quý vị cảm thấy như thế nào? Mỗi ngày khác nhau. Ngày hôm nay khác với ngày hôm qua, ngày hôm qua khác hẳn ngày trước đó, tiến bộ nhanh chóng! Chỉ cần thực sự thực hiện, chuyện này mọi người đều bình đẳng, vốn sẵn bình đẳng, vấn đề là quý vị có chịu thực hiện hay không? Chịu buông xuống hay không? Mấu chốt là ở chỗ này. Thấy thấu suốt bèn buông xuống, buông xuống bèn thấy thấu suốt. Thấy thấu suốt hỗ trợ buông xuống, buông xuống hỗ trợ thấy thấu suốt. Thấy thấu suốt là trí huệ, buông xuống là công phu. Hễ buông xuống tâm bèn thanh tịnh, tâm thanh tịnh sanh ra trí huệ.

Vì sao không chịu buông xuống? Vì sao đối với tập khí, phiền não

vẫn tham đắm như thế? Phải thường ghi nhớ những gì đức Phật giảng trong hội Bát Nhã là sự thật: “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*” (phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng), “*nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng), phải thường suy tưởng! Vì sao? Để đối phó mê hoặc, tham luyến từ vô thi kiếp đến nay. Quý vị không buông xuống được là vì mê hoặc, tham luyến, bất cứ gì vẫn muốn giành lấy. Thực sự thấu hiểu thì người ta có đưa cho mình, mình cũng không cần. Vì sao? Hư vọng! Không thật! Vạn pháp đều không, kể cả thân thể của chính mình cũng đều hư huyễn, chẳng thể được! Kinh Bát Nhã giảng rất hay: “*Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*” (hết thảy pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được). Thực sự thực hiện những lời giáo huấn ấy của đức Thế Tôn trong cuộc sống thường ngày thì mỗi ngày quý vị có tiến bộ, ngày ngày tăng trưởng trí huệ, giống như trong Đàn Kinh, Huệ Năng đại sư đã nói, Ngài thừa cùng Ngũ Tổ: “*Trong tâm đệ tử thường sanh trí huệ*”. Cảnh giới ấy không phải là ngày ngày sanh trí huệ, mà là niệm niệm sanh trí huệ! Đó là hạng người nào vậy? Pháp Thân Bồ Tát! Minh tâm kiến tánh, niệm niệm sanh trí huệ, chẳng sanh phiền não, phiền não không có, đoạn sạch sẽ rồi!

Vì thế, ở đây, chúng ta nhất định phải biết nhất tâm quy mạng, nhất tâm cầu nguyện, cầu Phật gia trì, chúng ta sẽ tiến bộ rất nhanh. Cầu nguyện thì tự mình phải có hành động; không có hành động chỉ nói xuông thì là hư vọng, chẳng thể có cảm ứng, phải có hành động. Hành động như thế nào? Câu tiếp theo sẽ cho biết:

Ngã kim chánh niệm, xưng Như Lai danh, vị Bồ Đề đạo, cầu sanh Tịnh Độ.

我今正念。稱如來名。為菩提道。求生淨土。

(Con nay chánh niệm, xưng danh Như Lai, vì đạo Bồ Đề, cầu sanh Tịnh Độ).

Đây là thể hiện ra hành động, thực sự mong cầu. Niệm Phật nhằm loại bỏ, xa lìa tà niệm. Tà niệm là gì? Là tham luyến đối với hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian. Trong những buổi giảng, chúng tôi thường nói: Đối với hết thảy người, sự, vật, có ý niệm không chế, có ý niệm chiếm hữu, những ý niệm ấy là tà niệm, đâu phải là chánh niệm! Ý niệm tổn người lợi mình, ý niệm kiêu mạn, ghen ghét là tà niệm nghiêm trọng, thảy đều phải buông xuống. Chánh niệm là gì? Nhất tâm quy

mạng, phát tâm Bồ Đề, chuyên cầu Tịnh Độ, đây là chánh niệm. Tiếp theo đó lại nói rất rõ ràng: “*Xưng Như Lai danh*”, chánh niệm đây! Trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, đó là chánh niệm. Ý niệm thuần chánh, trừ A Di Đà Phật ra, quyết định chẳng có một tà niệm nào xen tạp.

Ta xưng danh, ta cầu vãng sanh, ta hy vọng thành Phật đạo, nhằm để làm gì? “*Vị Bồ Đề đạo, cầu sanh Tịnh Độ*”. Bồ Đề đạo chính là thấu hiểu triệt để rốt ráo viên mãn chân tướng của nhân sinh vũ trụ, đó gọi là Bồ Đề đạo. Hiểu rõ rồi mới biết: Khắp pháp giới hư không giới chỉ là chính mình. Ai biết sự thật ấy? Không ai biết, chỉ có Pháp Thân Bồ Tát biết. Từ ngữ lục của Tông Môn, chúng ta nghe những người giác ngộ nói ra cảnh giới giác ngộ, họ nói: “*Hư không pháp giới thị sa-môn nhất chích nhân*” (Hư không pháp giới là một con mắt của sa-môn). Nghĩa là sao? Hư không, pháp giới, sát-độ, chúng sanh và chính mình là một Thể, gọi là Pháp Thân, thanh tịnh Pháp Thân. Pháp là gì? Pháp là hết thảy các pháp; vì thế, đối với người thực sự giác ngộ hiểu thấu thì hết thảy các pháp là tự thân, là chính mình, “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”.

Tâm hiện là Nhất Chân pháp giới, thức biến là mười pháp giới. Hoàn toàn là chính mình, giống như nằm mộng. Mộng cảnh hoàn toàn do chính mình tâm hiện thức biến, không có gì là pháp ngoài tâm cả! Vì vậy, nói: “*Tâm ngoại vô pháp, pháp ngoại vô tâm*” (Ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm). Tâm ở đâu? Tâm ở nơi các pháp. Pháp ở đâu? Pháp do Tâm hiện, Tâm và Pháp là một, không hai. Ngài A Nan tìm Tâm ở chỗ nào? Nói thật ra, về căn bản, Ngài cũng không hiểu, chẳng những không hiểu Chân Tâm, mà cũng không biết vọng tâm. Hiểu được một thứ thì hiểu hết thảy. Quý vị hiểu chân tâm bèn biết vọng tâm. Triệt để hiểu rõ vọng tâm sẽ thấu hiểu chân tâm. Vũ trụ là một, sống động, là chính mình. Chính mình đối với chính mình, lẽ đâu không yêu thương! Vì thế, Phật pháp nói: “*Đồng thể đại từ, vô duyên đại bi*”. Từ bi không có điều kiện, cũng không có đẳng cấp, bình đẳng.

Khắp pháp giới, hư không giới do chính mình tâm hiện thức biến; vì thế, trong hết thảy vạn pháp, vạn vật là chính mình, là tự phần! Có sao không thương tiếc? Ta tiếc quý trọng mắt của chính mình, chẳng để cho một hạt bụi tro nhiễm ô [tròng mắt]. Ta yêu mến thân thể mình, nay hiểu rõ rồi, yêu mến hết thảy cõi nước và chúng sanh trọn khắp pháp giới, hư không giới. Đây là Bồ Đề đạo! Vì vậy, cầu sanh Tịnh Độ chính là viên mãn rốt ráo Phật quả vô thượng Bồ Đề, ta vì điều đó mà cầu sanh Tịnh Độ. Đây chính là bốn nguyện của Như Lai, hy vọng hết thảy chúng sanh nhanh chóng thành Phật, hoàn toàn tương ứng với bốn nguyện của Như

Lai.

A! Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp bài Tịnh Độ Văn của Từ Vân Sám Chủ trong thời thứ ba:

Phật tích bốn thệ: Nhược hữu chúng sanh, dục sanh ngã quốc, chí tâm tín nhạo, nãi chí thập niệm, nhược bất sanh giả, bất thủ Chánh Giác.

佛昔本誓。若有眾生。欲生我國。志心信樂。乃至十念。若不生者。不取正覺。

(Phật xưa đã thệ: Nếu có chúng sanh muốn sanh cõi ta, chí tâm tin ưa, dầu chỉ mười niệm, nếu chẳng được sanh, chẳng lấy Chánh Giác).

Chúng ta xem đoạn này. Đoạn này nhắc tới lúc A Di Đà Phật tu hành Bồ Tát đạo. Từ kinh Vô Lượng Thọ chúng ta đọc thấy, sau khi Ngài xuất gia, trở thành tỳ-kheo Pháp Tạng, đối trước Tự Tại Vương Phật phát bốn mươi tám nguyện. Chữ “*bốn thệ*” chỉ bốn mươi tám nguyện. Mỗi một nguyện trong bốn mươi tám nguyện đều nhằm dẫn dắt mười phương thế giới hết thấy chúng sanh vãng sanh Tịnh Độ. Nguyện được nêu ở đây chính là nguyện thứ mười tám, bốn mươi tám nguyện quả thật lấy nguyện thứ mười tám làm trung tâm. Nguyện thứ mười tám nói gì? “*Thập niệm tất sanh*” (Mười niệm ắt được vãng sanh). Mười niệm này là mười niệm lúc lâm chung, giả sử một người cả đời chưa từng tiếp xúc Phật pháp, lúc lâm chung có ai dạy kẻ ấy niệm Phật; kẻ ấy chịu tiếp nhận, thực sự chịu niệm, cầu nguyện vãng sanh đều được vãng sanh, pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn!

Vì thế, ở Nhật Bản nay có một tông phái mang tên Bốn Nguyện Niệm Phật. Nói thật ra, cổ nhân, cổ đại đức đề xướng bốn nguyện niệm Phật không sai, quyết định chính xác; nhưng con người hiện tại đề cao bốn nguyện niệm Phật lại là đầu cơ, mách khéo, không thể vãng sanh vì không có thành ý! Bốn mươi tám nguyện họ không cần biết đến, chỉ chuyên biết đến nguyện thứ mười tám, sai lầm rồi! Chúng ta xem lời khai thị của thiền sư Trung Phong ở phần trên: Phát nguyện! Pháp môn

này là Tín - Nguyên - Hạnh, hội đủ ba điều kiện. Nguyên phải tương ứng với bốn mươi tám nguyên, thiền sư Trung Phong giảng rất rõ ràng, rất minh bạch. Lời ấy không phải chỉ mình Ngài nói mà tổ sư đại đức xưa nay đều nói như thế. Từ giáo pháp Đại Thừa chúng ta hiểu được ý nghĩa này, kinh Hoa Nghiêm thường nói: *“Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất”* (Một chính là hết thảy, hết thảy chính là một). Đây là một nguyên tắc cơ bản bất biến trong Phật pháp. Do vậy, quý vị phải hiểu: ***“Mỗi một nguyên trong bốn mươi tám nguyên nhất định phải bao hàm bốn mươi bảy nguyên kia, thiếu một nguyên thì Nguyên sẽ không viên mãn, bị khiếm khuyết!”***

Do con người hiện tại không hiểu đạo lý này, cho là trong bốn mươi tám nguyên chỉ cần nguyên thứ mười tám là được rồi, lâm chung mười niệm ắt vãng sanh, những thứ khác không cần đến. Trơ trọi một mình nguyên ấy, không có bốn mươi bảy nguyên kia thì nguyên ấy chẳng thể thành lập. Vì sao nói cổ đức không sai lầm? Bốn mươi tám nguyên cổ đức biết cả, nguyên mười tám này bao hàm trọn vẹn bốn mươi bảy nguyên kia, dầu một nguyên cũng không thiếu, đây là đúng! Do vậy, không sai. Người hiện thời không hiểu, nói khó nghe hơn là dạy chúng sanh sai lầm, [khiến cho] những chúng sanh hảo tâm ấy cuối cùng chẳng được vãng sanh. Chuyện này xưa nay tổ sư đại đức không ngừng cảnh tỉnh chúng ta, chỉ sợ chúng ta hiểu lầm ý nghĩa: [Nhiều người cứ tưởng] bình thời không học Phật, ăn uống, vui chơi, đến khi lâm chung niệm Phật là được, có gì lúc bình thường cứ phải nhọc nhằn? Tợ hồ niệm Phật tiện nghi như thế đó! Xưa nay đại đức khuyên dạy chúng ta: Lâm chung mười niệm phải hội đủ ba điều kiện, lúc lâm chung quý vị có đủ ba điều kiện ấy hay không?

1) Thứ nhất, lúc lâm chung sáng suốt, tỉnh táo, không mê hoặc, không điên đảo, điều này quý vị có làm được hay không? Quý vị hãy chú tâm quan sát những người mắc bệnh rất nặng, cái chết gần kề. Quý vị thấy đại đa số ngay cả người nhà mà họ còn không nhận biết được, mê hoặc, điên đảo. Trong tình huống ấy, thậm chí một niệm trong mười niệm ấy còn không khởi tác dụng, chẳng thể niệm được! Con cái, cháu chắt mà họ còn không nhận biết, đều không biết, làm sao biết đến A Di Đà Phật cho được? Không thể nào! Vì thế điều kiện đầu tiên này hết sức khó khăn. Lúc lâm chung sáng suốt, tỉnh táo là đại phước báo, quý vị có đạt được phước báo này hay chăng? Quý vị có đảm bảo lúc ấy ra đi rất sáng suốt, tỉnh táo hay không?

Nhất là trong hiện tại, trong xã hội hiện thời chúng ta thường nghe

nói tới chứng bệnh si ngốc ở tuổi già (Alzheimer's disease), mắc bệnh si ngốc lúc tuổi già ấy là xong, không còn hy vọng gì nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới nữa. Tây Phương Cực Lạc thế giới không có người si ngốc, kinh Di Đà giảng rất rõ ràng: “*Bất khả dĩ thiếu thiện căn, phước đức, nhân duyên đắc sanh bỉ quốc*” (Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để sanh về nước ấy). Nói cách khác, phàm ai sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là người đại thiện căn, đại phước đức. Đại thiện căn, đại phước đức thì làm sao si ngốc được? Không có đạo lý ấy! Si ngốc là nghiệp chướng hiện tiền! Vì thế, Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức dạy chúng ta: Lúc còn sống tu phước, tu huệ. Quý vị có phước, có huệ thì lúc lâm chung mới được sáng suốt, minh mẫn, mới không bị si ngốc. Quý vị hãy nghĩ xem mình có nắm chắc được điều kiện đầu tiên này hay không?

2) Điều kiện thứ hai: Trong lúc khẩn yếu, lúc sắp mất, lúc sắp thở hắt ra hơi cuối cùng, lúc ấy phải gặp được thiện tri thức khuyên quý vị niệm Phật. Lúc đó quý vị có chắc chắn gặp được người như vậy cảnh tỉnh quý vị hay không? Nếu lúc ấy không có ai cảnh tỉnh, dầu tỉnh táo vẫn không thể vãng sanh. Lúc ấy phải có người cảnh tỉnh, nay chúng ta gọi là “trợ niệm”. Tự mình có công phu thực sự thì có thể không cần đến người khác trợ niệm; nếu tự mình không có công phu thì trợ niệm rất quan trọng, bên cạnh có người cảnh tỉnh. Đây là điều kiện thứ hai.

3) Điều kiện thứ ba, người ta cảnh tỉnh, quý vị bèn lập tức tin tưởng, có thể tiếp nhận, y giáo phụng hành, nói dễ dàng sao? Phiền não rành rành, người khác cảnh tỉnh, khuyên quý vị niệm Phật, vẫn cứ nửa tin, nửa ngờ, lúc ấy làm sao có thể tin tưởng được? Làm sao có thể phát nguyện được? Vì thế, trên mặt lý luận thì “mười niệm ắt vãng sanh” chẳng có vấn đề gì, chứ xét theo sự thật thì khó khăn lắm!

Nhưng trên thực tế, có ai như vậy hay không? Có chứ! Đúng là trong vạn ức người khó tìm được một kẻ! Đối với người như vậy, tổ sư đại đức nói rất hay: Chẳng phải là ngẫu nhiên, người ấy đời đời kiếp kiếp trong quá khứ đã tu pháp môn Niệm Phật, thiện căn rất sâu dày, chỉ vì trong một đời này không gặp được thiện duyên, mê hoặc, đúng là “*cận châu giả xích, cận mặc giả hắc*” (gần son thì đỏ, gần mực thì đen), trong một đời này không gặp được Phật pháp, bị hoàn cảnh nhiễm ô, nhưng đến lúc lâm chung, có người cảnh tỉnh như thế, thiện căn và phước đức sâu dày trong đời quá khứ lập tức hiện tiền, bèn tiếp nhận, ra đi như thế không phải là chuyện ngẫu nhiên! Cách giải thích này phù hợp lời Thiện Đạo đại sư đã giảng trong Quán Kinh Tứ Thiếp Sở,

Thượng Phẩm Thượng Sanh Chương. Ngài nói vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới bốn cõi, ba bậc, chín phẩm “*tổng tại ngộ duyên bất đồng*” (toàn là do gặp duyên khác nhau). Câu nói này rất hay, toàn là do gặp duyên khác nhau. Suốt một đời này, quý vị chẳng gặp được thiện tri thức, không gặp được nhân duyên tốt, dầu trong quá khứ có thiện căn và phước đức sâu dày vẫn chẳng thể hiện tiền.

Vì thế, chúng ta phải thực sự nắm vững chuyện vãng sanh thế giới Cực Lạc, lúc lâm chung muốn có thể đảm bảo chính mình tỉnh táo, sáng suốt thì phải hạ công phu ngay trong hiện tại, phải thực hiện công tác chuẩn bị. Công phu ấy chính là đoạn ác tu thiện, đoạn ác tu thiện là phước báo. Lâm chung không bị bệnh khổ rõ ràng là phước báo, quý vị phải có phước. Hiện thời có phước đừng nên hưởng, hưởng hết phước báo ấy thì lâm chung không có phước. Hiện tại có phước báo thì phải nhường phước ấy cho người khác hưởng, cúng dường đại chúng, phước báo càng lớn. Chúng ta mong cầu phước báo đến lúc nào mới hưởng? Lúc lâm chung sẽ hưởng. Lúc lâm chung tâm không điên đảo, ý không tán loạn, rõ ràng, minh bạch, đây là đại phước báo thù thắng khôn sánh. Bởi lẽ, thời khắc quan yếu ấy dính líu đến đời sau, đời sau phải đi theo Phật đạo chứ không đi vào lục đạo.

Vì thế, ngàn vạn, ngàn muôn phần chó nên hiểu lầm ý nghĩa mười niệm, chẳng nên có tâm lý cầu may. Hiện tại có không ít kẻ tu Bồ đề Nguyên Niệm Phật, tự quý vị phải suy nghĩ cho kỹ: Tốt nhất là xem kinh, nghe kinh cho nhiều, thấu hiểu đạo lý này. Pháp thế gian cầu may còn chẳng thể thành tựu, huống chi đại pháp thành Phật! Tâm cầu may, tâm đầu cơ, mách mung, lẽ đâu có chuyện tiện nghi dường ấy! Chính mình phải suy nghĩ, dẫn dụng thệ nguyện của Phật, nay nguyện vọng của chúng ta tương ứng với thệ nguyện của Phật.

“*Nhược hữu chúng sanh*” (nếu có chúng sanh): Phạm vi rất lớn, lục đạo chúng sanh trong hết thảy các cõi Phật trọn pháp giới, hư không giới, chủ yếu là đối với lục đạo chúng sanh mà nói. “*Dục sanh ngã quốc*” (muốn sanh về cõi ta), “*dục*” là bằng lòng, là hướng theo, mong mỗi sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tiếp đó, kinh vẫn nói đến điều kiện quý vị phải hội đủ: “*Chí tâm tín nhạo*” (Chí tâm tin ưa). Chí tâm tin ưa là giống như một câu văn ngay trong thiên phát nguyện này: “*Nhất tâm quy mạng*”. Nhất tâm quy mạng mới là thực sự chí tâm tin ưa. Chí tâm có thể hiểu là tâm chân thành, cũng có thể hiểu là chí nguyện, nguyện tâm; chí tâm là nguyện tâm. Ta tin vào Tây Phương Cực Lạc thế giới, quả thật có Tây Phương Cực Lạc thế giới, quả thật có

chuyện A Di Đà Phật đến tiếp dẫn vãng sanh, tin chính mình thực sự hội đủ điều kiện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đầy đủ ba thứ tin tưởng như vậy mới gọi là tin tâm thành tựu. “*Nhạo*” (樂) là ưa thích, hoan hỷ, tức là có Tín, có Nguyên. Trong Di Đà Yếu Giải, đại sư Ngẫu Ích bảo chúng ta: Điều kiện để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là tín - nguyện: “*Chân tín, thiết nguyện, tất định đắc sanh*” (Lòng tin chân thành, nguyện thiết tha, nhất định được vãng sanh). Tiếp đó, Ngài nói công phu niệm Phật sâu hay cạn liên quan đến phẩm vị sẽ sâu hay cạn. Người có công phu niệm Phật sâu thì phẩm vị cao, người có công phu niệm Phật cạn thì phẩm vị thấp. Phẩm vị cao hay thấp là do công phu niệm Phật sâu hay cạn: “*Đắc sanh dữ phủ, tại tín nguyện chi hữu vô*” (Được vãng sanh hay chẳng là do tín - nguyện có hay không?). Đối với ba điều kiện Tín - Nguyên - Hạnh ấy, lâm chung mười niệm thì mười niệm chính là Hạnh, cũng đầy đủ Tín - Nguyên - Hạnh; dầu cho lâm chung một niệm thì niệm ấy cũng là Hạnh, ba điều kiện được tương ứng.

Hai câu sau chúng ta nghe đã quá quen, rất quen thuộc: “*Nhược bất sanh giả, bất thủ Chánh Giác*” (Nếu [hành nhân Tịnh Độ đã đầy đủ những điều kiện như đã nói trên đây] mà chẳng được sanh [về Cực Lạc], chẳng lấy Chánh Giác). [A Di Đà] Phật đã từng phát nguyện như thế, nếu ai hội đủ những điều kiện ấy mà không thể vãng sanh thì Pháp Tạng Bồ Tát chẳng thành Phật, “*thành Chánh Giác*” chính là thành Phật. Pháp Tạng Bồ Tát nay đã thành Phật nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, thành A Di Đà Phật, thành Phật đến nay đã mười kiếp. Nói cách khác, nguyện nào trong bốn mươi tám nguyện của Ngài cũng đều được thực hiện hoàn tất; nếu còn một nguyện nào chưa hoàn tất, Ngài không thể thành Phật. Câu nói này có ý nghĩa rất sâu, nhất định phải hiểu: Một nguyện chưa hoàn tất thì chẳng thể thành Phật, chứ không phải chỉ có một nguyện thứ mười tám. Ở đây, thiền sư Trung Phong khai thị rất hay: Nếu nhất định tương ứng với mỗi nguyện trong bốn mươi tám nguyện thì quý vị sẽ tương ứng với nguyện thứ mười tám. Sao lại có thể chuyên giữ lấy một nguyện, vứt bỏ bốn mươi bảy nguyện kia, A Di Đà Phật làm sao thành Chánh Giác cho được? Nghĩa lý kinh Phật luôn giảng hết sức viên mãn, chính chúng ta phải chú tâm đọc tụng, quan sát, chẳng thể nhìn lệch lạc. Nếu quý vị nhìn lệch lạc, hiểu sai, nguyện vọng muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới trong một đời này sẽ chẳng đạt được, uổng công mất rồi! Chúng ta lại xem đoạn văn tiếp theo:

Dĩ thử niệm Phật nhân duyên, đắc nhập Như Lai đại thế hải

trung.

以此念佛因緣。得入如來大誓海中。

(Do nhân duyên niệm Phật này được vào trong biển đại thệ của Như Lai).

Do đức Phật đã từng phát nguyện ấy, nay chúng ta phát tâm tương ứng với bốn nguyện của A Di Đà Phật, nay chúng ta nghiêm túc niệm Phật. Lúc Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện trong thế gian này, giảng kinh, thuyết pháp bốn mươi chín năm nhằm mục đích giúp cho chúng ta trong một đời viên mãn thành Phật. Đây là tấm lòng của đức Phật, là ý của đức Phật. Thế nhưng đức Phật giáo hóa chúng sanh hy hữu nhất là tùy duyên, đức Phật không phan duyên. Từ mười nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát trong kinh giáo, quý vị thấy “tùy hỷ công đức, hằng thuận chúng sanh”. Tùy hỷ, hằng thuận, Phật chẳng mảy may miễn cưỡng hết thảy chúng sanh. Vì thế, quý vị thích pháp môn nào, Ngài giảng cho quý vị pháp môn ấy. Quý vị thích tu pháp nào, Ngài dạy quý vị tu pháp môn ấy. Ngài không nói pháp môn này hay hơn pháp môn nọ, trong hết thảy kinh điển quý vị chưa hề thấy đức Phật nói như vậy. Tùy thuận căn tánh của mỗi người, tùy thuận duyên phận của mỗi người từ vô thủy kiếp đến nay.

Mỗi cá nhân trong một đời, như nay chúng ta ưa thích pháp môn này, chẳng phải là chuyện trong một đời này đâu nhé! Trong đời đời kiếp kiếp quá khứ đã từng tu học pháp môn này, vừa được tiếp xúc bèn sanh lòng hoan hỷ, các pháp môn khác quý vị tiếp xúc rất nhiều, nhưng tâm hoan hỷ không sanh khởi, vì nguyên nhân nào? Vì cảm thấy không thân thuộc. Từ trước đến nay chưa từng qua lại, còn pháp môn này rất quen thuộc. Bởi vậy, hết thảy chúng sanh căn tánh không giống nhau, chí thú khác nhau, yêu thích khác nhau, đức Phật có thể tùy thuận bởi tâm Phật thanh tịnh. Đức Phật làm như thế, đúng là độ chúng ta. Vì sao chúng ta chẳng thể tự độ mình? Ta đối với pháp môn này hoan hỷ, khuyên người khác cũng tin theo pháp môn này, người ấy cũng tin theo pháp môn này. Nếu lúc người ấy không tin, chính mình sanh phiền não là xong rồi! Phiền não tập khí vừa hiện khởi bèn bị đọa lạc. Quý vị phải giống như đức Phật, tấm lòng mở rộng, tùy thuận lòng người ta ưa thích, mới tốt! Bất luận học pháp môn nào cũng tốt cả, không có gì chẳng tốt. Quý vị thấy bụng dạ của mình rộng rãi hơn nhiều, thanh tịnh bình đẳng lắm; như vậy là tự độ.

Sự thị hiện của đức Phật mang ý nghĩa rất sâu, khiến cho chúng ta trông thấy bèn giác ngộ, chúng ta phải học theo đức Phật, chớ có chấp

trước. Nếu người ta muốn học theo những pháp môn khác, ta có năng lực giúp đỡ kẻ đó, như Thích Ca Mâu Ni Phật có năng lực: Quý vị muốn học Thiền bèn dạy Thiền, mong học Mật bèn dạy Mật, muốn học Luật bèn dạy Luật, bất luận muốn học pháp môn nào, đức Phật đều có năng lực dạy, toàn tri toàn năng! Do vậy, đức Phật có thể phổ độ chúng sanh, chúng ta không có được trí huệ và năng lực như thế, chỉ có thể học pháp môn này.

Người khác muốn học những pháp môn khác, chúng ta bèn giới thiệu người khác cho họ. Trong phần trên, tôi đã nêu thí dụ rồi đó: Có ai muốn học Thiền, tôi đều giới thiệu đến học với pháp sư Thánh Nhất, tôi biết Ngài là bậc đại đức trong Tông Môn. Ngài là một vị pháp sư giỏi, chuyên tu, chuyên môn tham Thiền. Tôi hết sức kính ngưỡng Ngài. Quý vị muốn học Thiền tôi đều giới thiệu đến chỗ Ngài học. Muốn học Duy Thức, trong quá khứ tôi giới thiệu đến học với pháp sư Diễn Bồi, Ngài chuyên tu học Pháp Tướng Duy Thức tông. Tôi giới thiệu người khác, không nhất định cứ phải lôi kéo: “Pháp môn ấy tu không tốt đâu, chẳng bằng pháp môn này đâu!” Chẳng thể nói như vậy được, nói như thế không phải là ý Phật. Nói như vậy thì trong tâm mình phải mang gánh, mang gánh những gì? Gánh lấy nhân quả, tâm của chính mình không thanh tịnh, bình đẳng.

“*Pháp môn bình đẳng, không có cao - thấp*”, bất bình đẳng là vì chúng sanh căn tánh không bình đẳng, phước đức của chúng sanh bất bình đẳng, nhân duyên của chúng sanh bất bình đẳng, chứ pháp môn quyết định là bình đẳng. Mình là hạng người căn tánh như thế nào, pháp môn nào thích hợp cho mình, tự mình phải hiểu rõ ràng, thâm nhập một môn, trường thời huân tu, không ai chẳng thành công. Nếu quý vị muốn thành tựu, viên mãn thành Phật trong một đời này, quyết định phải buông bỏ hết thấy ô nhiễm thế gian và xuất thế gian, phải buông tập khí phiền não xuống. Những thứ ấy chướng ngại tâm tánh và sự tu học của chúng ta. Người thực sự học đạo công phu đặc lực, tâm cảnh của người ấy vĩnh viễn thanh tịnh, vĩnh viễn khoái lạc, quyết định chẳng nảy sanh phiền não.

Không những học đạo, mà những Nho sĩ đọc sách ở Trung Quốc trong quá khứ, họ đọc sách cũng hiểu rõ đạo lý! Quý vị thấy Luận Ngữ là sách ghi chép ngôn hạnh cả một đời của Khổng phu tử, câu thứ nhất là: “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*” (Học rồi thường tu tập, cũng chẳng vui ư?) Từ kinh nghiệm một đời của Khổng lão phu tử, tất cả hết thấy pháp trong thế gian này, nay chúng ta gọi là tất cả hết thấy nghề

nghiệp thế gian, tất cả hết thấy sự nghiệp, nghề gì tốt nhất? Quý vị hãy xem điều tâm đắc của Khổng lão phu tử lão nhân gia, Ngài nói: “*Ngô thường chung nhật bất thực*” (Ta thường suốt ngày không ăn), ta cả ngày không ăn cơm, “*chung dạ bất tẩm*” (suốt đêm không ngủ), “*dĩ tư*” (để suy nghĩ), suy nghĩ rất kỹ, nghĩ đến rớt ráo, “*bất như học dã*” (không gì bằng học cả). Đây chính là sự sung sướng nhất trong thế gian, bất cứ sự nghiệp nào, bất cứ nghề nghiệp nào chẳng bằng học! Học xong là dạy! Nói như bây giờ là theo đuổi nghề dạy học, nghề này thanh cao, nghề ấy vui sướng, “*học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*”. Trong nền giáo dục thời cổ, học những gì? Học theo hiền thánh, đọc sách chí muốn làm hiền thánh. Cổ nhân Trung Quốc đọc sách cầu học nhằm mục đích gì? Mục đích là muốn chính mình trở thành thánh nhân, thành hiền nhân; mục đích ấy chính xác, nhà Phật chúng ta gọi là “*chuyển phàm thành thánh*”.

Cả một đời đức Phật dạy dỗ, theo đuổi công tác dạy dỗ, mục đích dạy dỗ của Phật chúng ta có thể quy nạp thành ba câu. Câu thứ nhất là giúp cho hết thấy chúng sanh “*chuyển ác thành thiện*”, đây là mức thấp nhất, nhằm nói với mọi người bình thường. Những ai thiên phận cao hơn một chút, thông minh linh lợi thì giúp cho họ “*chuyển mê thành ngộ*”. Kẻ lợi căn bậc nhất thì thành tích cao nhất, nâng cao hơn một bậc nữa, giúp cho họ “*chuyển phàm thành thánh*”, đây là mục đích giáo dục. Ngày nay phiền phức rất lớn, hiện thời giáo dục không còn nữa, trường học rất nhiều, nhưng dạy điều gì? Dạy danh văn lợi dưỡng. Trường học ngày nay nhắm tới mục đích cầu danh, cầu lợi, chứ không phải là làm hiền làm thánh, giáo dục hiền thánh không còn nữa. Do vậy thế giới động loạn, tai nạn dồn dập, rất nhiều tôn giáo ngoại quốc nói đến chuyện tận thế. Chúng ta thấy hiện tượng xã hội hiện thời đúng là giống như những điềm báo trước ngày tận thế, rất đáng sợ!

Giáo dục của Trung Quốc lẫn ngoại quốc trong mấy ngàn năm đều lấy thánh học làm chủ đạo, tức là học làm thánh, làm hiền là chuyện sung sướng nhất. Bởi thế, “*học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ?*” (học rồi thường tu tập, cũng chẳng sướng sao), pháp hỷ sung mãn. “*Hữu bằng tự viễn phương lai, bất diệc lạc hồ?*” (Có bạn từ xa đến, cũng chẳng vui sao?) “*Bằng*” (朋) ở đây là ai? Là người truyền pháp. Học thuật, đạo đức của quý vị có người kế thừa, vui sướng lắm! Sự nghiệp nơi pháp thế gian phải có người kế thừa, sự nghiệp của quý vị thực sự có thành tích. Dầu một đời quý vị làm tốt đến cách mấy, về sau không có ai kế thừa, mình mất đi là xong, sự nghiệp thành tích cũng như không. Đạo

học cũng thế, đạo học phải có người kế thừa, có truyền nhân. Truyền thừa quan trọng nhất, đời đời truyền nhau. Ở Trung Quốc, trong nhà Phật có rất nhiều tông phái là tổ tổ tương truyền, cái được truyền là đạo, là đức. Cận đại, trong thế kỷ này, dường như đã đoạn tuyệt, đều là hiện tượng của ngày tàn.

Ấn Quang đại sư là Đại Thế Chí Bồ Tát từ Tây Phương Cực Lạc thế giới tái lai, đại từ, đại bi, hy vọng cứu vãn kiếp nạn này, Ngài dùng phương pháp gì để cứu vãn? Ngài dạy chúng ta trong thời kỳ Mật Pháp học tập tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc gồm mười sáu chữ “*đôn luân, tận phận, nhàn tà, tồn thành, tín nguyên niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ*” (giữ vẹn luân thường, tận hết trách nhiệm, dứt lòng tà, giữ lòng thành, tín nguyên niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ). Tổ sư Tịnh Độ tông dạy như vậy đó! Đối với quảng đại quần chúng, dù không tu Tịnh Độ đi nữa, tu theo những tông phái khác, hai câu đầu nhất định phải tuân thủ. “*Đôn luân, tận phận, nhàn tà, tồn thành*” chính là đạo đức. Đôn luân tận phận là đạo, đại đạo; nhàn tà tồn thành là đức. Bất luận tu học một tông phái nào, chẳng thể không có đạo đức. Không có đạo đức thì chẳng phải là Phật pháp, mà là ma pháp!

Đối với sự truyền thừa Phật pháp, Ngài nói hết sức hay: Lập đạo tràng nhỏ, đồng tu không được quá hai mươi người, không hóa duyên, nhất định phải nhớ điều này, quyết định chẳng được hóa duyên, chẳng được quỳen mộ. Vì sao? Tâm định. Thường phải động cân não để hóa duyên, để quỳen mộ, tâm sẽ vĩnh viễn không định, tâm không định là xong luôn! Tâm muốn định thì đừng hóa duyên, không làm pháp hội, không truyền pháp, không thâu đồ đệ, không truyền giới, không làm kinh sám Phật sự, chuyên môn niệm Phật tu Tịnh Độ. Phương pháp này hay lắm, tâm quý vị định được. Chúng tôi là truyền thừa trực tiếp của Ấn Quang đại sư, lão cư sĩ Lý Bình Nam thầy tôi là học trò của pháp sư Ấn Quang, chúng tôi được truyền thừa từ cùng một mạch, quyết định tuân thủ sự giáo huấn của thầy. Vì thế cái đạo tràng nhỏ này của chúng ta xây cất sắp hoàn tất, đạo tràng nhỏ bé như vậy, chúng thường trụ tuân theo nguyên tắc của thầy “không quá hai mươi người”, đây là nói về chúng xuất gia chúng tôi không đông hơn hai mươi người. Mọi người khéo ở cùng một chỗ niệm Phật, dạy học.

Niệm Phật là vì chính mình, để chính mình được vãng sanh. Dạy học là truyền pháp, chúng tôi hy vọng thánh giáo của Như Lai được truyền từ đời này sang đời kia, có người kế tục. Học Giáo là ngày ngày giảng kinh, hằng ngày giảng kinh có khó khăn, vì sao? Viết bài giảng

không kịp. Vì thế, trong đạo tràng nhỏ này của chúng ta, học Giáo thì mỗi tuần tối thiểu giảng kinh hai lượt, quý vị lên giảng đài giảng hai lần. Mỗi lần giảng hai tiếng, hai lần là bốn tiếng. Mỗi tuần là bốn giờ, đại khái quý vị có thể soạn bài giảng được. Một giờ phải viết một vạn chữ, một tuần viết bản thảo dài bốn vạn chữ được. Thường trụ có chuyện gì quý vị cũng không quan tâm tới, chuyên môn học kinh giáo, lên tòa giảng cho mọi người chúng ta nghe. Mọi người chúng ta nghe không vừa ý, quý vị bèn bị gạch tên, bỏ tên quý vị ra, lại có người khác muốn học bèn bổ sung vào đó. Danh sách ghi tên đủ rồi, người ngoài muốn tham dự cũng không ghi tên được, khác nào chúng ta khai trừ. Do vậy, nếu quý vị không dụng công thì không phải là chân chánh học Giáo, không dụng công nơi học vấn, nơi đạo đức, rất dễ bị khai trừ!

Xưa kia, Huệ Viễn đại sư ở Lô Sơn có Tuyển Phật Điện để tuyển lựa. Ở đây, chúng ta cũng tuyển Phật, không hội đủ trình độ bèn bị đào thải. Vì thế, quý vị nhất định phải dụng công, chẳng thể có tạp niệm, cũng chẳng thể có tạp sự. Người đến hầu hạ, phục vụ cho quý vị đông đường ấy, nếu quý vị không thành tựu đạo đức, học vấn, tức là mình coi thường những người ấy, quý vị chỉ đành nhanh chóng ra đi, nhường chỗ cho người khác. Ở đây không nói chuyện tình cảm, nếu nói tình cảm thì Phật pháp bị hủy diệt do chính quý vị, chúng ta cần phải nghiêm ngặt tuân thủ giáo huấn của tổ Ấn Quang, hy vọng trong vòng mười năm ở nơi đây sẽ có được mấy nhân tài xuất hiện. Không cần nhiều! Có được dăm ba vị là chúng ta thành công rồi. Phải khổ luyện, khổ học!

Chúng ta do nhân duyên niệm Phật này “*đắc nhập Như Lai đại thế hải trung*” (được vào trong biển đại thế của Như Lai), tức là bốn mươi tám nguyện. Tâm nguyện, tư tưởng, hành trì của chúng ta tương ứng với Phật tức là tương ứng với kinh giáo. Kinh điển dạy chúng ta như thế nào, chúng ta đều phải thực hiện, phải làm cho được. Có như vậy thì mới có thể tương ứng với từng nguyện trong bốn mươi tám nguyện, tương ứng chính là “*nhập Như Lai đại thế hải trung*” (vào trong biển đại thế của Như Lai). Nếu tương ứng với bốn mươi tám nguyện mà chỉ tương ứng được một nửa, còn một nửa vẫn chưa tương ứng thì không được rồi! Nguyện nào cũng tương ứng, chẳng thể có nguyện nào không tương ứng, đây mới là “*nhập Di Đà nguyện hải*”. Lúc ấy đương nhiên sẽ...

Thừa Phật từ lực, chúng tội tiêu diệt, thiện căn tăng trưởng.
承佛慈力。眾罪消滅。善根增長。

(Nương từ lực Phật, các tội tiêu diệt, thiện căn tăng trưởng).

Đây là điều khẳng định. Được từ lực của Phật gia trì. Từ lực nào của Phật gia trì? Chính là kinh giáo của Phật gia trì. Chúng ta biến những tư tưởng trong kinh giáo thành tư tưởng của chính mình, bình thường chính mình suy nghĩ lung tung nay đều buông bỏ hết. Buông xuống những thành kiến của chính mình, buông xuống cách nghĩ và cách nhìn của chính mình; cách nói và cách làm tùy thuận lời giáo huấn của Phật, tùy thuận kinh giáo, biến những đạo lý trong kinh giáo thành tư tưởng của chính mình. Những giáo huấn trong kinh giáo biến thành hành vi sinh hoạt của chính mình. Đó là “*học Phật*”, học giống lắm. Phật là tấm gương, là khuôn mẫu cho chúng ta, ta phải học giống hết như Ngài. Dù chẳng thể học hoàn toàn giống hết như Ngài, nhưng cũng phải tương tự. Học như vậy thì mới chẳng luống uổng! Chúng ta tiếp nhận mười phương tín chúng cúng dường. Tôi vừa mới nói rồi đó, nếu chẳng đạt đến cảnh giới ấy thì như cổ nhân đã nói rất hay:

*Thí chủ nhất lap mễ,
Đại như Tu Di sơn,
Kim sanh bất liễu đạo,
Phi mao đới giác hoàn!
(Một hạt gạo thí chủ,
To như núi Tu Di,
Đời này không liễu đạo,
Mang lông, đội sừng đền!)*

Quý vị mắc quả báo, lúc chịu xong quả báo, vẫn phải đền nợ. Những năm qua, trong những buổi giảng chúng tôi thường nói: “*Một bát cơm xuất gia khó nuốt lắm, khó hơn kẻ ăn mày xin cơm nhiều!*” Kẻ ăn mày xin cơm được người ta thí cho, không phải đáp đền. Còn ở đây là người ta đến trồng phước. Tam Bảo là ruộng phước, họ đến gieo phước! Quý vị có phải là phước điền hay không? Người ta có thực sự gieo phước được hay không? Nếu người ta không gieo phước được, người ta sẽ tính sổ với mình. Do vậy, ở đây “*thừa Phật từ lực*” (nhờ vào từ lực của Phật). Phải biết: Từ lực của Phật chính là kinh giáo, quang minh của Phật cũng chính là kinh giáo. Ngày ngày chẳng tách rời kinh giáo, ngày ngày đọc kinh, ngày ngày nghiên cứu kinh giáo, ngày ngày ở đây nghiên cứu, thảo luận kinh giáo, phóng quang đấy! Phật phóng quang phổ chiếu

nơi đây!

“*Chúng tội tiêu diệt, thiện căn tăng trưởng*” (các tội tiêu diệt, thiện căn tăng trưởng): Hai câu này suy nghĩ sẽ biết ngay. Quý vị buông bỏ những tập khí phiền não nơi bản thân, hết thấy tùy thuận lời giáo huấn của Phật, đương nhiên tội tiêu diệt, tự nhiên thiện căn tăng trưởng! Thiện căn là gì? Tội là gì? Gốc của tội là tham - sân - si; bởi thế, tam độc phiền não là tội căn (gốc tội). Thiện căn là gì? Tương phản với tội căn là thiện căn. Vô tham, vô sân, vô si là ba thiện căn. Tham - sân - si trừ rồi, vô tham, vô sân, vô si hiện tiền, tất cả hết thấy thiện pháp thế gian đều sanh khởi từ ba thiện căn này. Tham - sân - si không còn, phiền não bèn đoạn, tội bèn diệt. Điều này các đồng học chúng ta phải hằng ngày phản tỉnh, hằng ngày phải kiểm điểm.

Thực hiện công khóa sáng tối, khóa sáng tụng kinh nhằm lay tỉnh chính mình. Quý vị nhìn vào nghi thức tụng niệm của chúng ta sẽ hiểu ngay, Tịnh Tông Học Hội thành lập, tôi cho soạn một cuốn nhật tụng, bản khóa tụng này do thầy Ngộ Hạnh phụ trách, tôi bảo thầy ấy soạn. Kinh đọc trong khóa sáng là bốn mươi tám nguyện [trích từ] kinh Vô Lượng Thọ. Nói đến đây, trong tâm quý vị ta vỡ lẽ, bèn hiểu rõ vì sao lại dùng bốn mươi tám nguyện làm kinh văn khóa sáng? Khóa tối chúng tôi dùng phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy của kinh Vô Lượng Thọ, tôi chỉ chọn hai đoạn kinh văn ấy. Khóa sáng để cảnh tỉnh chính mình, suốt ngày hôm nay tư tưởng và hành trì của chính mình phải tương ứng với bốn mươi tám nguyện. Kinh văn khóa tối là Ngũ Giới, Thập Thiện khiến cho chúng ta phản tỉnh, đức Phật dạy chúng ta làm như thế nào, chúng ta có làm được hay không? Đức Phật bảo chúng ta đừng làm, chúng ta có trái phạm hay không? Đây là tu sám hối!

Đức Phật dạy chúng ta làm gì mà nếu chúng ta chưa làm, ngày mai nhất định phải làm. Phật dạy chúng ta không được trái phạm điều gì, chúng ta phạm phải thì ngày mai nhất định phải răn dè. Đây chính là công đức của khóa tụng sáng tối, khóa tụng sáng tối nhằm diệt tội sanh thiện. Khóa tụng sáng tối không phải là để niệm cho Phật, Bồ Tát nghe. Đối trước Phật, Bồ Tát tụng khóa niệm sáng tối với ý nghĩa nhờ Phật, Bồ Tát trông chừng, đốc thúc, chứng minh cho chúng ta: Ta có y giáo phụng hành hay không? Đó chính là “*thừa Phật từ lực*” (nuông vào từ lực của Phật) gia trì, thực sự gia trì, không giả chút nào, trong đây không có mảy may mê tín. Phật, Bồ Tát dùng sự giáo huấn để gia trì chúng ta, bản thân chúng ta vui vẻ tiếp nhận giáo huấn, sửa lỗi, đổi mới, đổi mê thành ngộ, chẳng phải là được gia trì đó ư? Huân tập trong một thời gian dài, hằng

ngày thực hiện, chẳng bỏ sót ngày nào.

Chúng ta phiền não tập khí nặng nề, sức dụ dỗ, mê hoặc bên ngoài quá lớn. Một ngày không tu tập, tâm bèn biến đổi; ba ngày không tu tập, chắc chắn toàn bộ tập khí ác đều hiện hành, quý vị tạo tội nghiệp, ắt đọa tam đồ. Trong xã hội thời xưa vẫn duy trì mỗi nửa tháng tụng giới, đây chính là quy củ Phật môn. Vào thời ấy thì được, chứ hiện tại không được, bây giờ mỗi nửa tháng tụng giới một lần không có tác dụng chút nào hết! Phải như thế nào? Ngày ngày tụng, chúng tôi đem phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy của kinh Vô Lượng Thọ đặt làm khóa tối, vì đoạn này là giới luật, hằng ngày phải tụng giới, ngày ngày phải phản tỉnh, ta đã làm được hay chưa? Quý vị hiểu rõ ý nghĩa này, mới hiểu lời giáo huấn và văn tự của cô nhân, quý vị thực sự học, làm sao không được thọ dụng? Kẻ thông minh lanh lợi, trong một đời nhất định chuyển phàm thành thánh chẳng phải là chuyện giả.

Bây giờ hết giờ rồi!

Tập 54

Chư vị đồng học!

Xin xem từ nửa đoạn sau bài Tịnh Độ Văn của pháp sư Từ Vân trong thời thứ ba:

Nhược lâm mạng chung, tự tri thời chí, thân vô bệnh khổ, tâm bất tham luyến, ý bất điên đảo, như nhập Thiền Định.

若臨命終。自知時至。身無病苦。心不貪戀。意不顛倒。如入禪定。

(Nếu sắp mạng chung, tự biết lúc mất, thân không bệnh khổ, tâm không tham luyến, ý chẳng điên đảo, như nhập Thiền Định).

Đến đây là một tiểu đoạn. Mỗi một người thọ mạng trong thế gian dài hay ngắn đều là nhất định, phàm phu hoàn toàn bị nghiệp lực làm chủ, cũng có thể nói là nghiệp báo. Nếu thực sự hiểu rõ nghiệp báo, tự nhiên sẽ coi nhẹ sanh tử, chẳng tham sống sợ chết; bởi lẽ, quả báo của nghiệp nhân này đã hết, nghiệp nhân tiếp đó lại sanh khởi, giống như thực vật đơm hoa, kết trái, quả chín nẫu thì phải rụng. Trong quả lại có nhân: Trong quả có hạt, hạt chính là nhân, nhân rơi xuống đất, đại địa là duyên, lại đâm rễ, lại nảy mầm, tương lai lại đơm hoa kết quả, đó chính là quả báo lần thứ hai. Nhân quả tuần hoàn vĩnh viễn không ngưng dứt,

trong nhân có quả, trong quả có nhân.

Chúng ta hiểu được đạo lý như vậy, tâm không hề có mảy may kinh sợ sanh tử, quý vị sẽ như thế nào? Nhất định phải gieo thiện nhân trong lần quả báo này. Quả báo lần này như quả đào chẳng hạn, nay quý vị đã có quả ấy. Quả ấy đã tăng trưởng thành quả đào, nhưng vẫn chưa chín rục. Chín rục thì phải rụng xuống, giống như chính cái cây ấy tự gạt bỏ đi, không cần ai hái. Trong quả đào có hạt, tức là lại có nhân, đây là nhân đã tạo trong một đời này, nhân ấy phải tốt! Nhân tốt thì quả báo lần sau chẳng thể không thù thắng hơn, càng tốt đẹp hơn! Nếu Nhân không tốt, Quả cũng không tốt. Do vậy, hãy hiểu rõ đạo lý này, chắc chắn sẽ không làm càn, làm xằng, quyết định ghi nhớ giáo huấn của cổ thánh tiên hiền, kinh nghiệm, trí huệ của họ chúng ta đều hấp thụ, biến thành trí huệ, thành kinh nghiệm của chính mình, sáng tạo tiền đồ tốt đẹp cho mình trong đời sau; như vậy là chính xác! Đó là lục đạo phàm phu.

Nếu là Phật, Bồ Tát, A La Hán, là những bậc chánh giác ứng hóa trong thế gian này thì các Ngài sẽ chẳng do nghiệp lực mà do nguyện lực. Các Ngài đến trong nơi này chẳng vì chuyện gì khác, không thọ quả, mà đến để giáo hóa chúng sanh, đến để diễn tuồng: nêu gương cho hết thấy chúng sanh, đoạn ác tu thiện, phá mê khai ngộ, lia khổ được vui, siêu phàm nhập thánh, nêu gương như thế cho đại chúng xem. Như vậy, trong thế gian các Ngài có thọ mạng hay không? Vẫn có! Thọ mạng dựa vào đâu? Dựa vào duyên! Duyên nói theo như bây giờ nghĩa là Ngài ở nơi nào diễn nói, biểu diễn, thuyết pháp, có người tiếp nhận hay không, có người vui thích nghe, thích học tập hay không? Nếu có thì là hữu duyên; nếu không có, duyên ấy bèn hết. Duyên tận, Ngài ra đi. Có duyên bèn trụ thế; không duyên bèn tách lìa, ẩn mất, đi qua thế giới khác.

Chúng ta biết vũ trụ to lớn, thế giới vô lượng vô biên, Ngài đặc đại tự tại, thế giới nào có duyên bèn vào thế giới ấy; Ngài không có nghiệp. Vì sao không có nghiệp? Vì đâu mà không có? Không có ý niệm tự tư tự lợi thì nghiệp không còn nữa. Đây là nói tổng quát. Ai không có ý niệm tự lợi, không có ý niệm tự tư, bèn không có Nghiệp. Tự tư, tự lợi đều không có, quý vị nghĩ xem còn có danh văn, lợi dưỡng nữa hay không? Còn có ngũ dục, lục trần hay không? Còn có tham-sân-si-mạn nữa hay không? Đương nhiên cái gì cũng không có. Tự tư, tự lợi giống như rễ cây, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, tham-sân-si-mạn là cành, lá, hoa, quả. Rễ đã không có thì hết thấy đều không có.

Do vậy, Phật pháp coi trọng Vô Ngã; kinh Kim Cang nói Bồ Tát khác với phàm phu ở chỗ Bồ Tát không có Ngã Tướng. Nói thật ra, bốn

tướng (nhân tướng, ngã tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng) đều có cội rễ là Ngã Tướng. Đã không có ta, nào còn có người? Há còn có chúng sanh, thọ mạng nữa ư? Ba tướng sau chẳng phải đều từ Ngã Tướng sanh khởi hay sao? Ngã Tướng là rễ; bởi thế, không có Ngã thì thứ gì cũng không có. Nay chúng ta nói đến phiền não, ý niệm tự tư, tự lợi không có thì tất cả hết thảy phiền não, nghiệp chướng tập khí đều không có, chúng đều do từ Ngã tướng mà có! Đây chính là lẩn ranh phân định giữa phàm và thánh, tự chúng ta phải hiểu.

Con người đạt đến vô ngã, há phải đâu không biết ứng xử! Giữa người và người vì sao không thể cư xử tốt với nhau? Vì quyền lợi bị xung đột. Đây chính là tự tư, tự lợi, có lợi cho mình thì người này tốt, tôi rất thích anh ta. Đối với mình vô ích hoặc quyền lợi bị đụng chạm thì gã đó là địch nhân, là kẻ đối đầu, chẳng phải là như vậy hay sao? Do vậy, đạt đến vô ngã, vô tư thì sẽ thực sự chuyển phiền não thành Bồ Đề, chuyển nghiệp lực thành nguyện lực. Do nguyện lực vào trong thế gian này thì không gì chẳng tự tại! Các Ngài quả thật không có sanh tử, chẳng phải là nhân duyên quả báo, mà là “*thừa nguyện tái lai*” (nuơng theo bốn nguyện mà ứng hiện trở lại)! Duyên tụ, duyên tán, có duyên bèn ứng hiện, duyên là Năng Cảm, tự nhiên vị ấy bèn ứng. Duyên hết, không còn Ứng nữa, ắt mất đi. Duyên do là như vậy.

Bởi thế, “*nhược lâm mạng chung, tự tri thời chí*” (nếu sắp mạng chung, tự biết thời giờ đã đến), đây là tu hành có công phu, tự mình biết nghiệp báo đã tận. Đây là phàm phu, phàm phu biết nghiệp báo của đời này đã tận. Nghiệp báo một đời này đã tận, nghiệp báo đời sau đã chín muồi, tự mình biết, đa số sanh lên trời. Sanh lên trời tự mình biết: Đây là trong một đời này gieo nhân lành, làm chuyện tốt, đời sau sanh lên trời. Nếu là bậc thừa nguyện tái lai, đương nhiên càng không có vấn đề, cảnh giới càng cao hơn. Nơi này hóa duyên đã hết, Ngài đến ứng hóa trong thế giới khác. Nói thật ra, phạm vi ứng hóa là trọn pháp giới, hư không giới, thân ứng hóa vô lượng vô biên, không ở nơi đây thì hiện nơi kia. Thật ra, chẳng phải là nơi đây thực sự không có, hiện ở nơi kia, không phải vậy! “*Đương xứ xuất sanh, tùy xứ diệt tận*” (Sanh ra ở chỗ nào, diệt tận ngay chỗ đó)⁸³. Đây mới là chánh lý, đây mới là chân tướng sự thật. Không như lục đạo phàm phu, phàm phu quả thật lìa khỏi đường này bèn

⁸³ Theo pháp sư Tịnh Giới, chữ “đương xứ” ở đây phải hiểu là chân tánh, chân tâm. Hết thảy các hiện tượng do nhân duyên hội đủ bèn hiện ra, nhưng chân tâm bất động, khi các nhân duyên đã hết, các tướng đã hiện bèn mất, nhưng chân tâm chẳng tổn giảm mảy may.

đầu thai vào đường khác. Quý vị không được đại tự tại như thế này: “*Sanh ra ở chỗ nào, diệt tận ngay chỗ đó*”. Quý vị không được tự tại như thế. Bậc đại triệt đại ngộ tự tại như thế ấy!

Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì hầu như ai cũng có năng lực này; dù ai nấy đều có năng lực này, nhưng lúc lâm chung không thể hiện tướng lành là vì đâu? Họ vẫn còn nghiệp chướng khả năng gây chướng ngại, lúc trợ niệm chúng ta thường thấy chuyện này. Lúc người ấy ra đi, có rất nhiều người trợ niệm, thấy người ấy môi mấp cũng động, trợ hồ cũng niệm Phật theo chúng ta. Không sai! Có lúc người ấy niệm Phật cùng đại chúng, nhưng có lúc người ấy trông thấy Phật đến tiếp dẫn, miệng họ mấp má là muốn bảo đại chúng: “Phật đến tiếp dẫn, tôi muốn theo Phật ra đi”. Kẻ ấy không nói ra tiếng, không có hơi sức, nói không nổi. Quý vị chú tâm quan sát nơi sự biểu lộ tình cảm thì rõ ràng là người ấy rất an tường, người ấy rất hoan hỷ; ta thấy người ấy biểu lộ thái độ ra đi rất an tường, rất hoan hỷ, Phật đến tiếp dẫn mà!

Nhưng cũng có lúc, họ đi rồi, biểu lộ thần thái không tốt, mọi người trợ niệm, niệm hai, ba tiếng sau, biến thành rất đẹp đẽ, có hai khả năng:

a) Một là người ấy đã vãng sanh.

b) Hai là người ấy đã tiêu nghiệp chướng, tuy không thể vãng sanh, nhưng sanh trong đường lành là chuyện chắc chắn.

Bởi thế, công đức trợ niệm chẳng thể nghĩ bàn. Ngày nay, khoa học đã chứng minh hiệu quả của việc trợ niệm: Đây không phải là chuyện giả, là chuyện công đức lợi ích chân thật. Gặp được cơ duyên như thế này đừng bỏ lỡ. Chúng ta thường trợ niệm giúp người khác, lúc mình lâm chung ắt có người trợ niệm. Đây đều thuộc về quả báo: Quý vị gieo nhân tốt, sau này nhất định có quả báo tốt. Trong một đời này, chúng ta hiểu rõ điều này, dùng thiện tâm đối xử hết thảy mọi người, sẽ được báo đáp là tất cả hết thảy mọi người đều dùng thiện ý đối với mình. Ta dùng thiện ý đối với người ta mà người ta vẫn dùng ác ý đối với mình, nghĩa là thiện ý của ta chưa đủ, đừng trách móc người khác, phải trách chính mình: Ta thành tâm, thiện ý chưa đủ, ta phải gắng hơn, vĩnh viễn chẳng có lầm lỗi nơi cảnh giới bên ngoài.

Hãy nhớ kỹ Ngẫu Ích đại sư giáo huấn: “*Cảnh duyên vô hảo xú, hảo xú tại ư tâm*” (Cảnh duyên không tốt - xấu, tốt - xấu tại nơi tâm), do chính tâm mình. Tâm mình tốt thì cảnh giới nơi hết thảy người, sự vật đều tốt. Tâm mình không đủ tốt thì cảnh giới bên ngoài chẳng tốt. Nếu quý vị oán trời trách người là lầm lẫn quá đỗi, hoàn toàn mê chẳng giác.

Người học Phật chúng ta, đừng nói chỉ ta là phạm phu, hãy xem tổ sư đại đức, Thanh Văn, Bồ Tát: Mỗi ngày các Ngài đều nghiêm túc phản tỉnh, sửa lỗi, đổi mới. Đẳng Giác Bồ Tát còn phải ngày ngày sửa lỗi, hướng gì những kẻ thấp hơn Đẳng Giác! Phải trống lòng, phải khiêm hư, phải cung kính, phải biết tôn trọng người khác, chúng ta mới có thể viên mãn đức hạnh của chính mình. Trong xã hội, bất luận pháp thế gian hay pháp xuất thế gian, chuyện tốt nhường cho người khác, chuyện khổ sở chính mình phải vui lòng gánh vác, làm như vậy thì tiêu nghiệp chướng, tăng phước huệ không còn gì nhanh hơn được nữa!

Thân vô bệnh khổ, tâm bất tham luyến, ý bất điên đảo, như nhập Thiền Định.

身無病苦。心不貪戀。意不顛倒。如入禪定。

(Thân không bệnh khổ, tâm chẳng tham luyến, ý chẳng điên đảo, như nhập Thiền Định).

Cảnh giới này tôi nghĩ không ít đồng học đã tự thấy được, cũng có thể là thấy không ít lần. Quý vị từ nơi ấy có giác ngộ hay không? Người ta làm được thì mình cũng làm được! Hy vọng mình còn làm hay hơn người ta nữa kia! Nhưng lúc mạng sắp hết, thực sự không có bệnh khổ thì hạng người ấy ít lắm! Đại đa số người niệm Phật vãng sanh lúc lâm chung vẫn đổ bệnh, đau mắc bệnh, nhưng bệnh khổ của họ rất nhẹ nhàng, không nghiêm trọng. Nghiệp chướng hoàn toàn tiêu sạch lúc lâm chung. Như vậy thì có sao không tiêu nghiệp chướng lúc bình thời? Lúc bình thời, nhân nhục chính là tiêu nghiệp chướng, có sao không thể nhân? Hết thấy những chuyện do người, sự, vật dồn đến cho mình như: Hiểu lầm, hủy báng, tinh thần lẫn vật chất mọi mặt đều vất vả; đó đều là tiêu nghiệp chướng! Ta vui vẻ, hoan hỷ hứng chịu, không mang tâm nóng giận, không có ý niệm áo não, càng chẳng báo thù. Trong cuộc sống thường nhật phải huấn luyện như thế, lúc lâm chung sẽ không có bệnh khổ, tự nhiên biết trước lúc mất, lúc nào ra đi bèn biết rõ ràng, minh bạch.

Trong thế gian này, khởi tâm động niệm, làm việc gì đều nhằm lợi ích chúng sanh, ta niệm một câu Phật hiệu, đem công đức lợi ích của Phật hiệu ấy hồi hướng cho hết thấy chúng sanh, ta vì hết thấy chúng sanh mà niệm. Đặc biệt là nghĩ đến chính mình hiện tại, oán thân trái chủ bao kiếp chất chồng, mình niệm niệm vì họ. Chúng tôi mỗi ngày ở nơi đây đem Phật pháp giới thiệu cho đại chúng; trước lúc vào giảng, chúng

tôi cung kính quán tưởng hết thấy thần linh khắp pháp giới, hư không giới, hết thấy thành hoàng, thổ địa, tôn thần nơi này phương khác. Trong bài kệ hồi hướng có câu: “*Nguyện dĩ thử công đức, trang nghiêm Phật Tịnh Độ, thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ*” (nguyện đem công đức này, trang nghiêm Phật Tịnh Độ, trên đền bốn ân nặng, dưới cứu vớt tam đồ). Tất cả hết thấy chúng sanh thấy đều bao gồm trong ấy. Vì họ mà chúng ta làm chuyện này, chẳng nhằm lợi ích chính mình, vì sao? Tự mình và pháp giới chúng sanh là một Thể, niệm niệm đều vì pháp giới chúng sanh, không nghĩ đến chính mình, điều này rất khẩn yếu, vì sao? Nghĩ đến chính mình thì tự tư tự lợi không đoạn, Ngã Chấp không phá. Nếu khởi tâm động niệm chỉ có hết thấy chúng sanh thì Ngã Chấp chẳng phá mà tự nhiên không còn, đây chính là pháp phương tiện của Đại Thừa.

Ngã Chấp phá rồi, mọi người biết luân hồi không còn nữa, đời sau chúng ta sanh về đâu? Tuyệt đối chẳng đoạ trong lục đạo luân hồi nữa. Quý vị thấy Tiểu Thừa phải đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, tám mươi một phẩm Tư Hoặc mới có thể vượt thoát lục đạo luân hồi. Đại Thừa cao minh hơn Tiểu Thừa, thuận tiện hơn Tiểu Thừa, Tiểu Thừa dùng phương pháp cực nhọc vất vả như vậy, phải trải qua một thời gian rất dài lâu. Bảy lần sanh vào cõi trời và nhân gian mới thoát khỏi lục đạo. Đại Thừa biết chỉ cần phá được Ngã Chấp là đủ, phá Ngã Chấp bằng cách nào? Từ tư tưởng, từ khởi tâm động niệm, cho đến hết thấy hành vi trong cuộc sống thường nhật, chẳng vì mình mà vì chúng sanh, khẳng định chúng sanh chính là mình, tự mình là chúng sanh. Mình và người là một chứ không hai, so với Tiểu Thừa phải nhanh hơn! Thù thắng hơn nhiều, ai vì chính mình là ngu si!

Trong giáo pháp Đại Thừa, đức Phật nói quá nhiều, chúng ta phải hiểu, phải giác ngộ, quyết định chẳng còn vì chính mình nữa. Trong cuộc sống thường nhật, chính mình phải thường nhớ đến Thích Ca Mâu Ni Phật; lúc tại thế, Thích Ca Mâu Ni Phật sống như thế nào? Ba y một bát, đêm ngủ dưới gốc cây, ngày ăn một bữa. Không có gì cả! Ngài trí huệ siêu phàm, lời Ngài nói ra chính là Đại Tạng kinh. Đại Tạng Kinh không do Ngài trước tác, mà do Ngài tùy cơ giảng giải cho mọi người, ghi chép lại thành Đại Tạng Kinh. Nay chúng tôi đem ra dạy dỗ vẫn phải chuẩn bị một đồng tài liệu, Thích Ca Mâu Ni Phật không có gì cả, quý vị nói có phải là tự tại lắm không, đại tự tại! Đây chính là điều chúng ta phải học.

Trí huệ của Phật do đâu mà có? Ngài dạy chúng ta “*tự tánh bốn cụ*” (tự tánh vốn sẵn đủ), đức Thế Tôn nói “ta có, người cũng có”. Quý

vị có, có sao chẳng hiện tiền? Vì quý vị có nghiệp chướng. Cội rễ của nghiệp chướng là Ngã Chấp, là tự tư, tự lợi, quý vị chẳng thể vứt bỏ những thứ ấy, nếu bỏ được thì phàm phu bèn thành Phật. Trên lý luận, phàm phu thành Phật chỉ trong một niệm, một niệm quả nhiên giác ngộ, triệt để giác ngộ, phàm phu bèn thành Phật. Thể hiện của sự triệt ngộ là như thế nào? Triệt ngộ là Vô Ngã, chẳng những Vô Ngã, mà còn Vô Pháp.

Vô Ngã bèn giải thoát phiền não, cũng có thể nói là đức hạnh sẵn có nơi tự tánh bèn hiện tiền; không có Pháp thì trí huệ Bát Nhã sẵn có nơi tự tánh bèn hiện tiền. Vô Pháp thì phá được Pháp Chấp, Vô Ngã là phá Ngã Chấp, trong kinh Đại Thừa, đức Phật giảng rất nhiều về điều này. Sở dĩ chúng sanh trở thành chúng sanh, chẳng thể thành Phật là vì hai thứ chấp: Ngã Chấp và Pháp Chấp. Chúng còn được gọi là Nhị Chướng: Phiền Não Chướng và Sở Tri Chướng. Phiền Não Chướng là Ngã Chấp, Sở Tri Chướng là Pháp Chấp. Do vậy, Ngã Chấp phá rồi, đức hạnh tròn đủ; Pháp Chấp phá rồi, trí huệ viên mãn. Người thực sự biết dụng công phải dụng công nơi đây. Công phu thành tựu sẽ giống như Từ Vân đại sư đã nói ở đây: Đây chính là hiện thân thuyết pháp, chứng tỏ công phu thành tựu. Mạng chung tự mình biết, người công phu giỏi biết trước một hai năm.

Từ Đàn Kinh chúng ta thấy Lục Tổ Huệ Năng đại sư biết trước lúc mất, bao lâu? Hơn cả năm trước. Hơn một năm trước đó Ngài đã biết rõ, phái người chuẩn bị hậu sự cho mình, bảo người ấy đến gặp Ngài chuẩn bị hậu sự. Trước kia, lão cư sĩ Lý Bình Nam ở Đài Trung biết trước lúc mất hai năm. Có một lần giảng kinh, cụ bảo đại chúng: *“Tôi chỉ giảng kinh hai năm nữa!”* Trong số thính chúng có người nghe không hiểu cụ nói vậy nghĩa là sao, đến Đài Bắc hỏi tôi. Tôi nói:

- Thầy quả thật nói chỉ giảng kinh hai năm nữa thôi ư?

Người ấy nói:

- Đúng vậy!

Tôi nói:

- Vậy thì hai năm nữa thầy sẽ vãng sanh.

Người ấy hỏi:

- Sao pháp sư biết thầy sẽ vãng sanh?

- Lão nhân gia đến thế gian này chẳng làm chuyện gì khác, chỉ là để giảng kinh. Nếu Ngài không giảng kinh, Ngài không có chuyện gì khác để làm; đương nhiên phải ra đi.

Quả nhiên hai năm sau [cụ Lý vãng sanh], tâm địa thanh tịnh,

nghiệp chương tiêu trừ, sớm biết rõ như thế đó. Thông thường tôi thấy người niệm Phật đại khái biết từ ba tháng trước, hai tháng trước, một tháng trước, là chuyện thường thấy. Họ bảo quý vị lúc nào đó họ sẽ ra đi, đại khái thời gian chừng một, hai tháng, hay ba tháng đã rất khá rồi. Lão lâm trưởng Cư Sĩ Lâm Tân Gia Ba là cụ Trần Quang Biệt biết trước ba tháng, xác định rõ ngày giờ nào, không sai tí nào. Tuy nhiên cụ có bệnh, nhưng không bị bệnh khổ, đầu óc sáng suốt dù thể lực suy, đó là gì? Đó là tàn dư nghiệp chương tiêu hết rồi. Nếu bình thường chịu dụng công, nghiệp chương bình thời đều tiêu sạch, lúc lâm chung không có nghiệp chương, lúc lâm chung chẳng sanh bệnh, nói đi là đi, đều là do trong cuộc sống hằng ngày, người ấy dùng tâm hạnh xử sự đãi người tiếp vật như thế nào, từ chỗ này chúng ta phải thực sự phản tỉnh, ý thức, bởi lẽ, xử sự đãi người tiếp vật trong cuộc sống hằng ngày đều gọi là “*chân tu hành*”.

Do vậy, chúng tôi thường nghe nói, lão pháp sư Đàm Hư lão nhân gia kể lại, lão hòa thượng Đế Nhân có một người đồ đệ là thợ vá nôi. Vị ấy lúc mất là đứng mà mất, đợi thầy mình đến thay mình lo liệu hậu sự. Suốt ba ngày ba đêm, ông ta đứng sững nơi đó, không giả đâu, thật đấy! Chuyện thật đấy! Một bà cụ ở làng Tướng Quân thuộc Đài Nam niệm Phật ba năm, cũng đứng mà mất, không sanh bệnh. Khoảng hai mươi năm trước, tôi đã là hai mươi một hay hai mươi hai năm, vào đầu thập niên tám mươi, vào năm 1983 tôi giảng kinh tại Cự Kim Sơn (San Francisco), bà cụ Cam kể cho tôi biết thân thích của bà (cũng là một bà cụ) vãng sanh một hai năm trước đó, ngồi mà vãng sanh, bệnh tật gì cũng không có. Viết sẵn di chúc, đồ tang của con, dâu, cháu đều may sẵn, đặt bên cạnh giường. Quý vị thấy một bà cụ không nói một câu nào, hằng ngày làm việc nhà, săn sóc người nhà, con trai, con dâu đi làm, cháu đi học, bà ở nhà một mình trông nhà, đại khái là niệm Phật công phu không gián đoạn, thực sự thành công!

Những người như vậy vì người khác mà thị hiện, đúng là đã thực sự làm được chuyện thọ trì đọc tụng, vì người khác diễn nói. Dù không nói, nhưng bà cụ biểu diễn chính là nói, làm cho quý vị thấy. Quý vị thấy niệm Phật vãng sanh và chăm nom việc nhà chẳng trở ngại nhau chút nào. Nếu bà cụ không biết trước lúc mất, làm sao may đầy đủ đồ tang cho con trai, con dâu và cháu? Có thể nói là cụ đã lo một nửa chuyện hậu sự. Do vì ở ngoại quốc không tiện tay làm sẵn như thế, lúc lâm chung tìm đâu ra? Cụ biết trước bèn chuẩn bị sẵn, cũng chẳng hé môi câu nào, đột nhiên người trong nhà nhận ra bà cụ đã mất, ngồi tịnh tọa trên

giường, không mắc bệnh khổ! Biết trước lúc mất, chẳng bị bệnh khổ!

“*Tâm bất tham luyện, ý bất điên đảo*” (Tâm không tham luyện, ý không điên đảo): Hai câu này hết sức trọng yếu, nghĩa là gì vậy? Thực sự buông xuống. Thực sự buông xuống trong lúc bình thời, ngay bây giờ phải buông xuống, quý vị còn đợi lúc nào nữa! Vì sao lâm chung bị sanh bệnh? Do quý vị chưa hoàn toàn buông xuống. Nếu hoàn toàn buông xuống, làm sao sanh bệnh cho được? Không tham luyện, trong tâm chẳng tham luyện hết thấy pháp thế gian hay xuất thế gian, không nóng giận, rõ ràng, minh bạch, không ngu si. “*Ý bất điên đảo*” chính là không ngu si, hai câu này (tức câu “*tâm bất tham luyện, ý bất điên đảo*”) là “tham - sân - si” quả thật không có. Đối với hết thấy pháp, hết thấy người, hết thấy sự không có chút ý niệm tham - sân - si nào, trong Phật pháp thường nói là thấy thấu suốt, buông xuống. “*Ý bất điên đảo*” là thấy thấu suốt, “*tâm bất tham luyện*” là buông xuống, triệt để buông xuống, phải buông xuống ngay trong hiện tại.

Sáu căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới sáu trần bên ngoài (tức là hết thấy người, sự, vật), ý niệm vừa động đã sai. Ý niệm vừa động là gì? Quý vị không buông xuống, không thấy thấu suốt. Lúc đó phải làm sao? Ngay lập tức khởi lên một câu Nam-mô A Di Đà Phật để khuất phục ý niệm ấy, khuất phục được thì tự nhiên không khởi, vậy là tốt. Cùng mọi người tiếp xúc, đúng là “*bách hoa từng trung quá, phiến diệp bất triêm thân*” (qua rừng trăm hoa nở, mảy lá chẳng dính thân). Thực sự thấy thấu suốt, thực sự buông xuống. Đối xử mọi người hết thấy tùy duyên, nhưng trong ấy vẫn có nguyên nhân: Toàn là vì lợi ích chúng sanh, toàn là vì chánh pháp tồn tại lâu dài. Nếu không vì lợi ích chúng sanh, không vì chánh pháp tồn tại lâu dài, quyết chẳng tham dự bất cứ hoạt động nào. Vậy nghĩa là sao? Chẳng gây tạo danh văn lợi dưỡng, cũng chẳng tham cầu ngũ dục, lục trần; trong xã hội có rất nhiều hoạt động như thế nếu quý vị tham dự thì có nghĩa lý gì chẳng? Không nghĩa lý gì hết. Dầu là luyện tâm bằng cách trải qua mọi việc, nhưng phải thực sự nhờ những việc ấy để tu hành, rèn luyện bản thân. Rèn luyện điều gì? Luyện tâm không tham luyện, ý chẳng điên đảo, luyện những điều này, ra công rèn luyện. Ra công rèn luyện cũng là vì lợi ích chúng sanh.

“*Như nhập Thiền Định*”: Đây là thành tích. Trong kinh Kim Cang, đức Thế Tôn dạy tôn giả Tu Bồ Đề trong cuộc sống thường ngày “*bất thủ u tướng, như như bất động*” (chẳng chấp lấy tướng, như như bất động), đó chính là Thiền Định. Một người lúc sắp mạng chung cũng là “*như nhập Thiền Định*”, biểu diễn cho mọi người thấy, giống như lúc

bình thường tịnh tọa nhập định, nhưng lúc bình thường tịnh tọa xong bèn xuất định, đến lúc nào đó sẽ ra định. Còn người này nhập định rồi không xuất định, đi luôn. Người học Phật có thể đạt được công phu như thế thì mới tính là thực sự thành công. Thành tựu ấy có lớn, có nhỏ, nghĩa là sao? Ra đi được thành tựu như vậy thì chỉ cần sanh lên trời Đạo Lợi của Dục Giới là đã có năng lực như thế, đã đều hiện tướng như thế, những ai sanh lên trời Đạo Lợi hay những cõi trời cao hơn đều hiện tướng lành như thế. Người niệm Phật càng hy hữu hơn, lúc người niệm Phật ra đi, nếu có tướng lành hiện tiền, khẳng định sẽ giống như trong những câu sau đây:

***Phật cập thánh chúng, thủ chấp kim đài, lai nghênh tiếp ngã, v
nhất niệm khoảnh, sanh Cực Lạc quốc.***

佛及聖眾。手執金臺。來迎接我。於一念頃。生極樂國。

(Phật và thánh chúng tay cầm đài vàng, đến tiếp đón con, trong khoảng một niệm, sanh cõi Cực Lạc)

A Di Đà Phật, Quán Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, nếu quý vị đồng thời thấy vô lượng chư Phật thì là Thượng Thượng Phẩm vãng sanh. Nếu chỉ thấy A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí theo Phật hiện đến, có rất nhiều Bồ Tát, A La Hán, cảnh giới ấy là vãng sanh bậc Thượng, tức Thượng Bồi Trung Phẩm hay Thượng Bồi Hạ Phẩm. Quý vị chú tâm quan sát những ai theo A Di Đà Phật đến tiếp dẫn mình, trong ấy nhất định có người mình quen biết. Đương nhiên quý vị không ngỡ, họ là những vị thiện tri thức quý vị đã từng thân cận trong một đời này, họ vãng sanh trước, thực sự vãng sanh. Lúc quý vị vãng sanh, họ nhất định đến, cùng theo Phật đến tiếp dẫn quý vị, quen biết mà!

Như lúc Viễn công đại sư (tổ Huệ Viễn) vãng sanh thấy A Di Đà Phật, Quán Âm, Thế Chí đến tiếp dẫn, Ngài thấy ông Lưu Di Dân, trông thấy mấy vị thuộc liên xã đã vãng sanh trước, cùng theo Phật đến tiếp dẫn Ngài. Ông Lưu Di Dân cười bảo Ngài: “Đại sư! Chúng tôi đều theo Ngài học Phật, chúng tôi về thế giới Cực Lạc trước, bây giờ Ngài mới về, sao chậm thế!” Do vậy, tôi thường nói về đến thế giới Cực Lạc mới có bè bạn thực sự, mới có tri giao thực sự, về thế giới Cực Lạc không tịch mịch. Trong thế gian này, cổ nhân thường cảm thán: “*Tương tri mãn thiên hạ, tri tâm hữu kỷ nhân?*” (Quen biết khắp thiên hạ, mấy người hiểu được ta?) Một người tìm cũng không ra! Thế nhưng khắp thế

giới Cực Lạc đều là tri giao, vì sao? Ai cũng tâm địa thuần tịnh thuần thiện, đều không có tư tâm, đều không chấp Ngã, đều không chấp Pháp, thế giới ấy có phải là tốt đẹp lắm hay không? Quý vị thực sự hiểu rõ, minh bạch thì hãy gấp lên, đừng lưu luyến thế gian này nữa, chẳng lưu luyến mảy may nào, vì sao không gấp ra đi?

“Phật cập thánh chúng, thủ chấp kim đài” (Phật và thánh chúng tay cầm đài vàng): Ở đây, chúng ta chẳng cần phải phân biệt đài vàng hay đài bạc chi hết, không cần thiết. Thời cổ thiển sư Hoài Ngọc thấy đức Phật cầm đài bạc đến, Ngài nhú mày: “Tôi suốt đời cầu được đài vàng vãng sanh!” Đức Phật cầm đài bạc đến, Ngài không muốn đi, đức Phật biến mất. Ngài lại thực sự nỗ lực niệm suốt bảy ngày bảy đêm, đức Phật hiện đến, lần này quả nhiên thấy là đài vàng, Ngài rất hoan hỷ, theo Phật vãng sanh. Chúng tôi nghĩ những người như vậy đều là vì chúng ta thị hiện, nhưng chúng ta bắt tất phải chấp nhận như thế, đài bạc cũng không sao! Có gì cứ nhất định phải đài vàng? Cần gì phải chấp trước như thế?

“Lai nghênh tiếp ngã, u nhất niệm khoảnh, sanh Cực Lạc quốc” (đến nghênh đón con, trong khoảng một niệm, sanh cõi Cực Lạc): Câu này bao hàm ý nghĩa rất sâu. *“Nhất niệm khoảnh”* (trong khoảng một niệm) là thời gian rất ngắn, đúng là một cái khảy ngón tay, thế giới Cực Lạc cách chỗ chúng ta bao xa? Mười vạn ức cõi Phật. Điều này cho thấy không có xa hay gần. Nói cách khác, quý vị thấy Phật, lúc Phật đến tiếp dẫn thì trước hết Phật phóng quang chiếu quý vị. Phật quang chiếu đến là Phật lực gia trì, công phu của quý vị nhất định được nâng cao hơn một bậc: Công phu niệm Phật của chúng ta là công phu thành phiền, nâng cao hơn một bậc thành Sự nhất tâm bất loạn. Nếu chúng ta niệm đến Sự nhất tâm bất loạn thì nâng cao hơn một bậc là Lý nhất tâm bất loạn. Vì thế, La Thập đại sư dịch là *“nhất tâm bất loạn, tâm bất điên đảo”* không sai chút nào! Nhưng nguyên bản Phạn Văn ghi là *“nhất tâm hệ niệm”*, nhất tâm hệ niệm là chưa được Phật lực gia trì. Lúc lâm chung, Phật quang chiếu gọi là nhất định gia trì, do sự gia trì ấy, công phu của quý vị nâng cao hơn một bậc. Nâng cao hơn một bậc là nhất tâm bất loạn. La Thập đại sư đối với cảnh giới này hiểu rất rõ ràng, thấu suốt, Ngài cũng vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

A! Bây giờ đã hết giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp câu cuối cùng của bài Tịnh Độ Văn:

Hoa khai kiến Phật, tức văn Phật thừa, đốn khai Phật huệ, quảng độ chúng sanh, mãn Bồ Đề nguyện.

華開見佛。即聞佛乘。頓開佛慧。廣度眾生。滿菩提願。

(Hoa nở thấy Phật, liền nghe Phật thừa, mau khai Phật huệ, rộng độ chúng sanh, mãn nguyện Bồ Đề).

Chúng ta hãy xem mấy câu tổng kết này. Nếu công phu thực sự khá thì Thượng Thượng Phẩm vãng sanh trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ, không phải ai cũng làm được điều này. Chắc chắn đại đa số vãng sanh Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Ở đây là Lý nhất tâm bất loạn, vì sao? “*Sanh Cực Lạc quốc, hoa khai kiến Phật*” (sanh cõi Cực Lạc, hoa nở thấy Phật) chính là Lý nhất tâm bất loạn, cảnh giới này hoàn toàn giống như cảnh giới minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ của Tông Môn. Đương nhiên cũng là thiểu số, bởi Kiến Tư phiền não đã đoạn sạch, Trần Sa phiền não cũng đã đoạn hết, Vô Minh cũng phá được mấy phẩm, đây là “*ư nhất niệm khoảnh, sanh Cực Lạc quốc, hoa khai kiến Phật*” (trong khoảng một niệm, sanh cõi Cực Lạc, hoa nở thấy Phật).

“*Tức văn Phật thừa*” (liền nghe Phật thừa): Chúng ta thường gọi “*Phật thừa*” là pháp Nhất Thừa. Trong Đại Thừa, Nhất Phật Thừa là pháp chân thật nhất. Trong hội Pháp Hoa, đức Thế Tôn nói: “*Duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị diệc vô tam, trừ Phật phương tiện thuyết*” (chỉ có pháp Nhất Thừa; không hai cũng không ba, trừ khi đức Phật nói phương tiện). Do đây biết rằng chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát thị hiện trong chín pháp giới, thực sự dạy người quả thật chỉ có pháp Nhất Thừa. Chỉ có pháp Nhất Thừa mới là thực sự bình đẳng, mới thực sự là từ bi. Tam Thừa là gì? Tam Thừa là Đại Thừa, Đại Thừa là Bồ Tát Thừa, [hợp với] Duyên Giác Thừa, Thanh Văn Thừa thành Tam Thừa. Bồ Tát Thừa là Đại Thừa, Duyên Giác Thừa là Trung Thừa, Thanh Văn Thừa là Tiểu Thừa; đó là Tam Thừa. Nếu nói Nhị Thừa thì là Đại Thừa và Tiểu Thừa; Đại Thừa là Bồ Tát, Tiểu Thừa là Thanh Văn và Duyên Giác gộp chung lại gọi là Tiểu Thừa. Trong hội Pháp Hoa, đức Thế Tôn “*khai quyền hiển thật*” (mở ra quyền giáo, chỉ bày thật giáo), chỉ rõ pháp nào là pháp quyền xảo phương tiện. Nói hai thừa hay nói ba thừa chính là đức Phật nói một cách phương tiện, chứ không nói chân thật. Nói chân

thật thì chỉ có pháp Nhất Thừa. Kinh Pháp Hoa là Nhất Thừa, kinh Hoa Nghiêm là Nhất Thừa, kinh Phạm Võng là Nhất Thừa.

Do vậy, ở đây chúng ta thấy: “*Hoa khai kiến Phật, tức văn Phật thừa*” (hoa nở thấy Phật, liền nghe Phật thừa), Phật thừa chỉ cho điều gì? Theo ý chúng tôi, nhất định là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh! Pháp Nhất Thừa rốt ráo viên mãn; do vậy, đương cơ kinh Hoa Nghiêm là ai? Bốn mươi một vị Pháp Thân đại sĩ. Pháp Thân đại sĩ trụ ở nơi đâu? Trụ trong Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Chúng ta phải biết Tây Phương Cực Lạc thế giới có bốn cõi, Phàm Thánh Đồng Cư Độ [của Cực Lạc] tương đương với Phàm Thánh Đồng Cư Độ trong thế giới này của chúng ta. Địa cầu của chúng ta chính là Phàm Thánh Đồng Cư Độ, chúng ta biết A La Hán tu hành tại nơi đây. Thế nhưng do khác chiều không gian, chúng ta không thấy được A La Hán. A La Hán cũng chẳng khinh dị để cho chúng ta thấy.

Quý vị đã từng đọc Tam Muội Thủy Sám thấy quốc sư Ngô Đạt nghiệp chương hiện tiền, đau đớn vì mụn ghẻ mặt người, gần như muốn chết. Lúc ấy chợt nhớ khi trước có một vị hòa thượng, vị hòa thượng ấy sanh bệnh khắp mình lở loét, hôi thối không thể diễn tả nổi. Sư không ngại, Sư phát tâm từ bi săn sóc vị hòa thượng ấy. Sau này, vị hòa thượng đó bảo Sư: “Trong tương lai khi ông có đại nạn, hãy đến tìm tôi”. Ngài cho biết mình ở tại ngọn núi đó thuộc Tứ Xuyên, trên núi ấy có hai cây tùng, “Cứ đến đó tìm tôi, tôi sẽ giúp đỡ ông!” Sau này, khi Sư bị bệnh ghẻ mặt người, nhớ lại lời ấy, bèn đi tìm, kết quả mới biết vị hòa thượng ấy chính là A La Hán thị hiện. Sư đến chỗ ấy tìm Ngài, quả nhiên thấy đạo tràng A La Hán, bảy báu trang nghiêm! Vị hòa thượng ấy vốn là tôn giả Ca Nặc Ca, hòa giải, hóa trừ oan kết cho Sư. Oán gia trái chủ bỏ đi, dùng nước tam-muội rửa vết thương mới khôi phục. Sau đấy, Sư rời đi, ngoảnh đầu nhìn lại không còn gì nữa, chỉ còn một giải núi hoang, cái gì cũng không có, mới biết trong nhân gian có đạo tràng của A La Hán, không có duyên phận thù thắng đặc biệt sẽ chẳng thấy được!

Vị tổ sư đời thứ tư của Tịnh Độ tông chúng ta là ngài Pháp Chiêu, Ngài cũng là thiền sư, có duyên với Tịnh Độ rất sâu. Có một ngày vào lúc quá đường (tức là ăn cơm), trong tự viện quá đường dùng bát, hôm ấy ăn bữa sáng. Bữa sáng ăn cháo, Ngài cúi đầu nhìn vào bát, chợt thấy cảnh Ngũ Đài Sơn hiện ra trong bát. Chùa Đại Thánh Trúc Lâm Tự của Văn Thù Bồ Tát hiện ra trong bát, thấy thật rõ ràng, Ngài không biết đây là đâu, hỏi người khác. Người khác nhìn vào, có người đã từng đến Ngũ Đài Sơn, vừa nhìn là biết cảnh Ngũ Đài Sơn. Do vậy, Tổ phát tâm triều

bái Ngũ Đài. Lúc triều Bái Ngũ Đài, đến được Ngũ Đài Sơn, quả nhiên thấy con đường này giống hệt như cảnh đã hiện trong bát, bèn lần theo con đường ấy đi tìm, quả nhiên tìm được Đại Thánh Trúc Lâm Tự. Văn Thù, Phổ Hiền hai vị Bồ Tát đều ngự trong đó, Văn Thù Bồ Tát giảng kinh, Ngài ngồi nơi đó nghe hết buổi giảng. Sau đấy hướng về Văn Thù Bồ Tát thỉnh giáo: “*Thế gian này đã bước vào thời Mạt Pháp, căn tánh con người ngày càng kém cỏi, phiền não tập khí ngày càng sâu hơn người đời trước, phải tu pháp gì mới hòng thành tựu?*” Văn Thù Bồ Tát bảo Tổ: “*Phải tu pháp môn Niệm Phật*”.

Cách niệm như thế nào? Văn Thù Bồ Tát niệm mấy câu cho Tổ nghe, Tổ bèn học lấy. Sau này ra khỏi Trúc Lâm Tự, ven theo đường đi vẫn đánh dấu, sợ lạc đường, để lần sau trở lại! Vừa đánh dấu, quay đầu nhìn lại đã thành một giải núi hoang, chùa miếu không còn nữa, thật đúng như một giấc mộng. Do vậy mới hiểu đây là cảnh giới của thánh nhân. Trở về, Tổ bèn đề xướng pháp môn Niệm Phật, Ngũ Hội Niệm Phật do chính thiền sư Pháp Chiếu đề xướng. Thanh điệu Ngũ Hội Niệm Phật do chính Văn Thù Bồ Tát truyền cho Tổ. Hiện tại cũng có Ngũ Hội Niệm Phật nhưng tôi nghe qua, không giống! Vì sao? Ngũ Hội Niệm Phật hiện thời, chúng ta nghe xong tâm không định; còn phương pháp Niệm Phật do Văn Thù Bồ Tát truyền không thể nào khiến cho quý vị nghe xong tâm chẳng thanh tịnh, không thể nào! Nhất định phải rất nhiếp tâm. Như vậy, phương pháp Ngũ Hội Niệm Phật ấy đúng là đã thất truyền. Khúc nhạc Ngũ Hội Niệm Phật hiện thời là do vào thời đầu Dân Quốc có một vị pháp sư soạn ra nhạc phổ, giống như xướng ca, nghe rất êm ái. Tôi nghe xong, tôi nói tốt lắm, đây là một phương pháp tốt để tiếp dẫn những người trẻ tuổi hiện thời, nhưng thực sự niệm Phật nhiếp tâm, muốn niệm đến mức công phu thành phiên, nhất tâm bất loạn thì phương pháp ấy có vấn đề.

Như vậy, Bồ Tát, A La Hán ở cùng một chỗ với chúng ta là thật, không giả. Sử sách, bút ký, tiểu thuyết của cổ nhân đã ghi chép rất nhiều, còn như chuyện chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong thế gian này càng nhiều hơn nữa! Chúng ta là phàm phu nhục nhĩ không thấy được, đây là Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Phương Tiện Hữu Dư Độ giống như tứ thánh pháp giới, Phàm Thánh Đồng Cư Độ giống như lục đạo của chúng ta. Trong lục đạo, kinh điển nói Phàm Thánh Đồng Cư Độ có ba chỗ: Chỗ nhân gian của chúng ta là Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Trong Dục Giới thiên có trời Đâu Suất, nội viện của Bồ Tát Di Lặc ở trên trời Đâu Suất, Đâu Suất thiên là Phàm Thánh Đồng Cư Độ trong Dục Giới. Đệ Tứ

Thiên trong Sắc Giới có Ngũ Bất Hoàn Thiên là nơi tu hành của chư thiên thuộc cõi trời Tịnh Cư. Chư thiên cõi trời Tịnh Cư đều chứng từ Tam Quả trở lên; do vậy nơi ấy cũng là một cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Những cõi này tương đương với cõi Phàm Thánh Đồng Cư của Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhưng không thù thắng. Ở chỗ chúng ta, tuy là cõi Phàm Thánh Đồng Cư, nhưng cảnh giới phàm và thánh khác nhau, phàm phu không thấy được thánh nhân, thánh nhân cũng chẳng thấy phàm phu. Trong Phàm Thánh Đồng Cư Độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới, phàm và thánh hằng ngày gặp nhau, sống cùng một chỗ, chẳng thể nghĩ bàn!

Do vậy, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, ở Phàm Thánh Đồng Cư Độ hằng ngày gặp mặt Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí, cũng như hằng ngày gặp mặt các vị đại Thanh Văn. Ngày ngày cùng học một chỗ, rất hy hữu, thù thắng khôn sánh. Phương Tiện Hữu Dư Độ tương đương với bốn thánh pháp giới của chúng ta, Thật Báo Trang Nghiêm Độ [của hai cõi Sa Bà và Cực Lạc] giống nhau, không phân biệt gì. Cõi Thật Báo của Thích Ca Mâu Ni Phật và cõi Thật Báo của thế giới Cực Lạc không khác gì nhau. Vì thế, Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng nhất là Phàm Thánh Đồng Cư Độ, có thể làm cho phàm phu chúng ta chẳng đoạn một phẩm phiền não mà vẫn có thể một đời viên thành Phật đạo. Do vậy, thập phương chư Phật tán thán thế giới Cực Lạc, tán thán A Di Đà Phật, đạo lý là đây! Đã thế, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, dù là Hạ Hạ Phẩm vãng sanh trong Phàm Thánh Đồng Cư Độ, như chúng ta xem trong Quán Kinh, đến khi hoa nở thấy Phật chỉ là mười hai kiếp, Hạ Hạ Phẩm vãng sanh đây nhé!

Mọi người chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới có thể không phải là Hạ Hạ Phẩm, tối thiểu là Hạ Trung Phẩm, Hạ Thượng Phẩm, Trung Hạ Phẩm, Trung Trung Phẩm, rất có khả năng. Hạ Hạ Phẩm tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, nhưng chúng ta không tạo tội nghiệp, không tạo tội nặng như thế. Trong hiện tại, tạo tác ác nghiệp rất có khả năng, chứ thời cổ rất khó, quý vị thấy: Giết cha mẹ, tội đại nghịch bất đạo hiện thời là có, chúng ta thường nghe tin tức nói đến. Trước kia, đúng là hết sức khó nghe nói có những chuyện như vậy, con người dẫu tệ hại cũng không đến nỗi giết cha mẹ, giết hại anh em.

Nghe kinh Hoa Nghiêm hết sức khó khăn vì kinh này giảng cho Pháp Thân đại sĩ. Ngày nay chúng ta gặp được duyên phận này, mọi người cùng học kinh Hoa Nghiêm, tuy chúng ta không phải là Pháp Thân Bồ Tát, nhưng chúng ta học chương trình học của Pháp Thân Bồ

Tất, nhân duyên hy hữu khó được! Chúng ta được huân tập, dù học Hoa Nghiêm, nhất định phải nhớ chuyên tâm tu Tịnh Độ. Chúng ta nghe kinh Hoa Nghiêm, đọc kinh Hoa Nghiêm, công phu của chúng ta vẫn là niệm A Di Đà Phật y như cũ, cầu sanh về thế giới Cực Lạc, kinh này giúp cho chúng ta rất lớn. Vì sao? Quý vị thấy Vô Lượng Thọ Kinh vừa mở đầu đã nói: “*Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức*” (đều cùng tuân tu đức hạnh của Phổ Hiền đại sĩ). Đức của Phổ Hiền đại sĩ chính là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Do vậy, học Hoa Nghiêm, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ chính là nâng cao phẩm vị vãng sanh của chúng ta rất lớn, nâng cao thứ bậc lên. Cơ duyên khó được, chẳng dễ gặp được, nhất định phải quý tiếc.

“*Đốn khai Phật huệ*” (mau khai Phật huệ) chính là minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ, chúng ta chẳng dám mong mỗi cảnh giới ấy. Nếu thực sự hiểu rõ, thực sự giác ngộ, buông tự tự lợi xuống, đối với chính mình không chấp trước, đối với hết thầy người, sự, vật, hết thầy vạn pháp chẳng còn chấp trước nữa. Hai thứ chấp Ngã Chấp và Pháp Chấp đầu chưa thể nói là đã đoạn sạch, nhưng đã nhặt đi rất nhiều thì phẩm vị của quý vị tự nhiên nâng cao. Do vậy, đối với những bộ kinh giúp cho chúng ta rất lớn, phải nghiêm túc nỗ lực học tập.

“*Quảng độ chúng sanh*”: Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới “*quảng độ chúng sanh, mãn Bồ Đề nguyện*” (rộng độ chúng sanh, mãn nguyện Bồ Đề) là điều khẳng định. Dù chính mình chưa khai ngộ, vãng sanh bậc Hạ trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ nhưng vẫn có thể rộng độ chúng sanh, dựa vào đâu? Dựa vào bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Do người ấy chưa kiến tánh, những thứ trí huệ, năng lực, tướng hảo trong tự tánh chưa hiện tiền, nhưng do Phật lực gia trì, được bốn mươi tám nguyện đại từ đại bi của A Di Đà Phật gia trì nên trí huệ, đức năng, tướng hảo liền chẳng kém Thất Địa Bồ Tát cho mấy, A Duy Việt Trí Bồ Tát mà! Phàm ai vãng sanh đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Trong tất cả hết thầy các cõi nước khác, tìm chẳng ra chuyện này, mười phương thế giới chư Phật đều chẳng có! Vì vậy, hết thầy chư Phật tán thán Tây Phương Cực Lạc thế giới, tán dương A Di Đà Phật, đạo lý là đây! Đây chính là chân chánh thỏa mãn đại nguyện Bồ Đề của chư Phật, mà cũng là thỏa mãn nguyện Bồ Đề của chính mình.

Một thiên Tịnh Độ Văn của Từ Vân Sám Chủ được rất nhiều người thọ trì. Không chỉ những vị đồng học Tịnh Độ tông khi tụng kinh, niệm Phật, sám hối, hồi hướng thường tụng bài này, mà ngay cả những người không chuyên tu Tịnh Độ; thậm chí trong Tông Môn, Giáo Hạ,

những người nương theo bài văn này để phát nguyện rất nhiều. Thiên văn tự này có vô lượng vô biên công đức, giúp không ít người vãng sanh Tịnh Độ. Chúng ta lại xem bài kệ tiếp theo:

**Niệm Phật lâm chung kiến bảo đài,
Bảo phan, bảo cái mãn không bài,
Di Đà, Thế Chí, Quán Âm đẳng,
Hiệp chưởng tương tùy quy khứ lai.**

念佛臨終見寶臺。

寶幡寶蓋滿空排。

彌陀勢至觀音等。

合掌相隨歸去來。

*(Niệm Phật lâm chung thấy bảo đài,
Lọng phan quý báu ngập trời bày,
Chấp tay theo gót Di Đà Phật,
Quán Âm, Thế Chí trở về Tây).*

Bài kệ này tán thán người niệm Phật lâm chung vãng sanh, quý vị thấy thù thắng như thế đó! Người thế gian chúng ta gọi là “phô trương, chung bày”, phô bày sự thù thắng khôn sánh, dù là pháp thế gian hay xuất thế gian đều tìm không được, chỉ có người chân chánh niệm Phật, công phu niệm đến nơi đến chốn không còn phân biệt, chấp trước Ngã và các pháp, như kinh Kim Cang đã nói: “*Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*”. Niệm đến cảnh giới ấy, lúc lâm chung sẽ giống như bài kệ này đã nói: “*Kiến bảo đài*” (thấy đài báu), tức là thấy hoa sen, “*Phật cập thánh chúng, thủ chấp kim đài, lai nghênh tiếp ngã*” (Phật và thánh chúng tay cầm đài vàng đến tiếp đón con). Quý vị thực sự thấy như vậy, chứ không phải là giả vờ thấy. “*Bảo phan, bảo cái mãn không bài*” (Lọng, phan quý báu bày đầy hư không), quý vị thấy những thứ cúng dường theo chân Phật, Bồ Tát: Lọng báu, tràng phan báu tràn ngập hư không. Nay chúng ta ít thấy nhà Phật chung bày như thế, chứ trước kia thì có, trước kia trong đại pháp hội quả thật phô trương như thế đó, nay rất ít thấy, thời đại đã khác rồi! Người ta coi sự chung bày choáng lộn ấy là mê tín.

Thế nhưng nay ở Trung Quốc, Tây Tạng, Thanh Hải, các dân tộc Tây Tạng trên cao nguyên hoặc dân Mông Cổ theo Mật tông vẫn còn duy trì như vậy. Chúng tôi thấy ở những nơi đó khắp núi non, đồng trống

là tràng phan, lọng báu. Bất cứ nơi nào chúng tôi báo tin đến thăm, người ta vẫn đem những thứ ấy đến cúng dường. Tràng phan, bảo cái đều mang ý nghĩa biểu thị pháp. Nay chúng ta coi trọng việc biểu thị pháp. Những thứ ấy đều thuộc loại cờ xí, thứ đẹp và dài gọi là Phan (幡); thứ tròn, giống như một cái ống thông gió thì gọi là Tràng (幢). Cái (蓋) là tàn lọng để ngăn che bụi bặm. Tràng biểu thị thuyết pháp, Phan biểu thị pháp hội. Ở nơi nào thực hiện những hoạt động với quy mô lớn thì dùng tràng phan, bảo cái. Mỗi một người vãng sanh là đại sự, chư Phật, Bồ Tát đều đến. Số người đông đảo chúng ta không có cách gì tưởng tượng được, xếp bày đây ấp hù không.

“*Di Đà, Thế Chí, Quán Âm*” là Tây Phương Tam Thánh, là những nhân vật chính đến tiếp dẫn! Người lâm chung trông thấy những tướng lành như thế quyết định vãng sanh. Tướng lành như vậy ma không thể hiện được, quả thật là lâm chung Tây Phương Tam Thánh đến tiếp dẫn, an tâm theo các Ngài đi, ổn thỏa, thích đáng không sai lầm chút nào! Vì thế “*hiệp chưởng tương tùy quy khứ lai*” (Chấp tay theo chân Phật, Bồ Tát trở về). “*Quy khứ*” là vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, “*lai*” là hy vọng quý vị sẽ nương theo bốn nguyện trở lại (thừa nguyện tái lai). Trong bài này có đủ những ý tán thán, phó chúc, cầu nguyện.

35. Tán Thán Tăng Bảo

Tiếp theo là phần tán thán Tăng Bảo thuộc phần tán Tam Bảo của thời thứ ba. Trong những phần trên chúng ta đã tán thán Phật Bảo, tán thán Pháp Bảo, nay là tán thán Tăng Bảo.

Trước hết, chúng ta chỉ nói về Tăng, tiếng Phạn là Tăng Già Da (Sanghaya), người Hoa thích đơn giản nên những âm cuối đều lược bớt, chỉ gọi là Tăng. Kỳ thật chữ Da ở cuối chữ mang ý nghĩa tôn kính. Quý vị thấy Phật Đà Da (Buddhaya), Đạt Ma Da (Dharmaya), Tăng Già Da, Da mang ý nghĩa tôn kính. Tăng: Từ bốn người trở lên cùng nhau tu hành, tuân thủ giáo giới của Phật Đà (giáo giới ấy chính là Lục Hòa Kính), bốn người cùng tuân thủ Lục Hòa Kính thì mới gọi là Tăng. Do vậy, Tăng là một đoàn thể, không phải chỉ một người. Đoàn thể từ bốn người trở lên như thế được gọi là Tăng Đoàn. Người đầu đông nhưng không tu Lục Hòa Kính, không thể gọi là Tăng Đoàn, chẳng thể gọi là Tăng. Vì vậy, Tăng nhất định phải hòa kính.

Tăng nghĩa là thanh tịnh, sáu căn thanh tịnh chẳng nhiễm mảy trần. Nếu quý vị nghĩ bất hòa, bất kính, tâm quý vị thanh tịnh sao được?

Đã bị nhiễm ô mất rồi! Thực sự thực hiện được “hòa kính” sẽ tự nhiên chẳng nhiễm mảy trần, thân tâm thanh tịnh. Do đây biết rằng: Lục Hòa là nhân, sáu căn thanh tịnh là quả. Tu nhân nhất định phải đạt được quả báo. Quả báo là sáu căn thanh tịnh chẳng nhiễm mảy trần. Tu nhân quan trọng lắm! Trong Lục Hòa, điều thứ nhất là Kiến Hòa Đồng Giải, nay chúng ta gọi là “thiết lập nhận thức chung”, rất khó khăn. Giữa người với người, đây kia đều có ý kiến, mỗi người nghĩ một cách, mỗi người nhìn một cách, phiền toái lắm. Làm sao mới có thể tương đồng? Quý vị nói: “Tốt! Chúng ta đều nương theo lời Phật dạy, đức Phật dạy như thế nào, chúng ta nương theo đức Phật, còn gì bất đồng nữa!”

Vì sao? Ý kiến của Phật khác với ý kiến của chúng ta. Có người nói: “Y theo ý kiến của Phật ư? Vì sao không thể theo ý kiến của chúng ta?” Là vì chư Phật Như Lai cao minh, cao minh đến cùng cực, lời Ngài nói ra đúng là khế lý, khế cơ, hết sức công bằng, hết sức công chánh. Vậy thì mọi người chúng ta buông hết thấy cách nghĩ, cách nhìn của mình xuống, há chẳng bình đẳng ư? Chúng ta buông xuống, Phật cũng buông xuống, đây gọi là “trở về với Nhất Chân”, quý vị thấy phương pháp này cao minh lắm! Đức Phật nói: Quý vị không cần phải theo tôi, mọi người chúng ta đều buông xuống, bình đẳng. Thực sự bình đẳng, không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, Kiến Hòa Đồng Giải mà! Có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì cách nghĩ và cách nhìn đều khác nhau. Có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước bèn sanh phiền não; không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước bèn sanh trí huệ. Vì thế, kinh luận thường nói: “*Phiền não tức Bồ Đề*” (phiền não chính là Bồ Đề). Buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống, Bồ Đề bèn hiện tiền; cứ hễ kèm vọng tưởng, phân biệt, chấp trước vào thì phiền não bèn hiện tiền. Phiền não và Bồ Đề là một, từ quan điểm này đức Phật lập ra “*kiến hòa đồng giải*”.

Chúng tôi thường nói: Thật ra, chúng ta chưa buông xuống được, chưa buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống được; buông xuống không được thì làm sao đây? Đó là chuyện bất đắc dĩ, mọi người chúng ta phải nghĩ: Nên y theo lời giáo huấn của đức Phật, y giáo phụng hành; nói chung là căn cứ vào đó. Đây là phương pháp bất đắc dĩ, rút vào Đệ Nhị Nghĩa; chứ trong Đệ Nhất Nghĩa, ngay cả Phật cũng buông xuống, đó là thật, thực sự sanh, chân thật sanh. Nay chúng ta dựa vào những giáo huấn của Phật, Bồ Tát trong kinh luận để tu hành, nói thật ra là Tương Tự Vị, không phải là Chân Thật Vị, mà là Tương Tự Vị, rất giống nhưng chưa phải là thật, nhưng cũng kể là khá lắm: Từ Tương Tự

có thể dần dần chứng được chân thật. Nếu chẳng trải qua Tương Tự, chắc chắn chẳng thể đạt được Chân Thật. Do vậy, chúng ta phải thừa nhận bản thân nghiệp chướng sâu nặng, là phàm phu không có năng lực buông phiền não, tập khí xuống. Nếu nay chúng ta không nhờ vào kinh giáo để giúp đỡ, ngoài cách này ra, không còn có cách thứ hai nào để theo! Ta là hạng căn tánh trung hạ thì nhất định phải tuân theo giáo huấn của thánh hiền. Giáo huấn của thánh hiền là sự chứng đắc từ trong tự tánh của chính họ, là trí huệ chân thật! Tánh đức vốn có đức năng. Đức năng vốn có nơi tánh đức chính là Giới Luật. Trí huệ vốn sẵn đủ chính là kinh giáo.

Như vậy, tuân theo những giáo huấn trong kinh điển chính là tuân theo tánh đức của chính mình. Khi bản thân quý vị đã minh tâm kiến tánh rồi, tư tưởng, kiến giải và hành vi của quý vị nhất định hoàn toàn giống với chư Phật, Bồ Tát. Phật Phật đạo đồng, chúng ta phải hiểu đạo lý này. Hiểu rồi mới chết lòng trọn ý nơi kinh giáo, ta niệm kinh là niệm gì vậy? Chính là niệm trí huệ, công đức của tự tánh. Chúng ta y giáo phụng hành là y theo gì? Y theo trí huệ, đức năng sẵn có nơi tự tánh để hành động, để sống, chẳng trái nghịch tánh đức. Ngàn vạn phần phải nhớ kỹ, không phải là ta bị Phật, Bồ Tát xỏ mũi lôi đi đâu nhé! Hiểu như vậy là lầm lẫn quá đổi! Ngay cả Ấn Quang đại sư trong thời hiện tại, thực sự là Phật, Bồ Tát, quý vị thấy Ngài dạy, Ngài chỉ đạo chúng ta: “*Đôn luân, tận phận, nhàn tà, tồn thành, tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ*” (Giữ vẹn luân thường, trọn trách nhiệm, dứt lòng tà, giữ lòng thành; tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ), hoàn toàn là tánh đức, tuyệt đối chẳng phải là chúng sanh trong chín pháp giới có thể nói ra [những lời như vậy] được. Lời này lưu xuất từ tánh đức, nhất định phải hiểu rõ ràng những chữ này.

Tu hành bắt đầu từ đâu? Nhất định phải bắt đầu từ trì giới. Theo truyện ký về Phó Đại Sĩ trong nhà Phật, Ngài là hóa thân của Di Lặc Bồ Tát; quả thật, Bồ Tát đều có năng lực như thế này: Nên dùng thân cư sĩ để độ, bèn hiện thân cư sĩ thuyết pháp. Di Lặc Bồ Tát hiện thân cư sĩ là Phó Đại Sĩ; Di Lặc Bồ Tát hiện tướng xuất gia là hòa thượng Bồ Đại. Hòa thượng Bồ Đại cũng là Di Lặc Bồ Tát hóa thân; hiện tướng tại gia cư sĩ là Phó Đại Sĩ. Ngài dạy chúng ta không phải là Di Lặc Bồ Tát dạy chúng ta hay sao? Ngài dạy chúng ta như thế nào? Ngài dạy: “*Thị tâm thị Phật, thị Phật thị tâm, niệm niệm Phật tâm, Phật tâm niệm Phật, dục đắc tảo thành, giới tâm tự luật, tịnh luật tịnh tâm, tâm tức thị Phật*” (Tạm dịch: Tâm này là Phật, Phật này là tâm, trong mỗi niệm [tâm là]

tâm Phật, [dùng] tâm Phật để niệm Phật, muốn được sớm thành thì phải dùng cái tâm giới luật để tự ước thúc mình, giữ giới thanh tịnh thì tâm thanh tịnh, tâm chính là Phật). Không một vị Phật hay Bồ Tát nào chẳng dạy người phải khởi đầu bằng Giới Luật!

Cận đại, lão hòa thượng Hư Vân thường dạy hàng sơ học, câu đầu tiên là “*ng nghiêm trì giới luật*”. Bởi thế, điều thứ hai trong Lục Hòa Kính là “giới hòa đồng tu”. Giữ giới luật, giữ quy củ thì Tăng đoàn của quý vị mới được mọi người tôn kính, có trật tự, có quy củ, là tấm gương tốt cho tất cả hết thảy những đoàn thể trong xã hội. Vì người khác diễn nói đây! Toàn bộ đoàn thể biểu diễn nơi đây, biểu diễn cho đại chúng xã hội xem, mong tất cả hết thảy đoàn thể đều hòa thuận giống như thế. Mọi người đều biết tôn kính lẫn nhau, kính yêu lẫn nhau, quan tâm đến nhau, hợp tác với nhau. Làm như thế nào mới đạt được như thế? Trì giới mới có thể đạt. Quý vị không trì giới, không tuân thủ quy củ sẽ không thể làm được. Một đoàn thể như vậy thực sự chẳng những được người thế gian tôn trọng, mà chư thiên cũng đều ủng hộ, đều khen ngợi. Trong cuộc sống hằng ngày thì thực hiện “*thân đồng trụ, khẩu vô tranh, ý đồng duyệt, lợi đồng quân*” (thân cùng ở, miệng không cãi, cùng chia sẻ ý kiến, lợi chia đều), thực sự thực hiện Lục Hòa Kính. Đối với chính mình thì chính mình tu dưỡng bằng Ngũ Giới, Thập Thiện; sau đấy nâng cao lên thành Thập Giới, hai mươi bốn oai nghi, đấy chính là Sa Di. Nay chúng tôi chỉ mong mỗi làm được tiêu chuẩn này.

Vì thế, sau khi học viện mở cửa, hết thảy mọi việc đi vào khuôn khổ, môn học đầu tiên tức môn học chung cho mọi lớp chính là Sa Di Luật Nghi, tại gia hay xuất gia đều phải học Thập Giới hai mươi bốn oai nghi. Tương lai, học viện chúng ta mỗi một quý (Xuân, Hạ, Thu, Đông mỗi một quý) mở một lần Phật học giảng tòa. Trong Phật học giảng tòa, có ba môn học cơ bản cần phải có, tức là mỗi lần chúng ta đều phải giảng ba môn ấy. Môn thứ nhất là Nhận Thức Phật Giáo. Học Phật mà quý vị không biết rõ ràng Phật giáo là gì thì học cái gì đây? Đấy chính là khoa mục chung của chúng ta. Môn thứ hai chính là tác phẩm mà Ấn Quang đại sư lão nhân gia suốt đời cực lực đề xướng, tức Liễu Phàm Tứ Huấn. Môn thứ ba là Sa Di Luật Nghi. Ba môn ấy là công khóa chủ tu (tu học chánh yếu) của chúng ta, nhất định phải giảng. Một năm giảng bốn lần, nếu không thường xuyên cảnh tỉnh chúng ta như thế, ấn tượng sẽ không sâu, không thể giác ngộ. Vì thế, quý vị tu rất khổ sở, rất khó khăn, không muốn thực hiện. Nếu thực sự hiểu rõ, quý vị sẽ rất hoan hỷ thực hiện, quyết định chẳng trái nghịch.

Vì sao? Vì quý vị đạt được pháp hỷ từ đó, quý vị biết làm như vậy sẽ thực sự vui sướng, nếu trái nghịch sẽ thực sự đau khổ. Khoan nói đến nghiệp báo, lương tâm bị cắn rứt; nhưng nay quý vị hoàn toàn ngược lại, tội hồ chẳng bị lương tâm cắn rứt là vì sao? Quý vị không có lương tâm! Tâm ôm ấp những điều xấu xa, chẳng lành, bởi thế lương tâm không cắn rứt, quý vị không có lương tâm! Nếu có lương tâm sẽ bị lương tâm cắn rứt. Người không có lương tâm chính là người thuộc ba ác đạo, không còn thuộc nhân đạo nữa, đương nhiên càng chẳng thể là người thuộc về thiên đạo. Lý và Sự này chúng ta đều phải hiểu, phải thấy rõ. Do vậy, ba môn trên đây chúng tôi ấn định là ba môn phải tu học đối với hàng sơ học. Ngoài ra, trong những điều phải tu còn có những môn tuyển tu, tức là những môn học phụ trợ cũng rất quan trọng: Cảm Ứng Thiên Vọng Biên, Đức Dục Khóa Bản, về kinh điển thì có Thập Thiện Nghiệp Đạo, kinh A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung, những môn học ấy chúng tôi đều phải mở. Nếu những môn học ấy không thiết lập được cơ sở sâu dày thì chúng ta học Phật sẽ không có gốc rễ!

Chúng ta niệm Phật muốn thực sự niệm đến “*lâm mạng chung thời, dự tri thời chí, một hữu bệnh khổ, như nhập Thiên Định*” (lúc mạng sắp hết, biết trước lúc đi, không bị bệnh khổ, như nhập Thiên Định), rất khó đạt được. Quý vị chú tâm quan sát phàm ai lâm chung có những tướng lành như thế, quý vị chú tâm quan sát: Những người ấy dầu không học vẫn có thể làm được; họ thực sự có lương tâm, đúng là thiện nhân, đãi người, tiếp vật, không có tí xú ác ý nào. Vì thế, lâm chung mới có được tướng lành như thế. Do vậy, nay ở học viện này của chúng ta, tốn mất thời gian hai năm để đặt vững cơ sở, các kinh luận khác dù chúng ta chưa học, thậm chí chúng ta không cần phải học, cứ một câu niệm Phật niệm đến triệt để, lúc lâm chung quý vị sẽ có tướng lành như thế. Thượng phẩm vãng sanh trong Phàm Thánh Đồng Cư Độ, tướng lành hết sức hy hữu, đều có thể biết trước lúc mất, thân không bệnh khổ, [vãng sanh trong] ba bậc Thượng của Phàm Thánh Đồng Cư Độ. Tất cả hết thấy pháp trong thế gian đều là giả, còn điều này là thật, chúng ta phải tranh thủ cái thật, buông cái giả xuống. Danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần là giả, triệt để buông xuống.

A! Nay đã hết giờ rồi!

Tập 55

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần Tăng Bảo Tán trong thời thứ ba của Hệ Niệm Pháp Sự, chúng tôi đọc kinh văn một lượt:

**Tăng Bảo bất tư nghị,
Thân phi tam sự vân y,
Phù bôi quá hải sát-na thời,
Phó cảm ứng quần cơ,
Kham tác nhân thiên công đức chủ,
Kiên trì giới hạnh vô vi,
Ngã kim khể thủ nguyện dao tri,
Chấn tích trượng đề huê.**

僧寶不思議。
身披三事雲衣。
浮盃過海剎那時。
赴感應群機。
堪作人天功德主。
堅持戒行無違。
我今稽首願遙知。
振錫杖提攜。

(Tăng Bảo chẳng nghĩ bàn,
Chén nổi vượt biển trong khoảnh khắc,
Cảm ứng mọi căn cơ,
Đáng làm trời người công đức chủ,
Giới hạnh giữ vững chẳng trái nghịch,
Con nay đánh lễ nguyện xa hay,
Rung tích trượng đề huê).

Đoạn tán tụng gây ấn tượng sâu đậm nhất cho chúng ta. Bởi lẽ, hiện nay về mặt hình tướng mà nói thì chúng ta ở vào địa vị Tăng Bảo, nhưng chúng ta có đáng gọi là Tăng Bảo hay chẳng? Chúng ta có thường phản tỉnh như thế hay không? Cổ nhân nói rất hay:

**Thí chủ nhất lập mễ,
Đại như Tu Di Sơn,
Kim sanh bất liễu đạo,
Phi mao, đới giác hoàn.**

(Một hạt gạo thí chủ,
To như núi Tu Di,
Đồi này không liễu đạo,
Đeo lông, đội sừng đèn).

Chúng ta có thực sự nghĩ đến điều này hay không? Đã phát tâm xuất gia, phải khéo lo liệu sự nghiệp xuất gia. Sự nghiệp của người xuất gia là gì? Bài tán tụng này đã nói rõ ràng. Chúng ta phải tự vấn, chúng ta đã làm được hay chưa?

Trong buổi giảng trước, tôi đã thưa cùng quý vị đại ý của chữ Tăng rồi, Tăng là một đoàn thể hòa hợp. Từ bốn người trở lên gọi là Tăng, tức Tăng đoàn. Lúc chúng ta quy y Tam Bảo, đọc lời thệ nguyện “*quy y Tăng, chúng trung tôn*”. “*Chúng*” (眾) là đoàn thể, Tăng cũng là đoàn thể, trong thế gian, đoàn thể ấy đáng được mọi người tôn kính nhất trong tất cả các đoàn thể trên thế gian. Tôn (尊) nghĩa là tôn kính. Vì sao đáng được người khác tôn kính? Vì là một đoàn thể hòa hợp, tuân thủ giáo huấn Lục Hòa Kính của Thích Ca Mâu Ni Phật. “*Kiến hòa đồng giải*” trong Lục Hòa Kính tôi đã trình bày rồi. “*Giới hòa đồng tu*”: Giới Luật quan trọng lắm! Mức độ thấp nhất phải thực hiện là Sa Di Luật Nghi: Mười giới, hai mươi bốn oai nghi. Chúng ta cùng ở với nhau một chỗ phải nương theo đại chúng, dựa vào đại chúng, khích lệ lẫn nhau, cảnh tỉnh và sách tấn lẫn nhau. Thấy đồng học không đúng pháp, tiêu chuẩn đúng pháp hay không đúng pháp chính là mười giới, hai mươi bốn oai nghi.

Trong thực tại, cũng có chỗ không làm được vì hoàn cảnh và hình thức thực tiễn bức bách nên không có cách gì làm được. Chẳng hạn như giới điều “*bất trì kim tiền*” (không được giữ vàng, tiền), trong hoàn cảnh hiện thời không thể giữ được. Quý vị ra khỏi cửa, người hiện thời ra khỏi cửa chẳng mang tiền theo là không xong; nếu ở trong quốc gia Phật giáo thì được. Như ở Thái Lan, Miến Điện, Tư Lý Lan Kha (Sri Lanka, Tích Lan) là những quốc gia Phật giáo, người xuất gia không cần mang theo một đồng tiền nào, vì sao? Quý vị gặp khó khăn gì, người chung quanh đều giúp đỡ, đều cúng dường, không cần phải bận tâm. Trừ những quốc gia đó ra, đại chúng trong xã hội không bằng lòng cúng dường quý vị. Quý vị đi xe phải mua vé, không có tiền, chẳng ai đem một tấm vé nào cúng dường quý vị cả, bắt buộc quý vị không mang theo tiền cũng chẳng được. Nếu muốn thực sự thực hiện rất thanh tịnh, rất viên mãn thì bất đắc dĩ cũng có biện pháp này: Khi quý vị ra khỏi cửa có tại gia cư sĩ tháp

tùng. Trên thân quý vị quả thật không mang tiền, lúc cần phải dùng tiền, người ấy sẽ giúp đỡ quý vị, như vậy là được. Vào thời cổ, Giới kinh cũng cho phép [làm như vậy]. Làm được rất thanh tịnh như vậy thì cũng là chuyện nên làm. Người xuất gia tốt nhất không nên hành động một mình, hành động nhất định phải là từ hai hay ba người trở lên. Như vậy mới là đúng pháp, tránh được điều tiếng, đức Phật nghĩ rất chu đáo!

Do vậy, chúng ta trông thấy hai chữ Tăng Bảo bèn sanh tâm hồ thẹn. Hồ thẹn có ích gì đâu? Khẩn yếu nhất là sửa lỗi, đổi mới, phải nỗ lực thực hiện tiêu chuẩn ấy. Ta hy vọng sớm có ngày làm được, tu hành trong thế gian hiện nay chẳng phải là chuyện dễ dàng. Vì nguyên nhân nào? Ngoại duyên bất hảo! Phật pháp nhân duyên sanh, đạo tràng thời cổ đều là thập phương đạo tràng, không có vấn đề gì! Chỉ cần quý vị là người xuất gia, bất cứ đạo tràng ở nơi đâu cũng có thể quải đơn⁸⁴ được, đều có thể ở cùng tu hành, sinh hoạt với đại chúng. Hiện nay rất nhiều đạo tràng là tử tôn miếu⁸⁵, quý vị không dính dáng gì với họ, họ sẽ không tiếp đãi quý vị, còn không đãi được quý vị một bữa cơm nữa kia! Quý vị phải rất thân thuộc với chúng thường trụ, là bè bạn mới được, nhân tình Phật sự⁸⁶ mà! Đạo tràng thực sự tu hành đúng lý đúng pháp rất hiếm! Tại Trung Quốc hay ở ngoại quốc đều như thế cả! Do vậy, đúng pháp không thấy thì tự nhiên “không đúng pháp” biến thành “đúng pháp”, chuyện này hết sức rất đáng buồn!

Do vậy, trước kia, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ thường nói: Thời cổ, trong Phật môn tu hành thành tựu theo thứ tự thuận, tỳ-kheo là số một, tu hành, khai ngộ, chứng quả, vãng sanh đông nhất. Kế đến là tỳ-kheo-ni, rồi đến tại gia Ưu-bà-tắc, cuối cùng là Ưu-bà-di. Hiện nay là thời Mạt Pháp, điên đảo hết! Đúng là điên đảo, nay tu hành khai ngộ, chứng quả không có. Người thực sự niệm Phật vãng sanh, Ngũ Giới, Thập Thiện tu hành vẫn còn khá, người niệm Phật vãng sanh đông nhất là tại gia Ưu-bà-di, kế đó là tại gia Ưu-bà-tắc, rồi đến nữ chúng xuất gia, cuối cùng

⁸⁴ Quải đơn: Đơn là một miếng gỗ dài và hẹp vừa đủ một người nằm, dùng thay cho giường trong các thiền viện hay tùng lâm. Do đó, giường của Tăng được gọi là Đơn. Khi một vị Tăng xin nhập chúng ở lại một tự viện tu tập thì gọi là Quải Đơn (treo đơn, tức kê giường), khi xin ra khỏi chúng đi qua chùa khác thì gọi là Trừ Đơn (rút đơn).

⁸⁵ Tử tôn miếu: Chùa do thầy lập ra, truyền lại như gia tài cho đồ tử, đồ tôn, người ngoài không thể nhập chúng được.

⁸⁶ Nhân tình Phật sự: Ý nói trong nhà chùa vẫn xử sự theo cảm tình riêng tư của thế gian, thân thích, quen thuộc thì đối xử nồng hậu, đối với người không quen biết bèn lơ lạt, hờ hững.

mới là nam chúng xuất gia. Nay chúng ta thấy chúng xuất gia nam nữ gần như không dễ gì thành tựu.

Trong mấy chục năm nay, chúng tôi không bị những tập tục ấy ô nhiễm, vẫn có thể tu hành nơi đạo y như cũ là do nguyên nhân nào? Tôi đã thừa cùng các đồng học rồi đó, do có quan hệ sư thừa, được đặc lực nhờ thầy dạy dỗ. Sau khi rời khỏi thầy, được đặc lực nơi kinh giáo, không có ngày nào tách lìa kinh giáo, kinh giáo là nơi quy y chân chánh. Tôi học Phật năm mươi hai năm, giảng kinh bốn mươi lăm năm. Trong mấy chục năm ấy trải qua rất nhiều sóng gió, tai nạn mà không bị ảnh hưởng là vì nguyên nhân nào? Quý vị phải biết: Thực sự muốn thành tựu thì phải học tập. Những gì tôi đã trải qua ai biết tôi đã lâu thì đều biết: Mỗi lần khốn đốn, mỗi lần bị đả kích là tiêu nghiệp chướng, tăng phước huệ, nâng cao cảnh giới, quyết định chẳng thuận theo phiền não, quyết định chẳng oán hận người khác. Nếu có những ý niệm ấy dấy lên thì sẽ bị phiền phức rất lớn, oan oan tương báo chẳng xong! Thánh hiền thế gian hay xuất thế gian đều dạy chúng ta “*oan gia nghi giải, bất nghi kết*” (oan gia nên cởi, chớ nên buộc).

Cởi gỡ oán kết chẳng ở nơi đối phương mà ở nơi tâm mình. Trong tâm mình có oán kết thì phải hóa giải; dùng chân thành, cung kính, thanh tịnh, bình đẳng đãi người thì tự mình mới có tiến bộ, mới có thể thành tựu đạo nghiệp, quyết định chớ nên oán trời hận người, vĩnh viễn ghi nhớ lời Ngẫu Ích đại sư răn dạy: “*Cảnh duyên phi hảo xú, hảo xú tại u tâm*” (cảnh duyên không tốt xấu; tốt xấu tại nơi tâm). “*Cảnh*” là hoàn cảnh vật chất, “*duyên*” là hoàn cảnh nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau). Trong hoàn cảnh vật chất lẫn hoàn cảnh nhân sự không có thiện hay ác, không có đúng hay sai, mà là bình đẳng, thanh tịnh. Đúng - sai, thiện - ác từ đâu có? Từ trong tâm của chính mình. Do vậy, phải hóa giải đúng - sai, thiện - ác ở ngay trong tâm mình, đây mới thực sự là người tu đạo, thực sự thành tựu Tăng Bảo. Người khác không trì giới, nhưng chính mình phải trì. Trì giới cũng không phải là chuyện dễ dàng, thấp nhất là Thập Thiện, Ngũ Giới. Hàng tại gia lẫn chúng xuất gia đều có thể học tập Sa Di Luật Nghi.

Trì giới tu định, thọ trì kinh giáo Đại Thừa, đức Phật dạy chúng ta: “*Thọ trì đọc tụng, vì người khác diễn nói*”. “*Diễn*” là làm, thực hiện được mọi thứ chúng ta đã học. Làm cho đại chúng trong xã hội trông thấy thì gọi là Diễn, tức diễn tụng, biểu diễn. Ngoài việc thực hiện ra, có ai đến hỏi thì phải giải thích cho người ta nghe, đó là “*nói*”. Đây chính là bốn phận sự nghiệp của người xuất gia, Thích Ca Mâu Ni Phật

đã nêu gương cho chúng ta thấy. Suốt một đời, sau khi thị hiện đại triệt đại ngộ, lão nhân gia bắt đầu giáo hóa chúng sanh, giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm. Hơn ba trăm hội ấy, trước kia gọi là Hội, nay gọi là “hoạt động”; nói cách khác, Thích Ca Mâu Ni Phật thực hiện những hoạt động quy mô lớn, quy mô nhỏ (hoạt động dạy học), thực hiện hơn ba trăm lần.

Nay học viện của chúng ta ở nơi đây, một năm tổ chức bốn lần hoạt động, mỗi lần là mười thất, tức bảy mươi ngày, Xuân, Hạ, Thu, Đông, mỗi một quý làm một lần. Thuật ngữ trước kia gọi là Hội, nay chúng ta gọi là “hoạt động”. Những hoạt động của chúng ta ở đây là mở Phật học giảng tòa, giải - hạnh cùng tiến. Về mặt tu hành, chúng ta niệm Phật, chấp trì danh hiệu. Về giải môn (học hiểu giáo lý, giáo nghĩa), chúng ta mở những lớp chuyên tu, chuyên hoằng, thâm nhập một môn, thành tựu Giới - Định - Huệ của chính mình. Không tạp tu, nhất định chẳng ham cao chuộng xa! Thật thà, chất phác, công đức ấy thực sự chẳng thể nghĩ bàn! Ảnh hưởng càng rộng, thời gian càng dài, càng chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, nói chung phải phát tâm, nêu gương tốt cho những người tu học Phật pháp.

Hiện tại, trong xã hội có rất nhiều người hiểu lầm Phật pháp nghiêm trọng, do nguyên nhân nào? Do [Phật giáo đồ] không nêu gương tốt, chứ không phải là Phật pháp chẳng tốt. Họ không tu mà giương chiêu bài Phật pháp, tư tưởng và ngôn hạnh hoàn toàn trái nghịch Phật pháp. Người không thâm nhập nghiên cứu Phật pháp, trông thấy những hình tướng ấy sẽ hủy báng toàn bộ Phật pháp, tội quý vị nặng lắm! Nếu tu tập tốt đẹp, khiến cho đại chúng trong xã hội trông thấy bèn hoan hỷ tán thán. Họ khen ngợi quý vị bèn khen ngợi toàn thể Phật pháp thì công đức của quý vị lớn lắm! Vì thế, “*Tăng Bảo bất tư nghị*” (Tăng Bảo chẳng thể nghĩ bàn). Nay ta có thể hiểu sự chẳng thể nghĩ bàn ấy theo nghĩa kép: Làm đúng pháp, công đức chẳng thể nghĩ bàn; làm không đúng pháp, tội báo chẳng thể nghĩ bàn!

“*Thân phi tam sự vân y*” (Thân khoác áo mây tam sự): Câu này nói đến áo Ca Sa, tượng trưng cho người xuất gia. “*Tam y*” là y năm điều⁸⁷, y bảy điều và y từ chín điều cho đến hai mươi lăm điều thì gọi là

⁸⁷ Điều (條): Khi xưa Phật và chư Tăng mặc ca sa bằng vải vút bỏ đi. Để may y thì đem những mảnh vải ấy rọc thành từng miếng, nhuộm cho tiệp màu, rồi khâu chằm thánh tám lớn, mỗi miếng cắt dọc ấy được gọi là Điều. Sau này, chư Tăng ở Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản, Đại Hàn, Mông Cổ, Mãn Châu, Tây Tạng, dùng vải rọc thành từng miếng dài, khâu chằm lại thành ca-sa. Do vậy gọi là Cát Tiệt Y hoặc

Đại Y (y Tăng Già Lê), tức là đại lễ phục của nhà Phật. Y bảy điều là lễ phục thường, phổ thông. Y năm điều là y mặc để làm việc. Lúc đức Thế Tôn còn tại thế, toàn bộ tài sản ngoài ba y một bát còn có một cái ngoạ cụ⁸⁸. Ngoạ cụ dùng để làm gì? Đêm ngủ trái phía dưới. Còn cái để đắp là ba y. Do đức Phật xuất hiện tại Ấn Độ, Ấn Độ thuộc vùng nhiệt đới, ba y là đủ rồi. Phật pháp sau khi truyền đến Trung Quốc, Trung Quốc là ôn đới, càng đi về phương Bắc càng gần với hàn đới, nên có Xuân, Hạ, Thu, Đông, ba y ở Trung Quốc không có cách gì giữ ấm được. Phật pháp quả thật trọng thực chất chứ không trọng hình thức, vĩnh viễn là “*hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức*”. Do vậy, Phật pháp truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc vẫn mặc y phục của chính mình, còn ba y khoác ra ngoài y phục.

Quý vị thấy cái áo chúng ta đang mặc gọi là Hải Thanh⁸⁹, Hải Thanh là y phục của Trung Quốc. Y phục người xuất gia hiện đang mặc là trang phục của bá tánh thường mặc thời Minh. Chúng ta ăn mặc giống đời Minh. Hải Thanh là lễ phục, áo thụng, tay rộng, đây chính là lễ phục thời Hán. Phật giáo truyền vào Trung Quốc vào thời Hán, người xuất gia khác với tại gia ở chỗ nào? Cổ áo và cổ tay áo của lễ phục người tại gia

Phước Điền Y. Điều được tính theo chiều dọc của tám ca-sa. Chẳng hạn y năm điều (ngũ điều y) là do đếm theo chiều dọc có năm miếng dài may ghép lại.

⁸⁸ Ngoạ cụ còn gọi là Phu Cụ (sayanasana, vật dụng để trải hay lót) là những thứ thường trải để nằm. Theo luật Tứ Phần, Tăng ni không được dùng ngoạ cụ làm bằng tơ tằm, lông dê hoặc những vật quý báu. Thoạt đầu, ngoạ cụ chỉ làm tám tọa cụ (tám Ni Sư Đàn) may bằng y cũ rách kết lại, nhưng về sau ngoạ cụ có thể bao gồm cả chiếu, mền, nệm. Theo luật, ngoạ cụ tối thiểu phải sử dụng hơn sáu năm rồi mới được thay bằng cái mới.

⁸⁹ Hải Thanh: Một loại áo tràng tay rộng, sáu vật, hai chúng tại gia và xuất gia Trung Quốc thường mặc khi lễ Phật; áo hậu của chư Tăng Việt Nam cũng chính là Hải Thanh. Theo từ điển Phật Quang, áo này sửa đổi từ hoàng bào của vua từ đời Tùy trở về sau. Gọi là “hải thanh” nhằm ngụ ý mệnh môn sâu rộng, chứa đựng muôn vật của lòng biển, sự phóng khoáng ung dung tự tại của sóng biển. Ở Trung Quốc, hải thanh thường có hai màu chính yếu: Màu đen dành cho hai chúng tại gia và xuất gia mặc khi lễ Phật, người xuất gia đã thọ giới từ Sa Di trở lên thì đắp thêm ca-sa màu vàng hay đỏ (ta hay gọi là Y), riêng màu vàng dành cho vị pháp chủ hoặc phương trượng (tuy vậy, có dòng Thiên lại mặc ngược lại, hải thanh màu vàng, y nâu). Ngoài ra, còn có hải thanh màu xanh dương đậm gần như đen và Hải Thanh hoặc nâu, tùy theo truyền thống của từng tông phái, nhưng màu đen vẫn phổ biến nhất. Chư Tăng Triều Tiên thường mặc hải thanh màu lam hay trắng. Chư Tăng Nhật Bản cũng mặc hải thanh màu đen, nhưng thường tay áo hẹp và vạt ngắn hơn, vạt sau thường xếp nếp, và may đai sau lưng.

thêu hoa. Quý vị thấy trên sân khấu biểu diễn như khi hát Bình Kịch⁹⁰ hoặc Côn Khúc⁹¹ của Trung Quốc, họ ăn mặc lòe loẹt, diêm dúa, những thứ lễ phục ấy chính là hải thanh, nhưng có thêu hoa văn. Nếu làm quan, áo của họ có thêu hoa văn để làm gì? Thể hiện thứ bậc: Màu sắc của hoa văn thể hiện thân phận của họ. Người xuất gia để trọn hoàn toàn không có hoa văn, sai biệt ở chỗ này. Dân chúng bá tánh cổ áo cũng thêu một chút hoa văn, nhưng hoa văn rất đơn giản, người xuất gia thứ gì cũng đều không thêu.

Vì thế, ba y của chúng ta đắp trên thân có màu cà phê. Chỉ khi nào làm lễ hoặc lúc tham gia các hoạt động (pháp hội), hoạt động là giảng kinh thì phải mặc, phải đắp y. Nghe kinh cũng phải đắp y nhằm biểu thị sự cung kính. Tại gia cư sĩ nếu thọ Bồ Tát giới cũng phải đắp y. [Người thọ] Bồ Tát giới đắp mạn y. Mạn y (y trơn) không có điều nào, tại gia cư sĩ Bồ Tát chúng [đắp y như vậy]. “*Vân*” (mây) là tỷ dụ, y ấy quả thật là một miếng vải, không giống như y phục của Trung Quốc có cổ, có tay, y không có gì hết, chỉ là một miếng vải, mở ra quả thật giống một áng mây. “*Thân phi tam sự*”⁹² *vân y*” (thân khoác áo mây tam sự) chính là tướng xuất gia.

⁹⁰ Bình Kịch là cách người Đài Loan gọi Kinh Kịch (tuồng Bắc Kinh). Bình Kịch còn gọi là Quốc Kịch, là một loại hát tuồng nghệ thuật truyền thống của Trung Hoa, dung hợp và phát triển từ nhiều truyền thống sân khấu đã có trước đó như Huy Kịch và Hán Kịch, thậm chí vay mượn các xoang điệu nổi tiếng của lối hát Côn Khúc và Tàn Xoang. Kinh Kịch hình thành dưới thời Càn Long nhà Thanh. Có thể nói dễ dãi là Kinh Kịch hoặc các loại gọi là Kịch trong sân khấu Trung Hoa giống như hát bội của Việt Nam, nhưng phức tạp hơn.

⁹¹ Côn Khúc cũng là một loại hát tuồng đã có trước Kinh Kịch, nó xuất hiện từ thế kỷ 13 hay 14 (tức là vào cuối đời Nguyên) tại Côn Sơn (thuộc Tô Châu) nên gọi là Côn Khúc. Côn Khúc được hình thành dựa theo hình thức hát tuồng cổ nhất Trung Hoa là Nam Hý (đã có từ thời Tống) và biến cải cho phù hợp với giọng phát âm Quan Thoại của vùng Tô Châu cũng như các thể điệu dân ca, hát xướng đã có tại vùng này, cũng như được sáng tác thêm các làn điệu mới. Hiện thời trong Kinh Kịch cũng sử dụng Côn Khúc. Điểm đặc biệt của Côn Khúc là dùng địch, tiêu, sáo, kèn Tỏa Na (người Việt thường gọi là kèn bầu), đàn tỳ bà và đàn tam huyền làm nhạc khí chủ yếu, không dùng quá nhiều thanh la và trống cái, tam la, trống đơn như trong Kinh Kịch. Làn điệu Côn Khúc du dương, âm vực của các vai nữ khi hát và nói không quá cao đến nỗi nghe như mèo kêu trong Kinh Kịch.

⁹² Chữ Tam Sự ở đây chỉ cho ba loại y vừa nói trên đây, y năm điều (đắp khi làm lụng, chẳng hạn Tri Khách Sư đắp y này để tiếp đón khách đến viếng thăm chùa), y bảy điều (đắp khi tụng kinh trong công khóa hằng ngày), y hai mươi lăm điều (đắp khi làm pháp hội, giảng kinh, thuyết pháp, hoặc đại cúng dường).

“*Phù bôi quá hải sát-na thời*” (Chén nổi vượt biển trong khoảnh khắc): Đây là một câu chuyện xưa. Vào thời đại Nam Bắc Triều, có một vị xuất gia sống nhằm thời Đông Tấn, tức hòa thượng Bôi Độ, trong Cao Tăng Truyện có chép, mà Thần Tăng Truyện cũng chép [tiểu truyện của vị này]. Ngài quả thật hiển hiện thần thông, vượt biển không ngồi thuyền mà dùng một cái chén, đập lên chén vượt biển. Giống như Đạt Ma Tổ Sư dùng một cành lau để vượt sông, đều là thị hiện Thần Túc Thông. Chúng ta biết người có Thần Túc Thông, trong Tiểu Thừa tối thiểu phải từ Tam Quả trở lên. A Na Hàm, A La Hán mới có năng lực ấy. Quý vị muốn tra khảo tư liệu thì trong Cao Tăng Truyện và Thần Tăng Truyện đều có, có những loại Sơn Chí cũng có chép. Ngài viên tịch vào thời Đông Tấn, cũng tức là thời đại Nam Bắc Triều, nhằm năm 426 sau Tây lịch, tôi không nhớ niên hiệu vua nào⁹³. Tôi chỉ nhớ năm Tây lịch, theo Tây lịch [Sư viên tịch] nhằm tháng Chín năm 426, Sư qua đời. Nay ở Nam Kinh, có một chỗ gọi là Phúc Châu Sơn (núi lật thuyền) thuộc Nam Kinh, Ngài được chôn ở nơi đó. Ngài từng qua lại rất nhiều tỉnh của Trung Quốc, du hóa khắp nơi hơn bốn mươi năm, người theo học rất đông, là một vị cao tăng bất phàm thời ấy.

Chúng ta thấy hành trì của Ngài như thế, biết Ngài giới hạnh thanh cao; do vậy, trong phần tán Tăng Bảo lấy Ngài làm thí dụ. Tại Thanh Sơn thuộc Cửu Long, Hương Cảng có ngôi chùa Thanh Sơn, hòa thượng Bôi Độ đã từng sống ở đó. Câu “*phù bôi quá hải sát-na thời*” phải chăng là nói Ngài hiện thần thông nơi ấy? Bởi lẽ Cửu Long đối diện núi Đại Dự, đến Hương Cảng phải vượt biển⁹⁴, Ngài hiển lộ thần thông nơi đây hay không, chúng ta không biết; nhưng quả thật có chuyện ấy. Lúc chúng tôi đến thăm Thanh Sơn Tự, cổ tích vẫn còn, đó là lần thứ nhất tôi đến Hương Cảng giảng kinh vào năm 1977, đến viếng đạo tràng cũ của hòa thượng Bôi Độ. Hiện tại, trong mấy năm qua, Hương Cảng phát triển hết sức nhanh; năm 1977 chỗ ấy còn hoang sơ, làng quê, không ai

⁹³ Năm 426 nhằm các niên hiệu Thi Quang thứ 3 (nhà Bắc Ngụy), Huyền Thi 15 nhà Bắc Lương, niên hiệu Thái Bình 18 nhà Bắc Yên, Thừa Quang thứ 2 nhà Hạ, Kiến Hoàng thứ 7 nhà Tây Tần, Nguyên Gia thứ 3 nhà Lưu Tống.

⁹⁴ Vùng lãnh thổ Hong Kong gồm có ba khu vực chính: Cửu Long (nằm trên đất liền, ráp gianh vùng Tân Giới), Tân Giới (bao gồm một phần đất liền ráp gianh Cửu Long và Đại Dự) và đảo Hương Cảng. Đại Dự Sơn (Lantau Island, tức là đảo Lạn Đầu, khu này có tên hành chánh là Ly Đảo Khu) đối diện với đảo Hương Cảng. Bán đảo Cửu Long nằm trên đất liền, còn Đại Dự và Hương Cảng Đảo cùng nằm trong vịnh Victoria. Từ Cửu Long sang Hương Cảng hay từ Hương Cảng sang Đại Dự đều phải vượt biển.

đến. Chúng tôi nhớ phải đi rất xa mới đến được. Nay đã xây xa lộ cao tốc, trước kia đến đó phải mất chừng hai tiếng rưỡi, nay hình như nửa giờ đã tới nơi, xa lộ cao tốc mà! Nêu tên Ngài ở đây để làm gương về Tăng Bảo cho chúng ta.

“*Phó cảm ứng quần cơ*”: “*Cảm*” (感) là tín đồ lễ thỉnh, tín đồ thỉnh pháp sư giảng kinh thuyết pháp, Ngài không cự tuyệt. Bồn phận của người xuất gia là ở chỗ này. Thích Ca Mâu Ni Phật cả một đời giảng kinh, thuyết pháp, “*phó cảm ứng quần cơ*”. Đức Thế Tôn làm như thế, dấu chân in khắp Ấn Độ, nơi nào thỉnh Ngài bèn đến nơi đó, du hóa nhân gian; nhưng tại Trung Quốc có rất nhiều tổ sư đại đức không ra khỏi cửa, trụ trong núi, hễ trụ rồi bèn mấy chục năm không xuống núi, không giống như Thích Ca Mâu Ni Phật đã thị hiện, có trái nghịch lời đức Thế Tôn giáo huấn hay không? Thưa cùng quý vị, không trái nghịch! Đây chính là hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Người Trung Quốc, xã hội Trung Quốc đối với sư đạo (đạo tôn kính thầy) hết sức tôn trọng: “*Chỉ văn lai học, vị văn vãng giáo*” (Chỉ nghe có chuyện học trò tới chỗ thầy xin học, chưa nghe có chuyện thầy phải đến chỗ học trò để dạy). Không giống như Đại Thừa Bồ Tát trong Phật pháp làm bạn không thỉnh (bất thỉnh chi hữu), quý vị không thỉnh tôi vẫn đến. Người Hoa đối với sư đạo hết sức tôn trọng, vì thế người xuất gia nếu muốn thành tựu [người khác] thì trước hết [chính mình] phải ở yên.

Ở Trung Quốc có hai hạng người du hóa: Một là đạo nghiệp của chính mình chưa thành tựu, bèn đi tham học nhằm thành tựu Định - Huệ cho chính mình. Sau đấy mới có thể giáo hóa chúng sanh, giống như năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử vậy. Tham học xong, trở về, sẽ chọn lấy một nơi hữu duyên để ở lại, ở nơi ấy rồi có thể cả đời không ra khỏi cửa. Giống như Sơ Tổ Huệ Viễn đại sư của Tịnh Độ tông, lúc xuất gia theo học với pháp sư Đạo An. Ngài Đạo An là thầy thế độ cho Tổ, cũng là thầy truyền pháp. Pháp sư Đạo An viên tịch rồi, Tổ bèn chọn Lô Sơn ở Giang Tây, dựng Niệm Phật Đường tại Lô Sơn, chiêu tập những người chí đồng đạo hợp đều là những người thích niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đều buông xuống vạn duyên, nhất tâm niệm Phật chuyên cầu vãng sanh, gồm một trăm hai mươi ba người, lấy Hồ Khê làm giới hạn, chẳng ra khỏi giới hạn ấy. Suốt đời không xuống núi, tâm định, chẳng tiếp xúc với bên ngoài. Có tín đồ đến nơi ấy triều bái thì được, thỉnh giáo cũng được, nhưng không thỉnh được pháp sư ra khỏi cửa, không hề có!

Sau này, tổ sư đại đức các tông phái ở Trung Quốc hầu như đều

giống như vậy. Các Ngài trụ trong một đạo tràng, tâm định, dạy học tại nơi đó. Quý vị muốn học theo ai thì đến đạo tràng của vị ấy mà học, hình thành tổ đình của các tông phái. Như các Ngài Đỗ Thuận, Vân Hoa, Hiền Thủ, Thanh Lương thuộc tông Hoa Nghiêm. Ngài Thanh Lương trụ tại núi Ngũ Đài, chuyên môn học tập kinh Hoa Nghiêm, giảng giải Hoa Nghiêm, chú giải Hoa Nghiêm, y theo kinh Hoa Nghiêm mà tu hành. Trong thiên hạ, ai thích học Hoa Nghiêm thì đến núi Ngũ Đài để học. Ngũ Đài Sơn giống như Đại Học Hoa Nghiêm, biến thành một tông phái chuyên biệt. Muốn học Pháp Hoa thì đến núi Thiên Thai thuộc tỉnh Chiết Giang; Trí Giả đại sư giáo hóa nơi đó. Muốn học Pháp Tướng Duy Thức thì đến chùa Đại Từ Ân ở Trường An gặp pháp sư Khuy Cơ. Muốn học Giới Luật, hãy đến chỗ Đạo Tuyên Luật Sư ở Chung Nam Sơn. Những vị ấy trụ tại những đạo tràng đó, ở trong núi sâu, không ra ngoài.

Dường như hòa thượng Bôi Độ không có đạo tràng nhất định, chỗ nào lễ thỉnh, Ngài bèn đến nơi đó, trụ ở đó mấy năm, suốt đời du hóa. Vì thế, Ngài không thể trở thành một vị tổ sư; nhưng hành trì rất giống với Thích Ca Mâu Ni Phật, kết pháp duyên rộng rãi cùng chúng sanh. Tuy vậy, tổ đình là một nét đặc sắc của Trung Quốc, là một nét đặc sắc của Phật giáo Trung Quốc, có cái hay là người thực sự có thể tự thành tựu thì cũng có thể thành tựu người khác. Vì sao? Tâm người ấy định. Tam Học Giới - Định - Huệ đồng thời thành tựu, đúng là “*Tam Học đẳng vận*” (sử dụng Tam Học bình đẳng), dễ thành tựu. Nếu du hóa bên ngoài mà chính mình không có Định - Huệ rất sâu sẽ không dễ dàng, vì sao? Du hóa tiếp xúc rất nhiều, mà những chuyện tiếp xúc ấy là gì? Là dụ hoặc (dụ dỗ, mê hoặc). Quý vị có vượt qua được dụ hoặc hay không? Sáu căn tiếp xúc ngũ dục lục trần có thể chẳng động tâm hay không? Nếu vẫn còn động tâm thì rất nguy hiểm!

Phật pháp truyền đến Trung Quốc sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ một ngàn năm, một ngàn năm Chánh Pháp đã hết, bước vào thời Tượng Pháp! Do vậy, những tổ sư đại đức biết sức dụ hoặc của thời Mạt Pháp càng lớn hơn nữa. Sức dụ hoặc hiện thời so với thời Tấn (hòa thượng Bôi Độ là người đời nhà Tấn) lớn gấp cả mấy trăm lần, thậm chí hơn cả ngàn lần, sức dụ hoặc quá lớn. Vì thế, người tu hành trước kia, đừng nói chỉ là người tu hành, người chỉ đọc sách không thôi tâm họ đều định, người nào nghề nấy; không như hiện tại, tâm người hiện tại bồng bột, bộp chộp, có thể nói là một tí định lực cũng không có. Một trận sóng gió bé tẹo cũng không chống đỡ nổi, mừng, giận, buồn, vui nổi lên ùng ùng. Quý vị muốn thường đến mọi nơi giảng kinh, tiếp xúc người, sự,

vật khác nhau thì phải có công phu khác. Nếu ứng phó không được, sẽ chẳng thể không đọa lạc. Giảng kinh có công đức hay không? Không có! Trước kia thầy Lý dạy chúng tôi như thế này: “Kết quả giảng kinh là gì? Là phước đức, là phước báo hữu lậu trong tam giới”; thế nhưng quý vị phải giảng rất đúng pháp. Nếu như quý vị giảng không đúng pháp, miệng nói thao thao, giảng theo tri kiến của chính mình thì lại là tạo nghiệp! Đúng như câu nói: “*Thác hạ nhất cá tự chuyển ngữ, đọa ngũ bách thế dã hồ thân*” (Chuyển ngữ trót giảng làm một chữ, đọa làm thân cáo năm trăm năm). Làm cho đại chúng lầm lạc, tội lỗi chẳng nhẹ!

Đúng quy củ thì nay chúng ta giảng kinh, chính mình không có bản lãnh. Vì sao? Quý vị chưa ngộ (ngộ nhập), chưa khai ngộ, đại triệt đại ngộ rồi mới có thể giảng được. Đại triệt là gì? Minh tâm kiến tánh! Chư Phật Như Lai, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác giảng kinh, thuyết pháp đều là tự tánh lưu lộ. Chúng ta chưa kiến tánh bèn lưu lộ những gì? Tuôn ra những phiền não, tuôn ra những tập khí. Giảng bằng cách nào đây? Xưa kia, các vị đại đức không khai ngộ chẳng thể giảng kinh, không kiến tánh chẳng thể soạn chú giải. Vì thế, những bản chú giải cổ đều là chánh tri chánh kiến, không sai lầm. Họ không minh tâm kiến tánh sẽ không thể soạn chú giải; không giống như hiện thời, hiện tại dân chủ mở rộng, ngôn luận tự do, xuất bản tự do, nhiều loạn sự thấy nghe [của người học Phật].

Vì thế, lúc thầy còn sống đã dạy chúng tôi: “Chúng ta đọc kinh, xem chú giải của cổ nhân, nhất định lấy chú giải cổ làm chủ. Chú giải cổ không hiểu thì xem chú giải của người hiện tại để bổ trợ. Nhất định phải lấy chú giải của cổ nhân làm căn bản, từ bản chú giải cổ mà ngộ nhập”. Chúng ta chưa thể đại triệt đại ngộ thì có tiểu ngộ, tích tụ tiểu ngộ thành đại ngộ. Có được mấy lần đại ngộ, tuy chưa triệt ngộ, nhưng chúng ta có thể dùng ngôn ngữ hiện đại để diễn đạt chú giải của cổ nhân. Làm như vậy sẽ không sai, đây là điều hiện nay chúng ta có thể làm được. Khi còn tại thế, thầy dạy chúng tôi phát tâm giảng kinh phải tuân theo phương châm và nguyên tắc này, mấy chục năm qua chúng tôi luôn tuân thủ.

Nói cách khác, giảng chú giải của cổ nhân, đem tâm đắc tu hành của chính mình dâng cho mọi người tham khảo. Chính mình thực sự kiến tánh, khế nhập cảnh giới thì được, lúc ấy quý vị có thể giảng; chưa khế nhập cảnh giới thì không được. Do vậy, “*phó cảm ứng quần cơ*” không phải là chuyện người bình thường có thể làm được, mà phải là Pháp Thân Bồ Tát. Mức độ thấp nhất cũng phải như thầy Lý đã nói trước kia là Tam Quả La Hán, tức A Na Hàm, phải có bản lãnh ấy! Tám mươi

tám phẩm Kiến Hoặc đoạn hết, tám mươi một phẩm Tư Hoặc gần như đoạn được một nửa, thực sự có thể giữ cho chính mình không bị lui sụt, như vậy thì mới có thể làm được. Nếu không, nhất định phải theo thiện tri thức ở trong núi, nhất định phải theo một vị thầy giỏi.

Phật giáo Nhật Bản do Trung Quốc truyền qua, Nhật Bản cũng có một tổ đình Phật giáo rất nổi tiếng là núi Tỷ Duệ⁹⁵, người Nhật gọi núi này là “mẹ của Phật giáo”. Gần như tất cả những vị sáng lập các tông phái của Nhật Bản, những vị cao tăng đại đức đều xuất thân từ núi này. Chúng tôi đến đó thăm, hỏi chuyện mấy vị trụ trì nơi đó, trong quá khứ những tổ sư đại đức tu hành ở trên núi này bao lâu? Họ bảo tôi: “Tôi thiếu là mười sáu năm, không có ai ít hơn mười sáu năm!” Người tu hành ở đó lâu hơn mười sáu năm rất nhiều. Mười sáu năm không xuống núi, chẳng thể không có thành tựu. Thường chạy rong bên ngoài, chẳng thể thành tựu được. Trước kia, thầy Lý cũng khuyên chúng tôi ở lại một chỗ, tôi bị hoàn cảnh bức bách, chính mình không có đạo tràng, bèn phải “*phó cảm ứng quân cơ*”. Nơi nào thỉnh bèn đến nơi đó, cho nên cũng phải sống cuộc đời “chu du liệt quốc”. Đúng là đến tuổi già mới có được chút phước báo, kiến lập đạo tràng ở nơi này. Dựng đạo tràng ở đây, tôi không muốn xuống núi, lấy Đồ Văn Ba (Toowoomba) làm giới hạn, hoàn toàn định lại.

Thế nhưng thời cuộc hiện thời không cho phép, thế giới này tai nạn quá nhiều, chúng sanh quá khổ. Nếu là những chuyện đa nguyên văn hóa, đoàn kết các sắc dân, đoàn kết tôn giáo, hòa bình thế giới, vì những chuyện ấy tôi vẫn phải bỏ chút sức yếu mỏng. Nếu không phải vì những chuyện ấy, tôi không xuống núi. Những chuyện ấy nay vẫn không có người thay thế; nếu có ai thay thế, tôi hoan hỷ vô lượng, tôi sẽ chẳng xuống núi, tối thiểu là phải nêu gương [ở yên tu học trên núi] mấy năm

⁹⁵ Núi Tỷ Duệ (Hiei) gọi là Duệ Sơn, Bắc Sầm hoặc Thiên Đài Sơn (Tendai-yama), là một rặng núi ở Đông Bắc thành phố Kinh Đô (Kyoto), thuộc khu vực Sakamoto (Bản Bồn) của thành phố Đại Tân (Otsu), gồm hai dãy núi Đại Tỷ Duệ và Tứ Minh Nhạc hợp thành. Đây là một ngọn núi thiêng của Nhật Bản, là tổng bản sơn (tổ đình) của Thiên Đài Tông (Tendai shu, tức Thiên Thai Tông Nhật Bản). Ngôi chùa đầu tiên của tông Thiên Đài là Enryaku-ji (Diên Lịch Tự) do tổ sư Tối Trừng Truyền Giáo Đại Sư (Saichō Dengyō Daishi). Phần lớn các tổ sư các tông của Nhật Bản đều xuất thân từ tông Thiên Thai như Nhật Liên (Nichiren, sáng tổ Nhật Liên Tông), Pháp Nhiên (Honen, sáng tổ Tịnh Độ Tông), Thân Loan (Shinran, sáng tổ Tịnh Độ Chân Tông), Minh Am Vinh Tây (Myōan Eisai, sáng tổ tông Lâm Tế Nhật Bản), Đạo Nguyên Hy Huyền (Dōgen Kigen, sáng tổ tông Tào Động Nhật Bản), Nhất Biên (Ippen, sáng tổ Tịnh Độ Thời Tông), v.v...

cho người khác thấy. Vì thế, chúng tôi đọc đến câu “*phó cảm ứng quần cơ*” này, thấy quả thật chẳng phải là chuyện rất dễ dàng.

Thế nhưng hiện thời là thời đại động loạn, muốn giúp đỡ thế giới khôi phục lại trật tự bình thường khó khăn quá! Nay chúng tôi biết là chuyện không thể làm mà vẫn cứ làm, dâng hiến một chút tâm lực của mình, bất luận đến nơi đâu cũng là vì chuyện này. Nay chúng ta có viễn trình giáo học (telecourse), có Internet, có truyền hình vệ tinh; tuy thế, ngẫu nhiên có những lúc chính mình phải đến nơi mới tạo ra hiệu quả ảnh hưởng, giúp cho bọn họ kiên lập tín tâm, giúp bọn họ tỉnh ngộ.

A! Bây giờ đến giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp bài Tăng Bảo Tán:

Kham tác nhân thiên công đức chủ,

Kiên trì giới hạnh vô vi.

堪作人天功德主。

堅持戒行無違。

(Đáng làm trời người công đức chủ,

Giới hạnh giữ vững chẳng trái nghịch).

Hai câu này tiêu chuẩn rất cao! “Kham” (堪) là thực sự xứng đáng, chúng ta hãy suy nghĩ chính mình đã có thể là “*nhân thiên công đức chủ*” hay chưa? Câu này tiếp ý câu trên “*phó cảm ứng quần cơ, kham tác nhân thiên công đức chủ*”. Thiền sư Bôi Độ không có vấn đề gì, tôi thiểu Ngài đã chứng A La Hán, tuyệt đối chẳng phải là người phạm. Hãy nghĩ xem chúng ta có được như vậy hay không? Tôi thường nói, nhất là trong mấy năm qua, giảng kinh ở mọi nơi, tôi dùng một câu để nói tổng quát: “*Học vi nhân sư, hạnh vi thế phạm*” (Học làm thầy người, hạnh là khuôn mẫu cho đời), hy vọng chúng ta trở thành một tấm gương tốt trong nhân gian. Tiêu chuẩn ở đây so với hai câu của tôi cao hơn nhiều lắm.

Nhân gian, cõi trời bao gồm Dục Giới Thiên, Sắc Giới Thiên; Vô Sắc Giới Thiên chúng ta không bàn đến. Bởi lẽ, họ không có hình tướng, là Trường Thọ Thiên; quý vị có giảng kinh, thuyết pháp, họ cũng không

đến nghe. Sắc Giới Thiên thích nghe kinh, nghe pháp, chúng ta có tư cách hay chẳng? Có đảm nhiệm nổi chẳng? Đối với trời, người, ta không phải là phước đức chủ mà là công đức chủ! Công đức khác với phước đức rất nhiều. Người thế gian đến cửa Phật thắp hương, lễ bái, bố thí cúng dường, cầu điều gì? Cầu phước. Phước điền! Người xuất gia là “*phước điền tăng*”. Quý vị trông thấy nơi tâm y này có từng miếng vải một, mọi người gọi nó là “*phước điền y*”; đến nơi đó gieo phước điền. Thực sự có phước để trao cho người ta hay không? Chúng ta tu hành đúng pháp thì họ được phước báo, chúng ta thực sự tu hành chứng quả. Nếu chúng ta tu hành không đúng pháp, tương lai đọa tam đồ, họ còn có phước hay chẳng? Phước báo mà đã khó khăn như thế ấy thì công đức càng chẳng cần phải nói nữa!

Công đức là gì? Không những chúng ta tự mình thành tựu, mà còn phải giúp cho người khác thành tựu. Gì là công đức? Giới - Định - Huệ là công đức. Trì giới có công; được thanh tịnh, bình đẳng là đức. Thanh tịnh, bình đẳng là Định. Tu Định hữu công, trí huệ mở mang là Đức. Câu này có nghĩa là quý vị có thể thực sự làm một vị thầy giỏi trong nhân gian lẫn cõi trời, giúp cho đại chúng nhân thiên thành tựu Tam Học Giới - Định - Huệ thì mới gọi là Công Đức Chủ. Tam Học Giới - Định - Huệ của chính mình không có thành tựu, làm sao có thể thành tựu Tam Học Giới - Định - Huệ cho đại chúng trong cõi trời, cõi người cho được? “*Nhân thiên công đức chủ*”, chúng ta hãy suy nghĩ, mức độ, tiêu chuẩn thấp nhất cũng phải như kinh Kim Cang đã giảng: “Phá bốn tướng!” Quả thật vô ngã, không [mang tâm niệm sở hữu] riêng tư, thực sự buông danh văn lợi dưỡng xuống, buông hưởng thụ ngũ dục, lục trần xuống, triệt để đoạn trừ tham - sân - si - mạn - nghi thì mới là “*kham tác nhân thiên công đức chủ*”. Đức hạnh, trí huệ, phương tiện thiện xảo chẳng đạt đến mức độ ấy, làm sao là nhân thiên công đức chủ cho được?

Câu tiếp đó nói đức hạnh của chính mình là quan trọng nhất, đây chính là một điều kiện căn bản nhất của nhân thiên công đức chủ: “*Kiên trì giới hạnh vô vi*”. Quý vị hiểu vì sao hiện nay chúng tôi phải nhấn mạnh, phải yêu cầu thực hiện Sa Di Luật Nghi đến mức như thế? Mười điều đầu là giới, hai mươi bốn điều sau đây (tức hai mươi bốn oai nghi) là hạnh. Những điều khác chúng tôi không dám nói, vì sao? Tỳ-kheo giới, Bồ Tát giới quá cao! Chúng ta làm người chưa được thì còn bàn [những giới cao xa] làm gì? Học Phật thì trước hết phải học làm người. Ấn Quang đại sư xuất hiện trong thời cận đại, hiểu rõ xã hội hiện đại, hiểu rõ những diễn biến trong xã hội: Luân thường đạo đức, giáo huấn

của thánh hiền hoàn toàn bị băng hoại, con người phải chịu đại khổ nạn. Ấn Quang đại sư không nhấn mạnh giới hạnh mà nhấn mạnh điều gì? Liễu Phàm Tứ Huấn! Liễu Phàm Tứ Huấn giảng điều gì? Tin sâu nhân quả. Thiện có thiện báo, ác có ác báo, chẳng phải là không báo, chưa đến lúc đó thôi! Nội dung của Liễu Phàm Tứ Huấn là giảng về điều này. Quý vị thực sự hiểu và tin tưởng nhân quả báo ứng thì mới phát tâm đoạn ác tu thiện, hy vọng chính mình trong tương lai sẽ được quả báo tốt đẹp.

Do vậy, Tổ Sư dạy chúng ta tu Cẩm Ứng Thiên, học Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn; dùng Thái Thượng Cẩm Ứng Thiên và Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn thay cho Giới Luật. Cách này hay lắm, những sách ấy không phải là kinh điển, không từ ngoại quốc truyền vào, mà do chính người Hoa soạn ra, tự mình viết ra. Do vậy, tổ Ấn Quang suốt đời đề xướng ba tác phẩm Liễu Phàm Tứ Huấn, Cẩm Ứng Thiên Vựng Biên, An Sĩ Toàn Thư. Trong An Sĩ Toàn Thư có bốn thứ, thứ nhất là Văn Xương Đế Quân Âm Chất Văn, chiếm hết nửa bộ toàn thư. Ba thiên sau là Vạn Thiện Tiên Tư giới sát, Dục Hải Hồi Cuồng giới dâm, cuối cùng là Tây Quy Trục Chỉ khuyên niệm Phật. Quý vị thấy Ấn Quang đại sư lão nhân gia khổ tâm. Nếu nhìn từ thực tế thì là “trì giới niệm Phật, tin sâu nhân quả”. Trì giới niệm Phật chính là điều Ngài suốt đời đề xướng đến tột bậc, là pháp môn Bất Nhị thực sự cứu vãn kiếp vận trước mắt, tổ Ấn Quang dùng phương pháp này để thực hiện, “*kiên trì giới hạnh vô vi*”, phải chú trọng, quyết định chẳng được trái nghịch.

Nếu trái nghịch, từ đây về sau quý vị sống khó khăn, vị lai chẳng thể nghĩ tưởng nổi, tương lai là ác báo tam đồ. Tam đồ rất dễ vào, chẳng dễ gì thoát ra. Quý vị phải có tâm cảnh giác cao độ, nếu không, đến lúc đọa lạc, khi ấy có hối cũng không kịp nữa. Vì thế, tu hành thực sự ngay trong lúc nào? Tôi thường khuyên lớn các đồng học phải thực hiện ngay trong hiện tại, phải bắt đầu từ hiện tại, hạ quyết tâm thực sự làm, đã chậm lắm rồi, không thể chần chừ được nữa! Tất cả hết thảy pháp trong thế gian đều không thật, kinh Kim Cang nói hay lắm: “*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*” (Phàm những gì có hình tướng đều là hư vọng), “*nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh*” (hết thảy pháp hữu vi, như mộng, huyễn, bọt, bóng). Không có gì là thật, chỉ có tin sâu nhân quả, trì giới niệm Phật là thật. Vì sao? Cái quý vị mang theo được chắc chắn là thiện nhân, thiện quả, nhân tốt, quả tốt, vì sao không chịu làm? Cả một đời người thực sự hạnh phúc, thực sự sung sướng, chẳng lìa hiền thánh. Không lìa hiền thánh bằng cách nào? Không tách lìa giáo huấn của hiền thánh.

Về sách thế gian, trước kia, tôi đến Đài Trung tiếp nhận sự giáo huấn của thầy Lý, thầy Lý dạy cho tôi ba loại: Thứ nhất là Tứ Thư, thứ hai là Ngũ Chung Di Quy⁹⁶, ngoài ra là Cổ Văn Quán Chi. Học Cổ Văn Quán Chi để học văn tự, học văn chương. Hai thứ đầu là đức hạnh, là học vấn. Đủ rồi! Cả đời dùng không hết! Kinh Phật cũng không cần nhiều, có mấy thứ thôi mà cả đời dùng không hết. Ân Quang đại sư bảo [chúng ta phải học] ba tác phẩm Liễu Phàm Tứ Huấn, Cảm Ứng Thiên Vựng Biên, An Sĩ Toàn Thư. Chúng tôi thường học tập pháp môn Tịnh Độ, năm kinh một luận của Tịnh Độ. Trước kia, thầy Lý còn dạy thêm cho chúng tôi kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, kinh A Nan Vấn Sự Phật Cát Hung, kinh Kim Cang, kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện, kinh Lăng Nghiêm, kinh Pháp Hoa, kinh Hoa Nghiêm. Đủ rồi, không cần học thêm nữa! Chúng tôi cả đời chuyên tu, chuyên hoằng, tâm định lại, một môn thông rồi mới học sang môn khác.

Suốt đời lấy một môn làm chủ, chủ tu một môn, có thể học những môn khác để phụ trợ cho môn mà quý vị chủ tu, hòng làm rạng rỡ một môn ấy, chúng ta quyết định không cần nhiều hơn nữa. Nhiều sẽ không thể tiêu hóa nổi, tiếp nhận không nổi. Vâng giữ được như thế thì gọi là “giới hạnh”. Giới là quy củ, Giới là tịnh giới, ta chỉ tuân thủ trong phạm vi ấy, khéo học tập, ngàn kinh muôn luận khác đến thế giới Cực Lạc sẽ học sau, không trễ đâu! Đến thế giới Cực Lạc, chúng ta chứng được vô lượng thọ, có thọ mạng như thế, có thời gian như thế, huống chi nơi đó có thầy giỏi, có đồng học tốt, hoàn cảnh tu học tốt, lẽ đâu chẳng thành tựu? Chẳng thể tham nhiều mà phải chuyên tinh.

Dùng kinh luận sửa đổi cho đúng tư tưởng, kiến giải của chính mình. Cách nghĩ và cách nhìn của chúng ta không trái nghịch kinh luận. Ngôn ngữ, hành động không trái nghịch Giới Luật, lấy giới luật làm tiêu chuẩn, sửa đổi hành vi. Dùng kinh luận làm tiêu chuẩn để sửa đổi tư

⁹⁶ Ngũ Chung Di Quy là tác phẩm do Trần Hoằng Mưu biên soạn vào đời Thanh, là sách để dạy trẻ nhỏ và giáo dục xã hội. Nội dung bao gồm những giáo huấn hay đẹp của tiền nhân về dưỡng tánh, tu thân, trị gia, cách làm quan, xử thế, giáo dục v.v... phân chia thành năm loại chính nên mới có tên là Ngũ Chung Di Quy. Năm loại chính là Dưỡng Chánh Di Quy, Giáo Nữ Di Quy, Huấn Tục Di Quy, Tùng Chánh Di Quy và Tại Quan Pháp Giới Lục. Trần Hoằng Mưu (1696-1771), tự là Nhữ Tư, người huyện Quế Lâm, tỉnh Quảng Tây, đỗ tiến sĩ dưới thời Ung Chánh nhà Thanh, từng làm đến chức Đông Các Đại Học Sĩ kiêm Công Bộ Thượng Thư, rất được vua Càn Long coi trọng và tín nhiệm. Ông làm quan cần mẫn, chú trọng mở mang giáo dục cho các sắc dân thiểu số, chăm nom công tác thủy lợi tại Thiên Tân, Hà Nam, Giang Tây, tu bổ đền đài v.v...

tưởng, kiến giải của chính mình cho đúng. Chúng ta tu hành có tiêu chuẩn; nếu trái nghịch những tiêu chuẩn ấy thì là sai lầm. “Kiên trì” là quyết định không trái nghịch. Trong kinh, đức Phật dạy chúng ta làm gì thì phải thực sự làm, dạy chúng ta không được làm những gì thì quyết định chẳng trái nghịch, đó là “kiên trì” (giữ vững). Người khác kiên trì hay không chẳng dính dáng gì đến mình, chúng ta quyết chớ nên nhìn vào người khác. Người khác có làm thì mình cũng làm, người khác không làm, mình làm để làm chi? Nghĩ như vậy là sai! Người khác đi theo con đường tam đồ, quý vị cũng theo họ đi luôn! Người ta đọa A Tỳ địa ngục, quý vị cũng theo họ đi vào. Vậy là lầm lạc quá rồi! Người ta tốt đẹp thì có thể học theo, tự mình phải có trí huệ, có năng lực phân biệt đúng - sai, thiện - ác, phân biệt nhân - quả, tà - chánh, quý vị phải có năng lực ấy. Không có năng lực đó, nhất định phải theo thầy; khi không có thiện tri thức, nhất định phải nương theo kinh giáo: Học lấy một bộ kinh giáo, nhất định phải tuân thủ những điều được giáo huấn trong bộ kinh luận ấy.

Hiện tại, các đồng học đều lấy kinh Vô Lượng Thọ làm tiêu chuẩn tu hành cho mình, rất tốt! Kinh Vô Lượng Thọ nội dung hết sức phong phú, toàn kinh từ đầu đến cuối, mỗi một phẩm đều nói đến Giới Luật. Nói nhiều nhất là từ phẩm ba mươi hai đến phẩm ba mươi bảy, nếu quý vị chú tâm quán sát đoạn kinh văn lớn ấy, sẽ thấy kinh thuyết minh tỉ mỉ về Ngũ Giới, Thập Thiện, có những điểm chánh yếu để học tập và mặt phụ là nhân quả. Vì thế, chúng tôi lấy ra, soạn thành kinh văn để đọc tụng trong khóa tối, với mục đích hy vọng mỗi ngày y theo kinh giáo để tu hành pháp sám hối. Đọc đến đoạn này bèn theo văn nhập quán, vừa niệm vừa nghĩ đến bản thân, Phật dạy mình làm gì, mình làm được hay chưa? Phật dạy mình không được làm gì, mình có trái nghịch hay không? Phản tỉnh, sửa lỗi, đổi mới thì gọi là chân chánh tu hành. Thực hiện khóa tối như thế sẽ có công đức. “Miệng có, tâm không” là chẳng được. Lại xem tiếp hai câu cuối của bài tán tụng:

**Ngã kim khể thủ nguyện dao tri,
Chấn tích trượng đề huê.**

我今稽首願遙知。

振錫杖提攜。

(Con nay cúi lạy nguyện xa hay,
Rung tích trượng đề huê).

“*Khể thủ*” là đánh lễ tam bái. Ở đây, chúng ta đánh lễ ba lạy, hy vọng dù Ngài ở phương xa, cũng trông thấy, cũng nghe biết. Ngài biết được ý tứ trong lòng con, chân thật không giả dối tí nào. Nhất là bậc Pháp Thân Bồ Tát, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, trong cảnh giới ấy, không gian không còn, xa - gần không có, thời gian không có, trước - sau không có, Pháp Thân Bồ Tát ở trong cảnh giới ấy, làm sao không biết cho được? Dẫu ở trong Tây Phương Cực Lạc thế giới cách chúng ta mười vạn ức cõi nước Phật, vẫn thấy chúng ta rõ ràng, rành rẽ. Nay chúng ta ở đây khể tiếng nói thì thầm, Ngài cũng nghe rõ ràng, thông suốt; chúng ta khởi tâm động niệm gì Ngài đều biết cả. Kinh Vô Lượng Thọ nói rất hay: Người vãng sanh Phàm Thánh Đồng Cư độ của Tây Phương Cực Lạc thế giới, “*Thiên Nhân đồng thị, Thiên Nhĩ triेत thính, Tha Tâm biến tri*” (Thiên Nhân nhìn thấy thấu suốt, Thiên Nhĩ nghe thông suốt cùng tột, Tha Tâm biết khắp cả). Chúng ta khởi tâm động niệm họ đều biết ngay, chẳng thể che mắt ai được!

Muôn vàn phần chớ nên lừa dối người khác. Lừa dối phạm phụ dễ, chứ dối với hàng Bồ Tát từ Sơ Trụ trở lên, không có cách gì dối gạt được. Họ hiểu quý vị quá rành, quá rõ rệt, những hành vi quý vị đã làm trong đời đời kiếp kiếp họ biết hết. Thanh Văn, Duyên Giác, thiên thần, quỷ thần cũng có tiểu thần thông, họ chưa chắc biết được chuyện trong đời đời kiếp kiếp của quý vị, nhưng mọi hành vi trong hiện đời sẽ không thể che mắt họ được. Vì thế, cổ nhân thường nói: “*Cử đầu tam xích hữu thần minh*” (Trên đầu tính lên ba thước có thần minh), làm sao người ta không biết được? Do vậy, quý vị chánh tâm, chánh hạnh, chư Phật bèn hộ niệm, thiện thần bảo vệ, ban phước, ác thần cũng tôn kính! Có sao không làm? Quý vị học Phật tâm địa ngày càng thanh tịnh, công phu càng tốt, cảm ứng cảnh giới càng rõ rệt. Cảnh giới ấy chắc chắn tăng trưởng tín tâm, kiên định nguyện hạnh cho quý vị, vì sao? Hoàn toàn hiểu rõ rồi, là thật, chứ không giả, trên con đường Bồ Đề không cô đơn, chư Phật hộ niệm, long thiên thiện thần ủng hộ.

“*Chấn tích trượng đề huê*”: Chúng ta là phàm phu, cần phải có người đề bạt. Tăng Bảo gần gũi chúng ta nhất. Người xuất gia “*tích trượng*” chẳng rời tay, dùng để làm gì? Dùng khi ra khỏi cửa khất thực. Đi khất thực, cổng nhà người ta đều đóng, mình gõ cửa nhà người ta là thiếu lịch sự, chẳng thể gõ cửa nhà người ta, làm như thế nào đây? Chúng ta ôm bát đứng bên ngoài họ không biết. Rung tích trượng, tích trượng vừa rung, trên tích trượng thường gắn những cái vòng đồng, hoặc vòng sắt, rung lên sẽ phát ra tiếng. Người trong nhà nghe bên ngoài có

người rung tích trượng, biết có người xuất gia đến khát thực, họ tự nhiên mở cửa cúng dường. Nếu hôm nay người ta không có gì để cúng dường mình, họ không mở cửa. Rung tích trượng ba lần, cửa không mở, phải đi ngay, chẳng được lần chân tại đó, qua khát thực nhà thứ hai.

Đức Phật quy định không được khát thực quá bảy nhà. Bảy nhà đều không xin được thì phải quay về niệm Phật; nhưng vẫn còn có cái để ăn, vì không phải là khát thực vừa xin được bèn ăn liền, không phải như vậy! Nếu không, sẽ là phạm oai nghi. Xin xong phải trở về đạo tràng, ăn cùng đại chúng. Người xin được nhiều chia cho người xin được ít. Không xin được gì thì cũng được người khác chia sót. “*Chấn tích trượng để huê*”: Nay ta khát thực, không xin được thì những người xin được nhiều sẽ sót cho mình một chút. Đây là Sự, từ chuyện này mở rộng ra: Chúng ta tu hành gặp khó khăn, gặp phải thử thách, gặp phải mê hoặc, gặp phải chướng nạn, phải nhờ vào thiện tri thức nâng đỡ, phải nhờ thiện hữu giúp đỡ, đó là bạn lành, Tăng Bảo đấy! Giảng đến đây có thể coi là xong một đoạn, nhưng trong đây lại còn một tầng ý nghĩa sâu hơn, người tại gia cũng là Tăng Bảo.

Nên giải thích như thế nào? Do ý nghĩa của chữ Tăng không phân biệt là tại gia hay xuất gia, chỉ cần tu Lục Hòa Kính, nghiêm trì Giới Luật, bốn người ở cùng một chỗ, người tại gia bốn người ở cùng một chỗ cũng là Tăng Bảo, cũng là Tăng Đoàn. Quý vị nhất định phải thực sự tu hành. Trong nhà Phật có bốn hạng xuất gia, điều này nhất định phải biết.

1) Loại thứ nhất là thân xuất gia, tâm không xuất gia. Về hình tướng là người xuất gia, nhưng tư tưởng, kiến giải, hành vi là người tại gia, không phải là Tăng Bảo. Cổ đại đức bảo hạng người xuất gia này là: “*Thí chủ nhất lap mễ, đại như Tu Di sơn, kim sanh bất liễu đạo, phi mao, đới giác hoàn*” (Một hạt cơm thí chủ, to bằng núi Tu Di, đời này không liễu đạo, đeo lông, đội sừng đèn). Trong tương lai, bọn họ phải trả nợ, họ không tu hành đúng pháp.

2) Loại thứ hai là tâm xuất gia nhưng thân không xuất. Đây là người tại gia chân chánh tu hành, họ là Tăng Bảo. Dù hình tướng là người tại gia, nhưng chân tu nên giống như người xuất gia, không khác gì. Họ thuộc về Tăng Bảo.

3) Loại thứ ba là thân tâm đều xuất. Đương nhiên là đạt tiêu chuẩn xuất gia cao nhất. Thân xuất gia tâm cũng xuất gia, thực sự ở trong trần thế (“*trần*” (塵) là bụi đất) không nhiễm mảy trần, sáu căn thanh tịnh, chẳng nhiễm mảy trần. Phải hiểu Tăng Bảo được tán dương ở đây là hạng tâm xuất gia và “thân xuất gia, tâm cũng xuất gia”. Đây mới là

Tăng Bảo chân chánh.

4) Loại thứ tư là thân tâm đều chẳng xuất: Thân lẫn tâm không xuất chẳng phải là mọi người bình thường trong thế gian, không phải vậy! Ở đây nói đến kẻ tại gia học Phật, tại gia học Phật thì thân không xuất, nhưng tâm như thế nào? Tâm cũng không xuất! Thân lẫn tâm đều không xuất, mang danh là cư sĩ tại gia, nhưng tâm không hướng về đạo. Trong cuộc sống thường ngày vẫn tùy thuận phiền não tập khí, chẳng tùy thuận những giáo huấn trong kinh luận, thân lẫn tâm đều không xuất!

Như vậy, bốn loại này đều nói về tứ chúng đệ tử trong nhà Phật, không dưng vào cửa Phật thì chẳng tính đến. Chúng ta phải hiểu điều này. Do vậy, tại gia hay xuất gia đều phải thực sự tu tập thì mới được kể là Tăng Bảo. Nếu không thực sự tu tập sẽ chẳng có phần trong Tăng Bảo. Không có phần thì có tạo tội nghiệp hay không? Đương nhiên tạo nghiệp! Tạo nghiệp như thế nào? Tôi nói ra mọi người hiểu ngay: “Phá hoại hình ảnh Phật giáo, tội ấy không nhẹ!” Quý vị đều biết: Trong Ngũ Nghịch, Thập Ác có tội phá hòa hợp Tăng, có điều này. Tội phá hòa hợp Tăng đọa A Tỳ địa ngục, rất nặng! Quý vị phá hoại hình ảnh của Phật giáo, nghĩ xem: Tội ấy khác nào tội phá hòa hợp Tăng? Ta là người xuất gia, làm chuyện rất không đúng pháp, khiến cho đại chúng trong xã hội trông thấy bèn chửi rủa Phật giáo, chửi cá nhân mình không sao, toàn thể Phật giáo bị kẻ ấy chửi lây. Quý vị nghĩ coi: Cái tội ấy nặng lắm! Cư sĩ tại gia học Phật, học không đúng pháp, khiến cho xã hội đại chúng nghĩ: “Gã đó là người học Phật mà lại như thế đó!” Quý vị có phạm tội lỗi hay không? Liên lụy toàn thể những người học Phật, liên lụy toàn bộ Phật pháp, chuyện này thật nghiêm trọng!

Vì sao trong lịch sử chúng ta thấy thời cổ những người xuất gia được quốc vương, đại thần, sĩ đại phu (nay ta gọi [sĩ đại phu] là “những người có chức vị”) tôn kính đến như vậy? Vì đạo lý nào? Những vị xuất gia ấy thực sự là tịnh quang của Phật, có đạo đức, có học vấn, nghiêm trì Giới Luật, thuyết pháp lợi sanh, biện tài vô ngại, đối với pháp thế gian hay xuất thế gian đều không cầu điều gì, không lấy điều gì, ai mà chẳng tôn kính? Bởi thế, họ đúng là “*kham tác nhân thiên công đức chủ*”. Đế vương, quan lại cam tâm quy y, tôn quý vị làm thầy! Vì sao trong xã hội những kẻ xuất gia chúng ta ngày nay bị người ta coi thường? Tự mình phải quay đầu nghiêm túc suy nghĩ, là công hay là tội, là họa hay là phúc, quý vị phải hiểu cho rõ ràng, minh bạch!

Nếu quý vị không thực sự tu, làm sao xứng với Phật, Bồ Tát cho được? Làm sao xứng với tổ sư đại đức đời đời truyền thừa cho được?

Làm sao xứng với mười phương thiện tín xuất tiền bỏ sức cúng dường quý vị? Người ta nhọc nhằn, vất vả kiếm tiền đến cúng dường quý vị, vì lẽ nào? Quý vị dựa vào đâu để hưởng cho tiêu [của cúng dường ấy] được? Do vậy, trong phần Tam Bảo Tán, đọc đến phần Tăng Bảo Tán, cảm khái muôn vàn! Phải tự phản tỉnh, kiểm điểm sâu xa, chẳng thể không biết, chẳng thể không quay đầu, chẳng thể không sửa lỗi! Chúng ta xem tiếp đoạn khai thị kế đó, là lời của thiền sư Trung Phong:

36. Khai Thị

Niệm Phật ký tùng tâm xuất, kết nghiệp khởi thuộc ngoại lai. Tu du bối niệm Phật chi tâm, sát-na tức kết nghiệp chi sở.

念佛既從心出。結業豈屬外來。須臾背念佛之心。剎那即結業之所。

(Niệm Phật đã từ tâm mà có, kết nghiệp há thuộc bên ngoài? Tâm nghịch với niệm Phật trong khoảnh khắc bèn kết nghiệp ngay trong một sát-na).

Trong phần khai thị, quan trọng nhất là bốn câu này. Bốn câu ấy này đối với người học Phật chúng ta, bất luận xuất gia hay tại gia cũng đều là “đương đầu bồng hát”⁹⁷: “*Niệm Phật ký tùng tâm xuất, kết nghiệp khởi thuộc ngoại lai*” (Niệm Phật đã từ tâm mà có, kết nghiệp há thuộc bên ngoài?) Câu này thuyết minh làm lành hay tạo ác đều do một cái tâm. Cái tâm ấy không làm lành sẽ tạo ác, chắc chắn là như thế! Niệm Phật là điều lành nhất trong mọi điều lành, không có gì lành hơn được. Trong tâm quý vị bất luận nghĩ đến thiện pháp nào, tương lai nhất định có thiện quả, thiện quả không ngoài cõi trời người. Trong tâm quý vị nghĩ đến hết thấy ác pháp, quả báo chẳng ngoài tam đồ. Do đây biết rằng: Khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là nghiệp, nghiệp nếu không phải là thiện nghiệp thì sẽ là ác nghiệp. Trong xã hội hiện thời phiền phức lắm, vì sao? Giáo huấn của thánh hiền không còn nữa, không ai nói nữa. Những sách vở ghi chép giáo huấn của hiền thánh được lưu truyền rất ít, không ai đọc.

⁹⁷ Đương đầu bồng hát: Bồng (棒) là cái gậy, Hát (喝) là tiếng hét. Tông Lâm Tế thường dùng gậy hay tiếng hét để khai ngộ cho hành giả. Ở đây, Hòa Thượng mượn thuật ngữ này của Thiền tông để nhấn mạnh ý cảnh tỉnh khai ngộ rất mạnh của bốn câu này.

Trước kia, tôi ở Đài Loan, Thương Vụ Ấn Thư Quán in bộ Tứ Khố Toàn Thư; lúc ấy tôi muốn mua, tâm có thừa mà sức không đủ, không có tiền. Về sau, Thế Giới Thư Cục lại xuất bản bộ Tứ Khố Hội Yếu, lúc ấy tôi rất hoan hỷ. Tôi nghĩ Tứ Khố nay vẫn còn có mấy bộ được lưu truyền. Trước kia, những người già cả bảo tôi: Vào thời hoàng đế Càn Long, nguyên bản Tứ Khố Toàn Thư được chép tay, chép thành bảy bộ. Đã nhiều năm trôi qua, qua bao chiến tranh loạn lạc, thay đổi triều đại, tổn thất hết, bị hủy hoại hết, thất lạc hết, đáng tiếc thay! Đại khái ở Trung Quốc Đại Lục còn được hai bộ, Đài Loan có một bộ là ba bộ. Những bản dở dang, không hoàn toàn cũng còn được vài bộ, nhưng Tứ Khố Hội Yếu không có. Đương thời chỉ có hai bản Tứ Khố Hội Yếu, một bản để ở Si Tảo Đường⁹⁸, tức là thư phòng của vua Càn Long trong hoàng cung. Bộ kia để tại vườn Viên Minh, trong vườn Viên Minh có một bộ Toàn Thư và một bộ Hội Yếu. Lúc bát quốc liên quân⁹⁹ thiêu hủy

⁹⁸ Si Tảo Đường (撝藻堂) nằm ở Đông Bắc của Ngự Hoa Viên trong Cố Cung Bắc Kinh, được xây dựng vào thời Càn Long, chủ yếu để tàng trữ sách. Chữ Si ở đây có nghĩa là truyền bá, hoằng dương, bày vẽ, triển khai, lấy ý từ câu “*si tảo như xuân hoa*” (vẽ vôi văn chương như hoa mùa Xuân), do vậy, “si tảo” có nghĩa là hoằng dương văn hóa. Vườn Viên Minh cũng là hoa viên của nhà Thanh, có quy mô rất to lớn. Đến thời Từ Hy Thái Hậu lại mở rộng thêm, xây cất hết sức tráng lệ.

⁹⁹ Bát quốc liên quân là lực lượng quân đội liên kết tám đại đế quốc thời đó là Anh, Pháp, Đức, Mỹ, Nhật, Nga, Ý và Áo lên đến 3 vạn người (sử ngoại quốc ghi là 45.000 người). Nguyên do là do vua Quang Tự nghe theo kế hoạch duy tân của Khang Hữu Vi toan lật đổ Từ Hy thái hậu. Âm mưu thất bại, các nước ngoại quốc giúp đỡ thầy trò Lương Khải Siêu và Khang Hữu Vi trốn sang Nhật. Từ Hy bèn giam lỏng vua Quang Tự tại Doanh Đài, toan phế vua, nhưng do các nước phản đối nên chưa dám hành động. Lại thêm thất bại trong cuộc chiến tranh Trung Nhật năm Giáp Ngọ (1894), đây là cuộc chiến tranh giành ảnh hưởng giữa nhà Thanh và triều đình Nhật trên bán đảo Triều Tiên. Nghe lời xúi giục của Viên Thế Khải, Từ Hy quyết định tận dụng sức mạnh của giáo phái Nghĩa Hòa Đoàn (Quyền Phỉ) để chống lại ngoại quốc. Nghĩa Hòa Đoàn là một giáo phái mê tín xuất phát từ Sơn Đông, chủ trương đánh quyền, vẽ bùa niệm chú, luyện kim đan, khoe thân kim cang bất hoại, đạn bắn không lung, thề tiêu diệt giáo dân Thiên Chúa Giáo và người ngoại quốc. Nghĩa Hòa Đoàn tiến vào Bắc Kinh tháng Sáu năm 1900, tấn công khu vực ngoại quốc, khiến họ phải ẩn nấp trong khu Đông Giao Dân Hạng (Legation Quarter) là khu vực của tòa lãnh sự các nước Âu Tây. Liên quân Thanh và Nghĩa Hòa Đoàn vây hãm khu này suốt 55 ngày, nên tòa lãnh sự các nước đánh điện cầu cứu chính phủ của họ. Bát quốc liên quân đánh tan quân Thanh và Nghĩa Hòa Đoàn, chiếm lãnh toàn bộ Bắc Kinh vào ngày 14 tháng Tám năm Canh Tý (1900) khiến Từ Hy và Quang Tự phải chạy trốn về Tây An (Thiểm Tây), phái Lý Hồng Chương điều đình. Cuối cùng, nhà Thanh buộc phải ký hòa ước bất bình đẳng Tân Sửu (tháng 7, năm

vườn Viên Minh, hai bộ ấy bị hủy cả. Do vậy, [Tứ Khố] Hội Yếu chỉ còn lại một bộ.

Một bản độc nhất trên đời này! Thế Giới Thư Cục in ra, tôi hết sức hoan hỷ. Do vậy, lúc ấy có những đồng tu giúp đỡ tôi, tôi mua được một bộ. Mua được một bộ, tôi không đủ sức đọc, tôi nghĩ phải gởi về Trung Quốc Đại Lục, vì Trung Quốc Đại Lục không có, rất nhiều người còn chưa được nghe đến. Tôi bèn phát tâm, sau này tận hết sức mua được năm bộ. Năm bộ ấy, lần thứ nhất gởi về Trung Quốc Đại Lục, gởi về Đại Học Bắc Kinh một bộ; gởi một bộ về Đại Học sư phạm Nam Kinh, gởi về Đại Học Phúc Đán ở Thượng Hải một bộ; An Huy là quê cũ, cũng là nơi phát nguyên của Đồng Thành phái¹⁰⁰, gởi tặng một bộ về Đại Học An Huy. Còn một bộ gởi về quê hương Càn Long thuộc miền Đông Bắc, tức là gởi về Đại Học Trường Xuân thuộc quê hương của Càn Long.

Sau này từ từ có tiền bèn mua, tổng cộng mua đến ba mươi bốn bộ, cả Trung Quốc mỗi một tỉnh, thành phố đặc biệt, khu tự trị mỗi nơi đều tặng một bộ; mỗi nơi chọn lấy một Đại Học tốt nhất, hy vọng những sách này sẽ được lưu truyền dài lâu. Sau rốt, có một vị cư sĩ đến bảo tôi ông ta phát tâm tặng tôi một bộ Tứ Khố Toàn Thư, tôi hết sức vui vẻ. Tôi hỏi mua một bộ nơi Thương Vụ Ấn Thư Quán, bản cuối cùng của Thương Vụ Ấn Thư Quán được bán cho tôi. Tổng kinh lý (General Manager) [của Thương Vụ Ấn Quán] bảo tôi: “Bộ sách này nếu một người mới đẻ ra đã biết đọc, mỗi ngày đọc tám tiếng, đọc đến một trăm hai mươi tuổi vẫn đọc chưa xong”. Tôi mua một bộ hiện được đặt tại nhà giảng mới của chúng ta. Tôi hỏi ông ta sách này in với số lượng bao nhiêu, tôi ước tính chừng ba trăm bản. Ông ta bảo không sai, chỉ in ba trăm bản. Lúc ấy tôi ước tính Hội Yếu chỉ in năm trăm bản.

Năm ngoái, tôi qua Đài Loan giảng kinh, gặp được tổng kinh lý của Thế Giới Thư Cục tôi mới biết họ chỉ in hai trăm bản, vì sao? Sách ấy không có ai đọc. In nhiều không bán được. In hai trăm bản mà hiện

1901). Nhà Thanh phải bỏ thường chiến phí, mất rất nhiều chủ quyền, phải cắt đất cho các nước Âu Tây và Nhật lập tô giới. Bát Quốc Liên Quân (nhất là quân Đức, Nga và Pháp) đã cướp bóc Tử Cấm Thành, giết người, hoặc hãm hiếp rồi dùng lưới lê đâm chết nạn nhân, đốt phá rất nhiều nhà thường dân, hủy hoại rất nhiều phẩm vật văn hóa quý báu như tranh vẽ, bút thiếp, sách vở, đồ cổ ngoạn.

¹⁰⁰ Đồng Thành phái: Chỉ trưởng phái của văn gia Phương Bao (11668-1749), tự Phong Cữu, hiệu Vọng Khê, là một nhà tân văn nổi tiếng đời Thanh, người huyện Đồng Thành, tỉnh An Huy. Tác phẩm của ông được in thành Phương Vọng Khê Toàn Tập.

nay họ vẫn còn tám bộ. Như vậy thì quý vị mới biết khó khăn như thế nào, những thứ của cổ thánh tiên hiền hiện nay không có người đọc. Người hiện tại đọc những thứ gì? Không đọc sách mà chơi computer, coi Internet. Nội dung Internet tôi không biết, tôi chỉ nghe nói đủ màu đủ vẻ, đại khái là bảy mươi, tám mươi phần trăm là tài liệu dạy dỗ, cũng được đi! Dạy toàn giết - trộm - dâm - dối; nói cách khác, mỗi ngày quý vị tiếp xúc những thứ đó, tâm chắc chắn bị các ác pháp ô nhiễm, khởi tâm động niệm bất thiện, quả báo chẳng thể tưởng tượng được nổi.

Hiện thời người học Phật đông đảo, nhưng người chân chánh học Phật được mấy ai? Nếu quý vị đào thải từng tầng một, đào thải đến tối hậu thì toàn thế giới, e rằng chưa tìm được một trăm người. Tôi ước lượng như vậy là còn lớn lắm. Người chân chánh học Phật trên toàn thế giới tìm không được một trăm người thì còn nói gì được nữa? Điều là do ý niệm. Làm lành cũng do nó, làm ác cũng do nó. Chúng ta phải hiểu, phải cảnh giác. Tự mình phải khéo suy nghĩ: Mình đang theo con đường Phật, hay đi trên đường địa ngục, phải nghiêm túc suy tưởng, nghĩ ngợi đi!

Nay đã hết giờ rồi!

Tập 56

Chư vị đồng học!

Xin xem đoạn Khai Thị sau phần Tán Tăng Bảo, chúng ta đọc đoạn này một lượt:

Niệm Phật ký từng tâm xuất, kết nghiệp khởi thuộc ngoại lai, tu du bởi niệm Phật chỉ tâm, sát-na tức kết nghiệp chỉ sở.

念佛既從心出。結業豈屬外來。須臾背念佛之心。剎那即結業之所。

(Niệm Phật đã do tâm mà có, kết nghiệp há thuộc ngoài tâm. Tâm nghịch với niệm Phật trong khoảnh khắc bèn kết nghiệp ngay trong một sát-na).

Đây là một đoạn. Trong phần trên tôi đã nói rồi, trong đoạn này thiền sư bảo chúng ta: Làm lành hay làm ác đều trong một tâm niệm, hoàn toàn giống như lời đức Phật dạy trong các bộ kinh Đại Thừa. Trong kinh Hoa Nghiêm, nói chung, đức Thế Tôn bảo chúng ta: Hư không, pháp giới, sát-độ, chúng sanh, hết thảy vạn sự vạn vật trong vũ trụ “duy

tâm sở hiện, duy thức sở biến”. Đó là nói đến cùng tận. Đức Phật lại còn thường dạy chúng ta: “*Nhất thiết pháp tùng tâm tướng sanh*” (hết thấy pháp từ tâm tướng mà sanh). Câu thứ nhất [trong phần Khai Thị trên đây] nói về niệm Phật: Quý vị nghĩ tưởng Phật, nghĩ tưởng Phật bèn thành Phật. Câu tiếp đó là “*kết nghiệp*”: Trong tâm nghĩ đến những nghiệp thiện hay ác, quý vị nghĩ đến điều thiện bèn hưởng phước báo trong nhân thiên tức ba đường lành; nghĩ đến điều ác bèn có ác báo trong tam đồ địa ngục. Toàn là do một tâm, tùy thuộc cách nghĩ của quý vị ra sao; mối quan hệ này rất lớn lao.

Trong kinh Lăng Nghiêm, đức Phật cũng bảo rõ ràng cùng chúng ta: “*Chư pháp sở sanh, duy tâm sở hiện, nhất thiết nhân quả*” (các pháp được sanh ra chỉ do tâm hiện, hết thấy nhân quả); từ ngữ “*nhất thiết nhân quả*” ở đây bao gồm nhân quả của y báo và chánh báo trong mười pháp giới, gồm cả nhân quả xuất thế Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa. Khởi tâm động niệm là tạo nhân, nhân gặp được duyên, quả báo nhất định hiện tiền, đúng như ngạn ngữ có câu: “*Bất thị bất báo, thời thần vị đáo*” (Chẳng phải không báo, thời giờ chưa đến). “*Thời thần*” là gì vậy? Duyên! Duyên chưa đủ. Hễ duyên đầy đủ thì quả báo hiện tiền ngay lập tức. Chúng ta chẳng thể không hiểu đạo lý này!

Đức Phật lại thường nói: “*Y báo tùy trước chánh báo chuyển*” (Y báo chuyển theo chánh báo). Chánh báo là khởi tâm động niệm; còn về y báo thì y báo thân thiết nhất là thân thể của chúng ta. Chúng ta khởi tâm động niệm chẳng thể không có thân thể này. Y báo và chánh báo là một, không hai. Đã có thân thể này thì không thể chẳng có hoàn cảnh sinh sống. Quý vị chú tâm tư duy, quán sát toàn thể vũ trụ, nay chúng ta gọi [chánh báo] là tinh thần, vật chất và tinh thần quyết định chẳng thể chia lìa, chúng là một thể: Tinh thần là tinh thần của vật chất. Vật chất là vật chất nơi tinh thần, là một, không hai, đều là “*tâm hiện, thức biến*”. Trong Phật pháp gọi [tinh thần và vật chất] là Tâm Pháp và Sắc Pháp. Sắc và Tâm cùng một nguồn, trong Phật pháp gọi cái nguồn ấy là Pháp Tánh hoặc là Chân Tánh.

Do đây biết rằng: Khởi tâm động niệm chẳng thể không cẩn thận, chớ tưởng động một ác niệm không sao, không ăn nhằm gì, nghĩ như vậy là hoàn toàn nghĩ sai rồi! Bất luận ý niệm nào, người hiện tại gọi là “*ba động*” (dao động, fluctuation), trong Phật pháp cũng gọi là “*ba động*”. Vô minh là ba động, phạm vi của ba động trọn khắp hư không giới, khắp pháp giới, tốc độ nhanh chóng! Làn sóng tư tưởng không phải là làn sóng vật chất. Tốc độ của sóng vật chất không nhanh; trong những hiện

tượng vật lý, con người hiện tại đều biết: Tốc độ lan truyền nhanh nhất là sóng điện từ (electromagnetic wave) và sóng ánh sáng. Các khoa học gia cũng phát hiện: Trong vũ trụ còn có những tốc độ nhanh hơn thế nữa, nhưng tốc độ nhanh nhất chính là sóng tư tưởng, khởi tâm động niệm trong khoảnh khắc bèn trọn khắp hư không pháp giới.

Do vậy, chẳng những trong mỗi niệm làn sóng điện từ ấy tương ứng với chư Phật Như Lai mà thậm chí còn tương ứng với hết thảy chúng sanh trong tam đồ, với vô tình chúng sanh, “*tình và vô tình, cùng viên mãn Chứng Tri*”. Những sóng ấy giống như một cái lưới, kín mít dày đặc hợp thành một Thể. Dầu là một Thể, nhưng có trật tự, không hỗn loạn tí ti nào. Giống như trong lớp học của chúng ta, chúng tôi dùng cái phòng học này để tỷ dụ vũ trụ, để sánh ví hư không pháp giới. Chúng ta lấy những ánh đèn trong giảng đường để tỷ dụ mười pháp giới, hữu tình chúng sanh trong mười pháp giới. Dùng sóng ánh sáng để tỷ dụ làn sóng tư tưởng khi quý vị khởi tâm động niệm. Đèn vừa bật lên, ánh sáng lập tức tỏa khắp giảng đường. Ánh sáng của mấy chục ngọn đèn ở nơi đây dung hợp thành một thể, thoát nhìn không thể tách rời nhau, nhưng không hỗn loạn chút nào. Vì sao? Quý vị tắt ngọn đèn nào đi, ánh sáng của ngọn ấy không còn nữa, trọn chẳng khuấy nhiễu ánh sáng của những ngọn khác.

Sóng tư tưởng vĩnh viễn chẳng gián đoạn, không giống như những ngọn đèn của chúng ta, ngọn đèn tắt đi quả thật không còn nữa. Tư tưởng của hết thảy chúng sanh vĩnh viễn không đoạn, vì sao? Đây là bản năng của tự tánh, chỉ có chuyển biến, chứ không thể đoạn. Thiện biến thành ác, ác biến thành thiện, tịnh biến thành nhiễm, nhiễm biến thành tịnh; trong ấy có biến hóa, chứ không bị đoạn, vĩnh viễn chẳng bị gián đoạn giữa chừng. Tịnh thiện thì quả báo thù thắng, nhiễm ác thì quả báo rất khổ, lục đạo tam đồ! Hai câu này nêu rõ ý nghĩa sau đây: Niệm Phật đã từ tâm mà ra thì kết nghiệp cũng do tâm mà có. Nghiệp ấy bao gồm y báo và chánh báo trang nghiêm của mười pháp giới, bao gồm cả Nhất Chân pháp giới, trọn chẳng tách lìa nhân quả báo ứng.

Tiếp đó, thiền sư bảo chúng ta: “*Tu du bối niệm Phật chi tâm, sát na tức kết nghiệp chi sở*” (Tâm nghịch với niệm Phật trong khoảnh khắc bèn kết nghiệp ngay trong một sát-na), hai câu này nếu dùng văn Bạch Thoại hiện thời để nói thì là: “Quý vị không niệm Phật bèn tạo nghiệp, Phật hiệu vừa ngưng bèn lập tức tạo nghiệp mà quý vị chẳng hay chẳng biết!” Nếu biết, nếu giác ngộ thì quý vị chính là người thấu hiểu, khai ngộ. Phàm phu khởi tâm động niệm nhưng chẳng hay chẳng biết, chưa

hề giác ngộ. Người tu hành thông qua huấn luyện, dẫn chúng ta ở nhà đọc kinh một mình thì đọc kinh cũng là thông qua huấn luyện, học tập từ kinh điển. Quý vị học được điều gì? Thực sự học được thì sẽ giác ngộ! Điều giác ngộ đầu tiên: Ta không niệm Phật sẽ tạo nghiệp! Vì sao? Không niệm Phật thì những chủng tử tập khí trong A Lại Da Thức sẽ hiện hành, chúng ta thường gọi là “khởi vọng tưởng”. Quý vị không niệm Phật ắt khởi vọng tưởng, khởi vọng tưởng là kết nghiệp, tạo nghiệp.

Đây là lý do tại sao các vị Bồ Tát, tổ sư, đại đức đau lòng rất miêng khuyên dạy chúng ta *“tịnh niệm tiếp nối”*. Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát dạy chúng ta: *“Không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn”*, vì sao không gián đoạn? Vừa gián đoạn bèn tạo nghiệp, vừa gián đoạn bèn suy nghĩ lung tung. Những gì quý vị tưởng nghĩ đến chắc chắn là luân hồi, cái “tưởng” ấy là tâm luân hồi. Tâm luân hồi tạo nghiệp luân hồi, luân hồi kiên cố, quyết định không ra khỏi luân hồi, phiền phức là đây! Nếu chúng ta muốn thoát khỏi luân hồi ngay trong một đời này, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì quý vị chẳng thể không tôn trọng những giáo huấn ấy của cổ đức, chẳng thể không phụng hành! Đây chính là tịnh niệm tiếp nối!

Chỉ có tịnh niệm tiếp nối, trong một đời này quý vị mới ngóc đầu lên được. Ai nấy đều luân hồi lục đạo, quý vị vượt thoát ra, về Tây Phương Cực Lạc thế giới làm Phật. Còn gì thù thắng bằng? Quý vị phải biết điều thù thắng bậc nhất khôn sánh này! Hai câu này hết sức trọng yếu, hãy nên chép thành một tấm giấy nhỏ, dán trước chỗ mình ngồi. Ở đây, thiền sư Trung Phong không những lay tỉnh chúng ta, mà còn lay tỉnh cả pháp giới chúng sanh, do pháp tu này cả âm giới lẫn dương gian đều được lợi. Ai có thể giác ngộ, người ấy thành công. Lại xem đoạn khai thị tiếp theo:

Kim tắc chúng đẳng, y bằng giáo pháp, tác Tam Thời Hệ Niệm Phật Sự, sở tập thắng nhân, chuyên vì vong linh quyết sanh Tịnh Độ.

**今則眾等。依憑教法。作三時繫念佛事。所集勝因。
專為亡靈決生淨土。**

(Nay đại chúng nương nhờ giáo pháp, làm Tam Thời Hệ Niệm Phật Sự, tích tập cái nhân thù thắng, chuyên vì vong linh quyết định sanh về Tịnh Độ).

Đây là câu nói trở lại, trở về pháp sự đạo tràng hiện tiền. Pháp sự

này không giống những pháp sư khác, pháp sư này là tứ chúng đồng tu cùng tham gia. Vì thế, thường có hơn cả trăm người, thậm chí có cả mấy trăm người tham gia, quy mô rất lớn, hết sức trang nghiêm, sức mạnh chẳng thể nghĩ bàn. Nhóm họp đại chúng chân thành, cung kính cầu đảo, phát nguyện, sức mạnh ấy rất lớn. “*Y bằng giáo pháp*” (nuơng nhờ giáo pháp): Giáo pháp là những gì đức Phật đã nói, là giáo huấn của tổ sư đại đức, thiền sư Trung Phong biên tập lại, rồi còn thêm vào những khai thị rất tinh vi, đẹp đẽ, chúng ta đều đã đọc qua. Nay chúng ta cùng nhau làm Phật Sự Tam Thời Hệ Niệm, “*sở tập thắng nhân*” (cái nhân thù thắng được tụ tập), “*thắng*” (勝) là thù thắng (殊勝), nói thật ra là nhân duyên thù thắng khôn sánh. “*Chuyên vì vong linh quyết sanh Tịnh Độ*”: Giọng điệu hết sức khẳng định, không có tí hoài nghi nào. Đây là cầu nguyện, chúng ta làm Phật sự này vì lý do sau đây: Người đã khuất sanh về Tịnh Độ, chúng ta gởi họ về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đưa một phàm phu đi thành Phật.

Quý vị nghĩ xem: Trong thế gian này công đức nào có thể sánh bằng! Đại Từ Bồ Tát nói: Trong một đời, nếu quý vị có thể giúp cho hai người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì công đức ấy còn trội hơn công đức do chính mình suốt đời tu hành. Lời Bồ Tát dạy là thật, không giả đâu, toàn là sự thật. Nay qua pháp sư Hệ Niệm, chúng ta đưa một người vãng sanh thành Phật, nhiều người cùng làm thì ta cũng được một phần! Đây chính là nguyện “*tùy hỷ công đức*” trong mười nguyện Phổ Hiền. Tùy hỷ công đức chẳng thể nghĩ bàn, bình đẳng với công đức của người chủ tu pháp sự, không hai, không khác.

Giống như buổi tối chúng ta đốt đèn, thắp nến, những cây nến to như nhau. Người chủ tu pháp sự thắp sáng nến rồi, chúng ta là người tùy hỷ chưa đốt nến, nhưng nến của người ta đã đốt sáng rồi, đem cây nến của mình châm vào đó, cũng được hưởng ánh sáng, đó là tùy hỷ. Giống hệt như chính mình tự đốt nến, ánh sáng của mình và ánh sáng của người giống như nhau, quyết chẳng khác biệt. Ánh sáng của người ta rất sáng, ánh sáng của mình kém hơn một chút ư? Không có chuyện đó! Bình đẳng! Nêu lên tỷ dụ này, ắt quý vị sẽ hiểu công đức tùy hỷ và công đức của người chủ tu bình đẳng, nhưng công đức của người chủ tu ấy chẳng bị giảm thiểu mấy may nào. Người tùy hỷ càng nhiều, công đức của người chủ tu càng lớn. “*Lớn*” là gì? Quang minh càng chiếu sáng rực rỡ. Mấy trăm ngọn nến, mấy ngàn ngọn nến cùng thắp lên, giảng đường này sáng choang! Ánh sáng chiếu lẫn nhau, đan dệt vào nhau như lưới ánh sáng!

Quý vị hiểu ý nghĩa này bèn hiểu những làn sóng tư tưởng do tất cả hết thảy hữu tình chúng sanh phát ra trong khắp pháp giới, hư không giới sẽ đan xen lẫn nhau thành mạng lưới. Những tư tưởng nào thanh tịnh, thuần thiện sẽ tương ứng với chư Phật, Bồ Tát, những tư tưởng nào bất tịnh bất thiện sẽ ứng với tam đồ lục đạo, nhưng đều cùng đan xen với nhau. Chúng ta phải tự hiểu, phải tự cứu lấy mình, nhất định phải tương ứng với Phật, Bồ Tát. Chúng ta muốn giúp người khác cũng phải tương ứng với Phật, Bồ Tát. Phải cố hình thành một mạng lưới quang minh thuần thiện thuần tịnh thì mới có thể giúp đỡ những chúng sanh đang ở trong mạng lưới ánh sáng mà “mê chứ không giác, tà chứ không chánh, nhiễm chứ không tịnh”, dần dần giúp cho họ giác ngộ, giúp họ quay đầu lại.

Dẫu cho hiện tại đang mê rất sâu, mê rất nặng cũng không sao, chúng ta phải tự mình nghiêm túc nỗ lực thực hiện, tu thuần tịnh, thuần thiện, nhất định phải có thành tích tốt, làm gương tốt cho người khác nhìn vào. Họ tạo tác chuyện bất thiện, phải gánh chịu quả báo bất thiện, hứng chịu mọi nỗi khổ xong, sẽ dần dần giác ngộ. Vì sao người nọ suốt đời khổ như thế, vì sao người kia cả đời sung sướng như thế, đối với những điều ấy họ sẽ dần dần giác ngộ. Trong quá khứ, tôi sống ở Cựu Kim Sơn (San Francisco), Hoa Kỳ, chúng tôi cũng sống tại một thành phố nhỏ, sống ở đó chừng hơn nửa năm, dần dần quen biết những người sống quanh đó. Trong ngôi nhà tôi ở có mấy người xuất gia trẻ tuổi, những người ấy gặp rồi bèn hỏi han: “Quý vị từ đâu tới? Quý vị làm nghề gì? Vì sao quý vị sung sướng như vậy?” Họ đều thấy rõ: Bất luận gặp chúng tôi ở đâu, mặt mũi chúng tôi đều vui cười, đều hoan hỷ, đều sung sướng, họ hết sức ngưỡng mộ, hỏi chúng ta làm nghề gì?

Do vậy, người học Phật bất luận xuất gia hay tại gia, chỉ cần chiếu theo kinh giáo mà tu hành, sửa đổi những tư tưởng, kiến giải, hành vi sai lầm sẽ được pháp hỷ sung mãn. Bất kể làm việc gì, không ai chẳng tự tại, tâm địa thuần tịnh, thuần thiện, tịnh sanh trí huệ, thiện sanh phước đức, quả báo là đại trí, đại phước, đều là trong một ý niệm của chính mình, chẳng từ bên ngoài, chẳng cầu từ bên ngoài được! Nhà Phật dạy mong cầu thì phải hướng vào bên trong mà cầu. Hướng vào bên trong mà cầu chính là sửa tâm, sửa đổi ý niệm, sửa đổi hành vi, quả báo thù thắng chẳng thể không hiện tiền! Chỉ có bậc đại đức trong Phật môn thì giọng điệu mới kiên định như thế: “*Chuyên vì vong linh cầu sanh Tịnh Độ!*”

**Tự kim giới hương phúc úc, huệ cự huỳnh hoàng, mê vân khai
nhi tánh thiên độc lãng, vọng trần tận nhi tâm địa khuếch thông.**

**自今戒香馥郁。慧炬熒煌。迷雲開而性天獨朗。妄塵
盡而心地廓通。**

(Từ nay giới hương ngào ngạt, đuốc huệ chói lòa, tan mây mê,
bầu trời tánh đức riêng rạng ngời, sạch hết bụi vọng tưởng, cỗi lòng
thông suốt).

Đến đây là một đoạn nữa. Từ ngữ “*phúc úc*” diễn tả khói hương
xông khắp, hình dung mây hương cuộn cuộn, mùi hương bủa khắp.
Hương gì vậy? Giới hương! Phật pháp nói “*ngũ phạm Pháp Thân
hương*”; ở đây gọi là “mùi hương”, người hiện tại gọi là Từ Trường,
người Hoa gọi là Khí Phạm, hoàn toàn không phải là đốt hương thực sự.
Khí chất, khí phạm tự nhiên có thể cảm động con người, trì giới tu định
có trí huệ.

Ngũ phạm Pháp Thân: “*Ngũ phạm*” (năm phần) là Giới, Định,
Huệ, Giải Thoát, và Giải Thoát Tri Kiến. Nói như cách bây giờ thì “giải
thoát” là “tự tại”, Giải Thoát Tri Kiến là kiến giải tự tại, tư duy tự tại.
Kiến giải và tư duy của người ấy hết sức tự tại. Quý vị nghĩ xem: Trong
ấy còn có phiền não, ưu lự hay chẳng? Chẳng những không có mà cội rễ
của phiền não ưu lự, cái cội rễ chung của chúng chính là vọng tưởng,
phân biệt, chấp trước cũng không có! Không có vọng tưởng, không có
phân biệt, không có chấp trước; dùng phương pháp nào để đạt đến cảnh
giới ấy? Niệm Phật. “*Tịnh niệm tiếp nối*”, dùng phương pháp ấy để làm.
Chúng ta phải nhớ kỹ, chúng ta phải học. Hợp ý nghĩa này với ý nghĩa
trong phần trước thì có nghĩa là trì giới niệm Phật.

“*Huệ cự huỳnh hoàng*” (đuốc huệ chói lòa), chữ “*huỳnh hoàng*”
(熒煌) có nghĩa là tỏa sáng. Đây là nói về trí huệ, ánh sáng trí huệ hiển
hiện nơi sáu căn phóng quang động cỗi đất, dầu kẻ ngu cũng cảm nhận
được, họ cảm nhận được từ nơi thân quý vị. Họ cảm nhận điều gì? Lòng
từ bi và nhân từ của quý vị. Tuy họ không nói ra, nhưng họ cảm nhận sự
nhân từ, cảm thấy rất an toàn, rất hoan hỷ, họ cảm nhận được những điều
đó. Có một năm, tôi giảng kinh tại Miami, tiểu bang Florida, có không ít
người địa phương đến giảng đường ngồi tịnh tọa, mỗi lần ngồi hai tiếng
đồng hồ. Họ nghe, không hiểu tôi đang nói gì vì trong đạo tràng không
có người phiên dịch, nhưng mỗi buổi họ đều đến.

Có những đồng tu hỏi họ:

- Ông nghe không hiểu, vì sao mỗi buổi đều đến?

Họ nói:

- Từ trường nơi đây rất tốt, tôi thích từ trường nơi này.

Họ nói trong hai tiếng đồng hồ ấy, từ trường đặc biệt thư thả, thoải mái nên họ đến hưởng thụ! Lúc không giảng kinh, từ trường nơi giảng đường ấy khác hẳn, khác nhiều lắm. Những người ấy thường tu tịnh tọa, tâm địa thanh tịnh, cảm ứng phải linh mãnh hơn những người thường. Những người bình thường, do tâm ý thô thấp, hơi hợt nên chẳng dễ gì cảm nhận được, chứ họ cảm nhận được.

Trí huệ quang minh! Hai câu tám chữ này giảng về công phu tu hành đặc lực. Công phu đặc lực không có gì khác cả, trường thời huân tu! Phải huân tu bao lâu? Tôi thường bảo các đồng học: “Nếu thực sự làm, ba tháng bèn thấy hiệu quả!” Quý vị tu đã lâu như thế mà vẫn phí uổng thời gian, [là vì] từ trước đến nay chưa từng vận dụng công phu tu ba tháng này! Nếu quả thật có thể trong ba tháng, thực hiện được chuyện “*tịnh niệm tiếp nối*”, ngoại trừ những lúc ngủ nghỉ ra, còn những lúc tỉnh thức trong tâm luôn có Phật hiệu, nhớ Phật, niệm Phật, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn, đương nhiên cũng không thể hoại nghi. Quý vị miên miên mật mật như thế nhưng không trở ngại công việc, pháp môn này thù thắng ở chỗ này! Hết sức thích hợp cho con người hiện thời, hiện tại công việc bẽ bộn, pháp môn này chẳng trở ngại công việc. Nếu công việc của quý vị đòi hỏi phải suy nghĩ thì có trở ngại. Công việc không phải dùng đến trí óc thì không có chút trở ngại nào cả.

Quý vị hãy nghĩ đến pháp sư Tu Vô vãng sanh ở chùa Cực Lạc tại Cáp Nhĩ Tân (Harbin) trong quá khứ. Pháp sư Tu Vô không biết chữ, chưa từng đi học. Trước khi xuất gia làm thợ nề, sau khi xuất gia chuyên làm công việc nặng trong chùa, những chuyện nặng nhọc thầy đều làm, vì đại chúng phục vụ. Tuy ngày ngày làm lụng, nhưng Sư thực sự tu được tịnh niệm tiếp nối. Biết trước lúc vãng sanh, ra đi tự tại như thế ấy. Thành thực rồi, công phu thành thực rồi. Sư sống cuộc đời thô nặng như thế, không dùng đến tư tưởng, giữ được tịnh niệm tiếp nối. Cần phải dùng đến trí óc thì khi làm việc để Phật hiệu xuống, chuyên tâm làm việc cho tốt. Làm việc xong, Phật hiệu lập tức đề khởi.

Vì sao? “*Tu du bối niệm Phật chi tâm, sát-na tức kết nghiệp chi sở*” (Tâm trái nghịch với niệm Phật trong khoảnh khắc, trong khoảng sát-na nghiệp bèn kết). Phật hiệu chẳng được gián đoạn. Vừa mới gián đoạn thì vọng tưởng, tạp niệm khởi lên ngay, tạo nghiệp rồi! Do vậy, công việc vừa buông xuống, Phật hiệu phải khởi lên ngay. Một ngày từ

sáng đến tối miên miên mật mật công phu như thế thì công phu mới đắc lực. Hiệu quả sẽ hiện tiền trong ba tháng, sáu tháng bèn sanh tâm hoan hỷ; chỉ cần giữ được mãi như thế, sẽ quyết định sanh về Tịnh Độ. Điều này hoàn toàn giống với những gì Từ Vân đại sư đã nói: “*Lâm mạng chung thời, dự tri thời chí, thân vô bệnh khổ, như nhập Thiền Định*” (lúc mạng sắp hết, biết trước lúc mất, thân không bệnh khổ, như nhập Thiền Định). Công phu như vậy không cần người khác trợ niệm, tự mình hoàn toàn làm chủ. Trong đoạn khai thị cuối cùng này, Ngài đặc biệt cảnh tỉnh chúng ta phải trì giới niệm Phật. Người thực sự giác ngộ, thực sự có trí huệ, có phước báo sẽ tu năm phần Pháp Thân hương cho chính mình, phải thực sự tu tập ngay trong lúc này!

“*Mê vân khai nhi tánh thiên độc lãng*” (Tan mây mê, bầu trời tánh đức riêng rạng ngời): Thành tựu rồi, phá mê khai ngộ; câu này nghĩa là phá mê khai ngộ. “*Vọng trần tận nhi tâm địa khuếch thông*” (hết sạch bụi trần, tâm địa thông suốt): Ý nghĩa của hai câu này là phá mê khai ngộ. “*Mê vân*” là vô minh phiền não, “*mê vân khai*” là phá vô minh, chỉ phá một phẩm cũng được. Phá một phẩm vô minh thấy được một phần Chân Tánh, vì thế, “*tánh thiên độc lãng*” (bầu trời tánh đức riêng rạng ngời). Lúc ấy, quý vị và hết thảy chư Phật Như Lai là Đồng Sanh Tánh, quý vị thực sự thành Phật. Trong Lục Tức Phật như Thiên Thai đại sư đã giảng, quý vị thuộc địa vị Phân Chứng Tức Phật. Quý vị sanh về đâu? Quý vị có ước nguyện vãng sanh Tịnh Độ bèn sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm của Tịnh Độ, không phải Đồng Cư Độ, không phải Phương Tiện Độ, mà sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ. Nếu quý vị không niệm Phật vãng sanh thế giới Cực Lạc bèn sanh vào thế giới Hoa Tạng, vì sao? Phá một phẩm vô minh chính là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, quý vị đã là Pháp Thân Bồ Tát, đã vượt khỏi mười pháp giới.

“*Vọng trần tận*”: Vọng trần là Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, Vô minh phiền não, đoạn sạch hết cả thì “*tâm địa khuếch thông*” (tâm địa mở rộng, thông suốt), “*khuếch*” (廓) có nghĩa là mở lớn, thông suốt. Trong Phật môn gọi là đại triệt đại ngộ. Câu trước là minh tâm kiến tánh, câu sau là đại triệt đại ngộ. Dù kiến tánh, triệt ngộ, nhưng vẫn là tánh đức của quý vị sẵn có, vẫn là đức năng vốn sẵn đủ trong trí huệ, chẳng do bên ngoài mà có. Nói cách khác, khôi phục trí huệ và đức năng nơi tự tánh mà thôi! Phải biết chân tướng sự thật này. Trong những bộ kinh lớn, đức Phật gọi là quy vô sở đắc: “*Viên mãn Bồ Đề, quy vô sở đắc*” (Viên mãn Bồ Đề, trở về chỗ không có gì để đạt được). Toàn là

những thứ vốn sẵn có trong tự tánh, trước kia bị mây mê hoặc che phủ, bị vọng trần chướng ngại, nay xé toạc mây mê, vọng trần hết sạch (vọng trần là phiền não, tập khí), thấy đều đoạn hết, phá mê khai ngộ.

Cảnh giới ấy là cảnh giới của Pháp Thân Bồ Tát. Nói thật ra, chúng ta suốt đời này nỗ lực tu, chưa chắc đã đạt được; nhưng chúng ta chẳng cần bận tâm trong đời này mình có thể đạt đến mức độ ấy hay không, tu là phải thực sự thực hiện, dầu không đạt cũng phải thực sự thực hiện. Cách thực hiện như thế nào? Trì giới niệm Phật! Đạt chưa được tiêu chuẩn trên đây (tức *“minh tâm kiến tánh, đại triệt đại ngộ”*) thì Phàm Thánh Đồng Cư Độ là chuyện khẳng định, không hoài nghi chút nào. Thật Báo Trang Nghiêm Độ là bậc thượng: Thượng Thượng Phẩm vãng sanh. Chúng ta phải nỗ lực, phải biến việc này thành đại sự bậc nhất mà suốt cuộc đời này ta phải lo liệu, những chuyện khác đều là chuyện nhỏ nhặt! Nay chúng ta tự mình giác ngộ, hiểu rõ rồi, chúng ta khuyên bảo người khác, trước hết là chính mình. Khuyên người khác, người ta làm được, tự mình không làm được, mất mặt lắm! Tự mình phải hết sức nghiêm cẩn nỗ lực hành trì, trọn chẳng thể rút lại sau người khác!

Trì giới niệm Phật khởi đầu từ đâu? Tôi thường nhắc nhở các đồng học, vì sao cứ phải thường nhắc nhở? Vì quý vị chưa làm được, chưa giác ngộ. Dù có làm được, giác ngộ rồi thì cũng phải thường xuyên nhắc nhở, vì sao? Quý vị có thể bị thoái chuyển. Quý vị gặp phải nghịch duyên, đừng phải nghịch cảnh bèn thoái chuyển, trí huệ không mở mang được, định lực không thành tựu. Hằng ngày phải nhắc nhở! Do vậy, mọi người cùng ở một chỗ tu hành cũng có cái lợi, đó gọi là *“nuông theo chúng, dựa vào chúng”*, hằng ngày nhắc nhở lẫn nhau. Quý vị tách rời đoàn thể ấy, một tuần sau quý vị sẽ khôi phục [những phiền não, tập khí] giống hệt như trước [khi quý vị tu tập], bảo đảm là lui sụt, có người bị lui sụt với một mức độ khá lớn. Vì sao những kẻ sơ học chúng ta chẳng dám lìa thầy, đạo lý là này! Chỗ đặt chân chưa ổn!

Khi xưa, tôi cầu học với thầy Lý mười năm. Không có thời gian cầu học lâu dài ấy, bản thân tôi phiền não tập khí rất nặng, sức dụ hoặc bên ngoài mạnh mẽ, lớn lao, chẳng dễ gì chống cự nổi. Chỉ có một phương pháp là thân cận thầy, chẳng rời khỏi thầy, ngày ngày được thầy răn dạy. Nay chúng ta được thừa hưởng khoa học kỹ thuật cao, rất nhiều đồng học xa xôi dù không thể tụ tập cùng một chỗ, nhưng mỗi ngày qua làn sóng truyền thông, mọi người có thể gặp gỡ nhau qua máy truyền hình, qua mạng Internet, mỗi ngày chúng ta đều có bốn tiếng đồng hồ

cùng nhau học tập. Bốn tiếng đồng hồ không nhiều nhặn gì, nhưng nếu thực sự tận dụng, hằng ngày chẳng khuyết, chúng tôi tin là có lợi rất lớn cho người tu hành. Điều này cũng cho thấy vì sao học sinh không thể vắng mặt một buổi học nào, đạo lý là ở chỗ này. Vắng một buổi học sẽ bị đào thải, không theo kịp; cũng phải có trí huệ và phước đức thì mới nhận thức rõ ràng cơ hội. Cơ hội đúng là *“thiên tải nan phùng”* (ngàn năm khó gặp).

Nói thật ra, *“thiên tải”* thời gian đâu có lâu, một ngàn năm thôi! Nhà Phật thường nói là *“bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ”* (trăm ngàn vạn kiếp khó gặp gỡ). Ông Bành Tế Thanh nói là *“Một ngày khó được gặp từ vô lượng kiếp đến nay”*, mấy ai hiểu được câu nói này? Nếu thực sự hiểu được, há có buông bỏ cơ hội này hay chẳng? Chắc chắn không chịu buông bỏ. Có được một cơ hội tốt như thế để un đúc, mọi người ở cùng một chỗ tu hành, khuyến khích lẫn nhau, nhắc nhở, cảnh tỉnh lẫn nhau, chiếu cố lẫn nhau, đúng là phạm phu nghiệp chương sâu nặng trong thời Mạt Pháp thành tựu được pháp môn Bất Nhị trong một đời!

Những gì Ấn Quang đại sư dạy, chúng ta phải nghiêm túc học tập, lời giáo huấn của Ngài quả thật nhắm vào thời đại Mạt Pháp, có thể giữ cho chúng ta không bị ô nhiễm, không bị ảnh hưởng, thành tựu tịnh nghiệp ổn thỏa thích đáng, vắng sanh Tịnh Độ. Quý vị không tuân thủ giáo huấn của Ngài, cho là vẫn có đường lối khác, thì là lầm mất rồi. Vẫn phải từ tổng nguyên tắc và tổng cương lĩnh do Ngài đã dạy mà thực hiện. Lão nhân gia dạy cho chúng ta tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc, tổng phương hướng, tổng mục tiêu: *“Đôn luân, tận phạt, nhàn tà, tồn thành, tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ”* (Giữ vẹn luân thường, tận hết trách nhiệm, ngăn lòng tà, giữ lòng thành, tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh Độ). Đây là tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc. *“Đôn luân, tận phạt”* là trì giới, *“nhàn tà, tồn thành”* là Định, Huệ. Lấy Giới - Định - Huệ làm cơ sở, tín nguyện trì danh, đây chính là tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ vậy.

A! Nay đã hết giờ rồi.

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp phần khai thị tiếp theo của ngài Trung Phong:

Chư căn viên tịnh, quần nghiệp đốn không. Nhất cử niệm, nhất

hoa khai, ấp lộ nghênh phong, hương phù ngọc chiếu. Nhất trì tình, nhất quả thực, hàm yên đối nhật, ảnh lạc kim viên.

諸根圓淨。群業頓空。一舉念。一華開。挹露迎風。
香浮玉沼。一馳情。一果熟。含煙對日。影落金園。

(Các căn thanh tịnh trọn vẹn, các nghiệp nhanh chóng rỗng rang. Một niệm khởi lên, một đóa hoa bèn nở, nhấp sương, đón gió, hương vẫy ao ngọc. Một lòng trì danh, một quả chín muồi, ngậm khói đối trời, bóng rơi vườn vàng).

Chúng ta xem đến đoạn này. Đoạn này luận trên mặt Sự, nói về tình hình cuộc sống hằng ngày của các thượng thiện nhân trong Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta thường nói thế giới ấy tên là Cực Lạc, vì sao gọi là Cực Lạc? Kinh Phật đã giảng cặn kẽ cho chúng ta: Chúng sanh trong thế giới ấy “*vô hữu chúng khổ, đản thọ chư lạc, cố danh Cực Lạc*” (không có các sự khổ, chỉ hưởng những sự vui, nên gọi là Cực Lạc). Chúng ta nghe xong không dễ gì hiểu nổi. Hy hữu thay! Ở đây thiền sư Trung Phong vì chúng ta miêu tả cặn kẽ. Trước hết, Ngài bảo chúng ta: “*Chư căn viên tịnh, quần nghiệp đốn không*” (Các căn thanh tịnh trọn vẹn, các nghiệp nhanh chóng rỗng rang). Hai câu này rất quan trọng, nghiệp là nghiệp chướng, nghiệp chướng tiêu rồi, sáu căn không những thanh tịnh mà còn thanh tịnh viên mãn. Chữ “*chư căn*” chỉ sáu căn, sáu căn thanh tịnh chẳng nhiễm mảy trần.

Như trong những phần trên đã nói: Hoặc Chướng, Nghiệp Chướng, Báo Chướng; Nghiệp Chướng nhanh chóng rỗng không, đương nhiên Hoặc Chướng và Báo Chướng đều rỗng không. Nói cách khác, không những nghiệp báo trong lục đạo tam đồ trống không, mà nghiệp báo trong bốn thánh pháp giới cũng trống không. Nghiệp trong lục đạo mười pháp giới đều không có, đều tiêu. Tiêu bằng cách nào chúng ta phải biết! Trì giới niệm Phật, “*đo nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối). Dùng phương pháp ấy để tiêu, dùng phương pháp ấy để thành tựu năm phần Pháp Thân, thành tựu phá mê khai ngộ. “*Chư căn viên tịnh, quần nghiệp đốn không*” (các căn thanh tịnh trọn vẹn, các nghiệp nhanh chóng rỗng rang), câu này đã hiển thị một cách viên mãn quả báo do sự tu học của quý vị.

Tiếp đó, chúng ta hãy xem đến tình trạng tu học và sinh hoạt trong thế giới Cực Lạc: “*Nhất cử niệm, nhất hoa khai*” (Một niệm khởi lên, một đóa hoa bèn nở). Hoa và quả tượng trưng cho hoàn cảnh y báo tốt đẹp nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, người thế gian chúng ta luôn

hướng về chân thiện mỹ huệ. Nói thật ra, trong thế gian này, bốn chữ ấy chỉ hữu danh vô thực, Tây Phương Cực Lạc thế giới là “chân thiện mỹ huệ” danh phù hợp với thực. “*Nhất cử niệm, nhất hoa khai*” là sao? Hoa sen trong ao bầy bấu là do người trong mười phương thế giới phát nguyện vãng sanh, từ tín nguyện phát sanh, biến hiện ra. Quý vị thấy chúng không phải là duy thức sở biến, “*duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*” đó sao? Quý vị có lòng tin chân thành, nguyện thiết tha thì hoa nở rất tươi đẹp! Nay trong mỗi tiếng Phật hiệu của chúng ta đều có đủ “lòng tin chân thành, nguyện thiết tha” thì chúng ta biết trong ao bầy bấu nơi Tây Phương thế giới có một đóa sen, hoa ấy do Thức của chính mình biến ra. Vì thế, “*nhất cử niệm, nhất hoa khai*”.

“*Áp lộ nghênh phong*” (nhấp sương, đón gió): Nghĩa là hoa nở chứa đầy sương đọng, lay động theo cơn gió nhẹ. Quý vị nghĩ đến ý cảnh ấy, hồn thơ lai láng. Hoa ấy chính là chỗ sanh về, là trụ xứ, là chỗ đề tu hành trong tương lai của người niệm Phật. Hoa nở thấy Phật thì không phải là cội Đồng Cư nữa, cũng không phải là cội Phương Tiện, mà là Thật Báo Trang Nghiêm Độ! Nói đến Đồng Cư Độ hay Phương Tiện Độ đều là ở trong hoa sen. Trong hoa có thế giới, chẳng thể nghĩ bàn! Nay tôi thuật cùng các đồng học, tin rằng mọi người hiểu được rất dễ dàng, vì sao? Hoa sen to dường ấy, trong hoa sen có đại thế giới, còn có vấn đề gì hay chẳng? Kinh Hoa Nghiêm nói trong vi trần có thế giới, vi trần quá nhỏ, chúng ta mắt thịt không thể nhìn thấy. Thế giới trong vi trần to bằng thế giới bên ngoài, thế giới bên ngoài không rút nhỏ, thế giới trong vi trần tròn chẳng phóng đại, hoàn toàn giống nhau. Đạo lý gì vậy? Đức năng của Pháp Tánh vốn dĩ là như vậy. Trong Pháp Tánh không có lớn hay nhỏ. Nói gọn một câu: Vĩnh viễn không có đối lập. Pháp Tánh là như vậy đó!

Nay chúng ta mê, mê rồi thì sao? Chỗ nào cũng là đối lập. Hễ đối lập bèn trở thành chướng ngại, quý vị nhìn không ra. Vì thế chúng ta muốn hồi phục tự tánh – tự tánh là pháp giới không chướng ngại – thì trước hết phải bắt đầu từ trong tâm: Phải đoạn trừ mọi quan niệm đối lập mà ta đang có đối với tất cả hết thầy người, sự, vật. Không đoạn những ý niệm ấy, sẽ vĩnh viễn sanh ra chướng ngại, chướng ngại hết sức nghiêm trọng. Thế giới trong hoa sen và thế giới tròn khắp pháp giới, hư không giới to như nhau; bản thân quý vị thực sự sanh trong hoa sen, nhưng không biết mình đang ở trong hoa sen! Kinh Hoa Nghiêm gọi cảnh giới ấy là “*bất khả tư nghị giải thoát cảnh giới*” (cảnh giới giải thoát chẳng thể nghĩ bàn)!

Ngày nào đó hoa nở, đến lúc nào hoa sẽ nở? Khi quý vị phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, hoa bèn nở. Hoa nở thấy Phật, ngộ Vô Sanh, thành Vô Sanh Pháp Nhẫn Bồ Tát. Vô Sanh Pháp Nhẫn thực sự là A Duy Việt Trí – A Duy Việt Trí do chính quý vị tự tu thành, chứ không phải do bốn nguyên và oai thần của A Di Đà Phật gia trì! Được bốn nguyên và oai thần gia trì thì quý vị rất giống với A Duy Việt Trí, nhưng hoa sen chưa nở. Dù hoa chưa nở, quý vị vẫn có thể đến hết thấy các cõi Phật trong mười phương thế giới để cúng Phật, nghe pháp, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, quyết định chẳng bị chướng ngại. Thật ra, vẫn có chướng ngại, chướng ngại ở chỗ nào? Không vào được thế giới trong vi trần!

Đọc kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy đến lúc nào mới có thể khế nhập thế giới trong vi trần? (Đây là nói đối với pháp giới trùng trùng vô tận biến huyền từ tự tánh, một mảy chướng ngại quý vị cũng không có). Phổ Hiền Bồ Tát nhập được! Vị Phổ Hiền ấy là “đương vị Phổ Hiền”¹⁰¹, tức là bậc Đẳng Giác. Đạt đến địa vị Đẳng Giác Phổ Hiền Bồ Tát, đứng là hết thấy chướng ngại không còn nữa! Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Đây chính là phương hướng và mục tiêu nỗ lực của chúng ta, những gì khác đều là giả, chẳng thật. Đừng nói chi nhân gian, cõi trời cũng chẳng thật. Đừng nói gì lục đạo, ngay cả bốn pháp giới cũng không thật. Phật gọi những nơi ấy là “hóa thành” (cái thành được biến hóa ra)¹⁰², là trạm nghỉ dọc đường cho người tu hành. Mục tiêu của chúng ta phải là Nhất Chân pháp giới, phải đặt mục tiêu nơi Tây Phương Tịnh Độ. Do vậy,

¹⁰¹ Phổ Hiền (đây là danh xưng của những vị Bồ Tát tu theo hạnh Phổ Hiền) có ba địa vị: Vị tiền (chưa chứng Đẳng Giác), đương vị (đã chứng Đẳng Giác) và vị hậu (tức đã chứng Diệu Giác). Vị Phổ Hiền Bồ Tát dạy thánh chúng trong hội Hoa Nghiêm chính là cổ Phật tái lai, thị hiện thân Đẳng Giác Bồ Tát để phụ trợ Tỳ Lô Giá Na giáo hóa bốn mươi một phẩm Pháp Thân Bồ Tát.

¹⁰² Đây là một thí dụ trong kinh Pháp Hoa. Trong phẩm 7, tức phẩm Hóa Thành Dụ, đức Phật có nêu một thí dụ: Ví như một vị đạo sư (người dẫn đường) biết nơi kia có một chỗ có nhiều món báu (bảo sở) hướng dẫn mọi người đi đến chỗ đó. Đại chúng đi đường xa mỗi mệt, ngã lòng, muốn quay về. Vị đạo sư có phương tiện thiện xảo, bèn dùng thần thông hóa ra một cái thành lớn, đông đảo, sản vật phong phú, cho đại chúng vào đó ăn uống, nghỉ ngơi. Khi họ đã hết mệt, vị đạo sư bèn bảo họ: Đây chỉ là hóa thành, bảo sở đã rất gần, hãy dừng mãnh tiến lên. Cũng như vậy, đức Phật phương tiện nói ra ba thừa giống như hóa thành để đại chúng có thể tu tập dần dần. Khi họ đã chứng được ba thừa, Ngài bèn tuyên nói Nhất Phật Thừa, để họ có thể dừng mãnh tiến hướng Phật quả. Đó gọi là “*khai Quyền hiển Thật, hội tam quy nhất*”.

“nhất cử niệm, nhất hoa khai” (một niệm vừa khởi, một đóa hoa bèn nở). Cảnh giới ấy hết sức rộng lớn.

“Áp lộ nghênh phong” (ném sương, đón gió), Áp (挹) có nghĩa là chước chén. Văn nhân, thi nhân bên hoa dưới trăng mấy kẻ chí đồng đạo hợp thưởng trăng, tiểu chước (小酌: nhâm nhi). Người thế gian chúng ta “tiểu chước” thường không phải bằng rượu mà là trà. Quý vị thấy người ta không nhấp trà mà ném sương móc, nhấp cam lộ hóng gió. “Hương phù ngọc chiếu” (Ao ngọc tỏa hương): Ao ngọc chỉ ao sen bảy báu. Dùng ngọc [để tả cái ao] vì ngọc là chất báu, ao báu nước tám công đức mà! Đây chính là cuộc sống thường nhật của cư dân Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị nghĩ xem tốt đẹp đến như vậy, bọn họ thanh nhàn như thế đấy, rất tự tại, phước báo lớn lắm! Không cần làm lụng, không cần phải ngày ngày kiếm sống, ăn mặc hết thấy đều thọ dụng tự nhiên. Nghĩ đến thứ gì, thứ ấy đều hiện hữu; như trong kinh điển đã nói: Nghĩ đến ăn, [người ấy tự nhiên] dường như đã lâu ta chưa ăn gì, vừa động niệm thì đây bàn những món ăn ngon lành bày ra trước mặt, tự nhiên hiện ra. Biến hóa cả đấy! Chẳng cần phải tốn sức nấu nướng. Chén bát đều bằng bảy báu, bày ra trước mặt. Vừa nghĩ ta nay đã là người của Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải là lục đạo phàm phu, còn ăn uống gì nữa! Ý niệm ấy vừa động, tất cả hết thấy cỗ bàn không còn nữa, không cần phải thu dọn, cũng không phải rửa chén đĩa, không có điều gì chẳng thuận lòng mong muốn, biến hóa thọ dụng. Quý vị nói có phải là rất tự tại hay chăng?

Nhà cửa của họ sạch sẽ chẳng nhiễm mảy trần, chẳng cần đến nhà kho. Ý niệm vừa nghĩ đến y phục, y phục đã mặc trên thân, chẳng cần phải may cắt, chẳng cần phải khâu thêu. Bất luận du hành đến nơi nào trong mười phương, cúng Phật, nghe pháp, chẳng cần phải mang theo thứ gì cả. Nay chúng ta du hành vẫn phải mang theo hành lý, rất công kèn, rất mệt người, người ta không cần. Đến chỗ nào, nghĩ muốn cúng Phật, những vật cúng đều thuận theo ý niệm mà hiện tiền. Nếu không hiểu rõ cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn này, chúng ta không có cách gì tưởng tượng được nổi. Vì thế, nếu nói chuyện này với hàng sơ học hoặc những kẻ không học Phật, họ bèn nói: “Bọn người đang nằm mộng, thế gian lẽ nào có chuyện ấy, các người đều bị Thích Ca Mâu Ni Phật lường gạt rồi!” Họ bảo chúng ta ngu si, chê chúng ta mê tín, còn họ thông minh. Chúng ta tin tưởng những chuyện ấy là thật, chẳng giả một chút nào. Luận trên mặt lý luận rất thông suốt, quả thật hết thấy mọi pháp đều do tâm hiện thức biến.

Các nhà khoa học hiện thời đã chứng minh: Hết thấy vạn vật đều có linh tánh như kinh Phật đã dạy *“nhân tâm mà thành Thể”*, tâm là Pháp Tánh. Đức năng của Pháp Tánh, bản năng của Pháp Tánh là thấy - nghe - hay - biết; nó có thể thấy, có thể nghe, có thể cảm nhận, có thể biết. Động vật như thế, thực vật cũng vậy, khoáng vật cũng chẳng ngoại lệ. *“Sanh công thuyết pháp, ngoan thạch điểm đầu”* (Ngài Đạo Sanh thuyết pháp, đá cũng gập đầu). Câu này cho thấy đá có linh tánh, *“nhân tâm mà thành Thể”*, những điều nói trong kinh Phật đã được chứng minh.

Cảm ứng đạo giao chẳng thể nghĩ bàn. Nay chúng ta đánh mất năng lực này, đánh mất đã quá lâu. Vì vậy, nghe nói những chuyện ấy cảm thấy rất quái lạ, chẳng thể nghĩ bàn! Qua một thời gian được huân tu bằng kinh giáo, chúng ta sẽ dần dần lãnh ngộ, biết những chuyện này không giả, có thể thí nghiệm trong cuộc sống thường nhật của chính mình. Dùng những đạo lý và phương pháp đã được giảng và nói trong kinh luận để làm thí nghiệm. Thí nghiệm hiển nhiên nhất là đau bệnh có thể không cần dùng đến thuốc men mà tự nhiên tật bệnh tiêu trừ, khiến cho những khí quan, tế bào trên thân thể khôi phục hoạt động bình thường, đây mới là mạnh khỏe nhất! Dùng phương pháp nào? Ý niệm! Hết thấy pháp từ tâm tưởng mà sanh, đây chính là tổng nguyên lý, nguyên tắc, chớ quên! Hết thấy pháp từ tâm tưởng mà sanh! Vậy thì hằng ngày chúng ta có nên nghĩ đến những khí quan, nghĩ đến những tế bào hay không? Không cần! Nghĩ như vậy phiền quá, nhọc nhằn, thừa thãi quá! Nghĩ đến gì? Nghĩ đến thuần thiện, thuần tịnh, nói cụ thể hơn là *“nghĩ đến A Di Đà Phật”*. A Di Đà Phật là thuần thiện thuần tịnh, đừng nghĩ đến gì khác. Có như vậy thì mới có thể thành tựu!

Trong kinh Thập Thiện Nghiệp Đạo, đức Thế Tôn dạy chúng ta: *“Thường niệm thiện pháp, tư duy thiện pháp, quán sát thiện pháp, bất dung hào phân bất thiện hiệp tạp”* (Thường nghĩ tới thiện pháp, tư duy thiện pháp, quán sát thiện pháp, chẳng để mảy may bất thiện xen tạp). Chúng tôi thêm vào *“thanh tịnh”*. *“Tâm địa thanh tịnh, hành vi thuần thiện, thường niệm tịnh thiện, tư duy tịnh thiện, quán sát tịnh thiện, bất dung hào phân bất tịnh, bất thiện hiệp tạp”* (Tâm địa thanh tịnh, hành vi thuần thiện, thường nghĩ tới tịnh thiện, tư duy tịnh thiện, quán sát tịnh thiện, chẳng để mảy may bất tịnh bất thiện xen tạp), như vậy là đúng. Từ nơi thân thể và dung mạo, quý vị sẽ được vẻ mặt tươi sáng, mạnh khỏe, sống lâu! Chẳng cầu trường thọ mà tự nhiên được! Cuộc sống đơn giản,

ăn uống đều ít, đây mới là thực sự giữ gìn thanh tịnh, thiện lương, bảo vệ sức khỏe.

Câu tiếp theo: “*Nhất trì tình, nhất quả thực* (Vừa dốc lòng trì danh, quả đã chín). Nên hiểu “trì tình” như thế nào? Chấp trì danh hiệu, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ, đó là “trì tình”. Chúng ta không có tâm nguyện nào khác, chỉ là hy vọng vãng sanh thế giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật. Nếu tâm nguyện ấy chín muồi, quả sẽ là vãng sanh bất thoái thành Phật, một đời thành tựu! Trong Phật pháp, pháp môn này được gọi là “pháp môn thành tựu ngay trong một đời”, chẳng cần đợi đến đời sau, chẳng cần phải mất nhiều đời nhiều kiếp, là Phật pháp thành tựu ngay trong đời này.

“*Hàm yên đối nhật, ảnh lạc kim viên*” (Ngâm khói đối trời, ảnh rọi vườn vàng): Vườn vàng chính là thế giới Cực Lạc, vì sao gọi là vườn vàng? Do vàng ròng làm đất. Hoàn cảnh cư trú nơi thế giới Cực Lạc là hoa viên, như kinh Hoa Nghiêm đã nói: “*Tạp hoa trang nghiêm*” (nhiều loại hoa trang nghiêm). “*Tạp hoa*” nghĩa là chủng loại nào cũng có, đẹp đẽ khôn ngần. Trong hoa viên ấy, chỗ nào cũng là ao báu đựng nước tám công đức. Đây chính là hoàn cảnh sống và hoàn cảnh tu hành của người ta, là hoàn cảnh thân cận Phật, Bồ Tát.

Qua kinh điển, đức Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta biết: Người trong Tây Phương Cực Lạc thế giới hết sức tự tại, ai thích nghe kinh bèn nghe kinh, ai thích niệm Phật bèn niệm Phật, thích tham Thiền bèn tham Thiền, thích học Giáo bèn học Giáo, khoa mục gì cũng có, mặc sức quý vị chọn lựa. Quý vị thích pháp nào, ngồi nơi đó nghe, ngồi nghe cũng được, đứng nghe cũng xong, kinh hành, vừa đi vừa nghe cũng không sao. Nay trong thế gian này, gần như chúng ta cũng có thể làm được như thế: Ngồi, đứng, đi mà nghe. Dùng một cái máy thu âm hoặc cassette nhỏ, chúng ta vẫn phải nhờ vào máy móc. Ở Tây Phương Cực Lạc thế giới không cần! Những gì quý vị nghe được, ví dụ như ta muốn nghe kinh Hoa Nghiêm, bèn nghe thấy đức Phật đang giảng kinh Hoa Nghiêm. Ngồi cách vách, hoặc chúng ta nắm tay nhau đi kinh hành, tôi thích nghe kinh Hoa Nghiêm, tôi bèn nghe thấy kinh Hoa Nghiêm; quý vị thích nghe kinh Pháp Hoa bèn nghe thấy kinh Pháp Hoa, không ai phiền nhiễu ai, chẳng cần phải nhờ đến máy móc nào, tự nhiên!

Vì thế, nếu đem khoa học kỹ thuật hiện tại so với Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ thấy cách biệt rất lớn. Trong thế gian này, đâu đâu cũng phải do sức người; ở Tây Phương Cực Lạc thế giới là tự nhiên, Pháp Tánh biến hiện, duy tâm sở hiện mà! Trong thế gian này của chúng

ta, dù khoa học kỹ thuật phát triển đến đâu đi nữa, vẫn không phải là tự nhiên, mà là từ đâu? Từ trong ý thức biến hiện, chẳng phải là Pháp Tánh. Ý thức biến hiện dẫu xảo diệu, vẫn thua Pháp Tánh, thua quá xa. Do vậy, khôi phục tánh đức là chính là mục tiêu duy nhất của người tu hành.

Kinh hành, tọa, ngọa tại kỳ trung, du hý, tiêu dao phi phận ngoại. Đắc Phật thọ dụng, triệt pháp nguyên để.

經行坐臥在其中。遊戲逍遙非分外。得佛受用。徹法源底。

(Kinh hành, ngòai, nằm đều ở trong ấy, du hý, tiêu dao, chẳng vượt ra ngoài. Thọ dụng như Phật, thấu triệt cội nguồn pháp).

Đây chính là sự tu học của họ, tu hành đều được thực hiện trong cuộc sống, trong vui chơi, tự hồ chẳng thấy họ có vẻ gì tu hành, không giống như chúng ta chấp vào tướng. Thật đấy, đây chính là điều các vị đại đức đã nói: “*Phật pháp trọng thực chất, chứ không trọng hình thức!*” Dường như Tây Phương Cực Lạc thế giới không quan tâm đến hình thức, dùng công phu bên trong! Thấy sắc, nghe tiếng đều là tu hành! Thấy sắc không chấp vào sắc tướng; nghe tiếng không chấp vào thanh tướng, tu hành nơi đâu? “*Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng*” (Phàm những gì có tướng đều là hư vọng), thành tựu trí huệ Bát Nhã chân thật. “*Nhất thiết pháp vô sở hữu, tất cánh không, bất khả đắc*” (hết thảy các pháp vô sở hữu, rốt ráo không, chẳng thể được). Dẫu là “*du hý tiêu dao*”, nhưng buông xuống vạn duyên, chẳng nhiễm mây trần! Bởi thế, bọn họ thực sự tu hành, thực sự dụng công! Đây là người công phu Đại Thừa đắc lực, phải nên học theo. Như trong kinh Hoa Nghiêm, nhìn vào năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử, năm mươi ba vị thiện tri thức ấy đều là Pháp Thân Bồ Tát. Pháp Thân Bồ Tát là nhìn từ hình thức, chứ hầu như trên thực tế họ đều là chư Phật Như Lai thị hiện dạy dỗ chúng ta: Bất luận theo đuổi nghề nghiệp nào cũng đều đại tự tại!

Trong thế gian này, chúng ta thường nói kẻ làm nghề đồ tể, như trong hiện tại mở tiệm ăn hải sản tươi sống, sát nghiệp rất nặng, kết oán cừu với chúng sanh, oán cừu chẳng thể hóa giải được! Oan oan tương báo chẳng xong. Nếu chúng ta hỏi: Phật, Bồ Tát có mở quán bán hải sản tươi sống hay chẳng? Có chứ! Ngày ngày giết heo, mổ dê, Phật, Bồ Tát có tạo tội nghiệp hay chẳng? Không! Những con súc sanh bị giết xong, các Ngài đều dạy chúng sanh lên trời, dạy chúng nó vãng sanh làm Phật, khác hẳn! Các Ngài dùng cách thức này để độ chúng sanh. Vì thế, trong

kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy ai làm những chuyện như vậy? Cam Lộ Hỏa Vương! Sát sanh không chớp mắt, nhưng giết một kẻ là độ một kẻ! Đây là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn, phàm phu chúng ta chẳng thể học theo. Vì sao? Chúng ta không có công phu ấy, không có năng lực ấy. Súc sanh biến vào súc sanh đạo đều do ác nghiệp chiêu cảm, các Ngài giết chúng để tiêu nghiệp chướng cho chúng, đúng là dạy chúng vãng sanh thành Phật. Các Ngài thực sự có bản lãnh ấy, phàm phu chúng ta làm không được.

Thời cổ cũng có những vị xuất gia như pháp sư Bảo Hương ở Tứ Xuyên. Ngài sống vào thời Nam Bắc Triều, cùng một thời với ngài Bảo Chí Công. Qua truyện ký, chúng ta thấy Ngài cùng những kẻ tại gia cá to, thịt lớn gì cũng ăn tuốt, chẳng kiêng kỵ tí nào! Ăn xong, Sư đứng bên ao phóng sanh, há to miệng mưa ra cá sống, thú sống! Người ta có bản lãnh như vậy, không phải là phàm nhân. Đây đều là vì người khác diễn nói, khuyên con người phải có đức hiếu sanh. Ăn nó thì phải cứu nó, chẳng cứu được thì chớ có hại nó. Phật pháp xác thực, quyết định chẳng được trái nghịch “*từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa*”, không gì chẳng nhằm thành tựu chúng sanh, quyết định chẳng tổn hại chúng sanh, quyết định chẳng có chuyện ấy.

Người học Phật chúng ta phải hiểu ý nghĩa này, càng phải nên hiểu cách chuyển hóa thành phước, chuyển tai nạn thành cát tường. Chuyển bằng cách nào? Chuyển nơi ý niệm! Chuyển thành thiện niệm! Vĩnh viễn không có ác niệm. Gặp phải kẻ ác hoặc là người ác ý hủy báng mình, hoặc là hãm hại mình, nhục mạ mình, gặp phải những trường hợp như thế phải dùng trí huệ quán sát, đây là gì? Đây chính là nghiệp báo của mình. Trong đời quá khứ mình coi thường người ta, tổn hại người ta, nay duyên xảy đến, họ trở lại báo thù mình, oan oan tương báo! Ta gặp phải [những chuyện ấy] thì phải tiếp nhận, hoan hỷ tiếp nhận, tâm không có chút nóng giận nào, tâm không có chút oán hận nào, tâm không có chút báo thù nào thì oán kết ấy sẽ hóa giải, tính sổ xong, đời sau gặp lại nhau sẽ thành hảo bằng hữu!

Tâm chẳng được có mảy may oán hận. Nếu tâm có mảy may oán hận, có chút tâm báo thù, đời sau phải gặp lại, vĩnh viễn không thanh toán xong, đời bên đều đau khổ! Có gì cứ phải như thế? Do vậy, chuyển oán thành thân, hóa địch thành bạn, đều là trong một ý niệm của chính mình. Ta lần người đều được phước, ta lần người đều mở mang trí huệ, tốt hơn nhiều lắm! Quý vị nghĩ xem: Nếu thánh hiền không chỉ dạy chúng ta, làm sao chúng ta hiểu được đạo lý này? Há có được trí huệ

này? Làm sao có thể giải quyết vấn đề? Cách này thực sự giải quyết vấn đề. Do vậy, đối với người học Phật, quan trọng nhất là hóa giải những mâu thuẫn trong nội tâm, nhất định hóa giải những đối lập đối với hết thầy người, sự vật, vĩnh viễn không có oán đối, tâm chúng ta sẽ rất hòa bình, rất tự tại như thế đó! Không phiền não, không âu lo, không vương mắc, không có oan gia đối đầu!

Chúng ta không thể khống chế cảnh giới bên ngoài, nhưng nội tâm của mình thì khống chế được. Khống chế nội tâm cho tốt thì bên ngoài hoàn toàn bị hóa giải. Giải quyết vấn đề cũng từ nội tâm, chứ không ở bên ngoài. Bên ngoài là “*cảnh duyên vô hảo xú, hảo xú tại ư tâm*” (cảnh duyên không tốt - xấu, tốt - xấu bởi nơi tâm). Chúng ta phải chuyển xấu thành tốt, chuyển ác thành thiện, đều từ trong nội tâm của chính mình, dốc công phu nơi khởi tâm động niệm. Sau đây mới có thể chân chánh thực hiện được, hiện tại là có thể đạt đến “*kinh hành, ngồi, nằm*” tu tập trong “*du hý, tiêu dao*”. Hiện tại đã có thể đạt được, huống chi là quả báo tương lai? Đương nhiên quả báo ấy chân thật.

“*Đắc Phật thọ dụng, triệt pháp nguyên để*” (Được thọ dụng như Phật, thấu triệt nguồn đáy pháp): Nhập cảnh giới Phật, nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, họ được thọ dụng cảnh giới của chư Phật Như Lai, cảnh giới của Pháp Thân Bồ Tát. Nói cách khác, sống cuộc đời của chư Phật Như Lai, không sống đời phàm phu. Cuộc sống tốt đẹp! Quan trọng hơn nữa, chúng ta làm thế nào để cầu đắc vô thượng Bồ Đề? Mục tiêu cuối cùng của chúng ta là phải chứng đắc Phật quả viên mãn rốt ráo, “*triệt pháp nguyên để*” (thấu triệt nguồn đáy pháp) há chẳng phải là chứng đắc hay sao? “*Pháp*” là hết thầy các pháp; cội nguồn của hết thầy các pháp, rốt ráo của hết thầy các pháp. “*Triệt*” (徹) là chứng đắc, “*triệt chứng*” chính là rốt ráo viên mãn Bồ Đề. Địa vị này thấp nhất là Đăng Giác Bồ Tát, chứ không phải là người tầm thường, phải là Đăng Giác Phổ Hiền.

Thường Tịch Quang xú xú hiện tiền.

常寂光處處現前。

(Thường Tịch Quang hiện hữu nơi nơi).

Đây chính là tánh đức nơi tự tánh hiển lộ viên mãn. Trí huệ viên mãn, đức năng viên mãn, tướng hảo viên mãn. Thường Tịch Quang bao gồm cả Tự Tánh Quả Đức! Tự tánh hiện tiền viên mãn, hiện tiền nơi đâu? “*Xú xú hiện tiền*” (hiện tiền nơi nơi). Trọn pháp giới, hư không

giới, khắp vì trần cõi nước, chúng ta thường gọi là “nhập cảnh giới Hoa Nghiêm”.

Đại nguyện vương trần trần khế hội.

大願王塵塵契會。

(Đại nguyện vương từng mây trần khế hội).

“Đại nguyện vương” là bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, điều này hết sức quan trọng. Chúng ta phải nhớ kỹ: Bốn mươi tám nguyện, đây là chuyện hàng đầu, phải nhớ kỹ bốn mươi tám nguyện. Nhớ rồi phải lý giải; lý luận, sự tương, cảnh giới của mỗi nguyện đều phải hiểu rõ, phân minh, rành mạch. Sau đây làm thế nào để áp dụng vào cuộc sống thực tiễn: “*Trần trần khế hội*” (khế hội trong từng mây trần). Trong hết thấy thời, hết thấy nơi, sinh hoạt cũng thế, làm việc cũng thế, giao tiếp cũng thế, đều có thể thực hiện được. Lúc ấy, quý vị khế nhập cảnh giới. Sau đây quý vị mới hiểu rõ như trong phần trên thiền sư Trung Phong đã khai thị: “*A Di Đà Phật tức thị ngã tâm, ngã tâm tức thị A Di Đà Phật*” (A Di Đà Phật chính là tâm ta, tâm ta chính là A Di Đà Phật), “*thử phương tức Tịnh Độ, Tịnh Độ tức thử phương*” (phương này chính là Tịnh Độ, Tịnh Độ chính là phương này). Thế giới Cực Lạc ở đâu? Trọn pháp giới, hư không giới, không chỗ nào chẳng phải là thế giới Cực Lạc! Trọn pháp giới, hư không giới, không đâu chẳng là thế giới Hoa Tạng, quý vị khế nhập “*một chính là hết thấy, hết thấy chính là một*”. Cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn bèn hiện tiền.

Lúc ấy, quý vị lại khởi nghi vấn: Vậy thì rốt cuộc chúng ta có cần vắng sanh về thế giới Cực Lạc cách đây mười vạn ức cõi Phật hay không? Cần chứ! Tây Phương Cực Lạc thế giới ở ngoài mười vạn ức cõi Phật và thế giới này của chúng ta chẳng hề xa cách! Hiện tại vì sao nói đến khoảng cách? Vì hiện thời quý vị chưa đoạn phiền não, vô minh chưa phá! Nói cách khác, chưa buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống được; do vậy, không gian bèn có khoảng cách, thời gian bèn có trước - sau. Lúc nào vọng tưởng, phân biệt, chấp trước quý vị đều buông xuống được hết thì lúc ấy sẽ nhận thấy không gian chẳng có khoảng cách, không có xa - gần, thời gian không có trước - sau, đó là Nhất Chân pháp giới. Trong Nhất Chân pháp giới không có thời gian, không có không gian.

Hiện thời các khoa học gia phát hiện thời gian và không gian không xác định: Dưới một tình huống nào đó, thời gian lẫn không gian

đều bằng zero, cũng có nghĩa là thời gian không có trước - sau, không gian chẳng có xa - gần, dưới một điều kiện nào đó! Phật pháp nói rất rõ ràng, dưới điều kiện nào? Phá vô minh, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, khi hội đủ điều kiện này [thời gian và không gian sẽ bằng không]. Khoa học gia vẫn chưa biết dưới điều kiện nào? Họ vẫn chưa hiểu rõ; Phật pháp đã sớm ứng dụng. Do vậy, quý vị trì giới niệm Phật, khéo niệm, niệm đến công phu thành phiền, quý vị bèn rất hoan hỷ, vì sao? Chắc chắn vắng sanh. Chắc chắn vắng sanh thì tốt nhất là đừng nôn nóng, vì sao? Càng thêm gia công dụng hạnh, hy vọng từ công phu thành phiền, [cảnh giới] nâng lên thành Sự nhất tâm bất loạn. Đạt Sự nhất tâm bất loạn, lại hy vọng nâng lên thành Lý nhất tâm bất loạn. Lý nhất tâm bất loạn thì hoa nở thấy Phật, Lý nhất tâm bèn phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân.

Nói cách khác, bản thân quý vị tự biết là thời gian lẫn không gian chẳng có, người khác không biết! Quý vị ngồi ở chỗ này, muốn thấy A Di Đà Phật, A Di Đà Phật bèn hiện tiền. Muốn thấy quá khứ, vị lai; quá khứ, vị lai cũng hiện ra trước mặt. Quý vị nhập cảnh giới ấy, tự mình hiểu rõ ràng, thông suốt, nói chung, quý vị chẳng bảo cho người khác biết. Vì sao? Không phải là cảnh giới của người khác! Quý vị cũng chẳng thể tiết lộ thiên cơ, đâu có thấy tai nạn trong tương lai hay chuyện gì trong tương lai cũng chẳng thể báo cho người khác biết. Vì sao? Hết thấy chư Phật, Bồ Tát như thế, quý vị cũng như thế, cũng chẳng thể là ngoại lệ. Đó là chuyện sau này, nay chúng ta trì giới niệm Phật, dụng công yếu khẩn hơn!

Bây giờ đã hết giờ rồi.

Tập 57

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp câu cuối cùng trong phần khai thị của thiền sư Trung Phong:

Cánh vị vong linh, chí tâm sám hối phát nguyện.

更為亡靈。至心懺悔發願。

(Lại vì vong linh, chí tâm sám hối phát nguyện).

Trong Pháp Sự này, “sám hối phát nguyện” nhiều lần, thời gian không dài. Mỗi một thời Pháp Sự đại khái là hai tiếng, ba thời (thời thứ

nhất, thời thứ hai, thời thứ ba) là sáu tiếng đồng hồ. Trong sáu tiếng đồng hồ ấy có tán thán (chúng tôi gọi là lễ kính), cúng dường, tụng kinh, niệm chú, phát nguyện, sám hối, khai thị, niệm Phật, hồi hướng đều là trùng lặp không ngừng. Điều này phù hợp với điều tổ tổ đã truyền: “*Thâm nhập một môn, trường thời huân tu*”. Đoạn sám hối cuối cùng này vẫn dùng bài kệ Sám Hối của Phổ Hiền Bồ Tát y như cũ. Chúng tôi đọc bài kệ tụng này, câu cuối cùng không giống:

37. Sám Hối Phát Nguyện

Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp.

Giai do vô thủy tham - sân - si,

Tùng thân ngữ ý chi sở sanh,

Nhất thiết tội căn giai sám hối.

往昔所造諸惡業。

皆由無始貪瞋痴。

從身語意之所生。

一切罪根皆懺悔。

(Xưa kia trót tạo bao ác nghiệp,

Đều do vô thủy tham - sân - si,

Từ thân - miệng - ý phát sanh ra,

Hết thấy tội căn đều sám hối).

Quý vị thấy trong lần thứ nhất thuộc thời thứ nhất, câu này là “*kim đối Phật tiền cầu sám hối*”. Còn trong thời thứ ba là “*nhất thiết tội căn giai sám hối*”. Từ câu cuối này trong thời thứ ba, ta thấy rất rõ lần sám hối này càng sâu đậm, càng chân thành hơn những lần trước. Chúng ta phải nên học tập điều này. Công phu, đạo nghiệp phải cầu tinh tấn, chẳng những tiến bộ mà còn phải tinh thuần không tạp, tiến về phía trước. Trong những phần trên, tôi đã thưa cùng quý vị: Thiện căn duy nhất của Bồ Tát là tinh tấn dũng mãnh. Trong bài kệ này, văn tự của câu này có chút biến hóa, ngụ ý rất sâu, chúng ta chẳng được hàm hồ niệm lướt qua, như vậy là không được rồi.

Phát nguyện cũng khác, trong những phần trên là “*chúng sanh vô biện thế nguyện độ, phiền não vô tận thế nguyện đoạn*”.

Đến đây – tức đến thời thứ ba là “*tự tánh*” – hết thấy đều quy về tự tánh.

**Tự tánh chúng sanh thệ nguyện độ,
Tự tánh phiền não thệ nguyện đoạn.
Tự tánh pháp môn thệ nguyện học,
Tự tánh Phật đạo thệ nguyện thành.**

自性眾生誓願度。

自性煩惱誓願斷。

自性法門誓願學。

自性佛道誓願成。

Mối liên quan giữa hết thấy chúng sanh và chính mình đến chỗ này mới hoàn toàn tỏ lộ. Trọn pháp giới, hư không giới, chúng sanh trong vô lượng vô biên cõi nước đều do tự tánh hiện, tự tánh biến, chứ không phải do người ngoài. Ý nghĩa này quá sâu xa! Hiểu được đạo lý này, Bồ Tát mới dừng mãnh tinh tấn, cũng chẳng bị thoái chuyển nữa. Vì sao? Thấy chúng sanh trong sáu nẻo, chín pháp giới đang hứng khổ, chịu nạn chính là chúng sanh nơi tự tánh, chẳng phải là ngoài tâm, có quan hệ hết sức mật thiết đối với chính mình, giống như một vài nơi trên thân thể của chính mình đang bị tê cứng, đau đớn, hoàn toàn nghĩ tưởng phương cách để gấp gáp trị liệu hòng khôi phục bình thường, chẳng cần đợi người khác khuyên thỉnh mới tìm cách chữa trị! Nếu biết pháp giới chúng sanh và chính mình là một Thể thì “*vô duyên đại từ, đồng thể đại bi*” sẽ tự nhiên xuất hiện. Trong kinh Phật thường nói “*pháp vốn là như thế*” (pháp nhĩ như thị), không có lý do, điều kiện gì để bàn bạc cả!

Chúng ta mê, mê mất tự tánh, không biết là một thể, phân biệt ta - người, niệm niệm đều đối lập. Gặp phải khổ nạn lớn, thân có bệnh tật, tâm trí đờ đẫn, nay chúng ta trở thành trạng thái ấy. Chư Phật, Bồ Tát tâm trí sáng suốt, minh bạch, các Ngài biết chúng ta tâm trí đờ đẫn, Phật, Bồ Tát giúp chúng ta khôi phục tâm trí. Chúng ta có thể hiểu rõ được trí huệ đức năng nơi tự tánh của chính mình, đây gọi là đại triệt đại ngộ. Triệt ngộ rồi, lẽ nào còn chờ Phật, Bồ Tát dạy, mà sẽ tự nhiên thị hiện “*thọ trì, đọc tụng, vì người khác diễn nói*”, vĩnh viễn giống như Phổ Hiền Bồ Tát, chẳng mệt mỏi, nhọc nhằn. Phiền não là “*tự tánh phiền não*” phải đoạn! Pháp môn là “*tự tánh pháp môn*”, Phật đạo là “*tự tánh Phật đạo*”, không có gì lìa khỏi tự tánh. Tự tánh là chân tâm, tâm hiện, thức biến, ở đây hoàn toàn giải bày ra hết. Tiếp theo niệm ba lần:

Nam mô Phổ Hiền Vương Bồ Tát Ma Ha Tát.

南無普賢王菩薩摩訶薩。

Phổ Hiền Bồ Tát đại diện cho hết thảy Bồ Tát, tượng trưng cho việc tu hạnh Bồ Tát một cách viên mãn. Trong thời thứ nhất, chúng ta đọc mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát: Một là lễ kính chư Phật, hai là xưng tán Như Lai, ba là rộng tu cúng dường, cho đến nguyện thứ mười là hồi hướng khắp tất cả. Niệm danh hiệu Bồ Tát phải nghĩ đến mười đại nguyện vương, tức tổng cương lĩnh, tổng nguyên tắc tu hành của hết thảy Bồ Tát Ma Ha Tát. Tịnh tông thực sự thù thắng khôn sánh, thù thắng ở chỗ nào? Vừa mở đầu chúng ta bèn “*hàm cộng tuân tu Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức*” (đều cùng tuân tu đức của Phổ Hiền đại sĩ). Quý vị nói xem, chẳng thù thắng lắm ư? Như vậy, Tịnh tông tu điều gì? Tu hạnh Phổ Hiền.

Phổ Hiền Hạnh chẳng thể lìa khỏi mười cương lĩnh này. Do không làm được mười cương lĩnh nên chúng ta chẳng thể thành tựu tịnh nghiệp. Quý vị phải chiếu theo mười cương lĩnh ấy mà tu hành, lẽ nào tịnh nghiệp chẳng thành tựu? Phiền não, tập khí từ vô thủy kiếp sẽ tự nhiên hóa giải hết, hóa giải từ chỗ nào? Dùng bốn nguyện đầu để hóa giải: Lễ kính, xưng tán, cúng dường, sám hối là hóa giải. Mấy nguyện sau đó là vì người khác diễn nói, nhằm rộng độ chúng sanh. Những điều Phổ Hiền Bồ Tát tu hoàn toàn là tánh đức, mười nguyện ấy đều quy về tự tánh nên những nguyện ấy viên mãn. Lại xem tiếp phần Khai Thị kế đó. Đây là đoạn khai thị sau cùng:

38. Khai Thị

Thượng lai tam thời hệ niệm A Di Đà Phật vạn đức hồng danh, khuyến đạo vong linh sám trừ kết nghiệp, phát nguyện vãng sanh, hạnh nguyện ký thâm, công vô hư khí.

上來三時繫念。阿彌陀佛。萬德洪名。勸導亡靈懺除結業。發願往生。行願既深。功無虛棄。

(Từ trên tới đây, ba thời hệ niệm vạn đức hồng danh A Di Đà Phật, khuyến dạy vong linh sám trừ nghiệp chướng đã kết tụ, phát nguyện vãng sanh. Hạnh nguyện đã sâu, công không luống uổng).

Đến đây là một đoạn, Pháp Sự thực hiện đến đây, thời thứ ba sắp kết thúc, viên mãn. Pháp sự này chủ yếu nhất là hệ niệm A Di Đà Phật.

Do đây biết rằng: Thiền sư Trung Phong soạn ra nghi quỹ tu hành này hoàn toàn nhằm thực hiện những giáo huấn của kinh Di Đà. Khai thị trọng yếu nhất trong kinh Di Đà là *“nhất tâm hệ niệm”*. Đây là chữ dùng trong bản dịch của Huyền Trang đại sư, bản dịch của ngài La Thập ghi là *“chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn, tâm bất điên đảo”*. Huyền Trang đại sư dịch là *“chấp trì danh hiệu, nhất tâm hệ niệm”*. *“Bất loạn”* không dễ, *“hệ niệm”* thì có thể làm được. Hệ niệm là trong tâm quý vị thực sự có A Di Đà Phật, chứ không nhất định là miệng phải niệm, trong tâm thực sự có thì gọi là *“hệ niệm”*. Miệng niệm nhưng tâm không có, chẳng tương ứng! Trong tâm thực sự có, nhưng miệng không có thì vẫn là tương ứng. Điều quan trọng là trong tâm quý vị có A Di Đà Phật hay không!

Nếu quý vị hỏi: Thầy nói trong tâm có A Di Đà Phật, có A Di Đà Phật là gì? Quan trọng nhất không gì hơn đại nguyện của A Di Đà Phật. Nói cách khác, trong tâm, niệm niệm đều có bốn mươi tám nguyện thì đúng là tâm quý vị *“hệ niệm A Di Đà Phật”*. A Di Đà Phật là bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện là A Di Đà Phật. Ai phát được bốn mươi tám nguyện, ai có thể thực hiện viên mãn bốn mươi tám nguyện ấy trong công việc, trong cuộc sống, trong xử sự đối người tiếp vật, người ấy chính là hóa thân của A Di Đà Phật. Quý vị nghĩ xem: Nếu quý vị không phải là A Di Đà Phật thì còn ai là A Di Đà Phật nữa đây? Tâm, nguyện đã tương ứng thì đương nhiên giải, hạnh chẳng khác gì A Di Đà Phật. Quý vị nghĩ xem: Người như vậy sao chẳng thể không sanh Tịnh Độ? Đây gọi là thực sự niệm Phật.

Nay chúng ta tu hành đã nhiều năm ngàn ấy, không tương ứng, nguyên nhân không tương ứng là ở chỗ nào? Chẳng thực hiện bốn mươi tám nguyện! Chẳng những không thực hiện, mà suốt ngày từ sáng đến tối khởi tâm động niệm luôn nghĩ đến danh văn, lợi dưỡng, luôn nghĩ đến tự tư, tự lợi, có lúc nào nghĩ đến bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật hay chăng? Tịnh Tông Học Hội thành lập, chúng tôi soạn cuốn Triêu Mộ Khóa Tụng (khóa tụng sáng tối), vì sao lấy bốn mươi tám nguyện để vào khóa sáng? Quý vị phải hiểu: Khóa sáng chúng ta không niệm chú Lăng Nghiêm, không niệm Thập Chú, không niệm chú Đại Bi, mà niệm bốn mươi tám nguyện. Vì lý do nào? Hệ niệm A Di Đà Phật, thực hiện giáo huấn của kinh A Di Đà! Nếu quý vị quả thật tu theo cách ấy thì sẽ thực sự thành tựu như kinh đã nói: Hoặc một ngày, hoặc hai ngày, cho đến bảy ngày. Trong thời gian bảy ngày, ngày đêm không gián đoạn, không xen tạp, đúng là *“không hoài nghi, không xen tạp, không*

gián đoạn”. Đây chính là như Đại Thế Chí Bồ Tát đã dạy: “*Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế*” (nhiếp trọn sáu căn, tịnh niệm tiếp nối), sao không thành tựu? Chúng tôi mong rằng những đồng tu thực sự tu Tịnh Độ, thực sự cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thể không biết những ý nghĩa này.

Hành môn chính là chấp trì danh hiệu, A Di Đà Phật “*vạn đức hồng danh*”, danh hiệu ấy bao quát hết thảy vô lượng đại pháp giáo hóa chúng sanh của chư Phật, công đức của danh hiệu chẳng thể nghĩ bàn! Khi chúng tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ và kinh Di Đà đã nói rất nhiều lần: Trong một câu danh hiệu này, viên mãn bốn mươi tám nguyện, trong danh hiệu này chẳng khuyết nguyện nào. Nhưng nay trong danh hiệu chúng ta đang niệm có những nguyện ấy hay không? Không có! Vì sao ngày nay chúng ta niệm Phật không tương ứng? Vì sao công phu niệm Phật không thành phước? Do không có những nguyện ấy! Pháp môn này được gọi là Tín - Nguyện - Hạnh. Tín - Nguyện - Hạnh đồng thời, như trong phần trên đã bảo là “*nư đánh chi tam túc, khuyết nhất đô bất khả*” (như ba chân của cái đánh, không thể khuyết một). Trong Tín có Nguyện, có Hạnh, trong Hạnh có Tín, có Nguyện; vì thế, quý vị niệm một câu A Di Đà Phật có Tín và Nguyện và trong ấy. Tín viên mãn, Nguyện viên mãn thì một câu Phật hiệu tương ứng! Một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật, chẳng phải là chỉ có một câu danh hiệu xuống không hề có Tín - Nguyện trong ấy. Nếu như vậy, câu Phật hiệu ấy không tương ứng.

Lòng tin chân thành, nguyện thiết tha thì mới gọi là Hệ Niệm! Hai chữ Hệ Niệm hay lắm! Chúng ta tự mình niệm tự thành tựu, đồng thời “*khuyến đạo vong linh*” (khuyến dạy vong linh) chính là lợi tha, tự lợi, lợi tha. Bởi lẽ, kinh Địa Tạng dạy: Trong bảy phần công đức, chính mình được sáu phần, vong linh được một phần. Thế còn Hệ Niệm Pháp Sự này thì sao? Người tham gia đông đảo. Nếu có một trăm người, hai trăm người, ba trăm người, mỗi một cá nhân đem một phần công đức ban cho vong linh, vong linh cũng sẽ có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Công đức của người tham dự pháp hội cũng chẳng thể nghĩ bàn! Vì sao? Tự mình được sáu phần công đức, ngoài ra một phần công đức gia trì trao cho mọi người đồng tu. Mỗi một đồng tu gia trì lẫn nhau, có phải là đạo tràng thù thắng lắm hay không? Mỗi một cá nhân giống như một ngọn đèn, một ngọn đèn chiếu sáng hữu hạn; mấy trăm ngọn đèn cùng thắp, trang nghiêm lắm! Quang minh lớn trội, ánh sáng dung nhiếp lẫn nhau! Quý vị đồng tu hãy từ tỷ dụ này mà lãnh hội!

Trong Pháp Sự này, công đức của mỗi cá nhân dệt thành một tấm lưới nguyện, thành lưới ánh sáng ba tư lương Tín - Nguyện - Hạnh. Vì thế, đối với vong linh, Pháp Sự này lợi ích thù thắng chẳng thể nghĩ bàn! Người tu Pháp Sự tâm càng thanh tịnh, càng thiện lương, càng chân thành, công đức ấy càng hết sức thù thắng. Tự lợi, lợi tha đầy! Mỗi một phen Khai Thị, mỗi một phen phát nguyện, mỗi một phen sám hối, khuyên chính mình, khuyên đồng tu, khuyên vong linh “*sám trừ kết nghiệp, phát nguyện vãng sanh*” (sám trừ nghiệp chướng đã kết, phát nguyện vãng sanh). Tuy pháp môn này là đời nghiệp vãng sanh, nhưng vẫn phải coi trọng sám hối. Vì sao? Sám trừ nghiệp chướng một phần, khi quý vị sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới phẩm vị sẽ cao hơn một phần, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới tu hành, sớm có ngày chứng quả, thành Phật. Do vậy, phải sám hối, phải phát nguyện, phát nguyện quan trọng nhất là cầu sanh Tịnh Độ, thân cận Phật Di Đà.

“*Hạnh nguyện ký thâm, công vô hư khí*” (hạnh nguyện đã sâu, công không luống uổng): Nguyện sâu, Tín sâu, Hạnh sâu, Tín - Nguyện - Hạnh đều sâu, công tu hành ấy đúng là cảm ứng chẳng thể nghĩ bàn, cảm ứng đạo giao cùng A Di Đà Phật, cảm ứng đạo giao cùng chư thượng thiện nhân trong hải hội đại chúng tại Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta niệm niệm chẳng quên mong được gia nhập pháp hội này, trở thành một thành viên trong pháp hội. Cố nhiên quan trọng nhất là A Di Đà Phật, nhưng chẳng thể không quan tâm đến hải hội đại chúng. Từ hội Hoa Nghiêm, qua phẩm Thế Chủ Diệu Nghiêm¹⁰³, chúng ta đọc thấy đại biểu của từng nhóm người, mỗi khi tán Phật, đều phải ngoảnh nhìn những đồng nhân¹⁰⁴ trong nhóm của họ, không sót một ai, họ nêu khuôn mẫu, gương tốt cho chúng ta. Nay chúng ta mong sanh về thế giới Cực Lạc, các thượng thiện nhân trong thế giới Cực Lạc số lượng nhiều đến nỗi không có cách gì tính được, chỉ có thể dùng chữ A-tăng-kỳ để diễn tả.

Bình thường, lúc chúng ta niệm Phật không nghĩ đến, niệm niệm cũng phải kết pháp duyên với các thượng thiện nhân, tương lai khi chúng ta vãng sanh, quang cảnh sẽ lớn lao. Sau lưng Tây Phương Tam Thánh là các thượng thiện nhân thuộc Liên Trì Hải Hội, số đến vô lượng vô biên, rậm rạp như thế, nghênh tiếp quý vị về Tây Phương Cực Lạc thế giới.

¹⁰³ Thế Chủ Diệu Nghiêm là phẩm thứ nhất trong kinh Hoa Nghiêm bản 80 cuốn. Gọi là Thế Chủ Diệu Nghiêm vì ngoài những vị đại Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, còn giới thiệu rất nhiều vị thượng thủ thuộc chư thiên, bát bộ quỷ thần, cũng như các vị thần chủ quản mọi sự trong thế giới như Hải Thần, Chủ Dạ Thần v.v..

¹⁰⁴ Đồng nhân là những người có cùng hạnh nguyện, cùng chí hướng với ta.

Quý vị kết duyên cùng họ, những chuyện này đều là sự thật! Tâm lượng không lớn sẽ chẳng thể thường quán tưởng như thế. Lúc quý vị vắng sanh, A Di Đà Phật hiện đến, quý vị thấy những người theo chân Phật không nhiều, vì sao? Quý vị không kết duyên với mọi người. Rộng kết pháp duyên, niệm niệm chẳng xả hết thấy chúng sanh, hết thấy Bồ Tát, hết thấy Thanh Văn, hết thấy thần thánh trọn khắp pháp giới, hư không giới. Có như vậy thì công phu Tín - Nguyện - Hạnh của quý vị mới sâu, sâu rộng không bờ bến, công đức thành tựu, quyết định chẳng dối, công đức chân thật, thành tựu chính mình, mà cũng thành tựu người khác, vong nhân thực sự được hưởng lợi ích.

Như xưa kia, trong hội [giảng kinh] Lăng Nghiêm, chúng tôi đã nhắc đến một câu chuyện của lão pháp sư Đàm Hư. Lúc lão pháp sư chưa xuất gia học Phật, là cư sĩ tại gia, cùng mấy người bạn mở một tiệm thuốc Bắc. Trong số bạn bè ấy, có một vị cư sĩ họ Lưu, đọc kinh Lăng Nghiêm suốt tám năm. Tám năm đóng cửa đọc kinh Lăng Nghiêm, chắc phải có chút công phu, tâm định rồi. Đọc lâu ngày, mỗi lần đọc bèn theo văn nhập quán, bèn có lợi ích, chứ không phải là đọc xuôi. Lúc quý vị đọc mà chú tâm theo kinh thì tâm quý vị tương ứng, nhập vào cảnh giới ấy. Do vậy, oán thân trái chủ của ông ta đến cầu xin ông ta siêu độ.

Cách siêu độ rất đơn giản! Những ai trong quá khứ ông ta có lỗi với họ, vốn là oan gia đối đầu của ông ta, thấy ông ta nay tu hành có được công phu tốt đẹp như thế muốn hưởng ké một chút. Họ đến trước mặt, quỳ gối xuống đất, Lưu cư sĩ hỏi những kẻ ấy:

- Các vị có chuyện gì tìm đến tôi?
- Cầu siêu độ.

Lưu cư sĩ yên tâm, không phải là đến báo cừ, không phải là đến trả thù mà là cầu siêu độ, bảo:

- Được! Các vị muốn tôi siêu độ cho các vị như thế nào?
- Họ nói:
- Chỉ cần ông đáp ứng là được!
 - Được, tôi bằng lòng!

Ông ta trông thấy hồn ma bám vào đầu gối ông, trèo lên đến vai bèn sanh lên trời. Độ hai lượt như vậy, qua một lúc lại có hai kẻ đến nữa, chính là bà vợ và đứa con nhỏ đã mất của ông ta, đều đến trước mặt, quỳ dưới đất cầu siêu độ. Tự mình thực sự có công hạnh sẽ có khả năng giúp đỡ người khác. Chúng ta thực sự học Pháp Sự này, sức của một người không đủ, tập hợp sức lực của toàn thể tứ chúng đồng tu thì sức mạnh ấy lớn lắm.

Duy nguyện vong linh, văn tư pháp yếu, tín thọ phụng hành.

惟願亡靈。聞斯法要信受奉行。

(Xin nguyện vong linh nghe pháp yếu này hãy tin nhận, phụng hành).

Đây là chúc nguyện, mong mỗi người đã khuất: Lân tu pháp sự này chủ yếu chuyên vì vong linh. Quý vị nghe những pháp yếu đã tu trong ba thời này, Phật pháp mệnh mang như khói tỏa trên mặt biển, những điều được tu trong ba thời này là tinh yếu, trọng yếu nhất, hy vọng quý vị nghe xong sẽ “*tín thọ phụng hành*” (tin nhận vâng làm).

Tùng thị thác chất liên thai.

從是托質蓮胎。

(Từ đây gá thân nơi thai sen).

Từ nay trở đi, quý vị giống như chúng tôi, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. “*Thác chất liên thai*”: Chất (質) chính là thân. Thân này của chúng ta là thân vật chất, hóa sanh trong hoa sen chính là “*thác chất liên thai*” (gá thân trong thai sen). Trong hết thấy các cõi Phật, hết thấy những chúng sanh chỉ cần có một niệm phát tâm cầu sanh Tịnh Độ, muốn cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, ý niệm ấy vừa động sẽ khiến cho ao sen bảy báu nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới nảy sanh một đóa hoa sen, thấy có búp sen nhưng hoa chưa nở. Trên búp sen ghi tên tuổi ở trong ao bảy báu. Do vậy, tất cả hết thấy vật chất của Tây Phương Cực Lạc thế giới đều thường trụ bất diệt, hữu tình chúng sanh không có sanh - già - bệnh - chết, vô tình chúng sanh không có sanh - trụ - dị - diệt, không có thành - trụ - hoại - không, Nhất Chân pháp giới mà! Chỉ có một hiện tượng, tức là hoa sen trong ao bảy báu có tươi tốt hay héo khô. Tinh tấn niệm Phật chẳng lui sụt, hoa ấy càng lớn càng đẹp, càng lớn càng to, có hiện tượng ấy. Nếu ngã lòng hay đổi sang tu pháp môn khác, hoa sen ấy dần dần héo khô, tiêu mất. Do vậy, hoa sen trong ao bảy báu có tươi tốt, có khô héo. Do hoa ấy không do A Di Đà Phật biến hiện mà do ý niệm của hữu tình chúng sanh trong mười phương thế giới biến hiện ra, duy thức sở biến.

Do vậy, có tướng trạng sanh - diệt, tươi - khô. Trừ hoa ấy ra, trong Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng tìm đâu ra hiện tượng ấy. Đây là nói về “*thác chất liên thai*”.

Vĩnh ly nghiệp hải.

永離業海。

(Vĩnh viễn rời khỏi biển nghiệp).

“Nghiệp hải” chỉ cho lục đạo, mười pháp giới. Chẳng những vĩnh viễn thoát khỏi lục đạo luân hồi, mà còn vượt thoát mười pháp giới, cảnh giới thù thắng khôn sánh, chẳng thể nghĩ bàn. Trong lục đạo thực sự có không ít những chúng sanh giác ngộ khá cao mong cầu thoát khỏi luân hồi lục đạo, nhưng không có duyên phận, chẳng gặp được pháp môn này. Hoặc là gặp được nhưng chẳng thể tiếp nhận, chẳng thể tin tưởng, vẫn phải tu pháp môn của chính mình, tu cũng khá lắm, tu lên đến Vô Sắc Giới thiên. Vô Sắc Giới thiên không có sắc tướng, chúng trời cõi ấy tưởng Vô Sắc Giới là Đại Niết Bàn, ai nấy đều tự cho mình đã chứng đắc Vô Thượng Niết Bàn, Niết Bàn rốt ráo. Thọ mạng cũng thật là dài! Đức Thế Tôn dạy chúng ta: “Thọ mạng của cõi trời Phi Tướng Phi Phi Tướng là tám vạn đại kiếp!” Tám vạn đại kiếp chúng ta không có khái niệm, chúng ta nghe xong vẫn cứ mơ mơ màng màng, tám vạn đại kiếp ư? Thế nào là một đại kiếp? Nếu quý vị thực sự hiểu rõ, quý vị mới cảm thấy chẳng thể nghĩ bàn!

Phật dạy chúng ta: Thế giới có thành - trụ - hoại - không. Thành - trụ - hoại - không là bốn trung kiếp. Bốn trung kiếp ấy hợp thành một đại kiếp. Đây là nói về tinh hệ trong vũ trụ, chứ không nói về địa cầu của chúng ta. Một Thái Dương Hệ hãy còn nhỏ lắm, một đại tinh hệ kia! Ta thường bảo Ngân Hà là một tinh hệ, nhưng nói thật ra, thì như lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói: “Mỗi một Ngân Hà Hệ là một đơn vị thế giới”. Thành Trụ Hoại Không mà đức Phật nói đó chính là Thành Trụ Hoại Không của một cõi Phật, tức là Thành Trụ Hoại Không của một tam thiên đại thiên thế giới. Thời gian năm tháng chúng ta không có cách gì tưởng tượng được nổi, đó là con số thiên văn. Mỗi lần Thành Trụ Hoại Không là một đại kiếp. Tám vạn đại kiếp chính là đại tinh hệ thành - trụ - hoại - không tám vạn lần. May là bọn họ không có sắc thân, không có thân thể, thế giới thành - trụ - hoại - không chẳng gây trở ngại gì cho họ, họ không bị ảnh hưởng. Quý vị nghĩ xem thọ mạng họ quá dài đi!

Thế nhưng đến lúc hết tám vạn đại kiếp, công phu định lực của họ bị lui sụt, lại bèn đọa lạc trong luân hồi. Lần đọa lạc này, đọa thật thảm, có thể nói là “càng trèo cao, càng té đau!” Họ từ Phi Tướng Phi Phi Tướng thiên đọa xuống địa ngục. Quý vị có thể đọc những điều này từ kinh điển. Nếu muốn thuận tiện, hãy xem bộ Pháp Uyển Châu Lâm hoặc

Kinh Luật Di Tướng¹⁰⁵ sẽ thấy. Hai bộ sách này là do cổ nhân phân loại hết thấy kinh luận trong Đại Tạng Kinh mà soạn thành. Lấy Sự làm cương mục, chia thành một trăm cương mục, những cương mục trong kinh luận đều chép vô đó. Quý vị muốn xem về Kiếp, Thời Kiếp thì những gì được hết thấy kinh luận giảng [về Kiếp] đều được chép vào một chỗ, tìm thấy là coi được hết.

Một đại kiếp là [thời gian] thành - trụ - hoại - không của một đại thế giới. Thành - trụ - hoại - không tám vạn lần, phi thường quá! Chúng ta không nhận biết vì thọ mạng quá ngắn, nhưng đối với thời gian và không gian vô hạn thì tám vạn đại kiếp không dài, rất ngắn! Không thoát khỏi lục đạo luân hồi. Đây là người hết sức thông minh trong thế gian, không có duyên gặp được Phật pháp, không có duyên gặp gỡ Tịnh Độ. Nói thật ra, gặp được Tịnh Độ đảm bảo sẽ siêu xuất. Gặp những pháp môn khác thì không dám chắc, phải tùy thuộc vào duyên phận, tức là cũng như chúng ta thường nói: Quý vị phải đại triệt đại ngộ, mình tâm kiên tánh, kiên tánh mới siêu thoát. Không kiên tánh chẳng siêu thoát!

Người tu hành muốn đạt đến công phu minh tâm kiến tánh như vậy chẳng phải là chuyện đơn giản. Quý vị thấy đó: Đoạn hết Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não cũng phải đoạn hết. Vô minh phiền não cũng phải phá được mấy phẩm, như vậy mới có thể vượt thoát. Chỉ đoạn Kiến Tư, Trần Sa, nhưng Vô Minh chưa đoạn thì cũng có thể coi là khá lắm, vượt thoát lục đạo, nhưng chẳng thể vượt thoát mười pháp giới, chúng được quả vị Tương Tự, chứ không phải là chân thật. Do vậy, pháp môn Tịnh Độ thù thắng, được hết thấy chư Phật Như Lai tán thán chẳng phải là không có lý do. “*Vĩnh ly nghiệp hải*” (vĩnh viễn lìa khỏi biển nghiệp) phải nhờ vào Tín - Nguyện - Hạnh.

¹⁰⁵ Pháp Uyển Châu Lâm (còn gọi là Pháp Uyển Châu Lâm Tập) có thể coi như một bộ bách khoa toàn thư trong nhà Phật, gồm 100 quyển, do ngài Đạo Thế (?-683) biên soạn vào đời Đường, trích dẫn những hơn 400 bản kinh luận, kể cả kinh sách Nho Giáo, Đạo Giáo và Sấm Vĩ. Trong ấy có cả những trích dẫn từ những bản kinh hiện nay đã thất truyền như Bồ Tát Bốn Hạnh Kinh, Quán Phật Tam Muội Kinh hoặc các sách cổ như Tây Vực Chí, Trung Thiên Trúc Hành Ký v.v... Nội dung trình bày tư tưởng, thuật ngữ, pháp số, luật, luận, truyện...

Kinh Luật Di Tướng gồm 50 quyển, do ngài Bảo Xương đời Lương làm chủ biên, nội dung thu thập những chuyện lạ lùng được nói trong kinh luận Phật giáo. Hòa Thượng Tịnh Không nói “lấy Sự làm cương mục”, nghĩa là phân chia nội dung thành những loại chính, mỗi loại ấy gọi là cương mục, chẳng hạn như Thiên Bộ, Địa Bộ, Phật Bộ, Bồ Tát Bộ... Trong mỗi bộ lại chia thành nhiều tiểu loại, chẳng hạn như Phật Bộ gồm có Phật Đà xuất gia, thành đạo, Niết Bàn, phân chia xá-lợi v.v...

Trực chứng A Bộ Bất Trí, viên mãn vô thượng Bồ Đề.

直證阿鞞跋致。圓滿無上菩提。

(Chứng thẳng vào Bất Thoái Chuyển, viên mãn Bồ Đề vô thượng).

Thành tựu ấy quá lớn! Quý vị thấy ở đây tổ sư giảng rất khẩn thiết, khẳng định dường ấy, không do dự mảy may gì! “*Trực chứng*” là thẳng thừng, thỏa đáng, quý vị chứng ngay vào A Duy Việt Trí! A Duy Việt Trí (Avaivartika) là tiếng Phạn, phiên dịch sang tiếng Hán là Bất Thoái Chuyển Bồ Tát. Kinh luận thường nói viên chứng ba thứ Bất Thoái. Trong phần giảng về kinh A Di Đà trong những phần trước, tôi đã trình bày về ba thứ Bất Thoái: Vị Bất Thoái, Hạnh Bất Thoái, và Niệm Bất Thoái, đó là Tam Bất Thoái. Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giáo bắt đầu chứng ba thứ Bất Thoái, nhưng Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo chứng đắc chưa viên mãn. Từ Sơ Trụ Bồ Tát lên đến Thất Địa Bồ Tát, Thất Địa Bồ Tát còn bị thoái chuyển, nhưng thoái chuyển có hạn mức, hạn mức là Sơ Trụ Bồ Tát, chứ tuyệt đối không thể lui sụt kém hơn Sơ Trụ. Nói chung là tiến tiến lùi lùi, hoàn toàn phụ thuộc bản thân quý vị dụng công siêng năng hay lười nhác. Quý vị mạnh mẽ, dũng mãnh, tinh tấn thì nâng cao không ngừng. Nếu quý vị giải đãi, không chịu tu tập, bèn bị thoái chuyển.

Quý vị phải hiểu trong thế giới Hoa Tạng hay trong thế giới Cực Lạc, nếu bàn trên mặt lý luận thì đều có hiện tượng ấy, đều có kẻ tiến tiến lùi lùi; nhưng [thực ra] trong Tây Phương Cực Lạc thế giới đặc biệt, chỉ có tiến, chứ không lùi, chỉ là tiến mau hay chậm khác nhau: Có kẻ dũng mãnh tinh tấn thì tiến rất nhanh; có kẻ không dụng công như thế, kẻ ấy tiến chậm, nhưng chắc chắn không bị thoái chuyển. Đây là một điều hay của Tây Phương Cực Lạc thế giới; trong các cõi Phật khác không có [chuyện này]! “*Giai thị A Duy Việt Trí Bồ Tát*” (đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát), đây chính là do bản nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì. Nói cách khác, A Duy Việt Trí là từ Thất Địa trở lên. Trong mười phương hết thấy các cõi Phật không có chuyện này, chỉ riêng Tây Phương Cực Lạc thế giới là có! Chúng ta phải hiểu rõ, phải quý tiếc!

Trong Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư đã giảng rất hay: Phàm phu một phẩm phiền não chưa đoạn, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, nghiêm nhiên là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Do vậy, lão nhân gia bảo: Nếu bảo quý vị là Bồ Tát thì quý vị không giống với Bồ Tát, vì sao? Vẫn còn mang theo phiền não, chưa đoạn một phẩm vô minh! Nếu bảo quý vị là phàm phu, lại chẳng giống với phàm phu, vì sao? Trí huệ, đức năng giống hết

Thất Địa Bồ Tát, chẳng thể nghĩ bàn! Không có cách nào gọi tên quý vị được, do được bốn nguyên và oai thần của Phật Di Đà gia trì mà! Quý vị đạt đến cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn ấy, “viên mãn vô thượng Bồ Đề”.

Bây giờ đã hết giờ rồi!

*

Chư vị đồng học!

Xin xem tiếp đoạn khai thị cuối cùng của thiền sư Trung Phong. Hai câu cuối cùng là:

Trực chứng A Bệ Bạt Trí, viên mãn vô thượng Bồ Đề.

直證阿鞞跋致。圓滿無上菩提。

(Chúng thẳng vào Bất Thoái Chuyển, viên mãn Bồ Đề vô thượng).

Hai câu này chúng ta phải đặc biệt lưu ý, bởi chúng quá hy hữu! Hết thầy chư Phật xung tán, tôn kính A Di Đà Phật, nói thật ra, chính là vì hai câu trên. Hai câu trên đây chính là điểm đặc sắc của Tây Phương Cực Lạc thế giới, mười phương các cõi Phật không có, riêng mình thế giới Cực Lạc có. Chính vì sự thật này khiến cho chúng tôi nghĩ rằng đây chính là lý do Văn Thù và Phổ Hiền trong thế giới Hoa Tạng muốn cầu sanh Tịnh Độ.

Xưa kia, tôi đọc Hoa Nghiêm, nghĩ về vấn đề này rất lâu! Văn Thù, Phổ Hiền là tay mặt, tay trái của Tỳ Lô Giá Na Phật trong thế giới Hoa Tạng, là những vị đại sĩ phụ tá của Pháp Thân Như Lai, không phải là hạng Bồ Tát tầm thường, vì sao lại muốn cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới? Về sau, tôi nghĩ trong kinh Phật thường nói: Tu hành chứng quả phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp, đức Phật nói như vậy rất nhiều lần, chúng tôi thấy không phải là nói tỷ dụ, mà là sự thật. Ba đại A-tăng-kỳ kiếp tính từ lúc nào? Nguyên lai tính từ địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo; nói cách khác, thời gian tu hành trước khi chúng được địa vị Sơ Trụ trong Viên Giáo chẳng tính đến. Nếu kể từ khi chúng ta phát tâm, tu cho đến Bồ Tát pháp giới và Phật pháp giới trong mười pháp giới, nếu tính chung lại, đức Phật nói phải mất vô lượng kiếp, chứ nào phải chỉ ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Chúng tôi tin tưởng điều này, vì sao?

Nay mỗi đồng học học Phật chúng ta, nghe đến danh hiệu Phật bèn chấp tay, trông thấy tượng Phật bèn lễ bái, thiện căn như vậy không phải là ngẫu nhiên. Phải là tu tập nhiều đời nhiều kiếp, do chúng tử hàm

tàng trong A Lại Da Thức hiện hành nên quý vị mới có thái độ kiên thành như thế; nhưng mà sao? Không có thành tựu. Khiến cho chúng tôi nghĩ đến trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Thế Tôn có nhắc đến vương tử A Xà Thế và đoàn thể nhỏ của ông ta. Khi ấy, đức Thế Tôn giảng kinh Vô Lượng Thọ, bọn họ hiện diện, nghe xong hết sức hoan hỷ, cúng Phật, trong tâm phát nguyện hy vọng tương lai tự mình thành Phật cũng giống như A Di Đà Phật, chứ không phát tâm cầu được vãng sanh, tức là chẳng sanh khởi ý niệm “*vãng sanh Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật*”. Đức Phật dạy: Mấy vị thuộc nhóm vương tử A Xà Thế trong đời quá khứ đã từng cúng dường bốn trăm ức Phật. Đừng nói chi nhiều, một đức Phật thôi đã là ba A-tăng-kỳ kiếp, bốn trăm ức còn lâu đến đâu nữa! Tu hành trong thời gian lâu xa ngàn ấy, nghe đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sanh tâm ngưỡng mộ, nhưng không phát tâm cầu nguyện vãng sanh!

Nay chúng ta nghe nói đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, phát tâm muốn cầu sanh Tịnh Độ. Quý vị nghĩ xem: Công đức ấy chắc chắn vượt hơn vương tử A Xà Thế. Vương tử A Xà Thế từng cúng dường bốn trăm ức Phật, có lẽ quý vị từng cúng dường từ bốn trăm ức trở lên, năm trăm, sáu trăm, bảy trăm, tám trăm ức Phật nên thiện căn, thiện niệm ấy mới sanh khởi: “Tôi muốn cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới!” Bởi vậy, lời đức Phật giảng là chân thật, thành tựu pháp môn này là vô lượng kiếp. Chúng ta đừng tưởng ngày nay mình mới học Phật, không phải vậy, đời đời kiếp kiếp kiếp trong quá khứ vô lượng kiếp [đã học Phật], nhưng vì sao không được thành? Do nhân duyên không đủ, phiền não tập khí chưa hết, tham luyến hồng trần.

Tôi nói như vậy quý vị hãy nên nghĩ hiểu. Vì sao? Đây chính là sự thật hiện tiền, đối với hết thảy người - sự - vật trong thế gian này, quý vị có tham luyến hay không, có buông xuống được hay không? Chính vì cái duyên này mà đời đời kiếp kiếp kiếp trong quá khứ tu Tịnh Độ không đạt thành tựu. Nếu trong một đời này vẫn còn mang niềm tham luyến ấy, vẫn không chịu buông xuống thì vẫn chẳng thể thành. Lại phải đợi nhân duyên lần nữa; nhân duyên lần nữa ấy chẳng biết nhằm đời nào, kiếp nào! Vì sao? Tương lai có thể được làm thân người hay không, quý vị có đảm bảo hay chăng? Nếu được làm thân người, có đảm bảo sanh vào chỗ có Phật pháp, có cơ hội được nghe pháp, tiếp tục tu hành hay không? Khó lắm! Rất khó, rất ư là khó!

Vì thế, nghĩ đến chỗ này khiến chúng tôi liên tưởng: Bắt đầu từ Sơ Trụ Bồ Tát của Viên Giác phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới có thể thành Phật. Đức Phật dạy chúng ta: A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất, vị Bồ Tát

ấy tu xong địa vị Tam Hiền; Tam Hiền là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương. Trong A-tăng-kỳ thứ nhất phải tu viên mãn ba mươi địa vị ấy. Trong A-tăng-kỳ kiếp thứ hai, tu bảy địa vị từ Sơ Địa đến Thất Địa. A-tăng-kỳ thứ ba tu ba địa vị: Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa. Càng lên cao càng khó, tiến triển càng chậm! Từ chỗ này, chúng tôi suy nghĩ: Tuy đức Phật không nói nhưng chúng ta có thể tưởng tượng được, Đẳng Giác Bồ Tát muốn chứng đắc viên mãn Bồ Đề, Phật quả rốt ráo, cần phải mất bao nhiêu thời gian? Cứ tính theo phần trên, A-tăng-kỳ kiếp thứ nhất, tu ba mươi địa vị. A-tăng-kỳ kiếp thứ hai tu bảy địa vị. A-tăng-kỳ kiếp thứ ba tu ba địa vị. Tối thiểu phải mất một A-tăng-kỳ kiếp thì Đẳng Giác Bồ Tát mới có thể chứng đắc Phật quả viên mãn rốt ráo, ở đây gọi là “viên mãn vô thượng Bồ Đề”.

Do vậy, Văn Thù và Phổ Hiền là Đẳng Giác Bồ Tát, các Ngài muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới vì chẳng phải mất một thời gian dài như thế, về đến Cực Lạc thế giới liền chứng đắc, lẽ nào không thích làm? Chẳng những tự mình đi nhận lấy chỗ tốt ấy, nhận lấy lợi ích ấy, mà còn hướng về tất cả bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ tuyên bố: “Các ông có muốn đi hay không? Muốn đi thì ta cùng nhau đi!” Khuyến dạy bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ đều cùng cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là cảnh tượng như thế nào? Nói thật ra là rất vĩ đại, thật chẳng thể nghĩ bàn! Từ chỗ này, chúng ta hãy chú tâm quan sát, Văn Thù, Phổ Hiền đương nhiên cầu sanh để làm gì? Hồng rút ngắn thời gian; trong thế giới Hoa Tạng cần phải mất một A-tăng-kỳ kiếp, qua nơi kia chỉ mấy ngày là chứng đắc.

Chúng ta là hạng phàm phu sát đất, nếu tu theo những pháp môn thông thường thì quả thật phải tu vô lượng kiếp mới có thể thực sự đoạn Kiến Tư phiền não, đoạn Trần Sa phiền não, phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, vượt thoát lục đạo, mười pháp giới, sanh về thế giới Hoa Tạng, thành Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo. Từ lúc đó bắt đầu tu ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới đạt đến Thập Địa, tức Pháp Vân Địa. Tu trọn ba đại A-tăng-kỳ kiếp, chứng đắc Đẳng Giác. Chúng ta hãy nghĩ xem: Đẳng Giác phải tu tối thiểu một A-tăng-kỳ kiếp, quý vị nghĩ xem thời gian ấy dài đến đâu? Dài quá! Đúng là chẳng thể nghĩ bàn!

Nay gặp được pháp môn Niệm Phật này là vô thượng Pháp Bảo. Trong hết thảy Pháp Bảo, không có gì sánh bằng được pháp này. Một kẻ phàm phu, một phẩm phiền não còn chưa đoạn, hễ vãng sanh bèn siêu việt với một mức độ lớn, vượt qua Thanh Văn, vượt qua Duyên Giác, vượt qua Tam Hiền, vượt trời Thất Địa, còn gì hơn! Bởi thế, pháp môn

này gọi là pháp khó tin, thực sự khó tin! Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn bằng với Thất Địa Bồ Tát, “*trực chứng A Bệ Bạt Trí*” (chứng ngay vào A Bệ Bạt Trí). A Bệ Bạt Trí là Thất Địa. Sự siêu việt ấy quá sức là nhanh, bởi thế, không ai có thể tin tưởng được, Thanh Văn chẳng tin tưởng, Duyên Giác chẳng tin, các vị Bồ Tát chẳng thể tin pháp môn này. Do vậy, trong kinh, đức Phật nói: “*Duy hữu Phật dữ chư Phật, phương năng cứu cánh*” (chỉ có Phật và chư Phật mới có thể thấu hiểu rốt ráo). Các Ngài thực sự hiểu rõ đến cội nguồn chuyện này là như thế nào, chỉ có Phật và chư Phật mới có thể thông hiểu rốt ráo. Đẳng Giác Bồ Tát nếu không được Phật lực gia trì thì cũng chẳng thể hiểu rõ!

Trong một đời này, đương nhiên trong quá khứ chúng ta không chỉ gặp [pháp môn này] một lần, mà là gặp gỡ rất nhiều lần, trong một đời này lại gặp gỡ, thiện căn, phước đức hiện tiền, phải nắm chắc lấy cơ hội trong một đời này, quyết định chẳng để lỡ qua. Nắm chắc như thế nào? Thân, tâm, thế giới hết thảy buông xuống hết thì chúng ta mới có thể vắng sanh. Trong đời quá khứ đã coi thường đôi chút, nói chung là có một hai lần không buông xuống được nên không thể thành tựu. Nay đã thấu hiểu triệt để, ngoài việc này ra, những chuyện khác đều coi là vụn vặt như lông gà, vỏ củ tỏi, tùy duyên làm, không cần phải để tâm; còn chuyện này nhất định cần phải để tâm, trong mười hai thời niệm niệm tương ứng, chẳng được làm lạc nữa, quyết tâm trong một đời này phải thành tựu, đây mới là thực sự giác ngộ!

Do vậy, trong thế gian này, danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, hết thảy người, sự, vật, thậm chí hết thảy pháp thế gian hay xuất thế gian thảy đều buông xuống. Thực sự học theo như Liên Trì đại sư buông bỏ triệt để, sạch sành sanh như thế đó: “*Tam Tạng thập nhị bộ, nhượng cấp biệt nhân ngộ, bát vạn tứ thiên hạnh, nhiều dữ biệt nhân hành*” (Tam Tạng mười hai bộ kinh, nhường cho người khác ngộ. Tám vạn bốn ngàn hạnh dành cho người khác hành), ta đều không cần đến. Một câu A Di Đà Phật, chứng thẳng vào A Duy Việt Trí, viên mãn vô thượng Bồ Đề, ta làm chuyện ấy. Quyết định chẳng hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, chết sạch lòng mong ngóng, so đo, khiêm hư sát đất, không có một vọng niệm!

39. Di Đà Đại Tán

Tiếp theo dùng Di Đà Đại Tán để tổng kết pháp hội, Đại Tán rồi hồi hướng, tam quy. Di Đà Đại Tán là bài tán chúng ta thường niệm, ý

nghĩa không khó hiểu lắm, nhưng phải nêu ra ở đây, vì sợ mọi người vô ý coi thường, trong bài tán này có những ý nghĩa áo diệu.

Di Đà Phật đại nguyện vương,

Từ bi hỷ xả nan lượng.

彌陀佛大願王。

慈悲喜捨難量。

(Di Đà Phật đại nguyện vương,

Từ bi hỷ xả khó lường).

Tôi tin rằng câu thứ nhất không khó hiểu, nhưng cảnh giới rất lớn. A Di Đà Phật bốn mươi tám nguyện độ chúng sanh, phổ độ chúng sanh trong hết thủy cỗi nước trọn khắp pháp giới, hư không giới. Quả địa cầu của chúng ta quá nhỏ, chỉ là một điểm tí ti trong hết thủy các cỗi nước. “*Từ bi hỷ xả nan lượng*”: Không có cách nào đo lường được, cũng không cách gì tưởng tượng, thuyết minh được, đúng là chẳng thể nghĩ bàn.

Mi gian thường phóng bạch hào quang,

Độ chúng sanh Cực Lạc bang.

眉間常放白毫光。

度眾生極樂邦。

(Giữa mày thường phóng bạch hào quang,

Độ chúng sanh về Cực Lạc).

Phật phóng quang từ trước đến nay chưa hề gián đoạn. Từ Đại Kinh, chúng ta thấy đức Thế Tôn giới thiệu: “*Quang trung hóa Phật vô số ức, hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên*” (Trong quang minh hóa vô số ức Phật, hóa các Bồ Tát cũng vô biên). Đây chính là bạch hào giữa hai mày phóng quang. Hóa ra vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, Pháp Thân Bồ Tát, rộng độ hết thủy chúng sanh trong pháp giới, hư không giới. Đây là nhằm thực hiện những gì đã tán thán ở phần trên: “*Từ bi hỷ xả nan lượng*”, hiển thị hồng nguyện của A Di Đà Phật được thực hiện qua những sự tướng này. Trong vũ trụ này, A Di Đà Phật phân thân, hóa thân vô lượng vô biên, chỉ nhằm một chuyện: “*Độ chúng sanh Cực Lạc bang*” (Độ chúng sanh về Cực Lạc). Sáu chữ này nghĩa là tiếp dẫn chúng sanh, tiếp dẫn những loại chúng sanh nào? Chúng sanh căn cơ

chín muôi. Thế nào là căn cơ chín muôi? Thực sự đầy đủ ba tư lương Tín - Nguyện - Hạnh; tâm là Di Đà tâm, nguyện là Di Đà nguyện, ngôn (lời lẽ) là Di Đà ngôn, hạnh là Di Đà hạnh, những người ấy đối nghiệp vãng sanh. Phiền não tập khí đoạn hay không chẳng quan trọng, cốt sao tâm - nguyện - ngôn - hạnh tương ứng, Phật bèn đến độ quý vị, đến tiếp dẫn quý vị về cõi Cực Lạc.

Bát đức trì trung liên cứu phẩm.

八德池中蓮九品。

(Ao bát đức sen khoe chín phẩm).

Đây là chỗ sanh của người niệm Phật vãng sanh, trong những phần trên tôi đã trình bày cùng quý vị rồi. Quý vị sanh trong hoa sen, đây chính là chỗ quý vị ở, là chỗ quý vị học tập, hoa sen to chẳng thể nghĩ bàn. Hoa sen cũng là Pháp Bảo, là hoàn cảnh tu học tốt nhất của quý vị. Do bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, quý vị chẳng cần phải ở trong ấy ba đại A-tăng-kỳ kiếp, vô lượng kiếp, không cần phải mất thời gian dài lâu như thế, phiền não tập khí từ vô thủy kiếp đến nay ở trong ấy đều đoạn sạch sành sanh. Nhanh chóng lắm! Nhanh chóng đến mức độ nào? Xem những gì kinh Quán Vô Lượng Thọ đã nói, quý vị sẽ hiểu rõ, chậm nhất tức thời gian dài nhất là mười hai kiếp.

Quý vị phải nhớ rõ, mười hai kiếp so với vô lượng kiếp, so với A-tăng-kỳ kiếp thì rất ngắn; mà đây là gì? Là thời gian dài nhất đối với người thuộc Hạ Hạ Phẩm, tức vãng sanh Hạ Hạ Phẩm trong Phạm Thánh Đồng Cư Độ. Trước kia tôi đã tính rồi, đại khái như chúng ta không có tội nghiệp rất nặng như thế, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đại khái phải mất bao lâu mới có thể viên mãn vô thượng Bồ Đề, hoa nở thấy Phật? Khoảng chừng bốn kiếp hay ba kiếp, đại khái là chừng đó, đúng là rất nhanh! Quý vị suy nghĩ xem: Văn Thù, Phổ Hiền là Đẳng Giác Bồ Tát trong thế giới Hoa Tạng, các Ngài muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, những vị ấy nói thật ra không cần đến một kiếp (nói thông thường thì tính bằng kiếp), không cần lâu vậy đâu, quả thật phải tính bằng ngày, chỉ cần mất mấy ngày bèn viên chứng vô thượng Bồ Đề. Điều này cho thấy vì sao chúng ta phải vãng sanh!

Thất bảo diệu thụ thành hàng.

七寶妙樹成行。

(Cây quý bảy báu thành hàng).

“*Diệu thụ*” chính là chỗ chúng ta vui chơi, cũng là chỗ để tu hành tiêu nghiệp thành tựu Định - Huệ, nay chúng ta lên lớp tại giảng đường, còn chỗ người ta đi học là “*thất bảo diệu thụ thành hàng*”. Đi học ở đó, hết sức nhẹ nhàng, thông dong, hết sức tự tại. Đây chính là cái nay ta gọi là “nghệ thuật dạy học”, Tây Phương Cực Lạc thế giới phát triển nghệ thuật dạy học cao độ, gần như là vui chơi, do vui chơi mà đoạn phiền não, đoạn Kiến Tư phiền não, đoạn Trần Sa phiền não, vô minh cũng phá, tự tánh trí huệ hiện tiền, đức năng hiện tiền, tướng hảo hiện tiền chẳng thể nghĩ bàn, thành tựu nơi cây báu thành hàng. Tiếp theo đó là hai câu tán thán:

***Như Lai thánh hiệu nhược tuyên dương,
Tiếp dẫn vãng Tây Phương.***

如來聖號若宣揚。

接引往西方。

(*Như Lai thánh hiệu vừa xưng tụng,
Tây phương tiếp dẫn vãng sanh ngay*).

Như Lai ở đây là hết thầy chư Phật Như Lai trong mười phương thế giới giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, “*Như Lai thánh hiệu nhược tuyên dương*”, bèn tiếp dẫn! Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta giảng ba kinh Tịnh Độ, vì chúng ta giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới, khuyên dạy chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Đây chính là “*Như Lai thánh hiệu nhược tuyên dương*”, tiếp dẫn! “*Tiếp dẫn vãng Tây Phương*”.

Di Đà thánh hiệu nhược tuyên dương.

彌陀聖號若稱揚。

(*Di Đà thánh hiệu như xưng tụng*).

Tức là niệm A Di Đà Phật, là chánh tu, chuyên tu Tịnh Độ! Quả báo là:

Đồng nguyện vãng Tây Phương.

同願往西方。

(*Đồng nguyện cùng về cõi Lạc Bang*).

Tất cả hết thấy người niệm Phật “*đồng nguyện vãng Tây Phương*” (cùng một nguyện sanh về Tây Phương). Ở chỗ này, chúng ta phải đặc biệt lưu ý: Chúng ta ở đây niệm Phật, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới; người ở nơi khác cũng ở nơi đó niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Người ấy và ta là oan gia đối đầu, ta nghe nói tới người ấy bèn chán ghét, trông thấy người ấy cũng chẳng thoải mái, làm cách nào đây? Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới gặp mặt nhau như thế nào đây? Chẳng lẽ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn còn căng thẳng hay sao? Vẫn còn cự lộn hay sao? Nếu như vậy thì sẽ chẳng thể vãng sanh được. Bao nhiêu người niệm Phật vì nguyên nhân này mà bỏ lỡ cơ hội vãng sanh trong một đời này! Do vậy, ở đây tôi phải đặc biệt nêu lên, quý vị chẳng thể không lưu ý! Người ta đối với mình như thế nào cũng không quan trọng, vấn đề là ta đối với người khác [như thế nào]. Do vậy, phải dốc sức sao cho tất cả hết thấy oán kết trong tâm mình được hóa giải, một câu A Di Đà Phật hóa giải được tất cả! Không có oan gia đối đầu thì mới có thể vãng sanh Tây Phương.

Ai có đối lập, ai vẫn còn cảm thấy không thoải mái, thấy người khác không vừa mắt, thì phải tự hiểu kẻ ấy không thể vãng sanh. Nhất định phải học sao cho thấy ai cũng hoan hỷ, bất cứ ai hủy báng mình, mình đều hoan hỷ, mình quyết định chẳng hủy báng họ. Ai lăng nhục mình, người ta hãm hại mình, mình cũng hoan hỷ, họ tiêu nghiệp chướng cho mình, quyết định chẳng oán hận mảy may, quyết định chẳng có ý niệm báo thù thì ta mới có thể thừa nguyện vãng sanh Tây Phương! Nếu ta vẫn còn chán ghét kẻ ấy thì một niệm chẳng tương ứng với bốn nguyện của A Di Đà Phật! Tâm, nguyện, ngôn, hạnh khác với A Di Đà Phật, không tương ứng, không vãng sanh được! “*Một niệm tương ứng một niệm Phật; niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật*”. Nguyện vương của A Di Đà Phật là “tù, bi, hỷ, xả”, chúng ta có [những điều đó] hay không? Mấu chốt để vãng sanh được hay không là ở chỗ này. Bài Di Đà đại tán này mang ý nghĩa: Phải hóa giải tất cả hết thấy những oán kết trong tâm quý vị, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đường lớn Bồ Đề thông suốt không ngăn ngại! Lại xem tiếp bài kệ Hồi Hướng:

40. Hồi Hướng

Hệ Niệm công đức thù thắng hạnh.

繫念功德殊勝行。

(Công đức Hệ Niệm hạnh thù thắng).

Chữ “*Hệ Niệm*” chỉ pháp sự Tam Thời Hệ Niệm được thực hiện trong ngày hôm nay, tứ chúng đồng tu cùng nhau tu tập, công đức thù thắng khôn sánh.

Vô biên thắng phước giai hồi hướng.

無邊勝福皆回向。

(Bao nhiêu phước thù thắng đều hồi hướng)

Tất cả công đức, phước đức chúng ta đã tu hôm nay đều đem hồi hướng, hồi hướng cho ai? Hồi hướng cho hết thầy chúng sanh khổ nạn khắp pháp giới, hư không giới, đặc biệt là những chúng sanh khổ nạn trong tam đồ lục đạo.

Phổ nguyện trầm溺 chư chúng sanh.

普願沈溺諸眾生。

(Nguyện trọn khắp các chúng sanh đang chìm đắm).

Nói đến “*trầm溺*” (chết chìm, chết đuối) quá nửa là chỉ tam đồ, cảnh ngộ của họ hết sức khổ sở, hy vọng bọn họ nhờ vào công đức, phước đức này, đều có thể tỉnh ngộ, sẽ theo chúng ta cùng lễ bái, nhất tâm phát nguyện, cùng sám hối, cùng cầu sanh Tịnh Độ.

Tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát.

速往無量光佛刹。

(Mau sanh cõi Phật A Di Đà).

Hãy nhanh chóng, đừng do dự, chớ có chần chừ, chúng ta nhất tâm nhất ý hướng về thế giới Cực Lạc. Trọn cả đời, còn sống được bao nhiêu năm, ta chỉ có một mục tiêu, một phương hướng, tức là [vãng sanh] Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân cận A Di Đà Phật. Tiếp đó, Phật vì chúng ta ân chứng, cầu Phật gia trì.

Thập phương tam thế nhất thiết Phật, nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát, Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật.

十方三世一切佛。一切菩薩摩訶薩。摩訶般若波羅蜜

(Mười phương ba đời hết thầy Phật, hết thầy Bồ Tát Ma Ha Tát, Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật)

“*Thập phương tam thế nhất thiết Phật*” là Phật Bảo, “*nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát*” là Tăng Bảo, “*Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật*” là Pháp Bảo. Tam Bảo! Đây là cầu nguyện Tam Bảo chứng minh cho chúng ta: Chúng con phát nguyện, chúng con hồi hướng chân thành, không mấy may hư ngụy, Tam Bảo chứng giám cho con. Cuối cùng là Tam Quy Y, Tam Thời Hệ Niệm pháp sự đến đây hoàn toàn viên mãn.

41. Tam Quy Y

Tam Quy Y, chư vị hãy coi kinh văn Tam Quy Y, chúng ta quy y mỗi ngày, đây là quy y Tự Tánh.

Tự quy y Phật.

自歸依佛。

Quy y Tự Tánh Phật.

Đương nguyện chúng sanh.

當願眾生。

(xin nguyện chúng sanh).

Bản văn Hệ Niệm Pháp Sự này của thiền sư Trung Phong nhằm “*thiệu long Phật chủng*” (nối tiếp hưng thịnh dòng giống Phật), còn nay chúng ta dùng Tam Quy Y là để:

Thể giải đại đạo.

體解大道。

(Thấu hiểu đạo cả).

Trong thời đại hiện thời, “*thiệu long Phật chủng*” quan trọng, từ ngữ này có ý nghĩa là tiếp nối huệ mạng của Phật. Phật pháp quả thật đúng là đang ở vào tình cảnh mất còn rất nguy cấp. Nếu sau này không có ai kế tục, Phật pháp sẽ bị gián đoạn. Ai có thể “*thể giải đại đạo*”? Thiệu long Phật chủng, đúng là khích lệ những bậc chí sĩ nhân nhân (người có chí, có lòng nhân) ân cần thiết tha mong mỗi họ sẽ phát đại tâm, kế tục huệ mạng của Phật, hy sinh bản thân mình, như kinh Lăng Nghiêm đã nói: “*Tương thử thâm tâm phụng trần sát, thị tắc danh vi báo Phật ân*” (Đem tấm lòng sâu xa này phục vụ trong các cõi nước

như vi trần, đây mới là báo ân Phật). Thực sự muốn báo ân Phật, muốn thiêu long Phật chủng, muốn tiếp nối huệ mạng của Phật, nhất định phải tuân theo di giáo của Ấn Quang đại sư: “*Đôn luân, tận phận, nhàn tà, tôn thành; tín nguyện niệm Phật, cầu sanh Tịnh Độ*”, thì quý vị mới có thể thực hiện được. Đây chính là:

Phát vô thượng tâm.

發無上心。

Do đây, chúng ta biết được ý nghĩa sâu xa nơi nguyên văn của thiền sư Trung Phong. Từ câu này, chúng ta mới cảm nhận được dụng tâm của tổ sư đại đức: Hy vọng hậu nhân có thể phát tâm tiếp nối huệ mạng của Phật, thiêu long Phật chủng. Hôm nay chúng ta làm pháp sự này, chiếu theo nguyên văn là tốt, không cần phải thay đổi. Tôi xem mấy câu này bèn xúc động. “*Thể giải đại đạo*” không sai, mấy ai làm được? Thể giải đại đạo là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Đây là kỳ vọng chứ không nhất định phải làm cho được. “*Thiêu long Phật chủng*”, quý vị thực sự phát tâm nghiêm túc thực hiện thì hết thấy chư Phật hộ niệm, hết thấy Bồ Tát gia trì. Chỉ cần quý vị thực sự chịu phát tâm thì quý vị có thể chấn hưng Phật pháp.

Thuở ấy, Thích Ca Mâu Ni Phật ngự tại Lộc dã Uyển, bắt đầu từ năm tỳ-kheo. Trong bao nhiêu năm giảng kinh, thuyết pháp, chúng tôi thường nói: “Thực sự có năm người phát tâm thiêu long Phật chủng thì sẽ có thể hưng khởi Phật giáo!” Nhưng điều kiện thấp nhất như chúng tôi thường nói là quý vị phải buông bỏ tự tư tự lợi, phải buông danh văn, lợi dưỡng xuống, quyết định chẳng cầu danh văn, lợi dưỡng, phải buông hưởng thụ ngũ dục lục trần xuống, phải buông tham - sân - si - mạn xuống thì quý vị mới có tư cách đảm đương sứ mạng thiêu long Phật chủng, mới được Tam Bảo gia trì, thiên long bát bộ thiện thần ủng hộ. Điều thứ hai:

Tự quy y pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải.

自歸依法。當願眾生。深入經藏。智慧如海。

(*Tự quy y pháp, xin nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng, trí huệ như biển*).

Đây là quy y Tự Tánh Pháp Bảo. Tự Tánh Pháp Bảo ở nơi đâu?

Kinh Tạng là Tụ Tánh Pháp Bảo do chư Phật Như Lai chứng đắc! Do vì tụ tánh của chư Phật Như Lai và tụ tánh của chúng ta và tụ tánh của hết thảy chúng sanh đều là một tụ tánh, há chẳng nghe kinh Phật thường nói: “*Thập phương tam thế Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân*” (mười phương ba đời Phật cùng chung một Pháp Thân). Mười phương ba đời Phật, trong ba đời có vị lai Phật, tất cả hết thảy chúng sanh đều là vị lai Phật, tam thế là quá khứ, hiện tại, vị lai. Mọi người chúng ta đều là vị lai Phật, cùng chung một Pháp Thân. “*Nhất tâm*” là một tụ tánh, “*nhất trí huệ*” là Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa, tức trí huệ Bát Nhã sẵn có nơi tụ tánh. “*Lục vô úy cũng thế*”: Thập Lục, Tứ Vô Úy thấy đều giống hệt như nhau.

Do vậy, kinh tạng triển khai thành gì? Chính là Pháp Bảo sẵn có trong tụ tánh của chúng ta, là Giới Định, trí huệ sẵn có nơi tụ tánh nằm trong kinh tạng. Không phải học theo người khác, không bị người khác xô mũi lôi theo, mà là quay về với tụ tánh, nhất định phải hiểu đạo lý này. Ngày nào chúng ta minh tâm kiến tánh, mở quyển kinh ra, quý vị sẽ hiểu toàn bộ. Vì sao hiểu được? Vì nó là tụ tánh của quý vị. Mở quyển kinh ra chính là lộ trí huệ Bát Nhã, Tam Học Giới - Định - Huệ trong tụ tánh ra. Chưa kiến tánh thì hãy khéo nhìn vào người đã kiến tánh, hãy khéo học tập theo họ. Học tập mang tánh chất giai đoạn, chứ không vĩnh cửu, hy vọng chúng ta sau khi học xong giai đoạn này sẽ có thể lấy Tam Học và Tam Bảo trong tụ tánh của chính mình ra. Câu này có ý nghĩa như vậy, tức là bảo chúng ta phải đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, nhập cảnh giới Phật. Câu cuối cùng:

Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại.

自歸依僧。當願眾生。統理大眾。一切無礙。

(Tự quy y Tăng, xin nguyện chúng sanh, dắt dìu đại chúng, hết thảy không ngại).

Đây là quy y Tụ Tánh Tăng Bảo. Tụ Tánh Tăng Bảo là gì? Lục Hòa Kính. Thanh tịnh Pháp Thân, sáu căn thanh tịnh chẳng nhiễm mảy trần là Tụ Tánh Tăng Bảo. Dùng Lục Hòa Kính để đối xử hết thảy đại chúng là Tụ Tánh Tăng Bảo. Trong thực tại, điều này cho thấy con người là một động vật mang tính cách xã hội, chẳng thể tồn tại độc lập ngoài quần thể, không thể được! Nhất định phải cư xử với rất nhiều người, hòa mình vào cuộc sống của cộng đồng. Cư xử với rất nhiều

người, làm thế nào để hòa thuận? Cổ thánh tiên hiền Trung Quốc dạy chúng ta: Hòa bình! Đối xử hòa thuận với nhau là Quả, làm thế nào để đối xử hòa thuận? Đối đãi bình đẳng. Nếu chẳng bình đẳng thì lý tưởng hòa thuận quyết định chẳng thể thực hiện được!

Trong thế gian này từ khi có lịch sử đến nay, chưa bao giờ động loạn, ô nhiễm như lúc này, vì nguyên nhân nào? Bất bình đẳng! Gia đình bất hòa, người trong một nhà không bình đẳng, vợ chồng bất hòa, vợ chồng không bình đẳng. Công ty, hãng, tiệm bất hòa, chủ và nhân viên bất bình đẳng. Do vậy, nước này bất hòa với nước kia, tôn giáo này bất hòa với tôn giáo kia, dân tộc này bất hòa với dân tộc kia, nguyên nhân do đâu? Không biết đối đãi bình đẳng, không biết Lục Hòa Kính. Lục Hòa Kính là bình đẳng. Bình đẳng đối đãi được thực hiện bằng Lục Hòa Kính, người người đều tu Lục Hòa Kính thì thế gian và xã hội này chắc chắn an định, hòa thuận, đôi bên tôn trọng lẫn nhau, kính yêu nhau, hợp tác với nhau, đây chính là “cùng hưởng cõi đại đồng”.

Trong những năm qua, chúng tôi tổng kết những giáo huấn của kinh giáo Đại Thừa nêu ra mười câu gồm hai mươi chữ. “*Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi*”. Mười chữ này nói lên cách chúng ta dụng tâm. Tâm Phật là như vậy đó, tâm Phật là chân thành, tâm Phật là thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi. Chúng ta dùng những điều này để sửa đổi tâm hạnh của chính mình, tâm mình giống hết với tâm Phật! Dùng tâm như vậy để tu bốn mươi tám nguyện, tâm chúng ta đồng Phật, nguyện chúng ta đồng Phật. Trong hết thầy kinh, đức Phật dạy chúng ta “*nhìn thấu, buông xuống, tự tại, tùy duyên, niệm Phật*”. Năm hạng mục gồm mười chữ này chính là Bồ Tát hạnh! Thấy thấu suốt là thông đạt hiểu rõ chân tướng sự thật. Buông xuống là buông hết thấy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Sống trong thế gian này tùy duyên thì tự tại lắm, quyết định không phan duyên, tự tại, tùy duyên. Cuối cùng, niệm Phật rất quan trọng, chúng ta hiểu do niệm Phật trong một đời có thể đạt được “*trực chứng A Duy Việt Trí, khoái tốc viên mãn vô thượng Bồ Đề*” (chứng thẳng vào A Duy Việt Trí, mau chóng viên mãn vô thượng Bồ Đề). Dùng những điều này để “*thống lý đại chúng, nhất thiết vô ngại*” (dắt dìu đại chúng, hết thầy vô ngại). “*Thống lý*” là hợp tác, đối xử hòa thuận với đại chúng, hợp tác lẫn nhau, bất cứ chương ngại nào cũng không có, hiểu lầm gì cũng không có. Cuối cùng:

Hòa nam thánh chúng.

和南聖眾。

(Kính lễ thánh chúng).

“Hòa nam” (vadanam) là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Hán là “kính lễ”, hướng về hết thấy thánh chúng kính lễ. Thời xưa, mọi người đều biết ý nghĩa này, nhưng hiện tại dần dần xem thường. Nếu quý vị viết “hòa nam” chỉ chỉ đó, mọi người xem đến cảm thấy rất kỳ quái. Đại khái họ tưởng quý vị viết lộn, nhất định phải là Hòa Thượng, quý vị viết sai Hòa Thượng thành Hòa Nam, kỳ thực Hòa Nam và Hòa Thượng có ý nghĩa khác nhau. Hòa Nam là kính lễ, là một kính từ (từ ngữ thể hiện lòng tôn kính).

A! Chúng tôi giảng Hệ Niệm Pháp Sự đến đây là viên mãn, cảm tạ mọi người. Tôi khẩn thiết hy vọng trong tương lai nếu quý vị làm Pháp Sự Tam Thời Hệ Niệm tốt nhất là hãy nghe băng giảng diễn này một lượt, nghe xong rồi làm pháp sự này hãy theo văn nhập quán, công đức càng thù thắng. Cảm tạ mọi người!

**Trung Phong Tam Thời Hệ Niệm
Pháp Sự Toàn Tập Giảng Ký
Trọn Bộ**

(khởi dịch ngày 26-09-2004, hoàn tất thảo bản ngày 25 tháng 06 năm 2005. Tăng đính ngày mùng Ba tháng Hai năm 2011. Tái giáo duyệt ngày mùng Chín tháng Ba năm 2011)

MỤC LỤC

Dẫn Nhập.....	003
TẬP 31	006
TẬP 32	028
TẬP 33	048
TẬP 34	070
6.4.2 Cái Lợi Của Tín, Nguyện, Trì Danh.....	073
TẬP 35	095
6.4.3 Chư Phật Khuyến Nguyện Lưu Thông.....	106
TẬP 36	118
6.4.4 Chư Phật Khuyến Hành Lưu Thông.....	121
TẬP 37	139
TẬP 38	159
TẬP 39	181
TẬP 40	201
7. Chú Vãng Sanh.....	201
TẬP 41	224
8. Khai Thị.....	228
TẬP 42	248
9. Kệ Tán Phật.....	248
10. Kệ Tán Và Phát Nguyện.....	257
11. Khai Thị.....	261
TẬP 43	272
TẬP 44	296
12. Thiền Kệ.....	310
13. Phát Nguyện (Phổ Hiền Thập Đại Nguyện).....	315
TẬP 45	322
TẬP 46	346
14. Tán Thán Phật Bảo.....	348
15. Khai Thị.....	357
16. Sám Hối, Phát Nguyện.....	369
TẬP 47	373
17. Khai Thị Vong Linh.....	381
18. Tán Phật Tổng Kết.....	394
ĐỆ NHỊ THỜI	396
19. Khai Thị.....	397
TẬP 48	401

20. Kệ Tán Phật	411
21. Di Đà Đại Nguyên Tán.....	411
22. Khai Thị.....	412
TẬP 49	426
23. Phát Nguyên.....	435
24. Hồi Hướng.....	448
25. Tam Bảo Tán - Tán Pháp Bảo.....	449
TẬP 50	455
26. Khai Thị.....	455
27. Sám Hồi Phát Nguyên.....	465
28. Khai Thị.....	467
29. Tán Phật Tổng Kết.....	470
ĐỆ TAM THỜI	471
30. Khai Thị.....	471
TẬP 51	480
31. Kệ Tán Phật.....	495
32. Tổng Tán Di Đà.....	496
33. Khai Thị.....	497
TẬP 52	505
TẬP 53	530
34. Từ Vân Sám Chủ Tịnh Độ Văn.....	532
TẬP 54	554
35. Tam Bảo Tán - Tán Tăng Bảo.....	571
TẬP 55	575
36. Khai Thị.....	596
TẬP 56	599
TẬP 57	620
37. Sám Hồi Phát Nguyên.....	621
38. Khai Thị.....	623
39. Di Đà Đại Tán.....	635
40. Hồi Hướng.....	639
41. Tam Quy Y.....	641
Mục Lục.....	646